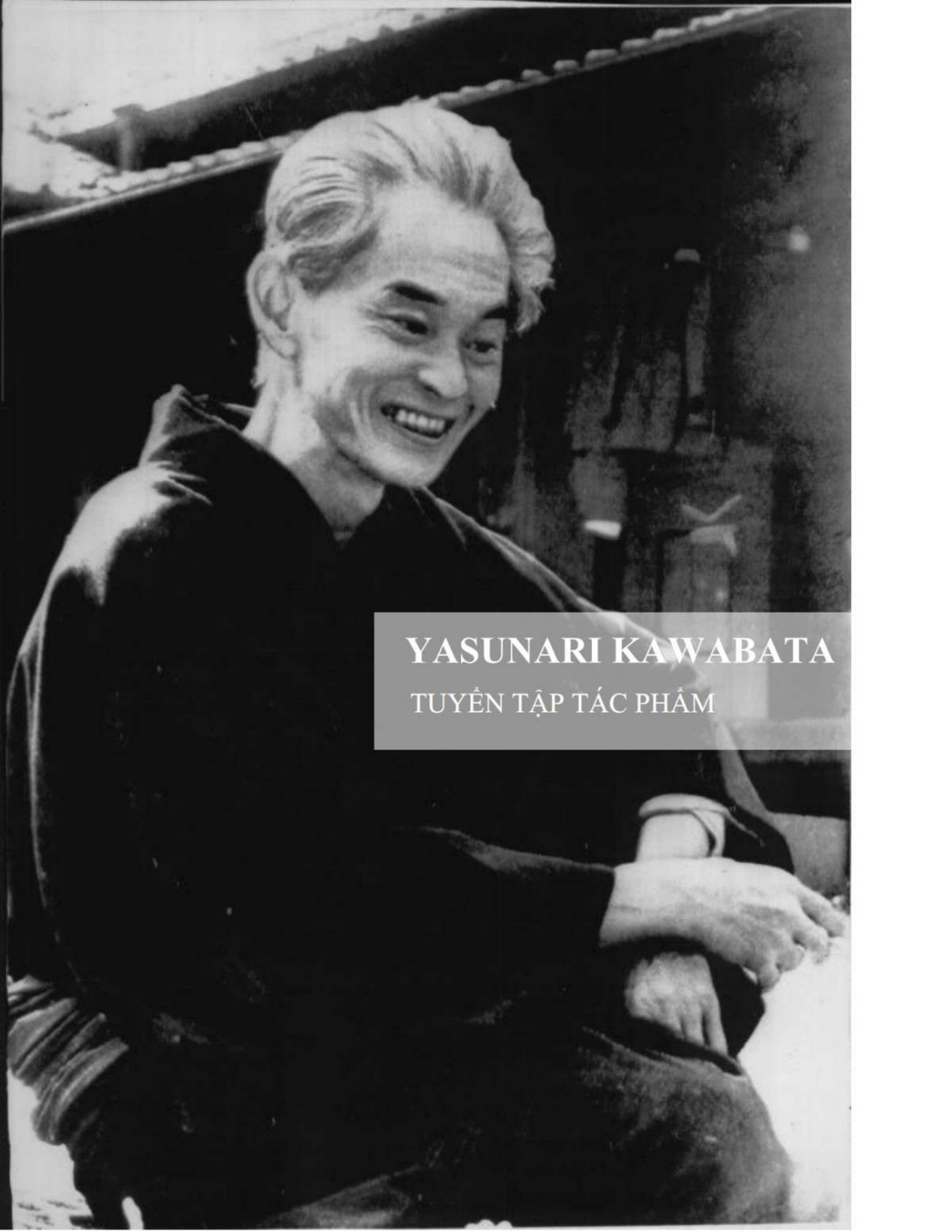




YASUNARI KAWABATA
TUYÊN TẬP TÁC PHẨM

MỤC LỤC

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[TRUYỆN NGẮN](#)

[VŨ NỮ IZU](#)

[VỀ CHIM VÀ THÚ](#)

[TRĂNG SOI ĐÁY NƯỚC](#)

[TIẾNG GIEO XÚC XẮC BAN KHUYA](#)

[CÁNH TAY](#)

[VỊNH CÁNH CUNG](#)

[TRUYỆN NGẮN TRONG LÒNG BÀN TAY](#)

[CỐT](#)

[MIỀN ÁNH SÁNG](#)

[CON CHÂU CHẤU VÀ CON ĐỂ ĐEO CHUÔNG](#)

[BẾN TÀU](#)

[BÌNH DỄ VỠ](#)

[NGƯỜI ĐÀN BÀ HÓA THÂN VÀO LỬA](#)

[CHIẾC NHẪN](#)

[ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT OSHIN](#)

[GƯƠNG MẶT KHI NGỦ](#)

[SẮC MÀU](#)

[GƯƠNG MẶT NGƯỜI CHẾT](#)

[TẠ ƠN](#)

[TÊN TRỘM HỒ ĐÀO](#)

[TIA NẮNG RẠNG ĐÔNG](#)

[HIỆN HỮU THẦN LINH](#)

[ĐÔI GIÀY MÙA HẠ](#)

[LỜI NGUYỆN CẦU CỦA XỨ NỮ](#)

[YURIKO](#)

[ĐÔI MẮT CỦA MẸ](#)

[SẮM MÙA THU](#)
[GIA ĐÌNH](#)
[NGƯỜI ĐÀN ÔNG KHÔNG CƯỜI](#)
[GÀ TRỐNG VÀ VŨ NỮ](#)
[TRANG ĐIỂM](#)
[MƯA PHÙN](#)
[GƯƠNG MẶT](#)
[CÂY LỰU](#)
[CÂY HOA TRÀ](#)
[CÂY MẬN](#)
[CHIM DỄ CÙI](#)
[MÙA HÈ VÀ MÙA ĐÔNG](#)
[THUYỀN LÁ TRE](#)
[NHỮNG QUẢ TRỨNG](#)
[NHỮNG CON RẰN](#)
[TIẾNG TRE, HOA ĐÀO](#)
[BỘ ĐỒ CƯỜI NGỰA](#)
[CAO XANH LỘNG GIÓ](#)
[TRÁI ĐẤT](#)
[HOA QUỲNH](#)
[BẮT TỬ](#)
[TUYẾT](#)
[TÍNH NỮ](#)
[TÌNH YÊU ĐÁNG SỢ](#)
[TỪ HÀNG LÔNG MÀY](#)
[CỔ HƯƠNG](#)
[NƯỚC](#)
[CÁNH RỪNG TRONG GƯƠNG](#)
[GƯƠNG MẶT](#)
[TẮM ẢNH](#)
[TRANG ĐIỂM](#)

TIỂU THUYẾT

TIẾNG RÈN CỦA NÚI

CHƯƠNG I: TIẾNG RÈN CỦA NÚI

CHƯƠNG II: TIẾNG VE KÊU

CHƯƠNG III: VÙNG HỒNG Ở CHÂN MÂY

CHƯƠNG IV: QUẢ HẠT DẸ

CHƯƠNG V: GIẤC MƠ VỀ ĐẢO VẮNG

CHƯƠNG VI: ANH ĐÀO MÙA ĐÔNG

CHƯƠNG VII: NƯỚC BUỔI SỚM

CHƯƠNG VIII: TIẾNG GỌI TRONG ĐÊM

CHƯƠNG IX: TIẾNG CHUÔNG MÙA XUÂN

CHƯƠNG X: NHÀ CỦA CHIM Ó

CHƯƠNG XI: CÔNG VIÊN THỦ ĐÔ

CHƯƠNG XII: VẾT SẼO CHIẾN THƯƠNG

CHƯƠNG XIII: TRONG MƯA

CHƯƠNG XIV: ĐÀN MUỐI

CHƯƠNG XV: CÁI TRỨNG RẰN

CHƯƠNG XVI: CÁ MÙA THU

NGÀN CÁNH HẠC

NGÀN CÁNH HẠC

VÒM CÂY TRONG NẮNG CHIỀU

CHIẾC BÌNH SHINO

THỜI SÁP MÔI CỦA MẸ NÀNG

NGÔI SAO KÉP

ĐẸP VÀ BUỒN

Tiểu sử tác giả

Chuông chùa cuối năm

Mùa xuân sớm

Hội trăng rằm

Ngày mưa

Vườn đá

[Bông sen trong lửa](#)
[Món tóc huyền](#)
[Những hư hao mùa hè](#)
[Cái hồ](#)

[CỔ ĐÔ](#)

[I. HOA MÙA XUÂN](#)
[II. NI VIỆN VÀ HÀNG RÀO GỖ](#)
[III. THÀNH PHỐ KIMONO](#)
[IV. LOÀI THÔNG LIỄU TRÊN BẮC SƠN](#)
[V. LỄ GHION](#)
[VI. NHỮNG CẢNH THÔNG XANH](#)
[VII. THU MUỘN. HAI CHỊ EM](#)
[VIII. HOA MÙA ĐÔNG](#)

[NGƯỜI ĐẸP NGỦ MÊ](#)

[Lời giới thiệu](#)
[Một](#)
[Hai](#)
[Ba](#)

[PHỤ LỤC 1: NHẬN ĐỊNH - PHÊ BÌNH](#)

[TỪ MURASAKI ĐẾN KAWABATA](#)
[KAWABATA - CON MẮT NHÌN THẤU CÁI ĐẸP](#)
[VỀ XỨ TUYẾT](#)
[YASUNARI KAWABATA - NGƯỜI CỨU RỖI CÁI ĐẸP](#)
[ĐẶC ĐIỂM THI PHÁP TRUYỆN TRONG LÒNG BÀN TAY CỦA YASUNARI](#)
[KAWABATA](#)
[YASUNARI KAWABATA GIỮA DÒNG CHẢY ĐÔNG - TÂY](#)
[NIÊN BIỂU YASUNARI KAWABATA](#)
[THƯ MỤC TÁC PHẨM KAWABATA](#)

[PHỤ LỤC 2](#)

[ĐẤT PHÙ TANG, CÁI ĐẸP VÀ TÔI](#)
[LỜI GIỚI THIỆU CỦA NHÀ XUẤT BẢN](#)

ĐẤT PHÙ TANG, CÁI ĐẸP VÀ TÔI

PHỤ LỤC 3

FIRST SNOW ON FUJI

Translator's note

This country, that country

A row of tree

Nature

Raindrops

Chrysanthemum in the Rock

First Snow on Fuji

Silence

Her Husband Didn't

Yumiura

The Boat-Women:

A Dance-Drama

THE MASTER OF GO

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 1968, nước Nhật đón mừng một sự kiện văn hóa có ý nghĩa lớn: nhà văn Yasunari Kawabata, người Nhật Bản đầu tiên đoạt giải Nobel văn học. Sự kiện này đã tác động sâu sắc đến cách nhìn nhận của phương Tây đối với văn chương Nhật Bản nói riêng và văn chương châu Á nói chung. Cũng từ đó, thế giới có thêm một nhà văn với sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật độc đáo được tôn vinh và khẳng định bằng tiêu chuẩn cao quý: bậc thầy.

Năm 1899, Kawabata chào đời tại một ngôi làng nhỏ, gần thành phố Osaka, trong một gia đình trí thức. Tuy nhiên, cuộc đời ông gặp nhiều bất hạnh ngay từ khi còn là một đứa trẻ: cha mất khi mới hai tuổi, một năm sau thì mẹ mất, Kawabata phải về sống với ông bà nội. Nhưng đến năm 1906, Kawabata lên bảy tuổi thì bà mất. Hai năm sau, người chị duy nhất cũng qua đời. Năm Kawabata mười lăm tuổi, người thân cuối cùng là ông nội cũng ra đi. Với vô vàn mất mát này, Kawabata được nhiều nhà nghiên cứu, trong các phần viết về tiểu sử của ông, đặt cho biệt danh là Soshiki no meijin - Chuyên gia tang lễ.

Cuộc sống gia đình thời thơ ấu đã tác động mạnh đến tính cách và tác phẩm của Kawabata. Công chúng luôn biết đến Kawabata như một nhà văn kín đáo, trầm lặng, sống tách biệt khỏi những bon chen lợi ích đời thường, và các tác phẩm của ông, từ những truyện ngắn đầu tiên như Vũ nữ Izu, Lễ chiêu hồn... cho tới những tiểu thuyết cuối đời như Tiếng rền của núi, Người đẹp ngủ mê... hay các Truyện trong lòng bàn tay đều toát lên âm hưởng u buồn của một lễ khách “lang thang đi tìm cái Đẹp”.

Sự nghiệp sáng tác của Kawabata khá phong phú và hầu như thành công ở tất cả các thể loại mà ông thử nghiệm. Truyện ngắn của ông cũng được đánh giá cao và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Mảng truyện cực ngắn, hay còn gọi là truyện-trong-lòng-bàn-tay (Tanagokoro no shosetsu) mà bản thân ông từng nói “Đó là những truyện tôi hài lòng nhất”, là một trong những

thể nghiệm độc đáo khi nhà văn bắt chước lối viết của thơ Haiku một thể thơ truyền thống Nhật Bản chỉ có ba câu, mười bảy âm tiết). Còn tiêu thuyết tiêu biểu là Xứ tuyết, Cổ đô, Ngàn cánh hạc, chính là những bậc thang vững chắc đưa ông tới đỉnh cao của sự nghiệp văn chương.

Chịu ảnh hưởng bởi dòng văn học nữ lưu thời Heian (từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ XII), lối viết của Kawabata mềm mại, dung dị, đầm ấm và đầy chất thơ. Ông đánh giá Truyện Genji do nữ sĩ Murasaki Shikibu sáng tác vào thế kỷ XI là “Đỉnh cao của văn chương Nhật Bản, cho đến ngày nay không có một tác phẩm hư cấu nào sánh được.” Đọc tác phẩm của ông, độc giả dễ dàng cảm nhận được chất cô đọng, hàm súc, ý tại ngôn ngoại của thơ Haiku, truyền thống yêu cái Đẹp, tôn thờ cái Đẹp tới mức duy mỹ của người Nhật. Mỗi trang văn của Kawabata vừa giống một bức tranh đẹp, lại vừa giống như một bài thơ chan chứa tình người.

Kawabata được đề cao chính bởi ông đã góp phần mở cánh cửa tâm hồn của người Nhật ra với thế giới. Ông được trao tặng giải thưởng Nobel vì “Văn chương của ông tiêu biểu cho cái đẹp truyền thông và thể hiện được cách tư duy của người Nhật Bản”.

Tuy nhiên, Kawabata là nhà văn không phải dễ đọc đối với nhiều độc giả, ngay cả với dân chúng Nhật Bản. Khi nghe tin nhà văn đoạt giải Nobel, cảm xúc của họ là vui sướng trộn lẫn với ngạc nhiên. Bởi theo họ, tác phẩm của Kawabata thường khó hiểu. Văn của ông đầy rẫy sự mơ hồ. Người đọc khó lòng xác định rõ ràng các lớp nghĩa ngay cả khi văn bản được viết bằng một thứ tiếng Nhật trong sáng, ngắn gọn, súc tích nhất. Kawabata thường viết về cái đẹp - nhưng không dễ gì nắm bắt, bởi cái đẹp ấy tinh trắng, mong manh, nên không thể tồn tại lâu dài.

Trong chủ trương chung của Trung Tâm Đông Tây lần lượt tổ chức các bộ sách Tuyển tập tác phẩm của các nhà văn lớn trên thế giới bằng tiếng Việt, trong mấy năm qua Trung Tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây đã phối hợp với các nhà xuất bản ra được các tuyển tập của A. Puskin, F. Dostoevski, Dino Buzzati, Franz Kafka, R. Tagor, I. Bunin, v.v...) Tuyển

tập tác phẩm Yasunari Kawabata ra mắt lần này nhằm gửi tới bạn đọc một cái nhìn tổng quát về cuộc đời sự nghiệp sáng tác, cũng như những nhận định (bằng các bài nghiên cứu, phê bình trong và ngoài nước) về phong cách của Kawabata qua các tiểu thuyết, truyện ngắn tiêu biểu nhất của ông, và qua mảng truyện- trong-lòng-bàn-tay lần đầu tiên được dịch tương đối đầy đủ ở Việt Nam. Hi vọng cuốn sách sẽ là món quà bổ ích đối với những ai yêu mến Kawabata nói chung và văn học Nhật Bản nói chung.

Đây cũng là một trong những cuốn sách đầu tiên của Tủ sách Nobel mà Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây đang tổ chức ra mắt bạn đọc.

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2004

ĐÀO THỊ THU HẰNG

TRUYỆN NGẮN

Yasunari Kawabata

Nhiều người dịch

MỤC LỤC

VŨ NỮ IZU

VỀ CHIM VÀ THÚ

TRĂNG SOI ĐÁY NƯỚC

TIẾNG GIEO XÚC XẮC BAN KHUYA

CÁNH TAY

VỊNH CÁNH CUNG

VŨ NỮ IZU

1

Với tốc độ báo động, cơn mưa rào quét về phía tôi từ chân núi, chạm đến rừng tuyết tùng trắng khi con đường bắt đầu lượn qua đèo. Tôi mười chín và đang đi du lịch một mình qua bán đảo Izu. Quần áo tôi thuộc kiểu sinh viên mặc, kimono đen, guốc gỗ cao, mũ nhà trường, túi sách vắt qua vai. Tôi đã ở qua ba đêm tại suối nước nóng gần trung tâm bán đảo, và lúc này đã là ngày thứ tư tôi rời khỏi Tokyo, đang leo lên đèo Amagi và đi về phía Nam Izu. Quang cảnh mùa thu thật dễ chịu, núi mọc chồng lên nhau, những cánh rừng bạt ngàn, những thung lũng sâu, những khung cảnh đó chẳng làm tôi háo hức bằng một hi vọng thầm kín. Mưa nặng hạt bắt đầu rơi. Tôi chạy trên đường, lúc này dốc và lượn vòng; ở ngay cửa đèo, tôi bước vào quán trà. Tôi dừng một lát ở ngưỡng cửa. Gần như là quá may mắn: các vũ nữ đang nghỉ bên trong.

Cô gái lật cái đệm đang ngồi, lịch sự đẩy về phía tôi.

“Vâng”, tôi lẩm bẩm ngu ngốc khi ngồi xuống. Ngạc nhiên và hỗn hển thở, tôi nhận thấy lời cảm ơn đơn giản nhất ngăn ngử trong cổ họng.

Nàng ngồi gần tôi, chúng tôi đối diện nhau. Tôi lóng ngóng cầm thuốc lá và nàng đưa cho tôi cái gạt tàn trước mặt một trong những phụ nữ khác. Tôi vẫn không nói gì.

Nàng có lẽ mười sáu. Tóc nàng được chải cao theo kiểu cũ mà tôi không biết. Khuôn mặt hình ô van nghiêm nghị của nàng bị làm nhỏ lại dưới mái tóc nhưng khuôn mặt và mái tóc lại rất hợp nhau, khá giống trong tranh, bức tranh vẽ các thiếu nữ xinh xắn thời xưa với những lọn tóc xoắn tít. Hai thiếu nữ khác ngồi cùng nàng, một thanh niên vào khoảng hai lăm vận đồng phục của nhà trọ Nagaoka. Một phụ nữ ở vào độ tuổi bốn mươi quản lí nhóm.

Tôi từng thấy cô vũ nữ bé nhỏ này hai lần trước. Một lần, tôi vượt qua nàng và các phụ nữ khác cạnh cây cầu dài ở giữa đường bán đảo. Nàng đang đeo một chiếc trống to. Tôi ngoái nhìn lại và cứ ngoái nhìn mãi, tự tán dương mình vì đã đến đây, cuối cùng, tôi đã bắt được hương vị của chuyến du lịch. Rồi sau đó, vào tối thứ ba, tôi thấy nàng múa. Nàng múa ngay bên trong cổng nhà trọ của tôi.

Tôi ngồi trên bậc thềm, tâm trạng vui vẻ. Trên cầu vào hôm qua, ở đây tối nay, tôi tự nhủ, ngày mai trên đèo đến Yugano và chắc chắn ở đâu đó trên mười lăm dặm đường này mình sẽ lại gặp họ.

Đây là hi vọng đã khiến tôi leo vội lên đường núi. Nhưng cuộc gặp gỡ tại quán trà quá đột ngột. Tôi bị tước mất sự tự chủ.

Vài phút sau, bà lão trông quán trà đưa tôi sang phòng khác, căn phòng rõ là đã không được thường xuyên sử dụng. Nó hướng ra phía thung lũng sâu đến nỗi đáy mắt hút khỏi tầm nhìn. Rằng tôi đang đánh cầm cập, cánh tay tôi rợn gai ốc. Tôi hơi lạnh, tôi nói với bà lão khi bà trở lại với tách trà.

- Nhưng cậu đã ướt sũng rồi kìa! Lại đây hong khô đi. - Bà ta dẫn tôi vào phòng khách.

Hơi nóng từ bếp lò để ngỏ phả mạnh vào tôi khi bà lão mở cửa.

Tôi lưỡng lự trên ngưỡng cửa. Một ông lão trắng nhợt và húp híp như thể cái xác chết trôi đang ngồi vắt chéo chân bên cạnh lò lửa.

Ông ta hướng đôi mắt nặng nề, uể oải nhìn về phía tôi. Ngay cả lòng đen cũng ngả màu vàng, như thể đang thối rữa. Xung quanh ông ta là cả một núi túi báo cũ và các mẫu báo. Tôi cho rằng ông lão bị vùi dưới một ngọn núi. Tôi chăm chú nhìn con người kì dị mà không thể nào tin rằng đây là một sinh thể sống.

- Tôi tiếc là không kịp ngăn để cậu đừng nhìn thấy ông ấy, người đàn bà nói. - Nhưng ông thuộc về nơi này và sẽ chẳng làm gì hại cậu đâu. Ông ấy không thể cử động. Làm ơn cố chịu đựng cho dù bộ dạng ông rất khó nhìn.

Đoạn, bà kể cho tôi nghe về ông ta. Ông ta phải chịu đựng bệnh bại liệt bấy lâu nay và hoàn toàn mất khả năng di chuyển. Ngọn núi xung quanh ông ta là những lời khuyên ông ta nhận được từ khắp mọi miền trên đất nước về cách điều trị bệnh bại liệt, đồng tử kia thì đựng thuốc, chúng cũng được gửi đến từ khắp mọi nơi. Ông ta chắc đã nghe được chuyện chữa bệnh bại liệt từ những người vượt đèo và hẳn ông ta cũng đã đọc quảng cáo, nên không bao giờ bỏ qua bất cứ lời khuyên hay bất cứ loại thuốc nào. Suốt ngày đêm, ông ta sống giữa những túi giấy tờ và lời khuyên. Vậy nên đồng giấy tờ mục nát cứ cao lên mãi.

Không thể nghĩ ra được bất kì điều gì để nói, tôi ngồi khom bên bếp lửa. Một chiếc ô tô leo lên đèo làm rung chuyển quán trà. Với cái lạnh này, trời đã sang thu, rồi chẳng mấy nữa tuyết sẽ rơi. Tôi thầm hỏi tại sao ông lão lại ở trên này. Hơi nước tỏa ra từ kimono của tôi và ngọn lửa ấm đến mức đầu tôi bắt đầu đau. Bà lão bước ra nói chuyện với khách:

- Chà. Vậy ra đây là cô bé đi cùng các vị trước đây, đã lớn quá rồi. Thực sự ra đáng một thiếu nữ. Dễ thương quá. Lại xinh đẹp nữa chứ. Con gái lớn nhanh quá, nhanh quá.

Khoảng chừng một giờ sau, tôi nghe tiếng họ chuẩn bị lên đường. Tim tôi đập mạnh, ngực tôi thất lại, nhưng không tìm đủ can đảm để đứng dậy đi cùng họ. Tôi bồn chồn bên bếp lửa. Nhưng dầu sao thì họ cũng là phái yếu; cứ cho là họ quen đi bộ thì tôi cũng sẽ chẳng khó gì để vượt qua họ ngay cả

khi tôi bị tụt lại nửa dặm hoặc cả dặm phía sau. Đầu óc tôi cứ quay cuồng hết cả lên vì họ như thể việc ra đi của họ cho phép nó hành động như thế.

- Tối nay họ sẽ nghỉ lại đâu? - Tôi hỏi bà lão khi bà quay lại.

- Đám người ấy thì có trời mới biết nơi họ sẽ nghỉ lại. Nếu họ gặp được người trả tiền, thì đấy sẽ là nơi nghỉ. Cậu nghĩ liệu họ có biết trước được không?

Lời lẽ khinh miệt thẳng thừng của bà ta lại làm tôi phẫn chấn.

Nếu quả như thế thì tối nay, tôi thăm nhủ, cô vũ nữ sẽ ở với tôi.

Mưa dịu ngớt chỉ còn lắt rắt, con đèo quang đãng. Tôi thấy tôi không thể đợi lâu thêm nữa, mặc dù bà lão đảm bảo trong vòng mười phút nữa mặt trời sẽ ló rạng.

- Ông hãy giữ gìn cẩn thận, - tôi nói với ông lão khi đứng dậy, - ý tôi là chẳng mấy nữa trời sẽ rét.

Đôi mắt vàng di chuyển nặng nề về phía tôi và ông lão khẽ gật đầu.

- Chàng trai! Chàng trai! - Bà lão chạy đuổi theo tôi trên đường.

- Chỗ này quá nhiều. Tôi thực sự không thể nhận.

Bà ta nín chặt túi sách của tôi, cố nhét lại số tiền mà tôi đã trả cho bà ta và khi tôi từ chối, bà ta cứ khập khểnh đi theo tôi.

Chí ít thì bà ta cũng phải đưa tiễn tôi một quãng đường, bà ta khẳng khẳng:

- Chỗ tiền này thực sự nhiều quá. Tôi thì chẳng làm gì cho cậu. Nhưng tôi sẽ nhớ và tôi sẽ có cái gì đó dành cho cậu khi cậu lại qua lối này. Cậu sẽ trở lại chứ, đúng không? Tôi sẽ không quên cậu.

Lòng thành của bà lão đối với đồng năm mươi xen thật cảm động. Nhưng tôi đang ở trong cơn sốt muốn đuổi kịp cô vũ nữ bé nhỏ trong lúc những bước chân tập tễnh của bà lão cứ giữ tôi lại.

Khi chúng tôi đến chỗ đường hầm, tôi bắt tay tạm biệt.

- Cám ơn bà. Ông đang ở một mình. Bà nên quay lại với ông ấy.

Cuối cùng bà lão buông tay khỏi túi sách của tôi.

Những giọt nước lạnh đang rơi xuống trong đường hầm tối. Lối ra để đến Nam Izu hẹp và rực sáng ở xa kia.

Một bên được kẻ bởi hàng rào trắng, con đường ngoằn ngoèo chạy xuống từ cửa hầm tựa một tia chớp. Gần đáy của rặng núi lờm chờm ấy là cô vũ nữ và đoàn của cô. Nửa dặm nữa là tôi đuổi kịp họ. Bởi vì đường như không lịch sự khi lập tức bước chậm lại để đi cùng họ, tôi tiếp tục vượt qua cánh phụ nữ với điệu bộ thản nhiên. Người đàn ông, đi trước chừng mười mét, quay lại khi nghe tiếng chân tôi bước đến.

- Cậu đi cừ thật, - đoạn, sau khi ngừng lại: - may quá, mưa đã tạnh.

Nhẹ nhõm, tôi đi bên cạnh anh ta. Anh ta bắt đầu hỏi chuyện, và cánh đàn bà, nhìn từ chúng tôi chuyện trò, rào bước đi ngay sau chúng tôi. Người đàn ông đeo cái hòm mây lớn sau lưng. Người đàn bà lớn tuổi ôm con chó con. Hai phụ nữ trẻ hơn mang những túi đồ lớn, một cô đeo giỏ mây, còn cô kia thì đeo tay nải. Cô vũ nữ mang trống và giá đỡ. Người đàn bà lớn tuổi thỉnh thoảng góp chuyện.

- Cậu ấy là học sinh trung học, - người lớn tuổi hơn trong hai cô gái trẻ thì thầm với cô vũ nữ bé nhỏ, đang khúc khích cười khi tôi liếc nhìn lại.

- Rõ rồi, thậm chí em còn biết rõ nữa là đẳng khác, - cô gái đáp. - Học sinh thường đến đảo ta.

Họ đến từ Oshima, một trong những hòn đảo của cụm đảo Izu, người đàn ông nói với tôi. Vào mùa xuân, họ rời đảo đi lang thang khắp bán đảo, nhưng bây giờ, trời đang trở lạnh và họ không mang theo quần áo mùa đông. Sau mười hôm hoặc trong khoảng thời gian ấy, từ Shimoda ở phía Nam họ sẽ lại quay về miền Bắc, rồi từ đó họ sẽ đi thuyền về đảo nhà. Tôi lại liếc nhìn những lọn tóc dày, nhìn hình dáng bé nhỏ, mọi thứ lãng mạn hơn vì đã đến từ Oshima. Tôi hỏi họ về những hòn đảo - Rất nhiều học sinh đến bơi ở Oshima, - cô vũ nữ nói với người đàn bà bên cạnh.

- Tôi chắc là vào mùa hè, - tôi nhìn lại.

- Kể cả mùa đông, - nàng trả lời bằng giọng hầu như không thể nghe được.

- Ngay cả trong mùa đông?

Nàng nhìn người đàn bà khác và cười bí ẩn.

- Họ có thể bơi ngay trong mùa đông sao? - tôi lại hỏi.

Nàng đỏ mặt và khẽ gật đầu, nét mặt biểu lộ sự nghiêm túc.

- Đứa trẻ con đã ra khỏi đầu nó rồi đấy, - người đàn bà lớn tuổi cười vang.

Cách Yugano khoảng sáu, bảy dặm, con đường men theo dòng sông. Những rặng núi và thậm chí cả bầu trời như hướng về phương Nam khi chúng tôi xuống đèo. Người đàn ông và tôi bây giờ đã là bạn bè. Chúng tôi đi men qua rìa của một hoặc hai thôn làng và khi những mái nhà tranh của Yugano

ở bên dưới hiện lên trong tầm mắt, tôi lấy hết can đảm để nói rằng tôi muốn tiếp tục đi cùng họ đến Shimoda. Anh ta hài lòng.

Phía trước một quán trọ tồi tàn, người đàn bà lớn tuổi nhất liếc nhìn tôi với vẻ dò hỏi như thế sao tôi không để họ một mình.

- Nhưng quý cậu đây muốn tiếp tục đi cùng chúng ta, - người đàn ông nói.

- Ồ, ra thế, - bà ta vui vẻ nói. - Tục ngữ dạy: Thêm bạn đường, thêm sự chia sẻ trong đời. Tôi cho là ngay cả những kẻ thấp hèn như chúng tôi cũng có thể làm cho chuyến đi thêm phần vui vẻ. Hãy vào đi. Chúng ta cùng uống trà và nghỉ ngơi.

Những phụ nữ trẻ hơn im lặng nhìn tôi và có phần rụt rè, như thể việc quyết định không liên quan đến họ.

Chúng tôi lên gác và đặt hành lý xuống. Đệm rơm và cửa đã mòn vẹt, bẩn thiu. Cô vũ nữ bưng trà từ tầng dưới lên. Khi nàng đến chỗ tôi, tách trà kêu leng keng trên đĩa. Nàng cố đặt tách trà xuống gọn ghẽ bằng nỗ lực lớn của bản thân, nhưng lại làm tách trà nghiêng đổ. Tôi đã không chuẩn bị tâm thế trước sự lúng túng tột độ ấy.

- Xin cậu thứ lỗi. Con bé đến tuổi thừa tay thừa chân, - người đàn bà lớn tuổi nói, cau mày và đẩy miếng giẻ lau đến chỗ cô bé đang lo lắng lau chỗ trà đổ.

Lời nhắc nhở kì quặc này khiến tôi phân vân. Tôi cảm thấy niềm háo hức dâng lên bởi lời bình luận của bà lão trong quán trà bên kia đèo dịu xuống.

- Cái ấy làm bằng chất liệu tốt đấy, - người đàn bà lớn tuổi nói lúc xem xét phần trang trí trên áo kimono của tôi. - Nó giống hệt như của Tamiji, giống thật. Rất giống của Tamiji. - Bà ta nhắc đi nhắc lại câu nói nhiều lần, đoạn lại nói với tôi. - Chúng tôi gởi thằng bé ở trường. Cậu làm tôi nhớ nó. Cũng cùng kiểu trang in ấy. Đạo này chúng đắt lắm.

- Nó học lớp mấy?

- Lớp năm.

- Thằng bé ở tận Kofu, trong vùng núi. Chúng tôi chuyển đến Oshima lâu rồi nhưng quê thì ở Kofu.

Khoảng một giờ sau, người đàn ông đưa tôi sang quán trọ khác. Tôi đã nghĩ rằng tôi sẽ ở cùng họ. Chúng tôi leo xuống qua các tầng đá, các bậc cấp lát đá cao chừng một trăm mét trên con đường nhỏ. Có một nhà tắm công cộng trên bờ con sông nhỏ. Chỉ ngay sau nhà tắm là cây cầu dẫn đến khu vườn nhà trọ của tôi.

Chúng tôi đi tắm cùng nhau. Anh ta hai mươi ba tuổi, anh ta kể, vợ anh ta đã hai lần sảy thai. Bởi vì anh ta mặc đồng phục Nagaoka nên tôi đoán anh ta sinh trưởng ở Nagaoka, khu vực phía Bắc bán

đảo. Khuôn mặt và cách nói của anh ta không phải không có vẻ thông minh. Từ sự hiếu kì và ưa thích một cô trong đám phụ nữ kia, tôi đoán hẳn anh ta đi cùng để khuôn vác hành lí.

Tôi ăn trưa khi chúng tôi đi tắm về. Chúng tôi rời Yugashima vào lúc tám giờ và bây giờ vẫn chưa đến ba giờ.

Trên đường về, anh ta chào tôi từ dưới vườn.

Tôi ném xuống phong bì đựng ít tiền.

- Tự mua cho mình ít hoa quả hay thứ gì đó. Thông cảm vì đã ném phong bì xuống.

Anh ta định bỏ đi mà không nhặt, nhưng rồi quay lại nhặt lên.

- Cậu đừng làm thế, - anh ta nói và ném trả phong bì.

Phong bì rơi xuống mái tranh. Tôi lại ném xuống. Lần này anh ta nhận.

Mưa nặng hạt bắt đầu rơi vào hoàng hôn. Những ngọn núi xám mờ, cảnh vật chìm ngẫm, nước sông mỗi lúc một sẫm vàng hơn, nhiều bùn hơn, nhiều tiếng ồn hơn. Tôi cảm thấy chắc chắn là các vũ nữ sẽ không ra khỏi nhà vào một tối như thế, nhưng tôi thì lại không thể ngồi yên. Hai hoặc ba lần tôi xuống tắm. Phòng tôi mờ tối. Một ngọn đèn treo trong ô hình chữ nhật, trở bên trên những cánh cửa trượt ngăn phòng tôi với phòng bên cạnh, chiếu sáng cho cả hai phòng.

Lúc ấy, xa xa trong màn mưa, tôi nghe thấy một tiếng trống. Tôi đẩy toang cửa sổ, suýt giật tung nó ra khỏi khe kéo, rồi toài người ra ngoài. Tiếng trống như thế đang đến gần hơn. Mưa, kèm theo gió mạnh, quất vào mặt tôi. Tôi nhắm mắt và cố tập trung vào tiếng trống, vào nơi nó có thể, để xem nó có tiến về phía tôi. Thoáng chốc, tôi nghe tiếng đàn Shamisen, rồi thỉnh thoảng là tiếng một phụ nữ gọi ai đó hoặc một tràng cười ha hả. Nhóm vũ nữ được mời đến dự tiệc ở nhà hàng đối diện với nhà nghỉ của họ, dường như thế. Tôi có thể phân biệt được giọng của hai, ba phụ nữ và ba, bốn giọng đàn ông. Ngay khi họ kết thúc ở đó, tôi tự nhủ, họ sẽ đến đây. Bữa tiệc dường như đã vượt quá một cuộc vui vô hại để trở thành cuộc đập phá hỗn loạn. Thỉnh thoảng giọng đàn bà lại kêu ré lên xuyên qua bóng tối như một nhát roi quất. Tôi ngồi cứng đờ, cứ căng người ra thêm trên gờ cửa sổ, mắt nhìn ra khung cửa mở rộng. Mỗi một tiếng trống tôi cảm nhận như là một sự trào dâng của niềm thư thái. “A, nàng vẫn ở đó. Nàng vẫn ở đó và chơi trống”.

Cứ mỗi khi tiếng trống ngừng lại, bầu im lặng dường như không thể chịu đựng nổi. Như thế tôi đang bị nhấn chìm dưới cú đánh của cơn mưa.

Có lúc vang lên những bước chân loạn xạ - họ đang chơi trò đuổi bắt hay khiêu vũ? Rồi tiếp đó là hoàn toàn im lặng. Tôi chăm chăm nhìn vào bóng tối, cố tìm hiểu xem sự im lặng có nghĩa gì. Nàng đang làm gì, có ai đó làm nàng vậy bắn trong suốt khoảng thời gian còn lại của đêm?

Tôi đóng cửa sổ và nằm xuống. Ngực tôi thắt lại đau đớn. Tôi xuống tắm lần nữa, vùng vẫy cật lực. Mưa đã dừng, vầng trăng ló ra. Bầu trời mùa thu, được nước mưa rửa sạch, ánh lên màu pha lê ở đằng xa. Tôi chợt nảy ra ý tưởng chạy chân trần đến tìm nàng. Thời gian đã quá hai giờ đêm.

Sáng hôm sau, vào lúc chín giờ anh bạn đồng hành qua nhà nghỉ của tôi. Vừa ra khỏi giường, tôi rủ anh ta cùng đi tắm. Bên dưới nhà tắm, dòng sông dâng đầy nước sau cơn mưa, ấm áp chảy trong ánh nắng thu của miền Nam Izu. Nỗi khổ đau đêm trước của tôi dường như không còn hiện hữu. Nhưng dẫu thế, tôi vẫn muốn nghe chuyện gì đã xảy ra.

- Tối qua bọn anh tiệc tùng vui vẻ nhỉ?

- Cậu có thể nghe chúng tôi à?

- Tôi có nghe.

- Cách địa phương. Họ ồm ồm quá, nhưng chỉ ồm ồm thôi. Dường như anh ta xem chuyện ấy là thường tình. Tôi chẳng nói thêm gì nữa.

- Kìa. Họ đến tắm rồi kìa, bên kia sông ấy. Thế nào họ cũng trông thấy chúng ta. Nhìn họ cười kìa. - Anh ta chỉ về phía nhà tắm công cộng, nơi có bảy, tám thân hình trần mờ mờ sau làn hơi nước.

Một thân hình bé nhỏ chạy ào ra dưới ánh nắng, dừng lại một lát trên mép ván nhảy, gọi to điều gì đó với chúng tôi, hai tay đưa lên như thể chuẩn bị nhảy lộn đầu xuống nước. Đây là cô vũ nữ, cơ thể nàng trần truồng, thậm chí không quấn cả khăn tắm. Tôi nhìn nàng, nhìn đôi chân non trẻ, nhìn thân hình trắng muốt như tạc và bỗng nhiên như thể có một suối nước tinh khiết rửa sạch tim tôi.

Tôi cười vang, hạnh phúc. Nàng hãy còn bé bỏng, chỉ là một cô bé, trẻ con thì mới có thể trần truồng chạy ra ngoài nắng và nhón chân đứng đó, thoải mái nhìn bạn bè. Tôi buông tiếng cười khẽ, đầy hạnh phúc. Điều đó như thể lớp bụi bẩn đã được rửa sạch khỏi đầu tôi. Tôi cứ cười mãi. Bởi vì mái tóc được búi cao nên trông nàng như thế già hơn và cũng bởi vì nàng được cho ăn vận theo kiểu một cô gái mười sáu mười bảy tuổi. Sự thực là tôi đã nhầm lẫn quá mức.

Chúng tôi quay trở lại phòng tôi khi cô lớn hơn trong hai thiếu nữ đến ngắm hoa cúc trong vườn. Cô vũ nữ bé bỏng đi theo, cô ta đang qua được nửa cầu. Mắt nàng nhìn cả hai người, người đàn bà lớn tuổi đã ra tắm. Cô vũ nữ nhún vai rồi chạy lùi lại, như muốn nói nàng sẽ bị la rầy nếu đến gần hơn. Người đàn bà lớn tuổi bước lên cầu.

- Sang đây đi, - bà ta gọi tôi.

- Sang đây đi, - cô thiếu nữ trẻ hơn nhắc lại, rồi cả hai quay lại, đi về phía nhà nghỉ của họ.

Anh bạn đồng hành ở lại trong phòng tôi cho đến chiều tối.

Tối hôm ấy, lúc đang chơi cờ Go với một tay buôn giấy đi du lịch thì tôi nghe tiếng trống trong vườn. Tôi dợm bước ra hiên.

- Ông không muốn xem họ à?

- Cái bọn ngốc ấy. Đến lượt anh đấy. Tôi đánh đây này. - Mãi mê ván cờ, tay lái buôn chúi mũi vào bàn cờ.

Tôi bồn chồn, những người biểu diễn như thể sắp rời đi.

- Xin chào, - anh bạn đồng hành gọi với lên.

Tôi bước ra hiên và mời anh ta vào. Sau hồi thì thảo bàn bạc, họ tiến vào cửa. Anh bạn đồng đi trước. Theo đúng tuổi tác họ thực hành nghi thức chào hỏi từ ngoài hiên theo kiểu geisha. Bỗng hóa ra là tôi sắp thua ván cờ.

- Bí quá . Tôi thua.

-Ồ thôi nào. Tôi đánh tồi hơn cậu, chỉ mới bí thôi, nghĩ nước khác đi.

Không buồn để ý chút nào đến những người biểu diễn, tay buôn giấy đếm những quân cờ bằng đá và chơi với sự tập trung lớn hơn. Nhạc cụ của họ xếp gọn trong góc phòng, những người biểu diễn chơi cờ trên bàn cờ khác. Đây là kiểu chơi đơn giản hơn, chỉ xếp những quân cờ thành hàng. Tôi nhanh chóng chịu thua ván cờ mà thực tế tôi sắp thắng.

- Ván nữa chứ? - tay buôn giấy nói. - Ta chơi thêm ván nữa đi.

Nhưng tôi chỉ cười lảng, lát sau ông ta đành chịu và ra về.

Những người phụ nữ đến gần hơn.

- Tối nay các bạn đã có hẹn chỗ nào chưa?

- Ta định thế nào đây? - anh bạn đồng hành hỏi cánh phụ nữ.

- Thế nào nhỉ? Có lẽ chúng ta nên đề xuất nghỉ một tối.

- Tuyệt quá, - cô vũ nữ nói.

- Mà không muốn bị mắng à?

- Dẫu có cố thì chúng ta cũng không tìm được khách.

Họ ở lại cho đến quá nửa đêm, thay phiên nhau đánh cờ Go.

Sau khi họ ra về, tôi cảm thấy tỉnh táo và hưng phấn. Tôi không thể ngủ. Tôi gọi tay buôn giấy, người khoảng sáu mươi tuổi.

Ông ta ra ngay, sẵn sàng đấu cờ.

- Tối nay chúng ta sẽ đánh thâu đêm. Chúng ta sẽ đánh đến sáng. - Tôi cảm thấy mình không thể bị đánh bại.

Chúng tôi sẽ rời Yugano vào tám giờ sáng hôm sau. Tôi nhét cái mũ học sinh vào túi sách, đội chiếc mũ sắn vừa mua trong cửa hàng không xa nhà tắm công cộng rồi đi đến nhà nghỉ của họ bằng đường cao tốc. Tôi tự tin đi lên tầng trên - cửa tầng hai đều mở rộng - nhưng tôi dừng lại một lát trên hành lang. Họ vẫn đang ngủ.

Cô vũ nữ gần như nằm ngay sát chân tôi, chung đệm trải giường với cô thiếu nữ trẻ nhất. Nàng đỏ bừng mặt và vội đưa tay lên che. Vết son phấn trang điểm đậm từ tối qua vẫn còn vương lại, màu hồng trên môi và các chấm hồng quanh đuôi mắt. Dáng điệu nằm ngả người ấy như thể tuôn tràn về phía tôi cả làn sóng sắc màu và ánh sáng. Như thể bị lóa bởi ánh sáng ban mai, nàng lật người, trườn ra khỏi đệm, hai bàn tay vẫn che mặt. Đoạn nàng quỳ xuống hiên nhà và cảm ơn tôi về buổi tối hôm qua. Tôi đứng sững trước nàng, lóng ngóng.

Người đàn ông và cô thiếu nữ lớn tuổi hơn đang ngủ với nhau. Chắc họ đã cưới nhau. Trước đây, tôi không nghĩ đến khả năng này.

- Mong cậu thứ lỗi cho chúng tôi, - người đàn bà lớn tuổi nói lúc đang ngồi dậy trên đệm. - Chúng tôi muốn rời đi từ sáng nhưng tối nay có lẽ có một bữa tiệc nên chúng tôi nghĩ người ta sẽ mời chúng tôi. Vì vậy chúng ta có thể hẹn gặp nhau ở Shimoda nếu cậu buộc phải đi trước. Chúng tôi luôn ở lại nhà nghỉ Koshu. Cậu dễ dàng tìm ra nó.

Tôi cảm thấy như bị bỏ rơi.

- Hoặc cậu có thể đợi đến sáng mai, - người đàn ông nói. - Mẹ bảo chúng tôi phải ở lại thêm một ngày nữa. Nhưng nếu có bạn đồng hành thì hay biết mấy. Để mai ta cùng đi với nhau.

- Ý tưởng hay đấy, - người đàn bà tán thành. - Kể từ khi quen biết cậu, hôm nay thật là xấu hổ. Ngày mai, chúng tôi sẽ lên đường ngay cả khi trời đổ mưa ngăn cản. Ngày kia đã là bốn chín ngày kể từ khi đứa bé chết. Chúng tôi luôn tâm nguyện sẽ làm giỗ nó ở Shimoda để chứng tỏ chúng tôi vẫn nhớ nó và chúng tôi luôn vội để đến đó đúng ngày. Chúng tôi rất cảm kích khi có cậu đi cùng. Tôi không chắc nhưng nghĩ là có một lí do cho chuyến đi, cái chúng ta có được theo cách này là tình bằng hữu. Tôi đồng ý đợi thêm một ngày nữa. Tôi xuống tầng dưới, ngồi trong văn phòng bé nhỏ bần thiêu nói chuyện với tay quản lý trong lúc đợi họ mặc áo quần. Thoáng chốc, người đàn ông xuống và chúng tôi đi bộ đến cây cầu xinh xắn nằm ở phía Nam thị trấn. Anh ta tựa lưng vào lan can cầu và kể về bản thân. Ở Tokyo, anh ta là thành viên của đoàn kịch hiện đại. Thậm chí bây giờ thỉnh thoảng anh ta cũng xuất hiện trên các sân diễn nghiệp dư ở Oshima, trong lúc tại các bữa tiệc đọc đường nếu được gọi thì anh chỉ đóng vai bắt chước các nghệ sĩ. Cái vật lồi lên nom giống một cánh

tay kì lạ từ một trong các túi hành lý là thanh gươm biểu diễn, anh ta giải thích, còn cái hòm mây thì đựng cả đồ gia dụng và trang phục.

- Tôi đã phạm phải sai lầm và tự làm hỏng đời mình. Anh tôi quản lý gia đình ở Kofu, còn tôi thì chẳng có ích gì nhiều ở đó.

- Tôi tưởng anh là người Nagaoka.

- Tôi không phải. Đó là quê vợ tôi, cô lớn tuổi hơn trong hai cô gái. Cô kém cậu một tuổi. Hè năm nay, cô bị sẩy thai đứa thứ hai trên đường. Đứa bé chỉ sống được một tuần, cô vẫn chưa bình phục hẳn. Người đàn bà lớn tuổi là mẹ cô ấy, còn cô bé là em - Anh từng nói là anh có một cô em gái - mười ba tuổi?

- Con bé ấy đấy. Tôi đã cố xoay xở để không cho nó theo nghề này, nhưng lại không thể.

Anh ta nói tên anh ta là Eikichi, vợ anh ta là Chiyoko, còn cô vũ nữ, em gái anh ta là Kaoru. Cô kia, Yuriko, là người giúp việc. Cô ta mười sáu tuổi và là thành viên duy nhất trong số họ quê ở Oshima. Eikichi đang xúc động về điều gì đó. Anh ta đắm đắm nhìn xuống dòng sông, có lúc tôi nghĩ anh ta suýt khóc.

Trên lối về, ngay lúc vừa rời khỏi con đường, chúng tôi thấy cô vũ nữ bé bỏng đang chơi đùa với con chó. Nàng đã rửa sạch phần trang điểm.

- Đến chỗ anh đi, - tôi gọi lúc đang quay về quán trọ.

- Một mình em không thể đến.

- Cứ đi cùng anh trai.

- Cảm ơn ông. Em sẽ đến ngay.

Lát sau, Eikichi xuất hiện.

- Những người khác đâu rồi?

- Họ không thể rời khỏi Mẹ.

Nhưng cả ba người đến, lách cách qua cầu, lên cầu thang trong lúc chúng tôi đang bên bàn cờ Go, chơi ván cờ có nước đi dễ hơn.

Sau khi cúi chào theo đúng nghi lễ họ rụt rè đợi trong phòng.

Chiyoko vào đầu tiên.

- Làm ơn, làm ơn, - cô ta vui vẻ gọi mấy người kia.

- Các người không cần phải quá nghi thức trong phòng tôi!

Khoảng một giờ sau, bọn họ kéo nhau đi tắm. Họ muốn tôi phải đi cùng, họ tha thiết đề nghị, nhưng cái ý tưởng đi tắm cùng ba phụ nữ trẻ là điều gì đó khiến người ta dâm hoảng. Tôi nói tôi sẽ đi sau. Lát sau, cô vũ nữ bé bỏng lại trở lên gác.

- Chiyoko bảo chị sẽ kì lưng ông nếu ông cùng xuống tắm.

Thay vì đi tắm, nàng ngồi lại với tôi, hai đứa chơi cờ theo kiểu sắp quân cờ thành hàng. Nàng chơi giỏi kì lạ. Trong hàng loạt ván, tôi chẳng hề gặp chút khó khăn nào khi đánh với Eikichi và những phụ nữ khác. Tôi thực sự có thể đánh bại hầu hết mọi người nhưng lại gặp rắc rối với nàng. Sẽ là thoải mái khi không phải tính toán để chơi thua một ván cờ. Thoạt tiên, đáng ngồi đúng lẽ nghi, lưng thẳng, tay vươn ra chơi cờ, song chẳng mấy chốc nàng quên băng, mê mải cúi hẳn người lên bàn cờ. Mái tóc của nàng, dày đến nỗi dường như không thực, gần chạm vào ngực tôi. Đột nhiên nàng đỏ bừng mặt.

- Em xin lỗi. Em sẽ bị mắng vì việc này.

Rồi nàng bỏ chạy ra khỏi phòng lúc ván cờ đang lơ lửng. Người đàn bà lớn tuổi đang đứng cạnh nhà tắm công cộng bên kia sông.

Chiyoko và Yuriko lục đục ra khỏi phòng tắm tầng dưới gần như cùng lúc và rút lui qua cầu mà không chào tạm biệt tôi.

Eikichi lại ở suốt ngày trong phòng trọ của tôi, mặc dù vợ tay quản lý, một phụ nữ khó tính, đã bày tỏ ý kiến rằng chỉ có phí thức ăn ngon khi mời những người như thế.

Cô vũ nữ đang tập đàn Shamisen khi tôi đến nhà nghỉ của họ theo lối đường cao tốc vào tối hôm ấy. Nàng đặt đàn xuống khi nhìn thấy tôi nhưng người phụ nữ lớn tuổi bảo, nàng lại nâng đàn lên. Nàng vừa đánh đàn vừa hát. Khi nào giọng nàng hơi cao hơn một chút, người đàn bà kia liền mắng:

- Mẹ đã nhắc con phải hạ giọng xuống bao nhiêu lần rồi.

Chúng tôi có thể nhìn thấy Eikichi trên tầng hai của nhà hàng đối diện bên kia đường. Anh ta đang hò la điều gì đó phục vụ cho bữa tiệc tối.

- Trò quái quỷ gì kia vậy?

- Trò gì hả? Anh ta đang kể chi tiết một vở kịch Noh.

- Thật đúng là trò kì quặc đang được thực hiện.

-Ồ anh ấy có lắm tài vật. Cậu chẳng thể nào biết được anh ta sắp giở trò gì đâu.

Một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi đẩy rộng cửa. Ông ta thuê phòng tại nhà nghỉ ấy và nghe bảo là làm nghề buôn gia cầm. Ông ta ngỏ lời mời cánh phụ nữ đến phòng mình dùng món ăn. Các vũ nữ và Yuriko cầm đĩa sang ăn nốt món gà hầm còn thừa. Khi họ quay lại, ông ta khẽ chạm tay lên vai cô vũ nữ.

- Ông chó có đụng vào nó, - người đàn bà lớn tuổi nói trong lúc cau mày giận dữ. - Chưa một ai được đụng vào nó.

Xem ông ta như là bạn vong niên, cô vũ nữ đề nghị ông ta đọc cuốn Chuyện phiêu lưu của Nghị viên Mito. Ông ta phải vội về ngay. Xấu hổ về việc trực tiếp nhờ tôi, nàng nhiều lần nhắc đi nhắc lại giá mà có ai đó vui lòng nhận lời đề nghị mà đọc tiếp thì thì thú biết bao. Tôi hạnh phúc cầm quyển sách, niềm hi vọng thầm kín trỗi dậy trong tôi. Tôi đã không thất vọng. Đầu nàng gần như chạm vai tôi khi tôi bắt đầu đọc. Nàng ngược nhìn tôi với dáng vẻ háo hức nghiêm trang, mắt nàng rực sáng và không chớp. Đó dường như là tính cách nàng khi ai đó đọc cho nàng nghe. Mặt nàng chắc cũng đã từng gần chạm mặt của tay buôn gia cầm khi ông ta đọc. Tôi nghĩ đến điều đó. Đôi mắt to của nàng đen nháy, là nét ấn tượng nhất từ nàng. Nếp mi mắt thì không bút nào tả xiết. Và tiếng cười của nàng - tiếng cười của một bông hoa - phong thái nàng dường như luôn thư thái mỗi khi tôi hình dung về nàng.

Tôi vừa đọc chỉ chừng vài phút thì cô giúp việc bên nhà hàng sang gọi nàng.

- Em sẽ quay lại ngay, - nàng nói trong lúc chuẩn bị. - Xin đừng đi đâu cả. Em muốn nghe đoạn còn lại.

Nàng quỳ xuống hiên chào theo nghi lễ trước khi rời đi.

- Con nhớ là không được hát, - người đàn bà lớn tuổi nói.

Cầm lấy trống, nàng khẽ gật đầu.

- Nó đang ở độ tuổi dậy thì. Giọng đang vỡ.

Chúng tôi có thể nhìn từ cô vũ nữ như thể cô đang ở phòng bên cạnh. Nàng quỳ gối bên trống, lưng quay về phía chúng tôi.

Nhịp trống dâng ngập hồn tôi cảm xúc bồi hồi trong sáng.

- Bữa tiệc sẽ luôn sôi động lên khi tiếng trống vang lên, - người đàn bà nói.

Chiyoko và Yuriko cũng sang nhà hàng. Khoảng một tiếng sau, cả bốn người cùng về.

- Đây là tất cả họ trả cho chúng ta, - cô vũ nữ hồn nhiên thả năm mươi xen từ bàn tay nắm chặt của mình vào tay người đàn bà.

Tôi đọc tiếp câu chuyện, còn họ thì nói về đứa bé đã chết. Lúc sinh, nó trong suốt như nước. Nó không đủ sức để khóc, nhưng lại có thể sống ngót một tuần.

Tôi không bị lôi cuốn bởi sự hiếu kì và tôi cũng không có thái độ cư xử trịch thượng đối với họ. Sự thật, tôi không hề nghĩ họ thuộc về đẳng cấp thấp, những nghệ sĩ rong. Họ dường như thấu hiểu và cảm động. Họ quyết định rằng tôi phải ghé thăm họ ở Oshima.

- Chúng ta có thể đón cậu tại nhà ông cụ. - Họ nói to kế hoạch. - Nhà ấy mới đủ rộng và nếu ta chuyển cụ đi nơi khác thì đủ yên tĩnh để cậu ấy học lâu đến chừng nào cậu ấy có thể ở lại.

- Chúng tôi có hai ngôi nhà nhỏ, chúng tôi sẽ dành cho cậu ngôi nhà trên núi. Ngôi nhà thoáng mát và xinh xắn.

Họ cũng quyết định rằng tôi sẽ phụ giúp trong vở kịch họ diễn ở Oshima nhân dịp năm mới.

Tôi dần hiểu ra cuộc sống của cánh nghệ sĩ rong không vất vả như tôi từng tưởng. Không hề có lo âu mà chỉ là thư thái, ngập trong hương vị của cây cỏ và núi đồi. Cả điều này nữa, nhóm nghệ sĩ còn được gắn kết bởi quan hệ tình cảm gia đình gần gũi. Duy chỉ có Yuriko, cô gái làm thuê - có lẽ đã ở vào độ tuổi biết xấu hổ - dường như không thoải mái trước sự hiện diện của tôi.

Đã quá nửa đêm khi tôi rời nhà nghỉ của họ. Ba người trẻ tuổi tiễn tôi ra đến cửa. Cô vũ nữ bé bỏng xoay đôi dép để tôi có thể xỏ thẳng vào mà không cần phải xoay chân. Nàng tựa vào ngưỡng cửa và ngược nhìn lên bầu trời quang đãng.

- Mặt trăng đã lên. Ngày mai chúng ta sẽ ở Shimoda. Em yêu Shimoda. Chúng ta sẽ cầu kinh cho đứa bé, và Mẹ sẽ mua cho em chiếc lược như đã hứa, rồi còn mọi công việc chúng ta có thể làm sau đó. Ông có đưa em đi xem phim không?

Có điều gì đó về Shimoda mà dường như đã khiến nó trở thành mái nhà trong suốt chặng đường các nghệ sĩ rong lang thang bên những suối nước nóng vùng Izu và Sagami.

Hành lí được phân chia như cái đạo chúng tôi vượt đèo Amagi. Chú chó nhỏ, một du khách từng trải, nắm gác chân trước lên cánh tay của người đàn bà lớn tuổi. Rồi Yugano chúng tôi lại đi vào núi. Chúng tôi nhìn ra biển vào lúc mặt trời ban mai tỏa rạng, sưởi ấm những thung lũng núi. Nơi cửa sông, một bãi cát trải rộng và trắng xóa.

- Oshima kia kìa.

- Rộng lớn quá, ông chắc chắn sẽ đến chứ, đúng không? - Cô vũ nữ hỏi.

Vì lí do nào đó - tại sự quang đăng của bầu trời thu đã tạo nên hiện tượng ấy? - Mặt biển nơi mặt trời mọc được bao phủ trong làn sương mù tựa dòng suối. Shimoda còn cách chừng mười dặm. Có lúc núi che khuất biển. Chiyoko khẽ cất lên bài hát du dương, trầm bổng.

Con đường rẽ đôi. Một lối hơi dốc nhưng ngắn hơn lối kia một dặm. Tôi sẽ chọn lối nào, con đường dốc ngắn hay con đường dài dễ đi? Tôi chọn đường ngắn.

Con đường ngoằn ngoèo xuyên qua một cánh rừng, dốc đến nỗi khi leo lên như thể ta đang bước thẳng lên một bức tường. Lá rụng tạo nên lớp mùn trơn tuột. Hơi thở trở nên khó nhọc hơn. Tôi cảm nhận được sự liều lĩnh ngang ngạnh, cứ leo lên mỗi lúc một nhanh với bàn tay liên tục ấn lên đầu gối để bước đi. Những người khác rơi lại phía sau; lúc này tôi chỉ có thể nghe được tiếng nói của họ vọng qua rừng cây. Nhưng cô vũ nữ bé bỏng, váy xắn cao, bám theo tôi bằng những bước đi gọn gàng. Nàng luôn giữ khoảng cách hai mét ở phía sau, không cố đến gần hơn và cũng không chịu để bị tụt lại phía sau xa hơn. Thỉnh thoảng, nếu tôi bắt chuyện với nàng thì nàng dừng lại và trả lời với nụ cười mím nao lòng. Khi nàng nói, tôi dừng lại, hi vọng nàng sẽ lại gần, nhưng nàng luôn đợi cho đến khi tôi cất bước thì nàng mới đi theo với khoảng cách hai mét phía sau. Con đường trở nên dốc hơn và vòng vèo hơn. Tôi dốc sức bước nhanh hơn và vẫn cách hai mét, nàng nhẹ nhàng và háo hức leo theo. Núi rừng yên tĩnh. Tôi không còn nghe được giọng của ai khác.

- Ông sống nơi nào ở Tokyo?

- Trong kí túc xá. Anh không thực sự sống ở Tokyo.

- Em đã từng đến Tokyo. Em đến đó để múa vào mùa hoa anh đào nở. Nhưng em hãy còn bé lắm. Em không nhớ chút gì về chuyến đi đó. Bố mẹ ông hiện vẫn còn cả chứ? - Nàng lại hỏi. Đoạn: - Ông đã từng đến Kofu chưa? - Nàng nói về những rạp phim ở Shimoda và về đứa bé đã chết.

Chúng tôi lên đến đỉnh núi. Đặt cái trống lên chiếc ghế nằm giữa đám cỏ thu đã chết, nàng lau mặt bằng khăn mùi xoa. Sau đó nàng chú ý đến đôi chân, nhưng rồi nàng thay đổi ý định, cúi xuống phủi bụi bám trên gấu áo kimono của tôi. Tôi nhảy lùi lại vì ngạc nhiên, nàng ngã khuỵu một gối

xuống. Khi đi tới đi lui phủ bụi khỏi vạt áo tôi nàng cúi người thấp, rồi nàng đứng dậy thả gấu váy đã được xắn lên để đi bộ. Tôi vẫn đang thờ dốc. Nàng mời tôi ngồi xuống.

Một đàn chim nhỏ bay ra từ bên cạnh chiếc ghế dài. Xác lá khô xào xạc khi chúng đậu xuống, bầu không khí tĩnh lặng vô cùng.

- Sao ông đi nhanh thế? - Trông nàng đang nóng bức.

Tôi gõ vào trống, đàn chim hoảng sợ bay vụt lên.

- Anh khát.

- Để em đi xem thử có tìm thấy nước không?

Nhưng nàng quay về từ rặng cây úa vàng, không tìm thấy nước.

- Em định làm gì ở Oshima?

Nàng nhắc tên của hai, ba cô gái chẳng có ý nghĩa gì đối với tôi, rồi say sưa với cả chuỗi hồi ức. Dường như nàng không nói về Oshima mà về Kofu, về ngôi trường nơi nàng đã học hai năm đầu đời. Nàng hồn nhiên nói khi kí ức về bạn bè sống dậy.

Khoảng mười phút sau, hai người đàn bà trẻ và Eikichi đến, còn người đàn bà lớn tuổi thì phải thêm mười phút nữa. Lúc xuống núi, tôi chủ ý lùi lại nói chuyện với Eikichi. Đi khoảng chừng một trăm mét, cô vũ nữ chạy lại.

- Có dòng suối ở phía dưới. Mọi người đang đợi ông đến uống trước.

Tôi chạy xuống cùng nàng. Nước tinh khiết róc rách chảy dưới bóng những tảng đá. Cánh phụ nữ đang đứng quanh dòng suối.

- Mời cậu uống, - người đàn bà lớn tuổi nói. - Chúng tôi nghĩ chắc cậu sẽ không muốn uống sau khi đàn bà chúng tôi khuấy động dòng nước.

Tôi uống từ hai bàn tay khum lại vốc nước. Cánh phụ nữ còn nán lại. Họ nhúng ướt khăn tay lau mồ hôi trên mặt.

Dưới chân dốc, chúng tôi bước ra đường cao tốc Shimoda. Phía dưới đường, những đám mây khói đây đó tỏa cao từ những lò làm than củi. Chúng tôi dừng lại ngồi nghỉ trên một cây gỗ. Cô vũ nữ dùng cái lược hồng chải bộ lông rối bù của con chó.

- Con sẽ làm gãy răng lược mất, - mẹ cô cảnh báo.

- Cũng chẳng sao. Con sẽ mua một cái mới ở Shimoda.

Đây là chiếc lược nàng cài lên mái tóc, và ngay từ ở Yugano tôi đã dự tính khi đến Shimoda sẽ xin nàng chiếc lược đó. Tôi hơi bối rối khi thấy nàng dùng nó chải lông con chó.

Xa bên lề đường là cả đồng trúc. Sau khi lưu ý rằng nếu có gậy chống thì việc đi lại đỡ mệt hơn, Eikichi và tôi đi trước. Chẳng mấy chốc cô vũ nữ chạy kịp chúng tôi. Nàng cầm cây gậy trúc to, dài

hơn cả người nàng.

- Cái này để làm gì? - Eikichi hỏi.

Thoáng bối rối, nàng dúm cây gậy trúc cho tôi.

- Để làm gậy chống. Em lấy cây to nhất đấy.

- Em không thể làm như thế. Họ sẽ để ý đến cây lớn nhất. Đưa trả lại đi.

Nàng quay lại đóng trúc rồi lập tức chạy lại. Lần này nàng đưa cho tôi cây gậy chỉ lớn bằng ngón tay giữa của tôi. Đoạn, thở hổn hển, nàng nằm vật ra con đường hẹp chạy giữa các thửa ruộng lúa, rồi cứ nằm bất động như thể bị ghim ở đó, trong lúc đợi những phụ nữ khác đến. Eikichi và tôi tiếp tục bước đi trước họ chừng năm, bảy mét.

- Nhưng mọi thứ ông ấy cần làm là thay một cái răng vàng. Rồi thì chị sẽ chẳng còn chú ý đến nữa đâu, - giọng của cô vũ nữ vọng đến.

- Ừ, có lẽ em nên nói điều đó với cậu ấy.

Đấy là giọng của Chiyoko, hoàn toàn không nhận ra tôi đang nhìn họ.

Rõ ràng họ đang bình luận về mấy cái răng vấu của tôi.

Chiyoko hẳn là người nêu vấn đề ấy ra, còn cô vũ nữ thì gợi ý về chiếc răng vàng. Tôi cảm thấy không hề giận khi bị mang ra bình luận nên chẳng cần chú ý lắng nghe thêm nữa. Cuộc đối thoại lắng lại một lát.

- Ông ấy dễ thương, đúng vậy, - giọng cô vũ nữ lại vang lên.

- Cậu ấy có vẻ rất dễ thương.

- Ông ấy thực sự dễ thương. Cái dễ thương của những người rất dễ thương.

Nàng có cách nói chuyện cởi mở, lối nói thành thật của trẻ con diễn tả chính xác những gì diễn ra trong đầu, lối nói tạo khả năng cho tôi thật sự nghĩ bản thân mình “dễ thương”.

Tôi lại nhìn lên núi, rực sáng đến mức làm mắt tôi hơi đau. Phải đến mười chín tuổi tôi mới nghĩ bản thân tôi là kẻ lạc lõng, một kẻ mồ côi từ trong bản chất và nỗi phiền muộn ấy đã xui tôi thu xếp làm chuyến du ngoạn ở Izu này. Bây giờ tôi có thể nghĩ về bản thân như một người “dễ thương” theo cách diễn đạt bình thường. Tôi không tìm ra từ ngữ để diễn tả điều đó có ý nghĩa như thế nào với tôi. Những ngọn núi rực sáng hơn. Chúng tôi gần đến Shimoda và biển. Tôi vung vẩy cây gậy lên đầu đảm cỏ mùa thu. Thỉnh thoảng, khi con đường chạy qua một ngôi làng, chúng tôi có thể nhìn thấy tấm bảng: “Cấm kẻ ăn mày, biểu diễn rong”.

Nhà nghỉ Kosshu tồi tàn nằm ở ngoại ô phía Bắc Shimoda. Tôi đi theo đoàn lên căn phòng tựa như phòng áp mái ở tầng hai. Không có trần nhà, mái nhà xuôi xuống đến nỗi muốn ngồi bên cửa sổ nhìn ra đường thì ta không thể thoải mái thẳng lưng lên.

Người đàn bà lớn tuổi đang chăm sóc cô vũ nữ.

- Vai con không tê cứng chứ? Cánh tay con có còn đau nữa không?

Cô vũ nữ phác những động tác đánh trống duyên dáng.

- Thừa mẹ không. Con không hề gì cả đâu. Chúng chẳng đau tí gì cả.

- Tốt. Mẹ cứ lo.

Tôi nhắc cái trống.

- Nặng quá.

- Nó nặng hơn ông tưởng, - nàng cười vang. - Nó nặng hơn cả túi hành lý của ông.

Họ chào hỏi những khách trọ khác. Nhà nghỉ đầy ắp những người bán hàng rong và biểu diễn rong. Shimoda dường như là mái nhà cho những kiểu người chuyên di trú này. Cô vũ nữ cho đứa bé vừa chạy đến mấy xu. Khi tôi chuẩn bị đi, nàng chạy lại xoay mũi guốc cho tôi.

- Ông nhớ đưa em đi xem phim, nhớ nhé? - nàng thì thào, như thể chỉ nói cho riêng mình.

Eikichi và tôi, được chỉ dẫn bởi một gã trông không có vẻ lương thiện ở Kosshu, đi đến nhà nghỉ, nghe nói trước đây là của viên thị trưởng cũ. Chúng tôi cùng đi tắm và ăn trưa, cá vừa mới bắt từ biển tươi rói.

Tôi đưa cho anh ta ít tiền khi anh ta ra về.

- Mua hộ bó hoa cho buổi cúng giỗ ngày mai, - tôi nói. Tôi giải thích rằng tôi sẽ phải quay về Tokyo bằng chuyến tàu thủy sáng mai. Thực tế là tôi đã hết tiền nhưng tôi nói với họ là tôi phải đến trường.

Tôi ăn tối qua quýt sau bữa trưa ba tiếng rồi qua cầu đi đến phía Bắc thành phố. Tôi leo lên ngọn Shimoda Fuji, nhìn xuống cảng. Trên đường quay về, tôi tạt vào nhà nghỉ Kosshu. Những người biểu diễn rong đang ăn món gà hầm.

- Mời cậu nếm thử. Cánh đàn bà chúng tôi đã đựng đĩa vào rồi, nhưng ngày nào đó biết đâu được cậu sẽ gặp may nhờ nó. - Người đàn bà lớn tuổi lấy từ chiếc hòm mây ra một cái chén, một đôi đũa và bảo Yuriko đi rửa.

Họ nài nỉ tôi ở lại thêm một ngày nữa và dự đám giỗ cùng họ, nhưng tôi một mực từ chối vì lý do bận học.

- Thôi được, dẫu sao thì chúng tôi cũng sẽ đón cậu vào mùa đông, - người đàn bà lớn tuổi lại nói.
- Tất cả chúng tôi sẽ xuống bến tàu đón cậu. Cậu phải cho chúng tôi biết khi nào cậu đến.

Bây giờ, cậu hãy ở lại cùng chúng tôi. Chúng tôi không đồng ý để cậu đến ở khách sạn. Chúng tôi sẽ chờ cậu và tất cả mọi người sẽ đi đón cậu.

Khi những người khác rời khỏi phòng, tôi mời Chiyoko và Yuriko đi xem phim cùng tôi. Nhột nhột và mệt mỏi, Chiyoko nằm yên, tay để lên bụng.

- Tôi không thể đi được, cảm ơn cậu. Tôi không chịu nổi khi phải đi bộ nhiều đến thế.

Yuriko nhìn chăm chăm xuống sàn nhà.

Cô vũ nữ bé bỏng xuống tầng dưới chơi đùa với bọn trẻ trong nhà nghỉ. Khi nhìn thấy tôi, nàng chạy đến nhìn người đàn bà lớn tuổi để xin phép đi xem phim. Nàng quay lại với vẻ thất bại và chán nản.

- Tôi chẳng thấy có gì sai quấy cả, - Eikichi bàn. - Sao không để nó đi xem một mình với cậu ấy?

Tôi cũng thấy điều đó thực khó hiểu, nhưng người đàn bà vẫn cương quyết. Cô vũ nữ ở ngoài hành lang chơi đùa với con chó khi tôi bước ra. Tôi không thể buộc mình nói chuyện với nàng, vậy nên sự lạnh lùng là yêu cầu của nghi lễ mới này và nàng cũng đã không có đủ sức mạnh để ngược nhìn lên.

Tôi đi xem phim một mình. Một phụ nữ đọc lời đối thoại bên ngọn đèn nhỏ. Tôi cảm thấy chán ngấy rồi quay về nhà nghỉ. Suốt thời gian dài, tôi ngồi chống cùi tay lên cửa sổ nhìn ra ngoài. Thành phố tối om. Tôi nghĩ tôi nghe được tiếng trống từ xa vắng lại. Chẳng vì lí do chính đáng nào cả nhưng tôi thấy tôi đang khóc.

Eikichi từ dưới đường gọi với lên khi tôi đang ăn sáng vào lúc bảy giờ sáng hôm sau. Anh ta mặc bộ khuông sang trọng, dường như là vì quý trọng tôi. Cánh phụ nữ không đi cùng anh ta. Bỗng nhiên tôi thấy mình cô độc.

- Mọi người đều muốn đến tiễn cậu, - anh ta giải thích khi lên phòng tôi, - nhưng tối qua chúng tôi ra ngoài quá khuya, nên họ không thể thức dậy sớm được. Họ nhờ chuyển lời xin lỗi đến cậu và họ sẽ đợi cậu vào mùa đông này.

Gió thu thổi hơi lạnh qua thành phố. Trên đường đến tàu, anh ta mua cho tôi hoa quả, thuốc lá và một gói kẹo bạc hà hiệu “Kaoru”.

- Bởi vì đây là tên con bé, - anh ta mỉm cười. - Cam thì không tốt khi đi tàu thủy, nhưng cậu có thể ăn hồng. Chúng sẽ trợ giúp nếu cậu hơi bị say sóng.

- Sao tôi không tặng anh cái này nhỉ?

Tôi đội chiếc mũ sấn lên đầu anh ta, rồi lôi chiếc mũ sinh viên ra khỏi túi, cố vuốt phẳng nếp nhăn. Cả hai chúng tôi cùng cười.

Khi chúng tôi đến bến tàu, tim tôi đập mạnh khi nhìn thấy cô vũ nữ bé bỏng đang ngồi bên mép nước. Nàng không cử động khi chúng tôi đến, duy chỉ gật đầu chào im lặng. Trên mặt nàng vẫn còn vết phấn trang điểm khiến tôi thấy nàng thật duyên dáng.

Vết phấn hơi đỏ gắt nơi khóe mắt tôn thêm vẻ thanh tao tươi trẻ của nàng.

- Những người kia sắp đến à? - Eikichi hỏi.

Nàng lắc đầu.

- Họ vẫn ngủ?

Nàng gật đầu.

Eikichi đi mua vé tàu và vé tiễn. Tôi cố bắt chuyện nhưng nàng chỉ hướng cái nhìn vào chỗ con kênh chảy ra cảng. Thình thoảng nàng khẽ gật đầu nhanh, luôn trước khi tôi dứt lời.

- Tôi cho là chúng ta có thể hỏi chàng trai này. - Người đàn ông trông có vẻ là người làm công nhật đi đến chỗ tôi. - Cậu đến Tokyo à? Tôi trông thấy cậu và nghĩ mình nên thử hỏi xem. Cậu có thể đưa giúp bà cụ này đến Tokyo được chứ? Bà gặp cảnh ngộ thật đau buồn. Con trai bà làm tại mỏ bạc ở Rendaiji nhưng vì anh đã mắc bệnh cúm đang hoành hành nơi đó nên cả hai vợ chồng đều bị chết vì cúm. Một tay bà cụ phải lo cho ba đứa bé. Chúng tôi chẳng nghĩ ra được cách nào để giúp đỡ cụ. Vậy nên chúng tôi gửi cụ về quê cụ ở Mito. Cụ chẳng biết tí gì về Tokyo. Có lẽ khi đến bến cảng ở Reiganjima, cậu có thể giúp bà cụ lên tuyến xe điện để đến ga Ueno được chứ? Tôi biết việc này

thật phiền toái nhưng hãy làm ơn giúp cụ. Xin hãy làm ơn. Chỉ trông chừng bà cụ thôi. Cậu đã thấy là tình cảnh cụ thê thảm quá rồi đó?

Bà cụ đang đứng lặng câm, một đứa bé đu sau lưng, một tay dắt bé gái hai tuổi và tay kia dắt bé gái bốn tuổi. Tôi có thể nhìn thấy bữa ăn nghèo nàn qua chỗ hở của cái tay nài. Năm sáu thợ mỏ đang cố động viên cụ. Tôi vui vẻ nói tôi sẽ cố hết sức để giúp cụ.

- Nếu có thể, xin cậu cố giúp.

Cảm ơn cậu. Lẽ ra chính chúng tôi phải đưa cụ đến Mito, nhưng chúng tôi không thể.

Họ lần lượt cảm ơn tôi.

Tàu trông trơn mạnh. Cô vũ nữ nhìn bất động về phía trước, môi nàng mím chặt. Khi bắt đầu leo lên thang dây để lên tàu, tôi ngoái nhìn lại. Tôi có thể thấy nàng muốn nói lời tạm biệt, nhưng nàng chỉ lặng lẽ gật đầu. Tàu bắt đầu lùi lại. Eikichi vẫy vẫy chiếc mũ sán và khi tàu đã lùi được một khoảng xa, nàng bắt đầu vẫy cái gì đó màu trắng.

Tôi tựa vào lan can tàu và cứ nhìn mãi về phía Oshima cho đến khi mỏm đất phía Nam bán đảo Izu chìm khuất khỏi tầm mắt.

Như thế tôi đã nói lời tạm biệt với cô vũ nữ từ lâu lắm rồi. Tôi nhìn vào buồng riêng để xem thử cụ già thế nào, nhưng cụ đã được những người tốt bụng thăm hỏi. Tôi đến buồng riêng bên cạnh.

Biển dậy sóng mạnh đến nỗi ngay cả ngồi cũng khó. Một thủy thủ đoàn đi phát những chiếc chậu kim loại nhỏ. Tôi nằm gối đầu lên túi sách, đầu óc tôi trống rỗng, nhẹ tênh. Tôi không còn ý thức về thời gian trôi qua. Tôi khóc lặng lẽ và khi má tôi bắt đầu thấy lạnh, tôi lật ngược chiếc túi. Một cậu bé nằm bên tôi. Cậu ta là con của một ông chủ nhà máy ở Izu, cậu ta nói, cậu ta đến Tokyo để chuẩn bị dự thi vào trường trung học. Cái mũ sinh viên của tôi đã hấp dẫn cậu ấy.

- Anh có chuyện buồn à? - Cậu ta hỏi sau một lúc.

- Không, anh chỉ vừa mới tạm biệt một người.

Tôi thấy không cần phải giấu giếm sự thật và tôi hoàn toàn không hề xấu hổ vì những giọt nước mắt. Tôi chẳng nghĩ ngợi gì cả.

Tâm trạng tôi như thể đang thiu thiu ngủ trong sự thanh thản tuyệt đối. Tôi không biết chiều đến lúc nào nhưng có ánh đèn khi chúng tôi đi qua Atami. Tôi đói và hơi lạnh. Cậu bé mở đồ ăn tối ra và tôi ăn như thể đây là bữa tối của mình. Rồi tôi ủ mình dưới một phần tấm áo choàng của cậu ta. Tôi bình bình trong trạng thái trống rỗng kì diệu. Dường như việc tôi dựa vào lòng tốt của cậu bé là tự nhiên. Và dường như cũng hoàn toàn tự nhiên khi tôi nhận đưa bà cụ đến Ueno vào sáng sớm nay và mua cho cụ chiếc vé đến Mito. Mọi việc chìm trong sự hài hòa đan quện. Đèn tắt, mùi biển và mùi cá trong khoang nồng hơn. Trong bóng tối, được sưởi ấm bởi cậu bé nằm bên cạnh, tôi thỏa thuê

khóc. Như thế dầu tôi đã hòa thành dòng nước tinh khiết. Nó đang thanh thản rời đi, từng giọt một. Chẳng mấy chốc, sẽ chẳng còn lại gì nữa.

(1925)

LÊ HUY BẮC

VỀ CHIM VÀ THÚ

Tiếng chiêm chiếp của lũ chim đã cắt ngang giấc mơ của anh.

Trên chiếc xe tải cũ xiêu vẹo là một cái lồng chim mà hẳn có thể được dùng để nhốt tội phạm trên sàn diễn kịch kabuki, mặc dù nó phải rộng hơn đến hai hay ba lần.

Chiếc xe ta xi của người đàn ông dường như đã rẽ lối qua đám tang. Bên cạnh gương mặt người lái xe, con số 23 hiện lướt qua trên kính của chiếc ô tô đang chạy phía sau. Người đàn ông nhìn ra ngoài. Họ đang đi qua một ngôi chùa, tấm bia đá phía trước khắc dòng chữ: “Địa danh lịch sử: Phần mộ của Dazai Shundai”⁽¹⁾. Trên cổng có dán thông báo ở đây có đám ma.

Họ đang đi xuống con dốc. Dưới chân dốc, chỗ các con đường giao nhau, có một người cảnh sát điều khiển giao thông. Khoảng ba mươi chiếc xe ô tô nối đuôi nhau phía trước xe của anh, đe dọa một vụ tắc đường. Anh nhìn chăm chăm vào lồng chim phóng sinh ở đám ma. Anh càng thêm sốt ruột.

- Mấy giờ rồi? - Anh hỏi cô hầu, một cô gái nhỏ bé đang ngồi khép nép cạnh anh, giỏ hoa đặt cẩn thận ngay ngắn trong lòng.

Người ta không chắc rằng cô có đeo đồng hồ hay không.

- Bảy giờ kém mười lăm, - người lái xe trả lời thay cô gái. - Cái đồng hồ này chậm sáu, bảy phút gì đó.

Hoàng hôn vẫn sáng rực trên bầu trời mùa hạ. Hương hoa hồng trong gió thật mạnh mẽ. Từ khu vườn chùa tỏa ra mùi nồng hắc của một loài hoa tháng sáu nào đó.

- Chúng ta sẽ bị muộn. Anh không thể nhanh hơn được à?

- Tôi không thể nhanh được, cho tới khi họ chưa đi qua con hẻm kia. Có việc gì ở đại sảnh Hibiya vậy? - Người lái xe có lẽ đang nghĩ về khoản tiền

xe khứ hồi.

- Có một buổi biểu diễn khiêu vũ.

-Ồ! Anh cho rằng còn bao lâu nữa người ta sẽ thả lũ chim đó?

- Tôi cho rằng trên đường đi mà gặp đám ma là điềm gở đấy.

Có tiếng vỗ cánh mạnh. Chiếc xe tải đang chuyển động.

- Không, gặp đám ma là điềm may chứ. Người ta nói đó là điềm may nhất trên thế gian.

Như thế những từ anh vừa nói rất có giá trị, người lái xe liền lách vào con hẻm bên phải và nhanh nhẹn băng qua đám tang.

- Điều đó thật lạ lùng, - người đàn ông cười. - Anh thì lại nghĩ ngược lại.

- Nhưng điều đó cho thấy rằng người ta nên có thói quen nghĩ như thế.

Thật lạ là trên đường đi anh cũng có những băn khoăn như vậy với buổi biểu diễn của Chikako. Nếu anh muốn tìm điềm gở thì trong thực tế họ đã để xác hai con chim được chôn cất ở nhà, còn gở hơn cả gặp một đám ma.

- Những con chim ấy sẽ được giải thoát khi chúng ta về đến nhà tối nay, - anh nói, gần như là khắc ra từng từ một. - Chúng sẽ vẫn ở trong căn buồng trên gác.

Đã một tuần kể từ khi cặp chim tước mào vàng chết. Anh không màng đến chuyện vứt bỏ hai cái xác ấy mà vẫn để chúng ở trong lồng, trong căn buồng đầu cầu thang. Anh và cô hầu đã từng có khá nhiều xác chim nhỏ, những cái xác mà họ cũng chẳng buồn ném đi, thậm chí họ còn lấy cả những tấm nệm ở đáy lồng bất cứ khi nào có một con chim khác cần đến.

Cùng với lũ chim sẻ ngô, chim hồng tước và chèo bẻo thì đôi chim tước mào vàng là cặp chim cảnh nhỏ nhất. Màu ôliu ở phía trên và màu nâu vàng ở dưới, nó có một cái cổ hơi nâu nâu và hai sọc trắng ở cánh. Chót đuôi của những chiếc lông đầu cánh màu vàng. Cái vương miện trên đầu nó là một vòng tròn màu đen viền quanh một vòng tròn màu vàng. Khi lông xù lên,

màu vàng nổi bật như bông hoa cúc đơn. Ở con đực, màu vàng đã chuyển sang màu cam sậm. Đôi mắt tròn có một vẻ quyến rũ tinh nghịch đến mê người, và có cả một nét lãng mạn trong cái cách mà con chim lượn quanh chớp lông. Tóm lại, nó đúng là một con chim thông minh và quyến rũ.

Từ khi tay lái buôn mang cặp chim đến vào buổi tối, anh đã đặt ngay chiếc lồng vào góc trong mờ tối của gian thờ. Sau đó một lát, liếc qua chiếc lồng, anh thấy hai con chim thật là đẹp khi ngủ. Đầu con này rúc vào lông con kia, hai cái đầu giống như một quả bóng bằng sợi, gần đến nỗi không thể phân biệt được cái này với cái kia.

Gần bốn mươi tuổi, anh cảm thấy nhiệt tình của tuổi trẻ đã rơi rụng hết, đứng bên bàn, anh cứ mãi nhìn vào gian thờ.

Anh băn khoăn tự hỏi, không biết nơi đâu ở một miền quê nào đó, có hai người trẻ tuổi, trong mỗi tình đầu, đang ngủ như thế không? Anh muốn chia sẻ cảnh tượng đó, nhưng anh không gọi cô hầu.

Từ hôm sau, anh đặt đôi chim tước lên bàn và ngắm chúng khi anh đang ăn. Thậm chí khi có khách, anh cũng để lũ chim và thú cạnh mình. Không thực sự tập trung nghe xem khách đang nói gì, anh đặt hẳn một mẫu thức ăn lên tay và chăm chú tập ăn cho một chú chim con cổ đỏ; hoặc anh để một con chó Shiba lên đầu gối, miệt mài bắt bọ chết cho nó.

“Tôi thích chó Shiba. Trông chúng có một vẻ gì đó của người theo thuyết định mệnh. Anh cứ đặt một con lên đầu gối như thế này hoặc để nó trong góc, nó sẽ ở đó mà không nhúc nhích gì cả nửa ngày”.

Và anh thường không nhìn vào khách cho tới khi người khách đó đứng dậy ra về.

Vào mùa hè, anh nuôi cá chép và cá tuế đỏ trong bình thủy tinh đặt trên bàn nơi phòng khách.

“Có lẽ bởi vì tôi sắp già. Tôi không thích gặp gỡ đàn ông nữa. Tôi không thích đàn ông. Tôi bị chán nản ngay từ phút đầu tiên. Khi người ta đang ăn,

khi đi du lịch, thì đấy phải là một người đàn bà”.

“Anh nên lấy vợ”.

“Hoặc cũng không nên. Tôi thích phụ nữ bình thường. Cách tốt nhất để biết cô ta là người bình thường, là đi gặp cô mà không báo trước. Đây cũng là cách mà tôi tìm cho mình một cô giúp việc”.

“Và điều đó giải thích tại sao anh nuôi thú phải không?”

“Với những con vật thì là là chuyện khác. Tôi muốn có một cái gì đó sống động và di chuyển bên mình”. Lẩm bẩm tự nói với mình, anh sẽ quên mất người khách khi anh chăm chú nhìn lũ cá chép nhiều màu sắc và ngấm ánh sáng lung linh trên vảy cá khi chúng bơi, trầm ngâm về một thế giới ánh sáng huyền ảo trong làn nước nhỏ này.

Khi tay lái buồn có một con chim mới, anh sẽ mang nó đi loanh quanh mà không màng tới chuyện gì nữa. Con người đôi khi có tới ba mươi tâm trạng khác nhau trong suy nghĩ của mình.

- Đừng thêm một con chim nào nữa! - cô giúp việc phản nản.

- Cô nên vui mới phải. Không tốn nhiều tiền mà tôi lại được hạnh phúc bốn, năm ngày liền.

- Nhưng nét mặt ông lại suy tư và ông cứ chăm chú nhìn chúng suốt.

- Điều đó làm cô khó chịu à? Cô nghĩ tôi đã mất trí rồi sao. Nơi đây quá yên tĩnh sao?

Nếu không có một con chim mới đến thì cuộc sống của anh sẽ không được lấp đầy bằng sự tươi mới trẻ trung trong vài ngày. Anh cảm thấy nó mang phước lành của thế gian. Có lẽ đó là phần yếu kém trong anh, bởi lẽ anh không thể cảm nhận được bất kỳ chút nào về điều ấy trong con người. Và người ta thanh thản hơn khi ngắm nhìn những diệu kỳ của tạo hóa trong con chim uyển chuyển hơn là vẻ im lìm của lũ sò và những bông hoa. Những loài vật nhỏ, thậm chí khi đã bị nhốt lồng vẫn mang lại niềm vui cho cuộc đời.

Điều đó còn đặc biệt hơn với cặp chim tước vui vẻ.

Khoảng một tháng sau khi chúng đến, một con đã bay ra ngoài khi anh đang cho chúng ăn. Cô hầu lúng túng, còn con chim đã bay lên cây long não bên trên túp lều. Sương sớm phủ trên lá cây long não. Hai con chim, một trong một ngoài lồng, gọi nhau bằng những âm điệu cao và gắt. Anh để cái lồng ở nóc lều và chiếc que tẩm nhựa bẫy chim bên cạnh. Cặp chim gọi nhau ngày càng tuyệt vọng, nhưng con chim trốn ra đã bay đi hẳn vào khoảng buổi chiều. Cặp chim đã được mang đến từ dãy núi phía sau Nikko.

Con chim còn lại là chim mái. Nhớ lại cảnh tượng cặp chim khi đang ngủ, anh nài nỉ tay lái buôn bán cho anh một con chim trống.

Anh đi hỏi khắp đám lái buôn nhưng không gặp may. Cuối cùng tay buôn chim của anh đành mang đến một cặp chim khác từ vùng nông thôn. Anh bảo anh chỉ cần con đực.

- Chúng sống thành cặp. Sẽ không ích gì khi giữ một con đơn lẻ.
- Tôi sẽ để cho anh con cái mà không tính tiền.
- Nhưng chẳng lẽ để ba con ở cùng với nhau?
- Có lẽ vậy. Đặt hai cái lồng gần nhau khoảng bốn năm ngày rồi chúng sẽ quen ngay ấy mà.

Nhưng, như trẻ con có đồ chơi mới, anh không thể đợi được.

Ngay khi người buôn chim vừa ra về, anh đã để ngay hai con chim mới vào với con chim cũ. Một sự rối loạn khủng khiếp hơn anh tưởng đã xảy ra. Hai con chim mới, không chịu đậu lên cây sào ngang mà đập cánh lao hết bên này sang bên kia lồng. Con chim cũ đứng bất động trên sàn lồng, nhìn hai con mới đầy khiếp đảm. Hai con mới gọi nhau, như một đôi vợ chồng đang đương đầu với một điều bất hạnh. Ba lồng ngực hoảng sợ phập phồng dữ dội. Anh đặt cái lồng vào phòng chứa đồ. Cặp chim đến với nhau, gọi nhau, còn con chim cô đơn thì vẫn tiếp tục đứng bên lên một mình.

Việc này lẽ ra không được thực hiện. Nhưng anh đã tách chúng ra, vì động lòng thương xót cho con chim mái cô đơn. Anh để nó vào với con trống mới. Con chim trống hót vọng ra ngoài gọi cô bạn gái bị chia tách và không đoái hoài gì đến cô bạn gái kia; nhưng sau đó một lúc chúng cũng ngủ thiếp đi bên nhau. Tối hôm sau khi anh để con thứ ba vào, đã không có sự rối loạn như ngày hôm trước. Ba con chim nằm ngủ như một quả bóng, hai cái đầu của đôi chim mới rúc vào lông của con thứ ba. Anh đi ngủ với cái lồng để bên cạnh gối.

Nhưng khi anh thức dậy vào sáng hôm sau, đôi chim kia vẫn ngủ như một quả bóng tơ ấm áp. Còn con chim thứ ba nằm chết dưới cây sào ngang, cánh nó sã ra, đôi chân cứng đờ, còn mắt thì nửa nhắm nửa mở. Vì không muốn đôi chim kia nhìn thấy xác chết ấy, anh lấy nó ra khỏi lồng, không nói gì với cô hầu, anh ném nó vào thùng rác. “Một kiểu giết người khủng khiếp”, anh nghĩ.

Con nào đã chết, anh bắn khoăn nhìn vào lồng. Ngược lại với điều anh dự đoán, con còn sống hình như lại là con chim mái cũ. Anh thương con chim cũ hơn. Có lẽ sự thiên vị làm anh nghĩ con chim cũ còn sống. Anh sống không gia đình và sự thiên vị làm anh bối rối.

“Nếu ông có những sự phân biệt như vậy, tại sao ông lại còn sống với chim và thú? Có cách đối xử khách quan rất phù hợp cho chúng khi chúng được xem như một con người”.

Những con chim tước mào vàng khi bị nhốt trở nên xuống sức và chết rất nhanh, nhưng cặp chim của anh vẫn rất khỏe.

Anh mua con chim bách thanh non từ một tay săn trộm, và câu chuyện bắt đầu: mùa săn đến, lúc anh không thể đi ra ngoài để cho lũ chim con mới phía dưới núi ăn. Những cánh hoa đậu tía rụng trên mặt nước khi anh mang cái bồn ra ngoài hè để cho lũ chim tắm tấp.

Khi đang lắng nghe tiếng đập cánh vào nước và đang rửa mấy chiếc lồng thì anh nghe thấy tiếng trẻ con vọng lại phía bên kia hàng rào. Hình như

chúng đang chờ đợi cái chết của một con thú nhỏ nào đó. Anh nhảy qua hàng rào, nghĩ rằng một trong những con chó lông cứng của mình có thể bị lạc từ vườn ra. Đó là một con chim chiền chiện nhỏ. Không thể đứng hẳn lên được, nó loạng choạng trên đồng rác. Một ý nghĩ chợt đến với anh là anh có thể bắt lấy nó.

- Có chuyện gì vậy?

- Ngôi nhà đằng kia kìa. - Một chú nhóc chỉ tay về phía ngôi nhà màu xanh với rặng cây có vẻ cô độc trồng ở phía trước. - Họ đã ném nó ra đây. Nó sẽ chết, đúng không?

- Ừ, nó sẽ chết, - anh nói hờ hững, rời hàng rào.

Gia đình ở trong ngôi nhà màu xanh nuôi ba, bốn con chim chiền chiện gì đó. Có thể họ đã vứt bỏ con chim mà họ cho là sẽ không hát được. Lòng thương xót đồng của anh nhanh chóng hạ xuống: chẳng có ích gì khi mang về nhà con chim đã bị quăng đi như một đồ rác rưởi.

Có những loài chim khi còn non không thể phân biệt được đâu là con đực đâu là con cái. Cánh lá buồn đem cả tổ từ trên núi xuống và ném những con chim cái đi, ngay khi họ nhận ra chúng.

Những con chim cái không biết hát và cũng sẽ không bán được.

Tình yêu dành cho chim và thú đến với anh từ việc tìm kiếm những con cao cấp, và nó đã bén rễ sâu đậm. Bản chất của anh là muốn có bất cứ một con vật dễ thương nào ngay khi nhìn thấy nó, nhưng bằng kinh nghiệm bản thân anh biết rằng lòng yêu thương dễ dàng như vậy trong thực tế lại là ít tình cảm và điều đó đã mang lại sự hờ hững đối với cuộc sống của anh. Và vì vậy, dù con vật có dễ thương tới mức nào, dù người ta có tha thiết đề nghị anh nuôi nó tới đâu chẳng nữa, thì anh cũng sẽ từ chối nếu nó đã được một ai đó nuôi dưỡng.

Luôn cô đơn, anh đi tới một kết luận dứt khoát rằng: anh không thích con người. Những người chồng và những người vợ, cha mẹ và con cái, anh em

và chị em: những mối quan hệ không dễ gì cắt đứt ngay cả với sự khó chịu nhất của con người. Ai đó đã từ bỏ cuộc sống cộng đồng. Và mỗi một người đều bị ám ảnh bởi cái gọi là cái tôi.

Mặt khác, lại có một sự thanh khiết u buồn nào đó trong việc tạo thành những đồ chơi của sự sống và thói quen của loài vật, và, quyết định chọn một hình mẫu lý tưởng, nuôi dưỡng cho nó theo kiểu nhân tạo và méo mó: trong nó có một sự mới mẻ thần thánh. Anh mỉm cười chua chát, bào chữa cho họ giống như những biểu tượng bi kịch của thế gian và của loài người, những kẻ yêu thú đã làm khổ thú, dù rất cố gắng đạt tới việc nuôi dưỡng ngày càng hoàn thiện hơn.

Một buổi tối của tháng mười một trước, tay chủ của cơ sở nuôi chó, kẻ trông như một quả cam héo vì bị đau thận hay một bệnh gì đại loại như vậy, đến gặp anh.

- Thật khủng khiếp. Tôi đã tháo xích cho nó khi tôi với nó đi vào công viên, trong sương mù, không quá một phút tôi đã lạc mất nó và một con chó chết tiệt nào đó đã phủ lên nó. Tôi kéo nó ra, đá nó liên tục cho tới khi nó không đứng lên được nữa. Tôi không biết làm thế nào mà nó lại có thể... nhưng nó có cái cách giao phối ngay khi người ta không muốn như thế.

- Và ông đoán đó là một con chó giống à?

- Đúng, tôi không dám kể với bất cứ ai, vì như thế chỉ tổ rắc rối.

- Đồ chó cái khốn nạn - chỉ trong một vài giây nó đã làm mất toi của tôi bốn, năm trăm yên. - Cặp môi vàng ệch của ông ta giật giật.

Con Doberman kiêu hãnh đang lên đi với cái đầu cúi xuống. Nó sợ sệt ngược nhìn ông chủ đau thận. Sương giá bắt đầu trút xuống.

Cơ sở có tiếng của gã sẽ bán tổng con chó đi. Điều đó sẽ làm mất uy tín của gã, gã khẳng định, vì, nếu không bán ngay, nó sẽ đẻ ra lũ chó lai; nhưng sau đó một thời gian, rõ ràng là bị thúc bách vì tiền, tay chủ cơ sở nuôi chó đó đã bán con chó mà không cho anh biết. Hai hay ba ngày sau đó, người

mua mang con chó đến cho anh. Một ngày sau khi được mua, nó đẻ ra một con chó con đã chết trong bụng mẹ.

“Cô hầu nghe thấy tiếng rên rỉ bên mở cửa chớp, nó đứng dưới mái hiên, đang ăn thịt một con chó con. Không thể nhìn rõ trong bóng tối, cô ngạc nhiên và hơi sợ hãi. Chúng tôi không biết nó đẻ bao nhiêu con, nhưng cô nghĩ con mà nó đang ăn là con cuối cùng.

Chúng tôi đã gọi bác sĩ thú y tới ngay, ông ta nói rằng cơ sở nuôi chó không nên bán một con chó chữa. Một con chó lai nào đó hẳn đã giao phối với nó và cái gã chủ cơ sở đã đá nó, quật sự sống ra khỏi cơ thể nó. Đây không phải là một cuộc sinh nở bình thường, ông nói, và có lẽ nó đã mắc phải thói quen ăn thịt con mình. Tôi nên lấy lại nó. Tất cả chúng ta đều cảm thấy bức mình. Thật là điều kinh khủng khi làm như thế đối với một con vật”.

- Để tôi xem đã, - anh nói hờ hững, nhắc con chó lên và sờ vào những núm vú của nó. - Nó đã tha những con chó trước đó lên. Nó bắt đầu ăn chúng bởi vì chúng đã chết. - Anh nói với sự dừng dưng, dù anh quá là giận dữ và thương xót.

Đã có những con chó lai được sinh ra trong ngôi nhà của anh.

Thậm chí trong khi đi du lịch, anh cũng có thể không chịu chung phòng với một người đàn ông, anh không thích có đàn ông qua đêm trong nhà mình, và anh đã không mướn đầy tớ trai, và cho dù trong thực tế chẳng có gì đáng phàn nàn về lối cư xử của đàn ông đối với anh, anh cũng chỉ nuôi những con chó cái. Trừ phi đó là một con chó đực thực sự siêu đẳng, dù nó có thể không đạt tiêu chuẩn như một con chó giống. Một con chó như vậy rất đắt và phải được quảng cáo như một minh tinh màn bạc, còn những dao động trong nghề thì quả là dữ dội. Nếu ai đó bị vướng vào cuộc cạnh tranh thương mại quyết liệt ấy thì thật chẳng khác gì trò cờ bạc. Anh đã từng đến một nơi nuôi chó để xem một con chó săn Nhật Bản nổi tiếng trong vai trò một con chó giống. Nó nằm cả ngày trên tấm mền bông ở tầng trên, và rõ

ràng là ra về ta đây khi được mang xuống cho một con chó cái. Nó giống như một ả điếm thạo nghề.

Bởi vì lông nó ngắn, bộ phận giống đực phát triển đến tuyệt vời rất dễ nhận thấy. Thậm chí anh đã quay đi vì khó chịu.

Nhưng không phải vì ghê tởm những vấn đề như vậy mà anh không nuôi các con vật đực. Niềm vui lớn nhất của anh là cứu vớt và chăm sóc những con chó nhỏ.

Nó là một con chó săn Boston không bình thường. Nó có thể đào lối thoát ra dưới hàng rào hoặc gặm một lối qua hàng rào tre. Lúc nó động đực anh phải buộc nó lại, nhưng nó đã cắn đứt dây thừng và chạy mất, những con chó con sẽ là chó lai. Cô người hầu đánh thức anh dậy với phong cách của một bác sĩ chuyên nghiệp.

- Mang keo và vái lại đây. Và cắt đứt sợi dây rơm.

Đó là cái dây buộc quanh thùng rượu sake.

Trong vườn có một chỗ mới thoải mái để nó được đưa đến tắm nắng vào đầu mùa đông. Con chó nằm dưới ánh mặt trời, một cái bóng như quả cà bắt đầu nhô lên khỏi bụng nó. Khẽ ngoe nguẩy đuôi nó len lén nhìn anh, bỗng nhiên anh cảm thấy một điều gì đó như sự day dứt của lương tâm.

Đó là lần động đực đầu tiên của nó, và nó cũng chưa trưởng thành hoàn toàn. Thăm sâu trong mắt nó vẫn không có ý thức về ý nghĩa của việc sinh nở.

- Chuyện gì sắp xảy ra với tôi vậy? Tôi không biết điều ấy là gì nhưng tôi không thích nó. Tôi phải làm sao đây?

Con chó dường như then thùng và bối rối, nhưng ngay trong lúc ấy, vẻ ngây thơ và niềm mong muốn đồ vấy mọi thứ cho anh, cứ như thể nó không phải chịu một tí trách nhiệm nào trong việc nó làm cả.

Anh nhớ đến Chikako mười năm về trước. Lần đầu tiên bán mình cho anh, vẻ mặt cô nhìn anh y hệt vẻ mặt của con chó này.

“Có thực là anh đã mất hết cảm xúc khi mua bán thế này không?”

“À, có chuyện đó, nhưng nếu em tìm được một người đàn ông mà em thích - thì em sẽ không thể gọi chính xác điều ấy là công việc khi em có hai, ba người đàn ông đều đặn”.

“Em thích anh”.

“Và cho dầu thế thì không tốt sao?”

“Không, không phải thế.”

“Khi em kết hôn, anh ta sẽ biết chứ?”

“Biết”.

“Em nên làm việc đó thế nào đây?”

“VẬY em đã làm việc ấy ra sao?”

“Thế anh làm thế nào với vợ anh?”

“Làm thế nào ư, anh ngạc nhiên đấy”.

“Hãy nói cho em biết đi”.

“Anh không có vợ”. Anh nhìn chăm chú vào gương mặt nghiêm trang của cô.

“Nó đã làm mình phiền muộn bởi vì nó giống cô ấy”, anh tự nói với mình khi đem con chó đến thùng rác.

Con chó đầu tiên, hãy còn bọc trong màng, được sinh ra rất nhanh. Con mẹ không hiểu điều gì đang xảy ra với nó. Anh cắt màng thai và dây rốn nó bằng kéo. Cái bọc thứ hai là một con to hơn, và cả hai con chó đều có màu lục xám sáng, gần như đã chết. Anh vội vàng gói chúng vào trong một tờ báo. Con thứ ba tiếp tục được sinh ra, tất cả đều nằm trong bọc. Con thứ bảy và con cuối cùng cũng chào đời trong những cái bọc, nhưng như thế đã quắt queo lại và yếu ớt. Anh nhìn nó, không mở bọc, anh gói luôn vào tờ báo.

“Quảng chúng đi đâu đó. Ở phương Tây người ta vẫn loại bỏ chó con, giết những con yếu. Bằng cách này người ta có được những con chó tốt hơn. Người Nhật chúng ta đa cảm, không khá lên được vì chuyện này. Mang cho nó quả trứng sống hoặc cái gì đó”.

Anh rửa tay rồi đi ngủ. Một niềm hạnh phúc tươi tắn của việc khai sinh cuộc sống mới bao trùm lấy anh, và anh muốn ra ngoài đi dạo. Anh quên mất rằng anh đã giết chết một con chó con.

Sáng nọ, ngay khi chúng vừa mở mắt, anh thấy một con lăn ra chết. Anh đặt nó vào trong áo kimono của mình. Anh ném nó đi khi ra ngoài đi dạo vào buổi sáng. Hai, ba ngày sau đó, một con khác lại chết: con mẹ gom rơm làm ổ cho mình và lũ chó con bị đè bên dưới. Chúng chưa đủ khỏe để thoát ra. Con mẹ lại không buồn kéo chúng lên. Quả thực là nó nằm lên ổ rơm còn ở bên dưới lũ con đã bị chôn sống. Chúng hẳn đã chết vì đêm lạnh và ngạt thở. Con chó như một bà mẹ đàn độn, kẻ làm con chết ngạt trong lồng ngực của mình.

“Lại một con nữa chết”. Thản nhiên thả nó vào trong áo khuông của mình và huýt sáo gọi đàn chó, anh đưa chúng đi dạo trong công viên gần đó. Con chó săn chạy vụt đi vui sướng, hoàn toàn dừng dưng với thực tế là nó vừa mới giết chết con chó con, khiến anh lại nghĩ đến Chikako.

Mười tám tuổi, Chikako được đưa đến Harbin bởi một tay chơi tài tử trong những thương vụ kinh doanh đầy mạo hiểm mang tính thuộc địa, và trong khoảng ba năm cô đã học khiêu vũ ở White Russians. Kẻ phiêu lưu mạo hiểm ấy đã hoàn toàn thất bại. Còn Chikako thì làm việc cho một ban nhạc biểu diễn vòng quanh Manchuria, nhưng cũng chẳng mấy chốc họ đã phải lên đường quay trở về Nhật Bản. Không lâu sau khi định cư ở Tokyo, Chikako đã bỏ anh chàng và kết hôn với tay nhạc công đã từng biểu diễn với cô ở Manchuria. Cô đã xuất hiện trên sân khấu và có những buổi biểu diễn của riêng mình.

Ngày anh như bị buộc chặt với thế giới âm nhạc; nhưng những hiểu biết về âm nhạc của anh còn ít hơn số tiền anh bỏ ra cho một tạp chí âm nhạc

nào đó. Anh đi dự hòa nhạc chỉ nhằm mục đích bông đùa qua lại với người quen. Anh xem Chikako nhảy. Anh bị cuốn hút bởi cơ thể rực lửa man dại của cô. Điều đó khiến anh so sánh với Chikako của sáu, bảy năm về trước. Bí mật nào lại có thể khiến cô trở nên phóng đảng đến như vậy? Anh băn khoăn tự hỏi tại sao không cưới cô.

Nhưng cái quyền năng lạ lùng dường như đã sụp đổ vào khoảng buổi biểu diễn thứ tư. Anh xông vào phòng của cô, bất chấp thực tế là, vẫn trong bộ đồ vũ nữ, nhưng cô đã lau sạch lớp phấn trang điểm, anh túm tay cô và kéo cô vào góc tối phía sau sân khấu.

- Bỏ ra đi. - Cô hất tay anh ra khỏi ngực mình. - Nó bị đau ngay cả khi anh sờ vào đấy.

- Thật là ngớ ngẩn.

- Nhưng em luôn thích trẻ con. Em muốn có một đứa con của riêng mình.

- Thế em có định nuôi nấng nó không? Em nghĩ là em có thể sống bằng nghề vũ nữ khi mà em phải đảm nhiệm những chức năng phụ nữ à? Với một đứa trẻ thì em có thể làm được gì bây giờ? Em nên cẩn thận hơn.

- Không có gì mà em không thể làm được cả.

- Đừng có ngớ ngẩn nữa. Em cho là mọi việc đều đơn giản với một nghệ sĩ sao? Chồng em sẽ nói gì?

- Anh ấy rất hài lòng. Anh ấy rất tự hào về điều đó.

Anh khịt khịt mũi.

- Thật là tất nếu em có thể có một đứa con, sau những gì em đã quen làm.

- Tốt hơn là em nên bỏ khiêu vũ.

- Em sẽ không.

Không sẵn sàng nghe cô nói bằng cái giọng quá khích , anh rơi vào yên lặng.

Cô không có đứa con thứ hai. Và ngay sau khi cô sinh đứa con thứ nhất, anh không gặp cô nữa. Có lẽ vì nguyên nhân đó mà cuộc hôn nhân của cô bắt đầu rạn nứt. Anh có nghe đồn về chuyện đó.

Chắc Chikako không bắt cần như loài chó săn Boston.

Anh có thể cứu sống lũ chó con, nếu anh muốn. Anh hoàn toàn biết rõ rằng anh có thể ngăn không cho những cái chết xảy ra sau đó nếu sau cái chết của con đầu tiên anh cắt rơm ngăn hơn, hay là phủ một tấm vải lên đó. Nhưng con chó cuối cùng cũng chết như cách của ba con trước. Anh không thật lòng muốn lũ chó con chết, anh cũng không thật lòng muốn giữ chúng sống. Và anh cũng chẳng quan tâm tới một thực tế rằng chúng là lũ chó lai.

Đôi khi một con chó lân la đến gần anh trên phố. Anh sẽ nói chuyện với nó trên suốt cả chặng đường về nhà, anh sẽ cho nó ăn và cho nó ngủ. Việc ấy làm anh hài lòng vì một con chó cảm thắm áp khi ở với anh. Nhưng sau khi anh bắt đầu nuôi lũ chó của riêng mình thì anh chẳng còn quan tâm tí nào tới loài chó lai.

Cũng nên làm thế với con người, anh tự nhủ, coi thường mọi gia đình trên thế giới này trong khi đang cười nhạo sự cô đơn của chính anh.

Đó cũng là chuyện với con chim chiến chiến. Cảm giác thương xót đã khiến anh nghĩ tới việc mang nó vào, nhanh chóng biến mất. Tự nhủ rằng chẳng có ý nghĩa gì khi cứu một mẫu rác rưởi, anh đã để cho bọn trẻ tra tấn con chim đến chết.

Nhưng trong lúc anh mãi nhìn con chim chiến chiến thì cặp chim tước đã ở quá lâu trong bồn tắm.

Trong nỗi kinh hoàng, anh nhấc cái lồng tắm ra khỏi nước. Cặp chim nằm trong sàn lồng như đám giẻ ướt. Khi anh nhấc chúng lên, chân chúng co rúm lại.

Tốt. Chúng vẫn còn sống.

Mỗi tay anh nắm lấy một cơ thể nhỏ bé, lạnh đến thấu xương, hai mắt nhắm nghiền, trông chúng như thể đã hoàn toàn “mất hết hy vọng sống”. Anh sưởi ấm chúng bên trên lò than, bỏ thêm than vào còn cô người hầu thì quạt lò. Hơi nước bốc lên từ đám lông.

Mấy con chim đột nhiên co giật. Anh nghĩ là hơi nóng xốc thẳng vào khiến chúng có thêm sức mạnh để chiến đấu với tử thần nhưng bản thân anh thì không chịu được cái nóng. Anh trải một tấm khăn lên đáy lồng, đặt chúng vào đó rồi giữ cái lồng trên than hồng. Tấm khăn bị đốt ngả màu nâu. Mặc dù một trong hai con chim thỉnh thoảng đập cánh và lăn tròn như thể bị bật bằng một cái lò xo thì chúng cũng không thể đứng lên được và mắt chúng vẫn nhắm nghiền. Lông chúng đã khô hằn; nhưng khi anh lấy chiếc lồng ra khỏi lửa thì trông chúng cũng không có vẻ gì là sẽ trở về với sự sống. Cô hầu gái đến hiệu bán chim chiến chiến và được bảo rằng những con chim ốm cần được uống trà chát và ủ trong vải. Quấn chúng trong một tấm vải bông thấm nước, anh giữ chúng đứng trong tay và ấn mỏ chúng vào trà. Chúng uống. Khi anh cho ăn, chúng vươn cổ ra mổ thức ăn.

“Chúng đang hồi phục”.

Thật là một niềm hạnh phúc trong treo. Anh thấy rằng mình đã mất tới bốn tiếng đồng hồ để cứu lũ chim.

Nhưng chúng đều bị ngã mỗi lần cố đậu lên cái sào ngang trong lồng. Dường như những ngón chân của chúng không duỗi ra được.

Quắp chặt khít, chúng thật khổ sở và cứng đờ ra, như thể chúng sắp gãy giống những cành cây khô nhỏ xíu.

- Thưa ông, ông có nghĩ rằng ông đã đốt cháy chúng không? - cô hầu gái nói.

Chân chúng khô và hơi nâu. Quả thực là anh đã thiêu cháy chúng - nhưng sự thực chỉ khiến anh thêm khó chịu.

- Làm thế nào mà tôi có thể thiêu cháy chúng khi mà tôi giữ chúng trong tay và quấn trong khăn tắm? Đi hỏi ông chủ hiệu xem làm thế nào nếu chúng không khá hơn vào ngày mai.

Anh khóa cửa phòng làm việc của mình và sưởi ấm chân chúng trong miệng anh. Cái cảm giác chạm vào lưỡi hình như làm anh chảy nước mắt. Chẳng mấy chốc mồ hôi ở tay anh đã làm ấm lông chúng. Đắm trong hơi ấm của anh, chân chúng đã mềm mại hơn.

Anh cẩn thận duỗi thẳng một ngón chân của chúng ra, trông cứ như là nó sắp gãy và uốn cong quanh ngón tay út của anh. Sau đó anh lại đặt cả bàn chân vào miệng. Anh tháo dây sào để chim đậu ra và cho thức ăn vào một cái đĩa nhỏ đặt trong sàn lồng; nhưng lũ chim dường như vẫn khó có thể đứng lên và ăn được.

- Người bán chim nói rằng có thể ông đã đốt cháy chúng, - cô hầu gái từ cửa hàng trở về, nói. - ông ta nói rằng ông nên làm ấm chân chúng bằng cách nhúng vào nước trà. Nhưng ông bảo lũ chim thường hay mổ vào chân cho tới khi chúng được chữa lành.

Thật đúng vậy. Những con chim đang mổ và kéo chân của chúng bằng sức mạnh của loài gõ kiến; như thế muốn nói: “Có gì không ổn chân? Dậy đi, chân ơi”. Và chúng cố hết sức để đứng lên. Anh muốn khích lệ chúng, đó là sự thông minh trong cuộc sống của những loài vật nhỏ bé. Chúng dường như đã tìm thấy sự kỳ lạ ghê gớm xảy ra đối với một bộ phận trên cơ thể chúng.

Anh nhúng chân chúng vào trà nhưng dường như miệng anh còn có tác dụng hơn.

Những con chim hãy còn hoang dại, và khi anh giữ một con trong tay, lông ngực nó phập phồng dữ dội; nhưng trong vòng một, hai ngày sau tai nạn, chúng đã hoàn toàn quen với anh, và quả thực là, mỗi khi anh giữ chúng cho ăn, chúng kêu chiêm chiếp đầy hạnh phúc. Sự thay đổi đó làm anh yêu mến chúng hơn.

Nhưng sự chăm sóc của anh dường như đạt được rất ít hiệu quả và anh bắt đầu xao nhãng chúng; rồi vào sáng nó thứ sáu, chân chúng đã quắp chặt lấy phân, hai con chim tước nằm chết bên nhau.

Có một điều gì đó đặc biệt mỏng manh và phù du về cái chết của một con chim nhỏ. Hầu hết những cái chết thường xuất hiện vào buổi sáng, hoàn toàn không mong đợi.

Con chim đầu tiên chết trong nhà anh là một con hồng tước. Ban đêm, một con chuột đã cắn rách đuôi của cặp hồng tước, cái lông tung tóe đầy máu. Con chim trống chết vào ngày hôm sau, nhưng con chim mái với đoạn đuôi đỏ như đuôi khi đầu chó vẫn tiếp tục sống. Những con đực khi đến kết bạn với nó đều lần lượt chết. Con cái ấy cuối cùng chỉ chết vì già.

“Lũ chim hồng tước dường như không thoải mái khi ở đây. Tôi không muốn giữ chúng tí nào nữa”.

Anh không bao giờ thích hơn sở thích của một nữ sinh về những con chim giống như chim hồng tước. Anh ưa cái tính khắc khổ của những con chim ăn bột nhồi theo kiểu Nhật hơn là những con chim ăn thức ăn phương Tây. Trong số chim hót, anh không thích loài bạch yến, chim chích bông, chiền chiện và những con thuộc loại đó, những con chim với giọng hót chói và phô trương. Dù sao đi nữa thì anh vẫn giữ cặp chim hồng tước, nhưng chỉ bởi vì tay buôn chim mang chúng đến cho anh. Khi một con bị chết, anh sẽ có một con khác để thay thế.

Với chó cũng vậy, anh không thích giữ con chó giống mà anh đã từng nuôi, đó là một con chó Coli, con nó đã chết. Người đàn ông bị cuốn hút bởi một phụ nữ giống mẹ anh ta, yêu một người giống như người yêu đầu tiên của anh ta và muốn cưới một người giống như người vợ đã chết của mình. Phải chăng điều đó không giống với loài chim và thú? Anh sống với chúng bởi vì anh muốn gặm nhấm trong cô đơn một kiểu độc lập kiêu ngạo; và anh không nuôi chim hồng tước nữa.

Con chim kế tiếp bị chết là một con chìa vôi vàng. Màu vàng xanh trải dài từ bụng đến đuôi, màu vàng ở bụng và ngực, và thêm vào đó những đường kẻ rõ ràng mềm mại gợi anh nhớ đến những khóm tre thanh nhã. Khi đã được thuần hóa hoàn toàn, nó sẽ vui vẻ khi được cho ăn từ tay anh, thậm chí cả khi nó không đói, suốt thời gian đó nó quạt cánh một cách vui sướng và hát theo kiểu dễ thương nhất, và bởi vì nó sẽ mổ một cách tinh nghịch vào những nốt ruồi trên mặt anh, nên anh để cho nó ra khỏi lồng. Kết quả là nó chết vì nuốt miếng bột quá to hay một cái gì đó đại loại như vậy. Anh nghĩ anh sẽ thích một con khác nhưng lại từ bỏ ý nghĩ đó và cho một con chim cổ đỏ Ryukyu, con chim mới của anh, vào cái buồng trống đó.

Anh thương tiếc cặp chim trước màu vàng mãi, có lẽ vì tính lơ đãng mà anh phải chịu trách nhiệm cả về sự phản tác dụng của việc tắm và làm tổn thương chân chúng. Ngay lập tức tay lái buôn mang tới cho anh một cặp chim khác. Mặc dù chúng nhỏ nhưng lần này anh không rời bồn tắm một phút; song sự việc như lần trước lại xảy ra.

Mắt nhắm nghiền, chúng run bần bật khi anh nhấc cái lồng tắm ra khỏi nước; nhưng bằng cách nào đó chúng đứng lên được, chúng khá hơn nhiều so với hoàn cảnh của hai con chim trước. Anh sẽ cẩn thận để không làm cháy chân chúng.

- Tôi lại làm thế rồi. Đốt than lên đi. - Anh nói nhẹ nhàng, hơi bối rối.

- Cách ấy sẽ làm chúng chết, đúng không ông?

Lời nói đó như thế đã làm anh giật mình tỉnh giấc.

- Nhưng cô nhớ cách làm lần trước đây: Tôi có thể cứu chúng mà không gặp chút rắc rối nào cả.

- Ông có thể cứu chúng, nhưng cũng chẳng được bao lâu. Lần trước tôi nghĩ như thế, với đôi chân theo kiểu ấy. Thà để chúng chết đói còn tốt hơn.

- Nhưng tôi có thể cứu chúng nếu tôi muốn.

- Tốt hơn là nên để cho chúng chết.

- Hà?

Anh đột nhiên cảm thấy sức lực tiêu tan, như thể sắp ngất đến nơi. Anh đi lên gác, vào phòng làm việc của mình, để cái lồng ở cửa sổ chỗ có ánh sáng mặt trời, lơ đãng nhìn hai con chim tước chết.

Anh cầu mong rằng ánh mặt trời sẽ cứu được chúng. Anh buồn kỳ lạ. Nó giống như sự bất hạnh của chính anh đang trần trụi trước mắt anh. Anh không thể cứu chúng như anh đã làm với những con chim kia.

Cuối cùng, khi chúng chết, anh lấy những cái xác ươn sũng ra khỏi lồng. Anh giữ chúng trong tay một lúc, rồi đặt chúng trở lại lồng và đẩy vào trong lồng.

Anh đi xuống tầng dưới.

- Chúng đã chết, - anh nói hờ hững với cô hầu gái.

Nhỏ bé và yếu ớt, đôi chim tước màu vàng nhanh chóng chết.

Nhưng những con chim nhỏ khác, như chim sẻ ngô, chim hồng tước trong nhà anh đều sống khỏe mạnh. Vậy là anh đã giết hai cặp chim trong bồn tắm - anh nghĩ đó là định mệnh, như con hồng tước chẳng hạn, đã sống khó khăn trong ngôi nhà nơi một con hồng tước đã chết.

“Đó là chuyện giữa tôi và loài chim tước”, anh cười. Nằm dài trong phòng ăn, anh để cho lũ chó con giật tóc mình. Lát sau, chọn một con cú có sừng giữa mười sáu, mười bảy chiếc lồng, anh xách nó lên phòng làm việc của mình.

Khi nhìn thấy anh, con cú mở to mắt giận dữ. Lắc qua lắc lại cái đầu lông lá, nó lập bập mỏ và rít gió. Nó sẽ không ăn gì khi anh đang nhìn nó. Khi anh giơ một mẩu thịt ra, nó sẽ mổ đầy tức giận, rồi ngậm lúc lắc ở mỏ. Anh tiêu phí cả đêm với nó trong một trận chiến của ý chí. Nó hẳn không thèm nhìn vào thức ăn khi anh còn ở đó. Nó sẽ đứng bất động. Nhưng nó bị đói khi bình minh đến trên bầu trời. Anh hẳn sẽ nghe nó di chuyển nhẹ nhàng dọc theo cây sào ngang về hướng thức ăn. Anh nhìn quanh, và cái

đầu nó sẽ chộp lấy, mỏ sừng đen, cặp mắt hẹp, vẻ ngoài như thế khiến người ta tự hỏi không biết có thể có một kẻ xấu xa và láu cá đến thế trong thế giới này không; và, rít gió một cách nham hiểm, nó giả bộ như không có chuyện gì xảy ra. Anh sẽ quay đi. Anh lại nghe thấy tiếng chân nó. Mắt họ sẽ gặp nhau và con cú sẽ lại ngoảnh đi. Chẳng mấy chốc tiếng chim bách thanh vang lên rộn rã hạnh phúc của buổi sáng. Không chút bực bội con cú, anh có được nguồn an ủi lớn nhất từ nó.

“Tôi đang cố tìm một cô hầu gái như thế”.

“Rất khiêm tốn với anh”.

Cau mày, anh quay đi.

“Kiki kiki”, anh gọi con chim bách thanh bên cạnh.

“Kikikikikikikiki”, con chim bách thanh đáp lại, giọng nó lanh lảnh như thể xóa bỏ mọi thứ. Dù vậy, giống như con cú, với những thói quen xấu, nó lại thích ăn từ tay anh, và nó ăn từ tay anh giống như một cô gái nhỏ được nuông chiều. Nó sẽ hót vọng ra khi anh ho hoặc khi nó nghe thấy tiếng bước chân anh về nhà. Khi anh để cho nó ra khỏi lồng, nó sẽ bay đến đậu trên vai, trên đầu gối và đập đập cánh đầy hạnh phúc.

Anh giữ nó ở ngay đầu giường như một vật thay thế cho chiếc đồng hồ báo thức. Buổi sáng nó sẽ hót mua vui khi anh trở mình, di chuyển cánh tay hay sắp xếp lại gối. Thậm chí nó cũng sẽ lên tiếng khi anh không nói. Và khi nó ồn ã đánh thức anh dậy, giọng của nó sáng chói như một tia chớp xuyên qua buổi sáng của cuộc đời. Khi lũ chim khác đáp lại vài lần gọi, anh đã hoàn toàn tỉnh táo, nó sẽ lặng lẽ hót bắt chước tất cả các con chim khác.

Con chim bách thanh là con chim đầu tiên khiến anh cảm thấy hạnh phúc trong một ngày mới, và thường thường những tiếng hót khác cũng hòa chung vào đó. Yên lặng trong chiếc áo ngủ, anh sẽ đặt thức ăn lên ngón tay và con bách thanh đói bụng sẽ mổ diên cuồng.

Anh thấy sự diên cuồng đó như dấu hiệu của lòng thương yêu.

Anh ít khi ngủ xa nhà. Nếu anh đi một đêm như vậy anh sẽ mơ về lũ chim và thú của mình, rồi tỉnh giấc. Bởi vì những thói quen của anh khá ổn định, nên khi đi ra ngoài mua sắm một mình hoặc đi thăm một người bạn, anh sẽ trở nên buồn chán và quay về. Nếu anh không có một người phụ nữ khác để bầu bạn thì anh sẽ đưa cô hầu đi cùng.

Giờ đây, trên đường đi xem Chikako nhảy, anh khó mà quay lại. Anh đã chuốc lấy rắc rối vì mang theo cô gái và một bó hoa.

Buổi biểu diễn tối hôm đó được đỡ đầu bởi một tờ báo. Đây là cuộc thi giữa mười bốn, mười lăm vũ nữ.

Anh đã không xem cô nhảy từ hai năm nay. Cô nhảy khêu gợi đến mức anh phải quay mặt đi. Tất cả sự cău kinh bảm dai dẳng ấy là tại sự khêu gợi thô tục. Hình hài vỡ tan trong thân thể tiêu tụy của cô.

Anh tiếp nhận như lời bào chữa của mình, mặc dù theo quan điểm của người lái xe, thì gặp đám ma là vận rủi và cũng là vận rủi khi có những con chim chết trong nhà, rồi lại còn gửi hoa cho cô gái ở hậu trường. Chikako gửi lại một bức thư nhắn rằng cô muốn nói chuyện với anh. Vì đã xem cô nhảy nên anh không hề thích cái viễn cảnh có một cuộc trò chuyện dài với cô. Anh tranh thủ lúc tạm nghỉ để đi vào hậu trường. Anh dừng lại bất thành linh, và lén vào sau cánh cửa.

Chikako đang được một tay thanh niên hóa trang.

Trên gương mặt yên lặng, trắng bệch, hoàn toàn tập trung vào người đàn ông, đôi mắt nhắm nghiền, cái cằm bạnh khê nâng lên, môi, lông mày và lông mi vẫn chưa được vẽ. Trông như gương mặt của con búp bê không sinh khí, gương mặt chết.

Gần mười năm trước anh đã nghĩ đến chuyện tự tử với Chikako.

Họ chẳng có lý do gì đặc biệt. Anh mắc phải thói quen nói là anh muốn chết. Ý nghĩ đó như một thứ bọt váng trong cuộc đời ẩn sĩ khi anh sống với những con vật của anh; và anh quyết định rằng Chikako, kẻ bỏ quên chính

bản thân mình cho những người khác cứ như thể yêu cầu một ai đó hãy mang hy vọng của cô đi, kẻ chắc chắn không thiết sống chút nào sẽ là người bạn đồng hành tốt. Những biểu hiện trên mặt Chikako là những biểu hiện bình thường, cứ như thể cô không biết ý nghĩa của việc mình sắp làm, và cứ gật đầu một cách ngớ ngẩn. Cô nhận lời kèm thêm một điều kiện.

- Người ta nói anh không muốn sống nữa. Buộc chặt chân em lại.

Cột chân cô bằng một sợi dây mảnh, anh lại một lần nữa ngạc nhiên vì vẻ đẹp của chúng.

Anh nghĩ: “Người ta nói rằng tôi chết với một người đàn bà đẹp”.

Cô nằm quay lưng lại anh, mắt khép lại điềm tĩnh, đầu ngửa lên. Rồi cô chấp tay lại cầu nguyện. Anh bị sốc mạnh như bị sét đánh, như bị trò đùa của hư vô giáng phải.

- Chúng ta sẽ không chết.

Tất nhiên anh không có một lý do nhất định để giết và chết. Anh không biết Chikako có nghiêm chỉnh hay không. Gương mặt cô chẳng biểu lộ điều gì cả. Hôm ấy là một buổi chiều giữa hạ.

Bị đánh thức bởi sự ngạc nhiên, anh không nói mà cũng chẳng nghĩ đến chuyện tự tử nữa. Sự thấu hiểu vang lên từ sâu thẳm trái tim anh rằng, dù bất cứ chuyện gì xảy ra anh cũng phải giữ gìn người đàn bà này.

Gương mặt Chikako tập trung vào người thanh niên khiến anh nghĩ đến khuôn mặt cô khi cô nằm hai tay đan vào nhau. Những ý nghĩ đến với anh kể từ khi anh lên xe taxi là một gương mặt như vậy. Bất cứ khi nào nghĩ đến Chikako, thậm chí cả ban đêm, là cô đang chìm trong ánh sáng mờ giữa mùa hạ.

“Nhưng tại sao mình lại lên vào sau cửa nhỉ?”, anh lẩm bẩm một mình khi bắt đầu quay xuống đại sảnh. Một người đàn ông thân thiện chào anh. Anh ta có thể là ai được nhỉ? Anh ta dường như rất kích động, anh ta là bất cứ ai.

- Cô ấy giỏi đấy. Anh thấy cô ấy khá đến thế nào khi cô nổi bật lên bên cạnh những người khác.

Anh đã nhớ ra. Đó là tay nhạc công mà Chikako đã cưới.

- Và mọi việc thế nào?

- Tôi đang nghĩ là nên đến gặp và chào cô ấy. Dù rằng trong thực tế chúng tôi đã li dị từ năm ngoái. Nhưng cô nhảy cù quá.

Cô ấy giỏi thật.

Trong mơ hồ, anh thầm nhủ mình phải nghĩ đến điều gì đó ngọt ngào. Một ý nghĩ nào đó đã len vào đầu anh.

Anh với những trang viết về một cô gái đã chết ở tuổi mười lăm. Những tháng ngày dễ chịu nhất của anh là viết về những chàng trai và các cô gái. Hình như mẹ cô đã trang điểm khuôn mặt đã chết của cô. Sau đó, trong nhật ký, vào ngày chết của cô gái, bà viết:

“Trang điểm lần đầu tiên: giống một cô dâu”.

(1933)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch từ bản tiếng Anh

House of the Sleeping beauties and other stories Y.Kawabata,

translated by Edward Seidensticker,

Kodansha International, 1980.

Chú thích:

[1] Môn sinh Đạo Khổng, 1680 – 1747.

TRĂNG SOI ĐÁY NƯỚC

Một hôm, Kyoko bỗng nảy ra ý nghĩ: sao mình không dùng một chiếc gương tay nhỏ để giúp người chồng đau yếu đang nằm liệt giường trên gác nhìn ảnh phản chiếu của mảnh vườn rau bé bỏng trước nhà? Việc chắc hẳn sẽ mở ra trước mắt chồng cả một quãng đời mới lạ. Nhưng rồi bao chuyện khác nữa cũng đã xảy đến với chiếc gương tay bé nhỏ kia.

Chiếc gương ấy là gương nào? Hóa ra đó chính là cái gương tay nhỏ vẫn nằm trong ngăn kéo chiếc bàn trang điểm mà nàng mang theo khi về nhà chồng. Một món hồi môn của nàng. Cả chiếc bàn trang điểm ấy lẫn cái vành gương đều được làm bằng gỗ dâu. Hồi mới cưới nhau, Kyoko thường dùng chiếc gương con ấy mỗi lần nàng muốn ngắm cái lọn tóc sau gáy xem đã vấn gọn ghẽ chưa. Ống tay áo kimono vẫn hay trượt lên cao, để lộ cánh tay đến tận khuỷu, và Kyoko còn nhớ rõ nàng đã đỏ mặt ngượng nghịu ra sao mỗi lần nàng soi gương để sửa lại mái tóc trên đầu. Chiếc gương mà Kyoko trao cho chồng để anh được ngắm mảnh vườn nhà chính là chiếc gương tay nhỏ này...

Hồi trước, mỗi lần Kyoko soi gương trang điểm sau lúc tắm, chồng nàng thường bảo: “Em vụng quá, nào đưa gương đây - anh giữ giúp cho”. Anh giắt lấy chiếc gương trên tay, rồi rọi giúp từ nhiều hướng khác nhau, để nàng nhìn rõ hơn lọn tóc ở sau gáy phản chiếu vào chiếc gương to gắn trên bàn trang điểm kia; còn chính anh thì ngây người sung sướng đứng ở sau lưng nàng. Thực ra không phải Kyoko vụng về gì. Chẳng qua nàng chỉ hơi lóng ngóng, vì thấy chồng cứ đứng ở sau lưng và chăm chú nhìn mình.

Từ đó đến nay, thời gian tuy chưa xa cách là bao, cái khung bằng gỗ dâu chưa kịp long ra, nhưng chiến tranh, rồi tản cư, và căn bệnh hiểm nghèo của chồng đã dồn dập ập đến, nên khi Kyoko lần đầu tiên nghĩ đến việc giúp chồng ngắm mảnh vườn rau nhỏ, thì mặt gương đã mờ, còn chung quanh vành gương thì đã ố đen vì bụi bặm và loang lổ đầy bụi phấn mịn.

Chuyện đó chẳng làm nàng lo lắng mấy, thậm chí nàng cũng chẳng để ý đến nữa. Nhưng chồng nàng, kể từ ngày cầm được chiếc gương trong tay thì anh không lúc nào rời nó ra, mà cứ giữ khư khư bên gối, và chắc vì bất đắc dĩ phải lâm vào cảnh ở dưng hoặc vì cái thói dễ cáu bẳn vốn có của người đau ốm, nên anh đã lau sạch bụi bặm bám trên khung và đánh cho mặt gương bóng lộn lên. Nhưng ít lâu sau, Kyoko thường thấy chồng hay hà hơi lên gương và cẩn thận lau chùi. Nàng thường bắt gặp mình có ý nghĩ: nếu anh ấy hay hà hơi thế, thì những thớ gỗ trên đó chắc phải dính đầy những vi trùng lao phổi vô hình... Lần nào chải tóc cho chồng, Kyoko cũng bôi lên một ít dầu hải đường rất thơm. Nhưng khi Kyoko chưa kịp chải xong, anh đã miết tay lên tóc, rồi bôi ngay lên chiếc khung gỗ, nên chiếc khung mỗi ngày một bóng lên hơn như thể đánh véc-ni, trong khi đó thì gỗ chiếc bàn phấn trang điểm nằm bên xó cửa vẫn xỉn màu như cũ.

Khi Kyoko đi bước nữa, nàng cũng đã mang chiếc bàn trang điểm theo, như một món hồi môn. - Nhưng chiếc gương nhỏ cầm tay thì nàng đã cho hỏa thiêu cùng với thi thể của người chồng cũ. Nàng không kể lại chuyện ấy với người chồng sau này. Nên bây giờ trên bàn trang điểm nàng lại có một chiếc gương tay khác, lồng trong chiếc khung gỗ bóng, chạm trổ theo lối trang trí Kamakura [\(\[2\]\)](#).

Thi hài người chồng quá cố, lúc khâm liệm, được đặt vào áo quan với hai bàn tay buộc chặt vào nhau theo phong tục xưa nay, nắm bắt chéo ở trước ngực. Bởi thế không thể nghĩ đến chuyện trao chiếc gương con ấy vào tay chồng: thế là Kyoko đành đặt nhẹ nó lên ngực, cạnh tim chồng.

Lát sau, nàng chuyển nó xuống thấp hơn, miệng thì thầm khe khẽ:

- Ngực anh đã đau đón mãi, đặt chiếc gương lên chắc càng nặng thêm ra.

Lúc đầu, sở dĩ Kyoko đặt nó lên ngực, bên cạnh tim chồng, vì chiếc gương đã giữ vai trò quan trọng trong cuộc chung sống giữa hai người. Nàng không muốn họ hàng bên chồng nhận thấy chiếc gương, nên đặt một bó hoa cúc trắng đè lên trên. Ngọn lửa hỏa thiêu đã làm thủy tinh chảy ra,

đông cứng thành một khúc ống sần sùi, chỗ vàng, chỗ sạm đen, vì dính phải than tro trong lúc thiêu xác.

Một người bà con bên chồng ngạc nhiên cất tiếng hỏi:

- Gì mà trông như thủy tinh thể này! Gì thể nhỉ?

Thực ra, bên trên cái gương tay ấy, Kyoko còn để thêm một chiếc nữa - cái gương bé tí, gắn trên nắp chiếc xắc nhỏ xách tay. Đó là chiếc gương soi được cả hai mặt, hình tanzaku ([3]). Kyoko ước ao sẽ được dùng nó trong chuyến đi du lịch tân hôn, nhưng chiến tranh ập đến, và hai vợ chồng đành phải gác lại mọi dự định. Hồi người chồng trước còn sống, nàng chưa hề đem chiếc gương con ra dùng.

Đến khi tái giá, Kyoko mới được hưởng chuyến đi du lịch tân hôn. Cái xắc của nàng đã sờn cả đi, thậm chí lăm chỗ bắt đầu lên mốc; vì thế, nàng phải sắm một cái mới. Cái xắc, dĩ nhiên, cũng có gắn một chiếc gương con trang điểm ở bên trong.

Trong ngày đầu tiên của chuyến đi, người chồng mới vừa ôm Kyoko vào lòng, vừa thủ thỉ với nàng:

- Trông em vẫn hệt như một thiếu nữ. Rõ thật tội nghiệp thân em!

Giọng anh không pha vẻ châm chọc, thậm chí còn phảng phất một niềm sung sướng bất ngờ. Có lẽ trong thâm tâm, anh cảm thấy sung sướng thực tình, bởi lẽ Kyoko trông như thể chưa bao giờ lấy chồng. Nhưng câu nói ấy lại khiến nàng buồn vô hạn. Nàng khóc nức lên, co rúm người vào. Nhưng người chồng mới thì coi cử chỉ đó chỉ là vẻ e lệ trình nữ của nàng.

Nàng không hiểu mình bật khóc là vì tủi thân hay vì thương người chồng cũ ngày nào. Nàng không thể tách bạch hai thứ. Nhưng ngay lúc đó nàng bỗng cảm thấy thế là quá bất công với người chồng mới và phải tỏ ra âu yếm với anh hơn, nên nàng đã nói, vẻ bông đùa:

- Thật ư? Anh thấy thế thật sao? - Nhưng chưa dứt lời Kyoko đã hiểu ngay là mình ăn nói vụng quá, nên nàng ngượng chín mặt.

Anh chồng mới, trái lại, lại rạng rỡ vì vui thích.

- Chắc chỉ vì chưa có con, - anh nói tiếp, và câu nói đó lại khiến lòng Kyoko tan nát.

Hễ gặp phải một sức mạnh đàn ông, khác với sức mạnh của người chồng cũ, Kyoko bao giờ cũng thấy mình bị hạ nhục tuồng như họ chỉ coi nàng là một món đồ chơi để giải khuây trong chốc lát cho vui.

- Nhưng em đã bận bịu khác nào như nuôi con mọn, - Kyoko cãi lại rồi im bặt.

Ngay cả sau khi chôn cất chồng cũ, nàng vẫn coi người chồng ốm nặng như là một đứa bé mà nàng phải cưu mang trong bụng.

“Sao mình lại tránh gần gũi, vì lo cho sức khỏe anh ấy, nếu như mình thừa biết sớm muộn gì rồi anh ấy cũng sẽ qua đời?” - Kyoko nghĩ bụng.

- Mori ([4]) thì anh chỉ được nhìn thấy loáng thoáng qua cửa toa, - ôm chặt Kyoko trong lòng, người chồng mới nhắc đến quê nàng. - Đó chắc hẳn là một thành phố đáng yêu lắm và có rừng cây bao bọc chung quanh. Chẳng phải vô cớ mà người ta lại gọi nó bằng cái tên ấy. Em sống ở đó đến năm lên mấy?

- Đến năm tốt nghiệp trung học. Còn nghĩa vụ lao động thời chiến thì em hoàn thành tại nhà máy quân khí Sanzyo.

- Nghĩa là em sinh trưởng ở gần Sanzyo?Ồ, thảo nào em đẹp như tiên. Chẳng phải vô cớ mà thiên hạ vẫn thường bảo: muốn kén gái đẹp thì tìm đến Sanzyo, thuộc tỉnh Etigo.

- Xinh đẹp gì cái thứ em, - Kyoko đưa tay lên che ngực.

- Tay em đẹp, chân em đẹp. Thế thì những thứ khác của em làm thế nào xấu xí được?

- Không, chẳng phải vậy đâu! Kyoko cảm thấy cánh tay làm nàng vướng, nên nàng bỏ tay xuống.

- Dù em có con chẳng nữa, anh cũng nhất quyết lấy em, - anh thì thâm vào tai nàng, - và nhận đứa bé ấy làm con, yêu thương nó như con đẻ. Nếu được là con gái, thì cố nhiên tốt nhất.

Chắc vì anh ấy đã có một đứa con trai, Kyoko nghĩ bụng. Nhưng thậm chí dù đó là những lời yêu đương chẳng nữa nàng vẫn cảm thấy bây giờ chưa phải là lúc nên nói ra. Rất có thể anh đã tổ chức chuyến đi du lịch tâm hồn với những người hôm nay là để cố trì hoãn cuộc gặp giữa nàng và đứa con trai.

Người chồng mới hiện đang dùng một cái xắc du lịch hảo hạng bằng da thật. Cái xắc của Kyoko rõ ràng là thua kém đủ đường. Nó vừa to, lại vừa bền, tuy rằng chẳng còn mới mẻ gì. Chồng nàng thường phải đi đây đi đó luôn, nhưng rõ ràng là anh hết sức giữ gìn cái xắc kia, nên lớp da bọc ngoài mới lên nước, trông thích mắt đến thế, mà chỉ những đồ vật hảo hạng dùng lâu mới có thể có được.

Kyoko vụt nhớ tới cái xắc cũ của nàng - móc meo lỗ chỗ, mặc dù nàng chưa dùng đến bao giờ. Chỉ có chiếc gương con gắn trong ấy là nàng đã gỡ ra, trao cho chồng và gửi nó sang thế giới bên kia cùng với người chồng xấu số. Chiếc gương ấy chính là chiếc nàng đã đặt vào quan tài, bên trên chiếc gương tay... Cả hai đã cháy ra, quện chặt vào nhau trong ngọn lửa hỏa thiêu, không ai đoán được trong cái xù xì ấy có đến những hai chiếc gương nhỏ. Cũng chẳng ai nảy ra ý nghĩ: cái khối thủy tinh vón cục dị hợm ấy trước vốn là gương soi.

Về phần mình, Kyoko không hề hé răng với ai về chuyện này.

Nàng có cảm giác như thế nhiều thế giới khác nhau từng in bóng trong hai chiếc gương con ấy cũng đã bị ngọn lửa phủ phàng thiêu cháy mất đi. Nàng không thấy có gì khác nhau giữa sự mất mát ấy với việc thi thể chồng nàng đã biến thành một đúm tro. Hồi đầu khi muốn giúp chồng mình thấy mảnh vườn, nàng chỉ trao cho anh có chiếc gương nhỏ cầm tay, và chồng nàng không rời nó ra nữa; nhưng rồi ít lâu sau, chiếc gương tay ấy nếu cầm lâu đã trở nên quá nặng đối với đôi tay yếu ớt của người đang ốm dài ngày,

nên đã bao lần Kyoko cứ phải xoa bóp mãi hai cánh tay và đôi vai cho chồng. Bởi thế, nàng đã quyết định đưa thêm cho anh một chiếc gương nữa - bé hơn và nhẹ hơn.

Hồi còn sống, nhờ hai cái gương ấy, chồng nàng có thể nhìn thấy không chỉ mảnh vườn rau bé bỏng trước nhà. Trong gương, anh còn được ngắm cả bầu trời cùng những áng mây, cả cảnh tuyết rơi, và cả những rặng núi xa xa cùng dải rừng thưa gần đó. Được nhìn thấy cả vàng trắng, những đóa hoa hồng và những đàn chim di trú qua ngang trời. Trong gương còn phản chiếu cả khách bộ hành đi lại trên đường cùng bầy trẻ nô đùa trước sân.

Chính Kyoko cũng đâm ra sững sốt với cái thế giới bao la và trù phú mà chiếc gương con ấy đã mở ra. Gương soi - đó chẳng qua chỉ là thứ đồ vật giúp người ta chăm sóc nhan sắc; hơn nữa, đấy chẳng phải là gương lớn mà chỉ là một chiếc gương tay nhỏ, chuyên dùng để phản chiếu lên tấm gương cái gáy của mình . . . Nhưng với một người đang ốm thì chiếc gương kia lại mở ra trước mắt anh ta một cách mới mẻ cả thiên nhiên lẫn con người! Nhiều hôm, Kyoko ngồi xuống bên đầu giường, cùng chồng nhìn vào gương và ngắm nghĩ về những hình ảnh họ cùng trông thấy trong gương. Dần dần nàng không phân biệt được thế giới phản chiếu trong gương. Đối với nàng, cả hai đều trở thành những thế giới tồn tại độc lập, hơn nữa, cái thế giới mới, thế giới nhìn thấy trong gương, thậm chí nàng còn cảm thấy thực hơn là cái thế giới thực.

- Trong gương, bầu trời ánh lên sắc bạc - Nàng nói, rồi ngược nhìn qua cửa sổ và thêm: - Còn bầu trời ngoài cửa sổ thì xám ngoét như chì.

Bầu trời trong gương không gợi lên cảm giác nặng nề. Bầu trời ấy quá thực rất sáng sủa.

- Hay là vì anh thường chịu khó đánh bóng mặt gương?

Chồng nàng khẽ quay đầu lại để ngược nhìn bầu trời chắc gì đã như nhau trong mắt người và mắt muông thú, như chó hoặc chim sẻ, chẳng hạn? Cho nên, đã ai dám nói chắc màu sắc thật của bầu trời là màu gì?

- Thế sắc trời trong gương là màu sắc mà đôi mắt của gương nhìn thấy hay sao?... - Kyoko muốn nói: “Là màu sắc của hai người yêu nhau thăm thiết nhìn thấy hay sao”. Sắc cây in bóng trong gương cũng xanh tươi hơn, so với màu thực có.

- Đây là dấu ngón tay cái em đấy. Ngón cái của bàn tay mặt - Chồng nàng chỉ vào mép gương.

Tim Kyoko chẳng hiểu sao bỗng thất lại. Nàng hà hơi vào chỗ ấy và vội vã chùi đi cái dấu tay.

- Đừng chùi. Em không biết, chứ hôm đầu tiên em giúp anh nhìn thấy mảnh vườn, trên mép gương cũng có một dấu tay em.

- Thế mà em chẳng để ý.

- Em thì dĩ nhiên em không để ý rồi, nhưng bây giờ thậm chí anh còn biết đích xác dấu tay của ngón cái với ngón trỏ của em khác nhau ra sao.

Có lẽ chỉ những ai ốm liệt giường dài ngày mới có thể ghi nhớ từng dấu tay của vợ.

Chồng nàng gần như đã ốm suốt từ dạo họ mới cưới nhau. Thậm chí anh đã vắng mặt trong suốt cuộc chiến tranh.

Nhà họ bị bom thiêu trụi, nên hai vợ chồng đã phải thuê tạm một căn phòng của một đôi vợ chồng mà Kyoko quen. Hồi ấy, người chồng đang còn ở trong quân ngũ. Già một tháng sống dưới mái nhà của chính mình và hai tháng ngụ trong căn phòng thuê tạm - đó là toàn bộ khoảng thời gian mà chồng nàng còn khỏe mạnh bên nàng.

Khi chiến tranh sắp chấm dứt, anh mới bị gọi vào quân đội.

Nhưng anh chỉ phải đào hầm đào hố đâu vài hôm trong một phi trường, rồi ngã ốm ngay và trở về nhà. Đúng hôm đó thì chiến tranh cũng chấm dứt luôn. Anh không tự đi lại được, nên Kyoko phải đưa ngay anh về nếp làng mà cha mẹ nàng đã tản cư lên.

Nàng đã chuyển hầu hết đồ đạc, cả của mình lẫn của chồng, về trên ấy từ trước.

Chồng nàng thuê một ngôi nhà nhỏ nằm trên một vùng đồi núi để chữa bệnh. Ngoài hai vợ chồng trong nhà còn có một gia đình tản cư, nhưng chiến tranh vừa chấm dứt, thì họ đã đưa nhau về lại dưới Tokyo. Họ để lại cho Kyoko một vườn rau nhỏ - vuông mỗi bề chừng sáu mét, đã lên luống sẵn.

Sống ở đây giữa chốn thôn quê, hai vợ chồng có thể thừa sức mua đủ rau ăn của bà con dân quê quanh đây; nhưng thời buổi này mà bỏ hoang một mảnh vườn như thế thì phí phạm quá, nên Kyoko giờ đây ngày ngày vẫn cuốc xới dưới vườn và thích thú đứng ngắm những luống rau nàng trồng nảy nở tươi tốt, đơm hoa, kết trái.

Nàng mê mải với mảnh vườn chẳng phải vì muốn thỉnh thoảng được thoát khỏi cái giường mà người chồng ốm đang nằm mà chỉ vì khâu vá và đan lát dễ khiến nàng buồn. Hơn nữa, việc chăm sóc mảnh vườn còn gieo vào lòng nàng những niềm hi vọng trong trẻo khả năng chồng nàng sẽ bình phục. Đó cũng là một cách kín đáo để lộ tình yêu của nàng đối với người chồng phận hẩm. Ngoài ra, nàng đã phải quanh quẩn bên chồng quá nhiều thì giờ rồi - những lúc ngồi đọc sách cho anh nghe. Thêm một lẽ nữa; chắc hẳn vì quá mệt mỏi với việc chăm sóc người ốm, nên Kyoko bắt đầu có cảm giác là mọi thứ tuồng như đều đang ra đi mà chẳng bao giờ trở lại bởi vì, nàng hi vọng rằng việc chăm sóc mảnh vườn sẽ trả lại cho lòng nàng sự thư thái.

Họ đưa nhau về đây hồi giữa tháng chín. Khi những người dân thủ đô trốn lên đây tránh nắng rồi bỏ vùng này để về lại dưới đồng bằng thì những trận mưa dầm lạnh lẽo thường có vào buổi đầu thu bắt đầu dồn dập kéo về. Nhưng một hôm, trước lúc hoàng hôn, chim chóc bỗng vui vẻ hót vang và bầu trời cao không gợn một bóng mây, Kyoko bèn xuống thăm mảnh vườn rực sáng ánh nắng chiều và ngắm những luống rau mướt xanh như ngọc. Rồi nàng ngược mắt lên, nhìn theo những đám mây hồng đang thông thả

trôi xuôi trên những đỉnh núi xa xa. Mãi ngắm những bóng mây trôi, nàng không nghe thấy tiếng gọi gặt gồng của chồng từ trên lầu vọng xuống. Đến khi nghe thấy, nàng vội vàng chạy lên, thậm chí còn chưa kịp phủi sạch đất cát bám trên tay.

- Tôi gào đến khản cả tiếng. Thế mà cô không nghe thấy à?

- Anh thứ lỗi, em đang mãi nghĩ.

- Vất quách cái mảnh vườn ấy đi! Kẻo không có ngày tôi đến phải tắt thở vì gọi cô. Rồi mai một tôi không còn biết là cô đang ở đâu và đang làm gì nữa.

- Em chỉ quanh quẩn dưới vườn, chứ có đi đâu đâu. Nhưng nếu anh muốn, em sẽ không xuống dưới ấy nữa.

Chồng nàng đã bình tâm lại.

- Em có nghe tả tiếng chim sơn tước vừa hót không?

Anh gọi nàng chẳng qua chỉ là để hỏi chuyện đó. Giữa lúc vợ chồng đang trò chuyện thì trong cánh rừng thưa cạnh nhà, chú sơn tước nọ lại cất tiếng hót lanh lảnh. Dải rừng lúc này đang cắt hình rõ nét trên nền trời chiều trong vắt. Kyoko vẫn còn nhớ như in tiếng hót của chú chim sơn tước này.

- Ta sẽ sắm một cái chuông con, - để anh dễ gọi em hơn. Tạm thời em sẽ để bên đầu giường anh một món đồ gì đó. Khi nào cần đến em, anh cứ ném nó qua cửa sổ.

- Em định bảo anh vớt hết cốc chén từ trên gác này xuống chứ gì? Nói dễ nghe nhỉ?

Chồng nàng dầu sao cũng không cấm nàng chăm bón mảnh vườn nhà. Mãi đến lúc mùa đông khắc nghiệt và dài lê thê của vùng rẻo cao qua đi và mùa xuân bắt đầu sang, Kyoko mới nghĩ ra cách giúp chồng nhìn thấy mảnh vườn rau bằng chiếc gương tay nhỏ.

Chao ôi, nàng sung sướng biết bao khi chiếc gương con bình dị đã làm sống lại trước mắt người chồng đau yếu cả một thế giới cây cối tươi non mơn mớn trong dịp đầu xuân. Giờ đây, chồng nàng thậm chí còn nhìn thấy cả việc Kyoko lần bắt từng con sâu hại lá cho mỗi cọng rau. Nhưng dáng dấp của những con sâu ấy ra sao thì anh không nhìn rõ được, nên Kyoko thường phải mang lên tận trên gác để chỉ cho chồng xem. Về sau, anh còn được dịp ngắm vợ cuốc lật đất vườn.

Trong gương, anh thấy rõ cả lũ giun, lúc em cuốc lật đất lên. - Anh đã nói thế với Kyoko khi nàng lên gác. Thường thường, khi bóng nắng đã đổ dài trên mặt đất, thỉnh thoảng nàng bỗng cảm thấy có một luồng ánh sáng rực rỡ rọi thẳng vào mặt mình. Nàng ngước nhìn lên thì thấy anh đang nằm trên gác, đặt chéch mặt chiếc gương lên để phản chiếu vầng mặt trời ngả bóng, rồi rọi thẳng xuống chỗ nàng. Anh bắt nàng may một chiếc quần rộng ống bằng một mảnh vải thô còn giữ lại được từ những năm đang theo học ở đại học. Anh rất thích thú được ngắm nàng diện chiếc quần rộng ống màu xanh lơ điểm lấm tấm những nốt tròn trắng muốt ấy, để cuốc đất dưới vườn.

Kyoko biết anh đang ngắm nàng trong gương, nhưng vì mãi làm, nên lắm lúc nàng đã quên băng đi. “Mình đã thay đổi quá nhiều kể từ độ mới cưới nhau, hồi ấy, thậm chí mình còn ngượng ngập mỗi lần phô ra hai cánh tay để trần đến tận khuỷu”. - Kyoko hồi tưởng lại và tim nàng ấm áp hẳn lên.

Kể từ khi nước Nhật bắt đầu nếm mùi chiến bại, nàng không còn ngó ngang gì đến son phấn bao giờ. Tiếp đó, nàng đâm ngượng mỗi lần ngồi vào bàn trang điểm vì chồng đang ốm đau, nên mãi sau ngày đi bước nữa, nàng mới thực sự bắt đầu mó đến phấn sáp, lược gương. Nàng nhận thấy son phấn đã làm nhan sắc nàng hoàn toàn đổi khác. Nàng thực sự trở thành một giai nhân khi vừa trang điểm xong. Cho nên nàng bắt đầu tin rằng người chồng mới đã thực lòng thán phục nhan sắc nàng vào ngày đầu tiên, khi chỉ còn lại một mình hai vợ chồng.

Giờ đây, Kyoko không còn e thẹn khi mỗi lần ngồi ngắm gương mặt mình trong gương sau lúc tắm gội. Nàng thấy mình xinh đẹp. Nhưng người chồng xấu số đã dạy cho nàng một cách Cảm nhận về nhan sắc được phản chiếu trong gương, vốn khác hẳn với cách cảm nhận thường có của nhiều người, và nàng vẫn gìn giữ nó cho đến tận bây giờ. Giờ đây, chẳng phải nàng ngỡ vực gì vẻ đẹp mà mình nhìn thấy trong gương. Nhưng dẫu sao nàng vẫn tin chắc cái được phản chiếu trong gương kia là một thế giới hoàn toàn khác.

Tuy thế, khi nhìn mình, rồi sau đó ngắm kĩ bóng mình phản chiếu trong gương, dẫu sao nàng vẫn không nhận từ có một sự khác biệt nào, tương tự như sự khác biệt giữa bầu trời xám ngoét bên kia của sổ với bầu trời lấp lánh sắc bạc trong gương. Có lẽ, không thể cắt nghĩa điều đó đơn thuần bằng sự khác nhau về khoảng cách. Mà còn phải lưu ý đến một nhân tố rất hệ trọng nữa: niềm ham mê cháy bỏng và tâm trạng ngao ngán của chồng nàng vốn bị bệnh tật giữ chặt trên giường. Chắc hẳn anh đã cảm thấy nàng xinh đẹp biết dường nào khi ngắm nàng trong chiếc gương con, lúc nàng làm lụng dưới vườn? Giờ đây, Kyoko không còn cách nào để biết đích xác chuyện ấy nữa. Nhưng hồi chồng nàng còn sống, nàng vẫn chưa hiểu ra điều đó.

Cả hình ảnh của chính nàng mà người chồng đau ốm từng nhìn từ trong gương, cả sắc xanh của những đóa thủy tiên, cả màu trắng mát của những bông huệ nước, cả bầu trẻ thôn quê nô đùa bên rìa ruộng, cả vầng mặt trời buổi sáng nhô lên trên những rặng núi tuyết xa xa... Hết thấy những thứ , Kyoko không những cố làm sống lại trong kí ức, mà còn nhớ nhung tha thiết đến nó, một thế giới khác hẳn, mà xưa kia vốn là của riêng nàng và người chồng xấu số của nàng. Nàng cố nén cái tình cảm ấy trong lòng, một tình cảm mà bất cứ lúc nào cũng chực bùng lên thành một nỗi khát khao mãnh liệt, vì không muốn người chồng hiện nay lo lắng thêm. Cho nên, nàng thường buộc mình phải nghĩ đến tình cảm như một cái gì rất đổi xa xăm và chỉ chuyên dành cho một cho một thế giới khác, không phải là cái thế giới đang hiện hữu.

Vào một sáng tháng năm, Kyoko bỗng được nghe trên máy thu thanh những tiếng hát của chim chóc sống trong rừng. Đó là một buổi truyền thanh trực tiếp từ một vùng rẻo cao, kế bên ngôi làng trong đó người chồng trước của nàng già từ cuộc đời. Tiễn chồng đi làm xong, nàng liền lôi ngay trong ngăn kéo chiếc bàn trang điểm cái gương tay và bắt đầu ngắm bầu trời quang đãng trong gương. Rồi nàng ngắm cả gương mặt mình in hình trong ấy. Và thình lình nàng bỗng phát hiện ra một điều kì lạ - thì ra ai cũng chỉ có thể nhìn thấy mặt mũi của chính mình bằng cách ngắm nó trong gương; ngoài cách ấyra, không còn một cách nào nữa hết. Từ đó trở đi, ngày nào Kyoko cũng phải ngắm nghía và sờ nắn trong gương gương mặt của chính mình, để biết đích xác gương mặt in bóng trong gương kia cũng chính là gương mặt nàng nhìn từ ngày ngày, không cần đến một chiếc gương nào. Nhưng vì lẽ gì mà con người do trời sinh ra lại bị tước đoạt mất cái bản năng thiết cốt là tự nhìn thấy được gương mặt của chính mình?

“Nếu có được bản năng ấy, con người chắc sẽ hoàn toàn bối rối hoặc hoàn toàn mất trí chẳng?” - Nàng tự hỏi.

Không, chắc hẳn ngay từ buổi sơ khai, con người đã không được trời đất ban cho cái điểm phúc được nhìn thấy gương mặt chính mình. Thế nhưng cái điểm phúc ấy có lẽ chuồn chuồn và bọ vái ([5]) lại có được. Chẳng lẽ con người cần có gương mặt chỉ để cho người khác ngắm nghía hay sao? Rõ ràng là ở đây có một cái gì đó na ná như là những nguồn khêu gợi yêu đương...

Nàng gạt chiếc gương tay nhỏ ấy ra xa và bỗng bất thần nhận thấy rằng màu sắc của chiếc bàn trang điểm bằng gỗ dâu chẳng hòa hợp tí nào với những đường nét chạm trổ theo kiểu Kamakura của chiếc gương tay nhỏ. Chiếc gương ngày trước, chiếc đã bị thiêu cháy cùng với thi thể của chồng nàng, và cái bàn trang điểm này như thể hóa thành một quả phụ. Khi trao chiếc gương tay và chiếc gương con gắn trong cái xắc cho chồng, nàng đã mang đến chẳng những điều lành, mà cả điều dữ nữa. Vì ngày ngày anh cũng đã nhìn thấy trong hai chiếc gương ấy cả sắc mặt chính mình và nhận

ra hết triệu chứng này đến triệu chứng khác của căn bệnh đang tiến triển hiện rõ trên khuôn mặt, và những dấu hiệu của cái chết đang đến gần. Nếu có một kiểu mưu sát bằng tâm lí nhờ sử dụng gương soi, thì cái chết của anh ấy phải chăng là do chính nàng đã gây nên? Trước đó khá lâu nàng đã nghĩ đến cái điều dữ ẩn giấu trong chiếc gương và thậm chí nàng đã toan đem cất nó đi, nhưng chồng nàng cứ khẳng khẳng cự tuyệt.

- Em định tước đoạt của anh niềm vui được nhìn ngắm mọi thứ chung quanh, - chồng nàng bảo, - nhưng anh thì chừng nào còn sống, anh còn muốn được hưởng cái thú vui thưởng ngoạn hết thấy những gì mắt mình có quyền được nhìn thấy. Anh đã hi sinh đời mình để đem lại sự sống cho cái thế giới hiện hữu trong gương. Anh đã mê mải ngắm trong gương bóng vầng trăng in hình trong vũng nước mưa đọng lại dưới sân. Và kỉ niệm về vầng trăng soi bóng dưới đáy nước - phải chăng đó chỉ là hình bóng phản chiếu trong gương? - Kyoko vẫn còn giữ mãi trong lòng cho đến tận bây giờ.

Chỉ những ai khỏe mạnh mới có được một tình yêu lành mạnh, - người chồng sau của nàng thường bảo vậy, và lần nào nghe nói thế, Kyoko cũng ngượng ngịu gật đầu, nhưng ở đâu đó trong đáy lòng mình, nàng hoàn toàn không chấp nhận điều này. Lúc đầu, nàng tự trách mình: sao lại đại dốt đi chối bỏ những dịp gần gũi với người chồng đau yếu? Vì đâu có làm thế chẳng nữa cũng đâu cứu sống được anh? Nhưng những ý nghĩ dần dà đã biến thành những hoài niệm về một mối tình sâu muộn, nên về sau nàng mới nghĩ rằng: khi mà nó trở thành hoài niệm, thì lòng nàng vẫn dào dạt yêu đương như xưa, và nàng không còn tự quở trách mình.

Còn về người chồng mới?... Có phải vì quá nông nổi, nên anh khó lòng thấu hiểu tình cảm yêu đương của người phụ nữ chăng?!

- Tại sao một người đầy nhân đức như anh mà lại nỡ bỏ rơi người vợ cũ?
- Có lần Kyoko đã ước hỏi anh ta vậy. Anh ta nín thinh. Kyoko sợ dĩ lấy anh ta chẳng qua chỉ vì nàng đã nghe theo lời khuyên ân cần của anh trai người chồng cũ. Trước ngày cưới, nàng và người anh trai đã thường xuyên

gặp gỡ nhau trong suốt bốn tháng ròng. Chồng mới của nàng hơn nàng những mười lăm tuổi.

Khi Kyoko bắt đầu biết mình sắp có con, nàng đã hết sức hoảng sợ. “Em sợ lắm, em sợ lắm”, - nàng vừa nhắc đi nhắc lại câu , vừa ôm ghì lấy cổ chồng. Khổ sở do những cơn buồn nôn của thời kì thai nghén hành hạ, đầu óc nàng như mù hắc đi.

Nàng thường chạy chân trần ra sân, vợ lấy một nắm lá thông, rồi cho vào miệng nhai ngấu nghiến. Khi sắp xếp cho cậu con chồng đi học, nhiều hôm nàng đã cho vào cặp nó những hai hộp đồ ăn điểm tâm, mà chẳng hiểu sao trong cả hai hộp đều chỉ toàn cơm... Có lúc nàng bỗng nhìn chăm chăm vào cái ngăn kéo của chiếc bàn trang điểm, và nàng bất thần có cảm giác mặt bàn trở nên trong suốt, đến nỗi nàng có thể nhìn rõ được cả chiếc gương tay với cái khung chạm trổ theo lối Kamakura nằm bên trong. Có lần, đang nửa đêm nàng bỗng thức giấc, và ngồi dậy, nhìn chồng chốc hồi lâu vào khuôn mặt người chồng đang ngủ cạnh nàng. Kinh hoàng với cái kiếp phù sinh của con người, nàng cởi dải thắt lưng chiếc kimono mặc ngủ ra: có lẽ nàng định thít chặt cổ người chồng đang ngủ. Và bất thần nàng bỗng trào nước mắt. Người chồng tỉnh giấc, âu yếm dỗ dành nàng rồi buộc giúp lại dải thắt lưng. Kyoko run bắn người lên vì cảm thấy lạnh, tuy rằng đang là giữa hè và đêm, thậm chí trời vẫn còn oi bức như đang lúc giữa trưa.

- Phải nghĩ đến đứa con trong bụng chứ, Kyoko, người chồng vừa lay vai vàng, vừa dỗ dành âu yếm.

Thầy thuốc khuyên nên đưa ngay nàng vào bệnh viện. Kyoko từ chối, nhưng rồi cuối cùng người ta cũng đã thuyết phục được nàng.

- Được, em sẽ vào, nhưng trước lúc vào, hãy để cho em về thăm lại thầy mẹ em vài hôm, - nàng bảo chồng.

Người chồng đích thân đưa nàng đi.

Hôm sau, nàng đã một mình lên ngay cái nơi mà nàng và người chồng cũ đã từng chung sống trước đây. Đang là đầu tháng chín - hồi vợ chồng đưa

nhau lên đây, họ cũng bị trễ mất khoảng mười hôm. Lúc ngồi lên tàu, nàng lại bị những cơn buồn nôn tai ác và những cơn nhức đầu như búa bổ làm tình làm tội.

Thậm chí nàng lo sợ sẽ phải bỏ dở giữa chừng cuộc hành trình nàng từng ao ước này. Nhưng rốt cục nàng cũng đã đến nơi, và trước khi bước xuống sân ga, hít thở một hơi dài đầy lồng ngực làn không khí tươi mát ở đây, nàng vụt cảm thấy dễ chịu. Nàng bừng tỉnh lại - như thể cái bóng ma vẫn ám ảnh nàng lâu nay phút chốc đã tan biến hoàn toàn. Kyoko dừng lại và ngược nhìn những ngọn núi chung quanh, lòng dào dạt một cảm xúc khác lạ.

Những rặng núi xanh thẫm cắt hình rõ rệt trên nền trời. Kyoko cảm thấy như được sống lại giữa một thế giới sinh động. Lau khô những giọt nước mắt nóng bỏng ràn rụa trên đôi mắt mình, nàng thông thả tiến về phía ngôi nhà hai vợ chồng từng chung sống bên nhau. Từ dải rừng thưa đã thẫm bóng trong bầu trời đỏ rực buổi chiều hôm, tiếng chim sơn tước riu rít lại vọng đến tai nàng y như ngày chồng nàng còn sống.

Ngôi nhà đã có người khác ở: trong khung cửa sổ trên gác đang bay phơ phất một tấm rèm bằng đăng ten trắng. Không dám đến gần, Kyoko chỉ ngược nhìn lên và bất thần buột ra một câu nói khẽ, mà hẳn chồng nàng cũng phải ngạc nhiên:

Ta sẽ làm gì hả anh, nếu đứa bé em đang mang trong bụng giống anh?

Và lòng thanh thản, Kyoko quay gót trở lại nhà ga.

NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG dịch

(Lấy từ Tập truyện nước ngoài chọn lọc,

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân 1998)

Chú thích

[2] Một kiểu chạm trổ kết hợp với lối đánh bóng bằng sơn then.

[3] Hình một loại giấy dài, khổ hẹp, dùng để chép những bài thơ kiểu tanka.

[4] Tiếng Nhật Bản có nghĩa là "rừng thưa"

[5] Bọ vái: Một loài sâu bọ sống ở các vùng phía Nam, thường hay đứng ở tư thế gục đầu, hai chân trước khoanh lại như người đang quỳ lạy trong lúc cầu nguyện.

TIẾNG GIEO XÚC XẮC BAN KHUYA

1

Khi đoàn hát lưu động dừng chân tại một thành phố cảng, phòng trọ của Mizuta và của các cô vũ nữ ở kề nhau. Hai phòng chỉ cách nhau có một bức phen mỏng bằng tre.

Tiếng sóng vỗ ào ào vào con đê biển - chắc chắn thủy triều đang lên - xen lẫn với tiếng lê chân lạo xạo của đám thủy thủ trên con đường rải đá dăm để trở về tàu... Tất cả những âm thanh đó đều quen thuộc, nó khiến chàng nhớ về những đêm tương tự. Duy có một thứ tiếng động khác vẫn không cho Mizuta chợp mắt. Nó vọng đến từ căn phòng kế bên.

Đã hơn một tiếng đồng hồ, tai chàng cứ phải nghe mãi một thứ âm thanh đơn điệu, phát ra đều đều, cách quãng như thể ai đó cứ chốc chốc lại ném một vật gì cứng xuống chiếu. Vật đó thường là rơi đâu nằm yên đấy, nhưng có lúc cứ lăn tròn.

Gì thế nhỉ? - Mizuta nghĩ thầm. Rồi chàng bỗng hiểu ra: A quân xúc xắc: Không chừng các cô vũ nữ đang gieo chơi; mà cũng có thể là họ đang sát phạt ăn tiền.

Nhưng sao chẳng nghe thấy tiếng một cô nào? Từ phòng bên chỉ vọng sang tiếng thở đều đều của mấy người đang ngủ.

Chắc có một cô nào còn chưa chịu ngủ, - và chính ả là kẻ đã gieo mấy quân xúc xắc kia. Phòng bên vẫn từ để đèn.

Cánh đàn ông trọ cùng phòng với Mizuta đều đã ngủ lâu rồi.

Tiếng gieo xúc xắc lách cách, càng lúc càng khiến Mizuta khó chịu. Chàng đã cố nhin, thậm an ủi mình rằng ả nọ chắc là sắp sửa ngừng tay, thế nhưng mãi vẫn chẳng thấy ả chịu thôi cho!

Vọng đến tai chàng chẳng phải chỉ có tiếng lách cách suông, mà còn xen lẫn cả tiếng loạt xoạt của mấy quân xúc xắc lăn tròn trên chiếu: một thứ âm thanh tẻ ngắt, nghe đến nẫu cả ruột. Khó chịu đến cùng cực, Mizuta có cảm giác như đang bị mấy quân xúc xắc ấy gieo thẳng xuống trán mình.

Chàng cảm thấy không còn chịu đựng được nữa. Chàng hiểu rằng cứ thế này thì đừng hòng nói đến chuyện chớp mắt nổi đêm nay. Chàng nổi cáu thực tình, và định bụng sẽ mắng thủ phạm một mẻ nên thân.

Thế mà tiếng lách cách, loạt xoạt, cách quăng đều đều vẫn cứ vọng sang hoài không thôi.

Chàng ngồi dậy, dịch tấm phen sang bên cạnh.

- Chà, ra cô đấy ư, Mitiko?

Mitiko nằm trên giường, đầu gối lên khuỷu tay. Tấm chăn mỏng vẫn gấp ngay ngắn, đặt bên cạnh. Cô ngoảnh gương mặt ngái ngủ về phía chàng, cố mỉm cười, nhưng đôi môi bất động vẫn dờ ra.

Quen tay, Mitiko vẫn quay tiếp một quân xúc xắc đang nằm giữa lòng bàn tay.

- Bói à? Mizuta nhìn cô vũ nữ chăm chăm.

- Bói ư?... Em có bói toán gì đâu.

- Thế thì hành tội làm gì mấy quân xúc xắc kia?

- Em đâu hành hạ gì nó...

Chàng bước lại bên đầu giường.

Mitiko đưa hai tay lên che mặt và hơi rụt cổ lại. Rồi cô vội vàng lấy mấy đầu ngón tay dụi hai mi mắt và giắt ra sau tai một món tóc lò xo.

Tai cô xinh lạ với hai trái tai bé tẹo.

- Cô không thấy cả phòng đều ngủ hết rồi à? - Mizuta khẽ hỏi.

- Thấy ạ.

- Thế sao còn cứ gieo?

- Tay em nó quen đi rồi.

- Cô không thấy thế là ngớ ngẩn hay sao?

Mitiko luồn tay xuống gối, lần tìm gì đó, gom lại, rồi lặng lẽ mở tay ra.

Trên lòng bàn tay là năm quân xúc xắc.

- Những năm quân kia ư? - Mizuta ngạc nhiên lâu bầu và quỳ xuống bên đầu giường.

Cả năm quân đều giống hệt nhau - cũ kĩ và nhẵn thín.

Chàng cầm lên một quân. Mấy quân kia, Mitiko vẫn giữ yên trong lòng tay. Ngón tay cô vừa dài, vừa xinh xắn lạ thường.

Mizuta bỗng nhớ tới những động tác rất uyển chuyển và giàu sức diễn tả của mấy ngón tay khi Mitiko múa trên sân khấu.

- Phải cần đến những năm quân kia à? - Chàng vừa hỏi vừa trả lại quân xúc xắc cầm trên tay.

Mitiko gieo ngay quân chàng vừa đưa. Nó ngả mặt tam.

- Đừng gieo nữa, hai giờ đêm rồi đấy.

- Vâng, - Mitiko gật đầu, nhưng vẫn gieo thêm quân tiếp theo.

Lần này quân xúc xắc ngả mặt nhất.

- Cái tiếng lách cách ấy làm tôi mãi vẫn không chợp mắt được.

- Chết, xin ông thứ lỗi. Thế mà em định gieo đến bao giờ được chẵn mười nghìn. . .

- Đến mười nghìn?!

- Vâng, đêm nay khéo chẳng kịp mất rồi.

Mizuta phát hoảng. Chẳng lẽ cô định gieo cho đến lúc được chẵn mười nghìn? Nếu lần nào cũng gặp may - toàn trúng mặt lục - thì dù có gieo đến

cả nghìn lần, giỏi lắm cũng chỉ được sáu nghìn điểm thôi chứ mấy!

- Nếu được chẵn mười nghìn thì sẽ gặp điều lành?
- Nào em có nghĩ đến chuyện đó.
- Thế thì tội gì mà cứ phải thức trắng đêm?
- Vâng, Mitiko đồng tình, nhưng lại tung tiếp mấy quân xúc xắc nữa ra.
- Thôi, cất ngay đi! . . .

Mitiko liếc nhìn chàng trai, rồi dụi mắt xuống gối, lặng im.

- Cô rõ vớ vẩn, - Mizuta khẽ cắn nhả và quay về giường.

Nhưng ở phòng bên chàng vẫn thấy chong đèn. Chàng bèn lắng tai nghe: thì ra cô ta vẫn tiếp tục gieo, - có điều bây giờ đã trải thêm một chiếc khăn ra cho tiếng động khỏi lan sang phòng bên cạnh.

Sáng hôm sau, chàng đem câu chuyện tối qua ra kể lại với Noriko, cô vũ nữ lớn tuổi nhất đoàn.

- Rõ thật dở hơi! Vì cô ấy mà suốt đêm tôi chẳng ngủ được.

- Ra mãi đến tối qua ông mới biết kia à? Cô ấy nhiễm phải cái thói đam mê đó của bà mẹ lâu rồi. Thậm chí ngồi sau cánh gà cũng lòi xúc xắc ra gieo mãi mê.

- Ra là thế. . .

- Cả đoàn từ lâu đã quen đi rồi, thành thử chẳng còn ai buồn để ý làm gì.

- Ủm. Dẫu sao tôi vẫn không tài nào hiểu nổi: việc gì lại phải tha theo những năm quân xúc xắc, ngay cả khi đi biểu diễn các nơi. Này, mẹ cô là ai vậy? Với lại đầu đuôi thế nào mà Mitiko nhiễm phải cái tật kia?

- Mẹ Mitiko là một geisha; chuyện ấy, em chắc ông đã biết. Hiện giờ bà ấy vẫn đang còn mấy cô học trò. Nói của đáng tội, trong tay bà ta cũng chỉ có một quán trà nhỏ, hạng xoàng; hơn nữa, cũng chẳng danh tiếng gì.

Noriko kể tiếp: bà ta thường mang xúc xắc vào phòng, ngay cả lúc khách đang ngồi nhấm nháp sakê. Ra với khách, lúc nào bà ta cũng giắt theo trong thắt lưng một vài quân. Khi cởi thắt lưng ra, xúc xắc liền rơi xuống đất. Bà ta cố tình làm thế để khách phải để ý nhưng vẫn vờ kêu lên một tiếng, vẻ như sững sốt, rồi gạ gẫm khách thử chơi năm ba ván cho vui.

Không một ông khách nào không xiêu lòng. Họ bèn hào hứng nhập cuộc. Tiền đặt, tuy chẳng bao lăm, nhưng mỗi năm một ít, dần dà bà ta cũng tích được một lưng vốn kha khá.

Nghe đồn bà ta gieo rất cao tay, muốn ngả mặt nào được mặt nấy. Bà ta tập ngày tập đêm, lợi dụng từng phút rỗi một. Nhờ thế, mấy năm sau, tay nghề đã đạt đến mức khiến ai cũng phải lác mắt, khâm phục.

Mizuta kinh ngạc: lợi dụng được những chỗ yếu của người đời một cách tinh khôn và ma quái đến thế quả chẳng phải tay vừa; mà phải là thứ geisha mặt hạng, không đếm xỉa đến liêm sỉ là gì mới dám đem cái trò đó ra thi thố với nhiều người. Nhưng chàng cũng thử nhìn việc đó từ một khía cạnh khác xem sao. Biết đâu bà ta chỉ bị cái thói đam mê thấp hèn kia thôi thúc thôi? Hay là gieo xúc xắc rất có thể là một thứ nghệ thuật nữa? Và lại, cũng có thể giả định khi chơi như thế, bà ta còn cảm nhận được một cảm xúc khác lạ, to tát hơn là nỗi đam mê nhiều, và chính cái việc gieo xúc xắc kia đã khiến bà ta thấy buồn hoặc thấy vui. Nếu không, thì cô con gái bà ta vị tất đã bị cái thói đam mê lôi cuốn ghê gớm đến thế kia.

- À này, chắc cô biết tâm trạng của Mitiko khi cô ấy gieo xúc xắc?

- Không, em chả biết. Khéo cô ấy chỉ muốn bắt chước bà mẹ cũng nên.

- Chắc cũng cao tay như mẹ?

- Còn phải nói.

- Thế cũng chơi ăn tiền?

- Chứ sao! Cô gieo cao tay đến mức ai cũng phải kiêng mặt. Thành thử phải đành chơi lủi thủi một mình.

- Chơi một mình... - Mizuta lẩm bẩm, không hấn với Noriko mà cũng không hấn với chính chàng.

Mitiko vị tất đã muốn tất cả chị em trong đoàn biết những ngón nghề của chính mẹ mình? Nhưng nếu không, thì vì lẽ gì cô ấy lại công nhiên phô bày chính cái trò có thể gợi lại chuyện đó trong tâm trí mọi người?

Tuy nhiên, qua lời lẽ Noriko, chàng hiểu ngay rằng cô này cũng chẳng để ý bao nhiêu đến cái thói đam mê kì dị của Mitiko.

Chàng đứng dậy đi vào buồng rửa mặt, bỏ lại ngoài hành lang đôi dép mang trong nhà. Khi xỏ chân vào đôi guốc mộc chuyên dùng trong phòng rửa mặt, chàng bỗng nghe có tiếng chân ai đó bên ngoài. Chàng ngoảnh ra thì nhác thấy bóng Mitiko: cô gái dừng lại bên đôi dép chàng vừa bỏ ra,

cầm lên, quay ngược mũi đi, để lúc bước trở ra, chàng khỏi phải xoay người mới xỏ chân được.

Chàng bất giác nghĩ bụng: những điều nhỏ nhặt thế mà cô gái cũng để mắt đến thì kể cũng lạ...

Mizuta thấy đám vũ nữ đang ngồi chơi trên một phiến đá chồm xa ra mặt biển. Vọng đến căn phòng chàng đang nằm trên gác, tiếng một cô gái:

- Nóng thật! Bây giờ mà trời trở rét ngọt thì tuyệt biết bao!

Vẫn chưa đến mùa anh đào nở hoa, nhưng trời biển đã bàng bạc hơi sương, như lúc đang mãn khai. Những con nhạn bể trắng muốt tựa như đang chơi vơi trong làn sương mỏng.

Mizuta xuống với đám vũ nữ.

Chàng lặng lẽ chìa tay ra cho Mitiko.

Cô gái hẳn là hiểu ngay ý chàng: nàng lôi trong túi ra mấy quân xúc xắc, trao hết cho chàng.

Mizuta tung ngay cả năm quân xuống phiến đá cheo leo.

Hai quân lăn tòm xuống biển.

Chàng nhặt lên mấy quân còn lại, thản nhiên vứt nốt xuống đợt sóng dập dờn.

- Ôi, - Mitiko thốt lên. Cô lần ngay ra tận mép phiến đá, nghiêng người nhìn xuống: mặt biển còn sóng. Nhưng chẳng hề nói năng gì.

Mizuta sửng sốt: chàng tưởng cô sẽ giận sôi lên hoặc sẽ buột miệng xuýt xoa.

Tốp vũ nữ lục tục kéo đến thăm rập hát mà họ sẽ diễn tối nay.

Riêng Mizuta, chàng quay về phòng và đưa mắt nhìn ra chỗ mấy quân xúc xắc vừa bị quăng xuống.

Đoàn chàng chuyển này lưu diễn lâu hơn mọi lần. Chàng bỗng thấy man mác nhớ nhà. Chàng bắt đầu nghĩ vẫn vợ: không biết mai kia, khi về lại Tokyo, có nên đến gặp bà mẹ Mitiko không, bà geisha chơi xúc xắc rất cao tay ấy?

Những con tàu neo ngoài cảng lần lượt lên đèn.

Chuyến lưu diễn lần này kéo dài đã hơn một tháng rồi. Hôm đoàn dừng chân tại một thành phố, Mizuta đã đưa đám vũ nữ đến thăm một ngọn đồi nổi tiếng, với cái tên Siroyama ([6]). Đang mùa anh đào trổ hoa. Thế mà vừa đến nơi, đám vũ nữ đã sà ngay vào mấy hàng bánh canh và bún ốc đỏ ối ớt bột. Họ xử sự suồng sã đến mức khiến Mizuta phát ngượng. Cách xử sự đó lại còn khó coi, vì trong số du khách lên đây ngắm hoa chắc chắn thế nào cũng có những người đến xem đoàn biểu diễn tối nay.

Cánh hoa rụng lá tả đây đó, trên cành chỉ còn trơ có nhụy, và lại, cũng đều sắp úa cả rồi. Du khách xét nét nhìn đám vũ nữ. Thế nhưng họ vẫn thản nhiên, chẳng buồn đếm xỉa đến, ra cách như muốn chọc tức mọi người. Ăn chán chê rồi, cả đám bèn liếm môi và lôi sáp ra tô ngay trước mặt những du khách lên ngắm hoa.

Mitiko cũng lấy ra một thỏi sáp môi. Nhưng trước lúc tô, nàng mím chặt hai môi, rồi mới từ từ trề ra. Đôi môi chưa tô tươi tắn và duyên dáng lạ.

Mizuta thông thả bước lại bên nàng. Chàng nhìn cô vũ nữ bằng đôi mắt như thể vừa mới khám phá được một bí mật mà chàng chưa ngờ tới bao giờ. Cái mũi nhỏ xấu xí của cô gái, trông gần, bỗng hóa rất dễ thương, chẳng khác nào một vật trang trí tinh xảo, do một bàn tay tình tứ gọt đẽo một cách hết sức trù mẫn làm nên.

Quen trang điểm trước đám đông, Mitiko chẳng bối rối chút nào.

Nhưng đối với Mizuta, nàng bỗng hóa thành thiếu nữ hoàn toàn khác lạ - đứng tô son cho đôi môi xinh tươi ngay giữa những cành anh đào đầy hoa, ở một tư thế hệt như nàng vẫn thường làm trong buồng hóa trang. Đôi môi, cái mũi ấy, gương con tròn ấy, đôi mắt đang liếc nhìn vào chiếc gương con ấy bỗng dấy lên trong lòng chàng những mộng tưởng ngọt ngào.

Mizuta nghĩ bụng: tuy không được mặn mà như lúc lên sân khấu, nhưng ở ngoài đời, nàng trông vẫn đẹp hơn mình tưởng rất nhiều.

Chàng buột miệng thốt ra một câu mà chính chàng cũng không thể ngờ:

- Cô là người thế nào, đến tận bây giờ tôi vẫn không sao hiểu nổi, Mitiko ạ.

- Sao thế? - Mitiko hỏi, ngược nhìn chàng một thoáng.

- Cô kín đáo quá. Hỏi, mới mở miệng; còn không thì cứ lặng thinh...

- Thật ư? Em chắc ông nhầm.

- Ít ra là đối với riêng tôi: cô chỉ trò chuyện khi tôi hỏi đến, thế thôi. Cô thật đến lạ.

Mitiko trông như đang ngẫm nghĩ rất nhiều những điều chàng vừa nói, nhưng chẳng đáp gì. Nàng tiếp tục tô nốt đôi môi bằng thứ son hóa trang: nó thắm hơn sấp thường và lấp lánh ánh nước.

Mizuta sức nhớ ở Asakusa ([Z]) có một cửa hiệu nhỏ chuyên bán phấn sấp hóa trang khi lên sân khấu. Trước hôm lên đường, các cô vũ nữ đều ghé đến sắm sanh. Riêng Mitiko thì chẳng chút bận tâm. Bây giờ cô đang phải bồi nhờ của các bạn. Nhiều cô rất ghét chuyện đó.

- Đằng kia có một cánh đồng súp lơ Trung Hoa - Mizuta nói, mắt nhìn dài bờ đối diện một dòng sông, mà đứng ở đây chỉ trông rõ một đoạn thuộc hạ lưu.

- Súp lơ Trung Hoa mà trở bông thì tuyệt đẹp.

- Sao cô biết? Cô ở thành thị, làm sao hiểu được vẻ đẹp của giống súp lơ kia?

- Nó rất hợp sở thích của em. Đẹp cả khi trồng trong chậu cảnh. Để nhiều quá thì chẳng nên, nhưng nếu chỉ lơ thơ vài chiếc thì trông thích mắt lắm...

- Cô nghĩ thế thật chứ? Hay là ta đến đằng ấy xem đi, nếu cô thích ngắm hoa.

Mitiko gật đầu.

Mizuta định bụng sẽ ghé vào một hiệu tạp hóa dọc đường để mua cho Mitiko một ít phấn son. Nếu ở đó không bán loại dùng để hóa trang, thì ít ra cũng mua tạm loại thường, còn hơn là cứ để cô ấy phải đi bôi nhờ của chị em bạn.

- Tôi với Mitiko đi dạo chơi một lát đây.

- Coi chừng kéo lạc đây, - các cô đáp, giọng bông đùa.

- Ông tính đi đâu thế? Cho em đi với. - Một cô toan bước đến bên Mizuta, nhưng rồi quay ngay, lại chỗ đám bạn, và đưa mắt nhìn Mitiko về ganh tị.

Mitiko đỏ bừng mặt. Nàng luống cuống cúi đầu.

Bỏ ngoài tai những lời bông đùa, Mizuta bắt đầu bước dọc theo triền đồi, đi xuống mé sông.

- Em với ông cùng đi phải không? - Mitiko hỏi khi đuổi kịp Mizuta.

Hơi ngẩng đầu lên, nàng bước theo Mizuta, vẻ lưỡng lự.

- Này, ra cô vẫn định nín thinh cho đến lúc tôi gọi chuyện đây hả?

- Ồ, đâu...đâu ạ - Mitiko bối rối đáp, giọng kéo dài. Rồi nàng nở một nụ cười sung sướng, nụ cười làm cho gương mặt nàng rạng rỡ hẳn lên.

Thấy một cửa hiệu, Mizuta liền bảo Mitiko:

- Vào mua lấy một thỏi sáp môi với vài ba thứ gì đó ngay đi...

Mitiko sợ hãi ngược nhìn chàng. Mặt nàng lộ rõ vẻ ngần ngại, chưa biết có nên nghe theo lời khuyên không.

- Bôi nhờ mãi, chị em người ta còn coi cô ra gì.

Mitiko gật đầu, rồi vào hẳn trong quầy mua sắm, vẻ rất bình thản. Để cô gái thêm phần chần, Mizuta bèn bảo:

- Kia, Mitiko! Họ bán cả xúc xắc nữa đấy!

- Ôi đúng thế thật! - Cô gái thốt lên, gương mặt rạng rỡ trong giây lát - Cho tôi năm quân giống những quân kia đi ông! - Cô nói với người chủ hiệu.

- Những năm kia ư? Rất tiếc chúng tôi chỉ còn có hai, - ông chủ hiệu đáp, rồi bước lại bên chiếc tủ kính có bày bán mấy quân xúc xắc xinh xinh.

- Thì hai cũng được...

Họ rời cửa hiệu, đi về phía con đê ven sông.

Chênh chênh trên triền đê là một lối đi nhỏ, rải nhựa, trông như là đường đi dạo. Hai bên đường chạy dài hai hàng phong thẳng tắp mới trồng. Trên bờ sông xanh mượt cỏ non, mấy đôi trai gái trẻ măng đang nằm ngả nghiêng.

- Một cô hầu phòng ở khách sạn có bảo với tôi là từ độ con đường kia được rải nhựa đến nay, thuần phong mỹ tục trong thành phố đậm sa sút hẳn, - Mizuta cười nói, rồi bắt đầu đi thẳng xuống mép nước.

Lòng sông vốn rộng thênh thang giờ đây trở cả sỏi; cỏ lác mọc dày, xanh rì. Mãi tận giữa dòng mới uốn khúc một dải nước hẹp.

Mizuta ngồi ghé xuống một phiến đá rộng, sát bên làn nước trong.

Mitiko khép nép ngồi xuống cạnh chàng, rồi là ngay mấy quân xúc xắc ra gieo.

Mặt sông lấp lánh như bạc dưới ánh nắng chênh chênh của vầng mặt trời xuân sắp lặn.

Nhìn Mitiko gieo xúc xắc, Mizuta ướm hỏi:

- Cô biết bói chứ, Mitiko?

- Biết, nhưng bói gì ạ?

- Gì cũng được!

- Thế chả nên đâu. Thích bói điều gì, ông cứ bảo em. Em sẽ cố gieo đúng điều ông ước.

- Được, ta thử xem nhé. Nếu ngã mặt nhất thì giữa hai chúng mình sẽ nảy nở một mối tình.

-Ồ không, không, em chẳng thích thế đâu! - Mitiko lắc đầu quây quây và cất tiếng cười trong trẻo. - Chuyện đó sau sẽ hay. . . Nếu em muốn mặt nhất, thì nhất định nó sẽ đổ mặt nhất.

- Thì cứ thử xem nào.

- Em chả thích, - Mitiko nói, giọng cứng cỏi, nhưng vẫn cúi thấp người, thổi sạch bụi đất bám trên phiến đá. Rồi cô nghiêm trang dùng lòng bàn tay xoa đi xoa lại hồi lâu, như thể muốn san phẳng hết những chỗ mấp mô. - Em chỉ quen gieo lên chiếu, chứ chưa gieo trên nền đá bao giờ, sợ hỏng mất. Lần này để em thử liệu cách khác xem sao, - Mitiko lầm bầm. Mấy tiếng “liệu cách khác” khiến chàng phì cười. Nhưng chàng nghiêm ngay nét mặt, vì thấy Mitiko cung kính nhìn mấy quân xúc xắc với ánh mắt đầy vẻ siêu thoát.

Nàng lấy lại nhịp thở cho thật đều, rồi gieo hai quân xúc xắc đó ra.

- Đây nhé! - Mitiko thốt lên và ngược cặp mắt long lanh nhìn Mizuta.

Cả hai quân đều ngã mặt nhất.

- Ủ cô cao tay thật đấy!

Mitiko bỗng cảm thấy toàn thân tràn ngập một niềm hân hoan thần thánh, không tài nào lí giải nổi.

- Giỏi đấy! Nào, thử lại bận nữa xem.

- Thử thêm bận nữa ư? - Mitiko hỏi lại, giọng trầm hẳn đi. - Xem có được không ư?Ồ, không, em không thử đâu. - Nàng vừa nói, vừa di di mấy đầu ngón tay trên mặt phiến đá. Đôi trái tai bé tí lấp lánh ánh chiều sắp tắt.

Chú thích:

[6] Tên chung, chỉ những ngọn đồi cao, trên dựng những đồn lũy để chống giặc. Tại nhiều đô thị Nhật Bản, hiện còn những phế tích của các kiến trúc kiểu đó. Nơi danh tiếng nhất là ngọn đồi mang tên Siroyama, ở ngoại ô thành phố Kagosima.

[7] Một khu phố ở Tokyo, nổi tiếng bởi nhiều rạp hát và phòng diễn xướng bình dân.

Khi đoàn đến diễn tại thành phố khác, Mizuta lại thử liếc mắt vào phòng trọ dành cho các cô. Mitiko vẫn gieo xúc xắc như mọi khi. Chỉ khác là lần này trong tay nàng lại đủ cả năm quân như trước.

- Nay, thế cả năm quân đều ngả mặt nhất, cô có gieo được không?

- Em chẳng thích thế đâu! Chẳng lẽ chỉ vì mỗi chuyện ấy mà ông bắt em gieo đi gieo lại mãi sao?...

Cô áp sát chiếc gối vào bụng, rồi quay người lại, nằm đè lên, mặt cúi gằm xuống chiếu.

- Chả chắc năm quân đều ngả đúng mặt nhất...

- Vâng, chả chắc. - Nàng hờ hững nắm chặt mấy quân xúc xắc trong lòng tay, rồi gieo bừa ra.

Năm quân văng đi năm ngả, mỗi quân đổ một số, chẳng mặt nào giống mặt nào; Mitiko không chịu gửi gắm vào đó cả ý thích lẫn mong ước của nàng. Thậm chí nàng cũng chẳng buồn ngó ngang gì đến.

- Em buồn ngủ quá, - cô lâu bầu rồi gục hẳn lên hai cánh tay khoanh tròn trước mặt.

Chân nàng để trần.

Dưới gấu váy cũ kĩ, dường như đã phải dãi dầu nhiều sau bao lần bồn ba đây đó dài ngày, lộ ra đôi gan bàn chân không đi tất xinh xắn. Cả hai xem ra rất rắn rỏi và rất dẻo dai. Mười đầu ngón chân đều méo mó cả vì thường bị bó rọ trong giày khiêu vũ.

Từ xa vắng vắng vọng tới tiếng trống đình.

Mizuta nhặt mấy quân xúc xắc lên, thử gieo.

Mitiko ngẩng cao đầu, lơ đãng nhìn chàng. Rồi nàng cầm lên một quân, gieo bừa.

Quân xúc xúc ngã ngay mặt nhất.

Nàng gieo thêm quân nữa. Vẫn thế. Rồi nàng lần lượt gieo tiếp ba quân còn lại. Quân nào cũng ngã mặt nhất, hết như những quân vừa mới gieo. Nàng gom tất cả lại, xếp thành một dãy dài, quân nọ sát quân kia, mặt nhất hướng lên trên. Vẻ mặt nàng bình thản tựa như trẻ em chơi trò xếp khối vuông ở nhà trẻ.

*

- Hôm nay trời đẹp quá! Hay là ta đi tắm giặt hả các cậu? - Một cô vũ nữ tên là Totiko nói, mắt trầm ngâm nhìn sang mái nhà mấy gia đình gần kề. - Ông Mizuta, ông có cần em giặt giúp gì không? Ông cứ đưa cả các thứ mặc trong luôn cho em.

- Cô tính giặt giúp chứ gì?

- Thích thì em chả thích mấy, nhưng nếu ông nhờ thì em sẽ giúp ông. Ông cứ mang cả ra đây.

- Cảm ơn, có điều tôi chẳng còn gì để giặt nữa đâu!

- Càng tốt. Thế mà em cứ tưởng đàn ông độc thân bao giờ cũng để tồn quần áo thay ra.

Totiko mở chiếc va li đặt trong góc phòng, rồi ngoái lại, nói khẽ:

- Ông Mizuta, ông làm ơn sang bên kia một lát nhé!

Cả Mitiko cũng định đi tắm giặt. Nàng ngồi dậy, lặng lẽ chìa tay ra cho Mizuta. Chàng lắc đầu:

- Tôi chẳng còn gì để giặt thật mà.

Theo thói quen của đàn ông độc thân, chàng hay gói quần áo bẩn vào một tờ báo cũ, rồi giao ngay cho khách sạn mới, khi vừa đặt chân đến nơi. Chàng lấy làm lạ với chuyện sao hôm nay cô vũ nữ nọ bỗng dưng bảo chàng trao quần áo để nàng giặt hộ.

Lúc này, các cô gái khác cũng theo gương Mitiko. Lát sau, từ phía nhà tắm, mà cũng có thể là từ phía bể bơi, bắt đầu vọng lại tiếng hát khê của các cô.

Mizuta ngả lưng xuống sàn nhà, bên phía có ánh nắng hắt vào, nhắm mắt lại. Lắng tai nghe bản hợp ca giọng nữ, chàng bỗng có cảm tưởng như đã được về lại với khu Asakusa.

Chắc hẳn chuyến này, đoàn chàng đi quá lâu ngày.

Ngay tối hôm ấy, tuy đã quá giờ mở màn rồi, nhưng trong phòng hóa trang vẫn chẳng thấy Noriko đâu. Một cậu diễn viên trẻ cũng biến mất theo.

Mizuta và tốp diễn viên phải trình diễn tối nay đưa mắt nhìn nhau, bối rối.

Người ta phái ngay người về khách sạn. Đồ đạc của Noriko cũng biến đâu mất cả rồi.

Lần lượt gạn hỏi từng người trong đoàn, nhưng chẳng ai nhận thấy Noriko và anh chàng diễn viên trẻ họ nảy nở một mối quan hệ đặc biệt gì. Chồng Noriko sống ở Asakusa. Tính nết, tuy chẳng mấy ai chịu nổi, nhưng anh ta vẫn là một diễn viên rất nổi danh. Noriko, tuy cũng là một thiếu phụ khác người, vị tất đã dám đoạn tuyệt với chàng chóng vánh đến thế. Có lẽ là chồng nàng đã kí được hợp đồng với nơi khác, nên bắt vợ phải bỏ đoàn, quay ngay về nhà. Còn cậu diễn viên kia thì Noriko chỉ lôi theo cho có bạn đồng hành. Mà cũng có thể là nàng đã rắp tâm từ giã hẳn ông chồng; nàng lợi dụng dịp may hiếm có này, để trốn về Kansai ([8]), nơi mà dù muốn săn tìm ông cũng đừng hòng tìm thấy. Dầu sao Noriko cũng đã biệt tăm. Vì lẽ gì thì chắc những diễn viên chủ chốt trong đoàn đều biết cả nhưng họ còn chưa muốn nói toạc ra, mà thích giữ im lặng.

Điều khiến ai nấy lo sốt vó là chưa biết xoay xử thế nào với buổi diễn tối nay. Đám diễn viên cuống quýt cả lên, cố tìm người thay chân Noriko.

Rốt cục, ông trưởng đoàn Tomomatsu đành phải đến xin lỗi gã chủ thầu chuyên đứng ra thu xếp các đêm diễn tại đây, và tuyên bố bãi bỏ buổi diễn. Gã chủ thầu hồ hởi chấp thuận ngay; nhưng thay vào đó gã bắt đoàn phải đưa các cô vũ nữ đến giúp vui trong buổi chiêu đãi do các vị tai mắt ở địa phương, những nhân vật mà gã ta đang cần nhờ vả, đứng ra tổ chức tại khách sạn tối nay.

Ông Tomomatsu đưa thẳng đám vũ nữ từ nhà hát tới chỗ chiêu đãi. Khi Mizuta tạt xuống buồng hóa trang thì đã chẳng còn ai, ngoài ông già trông coi đạo cụ của đoàn.

Ông già đang uể oải thu dọn áo xống, giày dép dùng để hóa trang, hiện đang bị vứt lỏng chỏng trong phòng.

- Toàn là đồ ăn hại! Người khôn ngoan chắc họ đã bỏ đi từ đời nào đời nào. Còn tôi, ông thấy đây, cứ phải nai lưng ra hầu, - ông ca cẩm với Mizuta. - Bọn họ mà ở hẳn thế này thì mai kia không khéo giun nó còn làm tổ cả trong giày nữa chứ chả chơi... - ông gom hết giày dép lại, rồi ôm cả đống, vất bừa vào một góc phòng.

Trước lúc đến buổi chiêu đãi, Mitiko hẳn đã thay áo quần; chàng nhận từ chiếc áo jaket của nàng giữa đống kimono thường mặc lúc lên sân khấu đang treo trên vách. Mizuta thò tay vào túi áo, lục tìm. Mấy quân xúc xắc vẫn nằm yên dưới đáy túi. Chàng vừa lăm bắm một mình, vừa gieo cả năm quân xúc xắc ra:

Nàng đã quên noi gương mẹ, nên không mang theo mấy quân xúc xắc đến buổi chiêu đãi tối nay...

Chiếc chiếu trên sàn bắn khiếp lên được.

Chàng nhìn quanh gian buồng hóa trang bằng cặp mắt của người ngoài cuộc: những chiếc kimono màu sắc lòe loẹt, nhưng từ lâu đã chẳng còn mới mẻ gì, bỗng dưng trông chẳng khác nào những cái vỏ trứng rỗng không.

Mizuta gieo những mấy lần liền.

- Một thứ trò chơi vớ vẩn, lại vừa tẻ nhạt nữa, - anh chàng diễn viên Hanaoka hiện ra trước cửa, buông thõng một câu.

- Tẻ nhạt ư?

- Đại để là thế. Ta chơi vài ván chứ?

- Thì chơi. Nhưng ăn gì?

- Thì cứ tạm lấy Mitiko ra làm giải vậy.

Mizuta ngẩng phắt đầu lên. Lòng bỗng trào dậy một niềm vui đột ngột, chàng reo to:

- Được nhưng người gieo phải chính là cô ấy kia.

- Thôi...thôi đi, thế thì lại phải chờ dịp khác. Nếu thắng cứ thết tôi chén rượu là hay nhất. Tiếc một nỗi tôi sinh ra lại là đàn ông, thành thử không được mời đi chiêu đãi. Mà được nhấm nháp vài chén giữa một đêm xuân như thế này, thử hỏi còn gì thú bằng?

Mizuta bỏ mây quân xúc xắc vào túi, rồi đứng lên.

Chú thích:

[8] Một đơn vị hành chính lớn, bao gồm cả Osaka và Kyoto cùng các quận huyện phụ cận.

Suốt thời gian ngồi trong quán, Hanaoka toàn kiếm chuyện để cãi vã cho sướng mồm. Lúc đã khá say, anh ta bèn quay sang lục vấn Mizuta:

- Cậu thử nói tớ nghe đi: c... cậu nghĩ thế nào về Mitiko?
- Nhưng nghĩ thế nào là thế nào mới được chứ?
- Thế nào ấy à?...Cậu không thấy là cô ấy rất khác người?
- Có, nhưng chỉ tí đỉnh thôi...
- Ấy thế nhưng tớ thì tớ thấy rất đáng ngờ: không biết đã có ai bõn cọt gì chưa, khi cô ấy còn là một đứa bé, sống bên cạnh mẹ ở nhà?
- Không thể có chuyện đó được! - Mizuta cuống quýt ngược nhìn Hanaoka.
- Tớ rất thích cô bé ấy...Nên tớ đã ngấm ngấm theo dõi suốt, - Hanaoka tự tổ cáo.
- Sao, cậu bảo: “Theo dõi” suốt ư? Nói nhảm!
- Không, chả nhảm đâu. Chuyện này từ trước đến giờ tớ chưa hề hé răng với ai. Hôm nay là lần đầu tiên tớ quyết định chia sẻ cùng cậu những mối nghi ngờ vẫn ám ảnh tớ. Thế nào, cậu có vén nổi tấm màn bí mật không, Mizuta?
- Nhưng cô ấy thì làm gì có chuyện gì bí mật nào!
- Không à? - Hanaoka nhìn Mizuta chăm chú, cặp mắt đục ngầu. Rồi anh ta chồm hẳn người sang phía Mizuta bắt đầu lay mạnh hai vai. - Thôi được, cứ coi như không có gì... Nhưng tớ yêu cầu cậu một điều, một điều cực kì to tát: cậu phải bắt cô phơi bày hết ruột gan ra, dù chỉ một lần thôi!
- Bằng cách nào?
- Cho cô ấy đóng một vai thú vị, chẳng hạn... Thế là cô ấy tức thì sẽ phơi bày hết. Tớ tin chắc: lúc ấy ả sẽ lộ hết chân tướng mình ra.

Đề nghị đó của Hanaoka, Mizuta cảm thấy hết sức quyến rũ, nhưng chàng vẫn nín thinh.

- Thế nào, gật chứ? - Hanaoka cố ép chàng nhận lời.

- Có thể là cậu đúng, - Mizuta tán thành.

- Cậu nên nhớ là chuyện ấy tớ đã tính liệu đâu vào đấy cả rồi.

Mizuta nghĩ bụng: xem thế đủ biết anh chàng quả đang yêu Mitiko và đã tìm hiểu nàng cặn kẽ biết bao. Cho nên, không thể không đếm xỉa đến những điều anh ta nhận thấy.

Năm nay Mitiko vừa tròn mười bảy tuổi. Nhưng mãi năm mười lăm nàng mới đến với đoàn. Vậy thì những năm trước đó nàng đã làm gì, khi còn ở nhà?

Chật vật lắm Mizuta mới lôi được Hanaoka ra ngoài. Nhưng chỉ lát sau, anh ta đã lăn kềnh ra ngay giữa đường, vừa nhìn trời, vừa lầu bầu trong cổ họng.

- Trăng kìa, chà, trăng tuyệt quá! Đường phố đã hẹp, lại dài; hai bên lòng đường dựng đứng toàn những ngọn núi tối mò đầy đe dọa. Trước mắt Mizuta bỗng chập chờn đôi trái tai trong vắt, đôi môi, cái mũi, hai bàn tay, đôi gan bàn chân của Mitiko... Chàng bỗng cảm từ người nôn nao dữ dội, đành ngồi bệt xuống cạnh Hanaoka đang say bí tỉ.

Từ xa vọng tới tiếng hát ngân nga của đám vũ nữ đang ra về.

- Ô hê-hê! - Hanaoka gân cổ lên gào to.

- Ô-hê-hê! - Mizuta phụ họa theo.

Núi non không vọng lại tiếng họ. Họ làm thinh. Tiếng hát của toán vũ nữ mỗi lúc một gần thêm. Họ nắm tay nhau, bước đi trên quăng phố tối.

Thấy hai người nằm ườn ra giữa lòng đường, các cô gái vui vẻ reo lên:

- Họ say túy lúy, các cậu ạ! Hãy chờ một tí, rồi chúng em sẽ dìu về. - Ông Mizuta, ông có thấy Mitiko đâu không? - Một cô cất tiếng hỏi.

- Mitiko à? Tôi tưởng cô ấy đi cùng với các cô?

- Chỉ lúc đầu thôi; về sau, cô ấy bảo với bọn em là ra ngoài một lát, nhưng trốn biệt, không thấy quay lại.

- Không quay lại nữa?! - Hanaoka hét tướng lên.

Anh đứng dậy, lão đảo trên đôi chân khó bảo, và giơ cao hai tay lên trời, ra cách như muốn cầu nguyện.

Thế là hai năm rưỡi, chẳng còn lằm vào đâu được nữa rồi. - Mizuta trầm nghĩ, lòng hết sức bồn chồn.

Nhưng khi về đến khách sạn, họ đã thấy Mitiko nằm dài trên cái giường con.

- Sao mà chuồn về sớm thế?

- Mà quả là đứa tinh ranh. - Đám vũ nữ gieo người xuống bên giường Mitiko, uể oải duỗi thẳng đôi chân dờ dẩn ra.

- Xin nhiệt liệt đón mừng, - Mitiko tươi cười cất tiếng chào.

Mizuta tự nhủ: ghê thật! Đã khôn khéo lẫn trốn đám khách say, lại còn dám một mình băng qua thành phố giữa đêm hôm khuya khoắt. Lối cư xử đó của Mitiko chỉ càng làm tăng thêm mối ngờ vực mà Hanaoka vừa mới gieo vào lòng chàng.

Chàng ngồi ghé xuống mép giường, sát bên cô gái, phả vào mặt nàng những hơi thở nồng nặc mùi rượu, trong khi hai tay cứ ôm chặt lấy đầu.

- Ông nhức đầu lắm sao? Chắc vì hơi men đấy. - Mitiko chau mày hỏi, giọng đầy thông cảm.

-Ừm, - Mizuta cho tay vào túi, lôi mấy quân xúc xắc ra.

Đám vũ nữ tức thì cười ré lên, bắt Mitiko phải gieo chơi.

Mitiko cúi thấp đầu, xếp năm quân xúc xắc lại thành một hàng dài trên lòng bàn tay phải. Năm chính giữa là quân xúc xắc ngả mặt nhất, sát hai

bên - hai quân mặt nhị; còn cuối cùng thì đều ngả mặt tứ.

Thế trận bài bố như thế này:

Nàng chìa tay ra trước, như thể cầu trời rủ lòng thương, rồi thông thả quay, nhưng vẫn cố giữ cho thứ tự của năm quân xúc xắc kia khỏi bị xáo trộn lung tung.

Vẻ mặt nàng vừa đắm chiêu, vừa siêu thoát, đến nỗi đám vũ nữ bất giác phải nín thở.

Nàng quay mỗi lúc một nhanh thêm, rồi thành linh tung năm quân xúc xắc ra.

- Ô! Ô, đúng nhé, đúng nhé! - Chính nàng thốt lên trước nhất.

Nàng ngẩng phắt đầu lên, rồi ngồi thẳng dậy. Tất cả những người ngồi chung quanh đều lạng người kinh ngạc.

Cả năm quân đều ngả cùng một số: mặt nhất!

Chúng xòe thành hình quạt, cách quãng đều nhau, trông tựa một chiếc ô đã giương ra.

Đám vũ nữ vỗ tay reo, vẻ mặt hân hoan. Mizuta thở phào nhẹ nhõm.

Chàng nhìn hai đầu gối để trần của Mitiko đang ngồi bất động trên giường. Dưới chiếc kimono mặc ngủ của khách sạn, lộ rõ góc áo chên mặc trong, trắng muốt như tuyết mới rơi.

Chàng nhìn hai đầu gối Mitiko, và càng lúc càng hiểu rõ thêm những mối ngờ vực của Hanaoka là hoàn toàn vớ vẩn.

- Ngủ ngon nhé, - chàng nói, tay vuốt nhẹ mái đầu nàng.

- Cảm ơn, - Mitiko gật đầu, rồi vừa nhìn theo, vừa nhỏ nhẹ thêm: - nếu chưa thấy đỡ, ông cứ gọi em. Còn lâu em mới ngủ.

Mizuta trở về phòng mình.

Từ căn phòng Mitiko tiếng xúc xắc lách cách vọng sang đều đều.

Nhưng thứ âm thanh đó giờ đây không còn khiến chàng bức tức như xưa, hồi còn trọ lại trong ngôi khách sạn của thành phố cảng.

Nếu muốn cả năm quân xúc xắc đều ngả mặt nhất, thì quân năm chính giữa phải quay quanh mình nó tám vòng, hai quân hai bên - bảy vòng, còn hai quân ở ngoài cùng - năm vòng. Nghĩa là Mitiko vẫn không quên lời chàng nói trên phiến đá bên sông. Nhưng nàng phải mất bao công phu mới gieo được thế. Những quân xúc xắc của đám dân cờ bạc, quân nào cũng ngả mặt nhất, bỗng sáng lên trước mặt Mizuta những sắc màu kì diệu của pháo hoa.

“Phơi bày hết ruột gan ra... dù chỉ một lần!...” - trong óc chàng bỗng hiện lại những lời Hanaoka vừa tâm sự.

Chuyện này xảy ra vào cái thời các chàng trai có học, bị mê hoặc bởi cái không khí ngự trị trong khu Asakusa, nên đã đua nhau đến tìm chốn nương thân trong các nhà hát ở đấy, và có đến phân nửa đã lấy việc biên kịch, viết bình luận, vẽ quảng cáo làm nguồn vui.

Mizuta chính là một chàng trai trong số đó.

Nhưng rồi những ấn tượng mới lạ dần đã hóa thành nhàm chán, và lúc này, Mizuta bắt đầu tự hỏi: liệu đã đến lúc phải nói toạc ra lời “tử giả” cuối cùng - dù không phải theo cái cách Noriko đã làm - với tất cả những thứ đó hay chưa?

Rất có thể là chàng sẽ ra đi cùng Mitiko để đón lấy những gì chưa từng hay biết? Ý nghĩ khiến chàng trăn trở mãi, không sao chợp mắt.

Từ phòng Mitiko, tiếng gieo xúc xắc vẫn vọng tới đều đều.

NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG dịch.

CÁNH TAY

Em có thể cho anh mượn một cánh tay của em suốt đêm.

Nói xong, nàng lấy cánh tay phải từ bờ vai ra, và đặt lên đầu gối tôi bằng bàn tay trái. - Cám ơn em.

Tôi nhìn xuống đầu gối. Hơi ấm của cánh tay lan sang.

- Em sẽ đeo nhẫn. Để anh nhớ đó là bàn tay em.

Nàng mỉm cười và nâng cánh tay trái lên ngực tôi.

- Anh tháo hộ em đi. Chỉ còn một tay, nàng khó có thể tự mình tháo nhẫn.

- Nhẫn hứa hôn à?

- Không, chỉ là vật kỉ niệm thôi. Mẹ em để lại.

Đấy là chiếc nhẫn bạc, có nạm kim cương nhỏ.

- Có lẽ nó trông giống nhẫn hứa hôn, nhưng không sao. Em vẫn đeo nó, khi em tháo nó ra thì như thể em đang xa mẹ.

Nhặt cánh tay trên đầu gối mình lên, tôi lấy nhẫn đeo vào ngón tay áp út của nó.

- Đúng ngón này chứ?

- Vâng, - nàng gật đầu, - nó trông giống như tay giả nếu khuỷu tay và các ngón cứ duỗi thẳng đơ. Anh sẽ không ưa. Để em làm cho cong hơn.

Nàng nhặt cánh tay phải của nàng từ trên đầu gối tôi và hôn nó dịu dàng. Rồi nàng hôn lên các khớp ngón tay.

- Sẽ động đậy ngay đấy mà.

- Cám ơn em.

Tôi lấy cánh tay lại.

- Nó sẽ nói chứ em? Sẽ nói chuyện với anh chứ?

- Nó chỉ làm điều gì mà một cánh tay có thể làm được. Nếu như nó nói chuyện thì em phải đòi lại thôi. Nhưng cứ thử xem, ít ra nó sẽ lắng nghe anh nói, nếu anh tử tế với nó.

- Anh sẽ tử tế mà.

- Thôi chào mi, - nàng đưa bàn tay trái sờ vào cánh tay rồi như truyền có nó linh hồn của chính nó.

- Mi thuộc về anh ấy, nhưng chỉ đêm thôi.

Khi nàng nhìn tôi, dường như nàng cố ngăn nước mắt.

- Em không nghĩ là anh muốn đổi cánh tay anh với nó, - nàng nói. - Rồi cũng tốt thôi. Muốn thì anh cứ làm.

- Cảm ơn em.

Tôi đặt cánh tay nàng vào trong áo mưa và bước ra đường phố sương mù. Tôi sợ nếu đi taxi hay xe điện thì có thể bị xem là kì chướng, Sẽ lôi thôi to nếu cánh tay rời của cô gái bỗng dưng kêu to hay khóc lóc.

Tôi ôm nó bên ngực mình, dọc bên sườn, bàn tay phải đặt lên bờ tròn từ bên bắp tay. Nó nằm giấu trong áo mưa, và thỉnh thoảng tôi phải lấy bàn tay trái sờ xem cánh tay nàng còn không. Có lẽ tôi không lo về sự còn mất của cánh tay mà lo cho hạnh phúc của mình.

Nàng đã lấy cánh tay ra ngay tại điểm mà tôi yêu thích. Nó rất đầy đặn nở nang, - ở trên cùng cánh tay hay ở chỗ nối vào bờ vai?

Vẻ tròn trịa này thường gặp ở một người đẹp phương Tây, chứ hiếm thấy ở Nhật. Một vẻ tròn đầy thanh tao trong sạch có ở bản thân cô gái tựa như một bầu khí tỏa ra ánh sáng dịu dịu tươi mát. Khi cô gái không còn trong sạch thì vẻ tròn đầy dịu dàng sẽ tàn tạ, trở nên mềm nhẽo. Có một điều gì đó tồn tại trong khoảnh khắc của đời một cô gái đẹp. Vẻ tròn đầy nơi cánh tay

làm tôi cảm thấy vẻ đầy đặn của thân mình nàng. Ngực nàng không lớn, chỉ đủ đựng trong lòng bàn tay, nhưng lại mềm dẻo và mạnh mẽ. Và qua sự tròn đầy của cánh tay tôi có thể cảm thấy đôi chân nàng khi nàng đang bước đi. Đôi chân nàng đưa đi nhẹ nhàng tựa như một con nhím nhỏ, hay một cánh bướm lượn từ hoa này sang hoa khác.

Cũng cùng một giai điệu tình tế ấy rung trên đầu lưỡi nàng khi nàng hôn.

Đã đến mùa những chiếc áo không tay. Bờ vai cô gái, mới để trần, có màu sắc của làn da chưa quen với khí trời. Nó có vẻ hây hây của một nụ hoa còn ướm át mùa xuân chưa chịu được phủ phàng mùa hạ. Sáng hôm đó tôi có mua một nụ hoa mộc lan cắm vào lọ thủy tinh, và vẻ tròn đầy của cánh tay cô gái cũng tựa như nụ hoa lớn trắng ngời. Áo nàng khoét sâu hơn hầu hết các áo không tay khác. Hầu như cả bờ vai để trần. Chiếc áo lụa xanh nhung, gấn đen nhung, toát ra một vẻ lộng lẫy êm đềm. Triền dốc trên bờ vai cô gái nhẹ nhàng lượn sóng xuống lưng. Nhìn chéch từ phía sau, sẽ thấy làn da từ bờ vai tròn xuống chiếc cổ cao mảnh đến cuối mái tóc buông xõa. Và làn tóc huyền dường như hắt một chiếc bóng lung linh trên bờ vai đầy.

Nàng nhận biết rằng tôi thấy nàng xinh đẹp, nên để cho tôi mượn cánh tay phải của nàng đầy đặn ở chỗ nối vai.

Giấu kĩ trong áo mưa, cánh tay cô gái mát lạnh hơn bàn tay tôi.

Tôi cảm thấy choáng váng vì tim đập nhanh hơn và tôi biết rằng bàn tay mình sẽ nóng lên. Tôi muốn hơi ấm còn mãi, hơi ấm của chính cô gái và sự mát lạnh nơi bàn tay tôi truyền cho tôi sự thú vị của cánh tay nàng...

Sương mù nhiều hơn, đêm chuyển mưa và mái tóc trần của tôi ướm át. Tôi nghe tiếng đài phát ra từ một hiệu thuốc tây đóng cửa có báo tin có ba chiếc máy bay không thể hạ cánh trong sương mù bao phủ phi cảng đã nửa giờ rồi. Nó còn lưu ý người nghe đài rằng vào đêm ẩm ướt thế này, đồng hồ rất dễ sai lạc, và dây điều sẽ đứt nếu lên quá căng.

Tôi đưa mắt tìm ánh đèn của mấy chiếc máy bay lượn vòng, nhưng chẳng thấy gì. Không có bầu trời. Hơi ẩm nặng nề tràn ngập vai tôi, gây một âm thanh ướt át, tựa như tiếng quần quai của vô số con giun đất.

Tôi đứng trước hiệu thuốc tây để nghe thêm tin tức. Tôi biết được vào những đêm như thế này thú dữ trong vườn bách thú, sư tử và hổ báo gầm thét cuồn cuộn trước khí hậu ẩm ướt, và hãy nghe đây. Có tiếng gầm như tiếng gầm của đất. Tôi lại biết thêm rằng người đàn bà có thai và người ưu phiền nên đi nghỉ sớm vào những đêm hôm thế này, và phụ nữ nào bôi nước hoa lên làn da của mình thì sau đó sẽ khó mà khử nó đi.

Tôi khử được tiếng gầm gừ của thú, còn lời nhả nhủ về mùi hương thì cứ theo tôi hoài. Tiếng gầm giận dữ đã quấy rối tôi, và tôi bỏ đi vì e rằng nỗi xao xuyến của mình sẽ thấm vào cánh tay cô gái. Cô gái không có thai cũng không ưu phiền, nhưng tôi cảm thấy rằng đêm nay, chỉ còn lại một cánh tay, nàng sẽ nghe lời khuyên của đài mà lặng lẽ lên giường. Mong rằng nàng sẽ ngủ yên.

Khi bắt đầu băng qua đường, tôi áp bàn tay lên áo mưa. Một tiếng còi vang lên. Vật gì đó chạm vào hông tôi, và tôi lách mình đi.

Có lẽ cánh tay sợ hãi tiếng còi. Các ngón tay đã nắm lại.

- Đừng lo, - tôi nói. - Nó còn đằng xa. Nó không thấy đường đi. Cho nên nó kêu inh ỏi.

Bởi lẽ đang giữ một vật thiết thân, tôi nhìn cả hai chiều. Tiếng còi xa đến nỗi tôi cho rằng nó dành cho ai khác. Tôi nhìn về hướng nó kêu, nhưng không thấy gì. Tôi chỉ thấy ánh đèn pha mà thôi.

Khi qua đường rồi tôi đứng lại bên lề nhìn chiếc xe hơi bấm còi lướt qua. Ngồi bên tay lái là một thiếu phụ áo đỏ. Dường như nàng nhìn về phía tôi và gật đầu chào. Tôi muốn chạy đi, sợ rằng chính cô gái đã đến đòi lại cánh tay. Rồi tôi nhớ ra rằng nàng khó có thể lái xe bằng một cánh tay. Nhưng người thiếu phụ trong xe có nhìn thấy tôi đang mang giữ gì không? Nàng không cảm nhận được bằng trực giác phụ nữ hay sao? Tôi cần thận trọng,

không để người khác phải gặp mình trước khi về tới nhà. Đèn sau cũng đỏ mờ. Tôi vẫn không nhìn thấy chiếc xe. Trong sương mù xám tro, một vệt mờ màu hoa cà nổi lên và lướt đi.

“Cô ta lái xe chẳng để làm gì, tuyệt chẳng để làm gì, chỉ để được lái xe mà thôi. Và trong khi lái cô nàng sẽ tự nhiên tan biến”, - tôi tự nhủ. “Và băng sau có chở gì?”

Không có gì cả, rõ ràng thế, chỉ vì tôi mang giữ cánh tay cô gái đi quanh mà tôi cảm thấy một sự trống rỗng đè nặng? Chiếc xe cô nàng lái mang theo sương mù của đêm lạnh ẩm. Và cái gì đó nơi nàng đã biến sương đêm thành màu hoa cà trong ánh đèn pha. Nếu không thấy thân hình nàng thì ở đâu phát ra ánh sáng đỏ mờ đó? Có thể cánh tay mà tôi giấu cũng khoác lấy nỗi trống rỗng như một người đàn bà lái xe một mình vào một đêm như thế này? Phải chăng từ trên xe nàng đã gạt đầu chào cánh tay cô gái? Có lẽ vào những đêm thế này các thiên thần và hồn ma đang bảo vệ phụ nữ khắp nơi. Có lẽ nàng không lái trên một chiếc xe nhưng trong ánh sáng hoa cà, cuộc lái xe của nàng đã không trống rỗng. Bí ẩn của tôi nàng đã phát hiện ra.

Tôi đi thẳng về nhà mà không gặp ai khác. Tôi đứng ngoài cửa lắng nghe. Ánh sáng của một con đom đóm lướt qua đầu tôi và biến mất. Một con đom đóm mà như thế thì quá lớn và quá sáng. Tôi thu mình lại. Nhiều ánh sáng như đom đóm lướt qua. Chúng biến mất ngay cả trước khi sương mù dày đặc cuốn lấy chúng. Phải chăng lửa ma trời hay một thứ lửa chết chóc nào đang nhảy múa trước tôi, đang chờ tôi về đây? Nhưng rồi tôi thấy rõ đó là một lũ bướm đêm nhỏ. Phản chiếu ánh sáng bên cửa, những cánh bướm nhấp nháy như đom đóm. Chúng lớn hơn đom đóm nhiều, tuy nhiên so với những con bướm đêm khác thì chúng vẫn nhỏ nên cũng dễ lầm.

Tránh thang máy, tôi thềm lén đi lên cầu thang hẹp đến tầng ba. Không thuận tay trái, tôi mở cửa khó khăn. Càng cố gắng, bàn tay tôi càng run, - như thể kinh hoàng sau một tội ác.

Điều gì sẽ đợi chờ tôi trong phòng, một căn phòng là nơi cô đơn, tôi sống; và cô đơn không là một hiện diện hay sao? Với cánh tay cô gái không

còn cô thân nữa. Và vì thế có thể là nỗi cô đơn của tôi đang chờ đợi ở đó để mà dọa dẫm tôi.

- Tiến lên, - tôi nói, lấy cánh tay cô gái ra khi cuối cùng đã mở được cửa.
- Mời em vào phòng tôi. Tôi sẽ bật đèn lên.

- Có phải anh đang sợ một điều gì đó? - Cánh tay dường như nói. - Ở đây có gì thế?

- Em cho là có gì à?

- Em ngửi thấy gì đó.

- Mùi à? Chắc là chính tôi mà em ngửi thấy. Em không nhìn thấy dấu vết của bóng tôi, đang ở kia trong bóng tối? Hãy nhìn cho kĩ. Có lẽ bóng tối đang chờ tôi trở lại.

- Một mùi dịu ngọt kia.

- À, hoa mộc lan, - tôi hân hoan đáp.

Tôi mừng rằng đó không phải là cái mùi mốc meo của nỗi cô đơn. Một nụ hoa mộc lan thích hợp với người khách rạng rỡ của tôi. Tôi đã quen với bóng tối. Ngay cả trong bóng tối hun hút tôi cũng nhận biết mọi vật.

- Để em bật đèn cho - cánh tay đưa ra một nhận xét kì lạ. - Em chưa vào phòng anh bao giờ.

- Cám ơn em. Tôi vui lắm. Chưa có ai ngoài tôi bật đèn ở đây từ trước đến nay.

Tôi nâng cánh tay nàng lên chỗ ngắt điện gần cửa phòng. Cả năm ngọn đèn sáng lên lập tức: trên trần, trên bàn, bên giường trong bếp và trong buồng tắm. Tôi không ngờ chúng sáng đến thế.

Hoa mộc lan đang nở lớn. Sáng nó còn là nụ. Có thể nó chỉ vừa mới nở, vậy mà đã có nhị rơi trên bàn. Lấy làm lạ, tôi nhìn kĩ nhị rơi hơn là nhìn đóa hoa trắng. Khi tôi nhặt một hai nhị hoa lên mà nhìn thì cánh tay cô gái

đang nằm trên bàn bắt đầu động đậy, các ngón nhích tới như sâu đo và gom nhị hoa vào lòng bàn tay mình. Tôi ném các nhị hoa rơi khác vào giỏ rác.

- Mùi gắt quá. Nó thấm qua làn da em. Giúp em với.

- Hẳn là em mệt rồi. Có phải là chuyển đi thoải mái đâu. Em phải nghỉ ngơi một lát.

Tôi đặt cánh tay lên giường và ngồi cạnh nó. Tôi mơn trớn dịu dàng.

- Đẹp thật. Em thích nó.

Chắc là cánh tay đang khen khăn trải giường.

Những bông hoa in ba màu trên nền xanh da trời, có vẻ sinh động đối với một người đàn ông sống một mình.

- Vậy đây là nơi chúng ta qua đêm. Em sẽ thật lặng lẽ mới được.

- Sao thế?

- Em sẽ ở bên anh và không ở bên anh.

Bàn tay ấy nắm bàn tay tôi dịu dàng. Các móng được tô một màu hồng nhạt rất khéo. Đầu móng dài hơn ngón tay một cách vừa phải.

Bên các móng tay dày và ngắn ngủn của tôi, các móng của nàng có một vẻ đẹp kì lạ như không phải thuộc về con người. Với các đầu ngón tay như thế, một người đàn bà có thể vượt qua nhân tính. Hay là nàng theo đuổi chính nữ tính? Một vỏ ốc sáng ngời từ trong lòng, một cánh hoa đầm sương, - cũng tựa như thế. Tuy nhiên không có vỏ ốc hay cánh hoa nào mà màu sắc và hình dáng lại giống hệt chúng. Chúng là các móng tay cô gái, không gì sánh được. Trong mượt hơn một vỏ ốc mảnh mai, một cánh mỏng mịn, chúng dường như đang đọng một giọt sương của bi kịch.

Đêm ngày, năng lực đổ dồn vào việc tô chuốt vẻ đẹp bi đát này. Nó thấm suốt nỗi cô đơn của tôi. Có lẽ là khát vọng và cô đơn của tôi đã biến hình chúng thành sương.

Tôi đặt ngón út của nàng lên ngón trỏ bàn tay còn lại của tôi mà nhìn chiếc móng hẹp dài khi tôi xoa nó bằng ngón tay cái của mình. Ngón tay tôi sờ vào đầu ngón tay nàng ở dưới móng che.

Ngón tay nàng cong lại, và cả khuỷu tay cũng thế.

- Nhột ư? - Tôi hỏi.

- Làm sao mà không nhột được.

Tôi nói năng vô ý vô tứ: Biết là đầu ngón tay của đàn bà khi để móng tay dài thường rất nhạy cảm. Như thế là thừa nhận với cánh tay của cô gái rằng tôi đã biết những người đàn bà khác.

Từ người đàn bà khác, lớn tuổi hơn và từng trải hơn cô gái có cánh tay này, tôi nghe rằng đầu ngón tay để móng dài thường rất nhạy cảm. Vì như thế chỉ chạm vào đồ vật bằng móng chứ không phải bằng đầu ngón, cho nên đầu ngón dễ nhột khi bị chạm. Khi tôi tỏ vẻ ngạc nhiên thì người đàn bà tiếp:

- Chẳng hạn như khi nấu nướng hoặc ăn uống, có vật gì chạm vào ngón tay thì tức khắc rung mình như nó bắn lăm vạy.

Vậy là thức ăn bắn hay đầu móng tay? Cái gì chạm vào ngón tay cũng khiến nàng rung mình sợ bắn. Sự sạch sẽ của nàng sẽ để lại một giọt sương bi đát ngay dưới chiếc bóng dài của móng tay.

Không thể cho rằng mỗi ngón trên đôi bàn tay đều có cả một giọt sương riêng.

Tất nhiên là tôi rất muốn sờ vào các đầu ngón tay, nhưng cố kiềm chế. Nỗi cô đơn kiềm chế tôi. Nàng là một người đàn bà mà thân thể vẫn còn mong giữ lại một vài điểm dịu dàng.

Và trên thân thể của cô gái cho tôi mượn cánh tay những điểm ấy còn vô số. Có lẽ, chơi đùa với đầu ngón tay của một cô gái như thế tôi sẽ không cảm thấy tội lỗi mà chỉ thấy trù mến. Nhưng nàng đâu cho tôi mượn cánh tay để mà nghịch ngợm. Tôi không được giễu cợt thiện ý của nàng.

- Cửa sổ.

Tôi quên rằng cửa sổ đang mở mà màn thì chưa được kéo che.

- Sợ bị nhìn ngó à? - Cánh tay cô gái hỏi.

- Biết đâu chẳng có người đàn ông hay đàn bà nào đấy. Chứ có sợ điều gì khác đâu.

- Không có người nào sẽ thấy tôi. Họ chẳng chỉ có bản ngã mà thôi. Bản ngã của anh đấy.

- Bản ngã? Đó là cái gì? Nó ở đâu?

- Ở xa. - Cánh tay nói, như thể hát ru. - Con người đi quanh tìm kiếm bản ngã, ở xa.

- Và sẽ gặp chứ?

- Ở xa. - Cánh tay nhắc lại.

Tôi thấy dường như cánh tay và cô gái đang xa cách vô tận. Làm sao cánh tay có thể trở lại với cô gái trong xa xôi thế? Làm sao tôi đưa nó trở về, trong xa xôi thế? Cánh tay tin yêu tôi nằm lặng lẽ, nhưng mà cô gái có ngủ trong cùng niềm tin lặng lẽ không? Sẽ không khó ngủ hay ác mộng chứ? Nàng đã không nuốt lệ khi chia tay sao? Cánh tay đang ở phòng tôi, mà cô gái thì chẳng ai thăm.

Hơi ẩm che mờ cửa sổ, như làn da bụng của một con ếch đã căng che khung cửa. Sương mù dường như đã ôm giữ mưa giữa trời, và bóng đêm ngoài cửa không còn chứa một khoảng cách nào, dù nó đang vùi mình trong một khoảng cách vô biên. Chẳng thấy mái nhà nào, chẳng nghe tiếng còi nào.

- Tôi che cửa sổ đây. - Tôi nói, với tay tới màn cửa. Trời quá ẩm thấp. Gương mặt tôi hiện lên trên kính cửa, trẻ hơn tôi đang tuổi ba mươi ba. Tuy vậy, tôi vẫn kéo màn che. Gương mặt của tôi biến mất.

Một khung cửa sổ bất chợt mở ra trong trí nhớ. Trên tầng chín của một khách sạn, hai cô bé mặc váy đỏ rộng đang chơi đùa bên cửa. Hai đứa trẻ giống y nhau mặc quần áo như nhau, có lẽ sinh đôi người phương Tây. Chúng nện kính cửa, húc vai vào và xô đẩy nhau. Mẹ chúng đang khâu, lưng dựa về cửa sổ. Nếu như khung kính lớn vỡ toang hay tuột ra, chúng sẽ rơi từ lầu chín xuống đất.

Chỉ có tôi là lo lắng. Mẹ chúng thì chẳng mảy may quan tâm. Thật ra kính rất dày, không có gì phải lo.

- Đẹp lắm, - cánh tay trên giường cất tiếng khi tôi từ bên cửa sổ quay về. Có lẽ nàng đang khen chiếc màn cửa, cùng kiểu hoa như khăn trải giường.

- Thế à? Nhưng nó bạc màu vì nắng và đã muốn tả tơi.

Tôi ngồi xuống giường và lấy cánh tay đặt lên đầu gối của mình.

- Đây mới thật là đẹp. Đẹp hơn bất cứ điều gì.

Tôi đưa tay phải nắm lấy bàn tay trái của nàng và đưa tay trái đỡ lấy chỗ nối vai. Rồi tôi gấp duỗi cánh tay của nàng.

- Nghiêm trang đấy nhé, - cánh tay nói, dường như mỉm cười dịu dàng. - Thích chứ?

- Không đâu.

Một nụ cười lướt trên cánh tay, như ánh sáng hắt qua nó. Y như nụ cười tươi mát trên bờ môi của cô gái.

Tôi quen nụ cười. Tì khuỷu tay trên bàn, nàng sẽ tựa má hay cầm lên đôi bàn tay đang đập điểm nhau. Dáng dấp dường như thiếu trang nhã ở một cô gái trẻ - nhưng nó lại phảng phất một vẻ thu hút. Thành ngữ “tì khuỷu tay trên bàn” chẳng còn đáng kể nữa. Vẻ tròn đầy của bờ vai, ngón tay, cằm, đôi má, đôi tay, chiếc cổ cao, mái tóc, tất cả hòa hợp nhịp nhàng. Dao nĩa trong các ngón tay nàng lướt nhẹ thuần thục. Thức ăn đi qua bờ môi nhỏ ấy và nàng nuốt nhẹ - như không phải một người đang ăn mà là một nhạc điệu quyến rũ của đôi bàn tay, gương mặt và cổ đang ngâm nga.

Ánh sáng và nụ cười của nàng trôi thoáng qua làn da cánh tay. Cánh tay có vẻ mỉm cười là do khi tôi gập lại, các làn sóng nhẹ gợn trên bắp thịt mềm dẻo làm rung ánh sáng và bóng tối trên làn da mịn màng. Mới đây, khi tôi sờ lên các đầu ngón dưới những móng tay để dài, ánh sáng lướt qua cánh tay lúc khuỷu tay gập lại đã chiếu hắt vào mắt tôi. Chính vì thế mà tôi đã gập duỗi cánh tay nàng chứ chẳng có ý xấu gì. Ngừng lại, tôi nhìn cánh tay nằm dài trên đầu gối mình. Ánh sáng và bóng tối mát mẻ vẫn còn lướt trên đây.

- Em hỏi tôi có thích không. Chắc em biết là tôi được phép đổi cánh tay tôi cho em?

- Biết.

- Tôi vẫn sợ.

- Thế à?

- Tôi đổi nhé.

- Vâng.

Tôi nghe lời chấp thuận ấy, và tự hỏi có nên không.

- Hãy nhắc lại. Nói “vâng” nữa đi.

- Vâng, vâng.

Tôi nhớ rồi. Đó là giọng của một người đàn bà đã quyết định hiến thân cho tôi. Nàng không đẹp như cô gái đã cho tôi mượn cánh tay nàng. Đường như nàng có một vẻ gì là lạ.

- Vâng, nàng nhìn tôi đắm đắm mà nói. Tôi đưa các ngón tay lên khép đôi mắt nàng lại. Giọng nàng run rẩy. - “Jesu khóc. Rồi các người Do Thái nói: Hãy nhìn xem ông ta yêu nàng biết bao!”

“Nàng” thay vì “hắn”. Đó là câu chuyện người chết Lazarus. Có thể vì là đàn bà, nàng nhớ lầm, có thể nàng cố ý đổi chữ.

Lời nói dù không ăn nhập với tình cảnh này đã làm tôi xúc động.

Tôi nhìn nàng không biết lệ có trào ra từ đôi mắt khép không?

Nàng mở mắt và định ngồi dậy. Tôi đẩy nàng nằm xuống.

- Anh làm em bị xước da rồi! - Nàng đưa tay sờ phía sau đầu.

Có một vết máu nhỏ trên nền gối trắng. Vạch tóc nàng, tôi kề môi vào giọt máu còn đọng nơi vết xước. “Không sao đâu!” Nàng gỡ hết tất cả kim cài tóc ra. “Em dễ chảy máu. Chỉ cần xước nhẹ”.

Một chiếc kim cài tóc đã chạm da nàng. Vai nàng dường như khẽ rung nhưng nàng cố trấn tĩnh.

Dù tôi tưởng mình hiểu được cảm giác một người đàn bà lúc hiến thân, vẫn có gì bất ngờ trong hành động của nàng. Chuyện gì xảy ra với nàng? Tại sao nàng lại muốn làm thế, tại sao nàng lại chủ động? Tôi không thể chấp nhận hoàn toàn sự hàng phục, cả khi biết rằng thân thể mọi người đàn bà sinh ra là để hàng phục. Ngay cả bây giờ, dù tôi già rồi, chuyện vẫn có vẻ lạ lùng. Và các phương cách mà nhiều người đàn bà khác nhau đã thực hiện: cứ cho là mỗi người một phách, hay tương tự nhau, hay thậm chí là đồng nhất. Không lạ lùng sao? Có thể sự kì lạ mà tôi cảm thấy của một người nhiều tuổi hơn. Hay có thể là sự suy nhược tinh thần nào đó tôi đã lâm vào. Nỗi xao xuyến của nàng không giống như những người đàn bà khác khi hàng phục. Mà nỗi xao xuyến cũng chỉ xảy ra với nàng một lần duy nhất. Sợi chỉ bạc đứt rồi, chén vàng đã vỡ.

“Vâng!”, cánh tay đã nói thế xui khiến tôi nhớ tới cô gái, nhưng hai giọng nói có thật giống nhau chẳng? Chúng đã không vang vọng như nhau bởi vì cùng một lời lẽ ấy? Cánh tay có đòi quyền tự chủ trong phạm vi này của thân thể mà nó đã tách rời?

Và lẽ nào lời ấy không phải là hành động khuất phục, sẵn sàng chấp nhận mọi điều, không đắn đo, lo lắng hay hối tiếc gì?

Dường như nếu tôi đón nhận lời mời mọc và đôi tay tôi lấy cánh tay ấy thì tôi sẽ đem lại cho cô gái nỗi đau âm thầm.

Tôi nhìn ngắm cánh tay trên đầu gối của mình. Trong lòng khuỷu tay có một cái bóng. Có lẽ tôi có thể nút lấy nó. Tôi đưa nó kề môi để ngậm lấy bóng.

- Nhột đấy. Nghiêm trang đi nào.

Cánh tay quàng lên cổ tôi, tránh đôi môi tôi.

- Giống hết như khi tôi uống cái gì đó rất ngon.

- Nhưng anh đang uống gì?

Tôi không trả lời.

- Anh đang uống gì thế?

- Mùi ánh sáng? Hay mùi da?

Sương mù dường như dày đặc hơn, cả lá mộc lan cũng có vẻ ướt át. Đài sẽ nhả nhũ điều gì khác? Tôi đi đến bên chiếc đài đặt trên bàn và dừng lại. Nghe đài trong khi cánh tay nàng quàng cổ thì quá lắm. Nhưng tôi độ chừng mình sẽ nghe điều gì đó như thế này: bởi vì các cành nhánh ướt và chính chân cánh cũng ướt, các con chim nhỏ đã rơi xuống đất không còn bay nổi nữa. Các xe ô tô chạy qua công viên nhớ trông chừng kéo cán phải chúng. Và nếu gió ấm lên, sương mù có thể đổi màu. Những làn sương màu lạ là có hại. Vì thế người nghe đài nên đóng kín cửa nếu sương mù chuyển sang màu hồng hay tím.

- Đổi màu à? - Tôi thì thảo. - Chuyển sang hồng hay tím à?

Tôi kéo màn nhìn ra. Sương mù dường như đè xuống với một sức nặng trống rỗng. Có phải vì có gió mà một bóng tối mỏng manh dường như bay quanh khác với bóng đêm thường lệ chẳng? Sự dày đặc của sương mù có vẻ vô biên, tuy nhiên vượt qua nó có một cái gì đáng sợ đang quần quai ngoằn ngoèo.

Tôi nhớ mới đây, trên đường về nhà mang theo cánh tay mượn các ánh đèn pha trước và sau của mỗi chiếc xe hơi do người đàn bà mặc áo đỏ lái đã

chiếu mờ ảo trong sương mù, một vầng khí tím mờ nhòa nhạt dường như đang lan về phía tôi. Tôi vội vã rời xa màn cửa.

- Đi nghỉ thôi. Chúng ta nghỉ.

Dường như không có ai trên thế giới còn thức. Thức quả là đáng sợ.

Gỡ cánh tay ra khỏi cổ mình mà đặt xuống bàn, tôi thay một chiếc áo ngủ kimono mới, vải hoa in. Cánh tay nhìn tôi thay áo. Tôi xấu hổ khi bị ngắm nhìn. Chưa có người đàn bà nào nhìn tôi thay áo trong phòng của tôi.

Ôm cánh tay, tôi lên giường. Tôi nằm nhìn nó, và kéo nó dịu dàng vào ngực mình. Nó nằm yên.

Thình thoảng tôi có thể nghe tiếng mưa rơi nhẹ, một âm thanh rất êm, như không phải sương mù hóa mưa mà là chính sương mù đang nhỏ giọt.

Những ngón tay mà bàn tay tôi đang nắm lấy dưới chăn đã ấm hơn; và nó cho tôi cảm giác thanh tịnh nhất, dù vẫn không ấm như nhiệt độ của chính tôi.

- Em ngủ à?

- Không, - cánh tay đáp.

- Em lạnh lẽ quá, tôi tưởng em đã ngủ.

- Anh muốn em làm gì bây giờ?

Mở kimono, tôi ôm cánh tay ấy vào ngực mình. Sự khác nhau về hơi ấm hòa lẫn nhau. Dù đêm lúc ngọt ngào, lúc lạnh giá, vẻ mượt mà của làn da vẫn tươi tắn.

Đèn vẫn sáng. Tôi đã quên tắt đi khi lên giường. - Đèn. - Tôi ngồi dậy, và cánh tay rời khỏi ngực. Tôi vội vã nhặt lên.

- Em sẽ tắt đèn chứ? - Tôi đi về phía cửa chính. - Em quen ngủ trong tối hay để đèn?

Cánh tay không đáp. Nó hẳn biết rõ. Tại sao không trả lời. Tôi đâu biết thói quen ban đêm của nàng. Tôi hình dung hai hình ảnh của cô gái ngủ trong bóng tối và ngủ trong ánh đèn. Tôi cho rằng đêm nay, thiếu một cánh tay, nàng sẽ để đèn mà ngủ. Dù sao tôi cũng muốn để đèn. Tôi muốn nhìn ngắm cánh tay. Khi cánh tay đã ngủ, tôi muốn còn thức để mà ngắm nhìn. Nhưng những ngón tay ấy đã với tới gần bên cánh cửa mà tắt điện.

Tôi trở lại nằm xuống trong bóng tối, cánh tay nằm bên mình.

Tôi nằm lặng lẽ, chờ nó ngủ say. - Không biết vì khó chịu hay sợ bóng tối, bàn tay bên tôi mở ra và liền đó năm ngón tay leo lên ngực tôi, khuỷu tay tự ý co lại và cánh tay ôm lấy tôi.

Ở nơi cổ tay cô gái có một đường gân mảnh mai. Nó nằm trên trái tim tôi, vì thế cả hai đập nhịp bên nhau. Nhịp mạch của nàng thoát tiên đập chậm hơn tôi, sau đó thì hòa nhịp. Và rồi tôi chỉ còn cảm nhận được duy có nhịp đập của mình. Tôi không biết cái nào nhanh hơn, cái nào chậm hơn.

Có lẽ sự hòa nhịp của mạch nàng và tim tôi chỉ diễn ra trong chốc lát khi tôi cố đổi tay tôi lấy tay nàng. Hay là nó thiếp ngủ đi rồi. Tôi từng nghe một người đàn bà nói rằng phụ nữ trong cơn hoan lạc quần mình vẫn chưa hạnh phúc bằng lúc nằm ngủ thanh thản bên cạnh người đàn ông, nhưng chưa bao giờ có một người đàn bà ngủ bên tôi thanh thản như cánh tay này.

Tôi nhận biết được trái tim đang đập nhịp của mình chính là do nhịp đập nằm trên nó. Giữa hai nhịp đập, có một cái gì đó chạy tới chạy lui. Khi tôi lắng nghe nhịp đập, khoảng cách dường như tăng lên. Và tuy cái gì đó chạy đi, xa vô tận, nó vẫn không gặp gì ở tuyệt đích. Nhịp đập kế tiếp lại triệu hồi nó về. Lẽ ra tôi hoảng sợ, nhưng không. Tuy vậy, tôi vẫn mò mẫm cái ngắt điện gần bên gối nằm.

Trước khi bật đèn lên, tôi lặng lẽ cuốn chăn. Cánh tay vẫn ngủ, không biết chuyện gì xảy ra. Một vệt trắng mờ thanh thoát vây bọc ngực trần tôi, như thể từ làn da đi lên, tựa như ánh tinh mơ của một mặt trời nhỏ nhoi ấm áp.

Tôi bật đèn. Năm cánh tay ở hai phía, tôi kéo duỗi ra. Tôi xoay trở nó trong đôi bàn tay tôi, nhìn ngắm trò chơi của ánh sáng và bóng tối, từ chỗ nổi vai tròn trịa xuống bắp tay thuần đầy, rồi hẹp lại trước khi nó nở nang ở khuỷu tay, hơi lõm bên trong khuỷu, xuống đến dáng mảnh mai nhưng đầy đặn ở cổ tay, bàn tay và đến tận các ngón. “Ta sẽ có nó”. Tôi không để ý là mình đã thốt ra lời.

Trong một trạng thái hôn mê, tôi lấy cánh tay phải của mình ra và thay vào đó bằng cánh tay cô gái.

Có một hơi thở gấp - từ cánh tay hay từ tôi, không biết nữa - và một thoáng co giật ở vai tôi. Tôi biết là sự thay đổi đã hoàn tất. Cánh tay cô gái bây giờ đã là của tôi - run rẩy tìm một tư thế. Tôi co nó lại đưa lên miệng mình.

- Đau không? Em có đau không?

- Không. Không chút nào. Không chút nào.

Những lời buông ra đứt quãng.

Cơn rùng mình lướt qua tôi như một ánh chớp. Tôi ngậm các ngón tay ấy.

Với các ngón tay cô gái trong miệng, tôi nói lên hạnh phúc của mình dù không thành tiếng.

- Vâng. Không sao, - cánh tay đáp. Sự run rẩy đã ngừng. - Tôi được dặn là chiều ý anh. Tuy nhiên...

Tôi chợt nhận ra có điều bất ổn. Tôi có thể cảm thấy các ngón tay cô gái trong miệng mình, nhưng các ngón tay bây giờ chính là các ngón tay tôi thì lại không cảm thấy gì, không có cảm giác là đang sờ môi hoặc răng tôi. Hốt hoảng, tôi đóng đưa cánh tay nhưng không cảm thấy nó đóng đưa. Có một sự đứt đoạn giữa cánh tay và bờ vai.

- Máu chưa thông, - tôi kêu lên. - Có thông hay không?

Lần đầu tiên tôi chết khiếp. Tôi bật dậy trên giường. Cánh tay của chính tôi đã rơi nằm bên tôi. Tách ra khỏi tôi, nó trở nên một vật khó coi. Nhưng quan trọng hơn, - mạch máu có ngừng đập không? Cánh tay cô gái ấm áp và mạch đang đập, còn tay tôi thì có vẻ cứng đờ và lạnh giá. Với cánh tay cô gái, tôi cầm lấy cánh tay rời của tôi. Tôi cầm nó, nhưng không cảm giác.

- Mạch còn không? - Tôi hỏi cánh tay. - Lạnh rồi à?

Có một vẻ gì nữ tính hiện rõ trong giọng nói ấy. Bây giờ cánh tay đã nối liền vai tôi và trở thành tay tôi, nó lại ra vẻ nữ tính hơn trước.

- Mạch không ngừng chứ?

- Anh đáng tin hơn.

- Gì?

- Anh đã đổi tay cho tôi, phải không nào?

- Máu đang thông chứ?

- Cô ơi cô tìm ai? Cô biết đường đi chứ? Cô ơi, tại sao cô khóc? Ai mà cô tìm? - Tôi thường nằm mơ và đang đêm thức dậy cứ nhủ thầm như thế.

Dĩ nhiên “tôi” ở đây chính là người có cánh tay quấy rối, cánh tay ở đầu vai tôi. Lời từ kinh thánh như được thốt lên với một giọng nói vĩnh cửu, từ một nơi chốn vĩnh cửu.

- Nàng có ngủ không? - Tôi cũng nói về cô gái ấy. - Nàng có ác mộng không? Sương mù này tha hồ ác mộng đi rong. Nhưng hơi ẩm này thì quỷ sứ cũng phải ho.

- Đừng nghe gì hết. - Cánh tay cô gái còn cầm cánh tay rời của tôi đưa lên che lấy lỗ tai tôi.

Dù bây giờ nó đã là cánh tay phải của tôi rồi nhưng cử động dường như không do tôi muốn mà do tự ý nó, từ trong lòng nó. Tuy vậy chẳng lấy gì làm phân biệt.

- Mạch. Tiếng mạch đập.

Tôi nghe thấy mạch ở cổ tay tôi đang đập vì nó đang kề sát lỗ tai tôi. Cánh tay cô gái đã đưa nó lên.

Cánh tay tôi vẫn ấm - như cánh tay cô gái đã nói, chỉ hơi mát hơn các ngón tay nàng và vành tai tôi một chút.

- Tôi sẽ xua quỷ sứ đi.

Tinh nghịch, dịu dàng, các móng tay dài thanh mảnh của nàng cào nhẹ tai tôi. Tôi lắc đầu. Bàn tay trái của tôi - của tôi từ bao giờ - nắm lấy cổ tay phải của tôi - thật ra là của cô gái.

Khi tôi ngả đầu ra sau, tôi nhìn thấy ngón út của cô gái.

Bốn ngón tay của nàng bện nắm cánh tay mà tôi đã lấy ra khỏi bờ vai phải của mình. Chỉ còn lại ngón út - phải chăng chỉ mình nó là được phép chơi đùa - nó đang uốn cong theo cách mà chỉ có bàn tay mềm dẻo của một cô gái mới làm nổi chứ tay cứng như tôi đành chịu. Nó làm thành một hình vuông và cạnh đáy là ngón áp út.

Nó làm thành một cửa sổ ngay tầm mắt tôi. Hoặc có lẽ là một lỗ nhìn trộm hay một kính mắt, chứ so với cửa sổ thì nó quá nhỏ; thế nhưng tôi vẫn liên tưởng tới một khung cửa sổ. Loại cửa sổ mà một cây hoa tím có thể nhìn qua. Cửa sổ ngón tay út, kính mắt gọng ngón tay, trắng muốt đến độ tỏa ra một ánh sáng nhẹ. Tôi kéo nó lại gần mắt mình và nhắm một mắt lại.

- Xem qua lỗ nhòm à? - Cánh tay hỏi. – Thấy gì thế?

- Căn phòng cũ bụi bặm. Năm ngọn đèn. - Hầu như chưa nói dứt câu tôi đã hét. - Không, không! Tôi thấy nó!

- Anh thấy gì?

- Tan rồi.

- Anh thấy gì?

- Một màu sắc. Một vệt tím. Và trong nó là những vòng tròn nhỏ, những hạt nhỏ đỏ và vàng, xoay thành vòng xoáy.

- Anh mệt rồi. - Cánh tay cô gái bỏ cánh tay phải của tôi xuống, và các ngón tay nàng dịu dàng vuốt mi mắt tôi.

- Có phải những hạt vàng và đỏ quay trong một bánh xe có răng khổng lồ? Tôi đã nhìn thấy cái gì đó trong bánh xe có răng, cái gì đó hiện ra rồi biến mất?

Tôi không biết mình thật sự nhìn thấy hay không? - Một ảo ảnh bay biến không lưu lại kí ức. Tôi không thể nhớ nó là cái gì.

- Đó là một ảo ảnh mà anh muốn chỉ cho em?

- Không. Tôi sẽ xóa nó đi.

- Của những ngày đã qua. Của khát vọng và buồn phiền.

Trên mi mắt tôi, các ngón tay của nàng thôi ve vuốt. Tôi đã bất ngờ hỏi nàng:

- Có khi nào em để tóc xỏa vai?

- Có chứ. Em gội nó bằng nước nóng, nhưng về sau chắc là do tính nước đôi của mình, em gội nước lạnh. Em thích cảm giác tóc mát lạnh trên vai, cánh tay và cả ngực.

Tất nhiên là đối đáp với một cô gái. Ngực nàng chưa có người đàn ông nào chạm tới, hẳn nàng khó diễn tả cảm giác mái tóc lạnh ướt trên ngực. Còn cánh tay tách rời khỏi thân, có tách cả nổi thẹn thùng và e dè không?

Tôi lặng lẽ dùng bàn tay trái nắm lấy bờ vai tròn đầy hiện đang thuộc về tôi. Dường như tôi đang giữ trong tay mình vẻ tròn đầy, tuy không lớn của ngực nàng. Vẻ tròn đầy của vai trở nên vẻ tròn đầy êm dịu của bộ ngực.

Bàn tay nàng dịu dàng đặt lên mi mắt tôi. Những ngón tay áp xuống và mi mắt như ấm lên. Hơi ấm lan vào mắt tôi.

- Máu đang thông, - tôi lặng lẽ nói. - Nó đang thông.

Đó chẳng phải là tiếng kêu ngỡ khi tôi nhận thấy cánh tay tôi đã đổi tay nàng. Không có rung mình và co giật nơi cánh tay cô gái hay ở vai tôi.

Khi nào mà mà máu tôi bắt đầu chảy qua cánh tay, và máu nàng chảy qua tôi? Khi nào sự gián đoạn ở vai tan biến?

Dòng máu trong lành của cô gái giờ đây, ngay lúc này, chảy qua tôi nhưng lẽ nào không bức mình khi cánh tay trở về với cô gái, dòng máu đàn ông bắn thiu này đã chảy qua nó? Nếu nó không chịu nổi vào vai nàng thì sao?

- Chớ mà phản bội, - tôi lẩm bẩm.

- Không sao đâu, - cánh tay thì thào.

Không có cảm xúc như giữa cánh tay ấy và bờ vai tôi, máu cứ chảy qua lại. Bàn tay của tôi nằm bờ vai phải và cả bờ vai bây giờ thuộc về tôi, có một hiểu biết tự nhiên về sự kiện. Chúng ta đã biết rồi. Sự nhận biết ấy khiến chúng ngủ thiếp đi.

Tôi ngủ.

Tôi bồng bềnh trên một làn sóng vĩ đại. Sương mù vây quanh chuyển màu tím nhạt, chỉ một mình tôi nằm trên những gợn sóng xanh phớt của làn sóng lớn. Nỗi cô đơn ẩm ướt trong phòng đã tan biến.

Bàn tay trái tôi dường như nằm xuôi trên cánh tay phải của cô gái. Dường như các ngón tay nàng đang nắm nhị hoa mộc lan. Tôi không nhìn thấy nhưng ngửi thấy mùi. Chúng tôi đã ném đi - vậy lúc nào và làm sao mà nàng gom nhị hoa trong tay? Các cánh hoa trắng chỉ mới một ngày chưa rơi, thế thì sao nhị lại rơi? Chiếc xe hơi của người đàn bà áo đỏ lướt qua, vẽ một vòng tròn lớn mà tôi đang ở giữa. Dường như nó đang canh giữ giấc ngủ chúng tôi, cánh tay và tôi.

Chẳng phải ngủ say, nhưng chưa bao giờ tôi ngủ ấm áp như thế, êm đềm đến thế. Một người khó ngủ, chưa bao giờ tôi ngủ ngon một giấc trẻ thơ thế này.

Móng tay dài và hẹp mảnh mai cào nhẹ lòng bàn tay tôi, và sự đụng chạm dịu dàng làm tôi chìm sâu vào giấc ngủ hơn. Tôi tan biến.

Tôi choàng dậy kêu la. Hầu như lăn ra khỏi giường và lao đảo ba bốn thước.

Tôi thức giấc khi đụng phải cái gì đó gớm guốc. Chính là cánh tay phải của tôi.

Trấn tĩnh lại, tôi nhìn xuống cánh tay trên giường. Tôi nín thở, tim đập mạnh, toàn thân run rẩy. Vừa nhìn thấy cánh tay là lập tức tôi lấy cánh tay cô gái ra khỏi vai mình và gắn lại tay tôi. Hành động tựa như giết người theo một động lực quỷ quái bất ngờ.

Tôi quỳ xuống áp ngực vào thành giường và xoa trái tim điên cuồng của mình với bàn tay vừa có trở lại. Khi nhịp đập chậm lại, một nỗi buồn dâng lên từ sâu thẳm hơn đáy sâu trong tôi.

- Cánh tay nàng đâu?

Tôi ngẩng đầu lên. Nó nằm ở chân giường, giữa lòng bàn tay trong đống chăn. Các ngón tay duỗi dài không động đậy. Cả cánh tay trắng mờ trong ánh sáng nhạt.

Kêu lên thảng thốt, tôi chộp lấy nó và ghì vào ngực mình.

Tôi ôm nó như ôm một em bé vừa mất đi đời sống. Tôi nâng các ngón tay lên môi mình. Phải chi giọt sương của người đàn bà sẽ ứa ra từ giữa những móng tay dài và đầu ngón tay!

(1963-1964)

NHẬT CHIÊU dịch

(Lấy từ Tuyển tập truyện ngắn hiện đại Nhật Bản,
nhiều tác giả, Tập 1, Nhà xuất bản Trẻ, 1996)

VỊNH CÁNH CUNG

Tae vào phòng khách nói với bố rằng có một phụ nữ hỏi ông, bà ta bảo quen ông ba chục năm trước đây, ở thị trấn Umiura. Kasumi mời người đàn bà vào phòng khách.

Nhà văn Kasumi hầu như ngày nào cũng có những người khách ông không quen và cũng không hề chờ đợi. Chiều nay, một buổi chiều tháng chạp ấm áp khác thường, ông cũng có khách như mọi khi - ba người đến cùng một lúc. Mỗi người có một việc riêng với Kasumi, nhưng bây giờ, họ cùng ngồi trò chuyện với ông.

Bà khách mới đẩy cửa vào, cúi chào, nhưng chưa vào ngay, hình như bà ngại ngùng khi trông thấy mấy người khác. Kasumi vội nói:

- Mời bà vào đây.

- Tôi bối rối quá. - Bà ta cất tiếng, giọng hơi run - Đã bao nhiêu năm chúng ta chưa gặp nhau... Họ của tôi là Thay. Chắc ông nhớ tôi. Bây giờ, lấy theo họ chồng, tôi là Murano.

Kasumi chăm chú nhìn bà khách mới vào. Bà ta trông khá trẻ, mặc dù có lẽ đã ngoài năm mươi tuổi. Đôi má trắng trẻo của bà ta thoáng ửng hồng. Mắt bà ta to tròn như thiếu nữ, chắc hẳn vì vẫn giữ được không bị béo phì như nhiều phụ nữ ở lứa tuổi ấy.

- Ông Kasumi, trông ông vẫn như xưa... - Người đàn bà nói tiếp, cặp mắt long lanh vui sướng nhìn Kasumi. Ông thì nhìn bà ta vẫn bằng ánh mắt không biểu lộ gì, ông đang cố nhớ xem bà ta là ai. - Ông hoàn toàn chẳng thay đổi gì. Cả khuôn mặt trái xoan, cả đường nét cái cằm, cả khuôn vai - tất cả vẫn hệt như xưa...

Kasumi hơi khó chịu khi bị đem ra mô tả như thế. Cảm giác ngỡ ngàng lại càng tăng thêm khi ông thấy mình không nhớ bà ta chút nào.

Người đàn bà ăn mặc rất khiêm nhường. Cả dải dây lưng dài bằng lụa, cả chiếc kimono, cả chiếc khaori màu đen trên ống tay có thêu hình gia huy - tất cả đều bình thường và sồn cũ. Trên các ngón tay của hai bàn tay bé nhỏ không đeo một chiếc nhẫn nào. Nhưng bà ta không gây ấn tượng một người phụ nữ mệt mỏi với những gian truân trong cuộc đời. Bà ta nhanh nhẹn và có gương mặt thanh tú rất sống động.

- Ông Kasumi, ông có nhớ cách đây ba mươi năm ông đã tới thị trấn Umiura không? Chính dịp ấy ông đã đến chơi nhà tôi, đã vào phòng tôi. Có thể ông đã quên cuộc gặp gỡ rồi... Buổi chiều, ngày lễ, ở đền.

- Thật ư?...Lạ nhỉ...

Nghe thấy bà khách nói xưa kia ông đã đến chơi nhà bà ta, lại còn cả vào phòng riêng của bà ta. Kasumi cố lục lại trí nhớ để tìm dấu vết sự quen biết. Ba mươi năm trước đây chắc bà ta xinh đẹp lắm...Còn ông, hồi ấy ông còn chưa có vợ, ông mới hai mươi lăm tuổi...

- Lần ấy ông đi cùng Hiroshi Kida và Kuro Akijama trong chuyến đi vùng Kusu của họ. Ông cùng với họ từ Nagasaki tới thị trấn Umiura chúng tôi dự buổi khai trương một tờ báo mới...

Nhà văn Hiroshi Kida và nhà văn Kuro Akijama - bây giờ cả hai đều đã qua đời - nhiều hơn ông khoảng mười tuổi. Cách đây ba mươi năm, họ đang ở đỉnh cao vinh quang và họ bảo trợ ông, một nhà văn trẻ hai mươi lăm tuổi. Quả thật vào những năm ấy họ có đến Nagasaki. Ông biết điều này vừa qua những ghi chép đi đường, vừa qua các truyện ngắn của họ. Chuyến đi ấy bây giờ chắc nhiều người cũng biết.

Nhưng bà khách này đang nói gì thế nhỉ? Chẳng lẽ hai nhà văn nổi tiếng ấy cho ông cùng đi tới Nagasaki khi ông mới vào nghề viết, mà ông lại không nhớ gì, Kasumi bắn khoản tự hỏi. Ông căng óc ra cố nhớ lại, thì trong kí ức ông hiện ra rõ nét hình ảnh hai nhà văn đáng kính ấy, ông nhớ lại nhiều trường hợp họ nâng đỡ ông, giúp đỡ ông trong lúc khó khăn. Dần dần, ông

đắm mình vào cảm giác man mác buồn thường kèm theo các kỉ niệm, và điều ấy có lẽ phản ánh lên gương mặt ông.

- Đấy, ông đã nhớ lại rồi đấy, - bà khách xúc động nói. - Lần ấy, ngay trước khi ông đến, tôi đã cắt ngắn tóc và làm kiểu đầu mới. Ông có nhớ lúc đó tôi còn nói rằng vì chưa quen nên tôi thấy cứ thế nào ấy và lạnh cả tai... Bây giờ là cuối thu. Ở thị trấn chúng tôi bắt đầu có một tờ báo, tôi vào đó làm phóng viên nên mới cắt tóc ngắn. Khi ông nhìn cái cổ để lộ ra của tôi, tôi giật mình như bị kim châm, và tôi ngoảnh đi. Còn khi chúng ta vào phòng riêng của tôi, ông nhớ không, tôi lập tức mở cái hộp đựng cái dải băng buộc tóc khoe với ông. Có lẽ lúc tôi muốn chứng minh với ông rằng mới đấy tóc tôi còn dài lắm. Ông rất ngạc nhiên thấy tôi có bao nhiêu là băng. Tôi luôn thích các dải băng, từ hồi nhỏ...

Mấy người khách kia im lặng. Họ cho rằng bây giờ chủ nhà chú ý nhiều tới bà khách vừa mới đến là hoàn toàn đương nhiên. Ngoài ra, trong cách xử sự của bà ta có một cái gì đó buộc họ phải im lặng cho nên họ chỉ ngồi, để mặc hai người nói chuyện và làm ra vẻ như không nghe thấy hai người nói chuyện gì.

- Sau lễ khai trương tờ báo, chúng ta đi từ trên đồi xuống mé biển. Hoàng hôn đỏ rực như thế cả thế giới sắp bốc cháy. Ông Kasumi, đến bây giờ tôi vẫn nhớ lời ông nói: “Cả ngôi trên các mái nhà, cả mặt cô - tất cả xung quanh đều như bằng đồng đỏ...” Tôi đáp lại rằng Umiura nổi tiếng về cảnh hoàng hôn đẹp! Đúng là như vậy. Đến bây giờ tôi vẫn thường nhớ lại cảnh hoàng hôn ở đó...

Nhưng hôm chúng ta gặp nhau, hoàng hôn đẹp một cách đặc biệt.

Vịnh biển cắt dài bờ núi non thành một hình bán nguyệt, giống như cái cung, bởi vậy thị trấn đó được gọi là Umiura - Vịnh cánh cung và màu sắc hoàng hôn ở sâu trong vịnh như đậm thêm, rực rỡ hơn. Còn bầu trời vẫn mây hôm đó như thấp hơn mọi khi, và đường chân trời thì gần một cách kì lạ, tưởng như đàn chim đổi mùa chẳng còn nơi nào mà bay. Màu nước trong vịnh rực rỡ đến nỗi cứ như bầu trời không chỉ phản chiếu trong đó,

mà là trút xuống đó toàn bộ dự trữ sắc màu đỏ rực của mình. Trên mặt vịnh có những con thuyền trang hoàng cờ hoa tươi thắm. Ngồi trong thuyền là những đứa trẻ ăn mặc đẹp đẽ, chúng đánh trống và thổi sáo. Ông nhìn những chiếc thuyền ấy và bỗng nói: “Có lẽ cả trời cả biển sẽ đều bốc cháy nếu ta châm một que diêm vào quần áo đỏ của những đứa trẻ kia”. Ông nhớ không?

- Lạ thật, tôi không nhớ gì cả...

- Trí nhớ tôi cũng kém đi nhiều sau khi tôi lấy chồng. Không hiểu sao tôi hay quên quá. Chắc là vì trong cuộc đời có quá ít những niềm vui sướng đáng để ta lưu giữ trong kí ức... Nhưng nếu bận rộn và hạnh phúc như ông, có lẽ người ta cũng không nhớ được những điều vụn vặt. Mà cũng chẳng cần nhớ làm gì... Còn đối với tôi, thời gian tốt đẹp nhất trong đời là những ngày tháng tôi ở Umiura.

- Bà ở đó lâu không? - Kasumi hỏi để duy trì câu chuyện.

- Không, không lâu. Nửa năm sau cuộc gặp gỡ của chúng ta, tôi lấy chồng và đến ở Numatzu. Bây giờ các con tôi đã lớn. Cháu trai tốt nghiệp đại học và đi làm, còn cháu gái đã đính hôn... Tôi sinh ra và sống một thời gian dài ở Sidzuska, nhưng sau đó tôi bất hòa với mẹ ghẻ, nên tôi được gửi tới một gia đình họ hàng ở Umiura. Ngay sau khi tới đó, để phản kháng, tôi vào làm ở tòa báo. Nhưng ít lâu sau bố mẹ tôi biết, liền gọi tôi về và gả chồng cho tôi ở Numatzu. Cho nên tôi ở Umiura vền vẹn có bảy tháng...

- Thế chồng bà làm gì?

- Ông làm giáo trưởng đền Sinto ở Numatzu.

Kasumi không quen ai thuộc giới ấy, cho nên với một hứng trí mới mẻ ông đưa mắt nhìn bà khách, nhìn vầng trán cao đẹp đẽ của bà ta chỉ có một món tóc che ở giữa. Bây giờ người ta đã quên cả tên kiểu tóc như thế kia - “fudzi” lại cuốn hút sự chú ý của Kasumi.

-...Trước kia chồng tôi khá giả lắm, và chúng tôi sống rất sung túc. Nhưng sau chiến tranh, đời sống ngày càng tồi tệ... Tôi được con cái tôn trọng, chứ chồng tôi thì cả hai đứa chúng nó đều hay cãi lại.

Chỉ bằng một câu ấy, người đàn bà đã để lộ ngay cho Kasumi thấy sự trục trặc trong gia đình bà sâu sắc nhường nào.

- Đền Sinto ở Numatzu lớn hơn nhiều so với ngôi đền ở Umiura, ông nhớ không, đó là nơi chúng ta gặp nhau trong buổi lễ hôm ấy...Đền ở Numatzu lớn, nên cai quản không dễ. Bây giờ chồng tôi lại còn bị buộc tội là đã tự ý bán một mảnh đất ở khu vườn của đền...Mà ông biết không, tôi đến Tokyo thế này là tôi giấu chồng tôi đấy!

-...?

- Trí nhớ con người thật đáng quý! Con người ta có thể nhớ được quá khứ bất chấp mọi thử thách của đời thường - năng lực ấy là món quà tặng lớn lao của ông trời. Ông Kasumi, ông có nhớ khi chúng ta từ trên đồi xuống biển, lúc đi qua ngôi đền bên trong đang có lễ cầu nguyện, ông nói: “Chúng ta không nên ghé vào, trong đó rất nhiều trẻ con”. Gần ngôi đền ở hôm đó chứa nước rửa mặt, có một khóm hải đường với vài bông hoa trắng...Đến tận bây giờ tôi vẫn nghĩ - người nào trồng khóm cây ấy chắc phải có một tâm hồn dịu dàng và trong sạch lắm...

Kasumi không còn nghi ngờ gì nữa - trong các kỉ niệm của người đàn bà này, ông như là người tham gia và chứng kiến tất cả những sự kiện nho nhỏ ở Umiura. Và dưới tác động câu chuyện bà ta kể, ông có cảm giác quả thật ông đang nhớ lại được cả dải bờ vịnh uốn cong đỏ rực trong ánh hoàng hôn, cả khóm hoa hải đường. Nhưng đồng thời ông cũng cảm thấy không thể đi cùng với người đàn bà này trong chuyến đi của bà ta vào thế giới kỉ niệm mà bà ta cố kéo ông vào.

Thời gian gần đây trí nhớ của Kasumi kém đi nhiều. Nói chuyện với một người quen cũ, lắm khi ông chợt phát hiện ra rằng mình không sao nhớ ra tên người đó. Tình trạng này vừa đáng lo ngại vừa đáng sợ. Như bây giờ

chẳng hạn, ông cố nhớ lại chuyến đi Umiura, và do căng óc ra như thế mà không ăn thua gì, đầu ông nhức như búa bổ.

- Căn phòng của tôi ở Umiura rất khiêm nhường...ông chỉ vào đó có mỗi một lần... Và đây, chúng ta đã gặp nhau sau ba mươi năm...

Kasumi cố gắng mấy cũng không nhớ lại được căn phòng của bà ta. Do cố quá, lông mày ông nhíu lại, mặt ông đăm đăm. Bà khách thấy vậy vội nói:

- Tôi xin lỗi vì đường đột đến đây. Tôi đã chờ rất lâu một dịp gặp ông. Tôi rất mừng. Tôi... tôi còn muốn nói rất nhiều điều với ông...ông cho phép tôi đến thăm ông lần nữa chứ?

- Rất vui lòng.

Chắc hẳn người đàn bà e ngại mấy người khách kia nên nói chưa hết những gì muốn nói. Khi Kasumi ra phòng ngoài để tiễn bà ta, ông sửng sốt trước sự thay đổi đột ngột của người phụ nữ này. Động tác của bà ta trở nên yếu ớt và kiệt sức, như thể các bắp thịt bỗng không chịu tuân theo ý bà ta nữa. Người phụ nữ chỉ cảm thấy yếu ớt như vậy trước người nào đã từng có lần ôm mình.

- Cô gái ban nãy đưa tôi vào nhà là con gái ông?

- Vâng.

- Rất tiếc là tôi không được gặp vợ ông.

Kasumi không đáp. Ông đi đằng trước. Đến cửa, ông ngoảnh về phía bà ta và hỏi:

- Bà bảo tôi có vào phòng riêng của bà?

- Vâng. - Bà khách nói, quay nửa người về phía ông. - Và tại đó, ông đã ngỏ lời với tôi...

- Gì kia?

- Nhưng tôi đã đính hôn với người chồng tôi hiện nay của tôi và tôi đã nói với ông điều đó, tôi từ chối ông... mặc dù...

Tim Kasumi như thất lại. Dù trí nhớ ông kém đến đâu, nhưng quên mất và không thể nhớ lại cô gái mà xưa kia ông đã ngỏ lời thì không còn là một điều buồn cười nữa, mà là một điều đáng sợ. Ngay hồi còn trẻ, ông cũng đâu có dễ dàng tỏ tình đến thế.

- Ông Kasumi, lúc ấy ông đã hiểu tôi một cách đúng đắn, - bà khách nói, và mắt bà ta ứa lệ. Đôi tay run run, bà ta lấy từ trong xắc ra một tấm ảnh.

- Đây là các con tôi. Con gái tôi đã cao hơn tôi, nó rất giống tôi hồi trẻ.

Nhìn tấm ảnh, Kasumi thầm tự hỏi: lẽ nào xưa kia đúng là ông đã gặp cô gái này và ngỏ lời với cô?

- Hôm nào tôi sẽ tới đây cùng với con gái tôi. Có thể ông muốn nhìn xem hồi trẻ trông tôi như thế nào, - giọng bà khách nhe nhào. - Tôi đã kể về ông cho các con tôi nghe. Chúng đã biết hết chuyện, ông Kasumi ạ, và chúng nói về ông rất triu mến... Còn điều này nữa - cả hai lần mang bầu, tôi đều rất yếu, thậm chí tôi thường bị ngất luôn. Nhưng ông biết không, đôi khi tôi có cảm giác như đứa con trong bụng tôi là con ông, thế là tôi dễ chịu hơn. Thật kì lạ, phải không ông? Nhiều lần, tôi chợt thấy mình muốn giết chồng... Cả chuyện ấy, các con tôi cũng biết.

- Sao lại thế? Không thể được. Như vậy không tốt...

Kasumi ngừng bật, không tìm ra lời để nói, nhưng có một điều ông thấy rất rõ: người đàn bà này rất bất hạnh, bất hạnh lắm lắm. Và gia đình bà ta cũng vậy. Mà nguyên nhân là ông, Kasumi... Nhưng... biết đâu các mơ tưởng về ông đã làm dịu lòng bà ta, đã đem lại cho cuộc đời đau khổ của bà ta ít nhiều niềm vui. Và niềm vui, bà ta đem chia sẻ cả với hai đứa con...

Kasumi cảm thấy mình rất có lỗi với người phụ nữ này, làm sao trong kí ức ông lại không lưu giữ được, lại đã biến mất hết tất cả những kỉ niệm mà bà ta trân trọng đến thế.

- Ông có muốn giữ tấm ảnh này không? - Bà ta hỏi.

- Không, không cần đâu, - Kasumi lắc đầu, đáp.

Bà khách thông thả đi ra cổng. Rồi đi khuất hẳn.

Kasumi quay vào phòng khách, tay cầm cuốn bản đồ chi tiết nước Nhật và cuốn Từ điển địa danh. Cùng với mấy người khách, ông lật giở cả cuốn bản đồ, cả cuốn từ điển, nhưng trên đảo Kusu cũng như trên các đảo khác đều không đâu có thị trấn Umiura.

- Lạ nhỉ. - Kasumi nói, rồi nhắm mắt lại, ông hồi tưởng. - Như tôi nhớ thì trước chiến tranh tôi chưa có dịp tới Kusu...Phải rồi, đúng là chưa. Lần đầu tiên tôi đến đó là hồi chiến tranh, tôi đến Nagasaki để xem hậu quả của bom nguyên tử...Trong lần này, một người ở đó có kể cho tôi nghe về chuyến viếng thăm của hai nhà văn Kida và Akijama...

Mấy người khách mỉm cười bàn luận về những ảo tưởng của bà khách do trí tưởng tượng của bà ta tạo ra. Cả ba người đều cho rằng bà khách không hoàn toàn bình thường. Nhưng Kasumi im lặng. Ông không thể bảo đảm cái đầu của chính ông đã ổn cả. Ông chẳng đã tin câu chuyện của người phụ nữ ngay từ đầu, lại còn bỏ ra bao nhiêu thời gian và sức lực để cố nhớ lại bà ta đó sao. May mà lần này tất cả chỉ là tưởng tượng - đơn giản là không hề có thị trấn Umiura. Nhưng biết bao sự việc có thật trong đời ông đã bị ông quên hẳn lại vẫn sống trong kí ức những người ông không quen biết... Vẫn sống không phai mờ như ở người phụ nữ này. Và cả sau khi ông qua đời, bà ta cũng sẽ vẫn tin rằng xưa kia, ở thị trấn kia, ông đã ngỏ lời với bà ta.

MỸ HÀ dịch

(Lấy từ Truyện ngắn Nhật Bản,

hiều tác giả, Nhà xuất bản Trẻ, 2000)

Truyện ngắn trong lòng bàn tay

Nhiều người dịch

MỤC LỤC

[Cốt - Thụy Khuê dịch](#)

[Miền ánh sáng - Hoàng Long dịch](#)

[Con châu chấu và con dế đeo chuông - Xuân Anh dịch](#)

[Bến tàu - Hoàng Long dịch](#)

[Bình dể vỡ - Hoàng Long dịch](#)

[Người đàn bà hóa thân vào lửa - Hoàng Long dịch](#)

[Chiếc nhẫn - Hoàng Long dịch](#)

[Địa tạng vương bồ tát Oshin - Hoàng Long dịch](#)

[Gương mặt khi ngủ - Hoàng Long dịch](#)

[Sắc màu - Hoàng Long dịch](#)

[Gương mặt người chết - Hoàng Long dịch](#)

[Tạ ơn - Hoàng Long dịch](#)

[Tên trộm hồ đào - Hoàng Long dịch](#)

[Tia nắng rạng đông - Hoàng Long dịch](#)

[Hiện hữu thần linh - Hoàng Long dịch](#)

[Đôi giày mùa hạ - Hoàng Long dịch](#)

[Lời nguyện cầu của xứ nữ - Hoàng Long dịch](#)

[Yuriko - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Đôi mắt của mẹ - Hoàng Long dịch](#)

[Sấm mùa thu - Nhật Chiêu dịch](#)

[Gia đình - Hoàng Long dịch](#)

[Người đàn ông không cười - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Gà trống và vũ nữ - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Trang điểm - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Mưa phùn - Hoàng Long dịch](#)

[Gương mặt - Hoàng Long dịch](#)

[Cây lựu - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Cây hoa trà - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Cây mận - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Chim dẻ cùi - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Mùa hè và mùa đông - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Thuyền lá tre - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Những quả trứng - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Những con rắn - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Tiếng tre, hoa đào - Nguyễn Hào dịch](#)

[Bộ đôi cười ngựa - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Cao xanh lồng gió - Hoàng Long dịch](#)

[Trái đất - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Hoa quỳnh - Đào Thị Thu Hằng dịch](#)

[Bất tử - Nhật Chiêu dịch](#)

[Tuyết - Hoàng Long dịch](#)

[Tính nữ - Hoàng Long dịch](#)

[Tình yêu đáng sợ - Hoàng Long dịch](#)

[Từ hàng lông mày - Hoàng Long dịch](#)

Cổ hương - Hoàng Long dịch

Nước - Hoàng Long dịch

Cánh rùng trong gương - Nhật Chiêu dịch

Gương mặt - Hoàng Long dịch

Tấm ảnh - Quỳnh Chi dịch

Trang điểm - Đào Thị Thu Hằng dịch

CỐT

Trong thung lũng có hai cái ao.

Ao dưới óng ánh như ao bạc, ao trên một màu xanh lướt chết chóc, cuốn xuống đáy sâu những bóng núi thâm lặng.

Mặt mày nhày nhựa. Tôi ngoái lại thấy máu dính trên bụi cỏ và tre càng cua mình vừa bước qua. Những giọt máu như đang đi.

Máu mũi lại tuôn ra từng đợt nóng hổi.

Quýnh quá, tôi tóm bừa một góc vải thắt lưng đút nút lỗ mũi, rồi nằm vật ra.

Mặt trời không rọi thẳng vào người nhưng phản chiếu trên những chòm lá làm tôi chói mắt.

Máu mũi bị chặn nửa đường, chạy ngược trở lại còn ghê hơn, nó òng ọc lên theo nhịp thở.

Tiếng ve inh ỏi đầy ắp bầu khí núi, một con bống dưng mắc chứng la hoảng lên. Trời gần trưa tháng Bảy, không gian căng mỏng như thể một mũi kim rơi cũng làm long trời lở đất. Tôi như bị tê liệt.

Nằm dài mồ hôi vã ra, tôi mặc cho tiếng ve âm ì, màu xanh lá cây áp đảo, mùi đất ẩm, tiếng tim đập, cùng chui tuốt vào đầu nằm chết cứng trong đó rồi thoát cái lại ào ra tản mát đâu mất.

Tôi có cảm tưởng nhẹ hẫng như mình bị hút lên trời.

- Cậu ơi! Cậu ơi! Cậu đâu rồi?

Nghe thấy tiếng gọi từ nghĩa địa, tôi vùng dậy.

Sáng nay đến lợm xương ông nội sau lễ tang hôm qua, trong lúc đang cời than hầy còn ấm, tôi chảy máu cam, bèn lén rời lò thiêu trèo lên đồi, đút nút lỗ mũi với giải thắt lưng vải.

Trượt nhanh xuống dốc. Ao bạc nghiêng đi, dao động, rồi biến mất. Tôi lướt mình trên lá vàng năm ngoái.

U già bảo:

- Kia, vô tâm quá mất thôi, cậu chạy đâu nãy giờ? Nhanh lên, lại đây mà xem, đã tìm thấy “ông Phật” của cụ rồi!

Tôi đập tre càng cua chạy lại.

- Vậy hả? Đâu? Đâu?

Lại gần u, tôi hơi lo vì vừa chảy máu cam chắc mắt còn nhọt nhọt và giải thắt lưng đâm máu.

Mọi người chăm chú nhìn lòng bàn tay u nhàu nát như tờ giấy bản, một mảnh xương nhỏ bằng đầu ngón tay đặt trên mẫu giấy trắng.

Chắc là “ông Phật trong hòng” (xương yết hầu, người Nhật gọi là ông Phật). Nhìn kỹ thấy hơi giống hình người.

- Mãi mới tìm thấy. Cụ đấy, cụ còn có thể này đấy. Cậu đặt cụ vào tiểu đi.

- Chỉ nói vớ vẩn! - Tôi không ngăn được cảm giác như ông vẫn ngồi đó, chờ tiếng kẹt cửa mỗi khi tôi về, đôi mắt mù lòa rục lên niềm vui. Tôi lấy làm lạ thấy một người đàn bà không quen mặc bộ đồ nhiễu đen đứng đó. Mọi người bảo là cô tôi.

Trong tiểu để cạnh bà cô, lộn xộn lèn đầy xương chân, xương tay, xương cổ.

Lò thiêu không tường, không mái, chỉ là một lỗ thôn dài.

Một mùi khó ngửi trong than bốc ra.

[...]

- Ra mộ nhà đi! Ở đây nặng mùi và thiếu ánh sáng. Thấy chóng mặt và lo máu cam lại chực chảy nữa, tôi giục.

Anh người nhà mang tiểu theo sau. Tro để lại trong lò, chiếu trải cho mọi người lễ hôm qua cũng lăn lóc bỏ lại. Những cột tre bọc giấy bạc vẫn cắm nguyên xuống đất.

Trên đường đến phần mộ nhà, tôi nhớ lại những lời nhảm nhí mọi người kể: đêm trước ông tôi biến thành ngọn lửa ma trời xanh, bay khỏi miếu, vào bệnh viện, qua các phòng bệnh nhân truyền nhiễm, trải lên đầu làng mùi khó ngửi trước khi lên trời.

Phần mộ gia đình khá xa, ở ngoài vùng nghĩa địa có lò thiêu của làng.

Mọi người đi tới khu mộ nhà có hàng bia đứng.

Tôi chẳng còn thiết gì, muốn nằm xuống đất hít thở bầu trời xanh.

Vú già đặt bình nước vừa lấy dưới thung lũng xuống và bảo:

- “Nguyện vọng cuối cùng của cụ là được chôn trong mộ cụ tổ”. Vú trịnh trọng nhấn mạnh những chữ nguyện vọng cuối cùng. Hai chú -muốn tỏ cho mấy anh người nhà biết đây không phải là việc của họ- tự đánh đổ cái bia cao nhất rồi đào xuống chân bia. Lòng mộ vừa tìm thấy chắc phải sâu lắm. Tôi nghe tiếng tiểu rơi trong lòng đất.

Việc gì phải để những mảnh xương tàn trong mộ tổ? Một khi đã chết, có còn gì đâu. Tất cả sẽ rơi vào quên lãng.

Một lúc sau mộ được đắp lại, tấm bia được dựng lại như cũ.

- Nào, cậu cúng cụ đi.

Vú tưới đầm nước ngôi mộ.

Trưa nắng gắt quá khói hương không tỏa được bóng. Hoa rũ đầu.

Mọi người yên lặng chấp tay, nhắm mắt.

Nhìn những khuôn mặt vàng vọt, tôi lại lên cơn choáng váng.

Sự sống - cái chết của ông tôi...

Như cái lò xo, tôi lắc mạnh tay phải, những đốt xương lắc lư trong cái tiểu nhỏ trên tay tôi. (Người Nhật không chôn hết cả xương, chỉ chôn một phần)

Trên đường về, mọi người hết lời ca tụng công lao ông. Tội nghiệp cụ. Suốt đời hy sinh cho gia đình làng nước. Không ai quên ơn cụ. Tôi muốn bảo họ im đi. Chỉ mình tôi buồn, mình tôi thôi.

Những người trong gia đình nhìn tôi với một niềm thương hại pha lẫn tò mò, bây giờ ông mất, tôi sẽ ra sao.

Một trái đào rơi, lăn dưới chân tôi. Đường từ mộ về quanh co dưới chân đồi đào.

Trên đây là những biến cố xảy ra khi tôi mười lăm tuổi (16 tuổi ta) và đến năm mười bảy tôi ghi lại. Tôi đã sao lại gần y nguyên chỉ sửa chút ít hình thức. Ở tuổi năm mươi, chép lại những gì mình đã viết ở tuổi mười bảy không phải là không lý thú. Chẳng biết hồi ấy tôi có nghĩ rằng mình sẽ sống đến bây giờ...?

Ông tôi mất hôm hăm bốn tháng Năm. Nhưng “Cốt” lại xảy ra vào tháng Bảy. Như vậy là có dàn dựng.

Cuốn sổ ghi bị mất một tờ, như tôi đã nói trong cuốn “Nhật ký của người viết tản văn” (Bunshô nikki-Journal d'un prosateur) do nhà Shin-chô-sha in. Giữa câu “Một mùi khó ngửi trong than bốc ra” và câu “Ra mộ nhà đi!” thiếu hai trang. Khi chép lại, tôi cứ để nguyên như thế.

Trước “Cốt”, tôi có viết một bài khác tựa đề “Gửi quê hương”, dưới dạng lá thư viết từ nội trú gửi về làng, nơi tôi đã sống với ông nội, tôi xưng “anh” và gọi làng bằng “em”, lá thư toàn một giọng tình cảm trẻ con.

Tôi trích ở đây một đoạn ngắn có liên quan đến “Cốt”.

(...)Hôm nọ, ở nhà chú, anh đã đồng ý cho chú bán nhà, anh đã phản bội em vì anh đã thề với em là không bao giờ làm việc đó.

Chắc em đã nhìn thấy hòm, tủ của nhà lần lượt chạy vào tay các con buôn.

Sau khi chúng mình chia tay, anh được biết nhà ta trở thành chỗ trú của một thằng cha cò bơ cò bất và sau khi vợ hắn chết vì bệnh phong thấp, đã trở thành chỗ nấp người hàng xóm điên.

Đồ đạc trong nhà bị mất cắp dần dần, phần mộ nhà trên đỉnh đồi càng ngày càng bị người ta lấn đất, nay đã phụ thuộc vào đồi đào bên cạnh, và bây giờ mới đến giỗ thứ ba của ông, mà anh chắc bài vị ông đã bị bỏ hoang, nằm sõng soài trên bàn thờ, như nhớp lẩn với nước đái chuột.

(Viết năm 1916, xem lại và in năm 1949)

THUY KHUÊ dịch

theo hai bản tiếng Pháp của Anne Bayard-Sakai

và Cécile Sakai và Fujimori Bunkichi

MIỀN ÁNH SÁNG

Vào mùa thu năm hai mươi bốn tuổi, nơi nhà nghỉ bên bờ biển, tôi đã gặp nàng. Đó là mối tình đầu của tôi.

Đột nhiên nàng vươn cổ và lấy tay áo kimono che mặt. Tôi nhìn nàng và phát hiện ra thói quen xấu của mình. Tôi bối rối và làm ra vẻ khổ sở:

- Tại anh nhìn em, đúng không?
- Vâng. Nhưng cũng không phải vậy đâu.

Nàng nói điều buồn cười ấy bằng một giọng mềm mại. Tôi như được cứu thoát.

- Anh tệ quá nhỉ.
- Không. Bình thường thôi nhưng mà... Không có gì đâu.

Nàng hạ ống tay áo xuống, hơi ráng sức chịu đựng ánh mắt tôi. Tôi ngoảnh nhìn ra biển.

Tôi có thói quen hay quan sát gương mặt của những người xung quanh. Tôi tự nhủ mình phải từ bỏ ngay tật xấu này. Nhưng nếu không được nhìn gương mặt của những người xung quanh, đối với tôi đó là niềm đau đớn. Và mỗi lần phát hiện mình đang nhìn mặt người khác, tôi lại cảm thấy căm ghét mình. Có lẽ tôi đã biết đọc gương mặt tha nhân từ lúc ấu thơ khi tôi mất nhà, mất cha mẹ, và đến sống nhờ nhà người khác chăng?

Đôi khi, tôi đã từng suy nghĩ nghiêm túc xem thói quen này được hình thành từ lúc tôi còn ở nhà mình hay sau khi tôi đến ở nhà người ta. Nhưng tôi không tìm ra một ký ức gì có thể giúp tôi làm minh bạch điều này.

Dẫu sao tôi cũng thôi nhìn nàng và chuyển ánh nhìn sang vùng lấp lánh nơi bờ biển xa, được nhuộm bởi ánh sáng mặt trời mùa thu. Miền ánh sáng kia gợi cho tôi nhớ về kỷ niệm xưa đã bị chôn vùi trong dĩ vãng.

Sau khi cha mẹ tôi mất, tôi đến sống với người ông gần mười năm trong một ngôi nhà nhỏ miền quê. Ông tôi bị mù. Và trong bao nhiêu năm, trong căn phòng nhỏ, trước lò sưởi, ông ngồi yên một chỗ nhìn về hướng đông. Đôi khi ông nghiêng đầu nhìn về hướng nam. Nhưng chưa bao giờ tôi thấy ông nhìn về hướng bắc. Có lần, sau khi phát hiện ra thói quen của ông, tôi đã hết sức ngạc nhiên khi thấy gương mặt ông chỉ quay về một hướng. Tôi đã ngồi trước mặt ông rất lâu, chăm chú quan sát xem ông có quay mặt về hướng bắc lần nào không. Nhưng tôi buồn rầu và thất vọng vì cứ năm phút một lần ông tôi lại nghiêng đầu sang phải và chỉ nhìn về phương nam như một con búp bê điện tử. Phía nam là miền ánh sáng. Và tôi tự hỏi liệu hướng nam có đem lại cho người mù cảm giác về ánh sáng hay không?

Bây giờ tôi đã nhớ lại được kỷ niệm về miền ánh sáng mà tôi đã lãng quên.

Tôi hay nhìn mặt ông tôi, chỉ muốn ông quay mặt về phương bắc. Ông tôi thì mù và tôi đã nhiều lần quan sát gương mặt ông một cách tự nhiên. Tôi đã hiểu rằng từ kỷ niệm đó đã khởi phát thói quen nhìn mặt tha nhân về sau này. Thói quen ấy đã có từ khi tôi còn ở nhà. Nó không xuất phát từ cái tâm đề tiện của tôi. Hiển nhiên, tôi hối tiếc vì mình đã mang tật xấu này. Khi nghĩ như vậy, tôi muốn nhảy lên vì vui sướng. Tôi càng nuôi thêm khát vọng làm thanh sạch mình, chỉ vì nàng.

Nàng lại nói:

- Tuy đã quen nhưng em vẫn hơi ngượng.

Tôi nghe như giọng nói kia ẩn chứa lời yêu cầu tôi hãy nhìn gương mặt nàng. Dường như nàng nghĩ tôi đã tự thú sự xấu xa của mình từ lúc này.

Tôi quay lại nhìn nàng. Gương mặt tôi sáng lên. Nàng đỏ mặt. Ánh mắt tinh nghịch nhìn tôi:

- Qua ngày rồi đêm, gương mặt em hết mang điều mới lạ nên em chẳng lo lắng gì đâu.

Nàng nói như trẻ con. Tôi cười. Đột nhiên tôi cảm thấy thân thiết hơn với nàng. Tôi muốn mang theo những ký ức về nàng và ông tôi đi đến miền ánh sáng nơi bờ biển phía xa kia.

(1924)

HOÀNG LONG dịch

CON CHÂU CHẤU VÀ CON ĐẾ ĐEO CHUÔNG

Tản bộ dọc theo bức tường lợp ngói của trường đại học tổng hợp, tôi rẽ sang bên, lại gần khu trường trung học. Đằng sau hàng rào ván sơn trắng bao quanh sân thể thao, từ lùm cây mờ tối nằm dưới tán cây anh đào đen thẫm có một tiếng côn trùng nỉ non. Vừa lắng nghe, vừa đi chậm chậm, được một đoạn tôi buộc lòng phải chia tay với tiếng hát nỉ non, rẽ sang phải để không chệch hướng sân vận động. Từ chỗ ngoặt trái, hàng rào tạo một lối đi tới con đê, hai bên trồng những cây cam. Vừa ló ra góc khuất vừa kêu lên ngạc nhiên, tôi vội vàng đi tới, cặp mắt bừng sáng trước quang cảnh phía xa...

Ở chân đê, như một đám rước, những chiếc đèn lồng lồng lẩy nhiều sắc màu đang nhấp nhô bồng bênh. Quang cảnh y hệt ngày lễ hội ở một làng quê xa xôi nào đó. Không cần tới gần tôi cũng biết đó là lũ trẻ con đang chui ra chui vào các lùm cây mọc rải rác trên đê tìm bắt côn trùng. Có khoảng hai mươi chiếc đèn, chúng không chỉ mang một sắc đỏ thắm, hồng, chàm, xanh lá cây, đỏ tía hay vàng mà có cái sáng lên năm màu một lúc. Cũng có một vài chiếc đèn nhỏ, ánh sáng đỏ, là thứ mua ở cửa hàng, nhưng số còn lại phần lớn do bọn trẻ tự tay làm ra. Nom đẹp đẽ vuông vắn thế kia hẳn bọn trẻ đã hì hụi làm ra với một tình yêu và sự chú tâm ghê gớm. Đêm vắng vẻ, những chiếc đèn bồng bênh cùng tụi trẻ con đi trên triền đê, cảnh này là thực hay đang mơ trong một câu chuyện thần tiên?

Một đứa bé nhà gần đây, vào một đêm đã nghe thấy tiếng côn trùng nỉ non trên triền đê này. Cậu ta đi mua một chiếc đèn lồng màu đỏ, đêm sau quay lại tìm người ca sĩ hay nỉ non ấy. Đêm sau nữa, lại thêm một cậu khác. Nhưng cậu này không mua đèn. Cậu cắt hai mặt hộp bia, bồi giấy, thả nến phía trong, làm sợi dây xách tay, thế là xong một chiếc đèn. Rồi năm đứa, rồi bảy đứa. Chúng tìm cách tô màu hoặc vẽ lên mặt đèn. Những chàng họa sĩ thông thái tí hon này bắt đầu cắt mắt đèn theo hình tròn, tam giác, lá

cây,... Chúng tôi mỗi mắt đèn một màu với những đường tròn, xanh xanh đỏ đỏ, tạo ra các kiểu trang trí giản đơn và hoàn chỉnh.

Thế rồi cậu bé đầu tiên quăng chiếc đèn màu đỏ đi vì giờ đây nó chỉ là một thứ vô vị nhạt phèo. Cậu thứ hai cũng quăng nốt chiếc đèn mình đã làm ra, vì nó đơn giản quá. Những chiếc đèn các cậu làm đêm trước không còn thỏa mãn các cậu vào sáng hôm sau. Thêm một ngày hì hụi với đồng bìa cứng, giấy, bút lông, kéo, dao nhíp, hồ dán, các cậu lại tạo ra, từ nhiệt huyết trái tim, từ sức tưởng tượng tâm trí một kiểu đèn mới. Hãy nhìn đèn của tớ này? Đẹp chưa? Không giống ai hết... Và đêm đêm chúng lại rủ nhau đi bắt côn trùng. Còn tôi thì được ngắm hai mươi đứa trẻ cùng hai mươi chiếc đèn lộng lẫy phía xa xa.

Tôi lang thang đến gần chúng. Những chiếc đèn vuông vắn kia không chỉ trang trí bằng những hình hoa theo lối cổ mà còn có tên người chế tạo. Tụi trẻ cắt từ sách vở lòng ra những khối chữ vuông vuông. Khác với loại đèn sơn đỏ, những chiếc tự tạo từ bìa các tông do có dán hình trang trí trên mặt đèn đã khiến ánh nền đường như phát ra từ chính bức tranh cùng màu sắc riêng của nó. Quầng sáng của những chiếc đèn trộn với bóng đêm mang lại một vẻ mờ ảo. Tụi trẻ hằng hái cúi mình soi bất cứ chỗ nào trên dốc mỗi khi chúng nghe thấy một tiếng hát nỉ nỉ non non...

- Có ai thích chơi châu chấu không? - Một cậu bé đang chúi mình vào bụi cây cách những đứa khác khoảng chín mươi mét, chợt đứng dậy kêu lên.

- Có, cho tớ với nào! - sáu hay bảy đứa chạy tới. Chúng xúm lại quanh cậu, chúng định thò tay vào bụi cây. Nhưng cậu gạt tay lũ bạn ra, đứng dang tay như muốn bảo vệ lùm cây. Cậu huơ huơ chiếc đèn trên tay phải gọi thêm những đứa khác.

- Châu chấu này, có ai muốn chơi không?

- Có, có!... - Bốn năm đứa nữa bổ tới. Nhưng rồi cậu bé lại gọi thêm lượt nữa, cứ làm như bạn không thể tìm được con gì khác quý hơn châu chấu.

- Có ai chơi châu chấu không?

Thêm hai ba đứa chạy tới.

- Có, cho em! - Tiếng một bé gái thả thỏ sau lưng cậu. Vừa xoay người nhẹ nhàng, cậu vừa cúi mình duyên dáng. Chuyển đèn sang tay trái cậu dùng tay phải thò vào bụi cây.

- Chỉ là châu chấu thôi!

- Ừ, em rất thích!

Cậu đứng vụt dậy chìa năm tay có con châu chấu cho cô bé thay lời nói "Đây!". Cô bé khẽ trượt sợi dây treo đèn vào cổ tay trái, dùng hai bàn tay bao bọc lấy năm tay nhà đi săn tí hon. Cậu bé lặng lẽ xòe tay ra. Con côn trùng chuyển sang nằm giữa ngón tay cái và ngón trỏ cô bé.

- Ô! Đây không phải là con châu chấu. Đây là con dế đeo chuông. – Ánh mắt cô bé rực sáng trước con côn trùng nhỏ màu nâu.

- Đúng là con dế đeo chuông rồi! – Những đứa bé xung quanh đồng thanh kêu lên ghen tị.

- Đây là con dế đeo chuông... dế đeo chuông!

Vừa liếc nhìn người tặng mình bằng đôi mắt sáng thông minh, cô bé vừa mở nắp lồng đeo bên người bỏ con dế vào đó.

- Đó là con dế đeo chuông!

- Ờ, dế đeo chuông thật! - Cậu bé lẩm bẩm. Cậu nâng chiếc lồng lên gần mắt nhìn vào. Cậu cũng nâng chiếc đèn lồng lấy nhiều màu sắc của mình lên, và nhờ ánh sáng của nó cậu liếc khuôn mặt người bạn gái!

Ôi, tôi ngẫm nghĩ. Tôi cảm thấy lúng túng và thoáng ghen tị với cậu bé. Thật ngốc nghếch làm sao đến giờ vẫn chưa hiểu ra hành động của cậu! Tôi nín thở kinh ngạc. Nhìn kìa! Có một cái gì đó trên ngực cô bé mà cả nhà đi săn tí hon, cả nàng tiểu thư bé xinh cùng chúng bạn vây quanh đều không nhận ra. Trên ngực cô bé, chẳng phải làn ánh sáng xanh lá cây nhạt đã hắt

lên dòng chữ "Fujio" một cách rõ ràng là gì? Cái đèn lồng của cậu bé nâng lên ngang chiếc lồng dế, có hàng chữ cắt bằng giấy xanh, đã in vào ngực áo kimono trắng của cô hàng chữ viết tên cậu. Còn cái đèn của cô bé đang đứng đưa dưới cổ tay có hình trang trí không rõ ràng, nhưng ta vẫn thấy trên miếng vải phấp phồng theo nhịp thở nơi thắt lưng cậu bé có hàng chữ đỏ viết tên cô "Kiyoko". Sự phối hợp ngẫu nhiên xanh đỏ này là tình cờ hay là một trò chơi? Cả Fujio và Kiyoko không ai biết.

Cho dù hai đứa còn nhớ mãi rằng Fujio đã tặng con dế và Kiyoko đã nhận, thì ngay cả trong những giấc mơ Fujio cũng không bao giờ biết được tên cậu được viết bằng ánh sáng xanh lên ngực Kiyoko và tên của Kiyoko được khắc bằng ánh sáng đỏ lên thắt lưng cậu. Cũng như Kiyoko, cô không bao giờ biết được tên Fujio được viết lên ngực áo mình, và tên cô được thêu vào thắt lưng của Fujio. Cậu Fujio ơi! Khi nào cậu lớn, cậu hãy cười thoải mái trước vẻ vui mừng của một cô gái khi cậu nói đây là con châu chấu nhưng lại đưa nàng con dế đeo chuông. Cậu hãy cười trong xúc cảm sâu xa trước nỗi thất vọng của nàng khi cậu bảo đây là con dế đeo chuông nhưng thực ra lại đưa nàng con châu chấu.

Thậm chí nếu cậu có một trí tuệ để tự mình nhìn được những gì bên trong một lùm cây cách xa bao đứa bé khác thì cái thế gian này cũng chẳng vì thế mà sinh ra nhiều loại dế đeo chuông. Có thể cậu sẽ thấy một cô gái như loài châu chấu nhưng lại nghĩ nàng là loài dế đeo chuông.

Và cuối cùng, với một trái tim muộn phiến và rỉ máu thì ngay một con dế đeo chuông đích thực cũng giống như một con châu chấu thôi. Sẽ tới một ngày, với cậu hình như cả thế giới này ngập tràn loài châu chấu và tôi nghĩ thật đáng tiếc biết bao khi cậu không có cách nào để nhớ được trò đùa giỡn ánh sáng đêm nay, từ cái đèn lồng đẹp lộng lẫy, tên của cậu được viết bằng ánh sáng xanh lên ngực người bạn gái.

(1924)

XUÂN ANH dịch

BẾN TÀU

Bến tàu này là bến tàu vui.

Các nàng hầu ở các gia đình tử tế và các cô nương trẻ tuổi thường hay đến lữ điểm. Và khi có khách, những người con gái cũng ở lại luôn.

Buổi sáng sau khi thức dậy, họ cùng đi ăn trưa và tản bộ. Giống hệt như tuần trăng mật của vợ chồng mới cưới.

Dù vậy, khi khách ngỏ lời muốn cùng đến suối nước nóng gần đó chẳng hạn, nàng nghiêng đầu trầm tư. Nhưng khi khách nói muốn thuê nhà ở bến tàu, các nàng trẻ trung rất vui, đáp lời:

- Cho em làm vợ anh nhé. Cho dù thời gian không dài. Cho dù chưa đến sáu tháng hay một năm.

Vào một buổi sáng, người con gái giúp người đàn ông đứng trên tàu sắp xếp hành lý, và chợt nói:

- Đừng viết cho em một lá thư nào.

- Sao thế. Chúng mình vừa mới quen nhau mà.

- Nhưng em đâu phải là vợ của anh. Như vậy sẽ tốt hơn. Trong khi anh đến, em đã thủy chung, đã ở bên anh. Chúng ta chẳng làm gì xấu cả. Dù vậy, em đâu phải là vợ của anh.

- Được rồi, được rồi.

Người đàn ông nói và viết thư cho một người đàn ông khác. Người đàn ông này hình như sống chung với nàng khoảng nửa năm.

Vào một buổi sáng, người đàn ông nào đó lại lên tàu và nói với nàng:

- Hãy viết thư cho tôi nhé. Hãy viết thư cho tôi khi em chưa là vợ của ai cả.

(1924)

HOÀNG LONG dịch

BÌNH DỄ VỠ

Có một tiệm đồ cổ nơi góc phố kia. Bức tượng Quan Âm bằng sứ đứng khoảng giữa con đường và cửa tiệm. Bức tượng mang dáng hình của một bé gái mười hai tuổi.

Mỗi khi xe điện đi ngang qua, làn da lạnh giá của bức tượng Quan Âm và cửa kính của cửa tiệm lại run lên nhè nhẹ. Và mỗi khi đi ngang qua đây, tôi lại chạnh lòng nghĩ rằng dường như bức tượng sắp ngã ra đường. Và tôi đã mơ: Hình hài Quan Âm ngã vào người tôi. Đột nhiên bức tượng vươn cánh tay dài, trắng và tròn trịa ôm lấy cổ tôi. Khi chạm vào làn da buốt lạnh của gốm sứ và sự vô cảm của cánh tay vô tri đã trở thành một sinh vật, tôi hoảng hốt lùi lại phía sau.

Bức tượng Quan Âm vỡ tan ra từng mảnh trên mặt đường không một tiếng vang.

Một người con gái nhặt lên các mảnh vỡ. Cô hơi cúi người xuống, vội vàng gom lại các mảnh vỡ gốm sứ lấp lánh đang tản mát trên mặt đường.

Kinh ngạc vì sự xuất hiện bóng hình của cô gái, tôi mở miệng như muốn thanh minh điều gì. Và tôi thức dậy.

Mọi thứ dường như đã xảy ra trong khoảnh khắc sau khi bức tượng Quan Âm vỡ tan.

Tôi cố tìm ý nghĩa cho giấc mơ này.

“Hãy đối xử với vợ người như bình dễ vỡ”.

Câu thánh kinh này hay hiện lên trong tâm trí tôi từ đó. Tôi lúc nào cũng liên tưởng từ “bình dễ vỡ” với những đồ gốm sứ.

Và liên tưởng đến người con gái.

Cô gái trẻ dễ bị ngã lòng. Theo một cách nhìn nào đó, chính bản thân tình yêu đã là sự ngã lòng của cô gái trẻ. Tôi đã nghĩ thế.

Và trong giấc mơ tôi, phải chăng cô gái đang vội vàng gom những mảnh vỡ của chính sự ngã lòng của bản thân?

(1924)

HOÀNG LONG dịch

NGƯỜI ĐÀN BÀ HÓA THÂN VÀO LỬA

Phía xa kia, nước hồ tỏa sáng. Màu sắc như khi ta nhìn vũng nước mưa lâu ngày trên sân chùa xưa vào một đêm trăng. Hàng cây phía bên kia hồ cháy lên trong thỉnh lặng. Lửa mỗi lúc một lan rộng ra. Như là có lửa trên núi.

Chiếc máy bơm hơi nước đang hoạt động như đồ chơi hắt bóng bờ hồ lên mặt nước sống động.

Đám người vô tích sự đứng đen trên con dốc. Khi phát hiện ra, không khí xung quanh sáng lên như bị khô đi trong im lặng.

Khu phố dưới chân dốc chìm vào biển lửa.

Một cô gái gạt đám đông, một mình thoăn thoắt chạy xuống dốc.

Cô gái là người duy nhất chạy vào biển lửa.

Một thế giới vô thanh âm không thể tưởng tượng và nói gì hơn.

Nhìn cô gái bay thẳng vào lửa, tôi chịu không nổi.

Lúc đó, rõ ràng tôi đã đối thoại với cô gái bằng thần giao cách cảm.

- Tại sao chỉ mình em đi xuống phía dưới? Em muốn chết trong lửa ư?

- Không phải vậy đâu. Nhưng vì hướng Tây có nhà của anh nên em đi về hướng Đông.

Tôi nhìn hình dáng bé nhỏ của cô gái là một chấm đen trong quầng lửa cháy quanh tôi và cảm thấy nỗi đớn đau đâm mù hai mắt. Và tôi tỉnh giấc. Nước mắt trào ra hai bên khóe mắt.

Điều cô gái nói không đi về phía nhà của tôi bây giờ tôi đã hiểu. Dù cô gái có nghĩ suy gì đi nữa, đó vẫn là điều tốt. Nhưng đối với tôi, mặc dù đã dặn lòng rằng tình cảm của cô gái đối với mình đã nguội lạnh và đã chấm dứt trên bề mặt, riêng tôi vẫn nghĩ rằng trong đâu đó tình cảm của cô gái,

có rơi một giọt sương vì tôi. Thực tế, điều này không liên hệ gì với cô gái. Tôi chỉ tùy tiện muốn nghĩ như vậy thôi.

Tôi tự cười mình đã nói điều tệ hại như vậy. Tôi muốn nuôi sống điều ấy âm thầm. Nhưng tôi đã hoàn toàn tin tưởng đến mọi ngõ ngách trong tôi là diệu ý của cô gái không tác động đến tôi một mảy may giống như khi ta nhìn một giấc mơ như vậy.

Giấc mơ chính là tình cảm của tôi. Tình cảm của cô gái trong mơ chính là tình cảm mà tôi gán ghép vào cô gái. Đó là tình cảm của tôi và mặc dù trong mơ sức mạnh của tình cảm và vẻ bề ngoài không có thực.

Khi nghĩ như vậy tôi thấy mình cô đơn.

(1924)

HOÀNG LONG dịch

CHIẾC NHẪN

Một sinh viên luật khoa nghèo đến lữ điểm suối nước nóng vì vài công việc dịch thuật.

Ba nàng geisha từ thành phố đến, lấy quạt che mặt và ngủ trưa trong một cái lán nhỏ trong rừng.

Chàng sinh viên bước xuống suối nước nóng từ bậc đá nơi bìa rừng. Một tảng đá lớn phân đôi dòng chảy. Đàn chuồn chuồn bay lượn và lao qua.

Một cô bé trần truồng đứng nơi bồn tắm được làm từ tảng đá kia.

Anh làm lơ cô bé vì nghĩ cô bé khoảng mười một, mười hai tuổi. Cởi áo yukata để trên bờ, anh trầm mình xuống làn nước nóng dưới chân cô bé.

Cô bé dường như không có gì khác để làm. Mỉm cười và phô ra trước mắt anh sự tinh khiết của một thân thể hồng hào, cô bé như quyến rũ sự thân thiết của anh.

Chỉ nhìn thoáng qua thân hình bé nhỏ, anh đã hiểu đó là con của một geisha. Cô bé có một vẻ đẹp khác thường, như thể cho người ta cảm giác rằng lớn lên cô bé sẽ là nguồn vui ban phát cho những người đàn ông. Mắt anh mở rộng như cái quạt vì kinh ngạc bởi cảm giác ấy.

Đột nhiên, cô bé đưa cánh tay trái lên trời và la khe khẽ:

- A. Mình quên tháo nó ra. Mình cứ để vậy mà xuống tắm.

Như bị thu hút bất ngờ, anh nhìn lên cánh tay cô bé.

- Con nhỏ này!

Trong khoảnh khắc đó, anh cảm thấy căm ghét ghê gớm hơn là giận dữ trò ranh ma của cô bé.

Con bé muốn khoe nhẫn đây mà. Anh không biết người ta khi xuống tắm suối nước nóng thì có tháo nhẫn ra không, nhưng rõ ràng anh đã mắc mưu

một đứa bé con.

Nỗi thất vọng của anh hiện rõ rệt trên gương mặt hơn là anh nghĩ. Cô bé đỏ bừng lên xoay xoay chiếc nhẫn. Sau khi gượng cười để che giấu tính trẻ con của mình, anh bất chợt nói:

- Chiếc nhẫn đẹp nhỉ? Cho anh xem đi.

- Là ngọc mắt mèo đấy.

Cô bé nói với vẻ vui sướng và ngồi xõm xuống cạnh bồn tắm. Khi đưa cánh tay đeo nhẫn về phía anh, cô bé mất thăng bằng và để cánh tay kia lên vai anh.

- Phải ngọc mắt mèo không?

Anh lập lại câu nói bởi ấn tượng mạnh của anh đối với sự trưởng thành sớm của cô bé từ cách phát âm.

- Vâng. Tay em vẫn còn quá nhỏ. Em đặt làm chiếc nhẫn bằng vàng đặc biệt đấy. Nhưng người ta bảo viên đá quá lớn.

Anh đùa chơi với bàn tay nhỏ xinh của cô bé. Chiếc nhẫn trông đẹp tuyệt vời. Nơi viên đá có màu tím hòa quyện với màu đỏ trứng gà bởi ánh nắng trời chiếu dịu dàng và ấm áp.

Cô bé đưa người ra trước, áp sát vào anh. Vừa nhìn anh cô bé vừa như cảm giác thấy sự hài lòng.

Chúng ta có lẽ không nên ngạc nhiên khi cô bé trần truồng để anh bế lên đầu gối bởi nàng cốt cho anh xem chiếc nhẫn kỹ hơn.

(1924)

HOÀNG LONG dịch

ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT OSHIN

Trong vườn sau của khu lữ điểm suối nước nóng trên núi, có một cây dẻ lớn. Địa Tạng Vương Bồ Tát Oshin ở dưới bóng cây. Theo sách hướng dẫn du lịch vùng này, Oshin mất vào năm Minh Trị thứ năm, lúc 63 tuổi. Năm nàng 24 tuổi, chồng nàng mất. Và Oshin ở vậy cho đến cuối đời. Nhưng tất cả những người được gọi là trẻ tuổi trong làng đều gần gũi với nàng. Và Oshin đáp ứng bình đẳng với tất cả chàng trai sơn cước. Họ thay phiên nhau đến nàng một cách có trật tự. Các thiếu niên khi đến một độ tuổi nhất định, được các chàng trai cho gia nhập hội sở hữu Oshin. Khi một người trẻ tuổi lấy vợ, anh ta phải rút ra khỏi hội. Nhờ Oshin mà các chàng trai sơn cước không phải vượt 7 dặm đường núi để tìm các cô gái ở bên cạnh, các cô gái vẫn còn trinh trắng, còn những người vợ vẫn còn giữ lòng thủy chung. Trước khi tất cả đàn ông trong thung lũng vượt qua chiếc cầu treo để về các ngôi làng của mình, họ đã đi qua Oshin để trưởng thành.

Người du khách nghĩ về truyền thuyết tuyệt đẹp này. Anh cảm thấy khao khát Oshin. Nhưng Bồ Tát Oshin không mang phong thái và diện mạo của Oshin. Pho tượng có cái đầu sư ông và không biết có mặt mũi hay không. Có lẽ ai đó đã nhặt pho tượng Oshin cũ kỹ này nơi nghĩa địa và mang về đây.

Hướng về phía cây dẻ có một lữ điểm đáng ngờ. Mỗi lần đi ngang qua đây từ phía lữ điểm suối nước nóng, các du khách nhần nhục thường lấy tay vuốt đầu trơn nhẵn của Oshin.

Một ngày mùa hạ, có ba bốn du khách tập trung lại lấy nước đá. Một người ngậm nước đá bào, nhổ ra và nhúu mảy.

- Không dùng được sao? – Người hầu gái của lữ quán hỏi.

Người khách chỉ về hướng cây dẻ.

- Nước này lấy từ căn nhà kia phải không?

- Vâng.

- Người con gái đằng kia đã dùng rồi. Nước không sạch, phải không?

- Có chuyện như vậy ạ? Nhưng cô chủ nhà đã rửa rồi mà. Tôi đã trông thấy cô ta trước khi đi lấy nước.

- Nhưng hẳn những cô gái đã rửa tách và thìa chứ hả?

Người khách đặt tách nước xuống như là vứt đi, và nhổ nước miếng.

Sau khi đi du lãm thác nước, trên đường về, người khách gọi xe ngựa. Khi lên xe, anh căng thẳng. Một người con gái đẹp kỳ lạ bước lên xe. Càng nhìn ngắm, anh càng thấy nữ tính trong nàng. Chắc hẳn dực tình tươi mát, nùng diễm của những thanh lâu đã ngấm vào thân thể nàng từ buổi lên ba, giờ tỏa ra ươn ướt làn da thánh nữ. Không một nơi nào trên thân thể cô gái lại không thu hút lòng người. Ngay cả sau gót chân nàng, da cũng mỏng manh. Khuôn mặt với đôi mắt đen mở to cô độc, ánh chiếu những tia nhìn tươi mát, không có vẻ mệt mỏi nào. Làn da mịn màng đến cả những gót thanh tân. Chỉ cần nhìn làn da phiến muện ấy, ta muốn giẫm lên bằng đôi chân trần. Cô gái là chiếc giường ngủ mềm mại không có lương tâm. Đường như cô gái được sinh ra để làm đàn ông quên đi lương tâm trần thế.

Người khách chuyển ánh nhìn ấm áp từ đầu gối cô gái sang đỉnh núi Phú Sĩ phía xa kia, nổi bật bệnh trong thung lũng. Rồi anh nhìn lại cô gái. Nhìn núi Phú Sĩ. Lại nhìn cô gái. Và rất lâu sau, anh cảm thấy vẻ đẹp của cái gọi là sắc tình.

Khi mệt mỏi vì các bà già nhà quê, cô gái bước xuống xe ngựa. Vượt qua cầu treo. Đi xuống thung lũng và biến mất vào lữ điếm hướng cây dẻ. Anh ngạc nhiên. Nhưng anh cảm thấy trọn vẹn vẻ đẹp từ định mệnh của nàng.

- Chính cô gái này, dù đã gặp gỡ nhiều đàn ông mà không mệt mỏi và xấu xa đi. Không giống những cô gái điếm khác trong cuộc đời này, chính những cô gái điếm từ khi sinh ra, sắc da và màu mắt không tàn phai, hình dáng của ngực, eo và cổ cũng không hề thay đổi.

Người khách rơi nước mắt vì niềm vui phát hiện ra thánh nữ. Anh nghĩ anh đã nhìn ra vẻ đẹp và phong thái của Oshin.

Vào mùa thu, người khách lên núi, không kịp đợi mùa săn bắn bắt đầu. Mọi người trong lữ điếm đã tập hợp ở sân sau. Người đầu bếp ném gậy lên ngọn cây dẻ. Những hạt dẻ đã đổi màu mùa thu rơi xuống. Các cô gái lượm lên, tách vỏ.

- Tuyệt lắm. Hãy thử tách vỏ đi.

Người khách lấy khẩu súng từ túi da và nhắm vào ngọn cây. Trước khi tiếng vọng kịp trở về từ thung lũng, hạt dẻ đã rơi xuống đầy. Các nàng hoan hô vang dậy. Bầy chó săn của lữ điếm, nghe tiếng súng, nhảy chồm lên.

Người khách bất chợt nhìn về phía cây dẻ. Người con gái kia bước lại. Trên làn da mịn màng tuyệt đẹp, chìm khuất màu tái xanh.

- Con người xanh xao đó chắc hẳn đã nằm bệnh hơi lâu.

Anh cảm thấy thất vọng đau đớn với cái gọi là sắc tình. Vừa cảm giận điều gì, anh liên tục bóp cò. Âm thanh đột nhiên xé tan mùa thu sơn cước. Và mưa hạt dẻ rơi rơi.

Lũ chó săn nhảy đến đám hạt dẻ. Như đùa cợt.

Cúi đầu xuống, chúng nhấn mạnh chân trước và sửa vang.

Hạt dẻ lăn đi nhẹ nhàng. Và đàn chó lại sửa vang.

Người con gái xanh xao nói:

- Này. Ngay khi ở dưới chân chàng khuyến, hạt dẻ cũng đau chứ nhỉ?

Những cô gái khác cười âm lên. Người khách cảm thấy vẻ lỏng lẻo của trời thu. Lại một phát súng.

Một giọt mưa thu màu nâu và hạt dẻ rơi trên đầu Oshin. Hạt dẻ bay tán loạn. Những người con gái cười như tan biến hình hài, cất tiếng hoan hô ầm ĩ.

(1925)

HOÀNG LONG dịch

GƯƠNG MẶT KHI NGỦ

Có người con gái khi ngủ, gương mặt nhanh chóng trở nên già.

Có người con gái khi ngủ, gương mặt bỗng chốc trẻ thơ.

Ta không thể nói gương mặt nào buồn hơn.

Tôi không biết rằng những nàng con gái ngây thơ có dáng ngủ rất đẹp.

Vì vậy, tôi thử hỏi người đàn ông đã lấy 1 cô kỹ nữ làm nàng hầu.

Làm vợ thì dứt khoát không được.

Lẽ nghi đã tệ quá mức.

HOÀNG LONG dịch

SẮC MÀU

Màu đỏ khác với màu trong giấc mơ của người thiếu niên.

Tôi nhìn thấy màu đỏ và chạy ra khỏi nhà.

Tôi đi bộ như là ngất xỉu cho đến khi cây kim lạnh buốt đâm vào chân tôi.

Đó là cái gai và giọt sương đêm trên lá bí ngô lớn.

Khi tôi nhìn sang ngôi làng có đồng lúa trải rộng thì chỉ thấy một điểm sáng.

Điểm sáng ấy là người thiếu nữ đang chơi pháo hoa trên chiếc ghế bằng trúc xanh.

Tôi đã lấy trộm quả bí ngô lớn dưới chân để làm tặng vật hướng về chiếc ghế.

Trên trúc xanh, người thiếu nữ đã cắt quả bí ngô ra từng lát.

Vẻ đẹp của màu cam trong ruột quả bí ngô.

Vì vậy, này người đi du lịch vòng quanh thế giới. Anh có thấy đất nước nào ở đâu có người con gái của sắc màu cam đỏ không ?

Cho đến lúc ấy, dù tôi đã yêu nhiều người con gái, vị thần màu sắc chắc cũng tha thứ cho nhau.

HOÀNG LONG dịch

GƯƠNG MẶT NGƯỜI CHẾT

- Hãy nhìn vợ con đi. Sự thế đã như vậy rồi. Dù sao con bé cũng rất muốn gặp mặt con lần nữa.

Mẹ vợ anh nói thế khi vội vàng dẫn anh vào căn phòng. Mọi người đang đứng xung quanh vợ anh đều ngược nhìn anh trong thoáng chốc.

- Nhìn con bé đi.

Mẹ vợ anh nhắc lại và đưa tay kéo tấm vải trắng phủ gương mặt đã chết của vợ anh.

Ngay khi đó anh chợt nói mà chính bản thân anh cũng không thể ngờ:

- Đợi con một chút. Cho con gặp riêng cô ấy được không? Mẹ để con một mình trong căn phòng này nhé.

Lời nói của anh làm mọi người trong gia đình vợ anh cảm động. Họ im lặng đi ra và khép cửa giấy.

Anh kéo tấm vải trắng.

Gương mặt nàng nghiêm nghị với vẻ đau đớn. Hai gò má gầy xanh, hàm răng đã đổi sắc chìa ra hai môi. Thịt ở mi mắt nàng đã khô đi, dính chặt vào con ngươi. Những dây thần kinh đã kết tinh nổi thống khổ trên trán nàng.

Anh ngồi một lúc lâu, nhìn xuống gương mặt xấu xí của người chết. Anh đưa bàn tay run run đặt lên đôi môi nàng, cố gắng khép miệng nàng lại. Nhưng khi anh buông tay, đôi môi khép kín lại mở ra. Anh cố khép lại nhưng môi vẫn mở ra.

Trong khi anh lặp lại động tác kia không biết bao nhiêu lần, anh nhận ra có sợi cơ cứng ở vùng miệng nàng đã mềm mại. Anh tập trung tinh thần vào đầu ngón tay mình, làm mềm dịu những dây thần kinh trên mặt nàng. Anh xoa trán nàng. Lòng bàn tay anh nóng lên.

Anh lại ngồi một lúc lâu nhìn xuống gương mặt người chết đã trở nên thanh tân vì được xoa bóp.

Mẹ vợ anh và em vợ anh bước vào phòng. Bà mẹ nói:

- Con hẳn đã mệt vì đi xe lửa. Giờ hãy ăn cơm trưa và nghỉ đi một lát.

-A! A!

Đột nhiên nước mắt ứa ra trên má người mẹ:

- Linh hồn con người quả là đáng sợ. Con bé đã không thể nhắm mắt cho tới khi con đi du lịch trở về. Thật không thể hiểu nổi. Con chỉ nhìn mặt con bé một thoáng mà gương mặt nó đã bình yên đến vậy.

Em vợ anh nhìn thẳng vào đôi mắt hơi điên dại của anh. Đôi mắt nàng chan chứa vẻ đẹp không ai có trên đời này. Và nàng bật khóc.

(1926)

HOÀNG LONG dịch

TẠ ƠN

Năm nay hồng sai quả. Mùa thu trên núi tuyệt đẹp.

Tại bến cảng phía Nam bán đảo, người tài xế mặc áo vàng, cổ tím bước xuống từ tầng hai của phòng đợi khách. Những tiệm bánh kẹo sắp hàng. Một chiếc xe hơi lớn màu đỏ, cấm cờ tím đậu ngoài sân.

Người mẹ đứng dậy, siết chặt miệng túi giấy đựng bánh kẹo, và nói với người tài xế đang thắt lại dây giày cho đẹp:

- Hôm nay đến lượt anh à? Nếu được anh Arigato đưa đi, con bé này chắc sẽ gặp vận may đây. Đúng là điềm lành.

Anh tài xế nhìn cô gái đứng bên cạnh im lặng.

- Chân chừ mãi mà chưa xong. Mùa đông sắp đến rồi. Trong thời tiết giá lạnh này mà con bé phải đi xa thì tội nghiệp nhỉ. Giá đi trong thời tiết tốt thì hay hơn. Tôi quyết định đưa con bé tới đó.

Người lái xe im lặng gật đầu. Anh đi lại gần chiếc xe hơi như một người chiến sĩ, sửa lại tấm nệm ngồi trên ghế xe cho ngay ngắn.

- Bà ơi! Lên hàng ghế đầu mà ngồi. Sẽ không bị lắc như khi ngồi ở phía đó đâu. Đường còn xa lắm.

Người mẹ đưa cô gái đi bán ở khu phố dọc đường xe lửa, cách mười lăm dặm về hướng Bắc. Trên con đường núi, cô gái bị xóc nhưng vẫn liếc mắt nhìn qua vai người tài xế ngồi trước mặt mình. Chiếc áo vàng trong mắt cô trải rộng một thế giới. Phong cảnh núi non chạy đều hai bên vai. Chiếc xe hơi phải vượt qua hai đèo núi cao. Đã bắt kịp chiếc xe ngựa. Xe ngựa tránh qua bên đường.

- Cám ơn.

Người tài xế nói giọng trong suốt rõ ràng. Vừa cám ơn vừa gục gặc đầu như chim gõ kiến.

Chiếc xe hơi lẩn đường của chiếc xe ngựa chở hàng trong thôn. Chiếc xe ngựa tránh qua bên đường.

- Cám ơn.

Một chiếc xe ngựa chở hàng.

- Cám ơn.

Một chiếc xe kéo tay.

- Cám ơn.

Một con ngựa.

- Cám ơn.

Người tài xế vượt qua ba mươi chiếc xe trong vòng mười phút mà không thất lễ với ai. Xe chạy nhanh hơn trăm dặm mà dáng người tài xế vẫn thẳng. Nó mang vẻ đẹp của cây thông thẳng đứng. Đơn giản và tự nhiên.

Chiếc xe khởi hành từ bến cảng lúc hơn ba giờ. Giữa đường, trời đã rạng sáng.

Nhưng mỗi khi gặp ngựa xe, người tài xế đều tắt đèn trước và:

- Cám ơn.

- Cám ơn.

- Cám ơn.

Trên con đường mười dặm, anh là người tài xế giỏi nhất có thể phân biệt giữa ngựa thồ, xe ngựa chở hàng và ngựa kéo xe.

Khi chiếc xe hơi đi vào bóng hoàng hôn của quảng trường, nơi đậu xe, người cô gái run lên. Nàng choáng váng, như thể chân nàng đang nổi bập bềnh trên không. Nàng ôm chặt lấy mẹ.

- Đợi mẹ một chút.

Bà nói và chạy theo người tài xế.

- Này. Con bé này thích anh đấy. Tôi chấp tay van xin anh. Dù sao ngày mai con bé cũng trở thành vật tiêu sấu cho những người không quen biết. Thật thế. Ngay cả người con gái kiêu kì ở thành phố này cũng... nếu như nàng ngồi trên xe anh đi khoảng mười dặm.

Vào bình minh hôm sau, người tài xế bước ra ngôi nhà trọ tồi tàn bằng gỗ, băng qua quảng trường như một người lính. Người mẹ và cô gái đi bộ thong thả phía sau.

Chiếc xe hơi màu đỏ chạy ra khỏi gara, vẫy vẫy lá cờ tím và đợi chuyển xe lửa đầu tiên.

Cô gái bước lên xe đầu tiên. Nàng vừa mím môi vừa vuốt tấm da đen nơi chỗ ngồi của người tài xế. Người mẹ cuộn lại tay áo, tránh cái lạnh giá của sớm mai.

- Vậy giờ tôi đưa con bé trở về nhà. Sáng nay, con bé khóc. Còn anh thì trách tôi. Tôi ít quan tâm đến con bé quá. Tôi đang đưa nó trở về nhà, nhưng chỉ đến mùa xuân thôi. Giữa thời tiết giá lạnh này mà đưa nó đi xa thì tội nghiệp. Đành phải chịu đựng thôi. Nhưng khi thời tiết tốt, chắc tôi không thể để con bé ở nhà.

Chuyến xe lửa đầu tiên bỏ ba người khách xuống chỗ chiếc xe hơi đang đậu. Người tài xế chỉnh lại tấm đệm ngồi cho ngay ngắn. Cô gái chăm chú ngắm nhìn bờ vai thẳng ăm ắp trước mặt mình. Ngọn triều phong mùa thu chạy qua hai bờ vai ấy.

Chiếc xe hơi đã đuổi kịp xe ngựa. Chiếc xe ngựa tránh sang bên đường.

- Cám ơn.

Một chiếc xe chở hàng.

- Cám ơn.

Một con ngựa thồ.

- Cám ơn.

- Cám ơn.

- Cám ơn.

Người tài xế ngập chìm trong sự biết ơn. Vượt qua những ngọn núi và cánh đồng trên con đường mười lăm dặm, chiếc xe quay trở về bến cảng phía Nam bán đảo.

Năm nay hồng sai quả, mùa thu trên núi tuyệt đẹp.

(1925)

(HOÀNG LONG dịch)

TÊN TRỘM HỒ ĐÀO

"Em không nghe mùa thu

tiếng thu kêu xào xạc..."

Trên con đường núi, có một bé gái vừa đi học về. Vừa đi vừa hát. Lá những cây sơn đã ngả màu vàng. Trên tầng hai của nha khí tượng, những tấm kính mở toang như không hề biết đến ngọn gió thu. Từ trên đường, ta có thể trông thấy vai của những người thợ đang làm việc lặng lẽ.

Trong tán lá xanh, người đưa thư ngồi xuống, ra sức nhấn ngón tay cái vào chiếc vớ cao su đã bị rách. Anh đang chờ người con gái nhận hàng quay trở lại.

- Phải chiếc áo Kimono đó không?

- Phải rồi.

- Tôi cũng nghĩ thế khi chiếc áo được gửi tới.

- Ghét chưa kìa. Làm như thế anh biết hết về tôi vậy.

Nàng đang mặc chiếc áo mới, vừa lấy trong gói giấy dầu. Ngồi trong tán lá xanh, nàng phúi vết nhăn nơi đầu gối.

- Em biết sao không? Bởi vì tôi đã đọc hết những bức thư gửi tới em và những bức thư em gửi.

- Anh nghĩ là tôi nói thật lòng mình trong những bức thư hay sao? Đâu phải như trong kinh doanh.

- Tôi không nghĩ trong kinh doanh phải gian dối như cô.

- Hôm nay có bức thư nào cho em không?

- Không.

- Cả những bức thư không dán tem?

- Tôi đã bảo là không rồi mà.

- Cái mặt kì chưa kìa. Tôi đã giúp anh tiết kiệm tiền đấy chứ. Nếu sau này anh có làm sếp, anh có thể ban hành luật gửi thư tình không cần dán tem. Nhưng bây giờ thì không được. Anh viết thư tình cho tôi cứ như là bánh đậu đỏ bị thiu vậy. Rồi anh gửi cho tôi mà không dán tem, chỉ bởi vì anh là người đưa thư. Trả tiền phạt đây. Tôi muốn lấy tiền tem. Tôi đang thiếu tiền lẻ.

- Phách lối quá nhỉ.

- Đưa tiền đây.

- Chẳng thể nào khác được.

Người đưa thư lấy từ trong túi ra một đồng bạc rồi ném về lùm cây xanh. Anh đóng lại dây kéo của chiếc cặp da rồi đứng dậy.

Một người thợ mang chiếc áo sơ mi chạy xuống cầu thang. Anh có giác quan nhạy bén như Đức Chúa Trời. Một vị Chúa trời buồn ngủ vì chán nản loài sinh vật Ngài đã tạo ra. Anh nói:

- Tôi nghe có nghe tiếng tiền rơi. Bà chị cho tôi mượn đồng năm mươi sen đó đi.

- Không được. Đây là tiền mua kẹo.

Cô gái nhanh nhẹn lượm đồng bạc lên và nhét vào đai áo kimono.

Một đứa trẻ chạy trên đường, quay chiếc vòng vàng làm nên thanh âm mùa thu.

Cô bé bán than đang gánh than xuống núi. Nàng mang một cành hồ đào lớn như Đào Thái Lang xuất binh thẳng trận trở về. Những trái đào hồng đẹp đến nỗi trông như cây san hô lá xanh. Nàng mang than và cành hồ đào đến tạ ơn người bác sĩ trong làng.

- Chỉ có than thôi, được không ạ?

Cô bé nói với người cha đang nằm bệnh trên giường, lúc gánh than ra khỏi nhà.

- Hãy nói với bác sĩ ngoài than ra, cha con ta chẳng còn gì.

- Nếu đây là than cha đốt thì tuyệt xiết bao. Đẳng này là than do con đốt. Xấu hổ quá đi. Con đợi đến khi cha khoẻ rồi dậy đốt than nhé.

- Đi hái hồng trên núi đi.

- Vâng ạ.

Nhưng trước khi trộm hồ đào, cô bé đã xuống một vùng lúa chín. Màu đỏ tươi mát của trái hồ đào trên bờ ruộng thối lên vẻ u sầu của dục vọng từ mắt cô bé.

Nàng đưa tay chạm vào cây. Cành cây bị cong nhưng không gãy. Nàng kéo cành bằng hai tay để đu lên cây. Bất ngờ một cành lớn bị gãy và cô bé ngã vật ra đất.

Cô bé đi vào làng. Vừa mỉm cười vừa ăn trái hồ đào. Lưỡi bị phỏng rộp lên vì chất.

Các bé gái đi học về.

- Cho tớ với.

- Cho tớ với.

Cô bé mỉm cười, yên lặng chìa cành hồ đào như cây san hô. Năm đến sáu bé gái, mỗi người lấy một chùm quả.

Cô bé đã đi vào trong làng. Nơi tán lá xanh của nha khí tượng, có một người con gái.

- Trời. Đẹp nhỉ. Cành hồ đào phải không? Em đi đâu vậy?

- Em đến chỗ bác sĩ.

-Lần trước em đến đây để gửi cho bác sĩ cái giỏ mây phải không. Chúng đẹp hơn cả bánh đậu đỏ nữa. Cho chị một trái đi.

Cô bé đưa cành hồ đào. Khi đặt cành cây lên đầu gối nàng, cô bé buông tay.

- Chị lấy nó được không.
- Được.
- Cả cành và trái luôn chứ?
- Vâng.

Cô bé hết sức ngạc nhiên về chiếc áo mới của người con gái. Đỏ mặt, cô bé vội vàng chạy đi.

Người con gái nhìn cành hồ đào trái rộng hơn hai đầu gối nàng, ngạc nhiên hết sức. Nàng hái một trái, đưa vào miệng. Vị lạnh lạnh chua chua gợi cho nàng nhớ về quê cũ. Người mẹ gửi cho nàng chiếc áo này giờ không còn ở đó nữa rồi. Một đứa trẻ chạy trên đường, quay chiếc vòng vàng làm nên thanh âm mùa thu.

Người con gái lấy đồng bạc từ chiếc túi nằm sau cành san hô và đặt lên tờ giấy. Nàng im lặng ngồi chờ cô bé bán than quay trở lại trên đường về.

"Em không nghe mùa thu

Gió thu kêu xào xạc"

Nơi con đường núi, một bé gái đi học về, hát vang.

(1925)

HOÀNG LONG dịch

TIA NẮNG RẠNG ĐÔNG

Cô gái nghèo thuê nhà ở tầng hai của một khu nhà trọ tồi tàn và đợi đám cưới với vị hôn phu. Nhưng đêm đêm một người đàn ông khác ghé lại chỗ nàng. Căn nhà không có ánh bình minh. Nàng mang đôi guốc đã mòn nhẵn bởi những người đàn ông và thường giặt giũ ở cửa sau căn nhà.

Đêm đêm, tất cả đàn ông, ai cũng nói giống nhau:

- Gì vậy. Không có màn sao?

- Xin lỗi. Em sẽ thức suốt đêm và đuổi muỗi nên hãy tha thứ cho em.

Nàng ngượng ngập châm lửa vào cây nhang muỗi màu xanh. Sau khi tắt điện, nàng chăm chú nhìn vào điểm lửa nhỏ của cây nhang và nhớ lại thời tuổi nhỏ. Và nàng mãi quạt cho thân thể người đàn ông bằng chiếc quạt tay. Giấc mơ lại tiếp tục với nàng trong khi đang quạt.

Trời đã chớm thu. Thật là hiếm khi một người già ghé tầng hai tồi tàn này.

- Em không mắc màn sao?

- Em xin lỗi. Vì em sẽ thức suốt đêm và đuổi muỗi nên hãy tha thứ cho em.

- Vậy à? Hãy đợi tôi một chút.

Người già nói như vậy và đứng dậy. Nàng nín lấy người đàn ông:

- Em sẽ đuổi muỗi đến sáng mai và em sẽ không ngủ tí nào đâu!

- Ừ. Tôi sẽ quay lại ngay.

Người già đã bước xuống thang gác.

Nàng cứ để điện và thắp nhang muỗi. Một thân một mình trong vùng ánh sáng, nàng không thể không nhớ về thời xa xưa.

Khoảng một tiếng sau, người già quay trở lại. Nàng nhảy lên:

- Anh ơi. Thật sự em chỉ có chỗ mắc màn thôi.

Người già mắc cái màn trắng tinh trong căn phòng tồi tàn. Khi nàng chui vào trong và dặt màn, tim nàng đập nhanh với cảm giác dễ chịu.

- Em nghĩ chắc chắn anh sẽ trở lại. Em đã không tắt đèn và đợi anh. Em muốn nhìn cái màn trắng chút nữa trong ánh đèn.

Nhưng nàng đã chìm vào giấc ngủ sâu sau những tháng không tròn giấc. Thậm chí nàng không biết người già rời khỏi phòng từ buổi sáng.

- Này... này... Em ơi.

Nàng thức dậy bởi tiếng nói người yêu.

- Cuối cùng chúng ta cũng có thể làm đám cưới ngay ngày mai. Cái màn tốt quá nhỉ. Chỉ nhìn thôi cũng thấy dễ chịu.

Khi nói vậy, chàng tháo màn ra, đưa nàng ra khỏi màn và đặt lên trên.

- Nào, em hãy ngồi đây. Trên cái màn này. Em trông như bông sen trắng lớn. Em đã làm cho căn phòng tinh khiết như em.

Khi chạm vào làn vải trắng mới tinh, nàng cảm thấy mình như một cô dâu mới.

- Em cắt móng chân đây.

Và ngồi trên chiếc màn trắng trải khắp căn phòng, nàng thản nhiên bắt đầu cắt những móng chân dài đã bị lãng quên.

(1926)

HOÀNG LONG dịch

HIỆN HỮU THẦN LINH

Vào buổi hoàng hôn, nơi dãy núi xa, có một ngôi sao chiếu sáng như ánh lửa ga, làm anh kinh ngạc. Anh chưa từng thấy ở vùng đất khác có ngôi sao lớn và gần mắt mình đến vậy. Cảm thấy lạnh bởi ánh sáng từ ngôi sao kia tỏa ra, anh chạy nhanh về trên con đường đá trắng như hồ ly. Thình lạng không một chiếc lá rơi.

Đến khu nhà tắm, anh nhảy ngay xuống suối nước nóng. Khi đắp khăn tắm ấm áp lên mặt, lần đầu tiên, ngôi sao lạnh giá rơi khỏi má anh.

- Trời lạnh đấy nhỉ. Anh sẽ ở đây đến Tết à?

Anh nhìn quanh và thấy gương mặt quen thuộc của người nuôi chim đã đến lữ điểm này.

- Không. Tôi tính vượt núi đi về phía Nam.

- Phía Nam đẹp lắm. Chúng tôi đã ở phía Nam của núi cho đến ba, bốn năm trước đây. Mỗi khi mùa đông tới, tôi lại muốn quay về phía Nam.

Người nuôi chim không muốn nhìn anh dù hai người đang nói chuyện. Anh lén nhìn hành động kỳ lạ của người nuôi chim. Nhắc đầu gối khỏi nước nóng và đứng dậy, người nuôi chim tắm ngực cho người vợ mình đang dựa lưng vào thành bồn tắm.

Người vợ trẻ nâng ngực như phụng hiến, nhìn vào đầu chồng nàng. Nơi vầng ngực nhỏ nhắn, hai bầu vú nhỏ phơ ra như hai chén rượu trắng. Đó là dấu hiệu của sự trinh khiết trẻ thơ. Vì tật bệnh mà nàng mãi giữ hình hài thiếu nữ. Thân thể mỏng manh như lá cỏ. Gương mặt tuyệt đẹp của nàng gợi cho ta cảm giác của tất cả các bông hoa.

- Ngài đến phía Nam của núi này là lần đầu tiên ư?

- Dạ không. Tôi đã từng đi cách đây năm, sáu năm trước.

- Vậy à?

Người nuôi chim vừa ôm vai gầy của vợ bằng cánh tay, vừa lau bọt xà phòng trên ngực nàng.

- Tôi có ông chú bị liệt ở quán trà phía đèo kia. Có lẽ bây giờ vẫn còn.

Anh nghĩ mình đã nói một điều xấu. Vợ của người nuôi chim hình như bị liệt cả tay chân.

- Người đàn ông già ở quán trà ư? Là ai vậy nhỉ?

Người nuôi chim hướng về phía anh. Người vợ nói tình cờ:

- Người đàn ông già đó đã chết ba, bốn năm trước rồi.

- Thật vậy sao?

Và lần đầu tiên anh nhìn thẳng vào mặt người vợ. Ngay khi nàng nhìn lại, anh ngoảnh đi và đắp khăn lên mặt.

- Chính là nàng.

Anh muốn giấu mình trong hơi nước nóng buổi hoàng hôn. Lương tâm bị phơi trần tui nhục. Chính là người thiếu nữ bị thương nơi phía Nam dãy núi trong lần du lịch năm, sáu năm về trước. Chính vì nàng mà lương tâm anh đau đớn triền miên trong năm, sáu năm qua. Tình cảm của anh vẫn tiếp tục nhìn một giấc mơ xa xưa. Dù vậy, việc gặp nàng trong suối nước nóng phải chăng là sự ngẫu nhiên tàn nhẫn. Nghệt thở, anh lấy chiếc khăn ra khỏi mặt mình.

Người nuôi chim thôi không nói chuyện với những người lạ như anh nữa, bước ra từ nước nóng và đứng sau vợ mình.

- Nay, chỉ xuống nước một tí thôi.

Người vợ nâng hai khuỷu tay mảnh mai, một cách dịu dàng. Người nuôi chim nhẹ nhàng ôm hai nách và xốc nàng dậy. Người vợ co rút tay chân lại như chú mèo ngoan. Làn sóng chìm trong nàng vờn dịu dàng vào cằm của anh.

Người nuôi chim bay về phía kia, bắt đầu tắm, dội mạnh nước trên mái đầu hơi hói.

Khi anh chiêm ngưỡng nàng, nàng chớp hai mi và nhắm mắt lại. Có lẽ tại nước nóng thấm qua thân thể nàng. Mái tóc dày của nàng thời con gái đã làm anh kinh ngạc giờ nghiêng xuống, mất hình sắc như một món đồ trang sức quá nặng.

Bồn tắm rộng đến độ có thể bơi xung quanh. Người con gái dường như không phát hiện ra anh, người đang lặn ở một góc bồn tắm. Anh đã tìm kiếm sự tha thứ của nàng như là lời cầu nguyện. Tật bệnh của nàng có lẽ do lỗi của anh. Thân thể nàng như nỗi buồn màu trắng hiển hiện trước mắt như nói nàng đã chịu đựng sự bất hạnh này vì anh.

Chuyện người nuôi chim thương yêu người vợ trẻ tật nguyền có một không hai trong đời đã trở thành chuyện đàm tiếu của suối nước nóng này. Mỗi ngày người đàn ông 40 tuổi này công vợ lên vai đi đến suối nước nóng. Người ta nhìn chú tâm và xem như là một bài thơ được mặc khải từ thân thể tật nguyền của người con gái. Nhưng người nuôi chim thường chỉ đi vào khu tắm công cộng của làng mà không đến khu lữ điểm lần nào nên có lẽ ông không biết vợ mình chính là người con gái ấy. Chẳng bao lâu sau, người nuôi chim như thế đã quên có người lạ ở bãi tắm. Ông bước ra khỏi bồn phía trước vợ mình và trải quần áo của nàng ra trên bậc thang nhà tắm. Ngay khi xếp chúng lại theo thứ tự từ áo dạ đến áo lót, người nuôi chim nâng vợ dậy khỏi nước nóng. Được đỡ từ phía sau, người vợ co rút chân tay lại quả thật như chú mèo ngoan.

Đầu gối tròn của nàng như đá pha lê trên chiếc nhẫn. Đặt nàng ngồi trên chiếc áo Kimono ở bậc thang, người chồng dùng ngón tay giữa nâng cằm nàng lên, dùng lược chải đầu và hong khô tóc cho nàng. Như ôm ấp những nhụy hoa trần trong cánh hoa, ông gói nàng bằng trang phục.

Sau khi quàng lại khăn, nhẹ nhàng công nàng trên vai, ông quay về, lần đường dọc theo bờ sông hiu hắt ánh trăng mờ nhạt. Phía dưới, chân nàng bé

nhỏ đang run rẩy trắng. Chân nàng nhỏ hơn cả cánh tay làm thành hình bán nguyệt của người chồng đang cõng mình trên vai.

Ngoái nhìn bóng dáng phía sau của người nuôi chim, anh rơi một giọt mềm mại xuống mặt nước. Không biết lúc nào anh chợt nói bằng cái tâm trong sáng:

- Hiện hữu thần linh.

Anh hiểu niềm tin chính anh làm nàng bất hạnh là tội lỗi. Anh đã hiểu đó là suy nghĩ không tự biết mình. Anh hiểu con người không thể gây bất hạnh cho con người. Anh hiểu việc cầu xin sự tha thứ của nàng là sai lầm. Anh hiểu rằng thật là kiêu mạn khi tự nâng mình lên bằng tội lỗi gây cho người khác để tìm kiếm sự tha thứ từ người được an định chịu đựng tội lỗi đó. Anh hiểu rằng con người không thể gây tổn thương cho con người.

- Hỡi Thần linh. Ta đã thua Người.

Anh nghe thấy tiếng suối đang chảy rì rầm trong thung lũng bằng tâm trạng như thể chính anh đang nổi bập bềnh và chảy trên âm thanh đó vậy.

(1926)

HOÀNG LONG dịch

ĐÔI GIÀY MÙA HẠ

Trên xe ngựa, năm bà già vừa ngủ gục vừa bàn chuyện mùa đông năm nay cam được mùa.

Chiếc xe ngựa chạy lúc la lúc lắc như đuổi theo những cánh chim hải âu.

Người đánh xe Kanzo yêu ngựa vô cùng. Trên đường thị trấn, chỉ có Kanzo sở hữu chiếc xe ngựa tám chỗ ngồi. Và anh luôn ý thức làm cho chiếc xe ngựa của mình trở nên đẹp nhất, đẹp hơn tất cả xe ngựa trên đường.

Vì yêu quý những chú ngựa nên mỗi khi đến dốc, Kanzo lại nhảy xuống đất. Anh nghĩ rằng niềm vui sướng khi nhún mình nhảy lên hay nhảy xuống xe là niềm tự hào của mình. Tuyệt diệu hơn, Kanzo có thể từ chỗ của mình cảm thấy được lũ trẻ đang đu mình phía sau xe nhờ vào cách rung của xe ngựa. Và anh nhảy xuống xe một cách nhẹ nhàng, đến cốc đầu lũ trẻ. Vì vậy, đối với lũ trẻ trên đường, chiếc xe ngựa của Kanzo là vật hấp dẫn nhất đồng thời cũng là vật đáng sợ nhất.

Nhưng hôm nay, sao anh không bắt được đứa trẻ nào. Nghĩa là, Kanzo không thể bắt được quả tang đứa trẻ đang đu mình như khi sau chiếc xe ngựa.

Lúc nào cũng vậy, Kanzo cũng nói một cách đặc ý "Đồ ngốc" sau khi nhảy xuống xe, đi nhẹ nhàng như mèo vòng ra sau và gõ đầu đứa trẻ đang đu xe ngựa không biết từ lúc nào.

Anh lại rời chỗ ngồi của mình, búng người xuống đất. Đây đã là lần thứ ba. Một cô gái nhỏ khoảng mười hai mười ba tuổi đang đi hấp tấp sau chiếc xe ngựa mặt đỏ bừng. Nàng thở hổn hển và mắt sáng long lanh. Cô bé mặc bộ đồ màu hồng. Tất thì trễ xuống mắt cá chân và không đi giày.

Kanzo trừng mắt nhìn cô bé. Nó ngó lơ ra bờ biển, tiếp tục đuổi theo chiếc xe ngựa. Kanzo chắc lười rồi quay về chỗ ngồi của mình. Anh hơi bối

rồi, nghĩ rằng người con gái mang vẻ đẹp cao quý mà anh chưa từng thấy trong đời kia có lẽ cũng đi về căn biệt thự trên bờ biển. Nhưng đã xuống xe đến ba lần mà vẫn chưa bắt được, Kanzo cũng tức lắm. Cô bé lại tiếp tục đu mình trên chiếc xe ngựa thêm được một dặm rồi. Kanzo giận dữ thúc xe chạy nhanh dù phải đánh những chú ngựa mà anh hết lòng yêu quý.

Xe đã đi vào một ngôi làng nhỏ. Kanzo lên giọng thối kèn hiệu rồi thúc xe chạy tiếp. Ngoảnh về phía sau, anh thấy cô bé vẫn chạy theo sau. Mái tóc xõa trước ngực giờ đã tung bay trên vai. Một chiếc tất dưới chân giờ đang nằm trên tay nó.

Trong một thoáng Kanzo ngoái nhìn tấm kính phía sau chỗ ngồi của mình, thấy thân hình cô bé như dính chặt vào chiếc xe ngựa. Anh cảm thấy được thân hình cô bé đang co rút lại. Nhưng khi Kanzo xuống xe lần thứ tư, cô bé lại đi cách xa chiếc xe một quãng.

- Này, em đi đâu vậy?

Cô bé cúi đầu im lặng.

- Em định đu mình đến tận bến cảng phải không?

Cô bé vẫn im lặng.

- Em đến bến cảng hả?

Nàng gật đầu.

- Này em xem đi. Máu đó. Chẳng phải máu đang chảy từ chân em hay sao? Em đúng là một cô bé can trường.

Kanzo nhú mày.

- Em lên xe đi. Vào trong mà ngồi. Nếu em đu mình ở đó chiếc xe sẽ nặng thêm. Vào trong ngồi đi. Tôi năn nỉ em đó. Tôi chẳng muốn mình là thằng ngốc đâu.

Kanzo nói vậy và mở cửa xe.

Một lúc lâu, anh quay về phía sau và thấy cô bé vẫn không kéo vạt áo đã bị kẹt vào cánh cửa xe ngựa. Vẻ đắc thắng lúc này của Kanzo tiêu tan. Trong anh dâng lên một niềm xấu hổ thầm lặng.

Nhưng trên đường về, cách bến cảng một dặm, lại cô bé lúc này, không biết từ đâu xuất hiện, chạy đuổi theo chiếc xe ngựa. Kanzo lại mở cửa xe một cách chân thành.

- Chú ơi. Con ghét ngồi phía trong lắm. Con chẳng muốn vào trong xe đâu.

- Nhìn máu ở dưới chân em kìa. Máu đó. Đôi tất đã bị nhuộm đỏ. Em là cô gái phi thường.

Chiếc xe ngựa thông dong đi về ngôi làng cũ. Đã qua hai dặm rồi. Sắp đến nơi.

- Chú ơi. Cho con xuống đây đi.

Kanzo nhìn sang mé đường, đôi giày nhỏ màu trắng nở trên đám cỏ khô.

- Mùa đông em cũng đi giày trắng ư?

- Nhưng em đến đây vào mùa hạ mà.

Cô bé mang giày vào. Và không ngoảnh lại phía sau, nàng đi như cánh hạc trắng về viện giáo dưỡng trên ngọn núi nhỏ.

(1926)

HOÀNG LONG dịch

LỜI NGUYỆN CẦU CỦA XỬ NỮ

- Đã thấy chưa?

- Thấy rồi.

- Đã thấy chưa?

- Thấy rồi.

Những dân làng từ núi và ruộng đồng tập trung lại ở con đường dưới phố, nói đi nói lại câu hỏi với vẻ mặt bất an.

Nhiều người đang làm việc trên đồng và trên núi tụ họp lại, ai cũng bị chấn động. Chắc hẳn cái điều họ đã nhìn thấy ở cùng một góc phố, cùng trong một khoảng thời gian như thỏa thuận với nhau từ trước là không thể nghi ngờ.

Làng này là một thung lũng tròn. Chính giữa có ngọn núi nhỏ, xung quanh núi là dòng sông. Trên ngọn núi là nghĩa địa của làng.

Dân làng nói rằng từ khắp nơi họ đã nhìn thấy một tháp đá rơi xuống núi và di chuyển như một ma vật màu trắng. Nếu chỉ có một hay hai người nhìn thấy người ta có thể cho là hoa mắt, cười cho qua. Nhưng nhiều người như thế này cùng nhìn thấy điều quái lạ trong cùng một lúc thì không thể không tin. Vì vậy, tôi và một nhóm dân làng hiếu kì trèo lên ngọn núi điều tra.

Đầu tiên chúng tôi lục tìm khắp nơi từ chân núi đến lưng chừng mà không thấy tảng mộ thạch rơi ở đâu cả. Vì vậy, chúng tôi lên núi xem xét từng ngôi mộ thì thấy các tháp đá im lặng xếp ngay hàng thẳng lối. Dân làng lại nhìn nhau kinh hoàng.

- Đã thấy rồi mà.

- Thấy rồi.

- Đã thấy rồi mà.

- Thấy rồi.

Và vừa nói những điều ấy, mọi người leo xuống núi như trốn chạy cái nghĩa địa. Dân làng nhất trí rằng đây là điềm báo trước chắc chắn sẽ có điều gì tệ hại xảy ra với làng. Chắc chắn là thần phạt ma quỷ hay người chết báo ứng. Phải cầu nguyện để giải thoát điều tà này thôi. Phải tẩy sạch nghĩa địa.

Dân làng tập trung các trinh nữ. Và trước khi mặt trời lặn, khoảng mười sáu hay mười bảy trinh nữ được một nhóm dân làng bao vây và dẫn lên núi. Tôi, dĩ nhiên, cũng lẫn trong đám đông.

Các trinh nữ sắp hàng ngay giữa nghĩa trang. Vị trưởng lão tóc bạc đứng phía trước và nói một cách nghiêm khắc:

- Các cô gái trong trắng, hãy cười đến vỡ cái bụng đi. Hãy cười trả lại cái điều gây tai họa cho làng ta.

Và người già lĩnh xướng:

- Ha...ha ...ha ...ha ...ha...ha...

Các cô gái khỏe mạnh của núi rừng nhất loạt cười lên: ...ha...ha...ha

Ha...ha...ha...

Ha...ha...ha...

Cái thằng tôi, quá sức giật mình, bất ngờ, cũng hòa tan và chìm đắm vào tiếng cười rung thung lũng, vô hình sắc và đam mê.

- Ha...ha...ha...ha...ha...

Một người trong làng châm lửa vào cỏ khô nghĩa địa. Xung quang các tia lửa bắn ra như lưỡi của ác ma, các thôn nữ ôm bụng cười, tóc xỏa bay linh loạn. Khi giọt nước mắt lúc bắt đầu cười đã khô đi, những đôi mắt đỏ lung linh ánh lửa ma quái. Mạnh lực tiếng cười mạnh như sấm sét khiến người ta có thể nghĩ rằng sức mạnh con người có thể làm đất đá tiêu tan.

Các trinh nữ múa cuồng loạn, phô ra những chiếc răng trắng như răng thú. Điệu nhảy có vẻ kì bí và man rợ thế nào. Tâm trạng dân lành sau khi cười đùa gò bó sinh mệnh đã tươi sáng như một ngày đẹp trời. Và khi nghĩ tiếng cười của một người nào chấm dứt, tôi chợt quì xuống một tảng mộ thạch được chiếu sáng bởi tia lửa cỏ khô:

- Thần phật ơi! Con đã thanh sạch rồi.

Tuy nhiên tiếng nói đó là tiếng cười dội vào tim tôi đến mức không thể nghe thấy.

Dân làng lặng yên bởi tiếng các trinh nữ. Và tiếng cười vang lên, nổi bật bèn như làn sóng vang chung quanh núi:

- Ha...ha...ha...

- Ha...ha...ha...

Cái lược bị rơi từ một cô gái cũng nhảy múa và cầu nguyện. Cái khăn từ một người con gái rơi ra bắt lửa cháy và cuốn lấy một người con gái khác.

(1926)

HOÀNG LONG dịch

YURIKO

Khi còn học trong trường phổ thông, Yuriko đã thầm nghĩ: “Mình cảm thấy rất tiếc cho Umeko - đã phải dùng một cái bút chì nhỏ hơn cả ngón tay cái và phải khoác cái cặp sách cũ của anh trai cả”.

Cốt để mình cũng có những thứ giống như người bạn thân nhất, cô bé đã cắt chiếc bút chì dài của mình thành những mẫu nhỏ hơn bằng một cái cửa nhỏ được gắn kèm vào con dao nhíp. Khi đó cô bé không có anh trai, cô đã van xin khóc lóc với cha mẹ để họ mua cho cô một chiếc cặp con trai.

Khi học ở trường nữ sinh, Yuriko đã thầm nghĩ, “Matsuko khá xinh. Khi trái tai với những ngón tay đỏ hết lên và nứt nẻ vì cước, bạn ấy thật đáng yêu”.

Cốt để mình cũng giống như người bạn thân nhất, cô bé đã ngâm tay thật lâu vào nước lạnh trong bồn rửa ở phòng tắm. Dấp nước lên tai, cô bé đến trường trong một sáng mùa đông giá lạnh.

Khi tốt nghiệp trường nữ sinh và lấy chồng, điều này không có nghĩa là Yuriko yêu chồng đến phát điên. Nên, cạnh tranh với người yêu đầu nhất trong đời mình, cô đã cắt tóc, đeo một cặp kính dày, sắm soi nghiên cứu lông tơ ở môi trên với hy vọng nó sẽ trở thành ria mép, hút một cái tẩu thủy thủ, nói "Hey" với chồng, đi lại với những bước mạnh mẽ của đàn ông và đăng tên nhập ngũ. Quá đủ ngạc nhiên, chồng cô không cho phép cô làm bất cứ điều gì cả. Thậm chí anh còn phàn nàn về việc cô cũng mặc áo lót dài giống anh. Anh nhăn mặt khi, giống như bản thân anh, cô không dùng bất cứ loại phấn sáp nào cả. Và vì thế tình yêu của cô dành cho anh bị trói buộc. Giống như một cái cây có những chồi non bị cắt, nó sẽ dần dần tàn úa.

“Thật là một người khó chịu,” cô nghĩ. “Tại sao anh ấy không để mình làm giống anh nhỉ? Vẫn là hoàn toàn cô đơn khi người mình yêu mà mình lại không giống”.

Và vì thế Yuriko đã yêu Chúa. Cô cầu nguyện, "Lạy Chúa, xin hãy cho con được thấy người. Làm thế nào để thấy người. Con muốn được trở nên giống như Chúa mà con yêu và làm những điều như thế".

Giọng của Chúa, tươi tắn và trong sáng, vọng xuống từ trời cao.

"Con sẽ trở thành một bông hoa ly, giống như Yuri trong tên của con. Giống như hoa ly, con sẽ không yêu bất cứ cái gì. Giống như hoa ly, con sẽ yêu mọi thứ".

"Vâng".

Trả lời một cách hiền lành, Yuriko biến thành hoa ly.

(1927)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch [1]

[1] Những bản dịch của Đào Thị Thu Hằng được dịch từ Palm-of-the-hand stories by Yasunari Kawabata, Lane Dunlop và J. Martin Holman dịch, North Point ấn hành, New York, 1988

ĐÔI MẮT CỦA MẸ

Trong khi tôi đi về phòng ngủ của mình ở khu lữ điểm của suối nước nóng, có một cô bé ở nhà thứ ba giương mắt nhìn tôi, gương mặt đầy vẻ đe dọa rồi chạy bay chạy biến.

Cô bé không nói một tiếng nào, nhanh nhẹn trốn mất. Cái bút chì ruột bạc trên giường của tôi đã bị lấy đi. Một lát sau người hầu gái bước vào:

- Cái bút chì này của ngài phải không ạ?
- Vâng, của tôi đấy. Lúc này tôi đã cho cô bé ấy rồi.
- Nhưng con bé đã lấy mà.
- Cho trẻ con cầm cũng tốt thôi. Chị lấy về đi.

Người hầu gái cười. Tôi hỏi kĩ lại thì mới biết cái bút chì được tìm thấy trong túi hành lí của cô bé. Trong đó chất đầy các thứ ăn cắp được. Từ tấm danh thiếp của khách, cái áo của ông Okami, cái lược của người hầu gái, kẹp tóc và có cả năm, sáu tờ tiền giấy.

Khoảng nửa tháng sau, người hầu gái lại nói:

- Đáng lẽ chuyện đáng tiếc như thế này không xảy ra đâu. Con bé ấy làm tôi xấu hổ quá.

Căn bệnh ăn cắp của cô bé ngày càng nặng. Cho đến một hôm cửa hàng bán lụa trong làng lặng lẽ thông báo về lữ điểm là cô bé liên tiếp mua nhiều bộ kimono quá sức xa xỉ. Người hầu gái phải nhờ ông Okami điều tra giúp.

Cô bé tiu nghỉu đứng lên và nói:

- Nếu mà nói như vậy thì tôi phải đến chỗ ông Okami làm sáng tỏ mọi chuyện mới được.
- Có phải ông muốn nói rằng tôi phải thành thật khai báo với người hầu chứ gì.

Và theo như người hầu thuật lại, cô bé ngồi trước mặt ông Okami, thản nhiên và phiền muộn, vừa nhớ lại từng vật đã ăn cắp vừa nói ra. Cô bé toàn lấy tờ 150 yên của khách và phòng thu tiền.

- Còn ba bốn bộ kimono con may, sau đó con đã nói với mẹ cho lên xe đạp và cho chở đến bệnh viện rồi.

Khi ông chủ đem cô bé trả về nhà cha mẹ đẻ, hai người nhận lấy không nói một tiếng nào.

Chẳng bao lâu sau, khi không có cô bé xinh đẹp ấy, tôi phải trở về nhà. Chiếc xe hơi chạy nhanh như cắt, cả màu xanh cây lá, đuổi theo chiếc xe song mã của tôi. Chiếc xe ngựa tránh đường. Chiếc xe hơi ngừng lại ngay sát hông xe ngựa. Cô bé ăn mặc lộng lẫy bước xuống xe, vừa bay lên xe ngựa của tôi vừa vui vẻ lên giọng nói:

- Vui quá nhỉ. Chúng ta lại gặp nhau. Tôi chở mẹ tôi đến ông bác sĩ trên phố. Tội nghiệp, hình như mẹ tôi chỉ còn một mắt. Ngài đi cùng với chúng tôi chứ ạ? Tôi sẽ đưa ngài đến bến xe. Ngài thấy sao?

Tôi bước xuống xe ngựa. Vẻ mặt của cô bé có niềm vui gì rất trong sáng. Nơi cửa sổ xe hơi, tôi thấy lấp lánh trắng cái đai ruột tượng ăn che con mắt của mẹ.

(1928)

HOÀNG LONG dịch

SẤM MÙA THU

Hôn lễ chúng tôi cử hành trong một lữ quán có tiếng sáo trúc kiểu xưa ngân nga. Mùa thu mới bắt đầu, cũng là lúc các cô gái xuân thì từ biển trở về và lượn quanh thành phố như những con ngựa tơ xinh đẹp, lông màu hạt dẻ.

Bất thành linh chớp lóe sáng khung cửa sổ và sấm nổ rền như muốn phá tan hôn lễ. Cô dâu mười bảy tuổi của tôi trắng xanh sắc mặt. Nàng nhắm nghiền mắt lại và thân thể rũ xuống như một lá cờ ướt sũng.

- Đóng cửa sổ, đóng màn lại mau!

Sau khi hôn lễ kết thúc, cha vợ tôi mới bảo: “Con gái tôi sợ sấm có thể là do một lời nguyên xưa.” Rồi ông kể cho tôi nghe câu chuyện này, về một đứa con trai hiếu thảo của xứ Tamba thuở nào:

“Yoshida Shichizaemon ở thôn Haji, hạt Amada trong xứ Tamba hết lòng phụng dưỡng cha mẹ đến nỗi lãnh chúa cũng phải biểu dương lòng hiếu thảo ấy và miễn cho anh khỏi đóng thuế đất.

Đã thế mẹ của Shichizaemon lại rất sợ sấm, chỉ cần nghe một tiếng trống gô là bà có thể ngất xỉu. Vì thế cho nên bất kỳ khi nào nghe thấy tiếng sấm rền là Shichizaemon đâm bổ về nhà, cho dù anh đang ở đâu hay đang làm gì. Vào mùa hạ anh không dám đi đâu xa, chỉ đến thôn làng lân cận là cùng.

Thế cũng chưa đủ. Ngay cả sau khi mẹ qua đời, cứ nghe thấy tiếng sấm là anh chạy ngay đến nghĩa trang, vòng tay ôm chặt mộ của bà.

Một đêm kia, trong khi Shichizaemon ôm ghì mộ bia suốt cơn dông, anh bị sét đánh chết. Sáng hôm sau trời trong xanh và tươi đẹp.

Khi một người dân trong làng cố gỡ cánh tay Shichizaemon ra khỏi bia mộ thì nó vỡ ra từng mảnh. Thân thể cháy đen của anh đã trở thành một hình tượng bằng tro, chạm vào là vỡ vụn.

Rõ ràng là kéo chàng Shichizameon hiểu thảo ra khỏi mộ chí kia là một điều lầm lẫn.

Một bà lão nhặt lên một ngón tay của anh vừa rơi xuống đất và cất vào trong tay áo. Bà nghiêng mình mà nói: “Để cho thằng con trai vô tâm, bất trị của già này uống”.

Các thôn dân khác cũng bắt chước nhặt nhạnh từng mảnh hài cốt. Thứ tro linh ấy đã truyền từ đời này sang đời khác như thể gia bảo. Khi ta còn nhỏ mẹ ta đã cho ta uống. Không biết có phải vì thế mà ta- và cả con bé này nữa- sợ sấm hay không”.

- Vậy là cô bé này (tôi ám chỉ người vợ mới) cũng được cha cho uống tro ấy à?

- Không, ta quên. Nhưng nếu bên nhà con thích thì ta sẽ gửi một gói cho nó.

Trong căn nhà mới của chúng tôi ở ngoại ô thành phố, bốn con dế nhảy ra từ phía sau chiếc bàn làm việc mới tinh của vợ tôi. Chiếc khăn phủ trắng muốt cũng chưa thay. Người vợ mới của tôi ánh lên vẻ rạng rỡ của một bó hoa tử đinh hương vào đầu mùa hạ. Thế rồi một lần nữa, tiếng sấm cuồn cuộn lại nổ rền như thể mùa hạ đang tự hủy. Khi tôi ôm giữ cô dâu bé nhỏ đang run rẩy của mình, cái mà tôi cảm thấy trước hết qua làn da nàng là một người mẹ trong nàng.

Ai dám bảo tôi sẽ không trở thành một hình hài cháy rụi khi tôi ôm ấp cái bia mộ mềm mại ấm nồng này? Chớp lóe sáng. Sấm như thử biến chiếc giường cưới của chúng tôi thành một chiếc giường chết chóc, vang động rầm rĩ trên mái nhà.

- Màn, đóng màn lại mau!

1928

NHẬT CHIÊU dịch

GIA ĐÌNH

Sự mù loà của tôi ở đây, không phải mang ý nghĩa là mắt không thấy.

Anh dắt tay người vợ mù, dắt nàng lên dốc để tìm căn nhà cho thuê.

-Tiếng gì vậy anh?

-Tiếng gió thổi qua rừng trúc.

-Vậy à? Em đã ở trong nhà lâu đến nỗi quên tiếng lá trúc rồi. Cái thang gác nhà mình bây giờ hẹp quá anh nhỉ? Lúc mới dọn đến, chân em yếu đến độ không bước lên được thang gác. Khi em vừa mới quen thuộc ngôi nhà, anh lại nói chúng mình đi xem căn nhà mới. Đối với người mù, căn nhà là vật thân thuộc như chính thân thể mình vậy. Và em hiểu rõ căn nhà cũ của mình đến từng ngõ ngách như thân thể em. Máu của người mù vẫn chảy nơi căn nhà mà người sáng mắt cho là đã chết. Em vẫn phải vấp vào cột nhà hay ngưỡng cửa nhà mới phải không anh?

Anh buông tay vợ và mở một chiếc hộp sơn trắng.

-Hình như cái sân này hơi tối vì có nhiều cây xanh. Vào mùa đông sẽ lạnh lắm.

-Đây là kiến trúc kiểu phương Tây với cửa sổ và tường u ám. Hình như một gia đình người Đức đã sống ở đây. Còn cái biển hiệu “Liederman” này.

Ngay khi đẩy cửa vào nhà, anh bước lùi ra sau như bị choáng vì luồng ánh sáng.

-Tuyệt diệu. Sáng quá. Nếu như ngoài sân là buổi tối thì trong nhà là buổi trưa.

Giấy dán tường kẻ sọc xanh sọc đỏ sặc sỡ như những tấm vải hồng bạch trang trí trong các lễ hội. Rèm cửa màu đỏ sậm sáng lấp lánh như ánh đèn điện.

-Trường kỷ, lò sưởi, ghế bàn, tủ quần áo, đèn trang trí... Có tất cả vật dụng gia đình ở đây. Em hãy xem...

Anh dắt nàng ngồi xuống trường kỷ cứ như là anh đẩy nàng.

Người vợ quơ cánh tay giống như một tảng băng trơn. Thân hình nàng bật nảy lên như lò xo.

-A... Có cả đàn piano.

Anh dắt nàng ngồi nơi cái đàn piano nhỏ nằm cạnh lò sưởi. Những phím đàn ngân lên nghe thật sợ hãi.

-A. Đàn vẫn còn chơi được.

Nàng chơi một bài ca tuổi nhỏ. Đó là bài hát nàng học từ khi nàng còn là một thiếu nữ chưa bị mù.

Anh bước thử vào phòng đọc sách, nơi có một chiếc bàn lớn. Anh phát hiện kế sát bên là phòng ngủ. Trong phòng có chiếc giường đôi. Có cái đệm rơm quấn quanh cái chăn được trang trí góc cạnh bằng vạch đỏ và trắng.

Anh ngồi lên và tấm nệm nảy lên mềm mại.

Những khúc ca vợ anh chơi bây giờ dần trở nên tươi sáng. Nhưng anh cũng nghe tiếng cười trong trẻo như trẻ thơ khi nàng đánh sai vài phím - đó là nỗi buồn của người mù.

-Em ơi! Lại mà xem cái giường đôi này.

Không thể hiểu nổi. Nàng đi bộ trong căn nhà xa lạ như người sáng mắt, tiến về phòng ngủ.

Họ ôm nhau. Vừa ngồi trên giường nàng vừa vui vẻ lắc lư như con lật đật. Nàng huýt sáo thì thầm. Hai người quên đi thời gian.

-Đây là đâu vậy anh.

-À....

-Thật sự đây là đâu vậy?

-Dù thế nào đi nữa, đây cũng không phải là nhà của em.

-Nếu có nhiều nơi như thế này thì tuyệt diệu biết bao.

(1928)

HOÀNG LONG dịch

NGƯỜI ĐÀN ÔNG KHÔNG CƯỜI

Bầu trời trở nên sâu thẳm, trông như bề mặt của một món đồ sứ celaidon[1] xinh xắn. Từ giường, tôi nhìn ra sông Kamo nơi dòng nước nhuộm màu buổi sáng.

Đã một tuần nay đoàn làm phim phải làm việc đến quá nửa đêm vì diễn viên đóng vai chính dự định chỉ tham gia diễn trong vòng mười ngày. Là tác giả, nên tất cả những gì tôi phải làm là giám sát kỹ lưỡng việc quay phim. Nhưng môi tôi đã trở nên khô ráp và tôi mệt đến nỗi không thể mở mắt ra được, thậm chí ngay cả khi đứng bên cạnh những ngọn đèn cácbua tỏa ánh sáng trắng nóng bỏng. Sáng hôm ấy, vào lúc những ngôi sao bắt đầu biến mất, tôi đành quay trở về khách sạn.

Dù sao, bầu trời màu ngọc bích cũng làm tôi tỉnh lại. Tôi cảm thấy giấc mộng đẹp dễ ợt ấy sắp thành.

Đầu tiên, quang cảnh phố Shijo hiện ra trong tâm trí. Ngày hôm trước, tôi đã ăn trưa ở Kikusui, một nhà hàng kiểu phương Tây gần Ohashi. Rặng núi hiện ra ngay trước mắt tôi. Tôi có thể nhìn thấy màu xanh tươi mới của cây cối ở Higashigama bên ngoài cửa sổ tầng ba. Cảnh tượng ấy thật ngoạn mục, đặc biệt là với tôi, một kẻ mới từ Tokyo tới. Tiếp đó, tôi nhớ lại chiếc mặt nạ tôi đã nhìn thấy, được trưng ở tủ kính của một cửa hàng đồ cổ. Đó là một chiếc mặt nạ cổ đang mỉm cười.

“Mình phải có nó. Mình đã có một giấc mộng đẹp”. Tôi thì thầm, vui mừng khôn xiết lấy mấy trang giấy trắng và viết ra giấc mộng của mình. Tôi viết lại cảnh cuối của kịch bản phim. Xong, tôi viết thêm một lá thư gửi cho đạo diễn.

"Tôi sẽ để cảnh cuối là một giấc mộng. Những chiếc mặt nạ mỉm cười hiền lành sẽ xuất hiện khắp màn ảnh, không thể hy vọng đưa ra một nụ cười rạng rỡ ở phần kết của câu chuyện buồn thảm này thì ít ra tôi cũng có thể chụp lên thực tại tấm mặt nạ mỉm cười, đẹp ợt".

Tôi cầm bản thảo đến trường quay. Thứ duy nhất ở văn phòng là báo buổi sáng. Người phụ nữ ở quán ăn tự phục vụ đang quét dọn mùn cửa phía trước phòng đạo diễn.

- Chị có thể chuyển giúp tôi cái này cho đạo diễn được không?

Bộ phim được quay tại một bệnh viện tâm thần. Tôi cảm thấy đau lòng khi chứng kiến cuộc sống bất hạnh của những người điên mà chúng tôi quay phim hàng ngày. Tôi bắt đầu nghĩ rằng mình sẽ cảm thấy tuyệt vọng trừ phi bằng cách này hay cách khác có thể đưa thêm vào một kết thúc tươi sáng. Tôi sợ rằng tôi không thể tìm thấy một kết thúc có hậu bởi vì tính cách của tôi cũng đã quá u sầu.

Vậy nên tôi đã lấy làm phấn chấn vì nghĩ đến những chiếc mặt nạ. Tôi có cảm giác dễ chịu khi tưởng tượng mỗi một người ở cảnh cuối trong bệnh viện tâm thần đều đeo một chiếc mặt nạ đang cười.

Mái che bằng kính của trường quay ánh lên màu xanh. Màu của bầu trời đã sáng lên với ánh ngày. An tâm, tôi quay trở lại nhà trọ và ngủ ngon lành.

*

Vào khoảng mười một giờ đêm hôm đó, người đàn ông đi mua mặt nạ trở lại trường quay.

- Từ sáng, tôi đã lùng khắp các cửa hàng đồ chơi ở Kyoto, nhưng không đâu còn lấy một cái mặt nạ tử tế.

- Để tôi xem anh kiếm được gì nào?

Tôi thất vọng khi mở gói đồ. Cái này ư? Vậy...

- Tôi biết. Họ không có. Tôi đã nghĩ là tôi có thể tìm được mặt nạ ở bất cứ chỗ nào. Tôi cam đoan đã tìm kiếm ở khắp các cửa hàng nhưng đây là cái duy nhất mà tôi có thể mua được trong ngày.

- Thứ mà tôi hình dung là một cái gì đó giống như một chiếc mặt nạ Noh[2] Nếu bản thân chiếc mặt nạ không có tính nghệ thuật, đơn giản nó sẽ

trở nên lỗ bịch trong phim. - Tôi cảm thấy như thể sắp khóc khi cầm chiếc mặt nạ hề bằng giấy của trẻ con trong tay. - Vì một nhẽ, là cái này trông sẽ giống màu đen mờ khi lên ảnh. Và nếu nó không có một nụ cười dễ thương hơn với một làn da trắng rạng rỡ thì...

Cái lưỡi đỏ thè ra từ khuôn mặt nâu.

- Lúc này ở văn phòng người ta đang thử sơn trắng nó.

- Nếu không kiếm được chiếc mặt nạ nghệ thuật nào, thì tốt nhất chúng ta nghỉ quay, - một người đàn ông ở phòng kịch bản nói, có lẽ là thông cảm với sự thất vọng của tôi. - Chúng ta sẽ đi lùng mặt nạ một lần cuối cùng chứ? Mới mười một giờ, có lẽ ở Kyogoku người ta vẫn thức.

Chúng tôi lái xe đi nhanh dọc theo con đê của dòng Kamo. Ánh sáng rực rỡ từ những ô cửa sổ của bệnh viện bên bờ đối diện phản chiếu xuống nước. Tôi không thể tưởng tượng được rằng có rất nhiều bệnh nhân đang đau đớn trong một bệnh viện có tất cả các ô cửa sổ được chiếu sáng ấy. Tôi tự hỏi liệu có thể để các cửa sổ bệnh viện sáng rực không nếu chúng tôi không thể tìm được những chiếc mặt nạ phù hợp.

Chúng tôi lục tung hết các cửa hàng đồ chơi ở Shinkyogoku khi người ta bắt đầu đóng cửa. Chúng tôi biết là đã hết hy vọng. Chúng tôi mua hai mươi chiếc mặt nạ rùa giấy. Chúng đáng yêu, nhưng khó có thể gọi là nghệ thuật. Phố Shijo đã ngủ say.

- Đợi một lát. - Người đàn ông ở phòng kịch bản vòng xuống một con hẻm. - Ở đó có rất nhiều cửa hàng bán những đồ thờ Phật cũ. Tôi nghĩ họ cũng có cả đạo cụ cho kịch Noh.

Nhưng phố phường đều đã đi ngủ cả. Tôi ghé mắt qua khe cửa nhìn vào bên trong các cửa hiệu.

- Sáng mai, khoảng bảy giờ tôi sẽ lại đến. Dẫu sao thì tối nay chúng ta cũng đã cố hết sức rồi.

- Tôi cũng sẽ đi cùng. Nhớ đánh thức tôi. - Tôi nói.

Nhưng ngày hôm sau anh ta đi một mình. Khi tôi thức giấc, người ta đã sẵn sàng quay những chiếc mặt nạ. Họ kiếm được năm chiếc đã từng được dùng trong những buổi biểu diễn âm nhạc cổ điển. Ý tưởng của tôi là sử dụng hai mươi hoặc ba mươi chiếc mặt nạ cùng loại, nhưng khi tiếp xúc với cảm giác bông bênh trong nụ cười dịu dàng của năm chiếc kia, tôi bình tâm trở lại. Tôi cảm thấy mình đã hoàn thành trách nhiệm với những người mất trí.

- Tôi phải thuê chúng vì mua thì quá đắt. Cẩn thận đấy, nếu anh làm bẩn, người ta sẽ không nhận lại đâu.

Sau câu nói của người phụ trách kịch bản, tất cả các diễn viên đều rửa tay và cầm mặt nạ lên bằng đầu ngón tay, nhìn chúng chăm chú như thể đang nhìn một thứ của quý.

- Nếu bị rửa, màu sẽ tróc hết, đúng không?

- À, vậy thì tôi sẽ mua chúng. Tôi thực sự thích những chiếc mặt nạ ấy. - Tôi mơ mộng như thể đang chờ đợi cái tương lai khi thế giới trở nên yên bình và tất cả mọi người đều mang khuôn mặt dễ thương như những chiếc mặt nạ kia.

Vừa về đến nhà ở Tokyo, tôi đến thẳng phòng bệnh của vợ tôi.

Bọn trẻ đang cười đùa vui vẻ, đeo hết chiếc mặt nạ này đến chiếc mặt nạ khác. Tôi cảm nhận cảm giác mơ hồ về sự thỏa mãn.

- Bố, đeo cái này vào đi.

- Không.

- Bố đeo đi.

- Không.

- Đeo đi.

Thằng con trai thứ hai của tôi đứng lên và cố ấn cái mặt nạ lên mặt tôi.

- Thôi đi! - Tôi quát.

Vợ tôi cứu tôi thoát khỏi rắc rối này:

- Đưa đây, mẹ sẽ đeo.

Trong tiếng cười của bọn trẻ tôi trở nên tái nhợt.

- Anh sao thế? Anh ốm rồi.

Thật khủng khiếp khi nhìn thấy chiếc mặt nạ đang cười nằm trên giường bệnh của nàng.

Khi vợ tôi tháo mặt nạ ra, hơi thở của nàng trở nên khó khăn. Nhưng đó không phải là điều làm tôi khiếp sợ. Khoảnh khắc tháo chiếc mặt nạ, khuôn mặt nàng không hiểu sao lại hiện ra xấu xí. Tôi sởn da gà khi nhìn khuôn mặt hốc hác của nàng. Tôi đã bị sốc bởi lần đầu tiên khám phá ra nét mặt vợ mình. Khoảng ba phút nàng đã được che trong vẻ xinh đẹp, dễ thương và nụ cười của chiếc mặt nạ, vì thế bây giờ tôi mới thấy sự xấu xí của khuôn mặt nàng. Nhưng không, còn hơn cả xấu xí, đây là vẻ đau đớn của một người đã bị bất hạnh giày vò. Sau khi được che giấu trong chiếc mặt nạ xinh đẹp, gương mặt nàng đã lộ cái phần đen tối của kiếp cùng khổ.

- Bố, đeo nó đi .

- Bây giờ đến lượt bố. - Bọn trẻ nài ép tôi.

- Không - Tôi đứng lên. Nếu tôi đeo chiếc mặt nạ vào rồi lại tháo ra, thì đối với vợ, tôi sẽ giống như một yêu ma xấu xí. Tôi sợ mặt nạ đẹp. Và sự sợ hãi đó đã thức tỉnh những nghi ngờ trong tôi rằng gương mặt dễ thương luôn mỉm cười của vợ tôi có lẽ tự nó đã là một chiếc mặt nạ hoặc nụ cười của vợ tôi có thể là kỹ xảo, giống như chiếc mặt nạ.

Mặt nạ không tốt. Nghệ thuật không tốt.

Tôi viết một bức điện gửi đến trường quay ở Kyoto.

“Cắt cảnh mặt nạ”.

Rồi tôi xé bức điện ra thành từng mảnh vụn.

[1] Celaidon: màu ngọc bích, men gốm được xếp vào màu từ hơi xám đến hơi xanh

[2] Mặt nạ Noh: loại mặt nạ diễn viên đeo khi biểu diễn kịch Noh, một loại hình sân khấu truyền thống của Nhật Bản.

(1929)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

GÀ TRỐNG VÀ VŨ NỮ

Tất nhiên là cô vũ nữ căm thù việc đó – ôm một con gà trống trong tay – bất kể tối muộn đến đâu.

Cô vũ nữ không nuôi gà. Mẹ cô nuôi chúng.

Nếu cô gái trở thành một vũ nữ giỏi, có lẽ mẹ cô sẽ không phải nuôi gà nữa.

*

“Người ta đang trần truồng tập thể dục trên mái nhà kia”.

Mẹ cô lùi lại phía sau.

“Không chỉ một, hai người. Phải đến bốn, năm mươi người ấy chứ. Giống như ở trường nữ sinh. Trần truồng... chà, chân họ kia”.

Ánh sáng mùa xuân tràn qua từ mái nhà bằng bê tông – vũ nữ cảm thấy chân tay họ duỗi thẳng cứ như những búp măng non.

“Thậm chí ở trường cấp hai người ta cũng không tập thể dục ở ngoài trời nữa”.

*

Mẹ cô gái đến cửa phòng thay đồ để gặp con mình.

“Con gà đã gáy trong đêm. Đó là lý do mẹ đến đây. Mẹ nghĩ có chuyện gì đã xảy ra với con”.

Mẹ cô đợi ở ngoài cho tới khi kết thúc bài tập luyện.

“Bắt đầu từ ngày mai, mình sẽ múa khỏa thân trước khán giả”. Cô không nói trước với mẹ mình. “Có một người đàn ông lạ ở đây. Phòng tắm giặt thẳng bên chỗ con đang đứng. Ai đấy đã nói có một người đàn ông đứng đó nhìn lơ đãng hàng tiếng đồng hồ - cho dù cửa sổ mở rộng và sương giá phủ đầy trên cỏ. Thậm chí ông ta cũng không thể nhìn một cái bóng. Người ta

nói ông ấy chỉ nhìn những giọt sương đọng trên cỏ khi chúng chảy xuống cửa sổ”.

“Chẳng có gì là lạ khi con gà gáy trong đêm cả”.

*

Có một tục lệ hiến dâng những con gà trống đã gáy trong đêm cho vị thần Kannon ở Asakusa. Bởi vì làm như thế, người ta nói là bạn có thể tránh được tai họa.

Rõ ràng những con gà đã sống giữa bầy bồ câu của thần Kannon, tất cả đều là những nhà tiên tri cho chủ nhân của chúng.

Một lần cô vũ nữ về nhà vào tối ngày hôm sau, rồi quay trở lại Asakusa, đi qua cầu Kototoi từ Honjo. Cô mang theo con gà trống được quấn trong tấm vải dưới cánh tay.

Cô mở cái mớ ấy trước mặt thần Kannon. Ngay khi con gà chạm đất, nó đập cánh và chạy mất.

“Gà què đúng là lũ ngốc”.

Cô cảm thấy tiếc con gà trống, con vật mà có lẽ bây giờ đang thu mình lại trong bóng tối. Cô tìm nó nhưng không thấy.

Rồi cô vũ nữ nhớ lại là mình đã từng cầu nguyện.

“Thần Kannon, trước đây ngài đã từng múa phải không?” Cô cúi đầu. Khi ngẩng lên lại, cô giật mình.

Cô nhìn chăm chăm mấy cành trên cao của cây bạch quả và thấy bốn, năm con gà đang đậu để ngủ trên đó.

*

“Mình băn khoăn không biết con gà trống ấy giờ thế nào”.

Trên đường đến rạp hát, cô vũ nữ dừng lại trước tượng thần Kannon.

Con gà trống mà cô đã thả ngày hôm trước bắt đầu tiến lại gần cô. Đỏ bừng mặt, cô gái bỏ chạy. Con gà đuổi theo cô.

Mọi người trong công viên nhìn chăm chăm, miệng há hốc khi con gà đuổi theo cô gái.

Ngày này qua ngày khác, con gà trở thành một con gà hoang giữa đám đông mọi người trong công viên.

Nó bắt đầu bay tốt. Đôi cánh của nó phủ đầy bụi và trở thành màu trắng. Nhưng nó mổ những hạt đậu cùng với lũ chim bồ câu với một vẻ thờ ơ của một tay chơi Asakusa và nghênh ngang đậu trên nắp chiếc hòm công đức của vị thần.

Cô vũ nữ không bao giờ thử đi qua trước mặt thần Kannon một lần nữa.

Thậm chí nếu cô có đi qua, con gà trống cũng đã quên cô.

*

Tại nhà của cô vũ nữ, hai mươi chú gà con đã nở.

“Có lẽ không phải là điềm gở khi lũ gà con kêu chiêm chiếp trong đêm”.

“Đối với con người, con biết đấy, hoàn toàn là bình thường khi một đứa trẻ khóc trong đêm”.

“Sẽ là chuyện lạ khi một người lớn khóc trong đêm”.

Cô vũ nữ nói những lời đó một cách bình thường; tuy nhiên, cô bắt đầu cảm thấy chúng có ý nghĩa.

Cô thường đi chơi với những chàng sinh viên. Có vẻ như đôi khi không đặc biệt thích thú đi chơi với mấy cậu sinh viên.

Khi cô về, mẹ cô nói: “Mẹ băn khoăn không biết có chuyện gì không. Một con gà trống lại gáy trong đêm. Con đi cầu nguyện thần Kannon đi”.

Cô vũ nữ cảm thấy mình đã phát hiện ra một điều, và mỉm cười. “Hai mươi con gà đã nở, vì thế có lẽ con gà trống gáy có nghĩa là việc mình sẽ đi

chơi với hai mươi người đàn ông là ổn. Như thế là đủ cho một đời người”.

*

Nhưng cô đã lầm. Lời tiên tri của con gà trống không phải về việc cô đi chơi với các chàng sinh viên.

Một người đàn ông lạ mặt theo sau cô vũ nữ tay ôm con gà trống trong cái bọc. Nhưng vì có con gà, cô gái cảm thấy bối rối hơn là sợ hãi. Khi ấy cô gái nhút nhát – đúng thế - chúng ta nên kêu to lên để báo cho cô ấy biết.

Cô vũ nữ ôm một con gà trống chắc chắn là một cảnh tượng kỳ quái. Người đàn ông nghĩ chắc điều này sẽ thuận tiện đây.

“Quý cô, cô có muốn tham gia vào một kế hoạch kiếm tiền rất dễ chịu với tôi không? Ngày nào tôi cũng đã xem xét thùng giấy bỏ của nhà hát nơi cô múa mà chẳng nhặt được chút tóp mỡ hay bất cứ cái gì đại loại như thế cả. Thùng rác chỉ đầy thư tình gửi cho các cô vũ nữ, những lá thư mà họ đã ném đi”.

“Hả?”

“Cô đã hiểu điều tôi khám phá ra, đúng không? Chúng ta có thể dùng những lá thư đó để kiếm một ít tiền từ những người đàn ông đủ ngu ngốc để gửi chúng. Nếu tôi có ai đó ở trong nhà hát giúp đỡ, thì tôi sẽ làm việc ấy dễ dàng hơn”.

Cô vũ nữ cố bỏ chạy. Người đàn ông túm lấy cô. Không nghĩ gì cả, cô gái đẩy mặt người đàn ông sang một bên bằng bàn tay phải – bàn tay mà cô đã giữ con gà.

Cô tổng cả mớ, con gà trống và tất cả vào mặt người đàn ông. Con gà đập cánh. Làm cách nào ông ta có thể chịu đựng được điều đó?

Người đàn ông hét lên, bỏ chạy. Ông ta không biết nó là con gà trống.

*

Sáng hôm sau, khi cô gái thử đi đến trước mặt thần Kannon, bạn không biết điều đó nhưng con gà trống từ bầy chim bồ câu đêm ở đó đã chạy đến chân cô. Cô nén cười, nhưng lần này cô không ù té chạy. Cô bỏ đi lặng lẽ.

Ngay khi vào phòng thay đồ, cô nói: “Mọi người, xin hãy cẩn thận với thư từ của mình. Đừng ném chúng vào thùng giấy loại. Và hãy gửi một thông điệp đến các nhà hát khác – để bảo vệ phẩm hạnh chung”.

Tất nhiên, vì điều này, có lẽ cô sẽ trở thành một vũ nữ nổi tiếng.

(1930)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

TRANG ĐIỂM

Cửa sổ phòng tắm của tôi quay mặt về phía phòng đợi nhà tang lễ Yanaka. Khoảng không gian chật hẹp giữa những dãy nhà là đồng rác của nhà tang lễ nơi người ta vứt bỏ vòng hoa và những bó hoa tang.

Tiếng kêu của các loài côn trùng mùa thu đã trở nên rộn rã trong nghĩa địa của nhà tang lễ, mặc dù mới chỉ vào độ giữa tháng chín. Tôi khoác vai vợ rồi dẫn nàng và em gái nàng xuống hàng lang để họ thăm thú. Trời đã về đêm. Khi tôi mở cửa sổ phòng tắm ở cuối hành lang, làn hương thơm ngào ngạt của hoa cúc làm chúng tôi sững sốt. Kinh ngạc, cả hai nghiêng người về phía cửa sổ bên trên chậu rửa. Cửa sổ nở đầy hoa cúc trắng. Khoảng hai mươi vòng hoa xếp thành một hàng, bị bỏ lại từ một đám tang. Khi vợ tôi vươn tay như muốn ngắt một bông hoa, nàng thảng thốt kêu lên là không biết đã bao nhiêu năm rồi kể từ khi nàng nhìn thấy trong một lúc nhiều hoa cúc đến như thế.

Tôi bật đèn. Giấy quăn bằng bạc của những vòng hoa lấp lánh. Đêm ấy, trong lúc đang làm việc, nhiều lần tôi ngửi thấy mùi hoa cúc khi vào phòng tắm, và, mỗi lần, tôi đều cảm thấy sự mệt mỏi của cả đêm làm việc đã tiêu tan hết trong hương hoa thơm ngát. Cuối cùng, trong ánh sáng ban ngày, tất cả những bông hoa trắng dường như trắng hơn và những dải giấy bạc trở nên rực rỡ. Khi tôi trở lại với công việc của mình, tôi trông thấy một chú chim bạch yến đậu trên những bông hoa. Có lẽ nó là con chim phóng sinh trong đám tang ngày hôm qua đã mệt mỏi và quên đường trở về với trại chim.

Cho dù đây là một cảnh tượng đẹp đẽ, thì từ cửa sổ phòng tắm của mình tôi cũng phải chứng kiến cảnh những bông hoa tang héo đi trong vài ngày tới. Ngay cả bây giờ, mới đầu tháng ba, khi viết những dòng này, tôi ngẩng nhìn một vòng hoa chuông và hồng nhung được bốn, năm ngày, lòng thầm hỏi không biết màu sắc sẽ thay đổi thế nào khi chúng tàn đi.

Tôi ước chi những bông hoa đang còn ở trên cây.

Tôi cũng quan sát con người bên trong cửa sổ phòng đợi của nhà tang lễ. Có rất nhiều phụ nữ trẻ. Dường như đàn ông ít đi vào phòng đợi, và khi những phụ nữ đứng tuổi ở đó càng lâu thì trông họ càng ít giống phụ nữ. Hầu hết những người phụ nữ trẻ đứng đó một lúc, rồi trang điểm. Khi tôi nhìn những người phụ nữ mặc đồ tang ấy đang trang điểm mặt trong phòng đợi, đánh son màu sẫm, tôi rung mình chùn chân như thể tôi đã trông thấy đôi môi đầm máu của kẻ đã liếm xác chết. Tất cả bọn họ đều bình tĩnh và tự chủ. Thân xác họ phô bày cảm giác tội lỗi, như thể họ đã phạm phải một tội lỗi thật xấu xa nào đó trong khi che giấu bản thân mình.

Tôi không muốn nhìn việc trang điểm khủng khiếp như thế, nhưng các ô cửa sổ thì lúc nào cũng luôn đối diện nhau, vì vậy những sự việc đáng ghê tởm như vậy không phải là hiếm. Tôi luôn vội quay mặt đi. Tôi nghĩ có thể tôi sẽ gửi thư cho những người phụ nữ tôi quý mến, bảo họ đừng có vào phòng đợi của nhà tang lễ Yanaka, cho dù họ phải đi dự đám tang - cốt để họ tránh xa những mụ phù thủy đó ra.

Dẫu sao, ngày nọ tôi trông thấy một cô gái khoảng mười bảy, mười tám tuổi bên trong cửa sổ phòng đợi, đang lau nước mắt bằng chiếc khăn tay màu trắng. Dù cô có liên tục lau mắt, thì những giọt lệ vẫn cứ trào ra. Đôi vai run rẩy khi cô nức nở. Cuối cùng, kiệt sức vì đau buồn, cô tựa vào tường. Cô để mặc nước mắt trào tuôn, không đủ sức để lau khô má.

Cô là người duy nhất không che giấu và không trang điểm. Chắc chắn cô đến để giấu chính bản thân mình và khóc.

Những định kiến xấu dành cho phụ nữ đã mọc rễ trong tôi do nhìn qua cái cửa sổ đó đã được gột rửa sạch bong bởi cô gái này. Nhưng rồi, thật bất ngờ, cô gái lấy ra một chiếc gương nhỏ, nhoén miệng cười và vội vã rời khỏi phòng đợi. Tôi quá đỗi ngạc nhiên, cảm thấy như thể có ai đó tạt cả gáo nước lạnh vào người. Tôi suýt nữa đã gọi cô gái.

Đó là nụ cười bí ẩn.

(1930)

(ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch)

MƯA PHÙN

Mưa phùn mùa xuân không đủ ướt vạn vật. Nhẹ như sương móc, chỉ thấm ướt làn da trong sáng. Người thiếu nữ chạy ra nhìn chiếc dù của chàng thiếu niên ngỡ ngàng:

- Trời mưa hay sao?

Người thiếu niên mở dù để giấu che niềm xấu hổ khi đi ngang cửa hiệu có người thiếu nữ đang ngồi, hơn là vì mưa.

Nhưng anh lặng lẽ hướng dù về thân thể cô gái. Và nàng, chỉ một bờ vai ẩn dưới mái dù của anh.

Anh không thể đến gần nàng hơn nữa để hỏi xem nàng có muốn đi cùng hay không mặc dù anh đang bị ướt. Còn nàng cũng muốn cầm lấy cán dù và đi chung với anh nhưng nàng cứ như là sắp chạy trốn.

Hai người đi vào phòng chụp ảnh. Ba của anh chuyển đi xa vì công vụ. Chỉ là chụp một bức hình chia tay.

- Mời anh chị ngồi lại gần đây.

Người thợ ảnh chỉ chiếc trường kỷ, nhưng hai người không thể ngồi gần nhau.

Anh đứng sau nàng. Và vì muốn hai hình hài quyện nhau ở đâu đó, anh để những ngón tay nắm trường kỷ khẽ chạm vào áo choàng của nàng. Lần đụng chạm đầu tiên của anh vào thân thể cô gái. Sức nóng của thân thể mơ hồ truyền đến những ngón tay. Anh như cảm thấy sự nóng bỏng khi anh xiết chặt hình hài nàng lúc khóa thân.

Anh thường nhớ lại sức nóng ấy trong đời mỗi khi anh xem lại những tấm ảnh.

- Chụp một tấm bán thân nữa nhé. Hai người đứng sát nhau đi.

Anh gật đầu và thì thầm với nàng:

- Tóc em thì sao?

Nàng ngược nhẹ nhìn anh. Má bừng đỏ, niềm vui bừng lên trong con mắt thanh tân và vội vàng, nàng chạy vào phòng trang điểm.

Nàng chưa kịp sửa lại tóc khi anh bước ngang qua cửa hiệu. Và tóc xõa bay tung.

Nàng lo lắng vì tóc rối bời như thế nàng vừa cởi chiếc mũ tắm. Nàng quá e thẹn đến mức không thể làm duyên vuốt lại mái tóc rối bời trước anh. Nhưng anh lại nghĩ anh đã sỉ nhục nàng khi anh yêu cầu nàng sửa lại tóc.

Sự tỉnh khôi trong sáng của nàng khi bước ra phòng trang điểm đã làm anh choáng váng, sáng rực lên. Sau ánh sáng của nàng, hai người ngồi cạnh nhau trên chiếc trường kỷ như chuyện đương nhiên.

Khi hai người bước ra phòng chụp ảnh, anh nhìn quanh tìm lại chiếc dù. Và anh chợt thấy nàng đã ra trước, cầm dù đứng đợi anh. Khi thấy anh nhìn, nàng mới hay mình đã cầm dù của anh bước ra. Và nàng kinh ngạc. Phải chăng nàng không nhận ra hành vi trong lúc vô tình ấy có nghĩa là nàng cũng đã thuộc về anh sao?

Anh không thể nói để anh cầm dù. Và nàng cũng không thể đưa dù lại cho anh. Nhưng khi rẽ sang đường khác, hai người đột nhiên trưởng thành. Họ đi về nhà như là vợ chồng. Chỉ tại chiếc dù mà thôi.

(1932)

HOÀNG LONG dịch

GIỜNG MẶT

Từ năm sáu, bảy tuổi cho đến mười bốn mười lăm cô gái chỉ toàn diễn trên sân khấu. Và lúc đó người xem thường khóc theo.

Cô luôn nghĩ rằng khi mình khóc thì người xem sẽ khóc theo.

Đó là ánh mắt đầu tiên của cô gái nhìn cuộc đời. Cô thấy rằng gương mặt của tất cả mọi người là những gương mặt bi ai mà khi xem kịch của cô diễn thì phải khóc. Không có một gương mặt nào, đối với cô lại không thể hiểu được. Từ lúc ấy, những gương mặt trong cuộc đời là vô cùng dễ hiểu.

Trong đoàn kịch, không có một diễn viên nào làm cho người xem khóc nhiều như vai đứa trẻ dễ thương mà cô gái thủ diễn.

Vào năm mười sáu tuổi, cô sinh hạ đứa con.

- Đứa trẻ không giống tôi một chút nào. Nó không phải con tôi. Tôi không biết đâu đấy. – Cha đứa trẻ nói.

- Đứa trẻ cũng chẳng có điểm nào giống tôi. – Cô gái nói. – Nhưng nó là con tôi.

Gương mặt của đứa bé gái ấy, đối với cô, là gương mặt con người đầu tiên cô không hiểu. Và vai diễn trẻ con của cô gái đã phải chấm dứt ngay sau khi sinh con. Người ta nói với cô như vậy.

Khi đó, cô mới phát hiện giữa sân khấu của bi kịch theo trường phái mới làm người xem phải khóc cho đến lúc này với cuộc đời thực tế ngăn cách bằng hố thẳm.

Hố thẳm ấy là ước vọng và màu đen. Và có nhiều gương mặt mà cô không thể hiểu như gương mặt của đứa con mình, xuất hiện từ trong màu đen ấy.

Cô gái đã chia tay với cha đứa trẻ ở đâu đó trên đường lưu lã.

Vài năm sau trôi qua, cô gái bắt đầu nhận ra sự giống nhau giữa gương mặt đứa trẻ và gương mặt người đàn ông đã từ bỏ cô.

Chẳng bao lâu sau, vai diễn trẻ con của đứa bé, giống như mẹ hồi xưa, bắt đầu làm người xem khóc.

Và cô gái lại bỏ rơi đứa trẻ ở đâu đó trên đường lưu lã.

Khi bỏ rơi, cô đã bắt đầu nhận thấy sự giống nhau giữa gương mặt đứa bé với gương mặt của chính mình.

Khoảng mười năm sau, đứa bé gái đến gặp cha mình – hiện đang là diễn viên lưu lạc trong đoàn kịch nhỏ ở làng quê. Và hỏi chỗ ở của người mẹ.

Cô gái đã đến gặp mẹ mình. Cô ôm chầm lấy mẹ, ngay từ cái nhìn đầu tiên rồi òa khóc: “A... A...”

Lần đầu tiên từ khi sinh ra cô nhìn thấy mẹ. Lần đầu tiên từ khi sinh ra đứa bé khóc thật sự.

Không hiểu tại sao mà gương mặt đứa bé mà cô bỏ rơi trên đường lại giống hệt gương mặt của mẹ cô.

Tuy cô con gái chả có gì giống mẹ của mình và chẳng có gì giống con của mình nhưng bà ngoại và cháu gái lại giống nhau y hệt.

Khi khóc nức nở trong lòng mẹ, cô gái nghĩ rằng mình đã khóc thật sự như là một đứa con.

Với tâm hồn như kẻ hành hương quay về đất thánh, cô gái lại quay trở lại đoàn kịch lang thang để gặp chồng con của mình và nói với họ về những gương mặt.

(1932)

HOÀNG LONG dịch

CÂY LỰU

Trận gió lớn đêm hôm ấy làm cây lựu bị tuốt sạch lá.

Đám lá rơi thành vòng tròn quanh gốc cây.

Sáng ra, nhìn thấy cái cây trơ trụi, Kimiko giật mình và ngạc nhiên về vẻ hoàn mỹ của vòng tròn. Nàng đoán gió đã làm rụng lá.

- Có một quả lựu, rất dễ thương, lẫn sâu trong cây. Đến mà xem ngay này, - nàng gọi mẹ.

- Mẹ quên mất. - Mẹ nàng liếc nhìn cây lựu rồi trở lại bếp.

Nó làm Kimiko nghĩ đến sự hiu quạnh của họ. Cây lựu trên hè có vẻ cô đơn và bị bỏ quên.

Chừng hai tuần trước đó, đứa cháu trai bảy tuổi của nàng đến chơi, và ngay lập tức nó đã trông thấy những quả lựu. Nó trườn vào phía trong cây. Kimiko cảm thấy rằng nàng đã phát hiện ra sự sống.

- Có một quả to ở trên, - nàng gọi từ ngoài hè.

- Nhưng nếu lên hái nó thì cháu sẽ không xuống được.

Đó là sự thật. Để trèo xuống với hai bàn tay đầy lựu thì thật không dễ dàng. Kimiko mỉm cười. Thằng bé thật dễ thương.

Từ lúc nó đi, mọi người đã quên mất cây lựu. Và cho tới bây giờ họ vẫn quên nó.

Khi ấy trái lựu đang ẩn trong đám lá. Còn bây giờ nó hiển hiện rõ ràng trên nền trời.

Có một vẻ mạnh mẽ nơi trái lựu và vòng tròn lá ở gốc cây. Kimiko thấy nó xuống bằng cái sào tre.

Nó chín đến nỗi hạt lựu gần như thúc vỏ toác ra. Chúng lấp lánh trong ánh mặt trời khi nàng đặt lên hè, và mặt trời dường như chiếu xuyên qua

chúng.

Không biết tại sao nàng lại cảm thấy có lỗi.

Ở trên gác được chừng mười phút với đồng hồ may vá, nàng nghe thấy giọng Keikichi. Vì cửa không khóa, nên hình như anh đi loanh quanh trong vườn. Giọng anh có vẻ khẩn nài.

- Kimiko, Kimiko, - mẹ nàng gọi. - Keikichi đến này.

Kimiko đặt kim xuống rồi rút chỉ ra. Nàng cắm nó vào chiếc gối giặt kim nhỏ.

- Kimiko cứ luôn miệng bảo nó muốn gặp lại cậu trước khi cậu đi - Keikichi sắp ra mặt trận. - Nhưng chúng tôi khó có thể đến gặp cậu khi không có lời mời, còn cậu thì không đến và không đến. Thật may là hôm nay cậu đã tới đây.

Bà mời anh ở lại ăn trưa, nhưng anh đang vội.

- À, cuối cùng thì cũng đã có một trái lựu. Chúng tôi trồng nó cho mình.
- Bà lại gọi Kimiko lần nữa.

Anh nheo mắt chào nàng, như thể anh đã đợi nàng xuống khá lâu rồi. Nàng dừng lại ở cầu thang.

Dường như có luồng ấm áp nào đó tràn vào mắt anh, và quả lựu rơi khỏi tay anh.

Họ nhìn nhau, mỉm cười.

Khi nhận ra mình đang cười, nàng liền đỏ mặt. Keikichi từ dưới hiên đứng dậy.

- Kimiko, hãy bảo trọng.

- Anh cũng vậy.

Anh đã sẵn sàng quay đi để tạm biệt mẹ nàng.

Kimiko nhìn theo ra cổng vườn sau khi anh đi.

- Cậu ấy vội vậy đấy, - mẹ nàng nói. - Còn quả lựu mới xinh xắn làm sao.

Anh đã để nó trên hiên.

Rõ ràng là anh đã đánh rơi nó khi sự ầm áp ấy bao trùm lên mắt anh và anh bắt đầu bẻ nó. Nhưng anh không bẻ hẳn nó ra làm đôi. Nó lộ ra đầy hạt.

Mẹ nàng đem quả lựu vào bếp rửa, rồi đưa cho Kimiko.

Kimiko nhăn mặt và lùi lại, và rồi, đỏ mặt lên một lần nữa, cầm nó với đôi chút ngượng ngùng.

Hình như Keikichi có lấy ra vài hạt ở phần đầu quả.

Vì mẹ đang nhìn nàng nên sẽ thật là lạ nếu Kimiko từ chối không ăn. Nàng cắn một cách thờ ơ. Vị chua đầy miệng nàng. Nàng cảm nhận niềm hạnh phúc u buồn, như thể nó đang xuyên thấm vào tận tâm hồn nàng.

Không để ý, mẹ nàng đứng lên.

Bà đi đến trước gương và ngồi xuống.

- Con trông tóc mẹ bây giờ này. Mẹ đã tạm biệt Keikichi với mái tóc bù xù này đây.

Kimiko có thể nghe thấy tiếng lựu.

- Khi cha con mất, - mẹ nàng nói nhẹ nhàng, - mẹ đã rất sợ chải đầu. Lúc chải đầu mẹ sẽ quên mất việc đang làm. Lúc đó mẹ chìm đắm trong suy nghĩ như thể cha con đang chờ đợi mẹ kết thúc .

Kimiko nhớ rằng mẹ có thói quen ăn những gì mà cha còn bỏ thừa trên đĩa.

Nàng cảm thấy có cái gì đó níu kéo nàng, một niềm hạnh phúc khiến nàng muốn khóc.

Có lẽ mẹ đưa quả lựu cho nàng là bởi vì không muốn ném nó đi. Chỉ bởi vì điều đó. Điều đã trở thành thói quen không muốn bỏ đi cái gì của mẹ.

Một mình với niềm hạnh phúc thầm kín, Kimiko cảm thấy xấu hổ trước mẹ nàng.

Nàng nghĩ rằng đấy hẳn là lời tạm biệt tốt hơn mà Keikichi có thể nhận thấy, và điều ấy khiến nàng có thể chờ đợi anh dài bao lâu cho tới khi anh trở về.

Nàng nhìn về phía mẹ. Mặt trời đang tỏa chiếu lên những tấm cửa bằng giấy bồi đối diện với chỗ nàng đang ngồi trước gương. Nàng thấy mơ hồ sợ hãi khi căn vào quả lựu trên gối mình.

(1945)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

CÂY HOA TRÀ

Giờ đây, mùa thu thứ hai kể từ chiến tranh, đã có bốn đứa trẻ trong mười gia đình hàng xóm của tôi chào đời.

Bà mẹ lớn tuổi nhất, cũng là người mau mắn nhất, đã sinh đôi. Cả hai đều là gái, nhưng một đứa chết sau đó hai tuần. Người mẹ nhiều sữa tới mức phải cho đứa bé nhà kế bên bú bớt, đó là bé gái đầu tiên, trước đó họ đã có hai cậu con trai. Tôi được nhờ đặt tên cho bé gái và tôi đã chọn cái tên Kazuko. Kazuko có thể được hiểu ở mức giữa phức tạp và đơn giản thông qua một nhân vật đã được xây dựng, và chắc chắn tôi không muốn làm phức tạp cuộc đời cô bé, nhưng tôi chọn tên ấy bởi vì nhân vật ấy được hiểu như một người "hòa bình".

Hai đứa trẻ sinh đôi đều là gái và bốn trong năm bé sơ sinh ở nhà hàng xóm cũng là gái. Mọi người cười vui và nói rằng chúng ta đang được chiêm ngưỡng kết quả của một phương pháp mới, và trong sự vui đùa tôi cũng cảm thấy bình an.

Có lẽ chỉ do ngẫu nhiên mà bốn trong năm đứa trẻ là con gái, và có lẽ những người hàng xóm của tôi không phải là những người dễ nhiều, nhưng lại có được niềm vui lớn là sinh ra những đứa trẻ vào mùa thu năm ấy cho đất nước. Tất nhiên đó là quà tặng của hòa bình. Trong chiến tranh tỉ lệ sinh đã tụt xuống, và giờ đây, nó nâng vút lên, hoàn toàn tự nhiên, kể từ khi những người chồng trẻ từ cuộc chiến trở về nhà. Nhưng không chỉ ở các gia đình của những người lính trở về mới có trẻ sơ sinh. Có cả những đứa trẻ được sinh ra trong những ngôi nhà mà cha chúng không phải ra mặt trận. Kì lạ hơn là cả những cặp vợ chồng trung tuổi cũng sinh con. Cảm giác yên bình do chiến tranh kết thúc đã khiến trẻ con lại được sinh ra.

Không thể thấy hòa bình trong hình thức cụ thể nào hơn nữa. Đó là điều kì diệu bản năng và riêng tư nhất, hoàn toàn bàng quan với sự bại trận, sự tước đoạt và những vấn đề dân số. Nó giống như sự bùng lên của một dòng

suối tắc nghẽn, sự nảy lộc của đám cỏ úa tàn. Chúng ta có thể vui vẻ nếu những lời chúc mừng là dành cho chế độ về sự phục hưng và giải phóng. Cũng có cả yếu tố sinh vật trong tất cả những chuyện đó, một điều đã làm chúng tôi hơi tiếc cho chủng loại.

Chắc chắn những đứa trẻ sẽ giúp bố mẹ chúng quên đi sự mệt mỏi của chiến tranh.

Đối với tôi, giờ đây đã năm mươi, thì chiến tranh kết thúc cũng không mang lại đứa trẻ nào. Trong những năm chiến tranh, một đám cưới quá lứa chỉ đem lại sự mĩa mai, và thói quen ấy cũng không thay đổi được ngay cả khi hòa bình lập lại.

Chiến tranh đã làm tôi thức tỉnh ra rằng đêm tối của cuộc đời đang tới gần. Tôi tự nhủ thế cũng chẳng sao, nhưng việc bại trận mang lại sự suy nhược cả về vật chất lẫn tinh thần. Điều đó giống như đất nước của chúng tôi, thời đại của chúng tôi đã lụi tàn, và như thế, trong cô đơn tĩnh lặng, tôi đang nhìn từ một thế giới khác bên trên vẻ hào nhoáng của cuộc đời.

Mẹ của đứa bé trai duy nhất là người trẻ nhất trong bốn bà mẹ. Dù nhìn chị có vẻ khỏe mạnh, nhưng dáng người mảnh khảnh đã làm việc sinh nở bị lỡ một lần. Nghe nói là vào ngày thứ hai, đứa bé không đi tiểu qua ống thông được, chị bèn lấy ra. Nó là đứa con đầu tiên của chị, dù chị đã từng bị sảy thai.

Cô con gái mười sáu tuổi của tôi rất quan tâm đến những đứa trẻ ấy. Nó đến thăm các gia đình và nói chuyện với họ mà cứ cảm thấy như ở nhà vậy. Khi nào mà nó đột nhiên chạy vụt ra khỏi nhà thì có nghĩa là nó đi thăm một em bé. Dường như có một sự thôi thúc bất ngờ đã kéo nó đi.

- Cô Shimamura nói rằng đứa bé kia đã trở về, - một hôm ngồi xuống cạnh tôi nó nói. - Bố cũng nghĩ đến chuyện đó phải không?

- Không.

Trông nó có vẻ thất vọng. Nhưng có lẽ, nó cũng không quá thất vọng, khi nó thở gấp chạy về nhà. Tôi không chắc lắm. Có thể tôi đã sai khi phủ nhận nhanh như vậy.

- Con lại đến thăm em bé nhà Shimamura đấy à? - Tôi khẽ khàng hỏi. Nó gật đầu.

- Tất cả đều ổn chứ?

- Còn quá sớm để có thể nói như vậy.

- Sao?

- Cô Shimamura vào, lúc con đang chơi với em bé. Cô ấy bảo đứa con kia của cô đã trở lại. Cô ấy có một đứa nữa, bố nhớ không? Con đã đoán ra được điều cô ấy muốn nói.

- Bố thấy lạ. - Tôi trả lời mơ hồ, dù lại phải dựa vào hướng phủ nhận. - Con cứ thử hình dung xem một người mẹ sẽ cảm thấy như thế nào. Nhưng bố thấy lạ, chúng ta thậm chí cũng không biết đứa bé kia là trai hay gái.

- Đúng là như vậy. - Nó gật đầu ngắn gọn.

Mặc dù tôi vẫn cảm thấy băn khoăn, nhưng dường như con bé cũng không làm cho vấn đề thêm rắc rối nữa, và câu chuyện dừng ở đó. Đến lúc sảy thai thì cái thai đã được sáu tháng, có lẽ sau từng ấy thời gian thì cũng có thể xác định được giới tính của đứa trẻ; nhưng tôi không nói gì nữa.

Cả hai vợ chồng Shimamura đều nói đứa trẻ đầu tiên đã quay trở lại - hay tôi đã nghe một người hàng xóm nào đó nói như thế.

Tôi nghĩ đó là một quan điểm khá bệnh hoạn, nhưng nó đã thay đổi lối suy nghĩ của tôi. Những đức tin như thế trong một bộ phận người dân đã trở nên phổ biến và đủ mạnh. Mà chúng cũng không mất hẳn trong thời đại chúng ta. Có lẽ vợ chồng Shimamura cảm thấy chắc chắn rằng không một ai trong số chúng tôi có thể có một đứa con được đầu thai trở lại. Không còn có thể nghi ngờ gì, cho dù không phải là người đa cảm đi chăng nữa, thì điều đó cũng mang lại niềm an ủi và hạnh phúc.

Đứa bé trước là kết quả của ba ngày phép khi đơn vị của Shimamura sắp được chuyển đi. Anh đã đi khi cái thai bị sảy, và họ có đứa bé thứ hai hơn một năm sau khi anh trở về. Có cả nỗi thương xót và sự đền bù.

Con gái tôi ám chỉ “đứa bé kia” cứ như thể nó là một con người đã tận số, nhưng tất nhiên không có ai nữa đối xử với nó như vậy. Có lẽ chỉ có vợ chồng Shimamura là nghĩ về nó như thể nó đã từng sống. Bản thân tôi không thể khẳng định được có việc đó hay không. Nó mới ở trong dạ con và tất cả chỉ có thế. Nó không biết đến ánh mặt trời và có lẽ nó không có linh hồn. Nhưng chúng ta ít có sự lựa chọn, và có lẽ nó có một cuộc đời tinh khiết nhất, hạnh phúc nhất trong tất cả mọi cuộc đời. Trong bất kì trường hợp nào như vậy, cũng có một chút khát khao đối với cuộc đời.

Tất nhiên không một ai đồng ý rằng đứa bé này và đứa bé kia hình thành từ những tế bào giống nhau. Chắc chắn chúng ta không thể nhận ra mối liên hệ giữa việc sảy thai và có thai. Chúng ta cũng không có cách nào để biết xem nó đến từ đâu, và cả nỗi khát khao sự sống của nó. Thậm chí chúng ta cũng khó có thể đưa ra kết luận rằng sự sống đầu tiên và sự sống sau này không liên quan đến nhau, hay tất cả mỗi cuộc đời đều là một phần của dòng chảy? Lí trí mách bảo chúng tôi rằng quan niệm về sự đầu thai của đứa đầu tiên, đứa trẻ đã chết, là phản khoa học và đó là tất cả. Thật khó mà tìm ra được bằng chứng nói rằng không có việc đầu thai cũng như có việc đầu thai.

Bằng cách nào đó tôi cảm thấy thông cảm với vợ chồng Shimamura, và bằng cách nào đó tôi cảm thấy thương cảm với đứa bé trong cái thai hỏng, cho đến khi không còn chút nghi ngờ nào đối với tôi... Tôi cảm thấy như thể nó đã từng sống.

Cứ nhất định đòi ngồi dậy vào ngày thứ hai sau khi sinh, cô Shimamura hẳn là người ưa thích sự gọn gàng và những đồ vật dễ thương. Con gái tôi sẽ đến nhà cô với những khúc mắc về việc đan lát và nghề thủ công mà nó học được ở trường. Kể từ khi những người thân bị trúng bom chết ở Tokyo, cô Shimamura đã sống một cách hiu quạnh với bà mẹ, và rõ ràng là con gái

tôi cảm thấy rất hợp với họ. Tôi được giao nhiệm vụ phòng chống hỏa hoạn trong vùng và tôi khá lo lắng về người mẹ già và cô con gái đang mang thai mà chồng thì lại ở ngoài mặt trận.

Tôi được giao chân phụ trách hỏa hoạn bởi vì trong số những người đàn ông xung quanh chỉ có mình tôi là ở nhà vào ban ngày. Có lẽ còn bởi vì tôi cũng có khả năng, với bản chất tự nhiên là nhút nhát, tôi không dám yêu cầu gì ở mọi người. Tôi có thể đọc và viết thâu đêm, và đó là sự lựa chọn sáng suốt của tôi để không làm phiền đến giấc ngủ của người khác. Tôi đi tuần tra mà không làm ai tỉnh giấc, và thật may mắn, ở Kamakura chỉ cần có thể.

Đêm ấy, vào mùa hoa mận nở, có một luồng sáng dường như chiếu ra từ bếp nhà Shimamura. Khi tôi cố nhòm qua cổng thì cây gậy của tôi bị rơi vào bên trong. Tôi nghĩ mình sẽ tìm nó vào ngày hôm sau, chứ không tìm ngay, vì theo cách nghĩ của người phương Tây thì ban đêm, cây gậy rơi vào ngôi nhà chỉ có một người đàn bà có thể bị coi là khêu gợi.

Trưa hôm sau cô Shimamura đem nó sang trả. Cô gọi con gái tôi ra công.

- Đêm hôm qua, lúc đi tuần, bố cháu đã đánh rơi.
- Thật ư? Ở đâu vậy?
- Bên trong cổng nhà chúng tôi. Ông ấy thật bất cẩn.
- Chắc là do trời tối quá.

Có một thung lũng trong núi, phía sau Kamakura. Khi có cuộc không kích, tôi sẽ là người đầu tiên tìm được nơi trú ẩn. Khi tôi đã trèo lên cái hang được coi là hầm của chúng tôi ở trên núi, từ cửa hang tôi sẽ quan sát xuống các nhà hàng xóm.

Từ sáng sớm đã có một đợt tấn công vào khu vận tải. Có một tiếng gầm dữ dội trên đầu, đó là đại pháo.

- Cẩn thận đấy, cô Shimamura, - ra khỏi hang vài bước, tôi gọi.

- Đàn chim, những con chim nhỏ. Trông chúng hoảng sợ kìa.

Có hai, ba con chim nhỏ trong một cây mận um tùm. Chúng đang cố bay từ cành này sang cành khác, nhưng sự hỗn loạn của những đôi cánh càng làm cho chúng không tiến tới được. Những đôi cánh giống như những cơn co thắt nhỏ trong một không gian bị khép kín bởi cành cây. Thậm chí ngay cả khi lũ chim bay đến được một cành cây rồi thì dường như chúng cũng không thể giữ thăng bằng được mà phải đập cánh và có vẻ như sắp trượt chân về phía đầu cành.

Từ trong hang, cô Shimamura nhìn về phía có tiếng run khẽ của đàn chim. Cô ngồi bó gối, nhìn lên chỗ chúng.

Có cái gì đó rơi xuống với một tiếng nổ sắc nhọn trong bụi tre bên cạnh chúng tôi.

Tình cảm xót thương của tôi trước câu chuyện về đứa trẻ đầu thai nhà Shimamura đến cùng kí ức về tiếng run khẽ của đàn chim, thì ngay lúc ấy, cô Shimamura đã mang đứa trẻ đầu tiên đi theo.

Đứa bé thứ hai được cứu sống an toàn.

Trong suốt cuộc chiến tranh đã có rất nhiều vụ sảy thai, và chỉ có vài ca sinh nở. Có nhiều phụ nữ bị rối loạn chức năng sinh sản. Giờ đây, vào mùa thu này, có bốn ca sinh trong mười ngôi nhà.

Khi tôi đi dạo với con gái xuống một ngõ hẻm bên nhà Shimamura, tôi thấy một cây trà hoa ở hàng rào đang trổ bông. Tôi yêu trà hoa mùa thu, có lẽ bởi vì đó là mùa của nó.

Đột nhiên buồn cho tất cả những đứa trẻ không được nhìn thấy ánh mặt trời bởi chiến tranh, tôi cũng buồn cho quãng đời đã trôi qua trong chiến tranh của mình. Tôi băn khoăn tự hỏi không biết nó có được tái sinh thành điều gì đó, ở một nơi nào hay không.

(1946)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

CÂY MẬN

Ngồi đối diện với nhau và cùng ngược nhìn lên mấy bông mận đỏ trên cây mận già, cha mẹ đang tranh cãi.

Mùa mận nở đã được gần mười ngày, những bông mận đầu tiên đã tàn trên các cành cây thấp tỏa đều. Nó chẳng thay đổi là mấy, cha nói, kể từ khi mẹ về làm dâu nhà này. Mẹ không nhớ, mẹ nói. Sự lảng tránh này làm cha khó chịu. Mẹ không có thời gian cho những cây mận, mẹ nói. Mẹ đã lãng phí thời gian của mình, cha nói. Dường như rắc rối nằm ở chỗ mẹ không thích chia sẻ những cảm giác của cha về sự ngăn ngại của đời người so với cuộc sống của cây mận già.

Cuộc tranh luận chuyển sang đề tài những chiếc bánh New York. Cha nói rằng vào ngày mùng hai tháng giêng, ông đã mang bánh ở Fugetsudo về. Mẹ bảo mẹ không nhớ gì về bánh trái cả.

- Nhưng anh nhớ rất rõ là anh đã dừng xe ở cả Meiji và Fugetsudo và mua ở một trong hai nơi đó.

- Em nhớ là ở Meiji. Trái lại anh chưa một lần nào mua gì ở Fugetsudo kể từ khi em về cái nhà này.

- Em thì cứ đưa ra những lời tuyên bố chung chung vậy.

- Anh chưa bao giờ mua cho em cái gì cả.

- Thế mà em đã ăn chúng rồi đấy. Anh biết là anh đã mua chúng.

- Anh làm em khó chịu. Anh mơ về chúng thì có. Anh đang nói điều gì đó ở trong mơ của anh đấy.

- Hả?

Đang chuẩn bị bữa trưa trong bếp, cô con gái nghe thấy hết cuộc tranh cãi. Cô biết sự thật, nhưng cảm thấy không thể nói ra được. Cô đứng mỉm cười bên cạnh chiếc ấm đun nước.

- Anh có chắc là anh đã mua bánh về nhà không? – Hình như cuối cùng thì mẹ cũng coi như là công nhận cha có thể đã mua.

- Anh đã mua – nhưng có lẽ anh đã để chúng ở ô tô thì phải? – Ông ngập ngừng.

- Nếu anh để trên xe thì người lái xe đã lấy mất. Anh ta đã không đúng khi lấy chúng. Đây là xe công ty mà.

- Đúng vậy.

Cô con gái hơi băn khoăn.

Điều làm cô băn khoăn là sự việc mà mẹ cô đã quên mất và cha cô thì lại để niềm tin của mình bị lung lạc khá dễ dàng.

Ông đã đi chơi vào ngày mùng hai tháng giêng, có xe riêng đi kèm, và ông đã mua một hộp bánh ngũ cốc ngọt lớn ở Fugetsudo. Mẹ cô đã cho người khác ăn.

Có một khoảng lặng, sau đó với sự điềm tĩnh phi thường, mẹ đã nhớ ra.

- Ôi phải đấy! Anh đã mua, phải không anh.

- Anh đã.

- Chúng ta có quá nhiều.

- Và anh đã mua chúng.

- Nhưng anh đã mua cái thứ rẻ bèo ấy ở Fugetsudo phải không?

- Anh đã.

- Em nhớ ra rồi. Chúng ta đã cho ai đó. Gói tất lại. Cho ai nhỉ?

- Ủ. Em đã đưa bánh cho ai đó. – Ông nói cứ như thể sự ngập ngừng trong cổ ông đã biến mất. – Cho Fusae, có lẽ thế?

- Fusae, có thể. Đúng. Em đã nói là chúng ta không được để cho bọn trẻ thấy.

- Đó là Fusae.

Với việc đó, cuộc tranh cãi kết thúc. Cảm giác về sự nhất trí dường như làm dịu cả hai người.

Nhưng thực tế thì lại khác. Họ đã không đưa bánh cho Fusae, người hầu gái cũ của họ, mà cho cậu bé nhà bên.

Cô con gái đợi xem người mẹ có nhớ ra nốt điều đó không. Nhưng chỉ có tiếng ấm trà sôi vang lên từ phòng ăn sáng.

Cô mang bữa trưa vào.

- Con nghe thấy cuộc tranh cãi của bố mẹ, phải không Yoshiko? – Cha cô hỏi.

- Vâng.

- Mẹ con đang trí một cách thú vị. Ngày càng nhầm mà cứ giả dò không nhầm gì cả. Con phải giúp mẹ nhớ lại mọi chuyện.

- Em lấy làm lạ là chuyện của chúng ta lại đi xa đến thế. Lần này em đã thua, nhưng em thấy lạ thật.

Cô con gái đang nghĩ đến việc nói một điều gì đó về Fusae và cậu bé nhà bên nhưng lại thôi.

Hai năm sau cha cô mất. Ông đã bị một cơn đột quỵ nhẹ và sau đó thỉnh thoảng mới đến văn phòng.

Rồi kể từ khi những bông mận đầu tiên tàn trên các cành cây thấp ấy, Yoshiko thường nghĩ về chuyện Fugetsudo. Cô không bao giờ nói chuyện đó với mẹ. Rất có thể mẹ cô đã quên.

(1948)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

CHIM DỄ CÙI

Chim dễ cùi rộn ràng từ lúc bình minh.

Hình như nó bay ra từ một cành thấp của cây thông khi Yoshiko mở cửa chớp và rồi lại bay trở lại. Người ta có thể nghe thấy tiếng vỗ cánh của nó từ bàn ăn sáng.

-Ồn ào quá – em trai nàng nói và bắt đầu đứng lên.

- Nó bay đi có một mình – bà nàng bảo. – Bà nghĩ chắc hẳn con chim con đã bị rơi ra khỏi tổ ngày hôm qua. Đêm qua, sau khi trời tối, bà vẫn nghe thấy tiếng con mẹ. Bà đoán nó không tìm thấy con. Tội thế đấy, sáng nay nó lại quay lại đây.

- Thật thế hả bà? – Yoshiko hỏi.

Trước khi sống sót an toàn sau một đợt tấn công mười năm trước, bà nàng không bao giờ ốm cả, nhưng bà đã mắc bệnh đục thủy tinh thể suốt từ khi còn rất trẻ. Bây giờ bà có thể nhìn rõ, nhưng chỉ bằng mắt trái. Bà đã tự ăn. Bà cũng có thể sờ soạng tìm đường đi quanh nhà, nhưng bà không bao giờ ra ngoài vườn một mình cả.

Thỉnh thoảng, bà đứng hoặc ngồi bên cửa kính và nhìn chăm chú vào những ngón tay của mình, xòe chúng ra trong ánh mặt trời. Dường như cả cuộc đời bà tập trung vào việc ngắm nhìn.

Yoshiko sợ bà. Nàng muốn gọi bà từ phía sau, nhưng rồi lại lẩn đi.

Yoshiko tràn đầy khâm phục vì người bà mù của nàng lại có thể nói về chim dễ cùi như thể bà đã nhìn thấy nó.

Khi nàng đi rửa dọn đồ ăn sáng, chim dễ cùi đang hót từ mái nhà hàng xóm.

Có một cây dẻ và mấy cây hồng vàng ở sân sau. Nàng có thể nhìn rõ chúng trong khi một cơn mưa nhẹ đang rơi, nhẹ đến nỗi nàng không thể

nhận thấy nó tương phản với nền đất sẫm màu.

Chim dẻ cùi bay đến cây dẻ, lượn là là mặt đất, và rồi lại bay trở lại trong lúc hót vang.

Có phải chim non vẫn ở quanh đây, khiến chim mẹ miễn cưỡng đến vậy khi bay đi?

Yoshiko về phòng mình. Nàng phải chuẩn bị sẵn sàng ngay bây giờ.

Cha mẹ nàng sẽ đưa nàng ra mắt mẹ chồng tương lai.

Lúc ngồi xuống trước gương, nàng liếc nhìn những chấm trắng trên móng tay mình. Người ta bảo đó là dấu hiệu sẽ có một ai đó đến thăm với những món quà, nhưng nàng lại đọc được trên một tờ báo nói rằng thực ra đó là sự thiếu hụt vitamin C hay một cái gì đó tương tự. Nàng hài lòng với khuôn mặt mình khi vừa tự trang điểm xong. Nàng cho rằng lông mày và môi mình khá duyên dáng. Nàng thích mặc kimono.

Nàng nghĩ rằng nàng sẽ đợi mẹ giúp, nhưng rồi nàng lại vui vẻ tự làm lấy.

Cha và mẹ nàng, người mẹ kế hiện nay của nàng, không sống cùng bà cháu nàng. Cha nàng đã ly dị mẹ nàng khi Yoshiko bốn tuổi và em trai nàng hai tuổi. Người ta nói rằng mẹ nàng là người phù phiếm và hoang phí, nhưng Yoshiko ngờ rằng còn có những nguyên nhân sâu xa hơn.

Cha không nói gì khi em trai nàng tìm thấy một tấm hình của mẹ và đưa cho ông. Ông nhăn mặt, xé tấm hình ra từng mảnh vụn.

Khi Yoshiko mười ba tuổi thì người mẹ mới của nàng đến ở. Sau này Yoshiko nghĩ cha nàng thật phi thường khi chờ đợi gần mười năm trời. Người mẹ mới của nàng là một người phụ nữ tốt bụng và họ sống một cuộc sống yên bình, hạnh phúc.

Khi em trai nàng vào trung học và sống trong ký túc xá, điều đó như tuyên bố với tất cả mọi người rằng thái độ của nó với người mẹ kế đã thay đổi.

- Em đã thấy Mẹ - nó nói với Yoshiko. – Mẹ đã lấy chồng và đang sống ở Azabu. Mẹ rất đẹp. Mẹ vui vì gặp được em

Yoshiko giật mình không biết trả lời sao. Nàng biết chắc mặt mình đã trở nên trắng bệch và người run lên.

Người mẹ kế của nàng đi vào từ phòng bên.

- Không sao đâu. Không có gì sai cả trong việc em nó đi gặp mẹ đẻ. Đó chỉ là tự nhiên thôi. Mẹ biết việc đó sẽ xảy ra. Mẹ không buồn chút nào về chuyện này cả.

Người mẹ kế của nàng dường như bị rút hết sức lực, và bà nhỏ bé đến nỗi Yoshiko cảm thấy phải bảo vệ bà.

Em trai nàng đứng lên rồi đi ra. Nàng muốn tát nó.

- Con đừng nói gì cả, Yoshiko – mẹ kế nàng nói nhẹ nhàng. – Điều đó chỉ làm vấn đề thêm trầm trọng.

Yoshiko khóc.

Cha nàng đưa em trai nàng từ ký túc xá về nhà. Nàng nghĩ rằng mọi chuyện sẽ kết thúc, và khi ấy cha nàng cùng mẹ kế sẽ dọn đi.

Nàng sợ hãi. Nàng cảm thấy mình có đầy đủ sức mạnh của sự tức giận của người đàn ông, có thể, hay là sự báo thù? Nàng băn khoăn tự hỏi không biết nàng và em trai nàng có gì giống nhau. Nàng cảm thấy chắc chắn, khi nó ra khỏi phòng, rằng em trai nàng đã được thừa hưởng một điều gì đó mang tính đàn ông mạnh mẽ.

Nhưng nàng cũng cảm thấy rằng nàng thấu hiểu nỗi cô đơn của cha trong mười năm trời khi ông chờ đợi để lấy một người vợ mới.

Nàng giật mình khi cha đi vào để nói về chú rể tương lai.

- Yoshiko, con đã có một thời gian vất vả vì chuyện này. Cha xin lỗi. Cha đã nói với mẹ cậu ấy rằng cha muốn con có một thời thiếu nữ mà con chưa bao giờ có được.

Mắt Yoshiko đắm lệ.

Vì Yoshiko lấy chồng, nên sẽ không có ai chăm sóc cho bà và em trai nữa, và vì thế mới có quyết định họ sẽ sống với cha và mẹ kế nàng. Quyết định này đã đụng chạm đến Yoshiko nhiều nhất. Bởi việc cha nàng đã từng trải qua khiến nàng sợ hôn nhân, nhưng giờ đây, sau tất cả, dường như điều đó đang trở nên không còn đáng sợ nữa.

Nàng tới chỗ bà khi đã mặc xong áo.

- Bà ơi, bà có thể nhìn thấy màu đỏ không ạ?

- Bà có nhìn thấy một cái gì đó màu đỏ. – Bà kéo Yoshiko lại gần và nhìn chăm chú vào áo kimono và dải dây lưng thêu của nàng. – Yoshiko, bà đã quên mất trông cháu như thế nào rồi. Thật dễ chịu biết mấy nếu bà lại có thể nhìn thấy cháu.

Bối rối, Yoshiko đặt tay lên đầu bà.

Nàng đi ra vườn. Nàng muốn chạy đến gặp cha và mẹ kế. Nàng xòe tay, mưa vừa đủ ướt. Kéo vạt áo, nàng nhìn qua mấy đám cây bụi và cây tre và phát hiện ra chú chim dẻ cùi non trên cỏ dưới khóm hoa hagi. Nàng lén đến gần. Đầu rụt vào, nó giống một quả bóng nhỏ căng tròn. Dường như nó không còn chút sức lực nào và nàng bắt nó chẳng khó khăn gì. Nàng nhìn quanh nhưng không thấy con chim mẹ đâu cả.

Nàng chạy vào nhà.

- Bà này, cháu tìm thấy nó rồi. Hình như nó rất yếu.

- Thật sao? Cháu phải cho nó uống nước.

Bà rất điềm tĩnh.

Nàng lấy một cốc nước và đặt mỏ nó vào, nó uống rất ngộ, cái cổ họng nhỏ căng phồng lên.

- Kikikikiki. – Nó nhanh chóng tỉnh lại.

Nghe thấy con dẻ cùi mẹ liền gọi vào từ ngoài đường dây điện.

- Kikiki. – Con chim non vùng vẫy trong tay Yoshiko

- Thật dễ thương, – bà ngoại nói – cháu phải thả nó thôi.

Yoshiko đi ra vườn. Con dế cũi mẹ rời sợi dây điện và đậu xuống quan sát Yoshiko từ một cây anh đào.

Nâng tay lên xem con chim non, Yoshiko đặt nó trên mặt đất.

Nàng quan sát từ bên trong cửa kính. Con chim non kêu vé tuyệt vọng. Con mẹ tới gần hơn và rồi đậu ở đám cành thấp của cây thông ngay bên trên. Con chim non đập cánh như thể nó sắp bay, và lại ngã về phía trước, kêu to gọi mẹ.

Rất thận trọng, con mẹ vẫn không đậu xuống.

Rồi, bằng một cú nhào, nó đã ở bên cạnh chim con, con chim non vui mừng vô hạn. Đầu lắc lắc, đôi cánh dang rộng run run, nó giống như một đứa trẻ hăm hở. Hình như con mẹ đang cho nó ăn.

Yoshiko ước gì cha và mẹ kế nàng nhanh đến. Nàng muốn họ nhìn thấy.

(1949)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

MÙA HÈ VÀ MÙA ĐÔNG

Ngày cuối của lễ hội Bon mùa hè rơi vào chủ nhật.

Chồng Kayoko đi xem đấu bóng chuyền nhóm các trường trung học từ sáng, về nhà để ăn trưa, rồi lại đi.

Đã đến lúc Kayoko nghĩ về bữa tối. Nàng nhớ ra điều gì đó. Có một manơcanh bên cửa sổ của cửa hàng gần nhà cha mẹ nàng. Nàng đã thấy bộ kimono mình mặc hôm nay trên người manơcanh.

Nàng đã đi qua cửa hàng có manơcanh bên cửa sổ mỗi ngày trên đường bắt xe điện đi làm. Dù trang phục của nó có thay đổi cho phù hợp với mỗi mùa, thì manơcanh vẫn luôn ở trong một tư thế cũ. Cửa hiệu không được thanh nhã lắm so với vẻ ngoài của ngoại ô một thành phố. Không hiểu sao Kayoko cảm thấy vẻ trì trệ ở manơcanh vì nó luôn đập vào mắt trong cùng một tư thế.

Nhưng khi ngày lại ngày nàng đi qua nó, thì dường như những biểu hiện trên mặt manơcanh luôn luôn thay đổi. Rồi nàng bắt đầu nghĩ rằng sự thay đổi ấy là để phù hợp với những cảm giác của chính nàng. Lâu hơn một chút nữa thì nàng bắt đầu đoán được những cảm giác của mình nhờ vào sự biểu hiện trên mặt manơcanh. Nàng sẽ nhìn manơcanh vào buổi sáng và buổi tối như thể nó là thầy bói.

Theo lời hứa của mình, nàng đã mua bộ kimono mùa hè mà manơcanh đang mặc như một vật kỷ niệm.

Có vẻ như ánh sáng và bóng tối của cuộc đời nàng nhiều vô cùng trong những ngày qua.

Anh quay về vào lúc trời sẩm tối, vạt áo kimono buộc lên, khuôn mặt chồng nàng đỏ rục dưới chiếc mũ rơm.

- Trời nóng thật. Anh hoa hết cả mắt, nóng quá.

- Anh đang đổ mồ hôi kìa. Đi tắm đi.

- Có lẽ anh nên tắm.

Anh có vẻ không hăng hái lắm, nhưng cũng đi ra nhà tắm công cộng khi Kayoko ấn xà phòng và khăn tắm cho anh.

Nàng cảm thấy mình được giải thoát. Nàng có mấy quả cà trên cái vỉ nướng và theo lệ thường thì lúc này anh bỏ mũ ra, mở nắp vung và bình phẩm việc nấu nướng của nàng. Dường như anh không biết nàng ghét thói quen đó đến thế nào.

Lúc từ phòng tắm trở về anh ném xà phòng và khăn tắm ra rồi nằm xuống sàn phòng khách. Thậm chí hình như anh còn đỏ hơn và thở gấp hơn trước. Nàng mang một chiếc gối ra và thấy anh không thật thoải mái.

- Em mang cho anh một cái khăn lạnh nhé?

- Ừ.

Nàng vắt khăn và đắp lên trán anh. Rồi nàng mở cửa để gió thổi vào và quạt cho anh bằng cái quạt quạt bếp to.

- Em không cần quạt quá vất vả thế đâu.

Anh cau mày, vắt tay lên trán.

Nàng bỏ quạt xuống và chạy đi mua đá, nàng sẽ bỏ nó vào một cái túi đựng đá.

- Đá lạnh quá.

Nhưng anh chấp nhận chăm sóc của nàng.

Anh đi ra hè và nôn ra một thứ nước trắng đầy bọt, không nhìn đến cốc nước muối Kayoko mang ra, anh lại nằm xuống.

- Tốt hơn là em lấy một xô nước và dội nó đi.

Anh thở nhẹ nhàng và ngủ luôn.

Sau khi quan sát gương mặt lúc ngủ của anh một lúc, nàng bắt đầu ăn tối một mình. Nàng nghe thấy tiếng mưa rơi trên mái tôn, đã bắt đầu một cơn

mưa rào nhanh ngớt của mùa hạ.

- Quần áo vừa giặt thế nào?

Cơn mưa đã đánh thức anh. Nàng vội vàng bỏ đĩa xuống.

- Em đã vặn nút chai sake lại chưa? – Anh hỏi khi nàng mang quần áo vào.

Nàng cũng đã quên mất. Trông anh không vui, anh thở dài và nhắm mắt lại.

Một ngày tồi tệ là một ngày tồi tệ. Hình như có một con muỗi trong màn. Kayoko thức dậy khó chịu. Nàng bật đèn và đợi con muỗi xuất hiện, nhưng nó đang nấp. Nàng lấy quạt quạt mấy cái góc màn, nhưng vẫn không tìm thấy nó. Có lẽ nàng sẽ thấy thoải mái hơn trong bóng tối. Nàng tắt đèn. Con muỗi liền đậu ngay lên trán nàng và nàng đập nó. Nàng đã cẩn thận để không ảnh hưởng đến chồng.

Không thể ngủ được, nàng ra hè và mở cửa.

Trời có trăng, nhưng u ám.

- Vào giường đi – anh gần như quát nàng. – Sáng mai em sẽ không thể đứng dậy nổi đâu.

- Em đang khóc đấy hả? – Anh hỏi khi nàng vào lại trong màn.

- Khóc á?

- Em đã

- Tại sao?

Anh lẩn mình, quay lưng lại với nàng.

*

Kayoko bị đau bụng, rõ ràng là tại đám sò ương tối hôm trước, nhưng nàng không lên giường. Nàng nằm cạnh lò than, quay mặt về phía chồng.

Nàng muốn nghe chuyện về Michiko, và nàng nhấn mạnh một chút những câu hỏi của mình. Anh kể điềm tĩnh và chậm rãi.

- Lần đầu tiên anh biết cô ấy thích anh khi anh nói đã đến lúc chúng ta phải kiếm cho cô ấy một tấm chồng, và cô ấy phải nói với anh mẫu đàn ông mà cô ấy thích. Cô ấy đang trảng trướng cho anh, anh nghĩ thế. Cô ấy không trả lời. Anh nói, làm sao mà anh biết được nếu cô ấy không nói với anh. “Có một người thích anh” – cô ấy nói, rất khẽ. Cô ấy không nhìn anh. “Thích tôi? Nhưng tôi uống rượu”.

Cô ấy nói cô ấy sẽ không để ý đến người ấy nếu người ấy không uống được chút nào. Rồi cô ấy đi lên gác.

Trước đó Kayoko đã nghe kể chuyện này, nhưng nàng thích nghe nữa. Michiko là em họ của chồng nàng.

Điều đó khiến tâm hồn nàng đau đớn.

- Và anh nghĩ thế nào về cô ấy?

- Chẳng nghĩ gì cả. Sau tất cả cô ấy vẫn là em họ của anh.

- Anh là người rất lạnh lùng, khiến cho một cô gái dễ thương nói ra một điều như vậy rồi bỏ mặc.

- Cô ấy ốm yếu và anh không muốn cưới cô ấy. Vấn đề là quan tâm để làm gì nếu anh không muốn cưới cô ta?

- Thế còn món trứng trảng thì sao?

- Em thử nghĩ xem. Anh nhớ là bọn anh đã ăn hết.

Có lẽ chồng Kayoko đã bình phẩm cách trảng trướng của Michiko, và vì thế mà cô ấy bỏ lên gác, và sau đó anh đã ăn nó một mình. Kayoko thấy buồn cười.

- Nhưng nếu em phải mua sắm thì tốt hơn hết em đi đi – anh nói. - Đã bốn giờ rồi đấy.

Đột nhiên gió mùa đông dường như thổi mạnh hơn và cơn đau cũng nặng thêm.

Nàng nghĩ anh thật tệ khi bắt nàng ra ngoài trong trời lạnh, dù biết nàng không khỏe.

Anh không nhận thấy sự khác nhau giữa con người đủ khỏe để cười câu chuyện của anh và con người đủ khỏe để đi ra ngoài sao?

Nàng run lấy bối. Nàng tạt vào căn hầm trong một con hẻm.

Sự nhẫn tâm này, nàng nghĩ, cho thấy anh đánh giá cảm xúc của mình không đúng chút nào. Có lẽ Michiko, người đã có cơ hội một mình thể hiện cảm xúc của bản thân, một cách chân thật và vụng về, lại là người hạnh phúc hơn: có thể một ngày nào đó anh sẽ cảm thấy chỉ có Michiko là yêu anh. Có lẽ, một điều gì đó trong bản tính của anh, sẽ khiến ngày ấy đến.

Khi nàng quay về, anh đang ở trong phòng tắm.

Nàng đi vào bếp. Một cơn ớn lạnh chạy dọc khắp sống lưng nàng như một gáo nước lạnh. Cơn đau lại dội lên. Nàng đi vào giường, không chuẩn bị bữa tối nữa.

- Đau hơn à? – Anh hỏi khi ra khỏi phòng tắm. – Em có bình nước nóng nào không?

Nàng lắc đầu. Anh lấy phích nước ra. Nàng lo lắng về bữa tối.

- Không sao đâu – anh nói, đóng cửa lại sau khi ra.

Nàng nghe thấy tiếng anh pha trà ở phòng bên cạnh. Nàng duỗi đoảng với mọi thứ, và anh luôn luôn răn dạy nàng; nhưng rõ ràng là quá nhiều rắc rối để nấu ăn cho anh. Nước trà mang lại cảm giác rất dễ chịu và có hiệu quả đối với cơn đau.

So sánh với hình ảnh của Michiko, Kayoko nghĩ, bản thân nàng ngoài việc có sức khỏe tốt để được giới thiệu làm cô dâu ra thì không có gì cả. Không vấn đề gì, ngày mai nàng sẽ dậy và dọn dẹp. Nhưng thật không chắc

chăn với kiểu ý nghĩ như vậy, khó so sánh việc khỏe hẳn với việc nàng có thể nghe thấy tiếng anh đang nhai dưa góp.

Nàng nghĩ rằng anh đã bớt phần nản đi một chút so với mùa hè năm ngoái.

(1949)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

THUYỀN LÁ TRE

Đặt cái xô xuống bên cạnh đám hoa thực quỳ, Akiko bứt mấy chiếc lá ở bụi tre lùn dưới cây mận thả vào trong nước.

- Thuyền đấy. Em có thích không?

Thằng bé nhìn chăm chú vào cái xô. Rồi nó ngược nhìn Akiko và mỉm cười.

- Chị Akiko làm cho con những cái thuyền đẹp đấy. – Mẹ cậu bé nói. – Vì con là cậu bé ngoan mà. Chị Akiko sẽ chơi với con nếu con ngoan.

Nó là em chồng chưa cưới của Akiko. Nàng đã ra ngoài vườn vì nàng cảm thấy mẹ muốn ở một mình với cha. Thằng bé là đứa hay quấy rầy, nên nàng dẫn nó đi với mình. Nó là đứa em nhỏ nhất của chồng chưa cưới của nàng.

Nó khuấy những chiếc lá. “Chúng đang đánh nhau”. Thằng bé thật dễ thương.

Nàng vắt chiếc kimono đang giặt và treo lên cho khô.

Chiến tranh đã kết thúc, nhưng chồng chưa cưới của nàng vẫn chưa về.

- Đánh đi, - thằng bé nói, khảy nước mạnh hơn. – Đánh mạnh nữa vào.

- Tự em đang làm chúng té văng hết đi đấy.

- Nhưng chúng không chuyển động.

Đúng là khi thằng bé rút tay lại thì chúng hoàn toàn đứng im.

- Mình sẽ mang chúng ra sông. Dòng sông sẽ khiến chúng bơi được.

Thằng bé thu gọn đám lá lại. Akiko tưới chỗ nước ấy vào bụi hoa thực quỳ rồi mang cái xô vào bếp.

Nàng đứng trên tảng đá bên bờ sông và thả xuống từng chiếc lá một.

Thằng bé vỗ tay vui sướng. “Ta là người chiến thắng! Hãy xem đi, xem đi!”

Nó chạy xuôi dòng, không để mất dấu chiếc thuyền trong lạch nước.

Nàng thả những chiếc lá cuối cùng và bắt đầu theo sau nó.

Nàng phải cẩn thận đặt bàn chân trái của mình tiếp xúc toàn bộ lên mặt đất.

Nàng đã mắc căn bệnh bại liệt trẻ em và gót chân trái của nàng không chạm đất được. Nó bị hẹp, mềm và xương vòm cao. Nàng đã không thể nhảy dây và đi bộ xa được nữa. Nàng đã từ chối kết hôn nhưng rồi nàng lại đính hôn. Chắc rằng quyết định ấy có thể giúp nàng vượt qua được những dị tật của cơ thể, nàng đã thật sự cố gắng nhiều hơn trước để đi bộ với gót chân trái trên mặt đất. Gót chân dễ dàng rộp lên nhưng nàng vẫn kiên gan. Nhưng rồi thất bại và nàng từ bỏ. Những vết sẹo từ chỗ phồng rộp vẫn còn đó, trông giống như bị cước nặng.

Đây là lần đầu tiên nàng sử dụng gót chân trái lâu đến vậy, bởi thằng bé là em chồng chưa cưới của nàng.

Dòng suối hẹp, cỏ dại mọc tràn lên mặt nước. Hai, ba chiếc thuyền lá bị mắc vào đó.

Cách khoảng mười bước chân phía trước nàng, thằng bé đang dõi theo những chiếc thuyền, như thể không biết nàng đã đến gần. Nó tỏ ra không chú ý đến cách đi của nàng.

Chỗ hôm ở gáy nó làm nàng nghĩ đến chồng chưa cưới. Nàng muốn ôm nó.

Người mẹ đi ra. Nàng nói tạm biệt và vẫy tay chào.

- Tạm biệt, - thằng bé nói điềm tĩnh.

Hoặc là chồng chưa cưới của nàng đã chết hoặc là việc đính hôn đã bị hủy bỏ. Có lẽ tính đa cảm thời chiến đã khiến anh muốn cưới một người

quê ở ngay nơi đóng quân đầu tiên.

Nàng không đi vào phía trong nữa. Thay vì đó nàng quan sát ngôi nhà hàng xóm đang xây dở. Nó hẳn là ngôi nhà rộng nhất trong vùng và ai cũng phải ngắm nhìn. Việc xây dựng bị dừng lại trong chiến tranh và cỏ dại đã mọc cao ngấp lên quanh đồng lộn xộn; rồi đột nhiên nó lại được tiếp tục xây lên một lần nữa. Có hai cây thông hùng vĩ ở cổng.

Đối với Akiko nó trông như một loại nhà cứng rắn, không chịu khuất phục. Nhưng nó có rất nhiều cửa sổ. Gần như cả phòng khách hoàn toàn bị bao bọc trong cỏ.

Suy đoán là sẽ có người chuyển đến, nhưng không ai biết chắc cả.

(1950)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

NHỮNG QUẢ TRỨNG

Người chồng và người vợ cùng bị cảm lạnh và đang ngủ bên nhau.

Người vợ luôn bế đứa cháu lớn lên giường ngủ với mình, nhưng chồng bà lại căm thù việc phải dậy sớm, vì thế hiếm khi hai người ngủ với nhau.

Người chồng bị cảm lạnh một cách thật nực cười. Ông có một chuyến đi nghỉ ở suối nước nóng cổ rất được ưa thích ở Tonosama tại Hakone nơi mà ông đến thậm chí trong cả mùa đông. Năm nay ông đã đi vào đầu tháng hai. Vào ngày thứ ba của kỳ nghỉ, ông đã vội vã thức dậy và đi tắm, nghĩ rằng lúc ấy đã một rưỡi chiều. Khi ông trở về, cô phục vụ bỏ thêm than vào lò sưởi, trông cô ta có vẻ còn đang ngái ngủ.

- Ông làm gì sáng nay vậy? Tôi ngạc nhiên vì thấy ông dậy sớm quá.

- Cái gì? Cô cứ đùa.

- Bây giờ mới chỉ hơn bảy giờ. Ông đã dậy lúc bảy giờ năm phút.

- Hả? - Ông ngơ ngác. - Ồ, tôi hiểu rồi. Tôi nhầm giữa kim giờ và kim phút trên đồng hồ của mình. Thật là sai lầm. Mắt tôi đang kém đi rồi.

- Xuống chỗ lễ tân tôi đã lo lắng là có một tên trộm hay một cái gì đó đột nhập vào phòng của ông.

Khi nhìn lên, ông thấy cô phục vụ đang mặc một chiếc kimono kẻ meisen ra ngoài áo ngủ. Tỉnh dậy trên giường, cô hẳn phải không có cả thời gian để thay áo. Ông đã gọi xuống lễ tân để báo rằng ông đã dậy, nhưng nguyên nhân mà ông không thấy trả lời chắc là cô ta vẫn còn ngủ.

- Tôi xin lỗi vì đã đánh thức cô quá sớm.

- Không sao đâu. Dù sao cũng đã đến lúc phải dậy. Nhưng ông sẽ ngủ lại chứ? Tôi trải lại giường cho ông nhé?

- À, để tôi xem đã... - Ông hơ tay trên lò sưởi. Bây giờ với điều mà cô vừa đề nghị, ông đã cảm thấy buồn ngủ, nhưng ông nghĩ cái lạnh sẽ làm

ông thức giấc.

Ông đã rời quán trọ trong khi buổi sáng vẫn còn giá lạnh. Và ông đã bị cảm lạnh.

Nguyên nhân khiến vợ ông bị cảm lạnh cũng không rõ ràng lắm, nhưng những người bị cảm lạnh ở đây xung quanh, vì thế có lẽ bà đã bị lây từ một ai đó.

Vào lúc người chồng trở về nhà, vợ ông đã nằm ở trên giường.

Khi người chồng kể câu chuyện về việc mình đã dậy quá sớm sau khi nhầm kim đồng hồ, cả nhà được một bữa cười vỡ bụng. Tất cả họ đã chuyền tay nhau chiếc đồng hồ bỏ túi và xem xét nó.

Đó là một chiếc đồng hồ bỏ túi khá cũ, dù sao, họ cũng đã đi đến kết luận rằng người ta vẫn có thể nhầm lẫn giữa kim giờ và kim phút trong ánh sáng mờ ở đầu giường với đôi mắt ngái ngủ, nhất từ khi hai kim được chế tạo giống nhau với hai vòng tròn ở đầu. Họ đã vặn kim để kiểm tra xem bảy giờ năm phút có thể nhầm với một giờ ba mươi được không.

- Bố cần phải có một chiếc đồng hồ dạ quang, - cô con gái út nói.

Cảm thấy uể oải và hơi sốt, người chồng quyết định ngủ bên cạnh vợ.

- Để em khỏi cô đơn, - ông nói.

- Có lẽ anh nên uống thuốc mà bác sĩ đã kê cho em. Sau tất cả, chúng ta lại như cũ.

Sáng hôm sau khi họ thức dậy, người vợ hỏi:

- Hakone thế nào?

- À, ở đó lạnh, - người chồng nói, kết thúc chuyện đó. - Đêm qua em ho dữ dội đã khiến anh thức giấc, nhưng cổ họng anh đã hết đau, và em đã giật mình trong sợ hãi đấy. Anh khá ngạc nhiên.

- Vậy sao? Em không biết.

- Em ngủ say.

- Nhưng em sẽ dậy ngay lập tức nếu em ngủ với cháu.

- Nhảy lên và giật mình như thế ở độ tuổi của em...

- Em giật mình đến thế cơ à?

- Ừ

- Có lẽ đó là bản năng, thậm chí ngay cả đối với phụ nữ ở tuổi em. Nếu có một (?) ở bên cạnh, anh sẽ ngủ và quên, và khi ấy...

- Cơ thể ngoại quốc? Có phải anh đã trở thành một "cơ thể ngoại quốc?"

Người chồng mỉm cười cay đắng, nhưng rồi ông thêm vào:

- Phải rồi. Một tối ở Hakone - anh nghĩ là tối thứ bảy - có rất nhiều người cùng đến quán trọ. Sau bữa tiệc lớn, một nhóm khách đến phòng bên cạnh để ngủ, nhưng một geisha đi cùng họ đã say xỉn đến mức giọng nói của cô ta cứ riu cả lại. Cô ta cầu nhàu trên điện thoại với một geisha ở phòng khác. Cô ta cứ rít lên mà giọng vẫn cứ riu cả lại, vì thế anh không thể hiểu cô ta đang nói gì, nhưng nghe giống như "Tớ đang ấp một quả trứng, tớ đang ấp một quả trứng". Điều cô ta nói mới nực cười làm sao.

- Thật cảm động.

- Cảm động á? Giọng cô ta cứ oang oang thì có.

- Khi ấy anh xem đồng hồ, ngái ngủ, và thức giấc, đúng không?

- Không, thật ngớ ngẩn. - Người chồng mỉm cười cay đắng.

- Mẹ, - Akiko, cô con gái út gọi từ phía bên kia bức vách kéo, - mẹ dậy chưa?

- Rồi.

- Thế còn bố?

- Ừ, bố cũng dậy rồi.

- Con vào được chứ?

- Ừ.

Cô con gái mười lăm tuổi của họ đi vào và ngồi xuống bên mẹ.

- Con đã có một giấc mơ xấu.

- Mơ thế nào?

- Con đã chết. Con là một người chết. Con biết đó là con.

- Thật là một giấc mơ kinh khủng!

- Vâng, đúng vậy. Con đang mặc một chiếc kimono mỏng, trắng toát. Con đi xuống một con đường thẳng tắp. Hai bên đường mù sương. Con dường như đang trôi, và con cũng trôi khi con đi. Một bà già lạ mặt theo sau con. Bà ta đi theo con suốt dọc đường. Không có tiếng bước chân. Con sợ đến mức không thể quay lại nhìn, nhưng con biết bà ta ở đó. Con không thể chạy. Mẹ, đây có phải là thần chết không?

- Tất nhiên là không rồi, - bà nói khi nhìn chồng. - Rồi xảy ra chuyện gì?

- Lúc đó, khi con đi dọc theo, những ngôi nhà bắt đầu xuất hiện ở đây và ở bên lề đường. Đó là những ngôi nhà thấp giống như doanh trại, tất cả đều màu xám và các cạnh được gọt dũa, nhả nhặn. Con lần nhanh vào trong một ngôi nhà. Bà già nhăm lẩn đi vào một ngôi nhà khác. Tốt rồi, con thầm nghĩ. Nhưng không có bất kỳ chỗ nào để ngủ trong ngôi nhà cả - chỉ toàn là trứng chất đống ở khắp mọi nơi.

- Trứng à? - Người vợ thốt lên.

- Trứng. Con nghĩ chúng là những quả trứng.

- Thế sao? Rồi chuyện gì xảy ra?

- Con không chắc, nhưng con nghĩ là con đã lên thiên đường, rời xa ngôi nhà và những quả trứng của nó. Ngay khi con nghĩ mình đang lên thiên đường, thì con tỉnh giấc.

Rồi cô bé nhìn bố.

- Bố, con sắp chết phải không?

- Tất nhiên là không rồi. - Ngạc nhiên vì câu hỏi của con, ông trả y như vợ. Ông đang nghĩ xem cô con gái mười lăm tuổi có thường mơ những giấc mơ về cái chết như thế không. Khi cô đề cập đến những quả trứng, ông gần như hét lên - thật kỳ quái.

- Ôi, quả là đáng sợ... Nó vẫn còn, - cô gái nói.

- Akiko, hôm qua khi bố bị viêm họng. Bố đã nghĩ là sẽ tốt nếu nuốt vài quả trứng sống. Con đã đi mua mấy quả, và đó là lý do tại sao con có giấc mơ về những quả trứng.

- Có thể thế sao? Bây giờ con sẽ đi mua trứng cho bố nhé. Bố sẽ ăn vài quả chứ? - Cô gái đi ra ngoài.

- Anh đang nghĩ đến quả trứng vô tích sự của cô geisha của anh, nên những quả trứng ấy mới xuất hiện trong giấc mơ của nó. Thật lâm ly quá, - vợ ông nói.

- Hừm, - chồng bà nhìn lên trần nhà. - Akiko có thường xuyên mơ thấy cái chết không?

- Em không biết. Em nghĩ, đây là lần đầu tiên.

- Có chuyện gì đó đã xảy ra à?

- Em không biết.

- Nhưng những quả trứng đã làm cho nó lên thiên đường, đúng không?

Con gái họ mang trứng vào. Cô bé làm vỡ một quả và đưa nó cho mẹ

- Đây thừa mẹ, - cô nói rồi ra khỏi phòng.

Người vợ liếc nhìn sang bên chỗ trứng.

- Nó dường như ghê tởm thế nào ấy. Em không thể nuốt được. Đây - anh cầm lấy.

Người chồng cũng đưa mắt khỏi những quả trứng.

(1950)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

NHỮNG CON RĂN

Bốn mươi tư tuổi, Ineko có một giấc mơ.

Đó không phải là ngôi nhà của chính cô, chắc chắn đó là một ngôi nhà nào đó mà cô đã từng đến, nhưng, khi tỉnh dậy và nghĩ về nó, cô không thể nói đó là nhà ai. Trong mơ, bà Kanda, vợ của viên chủ tịch tập đoàn, đã tỏ thái độ chủ nhà. Ineko đã nghĩ đó là nhà Kanda. Nhưng khung cảnh phòng khách và cách bày trí của ngôi nhà khác hẳn với nhà của Kanda.

Lần đầu tiên khi nhìn thấy những con chim nhỏ, đối với Ineko có vẻ như chồng cô cũng có mặt trong căn phòng đó. Điều ấy như thể ở đó chỉ có hai vợ chồng họ.

Sau khi nghe kể về giấc mơ của cô, chồng cô hỏi, "Những con chim nhỏ có ở trong lồng không? Hay chúng bay từ vườn vào?"

Ineko không trả lời đúng vấn đề.

"Chúng ở trong phòng khách. Chúng đi quanh phòng khách."

Có hai con chim, nhỏ như chim ruồi với bộ lông đuôi dài. Mặc dù, thân hình của cả hai con chim còn nhỏ hơn cả một chiếc lông đuôi dài của chúng, thì cả bộ lông đuôi của chúng trông lớn hơn và dày hơn. Chúng lấp lánh như những viên ngọc.

Ineko có cảm giác rằng lông đuôi của chúng được tạo nên từ nhiều loại đá quý khác nhau. Khi di chuyển, sắc màu và ánh sáng đẹp để kì diệu phát ra trên người chúng, giống hệt như nhiều viên ngọc lấp lánh khi các mặt thay đổi và bắt ánh sáng.

Khi lũ chim đậu trên bàn tay Ineko và đập cánh, những đôi cánh cũng phát ra sắc màu ngũ sắc. Ngoài màu ngũ sắc ấy, còn có năm bảy màu rực rỡ khác.

"Ôi, đẹp làm sao," Ineko không nghĩ đến bất cứ chuyện gì khác ngoài điều này. Dường như chẳng có gì lạ cả khi một con chim với những cái

lông đuôi nam ngọc đậu trên bàn tay cô.

Vào lúc nào đấy, chồng cô rời khỏi căn phòng. Bà Kanda đang ở đó.

Trong phòng, có một hốc tường trang trí ở mé phía Tây. Từ phía Nam đến phía Bắc có một khu vườn, với dãy hành lang có mái che chạy dọc theo hai mặt của căn phòng. Ở góc phía Đông Bắc, hành lang vòng lại, nối vào hành lang phòng khách. Ineko và bà Kanda ngồi ở góc phía Đông bắc, gần phòng khách.

Năm con rắn đang trườn quanh phòng. Khi trông thấy chúng, Ineko đã không hét toáng lên mà đứng im giữ thăng bằng để tránh chúng.

"Không sao đâu. Không có gì đáng sợ cả," bà Kanda nói.

Mỗi con rắn có một màu riêng biệt. Thậm chí sau khi tỉnh dậy, Ineko vẫn nhớ rõ những màu sắc đó. Một con là rắn đen; con nữa là rắn sọc, con thứ ba là một con rắn đỏ, giống như rắn cỏ núi; con thứ tư được điểm tô hoa văn giống như rắn viper nhưng màu sắc rực rỡ hơn; và con thứ năm có màu của đá opal lửa Mexico, một con rắn cực kỳ dễ thương.

"Ôi đẹp làm sao," Ineko nghĩ.

Từ một nơi nào đấy, người vợ đầu của Shinoda xuất hiện và đang ngồi ở đó. Trẻ trung và đáng yêu, trông cô ta giống như một vũ nữ.

Mặc dù bà Kanda dường như đang ở tuổi thật của mình và bản thân Ineko cũng thế, nhưng cô vợ trước của Shinoda thậm chí còn trẻ hơn cả khi Ineko biết cô ta hai mươi lăm năm trước. Cô ta như thể tỏa ra bầu không khí của sự khoẻ khoắn tràn đầy.

Cô vợ trước của Shinoda mặc một chiếc kimono trơn màu xanh nước biển.

Mặc dù quần áo của cô ta đã lỗi mốt, nhưng kiểu tóc thì lại là một mới nhất. Đập vào mắt là trang điểm tỉ mỉ dễ gây khó chịu. Món đồ trang sức lấp lánh gắn ở phía trước. Nó giống như một cái lược tròn lớn làm bằng

những loại đá quý, hay giống như một chiếc vương miện nhỏ. Có những viên ngọc màu đỏ và xanh, nhưng nổi bật là những viên kim cương.

"Ôi, đẹp làm sao."

Khi Ineko nhìn chăm chú, người vợ trước của Shinoda đưa tay lên đầu, tháo món đồ trang sức ra. Đưa sang Ineko, cô ta nói, "Chị có muốn mua lại nó không?"

Trong khi cô ta giờ ra trước mặt Ineko, thì món đồ trang sức giống cái lược bắt đầu chậm chậm, từ đầu đến cuối, uốn lượn nhấp nhô. Hóa ra, đó là một con rắn. Một con rắn nhỏ.

Từ phòng khách có tiếng nước chảy và tiếng của những đứa hầu gái. Trong góc xa của phòng khách, có cái chạn đựng đồ pha trà. Hai đứa hầu gái đang rửa khoai lang.

"Nhìn cho kỹ cái đồ mà cô mua này! Cũ nào cũng to đùng cả sao?" một cô hầu gái nói.

Cô kia trả lời, "Thế là không công bằng. Tôi đã chọn những củ to, nghĩ là chúng ngon, và bây giờ lại bị kêu ca."

Đúng lúc đó Ineko thức giấc.

Trong mơ, cô không đặc biệt chú ý đến chuyện này, ngoại trừ khu vườn tràn ngập những rắn là rắn.

"Chúng bò thành từng đàn phải không?"

Khi chồng hỏi điều này, cô trả lời chính xác, "Có hai mươi tư con".

Cũng lúc ấy, trong một căn phòng cách biệt phía sau phòng khách, dường như có một cuộc tụ tập của cánh đàn ông. Ông Kanda, chủ tịch tập đoàn, ở đó cùng với em trai ông ta và chồng Ineko. Trong suốt giấc mơ, Ineko có cảm giác, cô đã nghe thấy tiếng của họ trong cuộc nói chuyện.

Khi Ineko kết thúc câu chuyện về giấc mơ, cô và chồng cùng yên lặng một lúc.

"Anh không hiểu người vợ trước của Shinoda đang làm gì trong những ngày qua?" cuối cùng chồng cô nói.

"Vâng, cô ta đang làm gì nhỉ?" Ineko lặp lại.

"Anh không biết bây giờ cô ấy ở đâu."

Ineko đã không gặp cô ta trong suốt hai mươi lăm năm. Đã khoảng hai mươi năm kể từ khi Shinoda chết.

Shinoda và chồng Ineko là bạn học ở đại học. Người vợ trước của Shinoda rất quý Ineko, khi cô học ở lớp dưới trong cùng một trường nữ sinh. Nhờ sự giúp đỡ của cô ta mà Ineko đã lấy chồng. Nhưng rất lâu trước đây, Shinoda đã ly dị người vợ đầu và không lâu sau đã tái hôn. Bởi vì Ineko cùng chồng biết rõ người vợ thứ hai, nên người vợ đầu được gọi là "vợ trước".

Người vợ trước ấy đã mất hút khỏi tầm mắt của họ không lâu sau khi ly hôn. Ông Shinoda đã chết ba hay bốn năm gì đó sau khi tái hôn.

Chồng của Ineko và ông Shinoda từng cùng làm việc trong một công ty. Người vợ trước đã nói giùm với sếp của họ, ông Kanda, tạo công ăn việc làm cho họ.

Trước khi kết hôn với Shinoda, người vợ trước đã từng yêu ông Kanda. Nhưng, bởi vì Kanda không cưới cô ta, nên cô ta đã lấy Shinoda .

Vợ Kanda đã kết hôn với ông ta mà không hề hay biết chút gì về chuyện đó. Ngày trước, bà ta đã nói với Ineko rằng Shinoda đã làm một việc kinh khủng với vợ ông ta.

Giờ đây Kanda đã trở thành chủ tịch tập đoàn.

Ineko thôi không cố tìm kiếm cách giải thích về giấc mơ này. Nhưng cô giữ nó trong tim.

(1950)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

TIẾNG TRE, HOA ĐÀO

Ông lão bắt đầu cảm thấy trong mình tiếng hát của tre và màu hoa của cây đào từ bao giờ vậy nhỉ?

Và bây giờ ông không chỉ nghe thấy tiếng tre kêu – ông trông rõ tiếng kêu ấy, ông không chỉ ngắm nhìn hoa đào – tai ông văng vẳng tiếng đào reo.

Nhiều khi lắng nghe tiếng tre, ta lại cảm thấy như có tiếng thông reo, mặc dù tre và thông chẳng phải là bà con cùng họ. Đôi khi ngắm nhìn hoa đào, ta lại trông ra hoa mận, tuy bấy giờ chưa đến mùa nở. Người đời chẳng mấy khi có cảm giác ấy, nhưng ông Hixao Miyacava biết đến nó, ấy là lúc đã ở độ cao niên.

Một ngày xuân năm kia, ông Miyacava trông thấy bên sườn đồi sau nhà một con đại bàng, thế rồi ông cảm thấy như con chim giờ đây vẫn còn trước mắt mình.

Dãy núi thấp phía sau nhà ông Miyacava bị ngắt lại, chỗ cuối cùng chỉ còn là một cái đồi trông như phần đuôi của một giọt sáp ong. Những tảng đá màu chì dưới chân gò phủ đầy các loại cỏ nhiệt đới. Trên sườn đồi không có cây cao, nhưng cũng bị loài thực vật này phủ kín, trông như một bức màn xanh. Và chỉ ở trên đỉnh đồi mới thấy có một cây thông to, khô héo.

Cây thông khô héo đã tự bao năm nay, lá nhọn đã rụng hết, những cành cây con đã gãy cả, chỉ còn lại những cành to, trơ ra. Cây thông đứng mãi thế, như chọc thẳng lên trời.

Khi Miyacava trông thấy con đại bàng đậu trên ngọn cây thông, ông suýt kêu to lên vì ngạc nhiên. Ông chưa hề bao giờ nghĩ giống chim đại bàng có thể bay đến nơi đây. Điều này thật là kỳ diệu. Nhưng con đại bàng to khỏe, dũng mãnh đã đậu trên cây thông.

Cây thông cao lớn trông như thấp bé hẳn, kể từ lúc con đại bàng dừng chân trên ngọn nó. Đại bàng đứng im, không nhúc nhích, kiêu hãnh ưỡn ngực ra phía trước. Miyacava ngăm nhìn con chim, ông cảm thấy như sức sống đại bàng đã truyền vào mình.

Hôm ấy là một tối mùa xuân. Cây thông khô héo như cái kim nhọn đen chọc thẳng lên nền trời màu hồng dịu phủ lớp sương mù mỏng. Trên ngọn cây như diễn ra một sự kiện hoàn toàn không dính dáng gì đến xung quanh.

“Không, không phải đại bàng từ nơi khác bay trên trời chiều sương mù tới đây. Nó hiện lên ngay ở đây, và chỉ vì ta. Con chim sẽ không bay khỏi nơi đây...”, Miyacava nghĩ; ông ngạc nhiên vì những ý nghĩ ấy, và ngăm nhìn chim.

Ông có cảm giác như trong ngọn lửa cháy đỏ rực, tự nhiên có một bông hoa sen trắng khổng lồ hé nở. Trời xuân nhàn nhạt hoàn toàn không giống ngọn lửa, còn con chim đại bàng thì khác xa bông hoa sen trắng. Nhưng hình ảnh con chim khoẻ đẹp đậu trên ngọn cây khô héo toát ra một cái gì thật là êm ái, sự êm ái của bông sen trắng trong lửa đỏ rực. Hoa sen trắng...

Dần dần sự ngạc nhiên và niềm rung động thiêng liêng khiến ông khó thở, được thay bằng một lòng tin vững chắc, rằng chim đại bàng đến đậu là một dấu hiệu lành, là điềm báo trước cho nhiều may mắn. Miyacava tràn trề một niềm vui sướng vô hạn.

Xưa nay chưa bao giờ ông được tự mắt trông thấy và cũng chưa từng nghe ai kể rằng có chim đại bàng bay đến cái thị trấn nhỏ bên bờ biển gần Tokyo này. Vậy mà chim đại bàng lại đang trước mắt ông. Nó đến đây như thế nào nhỉ? Đây là một sự tình cờ chẳng – nó lạc hướng và ghé qua ngọn cây thông để nghỉ lấy sức? Hay là nó còn có mục đích nào đấy? Và cuối cùng là cái gì đã khiến nó đậu lên đúng cái ngọn cây thông này?

Ông Miyacava không coi đây là chuyện ngẫu nhiên. Không. Dứt khoát đó là điều xảy ra. Miyacava có cảm tưởng rằng chim đại bàng bay đến đây để nhắn nhủ ông một điều gì đó.

“May mà mình lại chưa chặt cái cây thông mục này, – ông nghe vắng vắng bên tai. – Phải chăng con chim đại bàng dừng chân đứng tại đây, chính vì trên ngọn đồi có một cây thông khô héo cao lớn kia? Không có cây thông, có lẽ cả đời mình sẽ chẳng bao giờ, dù chỉ trong phút giây ngắn ngủi, được trông thấy chim đại bàng ngay bên cửa sổ nhà mình”.

“May mà mình chưa chặt cây thông, – Miyacava cứ nhắc lại mãi. – Vậy mà có lần mình đã định chặt nó rồi đấy”.

Đã có lúc Miyacava đau lòng ngắm cây thông héo đứng cao vút sau nhà ông, coi đó như một dấu hiệu, như thần giữ nhà cho ông.

Cây thông trông rõ ngay từ nhà ga, nơi có tuyến đường sắt chạy qua. Miyacava và người nhà của ông có thói quen nhìn cây thông mỗi khi lên tàu hoặc khi đi xa trở về thị trấn. Người ta nhìn cây thông quen mắt, và tưởng như không còn để ý đến nó nữa.

Nhưng cũng có khi cây thông làm người ta xúc động, nó gợi lên biết bao tình cảm làm lòng người ấm lại. Chỉ cần bước khỏi toa xuống ga và đưa mắt nhìn cây thông, trong lòng tự nhiên thấy yên tĩnh, tim lắng xuống nhẹ nhàng vì một nỗi buồn khó tả. Miyacava không thể nhìn đoán được cây thông bao nhiêu tuổi. Khi đã bốn mươi chín tuổi, ông đến ở nhà này, mà cách đây mấy năm ông vừa tròn bảy mươi. Nhưng suốt thời gian ấy, cây thông hình như không thay đổi. Quả thật, nó bao nhiêu tuổi nhỉ? Có lẽ ít ra cũng không dưới một trăm năm mươi tuổi.

Cả cây sồi, cả rừng duối mọc bên hàng rào che khuất mắt những kẻ tò mò, cả cây xiren Ấn Độ vươn cành rộng trong vườn là những thứ cây trồng đã lâu, chúng cũng không thể nào so được với cây thông trên đồi. Vì sao trên đỉnh đồi, ngoài cây thông, không còn có cây nào mọc nữa nhỉ? Hay những cây cùng tuổi với nó đã mục, đổ hết cả, và nay chỉ còn nó đứng đó thôi?

Chắc cây thông ít ra cũng phải già gấp đôi Miyacava, nếu không hơn. Và ngày mới đến ở đây, Miyacava tưởng rằng cây thông thế nào cũng sẽ sống

lâu hơn ông. Từ hồi còn trẻ, đi lang thang chơi trong rừng, Miyacava đã xúc động dừng chân hơi lâu trước những cây cổ thụ, coi đó là tượng trưng cho sự trường sinh. Thế nhưng những cây già ấy không gây cho ông cảm giác là đời người ngắn ngủi, mà ngược lại, bắt ông quên đi điều ấy. Và ông có cảm tưởng con người ông hoà nhập vào cuộc sống của những cây đại thụ đã cắm rễ rất sâu vào lòng đất.

Ông cảm thấy cây thông mọc trên đồi như ở ngay trong ông. Sườn đồi dốc đứng, không có đường lên ngọn. Vì vậy, Miyacava không thể đi tới chỗ cây thông, ông cũng không thể yêu cầu người trông vườn chăm sóc nó được. Có lẽ từ xưa cây thông này vốn vẫn là cây thông đại, cho nên chẳng ai chăm sóc nó như những cây khác trong vườn. Tuy nhiên, cành lá của nó cũng không mọc tua tủa, bừa bãi, trông nó không đến nỗi hoang dại, tuy rất già. Đến bão lớn cũng không thể nào làm gãy cành của nó được.

Chẳng phải nói cành, mà ngay những lá nhọn cũng chẳng bị làm sao. Nhiều lần Miyacava nhìn qua cửa sổ, trông gió mưa giật, rung cây cối. Những hôm xấu trời, các cửa sổ nhà đều che rèm, nhưng riêng cái cửa sổ cao nhìn ra sau nhà vẫn không bị che đi, Miyacava lo lắng nhìn cây thông. Mưa to quất mạnh vào cửa kính, nước chảy mạnh như suối. Lá xanh rơi phủ đầy sân sau. Chỉ có những lá thông nhọn không hề bị rụng. Có thể nó cũng rụng, nhưng nhìn ra cửa sổ không thấy rõ, nên Miyacava có cảm tưởng không một lá thông nhọn nào bị rụng; gió rung, gió giật cành lá cây cối trên đồi, nhưng cây thông dường như vẫn đứng yên trên đỉnh, khiến Miyacava tưởng như xung quanh nó không có giông bão. Đứng bên cửa sổ, ông chìa tay về phía cây thông như muốn ôm nó vào lòng...

Bỗng trước mặt ông hiện lên các hình ảnh cũ. Những cánh hoa cúc trắng lặn lẽ rơi. Cô dâu trong bộ áo cưới trắng, tay ôm bó hoa đi dọc hành lang khách sạn. Chắc cô vội đến đám cưới hay lễ ăn hỏi. Vạt áo dài thướt tha lướt trên sàn. Những cánh hoa trắng nối tiếp nhau bay xuống. Người đàn bà đi bên cô dâu thỉnh thoảng dừng lại, cúi xuống sàn trải chiếc thảm màu xanh lá mạ, nhặt những cánh hoa.

Những cái đó Miyacava đã trông thấy một lần, khi ông đi trong hành lang một khách sạn. Người đàn bà cố nhặt những cánh hoa thật nhẹ nhàng, như chúng đã nhẹ nhàng rơi. Cô dâu có biết rằng những cánh hoa rơi từ bó hoa cô đang cầm trong tay hay không? Ít ra thì cô cũng làm ra vẻ như không trông thấy. Trong khi Miyacava ngẫm nghĩ về sự độc ác của người trồng hoa đã chọn cho cô dâu bó hoa cúc héo, ông nảy ra ý nghĩ có thể đem những điều quan sát ấy làm cốt truyện tuyệt vời cho một tác phẩm bi kịch: những cánh hoa nhẹ nhàng rơi như cánh hoa cuộc đời bị những cơn bão tố thường ngày của sự sống ngắt khỏi cô dâu...

Khi bước khỏi toa tàu xuống sân ga, đi vào thị trấn, thì cây thông và ngọn đồi lẫn sau những dãy nhà. Nhưng chỉ cần quay ngoắt vào góc, nơi có quầy hàng xanh xanh, thì cây thông lại hiện ra và không còn biến mất nữa, nó cứ hiện mãi trước mắt Miyacava cho đến tận nhà.

Từ phía biển nhìn cây thông cũng rất rõ. Con gái Miyacava là cô Caio kể cho ông nghe rằng khi cô với người yêu lần đầu tiên đi chơi thuyền buồm ra biển, cô đã trông thấy cây thông, tuy hai người đi đã rất xa, xa lắm, ngọn đồi trông chỉ còn lơ mờ trong màn khói của bờ biển. Trông thấy cây thông, cô đã khóc oà lên.

Miyacava sức nhớ lại chuyện này trong ngày ăn hỏi Caio. Chồng chưa cưới của cô là một thanh niên khác, không phải người đã đi chơi thuyền buồm với cô. Lúc bấy giờ Miyacava không tiện hỏi con gái rằng tại sao trông thấy cây thông, cô lại khóc. Sau này không có thì giờ để hỏi nữa.

Miyacava không thể ngờ rằng cây thông lại có thể héo được khi ông còn sống. Cũng như ông không hề nghĩ mình sẽ đến ở cái nhà này mà đằng sau lại có cây thông mọc, đã sống hàng trăm năm ở đây vẫn chờ ngày gặp ông, Miyacava. Như vậy có nghĩa là cây thông không thể chết trước mà lại không chờ đợi ông. Bởi vì nó mọc cho ông cơ mà.

Bây giờ ông chẳng còn nhớ những cành lá nào đã úa vàng trước: những cành trên ngọn, giữa thân hay ở dưới gốc. Ngay người nhà ông cũng mỗi người nói một phách.

Khi Miyacava thấy những lá nhọn úa vàng, ông không hề nghĩ đây là dấu hiệu nó sắp chết. Ông không có thợ vườn riêng, nên đành nhờ bạn giúp đỡ. Người thợ vườn đến thân nhiên tuyên bố cây thông sẽ chết. Anh ta nói thêm rằng cây này có lẽ bị sâu ăn, và khi lá đã úa thì tức là không thể cứu vãn được nữa. Miyacava nhờ anh ta tìm cách giúp, nhưng anh ta khoát tay về tuyệt vọng.

Từ nhà, từ sân, từ phố, từ ga – từ vị trí nào nhìn cái cây đang chết cũng đều làm ông đau khổ. Quá trình hấp hối của nó kéo dài. Trên cây không còn một lá xanh, nhưng dấu vàng úa rồi, chúng vẫn không rụng xuống đất. Có những ngày Miyacava tưởng như cây thông khô héo mà sao khủng khiếp và kinh tởm, gớm ghiếc. “Thà mắt ta đừng nhìn thấy nó còn hơn”; – ông thường nghĩ thế, nhưng rồi, ngược với ý nghĩ, ông vẫn đưa mắt nhìn lên. Ông nghĩ phải mau mau chặt cây thông đi, để không những ông thôi không còn cảm thấy nó trong mình, mà còn để chôn cất nó nữa.

Thêm mấy năm nữa trôi qua. Những chiếc lá úa vàng đã rụng, những cành nhỏ đã mục, nhiều cành lớn cũng đã gãy.

Miyacava đã ít nghĩ đến sự tồn tại của cây thông khô héo và ông đã định chặt nó. Tuyết trắng phủ đầy những cành cây ruỗng nát. Tuyết như làm nó sống lại. Những cành nằm dưới tuyết vô cùng giá lạnh, nhưng thỉnh thoảng lại có cảm giác như chúng đang toả ra hơi ấm.

Thế rồi ông trông thấy con chim đại bàng trên ngọn cây thông. Chim đậu vì Miyacava chưa chặt cây. Mà cây chưa bị chặt là bởi không dễ dàng gì leo được lên ngọn đồi. Có khi lại là do Miyacava ngại mệt, vì lý do này hay lý do nọ, cây thông vẫn đứng kia, như cũ, và chim đại bàng đã đến đậu trên nó.

Con chim đứng im không nhúc nhích. Miyacava nín thở nhìn lên. Ông có cảm giác như được truyền thêm sức sống của đại bàng, như con chim truyền sức sống cho cả cái cây nữa.

Miyacava định gọi vợ ra ngắm đại bàng. Phải gọi thật to, không thì bà ấy chẳng nghe thấy, cho nên Miyacava đã suy nghĩ lại, e tiếng gọi của mình có thể làm chim sợ.

Chim đứng im như tượng đá. Tưởng như móng sắc của nó đã cắm chặt vào cành cây.

Nhưng đại bàng là một loài chim, rồi sẽ đến lúc nó bay đi. Chỉ cái cây khô héo kia vẫn còn lại. Nhưng đó sẽ là cây thông chim đại bàng đã đậu. Miyacava chỉ trông thấy chim đậu trên đó một lần, nhưng giờ đây hình ảnh đại bàng sẽ còn mãi trong tâm trí của ông.

Chim đại bàng đã mang tin gì đến cho Miyacava? Nếu chim đến là dấu hiệu tốt lành, là điều may mắn, thì nghĩa là hạnh phúc, niềm vui sẽ đến với Miyacava. Phải chăng do chính điều đó mà ông đã trông thấy chim?

Chuyện ấy xảy ra một ngày xuân năm kia. Cây thông cổ thụ khô héo đứng trên ngọn đồi sau nhà từ đó hầu như không hề biến đổi. Chim đại bàng không bay trở lại nữa. Rất có thể, chim có bay đến mà Miyacava không trông thấy.

Giờ đây Miyacava nghĩ rằng đại bàng đã ở trong ông.

Chưa chắc có ai tin, nếu kể cho họ nghe rằng chim đại bàng đã bay đến thị trấn của họ, đậu trên đồi, ngay cạnh nhà ông! Ông quyết định sẽ không kể cho bất kỳ ai biết chuyện này.

NGUYỄN HÀO dịch

(Lấy từ Đồng đôla bất hạnh, Nhà xuất bản Lao động 1982)

BỘ ĐỒ CƯỠI NGỰA

Khi đến khách sạn ở London, Nagako kéo rèm che kín lại và nằm cứ như đổ sập xuống giường. Cô nhắm nghiền mắt. Thậm chí cô quên cả tháo giày. Đẩy chân ra khỏi thành giường, cô lắc lắc. Đôi giày rơi xuống một cách dễ dàng.

Sự mệt mỏi của cô tăng lên vì còn chuyến bay một chiều chỉ qua Alaska và Denmark. Cứ như thế sự mệt mỏi đó bao gồm cả những điều khác – sự mệt mỏi của cuộc đời cô với vai trò người phụ nữ, sự mệt mỏi trong cuộc hôn nhân của cô với Iguchi – hiện ra đột ngột.

Tiếng hót líu lo ríu rít của bầy chim nhỏ vang tới tai cô. Khách sạn nằm trong một khu vực hoàn toàn riêng biệt bên cạnh công viên Holland. Có lẽ nhiều loài chim nhỏ đang đậu trên những chùm cây trong công viên. Mặc dù mùa này không khác xa lắm so với ở Tokyo, vẫn là tháng năm: cây đang trổ lá, hoa đang nở, chim chóc hót vang. Ở London đang là mùa xuân. Nhưng cửa sổ đóng, rèm cửa thì kéo kín, bên ngoài không thể trông thấy được. Khi nghe thấy bầy chim nhỏ, Nagako cảm thấy như thể không phải cô vừa tới từ một đất nước xa xôi.

“Đây là London, ở nước Anh”. Thậm chí khi tự nói ra điều này, Nagako cũng cảm thấy cô đang ở cao nguyên của Nhật Bản. Bởi vì tiếng chim hót, có thể nghe thấy rất rõ ở vùng núi, nhất là ở cao nguyên nơi đã ghi dấu trong tâm hồn cô bởi cô đã có những kỷ ức hạnh phúc về cao nguyên.

Năm mười hai hay mười ba tuổi gì đó, Nagako cùng với bác và hai người anh em họ, cưỡi ngựa dọc theo một con đường xanh mát ở cao nguyên. Hình ảnh nhỏ bé ấy của cô nổi bật trong phong cảnh. Thậm chí sau khi đã trở thành cháu dâu, cửa nhà vui vẻ, Nagako vẫn có thể nhớ lại sự tăm tối trong cuộc sống của mình với người cha. Khi cô phi ngựa nhanh, cô đã quên tất cả về cái chết của cha mình. Nhưng niềm hạnh phúc của cô đã bị chết yếu.

“Nagako. Đó là người anh em họ của em. Điều đó không tốt đâu”.

Người anh họ Shigeko đã đập tan niềm hạnh phúc của cô bằng những lời đó. Nagako, lúc ấy đã sang tuổi mười bốn, biết được những lời ấy có ý nghĩa gì. Cô đang được nhắc nhở rằng yêu đương và kết hôn với người anh họ Yosuke của mình là “không tốt”.

Nagako thích cắt móng tay móng chân cho Yosuke, và cả ngoáy tai cho anh ta nữa. Cô hạnh phúc khi anh nói với cô rằng cô làm việc đó rất tốt. Về vị tha của Nagako khi cô làm những việc đó cho Yosuke đã làm cho Shigeko mất giá trị. Sau đó Nagako đã giữ khoảng cách với Yosuke. Cô trẻ hơn anh ta, và thậm chí cô cũng không mơ tưởng tới việc kết hôn với anh ta. Nhưng trái tim cô, trái tim của một cô gái trẻ trung, đã được đánh thức bởi những lời của Shigeko. Mãi sau này, cô đã nghĩ về tình cảm của mình với Yosuke như mối tình đầu.

Yosuke đã lấy vợ và gây dựng cho gia đình nhỏ của mình, Shigeko cũng đã cưới và chuyển đi, trong nhà Nagako là người thừa còn lại. Nghĩ rằng thậm chí sẽ làm Shigeko phật lòng, cô chuyển đến sống tại khu tập thể của hội phụ nữ. Người bác đã sắp xếp cho cô một cuộc hôn nhân, Nagako đã kiếm được vị trí là một giáo viên tiếng Anh ở trường dự bị. Cuối cùng, Nagako đặt vấn đề với bác cô về việc ly hôn.

“Đối với cháu dường như Iguchi đang ngày càng giống y như cha cháu” – Nagako phàn nàn về chồng mình. – “Nếu cha cháu không có cái kiêu ấy, thì cháu còn có thể nhẫn nại chịu đựng Iguchi. Nhưng, khi nghĩ về cha mình, cháu lại có cảm giác rằng cháu đang bị kìm kẹp bởi số phận vì phải sống với một người đàn ông yếu ớt, bất lực. Cháu hoàn toàn không thể chịu đựng được điều đó”.

Bác cô, người chịu trách nhiệm về cuộc hôn nhân của cô và Iguchi, nhìn Nagako xúc động. Rồi, bảo cô nên thử đi khỏi Nhật Bản một thời gian, ở Anh khoảng ba tuần hay một tháng gì đó để suy nghĩ về những điều đã qua, ông đưa tiền cho cô đi.

Trong khách sạn ở London, lắng nghe tiếng hót líu lo của bầy chim, nhớ lại hình ảnh nhỏ bé của mình trên lưng ngựa, Nagako bắt đầu nghe thấy tiếng rì rầm. Tiếng rì rầm đó đã trở thành âm thanh chảy mạnh của một thác nước. Âm thanh của dòng nước chảy xiết đã lớn lên thành một tiếng gầm. Sắp sửa hét lên, Nagako mở mắt.

*

Nagako, cầm theo lá thư của bố, rụt rè bước vào văn phòng giám đốc công ty trên tầng bảy. Vị giám đốc, bạn học cùng trường với cha cô, nhìn Nagako:

- Cháu bao nhiêu tuổi?
- Mười một ạ.
- Hừm, nói với cha cháu là ông ấy không nên dùng con mình vào những việc như thế này. Một đứa bé... Thật đáng thương tâm.

Nhăn mặt, ngài giám đốc đưa cho cô một ít tiền.

Nagako nói lại với cha, đang đứng đợi bên lề đường, lời của ngài giám đốc. Lão đảo vung cây gậy lên cửa sổ trên cao, cha cô nguyền rủa:

- Đồ con hoang. Một thác nước đang đổ xuống đầu tôi. Nó đang hành hạ tôi đến chết.

Đối với Nagako dường như thác nước ấy thực sự cuộn cuộn trút xuống đầu cha cô từ cửa sổ tầng bảy.

Nagako lại mang những lá thư của cha đến ba bốn công ty nữa. Ở mỗi công ty, đều có một vị giám đốc đã từng là bạn đồng môn của cha cô. Nagako đã đi khắp nơi đến lần lượt từng người. Mẹ cô gây lộn với cha cô, rồi bỏ ông. Sau một cú đột quỵ nhẹ, cha cô không thể đi lại với cây gậy được nữa. Khoảng một tháng sau khi đến công ty thác nước, Nagako đến một công ty khác.

Ông giám đốc nói:

- Cháu không đi một mình. Cha cháu đang nấp ở đâu?

Nagako đưa mắt về phía cửa sổ. Ông giám đốc, mở cửa sổ, nhìn xuống:

- Này, gì thế?

Bị chú ý bởi giọng của ông, Nagako nhìn ra ngoài cửa sổ. Cha cô đã ngã trên phố. Một đám đông tụ lại. Đó là cú đột quỵ thứ hai của ông. Cha cô đã chết. Nagako cảm thấy cứ như thác nước, lao từ cửa sổ văn phòng cao tầng, quật ngã và giết chết cha cô.

*

Trong căn phòng của mình tại khách sạn ở London nơi cô mới đến, Nagako nghe thấy âm thanh của thác nước ấy.

Ngày chủ nhật, Nagako đi dạo ở công viên Hyde. Ngồi trên ghế bên hồ, cô nhìn chăm chú vào mặt nước. Có tiếng vó ngựa, cô quay đầu lại. Một gia đình cưỡi ngựa xuất hiện, vợ chồng và con cái đi bên nhau. Thậm chí bé gái, khoảng mười tuổi, và anh trai bé, có vẻ lớn hơn hai tuổi, mặc những bộ đồ cưỡi ngựa thật phù hợp. Nagako ngạc nhiên. Họ là một bức tranh hoàn hảo, quý cô và quý ông bé nhỏ. Nhìn cả gia đình họ phi ngựa qua, Nagako nghĩ cô sẽ phải tìm một cửa hàng ở London có bán loại quần áo cưỡi ngựa được cắt may khéo như thế và chí ít cũng phải chạm tay vào chúng.

(1962)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

CAO XANH LỘNG GIÓ

Nhà Keisuke nằm trên bờ một con sông lớn đổ ra biển. Con sông chảy dọc theo vườn nhà. Nhưng vì có một con đê cao che khuất, nên từ trong nhà không nhìn thấy được dòng chảy. Trên bờ sông có một hàng thông reo, thấp hơn con đê con chút, mặc nhiên được xem như là cây trong vườn nhà Keisuke.

Phía trước hàng thông có một bức tường rào uốn quanh. Michiko vượt qua bức tường rào ấy để đến chơi với Keisuke. Không đúng. Để gặp mặt Keisuke. Cả Michiko và Keisuke đều học lớp bốn trường tiểu học. Việc đi vào nhà không bằng cổng trước hay cổng sau mà vượt qua bức tường rào là bí mật của hai người. Đối với Michiko thì không dễ chịu lắm. Nàng phải lấy hai tay che đầu và mặt, rồi dùng ngực trườn qua bức tường rào. Thường thường, Keisuke đỡ nàng bằng cánh tay khi Michiko vượt qua vườn nhà.

Vì Michiko đến với Keisuke hầu như là mỗi ngày nên Keisuke ngượng với những người trong nhà và chỉ bảo lối đi bí mật vượt qua bức tường rào.

- Thích thật đấy nhỉ! Ngực em cứ đập thình thịch – Michiko nói

Vào một ngày, Keisuke trèo lên cây thông và khi đang ở trên cây thì Michiko đến. Không nhìn quanh, bước chân Michiko đi dọc bờ sông và ngừng ở chỗ cũ của bức tường rào, như thường lệ. Nàng nhìn xung quanh. Nàng đưa bím tóc trôi dài ra phía trước, ngậm khoảng một nửa vào miệng, thơ ngây đưa người vượt qua bức tường rào.

Trên cây, Keisuke nín thở. Michiko đi qua vườn. Vì không thấy Keisuke ở chỗ cũ mà nàng nghĩ chắc chắn phải có, Michiko bước lùi ra sau như hoảng sợ, nép mình sau bóng của bức tường rào, khiến Keisuke không nhìn thấy.

- Michan, Michan. – Keisuke gọi

Michiko bước ra khỏi bức tường rào, nhìn xung quanh vườn.

- Michan! Ở cây thông ấy! Trên cây thông cơ mà. – Keisuke nói

Michiko ngược nhìn theo tiếng nói của Keisuke, thảng thốt không nói một lời nào.

- Ở đây mà. Em lên đây đi!

Michiko bước ra khỏi bức tường rào, ngược nhìn Keisuke.

- Anh xuống đây đi!

- Michan. Hãy leo lên cây. Trên đây tuyệt lắm.

- Em không lên được đâu. Anh trêu em ư? Đúng là trò bắt nạt của mấy đứa con trai. Anh xuống đây đi.

- Lên đây với anh. Cành to thế này cơ mà. Ngay cả con gái cũng leo lên được thôi.

Michiko nhìn hình dáng của cành cây.

- Nếu em rơi xuống, là lỗi của Keichan. Nếu em mà chết... Em không biết đâu đấy.

Đầu tiên, nàng đu người lên cành cây thấp, rồi bắt đầu leo lên. Đến cành cây Keisuke đang ngồi, Michiko thở hổn hển :

- Em leo được rồi! Em leo được rồi!

Mắt nàng long lanh.

- Sợ quá! Đỡ em với!

- Hừm... – Keisuke ôm chặt lấy ngực Michiko. Michiko quàng tay ôm cổ Keisuke:

- Có thể nhìn thấy biển, anh ạ.

- Em có thể nhìn thấy tất cả. Dọc theo con sông, đến tận thượng nguồn. Lên được đây, tuyệt quá nhỉ!

- Vâng, Keichan, mai mình cũng lên đây đi!

- Ừ!

Keisuke im lặng một lúc lâu:

- Michan, đây là bí mật nhé. Anh thường leo lên cây và ở trên đó. Đây là bí mật. Trên cây, anh đọc sách và học bài. Không được nói cho ai biết nhé!

- Em không nói đâu – Michiko gật đầu – Chúng mình giống chim nhĩ!

- Vì là em, anh mới nói. Bố mẹ anh cãi nhau dữ dội. Mẹ anh nói sẽ dẫn anh về nhà bà ngoại. Vì anh không muốn nhìn thấy họ nên anh đã leo lên cây và trốn trên đây. Bố anh ra tận bờ sông tìm kiếm. Tìm khắp nơi mà không thấy Keisuke ở đâu, không tìm thấy. Từ trên cây, anh nhìn thấy tất cả mọi chuyện. Từ mùa xuân năm ngoái kia.

- Tại sao hai người lại cãi nhau?

- Em không biết sao? Bố anh có tình nhân.

- ...

- Sau đó, anh thường leo lên cây. Cả bố mẹ anh chưa ai biết. Bí mật đấy nhé!

Keisuke nhấn mạnh :

- Michan. Từ ngày mai, em mang theo tập vở. Chúng ta sẽ học trên cây. Điểm số sẽ tốt hơn. Trong vườn có rất nhiều cây có nhiều lá. Không ai có thể thấy chúng ta từ phía dưới hay bất kỳ đâu.

Bí mật trên cây của hai người đến bây giờ đã gần hai năm. Trên cây, có những cành lớn tỏa rộng ra. Hai người ngồi vui vẻ.

Michiko dựa vào một cành cây, để chân tựa vào một cành cây khác.

Có những ngày những chú chim nhỏ đến đây, có những ngày gió thổi lá kêu xào xạc. Dù không cao lắm nhưng hai người yêu nhỏ cảm thấy mình đang ở một thế giới khác, xa cách với mặt đất dưới xa kia.

(1962)

HOÀNG LONG dịch

TRÁI ĐẤT

1

“Người phụ nữ khoác mặt trời, đi dép mặt trăng, và đội trên đầu chiếc vương miện mười hai ngôi sao: và với một đứa trẻ nàng gào khóc đau đớn trong cơn sinh nở và nỗi đau được giải thoát”.

2

"Trước khi tôi biết nó, một nhà thờ công giáo nhỏ đã được xây dựng bên cạnh con đường chạy dọc theo guồng nước, con đường nơi trước đây khá lâu tôi đã từng vui vẻ đi bộ. Ngoài ra, những bức tường đẹp đẽ bằng gỗ dài vô tận của nhà thờ đã bị đen lại bởi muội than, dưới bước chân, tuyết phủ kín mái". Đây là những dòng đã được viết trong một tác phẩm của Hori Tatsuo. Mái của nhà thờ thánh Paul được lợp ván, bên trong nó giống như những bàn tay đang cầu nguyện. Tất nhiên, thánh giá trên bệ thờ cũng được làm bằng gỗ.

3

Giờ đây, khi những dòng Hori Tatsuo viết đã được hai mươi lăm năm, một chàng trai trẻ và một cô gái đang đi dạo trong những bộ quần áo mà người ta sẽ nhìn thấy ở Karuizawa trong suốt những ngày giữa hạ.

Lúc đi qua phía trước nhà thờ này, mẹ anh đã nói một chuyện khủng khiếp. - Chàng trai dừng bước và nhìn nhà thờ khi anh nói với cô gái trẻ. Cô cũng nhìn nhà thờ rồi nhìn vào mặt chàng trai.

- Nhưng anh tin mẹ anh. Bởi vì anh tin mẹ anh nên anh có một người cha rõ ràng.

Chàng trai không nói gì.

- Em là một đứa bé không cha, kẻ không có cách nào để tin tưởng mẹ cô ta được - một đứa trẻ hoàn toàn không cha. - Cô đi tiếp.

- Không có vẻ như em có thể biết cha em bởi vì tin tưởng vào mẹ mình. Nếu người cha không tin người mẹ, nếu cha em cũng nghi ngờ mẹ em, khi ấy sự ngờ vực sẽ không có kết thúc.

- Nhưng, chẳng hạn, cứ cho là anh nghi ngờ, thì anh cũng đã có một người cha, người mà anh có thể nghi ngờ. Em không có cha thậm chí cả trong ảo tưởng. Em tự hỏi không biết có phải bản thân nhà tù chính là cha em không.

- Anh không có một điểm nào giống cha mình.

- Được rồi. Anh không. Và anh cũng không giống cả mẹ anh chút nào nữa.

- Tại sao lại thế?

4

"Nó không phải là con tôi. Ai mà biết một đứa trẻ như thế lại có thể là con tôi".

Những từ khủng khiếp đó mẹ của chàng trai nghe được từ chồng mình khi bà thông báo rằng mình đã có thai. Họ đã đi dạo trước nhà thờ hơn hai mươi năm trước.

Người phụ nữ trẻ, người biết duy nhất một người đàn ông, đã vượt qua cú sốc và sự sợ hãi. Cô thậm chí còn không thể tìm được sức lực đâu để mà thề thốt về lòng chung thủy của mình. Nếu chồng cô bác bỏ sự chứng minh của cô, thì cô không biết trông cậy vào đâu cả.

Như một bằng chứng, người phụ nữ trẻ mang đứa bé mà mình mới sinh đến nhà chồng để cho anh ta xem.

"Nó không phải là con tôi. Ai biết được một đứa trẻ như thế lại là con tôi". Anh ta lại không nhận đứa trẻ. "Nó là đứa con của tội ngoại tình".

Người phụ nữ trẻ mất hết lý trí và lao đến đâm đứa bé bằng một con dao đi rầy đang nằm cạnh đó. Người đàn ông chụp lấy đứa con từ vợ mình và ngáng chân cô. Cô đâm vào chồng.

Ngay lúc đó hình ảnh của một bức tranh lóe lên trong tim người phụ nữ trong sạch, như thể được rọi sáng bởi một ánh chớp. Đó là một bức tranh tường trong một nhà thờ kín cổ xưa nhỏ bé, bức tranh cảnh cáo chống lại tội ngoại tình. Hai con rắn trắng treo trên ngực một người đàn bà, đang cắn họ. Một cây thương đâm xuyên qua vú một người phụ nữ vào trong ngực cô ta bởi bàn tay của Chúa: Chúa đã giết đàn bà bằng một cây thương. Cô gái kêu gào.

Vết thương của người chồng thật trầm trọng. Thay vì tha thứ cho cô, anh ta và gia đình đã tường thuật lại mọi chuyện. Vì thế người phụ nữ bị bắt.

5

Trong khi cô gái đang ở cùng các tù nhân trong nhà tù, thiên đường đã mở ra và cô nhìn thấy hình ảnh của Chúa.

6

Khi cô ở trong tù, một phụ nữ trẻ khác cũng bị đưa vào; người phụ nữ trẻ này đã giết người yêu của mình trong một cơn ghen. Khi cô ta biết được cô gái này đã có một đứa con, cô ta tỏ ra vô cùng ghen tỵ

- Tôi muốn có con với anh ấy, nhưng bây giờ thì không thể nữa rồi - tôi đã giết anh ấy. - Cô ta níu lấy cô và khóc. - Tôi không thể. Cả đời tôi không bao giờ. Tôi không thể có bất kỳ một đứa con nào. Tôi sẽ phải ở tù cho tới khi quá già để có con. Đó là hình phạt chết người đối với người phụ nữ. Khi nghĩ đến điều đó - tôi muốn có một đứa con - đứa con với bất kỳ người nào, bằng bất cứ cách nào có thể.

- Bằng bất cứ cách nào có thể?

- Đứa con với bất kỳ ai.

- Thật chứ? Nếu thật thế, tôi sẽ làm cho chị có một đứa con nhé?
- Cô là đàn bà cơ mà?
- Tôi sẽ ra khỏi đây sớm. Đợi đến khi ấy. Tôi sẽ làm cho chị có một đứa con.

7

Sau khi được giải thoát khỏi nhà tù, cô quay trở lại thăm người phụ nữ hãy còn ở trong đó.

Người phụ nữ trong tù bắt đầu có thai.

Điều này gây ra một sự náo động mạnh mẽ khắp nhà tù: người phụ nữ sẽ không thú nhận cha đứa trẻ là ai. Không có cách nào để cô thậm chí có thể bắt đầu cố làm điều đó. Tất cả những người cai ngục và những người đàn ông khác trong tù bị thẫn vẩn, nhưng những người cai ngục cho nữ tù nhân cũng đều là đàn bà. Không có người đàn ông nào đến gần họ được. Và cũng không có cách nào để cô có thể trốn khỏi nhà tù.

Bà xơ, người là giáo sĩ trong trại đã không nói đó là một phép màu, hay thần thánh ma quỷ, hay con trai của Chúa sẽ được sinh ra.

Trần đầy hạnh phúc, người phụ nữ nuôi bé gái trong tù. Cô viết một lá thư để cảm ơn người bạn của mình.

Người phụ nữ không quay lại gặp cô lần thứ hai.

8

Bé gái được nhận làm con nuôi và lớn lên hạnh phúc. Cô là cô gái giờ đây đang đi dạo trước nhà thờ thánh Paul. Bất cứ lúc nào cô muốn, cô đều có thể đến gặp mẹ đẻ của mình, người hiện nay đã được ra tù. Cô cũng đã được nghe kể câu chuyện về sự chào đời của mình phía sau song sắt.

Chàng trai đang đi dạo với cô gái là đứa trẻ mà mẹ nó đã cố giết. Cha anh cuối cùng cũng đã tha thứ cho mẹ anh. Họ đã giảng hòa và vẫn sống với nhau.

- Vậy thì người đã bảo vệ anh và bản thân bị thương chính là cha anh? -
Chàng trai dăm chiêu.

- Đúng thế. - Cô gái gật đầu. - Và em, một đứa trẻ không cha, sẽ sinh ra một đứa con có cha.

Chàng trai cũng gật đầu khi họ đi xuống con đường phía trước nhà thờ.

9

Và con rồng phun nước ra khỏi miệng nó như một dòng lũ cuộn cuộn phía sau người đàn bà, nó có thể khiến cô bị cuốn vào cơn lũ. Và trái đất đã giúp đàn bà, mẹ đất há miệng nuốt chửng cơn lũ mà con rồng đã phun ra khỏi miệng.

(1963)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

HOA QUỲNH

Đã ba mùa hè nay, Komiya mời những người bạn học của vợ tới ngắm hoa quỳnh nở ban đêm.

- Đẹp quá, - Murayama, người đến đầu tiên, nói khi bước vào phòng khách. – Xem có mấy bông nào. Nhiều hơn năm ngoái. – Nàng nhìn chăm chú những bông quỳnh. – Năm ngoái có bảy bông nhỉ? Đêm nay không biết có bao nhiêu?

Đây là ngôi nhà gỗ kiểu cũ theo phong cách phương Tây có phòng khách rộng. Chiếc bàn đã bị đẩy sang một bên và cây quỳnh được đặt ở trung tâm trên một chiếc đôn tròn. Chiếc đôn mỏng manh thấp dưới mức đầu gối, nhưng Murayama phải ngược nhìn lên những bông hoa.

- Giống như một hình trang trí kỳ lạ màu trắng. - Năm ngoái nàng đã nói điều này. Hai năm trước, khi lần đầu tiên nhìn thấy hoa quỳnh, nàng cũng đã nói điều này, nhưng vẻ hăng hái nhiều hơn.

Nàng đến gần hơn, nhìn cái cây một lúc lâu rồi quay sang cảm ơn Komiya.

- Xin chào, Toshiko, - nàng nói với cô bé bên cạnh anh. – Cảm ơn vì đã mời tôi đến. Cháu lớn hơn và dễ thương hơn đấy. Hoa quỳnh nở đẹp gấp đôi năm ngoái và cháu cũng vậy.

Cô bé ngược nhìn nàng nhưng không trả lời. Có vẻ như cô bé không xấu hổ nhưng không mỉm cười.

- Anh hẳn đã phải chăm sóc nó rất vất vả. – Murayama nói với Komiya, - để nó đơm bông đẹp đến vậy.

- Tôi nghĩ đây sẽ là đêm tuyệt vời nhất trong năm.

Do lời khen bất ngờ ấy nên anh mới đáp lại như vậy, dù trong giọng nói của anh, bằng cách nào đấy, không biểu lộ ý đó.

Murayama sống gần đây, ở Kugenuma. Anh đã gọi điện cho nàng, nói với nàng về chuyện tối nay và nàng đã gọi điện cho các bạn mình ở Tokyo. Nàng báo kết quả cho anh: hai trong số năm phụ nữ được mời đã mắc bận ở nơi khác, người thứ ba thì phải đợi chồng về. Còn Imasato và Omori chắc chắn sẽ đến.

- Omori bảo như vậy là chỉ có ba đứa chúng em, nó bắn khoản không biết nó có thể mời Shimaki Sumiko đi cùng không. Nó chưa đến đây lần nào. Trong lớp nó là đứa duy nhất chưa lấy chồng.

Toshiko đứng dậy và đi ra cửa phía bên kia cây quỳnh.

- Hãy ở lại ngắm hoa cùng mọi người, Toshiko. – Omori nói.

- Cháu đã thấy nó nở rồi.

- Cháu thực sự đã thấy hoa nở? Cùng với cha cháu à? Cháu phải nói cho cô biết nó nở thế nào.

Cô bé đi ra mà không nhìn lại.

Murayama nhớ, hai năm trước, Komiya nói với nàng rằng nó nở giống hoa sen, rung rung như đang ở trong một làn gió nhẹ.

- Con bé không thích bạn mẹ nó phải không? Có phải nó còn không muốn nghe nói về mẹ nó à? Mình ước gì Sachiko ở đây với chúng ta. Thế nhưng nếu cô ấy ở đây thì em tin rằng anh sẽ không tự dẫn vật mình như vậy.

Lần đầu tiên Murayama thấy hoa quỳnh là khi nàng đến vào một tối mùa hè hai năm trước để nói với anh rằng người vợ đã ly thân của anh muốn đoàn tụ. Rồi nàng lại đến với mấy người bạn và đề nghị anh tha thứ cho vợ mình.

Họ nghe thấy tiếng xe ô tô và Imasato đã đến. Đã gần mười giờ. Hoa quỳnh nở trong đêm và chúng tàn đi vào lúc hai, ba giờ sáng. Đó là hoa của đêm duy nhất. Khoảng hai mươi phút sau, Omori đến với Shimaki Sumiko. Murayama giới thiệu Sumiko với Komiya.

- Cô ấy quá trẻ và đẹp. Đó là nguyên nhân khiến cô ấy vẫn còn một mình.

- Ấy là vì em ốm yếu quá..

Mắt Sumiko tỏa sáng khi nàng ngắm hoa quỳnh. Nàng là người duy nhất chưa từng thấy hoa. Nàng đi chầm chậm xung quanh và ngó nghiêng thật gần.

Những bông hoa mọc từ cuống mập mạp nơi đầu những chiếc lá hơi dài. Những bông hoa trắng to đù đưa nhẹ nhàng trong làn gió thổi qua cửa sổ. Đó là một loài hoa lạ lùng, cánh của nó có một cái gì đó khác với cánh của hoa cúc cánh dài hay hoa thược dược trắng. Nó giống như bông hoa trong giấc mơ. Vẻ xum xuê của những chiếc lá xanh sẫm chạy dài lên từ cành che đỡ ba nhánh cây. Cũng có những bông hoa to nhất. Giống như nhiều loài xương rồng khác, nó có nhụy hoa dài và lá này mọc từ lá kia.

Sumiko không nhận thấy rằng Komiya, bị gây ấn tượng bởi tính hồn nhiên của mình, đã đi tới gần bên nàng.

- Có một số lượng đáng kể hoa quỳnh ở khắp Nhật Bản, nhưng hiếm khi có tới mười ba bông hoa trong một đêm. Nó phải nở đến sáu, bảy đêm liên như thế trong một năm. Đêm nay dường như là đêm tuyệt nhất..

Anh nói với nàng rằng những cái trông giống như nụ hoa huệ tây to sẽ nở vào ngày mai. Còn những chỗ lồi lên giống các hạt đậu nhỏ trên lá thì một số sẽ trở thành lá và một số sẽ trở thành nụ. Phải một tháng nữa những chiếc nụ nhỏ hơn mới nở.

Sumiko được bao bọc trong một thứ hương thơm ngọt ngào, ngọt ngào hơn cả một bông huệ tây, nhưng cũng không chắc lắm.

Không rời mắt khỏi cây quỳnh, Sumiko ngồi xuống.

- Đàn violon. Ai đang chơi nhỉ?

- Con gái tôi.

- Khúc nhạc thật dễ chịu. Đoạn nào nhỉ?
- Tôi e là không biết.
- Một phần nhạc đệm tuyệt vời cho hoa quỳnh. – Omori nói.

Nhìn lên trần nhà một lúc, Sumiko đi ra ngoài bãi cỏ. Biển lập tức hiện ra ngay bên dưới.

Nàng nói khi quay vào trong nhà:

- Con bé ở trên ban công tầng hai. Nó không quay mặt mà quay lưng ra biển. Tôi không biết như thế có tốt hơn không.

(1963)

ĐÀO THỊ THU HẰNG dịch

BẤT TỬ

Một ông già và một thiếu nữ sóng bước bên nhau.

Có một chút kỳ lạ ở họ. Họ nép mình vào nhau như thể là tình nhân, cứ như không cảm thấy khoảng cách sáu mươi năm tuổi đời của họ.

Ông già thì lẫm tai. Nào có nghe rõ lời cô gái. Nàng mặc chiếc váy hakama màu hạt dẻ với một manh kimono tím trắng vẽ hoa văn mũi tên rất đẹp. Tay áo dài tha thướt. Còn ông già thì ăn mặc như một thôn nữ đang cắt cỏ trên đồng dù không quần xà cạp. Tay áo hẹp và quần bó quanh mắt cá chân trông giống xiêm y nữ. Quanh eo lưng gầy thì áo trở nên thùng thình.

Họ băng qua sân cỏ. Một tấm lưới thép cao đứng chắn trước họ. Đôi tình nhân ấy dường như không nhận thấy rằng họ sẽ đi thẳng vào trong lưới nếu như họ cứ bước song hành. Chân họ chẳng dừng, mà đi xuyên qua tấm lưới như một làn gió xuân.

Đã bước qua rồi, cô gái mới để ý đến tấm lưới. Nàng nhìn ông già: “Shintarô, anh cũng đi xuyên lưới được à?”. Ông già không nghe nàng nói gì, chụp lấy tấm lưới thép: “Cái đồ chết tiệt này!”. Ông lay mạnh tấm lưới, đến nỗi lưới lồi ông ngã lăn kên. “Coi kìa, Shintarô! Sao thế này?”. Cô gái choàng tay đỡ ông đứng lên. Nàng bảo: “Buông lưới đi... ôi, anh nhẹ quá!”. Ông già cuối cùng cũng đứng dậy được, hốt hển nói: “Cám ơn em”. Ông nắm lấy tấm lưới lần nữa, nhưng bằng một bàn tay nhẹ nhàng. Đoạn, cất cao giọng theo kiểu người điếc: “Anh đã từng nhặt bóng bên tấm lưới hằng ngày. Trong suốt mười bảy năm ròng”. “Mười bảy năm là dài ư?... ngắn thôi mà”. “Người ta vụt bóng tùy thích. Bóng mà đập vào lưới thép thì gây tiếng vang khủng khiếp. Nghe mà rùng mình. Vì tiếng động đó mà anh hóa điếc. Đó là một tấm lưới thép bảo vệ cho các tay chơi bóng ở sân luyện tập. Khung lưới có bánh xe ở đáy để tiện di chuyển tới lui hay kéo sang phải, trái. Sân luyện tập và sân quần gần đó, cách nhau mấy cụm cây. Trước

đây, đó là cả một cánh rừng có biết bao nhiêu là loại cây cỏ, nhưng bị đốn hạ cho đến khi chỉ còn một hàng cây lếch lác”.

Hai người đi tiếp, bỏ xa tấm lưới phía sau. “Nghe tiếng biển reo mà nhớ bao kỷ niệm đẹp”. Muốn ông già nghe được những lời ấy, cô gái áp miệng vào sát tai. “Em nghe tiếng biển reo”. Ông già nhắm mắt lại. “Gì thế? A, Misako. Hơi thở êm dịu của em. Cứ như ngày xưa”. “Anh không nghe biển reo à? Nó không làm anh nhớ những kỷ niệm yêu dấu sao?”. “Biển... em nhắc đến biển? Những kỷ niệm yêu dấu? Biển đã chìm chết em cơ mà, làm sao mang lại những kỷ niệm yêu thương?”. “Được chứ anh. Đây là lần đầu em trở lại quê nhà sau năm mươi lăm năm trời. Và anh cũng trở về đây. Chuyện ấy đã gợi nên bao kỷ niệm”. Ông già không nghe được lời nàng, nhưng nàng cứ nói tiếp: “Em vui là em đã tự trầm mình. Chính vì thế mà em nhớ anh mãi mãi, hết như đúng lúc em trầm mình. Hơn nữa, những kỷ niệm em có ở tuổi mười tám vẫn nguyên vậy. Anh mãi mãi trẻ trung đối với em. Và em cũng vậy đối với anh. Nếu em đã không chết đuối và rồi anh về làng hôm nay gặp anh, em đã là một bà lão. Chán lắm. Em không muốn anh nhìn thấy em như thế đâu”.

Và ông già nói. Đó là một độc thoại của người điếc. “Anh đã lên Tokyo nhưng thất bại với đời. Và giờ đây, già yếu mà quay về làng. Có một cô gái đau buồn vì chia cách, đến nỗi trầm mình trong biển. Chính vì thế anh đã xin làm ở một sân luyện tập nhìn ra biển. Van xin nài nỉ người ta nhận vào... dầu chỉ vì thương xót”. “Mảnh đất mà ta đang đi là khu rừng mà trước đây đã từng thuộc về gia đình anh đấy”. “Anh chẳng biết làm gì ngoài nhật bóng. Nhật đến đau nhức cả lưng... Nhưng có một cô gái đã tự tử vì anh. Có vách đá ngay bên mình, vì thế chỉ cần đảo mình là nhảy qua nó. Anh đã từng nghĩ thế”. “Không. Anh phải tiếp tục sống. Anh chết thì còn ai trên đời nhớ đến em. Em sẽ phải chết hoàn toàn”. Cô gái dựa sát ông. Ông già không nghe được lời nàng, song ôm giữ nàng. “Thế đấy. Chúng ta cùng chết với nhau đi. Lần này... em tìm đến anh, phải không?”. “Cùng nhau. Nhưng anh phải sống. Sống vì em, Shintarô”. Nàng hốt hển khi nhìn qua vai ông. “Ôi, những cây lớn kia vẫn còn đó. Đủ cả ba... y như ngày xưa”.

Cô gái đưa tay chỉ và ông già quay mắt về cụm cây lớn. “Bọn chơi quần vợt rất sợ đám cây đó. Họ bảo đồn chúng. Khi họ vụt một quả bóng, họ nói rằng nó lượn vèo về bên phải như thể bị ma lực của đám cây đó hút nó”. “Họ chết đúng hạn kỳ - trước đám cây kia. Cây thì đã hàng trăm tuổi rồi. Người chơi quần vợt nói thế mà không hiểu khoảng đời quá ngắn ngủi của con người”. “Đấy là những cây mà tổ tiên anh đã trông nom hàng trăm năm. Vì thế anh đã bắt người mua đất hứa rằng không đốn hạ chúng”. “Đi thôi”. Cô gái kéo bàn tay ông già. Họ chập chờn đi về phía đám cây ấy. Cô gái dễ dàng đi xuyên thân cây. Và ông lão cũng làm như thế. Nàng nhìn ông ngạc nhiên. “Sao? Anh chết rồi à, Shintarô? Anh? Anh chết khi nào?”. Ông không đáp lời. “Anh đã chết... phải không? Vậy sao em không gặp anh trong thế giới người chết kia chứ. Thôi thì xin anh thử đi xuyên qua cây lần nữa xem có chết thật không. Nếu như anh chết rồi thì ta đi vào cây mà ở lại đó”.

Họ biến mất vào trong cây. Ông già lẫn cô gái không trở ra nữa. Màu chiều bắt đầu trôi xuống những cây non đặng sau đám cây lớn. Bầu trời xa kia chuyển sang màu đỏ nhạt nơi trùng dương đang hát.

(1963)

NHẬT CHIÊU dịch

TUYẾT

Noda Sankichi ẩn thân nơi khách sạn sang trọng ở Tokyo từ chiều mồng một đến tận sáng mồng ba. Đó là thói quen của anh từ khoảng 4, 5 năm nay. Dù khách sạn mang một cái tên rất sang, nhưng Sankichi vẫn gọi là "khách sạn huyền ảo".

- Ba con đi đến khách sạn huyền ảo rồi ạ.

Những đứa con của anh nói với những người khách đến nhà mừng tuổi như vậy. Các vị khách thường mĩa mai về nơi ẩn thân tung tích của Sankichi.

- Chắc anh ta có một kỳ nghỉ tuyệt vời ở một nơi tuyệt vời.

Cũng có người nói thế.

Nhưng những người trong gia đình không hề biết chuyện Sankichi đã nhìn thấy những điều diêm ảo nơi khách sạn huyền ảo kia.

Vẫn căn phòng cũ như mọi năm. Căn phòng băng tuyết. Thực tế, chỉ có một mình Sankichi gọi căn phòng số mấy kia là "căn phòng băng tuyết".

Ngay khi Sankichi đến khách sạn, anh kéo rèm cửa lại, nhảy ngay lên giường và nhắm mắt lại. Trong khoảng 2, 3 tiếng đồng hồ sau, Sankichi vẫn nằm yên lặng. Cơ mệt mỏi của một năm bận rộn và tất bật lo toan... Sankichi nằm yên tìm kiếm sự nghỉ ngơi. Nhưng dù sự lo toan tất bật đã lắng xuống, cơ mệt mỏi vẫn quay trở về lan tỏa menh mông. Sankichi hiểu điều đó. Anh chờ đợi sự cảm nghiệm tận cùng nỗi thống khổ.

Khi chìm vào đáy nỗi khổ đau, thần trí Sankichi tê liệt. Sự huyền ảo bắt đầu dâng cao.

Trong màu đen của đôi mắt khép, một hạt ánh sáng nhỏ như hạt đậu bắt đầu nhảy múa. Những hạt ánh sáng màu vàng nhạt như trong suốt. Màu vàng ấy càng chìm sâu vào làn sáng bạc thì tốc độ và phương hướng cũng

thay đổi theo, thành những hạt tuyết. Ta có thể nhìn thấy tuyết rơi ở phía xa.

- Tết năm nay tuyết cũng rơi à?

Khi nghĩ như thế, tuyết trở thành bóng của Sankichi, rơi mãi vào tâm hồn Sankichi.

Trong màn đêm của đôi mắt khép, tuyết rơi gần hơn. Và trong khi rơi nhanh xuống, tuyết nở thành những đóa hoa. Những phiến tuyết lớn lại rơi nhẹ nhàng hơn những hạt tuyết. Yên lặng và không âm vang, những bông hoa tuyết cuốn lấy Sankichi.

- Giở mở mắt ra được rồi.

Khi Sankichi mở mắt, bức tường căn phòng trở nên một phong cảnh tuyết. Tuyết trong đôi mắt khép chỉ là những đóa tuyết rơi. Nhưng trên tường, anh nhìn thấy một phong cảnh tuyết bay.

Những đóa tuyết rơi trên cánh đồng mênh mông. Vài cành cây chơ vơ đứng sắp hàng. Tuyết tích tụ lại. Không có đất đai, không có cỏ dại. Nhà cũng không. Người cũng không. Phong cảnh cô tịch. Nhưng Sankichi trên chiếc giường ấm áp của căn phòng bật máy sưởi 23, 24 độ không cảm thấy sự lạnh giá của cánh đồng tuyết.

Nhưng phong cảnh tuyết rất thật đáng kia, và Sankichi không còn ở đó.

- Ta sẽ đến nơi nào đây? Hình như ta gọi ai đấy.

Dù nghĩ như vậy, nhưng không phải tiếng của Sankichi mà là thanh âm của tuyết. Rất nhanh cánh đồng tuyết quạnh hiu biến mất, chuyển sang một phong cảnh núi non. Những ngọn núi cao hùng vĩ, sông uốn mình quanh chân núi. Nước của dòng tiểu khê trông như đứng lại trong màn tuyết, chảy lặng lẽ không lượn sóng. Trong khung cảnh ấy một tảng tuyết rơi từ bờ sông bập bênh trên mặt nước. Mảnh tuyết như bị hút về tảng đá nhô ra khỏi bờ, rồi dừng lại biến mất trong làn nước.

Tảng đá kia là một mảnh thủy tinh lớn màu tím. Trên tảng đá thủy tinh xuất hiện người cha của Sankichi. Người cha đang bế trên tay Sankichi thuở nhỏ, khoảng ba, bốn tuổi.

- Cha ơi! Nguy hiểm lắm. Đứng trên tảng đá nhọn, hình răng cưa thế kia... Gót chân sẽ bị đau đấy.

Từ trên giường ngủ, anh Sankichi 54 tuổi nói với người cha ở trong màn tuyết. Đỉnh tảng đá với những gai thủy tinh nhọn dựng đứng lên như cắt vào chân. Nghe Sankichi nói, người cha nhấc chân nháy lên. Khi ấy, tuyết trên tảng đá tan đi và chìm xuống dòng nước. Sợ hãi điều ấy, người cha ôm Sankichi chặt hơn.

- Thật lạ lùng. Tuyết dày thế kia mà không lấp nổi dòng sông nhỏ bé.

Người cha nói vậy.

Tuyết rơi mãi trên vai, trên đầu người cha, rơi cả lên cánh tay đang ôm Sankichi.

Phong cảnh tuyết nơi bức tường di động dâng lên hai bờ sông. Nước hồ trải rộng. Đó là cái hồ nhỏ trong khe núi. Nhưng vì là nguồn của dòng sông nhỏ bé thế kia nên hồ trông lớn rộng.

Từ bờ sông nhìn về xa, những đóa hoa tuyết trắng rơi như những tàn tro. Đường như đám mây dày bao phủ. Ngọn núi phía xa bờ trông vô cùng nhỏ bé.

Sankichi ngắm nhìn rất lâu sự tan biến của những đóa hoa tuyết rơi xuống mặt nước sông hồ. Nơi ngọn núi phía xa bờ có vật lay động. Băng qua bầu trời màu tro đến gần Sankichi. Một bầy chim trắng. Những đôi cánh lớn mang màu tuyết. Dường như tuyết hóa thân thành những đôi cánh bay và hát ca nhảy múa trước mặt Sankichi. Nhưng anh không nghe tiếng vỗ cánh. Hay là không dang cánh. Hay dang cánh ung dung? Hay tuyết đang rơi bập bênh trên cánh chim.

Sankichi cố gắng đếm chim. Bảy con, mười một con... Anh cảm thấy đó là một niềm vui hơn là một câu đố.

- Mấy con chim nhỉ? Chim có mấy con?

- Chẳng phải chim đâu. Anh không nhìn thấy điều đó trên đôi cánh ư? - Chim tuyết trả lời.

- A! Thấy rồi, - Sankichi đáp.

Những người con gái đã từng yêu Sankichi đến trên đôi cánh chim, trong màn tuyết. Ai trong số các nàng đã ngỏ lời trước?

Sankichi trong tuyết diễm ảo tự do gọi tên những người con gái mình yêu trong quá khứ.

Từ chiều mừng một đến tận sáng mừng ba tết, trong căn phòng tuyết của khách sạn huyền ảo, Sankichi kéo rèm cho người đưa cơm vào phòng. Nằm trên giường ngủ, Sankichi gặp gỡ và nói chuyện với những linh hồn.

(1964)

HOÀNG LONG dịch

TÍNH NỮ

Sư trụ trì khu Thành Hạ có gương mặt y như cái nậm rượu (hyotan). Nhà sư nói với người võ sĩ vừa bước vào sơn môn:

- Ngài có thấy đám cháy trên đường đi không?

- Có một cô gái khóc nức nở trên đường. Nàng vừa khóc vừa nói là chồng mình đã chết. Nhìn thấy mà thương.

- Ha ha ha. Tiếng khóc giả dối đấy.

- Sư nói sao ạ?

- Khóc vờ vĩnh đấy. Nàng ta rất vui mừng vì người chồng đã chết. Chắc ông ấy là người hiền lành. Có lẽ nàng ta chuốc rượu cho chồng mình say khướt rồi lấy kim đâm vào đầu ông ấy. Sau đó nàng ta châm lửa đốt nhà.

- Người ta đồn như vậy ạ?

- Không phải là những lời đồn nhảm đâu. Tiếng khóc kia...

- Tiếng khóc sao ạ?

- Con người ta không có cái tai giống Phật đâu.

- Thật thế ạ? Nếu vậy, nàng ta thật đáng ghét.

Chàng samurai trẻ tuổi đứng dậy bước ra khỏi sơn môn. Chẳng bao lâu sau, anh quay trở lại, gương mặt xanh xao.

- Hòa thượng...

- Sao rồi?

- Tôi đã chặt mụ ta làm hai mảnh.

- Ha ha ha. Ngài đã làm như vậy à?

- Nhưng khi nhìn lưỡi kiếm, tôi cảm thấy nghi ngờ lời nói của hòa thượng. Mụ ta ôm chặt cái xác chết cháy, cất tiếng khóc than. Chắp hai tay

lại, mặt ta vừa cười vừa nói với tôi: hoặc anh giết tôi, hoặc là anh đến gần xác ông ấy, tôi sẽ cảm ơn anh nhiều. Thà tôi chết đi còn hơn.

- Lại còn thế nữa!

- Sự nói sao ạ?

- Lúc này khi ngài đi qua, tiếng khóc là giả. Còn lúc ngài đến nàng ta khóc thật đấy.

- Hòa thượng là người xuất gia lại lừa dối chúng sinh sao?

- Ngài không có cái tai của Phật đâu.

- Tôi đã làm như bắn thanh gươm võ sĩ. Tôi phải làm gì với thanh gươm dơ bẩn này đây?

- Hãy làm thanh sạch thanh gươm. Rút nó ra.

- Để chém cái đầu của Hyotan à?

- Ngài sẽ lại làm bẩn nó thôi.

- Nếu vậy thì...

- Hãy đưa gươm cho tôi.

- A...

Ngay khi nhận lưỡi gươm, hoà thượng ném nó vào bia đá nơi bãi tha ma. Thanh gươm đâm một nhát vào bia đá. “Phập”. Từ tảng đá, máu đỏ tuôn xối xả.

- Ya. Xa.

- Đó là máu của người đàn ông bị giết chết.

- Máu của ông ấy à?

- Máu của người đàn bà bị giết chết.

- Cái gì? Hòa thượng định dùng yêu thuật để lừa dối kẻ hèn này ư?

- Không phải yêu thuật đâu. Đó là tấm bia đá của dòng họ bị chết cháy.

Chàng võ sĩ bắt đầu thấy rùng mình.

- Hòa thượng, đây là thanh bảo kiếm gia truyền của dòng họ tôi nên...

- Tốt hơn là rút gươm ra phải không.

Chàng võ sĩ rút gươm, lập tức bia đá đổ xuống, thanh gươm gãy làm hai đoạn. Nơi tấm bia, rêu xanh phủ kín mặt đá, không hề có vết xước nào nhỏ như dấu móng tay.

- Thật kỳ lạ.

Chàng võ sĩ ngã bật xuống đất, trừng mắt nhìn lưỡi kiếm gãy. Nhà sư ung dung đi lên chánh điện.

- Đến lúc đọc kinh chiều đây.

HOÀNG LONG dịch

TÌNH YÊU ĐÁNG SỢ

Ông ấy yêu vợ cuồng nhiệt. Nghĩa là yêu quá say đắm một người phụ nữ. Vì vậy khi người vợ mất sớm, ông nghĩ đó là tội trời phạt cho tình yêu của mình. Bởi ngoài ra ông chưa bao giờ nghĩ là vợ mình sẽ chết.

Sau cái chết của người vợ, ông xa lánh đàn bà. Và ông quyết định không mượn người làm là phụ nữ. Những việc nấu nướng, quét tước, ông giao hết cho người tớ trai. Điều ấy không phải vì ông ghét tất cả những người đàn bà không phải là vợ mình. Mà chỉ bởi nhìn thấy bất cứ người phụ nữ nào, ông cũng thấy hình dáng của người vợ yêu đã khuất. Chẳng hạn như tất cả người đàn bà đều có mùi cá giống vợ ông. Hơn thế nữa, nghĩ là tội trời phạt vì quá yêu vợ, ông phải từ bỏ cuộc sống có đàn bà.

Nhưng dù sao đi nữa, trong nhà ông vẫn có một người con gái. Không thể khác. Đó là con ông. Và hiển nhiên cô gái giống người mẹ đã mất hơn bất cứ cô gái nào trên đời này.

Cô gái sắp vào trường trung học nữ.

Nửa đêm phòng cô gái sáng đèn. Ông ghé mắt nhìn vào. Từ khe hở của tấm màn giấy. Con bé đang cầm cây keo nhỏ. Mở hai đầu gối, cô bé cúi đầu rất lâu. Hôm sau, khi con bé đã đi học, ông nhìn lưỡi kéo sắc mà rung mình. Nửa đêm hôm sau, phòng cô gái lại sáng đèn. Ông ghé mắt nhìn vào. Từ khe hở của tấm màn giấy. Con bé bước ra khỏi phòng, tay ôm tấm ra trắng trải giường như gấp lại. Ông nghe tiếng nước chảy. Chẳng bao lâu sau, cô bé khơi cao lửa ở lò sưởi, hong tấm vải trắng lên trên, ngồi chờ đợi. Rồi con bé khóc. Ngừng khóc, con bé cắt móng tay trên tấm vải trắng. Khi con bé giữ tấm vải, ông nghe thấy mùi cháy khét của những móng tay rơi.

Ông đã thấy một giấc mơ. Trong mơ, người vợ đã khuất nói chuyện với cô con gái về những điều bí mật của nàng mà ông đã nhìn thấy. Cô bé không nhìn thấy mặt ông. Ông đã không thương yêu đứa con gái của mình.

Khi nghĩ rằng bởi vì yêu thương người con gái này mà một người đàn ông phải nhận nhiều hình phạt của trời, ông bưng tỉnh.

Vào đêm cuối, đứa con gái cắt cổ họng ông bằng một lưỡi dao bén khi ông đang ngủ. Ông đã biết điều đó. Để từ bỏ sự trừng phạt vì quá yêu người con gái, vì đã yêu vợ cuồng nhiệt, ông nhắm mắt lại, an bình. Vừa cảm thấy đứa con gái đã trừng phạt kẻ thù của người mẹ, ông vừa chờ đợi lưỡi dao.

HOÀNG LONG dịch

TỪ HÀNG LÔNG MÀY

Nàng phải chọn nghề bán sắc đẹp của mình bởi nàng là con gái và bởi nàng phải đi làm. Nhưng không ai khen nàng đẹp. Vì lý do nghề nghiệp, nàng bị cấm không được trang điểm.

Nhưng một ngày kia giám đốc gọi nàng lên.

- Em kẻ lông mày phải không?

- Không ạ.

Nàng khiếp sợ, thấm nước miếng vào đầu ngón tay và lau hàng lông mày. Rồi nàng chỉ cho giám đốc xem.

- Hänn em đã cắt tóc và làm lại lông mày có đúng không?

- Dạ không. Tự nhiên đấy chứ ạ.

Nước mắt nàng chảy ra giàn giụa.

- Hừ. Dù sao nếu người có lông mày đẹp như em, thì không thể ở chỗ này được. Em bị sa thải.

Vị giám đốc đã tìm được cơ để sa thải nàng nơi... hàng lông mày. Cô gái lần đầu tiên biết rõ vẻ đẹp nơi hàng lông mày của mình. Nàng vui đến mức quên đi nỗi buồn thất nghiệp. Mình cũng có chỗ đẹp đấy chứ. Và nàng cũng đủ tự tin để kết hôn.

Người chồng nàng không khen nàng có lông mày đẹp. Anh ta nói ngược nàng mới đẹp cơ. Bờ vai và đầu gối cũng đẹp. Vân vân và vân vân.

Cô gái khi được khen, thấy trên thân thể mình có quá nhiều vẻ đẹp và nàng say sưa trong hạnh phúc.

Nhưng khi người chồng tìm kiếm vẻ đẹp trên hình hài vợ mình, không hiểu sao anh lại thấy bình thản khi nghĩ rằng mình không có một vẻ đẹp nào.

HOÀNG LONG dịch

CỔ HƯƠNG

Kinuko quay về căn nhà cũ của mình. Nàng hồi tưởng lại câu chuyện khi người chị dâu trở về quê lúc trước. Trong ngôi làng trên núi nơi người chị dâu được sinh ra, người ta gọi các cô gái đi làm dâu xứ người vào đêm ba mươi tháng giêng là “các nàng ăn bánh trôi” bởi phong tục người nữ đi làm dâu phải ăn cháo đậu đỏ có bánh trôi. Đây là dư âm của món cháo đậu đỏ xa xưa.

- Tuyệt lớn vậy mà con cũng đi sao?

Người mẹ có vẻ không vui tiền cô con gái đang công cháu nội về nhà chồng.

- Vui vẻ thế nhỉ? Có con rồi mà tính nết vẫn như trẻ con. Chị đã sớm trở thành người lạ của ngôi nhà này rồi mà.

- Nhưng mỗi khi đi xa chị đều nhớ về căn nhà này. Nếu chị không mong ngày trở về thì hẳn mẹ sẽ cô đơn lắm. - Kinuko nói.

Trong ngôi làng thiếu vắng đàn ông vì chiến tranh, người chị dâu trở thành lao động chính gia nhập trong đoàn quân phụ nữ lái xe và cày bừa. Khi đi lấy chồng trên phố, tuy mừng vui nhưng Kinuko vẫn thấy tội nghiệp cho cuộc sống kham khổ của người chị dâu. Nhìn dáng chị đi liêu xiêu trên con đường núi gập ghềnh đầy tuyết rơi rồi nghĩ về dáng đi vội vã của chị lúc về nhà mẹ đẻ, Kinuko thầm nói:

- Hãy gắng lên nhé.

Bốn năm trôi qua kể từ ngày đó, Kinuko quay trở về nhà mình và kinh ngạc vì tiếng nói nơi nhà bếp của người chị dâu. Trên bức tường nhà hàng xóm vẽ đầy cảnh núi non. Kỷ niệm xưa sống dậy. Kinuko nói với người cha mình trên bàn thờ:

- Con hạnh phúc lắm.

Và để mặc cho nước mắt luôn rơi. Khi nàng đánh thức chồng mình dậy:

- Nhà em đây hả?

Rồi người chồng quay mặt vào căn phòng cũ tiếp tục giấc ngủ của mình. Trước khi ăn sáng, người mẹ gọt táo, lê và nhiều lần nói với chàng rể:

- Ăn nhiều vào con nhé.

Bà đưa đĩa trái cây ra trước mặt chàng và la mắng lũ cháu đang thèm thuồng.

Bị vây quanh bởi ba người cháu trai và gái, chồng Kinuko nghiêm nhiên trở thành chú. Kinuko hiếm khi vui như thế này. Thật là bình yên.

Người mẹ lại bế đứa con của Kinuko, cười rạng rỡ và tự hào nói với hàng xóm:

- Thằng con của Kinuko bụ bẫm chưa này. Xem thử đi.

Nhìn từ phía sau dáng hình người chị dâu đang đọc lá thư từ chiến địa gửi về, Kinuko cảm thấy trĩu nặng vì tuổi tác đang đè lên vai người chị dâu, nhưng nàng vụt trở nên hân hoan khi biết rằng chị đã trở thành một thành viên chính thức của gia đình mình.

HOÀNG LONG dịch

NƯỚC

Ngay khi người con gái rời bỏ quê nhà để lập gia đình, chồng cô được chuyển về nhà khí tượng trên núi Hưng An. Điều người vợ kinh ngạc nhất là phải bỏ tới bảy sen để mua một can dầu hỏa đầy nước. Nước đục và bẩn. Khi nghĩ đến việc dùng nước đánh răng và vo gạo, cô gái cảm thấy ghê ghê. Sau khoảng nửa năm, tấm khăn trắng trải giường và áo lót trở thành màu vàng. Không những thế, vào tháng mười hai năm ấy, hình như nước đóng băng đến tận đáy giếng. Một người làm mang từ đâu về một tảng băng. Cô gái sử dụng tảng băng ấy để tắm, một cách hiểm hoi. Không thể nói cho hết sự xa xỉ ấy. Cảm giác sung sướng khi những khớp xương lạnh cóng của nàng được sưởi ấm. Như một giấc mơ xa xăm, nàng nhớ lại những lần tắm ở quê hương. Khoác chiếc khăn tắm thật trắng. Ngập trong nước nóng đến tận vai và nhìn thấy vẻ nuột nà của tay và chân mình.

- Xin lỗi. Nhà chị còn nước không ạ? Làm ơn cho tôi xin một chút.- Người vợ của anh lảng giềng đến mang theo chiếc bình đất nhỏ. - Lâu lắm tôi mới đánh lại nồi niêu mà sơ ý quên rằng mọi người đã sử dụng hết rồi.

Nước không còn nữa, nhưng cô gái cho người vợ trẻ lảng giềng ít nước trà.

- Tôi muốn mùa xuân đến sớm để được tắm giặt thỏa thích. Thật tuyệt diệu biết bao khi được hắt nước tung tóe, - người vợ lảng giềng nói.

Đó cũng là ước mơ của người con gái về nơi miền quê nước sạch dồi dào.

Cô gái khó lòng chờ đợi băng tuyết tan. Khi đổ nước trong chậu ra, cô cảm thấy dễ chịu nhìn thấy nước thấm vào trong lòng đất. Trên đất này cây bồ công anh là thứ đầu tiên nảy mầm.

Cô gái mời người vợ trẻ lảng giềng tắm ofuro. Thành linh, xe lửa hướng về Bắc quốc chạy ngang qua thung lũng. Đây là thời gian thông báo về mặt trận phía Nam.

- Rộng quá nhỉ, - người vợ lảng giềng nói trong bồn tắm ấm áp.

Thật sự, công việc của chồng cô gái ở nha khí tượng Hưng An Sơn có mối liên hệ tới bầu trời bờ biển phía Nam. Đó là Nhật Bản ngày nay.

Khi người con gái bước ra khỏi nhà, những cánh hoa băng từ cành nhỏ của cây tuyết tùng lác đác rơi như những cánh hoa anh đào. Khi người vợ ngược đôi mắt trẻ trung nhìn lên, nền trời xanh thăm gọi cô nghĩ đến mặt biển quê nhà.

HOÀNG LONG dịch

CÁNH RỪNG TRONG GƯƠNG

NHẬT CHIÊU dịch

O-kayo không hiểu tại sao một người có thể tự mình đi tàu, rồi từ nhà ga ngoại ô về tận đây lại phải cần nắm tay dắt đi trên con đường trở ra nhà ga. Nhưng, cho dù nàng không hiểu đi nữa thì chuyện đó cũng đã trở thành bổn phận của nàng rồi. Lần đầu tiên khi Tamura tìm đến nhà, mẹ nàng đã bảo: - O-kayo, đưa ông ấy ra ga đi con.

Khi đi ra khỏi nhà, Tamura chuyển cây gậy dài sang tay trái, rồi mò mẫm tìm bàn tay của O-Kayo. Khi nhìn thấy bàn tay gã quờ quạng mơ hồ trên ngực nàng, O-Kayo đỏ bừng mặt, chỉ còn cách chìa bàn tay của mình ra.

- Cám ơn. Em vẫn còn là một cô bé, - Tamura nói.

O-Kayo tưởng rằng nàng cần phải giúp gã bước lên tàu, nhưng khi đã lấy vé xong và đã ấn một đồng tiền vào lòng bàn tay nàng, Tamura nhanh nhẩu đi qua cổng soát vé một mình. Gã lần bước theo con tàu, không ngừng lướt bàn tay trên hàng cửa sổ, tiến về phía cửa lên xuống. Cử động của gã rất thành thục. Dõi theo đó, O-Kayo cảm thấy yên lòng. Khi con tàu xuất phát, nàng không thể không mỉm cười. Nàng thấy dường như có một năng lực kỳ lạ nơi các dấu ngón tay của gã, như thể đó chính là đôi mắt gã vậy.

Còn nhớ một chuyện. Bên cửa sổ thấp sáng nắng chiều, chị nàng là O-Toyo đang ngồi chỉnh lại phấn son.

- Anh có thấy bóng gì trong gương? - Nàng hỏi Tamura. Ngay cả O-Kayo cũng thấu rõ ác ý của chị mình. Chẳng phải là chính O-Toyo, đang điểm phấn to son lại, ánh hình trong gương đó sao?

Nhưng nỗi hiểm ác của O-Toyo chẳng qua là cô tự say mê bóng mình. “Một người đàn bà đẹp như thế này mà lại quá tốt với anh kia đấy”, giọng cô đầy ẩn ý bao vây Tamura.

Từ chỗ ngồi của mình, Tamura lặng lẽ nhích đến bên cô. Gã bắt đầu ve vuốt mặt gương bằng các đầu ngón tay của mình. Rồi với hai bàn tay, gã xoay đài gương.

- Này, anh đang làm gì thế?

- Soi bóng cánh rừng.

- Rừng?

Như thể bị gương thu hút, O-Toyo lê đầu gối đến trước gương.

- Năng chiều đang chiếu qua cánh rừng.

O-Toyo nhìn Tamura với vẻ ngờ vực khi gã lướt đầu ngón tay trên mặt gương. Cười nhạt, cô xoay đài gương về chỗ cũ. Một lần nữa, cô chăm chú điểm trang.

Nhưng O-Kayo thì ngạc nhiên vì cánh rừng trong gương. Đúng như Tamura đã nói, mặt trời lặn đang chiếu một ánh sáng tím mờ xuyên qua những ngọn cây cao lớn trong rừng. Những chiếc lá mùa thu to rộng, bắt ánh nắng từ phía sau, chiếu ngời lên, trong suốt và ấm áp.

Đó là một buổi chiều vô cùng êm ả vào ngày mùa thu ngát hương. Dù vậy ấn tượng về cánh rừng trong gương rất khác với một cánh rừng thật. Có lẽ vì cái mong manh êm dịu của ánh sáng, như lọc qua tơ lụa, không phản ánh được, nên ở đây có cái gì đó mát trong sâu thẳm, tựa hồ như đây là một phong cảnh ở đáy hồ.

Cho dù O-Kayo vẫn nhìn thấy một cánh rừng thật từ cửa sổ nhà nàng mỗi ngày, nàng có bao giờ chăm chú ngắm nhìn đâu. Nghe người đàn ông mù diễn tả, dường như nàng thấy lần đầu tiên trong đời một cánh rừng.

Tamura thật sự nhìn thấy cánh rừng đó thiệt sao, nàng tự hỏi. Nàng muốn hỏi gã xem gã có biết sự khác nhau giữa một cánh rừng thật và một cánh rừng trong gương. Bàn tay gã đang ve vuốt gương, đối với nàng sao mà huyền bí.

Do vậy, khi bàn tay nàng bị Tamura nắm lấy lúc ra ga, nàng bỗng nhiên hoảng sợ. Nhưng vì điều đó cứ lặp lại như một phần hiển nhiên trong phận sự của nàng mỗi khi Tamura đến nhà, rồi nàng cũng quên nỗi sợ ấy.

- Ta đang đi ngang qua hàng trái cây, phải không?

- Đến cửa hàng tang ma rồi à?

- Chưa tới hàng đậu ư?

Mỗi lần nàng đưa gã đi trên đường, Tamura vốn không phải lúc nào cũng đùa cợt, lại càng không phải lúc nào cũng nghiêm trang, thường hay hỏi những điều như thế.

Về phía bên phải, có hàng thuốc lá, trạm kéo xe, hàng giày dép, hàng giỏ mây, quầy bán cháo đậu đỏ với bánh đúc.

Về phía trái là hàng rượu, hàng vớ, quán mì, quán sushi, hàng gia dụng, hàng mỹ phẩm, phòng răng - đúng như O-Kayo đã chỉ dẫn cho gã biết. Tamura nhớ rõ thứ tự các cửa hiệu dọc theo sáu, bảy dãy phố trên đường ra ga.

Gọi lên từng tên cửa hiệu ở hai bên đường khi đi ngang đã trở thành một trò chơi quen thuộc của gã. Do vậy, có gì mới ở hai bên đường, như một cửa hàng mỹ thuật Nhật hay một khách sạn kiểu Tây phương, O-Kayo đều báo cho Tamura hay. Nghĩ rằng Tamura bám vào trò chơi u buồn này để làm nàng ngạc nhiên, O-Kayo vẫn lấy làm lạ rằng gã biết mọi ngôi nhà bên đường cứ như người sáng mắt. Nhưng, dù nàng không nhớ từ bao giờ, trò chơi đã trở thành một tập quán.

Có lần, khi mẹ nàng nằm bệnh, Tamura hỏi: - Hôm nay có hoa giả ở cửa hàng tang ma không?

Như thế bị dội nước lên mình, O-Kayo hoảng hốt nhìn Tamura.

Lần khác, bỗng nhiên gã hỏi: - Đôi mắt của chị em đẹp lắm nhỉ?

- Vâng, rất đẹp.

- Đẹp hơn mọi người khác?

O-Kayo im lặng.

- Đẹp hơn đôi mắt em chứ, Kayo?

- Nhưng làm sao mà anh biết chứ?

- Thế nào à? Người chồng của chị em bị mù. Kể từ khi chồng chết, cô ấy cũng chỉ biết có người mù. Và mẹ của em nữa, là mù. Thì tự nhiên chị của em sẽ nghĩ là mắt mình tuyệt đẹp.

Không hiểu sao những lời này chìm sâu vào trái tim O-Kayo.

“Lời nguyện mù kéo dài ba thế hệ”. O-Toyo thường thở dài mà nói vậy cho mẹ nàng nghe thấy. O-Toyo sợ sinh con với một người đàn ông mù. Cho dù đứa bé không mù đi nữa, nàng vẫn có cảm giác rằng nếu nó là gái, biết đâu lại trở thành vợ của người mù.

Chính nàng đã lấy một người mù bởi vì mẹ nàng mù. Mẹ nàng, chỉ quen biết các tay xoa bóp mù, sợ viễn cảnh phải có một chàng rể sáng mắt.

Sau khi chồng O-Toyo qua đời, nhiều người đàn ông khác nhau đã ngủ lại qua đêm trong nhà nhưng ai nấy đều là người mù. Họ nhẵn nhe nhau. Gia đình e ngại rằng nếu họ bán thân cho ai đó không mù, họ sẽ bị bắt giữ mất thôi. Cứ như thế là tiền trợ cấp cho người mẹ mù phải đến từ chính những người mù.

Một ngày kia, một tay xoa bóp mù đã đưa Tamura đến.

Tamura không phải là đồng nghiệp của các tay xoa bóp mà là một thanh niên giàu có. Đồn rằng gã cho một trường học của người mù và người điếc hàng ngàn đồng yên.

Sau đó, O-Toyo đã biến Tamura thành người duy nhất bao cô. Nhưng cô đối xử với gã như với một tên khờ. Tamura, lúc nào cũng có vẻ cô đơn, thường trò chuyện với người mẹ mù lòa. Những lúc như thế, O-Kayo lặng lẽ và chăm chú nhìn gã.

Mẹ nàng chết vì bệnh.

- Giờ thì, Kayo, chúng ta đã thoát khỏi cảnh bất hạnh mù tối. Chúng ta sống cảnh đời sáng, - O-Toyo bảo nàng.

Không bao lâu, một đầu bếp từ khách sạn kiểu Tây phương lui tới nhà nàng. O-Kayo thu mình lại sợ hãi trước sự thô bạo của người sáng mắt như hăn.

Thế rồi cũng đến lúc O-Toyo chia tay cùng Tamura. Lần cuối cùng, O-Kayo đưa dẫn gã ra ga. Khi con tàu đã xa, nàng cảm thấy cô đơn như thế đời nàng đã tận. Lên chuyến tàu kế tiếp, nàng đuổi theo Tamura.

Nàng không biết gã sống nơi nào, nhưng nàng có cảm giác rằng nàng sẽ nhận ra con đường của người đàn ông mà bàn tay gã nàng đã nắm nhiều lần đi đến đâu.

GIỜ MẶT

HOÀNG LONG dịch

Từ năm sáu, bảy tuổi cho đến mười bốn mười lăm cô gái chỉ toàn diễn trên sân khấu. Và lúc đó người xem thường khóc theo.

Cô luôn nghĩ rằng khi mình khóc thì người xem sẽ khóc theo.

Đó là ánh mắt đầu tiên của cô gái nhìn cuộc đời. Cô thấy rằng gương mặt của tất cả mọi người là những gương mặt bi ai mà khi xem kịch của cô diễn thì phải khóc. Không có một gương mặt nào, đối với cô lại không thể hiểu được. Từ lúc ấy, những gương mặt trong cuộc đời là vô cùng dễ hiểu.

Trong đoàn kịch, không có một diễn viên nào làm cho người xem khóc nhiều như vai đứa trẻ dễ thương mà cô gái thủ diễn.

Vào năm mười sáu tuổi, cô sinh hạ đứa con.

- Đứa trẻ không giống tôi một chút nào. Nó không phải con tôi. Tôi không biết đâu đây. – Cha đứa trẻ nói.

- Đứa trẻ cũng chẳng có điểm nào giống tôi. – Cô gái nói. – Nhưng nó là con tôi.

Gương mặt của đứa bé gái ấy, đối với cô, là gương mặt con người đầu tiên cô không hiểu. Và vai diễn trẻ con của cô gái đã phải chấm dứt ngay sau khi sinh con. Người ta nói với cô như vậy.

Khi đó, cô mới phát hiện giữa sân khấu của bi kịch theo trường phái mới làm người xem phải khóc cho đến lúc này với cuộc đời thực tế ngăn cách bằng hố thẳm.

Hố thẳm ấy là ước vọng và màu đen. Và có nhiều gương mặt mà cô không thể hiểu như gương mặt của đứa con mình, xuất hiện từ trong màu đen ấy.

Cô gái đã chia tay với cha đứa trẻ ở đâu đó trên đường lưu lữ.

Vài năm sau trôi qua, cô gái bắt đầu nhận ra sự giống nhau giữa gương mặt đứa trẻ và gương mặt người đàn ông đã từ bỏ cô.

Chẳng bao lâu sau, vai diễn trẻ con của đứa bé, giống như mẹ hồi xưa, bắt đầu làm người xem khóc.

Và cô gái lại bỏ rơi đứa trẻ ở đâu đó trên đường lưu lãng.

Khi bỏ rơi, cô đã bắt đầu nhận thấy sự giống nhau giữa gương mặt đứa bé với gương mặt của chính mình.

Khoảng mười năm sau, đứa bé gái đến gặp cha mình – hiện đang là diễn viên lưu lạc trong đoàn kịch nhỏ ở làng quê. Và hỏi chỗ ở của người mẹ.

Cô gái đã đến gặp mẹ mình. Cô ôm chầm lấy mẹ, ngay từ cái nhìn đầu tiên rồi òa khóc: “A... A...”

Lần đầu tiên từ khi sinh ra cô nhìn thấy mẹ. Lần đầu tiên từ khi sinh ra đứa bé khóc thật sự.

Không hiểu tại sao gương mặt đứa bé cô bỏ rơi trên đường lại giống hệt gương mặt của mẹ cô.

Tuy cô con gái chả có gì giống mẹ của mình và chẳng có gì giống con của mình nhưng bà ngoại và cháu gái lại giống nhau y hệt.

Khi khóc nức nở trong lòng mẹ, cô gái nghĩ rằng mình đã khóc thật sự như là một đứa con.

Với tâm hồn như kẻ hành hương quay về đất thánh, cô gái lại quay trở lại đoàn kịch lang thang để gặp chồng con của mình và nói với họ về những gương mặt.

(1932)

Tấm Ảnh

Quỳnh Chi dịch

Có một người xấu xí... Nói ra thì e là vô lễ, chứ chắc chắn cũng vì hăn xấu ời là xấu như thế, cho nên mới trở thành thi sĩ không chừng. Người thi sĩ ấy đã bảo tôi thế này.

Tôi ghét chụp ảnh lắm, ít có khi nào nghĩ đến chuyện chụp ảnh. Bốn năm năm trước, tôi có chụp một tấm ảnh kỷ niệm hôn dịp đính hôn với người yêu. Đó là người tình yêu quý nhất đời tôi. Là vì tôi không dám tin rằng trong đời tôi còn có thể có được một người con gái nào khác như thế nữa. Bây giờ tấm ảnh ấy trở thành một trong những kỷ niệm đẹp của tôi đấy.

Thế rồi năm ngoái, có một tờ tạp chí đến bảo tôi gửi cho họ một tấm ảnh chân dung. Tôi bèn lấy tấm ảnh chụp chung với người yêu và chị cô ấy, cắt riêng hình của tôi ra, để gửi cho toà báo nọ. Rồi mới đây lại có một nhật báo đến xin ảnh của tôi. Tôi cũng hơi do dự, nhưng rồi rốt cuộc cũng lấy tấm ảnh chụp với người yêu ra cắt làm đôi mà đưa cho ký giả. Tôi đã dặn đi dặn lại rằng nhất định phải nhớ gửi trả về cho tôi, thế nhưng có vẻ như là họ chẳng gửi trả lại cho mình đâu. Thôi thì thế cũng chẳng sao.

Thôi thì thế cũng chẳng sao, nhưng mà có điều là, khi nhìn một nửa tấm ảnh còn lại, một nửa tấm ảnh có chụp hình người yêu của tôi ấy, tôi cảm thấy bất ngờ hết sức. Đây là người con gái ấy sao ? Tôi xin nói trước rằng người yêu của tôi trong tấm ảnh ấy dễ thương lắm cơ, đẹp thật cơ. Lúc ấy nàng mới 17 tuổi mà, lại đúng lúc nàng đang yêu nữa. Thế nhưng khi nhìn tấm ảnh còn lại trên tay mà tôi đã cắt làm đôi và chỉ còn lại một mình nàng, tôi bỗng thấy thất vọng " Thế mà cứ tưởng ..", tôi có cảm tưởng rằng không ngờ cô gái vô duyên đến thế. Mà đó là tấm ảnh lâu nay tôi vẫn thấy đẹp ời là đẹp đấy chứ. Giấc mộng lâu nay chỉ trong phút chốc bỗng chợt tan biến thật bề bàng. Báu vật quý giá của tôi thế là đã vỡ tan tành.

Nghĩ cho cùng ... Giọng người thi sĩ càng trầm hăn xuống.

Nếu nhìn tấm ảnh của tôi đăng trên báo, có lẽ nàng cũng nghĩ như vậy. Chắc là thế. Có lẽ nàng sẽ hối tiếc cho chính nàng, vì đã từng yêu, dù chỉ một thời, một gã đàn ông như tôi. Nếu mà như vậy thì... .Thế là hết!

Nhưng nếu mà, tôi lại nghĩ, nếu mà tấm ảnh chụp hai người vẫn còn nguyên vẹn, nếu cả hai cứ bên nhau cùng đưa mặt ra trên báo, không biết là nàng có từ đâu đó nhảy bổ về mà tìm tôi hay không. Nàng sẽ vừa tìm về, vừa tự nhủ rằng " Ôi, người ấy thế này mà sao mình lại..."

TRANG ĐIỂM

Đào Thị Thu Hằng dịch

Cửa sổ phòng tắm của tôi quay mặt về phía phòng đợi nhà tang lễ Yanaka. Khoảng không gian chật hẹp giữa những dãy nhà là đồng rác của nhà tang lễ nơi người ta vứt bỏ vòng hoa và những bó hoa tang.

Tiếng kêu của các loài côn trùng trong mùa thu đã trở nên rộn rã trong nghĩa địa của nhà tang lễ, mặc dù mới chỉ vào độ giữa tháng chín. Tôi khoác vai vợ rồi dẫn nàng và em gái nàng xuống hành lang để họ thăm thú. Trời đã về đêm. Khi tôi mở cửa phòng tắm ở cuối hành lang, làn hương ngào ngạt của hoa cúc làm chúng tôi sững sốt. Kinh ngạc, cả hai nghiêng người về phía cửa sổ bên trên bồn rửa mặt. Cửa sổ nở đầy hoa cúc trắng. Khoảng hai mươi vòng hoa xếp thành một hàng, bị bỏ lại từ một đám tang. Khi vợ tôi vươn tay như muốn ngắt một đóa, nàng thảng thốt kêu lên là không biết đã bao nhiêu năm rồi kể từ khi nàng nhìn thấy trong một lúc nhiều hoa cúc đến thế.

Tôi bật đèn. Giấy quấn bằng bạc của những vòng hoa lấp lánh. Đêm ấy, trong lúc đang làm việc, nhiều lần tôi nghĩ thấy mùi hoa cúc khi vào phòng tắm, và, mỗi lần, tôi đều cảm thấy sự mệt mỏi của cả đêm làm việc đã tiêu tan hết trong hương hoa thơm ngát. Cuối cùng, trong ánh sáng ban ngày, tất cả những bông hoa trắng dường như trắng hơn và những dải giấy bạc trở nên rực rỡ. Khi tôi trở lại với công việc của mình, tôi trông thấy một chú chim bạch yến đậu trên những bông hoa. Có lẽ nó là con chim phóng sinh trong đám tang ngày hôm qua đã mệt mỏi và quên đường trở về với trại chim.

Cho dù đây là một cảnh tượng đẹp dễ, thì từ cửa sổ phòng tắm của mình, tôi cũng phải chứng kiến cảnh những bông hoa tang héo đi trong vài ngày tới. ngay cả bây giờ, mới đầu tháng ba, khi viết những dòng này, tôi ngắm

nhìn một vòng hoa chuông và hồng nhung được bốn, năm ngày, lòng thầm hỏi không biết màu sắc sẽ thay đổi thế nào khi chúng tàn đi.

Tôi ước chi những bông hoa đang còn ở trên cây.

Tôi cũng quan sát con người bên trong cửa sổ phòng đợi của nhà tang lễ. Có rất nhiều phụ nữ trẻ. Dường như đàn ông ít đi vào phòng đợi, và khi những phụ nữ lớn tuổi ở đó càng lâu thì trông họ càng ít giống phụ nữ. Hầu hết những phụ nữ trẻ đứng đó một lúc, rồi trang điểm. Khi tôi nhìn những người phụ nữ mặc đồ tang ấy đang trang điểm mặt trong phòng đợi, đánh son màu sẫm, tôi rùng mình chùn chân như thể tôi đã trông thấy đôi môi đầm máu của kẻ đã liếm xác chết. Tất cả bọn họ đều bình tĩnh và tự chủ. Thân xác họ phô bày cảm giác tội lỗi, như thể họ đã phạm phải một tội lỗi thật xấu xa nào đó trong khi che giấu bản thân mình.

Tôi không muốn nhìn việc trang điểm khủng khiếp như thế, nhưng các ô cửa sổ thì lúc nào cũng luôn đối diện nhau, vì vậy những sự việc đáng ghê tởm như vậy không phải là hiếm. Tôi luôn vội quay mặt đi. Tôi nghĩ có thể tôi sẽ gửi thư cho những người phụ nữ tôi quý mến, bảo họ đừng vào phòng đợi của nhà tang lễ Yanaka, cho dù họ phải đi dự đám tang – cốt để họ tránh xa những mù phù thủy đó ra.

Dẫu sao, ngày nọ tôi trông thấy một cô gái tuổi khoảng mười bảy, mười tám bên trong cửa sổ phòng đợi, đang lau nước mắt bằng chiếc khăn tay màu trắng. Dù cô có liên tục lau mắt, thì những giọt lệ vẫn cứ trào ra. Đôi vai run rẩy khi cô nức nở. Cuối cùng, kiệt sức vì đau buồn, cô tựa vào tường. Cô để mặc nước mắt trào tuôn, không đủ sức để lau khô má.

Cô là người duy nhất không che giấu và không trang điểm. Chắc chắn cô đến đây để giấu chính bản thân mình và khóc.

Những định kiến xấu dành cho phụ nữ đã mọc rễ trong tôi do nhìn qua cửa sổ đó đã được gột rửa sạch bong bởi cô gái này. Nhưng rồi, thật bất ngờ, cô gái lấy ra một chiếc gương nhỏ, nhoén miệng cười và thoăn thoắt

rời khỏi phòng đợi. Tôi quá đỗi ngạc nhiên, cảm thấy như thể có ai đó tạt cả gáo nước lạnh vào người. Tôi suýt nữa đã gọi cô gái.

Đó là nụ cười bí ẩn.

TIỂU THUYẾT

Tiếng rền của núi

Xứ tuyết

Ngàn cánh hạc

Đẹp và buồn

Cố đô

Người đẹp ngủ mê

TIẾNG RÈN CỦA NÚI

Yasunari Kawabata

Người dịch: Ngô Quý Giang

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: TIẾNG RÈN CỦA NÚI

CHƯƠNG II: TIẾNG VE KÊU

CHƯƠNG III: VÙNG HỒNG Ở CHÂN MÂY

CHƯƠNG IV: QUẢ HẠT DẼ

CHƯƠNG V: GIẤC MƠ VỀ ĐẢO VẮNG

CHƯƠNG VI: ANH ĐÀO MÙA ĐÔNG

CHƯƠNG VII: NƯỚC BUỔI SỚM

CHƯƠNG VIII: TIẾNG GỌI TRONG ĐÊM

CHƯƠNG IX: TIẾNG CHUÔNG MÙA XUÂN

CHƯƠNG X: NHÀ CỦA CHIM Ó

CHƯƠNG XI: CÔNG VIÊN THỦ ĐÔ

CHƯƠNG XII: VẾT SẼO CHIẾN THƯƠNG

CHƯƠNG XIII: TRONG MƯA

CHƯƠNG XIV: ĐÀN MUỖI

CHƯƠNG XV: CÁI TRỨNG RẼN

CHƯƠNG XVI: CÁ MÙA THU

CHƯƠNG I: TIẾNG RÈN CỦA NÚI

1

Singo Ogata khẽ nhúu mày, miệng hơi trễ và đắm chìm trong suy tư. Ở ngoài nhìn vào thấy ông có vẻ buồn rầu hơn là đắm chiêu.

Anh con trai Suychi từ cha mình như vậy, nhưng không lấy làm bận tâm vì ông Singo vẫn thường có những tâm trạng tương tự. Suychi hiểu rằng ông già đang cố gắng nhớ lại chuyện gì đó.

Thấy ông già lột mũ đặt lên đầu gối. Suychi lẳng lặng đón lấy và cất nó lại giá.

- À này... Gì nhỉ? - Ông Singo tìm lời một cách khó khăn. - Cái cô người làm mới bỏ đi đấy, tên là gì nhỉ?

- Kaio.

- Ờ, phải rồi, Kaio. Cô ra đi lúc nào vậy?

- Thứ năm tuần trước. Được năm ngày rồi.

- Năm ngày... Cô ta mới đi được năm ngày mà ta đã chẳng còn nhớ mặt mũi cô. Thật đáng sợ quá!

Tất nhiên là ông già quá cường điệu, Suychi thầm bảo.

- Anh có biết Kaio nói gì với ba trước hôm ra đi không? - Singo nói tiếp.

- Hôm đó ba định đi dạo một chút nên mới xỏ đôi dép vào và nhìn thấy ở chân mình có một vết đau. Lúc ấy cô ta kêu lên:

- Thưa tiên sinh chính trực, chân ngài mọc chai rồi kìa.

Lời cô ấy nói làm ba cảm động. Việc quai dép làm phồng chân thì đã hẳn rồi, nhưng giọng nói cô ấy mới xao xuyến làm sao. Ba vẫn nghĩ là cô định nói “Thưa tiên sinh đáng kính” nhưng lại nói nhầm thành ra “tiên sinh chính trực”, song bây giờ ba mới vỡ lẽ chữ “đích thực” cô muốn nói về vết

chai. Vậy là lẽ ra chẳng có gì phải xúc động cả. Kaio có một lỗi phát âm lạ quá và nó đã làm ba hiểu lầm. Ờ... bây giờ thì rõ rồi. Này, anh hãy thử nói: “Thưa tiên sinh chính trực, chân ngài mọc chai kìa” xem?

- Thưa tiên sinh chính trực, chân ngài mọc chai kìa.

- Còn bây giờ thử nói: “Thưa tiên sinh, đích thực là chân ngài mọc chai kìa?”

- Thưa tiên sinh, đích thực là chân ngài mọc chai kìa.

- Ừ phải rồi. Cách nhấn giọng đã làm ba nhầm.

Singo sinh trưởng ở nông thôn và ông không tự tin rằng mình có thể phát âm đúng giọng Tokyo. Còn Suyichi thì từ nhỏ đã sống ở Tokyo.

- Vậy mà ba cứ tưởng là từ “chính trực” dành cho mình. Cô gái đã tiễn ba ra tận cửa và cúi mình chào. Ba nhớ được câu nói về chuyện mọc chai ở chân, thế mà tên cô ấy và cả nét mặt lẫn hình dáng thì không làm sao nhớ nổi. Kaio ở nhà ta có đến nửa năm ấy nhỉ?

- Vâng.

Singo quên rất nhiều, song Suyichi đã quen và không bận tâm đến việc an ủi ông nữa.

Chính Singo cũng đã quen dần, nhưng dù sao ông vẫn ta sợ hãi. Mỗi khi vấp óc mà chẳng nhớ ra được điều gì, ông thường rơi vào một cơn đa cảm.

Và lần này cũng vậy. Có người ở đã sống trong nhà cả sáu tháng trời, vậy mà trong ký ức của ông chỉ phục hồi được có mỗi câu chuyện ở ngưỡng cửa.

Với ý nghĩ đó, Singo cảm thấy cuộc sống đang từ từ rời bỏ ông.

2

Bà Yasuco vợ ông năm nay sáu mươi ba tuổi. Bà lớn hơn chồng một tuổi.

Vợ chồng ông có hai người con. Fusaco là con gái lớn. Cô có hai đứa con gái nhỏ. Bà Yasuco trẻ khá lâu. Không ai có thể ngờ rằng bà lớn tuổi hơn chồng. Chẳng phải vì Singo trông già hơn tuổi. Chỉ đơn giản là theo lệ thường thì trong gia đình người vợ phải trẻ hơn chồng, vì thế việc Yasuco trông vẫn trẻ được coi là chuyện tự nhiên. Mặc dù vóc người nhỏ, nhưng bà khá mập và chắc.

Khó mà nói được rằng Yasuco đẹp. Lúc còn trẻ, sự chênh lệch tuổi tác giữa hai người lộ rõ và bà không thích thò mặt ra ngoài cùng với chồng.

Singo không rõ từ lúc nào vợ ông bắt đầu không còn trông già hơn ông nữa. Có lẽ đó là lúc bà đã ngoài năm mươi. Theo lệ thường thì phụ nữ vẫn già nhanh hơn, nhưng ở vợ chồng ông thì ngược lại.

Đêm nay Singo thấy trong người khó chịu, không ngủ được. Ông bật ngọn đèn ở đầu giường và lay vợ để bà khỏi ngáy. Mỗi khi trong người khó ở, cái cảm giác động chạm với da thịt già nua của Yasuco làm ông thấy ghê ghê.

Trời nóng và ngột ngạt đến không thể chịu nổi. Singo dậy và mở một cánh cửa sổ ở hàng hiên. Thế rồi ông quỳ xuống cạnh đó.

Một đêm sáng trăng.

Từ ngoài vườn văng vào tiếng ve sầu. Singo không ngờ rằng tiếng ve lại có thể râm ran đến như vậy. Phải chăng là chúng đang ngủ mơ những ác mộng, ông thầm nghĩ. Đêm trăng này đối với ông hun hút vô bờ bến.

Tháng tám vừa mới bắt đầu, vậy mà các loài côn trùng mùa thu đã lên tiếng.

Singo nghe có tiếng động nhẹ nào đó. Hình như sương đang rơi trên cành lá.

Sau đó ông nghe thấy tiếng núi rền. Trời không gió. Trăng gần rằm sáng rõ, nhưng qua màn đêm ẩm ướt, hình dáng quả núi phía sau nhà nhòa nhạt,

mờ ảo và hoàn toàn bất động. Cả ngàn lá cây trên hàng hiên cũng không hề lay động.

Thỉnh thoảng ban đêm tiếng ầm ào của sóng biển cũng vang vọng đến tận chốn thâm sơn cùng cốc này.

Singo bỗng chợt nghĩ hay là ông vừa nghe tiếng biển. Nhưng không - đây rõ ràng là tiếng núi.

Nó giống như tiếng gió xa, nhưng có thể ví với tiếng rền rĩ trầm vang từ sâu trong lòng đất vọng ra. Singo cảm thấy như đó là tiếng rền từ trong chính bản thân mình hoặc bị ù tai, vì thế ông lắc mạnh đầu.

Tiếng rền biển mất.

Đến lúc ấy Singo mới cảm thấy sợ. Biết đâu đó chẳng là dấu hiệu thần chết sắp gọi ông?

3

Quả núi đã rền lên, như thể có một con quỷ vừa bay qua đầu nó.

Sườn núi gập ghềnh, hiện lên trong bóng đêm nhòa nhạt giống như một bức tường đen. Trông nó nhỏ nhoi, như có thể thu gọn vào mảnh vườn của Singo vậy. Những vì sao run rẩy trên những rặng cây mọc chon von đỉnh núi.

Singo sập cửa sổ lại và chợt nhớ đến một câu chuyện kỳ lạ.

Trước đây mười hôm ông có chờ một người quen trong một phòng trà mới mở. Người ông đợi không tới, cả các nữ tiếp viên cũng đến muộn.

- Sao ngài không tháo cravat? - Người nữ tiếp viên duy nhất có mặt trong quán hỏi Singo. - Trời nóng bức quá.

Singo gật đầu và để cho cô gái tháo cravat giúp ông. Sau đó cô gái bắt đầu kể cho ông nghe chuyện đời mình.

Trước đó hai tháng, thiếu chút nữa cô đã tự kết liễu cuộc đời cùng với một anh thợ mộc (cũng là người làm cho quán trà này).

Đúng vào lúc hai người chuẩn bị uống thuốc độc, cô gái bỗng hoài nghi vào tác dụng của liều thuốc.

Thuốc đủ mạnh, anh con trai khẳng định, song cô không tin.

- Ai đã chỉ định thuốc này thế? - Cô gái hỏi người yêu. - Anh nói đi! Biết đâu họ chơi xỏ, đưa liều thuốc nhẹ, khiến chúng ta phải đau đớn thì sao? Anh lấy thuốc của bác sĩ nào, ở hiệu thuốc nào vậy? Anh không muốn nói hả? Nực cười quá? Chúng ta thề cùng chết với nhau vậy mà ngay cả chuyện như thế anh cũng không chịu nói...

Sau đó cô đòi phải xác định lại tác dụng của liều thuốc rồi mới tự tử “Chuyện khôi hài biết chừng nào!” thiếu chút nữa thì Singo đã buột miệng như vậy.

Giờ đây Singo bỗng nhớ câu chuyện đó, khi đang đóng cửa lại. Ông đi nằm và quyết định không đánh thức vợ dậy để kể cho bà nghe về nỗi khiếp sợ do tiếng rền của núi xâm chiếm lòng ông.

Hai cha con Singo cùng làm việc trong một hãng. Ngoài công việc chuyên môn, anh con trai còn phải đảm nhiệm thêm vai trò “nhắc nhở” cho cha mình.

Ở nhà thì hai người phụ nữ - bà Yasuco và Kikuco, vợ của Suychi - thực hiện nhiệm vụ đó. Như vậy là ba người trong gia đình phải lo lấp những chỗ trống trong trí nhớ của người còn lại.

Một hôm, vào cuối giờ làm việc, Suychi vào phòng giấy của cha, nhặt đại một cuốn sách từ trên giá và lật qua loa.

- Xem này! - Anh kêu lên và lại bên bàn cô thư ký của Singo để cho cô xem một đoạn viết gì đó.

- Cái gì vậy? - Singo hỏi và mỉm cười.

- Chuyện Paris ạ. Đây là hồi ký về một chuyến du hành sang Tây Âu.

Singo thừa hiểu Suychi không quan tâm đến trang sách. Anh ta chỉ tìm cớ để hẹn hò với cô thư ký.

Trên đường về nhà Singo mới sực nhớ lẽ ra ông phải về cùng với Suychi. Xe buýt đông nghẹt và Singo quyết định đi bộ. Người chủ hiệu mời chào và Singo bước vào. Thấy có món trai tươi ông quyết định mua mấy con về nhà. Khi người chủ tiệm hỏi lấy bao nhiêu thì Singo lưỡng lự.

- Ở thì... lấy ba con xem! Phải rồi, ba con lớn nhất ấy.

- Xong ngay ạ. Chúng tôi làm xong liền đây.

Hai cha con người bán hàng dùng loại dao làm bếp lớn để nạy thịt trai. Những tiếng cọt sắc nhọn của dao vào vỏ trai làm Singo rùng mình. Sau đó họ rửa sạch thịt trai và đem thái nhỏ trên một tấm thớt lớn. Xong xuôi, người chủ tiệm chia chỗ thịt trai ra làm ba và nhồi lại vào ba cái vỏ của nó.

Bất giác Singo bỗng để ý đến một việc, thoát nhìn thì thấy nhỏ nhặt: thịt của ba con trai đã lẫn lộn cả với nhau và chẳng còn biết thịt con nào để bỏ vào vỏ con nào nữa.

Ở nhà có bốn người, nhưng Singo chỉ mua có ba con trai. Bởi ông biết rằng Suychi sẽ không về nhà ăn tối và vô tình ông đã loại anh ta ra khỏi danh sách. Có điều ông chẳng nghĩ được ra rằng như vậy ông sẽ đặt con dâu Kikuco vào một tình thế bất tiện.

4

Thật hiếm khi Singo mua hải sản về nhà, nhưng cả vợ ông lẫn con dâu đều không tỏ vẻ ngạc nhiên. Có thể là họ muốn che giấu tình cảm của mình khi thấy ông trở về một mình, không có Suychi.

Singo đưa gói đồ ăn cho Kikuco và đi theo cô vào bếp. Thấy trong bồn rửa có sò và tôm, ông ngán ngẩm kêu lên:

- Thế này thì tôi đi mua mấy con trai làm gì kia chứ? Bây giờ rồi sẽ ra sao: sò với trai đều cùng một vị cả!

- Nhà mình có thể mở hàng ăn hải sản được đấy! - Kikuco cười nói và cái đầu lười hồng hồng của cô thoáng hiện ra. - Để con xem nhé. Trai thì cứ để nguyên cả vỏ luộc lên. Tôm thì đem nướng, còn sò thì rán vậy. Con sẽ chạy đi mua nấm, còn ba hái giúp con ít rau thơm ngoài vườn.

- Ừ được rồi.

Kikuco đặt lên bàn bếp hai con trai.

- Có ba con cơ mà! - Singo ngạc nhiên hỏi.

- À con thứ ba ạ? Con nghĩ ông bà rằng yếu, chắc chỉ ăn được một con thôi...

Bà Yasuco cúi mặt xuống và cười thầm.

- Con nói gì vậy?... - Singo ngạc nhiên. - “ông bà?” Làm như là chúng ta đã có cháu nội trong nhà rồi vậy?

- Con xin lỗi! - Kikuco nhanh nhẹn vọt đi để lấy nốt con trai thứ ba.

- Đây ông, con bé nó nói phải đấy, tôi với ông chia nhau một phần là được rồi. - Bà Yasuco can.

Những lời của cô con dâu nói thực đúng chỗ, đã tránh cho ông cái khó xử vì chỉ mua có ba suất ăn. Kikuco quả là nhạy cảm và khéo léo. Có thể là cô đã nghĩ đến cách khác để dành phần cho Suyichi như cô sẽ không ăn, hoặc ăn chung một phần với bà Yasuco...

- Chỉ có ba con trai cả thấy thôi à? - Bà Yasuco hỏi. Bà hoàn toàn không nhạy cảm về sự đồng điệu. - Sao ông chỉ mua có ba trong khi nhà ta những bốn người?

- Ba con là đủ rồi, Suyichi sẽ không về đâu.

Yasuco nhếch mép cười cay đắng, Kikuco không để lộ tình cảm của mình, mà cô cũng không hỏi Suyichi đi đâu.

Kikuco vốn là con thứ tám trong một gia đình đông con. Các anh chị của cô đều đã có vợ có chồng và họ đã có một đàn con. Singo vẫn ngạc nhiên vì sự mắn con của gia đình nhà Kikuco. Còn Kikuco thì vẫn thường trách bố chồng chẳng nhớ được tên các anh chị của cô.

Như mọi đứa con út khác, Kikuco lớn lên trong sự nâng niu chiều chuộng của gia đình. Điều đó làm cho cô quen thói nhõng nhẽo.

Trong điệu bộ ngúng nguẩy đôi vai của Kikuco, Singo nhận thấy có một vẻ gì đó rất đáng yêu, thoáng một nét đom đóm ngây thơ, trong trắng.

Thân hình cân đối của Kikuco gợi cho Singo nhớ đến người chị gái của vợ ông. Hồi trẻ Singo đã từng yêu mê mẩn một chị gái của Yasuco. Chị đã mất sớm, để lại mấy đứa con nhỏ với người chồng đẹp trai. Yasuco đã dọn đến ở nhà người chị gái quá cố để săn sóc lũ cháu cô cút. Cô đã làm việc xả thân với niềm hy vọng thầm kín là sẽ thay thế được bà chị. Một mặt cô say mê người anh rể, mặt khác - cô ngưỡng mộ người chị gái quá cố. Chị xinh đẹp đến nỗi không ai ngờ được là hai chị em cùng một mẹ. Đối với Yasuco, hồi ấy, chị gái và anh rể cô là những con người của thế giới thần tiên.

Yasuco đã hy sinh bản thân mình cho anh rể và các cháu, nhưng người anh rể dường như không đoái nghĩ đến tình cảm ấy.

Khi hiểu rõ câu chuyện, Singo đã lấy Yasuco.

Từ đó tới nay đã hơn ba mươi năm và Singo chưa bao giờ nghĩ là mình đã sai lầm. Một cuộc hôn nhân lâu bền không phụ thuộc vào việc nó được bắt đầu như thế nào. Có điều suốt ngần ấy năm hai vợ chồng đều giữ những kỉ niệm về người chị gái ở trong tim. Họ không nhắc đến chị, nhưng không một phút nào quên chị ấy cả.

Kể từ ngày Kikuco về làm dâu trong nhà này, những kỉ niệm cũ của Singo lại bùng cháy, song nỗi đau thì không còn dữ dội như trước nữa.

Mới lấy vợ được chưa đầy hai năm mà Suyichi đã có nhân tình.

Đối với Singo thì điều đó không thể nào hiểu nổi. Khác với người cha đã lớn lên ở nông thôn, cậu con trai không có vẻ gì là xúc động trước tình yêu và sự say mê. Chưa khi nào anh tỏ ra đau khổ, Singo đoán rằng hiện tại Suyichi đang dấn dứ với một người phụ nữ dễ dãi nào đó hoặc thậm chí có thể là với một gái điếm mạt hạng. Anh ta vẫn mời các nữ nhân viên ở hãng đi nhảy, cách đó chỉ cốt đánh lạc hướng ông bố. Dù là thế nào đi nữa thì chắc gì nhân tình của Suyichi đã trẻ trung và thanh khiết như Kikuco. Có cái gì đó khiến Singo cho rằng con dâu ông vẫn chưa hay biết gì về chuyện ngoại tình của Suyichi. “Hình như mọi chuyện vẫn ổn cả, bất chấp mấy con sò khốn khổ”, ông thầm nhủ.

5

Ở sân ga Tokyo, Suyichi lẹ làng nhảy lên tàu rồi giữ một chỗ cho Singo lên sau.

Sau khi đưa ông già ngồi vào chỗ, Suyichi móc túi lấy ra cho ông tờ báo và đôi kính. Singo cũng có mang kính nhưng hay quên nên ông đưa cho Suyichi mang thêm một đôi để dự phòng.

Suyichi nghiêng về phía cha nói:

- Tanizaki mới bảo con là có một cô bạn của cô ấy đang tìm việc làm. Con đã nhờ cô hỏi giùm xem cô kia có muốn đến giúp việc cho nhà mình không.

- Vậy hả? Thế để bạn của Tanizaki làm trong nhà mình con nghĩ là không nguy hiểm sao?

- Sao lại nguy hiểm?

- Nó có thể biết chuyện gì đó rồi đem nói lại cho Kikuco.

- Sao ba nghĩ vậy? Đâu có chuyện gì.

- Ở thì ba cũng cần hiểu rõ là đưa ai vào nhà mình chứ! - Singo chấm dứt câu chuyện và chăm chú vào tờ báo.

Lúc xuống tàu ở ga Kamakura, Suyichi bỗng hỏi:

- Cô Tanizaki đã nói gì với ba về con phải không?
- Chẳng nói gì cả, dường như anh bảo cô ấy phải giữ mồm giữ miệng.
- Sao? Ba nói cái gì vậy? Con mà có chuyện gì với thư ký của ba chẳng hóa làm ba thành trò cười cho cả hãng sao?
- Thế đấy, liệu làm sao cho Kikuco khỏi biết chuyện.
- Có nghĩa là Tanizaki đã mách lẻo với ba? - Suyichi tiếp tục gắng hỏi. Anh có vẻ không có ý định giấu giếm.
- Chẳng hiểu sao nó còn nhận lời đi chơi với mày khi biết mày có nhân tình?
- Thì... chắc là vì ghen.
- Khiếp quá!
- Con sẽ chấm dứt ọ.
- Tôi hết hiểu nổi anh. Hy vọng là anh sẽ kể hết cho tôi biết.
- Con sẽ kể, nhưng để con giải quyết xong đã.
- Đừng có để chuyện đến tai Kikuco.
- Sợ là cô ấy biết rồi cũng nên.
- Ra thế đấy...

Suốt tối hôm Singo ở trong một tâm trạng hết sức khó chịu.

Ăn tối xong ông rời khỏi bàn, không nói lời nào và đi về phòng mình; Kikuco đem dưa hấu đến cho ông. Bà Yasuco nhắc cô lấy thêm chút muối.

- Kikuco gọi ông mấy lần là có dưa mà ông không nghe sao? Bà hỏi Singo.

- Tôi chẳng nghe thấy gì cả. - Singo đáp. - Hình như gần đây tai tôi có chuyện gì thì phải. Hôm qua, khi tôi mở cửa sổ cho mát thì nghe thấy tiếng

rền của quả núi sau nhà. Còn bà thì ngáy thôi là ngáy!

Hai người đàn bà ngoảnh nhìn về phía núi.

- Núi rền được sao? - Kikuco thốt lên. - Mà hình như có lần mẹ đã kể cho con nghe một chuyện như vậy? Hình như là chị gái của mẹ trước khi chết cũng có nghe tiếng núi rền thì phải...

Singo choáng người như bị sét đánh. Ông không thể tha thứ cho mình vì đã quên chuyện đó. Làm sao mà ông lại chẳng nhớ ra khi nghe tiếng núi rền kia chứ? Thật hết sức lạ lùng!

Kikuco dường như đến lúc này mới hiểu mình vừa làm gì. Cô ngồi lặng đi, đôi vai đẹp hay ngúng nguẩy trở như đá.

CHƯƠNG II: TIẾNG VE KÊU

1

Fusaco về, mang theo hai đứa con. Đứa lớn lên bốn, còn đứa nhỏ chưa đầy tuổi.

- Bao giờ thì có đứa thứ ba nữa đây? - Singo hỏi giữa chừng câu chuyện.

- Lần trước ba cũng đã hỏi con như vậy! - Fusaco đáp lại. - Còn cô Kikuco nhà này vẫn chưa định có con ư?

Câu nói của chị ta không hề có ẩn ý, nhưng nét mặt của Kikuco lúc đang nhìn đứa bé bỗng dờ ra.

- Đặt con bé nằm xuống đi. - Singo xen vào.

- Kunico chứ không phải là “con bé”. - Fusaco nói. - Chính ba đã đặt tên cho cháu mà bây giờ ba lại gọi là “con bé”?

Dường như chỉ mình Singo nhận từ sự thay đổi trong nét mặt Kikuco. Tuy nhiên, ông không để lộ ý nghĩ của mình và quay ra chơi với đứa cháu đang thích thú giãy đạp lung tung.

Fusaco lục khăn gói lấy đồ rồi cùng Satoco, đứa con gái lớn, đi vào nhà tắm.

- Tôi thấy con bé con này nó dễ tính và biết nghe lời hơn chị nó đấy! - Bà Yasuco nói với chồng.

- Chắc tại vì bố mẹ nó lục đục với nhau nên ảnh hưởng lên tính cách của Satoco đó thôi. - Singo đáp. - Vợ chồng nó bắt đầu cãi cọ nhau ngay sau khi sinh Satoco mà, phải không?

- Chẳng lẽ một đứa trẻ bốn tuổi có thể hiểu được những chuyện như thế sao?

- Sao không? Những chuyện ấy ảnh hưởng đến đứa bé lắm...

- Nào, mợ cháu mình đi chơi nhé? - Kikuco bế đứa nhỏ lên nói nựng và bồng cháu đi ra khỏi phòng.

Bà Yasuco đứng bật dậy, chạy đến chỗ khăn gói của con gái và móc cái ví của chị ta ra.

- Này, bà làm cái gì vậy? - Singo khẽ cảnh cáo - Để cái bóp xuống ngay! Bà có nghe tôi nói gì không?

- Nhưng tại sao cơ chứ, nếu tôi có thể được biết? - Yasuco hỏi lại tỉnh bơ.

- Để nó lại chỗ cũ đi! Bà không hiểu mình đang làm gì ư? - Singo nhắc lại và tay ông run lên.

- Chẳng lẽ tôi lại đi ăn cắp của nó à?

- Còn tệ hơn ăn cắp nữa.

Bà Yasuco bỏ lại cái bóp và ngồi xuống bên tay nải của Fusaco.

- Tôi muốn xem tiền bạc của con gái mình ra sao thì có gì là xấu nào? Ông thử nói coi! Biết đâu nó chẳng có lấy một xu để mua kẹo cho con cũng nên. Tôi chỉ muốn xem tình trạng của nó ra sao, vậy thôi.

Singo nhìn bà hần học. Sau đó một phút, Fusaco từ nhà tắm đi ra.

- Này con, tao vừa định bảo để xem trong bóp mày có tiền bạc nhiều ít thế nào mà ba mày la tao quá. - Bà Yasuco nói luôn khi vừa thấy chị ta. - Nếu tôi đã làm gì không phải thì thôi, xin lỗi vậy.

- Xì, “*Nếu tôi đã làm gì không phải*”. - Singo đay lại. Lời phân trần của vợ đã làm ông nổi giận.

Sau đó, ông cố trấn an mình bằng cái ý nghĩ rằng hành vi của vợ ông là rất bình thường trong quan hệ của người mẹ đối với con gái, nhưng ông không sao trấn tĩnh được. Dường như nỗi mệt mỏi của năm tháng đã trào ra từ nơi nào đó thật sâu và đã nhấn chìm ông.

Fusaco nhìn chăm chăm vào khuôn mặt phần nộ của Singo. Chị từng sờ không phải vì hành vi của bà mẹ, mà là vì phản ứng của ông bố.

- Thì đấy, mẹ muốn xem gì thì cứ xem đi. - Cuối cùng chị ta kêu lên đầy vẻ khiêu khích và quăng cái bóp vào lòng bà Yasuco.

Singo lại càng nổi giận hơn nữa. Bà Yasuco không động đến cái bóp.

- Aikhara nghĩ rằng nếu không có tiền con chẳng dám bỏ nhà đi. - Fusaco nói tiếp. - Mẹ cứ việc xem, dù sao bóp cũng rỗng không.

Vừa lúc ấy Kikuco dắt đứa bé chập chững bước vào. Fusaco đón lấy con và cởi áo cho nó bú. Chị có khuôn mặt xấu, nhưng thân hình thì đẹp. Đôi vú lớn căng sữa, cứng chắc.

- Thế còn Suyichi đâu rồi? Hôm nay chủ nhật cơ mà? - Fusaco bỗng hỏi. Hẳn là chị muốn làm dịu tình hình.

2

Khi Singo về đến cổng nhà, ông bỗng ngược lên và nhìn từ những cây hoa hướng dương bên hàng rào nhà bên cạnh. Ông trở lui mấy bước, đến sát bên dưới những bông hoa đang trĩu xuống trên cánh cổng.

Sau lưng Singo, cô bé hàng xóm vừa về tới. Ông tránh lối cho cô bé và lẩm bẩm:

- Những bông hoa to quá. Thật là một kỳ quan!

Cô bé mỉm cười bẽn lễn:

- Đó là vì nhà cháu tía bớt, chỉ để mỗi nhánh một bông thôi.

- À ra vậy! Hoa mới to đến thế!

Singo nhìn những cây hướng dương của mấy nhà xung quanh.

Trên các nhánh đều có vài ba bông hoa nhưng chúng chỉ nhỏ bằng nửa những bông hoa bên rào nhà hàng xóm, ông đang định trước về nhà, chợt nghe tiếng Kikuco reo lên:

- Ba!

Cô bước đến sau lưng ông, trong túi xách chìa ra những mầm giá non.

- Con chào ba, ba ngắm hoa hướng dương ư? - Kikuco hỏi han ân cần, nhưng hẳn là cô để tâm đến việc Singo đi làm về một mình, không có Suychi hơn là đến chuyện mấy bông hoa.

- Một kỳ quan thật sự con ạ. - Singo nói - Giống như đầu người khổng lồ, phải không?

Sự so sánh hoàn toàn không có chủ định. Nói ra điều đó rồi Singo mới chợt cảm thấy cái sức mạnh không ngờ của những bông hoa to lớn nọ. Và cả sự hoàn thiện tuyệt đối trong cách sắp xếp của những búp, đài, nhị ở đó nữa. Những lá nhỏ ở cuống hoa tạo thành một vương miện. Mọi thứ ở đây xen chặt vào nhau nhưng không hề tạo ra cảm giác lộn xộn. Chúng toát ra một vẻ hài hòa, êm ả.

Chúng tỏa ra một sức mạnh không ai ngờ tới.

Những bông hướng dương lớn hơn đầu người. Có thể là sự hoàn hảo tuyệt vời của chúng đã gọi ra ở Singo một mối liên tưởng đến bộ óc. Trong cái sức mạnh hoang phí ấy của thiên nhiên, ông phát hiện ra biểu tượng của lòng dũng cảm. Ông không biết những bông hoa hướng dương là đực hay cái, nhưng ông có cảm giác rằng chính ở trong chúng tiềm tàng sinh lực của dương tính.

Sánh bước cùng Kikuco về nhà, Singo tự hỏi phải chăng những ý nghĩ kỳ lạ sinh ra trong đầu ông là do sự có mặt của cô.

- Gần đây, ba thấy đầu óc mụ mẫm quá. Chắc hẳn là vì thế mà mấy cái hoa hướng dương đã gọi ba nghĩ đến đầu người. Chà... ba muốn đầu mình được hoàn hảo như thế biết bao nhiêu? Lúc trên tàu về đây ba đã thử tưởng tượng xem nếu có thể tháo cái đầu để đem đi lau dầu hay sửa chữa thì tuyệt biết chừng nào. Riêng cái đầu thôi. Cắt nó ra, (kể nghe thì cũng khiếp đấy!), đưa nó đến một bệnh viện. “Làm ơn sửa giùm cái này?”, sẽ nói với người ta như vậy. Việc còn lại thì họ sẽ lo. Rửa óc, căn chỉnh, chữa lại chỗ hỏng... Trong thời gian đó, độ vài ba ngày hoặc một tuần, thân xác ta được

ngủ thật là sâu. Chẳng phải thức giấc, cũng chẳng phải khổ sở vì những ác mộng.

Trên mặt Kikuco thoáng hiện một nét u ám.

- Có lẽ là ba mệt mỏi rồi. - Cô nói chỉ đủ nghe thấy.

- Thì đúng thế rồi. Hôm nay, ở sở ba tiếp một người khách và lấy thuốc lá ra hút. Ba châm một điếu, hút một hơi rồi đặt vào cái gạt tàn, xong lại châm điếu thứ hai, hút một hơi rồi lại bỏ vào gạt tàn. Một lúc sau nhìn lại, thì ra trong cái gạt tàn có ba điếu thuốc còn dài nguyên đang bốc khói. Lúc ấy thật là khó xử quá.

Khi còn ở trên tàu quả thực Singo có nghĩ về cái thú của việc tháo đầu ra đem tu bổ, nhưng ông còn bị cám dỗ hơn bởi việc thân thể được ngủ sâu - giấc ngủ tuyệt vời của thân xác được giải phóng khỏi đầu óc. Còn gì trên đời có thể thú hơn? Quả là ông đã mệt mỏi quá mất rồi.

- Sao ba không đi nghỉ hè? - Kikuco hỏi.

- Ba cũng tính đi Camicochi. Chẳng thế thì cũng không ở đâu nhận sửa ốc cơ mà! Có điều là Fusaco vừa về đến nhà. Ba ở lại sẽ tốt hơn cho nó, phải không?

- Ôi, con ganh với chị biết bao vì có một người cha tốt như vậy? - Kikuco thốt lên.

Trong giọng nói của cô, Singo nhận thấy những xáo động của tâm hồn. “Chẳng hiểu mình có hy vọng là khi nói huyền thuyên với nó về những chuyện không đầu không đuôi như thế này có làm cho nó quên đi việc Suyichi không về hay không nhỉ? - ông thầm hỏi, có lẽ là không, nhưng ai mà biết được. Thế rồi ông hỏi thẳng:

- Cái câu con vừa nói ấy là để chế nhạo đấy à?

Kikuco giật mình.

- Hãy xem Fusaco nó ra nông nổi nào rồi hãy bảo rằng ta là người cha tốt. - Singo nói tiếp.

Kikuco thực sự bối rối. Mặt cô đỏ lựng tận mang tai.

- Nhưng ba đâu có lỗi gì về việc đó. - Cô khẽ đáp và trong giọng nói của cô, Singo nhận thấy một ý muốn an ủi đối với ông.

3

Đêm đêm ve sầu từ cây anh đào ngoài vườn lại bay vào nhà.

Singo bước ra vườn và đến dưới gốc cây. Tiếng ve vang lên ong ong từ khắp mọi phía. Ông kinh ngạc không chỉ bởi tiếng ve kêu mà còn vì số lượng của chúng nữa. Liên tục có những con ve tách khỏi cây và bay vào trong không trung. Những đám mây vùn vụt trôi về phía đông. Mặc dù dự báo thời tiết nói. Ngày tai họa ^[1] năm nay sẽ không có bão, nhưng Singo vẫn có linh cảm rằng đến đêm sẽ có gió lớn, mưa to và trở lạnh.

- Có chuyện gì thế ba? - Tiếng Kikuco vang lên ở sau lưng ông. - Ve kêu dữ quá làm con nghĩ hay là có chuyện gì xảy ra...

- Ừ không biết đằng nào mà lần. Người ta vẫn còn nói rằng vệt với ngỗng lắm mồm, nhưng ve cũng chẳng kém.

Kikuco sầm soi một chiếc kim có râu chỉ và đáp:

- Con không nói về chuyện con nào lắm mồm đâu, có điều tiếng ve kêu nghe có vẻ khác thường. Nó lạnh lạnh như thể sợ cái gì.

- Ba cũng không để ý nữa. - Singo đáp và nhìn vào trong nhà, nơi mấy người đàn bà đang túm tụm để may quần áo cho hai đứa trẻ.

- Satoco vẫn còn chơi ve phải không? - ông hỏi tiếp.

Kikuco khẽ gật đầu. Vốn là đứa trẻ “thành thị” nên lúc đầu Satoco rất sợ ve. Để nó khỏi sợ, Fusaco đã cắt cánh ve đi cho con chơi. Từ đó, hễ bắt được ve là con bé chạy đi tìm kéo để cắt cánh.

Việc đó đã làm bà Yasuco khiếp sợ và kêu rên rằng hồi nhỏ Fusaco đâu có tàn nhẫn, nhưng chồng cô đã làm cô thành ra như vậy. Bà Yasuco thậm chí còn suýt ngất xỉu khi nhìn thấy lũ kiến lửa tha những xác ve cụt cánh. Vốn dĩ bà không phải là loại người dễ xúc động vì những chuyện như vậy, cho nên phản ứng của bà làm Singo kinh ngạc. Hẳn là việc Yasuco ghê sợ đã xuất phát từ những linh cảm u ám nào đó ở bà. Vấn đề hoàn toàn không phải ở mấy con ve.

Fusaco kể lể đủ chuyện với mẹ, song không hề nhắc đến chuyện khi nào sẽ ra đi - nghĩa là chị ta vẫn chưa có đủ can đảm để nói về cái chính yếu nhất. Là người cha, Singo cho rằng mình có bốn phận khuyên bảo con gái. Tuy nhiên, vì Fusaco đã có gia đình nên việc can thiệp ở đây cũng rất tế nhị. Còn việc để mẹ con chị ở lại cũng chẳng đơn giản chút nào. Vì thế Singo cứ lần lữa mãi với quyết định của mình, làm như mọi việc tự nó sẽ có thể thu xếp được.

Một lần trong bữa ăn, Fusaco bỗng buột ra:

- Ba quý cô Kikuco quá, phải không cả nhà?

- Dĩ nhiên là ông quý nó. - Bà Yasuco trả lời. - Và cả ta nữa, nếu mà muốn biết, ta cũng hết sức quý nó. Hơn nữa, Kikuco cũng cư xử rất lễ độ đối với chúng ta.

Mặc dù câu nói của Fusaco có tính chất khẳng định, nhưng bà Yasuco thấy cần phải trả lời cô. Bà có vẻ đùa giỡn, song hẳn là bà muốn đặt con gái vào đúng chỗ. Trong giọng nói của bà bộc lộ mối thiện cảm đối với người con dâu hạnh phúc và ác cảm đối với người con gái bất hạnh.

Singo cũng có những cảm nghĩ tương tự và ông thấy khổ tâm khi nghe chính Fusaco nói ra điều đó. Đối với ông, Kikuco như một ô cửa sổ mà qua đó ông nhìn ra ngoài cuộc đời từ trong ngôi nhà buồn tẻ của mình. Các con đẻ của ông - máu và thịt của ông, thì lại không được như ông hằng mong muốn. Cái quan trọng nhất là chúng không có khả năng sống được như chính bản thân chúng muốn và điều đó đã khiến cho gánh nặng của mỗi

quan hệ máu mủ trở nên không chịu đựng nổi. Người con dâu trẻ đã làm niềm an ủi duy nhất đối với Singo. Tình thương yêu dành cho cô là một tia sáng trong sự cô đơn buồn khổ của ông, thông qua nó, ông muốn làm cho cuộc sống của chính mình được tốt hơn.

Mấy lời nói của Fusaco đã động chạm đến bí mật nhỏ ấy của Singo.

CHƯƠNG III: VÙNG HỒNG Ở CHÂN MÂY

1

Trái với các dự báo thời tiết, vào đêm trước của ngày tai họa vẫn xảy ra một cơn bão.

- Hôm nay tôi hy vọng là anh sẽ về sớm. - Singo nhắc nhở Suychi vào cuối ngày làm việc.

Ayco Tanizaki, thư ký của Singo giúp ông sửa soạn rồi ra về cùng cha con Singo. Trong chiếc áo mưa trong suốt, bộ ngực nhỏ của Ayco trông lại càng nhỏ.

Về gần đến cổng nhà, qua tiếng mưa gió ào ào Singo Suychi nghe thấy bài hát “Những ngày hội Paris”. Kikuco đang mở một bài hát của Liz Goti.

- Cô nàng nhà ta không có vẻ sợ lắm thì phải! - Suychi nói.

Giông tố vẫn gào thét, còn máy hát thì mở hết cỡ nên Kikuco không nghe !tiếng cha con Singo vào nhà.

- Chà, mưa mới khiếp chứ? Giày tôi ướt hết cả. - Suychi càu nhàu trong khi cởi giày ở phòng đệm.

- A, ba và anh đã về! - Kikuco reo lên. Mặt cô thật rạng rỡ.

Bài hát đã hết. Kikuco mở lại đĩa và mang những quần áo ướt ra ngoài.

- Em có biết là cả phố đều nghe thấy không? - Suychi cảnh cáo. - Hình như em chả bận tâm gì đến việc đang có bão thì phải.

- Chính vì thế mà em mở nhạc. Em sợ chết khiếp đi được. Em lo cho anh với ba quá, đến nỗi chẳng ngồi yên được.

Suychi thích các bài hát Pháp nên anh đã mua cho vợ cả một đĩa hát. Suychi biết tiếng Pháp, còn Kikuco thì không, nhưng cô rất thông minh nên chỉ sau mấy bài học phát âm cô đã hát theo các bài trong đĩa khá thành

công. Kikuco có một tập đĩa các bài hát ru con của toàn thế giới do các bạn cô tặng vào ngày cưới. Cô rất thích nghe các bài hát ấy và thường hay khe khẽ hát theo khi xung quanh không có ai. Mỗi khi thấy cảnh ấy, trái tim Singo như muốn chảy tan ra vì trù mẫn. Theo ông, những bài hát ru là một lời ngợi ca cao nhất đối với phái nữ.

- Hay là để tôi chuẩn bị sẵn một bài dành cho lúc chết nhỉ? - Một lần ông đã nói với Kikuco như thế. - Tôi sẽ ra đi không cần đến lời cầu nguyện, nếu như có tiếng hát ru.

Lúc ấy Singo nói đùa, nhưng mắt ông đầy lệ.

2

Bữa ăn chiều trôi qua trong ánh nến vì mất điện. Gió lùa qua khe cửa làm những ngọn nến mỏng manh bị tắt mấy lần. Qua tiếng gió gào, nghe vọng đến cả tiếng gầm của biển như muốn làm tăng thêm nỗi khủng khiếp.

Mỗi lần ngôi nhà rung chuyển vì gió bão, bà Yasuco lại lần tìm bao diêm và lắc lắc như để trấn an Singo và cả chính bản thân mình. Sau đó, bà nắm lấy tay ông.

- Ôi, không biết mọi cái có còn nguyên không nhỉ?

- Đương nhiên là còn nguyên rồi. Mà nếu có bay mất cái gì thì ta cũng đuổi theo kịp.

- Ở chỗ Fusaco chẳng hiểu mọi chuyện ra sao?

- Chỗ Fusaco à? Chắc cũng chẳng có gì đáng sợ. Cái gì có thể xảy ra với trận gió này được chứ? Hẳn là vợ chồng nó đã đi nằm như mọi cặp vợ chồng bình thường khác thôi.

Im lặng một lúc rồi Yasuco lại nói:

- Dù sao thì ở đó cũng có hai đứa trẻ. Không như chúng ta ở đây đâu, - Mà bà cụ bên ấy lại không đi được cơ chứ...

- Đấy ông thấy chưa? Nếu có chuyện gì thì Aikhara phải cõng bà cụ mà chạy...Thật nghĩ mà rầu lòng.

Singo hơi buồn cười vì nghe từ từ “rầu lòng” từ miệng của người vợ sáu mươi ba tuổi và ông bỗng cảm thấy day dứt vì cảnh ngộ của con gái.

- Bà thì cũng không dịu dàng lắm với Fusaco dạo nó đến chơi vừa qua. Tôi cảm thấy nó ra đi có vẻ tuyệt vọng.

- Ông không thấy là tại ông đã truyền tình cảm của mình sang cho tôi sao? Tại vì ông chỉ nghĩ đến Kikuco đó thôi.

- Làm gì có chuyện. Bà nói vợ vẫn rồi.

- Không vợ vẫn đâu. Thời gian gần đây ông không yêu thương Fusaco. Trong đầu ông chỉ biết có Suychi. Và ông sẽ không thay đổi. Hiện thời ông biết nó có nhân tình, nhưng ông không nói nó câu nào và ông trở nên dịu dàng hơn với Kikuco. Chuyện đó theo tôi là tàn nhẫn, ông có hiểu không? Con bé không dám lộ sự ghen tuông, sợ làm ông buồn khổ. Tất cả những chuyện đó đã làm tôi rầu rĩ. Sao cái cơn bão chết tiệt này không cuốn quách chúng ta đi cho rảnh...

Singo phát hoảng và ông chỉ lẩm bẩm một câu “bão” để đáp lại những lời nói giận dữ của vợ mình.

- Thì bão chứ còn sao nữa. - Bà Yasuco nói tiếp. - Mà cái con Fusaco cũng chẳng vừa đâu. Nó đang đợi để tôi với ông cho nó ly dị đây.

- Đến nước cơ à? Vợ chồng nó đã đi đến chỗ hết chịu nổi nhau rồi hay sao?

- Đến rồi hay chưa đến thì cũng thế cả. Sợ nhất là tôi phải nhìn thấy cái vẻ mặt chua chát của ông khi nó trút lên vai ông hai đứa nhỏ để ông chăm sóc.

- Bà thì cũng chẳng vui vẻ gì khi mẹ con nó ở đây.

- Đó là tại con Kikuco mà ông quá nâng niu . Nhưng dù không có Kikuco thì tôi cũng đủ khó chịu rồi. Thú thật là nhiều lúc con bé chỉ cần nói một lời hay làm một cái gì đấy là tôi thấy thư thái nhẹ nhõm hẳn. Còn với Fusaco thì gánh nặng lại càng nặng hơn. Nó không còn được như trước đây nữa. Tôi hiểu rõ là tôi đang nói chuyện về con đẻ của mình, nhưng tôi không tài nào nói khác được. Thật đáng sợ quá! Lại còn thêm ảnh hưởng của ông nữa chứ!

- Bà còn khó ưa hơn cả Fusaco.

- Tôi nói giỡn thôi, ông đừng giận, dù sao tôi cũng là mẹ nó và ông, ông cũng là cha con Fusaco, đúng không?

- Tôi không phản đối việc cho nó về ở đây, nếu bà muốn. - Singo quả quyết tuyên bố. Sau đó, dường như chợt nhớ ra điều gì, ông hỏi thêm: - Còn tấm khăn mà Fusaco dùng để gói đồ lần vừa rồi, tôi nhớ đã thấy ở đâu rồi thì phải?

- Thì mình đã dùng để gói tấm gương cho nó hồi trước đó.

- Ra thế đấy! - Tôi giật mình khi thấy nó tha cái tay nải ấy. Có phải là nó không có vali đâu.

- Ừ nhưng mà vali thì nặng. Một nách hai đứa con... Và lại nó cũng chả thiết gì đến hình thức.

- Thì ít ra nó cũng phải biết ngượng với Kikuco chứ? Còn tấm khăn... tôi đã dùng để gói đồ đi theo mình khi chúng ta lấy nhau đấy.

- Vậy ư?

- Nó là của chị gái tôi để lại. Khi đi lấy chồng, chị ấy đã dùng nó để gói một cây cảnh của cha chúng tôi tặng. Sau khi chị ấy mất, người ta đem nó trả lại cho tôi...

Những kỷ niệm cũ lại choán ngập tâm tưởng Singo. Trong một góc khuất nào đó của tâm trí, bỗng lóe lên ý nghĩ rằng, phải chăng đến tận bây

giờ, ba mươi năm sau khi lấy Yasuco, nỗi khát vọng từ thời trai trẻ đối với người chị gái của bà vẫn còn cắn xé trái tim ông như một vết thương cũ.

Vừa ngủ thiếp đi sau hơn một giờ trần trọc, Singo bỗng choàng tỉnh vì một tiếng động mạnh.

- Cái gì thế nhỉ? - ông kêu lên.

Từ phía hành lang tối om vang lên tiếng Kikuco:

- Ba tỉnh rồi đấy ạ? Chắc là một tấm tôn lợp đèn thờ bay xuống mái nhà.

3

Bão đã làm tốc hết cả mái tôn của ngôi đền cạnh nhà. Nhiều tấm rơi vào vườn nhà Singo và sáng hôm sau người thủ tự đã đến nhặt lại.

Xe lửa tuyến Yocosuca vẫn chạy và Singo lên tàu để đi làm.

- Mọi sự ra sao? Cô có ngủ được không? - ông hỏi cô thư ký khi cô bừng trà lại cho ông.

- Tôi không chớp mắt nổi ạ. - Ayco đáp và bắt đầu kể cho Singo nghe lúc đi trên tàu cô đã thấy những chuyện khủng khiếp như thế nào.

- Đạo này Suyichi có mời cô đi chơi nữa không?

- Không ạ.

- Chắc là cô có biết người tình của nó?

Ayco bối rối.

- Một vũ nữ ư? - Singo gặng hỏi.

Im lặng.

- Có lớn tuổi không? - ông tiếp tục.

- Lớn tuổi không ư? Thì lớn hơn so với vợ anh ất.

- Và chắc là đẹp?

- Vâng, cũng đẹp. - Ayco ngáp ngừng nhưng rồi nói tiếp: - Chỉ có điều là cô ta có cái giọng khàn kinh khủng. Nghe như là hai giọng nói lẫn vào nhau. Thế mà Suychi lại cho là gợi dục.

Cô ta định nói thêm nhưng Singo không muốn nghe nữa. Ông cảm thấy xấu hổ, nếu như câu chuyện tiếp thêm vài câu nữa là bộ mặt thật của cả Ayco lẫn người đàn bà kia sẽ phơi bày ra trước mắt ông. Cô thư ký thấy ông giận dữ bèn im lặng.

Chiều hôm đó Suychi ra về cùng với ông bố. Ăn tối xong cả nhà đi xem bộ phim quay vở diễn *Noh*, đầu đề là “*Kanjincho*”. Ba diễn viên chính đóng trong vở này: Cosinp, Utzacmon và Kikuguro đều đã chết cả.

Thành phố sáng lấp lánh tắm mình trong ánh trăng.

Singo ngược nhìn lên bầu trời. Mặt trăng dường như nằm trong một ngọn lửa. Những đám mây hình thù quái dị gợi nghĩ đến những lưỡi lửa mà người ta vẫn dùng để thể hiện thần lửa Fudo. Mặt trăng hơi khuyết dịch chuyển về phía đông, nơi vùng hồng trên những đám mây, khuôn mặt rạng rỡ của chị Hằng bị mây phủ một tấm voan trong suốt. Bầu trời đêm sau cơn bão thăm thẳm như một vực sâu không đáy.

Tất cả hàng quán đã đóng cửa và thành phố chìm trong im lặng sâu tư của ban đêm.

- Đêm qua tôi không ngủ được, vì thế tôi sẽ đi nằm ngay. - Singo nói khi về đến nhà. Ông cảm nhận thấy cái giá lạnh của cô đơn và thấy khao khát một chút ấm áp của tình người.

Dường như cuối cùng thì cái khoảnh khắc quyết định của đời ông cũng đã đến: một quyết định nào đấy đang tiến lại đầy vẻ uy quyền và tấn công vào ý thức của ông.

CHƯƠNG IV: QUẢ HẠT DẸ

1

- A, cây gbinco (^[2]) đã đâm chồi! - Kikuco reo lên.

- Bây giờ con mới thấy ư? - Singo ngạc nhiên nói. - Còn ta thì đã ngấm nó từ mấy hôm nay rồi.

- Đó là vì ba luôn ngồi quay mặt về phía cây hoa.

Năm tháng trôi qua, trong nhà mỗi người đều chọn cho mình một chỗ cố định bên bàn ăn dưới bếp. Singo ngồi hướng về phía đông. Bên trái ông, nhìn về phía Bắc là chỗ của bà Yasuco, bên phải là chỗ của Suychi, Kikuco ngồi đối diện với bố chồng và nhìn về hướng tây. Như thế là hai ông bà già được ngồi những chỗ tốt nhất, từ đó có thể ngấm khu vườn trải ra phía đông và phía nam.

Hơn nữa như vậy thì tiện cho Kikuco và bà Yasuco đứng lên ngồi xuống dọn dẹp các thức trong bữa ăn.

Dù Kikuco có ngồi quay lưng về phía cây gbinco đi nữa thì Singo cũng vẫn thấy việc cô không nhận ra cây đã đâm chồi là không bình thường. Ông lo ngại điều gì đang diễn ra trong tâm hồn cô gái.

- Thôi được. - Singo hỏi vặn. - Nhưng hàng ngày con vẫn quét dọn hiên nhà và mở cửa trông ra vườn kia mà. Vậy thì tại sao con lại không nhận ra điều đó?

- Đúng là con vẫn đi ra ngoài luôn và mở cửa thật, nhưng...

- Đó, thấy chưa? Đây là chưa nói đến việc hàng ngày, từ cổng vườn vào nhà, con cũng nhìn thấy cái cây đó. Hay là con cúi đầu đi, đắm chìm trong suy tư?

- Kìa, ba nói gì vậy? - Kikuco xấu hổ khẽ nguẩy đôi vai đẹp. - Thôi, từ giờ trở đi con sẽ cố phát hiện và ghi nhớ những gì mà ba để ý vậy.

Trong suốt cuộc đời Singo, chưa có người đàn bà nào yêu thương ông đến mức muốn để tâm đến tất cả những gì kêu gọi sự chú ý của ông.

- Trong cây gbinco ẩn chứa một sức mạnh kỳ lạ mà ở cây anh đào không có. - Singo nhận xét. - Thực sự thì phải cần đến một sức mạnh như thế nào cho một cái cây già cỗi để nó có thể đâm chồi lần nữa vào giữa mùa thu?

Trong bếp vọng ra tiếng nước chảy. Lát sau có tiếng bà Yasuco gọi gì đó, nhưng tiếng nước chảy mạnh làm Singo nghe không rõ.

- Bà nói gì vậy? - Đến lượt ông hét gọi bà.

- Mẹ con bảo là cỏ xa trục đã trổ bông.

- Chà...chà.

Yasuco lại réo lên trong bếp.

- Nào, thôi đi - Singo giận dữ quát. - Chẳng còn nghe thấy gì cả.

- Để con dịch cho. - Kikuco vừa nói vừa cố nhin cười. - Mẹ con bảo là đêm qua nằm mơ thấy ngôi nhà ở quê bị đổ.

- Hừm...

Cuối cùng Yasuco cũng khóa vòi nước và gọi Kikuco:

- Đem cắm mấy bó hoa này vào bình đi con. Mẹ thấy đẹp quá nên hái vào.

- Để con đưa cho ba ngắm cái đã. - Kikuco nói và ôm vào một bó lớn cỏ xa trục và cỏ tóc tiên nở hoa.

Bà Yasuco đem vào phòng một chiếc bình gốm Sigaraki và nói:

- Cả thu hải đường ở nhà bên cạnh cũng nở rồi. Đẹp hết chỗ nói.

Singo bỗng nhớ đến những bông hướng dương của nhà hàng xóm. Bão đã tàn phá những cây hoa tuyệt vời ấy. Những bông hoa bị gió dút dút nằm lẫn lóc trong bụi như những đầu người bị chặt. Mấy thân cây cụt đầu vẫn còn lơ lơ bên vòm cổng. Trên mình chúng không còn lấy một chiếc lá.

Mỗi lần đi qua, Singo lại giẫm phải nhành hoa gãy, nhưng ông cố gắng để không nhìn chúng.

2

Ngôi nhà đổ nát trong giấc mơ của bà Yasuco chính là ngôi nhà chôn nhau cắt rốn của bà. Kể từ ngày cha mẹ bà chết đi, không còn ai sống ở đó. Khi còn sống, cha của Yasuco đã có ý định để lại ngôi nhà cho bà. Hẳn là ông đã tính cho cô con gái lớn xinh đẹp có nhiều người theo đuổi đi làm dâu ở nơi khác. Sau khi cô này chết, thấy Yasuco đến ở với các cháu và anh rể để chăm sóc họ, ông già đã xúc động sâu sắc và rất lo lắng cho số phận của cô con gái út. Cũng chẳng có gì lạ nếu ông cảm thấy có lỗi, vì chính cảnh ngộ gia đình đã đưa Yasuco đến nước ấy. Vì thế mà khi Yasuco lấy Singo, cha của bà đã vô cùng sung sướng.

Mẹ Yasuco chết trước và khi cha mất bà được thừa kế ngôi nhà với một khoảng rừng hiện đang được những người bà con ở quê trông nom.

Ở đó họ đã phải chặt hết cây trong cánh rừng để lấy tiền đóng thuế. Từ nhiều năm nay, Yasuco không thu lợi được gì từ món tài sản thừa tự, nhưng cũng không phải chi phí gì cho nó. Trong thời gian chiến tranh, nhiều người tản cư về vùng quê và có người hỏi mua ngôi nhà, song Yasuco không nỡ chia tay với nó. Và Singo cũng không ép bà bán.

Trong ngôi nhà ấy, Singo và Yasuco đã nên vợ nên chồng. Cha của Yasuco muốn đám cưới của cô con gái duy nhất còn lại diễn ra ở ngay dưới mái nhà của ông.

Một trái hạt dẻ đã rụng đúng vào lúc cặp tân hôn đang trao nhau ly rượu cưới. Quả dẻ rơi trúng một hòn đá và văng xuống suối. Việc đó diễn ra thật khác thường khiến Singo suýt la lên vì kinh ngạc.

Những người có mặt trong đám cưới không ai nhận thấy gì.

Ngay sau ngày cưới, Singo đã lần ra suối để tìm hạt dẻ. Tìm được nó, ông đã định mang về cho Yasuco, nhưng rồi cuộc lại từ bỏ ý định. Sau đó,

ông đã vùi hạt dẻ vào trong đám cỏ um tùm bên bờ suối.

Singo không nói gì với ai, bởi vì ông ngại người anh rể. Nếu anh ta không có ở đó, hẳn ông đã kể cho tất cả mọi người nghe về chuyện trái dẻ rụng. Singo cảm thấy có lỗi, vì sau khi người chị của Yasuco đã lấy chồng, ông vẫn còn khao khát nhớ nhung chị ta, và giờ đây khi chị ta đã thành người thiên cổ, ông lại lấy đi người em gái. Vậy là, dù thế này hay thế khác, ông cũng đã xâm phạm đến sự bình yên của người anh rể.

Đối với Yasuco, tình thế còn thảm hại hơn. Ai cũng biết là, người anh rể vì không nhận thấy tình cảm thực của bà, đã để bà ở trong nhà như một con ở tận tụy.

Người anh rể đẹp trai, đẹp hơn hẳn so với chàng tân lang Singo. Chính Singo cũng hiểu điều đó, thậm chí ông còn thấy trên đầu anh ta tỏa hào quang. Đối với Yasuco thì vợ chồng bà chị đã hẳn là thần tượng. Chấp nhận lấy bà, Singo đã phải cam chịu thân phận của một kẻ không đo được với họ. Và cái khoảng trống kia - câu chuyện về trái hạt dẻ không được nói ra - mãi mãi còn đó giữa hai người.

Vài ba ngày sau khi Yasuco nằm mơ thấy ngôi nhà bị đổ, bà nhận được một bức điện tín, mấy người bà con ở quê báo tin Fusaco và hai đứa trẻ đã về ở đó.

Liệu có phải giấc mộng của tôi báo trước chuyện này không? - Yasuco nôn nóng hỏi và chìa cho Singo xem bức điện khi ông đi làm về. - Hừm, thì ra là nó về quê. - Singo nói. - Chỉ có điều là tôi không hiểu vì sao nó lại về đó?

“Nhưng ít ra thì cũng không có nguy cơ nó sẽ kết liễu cuộc đời nữa”. Ông trầm nghĩ.

- Chắc nó sợ Aikhara sẽ tìm ra nó ở đâu rồi đến đón về.
- Thế có tin tức gì về thằng đó không?
- Không.

- Nếu vậy thì giữa chúng nó đã chấm dứt rồi. Fusaco đem theo con, bỏ đi, mà thằng kia cũng không thèm tìm kiếm?

- Có thể là nó nghĩ mẹ con Fusaco về đây chăng?

- Không. Bà muốn nói gì thì nói, nhưng chuyện chúng nó thế là hết rồi.

- Tuy vậy tôi vẫn không hiểu vì sao nó lại về quê.

- Theo suy luận như thế thì lẽ ra nó phải về đây.

- “Phải về đây”! Ông nói điều đó mới thờ ơ làm sao. Sự thực chúng ta cần phải hiểu rõ bất hạnh đến thế nào một khi quay về ngôi nhà ruột thịt của mình cũng không được. Nó là con cái trong nhà, vậy mà chúng ta đã đẩy nó đến chỗ nào! Tim tôi nứt ra thành từng mảnh đây này.

Singo nhúu mày và bắt đầu thay quần áo.

- Trước tiên bà hãy bảo tôi, cái áo kimono của tôi ở đâu đã.

Kikuco liền đưa lại cho ông chiếc kimono và cầm lấy bộ y phục, lặng lẽ đi ra.

Yasuco ngồi cúi đầu một lúc rồi nhìn về phía cửa, nơi Kikuco mới đi ra, nói:

- Cũng chả có gì lạ là nó lại bỏ đi. Chẳng lẽ cha mẹ phải chịu trách nhiệm suốt đời về cuộc sống riêng của con cái hay sao?

- Ông nói vậy vì ông không hiểu phụ nữ... Mọi cái nó khác hẳn kia, khi người đàn bà đau khổ.

- Suyichi hôm nay cũng chưa thấy đâu. Sao cha con ông không chịu về cùng với nhau? Ông toàn đi làm về một mình, còn con Kikuco mừng rỡ với ông. Chuyện đó đúng hay không?

Singo không trả lời.

- Thế ông không định bàn bạc gì với Suyichi về việc của Fusaco.

- Để tôi bảo nó đón chị nó về đây.

- Fusaco sẽ chẳng thích Suychi đến. Thằng đó toàn nhạo báng nó thôi.
 - Bây giờ không phải là lúc nói chuyện vớ vẩn. Suychi sẽ lên đường vào thứ bảy này, thế thôi.
 - Tôi hình dung ra trong con mắt những người ở làng thì chúng ta ra sao rồi. Thật đáng xấu hổ! Chả bao giờ về quê cả, cắt đứt quan hệ họ hàng, thế rồi dùng một cái, Fusaco là đứa không biết họ hàng là thế nào, lại mò về đây?
 - Nó có thể về ở nhà ai được nhỉ?
 - Hẳn là nó sẽ ở ngôi nhà cũ... Đâu có thể ở mãi chỗ bà dì tôi được?
- Đối với Singo cái ý nghĩ khó chịu nhất là Fusaco lại bỏ về ngôi nhà mà Yasuco đã nằm chiêm bao bị đổ?

3

Ngày thứ bảy, hai cha con Singo cùng ra khỏi nhà. Trước khi ra tàu đi về quê, Suychi ghé vào phòng làm việc của bố. Ở đó anh ta gửi cô thư ký cất giùm chiếc dù rồi quay sang bảo Singo:

- Con đã lỡ mời Ayco đi nhảy tối nay.

Sau đó Suychi xách cặp và đi khỏi. Ayco chạy theo ra cửa, nhưng rồi lại quay vào. Trong động tác của cô, Singo nhận thấy một vẻ gì đó rất phụ nữ và ông thấy vui vui.

- Tiếc quá hả? Hứa đi chơi với người ta rồi lại bỏ đi mất. - Singo nói.
- Gần đây tôi cũng không còn tin nhiều vào những lời hứa lắm.
- Còn cô nhân tình của Suychi có đến chỗ khiêu vũ không?
- Không, không bao giờ.

Đối với Singo, việc ông và gia đình không biết gì về người tình của Suychi trong khi cô thư ký của ông lại biết, thật khó mà giải thích. Trước

mặt Ayco thì điều đó đối với ông lại càng khó hơn nữa.

Thoạt nhìn thì Ayco có vẻ nhẹ dạ và hời hợt, nhưng phút này đây cô như một tấm màn bí ẩn của chính cuộc sống.

- Suyichi giới thiệu cô ta với cô à? - Singo hỏi tiếp.

- Cũng không hẳn như vậy...

- Tôi chả hiểu ra sao cả. Có lẽ nó định làm cô ghen chăng?

Ayco nhún vai.

- Tôi không phải là vật cản đối với họ.

Singo hiểu rằng cô hoàn toàn không thờ ơ với Suyichi và thực sự cô có ghen tuông.

- Cũng không phải là dở nếu cô là vật cản của họ. - ông nói.

- Sao ngài lại nói thế ạ? - Ayco cười và cúi mặt xuống. Sau đó, cô nói thêm. - Mà ả kia lúc ấy cũng đâu có đi một mình.

- Sao kia? Cô ta cũng có người khác nữa à?

- Không phải người tình, mà là một phụ nữ. Đó là người cùng sống một nhà với ả ta.

- Nhà thuê ư?

- Không, một cái nhà riêng. Nhỏ, nhưng rất dễ ưa.

- Cô muốn nói rằng cô đã đến đó?

- Vâng. - Ayco đáp vừa đủ nghe.

- Nhà ấy ở đâu? - Singo hỏi đường đột.

- Tôi không nói đâu ạ. - Ayco lấp bắp và mặt cô biến sắc.

Singo im lặng, cuối cùng Ayco tự nói:

- Ở khu Honggo, gần trường Đại học Tổng hợp ấy. Người đàn bà ở cùng với ả kia là một người rất đẹp và hết sức dễ thương.

Dường như việc nói ra những phẩm chất siêu việt của người đàn bà kia giúp cho Ayco tự thanh minh với chính bản thân mình vậy.

Singo không thể giải thích nổi điều đó, tuy nhiên ông cho rằng, thông qua việc ca ngợi người kia, cô ta muốn tấn công trực diện vào ả nhân tình của Suychi.

Người phục vụ mang vào mây bức thư. Ayco cầm lấy và đưa lại cho Singo.

- Đây, lại đám ma. - ông đọc một bức và làu bàu. - Một việc chẳng đáng ư chút nào! Lần này là Toriama ư? Chà... có sự gì xảy ra với vợ ông ta chẳng?

Cô thư ký đã quen với việc Singo tự nói một mình, nên để kệ ông. Singo bảo cô, về xao lãng:

- Chiều nay tôi không đi nhảy với cô được. Có một đám ma. Người chết này bị vợ con hành hạ suốt, kể từ khi ông ta gặp vận hạn. Bà vợ thậm chí không cho ông ta ăn. Con cái cũng đứng về phía bà mẹ để hành hạ bố. Con người khốn khổ không dám ở nhà, ông ta lang thang đây đó, đợi cho đến lúc vợ con đi nghỉ rồi mới dám mò về.

- Tại sao lại thế ạ?

- Thì nó thế đấy. Khi tuổi tác đã đến cái giới hạn của nó rồi thì thật đáng sợ.

- Có thể là do lỗi tại ông ta?

- Bậy nào. Ông ta là một quan chức cao cấp của nhà nước, sau đó chuyển về làm ở một hãng tư nhân. Ở đây viết là tang lễ được cử hành ở nhà chùa - như vậy là ông ấy giàu có. Hồi là viên chức, ông hết sức mực thước.

- Và có chăm lo đến gia đình, tôi nghĩ thế?

- Tất nhiên.

- Nếu vậy thì tôi không hiểu nổi ả.

- Vì cô còn trẻ. Có biết bao nhiêu người đàn ông đang hoang, ở cái tuổi năm mươi, sáu mươi tối tối lại lang thang khắp các ngõ phố, chỉ vì ở nhà thì sợ vợ.

Singo cố gắng nhớ lại nét mặt Toriama nhưng vô ích. Ông tự hỏi phải chăng ông ta chết ở nhà?

4

Singo đã nghĩ rằng, ở đám tang, thế nào ông cũng gặp lại những người đồng học cũ, vì thế khi thắp nén nhang cầu nguyện cho vong hồn người chết xong, ông ra đứng trước cửa chùa. Nhưng ông đã không gặp người quen nào cả. Hẳn là ông đến quá muộn.

Lúc cúi chào bà quả phụ, Singo thoáng nghĩ rằng Toriama đã ốm liệt giường và chết trên giường bệnh, bởi mái tóc nhuộm của bà vợ ông ta đã bạc màu ở gốc tóc và chưa được nhuộm lại. Trong khi nói lời chia buồn với gia quyến người quá cố, Singo đã quên bẵng đi mất là lúc còn sống, Toriama là nạn nhân của vợ mình. Mãi đến lúc cúi mình vái trước quan tài, ông mới sực nhớ ra điều đó và thấy rùng mình. Không phải vì sự hồi tưởng về mối quan hệ trong gia đình người bạn, mà vì sự đả đốn của bản thân ông. Số bạn bè cũ biết rõ vợ chồng Toriama còn rất ít. Trước đây, không ai trong bọn họ nhìn nhận vấn đề của Toriama một cách nghiêm túc cả, thậm chí trong những buổi tụ họp có người còn đùa cợt và thêm thắt phóng đại lên nữa. Giờ đây, Singo bỗng nghĩ rằng, sự thực vợ chồng Toriama cũng chẳng hề suy xét đến việc tại sao bà vợ lại dày vò ông chồng, và tại sao ông ta lại cam chịu như vậy.

Toriama đã chui xuống mồ mà chẳng được giác ngộ, còn với bà vợ thì mọi chuyện đã trôi qua. Không còn Toriama, câu chuyện của vợ chồng họ đã đi vào dĩ vãng.

Bức ảnh trên quan tài được chụp khi Toriama còn là một quan chức nhà nước. Khuôn mặt hiền lành của ông ta thành ra quá trẻ so với bà vợ góa đang đứng bên linh cữu. Người ngoài hẳn sẽ nghĩ rằng bà vợ là một nạn nhân trong gia đình và đã già trước tuổi vì vất vả.

Nếu có ai hỏi thăm việc gia đình Singo lúc ấy, hẳn là ông sẽ trả lời: “Ồ nhà tôi thì cũng tạm tạm, chỉ có điều gia đình riêng của cả con trai lẫn con gái đều trực trặc thế nào ấy”.

Ông bỗng thấy muốn được chia sẻ với ai đó nỗi lo lắng của mình. Ông muốn được hỏi ý kiến người khác về những điều như: “Cuộc sống của con người ta có thể gọi là mãi mãi được không, nếu con cái người ta có gia đình riêng hạnh phúc?”, hoặc: “Cha mẹ có trách nhiệm tới đâu đối với cuộc sống riêng của con cái?” Những ý nghĩ của Singo cứ ủa ra và ông lẩm bẩm thành lời những điều ông nghĩ.

5

Khi Singo đi dự tang lễ trở về, đã có hai người khách đợi ông ở hăng. Ông bảo cô thư ký rót cho ông chút rượu Whisky vào tách trà để giúp cho trí óc được tỉnh táo.

Tiền khách ra về, Singo bảo Ayco:

- Cô dẫn tôi đến nhà tình nhân của Suychi!

Cô thư ký hết sức kinh ngạc. Lúc đầu cô tỏ vẻ phản đối, nhưng rồi cô đành phải phục tùng.

- Ngài định làm gì nếu tôi đưa ngài đến đó? - Cô hỏi bằng một giọng đúng mực nhưng lạnh nhạt và xa lạ.

- Không làm gì bất tiện cho cô đâu.

Trong xe taxi, Ayco ngồi im lặng. Singo thấy khó xử vì đã buộc cô ta phải đi, ông ta xấu hổ vì cả con trai lẫn bản thân mình.

- Tôi nghĩ ngài nên nói chuyện với cô bạn của ả kia. - Cuối cùng Ayco lên tiếng. - Nếu ngài muốn, tôi sẽ gọi cô ta đến hãng!

- Tôi cũng không biết nữa... - Singo lưỡng lự trả lời.

- Khi đến đẳng ấy, Suyichi uống rượu say sưa và hóa điên khùng. Anh ta la hét và bắt cô bạn phải hát. ả tình nhân thì khóc. Mà đã khóc thì, theo tôi, ả không hề hững với Suyichi đâu.

Họ xuống xe ở trước cửa trường Đại học Tổng hợp và rẽ vào một phố nhỏ.

- Nếu con trai ngài biết chuyện thì tôi sẽ không dám thò mặt đến hãng nữa. - Ayco nói khẽ. - Chắc tôi sẽ phải bỏ việc.

Singo rùng mình. Ayco đứng lại và bảo:

- Ngài hãy đi dọc theo bức tường đá kia. Nhà thứ tư là nhà của ả ta đấy. Tôi không thể đi thêm được nữa, vì họ sẽ nhìn thấy tôi.

- Nếu thế thì ta bỏ cuộc vậy. Hóa ra tôi làm khổ cô quá!

- Sao? Ngài đến tận đây để rồi... Ngài làm việc đó vì sự yên ả của gia đình mình kia mà? Đừng có bỏ cuộc chứ! Trong lời nói khích ấy của Ayco, Singo nhận thấy một vẻ độc địa.

Ngôi nhà thứ tư với tấm biển đề “Ikeda” trông bé nhỏ, cũ kỹ và không được lành mạnh. Cửa vào tối tăm, cửa sổ đóng kín. Trong nhà không có một tiếng động.

Singo bỏ đi và cảm thấy kiệt sức. Con trai ông đã sống một cuộc đời nào ở sau bức tường này? Không, ông thì chưa được chuẩn bị để sục vào đó mà không báo trước.

Khi về đến nhà, Singo lảng tránh cái nhìn của Kikuco. Ông thấy mệt rũ và đi nằm sớm. Ông nghĩ miên man đến sự vất vả mà Kikuco sẽ phải gánh vác khi mẹ con Fusaco đến. “Vợ chồng Suyichi sẽ phải ra ở riêng”, ông thầm bảo.

CHƯƠNG V: GIẤC MƠ VỀ ĐẢO VẮNG

1

“Ta đã già rồi, mà vẫn chưa trèo lên đỉnh Phú Sĩ”. Singo lẩm bẩm một mình trong phòng làm việc. Những lời ấy nảy ra trong đầu óc ông hoàn toàn ngẫu nhiên nhưng đầy ấn tượng, khiến ông phải nói ra miệng. Có lẽ nguyên do là vì đêm qua ông thấy vịnh Matsusima.

Kể cũng lạ là Singo đã nằm mơ thấy Matsusima, vì chưa bao giờ ông tới đó cả. Ông chỉ còn nhớ từng đoạn của giấc mơ, riêng màu xanh của biển và những rừng thông trên những hòn đảo ở đó thì đã in sâu vào ký ức ông, khiến ông hoàn toàn tin chắc rằng mình đã nằm mơ tư Matsusima.

Ông đã ôm trong tay một người đàn bà. Họ lẩn trốn những người cùng đi dưới bóng một cây thông. Người đàn bà còn rất trẻ, gần như một cô gái vậy. Riêng bản thân khi đó ông không xác định được là mình bao nhiêu tuổi. Có lẽ là vẫn còn trẻ, vì ông còn cùng cô gái chạy nhảy nhanh nhẹn giữa những cây thông. Ông đã ôm cô gái theo cách của một người trẻ tuổi. Ở cái tuổi sáu mươi hai mà lại mơ thấy mình đang tuổi hai mươi - chính đó là điều lạ nhất của giấc mơ.

Chiếc xuồng máy chở hai người đến đảo chạy xa dần. Một người đàn bà nào đó trên xuồng cứ vẫy họ mãi bằng một chiếc khăn tay trắng. Chỉ có Singo cùng cô gái trẻ còn lại trên hòn đảo nhỏ, nhưng họ không hề thấy sợ.

Ông đã thức giấc với hình ảnh chiếc khăn tay trắng vẫy vẫy trên mặt biển xanh rờn. Nhân dạng của cô gái cùng cảm giác về sự va chạm đã phai mờ. Trong ký ức Singo chỉ còn lại phong cảnh đầy màu sắc của hòn đảo vắng. Ông cũng không hiểu vì sao mình lại tin chắc vùng đó là vịnh Matsusima.

Sáng hôm sau Singo định hỏi vợ con xem những giấc mơ đầy màu sắc có phải là triệu chứng suy nhược thần kinh hay không, nhưng rồi lại thôi, ông thấy khó chịu vì đã mơ ôm đàn bà.

Ngồi trong văn phòng, Singo bỗng cảm thấy rằng, nếu ông hiểu ra người đàn bà trong giấc mơ là ai thì toàn bộ mọi chuyện sẽ được sáng tỏ. Ông hút thuốc và cố suy nghĩ, nhưng vừa lúc ấy có tiếng gõ cửa. Đó là ông Sutzumoto.

- Xin chào. Tôi cứ nghĩ rằng anh chưa tới cơ đây. - Sutzumoto nói và bỏ mũ treo lên móc.

Singo nhìn cái đầu hói của ông ta và thấy buồn cười.

- Có việc gì mà anh chịu khó đến sớm vậy? - Ông hỏi và cố nhin cười.

- Thì chuyện anh chàng Mitzuta mới bị chết một cách điên dở ấy.

- À - à. Người nhà ông ấy có gửi biểu trà cho tôi sau tang lễ và tôi đâm ra nghiện cái thứ trà ấy.

- Tôi ghen với hăn ta về cái chết đây.

- Hừm... Anh cũng béo và hói, chắc cũng có cơ được như thế!

- Chỉ có điều tôi không bị huyết áp cao. Còn Mitzuta dám ngủ một mình...

Mitzuta đã chết ở khách sạn trong khi an dưỡng - một cái chết “điện” như bạn bè của ông ta bình phẩm. Đối với Singo, việc các ông bạn ngoài sáu mươi tuổi của mình nói lóng kiếu sinh viên như hồi họ học chung ở trường đại học là một bằng chứng về sự quá quẩn của tuổi già. Giờ đây họ vẫn còn gọi nhau bằng những biệt hiệu thân mật nhảm nhí. Mitzuta đã từng đùa cợt về cái chết của Toriama, còn bây giờ thì chính ông ta đã phải chia sẻ cái số phận.

- Hôm nọ chị vợ anh có đến chỗ tôi, - Sutzumoto bắt đầu nói vào việc, - và đề nghị tôi về chuyện này đây...

Ông ta đặt lên bàn hai bịch vải và nói tiếp:

- Mặt nạ đấy. Mặt nạ để diễn *Noh*. Chị đề nghị tôi mua. Và tôi đem đến cho anh xem.

- Tôi chẳng hiểu gì về mặt nạ. Cũng như về ba kỳ quan của Nhật Bản ấy. Tôi chỉ biết là chúng có ở Nhật. Nhưng chưa bao giờ được nhìn thấy cả.

Sutzumoto mở lớp vải bọc rồi lấy từ trong hộp đựng ra những chiếc mặt nạ.

- Đây là một chiếc “Djido”, còn đây là chiếc “Casiki”. Cả hai đều là mặt nạ trẻ con.

Singo cầm chiếc “Casiki” lên và ngắm nghía.

- Hình chiếc lá cây gbinco, anh có thấy không? - Sutzumoto nói. - Nghĩa là để diễn tả một cậu bé chưa đến tuổi thành niên. Còn có cả lúm đồng tiền ở má nữa đây.

- Trông sống động quá nhỉ...

Sutzumoto giảng giải cho Singo rằng nếu chiếc mặt nạ Noh hơi nghiêng xuống dưới, sắc thái của nó sẽ có vẻ buồn rầu, còn nếu nó ngược lên trên thì sẽ có một sắc diện vui sướng.

- Việc quay sang phải hay sang trái, - ông ta nói tiếp, - thì sẽ thể hiện “chấp nhận” hoặc “chấm dứt”.

- Tôi thấy nó giống ai nhỉ? - Singo lẩm bẩm. - Thật khó mà tin rằng đây là bộ mặt của trẻ con.

- Thời xưa trẻ con phát triển sớm hơn bây giờ. Anh cứ xem kỹ và sẽ thấy đó là mặt nạ trẻ con. Đặc biệt chiếc “Djido” thể hiện một tư tưởng đẹp đẽ nào đó, dường như là tuổi thơ vĩnh viễn thì phải.

Singo lật qua lật lại chiếc “Djido” để kiểm nghiệm lời nói của Sutzumoto.

- Thế nào, anh sẽ lấy chứ? - Sutzumoto hỏi.

Singo đặt chiếc mặt nạ lên bàn và bảo:

- Họ đã mời anh mua kia mà?

- Đúng vậy, nhưng tôi đã mua hai chiếc rồi. Cả thầy có năm chiếc. Tôi lấy hai cái mặt nạ phụ nữ. Unno lấy một chiếc và hai cái còn lại này để dành cho anh đấy.

- Anh khôn lỏi lắm. Có mấy cái mặt nạ phụ nữ thì anh lấy trước, còn thừa mới dành cho người khác hả?

- Thế anh định lấy cái mặt nạ phụ nữ à?

- Có ý nghĩ quái gì nữa một khi đã không còn nữa rồi.

- Nếu anh muốn tôi sẽ để cho anh. Như vậy tôi khỏi phải tốn tiền. Anh biết Mitzuta chết trong hoàn cảnh nào rồi đấy...Tôi lấy tội nghiệp bà vợ hãnh ta nên không nỡ từ chối. Bà ta giải thích cho tôi là hai chiếc trẻ con này có giá trị hơn mấy chiếc phụ nữ kia. Anh không thấy bị mơn trớn bởi cái ý tưởng về tuổi thơ vĩnh cửu hay sao?

- Mitzuta đã khuất núi, Toriaman, người vẫn ngồi ngắm lũ mặt nạ cả ngày cũng đã đi trước cả Mitzuta. Như vậy là, nói tóm lại, mấy cái mặt nạ của anh cũng không làm tôi thấy dễ chịu lắm đâu.

- Thôi được! - Sutzumoto nói và đứng dậy. - Tôi đi đây. Tôi để lại mấy cái mặt nạ cho anh xem chán đi và nếu không thích thì đưa cho người khác.

- Vấn đề không phải ở chỗ tôi có thích hay không. Tôi vốn chẳng hiểu gì về mặt nạ cả, và nếu như tôi đi giữ rịt lấy mấy chiếc trứ danh như thế này thì chẳng hóa ra là tôi tước mất cuộc sống của chúng trong thế giới Noh hay sao?

- Về việc đó anh không phải lo.

- Còn giá cả thì thế nào nhỉ?

- À, đây tôi đã sợ quên nên bảo bà ta viết giá tiền vào đây này...

Sutzumoto đi khỏi và Ayco liền lại bên bàn Singo.

- Rất đẹp, phải không? - Singo hỏi.

Cô gái im lặng gật đầu.

- Cô thử đeo vào một cái xem sao. Đây cái này này...

- Ô, thế thì kỳ quá... mà tôi lại không mặc kimono nữa. - Ayco chống chế, nhưng Singo đã đưa mặt nạ cho cô.

Ayco đeo mặt nạ vào và quay đi quay lại.

- Hoan hô, tuyệt lắm! - Singo bất giác kêu lên.

Chiếc mặt nạ sống động hẳn lên với mỗi cử động. Nhìn Ayco trong bộ váy nhung dài với mái tóc bồng xõa xuống hai bên chiếc mặt nạ, Singo bỗng thấy cô hấp dẫn một cách kỳ lạ và ông ngồi sững người như bị thôi miên.

Sau đó, ngay lập tức Singo bảo Ayco đi mua cho ông cuốn sách về mặt nạ Noh.

2

Trên cả hai chiếc mặt nạ đều có viết tên nghệ nhân chế tạo ra nó. Theo tài liệu tra cứu thì chúng thuộc đời Muromachi (^[3]). Ngay một người không chuyên như Singo cũng có thể xác định được đây là những tác phẩm nghệ thuật chính cống.

- Gớm, trông khiếp quá! - Yasuco kêu lên khi Singo chìa mấy chiếc mặt nạ cho bà xem lúc ông về tới nhà.

Kikuco chỉ cười và khuyên bà nên đeo kính để ngắm. Sau khi ngắm nghía hồi lâu, bà lại quả quyết tuyên bố:

- Trông ghê quá, ông ạ! Tôi thấy nó giống như đầu người bị chặt.

Singo vừa giảng giải cho Yasuco vừa ngắm nghía lại chiếc Djido. Nó không hẳn ra mặt con gái mà cũng không ra mặt con trai, tuy vậy đôi lông mày vắt cong gợi cho Singo nghĩ đến một cô gái nhỏ. Khuôn mặt rạng rỡ của cô bé bỗng trở nên mềm mại trong đôi mắt già nua của ông. Đưa sát chiếc mặt nạ vào tận mắt, giờ đây ông thấy nó đang sống và mỉm cười tươi tắn.

Thiếu chút nữa Singo đã hét lên. Trước mặt ông, một cô bé con đang mỉm cười - một nụ cười duyên dáng thuần khiết. Trong hai lỗ mắt rỗng bỗng hiện lên đôi con người đen nhánh. Đôi môi đỏ thắm động đậy. Cặp mắt đen đang nhìn thẳng vào ông, còn đôi môi chum lại. Singo suýt nữa thì hôn lên gương mặt, nhưng ông quay đi và thở dài. Ông tránh xa khỏi chiếc mặt nạ và cảm thấy mọi cái đều giả dối. Một lúc lâu sau ông còn ngồi thở nặng nhọc, gấp gáp.

Singo có cảm tưởng rằng ông đã chui sâu vào trong chiếc mặt nạ, ở đâu đó gần chỗ cái miệng, nơi đôi môi cô hé mở giống như một nụ hoa để lộ hàm răng trắng như tuyết. Nhìn mặt nạ Noh gần sát tận mắt hăn là một điều kỳ lạ. Vị tất nghệ nhân sáng tạo ra nó đã nhắm mục đích như vậy. Nhìn gần mặt nạ có vẻ sống động hơn là nhìn từ khoảng cách giữa khán giả và sân khấu. Singo có cảm giác rằng ông đã giải đoán được tình cảm bí ẩn của nghệ nhân cổ. Ông sẵn sàng thề rằng, trong một khoảnh khắc của đời mình, ông đã cảm nhận được thứ tình yêu bị cấm đoán của trời đất.

Singo tự hỏi phải chăng những cơn bộc phát tình cảm khó hiểu xảy ra nối tiếp ở trong ông - đầu tiên là việc ôm người đàn bà ở trong mơ, sau đó là phút xuất thần khi nhìn Ayco biểu diễn mặt nạ và cuối cùng là việc suýt hôn cái mặt nạ - chẳng là dấu hiệu của một cái gì đó đang trên đường lay chuyển toàn bộ nền móng của nhà ông?

3

Sáng 29 tháng 12, lúc đang rửa mặt, Singo nhìn thấy con chó Teru cùng lũ con mới đẻ. Trước đây mấy tháng, con chó không biết từ đâu đến tá túc dưới tầng hầm của căn buồng dành cho người ở.

Kikuco quả quyết là nó đẻ bốn con, nhưng Singo lại thấy những năm con chó con đang nằm phơi nắng.

Hăn là con chó muốn đưa lũ con ra khỏi nhà trước khi con người ngủ dậy và giờ đây nó cho con bú thanh thản dưới ánh nắng mặt trời. Lũ chó con có

về cố tận hưởng cái hạnh phúc được chơi đùa thoải mái, không bị làm phiền bởi con người. Singo mỉm cười trước cảnh tượng dễ thương. Đã là cuối tháng mười hai, nhưng mặt trời Kamakura ^[4] vẫn ấm áp như trong tiết thu sớm vậy.

Một con chó con màu đen - con bú dai nhất - đã bị văng ra khỏi mình con mẹ, khi mẹ nó đứng dậy và chạy dọc xuống bãi bên chân đồi. Singo lặng đi vì sợ, nhưng con chó đã bò dậy như không có chuyện gì và vừa đi vừa hít hít đất xung quanh. “Vậy là sao nhỉ?” Singo ngạc nhiên nghĩ bụng: ông có cảm giác là đã nhìn thấy con chó ở đâu rồi. Suy nghĩ một lúc ông chợt nhớ ra: “À, phải, ở trong tranh của Sotatsu.”^[5] Hồi đó, khi thấy bức tranh con chó vẽ bằng mực tàu của Sotatsu, Singo đã cho rằng con vật được cách điệu quá. Còn giờ đây, khi nhìn hình ảnh sống thì ông mới thấy khâm phục bức vẽ. Bất chợt Singo lại nhớ đến mấy chiếc mặt nạ. Tác giả của chiếc Casiki là người cùng thời với Sotatsu.

Singo bỗng tự hỏi phải chăng là con chó con của Teru đã hóa thành con chó trong tranh Sotatsu và chiếc mặt nạ Djido thì biến thành một cô gái nhỏ, hay là trước mắt ông đang diễn ra một phép màu làm cô bé hóa thành mặt nạ, còn con chó hiện hình trên bức tranh của Sotatsu?

Khi bà Yasuco và Kikuco từ chỗ rửa mặt đi ra thì Singo gọi lại để chỉ cho xem đàn chó con.

- Thế còn con mẹ đâu rồi? - Bà Yasuco hỏi.

- Không biết nó chui vào chỗ nào? - Singo ngạc nhiên hỏi lại. - Vừa thấy nó rút lũ con ra và biến đâu mất!

- Chắc Teru phải đi kiếm thức ăn. - Kikuco nói. - Hàng xóm chung quanh rất ngạc nhiên vì sự khôn ngoan của nó. Hóa ra là chị chàng biết rõ nhà nào ăn cơm vào lúc mấy giờ và đến quanh quẩn ở đấy.

- Vậy ư? - Singo ngạc nhiên thốt lên. Ông tưởng một khi nhà ông cho chó ăn hai lần mỗi ngày thì nó không còn phải đi kiếm ăn ở ngoài nữa.

- Cứ gặp con là mọi người lại hỏi thăm về đặc tính của Teru. Còn khi ba đi làm rồi, trẻ con kéo đến xin con cho xem lũ chó con.

-Ồ phải rồi! - Bà Yasuco kêu lên. - Có một bà hàng xóm bảo tôi là, một khi có súc vật đến làm tổ trong nhà, thì nhà sắp có trẻ con.

- Vậy nhà ta sắp có thêm trẻ con rồi phải không?

- Kìa, mẹ nói gì vậy? - Kikuco đỏ mặt và kéo tay áo bà.

- Nghĩa là người ta xét người và chó chung hết à? - Singo nói đùa để gỡ bí cho tình thế. Những lời của vợ ông nói ra hết sức vụng về.

Kikuco ngược nhìn lên và bảo:

- Ông Amamia rất quan tâm đến Teru. Ông cụ đã hỏi xin nó về nuôi đấy, làm con không biết trả lời ra sao cả...

- Thì chúng ta có thể cho ông ấy lắm chứ! - Singo nói. - Teru cũng như là vật nuôi của nhà ta rồi cho nên Amamia mới đến hỏi.

- Vậy để con chạy đi bảo ông cụ nhé - Kikuco kêu lên và biến mất.

Thực ra cô chỉ kiếm cớ để đi khỏi. Singo không nhìn theo Kikuco. Ông đứng lặng nhìn con chó nhỏ. Bất đồ ánh mắt ông bắt gặp một bông hoa cúc gai rụng dưới cửa sổ. Cánh hoa đã rụng hết, nhưng cuống vẫn còn tươi.

- Cúc gai là một giống hoa giỏi chịu đựng đến đáng khâm phục. - Singo thốt lên.

CHƯƠNG VI: ANH ĐÀO MÙA ĐÔNG

1

Trời bắt đầu mưa ngay từ buổi chiều hôm tất niên và ngày đầu năm mới là một ngày mưa dầm. Kể từ năm nay bắt đầu áp dụng cách tính tuổi theo lối châu Âu ^[6] như vậy là Singo được sáu mươi một tuổi, còn Yasuco thì sáu mươi hai.

Thường thì mong một Tết gia đình Ogata dậy muộn, song năm nay Singo thức giấc khá sớm vì tiếng chân chạy huỳnh huých ngay trước cửa phòng ông của con bé Satoco. Nằm trong giường, Singo nghe có tiếng Kikuco dụ con bé xuống bếp - hẳn là cô muốn ông khỏi mất giấc ngủ - và tiếng Fusaco quát con.

- Chà, Fusaco vẫn còn nằm ườn để con nghịch phá. - Bà Yasuco vừa lâu bầu vừa ngáp. - Đã lâu quá rồi tôi chưa bị trẻ con đánh thức vào sáng mồng một Tết bao giờ.

- Thì từ giờ trở đi bà sẽ được đánh thức hàng ngày.

- À - à, chưa chắc đâu. Satoco thấy cái hành lang lạ nên giỡn nghịch vài bữa là sẽ chán thôi. Còn cái chuyện tuổi ấy mà, cứ nghĩ đến là tôi lại thấy kỳ quá... Tôi thấy mình sáu mươi tư hay sáu mươi hai thì cũng thế cả. Ở cái tuổi này mà bớt đi được một năm thì cũng chẳng ích lợi gì.

Từ ngoài vọng vào tiếng Fusaco quát con, Singo nhắm nghiền mắt lại.

- Ôi, lúc mình coi nó thì nó có chịu chơi đâu. - Yasuco than thở. - Trước mặt mọi người con bé cứ rúm lại và bám lấy váy mẹ nó thôi.

Dường như giữa hai ông bà, người này cố tìm thấy ở người kia bằng chứng về tình cảm đối với đứa cháu ngoại. Chứ ít thì Singo cũng suy diễn rằng vợ ông đang khổ sở để biết liệu ông có yêu quý con bé Satoco không. Nói cho thật công tâm thì ông không thấy trong lòng tràn đầy thứ tình cảm

ấm áp mà người ông thường có đối với cháu mình. Có thể là quả thực ông yêu thương con cháu Satoco chưa đủ.

2

Cuộc hôn nhân không mấy hạnh phúc của Fusaco đã để lại dấu ấn trên Satoco. Nhiều lúc Singo cảm thấy khó chịu trước số phận kém may mắn của con gái mình, bởi vì ông bất lực trong việc giúp đỡ. Lẽ dĩ nhiên là các bậc cha mẹ không giúp được gì nhiều trong cuộc sống riêng của con gái, song việc Fusaco bất lực trong chuyện tự giải quyết lấy công việc của mình đã làm cho Singo choáng váng.

Hồi mùa thu Fusaco đã bỏ nhà đi và thay vì về chỗ cha mẹ, chị ta lại lần về quê ngoại. Sau khi Singo cho Suyichi đi đón mấy mẹ con về ở Kamakura được mấy bữa, Fusaco tuyên bố đi gặp chồng để giải quyết dứt điểm mọi việc.

Mặc dù ông bà Ogata can ngăn, chị ta vẫn mang con bỏ đi rồi bật tắm luôn. Thế rồi đúng vào hôm trước Tết, Fusaco bất ngờ trở về Bà Yasuco vô cùng cay đắng thấy con gái lại phải bỏ chồng ra đi ngay giữa dịp năm hết Tết đến. Trong cơn tuyệt vọng bà đã lớn tiếng lục vắn con gái và lên án anh con rể tệ bạc.

- Con tự ý bỏ đi đấy! - Fusaco nước nở nói qua hàng nước mắt.

- Á - à thế thì lại là chuyện khác. Thôi được, chúng ta xem như là mày về ăn Tết. Bỏ lỗi cho ta vì ta đã quá lời. Còn bây giờ thì hãy quên mọi chuyện đi - ra Tết còn khối thì giờ để nói.

Sáng mùng một Tết, Fusaco là người dậy cuối cùng. Cả nhà đã ngồi vào bàn mà còn nghe chị ta rửa mặt, súc miệng trong nhà tắm.

- Nào, bố con mình uống một chén đi, trong khi chờ đợi. - Singo đề nghị và rót rượu sa ke vào chén. - Tóc ba bạc nhiều quá rồi kìa!

- Thì bạc chứ sao nữa. Ở tuổi tôi bây giờ mỗi ngày lại có thêm vài sợi tóc bạc. Nhiều khi tóc bạc đi ngay trước mắt, nhìn thấy được.

Thế là cả nhà nhìn lên tóc Singo. Kikuco nhìn với một vẻ mặt hết sức nghiêm trang. Trong tay, cô ẵm đứa con nhỏ của Fusaco.

3

Hai cha con Singo uống với nhau chén rượu năm mới, còn bà Yasuco ngồi cùng để tiếp chuyện.

Suychi ít khi uống ở nhà, nhưng hôm nay hẳn là vì trời mưa đã làm hỏng mọi kế hoạch nên anh ta ngồi uống hết chén này đến chén khác. Cũng vì đã uống quá đà nên anh chàng chẳng còn biết chừng mực gì nữa, bất chấp sự có mặt của ông bố!

- Kikuco, mang cam lại đây! - Bà Yasuco gọi. - Và con cũng lại đây ngồi luôn đi, vì ta chả biết nói gì với hai gã say lì lợm này!

Kikuco mang cam lại và nhìn Suychi.

- Chỉ có điều là ba đâu có uống nhiều. - Cô nói lững lờ.

- Thì tôi uống, vì tôi mãi nghĩ ngợi về cuộc đời của ba. - Suychi lèm bèm.

- Về cuộc đời tôi? - Singo ngạc nhiên hỏi.

- Không, cũng không hẳn thế. Đại thể là đời ba có được thành công hay là thất bại...

- Biết nói thế nào được? - Singo ngập ngừng đáp. - Một vấn đề như thế... nói về miếng ăn ngày nay thì cũng được gần như hồi trước chiến tranh rồi đấy. Hiếu theo nghĩa đó thì anh có thể gọi đời ba là thành công được.

- Ba vừa nói là cái ăn hả? - Suychi hỏi lại.

- Chứ gì nữa. Đó, ta đã sống được đến hôm nay để đón năm mới với món *ansua* (^[7]) và món đặc sản cá rán với trứng. Đối với ta thế là đủ. Trong khi

đó khối người đã lụn bại như anh biết đấy!

- Cái đó thì đúng rồi, con đâu có cãi.

- Nhưng cuộc đời của một người cha có được mỹ mãn hay không, còn tùy thuộc vào việc con cái ông ta có xây dựng được cuộc sống riêng hạnh phúc hay không nữa. Mà ta thì chưa thể hiện được về chuyện đó.

- Ba nghĩ là như vậy à?

- Nào, cha con ông thôi đi cho.- Bà Yasuco can thiệp. - Các người định bắt đầu năm mới thế đây à? Hãy nhớ là Fusaco nó đang ở đây đây!

Có tiếng cửa ngoài đường mở - đó là cô thư ký Ayco Tanizaki đến chúc mừng năm mới. Ayco không chịu vào nhà, cô đứng ở phòng đệm và cúi chào rất thấp khi trông thấy Singo.

- Vô cùng cảm động vì cô đã đến chơi trong tiết trời mưa gió thế này. - Singo nói. - Mời cô vào trong nhà cho ấm đã!

- Xin đa tạ ngài. - Ayco cương quyết từ chối.

Singo nhìn cô thư ký và cố đoán xem vì lý do gì mà cô lại đội mưa gió đến như vậy - để kêu ca hay để thông báo một tin quan trọng? Nhưng dù thế này hay thế khác, cô cũng đã hành động một cách can đảm!

- Nếu vậy để tôi vào thay quần áo rồi ta cùng đi chúc Tết vậy. Năm nào tôi cũng đi được vài nhà, hoặc ít nhất cũng phải đến chỗ ngài Itakura, cựu chủ tịch của hãng.

Chuyến tàu đi Icoxuca vắng ngắt. Mưa tạt vào kính cửa. Singo nhìn mưa và trong lòng thấy vui vì Ayco đến thăm ông.

- Năm nào cô cũng đến chúc Tết chúng tôi vào ngày mồng một đấy nhỉ?
- Singo nói.

- Quả có vậy ạ? - Ayco đáp và ngập ngừng một lúc rồi thốt ra. - Tôi những muốn ngài cho phép tôi đến thăm ngài cả sau khi tôi đã thôi việc?

- Lúc ấy thì cô đã có chồng con và chắc gì đến được nữa... Nhưng có chuyện gì vậy? Cô muốn nói với tôi điều gì phải không?

- Tôi muốn xin ngài cho tôi thôi việc. - Ayco nói bằng một giọng rất lạ.

Singo không biết trả lời ra sao, mặc dù ông cũng đã có chuẩn bị tinh thần.

- Nhưng tôi đến thăm ngài hôm nay không phải để nói về chuyện ấy. - Ayco kết luận một cách trang nghiêm khác thường đối với tuổi của cô. - Xin để dịp khác tôi sẽ thưa chuyện với ngài sau.

- Thì ra là thế! - Singo lẩm bẩm. Tâm trạng vui vẻ của ông đã tiêu tan.

Cô gái này đã làm việc với ông ba năm trời, cô luôn ở sát bên ông, vậy mà giờ đây ông thấy cô xa lạ hẳn. Cũng chẳng phải là ông chú ý đặc biệt gì đến cô - cô chỉ là thư ký của ông và chấm hết.

Nhưng dù sao ông cũng muốn can ngăn cô, thuyết phục cô. Song nghĩ cho cùng thì cô chẳng phải là nô lệ của ông.

- Chắc tôi chính là nguyên nhân khiến cô xin nghỉ việc phải không? Tôi đã bắt cô dẫn tôi đến căn nhà đó và cô đã phải trải qua những sự khó chịu ghê gớm. Tôi hình dung ra được cô khó chịu như thế nào khi cùng làm trong một hãng với Suychi.

- Xin thú thực là tôi hết sức khó chịu. - Ayco thẳng thắn đáp. - Nhưng sau đó tôi đã nghĩ lại và kết luận rằng, ở địa vị ngài, mọi người cha đều hành động như vậy. Tôi cũng thấy được rằng mình hoàn toàn sai trái. Khi anh ta mời tôi đi nhảy, tôi đã mừng muốn chết! Thậm chí tôi còn cùng anh ta đến chơi nhà cô ả kia nữa chứ...Hư hỏng đến như vậy.

- Nói thế có hơi quá không?

- Nhưng quả thực là tôi đã trở nên tồi tệ quá! - Ayco nói và nhắm mắt lại một cách thảm hại. - Nếu ngài cho tôi nghỉ việc, tôi sẽ tìm cách bảo cô ả kia để cho con trai ngài được yên. Chỉ có như vậy tôi mới trả ơn ngài được.

Singo thất kinh và cảm thấy bị xúc phạm.

- Dù sao thì tôi cũng không có quyền yêu cầu ở cô một việc như vậy, ông nói.

- Ngài không cần phải yêu cầu đâu. Tôi sẽ tự nguyện làm việc đó, và như vậy, tôi sẽ có thể trả ơn ngài về những gì ngài đã làm cho tôi.

Lời tuyên bố to tát từ cái miệng nhỏ bé của Ayco lại làm cho vết thương trong lòng Singo đau nhói, và thiếu chút nữa ông đã bảo cô ta đừng có nhúng mũi vào công việc của người khác.

Riêng Ayco thì đang có vẻ phẫn khích vì cái ý nguyện tự giác của mình.

- Tôi không sao hiểu nổi Suychi. - Cô tuyên bố. - Vợ đẹp như thế! Ngài có biết không, thấy anh sa đà với ả kia, tôi cũng khó chịu, nhưng không khi nào tôi cảm tử ghen với Kikuco, cho dù cô có được Suychi yêu chết mê chết mệt đi chăng nữa!

Ngừng một chút, cô nói thêm:

- Cũng có thể là đàn ông không yêu những người đàn bà không làm cho kẻ tình địch phải ghen tuông chăng?

Singo cười cay đắng.

- Suychi còn hay chê Kikuco là non nớt nữa. - Ayco nói tiếp - “Nó vẫn còn trẻ con và vì thế được ông già tôi thương”, anh ấy bảo thế.

- Cái đồ ngu ngốc. - Singo buột miệng. Ông cảm thấy người run lên vì tức giận.

Ayco bối rối im lặng. Singo hiểu con trai ông muốn ám chỉ tư chất đàn bà của Kikuco. Chẳng lẽ anh ta lại đi tìm một thứ gái điếm ở người vợ trẻ của mình? Điều đó hẳn phải là một sự vô giáo dục ghê gớm, một sự băng hoại tinh thần khủng khiếp.

Singo bỗng hiểu ra rằng con trai ông là một kẻ tàn nhẫn đến cùng cực. Cả Ayco lẫn tình nhân của anh ta cũng đều là những kẻ tàn nhẫn.

Chẳng lẽ Suychi không hiểu được rằng Kikuco là một con người thuần khiết đến mức nào? Trước mắt Singo hiện lên hình ảnh khuôn mặt trắng xanh, tinh tế của cô - khuôn mặt còn mang vẻ non dại của một đứa con út, được lớn lên giữa sự nâng niu chiều chuộng của gia đình. Singo cũng biết rằng việc căm ghét đứa con đẻ của mình vì chuyện vợ con của nó là không tự nhiên lắm, nhưng ông không thể vượt qua nỗi tình cảm của mình. Ở trong sâu thẳm của đời ông đang lặng lẽ trôi một mạch nước ngầm - cái dòng đời dị thường đã đưa ông đến cuộc hôn nhân với Yasuco sau cái chết của người chị gái, người đàn bà mà ông khao khát. Mà có thể sự dị thường - cái điều trái với tự nhiên không sao giải thích được - lâu nay lại được ngầm giúp thêm bởi sự gần gũi với Kikuco?

Kikuco đã cố kiềm chế sự ghen tuông khi Suychi ngoại tình.

Nhưng dù sao thì cũng chính sự tàn nhẫn và đồi bại của anh ta đã đánh thức người đàn bà ở trong cô.

Singo im lặng và tuyệt vọng tìm cách dập tắt sự phẫn nộ và nỗi đau buồn trong lòng mình. Cạnh ông, Ayco cũng im lặng.

4

Mới giữa tháng một mà cây anh đào trong vườn khách sạn Atami đã nở đầy hoa.

Người ta giải thích cho Singo rằng đó là giống anh đào mùa đông, dù vậy ông vẫn cứ có cảm giác là đã rơi vào mùa xuân của một thế giới xa lạ nào khác.

Singo đến khách sạn này để chuẩn bị cuộc chiêu đãi của hãng sẽ mở tại đây vào ngày hôm sau. Công việc chẳng có gì nhiều và ông ngồi ở hàng hiên ngắm cảnh cho đến khi những đám mây đen từ phía lưng núi Jicoku tà tà kéo đến. Hai chiếc đồng hồ của Singo - một bỏ túi và một đeo tay - chỉ hai giờ khác nhau. Chúng không bao giờ chạy khớp nhau cả và điều đó làm

ông khó chịu. “Nếu vậy sao ông không dùng một chiếc thoi?”, bà Yasuco đã bảo ông. Đương nhiên là bà có lý, nhưng thói quen vẫn là thói quen.

Trời có giông và mưa trút xuống xối xả. Điện bị cắt nên Singo đi ngủ sớm. Khi ông choàng tỉnh, từ phía vườn vắng lại tiếng chó tru.

Trong phòng rất ngột và Singo thở khó nhọc. Ông có cảm giác sẽ thổ huyết. Trước đây nhiều năm chuyện đó đã có lần xảy ra, nhưng không bao giờ lặp lại nữa. “Không phải trong ngực đâu. Dạ dày ta khó chịu đấy”, Singo lẩm bẩm ông xoa bóp trên trán và cổ.

Lăn trong tiếng gào rú của giông tố có một thứ tiếng âm ì rất nặng. Hẳn đó là tiếng xe lửa chạy qua đường hầm Tana, - Singo thầm nghĩ. Tiếng âm ì kéo dài rất lâu, trong khi lẽ ra chỉ mất vài phút là tàu phải qua hết đường hầm. Singo sẵn sàng thề rằng ông nghe thấy cả tiếng tàu bắt đầu vào đường hầm từ phía bên kia núi.

Chẳng lẽ ông lại có thể nghe tiếng tàu chạy ở cách bảy kilomet, tận phía Canani?

Singo cảm nhận được sự có mặt của con tàu ở trong đường hầm, như thể tàu chạy ở ngay trong đầu ông vậy. Ông cảm thấy rõ nó đang đi qua từng kilomet ra sao. Và ông thở ra nhẹ nhõm khi điều đó kết thúc. Chuyện này thật khó hiểu và Singo định bụng hôm sau sẽ hỏi lại cho ra nhẽ. Mãi lâu sau ông vẫn còn nằm thao thức.

- Singo-o, Singo-o, - trong cơn mơ màng ông bỗng nghe thấy tiếng ai gọi.

Chỉ có người chị gái của Yasuco mới có thể gọi tên ông theo lối nói kéo dài như vậy. Ông tỉnh hẳn, người lâng lâng vì một cảm giác ngọt ngào.

- Singo-o, Singo-o!

Tiếng gọi vọng lên ngay bên dưới cửa sổ phòng Singo và như lùi dần về phía vườn khách sạn. Ông mở choàng mắt, bật dậy, mở cửa sổ. Con suối nhỏ vẫn chảy róc rách phía sau khách sạn giờ đây réo âm âm. Từ bên ngoài

văng vào tiếng trẻ con la hét. Buổi sớm mai trong vắt, ánh nắng mùa đông rạng soi ấm áp.

Singo nhoài hẳn người lên thành cửa sổ và đưa mắt nhìn kỹ bụi trúc rậm rạp bên bờ suối.

CHƯƠNG VII: NƯỚC BUỔI SỚM

1

Vào bữa cơm sáng mừng một Tết, Suyichi nhận xét là tóc ông bạc rất nhanh, thậm chí mắt nhìn từ được. Singo bảo rằng đó là vì ông nhớ đến Kitamoto.

Là bạn cũ của Singo, Kitamoto thuộc loại người bị vận may phụ bạc. Trong chiến tranh ông đã mất ba người con, còn bản thân ông là một nhân viên kỹ thuật - thì bị mất việc làm khi xí nghiệp của ông chuyển sang phục vụ chiến tranh.

- Lão ta đã hóa dở rồi? - Một người bạn cũ của Singo đã nói về Kitamoto như vậy trong một dịp gặp gỡ. - Không có việc gì làm nên lão suốt ngày nhổ tóc bạc để giết thì giờ. Người nhà không để ý lắm đến việc đó vì cũng muốn cho lão được thoải mái. Nhưng dần dà Kitamoto không rời cái gương ra nữa - lão muốn nhổ kỳ hết tóc bạc, nhưng nhổ sợi này thì sợi khác lại mọc ra... Cứ thế suốt ngày lão đứng trước gương. Mỗi khi phải rời gương ra để đi đâu ít phút là lão nóng nảy, vội vã để mau trở lại.

- Nếu vậy thì ông hói trọi rồi chứ? - Singo cố nén cười hỏi.

- Đây không phải chuyện cười đâu, - ông bạn đáp. - Còn về việc hói thì đã hẳn: trên đầu lão không còn một sợi tóc.

- Thế vợ ông ta chỉ đứng nhìn mà không hề ngăn chồng mình ư?

Bạn ông không đáp, làm như không cần phải trả lời một câu hỏi như vậy. Sau đó Singo lại hỏi:

- Chắc ông ấy đau đớn lắm?

- Vì nhổ tóc ấy hả? Không, không đau đâu. Lão cố nhổ cẩn thận từng sợi tóc bạc mà. Nhưng tất nhiên là sau cả quá trình ấy, da đầu bị viêm tấy lên và mọi sự động chạm dù rất nhẹ cũng gây đau đớn. Đầu lão nóng rất như

thể bị bóng. Sau đó, người ta đã đưa Kitamoto vào nhà thương điên và ở đó lão đã nhổ nốt những sợi tóc bạc cuối cùng của mình. Thật kinh khủng phải không? Một hành vi kém sáng suốt đến như vậy. Lão chẳng muốn già và cố gắng làm cho tuổi thanh xuân trở lại. Cũng không ai biết khi bắt đầu nhổ tóc thì Kitamoto đã điên rồi, hay vì quá ham mê việc giữ cho đầu không có tóc bạc mà lão hóa điên?

- Và kết quả là ông ấy cũng qua khỏi chứ?

- Phải, Kitamoto đã qua khỏi. Ở đây, đã xảy ra một điều kỳ diệu. Trên cái đầu trọc hoàn toàn của lão ta đã mọc lên vài đám tóc đen.

- Làm gì có chuyện đó? - Singo bật cười, nói.

- Tôi nói thật với anh mà! - Ông bạn trả lời hết sức nghiêm trang. - Những người điên họ không có tuổi. Nếu tôi với anh giờ mà lại mất trí, thì có thể chúng ta sẽ trẻ ra.

Ông ta liếc nhìn tóc Singo và nói thêm:

- Anh thì còn có cơ hội, nhưng với tôi thì đã muộn rồi.

Thực tế là đầu ông ta đã hói.

- Hay là để tôi thử? - Singo làu bàu.

- Anh cứ thử đi, nhưng tôi không tin là anh sẽ có đủ hào hứng để nhổ kỳ sạch tóc.

- Và tôi cũng thấy thế. Vả lại, tóc bạc không làm tôi e ngại. Tôi không có ước vọng đem lại cho mình mái tóc đen bằng cái giá của sự mất trí.

- Anh nói thế vì mọi sự ở chỗ anh đều ổn thỏa, vì anh đã bơi qua được bể khổ của con người.

- Cũng không hẳn thế đâu, nhưng thôi... Lẽ ra là anh nên khuyên Kitamoto nhuộm tóc thay vì nhổ tóc bạc.

- Nhuộm tóc chỉ là sự lừa dối. Nếu chúng ta rơi vào vòng cám dỗ của sự lừa bịp thì sẽ chẳng bao giờ biết đến cái phép lạ như đã xảy ra với Kitamoto

đâu, anh hiểu không?

- Nhưng mặc dù có phép lạ, ông ta vẫn chết, đúng không?

- Anh có đi dự lễ tang lão ta à?

- Không, vì mãi sau chiến tranh tôi mới biết. Nhưng dù lúc đó có biết thì cũng chưa chắc đã đi được. Dạo Tokyo đang bị ném bom dữ dội nhất.

- Pha-ải... mà các phép màu thì ngăn ngủi lắm. Đó: Kitamoto nhổ hết sạch tóc bạc, chiến đấu với tuổi già. Đời anh cũng chẳng dài thêm được chỉ vì tóc của anh đen lại. Mà có khi ngược lại là đằng khác. Biết đâu tóc đen mọc lên chẳng làm tiêu tán hết cả nguyên khí và rút ngắn đời anh? Nhưng dù sao tôi cũng nghĩ là sự rồ dại tuyệt vọng của Kitamoto không phải là không có một chút liên quan nào đến hai chúng ta đâu. - Ông bạn kết luận và lắc đầu.

Singo không tin hoàn toàn câu chuyện. Ông có cảm giác là bạn mình hơi phóng đại. “Ồ, ta quên không hỏi lúc Kitamoto chết thì tóc của ông ta thế nào, đen hay trắng?”, ông thầm nghĩ và thấy buồn cười. Ông cũng nhận thấy trong cách nói của người bạn có một chút mỉa mai đối với Kitamoto. Một người già đã kể bằng một giọng giễu cợt và không phải là không tàn nhẫn về cái chết của một người già khác, điều đó để lại trong tâm hồn của Singo một dư vị không mấy dễ chịu.

Hai người bạn cũ của Singo - Mitzuta và Kitamoto - đã qua đời trong những hoàn cảnh kỳ lạ. Mitzuta thì chết đột ngột trong một khách sạn ở nơi an dưỡng bên cạnh người vợ trẻ. Sau đó Singo buộc phải mua lại những chiếc mặt nạ *Noh* của ông ta. Còn vì Kitamoto thì Singo đã phải nhận Ayco Tanizaki làm thư ký.

Đó là vào một ngày đẹp trời, cô ta xuất hiện ở phòng giấy của ông và trình bức thư giới thiệu của con gái Kitamoto. Ayco và con gái Kitamoto là chỗ bạn học, nhưng dù vậy Singo cũng lấy làm lạ là cô con gái của người bạn cũ mà ông chưa gặp bao giờ lại yêu cầu ông một việc như vậy. Ngay cả Ayco cũng cho biết là hai cô chỉ vừa mới gặp lại nhau kể từ lúc xảy ra chiến

tranh tới giờ. Singo đã kết luận rằng cả hai cô đều không nghiêm túc. Ông không thấy có nghĩa vụ phải thỏa mãn đề nghị nêu trên trong bức thư, dù vậy ông vẫn nhận Ayco vào làm.

Từ đó tới nay đã ba năm trôi qua và Singo lấy làm lạ là, Ayco đã giữ kín mọi chuyện được lâu như vậy. Ngoài việc đi nhảy với Suychi ra, trong suốt thời gian ấy cô ta còn tới chơi nhà tình nhân của anh ta nữa. Và một lần kia cô đã dẫn cả Singo tới đó.

Dường như giờ đây cô đã chán ngấy tất cả. Singo luôn cho rằng tính tình Ayco hời hợt, nhưng mãi sau khi cô nghỉ việc rồi ông mới hiểu rằng cô cũng không thiếu lòng tốt và đức tính cao thượng.

2

- Hôm nay ba dậy sớm quá vậy! - Kikuco thốt lên khi thấy Singo hiện ra sau lưng cô bên bồn rửa mặt.

Trong bồn nước mà Kikuco đang tháo đi, Singo thấy có mấy giọt máu. Bất chợt ông liên tưởng đến lần thổ huyết cách đây vài năm của mình. “Hay là Kikuco cũng...?”, ông hoảng sợ nghĩ. Nhưng vấn đề đã được làm sáng tỏ là cô chỉ bị chảy máu cam.

Kikuco bịt mũi bằng chiếc khăn tay.

- Ngẩng đầu lên và dựa lưng vào tường! - Singo kêu lên và vỗ vỗ nhẹ vào lưng cô.

- Không sao đâu mà ba. Con xin lỗi vì thế này... - Kikuco nói và trong khi đó một dòng máu đỏ chảy dọc theo cánh tay cô.

Kikuco nhắm mắt và im lặng. Khuôn mặt tái xanh của cô còn mang rõ dấu ấn của tuổi thơ trong trắng, Singo nhìn thấy một cái sẹo nhỏ trên trán cô dưới mái tóc lò xo.

- Cứ để đó và đi tắm đi. - Singo ra lệnh khi thấy mũi Kikuco đã chảy hết máu và cô đang định rửa cái bồn sứ.

Ông xối cho nước chảy và định gọi vợ để bà săn sóc Kikuco, nhưng lại thôi vì nghĩ rằng chắc gì Kikuco đã muốn để mẹ chồng thấy cảnh cô đau đớn. Máu mũi cô đã phun ra thành vòi, mà Singo thấy như nỗi đau khổ trào ra từ trong lòng cô.

Trong khi Singo còn đang nghĩ ngợi bên bồn rửa mặt, Kikuco đi ngang qua với một xẻng than đang cháy đỏ để cho vào lò sưởi.

Singo bỗng giật mình khi sức nhớ ra là Fusaco cũng đang ở đây.

Chị ta ngủ trong phòng bên cạnh với hai đứa bé.

Lẽ ra ông phải đánh thức Fusaco dậy để giúp Kikuco. Thật kỳ lạ là nói chung Singo không nhớ gì đến con gái mình.

Lúc nghỉ trưa, Singo dẫn Suychi đi ăn ở một tiệm cơm Tây gần chỗ làm việc.

- Anh có biết là Kikuco có cái sẹo trên trán chứ? - ông hỏi.

- Vâng, biết.

- Vết sẹo do cặp forcep đẩy. Tôi không chắc có phải đó là dấu vết của một ca đẻ khó hay không, nhưng vết sẹo nổi hẳn lên mỗi khi Kikuco bị đau.

- Ba nói về chuyện sáng nay?

- Chứ gì nữa.

- Mỗi khi cô ấy xanh mét, vết sẹo lại nổi rõ.

- Mà hình như đêm qua nó không ngủ thì phải?

Suychi nhú mào, sau đó anh nói:

- Ba không cần quá chú ý đến một người ngoài như vậy đâu, ba ạ.

- Ai là người ngoài? Vợ anh ấy hả?

- Thì chính là về chuyện đó đấy. Ba không cần phải quá chú ý đến vợ của con trai mình thế đâu.

- Anh định nói gì?

Suychi không đáp.

3

Ayco và một người đàn bà đợi Singo trong phòng khách. Ayco đứng lên khi thấy ông vào.

- Xin ngài thứ lỗi vì đã lâu tôi không lại thăm ngài. Bữa nay trời mới ầm lên... - Cô ta nói vài câu xã giao.

- Phải, đã lâu rồi... Mấy tháng rồi còn gì? - Singo đáp và nhận thấy Ayco mập ra.

- Đây là chị Ikeda. - Ayco giới thiệu. - Trước đây tôi đã có nói với ngài về chị.

- Rất hân hạnh. Tôi là Ogata.

Singo không thể bắt mình cảm ơn Ayco về sự quan tâm của cô đối với Suychi, theo như phép lịch sự đòi hỏi.

- Chị Ikeda không muốn gặp ngài. - Ayco nói tiếp. - Tôi đã gần như phải dùng vũ lực để đưa chị ấy tới đây đây.

- Vậy ư? Ta sẽ nói chuyện tại đây, hay các chị muốn đi đến một chỗ nào đó?

- Nếu ngài hỏi tôi thì tôi thấy ở đây cũng được. - Người đàn bà tên Ikeda đáp.

Singo cảm thấy bối rối. Ông đã quên lời Ayco nói trước đây và bị bất ngờ về cuộc gặp này. Kể cũng lạ là mấy tháng sau khi thôi việc, cô ta lại nhớ thực hiện lời hứa cũ.

- Ayco cứ ép quá nên tôi buộc phải đến. - Ikeda mở đầu không lấy gì làm thân thiện. - Đã nhiều lần tôi bảo Kinu là phải cắt đứt với Suychi. Tôi cũng có nghĩ là nếu gặp ngài, cha của Suychi, thì tôi có thể giúp được gì đó.

- Tôi hiểu chị.

- Ayco là người có công trạng trong chuyện này, hơn nữa cô ấy thông cảm với vợ Suychi.

- Kikuco là một người vợ tuyệt vời. - Ayco xen vào.

Cô cũng nói điều đó cả trước mặt Kinu, nhưng thời nay ít có người đàn bà nào chịu bỏ tình lang của mình chỉ vì anh ta có một người vợ tuyệt vời. Song Kinu thì tuyên bố rằng sẽ chỉ chịu trả chồng người khác về cho vợ anh ta nếu người ta trả lại chồng cho cô ấy. Chồng Kinu đã hy sinh ngoài mặt trận: “Miễn sao người ta trả chồng tôi lại cho tôi, tôi sẽ để cho anh ấy tha hồ muốn làm gì thì làm”, Kinu bảo thế. Những người đàn bà mất chồng trong chiến tranh sẵn lòng đồng tình với cô ấy. “Chúng ta đã đau khổ biết chừng nào khi tiễn các anh đi vào chỗ chết. - Kinu nói. - Ở chỗ tôi, Suychi không có nguy cơ bị giết hay bị thương gì hết. Tôi sẽ trả anh về với vợ con nguyên vẹn, khỏe mạnh”.

Singo mỉm cười buồn bã.

- Kinu còn bảo rằng dù sao thì vợ Suychi cũng không bị mất chồng ngoài mặt trận. - Ikeda nói tiếp. - Khi Kinu cùng với Suychi uống rượu say rồi thì cô còn bắt anh ta về nói lại với vợ rằng cô ta còn chưa biết thế nào là đợi chờ chồng từ mặt trận trở về đâu...Chồng tôi cũng hy sinh trong chiến tranh. Ngài không thấy rằng trong tình yêu của một người vợ góa do chiến tranh có một cái gì đấy xấu xa hay sao?

- Chị định nói đến điều gì?

- Đàn ông, trong đó có cả Suychi, khi uống rượu vào đều trở thành súc vật. Anh ta hết sức thô bạo đối với Kinu, bắt cô phải hát. Kinu thì không chịu hát, nên tôi, vì không muốn ầm ĩ, đã phải hát thay cô. Nếu không làm cho anh ta yên, chúng tôi sẽ gặp rắc rối với hàng xóm. Lúc đầu tôi cảm thấy bị hạ nhục, nhưng rồi tôi đi đến kết luận, rằng không phải rượu, mà chính là chiến tranh đã làm cho Suychi trở thành như vậy. Có thể là khi ở ngoài mặt trận, anh ta đã tiêu khiển như thế với phụ nữ. Nhìn anh ta nổi loạn mà tôi

hình dung ra chồng mình. Tôi thấy đau nhói khi tưởng tượng mình là người đàn bà mà có chồng cũng đã giải trí ngoài mặt trận như thế. Thế là tôi òa khóc và bắt đầu hát những bài hát tục tĩu. Tôi nghĩ muốn tin rằng chồng mình là một ngoại lệ... Từ đó tới nay, mỗi khi Suyichi bắt tôi hát, Kinu lại cùng khóc với tôi.

Singo hoàn toàn ủ dột. Ông thấy khổ sở phải nghe người đàn bà kia nói.

- Vậy nên chấm dứt câu chuyện ấy đi thì sẽ tốt hơn cho cả hai chị, đúng thế không? - Singo đề nghị.

- Ngài nói phải, Kinu cũng đã nói rằng nếu còn tiếp tục như vậy cô sẽ gục ngã. Nhưng riêng tôi thì tôi thấy là Kinu còn sợ. Cô ấy sợ là việc chia tay với Suyichi sẽ đẩy cô ấy đến chỗ sụp đổ. Người đàn bà...

- Không có gì đáng sợ đâu! - Ayco xen vào.

- Miễn sao là cô không mất việc. - Ikeda nói tiếp và trở vào bộ y phục của mình. - Cái này là do Kinu may cho tôi đấy. Cô ấy là người thợ cắt giỏi thứ nhì ở trong tiệm may. Người ta đánh giá cô ấy rất cao. Và thế nên tôi tin rằng Kinu không phải là gánh nặng về mặt tài chính đối với Suyichi đâu.

- Ở đây không phải là vấn đề tiền. - Singo tức giận nói.

- Tôi vẫn nói với Kinu một điều mỗi khi Suyichi đối xử thô bạo với cô, - Ikeda kết luận, - đó là anh ta đã bị thương khi trở về nhà. Một người lính với vết thương ở trong tim.

Sau đó chị ta ngẩng lên và hỏi:

- Vợ chồng Suyichi không thể ra ở riêng được ư? Tôi vẫn nghĩ, là nếu họ ra ở riêng thì Suyichi sẽ cắt đứt với Kinu...

- Tôi không biết. Để xem đã. - Singo buông một câu sống sượng.

Ông tức giận vì người đàn bà kia đã dây vào chuyện nhà ông, nhưng ở một chừng mực nào đó ông không thể không đồng ý với chị ta.

Singo không yêu cầu Ikeda một điều gì, cũng như chẳng có gì để nói với chị ta. Ông chỉ nghe chị ta nói.

Đối với Ikeda thì cuộc viếng thăm này hẳn là vô bổ. Đối với Singo thì lẽ ra nó sẽ bổ ích hơn nếu ông không rơi vào cảnh thất thế của kẻ phải cầu xin. Tuy vậy, chị ta cũng đã kể cho ông biết nhiều chuyện. Có lẽ là để thanh minh cho Kinu, nhưng cũng không hoàn toàn chỉ vì thế.

Singo nghĩ rằng đúng ra ông phải biết ơn cả Ikeda lẫn Ayco.

Dường như lòng kiêu hãnh của ông đã bị tổn thương rất lớn.

Ông về đến nhà lúc mười một giờ tối. Suychi vẫn còn chưa thấy đâu, Fusaco đang cho con bú.

Sau khi hỏi han Fusaco về mấy đứa cháu, Singo nói khẽ với bà Yasuco:

- Có lẽ phải cho vợ chồng Suychi ra ở riêng.
- Cũng được... Nhất là nếu Fusaco ở lại đây với chúng ta.
- Con sẽ đi thôi, mẹ ạ, nếu là vì con. - Fusaco tiến lại nói. - Con sẽ đi thuê nhà. Có phải con phải làm việc đó chẳng?
- Câu chuyện của chúng ta không liên quan gì đến mày. - Singo gầm lên.
- Liên quan chứ sao lại không? Liên quan nhiều là khác. Khi Aikhara bảo thẳng vào mặt con rằng sở dĩ con như vậy là bởi vì cha không thương yêu con thì con đã uất huyết chết. Đó là sự sỉ nhục lớn nhất trong đời con.
- Thôi, bình tĩnh lại đi! - Singo nói. - Cô đã ba mươi tuổi rồi, không còn bé bỏng gì nữa đâu mà làm những trò hờn dỗi!

Fusaco choàng vạt áo kimono lên bộ ngực căng sữa của mình và đáp lại:

- Con không thể trấn tĩnh được vì con không có chỗ nào để tá túc cả, bố có hiểu không?

Singo mệt mỏi đứng dậy.

- Nào, bà lão, ta đi ngủ thôi. - ông nói.

CHƯƠNG VIII: TIẾNG GỌI TRONG ĐÊM

1

Singo choàng tỉnh vì một tiếng động lạ. Ông không thể phân biệt được đó là tiếng chó tru hay tiếng người rên rỉ. Thoạt đầu ông đã nghĩ rằng con Teru hú lên trong cơn hấp hối. Nếu nó bị ai đánh thuốc độc thì cũng chẳng có gì là lạ.

Tim Singo đập đờ hồi. Ông có cảm giác chỉ sau chút nữa ông sẽ bị đứng tim. Nhưng khi tỉnh táo hẳn, ông nhận ra không phải tiếng chó tru, mà là tiếng người kêu. Tiếng kêu ấy trầm đục, khàn khàn như thể người kêu bị bóp cổ. Hẳn là kẻ đang kêu ở trong cảnh nguy hiểm chết người.

- Kico-o-o, kico-o-o! - Tiếng kêu đầy đau đớn, giọng lạc hẳn đi.

- Kico-o-o, kico-o-o!

Có lẽ kẻ bất hạnh muốn nghe (^[8]) lời tuyên án của kẻ giết mình?

Sau đó Singo nghe thấy tiếng người dội vào cánh cửa. Ông nhún vai và ngồi dậy trên giường.

- Kico-o-o, kico-o-o.

Lần này thì Singo nghe ra là tiếng Suychi gọi Kikuco. Lưỡi anh ta đã lú lại và nuốt mất âm tiết thứ hai của cái tên.

Singo bủn rủn chân tay, ông nằm gục xuống giường và thấy ngộp thở. Sau khi lấy lại hơi, ông định mở cửa, nhưng rồi ông chợt nghĩ rằng tốt nhất là đứng dậy. Suychi gọi vợ mình bằng một giọng đầy tình cảm và sâu muộn, giọng của một kẻ đã bị mất hết mọi thứ trên đời này. Đó là tiếng gào của một đứa trẻ mất mẹ trong cơn đau đớn và tuyệt vọng, tiếng gào của sự khiếp sợ đầy vẻ chết chóc, âm thanh phát ra từ trong sâu thẳm của nỗi sợ. Phơi bày cả linh hồn mình ra đó, Suychi đã gọi Kikuco và cầu xin một sự khoan dung.

Hắn là anh ta sợ cô không nghe thấy nên kêu bằng cái giọng ngọt ngào đã lạc đi vì rượu, như thế khi đang chìa tay xin bố thí, như thế khi đang quỳ trước mặt cô.

- Kico-o-o, kico-o-o! Sự tuyệt vọng của Suychi lan sang cả Singo. Chưa khi nào trong đời ông gọi Yasuco bằng cái giọng tràn đầy thứ tình yêu tuyệt vọng đến như vậy. Có thể là vì ông chưa biết đến nỗi tuyệt vọng mà Suychi từng trải qua trên các bãi chiến trường.

- Kico-o-o, kico-o-o!

Singo bật ngọn đèn ngủ ở đầu giường. Đồng hồ chỉ hai rưỡi sáng.

Hắn là Suychi đã trở về bằng chuyến tàu cuối cùng lúc một giờ. Có cái gì đó trong tiếng gọi của anh ta mách bảo rằng anh ta đã đoạn tuyệt với mối tình của người đàn bà ở Tokyo.

Có tiếng Kikuco đi ra cửa. Singo thở dài nhẹ nhõm và tắt đèn đi.

“Con tha thứ cho nó nhé, được chứ?”, ông thầm nói với Kikuco trong tâm tưởng.

Hắn là Kikuco dìu Suychi vào nhà, sau đó có tiếng hai người ngã huych trên sàn nhà bếp.

- Ngồi yên. - Tiếng Kikuco nói. - Đặt chân lên đầu gối em đây...thế! Mỗi khi uống rượu, chân mình lại sưng lên này.

Hình như cô đang cởi giúp giày cho Suychi. Vậy là cô đã tha thứ cho anh ta. Có thể là như một người vợ, Kikuco thậm chí còn lấy làm vừa lòng vì thỉnh thoảng cũng có dịp để tha thứ cho Suychi. Hoặc cũng có thể là cô đã nghe thấu được trong tiếng kêu của anh ta? Dù thế nào thì Kikuco cũng là một người vợ tốt, cô đã xử sự đầy thiện chí với người chồng say rượu từ chỗ tình nhân của anh ta trở về.

Vợ chồng Suychi đã ngủ yên, nhưng Singo không sao ngủ lại được ông nằm thao thức và suy nghĩ miên man.

Có thể là vì đa cảm mà ông thấy tiếng kêu của Suychi có vẻ khác lạ và tội nghiệp như vậy. Biết đâu ông đã chẳng lầm vì giọng của Suychi chỉ lạc đi một cách hết sức bình thường vì say rượu, hoặc nữa anh ta giả say để giấu giếm sự thấp hèn của mình?

Ông đã tha thứ cho anh ta chính vì giọng kêu. Có lẽ cả Kikuco cũng vậy. Câu chuyện xảy ra thật bi ối - gã khốn uống cho say ở chỗ ả tình nhân rồi về nằm vật ra trước cửa nhà mình.

Kikuco, nạn nhân của Suychi, lại chính là người đã tha thứ những lỗi lầm của anh ta. Cô mới hai mươi tuổi và sẽ còn phải tha thứ như thế đến bao giờ?

Hôn nhân vốn giống như một kẽ nứt nguy hiểm, có thể hút hết mọi xấu xa mà vợ chồng người ta vẫn gây ra khi sống với nhau.

“Vết nứt của đời sống vợ chồng”, Singo lẩm bẩm thành tiếng trong khi nghĩ rằng, người đàn ông và người đàn bà cần phải chịu đựng những cái xấu của nhau và năm tháng trôi đi, càng ngày họ càng đào sâu thêm kẽ nứt của đời sống vợ chồng. Bởi vì người đàn bà chỉ nhận thức được bản thân mình qua sự xung đột với những thói xấu của người chồng.

Singo xoa xoa đôi mí mắt sưng húp và bỗng nhớ lại giấc mơ mà tiếng kêu của Suychi đã làm gián đoạn. Ông đã nằm mơ thấy một câu chuyện tình trong trắng của hai đứa trẻ. Cô gái mới có mười bốn tuổi và đã phải nạo thai. Singo nhớ rất rõ những lời người ta nói về câu chuyện đó: “Từ giờ trở đi cô đã thành một nữ thánh!”

Không nghi ngờ gì là giấc mơ của ông liên quan đến một bài báo được đăng trong số báo buổi chiều.

“Một cô bé đẻ sinh đôi” - Dưới cái đầu đề giật gân, bài báo đã trình bày những số liệu đáng lo ngại về những vụ phá thai của các cô gái vị thành

niên, trong đó có một cô học sinh mười bốn tuổi học lớp tám Kitatsugra đẻ sinh đôi. Cả người mẹ và hai đứa trẻ đều khỏe mạnh và người mẹ đã tiếp tục cắp sách đến trường. Gia đình của cô ta không hề biết gì về việc cô mang thai. Một nữ sinh khác đã có thai với một bạn học cùng lớp. Khi cha mẹ hai bên bắt cô gái phá thai, thì cậu con trai đã tuyên bố. “Chúng con không hề đùa giỡn. Chúng con sẽ lấy nhau”.

Bài báo đã gây ấn tượng mạnh đối với Singo và kết quả là ông nằm mơ thấy câu chuyện tình mà trong đó cô gái phá thai. Có điều là trong câu chuyện tình ông không thấy có gì là xấu xa đồi bại.

Đó là mẩu chuyện kỳ lạ về một mối tình trong trắng và cô gái đã trở thành một vị thánh. Cú sốc vì bài báo ở ông đã biến thành một câu chuyện đẹp. Có thể vì trong mơ ông đã cứu được cô gái và cả chính bản thân mình.

Singo tự hỏi phải chăng lòng nhân ái của ông chỉ bùng lên trong những giấc mơ? Và thế là ông rơi vào một cơn đa sầu đa cảm. Chắc hẳn hơi thở của tuổi thanh xuân đã trôi qua vừa mang lại cho ông giấc mơ kỳ diệu về mối tình trong trắng. Có thể là vì thế, trong một tâm trạng kích động, ông đã cảm nhận được tình yêu và vẻ thống thiết trong tiếng kêu khốn khổ của Suychi.

3

Con tàu lao nhanh qua bình nguyên Kitamakura. Kikuco nhìn ra bên ngoài và thốt lên đầy vẻ ngạc nhiên:

- A, hoa mai đã nở!

Khu vườn mai ở Kitamakura nằm ngay bên đường sắt. Những cánh mai trắng đã xòe cánh và trông không được tinh khiết dưới ánh mặt trời ấm áp.

- Thì ở vườn nhà ta mai cũng nở rồi. - Singo nói, nhưng liền đó ông nhớ ra là ở nhà ông chỉ có một hai cây và cảnh tượng lộng lẫy như ở đây thì lần đầu tiên Kikuco mới được thấy.

Ít khi Kikuco ra khỏi nhà, trừ khi đi chợ loanh quanh. Hôm nay cô cùng đi với Singo để đến thăm người bạn nằm bệnh viện ở Honggo (^[9]). Tình nhân của Suychi cũng ở gần đó nên điều này khiến Singo hơi lo ngại.

Dọc đường Singo định hỏi xem con dâu đã có thai chưa, nhưng rồi ông lại thôi. Nếu bà Yasuco biết Kikuco đến thăm bạn ở khoa sản phụ, hẳn là bà đã bảo cô nhân tiện khám bệnh luôn. Đã mấy lần bà nhắc nhở cô về chuyện con cái và Singo nhận thấy những cuộc nói chuyện không lấy gì làm dễ chịu đối với Kikuco. Nếu Kikuco đã có thai, thì điều đó hẳn là nhờ ả tình nhân của Suychi, kẻ đã đánh thức người đàn bà ở trong cô. Một ý nghĩ thật đáng kinh tởm, nhưng rất con người.

Khi tàu vào ga Totsuca, Singo ngập ngừng nói:

- Kikuco, con này, từ lâu ta đã nghĩ... Mà vợ chồng các con có muốn ra ở riêng không?

Kikuco nhìn ông. Cô chờ ông nói tiếp. Sau đó cô hỏi một cách khổ sở:

- Và sao kia, ba? Vì Fusaco trở về ư?

- Không, Fusaco không dính dáng gì đến chuyện này cả. Ta cũng hình dung được con sẽ vất vả thế nào với cái con quý sứ ấy dưới một mái nhà, nhưng Fusaco sẽ không ở lại với chúng ta lâu đâu, kể cả khi nó ly dị với Aikhara. Vấn đề ở đây chỉ liên quan đến việc vợ chồng con thôi. Con không nghĩ là như thế sẽ tốt hơn cho vợ chồng con hay sao?

- Không ạ. Ba đã tốt với con như thế. Con chỉ muốn được ở gần ba. Không hiểu ba có tưởng tượng được con thấy cô đơn thế nào khi thiếu ba không...

- Con vỗ về ta đó thôi.

- Không mà. Ba đã chiều con nhiều. Con đã quen được chiều từ bé. Con từ thích được sống ở gần ba.

- Ta hiểu vì sao ta lại cưng chiều con và đối với ta, con cũng là niềm an ủi. Ta sẽ cô độc nếu các con tách ra ở riêng. Nhưng con cũng thấy Suychi

nó làm gì rồi đấy, mà ta thì chưa lần nào nói chuyện với con về vấn đề ấy cả. Sống bên một người cha vô tích sự và bất lực như ta, có ích lợi gì hả con? Vì thế mà ta nghĩ rằng, nếu các con sống riêng ra, có thể các con sẽ đi đến một quyết định sáng suốt nào đó.

- Không phải như vậy đâu ba! Con vẫn hiểu là dù không nói gì nhưng ba vẫn thông cảm với con và buồn lòng về chuyện của con. Và đó chính là điều đã giúp con sống. - Kikuco xúc động nói, trong đôi mắt to của cô long lanh những giọt lệ. - Nếu chúng con chỉ có hai người, con sẽ thấy sợ. Con không hiểu con sẽ có thể chịu đựng nổi khi phải đợi chờ anh ấy hay không... hẳn là con sẽ thấy cô đơn ghê gớm, buồn và sợ hãi.

- Ừ con phải một mình đợi chờ nó... Nhưng chuyện này đâu phải để nói trên tàu! Tuy vậy, con cứ suy nghĩ đi.

Dường như Kikuco lo sợ thực sự vì đôi vai cô cứ run lên.

Singo tiễn cô đến tận nơi bằng xe taxi. Ông chỉ bỏ đi sau khi chắc chắn rằng cô đã vào bệnh viện. Biết đâu ả tình nhân của Suyichi lại chẳng đột ngột xuất hiện?...

CHƯƠNG IX: TIẾNG CHUÔNG MÙA XUÂN

1

Người ta kỷ niệm 700 năm kinh đô Phật giáo ở Kamakura vào mùa hoa anh đào nở. Suốt ngày tiếng chuông chùa giống giả không ngớt.

Singo lúc nghe thấy tiếng chuông lúc không, ông phải căng hết thính giác của mình ra. Kikuco thì nghe thấy cả, dù cô đang ở đâu và làm gì trong nhà.

- Đó, chuông đánh đó? - Singo kêu lên.

- Dào ôi, ông nghe được một cái là mừng rú lên. - Bà Yasuco làu bàu. -
Mấy nhà sư hẳn là mệt lả người vì đánh chuông suốt ngày này qua ngày khác như vậy!

- Không đâu mẹ ạ, các nhà sư không đánh chuông, mà khách đi lễ đánh đấy ạ. Cứ giống một tiếng chuông là được thưởng mười yên.

- Kikuco giảng giải.

- Bày đặt khôn gớm nhỉ! - Singo thốt lên ngạc nhiên.

- Họ giống chuông để cầu siêu cho người chết. Các chùa còn lập cả kế hoạch nữa cơ: bao nhiêu người đến xem lễ và giống chuông...

- Con vừa bảo kế hoạch ấy hả? - Singo hỏi lại và cảm thấy sặc sụa vì buồn cười.

- Trong tiếng chuông chùa có một cái gì đó thật là buồn thảm! - Kikuco nói. - Con thấy rung mình lên ấy.

Điều đó làm Singo ngạc nhiên, bởi vì ông đã nghĩ là được ngồi ngắm hoa đào nở và nghe tiếng chuông chùa trong một ngày tĩnh mịch như ngày này thì thật thú vị và thư thái biết bao nhiêu.

- Thế còn ngày lễ 700 năm này là thế nào nhỉ? - Bà Yasuco hỏi.. - Người thì bảo là kỷ niệm Đức Phật Tổ, kẻ thì lại bảo là kỷ niệm đấng Nichiren.

Singo và Kikuco không trả lời được.

- Thế báo chí không viết gì về chuyện đó hả mẹ? - Kikuco hỏi.

- Hình như cũng có đây. - Yasuco đáp và đưa một xấp báo cho con dâu. - Tôi cũng có thấy viết gì đó về ngày lễ, nhưng câu chuyện về cặp vợ chồng già bỏ nhà ra đi đã gây ấn tượng quá mạnh làm tôi quên hết mọi cái khác. Một nhà từ thiện lớn, Phó chủ tịch Hội đua thuyền Nhật Bản, nguyên Chủ tịch hãng sản xuất thuyền buồm, sáu mươi chín tuổi. Còn bà vợ thì sáu mươi tám...

- Nhưng điều gì đã gây ấn tượng đối với bà? - Singo hỏi.

- Ông ta để lại một bức thư trắng trời như sau: *“Chúng tôi không muốn đạt đến cái tình trạng đáng ghét của tuổi già, khi mà người ta chỉ còn đếm từng ngày và bị thế giới và mọi người quên lãng. Hai chúng tôi không muốn sống đến lúc đó. Chúng tôi rất thông cảm với Tử tước Tacaghi ([\[10\]](#)). Con người ta cần phải ra đi, trong lúc còn được yêu mến. Vì thế chúng tôi rời bỏ thế giới này trong tình thương yêu của gia đình và của vô vàn bạn hữu cùng các bậc đồng nghiệp, đồng niên”. Đó là bức thư họ để lại cho con gái. Còn cho các cháu thì họ viết thế này: “Cũng sắp đến ngày nước Nhật được hoàn toàn độc lập, song con đường tới tương lai vẫn còn đen tối lắm. Nên những người trẻ tuổi từng biết đến nỗi khủng khiếp của chiến tranh nay thực sự muốn hòa bình, họ cần phải đi theo tư tưởng của Gandhi vốn phủ nhận việc sử dụng bạo lực. Chúng tôi đã sống quá lâu và trở nên bất lực trong việc dẫn dắt người khác và cả bản thân mình đi theo con đường mà chúng tôi cho là duy nhất đúng. Cố sống đến cái “tuổi đáng ghét” có nghĩa là chúng tôi sẽ xóa bỏ hết cuộc sống đã qua cho tới phút này. Chúng tôi muốn được nhớ đến trong ký ức của các cháu như một người ông và một người bà tốt”.*

Đọc đến đó Yasuco im lặng, Singo ngoảnh mặt đi và chăm chú nhìn những cây anh đào ở ngoài vườn.

- Họ đã bỏ nhà ra đi, sau đó có ghé lại chỗ người chị gái của ông chồng ở Osaca rồi từ đó biệt tăm. - Bà Yasuco nói thêm, mắt không rời tờ báo.

- Thế còn bà vợ có để lại lời vĩnh biệt không? - Singo hỏi.

- Cái gì cơ? Bà vợ ấy à? - Yasuco ngạc nhiên hỏi lại.

- Thì bà vợ chứ gì nữa! Một khi hai người đã định cùng chết, thì việc mỗi người đều trắng trối lại cũng là tự nhiên thôi. Bà thử tưởng tượng nếu tôi với bà mà định chấm dứt cuộc đời thì bà cũng muốn để lại vài lời chứ?

- Tôi chẳng cần trắng trối gì cả. - Yasuco đáp nhanh. - Chỉ có bọn trẻ khi định tự tử là cả anh cả nàng đều viết thư tuyệt mệnh để lại thôi. Bởi vì họ muốn kể cho người biết là lúc còn sống họ đã bị chia duyên rẽ thúy như thế nào. Còn tôi thì có gì mà muốn nói đến mức ấy! Khi người ta đã là vợ chồng của nhau, thì chỉ cần người chồng để lại thư tuyệt mệnh là đủ.

- Quả thực bà nghĩ thế à?

- Đó ông xem, nếu tôi muốn chết một mình thì mọi cái sẽ khác hẳn.

- Trong tâm hồn bà sẽ dồn tích lại vô vàn đau khổ đắng cay chứ gì?

- Chẳng phải là cũng thế cả hay sao? Tôi đã quá nhiều tuổi để...

Singo cười xòa cắt ngang:

- Thôi, tôi hiểu rồi. Đó là lời tuyên ngôn của một bà lão còn lâu mới đến lúc chết, mà cũng chẳng định làm chuyện đó. Thế còn con thì sao, Kikuco?

- Con ấy ư? - Kikuco hỏi lại một cách do dự.

- Giả sử như con với Suyichi định tự sát thì con có muốn để lại thư tuyệt mệnh không?

Nói đến đó Singo hiểu ngay là lẽ ra không được hỏi như vậy.

- Con không biết nữa. Có thể là nếu xảy ra việc như vậy thì... - Kikuco đáp và ngược nhìn ông bằng đôi mắt to long lanh nước mắt. - Nhưng con có cảm giác là con sẽ muốn để lại vài lời cho ba.

Yasuco thì chưa hề mảy may nghĩ đến cái chết, Singo thầm nghĩ, song Kikuco thì dường như không xa lắm với ý nghĩ đó. Singo đã tưởng Kikuco sẽ òa lên khóc, nhưng cô đã đứng lên và bỏ ra ngoài.

Như vậy là người ta cho rằng, nếu hai vợ chồng định chấm dứt cuộc đời thì chỉ cần người chồng để lại thư tuyệt mệnh là đủ. Phải chăng người đàn bà ủy thác cho chồng mình làm hộ việc đó, hay bà ta coi mình cùng làm một với người chồng? Câu hỏi làm Singo day dứt mãi.

Cũng có thể người vợ của ông chủ tịch hãng kia không có ý định kết liễu cuộc đời, song bà đã theo chồng một cách không hối tiếc. Quả là rất lạ, rất lạ...

Rồi ở đây người vợ của chính Singo cũng đã tuyên bố rằng nếu họ quyết định tự sát thì bà sẽ không để lại lời trăng trối. Sẽ chỉ cần đến lời của ông là đủ.

Người đàn bà tự nguyện theo chồng đi đến cái chết. Đôi lúc cũng xảy ra ngược lại, song thường thì người vợ vẫn theo chồng. Đặc biệt là trong trường hợp của Singo, một người vợ như thế đang ngồi ở đây ngay sát cạnh ông.

- Ông quá cưng con bé nên động một tí là nó khóc đấy! - Bà Yasuco nhận xét. - Và tuy cưng chiều nó, nhưng ông chả chịu đả động gì về chuyện chính yếu nhất. Cả đối với Fusaco cũng vậy.

Singo lặng thinh ngắm nhìn cây anh đào nở đầy hoa. Những cánh hoa đầy đặn và lộng lẫy bỗng bình trôi trong sắc trời chiều xanh ngắt. Cả đường nét lẫn màu sắc của vòm tán không hề gợi nghĩ đến sức mạnh, nhưng cây hoa dường như vẫn choán hết cả bầu trời. Nó đang ở vào giai đoạn nảy nở rực rỡ nhất, và khó có thể tin rằng một vẻ huy hoàng dường ấy

lại sắp sửa mất đi. Những chiếc lá sắc trắng từ trên cành rụng xuống lá tả và phủ lên mặt đất xung quanh gốc cây như một tấm thảm.

- Khi ta nghe nói đến một người trẻ tuổi từ già cuộc đời, ta thấy dừng dừng. Nhưng nếu đó là một người già thì ta thấy đau nhói trong tim. - Bà Yasuco trầm ngâm nói. - “Con người ta cần phải ra đi lúc còn được yêu mến” Chà... Còn báo hôm qua có viết chuyện một ông già sáu mươi một tuổi đưa đứa cháu mười bảy tuổi bị bại liệt từ quê lên Tokyo để nằm nhà thương làm phúc. Ông già đã cõng thằng bé đi vòng vòng để cho nó xem thành phố. Thằng bé nhất định không chịu vào nhà thương và cuối cùng ông cụ đã xiết cổ nó bằng một chiếc khăn.

- Vậy ư?

Singo thờ ơ nói cho qua chuyện và ông nhớ lại mình đã xúc động thế nào khi đọc bài báo về các vụ nạo thai ở những thiếu nữ, và rồi ban đêm ông đã nằm mơ thấy chuyện ấy. Hai vợ chồng ông thật khác nhau biết chừng nào!

2

Singo dẫn Fusaco và con bé Satoco đi xem đám rước lễ.

Khi ba người đang đi trên đường phố chính dẫn đến chỗ tượng Phật thì Singo bỗng để ý đến một cây sơn trà lùn ở trước cửa một kiốt bán thuốc lá. Ông ghé lại mua thuốc và ngắm cây hoa. Những cánh hoa kếp hơi quần trông rất đẹp.

Người chủ quán giảng giải cho Singo rằng giống cây cảnh hoa kếp không phải là sự lạ và ông ta có trồng được một cây sơn trà duy nhất có hoa đơn bình thường. Sau đó, ông ta dẫn ông Singo vào mảnh vườn phía sau kiốt. Cây sơn trà cảnh tí hon đã khá lâu năm có vòm lá xum xuê trông rất gợi cảm.

- Tôi phải ngắt bớt nụ hoa đi! - Chủ nhân giải thích. - Vì nếu không thì cây sẽ kiệt sức.

Sau đó ông ta giảng giải về cách trồng cây cảnh và về tình hình chơi cây cảnh ở Kamakura.

- Rất cảm ơn ông. - Singo nói khi chia tay. - Tôi ghen với ông đấy!

- Tôi chưa tạo được những kiệt tác đâu, thưa ngài. Trong vườn tôi chỉ có cây sơn trà này là quý hơn cả. Khi ta chăm cây hoa đó, ta cảm thấy có trách nhiệm nặng nề để giữ cho nó không bị khô hay xoắn vặn. Đại loại là việc này cũng như một thứ thuốc chống bệnh lười nhác...

- Fusaco, con có nhớ cái dạo bỏ trốn về quê năm ngoái không? - Singo hỏi khi cha con ông tiếp tục đi trên đường phố.

- Con có bỏ trốn đâu! - Fusaco cãi lại.

- Trong khu nhà cũ ở đó có còn cây cảnh nữa không?

- Con không để ý.

- Vậy là con không để ý hả...Dễ đã bốn mươi năm trôi qua rồi! Hồi ấy ông cụ đã trồng những cây cảnh đó, ông ngoại con. Mà mẹ con thì cũng hơi vụng một chút nên ông cụ toàn phải bảo bác con giúp. Bác con thì thật là đẹp! Con sẽ không tin mẹ và bác là hai chị em nữa cơ. Ngay giờ đây ta vẫn còn thấy rõ bác ấy mặc khuông đen và mái tóc xõa xuống trán, như đang ở trước mắt vậy...Sáng sáng bác ấy dậy từ lúc trời còn chưa tỏ để dọn tuyết trên các chậu hoa. Ở Sinano trời rất lạnh và miệng bác thở ra hơi trắng...Thứ hơi trắng từng phảng phất mùi hương tươi mát của trinh nữ.

Fusaco thuộc một thế hệ khác, những mẫu chuyện của ông bố không làm chị thấy xao xuyến và Singo đắm chìm vào trong những kỷ niệm của riêng mình.

- Cây sơn trà vừa rồi dễ đến ba mươi tuổi. - Singo lầm bầm.

Quả tình ông thấy cây hoa đã lâu năm. Phải cần bao nhiêu thời gian để cho một cây cảnh tí xíu có được một vòm lá trông mạnh mẽ và hùng vĩ đến như vậy?

3

Khi ba ông con đến gần ngôi chùa, đoàn rước lễ của các chú tiểu đã điểu trên con đường lát đá phiến, hai bên trồng cây, phía trước pho tượng Phật lớn. Các chú bé hẳn đã đi được một đoạn đường dài, một số chú hoàn toàn kiệt sức.

Fusaco bế con lên tay để nó xem cho rõ. Cô bé Satoco nhìn chăm chú như bị thôi miên vào các tấm áo thụng nhiều màu rực rỡ của các chú tiểu trong đám rước.

Singo từng nghe nói ở chùa này có một tảng đá, trên đó có khắc bài thơ của nữ sĩ Akiko Yosano. Mấy ông còn rời khỏi đám rước để đi tìm tảng đá.

- Đây rồi, quả thật là ở đây đề “Sakiamuni...” đây này! - Singo nói.

Ông rất kinh ngạc khi thấy Fusaco không biết bài thơ nổi tiếng đến như vậy.

Akiko Yosano đã viết ở đây:

“Kamakura rạng danh với tượng Quán âm Bồ tát và Phật Thích ca lộng lẫy tự ngàn xưa.” Chỉ có điều là ở đây không phải tượng Phật Thích ca mà là tượng Phật Adidà. - Singo giải thích, - Sau này nhà thơ đã biết mình nhầm nên đã sửa lại bài thơ, song bản cũ đã quá nổi tiếng mất rồi nên cứ được lan truyền. Có lẽ việc thay chữ Phật Adidà vào đây sẽ làm câu thơ hỏng mất vần điệu, nên tốt cuộc người ta vẫn tạc vào đây theo bản trước kia. Trên tảng đá này, ngay trước mắt chúng ta đã ghi tạc một sự sai lầm.

Cách đó một chút, ở một chỗ được quây rèm, người ta bán thứ trà lễ ở ngoài trời, dưới ánh nắng, nước trà có một màu sắc lạ. Con bé Satoco kêu trà đắng và đòi uống nước.

- Con muốn uống nước! Đi mẹ, uống nước!...Satoco kêu văng lên, mắt vẫn không rời các bé gái thuộc đội múa đang ngồi nghỉ trước mặt nó.

Các vũ nữ nhỏ tuổi mặc kimono ngày hội nhiều màu rực rỡ với tay áo dài đến tận đất, mặt mũi trang điểm rất đậm. Phía sau lưng các em có mấy cây đào nở đầy hoa. Những cánh hoa bị chìm đi bởi màu sắc rực rỡ của những tấm áo, trông có vẻ nhợt nhạt và không có sức sống.

- Con muốn kimono-o, mẹ! Kimono-o! - Satoco lại réo lên.

Fusaco đứng dậy, nắm tay con và đưa nó ra ngoài, nhưng con bé vẫn ngoái nhìn chòng chọc vào những tấm áo và không ngừng kêu khóc.

- Ông ngoại đã hứa mua cho con kimono vào ngày lễ “Ba - năm - bảy” ([11]) tới rồi đấy. - Fusaco nói đầy vẻ khiêu khích. - Khổ thân con bé cho đến giờ vẫn chưa được mặc kimono. Nó chỉ mới được mặc thứ kimono mùa hè chấp nối...

Khi đến một kiốt, Singo hỏi xin nước, Satoco uống liền một hơi hết hai cốc đầy.

Mấy ông cháu đã đi xa ngôi chùa và gần về đến nhà thì từ phía sau họ, một bé gái mặc tấm kimono nhiều màu sắc giống như của đội múa đi vượt lên. Cô bé đi cùng với mẹ. Singo bỗng chột có cảm giác là có sự gì đó sắp xảy ra và ông nắm lấy vai Satoco, nhưng đã muộn.

- Kimono-o! - Satoco hét lên và túm lấy ống tay áo của cô bé kia.

- Thả ra! - Cô bé kêu lên, nhưng nó vấp phải tay áo và ngã xuống đường.

Singo kinh hoàng nhắm nghiền mắt lại.

Cô bé sẽ bị chiếc xe đang chạy tới cán chết, ông thoáng nghĩ.

Ông nghe thấy tiếng mình thét lên và cảm thấy rằng rất nhiều người khác cũng kêu thét lên.

Tiếng phanh xe hơi rít lên và chiếc xe đã đứng khựng lại kịp. Ba bốn người tách ra khỏi đám đông đang lạng đi vì sợ hãi và lao bổ đến chỗ cô bé. Cô bé bật dậy, túm lấy váy mẹ và lúc đó mới kêu thét lên lạnh lạnh.

- Ôi, may quá, thoát rồi! - Có tiếng ai đó nói. - May là phanh xe tốt thật... Một chiếc xe đáng tiền.

- Nếu đó mà lại là thứ xe tòng tọc thì con bé đi đời rồi! - Tiếng ai đó nói thêm.

Satoco sợ chết khiếp. Mắt nó lộn ngược như thể lên cơn động kinh.

Fusaco cúi lạy và xin lỗi người mẹ đứa trẻ. Chị hỏi han xem cô bé có bị đau không và áo có bị rách không. Người mẹ kia chỉ đứng lặng người và nhìn lơ đãng đi đâu đó. Cuối cùng cô bé cũng nín khóc. Mặt nó nhòe nhoẹt son phấn, nhưng đôi mắt nhỏ sáng lóng lánh như thể vừa được rửa sạch.

Singo không nói một lời nào cho đến khi về tới nhà. Từ xa ông đã nghe tiếng đứa cháu nhỏ ở nhà khóc. Có cả tiếng Kikuco đang hát ru nó. Satoco òa lên khóc, có thể là vì nó nghe thấy em mình khóc hoặc là vì nó cảm thấy đã về đến chỗ an toàn.

Fusaco vạch áo ra, đón lấy đứa nhỏ từ tay Kikuco và cho nó bú:

- Xem này, xem này, cả người tôi ướt đầm mồ hôi lạnh. Nhìn đây, mồ hôi chảy thành dòng xuống khe ngực tôi này...

Singo ngoảnh mặt đi nhìn bức tranh của Rocan (^[12]) treo trên tường. Bức “*Bão tố ở trên đời*” ấy Singo đã mua được khi tác phẩm của Rocan đang còn rẻ, song ông hơi ngờ rằng nó không phải là nguyên bản. Một người bạn đã bảo ông như vậy, còn bản thân ông không am hiểu mấy.

- Chúng tôi vừa đi xem hòn đá của Akico. - Singo nói với con dâu. - Bài thơ trên đó được tạc theo nét chữ của nhà thơ và mang tựa đề là “Sakiamuni” (^[13]).

- Thế ạ?

Ăn tối xong, Singo đi ra phố. Ông đi vòng qua một lượt các xưởng may kimono và các cửa hàng đồ cũ.

Ông không tìm được món đồ thích hợp cho Satoco.

Ông thấy lòng mình nặng trĩu. Trong đầu ông lờn vờn những dự cảm u ám.

Có thể nào một bé gái nhỏ mà lại đòi tấm áo đẹp của một đứa bé khác một cách dữ dằn như thế được? Có lẽ lòng ganh tị và tính tham lam ở Satoco được thể hiện mạnh hơn những trẻ khác cùng tuổi? Dù thế nào thì đối với Singo, hành vi vừa rồi của nó trên đường phố cũng là hết sức điên rồ.

Không lẽ Yasuco lại chỉ may áo cho cháu bằng vải cắt ra từ những tấm kimono cũ của mình? Biết đâu Fusaco chẳng nói điêu ngoa? Những lời nói của cô khá là nanh nọc. Mà Fusaco muốn ông mua kimono hay là váy đầm cho cháu nhỉ?

“Ta quên rồi”, Singo lẩm bẩm.

Ông bỗng nghĩ là nếu hai vợ chồng ông quan tâm nhiều hơn đến con gái mình thì nó đã không xấu tính như vậy và hẳn là nó sẽ làm vui lòng ông bà với một đứa cháu dễ thương. Cảm giác có lỗi làm Singo thấy chân nặng như chì.

“Tôi đã biết mọi cái thế nào trước khi tôi được sinh ra, vì thế tôi không được may mắn có cha mẹ để mà yêu quý. Tôi không có cha mẹ, vì thế tôi không có cả con để nó yêu quý tôi”.

Đó là những lời trong một vở *Noh*. Có điều những lời ấy chẳng giúp ông được gì.

“Đức Phật trước đã ra đi, còn đức Phật mới vẫn chưa tới. Tôi được sinh ra trong giấc mơ, tôi biết coi cái gì là thực bây giờ? Tôi đã may mắn được hóa kiếp thành người, điều mà vốn khó lắm thay”

Phải chăng sự hần học và hung hăng mà Satoco thể hiện khi xông vào đưa trẻ mặc áo đẹp nọ là được di truyền từ người mẹ? Hay là từ người cha? Nếu là từ người mẹ thì Fusaco đã được thừa hưởng từ ai? Từ ông, hay từ Yasuco?

Nếu trước đây ông lấy người chị của Yasuco, hẳn là sẽ không có những đứa con như Fusaco hay đứa cháu như Satoco. Kể cũng thật bất ngờ, song Singo bỗng nhiên cảm thấy một nỗi khát vọng không sao kiềm chế nổi về một người đàn bà đã khuất bóng từ lâu, đến độ ông muốn được lao vào trong cánh tay người ấy.

Khi ông về đến nhà, Fusaco đã ôm con ngủ. Ông không nói với vợ và con dâu là ông vừa đi tìm mua kimono cho cháu. Fusaco hình như cũng không kể gì về chuyện xảy ra.

Singo đi về phòng mình. Lát sau Kikuco đem than bỏ vào hỏa lò cho ông.

- Ngồi xuống đây với ba một lúc đi con. - Singo đề nghị.

- Đợi con một chút nhé! - Kikuco đáp và biến đi để trở lại với một cái khay trên có một bình trà và mấy bông hoa.

- Hoa gì đây? - Singo hỏi và cầm một bông lên. - Trông như hoa chuông thì phải.

- Người ta bảo con là hoa huệ đen đấy ba ạ.

- Hoa huệ đen ư?

- Vâng. Cô bạn dạy con học trà đạo bảo thế. - Kikuco giải thích, đoạn lấy từ trong cái tủ ngăn ra một bình cắm hoa nhỏ.

- Thì ra là huệ đen! - Singo ngạc nhiên nói.

- Cô ấy kể với con là vào buổi lễ tưởng niệm ngày mất của Rikyu được tổ chức ở nhà bảo tàng, người giáo viên của trường Ensu có cắm một kiêu

hoa gồm hai thứ huệ đen và trà trắng trong một cái bình bằng đồng thau cổ thắt. Sự kết hợp ấy mới tài tình đến kinh ngạc!

- Chà - chà!...

Singo thán phục ngắm nhìn những bông hoa huệ.

- Hôm làm lễ kỷ niệm, cô bạn con kể tuyết rơi đến hai mươi phân ấy. - Kikuco nói tiếp. - Lúc đó là tiết lập xuân, là lúc mà hoa huệ đen trông đẹp hơn cả. Chúng mọc ở tận trong núi kia, trên cao lắm!

- Màu của nó giống màu sắc sơn trà, phải không?

- Vâng. - Kikuco đáp và cho nước vào bình. - Cô bạn còn kể với con là năm nay có trình diễn những bài thơ làm trước khi chết của Rikyu và cả thanh kiếm mà ông đã dùng để tự sát.

- Úi chà! Con vừa bảo cô bạn con là gì nhỉ? Giáo viên dạy trà đạo phải không?

- Vâng ạ. Cô ấy góa chồng trong chiến tranh... Hồi trước cô ấy học hành chăm chỉ lắm nên bây giờ cũng có ích.

- Hoa huệ nhỏ hơn hoa chuông hay sao nhỉ?

- Dạ, chắc vậy.

- Lúc đầu thì tưởng nó là màu đen, nhưng thực ra là màu tím thẫm có pha sắc đỏ thẫm rất đặc biệt, để mai ban ngày ta xem kỹ lại đã.

- Ồ đưa ra ánh nắng thì nó sẽ mất màu thực của mình đi và thành ra màu tím gần như trong suốt có lẫn sắc đỏ ba ạ.

Kikuco đặt bình hoa lên chiếc bàn con.

- Mấy chiếc mặt nạ cũng ở trong ngăn tủ mà lúc nãy con lấy lọ hoa...- Singo nói. - Đưa giùm chúng ra đây cho ba!

Ông đặt chiếc “Djido” lên.

- Cái này là một tư tưởng tốt đẹp. Nó là biểu tượng của tuổi xuân vĩnh viễn. Ta đã nói điều đó với con chưa nhỉ?

- Chưa ạ.

- Con có nhớ Tanizaki, cô gái trước đây làm ở chỗ ba không? Ba từng bắt cô ta đeo chiếc mặt nạ này. Và thật kỳ lạ, là cô lại trở nên hết sức hấp dẫn, khiến ba phải sửng sờ.

Kikuco đeo chiếc mặt nạ vào.

- Buộc dây ở phía đằng sau phải không ạ? - cô hỏi.

Singo nhớ lại hôm mang mặt nạ về nhà, ông đã suýt hôn lên đôi môi đỏ thắm của chiếc Djido.

“Sống trong bưng bít chưa phải là đáng sợ, nếu hoa vẫn nở trong trái tim người...”

Và đó cũng là lời trong một vở Noh.

Singo thấy không đủ sức để nhìn Kikuco đang quay đi quay lại cái biểu tượng làm choáng váng đầu óc của tuổi xuân vĩnh cửu ấy.

Chiếc mặt nạ che gần hết cằm Kikuco và từ chỗ cằm lộ ra hai hàng nước mắt chảy dài xuống cổ cô. Những giọt lệ cứ nhỏ xuống, nhỏ xuống...

- Kikuco, nói cho ta biết, có phải hôm nay con gặp cô bạn của mình, là để hỏi ý kiến về việc con định dạy trà đạo, nếu con phải chia ly với Suychi, đúng không? - Singo nói.

Chiếc mặt nạ gật gật. - Nếu chúng con có phải chia tay, con vẫn muốn được ở lại đây với ba. Và con sẽ dạy học ở đây.

Những lời ấy phát ra từ dưới chiếc mặt nạ, nhưng rất rõ ràng.

Có tiếng con bé Satoco khóc. Từ phía vườn vắng lại tiếng chó sủa.

Trong cả tiếng khóc của đứa trẻ lẫn tiếng sủa của chó, Singo cảm thấy có điềm dữ. Còn Kikuco thì hình như đang lắng nghe xem, có phải Suychi, kẻ

đã bỏ nhà đến chỗ tình nhân ngay cả ngày hôm nay, một ngày chủ nhật đang về không?

CHƯƠNG X: NHÀ CỦA CHIM Ó

1

Cả mùa đông lẫn mùa hè, cứ đúng sáu giờ, tiếng chuông của ngôi đền sau nhà lại vang lên. Mỗi khi nghe thấy nó, Singo lại tự bảo là mình đã tỉnh giấc sớm quá.

Sáu giờ vào mùa đông quả là quá sớm, song ít có khi nào đã thức dậy rồi mà Singo lại yên trí nằm thêm được nữa, khi ấy ông thường ra mở thùng như để lấy báo.

Kể từ khi nhà không còn người giúp việc, sáng ra Kikuco phải làm hết việc nhà.

- Ba đã dậy đấy à? Thật là sớm quá!... - Cô vẫn thường nói với Singo như vậy mỗi sáng. Còn ông thì lau bầu vẻ có lỗi:

- Ờ, ba sẽ nằm thêm một lúc nữa.

- Vâng, thế là tốt nhất đấy, vì con vẫn chưa chuẩn bị xong nước nóng...

Cứ nghe thấy tiếng cô mỗi sớm ngủ dậy là tâm hồn ông lại ấm áp hẳn lên vì cảm nhận thấy sự có mặt của con người.

Đã là giữa tháng năm, một buổi sáng, khi thức giấc, Singo nghe thấy tiếng chim Ó kêu.

“Nó lại đến đây rồi!” ông lẩm bẩm và lắng tai nghe.

Hình như con chim lượn vài vòng trên mái nhà rồi bay về phía biển.

Singo trở dậy, rửa mặt đánh răng rồi ra cửa dõ nhìn lên bầu trời. Con chim đã khuất dạng, tiếng kêu của nó như một giọng trẻ con thánh thót đã xuyên qua không trung và tan vào trong cái lồng của bầu trời.

- Kikuco, con có nghe thấy tiếng chim Ó của chúng ta kêu không?

Singo gọi về phía bếp, nơi Kikuco đang đỡ món cơm nóng bốc khói nghi ngút vào một cái tô lớn bằng gỗ.

- Không ạ. Con mãi nghĩ quá nên chẳng nghe thấy gì hết. - Kikuco trả lời.

- Nó lại về với chúng ta đấy.

- Ôi hay quá!

Một khi con Ó đã về đây, thì lũ chim sâu cũng bay về.

- Vâng, cả quạ nữa.

- Quạ ấy ư? - Singo hỏi lại và bật cười vì cái ý nghĩ rằng một khi đã nhận chim Ó là “của nhà ông” thì lũ quạ cũng là “của nhà ông” luôn. Thì ra nhà của chúng ta không chỉ là chỗ ở của người, mà còn là của chim chóc.

- Sắp tới còn có cả rận và muỗi nữa đấy ạ.

- Ồi chà, nào thôi đi! Nhà ta làm gì có rận với muỗi? Hơn nữa, những giống ấy không hoạt động vào mùa đông.

Kikuco nhìn bố chồng và mỉm cười hỏi:

- Dịp này cả con rắn cũng sẽ bò ra, phải không ạ?

- Cái con rắn bự đã làm con hết hồn ấy hả?

- Vâng.

- Ồ nó là chủ nhân ở nơi đây.

Có một lần - đó là vào mùa hè năm ngoái - khi đi chợ về, Kikuco trông thấy ở trước cửa bếp, phía ra vườn, một con rắn ráo to tướng... Cô lao vọt vào nhà, người run bắn lên vì sợ. Nghe tiếng hét của cô, con Teru chạy xối đến sủa như điên, đầu cúi thấp sẵn sàng ngoạm con rắn. Nó định lao tới mấy lần nhưng rồi đều chùn lại.

Con rắn ngóc đầu lên, phóng cái lưỡi đỏ ra rồi không thèm nhìn con chó, nó trườn đi dọc theo ngưỡng cửa bếp ra vườn. Theo lời của Kikuco thì con

rắn dài gấp đôi ngưỡng cửa, nghĩa là khoảng hai mét và to hơn cổ tay cô.

Trước sự hoảng sợ của Kikuco, bà Yasuco giảng giải tình như không:

- Nó là chủ nhân của chốn này và đã sống ở đây từ rất lâu trước khi con về làm dâu trong nhà kia.

- Nếu lúc ấy con Teru cản nó thì chuyện gì sẽ xảy ra nhỉ?

- Chẳng có chuyện gì xảy ra hết. Teru sẽ thua thôi. Con rắn ráo mà quẩn lấy nó thì... Có điều con chó cũng biết cái gì sẽ giáng xuống đầu nó và vì thế nó chỉ sủa thôi.

Song Kikuco thì sợ chết khiếp và rất lâu sau cô không dám bén mảng đến trước cửa bếp mà chỉ ra vào qua cửa chính. Cái ý nghĩ rằng có một giống vật ngoằn ngoèo to lớn như vậy ẩn náu đâu đó trên trần hoặc dưới sàn nhà làm cô ăn ngủ không yên.

Hẳn là con rắn ráo ấy sống ở trên đời và hiếm khi thấy nó xuất hiện ở trong vườn.

Khu vực phía sau nhà không phải của gia đình Ogata. Chính Singo cũng không hiểu nó thuộc quyền sở hữu của ai nữa. Một triền dốc gồ ghề từ chân đồi kéo dài đến mảnh vườn. Đối với các giống vật thì mảnh vườn là một phần kéo dài tự nhiên của triền dốc và các giống cây cỏ trên đồi mọc lan cả xuống vườn.

- Đó, nó đã trở lại rồi! - Singo lăm bắm rồi lắng nghe và kêu lên mừng rỡ. - Kikuco, con Ó đang về đây!

- Vâng, bây giờ thì con nghe thấy rồi, - Kikuco đáp và ngược nhìn lên.

Những tiếng kêu xao xác của chim Ó ngân vang trong không trung.

- Chắc nó đã tìm được mồi và trở về tổ đây. - Kikuco nói.

- Hay là ta để cá cho nó ăn nhỉ?

- Chó sẽ ngửi thấy và ăn mất ngay thôi ạ.

- Nhưng ta để lên cao chứ!

Kể cả năm ngoái và năm kia cũng vậy, mỗi khi Singo thức dậy mà nghe thấy tiếng Ó kêu là tim ông tràn đầy một tình cảm trù mến. Có vẻ là những thành viên khác trong nhà cũng có một tình cảm tương tự. Dù là thế nào đi nữa thì tất cả đều gọi con chim là “chim của chúng ta”.

Có điều là Singo không biết chắc chỉ có một con chim hay là một đôi, ông có cảm giác là trước đây nhiều năm, ông đã từng thấy một cặp Ó lượn trên đầu nhà mình.

Singo cũng không tin là năm nào ông cũng nghe tiếng của cùng một con Ó ấy cả. Biết đâu các thế hệ chim chẳng nối tiếp nhau?

Chẳng có gì lạ nếu những chim già chết đi và giờ đây con cái của chúng đang kêu vang phía trên ngôi nhà.

Ông đặc biệt thích thú với cái ý nghĩ rằng những con chim cũ năm ngoái đã chết và mọi người trong nhà không biết chuyện đó, khi mắt nhắm mắt mở thức dậy nghe thấy tiếng Ó kêu thì lại cứ nghĩ rằng đó là con chim Ó “của họ”.

Ở Kamukura có rất nhiều đôi, vì thế thật khó mà giải thích được vì sao chim Ó lại chọn đúng quả đồi nhà Singo.

“Tôi đã gặp được cái khó gặp đến như vậy, tôi đã nghe được cái khó nghe đến như vậy” Có thể là ở đây sự việc cũng như thế trong chuyện con chim ó.

Một khi con chim đã chọn nhà của họ để làm tổ, thì đối với họ tiếng hót của nó là hay nhất.

2

Trong nhà chỉ có Singo và Kikuco dậy sớm nên sáng nào hai cha con cũng trò chuyện với nhau được một lúc, còn với Suychi thì Singo chỉ có dịp nói chuyện những khi họ ngẫu nhiên cùng đi một chuyến tàu.

Mỗi khi tàu chạy qua chiếc cầu sắt và ở phía xa hiện lên cánh rừng nhỏ Ikegami, Singo lại thầm bảo: “À, ta đã gần đến rồi”. Ông đã có thói quen ngắm cảnh khu rừng từ trên con tàu đi Tokyo.

Chính vì thế mà Singo không hiểu nổi, vì sao đã nhiều năm qua lại nơi này, mà mãi đến gần đây ông mới phát hiện ra hai cây thông. Chúng cao vượt hẳn những cây khác. Ngọn của cây này hướng về phía cây kia, dường như muốn chạm hân vào nhau, còn cành của chúng len lẩn như thể sẵn sàng ôm lấy nhau.

Đó là hai cây thông cao nhất của cánh rừng mà lẽ ra Singo phải để ý đến chúng từ trước. Giờ đây thì chúng thu hút toàn bộ sự chú ý của ông.

Sáng nay cảnh vật rừng mờ mịt qua màn mưa xối xả.

- Suychi! - Singo quay sang hỏi con trai. - Kikuco nó làm sao vậy?

- Đầu có sao ạ? - Suychi đáp, mặt vẫn cắm vào tờ báo.

- Có chuyện gì vậy? - Singo hỏi lại ôn tồn.

- Thấy cô ấy kêu là bị đau đầu.

- Thế hả? Vậy mà mẹ anh cho tôi biết là hôm qua nó đi Tokyo. Mãi đến xẩm tối nó mới về và đi nằm ngay. Trông nó khác lắm nên mẹ anh lo là có chuyện gì xảy ra với nó ở Tokyo. Tối qua nó bỏ cả ăn, và khi anh về đến nhà lúc chín giờ thì nó òa lên khóc, phải không? Tuy nó cố giấu, nhưng tôi với mẹ anh vẫn nghe thấy.

- Vài ngày nữa vợ con sẽ khỏi thôi ạ. Chẳng có gì nghiêm trọng đâu.

- Chắc không? Nếu chỉ vì đau đầu thì hẳn Kikuco đã không khóc nghe đến não lòng như vậy. Mà sáng nay hình như nó cũng khóc đấy.

- Vâng.

- Chị anh giận vì khi mang đồ ăn sáng vào cho Kikuco thì nó lại ngoảnh mặt đi. Và thế nên tôi mới hỏi anh, thực sự chuyện gì đã xảy ra?

- Hình như tất cả những ai sống trong nhà này đều chú ý đến Kikuco thì phải! - Suychi đáp lại và liếc nhìn cha mình. - Nói cho cùng thì cô ấy cũng có khi đau ốm chứ, phải không ạ?

- Hừ, thể căn bệnh của nó tên là gì vậy? - Singo giận dữ căn vặn.

- Nào thai, - Suychi rút lên qua kẽ răng.

Singo giật mình và nhìn chăm chăm vào hàng ghế trước mặt. Ở đó có hai người lính Mỹ đang ngồi. Sau đó ông lại tiếp tục cuộc nói chuyện với con trai, trong lòng tin chắc rằng những người Mỹ kia không hiểu một tiếng Nhật nào cả.

- Nó đã đi đến chỗ bác sĩ à? - Singo hạ giọng hỏi.

- Vâng. - Suychi đáp và gập tờ báo lại.

- Và lại trở về ngay trong ngày ư?

- Vâng.

- Tại sao? Ý anh như vậy hả?

- Không ạ, tự cô đã quyết định như vậy. Cô không cho ai nói vào một lời nào.

- Kikuco ấy hả? Anh nói láo?

- Con nói thật mà.

- Nhưng vì sao mới được chứ? Điều gì đã khiến vợ anh làm như vậy?

Suychi im lặng.

- Anh không nghĩ là lỗi của anh sao?

- Có thể. Nhưng cô ấy đã tuyên bố là ngay thời điểm này cô sẽ không để dù bất cứ lẽ gì.

- Anh có thể ngăn nó, nếu anh muốn.

- Lần này thì chưa chắc.

- “Lần này” là nghĩa thế nào?

- Ba thừa hiểu là thế nào rồi. Nói vắn tắt thì Kikuco không muốn có con trong khi con đang...ở trong tình trạng thế này.

- Trong khi anh còn chưa cắt đứt với cô ả kia chứ gì?

- Vâng, đúng thế.

- Cái “Vâng, đúng thế” là nghĩa lý thế nào hả?

Singo nói mà cảm thấy giận dữ đến nghẹt thở:

- Đối với Kikuco, điều đó ngang bằng với tự sát, mà có hiểu không? Nó đã hủy hoại bản thân mình, chứ không phải là thể hiện một sự cố chấp ngu ngốc nào hết.

Suychi chột dạ vì những lời nói gay gắt của ông bố.

- Mà đã giết chết tinh thần của nó và nói theo nghĩa nào đó thì với nó thế là hết.

- Có điều tinh thần của cô ấy, nếu ba muốn biết, thì vẫn còn mạnh mẽ đấy.

- Thì chẳng lẽ nó không phải là đàn bà? Là vợ của mà? Nếu mà thể hiện lấy một chút dịu dàng, quan tâm, Kikuco hẳn đã vui mừng sinh con, mà chưa rõ hay sao? Nó sẽ không thèm để tâm đến việc mà có nhân tình nữa kia?

- Vấn đề là ở chỗ cô ấy lại quan tâm cơ chứ!

- Kikuco biết rất rõ là mẹ anh mong chờ có cháu nội. Và chính vì thế mà nó cảm thấy có lỗi vì mãi vẫn chưa có con. Vậy mà nó đã bỏ đi đứa bé mà nó thành tâm mong đợi, và đó cũng chỉ vì anh đã chà đạp tâm hồn nó.

- Nhưng đâu có phải hoàn toàn như vậy ạ... Chung quy cũng chỉ tại cô ấy quá xét nét chấp nhặt mà thôi.

- Chấp nhặt ư?

- Cô ấy bảo là sẽ lấy làm khó chịu khi phải sinh con trong một tình cảnh như vậy...

- Hừm...

Chuyện đó thì đã là vấn đề riêng của vợ chồng họ rồi và Singo bắt đầu thấy không chắc là Suyichi có xúc phạm vợ và làm cho cô ta ghê tởm đến mức ấy nữa hay không. Tuy nhiên ông vẫn tuyên bố.

- Tôi không thể tin được điều đó. Dù là vợ anh có nói gì và làm gì, thì đó cũng không phải là Kikuco thực nữa. Còn người chồng một khi đã đi đến chỗ thắc mắc là vợ mình chấp nhận hay quý quái gì đấy, thì điều đó cũng chỉ chứng minh rằng anh ta hầu như không yêu vợ. Có người chồng bình thường nào mà lại đi xem trọng những sự làm mình làm mẩy của vợ mình cơ chứ? - Nói đến đây Singo thấy không còn vững tin như trước. - Tôi cũng không hiểu mẹ anh sẽ nói gì nếu biết được là vừa để mất một đứa cháu nội nữa đây...

-Ồ ít ra mẹ con cũng yên tâm là Kikuco có thể sinh nở được.

- Cái gì? Anh có thể đảm bảo được là giờ đây nó vẫn còn giữ được khả năng ấy hả?

- Đảm bảo chứ ạ, tất nhiên.

- Chỉ những kẻ không biết sợ Trời Phạt và không có lấy một chút tình yêu đối với mọi người mới có thể ăn nói như vậy. - Nói thế kể cũng hơi quá, nhưng mà thôi... Thực ra mọi cái đơn giản hơn rất nhiều.

- Ngược lại, chẳng đơn giản một chút nào hết. Hãy thử nghĩ và sẽ hiểu. Nếu đơn giản đến như thế thì Kikuco đã không đau khổ.

- Thì chính con, nếu đặt ra câu hỏi, con cũng muốn có con. Nhưng con không chắc là trong tình trạng thế này lại có thể sinh ra được một đứa con bình thường.

- Tôi không biết tình trạng của anh thế nào, song tình trạng của Kikuco thì chẳng làm sao cả. Chỉ có anh là lúc nào cũng ở trong tình trạng tồi tệ mà

thôi. Kikuco là một con người khác thế. Anh không may may nghĩ đến việc tránh cho phải ghen tuông và vì thế nó mới bỏ đứa con đi đó. Và chắc là cũng không chỉ có thế thôi đâu!

Suychi sững sốt nhìn cha.

- Mà cứ thử từ chỗ cái con nhân tình của mà bỏ về mà say khướt như một con lợn rồi gác đôi giày bẩn thỉu lên cho Kikuco nó cởi một lần nữa...

3

Trong ngày hôm đó, Singo có việc phải ghé vào nhà băng và mời người bạn là viên chức ở đấy đi ăn trưa. Họ ngồi với nhau ở nhà hàng cho đến hai rưỡi chiều. Sau đó, Singo gọi điện cho hăng và về thẳng nhà.

Kikuco đang ngồi ở ngoài hiên với đứa cháu nhỏ trong lòng.

Nhìn thấy Singo, cô tỏ vẻ ngạc nhiên và định đứng dậy.

- Cứ ngồi yên, ngồi yên! - Singo nói. - Sao con không nằm nghỉ? Chẳng phải là con nằm thì sẽ tốt hơn sao?

- Vâng. Con định cho cháu bé hóng gió một chút thôi...

- Thế Fusaco đâu?

- Chị ấy đến bưu điện cùng với Satoco ạ.

- Nó có việc gì ở đấy đâu nhỉ? Bỏ con bé ở nhà mà đi được...

- Nào, đợi mợ một chút nghe con! - Kikuco nói với đứa bé. - Bây giờ mình sẽ mang quần áo lại cho ông ngoại thay nhé.

- Không cần. Con cứ lo cho nó đi. - Singo bảo cô.

Kikuco ngược nhìn ông với khuôn mặt tươi cười. Giữa đôi môi của cô hiện lên hàm răng đều sít. Cô đặt đứa bé xuống sàn để thay đồ lót cho nó. Con bé co ngay hai chân lên và đưa tay nắm. Nó cử động chân thành thạo hơn là tay.

Trên trời có một máy bay Mỹ bay ngang qua. Giật mình vì tiếng gầm, đứa bé nhìn chăm chăm lên quả núi sau nhà. Không nhìn thấy chiếc máy bay đâu, nhưng cái bóng khổng lồ của nó lướt nhanh trên sườn núi. Có thể đứa bé cũng nhìn thấy cái bóng. Trong đôi mắt thơ ngây của nó ánh lên nỗi ngạc nhiên làm Singo giật mình.

Nó còn chưa có khái niệm thế nào là những trận ném bom đâu.

- Hiện giờ đã có nhiều trẻ sinh ra sau chiến tranh. - Singo nói và nhìn vào mắt đứa cháu, ánh ngạc nhiên trong đó đã tắt. - Chà, giá mà ta chụp được ảnh đôi mắt của nó nhỉ. Mà lại có in hình chiếc máy bay trong đó. Còn bức ảnh thứ hai sẽ là...Một đứa bé, thân thể tan nát vì bom đạn, ông định nói như vậy.

Chút xíu nữa ông đã buột ra, song ông dừng lại kịp vì nhớ ra là hôm qua Kikuco vừa phá thai. Thực ra thì trên trái đất có biết bao đứa trẻ giống như ở trong bức ảnh thứ hai Kikuco tay bế cháu, tay cầm mớ tã lót đi vào nhà tắm. Singo vào trong bếp. Liên sau đó bà Yasuco xuất hiện.

- Hôm nay ông về sớm nhỉ? - Bà ngạc nhiên thốt lên.

- Thế còn bà này giờ ở đâu?

- Tôi gọi đầu. Trời mới hửng lên sau cơn mưa, thế là đầu tôi ngứa quá nên...

- Kikuco nó không nằm nghỉ à? - Singo hỏi khẽ.

- Thì nó mới dậy, nhưng mà... trông nó xanh mét ông nhỉ?

- Thế là mẹ con bà đẩy ngay cho nó con bé con đây hả?

- Lúc đầu con bé ngủ và Fusaco bế nó vào giường nhờ Kikuco trông giùm...

- Lẽ ra bà phải coi cháu.

- Thì phải rồi, nhưng tôi đã nói là con bé nó ngủ mà lại. Lúc nó dậy khóc thì tôi lại đang gọi đầu. - Yasuco phân bua và đem kimono lại cho chồng.

Thấy Kikuco từ nhà tắm đi ra, Singo gọi:

- Kikuco, đem con bé lại đây nào.

Đứa bé được Kikuco dắt đi khi đến chỗ bà ngoại thì ôm lấy bà.

Yasuco bỏ bộ âu phục đang chải dở của chồng xuống và đón lấy cháu. Kikuco đem bộ đồ của Singo cất vào tủ quần áo và cô chậm chạp đóng cửa tủ lại với vẻ mặt đăm chiêu. Có thể cô đã nhìn thấy mình trong tấm gương gắn vào thành tủ.

- Kikuco, con nên nằm đi! - Singo khuyên.

- Vâng ạ. - Kikuco đáp và vai cô run lên rồi cứ quay lưng về phía cha mẹ chồng như thể cô lạng lẽ đi về phòng mình.

- Ông không thấy nó khác sao? - Bà Yasuco hơi nhú mày hỏi chồng.

Singo không đáp.

- Nó không được khỏe, nhưng chẳng nói là bị làm sao. Nó không chịu nằm, trong khi đi thì không vững nữa. Tôi sợ là nó sẽ quy mất thôi. - Yasuco nói tiếp.

- Ừ, thì...

- Ông phải làm cái gì đó đối với chuyện của Suychi!

Singo gật đầu.

- Sao ông không nói chuyện thành thực với Kikuco đi? Tôi có thể đưa cháu đi chơi để cho hai bố con nói chuyện. À, bà cháu tôi đi đón mẹ nó, nhân tiện xem có gì mua cho bữa tối luôn thế. Ôi, mà Fusaco nó cũng trở trời một mình...

Yasuco ôm đứa bé đứng dậy. Singo hỏi:

- Có việc gì mà Fusaco phải đến bưu điện thế nhỉ?

Bà vợ giật mình quay lại.

- Tôi cũng lấy làm lạ... Có thể nó đi gửi thư cho Aikhara. Đã nửa năm nay chúng nó không sống với nhau rồi...

- Nếu chỉ để bỏ thư thì đâu có cần phải đi đến đó? Thùng thư cách nhà có hai bước chân mà!

- Có thể nó nghĩ rằng ở chỗ bưu cục thì đảm bảo hơn chẳng? Chắc là khi nhớ đến Aikhara, nó không ngồi yên một chỗ được...

Singo mỉm cười cay đắng. Trong những lời của vợ ông có một chút lạc quan. Phải chăng sự lạc quan đã bắt rễ sâu trong tiềm thức của những người phụ nữ đã gìn giữ được gia đình cho tới lúc lớn tuổi?

Singo lấy tập báo của vợ và lật giờ đại khái. Bất đồ một đầu đề thú vị đập vào mắt ông: “Đóa hoa sen hai nghìn năm nở”.

“Vào mùa xuân năm ngoái, khi khai quật một di tích bên bờ con sông Camigava ở thành phố Chiba, người ta đã tìm thấy ba hạt giống hoa sen ở trong một chiếc thuyền nằm sâu trong lòng đất. Việc khảo cứu cho phép giả định rằng những hạt giống ấy là từ 2.000 năm về trước. Một giáo sư về thực vật học, chuyên gia về các loài sen, đã thành công trong việc cho các hạt giống ấy nảy mầm, mà sau đó ông đã cho trồng tại ba nơi khác nhau, trong đó có một mầm được trồng ở nhà của một người làm rượu ở Hatakemachi, một thành viên trong cuộc khai quật. Ông này đã thả mầm sen vào trong một cốc nước và cây hoa sen của ông đã ra hoa trước nhất. Được tin, vị giáo sư đã lập tức đến nơi và sung sướng vuốt ve bông hoa rồi nhắc đi nhắc lại: nó đã nở, nó đã nở!”

Dưới bài báo có đăng tấm ảnh của vị giáo sư - một người luống tuổi đeo kính có mái tóc bạc. Ông ta đang đỡ lấy cuống đóa hoa sen.

Singo ngắm bức ảnh một lát, rồi cầm tờ báo và đi gặp Kikuco.

Cô đang ở trong phòng của vợ chồng cô. Trên chiếc bàn thấp - một đồ vật trong số của hồi môn của Kikuco - có một xấp giấy trắng. Hẳn là cô định viết thư cho ai đó.

- Con từ trong người thế nào? - Singo hỏi và ngồi xuống cạnh bên. - Lẽ ra con không được dậy và đi khắp nhà thế đâu.

Kikuco mở mắt nhìn ông và định ngồi dậy, song ông đã ngăn lại:

- Con đã đọc bài báo nói về bông hoa sen nở sau hai nghìn năm chưa?

- Rồi ạ.

- Vậy là con đọc rồi hả? - Singo lầm bầm. - Giá mà con thổ lộ với chúng ta, thì đâu xảy ra như vậy... Lẽ ra con không nên trở về ngay hôm đó.

Kikuco lặng đi vì bất ngờ.

- Tháng trước, khi ta nói chuyện với con về việc con cái, con đã biết chưa?

Kikuco lắc đầu.

- Hừm... Suyichi thì khẳng định là con làm như vậy vì quá chấp nết. - Singo bắt đầu nói nhưng thấy mắt Kikuco đầy lệ nên ông lặng đi. - Thế con có phải đi khám bệnh lại không?

- Có ạ, ngày mai. Con sẽ ghé lại, vậy thôi...

Hôm sau, khi đi làm về, Singo thấy vợ ông đang sốt ruột ngóng đợi ông.

- Kikuco đi về nhà cha mẹ đẻ rồi. - Bà Yasuco nói. - Họ mới báo lại là nó ốm và nằm ở bên ấy. Fusaco nghe điện thoại, ông bà bên kia thanh minh là Kikuco ghé qua nhà và thấy người không được khỏe nên nằm nghỉ lại, ông bà bên ấy hỏi chúng ta có gì phản đối nếu Kikuco ở lại vài ngày không.

- Vậy là vài ngày hả? - Singo trầm ngâm nói.

- Tôi đã bảo Fusaco trả lời là mai sẽ cho Suyichi sang bên ấy xem tình trạng Kikuco thế nào. Liệu có phải vì thế mà hôm nay nó đi Tokyo không? Ông nghĩ thế nào?

- Cũng chẳng chỉ vì một chuyện đó.

- Nói thật là tôi không còn hiểu đang có chuyện gì xảy ra nữa đây.

Singo cởi áo vét, nhướn cổ lên và tháo cravat.

- Nó vừa mới phá thai xong. - Ông nói sau một lát.

- Cái gì-ì? Yasuco có thót người lại. - Ông vừa bảo gì? Mà nó không hề nói gì với chúng ta ư? Không thể thế được? Kikuco à? Không, tôi không thể... Đám trẻ ngày nay rồi sẽ làm tôi chết mất thôi!

- Nhưng mà mẹ thì cũng mù mờ quá. - Fusaco lên tiếng và lại gần với đứa bé trong tay. - Con thì con hiểu ngay lập tức.

- Do đâu mà cô biết được? - Singo buột miệng hỏi.

- Con không thể nói chuyện với ba được, đại khái là có những chi tiết ở trong buồng vệ sinh và nói chung...

Singo sửng người và không còn biết nói gì.

CHƯƠNG XI: CÔNG VIÊN THỦ ĐÔ

1

-Bố kỳ quặc thế đấy, phải không mẹ? - Fusaco vừa hỏi âm ỉ vừa dọn bàn ăn. - E ngại con gái ruột của mình, trong khi đó với con dâu thì không!

- Fusaco, đừng có bắt đầu đi! - Bà Yasuco bảo.

- Vậy chứ không phải thế hay sao? Nếu bố thấy canh rau nhừ quá, thì sao bố không bảo thằng con là “Con nấu nhừ quá!”, hay là con phải nấu canh ở suối nước nóng đây?

- Suối nào?

- Thì suối nước nóng sôi sùng sục. Có phải là người ta vẫn luộc trứng và hấp bánh ở các suối nước nóng như vậy không? Con nhớ đã có lần mẹ cho con ăn một quả trứng luộc như vậy - lòng trắng thì cứng ngắt, lòng đỏ lại mềm tươi. Mẹ còn bảo món đó là đặc sản của một nhà hàng ở Kyoto...

Bà Yasuco mỉm cười, nhưng Fusaco nói tiếp mà không hề cười:

- Nếu được ăn món canh rau nấu ở suối nước nóng, ở một nhiệt độ nhất định trong một thời gian nhất định thì bố sẽ khỏe mạnh như Popai (^[14]) cho mà xem. Và chẳng cần đến sự chăm sóc của Kikuco.

Nói đoạn chị ta nhắc mâm chén đĩa lên và bỗng tuyên bố gay gắt:

- Còn con thì chán tất cả lắm rồi! Khi bên bàn ăn thiếu mất cậu con trai đẹp mã và cô con dâu nhìn không biết chán của bố thì bố ăn không biết ngon, có phải không?

Singo ngẩng lên và bắt gặp cái nhìn của Yasuco.

- Không sao mà khóa cái miệng nó lại được. - ông nói.

- Thì bởi nó vẫn chưa được nói cho đã miệng và khóc cho chán chê đấy mà.

- Phải, mà cũng chẳng thể cấm con cái nó khóc được. - Singo lau bầu nhưng Fusaco ngắt lời ông:

- Con cái gì, đang nói về con đây này, ba có hiểu không? Còn đối với con cái thì việc của chúng là khóc. Fusaco lão đảo bước đi với cái mâm trong tay và một thoáng sau có tiếng chén đĩa trút đánh xoảng xuống bồn rửa. Từ phía bếp văng lại tiếng thồn thức của chị ta.

Bà Yasuco lo ngại nhồm dậy rồi đặt đứa cháu bé đang bế trong tay vào lòng Singo và đi vào trong bếp.

Ngồi ôm cháu trong tay mà Singo nhớ lại hình ảnh hồi nhỏ của Fusaco. Từ bé cô đã xấu xí. Năm tháng trôi đi, niềm hy vọng là đường nét của cô sẽ thay đổi đã tan thành mây khói. Satoco dường như có xinh hơn mẹ một chút, còn đứa út này có hy vọng là sẽ khá hơn.

Cứ nghĩ đến chuyện đó là trước mắt Singo lại hiện lên hình ảnh đẹp đẽ của người chị gái Yasuco. Chẳng lẽ ông đi tìm hình ảnh của người đàn bà quá cố ở trong các cháu ngoại của mình? Ý nghĩ ấy làm Singo thấy ghê tởm. Nhưng ông không thể ngăn mình tưởng tượng ra là biết đâu người chị của Yasuco lại chẳng đầu thai vào đứa con của Kikuco - đứa cháu đã bị bỏ mất của ông? Biết đâu nó chẳng là một mỹ nhân mà người ta đã tước mất quyền sống?

Singo càng ghê tởm hơn với bản thân mình. Ông đã thả lỏng đứa cháu lúc nào không hay. Nó tuột ra khỏi đầu gối ông và chập chững chạy về phía bếp. Singo chỉ còn kịp kêu “Đi chậm thôi!” trước khi con bé ngã sấp mặt xuống sàn.

Những người phụ nữ từ trong bếp chạy ra. Bà Yasuco nhắc cháu dậy, còn con bé Satoco thì túm chặt lấy váy mẹ.

- Ba con có vẻ bị chấn động quá mẹ ạ. - Fusaco vừa lau bầu vừa nói. - Lúc đi làm về ba đã choàng vạt kimono ngược sang bên trái thay vì sang bên phải, sau đó ba thắt đai vào như không.

- Ở thì tôi cũng lần một lần, nhưng Kikuco nó bảo là, ở Okinaca người ta không để ý đến việc trông vạt áo kimono sang bên nào. - Singo chống chế.

- Cái gì kia? Ở Okinaca à? - Fusaco lại sững sĩa lên. - Ai mà biết ở đấy thế nào, nhưng cô nàng Kikuco có vẻ biết cách lấy lòng ba lắm. Trong chuyện đó thì nó được lắm đây.

Bà Yasuco can thiệp:

- Thôi, đây là còn chưa nói đến việc ông bố của chúng ta vẫn thường mặc áo trái luôn.

- Mặc trái là một chuyện, còn choàng vạt áo ngược chiều như một anh dở hơi là chuyện khác.

- Thì cứ thử để cho con bé Kikuco nó tự mặc áo lấy xem nó choàng sang phía nào. - Singo cãi lại.

- Có điều là đối với ba thì còn quá sớm để hóa trẻ con ra như vậy. - Fusaco không chịu thua. - Mẹ không thấy là ba quá đáng hay sao? Con dâu ba vừa về thăm nhà vài bữa mà ba đã bắt đầu mặc áo ngược rồi. Thật là một người kỳ quặc! Mới có hai ba ngày thôi đấy, trong khi đó con đẻ của ba thì đã nửa năm nay ở nhà cha mẹ rồi.

Từ buổi chiều nửa cuối năm đến nay quả đã ngoài sáu tháng.

Chồng của Fusaco không thấy tăm hơi đâu và Singo cũng chẳng cất công đi gặp anh ta.

- Sáu tháng. - Yasuco thốt lên và gật đầu. - Mặc dù là chuyện đó chẳng có gì liên quan đến Kikuco cả.

- Liên quan chứ sao không. Cả vấn đề của con lẫn vấn đề của nó đều phụ thuộc rất nhiều ở ba.

- Thì đúng rồi, bởi vì tụi bây là con của ba cả. Nếu ba có giải pháp nào đó thì hay biết chừng nào!

Fusaco cúi đầu im lặng.

- Nghe đây, Fusaco! - Singo nói. - Hiện chỉ có cha mẹ với con ở đây, con hãy nói những gì mà con muốn nói ra đi! Như thế sẽ nhẹ nhõm hơn.

- Có thể con không đúng và con cũng không định thanh minh, song con muốn khi ngồi vào bàn ăn là ba phải ăn và đừng nói gì cả. Nếu đó không phải là do Kikuco nấu thì cũng không sao, ba có hiểu không? - Fusaco nói và lại òa khóc. - Còn như bây giờ ấy hả, nhìn ba ăn, người ta sẽ tưởng là ba đang phải nuốt thuốc độc vậy! Thế đấy! Vậy mà ba còn hỏi con làm sao!

- Tôi thì lại thấy rằng cần phải nói đến chuyện khác. - Bà Yasuco xen vào. - Tại sao hôm trước con lại đi đến bưu điện hỏi Fusaco? Để gửi thư cho Aikhara ư?

Fusaco giật mình, song vẫn gật đầu xác nhận.

- Ta cũng đã biết là như vậy, bởi vì mày còn viết thư cho ai được nữa. - Yasuco nói rất gay gắt. - Song chắc mày còn gửi cả tiền cho nó nữa chứ?

“Vậy là bà ấy cho Fusaco tiền!”, Singo thầm nghĩ, rồi ông hỏi:

- Thế Aikhara bây giờ ở đâu?

Fusaco không trả lời ngay và Singo quay sang bảo vệ mình:

- Thằng đó không ở chỗ mẹ nó đâu. Hàng tháng tôi vẫn cử một người của hãng đi đến đó để nắm tình hình và cũng để gửi một số tiền cho bà ấy nữa. Lẽ ra nếu Fusaco ở đó thì nó phải chăm sóc bà cụ đúng không?

- Vậy là ông cử người của hãng đi à! - Yasuco ngạc nhiên nói.

- Nhưng không có gì đáng ngại đâu và cái cậu làm việc đó rất đứng đắn và kín đáo. Nếu tôi biết là Aikhara ở đó, tôi sẽ đến gặp nó nói chuyện, song tôi đâu có thể làm gì được với một bà cụ đã gần như liệt giường?

- Thôi được, thế Aikhara làm gì bây giờ?

- Có vẻ là nó đang chạy buôn ma túy hay một thứ gì đó đại loại như vậy. Tôi thì nghĩ là bọn khác dùng nó làm kẻ đứng tên thôi. Thằng đó đã rượu chè nghiện ngập rồi, bây giờ nghiền thêm ma túy nữa cũng chả có gì là lạ.

Trong mắt bà Yasuco toát lên vẻ sợ hãi. Hẳn là bà sửng sốt vì cái tin đó không nhiều bằng vì chuyện Singo đã giữ kín công việc điều tra lâu như vậy.

- Nhưng vấn đề là ở chỗ ngoài Aikhara ra, cả bà cụ cũng biến mất luôn. - Singo nói tiếp. - Nhà nó bây giờ người khác ở. Nói vắn tắt là Fusaco không còn nhà nữa.

- Thế còn đồ đạc? - Yasuco kêu lên.

- Mẹ ơi, cả tủ lẫn kệ đều rỗng tuếch từ lâu rồi. - Fusaco trả lời.

- Ôi chao! Nó để cho cái thằng ăn hại ấy phá tan hết cửa nhà mà bỏ về đây với một dúm quần áo đượ cà? Hay quá đấy, không còn biết nói thế nào nữa. - Yasuco thốt ra và thở dài.

Singo ngờ rằng Fusaco có biết chồng mình ở đâu và chị chàng đang đợi thư trả lời của anh ta.

Màn đêm từ từ buông xuống khu vườn. Singo nhìn ra phía xa và tự hỏi ai là người có lỗi trong sự sa ngã của Aikhara - Fusaco, ông, chính bản thân Aikhara, hay là số phận?

2

Khi Singo đến hăng, ông thấy trên bàn có mẫu giấy của Ayco Tanizaki để lại. *“Tôi đến để nói với ngài một việc có liên quan đến phu nhân trẻ. Tôi sẽ ghé lại sau”* - nội dung trong đó nói như vậy. “Phu nhân trẻ” ở đây chỉ có thể là Kikuco.

- Tanizaki đến lúc mấy giờ? - Singo hỏi Natsuco Imamaura, người thay thế Ayco.

- Khoảng tám giờ hơn một chút ạ.

- Cô ta có đợi tôi không?

- Có, đợi vài phút ạ.

- Sau đó cô ta có ghé vào chỗ Suyichi không?

- Hình như không ạ.

Singo đoán là Ayco tạt qua trên đường cô đi làm và “ghé lại sau” có nghĩa là vào giờ nghỉ trưa. Hôm đó là một ngày đẹp trời, thậm chí quá đẹp đối với tiết tháng năm. Lúc Singo còn ở trên tàu, tất cả các hành khách đều hạ cửa sổ xuống và nhìn ra ngoài. Những con chim bay lượn trên cái dải óng ánh của con sông đã được phản quang ngời lên như bạc. Trong buổi sáng tháng năm này, mọi cái đều có vẻ kỳ diệu.

“*Bão tố ở trên trời, bão tố ở trên trời...*”, Singo bất giác lăm bắm cái tiêu đề của bức Rocan giả của mình, nhưng lúc đó, ở phía xa vừa hiện lên cánh rừng Ikegami và ông nhoài hẳn người ra cửa, tưởng như sẽ nhảy khỏi tàu, để nhìn hai cây thông.

Trước đó mấy ngày, cũng ngăm nhìn cánh rừng như thế, ông đã đồn Suyichi ra trò và moi được từ miệng anh ta lời thú nhận về việc Kikuco nạo thai. Khoảnh khắc này hai cây thông cao không còn là những cái cây bình thường nữa. Trong tiềm thức của Singo chúng đã gắn liền với chuyện phá thai và hẳn là mãi mãi về sau chúng sẽ còn gợi nhớ đến chuyện đó. Chẳng hiểu vì những cây thông có liên quan đến việc nạo thai, hay là vì không khí quá ư trong sạch mà hôm nay Singo thấy chúng có vẻ bồn bồn. “Cũng có khi trong một tiết trời đẹp lại xảy ra mưa nắng thất thường”. Ông lăm bắm không có chủ đích và rời mắt khỏi bầu trời phía sau khung cửa để quay vào với công việc.

Khoảng mười hai giờ hơn, Ayco gọi điện lại bảo rằng vì bận việc cô không thể ghé lại gặp ông.

- Vậy là cô đã thành thợ giỏi nên có nhiều việc, phải không? - Singo hỏi vui.

- Vâng, - Ayco đáp rồi im lặng.

- Cô gọi điện từ tiệm may đấy à?

- Vâng, nhưng Kinu không có ở đây đâu. - Ayco nhắc đến tên tình nhân của Suychi tỉnh như không.

- Cô đợi chị ta đi rồi mới gọi chứ gì?

- Dạ thì... thôi để sáng mai tôi đến chỗ ngài vậy.

- Sáng mai hả? Khoảng tám giờ nhé?

- Chắc vậy, nhưng nhất định tôi sẽ đợi ngài.

- Việc cô định nói với tôi ấy, gấp lắm hay sao?

- Vâng. Mà tôi cũng không biết nữa... Đối với tôi thì nó rất gấp và tôi cần trao đổi với ngài ngay. Tôi đang rất hoang mang.

- Hoang mang ư? Có chuyện gì về Suychi hẳn?

- Để mai gặp tôi sẽ nói ạ.

Việc Ayco “hoang mang” không làm Singo lo ngại. Song việc cô muốn gặp ông bằng được khiến ông hơi bứt rứt. Cái chuyện “rất gấp” mà cô ta định nói ấy có thể là chuyện gì được?

Nỗi lo ngại của Singo cứ tăng dần và đến ba giờ chiều ông gọi điện đến nhà ông bà thông gia. Người ở gái nhắc máy và trong khi cô ta đi gọi Kikuco, ở trong ống nghe văng đến một bản nhạc rất hay nào đấy.

Cái nền âm nhạc bị cắt đứt bởi giọng nói hào hển vì mừng rỡ của Kikuco:

- Ba, con xin lỗi vì đã bắt ba phải đợi.

Singo cảm thấy nhẹ nhõm một cách kỳ lạ.

- Con thấy trong người thế nào? - ông hỏi.

- À con đã khỏe rồi ạ. Chỉ tại con... quen nhõng nhẽo thôi đấy mà. Ba tha lỗi cho con.

-Ồ kìa... - Singo thốt lên và giọng ông ghen lại.

- Ba ơi! - Kikuco phấn chấn kêu lên. - Con muốn gặp ba quá đi mất! Hay con đến chỗ ba nhé!

- Bây giờ ấy ư? Mà con có thể ra khỏi nhà được chưa đã?

- Được ạ, được ạ. Càng gặp ba sớm chừng nào, con càng thấy dễ trở về Kamukara chừng nấy.

- Vậy ư? Thế thì ta chờ con đến nhé.

Trong ống nghe âm nhạc lại vang lên.

- Alô? - Singo gọi to. Ông sợ là Kikuco dập máy. - Bản nhạc gì mà mê ly quá!

- Ôi sao mà con đoảng quá thế không biết... quên cả tắt máy. Đó là vở balê “Vũ điệu các thiên thần” của Chopin đấy ạ.

- Con tính đến chỗ ba liền bây giờ hả?

- Vâng, có điều là đến hăng thì hơi bất tiện, để con nghĩ xem...

Cô đã đề nghị gặp gỡ ở công viên Sinjuku. Điều này làm Singo hơi bối rối và ông đành phải cười mà chấp nhận. Riêng Kikuco thì có vẻ đang phấn khích vì ý tưởng của mình.

- Cỏ cây sẽ làm cho ba tỉnh người ra đấy, con tin chắc như thế.

- Ba biết chỗ đó mà. Ba đã đến dự cuộc triển lãm chó ở đấy.

- Ồ thế thì tuyệt. Chỉ có điều là giờ đây ba cứ nghĩ rằng, thay vì chó ba lại thấy con. - Kikuco cười nói và trong ống nghe lại vang lên bản nhạc “Vũ điệu các thiên thần”.

3

Singo vào công viên qua lối cổng chính Okidomon. Một gia đình người Mỹ đi phía trước ông. Người đàn ông bế cô con gái nhỏ, còn người vợ cầm dây đai dắt một con chó giống Poitr. Trong công viên còn có nhiều người

khác - đa số là các cặp nam nữ thanh niên - nhưng dường như chỉ có những người Mỹ kia là thực sự tận hưởng cuộc dạo chơi. Singo bất giác đi theo họ.

Những cây lớn trồng ven đường lúc đầu ông đã tưởng là thông, nhưng sau mới vỡ lẽ ra là giống tùng trên núi Hymalaya. Hồi đến dự cuộc triển lãm chó được Hội bảo vệ động vật tổ chức nhằm mục đích từ thiện ở đây, ông đã hết sức tán phục con đường hai bên có trồng giống cây đó.

Singo tưởng mình đến sớm, nhưng khi ông thông thả đến bên bờ chiếc hồ nhỏ thì đã thấy Kikuco đang ngồi trên một chiếc ghế dài dưới bóng cây gbinco. Nhìn thấy ông, cô đứng lên và cúi đầu.

- Con đến sớm thật đấy! - Singo nhìn đồng hồ nói. - Còn mười lăm phút nữa mới tới giờ hẹn.

- Thấy ba gọi lại con mừng quá nên chạy ra khỏi nhà luôn. - Kikuco nói láu táu và hào hển. - Con không thể tả được là con mừng đến thế nào!

Cô xin lỗi về việc tự ý bỏ về nhà cha mẹ. Singo bối rối và khẽ khàng hỏi:

- Con đã có thể trở về Kamakura được chưa?

- Được rồi ạ! - Kikuco đáp với vẻ sẵn sàng. - Con đang trông giờ trở về đây.

- Suyichi có đến thăm con chứ?

- Có ạ Nhưng nếu ba không gọi điện lại...

“Thì nó sẽ không trở về ư”, Singo thầm nghĩ.

Kikuco bỏ lửng câu nói và lững thững ra khỏi bóng cây.

Singo đi theo cô. Hai người thả bước dưới những hàng cây bên bờ phải của hồ nước. Bất chợt Singo kêu lên vẻ tán phục:

- Rộng quá nhỉ?

- Có đúng là ba thấy như sống lại không ạ? - Kikuco nói, không giấu giếm vẻ hài lòng của mình.

Singo dừng bước dưới một cây locva (^[15]) cao lớn mọc hơi chênh bên lề con đường nhỏ. Ông thấy không vội ra khỏi cái vùng xanh mênh mông này.

- Lúc gọi điện thoại ba có nói là ba từng đến nơi đây trong một cuộc triển lãm chó. - Kikuco nói.

- Hồi ấy người ta cũng chả trưng bày được mấy con chó. Đó chỉ là một cuộc triển lãm từ thiện. Có ít người Nhật đến xem lắm. Đa số khách mời là những người ngoại quốc: ngoại giao đoàn, quân nhân Mỹ trong đội quân chiếm đóng... Hồi đó, những chuyện như vậy còn chưa diễn ra hàng ngày như bây giờ đâu.

Trong khi nói chuyện với Kikuco, Singo đã rời bước khỏi bóng cây locva tự lúc nào.

- Nhất định ba sẽ dọn sạch bụi tằm gửi dưới gốc cây anh đào nhà mình. Khi nào về con nhớ nhắc ba nhé?

- Vâng ạ.

- Con biết không, chưa bao giờ ba đồn bót cảnh anh đào đi cả. Ba thích nó thế nào thì cứ như thế.

- Cây đó có những cành nở đầy hoa. Tháng trước, ba con mình đã ngồi nghe tiếng chuông chùa vào dịp hoa đào nở, ba còn nhớ không?

- Con lại còn nhớ được cả những chuyện như vậy... Thật là quý hóa!

- Xin ba đừng nói thế! Con sẽ không bao giờ quên được đâu, cả chuyện nghe chim Ó kêu nữa.

Khoảng xanh mênh mông của vườn cây đã làm tâm hồn Singo tràn ngập một thứ cảm giác được tự do hoàn toàn.

- Một nơi thoáng đãng làm sao! Dường như chúng ta không phải đang ở Nhật ấy... Ba không hề nghĩ rằng ở giữa Tokyo mà lại có một vườn cây như

thế này. - Singo thán phục nói, mắt vẫn không rời khoảng xanh bất tận kéo dài mãi về phía xa.

- Ở đây việc phối cảnh được đầu tư rất nhiều, vì thế nhìn nó có vẻ rộng lớn hơn trên thực tế. - Kikuco giải thích.

Khi còn là học sinh cô thường đến công viên này và giáo viên đã giảng cho cô biết rằng khoảng trống lớn có trồng cây rải rác đây đó ở đây được kiến trúc theo kiểu của Anh.

Công viên hôm nay có ít người mà đa phần là những cặp thanh niên nam nữ. Singo ngạc nhiên nhận thấy nơi này thực sự là một thiên đường cho những người đang yêu và ông cảm thấy mình đến không đúng chỗ. Có lẽ là ở đây tuổi trẻ cảm thấy thực sự được giải phóng.

Singo cố tránh xa những cặp uyên ương, mặc dù chẳng có ai để ý đến ông. Thực sự Kikuco đang nghĩ gì? Ông chỉ là một ông già đang dẫn con dâu mình đi dạo. Tuy vậy, ông vẫn không tìm được sự yên tĩnh trong tâm hồn mình.

Khi nghe Kikuco đề nghị gặp nhau ở công viên, ông chẳng nghĩ ngợi nhiều. Song giờ đây, đối với ông, ý tưởng ấy có vẻ bất bình thường. Một cây cao đã thu hút sự chú ý của Singo. Nhìn lên ngọn của nó, ông có một cảm giác là sức mạnh bất tận của thiên nhiên cũng truyền cả sang ông và khoảng xanh mênh mông kia bao bọc lấy ông, hòa tan sự nhỏ nhoi buồn tẻ của ông và cả của Kikuco. “Con bé đã rất có lý khi bảo rằng ở đây ta sẽ được hồi sinh”. Ông thầm nghĩ.

Khi lại gần cái cây, Singo mới thấy đó là ba cây nhập làm một. Trên tấm bảng chỉ dẫn ở đây viết rằng hoa của loại này nở giống như hoa tulip, và vì thế người ta còn gọi nó là “cây tulip”.

- Ở công viên này, đã có thời người ta tổ chức lễ đón các tướng lĩnh thắng trận trong chiến tranh Nga - Nhật trở về! Lúc ấy ta chưa đến hai mươi tuổi và đang còn ở dưới quê kia. - Singo nói.

Ông chọn một chiếc ghế dài ở giữa những cây cao mọc quanh một luống hoa. Trước khi ngồi xuống đó Kikuco bảo:

- Mai con sẽ trở về, xin ba nói với mẹ đừng mắng con!
- Con có cần thổ lộ với ta chuyện gì không?
- Chỉ với ba thôi nhé? Có nhiều cái lắm, nhưng...

4

Sáng hôm sau, Singo thức giấc với một niềm hy vọng mừng vui, nhưng ông vẫn đi làm mà không đợi Kikuco trở về.

- Con bé nhờ tôi xin bà đừng mắng nó đấy. - ông bảo bà Yasuco.
- Tôi mắng nó ấy ư? - Yasuco rạng rỡ lên vì vui sướng. - Sao tôi lại mắng nó khi chính chúng ta có lỗi với nó nhỉ?

Với cả nhà, Singo đã chỉ nói là ông có điện đàm với Kikuco thôi, còn việc gặp gỡ trong công viên không được ông nhắc tới.

Bà Yasuco tiễn ông ra cổng và bảo:

- Ông có ảnh hưởng lớn đối với con dâu và điều đó thật đáng quý.

Ayco đến tìm Singo ở chỗ làm việc sau khi ông tới được một lát.

- Chà, cô đẹp ra nhiều quá! - Singo mềm mại chào đón. - Cô lại còn đem hoa tặng tôi nữa chứ!

Ayco lại bên bàn ông và dùng ngón tay viết lên mặt bàn: “Ngài hãy bảo cô thư ký ra ngoài”.

- Sao kia? - Singo hơi ngạc nhiên, song ông vẫn yêu cầu Natsuco ra ngoài để ông nói chuyện riêng với khách.

- Tôi rất tiếc vì hôm qua không đến được. - Ayco nói khi còn lại hai người. Giọng nói căng thẳng của cô khiến Singo lo ngại. - Mong ngài bỏ lỗi cho!

- Được rồi, được rồi. Nhưng cô ngồi xuống đã.

- Cám ơn. - Ayco ngồi xuống, đầu cúi gằm.

- Vì tôi mà cô đi làm trễ mất.

- Không sao đâu ạ! - Cô ta khẽ đáp và nhìn vào mắt Singo. Sau đó cô thở dài nặng nề như thể sắp bật khóc. - Tôi vào chuyện luôn chứ ạ? Tôi thấy hình như mình sắp nổ tung ra ấy... Có lẽ tại thần kinh tôi không chịu đựng nổi.

- Nhưng có chuyện gì thế?

- Chuyện về con dâu ngài, - Ayco nghẹn ngào nói, - cô ấy mới phá thai... đúng không?

Singo không đáp. Ông không biết do đâu mà cô ta biết việc này, và ông cảm thấy hết sức khó chịu.

- Việc cô ấy nạo thai mới chỉ là một phần của vấn đề... - Ayco do dự nói tiếp.

- Nhưng ai đã báo cho cô biết?

- Suychi đã lấy tiền ở chỗ Kinu để trả viện phí cho Kikuco.

Ngực Singo thắt lại đau đớn.

- Theo tôi thì việc đó thật đáng kinh tởm. - Ayco tiếp tục. - Thật là nhục nhã thay cho vợ của anh ta! Tôi thấy tội nghiệp cho cô ấy quá đến nỗi không chịu đựng nổi nữa. Suychi vẫn đưa tiền cho Kinu nên hẳn anh ta cho rằng số tiền đó là của mình, nhưng tôi thì tôi ghê tởm hành vi ấy. Suychi không như đám chúng tôi, và lúc nào anh ta cũng có thể kiếm được tiền, nhất là những món nho nhỏ. Nhưng việc anh ta thuộc một tầng lớp xã hội khác với những người phụ nữ như tôi, liệu có nghĩa là anh ta được quyền làm những trò đồi tiện như vậy hay không?

Ayco cố gắng giữ cho vai mình khỏi run lên và nói tiếp:

- Mà nhà chị Kinu ấy, sao lại có thể đưa tiền cho anh ta để làm cái việc như thế được nhỉ? Tôi không thể hiểu nổi chị ta nữa. Gần như là tôi ức lộn ruột lên và vì thế mới quyết định nói chuyện với ngài, cho dù điều đó có làm tôi mất việc ở hiệu may đi nữa. Tôi ý thức được rằng đi kể hết với ngài như vậy là xấu, nhưng...

- Ngược lại, tôi biết ơn cô.

- Ngài đã tốt với tôi như thế! Tôi chỉ gặp con dâu ngài có một lần nhưng tôi cảm mến cô ta và... - Trong đôi mắt Ayco lóng lánh nước mắt. - Ngài cần phải tách họ ra thôi!

Hẳn là cô ta định nói đến Suychi và Kinu. Hay có thể là Suychi và Kikuco? Ai mà biết được. Liệu đã cần phải đi đến sự đổ vỡ như vậy hay chưa. Singo nghĩ ngợi.

Ông bị chấn động dữ dội bởi sự nhẫn tâm và sự di giống về mặt đạo đức của con trai mình, song đồng thời ông cũng cảm thấy chính mình cũng bị chìm ngập vào trong câu chuyện bẩn thỉu ấy. Người ông gai gai một nỗi kinh sợ u ám.

Ayco đã nói xong điều cần nói và đứng dậy định đi.

- Cô đi đâu mà vội? - Singo làm ra vẻ tươi tỉnh giữ cô ta lại.

- Rồi tôi sẽ lại đến nữa ạ. Còn hôm nay thì tôi không muốn khua môi múa mồm trước mặt ngài như một con ngốc tệ hại nữa đâu...

Bằng cả con người mình, Singo cảm nhận được sự cao thượng và lòng tốt của cô gái ấy. Hành vi của cô không phải là hoàn toàn đúng đắn vì chính Kinu đã xin cho cô vào làm ở hiệu may. Nhưng cha con nhà ông còn không đúng đắn hơn tới mức nào!

Singo nhìn như bị thôi miên vào những bông hồng mà Ayco vừa tặng. Suychi đã từng tuyên bố với ông là Kikuco từ chối sinh con trong “tình trạng như vậy” vì “chấp nhận quá đáng”. Song chẳng phải là tính chấp nhận ấy của cô đã bị chà đạp xuống bùn đen sao?

Giờ này Kikuco hẳn đã trở về nhà chồng mà không hề biết chuyện kia.
Nghĩ đến đó Singo nhắm nghiền mắt lại.

CHƯƠNG XII: VẾT SẸO CHIẾN THƯƠNG

1

Ngày chủ nhật, ở nhà, Singo dùng cửa cắt bụi dây leo quấn chặt lấy gốc cây anh đào ngoài vườn. Ông đã tính là để triệt hẳn bụi cây đáng ghét ấy đi thì phải đào bật gốc nó lên, song rốt cuộc ông cũng đành vừa lòng với việc cắt cụt các nhánh của nó, và thậm chí là sẽ theo dõi để cắt tiếp những nhánh mới đâm ra.

Trước đây Singo cũng đã làm như vậy, nhưng kết quả là bụi dây leo lại mọc um lên khiến cây anh đào gần như chết ngạt. Giờ đây, Singo thấy không muốn đánh vật với việc đào rễ. Ông không tin sức mình có thể làm nổi việc đó.

- Con giúp ba một tay nhé? - Có tiếng Suychi hỏi.

Singo không để ý anh con trai đã đến sau lưng ông từ lúc nào.

- Không cần đâu. - ông cấm cản đáp.

- Kikuco bảo con ra giúp ba.

- Thế hả, có điều cũng chẳng còn mấy việc nữa.

Nói đoạn, Singo ngồi xuống đồng cày lá gần đó. Suychi chộp lấy cái cửa và hỏi:

- Ba tính cắt hết hay sao?

- Ừ - Singo đáp và ngắm nhìn những động tác nhanh nhẹn của con trai. - Còn những cái này cũng cắt luôn chứ ạ? - Suychi chỉ vào mấy chồi anh đào non mới nhú dưới gốc.

- Khoan đã, khoan đã! - Singo nói và nhồm dậm.

Kikuco từ trong nhà đến nhập bọn. Suychi giơ cái cửa chỉ mấy chồi non và cười lớn.

- Ba đang còn nghĩ xem nên để hay nên cắt đấy! - Anh ta nói.

- Nên cắt đi thì hơn ba ạ! - Kikuco lập tức trả lời.

- Ừ cũng phải, nhưng nếu đấy là cành non thì tôi không muốn cắt - Singo cố giải bày những khúc mắc của mình.

- Cành không mọc thẳng từ dưới đất lên đâu ạ. Đó là chồi đấy. - Kikuco đáp.

Suychi lẳng lặng cắt các chồi cây.

- Tôi những muốn để cho tất cả các cành và nhánh được mọc tự do và mặc sức vươn ra theo ý chúng. - Singo nói. - Bụi dây leo cản trở đến việc đó, vì thế mà ta cắt nó đi... Những cành nhỏ ở dưới cùng ấy đừng có cắt nhé, Suychi! Để chúng lại đi.

- Chúng mảnh mai như cái đũa ấy, thậm chí chỉ hơn một cái tăm một chút. - Kikuco nói và không rời mắt khỏi Singo. - Vậy mà lúc ra hoa trông chúng cũng lộng lẫy ra trò!

- Ồ, những cành ấy mà cũng có hoa kia à? Thế mà ta không phát hiện ra đấy! - Singo thốt lên.

- Ở cái nhánh nhỏ như que tăm kia cũng có một bông duy nhất đấy ạ. Hay chưa!

- Song chắc gì chúng đã lớn nổi. - Kikuco khéo léo đưa đấy. - Chắc hẳn khi chúng lớn được bằng những cành nhỏ nhất của cây locva trong vườn Sinjuku thì con đã thành một bà già lụ khụ rồi.

- Chưa chắc, bởi vì anh đào lớn rất nhanh. - Singo đáp lại và ông bắt gặp cái nhìn của Kikuco.

Ông không kể với ai trong nhà về cuộc gặp gỡ ở công viên Sinjuku. Chẳng lẽ vừa quay trở về mà Kikuco đã kịp đem kể với chồng? Đó chẳng phải là một điều bí mật và hẳn là cô đã nói đến nó như một chuyện bình thường.

Singo bắt gặp cái nhìn của Kikuco, nhưng cô không hề mảy may bối rối.

Sau đó, ông chuyển tia mắt về phía những cành anh đào non đâm ra từ cái gốc cây, ông tưởng tượng ra cảnh những cành đào non nứt mảnh mai ấy sẽ lớn lên và vươn ra hùng vĩ như thế nào.

- Làm gì với đám cành lá này hả ba? - Suychi hỏi.

- Đem quăng nó vào một xô nào đấy. - Singo đáp.

Bắt chước Suychi, Kikuco cũng ôm lên một đồng cành định khuân đi.

- Đừng, em bỏ xuống đi. - Suychi nói đầy vẻ quan tâm. - Em vẫn đang còn phải giữ gìn đấy.

Kikuco gật đầu, ngoan ngoãn bỏ mớ cành xuống và đứng nguyên ở đó. Singo bỏ vào nhà.

- Kikuco làm gì ở ngoài đó vậy? - Bà Yasuco ngẩng đầu lên hỏi.

Bà đang mạng lại cái mừng cho đứa cháu nhỏ. - Hai vợ chồng ở bên nhau trong một ngày chủ nhật, thật là một sự lạ phải không? Có vẻ là chúng nó hiểu nhau hơn từ khi Kikuco trở về đấy... Nay ông, trong cuộc đời kể cũng lắm sự lạ thật?

- Nhưng Kikuco không được hạnh phúc. - Singo làu làu.

- Tôi thì tôi không nói như vậy đâu. - Yasuco đáp lại. - Lâu nay tôi không thấy nó vui vẻ như bây giờ. Ừ thì nó có sút đi mất một ít, nhưng nhìn nét mặt rạng rỡ của nó, tôi...

- Hừm.

- Mà Suychi dạo này đi làm về đúng giờ, còn chủ nhật thì ở nhà. Người ta vẫn có câu: “Mỗi cái rủi thường dọn đường cho một cái may” và chuyện nhà mình thì cũng như vậy thôi.

Singo lặng thinh không đáp.

Suychi và Kikuco từ ngoài vườn vào.

- Ba xem này, Satoco nó bẻ mấy cành quý của ba đây! - Suyichi nói và chìa ra mấy cành anh đào non.

- Ái chà! Nhưng mà thôi, vì những cành như vậy đứa trẻ nào mà chả muốn ngắt.

Kikuco đứng nép ở đằng sau lưng chồng.

2

Khi từ Tokyo trở về, Kikuco mua tặng Singo một dao cạo râu điện. Bà Yasuco nhận được một tấm lụa để may đai kimono, còn Fusaco - mấy chiếc váy nhỏ cho hai đứa con của chị ta.

- Thế nó có tặng cho Suyichi cái gì không? - Singo hỏi vợ.

- Một chiếc dù gấp và chiếc lược Mỹ có gương soi gắn ở bao. - Bà Yasuco đáp. - Tôi nghe nói là người ta không bao giờ tặng lược vì đó là điềm tan vỡ, song hình như Kikuco không biết chuyện đó.

- Đây là lược Mỹ cơ mà? Ở Mỹ người ta đâu có dị đoan như vậy.

- Kikuco cũng mua cho mình một chiếc lược y như vậy, chỉ khác màu thôi. Nhưng mà Fusaco thích quá nên Kikuco đã tặng cho nó. Chắc là con bé muốn vợ chồng nó có lược giống nhau và ai mà biết được cái lược đó có ý nghĩa thế nào đối với nó! Dở một cái là Fusaco không chịu buông ra nữa. Thật kém tế nhị đến thế là cùng!

Giọng nói của bà Yasuco đượm vẻ trách móc đối với con gái mình.

- Hai đứa bé được mấy cái váy rõ đẹp. - Bà nói tiếp. - Bản thân Fusaco không có quà, nhưng con nó được. Vậy nó còn muốn gì nữa?

Kikuco có vẻ áy náy vì không có quà riêng cho chị chồng, song tôi hỏi ông, trong nhà này ai có quyền đòi hỏi quà tặng sau tất cả những gì đã xảy ra?

- Bà nói đúng! - Singo ủng hộ.

Song có điều Yasuco không biết, đó là việc Kikuco đã xin tiền của cha mẹ cô để mua quà cho gia đình chồng, còn Suychi thì đã moi tiền của tình nhân để phá thai cho vợ. Nói ngắn gọn, cả hai đều không có tiền để tặng gì cho nhau. Kikuco hẳn đã nghĩ rằng Suychi phải tốn kém cho cuộc nạo thai của cô và cô đã xin tiền cha mẹ để mua quà cáp cho cuộc trở về.

Singo cay đắng thấy rằng lâu nay ông không cho con dâu tiền tiêu vặt. Trước đây đã có thời ông cho cô tiền với tất cả sự hào tâm, song từ khi quan hệ vợ chồng cô lục đục và cô ngả về phía ông thì ông thấy không tiện làm như vậy nữa. Có thể là khi ông không cố đi sâu vào cuộc để hiểu Kikuco hơn, thì ông lại thành ra giống như Fusaco, người đã tước mất cái lược của Kikuco một cách vô lỗi như vậy.

Suychi thì sống theo một lối sống mà kết quả là Kikuco không bao giờ có tiền cả. Tất nhiên là Kikuco không kêu ca với bố chồng. Như vậy, nếu Singo quan tâm nhiều hơn đến con dâu thì hẳn là cô đã không rơi vào trong cái tình cảnh nhục nhã là đi phá thai bằng tiền của tình nhân của chồng mình.

- Giá như nó đừng mua quà thì mình lại đỡ băn khoăn hơn. - Bà Yasuco trầm ngâm nói. - Liệu tất cả những thứ đó trị giá bao nhiêu nhỉ? Theo ông thì nhiều không?

- Tôi không biết! - Singo vừa đáp vừa nhăm tính. - Không hiểu cái máy cạo râu giá bao nhiêu? Về món đó tôi chẳng biết tí gì cả.

- Thế thì ông để ý đến cái gì? Nếu coi tất cả số quà cáp là những giải thưởng xổ số, thì ông đã trúng giải lớn nhất rồi. Tôi dám chắc là Kikuco nó cũng hình dung ra cái hình ảnh như vậy lắm...

Hôm Kikuco mới trở về, Singo và Suychi đi làm về cùng với nhau. Buổi tối hôm đó cả nhà xúm quanh chiếc dao cạo râu máy.

Cũng có thể nói là nó đã tránh cho họ những lời phân trần khó khăn - một đằng là Kikuco, vì đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ, đằng khác là Suychi, kẻ đã là nguyên nhân khiến cô phải nạo thai.

Tất cả đều nhìn đồ vật đó với một vẻ tò mò háo hức. Singo một tay cầm tờ chỉ dẫn, tay kia mở máy và cho nó rà trên mặt mình.

- Các bà xem này, ở đây viết là máy này có thể dùng cho phụ nữ để làm sạch lông tơ trên cổ và ở cả những chỗ khác nữa. - ông nói và nhìn Kikuco.

Đôi má trắng trẻo của cô lúc này hơi đỏ lên, còn mắt cô ánh lên vẻ vui sướng.

- Nó không làm trầy da, mà lại không cần nước xà bông để cạo. - Kikuco giải thích.

- Tuyệt thật! - Singo tán thưởng. - Trong khi đó dao cạo thường hay vấp vào những nếp nhăn sâu ở người già.

Tiếp theo ông xem xét phần lưỡi dao. Để nhìn cho rõ, ông đeo kính vào.

- Nhưng lưỡi dao không hề động đậy này? - Singo ngạc nhiên nhận xét. - Vậy thì làm thế nào mà nó cạo được nhỉ? Động cơ thì chạy mà lưỡi dao không hề động đậy?

-Ồ thật thế! - Bà Yasuco chia sẻ nỗi ngạc nhiên với ông. - Hay là nó hút râu giống như là máy hút bụi ấy nhỉ?

- Nếu vậy thì râu kia đứt ra được đưng vào đâu? - Singo vạch lại.

Kikuco cúi mặt xuống cười.

- Để đáp lại món quà rất hay này của con dâu, ông nên tặng lại nó một cái máy hút bụi, - Yasuco nói. - ông có biết là như vậy công việc của nó sẽ nhẹ nhàng hơn biết bao nhiêu không?

- Bà nói đúng. - Singo biểu đồng tình.

Trong nhà chả có lấy một thành quả nào của văn minh cả. - Yasuco nói tiếp. - Thậm chí đến cái tủ lạnh cũng không. Năm nào ông cũng hứa mua, nhưng kết quả thì ra sao nào? Còn cái lò nướng bánh nữa? Hiện đang có loại lò điện tự động, nướng chín bánh là tự ngắt mạch.

- Hừm? Ý của bà theo tôi hiểu là điện khí hóa toàn bộ nhà cửa có phải không?

-Ồ thì ông vẫn quý hóa Kikuco lắm, song hiện nó có được lợi gì từ cái tình cảm ấy của ông chứ?

Kèm theo chiếc máy cạo râu có hai bàn chải nhỏ, Singo nhặt một chiếc có hình dài tròn như cái rửa chai lên và tò mò ngoáy vào một cái lỗ ở phía sau bộ phận lưỡi dao của máy. Những sợi râu vụn từ trong đó bỗng rớt đầy xuống đầu gối ông. Nhìn kỹ vào đám râu, ông thấy chúng toàn là sợi bạc.

Bằng một động tác đột ngột, Singo phúi sạch đám râu khỏi quần mình.

3

Singo đã mua ngay chiếc máy hút bụi.

Sáng sáng, trước giờ điếm tâm, chiếc máy hút bụi của Kikuco và máy cạo râu của Singo thì nhau kêu vo vo và việc đó làm ông rất thú vị. Có thể là ông đã nghe thấy tiếng nói của cái mới ở trong nhà mình.

Singo cho rằng cái máy cạo râu là nguyên nhân gây ra giấc mơ đêm qua của ông về bộ râu quái nón. Trong giấc mơ ấy ông không phải là nhân vật chính mà chỉ là một khán giả, tuy rằng trong mơ các nhân vật chính và khán giả thường lẫn lộn với nhau. Sự việc diễn ra không phải ở đâu khác, mà lại chính ở nước Mỹ, nơi ông chưa hề đặt chân đến. Điều đó được ông giải thích rằng do tại những chiếc lược Mỹ của Kikuco.

Singo đã mơ thấy ở đó có những bang gồm toàn người Anh và những bang người Tây Ban Nha. Ở những bang đó người ta để râu theo những kiểu nhất định. Khi thức dậy rồi, Singo không còn nhớ được cụ thể các kiểu râu ấy ra sao, nhưng ông chắc chắn rằng chúng không giống nhau tùy theo đặc điểm của mỗi bang. Ở một bang nọ bộ râu quái nón mang trong mình tất cả các đặc điểm của mọi bang gồm đủ mọi chủng tộc. Không phải theo kiểu là các loại râu trộn lẫn vào trong đó mà đúng hơn là mỗi loại râu, dù là của người Pháp hay người Ấn Độ, đều mọc riêng rẽ ở một chỗ nhất định,

làm cho bộ mặt của nhân vật kỳ lạ ấy tua tủa những đám râu nhiều kiểu, tượng trưng cho tất cả các vùng dân cư khác nhau.

Chính phủ Hoa Kỳ đã tuyên bố xem bộ râu phi thường ấy là tài sản quốc gia và các điều khoản của sắc luật đó đã tước mất của người đàn ông kia cái quyền được tự tiện sửa râu. Chẳng hiểu sao Singo lại thấy bộ râu đó là của mình, và ông cũng cảm nhận được cả lòng kiêu hãnh cùng sự bối rối dễ hiểu của người đàn ông nọ.

Giấc mơ chẳng có chủ đề gì đặc biệt. Chỉ đơn giản là Singo thấy một người có râu, vậy thôi. Bộ râu khó hiểu kia đương nhiên là dài, rậm. Singo tự giải thích chuyện đó bằng việc sáng sáng ông vẫn cạo râu bằng chiếc dao cạo điện mới của mình.

Sau giấc mơ ấy Singo còn mơ một giấc mơ khó chịu khác. Trong giấc mơ thứ hai này, ông thấy mình sờ vào ngực một người đàn bà nào đó. Chỉ đơn thuần là tay ông chạm vào thôi và không hề có một chút mảy may thích thú. Người đàn bà ấy không có mặt, không có cả thân người mà chỉ có mỗi bộ ngực. Sau khi Singo cố gắng giải đáp cho mình câu hỏi người đàn bà ấy là ai, thì cô ta bỗng biến thành cô em gái của một người bạn của Suychi.

“Mọi cái đều ngớ ngẩn biết chừng nào!” Ông bỗng chợt nhớ đến câu nói của Ogai Mori (^[16]) trước khi ông ta chết. Trước đây, Singo đọc được câu này ở trong một tờ báo. Hẳn là giờ đây ông muốn tự thanh minh, bởi vì nếu không thì tại sao khi vừa tỉnh dậy ông lại nhớ ngay đến mấy lời của Ogai?

Trong đầu Singo bỗng lóe lên một ý nghĩ! Phải chăng cô gái trong mơ chính là hiện thân của Kikuco? Phải chăng những ước chế về mặt đạo đức đã tác động lên ông ngay cả trong giấc ngủ?

Có thể là nếu ông có tự do hoàn toàn trong những mơ mộng của mình, nếu ông được làm lại mọi cái từ đầu và sống như ý thích, thì hẳn là ông sẽ muốn được yêu Kikuco, một Kikuco trinh bạch thuở vẫn còn con gái.

Cái ý muốn nằm ngoài ý thức bị dồn nén mãi và méo mó đi ấy đã biến thành một dạng khó tiếp thu như vậy ở trong mơ. “Ngay cả trong giấc mơ ta cũng cố giấu giếm nó để đánh lừa bản thân mình”, Singo thầm nghĩ.

Chỉ có điều là tại sao ông lại biến người đàn bà trong mơ thành em gái người bạn của Suyichi mà trước đây anh ta suýt cầu hôn, tại sao ông lại làm cô ta thành ra hư ảo như vậy? Có thể vì ông đã quá sợ rằng hóa ra đây lại là Kikuco chăng?

“Đó chỉ là một giấc mơ thôi và chẳng là cái gì hết! Cả bộ râu được coi là tài sản quốc gia kia cũng vậy. Và lại ta không tin chuyện mộng mị”, Singo tự nhủ và đưa tay lên vuốt mặt. Người ông đầm mồ hôi tuy giấc mơ thật lạnh lẽo. Ngoài trời mưa xối xả và gió quất ào ào vào tường nhà. Hơi ẩm dường như thấm qua nền nhà vào bên trong.

Singo nhớ đến một bức tranh mực tàu của Catzan mà ông được xem cách đó mấy hôm ở nhà một người bạn. Cảnh trong tranh là một con quạ đậu trên ngọn một cây trơ trụi và bên cạnh có hàng chữ đề:

Con quạ đơn độc

Trong buổi bình minh

Cơn mưa đầu tiên của mùa hè

Khổ thơ đề đã giúp Singo hiểu được ý nghĩa của bức tranh cũng như tình cảm của họa sĩ. Đậu trên ngọn cây trơ trụi, nhoi mình trong mưa gió, con quạ đợi bình minh đến.

Về tác giả của bức tranh Singo chỉ biết được rằng ông ta đã sa sút đến cùng cực và đã tự vẫn, còn bức tranh thì thể hiện tâm trạng của ông ta trong một thời điểm nào đó.

- Một con chim thật gợi cảm và hết sức kiên nhẫn, song cũng hơi khó ưa một chút. - Singo đã bình phẩm như vậy với người bạn, chủ nhân của bức tranh.

- Anh nghĩ như vậy à? - Bạn ông đáp lại. - Tôi đã ngắm nó suốt thời kỳ chiến tranh. Quả là con chim khó ưa thật, nhưng trong phong thái của nó có cái gì đấy thật bình thản. Nếu như người ta cần tự vấn vì những nguyên nhân đã khiến Catzan tự vấn, thì tôi với anh đã chấm dứt cuộc đời không biết mấy lần rồi... Phải, tất cả là ở chỗ thời buổi mà người ta đang sống.

- Và chúng ta cũng đã đợi bình minh đến, phải không?

“Hắn là trong cái đêm mưa gió này, con quạ vẫn được treo trong phòng khách của ông ta”, Singo thầm nghĩ. Ông bần khoản tự hỏi liệu lũ quạ và chim Ó “của nhà ông” giờ này đang ẩn náu ở đâu?

4

Sau giấc mơ thứ hai, Singo không ngủ lại được nữa. Ông nằm thao thức đợi trời sáng. Nhưng không phải với sự kiên nhẫn bền bỉ của con quạ trong tranh của Catzan.

Dù người đàn bà trong mơ là ai thì trái tim ông cũng không hề rung động. Mà điều đó mới thật là đáng buồn biết bao nhiêu.

Đàn bà đã bước ra khỏi đời ông kể từ lúc có chiến tranh và không bao giờ quay lại nữa. Lúc ấy ông vẫn chưa già, nhưng đã quen với cách sống như vậy. Điều mà chiến tranh đã giết chết, không bao giờ hồi sinh lại nữa. Ngay cả cách suy nghĩ của Singo cũng giữ theo nếp nghĩ mà chiến tranh đã tạo ra, nghĩa là gò bó trong khuôn khổ của sự khôn ngoan thận trọng.

Singo không hiểu tại sao mình không thể yêu Kikuco trong mơ. Việc gì mà ông phải sợ hãi và xấu hổ bởi những giấc mơ của riêng mình? Mà việc ông yêu cô ngay cả những lúc không ngủ mơ cũng có phải là tội lỗi không đã chứ? Ông muốn nhìn sự việc từ khía cạnh đó.

Thế rồi ông nhớ đến một khổ thơ ba câu của Buxoon:

Ông già ấy

Muốn quên mối tình đi.

Mưa mùa thu lất phất.

Và ông lại càng buồn hơn nữa.

Kể từ khi con trai ông có nhân tình, quan hệ vợ chồng của anh ta trở nên chín muồi hơn. Còn khi Kikuco đi phá thai, thì nó lại trở nên nồng nàn và âu yếm. Trong cái đêm có bão lớn, Kikuco đã tỏ ra dịu dàng hơn trốn hơn bao giờ hết; còn trong đêm mà Suyichi say khướt bò về thì cô lại cao thượng hơn bất cứ lúc nào.

Kikuco có đau khổ thực không, hay chỉ tại cô ngốc nghếch? Cô có tính đến tất cả những chuyện ấy không. Hay cô chẳng nhận thấy gì và để mặc cho sóng gió của cuộc đời đưa đẩy mà vẫn hiến dâng bản thân mình với tất cả sự ngây thơ, cho những phép lạ của tự nhiên?

Cô đã phản kháng thông qua việc từ chối sinh con và bỏ trốn về nhà cha mẹ, song cùng với điều đó cô đã để lộ ra mình cô đơn biết chừng nào. Vài ngày sau cô đã trở lại và lại càng gần bó hơn với Suyichi. Dường như cô cầu xin sự tha thứ cho một tội lỗi nào đó, dường như cô đang ra sức chữa lành một vết thương.

Singo chẳng thích thú gì những chuyện đó, nhưng ông nghĩ biết đâu nó lại chẳng là tốt? Thậm chí ông còn cho rằng chuyện ngoại tình của Suyichi tự nó sẽ tắt đi mà chẳng cần đến sự can thiệp của ông.

Sáng ra, Singo trở dậy mệt mỏi bơ phờ. Ông đi làm sớm cùng với Suyichi, vì ông không có đủ can đảm để nhìn Kikuco.

Khi đang ở trên tàu ông bỗng hỏi Suyichi:

- Anh có giết người trong chiến tranh không?

- Biết thế nào được? - Suyichi đáp. - Nếu đạn từ khẩu súng của con bắn ra mà trúng ai thì người đó hẳn phải chết. Nhưng có thể nói rằng không phải là con đã bắn khẩu súng đó.

Singo thấy ghê tởm và ông ngoảnh mặt đi.

Chiều hôm đó, sau cuộc chiêu đãi công vũ trọng thể, ông phải đưa các cô kỹ nữ đã phục vụ bữa tiệc về bằng xe của hãng. Ở băng ghế sau, ông cùng hai cô kỹ nữ được ngồi, còn ba cô khác trẻ hơn thì phải ngồi ghé lên đầu gối họ.

- Cứ yên tâm, cô không nặng lắm đâu. - Singo bảo cô gái trẻ cứ ngồi trên đùi ông và ông vòng tay ôm ngang sườn cô ta.

- Xin ngài lượng thứ cho. - Cô ta đáp lễ và ngồi lại cho thoải mái.

Cô gái trẻ hơn Kikuco đến bốn, năm tuổi, Singo định bụng sẽ ghi lại tên cô ta khi ông đến xe lửa, tuy có nhiều khả năng là lúc đó ông sẽ quên mất.

CHƯƠNG XIII: TRONG MƯA

1

Sáng nay Kikuco là người đầu tiên đọc báo trong nhà.

Thùng báo đọng đầy nước mưa nên cô phải hong khô báo trong khi nấu bữa ăn sáng.

Thường thì Singo vẫn dậy sớm lấy báo vào giường đọc, Kikuco chỉ đọc báo sau khi chồng và cha chồng đã đi làm.

- Ba ời, ba? - Tiếng Kikuco gọi khẽ từ phía hành lang.

- Có chuyện gì vậy? - Singo hỏi.

- Ba ra đây một chút được không ạ?

Giọng điệu của Kikuco làm Singo lo ngại và ông nhảy dậy ngay.

Kikuco đợi ông ở cửa phòng với tờ báo trong tay.

- Có chuyện gì thế? - Singo hỏi lại.

- Ở đây có viết về Aikhara.

- Bị bắt à?

- Không ạ! - Kikuco đáp và đưa tờ báo cho Singo.

Singo chìa tay ra cầm một cách không hề thích thú và tờ báo tuột rơi xuống đất. Kikuco nhặt nó lên đưa lại cho ông.

- Ta chẳng nhìn thấy gì cả. Chuyện gì xảy ra với Aikhara thế?

- Ông ta tự sát cùng với một người đàn bà.

- Chết rồi ư?

- Chưa ạ. Còn có hy vọng cứu chữa được.

- Khoan đã! - Singo ngăn lại và cầm tờ báo đi dọc hành lang. - Fusaco đang ngủ phải không? Hiện nó đang ở trong nhà đấy chứ?

- Tất nhiên rồi ạ.

Quả là rất ít có khả năng để Fusaco, đêm qua còn ở nhà và nằm khá muộn, lại có thể tự sát ở đâu đó cùng với Aikhara.

Singo nhìn mưa rơi xối xả qua ô cửa sổ phòng tắm và cố trấn tĩnh. Sau đó ông quay lại phòng ăn, ngồi xuống ghế và giở mạnh tờ báo ra. Trong khi ông đọc mẩu tin ngắn ngủi ấy, kính của ông tuột xuống mũi hai lần.

Sự cố xảy ra tại một khách sạn thuộc khu tắm nước khoáng ở Izu. Người đàn bà đã chết ngay. Người ta đồn rằng chị ta trạc hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, làm nghề phục vụ khách sạn hoặc chạy bàn gì đó, danh tính chưa xác định được. Còn người đàn ông có những dấu hiệu là người nghiện ma túy. Việc đó, cũng như việc anh ta không để lại thư tuyệt mệnh, là một lý do để người ta ngờ rằng, hành động tự sát của anh ta chỉ là giả tạo, nhưng người đàn bà đã dại dột làm theo.

Singo những muốn quẳng cặp kính đáng ghét của mình đi và ông không hiểu là chúng hay câu chuyện về Aikhara đã làm ông nổi khùng lên như vậy. Ông đứng lên và vừa xoa xoa mặt một cách giận dữ, vừa đi vào phòng tắm để đánh răng rửa mặt.

Tờ báo cũng cho hay rằng Aikhara đã đăng ký tại khách sạn dưới một lai lịch giả. Tên của Fusaco không được nhắc đến. Nói vắn tắt, bài báo không động chạm gì đến gia đình Ogata.

Tất nhiên là địa chỉ ở thành phố Iocohama mà Aikhara đã khai là địa chỉ giả. Hẳn là anh ta không có chỗ ở cố định và trong trường hợp như vậy thì có thể Fusaco đã không còn là vợ của anh ta nữa rồi.

Cái ý nghĩ rằng con gái mình vẫn còn coi hạng người đó là chồng khiến Singo lo ngại. “Vậy là sự việc tự nó đã được định đoạt!” Ông lẩm bẩm.

Trong khi ông còn chưa biết xử trí chuyện vợ chồng Fusaco thế nào thì thời gian đã giải quyết mọi việc.

Nhưng tại sao ông không làm được gì cho Aikhara khi còn chưa quá muộn? Ông cũng không hiểu Fusaco đã đẩy chồng mình đến bờ vực thẳm, hay chính Aikhara là kẻ đã gây ra tai họa cho đời Fusaco? Có một điều Singo biết chắc chắn là một khi có những kẻ mang những tính khí vốn có thể đưa người bạn đời của mình đến chỗ sụp đổ hoàn toàn, thì cũng có những kẻ để cho bản thân mình bị ném xuống vực thẳm.

- Kikuco? - Singo quay lại bảo con dâu trong khi ông ngồi nhấp từng ngụm trà nóng. - Chắc con có biết rằng mấy ngày trước đây Aikhara đã gửi giấy yêu cầu ly dị đến tòa chứ?

- Vâng, con biết. Lúc ấy ba đã tức giận quá và...

- Không tức giận làm sao được. Fusaco thì bảo rằng có những giới hạn mà con người ta có thể chịu đựng sự nhục mạ...Ta cho rằng Aikhara có ý định tự vẫn thật đấy. Nó muốn chết thực. Còn người đàn bà kia, theo ta, cũng chỉ bị nó lừa ở mức độ là chịu làm bầu bạn với nó cho đỡ cô đơn thôi.

Kikuco không đáp mà chỉ nhúu đôi mày đẹp.

- Con đi gọi Suychi ra đây! - Singo bảo.

Ông đưa mắt nhìn theo Kikuco và cảm thấy cô có vẻ cao lên, song ông cho rằng đó là do chiếc kimono.

- Tôi nghe thấy chuyện gì thế này? Aikhara tự sát rồi ư? - Suychi kêu lên khi vừa hiện ra trên ngưỡng cửa. - Fusaco đã gửi giấy yêu cầu ly dị đi chưa nhỉ?

- Chưa! - Singo đáp.

- Vẫn chưa à? - Suychi ngạc nhiên hỏi lại. - Tại sao thế? Nếu vậy thì phải gửi đi ngay trong ngày hôm nay bằng thư khẩn. Bởi vì nếu không thì sẽ hóa ra là chị ấy bị một cái thầy ma đòi ly dị, mà chuyện đó thì cũng chẳng đẹp đẻ gì đâu.

- Thế còn lũ trẻ? Aikhara có đề cập gì đến việc đó đâu? Có thể nào hai đứa bé con lại có thể quyết định sẽ sống với ai sau khi cha mẹ chúng ly dị không hả?

Tờ yêu cầu ly dị do Fusaco viết từ mấy ngày qua đã nằm vạ vật trong cặp Singo và ông cứ xách nó đến sở rồi lại xách về. Ông đã định nhờ người đem hộ đến Hội đồng thị chính quận, nhưng rồi ông cứ lần lữa mãi.

- Lũ trẻ làm sao kia ạ? - Suychi thờ ơ đáp lại. - Chẳng nào thì chúng nó cũng sẽ ở đây với nhà ta kia mà, đúng không? Liệu cảnh sát có tìm đến nhà mình bây giờ không hả ba?

- Vì cái lễ ma quỷ gì kia chứ?

- Để hỏi xem phải giao xác cho ai và nói chung là để hỏi những chi tiết đại loại như vậy.

- Chắc không đâu... Ta nghĩ là chính vì thế mà Aikhara đã đưa ra lời tuyên bố ly dị trước đấy.

Cánh cửa phòng ăn mở tung ra và Fusaco còn mặc váy ngủ xộc vào. Chị ta liếc nhanh tờ báo rồi xé tan nó ra thành từng mảnh và ném xuống nền nhà. Sau đó chị ta quỳ phục xuống.

- Kikuco, đóng cái cửa kia lẩn - Singo ra lệnh.

Qua cửa phòng Fusaco để mở, thấy rõ hai đứa trẻ đang ngủ yên lành.

Bằng đôi tay run rẩy, Fusaco lại xé thêm những mảnh báo cho vụn nữa ra.

Suychi và Kikuco im lặng.

- Con gái ạ, con có thể đi để giải quyết chuyện Aikhara được không? - Singo ân cần hỏi.

- Không, dù bất cứ là gì! - Fusaco chống tay ngang mặt lên nhìn cha đáp. Mắt chị ta toàn lòng trắng.

Yasuko giận dữ:

- Thật cũng lạ, không hiểu ông coi con gái mình là cái giống gì kia chứ, hả đồ hèn nhát kia? Ông không thấy tức giận vì nó phải chịu đựng những sự khốn nạn như vậy, vì nó phải rơi vào cái tình cảnh ghê tởm như vậy hay sao?...

- Bố đi đi, nếu bố muốn thì cứ mang cái thằng khốn nạn ấy về đây! Hãy nhốt toẹt vào lồng kiêu hãnh và đi đi! Ai đã gả tôi cho một thằng chồng như vậy chứ, hỡi âm ty địa ngục?!

Vừa rồi Singo buột mồm nói ra cái ý nghĩ của mình, nhưng ông đã nghĩ kỹ thêm và thấy giờ đây, trong cái giờ phút bi thảm này, nếu Fusaco chịu đi đến chỗ Aikhara thì họ lại có thể đoàn tụ và làm lại cuộc sống từ đầu. Bởi vì con người ta vốn có khả năng làm những chuyện như vậy.

2

Sau cái thông báo ngăn ngui ấy, báo chí không viết gì thêm về vụ tự tử của Aikhara nữa, kể cả việc anh ta có được cứu sống hay không.

Song ở Hội đồng thị chính quận, người ta vẫn nhận tờ yêu cầu ly dị của Fusaco, chứng tỏ Aikhara chưa bị liệt vào danh sách những người chết.

Khi gửi tờ giấy ấy đi Singo cứ nghĩ ngợi mãi về người đàn bà đã cùng tự sát với Aikhara. Liệu cuộc sống của chị ta ra sao nhỉ, và cả cái chết của chị ta nữa? “Cầu xin vong hồn cô phù hộ chúng tôi.” - Ông lẩm bẩm và thở dài. - Cuộc đời cô đã vô ích biết chừng nào. Nếu Fusaco và Aikhara có một gia đình hạnh phúc, hẳn là người đàn bà kia đã không kết thúc như vậy. Singo cảm thấy mình có lỗi, như là đã góp phần giết chết chị ta, tuy rằng không trực tiếp. Hình ảnh người đàn bà ấy không chịu hiện lên trong tiềm thức của Singo. Thay vào đó ông lại hình dung ra đứa con của Kikuco.

Ông không biết mặt nó, dĩ nhiên, vì có thể nào thấy được mặt đứa trẻ bị hủy diệt ngay từ trong phôi thai? Song trong đầu óc ông cứ quay cuồng chẳng còn thiếu hình ảnh trẻ thơ xinh xắn nào nữa. Đứa trẻ đã không có may mắn được ra đời. Phải chăng Singo cũng là người giết nó gián tiếp?...

Những ngày này kéo dài, ẩm ướt và khó chịu, khiến Singo có cảm giác rằng đôi mắt kính của ông chảy nước ra. Có cái gì đó đè nặng trong ngực ông.

- Mấy nhà năm ngoái trồng hướng dương năm nay lại trồng loại hoa khác rồi. - Singo nói một sớm lúc ông đang chuẩn bị đi làm. - Tôi không nhớ tên loại hoa đó là gì... trông nó giống như cúc đại đóa châu Âu vậy. Hình như mấy nhà hàng xóm họ hện nhau trồng hoa thì phải! Năm ngoái thì đồng loạt hướng dương, năm nay thì cái loại hoa trắng ấy.

Kikuco đứng nghe Singo nói, tay cô cầm chiếc áo vét cho ông.

- Có thể là vì trận bão năm ngoái làm gãy hết hướng dương của họ đấy ạ!
- Cô giải thích.

- Chắc vậy. Mà Kikuco này, hình như dạo này con cao lên thì phải?

- Vâng ạ. Từ hồi con về đây, chiều cao của con vẫn tiếp tục tăng lên chút ít, song gần đây nó bỗng tăng vọt lên. Anh Suychi con rất lấy làm ngạc nhiên đấy ạ.

- Khi...- Singo định nói gì đó nhưng bỗng ngưng bật.

Kikuco đỏ mặt lên và đi vòng ra sau lưng ông để giúp ông mặc áo vét - Ta vẫn tưởng đó là tại chiếc kimono kia? - Singo nói tiếp. - Con đi lấy chồng rồi mà vẫn còn tiếp tục lớn, điều đó thật là kỳ diệu?

- Có nghĩa là hồi đó con còn nhỏ quá. Chậm phát triển. - Kikuco đáp lại.

- Đâu phải thế... Điều này quả thực là kỳ diệu đấy.

Singo cảm thấy một cái gì đó thật tươi mát và tốt đẹp ở trong sự phát triển khó giải thích của con dâu mình. Không có lẽ cô đã cao lên đáng kể đến mức Suychi nhận ra được trong những lúc ôm cô trong tay?

Singo ra khỏi nhà với cái ý nghĩ rằng đứa trẻ bị bỏ đi đã tiếp tục tự lớn lên trong cơ thể của Kikuco.

Con bé Satoco đang ngồi chồm hổm bên đường xem lũ trẻ hàng xóm chơi. Chúng dùng vỏ sò để làm đĩa đựng các món ăn chế bằng cánh hoa cúc trắng thái nhỏ.

“A, phải, đó là giống cúc Margrit”, Singo sức nhớ ra tên của loài hoa trắng được trồng ở sân các nhà lân cận.

Satoco còn quá nhỏ nên không được lũ trẻ cho tham dự trò chơi.

Thấy Singo đi qua, con bé gọi ông và chạy theo. Singo nắm tay nó và hai ông cháu đi với nhau đến góc phố. Sau đó Satoco vì té phải chạy trở lại. Nhìn theo cái bóng nho nhỏ của nó in trên hè phố, Singo chợt nhận thấy rằng mùa hè đã đến.

Tối nơi làm việc, ông thấy cô thư ký đang lau cửa sổ.

- Cô đã đọc báo sáng nay chưa? - ông vui vẻ hỏi.

- Đã ạ! Cô ta trả lời.

- Trong tờ báo... gì mà tôi quên mất tên rồi, có viết là các nhà xã hội học đã phỏng vấn gần một ngàn nữ thư ký. Câu hỏi đặt ra là: “Điều gì làm chị hài lòng nhất trong khi làm việc?” Tất cả đã trả lời như một rằng họ thích được khen trước mặt mọi người. Tôi không hiểu là phụ nữ ở phương Đông có khác ở phương Tây không nữa? Cô sẽ bảo sao nào?

- Được khen như vậy có lẽ hơi bất tiện một chút đấy ạ.

- Ngượng ngùng và thích thú vốn là hai chị em sinh đôi mà. Giống như khi có một người đàn ông đi qua bên cạnh cô ấy.

Cô thư ký cúi mặt xuống không đáp. Cái nhà cô Natsuco này thật lạ. Singo thầm nghĩ và ông nói:

- Tanizaki trước đây là người như vậy thì phải... Lẽ ra tôi phải khen cô ấy nhiều hơn trước mặt mọi người.

- Chị ấy mới đến đây đấy ạ. Hình như lúc tám rưỡi thì phải...

- Vậy ư? Và rồi thế nào?

- Chị ấy bảo là sẽ quay lại.

Singo linh cảm thấy những việc chẳng lành đang vây bọc lấy ông. Giờ nghỉ trưa ông không ra khỏi phòng, để đợi Ayco.

Cô ta xuất hiện trên ngưỡng cửa và đứng chôn chân tại đó. Cô thở nặng nhọc như thể sắp òa khóc bất cứ lúc nào.

- Vậy là hôm nay không có hoa hả? - Singo nói đùa để che giấu nỗi lo lắng của mình.

Song Tanizaki bước lại với vẻ mặt trang nghiêm như muốn phê phán ông vì sự thiếu nghiêm chỉnh. Lần này cô đem lại cho ông một tin choáng váng là tình nhân của Suychi đã có thai.

- Tôi đã bảo thẳng vào mặt chị ta là chị ta không có quyền để đẻ đứa con ấy! - Ayco nói với cặp môi run run. - Tôi mới nói điều đó hôm qua.

- Vâng, tôi hiểu.

- Chẳng lẽ điều tôi nói không đúng hay sao? Nếu thế thì thật quá ư tàn nhẫn.

Singo không biết trả lời thế nào. Mặt ông cứ ngây ra.

Ayco hẳn đã nghĩ đến Kikuco nên cô hành động như vậy.

Kikuco, vợ của Suychi và Kinu, tình nhân của anh ta, đã nối tiếp nhau có thai. Không phải là Singo thấy lạ gì chuyện đó, nhưng có thể nào ông lại ngờ được rằng đó là do chính con đẻ của ông làm?

Mà nhất lại là Kikuco vừa mới phá thai.

3

Singo gọi điện thoại ngay cho Suychi, vì ông không muốn gặp mặt anh ta trong lúc này, nhất là khi trong phòng còn có những người khác nữa. Nhưng Suychi đã đi ra ngoài.

Singo mời Ayco đi ăn trưa ở một tiệm ăn gần đó.

- Ngài còn nhớ lần ngài mời tôi đi nhảy khi tôi còn làm việc với ngài chứ ạ? - Ayco hỏi ông.

- Nhớ chứ, tất nhiên. Lúc ấy cô thắt một chiếc nơ trắng. - Singo đáp.

- Không phải rồi. Chiếc nơ trắng là trong một dịp khác kia... lần có bão ấy. Tôi nhớ chuyện đó rất rõ mà, vì chính hôm đó ngài đã hỏi tôi về Kinu.

- Vậy ư? Hình như đó là vào tháng chín phải không? Quả là tôi đã làm khổ cô nhiều về chuyện Suychi.

- Tôi đâu có giúp gì được ngài nhiều.

- Bởi vì chính bản thân chúng tôi không chịu tự giúp mình. Nói ngắn gọn, gia đình tôi đáng bị khinh rẻ.

- Tôi kính trọng ngài. Thậm chí giờ đây còn kính trọng hơn là khi tôi không còn làm việc với ngài nữa. - Ayco nói bằng một giọng căng thẳng. Cô lưỡng lự một thoáng rồi nói tiếp. - Khi tôi bảo Kinu rằng chị ta không có quyền đẻ đứa con ấy, chị ta đập lại rằng tôi còn chưa đủ lớn để hiểu những chuyện như vậy, vì thế đừng nên xía vào việc của chị ta.

- Chà, chà! Đâu có ai yêu cầu tôi, chị ta nói, đi khuyên bảo những lời ngu ngốc ấy. Nếu cần phải chia tay với Suychi, chị ta sẵn sàng, khi không cách nào khác. Nhưng đứa con trong bụng là của chị ta và không ai có quyền can thiệp vào đó... Có thể Kinu định sinh con thật. Mỗi lúc đó tôi mới nhớ ra là chị ta không có con với người chồng trước đây. Chồng chị ta đã chết ngoài mặt trận.

- Hừm...

- Có thể vì tôi làm chị ta bức nên chị ta mới nói như vậy. Nhưng chẳng ai biết được câu chuyện đứa con ấy rồi sẽ ra sao.

- Chuyện xảy ra bao lâu rồi nhỉ?

- Tháng thứ tư rồi ạ. Tôi chẳng nhận thấy gì cả, song ở hiệu may người ta biết liền. Nghe nói là ông chủ đã khuyên Kinu đi phá thai đi. Chị ấy là thợ giỏi nhất nên ông ta sẽ thua thiệt nếu chị ấy nghỉ.

Nói đoạn Ayco đưa tay ôm mặt, một lúc sau cô nói tiếp:

- Tôi chẳng còn biết làm thế nào nữa, thưa ngài. Song tôi nghĩ là nếu nói cho ngài biết, ngài sẽ nói chuyện với Suyichi và...

- Tất nhiên rồi.

- Ngài cũng nên gặp Kinu, càng sớm càng tốt.

Điều đó Singo cũng đã nghĩ đến và Ayco đã nói ra hộ ông.

- Người đàn bà ở chung với chị ta vẫn còn ở đó đấy chứ? - ông hỏi.

- Chị Ikeda ấy ạ?

- Phải. Trong hai người đó ai lớn tuổi hơn?

- Ikeda ạ. Tôi nghĩ là chị ta hơn Kinu hai, ba tuổi.

Sau bữa ăn, Ayco tiễn chân Singo về hăng. Cô mỉm cười, nhưng giống như là cười ra nước mắt vậy.

- Tôi rất cảm ơn ngài! - Cô nói.

- Tôi phải cảm ơn cô chứ? Bây giờ cô về hiệu may ư?

- Vâng. Dạo này Kinu về sớm, còn tôi làm đến sáu rưỡi tối. Có điều tôi chẳng muốn vác mặt đến chỗ làm việc của chị ta tí nào...

Dường như Ayco muốn thúc Singo đến gặp Kinu ngay hôm đó, song Singo đang ở trong một tâm trạng hết sức tồi tệ. Hẳn là tối đến ông sẽ không đủ sức nhìn vào mắt Kikuco.

Cô đã phải bỏ đi đứa con, vì bất bình về chuyện Suyichi có nhân tình và cũng vì bản thân cô quá chấp nhặt. Chắc chắn cô không ngờ tới việc giờ đây kẻ tình địch của mình lại có thai.

Kể từ ngày trở về Kamakura, Kikuco có vẻ gần bó với Suyichi hơn trước. Mà anh chồng cũng đi về đúng giờ và đặc biệt quan tâm đến vợ. Liệu tất cả những cái đó có thể nói lên được điều gì?

Phải chăng nó không nói lên rằng vì quá mệt mỏi với ý định một mực đòi sinh con của tình nhân mà Suyichi đã lạnh nhạt với ả ta và đi tìm sự chuộc tội ở Kikuco?

Tuy vậy Singo cũng không thể lẫn tránh được cái mùi vị ghê tởm của sự dị giống và mục nát. Nó đã đeo đẳng ông suốt bằng ấy thời gian.

Dù là mầm mống của nó khởi thủy từ đâu, ông cũng vẫn thấy đó là hiện thân của một sức mạnh hắc ám.

“Nếu cô ả kia đẻ, ta sẽ có một đứa cháu”. - Singo lẩm bẩm.

CHƯƠNG XIV: ĐÀN MUỖI

1

Singo lên đường đến khu Honggo theo lối đại lộ lớn ở một bên trường Đại học Tổng hợp.

Ông xuống khỏi taxi ở phía bên kia con đường dẫn tới nhà Kinu, nhưng ông chưa đến đó ngay mà đi bộ một lúc dọc theo bờ tường của trường đại học.

Ông thả bước và con người ông bị giằng co bởi những ý tưởng mâu thuẫn xung quanh chuyện đến nhà người tình của con mình.

Liệu ông có thể yêu cầu một người đàn bà chữa mà lần đầu tiên trong đời ông gặp để chị ta đừng đẻ đứa con của mình hay không?

“Lại một việc giết người!”, Singo lẩm bẩm. Lão già này lại một phen phải nhuộm chàm đôi tay chăng? Lối thoát ra khỏi sự rắc rối luôn luôn là tàn bạo.

Đúng ra con trai ông phải giải quyết việc này. Người cha không có gì phải dính vào đây cả. Song dù sao Singo cũng vẫn đến gặp Kinu mà không nói gì với Suyichi, và với việc đó, ông muốn tỏ cho thấy là ông đã hoàn toàn mất lòng tin vào đứa con đẻ của mình.

“Từ bao giờ, - ông tự vấn, - trong nhà ta đã xuất hiện cái vực thăm như vậy? Có thể ta đến gặp Kinu không phải để giải quyết vấn đề hộ Suyichi, mà là vì tình thương đối với Kikuco và vì lòng căm phẫn đối với tất cả những gì mà nó đã phải chịu đựng?”

Mặt trời buổi chiều rọi sáng những ngọn cây trong vườn trường tổng hợp, nhưng đường phố thì chìm trong bóng râm. Trên bãi cỏ phía sau hàng rào, những sinh viên mặc sơmi trắng ngồi trò chuyện với các bạn gái. Cảnh đó đối với Singo giống như phút trời hửng lên trong tiết mưa vậy.

Ông đưa tay áp vào má. Cảm giác choáng váng đã biến mất.

Còn nhiều thời gian cho đến lúc Kinu đi làm về nên Singo ghé vào chỗ người bạn ở một hăng gần đó rủ ông ta đi ăn chiều. Đã lâu hai người không gặp nhau và Singo quên rằng bạn ông uống rất dữ. Trước khi ăn họ uống một chầu, lúc ăn xong lại làm một chầu nữa.

Người bạn ngạc nhiên khi Singo cáo từ. Ông ta tưởng họ sẽ được ngồi với nhau cả tối nên đã gọi điện hẹn sẵn một chỗ giải trí ở Shukitji. Singo phải hứa xong việc sẽ quay lại với bạn và ông rời khỏi nhà hàng, tuy không hề có ý định sẽ đến Shukitji sau cuộc gặp gỡ với Kinu.

Singo quay lại dọc theo bờ tường của trường đại học và vừa đi vừa tìm chỗ mà lúc này ông đã đến. Trí nhớ của ông rất kém, nhưng may mắn là nó đã không đánh lừa ông.

Từ trong nhà, một người đàn bà mặc áo choàng làm việc chạy ra.

- Ôi! - Chị ta kêu lên khi thấy Singo và nét mặt chị ta trở nên cứng như đá.

- Chị Ikeda phải không ạ? - Singo lên tiếng. - Đã có lần tôi được hân hạnh tiếp chị tại hăng.

- Vâng, đúng là tôi chẳng ra làm sao cả, chỉ tại Ayco cứ ép quá nên...

Chị ta cởi vội cái áo choàng ra cầm ở tay và nhìn Singo vẻ dò hỏi.

- Tôi muốn được gặp cô ta. - Singo nói lí nhí như để xin lỗi.

- Vậy ư? Kinu vẫn chưa về, nhưng chắc cũng sắp về rồi đấy. Xin mời ngài vào!

Từ phía bếp đưa lại mùi cá rán. Singo đã định bỏ đi cho Ikeda ăn tối, nhưng chị ta nài nên ông vào nhà.

Trong phòng khách có hàng chồng tạp chí mẫu thời trang. Bên cạnh đó là những con búp bê Pháp. Những chiếc váy đẹp của chúng tương phản đến

khó chịu với bốn bức tường cũ bản. Bên cạnh chiếc máy may là một bàn học sinh nhỏ đầy sách, trên đó có ảnh của một chú bé.

Ikeda bưng lại cho Singo một ly nước cam.

- Đó là con trai tôi. - Chị ta nói khi thấy ông nhìn bức ảnh.

- Thế ư, hẳn là cháu đi học chưa về?

- Không, cháu không ở với tôi. Tôi để cháu ở chỗ ông bà nội. Còn đám sách này... tôi dùng để dạy học thêm, vì tôi không có chỗ làm ổn định như Kinu.

- A, tôi hiểu rồi. Chỗ sách kia quả là quá nhiều cho một chú bé.

- Vâng, tôi dạy học trò ở nhiều lớp khác nhau. Hệ thống giáo dục ngày nay không còn như hồi trước chiến tranh nữa và có phần xa lạ đối với tôi, song khi kèm thêm trẻ tôi như thấy đang được ở bên con mình...

Singo im lặng gật đầu. Ông có thể nói gì được với một người quả phụ của chiến tranh? Kinu cũng là một người quả phụ như thế.

- Sao ngài biết được chỗ chúng tôi ở? - Ikeda hỏi. - Suyichi bảo cho ngài à?

- Không. Tôi đã đến đây một lần rồi, nhưng không vào nhà đấy thôi. Đó là vào mùa thu năm ngoái.

- Mùa thu năm ngoái? - Ikeda ngạc nhiên hỏi lại, nhưng rồi chị ta cúi đầu và do dự nói: - Gần đây, Suyichi không đến nữa.

Singo quyết định cho chị ta biết vì sao ông đến.

- Tôi biết Kinu sắp có con.

Ikeda nhún vai và quay đi.

- Có đúng là cô ta định giữ cái thai ấy không? - Singo hỏi.

- Ngài hãy hỏi thẳng cô ấy? - Ikeda đáp, mắt nhìn vào bức ảnh.

- Phải, chị nói đúng, nhưng theo tôi, cả người mẹ lẫn đứa con rồi sẽ bất hạnh đấy.

- Dù có con hay không thì Kinu cũng đã bất hạnh rồi.

- Nhưng có phải chị cũng thiên về ý kiến là cô ta cần chia tay với Suychi không?

- Vâng, tôi quả có nghĩ vậy... Song Kinu có một bản tính mạnh hơn tôi và mọi lời khuyên đều là thừa đối với cô ấy. Hai chúng tôi hoàn toàn khác nhau nhưng vẫn hiểu được nhau. Trước đây chúng tôi quen nhau ở Câu lạc bộ quả phụ do chiến tranh, rồi từ đó chúng tôi sống chung nhà, Kinu là chỗ dựa của tôi. Cả hai chúng tôi đều rời bỏ gia đình chồng, mà cũng không trở về nhà cha mẹ. Nói ngắn gọn là những con chim tự do. Chúng tôi muốn được giải phóng hoàn toàn kể cả khỏi ý thức của mình, nên đã giấu ảnh chồng đi. Cả hai đứa tôi đều muốn lấy chồng lại nếu có cơ hội. Chính vì vậy mà tôi không hiểu tại sao Kinu lại đeo Suychi đến thế.

Có tiếng cửa ngoài mở. Ikeda vọt đi, sau đó Singo nghe thấy chị ta nói:

- Ngài Ogata, cha của Suychi đang ở đây.

- Tôi có cần phải gặp ông ta không? - Một giọng nói khàn khàn đáp lại.

2

Kinu vào trong bếp trước. Hẳn là để uống nước vì có tiếng nước chảy từ đó vọng lại. Sau đấy chị ta vào phòng khách và quay đầu bảo Ikeda:

- Tôi muốn chị cũng có mặt. Xin chị đấy!

Kinu mặc chiếc váy dài màu rực rỡ và vì khổ người cao lớn nên nhìn bên ngoài không nhận thấy chị ta có chửa. Thật khó mà tin được rằng cái giọng nói khàn khàn của chị ta lại phát ra từ cái miệng nhỏ hơi chúm kia. Ấn tượng đầu tiên của Singo về người đàn bà này cũng không đến nỗi xấu lắm. Nhưng dù sao cái khuôn mặt tròn hơi bẹt kia cũng không nói lên cái sức mạnh bên trong mà Ikeda đã nhắc đến.

- Tôi là Ogata. - Singo tự giới thiệu.

Kinu không đáp.

Ikeda ngồi xuống bên chiếc bàn học và đưa đẩy:

- Chúng tôi chờ cậu mãi đấy!

Kinu vẫn không trả lời.

Sự ngạc nhiên và vẻ thù địch không thích hợp mấy với khuôn mặt niềm nở của chị ta, và có lẽ vì thế mà chị ta có vẻ sẵn sàng bật khóc. Singo bỗng nhớ đến chuyện bê tha khi say rượu của con trai mình ở đây. Suyichi đã từng bắt Ikeda hát và làm Kinu phải khóc vì sự răn lòng càn rỡ của anh ta.

- Có thể chị thấy lạ vì tôi đến thế này. - Singo vừa nói vừa nghĩ cách đi vào việc chính. - Nhưng nếu tôi không đến gặp chị thì...Chắc chị cũng hiểu vì sao tôi đến chứ?

Kinu tiếp tục im lặng.

- Về chuyện Suyichi đấy! - Singo tuyên bố.

- Trong trường hợp này thì tôi không có gì để nói với ngài cả. - Hay là ngài muốn tôi xin lỗi? - Kinu bỗng trào ra.

- Đâu có chuyện đó. Tôi mới là người cần phải xin lỗi.

- Tôi và Suyichi đã cắt đứt với nhau rồi và sẽ không làm ngài phiền lòng nữa đâu. - Chị ta chặn ngang ý ông và quay lại hỏi bạn:

- Thế nào, chị đã vừa lòng chưa?

Singo không còn biết trả lời ra sao, mãi rồi ông mới tìm được lời:

- Tuy vậy vẫn còn vấn đề đứa bé.

Kinu tái mặt:

- Tôi không hiểu ngài nói về việc gì. - Chị ta đáp lại với tất cả vẻ cứng rắn mà chị ta có. Giọng nói chị ta trở nên khàn hơn.

- Xin lỗi, tôi hỏi khí đường đột, có đúng là chị sắp có con không?

- Tôi có buộc phải trả lời một câu hỏi như vậy không nhỉ? Nếu một người đàn bà định đẻ con thì những người hoàn toàn xa lạ có quyền can thiệp vào đấy hay không? - Kinu nói nhanh và nuốt vội những giọt nước mắt bị kìm lại.

- Người hoàn toàn xa lạ ấy ư? Nhưng tôi là cha của Suychi kia mà! Con của chị, theo tôi nghĩ, cũng có bố chứ phải không?

- Nó sẽ không có bố. Một người đàn bà góa chồng do chiến tranh vừa quyết định sinh con. Đó. Tôi không có gì phải xin ngài, ngoài việc để cho tôi sinh nở yên ổn. Ngài hãy quên đứa bé đi! Và hãy tỏ ra cao thượng nếu ngài thấy được. Đứa bé ở trong bụng tôi là con của tôi.

- Đã hẳn là như vậy rồi, nhưng nếu chị lấy chồng, chị sẽ lại có con và... Tôi không hiểu chị cần đứa trẻ không bình thường này để làm gì?

- “Không bình thường” là nghĩa thế nào?

- Tôi diễn đạt chưa đúng, nhưng...

- Chẳng có gì đảm bảo là tôi sẽ lấy chồng và có con. Hay là ngài coi mình là thần thánh và định nói lời tiên tri ở đây? Tôi đã chẳng được có con với chồng mình...

- Cái chính theo tôi là vấn đề liên hệ giữa đám trẻ với cha nó. Chị đang tự khép bản thân mình và con của mình vào vòng khốn khổ.

- Có vô khối trẻ con không cha sau chiến tranh và vô vàn người mẹ đau khổ. Ngài hãy thử nghĩ như là con ngài đã để lại một đứa con ở một xứ đảo miền Nam nào đó! Có nhiều phụ nữ nuôi những đứa con bị cha chúng lãng quên.

- Nhưng ta đang nói về đứa con của Suychi!

- Tôi thấy không có gì khác, một khi tôi không có ý gây ra bất cứ điểm gì phiền phức cho ngài. Xin thề rằng tôi sẽ không bao giờ đến kêu xin gì ở

ngài cả. Ngoài ra tôi và Suychi đã thôi nhau rồi.

- Nhưng đứa trẻ còn sống lâu dài và quan hệ giữa nó với cha của nó vẫn còn tiếp tục.

- Đứa bé này không phải của Suychi.

- Chắc chị biết là vợ của Suychi vừa phải phá thai?

- Cô ta có thể đẻ bao nhiêu con tùy ý và nếu không có thì cũng mặc cô ta. Một cô vợ được chiều chuộng không thể hiểu nỗi tình cảm của tôi.

- Và chị cũng không thể hiểu nỗi tình cảm của Kikuco. - Singo buột miệng ra cái tên của con dâu.

- Suychi bảo ngài đến đây à? - Kinu hỏi như một vị quan tòa. - Anh ta tuyên bố bắt tôi phải bỏ cái thai đi và đánh đập tôi. Thậm chí anh ta còn lôi tôi xuống cầu thang để đưa đến bác sĩ. Màn kịch thật đáng ghê sợ, bởi vậy coi như chúng tôi đã trả nợ xong cho vợ anh ta rồi.

Singo nhếch mép cười cay đắng.

- Có đúng là đáng sợ không? - Kinu quay lại hỏi Ikeda.

Ikeda gật đầu và nói:

- Kinu đã nhặt nhanh vải vụn để may tã lót rồi đấy.

- Anh ta đã đá tôi khiến tôi rất sợ cho cái thai và đã phải đi khám bệnh ngay sau đó. - Kinu nói tiếp. - Tôi đã bảo Suychi rằng đó không phải là con của anh ta. Anh cần phải biết, tôi tuyên bố lúc đó là đứa bé này không phải con anh và chấm hết. Chúng tôi đã chia tay nhau như vậy. Từ đó đến nay anh ta không tới nữa.

- Vậy là con người khác ư?...

- Ngài cứ việc nghĩ như vậy, nếu ngài thích.

Kinu ngẩng đầu lên. Những giọt nước mắt to lăn xuống gò má chị ta.

Singo cảm thấy như bị vắt kiệt lực, tuy vậy ông còn nhận thấy Kinu có vẻ cũng đẹp, song bất chấp cái vỏ ngoài mềm mại ấy, người đàn bà này không thể hấp dẫn được ông.

3

Ông rời khỏi nhà chị ta, đầu cúi gằm.

Kinu đã nhận tấm séc mà ông cho.

- Nếu cậu chắc chắn thôi hẳn với Suychi thì cậu không nên từ chối. - Ikeda đã khuyên chị ta một cách chân thành.

- À há, trợ cấp thôi việc của tôi đây? Tôi đã đến nước ngài phải cho tiền để cuốn xéo rồi đây... Ngài có cần biên lai không ạ?

Ngồi trong xe taxi Singo cứ nghĩ mãi xem có nên bảo Suychi đến giảng hòa với Kinu và khuyên chị ta từ bỏ ý định sinh con đi không, hay là chấp nhận việc gián đoạn đến đây là dứt điểm?

Kinu đã căm ghét Suychi và tức giận vì cuộc đến thăm của Singo. Song nguyện vọng đẻ con với bất cứ giá nào ở chị ta thì không có gì lay chuyển nổi.

Sẽ nguy hiểm nếu ông đẩy con trai mình lại gần chị ta. Nhưng nếu không thế thì đứa trẻ kia sẽ ra đời.

Chính Kinu đã quả quyết rằng chị ta có chữa với người khác.

Nếu đúng như vậy thì tốt quá, nhưng thật khó tin nổi vào lời chị ta. Đứa trẻ ra đời sẽ là một sự kiện không thể chối cãi và Singo sẽ có một đứa cháu mà có thể ông sẽ chẳng bao giờ biết mặt.

- Chúng ta đã ra nông nổi nào rồi! - Ông rên lên.

Chuyện ly dị của con gái ông coi như đã xong xuôi sau khi xảy ra vụ tự tử của Aikhara, tuy vậy ông vẫn chưa thu xếp xong cho cô ta cùng hai đứa cháu nhỏ.

Cả hai trường hợp đều chưa phải là đã có lối thoát hoàn toàn, mà mới chỉ là một sự yên ổn tạm thời.

Singo đã không đem lại được cho ai hạnh phúc.

Dù thế nào thì ông cũng vô cùng khó chịu khi nhớ lại câu chuyện lỗi bịch với Kinu.

Ông đã định ra ga để về Kamakura nhưng chợt nhận thấy tấm danh thiếp mà người bạn đã để lại nên ông bảo taxi đưa đến Shukitji.

Singo định bụng nhờ bạn góp ý kiến về chuyện nhà ông, nhưng thấy ông ta say mềm với hai cô kỹ nữ nên ông đành chịu. Ông chợt nhớ đến người kỹ nữ trẻ tuổi mà một lần sau cuộc chiêu đãi của hãng ông đã đưa tiễn về nhà. Người ta gọi cô kỹ nữ ấy đến cho ông và bạn ông bắt đầu tán rằng, ông đâu có phải loại tầm thường, ông tinh đời và còn nhiều thứ khác đại loại như vậy.

Đối với Singo, việc nhớ được tên cô gái là cả một chiến công, thậm chí ông đã quên cả mặt cô ta. Cô kỹ nữ ấy quả là rất duyên dáng và tinh tế.

Hai người ngồi riêng trong một căn phòng nhỏ, nhưng Singo không hề động đến cô ta dù chỉ bằng một ngón tay.

Bất chợt cô gái ngả đầu lên ngực ông. Cô nũng nịu, ông thầm nghĩ, nhưng sự thực là cô ngủ gật.

Singo mỉm cười. Có cái gì đó ấm áp và thanh thản trong việc đỡ trong tay một cô gái trẻ đang chìm vào trong giấc ngủ ngon lành.

Người kỹ nữ ấy trẻ hơn con dâu ông đến bốn, năm tuổi. Có lẽ cô ta chưa đến hai mươi.

Trong tình cảm của ông cũng thoáng một nỗi tiếc rẻ cho cái khía cạnh sa đọa ở cô ta. Nhưng dù thế này hay thế khác, tâm hồn ông cũng rung động bởi một niềm hạnh phúc ngọt ngào được ở bên một người đàn bà trẻ đẹp.

Niềm hạnh phúc ấy thật ngắn ngủi và mỏng manh, Singo thầm bảo.

Thế rồi ông chợt nghĩ rằng trong đục tình cũng có những kẻ giàu và những người nghèo, vận may và vận rủi. Sau đấy ông nhẹ nhàng rút lui và kịp lên chuyến xe lửa cuối cùng về Kamakura.

Kikuco và bà Yasuco còn thức đợi ông trong phòng ăn. Lúc đó đã quá một giờ sáng.

- Suychi đâu? - Singo hỏi, cố lảng tránh cái nhìn của con dâu.

- Nhà con đi nằm rồi ạ.

- Thế còn Fusaco?

- Chị ấy cũng đi ngủ rồi ạ. - Kikuco đáp và chải lại bộ âu phục của ông để đem đi cất.

Singo phát hiện có sự thay đổi trong kiểu tóc của Kikuco. Ông thấy nó có vẻ ngắn hơn. Chắc hẳn trong ngày cô đi làm lại tóc.

Bà Yasuco ngáy bên tai Singo khi ông lên giường làm ông ngủ không yên giấc. Vì thế chỉ một lát sau ông bắt đầu mộng mị.

Ông mơ thấy mình là một sĩ quan bộ binh. Bên sườn ông đeo một thanh kiếm Nhật và ba khẩu súng ngắn. Thanh gươm là của gia bảo mà Suychi đã từng đeo ra trận.

Singo đang đi theo một con đường mòn trên núi. Một người tiểu phu nào đó dẫn đường cho ông.

- Ban đêm đường rất nguy hiểm. - Người tiểu phu nói. - Ngài hãy đi sang bên phải, như thế an toàn hơn.

Singo tạt sang bên phải, nhưng ông vẫn cảm thấy bất an và ông bật đèn pin. Trong bóng đêm hiện lên một khối lù lù: đó là mấy cây tuyết tùng lớn mọc sát cạnh nhau. Singo nhìn thật kỹ và ngạc nhiên nhận thấy cái khối đó hóa ra không phải là những cây tuyết tùng mà là một đàn muỗi đông hăng hà sa số, đến mức tạo thành khối như hình cái cây. Ông đã hoang mang đến không còn biết phải làm gì trước hoàn cảnh đó. Mãi rồi ông mới nghĩ ra

việc mở đường qua đàn muỗi bằng thanh gươm Nhật. Ông rút gươm ra và giận dữ chém ngang chém dọc tứ phía.

Lúc quay nhìn lại, Singo thấy gã tiều phu chạy cắm đầu cắm cổ.

Cùng lúc ấy nhiều đốm lửa lóe lên trên bộ quân phục của ông. Song kỳ lạ nhất là ông lại hóa thành hai người. Một Singo đứng nhìn Singo kia với bộ quân phục đang bốc lửa. Ngọn lửa liếm tay áo, quân hàm rồi chạy xuống dưới và biến mất. Nó nổ bém bép và bắn ra tàn lửa, tắt đi rồi lại hiện ra thành những lưỡi lửa lập lòe.

Rốt cuộc Singo cũng bò về được đến nhà. Đó là ngôi nhà của cha mẹ ông để lại. Cả người chị gái xinh đẹp của Yasuco cũng có ở đó.

Singo thấy mệt lả, nhưng không hề bị muỗi cắn.

Sau đó một lát người tiều phu cũng về đến nhà ông. Vừa bước qua ngưỡng cửa, gã liền gục xuống bất tỉnh. Từ thân thể gã, Singo và người chị vợ đã bắt được cơ man nào là muỗi đem bỏ đầy một cái thùng. Singo không rõ đã bắt muỗi như thế nào, nhưng ông thấy cái thùng đầy muỗi và tỉnh giấc.

Phải chăng muỗi đã lọt vào trong mùng, ông thầm nghĩ ngay lúc vừa thức dậy và căng tai để lắng nghe. Nhưng ông chỉ cảm thấy đầu mình nặng như chì.

Ngoài trời mưa đang rơi.

CHƯƠNG XV: CÁI TRỨNG RẼN

1

Cái nóng của mùa hè đã làm Singo kiệt quệ và giờ đây, khi mùa thu đến, ông thường ngủ gà ngủ gật trên con tàu đi về hàng ngày.

Vào những giờ cao điểm cứ mười lăm phút lại có một chuyến tàu từ Tokyo đi Kamakura. Ngay các toa bình dân cũng không đến nỗi đông nghẹt hành khách.

Singo ngồi mơ màng và nhìn thấy những cây keo nở đầy hoa.

Trước đây ít lâu ông có dịp đi dưới những hàng keo mới ra hoa ở Tokyo và rất lấy làm ngạc nhiên. Đó là một ngày tháng tám lất phất mưa. Singo ngồi trên xe taxi đi qua đại lộ dẫn tới Hoàng cung và ông hết sức kinh ngạc nhận thấy, chỉ dưới một gốc cây duy nhất mặt đường được phủ đầy những bông hoa rụng màu trắng. Khi xe đi qua ông còn ngoái đầu lại nhìn mãi những cánh hoa keo thật dịu dàng, màu trắng hơi vàng có pha chút sắc xanh. Nhưng dù không có hoa keo rụng đi nữa, đối với Singo, hình ảnh hàng cây hài hòa cân đối trên hè đại lộ hẳn là vẫn mãi mãi đọng lại trong ký ức. Bởi vì lúc đó ông vừa từ chỗ một người bạn mới chết vì ung thư gan ở bệnh viện ra về.

Họ là chỗ bạn đồng liêu, song rất ít khi gặp nhau. Người bạn đau rất nhiều, nhưng bên giường ông ta chỉ có một nữ hộ lý. Singo không hiểu vợ ông ta có còn sống hay không nữa.

- Anh có hay gặp Miamoto không? - Người bạn hỏi. - Nhưng dù anh có không hay gặp anh ấy đi nữa, thì tôi vẫn muốn nhờ anh gọi điện thoại yêu cầu anh ấy giúp tôi cái việc đó.

- “Việc đó” là việc gì vậy? Singo hỏi lại.

- Việc mà chúng ta đã nói vào dịp họp mặt năm mới ấy.

“Thuốc độc” - Singo sức nhớ. Bạn ông hẳn đã biết mình bị ung thư.

Cứ kể những người trên sáu mươi tuổi gặp nhau là y như câu chuyện lại xoay quanh vấn đề tuổi già và bệnh tật và lối thoát duy nhất ra khỏi những cái đó là chết. Bạn bè của Singo đều biết nhà máy của Miamoto có sử dụng xianua kali, và một người nào đó trong bọn họ đã buông một câu rằng, nếu ông ta có bị ung thư chẳng hạn, thì cũng có thể yên chí là sẽ có một phần chất ấy. Bởi nếu tiếp tục sống những ngày tàn với sự nhận thức rất rõ ràng căn bệnh ấy không chữa được, thì chỉ có nghĩa là tự mình chịu đựng những đau khổ vô ích. Một khi hiểu được rằng không còn con đường nào khác thì con người ta có quyền ấn định cho mình giờ kết thúc tất yếu.

- Nhưng đó chỉ là những chuyện phiếm bên chai rượu! Chuyện đùa ấy mà? - Singo chỉ còn biết trả lời bạn như vậy.

- Tôi chưa dùng đến nó đâu. Anh tưởng tôi sẽ uống liền à? Tôi chỉ muốn được có quyền tự do lựa chọn thôi, anh hiểu không? Khi thấy rằng mình có thể chấm dứt nỗi đau đớn bất cứ lúc nào mình muốn, ta sẽ dễ chịu đựng hơn... Đó là cái duy nhất mà tôi còn có được. Nếu anh muốn, anh hãy gọi nó là chút tự do cuối cùng của tôi vậy. Chút phương tiện cuối cùng dùng để trụ lại trên cái địa ngục này... Nhưng tôi hứa với anh là tôi sẽ không uống nó đâu.

Trong khi nói, mắt người bệnh ánh lên một vẻ kỳ lạ. Ở cuối giường, người hộ lý vẫn im lặng đan một chiếc áo len dày.

Singo không có đủ nghị lực để gọi điện cho Miamoto và cũng chẳng làm bất cứ điều gì khác. Ông đau khổ với ý nghĩ rằng một con người sắp chết đang trông cậy vào ông.

Khi từ bệnh viện ấy ra về, ông đã nhìn thấy những cây keo trổ hoa và cảm thấy nhẹ nhõm, còn giờ đây, khi đang ngủ gà ngủ gật trên xe lửa, ông bỗng nhớ đến chúng. Hình như ý nghĩ về người bạn bị ung thư không phút nào cho đầu óc ông được thanh thoi.

Singo đã ngủ thiếp đi và ông choàng tỉnh khi con tàu đỗ lại ở đầu đó giữa đường. Trên đường ray bên cạnh, một con tàu khác lao ngược về phía Tokyo. Hẳn là tiếng còi của nó đã đánh thức Singo.

Trên lối mòn dẫn đến đường sắt có nhiều trẻ con chạy lại. Một số hành khách thò đầu ra ngoài cửa để xem chuyện gì xảy ra ở phía đầu tàu - Đoàn tàu chạy trước chúng ta bị trục trặc và phải dừng lại. - Người nhân viên trên tàu giải thích. - Xin quý vị hành khách chầm chước cho chúng tôi về sự chậm trễ này!

Một người ngoại quốc ngồi đối diện Singo lay chàng trai ở bên cạnh ông ta dậy và hỏi bằng tiếng Anh xem người nhân viên vừa nói gì. Gã trai này giờ ngồi ngủ gục trên vai người ngoại quốc kia.

Gã mở mắt nhưng vẫn ngồi nguyên như cũ. Mắt gã vẫn đỏ, có quầng thâm. Tóc gã nhuộm đỏ, nhưng lại ra cái màu đen trông bẩn bẩn. Singo hiểu ra rằng đó là một kẻ đồng tính luyến ái đeo theo đám ngoại quốc.

Gã trai lật bàn tay của người ngoại quốc lên và úp lòng bàn tay mình vào đó. Mặt gã rạng lên hiền hậu như một người đàn bà được thỏa mãn. Khó mà xác định được tuổi của những người ngoại quốc, nhưng căn cứ vào cái đầu lớn, cái cổ bự đã có nếp nhăn và những vết nám trên cánh tay của người đàn ông ngồi đối diện, Singo cho rằng ông ta cũng trạc tuổi ông. Bất giác ông có cảm nghĩ là mình đang ngồi trước một con quái vật, cái con người kia, lần mò tới một đất nước xa lạ và vồ lấy một gã trai của cái đất nước ấy.

Chiếc sơ mi màu nâu của gã đồng tính luyến ái để hở cổ và bộ ngực gầy gò của gã lộ ra.

“Nó sẽ không sống được bao lâu”, Singo nghĩ bụng và nhìn đi chỗ khác.

Dọc bên bờ cái rãnh nước hôi thối ở bên trái đường sắt mọc đầy những bụi cây xanh thẫm.

Con tàu vẫn chưa chịu chuyển bánh.

Đã lâu rồi Singo không nằm ngủ trong màn. Ông có cảm giác là nó đè nặng lên ông và ức chế ông.

Yasuco cố tình đập muỗi một cách tức giận và làu bàu.

- Vợ chồng Suychi vẫn ngủ trong màn đấy.

- Thì bà đi mà ngủ với chúng nó. - Singo đốp lại và nhìn lên khoảng trần nhà không bị cái màn vây bọc.

- Ngủ với chúng nó thì tất nhiên là không, nhưng từ mai tôi sẽ đến ngủ với Fusaco.

- Tùy bà. Nếu bà thích, bà có thể nằm ôm cháu mà ngủ.

- Ôi mà cái con bé Satoco không chịu rời mẹ nó ra lấy một phút, dù nó có em bé. Hay là nó không được bình thường hả ông? Thịnh thoảng mắt nó nhìn lạ lắm.

Singo không đáp.

- Phải chăng tất cả những đứa trẻ không có cha đều như vậy? - Yasuco hỏi tiếp.

- Có thể bà cần phải âu yếm nó nhiều hơn.

- Cả ông cũng thế đấy. Tôi thì tôi thích con bé Kinuco hơn.

- Còn Aikhara thì chẳng có tin tức gì cả...Mình cũng không biết nó còn sống hay đã chết nữa.

- Nó đã gửi giấy ly dị rồi thôi. Như vậy chưa đủ hay sao?

- Vậy là chấm hết phải không?

- Tôi hiểu ông muốn nói gì, nhưng ông phải đồng ý với tôi rằng dù nó còn sống hay không thì cũng thế cả, chẳng nào mình cũng không tìm được nó... Ta chỉ còn biết quen dần với cái ý nghĩ rằng cuộc hôn nhân ấy đã

chấm dứt. Nhưng chẳng lẽ sự việc lại phải như thế hay sao? Nó sinh ra hai đứa con, rồi đột nhiên cắt đứt và biến mất! Quả thực việc kết hôn chưa đủ để tạo được sự tin cậy.

- Có điều là một khi cuộc tình duyên đã bị định đoạt như vậy, chẳng lẽ những chuyện tiếp theo lại không thể dễ chịu hơn một chút được sao? Aikhara tất nhiên là một kẻ không may, nhưng Fusaco hình như cũng chẳng cố gắng để hiểu nó và giúp nó. Thằng đó hẳn là đã đau khổ.

- Có những điều mà người đàn bà bất lực khi đối mặt với nó, một khi người đàn ông đã rơi vào sự tuyệt vọng không lối thoát.

Trong trạng thái như vậy anh ta không cho vợ lại gần mình. Nếu trong hoàn cảnh này, Fusaco và hai đứa trẻ mà rơi vào cảnh phải ra ngoài đường thì chúng chỉ có nước là tự sát. Còn người đàn ông thì vì thế mà luôn luôn tìm một người đàn bà khác để có đôi khi quyết định chết. Người đàn ông không bao giờ bị ở vào thế bị xua đuổi bị bỏ rơi.

Yasuco ngừng một lát rồi nói tiếp:

- Còn Suychi, bây giờ nó xử sự tốt, nhưng ai biết khi nào nó lại giở trò gì? Chỉ có Kikuco biết bản thân mình đã trải qua những gì thôi.

- Bà định nói đến cái thai ấy hả?

Câu hỏi của Singo có nghĩa đôi. Ông vừa nghĩ về Kikuco, người đã bỏ đi một đứa bé, lại vừa nghĩ đến Kinu, người đã cương quyết đẻ con. Song bà Yasuco không biết đến việc thứ hai này.

Kinu quả quyết rằng đứa con trong bụng chị ta không phải là của Suychi, và chị ta không cho phép bất cứ sự can thiệp nào từ phía Singo. Sự thật rồi bời. Dù sao thì Singo cũng cho rằng Kinu nói dối.

- Có thể sẽ không phải là dở nếu tôi sang ngủ ở chỗ vợ chồng Suychi, - bà Yasuco nói, - bởi chẳng ai biết được chúng nó sẽ làm những trò đại đột gì. Có phần nguy hiểm đấy...

- Bà muốn nói gì?

Yasuco không quay mặt lại phía chồng, bà nằm nguyên như cũ và đưa tay nắm tay ông. Sau đó, bằng một vẻ hết sức bí mật, bà thì thầm:

- Kikuco hình như lại có thai.

- Cái gì-ì?

- Tôi nghĩ là còn hơi sớm, song Fusaco đã nhận thấy một vài dấu hiệu.

- Không hề còn một chút dấu vết gì của cái cách mà Yasuco thông báo với chồng việc bà có thai hồi trẻ.

- Fusaco bảo thế à? - Singo hỏi lại.

- Tôi nghĩ là còn hơi sớm. - Yasuco nhắc lại. - Song tôi nghe nói là sau khi nạo thai dễ dính bầu liền lắm...

- Liệu có phải vợ chồng Suyichi nói cho Fusaco biết không nhỉ?

- Làm gì có chuyện?... Quan sát riêng của nó thôi.

Singo thấy buồn cười về “quan sát”. Từ khi sống thiếu chồng, Fusaco tỏ vẻ tò mò quá đáng đối với tất cả những gì liên quan đến cô em dâu.

- Theo tôi, ông cần nói chuyện với Kikuco, khuyên nó lần này nên để sinh... - Yasuco nói.

Singo cảm thấy có cái gì đó làm ông ghen thờ. Tin về việc có thai mới của Kikuco càng làm cái ý nghĩ về chuyện có thai của Kinu thêm nhức nhối, đến độ không chịu đựng nổi.

Có thể là việc hai người đàn bà cùng có chữa với một người đàn ông là chuyện bình thường, nhưng khi người đàn ông đó lại là con của ta, ta sẽ bất giác thấy sợ hãi, một cách kỳ lạ. Trong sự trùng hợp đó có một cái gì ma quái, đó là một lời nguyên rủa, một sự trả giá.

Quan trọng hơn hết thảy, nếu lời nhận xét của Fusaco là đúng, đối với Kikuco đây là lần mang thai thứ hai. Khi cô đi phá thai lần trước, ả tình nhân cũng bắt đầu có thai, và trước khi ả ta đẻ, thì cô lại có thai lần nữa. Đương nhiên là cô không ngờ rằng ả kia sắp sửa có con.

- Nếu Kikuco hiểu rằng chúng ta đã biết là nó có thai, nó sẽ không dám phá thai đi lần nữa đâu. - Bà Yasuco nói.

- Đúng vậy! - Singo đáp. - Có điều bà phải nói chuyện với nó với tư cách là phụ nữ với nhau.

Sau đó ông không sao ngủ được nữa. Đầu ông đầy rẫy những ý nghĩ đen tối. Thậm chí ông tức giận nghĩ cả đến việc dùng áp lực nào đó bắt ả Kinu kia phải bỏ đứa con ấy đi...

Đã quá hai giờ sáng. Từ ngoài vườn văng lại bản đồng ca hùng tráng của các loại côn trùng. Âm thanh ấy nghe hơi lạ và Singo tự hỏi, phải chăng những con vật ấy đang kêu thét?

Gần đây ông rất hay nằm mơ. Và sáng nay, lúc trời gần hừng, ông cũng đã nằm mơ một giấc mơ dài.

Ông không hiểu mình đi bằng cách nào đến chỗ đó, nhưng ông nhìn xuống là thấy ngay hai quả trứng. Đó là ở giữa sa mạc. Xung quanh bốn phía toàn là cát. Hai quả trứng nằm cạnh nhau trên cát. Một quả lớn hơn - đó là trứng đà điểu, còn quả nhỏ hơn, là trứng rắn. Cái trứng rắn nứt ra và một con rắn con tinh nghịch, thò cái đầu bé xíu ra khỏi vỏ. Trông nó rất nghịch ngợm và dễ thương. Tất nhiên là giấc mơ ấy có liên quan đến suy nghĩ của Singo về Kikuco và Kinu. Có điều ông không hiểu được đứa con của người nào ở trong trứng đà điểu và con người nào ở trong cái trứng rắn. Singo nghi hoặc tự hỏi, chẳng hiểu rắn đẻ trứng hay đẻ con nữa?

3

Hôm đó là chủ nhật. Singo thấy mệt mỏi bơ phờ và ông nằm rón đến chín giờ. Ông rất khó chịu khi nhớ đến giấc mơ về những quả trứng và cả về cái đầu nhỏ xíu của con rắn con nữa. Sau đó ông trở dậy đánh răng, rửa mặt rồi đi vào phòng ăn.

Kikuco đang buộc báo cũ lại thành từng bó, có lẽ cô định đem bán cho hàng phế liệu. Thấy Singo vào, cô đứng lên để rót trà cho ông ngay.

- Ba đã đọc chuyện hoa sen chưa ạ? - Kikuco hỏi và đặt hai tờ báo lên chiếc bàn con. - Có thêm hai bài viết nữa. Con đã để riêng ra đây này.

- Ta cũng có đọc về chuyện đó rồi. - Singo đáp nhưng vẫn cầm lấy báo. Ông còn nhớ chuyện người ta tìm được những hạt giống hoa sen hai nghìn năm tuổi khi khai quật một di chỉ khảo cổ và một nhà bác học, vị “tiến sĩ hoa sen” đã làm cho chúng nảy mầm, rồi sau đó những cây sen ấy đã ra hoa. Lúc ông đọc bài báo viết về chuyện ấy, Kikuco vừa mới nạo thai xong và đang còn nằm bệnh.

Sau này còn có thêm hai bài báo nữa viết về chuyện hoa sen.

Một bài kể chuyện nhà bác học nói trên đã phân chia các mầm sen như thế nào và đem trồng chúng trong hồ của vườn trường Đại học Tổng hợp Tokyo, nơi ông ta từng theo học ra sao. Bài thứ hai viết về chuyện hoa sen ở Mỹ. Một giáo sư của trường Đại học Tổng hợp Tokyo đã tìm thấy ở Mãn Châu Lý những hạt giống hoa sen đã hóa thạch và gửi chúng sang Mỹ. Tại vườn thực vật quốc gia Washington, người ta đã tách lớp vỏ hóa đá của hạt ra, bọc nhân hạt vào bông ẩm và nuôi chúng trong ống nghiệm. Năm ngoái đây, các hạt ấy đã nảy mầm và năm nay, sau khi họ thả các mầm đó xuống hồ, thì chúng đã nở được hai bông sen màu hồng. Các chuyên gia của vườn thực vật đã nêu ra giả định, rằng các hạt giống nói trên là từ một ngàn năm đến năm mươi ngàn năm về trước.

- Ta đã nghĩ ngay mà, - Singo cười bảo, - tính toán của họ có vẻ xê xích quá thì phải... “Từ một nghìn năm đến năm chục nghìn năm” là nghĩa thế nào?

Ông tiếp tục đọc nốt bài báo. Hóa ra là nhà bác học Nhật Bản, xuất phát từ cấu trúc chất đất ở Mãn Châu Lý, đã kết luận rằng các hạt giống ấy hai nghìn năm tuổi. Song người Mỹ đã đưa lớp vỏ hóa đá của hạt sen đi phân tích bằng phương pháp phóng xạ, mà kết quả của nó chỉ ra là chúng một ngàn tuổi. Hiện vấn đề này còn đang được tranh cãi.

- Dù năm mươi ngàn năm tuổi hay chỉ một ngàn, cuộc sống của hoa sen cũng đã dài kinh khủng, đúng không? - Singo nói. - Cả một thiên thu so với cuộc đời con người rồi còn gì? Thật thú vị biết bao được nằm một đến hai ngàn năm trong lòng đất...

- Trong lòng đất ấy ạ? - Kikuco thì thầm hỏi.

- Không phải trong mồ, mà cũng không chết, chỉ nằm thế thôi và yên nghỉ. Thế rồi sau năm mươi ngàn năm thức dậy và nhận thấy rằng cả những vấn đề riêng lẫn vấn đề của thế giới đã được giải quyết, trái đất này đã là một thiên đường.

- Kikuco! - Tiếng Fusaco gọi từ phía bếp. - Cô dọn bữa sáng cho bố tôi nhé.

- Vâng! - Kikuco đáp và đi xuống bếp.

- Ba phải ăn một mình thôi. - Cô nói khi mang bữa điểm tâm lại cho Singo. - Cả nhà đã ăn hết rồi ạ.

- Vậy ư? Suyichi đâu rồi? - Singo hỏi.

- Anh ấy đi câu cá ạ.

- Còn mẹ con?

- Ở ngoài vườn ạ.

- Sáng nay ta sẽ không dùng đến món trứng. - Singo nói và trả lại cho Kikuco cái đĩa đựng quả trứng sống. Ông vừa nhớ đến cái trứng rắn và thấy ghê tởm.

- Ba đọc xong báo chưa? - Kikuco hỏi và vồ lấy mấy tờ báo. Hẳn là cô muốn nói đến việc có thể đem chúng đi bán phế liệu được chưa.

Fusaco bưng lên cho Singo một con cá khô nướng cháy rồi lại quay xuống bếp với lũ trẻ con.

Singo đón lấy chén cơm từ tay Kikuco và nhìn thẳng vào mắt cô một cách đầy thử thách. Sau đó ông hỏi khẽ:

- Con có thai phải không?

- Không ạ! - Kikuco trả lời lập tức và sau đó cô mới có vẻ ngạc nhiên vì câu hỏi. Cô lắc đầu phủ định và nói thêm. - Không, làm gì có chuyện đó ạ?

- Vậy là điều đó không đúng hả!

- Dạ.

Kikuco kinh ngạc nhìn Singo và đỏ mặt lên.

- Nhưng nếu chuyện đó xảy ra, con sẽ cần trọng hơn chứ, phải không? - Singo nói tiếp. - Ta đã mắng cho Suychi một trận ra trò. Ta bảo nó phải coi chừng sau lần phá thai ấy có thể con không có con được nữa. Tất nhiên là lúc đầu nó nói năng bậy bạ và ta đã tuyên bố thẳng là nó cần phải biết sợ Trời Phật. Con người ta đâu có thể nói chắc là ngày mai mình còn sống, còn nó thì... Nhưng ta tin rằng con sẽ có một đứa con tuyệt vời.

- Con rất tiếc là đã gây cho ba nhiều lo lắng. - Kikuco lí nhí và cúi đầu xuống.

Singo tin rằng cô đã nói thật với ông. Nhưng nếu vậy thì tại sao Fusaco lại nói rằng cô mới có thai? Khó mà có thể xảy ra việc Fusaco nhận biết điều đó trong khi chính Kikuco lại không nhận thấy gì. Hẳn là những “quan sát” của Fusaco đã không đúng.

Singo lo là Fusaco nghe được câu chuyện vừa rồi giữa ông với Kikuco và ông cảnh giác nhìn về phía bếp. Song ở đó chẳng thấy tiếng động nào cả. Có thể chị chàng đã dẫn con đi ra ngoài rồi.

- Theo như ba thấy thì lâu nay Suychi có bao giờ đi câu cá đâu? - Singo nhận xét.

- Đúng vậy, song hôm nay chắc có ông bạn nào rủ rê nên anh ấy hăng lên. - Kikuco đáp lại.

- Có thể là anh chàng đã cắt đứt với Kinu rồi, Singo thầm nghĩ.

Trước đây hẳn đã đến với nhân tình kể cả ngày chủ nhật.

- Con có muốn ta đi đến chỗ hồ không? - ông hỏi con dâu.

- Có ạ.

Singo ra vườn. Bà Yasuco đang ngẩng cổ xem xét gì đó trên tán cây anh đào.

- Có chuyện gì vậy? - ông hỏi.

- Chẳng có gì cả. - Yasuco đáp. - Nhưng ông xem này, lá của nó đã rụng gần hết. Hay là sâu bọ cắn đấy nhỉ? Tôi cứ nghe thấy ve kêu ở cây này, thế mà lúc ra xem thì đã trụi sạch lá.

Trong khi hai người nói chuyện, những chiếc lá chớm vàng từ trên cây không ngừng rụng xuống.

- Suyichi đi câu cá rồi. Tôi với Kikuco sẽ đến xem nó câu thế nào - Singo nói.

- Nó đi câu à? - Bà Yasuco quay lại hỏi ông.

- Tôi đã hỏi Kikuco về chuyện kia rồi, nhưng nó bảo là không có đâu, "Quan sát" của Fusaco hóa ra là sai bét.

- Vậy à? Ra là ông đã hỏi nó rồi đấy? - Yasuco trầm ngâm nói bằng một giọng kéo dài. - Thật xấu hổ biết chừng nào?

- Tôi không thể hiểu nổi tại sao Fusaco cứ nhúng mũi vào khắp mọi chỗ và ra sức đánh hơi thế!

- Thật vậy, tại sao nhỉ?

- Tôi hỏi bà đấy, chứ không phải bà lại đi hỏi tôi đâu.

Khi hai ông bà vào nhà, Kikuco đã đợi sẵn trong phòng ăn để đi chơi. Cô mặc chiếc áo len cao cổ trắng và đi tất trông đầy sức sống.

Một hôm, ở bên lề đường xe lửa đột nhiên nở rộ những bông hoa màu đỏ. Đó là loài cam thảo mọc gần sát đường sắt đến nỗi tàu chạy qua làm chúng rung rinh. Cả ở trên con đê ở Totsuca cũng thấy hoa cam thảo. Những bông hoa cam thảo mới nở trông thật rực rỡ và tươi tắn.

Buổi sáng hôm đó, những bông hoa đỏ ấy gợi lên một cảm giác bình yên trên những cánh đồng cỏ mùa thu. Cỏ tóc tiên cũng bắt đầu uốn cong lá.

Singo cởi giày bên phải ra, gác chân lên và xoa nắn bàn chân.

- Ba làm sao vậy? - Suychi hỏi.

Thấy nó bằng nặng thế nào ấy... Thịnh thoảng khi trèo lên bậc thềm nhà ga, hai chân tôi nặng trĩu như đổ chì vậy. Sang năm nay tôi xuống sức rồi. Tôi đang ra đi từ từ đấy, anh biết không?

- Kikuco cũng lo lắng. Cô ấy bảo trông ba có vẻ mệt mỏi.

- Thế à? Chắc tại ba nói với nó những chuyện vớ vẩn đấy... chuyện muốn được chôn năm mươi nghìn năm để nghỉ ngơi trong lòng đất.

Suychi không hiểu nhìn ông.

- Tại ở trên báo có viết về những hạt giống hoa sen từ cổ xưa mà. Anh có đọc chuyện đó không? Singo châm thuốc lá và nói thêm, - ba còn hỏi Kikuco có thai hay không... Cô ấy hoang mang ra trò đấy. Chuyện đó thế nào rồi?

- Vẫn còn quá sớm ạ.

- Thế còn chuyện đứa con của Kinu thì sao? Theo tôi thì hiện tại chuyện đó quan trọng hơn đấy.

Suychi nép hẳn người vào tường, nhưng không đầu hàng:

- Con biết ba đã đến gặp cô ấy! - Anh ta nói. - Để đưa cô ta tiền như kiểu cho nghỉ việc ấy. Nhưng lẽ ra ba không cần phải làm như thế.

- Anh biết được vào lúc nào vậy?

- Thì con biết, nhưng không phải từ cô ta đâu. Như ba đã rõ, con và Kinu đã cắt đứt với nhau hoàn toàn rồi.

- Còn đứa con là của anh phải không?

- Cô ấy bảo là không phải.

- Nó nói gì, điều đó không quan trọng, đây là nói đến lương tâm của anh ấy? - Singo quát lên bằng một giọng run run giận dữ. - Thế nào?

- Trong tình trạng như vậy, lương tâm không phải là vị quan tòa sáng suốt nhất.

- Cái gì-ì?

- Thôi được rồi, cứ cho là con sẽ tự dẫn vật đi. Nhưng phỏng có ích lợi gì? Đảng nào thì con cũng không thể lao đầu vào cái ý muốn ương ngạnh điên rồ đòi giữ lại cái thai của cô ấy được.

- Nhưng anh cần biết là cô ta đau khổ nhiều hơn anh! Cũng như Kikuco vậy.

- Có thể. Nhưng sau khi đã cắt đứt với nhau, con thấy cô ấy vẫn sống yên ổn như trước đây thôi.

- Và đối với anh thế là đủ chứ gì? Quả thực là anh không muốn biết đứa trẻ đó là của anh hay của ai à? Hay là lương tâm của anh đã biết điều đó rồi?

Suychi im lặng và nhấp nháy đôi mắt to quá đẹp đối với một người đàn ông của mình.

Đến nơi làm việc, Singo thấy trên bàn giấy có một tấm thiệp báo tin buồn. Người bạn bị ung thư của ông đã chết sớm hơn là người ta dự định.

Phải chăng có ai đã đem cho ông ta thuốc độc? Hay ông ta đã tìm cách khác để tự vẫn?

Ngoài tấm thiệp ra còn có một bức thư của Ayco. Cô ta viết rằng đã chuyển sang làm ở một hiệu may khác. Sau đó Kinu cũng đã bỏ việc và

lánh đến ở Numatzu. Với Ayco, chị ta chỉ cho biết rằng chị ta muốn mở tiệm may riêng và ở Tokyo thì điều đó khó thực hiện được.

Mặc dù trong thư Ayco không viết, nhưng Singo vẫn đoán rằng Kinu lánh về Numatzu chỉ để sinh con. Có thể Suyichi có lý khi nói rằng cô ta đã có cuộc sống riêng của mình mà nó không hề động chạm đến cả anh ta lẫn Singo.

Singo cứ ngồi như thế một lúc lâu, lơ đãng nhìn vào trong làn ánh nắng chói chang. Sau đó ông chợt nhớ đến Ikeda, người bạn cũ của Kinu và quyết định đến gặp chị ta hoặc Ayco để hỏi thăm về Kinu.

Nghỉ trưa xong ông đi viếng bạn. Mãi đến lúc ấy ông mới nhớ ra là vợ của bạn ông đã chết từ lâu. Hẳn ông ta đã sống với người con trai cả.

Singo không dám hỏi xem có phải bạn ông đã tự vẫn hay không, nhưng ông rất ngờ là như vậy. Trong số hoa viếng để bên linh cữu thì những bông cúc đại đóa lớn là đẹp nhất.

Sau lễ viếng Singo trở về hãng và cùng với Natsuco xem xét giấy tờ mới gửi đến. Bỗng có điện thoại của Kikuco gọi lại, Singo giật mình khi nghe thấy tiếng cô, ông đã tưởng là có chuyện gì xảy ra.

- Kikuco đấy à? Con đang ở đâu vậy? - Singo hồi hộp hỏi.

- Con đang ở chỗ cha mẹ con đây ạ! - Kikuco cười vui vẻ đáp. - Mẹ con gọi điện bảo muốn nói chuyện với con nên con đã vội về ngay nhà. Nhưng hóa ra là chẳng có gì cần thiết, chả là vì mẹ con nhớ con thôi.

- À...thì ra đầu đuôi là thế đấy! - Singo thở ra nhẹ nhõm. Trong lòng ông cảm thấy ấm áp, không chỉ vì được nghe thấy tiếng nói của Kikuco mà thôi.

- Ba ơi, ba sắp về chưa ạ?

- Sắp rồi. Cha mẹ con có được khỏe cả không?

- Cám ơn ba, khỏe ạ. Tự nhiên con thấy muốn về cùng với ba quá nên con gọi lại...

- Vậy hả? Nếu con muốn ở lại chơi bên nhà thì cũng được. Ba sẽ nói lại với Suychi cho, đừng có ngại.

- Không đâu, con đang chuẩn bị ra về đây.

- Nếu vậy thì ghé qua hăng nhé?

- Đến đó được không ạ? Con đã tính đợi ba ở nhà ga kia.

- Đừng, lại đây đi! Con có muốn nói chuyện với Suychi không? Chúng ta có thể đi ăn chiều ở đâu đó rồi cả ba cùng về luôn.

- Thôi để con lên đường luôn bây giờ. Con đã sẵn sàng rồi.

Singo cảm thấy sự ấm áp trong lòng ông lan cả lên mặt. Thành phố bên ngoài bỗng trở nên sáng sủa hơn.

CHƯƠNG XVI: CÁ MÙA THU

1

Một sáng tháng mười, Singo định thắt cravat nhưng tay ông cứ rú lại.

- Thắt thế nào ấy nhỉ? Thắt thế nào ấy nhỉ? - ông thất vọng lăm bắm và buông thông tay xuống. - Chuyện gì xảy ra với mình thế không biết?

Sau đó ông làm lại nhưng chẳng ăn thua. Ông căng cái cravat ra và nhìn nó ngạc nhiên.

Kikuco cầm cái áo vét từ phía sau bước lên và hỏi:

- Cái gì thế ba?

- Ta không thắt được cái cravat nữa. Quên mất cách làm rồi. Thật nực cười phải không?

Nói đoạn Singo lại làm lại chậm rãi, song kết quả của những cố gắng ấy chỉ là một cái búi kỳ quặc. “Thật kỳ lạ” là từ thích hợp hơn cả để nói trong trường hợp này, nhưng trong đôi mắt Singo hiện lên một nỗi sợ hãi chết lặng và Kikuco cũng có vẻ lo ngại.

- Kìa ba? - Cô kêu lên.

- Ta biết làm thế nào bây giờ? - Singo đứng sững, đầu óc mất hết khả năng phân tích.

Kikuco không chịu được nữa, cô khoác cái áo vét lên cánh tay rồi tiến đến trước mặt Singo và cầm lấy cái cravat.

- Ba hãy nói cho con xem cần phải làm thế nào! - Cô hỏi khẽ và bắt đầu loay hoay thắt.

- Chính điều đó ba quên mất mà lại. - Singo đáp.

- Nhưng ngày nào ba cũng làm cơ mà?

- Thì đúng rồi, nhưng...

Singo không thể giải thích nổi vì sao sáng nay ông lại quên mất điều mà trong bốn mươi năm làm viên chức ông vẫn thực hiện hàng ngày. Thậm chí ông không hề phải nghĩ mà tay ông tự động thao tác theo thói quen. Ông có cảm giác là mình sắp sửa bất tỉnh nhân sự và ngã gục xuống bàn.

Kikuco vẫn loay hoay với cái cravat trên cổ Singo. Ông đứng yên trong tay cô như một đứa trẻ bất lực đang cần sự an ủi.

- Không được! - Kikuco buông tay xuống nói và đỏ mặt lên.

- Con không bao giờ thắt cravat cho Suychi ư?

- Không ạ.

- Con chỉ biết tháo ra cho nó mỗi khi nó say rượu trở về thôi chứ gì?

Đôi vai của Kikuco trơ ra. Cô lùi lại một bước và nhìn chăm chăm vào cái cravat.

- Có thể mẹ con biết đấy. - Cô thở dài và gọi: - Mẹ ơi, mẹ, ba con nói là không thắt được cravat đây này. Mẹ có thể lại đây một lát không ạ?

- Trời đất ơi, sao vậy?

Bà Yasuco bước vào với vẻ mặt của người vừa được nghe thấy điều ngớ ngẩn nhất trên đời.

- Có chuyện gì xảy ra với tôi ấy, và tôi quên sạch cả. Chuyện lạ quá! - Singo phân trần.

- Lạ thật đấy! - Yasuco bổ sung.

Bà bước đến thay thế Kikuco vừa mới lùi ra. Rốt cuộc rồi bà cũng thắt được một cái nút tạm gọi cravat được.

Singo cảm thấy sắp ngất xỉu. Máu ông dồn lên gáy, bởi ông phải đứng ngửa đầu lâu quá. Dưới đôi mí mắt nặng nề của ông loáng hiện lên một lớp

bụi tuyết vàng. Đó là đám mây tuyết bốc ra từ cơn băng lở mà ông đã thấy khi còn nhỏ ở vùng núi quê mình.

“Phải chăng là xuất huyết não?”, ông hoảng sợ thoáng nghĩ.

- Nào, thế đã được chưa? - Bà Yasuco hoan hỉ hỏi.

Singo đưa tay lên nắn cái nút cravat và tay ông chạm vào tay vợ ông bỗng chợt nhớ đến thời vừa tốt nghiệp trung học, khi lần đầu tiên thay bộ đồng phục học sinh bằng bộ âu phục, người chị gái xinh đẹp của Yasuco đã thắt cravat cho ông.

- Cũng không đến nỗi nào. - Singo soi mình vào gương và nói. - Trời ơi, bỗng nhiên tôi mất cả khái niệm thắt cravat thế nào! Thật chẳng lấy gì làm dễ chịu cả.

Hẳn là khi mới lấy nhau, Yasuco vẫn thường thắt cravat cho ông. Có điều ông chẳng nhớ được chuyện đó. Mà cũng có thể bà đã từng thắt cravat cho người anh rể đẹp trai của mình nữa, khi bà sống ở nhà anh rể để thay thế cho người chị đã chết.

Kikuco tiến chân Singo ra tận cửa.

- Ba ráng về sớm nhé! - Cô nói.

Khi tàu đi ngang Ophuma, Singo ngẩng nhìn núi Phú Sĩ trên cái nền bầu trời thu trong vắt và bất giác sờ lên cravat của mình. Chắc vì Yasuco đứng quay mặt vào ông nên bà đã làm hai đầu múi thắt không được đều nhau.

“Chà, cái bà vợ này”, Singo làu bà rồi tháo cravat ra và thắt lại đầu vào đấy, ông thấy thật khó tin nổi là chỉ trước đây có một ít phút, ông đã không thể nhớ ra cách làm việc đó thế nào.

2

Gần đây Suyichi luôn luôn đi làm về cùng với Singo.

Ban ngày ở Tokyo cứ nửa giờ có một chuyến tàu đi Kamakura, còn chiều tối - mười lăm phút một. Thường các chuyến tàu tối vắng người hơn lúc ban ngày.

Một người đàn bà trẻ bước lên tàu ở ga Tokyo và đặt cái túi xách màu đỏ của mình xuống ghế đối diện với cha con Singo rồi quay sang nói với Suychi:

- Ông làm ơn giữ chỗ giùm tôi được không ạ?

- Cả hai chỗ đó ư? - Suychi hỏi lại.

Người đàn bà lẩm bầm cái gì đó rồi ra khỏi toa và xuống sân ga. Trên bộ mặt trang điểm kỹ của chị ta không hề thoáng vẻ bối rối. Chiếc áo bành tô kiểu vai hẹp của chị ta buông thoải mái xuống thân hình kiêu diễm cao dong dong.

Singo hơi ngạc nhiên, ông không hiểu vì sao Suychi lại hiểu được người đàn bà kia muốn nhờ anh ta giữ hai chỗ. Điều gì đã mách bảo anh chàng là chị ta đang chờ một người nào đó?

Ông cũng không thể giải thích được vì sao khi người đàn bà đứng ngay trước mặt ông, chị ta không nhờ ông mà lại hướng về phía Suychi. Phải chăng vì Suychi là người dễ với tới hơn đối với phụ nữ?

Singo chăm chú nhìn con trai. Suychi đang mãi cắm đầu vào tờ báo.

Người đàn bà quay trở lại toa, nhưng trước khi lên, hắt chị ta còn ngoái nhìn khấp lượt sân ga. Hắt là người mà chị ta đợi không đến.

Lần này chị ta ngồi đối diện Suychi và liên tục liếc nhìn về phía cửa. Chắc hắt vì để nhìn cho rõ mà chị ta chọn chỗ đó. Singo không thể xác định được tuổi của chị ta, nhất là vì trên mặt chị ta lộ rõ vẻ mệt mỏi.

Trước cửa khoang của Singo nổi lên tiếng ồn ào làm ông và người đàn bà quay phắt lại. Năm, sáu thanh niên tay cầm những cành lá phong đỏ rực, nói cười ầm ĩ đi qua.

Hắn là họ đi tham quan ở vùng núi phía Bắc trở về, Singo suy luận khi nhìn thấy những chiếc lá phong đỏ thắm. Ông bỗng nhớ đến cây phong kiểng lùn của người chị gái Yasuco để lại mà sau này cứ đỏ rực như thể cháy lửa trong chậu hoa cúng trên bàn thờ nhà ông.

Khi dứt khỏi dòng suy tưởng, Singo nhận thấy trước mặt Suyichi một người đàn ông luống tuổi đang ngồi cạnh người phụ nữ trẻ nọ.

Thì ra là chị ta đợi cha mình. Ý nghĩ ấy làm Singo yên tâm phần nào.

Người đàn ông mới đến giống hệt con gái ông ta. Cũng cái mũi tẹt ấy và cũng đường ngôi tóc ấy. Riêng ông bố thì có đeo một cặp kính gọng đen.

Hai con người đó không nhìn nhau mà cũng chẳng hề trò chuyện, dường như họ không biết nhau vậy. Người cha đã ngủ thiếp đi trước khi tàu đến ga Siganava.

Singo những muốn hai người ngồi trước mặt mình nói lên dù chỉ một lời, nhưng mặt khác sự im lặng thờ ơ của họ đối với nhau làm ông thấy ghen tỵ. Không nghi ngờ gì là hòa thuận và bình yên ngự trị dưới mái nhà của họ.

Singo đã suy nghĩ như vậy, nên khi thấy người đàn ông xuống ga Yocohama một mình, ông giật nảy mình lên như phải bóng. Hai người ở hàng ghế trước mặt không phải là cha con gì hết, mà chỉ là những người hoàn toàn xa lạ.

Singo cảm thấy như mình vừa bị lừa.

3

Ông huých đàn ông ấy, sau đó ông buồn cho chính bản thân mình và thì thầm khẽ với Suyichi:

- Họ không phải là hai cha con đâu.

Trái với sự quan tâm của ông, Suyichi chẳng quan tâm gì đến chuyện đó. Anh ta gật đầu thờ và làu bàu: “Thú vị thật đấy”, song hẳn là đối với anh ta chẳng có gì thú vị.

- Họ giống nhau quá! - Singo nói.

- Vâng, hình như thế.

Tiếng tàu xập xình hẫng là làm người đàn ông kia không nghe được câu chuyện của họ. Đột nhiên Singo cảm thấy buồn. Ông vẫn không thể nào hiểu nổi vì sao người phụ nữ trẻ kia lại không phải là con của người đàn ông này. Càng nghĩ về chuyện đó ông lại càng thấy khó hiểu.

Trên đời này có những người giống nhau đến độ ai cũng phải cho rằng họ là cha con, mẹ con. Nhưng số đó hẫng là rất ít. Chắc rằng trên cả thế giới này chỉ có người đàn ông kia là giống người phụ nữ ấy, và chỉ người phụ nữ ấy giống người đàn ông kia. Ông ta là người duy nhất và chị ta cũng duy nhất. Trên khắp thế gian này chỉ có hai người đó - một thí dụ duy nhất. Người này tồn tại độc lập với người kia, mà không hề biết đến mối liên quan giữa họ với nhau.

Hoàn toàn ngẫu nhiên họ đã cùng ở trong một chuyến tàu. Họ gặp nhau lần đầu và hẫng cũng là lần cuối. Trong vài ba chục phút của cả một cuộc đời. Họ chia tay mà chẳng nói một lời, họ ngồi bên nhau mà không hề nhận ra sự giống nhau ở người kia. Họ đã chia tay nhau như đóng vai những nhân vật trong một phép lạ mà chính bản thân họ không hề biết.

Chỉ có Singo - một kẻ ngoài cuộc - lấy làm kinh ngạc về chuyện kỳ lạ đó và ông tự hỏi, liệu với tư cách là người làm chứng tình cờ, ông có phải là một vai bất đắc dĩ trong câu chuyện ấy không?

Người đàn bà trẻ đã ngồi gần người đàn ông kia đến như vậy và cũng chỉ bởi vì người mà chị ta đợi đã không tới.

“Phải chăng trong cuộc đời mọi cái vẫn xảy ra như vậy?”, Singo lẩm bẩm hầu như không thành tiếng.

Đến ga Totsuca người đàn ông choàng dậy, chụp vội cái mũ và xuống tàu.

- Trên đời này cũng có lắm chuyện lạ, - Singo nói một cách thoải mái vì không phải giấu giếm - Họ là những con người hoàn toàn xa lạ đấy!

- Kể thì cũng có nét gì đó giống, nhưng về phong thái thì họ khác hẳn nhau. - Suychi đáp lại ông.

- Về phong thái ấy ư?

- Cô kia chăm sóc đến hình thức bên ngoài rất kỹ, còn ông nội này thì nhàu nhĩ đến phát khiếp.

- Thì thiếu gì trường hợp con gái ăn mặc như bà hoàng, trong khi ông bố thì như thằng ăn mày ấy!

- Quả có vậy, song con muốn nói là quần áo của hai người này nói lên hoàn cảnh xã hội khác nhau của họ.

- Ủ, phải, - Singo đồng ý. - Khi cô ta xuống tàu rồi, ông kia trông có vẻ nhàu nhĩ hẳn.

- Từ đầu ông ta đã nhàu nhĩ.

- Nhưng cảm giác về sự thay đổi hình dạng đột ngột ấy làm ta kinh ngạc. Nó cũng làm ta buồn nữa...ông ta trẻ hơn ba phải không?

- Một ông già sẽ có vẻ ngon lành hơn khi ngồi bên một cô gái đẹp - Suychi nói đùa.

Singo không làm sao có thể xua nổi ý nghĩ về đôi nam nữ kỳ lạ ấy ra khỏi đầu óc.

- Hay là họ đúng là cha con thật nhỉ? - Ông tiếp tục trình bày những suy luận của mình. - Bây giờ tôi mới nghĩ ra là biết đâu cô gái lại không phải là đứa con bất hợp pháp của ông ta chẳng hạn? Hai người chưa hề biết mặt nhau và không hề ngờ họ lại là cha con!

Suychi nhìn đi chỗ khác và Singo chột dạ vì những lời nói của mình. Ông hiểu là mình vừa phạm sai lầm, nhưng chẳng còn cách nào khác hơn là phải nói tiếp:

- Cả đối với anh cũng có thể xảy ra chuyện như vậy sau hai mươi năm nữa đấy.

- Vì thế mà ba khơi câu chuyện ấy lên đấy à? Ba cần biết rằng con không phải là một kẻ tin vào định mệnh hay số phận đâu? Đạn đã từng réo bên tai con, nhưng không viên nào đụng con cả. Cũng chả có gì là lạ nếu con đã để lại một đứa con nào đó ở Trung Hoa hay ở Đông Nam Á! Đâu có gì là ghê gớm lắm nếu người ta gặp lại đứa con của mình mà không nhận ra nó, sau khi mà bên tai anh ta đạn đã từng réo sè sè? Và lại cũng chưa có gì đảm bảo là Kinu sẽ sinh con, và một khi cô ta quả quyết rằng cái thai ấy không phải của con, thì con thích đồng ý với cô ta hơn.

- Thời chiến khác mà thời bình khác!

- Chắc gì một cuộc chiến tranh mới hiện không đang đe dọa chúng ta? Mà có thể cái bóng ma của cuộc chiến tranh cũ vẫn còn đeo đuổi những kẻ như con? Có lẽ nó đã cuộn mình như rắn trong một xó khuất nào đấy của linh hồn con chẳng? - Suyichi tuôn ra một cách thô bạo. - Cô bé ngồi kia nom hơi lạ một chút nên lọt vào mắt ba và thế là ba bắt đầu tưởng tượng ra đủ thứ mà có quý mới biết được là những gì! Chỉ cần một người đàn bà hơi khác những người khác một chút là đàn ông đã để ý đến rồi.

- Hừ! Nghĩa là chỉ cần có một ả nào trông hơi lạ một chút là anh làm ngay cho nó một đứa con chứ gì? Và sau đó thì anh bỏ mặc cho cô ta nuôi dạy nó?

- Con không cầu xin ai điều đó cả. Chính đàn bà đã yêu cầu con.

Singo sững người im lặng.

- Còn cái cô mới xuống ga Yokohama kia đang tự do đấy! - Suyichi nói tiếp. - Chắc chắn là cô ta chưa có chồng và sẽ theo ba ngay nếu ba nháy mắt một cái... Cô ta làm ra vẻ quan trọng thế thôi, chứ đời cô ta hẳn cũng chẳng cao quý gì đâu, mà sự bất an thường xuyên cũng đã làm cô ta mòn mỏi đi rồi đấy.

Những suy diễn của anh ta làm Singo kinh ngạc.

- Sao mà lại có thể thế được? - Ông thét lên. - Anh đã sa ngã xuống quá thấp như thế từ bao giờ vậy?

- Kikuco cũng tự do, - Suyichi tiếp tục một cách đầy khiêu khích. Cô ấy không phải là người lính mà cũng chẳng phải là tù nhân.

- Anh nói vậy là nghĩa làm sao... Rằng vợ anh cũng tự do ấy hả? Anh đã nói với nó như thế rồi chắc?

- Không, con ủy quyền cho ba nói đấy.

- Anh bắt tôi phải đuổi nó đi? - Singo khó khăn lắm mới làm chủ được giọng mình.

- Hoàn toàn không phải vậy! - Suyichi cũng cố gắng để nói đúng mực. - Chỉ đơn giản là con bỗng thoáng nghĩ rằng người đàn bà kia đang tự do và... Nhưng ba không nghĩ là sở dĩ ba thấy họ giống như hai cha con là bởi vì cô kia cũng ngang tuổi với Kikuco sao?

- Cái gì-ì? - Cú giáng trả thật bất ngờ khiến Singo nghẹn lời. - Anh ăn nói cái gì vậy? Nếu họ không phải là hai cha con thì sự giống nhau của họ thật là cả một chuyện lạ.

- Tuy vậy chắc gì điều đó đã là nguyên nhân khiến ba bị xao động đến như thế!

- Đối với ta điều đó có thể là nguyên nhân. - Singo đáp lại bộp chát. Lời châm chọc rõ ràng của Suyichi về chuyện Kikuco lúc nào cũng ở trong đầu ông làm ông bị tổn thương dữ dội.

Đám thanh niên có những chiếc lá phong đỏ xuống tàu ở Ophuma. Singo nhìn theo họ và nói:

- Sao nhà ta không đi lên vùng núi Sinsu để ngắm phong nhĩ? Đi cả nhà luôn.

- Con thì không thấy rung động vì những chuyện như vậy.

- Ta muốn được nhìn lại vùng núi quê hương quá chừng... Mà mẹ anh mơ thấy ngôi nhà cũ ở đó bị đổ đấy.

- Nó ọp ẹp cũ kỹ quá rồi còn gì.

- Ủ thì cũng phải có chỗ nào để thỉnh thoảng tôi với mẹ anh đến thăm lại chứ... Còn vợ chồng anh hẳn cũng thích đi du lịch đâu đó ra ngoài thành phố?

- Bố mẹ cứ đi đi, còn con sẽ ở lại coi nhà, Kikuco chưa đến Sinsu lần nào, có thể cô ấy sẽ thích đấy.

- Tóm lại gần đây nó thế nào?

- Con thấy cô ấy có vẻ hơi buồn chán, kể từ khi con cắt đứt với Kinu.

Singo nhếch mép cười cay đắng.

4

Lại là chủ nhật và Suyichi lại đi câu cá.

Singo sắp lại mấy chiếc gối cũ phơi ở hàng hiên và nằm duỗi dài trên đó dưới ánh mặt trời mùa thu. Con Teru cũng nằm phơi nắng trên một bậc thềm dẫn ra vườn.

Bà Yasuco ngồi với một đồng báo từ mười ngày nay ở trong bếp.

Thỉnh thoảng đọc được cái gì thú vị bà lại réo gọi Singo. Rốt cuộc Singo không chịu nổi và ông quát:

- Bà hãy bỏ cái thói quen đợi chủ nhật mới đọc báo của cả tuần đi, nghe chưa?

Trong phòng khách, Kikuco đang gấp xếp mấy cành hoa cảnh vào một chiếc bình. Ngắm mấy cành hoa, Singo bất giác nhìn lên Kikuco.

Đường nét của chiếc cằm và cái cổ thanh tú của cô trông thật tinh khiết và đẹp đẽ. Vẻ tươi đẹp như vậy không phải thế hệ nào cũng sinh ra được.

Singo buồn rầu nghĩ.

- Để tôi đọc thêm cho ông một cái này nữa rồi chấm dứt hẳn. - Bà Yasuco gọi tới từ phía bếp. - ông nghe nhé!

- Trời, còn cái gì nữa đây?

- Ở Mỹ, có một vùng gọi là Ruphalo. Trong một tai nạn xảy ra ở đó một người bị đứt tai. Anh ta được đưa ngay đến bác sĩ. Còn bác sĩ, ông thử tưởng tượng xem, đã chạy bổ đến chỗ xảy ra tai nạn và tìm được cái tai đứt còn rỉ máu. Sau đó ông ta ấn cái tai đó vào chỗ của nó và ông nghĩ sao nào? Cái tai đã liền lại!

- Tôi còn nghe là ngón tay đứt cũng lành được cơ, nếu lắp ngay nó vào chỗ đứt.

- Vậy ư? - Yasuco nói và lại chúi đầu vào tờ báo của mình.

Nhưng một giây sau bà lại bật lên như thể vừa sức nhớ được điều gì. Mà việc này liên quan đến cả chuyện vợ chồng đấy! Nếu sau khi ly dị mà người ta quay lại với nhau ngay thì may ra chung sống tiếp được, còn nếu để lâu thì...

- Bà nói đến việc gì thế - Singo hỏi lại.

Câu hỏi của ông thực sự là thừa.

- Chẳng phải là với Fusaco thì cũng vậy hay sao? - Yasuco nói tiếp.

- Chỉ có điều là Aikhara đã biến mất tăm và chúng ta thậm chí không biết nó còn sống hay không nữa! - Singo đáp lại.

- Ta có thể biết điều đó nếu ta muốn. Song phỏng nó có ích lợi gì?

- Ôi, bà sao vẫn còn day dứt mãi? Nào, tôi xin bà hãy rũ sạch những nỗi luyến tiếc ấy đi. Ta đã gửi lời tuyên bố ly dị đi quá lâu rồi để... Hãy cam chịu, thế thôi.

- Từ nhỏ tôi đã quen chịu đựng rồi. Chỉ tại con bé với lũ trẻ ngay trước mặt tôi nên tôi cứ bần khoản...

Singo không đáp.

- Fusaco đâu có xinh đẹp gì! - Yasuco nói thêm. - Nếu có ai chịu rước nó đi, hai đứa trẻ sẽ đeo lên cổ Kikuco.

- Nếu thế thì vợ chồng Kikuco sẽ ra ở riêng, còn bà sẽ một mình coi cháu đấy, bà lão ạ!

- Chưa ai dám bảo tôi là lừa dối, song ông có tính đến chuyện tôi bao nhiêu tuổi rồi không?

- Bà hãy làm những gì sức bà cho phép, điều còn lại thì để cho Thượng đế! Fusaco đâu rồi?

- Nó đưa con đi chơi ở chỗ tượng Phật rồi. Trẻ con cũng lạ thật đấy. Satoco thiếu chút nữa đã bị xe kẹp, vậy mà nó vẫn thích đi đến đó.

- Liệu có phải vì yêu pho tượng không?

- Có lẽ thế đấy. Mà này, ông có nghĩ là Fusaco sẽ về quê ở không? Để cho nó thừa kế ngôi nhà ở đấy, hả?

- Ở quê người ta đâu có cần người thừa kế. - Singo cắt ngang.

Yasuco im lặng và tiếp tục đọc báo.

Lát sau có tiếng Kikuco nói từ phía phòng khách:

- Chuyện cái tai của mẹ lại gợi con nhớ đến một chuyện khác. Có một lần ba bảo con là ba ước được đem đầu mình đi sửa...

- Phải, - Singo tiếp lời cô. - lúc ấy ta đang ngắm hoa hướng dương, đúng không? Giờ đây ta lại càng thấy có nhu cầu làm chuyện đó nhiều hơn, một khi ta đã bắt đầu quên cách thắt cravat. Sắp tới ta sẽ đọc báo ngược mất thôi?

- Con vẫn thường vắt óc tưởng tượng việc con người ta sẽ cảm thấy thế nào nếu đưa đầu đến bệnh viện.

Singo liếc nhìn Kikuco rồi đáp:

- Thì cũng như là người ta cảm thấy khi đi ngủ vậy thôi, ta đồ là thế. Có thể điều trị cho cái đầu bằng liệu pháp mơ. Chắc vì ta đã già nên rất hay nằm mơ. Ta nhớ có một câu thơ thế này: *“Khi ta đau đớn, ta thấy những giấc mơ mà thực ra đó là sự tiếp nối của hiện thực”*. Có điều những giấc mơ của ta chẳng dính dáng gì đến hiện thực.

Kikuco nhìn vào lọ hoa.

Singo cũng nhìn vào đó và ông bỗng hỏi đột ngột như kiểu tiện thể:

- Kikuco này, sao vợ chồng con không ra ở riêng?

Kikuco giật mình đứng lên và đến bên Singo:

- Con sợ... - cô thì thăm để bà Yasuco khỏi nghe thấy. - Con sợ anh ấy.

- Con có ý định bỏ nó không?

- Nếu con quyết định như vậy, con sẽ có thể chăm sóc ba được nhiều hơn. Một cách đúng như con muốn. - Kikuco trang trọng đáp.

- Đó là nỗi bất hạnh của con.

- Làm điều mà trái tim mình mong muốn không phải là bất hạnh.

Singo sững sờ. Những lời của con dâu ông vang lên như một niềm say mê đang dâng trào mà trong đó cũng ẩn giấu cả một mối nguy hiểm nhất định.

- Thật cảm động là con quan tâm đến ta chân thành như thế, nhưng con không thấy là con lẫn lộn ta với Suyichi sao? Điều đó có thể chỉ tổ làm nguội lạnh tình cảm của nó đối với con.

- Nhưng quả thực nhiều lúc con không hiểu nổi anh ấy. - Kikuco nói khẽ. Khuôn mặt tái nhợt của cô dường như đang kêu cứu. - Con thấy sợ hãi đến nỗi... thậm chí con không biết mình sợ cái gì nữa!

- Ta biết. Nó đã thành người khác từ khi ở mặt trận trở về. Quả là nhiều lúc nó cư xử theo cái cách khiến ta không hiểu đầu óc nó ra làm sao cả.

Nhưng nếu con gắn vào nó giống như cái tai đứt đang còn rỉ máu kia, thì có thể cuộc sống của các con sẽ...

Kikuco không động đậy nhìn Singo.

- Nó có bảo con là con được tự do không? - ông hỏi.

- Không ạ? - Cô ngạc nhiên nhìn ông. - Tự do ấy ư.

- Ta đã bắt nó giải thích điều đó. Có thể nó muốn con cần ít bị ràng buộc hơn... con có hiểu không... nó muốn ta gợi ý cho con rằng con hoàn toàn tự do để ra đi nếu con muốn.

- Rằng con được tự do đối với ba ấy ạ?

- Đúng. Nó bảo “Kikuco được tự do và ba nói lại với cô ấy như thế!.

Vào lúc đó từ trên cao vọng đến một tiếng ồn. Singo đã tưởng là lần này ông nghe thấy tiếng kêu của trời.

Ông ngẩng đầu lên và thấy năm, sáu con bồ câu bay là là trên mảnh vườn.

Cả Kikuco cũng nghe thấy âm thanh ấy. Cô bước đến cuối hàng hiên, ngược nhìn lũ chim và ghen ngào thốt ra:

- Không lẽ ta được tự do thật sao?

Con Teru nhảy bật dậy khỏi bậc thềm đá và cầm đầu đuổi theo tiếng đập cánh phành phạch của lũ bồ câu.

5

Chiều đến, cả nhà tụ họp bên bàn ăn, với đủ mặt cả bảy người.

Tất nhiên là Fusaco và các con của chị đã trở thành thành viên chính thức trong gia đình.

- Ở hiệu bán cá chỉ còn có ba con cá hồi. - Kikuco phân trần. - Ta sẽ cho Satoco một con nhé!

Cô đặt con cá vào đĩa của Satoco, con thứ hai cho Singo và con thứ ba cho Suychi.

- Cá hồi không phải để cho trẻ con! - Fusaco tuyên bố và cầm lấy cái đĩa của Satoco. - Con đưa cho bà đi!

- Không. - Satoco kêu lên và kéo cái đĩa lại.

- Con cá to quá nhỉ! - Bà Yasuco ngạc nhiên nhận xét. - Đợt cá cuối cùng của năm nay đây, phải không? Tôi ăn chẳng hết cả con đâu nên sẽ ăn chung với ông nó thôi, còn Kikuco chung với Suychi.

Bảy người được chia thành ba nhóm. Có lẽ đã đến lúc họ phải được tách ra ở riêng chẳng?

Fusaco lườm con vì nó ăn uống để dây mỡ ra khắp cả người. Chị lấy cái trứng cá và đút vào miệng cho đứa nhỏ.

- Chà, trứng cá hồi. - Yasuco lăm bằm và xăn một miếng trứng trong con cá của Singo.

- Hồi trước chị của mẹ các con đây cứ bắt ta viết *khokhu*^[17] hoài, - Singo nói. - Bà ấy có đủ các ý thơ gắn liền với cá hồi: “Cá hồi mùa thu”, “Cá hồi thả mình trôi theo dòng nước để đẻ trứng”, “Cá hồi đã đẻ xong trứng của mình”.

Ông liếc nhìn vợ rồi nói tiếp:

- Sau khi đẻ trứng xong, con cá hồi kiệt sức thả mình trôi theo dòng nước ra biển.

- Giống như con vậy, - Fusaco nói nhanh, - mặc dù con chẳng được xinh đẹp như cá hồi.

Singo vờ không nghe thấy và tiếp tục:

- Đây ví dụ một khổ thơ thế này:

Cá hồi Trao phó cuộc đời

Cho làn nước mùa thu.

Hoặc:

Cá hồi buông mình

Trôi theo dòng nước

Chẳng biết đâu cái chết đang rình.

Dường như là viết về tôi vậy!

- Không, về con đó! - Fusaco nói. - Thế còn cá hồi khi trôi ra biển như vậy có chết hay không?

- Chết chứ, tuy rằng cũng có những con ẩn được vào những hốc sông sâu và sống qua mùa đông ở đó, người ta gọi chúng là “cá hồi lười”.

- Vậy là có thể tôi thuộc loại “cá hồi lười” chẳng?

- Còn con thì có lẽ không thể ở lâu được một chỗ. - Fusaco thốt ra.

Bà Yasuco nhìn con gái và bảo:

- Nhưng từ khi về đây với chúng ta, mày mập lên đấy, và sắc mặt cũng khác hẳn.

- Có điều con đâu có thích mập.

- Về ở với cha mẹ thì cũng như là ẩn mình qua mùa đông ở một hốc sông sâu vậy. - Suychi phụng ra.

- Tôi sẽ không ẩn lâu đâu. Chán lắm rồi! Tôi sẽ buông mình trôi ra biển.

- Fusaco đáp lại và thét lên: - Satoco! Không thấy là chỉ còn xương thôi sao? Lật xới cái đĩa đủ rồi đấy!

- Ôi dào, nghe chuyện của ba tụi bây chỉ tổ làm hỏng cả món cá hồi thôi chứ có được gì đâu! - Bà Yasuco nói. Trên mặt bà hiện lên một vẻ rất lạ.

Fusaco cúi mặt xuống và lại tiếp tục nói. Môi chị ta run run:

- Ba ạ, ba giúp con mở một cửa tiệm có được không? Nhỏ thôi, nhỏ nhất trên thế gian này cũng được! Tiệm bán đồ mỹ phẩm hay văn phòng phẩm gì đó. Ở một chỗ hẻo lánh cũng xong. Hoặc nếu là quán bán nước giải khát, con cũng không phản đối.

- Chị nghĩ rằng mình có khả năng để kinh doanh buôn bán những thứ ấy à? - Suychi hỏi với một vẻ ngạc nhiên thành thực.

- Thế tại sao tôi lại không có khả năng? Khách người ta đến uống nước chứ đâu có uống mặt tôi? Cậu có vợ đẹp thế rồi còn thừa thớt gì lắm nữa?

- Tôi đâu có nói theo ý đó. - Suychi phân bua.

- Tất nhiên là chị Fusaco có thể xoay sở nổi với chuyện buôn bán như thế. Người đàn bà nào cũng đều có thể. - Kikuco đột ngột lên tiếng. - Và nếu chị mở được cửa hàng, em sẽ xin được phụ với chị.

- Vậy ư? Thế thì hay lắm đấy! - Suychi giả bộ thán phục.

Những người khác im lặng. Kikuco đỏ mặt lên đến tận mang tai.

- Thế cả nhà sẽ nói sao nếu tuần sau ta đi Sinsu chơi? Ta sẽ ngắm phong ở đó. - Singo đề xuất.

- Cây phong hả? Ôi, tôi rất thích đấy? - Yasuco thốt lên và mắt bà sáng long lanh.

- Cả Kikuco nữa chứ? Con nó chưa được biết quê hương của nhà ta mà. - Singo bổ sung.

- Ôi con rất vui lòng ạ! - Kikuco đáp.

Fusaco và Suychi ngồi im lặng, mặt mày ỉu xiu.

- Thế ai sẽ ở lại coi nhà? - Bà Yasuco hỏi.

- Để con ở lại. - Suychi đáp.

- Không, để tôi, - Fusaco phản đối. - Chỉ có điều là tôi muốn được biết câu trả lời của ba trước khi cả nhà ra đi.

- Từ nay đến hôm đó con sẽ được biết ta quyết định thế nào. - Singo hứa. Ông bỗng nhớ đến tình nhân của Suychi với đứa con trong bụng, hiện hẳn cũng đã có tiệm may riêng ở Numatzu.

Suychi đứng dậy đầu tiên.

Singo cũng đứng lên và xoa nắn cái gáy mỏi cứng của mình. Sau đó ông vào phòng khách, bật đèn và kêu lên:

- Kikuco, dây bầu cảnh của con thông xuống tận đất rồi này. Chắc nó nặng quá đây!

Kikuco hẳn không nghe thấy tiếng ông, vì cô đang rửa chén đĩa.

CHÚ THÍCH

[1] Ngày thứ 210 của năm ở Nhật (tính từ đầu mùa xuân, tức là khoảng mồng một tháng chín) được coi là ngày tai họa, vì vào dịp đó thường xảy ra bão lụt hoặc các thiên tai khác.

[2] Một loại cây lớn hạt trần, thường được trồng để làm cảnh.

[3] Từ năm 1338 - 1573.

[4] Kamakura: Thành phố không xa Tokyo, đã từng là thủ đô nước Nhật (từ 1192 - 1333) nơi gia đình Singo Ogata cư trú.

[5] Danh họa Nhật đầu thế kỷ XVII, nổi tiếng với những tranh vẽ trên quạt.

[6] Tức là tuổi được tính kể từ ngày sinh, chứ không tính luôn cả chín tháng nằm trong bụng mẹ theo tuổi “tuổi mụ” vốn vẫn được áp dụng ở Nhật.

[7] Ansua: một món ăn mà người Nhật thường chỉ ăn vào dịp Tết.

[8] Kiko theo tiếng Nhật có nghĩa là “Tôi muốn nghe”.

[9] Quận thuộc Tokyo, nơi có trường Đại học Tổng hợp.

[10] Nhân vật lừng danh trong hoàng tộc Nhật Bản đã bỏ nhà ra đi để tìm đến cái chết vào năm 1948, vì không chịu chấp nhận ý nghĩ về sự sụp đổ của giới quý tộc thượng lưu Nhật sau chiến tranh.

[11] Tức là ngày 16 tháng 11, các trẻ lên ba, năm, bảy tuổi được mặc kimono mới đến chùa lễ Phật.

[12] Rocan (1758 - 1831), thi sĩ đồng thời là nhà tu hành Nhật Bản.

[13] Sakiamuni: Thích ca mâu ni, một trong hai tên gọi của Phật tổ Như Lai.

[14] Popai: nhân vật trong một bộ phim hoạt hình nổi tiếng của Mỹ.

[15] Locva (Tiếng Nhật gốc Hán): Một loại cây cận nhiệt đới có quả ăn được.

[16] Ogai Mori (1862 - 1922): Văn hào Nhật.

[17] Khokhu: Một thể loại thơ của Nhật.

XỨ TUYẾT

Yasunari Kawabata

Bản tiếng Việt: NGÔ VĂN PHÚ và VŨ ĐÌNH BÌNH

Dịch theo bản tiếng Pháp *Pays de Neige* của Armel Guerne và Bunkichi
Fujimon, Nhà xuất bản Albin Michel, Paris 1967.

Qua một đường hầm dài giữa hai vùng đất và thế là đã tới xứ tuyết. Chân trời trắng mờ dưới bóng đêm. Đoàn tàu chạy chậm dần rồi dừng lại ở một ga xép.

Cô gái ngồi phía bên kia hành lang đứng lên mở ô cửa sổ trước mắt Shimamura. Cái lạnh của tuyết ùa vào toa tàu. Cúi người nhô ra ngoài đến hết cỡ, cô gái gọi rõ to ông trưởng ga.

Ông trưởng ga tới gần, thông thả giẫm chân trên tuyết, tay xách đèn; một chiếc khăn quàng cổ được kéo lên đến tận mắt và hai dải mũ lông che kín đôi tai.

- Lạnh đến thế rồi cơ à? - Shimamura tự nhủ, anh nhìn ra cửa sổ và không trông thấy gì khác ngoài mấy cái lán lúp xúp dưới chân núi, ở đó màu trắng của tuyết đã biến mất trong màn đêm. Chắc hẳn đó là nơi ở của các nhân viên đường sắt.

- Tôi đây mà, bác trưởng ga ơi, bác có khỏe không?

-Ồ! Cô Yoko đây à... Cô đã về rồi sao?... Thời tiết lại lạnh quá!

- Theo như tôi biết thì em trai tôi đã tìm được việc làm ở đây. Tôi muốn cảm ơn bác đã giúp đỡ nó.

- Ở cái xó hẻo lánh này chắc rồi cậu ấy sẽ buồn lắm.

- Em tôi hãy còn trẻ dại. Tôi có thể hy vọng bác sẽ bảo ban nó những điều cần thiết, được chứ?

- Cô yên tâm! Cậu ấy xoay sở rất giỏi, cô có thể tin tôi. Vả lại, tuyết dày và bao nhiêu công việc nữa, sắp tới cứ gọi là làm không xuể. Năm ngoái, tuyết rơi nhiều đến nỗi các đoàn tàu luôn bị những khối tuyết lở chặn lại, mọi người ở đây phải liên tục nấu ăn cho các hành khách.

- Bác mặc có vẻ ấm lắm. Vậy mà trong lá thư vừa rồi, em tôi viết rằng nó còn chưa dùng đến áo săngđai.

- Tôi thì phải mặc bốn lần áo mới đủ ấm. Nhưng cánh trẻ ấy à, hễ rét là họ uống rượu... Rồi họ nằm cả ở đằng kia kia. - Ông vừa nói vừa đưa bàn tay cầm đèn về phía mấy cái lán, họ bị cảm lạnh mà! Bao giờ cũng vậy.

- Em tôi cũng uống rượu hả bác? - Yokko lo lắng.

- Theo tôi biết thì không.

- Mà bác đi đâu vào giờ này? - Nàng ngạc nhiên.

- À tôi phải đến gặp ông bác sĩ... Không có gì nghiêm trọng đâu. Một vết thương nhỏ thôi.

- Bác phải cẩn thận đấy!

Người đàn ông rút cổ trong chiếc áo choàng to xù đã đi xa dần, ông có vẻ rét và rõ ràng đang vội về nhà.

- Cô cũng hãy giữ gìn sức khỏe. - ông ta ngoái lại nói.

Vẫn đưa mắt nhìn dọc khắp sân ga phủ đầy tuyết, Yokko nói thêm:

- Bác trưởng ga! Liệu tình cờ em tôi có đang làm gì ở quanh đây không? Bác thử nhìn giúp tôi xem. Giọng nàng sao mà tuyệt diệu thế, nó vang cao và rung lên lướt như một tiếng vọng trên tuyết và trong màn đêm; nó có một vẻ quyến rũ cảm động đến nỗi làm cho trái tim người ta man mác buồn. Người đàn bà trẻ vẫn cúi người ra cửa sổ khi đoàn tàu đã lại bắt đầu chuyển bánh.

- Bác hãy giúp em tôi là hôm nào được nghỉ thì về nhà.

Giọng nói rất trong trẻo của nàng hướng tới ông trưởng ga đang đi dọc đường sắt khi toa của nàng đến ngang tầm ông đứng.

- Được rồi. - ông trưởng ga đáp.

Nàng vận kính cửa sổ lên, áp chặt hai bàn tay vào đôi má ửng hồng vì lạnh trước khi ngồi vào chỗ.

Trên sườn núi, ngay ở quãng này, có ba chiếc xe dọn tuyết sẵn sàng hoạt động khi có tuyết lở. Ngoài ra còn có một hệ thống báo động bằng điện để lập tức phát tín hiệu khi tuyết làm nghẽn đường. Lại có năm nghìn người chờ ở đó để thông đường, đó là chưa kể một đội tình nguyện của lính công binh và cứu hỏa gồm hai nghìn thanh niên.

“...Cái ga xép này đang bị tuyết đe dọa... Và đây là nơi làm việc của cậu em trai cô gái có tên là Yoko...” - Shimamura nghĩ thế và anh bỗng quan tâm đến cô gái. Tự nhiên anh nghĩ về nàng như nghĩ về một thiếu nữ. Nhưng sở dĩ như vậy chỉ vì ở nàng có một nét gì đó mách bảo nàng đang đi cùng với một người đàn ông và Shimamura không có cách nào biết được người đó có thể là gì với nàng. Thoạt nhìn thì họ xử sự với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên, người đàn ông hình như ốm rất nặng, mà bệnh tật lại luôn xiết chặt mối quan hệ giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Có cô gái nào chăm sóc dịu dàng một người đàn ông lớn tuổi hơn cô nhiều, mà lại không khiến cho những người ngoài có cảm giác cô là vợ của người đó? Bao giờ cũng vậy. Và sự chăm sóc đó càng chu đáo, đôi ấy lại càng có vẻ là một cặp vợ chồng...

Shimamura cũng nghĩ thế, nhưng anh lại tách người đàn ông ra để chỉ chú ý đến cô gái. Từ lúc anh ngắm nàng, trong anh đầy những ấn tượng riêng, những phản ứng chủ quan khá đậm và hơi kỳ lạ.

Trước đó khoảng ba giờ đồng hồ, trong lúc buồn chán, Shimamura lơ đãng nhìn mu bàn tay trái, anh cựa quậy các ngón tay và tự nhủ rằng chỉ có bàn tay này, sự vuốt ve của các ngón tay ở bàn tay này là còn giữ lại được kỉ niệm tinh tế và sống động, ký ức nóng hổi và đầy nhục cảm về người đàn bà mà anh sắp tới gặp.

Bởi lẽ cô đã lẩn tránh khỏi trí nhớ của anh, đã biến mất khi anh cố nhớ lại và không để lại một cái gì để anh có thể níu giữ. Trong tình trạng mơ hồ, duy nhất có bàn tay trái với kỉ niệm rõ nét và mỗi tiếp xúc như còn tươi mới là giúp được Shimamura hồi tưởng lại quá khứ. Ngạc nhiên vì bỗng cảm thấy cái nóng hổi ấy dưới bàn tay, gần như ngượng nghịu bởi sự hiện

hữu kỳ lạ đó và có thể hơi bị quyến rũ, Shimamura đưa bàn tay đến gần mặt. Giơ thẳng một ngón tay, anh vạch nhanh một đường trên mặt kính cửa sổ mờ hơi nước, thì bỗng thấy ở đó xuất hiện một con mắt phụ nữ. Sững sờ, suýt nữa anh kêu lên một tiếng. Nhưng đó chỉ là một giấc mơ trong giấc mơ của anh và khi trấn tĩnh lại, anh thấy đó là bóng cô gái ngồi ở phía bên kia phản chiếu trên mặt kính. Bên ngoài trời tối om; đèn trong tàu đã bật, cho nên kính cửa sổ chẳng khác gì một tấm gương. Hơi nước vẫn phủ mờ mặt kính, chỉ khi ngón tay anh vạch một vạch trên đó, mới có hiện tượng như thế.

Con mắt mà Shimamura trông thấy có vẻ đẹp kỳ lạ, anh giả vờ như đang buồn chán vì chuyển đi, uể oải đưa tay lau hết hơi nước rồi đưa mặt lại gần cửa sổ ra vẻ như để ngắm nhìn phong cảnh buổi tối ở bên ngoài.

Cô gái cúi người về phía trước, chăm chú trông nom người ở trước mặt. Nhìn vẻ căng thẳng ở quầng đôi vai nàng, Shimamura hiểu rằng đó cũng chính là sự căng thẳng ở con mắt đăm đăm của nàng, với hai hàng mi sững lặng. Người đàn ông nằm dài, đầu tì vào cửa sổ, hai chân duỗi ra, bàn chân đặt trên chỗ ngồi của cô gái. Đây là toa hạng ba. Cô gái và người bạn đường ở phía bên kia của toa tàu, ở sau Shimamura một hàng ghế, nên qua kính cửa sổ anh chỉ nhìn thấy hình trông nghiêng của người đàn ông ở quầng mang tai.

Còn người đàn bà trẻ ngồi đối diện anh theo đường chéo, thì anh nhìn rất rõ. Nhưng ban nãy, lúc họ lên tàu, anh chỉ mới thoáng nhìn đã phải cúp ngay mắt xuống vì quá sững sốt trước sắc đẹp của nàng và vẻ lạnh lùng xa cách của nàng khiến anh e ngại. Anh chỉ đủ thời gian trông thấy những ngón tay nhợt nhạt xám xám của người ồm bám vào nàng. Shimamura quay đi và không rõ vì sao, anh không dám nhìn về phía họ nữa.

Những gì bây giờ anh trông thấy ở gương mặt người đàn ông, cái vẻ yên tâm thoải mái của anh ta, Shimamura có cảm giác anh ta được như thế là nhờ ánh mắt anh ta nhìn thẳng vào ngực người đàn bà trẻ và nghỉ ngơi ở đó. Shimamura thấy ở hình ảnh cặp trai gái này một sự hài hòa nào đó qua

vẻ dịu dàng và cân bằng giữa hai hình bóng dường như yếu ớt. Người đàn ông gồi lên một đầu khăn quàng, đầu kia của khăn được kéo lên má và che khuất miệng anh ta như một chiếc mặt nạ. Tấm khăn quàng có lúc xô lên mũi anh ta hoặc tuột xuống dưới, nhưng trước khi anh ta kịp làm gì người đàn bà trẻ đã ân cần cúi xuống chu đáo sửa lại. Chuyện ấy cứ lặp đi lặp lại trước mắt Shimamura một cách tự động, khiến anh thấy sốt ruột. Hoặc lúc vạt chiếc áo choàng bọc chân người ốm bị tuột ra lại được cô gái quần lại ngay cũng vậy. Tất cả những động tác rất tự nhiên: hình như hai con người kia chẳng hề quan tâm gì đến thời gian và không gian, họ đang theo đuổi một cuộc hành trình vô cùng vô tận. Có lẽ chính vì vậy Shimamura không hề cảm thấy trắc ẩn hoặc buồn rầu trước cảnh đau khổ ấy: anh nhìn tất cả những cái đó mà không cảm động, như thể đó là trò diễn trong một giấc mơ. Chắc hẳn anh có cảm giác ấy vì anh nhìn sự việc phản chiếu trong một tấm kính.

Tít xa lướt qua phong cảnh buổi tối giống như cái nền di động ở đáy tấm gương; hình bóng hai con người anh đang suy ngẫm thì rõ nét hơn và chẳng khác gì anh xem một cuốn phim lồng ghép. Tất nhiên, không có mối liên hệ nào giữa những hình ảnh phong cảnh lướt qua phía sau và hình ảnh rõ hơn của hai nhân vật, nhưng chúng lại hòa nhập vào nhau thành một thể thống nhất kỳ lạ. Cái phi vật chất trong suốt của hai hình người dường như tương ứng và trộn lẫn vào bóng tối mờ ảo của phong cảnh trong màn đêm để tạo nên một vũ trụ duy nhất, một thứ thế giới siêu nhiên và tượng trưng không phải của thời gian này. Một thế giới đẹp khôn tả mà Shimamura cảm thấy thấm tận vào tim anh, anh bàng hoàng khi một ánh lửa tít xa trong núi bỗng lóe sáng ở giữa gương mặt đẹp của người đàn bà trẻ, khiến cho vẻ đẹp không thể nào tả xiết ấy đạt tới đỉnh điểm.

Trong bầu trời đêm, phía trên những quả núi, hoàng hôn còn để lại vài vệt đỏ sậm muộn màng và ở tít xa, trên đường chân trời, còn có thể nhận ra được mấy ngọn núi tách biệt. Nhưng ở đây, gần hơn, lướt qua vẫn chỉ một phong cảnh núi non bây giờ đã tối và chẳng còn màu sắc gì. Và chẳng còn cái gì để nhìn. Tất cả cứ lướt qua như một lớp sóng mờ ảo, đơn điệu và nhạt

nhèo dưới những đường nét của người đàn bà trẻ. Và gương mặt xinh đẹp cảm động ấy như thể hất tất cả ra cái buồn tẻ âm u xung quanh. Hình ảnh gương mặt đó có vẻ phi thực và nếu vậy cũng phải trong suốt. Để biết có đúng thế không, Shimamura thử nhìn kỹ phong cảnh, nhưng các hình ảnh lướt qua quá nhanh làm anh không thể kiểm tra được ấn tượng ấy.

Đèn trong toa tàu không sáng nên những gì Shimamura nhìn thấy không thể rõ như trong một tấm gương thật. Bởi vậy anh quên mất rằng anh đang ngắm hình ảnh phản chiếu trong một tấm kính, và dần dần anh tưởng như đang nhìn một khuôn mặt phụ nữ ở bên ngoài bỗng bồng bềnh trên nền phong cảnh quái dị và tối om lướt qua nhanh không dứt.

Bỗng một ánh sáng títt xa lóe lên giữa khuôn mặt ấy. Trong những lớp lóa, hình ảnh khuôn mặt không đủ đậm để che khuất được ánh sáng kia, nhưng cũng không nhạt đến nỗi phải biến mất hẳn. Shimamura nhìn dõi theo ánh sáng từ từ dịch chuyển trên khuôn mặt mà không làm mờ nó, đó là một đốm lửa lạnh lẽo thấp thoáng rất xa. Và khi nó rơi vào đúng đồng tử của người đàn bà trẻ, khi ánh mắt và ánh lửa trùng khít nhau, thì đó là một vẻ đẹp huyền diệu lạ kỳ, con mắt rực sáng như lênh đèn trên đại dương đêm tối và trên những cơn sóng xô nhanh của các núi non.

Yoko biết sao được rằng có người nhìn nàng. Tất cả sự chú ý của nàng tập trung vào người đàn ông đau ốm. Và lại, dù có ngược mắt nhìn Shimamura, chắc nàng cũng không thể thấy bóng mình trong tấm kính, không bao giờ nàng nghĩ đến chuyện nghi ngờ người hành khách đang nhìn ra cửa sổ kia.

Còn Shimamura, anh không phút nào nghĩ rằng anh bất nhã khi anh chăm chăm nhìn cô gái ấy, bởi anh như đang mê đi trước bức tranh vừa không thực lại vừa siêu nhiên, anh bị quyến rũ bởi sắc đẹp kỳ lạ của khuôn mặt đang lướt trên nền phong cảnh ban đêm. Anh quên cả bản thân anh, anh hoàn toàn bị cuốn hút vào những điều thần diệu ấy và không biết mình mơ hay tỉnh nữa.

Do vậy, khi anh thấy nàng đứng dậy, lúc tàu đỗ, để ra gọi người trưởng ga, dáng vẻ vẫn nghiêm trang và quý phái, cảm giác đầu tiên của anh làm anh ít nghĩ tới chính nàng mà lại nghĩ nhiều tới một nhân vật nào đó xa xưa, tới một con người lý tưởng nào đó của thế giới huyền thoại.

Bóng đêm và tất cả phong cảnh ban đêm đã chiếm lĩnh ngoài cửa sổ, tấm kính đã mất hết sức quyến rũ của một chiếc gương khi đoàn tàu dừng bánh. Cái lạnh lùng ở Yoko, mặc dù nàng vẫn nhiệt tình chăm sóc người ốm, như đã thấm vào Shimamura và làm anh nản lòng. Cho nên khi đoàn tàu lại chuyển bánh, anh không lau hơi nước trên kính cửa sổ nữa.

Anh ngạc nhiên biết bao khi nửa giờ sau đó anh thấy người đàn bà trẻ cùng người bạn đường của nàng xuống cùng ga với anh. Anh không ngăn được mình ngoái cổ lại nhìn họ, như để cố tin rằng sự trùng hợp kỳ lạ này chẳng hề liên quan đến anh. Nhưng vừa đặt chân xuống ga, làn không khí lạnh buốt đã đánh thức lương tâm anh và anh ta hổ thẹn về cách xử sự bất nhã của anh lúc ở trên tàu. Không nhìn lại đằng sau một lần nào nữa, anh vượt đường sắt và đi qua trước đầu tàu.

Bám vào vai cô gái, người ốm định bước xuống phía trái thì một nhân viên nhà ga giơ tay ngăn lại.

Một đoàn tàu hàng dài dằng dặc xuất hiện từ trong bóng tối chầm chậm chạy qua khiến Shimamura không trông thấy họ nữa.

Với chiếc mũ che kín tai và đôi ủng cao bằng cao su ấm áp, bác nhân viên của *yadoya*^[1] nơi Shimamura sắp dừng chân, trông giống như một người lính cứu hỏa. Từ phòng đợi, một phụ nữ mặc áo xanh, đầu trùm mũ, đứng đón khách xuống tàu.

Thời tiết lạnh đến thế sao? Vừa ra khỏi toa tàu ấm áp, Shimamura chưa thể biết rõ. Vì đây là lần đầu tiên anh tới nếm thử mùa đông ở xứ tuyết, nên anh thấy lạ mắt trước cách ăn mặc của những người dân xứ này.

- Đã lạnh lắm rồi hả bác? - Anh hỏi bác nhân viên nhà trọ.

- Bây giờ đã là ngưỡng cửa mùa đông rồi, thưa ông. Và khi bầu trời trong trẻo sau một đợt tuyết rơi, thì tiếp đó sẽ là một đêm rất rét. Ông có thể tin chắc đêm nay nhiệt độ sẽ xuống dưới không độ.

- Dưới không độ thật sao?

Trong khi lên xe taxi với bác ta, Shimamura thoáng đưa mắt nhìn những lớp băng mỏng viền quanh mái chĩa. Trong màu trắng của tuyết, phần lồi sâu của các cửa ra vào hình như càng sâu hơn một cách lặng lẽ. Tất cả đều như đắm chìm vào sự câm lặng của đất.

- Mà cái lạnh ở đây không giống ở những nơi khác. Sờ vào vật gì, ta cũng thấy nó lạnh khác lắm.

- Năm ngoái, nhiệt độ ở đây xuống đến hơn hai mươi độ âm, thưa ông.

- Thế có nhiều tuyết không?

- Thường tuyết dày hai, ba mét, đôi khi đến hơn bốn mét.

- Bây giờ tuyết sắp rơi nhiều phải không?

- Mới chỉ vừa mới bắt đầu, thưa ông. Tuyết đã dày khoảng ba mươi centimet, nhưng đã tan kha khá.

- Bây giờ mà tuyết tan được sao?

- Vâng, nhưng ngày mai có thể tuyết sẽ rơi nhiều lắm.

Tháng mười hai vừa mới bắt đầu được vài ngày.

Shimamura ngạt mũi vì mấy hôm nay anh vẫn bị cảm lạnh, nhưng không khí lạnh đã làm anh hết ngạt. Anh hỉ mũi một cái rõ mạnh như để gột hết những gì vương vãi từ trước tới nay.

- Cô gái ở nhà bà dạy nhạc vẫn ở đây chứ? - Anh hỏi.

- Vâng, chính cô chờ ở ga đó, ông không trông thấy sao? Cô ấy mặc chiếc áo choàng xanh...

- À! Cô ấy đấy à? Tôi không để ý. Nhưng có thể mời cô ấy đến được chứ?

- Ngay tối nay ấy ạ?

- Vâng.

- Tôi nghe nói con trai bà dạy nhạc sẽ về đây cùng chuyển với ông. Cô ấy ra ga là để đón anh ta.

Con trai bà dạy nhạc! Người đàn ông đau ốm mà anh đã nhìn trong tấm gương của anh ban đêm, người cùng đi với Yoko chính là con trai bà dạy nhạc, nơi ở trọ của cô gái anh sắp đến gặp lại. Shimamura cảm thấy như bị nhiễm điện, nhưng anh không kinh ngạc về sự trùng hợp kỳ lạ đó, mà anh ngạc nhiên vì không hiểu tại sao anh lại ít ngạc nhiên thế.

Một câu hỏi nảy sinh trong anh và anh đọc rõ như được viết ra vậy: đã có điều gì và sẽ có điều gì giữa anh với cô gái, mà bàn tay anh hãy còn giữ lại những kỉ niệm nóng hổi với cô, mà con mắt sáng rực lên bởi ánh lửa trong vùng núi xa xôi? Nhưng cũng có thể anh còn chưa thoát được ra khỏi những sự thần diệu của tấm gương đêm tối và sự quyến rũ của phong cảnh làm nền phía sau... Anh chỉ nên coi đó là biểu tượng sinh động của dòng thời gian thì hơn chẳng.

Ở quán trọ suối nước nóng, trong mấy tuần lễ trước mùa trượt tuyết khách chưa đông. Đi tắm về, Shimamura thấy trong nhà tất cả như đang ngủ. Anh đi dọc dãy hành lang dài, mỗi bước chân anh trên lớp sàn gỗ cũ kĩ làm kính ở các cánh cửa ra vào rung lên.

Ngoài ra, không có gì khác. Nhưng đến cuối hành lang, anh rẽ qua bên thì thấy một phụ nữ đứng trong văn phòng của nhà trọ. Cô ta người mảnh dẻ, mặc chiếc áo dài trải những nếp gấp lạnh lẽo trên sàn gỗ đánh xi bóng loáng sẫm màu.

Shimamura giật mình khi từ cô ta mặc áo kimono dài. Rốt cuộc; cô đã trở thành một *geisha*^[2] rồi sao? Người đàn bà trẻ không tiến về phía anh và

không có một dấu hiệu gì chứng tỏ đã nhận ra anh. Cô bất động và lặng lẽ, Shimamura nghĩ cô đang nghiêm trang tập trung vào một điều gì. Nhanh nhẹn, anh lại gần cô, không nói một lời. Cô thoáng mỉm cười, quay về phía anh, gương mặt đánh phấn đậm theo kiểu geisha và hầu như lập tức gương mặt đầm đìa nước mắt. Không nói gì, họ đi về phía phòng anh.

Tuy giữa hai người đã có nhiều điều, anh vẫn không viết thư cho cô. Anh cũng không đến thăm cô và anh không gửi cho cô những tài liệu về kỹ thuật múa như anh đã hứa. Cô có đủ mọi lý do để tin rằng anh quan hệ với cô chỉ nhằm giải trí và anh đã quên cô. Vậy Shimamura phải xin lỗi cô và anh là người phải nói trước. Nhưng trong lúc họ cùng đi như thế, không ai nói năng gì, anh hiểu rằng chẳng những cô không giận anh, cô còn rất vui vẻ và vô cùng sung sướng được gặp lại anh. Nói cũng chẳng làm gì, mà chỉ nhấn mạnh thêm những thiếu sót của anh. Và đã cảm thấy mê say, Shimamura tiến vào một thế giới chỉ có niềm hạnh phúc êm dịu. Đến chân cầu thang, anh xòe bàn tay trái giơ ra trước mặt cô:

- Bàn tay này vẫn giữ những kỉ niệm tốt đẹp nhất về em.

- Thật ư? - Cô nói và xiết chặt bàn tay ấy trong cô như cô muốn kéo Shimamura lên trên.

Cô chỉ buông tay anh khi hai người đã đến giữa căn phòng, trước *kotatsu*^[3]. Mặt người đàn bà trẻ dưới lớp phấn đột nhiên đỏ bừng và chắc hẳn để che giấu sự bối rối của mình, cô lại cầm lấy tay Shimamura:

- Bàn tay này vẫn nhớ em phải không? - Cô hỏi.

- Không, bàn tay này cơ! - Anh giơ ra bàn tay trái mở rộng và luồn tay phải vào *kotatsu* để sưởi.

- Em biết, - cô nói và mỉm cười ý tứ. Rồi cô âu yếm dùng cả hai bàn tay Shimamura áp vào má cô rất dịu dàng.

- Vẫn nhớ em phải không? - Cô thì thầm, như mơ mộng nói với bàn tay.

- Ồ! Lạnh quá! - Shimamura kêu lên khi tay anh chạm vào mái tóc chải cao lên của cô: lần đầu tiên anh đặt tay vào một mái tóc lạnh thế này.

- Ở Tokyo còn chưa có tuyết hả anh? - Cô hỏi.

- Điều em nói hơi nọ là không đúng rồi nhé, - Shimamura nói. - Nếu không, ai lại đến cái xó này vào lúc cuối năm để mà chịu rét cóng?

Lần ấy- đó là lúc mở đầu mùa leo núi, khi không còn nguy cơ tuyết lở nữa; khi núi cao lại có một màu xanh mới và ngào ngạt những hương thơm tuyệt diệu của mùa xuân. Khi những loại măng non akebi, một món ăn sắp thiếu vắng trên các bàn ăn...

Quá tài tử và lông bông vì nhàn rồi, đôi khi Shimamura cố tìm lại bản thân mình. Điều anh thích thú hồi ấy là đi một mình đến vùng núi. Một mình thôi. Thế là một buổi chiều, anh tới trạm suối nước nóng sau một tuần lễ đi khắp dãy núi Ba Tĩnh. Anh nhờ gọi cho anh một geisha. Nhưng bà phục vụ bảo hôm khánh thành một con đường mới, buổi lễ rất quan trọng, đến mức người ta phải mở cả nhà kho thỉnh thoảng vẫn được dùng làm rạp hát. Tất cả mười hai, mười ba cô geisha được huy động hết vẫn chẳng thắm vào đâu. Nhưng cô gái trọ ở nhà bà dạy nhạc có thể bằng lòng đến.

Đôi lần cô ta cũng có dự các buổi lễ, nhưng không bao giờ cô ở lại đến cuối buổi. Chỉ nhảy vài ba bài là cô về nhà.

Vì Shimamura hỏi một số điều về cô ta, nên bà phục vụ nói thêm. Đó không phải là một geisha thực sự, không phải. Mà đó là một cô gái ở trọ nhà bà dạy nhạc, một bà giáo dạy múa và dạy đàn *samisen*^[4]. Nhưng đôi khi người ta mời cô và cô không từ chối. Vì các geisha ở đây không ai được dạy nghề múa và tất cả đều không thích múa, họ sợ họ không còn trẻ trung, mà cô gái kia lại múa đẹp, nên cô rất được quý. Không bao giờ cô nhận lời một mình đến giải trí cho một người khách nào. Tuy cô không chuyên nghiệp, người ta không thể coi cô là chỉ làm việc theo kiểu tài tử, cũng không coi cô là một geisha tài tử.

Thật là một chuyện lạ? Shimamura tự nhủ trước khi nghĩ sang việc khác. Nhưng kìa, khoảng một tiếng đồng hồ sau, cô hầu đã dẫn về “cô gái ở trọ nhà bà dạy nhạc”. Shimamura sững sờ đứng dậy vì ngạc nhiên.

Cô hầu định đi ra, nhưng cô gái gọi cô ta, bảo cô ta ở lại.

Cô gái gây cho Shimamura một cảm giác tuyệt vời bởi vẻ sạch sẽ và tươi mát của cô. Trong giây lát anh nghĩ rằng toàn bộ thân thể cô chắc phải sạch sẽ lắm lắm, sạch đến tận chân tơ kẽ tóc, thậm chí anh tự hỏi sự tinh khiết ấy phải chăng là ảo ảnh vì mắt anh hãy còn bị chói bởi ánh sáng rực rỡ của mùa hè vừa chớm đến vùng núi.

Cô không mặc áo kimono dài quét đất, nhưng cách ăn mặc của cô vẫn có nét gì giống một geisha. Cô mặc khá nghiêm chỉnh một chiếc kimono mùa hè không có lớp lót; nhưng dải lưng của cô lại quá lỏng lẻo, không hài hòa với áo. Không hiểu sao điều đó làm anh hơi buồn...

Cô hầu thấy họ đã thích thú nói chuyện với nhau về vùng núi, nên khéo léo đi ra ngoài. Thế là họ chỉ còn lại một mình, nhưng vì cô cũng không biết rõ tên những ngọn núi mà họ trông thấy qua cửa sổ, nên câu chuyện của họ cũng chấm dứt. Shimamura lại không muốn uống rượu. Cô gái bèn kể cho anh nghe về quá khứ của cô, cô kể bằng một giọng thoải mái và hết sức cởi mở.

Sinh ra ở xứ tuyết, cô đã ra Tokyo làm geisha và mau chóng tìm được một người bảo trợ, ông này trả hết các khoản nợ cho cô và chuẩn bị sắp xếp cho cô một chỗ dạy múa, thì không may mười tám tháng sau ông ta chết. Nhưng về quãng đời từ đó đến nay, cô kể ít hơn nhiều. Cô cảm thấy không muốn nói về quãng đời chắc hẳn là sóng gió nhất ấy của cô, cô bảo cô mười chín tuổi, nhưng nhìn cô, Shimamura đoán cô phải hai mươi một, hai mươi hai.

Không có lý do gì nghi ngờ sự thành thật của cô, nên khi biết tuổi cô và thấy cô có vẻ già dặn hơn tuổi Shimamura có cảm giác nhẹ nhõm, và anh lại thấy một sự thoải mái anh vẫn mong muốn khi ngồi với một geisha thật

sự. Câu chuyện chuyển sang đề tài kịch *Kabuki*^[5], anh ngạc nhiên thấy cô biết nhiều hơn anh về các diễn viên và các phong cách của loại kịch này. Cô nói nhiều hơn và nói có vẻ vội vã như một người đã lâu không có ai để trò chuyện. Sự dè dặt của cô chẳng mấy chốc đã biến mất, cô tỏ ra tin cậy, dễ dãi một cách thoải mái, như một phụ nữ đã được dạy dỗ đầy đủ và đã có ít nhiều kinh nghiệm về tâm trạng đàn ông. Nhưng Shimamura cảm thấy ngay rằng không thể xếp cô vào hạng geisha chuyên nghiệp. Anh thấy cô chính là người đàn bà mà suốt bảy ngày một mình lang thang trên núi cao anh vẫn muốn có để bầu bạn. Cô gái trước mặt anh gợi trong anh những tình cảm bạn bè trong sạch, chẳng những thế anh còn sung sướng thấy cô xứng đáng được anh chia sẻ sự hứng khởi cao quý và sự thanh thản mà anh có được ở vùng núi cao này.

Chiều hôm sau, đến tắm ở trạm nước nóng của quán trọ, cô gái đã để các thứ quần áo của cô ở ngoài hành lang và vào trò chuyện với Shimamura.

Cô chưa kịp ngồi, anh đã nhờ cô gọi cho anh một geisha.

- Gọi một geisha? Cho ông?

- Vâng...Cô hiểu rất rõ tôi muốn nói gì?

- Tôi đến gặp ông không phải để nghe một lời yêu cầu như thế. Cô phản đối, mặt đỏ bừng. Bằng một động tác nóng nảy, cô ra đứng trước cửa sổ nhìn về phía các ngọn núi.

- Ở đây không có loại phụ nữ ấy, - không ngoảnh lại, cô nói.

- Cô đừng nói vớ vẩn.

- Nhưng thật thế đấy.

Lần này cô xoay người đối diện anh, nửa đứng nửa ngồi trên bệ cửa sổ.

- Ở đây các geisha đều tự do, không ai có thể bắt buộc họ làm những gì họ không muốn làm. Quán trọ cũng không đảm nhận việc ấy. Nhưng không ai ngăn cản ông gọi một geisha đến và tự thu xếp với cô ta, nếu ông rất muốn như vậy.

- Không, không? Tôi nhờ cô làm việc đó cho tôi kia.
- Tại sao ông tin rằng tôi sẽ nhận làm việc đó?
- Vì theo tôi, cô là một người bạn và tôi muốn chúng ta là bè bạn của nhau. Nếu không, tôi đã xử sự khác.
- Vì có tình bạn tốt đẹp nên ông mới xử sự như vậy sao? - Cô nói với vẻ gay gắt tự nhiên và dễ thương như một đứa trẻ.

Nhưng chỉ lát sau cô lại giận dữ nói:

- Sao ông lại nghĩ đến chuyện nhờ tôi một việc như thế được nhỉ! Hừ! Hay thật! Hay thật đấy.

- Không có gì đáng để cô phải tức giận, - Shimamura nói. - Tôi vừa sống qua cả một tuần lễ trên núi cao và có lẽ tôi cảm thấy mình còn dồi dào nguồn sống. Với những ý tưởng linh tinh trong đầu tôi không thể bình tâm ngồi trò chuyện với cô trong căn phòng này như tôi thích được.

Hai mắt sụp xuống, người đàn bà trẻ không nói một lời.

Shimamura biết anh trơ trẽn thú nhận những đòi hỏi đàn ông như vừa rồi là vô sỉ. Nhưng anh tự nhủ chắc cô phải biết khá rõ những chuyện đó nên cô sẽ không khó chịu về sự thú nhận của anh. Anh quan sát mặt cô và thấy ở đó một vẻ gợi tình đắm thắm, có lẽ tại hai hàng mi dài và dày của cô, mà đôi mắt sụp xuống càng tôn thêm giá trị.

Mặt vẫn còn ửng hồng, cô khẽ lắc đầu nói:

- Vậy thì ông cứ cho gọi geisha nào ông chọn.
- Đó chẳng phải là việc tôi nhờ cô sao? Tôi chưa đến đây bao giờ, làm sao tôi biết cô nào thú vị nhất?
- Thú vị nhất? Cụ thể là thế nào?
- Còn trẻ chẳng hạn. Tuổi trẻ khiến ta ít khi bị nhầm lẫn khi nhìn bên ngoài. Và không nói quá nhiều, nhưng sạch sẽ và không quá khôn ngoan. Nếu tôi muốn trò chuyện, tôi sẽ gọi cô, gọi chính cô.

- Tôi sẽ không bao giờ đến nữa.
 - Kia, đừng ngốc nghếch thế.
 - Ông sẽ không gặp lại tôi nữa đâu. Tại sao tôi lại phải đến cơ chứ?
 - Đơn giản thôi, vì tôi muốn chúng ta là bạn bè. Tôi vừa giải thích cho cô xong, rằng đó là lý do khiến tôi xử sự như ban nãy.
 - Ồ! Đủ rồi đấy?
 - Giả sử tôi cứ để tôi cùng với cô đi. Điều gì sẽ xảy ra? Chắc hẳn ngay từ mai, tôi sẽ không muốn trò chuyện với cô nữa và chỉ trông thấy cô, tôi cũng đã khó chịu. Tôi đến vùng núi này là nhằm tìm lại nhu cầu trò chuyện với mọi người, cô hiểu chứ? Để có thể trao đổi chuyện này chuyện nọ với cô, để chúng ta có thể cùng trò chuyện với nhau, nên tôi không động đến cô. Và lại, cũng phải nghĩ đến cô một chút chứ? Tôi có cảm giác cô không thận trọng lắm với các khách du lịch... Họ chỉ ở đây một vài hôm rồi lại đi thôi mà.
 - Vâng, đúng thế.
 - Cho nên, cô hãy nghĩ đến bản thân cô. Nếu cô geisha đến với tôi là người đáng chê trách thì về sau, chính cô sẽ không muốn gặp tôi nữa đâu. Không, không, tốt nhất là cô hãy chọn cho tôi.
 - Đủ rồi! Tôi không nghe ông nữa. - Cô nói và quay ngoắt đi.
- Nhưng sau một chút suy nghĩ, cô nói tiếp:
- Có lẽ ông nói cũng hơi có lý.
 - Chuyện chốc lát thôi mà, cô hiểu đấy. Hoàn toàn không có gì khác thường... Không quan trọng và không có ngày mai.
 - Vâng, chắc thế. Tất cả những người đến đây đều nghĩ như vậy. Cũng như ở bến cảng, nơi tôi sinh ra. Nói cho cùng thì đây chỉ là một trạm nước sôi nóng: khách đến một, hai ngày rồi lại đi thôi.

Đột nhiên cảm thấy hoàn toàn thoải mái, thật bất ngờ, nên giọng nói và thái độ của cô lại hồn nhiên như lúc nãy:

- Phần lớn người tới đây chỉ là khách du lịch. Tuy tôi ít tuổi, nhưng cứ nghe mọi người nói, tôi cũng biết khối chuyện. Vị khách nào không nói gì với ta, nhưng lại có cảm tình với ta không có lý do gì rõ rệt, vị khách nào không thú thật là cảm mến ta, nhưng ta lại thấy được lòng cảm mến ấy, thì người đó bao giờ cũng để lại kỉ niệm đẹp dễ nhất. Sau khi khách đã đi rất lâu, ta vẫn còn nghĩ tới người ấy với niềm vui sướng. Và nếu có ai viết thư cho ta, thì chính là người khách ấy.

Cô nhẹ nhàng nhảy khỏi bệ cửa sổ để ngồi xuống chiếc chiếu dưới chân. Cô như đắm mình vào quá khứ, nhưng Shimamura lại cảm thấy cô gần gũi hơn bao giờ hết. Nghe cô nói, anh thấy giọng cô sao mà ngây thơ trong trắng khiến lòng anh bối rối: anh cảm thấy hơi có lỗi, vì đã chinh phục được cô quá dễ dàng, gần như trái với ý muốn của anh.

Tuy nhiên, anh không hề nói dối cô. Quả thật, anh không thể coi cô như một geisha chuyên nghiệp và việc anh muốn một người đàn bà chẳng qua chỉ là một ham muốn cần được thỏa mãn, chứ còn gì khác và không cần gì nữa. Anh không muốn dùng cô vào việc đó. Anh muốn đó chỉ là chuyện chốc lát và không ràng buộc gì anh. Anh thấy cô quá trong trắng. Vừa nhìn cô, anh đã thấy không thể lẫn cô với các cô gái khác.

Thêm nữa, đang nghĩ đến kỳ nghỉ hè sắp tới và tự hỏi mình sẽ đi nghỉ ở đâu cùng với gia đình để tránh cái nóng bức của mùa hè, Shimamura đã tính sẽ quay trở lại vùng núi này. Anh thấy thật may mắn vì cô gái này lại không phải geisha chuyên nghiệp, do đó cô có thể là một bạn gái tuyệt vời cho vợ anh. Và tại sao anh lại không nhờ cô dạy vợ anh học múa, để vợ anh đỡ buồn nhỉ? Anh suy tính chuyện này rất nghiêm túc. Nếu anh chỉ có tình bạn với cô, thì đó là anh có những lý do của anh để chỉ đứng trên bờ, chứ không lao xuống nước.

Nhưng giờ đây đằng sau tất cả những cái đó lại còn có sự ám ảnh quyền rũ và huyền diệu khá gần gũi của cô gái trong toa tàu, trước tấm gương có

nền là phong cảnh ban đêm. Có lẽ Shimamura sợ những rắc rối anh sẽ gặp nếu anh quan hệ với một người đàn bà trẻ, thân phận không rõ ràng. Nhưng chủ yếu là tại anh vẫn còn chịu tác động của cái cảm giác phi thực trong suốt kỳ lạ, rất gần với chất thơ của hình phản chiếu ở tấm kính cửa sổ toa tàu: một khuôn mặt gợi cảm đầy nữ tính và tuổi trẻ bồng bềnh trước phong cảnh lướt qua của hoàng hôn và ban đêm.

Nói cho cùng, cũng chính với cái cảm giác phi thực mà Shimamura say mê nghệ thuật biên đạo múa phương Tây. Anh sinh ra và lớn lên trong khu buôn bán lớn của Tokyo, ở đó từ nhỏ anh đã biết khá nhiều về kịch Kabuki. Thời sinh viên, anh đặc biệt say mê môn vũ đạo và kịch câm. Chưa thỏa mãn với hiểu biết của mình, anh nghiên cứu cả những tư liệu cổ nhất, đặt những mối liên hệ thân ái với những bậc thầy nổi tiếng của trường phái truyền thống cũng như với những nghệ sĩ đại diện cho các khuynh hướng mới. Anh viết các bài nghiên cứu và phê bình. Nhưng với kiến thức phong phú, chỉ ít lâu sau anh đã cảm thấy đôi chút đắng cay về sự suy tàn của một truyền thống quá già cỗi nên trở thành cũ kỹ, nhưng anh cũng không thể đồng ý với các mưu toan không thể chấp nhận của những nhà cách tân giả hiệu, mà các sáng kiến của họ chỉ cốt để chiều lòng người xem. Anh đang ở cái thời điểm phải đối phó và can thiệp vào tất cả những điều đó và các nhân vật nổi tiếng trẻ nhất của giới nghiên cứu nghệ thuật múa cũng khẩn khoản yêu cầu anh thì đột nhiên hứng thú của anh chuyển hướng, anh hoàn toàn chuyên tâm vào balê phương Tây. Anh không muốn xem các điệu múa Nhật Bản nữa. Ngược lại, anh bắt đầu thu thập các công trình nghiên cứu và các tài liệu, các ảnh chụp và bài báo, tất cả những gì giúp anh tìm được thông tin về nghệ thuật múa phương Tây và những biểu hiện khác nhau trong nghệ thuật biên đạo múa. Anh sưu tầm cẩn thận những tờ chương trình và áp phích mà anh đặt mua ở nước ngoài, bất chấp vô vàn khó khăn rắc rối. Thật ra, trong niềm say mê với đối với một điều lạ lẫm và xa xôi này của anh không chỉ vì tính tò mò, mà đó là do Shimamura cảm thấy một niềm vui thích tinh khiết hơn và những thú vị tuyệt đỉnh vì anh không thể trực tiếp xem các buổi biểu diễn, cũng như không được tận mắt nhìn các

nghệ sĩ phương Tây múa balê. Không bao giờ anh muốn xem bất kỳ buổi diễn balê nào của người Nhật: Đối với anh, không gì thú vị hơn là viết về balê và bàn luận về nghệ thuật biên đạo múa mà lại chỉ hoàn toàn dựa vào sự uyên bác sách vở. Nghệ thuật múa balê anh không bao giờ xem, trở thành giấc mơ về một thế giới khác, thiên đường của sự hài hòa và sự hoàn hảo tột đỉnh, chiến thắng của mỹ học thuần túy. Nhưng các công trình nghiên cứu và tìm tòi chỉ là lớp vỏ, chứ thật ra giấc mơ mà Shimamura theo đuổi ở tận bên trên những hình ảnh và sách báo phương Tây. Tại sao phải liều lĩnh húc vào các buổi trình diễn gây nên nỗi thất vọng, phải đương đầu với nghệ thuật balê đã được cụ thể hóa thành các màn múa, trong khi trí tưởng tượng của anh cống hiến cho anh những màn diễn vô song và vô tận của loại hình múa anh hằng mơ ước? Anh được hưởng mãi không hết những khoái cảm tột độ của một người tình lý tưởng, yêu một cách cao quý và thuần khiết dù chưa hề bao giờ gặp người mình yêu nồng cháy. Nhưng đó còn chưa phải là tất cả những thú vị Shimamura được hưởng trong tâm trạng đặc biệt này, vì nếu cần nói hết, thì phải nói rằng vốn ưa nhàn rồi, anh cũng thấy thích khi được bước vào giới văn học, mặc dù anh không coi trọng thực sự cả những công trình nghiên cứu thỉnh thoảng anh công bố, cả tác giả của chúng.

Có lẽ từ lâu lắm rồi, đây là lần đầu tiên kiến thức của anh được đem dùng có hiệu quả vào một việc gì đó, bởi vì trong lúc trò chuyện, những kiến thức đã giúp anh gợi được tình cảm thân mật của cô gái anh vừa quen. Nhưng có lẽ chính Shimamura không hề biết rằng anh nhìn nhận cô cũng dưới một góc độ như anh nhìn nhận môn balê phương Tây vậy.

Thấy cô quá cảm động khi anh nói những lời khinh suất của một khách du lịch chỉ ngày mai đã rời khỏi đây, Shimamura hơi hổ thẹn, như thể anh đã lạm dụng sự trong trắng ngây thơ của cô hoặc anh đã đùa bỡn một trái tim sâu sắc và chân thành. Nhưng không để lộ điều đó ra, anh nói tiếp:

- Có thể tôi sẽ đến đây cùng với gia đình và tất cả chúng ta sẽ là bạn của nhau.

- Vâng, vâng, tôi hiểu, - cô nói bằng một giọng dịu hơn, môi cô thoáng một nụ cười để lộ đôi chút tính vui vẻ hồn nhiên của một geisha. - Tôi rất thích như thế. Tình bạn bao giờ cũng bền chặt hơn.

- Vậy cô đi tìm cho tôi một người chứ?

- Ngay bây giờ?

- Đúng thế.

- Nhưng giữa ban ngày ban mặt, ông có thể kể gì với một người đàn bà?

- Chờ đến tối thì có khi chỉ còn một cô gái chẳng ai thềm.

- Thế ra ông coi trạm suối nước nóng này là một trong những nơi tâm thường? Tôi cứ tưởng chỉ nhìn qua ngôi làng này, ông đã thấy sự khác biệt, - cô nói bằng một giọng vẫn còn chút chua chát và với một vẻ nghiêm trang chứng tỏ cô cảm thấy rất bị xúc phạm.

Khi cô khẳng định lại, vẫn kiên quyết như lần trước, rằng các geisha ở đây không phải là những người đàn bà như anh tưởng, Shimamura đã tỏ ý nghi ngờ. Thấy vậy, cô lại tức giận, nhưng rồi cô dần lòng được. Dù sao, cô bảo anh, cô geisha mới là người quyết định có ở lại qua đêm hay không. Nếu cô ta tự nguyện ở lại, thì một mình cô ta chịu trách nhiệm. Nhưng nếu cô ta ở lại mà được nhà chủ của cô cho phép, thì có chuyện gì xảy ra nhà chủ sẽ chịu hết trách nhiệm. Đó là sự khác nhau.

- Trách nhiệm gì? - Shimamura hỏi.

- Về những hậu quả có thể xảy ra... Có thai hoặc bất trắc về sức khỏe chẳng hạn.

Thấy mình hỏi ngớ ngẩn quá, Shimamura mỉm cười ngượng ngịu. Kể ra, ở cái xó xỉnh vùng núi này, sự sắp xếp giữa các geisha và chủ nhà rõ ràng cũng khá tiện...

Với sự nhạy cảm của một kẻ nhàn cư tự cho mình là trung tâm, có lẽ Shimamura có một thứ bản năng khiến anh hiểu được rõ hơn nhiều người

bản chất sâu sắc của những nơi anh đến. Không quá căn cứ vào bề ngoài, anh thường đoán được thực chất sâu kín không phải bao giờ cũng dễ thấy. Do đó khi từ trên núi xuống, anh tự nhủ tuy ngôi làng này có vẻ đơn sơ kiểu nông thôn, nhưng chắc là thú vị và tiện nghi lắm. Anh đã không lầm, vì ở nhà trọ chỉ lát sau anh đã được biết đây là một trong những làng phồn vinh nhất của xứ tuyết khắc nghiệt này. Trước khi có tuyến đường sắt mới được mở cách đây chưa lâu, khu suối nước nóng chỉ có những người ở lân cận đến để tắm chữa bệnh. Bởi thế, đằng sau tấm biển phai màu, ngôi nhà có một cô geisha nào đó, thường là một phòng trà hoặc một quán ăn chắc hẳn rất hiếm khách đến, nếu căn cứ vào những cánh cửa đẩy kiểu cũ và vào những lớp giấy tấm dầu đen xin bởi thời gian. Có thể cả cửa hàng nhỏ bán đủ các thứ linh tinh, cả cửa hàng bánh cũng đều có geisha riêng, nhưng chủ cửa hàng còn phải có một trang trại nhỏ ở gần đó, ngoài cửa hàng và cô geisha. Do vậy, không một cô geisha nào bất bình khi thỉnh thoảng có một cô gái khác, không có hợp đồng, tham gia vào các tối vui; chưa kể cô gái khác này trọ ở nhà bà vẫn dạy nhạc cho họ.

- Họ có bao nhiêu người tất cả? - Anh hỏi.

- Các geisha ạ? À, khoảng mười hai, mười ba người.

- Cô khuyên tôi chọn cô nào? - Shimamura gặng hỏi và đứng dậy để bấm chuông gọi cô hầu.

- Xin hãy tha lỗi cho tôi, - cô nói, - và nếu ông cho phép, tôi xin được cáo lui.

- Không được, - Shimamura phản đối.

- Nhưng tôi không thể ở lại, - cô thở dài như cố gắng để không cảm thấy bị sỉ nhục. - Tôi đi đây. Nhưng không sao. Tôi không tức giận đâu. Tôi sẽ quay lại.

Tuy nhiên, khi cô hầu tới, cô lại ngồi xuống chiếu và coi như không có chuyện gì xảy ra. Nhưng cô hầu hỏi mấy lần là phải đi gọi ai, cô gái vẫn không nói ra một cái tên nào.

Cô geisha tới sau đó một lát khoảng mười bảy hay mười tám tuổi. Vừa thoát nhìn cô ta, Shimamura đã thấy lòng ham muốn của anh tắt ngấm. Hai cánh tay cô ta thanh mảnh. Cái hõm nách tối sẫm càng cho thấy cô ta mới ở độ tuổi thiếu niên. Toàn bộ con người cô ta nói lên rằng cô ta là một bé gái xinh xắn chưa trưởng thành. Tìm mọi cách che giấu nỗi thất vọng, Shimamura xử sự một cách vừa phải, nhưng anh vẫn không rời mắt khỏi những cây cỏ đang đâm chồi nảy lộc xanh tươi trên sườn núi qua ô cửa sổ phía sau cô gái. Trò chuyện với cô bé này ư? Nói với cô geisha miền núi điển hình này ư? Không, không thể được. Buồn tẻ, ngột ngạt và nặng nề xiết bao là sự im lặng giữa họ. Và khi cô gái trước đã rời khỏi đó, chắc vì muốn tỏ ra tế nhị, anh và cô geisha mới đến lại càng khó trò chuyện. Mặc dầu vậy, Shimamura vẫn ngồi được khoảng một tiếng đồng hồ với cô này. Anh đang tìm một cái cớ để giũ bỏ cô ta, thì anh nhớ ra rằng chắc hẳn đã có tiền gửi đến cho anh từ Tokyo qua đường bưu điện.

- Tôi phải ra bưu điện có chút việc trước khi ở đó đóng cửa, - anh giải thích cho cô ta, sau đó, hai người chỉ còn một việc là rời khỏi căn phòng.

Shimamura vừa bước qua ngưỡng cửa nhà trọ, thì núi non và làn không khí ngát hương thơm của cảnh non lá mới đã cuốn ngay anh đi. Anh lên sườn núi, cười như một gã điên không biết vì sao, và anh leo trèo mãi miết.

Thở hổn hển, cảm thấy chân tay rời rã một cách dễ chịu, anh đột ngột dừng lại, quay trở lại, giắt phần dưới áo kimono vào thắt lưng rồi trèo nhanh xuống thẳng trước mặt. Mắt anh dõi theo đường bay loạn xạ của hai con bướm vàng óng xuất hiện phía dưới anh và chẳng mấy chốc chúng trở thành màu trắng khi chúng bay lên cao và anh đối mặt với bầu trời, chúng bay xoay tròn ở tí tít xa, rất cao, mé trên đường viền các đỉnh núi.

- Có chuyện gì xảy ra với ông thế? Chắc ông sung sướng lắm nên mới cười vang lên như vậy. Đó là tiếng người đàn bà trẻ đứng dưới bóng những cây bá hương to lớn.

- Tôi nghĩ lại rồi! - Shimamura nói và lại muốn cười vang lên. - Tôi đã nghĩ lại rồi!

- Thật sao?

Người đàn bà trẻ quay người thông thả đi sâu vào đám cây.

Shimamura theo sau, không nói một lời. Khu rừng bá hương này thuộc một ngôi đền nhỏ. Người đàn bà buông mình xuống một phiến đá phẳng, dưới cái mồm đầy râu của những con chó đá canh giữ trước cửa đền.

- Ở đây lúc nào cũng mát mẻ. Ngay giữa mùa hè cũng có gió hiu hiu.

- Chả lẽ tất cả các cô geisha đều giống cô ban nãy.

- Vâng, đại khái thế. Trong số những cô gái không trẻ quá như vậy, có thể có hai hoặc ba cô khá quyến rũ. Nhưng vì ông không thích lứa tuổi ấy...

Cô nói lạnh nhạt, đầu cúi gằm, mắt nhìn chăm chăm xuống đất. Màu tối của bá hương như phản chiếu xuống gáy cô.

Shimamura ngược mắt lên các cành cao, tâm sự với cô:

- Thật kỳ lạ, nhưng quả là tôi không còn một chút ham muốn nào. Tôi như nguội hăn đi.

Thân của những cây bá hương ở đằng sau phiến đá cô ngồi vút lên thẳng tắp, cao đến nỗi anh phải ngửa người ra, tựa lưng vào phiến đá, mới đôi mắt được đến tận ngọn cây. Bầu trời bị che khuất bởi một lớp gần như màu đen những hàng cây mọc sít, những cành và những lá kim xanh thẫm dày đặc. Yên tĩnh và thanh bình như vang lên thành một bài thánh ca. Với một cảm giác kỳ lạ, Shimamura thấy mình tựa lưng vào cái cây già nhất, một thân cây không hiểu tại sao ở mé phương Bắc chỉ toàn cành chết và cành gãy, chúng tua tủa suốt dọc thân cây thành một dãy kinh khiếp với những mồm cụt đầy khiêu khích và lăm lăm nhọn hoắt, chẳng khác gì một thứ vũ khí găm guốc trong tay một thần linh.

- Đó là một sai lầm của tôi, - anh thú thật với một tiếng cười nhẹ. - Và tôi gặp cô ngay khi tôi vừa ở trên núi cao xuống nên tôi cứ tưởng tất cả các geisha ở đây đều như cô. Biết đâu cái ấn tượng kỳ lạ rất tươi mát và cực kỳ

sạch sẽ mà cô gây ra cho anh, Shimamura tự nhủ trong khi nói, lại chẳng là nguồn gốc sự ham muốn đột ngột của anh, cốt để trút thật nhanh số sức lực dư thừa tích tụ trong tám ngày anh một mình đi chơi trên núi?

Người đàn bà trẻ nhìn làn nước con thác chảy ở xa xa trong ánh mặt trời đã bắt đầu xuống dần. Shimamura tự thấy bớt kiêu hãnh về mình.

- Ô! Tôi quên mất, - cô bỗng nói với vẻ tự nhiên giả tạo, - tôi có cầm theo thuốc lá của ông đây. Ban nãy, quay trở lại phòng ông, ông đã đi đâu rồi, tôi đang băn khoăn thì nhìn qua cửa sổ, tôi thấy ông trèo núi thoăn thoắt. Chà! Trông đến là buồn cười... Bao thuốc lá, ông lại để ở trong phòng. Tôi đem lên cho ông đây.

Cô lấy thuốc lá từ tay áo kimono ra và đánh một que diêm cho anh.

- Tôi đã không tử tế lắm với cô gái khốn khổ đó.

- Nói cho cùng, khách là người quyết định để geisha ra về lúc nào.

Trong cảnh yên tĩnh thanh bình này, tiếng nước rào rào chảy trên sỏi của dòng thác xa xa vọng tới như một bản nhạc êm dịu. Ở đằng xa, trên sườn núi dốc đứng mà họ trông thấy từng quãng rất đẹp giữa các cành bá hương, bóng tối sẫm dần trong các hõm núi.

- Trừ phi cô ta cũng được như cô, chứ nếu không, thế nào tôi cũng thất vọng ngay khi lại gặp cô.

- Thôi ông đừng nói chuyện ấy nữa, - cô nói dứt khoát. - Tất cả chỉ là ở chỗ ông không muốn công nhận sai lầm của ông.

Giọng cô hơi khinh thường, nhưng một mối dây liên hệ mới như đã gắn bó hai người, họ đã có vẻ quyến luyến nhau.

Đối với Shimamura, rõ ràng ngay từ đầu anh chỉ muốn có một mình cô, nhưng cũng như mọi khi, anh tìm kiếm hàng nghìn con đường vòng vo rắc rối để khỏi phải thú thật bằng lời. Và càng tự ghê tởm mình bao nhiêu, anh càng thấy cô gái đẹp dễ bấy nhiêu.

Ngay lúc cô đứng dưới bóng cây bá hương gọi anh, sự hiện diện của cô đã như một hơi thở tươi mát thấm vào tận tâm can anh.

Mũi cô thanh tú và cao, vể còi cút trên gương mặt khiến anh cảm động và gọi một chút buồn, nhưng đôi môi cô thì giống như một nụ hoa lúc chum lúc nở, nồng nàn, sống động và khát khao.

Ngay cả khi cô không nói gì, đôi môi cô cũng rất linh hoạt và hình như tự nó luôn chuyển động. Nếu bị nứt nẻ hoặc nhăn nheo, hoặc chỉ nhợt nhạt thôi, đôi môi có thể trông sẽ hơi khó chịu, nhưng đây, môi cô lại mịn màng đỏ mọng dồi dào sức sống. Hàng mi của cô không cong, cũng không hướng lên phía trên, cắt ngang mí mắt thành một đường thẳng đến nỗi trông có vẻ kỳ dị, thậm chí buồn cười, nếu nó không được bao bọc một cách tế nhị bởi hàng lông mày rậm, cong và mượt như tơ lụa. Mặt cô rất tròn và hai gò má hơi cao kể ra thì không có gì đáng chú ý. Nhưng với nước da hồng hào mịn màng, với cái cổ trinh bạch và đôi vai mảnh dẻ còn sắp đầy lên chút nữa, cô gợi một ấn tượng tươi mát, trong sạch đến nỗi cô có tất cả vẻ đẹp quyến rũ của một sắc đẹp, cho dù cô không đẹp hoàn hảo. Đối với một phụ nữ thường thắt khăn lưng rộng như các geisha, cô có một bộ ngực khá nở nang.

- Muối đã bắt đầu ra rồi, - cô vừa nói vừa đập đập tay vào vạt áo kimono để xua.

Chìm đắm vào sự yên tĩnh sâu thẳm của nơi đây, họ không thấy có điều gì lắm để nói với nhau.

Tối hôm ấy, có lẽ khoảng mười giờ, cô gái gọi Shimamura rất to ở ngoài hành lang. Rồi sau đó, chuệch choạng như bị ai đẩy, cô vào phòng anh và ngã xuống chỗ trước cái bàn. Tay cô quờ quạng làm đổ tất cả các thứ ở trước mặt. Cô tự rót đầy một cốc nước và uống ừng ực.

Cô bảo cô vừa đi chơi với mấy người khách mới ở trên núi xuống chiều nay: cô quen họ từ năm ngoái, trong mùa trượt tuyết. Những người này đã

mời cô ra quán, cùng với mấy cô geisha tham gia buổi tối ồn ào của họ và họ đã chuốc rượu cho cô say mềm.

Đầu cô lơ mơ lắc lư, cô cất tiếng nói liên tục như không bao giờ ngừng. Đột nhiên cô tỉnh táo lại và nói:

- Tôi sẽ quay lại. Lẽ ra tôi không nên tới đây, họ sẽ đi tìm tôi. Lát nữa tôi sẽ quay lại.

Rồi cô lão đảo bước ra.

Khoảng gần một giờ đồng hồ sau đó, Shimamura nghe thấy những bước chân như chuệnh choạng đang tiến một cách nặng nhọc dọc theo hành lang: đó là bước chân của một người đang lão đảo đi xiêu vẹo từ vách tường này sang vách tường kia, vấp ngã dúm dúi rồi lại đi tiếp.

- Shimamura? Shimamura? - Tôi không trông rõ gì nữa cả, - cô gọi. – Shimamura. Đó là một tiếng gọi đã lột bỏ hết sự giả tạo, là một tiếng kêu thực sự của trái tim, là lời cầu cứu của một người đàn bà đối với người đàn ông của mình, hoàn toàn tự nhiên, nó mộc mạc và rõ ràng đến nỗi Shimamura thấy cực kỳ cảm động. Anh vội vã đứng dậy. Không còn nghi ngờ gì nữa, tiếng gọi như thất thanh ấy phải vang khắp quán trọ.

Các ngón tay cô chọc qua lớp giấy khi cô bám vào nẹp cửa, rồi cô ngã nhào vào anh.

- À, ông đây rồi...

Cô không đứng dậy mà cô ôm lấy anh, xiết chặt anh vào người, miệng vẫn nói:

- Tôi không say đâu. Không, tôi không say, thật đấy. Nhưng tôi khó chịu quá, ôi, khó chịu lắm. Giá tôi đừng khó chịu thế này!...Tôi biết rõ những gì tôi làm. Hãy cho tôi uống nước. Nước, tôi cần nước. Tại tôi uống mấy thứ rượu pha lẫn với nhau. Nên đầu tôi mới nhức thế này. Lẽ ra tôi không nên uống các thứ rượu pha lẫn thì phải. Tại tôi uống, nên rượu bốc ngay lên đầu

làm tôi, khó chịu quá ôi, cái đầu khốn khổ của tôi... Họ có một chai whisky loại tồi. Làm sao tôi biết được đó là loại Whisky rẻ tiền?...

Hai bàn tay nằm lại, cô xiết chặt lấy trán.

Bên ngoài, bỗng có tiếng mưa rơi mỗi lúc một nặng hạt.

Để giữ cô khỏi ngã, Shimamura phải ôm lấy cô, anh phải ôm chặt đến mức búi tóc cao của cô bị bẹp hẳn trên má anh. Chỉ nới tay một chút, anh đã cảm thấy cô chực ngã xuống đất. Trong khi ôm chặt cô, anh âu yếm luôn một bàn tay vào trong cổ áo cô.

Cô không ngăn lại những lần tới của anh, cô khoanh tay để ngăn không cho bàn tay của Shimamura lần đến vú cô. Bỗng nhiên cô tức giận với cánh tay của chính cô vì nó đã không làm điều cô muốn, cô chửi rủa nó và cắn nó một cách độc ác.

- Thế là thế nào? Tao sẽ dạy cho mày một bài học! Đồ lười biếng! Đồ vô tích sự? Mày sẽ biết tay tao.

Shimamura sững sờ kinh ngạc. Anh trông thấy vết răng hằn sâu trên tay cô gái. Nhưng lúc này cô đã thôi không tự vệ nữa và cô dùng đầu ngón tay để viết các chữ: cô bảo cô sẽ nói cho anh biết cô đã yêu những ai. Thoạt tiên là tên khoảng hai mươi hoặc ba mươi diễn viên, rồi đến tên Shimamura, lại tên Shimamura, tên Shimamura cứ được cô viết đi viết lại không thôi.

Dưới bàn tay Shimamura, đôi vú cô căng phồng ấm áp tuyệt diệu.

Bằng một giọng vỗ về, anh dịu dàng nhắc đi nhắc lại với cô:

“Kìa! Thôi mà? Ổn cả rồi. Bây giờ thì ổn cả rồi...” Anh thấy một cảm giác âu yếm đối với cô, như đối với một đứa trẻ.

Nhưng rồi cái đầu tội nghiệp của cô lại nhúc nhúc như búa bổ. Cô quần quai đau đớn, rồi oằn người ngã vật xuống chân tường rên rì:

- Không xong đâu... không đâu, ối, tôi đau đầu quá... tôi muốn về nhà. Về nhà tôi.

- Cô không thể đi xa như vậy được đâu. Vả lại, trời đang mưa to.

- Dù có đi đất, có phải bò, tôi cũng về. Tôi phải về nhà.

- Cô không thấy thế là liều lĩnh à? Tôi sẽ đưa cô về, nếu nhất thiết cô phải về.

Đường từ quán trọ xuống làng chạy qua một sườn núi dốc đứng.

- Cô nới lỏng dây lưng để nghỉ một chút được không? Tôi tin cô sẽ mau chóng dễ chịu và đủ sức để về nhà.

- Không, không. Tôi biết phải làm gì rồi. Có phải lần đầu tiên tôi bị thế này đâu.

Cô ngồi thẳng người dậy, ưỡn ngực hít không khí vào đầy phổi, rõ ràng cô phải cố gắng và đau đớn. Cô thú thật với Shimamura rằng cô hơi khó chịu ở tim, rồi cô mở cửa sổ ở đằng sau, cô cúi người ra ngoài định nôn, nhưng không được. Cô đấu tranh một cách tuyệt vọng để khỏi ngã lăn ra đất, để khỏi quy hân. Và mỗi lần gượng lại được một chút, cô đều nhắc đi nhắc lại: “Tôi về đây! Tôi cần phải về,” Và sự việc cứ như vậy cho đến hơn hai giờ sáng.

- Ông đi ngủ đi! Tôi bảo là ông hãy đi ngủ đi mà! - Cô nằn nì.

- Còn cô, cô sẽ làm gì? - Shimamura hỏi.

- Tôi sẽ cứ thế này. Ngay khi cảm thấy khá hơn một chút, tôi sẽ về nhà. Tôi sẽ về nhà trước khi trời sáng.

Cô bò tới chỗ anh, kéo áo anh.

- Ông đi nằm đi! Đừng bận tâm đến tôi. Ông cứ ngủ yên đi.

Shimamura về giường. Trong lúc đó, cô gái cúi người xuống bàn uống một cốc nước nữa.

- Ông đứng lên! - Cô tới trước giường, ra lệnh. - Tôi bảo ông đứng lên kia mà!

Shimamura hỏi đúng ra là cô muốn anh làm gì.

- Tôi đã nói thế nào rồi? Ông chỉ có việc ngủ đi thôi.

- Cô không tỏ ra biết điều lắm đâu. - Shimamura nói và kéo cô lại. Nằm xuống bên anh, lúc đầu cô quay mặt đi. Lát sau, cô đột ngột quay lại chìa môi cho anh.

Rồi như trong cơn mê sảng, muốn bộc lộ cùng anh tất cả nỗi khổ sở của mình, cô nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần vẫn những lời - Không, ồ, không!... Anh chả vẫn bảo chúng ta chỉ nên là bạn thôi đó sao?

Giọng cô nghiêm trang quá, thống thiết quá, làm nhụt hẳn lòng ham muốn của anh, đến mức anh đã nghĩ đến chuyện giữ lời hứa khi anh thấy vẻ căng thẳng của cô, thấy vàng trán cô nhận lại vì cô phải cố gắng một cách tuyệt vọng để bình tĩnh lại, để tự chủ lại.

- Với em, - cô thì thầm, - em không hối tiếc gì. Chẳng bao giờ em hối tiếc gì. Nhưng em đâu phải là một người đàn bà như thế... Một cuộc phiêu lưu không ngày mai...và không thể lâu dài... chính anh nói với em như vậy, đúng không?

Cô hãy còn hơi bồng bênh trong hơi rượu.

- Không phải lỗi ở em. Mà lỗi ở anh. Anh đã chơi và đã thua... Anh là kẻ yếu đuối. Chứ không phải em.

Trong phút chốc, cô như mất hồn. Cô điên cuồng cắn lấy cắn để tay áo như còn cố đấu tranh chống lại niềm hạnh phúc, cố chối bỏ niềm sung sướng lớn lao.

Một lúc lâu, cô không nói nữa, cô thoải mái và thư thái như thể người cô trống rỗng chẳng còn tình cảm gì. Rồi như chợt nhớ ra một điều từ nơi sâu thẳm của ký ức, cô nói:

- Anh đang cười em, phải không? Anh cười em!

- Không.

- Ở tận đáy trái tim, tít dưới đáy ấy, anh đang cười em. Và nếu bây giờ anh chưa cười em, thì sau này anh sẽ cười em.

Đôi mắt cô đắm lệ, cô quay đi để vùi mặt vào gối. Tiếng nước nở của cô dịu dần và chẳng bao lâu, trong một sự thân thiết dịu dàng muốn trao gửi cho anh thêm nữa, không giấu giếm gì, cô lại kể về cô cho anh nghe. Hình như cô đã quên những đau nhức ở đầu. Về những gì vừa xảy ra, cô không nói một lời.

- Ồ, thời gian qua đến là nhanh! Em cứ nói mãi nói hoài nên chẳng để ý gì đến giờ giấc, - cô xin lỗi với một nụ cười e lệ. - Trời hãy còn tối, nhưng em phải về trước khi trời sáng. Ở xứ này người ta dậy sớm lắm.

Nhiều lần cô đứng lên để ngó ra cửa sổ.

- Em hãy còn thời giờ. Trời còn tối, không ai nhìn thấy được em. Lại mưa nữa. Sáng nay chắc không ai ra đồng đâu.

Cô không muốn về. Đến tận lúc các đỉnh núi dưới mưa đã mờ mờ hiện ra và đã có thể thấy được những mái nhà trên sườn núi, giữa các cây cối cô vẫn còn dùng dằng chưa quyết định hẳn. Cuối cùng, đã đến lúc có những tiếng động đầu tiên ở quán trọ, khi những người phục vụ đã dậy và bắt đầu làm việc. Nhanh nhẹn, cô sửa sang lại đầu tóc một chút rồi lén ngay ra ngoài, gần như tan biến mất. Cô nhất định không cho Shimamura tiễn ra cô cửa như anh muốn. Cô không thích ai trông thấy hai người với nhau.

Ngay hôm đó, Shimamura về Tokyo.

- ...

Điều em nói hồi nọ là không đúng rồi nhé. Nếu không, ai lại đến cái xó này vào lúc cuối năm để mà chịu rét cóng? Không, anh không cười em đâu.

Người đàn bà trẻ ngẩng đầu. Má cô hơi hồng hồng, ở phía dưới đôi mắt, nơi cô vừa áp tay Shimamura vào, màu hồng vẫn lộ rõ bất chấp lớp phấn trắng thoa khắp mặt cô. Shimamura nghĩ tới xứ tuyết, nghĩ tới cái lạnh ở đây. Nhưng anh thấy xứ này cũng có chút gì ấm áp, chắc hẳn vì màu đen sâu thẳm của mái tóc cô.

Cô mỉm cười hiền dịu, như dưới một ánh sáng chói lọi. Và có lẽ với nụ cười đó cô đã nghĩ đến “hồi nọ”, vì anh thấy mặt cô đỏ dần, như toàn bộ cơ thể cô mỗi lúc một nóng rực lên theo những lời lẽ nồng cháy anh nói với cô. Vì cô cúi người về phía trước, đầu nghiêng một chút và vươn thẳng, nên anh có thể trông thấy lưng cô đỏ ửng dưới áo kimono hơi hở ra. Gáy cô và làn da ở đó trông thật khô gợn và khi tương phản với mái tóc đen sẫm, da thịt cô chỗ ấy càng làm anh thêm muốn. Trong cơn thêm khát rạo rực cháy bỏng, anh tưởng như cô đang khỏa thân trước mặt anh. Còn mái tóc cô?

Không, thực ra thì tóc cô không dày lắm, có lẽ nó đẹp là bởi sức sống của nó, bởi tóc cô cứng gần như tóc đàn ông nên cô có thể chải cao lên một cách hoàn hảo, cách điệu hóa theo một cổ xưa, bóng như sơn, khiến trông như cô đội một tác phẩm điêu khắc chắc nịch bằng đá đen.

Shimamura ngắm mái tóc ấy mà ngạc nhiên. Anh tự hỏi phải chăng cái lạnh làm anh sững sốt khi chạm vào đó không phải là hiệu lực của mùa đông ở xứ tuyết này, mà là một tính chất riêng của mái tóc ? Trong lúc đó, người đàn bà trẻ đếm gì đó trên đầu ngón tay, mãi chưa xong.

- Em đếm gì vậy? - Anh hỏi.

Nhưng cô vẫn cứ đếm tiếp.

- Đó là hôm hai mươi ba, tháng năm, - cuối cùng cô nói.

- Em tính tổng số ngày à? - Shimamura đùa, chắc anh đã đoán ra ý cô. - Tháng bảy và tháng tám là hai tháng liền có ba mươi một ngày đấy nhé, em đừng quên.

- Hôm nay là ngày thứ một trăm chín mươi chín. Chính xác là một trăm chín mươi chín ngày.

- Em nhớ đúng ngày tháng chứ? Sao em nhớ hôm đó là ngày hai mươi ba, tháng năm?

- Em chỉ cần nhìn qua những gì em ghi trong nhật ký. Ở đó có tất cả.

- Em ghi nhật ký đấy à?

- Vâng. Vì đọc lại nhật ký cũ bao giờ cũng rất buồn cười. Chỉ có điều em không giấu giếm gì cả nên đôi khi em tự xấu hổ về em.

- Em bắt đầu ghi nhật ký từ bao giờ?

- Từ ngày em đi Tokyo để học nghề. Em không có tiền, nên chỉ mua một cuốn sổ bốn xu, em ghi kín từ trang đầu đến trang cuối, thành những cột sít vào nhau. Em có một chiếc bút chì gọt rất nhọn vì những cột chữ phân cách nhau bằng những nét mảnh kẻ bằng thước. Về sau, khi em đã có thể mua được một cuốn sổ hần hoi để ghi nhật ký, thì em không ghi như thế nữa. Em viết phỉ phạm các trang giấy lăm. Về chữ viết cũng vậy. Hồi đầu, em viết nháp trên giấy báo đã rồi mới chép lại vào sổ, chứ bây giờ, em viết thẳng luôn vào giấy tốt, chẳng cần nghĩ ngợi gì cả.

- Em ghi nhật ký đều đặn, không bao giờ gián đoạn?

- Có chứ. Năm em mười sáu tuổi và năm nay là những năm tuyệt diệu nhất. Em có thói quen ghi trước khi đi ngủ, đôi khi em ngủ thiếp đi khi đang viết, đọc lại những quãng, em nhận ra ngay... cũng có những hôm em không ghi gì cả. Không, em ghi không đều. Vì ở vùng núi này, sinh hoạt nhiều ngày cứ hao hao giống nhau cả, có gì mà ghi? Nhưng năm nay, em đã mua một quyển sổ mỗi trang đề sẵn một ngày và em đã lăm. Một trang không đủ, vì hễ đặt bút viết là em không thể dừng lại được nữa.

Shimamura đã ngạc nhiên khi biết cô ghi nhật ký, anh càng ngạc nhiên hơn khi biết từ năm mười lăm hoặc mười sáu tuổi cô ghi chép đều đặn tất cả những gì cô đã đọc và hiện giờ cô đã có mười quyển sổ ghi kín.

- Em viết cả những ý kiến phê bình của em nữa? - Anh hỏi.

-Ồ không, em không đủ năng lực làm việc ấy, - cô đáp. - Em chỉ ghi tên tác giả, các nhân vật và quan hệ giữa họ. Thế thôi.

- Nhưng em cố gắng viết như vậy để làm gì? Em rút ra được ích lợi gì đó?

- Không. Không được gì cả.

- Thế em chỉ tốn công vô ích thôi à?

- Vâng, hoàn toàn vô ích. - Cô thú nhận một cách nhẹ nhàng và có vẻ như coi điều ấy không đáng giá gì. Nhưng mắt cô đắm đắm nhìn Shimamura.

Tất cả cố gắng đều vô ích! Trong chuyện này có đôi điều Shimamura muốn hỏi thêm chút ít. Nhưng vì anh đang cúi người về phía cô, nên trong anh bỗng tràn ngập một cảm giác thanh thản, một sự thoải mái tột độ chẳng khác gì anh đã để cho tiếng tuyết rơi lặng lẽ nói thay anh. Tuy nhiên, ở nơi cô, đó không phải là một cố gắng hoàn toàn vô ích, anh thấy rõ như vậy. Sự kiên trì của cô dù sao cũng có một nét gì đó tinh khiết. Và cả toàn bộ cuộc đời cô nữa, nhờ vậy cũng được rọi sáng.

Cô nói với anh về các cuốn tiểu thuyết cô đã đọc, nhưng câu chuyện của cô lại không liên quan gì mấy với cái mà người ta vẫn thường gọi là “văn học”. Các quan hệ của cô về mặt này với những người ở đây chỉ giới hạn ở việc trao đổi các tập sách mỏng và các tạp chí phụ nữ. Còn cô phải trau dồi sự ham thích đọc sách báo của cô, được chẳng hay chớ và không hề phân biệt, không lựa chọn, không hề bận tâm đến văn chương, cô tự kiểm lấy cả những sách báo mà khách có thể để lại trong phòng của họ. Những tác giả cô kể tên, Shimamura hoàn toàn không biết. Thành thử khi nghe cô, có lúc anh tưởng như cô đang nói về một nền văn học nào đó ở tận đâu đâu. Tuy cô nói rất sống động, nhưng ở tít sâu lại có một vẻ góa bụa không thể vượt qua, một vẻ cô đơn nhứt nhối cam chịu, như một người ăn mày đã dừng dừng với mọi chuyện, như một kẻ trong lòng mọi ham muốn đều đã chết.

Và trong khi nghe cô nói, Shimamura bắt đầu nghĩ rằng với những mơ mộng của anh về balê phương Tây, anh cũng khá giống cô ở vài phương diện. Anh cũng đọc linh tinh những tác phẩm kỳ quặc, cũng khoái chí với những từ xa lạ, những tấm ảnh miền đất khác, những hình bóng mờ ảo và những lý tuyết trừu tượng mà anh dùng để tự ru ngủ. Giờ đây, say mê và nhiệt tình, chẳng phải cô cũng đang nói với anh về những bộ phim hoặc những vở kịch cô chưa hề xem đó sao?

Không còn nghi ngờ gì nữa, suốt cả mùa hè chắc cô vẫn thêm có một ai đó biết lắng nghe cô nói. Nhưng liệu cô có còn nhớ rằng, đúng một trăm chín mươi chín ngày trước đây, chính một cuộc trò chuyện loại này đã tạo nên một sức hút đưa cô đến với Shimamura? Bởi vì bây giờ cô lại say sưa nói và toàn bộ cơ thể lại rùng rục lên trong niềm say sưa ấy.

Nỗi luyến tiếc của cô đối với thành phố thật ra không còn đượm những đắng cay của kẻ xa xứ. Đó chỉ còn là một giấc mơ xa xăm, không nung nấu, cũng không tuyệt vọng, một mơ mộng dịu dàng, cam chịu một cách khiêm nhường. Trong chuyện này, bản thân cô cũng có vẻ không buồn rầu gì và có lẽ đó chính là điều làm cho Shimamura bối rối sâu sắc nhất. Trong tâm trạng xúc động, anh thấm thía cái cảm giác cố gắng vô ích, cái cảm giác nhọc nhằn uống công, đến mức chỉ một chút nữa thôi là anh thấy cuộc đời anh cũng căn cỗi vô bổ. May sao, anh lại được trông thấy trước mắt anh gương mặt sống động và tươi tắn của người đàn bà trẻ, với sức khỏe tràn trề và làn da hồng hào mà cô có được là nhờ khí hậu khắc nghiệt ở vùng cao.

Dù sao, anh cũng không còn nhìn cô bằng con mắt như xưa. Anh ngạc nhiên hiểu rằng bây giờ, khi cô là một geisha, cách xử sự của anh không thoải mái hơn, cũng chẳng tự do hơn...

Tối đầu tiên cô đã say mềm khi cô cắn một cách độc ác vào cánh tay tê dại đến ba phần tư của cô, cô đã đột nhiên tức điên lên vì mãi nó không chịu nghe lời cô. “Tao sẽ dạy cho mày một bài học! Đồ lười biếng! Đồ vô tích sự! Mày sẽ biết tay tao”

Về sau, không thể cưỡng lại được bản thân và trạng thái say rượu của mình, cô lăn lộn trên giường: “Sẽ không bao giờ em hối tiếc gì... Nhưng em không phải là một người đàn bà như thế đâu! Em không phải là một người đàn bà thuộc hạng ấy đâu!”...

- Đó là tàu đêm đi Tokyo đấy, - cô nói.

Có thể cô đã thấy sự lưỡng lự của anh nên cô nói chỉ để gạt anh ra. Khi có tiếng còi tàu, anh thấy cô đứng phắt dậy đi thẳng tới, mở cửa sổ và cúi người ra ngoài. Với một âm thanh tắt lịm như tiếng rít của làn gió đêm, con tàu biến mất nơi xa. Không khí giá buốt tràn ngập căn phòng.

- Em thật là điên! - Shimamura nói và cũng đến bên cửa sổ.

Màn đêm bất động, sững lặng, không một ngọn gió và phong cảnh bao trùm một vẻ khắc nghiệt khô khan. Dường như có tiếng ầm ì trong lòng đất đáp lại tiếng lạo xạo của tuyết đóng thành băng ở khắp mọi nơi. Trời không có trăng. Nhưng các ngôi sao lại quá nhiều, đến nỗi không biết chúng có thật không, chúng lấp lánh ngay gần, tới mức tưởng như có thể trông thấy chúng lao vút vào trong khoảng không. Bầu trời lui về phía sau như sâu thêm mãi và xa thêm mãi, về phía những nguồn tối của ban đêm... Các đỉnh của dãy núi cao chồng lẫn vào nhau thành một đường gấp khúc oai nghiêm đối mặt với bầu trời sao, tạo nên một đường chân trời lớn lao và đen sẫm, gợi cảm giác lo âu. Tuy nhiên, ngự trị trên toàn bộ phong cảnh lại là một sự hài hòa cực kỳ trong sáng và vô cùng êm ả.

Cảm thấy Shimamura tới gần, người đàn bà trẻ cúi thêm chút nữa xuống bệ cửa sổ, tì hai vú lên. Đó không phải là một tư thế buông thả mà ngược lại: trước bóng đêm, cô có vẻ cứng rắn và kiên quyết hơn bao giờ hết. “Vẫn lại cái lớp áo giáp mà ta phải xuyên thủng”, Shimamura tự nhủ.

Các quả núi đen sẫm nhưng vẫn rực sáng ánh tuyết. Và đối với Shimamura, lúc này chúng có vẻ trong suốt một cách kỳ lạ và toát lên một nỗi buồn không tên: sự cân bằng hài hòa giữa bầu trời và đường gấp khúc tối sẫm của các đỉnh núi đã bị phá vỡ.

- Em bị lạnh đấy. Da em lạnh buốt rồi này, - Shimamura vừa nói vừa đặt tay lên cổ người đàn bà trẻ để kéo cô lui lại. Nhưng cô bám chặt vào bệ cửa sổ.

- Em về nhà đây, - cô bướng bỉnh nói, giọng cô hãy còn bối rối.

- Được thôi. Vậy em về đi.

- Một chút xíu nữa. Em muốn đứng yên như thế này...

- Anh xuống tắm đây, - Shimamura nói.

- Không, không, ở lại với em...

- Nếu em đóng cửa sổ lại!

- Một chút xíu nữa thôi... Em thích được cứ như thế này một lát. Đám cây ở ngôi đền che khuất nửa làng. Các ngọn đèn ở nhà ga (cách đó chưa đầy mười phút taxi) lấp lánh xa xa như cái lạnh làm chúng nổ lép bép.

Mái tóc người đàn bà trẻ, cửa sổ, ống tay áo kimono của cô: tất cả mọi thứ Shimamura đặt lên tay đều lạnh buốt, nhưng chúng lạnh buốt như thế cái lạnh từ trong chúng toát ra, một cái lạnh chưa từng bao giờ anh được biết. Ngay cái lạnh ở chiếc chiếu dưới chân anh hình như cũng từ đó tỏa ra.

Shimamura quyết định cứ xuống tắm dưới kia.

- Chờ em với! Em sẽ đi cùng anh, - cô nói. Và cô khiêm nhường theo anh.

Ở dưới phòng tắm, khi cô đang thu xếp lại những thứ quần áo Shimamura để bừa bãi dưới đất đằng trước cửa, thì có người vào.

Đó là một người khách khác của quán trọ. Một người đàn ông. Cúi rất thấp xuống, cô giấu mặt đi.

- Ồ! Xin lỗi! - Người mới đến nói và làm ra vẻ như chực quay ra.

- Không sao, ông cứ vào, - Shimamura vội nói. - Chúng tôi sang phòng bên cạnh cũng được.

Anh lấy quần áo và đi sang phòng tắm bên cạnh dành cho phụ nữ, còn cô theo anh như họ là hai vợ chồng. Shimamura thả người vào bồn nước ấm, không hề nhìn về phía cô. Anh cảm thấy muốn cười vang lên khi nghĩ rằng cô đang ở đây với anh. Nhanh nhẹn, anh đưa đầu vào dưới *yuguchi*^[6] và súc miệng ồm ọc.

Sau đó họ lại về phòng trọ. Cô hơi nhấc đầu lên khỏi gối, rồi đưa ngón tay út lên tai sửa lại một món tóc vừa bị xổ ra.

- Em rất buồn, - cô nói. Rồi không nói gì thêm nữa. Trong một lúc, Shimamura tưởng hai mắt cô hé mở, nhưng rồi anh hiểu rằng hàng mi dày đã tạo cho anh ảo giác đó.

Bồn chồn, căng thẳng, suốt đêm cô không chợp mắt được chút nào.

Shimamura thức giấc có lẽ vì một tiếng sột soạt nhẹ. Anh mở mắt thì ta cô đang thất đai lưng.

- Em xin lỗi. Em không định đánh thức anh, - cô nói. - Trời còn tối. Anh nhìn xem: anh có trông thấy em được không?

Cô tắt đèn.

- Anh không trông thấy em, đúng không? Đúng không nào?

- Ủ, vẫn còn đang đêm mà.

- Không phải. Anh nhìn kĩ hơn một chút xem. Nào? Có nhìn thấy em không? Còn bây giờ? - Cô nói và mở toang cửa sổ. - thấy em rồi chứ? Thôi, em về đây.

Shimamura cảm từ cái lạnh của buổi sáng, anh lại ngạc nhiên từ sao lạnh đến thế, anh khẽ nhấc đầu lên khỏi gối. Bầu trời hãy còn sắc màu ban đêm, nhưng trên các ngọn núi đằng kia đã là buổi sáng.

- Mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Nông dân không bận rộn lắm vào mùa này. Cho nên không ai ra khỏi nhà lúc sáng sớm. Có chăng chỉ có ai đó đi chơi núi... Anh nghĩ sao?

Cô nói nhưng không chờ anh trả lời, cô đi đi lại lại trong phòng, kéo lê đằng sau dải đai lưng mới thắt được một nửa.

Thường không có người khách nào tới quán trọ vào chuyến tàu năm giờ. Những người phục vụ ở đây còn lâu mới dậy.

Dải đai lưng của cô giờ đây đã thắt xong, nhưng cô vẫn còn loanh quanh trong phòng, lúc đứng lên, lúc lại quỳ xuống đất, rồi lại đứng lên, mắt luôn liếc nhìn về phía cửa sổ. Cô có vẻ đang bị căng thẳng tột độ, hoảng hốt và bức bối như một con thú đêm sợ buổi sáng sắp tới. Cô như bị ám ảnh, bị xáo động bởi một bản năng thần bí và hoang dã nào đó, dưới tác động của một bùa mê ma quái nào đó.

Ánh sáng trong phòng giờ đây đã đủ để Shimamura có thể trông thấy vẻ thẩm tươi của má cô, một màu đỏ hồng tươi tắn và rực rỡ khiến anh bị hấp hồn.

- Má em hồng rực như một khối lửa. Chắc trời lạnh lắm.

- Không phải tại trời lạnh đâu, mà tại em lau phấn đi đây. Chỉ cần em chui vào giường là một phút sau em ấm ngay. Ấm khắp mọi chỗ, ấm đến tận đầu các ngón chân.

Quỳ đằng trước tấm gương ở cạnh giường, cô vẫn còn nói rằng trời đã sáng rõ và cô phải về thôi.

Shimamura đưa mắt nhìn về phía cô, nhưng bằng một cử chỉ đột ngột, anh lại đặt đầu xuống gối: cái màu trắng ở tí sâu trong gương, đó là màu tuyết, ở giữa đỏ rực lên màu đỏ của đôi má người đàn bà trẻ. Vẻ đẹp của sự tương phản ấy cực kỳ trong sạch, nó vô cùng dữ dội vì nó sắc nhọn và sống động.

Shimamura tự hỏi không biết mặt trời đã mọc chưa, vì tuyết bỗng sáng rực thêm nữa trong gương, chẳng khác gì ở đó có một đám cháy băng giá. Bị sắp bóng, màu đen của mái tóc người đàn bà trẻ hình như không sâu như trước, mà lại ẩn hiện những sắc thái của màu tím.

Có lẽ để tránh bị tuyết làm tắc, nước ở các phòng tắm được tháo đi theo một đường rãnh chạy sát tường quán trọ. Ở đằng trước lối vào nước chảy loang ra thành một vùng rộng giống như một cái ao nhỏ. Trên những tấm lát dẫn đến cửa, một con chó đen to đang uống nước. Một dãy những thanh trượt tuyết chắc hẳn vừa được lấy ở kho ra hong đang chờ khách mượn. Ở đó thoang thoảng mùi mốc, mùi này rất dịu và như hơi ngọt bởi làn hơi ở vùng nước nóng bốc lên. Những đám tuyết từ trên các cành bá hương rơi xuống mái nhà tắm tạo thành những khối bệt chẳng ra hình thù gì, gần như di động, gần như ấm áp.

Khoảng cuối năm, con đường biến mất hẳn dưới tuyết, ngập lút trong các đồng tuyết. Để đến được các buổi dạ hội, cô phải đi một đôi ủng cao bằng cao su, phải mặc ở ngoài kimono một chiếc “quần miền núi” xấu xí và thêm một tấm áo choàng nặng nề, lại còn phải trùm khăn để bảo vệ mặt. Lúc này, tuyết đã dày hơn ba mét và suốt mùa đông sẽ vẫn như thế. Cô đã nói với anh tất cả những điều đó và Shimamura nhớ lại những lời khi anh đi xuống làng theo con đường ban sáng, lúc trời mới rạng, cô đã chăm chú nhìn từ cửa sổ căn phòng quán trọ.

Có những chiếc khăn phơi trên sợi dây chằng cao bên lề đường.

Phía dưới, anh trông thấy toàn cảnh núi non và ở xa xa, những đỉnh núi đầy tuyết lấp lóa dịu dàng trong ánh sáng. Những cây tỏi trong vườn vẫn chưa bị tuyết vùi lấp hẳn.

Bọn trẻ trong làng đang chơi trượt tuyết trên cánh đồng.

Khi con đường đi vào khoảng giữa các ngôi nhà, Shimamura nghe như có tiếng mưa lâm thâm và anh trông thấy những que băng sáng bóng viền quanh các mái chĩa, như những hình thêu tinh tế lóng lánh.

- Này, - một giọng nói cất lên đằng sau anh, - nhân thể ông quét hộ cả mái nhà tôi được không?

Đó là một người đàn bà đi tắm về, khăn mặt buộc trên đầu, đang ngược đôi mắt chói nắng để nói với người đàn ông quét tuyết trên một mái nhà.

Shimamura đoán đây là một người phục vụ về làng trước để chuẩn bị cho mùa trượt tuyết. Lối vào bên cạnh là một quán cà phê^[7]: một ngôi nhà cũ, mái đã trồi xuống, với một cửa sổ sơn đã bong vì mưa nắng.

Phần lớn lợp bằng gỗ, có chèn đá, các mái nhà trông như những dãy giống nhau, các hòn đá song song với con đường: những hòn đá to tròn và nhẵn, trắng xóa những tuyết ở phía bóng râm và sáng loáng ở phía có nắng, đen như mực, chúng bóng loáng không hẳn vì ướt, mà chủ yếu vì chúng được bào nhẵn bởi băng giá, gió mưa.

Những mái chĩa kéo dài gần tới mặt đất biểu thị tâm hồn các xứ sở phương Bắc có lẽ còn hơn cả những hòn đá trên mái.

Bọn trẻ chơi đùa ở rãnh nước, chúng đập vỡ băng ở đó ném ra đường, có lẽ chúng thích thú vì các mảnh băng vụn tung tóe lên lấp lánh trong nắng. Shimamura đứng ở chỗ có nắng ấm nhìn chúng chơi một lúc lâu, anh không ngờ băng lại dày đến thế.

Dựa lưng vào tường đá, một con bé chừng mười hai, mười ba tuổi đứng đơn, tách biệt khỏi những đứa khác. Phía dưới chiếc “quần miền núi” rộng thùng thình bằng vải thô, anh thấy chân nó đi guốc, không có tất, da chân nó đỏ tím và nứt nẻ vì lạnh. Cạnh nó, ngồi ngoan ngoãn trên đồng cũi là một bé gái khoảng hai tuổi đang mắt môi, mắt lợi đưa hai cánh tay bé xíu ra căng mớ len xám xỉn, sợi len như có màu tươi hơn và ấm hơn ở quãng giữa cánh tay của đứa nhỏ và bàn tay của đứa lớn.

Dưới đó bảy, tám nhà anh nghe thấy tiếng bào của bác thợ mộc đang làm việc ở xưởng làm các thanh trượt tuyết. Bên kia đường có đám sáu cô geisha đang tán gẫu ở tít sâu dưới mái chĩa. “Chắc thế nào cũng có Komako trong đám kia”, Shimamura nghĩ. Anh biết tên người đàn bà trẻ sáng nay, do một bà phục vụ ở quán trọ nói.

Đúng là Komako có ở đó thật. Cô cũng nhận ra anh từ xa: mặt cô lập tức nghiêm lại, khác hẳn các cô khác. “Cô sắp đỏ bừng mặt đây”, Shimamura tự nhủ trong khi chân vẫn bước, “chắc hẳn mặt cô sắp đỏ kinh khủng lắm,

nếu không làm được ra vẻ như không có chuyện gì...” Vừa nghĩ tới đó, anh đã thấy đúng là cô đỏ bừng mặt thật. Giá cô quay đi thì phải, nhưng cô lại nhìn theo anh như cô không thể cưỡng lại bản thân cô, mặc dù mắt cô ngượng ngịu sụp xuống đầy khó nhọc.

Shimamura cũng cảm thấy nóng ran hai má. Anh rảo bước chân và Komako lập tức theo gót anh.

- Lẽ ra anh đừng... Anh đi qua vào giờ này thật khó xử cho em quá.

- Khó xử cho ai? Em không thấy anh cũng rất khó xử khi bọn em giảng hàng để tóm lấy anh trên đường? Làm sao anh đi tiếp được? Bọn em bao giờ cũng làm như thế à?

- Vâng, có lẽ thế... Cứ vào các buổi chiều.

- Em đỏ mặt lên và chạy theo anh, anh thấy như vậy còn khó xử hơn.

- Ồ không! Có gì mà khó xử hơn?

Cô nói rõ ràng, nhưng mặt cô lại đỏ bừng lần nữa. Cô dừng lại, đưa tay ôm lấy thân cây hồng bên lề đường.

- Em nghĩ em có thể mời anh đến nhà em; nên em mới chạy theo anh.

- Nhà em ở gần đây?

- Vâng, gần lắm.

- Anh đồng ý, nếu em cho anh đọc nhật ký của em.

- Em định sẽ đốt đi trước khi em chết đấy.

- Mà này, trong nhà em có một người ốm phải không?

- Sao anh biết?

- Hôm qua, em ra ga đón ông ta, em choàng một cái áo xanh, đúng không? Anh đi cùng chuyến với ông ta, gần như đối diện với ông ta trên tàu. Người đàn bà trẻ cùng đi với ông ta, chăm sóc ông ta vô cùng triu mến, vô cùng dịu dàng... có phải vợ ông ta không? Hay đó là một cô nào ở đây đi

đưa ông ta về? Hay đó là một người ở Tokyo? Sự chăm sóc chu đáo của cô ấy... Đối với ông ta, cô ấy như một người mẹ. Điều đó gây cho anh một ấn tượng mạnh.

- Tại sao tối qua anh không nói gì? Tại sao anh kín đáo thế?- Komako hỏi với một vẻ xúc động đột ngột.

- Đó là vợ ông ta?

Cô chưa nghĩ đến chuyện trả lời, vì cô còn đang bận tâm với câu hỏi của chính cô.

- Nhưng tại sao hôm qua anh lại không nói nhỉ?... Tính nết anh lạ thật đấy.

Cái giọng thô bạo ấy ở một người đàn bà khiến Shimamura không ưng chút nào. Cả trong hoàn cảnh, cả trong những việc anh làm đều không có điều gì biện bạch được cho giọng điệu ấy của cô. Đó là một nét trong bản chất sâu sắc của cô mà cô để lộ ra chẳng? Tuy nhiên, anh cũng phải công nhận rằng câu hỏi lặp lại của cô đã động chạm tới một điểm nhạy cảm trong ánh sáng này, hình ảnh Komako trong gương, màu đỏ của má cô trên nền tuyết trắng rõ ràng đã làm anh nghĩ tới hình ảnh người đàn bà trẻ trên tàu, hình phản chiếu của nàng trong tấm kính cửa sổ toa tàu. Tại sao anh lại không nói gì về chuyện ấy nhỉ?

Trong lúc đó họ vẫn bước tiếp.

- Có một người ốm ở nhà em cũng không sao, vì không ai vào phòng em bao giờ, - vừa nói, Komako vừa đi vào lối qua một bờ tường thấp.

Ở bên phải là một khu vườn nhỏ phủ tuyết, bên trái là một dãy cây hồng ven bức tường ngăn. Đằng trước nhà có lẽ là một vườn cảnh và trong cái ao sen nhỏ trên bờ xếp những mảnh băng đã bị đập vỡ có những con cá to màu đỏ tung tăng bơi lội. Ngôi nhà trông cũng cũ kỹ và nứt nẻ, như cái thân rỗng của một cây dâu già. Tuyết đọng từng mảng trên mái nhà bị gồ lên bởi những thanh xà cong queo khiến phần mái che như được trang trí.

Chỗ lối vào bằng đất nên lạnh cóng. Shimamura được dẫn tới chân một cái thang trước khi mắt anh quen với bóng tối đột ngột. Một cái thang thật, đưa lên một căn phòng áp mái thực sự.

- Đây là phòng nuôi tắm, - Komako giải thích. - Anh có ngạc nhiên không?

- Lên cái thang này, em say rượu luôn mà chưa ngã gẫy cổ lần nào là may lắm đấy!

- Em bị ngã rồi. Nhưng nói chung, hôm nào uống rượu quá nhiều, em chui vào kotatsu dưới nhà và ngủ luôn ở đó.

Vừa nói cô vừa luồn tay vào kotatsu của cô xem đủ ấm không, rồi cô lập tức xuống dưới kiểm lửa. Shimamura tò mò, quan sát căn phòng, anh thấy chỉ có một cửa sổ nhỏ ở hướng nam, nhưng giấy bịt ở cửa sổ khá mới, nên nắng vẫn lọt vào phòng được. Các mặt vách đều được dán rất khéo khiến căn phòng giống như một chiếc hòm cũ bằng giấy. Phía trên đầu là mái, không có trần và mái nhà dốc tuột xuống ngang cửa sổ gây một cảm giác buồn bã cô đơn. Bất giác Shimamura tự hỏi không biết bên kia lớp vách của căn phòng bé xíu, chót vót giữa không trung này là cái gì và anh cảm thấy khó chịu như thể anh đang ở trên một cái ban công kín mít lơ lửng giữa trời. Sàn gỗ và các vách ngăn tuy cũ kỹ nhưng cực kỳ sạch sẽ.

Và bỗng anh buồn cười khi nghĩ rằng ánh sáng xuyên thấu vào cơ thể sống động của Komako trong căn phòng nuôi tắm này cũng như nó xuyên thấu vào thân những con tắm trong và mờ.

Tấm phủ lò sưởi kotatsu cũng được làm bằng loại vải bông kẻ sọc dùng để may những chiếc “quần miền núi”. Cái tủ nhiều ngăn khá đẹp, đóng bằng gỗ quý, có vân và nhẵn bóng, anh nghĩ có lẽ đó là một thứ đồ kỉ niệm những năm cô ở Tokyo. Ngược lại, chiếc bàn trang điểm tầm thường lại tương phản hẳn, rất quê kệch, trong khi cái hộp đựng đồ khâu vá của cô lại màu đỏ lộng lẫy, toát lên vẻ sâu thẳm và ấm áp đầy quyến rũ của những đồ

sơn mài cao cấp. Trên vách, có một cái giá gồm nhiều ngăn nhỏ chồng lên nhau ở tấm rèm mỏng bằng vải len nhẹ, chắc cô dùng để đựng sách.

Chiếc kimono cô mặc tối qua treo trên vách, hai tà áo mở ra để lộ lớp lụa đỏ tươi của áo trong.

Komako nhanh nhẹn trèo lên thang, đem theo một xẻng than nóng.

- Than này lấy ở phòng người ốm đây, - cô nói. - Nhưng anh yên tâm: người ta bảo lửa diệt hết các loại vi trùng.

Cô cúi xuống cời than hồng, cô cúi thấp đến nỗi mái tóc vừa được cô chải lại cẩn thận gần như quét vào lò sưởi kotatsu. “Đó là con bà dạy nhạc, anh ta bị lao ruột, - cô giải thích, - anh ta về nhà chỉ cốt để chết!”. Nhưng anh ta không sinh ra ở đây. Nói đúng hơn, đây là nhà của mẹ anh ta. Bà tiếp tục dạy múa ở vùng biển ngay cả khi bà đã thôi làm geisha. Nhưng khoảng năm bốn mươi tuổi, bà bị liệt và chính là để chữa bệnh mà bà trở về khu suối nước nóng. Con trai bà vốn say mê máy móc từ nhỏ, đã ở lại học việc tại nhà một người chữa đồng hồ. Về sau, anh ta lên tận Tokyo để vừa làm vừa học buổi tối, nhưng do quá vất vả, nên sức khỏe anh ta suy sụp.

Anh ta mới tròn hai mươi lăm tuổi.

Những điều này Komako đã nói hết cho Shimamura không chút ngập ngừng. Nhưng tại sao cô lại không nói một lời về cô gái cùng đi với người ốm? Và tại sao cô không hề giải thích về sự có mặt của chính cô trong ngôi nhà này.

Dẫu sao, nghe cô nói, Shimamura vẫn cứ cảm thấy ngượng ngịu. Anh có cảm giác từ trên cái ban công chơi vơi của cô, cô nói vang ra khắp bốn phương.

Lúc đang bước ra cửa, anh thoáng thấy màu trắng mờ của một vật mà trước khi bước vào ban này anh không để ý, đó là cái hộp đựng đàn samisen có kích thước rất lạ. Nó rõ ràng là rộng hơn và dài hơn bình thường, anh khó tưởng tượng nổi Komako lại đem một thứ công kênh thế

này đến các buổi dạ hội. Vừa lúc, có ai đó đẩy cánh cửa sẫm màu dẫn vào phía trong.

- Komako, em bước qua hộp đàn được không?

Một giọng nói cất lên hỏi, đó là một giọng cảm động, có âm sắc trong và đẹp đến nỗi lòng: giọng của Yoko, không thể nào quên đối với Shimamura kể từ khi anh nghe thấy nàng gọi ông trưởng ga, trong đêm tối ở nhà ga lúc tàu dừng lại khi vừa ra khỏi đường hầm.

- Được em cứ tự nhiên!

Nhẹ nhàng, Yoko bước qua hộp đàn và ra cửa ngoài, tay cầm một cái xô bằng thủy tinh. Nàng thoáng liếc xéo Shimamura rồi lập tức đi ngay với những bước chân êm nhẹ trên nền đất.

Về chuyện nàng là một cô gái của xứ tuyết này, anh không phải nghi ngờ gì nữa: anh chỉ cần nhìn cái cách thức nàng mặc chiếc quần *bakama*^[8] miền núi hoặc nhớ lại giọng thân mật của nàng với ông trưởng ga là anh đã biết chắc: nhưng mẫu hình trang nhã ở đai lưng của nàng chỉ lộ ra một nửa ở phía trên chiếc quần rộng xẻ ống như rọi sáng những đường kẻ nâu và kẻ đen xấu xí ở vải quần, đồng thời làm cho hai ống tay dài ở áo kimono bằng len của nàng có vẻ quyến rũ hơn. Ngay cả chiếc quần *bakama* tuy xẻ ở dưới đầu gối và phồng lên một cách nặng nề hai bên hông cũng gợi một cảm giác mềm mại và dịu dàng, trông cũng rất thanh thoát mặc dù loại vải thô ấy dày và cứng như mo nang.

Ngay cả khi đã rời khỏi ngôi nhà đó, Shimamura vẫn còn bị ám ảnh bởi ánh mắt liếc xéo kia, nó như để lại một vết bóng giữa trán anh. Và anh nhớ lại vẻ đẹp tinh khiết, khó tả nên lời của đốm lửa lạnh lẽo ở xa kia, vẻ thần tiên của điểm sáng khi nó chuyển dịch qua khuôn mặt người đàn bà trẻ mà dưới đó là phong cảnh ban đêm chạy về phía sau, trong cánh cửa kính của toa tàu, ánh sáng ấy trong một lúc đã rọi chiếu đầy vẻ siêu nhiên cái nhìn của nàng. Sự đắm say tuyệt diệu và bí ẩn của cái nhìn ấy đã được trái tim Shimamura đáp lại tối hôm ấy bằng cách nó đập gấp gấp hơn và rọi sáng

nay nó lại hòa trộn vào sự thần kỳ trong tấm gương khi đôi má đỏ hồng của Komako rục lên trên nền tuyết trắng.

Anh rảo bước thêm. Không phải vì chân anh săn chắc, ngược lại, chân anh hơi bị béo quá là khác. Nhưng chính anh cũng không rõ tại sao lại thấy một cảm giác hân hoan và hào hứng mới mẻ khi nhìn thấy những ngọn núi yêu quý. Và trong tâm trạng ngất ngây mơ mộng, anh dễ dàng quên mất thế giới con người đã tác động vào trò chơi những phản chiếu bằng phẳng và những hình ảnh kỳ lạ đã làm anh say mê. Không, cửa kính của toa tàu mà màn đêm đã biến thành một tấm gương hay cái gương tràn ngập màu trắng của tuyết không còn là sản phẩm của bàn tay con người nữa: một nửa chúng thuộc về chính thiên nhiên, nửa kia thuộc về một thế giới xa xôi nào đó. Một vũ trụ tồn tại ở nơi khác, gồm cả căn phòng anh vừa ra khỏi.

Đắm chìm trong ý nghĩ ấy, Shimamura giật mình, anh cảm thấy cần phải trở về với thế giới thực tại. Anh gọi bà tẩm quất mù ở đỉnh một quãng dốc đứng, để hỏi xem bà có thể đến tẩm quất cho anh được không.

- Xem mấy giờ rồi đã nào, - bà ta nói rồi cặp gậy vào nách để lấy từ đai lưng ra chiếc đồng hồ bỏ túi, bà ta mở nắp, dùng các ngón tay của bàn tay trái sờ rầm mặt đồng hồ. - Hai giờ ba mươi lăm phút. Tôi có một cuộc hẹn lúc ba giờ rưỡi. Chỗ ở quá nhà ga một chút, nhưng nếu tôi đến chậm, tôi nghĩ cũng không sao.

- Bà đọc được giờ kể cũng giỏi thật, - Shimamura nhận xét.

- Đồng hồ không có mặt kính nên tôi sờ luôn vào hai kim.

- Còn các con số?

- Không, không cần, bà ta nói và lại rút đồng hồ ra để mở nắp.

Đó là một chiếc đồng hồ bằng bạc, hơi nhỉnh hơn loại đồng hồ nữ một chút. Với ba ngón tay đặt lên các chấm mười hai, chín và ba như đánh dấu, bà ta giải thích:

- Tôi có thể nói giờ khá chính xác và nếu tôi không lầm, thì tôi chỉ nói chệch một phút. Dù thế nào đi nữa, cũng chưa bao giờ tôi nói chệch quá hai phút.

- Quảng đường này đối với bà có dốc quá không? - Shimamura hỏi.

- Hôm nào mưa, con gái tôi tới đón tôi ở làng để đưa tôi lên đây, còn buổi tối, bao giờ tôi cũng chỉ làm việc ở làng. Tôi không leo lên đây. Thậm chí đó là một đề tài đùa bỡn của đám phụ nữ phục vụ ở quán trọ: họ bảo rằng đó là tại chồng tôi không muốn để tôi đi đâu khỏi nhà.

- Bà có các con lớn rồi chứ?

- Con gái lớn của tôi mười hai tuổi.

Cứ chuyện gẫu như vậy, họ đã tới phòng của Shimamura và chuyện ngừng lại khi bà mù bắt đầu tắm quất. Trong cảnh yên tĩnh, từ xa vọng tới tiếng đàn samisen.

- Ai đánh đàn ấy nhỉ? - Bà mù nói và lắng nghe.

- Chỉ cần nghe, bà cũng luôn biết được là cô geisha nào đánh đàn chứ?

- Vài cô thì tôi biết, chứ không biết được tất cả. Thân thể ông là của một người không phải lao động. Ông có cảm thấy các bắp thịt đều mềm mại và thư giãn không?

- Không chỗ nào bị co cứng chứ?

- Chỉ có một chỗ nhỏ ở dưới gáy này này. Nhưng ông rất chuẩn, không béo, cũng không gầy. Ông không uống rượu phải không?

- Bà đoán được cả điều ấy?

- Tôi có ba ông khách quen cũng có thân hình như ông.

- Điều có gì khác thường đâu.

- Có lẽ thế, nhưng nếu ông không uống rượu, ông mất một cái thú lớn lao: quên hết đi, đó là một niềm vui sướng thật sự!

- Chồng bà có uống rượu không?
- Ông ấy uống quá nhiều!
- Ta hãy trở lại chuyện cô gái đánh đàn samisen, dù là cô nào chẳng nữa, thì tiếng đàn của cô ta nghe cũng xoàng lắm!
- Vâng, đúng thế.
- Bà có biết đánh đàn không?
- Có, khi tôi còn trẻ, khoảng mười tám, mười chín tuổi. Nhưng từ hồi lấy chồng cách đây mười lăm năm, tôi không chơi đàn nữa.

Nghe bà nói tuổi của bà ta, Shimamura tự hỏi không biết có phải những người mù bao giờ trông cũng trẻ hơn tuổi của họ không. Nhưng anh nói tiếp ngay:

- Ai đã biết đánh đàn thời còn trẻ, thì không thể quên được nữa.
- Làm nghề này, bàn tay tôi không còn như xưa. Nhưng tai nhạc của tôi vẫn sành, nên nghe họ đánh đàn, tôi ngán lắm. Tuy nhiên, cách chơi đàn của tôi hồi trẻ, tôi cũng không còn vừa lòng nữa.

Trong một lúc, bà ta lắng nghe.

- Có lẽ đó là cô Fumi ở quán Izutsya. Những cô đàn hay nhất và những cô đàn dở nhất bao giờ cũng dễ nhận ra hơn cả.
- Có những cô đàn hay thật hả bà?
- Vâng, Komako chơi hay tuyệt. Tuy còn trẻ, nhưng thời gian gần đây cô chịu khó tập luyện lắm.
- Komako? Thật không?
- Ông biết cô ấy rồi phải không? Vâng, tôi thấy cô đánh đàn tuyệt hay. Nhưng ông cũng không nên quên rằng ở vùng núi này mọi người không kĩ tính lắm!

- Tôi chỉ biết cô ấy sơ sơ thôi, - Shimamura giải thích. - Hôm qua, tôi về đây cũng cùng chuyến tàu với anh con trai bà dạy nhạc.

- Anh ta có khá lên không?

- Hình như không.

- Thế ư? Tội nghiệp, anh ta bị ốm ở Tokyo lâu rồi thì phải. Người ta còn bảo rằng để có thể trả một phần tiền chữa bệnh cho anh ta thì mùa hè vừa rồi, Komako đã quyết định làm geisha chuyên nghiệp. Chả hiểu có ăn thua gì không?...

- Chuyện thế nào hả bà? Komako ấy ạ?

- Họ mới đính hôn thôi. Nhưng chắc cô ấy cảm thấy thanh thản hơn, khi cô ấy làm tất cả những gì có thể làm, ít ra về sau cô cũng không có điều gì có thể tự chê trách.

- Cô ấy đã đính hôn với anh ta?

- Người ta nói thế, tôi cũng không rõ hẳn. Những chuyện này, người ta thường biết qua đồn đại thôi.

Còn gì tầm thường hơn là nghe bà tẩm quất ở một trạm suối nước nóng chuyện phiếm về các cô geisha? Nhưng chính vì thế, các thông tin lại khiến Shimamura kinh ngạc và anh thấy chúng có vẻ khác thường hơn, khó tin hơn. Thế nào nhỉ? Vậy là Komako đi làm geisha để cứu chồng chưa cưới? Hay thật! Kể ra cũng quá là hợp với cốt truyện cũ kỹ nhất của loại kịch lâm li mùi mẫn rẻ tiền nhất. Anh không tin nổi. Nếu xem xét sự việc theo quan niệm của anh, anh cũng khó chấp nhận, sẽ thích hợp hơn với anh, nếu một cô gái tự dùng quyền của mình để bán thân làm geisha? Tóm lại, bây giờ anh rất muốn lôi toàn bộ câu chuyện này ra ánh sáng một chút và muốn biết nhiều hơn. Nhưng bà tẩm quất đã xong việc.

Lật đi lật lại câu chuyện trong đầu, bao giờ anh cũng quay về ý tưởng “tổn công vô ích” mà anh đã nghĩ khi nói tới nhật ký của Komako. Bởi lẽ nếu quả thật Komako là vợ chưa cưới của người đàn ông kia và Yokoyama là

người yêu mới của anh ta, còn chính anh ta lại sắp chết, thì tất cả những cái đó chẳng phải là tuyệt đối vô ích, là hoàn toàn mất hết hay sao? Có thể nào nghĩ khác được, nếu Komako đi đến mức phải bán mình để giữ lời cam kết và để trả chi phí chữa bệnh? Tồn công vô ích. Cố gắng vô ích. Mất hết tất cả. Lần gặp tới, Shimamura sẽ nói với cô như vậy. Anh sẽ nói cho cô biết anh nhìn nhận mọi chuyện thế nào. Anh sẽ cố thuyết phục cô.

Nhưng đồng thời, anh không thể không nghĩ rằng sau khi anh vừa biết thêm một quãng đời của cô, anh thấy cô càng trong sáng hơn, trong sáng như pha lê vậy.

Sự nghi ngờ của anh, cảm giác của anh về một sự trống rỗng và hão huyền trong tất cả chuyện này, đó là một điều mơ hồ, lộn xộn đến nỗi anh khó tin quá, như thể nó chứa đựng một nguy cơ chưa được nói ra. Sau khi bà tắm quất mù đã về một lúc lâu, Shimamura hãy còn tìm cách xác định rõ chuyện ấy và rốt cuộc, anh cảm thấy lạnh buốt đến tận ruột gan. Nhưng một phần cũng vì các cửa sổ ở phòng anh đều mở toang.

Ở đáy thung lũng, nơi thường tối sớm, đã bắt đầu tối. Nhô cao ở bên ngoài vùng tối, các ngọn núi ở đằng kia rực rỡ nắng chiều, chúng như gần hơn bởi chúng tương phản với những hõm tối và màu trắng của chúng như ánh lân quang dưới bầu trời đỏ ối. Ở đây, ngay kề bên, rừng bá hương trên bờ thác nước phía dưới bãi trượt tuyết đã trải một mảng đen xung quanh ngôi đền.

Shimamura cảm thấy mỗi lúc một buồn, mỗi lúc một khổ sở, ngọt ngào bởi ý nghĩ về sự vô ích và trống rỗng. Thành thử khi Komako bước vào, anh thấy cô như một tia sáng ấm áp trong đêm trường của anh.

Ở quán trọ có một cuộc họp để thông qua chương trình mùa trượt tuyết tại địa phương, và cô được mời đến buổi dạ hội tiếp đó, cô vừa nói với anh như vậy vừa nhanh nhẹn luồn hai tay vào lò sưởi kotatsu. Lát sau, cô vuốt má anh một cách tế nhị.

- Chiều nay anh xanh xao quá!... Lạ thật!...

Cô dùng hai ngón tay khẽ véo má anh rồi kéo làn da mềm mại ở má anh như thế để lột một chiếc mặt nạ khỏi mặt anh.

- Đừng có ngốc thế anh! Anh đang phiền muộn thì phải...

Shimamura nghĩ rằng cô đã hơi say.

Nhưng khi cô quay lại sau buổi dạ hội, thì đó là để ngồi xếp xuống trước gương với một vẻ gần như cô diễn tả sự say rượu, dưới một hình thức châm biếm.

- Em không hiểu gì cả. Hoàn toàn không hiểu gì cả... Ồi! Cái đầu của em... Cái đầu khốn khổ của em! Em đau quá... Đau như búa bổ ấy. Em phải uống nước. Kia! Cho em một cốc nước.

Cô áp chặt hai tay vào thái dương day lấy day để, mặc kệ mái tóc chải cao lên rất nghệ thuật. Rồi cô đứng dậy và với những động tác nhẹ nhàng chính xác, cô dùng kem tẩy xoa bóp mặt để lau sạch lớp phấn trắng dày. Má cô đỏ rực. Tuy nhiên, bây giờ Komako hình như lại vui thích với chính cô khiến Shimamura vô cùng kinh ngạc, không thể tin rằng trạng thái say rượu lại tan biến nhanh thế. Anh thấy cô rùng mình vì lạnh.

Bình tĩnh, không chút xúc động, cô thú thật với anh rằng suốt cả tháng tám, cô khổ sở vì thần kinh cô bị suy sụp nặng.

- Em tưởng em phát điên lên mất! Em phiền muộn, em nghiền ngẫm những ý nghĩ đen tối mà không biết tại sao. Thật kinh khủng. Em không chợp mắt được và chỉ khi sắp đi đâu, em mới trấn tĩnh lại. Em nằm mơ đủ mọi chuyện. Em ăn không thấy ngon. Em có thể ngồi một chỗ hàng tiếng đồng hồ, lấy tay gõ gõ xuống đất mãi không thôi, mà đó là vào lúc nóng bức nhất trong ngày.

- Em bắt đầu làm geisha từ bao giờ?

- Từ tháng sáu. Có lúc, em đã tưởng em sẽ đi Hamamatsu.

- Với một anh chồng?

Cô gật đầu. Người đàn ông rất muốn lấy cô, nhưng cô không làm sao thích được anh ta. Quyết định của cô khiến cô vô cùng khổ tâm.

- Nếu em không thích anh ta, việc gì em phải do dự, khổ tâm?

- Chuyện không dễ dàng lắm... Và cũng không đơn giản đâu.

- Hôn nhân có sức hấp dẫn đến thế sao?

- Anh đừng châm biếm chua chát thế? Một người đàn bà có thể mong có một nơi là nhà mình, để mà giữ cho mọi thứ ngăn nắp và sạch sẽ lắm chứ.

Shimamura đáp lại bằng một tiếng ầm ừ.

- Anh nói chuyện chẳng nghiêm túc gì cả.

- Giữa người đàn ông ở Hamamatsu và em có chuyện gì không?

Câu trả lời bật ra ngay:

- Nếu có chuyện gì, anh nghĩ là em còn phải lưỡng lự sao? Không hề có, nhưng anh ta bảo sẽ không để em lấy ai khác, chừng nào em còn ở đây. Anh ta dọa anh ta sẽ làm tất cả để ngăn cản.

- Nhưng Hamamatsu xa lắm, liệu anh ta có thể làm được gì? Vậy mà em vẫn sợ?

Như tận hưởng hơi ấm êm dịu của cơ thể mình, Komako nằm một lúc lâu, có vẻ khoan khoái lắm. Và khi trả lời, cô nói bằng một giọng đã hoàn toàn bình thường:

- Hồi đó em tưởng em có mang - cô phì cười. - Lỡ quá phải không anh?

Nắm hai bàn tay lại đặt lên cổ áo kimono, cô nằm cuộn tròn như một đứa bé muốn ngủ. Một lần nữa Shimamura lại nhăm vì hàng mi rậm và mượt của cô, anh cứ tưởng mắt cô hãy còn hé mở.

Sáng hôm sau, khi thức giấc, Shimamura thấy Komako chống khuỷu tay trên lò sưởi kotatsu đang vẽ linh tinh trên bìa một tờ tạp chí cũ.

- Em không thể về được, - cô bảo anh. - Em thức giấc khi cô hầu đem than hồng vào lò sưởi. Trời đã sáng rõ, ánh nắng đã rực rỡ ở cửa. Tối qua em uống hơi nhiều quá nên em ngủ say như chết.

- Máy giờ rồi?

- Đã tám giờ.

- Tốt, chúng ta đi tắm đi, - Shimamura nói và nhảy khỏi giường.

- Em không đi đâu: ai đó có thể trông thấy em ở lối vào.

Thái độ của cô hết sức nhún nhường, cả giọng nói của cô cũng vậy.

Đi tắm về, Shimamura thấy cô đang chăm chú dọn dẹp trong phòng, một chiếc khăn buộc rất duyên dáng trên mái tóc. Cô tỉ mỉ lau bụi ở các chân bàn và gờ lò sưởi *hibachi*^[9] rồi bằng bàn tay luôn khéo léo và nhẹ nhàng của mình, cô cời cho than cháy hồng lên.

Shimamura ngồi thoải mái, hai chân trong lò sưởi kotatsu và hút thuốc một cách uể oải. Khi tàn thuốc lá rơi xuống, Komako lấy một chiếc khăn tay gom hết lại và đem cho anh một cái gạt tàn.

Anh cười vang, tiếng cười vui vẻ buổi sớm mai. Komako cười theo.

- Nếu em có một người chồng, - anh bảo cô, - em sẽ luôn theo sau anh ta để mà chê trách.

- Ồ! Không! Nhưng anh ta rất có thể sẽ chế giễu em khi thấy em gấp gọn cả quần áo bẩn của em. Em không thể làm khác: bản tính em nó thế.

- Hình như ta có thể biết tất cả về một người đàn bà nếu nhìn vào ngăn tủ quần áo của người đó.

Họ ăn sáng khi ánh nắng tươi vui rọi vào căn phòng.

- Ngày hôm nay đẹp quá. - Cô thốt lên. - Lẽ ra em phải về nhà để đánh đàn samisen mới đúng: thời tiết thế này, tiếng đàn nghe hay tuyệt.

Cô ngược mắt nhìn bầu trời trong veo như pha lê. Xa xa, trên các ngọn núi, tuyết trông như một lớp kem mềm mại được bao phủ một làn khói nhẹ.

Shimamura, sau những điều anh đã được bà thăm quát cho biết, liền yêu cầu cô chơi đàn luôn ở đây, trong căn phòng của anh.

Komako lập tức gọi điện về nhà báo đem cho cô các bản nhạc, cây đàn và vài thứ quần áo để thay.

Vậy là ngôi nhà cũ trông thấy hôm qua có cả điện thoại, Shimamura lười nhác nghĩ. Và trong tâm tưởng, anh lại như thấy đôi mắt, cái nhìn của một cô gái khác: cô Yoko trẻ trung.

- Cô gái sẽ mang đến đây cho em những thứ em cần?

- Rất có thể.

- Còn con trai bà dạy nhạc, đó là chồng chưa cưới của em?

- Trời? Anh nghe nói bao giờ vậy?

- Hôm qua.

- Anh kỳ lạ thật... Biết từ hôm qua, mà sao anh không nói gì với em?

Hôm qua gần như cô cũng nói những lời ấy, nhưng hôm nay, giọng cô không còn khiêu khích nữa, ngược hẳn lại, giọng cô chuyển sang thoải mái, lại thêm một nụ cười rất tươi trên môi cô nữa.

- Nếu ít bận tâm về việc tôn trọng em, anh nói những chuyện đó sẽ dễ dàng hơn, - Shimamura nói.

- Còn em, em lại muốn biết tận cùng ý nghĩ của anh. À! Đó chính là lý do vì sao em không thích những người ở Tokyo.

- Em đừng đổi đề tài câu chuyện. Em chưa trả lời câu hỏi của anh.

- Em không định lảng tránh trả lời. Anh tin những điều người ta nói với anh?

- Ừ.

- Anh lại nói dối rồi. Anh không tin, có phải không?
- Nói đúng ra, anh không tin hoàn toàn. Tuy nhiên, câu chuyện khẳng định em đi làm geisha để có tiền trả chi phí chữa bệnh.
- Y hết trong một cuối tiểu thuyết rẻ tiền. Nhưng không phải thế đâu. Chưa bao giờ em là vợ chưa cưới của anh ấy, mặc dù hình như mọi người muốn tin như vậy. Em làm geisha cũng không phải để giúp đỡ bất kỳ ai. Nhưng em chịu ơn mẹ anh ấy rất nhiều, nên đương nhiên em làm tất cả những gì em có thể làm.
- Em nói khó hiểu quá.
- Thôi được, để em kể đầu đuôi câu chuyện anh nghe. Không có gì khó hiểu cả. Đúng là có một đạo bà mẹ anh ấy cho rằng giá bọn em lấy nhau thì tốt. Nhưng đó chỉ là một ý nghĩ mà chưa bao giờ bà nói ra một lời nào. Em và anh ấy cũng đoán già đoán non về ý nghĩ ấy của bà và rồi cuộc toàn bộ câu chuyện dừng lại ở đó. Không có gì khác nữa. Đầu đuôi là thế.
- Tóm lại, đó là một tình bạn tuổi thơ.
- Đúng vậy. Thêm nữa, bọn em sống mỗi người một nơi. Tuy nhiên, anh ấy là người duy nhất tiễn em ra ga khi em lên Tokyo học nghề geisha. Em có ghi sự việc này ở trang đầu cuốn nhật ký đầu tiên của em.
- Nhưng nếu cuộc sống không tách hai người ra, anh tin chắc là hai người đã lấy nhau.
- Chưa chắc đâu anh ạ.
- Chắc quá đi chứ.
- Về phía anh ấy, anh chẳng phải lo. Anh ấy còn sống được mấy nữa đâu.
- Theo em, em không ngủ ở nhà có phải là một sai lầm không?
- Sai lầm chính là anh đã hỏi em câu ấy. Vả lại, một người sắp chết ngăn sao được em hành động như em thích?

Shimamura không biết trả lời thế nào. Nhưng tại sao Komako lại hoàn toàn không nói gì đến Yoko? Yoko mà anh đã trông thấy trên tàu luôn chăm sóc người ốm như mẹ chăm con; tình cảm của nàng ra sao nhỉ, nếu chính nàng là người đem tới cho Komako một chiếc kimono và cây đàn cùng các bản nhạc, trong khi Komako lại có những mối liên hệ nào đó với người đàn ông mà nàng đưa về đây.

Như đã nhiều lần, Shimamura lại băng khuâng trong những ý nghĩ mơ hồ.

- Komako! Komako!

Trầm, sâu, nhưng lại trong trẻo, đó là giọng nói rất tuyệt của Yoko.

- Cám ơn em, rất cám ơn em! - Komako nói và ra ngay phòng ngoài. - Em đem các thứ này đến một mình thôi à? Chắc nặng lắm nhỉ.

Không chờ đợi, Yoko quay người đi ngay.

Khi Komako ôm đàn lên thử gảy một hợp âm, sợi dây thanh bị đứt luôn. Chỉ cần nhìn cô thay dây và chỉnh âm, Shimamura đã thấy rõ cô sử dụng cây đàn rất thành thạo. Cô mở trên lò sưởi kotatsu một gói lớn bên trong có các bản nhạc: những tập bài hát in theo lối phổ thông, bên cạnh là khoảng hai mươi tập phương pháp cổ xưa của Kineya Yashichi và những bản đàn bè hiện đại để tự học, mà Shimamura tò mò cầm lên xem.

- Em học đàn theo những tài liệu này à?

- Biết làm cách nào khác được? Ở đây chẳng ai có thể dạy em chơi đàn samisen.

- Bà dạy nhạc chủ nhà em ở thì sao?

- Bà ấy bị liệt.

- Bà có thể hướng dẫn em bằng lời nói được chứ?

- Bà không nói được. Chỉ có bàn tay trái là bà ấy còn dùng được đôi chút để sửa cho các học sinh học múa. Bà rất khổ sở khi nghe người khác đánh

đàn samisen sai mà không làm gì được.

- Đúng là em đành phải học đàn samisen theo những phương pháp viết ra đi này à?

- Em đọc nhạc giỏi lắm.

- Quả thật anh tin rằng người xuất bản những khúc nhạc này sẽ vô cùng sung sướng khi biết một geisha thực sự - chứ không phải một kẻ tài tử - lại học đàn theo sách của ông ta để hành nghề ở vùng núi này.

- Ở Tokyo lẽ ra em trở thành vũ nữ, cho nên em phải học múa rất nhiều: nào tập, nào nghe giảng, đủ thứ. Còn đàn samisen, em chỉ học một chút, thêm thắt thôi. Và nếu em có quên những kiến thức sơ đẳng đó, thì ở đây cũng không ai đủ năng lực dạy lại cho em. Bởi vậy em mới có những tài liệu này.

- Còn các bài hát?

- Em không thích hát chút nào. Tất nhiên em có học được vài làn điệu truyền thống khi em tập múa và em hát cũng tạm tạm, nhưng còn những bài hát mới, em phải theo những gì em nghe được áng chừng ở đài, cho nên chắc không đúng lắm. À, mà nếu anh nghe em hát, thế nào anh cũng chế giễu em. Thêm nữa, khi em hát cho người quen thân, bao giờ em hát cũng hỏng. Giọng em tốt hơn nhiều nếu em hát trước những người lạ: nó sẽ vững hơn và vang hơn.

Cô thoáng do dự, cup mắt xuống hơi ngượng ngùng, rồi ngẩng lên, ánh mắt chờ đợi, như cô muốn nói với anh rằng cô đã sẵn sàng và anh chỉ còn một việc là hát bài gì anh muốn.

Shimamura vô cùng bối rối vì khốn thay, anh hoàn toàn không biết hát. Là người chuyên về sân khấu và nghệ thuật múa, anh rất sành về nhạc Nagauta và thuộc lòng gần hết các vở kịch diễn ở Tokyo. Nhưng chưa bao giờ anh học hát và theo quan niệm của anh, lối hát ê a “các bài thơ dài”

thuộc về sự ngân nga theo nhịp của sân khấu và phù hợp với diễn xuất của các diễn viên hơn là với nghệ thuật thân mật để giải trí của geisha.

- Ông khách của tôi khó tính lắm phải không? - Komako nửa đùa nửa thật, môi cô hơi bĩu ra trông thật dễ thương trong lúc cô ôm cây đàn vào lòng, rồi với cái nhìn nghiêm trang, trong phút chốc cô như biến thành người khác, mắt cô chỉ chăm chăm vào bản nhạc ở trước mặt.

- Đây là bài em tập từ mùa thu, - cô nói.

Rồi cô bắt đầu chơi, đó là tác phẩm của Kanjincho.

Lập tức Shimamura cảm thấy như bị nhiễm điện, anh rung mình và nổi da gà lên đến tận má. Anh tưởng như những nốt nhạc đầu tiên đã khoét một cái hốc trong ruột gan anh, tạo ở đó một khoảng trống cho tiếng đàn tinh khiết và trong sáng âm vang. Đó là một cái gì cao hơn sự ngạc nhiên, đó là sự sững sờ như anh bị một cú đòn giáng trúng đầu. Bị cuốn theo một cảm giác gần như sùng kính, gần như bị ngập chìm trong biển cả những luyện tiếc, cảm động, hệt hăng, không thể chống cự, anh chỉ còn một cách là để mặc cho sức mạnh cuốn đi, một cách vui sướng, theo ý Komako. Cô có thể muốn làm gì anh thì làm.

Thế là thế nào nhỉ? Và nói cho cùng, đây chỉ là một cô geisha miền núi, một phụ nữ còn chưa đầy hai mươi tuổi, lẽ nào cô lại có tài đến thế? Căn phòng này không lớn, nhưng phải chăng cô chơi đàn đầy kiêu hãnh như cô đang ở một sân khấu lớn? Vẫn còn chịu tác động mạnh của chất thơ quyến rũ của vùng núi, Shimamura thả hồn mơ mộng. Komako tiếp tục cho dây đàn ngân nga, đoạn thì khoan thai kỹ lưỡng, đoạn thì lướt nhanh dồn dập mà những chỗ khó chơi chỉ có vẻ tẻ nhạt lúc ban đầu. Nhưng dần dần, chính cô cũng chìm đắm trong mê say thần diệu. Tiếng hát bạo dạn của cô khiến Shimamura chóng mặt, anh cố cưỡng lại vì không biết tiếng nhạc sẽ kéo anh đến tận đâu, thành thử anh đành làm ra vẻ dừng dừng, uể oải, tựa đầu lên một bàn tay.

Khi Komako hát xong, ý nghĩ của anh mới lại được tự do. “Cô yêu ta. Người phụ nữ này phải lòng ta”. Nhưng nghĩ vậy, anh thấy ngượng ngùng.

Komako đã ngược mắt lên nhìn bầu trời trong trẻo ở phía trên tuyết trắng. “Khi thời tiết thế này, tiếng đàn nghe khác hẳn”. Độ âm vang phong phú, sức hòa âm mạnh mẽ, quả thật đúng như lời cô nói. Và còn nhiều cái đặc biệt nữa, bởi khung cảnh, trong sự cô đơn thân mật này, xa những nhộn nháo của thành phố, xa những xảo thuật của sân khấu, không có những bức tường của nhà hát, không có công chúng, ở giữa lòng buổi sáng mùa đông quang đãng này, ở giữa sự trong suốt như pha lê mà ở đó, chất pha lê của âm nhạc hình như tung tiếng hát rung cảm và tinh khiết của nó đến tận những đỉnh núi đầy tuyết ở tít xa, tận đường chân trời. Tự mình tập đàn hát ở vùng núi hẻo lánh này, phải chăng Komako đã được thấm đẫm những nguồn thần diệu, những sức mạnh huyền bí và những đức hạnh của thiên nhiên ở đây mà có lẽ cô không biết? Đó là thiên nhiên hùng vĩ và hoang dã của vùng cao núi non và thung lũng. Hay là ngay trong sự cô đơn, cô cũng tìm được sức mạnh chiến thắng của ý chí ghê gớm trong cô, nó giúp cô chế ngự được cả những khó khăn của bản thân? Vì cho dù có được học chút ít kiến thức sơ đẳng nhưng chỉ tập theo sách mà chơi được những bản nhạc khó, lại chịu luyện đàn đến mức thuộc lòng cả bài, thì rõ ràng đó là một chiến thắng lớn lao của ý chí.

Dù sao, cô sống như hiện giờ thì công sức của cô cũng là uổng phí. Nghị lực của cô cũng bỏ đi. Cố gắng của cô cũng vô ích.

Shimamura nghĩ thế, nhưng từ đáy lòng, từ tận cùng của sự buồn rầu này, anh nghe từ một tiếng gọi dài lặng lẽ đòi hỏi cảm tình của anh. Tuy nhiên, lối sống của cô và cả con người cô nữa, nhờ tiếng đàn samisen nên không kém phần thánh thiện và có phẩm cách vời vợi.

Mẫn cảm với xúc động âm nhạc và không biết gì về những tinh tế của kỹ thuật thuần túy, có lẽ vì thế Shimamura là thánh giả lý tưởng đối với Komako.

Dù thế nào, bây giờ cô cũng đang chơi bản thứ ba, bản Miyakadori. Và Shimamura chắc hẳn chịu tác động êm ái của tiếng đàn gợi cảm, dịu dàng ấy; Shimamura mà cảm giác rung mình đã bớt đi để một dòng nóng ấm tuyệt diệu chảy tràn trong anh. Shimamura đang cảm thấy sâu sắc sự gần gũi xác thịt - Shimamura ngược nhìn Komako và ngắm nghía gương mặt cô.

Cái mũi cao thanh tú kia, với chút ít vẻ côi cút như bình thường, hôm nay trông tươi tỉnh hẳn nhờ màu sắc sinh động và ấm áp của đôi má. “Cũng có cả tôi nữa đây” - nó như muốn nói thế. Trên cặp môi mọng khép lại ngon lành thành một nụ hoa tể nhị, rạng lên một ánh sáng nháy nhót; và khi cặp môi ấy hé mở để vang ra tiếng hát, là chỉ một khoảnh khắc thôi, rồi lại mau chóng khép lại thành một nụ hoa. Cử động của chúng thật quyến rũ và chúng căng lên chỉ cốt để sau đó giãn ra buông thả hơn, duyên dáng hơn - đó cũng là biểu lộ của toàn bộ thân thể cô, căng lên giây lát để rồi là lời hơn đầy nữ tính trong sự trẻ trung đẹp đẽ của cô. Ánh mắt cô ướt và sáng một cách ngây thơ, lại càng non trẻ; đôi mắt cô vẫn là đôi mắt của một thiếu nữ mới lớn, gần như của một đứa bé, với màu da tự nhiên khỏe khoắn của một cô gái miền núi xiết bao trong trắng dưới gương mặt mịn màng bóng bẩy của một geisha thị thành. Làn da cô khiến ta nhớ tới cái nhẵn của một củ hành tươi bóc vỏ hoặc hơn thế nữa, của một củ huệ, nhưng với một chút ửng hồng tỏa xuống tận hõm ngực.

Một hương thơm của sự sạch sẽ thoang thoảng quanh cô.

Người thẳng ra trong một tư thế khiến cô lại càng trẻ trung hơn bao giờ hết, giờ đây Komako vừa nhìn bản nhạc vừa chơi đàn một bài cô còn chưa thuộc lòng hẳn. Chơi xong, bằng một cử chỉ cũng đầy ý nghĩa như sự im lặng, cô gài miếng gảy vào giữa các dây đàn.

Lập tức thái độ của cô lại dịu dàng dễ thương, với một chút buông lơi khiến cô xiết bao quyến rũ.

Shimamura tìm mãi lời để nói mà tìm không ra, nhưng hình như Komako không quan tâm lắm đến việc biết nhận xét của anh về cách thức cô chơi

đàn. Một cách thành thật, cô tỏ ra hài lòng về bản thân, không hề khiêm tốn giả tạo.

- Nghe tiếng đàn samisen, em có thể nhận ra ngay đó là tiếng đàn của cô geisha nào không?

- Dễ thôi anh ạ, vì ở đây chỉ có khoảng hai mươi geisha. Nhưng còn tùy đó là bản nhạc nào. Phong cách một số bản nhạc giúp ta xác định được người chơi đàn rõ hơn.

Để đùa vui, cô lại cầm đàn, dịch chân sang một bên rồi đặt đàn cho nó kẹp cứng trên mặt sau bắp chân.

Hồi nhỏ, em cầm đàn như thế này này, cô giải thích và cúi xuống cây đàn như cô còn bé xú. “Tó-ó~óc ðe-e-n huyền...!” Cô hát bằng giọng lạnh lút và do dự như một đứa trẻ.

- Đó là bài hát đầu tiên em học đấy à?

- *Vưng - vưng*, - cô tiếp tục theo đuổi trò chơi, rõ ràng cô bắt chước rất giống cô bé con là cô xưa kia, ở lứa tuổi mà cô còn chưa biết cách cầm đúng cây đàn ba dây.

Từ đó, khi qua đêm ở phòng Shimamura, Komako không còn cố ra về từ lúc sớm tinh mơ nữa. Một giọng trẻ con thường gọi cô: “Komako! Komako!” nghe như hát: đó là đứa con gái của chủ nhà trọ, mới khoảng hai tuổi. Komako vẫn cùng nó chơi đùa trong ngăn lò sưởi kotatsu rồi cho nó cùng đi tắm vào buổi trưa.

Sáng hôm ấy, trong lúc đang chải đầu cho nó trong phòng, Komako nói:

- Mỗi lần trông thấy một geisha, nó lại gọi “Komako” bằng cái giọng lạnh lút nghe rất buồn cười của nó. Và khi nó trông thấy bức tranh nào có hình một người đàn bà bới tóc cao theo kiểu truyền thống, đó cũng là một Komako. Trẻ con chúng không lầm đâu: chúng biết ai yêu quý chúng! “Đến đây nhanh lên, Kimi, chúng mình đến nhà Komako chơi đi”.

Cô đã sắp về và bước ra khỏi lò sưởi kotatsu, nhưng với dáng điệu uể oải cô dừng lại ở hàng hiên nhìn ra ngoài.

- Mấy người Tokyo kia đúng là điên! Đã đi trượt tuyết rồi.

Căn phòng hướng nam, nên trông thấy được những bãi tuyết rộng ở sườn núi phía Bắc.

Vẫn ở trong ngăn sưởi, Shimamura quay đầu để nhìn: những mảng tuyết nằm áp chặt vào sườn núi, dăm sáu hình người đen đen mặc quần áo trượt tuyết đang trượt theo đường gấp khúc từ độ cao này sang độ cao kia trên sườn dốc thoải của những thửa ruộng bậc thang mà các bờ ngăn còn lộ rõ vì tuyết ở đó mỏng hơn. Trông họ như mấy đồ chơi kỳ cục.

- Hôm nay chủ nhật hay sao ấy nhỉ? Chắc đó là những sinh viên, - anh nhận xét. Anh tự hỏi không hiểu họ trượt tuyết có thích thú không...

- Dù sao, đó cũng không phải là những người mới tập trượt tuyết - Komako bình luận như tự nói với bản thân. - Các ông khách du lịch của chúng ta luôn ngạc nhiên khi một cô geisha chào họ ở trên bãi trượt tuyết: da cô bị xạm đen, nên họ không nhận ra được. Buổi tối, họ chỉ trông thấy bọn em đánh phấn trắng.

- Em vẫn mặc quần áo trượt tuyết?

- Không, em chỉ mặc loại quần rộng của miền núi thôi. Nhưng mùa trượt tuyết bao giờ cũng đến là nhọc nhằn. Những khách hàng gặp bọn em buổi tối ở nhà trọ thường luôn muốn gặp lại bọn em hôm sau để cùng trượt tuyết. Em nghĩ có lẽ mùa đông này em sẽ không trượt tuyết nữa... Thôi, em về đây. Kimi, có đến nhà cô không? Trời lạnh thế này, có thể tối nay sẽ có tuyết. Đêm trước hôm có tuyết bao giờ cũng lạnh.

Shimamura ra hiên nhìn Komako đang dắt bé Kimi đi xuống con đường dốc phía dưới các bãi tuyết.

Mây kéo đầy trời, phía sau mấy ngọn núi đã tối, những ngọn núi khác hãy còn trong vầng sáng ánh sáng và bóng tối như đùa giỡn nhau liên tục

vẽ nên một phong cảnh băng giá và rồi bóng tối đã trùm lên các sườn dốc dành cho những người trượt tuyết. Các que băng ở dưới rìa mái nhà hãy còn có nước rỏ giọt, nhưng nhìn xuống Shimamura thấy những giọt nước đã đông lại trên các đóa hoa cúc héo rũ vì lạnh, ngay dưới cửa sổ phòng anh.

Tối chưa có tuyết. Nhưng mưa đá rơi rào rào trong gió lớn, rồi một trận mưa dài và lạnh xối xả đổ xuống.

Buổi tối trước hôm lên đường, Shimamura cho mời Komako đến. Đó là một đêm sáng trăng, rét buốt. Nhưng khoảng mười một giờ, Komako nài nỉ anh đi dạo rồi kiên quyết kéo chân anh ra khỏi ngăn sưởi.

Mặt đường răn đanh dưới lớp băng giá và ngôi làng đã ngủ dưới bầu trời lạnh. Komako kéo chiếc áo kimono dài lướt thướt lên giắt vào đai lưng. Mảnh trắng màu xanh ánh thép như một lưỡi dao gấn vào một tảng băng.

- Chúng ta đi đến tận ga nhé, - Komako hào hứng đề nghị.

- Em điên à? Từ đây tới đó gần hai cây số chứ ít đâu!

- Nhưng anh sắp về Tokyo rồi, đúng không? - Cô khẳng khẳng. - Chúng ta cũng nên ra nhìn qua nhà ga một chút.

Họ bước đi và Shimamura thấy rét từ đầu đến chân.

Vừa về đến phòng, Komako đã tuyệt vọng buông mình ngồi phịch xuống, không nói một lời, đầu rũ ra, hai tay thọc sâu vào ngăn sưởi. Và cô từ chối không theo Shimamura đi tắm. Khi về, anh thấy cô đang buồn rầu khố sở ngồi bên chiếc giường có tấm nệm đặt chân trái ở trong ngăn ấm của lò sưởi kotatsu. Cô im lặng.

- Có chuyện gì thế?

- Em về đây.

- Đừng có vớ vẩn thế?

- Anh đi nằm đi. Em ngồi đây một lát.

- Nhưng tại sao em lại muốn về?
- Em không về nữa. Em sẽ ngồi như thế này đến sáng.
- Đừng phức tạp quá thế!
- Em không phức tạp, không phức tạp chút nào, không, không.
- Vậy tại sao?
- Tại vì... em không được khỏe.

Shimamura cười.

- Toàn bộ vấn đề chỉ có thế? Vậy em sẽ ngủ ngon thôi.
- Không, em không muốn.
- Thế mà ban nãy lại còn đi hết nơi nọ đến nơi kia!
- Thôi... Em về đây.
- Sao lại về mới được chứ.
- Em không thể nói là mọi chuyện dễ dàng đối với em. Anh phải về Tokyo. Chuyện đó thật không dễ dàng đối với em! - Cô buột miệng nói, đầu rũ xuống lò sưởi.

Liệu có phải là nỗi buồn chẳng khi cô cảm thấy bị lôi cuốn và gắn bó quá sâu đậm với một người khách du lịch chỉ lưu lại ít ngày? Hay ngược lại, lẽ ra cô nên ghìm mình, không nói ra lời thú nhận vào lúc tế nhị nhất này? Dù sao tâm trạng cô cũng đã là như thế. Shimamura nghĩ và anh cũng im lặng.

- Em xin anh: anh hãy trở về Tokyo đi!
- Đúng là anh định ngày mai sẽ lên tàu thật.
- Sao cơ? Không!... Anh không đi, anh không có lý do gì để đi cả, phải không? Cô chồm dậy như một người thức giấc đột ngột, với vẻ ngạc nhiên hơi hốt hoảng trong đôi mắt.
- Dù ở đây thêm vài ngày, anh cũng có làm gì hơn được cho em đâu?

Komako nhìn anh khá lâu, rồi đột nhiên cô bật ra:

- Anh không thể nói thế được! Không! Sao anh lại nói với em như thế?

Những lời lẽ lộn xộn chen lẫn nhau trên môi cô khi cô lao xuống nằm cạnh anh và trong lúc xúc động cô quên bẵng cái “không được khỏe” mà cô nói tới ban nãy. Lát sau, cô lại mở mắt ra và tặng anh một cái nhìn đắm lệt và nóng hổi.

Như một cái máy, cô nhặt những sợi tóc cô để vương trên giường.

- Thôi, mai anh về đi, - cô nói.

Giọng cô bình tĩnh và hiền lành.

Hôm sau, Shimamura chuẩn bị đi chuyển tàu ba giờ. Quãng buổi trưa, anh đang thay quần áo để ra ga, thì bà chủ nhà trọ gọi Komako ra hành lang.

“...Được rồi!...Cứ tính là mười một tiếng đồng hồ cũng không sao”.

Đó là tiếng Komako và anh hiểu rằng hai người đang nói về tiến thù lao geisha của cô. Thực ra phải tính mười sáu hay mười bảy tiếng đồng hồ mới đúng, nhưng rõ ràng bà ta cho rằng như thế là quá nhiều. Dù sao, ở đây người ta luôn chỉ tính theo giờ: “rời nhà trọ lúc năm giờ” hoặc “rời nhà trọ lúc mười hai giờ đêm” mà không tính thêm khi geisha ngủ lại qua đêm.

Choàng một chiếc áo và trùm một tấm khăn trắng, Komako tiễn anh ta ga.

Sau khi anh đã mua mấy món quà nhỏ để đem về Tokyo, anh còn dư khoảng hai mươi phút. Anh cùng Komako đi dạo trên khoảng đất nhỏ trước nhà ga. Shimamura vừa nhìn ngắm cảnh vật vừa nghĩ đến sự chật hẹp của cái thung lũng bé xíu bị ép chặt giữa những ngọn núi tuyết phủ dày. Nơi đây chẳng khác gì một cái túi tối om, một cái hốc xiết bao đơn độc ở giữa lòng núi hẻo lánh này!

Và mái tóc đen sẫm của Komako trên nền cảnh vật ấy gây một cảm giác xúc động và hơi buồn.

Mặt trời hắt một ánh nắng nhợt nhạt lên sườn núi ở đằng kia, phía có dòng thác chảy xa xa.

- Tuyết đã tan kha khá kể từ hôm anh đến đây, - Shimamura nhận xét, - mắt anh nhìn đắm đắm về phía các ngọn núi.

- Ồ! Ở đây tuyết chỉ rơi hai ngày là đã dày hai mét. Rồi tuyết cứ rơi thêm mãi và chẳng bao lâu những ngọn đèn anh trông thấy kia sẽ bị ngập lụt. Khi ấy, em sẽ tới đi dạo ở đây và nghĩ đến anh, rồi người ta sẽ tìm thấy xác em treo lơ lửng ở một sợi dây kia.

- Ở đây nhiều tuyết thế cơ à?

Nghe nói ở những trường học thị trấn cạnh đây, trên tuyến xe lửa, bọn trẻ vẫn trần truồng nhảy từ phòng ngủ của chúng ở trên gác xuống và chúng đi trong tuyết, không ai trông thấy được, như chúng lặn dưới nước vậy. Kìa, một xe gạt tuyết kìa!

- Anh thích xem tuyết sâu thế lắm, - Shimamura thú thật, - nhưng anh nghĩ chắc nhà trọ không còn phòng trống nữa, vả lại, đường sắt có thể bị nghẽn vì tuyết lở.

- Tiền bạc không thành vấn đề đối với anh phải không? Anh luôn có thể tiêu pha nhiều thế này sao? - Cô hỏi và dừng lại để nhìn mặt anh. - Tại sao anh không để ria?

- Anh đã nghĩ tới chuyện đó, - Shimamura nói và đưa tay lên chỗ xanh xanh râu mới cạo, hai nếp nhăn chạy dọc môi khiến đôi má anh trông thật mềm mại. Anh tự nhủ liệu có phải vì thế mà Komako thấy anh quyến rũ chẳng? Anh đùa:

- Em cũng vậy, khi em lau phấn đi, trông em cũng như mới cạo râu ấy.

- Anh nghe này, có tiếng quạ kêu^[10]...Bi thảm quá...Chúng ở đâu ấy nhỉ. Chà, rét thật?...

Cô rung mình và so vai, đưa mắt tìm kiếm trên bầu trời.

- Ta vào sưởi trong phòng đợi đi, em nhé? - Shimamura đề nghị, khi họ trông thấy một bóng người mặc quần ống rộng chạy trên con đường nổi đường lớn với nhà ga.

- Komako! Yukio... Komako! - Yoko thở hổn hển bám chặt vào Komako như một đứa trẻ sợ hãi bám vào mẹ. - Komako! Nhanh lên, về nhà nhanh lên! Về ngay đi! Yukio nguy kịch lắm! Nhanh lên!

Komako nhắm mắt lại khi Yoko lao vào cô, bấu chặt hai vai cô và có lẽ đã làm cô đau. Mặt cô tái đi. Tuy nhiên, với một sự vững vàng đáng kinh ngạc, cô lắc đầu và nói:

- Chị không thể về. Không được đâu. Chị đang bận với khách.

Shimamura bàng hoàng.

- Em không cần ở lại đến lúc tàu chuyển bánh đâu, - anh nói.

- Nhưng anh sắp xa em và ai biết bao giờ em mới gặp lại anh?

- Anh sẽ trở lại, chắc chắn thế. Anh sẽ trở lại. Anh hứa.

Yoko không nghe thấy hai người nói gì hết, nàng cuống cuống giải thích.

- Em vừa gọi điện tới nhà trọ. Ở đó họ bảo chị đang ở ga nên em chạy một mạch ra đây, hết cả hơi. Yukio muốn gặp chị. Anh cứ hỏi chị đâu, - nàng nài nỉ và vẫn bám chặt lấy Komako, còn Komako lại đẩy nàng ra bằng một cử chỉ sốt ruột.

- Em hãy để chị được yên!

Nhưng chính cô lại lảo đảo và cô bỗng nấc lên dữ dội, cô phải mím chặt môi để cố ghìm. Mắt cô đầm lệ. Hai má cô nổi da gà.

Yoko đứng yên, người căng ra, chăm chăm nhìn Komako. Mặt nàng sừng lạng như một cái mặt nạ, vẻ nghiêm nghị đến nỗi không biết nàng kinh ngạc, khiếp sợ hay giận dữ. Một gương mặt mà Shimamura thấy trong trắng và giản dị khác thường.

Không một chút thay đổi vẻ mặt, Yoko xoay người bấu lấy Shimamura:

- Xin ông tha lỗi cho tôi, nhưng ông hãy để chị ấy về nhà, được không ạ?
- Nàng nói bằng một giọng tắc nghẹn, gần như chói tai. - Ông hãy để chị ấy về.

- Tất nhiên rồi! - Shimamura kêu lên. - Komako? Bây giờ em phải về nhà đi. Em thật ngốc nghếch quá!

- Việc gì đến anh cơ chứ? - Komako nói và gạt mạnh Yoko lúc vẫn bấu chặt tay Shimamura.

Có một xe taxi ở bên đường trước nhà ga, Shimamura toan vẫy bác lái xe, nhưng Yoko nắm cánh tay anh chặt đến nỗi các ngón tay anh bị tê.

- Xe taxi sẽ đưa cô ấy về, - anh bảo Yoko. - Cô cứ ra trước đi có được không? Mọi người đang nhìn chúng ta kia kìa.

Yoko gật đầu, không nói một lời; rồi nàng bước đi rất nhanh, để Shimamura đứng đó sửng sốt tự hỏi tại sao bao giờ nàng cũng biết điều đến thế, nghiêm túc đến thế, anh lại còn tự trách mình đã có những ý nghĩ như vậy trong lúc này.

Anh có cảm giác như trong tai anh luôn vang vọng giọng nói, một giọng nói đẹp đến nao lòng, chẳng khác gì một tiếng vang sống động của những ngọn núi xa xôi đầy tuyết phủ.

- Anh làm gì thế? Anh đi đâu thế? - Komako hỏi và giữ lấy Shimamura khi anh vừa mới vẫy taxi và đang định tới chỗ chiếc xe. - Không, không? Em không muốn! Vô ích thôi, em không về nhà đâu.

Shimamura tức giận và trong một khoảnh khắc anh cảm thấy ghê tởm cô gái này.

- Anh không biết có chuyện gì giữa ba người bọn em, nhưng lúc này có lẽ người đàn ông kia đang hấp hối. Chẳng phải cô gái này đến tìm em vì anh ta muốn được gặp em đó sao? Vậy em hãy về đi. Em nghĩ mà xem, có thể rồi em sẽ ân hận suốt đời vì không về. Anh ta có thể chết trong lúc em ở

lại đây... Thôi, em đừng bướng bỉnh nữa. Hãy quên đi mọi chuyện và hãy tha thứ cho anh ta.

- “Hãy quên đi và hãy tha thứ?” Anh tưởng anh hiểu lắm à? Anh không hiểu đâu. Anh không hiểu gì hết.

- Thôi được. Nhưng em đi Tokyo, anh ta là người duy nhất tiễn em ra ga. Chẳng phải em đã kể như vậy với anh sao? Và liệu có phải là tốt không, khi em từ chối một lời vĩnh biệt cuối cùng đối với một người có tên được ghi ở trang đầu tiên trong cuốn nhật ký đầu tiên của em, như em đã kể với anh hôm qua? Với anh ta, bây giờ là những dòng cuối cùng trên trang đời cuối cùng của anh ta.

- Vâng, nhưng em không muốn trông thấy anh ấy. Em không muốn trông thấy một người hấp hối.

Sự lạnh lùng khô cằn của trái tim hay ngược lại, sự say mê thái quá? Giữa hai cách giải thích, Shimamura không biết chọn cách nào.

- Từ nay, em sẽ không thể ghi nhật ký được nữa, em chỉ còn một cách là đốt nó đi. - Cô nói gần như thì thầm, như cô tự nhủ với một mình bản thân cô. Rồi mặt đỏ bừng, cô nói: - Anh là một người nhân hậu đúng không? Một người bản chất tốt và đơn giản, đúng không? Và nếu quả thật anh là người như thế, em sẽ không ngần ngại gửi toàn bộ nhật ký của em cho anh. Nhưng anh đừng cười em... không, em tin chắc anh có một trái tim trung thực, độ lượng, không hề giả dối.

Shimamura mỉm lòng, bản thân anh cũng không xác định rõ ràng được sự cảm động đang tràn ngập trong anh. Không một phút nào anh nghi ngờ sự thẳng thắn tốt độ của trái tim cực kỳ quảng đại của anh. Trong con mắt của chính anh, hiển nhiên anh thấy anh là hiện thân của danh dự và anh chỉ có thể là người tốt nhất trên thế giới này. Nỗi băn khoăn về việc thuyết phục Komako, anh đã quên. Về chuyện nhất thiết cô phải về nhà cô, anh không còn bận tâm. Phần mình, Komako cũng không nói gì nữa.

Một người đến báo cho họ biết là họ có thể vào sân ga.

Trong sân ga có bốn hoặc năm người dân nông thôn mặc những bộ quần áo mùa đông tối màu và buồn vừa xuống tàu hoặc sắp lên tàu.

- Em không tiễn anh ở sân ga đâu. Tạm biệt anh!

Và Komako đứng lại đó, nhìn qua cửa kính đóng kín của phòng đợi. Qua lớp kính của buồng toa, trông cô giống như một trái cây của xứ lạ không hiểu tại sao lại được đem bày trong tủ kính bán thiêu của một cửa hàng thảm hại nào đó ở nông thôn. Và khi đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh, một ánh phản chiếu thoáng hắt vào ô cửa sổ phòng đợi: khuôn mặt Komako chợt xuất hiện ở đó như một khoảng nhỏ để rồi biến mất ngay. Màu đỏ của má cô đã trở nên phi thực, cũng bừng lên như màu đỏ rực giữa nền tuyết chói mắt trong tấm gương buổi sáng hôm xưa. Đối với Shimamura, một lần nữa đó là màu sắc nói lên lời vĩnh biệt thế giới thực.

Đoàn tàu leo lên sườn phía Bắc của dãy núi rồi chui vào đường hầm dài. Khi nó chui ra, ánh sáng mờ nhạt của buổi chiều đông như đã bị nuốt vào lòng đất tối om. Còn các toa tàu cũ kỹ, chúng như đã trút bỏ trong đường hầm bộ áo lông lánh của sương giá tuyết băng. Tàu chạy xuống một thung lũng. Ở đây, những khoảng tối hơi nhuộm màu hoàng hôn đã ngập đầy những vực thẳm xen giữa các ngọn núi cao chồng đồng lên nhau. Sườn núi phía bên này vẫn còn chưa có dấu vết của tuyết.

Đường sắt chạy dọc theo con sông, để lát sau tới một đồng bằng.

Với những hình kiến trúc kỳ lạ nào hình tháp, hình mũi tên, hình pháo đài trên đường viền các đỉnh núi phô ra một cách duyên dáng các sườn dốc rất đẹp của nó và nhấp nhô kéo dài mãi đến tận rặng núi ngang ở cuối cùng, nơi mặt trăng có màu sắc lúc cuối ngày. Đó là một điểm hấp dẫn duy nhất, không có một điểm nào khác trong toàn bộ vùng đồng bằng vắng vẻ, buồn bã và đơn điệu này. Và trên nền trời như được dát vàng một cách hài hòa nổi rõ lên bóng dáng đồ sộ của rặng núi màu đỏ sậm. Mặt trăng đã mất sắc nhạt của ánh sáng ban ngày, nhưng vẫn còn mờ chứ chưa sáng tỏ run rẩy như thường thấy ở những đêm đông trong veo miền núi. Toàn bộ bầu trời đều bất động. Không một bóng chim bay. Cả bên phải lẫn bên trái đều

không có gì phá vỡ nét mềm mại của đường chân trời, những núi non xa xa, chạy dài tới tận những thung lũng nhỏ, cuối cùng, thoai thoải đến con sông và ở gần đó, cái nhìn ngạc nhiên vấp phải khối vuông màu trắng của một tòa nhà có lẽ là trạm thủy điện. Đó là cái khối cuối cùng thu lượm vào mình tất cả những gì có thể còn lại của ban ngày trong phong cảnh mờ nhạt được đóng khung một cách buồn thảm bởi ô cửa sổ của con tàu mùa đông này.

Dần dần, khí nóng của hệ thống sưởi ấm làm mặt kính cửa sổ mờ hơi nước, ở bên ngoài, phong cảnh đồng bằng cũng tối dần.

Kính cửa sổ lại bắt đầu biến thành tấm gương, cũng như tất cả mọi thứ đều bắt đầu lại mãi mãi muôn đời, lần này, vẫn còn kém xa một tấm gương, nó phản chiếu những hình bóng mờ mờ của các hành khách. Con tàu với ba hoặc bốn toa cũ rích và cổ lỗ, chẳng giống gì những đoàn tàu nhanh ở các tuyến lớn trung tâm, khiến ta tưởng như đang ở trong một con tàu của xứ sở khác, hoàn toàn xa lạ ánh đèn ở đây vàng ệch và chỉ chiếu ở quãng thấp.

Đắm chìm trong mộng ảo và hư ảo của trí tưởng tượng, Shimamura thấy mình đang ngồi trên một cỗ xe siêu nhiên du hành trong cõi phi thực, đang được đưa về chốn Hư Vô rộng lớn vĩnh hằng, bên ngoài thời gian và không gian. Trong nhịp đều đều của bánh xe, dần dần anh như nghe thấy tiếng nói của cô gái anh vừa chia tay. Ngắt quãng và đứt đoạn, những lời cô nói ít nhất cũng có nghĩa là cô vẫn sống mãnh liệt, cô có thực trên đời này và đầy sinh lực. Và vì vẫn cảm thấy đau đau trong lòng khi nghe tiếng cô, Shimamura biết rằng anh chưa quên cô. Nhưng đối với con người đang đi xa cô dần là Shimamura bây giờ, tiếng nói ấy đã mờ nhạt đi bởi khoảng cách, nó không thể gọi cho anh một cái gì khác ngoài nỗi buồn mỗi lúc một sâu lắng thường thấy trong các chuyến đi.

Có thể Yukio đã trút hơi thở cuối cùng rồi chẳng? Và có thể Komako dù có những lý do riêng để không muốn về nhà, nhưng cũng đã về kịp chẳng?

Trong toa tàu của anh ít hành khách đến nỗi Shimamura cảm thấy mất cả thoải mái. Ở bên cạnh, anh chỉ thấy có một người đàn ông khoảng gần năm mươi tuổi, đối diện ông ta là một cô gái nông dân đang cúi xuống để nghe

được hết những gì ông ta nói và trả lời ông ta với một nhiệt tình vui vẻ. Cô buộc một tấm khăn màu đen trên đôi vai chắc nịch. Hai má cô tươi thắm một màu đỏ hoang dã tuyệt đẹp. Chắc đây là một cặp vợ chồng đi du lịch xa, Shimamura tự nhủ.

Nhưng khi đoàn tàu dừng lại - từ nhà ga này có thể trông thấy những ống khói cao của các nhà máy sợi - người đàn ông hấp tấp đứng dậy lấy từ trên giá hành lý xuống một cái làn đơn sơ bằng cành liễu và ném xuống sân ga qua cửa toa tàu.

- Tôi đi nhá! - Ông ta vừa nói với cô gái nông dân vừa vội vã bước đi. - Có lẽ, nay mai chúng ta còn gặp lại nhau!

Shimamura suýt nữa thì khóc. Sự việc xảy ra thật bất ngờ với anh, nó làm tan nát lòng anh và ném thẳng anh về với ý thức: anh vừa mới chia tay Komako và anh đang ngồi trên con tàu đưa anh về nhà.

Hóa ra đó chỉ là một cuộc gặp gỡ tình cờ trên tàu. Một tình huống anh không hề nghĩ tới. Chắc hẳn người đàn ông kia là một nhân viên chào hàng.

Đúng lúc rời Tokyo để làm một cuộc dạo chơi miền núi một lần nữa, Shimamura nghe vợ dặn chớ có treo quần áo lên tường hay trên mắc áo dài, bởi mùa này là mùa bướm đêm đẻ trứng.

Ở quán trọ thường có nhiều bướm đêm. Shimamura đếm được tới sáu bảy con khá lớn, màu ngô vàng, đậu trên chiếc đèn lồng treo dưới hiên trước. Trong phòng khách đợi, anh thấy một con nhỏ hơn, nhưng bụng dưới lại phồng to nặng nề, khiến đôi cánh trở nên kỳ cục.

Người ta chưa dỡ đi màn che muỗi mùa hè ở cửa sổ. Đến gần, Shimamura nhận ra được một con nữa bất động, dán vào khung cửa như bị dính keo. Đôi râu nó dựng lên, như hai sợi len mảnh, có màu vỏ cây bá hương. Cánh nó xanh nhạt, đục mờ như ngón tay đàn bà. Dãy núi phía sau, mùa thu đã phô ra những sắc màu phong phú giữa bóng chiều đã ngả, thứ màu đỏ hung và rỉ sắt. Với Shimamura, cái màu xanh ngỡ ngàng, đơn độc, ngược ngạo thay, nhuộm màu chết chóc. Màu xanh đậm lên một chút khi

phần cánh cup xuống bên thân và run rẩy trong gió thu như những tờ giấy mỏng.

Shimamura tự hỏi không biết con côn trùng đã chết chưa. Anh lấy tay gạt gạt lên sợi của lưới muỗi nhưng nó không động đậy. Khi anh đập lên mắt lưới một cái, nó rơi xuống như một chiếc lá khô, chậm và nhẹ buông rơi, lúc lên lúc xuống, trước khi chạm đất.

Đối diện, trước những hàng cây bá hương thẳng tắp, vô số chuồn chuồn lượn bay trong gió, bị cuốn hút bởi vị hương quả bồ công anh. Và những dòng nước thác vọt tung tóe như tràn ra từ trên đầu những nhánh bá hương dài nhất.

Những thảm hoa thếp bạc mà mùa thu đã trải lên dốc núi, khiến anh ngấm hoài không chán mắt.

Từ nơi tắm về, trên lối ra vào, anh gặp một trong những phụ nữ Bạch Nga bán hàng rong. “Tận nơi đèo heo hút gió này mà vẫn gặp những người đàn bà này ư?” Anh ngạc nhiên và tiến đến gần. Một người đàn bà khoảng tứ tuần. Hẳn thế, gương mặt nhăn nheo và đầy bụi, nhưng làn da mịn, trắng ngần, đẹp, hiện ra ở ngực, ngấn cổ để hở, ở cánh tay và bàn tay.

Shimamura hỏi:

- Chị từ đâu tới?

- Từ đâu? Từ đâu tới ư? - Chị ta lặp lại một cách bối rối, chẳng biết trả lời ra làm sao. Chị lần mò trong các tay nải hàng: những mặt hàng Nhật Bản rẻ tiền, son phấn, lược và trâm cài đầu chẳng đáng giá là bao.

Chiếc áo dài của chị có vẻ như một chiếc khăn trải giường, chẳng sạch sẽ gì, quần quanh thân, chẳng còn vẻ gì xống áo Tây phương nữa, trái lại, có chút nào đó giống vẻ Nhật Bản. Nhưng chị lại đi giày ngoại. Vợ chủ quán đến gần chàng để xét nét người đàn bà Nga vừa đi ra, rồi bước cùng Shimamura vào văn phòng. Trước đám than sưởi hồng, một người đàn bà quay lưng lại, khi từ biệt để đi ra, lấy tay nâng vạt áo dài kimono lễ phục

màu đen. Shimamura nhận ra đó là một geisha, anh nhớ là đã chụp ảnh cô cùng với Komako cho quảng cáo. Cả hai đều đi sky, vận quần áo thụng miền núi ra ngoài bộ kimono dạ hội. Cô không còn trẻ nữa, nhưng cái dáng đầm đăm khiến cô có vẻ dễ tính và dễ mến.

Chủ quán đang nướng những chiếc bánh ngọt đầy đặn hình thoi dài trên than hồng, quay về phía Shimamura:

- Ông dùng một chiếc. Đây là bánh cô geisha ăn mừng được mãn hạn giao kèo, mang đến đây.

- Cô ấy bỏ nghề ư?

- Vâng.

- Cô ấy có vẻ nèn nã đấy nhỉ?

- Ai cũng mến cô ấy. Hôm nay cô ta đi chào từ biệt mọi người.

Thổi phù phù lên chiếc bánh nóng, Shimamura cắn sâu vào. Vỏ cứng bên ngoài chiếc bánh vỡ ra hơi chua, rồi để lại trong miệng chàng một mùi mốc.

Ngoài cửa sổ, những trái hồng chín cây, ánh lên trong nắng chiều - thứ màu đỏ rực rỡ như ánh lửa của đám cháy đang chiếu lên tận khúc tre treo chiếc móc sắt treo nồi ở phía trên lò than.

- Chà! Những bó gì dài thế kia?

Shimamura thốt lên. Anh trông thấy trên con đường nhỏ, dốc, những bà già đang đi xuống, mang trên lưng những bó dài lớn bằng hai thân người, bóng nó đè trùn nặng trĩu, tưởng mọp xuống đất.

- Cỏ lau xứ này đấy, - chủ quán nói, - cỏ kaya.

- Cỏ kaya thật à?

- Vâng! Để khai trương những trạm nước suối nóng, sở hỏa xa cho cất những quán hàng kiểu thôn dã mà nơi phòng trà thì lợp bằng cỏ kaya ở đất núi chúng tôi. Một người nào đó ở Tokyo đã mua lại trọn gói.

- Cỏ kaya thật sao? - Hơn một lần Shimamura ngạc nhiên, thầm thì. - Có phải chính loại cỏ đã thép bạc lên núi non? Tôi cứ ngỡ là hoa!

Bởi, thứ đầu tiên đập vào mắt anh khi từ xe lửa bước xuống là tấm áo choàng trắng bằng bạc lộng lẫy, lóng lánh dưới mặt trời tím tuyền trên cao trong núi, sáng ánh, tưởng chừng đó chính là từng đợt sóng của ánh thu tuôn trào lên mặt đất. Niềm vui nhen lên từ cảnh sắc tuyệt vời, lại như có điều gì đó làm anh thấy ngây ngất, thứ tiếng tự chào mừng đón hỏi: “Chao ơi! Mình đã ở đây thật rồi!” Vậy mà những ống cỏ dài, khi nhìn thật gần, anh lại như thấy khác lạ. Làm sao tin được đó chính là loại cây kỳ diệu của tấm thảm thần kỳ đó. Chúng được xiết chặt thành bó lớn, một đầu trùm che hằn nửa người những người vác nó, đầu kia trĩu dài trên đám sỏi đường, quệt vào cả những bông lau dài đánh rần.

Chàng bước vào phòng thì trời tối xẩm. Cái vệt sáng mờ trong phòng khách đợi, giúp chàng nhìn thấy, trên nền sơn then của chiếc giá áo, con ngài bụng lặc lè đang đẻ những chùm trứng.

Chàng nghe thấy tiếng côn trùng xập xè ở chiếc đèn lồng, dưới mái hiên. Khúc nhạc đều đều của hàng ngàn con không dứt lúc mặt trời lặn.

Komako đến hơi chậm.

Cô dừng một lát trên ngưỡng cửa, dăm dăm nhìn Shimamura:

- Anh còn đến đây làm gì? Tại sao anh lại đến một nơi như thế này?

- Để gặp lại em!

- Anh đâu thật lòng như thế. Đám người Tokyo rất hay nói dối, vì thế em không sao chịu nổi họ.

Khi yên chỗ, giọng dịu lại, cô tiếp:

- Em sẽ chẳng tiễn ai ra ga nữa đâu! Em làm sao nói gì được khi thấy anh ra đi!

- Lần này, anh đi, sẽ không báo trước cho em đâu!

- Không phải thế. Em muốn nói là em chẳng muốn đi cùng anh ra ga.
- Còn anh ta, bây giờ ra sao?
- Dĩ nhiên, anh ta chết rồi!
- Đúng cái lúc em ở lại với anh ấy à?
- Chuyện đó chẳng đáng bận tâm. Em nào ngờ cuộc ra đi đã khiến em điên đảo đến thế.

Shimamura lặng lẽ gật đầu.

- Mười bốn tháng hai, anh ở đâu? Em chờ mong anh mãi. Nhưng phút này thì em biết phải tin lời hứa của anh ra sao rồi!

Mười bốn tháng hai là ngày “Săn chim”, một ngày hội của trẻ thơ để biểu đạt tâm hồn của xứ tuyết này. Tất cả bọn nhóc ở làng, mười ngày trước lễ hội, nhét tuyết đầy vào những chiếc dép rơm, nén cho đến khi chặt cứng, để xắt ra thành những tảng dài chừng vài gang tay, xây một lâu đài tuyết, cao tới mười bộ, mỗi cạnh dài mười tám bộ. Bà con ở thung lũng này ăn Tết Nguyên đán vào những ngày đầu tháng hai Dương lịch. Cửa ngoài của mỗi nhà, dịp ấy vẫn còn trang hoàng đám dây dợ tết bằng rơm, để đến ngày Mười bốn, đám trẻ thu lấy, chất lên đốt thành lửa ăn mừng trước Lâu Đài Tuyết. Đung đưa và hò la, nhảy vòng tròn trên mái, trước ánh lửa hồng, hát vang bài “Săn chim” rồi tiếp đó, chúng thả nến chơi thâu đêm trong Lâu Đài. Chúng lại nhảy vòng tròn trên mái mà ca hát đến tận sáng mười lăm tháng hai Dương lịch mới kết thúc lễ hội “Săn chim”.

Bởi ngày hội rơi đúng vào lúc nhiều tuyết nhất, Shimamura đã hứa với Komako trở lại đúng dịp đó để dự hội.

- Em đã xin nghỉ phép ở nhà em vào tháng hai. Em đã hăng hái trở lại đây, tin chắc rằng anh sẽ trở lại vào ngày Mười bốn. Biết thế, em ở lại chăm sóc cho bà !

- Ai ốm thế?

- Bà giáo dạy nhạc, ở vùng biển, bà bị viêm phổi. Bức điện đến khi em đang ở nhà và em đã đến săn sóc bà ấy!

- Bà ấy đã bình phục chưa?

- Chưa!

- Anh thật có lỗi! Shimamura buột miệng, không rõ là lời an ủi hay ăn năn về việc thất hứa?

Komako khẽ nghiêng đầu nghe chàng. Cô dùng chiếc khăn tay phủi bụi trên bàn. “Ở đây côn trùng lắm quá!”, cô nói. Cái phủi của cô làm rơi cả đám côn trùng nhỏ có cánh xuống sàn nhà. Quanh đèn, vô số bướm đêm còn đang bay loạn xạ. Trên tấm lưới kim loại ở cửa sổ, đầy chập nhùng những con bướm các loại như đang bơi trong ánh trăng mờ mờ.

- Trời, cái dạ dày của em. - Cô gái rên rầm xoa tay lên bụng và ngả đầu vào gối Shimamura. - Dạ dày em đau quá!

Những đám côn trùng mảnh mai, nhỏ xíu như đám muối bám lên làn da cổ ngấn phẫn của cô. Shimamura tận mắt thấy nhiều con lăn ra chết.

Anh thấy bờ vai nàng tròn hơn, gáy nàng dày lên hơn năm trước. Chàng nghĩ rằng nàng đang bước vào tuổi hăm mốt. Một hơi nóng từ nàng hình như truyền vào gối anh.

- Komako, em hãy liếc sang phòng Trà Hoa xem. Cái đám người trong văn phòng quán trọ xem ra có vẻ thỏa mãn lắm!

- Kiểu cách ấy, em chẳng thêm để mắt. Em vừa nghỉ ngơi xong ở chỗ Kikyuu, đang định làm một giấc nghỉ trưa thì có người đến nói rằng, quán trọ gọi điện thoại bảo em về. Em chẳng muốn đi chút nào. Chiều hôm trước, ở chỗ Kikyuu đã có một bữa tiệc tiễn đưa và em đã uống quá nhiều rượu. Ở văn phòng, họ chỉ cười, không cho biết ai đang ở đó. Em lên phòng và gặp anh! Một năm trôi qua rồi đấy. Phải chăng anh là loại người cả năm mới được gặp một lần?

- Người ta vừa cho anh một trong những chiếc bánh mà cô ta đã mang tới!

- Cho anh?

Komako đứng vụt dậy lộ ra gò má đỏ ửng nơi cô áp vào gối anh.

Nàng có đáng trẻ thơ.

Cô gái geisha cũ Kikyuu này, chính Komako đã vừa tiễn cô trên xe lửa cho đến tận ga thứ hai. Nàng thuật lại:

- “Buồn quá”. Ngày trước, bọn em chơi với nhau thân thiết lắm. Giờ đây, mọi thứ đều đổi khác. Mỗi người trở nên ích kỉ hơn. Vừa có nhiều geisha mới, mà chẳng cô nào ăn ý với cô nào cả. Kikyuu sẽ làm em nhớ nhiều. Không có cô ta, ở đây, làm việc gì cho nên hồn. Cô cũng kiếm được nhiều tiền nhất trong bọn em. Chủ cô cũng rất mến cô. Nhưng giao kèo đã hết, thế là Kikyuu trở về quê quán.

- Cô về lấy chồng hay mở một quán trọ, một tiệm ăn riêng? - Shimamura hỏi.

- Chuyện riêng của cô buồn lắm! - Cô ta lấy phải anh chồng không ra gì, vì thế mới đến đây, - Komako bắt đầu kể rồi lại ngừng, ý chừng định xem nên kể đến đâu để khỏi mang tiếng là quá tọc mạch. Trong thoáng chốc, cô đưa mắt nhìn xuống những thửa ruộng bậc thang ở sườn núi, dưới ánh trăng. Cô hỏi: - Ngôi nhà mới ở ngay lưng chừng dốc, anh có biết không?

- Có phải là một tiệm ăn không? Nếu anh không lầm thì tiệm mang tên là Kikumura.

- Vâng, đúng thế. Đáng lý tiệm về tay Kikyuu, đến phút chót cô ta lại đổi ý. Chuyện đó rùm beng lên ở đây một dạo. Cô ấy được một Mạnh Thường Quân xây cho ngôi nhà; nhưng khi mọi việc đâu vào đấy cô ta vứt bỏ hết. Cô ta yêu một người và muốn cưới. Nhưng người ấy đã ra đi và bỏ rơi cô. Làm sao cứ hay sinh chuyện khi mà ta say mê ai đó! Rõ ràng là cô không thể quay lại với vị Mạnh Thường Quân cũ, để giành cái tiệm ăn mà cô vừa

từ chối. Những chuyện vừa xảy ra, nếu cô ở lại thì cũng ngượng. Cách duy nhất là ra đi, để bắt đầu lại từ con số không. Kikyuu tội nghiệp! Mỗi lần nghĩ đến, nẫu cả ruột. Rồi cũng có nhiều người khác xen vào cuộc đời của cô ta, nhưng làm sao mình biết cho hết được.

- Những thằng đàn ông ư? Độ bao nhiêu thằng? Năm hay nhiều hơn thế?

Komako thú nhận, gượng cười, mặt ngoảnh đi chỗ khác:

- Đó chính là điều em cũng tự hỏi. Kikyuu nào có mạnh mẽ gì cho cam. Cô cũng yếu đuối lắm.

- Với một thể tạng như thế, nào ai biết được cô ấy liệu làm được điều gì hơn.

- Em đâu nói thế, nhưng sao nhỉ! Thật là rồ dại khi cứ đi yêu ai đó mà họ tỏ ra chẳng thích mình.

Komako trả lời vội vã, mắt nhìn xuống sàn, lơ đãng chải một lọn tóc của mái đầu trước khi cài lại chiếc lược trang sức trên búi tóc cao.

- Cô ấy ra đi, dù sao với em, cũng chẳng dễ dàng gì.

- Nhưng cái tiệm ăn thì đến đâu rồi?

- Vợ người xây cất nó đến sử dụng chứ ai!

- Hay, hay tuyệt! Người vợ chính thức đứng ra điều hành tiệm ăn của người tình chồng mình.

- Còn cách nào khác được! Tất cả đều sẵn sàng khai trương. Thế là bà vợ phải đem con đến ở.

- Thế còn ngôi nhà của bà ấy thì sao?

- Bà mẹ bà ấy trông nom, hình như thế. Ông khách làng chơi vốn là một người làm ruộng, nhưng lại thích ăn chơi. Lão ta là một dạng người hấp dẫn đấy!

- Anh cũng mừng tượng thế! Nhiều tuổi không?

- Trái lại, còn trẻ! Khoảng chừng ba mươi hoặc bốn hai tuổi.
- Vậy thì người tình lại già hơn vợ ông ta ư?
- Không, họ bằng tuổi nhau, chừng năm sáu!
- Và bà vợ không muốn thay tên tiệm ăn. Anh cho rằng chữ Kiku trong cái tên Kikumura chắc là thấy tên cô ấy, Kikyuu...
- Vâng, quảng cáo rồi. Muộn rồi!

Thấy Shimamura nâng cổ áo kimono lên, Komako ra đóng cửa sổ.

- Kikyuu, anh biết rồi đấy. Chính cô ấy báo cho em biết hôm nay anh đang có mặt ở đây. Em gặp cô ấy ở văn phòng, khi cô ấy đến để từ biệt.
- Cô ấy có nói gì với em không?
- Chẳng nói gì cả!- Anh thử nghĩ xem, em đang cảm nhận gì ở đây nào? - Komako vừa nói vừa đến mở ô cửa sổ mà cô vừa đóng lại và ngồi phắt lên thành cửa như muốn lao vào khoảng không.

Shimamura, sau một phút yên lặng, nhận ra những ngôi sao nơi này không giống sao trời Tokyo:

- Hình như sao đang bơi ngang bầu trời.
- Đêm nay thì không. Trăng sáng quá, - Komako quả quyết, một lát sau, cô lại thêm, - mùa đông này nhiều tuyết quá, thật dễ sợ.
- Phải, anh cũng nghĩ thế, có lúc xe lửa không vận hành được.

Komako tiếp:

- Rút cục, em khiếp hãi. Đường xá không lưu thông nổi cho đến tháng năm, lâu hơn mọi năm một tháng. Và cái nhà sàn xứ tuyết gần chỗ trượt tuyết, anh biết không? Tuyết lở đã lăn cả vào Lầu Một. Ở tầng trệt, những người đang ở đó, cứ tưởng là lũ chuột đói tràn vào bếp vì nghe thấy những tiếng động lạ. Nhưng chuột bỏ quái gì đâu, khi họ lên lầu thì lầu đầy ắp tuyết, cửa ra vào, cửa sổ vắng đi đâu mất. May đó mới là một cơn tuyết lăn,

chứ chưa phải là trận sụt tuyết. Nhưng đài phát thanh đã rùm beng lên làm cho dân trượt tuyết khiếp hãi, do đó khách khứa năm nay thưa thớt. Em đã quyết không đi trượt tuyết nữa. Đôisky của em, em đã biểu người ta hồi cuối năm. Mà em mới dùng nó ít bận, độ vài ba lần chi đó. Em có thay đổi nhiều không anh?

- Sau cái: chết của bà giáo dạy nhạc, em đã làm gì?

- Anh lại muốn biết những chuyện dính dáng đến người khác ư? Em trở lại đây và em chờ anh suốt tháng hai.

- Khi em về miền biển, sao chẳng viết cho anh một lá thư nào?

-Ồ, em không thể, em làm sao viết được loại thư mà vợ anh có thể đọc được. Em không táo gan đến như thế, cũng như là em không thể mượn có người ta nghe mình mà nói dối được.

Nghe những lời bộc bạch của cô, Shimamura chỉ còn nước cúi đầu xuống. Ngôn từ buột khỏi miệng Komako như thác nước.

- Tắt đèn đi có hơn không, anh? Dễ thường anh lại định để cái đám côn trùng vây đến!

Phía sau nàng, trăng sáng rực rỡ, rõ đến cả vành tai của nàng.

Trăng tuôn ánh sáng vào phòng khiến những chiếc chiếu cũng loáng lên thứ màu hồ thủy lạnh.

- Không! Để em về nhà em, anh ơi.

- Em vẫn như xưa, chẳng thay đổi gì!

Shimamura ngẩng lên. Anh nhận ra vẻ xa lạ nào đó rồi dò xét kỹ gương mặt cau có ấy.

- Từ lúc em mới đến, ai cũng luôn bảo rằng em chẳng thay đổi gì, lúc đó, em mới mười sáu tuổi. Và dù, cuộc đời chẳng có gì thay đổi, thì ít ra, năm tháng cũng từng trôi đi chứ.

Sắc diện hồng hào của cô dễ khiến nhận ra cô có thời thơ ấu ở miền núi, nhưng trên làn phấn mịn màng của cô geisha, ánh trắng ngời chiếu lên như thể vân trai:

- Anh đã biết em dọn nhà đi nơi khác chưa?

- Chưa. Vậy ra em vẫn ở trong buồng nằm ư?

- Từ lúc bà giáo dạy nhạc mất hả? Và bây giờ em mới thật sự ở trong ca quán của geisha.

- Một ca quán của geisha?

- Nói thế cũng được. Cửa tiệm có bán thuốc lá và kẹo bánh, em là cô geisha duy nhất ở đó. Nhưng em vẫn đang vướng trong giao kèo, lần này thì chắc là khá hơn: nếu em đọc sách muộn về đêm, em phải thắp đèn sáp để cho chủ đừng nghĩ rằng em xài phí điện^[11].

Shimamura bật cười, đặt tay lên vai Komako.

- Chắc là anh biết...Nhà có công tơ điện, em đâu dám thắp tốn nhiều.

- Anh biết. Anh biết mà!

- Nhưng họ đối với em cũng khá lịch sự. Họ luôn tỏ ra tử tế, đến nỗi em không tin nổi là họ đã mượn mình làm geisha. Khi con khóc, bà mẹ đặt luôn ra ngoài để nó khỏi gây phiền cho em. Trừ chỗ ngủ cũng cần thơm tắt hơn chút nữa. Các thứ khác thì chẳng chê trách được điều gì. Mọi thứ đều sắp sẵn cho em, khi em về muộn, nhưng nệm thì nào có được ngay ngắn, cứ xô lệch. Khăn trải giường thì chẳng phẳng phiu gì khiến em bức mình. Nhưng, họ vẫn luôn tỏ ra lịch sự với mình, chẳng lẽ mình lại tự tay đi làm giường cho mình ư!

- Vậy là nếu em có một căn nhà riêng, em cứ vui đầu vào các việc nội trợ sao?

- Ai cũng bảo thế. Có bốn đứa trẻ lau nhau, mọi thứ trong nhà lộn tung phèo hết. Em cứ sắp xếp hết thứ này đến thứ khác suốt ngày, rồi đâu lại

hoàn đây ngay lập tức. Nhưng biết làm sao. Em làm sao mà đổi tính đổi nết được. Với em, mọi thứ càng sạch, càng ngăn nắp thì càng hay. Đó cũng là một nhu cầu, anh biết đấy.

- Anh hiểu!

- Anh hiểu cái gì, nói em nghe nào. - Giọng cô gấp gáp, căng thẳng. - Nếu anh hiểu em thì quả là dễ cho em. Nhưng anh thấy đấy, anh không thể hiểu được em đâu. Anh lại dối em rồi! Quả là giàu của mà chẳng giàu lòng. Anh chẳng biết tí gì cả, chẳng hiểu quái gì cả! Giọng cô trầm xuống và tiếp:

- Sao có lúc em cảm thấy cô đơn đến thế? Nhưng em là đứa ngu đần. Thôi, anh trở về Tokyo ngay ngày mai đi.

Shimamura vận lại:

- Em châm chọc anh dễ thôi! Nhưng làm sao anh cắt nghĩa nỗi cho em tình cảm của anh như thế nào?

- Khó ở chỗ nào nhỉ! - Giọng nàng buồn bã. - Chỉ tiếc rằng anh chẳng thể làm được thôi.

Mắt nhắm nghiền, Komako dường như quẩn quanh với câu hỏi. Anh ấy có hiểu mình không nhỉ? Liệu anh có hiểu đúng mình không, có cư xử đúng với thân phận mình hiện nay không? Và có lẽ cô đã cho rằng cô nên nói tiếp:

- Anh cứ trở lại, dù một năm một lần cũng được. Hứa với em rằng chừng nào em còn ở đây, mỗi năm anh sẽ trở về...Cô nói thêm rằng, cô đã ký giao kèo đúng bốn năm.

- Khi em ở nhà, chẳng bao giờ em nghĩ em đã trở thành geisha, - nàng thú nhận, - ngay cả đôi giày trượt tuyết, em cũng cho trước khi đi. Rút cục, thuốc lá, em cũng không hút nữa.

- Em nhắc đến làm anh nhớ ra là em từng nghiện thuốc ghê lắm!

- Thuốc họ mời em ấy mà, em đều bỏ vào tay áo kimono, tối về nhà em, em có đủ loại thuốc.

Shimamura nói tiếp:

- Bốn năm, đằng đằng ra đấy chứ nhỉ? Cũng trôi nhanh thôi mà.

Khi cô lại gần, Shimamura ôm cô vào lòng và kinh ngạc:

- Người em nóng quá!

- Em vẫn thường thế đây mà!

- Về đêm, anh nghĩ là trời bắt đầu trở lạnh.

- Thấm thoát đã năm năm, từ khi em đặt chân tới đây, em tự hỏi làm sao mình có thể sống ru rú ở xó rừng này, nhất là trước khi có đường xe lửa. Tính ra từ lần đầu tiên anh tới đây, cũng được hai năm rồi!

Khoảng hai năm ấy, Shimamura đã đến với cô ba lần, lần nào chàng cũng thấy có sự đổi mới trong đời Komako.

Bên ngoài, những con sệt sành đã bắt đầu cọ cánh inh ỏi.

- Ốc gì cái lũ sệt sành kêu nhỏ đi một chút!- Komako nói và ngoảnh mặt đi.

Những con bướm trên lưới cửa sổ đã bay đi ngay từ khi ngọn gió bắc đầu tiên thổi tới.

Shimamura biết rõ rằng cô đã nhắm mắt, dù hàng mi dày của cô làm cho anh tưởng mắt cô vẫn còn mở hé. Để thật yên tâm, anh vẫn cúi tận nơi để nhìn cho rõ.

Giọng Komako cất lên!

- Em mập ra từ khi em bỏ hút thuốc!

Anh cũng đã thấy eo của cô to ra. Mỗi lúc gần nhau, Shimamura đã tìm thấy ngay cái thế giới thân mật và gần gũi, mặc dù đã xa nhau lâu ngày, mà

khi xa cô anh lại thấy nó biến mất tăm rất huyền bí, không thể nào gọi ra nổi.

Hai tay ôm lấy vú, Komako nói:

- Một bên to, một bên nhỏ, anh này!

Shimamura đùa cợt:

- Có lẽ cũng do cái tật quen của “hắn”: lúc nào cũng ấp một bên.

- Anh nói làm gì những điều gớm ghiếc thế. - Komako nói gắp.

Shimamura tự nhủ, anh đã gắp lại nàng vẫn đứng như con người nàng như thuở xưa. Anh tiếp:

- Lần sau em chỉ cần bảo hắn, không được một bên trọng, một bên khinh như thế!

- Không được thiên vị? Có thật là em phải bảo hắn không được thiên vị?

- Komako dịu dàng nghiêng xuống tìm mặt chàng.

Dù rằng phòng ở Lầu Một, nhưng tường chừng như chỗ nào cũng có cóc làm tổ. Anh trông thấy mấy con nháy ra, kêu lên, tiếng khá to và kéo dài, và các con khác thay phiên nhau mà kêu không dứt.

Lúc đi tắm về, cô trao đổi những điều sâu kín với anh, giọng nói êm đềm, đáng thoải mái. Cô kể cả những chuyện lần đầu tiên đi khám sức khỏe, lần ấy - tưởng như mọi sự cũng như lúc tập nghề geisha - cô đã để ngực trần vào khám. Người thầy thuốc đã phá lên cười nhạo và cô đã khóc òa lên. Những chuyện đại loại như thế, Shimamura cứ nêu câu hỏi để gợi chuyện.

- Em thường là cũng đúng ngày nhé: mỗi lần đều khớp y là một tháng thiếu hai ngày.

- Vậy thì, anh nghĩ, em không hề vắng mặt trong bất cứ buổi dạ hội nào?

Cô tắm thường xuyên ở suối, ham chuộng những hiệu quả thâm nhập bền bỉ của nước nóng; mỗi ngày cô đi bộ khoảng bốn cây số để dự những

cuộc gặp mặt ở những tuổi cũ hay tuổi mới, vả lại, hiếm có những dạ hội ở miền núi kéo dài cho đến khuya. Những thứ ấy tạo cho cô một cơ thể lành mạnh, đầy sức lực, dù cho thân hình phải đóng khung trong bộ áo cổ truyền thường thấy ở các geisha: háng thì hẹp nhưng bụng thì lại cồng lên. Có chút gì đó nao lòng khi Shimamura cảm động nghĩ rằng vì người đàn bà này mà anh phải lặn lội từ xa đến đây.

- Em tự hỏi liệu em có con được không nhỉ? - Cô tâm sự với anh, như thể ngỏ ý muốn hỏi anh rằng, chung thủy với một người đàn ông thôi, liệu có giống như lấy chồng không?

Và shimamura lần đầu tiên nghe cô nói về “người đàn ông duy nhất” trong đời mình. Cô quen hẳn ta từ khi mười sáu tuổi, cô bộc bạch, điều đó khiến Shimamura hiểu rằng giờ đây cô ít cưỡng lại anh, sự buông thả khiến anh hơi ngỡ ngàng từ đó.

Cô giải thích, cô chẳng hề cảm thấy quyến luyến “người ấy” cả xác thịt lẫn tình cảm, và có lẽ mọi chuyện xảy ra đều gốc gác từ việc cô gây mòn đi ở miền biển, ngay sau cái chết của người đã hoàn lương cho cô.

Shimamura nhận xét:

- Ở với nhau được năm năm, hẳn không thể là mối liên hệ giản đơn. Đó là một khế ước.

- Đã hai lần, em có thể dứt bỏ được “người ấy”. Đó là khi em đến đây làm geisha và em chuyển nhà sau cái chết của bà giáo dạy nhạc. Nhưng em không có gan làm chuyện đó, em không quyết đoán được.

“Người ấy” ở miền biển, cô nói, nên giữ cô ở lại đó cũng hơi khó. Do đó, hẳn ta đã gửi Komako cho bà giáo dạy nhạc, khi bà ta quyết định trở về đất núi này. - Hẳn ta cũng hào hiệp, - Komako nói tiếp. Hẳn lúc nào cũng tỏ ra tử tế và cảm mến em và em cũng ân hận rằng mình không thể yêu hẳn được, không thể để hồn và xác thuộc về hẳn.

Cô cho biết hẳn hơn cô rất nhiều tuổi và họa hoằn mới đến thăm cô.

- Nếu như cuộc đời em hẩm hiu thì em dễ dứt bỏ hẳn. Thật lòng, em đã thường tự nhủ thế.

- Chuyện đó chẳng bao giờ có!

- Chung quy là em không dám. Tính nết em nào có như người ta, em lại quá yêu thân xác mình. Nếu em muốn, em cũng có thể rút bớt một nửa giao kèo bốn năm, nhưng thôi đành thế, em chẳng muốn vậy. Anh nghĩ mà xem, nếu muốn kiếm tiền, bao nhiêu mà em chẳng kiếm được. Nhưng em chỉ cần cho người chủ em ký giao kèo khỏi hụt vốn khi hạn bốn năm vừa mãn. Hoàn trả cả vốn lẫn lãi, thuế má, tiền phí tổn, em tính vừa khốp cho em mỗi tháng và em chẳng tội gì mà kiếm thêm. Buổi dạ hội nào trốn được, em lĩnh về nhà. Dĩ nhiên quán trọ có thể cho gọi em, nhưng họ chỉ phiền đến em khi có một khách quen, đặc biệt đòi đến riêng em thôi. Nếu em có những sở thích ngông cuồng, thì kiếm chác thêm với em cũng dễ thôi, nhưng em chỉ làm việc như em đã nói. Thế là quá đủ, vì em đã hoàn lại một nửa số tiền trong vòng có một năm. Em lại còn có những khoản tiêu riêng ước chừng ba mươi yên mỗi tháng. Một tháng với một trăm yên, em có đủ mọi thứ. - Nàng nói tiếp cho rõ hơn là ngay tháng trước, tháng thu nhập kém nhất trong năm, cô geisha kém nhất so với đồng nghiệp, cũng thu được sáu mươi yên, trong khi cô, với chín mươi buổi tiếp khách, đã kiếm được nhiều hơn tất cả các cô geisha khác. Mỗi lần tiếp khách cô đều được một món cố định nên bổng lộc của cô tăng theo tỉ lệ những ngày hội mà cô tham gia. Cô có thể dự hết buổi tiệc này sang buổi tiệc khác, nếu cô thích. Các cô geisha ở trạm nước nóng, chưa một cô nào phải gia hạn giao kèo vì nợ tiền chủ cả.

Hôm sau, Komako dậy sớm.

- Em thức giấc vì một giấc mơ: em mơ dọn dẹp nhà cửa cho bà dạy nghệ thuật cắm hoa.

Cô dịch bàn trang điểm nhỏ về phía cửa sổ và dưới nắng thu, tấm gương phản chiếu lá đỏ của núi non.

Lần này gọi Komako ở cửa, không phải là giọng của Yoko, mà là giọng xúc động khiến trái tim thất lại: người đem chiếc kimono mặc ngày cho Komako lại là đứa con gái của người chủ mà cô đã ký giao kèo.

Shimamura hỏi:

- Còn cô gái trẻ kia, giờ ra sao?

Cô ấy lúc nào cũng ở ngoài nghĩa địa, dưới bãi trượt tuyết kia kìa. Anh nhìn mà xem, nghĩa địa ở phía bên trái cánh đồng kiều mạch hoa trắng đây.

Sau khi Komako ra đi, Shimamura dạo chơi trong làng.

Mặc bộ hamaka^[12] thô bằng nỉ mới tinh màu đỏ da cam, một cô bé chơi ném bóng vào một bức tường trắng, dưới một mái hiên.

Shimamura hào hứng ngắm nhìn phong cảnh trong sáng của mùa thu.

Tất cả ngôi nhà đều xây cất theo kiểu của chế độ cũ. Chắc hẳn là kiểu vào thời đại các lãnh chúa phong kiến các tỉnh thường giao lưu trên đường phương Bắc. Mái trước rủ rất thấp, gian trước sâu thăm thẳm, cửa sổ thấp và dài ở góc căng bằng giấy, cao lắm cũng chỉ độ vài gang tay, rèm cói treo dưới mái hiên.

Một bức tường đất nhỏ nhô lên trùm đầy mạch đại mùa thu, uốn cong duyên dáng dưới sức nặng của hoa, dọc thân cây có những nhánh lá thanh và cứng, vút lên như tia nước.

Anh thấy Yoko trên một chiếc chiếu rơm, bên cạnh đường, đang đập đồ dưới ánh nắng mặt trời. Những vỏ đậu khô, đám hạt bắn vung trước cô ta như những giọt ánh sáng.

Hẳn là cô không nhìn thấy anh vì chiếc khăn choàng che lấp mặt. Cô đang quỳ, ngực thẳng, chân xoạc ra, mặc chiếc hamaka miền núi, cô hát khi đập lên những đám vỏ đỗ giàn trước mặt: một giọng hát thanh và sâu, thấm buồn, thứ tiếng huyền bí lay động lòng ta như thể không biết từ đâu tới:

Chuồn chuồn, bướm bướm, dế nâu

Cào cào, dế cộ, ve sầu hát lên...

Những cánh bay mênh mông khởi sự từ những cây bá hương trong gió chiều. Nhà thơ đã nói thế. Shimamura có thể nhìn qua cửa sổ, những rặng bá hương có cơ man chuồn chuồn bay vút, nhào lộn, múa lượn trong ánh nắng chiều sắp ngả: mê man, cuống quýt mỗi lúc một say cuồng.

Lật cuốn sách chỉ dẫn về núi non trong vùng mà chàng đã mua được ở Tokyo trong lúc chờ xe lửa khởi hành, Shimamura biết một con đường, ở ngay dưới một đỉnh núi, chạy giữa những hồ và đầm trong một cảnh quan lộng lẫy và đặc biệt vùng đất ẩm rất nhiều loài hoa núi... Những con chuồn chuồn ngô, về mùa hè thanh bình bay lượn, oai hùng đậu lên mũ, lên tay áo, lên gọng kính của anh, khác hẳn với đám chuồn chuồn cuồng loạn, phù phiếm bay nhõn trên thành phố khác nào đám mây nhẹ chui ra từ những đám bùn...

Cái đám lố chuồn chuồn ấy, trái lại, như vũ điệu của đám khùng, một điệu nhảy của dân cuồng loạn. Dường như, trong cơn rồ dại, chúng lăm lăm ngăn cản chiều bao phủ dần dần đám rừng bá hương; chống trả tuyệt vọng với màn đêm đang đổ xuống phút hoàng hôn.

Mặt trời đã lặn xuống sau những chòm núi cao, tỏa sáng lần cuối cùng những thảm lá đỏ như một lòng suối đỏ dọc theo những sườn núi.

“Con người thật mong manh! Anh có thấy chẳng?” Sớm nay Komako đã nói với chàng như thế. Hầu như họ đều nhào ra đến độ, sọ, xương, tất cả đều vụn nát. Rơi từ tít trên cao xuống, một con gấu nào có thấm tháp gì! Nàng kể lại một tai nạn mới xảy ra gần đây ở vùng núi, chỉ tay ra chỗ tai nạn trên những tảng đá, chỗ cao kia, nơi “họ đã gặp chuyện rủi ro”. Và, giờ thì Shimamura tự nhủ nếu như con người có bộ da dầy và cứng như da gấu thì vũ trụ của hần hần là đối khác: phải chăng con người nhờ có làn da mịn dịu thơm mà con người biết yêu đương? Và cái ý nghĩ kỳ cục đó, khi đắm

nhìn núi non trong cảnh chiều hôm, khiến cho anh ham muốn đầy cảm hứng được vuốt ve cái mát nhẹ của da người.

Chuồn chuồn, bướm bướm, dế nâu... vẫn câu hát... giờ đây, anh đã nghe một geisha hát chói chang theo đàn samisen trong lúc anh dùng bữa tối.

Cuốn sách chỉ dẫn mà anh vừa tham khảo, chỉ cung cấp cho anh những điều thiết thực như thời gian du ngoạn, những hành trình tiếp nối, địa điểm, giá cả khách sạn, v.v... nhưng ít ra có cái hay là bắt trí tưởng tượng phải nghĩ đến những việc còn lại. Anh đã từ những núi ấy đi xuống, vào mùa những búp măng đầu tiên xuyên thủng những làn tuyết cuối cùng, để làm quen với Komako; và bữa này đây, giữa thời du ngoạn mùa thu, anh lại cảm thấy trong mình tiếng gọi của những đỉnh núi cao mà xưa kia anh chưa trèo lên được. Nhân rồi, anh có thừa thời gian đi khắp những nơi mà anh ta bố ích: nhưng núi non vốn là sở thích của anh, bởi cái đạo leo núi với anh là tiêu biểu cho thú xả hơi và bởi thế, càng làm cho anh vừa ý. Cõi hư ảo thường kéo theo những mê hoặc ấy.

Xa Komako, anh luôn nghĩ về cô. Biết cô gần bên, anh đột nhiên thèm muốn để khao khát một làn da, sự đụng chạm với một nước da người mịn màng, thanh khiết. Đúng ra đó là một giấc mơ hơn là sự thèm muốn thân xác, trở thành nỗi niềm thương nhớ nảy ra trong anh như những niềm thương nhớ huyền bí về những đỉnh núi cao. Phải chăng đó là những cảm giác quá yên ổn của anh? Phải chăng thân xác cô đã đắm trong những phút chốc rất đổi thân thuộc, gần gũi? Đêm trước Komako đã ngủ lại với anh và giờ một mình trong phòng, anh chỉ còn một nước là chờ đợi. Anh cảm thấy cô sẽ tới mà chẳng cần phải cho gọi cô. Có lúc, Shimamura lắng tai nghe tiếng ồn ã của nhóm nữ sinh đi du ngoạn. Anh cảm thấy buồn ngủ và đi nằm sớm.

Suốt đêm, anh nghe tả tiếng nước đổ của trận mưa rào đột ngột, ngăn ngủi như anh từng gặp trong mùa mưa.

Sáng ra, khi vừa thức dậy, anh đã nhìn thấy Komako, đang hoàng ngồi trước chiếc bàn thấp, tờ báo mở rộng trước mắt. Cô vận bộ kimono ban

ngày trang nhã.

- Anh đã dậy đây à? - Cô hỏi, giọng mềm mại và quay về phía anh:

- Em làm gì đấy?

Shimamura nhìn khắp lượt trong phòng. Komako đến từ đêm chẳng? Sao anh không hay nhỉ? Anh lôi chiếc đồng hồ đeo tay từ dưới gối: sáu giờ rưỡi.

- Em đến sớm thế!

- Cũng chẳng sớm lắm đâu! Cô hầu đã mang than sưởi đến rồi mà. Một làn hơi nóng tỏa nhẹ ra như một làn sương sớm từ ấm nước sôi. Komako đến ngồi ở đầu giường, thùy mị nói với anh đã đến giờ trở dậy, như người vợ nội trợ đảm đang.

Shimamura vươn người, ngáp và xiết lấy tay cô, bàn tay cô đặt lên đầu gối anh, vuốt ve những ngón tay thon chai lên vì đánh đàn.

- Anh còn muốn ngủ nữa! Mặt trời vừa mới mọc! - Anh nói.

- Anh ngủ một mình có ngon giấc không?

- Ngủ ngon lắm!

- Vậy là, anh không muốn để rìa nữa!

- À, Đúng rồi, anh nhớ ra rồi, em muốn anh để cho rìa mọc.

- Không sao. Em biết là anh sẽ không làm. Lúc nào anh cũng muốn cạo nhẵn để da mép mềm và có ánh xanh.

- Và em, em cũng có cái vẻ nhẵn nhụi như thế khi em trút lớp phấn ở trên mặt.

- Có vẻ nhìn mặt thì thấy anh đẩy ra một chút đấy? Anh có cái dáng đứa bé đang ngủ, với đôi má bầu bĩnh, nước da xanh và không có bộ rìa.

- Hiền lành và tử tế nữa chứ?

- Ồ cái đó thì chưa chắc.

- Em nói đi: em nhìn anh lúc đang ngủ đấy à? Anh biết làm gì được nếu như người ta đã nhìn vào mặt anh trong giấc ngủ.

Komako cúi đầu hơi mỉm cười, rồi nụ cười tỏa ra như lửa lóe sáng trên than hồng. Những ngón tay trần sinh lực khép lại trong bàn tay Shimamura.

- Em trốn trong chiếc tủ áo lớn. Con hầu không thấy gì cả.

- Lúc nào thế? Em trốn đã lâu chưa?

- Cũng vừa nãy thôi! Nó vào rồi lại ra, đem than sưởi đi ấy mà!

Komako cười phá lên về kiểu đùa giỡn ấy và bỗng nhiên, mặt cô đỏ lên. Làm bộ nóng rực để che giấu sự bối rối, cô kéo góc chăn trải giường phẩy quạt.

- Dậy đi anh, dậy đi anh! Em xin anh đây!

- Rét quá! - Shimamura thốt lên rồi phủ chăn lên mình. - Ở quán trọ, họ dậy cả rồi sao?

- Em làm sao biết được. Em đi lối sau.

- Lối sau?

- Em cứ thẳng rừng bá hương mà lên.

- Có đường ở phía ấy à?

- Không, nhưng thế gần hơn nhiều!

Shimamura nhìn cô tỏ vẻ ngạc nhiên.

- Chẳng ma nào biết em ở đây đâu, - cô giải thích. - Em nghe thấy tiếng động ở trong bếp, nhưng lúc ấy thì cửa vào hẳn còn đóng.

- Em giống như con chim dậy sớm kiếm mồi!

- Em không ngủ nổi. - Em có nghe thấy trời mưa không?

- Ồ, Trời mưa ư? Thảo nào cỏ lại ướt. Thế mà em cứ tưởng là sương đọng... Thôi em về đây! Anh cứ việc ngủ đi.

Shimamura vội nhảy phắt ra khỏi giường, nắm chặt lấy tay Komako và kéo cô ra cửa sổ để nhìn xem cô lên từ lối nào. Lưng chừng dốc trên lùm cỏ cao và đám bụi rậm, là một bụi tre lùn rậm rạp mà cành tỏa ra mọi phía. Gần ngay cửa sổ, có một vuông vườn với những luống khoai lang, củ cải, khoai tây vườn thẳng. Mảnh vườn thật bình thường lại rực ánh ban mai khiến Shimamura được hưởng lần đầu tiên thứ màu xanh tươi tắn, như được đánh bóng lên trong buổi sáng mát lành.

Qua hành lang để đi tắm, chàng gặp người gác cổng đang ném thức ăn cho lũ cá vàng trong bể.

Người đàn ông nói:

- Trời có vẻ lạnh thêm. Lũ cá ăn không mạnh.

Shimamura dừng lại một lát nhìn những con tắm chết khô, được xé vụn nổi lềnh bềnh trên mặt nước như những ký hiệu kỳ lạ.

Tắm xong, trở về, anh thấy Komako đang chờ ở trong phòng, tươi tắn và hiển hiện rõ nét như một bức tranh.

- Với công việc khâu vá, em thích được một nơi yên tĩnh như ở đây.

Căn phòng được dọn dẹp trở nên sáng sủa và mặt trời hào phóng ủa tràn vào, tỏa sáng tận rìa những tấm chiếu hơi cũ.

- Em nói là em biết khâu vá.

- Anh mỉa em đấy à? Trong gia đình em, em là đứa làm việc vất vả nhất và em tin rằng, nhìn lại phía sau, những năm tháng tuổi trẻ của em thật tồi tệ.

Cô nói với giọng ôn hòa như thể nói với chính mình, rồi bỗng trở nên linh hoạt hơn khi tiếp tục:

- Con hầu nhìn thấy em, nó ngó người ra. Rồi nó hỏi em đến khi nào? Thật xấu hổ! - Nhưng biết làm sao? Em không thể trốn nhiều lần trong tú áo. Và bây giờ thì em phải về nhà em. Còn nhiều việc phải làm mà em để mất nhiều thì giờ quá rồi. Bởi vì đêm qua không ngủ được em quyết định gội đầu, gội thật sớm. Khi chải tóc, em muốn tóc chóng khô để đi đến tận hiệu uốn tóc. Nếu không, em làm sao dùng bữa trưa ở nơi có một cuộc hẹn. Họ cũng mời em đến đây nữa, nhưng em làm sao đến được. Họ mời trễ mà em đâu có rảnh. Đêm nay, em không đến được với anh đâu, thứ bảy mà, mà em thì biết bao thứ phải làm.

Nói thế nhưng cô chẳng có vẻ gì muốn ra về. Rút lại, cô thôi không gội đầu nữa.

Nắm tay Shimamura, cô kéo anh ra khoảng vườn phía sau, không quên mang theo đôi dép và những chiếc bút tất ướt nhèm mà cô đã dùng để lén đi qua hành lang trước khi vào nhà.

Bụi tre mà cô đã vạch một lối để trèo, dựng trước mặt cô một hàng rào cản. Họ đi xuống theo lối vườn, hòa mình vào tiếng ca của thác nước, để đến bờ cao trong một khu rừng dẻ. Giữa đám cây, tiếng trẻ í ới. Trên mặt đất, giấu mình trong những đám cỏ, những hạt dẻ đã rụng xuống. Komako dùng gót chân giẫm vỡ những vỏ dẻ và lấy ra những hạt dẻ nhỏ bên trong.

Phía trước họ, trên sườn dốc đứng ở phía bên sườn kia, đung đưa những bông kaya bạc trắng, một màu trắng rực rỡ trong ánh sáng buổi mai. Sự nở bùng hùng vĩ thật tuyệt vời, mong manh, trôi nổi cũng như vẻ trong sáng lạ kỳ, sự thanh khiết chưa từng thấy của bầu trời mùa thu sáng láng.

- Chúng ta ghé bờ kia đi! - Shimamura đề nghị. - Chúng mình nên đến mộ chồng chưa cưới của em.

Komako né tránh rất nhanh, cúi đầu xuống rồi lại ngẩng lên, trong khi Shimamura bị cả chùm quả dẻ xanh quất vào mặt. Anh không kịp tránh và thế là bị sây sát ở trán.

- Anh cười em đấy à? - Cô kêu lên rồi bảo: - Cớ sao anh lại cứ cố tình muốn đến nghĩa trang?

- Việc quái gì mà em phải giận... - Shimamura nói.

- Đó đâu phải là giận, em thì em không thể nào chịu cái kiểu nghĩ ra thứ gì là muốn làm ngay tức khắc, không thèm đoái hoài đến người khác chút đỉnh. Với em, đó là một hành vi nghiêm trọng.

- Thì đã ai làm gì đâu? - Shimamura rụt rè phân trần.

- Tại sao lại gọi là chồng chưa cưới của em. Em chẳng đã giảng giải cho anh rành mạch rằng anh ta không phải thế mà? Rõ ràng là anh quên mất rồi.

Không, thật ra Shimamura nào có quên và anh có thể nói không hề dối trá rằng, con người ấy, Yukio, đã đè nặng trong tâm trí anh.

Hẳn là Komako đã không chịu nổi khi ai nhắc tới Yukio. Có thể cô không là vợ chưa cưới của anh ta, nhưng gì đi nữa, cô cũng đã làm geisha để trang trải tiền thuốc men cho anh ta. Vậy thì cử chỉ ấy hẳn hiển nhiên là “nghiêm trọng”.

Anh chẳng hề bức tức chút nào, ngay cả khi loạt hạt dẻ quất vào bóng râm và Komako sau khi nhìn anh kinh ngạc, cảm thấy việc chống cãi lại anh đuối dần đi. Cô khoác tay anh và nói:

- Anh là người dung dị và cương trực, phải không nào? Một người bản chất hiền... có chuyện gì làm anh buồn vậy. - Cô hỏi.

Anh nói:

- Bọn nhóc đang rình trên cao kia kìa!

- Thì đã sao? Ở Tokyo, các anh cứ hay nghĩ rắc rối. Cuộc sống của các anh chỉ ồn ào, rối loạn, nó bẻ vụn tình cảm của các anh ra đấy.

Shimamura suy tư đáp lại:

- Bẻ vụn tình cảm ra ư? Cái gì rồi chẳng thế!

Komako tiếp lời ngay:

- Tự thân cuộc sống cũng thế thôi. Chúng ta sang nghĩa trang chứ anh?

- Để xem thế nào đã.

- Đây bây giờ mới thấu tim đen là anh không muốn đi tới đó.

- Sao em cứ làm to chuyện thế!

- Cũng bởi vì chưa một lần nào em ra đó cả. Quả thế, chưa một lần nào. Và em cũng đã tự trách mình. Bây giờ thì cả bà giáo dạy nhạc cũng nằm ở đây nữa. Nhưng em thấy bắt đầu hơi muộn. Như thế có vẻ giả nhân giả nghĩa quá.

- Xem ra em lại rắc rối hơn cả anh.

- Thì đã sao? Trước mặt những người đang sống, em nào đã thành thực hoàn toàn, nhưng chí ít em muốn bày tỏ lòng tử tế và chân thành với anh ta, khi mà anh ta đã chết.

Họ dạo ngang qua khu rừng bá hương, nơi mà sự yên tĩnh dường như đang tuôn chảy ra thành những giọt nước mát mẻ và êm đềm.

Họ đi theo dọc đường xe lửa phía bên kia bãi trọt tuyết và rồi họ đã tới nghĩa trang: một vài ngôi mộ cũ dầu dãi sương gió nằm rải trên rẻo đất trần trụi, như một hòn đảo trọc giữa mênh mông đồng lúa, với một pho tượng độc nhất đã nứt sọc, Jizgo - tượng thần hộ mệnh của các trẻ thơ. Không có lấy một bông hoa.

Bất ngờ, từ sau một bụi cây mảnh mai dọc dưới chân tượng Jizgo, hiện lên đầu và vai Yoko, hướng về họ gương mặt lúc nào cũng lạnh lùng và trang trọng như một chiếc mặt nạ. Nàng nhìn chăm chăm lên cặp đôi này! Shimamura gật đầu chào khiên cưỡng rồi dừng khựng lại.

Komako nói trước:

- Chị ra đây hơi sớm đây, phải không Yoko? Mình đang định đến hiệu uốn tóc.

Những tiếng rung chuyển rầm rầm hướng về phía họ tưởng chừng xô họ ngã ra, nuốt chửng câu nói của Komako. Đó là một chuyến tàu hàng hiện ra bất chợt và chạy vút âm âm qua mặt, rất gần họ.

- Yoko! Yoko! – Vấy chiếc mũ lưỡi trai với những cử chỉ mạnh mẽ, gọi thật to, một chàng trai đang đứng trong khung cửa một toa đèn.

- Saichiro! - Yoko gọi vang lên đáp lại. - Saichiro!

Yoko vẫn có thứ âm sắc trầm vang tình cảm, thứ tiếng nói thấm vào anh một nỗi buồn bởi tiếng rất sang, như là nàng tuyệt vọng gọi một hành khách nào đó đã khuất dạng trên một con tàu giữa mênh mông biển cả; thứ tiếng lạnh lót trong đêm và trong tuyết, đã từ trên một toa tàu gọi vọng xuống người trưởng trạm, khi tàu qua đường hầm dừng lại.

Con tàu chạy qua như một tấm rèm đen và được kéo sang một bên, để hiện ra chỗ nó vừa vút qua màu sáng trong sáng và rõ nét của đồng lúa kiều mạch phía kia đường ray: một cánh đồng phơi hoa trắng trên những cụm lúa đỏ thật yên lành.

Sự xuất hiện của Yoko đã khiến Shimamura và Komako hết sức ngạc nhiên, khiến cho cả hai không chú ý mình đứng quá gần chuyến tàu hàng, nhưng tiếng rung chuyển âm âm của nó đã khiến họ trấn tĩnh lại. Và bây giờ, không còn là tiếng đoàn tàu chuyển động nhỏ dần mà là tiếng của Yoko, giọng nói rung lên lưu lại trong tai họ, thứ tiếng của tình yêu trong sáng nhất.

- Em trai tôi đó, - nàng nói thêm, mắt dõi theo đoàn tàu đã đi xa.

- Không biết tôi có nên ra tận ga không nhỉ?

- Tàu nào có đợi? - Komako cười trả lời.

- Có thể lắm.

- Tôi đến đây không phải để thăm mộ Yukio, chị biết đấy!

Yoko khẽ gật đầu thừa nhận, có vẻ chần chừ một chút rồi quỳ trước mộ.

Komako đứng thẳng, quan sát nàg.

Shimamura đã quay sang ngắm bức tượng Jizgo. Tượng có ba gương mặt dài, thêm đôi cánh tay ngoài hai tay khoanh trước ngực.

- Tôi phải đi uốn tóc đây, - Komako nói thêm với cô Yoko đi xa dần, bước lên một bờ ruộng cao.

Có một thói quen từ xa xưa ở xứ tuyết là đem lúa ra phơi, bó những bó lớn chúc ngọn xuống, treo trên những sào bằng tre hay bằng gỗ, xếp thành nhiều tầng giữa hai thân cây. Vào khi gặt rộ, những tầng lúa chất nặng và đầy tạo thành một bức tường lúa xanh.

Trên đường Komako và Shimamura trở về làng, nông dân đang gặt lúa và phơi lúa. Cử chỉ thành thục với nhịp chân nhún nhịp nhàng, một cô gái mặc bộ hamaka, dùng đũa và ném một bó lúa cho người đứng trên cô, anh ta rẽ luôn bó lúa làm đôi và treo trên sào cao. Những động tác của họ theo thói quen, chẳng kém gì tự động, đã nhịp nhàng ăn khớp đến hoàn hảo.

Komako cầm một bó trên đồng lúa và dùng đũa nhẹ nhàng trên tay như để cân nhắc một thứ vật quý.

- Anh xem này, lúa nặng trĩu bông, - cô thốt lên. - Sờ lên mát cả tay. Thật hơn hẳn năm ngoái.

Komako nhắm nghiền đôi mắt vì sung sướng. Một đàn chim sẻ bay vút qua đầu cô.

Rất xa nữa, dọc đường về, một tấm áp phích cũ dán trên tường: Mướn thợ gặt lúa. Tiền công theo giá quy định: lao công làm mùa: chín mươi xen một ngày, phụ nữ: bớt 40%.

Lúa khô cũng phơi trên sào trước nhà Yoko trong cánh đồng thoải ngăn cách với đường. Một dây dài treo thành một bức rèm giữa đám cây hồng, trước bức tường trắng bao quanh khu vườn đến tận lối vào nhà bên cạnh, một dây khác, ở góc phải, men theo rìa cánh đồng trước vườn, chìa ra một góc để lấy lối đi lại.

Người ta có thể xem như một rạp hát nhỏ tạm bợ vừa được cất lên, với những bức tường vách bằng lúa chín ở giữa những chiếc chiếu treo như thường lệ.

Trong đồng lúa, những cây khoai sọ vẫn đang xanh tốt, tàu khỏe, lá cứng cáp; ngược lại, những đóa thược dược và những hoa hồng thì đã héo tàn. Chiếc ao sen nuôi cá vàng lấp ló phía sau những tầng lúa, che khuất ít nhiều ô cửa sổ của buồng nằm, nơi Komako ở.

Yoko bước qua lối mở của những bó lúa treo, nghiêng đầu chào bực dọc, lạnh nhạt.

Shimamura ướm hỏi, mắt nuôi theo hình dáng hơi nghiêng của cô:

- Cô ấy ở một mình ư?

- Em cho là không? - Komako đánh đá trả lời với giọng chua chát. - Tức quá! Em chẳng đến hiệu uốn tóc bữa nay nữa. Anh còn đang cuốn hút theo những chuyện đầu đầu. Thế là chúng mình đã phá đám chuyến đi thăm mộ của Yoko.

- Sao em cứ làm rối lên như thế? Việc chúng mình gặp cô ấy ở nghĩa trang thì có gì ghê gớm?

- Anh thì biết em đang nghĩ gì... Em về muộn. Nếu còn thì giờ, em sẽ đi gọi đầu. Có lẽ muộn lắm rồi, dù thế nào em cũng đến.

Ba giờ sáng, Shimamura nhồm dậy vì tiếng đập cửa mạnh, anh cảm thấy cả sức mạnh của thân mình Komako dội vào ngực mình.

- Em đã bảo là em sẽ đến. Em đến rồi đây này. Đúng không. Em bảo đến là đến. Đúng chưa nào! Đúng hay không nào!

Cô thở phập phồng không chỉ bằng ngực mà cả bằng bụng nữa.

- Em say bí tỉ rồi!

- Có đúng như em đã nói không? Em nói rằng em đến. Thì em đến đây, em đã đến!

- Anh biết rồi, đúng như em nói. Phải rồi.

- Em chẳng còn thấy cái quái gì nữa khi đến đây. Chẳng có quái gì cả! Nhức đầu quá thế.

- Làm sao em leo được đến đây, dốc đến như thế.

- Không biết. Chẳng hiểu ra sao.

Nàng dẫn lên người anh hơi sỗ, trước hết là lăn lưng vào rồi thì thả cả sức lực của thân xác. Shimamura còn mắt nhắm mắt mở, cố nhích tránh và ngồi dậy, nhưng anh chợt ngã vật xuống, đầu gối va vào một vật gì nóng bừng bừng.

- Trời, sao người em nóng thế?

- Thật à? Chiếc gối than của anh đó, nghe chưa! Khéo mà nó thiêu cháy anh luôn đó!

- Nào ai biết được? Nào ai mà biết được? Cũng có thể lắm! - Shimamura nói rồi nhắm nghiền mắt, anh nhận thấy những cuồn cuộn nhiệt đang xâm chiếm mình, vây bọc đầu anh như một đám cháy đầy sinh khí đột khởi.

Nghe hơi thở của cô dồn dập, anh hồi tỉnh và mơ hồ hối hận.

Anh có cảm giác đang chình ình ra đấy, bất động, chờ đợi một sự phục thù của cô, mà không biết đó là quái quỷ gì!

- Em đã nói là em làm. Em đã đến! - Cô dẫn từng tiếng, dồn nén để anh nhận rõ. - Và bây giờ thì em đi đây, em về nhà để gọi đầu.

Cô lần về phía bàn và uống ừng ực một cốc nước lớn.

- Anh không thể để em về nhà như thế đâu, - Shimamura khẩn khoản.

- Được, được, em về đây. Họ đang đợi em. Chiếc khăn lau của em đi đằng nào nhỉ?

Shimamura nhồm dậy và định thắp đèn.

- Không! Đừng thắp đèn. Không.

Và cô giấu mặt trong đôi bàn tay, gập mình trên chiếu.

Cô vận một bộ kimono với những hoa văn màu rất sáng, được biến hóa thành chiếc áo ngủ và được thắt bằng một dải thắt lưng rất nhỏ dành cho đồ lót. Miếng vải đen quàng trên cổ, cổ giấu chiếc kimono mặc ở bên dưới, nhờ chất rượu, da thịt cô đỏ rực đến tận bàn chân trần, mà cô tìm cách che giấu với sự duyên dáng và hơi khêu gợi.

Đám đồ tắm, Komako đã quẳng vô tội vạ xuống đất khi bước vào nhà. Bộ khăn tắm, xà phòng, lược, vít bừa từ sàn đến cửa.

- Cắt cho em những thứ này. Em có kéo đây!

- Cắt thứ gì chứ?

- Thứ này! - Cô nói, ngón tay chỉ lên những sợi vải nhỏ buộc giữ những lọn tóc uốn kiểu Nhật. Em muốn tự làm nhưng không nổi: Những ngón tay này không chịu làm theo ý em. Em nghĩ rằng có thể nhờ anh.

Shimamura chăm chú rẽ tóc và cắt từng sợi dây buộc, hết cái này sang cái khác, trong khi Komako hất hất đầu cho mái tóc xổ ra rũ xuống lưng. Cô như bình tâm lại.

- Mấy giờ rồi anh? - Cô hỏi.

- Ba giờ.

- Thật không? Coi chừng không cắt phải tóc của em đấy nhé.

- Sao mà lăm dây dợ thế! Trong đời anh chưa bao giờ thấy nhiều dây buộc tóc như thế. - Shimamura thốt lên, vẫn bận bịu với việc cắt những sợi dây buộc tóc. Độn tóc giả giữ cho búi tóc cô dựng đứng, ở phía áp vào đầu cô, nóng dội lên.

- Đã ba giờ rồi thật đấy à? - Cô ngạc nhiên. - Và em đã hẹn đi tắm với các cô ấy! Chắc là lúc qua nhà, em đã ngủ quên. Họ đã đến gọi em và họ sẽ hỏi nhau, không biết giờ này em đang ở đâu.

- Họ đợi em ư?

- Ở nhà tắm công cộng. Có ba cô. Có sáu cuộc hội họp nhưng em chỉ dự được có bốn. Tuần tới sẽ bận tới tấp với các du khách tới đây để xem cây phong. Cảm ơn, cảm ơn anh lắm! Komako ưỡn người ra để chải mớ tóc dài vừa xổ ra, cười ngượng ngập:

- Trông có kỳ cục không anh?

Và để cho có vẻ chừng chạc, cô cúi xuống và lượm độn tóc giả.

- Em phải đi đây, - cô nói. - Thật bất lịch sự để cho họ phải chờ em. Đêm nay em không đến được đâu.

- Em có nhìn từ rõ đường về không?

- Thấy, thấy mà!

Nhưng khi ra tới cửa thì chân cô dẫm phải gấu áo kimono.

Buổi sáng nay trước bảy giờ, còn giờ đây là ba giờ đêm, trong một ngày ngắn ngủi, hai lần đến thăm anh, cô đều chọn những giờ oái oăm, Shimamura tự nhủ: “Chuyện này hẳn có điều gì không bình thường đây”.

Khách tham quan hẳn sắp tấp nập đến thưởng ngoạn cảnh lá vào thu. Người ta đã trang hoàng cổng vào các quán trọ với những cảnh phong.

Người gác cổng điều hành công việc này rất độc đoán, tự cho mình sánh được với phẩm chất của loài chim di cư. Như các đồng nghiệp, thật ra, hẳn làm việc ở các trạm nghỉ miền núi từ mùa xuân đến mùa thu, tận lúc khách đến với mùa lá, hẳn mới trở về bãi biển cho đến hết mùa đông. Với hẳn, có trở lại nơi làm việc cũ hay không chẳng hề quan trọng và kiêu căng vì đã từng làm quen với các đám khách bảnh bao, ở các trạm nghỉ giàu có ở bờ biển, hẳn có vẻ khinh thường việc đón khách ở các quán trọ vùng cao.

Ở ga, hẳn có dáng một thằng ăn mày lỗ mãng khi hẳn xoa tay ra vẻ bối rối quanh đám khách vừa tới:

- Đã bao giờ ông ném thứ này chưa? - Hẳn hỏi Shimamura lúc anh vừa đi dạo về, chứa ra một quả akebi trông tựa tựa một quả lựu - Nếu ông thích

tôi sẽ vào núi hái cho.

Shimamura nhìn hắt treo quả akebi còn nguyên nhánh lên một cảnh phong trang hoàng ở cổng vào. Những cảnh phong mới chặt còn tươi, khá dài, vươn tới tận đầu mái hiên, lá màu rực sáng, bóng lên, mặt lá rộng khác thường. Toàn bộ cổng vào rực rỡ sắc màu than hồng chang chói.

Khi lòng bàn tay anh cầm được trái akebi tươi ngon, Shimamura nhìn từ Yoko ngồi trước lò sưởi trong văn phòng. Mụ chủ quán đối diện với nàng đang hâm nóng rượu sake trong một cái bình bằng đồng, hướng về cô gái trẻ gặt đầu lia lia trả lời mụ để đáp lại điều mụ bảo. Bộ kimono của Yoko giản dị và nhã vừa được giặt là.

- Cô ấy làm việc ở đây ư? - Shimamura lơ đãng hỏi người gác cổng.

- Vâng thưa ông. Khách đến đông như vậy, chúng tôi phải lấy thêm người.

- Bác cũng vậy sao?

- Đúng vậy! Nhưng với cô ấy, người bản địa, thật là một trường hợp rất hãn hữu. Cô ấy là một thiếu nữ nhà giàu đấy, tôi nghĩ thế. Điều hiển nhiên là Yoko làm việc tại văn phòng và không bao giờ xuất hiện trước khách khứa. Dần dần, khách đến ngày một thêm đông ở quán trọ và có thể nhận ra giọng nữ cao của đám phụ nữ phục vụ, nhưng Shimamura chưa nhận ra giọng nữ trầm sáng của Yoko. Và khi người hầu gái thường chăm sóc căn phòng anh cho biết rằng, thông thường, Yoko thường hát trong lúc tắm, trước khi đi ngủ, anh cố lưu ý, nhưng cũng chưa nghe thấy gì.

Từ khi biết Yoko có mặt ở nhà này, Shimamura cảm thấy hơi ngượng ngập, không hiểu vì sao. Anh tự cho là kỳ quặc nếu như lại cho người gọi Komako tới. Có phút nào đó trống rỗng nơi anh. Sự tồn tại của Komako vẫn làm cho anh thấy đẹp, nhưng hãy để cái hư ảo và cô đơn đến, mặc dù anh thầm biết Komako đã dâng hiến tình yêu cho anh tất cả. Trống rỗng. Và sự gượng gỏi, sự lao vào kiếm sống của cô làm cho anh đau khổ, như dưng vào chỗ hiểm. Anh xót xa, thương xót chính mình.

Đôi mắt thơ ngây kia, đôi mắt của Yoko có thể rọi sáng đến đáy của những chuyện đó, anh chắc thế và anh cũng chẳng biết vì sao, sự thực ra sao, khi mình bị người con gái ấy hút hồn.

Komako thường vẫn đến với anh mà chẳng cần phải cho người gọi.

Cái ngày mà Shimamura xuống thung lũng để thưởng thức lá phong, anh đi ô tô qua nhà cô. Nghe tiếng động cơ, đoán ra là anh, cô chạy vội ra để gặp mặt. Ngay lập tức cô trách móc: “Anh chàng thèm ngoái đầu nhìn lại, người sao mà lạnh lùng, vô tình thế?” Phần cô, nếu có dịp, hoặc đến quán trọ, hoặc đi tắm, cô đều tạt vào nơi anh ở. Khi mắc tiệc tùng, Komako thường đến sớm, ít nhất là một giờ, chờ cho tận lúc con hầu tới tìm cô. Lại nữa, giữa dạ hội cô thường linh ra một thoáng chốc, ngồi trước gương, điểm trang lại, rồi đi: “Thôi, em phải đi đây. Công việc. Lúc nào cũng công việc: lại công việc”.

Cô thường bỏ lại nơi anh ở một thứ gì đó, khi thì chiếc áo choàng, khi thì cái túi đựng chiếc vuốt gảy đàn...

- Khổ đến điều! Đêm qua về đến nhà em, chẳng còn một giọt nước nóng để pha trà. Sờ lần vào bếp mới lục ra được chút thừa của bữa điểm tâm. Và lạnh... lạnh quá thể! Sáng nay, chẳng ma nào đến gọi em, em ngủ đến tận mười giờ rưỡi sáng, mà em thì muốn đến thăm anh lúc bảy giờ.

Đó là thứ chuyện cô thường rỉ rả với anh, hoặc là kể chuyện về quán trọ đầu tiên cô tới hoặc những quán trọ khác; những buổi tiếp khách từ sáng chí tối mà cô đã nhận lời. Lúc nào Komako cũng vội vã.

- Em sẽ trở lại mà! - Cô nói đoái lại, sau khi nốc cạn một cốc nước trước lúc đi. - Trừ phi không xoay sở nổi. Những ba mươi vị khách mà chúng em chỉ có sáu người. Thật đâm đầu đổ đuôi.

Rồi cô quay lại hầu như ngay lập tức:

- Vất vả quá. Khách những ba chục mà chúng em chỉ có ba người. Đã thế, ba geisha thì một đã luống tuổi, một cô lại quá trẻ, tất cả dồn lên đầu

em. Thật keo kiệt. Có lẽ là một dịch vụ du lịch tổ chức dưới dạng nào đó... Những ba mươi khách, chí ít cũng phải sáu geisha. Để xem sao. Em đi đây! Em uống một cốc rượu và sẽ dạy cho họ phải biết cách đối xử ra sao!

Mọi việc cứ thường xảy ra như thế, ngày nối ngày. Chạy trốn và lẫn tránh, đó là những gì mà Komako muốn làm, khi cô tự hỏi cứ triền miên như vậy thì sẽ đi đến đâu. Nhưng cô càng đẹp đến xiêu lòng dù đang trong thứ hào nhoáng vô hình của tuyệt vọng và mất mát.

- Sàn nhà trong hành lang cứ kêu rảng rặc. Em đã bước thật nhẹ và giữ ý mà họ vẫn cứ nghe thấy và đám con gái lại cất tiếng lục vấn khi em đi qua. “Thế nào, Komako lại lên phòng Trà Hoa đây hả?” Chưa bao giờ em nghĩ có lúc nào em phải lo lắng đến thanh danh của em như thế.

- Làng này nhỏ quá mà!

- Tha hồ mà rong chuyện. Thiên hạ ai cũng biết hết rồi.

- Hồng, hồng quá! Không thể như thế được.

- Trong cái xó nhỏ bé, khốn khổ như ở đây, chuốc tiếng xấu là tong đời. - Cô lý sự, nhưng lại mỉm cười rất dịu dàng nhìn anh. Cái đó cũng chẳng làm gì được em. Nghề của em chỗ nào mà chẳng kiếm được việc làm.

Giọng nói thẳng thắn, tính tự nhiên hoàn toàn, đi thẳng vào tình cảm ấy, một người nhàn cư, sẵn thừa hưởng của cải như Shimamura làm sao hiểu nổi.

Shimamura chúc cô ngủ ngon.

- Khoan đã. Em sẽ đưa anh về quán trọ. Nhưng chỉ đến cửa thôi nhé. Không xa hơn đâu.

Dù vậy, cô vẫn bước vào cùng anh.

- Anh đi nằm đi, - cô bảo anh rồi bỏ đi, một lát sau, khi trở về, cô đem lại hai li rượu sake.

- Một li thôi, - cô nói khi bước vào, - chúng mình uống với nhau một li thôi.

- Họ chưa ngủ ư? Em moi rượu ra từ đâu thế?

- Em biết chỗ có rượu. Hẳn là Komako đã uống rồi, cô lấy từ trong thùng mà uống. Cô lại có vẻ say như ban nãy, mắt nhắm lại, cô ngấm rượu sóng sánh ra tay mình.

- Hết cả thú vị, nếu uống rượu trong bóng tối.

Ngoan ngoãn, Shimamura cầm li rượu cô đưa cho và uống.

Thông thường, một chút rượu như thế, anh làm sao say được, nhưng có lẽ anh đã nhiễm lạnh lúc đi đường. Uống xong, anh thấy trong người khó chịu. Đầu óc quay cuồng, anh đau nhói ở tim, anh run rẩy, da tái mét. Nhắm mắt lại, anh nằm thẳng cẳng trên nệm. Lo lắng, Komako ôm anh trong vòng tay, sức nóng trong cơ thể cô truyền sang khiến Shimamura có cảm giác như một đứa trẻ thơ được âu yếm.

Cô ôm anh, rụt rè, ngượng nghịu như một người đàn bà chưa bao giờ có con, chưa bao giờ ẵm trẻ.

- Em thật tốt và dễ chịu.

- Em ư? Tại sao? Em làm gì đâu nhỉ? Em là người thế nào cơ?

- Tốt và dễ chịu.

- Anh chế nhạo em như thế chẳng hay gì! - Cô ngã người ra phía sau, nhìn lơ đãng, nói. Và cô đung đưa người ru anh ngủ, khẽ mỉm cười, nụ cười như dành cho chính mình.

- Em chẳng tốt và dễ chịu đâu. Có anh ở đây như thế này nào có dễ. Anh về nhà đi có lẽ tốt hơn. Em cứ muốn mặc một bộ kimono khác mỗi lần đến thăm anh, nhưng những cái em có, em đều mặc rồi. Cái này em mượn đấy. Thấy chưa nào, em không được như anh nói đâu, không phải thế đâu!

Shimamura chẳng nói gì cả.

-Ồ, em dễ chịu ở chỗ nào hả anh? - Cô tiếp với giọng hơi đổi khác. - Khi gặp anh lần đầu, em cứ tự nhủ mình là đã gặp một người mà mình rất ác cảm. Những người khác đâu có nói như anh.

- Em ghét anh! Ghét lắm!

Shimamura vui vẻ tán thành.

- Và bây giờ thì, - cô nói, - anh đã hiểu tại sao em chưa dám có ảo tưởng gì về chuyện ấy. Và khi người đàn bà buộc phải nói ra, chắc hẳn là người ấy đã đi quá xa...

- Thế càng hay chứ sao!

- Thật không?

Im lặng trùm lên hai người: cô, chìm trong suy tưởng; và Shimamura, khoan khoái với hơi ấm của cô khiến anh nhận ra sự hiện diện sống động của đàn bà.

- Một người đàn bà tuyệt hảo. - Anh nói.

- Gì cơ?

- Đàn bà tuyệt hảo!

- Anh nói gì lạ thế!

Cô ngoảnh đầu như để tránh cảm giác chà xát của cằm Shimamura vào vai mình.

Đột nhiên, không hiểu sao, Komako chống người lên một khuỷu tay, giọng run lên vì giận dữ:

- Một người đàn bà tuyệt hảo, hả? Sao anh ă nói thế? Anh muốn nói gì vậy?

Shimamura dăm dăm nhìn cô, không trả lời.

- Anh thừa nhận đi: chính vì thế mà anh đến đây à? Anh chế giễu em. Anh khinh em quá!

Mắt cô rực lửa, vai cô run lên vì giận, mặt đỏ như. Nhưng cơn giận bùng bùng lại nguôi ngay lập tức như khi nó bốc lên và nước mắt ràn rụa trên gương mặt tái ngắt:

- Em ghét anh! Trời ơi! Em ghét anh biết chừng nào!

Cô lảo lộn, cô rời tấm nệm, ngồi trên sàn, quay lưng lại với anh.

Shimamura tiếp nhận sự việc ấy như dao đâm vào tim và biết rằng cô đã hiểu lầm. Anh chỉ nghe, không nói một lời, mắt nhắm lại không thể động cựa nổi.

- Trời ơi, sao tôi khổ thế này, - cô kêu nho nhỏ, người cuộn tròn như trái bóng, đầu gục lên gối, nước nở.

Khi đã khóc hết nước mắt, cô ngồi đó, thờ thẩn đâm chiếc ghim bạc xuống chiếu, chiếc ghim cô rút từ búi tóc. Một lúc sau, cô rời khỏi phòng.

Shimamura không còn đủ sức để theo cô. Cô đã có lý khi cảm thấy bị tổn thương...

Nhưng cô đã trở lại ngay, đi chân không, bước rất nhẹ trên hành lang.

- Anh có muốn tắm không? - Giọng rụt rè và sắc, cô hỏi ở phía sau cửa.

- Nếu em muốn.

- Em xin lỗi, - cô nói. - Nghĩ lại, em thấy mình sai.

Thấy cô không muốn vào phòng, Shimamura vớ lấy chiếc khăn tắm bước ra hành lang, cô đi trước anh, đầu cúi xuống, như một tội phạm bị cảnh sát dẫn đi.

Nước tắm ấm thấm vào người cô, đem lại tính tình vui vẻ, đáng yêu, linh hoạt và tự nhiên khiến hai người chỉ còn nghĩ đến đi ngủ khi trở về phòng.

Sớm mai, khi thức dậy, Shimamura nghe thấy ai đó đang ngâm lên một vở tuồng *Noh*^[13], anh thoáng lắng nghe, không dậy nữa.

Komako, trước gương, quay lại mỉm cười với anh.

- Những vị khách của phòng khách Hoa Mai^[14]. Họ đã gọi em ngay lễ hội đầu tiên, anh còn nhớ không?

- Các nghệ nhân tuồng Noh đi du lịch à?

- Vâng.

- Tuyết có rơi không em?

- Có anh ạ! Cô đứng dậy, ra mở cửa.

- Mùa lá phong chấm dứt rồi. - Cô nói.

- Dù đi đến đâu thì cũng thế thôi. Em biết làm cách nào hơn chứ. Có lẽ như thế. Nhưng Shimamura càng muốn đoán biết cái người đàn bà đích thực núp dưới vẻ phớt tỉnh bề ngoài đó của cô.

- Có quái gì mà em phải than thở nhỉ? - Shimamura tiếp lời. - Xét cho cùng, chỉ đàn bà là biết yêu mà thôi.

Mặt cô ửng hồng, Komako cúi xuống, nhìn xuống đất.

Chiếc cổ cứng áo kimono tách xa khỏi cổ lộ ra một khoảng lưng trắng hình quạt hở đến tận vai. Đẹp một chút thoáng buồn dưới làn da nhồi phẩn, người ta dễ rung cảm trước sức sống và dễ liên tưởng đến một chất vải len hay là lông thú.

- Trong cái cõi đời như hiện tại ư?... - Shimamura nói buông thông, không khỏi rùng mình vì sự trống rỗng của lời mình.

Komako chỉ nói:

- Bao giờ cũng thế! - Rồi, cô ngẩng đầu lên: - Anh không biết thế hay sao? - Cô hỏi và nhìn anh.

Cái màu đỏ óng ả phía dưới áo kimono lót chặt vào da thịt, khi cô ngẩng lên, thì bỗng mất luôn tầm dạng.

Shimamura từng đã dịch Valéry và Alain cùng những bài khảo cứu Pháp về vũ đạo, xuất bản trong thời kỳ hoàng kim của vũ balê Nga. Anh toan bỏ

tiền túi ra để in, ấn phẩm đẹp với số bản ít: một cuốn sách, thực ra, chẳng đem lại được điều gì cho vũ balê Nhật Bản, nhưng chí ít, khi tung ra bán, cũng sẽ trợ giúp và làm anh nhẹ lòng. Anh tự giấu mình với nụ cười mỉa mai khi chưa kịp thực thi điều đó. Nào anh biết được cái niềm hân hoan độc nhất chẳng dặt nên cái thế giới đầy hoa mộng tưởng hảo huyền, duyên dáng và u buồn thích thú. Nào đã có gì thúc giục anh thực hiện đâu, trong lúc đang du ngoạn này, chẳng có lý gì để anh vội vã.

Cái đám côn trùng hấp hối và lăn ra chết ở đây chẳng hạn, đã chiếm mất một phần thì giờ nhàn rỗi của anh. Và mỗi ngày, khi hơi lạnh nhuốm vào trời thu, lại thêm biết bao nhiêu xác đám côn trùng lăn xuống sàn: cánh cứng đơ, chúng rơi bật ngửa xuống, không dậy nổi nữa, cựa quậy rồi chết. Một con ong cũng thế, không bay nổi, bò lên rồi lại rơi tòm xuống, rơi xuống, ngã lăn ra rồi chết. Đó là sự kết thúc êm đềm, anh nghĩ, thứ chết đến với những phút giao mùa. Nhưng khi quan sát chúng thật gần, anh nhìn cái đám chân, đám râu của chúng trong cuộc chống chọi giành sự sống, thì thương biết mấy. Và với những cái chết quá nhỏ nhoi, cái vũ đài rộng mênh mông kia, chỉ là tám thước vuông chiếu trong phòng anh.

Thình thoảng anh nhặt vài con vớt ra ngoài và thoảng nghĩ đến những đứa con mà anh để lại ở Tokyo.

Trên tấm lưới kim loại ở cửa sổ, có những con bướm đêm, bất động hồi lâu, rồi kết thúc cuộc đời, rơi xuống như những chiếc lá rụng. Cũng có con đậu trên tường, bỗng trượt đà rơi xuống đất. Đặt những con côn trùng giữa lòng tay, Shimamura trầm tư chiêm ngưỡng về sự phong phú, về cái đẹp thánh thiện của những kiếp phù du. Rồi đến lúc người ta dỡ đi những tấm lưới ở cửa sổ, dần dà, nơi tiếng chân ngắt quãng của đám côn trùng cánh mảnh giảm dần, nơi tiếng vo ve, tiếng xè xè cũng đã trở nên mỗi lúc một hiếm hoi.

Màu đỏ sậm rỉ sắt và màu nâu đậm dần dần đã choán các triền núi và trong phút chiều đổ nhanh, những đỉnh núi chỉ ngời lên thứ màu xám lạnh của đá.

Quán trọ luôn đầy ắp du khách đến thưởng thức phong cảnh rừng phong.

- Chắc là em không thể quay lại với anh sớm được. Có một dạ hội của người trong làng.

Đó là điều mà Komako nói với anh trước khi bỏ đi và Shimamura nghe thấy tiếng ồn ào từ bàn tiệc dâng lên với giọng sắc chói của đám phụ nữ. Đám hội đang phút từng bừng, chợt có tiếng cất lên khiến Shimamura hết sức ngạc nhiên tưởng ngay sát nách mình, một giọng rất thanh ướm hỏi: “Tôi vào được chứ ạ?” Anh giật thót. Đó chính là Yoko.

- Komako nhờ tôi mang cái này đến đây.

Tay nàng chìa ra tờ thư, như thể mình chỉ là một người phát thư. Nhưng phút cuối cùng, nhớ lại chuyện phải giữ lễ nghi, nàng vội vã quỳ xuống, nâng lá thư lên cho anh. Trong lúc Shimamura mở bức thư gập làm tư thì Yoko đã biến mất. Nàng không kịp nói năng điều gì.

“Dạ hội linh đình và ồn. Uống rượu nhiều”. Đó là tất cả vắn vện trong bức thư tay, viết vội vã trên tờ giấy ăn, nét chữ hiện rõ người đang say rượu.

Mười phút sau, Komako xuất hiện:

- Có ai mang cái gì đó đến cho anh không?

- Có!

- Thật à? - Cô thốt lên với một thoáng nhìn ranh mãnh. - Anh biết em vui biết chừng nào không? Rượu sake thật tuyệt. Em nói với họ là em đi đặt thêm rượu và em lên lên đây. Nhưng gã gác cổng đã nhìn thấy em. Mặc kệ, sà nhà có kêu lên rằng rắc thì em cũng coi khinh. Họ càu nhàu thì kệ họ. Không hiểu sao cứ đến đây là em cảm thấy say. Chết rồi! Em phải trở về với công việc đây.

- Em duyên dáng và đỏ bừng đến tận móng chân đấy. - Shimamura ném ra một câu.

Nhiệm vụ phải thế. Công việc. Phận sự. Cô ấy có nói gì với anh không? Ghen tuông khiếp cả người! Anh liệu có ghen dữ dằn không đấy?

- Ai thế?

- Rồi có một ngày sẽ có người bị giết.

- Cô ta làm việc ở đây à?

- Chính cô ấy bưng rượu sakê đến. Rồi cô ấy đứng lì ra quan sát chúng em với cái nhìn như tia lửa điện. Đôi mắt, chắc là anh thích đấy- Chẳng lẽ cô ấy nghĩ rằng say rượu là điều xấu hổ cho em.

- Bởi thế em mới đẩy khéo cô ta ra ngoài bằng cách nhờ gửi thư cho anh. Nước, làm ơn cho em một cốc nước. Nhưng em hỏi anh, xấu hổ để cho ai mới được chứ? Nhưng trước khi trả lời em, anh hãy thử chài cô ấy một chút xem sao?

Cô quay lại đến đứng trước gương, chống mạnh hai tay lên chiếc bàn nhỏ: “Chẳng lẽ mình đã say?” Lát sau, lấy chân hất chiếc áo dài kimono, cô bước ra ngoài.

Đêm hội đã tàn. Quán trọ dần dần trở về yên tĩnh. Shimamura nghe loáng thoáng những tiếng dọn dẹp mơ hồ ở văn phòng. Rốt cuộc anh đoán Komako lại bị kéo sang một bữa tiệc khác. Đúng lúc ấy Yoko xuất hiện, mang cho anh một mảnh giấy:

“Quyết định không đi Sampukan, đến phòng khách Hoa Mai, trở về có thể ghé qua. Chào anh!”.

Shimamura mỉm cười lúng túng, gượng gạo trước sự có mặt của Yoko.

Anh nói với nàng:

- Cảm ơn cô lắm lắm. Thế ra cô giúp việc ở đây ư?

Cái nhìn chầy bóng nhằm vào Shimamura đẹp và mãnh liệt đến nỗi anh có cảm tưởng người mình bị xuyên suốt. Anh càng thêm ngượng ngùng nhìn thấy trước mặt mình người con gái trẻ mà mỗi lần gặp lại khiến mình

xúc động sâu xa, khiến anh tự thấy khó xử đến lo âu khó tả. Vẻ trang nghiêm từ đầu đến cuối, nàng như đang trong những khúc mắc bí ẩn và đầy thương cảm của tấn bi kịch lớn lao.

- Chắc là cô chẳng phút nào rảnh rang phải không?

- Tôi chẳng biết làm gì lắm đâu!

- Kể cũng lạ, tôi luôn được gặp cô. Lần đầu tiên, cô đưa một chàng trai về nhà anh ta và cô nói chuyện với người trưởng ga về người em của cô, cô có nhớ không?

- Vâng.

- Tôi nghe nói cô hát trong khi tắm, trước lúc đi ngủ?

- Anh cũng biết cơ à? Người ta buộc cho tôi là xấu thói lắm phải không?

Giọng nói đẹp lạ lùng khiến cho ai cũng phải mê mết.

- Tôi cũng có biết nhiều một chút về cô.

- Thế ư? Có phải ông đã hỏi chuyện Komako?

- Komako? Cô ấy không nói đâu. Cô ấy có vẻ lúc nào cũng tránh nói về cô!

- Tôi hiểu, vâng, - Yoko nói và quay lại, - Komako thật tốt, nhưng cô ấy nào có được sung sướng gì. Ông hãy thương lấy cô !

Giọng nàng hơi mất bình tĩnh và run đôi chút về cuối.

- Biết làm gì cho cô ấy đây? Thật quả tôi chẳng biết làm gì cả!

Shimamura nói và nhìn thấy nàng hơi phát run lên bởi căng thẳng và xúc động.

Vội vã anh ngoảnh đi trước khi cái tia chớp lóe lên trên gương mặt nghiêm nghị ấy.

- Tốt nhất là tôi được mau mau trở về Tokyo, - anh cười nói.

- Tôi định cũng đi Tokyo đây?
- Bao giờ thì cô đi?
- Một ngày nào đó, chẳng cần biết.
- Trở về Tokyo, cô có cho phép tôi đến thăm không?
- Mời ông cứ tự nhiên.

Sững sờ về những lời lẽ hết sức nghiêm trang mà giọng của cô thì phớt lờ mọi chuyện, Shimamura tiếp:

- Nếu gia đình cô thấy không có gì bất tiện.
- Gia đình tôi không có ai khác, ngoài người em trai làm ở ngành đường sắt, - nàng đáp. - Tôi làm gì là tùy mình.
- Ở Tokyo, cô có tìm được việc gì làm không?
- Không!

- Thế cô đã bàn bạc gì với Komako chưa?

- Komako ư? Tôi chẳng có cảm tình với cô ấy. Tôi chẳng nói gì với cô ấy cả. Khi ngẩng lên nhìn anh, mắt nàng ngấn nước và ai biết đó phải chăng là dấu hiệu ưng thuận? Trước vẻ quyến rũ, Shimamura thấy nàng có một vẻ đẹp huyền bí đến xiêu lòng. Nhưng chính lúc này, lòng anh lại trỗi dậy sự triu mến với Komako. Bỏ đi Tokyo với cô gái xa lạ này, như một sự cùng nàng lên trốn, Shimamura cảm thấy đó là một hình phạt, một tội lỗi mà anh gây ra cần phải được Komako tha thứ.

- Đi với một người đàn ông, cô không sợ à?
- Sao lại sợ?
- Cô không thấy hơi liều là trở về Tokyo cô không biết mình ở đâu và không có việc gì làm ư?
- Đối với một người đàn bà, cứ đến nơi là xoay sở được, - nàng khẳng định với giọng nói riêng như một giai điệu đắm lòng người.

Nàng ngước lên, mắt nhìn thẳng vào mắt Shimamura: - ông có ưng muốn tôi làm cô hầu không? - Nàng hỏi anh.

- Sao cơ? Xem kìa, cô mà xin đến để hầu hạ tôi à?

- Vâng, nhưng tôi không muốn đến để làm con ở!

- Lần trước, đặt chân đến Tokyo, cô làm gì?

- Y tá.

-Nhân viên trong một bệnh viện hay là y sinh trong một trường đào tạo y tá?

- Tôi nghĩ là tôi vốn yêu cái nghề ấy.

Shimamura cười. Có lẽ đó chính là nàng đã nghiêm túc giải thích việc nàng chăm sóc con trai bà giáo dạy nhạc trên xe lửa.

- Và cô luôn luôn mong mình trở thành y tá? - Shimamura lo lắng hỏi.

- Hiện nay thì không!

- Vậy cô phải quyết định một điều gì chứ? Cô làm sao cứ như thế này mà không biết mình muốn làm gì? Không thể buông trôi cuộc sống được!

- Buông trôi? Nhưng tôi đâu có buông trôi. Chuyện đó là cái quái gì!

Và nàng cười ra cười, như thể trút đi lời buộc tội của Shimamura.

Một giọng cười trong mà sắc, như chính giọng nói của nàng, tiếng cười như lúc nào cũng hướng về nơi vô định, từ nỗi cô quạnh mà ra. Một tiếng cười không hề thô tháo, vô lối, mà nó lặng dừng sau khi đã gõ vào cánh cửa trái tim của chàng.

- Tôi chẳng biết sao cô lại cười như thế nhỉ?

- Hẳn chứ, bởi vì bao giờ tôi cũng chỉ săn sóc cho một người thôi, - nàng giảng giải, mặc cho Shimamura càng tỏ ra kinh ngạc. - Và chẳng bao giờ tôi có thể làm như thế nữa, - nàng nghiêm trang nói tiếp.

- Tôi hiểu, - anh mơ hồ đáp, vì không biết nói gì hơn. - Nghe đồn cô vẫn thường đến nghĩa trang!

- Quả có thể!

- Trong đời cô, không còn ai nữa để cho cô chăm sóc sao? Cô cũng không thể nào thăm mồ của một người nào khác?

- Không bao giờ. Không một ai.

- Vậy thì, cô làm sao đi xa được cái nghĩa trang, bỏ lại ngôi mộ để đi Tokyo.

- Rất tiếc, nhưng tôi năn nỉ ông mang tôi theo tới Tokyo.

- Komako nói là cô ghen ghê lắm. Chàng trai trẻ đó có phải là vị hôn phu của cô không?

- Yukio ấy à? Không phải đâu. Sai cả. Không phải mà.

- Nhưng tại sao cô không thích Komako?

- Komako... - Nàng bắt đầu như thể nói với một người nào khác trong phòng, ném cái nhìn cháy lửa vào Shimamura. - Komako, ông hãy đối đãi tốt với cô ấy. Tôi không thể làm gì cho cô ấy được.

Nước mắt ứa ra, Yoko bóp nát một con bướm nhỏ trên chiếu, để nuốt một tiếng nghẹn ngào: - Komako cho rằng tôi đã phát rồ. Nói đoạn nàng rời khỏi căn phòng.

Shimamura ở lại, lạnh run. Anh đứng dậy, mở cửa sổ, vứt con bướm chết ra ngoài. Anh chợt nhìn thấy Komako say mèm, chơi trò ăn thua gì đó với một khách làng chơi. Cúi xuống hầu như mất thăng bằng, cô muốn đặt hết món tiền cược. Bên ngoài, trời đầy mây. Shimamura bước xuống, đi tắm.

Với một giọng nhỏ nhẹ, dịu dàng, giọng nói của tình mẹ con, nàng nói với bé gái để cởi áo và tắm cho nó. Giọng nói của người mẹ trẻ, hiền dịu và âu yếm, lại càng hiền hậu hơn, khi nàng cất tiếng hát:

Bé ơi, kia kia

*Ba gốc cây lê
Ba cây gỗ bách
Là sáu phải không?
Dưới có tổ quạ,
Trên là tổ chim
Một trăm thước nhé
Là về nghĩa trang...
Hakamiri,
Itchô, Itchô, ya.*

Đó chỉ là một bài đồng dao, bọn bé gái thường hát khi chơi banh, nhưng Yoko đã hát cái điệu hát để chơi hết sức sống động khiến Shimamura tự hỏi phải chăng nàng Yoko này anh gặp trong mơ, chẳng hề là nàng Yoko anh gặp trong phòng.

Nàng vẫn tiếp tục nói nựng với đứa bé, mặc quần vào cho nó, rồi cô cháu dắt nhau rời khỏi phòng tắm, khiến Shimamura vẫn còn như thấy vang ngân một lúc sau đó cái giọng nói như những tiếng sáo du dương đưa lại.

Trên sàn nhà bóng nhẵn của hành lang cũ kỹ có hộp đàn samisen của một geisha nào bỏ lại: Shimamura thoáng tưởng đó là chiếc quan tài nhỏ của thu tứ muộn màng chìm trong sự yên lặng của đêm khuya. Shimamura cúi xuống để đọc tên người chủ cây đàn, chợt Komako bước vào từ nơi có tiếng va chạm của cốc chén.

- Anh làm gì thế?

- Ban đêm, cô ấy có ở lại không? - Shimamura hỏi.

- Ai? Cô ấy ư? Sao anh đồn thế? Có phải đi đến đâu là chúng em cứ phải kéo theo đủ mọi thứ! Những thứ ấy phải để lại quán trọ ngày này sang ngày khác.

Cô cười trả lời, nhưng ngay tức khắc cô đã nhắm nghiền mắt và gương mặt lộ đầy vẻ đau đớn.

- Anh đưa em về nhà nhé, được không anh?

- Em đâu có cần về, phải không?

- Cần đấy, em phải về! Các cô kia đã đi cho các buổi khác. Họ đã đi trước cả rồi. Họ cũng chẳng nói gì được em, vì em ở đây lâu, vì em có việc. Nhưng thế nào cũng có lời ra tiếng vào, nếu như họ đi tắm qua, ghé nhà rủ em đi mà chẳng thấy ma nào cả.

Mặc dù đang say rượu, cô vẫn lẹ bước trên đường làng.

- Con bé Yoko, thế mà anh làm cho nó khóc được à?- Cô trách.

- Cô ta có vẻ hơi trái tính.

- Nhận xét người ta như thế, anh thích lắm sao?

- Nhưng chính là em đã bảo cô ấy thế đấy chứ? Và nhớ đến lời em đã bảo, cô ấy mới khóc, thật tình, anh cho là cô ấy cảm kích hơn là đau khổ.

- Thế ư? Như thế còn hơn.

- Hơn nữa chỉ chưa đầy mười phút, cô đi tắm, lại còn hát rất hay.

- Bao giờ cô ấy cũng thích hát khi tắm.

- Cô ấy dặn đi dặn lại anh phải săn sóc em cho chu đáo.

- Con bé thật dở hơi. Nhưng việc gì anh phải kể cho em nhỉ?

- Sao lại không? Động nói chuyện đến cô ấy y như là em giãy lên như đĩa phải vôi.

- Anh có thích chiếm lấy cô ấy không?

- Đấy, rõ ràng nhé! Anh chẳng nói gì mà em cứ gây gổ mãi.

- Em nói nghiêm chỉnh đấy, - Komako tha thiết, - mỗi lần gặp cô ấy em cảm thấy như có gánh nặng oằn lên vai, mà em không hất ra được, chẳng

hiếu như vậy có đúng không. Nếu quả anh đã vấn vương với cô, thì đây là dịp anh hiếu rõ thêm là em định nói gì?

Nói đoạn, Komako đặt tay lên vai anh, ngả người ra và vội vã nói:

- Không, không? Không phải thế...Nếu cô ấy rơi vào tay một người như anh, có lẽ cô ấy chẳng khùng điên đâu. Gánh nặng, liệu anh có trút bỏ hộ em được không?

- Chẳng lẽ em cứ thích châm chọc mãi?

- Anh tưởng là em say, ăn nói lung tung đấy à? Đâu phải thế? Nếu em biết cô ấy có người để nhờ cậy được, thì em cứ phó mặc sống cho qua ngày ở xó rừng này, thế cũng nhàn xác lắm rồi.

- Thôi đủ rồi đây!

- Mặc xác em! Cô bỏ đi như chạy và đâm sầm vào cánh cửa nhà mình đang đóng chặt.

- Chắc là người ta tưởng em không về nữa.

- Chẳng hề chi. Em mở được.

Cánh cửa cũ kĩ kêu cọt két, cô nhấc nó khỏi rãnh và mở ra.

- Anh vào nhà em chơi nhé?

- Em quên cả giờ giấc rồi sao?

- Cần quái gì. Mọi người đã ngủ rồi.

Shimamura đứng yên, lưỡng lự.

- Nếu không, để em đưa anh về quán trọ.

- Anh về một mình được mà, khỏi phiền em.

- Thế nhưng anh chưa vào thăm phòng em ở.

Họ bước vào nhà, qua ngưỡng cửa của gian nhà mà trên những tấm đệm mỏng trải ngang trải dọc các thành viên trong gia đình đang ngủ yên:

những dáng người thu lu trong đồng nệm cũ bạc phếch, dệt bằng thứ vải bông thô, dưới chụp đèn đỏ quạch nằm ngổn ngang như người bố, người mẹ và năm sáu đứa con, đứa lớn nhất mới chừng mười sáu tuổi. Dù cảnh trước mắt gợi lên cái cực khổ lầm than, nhưng từ đó lại thấy một sức sống mãnh liệt như muốn bùng ra vội bị hãm lại.

Hơi thở nóng ấm của những người đang ngủ khiến Shimamura lùi ngay lại, định quay ra, nhưng Komako đã nhẹ nhàng đóng cửa, tiến sâu vào trong nhà mà chẳng cả thềm bước nhẹ.

Shimamura vội theo sau, thận trọng bước qua những chiếc gối và đầu đám trẻ con đang ngủ. Tìm anh thất lại trong cơn bối rối lạ kỳ.

- Chờ em một chút, em lên lấy đèn xuống.

- Không sao đâu em ạ. Cảm ơn!

Anh bước lên cầu thang tối om. Quay lại, anh thoáng nhìn thấy quầy bán bánh kẹo ngay phía sau nơi gia đình đang ngủ.

Những tấm chiếu cũ trải kín bốn gian phòng sơ sài ở trên lầu.

- Một người ở như em thì hơi rộng, - Komako nói. - Các vách ngăn các phòng đã được kéo ra, cách rất xa những tấm cửa trượt làm bằng giấy đã vàng ố, trông ra hành lang, tấm nệm nơi Komako nằm trông nhỏ nhoi và đơn chiếc. Căn trong cùng chất những đồ đạc cũ kĩ, những vật dụng lâu đời, chắc là của gia đình dưới nhà.

Trên những chiếc mắc dựa vào vách ngăn, treo thành dãy những bộ kimono mặc đi phố của Komako. Shimamura nhìn toàn bộ nơi ở này, tưởng chừng đó là một hang chồn hay hang cáo.

Komako thả mình trên chiếc giường nhỏ, đưa cho Shimamura một chiếc gối độc nhất. Rồi cô khẽ nghiêng người trước gương:

- Ôi, sao lại đỏ lên thế này? Em uống nhiều thế kia à?

Cô sờ soạng loáng thoáng trên chiếc tủ.

- Đây này, tập nhật ký của em!

- Cũng đồ sộ đấy chứ, - vừa nói Shimamura nhắc thử cả chồng xem có nặng không!

Cô mở một hộp bìa cứng, bên trong đầy thuốc lá.

- Em cứ nhét vào tay áo hoặc đai lưng khi họ mời thuốc, đôi khi có điều nhàu nát, nhưng không sao, nguyên vẹn cả. Bù lại, em có đủ các loại thuốc lá nhé, thứ gì cũng có!

Vừa nói cô vừa lắc lắc hộp thuốc để Shimamura chọn 1 thứ anh chuộng. Xin lỗi, nhưng em không có diêm, em không xài diêm, từ khi bỏ hút thuốc.

- Không sao, cảm ơn em. Còn chuyện may vá thế nào?

- Em cũng thử may vá kiểm thêm một chút, nhưng tất cả các du khách đến thưởng thức mùa lá phong, nào có thì giờ. Nói rồi, cô cúi xuống dọn chiếc áo khâu dở trước mặt tủ sang một bên.

Chiếc tủ áo có những vân gỗ trang nhã, hộp đồ khâu bằng sơn mài đỏ thắm, trang trọng, có lẽ được giữ từ thời Komako ở Tokyo, khiến họ có cảm giác như ở trong gian nhà kho chẳng khác gì chiếc hòm làm bằng giấy. Nhưng, trong căn phòng này, loại phòng thẩm hại có chút gì đó quê kệch ở lâu một, trông chúng lại có vẻ đáng thương.

Anh nhìn lên cái dây treo rủ xuống từ trần cao xuống tận chiếc gối của cô.

- Thứ này để em tắt đèn khi nằm trên giường đọc sách, - cô giải thích và kéo thử cho anh xem.

Mặc dù cô thủ vai chủ nhà hết sức hoàn hảo, duyên dáng, niềm nở, cô vẫn không giấu nổi sự bối rối ngượng ngùng.

- Em ở như thế này trông có vẻ tạm bợ như chú cáo trong truyện truyền kỳ của chúng ta vậy: những thứ sang trọng trở thành hoang đường trong cái cảnh nghèo này.

- Vâng, quả là thế.

- Vậy mà em định ở đây suốt cả bốn năm à?

- Cũng được gần một năm rồi. Các năm sau cũng qua nhanh thôi.

Shimamura càng cảm thấy khó chịu. Nói gì nữa nhỉ? Dường như anh nghe thấy cả tiếng thở của gia đình phía dưới nhà đang ngủ.

Anh đứng dậy định kết thúc cuộc viếng thăm.

Qua khung cửa chưa kịp khép lại khi anh bước ra, Komako ngó trời.

- Có lẽ tuyết sắp rơi, - cô nói, - thế là đã hết mùa lá phong.

Rồi nàng cũng bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà, đọc trong đêm những câu thơ rút trong một vở kịch Kabuki:

Chúng mình hòa với núi non

Tuyết rơi. Những lá phong còn day đưa.

Cửa sổ khuôn vào màu bầu trời xám quánh những búi tuyết rơi thẳng xuống như những đóa hoa đơn trắng trong sự yên tĩnh hài hòa và êm đềm, có chút gì siêu nhiên. Shimamura để cho hình ảnh đó xâm chiếm, tâm tư thì trống rỗng sau một đêm không ngủ.

Các nghệ nhân tuồng Noh đang khua trống con.

Anh hồi niệm đến buổi mai tuyết rơi, vào những ngày cuối năm và mắt anh hướng tới chiếc gương. Những bông đơn trắng lạnh lẽo vẫn đang rơi về lên những hào quang, nhảy múa quanh dáng của Komako, áo kimono để mở, đang lấy khăn lau cổ.

Một lần nữa, Shimamura ngây ngất ngắm làn da mát rượi, lạnh mạnh, trắng đến tinh khiết, gợi đến sự sạch bóng của những đồ giặt phơi ngoài trời. Không, đâu phải là ảo giác khi nghĩ rằng cô là một người đàn bà dễ bị xúc động bởi những câu nói tầm thường của anh. Chính điều ấy đã khiến lòng anh buồn thối thía.

Núi non vừa lúc trước có vẻ như bị đẩy dần xa bởi sắc màu ảm đạm của mùa thu, đã sống động và ngời sáng lên trong tuyết.

Những cây bá hương phủ một làn voan trắng mỏng nổi lên trên nền tuyết, dù không hề trộn vào nhau vẫn tạo thành một khối sẫm, mà cây nào cây nấy hiện ra với dáng nét riêng biệt rõ ràng.

Thế là tuyết đã kéo ra từng sợi và cũng như chính tuyết đã dệt những sợi thành tấm vải. Rồi chính tuyết lại giặt tẩy cho nó sạch bong ra. Tất cả sự tạo thành, bắt đầu và kết thúc trong tuyết. “Vải *chijimi*^[15] chỉ sinh ra khi có tuyết, có thể nói, tuyết là mẹ đẻ của *chijimi*”, như ai đó đã viết trước đây lâu lắm.

Bàn tay của những người đàn bà trong Xứ Tuyết này, làm việc triền miên trong những tháng dài tuyết phủ mùa đông, kéo sợi, dệt thành những tấm vải gai mỏng, thứ cây được thu hoạch từ những thửa ruộng chênh vênh đầu núi. Shimamura sành sỏi về loại vải ấy sục tìm trong các cửa hàng lâu đời ở Tokyo những miếng vải đã trở thành khan hiếm, để may những bộ kimono mùa hè. Mỗi quan hệ với giới múa đã giúp anh khám phá được cửa hàng chuyên may y phục cổ cho tuồng Noh và anh đã giao kèo với chủ tiệm phải may cho anh đầu tiên, khi anh có trong tay tấm vải *chijimi* chính phẩm.

Người ta kể lại rằng, xa xưa, vào dịp hội chợ *chijimi* thường khai trương vào mùa xuân, lúc tuyết tan, chính là lúc người ta dỡ đi những cánh cửa sổ kép của mùa đông, người từ khắp nơi đổ xô tới để mua thứ vải nổi tiếng ấy. Những khách buôn giàu có ở các đô thị quan trọng như Edo, Nagoya hay Osaka, cũng đã giữ chỗ trước ở những quán trọ theo truyền thống. Các cô gái từ khắp nẻo của xứ sở, từ các vùng cao cũng chảy hội xuống đem theo sản phẩm lao động của sáu tháng cuối cùng trong năm; đem theo cả không khí của ngày hội, nườm nượp những sạp hàng vải chen với những mặt hàng khác, đủ loại, những hàng của các hội chợ, những trò diễn...trai gái chen chúc nhau từng đám, vào hội tương bưng. Những mặt hàng vải trưng bày đều dính theo nhãn ghi tên và địa chỉ của cô gái đã dệt thành, bởi có một

cuộc chấm giải để khen thưởng cho mặt hàng nào đẹp nhất. Đó cũng là một cơ hội để kén chồng.

Những thiếu nữ, học dệt từ tấm bé, thường hoàn thành những sản phẩm tuyệt tác ở tuổi mười bốn đến hai mươi bốn. Tiếp theo, với hoa tay của mình, các cô sẽ tạo ra giá trị của vải chijimi, mà thường phẩm chất đều có được bằng nhau. Bởi thế sự thi tài đã xảy ra giữa các cô. Họ dồn nghệ thuật cho công việc đầy hứng thú và say đắm trong những tháng mà tuyết như đã giam lỏng họ, nghĩa là từ tháng mười, khi bắt đầu kéo sợi, cho đến tuần trăng thứ hai là tháng phải xong việc tẩy vải cho thật trắng trên những cánh đồng cỏ, những ô vườn phủ đầy tuyết.

Một vài bộ áo kimono của Shimamura được may từ các tấm vải dệt do những bàn tay của các cô gái ấy, có thể từ giữa thế kỉ trước và anh vẫn có thói quen giữ những bộ áo cổ xưa, đã qua bao nhiêu hơi người, chẳng dễ dàng chút nào. Anh chỉ cần nghĩ đến công phu miệt mài lao động của những cô gái miền núi, tức thì anh phải cho đi tẩy chúng, theo đúng truyền thống, tận nơi xứ tuyết, nơi khai sinh ra loại vải quý và những cô gái dệt vải trinh trắng đã sống. Chỉ riêng nghĩ đến sợi gai trắng, trải dài trên tuyết, hòa với tuyết để hồng lên dưới ánh mặt trời mọc, Shimamura đã có cảm giác được thanh lọc mạnh mẽ đến nhường nào. Không những anh tin chắc những bộ kimono của mình đã trút lại đây những vết bẩn, vết cáu nhơ của mùa hè, mà chính anh, chính con người anh cũng như được tắm gội. Nói cho ra nhẽ thì đó cũng là thứ tình cảm chủ nghĩa chẳng có gì là vững chắc, bởi lẽ anh đã đưa cho một hiệu giặt là ở Tokyo nhận giặt tẩy từ đâu, nên anh cũng chẳng lấy gì làm chắc chắn rằng những bộ kimono kia được tuyết tẩy trắng theo lối cổ truyền.

Việc tẩy trắng bằng tuyết từ đời này sang đời khác vẫn do các thợ chuyên nghiệp đảm nhận: những người thợ dệt không làm việc này. Người ta tẩy trắng ngay khi vải chijimi trắng dệt xong thành từng tấm, trong khi đó thì những vải màu được dệt màu ngay trên khung cửi, cho đến lúc hoàn thành

cả tấm. Mùa tốt nhất để làm việc này là vào tháng giêng và tháng hai âm lịch.

Đồng cỏ và vườn thời kỳ này đầy tuyết, chỗ nào cũng hình thành những xường giặt tuyết.

Họ nhúng sợi hoặc vải trong một thứ nước tro một đêm.

Sáng mai giũ trong nước cho thật sạch, người ta phơi vải suốt ngày trên tuyết, rồi lại cứ như thế, tiếp ngày này sang ngày khác. Theo sự khám phá của anh trong một cuốn sách vừa đọc gần đây, cái cảnh tẩy trắng vải bằng tuyết trợn vẹn, được ấp ủ trong ánh nắng hồng dịu của ban mai, đẹp đến không bút nào tả nổi: “Cư dân ở miền nam - tác giả viết tiếp - đều đổ đến để tắm”. Và khi màu trắng đã đạt đến mức hoàn hảo, thì xuân về: đó chính là ký hiệu riêng báo hiệu mùa xuân của Xứ Tuyết.

Mà, trạm nước nóng lại ở ngay trên xứ sở của vải chijimi, phía xuôi của thác nước, nơi thung lũng bắt đầu trải rộng ra, gần đến nổi, Shimamura tưởng ở ngay bên cửa sổ. Dọc theo chiều dài thung lũng, dọc những thôn xóm có họp hội chợ chijimi, nay đều thành nhà ga theo con đường xe lửa. Ở thời đại công nghiệp, đó vẫn là nơi nổi tiếng về vải sợi.

Bởi chưa hề đến Xứ Tuyết vào giữa hè, mặc những bộ kimono gai mùa hè, hoặc giữa mùa đông, lúc thứ vải chijimi mà anh ưa thích được dệt thành, Shimamura chẳng dă động gì đến chuyện này với Komako. Liệu Komako có biết gì hơn anh chẳng? Vả lại, Shimamura nào phải là loại người có sáng kiến đi nghiên cứu một thời kỳ của nghề dệt truyền thống trong dân gian.

Nhưng khi anh nghe giọng Yoko làm sống lại bài hát thời thơ ấu trong lúc tắm, anh vụt có ý nghĩ các cô gái ở thời xa xưa, cùng một lúc, cũng cất tiếng hát trong lúc chăm chú vào công việc, khom mình trên khung dệt, đưa thoi chạy vun vút qua giữa hai làn sợi. Dường như giọng hát của Yoko bắt theo nhịp những động tác của các cô thợ dệt đang hiện ra trong sự tưởng tượng của anh.

Sợi gai của đất núi óng như một thứ tơ chế từ lông thú, chỉ có thể kéo sợi, chàng nghĩ, trong mùa ẩm ướt của tuyết vào mùa đông Xứ Tuyết với những đêm dài là mùa thích hợp cho các công việc của người thợ dệt. Và những người hiểu biết về thời cổ, thường hay giải thích rằng, đây là kết quả hài hòa của những luật trao đổi của ánh sáng và bóng đêm. Sự mịn màng đặc sắc của loại vải có được là nhờ dệt trong cái giá lạnh của mùa đông, lưu giữ đến tận cái nóng khắc nghiệt của mùa hè. Vẫn chính Komako, chính cô cũng được hình thành từ cái nguyên lý tạo hóa ấy: Komako, gắn bó với anh khá mãnh liệt với vẻ tươi tắn của tâm hồn và sự cuồng nhiệt gợi cảm của thể xác cô.

Tuy nhiên tất cả tình yêu của người đàn bà Xứ Tuyết đã tiêu tan cùng cô, không để lại dấu vết trên cõi đời này được như là dấu vết của thứ vải chijimi. Bởi vì, dù thứ vải rất đổi mỏng manh, sản phẩm của mỹ nghệ, như vải chijimi, cũng giữ bằng được chất vải, màu sắc sống động có tới nửa thế kỉ, còn lâu mới rách sòn, nếu được giữ gìn cẩn thận. Và, Shimamura suy diễn lơ đãng về tính bất ổn của sự thâm giao của con người cùng sự nổi trôi, không được bằng cuộc đời của một mảnh vải. Và anh vấp phải bất thành linh hình ảnh Komako trở thành người mẹ: Komako cho ra đời những đứa con của một người cha khác không phải là anh, anh đưa mắt lạc lõng nhìn ra bốn xung quanh. Chắc hẳn, vâng, chắc rằng chuyện đó quả là một mối.

Suốt thời gian đi nghỉ, người ta có thể hỏi, không biết anh có nhớ đến vợ, con không? Nhưng anh đã lưu lại không phải không thể, hay không muốn rời bỏ Komako, mà đơn giản chỉ là anh đã có thói quen chờ cô đến thăm mình. Anh biết điều đó, cũng như biết dẫn sâu vào, chấp nhận sự ân cần liên tiếp của cô, anh lại tự vấn lỗi của mình ở đâu, điều gì thiếu ở anh, để anh sống được như cô, mãnh liệt và toàn vẹn. Anh ngồi lì ra, đúng thế, suy ngẫm về sự lãnh cảm của mình, không thể hiểu nổi, làm sao mà cô lại có thể quên mình để dâng hiến tự nguyện cho anh, mà không nhận được một thứ gì trao lại. Và bây giờ, tự đáy lòng anh đang nghe từ phía Komako, như một tiếng động lặng thầm, như tuyết rơi lặng câm trên thảm tuyết, như thứ

tiếng vọng lịm dần sau sự bươn chải qua những bức tường trống rỗng. Anh biết, giờ đây, anh không thể trượt theo sự tự nuông chiều và để người khác nuông chiều mãi như thế.

Ngã người về phía chậu than người ta mang đến cho anh ngay từ buổi đầu có tuyết, Shimamura tự nhủ rằng, chắc hẳn anh sẽ không bao giờ quay lại khi đi khỏi nơi này. Chiếc ấm cổ đun nước mà chủ quán cho anh mượn, vật quý được làm từ Tokyo, bằng bạc, có chạm những hình chim và hoa rất mỹ thuật, đang reo như heo may về trong đám cây thông. Thật ra, anh đã nhận ra từ thứ tiếng hai luồng gió khác nhau, tiếng xào xạc của gió gần thổi qua lá và gió xa thổi đến. Và rất yếu ớt, từ trong ngọn gió xa kia, như thể đem theo từ một miền xa hơn nữa, tiếng ngân nga khó nhận của những hồi chuông. Anh nghe thấy chẳng? Hay anh không nghe thấy?

Shimamura áp tai lại gần chiếc ấm để nghe cho rõ. Và rất, rất xa, dưới kia, nơi tiếng chuông ngân, anh hình dung ra đôi chân đang nhảy múa: đôi chân của Komako đang nhảy, hòa với nhịp của tiếng chuông xa dội lại. Shimamura lùi hẳn lại. Đi thôi. Đến lúc rồi!

Chính là lúc anh nghĩ đến đi thăm xứ vải chijimi, với ý nghĩ cuộc thăm viếng này giúp anh dễ dứt bỏ với trạm nước nóng.

Shimamura lơ mơ không biết trong số những làng phía xuôi kia, anh sẽ chọn làng nào như một điểm dừng chân; và dường như những xưởng dệt hiện đại đã khiến anh dừng dừng, anh đã xuống một nhà ga, may sao ga này lại hẻo lánh và quanh vắng. Rồi anh lại đi một lúc lâu để đến khu phố chính của một làng, mà hẳn là trước đây đã nhộn nhịp như một trạm thư.

Ở hai bên dãy phố, những mái hiên có cột đỡ nhô hẳn ra phía trước, có hẳn một lối rộng có thể đi lại khi tuyết nhiều, lấp cả mặt đường. Thứ đó giống như gian nhà trống mà những lái buôn vùng Edo xưa bày hàng để bán. Sâu trong những dãy mái hiên nối liền của mỗi nhà, những lối đi có mái che, chạy suốt đầu nọ đến đầu kia đường phố. Để dọn đi lớp tuyết dày trên mái những ngôi nhà nối đến một mạch với nhau ấy, người ta chỉ còn cách hất xuống lòng đường, hay chính xác hơn là tung tuyết lên một bức

tường băng không ngừng chất cao thêm trong suốt cả mùa đông, mà những đường hào hoặc đường hầm đã được đào ngay ở đó để người ta có thể từ hai bên đường qua lại.

Cái làng mà Komako ở, bên suối nước nóng, không giống kiểu như ở đây, dù nó vẫn có phong cách miền núi và cũng ở Xứ Tuyết: những ngôi nhà dựng cách xa nhau và có khu đất trống bao bọc.

Shimamura, lần đầu tiên trông thấy những dãy hành lang có mái che chạy dọc phố như một tấm áo giáp chống tuyết khiến anh tò mò bước vào. Bóng tối phủ đầy dưới những hàng hiên hun hút, anh nhận ra những thân cột gỗ chống đỡ đã chớm mục dưới chân. Trong bóng tối, về những căn nhà tối sẫm, anh hình dung ra những đêm dài trong mùa đông vắng vẻ, nơi đó, đời này sang đời khác, tổ tiên của những con người hiện nay đã sống.

Anh ngắm nhìn những cô gái trẻ, thế hệ này nối tiếp thế hệ kia, gò mình trong công việc, dẹt không ngừng trong cái nhà tù của tuyết. Anh nhận ra rằng kiếp sống của họ nào có được rực rỡ và sáng sủa như thứ vải chijimi, thanh khiết và tươi tắn biết bao trong màu trắng do chính bàn tay năng động của họ tạo ra.

Trong cuốn sách cổ mà Shimamura đã đọc, sau khi đề cập đến một bài thơ Trung Hoa, tác giả đã rút ra những sự khắc nghiệt của luật lệ kinh tế, rằng việc tạo ra thứ vải chijimi chẳng lời lãi được bao nhiêu khi mà một tấm vải mất một khối lượng ghê gớm công lao động. Nghề ấy chỉ có thể là một nghề thủ công gia đình và không bao giờ một nhà sản xuất có thể lấy thợ nữ từ bên ngoài.

Vậy là những bàn tay vô danh xưa kia đã chết, sau khi làm việc cần mẫn, chỉ còn lại những tác phẩm của họ là thứ vải chijimi hiếm hoi này, thứ vải đã gây ra sự dễ chịu thích thú đối với những người am hiểu sành sỏi như Shimamura, bởi nó làm cho da dẻ mát dịu dưới ánh nắng hè. Cái ý nghĩ ấy, dẫu chỉ tầm thường nhưng anh cảm động như tìm ra được những điều sâu sắc. Một công việc mà trái tim đã đặt cả tình yêu nào đó, liệu nó có truyền

đi được lời thông báo về lòng dũng cảm của một nỗ lực thuần nhất và lòng nhiệt thành của một cảm hứng thuần nhất.

Theo dấu vết của con đường thư tín từ thời xa xưa như người ta đã biết, phố chính của làng chạy thẳng rồi xa dần bởi những ngôi nhà nằm cách xa nhau và tiếp nối dưới kia với ngôi làng của Komako và cái suối nước nóng. Ở đây cũng thế, các mái nhà lợp bằng ngói ván, được chen lên bằng những dãy đá mà anh đã rất quen thuộc.

Để ý thấy những cột chống mái hiên đã hắt bóng lên nền đất, Shimamura biết đã xế chiều. Chẳng biết xem gì ở đây nữa, Shimamura đáp tàu xuống một ga khác và anh lại gặp một làng giống hệt cái làng anh gặp lúc đầu tiên. Anh lại dạo chơi ở đó và khi dừng chân, cảm thấy lạnh trong người, anh ăn một tô mì ở cửa hàng bình dị trên bờ con sông được hình thành từ dòng thác chảy xuống trạm nước nóng. Trên một chiếc cầu xa xa, anh nhìn thấy một hàng đầu trục đi từng tốp hai, tốp ba: những ni cô, tất cả đều đi dép rơm, vài người mang trên lưng chiếc nón tu lờ tròn và nhọn cũng đan bằng rơm. Chắc là họ sau chuyến đi khát thực, họ đang quay về tăng viện, như một đàn quạ sải cánh bay về tổ.

- Giống đám rước quá! - Shimamura nhận xét.

Người đàn bà đứng trông cửa hàng trả lời anh:

- Tăng viện của họ ở trên cao, chỗ sườn núi! Có lẽ đây là chuyến xuất hành cuối cùng, bởi khi tuyết đổ, họ không xuống được nữa.

Trên ngọn núi bóng chiều đang sẫm dần, phía trên cầu, đợt tuyết đầu tiên đã phơi màu trắng toát.

Ngay từ khi những chiếc lá rụng trước ngọn gió lạnh và gay gắt, ở Xứ Tuyết, ngày tuyền một màu xám, đầy mây và giá buốt. Người ta đã nhận ra tuyết trong không khí. Những vòng cung núi bao quanh, trắng xóa lên từ trận tuyết đầu và người trong vùng gọi là “núi đội nón”. Dọc biển Bắc, biển mùa thu gập ghềnh và núi non cùng lúc tạo ra ở đây, giữa lòng xứ sở, văng lên tiếng thở dài ghê gớm, giống như tiếng ầm ì của sấm. Người ta gọi là

“tiếng rì rầm của lòng đất”. Núi đội nón và tiếng rì rầm của lòng đất, theo như những điều Shimamura đọc trong sách cổ, thường báo hiệu và xuất hiện trước mùa tuyết lớn đôi chút.

Từng thấy những bông tuyết đầu mùa vào buổi sáng anh thức dậy trong tiếng hát tuồng Noh, Shimamura tự hỏi, giờ đây, trong năm nay, đã có cái tiếng rì rầm báo hiệu ở bờ biển hay trong vùng núi chưa? Phải chăng những cảm giác của anh đã bén nhạy lên suốt thời kỳ du ngoạn bên một người đàn bà duy nhất là Komako?

Hiện tại, chỉ cần nghĩ đến những tiếng dội đó là anh có thể nghe thấy thứ tiếng rì rầm thâm lặng từ một tiếng gầm ở đáy tai anh.

- Tầng viện bị cô lập suốt mùa đông, tôi chắc thế. Có bao nhiêu ni cô ở đó?

- Nhiều lắm! - Người đàn bà đáp.

- Họ làm gì để giết thời giờ trong suốt thời kỳ bị tuyết giam hãm ấy? Liệu có thể đề xuất với việc họ dệt vải chijimi không?

Người đàn bà mỉm cười khi nghe câu hỏi của người khách lạ.

Trở lại nhà ga, Shimamura đợi một chuyến tàu suốt hai tiếng đồng hồ. Mặt trời yếu ớt của mùa đông đã lặn và bầu trời đêm trong sáng đến độ những vì sao bóng ngời lên như mới, lấp lánh như tự bao giờ. Shimamura thấy chân mình lạnh cóng.

Quay lại trạm nước nóng, anh cũng chẳng hiểu tại sao đã rời bỏ nó để đi tìm kiếm một cái gì? Theo con đường cũ, chiếc xe taxi đưa anh trở lại làng và một luồng sáng rực hiện ra khi anh đi qua rặng bá hương. Shimamura nhận được từ đó một cảm giác nhiệt thành và yên ổn. Kikumura: tiệm ăn Kikumura với ba bốn cô geisha đang tán gẫu ở trước cửa. Chỉ kịp thoáng nghĩ là có Komako ở trong bọn, thế là anh dồn cả tâm trí về cô.

Người lái xe hãm xe lại, chắc là gã cũng đã biết chuyện hai người.

Shimamura ngoảnh lại nhìn qua tấm kính hậu. Những vệt đường trong tuyết, anh nhìn thấy lấp lánh dưới ánh sáng của những vì sao, chạy dài và mất hút tận chỗ nào kia, đến tận nơi xa thăm thẳm.

Xe đến tận chỗ Komako đứng. Chợt cô nhắm mắt và lao tới chiếc taxi đang từ từ lăn bánh tiếp tục leo lên với người đàn bà trẻ, tức Komako, đứng trên bậc lên xuống và bấu lấy chỗ tay nắm cửa.

Cô lao mình đến chiếc xe hơi với bước nhảy của loài thú rừng, với anh, một sự lao mình vào vô thức hoặc như trò trẻ, nhưng chẳng làm Shimamura ngạc nhiên, khi từ đó là một tình cảm dành cho anh hết sức nồng ấm sâu sắc của sự âu yếm nhuần nhị.

Khi Komako giơ cánh tay lên phía trên cửa xe mà cô đã bám vào, ống tay áo kimono của cô kéo lên tận khuỷu, lộ ra màu đỏ gấc của tấm áo lót, chiếu rõ lên tấm kính đóng chặt, chính nó đã sưởi ấm trái tim Shimamura vượt qua cơn gió lạnh.

Rồi gương mặt của Komako dính chặt vào kính:

- Anh đi đâu thế? Nói cho em biết! - Cô hét lên qua ô kính đóng.

- Cần thận kéo em ngã đấy! - Đến lượt anh nói to lên.

Nhưng họ đều hiểu rõ, cả anh và cô, họ đang nhập vào một trò chơi, một trò chơi thân thiết.

Mở được xe, Komako ngã vật lên ghế nệm đúng lúc chiếc taxi dừng lại trước đoạn đường núi vừa leo lên.

- Anh đi đâu thế? Nói em nghe đi!

- Hay nhỉ...

- Nhưng anh đi đâu?

- Đi dạo mà... Có gì đặc biệt đâu!

Anh ngạc nhiên ghi nhận rằng cô có cử chỉ tiêu biểu của cô geisha khi vén gấu áo kimono lên.

Người lái xe chờ, không nói gì và Shimamura thấy quả là kỳ cục nếu cứ ngồi lì ra đấy, trong khi chiếc taxi không thể đưa hai người đi xa hơn được.

- Mình xuống đi! - Komako nắm lấy tay anh nói. - Hừ! Rét quá! Tay anh lạnh cóng rồi! Sao anh không đem em đi?

- Em nghĩ rằng anh phải làm thế ư?

- Người đâu mà kỳ cục. Cô cười vui vẻ, bước vội trên đá lát trang hoàng trên lối đi thành bậc thang dốc đứng.

- Em trông thấy anh đi... Vào lúc hơn hai giờ... gần ba giờ gì đó. Phải không?

- Đúng.

- Em vội chạy ra khi nghe thấy tiếng xe, em đã vượt lên trước, nhưng anh không thèm nhìn về phía em.

- Sao lại không nhìn?

- Không! Cũng chẳng thèm cả ngoái cổ về đằng sau. Sao thế?

Sự thiết tha của cô khiến Shimamura hơi ngạc nhiên.

- Anh không ngờ rằng em nhìn thấy anh đi hay sao?

- Không! Làm gì nhìn thấy được?

- Thế đấy, anh thấy không? - Và cười sung sướng, rộn ràng, cô ôm ghì lấy anh. - Tại sao anh không mang em đi cùng? Anh bỏ em lạnh cóng như thế này ở lại đây để trở về à? Em không ưng đâu.

Bỗng tiếng mõ khua vang, nhịp gõ gấp gáp theo nhịp báo động của địa phương.

Họ quay lại nhìn xem.

“Cháy! Cháy!” - Một đám cháy.

- Cháy ở đằng kia.

Một chùm tia lửa, rồi ngọn lửa bắn vọt lên ở phía làng, phía dưới kia.

Komako kêu thốt lên hai ba tiếng và xiết chặt bàn tay Shimamura.

Họ thấy một ngọn lửa bất chợt bùng ra từ cột khói dày rồi tạt sang các ngôi nhà kề bên.

- Cháy đâu thế nhỉ? - Shimamura hỏi.

- Nghe đâu ở ngay cạnh nhà bà giáo dạy nhạc...

- Không.

- Vậy cháy ở đâu?

- Phía trên nữa, hướng nhà ga.

- Một cột lửa bốc vọt lên cao vọt trên những mái nhà kìa! Kho kén! Đúng kho rồi, anh biết không? Kho kén cháy mất rồi. Úp mặt vào vai Shimamura, cô nhắc lại nhiều lần nữa: “Kho kén! Kho kén cháy rồi! Kho kén”

Lửa càng rực thêm, dày thêm ở phía ấy; nhưng từ ngọn đồi hai người đang có mặt, dưới trời sao bao la, đám cháy có dáng vẻ không bi thảm hơn là một trò chơi đốt lửa. Tuy nhiên, tận chỗ này, họ cũng nhận thấy nỗi kinh hoàng từ đó mà ra, đến nỗi họ nghe thấy cả cơn gầm thét của ngọn lửa đang tàn phá.

Shimamura ghì chặt vòng tay lên vai Komako.

- Chẳng việc gì em phải sợ! - Anh vụng về an ủi cô.

- Ồ không! Ồ không! Ồ không! - Cô lắc đầu nhắc lại rồi nức nở.

Tựa vào lòng tay Shimamura, gương mặt cô như nhỏ lại khác thường và cái trán bướng bỉnh của cô rung lên.

Chính cảnh cháy nhà đã làm cho Komako òa khóc và Shimamura không bận tâm đến nguyên nhân làm cho tâm trí cô đảo lộn đến thế. Nhưng cô

cũng nín bật rất nhanh như khi bật lên nước nở và vùng ra khỏi vòng tay anh đang xiết chặt cô:

- Tối nay có một buổi chiếu phim ở nhà kho. Hẳn là đông người lắm. Thế nào cũng có người bị thương, người chết cháy...

Bước gấp gấp, họ đi lên phía quán trọ và nghe những tiếng xôn xao. Khách khứa xô đông lại ở hiên lầu một và lầu hai. Những ô cửa ra vào phía sau họ sáng rực. Nổi bật trong quầng sáng từ trên cao đổ xuống, từ những ánh sáng sao, lộ ra dáng sẫm của những khóm cúc trụi hết hoa, xơ xác. Trong khoảng chốc lát, Shimamura tưởng là ánh lửa của đám cháy. Phía sau bờ đất trồng hoa, ba bốn bóng người hiện ra. Họ nhận ra người gác cổng trong đám người này, đang bước vội về phía bậc thềm.

- Có phải kho kén không? - Komako cất tiếng hỏi người vừa đi qua.

- Phải! Phải! Kho kén đấy!

- Có ai bị thương không? Có bao nhiêu người bị thương? - Komako lo âu hỏi.

- Người ta đang cứu nạn nhân khỏi đám cháy. Chính là đám phim đã bắt lửa và trong chớp mắt bùng cháy. Người ta gọi điện thoại báo tôi thế. Hai vị thử xem! - Ông ta vừa nói vừa vung tay, chạy tiếp.

- Hình như họ đứng trên hành lang thả từng đứa trẻ con xuống!

- Mình làm gì hả anh? - Komako nói, chạy theo những người đang chạy xuống. Shimamura bám lấy gót cô. Bị hối thúc bởi những người hối hả vượt lên, cô cũng bắt đầu chạy.

Đến chân thềm, nỗi lo lắng của họ lại tăng lên. Trên nóc nhà, chỉ thấy những cột lửa bốc cao, tiếng mõ báo động mỗi lúc một gần, một khẩn thiết.

- Đừng coi thường, trợn mắt đấy! Lạnh quá! - Cô thốt lên, dừng lại một lát rồi quay về phía Shimamura. - Anh đừng lo cho em. Nhưng anh đừng có đi xa đấy. Em thì em phải đến đấy, ngộ nhờ có những người làng bị thương..."

Shimamura thật ra chẳng có lý do nào để đi tiếp. Về kích động ban đầu đã biến mất, nhìn xuống, chàng nhận ra đường ray xe lửa đã ở ngay dưới chân mình.

- Ồ! Dải Ngân Hà! Đẹp quá! - Komako thốt lên, luôn chạy trước anh, mắt hướng lên trời.

Dải Ngân Hà... Anh cũng ngược nhìn lên. Shimamura có cảm tưởng như đang bơi lội trong đó, ánh sáng xanh của nó như tỏa gần đến độ anh cảm thấy như bị hút lên trên ấy. Phải chăng cái ấn tượng trước cảnh mênh mông lộng lẫy, nhà thơ Basho đã tả nó như một cánh cung hòa bình bắc qua đại dương sôi sục? Bởi, ngay trên đầu anh, dải Ngân Hà nghiêng cái vòng cung xuống, ôm lấy trái đất tối đen trong cái xiết thanh sạch, vô cảm, không giải thích nổi.

Hình ảnh trong sạch và gần gũi của niềm khoái lạc dữ dội, trong đó Shimamura, thoáng gọn như tự phô bày ra hình bóng của chính mình được nhân ra vô số, như các vì sao cũng từng được nhân ra vô số trên cao với những vẩy bạc trắng đục như sữa; và đến tận cái tia phản chiếu soi bóng những đám mây, mà một giọt nhỏ ti lẫn lộn, tỏa sáng hòa vào nhau, dâng cho một bầu trời sáng láng, thanh tao, trong vắt không tưởng tượng. Cái dải băng vô cùng tận đó, cái mạng che hết sức mong manh đó, dẹt ra từ trong vô cùng, khiến Shimamura nhìn không rời mắt.

- Chờ anh với! Chờ với! - Shimamura kêu lên với Komako đang ở phía trước anh.

- Đến đây nhanh lên, - cô đáp lại và chạy tiếp tới sườn núi mà phía sau màn sáng của dải Ngân Hà đang tỏa xuống. Dưới ánh sáng gợi cảm của những vì sao chiếu trên tuyết, cô chạy nhanh khiến anh tưởng như nhìn thấy cả lần lột của bộ kimono được vén lên thật cao trên cánh tay vung lên.

Chạy sau cô, Shimamura vượt nhanh lên tới mức chàng có thể đạt tới để theo kịp cô. Komako chạy chậm lại một chút, nắm tay anh, thả rơi chiếc vạt áo dài kimono trên đất.

- Anh cũng đến đó ư?

- Ừ!

- Lại tò mò mà, luôn thế! - Cô nói và lượm gấu áo kimono đang kéo lê trong tuyết. - Thôi anh quay lại đi kéo thiên hạ lại xì xào...

- Đi thêm chút nữa thôi!

- Anh tính làm rồi! Họ sẽ mắng em là lôi anh đến đám cháy.

Anh gật đầu ưng thuận, đứng sững lại nhưng cô dù vẫn dẫn lên phía trước, tay còn đặt nhẹ lên vai anh.

- Đợi em một lát vậy, ở một chỗ nào đó. - Cô đề nghị. - Em sẽ trở lại với anh. Anh muốn đợi ở đâu?

- Tùy em.

- Xem nào. Hay là xa đây một chút.

Rồi cô lại lắc đầu ngoay ngoáy:

- Không được. Em không muốn anh ở lại chờ em. Em không chịu nổi.

Và cô lao sầm vào tay anh, khiến anh phải lùi tới một vài bước.

Bên rìa đường, đằng sau anh, ở chỗ thấp, anh phân biệt được một hàng tòi ở trên tuyết.

Thế là cô tuôn ra một tràng như một thác lời đổ xuống Shimamura:

- Tại sao anh lại nói với em một điều như thế? Hừ! Tại sao lại nói cái điều đáng ghét? *Người đàn bà tuyệt vời!* Giờ thì anh lại sắp đi! Sao lại nói thế?

Shimamura lại nhớ Komako trên chiếu, lấy đầu nhọn của chiếc trâm cài đầu bằng bạc, đâm xuống sàn một cách thất vọng và giận dữ.

- Anh nói làm em phát khóc. Em đã khóc vào lúc quay về nhà. Em sợ xa cách. Nhưng em xin anh, anh đi đi? Em không bao giờ quên anh đã làm em

khóc đau.

Nghĩ đến sự hiểu lầm, một sự bất cần làm cô tổn thương, đến tận cùng thân thể, đến nữ tính rất đỗi thâm kín, Shimamura càng cảm đến tột cùng nỗi kinh hoàng của sự chia xa.

Đúng lúc ấy, một tiếng la lớn trong một đám đông dưới kia, nơi đám cháy vọng đến. Một ngọn lửa bốc lên dữ dội, thành một chùm tia lửa vọt lên trời.

- Anh xem này...Cháy dữ hơn bao giờ hết! Bớt khỏi cuộc đấu khẩu nhờ những ngọn lửa bùng sáng, họ chạy như bay về phía đám cháy.

Komako chạy nhanh, tay khép lấy người, chân lướt vèo trên mặt đất tuyết. Dáng nhỏ nhắn, nhưng cô thuộc tạng người dai sức, Shimamura nhận xét, chỉ nhìn cô anh đủ thấy hết hơi. Anh phải chạy chậm lại vì cái thân hình nặng nề của mình. May sao, Komako cũng thấm mệt và dừng lại chờ anh. Cô nép mình tựa sát vào anh.

- Em chảy cả nước mắt, - cô nói giữa hai hơi thở dốc. - Rét đến nơi đến chốn rồi!

Shimamura mắt cũng ướn nhòe vì giá lạnh thốc vào, má anh lại nóng bừng lên. Anh chớp chớp mắt, để xua nước mắt sắp chảy ra thành giọt và trong cái nhú mắt, anh lại nhận ra dải Ngân Hà.

- Đêm nào nó cũng sáng thế này ư?

- Dải Ngân Hà? Đẹp tuyệt, phải không? Không, thông thường đâu có sáng loáng như thế. Mọi đêm nào có sáng thế này.

Cái vòng cung lấp lánh bổ nhào đúng vào hướng hai người đang chạy, hình như tấm ánh sáng xuống đầu Komako với vầng sáng chói chang của nó.

Sống mũi thẳng của cô hơi cong xuống khiến mũi không nhọn như mọi bữa và cái màu đậm đà của đôi môi như biến mất trên gương mặt. Có thể nào lại ảm đạm đi, cái vầng sáng kỳ diệu vắt ngang trời. Shimamura làm

sao tin nổi. Đêm có thể nào lại tối đi hơn bữa trước dưới ánh trăng ấy được, khi nó được chiếu rọi của dải sao có khi sáng hơn cả trăng rằm. Nhưng cái quang sáng của dải Ngân Hà kia nào có soi sáng nổi bóng một ai trên mặt đất.

Mà cái ánh sáng ma quái của nó khiến gương mặt của Komako có vẻ kỳ lạ như một mặt nạ cổ xưa, phía sau đó lại hiện rõ một sắc mặt đầy nữ tính.

Ngẩng lên một lần nữa, Shimamura, dưới cái vòm ánh sáng bao la, lại cảm thấy bầu trời lấp lánh kia đang xiết chặt lấy mặt đất.

Như một bình minh vô tận, dải Ngân Hà đang sáng ngập người anh, trước khi mất tăm trong cõi vô biên tận cùng của vũ trụ. Và cái giá lạnh trong ngần lướt trên anh như một cơn rừng mình, một đợt sóng khoái cảm, khiến anh kinh ngạc sửng sờ.

- Nếu anh mà đi, - Komako nói với anh, tiếp tục bước, - nếu mà anh đi, thì em sẽ trở về đời sống lương thiện.

Cô bước, tay sửa lại mái tóc hơi xõ ra. Được vài bước, cô quay lại:

- Anh làm sao thế? Cứ định đứng ỳ ở đây à?

Shimamura bất động nhìn cô.

- Này! Anh chịu chờ em không? Chúng mình sẽ quay lại phòng anh sau đó!

Vẫy nhẹ bàn tay trái để chào tạm biệt, cô bắt đầu chạy, lát sau cái dáng thu nhỏ của cô đã biến mất trong bóng tối, như bị núi non hút mất. Rồi cái phút để mắt dõi theo cô, Shimamura thấy tấm voan phủ lộng lẫy của dải Ngân Hà bị xé toạc bởi sự gập ghềnh của những đỉnh núi cao. Và cũng từ cái tấm voan ấy anh lại thấy những vẻ sáng lấp lánh trên cao vọi vọi, bỏ lại những ngọn núi với dáng nặng nề của nó.

Bóng dáng Komako bị xóa đi sau những ngôi nhà của phố chính, khi cô ngoặt vào trong đó, trong lúc Shimamura đang tiếp bước theo cô.

Với những bước chạy lanh lẹ, nhịp theo tiếng hô trầm ấm, hò dô, hô dô. Đám người kéo một xe chữa cháy trong phố chính, lôi theo đám đông sát cánh nhau. Đến ngã tư, Shimamura bắt kịp họ.

Một xe chữa cháy khác phía sau tới, anh tránh ra để xe vượt lên và đi sau nó.

Đó là một xe cứu hỏa cũ kỹ, một dụng cụ thô tháp mà một đám đàn ông gò mình kéo, với những chiếc thùng dài buộc vào vai và một đám đàn ông khác ở hai thành xe đang hướng xe đi. Chìm đắm giữa cái đám người ấy, chiếc xe có những vòi phun nước ấy, bỗng trở nên bé nhỏ.

Komako cũng tránh sang một bên đường để một xe cứu hỏa đi qua và khi cô nhận ra Shimamura liền chạy xô tới với anh trong đám đông. Vừa lúc, đám người giãn ra nhường chỗ cho cỗ máy, họ lại hòa vào với đám người đang như bị hút ở phía sau xe. Trong những đoàn người đang tiến về đám cháy, Shimamura và Komako bị cuốn theo như những đơn thể vô danh.

- Thế là anh vẫn cứ đến bằng được! Chỉ vì tò mò, phải không?

- Đúng đấy! Em trông chiếc xe vòi rồng kỳ cục và thiếu não kìa. Thứ cổ lỗ sĩ này hẳn được làm ra cách đây gần thế kỷ.

- Cũng phải đến thế đấy anh ạ! Nhưng anh chú ý kéo ngã!

- Đúng như sân trượt tuyết vậy.

- Anh còn chưa biết bão tuyết ở vùng em thế nào đâu, khi gió cóng thổi tuyết chạy là là trên mặt đất đêm này qua đêm khác. Anh phải xem mới được! Người ta thấy cả thỏ và gà lôi xô cả vào nhà tìm chỗ nấu bão tuyết. Anh liệu có dám mạo hiểm không?

Giọng cô sinh động, nóng vội như bắt nhịp với tiếng hò đều đều phía trước và sau cỗ xe mà Shimamura cũng bị cuốn theo trong đó.

Họ đã nghe thấy tiếng lửa rần rạt cháy, những lưỡi lửa ném ra trước mặt. Komako níu tay Shimamura. Những ngôi nhà thấp, thăm tối chợt hiện ra

trong lửa hồng rồi lại chìm trong đêm ở bên lề phố, như thoi thóp thở.

Nước ở vòi rồng xối lên trên mặt đường, họ tiến đến một bức tường người ken liền, không vượt nổi. Giữa đám khói tro như có cả mùi lửa cháy.

Một luồng tin truyền từ người này sang người khác qua những tiếng la lối, tiếng nói lớn: Đúng, ừ, lửa phát ra từ máy chiếu phim, ừ, người ta đã thả trẻ con, phải rồi, đứa này tiếp đứa khác từ hành lang xuống. Không, không có ai bị thương cả; không, không, may quá, kho không còn một chiếc kén nào, cũng không còn gạo dự trữ.

Dù những tiếng ấy, la rất to mà vẫn có phút lặng yên kỳ lạ trùm lên trong khung cảnh bi thảm của đám cháy, khiến đám người ngậy ra như bị thôi miên, như thể sự dữ dằn của ngọn lửa khiến họ phải nín thinh, tim thắt lại, xóa đi những tiếng kêu thái quá. Không ai còn hơi sức nào, ngoài việc dồn sức nghe tiếng cháy rần rật khủng khiếp của lửa và tiếng bơm vòi rồng ở những xe cứu hỏa.

Đôi lúc, một kẻ chậm chân nào đó, từ phía làng tới, gọi lớn tên người nhà. Có tiếng thưa, đây đó, í a í ới gọi nhau vui vẻ thoáng chốc rồi lại cuốn vào lo âu. Chỉ những tiếng nói chứng tỏ là còn sự sống còn sự hiện diện của con người. Những tiếng mõ cũng đã câm bật.

Sợ có người chú ý, Shimamura rời xa Komako len đến đứng cạnh đám trẻ con, lũ nhóc đến lượt bị lửa rất đẩy lùi về phía sau. Chúng giầy xéo lên đám tuyết vỡ, để lại trước chúng một đám bùn nhão nước lẫn tuyết, trời sụt qua hàng ngàn bước chân.

Đám trẻ lùi đến tận cánh đồng dọc theo kho kén và đa phần đám đông từ trong phố cũng ùn ùn đến. Lửa đã bắt cháy ở lối vào nhà kho, mái và tường vách hoàn toàn cháy sạch, lan vào tận giữa nhà, dầm và xà cũng đang cháy xem xém. Kho như một loại vựa lớn đều làm bằng gỗ nào dầm, vách, sàn, mái... phía trong nhà không bị khói che khuất đang cháy rừng rực. Những thứ sót lại trên mái thì những tia nước xối vào tràn ngập có vẻ không bốc cháy nữa, nhưng lửa vẫn đang âm ỉ và lan ra, phụt ra nơi này nơi kia những

ngọn lửa khá dữ, ba chiếc vòi rồng lập tức phun nước dồn vào đấy. Trong lúc hồi hải, một tia nước phun trượt mái, vọt lên chớp mái, luồng nước xững vững một lát rồi bắn sang, rơi thành những giọt li ti tạt phía bên kia. Giữa ngọn lửa, nước khiến luồng khói đen cuốn lên thành cuộn giữa những tia lửa tung tóe rực đỏ...

Những tia lửa và tàn lửa bốc lên cao đã dẫn Shimamura nhìn lên giữa lòng dải Ngân Hà, vào lúc bị khói mù mịt che mờ, vẫn cứ lấp lánh và sâu thẳm, rực rỡ và lộng lẫy hơn, vòng cung sang tạt phía kia, nơi mà các giọt nước từ các tia vòi rồng sáng loáng lên, khi chúng trật mục tiêu và tan biến vào khoảng không vũ trụ.

Komako, không biết tự bao giờ đã xấp đến bên anh. Tay cô tìm tay anh và Shimamura quay lại phía cô, không nói gì. Cô nhìn ngọn lửa mà ánh sáng bập bùng khiến gương mặt cô đỏ ửng, nét linh hoạt, căng thẳng ngày càng tăng. Shimamura ngấm cô cảm động và bối rối làm sao... Búi tóc cô hơi xổ ra; ngón cổ trần phập phồng theo từng hơi thở. Những ngón tay của Shimamura bồn chồn run lên, khiến anh muốn đụng chạm vào cô, tay anh nham nháp mồ hôi. Nhưng thật ra, tay Komako còn nóng hơn thế. Không hiểu sao, Shimamura cảm thấy sự cách xa sắp tới và anh như muốn cưỡng lại sự chia li.

Dọc theo những trụ và đà ngang ở lối vào, bất thành lình ngọn lửa lại bùng lên dữ dội, một vòi nước phun mạnh vào đó, lửa xèo lên bốc hơi, giữa lúc kèo nhà sụp xuống.

Một tiếng kêu dội lên trong đám đông khiến mọi con mắt đều đổ dồn đến thân hình một người đàn bà vừa lặn xuống đám lửa hồng.

Hành lang phía trong dùng làm sân khấu, chẳng cao hơn một gian gác thông thường và trong khoảnh khắc của giây đồng hồ, cái thân hình rơi xuống đã sóng xoài dưới đất. Mọi con mắt đã nhìn thấy, đã lưu giữ đến chi tiết sự trượt ngã. Thời gian như ngưng lại trước động thái kỳ cục vẽ từ cái thân hình lạ lùng bất động, giống như một hình người của trò rối đang lượn lờ trong khoảng không.

Người đàn bà xấu số ấy mê man, ai cũng thấy. Chị rơi, không một tiếng động, vào đám lửa và bốc rục lên ở lối vào và cái lò lửa thì vẫn rùng rục ở phía sau nhà kho. Nước đã tràn ngập ở trong nhà, nên thân hình người đàn bà rớt xuống đất, không làm tung bụi, tro.

Tia nước vòng cung của chiếc vòi rồng nghiêng xuống đim ngọn lửa đang cháy và đồng gỗ ngổn ngang ở nơi bắt chợt hiện ra thân thể người đàn bà nổi lên trên làn nước. Thảm họa diễn ra như thế đấy. Thân hình người phụ nữ vắt ngang khi rơi từ khoảng không xuống và Shimamura đã giật lùi lại phía sau mà không phải là do một nỗi kinh hãi nào, anh thấy cảnh đó như một ảo ảnh ma quái: cái thân hình cứng nhắc tự nhiên, vừa biến dạng trong khoảng không, bỗng mềm mại đến khó tin, dịu dàng khó hình dung nổi, đến nỗi mất dạng cái vẻ trơ cứng của hình người rồi, đã làm tiêu tan ở anh sự khác nhau giữa sống và chết, nếu như anh có run rẩy, cũng chỉ là lo ngại của sự phá rối tai hại nào đó: lo sợ cái đầu, đầu gối, một bên hông bất thần làm gãy cái đường nét lý tưởng... Nhưng ở trên mặt đất, thân hình đó vẫn giữ ở cái thế nằm ngang.

Komako kêu thét lên, hai tay bưng lấy mắt. Shimamura đắm đắm nhìn vào cái dáng nằm sóng xoài ra đó.

Chẳng biết bao giờ thì anh nhận ra người nằm đó là Yoko. Tiếng la khủng khiếp của đám đông và tiếng kêu của Komako hầu như đồng thời cất lên, cùng lúc, anh nhìn thấy sự co giãn của bắp chân Yoko nằm bất tỉnh trên mặt đất.

Tiếng kêu thét của Komako đã xuyên suốt người anh và cái bắp chân co giãn của Yoko đã làm anh buốt dọc xương sống xuống tận đầu ngón chân. Một nỗi lo âu khó tả làm tim anh thắt lại.

Cái chân hơi động đậy, rất nhẹ khiến gần như không nhìn thấy. Nhưng mà sự giãy giụa thì chưa dứt hẳn. Mắt Shimamura đang lần theo chiếc kimono đỏ trên gương mặt nàng.

Chiếc áo kimono hơi hất lên trên đầu gối một chút, Yoko ngã đập lưng xuống đất, nằm sòng xoài, bất tỉnh, trừ cái bắp chân hơi giầy giụa. Nhưng sự bất động ấy lại khiến anh không mấy may nghĩ đến hình ảnh nào của sự chết chóc; anh coi đó như một sự hóa thân, một giai đoạn trung chuyển, một hình thức của cuộc sống thể chất.

Trên đầu Yoko, vài chiếc đèn của chiếc hành lang vừa sụp đổ vẫn còn bốc cháy. Nơi ánh mắt tuyệt vời, ánh mắt xuyên thủng cả người ai đó bắt gặp: những vành mi đã khép. Chiếc cằm nhọn, khiến nét cổ thêm dài. Và những tia hắt đỏ của đám cháy chập chờn trên gương mặt xanh xao của nàng.

Một cảm xúc mới mẻ xâm chiếm tâm hồn Shimamura khi anh hồi tưởng đến thứ ánh sáng kỳ diệu, hun hút trên tầng cao của núi non, vừa chiếu rọi lên nét mặt đầy gợi cảm của Yoko, trong tấm gương hoàng hôn của ô cửa sổ, lúc anh tới đây để gặp Komako.

Những năm anh quen biết cô, những tháng anh vừa sống bên cô, anh thấy hình như chúng sáng chói lên dưới cái ánh lấp lánh xa xăm của ngọn đèn đơn độc. Một nỗi lo lắng không gọi ra được, chất nặng lên tâm tư anh một nỗi buồn vô tận.

Komako đã tách khỏi anh để vọt đến phía đám lửa cháy, ngay khi cô kêu thét lên, che mắt, trong lúc tiếng kêu khủng khiếp của đám đông dường như vẫn vang lên. Chiếc áo dài kimono của geisha phất phới sau cô khi cô chạy, lao đảo giữa những vũng nước và cái đồng dầm cháy dở thành than đang cản bước cô.

Rồi cô quay lại, ẵm Yoko trên cánh tay. Sự cố gắng hần lên gương mặt cô nét khắc khổ, tuyệt vọng và dưới đó, rất thanh tú, là gương mặt thanh thần của Yoko, trắng bệch và bất động, dường như linh hồn đã bay đi...

Người ta không hề biết cô đang mang một vật dâng hiến cho lễ hỏa thiêu hay là sức nặng của hình phạt trong mình, khi Shimamura tiến lên phía trước không hề biết mình vừa mới mở một lối đi trong cái đám ngổn ngang.

Đám đông vẫn đứng sững sờ ở đó, mở lối và khép lại sau Komako với hàng nghìn tiếng nói vừa hồi phục lại sau vụ cháy:

- Lùi lại! Tránh ra!

Đó là tiếng Komako mà Shimamura nghe thấy.

- Con bé đã phát điên! Phát điên! Phát điên mà!

Anh còn nghe rõ tiếng kêu của Komako.

Khi anh muốn tiến đến thứ tiếng nói gần như mê sảng, những người đàn ông đã xô đến nâng bổng cái thân hình bất động của Yoko; đám đàn ông chen chúc quanh cô, xô đẩy anh mạnh đến nỗi anh mất thăng bằng và lạnh cả người. Anh bước lên để đứng cho vững và khi anh ngã đầu về phía sau, dải Ngân hà tuôn chảy lên anh trong cái thứ tiếng thét gầm giận dữ.

Chú thích

- [1] Quán trọ kiểu Nhật.
- [2] Geisha: Người đàn bà làm nghề dạy nhạc, múa, nghệ thuật tiếp tân cho các cô gái Nhật.
- [3] Một kiểu lò sưởi thông dụng ở Nhật: một cái ngăn lớn, phủ dày. Người ta luồn tay, chân vào cho ấm nhờ hơi lửa của lò than.
- [4] Một loại đàn ba dây các geisha thường chơi.
- [5] Kabuki: Một thể loại kịch truyền thống của Nhật Bản, có hợp xướng và phần trình diễn ra mắt, biểu diễn quy mô, hành động kịch chậm. Thời gian cho một vở kịch Kabuki cổ điển là mười tiếng, còn thời gian cho vở Kabuki hiện nay là năm tiếng. Trong khi xem, khán giả có thể ăn, uống, nói chuyện miễn là đừng quá ồn ào.
- [6] Vòi nước đưa nước sôi nóng liên tục chảy vào bồn tắm.
- [7] Ở bên Nhật thường được hiểu theo nghĩa xấu là cà phê ôm.
- [8] Loại quần ống rộng ở Nhật Bản.
- [9] Thiết bị lò sưởi bằng sành hoặc bằng gỗ, dùng để sưởi tay.
- [10] Điềm báo về sự chết chóc.
- [11] Trong những hộ nhỏ ở miền núi, chỉ có ít nhà mắc công tơ điện. Người ta trả tiền điện theo số ngọn đèn đã dùng (chú của tác giả).
- [12] Hamaka: bộ quần áo miền núi ở Nhật Bản, quần ống rộng.
- [13] Noh: Loại hình sân khấu cổ điển của Nhật Bản.
- [14] Bản dịch tiếng Pháp là “Salon des Prunes”
- [15] Loại vải đặc biệt dùng để may trang phục cổ trong tuồng Noh ở Nhật Bản.

NGÀN CÁNH HẠC

Yasunari Kawabata

TRÙNG DƯƠNG *dịch*

(In theo bản của Nhà xuất bản Trình bày 1969)

Mục lục

[NGÀN CÁNH HẠC](#)

[VÒM CÂY TRONG NẮNG CHIỀU](#)

[CHIẾC BÌNH SHINO](#)

[THỜI SÁP MÔI CỦA MẸ NÀNG](#)

[NGÔI SAO KÉP](#)

NGÀN CÁNH HẠC

I

Ngay cả khi đã tới đường Kamakura và đền Engakuji, chàng cũng không biết là có nên hay không nên đến dự buổi trà đạo. Dầu sao cũng đã trễ giờ hẹn rồi.

Mỗi lần Kurimoto Chikako tổ chức trà đạo tại túp lều dùng cho các buổi trà đạo ở phía trong ngôi đền Engakuji, chàng đều được nhận lời mời. Dù vậy, chưa một lần nào chàng đến dự kể từ ngày cha chàng mất. Đối với chàng, những lần được mời như vậy chỉ có ý nghĩa của sự tưởng nhớ đến cha chàng mà người ta dành cho chàng vậy thôi.

Lần này, trong giấy mời gửi cho chàng còn có thêm một đoạn tái bút như sau: “Nữ chủ nhân muốn chàng xem mặt một thiếu nữ vốn là một học trò về môn trà đạo của mình.” Khi đọc những dòng tái bút đó, Kikuji nghĩ đến cái bốt của Chikako.

Có lẽ đạo chàng mới độ tám, hay chín tuổi thì phải. Một lần cha mang theo chàng đến thăm Chikako và họ gặp cô ta trong phòng điểm tâm. Chiếc kimono của cô ta bỏ ngỏ. Cô ta đang ngồi cắt những sợi lông mọc trên cái bốt nơi ngực bằng một chiếc kéo nhỏ. Cái bốt lớn bằng bàn tay che tới nửa ngực bên trái xuống tuốt đến chỗ trũng giữa hai vú. Mớ lông mọc trên cái bốt màu tím than dường như khá rậm và cô ta đang cắt bốt đi.

- Anh có dẫn theo thằng nhỏ đó à?

Với vẻ kinh ngạc, cô ta túm vội hai vạt áo kimono phía trên cổ khép lại; rồi, có lẽ vì sự vội vã chỉ làm cho cô ta trở nên hở hang hơn, cô ta quay ngoắt đi và cẩn thận buộc lại dải lưng của chiếc kimono.

Sự ngạc nhiên đến với Kikuji nhiều hơn là đến với cha Kikuji.

Bởi lẽ người tớ gái đã đón cha con chàng ở cửa, thì Chikako phải biết là có cha Kikuji tới thăm chứ.

Cha Kikuji không vào phòng ăn điểm tâm. Thay vì vậy, ông ngồi ở phòng bên nơi Chikako thường dạy học trò về môn trà đạo.

- Tôi có thể dùng trà được không? - Cha Kikuji hỏi vẻ lơ đãng.

Ông ngược nhìn giỏ hoa treo nơi nóc nhà.

- Được chứ ạ. - Tuy nói thế, nhưng Chikako vẫn không nhúc nhích.

Trên mảnh báo trải dưới gối cô ta, Kikuji nhận thấy những sợi lông trông giống những sợi râu.

Dù lúc bấy giờ là ban ngày, lũ chuột vẫn chạy loạn xạ trên nền nhà bị lỗm hăn xuống. Sát ngay hàng hiên là một cây anh đào nở đầy hoa.

Cuối cùng, cô ta bước đến bên lò nấu trà, lúc ấy trông Chikako có vẻ bận rộn.

Khoảng mười ngày sau, Kikuji nghe mẹ chàng nói với cha chàng, như thể là một bí mật ghê gớm đến độ chàng không nên biết đến để làm gì, đó là việc Chikako không lấy chồng chỉ vì cái bớt của cô ta. Trong đôi mắt của mẹ có vẻ thương cảm lắm.

- Thế à? - Cha Kikuji gật gù với vẻ ngạc nhiên công khai. - Nhưng mà thế thì đã sao, nếu chồng cô ta thấy cái bớt đó? Nhất là nếu hăn biết trước khi hăn cưới cô ta?

- Đó cũng là điều tôi nói với cô ta. Nhưng mà đàn bà là đàn bà.

- Tôi không tin là cô ta lại có thể nói với một người đàn ông là cô ta có một cái bớt to tướng ngay ở vú.

- Nhưng mà cô ấy đâu còn trẻ gì nữa.

- Không vì vậy mà dễ dàng đâu. Khi một người đàn ông có một cái bớt như vậy, hăn vẫn có thể lấy vợ mà chỉ việc phá lên cười khi bị khám phá ra là mình có một cái bớt ở vú.

- Thế bà có trông từ cái bớt của cô ta bao giờ không?

- Cái nhà ông này! Lẽ cố nhiên là tôi chưa được trông thấy cái bớt đó.

Như vậy hai người chỉ mới nói chuyện về vụn ấy thôi?

- Cô ta đến đây dạy tôi môn trà đạo và chúng tôi nói rất nhiều thứ chuyện. Tôi chắc chắn cô ấy đã cảm thấy như là đang thú tội vậy.

Cha Kikuji lặng thinh.

- Giả thử bây giờ cô ấy lấy chồng. Liệu người đàn ông sẽ nghĩ gì?

- Có thể hẳn sẽ cảm thấy ghê tởm. Nhưng hẳn cũng có thể tìm thấy ở đó một cái gì lôi cuốn chứ, chẳng hạn coi đó là một bí mật.

- Mỗi khuyết điểm đều có những cái tốt của nó. Tóm lại, đây không hẳn là một điều đáng bận tâm.

- Tôi có bảo với cô ta rằng điều đó không có gì đáng ngại hết.

- Nhưng cô ta bảo tiếc thay cái bớt đó lại nằm ngay ở vú.

- Thế à?

- Vấn đề nan giải nhất là nếu cô ta có một đứa con. Đối với người chồng thì có thể không hề gì, nhưng còn đứa nhỏ?

- Bộ cái bớt sẽ ngăn sữa không xuống được sao?

- Không phải chuyện đó. Không phải đâu, sự phiền nhất là khi đứa nhỏ bú mẹ nó sẽ nhìn thấy cái bớt. Tôi không nghĩ đến vấn đề đó nhưng đối với một người hiện đang có một cái bớt như vậy, tự nhiên họ phải nghĩ đến những chuyện đó. Ngay từ khi được sinh ra, nó bú sữa ở chỗ đó; rồi ngay từ khi nó biết nhìn, nó đã nhìn thấy cái bớt xấu xí nơi vú của mẹ nó. Cái ấn tượng đầu tiên của nó về cuộc sống, cái ấn tượng đầu tiên về mẹ nó, có thể là cái bớt xấu xí kia và từ đó có thể cái ấn tượng này sẽ ám ảnh đứa bé suốt đời.

- Thật à? Nhưng đó không phải là những âu lo do tưởng tượng mà ra đấy chứ?

- Tôi nghĩ là người ta có thể nuôi đứa bé bằng sữa bò, hoặc giả mượn cho nó một chị vú.

- Tôi nghĩ điều quan trọng nhất là liệu có sữa cho nó bú hay không, chứ không phải là việc có cái bót hay không.

- Tôi sợ là không chỉ như vậy thôi đâu. Khi tôi nghe cô tâm sự như thế, tôi đã khóc. Như thế đó. Tôi khó có thể cho thằng Kikuji bú sữa ở cái vú có cái bót như vậy.

- Thật à?

Khi chứng kiến sự thật trên, một mối cảm phần xâm chiếm Kikuji, chàng cảm thấy giận cha chàng vì ông đã tỏ ra thân nhiên coi như không có chàng ở đó, dù chính Kikuji cũng đã nhìn thấy tận mắt cái bót của người đàn bà.

Bây giờ, vì vậy, gần hai mươi năm qua rồi, mỗi lần nghĩ đến sự bối rối của cha, chàng vẫn không khỏi mỉm cười.

Dạo chàng lên mười hay khoảng tuổi đó, chàng thường nghĩ đến những câu nói của mẹ và bỗng cảm thấy khó chịu thế nào với ý nghĩ nếu một đứa em trai hay em gái cùng cha khác mẹ với chàng bú sữa nơi chiếc vú có cái bót to tướng kia.

Đó không phải là một mối sợ vì có một đứa em trai hay em gái được sinh ở ngoài gia đình và là một kẻ lạ đối với chàng. Đó thực ra là mối sợ đối với người em trai hay em gái đó thì đúng hơn. Kikuji bị ám ảnh bởi ý nghĩ một đứa trẻ được nuôi bằng sữa từ bầu vú có cái bót đầy những lông lá như thế kia thì có thể trở nên một quái vật.

Chikako có vẻ không có con cái gì cả. Người ta có thể có con nếu người ta muốn, ngờ rằng cha chàng không muốn có con với cô ta.

Sự liên kết giữa cái bót và đứa con đã làm mẹ chàng buồn, có thể vì lẽ đó cha chàng đã đi đến thuyết phục Chikako khiến cho cô bỏ ý định có một đứa con với cha chàng. Dù thế nào đi chăng nữa thì Chikako đã không hề

sản xuất ra một mống nào, ngay cả khi cha chàng còn sống hay sau khi ông đã nằm xuống.

Có lẽ Chikako đã tâm sự với mẹ chàng như thế sau khi Kikuji trông thấy cái bớt của cô ta vì cô ta sợ rằng thế nào chính Kikuji cũng sẽ nói về cái bớt đó.

Chikako không lấy chồng. Phải chăng cái bớt đó đã ám ảnh cả cuộc đời khiến cô bị lệ thuộc vào nó?

Kikuji không bao giờ quên được cái bớt đó. Đôi khi chàng tưởng tượng như chính cuộc sống của chàng cũng bị vướng mắc trong cái ấn tượng về nó.

Khi chàng nhận được tấm giấy mời của Chikako nói, sở dĩ cô ta tổ chức buổi trà đạo là cốt để có lí do giới thiệu chàng với một thiếu nữ, cái bớt lại hiện ra trước mắt chàng, và vì cuộc giới thiệu do Chikako dàn cảnh, chàng tự hỏi liệu thiếu nữ kia có một làn da hoàn toàn không một vết tàn nhang nào không.

Liệu cha chàng có khi nào dùng ngón tay của ông để xiết mạnh cái bớt? Liệu có khi nào ông cắn vào đó? Đó là những ý nghĩ tưởng tượng của Kikuji.

Ngay cả bây giờ, khi chàng băng qua sân đền và nghe tiếng chim kêu chiêm chiếp, những ý nghĩ đó lại đến với chàng.

Khoảng hai hay ba mươi năm sau cái chết của cha chàng, Chikako đã có cái tính cách của giống đực phần nào. Bây giờ cô ta là một thứ người hoàn toàn không có cảm giác gì về tình dục cả.

Tại buổi trà đạo hôm nay, có thể cô ta sẽ rất bận rộn. Có lẽ chuyện cái bớt ở vú đã nhạt phai trong trí cô ta. Kikuji nở một nụ cười nhẹ nhõm và liền sau đó có hai thiếu nữ bước vội vã vượt lên trước chàng.

Chàng dừng lại để cho họ qua.

- Các cô có biết, đến cái lều mà cô Kurimoto tổ chức trà đạo hôm nay, đi về phía này phải không? - Chàng lên tiếng hỏi.

- Dạ thưa phải ạ. - Cả hai thiếu nữ cùng trả lời một lúc.

Kikuji biết rõ hướng nào phải đi rồi và chàng có thể đoán, qua cung cách ăn mặc của các cô, là họ cũng trên đường đi dự buổi trà đạo như chàng. Chàng hỏi thăm họ chẳng qua là để tự xác định với chính mình là chàng đang đi đến chỗ tổ chức trà đạo đây thôi.

Một trong hai thiếu nữ khá đẹp. Nàng mang theo một gói đồ trong chiếc khăn màu hồng có điểm ngàn cánh hạc trắng.

II

Khi Kikuji đến nơi, hai thiếu nữ đang thay tất mới để đi trong nhà. Chàng nhìn vào trong nhà. Phòng chính khá rộng, khoảng độ tám thước vuông.

Dù vậy, khách đến quỳ xung quanh phòng khá đông. Dường như chỉ toàn khách đàn bà, những người đàn bà mặc kimono màu sáng.

Chikako nhận thấy chàng ngay lập tức. Như thế ngạc nhiên vì sự có mặt của chàng, cô ta đứng dậy tiếp chàng.

- Vào đây, mời cậu vào đây. Thật quý hóa quá! Xin mời cậu vào, cậu cứ vào thẳng đi được mà. - Cô ta chỉ chỉ vào chiếc cửa xếp ở cuối phòng đối diện với hàng hiên chỗ Kikuji đứng.

Kikuji thẹn đỏ mặt. Chàng cảm thấy tất cả mọi con mắt đều đổ dồn về phía chàng.

- Toàn phụ nữ à?

- Trước khi cậu đến cũng có một ông ghé qua, nhưng ông ta đi rồi. Cậu là nhân vật sáng chói ở đây đây.

- Không hẳn sáng đâu.

- Ồ, hẳn là thế, cậu có đủ mọi thứ năng lực. Một cái bình hoa tím.

Kikuji xua tay tỏ ý muốn ngồi ở một chỗ ít bị để ý.

Thiếu nữ thu vén mấy chiếc tất rải rác vào trong chiếc khăn có in hình ngàn cánh hạc. Nàng đứng dậy nhường chỗ cho chàng đi qua.

Phòng đợi chứa đầy những hộp kẹo, đồ sứ uống trà do Chikako mang lại và những gói đồ của khách. Tại một góc nhà, người tớ gái đang lau chùi một món đồ.

Chikako bước vào.

- Sao, cậu nghĩ sao về cô gái? Xinh đấy chứ, phải không?

- Cái cô với chiếc khăn có in hình ngàn cánh hạc ấy à?

- Cái khăn nào? Làm sao tôi biết được cái khăn nào? Cái cô tôi muốn nói hồi nãy đứng đây mà, cái cô đẹp đấy. Cô ta là con gái nhà Inamura.

Kikuji gật gù về mơ hồ.

- Khăn tay. Cậu để ý cái không đâu. Người ta không nên quá tỉ mỉ. Tôi cứ ngỡ là hai người đi với nhau. Tôi đã vội mừng.

- Cô ta nói cái gì vậy?

Cậu gặp cô ta trên đường tới đây. Đó là một điềm báo lành cho mối liên hệ giữa hai người. Cha cậu cũng quen biết với Inamura.

- Thật à?

- Gia đình đó có một tiệm bán tơ lụa ở Yokohama. Cô ta hoàn toàn không biết tí gì về cái gọi là tân thời. Lát nữa cậu có thể nhìn thấy cô ta kĩ hơn.

Giọng nói của Chikako hơi to, Kikuji ngượng ngùng, e ngại tiếng nói của cô ta có thể bị nghe thấy xuyên qua bức bình phong căng giầy ngăn với phòng họp bên kia. Đột nhiên, cô ta ghé sát mặt chàng.

- Tuy nhiên có một vấn đề hơi phức tạp. - Cô ta hạ thấp giọng xuống. - Bà Ota có mặt ở đây, với cả cô con gái của bà nữa. - Cô ta quan sát phản ứng của Kikuji. - Tôi không hề mời bà ta. Nhưng từ lâu đã có cái lệ là ai cũng có thể tham dự vào các buổi trà đạo nếu họ là chỗ quen biết. Hôm nọ còn có mấy người Mỹ tới dự nữa. Tôi rất tiếc, song biết làm sao khi bà đến dự. Cố nhiên bà ta không biết gì chuyện cậu và cô gái nhà Inamura hết.

- Về chuyện tôi và cô gái nhà Inamura? Nhưng mà tôi... - Kikuji định nói là chàng không đến đây để sửa soạn cho một buổi xem mắt người vợ tương lai. Bắp thịt cổ chàng trở nên cứng lại.

- Nhưng bà Ota chính là người sẽ phải cảm thấy khó chịu. Cậu có thể coi như không có gì đã xảy ra hết.

Lỗi gạt bỏ vấn đề của Chikako làm chàng khó chịu.

Sự thân thiết giữa Chikako và cha chàng rõ ràng là đã xảy ra trong một thời gian khá ngắn ngủi. Trong thời gian cuối cùng của đời ông, dù sao Chikako đã tỏ ra rất hữu ích cho gia đình chàng. Cô ta thường đến thăm nhà chàng để giúp việc trong bếp mỗi khi có tổ chức trà đạo và ngay cả khi có khách thường đến chơi nhà và ở lại dùng cơm.

Ý tưởng là mẹ chàng có thể ghen tuông với một cô Chikako không cảm giác tình dục dường như khôi hài, chỉ còn đáng nể một nụ cười khẩy. Hẳn là mẹ chàng biết chuyện cha chàng đã nhìn thấy cái bớt của Chikako, và trận bão đã qua; chính Chikako, như thế cả cô ta cũng đã quên hết mọi sự, lại trở thành bạn thân của mẹ chàng.

Có một thời kỳ Kikuji cũng đối xử với cô ta bằng thái độ hơi coi thường. Và chàng đã trút cơn giận trẻ con của mình lên cô ta, nên tính nết bất thường khó chịu của những ngày thơ ấu dường như nhạt phai.

Có lẽ đó là một cuộc sống thích hợp với Chikako: biến mất trong tình trạng không cảm giác tình dục và trở nên một thứ bất động thuận tiện. Với gia đình Kikuji, cô ta đã thành công một cách khiêm tốn với tư cách một người dạy về môn trà đạo.

Chính Kikuji cũng cảm thấy có đôi chút cảm tình với cô ta khi cha chàng mất, chàng có cảm tưởng cô ta đã quên đi người đàn bà trong cô sau một thời gian ngắn ngủi làm nhân tình của cha chàng.

Ngoài việc coi cô ta như một người bạn, mẹ Kikuji còn liên lạc với cô ta cốt để nhờ dò xét giùm bà về vấn đề bà Ota nữa.

Sau cái chết của ông Ota, một người bạn cùng chia sẻ với mình trong các buổi trà đạo, cha Kikuji đã lãnh trách nhiệm coi sóc bộ sưu tầm đồ sứ uống trà của ông Ota và ông bị lôi cuốn đến gần người góa phụ vợ bạn vì thế.

Chikako vội vã báo tin cho mẹ chàng hay.

Lẽ cố nhiên Chikako trở thành đồng minh của mẹ chàng - quả là một thứ đồng minh quá tận tâm. Cô ta theo dõi cha chàng, cô ta cũng thường tới đe dọa bà Ota. Dường như, tất cả sự ghen tuông của chính cô ta được dịp bùng nổ.

Người mẹ trầm lặng, bình tĩnh của Kikuji, lui lại phía sau sự can thiệp dữ dội trên, lo lắng nhiều hơn về việc người ta có thể nghĩ ra sao đó về chuyện cha chàng ngoại tình.

Ngay cả trước mặt Kikuji, Chikako không ngần ngại hạ nhục bà Ota và khi mẹ chàng tỏ ý không bằng lòng, Chikako dám nói ngay là không có gì trở ngại nếu Kikuji nghe được những điều đó.

- Lần trước cũng vậy, khi tôi đến nhà con mụ để bảo cho con mụ biết, cũng thường có một đứa nhỏ có mặt nghe thấy hết mọi sự. Không phải chính tôi đã nghe thấy tiếng khịt mũi ở phòng bên cạnh đó sao?

- Một đứa con gái phải không? - Mẹ Kikuji cau mày.

- Phải. Mười một tuổi, bà Ota nói vậy thì phải. Quả thật là có cái gì không ổn với mụ đàn bà đó. Tôi nghĩ đúng ra mụ ta phải la con nhỏ về cái tội nghe lén chuyện người lớn, vậy mà mụ ta đã làm gì, chị biết không? Mụ ta đứng lên, sang bồng đứa nhỏ qua phòng bên này, ôm nó trong lòng, ngay trước mặt tôi, vậy đó. Tôi nghĩ là mụ ta cần một diễn viên phụ để nâng đỡ mụ trong khi mụ khóc nức nở!

- Nhưng mà chị có nghĩ như vậy kể cũng hơi buồn cho đứa bé không?

- Chính vì vậy mà chúng ta phải dùng đứa nhỏ để giữ mụ ta lại.

Con bé biết đủ mọi chuyện. Dầu sao tôi cũng phải thừa nhận đó là một con bé dễ thương. Khuôn mặt nó tròn trĩnh. - Chikako nhìn Kikuji. - Hay là chúng ta nhờ bé Kikuji nói với cha nó.

- Đừng rải chất độc ra xa quá, tôi yêu cầu chị đó. - Ngay cả mẹ Kikuji cũng phải phản đối. Chị để chất độc ngấm vào người chị, đó mới là tất cả cái sự rắc rối. Chị hãy tập trung lại, nhổ cái chất độc đó ra đi. Coi xem chị

gầy biết chừng nào, còn mẹ ta thì một ngày một phồng ra, một đầy thêm đầy thôi. Quả thật có cái gì đó không ổn với mẹ ta, mẹ nghĩ nếu mẹ khóc lóc, mọi người sẽ hiểu mẹ chắc. Và ngay tại căn phòng mà mẹ ấy tiếp anh Mitani, mẹ cũng chứng cả bức hình của chồng mẹ nữa. Tôi lấy làm ngạc nhiên tại sao anh Mitani không bảo cho mẹ biết về vụ đó.

Và rồi sau cái chết của cha Kikuji, chính bà Ota kia đến túp lều Chikako tổ chức trà đạo, lại còn mang theo đứa con gái nữa.

Kikuji cảm thấy ớn lạnh.

Chikako nói là cô ta không mời bà Ota hôm nay. Dầu vậy, đó là một điểm đáng ngạc nhiên: hai người đàn bà vẫn thường gặp nhau sau cái chết của cha chàng. Có lẽ ngay cả cô con gái cũng là học trò của Chikako thì phải.

- Nếu cậu cảm thấy không thích, tôi có thể yêu cầu bà rút lui. - Chikako nhìn sâu vào mắt chàng.

- Đối với tôi thì không can gì. Cố nhiên, nếu bà ấy muốn đi.

- Nếu bà ta là một người biết nghĩ đến những điều phải, bà ta đã không đem sự bất hòa đến cho cha mẹ cậu.

- Cô con gái cũng cùng đi với bà ta à? - Kikuji chưa bao giờ trông thấy người con gái.

Kể ra cũng có vẻ không thích hợp thế nào trong việc gặp cô gái với chiếc khăn có in hình ngàn cánh hạc ngay trước mặt bà Ota. Và chàng lại càng ngại ngùng hơn với ý nghĩ gặp mặt người con gái hôm nay.

Nhưng giọng nói của Chikako đã vang lên bên tai chàng. Bà ta hẳn biết là mình có đến đây. Mình khó có thể bỏ đi nữa. Chàng đứng dậy.

Chàng vào phòng họp bằng lối cửa ở góc phòng và đến ngồi tít tận cuối phòng.

Chikako theo sát sau chàng.

- Đây là cậu Mitani. - Giọng nói của cô ta gần như có vẻ trịnh trọng.

Kikuji cúi đầu chào mọi người và khi chàng ngẩng đầu lên, chàng nhìn thấy cô gái một cách rõ ràng. Có một cái gì đó gần như chuếnh choáng, thoát đầu chàng không tài nào phân biệt được các bà các cô ngồi trong phòng với những bộ kimono màu sáng rỡ. Bây giờ chàng nhận ra bà Ota ngồi đối diện ngay trước mặt chàng.

- Cậu Kikuji. - Đó là giọng nói của bà Ota. Mọi người trong phòng đều nghe rõ tiếng nói đầy sự cảm mến chân thực của người đàn bà. - Lâu rồi tôi không viết thư vào trong ấy để thăm hỏi cậu gì cả. Từ sau lần cuối cùng gặp cậu cho đến nay cũng đã khá lâu rồi đấy - Bà ta hích vào tay áo cô con gái, giục nàng cúi chào Kikuji.

Người thiếu nữ then đỏ mặt, cúi nhìn xuống sàn nhà.

Đối với Kikuji, thái độ đó có vẻ lỗ bịch. Chàng không thể nào dò ra được một chút gì gọi là hận thù trong cung cách của bà Ota: Bà ta có vẻ tha thiết dịu dàng, bà đã để lộ niềm vui khôn xiết đối với cuộc gặp gỡ bất thường này. Người ta có thể kết luận là bà ta đã không có vẻ gì dè dặt hay e ngại trong buổi họp mặt hôm nay.

Người con gái ngồi cứng đờ, đầu cúi xuống.

Cuối cùng chợt nhận ra sự lạc lõng vây quanh mình, bà Ota cũng đỏ mặt lên vì then. Tuy nhiên, bà ta vẫn nhìn Kikuji, như thể bà ta muốn chạy bổ đến bên chàng, hoặc như thể bà ta đang có điều gì cần nói với chàng lắm.

- Cậu đang học về môn trà đạo, phải không ạ?

- Tôi chả biết tí gì hết về cái đó.

- Thật vậy sao? Nhưng trong huyết quản của cậu đã mang sẵn cái tinh thần ấy. - Sự xúc động dường như vượt quá sức chịu đựng của người đàn bà.

Từ sau đám tang cha chàng, Kikuji chưa hề gặp lại bà ta.

Bà ta dường như không thay đổi là bao từ bốn năm nay.

Chiếc cổ trắng khá dài vẫn như thế và đôi vai đầy đặn cân đối với chiếc cổ thanh tú - kể ra đó cũng là một dáng vóc khá trẻ so với số tuổi của người đàn bà. Miệng và chiếc mũi nhỏ rất phù hợp với cặp mắt. Nếu để ý hơn một chút, người ta sẽ nhận thấy chiếc mũi nhỏ của bà ta rất đều và gọn. Khi bà ta nói, môi dưới hơi trề ra một chút như người đang bấu môi.

Người con gái được thừa hưởng chiếc cổ dài và đôi vai đầy đặn của bà mẹ. Miệng nàng rộng hơn, tuy nhiên, môi nàng luôn mím chặt lại. Có vẻ gì gần như khô hải xung quanh chiếc miệng nhỏ nhắn của bà mẹ bên cạnh chiếc miệng của người con.

Một vẻ u buồn thể hiện trong đôi mắt của thiếu nữ, vẻ u buồn nặng nề hơn là vẻ u buồn trong đôi mắt người mẹ.

Chikako cời than trong lò.

- Cô Inamura, cô vui lòng pha trà cho cậu Mitani. Hình như cô chưa hề thực tập bao giờ.

Cô gái với ngàn cánh hạc đứng lên.

Kikuji để ý thấy nàng ngồi bên cạnh bà Ota.

Tuy vậy chàng đã tránh nhìn nàng khi chàng nhìn về phía hai mẹ con bà Ota.

Cố nhiên khi Chikako mời cô gái đứng lên pha trà là cốt ý để chàng quan sát nàng kĩ.

Khi nàng đến bên lò than, nàng quay sang hỏi Chikako.

- Em phải dùng cái chén nào bây giờ?

- Để tôi coi. Dùng cái chén Oribe^[1] được đó, - Chikako trả lời. - Cái chén đó trước kia là của cha cậu Mitani. Ông rất thích cái chén đó và chính ông cho tôi đấy.

Kikuji nhớ chiếc chén uống trà mà Chikako vừa đặt xuống trước mặt người thiếu nữ. Quả thực chiếc chén này ngày trước là của cha chàng và chính bà Ota là người đã cho ông chiếc chén đó.

Bà sẽ cảm thấy ra sao, khi nhìn thấy tại buổi trà đạo chiếc chén uống trà đã từng được bà nâng niu rồi đã được chuyển từ tay cha Kikuji đến tay Chikako?

Kikuji chưng hửng trước sự thiếu tế nhị của Chikako.

Nhưng người ta có thể kết luận là bà Ota cũng đã chứng tỏ một chút khéo léo.

Trước mặt chàng, cô gái nhà Inamura bỗng trở nên đẹp lạ thường, nàng bỗng nổi bật lên trên những mẫu chuyện nhỏ nhen của những người đàn bà đứng tuổi đang vây quanh chàng kia.

III

Với vẻ hồn nhiên, nàng đi đi lại lại trong suốt buổi lễ không một chút do dự và cuối cùng chính tay nàng đặt chén trà xuống trước mặt Kikuji.

Sau khi uống trà xong, Kikuji nhìn vào chiếc chén. Đó là một chiếc chén Oribe màu đen, lấm tấm điểm trắng ở một bên chén, với hình vẽ cảnh cây non màu đen, hình cong cong.

- Cậu hẳn nhớ cái chén này, - Chikako lên tiếng từ đầu phòng bên kia.

Kikuji trả lời thoải thác rồi đặt chiếc chén xuống.

- Hình vẽ trên đó gợi cho người xem cái cảm giác về núi non. - Chikako nói. - Một trong những chiếc chén tốt nhất để dùng vào dịp đầu xuân - cha cậu thường dùng nó luôn. Mang nó ra dùng hôm nay kể cũng hơi trái mùa một chút, nhưng tôi nghĩ là để cho cậu Kikuji...

- Việc cha tôi chỉ làm chủ chiếc chén trong một thời gian ngắn ngủi thì có gì là lạ đâu? Cái chén đó đã có tới bốn trăm tuổi, tóm lại lịch sử của Momoyama và của chính Rikyu^[2]. Những vị tổ sư của môn trà đạo đã coi sóc giữ gìn chiếc chén đó và truyền lại qua các thế kỉ. Cha tôi chỉ giữ một vai trò nhỏ bé trong đó thôi. - Như vậy, Kikuji cố gắng quên đi cái liên hệ mà chiếc chén gợi lên trong đầu chàng.

Chiếc chén đã được truyền đi từ ông Ota sang người vợ, từ người vợ đó được giao cho cha Kikuji, rồi từ tay người cha Kikuji, chiếc chén cuối cùng về tay Chikako; hai người đàn ông, Ota và cha Kikuji đã chết và đây còn lại hai người đàn bà.

Có một cái gì đó hơi dị thường xung quanh sự có mặt của chiếc chén uống trà.

Bây giờ đây, người góa phụ của Ota và con gái của ông ta, Chikako và cô gái nhà Inamura và cả những thiếu nữ khác đều nâng chén trà lên và kê môi uống.

- Tôi có thể dùng trà trong chiếc chén Oribe được không? - Bà Ota đột nhiên hỏi. - Lần trước cô cho tôi dùng chiếc chén khác.

Kikuji giật nảy mình. Liệu người đàn bà có điên không, hay là bà ta không biết xấu hổ là gì?

Chàng bỗng cảm Sew Rikyu (1521 - 1591), vị tổ sư của môn trà đạo. thương hại người con gái vẫn ngồi lặng thinh cúi đầu gằm xuống.

Cô gái nhà Inamura đến bên bà Ota dâng trà cho bà. Mọi người đều nhìn nàng một cách chăm chú. Có lẽ nàng vô tình không biết mảy may gì về lịch sử của chiếc chén Oribe màu đen này. Nàng cử động nhịp nhàng với những động tác có tính chất thực tập.

Đây là một buổi thực tập trà đạo giản dị, tuyệt đối không có một lời chỉ trích nào. Phong độ của nàng, từ vai xuống đến gối, chứng tỏ sự nề nếp và chỉnh tề.

Bóng chùm lá non bên ngoài in hình lên tấm cửa có căng giấy.

Một bóng lá non chiếu nhẹ trên bờ vai và trên cánh tay áo kimono màu xám của nàng. Mái tóc nàng dường như sáng lung linh.

Ánh sáng có vẻ hơi sáng quá với một túp lều dùng cho các buổi trà đạo, tuy nhiên cũng chính là ánh sáng đó làm cho tuổi trẻ của thiếu nữ nổi bật hơn. Chiếc khăn kê trà màu đỏ, gợi cho người ta có cảm giác êm dịu nhiều hơn là tươi mát, như thể một bông hoa đỏ đang nở trên tay thiếu nữ.

Chàng tưởng như ngàn cánh hạc nhỏ và trắng tung bay quần quýt xung quanh người nàng.

Bà Ota nâng chiếc chén Oribe màu đen trong lòng bàn tay. - Màu xanh của trà tương phản với màu đen, như những khoảng màu xanh xuất hiện

vào dịp đầu xuân vậy. - Song ngay cả bà, bà cũng chẳng hề nhắc đến sự kiện chiếc chén đã có lần thuộc quyền sở hữu của chồng bà.

Sau đó là buổi xem xét cho có lệ những đồ dùng trong các cuộc trà đạo. Bọn con gái biết rất ít về những thứ đó, nên phần lớn đều hài lòng với những câu giải thích của Chikako.

Chiếc bình đựng nước và đồ dùng để khuấy trà trước kia cũng thuộc về cha Kikuji. Song cả Kikuji lẫn Chikako không đề cập đến sự kiện này.

Khi Kikuji đang nhìn bọn con gái lần lượt ra về, bà Ota đến bên chàng.

- Tôi sợ là tôi đã tỏ ra quá vụng về. Có lẽ tôi làm cậu phiền lòng, song khi tôi trông thấy cậu thì như thể những ngày xa xưa hiện về rõ rệt hơn bất cứ thứ gì khác.

- Ồ?

- Cậu bây giờ trông chừng chặc quá. - Trông bà ta như sắp khóc. - Vâng, mẹ cậu. Tôi cũng định dự đám tang của bà, nhưng rồi không hiểu sao tôi không đến được.

Kikuji cảm thấy khó chịu.

- Cha cậu rồi đến mẹ cậu. Chắc cậu cảm thấy đơn độc lắm.

- Vâng, có lẽ thế.

- Cậu chưa định về bây giờ sao?

- Thực ra...

- Có bao nhiêu điều mình cần nói với nhau, một ngày nào đó tôi mong được gặp cậu.

- Cậu Kikuji. - Chikako gọi vọng từ phòng bên cạnh.

Bà Ota đứng dậy với vẻ tiếc nuối. Cô con gái của bà đã ra ngoài và đang đứng đợi mẹ ở ngoài vườn.

Cả hai mẹ con ra về sau khi cúi đầu chào Kikuji. Trong đôi mắt người thiếu nữ có tia nhìn chống đối.

Chikako đang cùng với người tớ gái và hai hay ba người học viên mà cô ta thương nhất lau chùi lại phòng bên cạnh.

- Cái nhà bà Ota nói gì thế?

- Chẳng có gì đặc biệt cả. Không có gì hết.

- Cậu phải thận trọng với mẹ ta mới được. Trông bề ngoài có vẻ nhu mì dịu dàng như vậy - mẹ ta khéo tự thu xếp để làm ra vẻ chẳng bao giờ có thể làm hại một ai. Nhưng cậu không bao giờ có thể đoán được mẹ đang nghĩ gì trong đầu đâu.

- Tôi đoán hình như bà ta đến dự trà đạo do cô tổ chức luôn thì phải? - Kikuji hỏi với đôi chút mỉa mai. - Bà ta bắt đầu lại từ khi nào vậy?

Để tránh độc dược của Chikako, chàng đứng lên đi ra ngoài vườn.

Chikako đi theo chàng.

- Cậu thấy cô gái thế nào? Đẹp đấy chứ hả?

- Rất đẹp. Nhưng có lẽ nàng sẽ còn đẹp hơn nếu tôi gặp nàng mà không có các người dòm ngó xung quanh - cô, bà Ota và cái bóng ma của cha tôi.

- Tại sao những điều đó lại làm cậu bận tâm cho được? Bà Ota không dính líu gì đến cô gái nhà Inamura hết.

- Đối với tôi dường như đó là một việc không đẹp đối với cô gái.

- Tại sao? Nếu vì sự có mặt của bà Ota làm cậu bức dọc, thì tôi xin lỗi, nhưng cậu nên nhớ là tôi không hề mời bà ta. Và cậu nên nghĩ đến cô Inamura một cách biệt lập mới phải.

- Tôi phải đi bây giờ. - Chàng ngừng lại. Nếu chàng tiếp tục bước song song với Chikako, chắc chắn cô ta khó mà buông tha cho chàng về.

Khi còn lại một mình, chàng nhận thấy cây đỗ quyên trên sườn núi đã đâm nụ. Chàng thở ra thật dài.

Chàng cảm thấy tự coi thường vì đã để Chikako dẫn dắt chàng hơi xa; tuy nhiên cái ấn tượng về cô gái trong chiếc khăn choàng có vẽ hình ngàn cánh hạc thật tươi mát và trong sạch.

Có lẽ chính nhờ nàng mà cuộc gặp gỡ giữa chàng và hai người đàn bà cũ của cha chàng đã không còn làm chàng bức dọc như chàng tưởng.

Hai người đàn bà vẫn còn đó để nói về cha chàng và mẹ chàng đã nằm xuống. Chàng cảm thấy một cái gì gần như là sự giận dữ.

Cái bớt xấu xí lại hiện ra trong tâm trí chàng.

Một cơn gió chiều thoảng qua, mơn man những chiếc lá non.

Kikuji bước chậm rãi, chiếc mũ cầm nơi tay.

Từ xa chàng nhận ra bóng dáng bà Ota trong bóng mát của chiếc cổng chính dẫn vào ngôi đền.

Chàng tìm đường tránh mặt. Chàng có thể qua lối cổng khác để rời ngôi đình bằng cách rẽ phải hay rẽ trái. Nhưng chàng vẫn bước đều về phía cổng chính.

Bà Ota vừa trông thấy chàng liền bước lại. Đôi má bà ửng hồng.

- Tôi có ý đợi cậu. Tôi muốn gặp lại cậu, có lẽ tôi có vẻ kỳ cục, nhưng tôi cần nói vài điều với cậu. Nếu chúng ta từ biệt tại nhà cô Kurimoto, tôi sợ là không có dịp gặp lại cậu nữa.

- Thế còn con gái bà đâu rồi?

- Fumiko đi trước với một cô bạn.

- Chắc cô biết bà đợi tôi?

Bà Ota nhìn vào mắt Kikuji:

- Phải.

- Tôi sợ cô không tán thành lắm việc này đâu. Tôi thấy tội cho cô ta trong buổi trà đạo vừa qua. Rõ ràng là cô ấy không muốn gặp mặt tôi. - Câu nói vừa có vẻ cộc cằn vừa có vẻ thận trọng. Nhưng bà Ota trả lời thẳng thắn.

- Với Fumiko, gặp mặt cậu là một điều khổ tâm cho nó.

- Bởi vì chính cha tôi đã làm cho cô ấy đau khổ.

Kikuji có ý nói chính bà Ota cũng đã làm cho chàng khổ tâm.

- Không phải vậy đâu. Cha cậu đối xử với con bé rất tử tế. Có dịp, tôi sẽ kể cậu nghe về chuyện này. Thoạt đầu, con bé không tỏ ra mấy thân thiện, mặc dù cha cậu đã cố gắng đối xử tốt với nó. Nhưng rồi con bé cũng thay đổi vào lúc chiến tranh sắp chấm dứt với những cuộc oanh tạc dữ dội. Tôi không hiểu tại sao. Con bé đã làm hết mình những gì mà nó có thể làm để giúp cha cậu. Cố nhiên dạo đó nó còn nhỏ. Cái mà nó có thể làm là đi tìm mua gà, cá và những thứ tương tự cho cha cậu. Nó khá cương nghị nên một khi nó quyết định làm cái gì nó không màng đến sự hiểm nguy. Ngay cả khi xảy ra những vụ oanh tạc, nó dám về cả những vùng quê để tìm mua gạo. Cha cậu đã tỏ ra rất ngạc nhiên về thái độ thay đổi đột ngột đó của con nhỏ. Tôi cũng rất xúc động đến độ tôi suýt cảm thấy lòng tự ái bị thương tổn. Đồng thời, tôi cũng cảm thấy như mình đang bị quả măng.

Kikuji thầm hỏi: liệu mẹ chàng có cùng được hưởng sự tử tế mà cô gái họ Ota đã dành cho cha chàng. Những món tặng phẩm đáng giá mà cha chàng thỉnh thoảng đem về nhà, phải chăng đó chính là những món mà Fumiko đã mua được?

- Tôi cũng không hiểu tại sao Fumiko lại đổi thay như vậy. Có thể là vì, giữa thời chiến, người ta không biết được hôm nay hay ngày mai sẽ chết bất ngờ. Tôi nghĩ là con bé tội nghiệp cho tôi, nên nó sốt sắng giúp đỡ cả cha cậu nữa.

Trong cơn rối loạn của cuộc bại trận, có lẽ cô gái đã hiểu mẹ cô tha thiết một cách tuyệt vọng với cha Kikuji như thế nào. Thực tế phũ phàng của

những ngày tao loạn đã khiến cô quên đi cái quá khứ thuộc về cha ruột mình để chỉ nhìn thấy cái thực tại vây quanh người mẹ góa bụa.

- Cậu có để ý nhẵn Fumiko đeo nơi tay không?

- Không.

- Cha cậu đã cho nó cái nhẵn đó. Ngay cả khi cha cậu sống với tôi ông vẫn thường về nhà mỗi khi có báo động oanh tạc. Thường Fumiko hay theo tiền cha cậu về mặc dù không ai trong chúng tôi đưa đề nghị đó ra. Nó bảo nếu để cha cậu về một mình, nhờ chẳng may có cái gì xảy ra thì sao. Một đêm, sau khi đưa cha cậu về, nó không trở lại nhà như mọi lần. Tôi hy vọng là nó sẽ ngủ đêm lại nhà cậu, nhưng tôi cũng sợ là cả hai người đều bị trúng bom. Thế rồi buổi sáng hôm sau nó về nhà và cho biết, nó tiễn cha cậu về đến cổng rồi trải qua một đêm trong hầm trú ẩn. Để tỏ ý cảm ơn con bé, cha cậu đã cho nó chiếc nhẵn trong kỳ viếng thăm kế đó. Tôi chắc là nó bối rối nếu để cậu nhìn thấy chiếc nhẵn đó.

Kikuji cảm thấy khó chịu vô cùng. Thật là kỳ cục khi bà Ota có vẻ như mong mỗi mỗi thiện cảm mà chàng đã dành cho bà như một điều tự nhiên phải có. Tuy vậy, chàng vẫn không tỏ một thái độ coi thường hay bức dọc. Ở người thiếu phụ đứng tuổi toát ra một vẻ nồng nàn khiến chàng như bị đẩy ra khỏi sự thận trọng cố hữu.

Khi Fumiko thực hiện, một cách tuyệt vọng những gì nàng có thể làm được để giúp cha chàng, có phải nàng đã từng theo dõi mẹ nàng mà vẫn không thể nào hiểu được bà?

Kikuji có cảm tưởng là khi bà Ota nói về cô con gái bà cũng chính là lúc bà nói về mối tình cảm giữa bà với cha chàng. Dường như bà có vẻ biện hộ điều gì với tất cả niềm đam mê bà đã có và cuối cùng, cuộc biện hộ dường như cũng không phân biệt sự khác nhau giữa cha chàng và chàng. Có một nỗi nhớ nhung sâu đậm và nồng nàn trong giọng nói của bà Ota, như thể bà đang nói chuyện với cha Kikuji vậy.

Niềm oán hận mà mẹ con Kikuji dành cho bà Ota tuy đã phai nhạt đi ít nhiều, nhưng chưa hoàn toàn mất hẳn. Chàng cũng sợ là khi chàng tỏ ra hết sức thận trọng chàng vẫn có thể tìm thấy ngay trong chính chàng hình bóng người cha đã từng được bà Ota yêu thương. Chàng không ngăn nổi sự tưởng tượng thuộc về cha chàng trong quá khứ, như chính chàng đã quen thuộc, từ lâu rồi, với thân thể của người đàn bà đang đứng trước mặt. Chàng hỏi:

- Bà thường đến nhà cô Kurimoto? Trước kia chắc bà đã quen biết khá nhiều với cô ta chứ?

Bà Ota cúi đầu, đáp:

- Sau khi cha cậu chết, tôi có nhận được một lá thư của cô ta.

Lúc đó tôi nhớ cha cậu kinh khủng và tôi cảm thấy cô đơn vô cùng.

- Thế cô Fumiko có đến thăm cô Kurimoto cùng với bà không?

- Fumiko à? Tôi đem nó đi chỉ để cho nó có bạn thôi.

Hai người băng qua những con đường mòn, đi ngang qua nhà ga Kamakura ở phía Bắc và lúc này họ đang tiến lên ngọn đồi đối diện với đền Engakuji.

IV

Bà Ota năm nay ít nhất cũng bốn mươi lăm tuổi, tính ra bà hơn Kikuji đến hai mươi tuổi, nhưng bà đã làm cho Kikuji quên hẳn tuổi bà khi hai người yêu nhau. Chàng có cảm tưởng như chàng ôm trong tay một người đàn bà trẻ hơn chàng.

Cùng chia sẻ niềm hạnh phúc với một người đàn bà đã từng trải, Kikuji không hề cảm thấy bối rối vì mặc cảm thiếu kinh nghiệm yêu đương của mình.

Chàng có cảm tưởng như đây là lần đầu tiên chàng biết đàn bà và cũng lần đầu tiên chàng biết đến người đàn ông trong chàng. Quả thực là một sự thức tỉnh lạ lùng. Trước kia, chàng không ngờ một người đàn bà có thể mềm mại và dễ thụ cảm đến độ đó, tính chất đó đã được bộc lộ sau đó khi hai người gần nhau, đồng thời nó đã mê hoặc chàng vào trong một vùng đầy thương yêu nồng nàn.

Thường Kikuji cảm thấy ghê sợ sau mỗi lần gần gũi đàn bà: nhưng bây giờ, sau phút ân ái, chàng ý thức về một việc nghỉ ngơi êm đềm. Chàng cũng thường đột ngột bỏ đi sau đó, nhưng hôm nay chàng cảm thấy như là lần đầu tiên chàng được gần gũi da thịt đàn bà ấm áp và chàng không ngần ngại buông thả mình trong cảm giác đó. Mãi đến hôm nay chàng mới nhận thấy tận cơn sóng trong mắt của người đàn bà. Trầm mình trong sóng đó, chàng cảm thấy mãn nguyện như sau khi chiến thắng, kẻ chinh phục được tên nô lệ rửa chân cho mình.

Và có cảm giác về một thứ tình mẫu tử nơi người đàn bà nữa.

- Cô Kurimoto có một cái bớt lớn. Bà biết không?

Kikuji nói trong lúc đầu chàng ngẩng lên. Chàng đã vô tình mang câu chuyện về cái bớt của Kurimoto vào buổi tối hôm nay. Có lẽ vì một sự chậm trễ của ý thức, nên chàng không ngờ rằng mình có vẻ như muốn nói xấu Kurimoto. Chàng giơ tay trở vào ngực:

- Cái bớt nằm ở chỗ này, ngay trên vú.

Một cái gì đã đến trong chàng khiến chàng nói lên điều đó. Một cái gì đó đến trong chàng ngoài ý muốn, để tạo dịp cho chàng nguyên rửa người đàn bà có cái bớt ở vú. Hoặc giả điều đó chỉ có ý giấu giếm một nỗi e thẹn dịu dàng trong chàng vì chàng đã từng muốn nhìn tận mắt thân thể của Kurimoto, để xem cái bớt thật sự nằm ở đâu thôi.

- Thật tởm!

Vừa nói bà Ota vừa khép nhanh chiếc kimono lại. Tuy nhiên, bà cũng tỏ ra không chấp nhận cái bớt của Kurimoto. Bà nói thản nhiên:

- Tôi không biết là cô ta có cái bớt đó. Làm sao cậu có thể nhìn thấy nó bên dưới chiếc áo kimono chứ?

- Có, tôi thấy được.

- Không! Làm sao cậu có thể nhìn thấy được chứ?

- Bà có thể thấy nó nếu nó ở đây, tôi tưởng tượng được.

- Thôi đi. Có phải cậu đang tìm xem tôi có cái bớt như vậy không, phải không?

- Không phải vậy. Nhưng tôi đang tự hỏi liệu bà có cái bớt như vậy, bà sẽ cảm thấy ra sao?

- Nhưng tại sao cậu lại đi nói đến chuyện đó? Điều đó có can hệ gì đâu?

Mặc dù có vẻ phản đối câu chuyện Kikuji đang đề cập tới nhưng thái độ của bà ta thật thản nhiên. Độc được mà Kikuji tung ra, dường như không gây ra một phản ứng nào. Chính độc được đó đã ngấm lại chàng.

- Tôi nghĩ là nó can hệ. Tôi chỉ nhìn thấy cái bớt đó một lần, dạo đó tôi mới tám hay chín tuổi gì đó và bây giờ tôi có thể tưởng tượng thấy nó.

- Tại sao vậy?

- Chính bà cũng đã từng sống trong sự nguyên rủa cái bớt đó của Kurimoto. Chứ không phải cô Kurimoto đến gặp bà dễ dàng giật lại cha tôi, nhưng lại làm ra vẻ tranh đấu giùm cho mẹ con tôi đấy chắc?

Bà ta gạt gù và dịch ra xa Kikuji. Kikuji kéo bà lại gần, xiết chặt trong vòng tay.

- Cô Kurimoto có mặc cảm về cái bớt của mình. Điều đó làm cho cô ta đáng ghê tởm hơn.

- Cậu có ý nghĩ gì mà quái gở vậy?

- Và có lẽ vì vậy mà cô ta không nghĩ đến việc trả thù cha tôi.

- Tại sao lại trả thù?

- Cô ta nghĩ là cha tôi coi thường cô ta cũng chỉ vì cái bớt đó. Có thể cô ta cũng tự an ủi rằng cha tôi bỏ rơi cô ta chính vì cái bớt đó.

- Thôi, đừng nói về cái chuyện ghê tởm đó nữa.

Tuy nói vậy, bà Ota chưa hình dung ra được cái bớt kia ra sao, nên lại tiếp tục:

- Tôi không tin là cô Kurimoto còn bận tâm về chuyện đó nữa đâu. Sự đau khổ chắc đã nhạt từ lâu rồi.

- Liệu sự đau khổ nhạt đi có còn để lại một dấu vết nào?

- Cậu đôi khi có vẻ thương cảm về chuyện đó lắm?

Bà Ota nói, nửa người còn đang mơ mộng.

Kikuji lên tiếng nói về một chuyện mà chàng đã quyết định không nói ra dù với giá nào.

- Bà còn nhớ cô gái ngồi bên trái bà trong buổi trà đạo trưa nay không?

- Có, cô Yukiko, thuộc giòng họ nhà Inamura.

- Cô Kurimoto mời tôi đến hôm nay không ngoài mục đích để xem mắt nàng.

Bà Ota nhìn sững Kikuji với đôi mắt mở lớn không chớp.

- Không thể như thế được. Đúng là một lỗi mai mối. Tôi không bao giờ ngờ được.

- Thực ra đây chưa phải là một cuộc mai mối.

- Với tôi, đó chính là một cuộc mai mối. Như vậy cậu vừa trở về nhà sau một cuộc xem mắt vợ tương lai.

Một giọt nước mắt lăn xuống gò má bà Ota rồi nhỏ lên mặt gối.

Đôi vai run rẩy, bà nức nở.

- Thật vậy. Vậy. Tại sao cậu không nói cho tôi rõ từ trước?

Nói xong bà úp mặt xuống mặt gối.

Kikuji không ngờ phản ứng của bà Ota lại đột ngột đến thế.

- Nếu bà cho việc chúng tôi làm là vậy thì nó là vậy, mặc dù tôi có làm cái việc xem mắt người ta hay không. - Chàng có vẻ thành thật. - Tôi không thấy giữa hai việc đó có một liên hệ nào với nhau cả.

Tuy nói vậy, chàng cũng bắt gặp lại hình ảnh của cô gái nhà Inamura. Chàng có thể hình dung ra chiếc khăn màu hồng của nàng với hình vẽ bầy hạc trắng trên đó.

Hình ảnh người đàn bà đang khóc trở nên xấu xí tẻ. Đôi vai đầy đặn của bà ta run lên.

- Trời ơi, thật vậy, làm thế nào mà tôi đã làm cái việc đó? Tôi thật tội lỗi.

Nếu Kikuji tỏ ra hối hận thì chàng đã có cái cảm giác ghê tởm về sự chung đụng thể xác với bà Ota. Dầu sao, ngoài vấn đề xem mắt vợ tương lai của Kikuji thì bà ta cũng đã từng là tình nhân của cha chàng. Nhưng chàng không cảm thấy ân hận, cũng không cảm thấy ghê tởm.

Chàng không hiểu sự việc đã xảy ra ra sao và nó đã xảy ra một cách hết sức tự nhiên. Có lẽ bà Ota đang ân hận vì đã quyến rũ chàng, dù bà không thực tâm định quyến rũ chàng và Kikuji cũng không cảm thấy là chàng bị quyến rũ. Không có vấn đề kháng cự về phía chàng cũng như về phía người đàn bà. Chàng có thể nói là chàng không cảm thấy có một sự ghê tởm nào hết ở đây.

Họ đưa nhau đến một cái quán trên ngọn đồi đối diện với đền Engakuji dùng cơm chung, vì bà Ota còn đang tiếp tục nói về cha chàng. Kikuji không có bốn phận phải nghe. Thế mà chàng vẫn im lặng ngồi nghe bà ta kể về cha chàng trong một cảm giác xa lạ; dường như không để ý thái độ đó của chàng, bà Ota vẫn nói như biện minh cho niềm thiết tha của mình dành cho dĩ vãng. Trong khi lắng nghe bà Ota nói, Kikuji chợt cảm thấy lòng mình trở nên khoan dung. Một mối cảm tình đầy che chở vây tỏa lấy người thanh niên.

Chàng nghĩ về hạnh phúc mà cha chàng đã được hưởng.

Có lẽ đây chính là căn nguyên của sự lầm lỡ. Cái lúc từ biệt bà Ota đã qua và trong một phút yếu lòng, Kikuji đã buông xuôi. Mặc dù trong tận đáy lòng, chàng vẫn cảm thấy có một bóng tối dày đặc. Chàng đã nói hộ cho Korimoto và cô gái nhà Inamura một cách độc địa.

Chỉ vì sự độc địa đó quá hiệu quả đấy thôi. Đột nhiên chàng cảm thấy hối hận, và sự hối hận đó đã kéo theo nó lòng ghê tởm và một ngọn sóng hung bạo ích kỉ chợt bủa vây lấy chàng, thúc đẩy chàng phải nói lên một điều gì tàn nhẫn hơn.

Người đàn bà lên tiếng:

- Thôi, bỏ qua đi. Điều đó chẳng nghĩa lý gì. Không có gì hết cả.
- Bà còn nhớ cha tôi không?
- Hả? Cậu nói cái gì vậy?

Bà Ota ngó chàng với vẻ ngạc nhiên qua đôi mắt đỏ hoe vì khóc; Kikuji vẫn có thể nhận ra nỗi chán chường của người đàn bà.

- Nếu cậu hỏi vậy, tôi không có gì để trả lời cả. Nhưng hiện giờ tôi là một người đàn bà rất đau khổ.

- Bà không việc gì phải giấu tôi. - Kikuji mở phăng chiếc kimono của bà Ota ra. - Nếu bà có một cái bớt, bà sẽ không bao giờ quên sự hiện diện của nó cả. Cái ẩn tượng...

Kikuji chợt kìm hãm lại những lời chàng định nói.

- Cậu không nên nhìn tôi như vậy...tôi không còn trẻ nữa. - Kikuji ghì chặt bà ta như thể muốn ăn tươi nuốt sống người đàn bà.

Con sóng cũ trở lại, con sóng của người đàn bà.

Và chàng thiếp đi trong cảm giác êm đềm.

Nửa thức nửa ngủ, chàng nghe tiếng chim kêu chiêm chiếp.

Dường như chàng đã thức dậy lần đầu tiên do tiếng gọi của chim muông.

Lớp sương mai thấm ướt hàng cây nơi hàng hiên. Kikuji có cảm tưởng những ngõ ngách trong đầu mình vừa được rửa sạch. Chàng không nghĩ gì cả.

Bà Ota nằm ngủ, lưng xoay lại phía chàng. Chàng thầm hỏi bà ta xoay lưng lại phía chàng từ hồi nào. Chàng nằm chống khuỷu tay lên nệm ngó xuống khuôn mặt người tình cũ của cha trong bóng tranh tối tranh sáng.

V

Khoảng hai tuần lễ sau, con gái bà Ota đến tìm Kikuji tại nhà chàng.

Kikuji sai người hầu gái đưa nàng vào phòng khách. Cố gắng kìm hãm sự hồi hộp, chàng mở tủ đựng cốc tách và mang ra hộp kẹo. Liệu cô Ota tới đây một mình hay có cả bà mẹ đứng đợi ở ngoài vì không thể vào nhà?

Người thiếu nữ đứng dậy khi chàng mở cửa phòng khách, đầu nàng cúi xuống và Kikuji nhìn thấy chiếc môi dưới hơi trề của nàng mím lại một vẻ cương quyết.

- Xin lỗi đã để cô đợi lâu.

Vừa nói, Kikuji vừa mở cánh cửa kính trông ra vườn. Khi đi qua phía sau lưng người thiếu nữ, chàng bắt gặp một mùi hương tàn tiết ra từ đóa thược dược trắng cắm trong lọ hoa. Đôi vai đầy của nàng hơi nghiêng về phía trước.

- Xin mời cô ngồi.

Kikuji cũng kiếm một chỗ ngồi xuống. Chàng cảm thấy lạ lùng khi bắt gặp hình ảnh người mẹ nơi người con gái.

- Lẽ ra tôi phải gọi đây nói trước cho anh mới phải.

Đầu nàng vẫn cúi xuống.

- Không sao. Tuy nhiên, tôi ngạc nhiên là cô lại có thể tìm ra nhà tôi.

Nàng gật đầu.

Rồi Kikuji nhớ ra: trong thời kì thành phố bị oanh tạc nàng đã có lần tiễn cha chàng về gần đến cổng nhà chàng. Chàng đã được bà Ota thuật cho nghe về chuyện này tại đền Engakuji.

Vừa chợt có ý định thuật lại chuyện này, chàng đã kìm hãm lại ngay. Chàng đưa mắt nhìn thiếu nữ.

Sự nồng nàn của bà Ota chợt trở lại trong chàng như một dòng nước ấm. Bà ta đã đầu hàng một cách dịu dàng mọi sự, chàng vẫn còn nhớ và chàng đã cảm thấy an bình.

Chính vì cảm giác an bình đó, giờ đây chàng cảm thấy sự thận trọng trở nên mờ nhạt trong chàng. Người con gái không nhìn lại chàng.

- Tôi... - Nàng lên tiếng phá tan sự im lặng giữa hai người và nàng ngược nhìn chàng. - Tôi có việc cần phải nói với anh. Về mẹ tôi.

Kikuji nín thở.

- Tôi mong anh tha thứ cho bà.

- Tha thứ cho bà? - Kikuji linh cảm người mẹ đã nói hết về chàng cho cô con gái nghe. - Nếu có người nào được tha thứ thì người đó chính là tôi mới phải.

- Tôi muốn anh tha thứ cho mẹ tôi thay cho cha anh luôn thể.

- Liệu cha tôi có phải là người cần được tha thứ? Nhưng mẹ tôi không còn sống nữa, vậy thì ai làm cái việc tha thứ đó bây giờ?

- Chính vì lỗi mẹ tôi mà cha anh mất sớm như vậy. Cả mẹ anh nữa. Tôi đã bảo với mẹ tôi như vậy.

- Cô thật giàu tưởng tượng. Cô không nên tàn nhẫn với bác gái như vậy.

- Lẽ ra mẹ tôi là người chết trước mới đúng.

Nàng nói như thế chính nàng cũng bị xấu hổ nữa.

Kikuji nhận thấy nàng đang nói về mối liên hệ giữa chàng và mẹ nàng. Cả hai làm cho chàng đau đớn và xấu hổ biết chừng nào!

- Tôi muốn anh tha lỗi cho mẹ tôi, - người con gái lại nói, lần này trong giọng nói của nàng chứa đựng một sự biện hộ khẩn thiết.

- Thực ra đây không phải là vấn đề tha lỗi hay không tha lỗi. - Kikuji nói với thái độ quả quyết. - Tôi là kẻ chịu ơn mẹ cô.

- Mẹ tôi tệ lắm. Bà không xứng đáng chút nào, và anh cũng nên chấm dứt ngay với bà. Anh không có gì phải bận tâm về bà hết. - Những lời nói tuôn ra và giọng thiếu nữ run run. - Tôi van anh đó.

Bây giờ Kikuji hiểu ý nghĩa của sự tha thứ mẹ nàng yêu cầu chàng dành cho người mẹ. Điều đó cũng có nghĩa là chàng không nên tiếp tục gặp gỡ bà Ota nữa.

- Cũng đừng gọi dây nói cho bà.

Khuôn mặt thiếu nữ ửng hồng khi nàng nói câu trên. Nàng ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mặt Kikuji, như thể cố gắng kìm chế sự ngượng ngập. Những giọt nước mắt long lanh trong đôi mắt mở lớn và đen, đầy vẻ thành thật. Đôi mắt dần thay thế cho sự tranh đấu tuyệt vọng. Kikuji nói:

- Tôi hiểu. Tôi rất ân hận.

- Van anh, tôi xin anh, - cùng với sự then thùng mỗi lúc một tăng, cả chiếc cổ trắng và dài của nàng cũng dần ửng hồng lên.

Trong bộ âu phục, cổ nàng đẹp hẳn lên với một xâu chuỗi quanh cổ.

- Mẹ tôi hẹn anh trong dây nói và rồi đã không giữ lời. Tôi đã ngăn bà lại. Khi bà cố gắng ra khỏi nhà, tôi đã ôm chặt lấy bà và không để bà đi đến chỗ hẹn.

Giọng nàng bây giờ có vẻ hơi bình tĩnh.

Kikuji đã gọi dây nói cho bà Ota vào ngày thứ ba sau khi gặp mặt nhau. Bà đã tỏ ra vui mừng, nhưng sau đó bà lại không đến phòng trà nơi hai người đã hẹn gặp nhau qua dây nói.

Ngoài một lần gọi dây nói đó, Kikuji đã không hề tìm gặp lại bà Ota lần nào.

- Sau đó tôi cảm thấy tội nghiệp giúp cho mẹ tôi nhưng trước lúc đó, tôi lại cảm thấy tuyệt vọng khi cố giữ bà ở nhà. Bà cũng yêu cầu tôi từ chối giúp bà buổi hẹn. Nhưng khi tôi gọi dây nói cho anh, tôi không nói được gì

cả. Mẹ tôi nhìn sững ông nói, nước mắt đầm đìa. Bà cảm thấy anh đang chờ đợi ở đầu dây bên kia, tôi biết rõ bà lắm. Bà vẫn như vậy hoài.

Cả hai im lặng một lát. Rồi Kikuji lên tiếng trước:

- Tại sao cô lại chấp nhận để bác gái chờ tôi sau buổi trà đạo của Kurimoto?

- Bởi vì tôi muốn hiểu là mẹ tôi không tệ quá như anh có thể nghĩ.

- Bác gái không tệ mà còn ngược lại là đáng khác.

Người con gái cúi mặt xuống. Bên chiếc mũi cao và thẳng, chàng có thể nhìn thấy chiếc miệng nhỏ và môi dưới của nàng trẻ ra như thể nàng đang bĩu môi. Khuôn mặt tròn dịu dàng làm chàng nhớ đến người mẹ.

- Tôi biết bà Ota có người con gái và tôi thường ao ước được nói chuyện với nàng về cha tôi.

Nàng gật đầu:

- Tôi cũng thường ao ước một điều như anh.

Kikuji nghĩ nếu được nói chuyện về cha chàng một cách thoải mái và không bận rộn về bà Ota thì sung sướng biết bao.

Nhưng vì chàng không còn có thể “không phải bận rộn” để chàng có thể tha thứ cho bà Ota và cùng một lúc cảm thấy chàng đang tha thứ cho cái liên hệ giữa bà và cha chàng. Liệu chàng có nhận từ đây là một sự kiện lạ lùng?

Có lẽ vì sợ là mình đã ở lại khá lâu, người thiếu nữ đứng dậy.

Kikuji tiễn nàng ra đến cổng.

- Tôi hy vọng là chúng mình sẽ có dịp nói chuyện về cha tôi vào một ngày nào đó. Và về mẹ cô, cùng tất cả vẻ đẹp mà bà có.

Kikuji lo sợ là chàng đã tự diễn tả tâm tình của mình một cách hơi quá đáng. Tuy vậy, chàng vẫn không chối nhận là chàng đã thành thật.

- Nhưng anh sắp lập gia đình mà.
- Tôi sắp lập gia đình?
- Phải. Mẹ tôi bảo vậy. Anh đã xem mắt cô Inamura Yukiko, mẹ tôi nói thế.
- Không phải như vậy đâu.

Từ chiếc cổng đi xuống là triền dốc của ngọn đồi. Con phố uốn khúc ở lưng chừng đồi, từ đó người ta chỉ có thể nhìn từ những ngọn cây trong khu vườn của Kikuji.

Hình ảnh người con gái với chiếc khăn có in hình ngàn cánh hạc trở lại trong tâm trí chàng. Fumiko dừng lại và ngỏ lời từ biệt.

Kikuji quay trở vào nhà.

VÒM CÂY TRONG NẮNG CHIỀU

I

Chikako gọi dây nói đến sở làm của Kikuji, - Cậu sẽ về thẳng nhà chứ?

Chàng cũng định về nhà sau khi tan sở, nhưng chàng cau mày.

- Tôi...

- Cậu nên về thẳng nhà. Vì cha cậu. Hôm nay là ngày ông thường tổ chức trà đạo mỗi năm. Tôi không thể ngồi im trong khi suy nghĩ về việc này.

Kikuji giật nảy mình.

- Cái lều dùng để tổ chức trà đạo...A-lô?...Tôi đang lau chùi lại cái lều và đột nhiên tôi nảy ra ý muốn nấu nướng một vài món ăn.

- Cô đang gọi cho tôi từ đâu đấy?

- Từ nhà cậu. Tôi hiện đang ở nhà cậu. Tôi rất tiếc tôi phải nói như vậy.

Kikuji chột dạ.

- Tôi khó có thể ngồi yên hôm nay. Tôi nghĩ là tôi sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nếu cậu cho phép tôi lau chùi lại túp lều, lẽ ra tôi phải gọi dây nói cho cậu trước mới phải, nhưng tôi biết trước thế nào cậu cũng từ chối đề nghị của tôi.

Từ ngày cha chàng nằm xuống, Kikuji đã không sử dụng đến túp lều vẫn được ông dùng làm nơi tổ chức trà đạo.

Trong những tháng cuối trước khi qua đời, mẹ chàng thỉnh thoảng đến ngồi trong túp lều đó. Bà không bỏ than vào lò, tuy nhiên bà thường đem theo nước sôi để pha trà. Kikuji thường đợi bà trở về nhà một cách bức dọc. Chàng khó chịu khi tưởng tượng đến những gì mẹ chàng có thể đang nghĩ khi ngồi một mình trong sự im vắng.

Đôi khi chàng cũng muốn đến họp mặt với mẹ, nhưng rồi cuối cùng chàng vẫn giữ một khoảng cách.

Chikako thường chăm sóc túp lều hơn mẹ chàng dạo cha chàng còn sống. Chỉ thỉnh thoảng mẹ chàng mới đến thăm túp lều.

Chàng đã cho đóng cửa lều lại từ ngày mẹ chàng mất. Người tớ gái giúp việc cho gia đình chàng từ thời cha chàng thường mở cửa lều cho thoáng khí mỗi năm độ vài lần.

- Lần cuối cùng cậu quét dọn túp lều cách đây bao lâu rồi? Tôi không thể nào lau sạch được những chỗ bị bụi đóng kịt lại, dù đã cố gắng hết mình, - giọng nói của người đàn bà có vẻ lì lợm. - Trong khi lau chùi trong nhà, tự nhiên tôi muốn nấu nướng chút đỉnh. Ý tưởng đó vừa chợt đến. Thành ra tôi không có đủ những thứ mà tôi cần dùng, tuy nhiên tôi hy vọng là cậu sẽ về thẳng nhà sau khi tan sở.

- Cô không nghĩ là cô hơi đi xa quá sao?

- Cậu sẽ cảm thấy đơn độc đó. Tôi đề nghị cậu nên dẫn theo một vài người bạn cùng sở về nhà.

- Tôi không chắc lắm đâu. Không ai trong số những người bạn đồng nghiệp của tôi thích uống trà cả.

- Nếu mời được tất cả thì càng tốt. Họ không có vẻ mong đợi nhiều và việc sửa soạn thì chẳng lấy gì làm tương xứng lắm. Bọn mình có thể hưởng sự thoải mái.

- Tôi không tin là cô có thể thực hiện được một mảy may nào. Kikujii nhấn mạnh từng câu một.

- Thật đáng tiếc. Ta phải làm sao bây giờ? Liệu cậu có biết một người nào đó cùng sở thích với cha cậu? Dầu sao, kể ra mình cũng khó có thể mời được ai vào giờ này. Hay là tôi mời cô gái nhà Inamura?

- Cô đang đùa cợt đó.

- Tại sao tôi lại không nên mời cô ta? Gia đình Inamura quý mến cậu lắm và đây là dịp để cậu gặp lại nàng, nhìn ngắm nàng kỹ hơn và nói chuyện

với nàng. Tôi chỉ việc gọi đây nói cho nàng là xong. Nếu nàng đến, đó là một dấu hiệu tốt, rằng mọi việc đã được thu xếp đầu vào đây.

- Tôi không thích cái ý tưởng đó một chút nào, - Kikuji cảm thấy tức thở nơi ngực. - Và tôi cũng sẽ không trở về nhà tối nay.

- Đây không phải là vấn đề cậu có thể dàn xếp ổn thỏa qua đây nói được. Mình sẽ bàn lại sau. Mọi sự được sắp xếp như vậy đó. Bây giờ cậu về nhà ngay đây nhé.

- Mọi sự được sắp như vậy - cô đang nói gì thế?

- Ôi dào, cậu khéo là bận tâm. Tôi vừa nói liều vậy thôi. - Thái độ ngoan cố độc địa đó dường như vươn tới chàng qua đường dây điện thoại.

Chàng nghĩ đến cái bớt chiếm nửa vú bên trái của người đàn bà.

Tiếng động của cái chổi nơi tay người đàn bà bỗng trở thành tiếng động của một cái chổi vô hình quét sạch những gì chứa đựng trong đầu chàng và tà áo dài thườn thượt đang lướt dưới hàng hiên tựa như đang chà sát óc chàng.

Thoạt đầu chàng cảm thấy có một cái gì bất thường. Kể ra đây cũng là một câu chuyện đáng chú ý: một người chẳng liên can gì đi vào nhà người khác khi chủ nhân đi vắng và coi sóc việc bếp núc.

Chàng có thể tha thứ cho người đàn bà dễ dàng hơn nếu cô ta tự giới hạn bằng cách chỉ dọn dẹp túp lều và bày hoa để tưởng niệm cha chàng mà thôi.

Trong lúc chàng bức dọc nghĩ vậy, hình ảnh người con gái thuộc giòng họ nhà Inamura len nhẹ vào tâm trí chàng như một tia sáng yếu ớt. Chikako đã rút lui từ sau khi cha chàng qua đời. Có phải cô ta đang dùng Inamura với chủ ý kéo chàng lại gần cô ta? Liệu chàng có chấp nhận điều đó?

Tuy nhiên, luôn luôn người đàn bà đó tự làm cho mình trở nên thi vị đối với người khác - một khi người đó mỉm cười, dù bằng một nụ cười tội nghiệp cho cô ta, tức khắc hẳn phải chấp nhận một sự đầu hàng. Trong vẻ ngoan cố của Chikako, dường như có nhuốm cả sự dọ dạt nữa.

Kikuji sợ rằng sự dọa nạt đó xuất phát từ lòng mềm yếu của chàng. Vì tính chất mềm yếu và ưa rung động đó, nên chàng khó mà nổi giận trước người đàn bà lắm chuyện này.

Liệu cô ta có linh cảm từ sự mềm yếu đó ở chàng và đang cố gắng lợi dụng nó?

Kikuji rời sở đến phố Oniza, đi vào một quán rượu nhỏ và bắn thiú.

Chikako có lý: Chàng nên về nhà. Nhưng sự mềm yếu là một gánh nặng ám ảnh bắt chàng phải cưu mang nó với chàng.

Chikako khó có thể biết là Kikuji đã trải qua một đêm với bà Ota tại quán Kamakura. Hay cô ta đã gặp lại bà Ota sau đó?

Chàng có cảm tưởng trong giọng nói của Chikako vừa chứa đựng nhiều tính chất lì lợm hơn là sự lì lợm đầy ngoan cố thường xuyên của cô ta.

Và có lẽ để cho có vẻ tự nhiên hơn cả, cô ta đã giăng cái bẫy cô gái nhà Inamura ra.

Chàng ngồi nán lại một lát, rồi trở về nhà.

Khi đoàn xe lửa sắp vào ga Trung tâm Đông Kinh, chàng đưa mắt nhìn đại lộ có viền cây hai bên đường.

Đại lộ chạy từ đông sang tây, gần như tạo thành bốn góc vuông với đường sắt xe lửa. Ánh nắng mặt trời từ phía tây đổ chan hòa trên mặt nhựa, con đường ánh lên như một thỏi kim loại. Hàng cây đứng sắp bóng mặt trời trở thành những hình dạng gần như tối đen. Bóng cây lạnh lẽo, cảnh vườn dài với những chùm lá xum xuê.

Các tòa nhà xây theo kiểu Tây phương dọc hai bên đại lộ.

Khách bộ hành qua lại thưa thớt một cách khác thường. Con phố im lìm và hoang vắng. Những chiếc xe lửa đông người, chàng cảm thấy con đường bên dưới như đang nổi trôi bênh bồng trong cái khoảnh khắc chiều tà xa lạ, tựa hồ như lạc lõng về đây từ phương trời xa xôi nào.

Chàng nuôi cái ảo tưởng là cô gái nhà Inamura đang đi dạo đâu đây dưới bóng hàng cây bên đường, với chiếc khăn màu hồng có vẽ bầy hạc trắng trong tay. Chàng có thể nhìn một cách rõ ràng bầy hạc trắng và chiếc khăn đó.

Chàng cảm thấy thanh thản.

Lồng ngực chàng căng phồng - có lẽ bây giờ cô gái đã đến cửa nhà chàng.

Nhưng, cái gì đã xảy ra trong tâm trí Chikako khi bảo chàng đem theo mấy người bạn ở sở về và khi nghe chàng từ chối, cô ta bèn đề nghị mời cô gái nhà Inamura? Có phải ngay từ đầu Chikako đã có ý định mời cô gái? Kikuji không hiểu gì cả.

Chikako chạy vội ra đón chàng tại cổng.

- Cậu về có một mình à?

Kikuji gật đầu.

- Như vậy tốt hơn. Nàng đã có mặt ở đây, - Chikako đỡ nón và cặp cho chàng. - Cậu dừng lại ở đâu đó trên đường về nhà, tôi biết.

Kikuji tự hỏi có phải vì hơi thở nực mùi rượu của chàng.

- Cậu dừng lại đâu vậy? Tôi có gọi đây nói lại sở một lần nữa và được biết cậu đã rời sở, và tôi cũng biết rõ từ sở cậu về đây phải mất bao nhiêu thời gian.

- Tôi không ngạc nhiên tí nào về bất cứ việc gì mà cô làm.

Người đàn bà không hề xin lỗi vì đã đường đột vào nhà dù không được mời và đã tự ý làm mọi chuyện trong nhà.

Cô ta cũng không ngần ngại tự ý đi vào phòng chàng để giúp chàng thay đồ và mặc chiếc kimono mà người tớ gái đã để sẵn trên giường.

- Cô để mặc tôi. Tôi có thể thu xếp lấy một mình mà.

Cởi bỏ áo ngoài, Kikuji mặc chiếc áo sơ mi trần và rút lui vào phòng mình.

Khi chàng trở ra, Chikako vẫn đợi ở ngoài.

- Những kẻ độc thân có đáng chú ý lắm không?

- Có chứ.

- Dầu sao đấy cũng không phải là một lối sống tốt đẹp gì. Cậu nên thay đổi đi.

- Tôi tự làm lấy mọi chuyện bằng cách học ở cha tôi.

Người đàn bà liếc nhìn chàng.

Chikako mượn cái khăn làm bếp của người tớ gái, hai tay áo được xắn lên gọn gàng. Chiếc khăn làm bếp trước kia thuộc về mẹ chàng.

Cánh tay chắc nịch đầy đặn của cô ta trắng một cách không thích hợp tí nào với khuỷu tay trông tựa như một mẫu dây thừng.

Kikuji nghĩ, thật lạ. Thịt người đàn bà có vẻ cứng và nặng nề.

- Tôi nghĩ mời nàng ra túp lều là hơn cả.

Giọng nói của cô ta bỗng trở nên bận rộn.

- Hiện nàng đang đợi ở phòng khách.

- Ngoài lều có ngọn đèn điện nào không? Tôi cũng không nhớ là ngoài đó có đèn hay không?

- Mình có thể dùng bữa với đèn cây. Thú vị hơn.

- Không thú vị đối với tôi.

Chikako như chợt nhớ ra điều gì.

Khi tôi nói chuyện với cô Inamura qua dây nói, nàng có hỏi tôi có định mời mẹ nàng luôn không. Tôi đáp, kể ra có cả hai mẹ con nàng cùng đến

thì cũng được. Tuy nhiên có vài lý do tại sao người mẹ không nên có mặt và chúng tôi nghĩ chỉ mình người con gái nên đến mà thôi.

- Cô nói “chúng tôi”, nhưng cô quên là cô đã hành động một mình. Cô không nghĩ rằng là nàng có thể cho như vậy là hơi sỗ sàng khi được mời mà không hề được báo trước sao?

- Chắc chắn là như thế rồi, nhưng bây giờ nàng có mặt ở đây. Liệu sự có mặt của nàng không đủ xóa đi thái độ sỗ sàng của tôi hay sao?

- Biết đâu đây?

- Ôi, tôi tin là nàng bỏ qua điều sơ xuất đó. Nàng đến đây, như thế có nghĩa là mọi sự diễn tiến một cách tuyệt hảo. Tôi có thể được tha thứ, nếu tôi đã tỏ ra kỳ cục. Khi mọi sự đã được dàn xếp, cả hai người có quyền cười cái con người kỳ cục tên là Kurimoto đây. Những cuộc nói chuyện đang được thu xếp ổn thỏa, chúng sẽ trở nên ổn thỏa, dù cậu có làm gì khác đi chăng nữa. Đó là kinh nghiệm mà tôi từng có.

Như thế là Chikako đã từng làm sáng tỏ thái độ của cô ta. Như thế là cô ta đã đọc được hết ý nghĩ của Kikuji.

- Cô đã đề cập đến chuyện đó với nàng rồi?

- Cố nhiên. - Dù cho cậu cố tình né tránh đi chăng nữa, thái độ của Chikako như thăm bảo với chàng như vậy.

Kikuji đi xuống hàng hiên về phía phòng khách. Cây thạch lựu lớn mọc choáng gần nửa mái hiên. Chàng cố gắng để tự kiểm soát - chàng chẳng nên tỏ lộ một vẻ miễn cưỡng nào khi tiếp đãi cô gái nhà Inamura.

Khi chàng nhìn vào bóng tối dày đặc của cây thạch lựu, bỗng dừng chàng liên tưởng đến cái bốt của Chikako. Chàng lắc đầu. Tia nắng cuối cùng của buổi chiều tà hắt lên những phiến đá trong phòng cây dưới phòng khách.

Cửa phòng bỏ ngỏ, thiếu nữ ngồi gần nơi hàng hiên.

Vẻ trong sáng của nàng dường như đánh tan bóng tối tụ lại tại góc căn phòng rộng.

Tại một chỗ lõm của vách tường, rục rờ những đóa hoa ngũ sắc Siberi. Có lẽ do một sự trùng hợp tình cờ. Tuy nhiên, hoa ngũ sắc là loại hoa thông thường cho mùa này và có lẽ chính nàng đã chủ ý tạo nên sự hòa hợp này.

Những đóa hoa ngũ sắc Nhật Bản được cắm theo kiểu thẳng đứng, phô nhan sắc trong không gian giữa những cành lá thẳng.

Chính tay Chikako đã cắm chúng vào bình cách đó không lâu.

II

Hôm sau, ngày Chủ nhật, trời mưa rả rích suốt ngày.

Buổi trưa, Kikuji ra ngoài lều một mình để thu dọn những dụng cụ bọn chàng đã dùng hôm qua.

Chàng cũng còn ra đó với ý định tìm lại chút hương còn vương lại của cô gái nhà Inamura.

Chàng sai người tớ gái mang tới cho chàng một cây dù, và khi chàng bước xuống khỏi hàng hiên về phía ngôi vườn, chàng nhận thấy có một lỗ hổng ở chiếc máng xối dưới mái hiên. Một dòng nước mưa chảy qua lỗ hổng đó xuống ngay trước cây thạch lựu.

- Cần phải cho sửa chữa lại chỗ này, - chàng bảo người tớ gái.

- Thưa cậu, vâng.

Kikuji nhớ lại, vào những đêm mưa, tiếng nước chảy đôi khi làm chàng cảm thấy bức dọc thế nào.

- Tuy nhiên, nếu một khi bắt đầu cho sửa lại một vài chỗ, thế nào cũng có thêm vài chỗ khác cần sửa lại. Có lẽ tôi phải bán nhà này trước khi nó sụm xuống từng phần một.

- Những chủ nhân của ngôi nhà lớn bây giờ dường như đều nói như cậu. Cô gái hôm qua có vẻ ngạc nhiên vô cùng về diện tích quá lớn của ngôi nhà này. Cô ta nhận xét về nó với một giọng như thể cô ta sẽ đến sống ở đây không bằng.

Rồi người tớ gái khuyên chàng không nên bán nhà đi.

- Thế cô Kurimoto có đề cập đến việc cô gái có thể đến sống ở đây không?

- Thưa cậu, có ạ. Khi cô gái đó tới, cô Kurimoto đã dẫn cô ta đi một vòng quanh nhà.

Không biết cái nhà cô Kurimoto định giở thêm trò gì nữa đây! Cô gái nhà Inamura không hề nói với chàng về việc nàng đã đi thăm khắp nhà chàng.

Chàng nghĩ là nàng chỉ đặt chân từ phòng khách đến túp lều ngoài vườn và bây giờ chàng muốn một mình đi từ phòng khách ra chỗ túp lều.

Đêm qua chàng không hề chớp mắt được chút nào.

Chàng cảm thấy như hương thơm con gái của nàng còn vương vất trong lều và chàng đã nuôi ý muốn trở dậy, ra thăm túp lều vào lúc nửa đêm.

“Nàng sẽ mãi mãi ở nơi xa tắp đối với ta”. - Chàng tự nhủ, trong khi cố dỗ mình vào giấc ngủ.

Chàng không hề nghi ngờ gì cả về việc Chikako đã đưa nàng đi thăm viếng khắp nơi trong nhà.

Sau khi người tớ gái mang cho chàng than hồng ra ngoài lều, chàng bước theo những phiến đá ra vườn.

Chikako sống ở miệt Kamakura, đã rời đây cùng với cô gái nhà Inamura. Túp lều đã được dọn sau đó do bàn tay của người tớ gái.

Bây giờ, Kikuji chỉ còn việc cất đi những đồ dùng đã được thu xếp gọn vào một góc. Tuy nhiên, vì chưa sử dụng đến những món đồ này bao giờ, nên chàng không biết chắc lắm phải cất chúng nơi nào.

- Kurimoto hẳn phải biết điều này, - chàng nói nhỏ, đưa mắt nhìn bức tranh treo trên tường. Đó là một tác phẩm của nhà danh họa cổ điển Sotatsu^[3]. Bức họa được vẽ bằng màu nước nhẹ, rất mỹ thuật.

- Chân dung thi sĩ nào vậy? - Cô gái nhà Inamura đã hỏi chàng và Kikuji không thể nào trả lời được.

- Tôi cũng chẳng rõ nữa, khi không thấy một bài thơ nào được đề ở dưới. Trong những tác phẩm chân dung thuộc loại này, thi sĩ nào cũng giống hệt như thi sĩ nào, - chàng nói.

- Có lẽ đó là chân dung thi sĩ Muneyuki^[4]. - Chikako xen vào. - *Màu xanh bất diệt, vào mùa xuân, những cây thông thường xanh hơn cả lúc thường.* Bức họa hơi trái mùa một chút, nhưng cha cậu rất thích nó. Vào mùa xuân, ông ấy thường mang ra treo.

-Tôi thì tôi thấy bức họa giống cả Tsurayuki^[5] lẫn Muneyuki, - Kikuji phản đối.

Cho đến bây giờ, chàng cũng không thể nào phân biệt được cái gì hết khi ngắm lại chân dung mơ hồ của bức họa.

Tuy nhiên, chàng cảm thấy dường như trong vài nét phóng họa kia có một sức mạnh, nó gợi nơi người xem về cảm giác, về khối và lượng. Nhìn vào đó một lúc, chàng như bắt gặp một thứ hương tàn, một cái gì đó vừa trong sáng vừa trinh bạch.

Bức họa và những đóa hoa ngũ sắc trong phòng khách gợi lại cho chàng hình ảnh người con gái nhà Inamura.

- Tôi xin lỗi đã để cậu phải đợi. Tôi nghĩ là tốt nhất nên để nước sôi thêm một lúc.

Người tớ gái bước vào lều mang theo than và một ấm nước pha trà.

Túp lều có vẻ hoang lạnh nên Kikuji có ý sưởi ấm nó. Chàng không định pha trà uống.

Vì vậy người tớ gái đã dùng đến óc tưởng tượng của mình.

Bằng một thái độ lơ đãng, Kikuji bỏ than vào lò và đặt ấm nước lên đó.

Khi cha còn sống, chàng luôn luôn có mặt bên cha trong những cuộc trà đạo. Chưa bao giờ chàng có ý định bắt chước cha, tuy vậy, cha chàng cũng chẳng bao giờ bắt ép chàng làm cái việc đó cả.

Ngay cả nước sôi réo trong ấm, chàng cũng chỉ đẩy cái nắp nhích sang một bên chút xíu và ngắm cái ấm nước đang sôi.

Một mùi ẩm ướt vương vất trong lều. Cả đến tấm thảm trải nơi chỗ chàng ngồi cũng thấm lạnh.

Hình ảnh người con gái nhà Inamura đã nổi bật một cách khác thường trên nền tường quét sơn màu dịu; nhưng hôm nay, đối diện với chàng chỉ có bóng tối.

Chàng cảm thấy tình trạng đó quả là một tương phản kỳ lạ, như khi một người sống trong căn nhà xây và trang hoàng theo lối Âu châu mặc chiếc kimono vậy. Kikuji đã nói với thiếu nữ:

- Có lẽ cô cảm thấy bất mãn vì bị cô Kurimoto mời đến đây. Chính Kurimoto đã nảy ra ý định đem chúng ta ra đây.

- Tôi có nghe cô Kurimoto nói là hôm nay là ngày cha anh thường tổ chức trà đạo.

- Đường như vậy. Chính tôi cũng quên điều đó.

- Anh có nghĩ là cô ta có vẻ kỳ cục, vì đã mời một người như tôi trong một dịp như thế này? Dù học về các nghi thức của những cuộc trà đạo thật đấy, nhưng tôi chưa hề bao giờ thực tập cả, tôi thấy lo ngại.

- Nhưng chỉ có mình cô Kurimoto là còn nhớ đến buổi sáng hôm nay và đến đây dọn dẹp túp lều. Cô có cảm thấy mùi ẩm ướt? - Những lời nói kể dường như không thoát hết ra khỏi cổ họng chàng. - Nếu chúng ta thành bạn bè với nhau, tôi không thể nào không khỏi nghĩ là chúng ta có thể gần gũi nhau hơn nếu có ai khác hơn cô Kurimoto làm cái việc giới thiệu cô với tôi. Tôi phải xin lỗi cô vì đã nghĩ như vậy.

Nàng nhìn chàng, vẻ hoài nghi:

- Tại sao? Nếu không phải cô Kurimoto, ai có thể làm cái việc giới thiệu đó?

Đó chỉ là một sự phản đối thông thường, nhưng nó chứa đựng nhiều ý nghĩa. Nếu không nhờ Chikako, chàng và thiếu nữ đã chẳng có dịp gặp nhau trên đời này.

Kikuji cảm thấy như có một ngọn roi sáng bóng quất vào người chàng.

Lời nói của thiếu nữ ngăm mách với chàng là đề nghị của chàng đã được chấp thuận. Kikuji có cảm tưởng như vậy.

Tia sáng nghi ngờ lạ lùng của nàng chột như ánh lên.

Nàng nghĩ gì sau khi nàng gọi Chikako bằng “Kurimoto”?, liệu nàng có biết là Chikako đã từng là tình nhân của cha chàng, dù chỉ trong một thời gian ngắn?

- Tôi có những hoài niệm không đẹp về cô Kurimoto. - Giọng nói của Kikuji gần như run run. - Tôi không muốn người đàn bà đó đụng vào bất cứ chuyện gì trong đời tôi. Thật khó tin là chính cô ấy đã giới thiệu chúng ta với nhau.

Sau khi đã rót trà cho mọi người, Chikako đem khay trà của cô ngồi vào bàn. Cuộc nói chuyện giữa đôi trai gái ngưng lại.

- Tôi hy vọng là cả hai người không quan tâm về sự góp mặt của tôi. Chikako ngồi xuống. Đầu hơi nghiêng về phía trước như thể để lấy lại hơi thở vì đã đứng làm việc nhiều, Chikako nhìn thẳng vào mặt thiếu nữ:

- Có lẽ cô hơi cảm thấy đơn độc vì làm người khách duy nhất hôm nay. Nhưng tôi tin là cha Kikuji cũng sẽ cảm thấy sung sướng lắm.

Thiếu nữ nhìn xuống sàn nhà, không kiểu cách, nàng nói:

- Tôi tự thấy không xứng đáng để có mặt trong túp lều của ông Mitani.

Chikako không quan tâm mảy may đến nhận xét của thiếu nữ.

Cô ta vẫn tiếp tục thao thao bất tuyệt về mớ hoài niệm mà cô ta còn nhớ, hoài niệm về cha Kikuji và túp lều.

Hiển nhiên là Chikako coi như cuộc hôn nhân giữa đôi trai gái trước mặt như vậy là đã dàn xếp đâu ra đó cả rồi.

- Tôi đề nghị hôm nào cậu ghé thăm nhà cô Inamura một lần, Kikuji ạ. - Chikako nói khi cô ta và thiếu nữ từ biệt. - Mình sẽ thu xếp một buổi hẹn

nào đó.

Thiếu nữ chỉ nhìn xuống sàn nhà. Trông nàng có vẻ như muốn nói một điều gì, nhưng âm thanh đã không thể thoát ra khỏi cổ họng nàng. Sự then thùng e ấp bao trùm lấy nàng.

Sự then thùng đó đã làm Kikuji ngạc nhiên. Chính nó đã gây cho chàng cái cảm giác về sự ảm cúng của thân thể nàng. Đồng thời chàng cảm thấy bị lôi cuốn trong một tấm màn tối tăm, bẩn thỉu và ngọt ngào.

Ngày hôm nay đây, khi hồi tưởng lại tất cả những ý nghĩ và cảm giác hôm trước, chàng cũng không thể nào dứt bỏ được tấm màn quái gở đó.

Cảm giác bẩn thỉu không hẳn chỉ do ở sự có mặt của Chikako giữa chàng và thiếu nữ, mà cũng ở chính trong nàng nữa.

Chàng có thể hình dung ra cái cảnh cha chàng đang căn vào cái bớt nơi ngực Chikako với hai hàm răng dơ dáy của ông. Hình ảnh cha chàng trở thành hình ảnh của chính chàng.

Thiếu nữ không cùng chia sẻ với chàng sự khinh miệt dành cho Chikako. Đó không phải là lý do duy nhất khiến chàng không quyết định được gì, nhưng dầu sao đối với chàng cũng là một lý do.

Trong khi Kikuji tỏ thái độ coi thường đối với Chikako, chàng đã có ý nói là chính Chikako đã cưỡng ép chàng trong việc hôn nhân giữa chàng và thiếu nữ. Chikako là loại đàn bà có thể làm tất cả, không trừ một việc gì và xem cô ta có vẻ quá quen thuộc với những việc tương tự.

Chàng tự hỏi liệu thiếu nữ có cảm thấy tất cả những điều đó.

Nghĩ đến đây, một lần nữa, chàng lại cảm ta có một ngọn roi đang quất vào người chàng và chính chàng là kẻ cự tuyệt.

Khi họ ăn cơm xong, Chikako đi rửa soạn đồ uống trà.

- Quả thật là một thứ định mệnh khi chúng ta có cô Kurimoto lo lắng cho tất cả mọi thứ. - Kikuji nói. - Dường như cô và tôi không cùng chung một

quan điểm về cái định mệnh đó.

Nhận xét trên của Kikuji như một cố gắng để tự bào chữa.

Sau khi cha chàng mất, chàng không thú vị gì khi thấy mẹ ra ngoài lều một mình. Bây giờ chàng nhận thấy cha chàng, mẹ chàng và ngay cả chàng, đều nghĩ về túp lều tùy theo cảm quan của mỗi người.

Mưa rơi lộp bộp trên lá.

Cùng với tiếng mưa rơi trên lá có tiếng mưa rơi trên một cái dù.

Người tố gái nói vọng vào trong lều từ sau khung cửa khép kín.

Chàng nghe như có một người tên Ota đến tìm gặp chàng.

- Có phải cô con gái đến không?

- Thưa cậu, không phải cô con gái mà là bà mẹ. Bà ta gãy kinh khủng. Tôi ngờ là bà ấy bị đau nặng.

Kikuji vội vã đứng dậy, nhưng chàng chỉ đứng lặng thinh.

- Thưa, tôi phải mời bà ấy vào đâu?

- Cứ mời bà ta vào thẳng đây cũng được.

- Thưa cậu, vâng.

Bà Ota không đem theo dù. Có lẽ bà đã để cây dù lại trong phòng khách.

Khuôn mặt bà đầm đìa nước mắt, thoát trông, Kikuji ngỡ là nước mưa. Bây giờ, đối diện với người đàn bà, chàng hiểu đó là những giọt nước mắt đang tuôn trào trên hai gò má của bà. Nhưng chàng đã nghĩ những giọt nước mưa - điều đó chứng tỏ chàng đã vô tình đến mức nào.

- Chuyện gì vậy? - Chàng chột thốt lên khi đến gần người đàn bà.

Bà Ota phục xuống nơi hàng hiên, hai tay chống lên sàn nhà.

Bà quỳ xuống một cách gượng nhẹ, đối diện với Kikuji.

Từng giọt nước mắt rơi xuống thấm ướt hàng hiên.

Nhìn những giọt nước mắt rơi xuống chắc nịch, một lần nữa, Kikuji lại thầm hỏi, không biết đó có phải là những giọt nước mưa.

Bà Ota nhìn sững chàng. Tia nhìn dường như có mãnh lực giúp bà khỏi ngã quỵ xuống. Kikuji cũng cảm thấy một sự nguy hiểm có thể xảy ra cho bà nếu bà ta thôi không nhìn chàng nữa.

Đôi mắt người đàn bà như hai hang sâu và tối với vài nếp nhăn nơi đuôi mắt. Mí mắt nhuộm màu bệnh hoạn và đôi mắt đầy cầu khẩn dàn dựa những nước mắt và nước mắt. Kikuji cảm thấy tâm hồn mình chùng hẫ xuống.

- Tôi xin lỗi cậu. Tôi tha thiết muốn gặp cậu, tôi không thể ngồi yên được nữa. - Bà Ota cất tiếng nói một cách lặng lẽ.

Kikuji cảm thấy một cách không tự kiềm chế vẻ dịu dàng trong cái thân thể đang đối diện với chàng.

Người đàn bà gầy đến độ, nếu không vì vẻ dịu dàng mà chàng bắt gặp qua những giọt nước mắt và cái thân hình kia, chắc chàng đã cảm thấy bức dọc không ít.

Nỗi đau khổ của người đàn bà như mũi kim đâm vào lòng chàng.

Mặc dù chính chàng là nguyên nhân gây ra nỗi khổ đó, chàng có cái ảo tưởng là chính trong sự dịu dàng mà chàng đang cảm thấy, niềm đau khổ riêng của chàng đã được sáng tỏ.

- Bà có thể bị ướt nếu ngồi đây. Vào trong nhà kia. - Kikuji bỗng xiết chặt người đàn bà vào đôi tay, hôn lên lưng, lên ngực bà ta một cách tàn bạo, say đắm và kéo bà ta đứng dậy.

Người đàn bà cố gượng đứng dậy một mình.

- Mặc tôi, cậu mặc tôi. Coi này, tôi nhẹ quá rồi phải không?

- Rất nhẹ.

- Tôi bị sút cân ghê quá.

Kikuji hơi ngạc nhiên về chính mình: bỗng dừng ôm người đàn bà trong tay.

- Con gái bà có tỏ ra lo âu vì tình trạng sức khỏe của bà không?

- Fumiko?

- Cô ta cũng đến đây với bà sao?

Chàng hỏi thế vì bà nhắc tên con gái một cách cao giọng, làm như bà gọi nàng từ một nơi nào gần chỗ hai người.

- Tôi không cho nó biết tôi đến tìm cậu. - Lời nói của người mẹ pha lẫn tiếng nức nở. - Nó không rời khỏi tôi một phút nào hết.

Ban đêm, nó tỉnh táo khi thấy tôi có một cử chỉ nào làm nó khả nghi. Nó thay đổi hẳn những lúc về sau này, cũng chỉ tại tôi.

Lúc này bà Ota vẫn quỳ nhưng đã ngẩng người lên.

- Nó hỏi tôi sao tôi lại chỉ có một mình nó. Nó bảo lẽ ra tôi phải có một đứa con với ông Mitani. Nó nói những điều thật quái gở.

Kikuji như cảm thấy, xuyên qua những lời bà Ota vừa nói, nỗi buồn vô hạn của cô gái.

Việc Fumiko nhắc nhở đến đứa con riêng của cha chàng làm chàng đau nhói như bị một mũi dao đâm phải.

Bà Ota vẫn ngó chàng chăm chú.

- Có thể bây giờ con bé đang sục sạo tìm tôi. Tôi lên ra ngoài khi nó vắng nhà. Trời mưa và nó nghĩ tôi không thể bỏ đi.

- Vì trời mưa à?

- Hình như là nó nghĩ tôi yếu quá không thể đi dưới trời mưa.

Kikuji chỉ gật gật cái đầu.

- Có phải Fumiko nó đến tìm cậu hôm nọ phải không?

- Phải. Cô ấy bảo tôi nên tha thứ cho bà và tôi không thể trả lời gì được hết.

- Tôi biết con bé cảm thấy ra sao. Vậy thì tại sao tôi lại đến đây nhỉ? Thử nghĩ lại những điều tôi làm!

- Tuy nhiên tôi cảm thấy biết ơn bà.

- Tôi sung sướng khi nghe cậu nói như vậy. Chỉ ngần ấy thôi cũng đủ rồi. Song tôi thấy mình khổ sở quá. Cậu không nên tha thứ cho tôi.

- Cái gì làm bà có mặc cảm tội lỗi mới được chứ? Tôi có thể nói là không có gì đáng để bà phải cảm thấy như vậy cả. Hoặc là có thể vì sự có mặt của hồn ma cha tôi.

Thái độ của người đàn bà không có gì thay đổi. Kikuji có cảm tưởng như mình đã dùng những lời lẽ day nghiền một cách vô ích.

- Thôi, quên những lời đó đi, - bà Ota nói. - Tôi cảm thấy xấu hổ lắm. Tại sao tôi lại nổi sung chỉ vì một cú điện thoại của cô Kurimoto?

- Thế Kurimoto gọi đây nói cho bà đấy à?

- Vâng. Buổi sáng hôm nay. Cô ta bảo tôi là mọi sự đã được dàn xếp giữa cậu và Yukiko, con gái nhà Inamura. Tôi thắc mắc tại sao cô ta lại nói với tôi điều đó chứ.

Đôi mắt bà Ota ướm đầm, nhưng đột nhiên bà mỉm cười. Đây không phải là nụ cười của một người đang khóc. Mà là một nụ cười đơn giản, không kiểu cách.

- Không thể có cái gì có thể gọi là đã dàn xếp xong rồi hết, - Kikuji đáp.
- Bà có nghĩ là Kurimoto nghi ngờ chuyện giữa tôi và bà không? Từ hôm đó đến nay bà có gặp cô ta lần nào không?

- Không. Nhưng cô ta là một người mà cậu phải tỏ ra hết sức thận trọng và cô ta có thể biết mọi sự. Có thể tại giọng nói của tôi có cái gì khác lạ khi cô ta gọi đây nói cho tôi sáng nay. Tôi không thể làm ra vẻ thản nhiên

được. Tôi muốn xiu và thiếu chút nữa tôi hét vào tai cô ta. Cô ta có thể đoán được phản ứng của tôi dù là qua ống nói. Cô ta ra lệnh cho tôi đừng xen vào chuyện của cậu.

Kikuji cau mày. Chàng chẳng biết nói làm sao.

- Đừng xen vào - tại sao, tôi vẫn chỉ nghĩ đến sự tổn thương mà tôi đã gây ra cho Yukiko. Nhưng từ sáng hôm nay tôi bắt đầu thấy ghê sợ cô Kurimoto. Tôi không thể ngồi ở nhà vì vậy.

Đôi vai bà run rẩy như bị quỷ ám. Miệng bà ta méo xệch về một bên và cong hẳn lên. Tất cả cái vẻ khó coi của tuổi tác người đàn bà chợt hiện lên rõ rệt.

Kikuji đứng dậy và đặt một tay lên vai bà ta.

Người đàn bà túm chặt lấy bàn tay chàng.

- Tôi sợ lắm, sợ lắm. - Người đàn bà đưa mắt ngó quanh căn phòng, người rúm lại, đột nhiên như mất hết cả sinh khí. - Trong túp lều này phải không?

Kikuji bối rối không hiểu câu hỏi có ý gì.

- Phải, - chàng đáp với một vẻ mơ hồ.

- Quả là một túp lều xinh xắn.

Liệu người đàn bà có nhớ rằng chính chồng bà thỉnh thoảng đã đến đây cùng uống trà với cha chàng? Hay chính cha chàng là người bà ta đang nhớ đến?

- Có phải lần đầu tiên bà vào đây?

- Vâng.

- Bà đang nhìn cái gì vậy?

- Không. Không có cái gì hết.

- Bức họa kia là của Sotatsu.

Người đàn bà gật đầu, rồi đứng im, đầu cúi xuống.

- Bà cũng chưa vào phòng khách thì phải?

- Chưa.

- Tôi tự hỏi có thật vậy không?

- Thực ra tôi có đến đây một lần vào dịp đám tang cha cậu. - Giọng nói của bà ta như bị hụt hơi.

- Nước đang sôi. Chúng ta uống trà chứ? Bà sẽ cảm ta dễ chịu hơn sau đó, vả lại tôi cũng cảm thấy muốn uống một chén.

- Liệu có gì trở ngại không? - Người đàn bà bắt đầu đứng dậy, hơi lão đảo một chút.

Kikuji mang lại hai chén trà và những dụng cụ khác từ một góc phòng. Chàng nhớ là cô gái nhà Inamura đã dùng những thứ này tối hôm trước, nhưng chàng vẫn đem ra dùng lại.

Bàn tay bà Ota run rẩy. Tiếng nắp va leng keng vào cái ấm đun nước.

Bà ta cúi đầu nhặt chiếc đũa tre để khuấy trà, một giọt nước mắt rơi xuống thành ẩm.

- Cha cậu có nhã ý mua cái ấm trà này của tôi.

- Thật à? Thế mà tôi không biết đấy. Kikuji không hề cảm thấy khó chịu khi biết chiếc ấm đun nước đã từng là vật sở hữu của chồng người đàn bà. Và chàng không nghĩ những lời người đàn bà nói là lạ lùng, chàng chỉ thấy đó là một lối nói giản dị.

- Tôi không thể mang trà đến cho cậu. - Bà Ota vừa pha trà xong. - Cậu tự đến lấy chén trà đó nghe.

Kikuji đến bên lò sưởi và nâng ly trà lên uống.

Người đàn bà ngã vào lòng chàng như bị ngất xỉu.

Chàng vòng tay ôm lấy vai bà ta. Đôi vai người đàn bà run run, hơi thở trở nên yếu ớt.

Trong tay chàng, bà ta mềm đi như một đứa trẻ.

III

Chàng lay thật mạnh người đàn bà.

Chàng xiết mạnh hai bàn tay lại khoảng giữa cổ và xương đòn gánh của người đàn bà như để bóp cổ bà ta. Chiếc xương đòn gánh nhô hẳn lên.

- Bà không thể thấy sự khác biệt giữa cha tôi và tôi hay sao?

- Cậu không nên nói như vậy.

Đôi mắt người đàn bà khép lại, giọng nói nhỏ hẳn đi.

Bà ta chưa kịp sẵn sàng để trở về từ một thế giới khác.

Kikuji có vẻ đang nói với tâm trạng rối loạn của mình hơn là nói với người đàn bà.

Chàng đã bị dẫn dắt vào một thế giới khác. Chàng chỉ có thể nghĩ về nó như một thế giới khác trong đó không hề có sự phân biệt giữa cha chàng và chàng. Cảm giác về thế giới khác thật mạnh đến nỗi sau đó chàng bị sự rối loạn xâm chiếm.

Chàng có thể tự hỏi phải chăng người đàn bà này là giống người. Phải chăng bà ta là một thứ tiền nhân loại, hoặc người đàn bà cuối cùng của cái giống người.

Chàng có thể tưởng tượng đến người đàn bà đó trong cái thế giới khác kia, không biết phân biệt giữa người chồng đã khuất và cha Kikuji và ngay cả chính Kikuji nữa.

- Bà nghĩ đến cha tôi, đúng không, và cha tôi với tôi trở thành một người?

- Cậu tha lỗi cho tôi. Những điều tôi đã làm. Những tội tôi đã phạm. - Một giọt nước mắt nhỏ ra từ khóe mắt người đàn bà. - Tôi muốn chết. Chết được bây giờ thì nhẹ nhõm biết bao. Cậu định bóp cổ tôi. Sao cậu không bóp nữa đi?

- Bà không nên đùa cợt tôi về chuyện đó. Song tôi nhận là tôi có cảm thấy như đang bóp cổ một người nào.

- Thật thế ư? Cảm ơn cậu. - Người đàn bà ôm lấy cổ mình. - Cổ tôi nhỏ lắm. Chắc cậu không gặp khó khăn gì đâu.

- Bà có thể chết và bỏ con gái của bà lại sao?

- Chẳng can hệ gì. Tôi sẽ kiệt sức rồi chết, dù thế nào đi chăng nữa. Xin cậu hãy coi sóc giùm con Fumiko cho tôi.

- Nếu cô giống bà.

Đột nhiên người đàn bà mở bừng mắt ra.

Kikuji kinh ngạc về chính những lời chàng vừa thốt ra. Chàng không chủ tâm nói vậy.

Đối với bà Ota, câu đó đã có ý nghĩa gì?

- Coi này, tim tôi đập mạnh biết chừng nào? Như vậy không lâu đâu. Bà Ota cầm lấy tay Kikuji để áp vào ngực mình.

Có lẽ trái tim của bà ta đang sửng sốt vì những lời nói vừa rồi của Kikuji.

- Cậu năm nay bao nhiêu tuổi?

Kikuji không đáp.

- Vẫn còn ở trong tuổi hai mươi? Tôi không tin. Tôi đau khổ quá. Tôi không hiểu chính tôi nữa.

Một tay chống trên sàn nhà, người đàn bà gắng đứng dậy. Đôi chân bà run lập cập.

Kikuji nhồm dậy.

- Tôi không định tâm đến đây để phá hủy việc giữa cậu và cô Yukiko. Nhưng sự thế đã rồi.

- Tôi vẫn chưa quyết định cưới cô ấy. Nhưng sự thật là bà đã rửa sạch giùm tôi cái quá khứ - hay dường như thế khi bà nói lên điều đó.

- Thật vậy sao?

Kurimoto cũng đã từng là nhân tình của cha tôi và cô ta là người mai mối. Tất cả độc dược của quá khứ đều quy tụ nơi người đàn bà đó. Cha tôi đã may mắn có bà là người cuối cùng.

- Cậu phải xúc tiến mau việc cưới cô Yukiko.

- Đó là vấn đề do tôi tự quyết định lấy.

Người đàn bà nhìn chàng với vẻ xa vắng. Đôi má xanh xao, một tay của bà ôm lấy vầng trán.

- Căn phòng này như có gai góc xung quanh.

Bà Ota phải trở về nhà, bà ta bảo vậy. Kikuji gọi một chiếc tắc xi, cùng lên xe với người đàn bà.

Ngả đầu vào góc xe, đôi mắt nhắm lại, bà Ota ngồi bất động.

Những tế bào cuối cùng còn âm ỉ dường như sắp tắt ngấm.

Kikuji không đưa bà Ota vào nhà. Khi người đàn bà rời khỏi xe, những ngón tay lạnh lẽo của bà rời khỏi chàng một cách đơn giản.

Vào khoảng hai giờ sáng hôm sau, Fumiko gọi dây nói cho chàng.

- Alô. Anh Mitani đấy phải không ạ? Mẹ tôi vừa mới... - Tiếng nói chợt ngừng lại trong giây lát, rồi tiếp tục một cách quả quyết - vừa mới mất.

- Sao, chuyện gì đã xảy ra vậy?

- Mẹ tôi mất rồi. Mẹ tôi bị lên cơn đau tim. Bà đã dùng quá nhiều thuốc ngủ.

Kikuji lặng thinh.

- Tôi sợ là tôi... cần yêu cầu anh một việc, anh Mitani ạ.

- Vâng?

- Anh có quen thân với một bác sĩ nào và nếu xem ra có thể, anh mời giúp ông ta lại đây được không ạ?

- Một bác sĩ? Cô cần một bác sĩ? Tôi sẽ đi ngay bây giờ.

Kikuji lấy làm ngạc nhiên là chưa có một bác sĩ nào được mời đến. Rồi, đột nhiên, chàng hiểu.

Bà Ota tự tử. Cô con gái gọi chàng không ngoài mục đích yêu cầu chàng giúp nàng giấu việc đó.

- Tôi hiểu.

- Xin anh giúp cho.

Nàng đã suy nghĩ trước khi gọi chàng, chàng biết và như vậy nàng có thể đặt định mọi chi tiết của công việc phải làm với một cái gì giống nghi thức thông thường.

Kikuji ngồi bên máy điện thoại với đôi mắt nhắm nghiền.

Chàng trông thấy mặt trời về chiều như chàng đã từng trông thấy thế sau đêm trải qua với bà Ota: vầng mặt trời hiện lên sau dãy cửa sổ xe lửa, phía sau lùm cây gần ngôi đền Homonji^[6].

Vầng mặt trời dường như sắp rơi xuống trên những cành cây.

Lùm cây trở thành đen xạm.

Vầng mặt trời đang trôi nổi trên các cành cây, rơi rớt vào đôi mắt mệt mỏi của chàng và chàng khép chúng lại.

Bầy hạc trắng in trên chiếc khăn choàng của cô gái nhà Inamura bay ngang qua vầng mặt trời chiều và chúng vẫn còn ngự trị trong mắt chàng.

CHIẾC BÌNH SHINO

I

Sau ngày lễ kỷ niệm bảy ngày, Kikuji đến chia buồn với Fumiko.

Lúc bấy giờ là buổi chiều, nếu theo như thời khóa biểu thường ngày của chàng, chàng tạt qua thăm nàng trên con đường từ sở làm về nhà. Như vậy, chàng cần rời sở làm sớm hơn một chút, tuy nhiên mãi đến phút chót chàng mới quyết định thực hiện cuộc viếng thăm.

Fumiko ra đón chàng trước nhà:

- Ồ, chào anh.

Nàng quỳ xuống trước thềm nhà và ngược nhìn chàng. Đôi tay nàng chống trên sàn nhà như để giữ vững cho đôi vai.

- Cám ơn anh về bó hoa hôm qua.

- Không có chi cả.

- Tôi cứ nghĩ là sẽ không được gặp anh.

- Thế ạ? Nhưng người ta thường gửi hoa đến trước rồi mới đích thân tới viếng sau.

- Dù vậy, song tôi vẫn không hy vọng anh sẽ ghé thăm.

- Tôi mua bó hoa tại quán bán hoa rất gần đây.

Fumiko gật đầu một cách đơn giản.

- Không thấy tên ghi trên bó hoa nhưng tôi đoán ra ngay.

Kikuji nhớ lại lúc chàng đứng ở quán bán hoa và nghĩ đến bà Ota như thế nào.

Chàng nghĩ đến mùi hương của hoa đã làm nhẹ đi phần nào tội lỗi và bây giờ đây, Fumiko đang tiếp chàng với vẻ dịu dàng.

Nàng chỉ mặc có một chiếc áo vải bông giản dị. Ngoài một chút son tô nhẹ trên đôi môi khô, Fumiko không hề trang điểm gì khác.

- Tôi nghĩ, tốt hơn cả là tôi không nên có mặt ngày hôm qua, - chàng nói.

Fumiko hơi quay nhẹ người về một phía, có ý mời chàng vào.

Có lẽ vì nàng đã quyết định không khóc, nên nàng hạn chế đến tối đa những nghi thức tiếp đón thông thường; song dường như nàng vẫn có thể khóc, trừ phi nàng cử động hoặc ngồi im.

- Tôi không thể nói cho anh rõ tôi đã sung sướng như thế nào khi nhận được bó hoa anh gửi viếng. Nhưng nếu hôm qua anh đến được nữa thì tốt hơn. - Nàng đứng lên và theo chàng vào trong nhà.

- Tại tôi không muốn làm phật lòng những người bà con của cô, - chàng trả lời, một cách nhẹ nhàng, chàng hy vọng thế.

- Những chuyện đó không còn làm tôi bận tâm nữa.

Câu nói có vẻ quả quyết và rõ ràng.

Trong phòng khách, một bức hình được đặt trước di cốt bà Ota.

Chỉ có độc một bó hoa Kikuji gửi tới hôm trước.

Chàng nghĩ điều này hơi lạ. Có phải Fumiko cố ý để lại bó hoa của chàng và cất tất cả những bó hoa khác đi? Hay đây chỉ là một đám tang đơn độc? Chàng ngờ là điều sau này có vẻ đúng hơn.

- Hình như đây là cái bình đựng nước để pha trà thì phải?

Vừa nói, chàng vừa nhìn vào chiếc bình nàng dùng để cắm những bông hoa chàng gửi viếng. Đó là một cái bình đựng nước để dùng trong các cuộc trà đạo.

- Vâng. Tôi cho là dùng bình đó hợp hơn cả.

Một chiếc bình Shino khá đẹp.

Để dùng như một cái bình cắm hoa cho đám tang, chiếc bình này còn có phần hơi nhỏ.

Chàng đã gửi đến viếng bà Ota hoa hồng trắng và hoa cẩm chướng, trông chúng thật thích hợp với chiếc bình hình trụ.

- Mẹ tôi thỉnh thoảng dùng bình đó để cắm hoa. Vì lẽ đó mà nó không bị bán đi.

Kikuji quỳ xuống thắp hương trước di cốt người quá cố. Chàng chấp tay lại, đôi mắt nhắm nghiền.

Chàng đang tạ lỗi. Nhưng tình yêu tràn ngập trong lời tạ tội khiến cho tội lỗi như được nâng niu và dịu xuống.

Liệu có phải bà Ota chết vì không thể gột bỏ được mặc cảm tội lỗi? Hay vì tình yêu dẫn vật, bà đã thấy là không thể kiềm chế được? Tình yêu hay tội lỗi đã giết người đàn bà? Suốt tuần qua Kikuji đã quay quắt với vấn đề này.

Bây giờ đây, khi chàng quỳ gối với đôi mắt nhắm nghiền trước mộ tro tàn, hình ảnh của người đàn bà không đến trong trí chàng; nhưng sự nồng nàn của bà ta vây bọc lấy chàng, làm chàng ngây ngất trong hương thơm của chính sự nồng nàn đó. Một sự kiện lạ lùng, nhưng đến từ người đàn bà, dường như lại rất tự nhiên. Và mặc dù sự nồng nàn của người đàn bà vây bọc chàng, cái cảm giác đó dường như thuộc về thính giác, một cái gì gần với âm nhạc, hơn là thuộc về xúc giác.

Từ sau cái chết của bà Ota, Kikuji không thể ngủ được, nên chàng thường dùng thuốc an thần hòa với rượu sa ke. Mặc dù những giây phút ngắn ngủi chợp mắt được và liền đó thì trở nên tỉnh táo, chàng vẫn nằm mộng nhiều lần.

Đó không phải là những cơn ác mộng. Khi tỉnh dậy, chàng thường thấy lơ mơ và say say một cách êm đềm.

Việc một người đàn bà chết trở về bên người yêu trong giấc mộng dường như kỳ cục đối với Kikuji. Chàng còn trẻ và chưa được sửa soạn trước một kinh nghiệm như vậy.

“Trời ạ, thử nghĩ về những việc tôi đã làm - Người đàn bà đã kêu lên như vậy ở cả hai lần gặp chàng: cái đêm trải qua với chàng ở quán bên đường Kamukura và khi đến gặp chàng tại túp lều trong vườn nhà chàng. Câu nói đã được thốt ra giữa những tiếng nước nở nhỏ, run run một cách tuyệt vời và giờ đây, khi chàng quỳ trước di cốt của người đàn bà và thăm hỏi động lực nào đã thúc đẩy người đàn bà tìm đến cái chết, chàng nghĩ, lẽ ra chàng nên chấp nhận cái giây phút mà tội lỗi thành hình. Sự chấp nhận hiện tại chỉ gợi lại giọng nói của người đàn bà khi nói về tội lỗi của mình.

Kikuji mở mắt ra.

Chàng nghe ở phía sau có tiếng khóc nức. Fumiko có vẻ như đang cố gắng lắm để ngăn mình khóc - nhưng một tiếng nức đã bật ra và chỉ có một tiếng nức duy nhất.

Kikuji không quay lại.

- Cái ảnh này chụp từ bao giờ vậy? - Chàng hỏi.
- Cách đây năm hay sáu năm. Tôi đã đưa phim đi rọi lớn ra như vậy.
- Thật à? Hình như hình chụp được trong một buổi trà đạo thì phải?
- Sao anh biết?

Bức hình cắt ngang nơi cổ, chỉ để lộ ra một mảng áo kimono, không thấy rõ đôi vai.

- Làm sao anh biết hình đó chụp trong một buổi trà đạo?
- Bức hình gây cho người nhìn cái cảm tưởng đó. Đôi mắt của người trong hình đang nhìn xuống và bác gái như có vẻ đang bận rộn làm cái gì. Cô không thể thấy hai vai của bác gái, lẽ cố nhiên, nhưng cô có thể cảm thấy trong cung cách của bác dường như đang tập trung vào việc pha trà.
- Tôi tự hỏi không biết dùng bức hình đó có được không. Người chụp đứng hơi chếch về một phía. Nhưng đó là bức ảnh mẹ tôi ưa nhất.
- Đó là một bức ảnh khá trầm tĩnh. Rất đẹp.

- Dầu sao bây giờ tôi có thể nhận ra một lỗi lầm. Mẹ tôi không nhìn thẳng vào anh khi anh dâng hương cho bà.

- Thật thế? Tôi nghĩ có lẽ đúng.

- Mẹ tôi nhìn đi chỗ khác, bà nhìn xuống.

Kikuji nghĩ đến hình ảnh người đàn bà đang pha trà vào ngày trước khi bà ta từ trần.

Khi bà Ota khuấy trà, một giọt nước mắt rơi trên thành ấm. Chàng tự lấy trà uống - người đàn bà không mang trà đến cho chàng. Giọt nước mắt trên thành ấm khô đi khi chàng uống trà. Cả thân thể của người đàn bà đổ vào người chàng khi chàng vừa đặt chén trà xuống.

- Mẹ tôi trông đầy đà hơn khi chụp hình. - Nàng vội vã nói tiếp. - Tôi từ chối rồi vì bức hình đó giống tôi quá.

Kikuji quay lại nhìn nàng.

Nàng cúi nhìn xuống sàn nhà thay vì nhìn lưng chàng từ nãy đến giờ.

Chàng xoay lưng lại phía di cốt và bức hình, đối diện với nàng.

Làm sao chàng có thể tạ lỗi với nàng?

Chàng lẩn tránh việc đó bằng cách xoay câu chuyện sang chiếc bình Shino. Chàng đang quỳ trước chiếc bình và nhìn nó như để ước lượng giá cả, như nhìn những bình trà khác vậy thôi.

Một màu đỏ nhạt nổi bật trên nền bằng men. Kikuji đưa tay ra vuốt ve mặt bình nhẵn bóng và mát rượi.

- Thật là mềm mại, như một giấc mộng. Ngay cả khi cô biết rất ít về đồ cổ như tôi, cô vẫn có thể thưởng thức vẻ đẹp của chiếc bình Shino này.

“Giống như giấc mộng của một người đàn bà”, chàng nghĩ.

Nhưng chàng đã kịp kìm hãm lại để không nói lên ý nghĩ sau này.

- Anh có thích cái bình ấy không? Để tôi biếu anh như một kỷ niệm của mẹ tôi.

-Ồ, thôi. Đừng, xin cô. - Kikuji nhìn lên vẻ kinh ngạc.

- Anh có thích nó không? Mẹ tôi cũng sẽ sung sướng lắm, tôi biết mà. Chiếc bình đó không tẻ đâu, tôi nghĩ thế.

- Đó là một tác phẩm tuyệt vời.

- Mẹ tôi cũng bảo thế. Vì vậy tôi cắm hoa của anh viếng mẹ tôi vào đó.

Kikuji cảm thấy hơi ấm của nước mắt dâng lên.

- Vậy thì tôi sẽ nhận, nếu không có gì trở ngại.

- Mẹ tôi hẳn sẽ sung sướng lắm.

- Tuy nhiên chắc tôi sẽ không dùng nó để đựng nước pha trà đâu. Tôi sẽ biến nó thành một chiếc bình đựng hoa.

- Xin anh cứ làm như vậy. Mẹ tôi cũng dùng bình đó để cắm hoa mà.

- Tôi sợ là tôi sẽ không dùng bình đó để cắm hoa trưng bày trong các cuộc trà đạo. Kể cũng buồn cho một chiếc bình như vậy mà phải rời xa các cuộc trà đạo. Tôi đang nghĩ đến việc bỏ trà.

Kikuji vừa xoay mặt lại đối diện với nàng vừa đứng lên.

Gần nơi cửa thông sang phòng điểm tâm, có một đồng nệm.

Chàng kéo một tấm nệm ra phía ngoài hàng ba và ngồi xuống.

Nàng vẫn quỳ một cách cung kính trên một tấm nệm rơm trần trụi.

Chỉ có mình Kikuji di chuyển. Fumiko ngồi lại giữa phòng.

Đôi tay nàng đặt lên đầu gối dường như hơi run run. Nàng chấp tay lại, những ngón tay đan chặt lấy nhau.

- Anh Mitani, anh nên tha thứ cho mẹ tôi. - Nàng cúi gập đầu xuống trên ngực.

Kikuji giật nảy mình, lo ngại với cử động đó nàng có thể ngã chúi về phía trước .

- Cô nói gì vậy? Chính tôi mới là người cần được tha thứ. Tôi đang cố nghĩ xem phải dùng câu nói nào mới xứng đáng. Nhưng tôi không biết phải tạ tội bằng cách nào và tôi xấu hổ vì đã có mặt ở đây với cô.

- Chúng tôi mới chính là những người phải xấu hổ. - Mặt nàng biểu lộ sự ngượng ngùng. - Tôi ước làm sao có thể biến đi được.

Đôi má không tô điểm và chiếc cổ trắng ngần của nàng bỗng đỏ rần; tất cả nổi mồn mõi và thống khổ hiện lên khuôn mặt.

Và khuôn mặt nàng càng xanh mét hơn dù nàng đang cảm thấy hổ thẹn.

Một nỗi đau khổ thể thiết đâm thẳng vào ngực chàng.

- Tôi nghĩ hẳn là cô phải ghét tôi biết chừng nào.

- Ghét anh? Chắc anh nghĩ là mẹ tôi ghét anh chắc?

- Không. Song không phải chính tôi đã gây ra cái chết của bác gái đây sao?

- Mẹ tôi chết là tại chính mẹ tôi. Đó là điều tôi nghĩ. Tôi đã phân vân về chuyện này suốt tuần qua.

- Cô chỉ có một mình trong suốt thời gian vừa rồi sao?

- Vâng. Đó là nếp sống thông thường của chúng tôi. Mẹ tôi và tôi.

- Tôi đã làm bác gái chết.

- Mẹ tôi chết là tại chính mẹ tôi. Nếu anh cho là tại anh mà mẹ tôi chết, như thế tôi còn có lỗi nặng hơn anh. Nếu tôi phải trách cứ ai, thì người đó phải là tôi. Nhưng như thế chỉ làm cho cái chết của mẹ tôi dơ bẩn mà thôi, khi chúng ta bắt đầu cảm thấy có trách nhiệm và ân hận. Sự ân hận và những ý nghĩ nối tiếp chỉ tạo thêm gánh nặng cho người đã nằm xuống.

- Có lẽ cô có lý. Song nếu tôi đừng gặp bác gái...- Kikuji không thể nào tiếp tục thêm nữa.

- Tôi nghĩ là khi người chết có thể được tha thứ, như vậy đủ rồi. Có thể mẹ tôi chết đi là để được tha thứ. Anh sẽ tha thứ cho người chứ? - Fumiko đứng dậy.

Khi nghe Fumiko nói vậy, Kikuji có cảm tưởng một tấm màn trong trí chàng vừa được vén lên.

Liệu có sự giảm bớt gánh nặng cho người chết không nhỉ? Chàng thầm hỏi.

Bản khoản về người chết liệu có phải là một lầm lẫn, trong phần lớn các trường hợp, giống như quả mãng họ? Người chết không thể phán đoán người sống được.

Kikuji nhìn lại bức ảnh của bà Ota.

II

Fumiko mang vào một chiếc khay trên có đặt hai cái chén.

Cả hai đều có hình trụ, một chiếc chén Raku^[7] màu đỏ và một chiếc Raku màu đen.

Nàng đặt chiếc chén đen trước mặt Kikuji. Trong chén đựng thứ trà thô thông thường.

Kikuji nâng chén lên và nhìn vào con dấu ở đáy chén.

- Ai thế này? - Chàng hỏi một cách thẳng thắn.

- Tôi chắc là Ryonyu^[8].

- Còn chiếc chén đỏ?

- Cũng của Ryonyu luôn.

- Hình như đây là một cặp. - Kikuji nhìn chiếc chén đỏ đựng trà còn nguyên dưới gôi nàng.

Mặc dù đây là một cặp chén dùng cho các cuộc trà đạo, nhưng chúng không có vẻ lạc lõng khi được dùng để uống trà thường, song một hình ảnh khó chịu thoáng qua trong trí Kikuji.

Cha Fumiko chết trước cha Kikuji và cặp chén Raku này liệu có thể đã được sử dụng để uống trà thường khi cha Kikuji đến thăm mẹ Fumiko? Liệu chúng đã được dùng như một cặp chén “vợ chồng”, chiếc chén đen cho cha Kikuji và chiếc chén đỏ cho mẹ Fumiko?

Nếu đây đúng là tác phẩm của Ryonyu, có thể người ta hơi tỏ ra lơ là với chúng. Biết đâu chúng không được đem theo cả trong các cuộc du lịch? Ai biết được, có thể Fumiko đang tàn nhẫn chế nhạo chính chàng.

Tuy nhiên, chàng không nhận thấy thột vẻ tinh quái nào, thật vậy nàng không có vẻ tính toán gì hết khi đem ra cặp chén kia.

Chàng chỉ nhận từ một vẻ đa cảm đầy nữ tính và sự đa cảm cũng đến trong chàng.

Chàng và Fumiko, bị ám ảnh bởi cái chết của người mẹ, không thể tiếp tục tỏ ra đa cảm như vậy được. Cặp chén Raku đào sâu thêm mỗi phiền muộn mà họ đang cùng chia sẻ.

Fumiko cũng dư biết mọi điều: về cha Kikuji và mẹ nàng, về mẹ nàng và Kikuji và cái chết của mẹ nàng.

Và họ cùng chịu chung cái tội đã giấu nhem vụ tự tử này.

Rõ ràng là Fumiko khóc khi nàng pha trà. Đôi mắt nàng hơi đỏ.

- Tôi bằng lòng vì đã có mặt ở đây hôm nay, - Kikuji nói. - Tôi có thể hiểu điều cô vừa nói là giữa người sống và người chết không còn có sự tha thứ hay không tha thứ, song tôi trộm nghĩ thay vì vậy, liệu tôi có được bác gái tha thứ cho không?

Fumiko gật đầu. - Nếu không thể mẹ tôi không thể được tha thứ lại. Mẹ không thể tự tha thứ cho chính mình.

- Nhưng trên một khía cạnh nào đó, việc tôi có mặt ở đây với cô quả là khá khủng khiếp.

- Tại sao? - Nàng ngược nhìn chàng. - Anh nghĩ là mẹ tôi đã lầm khi tìm đến cái chết sao? Chính tôi cảm thấy rất cay đắng - tôi nghĩ là dù mẹ tôi có bị hiểu lầm đến mấy, thì cái chết cũng không thể là câu trả lời của chính bà. Cái chết chỉ cắt đứt mọi cảm thông, không ai có thể tha thứ điều đó.

Kikuji lặng thinh. Chàng tự hỏi có phải Fumiko cũng đã đưa đẩy mẹ nàng phải đối diện lần cuối với sự bí mật của cái chết.

Thật lạ lùng khi nghe nói cái chết cắt đứt mọi cảm thông.

Bà Ota mà Kikuji được biết bây giờ quả thực khác biệt với người mẹ mà Fumiko biết.

Fumiko không có cách nào biết rõ người đàn bà nơi mẹ nàng được.

Tha thứ hay được tha thứ đối với Kikuji là sự được ru ngủ trong một con sóng, là sự tưởng nhớ đến thân thể của người đàn bà.

Dường như sự mơ tưởng đó cũng có mặt ở đây trong cặp chén Raku.

Kể cũng lạ và kỳ diệu, cái sự kiện một đứa trẻ lại không biết gì hết về cái thân thể từ đó nó ra đời và một cách kỳ diệu, chính cái thân thể đó lại đã chia sớt cho người con gái nhiều thứ.

Ngay từ lúc nàng đón chào chàng nơi cửa ra vào, Kikuji đã cảm thấy một cái gì nhẹ nhàng và mềm mại. Nơi khuôn mặt tròn và tinh khiết của Fumiko, chàng bắt gặp hình ảnh người mẹ.

Nếu bà Ota đã lẫn lộn khi trông thấy hình ảnh của cha Kikuji nơi Kikuji, thì bây giờ chàng cảm thấy hoảng sợ, gần như một cảm giác xúc phạm, khi đối với Kikuji, Fumiko trông giống mẹ như đúc.

Tuy vậy, cũng không tỏ ý kháng cự, Kikuji buông xuôi theo dòng.

Nhìn chiếc miệng nhỏ có vẻ bất cần, với môi dưới trề ra như đang bĩu, chàng cảm thấy người thiếu nữ không có vẻ gì là đang chống đối cả. Cái gì có thể làm nàng chống đối được? Câu hỏi đó có lẽ ra phải được hỏi chính Kikuji mới phải.

- Bác gái khi sống quá tử tế, - chàng nói. - Tôi thật tàn nhẫn đối với người, tôi ngờ là tôi đã gây tổn thương cho người bởi chính sự yếu đuối tinh thần của tôi. Tôi là một thằng khốn nạn.

- Mẹ tôi đã lầm, quá lầm. Cha anh, rồi thì anh - song tôi phải nghĩ là bản chất con người thật của mẹ tôi thật khác biệt. - Nàng nói với vẻ do dự, rồi then đỏ mặt lên. Da mặt đỏ của nàng lúc này trông ấm áp hơn trước.

Để tránh cái nhìn của Kikuji, nàng cúi đầu xuống và hơi quay về hướng khác.

- Nhưng từ ngày mẹ tôi nằm xuống, dường như người bắt đầu đẹp hơn. Cái cảm tưởng đó chỉ có ở trong đầu tôi, hay tại mẹ tôi quả thực có đẹp hơn?

- Cả hai lý lẽ cô đưa ra thật giống nhau, đối với người đã khuất, tôi nghĩ thế.

- Có thể mẹ tôi chết vì không chịu nổi sự xấu xa của chính mình.

- Tôi không thấy điều đó có vẻ đúng tí nào.

- Sự xấu xa đó quá lớn - người không thể nào chịu đựng nổi. - Nước mắt long lanh nơi khóe mắt Fumiko. Có phải nàng muốn nói đến tình yêu của mẹ nàng dành cho Kikuji?

- Người chết là tài sản của chúng ta, trên một khía cạnh nào đó, - Chúng ta cần phải coi sóc cho cẩn thận, - Kikuji nói. - Song mọi người đều chết vội vã quá.

Nàng có vẻ hiểu: chàng muốn nói đến cha mẹ nàng và cha mẹ chàng.

- Bây giờ, cô là một kẻ mồ côi và tôi cũng thế.

Những lời chàng vừa nói làm chàng e sợ giả thử bà Ota không có cô con gái, Fumiko, có lẽ chàng đã có những tư tưởng đen tối hơn, xấu xa hơn về bà.

- Hồi cha tôi còn sống, cô đối với cha tôi thật tử tế. - Chàng đã nói lên điều đó và chàng hy vọng nó sẽ không gây nên một âm hưởng xấu xa nào.

Chàng không thấy có gì là không phải khi nói về những ngày cha chàng thường đến nhà này với tư cách là người tình của mẹ Fumiko.

Đột nhiên, Fumiko cúi đầu xuống thật thấp.

- Hãy tha thứ cho mẹ tôi. Quả thật, mẹ tôi buồn vô cùng. Sau vụ đó tôi khó lòng biết người sẽ gục xuống lúc nào. - Đầu nàng vẫn cúi xuống. Trong trạng thái bất động, nàng bắt đầu khóc và sức lực rời khỏi đôi vai nàng.

Vì nàng không chờ đợi khách đến viếng, nên nàng đi chân không. Đôi chân nàng xếp lại, một nửa giấu dưới váy và cả thân hình rung động, vô vọng.

Chiếc chén Raku đỏ gần đụng vào tóc nàng, thật lâu đến nỗi nó đổ xuống mặt chiếu trải trên sàn nhà.

Nàng rời phòng khách, hai tay ôm lấy mặt.

Mãi một lúc lâu, nàng cũng vẫn chưa trở lại.

- Tôi nghĩ là đã đến lúc tôi phải từ biệt, - Kikuji nói.

Nàng trở ra trước cửa với một gói đồ.

- Tôi sợ là nó có vẻ nặng, nhưng anh gắng đừng quan tâm lắm đến điều đó.

- Cái gì thế này?

Cái bình Shino.

Chàng kinh ngạc về sự nhanh nhẹn của nàng, nàng đã trút hoa và nước từ trong bình ra, lau khô, bỏ vào trong một cái hộp và gói tất cả vào trong một vuông khăn.

- Tôi mang nó đi được ngay sao? Còn hoa trong đó nữa?

- Xin anh nhận nó cho.

- Nếu không có gì trở ngại, - Kikuji nói. Chàng có cảm giác sự nhanh nhẹn của nàng đến từ một nỗi phiền muộn quá độ.

- Tôi sẽ không đến xem xem anh dùng nó ra sao.

- Tại sao không?

Fumiko không trả lời.

- Thôi được. Cô ráng giữ gìn sức khỏe. - Chàng bước ra khỏi nhà.

- Cám ơn anh. Anh thật tử tế đã đến thăm chúng tôi. Và xin anh đừng bận tâm gì hết về mẹ tôi. Anh nên lập gia đình lên.

- Xin lỗi, cô nói gì, tôi nghe không rõ?

Chàng quay lại phía nàng, nhưng nàng không ngược mắt lên.

III

Kikuji cố gắng cắm bông hoa hồng trắng và cắm chướng màu nhạt vào chiếc bình Shino. Chàng bị ám ảnh bởi ý nghĩ là mình yêu bà Ota, một người đã khuất.

Và chàng cảm thấy mối tình đó đã được người con gái, Fumiko, làm cho sống lại từ tiềm thức.

Chàng gọi dây nói cho nàng vào ngày chủ nhật.

- Cô ở nhà có một mình thôi à?
- Vâng. Hơi đơn độc một chút, cố nhiên.
- Cô không nên ở một mình.
- Tôi nghĩ vậy.
- Tôi gần như có thể nghe thấy sự tĩnh mịch ở chỗ cô.

Fumiko cười nhẹ.

- Giả dụ chúng ta có một người bạn ghé thăm cô.
- Nhưng tôi, tôi cứ hoài nghĩ là bất cứ người nào thăm tôi sẽ tìm ra sự thật xung quanh mẹ tôi.

Kikuji không biết trả lời ra sao.

- Hẳn là bất tiện. Cô không có ai coi nhà cửa khi muốn ra ngoài?
- Ô, thường tôi có thể khóa cửa lại.
- Vậy tôi đề nghị cô đến tôi chơi.
- Cám ơn anh. Vào một ngày nào đó gần đây.
- Cô vẫn khỏe chứ?

- Tôi bị sút cân.
 - Cô ngủ được không?
 - Gần như không ngủ được chút nào.
 - Đừng bao giờ nên như vậy.
 - Tôi đang nghĩ đến việc sẽ đóng cửa nhà lại và lấy một căn phòng tại nhà một người bạn để ở.
 - Sẽ...? Chừng nào?
 - Chừng nào tôi bán được nhà.
 - Bán nhà?
 - Vâng.
 - Cô muốn nói là cô sẽ bán nhà đi?
 - Anh không nghĩ là tôi nên bán nhà sao?
 - Tôi thắc mắc. Thật ra, tôi cũng đang nghĩ đến việc bán nhà.
- Fumiko không trả lời.
- Alô? Thật không lợi gì khi nói về những chuyện như vậy qua dây nói. Hôm nay chủ nhật, tôi nghỉ ở nhà. Cô có thể ghé tôi được không?
 - Vâng.
 - Tôi đã cho hoa vào chiếc bình Shino, song nếu cô đến, tôi có thể đem chiếc bình đó trở về vai trò mà nó vẫn đóng.
 - Một buổi trà đạo?
 - Không hẳn là một buổi trà đạo. Song thực là uống nếu không dùng chiếc bình Shino để đựng nước pha trà. Cô không thể nào thấy được vẻ đẹp của một món đồ dùng để uống trà trừ phi cô bày nó giữa những đồng loại của nó.

- Nhưng trông tôi hôm nay có vẻ tệ hơn là hôm anh đến thăm. Tôi không thể đến thăm anh được.

- Sẽ không có người khách nào khác hết.

- Dù thế đi chăng nữa.

- Cô không định sẽ nghĩ lại sao?

- Chào anh.

- Cô ráng giữ gìn sức khỏe. Xin lỗi hình như có ai tới thăm tôi. Tôi sẽ gọi lại.

Đó là Kurimoto Chikako.

Một cái nhìn dữ dội chiếu thẳng vào Kikuji. Liệu cô ta có nghe thấy gì?

- Trời đất thật buồn thảm. Mưa, mưa. Ngày đẹp trời đầu tiên sau những ngày mưa rả rích và tôi đang lợi dụng nó. - Cô ta đang nhìn chăm chú vào chiếc bình Shino. - Từ bây giờ đến sang hè, tôi sẽ có nhiều thì giờ hơn vì không phải dạy học và tôi muốn đến ngồi trong túp lều của cậu một lát.

Cô ta lục lọi trong túi xách mang ra kẹo và một cái quạt xếp.

- Tôi đoán là bây giờ túp lều lại bị ẩm mốc trở lại.

- Tôi cũng đoán vậy.

- Cái bình Shino của bà Ota đây à? Tôi xem một tí được không? - Cô ta tình cờ nói và xoay lại xem xét chiếc bình.

Khi cô ta cúi xuống sát chiếc bình, đôi vai nặng những xương bật ngửa ra sau. Dường như cô ta đang phun nọc độc ra.

- Cậu mua đây à?

- Đó là một tặng vật.

- Rõ ràng là một tặng vật. Một kỷ niệm chắc? - Cô ta ngẩng đầu lên và quay lại phía chàng. - Có thật cậu không phải trả tiền gì hết cho một tác

phẩm như cái bình này sao? Tôi hơi bất bình vì cậu nhận cái bình này do cô con gái bà ta trao lại.

- Tôi có vài ý nghĩ chung quanh thắt mắc của cô.

- Cậu cứ tự nhiên. Cậu có đủ mọi loại dụng cụ uống trà đã từng thuộc quyền sở hữu của bà Ota, song trước kia cha cậu thường bỏ tiền ra mua chúng. Ngay cả về sau, khi cha cậu đã săn sóc bà Ota.

- Đó không phải là vấn đề tôi muốn bàn cãi với cô.

- Tôi hiểu, tôi hiểu. - Chikako thông thả nói rồi đứng dậy. Chàng nghe cô ta nói gì đó với người tớ gái, rồi trở vào phòng với một chiếc khăn choàng dùng làm bếp.

- Như vậy bà Ota đã tự vẫn? - Rõ ràng là câu hỏi có vẻ bất ngờ để chàng khó tránh khỏi một phản ứng phải có.

- Bà ấy không hề tự vẫn.

- Ồ? Nhưng tôi biết ngay mà. Người đàn bà ấy luôn luôn có vẻ kỳ quái - Cô ta nhìn ngay mặt chàng. - Cha cậu thường bảo là ông không bao giờ có thể hiểu được bà ta. Đối với một người đàn bà khác cố nhiên vấn đề sẽ hơi khác một chút, tuy nhiên bà Ota vẫn có một vẻ gì con nít, dù bà ta có già cách mấy đi nữa. Bà Ota không thuộc hạng người như tôi. Người đâu mà đeo dính như keo ấy.

- Liệu chúng tôi có được quyền yêu cầu cô ngừng phỉ báng người chết không?

- Ồ xin cứ tự nhiên. Song có phải cái con người đã chết đặc biệt này vẫn còn cố gắng phá hủy cuộc hôn nhân của cậu không? Cha cậu đã đau khổ nhiều trong tay người đàn bà đó rồi.

Chính Chikako là người đau khổ thì đúng hơn, Kikuji nghĩ.

Chikako đã từng là một món đồ chơi trong tay cha Kikuji trong một thời gian rất ngắn. Cô ta không có lý do chính đáng nào để buộc tội bà Ota. Thế

mà người ta vẫn có thể tưởng tượng được là cô ta ghét cay ghét đắng người đàn bà đã có diễm phúc ở với cha chàng cho đến ngày ông nhắm mắt.

- Cậu còn quá trẻ để hiểu một người như mộ đó. Mộ đó chết là may phước cho cậu. Đó là sự thật.

Kikuji quay mặt đi chỗ khác.

- Cái việc con mộ đó xen vào dự tính hôn nhân của cậu có đáng cho chúng ta phải chịu đựng? Mộ đó chết là bởi mộ không thể kiềm chế được con quỷ ở trong mộ, ngay cả khi mộ biết là mình làm quấy. Đó cũng là sự thật nữa. Và rồi mộ nghĩ mộ có thể chết và đến gặp cha cậu, con người của mộ là như vậy.

Kikuji cảm thấy lạnh lạnh.

Chikako bước ra vườn.

- Tôi ra ngoài lều để tìm lại sự bình tĩnh.

Chàng ngồi một lát, mắt nhìn những đóa hoa trong bình.

Màu trắng và màu hồng nhạt dường như mờ đi trong sương cùng với chiếc bình Shino.

Hình ảnh Fumiko khóc lặng lẽ trong ngôi nhà của nàng hiện ra với chàng.

THỎI SÁP MÔI CỦA MẸ NÀNG

I

Sau khi đánh răng, trở lại phòng ngủ, Kikuji nhận thấy người hầu gái đã treo tại góc nhà một cái bình đựng nước làm bằng trái bầu khô. Trong đó chỉ cắm có một đóa hoa ngũ sắc buổi sáng.

- Hôm nay mình sẽ dậy sớm, - chàng nói, dù vậy chàng cũng vào giường nằm lại. Ngả đầu xuống gối, chàng nhìn lên đóa hoa.

- Có một bông ngũ sắc mới nở buổi sáng, - người hầu gái nói vọng sang từ buồng bên cạnh. - Thế hôm nay cậu lại nghỉ ở nhà nữa à?

- Thêm một ngày nữa. Nhưng rồi tôi cũng phải trở dậy. - Kikuji đã nghỉ làm từ nhiều ngày nay vì bị cảm và nhức đầu. - Bông ngũ sắc đó mọc ở đâu thế?

- Nó leo lên cây gừng ở tận cuối vườn.

Đó là một bông ngũ sắc có nhiều màu chàm, có lẽ là giống ngũ sắc đại thông thường. Cành hoa mỏng, lá và hoa nhỏ.

Song màu xanh lá cây và màu lam có vẻ lạnh, rủ trên chiếc bầu nước màu đỏ, xỉn đi vì thời gian.

Người hầu gái đã làm việc cho gia đình chàng từ khi cha chàng còn sống, đã tỏ ra giàu tưởng tượng theo lối riêng của mình.

Trên mặt chiếc bầu đựng nước có một chữ ký khắc trên nền sơn mài, và trên chiếc hộp cổ kính dùng để đựng nó, có dấu hiệu của người chủ đầu tiên, Sotan^[9], có lẽ là người tạo ra nó cách đây ba trăm năm.

Kikuji không biết tí gì về loại hoa dùng trong các cuộc trà đạo, cả người hầu gái cũng vậy. Dầu sao để dùng cho buổi trà đạo buổi sáng, đối với chàng dường như có loại hoa ngũ sắc buổi sáng là thích hợp hơn cả.

Chàng nhìn chăm chú bông hoa một lát. Một cánh hoa sẽ tàn trong vòng một buổi sáng chứa trong một chiếc bình đã truyền tay người đời tới ba thế kỷ.

Như vậy có hơn là những bông hoa Tây phương trong chiếc bình Shino ba trăm tuổi kia?

Song có một cái gì đó không ổn trong cái ý tưởng về một bông hoa ngũ sắc buổi sáng vừa bị hái vào kia.

- Bà chờ cho bông hoa tàn ngay dưới mắt bà, - chàng bảo người hầu gái vào lúc ăn điểm tâm.

Chàng nhớ là chàng định cắm hoa thược dược vào chiếc bình Shino.

Khi Fumiko cho chàng chiếc bình thì mùa hoa thược dược đã qua rồi, song chàng vẫn có thể tìm ra loại hoa này nếu chàng chịu khó tìm kiếm.

- Tôi quên là nhà có cái bầu cắm hoa kia. Bà quả thật là thông minh khi nghĩ đến nó.

Người hầu gái chỉ gật gù.

- Bà có thấy cha tôi dùng bầu đó để cắm hoa ngũ sắc buổi sáng không?

- Không. Song hoa ngũ sắc và bầu, cả hai đều là loài cây leo và tôi nghĩ...

- Cả hai đều là cây leo! - Kikuji trở nên giận dữ. Tính chất thơ mộng đã hoàn toàn tan biến.

Đầu chàng trở nên nặng trĩu khi chàng đọc báo và chàng nằm xuống ngay tại phòng ăn điểm tâm.

- Đừng bận tâm đến việc làm giường.

Người hầu gái, sau khi đã giặt giũ xong, vừa bước vào nhà, vừa lau khô tay. Mụ cần phải dọn phòng chàng, mụ nói thế.

Khi chàng trở vào giường nằm, bông ngũ sắc buổi sáng không còn ở góc nhà.

Cả chiếc bầu treo trên cột cũng biến mất.

- Thế cũng xong. - Có lẽ người hầu gái không muốn chàng trông thấy bông hoa sẽ tàn.

Chàng giận dữ vì sự liên kết giữa hai giống cây leo và cái nếp sống của cha chàng mà chàng tưởng còn lưu lại nơi bà ta.

Chiếc bình Shino đứng lơ lửng giữa góc nhà. Nếu Fumiko trông thấy thế, chắc sẽ nghĩ là lỗi cư xử đó không được nhân đạo chút nào.

Khi nhận chiếc bình, chàng đã cắm hoa hồng bạch và cắm chướng màu nhạt vào đó, vì nàng đã làm như vậy trước di cốt của mẹ nàng. Hoa hồng bạch và cắm chướng là những thứ hoa chàng đã gửi đến nhân ngày lễ kỷ niệm bảy ngày của mẹ nàng.

Chàng đã dừng lại và mua hoa tại quán bán hoa mà ngày hôm trước, chàng đã mua hoa và gửi tới nhà Fumiko.

Tâm tư chàng có thể trôi dạt, ngay cả khi chàng chỉ cần sờ tay vào chiếc bình và chàng đã thôi cắm hoa vào đó.

Đôi khi chàng có thể bị lôi cuốn bởi một người đàn bà đứng tuổi ngoài phố. Chợt nhận ra điều đó ở chính mình, chàng thường cau mày và lẩm bẩm: “Mình xử sự như một tên tội phạm vậy”.

Chàng thường nhìn lại người đàn bà tình cờ gặp đó một lần nữa và thấy người đó không giống bà Ota một mảy may.

Chàng chỉ từ sự giống nhau ở hai bên hông đẩy đà thôi.

Sự mong mỏi vào những lúc như vậy có thể làm cho chàng suýt run lên; còn sự say đắm hòa lẫn nỗi sợ sệt, như lúc tỉnh ngộ từ một tội lỗi “Cái gì đã biến mình trở thành một tội phạm?” Câu hỏi làm chàng rời xa tất cả mọi sự; song thay vì có một câu trả lời, nỗi mong mỏi trở thành mênh mông hơn.

Chàng cảm thấy khó có thể được cứu vãn trừ khi chàng trốn tránh được những lúc mà cảm giác về làn da trần ấm của người đàn bà đã khuất đến với chàng.

Cũng có đôi khi chàng tự hỏi, liệu sự hoài nghi có còn gột rửa được cảm giác của chàng đến tận cùng của sự bệnh hoạn.

Chàng bỏ chiếc bình Shino vào trong hộp rồi đi nằm.

Khi chàng nhìn ra vườn, chàng nghe có tiếng sấm nổ.

Tiếng sấm nổ từ xa nhưng lớn và mỗi lúc tiếng sấm lại gần hơn.

Chớp lóe xuyên qua những ngọn cây trong vườn.

Nhưng khi mưa bắt đầu rơi, dường như không còn nghe tiếng sấm nổ nữa.

Đó là một cơn mưa dữ dội. Bụi mưa trắng xóa từ mặt đất bốc lên.

Kikuji vùng dậy và gọi điện nói cho Fumiko.

- Cô Ota đã dọn nhà rồi.

- Xin lỗi? - Chàng giật nẩy mình. - Xin lỗi, song tôi có thể...

Nàng hân đã bán nhà rồi.

- Tôi tự hỏi nếu bà có thể cho tôi biết hiện cô ấy ở đâu không?

- Xin ông chờ một lát. - Dường như người ở đầu dây bên kia là người hầu gái.

Mụ ta quay trở lại ngay sau đó và cho chàng địa chỉ có lẽ đọc được ở trong một cuốn sổ tay. “Nhờ ông Tozaki chuyển giao”. Có cả số điện thoại.

Giọng Fumiko nghe thật trong sáng.

- Alô. Xin lỗi đã để anh đợi lâu.

- Fumiko đấy à? Tôi, Mitani đây mà. Tôi có gọi lại đăng nhà cô.

- Tôi rất tiếc. - Giọng nàng thấp hân xuống, nghe rất giống giọng nói của mẹ nàng.

- Cô dọn nhà từ hồi nào vậy?

- Tôi...

- Cô không nói gì với tôi hết.

- Tôi ở với một cô bạn từ nhiều ngày nay. Tôi bán nhà rồi.

- Ồ?

Tôi không biết là có nên nói cho anh rõ hay không. Thoạt đầu tôi nghĩ là không nên, nhưng về sau tôi bắt đầu cảm thấy mình có lỗi.

- Cô nên cho tôi hay mới phải.

- Thật thế sao? Liệu anh có đủ tử tế để nghĩ vậy không?

Khi họ tiếp tục trò chuyện với nhau, Kikuji có cảm giác tươi mát và mới mẻ, thoải mái. Có thể nào cái cảm giác đó đến từ một cuộc đối thoại qua dây nói?

- Chiếc bình Shino mà cô cho tôi. Khi tôi nhìn thấy nó, tôi cảm thấy muốn gặp cô.

- Ô?

- Tôi còn một cái nữa, một cái chén uống trà hình trụ. Tôi nghĩ đến việc để cho anh giữ cái đó luôn, nhưng ngặt nỗi mẹ tôi thường dùng nó để uống trà thường ngày. Có vết son của bà trên đó.

- Ồ?

- Hoặc giả vì mẹ tôi thường thích nói như vậy.

- Vết son vẫn còn đó chứ?

- Không phải vẫn còn đó. Thoạt đầu cái chén Shino hơi đỏ, nhưng mẹ tôi thường nói là bà không thể nào rửa sạch vết son ở trên miệng nó, dù bà có cọ rửa đến mấy đi nữa. Bây giờ thỉnh thoảng tôi nhìn vào cái chén và thấy dường như có một vết đỏ đậm ở một chỗ trên vành chén.

Phải chăng đây chỉ là một cuộc nói chuyện tầm phào?

Kikuji gần như không thể nào lắng nghe được nữa.

- Hiện giờ đang có một cơn bão. Ở đó ra sao?

- Khủng khiếp. Tôi rất sợ sấm.

- Nhưng sau đó thời tiết sẽ dễ chịu. Tôi nghỉ làm từ chiều nay và tôi hiện đang nằm nhà. Nếu cô không bận gì cả, sao không đến đây chơi?

- Cảm ơn anh. Tôi cũng định lại thăm anh nhiều lần, song chỉ khi nào tôi kiếm ra việc làm. Tôi đang nghĩ đến việc đi làm. - Trước khi chàng có thể trả lời, nàng nói tiếp. - Tôi rất vui khi anh gọi. Tôi sẽ ghé thăm anh. Lẽ ra tôi không nên gặp anh lại, cố nhiên.

Kikuji ra khỏi giường khi cơn mưa vừa dứt.

Chàng ngạc nhiên vì kết quả của cuộc điện đàm vừa qua.

Và thật là lạ khi tội lỗi mà chàng cảm thấy trong câu chuyện liên quan đến gia đình Ota dường như tan biến khi chàng nghe giọng nói của cô con gái. Có phải chính giọng nói đó đã làm chàng có cảm tưởng là người mẹ vẫn còn sống?

Chàng vấy chiếc bàn chải cạo râu giữa đám lá nơi hàng hiên, thấm ướt nó với nước mưa.

Chuông cửa rung một tiếng ngắn sau bữa cơm trưa. Có lẽ là Fumiko - nhưng đó là Kurimoto Chikako.

- Ồ, thì ra là cô.

- Trời ấm lại, phải không? Tôi quên băng cậu đi và tôi nghĩ cần phải lại thăm cậu một lát.

- Tôi hoàn toàn khỏe lại rồi.

- Da cậu không được tốt. - Cô ta căn nhắc chàng.

Chàng nghĩ thật là điên khi đi nối kết tiếng guốc gỗ lách cách với Fumiko. Fumiko phải mặc âu phục chứ.

- Bộ cô làm răng mới hay sao thế? - Chàng hỏi. - Trông cô trẻ lại.

- Vào mùa mưa tôi có thì giờ rảnh. Thoạt đầu chúng hơi trắng quá, nhưng chẳng mấy hồi thành màu vàng. Rồi chúng sẽ bình thường lại.

Chàng đưa cô ta vào phòng khách, đồng thời cũng được chàng dùng làm phòng ngủ. Cô ta nhìn vào góc nhà.

- Tôi luôn luôn cảm thấy dễ chịu với những góc nhà trống trơn, - Kikuji nói. - Không có những thứ treo lủng lẳng rườm rà như đè nặng trên mình.

- Rất dễ chịu vào mùa mưa thật. Song nếu có thể cũng nên có ít nhất được vài bông hoa. - Cô ta quay lại phía chàng. - Cậu đã làm gì cái bình của bà Ota?

Kikuji không trả lời.

- Cậu nên trả nó lại cho người ta chứ!

- Điều mà tôi nghĩ là việc đó tùy ở nơi tôi.

- Tôi sợ là không như thế đâu.

- Ở địa vị cô khó lòng ra lệnh được lắm.

- Điều đó cũng không đúng nữa, - cô ta cười để lộ hàm răng trắng nhợt. - Tôi đến hôm nay để nói với cậu những gì tôi nghĩ. - Với một cử chỉ nhanh nhẹn, cô ta quơ đôi bàn tay về phía trước, rồi trái chúng ra như phui vật gì đi. - Nếu cậu không tỏ ra cứng rắn với con mụ phù thủy đó.

- Cô nói nghe có vẻ dọa nạt lắm.

- Nhưng tôi là người mai mối và tôi cần phải nói.

- Nếu cô đang nói về cô gái nhà Inamura, tôi rất tiếc phải từ chối đề nghị của cô.

- Coi kìa, coi kìa. Từ chối một cô gái mà cậu thích, chỉ vì cậu không thích bà mai, cậu thật nhỏ nhen. Người làm mai là cái cầu. Cứ bước lên chiếc cầu đó. Cha cậu đã hoàn toàn sung sướng khi làm việc đó.

Kikuji không giấu được sự khó chịu.

Khi Chikako đặt mình vào một cuộc tranh luận, cô ta hất đôi vai ra phía sau.

- Tôi đang nói với cậu sự thật. Tôi khác hẳn bà Ota khi còn với cha cậu, tôi ở vào một trường hợp không đáng gì. Tôi không thấy có lý do gì phải che giấu sự thật - tôi không được may mắn làm người mà anh yêu thích nhất. Ngay khi cuộc tình vừa bắt đầu, nó đã kết thúc. - Cô ta nhìn xuống, - nhưng tôi không có điều chi ân hận cả. Khi tiện, anh ấy đủ tử tế để sử dụng lại tôi về sau. Như đa số đàn ông, anh ấy nhận ta dễ dàng hơn khi dùng một người đàn bà đã quen biết. Và như thế, nhờ anh ấy tôi đã phát triển được cảm tính bình thường một cách đầy đủ và khỏe mạnh.

- Tôi biết.

- Cậu nên lợi dụng cái cảm tính bình thường mạnh khỏe của tôi.

Kikuji gần như bị cám dỗ bởi cái cảm giác an bình ở cô ta. Có một cái gì đó trong những điều cô ta vừa tiết lộ.

Cô ta rút cây quạt trong dây lưng ra.

- Khi có một người có quá nhiều nam tính hay quá nhiều nữ tính, thường thường lại không có được cái cảm tính bình thường.

-Ồ? Như vậy cảm tính bình thường hay có ở những người không thuộc giống nào cả à?

- Đừng mĩa mai vậy. Song những người không thuộc giống nào cả, như cậu gọi họ, cũng không gặp trở ngại nào trong việc tìm hiểu đàn ông và đàn bà. Cậu có nghĩ đây là một điều đáng lưu ý biết bao khi bà Ota có thể chết và để lại đứa con gái duy nhất? Dường như điều đó có thể xảy ra, cái việc cô con gái đó có một chỗ nương tựa. Nếu mẹ ấy chết, liệu Kikuji có săn sóc cô con gái cho không?

- Cô đang nói cái gì vậy.

- Tôi đã nghĩ và nghĩ, thành linh tôi đựng phải một điều nghi ngờ: mẹ Ota chết để ngăn cản cuộc hôn nhân của cậu. Mẹ ta không chỉ chết thôi đâu. Có một cái gì hơn thế nữa kia.

- Những điều cô nghĩ ra đôi khi có thể thật quái gở, - nhưng ngay cả khi chàng nói lên điều đó, chàng bị kẹt trong chính cái ý nghĩ của Chikako.

Việc đó xảy ra với chàng như một tia chớp.

- Cậu có kể với mẹ Ota về cô gái nhà Inamura, phải không?

Kikuji nhớ, song làm bộ không nghe.

- Có phải chính cô nói với bà rằng mọi sự đã dàn xếp ổn thỏa, đúng không?

- Có, tôi có nói. Tôi bảo mẹ đừng có xía vào. Ngay cái đêm mẹ chết.

Kikuji lặng thinh.

- Làm sao cậu biết là tôi gọi đây nói cho mẹ? Mẹ có đến đây khóc lóc với cậu hả?

Chikako đã giăng bẫy bắt trúng chàng.

- Lẽ dĩ nhiên là mẹ có đến. Tôi có thể đoán ra được điều có căn cứ vào cái điệu mẹ hét vào tôi qua ống nói!

- Vậy thì như thế là chính cô đã giết bà ấy, đúng thế không nào?

- Tôi ngờ là kết luận đó làm cậu dễ chịu hơn. Thôi được, tôi vẫn thường đóng vai đứa vô lại. Khi cha cậu cần một tên vô lại, ông ta thấy tôi lý tưởng. Việc tôi trở về vai trò một kẻ được yêu thích thuở nào không đúng nữa, song tôi có mặt ở đây hôm nay để đóng lại vai trò một đứa vô lại!

Kikuji biết là Chikako đang để lộ nỗi ghen tuông sâu xa độ xưa.

- Nhưng chúng tôi sẽ không bận khoăn về những gì xảy ra tại hậu trường đâu. - Cô ta nhìn xuống mũi của mình. - Tôi không bận tâm chút nào nếu cậu cứ ngồi ngậm ngùi thương tiếc mẹ đàn bà hư thân mất nết bạ cái gì

cũng xía vào đó. Rồi tôi sẽ phải cứng rắn với con gái của mẹ phù thủy đó và đưa cậu vào một cuộc hôn nhân tốt đẹp.

- Tôi cần phải yêu cầu cô không được nói nữa về cái cuộc hôn nhân tốt đẹp mà cô muốn giúp tôi.

- Lễ tự nhiên. Tôi cũng không muốn nói về bà Ota cũng như cậu không muốn nhắc tới cuộc hôn nhân của cậu. - Giọng cô ta dịu hẳn đi - Tôi không định bảo bà ấy xấu xa. Bà ta chỉ hy vọng rằng khi bà ta chết cô con gái sẽ đương nhiên đến với cậu.

- Sự vô nghĩa lại bắt đầu.

- Nhưng đó không phải là sự thật sao? Thế nên cậu nghĩ là khi mẹ ấy còn sống, mẹ không có một lần nào nghĩ đến việc gả con gái cho cậu đấy chắc? Cậu thật lơ đãng quá lắm. Thức và ngủ, nghiền ngẫm về cha cậu, gần như bị bỏ bùa, tôi thường nghĩ thế, nếu cậu muốn gọi đó là những xúc cảm thuần túy của mẹ đó thì tôi nghĩ là đúng đó. Mẹ ta bị loạn trí đến cả nửa tâm thần và mẹ toan tính để kéo cả cô con gái vào cuộc, để cuối cùng mẹ hy sinh tính mạng. Có thể mẹ ta thuần khiết, song đối với chúng ta, tất cả những cái đó nghe giống như một thứ tai ác khủng khiếp, mẹ đó đã giăng một cái lưới phù thủy trên đầu chúng ta vậy.

Đôi mắt Kikuji chiếu thẳng vào mắt Chikako.

Đôi mắt nhỏ của cô ta hướng về phía chàng.

Không thể giữ bỏ được đôi mắt đó, Kikuji quay mặt đi.

Chàng tự rút vào trong, mặc cho cô ta tiếp tục nói. Có thể trông thấy ngay từ lúc đầu cái thế của chàng đã yếu và nhận xét lạ lùng này làm chàng rùng mình.

Liệu người đàn bà đã chết kia có thật đã nghĩ đến việc gả con gái cho chàng? Kikuji không muốn nghĩ nhiều hơn về sự có thể có. Điều đó không có thật, mà chỉ là sản phẩm của một sự ghen tuông độc địa. Phát xuất từ

những nghi hoặc xấu xa, chúng bám riết vào ngực Chikako như cái bột ghê tởm.

Chàng cảm thấy vô cùng khó chịu.

Liệu chàng có không hy vọng một điều tương tự?

Tình yêu của một người có thể thực sự được chuyển từ người mẹ sang người con gái; song nếu chàng, vẫn còn đang ngập lặn trong nỗi tha thiết với người mẹ, không cảm thấy mình đang bị chuyển giao sang người con gái, liệu chàng có không thực sự bị lôi cuốn bởi chước ma thuật kia?

Và liệu toàn thể bản tính của chàng có không bị thay đổi sau khi chàng gặp bà Ota?

Chàng cảm thấy tê cóng.

Người hầu gái bước vào nhà.

- Cô Ota bảo sẽ trở lại nếu cậu không bận.

- Thế, cô đi rồi sao? - Kikuji vùng dậy.

II

- Anh thật tử tế khi gọi dây nói cho tôi sáng nay, - Fumiko ngược lên nhìn chàng, để lộ đường cong toàn diện của chiếc cổ dài trắng ngần.

Nơi hang sâu từ cổ đến ngực nàng là một vùng bóng tối hơi vàng.

Dù đó là do sự phản chiếu của ánh sáng hay đó là dấu hiệu của sự phiền muộn, nhưng chàng cảm thấy thoải mái.

- Kurimoto hiện có mặt ở đây.

Chàng có thể nói lên điều đó một cách bình thản. Chàng đã bị căng thẳng và mệt mỏi, nhưng khi vừa trông thấy Fumiko, lạ lùng thay sự căng thẳng đó biến mất.

Nàng gật đầu.

- Tôi có trông từ cái dù của cô Kurimoto.

- Ồ, cái dù kia à?

- Chiếc dù có tay cầm dài màu nâu dựa nơi cửa.

- Tôi đề nghị cô đợi ngoài lều. Cô gái già Kurimoto về bây giờ mà.

Chàng tự hỏi tại sao khi biết là Fumiko sắp đến, chàng đã không yêu cầu Chikako đi khỏi.

- Tôi không quan tâm đến cô ta trừ phi có việc gì liên hệ đến tôi.

- Vậy thì mời cô vào.

Khi được đưa vào phòng khách, Fumiko chào Chikako như thể nàng không nghi hoặc gì hết. Nàng ngỏ lời cảm ơn Chikako về những lời chia buồn.

Chikako nhún vai trái và hất đầu ra phía sau, như khi cô ta quan sát một học viên trong lớp học về trà đạo.

- Mẹ cô quả là một người dịu dàng. Tôi thường có cảm tưởng, khi gặp người nào như mẹ cô, là tôi đang ngắm những đóa hoa cuối cùng gục xuống. Thế giới này không dành cho những người dịu dàng.

- Mẹ tôi không dịu dàng đến như vậy đâu.

- Có lẽ bà cũng lo âu lắm khi phải chết và bỏ lại người con gái duy nhất ở đời.

Fumiko nhìn xuống sàn nhà.

Chiếc miệng với môi dưới trề ra mím chặt lại.

- Chắc cô cảm thấy đơn độc lắm. Tôi đề nghị cô học trà lại.

- Nhưng mà...

- Như vậy cô sẽ có cái gì để nghĩ đến.

- Nhưng tôi sợ là tôi không kham nổi những thứ xa xỉ như vậy.

- Coi kìa. - Chikako phát một cử chỉ như gạt những nhận xét trên đi, rồi xếp hai tay trên gối. - Thực ra tôi có mặt ở đây để dọn dẹp túp lều. Mưa dường như đã qua rồi. - Cô ta liếc nhìn Kikuji, - Fumiko cũng đang ở đây. Chúng ta bắt đầu chứ?

- Xin lỗi tôi không hiểu?

- Tôi nghĩ là tôi có thể được phép dùng chiếc bình Shino của cậu để tưởng niệm mẹ Fumiko.

Fumiko ngược nhìn lên.

- Và chúng ta có thể cùng trao đổi hoài niệm với nhau.

- Nhưng mà tôi sẽ chỉ muốn khóc thôi nếu tôi ra ngoài lều.

- Hãy khóc cùng với nhau. Tất cả chúng ta sẽ khóc chung. Khi nào Kikuji lấy vợ chắc tôi sẽ không còn lý do để dính líu gì với túp lều nữa. Nơi đó đầy những kỷ niệm, lẽ cố nhiên, nhưng rồi... - Chikako cười một tiếng

ngắn, rồi âu sầu trở lại. - Một khi chúng tôi thu xếp xong mọi chuyện với cô Yukiko, con gái bà Inamura, cô biết đấy.

Fumiko gật đầu. Khuôn mặt nàng không để lộ một phản ứng gì. Dù vậy, trên khuôn mặt tròn rất giống mẹ của cô thiếu nữ vẫn có một vẻ mệt mỏi.

- Cô sẽ chỉ làm cho gia đình Inamura thêm bối rối khi cứ nói mãi về những dự tính chẳng có gì là chắc chắn. - Kikuji nói.

Tôi đang nói về một cuộc đính hôn có thể có. Nhưng cậu có lý. Đó là những điều dễ lôi cuốn bọn vô lại. Cô nên coi như không nghe thấy gì hết. Fumiko nhé.

- Lẽ dĩ nhiên. - Fumiko lại gật đầu.

Chikako gọi người tớ gái vào rồi đi ra lau dọn ngoài lều.

- Hãy cẩn thận đó, - cô ta nói vọng vào từ ngoài vườn. - Lá cây còn ướt nơi bóng râm ngoài này.

- Lúc này ở đây mưa dữ quá, chắc cô cũng nghe thấy tiếng mưa rơi qua máy điện thoại.

- Anh có thể nghe tiếng mưa rơi qua máy điện thoại sao? Hồi này tôi không chú ý nghe. Thế anh có nghe tiếng mưa trong khu vườn bên tôi không?

Fumiko nhìn ra lùm cây nhỏ, từ đó hai người có thể nghe tiếng chổi quét của Chikako vọng lại.

Kikuji cũng nhìn theo mắt nàng.

- Lúc đầu tôi không nghĩ đó là tiếng mưa rơi, nhưng sau đó tôi bắt đầu thắc mắc. Quả là một cơn mưa dữ dội.

- Tôi rất sợ khi nghe tiếng sấm.

- Cô cũng nói vậy qua điện thoại.

- Tôi giống mẹ tôi ở nhiều cái, những cái chẳng có gì đáng kể. Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi thường dùng tay áo kimono của bà để che đầu cho tôi mỗi khi có tiếng sấm. Và khi bà ra khỏi nhà vào mùa hè, bà thường ngược nhìn trời và tự hỏi xem liệu trời có thể nổi sấm sét không. Ngay cả bây giờ, đôi khi, tôi muốn che phủ đầu tôi lại. - Sự then thùng dường như từ vai nàng lan đến ngực. - Tôi có đem theo cái chén Shino. - Nàng đứng dậy.

Nàng đặt chiếc chén được gói trong một vuông khăn ngay bên đầu gối Kikuji.

Tuy nhiên, Kikuji do dự và chính Fumiko tự tay mở khăn ra.

- Tôi tưởng là bác gái dùng chiếc chén Raku để uống trà thường nó chứ? Do tay Ryonyu chế tạo phải không?

- Vâng. Nhưng mẹ tôi cho là dùng chén Raku dù màu đỏ hay đen để uống trà thường, có vẻ không thích hợp. Mẹ tôi dùng cái chén này thay thế.

- Không thể thấy màu sắc in trên nền đen của chiếc chén Raku.

Kikuji ngồi lặng trước chiếc chén Shino, không nhúc nhích.

- Tôi không biết nó có phải là một tác phẩm tuyệt đẹp.

- Tôi thấy nó thật tuyệt. - Song chàng vẫn không đưa tay ra cầm chiếc chén Raku lên.

Chiếc chén y hệt như lời Fumiko mô tả. Trên nền men trắng phủ một lớp màu đỏ nhạt. Nhìn vào đó, người ta có cảm tưởng màu đỏ nhạt dường như nổi lên trên từ bề sâu thăm thẳm của nền men trắng. Vành chén hơi ngả nâu. Tại một khoảng trên vành chén, màu nâu đậm hơn. Có phải nơi đây nhiều người đã uống?

Vành chén có lẽ đã bị nhuộm bởi màu của trà và có lẽ bởi cả môi người.

Kikuji nhìn màu nâu nhạt và có cảm giác là màu nâu đó đã được quét lên bằng một lớp màu đỏ.

Nơi nào là nơi sấp môi của người mẹ còn lưu lại?

Nơi vết nứt cũng có một màu đỏ sậm.

Màu của sáp môi phai nhạt, màu của bông hồng đỏ tàn úa, màu của máu khô. Kikuji cảm thấy buồn nôn. Cảm giác buồn nôn về một sự dơ dáy và sự lôi cuốn ngoài quyền hạn đến cùng một lúc.

Trên nền men điểm lấm tấm chấm màu xanh và màu rượu nhạt, vòng quanh lưng chén là hình vẽ lá cỏ rậm rạp. Sự sạch sẽ và sắc sảo đủ làm tan biến sự tưởng tượng bệnh hoạn của chàng.

Chiếc chén có một vẻ cân đối mạnh mẽ đầy uy thế.

- Quả là một tác phẩm tuyệt diệu. - Cuối cùng Kikuji nâng chiếc chén lên trong lòng bàn tay.

- Tôi thực ra không biết gì hết, song mẹ tôi thích cái chén này.

- Nó có cái vẻ của một cái chén uống trà dành cho người phụ nữ.

Người đàn bà trong người mẹ của Fumiko lại đến với chàng, nồng nàn và tràn đầy nhựa sống.

Tại sao Fumiko đem đến cho chàng chiếc chén có vết son của mẹ nàng?

Có phải vì nàng ngây thơ, không hiểu gì cả và không cảm thấy gì cả? Kikuji không thể nào giải thích nổi.

Nhưng ở nàng có cái vẻ như không tỏ ý chống đối gì hết.

Chàng xoay xoay chiếc chén trên đầu gối. Dù vậy, chàng cũng tránh không đụng gì đến vành chén.

- Nên cất nó đi. Nếu mẹ Kurimoto mà trông thấy, chắc phiền hà lắm.

- Chính thế. - Nàng bỏ chiếc chén vào hộp rồi gói lại.

Nàng đã có ý biểu chàng chiếc chén, song nàng đã để lỡ cơ hội nói lên điều đó. Có lẽ nàng đã đi đến kết luận là chàng không thích chiếc chén đó.

Nàng đem gói đồ trở ra phòng ngoài.

Chikako trở vào nhà, đôi vai hơi nghiêng về phía trước.

- Cậu không cảm thấy phiền nếu đem chiếc bình đựng nước của bà Ota ra dùng chứ?

- Cô không thể dùng một cái bình nào khác trong số những cái bình mà tôi có, với sự có mặt của Fumiko ở đây sao?

- Tôi không hiểu. Cậu không thấy là sợ dĩ tôi muốn dùng chiếc bình đó là vì nàng có mặt ở đây à? Chúng ta sẽ có vật kỷ niệm đó với chúng ta trong khi chúng ta trao đổi với nhau kỷ niệm về mẹ nàng.

- Nhưng cô ghét bà Ota lắm mà.

- Không đúng chút nào cả. Chúng tôi chỉ không thuận ý với nhau thôi. Và làm sao cậu có thể ghét một người đã nằm xuống? Chúng tôi đã không thuận ý với nhau, tôi quả không hiểu bà ấy. Và rồi trên một vài khía cạnh nào đó tôi quá hiểu bà ấy.

- Cô luôn luôn thích thú với việc hiểu thiên hạ quá nhiều.

- Thiên hạ phải dàn xếp để không được thông cảm một cách dễ dàng như vậy.

Fumiko xuất hiện nơi hàng hiên và ngồi xuống phía trong phòng, nơi gần cửa.

Với vai trái so lại, Chikako quay lại đối diện với thiếu nữ.

- Fumiko, tôi đề nghị dùng chiếc bình Shino của mẹ cô.

- Xin cứ tự nhiên cho.

Kikuji mang chiếc bình Shino từ trong ngăn kéo ra.

Chikako bỏ chiếc quạt vào tay áo, cặp chiếc hộp dưới tay và quay trở ra lều.

- Tôi hơi xúc động khi nghe tin cô dọn nhà. - Kikuji cũng bước ra ngoài hàng hiên. - Cô bán nhà một mình cô sao?

- Vâng. Việc đó cũng đơn giản. Tôi quen với người mua nhà. Họ sống ở Oiso trong khi đó họ cần tìm một chỗ ở thường xuyên, họ làm nghề mua bán nhà. Ngôi nhà của họ rất nhỏ, vừa cho một người như tôi ở, họ bảo thế. Song tôi chẳng bao giờ có thể sống một mình, dù cái nhà có nhỏ vừa vặn với tôi đến đâu, mà nếu tôi đi làm, thuê một căn phòng để ở cho dễ dàng cho tôi hơn. Tôi quyết định ở chung với một người bạn.

- Cô đã tìm ra việc làm chưa?

- Chưa. Khi tôi thành thực với chính tôi, tôi phải nhìn nhận là chẳng có nghề gì mà tôi có đủ khả năng để làm cả. - Fumiko mỉm cười - Tôi vẫn nghĩ là tôi chỉ đến thăm anh khi nào tôi kiếm được việc làm. Tôi không thích nói chuyện với anh trong khi tôi đang trôi nổi, không nhà, không việc làm, không có gì hết.

- Chính những lúc đó cô nên nói chuyện với tôi mới phải, - Kikuji muốn nói như vậy, chàng nghĩ đến lúc Fumiko ở một mình. Đó không phải là hình ảnh cô đơn mà chàng thường thấy.

- Tôi cũng đang nghĩ đến việc bán cái nhà này đi, nhưng tôi cứ lần khần mãi, lần khần mãi. Song vì muốn bán, tôi đã không sửa lại cái mái hiên và cô có thể thấy là từ ngày tôi cho thay tất cả các chiếu trải nền nhà đến nay cũng đã khá lâu rồi.

- Anh sẽ lập gia đình tại đây, nếu tôi không lầm, - nàng nói không có vẻ tha thiết. - Lúc đó, anh sẽ sửa lại nhà.

Kikuji nhìn nàng.

- Cái chuyện của cô Kurimoto ấy à? Cô nghĩ là tôi có thể lập gia đình bây giờ sao?

- Bởi tại mẹ tôi à? Mẹ tôi đã làm anh khổ nhiều rồi. Anh nên nghĩ đến bà như một sự việc đã kết thúc từ lâu.

III

Vì đã quen với công việc, nên Chikako tốn rất ít thời giờ để thu dọn túp lều.

- Máy người thấy tôi bày chiếc bình Shino như vậy có được không? - Cô ta hỏi. Kikuji không biết gì hết.

Fumiko cũng lặng thinh. Cả hai người cùng nhìn vào chiếc bình Shino.

Trước di cốt bà Ota, chiếc bình đã đóng vai trò một cái bình cắm hoa và giờ đây nó được trở về vai trò cũ, một bình đựng nước trong một buổi trà đạo.

Một cái bình thuộc quyền sở hữu của bà Ota giờ đây được dùng bởi tay Chikako. Sau cái chết của bà Ota, nó được chuyển sang cô con gái và từ Fumiko nó đến tay Kikuji.

Quả là một cái nghiệp kỳ lạ. Song có lẽ sự kỳ lạ đối với những chiếc bình trà là cái gì đó thật tự nhiên.

Ba hay bốn trăm năm trước, trước khi chiếc bình trở thành vật sở hữu của bà Ota, nó đã từng qua tay những chủ khác với cái nghiệp dĩ lạ lùng như thế nào?

Bên cạnh chiếc ấm sắt, chiếc Shino trông đẹp như một người đàn bà, - Kikuji nói với Fumiko. - Song nó đủ mạnh mẽ để nổi bật so với chất sắt.

Màu nóng của bình rực lên một cách thâm lặng từ chiều sâu của nền men trắng.

Kikuji đã nói qua đây nói là khi chàng ngắm chiếc Shino này, chàng muốn gặp Fumiko. Dưới làn da trắng ngần của mẹ nàng, phải chăng chàng đã cảm thấy tất cả chiều sâu của bà?

Hôm nay trời ảm áp. Kikuji đẩy rộng các cửa lều. Hàng cây phong xanh rì nơi khung cửa sổ phía sau Fumiko. Bóng của lá cây, từng lớp từng lớp, tỏa trên mái tóc Fumiko.

Đầu và chiếc cổ dài của nàng phô ra trong vùng ánh sáng của khung cửa sổ; hai cánh tay ẩn dưới tay áo ngắn của chiếc áo có lẽ là lần đầu tiên nàng mặc, hai cánh tay tròn lẳn trắng ngần hơi pha màu xanh của lá. Mặc dù nàng không mập mạp, song đôi vai nàng cho thấy sự đầy đặn, sự đầy đặn nằm cả ở nơi cánh tay của nàng nữa.

Chikako nhìn chăm chú chiếc bình:

- Các người không thể đem lại sự sống cho chiếc bình nước này trừ phi các người muốn dùng nó cho các buổi trà đạo. Thật là một phí phạm lớn đối với nó khi người ta dùng nó để cắm hoa.

- Mẹ tôi cũng dùng nó để cắm hoa nữa, - Fumiko nói.

- Quả giống như một giấc mộng khi được ngồi đây với kỷ niệm của mẹ cô. Tôi chắc là bà ấy sẽ sung sướng khi nhìn thấy chiếc bình Shino như chúng ta vậy.

Liệu cô ta có đang mỉa mai?

Tuy nhiên Fumiko có vẻ như không quan tâm.

- Tôi đoán là anh Mitani định dùng nó để cắm hoa và chính tôi cũng đã quyết định bỏ trà.

- Ồ, cô không nên nói vậy. - Chikako nhìn quanh lều. - Tôi cảm thấy yên tĩnh vô cùng khi được phép ngồi ở đây. Lẽ cố nhiên là tôi đã từng có mặt ở tất cả các túp lều khác rồi. - Cô ta nhìn Kikuji. - Năm tới là năm thứ năm giỗ kỷ niệm cha cậu. Chúng ta nên có một buổi trà đạo.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Chắc thú vị lắm khi ta mời tất cả mọi hạng người sành điệu và dùng tất cả mọi đồ uống trà giả từ đầu đến cuối.

- Trong toàn bộ sưu tầm của cha cậu làm gì có đồ giả.

- Ồ? Song cô có nghĩ là như vậy thú vị lắm không? - Chàng hỏi Fumiko.
- Túp lều này luôn luôn có mùi một thứ chất độc mốc meo và một buổi trà đạo giả tạo có thể sẽ làm tan biến chất độc đó. Tôi sẽ tổ chức buổi trà đạo đó để tưởng niệm cha tôi và coi đó như một hành động giã từ trà. Cố nhiên là tôi đã hạn chế liên hệ giữa tôi với trà đạo từ lâu rồi.

- Có phải điều mà cậu đang nói liên hệ đến một mụ đàn bà ưa dính dấp vào nhiều chuyện, thường đến đây để dọn dẹp túp lều không? - Chikako hỏi trong lúc đang khuấy trà bằng một cây đũa tre.

- Có lẽ thế.

- Cậu không nên làm như vậy. Song tôi nghĩ là cậu có lý để hạn chế những liên hệ cũ khi cậu là một người cấp tiến.

Cô ta mang trà đến cho chàng như một người hầu làm theo mệnh lệnh.

- Hãy nghe những câu khôi hài của cậu ấy, Fumiko à. Cô phải tự hỏi xem liệu cái kỷ niệm của mẹ cô có đến lắm chỗ không. Tôi tưởng gần như có thể nhìn thấy khuôn mặt của mẹ cô trong chiếc bình.

Kikuji uống trà rồi đặt chén xuống, đưa mắt nhìn chiếc bình Shino.

Có lẽ Fumiko có thể nhìn thấy khuôn mặt của Chikako phản chiếu trong chiếc nắp bằng sơn mài đen.

Song Fumiko chỉ ngồi đó, vẻ lơ đãng.

Kikuji không biết là nàng đã ngầm chống đối lại Chikako hay nàng coi như cô ta không có mặt ở đây.

Việc nàng có mặt ở đây, trong túp lều với Chikako, và việc nàng không tỏ một phản ứng nào, quả là kỳ lạ.

Nàng nghe Chikako bàn về việc hôn nhân của Kikuji, với vẻ thản nhiên.

Từ lâu, vì thái độ thù nghịch đối với Fumiko và mẹ nàng, Chikako trong từng câu nói đều ngầm ý nguyên rủa.

Phải chăng sự phiền muộn của Fumiko thâm sâu quá, đến độ những lời nguyện rửa đó không đọng được đến nàng?

Phải chăng cái chết của mẹ nàng đã đưa nàng rời xa tất cả những điều nhỏ nhặt đó?

Hay phải chăng nàng đã được thừa hưởng bản chất của mẹ nàng, cái bản chất đó hiện cũng đang ở đó, trong nàng, cái bản chất trẻ thơ khiến nàng không thể phản kháng, dù cho sự thách đố đến từ chính nàng hay từ người khác?

Kikuji dường như không có vẻ gì muốn canh chừng cho nàng tránh khỏi nọc độc của Chikako.

Chàng nhận rõ sự kiện đó và tự nghĩ mình kỳ cục.

Và Chikako, hiện đang tự rót trà cũng gọi lên nơi chàng một hình ảnh kỳ cục nữa.

Cô ta lôi một cái đồng hồ đeo tay từ trong tay áo ra.

- Những chiếc đồng hồ nhỏ như vậy chẳng ích lợi gì hết khi người ta bị viễn thị. Cậu cho tôi cái đồng hồ bỏ túi của cha cậu được không?

- Cha tôi không có cái đồng hồ bỏ túi nào hết.

- Ồ, nhưng ông có thật mà. Ông ấy thường mang theo trong người. Cả khi ông ấy đến nhà Fumiko nữa, tôi chắc mà. - Chikako lơ mắt nhìn vào mặt đồng hồ của mình.

Fumiko nhìn xuống sàn nhà.

- Hai giờ mười, đúng không? Hai kim chụm lại nơi một chấm lớn. - Động tác của cô ta trở nên nhanh nhẩu và bận rộn. - Cô Inamura có lòng tốt tổ chức một nhóm trau dồi môn trà đạo và họ thực tập ba người một với nhau. Tôi nghĩ là tôi nên ghé qua đây xem cậu tính trả lời sao trước khi tôi đi tới đẳng đó.

- Hãy nói với cô một cách thật rõ ràng là tôi từ chối.

- Được rồi. Ta sẽ nói với cô một cách thật rõ ràng. - Chikako cười lớn. - Tôi phải đưa nhóm đó đến túp lều này thực tập một ngày nào đó mới được.

- Có lẽ chúng ta có thể bảo cô Inamura mua lại cái nhà này. Bề nào tôi cũng sẽ bán nó.

Chikako không để ý đến câu nói, quay sang Fumiko:

- Fumiko, tôi đề nghị chúng ta cùng đi chung ít ra một quãng đường.

- Vâng. Tôi thu dọn đồ lại chỉ trong một phút thôi.

- Để tôi giúp.

- Cô giúp tôi nhé?

Song Chikako đi mau vào trong nhà, không đợi nàng.

Có tiếng nước chảy.

- Cô còn thời giờ mà, - Kikuji nói nhỏ. - Đừng ra về với cô ta.

Fumiko lắc đầu:

- Tôi sợ.

- Không có gì phải sợ cả.

- Tôi đề nghị cô đi với cô ta một quãng đường, rồi trở lại đây sau khi chia tay với cô ta.

Nhưng Fumiko lại lắc đầu. Nàng vuốt lại nếp áo phía sau bị nhăn vì quỳ gối.

Kikuji vẫn quỳ gối trên sàn, định đưa tay ra.

Chàng nghĩ là nàng sắp ngã. Nàng thẹn đỏ cả mặt.

Nàng đã hơi đỏ mặt khi nghe nói về chiếc đồng hồ bỏ túi và bây giờ tất cả sự xấu hổ như bùng dậy.

Nàng cầm chiếc bình Shino đi vào phía trong.

- Cô đem chiếc Shino của mẹ cô vào phải không? - Tiếng khàn khàn của Chikako vọng ra.

NGÔI SAO KÉP

I

Kurimoto Chikako ghé thăm để cho Kikuji biết là Fumiko và cô con gái nhà Inamura, cả hai đã lấy chồng.

Vào mùa hè, đồng hồ được vặn mau lên một giờ, nên trời vẫn còn sáng, dù lúc kim đồng hồ đã chỉ tám giờ ba mươi. Kikuji nằm ngoài hàng hiên sau bữa cơm tối, mắt nhìn những con đom đóm bị giam trong lồng mà người hầu gái đã mua về. Ánh sáng trắng của chúng có màu vàng nhạt khi tỏa ra trong bóng tối. Dù vậy, chàng vẫn không đứng dậy vặn đèn lên.

Chàng đã trải qua mấy ngày nghỉ tại biệt thự của một người bạn trên bờ hồ Nojiri và vừa trở về trưa hôm nay.

Người bạn đã có vợ và một con nhỏ. Vì không hiểu nhiều về trẻ con, nên Kikuji không biết đứa bé đó lớn con hay nhỏ con so với tuổi nó, hoặc đứa bé đó thực ra được bao nhiêu tháng rồi.

- Cháu lớn con quá nhỉ, - cuối cùng chàng nói.

- Không hẳn vậy đâu, - người vợ đáp. - Đạo mới sinh, cháu nhỏ lắm. Bây giờ, cháu đang bắt đầu lớn, cố nhiên.

Kikuji đưa bàn tay ngang qua mặt đứa bé.

- Nó không chớp mắt.

- Cháu có thể nhìn thấy, nhưng chỉ chớp mắt một lát sau đó.

Chàng nghĩ có lẽ đứa bé được sáu tháng, nhưng sự thực nó mới vừa được một trăm ngày. Chàng hiểu tại sao tóc người vợ trẻ có vẻ thưa, tại sao nước da nàng xanh xao - nàng vẫn còn ở trong thời kỳ dưỡng sức sau khi sinh.

Cuộc sống của cặp vợ chồng tập trung nơi đứa trẻ. Họ dường như chỉ có thời giờ dành cho đứa bé, Kikuji hơi cảm thấy lạc lõng.

Nhưng trên chuyến tàu hỏa trở về nhà, hình dáng gầy ốm mòn mỏi và yếu đuối của người vợ, ôm đứa con một cách lơ đãng trong tay - một người

đàn bà trẻ thâm lặng và phục tùng, trông là biết, - đeo đuổi chàng không rời một phút. Người bạn chàng sống với gia đình anh ta và có lẽ người vợ sống một mình với chồng tại ngôi biệt thự bên hồ sau khi sinh đứa con đầu lòng, cảm thấy sự an bình khi được phép nghỉ ngơi thoải mái trong đó.

Bây giờ đây, nằm bên hiên nhà, Kikuji nhớ đến người vợ của bạn với một mối cảm tình xót xa gần như tôn kính.

Chikako đến gặp chàng. Qua hàng hiên, cô ta bước thẳng vào căn phòng:

- Gì mà tối dữ vậy?

Quay ra, cô ta đến quỳ nơi hàng hiên, ngay bên chân Kikuji.

- Sống độc thân cực lắm. Cậu phải nằm trong bóng tối và không có ai vặn đèn sáng lên giúp cậu hết.

Kikuji co chân lên. Chàng nằm nán lại một lúc, rồi mới miễn cưỡng ngồi dậy.

- Cậu cứ tự nhiên. Cứ nằm yên đó.

Cô ta giơ tay phải ra như bảo chàng nằm xuống, rồi cúi đầu chào chàng. Cô ta vừa đi Kyoto, trên đường về có ghé qua Hakone. Ở Kyoto, tại nhà của thầy dạy môn trà đạo của cô ta, cô ta đã gặp một người tên Oizumi, một tay buôn bán dụng cụ uống trà.

- Chúng tôi nói chuyện nhiều về cha cậu. Quả là một cuộc nói chuyện thú vị lâu lắm rồi tôi mới có được. Oizumi nói là hẳn có thể chỉ cho tôi cái quán mà cha cậu thường dùng cho những cuộc gặp gỡ bí mật, rồi chúng tôi đến một cái quán nhỏ ở đường Kiyamachi. Tôi nhắc là cha cậu đã đến ở đó với bà Ota. Và cái mà Oizumi làm không gì khác hơn đề nghị tôi ở lại đó ư? Hẳn ta không nhạy cảm như vậy đâu. Với hai người đã chết là cha cậu và bà Ota, ngay cả một người như tôi đây cũng cảm thấy hơi lạ khi ở lại đêm tại đó.

Kikuji lặng thinh. Chikako gần như quên bầy tỏ sự nhạy cảm riêng của mình, chàng nghĩ - Cậu vừa đi nghỉ ở hồ Nojiri về đây à? - Cô ta đã biết

câu trả lời.

Cái lỗi của cô ta là quan sát người tớ gái lúc cô ta vừa mới đến và vào thẳng trong nhà không cần báo trước.

- Tôi mới về được ít phút, - Kikuji trả lời với vẻ bức dọc.

- Còn tôi về đây đã được mấy ngày. - Câu trả lời của Chikako cũng cộc lốc. Bất chợt, cô ta nhún vai trái. - Và khi vừa về tới, tôi khám phá ra có một điều không may cũng vừa xảy ra. Tôi bị xúc động. Một điều thật khủng khiếp, tôi không biết phải ăn nói với cậu ra sao.

Cô ta bảo chàng là cô gái nhà Inamura đã đi lấy chồng.

Trong bóng tối, Kikuji không cần phải giấu giếm sự ngạc nhiên của mình.

Chàng hỏi một cách lạnh nhạt:

- Ồ? Hồi nào thế?

- Coi cậu nói kìa, như thế chuyện đó chẳng liên hệ gì đến cậu cả.

- Thì tôi đã nói với cô hơn một lần là tôi từ chối rồi mà.

- Ít ra ngoài mặt thì cậu làm thế. Cậu muốn làm ra vẻ như thế. Cậu không thấy thú vị, cậu muốn làm ra vẻ như thế vì một mục đàn bà lắm chuyện cứ đến nói ra nói vào, thúc đẩy và thúc đẩy. Quả là bức dọc. Dầu sao, phần cô gái đã xong, êm thấm cả.

- Cô đang nói cái gì vậy? - Kikuji cười chua chát.

- Tôi tưởng là cậu thích cô gái đó lắm.

- Quả có thể, cô ta rất dễ thương.

- Tôi biết hết.

- Sự thật là khi tôi nghĩ cô đẹp, điều đó không có nghĩa là tôi muốn cưới cô ta.

Tuy thế chàng cảm thấy tim nhói đau và với một niềm khao khát dữ dội, chàng cố gắng vẽ lại trong trí khuôn mặt người thiếu nữ.

Chàng chỉ gặp mặt nàng có hai lần.

Để nhấn mạnh vào vai trò của nàng, Chikako đã để nàng sửa soạn trà trong buổi trà đạo ở đền Engakuji. Cung cách của nàng hôm ấy thật giản dị và lịch sự, ấn tượng đó sẽ còn mãi linh động - đôi bờ vai và cánh tay áo kimono dài, cả mái tóc nữa, tất cả như lung linh trong ánh sáng xuyên qua từ khung cửa căng giây. Bóng lá cây hắt lên nền giấy, chiếc khăn bàn màu đỏ sáng, chiếc khăn choàng màu hồng bằng nhiều nàng mang dưới tay khi nàng rảo bước qua sân đền về phía túp lều dùng cho các buổi trà đạo, chiếc khăn choàng với ngàn cánh hạc trắng - tất cả những hình ảnh đó trôi dạt vào tâm trí chàng với một vẻ trong sáng.

Lần thứ hai, nàng đã đến đây và chính Chikako pha trà. Đến ngày hôm sau, chàng đã cảm thấy hương thơm của nàng như còn vương vất đâu đây, và ngay cả bây giờ chàng cũng có thể hình dung ra dải lưng với những đóa ngũ sắc xứ Siberie song khuôn mặt của nàng vượt khỏi trí nhớ chàng.

Chàng không thể hình dung ra cả khuôn mặt của cha mẹ chàng, những người đã khuất ba bốn năm về trước. Mỗi lần muốn nhớ ra khuôn mặt của cha mẹ, chàng phải nhìn lại hình chụp của hai người. Có lẽ mỗi ngày người ta gặp một trở ngại hơn trong việc vẽ lại trong trí hình ảnh của những người thân đã từng sống gần gũi với mình. Có lẽ, người ta sẽ gọi lại hoài niệm một cách dễ dàng và đầy đủ hơn, khi những người đó xấu xí.

Đôi mắt và hai gò má của Yukiko thuộc loại hoài niệm trừu tượng, như ấn tượng về ánh sáng; còn hoài niệm về cái bớt trên ngực Chikako lại trừu tượng như một con cóc.

Dù bóng tối bây giờ đã tràn ngập nơi hàng hiên, Kikuji cũng có thể nhận ra là Chikako mặc một chiếc áo lót bằng nhiều trắng bên dưới chiếc áo kimono. Dù cho bây giờ có đang là ban ngày, chàng cũng không thể nào

nhìn thấy cái bốt của Chikako qua lớp áo kimono, song cái bốt vẫn hiện diện ở đó, ngay trước mắt chàng, dù trong bóng tối.

- Theo tôi, phần lớn đàn ông không đời nào chịu để một cô gái mà họ cho là duyên dáng đến thế bỏ đi như vậy. Dù thế nào đi nữa, trên đời này chỉ có một cô Yukiko thôi. Cậu không có cách gì tìm lại một cô Yukiko thứ hai nữa, dù cho cậu có sống cả một đời để chỉ tìm ra cho bằng được cô ta. Đó là một điều giản dị nhất trên đời mà cậu không chịu hiểu cho. Thái độ của Chikako có vẻ trách mắng một cách công khai. - Cậu thật thiếu từng trải và lại tự nuông chiều mình quá lắm. Thôi, việc xảy ra đã thay đổi đời cô ta và cả đời cậu nữa. Cô ta là một người rất ham hiểu biết. Thật ra chúng ta không thể nói là cậu phải chịu trách nhiệm nếu cuộc hôn nhân của cô ấy không có hạnh phúc, phải không?

Kikuji lặng thinh.

- Tôi nghĩ là cậu có cảm tình với cô ta chứ. Cậu có nghĩ là cậu quan tâm đến việc độ vài năm sau, một người con gái như cô ta sẽ nghĩ đến cậu, và thậm nhủ nếu cô ta kết hôn với cậu thì hẳn là tốt đẹp hơn biết bao?

Trong giọng nói của Chikako có tấm thuốc độc.

Song nếu quả cô gái đã kết hôn rồi theo như lời nói của Chikako, những điều mà Chikako cho là cần thiết kia có nghĩa lý gì nữa đâu?

- Đom đóm đấy à? Vào mùa này à? - Cô ta nghiêng đầu về phía trước. - Bây giờ gần sang thu rồi, vẫn còn loài đom đóm, phải không? Trông như những bóng ma.

- Người tớ gái mua được đây.

- Đó là những loại công việc mà bọn tớ gái thường làm. Nếu cậu đang học về môn trà đạo, bây giờ cậu sẽ không thể chấp nhận một chuyện như vậy. Có thể cậu không rõ điều đó, song ở Nhật, chúng ta có một ý thức rất rõ rệt về thời tiết.

Quả có một vẻ gì ma quái xung quanh sự hiện diện của mấy con đom đóm. Kikuji nhớ là côn trùng đã bắt đầu kêu vo vo trên bờ hồ Nojiri. Loài đom đóm thật lạ, còn sống cho đến tận bây giờ.

- Nếu cậu có một cô vợ, nàng sẽ không để cho cậu phải phiền lòng vì những con vật cuối mùa như thế này. - Giọng nói của cô ta đột nhiên trở nên dịu dàng và thân mật. - Tôi nghĩ đến việc thu xếp cho cậu một cuộc hôn nhân, chẳng qua là để trả ơn cha cậu.

- Trả ơn?

- Chính thế. Và cái gì khác sẽ xảy ra trong khi cậu nằm trong bóng tối nhìn chăm chú loài đom đóm kia? Cô gái nhà Ota cũng đã lấy chồng rồi.

- Hồi nào vậy? - Kikuji tỏ vẻ ngạc nhiên hơn.

Chàng làm ra vẻ bình tĩnh một cách lạ lùng, song trong giọng nói của chàng lại nhuộm tính chất của một kẻ bại trận.

- Khi từ Kyoto về, nghe tin đó, tôi cũng bị xúc động như cậu vậy.

Cả hai cùng bỏ đi lấy chồng, như thế là có một dự tính chung từ trước vậy - những người trẻ tuổi dường như không có vẻ quan tâm lắm thì phải? Khi hay tin đó, tôi cảm thấy cô Fumiko quả đã có lòng tốt rút lui, nhưng cô gái nhà Inamura cũng đã lấy chồng rồi, làm sao được? Và cái lỗi cô ta lập gia đình! Nhẽ ra cô cứ tát thẳng vào mặt tôi còn hơn. Tất cả, chung quy cũng chỉ tại tính bất định của cậu.

Kikuji bối rối khi phải tin là Fumiko đã lấy chồng.

- Cuối cùng liệu bà Ota có thành công trong việc phá đám cuộc hôn nhân của cậu, dù cho bà ta có phải chết đi để thực hiện cái điều đó? Song có lẽ vì Fumiko đã lấy chồng rồi mà mụ phù thủy đó còn đeo đuổi theo chúng ta. - Chikako nhìn ra ngoài vườn. - Giả thử bây giờ cậu an bài cuộc sống của cậu đi, để cho cây cối trong vườn có dịp nảy nở tốt tươi. Ngay cả trong bóng tối tôi cũng có thể nhìn từ vườn cây của cậu đã bị bỏ bê như thế nào. Tôi chưa hề từ một cái vườn nào buồn thảm như vậy.

Cha chàng nằm xuống cách đây đã bốn năm, và từ ngày đó, chàng chưa hề mướn một người làm vườn nào. Quả thật chàng đã để cây cối mọc bừa bãi. Mùi ẩm ướt từ ngoài vườn đưa vào, mang theo hơi nóng ban ngày.

- Tôi chắc là chị người làm chẳng hề tưới vườn lấy một lần. Ít ra cậu cũng phải lưu ý đến việc này mới phải.

- Tôi không cho đó là công việc của cô.

Song mặc dù chàng cau có một cách khó chịu ở mỗi nhận xét của Chikako, chàng vẫn để cho cô ta nói tiếp. Lần nào gặp cô ta cũng vậy hết.

Ngay cả khi cô ta làm chàng bức mình, cô ta cũng tìm cách để làm cho mình được hài lòng và dò xét phản ứng chàng. Chàng đã quen với cái thói đó. Chàng tỏ vẻ khó chịu một cách công khai và đề phòng. Chikako biết tất cả những điều đó, nhưng phần lớn lại làm ra vẻ không hay biết gì. Thỉnh thoảng cô ta để lộ cho chàng thấy là cô ta cũng hiểu biết chứ chẳng phải ngu si gì.

Ngay cả khi cô ta làm phiền chàng, ít khi cô ta nói ra những điều làm chàng phải sửng sốt vì tính chất vô lý của chúng. Mọi việc xảy ra tự nhiên dẫn dắt đến sự ghê tởm đã trở thành một phần của bản chất Kikuji.

Tối hôm nay, cô ta dò xét xem chàng phản ứng ra sao đối với những tin cô ta mang lại cho chàng. Chàng tỏ thái độ đề phòng - cái gì có thể là lý lẽ của cô ta? Cô ta đã tìm cách để tạo cơ hội cho chàng và Yukiko kết hôn với nhau và để xua đuổi Fumiko đi chỗ khác, và mặc dù ở địa vị của mình, cô ta khó có thể tự hỏi hiện giờ chàng nghĩ gì, cô ta vẫn tiếp tục đào sâu thêm vào những bóng tối.

Chàng nghĩ đến việc bật đèn trong phòng và ngoài hàng hiên.

Kể cũng đáng lạ khi chàng ngồi trong bóng tối với Chikako. Họ có vẻ khó thân mật được với nhau. Cô ta đưa ra những lời khuyên nhủ về việc chăm vườn và chàng bác bỏ lời khuyên răn đó như cô ta đã bác bỏ những ý

kiến của chàng. Dầu vậy, dường như cái việc đứng dậy bật đèn sáng là một điều phiến toái.

Về phần Chikako, mặc dù cô đã đề cập đến vẻ tối tăm của căn phòng khi cô ta vừa bước chân vào, cũng không hề tỏ ý sẽ làm một cử chỉ gì khác như đi tới chỗ vặn hết đèn lên. Đó là thói quen của cô ta và đó cũng thực sự là một nghệ thuật của cô ta, để luôn là một người hữu ích; nhưng Kikuji có thể nhận ra sự hăng hái trong việc hầu hạ chàng của cô ta đã nhạt phai. Cũng có lẽ, cô ta thường có thái độ kẻ cả của một bà thầy dạy môn trà đạo.

- Tôi vừa đọc qua bức thư của ông Oizumi ở Kyoto gửi tới, - cô ta nói với vẻ hờ hững, - song nếu có bao giờ cậu có ý định bán bộ đồ trà do cha cậu sưu tầm được, ông ta sung sướng được tiếp tay với cậu để dàn xếp vụ đó. Nếu cậu có ý định thu xếp mọi chuyện để bắt đầu một cuộc đời mới, vì bây giờ Yukiko đã lấy chồng, tôi không tin là cậu còn cảm thấy hứng thú gì nữa trong việc uống trà. Tôi hơi buồn khi phải từ bỏ công việc vẫn làm khi cha cậu còn sống, song tôi nghĩ là túp lều dùng để uống trà chỉ có được cái phong độ của nó khi có bàn tay của tôi nhúng vào.

Kikuji nhìn thấy tất cả mọi sự.

Mục tiêu của cô ta quả là rõ ràng. Thất bại trong việc thu xếp một cuộc hôn nhân giữa chàng và Yukiko, cố nhiên cô ta không còn lý do gì để đi lại gặp gỡ Kikuji và để giã từ chàng, cô ta đã tạo ra sự hợp tác với lão Oizumi để chiếm bộ đồ trà do cha chàng sưu tầm được. Cô ta đã bàn tính kỹ lưỡng về vụ này khi ghé Kyoto.

Kikuji cảm thấy nhẹ nhõm hơn là giận dữ.

- Tôi cũng đang nghĩ đến việc bán nhà nữa. Tôi sẽ tin cho cô hay về vụ đó vào một ngày gần đây.

- Chúng ta có thể cảm thấy an tâm với người thường ra vào ngôi nhà này từ thuở cha cậu còn sống.

Kikuji ngờ là cô ta biết rõ bộ sưu tập của cha chàng hơn cả chính chàng nữa. Có thể cô ta đã tính toán xong xuôi về giá cả món đồ.

Chàng nhìn ra ngoài, về phía ngôi lều. Trước mặt ngôi lều, một cây trúc đào lớn nặng trĩu những bông, dáng trắng toát mơ hồ.

Phần không gian còn lại, đêm tối quá dày đặc, đến nỗi chàng khó lòng mà phân biệt được đường vạch giữa cây cối và bầu trời.

II

Một buổi chiều, khi sắp rời khỏi sở, Kikuji bị tiếng chuông điện thoại gọi giật lại.

- Fumiko đây. - Chàng nghe một giọng nói thật nhỏ.

- Alô?

- Fumiko đây mà.

- Ô phải, tôi nhận ra cô rồi.

- Lẽ ra tôi phải đến gặp anh, song tôi cần phải xin lỗi anh về một điều. Nếu tôi không gọi đây nói cho anh, e trễ mất!

- Xin lỗi, tôi không hiểu cô định nói gì?

- Tôi có gửi cho anh một lá thư hôm qua và dường như tôi đã quên dán tem vào phong bì.

- Thế à? Lá thư đó chưa đến tay tôi.

Tôi mua mười con tem khi tôi gửi lá thư đó, nhưng khi về nhà tôi khám ra là mình vẫn còn mười con tem. Có lẽ lúc đó tôi đang mải nghĩ điều gì đó. Tôi muốn xin lỗi anh trước khi anh nhận được lá thư đó.

- Chỉ có vậy thôi sao? Thực ra cô chẳng nên bận tâm về điều đó làm gì. - Kikuji thăm hỏi có phải đó là lá thư nàng viết cho chàng để báo cho chàng hay về cuộc hôn nhân của nàng. - Có phải thiệp báo hỉ không?

- Xin lỗi anh? Chúng mình chỉ nói chuyện với nhau qua dây nói, còn đó là lần đầu tiên tôi viết cho anh. Có lẽ tôi quên dán tem vì lúc đó tôi đang tự hỏi có nên gửi thư đó cho anh hay không?

- Cô đang gọi đây nói cho tôi từ đâu đấy?

- Tại một trạm điện thoại công cộng. Trạm Đông Kinh Trung ương. Có người đang đợi đến phiên mình để vào dùng điện thoại.

- Trạm điện thoại công cộng à? - Kikuji không hoàn toàn cảm thấy hài lòng. - Xin chúc mừng cô.

- Hả? Cám ơn anh. Cuối cùng tôi đã làm cái điều đó - nhưng làm sao mà anh biết mới được chứ?

- Kurimoto cho tôi hay.

- Cô Kurimoto ấy à? Làm sao cô ta có thể biết được? Con người gì mà quái gở thật thôi.

- Tôi không nghĩ là cô còn gặp lại Kurimoto nữa. Lần cuối cùng - cô còn nhớ? - Lần tôi nghe thấy tiếng mưa rơi qua ống điện thoại!

- Như lời anh đã nói. Tôi vừa mới dọn nhà và tôi tự hỏi có nên tin cho anh hay. Lần này cũng y hệt lần trước.

- Lẽ ra cô phải nói cho tôi biết mới phải. Từ lúc nghe Kurimoto nói lại, tôi tự hỏi không biết có nên chúc mừng cô.

- Vì tôi vừa mới biến mất ư? Kể cũng hơi buồn, phải không? Một người biến mất. - Giọng nàng kéo dài lết thết, giống y như giọng mẹ nàng.

Kikuji lặng thinh.

- Song tôi cần phải làm như vậy. - Nàng ngưng một lát. - Đó là một căn phòng nhỏ dơ dáy. Tôi thuê được nó khi tôi kiếm được việc làm.

- Xin lỗi cô?

- Kể ra cũng chẳng dễ dàng gì, khi phải bắt đầu làm việc vào cái thời kỳ nóng nhất trong năm.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Và nhất là lại vừa mới lập gia đình xong nữa.

- Lập gia đình? Anh vừa nói lập gia đình à?

- Xin có lời chúc mừng cô.

- Tôi? Lập gia đình?

- Cô đã lấy chồng, phải không?
- Tôi à?
- Thế không phải là cô đã lấy chồng hay sao?
- Không, không phải đâu! Có thể nào tôi lại lấy chồng được? Khi bà mẹ tôi vừa mới mất xong.
- Tôi hiểu...
- Cô Kurimoto nói là tôi đã lấy chồng rồi à?
- Vâng, chính cô ấy nói vậy.
- Tại sao? Tại sao cô ta lại nói như thế mới được chứ? Và anh có tin ở lời nói của cô không? - Câu hỏi của nàng dường như nửa đùa nửa thật để tự hỏi chính mình.
- Nói chuyện này qua đây nói bất tiện quá. - Kikuji nói với vẻ quyết định. - Tôi không thể gặp cô được sao?
- Được chứ.
- Tôi sẽ tới trạm Đông Kinh Trung ương. Cô đợi tôi ở đấy nhé.
- Nhưng mà...
- Hay là cô muốn tôi đến gặp cô ở một nơi nào khác chẳng?
- Tôi không thích gặp ai ở chỗ lạ hết. Tôi sẽ đến thẳng đằng anh.
- Mình về cùng với nhau được không?
- Điều đó lại có nghĩa là gặp nhau ở một chỗ nào rồi.
- Thế tôi không thể đến đấy được ư?
- Không. Tôi sẽ đến đằng nhà anh một mình tôi.
- Ồ? Thôi được, tôi về bây giờ đây. Nếu cô đến trước tôi, cứ tự nhiên vào nhà nhé.

Đi xe lửa từ trạm Trung ương, nàng sẽ về đến nhà trước chàng. Dầu vậy, chàng vẫn tự hỏi liệu họ có cùng đi một chuyến tàu không. Chàng để ý tìm nàng trong đám đông.

Quả nàng về đến nhà trước chàng.

Nàng đang đợi chàng ở ngoài vườn, người tớ gái nói vậy. Kikuji đi vòng quanh nhà và thấy nàng ngồi trên một tảng đá dưới bóng cây trúc đào trắng.

Sau ngày Chikako ghé thăm được vài hôm, người tớ gái đã cẩn thận tưới nước cho những bụi cây nhỏ trước khi Kikuji đi làm về.

Mụ ta dùng một cái thùng tưới nước cũ kỹ trong vườn. Tay áo của Fumiko dường như bị nước đọng ở tảng đá làm ướt.

Khi một cây trúc đào nở hoa, màu đỏ của hoa đối chọi với màu xanh của lá trông giống như ánh nắng chói chang của trời mùa hạ; nhưng khi hoa trúc đào nở trắng, sự hòa hợp giữa hai màu trắng xanh tạo nên một cảm giác lạnh lẽo mãnh liệt. Những cụm hoa trắng đông đưa, vây bọc lấy Fumiko. Nàng mặc một chiếc áo bằng vải bông màu trắng có viền nơi túi và chiếc cổ bẻ có buộc vải màu xanh dương.

Tia nắng mặt trời phía Tây xuyên qua cây trúc đào tỏa xuống người Kikuji.

- Tôi sung sướng khi được gặp lại cô. - Có một nỗi nhớ nhung nào đó trong giọng nói của chàng khi chàng tiến lại phía nàng.

Nàng có vẻ như định nói điều gì.

- Qua đây nói vài phút trước đây. . . - Người nàng như rúm lại khi nàng đứng dậy. Có lẽ nàng cảm thấy rằng, trừ khi nàng cắt ngang lời chàng, có thể chàng sẽ nắm lấy bàn tay nàng.

- Anh đã nói vậy, tôi đến đây để phủ nhận điều đó.

- Rằng cô chưa lập gia đình? Tôi rất ngạc nhiên.

- Ngạc nhiên vì tôi đã hay chưa lập gia đình? - Nàng nhìn xuống mặt đất.

- Cả hai. Khi tôi nghe tin cô lấy chồng và cả khi nghe tin cô chưa lấy chồng.

- Cả hai lần à?

- Không nên nói như vậy sao? - Kikuji tiếp tục bước trên những phiến đá. - Tôi đề nghị mình vào nhà ngồi. Lẽ ra cô nên đợi ở trong nhà mới phải.

Chàng ngồi xuống nơi hàng hiên.

- Tôi vừa mới đi du lịch về và nằm nghỉ ở đây và rồi Kurimoto tới chơi. Lúc bấy giờ trời đã tối.

Người tớ gái mời Kikuji vào nhà, có lẽ là để xác định về những dặn dò của chàng về buổi cơm chiều mà chàng đã gọi đây nói từ sở về nhà cho mẹ hay. Nhân tiện, chàng thay áo và khoác lên mình chiếc kimono màu trắng.

Dường như Fumiko vừa đánh phấn lại. Nàng chờ cho chàng ngồi lại chỗ cũ.

- Thực ra cô Kurimoto đã nói ra sao?

- Thì cô ta nói cô đã lấy chồng.

- Thế anh có tin là thực không?

- Đó là một lời nói dối mà tôi khó có thể tin được là có người lại nói được như vậy.

- Anh không nghi ngờ gì hết sao? - Đôi mắt màu xám rơm rớm nước. - Có thể nào tôi lấy chồng trong lúc này không? Anh có nghĩ là tôi có thể làm như vậy không? Mẹ tôi và tôi đã từng chịu đau khổ với nhau và với nỗi đau khổ còn đó. Nàng nói như thể mẹ nàng vẫn còn sống. - Mẹ tôi và tôi, cả hai đều quá tin tưởng ở mọi người và chúng tôi mong sẽ được thông cảm. Liệu điều đó có thể được không? Có phải chúng ta đang tìm kiếm sự phản chiếu tâm tình của chúng ta trong chính con tim mình? - Giọng nàng thấm đầy nước mắt.

Kikuji im lặng một lát.

- Cách đây không lâu tôi đã nói cùng một điều tương tự. Tôi đã hỏi cô liệu cô có nghĩ là tôi có thể lập gia đình được sao. Cái hôm xảy ra trận bão thì phải?

- Ngày có tiếng sấm nổ rền trời à?

- Bây giờ cô lại nói câu đó với tôi.

- Nhưng hai trường hợp khác hẳn.

- Cô nói nhiều lần là tôi có thể sẽ lập gia đình.

- Nhưng trường hợp của anh khác hẳn. - Nàng nhìn chàng với đôi mắt đắm lệ. - Anh khác tôi.

- Khác làm sao?

- Địa vị của anh, chỗ đứng của anh.

- Địa vị tôi?

- Địa vị anh khác hẳn. Tôi có thể dùng chữ địa vị? Tôi có ý muốn nói đến cái mức độ của bóng tối.

- Tóm lại, cô muốn nói đến tội lỗi phải không? Tội của tôi nặng hơn.

- Không đâu. - Nàng lắc đầu quây quây, một giọt nước mắt văng ra vẽ một đường lạ từ khóe mắt bên trái đến tận mang tai nàng. - Tội lỗi là do mẹ tôi và người đã chết, nếu chúng ta bị bắt buộc phải đề cập đến vấn đề tội lỗi. Nhưng tôi không tin đó lại là tội lỗi. Đó chỉ là sự phiền muộn.

Kikuji ngồi, đầu cúi xuống.

- Nếu đó là tội lỗi, - nàng tiếp tục, - tội lỗi sẽ chẳng bao giờ phai nhòa. Nhưng sự phiền muộn có thể nhạt phai.

- Khi cô đề cập đến bóng tối, cô có thấy là cô đã làm cho cái chết của mẹ cô trở nên tối tăm hơn cô tưởng không?

- Anh nên nói là mức độ của sự phiền muộn thì đúng hơn.

- Vâng, thì mức độ của sự phiền muộn. - “Là mức độ của tình yêu”, - chàng định nói thêm, nhưng chàng tự kìm hãm được.

- Và còn vấn đề giữa anh và Yukiko nữa. Điều đó làm anh khác hẳn với tôi. - Nàng nói như thể nàng có ý đem câu chuyện trở về thực tại. - Cô Kurimoto nghĩ là mẹ tôi cố gắng xen vào câu chuyện giữa anh và nàng và cô ta nghĩ là tôi cũng đứng chung một phía với mẹ tôi. Và thế cô ấy nói là tôi đã lấy chồng. Tôi không thể nào nghĩ đến một cách giải thích nào khác nữa.

- Nhưng cô ta bảo là cô gái nhà Inamura cũng đã lấy chồng rồi.

Khuôn mặt nàng dường như méo hằn đi trong một lát. Rồi nàng lắc đầu quây quây. - Nói dối, nói dối. Đó cũng lại là một câu nói dối nữa, mà hồi nào vậy?

- Cô ấy lấy chồng hồi nào à? Chắc cũng mới đây thôi!

- Chắc chắn đó là một lời nói dối.

- Khi tôi hay tin hai người lấy chồng, tôi nghĩ có lẽ thật như vậy, - chàng nói, giọng nhỏ. - Nhưng đối với cô gái kia thì có thể thật lắm.

- Nói láo. Không ai lại lấy chồng vào mùa nóng như thế này cả. Trong tấm áo kimono mùa hạ, mồ hôi chảy ra như suối - anh có thể tưởng tượng nổi không?

- Thế chẳng bao giờ có đám cưới trong mùa hạ cả sao?

- Chỉ thỉnh thoảng thôi. Người ta thường dời ngày cưới lại mùa thu, hay là... - Vì một lý do nào đó, nước mắt nàng lại ứa ra và nhỏ xuống đầu gối. Nàng nhìn vào vệt nước mắt in trên vải áo - Nhưng tại sao cô Kurimoto lại có thể nói những điều dối trá như vậy chứ?

- Cô ta đã lừa tôi vào tròng một cách thông minh, phải không? - Kikuji dẫn đo một lúc.

Nhưng cái gì đã làm nàng khóc như vậy?

Hiển nhiên là ít ra, lời tường thuật của Chikako về Fumiko quả là một lời nói láo.

Có phải Chikako đã nói là Fumiko đã lấy chồng để loại trừ nàng đi, và thực sự có phải cô gái nhà Inamura đã lấy chồng? Chàng cân nhắc sự có thể đó.

Dầu vậy, có một cái gì đó chàng không thể chấp nhận được. Đến phiên chàng bắt đầu cũng cảm thấy là cô ta đã nói dối.

- Khi nào chúng ta còn chưa biết đó là một lời nói dối hay đó là sự thật, chúng ta không biết được trò đùa của Kurimoto còn kéo dài đến đâu.

- Trò đùa?

- Chúng ta cứ tạm gọi như vậy đi.

- Song nếu tôi không gọi đây nói cho anh hôm nay, chắc chắn tôi đã bị coi như là đã có chồng. Quả là một trò đùa tuyệt vời.

Người tớ gái lại gọi Kikuji nữa.

Chàng trở về với một lá thư trên tay.

- Lá thư của cô, không tem. - Chàng nhẹ nhàng lật lá thư trên tay.

- Đừng, đừng. Anh đừng nên mở ra xem. - Nàng vẫn tiếp tục vừa quỳ gối vừa lết vội về phía chàng, cố lấy lại cho bằng được bức thư.

- Xin anh trả lại thư đó cho tôi.

Kikuji vòng tay giấu lá thư ra sau lưng.

Tay trái của nàng đặt trên đầu gối chàng, còn tay mặt vội về phía lá thư. Hai bàn tay một lúc làm hai động tác trái hướng nhau khiến nàng bị mất thăng bằng. Bàn tay trái của nàng chống ra phía sau để giữ cho nàng khỏi đổ vào người chàng, tay mặt túm lấy lá thư Kikuji giấu ở sau lưng. Người nàng vặn về bên mặt, sắp sửa ngã xuống. Một bên mặt nàng sắp chạm vào ngực chàng - nhưng nàng nhẹ nhàng quay mặt đi. Khi tay trái nàng chống

trên đầu gối chàng, chàng tự hỏi làm sao nàng có thể giữ vững được phần thân trên vụng hẫng sang một bên và sắp sửa ngã xuống như vậy.

Đột nhiên chàng cảm thấy rạo rức khi nàng lao vào người mình, và bây giờ chàng muốn kêu to lên vì sự dịu dàng đáng ngạc nhiên kia. Chàng ý thức một cách mãnh liệt về đàn bà. Chàng ý thức sự hiện diện của mẹ Fumiko, bà Ota.

Vào lúc nào nàng chợt nhận ra điều đó và dang tay ra? Động lực nào đã thúc đẩy nàng? Đó là một sự dịu dàng khó có thể có được. Như thế do một bản năng sâu kín của người đàn bà. Ngay khi chàng chờ đợi nàng ngã mạnh lên người mình, nàng ở gần bên chàng, với một vẻ ấm áp. Tất cả chỉ có vậy.

Mùi người nàng thật mãnh liệt. Nó tỏa ra mạnh mẽ, mùi của một người đàn bà đã làm việc suốt mùa hạ. Chàng cảm giác mùi của Fumiko và của mẹ nàng. Mùi thân thể bà Ota.

- Xin anh trả lại tôi lá thư đi. - Kikuji không phản đối. - Tôi phải xé bỏ nó đi.

Nàng quay đi và xé lá thư ra từng mảnh nhỏ. Cổ và hai cánh tay trần của nàng đầm mồ hôi.

Đột nhiên nàng trở nên xanh mét khi nàng ngã về phía chàng và rồi lấy lại bình tĩnh. Sau đó, nàng quỳ gối trở lại, mặt đỏ lên vì thẹn và chính lúc đó, dường như mồ hôi nàng toát ra.

III

Bữa ăn mà người ta vẫn trông đợi do một người gần gũi nấu nướng không có gì là thú vị cả.

Chén trà của Kikuji là một chiếc chén Shino hình trụ. Người tớ gái đã mang lại cho chàng như thường lệ.

Chàng nhận tự điều đó và đôi mắt của Fumiko cũng hướng về phía chiếc chén.

- Anh vẫn dùng cái chén này đấy à?

- Vâng.

- Anh không nên dùng nó. - Chàng cảm thấy nàng có vẻ thoải mái hơn chàng. - Sau khi biếu anh cái chén đó, tôi cảm thấy ân hận. Tôi có đề cập đến chuyện này trong lá thư gửi cho anh.

- Cô nói sao?

- Dạ... à, tôi xin lỗi vì đã biếu anh một cái chén Shino xấu xí như vậy - Tôi không thấy nó xấu xí tí nào.

- Đó không thể là một cái chén Shino đẹp được. Mẹ tôi dùng nó để uống trà thường ngày.

- Thực sự tôi không rõ điều đó. Song tôi tưởng đó là một tác phẩm tuyệt đẹp.

Chàng nâng chiếc chén lên trong lòng bàn tay và nhìn vào đó chăm chú.

- Còn nhiều chiếc chén Shino khác đẹp hơn. Cái chén này gợi cho anh nhớ đến chiếc chén kia và cái kia đẹp hơn.

- Hình như trong bộ sưu tập của cha tôi không có những chiếc chén Shino nhỏ như thế này.

- Ngay cả khi anh không có những chiếc chén đó ở trong tay, anh cũng cảm thấy chúng. Những chiếc chén kia đến trong trí anh khi anh dùng cái

chén này, và anh nghĩ những chiếc chén kia đẹp hơn biết bao. Điều đó làm tôi buồn vô hạn, cả mẹ tôi cũng vậy.

Kikuji thờ dài.

- Nhưng tôi đang mỗi ngày một rời xa môn trà đạo. Tôi không còn dịp để thấy những chén trà như thế này nữa.

Anh không biết được lúc nào anh sẽ nhìn từ một cái chén trà. Anh hẳn phải trông thấy nhiều đồ sứ đẹp hơn nữa.

- Có nói người ta chỉ có thể cho đi cái đẹp nhất à?

- Đúng thế. - Fumiko nhìn thẳng vào chàng, sự cả quyết hiện rõ trong đôi mắt. - Đó chính là điều tôi nghĩ. Trong lá thư viết cho anh, tôi đã yêu cầu anh đập vỡ cái chén này đi và vứt tất cả những mảnh vỡ đi.

- Đập vỡ nó? Đập vỡ cái chén này à? - Kikuji tìm cách để xoay chiều cuộc tấn công đang úp chụp xuống chàng. - Cái chén này xuất thân từ lò chế tác Shino cổ điển, nó hẳn phải được ba hay bốn trăm năm. Có thể thoát đầu nó chỉ là một cái chén ăn cơm thường, nhưng thời gian qua đi, nó đã trở thành một cái chén uống trà. Người ta đã giữ gìn nó và truyền lại cho các thế hệ sau, một vài người biết đâu đã chẳng mang nó theo trong các chuyến du lịch. Tôi không thể nào đập vỡ nó đơn giản chỉ vì cô bảo tôi làm như vậy.

Trên vành chén, như lời nàng nói, có một vết son của mẹ nàng.

Hiển nhiên là mẹ nàng đã nói cho nàng hay là một khi son dính vào đó nó sẽ chẳng bao giờ chùi sạch được, dù bà đã cố gắng chùi rửa nơi đó; và thực tế, từ ngày Kikuji có chiếc chén trong tay, chàng đã cố gắng một cách không có kết quả trong việc rửa sạch cái vệt đậm trên vành chén đó. Cái chén màu nâu nhạt, khác xa với màu sáp môi; tuy nhiên, một lớp màu đỏ nhạt pha trong đó không thể cho phép người ta nghĩ đó là màu sáp môi cũ không phai. Có lẽ đó chính là màu đỏ của chính chiếc bình Shino; hoặc có thể vì mặt trước của chiếc chén bị dùng nhiều quá, một vệt dơ do những

chủ trước bà Ota đã vô tình để lại. Tuy nhiên, có lẽ bà Ota đã dùng cái chén đó nhiều hơn cả. Nó đã trở thành chén uống trà thường ngày của bà.

Phải chăng bà Ota là người đầu tiên nghĩ đến việc sử dụng chiếc chén thường xuyên như vậy? Hay đó là do ý kiến của cha chàng? Kikuji tự hỏi.

Chàng cũng vẫn nghi ngờ là bà Ota với cha chàng đã dùng hai chiếc chén Raku hình trụ, chiếc đỏ và chiếc đen, như cặp chén trà “chồng vợ”.

Có phải chính cha chàng đã bảo bà Ota dùng chiếc bình Shino như một cái bình cắm hoa và rồi - ông lại bảo bà cắm hoa hồng và hoa cẩm chướng vào đó? Và ông đã bảo bà dùng chiếc chén Shino để làm chén uống trà thường ngày? Trong thời kỳ đó ông có nghĩ là người đàn bà đó đẹp?

Bây giờ đây cả hai đã qua đời, chiếc bình và chiếc chén đã về tay Kikuji. Và Fumiko cũng đã tới.

- Không phải tôi trẻ con. Thật tình tôi mong anh đập cái chén đó đi. Anh thích cái bình tôi biếu anh, tôi nhớ đến cái chén Shino kia và tôi nghĩ nó hợp với cái bình hơn. Nhưng sau đó tôi lấy làm xấu hổ.

- Lẽ ra tôi không nên dùng cái chén đó để uống trà thường ngày. Nó quá đẹp để có thể thích hợp với việc đó.

- Nhưng còn nhiều cái chén khác đẹp hơn nữa cơ. Anh uống trà bằng cái chén này và anh sẽ nghĩ đến những cái chén khác. Tôi cảm thấy rất khổ tâm về việc đó.

- Nhưng có thật sự cô tin là, cô không thể cho đi bất cứ cái gì khác, trừ những cái đẹp nhất không?

- Cái đó tùy theo người nhận và hoàn cảnh chứ!

Câu nói của nàng mang những âm điệu phong phú.

Liệu Fumiko có đủ lòng tốt để mà nghĩ rằng để có một kỷ niệm về mẹ nàng, một kỷ niệm về chính Fumiko - có lẽ một cái gì đó thân thiết hơn cả

một kỷ niệm nữa - chỉ có những vật tuyệt đẹp mới đóng trọn vẹn được vai trò đó?

Lòng khao khát, sự biền minh mà vật tuyệt đẹp kia còn sót lại để gợi nhớ tới mẹ nàng, thoáng hiện trong chàng. Nó đến như những xúc động tuyệt vời và chiếc bình là chứng nhân của nó.

Chính cái bề mặt mát rượi một vẻ ấm áp của chiếc bình, làm chàng nghĩ đến bà Ota. Có lẽ vì chiếc bình quá đẹp, đẹp đến độ ký ức của chàng về người đàn bà không vẫn đục bởi bóng tối và sự xấu xa của tội lỗi.

Khi chàng nhìn vào tác phẩm tuyệt vời trước mắt, chàng cảm thấy một cách mãnh liệt hơn bất cứ lúc nào khác cái tuyệt phẩm mà bà Ota là hiện thân. Trong tuyệt phẩm đó không hề có một vẩn đục nào.

Chàng đã ngắm chiếc bình và thấy muốn gặp Fumiko, chàng đã nói như vậy với nàng qua dây nói vào một ngày giông bão đã qua.

Chàng chỉ có thể nói lên điều đó khi có đường dây điện thoại giữa hai người. Fumiko đã trả lời là nàng còn một cái chén Shino nữa và nàng đã mang chiếc chén đó đến cho chàng.

Có lẽ chiếc chén không đẹp bằng cái bình thật.

- Dường như, nếu tôi nhớ không nhầm thì cha tôi có một bộ uống trà xách tay. Ông thường mang theo mỗi khi ông đi du lịch. - Kikuji ngắm nghĩ. - Chiếc chén trong bộ đồ trà của ông hẳn là xấu hơn cái này.

- Nó thuộc loại gì vậy?

- Chính tôi cũng chưa hề bao giờ trông thấy nó.

- Anh cho tôi xem cái chén đó đi. Chắc chắn là phải đẹp hơn cái này. Nếu nó đẹp hơn cái này, tôi được quyền đập cái này chứ?

Một cuộc đánh cá nguy hiểm.

Sau bữa cơm, trong khi nhanh nhẹn lượm hạt ruột dưa ra, Fumiko lại giục chàng lấy cho nàng xem chiếc chén.

Chàng sai người tớ gái ra mở cửa lều, rồi bước ra ngoài, băng qua ngôi vườn. Chàng có ý định ra lấy bộ đồ trà đem vào cho Fumiko xem, nhưng Fumiko cũng đứng dậy theo chàng ra ngoài lều.

- Tôi cũng chẳng biết bộ đồ uống trà đó nằm ở đâu nữa, - chàng nói vọng lại phía sau. - Kurimoto biết rõ hơn tôi nhiều.

Fumiko dừng lại dưới bóng tối của cây trúc đào trĩu nặng những hoa. Chàng có thể trông thấy, bên dưới cành cây thấp nhất hoa phủ trắng xóa, đôi chân mang tất xỏ trong đôi guốc gỗ dùng để đi ngoài vườn của nàng.

Bộ đồ trà nằm trong tủ cốc tách trà ngay bên cạnh cái chậu.

Kikuji mang bộ trà vào trong phòng chính và bày trước mặt nàng. Nàng quỳ xuống với vẻ cung kính, như thể chờ đợi chàng mở gói đồ ra; nhưng một lát sau chính nàng tự tay mở lấy.

- Xin phép anh cho tôi mở ra xem một lát nhé.

- Hơi dính bụi đấy. - Chàng nâng bộ đồ uống trà lên và phỉu bụi ra ngoài vườn. - Trong chạn đầy những mọt, có một con ve sầu chết cứng trong tủ cốc tách.

- Nhưng phòng này cũng sạch sẽ đây chứ.

Kurimoto quét dọn lều này hôm cô ta đến đây báo cho tôi biết cô và cô gái nhà Inamura lấy chồng. Lúc bây giờ trời tối, có lẽ khi đóng tủ lại cô ta không để ý là có một con ve sầu bị kẹt trong đó.

Cầm một vật gì có vẻ như chiếc chén uống trà ra, Fumiko cúi thấp xuống để giở lớp giấy bọc ra ngoài. Những ngón tay của nàng hơi run run.

Đôi vai tròn của nàng nghiêng về phía trước, nhìn nghiêng nàng, Kikuji có cảm tưởng chiếc cổ dài của nàng dài thêm ra.

Có một vẻ hòa hợp nào đó giữa vành môi dưới trề ra của chiếc miệng khép chặt một vẻ thông minh của nàng và vành tai nàng.

Nàng ngược nhìn chàng.

- Cái này của Karatsu^[10].

Kikuji bước lại gần hơn.

- Một cái chén rất đẹp. - Nàng đặt chiếc chén trên nền nhà trải chiếu.

Đó là một cái chén Karatsu nhỏ, hình trụ và giống như chiếc chén Shino, có thể dùng để uống trà thường ngày.

- Dáng nó thật mạnh mẽ. Trông thật vững vàng - đẹp hơn cái chén Shino nhiều.

- Cô có thể nào so sánh Shino với Karatsu được sao?

- Anh có thể thấy điều đó nếu anh nhìn thấy hai cái chén một lúc.

Bị lôi cuốn bởi vẻ mạnh mẽ của chiếc chén Karatsu, Kikuji nâng chiếc chén lên đầu gối và nhìn chăm chú.

- Tôi đem chiếc Shino lại đây nhé?

- Để tôi đi lấy cho.

Fumiko đứng dậy.

Họ để chiếc Shino và chiếc Karatsu gần nhau. Bốn mắt của hai người gặp nhau, rồi cùng nhìn xuống hai chiếc chén.

- Đúng là một cái chén của người đàn ông và một cái của người đàn bà. - Kikuji nói với vẻ hơi bối rối. - Khi cô thấy chúng đứng cạnh nhau.

Fumiko gật đầu, như thể không thốt được nên lời.

Chiếc chén Karatsu với một nền hơi xanh, không hoa, điểm lớp sơn màu vàng nghệ và cả một lớp sơn màu đỏ tươi nữa. Đường nét từ miệng chén xuống đến đáy chén trông thật mạnh.

- Một cái chén rất quý mà cha anh thường mang theo trong những chuyến du lịch của người. Trông nó có vẻ giống cha anh.

Fumiko dường như không cảm thấy sự nguy hiểm trong nhận xét của nàng.

Kikuji không thể nào tạo cho mình đủ can đảm để đáp lại rằng chiếc chén Shino cũng giống mẹ nàng. Song sự hiện diện của hai chiếc chén trước mắt hai người tựa như sự hiện diện của linh hồn cha chàng và mẹ nàng vậy.

Những chiếc chén uống trà, có đến ba hoặc bốn trăm tuổi, gõ vào nghe loong coong, trông chúng thật vững chãi và đầy sinh lực, không gợi nên một ý tưởng bệnh hoạn nào. Dầu vậy, cuộc sống dường như truyền thụ cho chúng một sắc thái linh động.

Nhìn thấy hình ảnh của cha mình và mẹ Fumiko trong cặp chén trước mắt, Kikuji cảm thấy như chính chàng và nàng đã nâng hai linh hồn đẹp đẽ kia dậy, đặt họ kề bên nhau.

Cặp chén uống trà nằm đây, có mặt trong cái thực tại giữa chàng và Fumiko, hiện đối diện với nhau bên cặp chén, dường như cũng trở nên tinh khiết nữa.

Kikuji đã bảo với nàng, - sau ngày kỷ niệm bảy ngày của mẹ nàng, - là có cái gì đó kinh khủng về sự có mặt của chàng khi đối diện với nàng. Phải chăng giờ đây sự sợ hãi và mặc cảm tội lỗi đã được rửa sạch nhờ sự hiện diện của cặp chén kia?

- Thật tuyệt, - Kikuji lên tiếng, như thể đang nói với chính mình. - Bản chất của cha đâu phải là đi tìm thú vui trong việc sưu tầm những chén uống trà, thế mà cha đã làm cái việc đó, và có thể nhờ đó, cảm giác tội lỗi của cha tan biến mất.

- Xin lỗi anh?

- Khi cô nhìn thấy chiếc chén, cô quên đi những khuyết điểm của người chủ cũ của chiếc chén. Cuộc đời của cha tôi chỉ là một phần rất nhỏ so với cuộc đời của một chiếc chén uống trà.

- Sự chết chờ đợi ngay sát chân mình. Tôi thấy sợ. Tôi đã thử nhiều chuyện. Tôi đã cố nghĩ là với sự chết ở liền ngay chân tôi, tôi sẽ không thể còn bị cái chết của mẹ tôi ám ảnh hoài hủ nữa.

- Khi cô bị ám ảnh bởi người chết, cô bắt đầu cảm thấy chính cô không còn hiện hữu trong thế giới này nữa.

Người tớ gái mang vào một ấm nước và những vật dụng khác để uống trà.

Kikuji đề nghị với Fumiko là họ dùng chiếc chén Shino và chiếc Karatsu bây giờ, như thể chính họ đang tham dự vào cuộc du lịch.

Fumiko gật đầu một cách đơn giản.

- Xin phép anh cho tôi được dùng chiếc chén Shino này lần cuối cùng trước khi tôi đập vỡ nó đi nhé? - Nàng lấy chiếc đĩa khuấy trà từ trong hộp ra và đem đi rửa.

Vào mùa hạ, ngày dài hơn thường lệ, nên trời còn sáng.

- Như thế chúng ta đang tham dự vào một cuộc du lịch, - Fumiko nói, tay khuấy trà trong chén bằng một chiếc đĩa nhỏ.

- Ra đi trong một cuộc du lịch - và có phải chúng ta đang ở trong một cái quán không?

- Không cần thiết phải là một cái quán. Có thể bên một bờ sông, hay trên đỉnh một ngọn núi. Có lẽ dùng nước lạnh sẽ tốt hơn, vì nó làm chúng ta nghĩ đến những ngọn núi.

Khi nàng nhắc chiếc đĩa khuấy trà ra, đôi mắt màu đen xám của nàng ngược lên nhìn Kikuji một lát. Sau đó nàng nhìn xuống chiếc chén Karatsu mà nàng đang nâng lên trong lòng bàn tay.

Đôi mắt của nàng dõi theo chiếc chén được di chuyển tới ngay dưới gối Kikuji.

Chàng cảm thấy như nàng có thể trôi bèo bồng đến bên chàng.

Khi nàng bắt đầu pha trà trong chiếc chén Shino của mẹ nàng, chiếc đũa khuấy trà khua vang trong lòng chén. Nàng ngừng lại.

- Tôi quá mạnh tay.

- Nhất là đối với một chiếc chén nhỏ như vậy, - Kikuji nói.

Nhưng sự bối rối chính là ở đôi tay run run của Fumiko.

Một khi nàng đã ngừng lại, nàng ngừng luôn, không còn tiếp tục khuấy trà nữa.

Fumiko ngồi cúi đầu xuống, đôi mắt dán chặt trên cổ tay đầy nhựa sống của mình.

- Mẹ sẽ chẳng bao giờ cho phép tôi.

- Cái gì vậy?

Kikuji nhào tới nắm chặt lấy vai nàng, như thể để kéo nàng ra khỏi mớ mắt lưới gồm những lời nguyên rủa.

Không có sự kháng cự về phía nàng.

IV

Không thể nào chớp mắt được, Kikuji chờ cho ánh sáng mặt trời xuyên qua những kẽ hở của tấm màn sáo, rồi trở dậy bước ra ngoài vườn.

Chiếc chén Shino bị đập vỡ nằm trên một phiến đá trước cái bể nước bằng đá.

Chàng sắp xếp bốn mảnh lớn thành hình cái chén. Miệng chén thiếu một miếng lớn bằng ngón tay trỏ của chàng.

Chàng tự nhủ chắc miếng đó rơi đâu đây trên mặt đất, chàng bắt đầu sục sạo tìm kiếm. Bỗng nhiên chàng dừng lại.

Chàng ngược nhìn lên. Một vì sao lớn chiếu những tia sáng xuyên qua những ngọn cây ở hướng tây.

Đã nhiều năm nay, bấy giờ chàng mới nhìn thấy sao hôm.

Chàng đứng đó nhìn sững vì sao và mây bắt đầu kéo đầy trời.

Ngôi sao trở nên lớn hơn, sáng long lanh qua lớp sương mù buổi sáng. Ánh sáng sao trông thật tươi mát.

Giữa ánh sáng tươi mát của ngôi sao hôm và cái việc tìm kiếm mảnh vỡ của chiếc chén, có một sự tương phản đến độ thảm đạm.

Chàng liệng những mảnh vụn trên tay xuống đất.

Tối hôm trước, Fumiko đã đập chiếc chén Shino vào thành bể trước khi chàng có thể giữ tay nàng lại.

Chàng đã bật khóc.

Nhưng ngay lúc đó chàng không chạy đến nhặt những mảnh vụn trong bóng tối giữa những phiến đá. Thay vì thế, chàng vội vã vòng tay ôm lấy

Fumiko, đỡ cho nàng khỏi ngã. Động tác của nàng khi liệng chiếc chén quá mạnh khiến cho nàng lao đảo sắp sửa ngã bổ nhào xuống đất.

- Còn nhiều chiếc chén Shino đẹp hơn cái này mà, - nàng thì thào.

Liệu nàng còn buồn với ý nghĩ đã làm cho Kikuji so sánh chiếc chén nàng vừa đập vỡ với những chiếc chén Shino khác đẹp hơn?

Chàng nằm thao thức và âm thanh của lời nàng nói lại vọng đến với chàng, rõ ràng một cách chua xót trong ký ức.

Đợi cho ánh sáng ban ngày trở lại, chàng trở dậy, ra ngoài vườn tìm kiếm những mảnh vụn.

Thế rồi, khi bắt gặp ngôi sao hôm, chàng lại liệng những mảnh vụn đi.

Ngước nhìn lên trời, chàng bật khóc.

Không một vì sao. Trong một khoảnh khắc khi mắt chàng nhìn xuống những mảnh vỡ nằm rải rác trên mặt đất ngôi sao hôm đã biến mất giữa những cụm mây.

Chàng chăm chú nhìn về hướng trời đằng Tây trong một lát, như thể tìm lại một vật gì vừa bị vuột mất.

Mây trời không dày, song chàng cũng chẳng biết được bây giờ ngôi sao nằm chỗ nào. Những cụm mây tách rời nơi đường chân trời. Màu mây đỏ nhạt như được tô đậm thêm bên trên những mái nhà xa.

- Mình không thể bỏ rơi nó được, - chàng nói lớn như vậy. Chàng lại cúi xuống nhặt những mảnh vụn lên và bỏ chúng vào trong tay chiếc áo kimono dùng để ngủ.

Nếu bỏ chúng ở đây, không gì buồn bằng. Và lại, Kurimoto có thể lại thăm không chừng.

Chàng nghĩ đến việc chôn chiếc chén bên cạnh bể nước xây bằng đá bởi vì Fumiko đã đập vỡ nó ở đó trong một cơn tuyệt vọng cùng cực. Tuy thế,

chàng vẫn gói những mảnh chén vỡ vào một mảnh giấy, bỏ vào trong một ngăn kéo và trở lại giường ngủ.

Nàng đã khiếp hãi khi bắt chàng so sánh chiếc chén Shino với cái gì?

Và tại sao nàng có vẻ âu lo như vậy? Kikuji không thể nào nghĩ ra được câu trả lời.

Giờ đây, chàng lại càng không thể nghĩ ra một người nào để có thể so sánh với nàng.

Nàng đã trở thành tuyệt đối, vượt lên trên mọi sự so sánh. Nàng đã trở thành sự quyết định và sinh mệnh.

Trước kia, luôn luôn nàng chỉ là con gái bà Ota. Bây giờ, chàng đã quên hẳn - cái ý tưởng thân thể của người mẹ đã được truyền lại cho người con một cách tế nhị, cái ý tưởng đó đã rời khỏi chàng, để lôi cuốn chàng vào một thế giới xa lạ.

Chàng đã cố gắng tìm đường ra khỏi bức màn đen tối, xấu xa.

Phải chăng việc chàng xúc phạm đến sự trong sạch của nàng đã cứu vãn chàng?

Ở Fumiko không có một sự kháng cự nào, ngoài chính sự trong sạch.

Người ta có thể nghĩ là chàng đang mỗi ngày một chìm sâu trong vũng lầy của những lời nguyên rủa, quả là một sự tê liệt hoàn toàn; song Kikuji lại cảm thấy ngược lại, vì chàng đã thoát ra khỏi những lời nguyên rủa và sự tê liệt. Tựa như một người nghiện ngập được giải thoát ra khỏi cơn nghiện của mình bằng cách uống vào liều thuốc cuối cùng.

Kikuji gọi đây nói cho Fumiko từ chỗ làm việc của chàng. Nàng làm việc cho một hàng bán bông gòn ở Kanda.

Nàng không đi làm. Kikuji đã tới sở làm việc của nàng sau một đêm thức trắng. Phải chăng Fumiko đã ngủ vùi vào lúc rạng đông?

Hoặc có thể vì xấu hổ nàng đã tự giam mình trong nhà suốt ngày?

Buổi trưa, nàng cũng vẫn chưa đi làm, chàng hỏi thăm chỗ nàng ở.

Địa chỉ mới của nàng có lẽ đã được ghi trên lá thư hôm qua; song Fumiko đã xé vụn cả thư lẫn phong bì và bỏ tất cả các mảnh vụn vào túi áo nàng. Trong bữa cơm, hai người nói chuyện về việc của nàng và do đó chàng nhớ được tên hãng nàng làm.

Chàng đã không hỏi nơi ở. Như thế nơi nàng ở cũng chính là nơi của chàng vậy.

Trên đường về nhà, chàng tìm đến ngôi nhà có chia từng phòng cho thuê. Ngôi nhà đó nằm ở phía sau công viên Ueno.

Fumiko không có ở nhà.

Một bé gái trạc độ mười ba, vừa đi học về, trên người còn mặc bộ đồng phục, đến bên cửa rồi lại trở vào trong nhà.

- Cô Ota không có nhà. Cô ấy bảo là cô đi xa với một người bạn.

- Đi xa? Cô ấy đi du lịch à? Hồi nào vậy? Cô ấy có nói là đi đâu không?

Đứa bé gái trở lại vào bên trong, lần này nó không trở ra đến tận cửa.

- Tôi không biết gì hết. Má đi vắng rồi...

Con bé có vẻ sợ Kikuji. Nó có đôi lông mày mỏng.

Kikuji ngoái cổ nhìn lại ngôi nhà khi chàng đến cổng, nhưng chàng không biết được phòng của Fumiko nằm ở chỗ nào. Đó là một ngôi nhà hai tầng khá rộng, với một mảnh vườn nhỏ.

Nàng đã nói là sự chết ở sát chân nàng. Đột nhiên, Kikuji cảm thấy lạnh ở hai chân.

Chàng dùng khăn tay lau mặt. Máu trên mặt chàng dường như không còn lưu thông nữa, chàng lau mặt mạnh hơn. Chiếc khăn tay ướt đầm và đen kịt. Chàng thấy mồ hôi lạnh toát ra ướt đầm lưng.

“Nàng không có lý do gì để chết cả”, chàng thầm nghĩ.

Fumiko không có lý do gì để chết cả, Fumiko, người đã đem lại sự sống cho chàng.

Song phải chăng sự bộc trực đơn giản buổi tối hôm trước lại chẳng là cái bộc trực của sự chết.

Liệu nàng, giống như mẹ nàng, do bản chất trong sạch, nên đã tỏ ra khiếp sợ sự sỗ sàng?

“Rút cục chỉ còn lại có Kurimoto”. Như để nhõ vào người đàn bà mà chàng coi như kẻ thù tất cả cái nọc độc tích tụ lại, Kikuji bước hối hả vào trong bóng mát của công viên.

CHÚ THÍCH

- [1] Một loại đồ sứ đời Seto, thế kỉ XVI.
- [2] Sew Rikyu (1521 - 1591), vị tổ sư của môn trà đạo.
- [3] Tawaraya Sotatsu: họa sĩ thời Tokugawa (1576 - 1643).
- [4] Minamoto Muneyuki chết năm 939.
- [5] Kino Tsurayuki chết năm 945.
- [6] Thuộc vùng ngoại ô phía Nam thành phố Đông Kinh.
- [7] Raku, một sản phẩm bằng đồ sứ ở Kyoto, sản xuất đầu tiên vào thế kỷ XVI.
- [8] Ryonyu (1756 - 1834) là tác giả thứ 9 của lò Kaku.
- [9] Seu Sotan (1578 - 1658), một trong những sư tổ của trà đạo và là cháu của Seu Rikyu.
- [10] Đồ sứ do lò Kyusbu chế tạo, gốc Đại Hàn

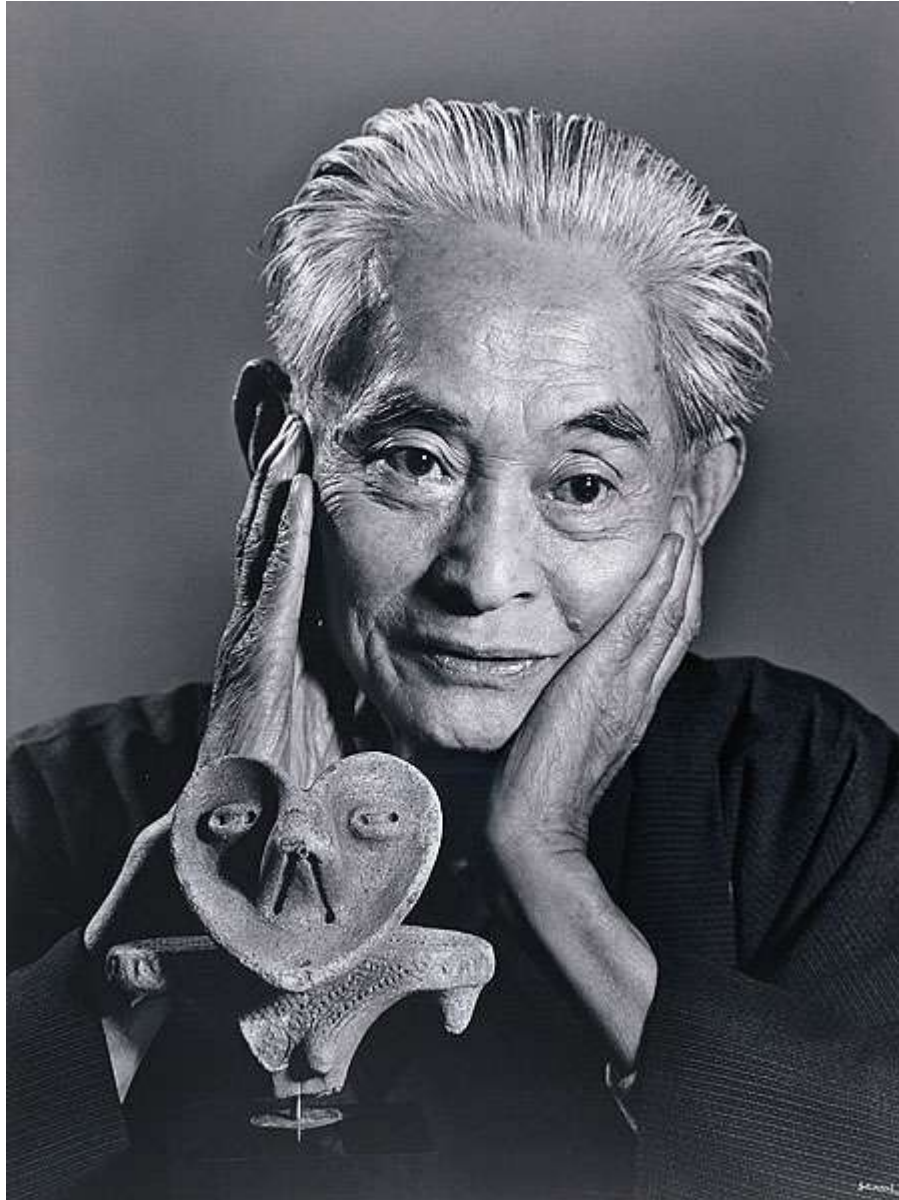
Đẹp và buồn

Yasunari Kawabata

Dịch giả: Mai Kim Ngọc

Nguồn: Dịch từ bản tiếng Pháp *Tristesse et Beauté* của Amina Okada,
Albin Michel, 1961

Tiểu sử tác giả



Yasunari Kawabata sinh năm 1899 và mất năm 1972. Ông sinh vào một gia đình sung túc có truyền thống văn hóa cao. Cuộc đời ông nhiều tang tóc, sớm mồ côi cả cha lẫn mẹ. Lên bảy, ông mất bà nội. Người chị độc nhất cũng qua đời khi ông mới lên chín. Tang tóc làm tuổi thơ ông bất thường, và phải chăng đã tạo ra nét mất mát bơ vơ trong văn chương ông.

Lấy vợ năm 32 tuổi, Kawabata cư ngụ tại Kamakura, một thành phố phía bắc Tokyo có nhiều di tích lịch sử liên hệ đến giới quý tộc Nhật bản. Ông

không tham dự thế chiến thứ II, mà cũng không phê phán chính sách xâm lăng bành trướng của nước ông bấy giờ. Thời gian đó, ông bỏ sang Mãn Châu du lịch cũng như nghiên cứu cổ văn. Thái độ “dấn thân” của ông bắt đầu khoảng 1960. Ông du hành Mỹ quốc, thuyết trình tại các đại học. Tại quốc nội, ông giúp những chính khách bảo thủ tranh cử. Cùng với Yukio Mishima và nhiều nhà văn khác, ông ký tuyên ngôn lên án cuộc Cách Mạng Văn Hóa của Mao Trạch Đông tại Trung quốc. Ông nhận làm chủ tịch Văn Bút Nhật, và để tâm nâng đỡ các nhà văn trẻ.

Học trình ông xuất sắc. Xong trung học sớm, ông đổ vào khoa văn của Tô Đại (Đông Kinh Đế Quốc Đại Học), một trong những trường lớn và nổi tiếng nhất của Nhật.

Tốt nghiệp năm 1924, ông cùng nhóm bạn cùng chí hướng cho ra tờ Bungei Jidai (Văn Học Hiện Đại), chủ trương thoát ly ra khỏi lối viết cổ điển bấy giờ còn thịnh hành tại Nhật. Văn ông phản ánh rõ rệt sự tiếp thu ảnh hưởng của văn học cấp tiến Âu châu cùng thời. Truyện đầu tay xuất bản 1925 là một tự truyện về lòng si mê một vũ sinh trẻ mới 14 tuổi có cặp giò tuyệt vời. Đàn bà trẻ (trẻ như con nít) xuất hiện nhiều trong tác phẩm ông, như trong truyện Đẹp và Buồn này. Ngoài những tác phẩm lớn, ông thích viết những truyện thật ngắn chỉ hai ba trang (vừa lòng bàn tay), và ông đã viết cả thảy hơn ngàn truyện như vậy.

Trong bài diễn văn đọc khi nhận giải Nobel văn chương, ông lên án truyền thống tự vẫn, cách sống hay đúng hơn cách chết rất Nhật đã cướp đi nhiều bạn văn thân mến của ông. Tuy nhiên, như những nhân vật của truyện ông với những u uẩn trần trở và mâu thuẫn của họ, chính ông lại tự vẫn bằng hơi độc tại Zushi ngày 16 tháng 4 năm 1972. Ông chết bốn năm sau giải Nobel, và ba năm sau khi người bạn vong niên Mishima mổ bụng tự sát. Ông hưởng thọ 73 tuổi. Ông ra đi trong lúc sức khỏe đã suy sụp, và không để lại thư tuyệt mệnh.

Truyện ông thường không mở đầu, không kết luận. Những sự cố không bắt đầu bằng chương một, mà cũng không giải quyết bằng chương cuối.

Vạn sự vô thủy vô chung, và không chỉ vì nhà văn cầm bút viết mà cuộc đời trở nên giới hạn trong một tác phẩm. Ông không phê phán cái xấu mà cũng không suy tôn cái tốt. Với ông xấu tốt có trong mọi cuộc sống, mà có khi thật ra cũng không phân biệt rõ ràng với nhau. Quan niệm tiểu thuyết như vậy làm ta nhớ tới Anton Chekhov. Thật ra ta nhớ đến Thiền, cái tôn giáo hay triết lý vì gốc Á đông tất nhiên ảnh hưởng đến cách nhìn cuộc sống cũng như cách nhìn thế gian của những nhà văn lớn Á đông, ít nhất những nhà văn biết thưởng lãm tiếng chuông chùa cuối năm ông ghi lại trong *Đẹp và Buồn*...

Ông xuất bản *Đẹp và Buồn* năm 1965. Như Tiếng núi (Yama No Oto, 1954, tác phẩm được coi là thượng đỉnh của văn nghiệp Kawabata), tác phẩm phản ánh sự quan tâm truyền thống của người Nhật và của chính ông, với liên hệ giữa người và người, giữa người và thiên nhiên... Đây quả là một hòa tấu tuyệt vời của thơ, của tình dục thường và bất thường, của tình yêu thường và bất thường, của thiên nhiên, của người, của cảnh, của mộng và ác mộng...

Đẹp và Buồn là câu chuyện cuối đời của một nhà văn nổi tiếng về thăm lại cố đô để nghe chuông giao thừa. Chuyển đi thơ mộng lẽ ra êm ả lại khơi lại một mối hận tình hai mươi năm trước. Cái mầm của bất an tiềm tàng hai thập niên bỗng trở thành một loài cây độc. Cây độc cho hoa độc, đem sự hôn mê đến đa mê tang tóc cho những nhân vật chính cũng như phụ.

Quả thật chuyển đi lý là để nghe chuông, nhưng thâm sâu là mong gặp lại cố nhân của cuộc tình bất hạnh cũ. Cố nhân Otoko bấy giờ mới mười sáu, trong khi ông đã ba mươi một và có gia đình. Cuộc tình tan vỡ, và khi đứa con sanh thiếu tháng qua đời, cô gái đã toan tự vận. Mất trí một thời gian, sau cùng cô cũng bình phục, theo mẹ về Kyoto và biệt tăm cho đến gần đây. Oki ở lại Tokyo, tiếp tục sống với vợ con sau những sóng gió tất nhiên phải có. Ông trở thành nhà văn lớn, một phần nhờ tác phẩm *Cô gái mười sáu* kể lại mối tình bất hạnh với Otoko. Tác phẩm là niềm thống khổ cho vợ ông. Ngồi đánh máy bản thảo, Fumiko đã sảy thai trong một cơn

xúc động mãnh liệt. Tác phẩm mang theo hồn ma hai đứa con của nhà văn, một với tình nhân, một với vợ. Oki cất bản thảo đi và không nhắc đến nó nữa. Phải nhờ Fumiko giục, ông mới cho xuất bản *Cô gái mười sáu*. Tác phẩm thành công tức thì, hai mươi năm sau vẫn còn tái bản, và trở thành một nguồn lợi nhuận lâu dài cho gia đình Oki.

Phần Otoko, nàng theo mẹ về Kyoto, tốt nghiệp trung học chậm mất một năm, ghi tên vào trường mỹ thuật, và trở thành danh họa.

Văn nghệ sĩ nổi danh là người của quần chúng, và dư luận tinh ranh sau cùng khám phá ra Otoko chính là cô gái 16 trong truyện. Khi cả hai nhân vật của cuộc tình cùng nổi tiếng, thì chuyện riêng tư khó giữ được riêng tư. Hơn 20 năm sau khi xa cách, Oki tìm lại được tung tích người xưa nhờ những báo chí về hội họa đăng tải hình ảnh cũng như đời sống của nữ nghệ nhân.

Tới Kyoto, sau nhiều dẫn đo, Oki sau cùng cũng đánh bạo gọi điện rủ Otoko nghe chuông chùa cuối năm với ông. Nàng nhận lời, đặt tiệc tại nhà hàng gần một tu viện để nghe chuông. Nhưng nàng cũng cho Keiko tham dự. Otoko lại thuê luôn hai cô ca kỹ để mua vui cho bữa tiệc nghe chuông. Keiko phụ trách đón ông ở khách sạn và đưa ông tại ga khi ông trở về Tokyo.

Oki cho rằng cố nhân vẫn chưa quên ông. Tránh gặp ông một mình trong dịp tái ngộ, chẳng qua là nàng sợ không tự kiểm chế được khi tình xưa trở lại. Oki không ngờ là tuy không lấy chồng và không có bạn trai, Otoko đã chấp nhận mối tình đồng tính với cô học trò trẻ có sắc đẹp và cách sống bất thường.

Hai người đàn bà khác nhau, một đam mê đến chỗ vô kỷ luật, một thù mị dịu dàng và cung cách. Họ cũng giống nhau, ở chỗ cùng là họa sĩ, cùng yêu và bắt được cái đẹp, dù là cảnh mưa xuân trên núi, cảnh trăng rằm phản chiếu trong bát rượu hay trên mặt hồ, cảnh phong lưu khu trà đình tửu quán ven sông, cảnh nương chè, cảnh vườn đá...

Sự cố phát xuất từ Keiko, cô học trò trẻ của Otoko. Người con gái này vô cùng xinh đẹp, đam mê, bướng bỉnh ngang ngược và nặng nề chiếm hữu. Thấy cuộc sống hạnh phúc với cô giáo bị đe dọa vì Oki trở lại, Keiko quyết tâm ra tay, và sóng gió vẫn xảy ra.

Keiko thương yêu cô giáo, nên căm thù Oki đã bạc tình với Otoko. Cô gái lại ghen với mối tình xưa nghĩa cũ còn nặng trong tâm can cô giáo và người đàn ông. Và Keiko lập tâm hại Oki, dùng tất cả thủ đoạn để thi hành mưu lược, kể cả việc cùng một lúc chinh phục Oki và người con trai của ông... Lấy cớ mang tranh của mình cho Oki coi, Keiko đã thi hành bước đầu của kế hoạch bằng cách ngủ đêm với Oki tại khách sạn rồi kể cho cô giáo nghe cái suy nhược và hư hỏng của người đàn ông. Ra gì đâu cái thứ đàn ông 50 ngoài, thèm khát gái chanh cốm mà cái hôn dài một chút cũng không đủ hơi, Keiko nói với cô giáo.

Sóng gió xảy ra trong liên hệ hai người đàn bà, nhưng Keiko tự tin, vẫn tiếp tục thi hành thủ đoạn. Vì tình yêu, Keiko mỗi ngày mỗi sa đọa sâu hơn vào tội lỗi và tội ác... Sự sa đọa này mang lại tai họa cho tất cả mọi người trong cái thế giới đẹp và buồn Kawabata dựng ra.

Mục lục

[Chuông chùa cuối năm](#)

[Mùa xuân sớm](#)

[Hội trăng rằm](#)

[Ngày mưa](#)

[Vườn đá](#)

[Bông sen trong lửa](#)

[Món tóc huyền](#)

[Những hư hao mùa hè](#)

[Cái hồ](#)

Chuông chùa cuối năm

Chiếc ghế cuối hàng kê dọc cửa sổ bỗng quay nhẹ theo đà con tàu lắc lư làm Oki Toshio chú ý. Hàng ghế bành có tay dựa bên phía ông thì thấp, cố định, và tất nhiên không quay.

Oki một mình trong toa văn cảnh trên chuyến tốc hành đi Kyoto. Ngồi lún xuống đệm, ông ngấm chiếc ghế quay trước mặt. Nó không quay theo một chiều mà vận tốc cũng không đều. Nó quay lúc nhanh lúc chậm, có lúc dừng hẳn rồi quay ngược lại. Ngấm chiếc ghế quay trong toa vắng, ông cảm thấy cô đơn, và những vọng niệm ào ạt trở về.

Hôm nay 29 tháng chạp. Ông đi Kyoto để nghe chuông chùa tất niên. Lâu nay, phải chăng từ khi có chương trình truyền thanh này, Oki có lệ cứ giao thừa là mở đài nghe chuông chùa báo hiệu thời điểm năm cũ bước sang năm mới. Có lẽ ông chưa bao giờ lơ dịp nghe chuông cũng như thưởng thức lời bình luận khi các xưởng ngôn viên lần lượt giới thiệu những đại hồng chung nổi tiếng đang được thỉnh từ những cổ tự của đất nước.

Thời điểm thiêng liêng khi năm cũ đang qua và năm mới sắp tới, các xưởng ngôn viên thường dùng ngôn từ hoa mỹ và cách phát âm trang trọng. Ông nhớ những tiếng chuông cách quãng của một đại hồng chung cổ, âm ba lướt thướt như tiếng thời gian, gọi lại linh hồn nước Nhật xa xưa.

Bắt đầu là chuông chùa miền bắc, tiếp đến là chuông chùa vùng Kyushu, nhưng đúng giao thừa thì bao giờ cũng là chuông chùa cố đô. Kyoto nhiều chùa và tu viện đến nỗi có lúc trên đài là một hòa tấu sôi động của vô vàn chiếc chuông lớn nhỏ đón mừng năm mới.

Ông thường ngồi phòng khách nghe chuông trên đài, trong lúc vợ và con gái bận rộn nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa, sửa soạn xống áo, hay cắm hoa. Ôn lại năm cũ trong tiếng chuông ngân, ông thường nhớ lại một vài sự việc làm ông xúc động. Có năm, chuyện cũ có thể đau đớn hay tàn bạo, và nuôi

tiếc hay muộn phiền cản xé tâm hồn, nhưng bao giờ tiếng chuông cũng tìm được đồng vọng trong tim ông, ngay cả những lúc ông đã chán từ nội dung đến giọng nói của xướng ngôn viên phụ trách chương trình.

Đã lâu, ông vẫn muốn đi Kyoto để trực tiếp nghe chuông giao thừa thay vì nghe qua đài. Năm nay nhất định thực hiện ước muốn, ông lên đường. Ông cũng thầm mong gặp lại Ueno Otoko bấy lâu xa cách, để cùng nghe chuông với nàng. Từ khi nàng dọn về Kyoto và trở thành một danh họa của trường phái cổ điển, ông kể như đã mất liên lạc. Ông không nghĩ nàng đã lấy chồng.

Ông hành động đột ngột theo cảm hứng. Không có thói quen kế hoạch trước chuyện gì, ông không giữ vé mà ra thẳng ga Yokohama leo lên chuyến tốc hành đi Kyoto. Dịp lễ cuối năm, tuyến đường Tokaido có thể đông nghẹt, nhưng ông hy vọng nhân viên hỏa xa là chỗ quen biết đã lâu, chắc thế nào cũng kiếm được cho ông một ghế.

Tính ưa ngủ trễ, ông rất thích chuyến tàu vì xế trưa nó mới rời Tokyo để xế chiều thì tới Kyoto. Lúc trở về, cũng đến chiều tàu mới chuyển bánh. Ông bao giờ cũng lấy chuyến này mỗi khi đi Kyoto, và các cô chiêu đãi đã quen mặt ông.

Lên tàu, ông ngạc nhiên thấy toa vắng khách. Ông nghĩ có lẽ vì mới 29 tết, và 30 hay 31 tàu mới đông. Ông đang mãi ngắm chiếc ghế quay, miên man ngắm nghĩ chuyện số mệnh con người, thì ông già nhân viên hỏa xa mang trà đến.

Okii nói:

“Tàu vắng quá bác nhỉ?”

“Thưa đúng. Cả tàu chỉ có năm sáu hành khách.”

“Chắc mừng một tàu sẽ đông?”

“Thưa không, tôi nghĩ tàu mừng một cũng sẽ vắng. Ông về lại Tokyo mừng một sao?”

“Tôi tính vậy.”

“Mừng một thì tôi nghỉ. Nhưng tôi sẽ thu xếp chu đáo cho ông.”

“Cảm ơn bác...”

Nhân viên hỏa xa đi rồi, Oki đảo mắt nhìn quanh, thấy hai chiếc va-li kiểu mới đặt dưới chân ghế bành cuối dãy. Hai chiếc va-li vuông mỏng bằng da trắng điểm những vết nâu nhạt thuộc hạng sang ít thấy bán tại Nhật. Một cái xách lớn bằng da báo đặt trên ghế bên cạnh. Chủ nhân mấy món hành lý có lẽ người Mỹ và chắc đang ăn uống tại toa nhà hàng.

Ngoài cửa sổ, cánh rừng sương phủ dày như khói vùn vụt trôi qua. Trên cao, những đám mây trắng tằm trong làn ánh sáng nhẹ như từ đất chiếu lên. Trời sáng dần và nắng từ cửa sổ rọi xéo vào toa. Tàu qua một đồi thông, Oki thấy rác thông phủ đầy mặt đất. Rồi ông thấy một lùm tre vàng úa. Xa xa ngoài biển, từng làn sóng bạc chạy vào bờ, tan thành bọt trắng trên một mòm đá màu thẫm.

Hai cặp người Mỹ trung niên từ toa nhà hàng trở về. Tàu qua Numazu và núi Phú sĩ còn xa, họ tới cửa sổ chụp ảnh không ngừng. Khi núi ngang tầm hiện ra sừng sững trên cánh đồng, thì chụp ảnh đã chán, họ ngồi xuống quay lưng ra ngoài và không để ý đến cảnh nữa.

Ngày sắp tàn. Ông ngắm con sông cong như dải bạc đã ngả màu, rồi ngẩng lên nhìn lại phía hoàng hôn. Những tia nắng trắng lạnh cuối ngày len lỏi trong kẽ mây đen, vương vấn thêm ít lâu rồi tắt hẳn. Đèn trong toa bật sáng. Con tàu bỗng lắc mạnh làm những chiếc ghế cao cùng nhau xoay nửa vòng rồi dừng lại, trừ chiếc ghế cuối vẫn tiếp tục quay.

Tới Kyoto, ông lấy khách sạn Miyako. Ông chọn một phòng tĩnh mặc, nghĩ thăm Ueno có thể đến thăm. Ông lên sáu bảy tầng, nhưng khách sạn xây trên sườn đồi nên khi ra khỏi thang máy đi hết hành lang dài, ông lại thấy mình vẫn ở tầng trệt.

Khách sạn yên tĩnh nên ông đoán là vắng khách. Nhưng hơn mười giờ, phòng bên có tiếng ngoại quốc lao xao. Ông hỏi thăm người bồi phòng. Anh ta nói:

“Đó là hai gia đình đông con. Họ cả thấy có đến mười hai đứa.”

Đám trẻ không những ồn ào mà còn chạy từ phòng này sang phòng kia, hay đuổi nhau ngoài hành lang. Ông nghĩ khách sạn vắng, không biết sao ông lại không may rơi vào giữa đám con nít rần rắt này. Ông lấy chuyện bực mình làm nhẹ, nghĩ đám trẻ rồi cũng phải đi ngủ. Nhưng như bị kích thích vì được đi chơi xa, chúng chẳng chịu ngủ cho. Tiếng chân chúng chạy ngoài hành lang thật là quá đáng. Sau cùng ông ra khỏi giường.

Tiếng ngoại quốc vọng lại làm ông càng cảm thấy lẻ loi. Hình ảnh chiếc ghế quay trên toa trở lại trong đầu, và ông nghe nổi cô đơn đang lặng lẽ quay trong tim.

Ông đi Kyoto để nghe chuông chùa cuối năm và để tìm gặp lại Ueno Otoko, nhưng ông tự hỏi chuyện nào là chính. Nghe chuông thì nhất định là sẽ được toại ý, nhưng gặp lại Ueno thì ông không chắc. Phải chăng nghe chuông chỉ là cái cớ, còn trong lòng, ông đã muốn gặp lại Ueno từ lâu. Được nghe chuông giao thừa với nàng ở Kyoto không hẳn là vô vọng, nhưng hai người đã bao nhiêu năm cách biệt. Xa nhau đã lâu mà còn ở vậy, nàng vẫn có thể không muốn gặp lại cố nhân. Ông tự trấn an là nàng không đến nổi tệ bạc thế, nhưng thật tình ông không biết nàng đã thay đổi bao nhiêu.

Hình như Otoko đã thuê ngôi nhà khách của một tu viện cũ, và sống ở đây với cô học trò. Ông thấy ảnh nàng trong một tập san hội họa. Nơi nàng ở không phải là một căn phố một hai phòng, mà là một biệt thự. Xưởng vẽ rộng, trang trí kiểu Nhật. Vườn rất đẹp.

Ảnh chụp nàng tay cầm cọ, mặt cúi xuống, nhưng vầng trán và sống mũi người đàn bà không lẫn được với ai. Bao nhiêu năm qua, nàng không mập ra, dáng người vẫn mảnh mai thanh tú.

Ngắm tấm hình, ông nghe ân hận trong lòng. Ông đã cướp đi hạnh phúc lứa đôi và khả năng làm mẹ của nàng. Tất nhiên là độc giả tờ nguyệt san khi ngắm ảnh không suy nghĩ và phản ứng như ông. Người ngoài cuộc chắc chỉ thấy chân dung một nữ nghệ nhân đã tới Kyoto sinh sống và trở thành một nhan sắc điểm kiêu của cố đô.

Tới Kyoto chiều 29, ông phân vân không biết nên gọi điện thoại trước, hay thẳng đến thăm nàng. Sáng sau thức giấc khá sớm vì đám trẻ phòng bên huyên náo, ông vẫn còn ngần ngại. Ngồi trước bàn giấy, ông tính gửi cho nàng lá thư hỏa tốc. Nhìn tờ giấy trắng lạnh khách sạn để sẵn cho khách dùng, ông lại đổi ý. Ông nghĩ thật ra không cần phải gặp lại Otoko, và nghe chuông giao thừa xong ông sẽ lên tàu về nhà. Ông lên giường ngủ lại, khi thức giấc thì đã gần mười một giờ trưa.

*

Lúc thắt cà vạt, ông sức nhớ một sự việc cũ. Hôm ấy Otoko nói với ông:

“Để em thắt cho anh. Để em thắt cho...”

Nàng bấy giờ mười sáu tuổi, và vì ông, nàng đã trở thành đàn bà. Còn ông lúc đó chưa biết nói gì, chưa tìm ra câu gì để nói. Ông kéo cô bé vào lòng vuốt ve mái tóc mà đầu óc vẫn trống không. Otoko gỡ khỏi tay ông và mặc quần áo lại. Ông cũng ngồi dậy mặc lại sơ-mi. Lúc thắt cà-vạt thì ông bất chợt Otoko đang nhìn ông. Cô bé không khóc, nhưng mắt ướn. Ông nhìn đi chỗ khác. Ông nhớ khi hôn cô bé vẫn mở mắt, cho đến khi ông hôn lên mí mới nhắm lại.

Có chút gì êm mềm và bé thơ khi cô bé đòi thắt cà-vạt cho ông. Ông thấy nhẹ nhõm. Câu nói thật bất ngờ, có ý nghĩa của sự tha thứ. Hơn nữa nó như báo hiệu cô bé đã thoát ly ra khỏi cái bản thân bé bỏng, trong khi tay cô loay hoay với chiếc cà-vạt nút thắt còn vụng về. Ông hỏi:

“Em biết thắt không?”

“Chắc biết. Em đã thấy ba em thắt.”

Otoko mồ côi cha từ năm mười một.

Ông ngồi xuống ghế, kéo Otoko lên đùi và ngẩng cằm lên cho cô bé khỏi vướng tay. Otoko ngả người tới, mấy lần thắt rồi lại cởi cái nút cà-vạt vì chưa bằng lòng. Sau cùng thắt xong, cô tụt xuống đất. Nghiêng đầu ngắm nghía, cô nói:

“Cậu bé vừa ý chưa?”

Ông đứng dậy bước tới gương. Nút cà-vạt thắt đẹp không chê vào được đâu. Thấy trán và má mình bóng nhẫy mồ hôi, ông đưa tay lên xoa. Ông kể như đã hiếp cô bé và ông không chịu nổi cái bản mặt của chính mình. Trong gương cô bé kề má lại với ông. Ông xúc động vì cái trẻ cái đẹp của người con gái nhỏ. Sững sờ vì nét dung nhan mỹ miều quá sức tưởng tượng, ông quay lại. Otoko đặt tay lên vai ông. Ép đầu vào ngực ông, cô bé nói:

“Em yêu anh.”

*

Nghĩ lại, ông thấy thật là ngộ nghĩnh khi cô gái nhỏ mới mười sáu gọi người đàn ông ba mươi một là “cậu bé”. Vậy mà đã hơn hai mươi năm rồi. Ông đã năm mươi lăm, còn Otoko chắc phải bốn mươi.

Tắm xong, ông mở chiếc đài có sẵn trong phòng, được tin sáng nay Kyoto có chút băng đóng. Đài cũng cho hay: mùa đông năm nay vào dịp cuối cũng không lạnh lắm.

Ông điểm tâm bằng cà phê và bánh mì nướng rồi thuê xe ra đi. Không dứt khoát đến thăm Otoko, lại cũng không biết làm gì, ông bèn lên núi Arashi ngoạn cảnh. Từ xe, ông thấy mấy rặng đồi phía bắc và phía tây đã lác đác nắng, nhưng vẫn như còn toát ra cái lạnh của mùa đông Kyoto. Mới sáng mà tưởng ngày sắp tàn. Ngang cầu Togetsu, ông xuống xe. Ông không qua cầu mà theo bờ sông bước về phía lâm viên Kameyama.

Núi Arashi từ xuân đến thu thường đầy du khách, vậy mà vào dịp cuối năm xem ra cũng vắng vẻ. Quả núi già đứng lặng, câm nín. Dưới chân núi, sông rộng ra thành một cái hồ màu lục trong vắt. Xa xa văng lại tiếng gõ súc từ đám bè ven sông được bốc lên xe tải. Cảnh triền núi chạy thoai thoải xuống sông nổi tiếng đẹp giờ đây còn chìm trong bóng tối, trừ một dải nắng vắt ngang vai núi trên phía thượng nguồn.

Oki định ở lại ăn trưa một mình. Ngày xưa ông đã biết hai quán ăn tại vùng này. Một quán không xa cầu lắm nhưng cổng đóng kín. Chắc lúc năm cùng tháng tận, chẳng ai còn buồn tới đây để ngắm ngọn núi cô đơn. Ông nhẩn nha tản bộ dọc sông, thắc mắc không biết quán ăn phía thượng nguồn có đóng cửa nốt không. Ông nghĩ cùng lắm về phố ăn trưa cũng không sao.

Ông leo mấy bậc thềm đá lên tiệm. Cô người làm chặn ông lại, cho hay nhân viên đã về Kyoto hết, và tiệm đóng cửa. Ông nhớ một hôm đã lâu giữa mùa măng, ông đã ăn những khoanh măng lớn nấu với cá thu muối tại đây.

Ông trở lại bờ sông, chợt thấy bà già đang quét lá phong khô trên những bậc thềm thoai thoải dẫn lên quán ăn bên cạnh. Bà cho biết quán vẫn còn mở.

Ông nói:

“Ở đây yên tĩnh quá.”

Bà bảo:

“Đúng vậy, yên tĩnh đến nỗi tiếng người nói bên kia sông nghe cũng rõ.”

Tiệm ăn nấu mình dưới một lùm cây, mái rạ cũ dầy và sũng nước. Cổng vào tối và khuất, khó có ai nghĩ đây là một tiệm ăn. Sau mái rạ, ba bốn cây thông tía thân thẳng mọc dựng lên sừng sững.

Ông được dẫn vào căn phòng trang hoàng theo lối Nhật. Tiệm vắng khách. Nhìn qua ô cửa, ông thấy những trái dâu đỏ hoe ngoài vườn. Không phải mùa, nhưng ông vẫn nhận ra một bụi đỗ quyên. Mấy cây dâu, mấy gốc

tre và mấy cây thông tía ngăn tầm mắt, nhưng qua kẽ lá, ông thấy hồ nước tĩnh lặng màu ngọc thạch. Ông nảy ý niệm so sánh, thấy ngọn núi cũng tĩnh lặng như hồ nước.

Than hồng âm ỉ trong lò sưởi hầm dưới chân. Tựa tay lên bàn, ông ngồi nghe văng lại tiếng chim hót và tiếng gỗ súc đang được bốc lên.

Có tiếng còi tàu chạy ra từ hầm núi phía tây, âm thanh sâu não như tiếng trẻ sơ sinh khóc... Ông chạnh lòng nhớ hồi ấy Otoko mới mười bảy tuổi, mang thai mới tám tháng thì đẻ non. Người ta không cứu được em bé và Otoko không thấy mặt con gái.

*

Hôm ấy bác sĩ bảo Oki:

“Tốt hơn là đợi cô ấy lại người một chút rồi hẵng cho hay.”

Mẹ Otoko nói với ông:

“Ông Oki, làm ơn nói với con tôi rằng tôi đã không cầm được nước mắt khi nghĩ nó còn mẵng sữa mà đã phải gánh chịu bao nhiêu khổ khổ.”

Câu nói đầy trách móc, nhưng rồi bà cũng dần được oán hận xuống. Bà chỉ có cô là con độc nhất. Cô đã có mang với ông, nên dù ông vợ con đùm đẽ, thương con, bà cũng không dám làm nhục ông. Người đàn bà còn cứng đầu hơn Otoko đã nhượng bộ. Và lại, bà cũng cần ông để giữ bí mật cho con gái mình, cũng như lo liệu cho đứa bé khi nó ra đời. Sau hết, Otoko có bầu nên tính tình nóng nảy, dọa sẽ tự vận nếu mẹ lăng mạ Oki.

Khi ông tới bên giường, Otoko quay lại nhìn ông, cặp mắt ướt và đầy tình mẫu tử của người con gái bắt đầu làm mẹ. Rồi bất thần từ khóe mắt, giọt lệ lớn dần và lăn xuống gối. Ông nghĩ nàng đã biết.

Otoko nghẹn ngào, nước mắt chảy thành dòng xuống thái dương. Khi ông lau má nàng, cô gái nắm lấy bàn tay ông và òa lên khóc. Nước mắt và tiếng nức nở trào ra như đê vỡ.

“Nó chết rồi? Con nó chết rồi phải không anh? Con chết rồi con ơi!”

Cô gái vật vã, dung nhan dị dạng vì đau thương. Ôm lấy cô gái để trấn an, Oki nghe cánh tay mình chạm vào cặp vú trẻ con căng sữa. Bà mẹ chắc vẫn để mắt theo dõi, từ ngoài cửa phòng bước vào. Mặc bà, ông vẫn ôm chặt Otoko.

“Anh làm em ghê tởm. Anh buông em ra...”

“Nhưng em hứa phải nằm yên... Em không được vật vã nữa...”

“Em hứa.”

Oki buông tay. Cô gái thư giãn trở lại. Nước mắt lại ứa ra dưới mi, cô nói:

“Mẹ ơi, chắc người ta hỏa táng nó?”

Bà mẹ không trả lời.

“Bé tí tẹo mà cũng phải hỏa táng hử mẹ?”

Bà mẹ vẫn yên lặng.

“Mẹ ơi, mẹ vẫn nói khi mẹ sanh con ra, tóc con đen lắm phải không?”

“Đúng, tóc con sanh ra đã thật là đen.”

“Con gái của con, tóc nó cũng đen lắm phải không mẹ? Mẹ ơi, mẹ cắt một món tóc của nó cho con mẹ nhé?”

Bà mẹ lúng túng:

“Mẹ không biết có được không, Otoko.”

Rồi như quá xúc động mà thành vô ý thức, bà nói:

“Nhưng mà con vẫn còn có thể đẻ đứa khác.”

Nói xong đã thấy ân hận, bà cau mày quay đi. Ông nghĩ mẹ Otoko cũng như ông phải chăng đã thầm mong đứa bé chẳng bao giờ chào đời. Nhớ lại cái nhà bảo sanh ngoại ô tồi tàn, ông ân hận nghĩ nếu đã tới y viện tử tế,

biết đâu đã chẳng giữ được đứa bé. Chính Oki là người đưa cô gái đi sanh. Bà mẹ lúng túng không biết xử trí làm sao nên đã ở nhà. Ông bác sĩ già, mặt đỏ ngầu vì rượu. Cô y tá nhìn Oki với đôi mắt nặng chê trách. Hôm ấy Otoko mặc chiếc kimono lụa màu đỏ tươi, cắt giản dị theo kiểu con nít.

Hai mươi ba năm sau, trên đỉnh Arashi, Oki như thấy lại hình ảnh đứa hài nhi thiếu tháng tóc đen nhánh, ẩn hiện trong những chùm cây trụi lá hay chìm dần xuống làn nước xanh.

*

Ông vỗ tay gọi chiêu đãi viên. Ông biết tiệm ăn không đợi khách nên sẽ chậm vì không sẵn sàng. Có lẽ để ông bớt sốt ruột, cô chiêu đãi tới rót cho ông tách trà nóng và ngồi xuống bên. Trong câu chuyện vặt, cô bảo vùng này có người bị chồn tinh mê hoặc. Một sáng tinh sương, người làng thấy anh ta lội dưới sông miệng lảm nhảm, “Ai cứu tôi với, tôi chết mất.” Anh ta vùng vẫy dưới chân cầu Togetsu chỗ nước nông sò, có leo lên bờ một mình cũng chẳng khó gì. Khi được cứu, anh ta kể lại là đã lang thang trong núi suốt đêm như người mộng du và sau cùng thấy mình đang lội dưới sông mà không hiểu tại sao.

Nhà bếp bưng mâm cơm lên. Ông khai vị bằng món cá chép sống thái lát. Ông nhắm nháp chút sa-kê...

Khi rời tiệm ăn, ông nhìn lại mái nhà rạ. Ông thấy nó phủ rêu, và bắt đầu mục. Nó có cái đẹp riêng của nó, nhưng bà chủ lại chống chế là mái nhà này không bao giờ khô được vì bị cớm bóng cây. Mới lợp lại mười năm trước, mà tám năm nay đã như thế này.

Chênh chênh phía trái mái nhà, vầng trăng non mọc sớm trắng nhạt trên bầu trời. Đã ba giờ rưỡi chiều. Ông đi xuống con đường ven bờ sông, thấy mấy con chim bói cá bay là là mặt nước, màu lông sặc sỡ nổi bật lên trên cảnh. Gần cầu Tosetgu, ông lên xe tính trở lại nghĩa địa Asashino. Ông nghĩ chiều đông ngồi suy ngẫm cái phù du của kiếp người trước hăng hà những tấm mộ bia và tượng thần Jizo chắc cũng thú vị. Nhưng thấy bóng tối đã

bao phủ những lùm tre của tu viện Giô, ông lại đổi ý cho tài quay xe ngược trở lại.

Ông quyết định dừng lại một tu viện khác trước khi trở về khách sạn. Vườn tu viện vắng tanh trừ một cặp vợ chồng mới cưới dường như đang hưởng tuần trăng mật. Lá thông khô vương vãi trên sân rêu, và bóng những lùm cây in trên mặt ao di chuyển theo bước chân ông. Oki trở về khách sạn theo ngã tây, nơi mấy ngọn đồi đang nhuộm ánh hoàng hôn.

Tắm nước nóng xong cho ấm người, ông mở niên giám tìm số điện thoại Otoko. Có giọng con gái trả lời, chắc là cô học trò ở trọ. Rồi máy được chuyển cho Otoko.

“A-lô.”

“Oki đây.”

“...”

“Anh là Oki, Oki Toshio.”

“Dạ. Lâu quá rồi nhỉ...”

Oki nghe giọng cố đô của nàng trên máy. Ông không biết nên nói như thế nào, để tránh lỡ lời mà cũng để cho Otoko tưởng rằng ông ngẫu hứng mà gọi nàng. Ông nói nhanh:

“Anh đến Kyoto để nghe chuông giao thừa...”

“Chuông ấy à...”

“Nghe chuông với anh nhé?”

“...”

Otoko lặng yên. Ông nhắc lại câu hỏi. Ông nghĩ nàng không nói được gì chắc tại quá ngạc nhiên.

“A-lô, A-lô,” ông nói tiếp.

Sau cùng nàng hỏi:

“Anh tới một mình?”

“Đúng, đúng, anh tới một mình.”

Otoko lại yên lặng.

“Nghe chuông xong, mừng một anh về sớm. Anh đến vì muốn nghe chuông giao thừa với em. Em, anh không còn trẻ nữa. Bao nhiêu năm rồi chúng mình không gặp lại nhau. Lâu quá rồi, nếu không có dịp như thế này anh chắc đã không dám rủ em...”

“...”

“Mai anh tới đón em được không?”

“Không, đừng” Otoko vội vã nói. “Em sẽ tới đón anh. Tám giờ tối nhé... Ô chắc sớm quá nhỉ. Chín giờ vậy, tại khách sạn anh. Vụ nghe chuông, em sẽ tìm chỗ cho.”

Oki đã tính tìm chỗ nào tĩnh mặc ăn tối với Otoko, nhưng chín giờ thì chắc nàng đã ăn rồi. Thôi thì ít nhất nàng đã chịu gặp lại ông. Cô gái nhỏ từ ký ức xa xôi dần dần sống lại.

Hôm sau, ông ở lì trong khách sạn suốt ngày chờ đến giờ hẹn. Thời gian đợi trông thường đã chậm lại càng chậm hơn vào ngày cuối năm. Oki không có gì làm. Ông có mấy người bạn ở Kyoto, nhưng mãi đợi Otoko ông không muốn gặp ai. Ông cũng không muốn ai biết ông đang ở cố đô.

Tất nhiên ngoài phố không thiếu gì nhà hàng chuyên trị các món đặc sản, nhưng ông ăn bữa tối ngay trong khách sạn. Thế là suốt ngày cuối năm ông không đi đâu, một mình sống với kỷ niệm người xưa. Ký ức càng trở về lại càng tươi mát linh động. Sự việc hai mươi năm trước còn rành mạch hơn là mới xảy ra hôm qua.

Oki ngồi xa cửa sổ nên không thấy phố xá trước khách sạn, nhưng dãy núi phía tây sau mấy mái nhà trông thật là gần. So với Tokyo, Kyoto quả là một tỉnh nhỏ an bình. Ông đang ngắm núi thì một dải mây vàng trong vắt bỗng trở màu xám lạnh, và chiều xuống đột ngột.

Khi Otoko theo mẹ dọn đi Kyoto, Oki đã nghĩ ông và nàng chia cách từ đây. Ông không khỏi cảm thấy hổ thẹn và tội lỗi vì đã xáo trộn đời nàng, đã cản trở không cho nàng mãi khai thành người vợ, người mẹ. Nhưng ông tự hỏi có thực sự là nàng và ông đã vĩnh biệt nhau không. Nàng nghĩ gì về ông mà bao năm qua vẫn không lấy chồng. Còn ông, hôm nay ông còn nhớ tới nàng rành rọt và tha thiết như vậy, phải chăng hai người thật ra chưa từng chia tay.

Tuy không phải dân Kyoto, nhưng ông thấy ánh đèn đêm của thành phố này sao thân thuộc. Cố đô là cái nôi của mọi người Nhật đã đành, nhưng lý do quan trọng hơn là nơi đây là tỉnh nhà của Otoko. Bồn chồn, ông đi tắm. Ông thay quần áo, đi lui đi tới trong phòng, thỉnh thoảng lại ngắm mình trong gương. Sau cùng ông ngồi xuống đợi.

Có điện thoại từ phòng tiếp tân báo tin cô Ueno đã tới. Ông trả lời:

“Làm ơn mời cô ngồi chơi, tôi sẽ xuống ngay.”

Rồi ông tự hỏi, lẽ ra ông có nên mời nàng lên phòng không.

Otoko không có mặt ở phòng tiếp tân, nhưng một thiếu nữ bước lại phía ông.

Cô gái nói:

“Thưa có phải là ông Oki không ạ?”

“Chính tôi.”

“Cô Ueno em sai em tới kiếm ông.”

“Vậy sao?” ông làm bộ bình thản. “Cô thật là tử tế...”

Oki đã tưởng Otoko tới gặp ông một mình, nhưng nàng đã lẩn trốn. Những kỷ niệm về nàng tưởng mới sống lại, bỗng nhạt mờ đi.

Vào đến xe, ông yên lặng lúc lâu. Sau cùng ông hỏi:

“Cô có phải là học trò của cô Ueno không?”

“Dạ phải.”

“Cô ở chung với cô Ueno?”

“Dạ. Nhưng còn có người vú già nữa.”

“Cô người Kyoto?”

“Thưa không, em gốc ở Tokyo. Nhưng mê tranh của cô Ueno, em đã theo cô em về đây. Cô em cho em ở nhờ.”

Oki quay lại nhìn cô gái. Lúc ở khách sạn, ông đã thấy cô đẹp. Giờ đây nhìn lại, bán diện cô mỹ miều làm sao. Cổ cô mảnh cao, và vành tai xinh đẹp tuyệt vời. Dung nhan như cô bé, không ai có thể bỏ qua. Cô ăn nói lại chừng chặc, tuy có chút dè dặt. Ông tự hỏi, không biết cô có biết câu chuyện tình giữa ông và Otoko ngày xưa, khi cô còn chưa ra đời.

Ông hỏi băng quơ:

“Cô thường mặc kimono?”

“Thưa không. Ở nhà vận động nhiều, em thường mặc quần cho tiện, tuy như vậy không chỉnh tề lắm. Nhưng cô em dặn phải mặc kimono để đón năm mới và nghe chuông chùa hôm nay.”

Hóa ra cô bé không những đến khách sạn đón ông mà còn sẽ nghe chuông chung với ông và cô giáo nữa. Otoko rõ ràng không muốn gặp lại ông một mình.

Xe chạy qua công viên Maruyama về hướng tu viện Chion. Tới nơi, ông lại càng ngạc nhiên khi thấy hai cô ca kỹ ngồi với Otoko đợi ông trong phòng khách lối cổ, xem ra được thuê cho dịp này. Otoko một mình ngồi bên chiếc bàn có lò sưởi hằm phía dưới, trên đùi trải tấm chăn. Hai cô ca kỹ ngồi đối diện nhau bên lò sưởi gang. Cô gái bước qua ngưỡng cửa tới quỳ xuống chiếu, cúi đầu nói:

“Thưa cô, em đã về.”

Otoko kéo chân ra khỏi chăn. Nàng nói với Oki:

“Lâu lắm không gặp nhau... Em nghĩ anh thích nghe chuông chùa này, nên đã chọn tiệm đây. Nhưng cuối năm nhiều nhân viên về nhà ăn tết nên em không biết sự tiếp đón có được chu đáo không.”

“Anh cảm ơn em. Tha lỗi cho anh đã làm phiền em.”

Oki chỉ nói vồn vện được có thế. Otoko đã cho cô bé học trò đi cùng mà lại còn mang theo hai cô ca kỹ, cảnh này thì ông không thể nào nhắc tới chuyện cũ, mà cũng không được lộ cảm xúc ra sắc diện. Hôm qua, khi nhận được điện thoại của ông, chắc Otoko lúng túng lắm nên mới nghĩ tới phương cách tiếp đón ông như thế này.

Ông nghĩ Otoko ngại gặp lại ông một mình đến như vậy, phải chăng nàng chưa hẳn cạn tình. Lúc bước vào phòng vừa thấy mặt nàng, Oki đã cảm thấy tình ấy vẫn còn. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, ông biết mình chưa hẳn đã thành người dưng. Mọi người như không để ý, nhưng có thể cô học trò đã thấy điều ông thấy. Hai cô ca kỹ cũng vậy, họ tuy còn trẻ nhưng sinh sống ở chốn giang hồ tất phải từng trải. Chỉ có điều thấy mà không ai tỏ ra.

Otoko mời ông ngồi, rồi bảo cô học trò tới ngồi đối diện với ông. Nường lò sưởi hầm cho hai người, Otoko sang ngồi với các cô ca kỹ.

Nàng giới thiệu:

“Đây là Keiko Sakami. Cô bé ở trọ nhà em. Cô bé trông thế mà hơi điên đấy.”

“Ô! Cô Ueno, cô lại ghẹo em.”

“Cô bé vẽ tranh trừu tượng theo kiểu riêng. Tranh cô bé đam mê đến nỗi trông như của người tâm bệnh. Nhưng em rất thích, có lúc còn thèm vẽ được như vậy. Khi vẽ, cô bé như người lên đồng.”

Nhà bếp bưng sa-kê và đồ nhắm lên. Hai cô ca kỹ rót rượu ra chén.

Oki nói:

“Anh không ngờ được nghe chuông chùa cuối năm trong cảnh đông đúc thế này.”

Mắt nhìn xuống, Otoko nói:

“Em nghĩ có thêm người trẻ nghe chuông thì chắc vui hơn. Giao thừa, chúng ta mỗi người già đi một tuổi, sợ có buồn chẳng? Có lúc em tự hỏi sao mình còn sống đến hôm nay...”

Câu nói làm Oki chột nhốt hai tháng sau khi con chết, Otoko đã uống thuốc ngủ toan tự vận. Phải chăng nàng cũng vừa nhớ lại chuyện cũ. Khi được mẹ Otoko cho hay tin dữ, ông đã vội vã tới bên nàng. Bà đã ép con phải đoạn tuyệt với ông, đẩy con đến chỗ tự vận.

Dù sao thì bà cũng đã cho gọi ông, và ông ở lại nhà hai mẹ con để săn sóc Otoko. Ông xoa bóp chỗ sưng nơi đùi nàng vì mũi tiêm. Bà mẹ đi đi lại lại trong bếp, thỉnh thoảng mang lên chiếc khăn nóng. Otoko không mặc đồ lót dưới lớp áo ngủ. Vết tiêm sưng lên làm xấu xí cặp đùi mảnh khảnh của tuổi mười bảy. Ông nắn bóp chỗ sưng, có lúc quá tay trượt lên trên. Khi bà mẹ không có ở bên, ông lấy tay chùi sạch những vệt nước ứa ra từ thân thể nàng. Nước mắt của xấu hổ và xót thương rơi xuống lẫn với bài tiết của cô gái, ông tự hứa với lòng là dù sao đi nữa, ông sẽ cứu Otoko và sẽ không bao giờ bỏ nàng. Mối cô gái tím bầm. Nghe tiếng bà mẹ thốn thức, ông nhìn vào bếp thấy bà ngồi co ro trước lò sưởi điện. Bà than:

“Con tôi chết mất... Tại tôi mà con tôi chết mất.”

Ông an ủi:

“Bà đã hết tâm hết sức vì con. Bà không nên quá nghiêm khắc trách mình như vậy.”

Nắm chặt tay ông, bà nói:

“Ông Oki, ông cũng vậy. Ông cũng đã hết sức lo lắng cho con gái tôi. Tôi biết ông yêu nó...”

Ba ngày ba đêm không ăn không ngủ, ông ở bên giường săn sóc Otoko cho đến khi nàng mở mắt. Quặn quại trong cơn đau, Otoko như muốn tự cào nát thân thể mặt mày.

Nhìn thẳng Oki, nàng nói trong mê sảng:

“Không, không đâu. Anh đi đi.”

Hai vị lương y đã nỗ lực chữa trị cho nàng, nhưng Oki biết chính nhờ ông tận tụy mà nàng sống được. Có thể bà mẹ không cho con gái biết Oki đã săn sóc nàng. Nhưng Oki thì không thể quên. Ông không những nhớ lại rõ ràng tấm thân ông ôm trong tay, mà còn nhớ cặp đùi người con gái nửa sống nửa chết, cặp đùi ông đã tận tụy xoa bóp. Ai ngờ hai mươi năm sau ông thấy lại cặp đùi ấy phủ tấm mền bên lò sưởi, trong khi nàng ngồi đợi nghe chuông chùa giao thừa với ông.

Otoko cạn chén mỗi khi các cô ca kỹ hay chính ông chuốc rượu. Nàng xem ra từu lượng khá. Một cô ca kỹ nói phải một giờ đồng hồ, chuông mới thỉnh xong một trăm lẻ tám tiếng. Cũng như cô bạn, cô không trang điểm theo dạ tiệc. Hai người chỉ mặc một chiếc kimono giản dị, trừ thắt lưng bằng loại hàng tốt và nhã. Họ cũng không dùng kẹp, mà chỉ cài lược để giữ mái tóc khỏi tuột. Họ chắc là chỗ thân tình với Otoko, nhưng Oki cũng ngạc nhiên vì chiều tất niên mà ăn mặc xoàng xĩnh như vậy.

Tuy nhiên, nghe hai cô nói chuyện mưa nắng bằng giọng cổ đô, Oki thấy lòng thư giãn. Ông cho rằng Otoko thật là ý tứ. Nàng không muốn ngồi riêng với ông trong cuộc tái ngộ bất ngờ tối nay, chẳng qua là sợ không kiềm chế được xúc động. Như có luồng điện giữa hai người ngồi cùng bàn tiệc với nhau.

Chuông chùa Chion bắt đầu điểm.

Mọi người yên lặng. Chuông hơi rè có lẽ phần nào tại han rỉ vì thời gian, nhưng tiếng ngân trầm và sâu. Chuông ngưng một lúc rồi lại điểm. Bây giờ thì chuông nghe sát bên tai.

Otoko nói:

“Chúng mình ở gần chuông quá. Em đã tưởng ngồi đây mà nghe chuông tu viện này thì nhất. Nhưng nghĩ lại, có lẽ xa hơn một chút thì thích hơn. Chẳng hạn như từ bờ nam sông Namo.”

Oki đẩy cửa nhìn ra, thấy tháp chuông ngay tại khu vườn nhỏ phía dưới. Ông nói:

“Chuông kia kìa. Anh thấy cả người thỉnh chuông.”

Otoko nhắc lại:

“Chúng mình ngồi đây quả thật quá gần.”

Oki nói:

“Không sao, gần mới tốt. Sau nhiều năm nghe chuông qua đài, anh phải nghe như thế này mới đã.”

Nhưng Oki không thích cảnh đám đông lơ nhố trước sân chùa. Ông đóng cửa và trở lại ngồi bên lò sưởi.

Khi không còn lắng tai nữa, ông nghe được một tiếng chuông đặc biệt mà chỉ một cái chuông cổ mới có thể phát ra, âm vang cái khí lực siêu hình của những thế giới xa xưa.

Họ rời tu viện để tới chùa Gion dự lễ giao thừa. Ông gặp nhiều người mang lửa xin từ chùa về nhà bằng dây búi nhùi. Ông biết lửa này sẽ dùng để nấu món canh cá bánh dày đặc biệt của bữa tiệc đầu năm.

Mùa xuân sớm

Oki đứng trên đỉnh đồi ngắm ráng chiều đỏ rực. Hôm nay, ông đã ngồi bàn giấy đến một giờ trưa. Viết xong đoạn truyện nhiều kỳ cho nhật báo chiều, ông đứng dậy đi ra khỏi nhà.

Phía tây, trời mỗi lúc một rực đỏ. Màu tía nhiều cung bức đến nỗi ông nghĩ phải có lớp mây mỏng hay sương khuếch xạ mới ra như vậy. Ráng trời hừng hực làm lòng ông thao thức. Rồi màu nhạt tối dần chuyển sang màu đậm, nhòe nhoẹt như ai cầm cây cọ lướt trên mặt giấy ướt. Ông nghe mùa xuân sắp tới.

Có chút hồng tại một khoảng chân trời, có lẽ chính nơi mặt trời vừa lặn. Oki nhớ đến chuyến tàu đầu năm đi thăm Kyoto, mặt trời lặn làm đường rày đỏ như son suốt một khoảng dài. Tàu chạy ven biển, khi rẽ vào bóng râm của núi, màu đỏ của đường rày tắt đi. Khi tàu vào đến trong khe thì chiều đổ xuống.

Oki nhớ đến cuộc tái ngộ với Otoko chuyển đi ấy. Ông lại cảm thấy mình chưa thành người đứng, dù nàng có đem học trò và hai cô ca kỹ theo để tránh gặp lại ông một mình. Ông nhớ trên đường từ tu viện Chion ngang qua đại lộ số bốn, mấy người đàn ông say rượu làm bộ muốn sờ búi tóc cao của hai cô ca kỹ. Thường thường ở Kyoto đàn ông không bờm xờm như vậy. Để che chở cho đám phụ nữ, Oki bước sát bên các cô, dành cho Otoko và Keiko đi sát đằng sau.

Ông nhớ hôm Tết khi sắp lên tàu, ông đang tự nhủ Otoko chắc bạn sẽ không tiễn ông, thì Sakami Keiko bước tới.

“Chúc mừng năm mới! Cô Ueno em cũng muốn đi tiễn ông lắm, nhưng như mọi năm, sáng mồng một, cô em phải đi thăm người nọ người kia. Lại còn phải đón tiếp khách khứa tại nhà. Em được thay mặt cô em ra ga tiễn ông.”

“Vậy sao? Em thật là ngoan.”

Nhan sắc của cô gái làm đám hành khách thừa thớt của ngày đầu năm chú ý. Ông lại nói:

“Đây là lần thứ hai mà tôi phiền em. Bữa trước đã đến khách sạn đón, hôm nay lại ra ga đưa.”

“Không, ông không có gì phiền em cả.”

Keiko mặc nguyên chiếc kimono xa-tanh xanh hôm qua có minh họa mấy con chơi chơi đùa trong tuyết. Màu lông chim tươi vui, nhưng với tuổi cô bé, y phục như vậy thì hơi kín đáo và tẻ cho ngày Tết. Ông khen:

“Áo em đẹp quá! Cô Ueno vẽ cho em phải không?”

Thoáng đỏ mặt, Keiko nói:

“Dạ thưa không. Chính tay em vẽ đấy, nhưng em biết em vẽ cũng còn xoành xĩnh lắm...”

Thật ra màu áo hơi nhũn lại làm khuôn mặt cô gái đẹp hơn. Có gì rất trẻ trung trong sự hòa hợp các màu, trong hình thể những con chim, và ngay trong những bông tuyết như đang nhảy múa.

Keiko trao ông gói đồ ăn Otoko biếu, cùng ít dưa muối đặc sản của Kyoto.

“Cô em gửi để ông dùng trên tàu.”

Trong mấy phút tàu chưa chạy, Keiko đứng nán lại dưới sân ga. Ngắm bán thân Keiko qua khung cửa sổ, ông thấy người con gái như trái cây chín tới. Ông chạnh nghĩ ông chưa bao giờ được thấy Otoko khi nàng vừa mãn khai. Xa nhau, nàng mới mười bảy, gặp lại hôm rồi nàng đã bốn mươi.

Ông mở gói đồ ăn khi trời còn sáng, lúc mới bốn rưỡi chiều. Trong gói có mấy món ăn ngày Tết, và những nắm cơm nhỏ mà ông đoán nàng đã tự tay nắm với tất cả ân cần. Otoko đã sửa soạn bữa tối này cho con người năm xưa đã hủy hoại tuổi xuân của nàng. Nhai từng miếng cơm nhỏ, ông

cảm thấy trong miệng cái vị ngọt ngào của tha thứ. Rồi ông nghĩ đây không phải là tha thứ mà là tình yêu, cái tình yêu còn sống trong tim Otoko.

Từ ngày Otoko theo mẹ về Kyoto, ông chỉ biết là nàng đã thành một danh họa. Có thể nàng đã có những mối tình khác, những liên hệ khác. Tuy nhiên, mối tình tuyệt vọng đam mê tha thiết của cô gái nhỏ, mối tình ấy nàng đã dành cho ông. Còn đời ông, sau Otoko đã có nhiều người đàn bà khác. Nhưng ông chưa yêu ai bằng một tấm tình nặng thương đau như yêu nàng. Cơm nắm của Otoko rất ngon, chắc phải nấu bằng gạo Kansai. Ông ăn hết nắm này đến nắm khác, cơm thật vừa miệng, không mặn mà cũng không nhạt.

Ông lại nhớ mới mười bảy tuổi, hai tháng sau khi đẻ non và toan tự vận, Otoko đã phải vào nhà thương điên và bị nhốt trong căn phòng cửa sổ có chấn song sắt. Bà mẹ cho ông hay tin nhưng không cho ông tới thăm. Bà nói:

“Ông có thể nhìn nó từ hành lang, nhưng tôi mong ông không nên thấy con bé trong hoàn cảnh này... Nếu nhận ra ông, tâm thần nó lại dao động mà bệnh tình nặng ra.”

“Bà nghĩ em còn nhận được ra tôi?”

“Tất nhiên. Không phải vì ông mà nó ra nông nỗi này sao?”

Oki không trả lời. Bà mẹ lại nói:

“Nhưng họ bảo con tôi chưa điên hẳn. Bác sĩ trấn an tôi rằng ông ta sẽ không giữ nó lại lâu... Nó hay làm như thế này này. “Bà cong cánh tay làm bộ như đang bế một hài nhi.” Tội nghiệp, nó vẫn nhớ con nó.”

Ba tháng sau, Otoko xuất viện. Bà mẹ tới gặp ông.

Bà nói:

“Ông Oki, tôi biết ông đã có vợ con, và con Okoto khi làm bạn với ông cũng không phải không biết điều này. Còn nữa, chắc ông nghĩ là tôi điên, vì chừng này tuổi đầu mà dám xin ông một chuyện vô lý, nhưng mà...”

Bà lấp bắp nói tiếp:

“Có thể nào ông lấy con gái tôi được không?”

Nói xong bà cắn chặt môi, cúi đầu, nước mắt ứa ra. Oki đau khổ nói:

“Tôi cũng vẫn nghĩ chuyện này.”

Tất nhiên là đời sống vợ chồng Oki đã sóng gió vì chuyện Otoko. Fumiko vợ ông hồi đó mới hai mươi tư tuổi...

“Chao ôi, đã bao lần tôi đã nghĩ đến chuyện này...” ông nhắc lại.

Bà mẹ nói:

“Ông hoàn toàn có quyền bỏ ngoài tai điều tôi vừa xin ông, và nghĩ như con tôi, là tôi điên mất rồi. Tôi hứa sẽ không bao giờ nhắc lại lần nữa thỉnh cầu này... Nhưng tôi không muốn nói là tôi xin ông cưới con Otoko ngay bây giờ. Nó có thể đợi ông hai năm, ba năm, năm năm, hay bảy năm cũng vậy. Nó là loại con gái biết đợi. Nó mới mười bảy...”

Nghe bà nói, ông nghĩ Otoko đã thừa hưởng được cái đam mê của mẹ.

Chưa đầy năm sau, bà mẹ bán nhà ở Tokyo để dọn về Kyoto với con gái. Otoko theo học một trường trung học nữ, trở mất một lớp. Tốt nghiệp, nàng ghi tên vào trường Mỹ thuật.

Hai mươi năm sau, ông mới có dịp ngồi với Otoko nghe chuông giao thừa tu viện Chion, và nàng mới có dịp gọi ông mấy món ăn nguội mang theo lên tàu. Gắp đồ ăn lên miệng, ông nghĩ món nào Otoko nấu cũng đúng theo truyền thống Kyoto. Ông đã ăn bữa điểm tâm gọi là tết tại khách sạn Miyako, nhưng món canh bánh dày nóng của họ chỉ tết cho có lệ. Phải nói hương vị tết của ông nằm cả trong bữa ăn nguội nàng gửi cho ông mang theo lên tàu. Còn những bữa cơm ngày tết tân thời người ta dọn cho ăn ở Kamakura thì không còn gì là Nhật nữa, mà làm cho ông liên tưởng đến những tấm ảnh màu của mấy tập san phụ nữ.

Otoko tuy bận rộn như Keiko đã cho hay, vẫn có thể dành mười mười lăm phút ra ga tiễn ông. Nhưng nàng đã không làm. Cũng như hôm qua trước mặt mọi người, nàng đã không nhắc được chuyện cũ, nhưng rõ ràng là có luồng điện giữa ông với nàng. Bữa ăn nguội hôm nay cũng cùng một ý nghĩa...

Tàu sắp chuyển bánh, ông vỗ nhẹ vào cửa kính. Sợ Keiko không nghe thấy, ông hạ kính xuống vài phân. Ông nói với cô gái:

“Cảm ơn em lần nữa. Có gia đình ở đây, chắc em thường đi Tokyo phải không? Vậy thì bao giờ có dịp, em ghé thăm ta nhé. Em tìm nhà ta chắc cũng dễ thôi. Kamakura là tỉnh nhỏ, ra khỏi ga, em chỉ cần hỏi đường là tới. À mà em cho ta xem tranh của em nhé. Những tấm tranh mà cô Ueno gọi là tranh diên ấy.”

“Ôi, cô em làm em ngượng quá.”

Ánh mắt cô gái thoáng vẻ khác thường.

Oki nói:

“Nhưng cô Ueno có muốn vẽ diên như em, chắc gì đã vẽ được, phải không?”

Tàu ngừng không lâu, và câu chuyện hai người cũng phải ngắn gọn.

*

Oki đã viết nhiều truyện, khai triển cái đặc biệt cái bất thường, nhưng cho đến bây giờ, ông chưa sáng tác những tác phẩm gọi là “trừu tượng”. Chỉ vì một số từ ông dùng khác với ngôn ngữ hàng ngày mà người ta gọi mấy tác phẩm của ông là “ẩn tượng” hay “trừu tượng”. Thừa trẻ, Oki đã để tâm chế ngự xu hướng văn học gọi là trừu tượng hay ẩn tượng này trong văn ông. Chẳng qua là tại ông thích thơ ẩn tượng Pháp, thơ Shin-Kokin-Shu, thơ hài cú, và ông đã tập dùng những từ ẩn tượng hay trừu tượng để diễn tả chuyện cụ thể hay hiện thực.

Ông tự hỏi là Otoko bằng da bằng thịt liên hệ thế nào với Otoko nhân vật tiểu thuyết của ông? Sự việc thật ra không giản dị. Trong cả văn nghiệp của ông, tác phẩm sống lâu nhất và vẫn còn nhiều người đọc bây giờ là cuốn tiểu thuyết kể lại mối tình của ông với nàng hồi nàng mới mười sáu mười bảy. Từ khi xuất bản, cuốn tiểu thuyết đã làm Otoko thiệt thòi vì người đời soi mói. Nó đã cản trở không ít những cơ hội hôn nhân của nàng.

Nhưng vấn đề là bây giờ, sau hơn hai mươi năm, nhân vật Otoko vẫn còn quyến rũ độc giả. Nhân vật có lẽ quyến rũ hơn là người mẫu. Nó không hiện thực là chân dung Otoko mà hoàn toàn do ông tạo ra. Là tác giả, ông đã thêm thắt, đã hư cấu, đã lý tưởng hóa nhân vật.

Bỏ sang bên chuyện ai quyến rũ hơn ai, ông không biết cô Otoko nào thật hơn, cái cô ông tạo ra hay cái cô mà chính Otoko sẽ tạo ra nếu nàng tự kể chuyện mình.

Tuy nhiên nhân vật truyện ông vẫn là Otoko. Không có nàng thì cuốn tiểu thuyết này đã chẳng bao giờ ra đời. Chính nhờ nàng, mà tiểu thuyết của ông sau hai mươi năm vẫn tiếp tục được đọc. Nếu không gặp Otoko, Oki đã không được sống với một mối tình như vậy.

Ông không biết gặp nàng, yêu nàng khi ông ba mươi một tuổi là may mắn hay tai họa cho đời ông, nhưng phải công nhận rằng cuộc tình đã cho ông những bước đầu thuận lợi trên con đường văn nghiệp.

Ông đã đặt cho cuốn truyện cái tựa *Cô gái mười sáu*. Cái tựa bình thường, không chút cầu kỳ, nhưng hai mươi năm trước, mọi người đã kinh ngạc vì chuyện một nữ sinh mười sáu có nhân tình, sanh con thiếu tháng, rồi mất trí một thời gian. Về phần Oki, ông không thấy có gì đáng kinh ngạc. Tất nhiên ông không viết cuốn truyện để làm kinh ngạc mọi người, và ông cũng không dùng Otoko để khêu gợi trí tò mò của độc giả.

Truyện ông dựng một cách bình thường như cái tựa bình thường, với nhân vật Otoko như một cô gái trong trắng và đam mê. Ông đã ráng sức tả khuôn mặt nàng, bóng dáng nàng, cử chỉ nàng. Ông đã đưa vào truyện tất

cả cái tươi mát của tấm tình yêu đương son trẻ của ông, và có lẽ vì vậy mà tác phẩm đã thành công đến thế. Truyện ông là mối tình của cô gái nhỏ với người đàn ông trẻ đã có vợ con. Oki chú tâm đến cái đẹp và không đặt vấn đề đạo lý hay không đạo lý.

Thời gian hai người thường lén lút hẹn hò, Otoko có lần bảo ông:

“Anh lúc nào cũng lo người ta nghĩ gì về mình. Anh phải bạo dạn lên thôi.”

Ông thành thực trả lời:

“Anh nghĩ thật ra anh là người vô liêm sỉ. Như bây giờ với em, em nghĩ anh chưa đủ vô liêm sỉ sao?”

“Không, em không muốn nói chuyện chúng mình. Em muốn nói anh phải bạo dạn với mọi việc trên đời.”

Oki không biết trả lời sao. Bao nhiêu năm qua, ông không quên được câu nói. Ông nghĩ vì yêu ông mà cô bé mười sáu đã thấy rõ ruột gan cũng như đời sống của ông.

Sau khi xa nhau, ông đã xử lý mọi chuyện theo ý mình. Mỗi lần bắt đầu e ngại ý kiến người khác, ông lại nhớ lời cô bé dặn, và thấy lại rành mạch trong đầu nét mặt Otoko khi nàng khuyên ông. Hôm ấy Oki đang vuốt ve Otoko, câu nói làm ông khựng lại. Nghĩ mình lỡ lời, cô bé úp mặt vào cánh tay ông và cắn ông ngang chỗ khuỷu tay. Cô bé cắn mỗi lúc một mạnh. Oki cắn răng chịu, không giằng tay ra. Ông nghe nơi cánh tay những giọt nước mắt nóng hổi của cô gái.

“Em làm anh đau!”

Sau cùng, Oki kéo tay mình ra. Những vết răng Otoko cắn sâu vào da lấm tấm rướm máu. Otoko liếm vết thương cho ông. Cô nói:

“Anh cắn lại em đi.”

Oki ngấm cánh tay cô bé, nhẹ vuốt từ vai xuống mút bàn tay. Cánh tay ông ngấm là cánh tay trẻ con. Ông ôm vai cô hôn, cô gái vận mình khoái cảm.

Không phải vì Otoko chê ông câu nệ miệng tiếng và khuyên ông phải bạo dạn mà ông khởi sự viết *Cô gái mười sáu*. Nhưng khi đã viết thì ông thường nghĩ đến lời cô nói. Cuốn truyện ra đời hai năm sau khi hai người xa nhau. Otoko bây giờ đang ở Kyoto với mẹ. Bà mẹ đã rời Tokyo có lẽ vì không thấy ông trả lời dứt khoát chuyện hôn nhân với con bà. Mà có lẽ cũng vì bà không chịu nổi cái đặng cay của hai mẹ con tại thành phố quá nhiều ưu phiền này.

Ở Kyoto, hai mẹ con nghĩ gì khi đọc cuốn truyện với Otoko là nhân vật chính, cuốn truyện đã làm ông nổi tiếng, càng ngày càng đông độc giả. Lúc đó, không ai tọc mạch tìm hiểu người mẫu của truyện là ai. Mãi cho đến khi ông năm mươi và thành danh, người ta mới đào sâu vào đời tư của ông và xác định Otoko là nhân vật chính của *Cô gái mười sáu*. Lúc ấy bà mẹ đã qua đời.

Bây giờ thì sự liên hệ giữa người và truyện lại càng rõ rệt khi chính Otoko cũng đã trở nên một họa sĩ tiếng tăm. Người ta đăng hình nàng trong các tập san, với thuyết minh đây là nhân vật nữ của *Cô gái mười sáu*. Oki nghĩ Otoko có thể từ chối nếu nhà báo chụp nàng như người mẫu của truyện ông, nhưng nàng không thể làm gì khác hơn là chịu trận nếu họ chụp nàng như một danh họa. Tất nhiên nàng đã không tiết lộ cảm nghĩ của nàng về cuốn truyện. Ngay cả lúc sách mới ra, ông không nghe hai mẹ con phản ứng gì.

Phần ông, ưu phiền vì cuốn sách bắt đầu ngay tại gia là chuyện dễ hiểu. Trước khi lấy ông, Fumiko làm thư ký đánh máy cho một hãng thông tấn, nên ông dành ngay cho cô vợ trẻ việc đánh máy bản thảo của mình. Sự việc tưởng như trò chơi yêu đương của đôi vợ chồng, hóa ra phức tạp hơn nhiều. Lần đầu thấy tác phẩm của mình xuất hiện trên tạp chí, Oki đã ngạc nhiên vì sự khác nhau giữa bản thảo viết tay và tác phẩm đã in. Có những đoạn

khi còn trong thủ bút tưởng như tầm thường, trở nên khác hẳn khi in ra sách. Về sau nhiều kinh nghiệm viết lách hơn, ông tự nhiên đoán được khi đọc bản thảo viết tay, truyện sẽ như thế nào một khi in ra. Không phải khi viết ông cố gắng hay cố ý, mà ông cũng không mảy may để tâm, sự cách biệt giữa thủ bút và bản in không còn nữa. Ông đã biết cách viết như thế thấy trang truyện đã in đặt ngay trước mắt. Phải chăng ông đã nắm được kỹ thuật nghề văn.

Ông thường nói với những nhà văn trẻ, “Các cậu nên cho in vài trang bản thảo của mình mà xem. Bản in sẽ khác bản thảo hoàn toàn, và các cậu sẽ không ngờ sự khác nhau giữa chữ in và thủ bút lại dạy cho ta nhiều điều hay như vậy...”

Sách vở thời nay in bằng mẫu tự khổ nhỏ li ti. Nhưng Oki đã tìm được thú vui ngược lại. Chẳng hạn như ông đã đọc nhiều lần *Truyện Gengi*, loại sách bỏ túi in chữ nhỏ, nhưng khi tình cờ tìm được một ấn bản xưa chữ lớn khắc gỗ thì sự thưởng lãm hoàn toàn khác hẳn. Ông tò mò nghĩ những người đọc tác phẩm này vào thời Heian qua một ấn bản tuyệt vời bằng mẫu tự Kana thì đã thưởng lãm như thế nào. Thơ phú thời Heian cũng vậy. Với các tác phẩm về sau, Oki đã gắng tìm đọc những thạch bản của Saikaku, không phải vì hoài cổ mà vì muốn thật gần với bối cảnh hiện thực của văn bản. Nhưng bây giờ mà đọc thủ bút của những tác giả đương thời viết nguệch ngoạc ra để in máy, thì quả thật là tìm cái tinh tế không phải chỗ.

Khi cưới Fumiko thì ông không còn thấy khác biệt giữa bản thảo của mình và sách đã in ra. Chẳng qua là Fumiko có nghề đánh máy thì ông giao cho vợ đánh máy tác phẩm của ông. Chỉ có mỗi lợi điểm là dù sao bản đánh máy lạnh, nên giúp cho ông khách quan để bắt được những khuyết điểm cần hiệu đính. Vì vậy mà ông giao tất cả bản thảo của mình cho vợ.

Nhưng lẽ nào ông để vợ đánh máy *Cô gái mười sáu*? Giao cho vợ bản thảo, ông có thể làm nàng mất thể diện và đau buồn. Như vậy thì tàn nhẫn quá. Khi ông gặp Otoki, vợ ông mới hai mươi hai và vừa sanh con trai đầu lòng. Tất nhiên nàng nghi ngờ và ghen. Có khi ban đêm nàng địu con lên

vai đi lang thang dọc con đường hỏa xa gần nhà. Một hôm nàng vắng mặt suốt hai giờ đồng hồ, Oki đi tìm thì thấy vợ ngồi tựa cây mận già ngoài vườn nước nở khóc. Nàng nhất định không chịu vào nhà.

Ông la vợ:

“Em làm gì ngoài này. Con nó cảm hàn mất thôi.”

Tiết trời giữa tháng ba còn lạnh giá. Thằng bé sưng phổi phải nhập viện. Fumiko ở luôn nhà thương chăm con. Nàng nói với chồng, “Nó có chết thì càng tiện cho anh. Như vậy, anh có bỏ em cũng dễ.” Ngay cả trong lúc gia cảnh bối rối như vậy, Oki cũng không bỏ lỡ dịp đi gặp Otoko. Vậy mà sau cùng, đứa con cũng được cứu sống.

Năm sau khi Otoko sanh thiếu tháng, Fumiko biết chuyện nhờ tình cờ bắt được lá thư bà mẹ Otoko gửi cho Oki. Một cô gái mười bảy sanh con, sự việc tự nó thật ra không có gì ghê gớm, nhưng Fumiko không thể chấp nhận được dù trong chiêm bao. Tràn đầy giận dữ, Fumiko day nghiêng ông thậm tệ rồi cắn lưỡi toan tự tử. Máu trào ra mép. Oki cậy vội miệng vợ đút tay mình vào, cho đến khi Fumiko nghẹn thở, buồn nôn, rồi nhũn người khụy xuống. Tay ông đầy vết răng vợ, máu chảy có giọt. Thấy Oki bị thương, Fumiko tỉnh giận. Nàng rửa vết thương cho chồng, đắp thuốc cầm máu, và băng lại. Khi ông viết xong cuốn truyện, Fumiko cũng đã nguôi ngoai vì biết chồng đã bỏ Otoko, và cô gái đã theo mẹ đi Kyoto.

Ông nghĩ để vợ đánh máy bản thảo phải chẳng như quây mũi dao trong vết thương, khơi lại lòng ghen tuông cũng như đau khổ của nàng. Nhưng không để vợ dự phần vào tác phẩm, Oki cảm thấy như còn giấu diếm và không thành thực với vợ.

Làm cũng dở mà không làm cũng dở. Sau cùng ông đưa bản thảo cho vợ vì thiện ý muốn thú thật mọi chuyện. Fumiko đọc tác phẩm một hơi từ đầu đến cuối trước khi đánh máy. Đọc xong, mặt mày tái ngắt, nàng nói:

“Lẽ ra em phải buông cho anh đi. Ai đọc những hàng chữ này tất sẽ xót thương Okoto.”

“Anh công nhận anh đã không viết nhiều về em...”

“Em biết em không thể so sánh được với người đàn bà lý tưởng.”

“Anh không muốn nói như vậy.”

“Hồi ấy em ghen đến mất khôn.”

“Dù sao thì Otoko đã bỏ đi. Và sự thật là anh với em sẽ sống với nhau những năm dài trước mặt. Và lại phần lớn tác phẩm là hư cấu của nghề văn, và nhân vật không giống với Otoko ngoài đời. Chẳng hạn đoạn Otoko vào nhà thương điên, anh viết mà nào có tư liệu gì...”

“Anh hư cấu được vì anh yêu quý người ta.”

Oki gắng thành thật:

“Anh thú nhận là anh đã không viết được tác phẩm nếu hồi ấy anh đã không yêu cô ta... Em có giúp anh đánh máy không? Anh rất khổ khi nhờ em...”

“Em sẽ giúp anh. Dù sao thì máy chữ cũng chỉ là một công cụ. Em cũng chỉ là một thứ công cụ khác.”

Nói vậy mà Fumiko cũng không sinh hoạt được như một cái máy. Nàng đánh nhiều lỗi, và nhiều lần Oki nghe tiếng vợ xé giấy vứt vào sọt rác. Lúc nàng ngưng tay, Oki có khi nghe nàng ghen ngào hay nôn ọe. Nhà chật chội, bàn máy đặt góc phòng khách bốn chiếu rưỡi, sát kê phòng làm việc sáu chiếu của Oki. Ông cảm thấy rõ ràng sự hiện diện của vợ, và ông không còn có thể thoải mái ngồi trước bàn giấy làm việc.

Rồi Fumiko không bàn một lời về tác phẩm. Có lẽ nàng nghĩ đã nhận làm một công cụ thì nàng không có ý kiến. Cuốn truyện ba trăm năm mươi trang, ngay cả một đả tự viên lành nghề cũng phải nhiều ngày mới mong đánh xong. Fumiko trở nên xanh xao, má nàng trũng xuống. Nhiều khi nàng ôm lấy máy chữ, ngồi thẩn thờ nhìn vào hư không như bị ma làm. Một hôm, trước buổi cơm chiều, nàng mưa ra mặt vàng và ngất đi. Oki chạy lại xoa bóp cho vợ.

“Cho em ly nước. Làm ơn cho em ly nước”, Fumiko hỗn hển, lệ ứa ra từ đôi mắt đỏ hoe.

Oki nói:

“Anh thật là có lỗi. Lẽ ra anh không nên nhờ em đánh máy cuốn truyện. Nhưng giấu em, gạt em ra một bên...”

Ông muốn nói giấu nàng cuốn truyện tuy gia đình không đến nỗi tan vỡ, nhưng vết thương sẽ âm ỉ khó lành. Gắng nụ cười nhột nhạt, Fumiko nói:

“Dù có khó khăn, em vẫn sung sướng khi anh đã giao phó nó cho em. Đây là lần đầu tiên em đánh máy một cuốn truyện dài như vậy nên mới đuối sức.”

“Truyện càng dài, thử thách càng lớn cho em. Có lẽ số phận vợ nhà văn là như vậy.”

“Nhờ cuốn truyện, em hiểu Otoko hơn. Mặc dầu những đau khổ và thiệt thòi em đã phải gánh chịu, em hiểu được cái tốt lành cái thuận lợi cho anh khi gặp được cô ta.”

“Chẳng phải anh đã nói với em là anh lý tưởng hóa nhân vật sao?”

“Em biết điều đó. Trong thực tế, không có cô gái nào dễ yêu như nhân vật của anh. Nhưng nếu anh viết thêm về em thì em sẽ sung sướng hơn. Dù anh có tả em như một con đàn bà chỉ biết ghen tuông dữ dằn, em cũng sẽ không giận.”

Khó khăn lắm, Oki mới nói nên lời:

“Anh chưa bao giờ thấy em như hôm nay.”

“Những điều trong tim em, thật ra có bao giờ anh biết.”

“Anh không viết về em nhiều là tại không muốn phơi bày chuyện riêng tư của vợ chồng mình cho công chúng.”

“Anh nói không đúng. Anh si mê cô Otoko của anh đến nỗi anh chỉ muốn viết về cô ta. Có phải anh sợ viết về em sẽ làm cho cô bé bớt đẹp và

tác phẩm của anh ô nhiễm đi. Nhưng mà một cuốn truyện hay phải đẹp đến thế hay sao?”

Không ghi lại những cơn ghen lồng lộn cũ của vợ, Oki lại tạo ra cơn ghen mới. Thật ra Oki có đề cập vắn tắt đến chuyện vợ ghen. Có lẽ vắn tắt như vậy mới hay. Nhưng Fumiko lại tủi thân là chồng đã không đi vào chi tiết. Oki không hiểu được tâm lý đàn bà. Phải chăng nàng nghĩ mình bị sao nhãng, bị coi rẻ để cho Otoko nổi bật hơn. Nàng không hiểu trọng tâm cuốn truyện là cuộc tình bi thương của ông với cô gái, nên nhân vật Fumiko phải nhẹ hơn nhân vật Otoko.

Oki đã thêm những tình tiết mà cho đến bây giờ vẫn giấu vợ và vẫn sợ bị vợ xét nét, nhưng xem ra điều làm nàng thương tổn nặng nhất là phần dành cho nàng trong tác phẩm quá ít ỏi. Oki phân trần:

“Anh không muốn lấy sự ghen tuông của em làm chất liệu. Tất cả chỉ có vậy.”

“Thật ra anh không viết nhiều về em, chẳng qua là tại anh không thể viết về một người đàn bà anh đã không còn yêu... mà thậm chí cũng không còn ghét. Khi đánh máy bản thảo cho anh, em cứ tự hỏi tại sao em đã không để anh bỏ em...”

“Chà, em lại bắt đầu nói nhảm.”

“Em không nói nhảm đâu. Em thật là có tội đã không để cho anh đi. Em sẽ tự trách em cho đến chết.”

“Em nói cái gì?”

Oki vừa nói vừa lắc vai vợ. Fumiko rung mình từ đầu đến chân, lại nôn ra một vũng nước vàng.

Oki buông vợ ra. Fumiko nói:

“Không sao đâu. Em nghĩ... Em nghĩ em có bầu.”

Oki giật mình. Fumiko ôm mặt nước nở.

“Vậy thì em phải giữ gìn sức khỏe. Phải ngưng đánh máy đi thôi...”

“Không, em muốn đánh cho xong. Để cho em đánh tiếp, em xin anh. Em đánh cũng gần xong rồi, và lại làm việc với mấy đầu ngón tay nào có mệt nhọc gì.”

Fumiko không chịu nghe lời Oki. Đánh xong bản thảo ít lâu, nàng sảy thai. Hiển nhiên là tại cuốn truyện, cái mệt thể xác nào có thấm gì.

Nàng nằm nghỉ ngơi vài ngày. Tóc nàng khi khỏe đầy mịn và đánh thành bím, có thừa đi đôi chút, nhưng gương mặt không trang điểm vẫn xinh xắn mềm mại. Nhờ sinh lực của tuổi trẻ, nàng phục hồi dễ dàng.

Oki cắt xấp bản thảo đi. Ông không xé nó, không đốt nó, nhưng cũng không muốn đọc lại. Hai sinh mạng đã bị chôn theo tác phẩm trong tăm tối. Nghĩ đến đứa con chết thiếu tháng của Otoko và cái bào thai bị sảy của Fumiko, ông không khỏi nghĩ rằng những trang truyện của ông chứa đựng quá nhiều điều gở. Một thời gian khá lâu, hai vợ chồng tránh không đề cập đến bản thảo.

Fumiko là người đầu tiên gợi lại câu chuyện:

“Sao anh không cho xuất bản? Anh sợ làm khổ em phải không? Làm vợ nhà văn thì không sao tránh được những chuyện như vậy. Nếu anh sợ có người bị tổn thương, thì em nghĩ người đó phải là Otoko.”

Fumiko đã phục hồi. Nước da nàng lại bóng bẩy mượt mà như xưa. Phải chăng đây là phép màu của tuổi trẻ. Nàng cũng say đắm hơn trong chuyện chăn gối với chồng. Khi *Cô gái mười sáu* được xuất bản, Fumiko có thai.

Các nhà phê bình hết lời khen ngợi tác phẩm. Cuốn truyện lại được quần chúng độc giả đông đảo ưa chuộng. Fumiko vẫn còn ghen, vẫn còn đau, nhưng giấu kín cái ghen cái đau trong lòng. Nàng chỉ lộ ra bên ngoài cái vui vì chồng thành công. Cuốn sách kể như tinh hoa văn nghiệp thời trẻ của Oki, lại bán chạy hơn tất cả những tác phẩm khác của ông. Với Fumiko, sự thành công có nghĩa là nàng được sắm thêm quần áo nữ trang, và có thể gửi

hai đứa con đi học những trường đắt tiền. Không biết Fumiko có quên được mối tình ngang trái của một cô gái nhỏ với chồng mình, nguồn gốc của tất cả phúc lợi ấy? Nàng có tự thuyết phục được rằng tiền bạc này đơn giản là lợi tức bình thường của chồng? Và sau cùng, mối tình thâm cảm của Otoko và Oki chấm dứt đã lâu trong quá khứ, nàng có còn thấy nó thâm cảm nữa không?

Oki không có gì than phiền hoàn cảnh mới sung túc và thành công, nhưng đôi khi ông suy nghĩ. Otoko người mẫu cho tác phẩm ông đã chẳng được chung hưởng chút gì. Nàng không trách ông một lời và mẹ nàng cũng vậy.

Khác với họa sĩ hay điêu khắc gia sản xuất ra những chân dung hiện thực, Oki với tư cách nhà văn đã dùng chữ nghĩa đi thẳng vào tư tưởng và cảm nghĩ của Otoko để thay đổi chân dung nàng theo ý mình, cũng như để hư cấu và lý tưởng hóa nhân vật.

Vậy mà cô gái trong truyện vẫn giống Otoko. Chan hòa cái đam mê trẻ trung của mình vào tác phẩm, ông không bận tâm về những phiền toái khó khăn có thể xảy ra cho người đàn bà trẻ chưa chồng. Có lẽ cái đam mê này quyến rũ độc giả, nhưng cũng vì vậy mà lỡ làng những cơ hội nhân duyên về sau của nàng.

Tác phẩm đã đem lại tiền tài danh vọng cho Oki. Fumiko sau cùng như quên chuyện hờn ghen, và vết thương trong lòng nàng kể như khép miệng. Chuyện nàng sảy thai cũng không nặng bằng chuyện Otoko đẻ non. Dù sao thì Fumiko vẫn là vợ. Sau khi tỉnh dưỡng bình phục, nàng lại có bầu và sanh hạ được bé gái, mẹ tròn con vuông. Năm tháng trôi qua, chỉ có cô gái mười sáu trong truyện là vẫn nguyên vẹn như xưa. Oki vì một câu nệ tầm thường của đời sống vợ chồng mà không mô tả kỹ càng sự ghen tuông dữ dội của vợ, có làm cho tác phẩm kém hay. Nhưng có lẽ cũng vì vậy mà truyện dễ đọc và nhân vật nữ hoàn toàn dễ thương.

Ngay cả bây giờ, đã hai mươi năm rồi, người ta vẫn kể *Cô gái mười sáu* là tác phẩm hay nhất của ông. Oki với tư cách nhà văn, không thích

được khen như vậy. Nhưng khó mà thay đổi sự thưởng lãm của quần chúng, một khi thưởng lãm ấy lại được các nhà bình bút danh tiếng yểm trợ. Chính tác giả có phản đối cũng không hiệu nghiệm gì. Tác phẩm tự nó có đời sống riêng, không còn ràng buộc gì với kẻ sinh thành ra nó.

Nhưng còn đời sống của cô gái nhỏ Otoko về sau ra sao, ông thỉnh thoảng tự hỏi. Ông chỉ biết cô đã theo mẹ về Kyoto. Oki còn thắc mắc về đời sống riêng tư của cô gái người mẫu phải chăng chỉ vì đời sống của tác phẩm đã bèn bị trên văn đàn.

Chỉ mấy năm gần đây, Otoko thành họa sĩ nổi danh, ông mới có tin tức của nàng. Thừa chưa tìm lại được, Oki có lúc nghĩ Otoko rồi cũng lấy chồng như thường tình, để lại đổi ý cho rằng chuyện đó khó xảy ra với một người như nàng. Và ông ghi nhận khi không muốn nàng lấy chồng, ông vẫn còn nhiều lưu luyến trong tim.

Ông ngạc nhiên nhiều khi hay tin Otoko đã trở thành họa sĩ. Ông không rõ nàng phải khuất phục những thử thách hay buồn phiền nào để đến được địa vị bây giờ, nhưng ông mừng khôn xiết khi biết nàng đã thành công. Một hôm thấy tranh nàng trong phòng triển lãm, tim ông thót lên trong ngực. Cuộc triển lãm chung cho nhiều họa sĩ, và nàng chỉ góp một tấm tranh lụa độc nhất vẽ hoa mẫu đơn. Nơi phần trên tấm lụa, bông hoa đỏ vẽ trực diện lớn hơn hoa thật rất nhiều. Vài chiếc lá hiếm hoi, và một nụ trắng điểm trên nhánh non phía dưới.

Oki nhận ra nét đài các của Otoko trong bông hoa chủ tâm phóng đại. Ông mua ngay tấm tranh nhưng không đem về nhà, vì họa phẩm mang dấu triện và chữ ký của nàng. Ông đem tranh đi tặng hội nhà văn. Treo cao trên tường, bức tranh tạo ra một ấn tượng khác với khi treo tại phòng triển lãm đông người. Bông hoa mẫu đơn đỏ quá khổ trông như một thực thể siêu hình, và cô đơn như tỏa ra từ nội tâm sâu kín của hoa. Cũng vào thời này, ông thấy ảnh nàng trên tạp chí phụ nữ.

*

Ở Yamanouchi, phía bắc Kamakura có con đường len lỏi giữa hai rừng đồi trồng nhiều loại cây có hoa. Chẳng mấy chốc bên đường hoa sẽ nở rộ báo hiệu một mùa xuân mới. Oki có thói quen đi tản bộ trên mấy quả đồi phía nam, và hôm nay từ một đỉnh cao ông, đứng ngắm hoàng hôn lai láng sắc tía.

Màu tía của mặt trời lặn bỗng nhường chỗ cho màu xanh lạnh và tối, chẳng mấy chốc chuyển thành màu xám. Mùa xuân vừa chớm như đã vội nhường chỗ cho mùa đông băng giá trở về. Mặt trời trái chút hồng lác đác lên cảnh vật rồi lặn hẳn. Không khí trở lạnh. Oki quay bước xuống lại thung lũng rồi về nhà qua ngã mấy ngọn đồi phía bắc.

“Lúc này có cô Sakami từ Kyoto tới thăm,” Fumiko cho chồng hay. “Cô ta mang tới hai bức tranh và ít bánh đặc sản.”

“Cô ấy đi rồi à?”

“Taichiro tiễn cô ta ra ga. Mà có lẽ hai người lại dẫn nhau đi tìm anh.”

“VẬY sao?”

“Cô ta đẹp như gái liêu trai. Ai vậy anh?”

Fumiko miệng hỏi mà mắt nhìn mặt chồng như dò xét. Oki làm tỉnh, nhưng xem ra, nhờ linh tính phụ nữ, Fumiko đã biết con người này có liên hệ với Ueno Otoko.

Ông hỏi:

“Tranh đâu hở em?”

“Trong phòng sách của anh. Tranh còn bao giấy, em cũng chưa coi đấy.”

“VẬY sao?”

Sakami Keiko xem ra đã giữ lời nàng hứa với ông ở ga Kyoto, và mang tranh tới thăm ông. Oki vào thẳng phòng sách mở tranh ra coi. Tranh đóng khung giản dị. Một tấm có tên Cây Mận, nhưng chỉ vẽ một bông mận độc nhất to như đầu đứa trẻ, không cành, không thân. Còn nữa, cánh hoa màu

đỏ lẫn với cánh hoa màu trắng. Màu đỏ của những cánh đỏ gồm nhiều cung bậc đậm nhạt khác nhau. Bông hoa không bị họa sĩ làm cho biến dạng, nhưng rõ ràng không phải là một bông hoa để trang trí.

Một nguồn sinh lực kỳ lạ như vận chuyển bên trong, và bông hoa như đang lắc lư. Có lẽ tại cái nền tranh mà mới đầu ông tưởng là những tảng nước đá, nhưng nhìn kỹ hóa ra một dãy núi tuyết. Phải là núi mới tạo được ấn tượng menh mông như vậy. Tất nhiên là núi thật ngoài thiên nhiên không sắc cạnh, không rách, không thắt cổ bồng đến thế. Tất cả là cách nhìn trừu tượng riêng của Keiko. Cái nền tranh tưởng là núi hay nước đá này có thể là cảnh trí nội tâm của chính cô gái.

Dù ông có cho là một dãy băng sơn trùng điệp, ý niệm lạnh của tuyết phối hợp với cái ấm của những màu Keiko dùng để vẽ tuyết, tạo ra một thứ âm nhạc riêng. Keiko không vẽ tuyết bằng màu trắng đơn thuần mà bằng những màu khác nhau hợp lại như một hòa tấu, tương phản với hai màu trắng đỏ trên bông mạn dị kỳ. Ông có thể cho tấm tranh là nóng hay lạnh nhưng phải ghi nhận bông mạn bừng bừng cảm xúc và ấm áp cái trẻ, cái sức sống của họa sĩ. Có lẽ Keiko chủ tâm vẽ bức tranh để tặng ông, như đồng vọng với mùa xuân xung quanh. Tác phẩm thật ra chỉ bán trừu tượng, vì bông mạn vẫn còn là bông mạn.

Ngắm tranh, Oki nghĩ đến cây mạn già trong vườn mình. Ông chấp nhận giải thích của bác làm vườn là cây mạn là một quái dị của thiên nhiên, mà không buồn tìm cách kiểm chứng kiến thức về thảo mộc của bác. Cây mạn cho hai thứ hoa trắng và đỏ. Không phải là nhờ ghép, vì cùng một cành có cả hai thứ hoa. Cũng có cành chỉ có một thứ hoa, hoặc trắng hoặc đỏ, nhưng phần đông những cành nhỏ thì cả hai sắc hoa nở chung. Cành nào nở hoa nào, thì mỗi năm lại mỗi khác. Oki rất yêu cây mạn già và để ý thấy mấy bữa nay những nhánh non vừa trổ bông.

Thế là Keiko đã tượng trưng cả cây mạn kỳ lạ bằng một bông mạn độc nhất. Chắc Otoko đã kể cho cô gái nghe về cây mạn này. Otoko chưa bao giờ đến nhà ông vì lúc ấy đã có Fumiko. Có lẽ Otoko đã biết câu chuyện

qua ông và kể lại cho học trò. Có thể khi kể chuyện cây mận, Otoko cũng kể luôn mỗi tình bất hạnh của nàng.

“Của Otoko vẽ phải không?”

Oki giật mình quay lại. Mãi ngẩn tranh, Oki không biết vợ đứng bên.

Ông nói:

“Em bảo sao?”

“Tranh của Otoko, phải không?” vợ ông hỏi lại.

“Tất nhiên là không. Otoko không vẽ trẻ như thế này. Cái cô bé lúc này vẽ đây. Em không thấy cô ta ký Keiko sao?”

Giọng Fumiko cứng nhắc:

“Tranh sao mà kỳ dị.”

Oki gắng lấy giọng dịu dàng trả lời:

“Quả là dị kỳ như em nói. Các họa sĩ trẻ bây giờ, ngay trong đám thuộc trường phái Nhật...”

“Người ta gọi vẽ như thế này là vẽ trừu tượng sao?”

“Có lẽ cũng chưa hẳn...”

“Tắm kia còn kỳ dị hơn. Màu sắc trát bừa lên tranh, em không biết là đám mây hay con cá,” Fumiko vừa nói vừa ngồi xuống bên chồng.

“Hừm. Anh không nghĩ bức tranh ăn nhắm gì với cá. Mà cũng không phải là mây đâu.”

“Vậy thì nó là cái gì, anh nhỉ?”

“Em cho nó là cái gì cũng được, thật ra chuyện đó không quan trọng.”

Ông cúi xuống nhìn kỹ hơn.

“Tranh vô đề em à.”

Không một hình tượng nào phát hiện trong tranh, màu sắc lại còn hung bạo và đa dạng hơn bức Cây Mận. Có lẽ chỉ vì hàng hà những đường ngang mà Fumiko đoán là con cá hay đám mây. Thoáng nhìn, Oki tưởng như chẳng thấy gì hòa hợp giữa các màu. Tuy nhiên một ý niệm đậm mê kỳ dị như ứa ra từ tranh. Chi tiết nào cũng có dụng ý. Không đặt tên cho tranh cũng là chủ tâm dành cho người ngắm toàn quyền suy diễn. Vậy mà cảm xúc tưởng như giấu kín của họa sĩ lại hiện ra lộ liễu. Oki đang cố gắng tìm ra cho được cái tâm của bức tranh thì Fumiko hỏi:

“Cô gái này là thế nào với Otoko?”

“Một cô học trò ở chung với cô giáo.”

“Vậy sao? Em muốn xé, muốn đốt mấy cái tranh này.”

“Em đừng nói nhảm! Mà sao lại hung dữ thế?”

“Cô ta đã bỏ cả tâm huyết vào hai bức tranh này để tả Otoko! Tranh này không phải để giữ trong nhà.”

Ngạc nhiên vì cơn ghen bất thần của vợ, Oki gắng bình tĩnh hỏi:

“Tại sao em nghĩ mấy bức tranh tả Otoko.”

“Anh không thấy sao?”

“Tất cả là em tưởng tượng ra. Em bắt đầu thấy ma rồi.”

Nhưng nói xong, Oki thấy lóe lên trong đầu tia sáng và mọi chuyện tỏ tường. Rõ ràng là Cây mận tượng trưng cho mối tình Otoko dành cho ông. Còn bức tranh không tên xem ra cũng một đề tài. Trong tấm này, Keiko trát phấm khoáng chất lên bên trái dưới khoảng giữa tranh một chút, và nhỏ phấm nước xuống. Mảng màu sáng như một ô cửa sổ, nhìn vào đấy, ông thấy được linh hồn bức tranh. Linh hồn ấy là tình yêu còn lửa Otoko đã giữ lại cho ông.

Ông nói:

“Dù sao thì Otoko không phải tác giả. Tranh là của cô học trò.”

Ngay từ đầu, Fumiko đã nghi Oki lấy cớ đi nghe chuông giao thừa ở Kyoto để tìm gặp Otoko, nhưng có lẽ vì tết nhất nên hôm ấy nàng đã làm ngơ. Mắt chớp nhanh, môi run lên vì giận, nàng nói:

“Của ai thì hai bức tranh cũng khó thương. Em không muốn chứa thứ này trong nhà.”

“Em thương hay không thương, tranh không thuộc về em. Chúng thuộc về tác giả, dù tác giả chỉ là một cô bé con. Em nghĩ em có quyền hủy chúng đi ư? Trước nhất, em có chắc là cô ta muốn biếu tranh mình không, hay chỉ đem lại cho coi?”

Yên lặng giây lâu. Rồi như sốt ruột vì con chưa về, Fumiko nói:

“Taichiro ra cửa tiếp cô ta. Chắc nó lại tiễn ra ga. Nhưng mà sao con nó đi lâu quá.”

Nàng nói tiếp:

“Bây giờ đến lượt thằng Taichiro bị dụ dỗ. Một đứa con gái đẹp như vậy. Ôi, nó đẹp như ma như quỷ.”

Oki đặt hai bức tranh xuống và chậm rãi gói lại. Ông nói:

“Cái gì mà lúc nào cũng quỵến rũ với mê hoặc. Anh không thích nghe em nói như vậy. Nếu cô gái xinh đẹp như em nghĩ, thì như cái thói đàn bà thích tự ngăm mình, tranh cô ta phản ánh cái sắc đẹp của cô ta...”

“Không, em cho là hai bức tranh phản ánh Otoko...”

“Như vậy thì cô gái này và Otoko yêu nhau hay sao?”

Fumiko sững sờ hỏi lại:

“Hai người đồng tính luyện ái? Anh nghĩ họ đồng tính luyện ái sao?”

“Anh không biết nữa, nhưng nếu có chuyện đó thì anh cũng không ngạc nhiên. Họ chung nhà với nhau, và cả hai bản chất đam mê.”

Fumiko tỏ ra rất xúc động vì chuyện hai người đàn bà đồng tính luyện ái. Lát sau nàng nói:

“Dù sao đi nữa, em nghĩ hai bức tranh biểu lộ tình yêu Otoko vẫn còn nuôi dưỡng cho anh.”

Nói vậy mà Fumiko giọng đã bớt găng. Oki xấu hổ trong lòng vì đã dùng đề tài đồng tính luyện ái để đánh trống lảng. Ông nói:

“Có thể cả anh lẫn em đều sai. Chúng ta đều ngấm tranh với thành kiến.”

“Nhưng mà sao lại đi vẽ những tấm tranh oái oăm vô lý như vậy?”

“Thế đấy...”

Ông nghĩ mọi bức tranh dù hiện thực hay không, đều biểu lộ những tư tưởng thâm kín thâm sâu của tác giả. Nhưng hèn nhát, Oki không muốn tiếp tục thảo luận với vợ.

Có thể ý nghĩ ban đầu của Fumiko với hai bức tranh lại hóa ra rất đúng. Mà có lẽ ông cũng đúng khi nghĩ hai người đàn bà đồng tính luyện ái với nhau. Fumiko ra khỏi phòng sách, Oki ngồi một mình đợi con trai về.

Taichiro làm giảng nghiệm viên tại một đại học tư. Anh dạy văn chương Nhật. Những ngày không phải giảng bài, anh vào viện đọc sách hay ở nhà làm khảo cứu. Lúc đầu anh tính nghiên cứu văn học Nhật hiện đại, nghĩa là từ thời Minh Trị. Vì cha cản, anh bèn nghiên cứu văn học thời Kamakura và Muromachi. Anh có cái tài hiếm có trong giới chuyên gia văn học Nhật là thông thạo Anh văn, Pháp văn và Đức văn.

Taichiro là một chàng trai có tài, tính trầm lặng có thể đến chỗ trầm buồn. Anh khác hẳn với cô em Kumiko. Cô bé láu lỉnh, lụp chụp, chỉ thạo những chuyện phù phiếm như thời trang, ngọc ngà, quần áo, hay cắm hoa. Cô cho anh là người kỳ quặc. Ngay cả những khi cô rủ đi trượt băng hay đánh quần vợt, không bao giờ Taichiro hăng hái hưởng ứng. Anh không giao du với bạn gái của cô. Khi anh gọi học trò về nhà chơi, anh cũng

không thèm giới thiệu với em. Kumiko tuy bản tính không hay hờn, cũng ghen tị chút ít khi thấy mẹ ân cần với đám học trò của anh.

Mẹ cô có lần mắng:

“Khi anh con có khách, con chỉ việc ra mời trà người ta. Vậy mà con không lục tủ lạnh thì gọi điện thoại, ồn ào huyên náo quá chừng.”

Kumiko láu lỉnh trả lời:

“Nhưng mà khách của anh con chỉ là mấy đứa học trò ấy mà.”

Kumiko bây giờ đã có chồng, còn Taichiro chưa độc lập về tài chánh nên không nghĩ đến hôn nhân.

Oki bắt đầu sốt ruột thấy con đi đã lâu mà chưa về. Ông nhìn ra cửa sổ có ô kính nhỏ. Có đồng đất ngay chân đồi sau nhà, nơi ngày xưa thời chiến tranh, người ta đã đào hầm trú ẩn. Đụn đất bây giờ cỏ dại mọc kín. Lẩn trong cỏ là những cụm hoa xanh nở rộ. Cỏ thấp và căn từ xa không thấy, và những bông hoa tuy nhỏ nhưng lại nổi bật lên vì màu xanh rực rỡ của chúng. Hoa này nở sớm nhất và tàn trễ nhất trong vườn ông. Có thể có nhiều hoa khác nở sớm hơn để báo hiệu mùa xuân, nhưng những bông hoa xanh mọc sát cửa sổ nên có khi Oki muốn ra hái một bông để ngắm cho kỹ. Chưa bao giờ ông thực hiện ý định, và chính vì vậy mà ông càng thích hoa hơn. Tiếp đến là bồ công anh. Hoa này cũng lâu tàn. Giờ đây trong bóng chiều đã xuống, Oki vẫn còn thấy được màu xanh và màu vàng của hai loài hoa dại.

Taichiro con trai ông vẫn chưa về.

Hội trăng rằm

Otoko tính dẫn Keiko lên ngôi chùa trên núi Kuramar để dự hội trăng. Hội tổ chức vào tháng năm dương lịch, đúng hôm rằm. Đêm mười bốn, trời trong vắt và trăng mọc sớm trên trên mấy ngọn đồi phía đông. Otoko ngồi ngoài hiên ngắm trăng, nói vọng vào trong nhà:

“Keiko ời, mai chắc trăng đẹp lắm.”

Nàng nghĩ khách trẩy hội được uống nước mát từ bát rượu sa-kê và ngắm hình ông trăng phản chiếu trong bát, nên chỉ một đêm mây phủ sẽ làm hội không còn như ý. Keiko theo ra hiên, đặt nhẹ tay lên lưng cô giáo.

Otoko nói:

“Trăng tháng năm.”

Keiko nói:

“Cô có muốn lấy xe đi chơi mấy khu đồi phía đông với em không? Hay là ta đi Otsu ngắm trăng trong hồ Biwa?”

“Trăng trong hồ Biwa thì có gì mà ngắm.”

“Cô không nghĩ như vậy còn hơn trăng trong bát rượu sao?”

Keiko vừa cãi vừa ngồi xuống bên cô giáo. Keiko lại nói:

“Nhưng mà màu sắc trong vườn đêm nay đẹp quá.”

“Vậy sao?”

Otoko nhìn ra vườn. Nàng bảo Keiko:

“Em mang gối ra ta ngồi nhé. Mà tắt đèn trong ấy đi.”

Tầm nhìn từ hàng hiên bị chánh điện choáng mất, hai thầy trò chỉ thấy được khoảng vườn phía sau. Vườn hình bầu dục và không mỹ thuật cho lắm, nhưng tối nay gần nửa vườn dải trắng và những bậc đá ngoài sáng hay khuất trong tối cũng đổi màu rất đẹp. Một bụi đỗ quyên, hoa trắng như nổi

trên vũng đêm. Cây phong tía gần thêm dù bóng tối làm cho xẫm màu, vẫn còn phô được lá non. Loại phong này mùa xuân nẩy lộc đỏ tươi, nhiều người lầm không biết là loài hoa gì. Vườn trồng nhiều rêu tóc tiên. Keiko hỏi:

“Cô có muốn em pha trà mời người ta vừa biếu không?”

Otoko mê mãi nhìn cảnh quen thuộc như chưa thấy bao giờ. Nàng cúi đầu trầm tư ngắm mảnh vườn dài trắng. Keiko bưng trà ra. Cô gái kể đã đọc ở đâu rằng người đàn bà trẻ đẹp ngồi làm người mẫu cho điêu khắc gia Rodin trong tượng Nụ hôn vẫn còn sống. Bà ta bây giờ già lắm, tuổi đã tám mươi.

“Thật là khó tin, cô nhí.”

“Khó tin là tại em còn trẻ. Bộ em muốn người mẫu cho các tác phẩm bất tử đều phải chết trẻ hết để khỏi già đi hay sao? Cô nghĩ em cứ đi truy lùng họ như vậy là ác lắm.”

Otoko bực mình vì nhớ đến bản thân mình là người mẫu cho cuốn truyện của Oki. May mà nàng mới ba mươi chín và vẫn còn đẹp.

Keiko bình thản nói tiếp:

“Em nói chuyện người mẫu già đi chỉ vì em muốn được cô vẽ chân dung em một lần khi em còn trẻ.”

“Nếu vẽ được, cô sẽ vẽ cho em. Nhưng sao em không tự vẽ lấy?”

“Em vẽ lấy ấy ư? Thứ nhất là em sẽ không vẽ cho giống được. Và dù có vẽ được, mọi thứ xấu xí trong em sẽ hiện ra, làm em sẽ ghét cái bản mặt em. Vả lại ai biết em tự vẽ mình có thể nghĩ là em tự đắc, tự cho mình là có nhan sắc mỹ miều. Trừ khi em vẽ trừu tượng thì không ai nhận ra em vẽ gì cả.”

“Em muốn tranh giống hệt như em ở ngoài đời ấy ư?”

“Em muốn chính cô vẽ em.”

Otoko nhắc lại câu trả lời lúc này:

“Nếu vẽ được, cô vẽ cho em liền.”

Keiko ráo riết:

“Cô không thương em nữa, hay là cô ngại em? Đàn ông sẽ sung sướng mà vẽ em, nhất là vẽ khỏa thân.”

Otoko vẫn trầm tĩnh:

“Nếu em muốn như vậy, cô sẽ thử.”

“Cô mà vẽ thì em mừng lắm.”

“Nhưng nếu em muốn cô vẽ em khỏa thân thì không được đâu. Đàn bà vẽ khỏa thân đàn bà thường khó coi. Ít nhất là với kiểu vẽ truyền thống của cô.”

Keiko úp mở:

“Nếu vậy em sẽ tự vẽ, và em sẽ vẽ luôn cô vào trong tranh.”

Otoko vắn lại:

“Em vẽ tranh kiểu gì vậy?”

Keiko cười bí mật:

“Cô đừng lo. Tranh em trừu tượng. Ai có thấy cũng không hiểu gì đâu.”

“Cô không lo điều ấy,” Otoko nhấp chút trà nóng, khẽ nói.

Trà mới pha là trà đầu mùa, quà biếu của một đồn điền vùng Uji nơi nàng đã đến vẽ nhiều lần. Otoko không vẽ mấy cô hái trà mà chú ý đến cảnh gió gợn sóng trong đám lá chè xanh. Otoko đã trở lại nhiều lần để phác họa cảnh này trong những ánh sáng khác nhau. Keiko luôn đi theo cô giáo. Có hôm Keiko đã hỏi nàng, “Cô vẽ tranh trừu tượng phải không cô?” Và nàng trả lời, “Em mới là hay vẽ trừu tượng. Tuy nhiên cô kể ra hơi bạo, đi dùng toàn một màu lục. Nhưng cô muốn thử hài hòa màu nhạt của lá non

với màu đậm của lá già, cũng như với cái mềm mại của gió đang dậy sóng trong đám lá chè.”

Otoko đã vẽ thử một tấm từ những phác họa của mình. Không phải chỉ vì thích cảnh lá chè xanh gọn sóng mà Otoko vẽ đồn điền Uji. Chuyển theo mẹ trốn về Kyoto sau khi đoạn giao với Oki cũng như mấy lần về thăm lại Tokyo sau này, nàng đã nhiều lần thấy những đồi chè Shizuoka từ cửa sổ toa tàu. Có hôm buổi trưa, có hôm xế chiều. Hồi ấy nàng còn là một nữ sinh, và không có ý niệm gì về nghề họa. Đáng ghi nhớ là lần đầu khi nàng ngang qua đồi chè, thì cái sầu chia ly bỗng thấm vào lòng.

Nghĩ lại nàng không hiểu tại sao những đồi chè xanh tầm thường lại có thể tạo ra ấn tượng mạnh như vậy, thay vì những cảnh đáng ghi nhận hơn như núi, hồ, sông, biển... Ngay cả thời ấy, những đồi chè đã không có cái đẹp thiên nhiên hoang dã, và những bụi chè trồng theo hàng lối trông như một bày cừu màu lục. Có lẽ cái buồn của màu lục cũng như cái buồn của bóng tối trên những rặng đồi xung quanh đã gợi lên cái đau chia ly hôm xưa nàng qua đó lần đầu. Hoặc giả hôm ấy nàng đã buồn từ khi còn ở Tokyo, và tình cờ nỗi buồn lên đến thượng đỉnh vừa khi tàu ngang qua đồn điền.

Keiko không biết liên hệ của đồn điền với cuộc tình đau khổ của cô giáo. Đồi chè mùa xuân bây giờ lá non xanh tươi, tự nó nhất định không có nỗi buồn năm xưa khi Otoko qua qua đây lần đầu. Tuy đã đọc truyện của Oki và nghe Otoko kể về ông những đêm nằm nói chuyện với cô giáo tới khuya, Keiko không ngờ được cố sự u sầu ẩn trong những phác họa đồi chè của cô giáo.

Otoko thích dáng tròn trịa mềm mại của các bụi chè, nhưng càng phác họa thì tranh càng xa cảnh thực. Otoko thấy sự việc ngộ nghĩnh. Keiko hỏi, “Cô sẽ dùng chỉ một màu lục để vẽ tranh này phải không?” Otoko trả lời, “Đúng. Đồi chè mùa hái lá có cả một quang phổ từ lục nhạt đến lục đậm.” Keiko nói, “Còn em, em đang lưỡng lự không biết dùng màu đỏ, hay tím,

hay màu gì khác. Em không cần ai nhận ra là em vẽ đôi chè.” Phác họa của Keiko đặt bên phác họa của Otoko trong xưởng vẽ.

Otoko mỉm cười:

“Trà ngon, nhưng em pha bình khác đi...”

“Em pha đẳng cô không uống nổi sao?”

“Đúng là trà trầu tượng.”

Tiếng cười trẻ trung của Keiko từ phòng bên vọng sang. Otoko nói tiếp, giọng cứng hơn một chút:

“Chuyến đi Tokyo vừa rồi, em có ghé Kamakura phải không?”

“Dạ phải.”

“Tại sao?”

“Hôm Tết, ông Oki có tỏ ý muốn xem tranh của em.”

Rồi cũng cứng giọng lại, Keiko nói:

“Cô, em muốn trả thù cho cô.”

“Trả thù? Trả thù cho cô?”

“Đúng vậy cô.”

“Keiko, em lại đây. Lại uống cái trà trầu tượng của em, để cô nói chuyện này cho ra nhẽ.”

Keiko lẳng lặng tới quỳ bên Otoko, gối chạm vào gối cô giáo. Cô gái nâng chén trà lên nhấp, nhắm mắt nói:

“Chao ơi là đẳng. Để em pha bình khác vậy.”

“Thôi, khỏi cần em ạ. Nhưng tại sao em lại nói chuyện trả thù?”

“Cô biết tại sao mà. “

“Cô không bao giờ nghĩ chuyện trả thù. Cô không bao giờ muốn chuyện ấy.”

Nghẹn ngào, Keiko nói:

“Tại vì cô còn yêu ông ta. Tại vì còn sống ở trên đời này thì cô vẫn không thể ngừng yêu ông ta. Thành thử em phải trả thù.”

“Nhưng tại sao người đi trả thù lại là em?”

“Em có quyền ghen của em.”

“Vậy sao?”

Otoko đặt tay lên vai Keiko, thấy cô gái run lên vì xúc động.

“Phải không cô, phải vậy không cô? Ô, em biết cô hiểu em. Mà chao ôi sao mà em ghen đến thế này.”

Otoko dịu dàng:

“Con bé này thật là nông nổi. Nhưng em muốn trả thù bằng cách nào? Em tính làm chuyện gì?”

Keiko mắt nhìn xuống, ngồi yên bất động. Bên ngoài, khoảng vườn dài trắng rộng hơn. Otoko lại hỏi:

“Tại sao em không cho cô hay là em đi Kamakura?”

“Em muốn thấy tận mắt nhà cửa thân nhân của con người đã làm khổ cô.”

“Em có gặp họ không?”

“Em chỉ có gặp thằng Taichiro. Em nghĩ nó là giống cha nó khi ông ta còn trẻ. Hình như nó nghiên cứu văn chương cổ điển. Dù sao nó rất dễ thương với em. Nó đưa em đi thăm mấy ngôi đền ở Kamakura, rồi sau dẫn xuống vùng biển Enoshima chơi.”

“Em chính gốc Tokyo, em còn lạ gì những chỗ ấy?”

“Đúng. Nhưng chưa bao giờ em được ngắm cảnh kỹ lưỡng như vậy. Enoshima đã thay đổi quá nhiều. Mà cô, sự tích tu viện cho những người đàn bà muốn trốn chồng thật là tức cười, cô nhỉ.”

“Nhưng em trả thù như vậy ấy à? Bằng cách quyến rũ thằng bé, hay là bị thằng bé nó quyến rũ?”

Otoko buông tay khỏi vai Keiko, nàng nói tiếp:

“Xem ra cô mới là người có quyền ghen.”

“Cô Otoko, cô ghen thật ấy à. Ô, cô làm em sung sướng quá.”

Keiko ôm cổ Otoko, ngả người vào cô giáo. Cô gái nói tiếp:

“Cô xem. Em có thể là con quỷ dữ với mọi người. Nhưng với cô lại khác...”

“Nhưng mà tại sao em mang theo hai tấm tranh đặc ý nhất của em.”

“Ô, dù là đứa con gái hung dữ, em cũng muốn người ta nghĩ tốt về mình chứ cô. Taichiro viết cho em rằng hắn đã treo tranh của em trong phòng học của hắn.”

Otoko bình thản hỏi:

“Như thế là trả thù cho cô đấy à?”

“Dạ.”

“Hồi ấy, thằng bé còn bế ngửa. Nó không biết gì về chuyện cha nó với cô. Chuyện cô đau lòng là về sau nghe tin nó có em gái. Bây giờ nghĩ lại, quả là hồi đó cô quá khốn khổ. Chắc bây giờ con bé cũng có chồng rồi.”

“Cô có muốn em phá nát gia cang nhà nó ra không?”

“Ghê quá, Keiko ơi. Em phải tự cho mình là đẹp lắm, dù là nói chơi như vậy. Em sẽ tạo vấn đề rất nhiều cho em và cho mọi người. Không phải chuyện đùa vô hại đâu em.”

“Ngày nào em còn có cô, em không sợ gì trên đời. Em mà mất cô là hết. Mất cô làm sao em còn vẽ được nữa. Cô ơi, mất cô có thể em sẽ bỏ vẽ... Có thể em sẽ bỏ luôn cuộc sống này.”

“Đừng nói nhảm.”

“Em nhiều khi thắc mắc là ngày xưa, nếu chủ tâm, cô có phá nổi gia cang nhà ông ta không cô nhỉ?”

“Hồi ấy cô mới là con bé nữ sinh... Và họ đã một con rồi.”

“Nếu là cô, em đã chiếm đoạt lấy ông ta.”

“Em chưa biết được sức bền vững của gia đình đâu.”

“Bền vững hơn cả nghệ thuật?”

Otoko nghiêng đầu, thoáng nét buồn. Nàng nói:

“Ô... Ngày ấy cô chưa nghĩ đến nghệ thuật.”

Keiko quay lại. Cầm nhẹ cổ tay Otoko, cô gái hỏi:

“Cô. Tại sao cô sai em đưa đón ông ta?”

“Vì em trẻ đẹp. Vì cô kiêu hãnh muốn khoe học trò của mình.”

“Cô, em ghét cô không nói thật với em dù là chuyện gì. Cô đừng dối em. Cô biết em rình cô rất kỹ mà. Rình bằng con mắt ghen tuông của em.”

“Em rình cô sao?” Otoko nhìn thẳng vào đôi mắt cô bé đang lấp lánh ánh trắng. Nàng nói tiếp:

“Cô không có gì giấu em. Sự thật là hồi chia tay, cô mới mười sáu. Bây giờ cô đã trung niên, thân hình không còn như xưa. Cô không muốn gặp lại người ta chỉ vì sợ người ta vỡ mộng.”

“Ông ta mới là người phải sợ làm cô vỡ mộng. Em ngưỡng mộ cô, em thấy cô đẹp hơn hết mọi người em đã gặp. Còn ông ta, chính ông ta làm em vỡ mộng...”

“Từ ngày đến sống với cô, em thấy thanh niên tuổi em nhạt nhẽo. Em đã hy vọng ông Oki có gì đặc biệt. Khi gặp thì hời ôi. Qua lời cô kể cho em, em đã chờ đợi một con người bánh bao, lịch thiệp, tế nhị...”

“Sơ giao, em biết gì về người ta.”

“Em biết chứ.”

“Biết làm sao?”

“Em có thể quyến rũ ông ta hay con trai ông ta dễ như trở bàn tay.”

Otoko tái mặt:

“Em làm cô sợ. Cái tự kiêu tự đắc của em nguy hiểm lắm, em biết không?”

Không chút lung lạc, cô bé cãi:

“Em không thấy nguy hiểm chút nào.”

Otoko không chịu thua:

“Nguy hiểm đấy em ạ, dù em trẻ em có đẹp đến đâu. Mà em nặng tính chiếm hữu quá.”

“Em nghĩ đã là đàn bà, ai không nặng tính chiếm hữu.”

“Có thể. Nhưng vì thích chiếm hữu mà em mang tấm tranh em đặc ý nhất đi cho ông Oki?”

“Không. Em không cần phải cho tranh mới quyến rũ được ông ta.”

Otoko sững sờ.

Keiko lại nói:

“Vì em là học trò của cô nên em muốn cho ông ta xem tác phẩm thành công nhất của em.”

“Cám ơn em. Nhưng em bảo em chỉ trao đổi mấy câu với ông ấy ở ga. Có vậy mà cũng cho tranh người ta sao?”

“Tại em hứa. Vả lại, em muốn biết ông ta bình tranh của em thế nào. Em cũng muốn có cơ đề tới tận nơi xem gia đình nhà cửa ông ta.”

“Ông không có nhà cũng là điều hay.”

“Em nghĩ ông ta sẽ xem tranh. Nhưng không chắc ông ta có hiểu nổi không.”

“Em không công bình.”

“Em nói thật đấy. Ngay trong nghề tiểu thuyết sở trường, ông ta không viết được gì hay sau *Cô gái mười sáu*.”

“Không đúng. Em tây vị cuốn truyện vì ông đã lý tưởng hóa cô. Truyện ấy văn phong trẻ nên người trẻ thích. Có lẽ vì lối thưởng lãm trẻ già khác nhau mà em không thích những tác phẩm về sau của ông.”

“Dù sao nếu ông ta lăn ra chết hôm nay, thì người ta chỉ nhớ văn nghiệp của ông ta qua cuốn này.”

Giằng tay ra khỏi tay Keiko, Otoko nghiêm giọng:

“Em im đi. Cô không muốn em nói như vậy.”

Keiko cũng nghiêm giọng:

“Em đã nói em sẽ trả thù cho cô, mà cô vẫn còn nặng tình ông ta như vậy sao?”

“Không phải chuyện nặng tình.”

“Vậy là chuyện yêu đương?”

“Đúng.”

Otoko đứng dậy bỏ đi. Keiko ngồi lại một mình ngoài hiên, úp mặt vào hai bàn tay. Rồi Keiko nói:

“Cô Otoko, em hiểu cô. Vì chính em cũng vì yêu mà sống cho người khác!”

Giọng run run, Keiko nói tiếp:

“Nhưng mà đàn ông như ông Oki này...”

“Em đừng phê phán. Chuyện xảy ra khi cô mới mười sáu.”

“Em sẽ trả thù.”

“Dù em có làm vậy, em cũng không diệt được tình yêu của cô.”

Keiko vẫn hai tay ôm mặt ngồi khóc ngoài hiên. Cô gái rên rỉ:

“Em xin cô, cô vẽ em đi... Cô vẽ em trước khi em trở thành người đàn bà đáng sợ như cô nói. Em sẽ ngồi khóa thân làm người mẫu cho cô.”

“Em đã muốn, thì cô vẽ.”

*

Otoko còn giữ một số phác họa đứa con chết thiếu tháng. Nhiều năm đã qua, Otoko vẫn muốn vẽ bức “Em Bé Lên Trời”. Để tìm mẫu, nàng đã xem những tranh tiên đồng hay hình chúa sơ sinh, nhưng sự bụ bẫm mập mạp của những chân dung ấy không phù hợp với nỗi buồn của nàng.

Có nhiều tranh Nhật xưa vẽ bồ tát Kobo thừa niên thiếu mà nét dung nhan duyên dáng và trầm tĩnh làm nàng xúc động. Nhưng đức bồ tát không còn là một hài nhi mà cũng không bay lên trời. Không biết bao giờ nàng mới vẽ xong tranh con.

Bây giờ Keiko đòi nàng vẽ chân dung, Otoko nhớ lại những tấm phác họa con. Có thể nàng sẽ vẽ Keiko theo kiểu bồ tát Kobo. Có lẽ tranh sẽ có phong vị cổ điển như bức Đức Mẹ Đồng Trinh. Nàng nói:

“Keiko, cô sẽ vẽ em. Cô vừa nghĩ ra sẽ vẽ theo kiểu nào. Cô sẽ dùng kiểu truyền thống của tranh Phật. Nên chi không có chuyện khóa thân.”

Keiko xoay sở trên chiếu:

“Theo kiểu tranh đạo ư? Em nghĩ em không thích ý kiến này lắm.”

“Cứ để cô vẽ thử. Tranh Phật thường rất đẹp. Và cô sẽ đặt tên tranh là Cô Họa Sĩ Trừu Tượng.”

“Cô trêu em.”

“Cô không giỡn đâu. Cô sẽ khởi sự sau khi hoàn tất Đồi Chè.”

Otoko nhìn lên vách, tầm mắt dừng lại nơi chân dung mẹ treo phía trên những phác họa đồn điền Uji. Trong tranh, mẹ nàng rất trẻ và đẹp, còn trẻ hơn chính nàng bây giờ. Có lẽ trẻ như tuổi ba mươi một ba mươi hai của nàng khi đó. Nàng đã tự vẽ cái trẻ trung của mình khi vẽ mẹ, hay là bà mẹ đã trẻ lại qua cây cọ của con gái. Khi Keiko thấy tranh lần đầu, cô gái hỏi, “Cô tự vẽ mình phải không?”

Otoko đã suy nghĩ về chuyện này. Nàng rất giống mẹ. Có thể vì nhớ mẹ mà sự giống nhau của hai mẹ con hiện ra trong tranh. Sự thể là mới đầu nàng chép lại một tấm ảnh cũ, nhưng các tấm phác họa không có thần. Nàng bỏ ảnh sang bên, và mẹ nàng hiện ra trong trí nhớ như lúc còn sống và ngồi ngay trước mặt làm mẫu cho nàng. Otoko phác họa lại, hết tấm này đến tấm khác, lòng tràn trề cảm xúc. Nhiều lúc nàng phải ngưng tay, mắt mờ vì nhòa lệ. Tranh mẹ đang trở thành tranh của chính nàng.

Bức tranh hoàn tất bây giờ treo phía trên những tấm phác họa đồi chè. Otoko đốt hết những bản còn lại. Mỗi khi nhìn tranh, bao giờ nàng cũng thoáng buồn. Bức tranh như thở theo nàng. Bao nhiêu công lao vẽ mẹ đã đưa chính nàng vào tranh.

Về sau Otoko không vẽ chân dung nữa. Thỉnh thoảng nàng vẽ người, nhưng chỉ là một vài nhân vật đặt trong phong cảnh. Otoko chưa bao giờ nghĩ nàng sẽ vẽ bức “Em Bé Lên Trời” như một chân dung.

Vậy mà tối nay vì Keiko nài nỉ, nàng bỗng cảm thấy muốn vẽ chân dung lại. Nhớ lại ý muốn vẽ con và những mẫu tranh các bậc thánh thừa sơ sinh hay niên thiếu, nàng định vẽ Keiko theo kiểu tranh Phật. Mẹ nàng, con nàng, và Keiko là ba người nàng yêu quý nhất đời. Dù họ khác nhau, nàng nên vẽ cả ba.

Keiko trở ra ngồi cạnh nàng:

“Ngắm chân dung bà ngoại như thế, chắc cô đang suy tính sẽ vẽ em như thế nào phải không. Nhưng mà cô không thương em bằng thương ngoại đâu.”

Otoko nói:

“Con bé lúc nào cũng nghi người ta không thương mình... Nhưng mà nhìn lại tấm tranh, cô thấy có điều không ưng, vì tay nghề cô bây giờ đã khá hơn hồi ấy. Tuy nhiên cô vẫn quý bức tranh. Dù còn nhiều chỗ non yếu, nhưng cô đã gắng hết tâm sức mình.”

“Vẽ em, cô khỏi nhọc công như vậy. Chỉ cần cô phóng bút vài nét là xong thôi.”

“Không, vậy không được.”

Otoko nói mà đầu óc ở mãi đâu đâu. Nhìn tranh, những kỷ niệm về mẹ dồn dập hiện về. Khi Keiko gọi, nàng lại nhớ đến những bức tranh cổ vẽ tiên đồng. Các tiên đồng tướng mạo con gái, nên ngoài cái xinh đẹp tôn quý của tranh đạo, lại có cái gì tha thướt mượt mà. Những tranh ấy chắc phản ánh xu hướng đồng tính luyện ái trong các tu viện thời trung cổ. Một khi phụ nữ tuyệt đối không được lai vãng, những chú tiểu mà đẹp như con gái trở thành đối tượng cho những ước muốn cấm kỵ của đám thiên sinh.

Có lẽ vì các tiên đồng giống gái mà Otoko nghĩ sẽ dùng họ làm mẫu khi vẽ Keiko. Tóc tiên đồng cũng chải bồng và cắt ngang phía trước như tóc con gái thời nay. Chỉ có điều những kimono gấm lông lấy tiên đồng mặc thì bây giờ chỉ còn thấy trong tuồng Nô mà thôi. Đàn bà tân thời ăn mặc như vậy thì cổ hủ quá.

Nàng lại nhớ đến những tranh Kishida Ryusei vẽ Reiko, con gái mình. Vẽ bằng sơn dầu hay phẩm nước, tranh thường giống tranh tôn giáo. Trừ một tấm rất hiếm Otoko đã được coi, màu nhạt trên giấy tàu vẽ cô gái Reiko cởi trần mặc quần lót đỏ. Tấm tranh không hẳn là một kiệt tác của

Ryusei, và nàng thắc mắc không biết tại sao họa sĩ lại vẽ con gái theo kiểu cổ điển. Ông ta đã vẽ những bức tranh tương tự theo lối tây phương.

Nàng nghĩ tại sao lại không vẽ Keiko khỏa thân. Nàng có thể vẽ theo mẫu đức bồ tát thừa niên thiếu, và nhiều tranh Phật cũng cho phép phô bày nhũ hoa phái nữ. Nhưng tóc thì sao? Nàng nhớ một tấm tranh rất đẹp của Kobayashi Kokei, tinh khiết trong sạch, nhưng kiểu tóc lại không hợp. Nghĩ lui nghĩ tới, nàng thấy dự tính thật quá khó khăn. Nàng gọi cô gái:

“Keiko ơi, ta đi ngủ thôi.”

“Sớm thế cô? Trăng đẹp như thế này.”

Keiko nhìn đồng hồ và nói:

“Mới hơn mười giờ.”

“Cô hơi mệt, ta vào giường nói chuyện đi.”

“Cũng được.”

Trong khi Otoko ra bàn phấn sửa soạn, Keiko đi làm giường. Cô gái làm giường rất lẹ. Otoko ra khỏi bàn phấn, Keiko tới gương rửa mặt. Ngả tới trước, nghiêng cái cổ dài xinh đẹp, Keiko ngắm mình trong gương.

“Cô, em không nghĩ em là người mẫu thích hợp cho một bức tranh Phật.”

“Hợp hay không là tùy người vẽ.”

Keiko tháo kẹp và lắc đầu cho tóc xõa xuống.

“Em gỡ đầu ra ư?” Otoko hỏi.

“Dạ.”

Otoko ngồi ngắm Keiko chải mái tóc dài mượt.

“Đêm nay em thả tóc ra sao?”

Ngủ lộn tóc mình, Keiko nói:

“Đầu em hôi rồi, lẽ ra phải gội.”

Cô bé lại hỏi:

“Cô, khi ba cô mất, cô bao nhiêu tuổi?”

“Mười một. Em hỏi cô câu này mấy lần rồi nhỉ?”

Keiko không trả lời, đóng mấy tấm cửa gỗ phất giấy ngăn phía hành lang và xường vẽ rồi nằm xuống bên Otoko, trên hai chiếc giường đã kê lại làm một. Mấy đêm nay hai người không khép màn khi ngủ, và ánh trăng lờ mờ chiếu sáng mấy ô cửa giấy.

*

Bà mẹ của Otoko đã qua đời vì ung thư phổi. Khi đi, bà không cho hay rằng nàng có em gái khác mẹ. Cho đến bây giờ Otoko cũng không biết mình có em. Cha nàng nhập cảng lụa và len. Đám ma rất đông. Mẹ Otoko để ý trong đám phúng viếng một thiếu phụ trẻ lạ mặt trông như lai. Khi dự tang lễ, đôi mắt thiếu phụ đỏ hoe và sưng húp. Bà giật mình, vờ thư ký riêng của chồng ra một góc, sai anh ta đi điều tra lý lịch thiếu phụ lạ mặt. Anh thư ký truy ra là thiếu phụ có bà ngoại nguyên gốc Gia Nã Đại lấy chồng Nhật, còn chính thiếu phụ thì đã học trường trung học Mỹ và đang làm nghề thông dịch. Thiếu phụ sống trong một căn nhà nhỏ khu Azabu.

“Chắc không con cái gì?” mẹ nàng hỏi.

“Họ bảo cô ta có một đứa con gái.”

“Anh có thấy nó không?”

“Dạ không. Tôi chỉ nghe người hàng xóm kể lại.”

Mẹ Otoko chắc chắn đứa con gái nhỏ là con chồng mình. Kiểm tra thì cũng dễ, nhưng bà nghĩ người đàn bà kia thế nào cũng sẽ tự tìm đến. Cô ta không đến. Hơn nửa năm sau, anh thư ký cho hay cô ta đã lập gia đình và mang con theo chồng. Anh ta cũng cho hay người đàn bà đích thị là nhân tình của chồng bà. Thời gian qua, lòng ghen nguội đi, bà nghĩ lẽ ra bà đã có

thể nuôi đứa con rơi của chồng. Con bé đã phải lớn lên không biết cha là ai. Bà cảm thấy như đã mất đi chuyện gì quý lắm, tuy không phải là vì hiếm hoi chỉ có mình Otoko mà nghĩ như vậy.

Có điều chắc chắn là bà không thể cho Otoko lúc ấy mới mười một biết chuyện cha có con rơi. Bình thường mà đoán, bây giờ chắc đứa con gái đã lớn và có chồng con. Nhưng Otoko không bao giờ biết mình có em gái cùng cha khác mẹ.

*

“Otoko, cô Otoko, cô dậy đi cô...”

Keiko lay cô giáo.

“Cô nằm mơ à cô? Cô đau hay sao mà cô la dữ vậy.”

Otoko ngáp liên tiếp mấy cái như hụt hơi. Keiko ngả sang vỗ nhẹ vào lưng cô giáo, như giúp cho cô thở. Thức hẳn, Otoko hỏi:

“Em ngồi ngắm cô nằm mê đấy à?”

“Dạ.”

“Thế mà không đánh thức cô dậy, con bé này ác lắm. Cô nằm mê sợ quá.”

“Cô nằm mê thấy gì?”

“Thấy một đứa xanh ngắt như lá cây.”

“Nó mặc quần áo màu xanh?”

“Không, không phải quần áo. Mà nó hoàn toàn xanh. Tay chân nó cũng xanh lè.”

“Ô, Lục Quan Âm đấy.” Keiko nói giỡn.

“Đừng có đùa. Đứa này coi ghê lắm. Nó xanh lè mà cứ nhảy múa xung quanh cô.”

“Đàn bà phải không?”

Otoko không trả lời.

Keiko đưa tay khép mí mắt Otoko lại, rồi cầm ngón tay cô giáo bỏ vào miệng cắn.

“Ái đau quá.”

Otoko mở to mắt. Keiko giải mộng cho cô giáo:

“Cô nhớ cô đã nhận vẽ tranh em phải không? Nên chi em trở thành màu lục của đồn điền chè cô đang vẽ.”

“Em nghĩ vậy à? Nghĩa là trong lúc cô mê ngủ, em xuất hồn ra nhảy múa xung quanh cô. Ghê quá.”

Keiko cười rúc rích, bàn tay đang sờ mặt bây giờ luồn xuống ngực cô giáo. Cô gái nói:

“Nhưng mà cô nằm mơ, chứ có phải em nằm mơ đâu...”

*

Ngày hôm sau, hai người leo núi Kurama thăm ngôi đền. Đến tối họ tới nơi. Đền đông kín. Hoàng hôn trễ tháng năm đã buông xuống mấy ngọn đồi và cánh rừng xung quanh. Bên cồn phía đông, trăng rằm đã mọc. Người ta đã đốt những đồng củi xếp dọc lối đi. Tàng đoàn tụng kinh theo vị sư trụ trì. Thiện nam tín nữ thấp nền dâng lên Phật.

Ngay trước chánh điện, một chiếc bát đựng rượu khổng lồ bằng bạc được đổ đầy nước. Ông trăng soi hình vào trong bát. Thiện nam tín nữ khum hai bàn tay hứng nước múc từ trong bát. Từng người một họ kính cẩn cúi đầu rồi đưa nước lên miệng uống. Otoko và Keiko cũng làm theo.

Keiko nói đùa:

“Về nhà, có thể cô thấy vết chân xanh giẫm đầy nhà mình đấy.”

Cô gái có vẻ rất hứng chí vì hội trăng rằm trên núi tối nay.

Ngày mưa

Khi viết đã mệt hay khi cạn mạch văn, Oki thường ra ngả lưng trên chiếc phản nhỏ kê tại hành lang ngoài phòng làm việc. Xế trưa, có khi ông thiếp đi một hai tiếng. Chỉ gần đây, ông mới ngủ ngày. Trước kia, ông thường đi bách bộ. Sau nhiều năm, ông đã quen thuộc với vùng Kamakura, từ đền đài cho tới đồi núi. Dậy sớm, ông thường đi một thời ngắn buổi sáng. Khi đã thức giấc, ông không ưả nằm trong giường và ra khỏi nhà trong khi người làm quét dọn. Trước cơm tối, ông đi bộ một thời dài hơn.

Hành lang ngoài phòng làm việc khá rộng, phía cuối kê bàn viết và ghế. Ông ra đây viết những khi chán viết trong phòng làm việc. Chiếc phản nằm rất thoải mái, đặt lưng xuống là những khó khăn trong đầu tan biến đi. Mỗi khi đang viết cuốn truyện, ông thường trăn trở ban đêm và nằm mơ thấy đoạn văn đang dở dang. Nhưng ban ngày nằm trên phản, giấc ngủ tới dễ dàng và xoa dịu đi mọi ưu tư.

Hồi trẻ, ông không bao giờ ngủ ngày. Có khi ông tiếp khách suốt buổi chiều. Ông viết đêm, thường từ nửa đêm cho đến sáng. Bây giờ ông viết ban ngày và ngủ vật, không nhất thiết giờ nào. Mỗi khi mạch văn cạn, ông ra phản ngả lưng, khi buổi sáng, khi buổi chiều. Không như hồi còn viết đêm, ông hiếm khi thấy mệt mỏi mà lại gia tăng trí tưởng tượng.

Ngủ ngày thế này chắc tại mình già, ông nghĩ. Nhưng dù sao chiếc phản như có phép lạ. Nằm xuống thì dễ ngủ, mà thức dậy thì tỉnh táo khỏe khoắn. Thường thường ngủ xong, ông tìm được lối ra khỏi mạch văn đang bí. Thật là nhiệm màu.

Tiết trời đang vào mùa mưa mà ông ghét nhất. Nhà ông cách biển khá xa, quá một dãy đồi, nhưng khi mưa, không khí vẫn sũng hơi nước. Trời thấp và buồn. Oki cảm thấy mắt mờ và thái dương trái nặng như có mồi meo đang mọc trong những nếp não thùy. Có ngày ông ngủ hai ba lần, sáng và chiều.

Một buổi trưa, Oki vừa thức giấc nhưng còn nằm trên phản thì người làm vào trình là có khách tên Sakami từ Kyoto tới thăm.

“Hay con bảo người ta là ông đang nghỉ?”

“Đừng. Một cô gái phải không?”

“Dạ đúng. Cô ta có đến đây một lần rồi.”

“Con dẫn cô ấy vào phòng khách đi.”

Ông nhắm mắt định thần và tỉnh trí lại. Cái ủ ê của ngày mưa nhờ giấc ngủ trưa đã nhẹ đi, nhưng nghe Keiko đến thì ông tỉnh hẳn. Ông nhòe dậy, rửa mặt, sửa soạn áo xống cho lịch sự và bước ra phòng khách. Cô gái vội đứng dậy thi lễ. Mặt cô hơi ửng lên như bẽn lẽn.

“Em xin lỗi tới đường đột thế này.”

“Em tới thế này tốt lắm. Lần trước ta đi bách bộ, đã lỡ không gặp em. Giá hôm ấy em nán ở thêm một chút thì ta đã gặp rồi.”

“Anh Taichiro tiễn em ra ga.”

“Ta có nghe nó nói lại. Taichiro có dẫn em đi coi thành phố phải không.”

“Dạ phải.”

“Em gốc Tokyo chắc cũng chẳng xa lạ gì với thành phố này. Tất nhiên là Tokyo không thể sánh với Kyoto hay Nara được.”

Keiko nhìn thẳng vào mắt ông:

“Hôm đó mặt trời lặn trên biển cũng đẹp lắm.”

Oki ngạc nhiên là con trai đã dẫn cô gái ra tận biển. Ông nói:

“Từ hôm Tết, ta đã không gặp em. Vậy mà nửa năm rồi.”

“Ông Oki, ông cho vậy là lâu sao? Nửa năm mà ông cho là lâu à.”

Không biết cô gái muốn dẫn câu chuyện đến đâu, ông nói:

“Lâu hay chóng thật ra cũng tùy...”

Keiko không cười, làm như câu trả lời của ông nhạt nhẽo. Ông nói thêm:

“Nếu không được gặp người yêu nửa năm, em sẽ thấy sáu tháng dài lắm.”

Keiko vẫn yên lặng với cái vẻ coi thường lúc này. Đôi mắt màu lục trên trán nhìn ông như thách thức. Oki bực mình. Ông tìm cách đưa cô gái vào thế bị động. Ông nói:

“Nếu có bầu sáu tháng, em có thể cảm thấy con nó ngo ngoáy trong bụng.”

Cô gái vẫn không trả lời. Như để chữa, ông xoay ra nói chung chung:

“Dù sao chúng ta đã trải qua hai mùa của năm, đông và hè, tuy hè mà mưa vẫn rả rích thế này. Thật ra chuyện thời gian, ngay các triết gia cũng không có giải thích thỏa đáng. Người ta bảo thời gian là giải pháp cho mọi vấn đề, nhưng ta vẫn nghi ngờ điều ấy. Ý em thế nào, Keiko. Phải chăng chết mới là hết phải không?”

“Em không bị quan đến thế.”

“Ta không cho thế là bị quan. Tất nhiên cùng khoảng thời gian nửa năm với ta khác với một người nữ trẻ như em. Thời gian lại càng khác nữa, chẳng hạn như với người bị ung thư chỉ còn nửa năm để sống... hay với kẻ chết bất kỳ tử vì xe cộ, chiến tranh, hay bị hành thích mà qua đời...”

“Nhưng ông Oki, ông là nghệ sĩ, đúng không? Ông không nghĩ nghệ sĩ bất tử vì tác phẩm mình để lại sao?”

“Ta sợ tác phẩm ta để lại quá xoàng xĩnh, nhắc đến chỉ thêm ngượng.”

“Ông không cần phải ngượng vì bất cứ tác phẩm nào của ông.”

“Ta cũng mong như vậy. Sự thật là tất cả sự nghiệp của ta sẽ mai một, mai hậu sẽ không để lại vết tích gì. Nhưng chuyện đó cũng không đáng phiền lòng.”

“Làm sao ông có thể nói như vậy. Ông biết rằng cuốn truyện ông viết về cô em sẽ không mai một với thời gian.”

Ông cau mày:

“Lại cuốn truyện đó. Em gần gũi cô em như vậy mà cũng nói như vậy sao?”

“Em nói như vậy có lẽ chính tại em hiểu cô em. Rất tiếc là em không làm khác được.”

“Có lẽ em nói đúng.”

Keiko trở nên lém lỉnh:

“Ông Oki, sau cô em, ông có yêu ai nữa không?”

“Có. Nhưng không phải như với Otoko.”

“Tại sao ông không viết về mối tình ấy?”

“À... tại người đàn bà này khẳng định là không muốn ta viết về nàng.”

“Vậy sao?”

“Thực ra không viết được có lẽ là tại chính ta. Ta nghĩ một đời người không thể vắt ra hai lần chừng ấy cảm xúc.”

“Nếu là em, ông có viết về em, em cũng chẳng phiền hà.”

“Ừa?”

Oki ngạc nhiên. Ông nghĩ đây mới là lần gặp gỡ thứ ba, nếu như thế này có thể gọi là gặp gỡ. Làm sao ông có thể viết về cô bé, trừ khi mượn cái nhan sắc này để gán ghép cho nhân vật nọ trong một tác phẩm tương lai.

Ông chợt nghĩ con trai ông đã đi biển chơi với cô gái. Chuyện gì đã xảy ra hôm đó? Oki bất giác cười như để giấu sự nghi ngờ chợt đến trong đầu.

“Thế là ta có được người mẫu.”

Ông nói đùa, nhưng đang cười ông phải dừng lại nửa chừng vì cái đẹp quyến rũ mà dị kỳ của cô gái. Đôi mắt cô bé ướt như có ngấn lệ.

Keiko nói:

“Cô Ueno hứa vẽ chân dung cho em.”

“VẬY sao?”

Keiko lại nói:

“Hôm nay em mang một tấm tranh nữa lại cho ông coi.”

“Ta không dám nhận mình thạo tranh trù tượng, nhưng em cứ cho ta coi thử. Phòng bên thoáng hơn, ta sang đó coi tranh. Hai bức tranh em mang tới kỳ trước, con trai ta nó đem treo trong phòng nó.”

“Hôm nay anh ấy không có nhà.”

“Hôm nay là ngày nó lên đại học giảng bài. Còn mẹ nó thì đi xem kịch.”

“Em mừng là ông ở nhà một mình,” Keiko khẽ nói rồi ra cửa lấy tranh mang vào. Khung tranh bằng gỗ mộc. Màu lục là màu chính, những màu khác tùy hứng thêm vào rất bạo. Cả bức tranh như dậy sóng.

“Ông Oki, em nghĩ vẽ thế này là hiện thực. Đây là một đồi chè ở Uji.”

Ông cúi xuống ngắm tranh. Rồi ông nói:

“Đồi chè mà trông như sóng cuộn. Một biển màu lục của lá chè nhờ tuổi trẻ của em mà dậy thủy triều lên. Thoạt tiên ta đã tưởng em vẽ một trái tim đang vỡ tung thành những ngọn lửa.”

“Ông ơi, em sướng quá. Được ông thấy tranh em như vậy...”

Trong phòng khách kiểu Nhật, Keiko quỳ sát bên ông trước bức tranh, cầm nàng gần như đụng vai ông. Ông nghe hơi thở tươi mát của cô gái bay lẫn vào tóc.

Keiko nói:

“Chao ôi, em sướng làm sao. Em sướng vì ông thấy được trái tim em trong tranh. Không, em thật ra không vẽ đôi chè.”

“Quả là đầy sức sống.”

“Tất nhiên khi vẽ, em tới tận nơi thực tế. Ông ạ, nhưng mà chỉ trong giờ đầu là em thấy đôi chè với luống chè...”

“Ta không hiểu.”

“Đồn đồn trà hôm ấy rất tĩnh lặng. Thế mà bất thần em thấy tất cả những bụi chè bắt đầu lắc lư, xao động, và sau cùng thì em thấy cái cảnh như đã vẽ lại trong tranh. Không phải là trừu tượng đâu, mà là chính em thấy như vậy.”

“Em, cho đến hôm nay gặp em, ta thường nghĩ một đôi chè dù đầy lá non, vẫn là một cái gì thuần thực dè dặt...”

“Ông, em chưa bao giờ biết dè dặt hay thuần thực là gì đâu... Dù trong nghệ thuật hay trong cảm xúc.”

“Ngay cả trong cảm xúc?”

Ông nhìn Keiko, vai ông chạm vào cô và ông nghe cái êm mềm của bộ ngực người nữ. Mắt ngưng lại ở vành tai cô gái, ông nói:

“Em coi chừng, cứ đà này thì có ngày em tự cắt đi cái tai xinh đẹp này.”

“Em không có tài như Van Gogh. Muốn cụt tai, chắc em phải nhờ ai cầm dùi em mất thôi.”

Ngạc nhiên, Oki quay lại, Keiko vịn vào ông để khỏi mất thăng bằng. Ép mình hẳn lên người ông, Keiko nói:

“Em ghét đã cảm xúc mà còn dẫn đo dè dặt.”

Chỉ cần kéo nhẹ là cô gái ngã vào lòng ông để đón nhận cái hôn. Nhưng ông bất động. Cô gái cũng bất động. Mắt nhìn mắt, cô gái thì thầm:

“Ông...”

“Vành tai em đẹp quá. Bán diện em đẹp như thiên thần.”

Làn da mịn trên cái cổ mảnh và dài ửng đỏ lên một chút. Cô nói:

“Em sung sướng được ông khen. Cho đến chết chắc em cũng không quên. Nhưng sắc đẹp con người bền được bao lâu, ông nhỉ. Đàn bà khi nghĩ đến chuyện già chuyện xấu cũng buồn lắm.”

Ông lặng yên. Keiko lại nói:

“Bị chiêm ngưỡng một cách sỗ sàng tất nhiên là khó chịu, nhưng được một người đàn ông như ông khen đẹp, đàn bà nào mà không lâng lâng trong lòng.”

Oki cũng sờ vì lời nói bạo. Nếu cô gái đã nói thẳng ra cô mê ông hay yêu ông, chắc ông cũng chỉ ngạc nhiên đến thế.

Lấy giọng trân trọng, ông nói:

“Ta cũng sung sướng đã được chiêm ngưỡng em. Tuy nhiên còn bao nhiêu vẻ đẹp khác nơi em, ta nào đã thấy.”

“Ông nghĩ vậy sao? Em không phải người mẫu. Em chỉ là một người thích vẽ.”

“Họa sĩ được sử dụng người mẫu. Nhiều khi ta ước nghề văn của ta cũng được như vậy.”

“Nếu ông muốn, em xin làm người mẫu cho ông...”

“Cám ơn em.”

“Em đã nói mà, em không quản ngại nếu ông viết về em. Em chỉ tiếc là em không sánh nổi cô gái lý tưởng trong hư cấu của ông.”

“Em muốn ta viết về em một cách hiện thực hay trừu tượng?”

“Viết làm sao là hoàn toàn tùy ông.”

“Chắc em biết làm người mẫu cho nhà văn khác làm người mẫu cho họa sĩ.”

Keiko chớp đôi hàng mi cong dài. Cô gái nói:

“Em biết. Nhưng ông nghĩ sao khi em vẽ đôi chèo là cảnh thiên nhiên, mà chung cuộc lại hóa ra cảnh nội tâm của chính em.”

“Tranh nào chẳng vậy, phải không? Dù tranh hiện thực hay trừu tượng... Nhưng với họa sĩ, người mẫu chủ yếu chỉ là một tấm hình hài. Còn với nhà văn, người mẫu trước hết phải là một con người. Nhà văn sẽ không biết làm gì với người mẫu nếu cô ta hay anh ta trông vào chỉ gợi ra một phong cảnh hay một bó hoa.”

“Ông Oki, em là một con người như ông định nghĩa đấy.”

“Em nói đúng. Em quả là một con người, một con người xinh đẹp nữa.”

Đưa tay kéo Keiko đứng dậy, ông nói tiếp:

“Nhưng người mẫu ngay cả khi ngồi khoả thân cho họa sĩ vẽ, anh ta hay cô ta chỉ cần ngồi bất động lúc lâu là đủ. Nhưng như vậy chưa đủ cho một nhà văn.”

“Em biết.”

“Chắc không?”

“Chắc.”

Oki lúng túng vì cô gái quá bạo. Ông nói lảng:

“Vậy thì ta sẽ mượn đôi nét mỹ miều của em để gán cho nhân vật truyện ta.”

Cô gái nhất định không tha:

“Làm người mẫu như vậy thì có gì vui thú.”

Oki đổi đề tài:

“Mà Keiko này, đàn bà thật là lạ. Có mấy bà tự nhiên bảo là ta đã dựa vào họ mà dựng ra nhân vật này nhân vật nọ.”

“Ông ạ, phụ nữ bất hạnh thường tự an ủi mình bằng ảo tưởng.”

Ông nói:

“Có thể họ không được thăng bằng bộ thần kinh.”

Keiko bắt vào:

“Đàn bà dễ mất thăng bằng. Em nghĩ ông dư sức làm cho họ mất thăng bằng phải không?”

Oki không biết nói gì.

Keiko làm tới:

“Em nghĩ thật ra ông không cần làm gì cho họ mất thăng bằng, ông chỉ cần bình tĩnh ngồi đợi cho họ tự mất thăng bằng lấy.”

Ông cố gắng xoay hướng câu chuyện:

“Dù sao, làm người mẫu cho nhà văn rất khác. Đó là một sự hy sinh không bao giờ được đền bù.”

Cô không buông tha:

“Em ao ước được hy sinh. Có lẽ hy sinh cho người khác là lẽ sống của em.”

Ông càng ngày càng ngạc nhiên vì cô gái. Ông nói:

“Trường hợp em, em tự ý hy sinh. Và hy sinh xong, em sẽ đòi hỏi người ta phải hy sinh lại cho em cái gì...”

“Ông nói không đúng. Hy sinh xuất phát từ tình yêu, từ khát khao...”

“Không phải là em đang hy sinh cho cô Otoko sao?”

Keiko không trả lời.

Đến lần ông làm tới:

“Đúng như vậy, phải không nào?”

“Em thương cô Otoko, đúng. Nhưng dù sao cô em vẫn là đàn bà. Không có gì trong sạch trong việc một người đàn bà hiến dâng đời mình cho một người đàn bà khác.”

“Chuyện này thì ta không có ý kiến.”

“Yêu đương như vậy, cả hai sẽ tự hủy diệt.”

“Hủy diệt?”

“Dạ, hủy diệt.”

Giây sau, Keiko nói tiếp:

“Em không mơ hồ về chuyện này đâu. Em ao ước gặp được người đàn ông làm cho em hoàn toàn quên bản thân em, dù chỉ năm mười ngày em cũng chấp nhận.”

“Em đòi hỏi quá nhiều ở tình yêu. Ngay trong hôn nhân, ta cũng không nghĩ có chuyện quên mình như em vừa nói.”

“Nhiều đám muốn hỏi em làm vợ. Nhưng cái thứ hy sinh vợ chồng đó không đáng kể. Vì trong hôn nhân, em sẽ vẫn còn lo cho thân em. Và ông biết, em đã nói em ghê sợ thứ cảm xúc dè dặt chừng mực trong một vòng phần.”

“Nghe em, ta tưởng như em chỉ còn một giải pháp là tự vận sau khi gặp được ý trung nhân vài ngày.”

“Em không sợ tự vận, chết còn sướng hơn là sống trong chán chường vô vị. Ông có thể bóp cổ em cho chết ngay bây giờ, em vẫn sung sướng. Em muốn nói là ngay sau khi ông dùng em làm người mẫu cho truyện của ông.”

Oki không muốn tin cô gái chỉ có ý định quyến rũ mình. Ông không nghĩ cô là hạng đàn bà mưu mô loại đó. Ông lại nghĩ dù sao, cô gái có thể là một mẫu nhân vật ly kỳ thú vị. Tuy nhiên ông sợ một cuộc tình kết thúc bằng chia lìa rất có thể đưa cô gái vào nhà thương điên, như trường hợp Otoko.

Ông chợt nhớ hồi đầu xuân, khi Keiko mang hai bức tranh tới, Taichiro đã tiếp cô gái, lại đưa cô ta ra tận biển Kamakura. Cô gái chắc đã chinh phục con trai ông. Liên hệ với Keiko sẽ nguy hiểm cho Taichiro. Ông tự nhủ ông nghĩ vậy chỉ vì lo cho con, và không hề có ý ghen tuông.

Keiko nói:

“Bức tranh đôi chè này, em mong ông treo trong phòng làm việc của chính ông nhé.”

Ông ậm ừ. Cô nói tiếp:

“Em mong ông nhìn tranh em một lần ban đêm, dưới ánh đèn mờ. Bấy giờ màu xanh của đôi chè sẽ hòa vào màu nền, và tất cả những màu sắc sỡ của em sẽ nổi bật lên và trôi ra ngoài tranh...”

“Ta nghĩ xem tranh xong, chắc ta sẽ có những giấc mộng kỳ dị lắm.”

“Em tò mò, không biết ông sẽ mơ thấy gì nhỉ?”

“Ồ. Chắc là những giấc mơ trẻ. Khẳng định là vậy.”

“Ông tử tế với em quá. Ông thật nghĩ như vậy ấy ư?”

“Em trẻ, chuyện ấy tất nhiên thôi.”

Ông nói tiếp:

“Những làn sóng chè mềm mại là ảnh hưởng của Otoko, còn màu sắc thì là của em.”

“Ông treo tranh em một ngày là đủ, sau đó ông cho nó nằm hứng bụi trong ngăn tủ, em cũng không buồn. Bức tranh không đúng ý em. Một ngày nào đấy em sẽ tới cắt vụn nó ra thành giẻ rách.”

“Em nói cái gì?”

Dáng điệu bỗng dễ thương hiền thực, cô gái nói:

“Em nói thật đấy. Bức tranh này xấu xí, nhưng nếu ông treo trong phòng đọc sách của ông một ngày là em mãn nguyện...”

Ông không biết nói gì. Keiko yên lặng cúi đầu. Rồi nàng trở lại chuyện mộng寐:

“Em tò mò không biết bức tranh đem lại cho ông giấc mơ gì?”

“Ta sợ ta sẽ mơ thấy em.”

“Ông cứ mơ đi nhé, ông muốn mơ gì thì mơ.”

Má nàng đỏ hồng thẹn thùng. Nàng lại nói:

“Ông Oki, nhưng ông chưa làm gì nên chuyện, để có chuyện mà mơ về em.”

Mắt cô gái như đại đi.

“Vậy thì để ta tiễn em về, như thằng Taichiro tiễn em bữa trước. Nhà đi vắng cả, ta không tiện mời em ở lại dùng cơm tối. Để ta gọi taxi.”

*

Xe chạy quá Kamakura, dọc theo bãi biển Shichiri. Biển và trời cùng một màu xám. Oki cho xe đậu tại sở cá. Ông mua mực và cá mòi để cho cá heo ăn. Keiko đưa mòi ra cho cá nhảy lên đớp. Cô đưa mòi mỗi lúc một cao, và cá heo nhảy cao lên theo. Cô vui thích như trẻ thơ, không để ý là bắt đầu có hạt mưa.

Lát sau Oki giục:

“Ta về thôi, kéo mưa lớn. Quần áo em ẩm nước rồi đấy.”

“Ô, em vui quá.”

Trong xe, Oki nói có nhiều đàn cá heo hay về phía bên kia vịnh, quá tuổi nước nóng ngâm một chút. Ông kể:

“Người ta lừa cá vào gần bờ và đàn ông tay không cời truồng nhảy xuống bắt. Cá heo rất thích được cù dưới mang, nên bị bắt mà cứ tưởng là được ôm nên không chống cự.”

“Tội nghiệp cá chưa.”

“Không biết một cô gái ngoan có thích được người ta cù không, em nhỉ?”

“Ông nói gì mà ghê vậy. Em nghĩ cô gái ngoan của ông sẽ cào cấu cho nát mặt cái anh đàn ông dê ra.”

“Xem vậy thì cá heo dễ thương hơn con gái.”

Xe taxi đến một khách sạn trên đỉnh đồi có tầm nhìn bao quát vịnh Enoshima. Đảo màu xám, và bán đảo Miura lơ mờ trong sương. Mưa nặng hạt và sương mù thường lệ cho mùa này lơ lửng trong không. Cả rừng thông gần cũng mờ sương. Lên đến phòng, hai người ướt sũng, quần áo dính láp nháp. Ông nói:

“Sương dày lắm, chắc không về tối nay được.”

Keiko gật đầu. Ông ngạc nhiên cô gái thuận ở lại đêm với ông một cách dễ dàng. Lấy tay xoa nước trên mặt, ông nói:

“Chúng ta phải tắm trước khi ăn tối.”

Rồi ông đề nghị:

“Em chơi trò cá heo với ta nhé.”

“Ông thích nói bậy bạ. Ví em với cá, ông muốn si nhục em đến như vậy sao? Cá heo với cá mú...”

Rồi tựa khung cửa sổ nhìn ra khơi, Keiko nói một mình:

“Biển tối thui.”

Oki nói:

“Ta xin lỗi em.”

Keiko nói:

“Ông có thể đòi ngắm em khỏa thân. Thậm chí ông có thể đòi ôm em...”

“Em có chịu không?”

“Chịu hay không, chưa biết. Nhưng rủ em chơi trò cù nách như cá heo là sỉ nhục em. Dù sao em không phải là thứ đàn bà lang chạ. Xem ra ông là con người trác táng.”

“VẬY sao?” Oki vừa nói vừa đi vào phòng tắm.

Oki tắm bằng hương sen, Rồi tráng qua bồn xứ, ông mở nước. Ông ra khỏi nhà tắm lấy khăn lau tóc. Không nhìn Keiko, ông nói:

“Em nên đi tắm. Ta vắn nước nóng vào bồn chắc đã đầy phân nửa rồi.”

Nét mặt vẫn tư lự, Keiko nhìn ra khơi. Cô gái nói:

“Hóa ra mưa to. Cả đảo lẫn bán đảo đều chìm trong mù.”

“Em buồn chuyện gì?”

“Em ghét màu mây ngọn sóng, vậy thôi.”

“Ướt át chắc khó chịu lắm. Em đi tắm đi.”

Keiko gật đầu vâng lời. Ông không nghe tiếng nước chảy trong nhà tắm, nhưng cô trở ra với cái mát mẻ của người vừa tắm xong. Keiko đến trước bàn phấn mở túi xách tay ra trang điểm. Oki tới đứng sau lưng cô gái. Ông nói:

“Ta gội đầu, nhưng họ chỉ có bri-ăng-tin. Mùi bri-ăng-tin thật khó chịu.”

“Ông dùng thử nước hoa của em.”

Keiko đưa cho ông một chiếc lọ nhỏ. Oki xịt vài giọt đưa lên mũi ngửi.

“Rắc vào bri-ăng-tin à?”

Keiko mỉm cười:

“Vài giọt thôi nhé.”

Oki chụp tay Keiko, không cho nàng trang điểm:

“Keiko, đừng.”

“Ông làm đau tay em. Ông hư lắm.”

“Ta thích em tự nhiên, không son phấn. Hàm răng em đẹp, lông mày em đẹp...”

Ông hôn vào má cô gái. Cô khẽ kêu lên. Ông làm nghiêng chiếc ghế và cô ngã chúi vào ông. Môi hai người chạm nhau. Cái hôn dài. Thấy ông ngừng để thở, Keiko nói vội:

“Đừng, đừng ngừng dở chừng. Ông hôn nữa đi...”

Keiko ghì chặt lấy ông. Giấu sự ngạc nhiên, ông nói đùa:

“Cả mấy cô thợ lặn ngọc trai chuyên nghiệp chắc cũng không nín thở giỏi bằng em. Nhịn thở lâu thế có thể ngất đi đấy.”

“Ông làm cho em ngất đi, ông...”

“Đàn bà dài hơi hơn đàn ông,” ông nói. Ông hôn lại cô gái. Cái hôn dài làm ông lại hụt hơi như lần trước. Ông bế cô gái lên giường. Keiko cuộn mình tròn như con cuộn chiếu. Cô không cưỡng lại, nhưng ông phải khó khăn mới làm cho cô ruỗi thẳng người ra. Thấy Keiko không còn trinh nữa, ông vuốt ve bạo hơn. Nằm dưới ông, Keiko rên lên vì khoái lạc. Bất thần cô gái gọi:

“Otoko, Otoko ơi...”

“Cái gì?”

Oki mới đầu tưởng Keiko gọi tên mình, nhưng hụt hẫng khi nghe ra cô gái gọi tên cô giáo.

Tỉnh cơn mê, ông hỏi:

“Em gọi ai? Em gọi Otoko à?”

Không trả lời, Keiko lẳng lặng đẩy ông ra.

Vườn đá

Những vườn đá nổi tiếng của Kyoto tọa lạc tại chùa Rêu, lầu Bạc, và thiền viện Ryoanji. Vườn đá tại Ryoanji rất đẹp và được coi như tượng trưng cho mỹ thuật thiền. Otoko biết hết những vườn đá đó.

Khi mùa mưa dứt, nàng hay đến vẽ tại vườn đá chùa Rêu. Nàng không chủ tâm vẽ, mà chỉ muốn ngắm vườn để hấp thụ chút khí lực tỏa ra từ đá. Nàng nghĩ vườn đá này cổ nhất và có khí lực nhất trong các vườn đá trong vùng.

Otoko chỉ muốn tới tĩnh tọa. Sợ du khách qua lại sẽ tò mò vì nàng ngồi một chỗ quá lâu, nàng làm bộ vẽ để được tự nhiên.

Chùa Rêu được thiền sư Muso trùng tu năm 1339. Thiền sư cho sửa sang những phòng ốc cũ, đào cảnh ao, giữa ao lại cho đắp hòn đảo nhỏ. Tục truyền rằng thiền sư hay dẫn khách ra một chiếc lầu trên đỉnh đồi để ngắm cảnh Kyoto. Những lầu những gác ấy đã không còn dấu tích. Chùa chắc đã làm lại nhiều lần sau những trận lụt lớn hay những thiên tai khác. Có lẽ chỉ có vườn đá là ít thay đổi.

Otoko không bận tâm đến lai lịch khu vườn. Nàng tới vì vườn đá đẹp. Keiko cũng tới mỗi khi Otoko tới, theo cô giáo như bóng với hình. Một hôm Keiko nhận xét:

“Những cảnh dựng bằng đá đều như có gì trừu tượng, mơ hồ, bí ẩn ấy, cô nhỉ. Em cảm thấy vườn ăm ắp một khí lực siêu hình... Em nghĩ đến tranh Cezanne vẽ bờ biển L'estaque lờ mờ chớm đá.

“Em thấy tranh đó rồi hả? Nhưng tranh vẽ cảnh thiên nhiên có sẵn...”

“Otoko, nếu em vẽ vườn đá này, nó sẽ trở thành trừu tượng. Em không thể nào vẽ nó theo lối hiện thực được.”

“Có thể em nói đúng. Nhưng cô thì chịu thua.”

“Cô có muốn em phác họa thử không?”

“Nên lắm. Cô rất thích Đồi chè của em. Cái thần bức tranh rất trẻ, thật là trẻ. Tấm đó em cũng mang cho ông Oki phải không?”

“Dạ. Nhưng giờ này chắc vợ ông ấy đã xé nó ra thành giẻ vụn... Cô biết không, em ngủ một đêm với ông ấy trong khách sạn gần Enoshima. Ông già mắc dịch một cách dễ sợ. Nhưng lúc ông đang say máu, em gọi tên cô làm ông ấy tức thì cụt hứng. Ông ấy vẫn còn yêu cô, và gần em, ông ấy bị lương tâm cắn rứt. Chừng ấy cũng đủ làm cho em ghen.”

“Trời ơi, em mưu toan cái gì?”

“Em muốn phá gia cang nhà ông ta. Để trả thù cho cô.”

“Lại trả thù.”

“Em không chịu nổi ông ta. Dù bị bội bạc bao nhiêu, dù khổ sở bao nhiêu, cô vẫn còn yêu ông ấy. Chỉ đàn bà là dại, thật là đáng thương.”

Dừng lại một giây, Keiko nói tiếp:

“Em ghen là cô vẫn còn yêu ông ấy.”

“Em ghen thật ấy ư?”

“Tất nhiên là thật.”

“Em ghen mà đi khách sạn ngủ đêm với ông ấy. Nếu cô còn yêu ông như em nói, chính cô mới là người đáng ghen.”

“Nhưng cô có ghen không?”

Otoko không trả lời. Cây cọ trong tay thoăn thoắt trên vải, Keiko nói tiếp:

“Em sẽ rất mừng nếu cô ghen. Đêm đó trong khách sạn, em thao thức cả đêm, còn ông ta thì nằm một lát là lăn ra ngủ ngon lành. Em không chịu nổi cái thứ đàn ông ngủ tuần.”

Otoko phỏng ước trong đầu là phòng khách sạn kê giường đôi, để ghi nhận là nàng còn thắc mắc với những tiểu sự như vậy.

Keiko lại nói:

“Ông ta ngủ say. Thật là thú vị khi em nghĩ có thể thừa dịp bóp cổ cho ông ấy chết.”

“Em là con người nguy hiểm.”

“Em chẳng qua chỉ mới nghĩ chuyện bóp cổ thôi. Nhưng nghĩ không cũng đủ thích, làm em không ngủ được.”

Tay cầm cọ run run, Otoko nói:

“VẬY mà em bảo tất cả là chỉ vì cô. Cô không tin nổi.”

“Tất nhiên là vì cô.”

“Em làm ơn từ giờ trở đi đừng bước chân tới nhà người ta nữa. Em còn tới đó thì không biết chuyện bất hạnh nào sẽ xảy ra.”

Keiko hỏi:

“Khi nằm dưỡng trí viện, có bao giờ cô muốn giết ông ta không?”

“Không bao giờ. Cô có thể mất trí, nhưng chuyện giết người...”

“Cô không oán ông ta, cô yêu ông ta nhiều quá mất rồi.”

“Em à, cô đã có đứa con với ông.”

Keiko giọng nghẹn ngào, khó khăn lắm mới tìm ra lời:

“Đứa con ấy ư? Cô, em có thể ăn trộm một đứa con của ông ta cho cô.”

“Trời ơi, Keiko em nói gì vậy?”

“Rồi em sẽ làm cho ông ta lụn bại, không ngóc đầu lên nổi.”

Otoko nhìn trân trân cô gái. Cái miệng xinh như thế mà thốt ra những lời xấu xa hung ác như thế.

Gắng bình tĩnh, nàng nói:

“Cô nghĩ cô không cấm được em có con với ông Oki. Nhưng em có hiểu chuyện gì sẽ tiếp theo không? Nếu em có con với ông, cô sẽ không đùm bọc em nữa. Mà một khi làm mẹ, em sẽ không ăn nói như bây giờ. Tất cả sẽ thay đổi.”

“Em sẽ không bao giờ thay đổi.”

Otoko thắc mắc chuyện gì đã xảy ra cái đêm Keiko ngủ với Oki. Keiko đã không kể hết. Cô gái giấu gì đằng sau những ngôn từ hung bạo như ghen tuông và trả thù.

Otoko tự vẫn tâm xem nàng còn có thể ghen vì Oki không. Nhắm mắt lại, nàng chỉ thấy dư ảnh của khu vườn đá.

“Cô ơi, cô có làm sao không? Cô xanh quá.” Keiko ôm vội lấy cô giáo. Như sợ nàng bất tỉnh, Keiko béo nàng vào chỗ da non dưới nách.

“Đau, Keiko.”

Otoko lão đảo. Cô gái ôm lấy Otoko, đỡ cho nàng khỏi ngã. Keiko lại nói:

“Otoko, trên đời em chỉ muốn có cô, một mình cô.”

Otoko yên lặng đưa tay lau mồ hôi lạnh đọng hạt trên trán. Nàng nói:

“Cứ đà này, em sẽ khốn khổ suốt đời.”

“Em không sợ khổ.”

“Tại bây giờ em còn trẻ đẹp, em có thể nói như vậy.”

“Còn được ở bên cô bao lâu, em còn hạnh phúc bấy lâu.”

“Cảm ơn em. Nhưng dù sao cô cũng chỉ là đàn bà.”

“Em ghét đàn ông.”

Otoko buồn bã nói:

“Như vậy không đúng. Nếu quả thật như vậy, chúng ta ở chung với nhau càng lâu thì càng không nên... Và lại thẩm mỹ của em với cô thật ra khác nhau nhiều lắm...”

“Em thì ngược lại. Em rất ghét nếu cô giáo em mà vẽ một điệu như em.”

Otoko bình tĩnh trở lại, ôn tồn nói:

“Em ghét nhiều thứ quá, Keiko ạ. Mà nhân nói chuyện vẽ, em đưa vở tập cho cô xem được không?”

Keiko đưa tấm phác họa cho Otoko.

“Em vẽ cái gì thế này?”

“Cô đừng khó tính. Tất nhiên em vẽ vườn đá. Cô coi kỹ xem. Em nghĩ em vừa vẽ được một cái gì mà em đã không ngờ vẽ được.”

Otoko xem tranh, nét mặt từ từ thay đổi. Thoáng nhìn nàng không hiểu bức phác họa mực tàu này muốn vẽ gì, nhưng một đời sống huyền bí hiển hiện trong tranh. Nét tài năng này chưa bao giờ thấy nơi Keiko. Run run, Otoko nói:

“Thế là đã có chuyện giữa em và ông Oki trong đêm ở khách sạn phải không.”

“Không có đâu cô.”

“Em chưa bao giờ vẽ như thế này.”

“Cô Otoko, em phải nói thật với cô. Ông ta không còn đủ hơi để hôn một cái hôn hơi dài một chút, nói gì đến...”

Otoko lặng yên.

Keiko hỏi:

“Đàn ông nào cũng vậy sao cô? Đây là lần đầu tiên em gần đàn ông.”

Otoko không biết nên hiểu chữ lần đầu tiên, chữ gần của Keiko như thế nào. Nàng làm bộ tiếp tục xem tranh.

Sau cùng nàng nói:

“Cô chỉ muốn hóa thành hòn đá trong vườn đá này.”

Vườn đá của thiền sư Muso dài đầu mưa nắng, cổ kính như hiện hữu tự bao giờ. Nhưng hình dạng và cách sắp đặt thì rõ ràng là nhân tạo. Chưa bao giờ Otoko thấy được cái khí lực của vườn như hôm nay. Nàng nghe như có khối tâm linh đè nặng lên ngực. Nàng nói:

“Chúng ta về đi. Đá bắt đầu làm cô sợ.”

“Đồng ý.”

Otoko lão đảo đứng dậy. Nàng nói:

“Vườn đá này, cô chịu thua. Trừu tượng quá. Nhưng trong bản phác, hình như em đã bắt được một cái gì độc đáo.”

Keiko nắm tay Otoko:

“Cô à, về nhà cô với em ta chơi trò cá heo nhé.”

“Trò cá heo là cái gì. Lại chuyện gì nữa đây?”

Keiko cười ranh mãnh, đi về hướng lùm tre thường thấy trong ảnh chụp phong cảnh chùa. Otoko nét ưu tư hơn là buồn. Keiko vỗ nhẹ lên vai cô giáo:

“Cô. Hôm nay đá nó thu mất hồn cô rồi phải không?”

“Không đâu. Cô chỉ muốn cả ngày ngồi ngắm đá mà không cần vẽ.”

“Chẳng qua là mấy hòn đá mà cô. Cô nhìn đá như thể cô thấy chuyện gì linh thiêng thần bí...”

“Em nhớ có đọc bài tùy bút của một nhà thơ hài cú, đại để là phải ra ngắm biển ngày này qua ngày khác rồi về lại Kyoto mới khám phá ra ý nghĩa của vườn đá.”

“Ông ta thấy biển trong vườn đá sao? Tuy nhiên, cô nghĩ cô không vẽ nổi vườn đá này.”

“Nhưng vườn đá chẳng qua là do người ta dựng lên, dựng theo lối trừu tượng. Em nghĩ em có thể vẽ được nó, theo kiểu của em, muốn dùng màu gì thì dùng.”

Lát sau Keiko hỏi:

“Người ta bắt đầu làm vườn đá từ bao giờ cô nhỉ?”

“Cô không biết đích xác. Có lẽ không trước thế kỷ mười bốn.”

“Còn đá thì có từ bao giờ nhỉ?”

“Cô nào có biết.”

“Cô có muốn tranh cô bền hơn là đá không cô?”

Otoko bối rối:

“Cô không bao giờ mơ chuyện ấy. Nhưng mà vườn đá này, hay cả vườn đá trong lâu đài Katsura cũng phải thay đổi với thời gian. Cây mọc lên rồi cỗi, bão tố thiên tai tàn phá... Tuy nhiên cách đá được bày chắc ít thay đổi hơn.”

Keiko nói lớn:

“Cô ơi, thật ra nếu vạn sự có thay đổi và hủy diệt thì lại càng tốt. Giờ này chắc đồ chơi của em đã biến thành giẻ vụn vì cái đêm ngủ khách sạn tại Enoshima.”

“Tiếc quá, bức tranh rất đẹp.”

“Tranh đẹp thật hả cô?”

“Keiko, em định lần hồi mang tặng ông Oki tất cả tranh đẹp của em sao?”

“Dạ. Cho đến khi em trả thù xong...”

“Cô đã bảo em là cô không muốn nghe chuyện trả thù nữa.”

Keiko vui vẻ:

“Em hiểu cô. Nhưng em không hiểu tại sao em thù hận. Vì ghen tuông hay vì tự ái đàn bà cô nhỉ?”

Otoko nắm ngón tay cô gái. Hạ thấp giọng, nàng nói:

“Em muốn nói chuyện ghen?”

“Thâm sâu trong lòng cô, cô vẫn yêu ông ta. Còn ông ta, ông cũng giấu cô sâu kín trong tim ông. Em đã thấy rõ ràng ngay từ hôm Tết.”

Otoko yên lặng.

“Em nghĩ khi đàn bà chúng mình thù ghét, thì cái thù ghét ấy cũng có thể là một dạng thức của cái yêu.”

“Keiko, sao em có thể nói những điều như vậy, tại một chỗ như chỗ này.”

Keiko đổi đề tài:

“Em nghĩ vườn đá tượng trưng những cảm nghĩ rất mạnh của người tạo ra nó. Nhưng em vẫn không hình dung trong tâm họ có cái gì.”

Keiko lại hỏi:

“Phải nhiều thế kỷ qua rồi, đá mới lên nước như vậy, nhưng khi mới hình thành thì cái vườn đá trông nó như thế nào cô nhỉ?”

“Cô nghĩ bây giờ nếu được thấy vườn đá khi mới bày xong chắc em sẽ thất vọng.”

“Nếu em vẽ, em sẽ dùng bất cứ màu nào và hình thể nào mà em thích, và em sẽ gắng vẽ vườn đá như khi mới dựng.”

“Có thể như vậy, em sẽ vẽ nổi đấy.”

“Cô Otoko, cái vườn đá này sẽ tồn tại rất lâu, lâu hơn cô và em rất nhiều.”

“Tất nhiên.”

Otoko rùng mình. Nàng nói tiếp:

“Nhưng dù sao nó cũng không tồn tại mãi mãi.”

Keiko nói:

“Nếu được sống bên cô, em bất cần dù tranh em được tồn tại mãi mãi hay bị hủy hoại tức thì.”

“Em bất cần vì em còn trẻ.”

“Thật ra nếu bà Oki xé tranh em ra, em càng mừng. Chuyện ấy sẽ chứng tỏ là tranh em tạo được xúc động nơi bà.”

Ngưng một giây, Keiko lại nói:

“Em biết thực ra tranh em chẳng đáng được quan trọng hóa như vậy.”

“Em lầm rồi.”

“Em không có thực tài, và em không muốn để lại gì cho hậu thế. Em chỉ muốn sống bên cô. Được quét nhà thổi cơm cho cô, em cũng vui rồi. Ấy là chưa kể cô còn dạy em vẽ tranh.”

Otoko ngả người sang cô gái:

“Em nghĩ vậy thực sao?”

“Thực tận đáy lòng em.”

“Nhưng em có tài, Keiko. Tranh em đã làm cô ngạc nhiên nhiều lần.”

“Như tranh trẻ con phải không? Hồi đi học, em luôn luôn được cô giáo đem tranh treo trong lớp.”

“Em có tài sáng tạo hơn cô, nhiều khi làm cô phải thèm. Từ giờ, em đừng có khiêm nhường vô lý nữa.”

“Em sẽ nghe lời cô. Cô còn cho em ở với cô, chuyện gì em cũng sẽ gắng hết sức. Thôi ta nói chuyện khác đi.”

“Em đã hiểu cô muốn nói gì với em rồi phải không?”

Keiko gật đầu. Cô gái nói:

“Em hiểu... nếu cô không bỏ em.”

“Làm sao cô bỏ em được? Nhưng mà...”

“Nhưng mà sao hờ cô?”

“Đàn bà thì phải có chồng con...”

Keiko cười thành tiếng:

“Ô việc đó mà lo gì. Em không lấy chồng mà cũng không đẻ con.”

“Lỗi tại cô, cô xin lỗi em...”

Lòng nặng chình chịch, Otoko quay mặt đi, tay bứt chiếc lá. Nàng yên lặng bước. Keiko nói:

“Cô Otoko, đàn bà đúng là tội nghiệp cô nhi. Thanh niên trẻ không không bao giờ đi yêu một bà già, nhưng một cô gái nhỏ chỉ mười mấy có khi đi yêu ông cụ năm sáu mươi. Yêu mà không toan tính lợi lộc gì... Phải không cô?”

Otoko không trả lời.

Keiko nói:

“Thực tình, ông Oki là một trường hợp vô vọng. Vậy mà ông ta dám nghĩ em là một đứa con gái dĩ thỏa hư đồn...”

Otoko nhột nhạt. Keiko vẫn nói:

“Rồi đến lúc gây cần nhất, nghe em gọi tên cô, ông ta liệt luôn... Tựa hồ như vì cô, ông ta ruồng bỏ em.”

Otoko bủn rủn. Sau cùng nàng hỏi:

“Chuyện xảy ra ở Enoshima?”

“Dạ.”

Otoko như tê bại. Xe taxi đã tới nhà. Hai người vào phòng vẽ.

Keiko nói:

“Cô, có thể nói là tiết hạnh của em được nguyên vẹn là nhờ đã gọi tên cô.”

Đỏ mặt, cô gái nói tiếp:

“Cô có muốn em mang bầu giùm cô không?”

Otoko thẳng tay tát mạnh cô gái. Nước mắt tràn mi, Keiko nói:

“Chao ôi, em sướng quá. Cô đánh em nữa đi.”

Otoko run lên vì giận.

Keiko giục:

“Cô đánh em nữa đi cô.”

Otoko hét lên:

“Keiko.”

“Em sẽ không giữ đứa con. Em muốn nó là con cô. Em sẽ mang nó trong dạ. Sinh nó ra em sẽ tặng nó cho cô. Em muốn ăn trộm của ông Oki đứa con cho cô....”

Otoko lại thẳng tay tát cô gái. Keiko khóc nức nở. Cô gái mếu máo:

“Otoko, dù cô có yêu ông ấy đến đâu, cô đâu còn sinh nở được nữa. Cô hết sinh nở được rồi. Còn em, em có thể mang bầu hộ cho cô mà không cần yêu đương hay cảm xúc gì với đứa con hay với ông ấy. Y hệt như chính cô đã mang nặng đẻ đau nó.”

“Keiko, có im đi không.”

Otoko bỏ ra ngoài hiên, tiện chân đá cái lồng đom đóm ra vườn. Cô thấy tất cả đom đóm trong lồng sáng lên một lượt, và cái lồng bay ra sân vẽ một vòng sáng trong không. Ngày hè đang tàn và sương chiều đã buông xuống ngọn cây, nhưng trời chưa tối. Otoko ghi nhận đom đóm không thể sáng như vậy, chính thần trí nàng căng thẳng đã sinh ra ảo ảnh. Nàng như mất hồn, đứng nhìn cái lồng đom đóm nằm trên sân rêu. Keiko đã nín, nằm

ngiêng trên chiếu nhìn lưng cô giáo. Otoko thân hình cũng như tâm thần cứng nhắc vì căng thẳng.

Bà vú bước vào thưa, nước tắm đã pha xong.

“Cảm ơn vú,” giọng Otoko còn vờ. Mồ hôi lấp nháy dưới áo, nàng nói:

“Trời ảm quá vú nhỉ. Chắc tại vẫn còn mùa mưa... Vú cho tắm thật là đúng lúc.”

Omiyo làm vú già cho chủ ngôi đền này đã sáu năm. Vú được giao cho việc trông coi khu hộ Otoko thuê. Siêng năng, vú làm hết mọi chuyện, từ lau nhà, giặt giũ, rửa bát, cho đến thỉnh thoảng nấu ăn. Otoko tuy thích nấu và nấu ngon, nhưng nhiều khi bận vẽ không nấu được. Keiko cũng thạo mấy món đặc biệt của cố đô, nhưng nấu không đều tay. Hai người thường ăn tạm những món tầm thường vú biết làm. Trong đền còn hai người nội trợ khác là mẹ và vợ chủ đền, nên Omiyo có thể dành phần lớn thì giờ chăm lo cho Otoko. Vú mới ngoài năm mươi, thấp, có da có thịt, tay chân mũm mĩm có ngăn. Thấy cái lồng đom đóm ngoài sân, vú mau mắn nói:

“Cô Ueno, cô cho chúng nó ra uống sương phải không?”

Vú ra sân dựng lại chiếc lồng đồ lăn, như thể Otoko đã chủ tâm mang nó ra đây để. Lúc vú đứng lên nhìn lại hiên, Otoko đã trở vào nhà tắm. Thấy Keiko mắt ướn và một bên má đỏ rực, vú nhìn đi chỗ khác và hỏi chuyện gì xảy ra.

Keiko không trả lời. Cô gái đứng dậy, sắc diện không thay đổi. Nghe nước chảy trong phòng tắm, Keiko nghĩ Otoko pha thêm nước lạnh vào bồn cho vừa. Đứng trước gương trong xường vẽ, Keiko mở ví trang điểm lại khuôn mặt, rồi chải lại mái tóc. Phòng tắm có gương lớn và bàn phấn, nhưng Keiko không muốn vào vì biết Otoko đang ở trong ấy.

Keiko thay đồ lót, với tay lấy chiếc kimono mỏng mặc vào. Nhưng cô gái lúng túng không xỏ được tay vào áo. Thấy những hoa văn Otoko vẽ trên áo, cô gái buột miệng gọi tên cô giáo. Hoa giống hoa bìm, nhưng thật ra là

những hoa hư cấu, màu sắc hợp thời trang, mát mắt và rất trẻ. Hình như Otoko đã vẽ chiếc áo này hồi hai người bắt đầu thân nhau.

Vú Omiyo từ phòng bên nói vọng sang:

“Cô Sakami, cô ra phố đấy hả?”

Nghĩ Omiyo thấy mình lúng túng với cái thắt lưng, Keiko nói:

“Vú đứng đấy mà nhìn cái gì. Có vào giúp em đi không?”

Omiyo hỏi lại:

“Cô ra phố phải không?”

Keiko nói:

“Không, em không đi đâu cả.”

Xách quần áo ra phòng trang điểm, Keiko bảo u già:

“Vú cho em đôi tất mới đi.”

Otoko nghe tiếng chân bước, nghĩ Keiko sắp vào bồn tắm với mình. Nàng gọi:

“Nước vừa tắm, em vào đi.”

Nhưng Keiko vẫn đứng trước gương, loay hoay buộc thắt lưng. Cô gái cột chặt đến nỗi dây lưng lún vào thịt. Omiyo đưa tất mới cho Keiko rồi trở ra.

“Vào tắm đi em.” Otoko lại gọi.

Ngồi trong bồn nước ngập đến ngực, nàng nhìn cánh cửa gỗ từng mở thông sang phòng trang điểm. Nhưng Keiko không vào. Bên kia cửa hoàn toàn yên lặng, không có cả tiếng quần áo sột soạt. Sợ Keiko không tắm với mình, nàng vịn bồn đứng dậy bước xuống sàn.

Otoko nghĩ phải chăng Keiko không muốn cho nàng thấy thân thể sau khi ngủ đêm với Oki. Chuyện đã hai tuần trước, và Keiko từ hôm ấy đã tắm

chung với nàng nhiều lần mà không ngưng ngừng gì. Tuy nhiên mãi hôm nay lúc đi xem vườn đá Keiko mới thổ lộ sự việc. Nhưng lời thú nhận sao quá bất ngờ.

Mấy năm nay, Otoko gần như hàng ngày khám phá ra những vết bất thường của cô gái. Không phải tất cả là tại nàng, nhưng phần nào, Otoko đã khuyến khích những vết bất thường này.

Otoko đứng đợi Keiko trong phòng tắm, mồ hôi lạnh đọng thành giọt trên trán. Nàng lại gọi:

“Keiko, em có vào tắm đi không?”

“Không, em không tắm đâu.”

“Em không tắm sao?”

“Không.”

“Cũng không lau mình nữa?”

“Em không cần.”

Ngừng một giây, Keiko nói vọng vào:

“Cô ơi, em xin lỗi cô. Cô tha lỗi cho em nghe cô?”

Otoko nói vọng ra:

“Em tha lỗi cho cô thì có... Cô là người mới đáng trách. Cô xin lỗi em...”

Keiko yên lặng. Otoko lại hỏi:

“Em đừng làm gì ngoài đó?”

“Em buộc thắt lưng.”

“Buộc thắt lưng?”

Otoko lau vội mình mấy và ra phòng trang điểm. Thấy Keiko sạch trong sạch bóng trong chiếc kimono mới giặt, nàng nói:

“Chà, em ra phố?”

“Dạ.”

“Mà em đi đâu?”

“Em không biết,” Keiko nói, mắt buồn vời vợi. Otoko với chiếc áo choàng che mình, như ngượng ngùng vì khóa thân trước mặt cô gái.

“Cô đi với em nhé.”

“Cô muốn đi với em thì cô đi.”

“Em không phiền?”

“Ô, em đâu dám.”

Keiko quay đi, mặt nàng phản chiếu trong gương. Keiko nói tiếp:

“Em đợi cô.”

“Cô sửa soạn nhanh lắm. Tránh cho cô ra...”

Otoko len qua Keiko vào bàn phấn ngồi. Nhìn Keiko qua gương, nàng nói:

“Ta đi Kiyamachi nhé. Tiệm Ofusa ấy mà. Em gọi điện giữ bàn ngoài sân thượng đi. Hay lấy một phòng nhỏ trên gác, miễn nhìn ra sông là được... Còn không, ta tìm tiệm khác.”

Keiko gật đầu, nói:

“Để em kiếm cho cô ly nước đá lạnh đã.”

“Trông cô nóng nực lắm sao?”

“Dạ.”

“Đừng lo... Cô nóng nực nhưng không nổi nóng đâu...” Otoko vừa nói vừa rắc nước hoa ra tay.

Otoko nghe nước đá lạnh mát đến cổ.

Keiko ra chánh điện gọi điện thoại. Khi cô gái trở về, Otoko đang mặc quần áo.

“Ofusa bảo chúng ta có bàn nếu đến trước tám rưỡi.”

“Tám rưỡi sao?” Otoko nhú mày. “Thôi cũng được. Nếu đi ngay, chúng ta có thể nhận nha ăn tối.”

Nhìn lại gương, Otoko ngắm tóc mình và nói:

“Chắc cô cũng chẳng cần làm tóc lại đâu em nhỉ.”

Keiko với tay ra sau Otoko và sửa lại lưng áo cho cô giáo.

Bông sen trong lửa

Trong sách “Thăng cảnh Cổ Đô”, đoạn thường được trích dẫn là cảnh đêm hè trên bờ sông Namo. Sách viết:

“Ghế dài nối nhau xếp dọc lối đi, sân thượng những trà đình tửu quán hai bên bờ vươn ra sông, ánh đèn phản chiếu trên nước lấp lánh như sao. Đám kếp Kabuko xinh như con gái, khăn tía cột đầu, múi khăn phất phơ trong gió sông, thẹn thùng che quạt làm ai ứa nhìn không nỡ quay đi. Các kỹ nữ đẹp như tiên sa nhõn nhơ đi lại, xạ lan sức nước một vùng.”

Rồi đến đoạn về những người kể chuyện rong, và những trò vui khác:

“Có những con khỉ biết đóng tuồng, những con chó biết đánh vật, những con ngựa biết làm xiếc, những tay múa rối hay đi trên dây... Còn âm thanh thì có tiếng rao hàng, tiếng nước róc rách trong tiệm bán thạch chè, tiếng phong linh thủy tinh leng keng trong gió chiều... Những giống chim lạ thổ sản của Nhật hay nhập từ Trung Quốc, những thú rừng bắt từ trên núi xuống... tất cả được gom lại tại một khu. Khách truy hoan đủ hạng vui vẻ tiệc tùng.

Năm 1690, thi hào Basho cũng đã tới đây. Ông viết: “Dạ tiệc ven sông gọi là cho một đêm hè thật ra sẽ kéo dài từ lúc mặt trời lặn buổi chiều cho tới lúc trăng lặn buổi sáng. Sân thượng sắp lượt hai bên sông làm chỗ ăn uống tiệc tùng. Đàn bà xiêm áo lộng lẫy, đàn ông y phục bảnh bao, sư sãi cũng như bô lão trà trộn với mọi người, và cả mấy chú thợ đóng thùng hay mấy bác thợ rèn cũng ca hát vui nhộn... Đúng là cảnh kinh kỳ.”

Basho còn có thơ cho cảnh:

Gió sông phơ phới

Tấm áo mới trên lưng

Ta ra đường

Đêm hè nghe mát rượi...”

Sau thời Minh Trị, đáy sông được vét sâu thêm, và tàu điện đi Osaka chạy trên bờ phía đông. Thế là hết những đêm trên sông sáng như ban ngày với đèn lồng, lửa trại, cửa hàng giải trí, trò vui múa lộn, xiếc đi trên dây, cầm thú hiểm hoi, vân vân... Bây giờ chỉ còn sót lại những sân thượng các trà thất hay tửu lâu dọc hai phố Kiyamachi và Ponto-cho, như vang bóng một thời của những dạ yến bên sông năm xưa.”

Những gì đã đọc về “Đêm hè ven sông”, Otoko chỉ nhớ thuộc đoạn tả các chàng kép Kabuki đẹp như gái then thùng trong ánh trăng ngà, xòe quạt che mặt, mùi khăn tía bịt đầu bay phất phới trong gió sông. Lần đầu tiên gặp Keiko, nàng nhớ lại những chàng kép niên thiếu xinh trai ấy.

Hôm nay ngồi với Keiko trên sân thượng trà thất Ofus, đoạn văn trở về trong ký ức. Có thể những kép Kabuki mềm mại và nhiều nữ tính hơn cô bé Keiko giống trai của bữa gặp gỡ ban đầu. Và Otoko biết chính nàng đã biến cô gái thành thiếu nữ thanh lịch bây giờ.

Otoko nói:

“Keiko, em có nhớ lần đầu em đến với cô không?”

“Cô cứ phải nhắc mãi chuyện ấy sao?”

“Hôm ấy thấy em, cô nghĩ tới một con quỷ con đang hiện hình.”

Keiko nắm tay Otoko, bỏ ngón út vào miệng vừa cắn vừa nhìn trộm Otoko. Rồi cô gái lẩm nhẩm như đọc bài: “Chiều xuân ấy đầy sa mù... Và em như chập chờn trong làn sương mỏng xanh nhạt đang buông xuống khu vườn...”

Đó là những lời chính Otoko đã nói với Keiko. Cô gái không quên và hôm nay nhắc lại. Cả hai đã nhắc lại câu nói nhiều lần.

Keiko biết rõ là Otoko vẫn tự trách mình đã quyến luyện học trò, sự quyến luyện sau cùng đã trở thành mối luyện ái say đắm.

Trong trà thất bên cạnh, đèn giấy đặt bốn góc sân thượng, mấy cô kỹ nữ đang tiếp một ông khách độc thân. Ông ta dáng lực điền, đầu hói tuy chưa

già lắm. Khách nhìn ra sông, hững hờ câu chuyện với các cô kỹ nữ. Không biết ông ta còn đợi bạn chưa tới, hay đợi đêm xuống. Trời còn sáng nên những cây đèn thấp sớm trông như vô dụng.

Sân thượng nhà bên gần như có thể với tay sang được. Các trà thất xây sân thượng chìa ra sông, không mái mà cũng không màn, thông thoáng từ đầu phố đến cuối phố. Không bận tâm vì chỗ thiếu riêng tư, Keiko cắn mạnh ngón út của Otoko. Nàng đau điếng nhưng không nhúc nhích. Keiko đưa lưỡi nghịch đầu ngón tay nàng, rồi nhả ra và nói:

“Cô vừa tắm, ngón tay nhật phèo à...”

Cảnh đẹp làm Otoko ngượng cơn giận. Nàng suy nghĩ có lẽ tại nàng mà Keiko đã hư hỏng và ngủ với Oki. Keiko vừa xong trung học khi tới thăm nàng lần đầu. Cô gái kể đã bị chinh phục tức thì sau khi thấy tranh của Otoko tại một cuộc triển lãm và ảnh của nàng trong một nguyệt san hội họa. Đó là cuộc triển lãm ở Kyoto. Quần chúng nhiệt liệt hâm mộ tác phẩm của Otoko, và nàng đã đoạt được một giải thưởng. Bức tranh trúng thưởng ấy Otoko lấy cảm hứng từ một tấm ảnh năm 1877 chụp một ca kỹ tên là Okayo, để vẽ thành hai ca nhi đang chơi đồ chữ. Tấm ảnh dùng xảo thuật đưa ra hai hình của cùng một kỹ nữ Okayo. Hai cô gái ăn mặc giống hệt nhau. Một cô nhìn thẳng, ngón tay xò ra, trong khi cô kia trong thế bán diện thì bàn tay lại nắm lại. Otoko thấy bàn tay, nét mặt và thân hình hai cô gái ngộ nghĩnh. Cô gái bên phải xò ngón cái rời xa ngón trỏ, trong khi các ngón khác lại cong ra đằng sau. Otoko cũng thích chiếc áo hoa in của cô kỹ nữ, tuy không đoán được màu vì ảnh trắng đen. Hai cô gái ngồi đối diện lò sưởi bên trên có treo ấm nước bằng gang. Ngoài ra còn có một nệm sa-kê, nhưng Otoko thấy những chi tiết này tầm thường và thừa thãi nên đã bỏ qua. Tất nhiên là nàng vẽ cô kỹ nữ hai lần thành hai người đàn bà chơi đồ chữ với nhau. Otoko gắng tạo ra cảm nghĩ bất ổn cho người ngắm tranh, là hai cô gái tuy hai mà một, và mỗi cô gái tuy một mà hai. Hay đúng ra, không có hai mà cũng không có một.

Để tránh cho bức tranh khỏi nhạt nhẽo, Otoko đã bỏ nhiều công phu vẽ chân dung hai cô gái. Hoa văn tỷ mỉ trên y phục làm nổi bật bốn bàn tay. Tuy tấm họa không hẳn chép lại tấm ảnh, nhưng dân Kyoto trông qua là biết tranh vẽ từ tấm ảnh một kỹ nữ thời Minh Trị.

Một người buôn tranh ở Tokyo thích bức họa và tìm gặp Otoko. Ông ta thu xếp để triển lãm tại Tokyo một số tranh khác khổ nhỏ của nàng. Đó là lần Keiko thấy những tranh đó, vì cô gái chưa bao giờ được nghe tiếng họa sĩ Ueno của cố đô.

Nhờ bức tranh hai người ca kỹ, mà cũng vì nhan sắc của Otoko, có tuần báo đã dành một bài dài cho nàng. Họ gửi phóng viên và thợ ảnh đưa Otoko đi chỗ này chỗ nọ ở Kyoto. Họ chụp Otoko hết tấm này đến tấm khác. Otoko hóa ra đóng vai người hướng dẫn, vì nhân viên tòa báo muốn đi những nơi mà nàng thích. Kết quả là bài tường thuật chiếm ba trang lớn. Bài gồm ảnh chụp lại “Người ca kỹ”, chân dung Otoko, và vô số cảnh cố đô nhờ sự diện của nàng mà có ý nghĩa đặc biệt. Có thể họ chỉ muốn tìm những thắng cảnh du khách ít biết, và dùng Otoko như một hướng dẫn viên kiêm họa sĩ.

Keiko bấy giờ còn xa lạ với cố đô, không lưu tâm đến thắng cảnh, qua ảnh chỉ thấy nhan sắc của Otoko. Và cô gái bị thu hồn.

Trở lại hôm đầu tiên ấy, Keiko hiện ra trong sương mờ như một bóng ma, năn nỉ Otoko cho ở chung để học vẽ. Keiko khẩn khoản làm Otoko ngạc nhiên. Và bất thành linh, cô gái ôm chầm lấy Otoko làm nàng cảm thấy như bị siết chặt trong vòng tay hồ tinh. Otoko nghe toàn thân rạo rức như bị kích thích bởi một đam mê bất ngờ.

Otoko nói:

“Ít nhất cha mẹ em phải bằng lòng, cô mới nhận em được.”

“Cha mẹ em đã qua đời. Bây giờ em tự lo liệu lấy thân em.”

“Em không có anh chị cô bác hay sao?”

“Anh cả em và chị dâu em coi em như gánh nặng. Từ khi họ có cháu, em lại càng phiền toái cho họ hơn.”

“Nhưng tại sao?”

“Em rất thương cháu, nhưng anh chị em không thích cách em nựng nó.”

Thu nhận Keiko được vài ngày, Otoko được thư của anh ruột cô gái. Anh ta nhờ Otoko nuôi giùm Keiko, tuy cho rằng cô gái nhiều khi cư xử vô trách nhiệm, tự tiện theo ý mình, làm gia nhân không biết có nổi không. Người anh cũng chuyển luôn quần áo và đồ đạc của cô gái. Coi những thứ ấy, Otoko đoán gia cảnh cô gái khá giả.

Sau mấy ngày sống chung, Otoko hiểu tại sao anh chị cô gái lại không thích lối cô ta nựng cháu. Cách cư xử của cô gái kể ra cũng lạ lùng. Dọn vào được độ một tuần, Keiko nắn nỉ Otoko chải tóc cho mình. Khi Otoko lỡ tay kéo mạnh món tóc, Keiko nói:

“Cô Ueno, cô kéo tóc em đi cô... Cô nắm lấy tóc mà kéo đầu em lên...”

Otoko rút tay lại. Keiko quay lại ép môi và răng vào cườm tay Otoko. Rồi cô gái hỏi:

“Cô Ueno, cô bao nhiêu tuổi khi hôn lần đầu?”

“Em hỏi gì kỳ thế?”

“Em thì khi lên bốn... Em còn nhớ. Người ấy là chú họ xa về phía mẹ em. Chú khoảng 30, và em rất quý chú. Chú ngồi phòng khách một mình, em tung tăng lại gần và hôn môi chú. Chú sợ quá, lấy tay chùi miệng.”

Ngồi trên sân thượng trà thất, Otoko nhớ lại chuyện cái hôn con nít của Keiko, và ghi nhận cái môi bốn tuổi đã hôn đàn ông bây giờ đang mút ngón tay nàng.

Keiko hỏi:

“Cô Otoko, cô có nhớ trận mưa xuân khi cô dẫn em đi chơi núi Arashi lần đầu không?”

“Nhớ chứ.”

“Cô có nhớ cái bà lão bán mì không?”

Lần đó độ hai ba bữa sau khi Keiko dọn tới, Otoko dẫn Keiko thăm vài thắng cảnh, trong đó có núi Arashi. Hai người vào tiệm mì gần sông khoảng đầu cầu Togetsu. Bà chủ tiệm mì than thở vì trời mưa, Otoko nói:

“Mưa xuân thích chứ.”

“Cám ơn bà,” người đàn bà nhà quê lễ phép nói.

Keiko nhìn Otoko và hỏi khẽ, “Bà cụ cảm ơn gìùm cho trời mưa sao?”

“Em nói gì?”

Câu trả lời của bà nhà quê Otoko nghe như tự nhiên đã làm Keiko ngạc nhiên. Rồi nàng trả lời cô gái:

“Cô chắc vậy.”

Keiko theo đuổi câu chuyện:

“Tức cười cô nhĩ. Thời tiết mà đi cảm ơn người ta. Dân Kyoto lễ phép đến như vậy sao?”

“Cô chắc vậy...”

Có thể Keiko cho là lễ phép cũng đúng, và bà già bán mì đã tỏ ra lịch sự với hai người đi ngắm núi Arashi dưới mưa. Nhưng Otoko không phải chỉ vì xã giao mà nói không phiền hà chuyện mưa. Nàng thực tình thấy mưa xuân trên núi Arashi đẹp, và nàng nghĩ vì vậy mà bà già địa phương đã cảm ơn nàng. Bà già như đại diện thời tiết hay đại diện quả núi mà cảm ơn. Tóm lại, bà chủ tiệm ăn cảm ơn là phản ứng bình thường của dân vùng này, nhưng Keiko đã cho là kỳ lạ.

Keiko nói:

“Họ nấu mì ngon cô nhĩ. Em rất thích cái tiệm ăn ấy.”

Hôm ấy vì mưa nên Otoko đã thuê taxi nửa ngày, và bác tài taxi đã chỉ cho hai người tiệm ăn này. Tuy đang mùa hoa anh đào mà nhờ mưa nên vắng du khách, nhất là trên núi Arashi. Vì vậy mà Otoko nói thích mưa. Mưa còn làm dãy núi bên kia sông mờ đi, dáng núi mềm mại và đẹp hơn. Otoko và Keiko rời tiệm ăn trở ra taxi mà không cần mở dù, mưa bụi làm quần áo chỉ hơi ẩm. Nàng nhìn những hạt mưa biến đi khi chạm nước mà không để lại dấu vết gì trên mặt sông. Hoa anh đào núi nở lẫn với lộc non, và mưa làm dịu đi màu xanh quá tươi của nụ lá.

Không phải chỉ núi Arashi đẹp dưới mưa xuân. Đền Rêu và Ryoan-Di cũng không kém mỹ miều. Trong đền, một bông trà đỏ rụng trên thảm rêu màu xanh rục rờ. Giữa những bông hoa dại nhỏ trắng, bông trà như từ rêu nở ra. Còn tu viện Ryoan-Ji, đá trong vườn ướt mưa, mỗi hòn lóng lánh một cách. Otoko nói, “Đá ướt mưa làm cô nghĩ đến những bình gốm Iga được tráng nước sôi trước khi pha trà.” Keiko chưa bao giờ thấy gốm Iga, nhưng nghe Otoko nói, cô gái để ý đến những giọt mưa trên lá thông dọc con đường trong khuôn viên tu viện. Những giọt mưa nhỏ lấp lánh thành những hạt ngọc dính tại mỗi mút lá mảnh và dài như cây kim, tựa hồ sương móc nở hoa. Những bông hoa mưa mảnh dẻ này chắc chẳng ai biết tới. Những cây phong mà nụ lá chưa mở cũng lấp lánh những hạt nước nhỏ. Bất cứ ở đâu, mưa chẳng đọng trên mút lá thông, nhưng Keiko hôm ấy mới ghi nhận nên cảm thấy hiện tượng như chỉ riêng cho Kyoto. Giọt mưa xuân trên mút lá cũng như sự lễ phép của bà bán mì là những ấn tượng đầu tiên của cô gái về Kyoto. Không những Keiko khám phá ra cái đẹp của cố đô, mà khám phá ra cái đẹp ấy với Otoko ở bên.

Keiko nói:

“Không biết bà chủ quán có mạnh giỏi không cô nhỉ. Từ hôm đó cô và em không trở lại núi nữa.”

“Đúng, lâu lắm chúng mình không đi chơi núi. Cô cho là núi đẹp nhất về mùa đông... Chúng ta sẽ thăm lại núi.”

“Phải đợi đến mùa đông hả cô?”

“Cũng sắp rồi em.”

“Không sắp đâu cô. Bây giờ mới giữa hè. Sau hè lại còn thu.”

Otoko cười:

“Bao giờ muốn đi mà chả được. Ngay cả ngày mai.”

“VẬY ĐI... Mai ta đi. Em sẽ nói với bà bán mì là em thích núi Arashi mùa hè, và có lẽ bà cụ lại cảm ơn em. Nhân danh mùa hè mà cảm ơn.”

“Nhân danh cả núi Arashi nữa.”

Nhìn ra sông, cô gái bỗng nói:

“Cô à, đông tới, chắc chẳng còn ai đi chơi sông từng cặp như thế này.”

Nhiều người trẻ đang tản bộ trên hai con đê đắp giữa sông Misosogi và Kamo, cũng như giữa sông Kamo và con sông đào phía đông. Phần đông là những cặp trai gái, thỉnh thoảng mới có gia đình dẫn con nhỏ theo. Những cặp tình nhân trẻ đi sát vào nhau hoặc ngồi cạnh nhau bên bờ nước. Đêm xuống, người ra càng đông.

Otoko trả lời câu Keiko hỏi:

“Em đoán đúng. Chỗ này mùa đông thì quá lạnh để du ngoạn.”

“Em không nói thời tiết ấm lạnh. Em muốn nói không biết rồi ra có thọ nổi đến mùa đông không.”

“Cái gì thọ...”

“Tình yêu của những cặp này... Nhất định là chỉ sang đông, nhiều anh chị chắc không còn muốn thấy mặt nhau nữa.”

“Té ra em đang nghĩ chuyện ấy.”

Keiko gật đầu. Otoko nói:

“Nhưng tại sao lại tiêu cực như vậy. Em còn trẻ...”

“Tại vì em không khờ như cô. Suốt hai mươi năm vẫn đi yêu con người chỉ có mỗi tích sự là làm cô đau khổ.”

Otoko không trả lời. Keiko lại nói:

“Cô, cô không biết là ông Oki đã bỏ cô rồi sao?”

“Em im đi. Đừng nói giọng ấy với cô.”

Keiko quay lại tiện tay sửa lại món tóc rối trên cổ Otoko.

“Cô, sao cô không bỏ em?”

“Em nói cái gì?”

“Em là con người độc nhất trên đời mà cô có thể ruồng bỏ. Sao cô không ruồng bỏ em đi.”

“Cô không hiểu em muốn nói gì.”

Otoko mắt nhìn thẳng Keiko, tay sửa lại những món tóc mà Keiko vừa xếp lại.

Keiko lầm lì:

“Em muốn nói tới cái cách tàn nhẫn mà ông Oki đã phụ cô. Nhưng xem ra cô không bao giờ chịu nhìn nhận sự thật.”

“Bỏ với không bỏ, cô không thích những từ ấy.”

“Em nghĩ nói trắng ra như vậy tốt hơn... Nếu không gọi là bỏ thì gọi là gì.”

“Cô và ông ấy chia tay.”

Keiko cãi ngược lại:

“Chia tay gì đâu. Ngay cả bây giờ, ông ta vẫn còn nằm trong xương trong thịt cô, và cô vẫn còn nằm trong xương trong thịt ông ấy...”

“Cô không hiểu em muốn đưa câu chuyện đến đâu.”

“Otoko, em nghĩ hôm nay cô sẽ bỏ em.”

“Nhưng vừa rồi lúc ở nhà, chẳng phải cô đã nhận lỗi và xin lỗi em sao?”

“Em xin lỗi cô thì có.”

Otoko mang Keiko đi ăn tiệm với ý định giảng hòa, nhưng nàng nghĩ hai người có thực sự giảng hòa được không. Keiko không thể thỏa mãn với một tình thương êm đềm yên ổn. Cô gái cứng đầu đã cãi cọ với Otoko và vẫn còn hờn. Còn Otoko, nàng cảm thấy bị tổn thương khi Keiko thú nhận là đã ngủ đêm với Oki ở Enoshima. Keiko từ xưa vẫn quyến luyến trung thành với Otoko, giờ đây trở thành đối nghịch. Cô gái lấy cớ trả thù Oki, nhưng xem ra cô ta muốn trả thù chính nàng. Còn nữa, nàng cảm thấy kinh sợ và tuyệt vọng vì thiếu gì đàn bà khác trên đời mà Oki đã không ngần ngại quyến rũ học trò của nàng.

Keiko hỏi:

“Otoko, cô không bỏ em chứ cô?”

“Nếu em muốn cô bỏ em như vậy, thì cô sẽ bỏ. Mà có lẽ như vậy còn tốt cho em hơn.”

Keiko lắc đầu:

“Thôi đủ rồi cô. Em sợ cô nói với em như thế này. Không phải em nghĩ đến em mà em nói như vậy. Nếu cô giữ em với cô...”

Otoko gắng lấy giọng bình tĩnh:

“Chúng ta chia tay là tốt cho em.”

“Trong lòng cô, cô đã xa em rồi.”

“Tất nhiên là em lầm.”

“Em lầm thật sao? Ô, em mừng quá. Em không chịu nổi ý nghĩ là cô có thể bỏ em.”

“Nhưng không phải là em muốn vậy?”

“Em mà muốn vậy? Cô nghĩ là em sẽ bỏ cô?”

Otoko không trả lời.

Keiko say sưa nói:

“Em không bao giờ bỏ cô.”

Keiko nắm lấy tay Otoko và lại cắn ngón út. Otoko rút tay lại:

“Đau, Keiko. Em cắn đau quá mà.”

“Em cắn là chủ tâm làm cho cô đau.”

Nhà hàng dọn món ăn ra. Keiko quay đi làm bộ ngấm những đốm lửa trên núi. Otoko, tay này úp lên tay kia che vết răng Keiko. Nàng nói mấy câu với người chiêu đãi. Khi y ra khỏi phòng, Keiko gấp miếng lươn trong bát canh đưa lên miệng. Cúi đầu, cô gái nói:

“Tuy nhiên, cô nên bỏ em.”

“Em cứng đầu lắm, em có biết không?”

“Em là thứ con gái bị người yêu bỏ rơi. Cô thấy em cứng đầu à cô?”

Otoko không trả lời. Nàng lại cảm thấy ân hận. Có lẽ đàn bà đối với đàn bà có cứng đầu hơn là đối với đàn ông. Ngón tay bị Keiko cắn không còn đau nữa, nhưng nàng vẫn có cảm giác như ai đâm kim vào. Nàng nhớ nhiều chuyện cô gái làm là phần nào do nàng đầu tê. Như ngày sau hôm dọn tới ở, cô gái đang rán đồ ăn chạy vội tới nàng, “Cô ơi, em bị dầu văng vào tay...” Nàng hỏi, “Em bị bỏng sao?” Keiko nói rất quá, và đưa ngón tay cho Otoko xem. Otoko cầm lấy bàn tay có đầu ngón tay bỏng đỏ hồng. “Trông cũng lành thôi,” Otoko vừa nói vừa đưa ngón tay Keiko vào miệng mút. Cảm giác ngón tay cô gái chạm vào lưỡi làm Otoko vội nhả ra. Keiko bỏ ngón tay vào miệng mút lấy.

Cô gái lại hỏi:

“Otoko, em có nên liếm nó không?”

“Keiko, coi chừng cái chảo chưa tắt lửa.”

“Ờ nhỉ, vậy mà em quên khuấy đi mất.” Cô gái vội vã trở lại bếp.

Một đêm khác, Otoko không nhớ bao lâu, nàng hôn lên mí mắt Keiko. Nàng cẩn nhẹ vành tai Keiko cho đến khi cô gái rên lên và quắn quại vì sướng. Thấy vậy, Otoko tiếp tục mơn trớn cô gái. Otoko nhớ ngày xưa Oki hay mơn trớn nàng như vậy. Có lẽ thấy nàng ngây thơ vô tội, Oki đã không vội hôn nàng lên miệng, và nhờ hôn trán, hôn mắt, hôn má, Oki làm cho nàng thư giãn. Keiko bây giờ già hơn Otoko bấy giờ hai ba tuổi, và cả hai đều là phái nữ nên chi Keiko phản ứng lại nồng nhiệt hơn. Otoko cảm thấy tội lỗi khi mơn trớn Keiko như Oki đã mơn trớn nàng, vậy mà ý niệm tội lỗi lại làm khoái lạc gia tăng. “Tha cho em đi. Đủ rồi, cô.” Keiko vừa nói vừa ôm chặt lấy Otoko và hai bộ ngực trần chạm nhau. Keiko lại nói, “Cô với em hình hài giống nhau như một, cô nhỉ.” Otoko vội nhích người ra khỏi Keiko. Keiko không buông, càng ôm chặt hơn, “Đúng cô nhỉ, chúng mình có cùng một thân thể.” Những suy nghĩ của Keiko bao giờ cũng làm nàng ngạc nhiên. Otoko không biết cô gái có còn trinh không. “Chúng mình khác nhau,” Otoko khẽ nói trong khi bàn tay Keiko đi tìm vú nàng. Cô gái hành động còn đôi chút vụng về, nhưng rụt rè thì không. Khi ấy Otoko nắm lấy tay Keiko, bảo “Em không nên làm thế.” Keiko bóp chặt hơn và nói “Cô, cô không công bằng với em.”

Hai mươi năm trước, khi nàng thấy tay Oki trên ngực mình, Otoko cũng đã nói: “Em xin anh đừng làm thế.” Oki đã viết y nguyên lời đó trong truyện. Dù không nhắc, chắc nàng cũng nhớ, nhưng viết thành truyện, lời nói có sức sống riêng. Và vừa rồi phân bì, Keiko xem ra đã thuộc lòng *Cô gái mười sáu*, đoạn cô để cho Oki vuốt ve nhũ hoa.

Truyện cũng có đoạn tả cặp vú nhỏ của Otoko, và cái diễm phúc như ân sủng khi Oki được sờ cặp vú ấy. Otoko không bao giờ cho con bú nên đầu vú vẫn đỏ tươi. Hai mươi năm rồi, màu tươi đó chưa mất. Nhưng quá tuổi ba mươi, nàng để ý vú nàng nhỏ lại.

Một hôm tắm chung, có lẽ Keiko đã nhận thấy vú nàng hơi xệ nên lấy tay sờ như kiểm lại cho chắc. Otoko nghĩ Keiko sẽ nói ra nhận xét của

mình, nhưng cô gái giữ yên lặng. Keiko cũng không nói gì khi vú nàng cứng lên vì được mơn trớn. Sự yên lặng của Keiko bất thường, vì lẽ ra cô gái phải coi sự việc trên như một chiến thắng của mình.

Thỉnh thoảng Otoko nghĩ vú căng lên như vậy là chuyện xấu xí, bệnh hoạn, đáng thẹn... Và nhất là nàng ngạc nhiên thấy thân thể mình gần bốn mươi mà có thể phản ứng như vậy khi được Keiko vuốt ve. Phản ứng khác với hồi mười lăm khi được Oki vuốt ve, hay hồi mười sáu khi nàng có bầu.

Sau khi chia tay với Oki, hai mươi năm qua, không ai đụng tới ngực nàng, trong khi tuổi xuân và những cơ hội lấy chồng lặng lẽ trôi qua. Bây giờ một bàn tay đàn bà, bàn tay Keiko, lại ve vuốt nhũ hoa của nàng.

Thực ra, Otoko đã có nhiều cơ hội được yêu và lấy chồng từ khi tới Kyoto sống với mẹ. Nhưng nàng đã trốn những cơ hội đó. Mỗi khi có người đàn ông mê nàng, kỷ niệm của Oki lại trở về. Những kỷ niệm lẽ ra chỉ là kỷ niệm, lại mạnh mẽ như hiện thực. Lúc mới xa Oki, vì tang thương sâu muộn, nàng không nghĩ chuyện lấy chồng. Ngày mai nàng còn không tính nổi, nói chi đến tương lai. Nhưng lần hồi, không lấy chồng trở thành một quyết định không gì lay chuyển nổi.

Tất nhiên là mẹ nàng hy vọng con gái yên bề gia thất. Bà mang con rời Tokyo không phải với ý định ra đi vĩnh viễn, mà hy vọng Otoko sẽ quên Oki và tìm lại được quân bình. Về Kyoto, bà vẫn lo lắng về con. Lần đầu tiên chuyện hôn nhân được nêu lên, Otoko mười chín tuổi. Hôm ấy vào lễ cầu vong cô hồn tại đền Numbutsu tại Adashimo. Otoko thấy mẹ khóc khi ngắm hàng ngàn ngọn nến thấp trước những ngôi mộ vô chủ. Ánh nến chập chờn làm cảnh càng thêm凄凉. Khi hai mẹ con theo con hương lộ trở về thì trời đã tối. Bà mẹ nói:

“Cảnh sao mà vắng vẻ... Con có thấy vậy không con?”

Nàng biết mẹ muốn nói cảnh cô đơn của hai mẹ con. Bà bảo có người nhờ mối lái ngỏ ý cầu hôn với nàng.

Otoko nói:

“Con đành chịu lỗi với mẹ. Con không thể lấy chồng.”

“Đàn bà không có chuyện không thể lấy chồng đâu con ạ.”

“Nhưng mà có, mẹ ơi.”

“Nếu con không lấy chồng, cả hai mẹ con mình sẽ trở thành cô hồn.”

“Con không hiểu mẹ nói gì.”

“Mẹ nói cô hồn là những người không ai thân thuộc cúng giỗ.”

“Con hiểu cái đó. Nhưng không cúng giỗ thì có làm sao mẹ nhỉ. Chết là hết.”

“Mẹ không nói chuyện chết. Ngay cả khi sống, đàn bà không chồng không con, khác gì cô hồn. Giả thử mẹ không có con... Con còn trẻ, nhưng...”

Bà mẹ ngập ngừng, nói tiếp:

“Con vẫn vẽ tranh con của con phải không? Con định vẽ như vậy cho đến bao giờ?”

Otoko không trả lời.

Bà bảo bà chưa biết gì nhiều về người đàn ông muốn hỏi Otoko, ngoại trừ anh ta làm thư ký ngân hàng.

“Nếu con muốn gặp người ta, mẹ con mình đi Tokyo một chuyến.”

Otoko nói:

“Mẹ có biết khi nghe chuyện này con thấy gì trước mắt không?”

“Con thấy gì?”

“Con thấy lại những chấn song sắt cửa sổ hồi năm nhà thương điên.”

Bà mẹ yên lặng.

Khi mẹ còn sống, Otoko có nhiều đám khác muốn dạm hỏi. Giục con lấy chồng, bà nói:

“Con cứ nghĩ đến ông Oki làm gì. Ông ta nào có biết đến, mà con cũng không làm gì hơn cho ông ta được. Con đợi ông ta vô vọng như thế này, như thể người đợi quá khứ trở về. Mà thời gian cũng như dòng sông, không bao giờ chảy ngược.”

Otoko trả lời:

“Con không đợi ai cả mẹ à.”

“Con không quên được ông ấy ư?”

“Không, không phải vậy.”

“Con chắc không?... Khi ông ấy dụ dỗ con, con mới là đứa trẻ, một đứa trẻ ngây thơ. Phải chăng vì vậy cái sẹo còn mãi. Mẹ ghét ông ta đã nhấn tâm với một đứa trẻ như con.”

Otoko suy nghĩ mãi lời mẹ. Lẽ nào vì thơ ngây măng sữa mà nàng đã yêu đương như vậy. Lẽ nào chỉ vì khờ khạo mà nàng đam mê mù quáng.

Nhiều năm sau khi chia tay, đọc *Cô gái mười sáu*, nàng sửng sốt vì Oki kể lại trên đường tới gặp nàng, ông thường suy tính sẽ làm tình kiểu gì, và thường thường, ông thi hành đúng như dự tính. Nàng thấy ghê sợ vì trái tim người đàn ông có thể “run lên vì khoái lạc khi nghĩ chuyện ấy”. Cô gái hồn nhiên như Otoko không thể tưởng tượng được Oki có thể kế hoạch trước kỹ thuật làm tình, cái gì làm trước, cái gì làm sau với nàng, vân vân như vậy. Nàng chấp nhận mọi hành động của ông, và chiều ông những gì ông đòi hay xin. Tuổi trẻ làm cho nàng cả tin.

Oki tả Otoko như một cô gái có nữ tính phi thường, một người đàn bà của thế giới đàn bà. Ông viết rằng nhờ cô gái, ông đã được trải qua tất cả mọi cách làm tình. Khi đọc đoạn văn, Otoko như bị thiêu đốt bởi xấu hổ. Nhưng nàng cũng không chìm xuống được những kỷ niệm sống động về chuyện chăn gối với ông. Nàng nhớ những khi tấm thân nàng căng thẳng rồi run lên như chiếc lá. Rồi sự căng thẳng tan biến, và hoan lạc cũng như thỏa mãn tràn ngập châu thân. Tình cũ của nàng lại sống lại.

Hôm đi nghĩa trang cúng cô hồn về, nàng không những chỉ thấy những chấn song sắt của bệnh viện tâm thần. Nàng còn thấy lại bản thân trong vòng tay Oki. Nếu đã không được Oki đưa vào truyện, những hình ảnh ấy đã không sống động qua năm tháng lâu như thế.

Otoko đã tái mặt vì giận và ghen khi Keiko kể cô gái gọi tên nàng trong lúc gây cấn nhất với Oki_ và “ông ta liệt luôn!” Nhưng qua giận và ghen, Otoko thấy Oki đã nhớ đến nàng. Phải chăng hình ảnh nàng trong cánh tay đang ôm của Oki đã hiện ra với ông ngay lúc đó.

Thời gian qua, ái ân cũ nhớ lại của hai người dần dần trở nên trong sạch, bản chất từ thể xác đã trở thành tâm hồn. Nàng biết mình không còn thanh khiết, cũng như Oki. Vậy mà nàng thấy ân tình của hai người thanh khiết. Hình ảnh ái ân _có nàng mà cũng không có nàng dự phần, thật mà cũng không thật_ trở thành thiêng liêng, thăng hoa bởi hoài niệm.

Khi đã âu yếm Keiko theo những thế cách Oki dạy nàng, Otoko đã lo làm ô uế kỷ niệm thiêng liêng. Nhưng không, chuyện Oki và nàng không gì có thể làm xấu xí đi được.

Keiko có thói quen dùng kem để trừ lông chân tay. Một hôm Keiko xoa kem trước mặt nàng. Lúc đầu Keiko chỉ bôi kem khi một mình, và vờ đi khi Otoko hỏi khi người thấy mùi lạ trong phòng tắm. Otoko không biết có kem để khử lông vì chính nàng chưa bao giờ dùng tới.

Tình cờ thấy Keiko ngồi co đùi lên bôi kem khử lông, Otoko cau mày. Nàng hỏi:

“Cái mùi khó ngửi quá nhỉ. Cái gì vậy?”

Khi thấy lông bị chùi đi theo kem, Otoko gớm, lấy tay che mắt. “Đừng em, đừng làm vậy. Em làm cô rờn người.”

Otoko nổi da gà. Nàng hỏi Keiko:

“Em phải làm chuyện gớm guốc này sao?”

“Ai chả phải làm hờ cô.”

Otoko yên lặng. Keiko hỏi:

“Cô có gớm guốc khi sờ vào chân ai lông lá không cô?”

Otoko không trả lời.

“Em muốn làm dáng với cô. Dù sao em cũng là đàn bà.”

Hóa ra Keiko trị lông chân cho trơn tru là để chiều nàng. Đàn bà với đàn bà, Keiko cũng muốn da dẻ mình mịn màng. Otoko vừa gớm vì thấy lông rụng theo kem, mà vừa rạo rức vì lời nói chân thực của Keiko. Nàng vẫn nghe lảng vảng cái mùi chua ngai ngái, mặc dầu Keiko đã rửa sạch lớp kem thừa trên da.

Rửa xong, Keiko trở lại kéo váy lên khoe cẳng chân trắng như sữa. “Cô sờ mà xem. Bây giờ không ráp chút nào.” Otoko ngấm chân Keiko nhưng không sờ. Keiko vỗ nhẹ da đùi mấy cái, nhìn Otoko như thắc mắc chuyện gì đã trái ý nàng. Keiko hỏi:

“Cô khó chịu chuyện gì?”

Tránh mắt đi nơi khác, Otoko nói:

“Keiko, từ nay đừng bao giờ bôi kem khử lông trước mặt cô.”

“Em không hiểu giấu cô để làm gì. Với cô, em còn bí mật gì nữa đâu.”

“Tất nhiên là em không phải cho cô coi những chuyện cô không thích coi.”

“Cô sẽ quen đi thôi. Như cắt móng chân vậy.”

“Em cũng không nên cắt móng chân trước mặt người khác. Em để móng vun bay tứ tung. Bận sau khum bàn tay mà che lại.”

Keiko lắp rập vâng lời.

Sau lần ấy, Keiko không phơi bày mà cũng không giấu diếm mỗi khi khử lông. Nhưng Otoko không bao giờ quen được với cảnh ấy. Mùi kem khử lông không khó chịu như lần đầu, có thể kem tốt hơn, nhưng cảnh khử lông

chân vẫn làm cho nàng nhờn nhợn. Khi lông bị chùi đi theo kem, nàng bỏ ra khỏi phòng.

Vậy mà trong cái kính tằm, có đốm lửa yếu ớt lóe lên. Đốm lửa lại lóe lên để rồi tắt lại. Đốm lửa bé nhỏ xa xăm mà con mắt của tưởng tượng phải gắng nhìn mới thấy, nhưng thanh thần làm sao, trong sạch làm sao, quá trong sạch quá thanh thần cho một đốm lửa của nhục dục. Đốm lửa nhắc nhở lại cố sự của Oki và nàng những năm tháng cũ. Cảm giác nhờn nhợn khi thấy Keiko chùi lông chân bằng kem chứa đựng cái ghê tởm của da thịt đàn bà cọ sát với da thịt đàn bà. Nhưng khi nghĩ sang tình nàng với Oki, cái cảm giác ghê tởm biến đi như có phép màu.

Trong vòng tay Oki, nàng không bao giờ thấy gớm, mà nàng cũng không để ý Oki nhiều hay ít lông. Phải chăng gần Oki, nàng mất tỉnh táo và không còn biết hư thực. Bây giờ với Keiko, nàng bạo hơn, tự do hơn, và nàng phát triển được cái dâm của tuổi trung niên. Nàng ngạc nhiên là nhờ Keiko mà cơ thể nàng chín mùi như một người nữ mặc dù những năm dài sống một mình. Nàng sợ nếu người tình bây giờ của nàng là nam giới, thì cái hình bóng Oki ấp ủ trong tim sẽ tan biến khi nàng bị người yêu mới chạm tới.

Otoko chết hụt khi tự vận không thành. Nhưng nàng vẫn ước mong là nàng đã chết lần ấy. Tốt hơn nữa là chết lúc sanh con, trước khi con nàng chết và trước khi nàng định quyền sinh. Vậy mà với năm tháng, những suy tư ấy đã rửa sạch vết thương Oki gây ra cho nàng.

“Anh không xứng đáng được em. Tình em, anh có năm mơ cũng chẳng dám mong. Hạnh phúc thế này có chết cũng thỏa...” lời Oki chưa phai trong trí nhớ của nàng. Câu nói vang vọng lại trong đoạn đối thoại của cuốn truyện, đã có đời sống riêng và không còn lệ thuộc Oki hay nàng. Tình lang cũng như giai nhân trên thế gian này không tồn tại mãi mãi, nhưng nàng tự an ủi trong nỗi buồn là cuộc tình của nàng và Oki đã được mãi mãi tôn lên diện thờ của một công trình nghệ thuật.

Mẹ Otoko để lại cho con gái một con dao cạo. Nàng ít khi dùng tới, có lẽ một năm không quá một lần. Nhân dịp nào nhớ lại, nàng lấy dao ra cạo tóc

con sau gáy hay chân tóc trước trán. Một hôm thấy Keiko lấy kem khử lông ra bôi, Otoko nói:

“Keiko, để cô cạo cho em.” Nói xong nàng mở ngăn kéo. Thấy con dao, Keiko sợ hãi la lên:

“Không, không được đâu cô ời, em sợ lắm.”

Nói xong cô gái bỏ chạy trốn ra khỏi phòng. Otoko đuổi theo càng hăng.

“Không can gì đâu! Để cô cạo cho.”

Bị bắt kịp, Keiko miễn cưỡng trở lại bàn trang điểm. Khi Otoko bôi xà phòng lên cánh tay Keiko, nàng ngạc nhiên thấy cô gái run.

“Đừng sợ, Keiko. Rất là an toàn. Chỉ cần em giữ cánh tay cho yên.”

Keiko sợ hãi làm Otoko bỗng thấy kích thích. Sự kích thích gần như một sự cám dỗ. Cơ thể nàng căng thẳng, và khí lực như dồn cả lên bả vai. Nàng nói:

“Có lẽ lần này cô tha không cạo nách. Nhưng cạo mặt thì quá dễ.”

Keiko năn nỉ:

“Cô cho em thử cái đã.”

Otoko cạo Keiko trên lông mày và dưới môi. Khi cạo tới chân tóc, Keiko nhắm chặt mắt. Mặt ngửa lên, Keiko tựa đầu vào nàng. Otoko chợt ghi nhận cái cổ cao của cô gái. Cái cổ thơ ngây lạ lùng, mảnh dẻ, xinh xắn, ngồn ngộn trẻ trung. Otoko cầm đứng cây dao, toàn thân bất động.

“Sao vậy cô,” Keiko mở mắt hỏi.

Otoko thoáng nghĩ chỉ cần đẩy mạnh lưỡi dao là Keiko sẽ chết. Bây giờ nàng có thể giết Keiko dễ dàng bằng cách ấn dao vào cái phần xinh đẹp nhất của cơ thể cô gái.

Cổ Otoko cũng mảnh dẻ như cổ nàng thời con gái tuy không đẹp bằng, có lần bị Oki kẹp trong vòng tay. Nàng kêu ghệt, Oki tình nghịch ôm chặt

hơn. Bây giờ nhìn Keiko, nàng nghe lại cảm giác ghen thờ hôm ấy. Và nàng chóng mặt.

Đó là lần độc nhất nàng cạo cho Keiko. Về sau Keiko luôn luôn từ chối khi nàng rủ cạo, và Otoko cũng không ép. Khi mở ngăn kéo bàn phấn tìm cái lược hay vật gì khác, con dao có khi nhắc lại cho nàng ý nghĩ giết người, cũng chưa hoàn toàn thành ý nghĩ, đã một lần thấp thoáng trong trí nàng. Nếu nàng giết Keiko hôm ấy, tất nhiên nàng cũng không tiếp tục sống. Về sau, cái ý nghĩ ấy như bóng ma quen thuộc. Phải chăng nàng đã lỡ một dịp thứ hai để tự vận.

Otoko ghi nhận mối tình đam mê nàng dành cho Oki ẩn náu trong cái ý nghĩ sát nhân ấy. Khi chuyện xảy ra, Keiko chưa gặp Oki, và chưa trở thành chứng ngại vật giữa hai người. Bây giờ Otoko đã biết Keiko ngủ đêm tại khách sạn Enoshima với Oki, đam mê cũ bùng cháy lên mãnh liệt thành một rừng lửa.

Vậy mà trong rừng lửa ấy, nàng thấy một bông sen trắng đơn độc. Tình nàng với Oki như bông sen ấy, mà ngay cả Keiko cũng không làm vẫn đục được. Bông sen hiển hiện trong trí, Otoko nhìn ánh đèn mấy trà thất trên đường Kiyamachi phản chiếu trên con suối phía dưới. Rồi nàng nhìn rặng đồi phía đông xa xa quá vùng Gion đang in hình trong bóng đêm. Mấy quả đồi tròn trĩnh hiền lành, nhưng cái tối của đêm chúng chứa đựng như đang bí mật truyền sang nàng. Đèn pha xe hơi qua lại bên kia sông, thực khách nhộn nhịp trong các sân thượng trà thất bên này, nam thanh nữ tú dạo chơi trên bến, tất cả hiện hữu mà không hiện hữu với nàng. Tâm trí nàng như bị thu hút bởi dãy đồi huyền bí.

Nàng nghĩ phải vẽ ngay bức Em Bé Lên Trời. Nếu không chắc chẳng bao giờ nàng còn vẽ được. Ngay bây giờ bức tranh đang thay đổi và không còn như nàng muốn... cái buồn lẫn cái yêu đang hư hao đi. Lòng nàng sôi sục thế này, phải chăng vì ảo ảnh bông sen trong bể lửa vừa thấy. Thế mà mới đầu, nàng nàng đã nghĩ Keiko là bông sen và lo sen nở trong lửa sẽ héo và cháy thành tro.

Nàng hỏi Keiko:

“Keiko, em hết buồn chưa?”

Keiko không nhẽo:

“Nếu cô vui thì em vui.”

Otoko nói:

“Kể cho cô nghe chuyện buồn lớn nhất trong đời em.”

Bình thản, Keiko trả lời:

“Em không biết chắc chuyện nào. Em quá nhiều chuyện buồn nên không nhớ hết được. Bao giờ nhớ ra, em sẽ cho cô hay. Nhưng em không buồn lâu bao giờ.”

“VẬY sao.”

“Dạ.”

Otoko nhìn Keiko chăm chú. Gắng hết sức bình tĩnh, nàng nói:

“Đêm nay, cô muốn xin em một chuyện. Là đừng đi Kamakura nữa.”

“Cô muốn nói là đừng đi gặp ông Oki nữa? Hay đừng gặp thằng con trai ông ta?”

Câu hỏi như dao đâm vào nàng. Otoko nói:

“Tất nhiên là cả hai.”

“Em đi chẳng qua là để trả thù cho cô.”

“Em vẫn còn nói như vậy sao? Em thật là một đứa con gái dễ sợ.”

Otoko đổi sắc diện, và nàng bỗng nhắm mắt, như muốn chặn lại những giọt nước mắt chưa trào ra.

“Cô hèn nhát quá, cô ơi...”

Keiko nói xong đứng dậy, ra sau Otoko đề hai vai nàng xuống và nghịch vành tai nàng. Otoko ngồi yên, tâm thần xa vắng, chỉ còn nghe thấy tiếng suối thì ào phía dưới.

Món tóc huyền

Fumiko đang nấu bữa sáng trong bếp, nói vọng ra với chồng:

“Úi chà, nhà có khách. Chúng mình có hân hạnh được Thử Phu Nhân đến thăm. Bà đang núp dưới lò đây này.”

Thỉnh thoảng vợ ông vẫn giỡn ông bằng cách nói quá ư trịnh trọng.

Oki nói:

“VẬY sao?”

“Hình như bà Thử còn dẫn theo các cô các cậu nữa.”

“Ừa?”

“Thật đấy. Anh ra mà xem... có con chuột con vừa thập thò, mặt nó dễ thương làm sao.”

“Hừm.”

“Nó nhìn em, mắt nó đen lay láy.”

Oki không nói gì. Mùi canh tương chua chua từ bếp tỏa ra phòng ăn, nơi ông đang ngồi đọc báo.

“Nhà đột anh ạ. Ngay trong bếp. Anh nghe thấy không?”

Lúc ông thức giấc thì trời bắt đầu mưa. Bây giờ thì mưa tầm tã. Gió làm ngã nghiêng thông và trúc trên đồi, vừa đổi chiều và tạt mưa từ hướng đông lại.

“Bảo thế này làm sao anh nghe được tiếng mái nhà đột hả em?”

“Anh xuống bếp mà coi.”

“Hừm.”

“Anh ạ, gió thổi mưa lên kẽ ngói rơi lã chã xuống như những giọt nước mắt...”

“Em tả mưa làm anh cũng muốn khóc theo.”

“Đêm nay mình phải đặt bẫy thôi. Ở trên gác bếp ấy. Lát nữa anh làm ơn lấy xuống cho em.”

Oki vẫn đọc báo, nhẹ nhàng nói:

“Em nhất định tính bẫy bà chuột và các cô các cậu à?”

“Thế chỗ dột thì tính sao, anh nhỉ.”

“Dột nặng không? Không phải tại gió thôi à. Mai anh sẽ leo lên xem.”

“Thôi đừng. Già mà leo trèo nguy hiểm lắm. Để em sai thằng Taichiro nó làm.”

“Em bảo ai già?”

“Ngành nào thì 55 tuổi chả về hưu, phải không?”

“Nghe sướng quá. Có thể anh cũng về hưu thôi.”

“Khi nào muốn về hưu, thì anh cứ việc.”

“Không biết nghề viết văn thì bao nhiêu tuổi về hưu nhỉ?”

“Chắc khi nào chết mới thôi viết.”

“Quả vậy.”

Nói xong, Fumiko xin lỗi chồng. Lấy giọng bình thường, nàng chữa:

“Em chỉ muốn nói là anh còn sống để viết dài dài...”

Oki nói:

“Viễn ảnh không hẳn thích thú, nhất là có bà vợ hay dẫn vật. Khác gì có con quỉ sau lưng cứ lấy đình ba mà đâm.”

“Vậy sao? Em dẫn vật anh bao giờ?”

“Em dư biết là em có thể rất khó thương.”

“Như vậy là anh muốn nói gì?”

“Chẳng hạn như là em hay ghen.”

“Đàn bà nào chẳng ghen. Nhưng anh đã dậy em từ lâu là ghen là vị thuốc đắng nguy hiểm... như con dao hai lưỡi.”

“Để làm tổn thương chồng cũng như chính mình.”

“Dù sao đi nữa, em quá già để cùng với anh tự tử hay ly dị.”

“Người già ly dị đã đáng buồn, nhưng cả vợ lẫn chồng cùng nhau tự vận thì không có gì có thể buồn hơn. Người già chắc bất an nhiều khi đọc tin loại này trên báo. Người trẻ đọc tin những cặp tình nhân trẻ cùng nhau tự vận cũng không buồn như vậy.”

Fumiko nói:

“Nếu vậy thì anh đã có hồi muốn cùng người yêu tự tử... À, mà hồi ấy anh không cho cô nhân tình bé con của anh hay là anh muốn cùng chết với cô ta. Lẽ ra anh nên cho cô ta hay. Cô ấy tự vận, nhưng chắc không bao giờ dám mơ tưởng anh cũng muốn chết theo. Anh không thương hại cô ấy sao?”

“Cô ấy không chết...”

“Toan chết thì cũng vậy.”

Fumiko lại nói đến Otoko. Oki nghe trong bếp dầu sôi trong chảo, đoán vợ nấu thịt heo với bắp cải. Mùi tương nồng lên. Oki nói:

“Món tương của em, anh sợ quá lửa rồi.”

“Em biết rồi. Em biết em không thể nào nấu canh tương cho đúng ý anh. Anh cầu kỳ đã mua không biết bao nhiêu tương của cả nước này. Khiếp, anh đủ tương để ngâm em vào trong ấy.”

“Em có biết người Hán viết chữ tương thế nào không?”

“Không. Nhưng cứ phiên âm ra mà viết, khó gì.”

“Không phải vậy. Chữ tương gồm ba chữ kính.”

“Vậy sao?”

“Vì tương quan trọng cho chuyện bếp núc, nên phải nấu cho đúng.”

“Có thể canh tương của anh hôm nay không ngon, vì ngài tương không được em cung kính đủ.”

Fumiko lại trêu chồng. Oki nguyên quán miền tây, nên không bao giờ thoải mái với ngôn ngữ lễ phép của Tokyo; Fumiko ngược lại sinh trưởng ở đây nên nhiều khi giúp chồng chuyện này. Vậy mà Oki không phải bao giờ cũng nghe lời vợ. Nhiều khi bất đồng ý kiến đến chỗ cãi nhau, Oki chê tiếng Tokyo chẳng qua là một thổ âm tầm thường không truyền thống. Ông hay nói ở Kyoto và Osaka, ngôn ngữ trong chuyện đàm tiếu cũng lễ phép, khác hẳn ở Tokyo. Mọi vật từ nhà cửa, sông núi, ngay cả rau cá cũng được diễn tả bằng những từ trang trọng.

Fumiko thường bỏ cuộc. Bà nói:

“Như vậy thì anh nên hỏi thẳng Taichiro. Dù sao, con nó cũng là một học giả.”

“Nó biết gì chuyện này. Nó có thể biết về văn học, nhưng chưa bao giờ nó học về cách nói năng cho lịch sự lễ phép. Em hãy nghe ngôn ngữ cầu thả của nó với bè bạn. Ngay cả những bài khảo cứu, nó cũng không viết nổi bằng thứ tiếng Nhật lịch sự.”

Thật ra Oki không thích hỏi ý kiến con, hay để con giảng cho mình điều gì. Ông thích hỏi vợ hơn. Nhưng dù là người Tokyo, vợ ông nhiều khi cũng không có câu trả lời dứt khoát cho ông. Sáng nay, ông lại than phiền ngôn ngữ ngày nay suy đồi:

“Ngày xưa học giả biết chữ Hán, văn xuôi của họ chuẩn và chững chạc.”

Fumiko cãi:

“Nhưng nói thường, ai lại kiêu cách như vậy. Những từ mới xuất hiện mỗi ngày như chuột con. Không biết chúng ăn gì mà ngộ nghĩnh như vậy. Chữ nghĩa thay đổi liên liên, đến chóng mặt.”

“Nghĩa là những chữ mới này chết yếu. Và ngay cả khi chúng sống sót, chúng mang tính thời gian_như tác phẩm tiểu thuyết vậy. Hiếm hoi có cuốn truyện sống quá năm năm.”

Fumiko bưng mâm điểm tâm vào.

“Chữ nghĩa mà sống sót qua đêm là quý rồi. Ngay cả em, cũng may mà em còn sống năm này qua năm khác được đến bây giờ, kể từ ngày anh muốn chết theo cô nhân tình bé con của anh.”

Oki nói:

“Thật đáng tiếc là sự nghiệp làm vợ không có chuyện về hưu, em nhỉ.”

“Nhưng vẫn có ly dị. Em có hồi tò mò không biết ly dị nó ra làm sao, dù chỉ một ngày.”

“Bây giờ cũng chưa chậm đâu.”

“Bây giờ thì em không muốn ly dị nữa. Anh biết câu phương ngôn là nắm lấy tóc cơ hội để làm gì, khi cơ hội đã trọc đầu.”

“Tóc em chưa rụng, mà cũng chưa bạc.”

“Tóc anh bạc rồi.”

“Đó là cái giá anh trả để khỏi ly dị. Để em khỏi ghen.”

“Anh làm em nổi nóng đó nghe.”

Vừa chí chóa, hai vợ chồng già vừa ăn sáng với nhau. Nhưng hôm nay Fumiko vui tính, không muốn bối thêm chuyện cũ. Mưa đã thưa hạt dù trời vẫn còn kín mây. Oki hỏi vợ:

“Thằng Taichiro vẫn còn ngủ. Em vào đánh thức nó dậy.”

Fumiko gật đầu:

“Để em gọi nó. Nhưng chắc nó không chịu đâu, lấy cố hôm nay là ngày nghỉ.”

“Nó có tính đi Kyoto không?”

“Cơm tối xong nó sẽ ra phi trường... Nhưng sao mà nó phải đi Kyoto nhỉ... trời nóng nực thế này.”

“Em có thể hỏi nó. Nó có ý định thăm lại mộ Sanetaka. Hình như nó định viết luận án về Sanetaka... Em có biết Sanetaka là ai không?”

“Một nhà quý tộc?”

“Ông tất nhiên là quý tộc. Không quý tộc mà làm đến thượng thư thời Yoshimasa. Ông thân với Sogi và các thi sĩ khác trong thi đàn Sogi. Sanetaka có công gìn giữ cho văn học nghệ thuật khỏi bị sao nhãng vì chinh chiến trong thế kỷ 16. Xem ra một con người đặc biệt. Ông để lại một pho bút ký dày. Taichiro dùng sách này làm tài liệu nghiên cứu văn hóa thời ấy.

“Vậy sao? Thế đền ở đâu nhỉ?”

“Chân núi Ogura.”

“Nhưng núi ở đâu hả anh? Anh đã dẫn em đến đấy một lần phải không?”

“Lâu lắm rồi. Đó là một chỗ có nhiều liên hệ đến thi ca.”

“Ở Saga, phải không? Bây giờ thì em nhớ.”

Oki kể:

“Taichiro kiếm được rất nhiều chi tiết mà nó nghĩ anh phải cho vào tiểu thuyết. Nó gọi những chi tiết ấy là những chuyện đã sử không có giá trị khoa học. Anh nghĩ nó tự cho mình là một học giả, khi khuyên anh nên dùng những chi tiết vô dụng và những truyền kỳ phóng đại nó kể cho để làm linh động truyện của anh.”

Fumiko kín đáo mỉm cười.

“Em đi đánh thức cái nhà học giả của em đi. Ai đời bố dậy từ sớm bắt tay vào việc rồi mà con còn ngủ.”

Nói xong, Oki vào thư phòng. Ngồi trước bàn giấy, hai tay chống cằm, ông suy tư câu chuyện nhà văn về hưu vừa trao đổi với vợ. Ông thấy câu chuyện không khô hời chút nào. Ông nghe tiếng súc miệng trong nhà tắm, và lát sau Taichiro bước ra, tay cầm khăn bông lau mặt. Oki nói:

“Dậy hơi trễ, con nhỉ?”

“Con dậy lâu rồi, nhưng nằm mơ màng vậy thôi.”

“Mơ màng chuyện gì?”

“Cha. Cha có biết người ta khai quật mộ phần công nương Kazunomia không?”

“Sao, người ta xúc phạm đến mộ phần công nương à?”

“Cha gọi như vậy là xúc phạm, con nghĩ cũng đúng. Nhưng không phải người ta vẫn mở những ngôi cổ mộ để khảo cứu sao?”

“Nếu là mộ công nương Kazunomiya thì không thể gọi là cổ mộ được. Công nương chết năm nào hả con?”

“Năm 1877,” Taichiro mau mắn trả lời.

“Vậy chưa đầy thế kỷ.”

“Dạ đúng. Họ nói tất cả chỉ còn lại bộ hài cốt.”

Oki cau mày. Taichiro kể tiếp:

“Họ nói cả cái gối công nương nằm lẫn quần áo, tất cả đã tiêu hết. Chỉ còn xương là chưa tiêu.”

“Đào mả người ta như vậy bất nhân lắm.”

“Dáng công nương nằm đẹp lắm, như vô tư lự, như một em bé gái nằm ngủ.”

“Con đang nói bộ xương.”

“Dạ. Và có món tóc đẵng sau sọ. Món tóc đen cắt theo kiểu góa phụ trẻ thời ấy.”

“Lúc này trong giường là con mơ tưởng về bà góa phụ ấy ư?”

“Dạ. Nhưng còn một di vật khác, rất đẹp, rất huyền bí, rất mảnh dẻ...”

“Vật gì vậy?”

Oki không hiểu nổi nỗi hân hoan của con trai. Ông bất đồng với việc vi phạm mộ phần và xót xa cho công nương yếu mệnh đã mãi phần trước tuổi ba mươi. Đứng trước mặt bố, tay cầm chiếc khăn bông, Tachiro nói:

“Một di vật cha không thể ngờ.”

Oki nói:

“Thế gọi mẹ con ra đây cho bà nghe luôn.”

Khi cùng mẹ trở về phòng sách của bố, Taichiro kể lại phần đầu câu chuyện. Oki đã lấy cuốn tự điển lịch sử Nhật Bản từ tủ sách ngoài hành lang, mở trang về Kazunomiya, và thảp điều thuốc. Thấy con trai đang cầm một tờ tạp chí mỏng, Oki hỏi có phải là phúc trình của vụ khai quật không? Taichiro nói:

“Không, đây là bản tin của bảo tàng viện. Một nhân viên của viện viết bài tùy bút tựa là “Dung Nhan Vô Thường”, kể lại hiện tượng huyền bí ông ta được chứng kiến. Có thể chuyện này không được nhắc tới trong bản phúc trình chính thức của cuộc khai quật.”

Taichiro tóm tắt cho bố mẹ:

“Người ta tìm thấy một tấm kính nhỏ hơn tấm danh thiếp một chút giữa hai xương bàn tay của công nương. Xem ra đây là di vật độc nhất tìm thấy trong hòm. Nhân đang khai quật mộ phần của các chúa Tokugawa vùng Shiba, họ luôn tiện khai quật mộ phần công nương. Người viết nghĩ di vật có thể là cái gương bỏ túi hay là tấm ảnh. Anh ta lấy giấy gói lại và mang về viện bảo tàng.”

Bà mẹ hỏi:

“Chắc là loại ảnh in trên kính phải không?”

“Dạ đúng. Họ bôi thuốc lên kính, và hình hiện ra khi thuốc còn ướt. Mẹ biết không, những ảnh kiểu cổ ấy.”

“Ồ, những ảnh kiểu ấy, ấy à.”

“Tấm kính mới trông thì trong suốt. Khi người viết trở về viện bảo tàng coi kỹ lại, soi kính lên đèn thì thấy hình một chàng trai trẻ mặc triều phục. Tấm kính hóa ra một tấm ảnh, tất nhiên đã bị phai đi nhiều.”

Thấy chuyện ly kỳ, Oki hỏi:

“Có phải là chúa Iemochi không?”

“Thưa cha hình như là vậy. Có lẽ công nương được chôn với tấm ảnh của người chồng đã chết. Tác giả bài tùy bút viết vậy. Anh ta tính hôm sau sẽ mang tấm ảnh đến Viện Di Vật Văn Hóa để xin ý kiến... Nhưng sáng hôm sau thì hình người biến mất, chỉ còn trơ lại miếng kính.”

Fumiko nhìn con trai, nét ngạc nhiên hiện trên mặt.

Oki cắt nghĩa:

“Như vậy là tại vật chôn nhiều năm, bây giờ bị mang ra không khí và ánh sáng...”

“Đúng vậy, cha ạ. Chuyện này có nhân chứng. Tác giả bài tùy bút có đưa cho một người lính gác xem tấm ảnh khi anh ta tình cờ bước qua. Và anh ta kể đã chính mắt thấy hình ảnh nhà quý tộc trên tấm kính.”

“Chà...”

“Tác giả bài tùy bút gọi đó là một truyện có thật về cuộc sống phù du.”

Sau một phút, Taichiro nói tiếp:

“Nhưng ông ta có xu hướng tiểu thuyết nên thay vì chấm hết ở đây, thì lại thêm dầu giấm vào. Cha biết, người ta đồn hoàng thân Arisugawa mê

say công nương Kazunomiya. Có thể tấm ảnh là của hoàng thân chứ không phải của chồng công nương. Có thể lúc hấp hối, công nương bí mật dặn con hầu thân tín là chôn theo tấm ảnh tình lang của bà. Tác giả nói, sự việc như vậy cũng phù hợp với một công nương lãng mạn.”

“Chắc tác giả tưởng tượng ra thôi, con có nghĩ vậy không? Câu chuyện hấp dẫn hơn khi di ảnh của tình lang biến đi một đêm sau khi mang lên từ mộ phần công nương đa tình và bất hạnh.”

“Tác giả viết là lẽ ra tấm ảnh không nên bao giờ được thấy ánh sáng mặt trời. Hình ảnh biến đi đêm ấy cũng phù hợp với ý nguyện của công nương Kazunomiya.”

“Cha cũng đoán vậy.”

“Để kết luận, tác giả bài báo nêu lên ý kiến là một nhà văn có thể bắt lại cái câu chuyện rất đẹp vừa biến đi bằng một tác phẩm văn học. Cha, cha có muốn viết gì với tư liệu này không?”

“Cha không chắc. Có thể viết một truyện ngắn, mở đầu bằng cảnh khai quật... Nhưng cha thấy bài tùy bút cũng đã đủ rồi.”

Taichiro lộ vẻ thất vọng. Anh nói:

“Cha nghĩ vậy sao? Sáng nay nằm trong giường đọc bài này, con đã nôn nóng kể cho cha nghe. Con để bài tùy bút đây cho cha nhé.”

“Cha sẽ đọc.”

Khi Taichiro ra cửa, Fumiko hỏi con:

“Thế bộ xương của công nương thì sao hở con. Họ có định mang vào viện bảo tàng hay trường đại học nào không? Nếu vậy thì nhẫn tâm quá. Họ nên chôn người ta lại như cũ cho tử tế. Như thế mới phải.”

“Bài tùy bút không nói rõ, nhưng con chắc vậy.”

“Nhưng tấm ảnh đã mất. Tội nghiệp công nương cô độc một mình.”

Taichiro nói:

“Chuyện mẹ nói, con không nghĩ ra. Hay là cha viết với ý này đưa vào kết luận.”

“Có lẽ như vậy thì hơi ướm át.”

Taichiro rời phòng sách. Fumiko cũng sửa soạn đi. Bà hỏi chồng:

“Anh không định làm việc sao?”

Oki đứng dậy rời bàn giấy:

“Lát nữa. Sau một câu chuyện như vậy anh cần phải đi bách bộ. Mưa cũng tạnh rồi.”

Fumiko nhìn ra bầu trời nặng mây:

“Có mưa cũng mát. Anh làm ơn vào bếp xem qua chỗ dột cho em.”

“Vừa than thở cho bà công nương lẻ loi vì mất ảnh người yêu, em đã sẵn sàng kiểm tra chuyện thực tế cho anh làm. Như đi tìm chỗ dột trên mái.”

Fumiko lại thùng giày nơi cửa bếp lấy ủng đi mưa cho chồng. Bà nói:

“Taichiro vừa nói về một ngôi mộ, anh có nghĩ con nó không nên đi Kyoto thăm một ngôi mộ khác ngay không?”

Giật mình, Oki nói:

“Sao lại không? Em đúng là chuyện nọ xọ chuyện kia.”

“Em không lạc đề đâu. Em bắt đầu suy nghĩ từ khi nó kể chuyện công nương Kazunomiya.”

“Nhưng các lăng tẩm Sanetaka con nó đi xem bây giờ thì cổ hơn cái mộ công nương cả mấy thế kỷ.”

“Con nó đi Kyoto để gặp cái cô gái trẻ bữa trước.”

Oki ngỡ ngàng. Fumiko đã sắp sẵn giày đi mưa cho ông, bây giờ đứng dậy nhìn thẳng vào mắt chồng:

“Cái cô gái đẹp như chồn tinh ấy. Anh có nghĩ cô ta đẹp một cách dễ sợ không?”

Oki ngần ngừ. Ông đã giấu vợ cái đêm ở khách sạn với Keiko. Fumiko mắt vẫn không rời chồng:

“Em có linh tính không lành về chuyện này. Mùa hè này, mình chưa có cơn giông nào đáng kể là cơn giông.”

“Em lại chuyện nọ xọ chuyện kia.”

“Nếu đêm nay có giông, thì con nó đi tàu bay nguy hiểm lắm.”

“Em đừng lo vô lý. Anh chưa bao giờ nghe tàu bay bị sét đánh ở Nhật.”

Oki ra khỏi nhà. Ông nhìn bầu trời thấp nặng mây. Không khí ẩm ướt. Nhưng dù trời có quang đãng, Oki chắc cũng không thoải mái. Ý nghĩ con trai đi Kyoto gặp Keiko đè nặng trong đầu ông. Tất nhiên không có gì chắc chắn, nhưng từ khi vợ nêu lên, ông thấy sự việc rất có thể xảy ra.

Lúc rời nhà, ông có ý định thăm một trong những ngôi đền của Kamakura. Vì Fumiko có nhận xét bất thường về lăng tẩm, đền đài lại thường có nhiều mồ mả nên ông đổi ý. Ông đi thăm cánh rừng trên ngọn đồi gần nhà.

Mùi đất cùng với mùi cây dâng lên, những tàn lá rậm kín xanh mướt như che đậy cho ông. Trong kín đáo riêng tư, hình ảnh Keiko trở về sinh động trong đầu. Trước tiên ông thấy lại núm vú của cô gái. Cái núm vú hồng, da mỏng gần như trong suốt. Gái Nhật có người da trắng như rạng rỡ nữ tính, có lẽ còn thanh hơn đẹp hơn gợi tình hơn con gái tây phương. Và núm vú của những cô gái Nhật ấy hồng một cách muôn vàn thanh lịch. Nước da Keiko không trắng như vậy, nhưng núm vú sắc hồng tươi mát như vừa tắm gội. Núm vú giống cái nụ đặt trên nhũ hoa mịn như kem. Không có những đường da lằn, và cũng không sần sùi có hạt, vừa cỡ để bú cho thỏa tình yêu đương.

Nhưng Oki nhớ lại núm vú của Keiko không phải chỉ vì nó đẹp. Nhớ lại là vì đêm ở khách sạn, cô gái cho ông núm vú phải nhưng khước từ ông núm vú trái. Ông toan sờ thì Keiko lấy tay bưng chặt vú lại giấu đi. Khi ông kéo tay Keiko ra, cô gái vùng vẫy kháng cự.

“Đừng, ông đừng làm vậy... Vú bên trái không tốt đâu.”

Oki khựng tay lại.

“Nó làm sao?” ông hỏi.

“Nó không chịu chui ra.”

“Không chịu chui ra?” ông ngạc nhiên hỏi lại.

“Nó không tốt đâu. Em ghét nó,” Keiko hốt hên trả lời.

Oki hoàn toàn không hiểu. “Nó không chịu chui ra” và “Nó không tốt đâu” là nghĩa lý gì. Phải chăng núm vú chìm, hay méo mó. Phải chăng Keiko sợ mình bị coi như dị dạng. Hay cô gái thẹn thùng không muốn nhận là hai núm vú của mình không giống nhau. Oki nhớ lại lúc bế cô gái lên giường, cô co người lại như con cuốn chiếu như để giấu đi cái vú trái. Nhưng ông đã thấy cả hai vú của cô gái, trước cũng như sau lúc đó. Nếu núm trái có gì bất thường, hẳn ông đã biết.

Thật ra, khi ông dùng sức kéo tay Keiko ra và nhìn kỹ núm vú trái, ông không thấy gì lạ. Cùng lắm là nhỏ hơn núm vú phải một ít. Như vậy có gì bất thường đâu. Vậy thì tại sao Keiko lại phải giấu. Sự chống đối của cô gái lại càng làm ông ham. Sờ đầu vú trái của cô gái, ông hỏi:

“Chắc có ai đặc biệt, nên em dành nó cho người ta?”

Keiko lắc đầu:

“Không, không có ai.”

Mắt mở to, cô gái nhìn thẳng ông. Tất nhiên ông không tin hẳn, nhưng mắt cô gái buồn vời vợi, gần như sắp khóc. Mắt này không phải là mắt

người đàn bà đang được ve vuốt. Tuy về sau, Keiko nhắm mắt lại và để ông tự do, cô gái như không còn dự phần nữa.

Phải chăng vú phải của Keiko đã mất trinh, còn vú trái vẫn còn nguyên tiết hạnh. Có điều là mỗi bên vú cho cô gái những phản ứng khác nhau.

Bây giờ thì ông tìm hiểu tại sao cô gái bảo vú trái “không tốt”. Thật là quá bạo cho một cô gái nói ra như vậy khi được ông ve vuốt lần đầu. Có thể đây là thủ đoạn sành sỏi. Đàn ông nào lại không bị quyến rũ bởi một người đàn bà mà mỗi bên vú lại tạo ra một khoái cảm khác nhau. Ít nhất cũng muốn thử làm cho hai bên như một. Dù Keiko không sành sỏi mà bẩm sinh như vậy, Oki thấy cô gái rất quyến rũ. Chưa bao giờ ông gặp một người đàn bà mà trình độ nhạy cảm hai núm vú lại khác nhau như vậy.

Nói chung, đàn bà không ai giống ai trong cách thức khoái cảm khi được vuốt ve. Phải chăng phản ứng của Keiko chỉ là một trường hợp rõ hơn về hiện tượng này. Nhiều người nữ sở thích tình dục được uốn nắn bởi thói quen của tình lang. Trong trường hợp ấy, núm vú trái lãnh cảm trở nên một đối tượng vô cùng lý thú. Có thể nguyên do là một tình lang vựng về không kinh nghiệm với phái nữ. Ý nghĩ núm vú trái còn trinh khêu gợi sự thèm khát của ông. Nhưng làm cho hai bên bình đẳng chắc phải mất nhiều thì giờ, và ông nghĩ ông không có thể gặp Keiko thường xuyên như vậy. Ông kết luận là ngay lần đầu ôm ấp mà cứ ép nài cho được bên trái là ngu muội. Ông bèn tìm những điểm kích thích khác của cô gái. Và ông tìm thấy.

Nhưng khi ông bắt đầu động thủ ráo riết, thì cô gái buột miệng gọi tên Otoko. Ông khựng lại, và cô gái đẩy ông ra. Cô ngồi dậy ra bàn phấn sửa lại mái tóc rối. Bên ngoài lại mưa nặng hạt, Oki cảm thấy đơn độc. Niềm cô đơn lúc có lúc không, như không kiểm soát được. Keiko trở lại giường. Cô ngọt ngào:

“Ông ôm em ngủ nhé?”

Không trả lời, Oki ngả lưng xuống đệm ôm cô gái vào lòng. Kỷ niệm của Otoko lần lượt về lại trong trí ông. Lát sau, ông nói:

“Bây giờ thì ta nghe được mùi hương của em.”

“Mùi em?”

“Mùi hương đàn bà của em.”

“Em vô ý quá, chắc tại thời tiết nóng nực ẩm thấp... Em xin lỗi.”

“Không, không phải như em nghĩ. Ta muốn nói cái mùi đáng yêu của người nữ.”

Ông muốn nói cái mùi hương tự nhiên mà đàn bà tiết ra trong vòng tay người yêu. Người nữ nào cũng có mùi hương như vậy, dù chỉ mới là một cô gái nhỏ. Mùi hương không những kích thích gợi tình mà còn làm cho người đàn ông tự tin và cảm thấy mình được đáp ứng. Từ thân xác người đàn bà tiết ra như tâm tình hiến dâng, mùi hương là tất cả đem tặng tình lang. Oki úp mặt giữa hai nhũ hoa, chứng tỏ ông thích thú. Ông nhắm mắt nằm yên, ngụp lặn trong mùi hương của cô gái.

Giờ đây trong lùm cây, hình ảnh cuối cùng của thân thể cô gái hiện ra trước mắt ông là cái núm vú, tươi trẻ và sinh động. Không thể để Taichiro liên hệ với cô gái. Không, không thể để chuyện này xảy ra. Nằm chặt một cây non, ông nghĩ làm thế nào bây giờ. Ông lắc mạnh thân cây, nước đọng trên lá lã chã rơi xuống. Đất vừa mưa còn ẩm, và ông nghe ngón chân ông ướt sũng trong ủng. Ông nhìn những lá cành bao bọc quanh ông, ngọt ngào trong màu lục non của thảo mộc.

Ông nghĩ chỉ có một cách giữ thẳng Taichiro khỏi mê Keiko, là cho nó biết ông đã ngủ với cô gái ở Enoshima. Bằng không, ông có thể đánh điện nhờ Otoko...

Oki vội vã về nhà tìm con trai.

Vợ ông cho hay:

“Nó đi Tokyo rồi.”

“Sớm vậy sao? Nhưng chiều nay nó phải lấy chuyến bay đi Kyoto mà. Nó sẽ ghé nhà trước khi ra phi trường chứ?”

“Không... Về nhà thì ngược đường. Nó bảo nó sẽ ghé lại viện lấy ít tài liệu để mang theo.”

“Anh ngạc nhiên.”

“Chuyện gì vậy anh? Anh có sao không?”

Tránh mắt vợ, Oki vào thẳng phòng văn. Ông đã không kịp gặp con trai, cũng như quá trễ để dặn dò Otoko...

*

Taichiro lấy chuyến bay sáu giờ đi Kyoto. Keiko ra phi trường đón. Anh lúng túng chào hỏi cô gái:

“Tôi không ngờ cô lại ra đón. Cô cẩn thận quá.”

“Anh không biết ơn em sao?”

“Biết ơn chứ. Nhưng mất công cô quá.”

Mắt người con trai sáng lên, cô gái làm bộ thẹn thùng cúi đầu. Vụng về, Taichiro hỏi:

“Cô tới từ Kyoto?”

“Dạ, từ Kyoto. Nhà em ở Kyoto mà. Không từ Kyoto tới thì còn từ đâu tới hả anh?”

Anh cười ngượng, nhìn xuống, mắt gặp chiếc thắt lưng của cô gái.

“Cô đẹp rạng rỡ. Thật là hân hạnh cho tôi được cô ra đón.”

“Anh khen áo em đẹp đấy à?”

“Đúng, áo cô, thắt lưng cô, và cả...”

Anh muốn nói mặt cô, tóc cô.

“Mùa hè em thấy mặc kimono mà thắt lưng cho sát thì mát hơn. Em ghét áo quần lụng thụng...”

Taichiro thấy chiếc áo của cô gái trông như mới nguyên. Keiko nói:

“Em thích những màu nhã cho mùa hè, như màu chiếc thắt lưng này. Hoa văn này tự tay em vẽ đấy.”

Keiko theo Taichiro khi anh đi lấy hành lý. Anh quay lại ngắm áo. Cô gái hỏi:

“Anh có đoán được em vẽ gì không nào?”

“Để coi. Tôi thấy nước này. Cô vẽ con suối phải không?”

“Không phải. Em vẽ cầu vồng. Một cái cầu vồng không có màu... chỉ gồm những đường cong bằng mực đậm nhạt. Không ai nhận ra đâu. Nhưng ý là em quần mình trong chiếc cầu vồng đang mọc trong núi lúc đêm xuống.”

Keiko quay người cho xem mặt sau thắt lưng. Trên múi thắt bông là rặng núi màu lục với màu trời hoàng hôn hồng nhạt.

“Thắt lưng hai mặt hai kiểu khác nhau,” cô gái nói, lưng vẫn quay lại cho Taichiro ngắm. “Cái thắt lưng do cô gái bất thường vẽ thì phải bất thường thôi, phải không anh?”

Taichiro bị lôi cuốn bởi màu hồng nhạt trên cái cổ trắng xinh đẹp lộ ra dưới những món tóc chải ngược lên đỉnh đầu.

Hành khách đi Kyoto được hãng hàng không miễn taxi cho. Taichiro và Keiko được cấp riêng một xe. Lúc rời phi trường, Taichiro nói:

“Đi đón tôi giờ này, chắc cô không kịp ăn tối.”

“Anh vẫn coi em như người xa lạ. Ăn trưa em cũng không thèm, nói chi ăn tối. Em để đói ăn với anh một thể.”

Rồi cô nói khẽ:

“Anh biết không? Em ngắm anh từ tàu bay bước xuống. Anh là người thứ bảy.”

“VẬY sao?”

Keiko nói rõ ràng từng chữ:

“Đúng, người thứ bảy. Còn anh, anh không thèm tìm xem có em ở dưới hay không. Người ta ra đón anh thì tất nhiên là đợi anh ở cửa chứ. Vậy mà anh cứ thản nhiên bước xuống. Anh làm em xấu hổ chỉ muốn trốn đi cho mất tăm.”

“Tôi nào ngờ được cô ra đón.”

“Thế tại sao anh lại viết thư hỏa tốc cho em, báo tin anh tới giờ nào?”

“Có lẽ tôi định cho cô hay là tôi đã nhất định đi Kyoto.”

“Anh viết thư mà như người đánh điện tín. Vồn vện chỉ có giờ tàu tới. Em nghĩ anh muốn thử em thôi, để xem em có tới không. Anh định thử em phải không? Anh thử hay không thì em cũng đi đón anh.”

“Oan quá. Nếu thử thì tôi đã phải nhón nhác tìm cô, đúng không?”

“Trong thư anh cũng không cho hay anh sẽ ở đâu. Nếu em không ra phi trường thì làm sao mà biết được?”

Taichiro rút rề:

“Thật ra tôi chỉ muốn cho cô hay là tôi đi Kyoto.”

“Em không thích cái điệu này tí nào. Em không biết anh còn định hành hạ em thế nào nữa đây.”

“Tôi nghĩ tôi sẽ gọi điện thoại thăm cô.”

“Và nếu không gọi được, anh sẽ trở về thẳng nhà sao. Có phải anh chỉ muốn cho em biết là anh tới tỉnh. Anh muốn làm nhục em phải không, tới Kyoto mà không thèm gặp em.”

“Không, tôi viết thư cho cô để lấy thêm can đảm đi gặp cô.”

“Can đảm để gặp em?”

Keiko xuống giọng thì thầm:

“Em nên vui không? Hay em nên buồn? Nhưng anh đừng thèm trả lời em. Em rất sung sướng đã đi đón anh. Em không phải là cô tiểu thư mà anh phải cần can đảm mới dám tới gặp. Em chẳng đáng gì, có khi em chỉ muốn chết cho rồi. Anh, anh cứ việc chà đạp lên em.”

“Tại sao cô lại nông nổi bất thần như vậy.”

“Không bất thần đâu. Tính em vẫn như vậy đó. Em cần có người làm cho em không còn tự ái.”

“Tôi sợ tôi không phải hạng người thích làm người khác mất tự ái.”

“Anh có vẻ như vậy. Nhưng với em như vậy không đủ. Anh cứ việc chà đạp lên em.”

“Cô nói như vậy làm gì?”

“Em không biết nữa.”

Keiko lấy tay giữ mái tóc khỏi rơi vì bị gió ngoài cửa xe thổi vào. Cô gái nói tiếp:

“Có thể tại em không có hạnh phúc... Nhưng vừa rồi khi ở cửa tàu bay nhìn xuống, sao anh buồn như vậy. Em đứng đợi đón anh, mà anh như không thèm biết có em trên quả đất này.”

Keiko lại nói:

“Anh thờ ơ một chút mà em đã khốn khổ. Tại vì em ích kỷ... Nhưng em phải làm sao cho anh nghĩ là có em trên đời này?”

Anh thú thật:

“Tôi luôn luôn nghĩ đến cô. Ngay cả bây giờ.”

Keiko thì thầm:

“Anh nghĩ đến em thật sao? Ở bên anh bây giờ mà em vẫn chưa tin. Mà em sung sướng lắm. Em chỉ muốn ngồi yên nghe tiếng anh nói.”

Xe taxi chạy qua mấy nhà máy ở Ibaraki và Takasuki. Tới khu đồi gần Yamazaki, hãng rượu Suntory đèn thấp sáng trưng, sừng sững đằng trước.

Keiko hỏi:

“Chuyến bay có xóc không anh? Em lo cho anh, chiều nay Kyoto có cơn giông lớn.”

“Chuyến bay cũng khá êm. Nhưng có lúc hú vía khi máy bay như đâm thẳng vào núi.”

Keiko sợ hãi nắm lấy tay Taichiro. Anh nói tiếp, bàn tay vẫn bị cầm giữ trong bàn tay cô gái:

“May quá, hóa ra chỉ là đám mây đen.”

Taxi vào Kyoto, đến đại lộ số 5 thì rẽ về hướng đông. Trời im gió, những cành dương liễu bên đường rũ lá đứng lặng, nhưng nhờ vừa mưa nên không khí mát mẻ. Xa xa cuối hàng cây, mây chiều che khuất nửa mấy ngọn đồi phía đông. Mới tới ven đô, Taichiro đã cảm thấy không khí Kyoto.

Taxi chạy lên phố Horikawa, rồi dọc đường Oiki tới hãng Hàng Không Nhật. Taichiro đã giữ phòng tại Khách Sạn Kyoto, toan ghé lại cất va-li. Anh nói:

“Ta đi bộ nhé. Ngay cuối phố thôi.”

“Không, em không chịu đâu.”

Keiko trở lại taxi ngồi. Gọi Taichiro vào lại xe, cô gái nói với tài-xế:

“Cho chúng tôi tới Kiyamachi nhé. Quá đại lộ số 3 một tí.”

Taichiro dặn riêng:

“Trên đường thì làm ơn thả tôi tại Khách Sạn Kyoto.”

Nhưng Keiko vẫn không bằng lòng:

“Khỏi cần, bác tài ời. Làm ơn đưa chúng tôi đến thẳng Kiyamachi.”

Hai người tới một trà thất cuối con hẻm. Nhân viên nhà hàng đưa khách vào căn phòng nhỏ nhìn ra sông. Nhìn quang cảnh xung quanh, Taichiro thích thú hỏi làm sao cô gái lại biết chỗ đặc biệt này.

“Cô giáo em hay đưa em tới đây.”

“Cô muốn nói cô Ueno?”

“Đúng, em muốn nói cô em.”

Nói xong, Keiko ra khỏi phòng. Anh đoán cô gái ra gọi cơm tối cho hai người. Lát sau trở lại, cô gái nói:

“Em mong anh không bực mình. Em muốn anh trọ tại đây. Em vừa gọi khách sạn của anh cho hay là anh không cần phòng nữa.”

Taichiro hết sức ngạc nhiên. Anh nhìn cô gái, Keiko e sợ cúi xuống. Cô phân trần:

“Tha lỗi cho em. Em đường đột chỉ vì không muốn anh trọ tại một khách sạn xa lạ với em.”

Taichiro không biết nói gì.

“Anh, anh ở đây đi. Chuyến này anh chỉ ở Kyoto có hai ba ngày thôi phải không?”

“Đúng.”

Keiko ngẩng lên nhìn Taichiro. Nét mày cong đều đặn vẽ nhạt hơn làn mi một chút làm đôi mắt đen lánh như ngọc huyền. Vành môi tô nhạt, nhưng đôi má không phấn. Keiko trông ngây thơ ngoan ngoãn.

Cô gái chớp mắt, nói:

“Thôi đi anh. Tại sao anh cứ nhìn em chằm chập như vậy?”

“Lông mi cô thật là dày.”

“Lông mi thật đấy. Không tin anh kéo thử mà xem.”

“Tôi quả có muốn kéo mi cô.”

“Anh cứ việc. Kéo đi, em không buồn đâu.”

Cô vừa nói vừa chìa mặt tới, mắt nhắm, sẵn sàng. Cô lại nói:

“Mi em trông dài có lẽ tại vì cong.”

Keiko đợi, nhưng Taichiro không đụng tới mi nàng. Anh bảo:

“Cô đừng nhắm nữa, nhìn lên một chút và mở mắt thật to ra.”

Làm theo lời, Keiko hỏi:

“Anh có muốn em nhìn thẳng mắt anh không?”

Vừa lúc đó, nhà hàng mang đồ uống và mấy món khai vị ra.

Keiko hỏi:

“Anh uống bia hay sa-kê? Em không uống rượu đâu.”

Hình như có đám tiệc linh đình với cả ca kỹ ngoài sân thượng, bên kia vách giấy. Đám tiệc bỗng yên lặng, và có tiếng đàn nhị và tiếng phường nhạc đang đi dưới bến sông.

Keiko hỏi:

“Mai anh tính làm gì?”

“Thứ nhất, tôi muốn thăm một ngôi mộ cổ gần đền Nisonin. Ngôi mộ rất đẹp, thuộc một gia đình hoàng tộc.”

Mắt nhìn chiếc quạt điện, Keiko nói:

“Cho em đi theo với. Em định rủ anh thuê tàu máy đi hồ Biwa chơi, nhưng hôm khác cũng được.”

Taichiro ngần ngại:

“Tôi không biết lái tàu máy.”

“Em biết.”

“Cô biết bơi không?”

Cô gái nhìn anh:

“Phòng khi tàu lật ấy à? Khi ấy anh sẽ cứu em. Anh sẽ vớt em chứ? Em sẽ ôm chặt lấy anh.”

“Nếu cô ôm chặt thì làm sao tôi cứu cô được.”

“Vậy thì em phải làm gì?”

“Tôi phải ôm cô, từ đằng sau ôm tới.”

Nghĩ chuyện ôm cô gái xinh đẹp này để cứu cô ta nếu đắm tàu, người con trai đỏ mặt.

Keiko nói:

“Em không sợ tàu chìm.”

“Tôi không chắc có thể cứu nổi cô đâu.”

“Anh không cứu nổi em thì đã sao.”

“Không nên nói gở. Cô nên bỏ ý định đi tàu máy đi.”

“Nhưng em trông chờ đã lâu. Không có gì phải sợ đâu.”

Rót thêm bia cho Taichiro, cô nói:

“Anh không thay kimono cho nó mát.”

“Thôi khỏi. Tôi thoải mái như thế này.”

Hai chiếc áo ngủ một nam một nữ, gấp gọn ghẽ để sẵn góc phòng. Taichiro tránh mắt, nhìn đi chỗ khác. Anh đoán cô gái đã giữ một phòng ngủ chung cho hai người. Phòng ăn hai người đang ngồi không có chỗ thay quần áo, mà anh cũng không muốn thay trước mặt cô gái.

Cô chiêu đãi viên lặng lẽ bưng món ăn vào. Keiko cũng yên lặng. Có tiếng đàn Samisen từ cuối sông vọng lại. Bàn tiệc ngoài sân thượng cũng

bắt đầu huyền ảo, và một thực khách nói oang oang giọng Osaka nghe rõ mồn một. Tiếng nhị cũng như lời ca trữ tình đằm xa nhỏ dần. Từ bàn ăn thấp giữa phòng, hai người không còn thấy cảnh sông nữa.

Keiko hỏi:

“Ông có biết anh đi Kyoto không?”

“Cha tôi ấy à? Tất nhiên là ông biết. Nhưng ông không thể nào đoán được là cô ra phi trường đón tôi, và bây giờ chúng mình đang ngồi với nhau thế này.”

“Thế là em thỏa chí. Được anh trốn cha đi với em.”

“Tôi không có ý định giấu ông chuyện gì... Cô nghĩ tôi giấu cha tôi sao?”

“Dù sao thì kết cuộc cũng vậy thôi.”

“Thế còn cô Ueno của cô?”

“Em không thở ra cho cô em một tiếng. Tuy nhiên em sẽ không ngạc nhiên nếu cả hai người đều nghi chúng mình. Nếu mà như vậy thì em thật thỏa chí.”

“Tôi không nghĩ hai người nghi ngờ điều gì đâu. Cô Ueno chưa bao giờ nghe chuyện chúng mình, đúng không? Cô có nói gì với cô ấy không?”

“Em có nói với cô em là anh dẫn em đi xem cảnh ở Kamamura. Khi em nói là em thích anh, cô em tái mặt đi.”

Mắt Keiko long lanh, và má cô gái ửng hồng. Cô lại nói:

“Anh nghĩ cô em có thể dừng dừng khi nghe chuyện con trai của người đã gây ra cho cô bao nhiêu buồn đau? Cô em kể: cô đã vô cùng khổ khổ khi nghe tin mẹ anh sanh em gái anh.”

Taichiro lặng yên.

“Cô em đang vẽ bức tranh cô đặt tên là “Em bé lên trời”. Bức tranh vẽ đứa bé ngồi trên đám mây ngũ sắc, tuy rằng em nghe nói đứa bé ấy chết

sớm trước cả khi biết ngời.”

Dừng lại một giây, Keiko nói:

“Nếu sống, chắc nó lớn hơn em gái anh vài tuổi.”

“Cô kể những chuyện này cho tôi làm gì?”

“Em muốn trả thù cho cô em.”

“Nhắm cha tôi mà trả thù?”

“Và cả anh nữa.”

Taichiro lấy đũa gượng gạo xắn miếng cá trong đĩa trước mặt. Thấy vậy, Keiko kéo đĩa cá về mình và nhanh nhẹn lóc xương cho Taichiro. Cô hỏi:

“Cha anh có nói gì về em không?”

“Không. Mà tôi cũng không nói với ông chuyện cô.”

“Tại sao không?”

Mặt như có đám mây mù che, Taichiro cảm thấy một bàn tay lạnh ngắt vừa sờ vào anh. Anh nói:

“Tôi không bao giờ nói với cha tôi chuyện đàn bà.”

Nụ cười thích thú trên môi, cô gái nhắc lại:

“Chuyện đàn bà?”

Giọng khô khốc, anh hỏi:

“Cô định trả thù tôi như thế nào?”

“Em không biết nói làm sao... Có lẽ em sẽ yêu anh.” Mắt cô gái xa xăm, như đang nhìn bên kia sông. “Anh có cho là tức cười không?”

“Cô trả thù bằng cách yêu tôi?”

Keiko then thùng gật đầu. Như người cất được gánh nặng, cô gái khẽ nói:

“Đó là cái ghen của đàn bà.”

“Ghen cái gì?”

“Em ghen vì cô em vẫn còn yêu cha anh... Vì cô em không chút oán hận ông.”

“Cô yêu cô Ueno nhiều đến như vậy?”

“Nhiều đủ để chết vì cô em.”

“Chuyện ngày xưa, tôi không thay đổi được. Nhưng chuyện chúng ta ngồi đây với nhau liên quan gì đến cố sự giữa cô Ueno và cha tôi?”

“Tất nhiên là liên quan. Nếu em không sống với cô em, thì anh đã không hiện hữu với em. Em đã chẳng bao giờ có cơ hội gặp anh.”

“ Cô không nên nghĩ như vậy. Một cô gái trẻ nghĩ như vậy là bị ám ảnh bởi những hồn ma quá khứ. Có lẽ vì vậy mà cổ cô cao và mảnh như cổ ma... Tất nhiên là cao mà đẹp.”

“Gái cổ cao không bao giờ yêu ai, cô em nói vậy... Nhưng em ghét cổ mập.”

Taichiro cố nhin không đưa tay ra sờ cổ cô gái. Anh nói:

“Cô bị ma ám đấy.”

“Không, em tương tư thôi.”

“Cô Ueno không biết gì về tôi phải không?”

“Khi em đi Kamakura về, em nói với cô em là anh chắc giống cha anh khi ông còn trẻ.”

Taichiro khó chịu. Anh nói:

“Vô lý. Tôi không giống cha tôi chút nào.”

“Anh bực sao? Anh không thích giống cha sao?”

“Cô luôn luôn không thực với tôi. Từ lúc gặp nhau ở phi trường đã vậy, đúng không? Cô không muốn tôi biết cô đang nghĩ gì trong đầu.”

“Em không định dối gì anh.”

“Vậy thì lúc nào cô cũng ăn nói điệu này sao?”

“Anh không công bình với em. Anh ác với em lắm.”

“Tại lúc này cô nói tôi cứ việc giẫm lên cô, cô còn nhớ chứ.”

“Anh nghĩ là phải hành hạ em, anh mới biết được sự thật sao? Em không nói dối đâu. Chỉ có anh là không chịu hiểu em nói gì. Anh mới là người giấu ý nghĩ của mình. Chính vì vậy mà em khổ thân anh ạ.”

“Cô khổ thân?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng mà không, em không biết em khổ hay sướng nữa.”

“Còn tôi thì tôi không biết đến đây với cô để làm gì.”

“Không phải anh đến vì anh yêu em sao?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng mà...”

“Nhưng mà cái gì hở anh?”

Taichiro không trả lời. Hai bàn tay cô gái nắm lấy tay anh lay mạnh, Keiko hỏi tới:

“Nhưng mà chuyện gì?”

Anh nói:

“Cô không ăn gì cả.”

“Cô dâu nào lại ăn nhiều ngay bữa tiệc cưới của mình.”

“Cô lại nói cái điệu như vậy.”

“Anh khơi ra nói chuyện ăn uống chứ đâu phải em.”

Những hư hao mùa hè

Otoko hay xuống cân vào mùa hè. Thuở còn trẻ dại ở Tokyo, nàng không bao giờ để tâm chuyện này. Chỉ khi ngoài hai mươi, sau khi sống ở Kyoto nhiều năm, nàng mới biết là khi thời tiết nóng, nàng thường gầy đi. Mẹ nàng nhận xét:

“Otoko, mùa hè nào, con cũng gầy đi phải không. Con giống mẹ. Mẹ con mình có nhiều tật giống nhau. Mẹ vẫn nghĩ tính tình con bướng bỉnh, nhưng thể xác, con là con mẹ. Rõ ràng là như vậy.”

“Con không bướng bỉnh.”

“Nhưng bản tính con rất mạnh.”

“Con không phải vậy.”

Mẹ nàng chắc nghĩ tới tình yêu Otoko dành cho Oki khi bảo nàng cứng đầu. Nhưng yêu ghét ăn nhằm gì với cứng đầu hay dễ bảo.

Dọn đi Kyoto, bà mẹ muốn Otoko khuây khỏa và hai mẹ con tránh nhắc đến Oki. Nhưng trong thành phố lạ, hai mẹ con chỉ có nhau, hai người không tránh khỏi nghĩ đến Oki. Với bà mẹ, con gái là tấm gương phản chiếu lại Oki, và với Otoko, bà mẹ cũng phản chiếu lại cố nhân của nàng. Và mẹ cũng như con thấy chân tướng mình trong chiếc gương phản chiếu này.

Một hôm viết thư, Otoko mở tự điển tìm chữ “tư” là nhớ. Và trong khi nàng duyệt qua những nghĩa khác nhau như trong “tương tư”, hay “tư lự”, tìm nàng se lại. Nàng như sợ hãi, tra cứu thêm để thấy, ngay trong cuốn từ điển, nàng vẫn gặp Oki. Rất nhiều chữ khác cũng gợi lại cố nhân. Nhờ liên tưởng tới mối tình cũ qua những gì nàng nghe nàng thấy làm cho nàng cảm được mình vẫn sống. Cả cơ thể nàng cũng nhắc nhở những ái ân mơn trớn cũ của Oki.

Otoko rất hiểu: mẹ cô độc, chỉ có nàng là con nên mong nàng quên Oki đi. Nhưng nàng không muốn quên. Nàng bám víu lấy kỷ niệm như nếu không sẽ không sống được. Có thể cũng nhờ tình yêu bền vững cho Oki mà nàng đã khỏi điên.

Một lần, Oki làm tình với nàng, Otoko rên lên vì khoái lạc, năn nỉ ông ngừng. Oki lỏng vòng tay ôm, và nàng mở mắt ra. Đồng tử nở lớn chiếm cả lòng đen, nàng nói:

“Mắt em lòa mất rồi, em chỉ thấy anh lơ mờ, cậu bé con của em.”

Ngay cả những lúc như vậy, nàng cũng gọi Oki là cậu bé con.

“Anh biết không, nếu anh chết thì chắc em cũng chết theo. Em nhất định là không thể nào sống tiếp.”

Otoko ứa lệ, những giọt lệ không phải của đau buồn mà của dâng hiến.

Oki nói:

“Em mà chết thì còn ai như em để thương nhớ anh.”

“Em không thể chịu nổi nếu phải nhớ thương người em yêu đã chết. Chẳng thà em chết luôn còn hơn. Nếu anh chết, cho em chết theo anh nhé.” Otoko vừa nói vừa rúc mặt vào cổ Oki.

Mới đầu Oki nghe mà không để ý lời Otoko nói. Rồi chợt thấm hiểu, ông hỏi lại:

“Nếu ai rút dao dọa đâm anh, hay giơ súng định bắn anh, em có cứu anh không?”

“Em bao giờ cũng sẵn sàng chết vì anh.”

“Anh không muốn nói vậy. Anh muốn nói, nếu có nguy hiểm đe dọa anh, em có che đỡ cho anh mà không suy nghĩ tính toán.”

“Tất nhiên rồi.”

“Không ai tử tế với anh như vậy, trừ cô gái nhỏ này.”

“Em không phải là cô gái nhỏ.”

“Em người lớn vậy sao?”

Vừa nói, Oki vừa nựng nhũ hoa của nàng. Lúc ấy Oki cũng nghĩ tới đứa con trong bụng người yêu, và nó sẽ ra sao nếu Oki bất thần chết đi. Suy nghĩ này, về sau khi đọc cuốn truyện, Otoko mới biết.

Chắc bà mẹ nghĩ Otoko xuống cân không phải tại nhớ Oki nên mới nói đến chuyện nàng hao gầy vào thời tiết nóng. Otoko tạng người thanh nhã, xương nhỏ vai gầy, nhưng nàng ít khi đau ốm. Tất nhiên sau cuộc tình bất hạnh nàng đã hao mòn, và bạc nhược hiện ra trong ánh mắt. Nhưng nàng phục hồi mau chóng. Tắm thân sơn trẻ bèn bỏ làm dịu đi những thương tổn nội tâm. Thịnh thoảng nghĩ đến Oki thì nét buồn mới thoảng trên dung nhan, còn thường thường không ai ngờ nàng có sầu muộn trong lòng. Nét buồn này lại làm cho nàng càng đẹp hơn.

Từ thừa nhỏ, Otoko biết mẹ hay mất cân vào mùa hè. Nàng thường lau mồ hôi lưng và ngực cho mẹ, biết mẹ gầy gò là vì thời tiết nóng nực dù mẹ không nói ra. Nhưng Otoko bấy giờ quá nhỏ để lo mình sau này cũng không hợp với mùa hè. Từ hồi hai mươi lăm hai mươi sáu, Otoko thường mặc kimono thay vì váy hay quần, sự hao mòn tuy không lộ liễu nhưng vẫn có đấy.

Bây giờ, mỗi khi hè tới, thấy mình gầy đi, nàng lại nhớ mẹ. Với năm tháng, vấn đề càng ngày càng nặng hơn.

Có lần nàng hỏi mẹ:

“Uống thuốc bổ gì mẹ nhỉ? Họ quảng cáo đủ thứ trong báo, mẹ đã thử thứ nào chưa?”

Bà mẹ trả lời mơ hồ:

“À, thuốc bổ có lẽ cũng tốt.”

Rồi bà nắm lấy đề tài:

“Thuốc bổ tốt nhất cho đàn bà là lấy chồng.”

Otoko yên lặng.

“Đàn ông là thần dược mang cho đàn bà sự sống. Đã là đàn bà thì phải dùng thuốc này.”

“Dù nó là thuốc độc cũng phải uống hả mẹ?”

“Dù là thuốc độc. Con uống thuốc độc một lần rồi mà con đâu có biết, đúng không? Nhưng mẹ biết con có thể kiếm được thuốc trị độc. Nhiều khi cần độc trị độc. Thuốc có thể đắng, nhưng con nhắm mắt nuốt xuống là xong. Dù con có ghen, có tưởng là thuốc không qua khỏi cổ.”

Mẹ Otoko chết đi mà không được thấy con gái thành gia thất. Điều ước ao cuối cùng, bà không được toại nguyện. Otoko không bao giờ nghĩ Oki là một thứ thuốc độc. Ngay khi ở trong nhà thương điên, nàng không oán hận ông. Nàng chỉ gần mất trí vì tình. Còn liều thuốc độc mà nàng uống để tự vẫn đã được tẩy hết ra khỏi cơ thể. Cả Oki và con nàng đã rời bỏ nàng, và những vết sẹo để lại chắc phải nhạt đi. Vậy mà tình nàng dành cho Oki vẫn nguyên vẹn.

Thời gian qua. Nhưng thời gian có những dòng chảy khác nhau. Như dòng sông, dòng đời có chỗ nhanh chỗ chậm, có chỗ còn dừng lại như nước ao tù. Thời gian vũ trụ tất nhiên là một, nhưng thời gian trong tâm thay đổi với từng người. Dòng sông thời gian là một cho mọi người, nhưng mỗi người trôi đi trong dòng sông ấy một cách khác nhau.

Xấp xỉ bốn mươi, Otoko nghĩ Oki vẫn còn sống trong nàng, phải chăng là dòng thời gian của nàng đã không chảy. Hay hình ảnh Oki cùng nàng trôi với cùng một vận tốc, như cánh hoa trôi theo nước. Rồi nàng lại nghĩ, không biết dòng thời gian của đời nàng trôi thế nào, và Oki tuy vẫn không quên, nhưng tất có một dòng thời gian khác. Dù yêu nhau, chắc khó mà cùng trôi theo một dòng thời gian với nhau.

Hôm nay như mọi hôm, sau khi thức giấc nàng lấy tay xoa trán, rồi vuốt cổ, gáy, và dưới cánh tay. Da nàng rịn mồ hôi, hơi ẩm từ chân lông toát ra ướt áo ngủ. Keiko hình như thích mùi mồ hôi cũng như làn da trơn ướt của nàng khi mồ hôi ra, và nhiều khi đòi nàng cởi hết áo xống. Còn Otoko, nàng rất ghét mùi mồ hôi của chính mình.

Đêm qua, Keiko mười hai rưỡi mới về đến nhà. Có vẻ không tự nhiên, cô gái tránh mắt nàng. Chiếc quạt che bớt ánh đèn trần, Otoko nằm ngấm những tấm phác họa khuôn mặt hài nhi ghim trên vách. Mải ngấm tranh, nàng thờ ơ hỏi Keiko, “Em về muộn nhỉ...”

Otoko không thấy đứa con thiếu tháng của mình, nhưng được mẹ cho hay là tóc con đen. Khi nàng hỏi thêm về con, mẹ nàng nói, “Nó bé tí mà xinh lắm, hết như con ngày xưa.” Otoko nghĩ mẹ nói vậy chỉ để chiều nàng. Gần đây nàng đã thấy ảnh trẻ sơ sinh, và trẻ con khi mới sanh xem ra đứa nào cũng xấu. Có ảnh đứa bé đang lọt lòng mẹ, hay cuống rốn còn dính với mẹ làm nàng thấy gớm.

Nàng không có ý niệm gì về khuôn mặt con. Nàng chỉ thấy nó trong tưởng tượng và cất giấu hình ảnh con trong tim. Nàng biết đứa bé nàng vẽ trong “Em bé lên trời” không giống con, mà nàng cũng không muốn vẽ một bức chân dung hiện thực. Tranh nàng sẽ là ẩn tượng của nỗi mất mát, của tang tóc, và của tình thương cho đứa con nàng chưa bao giờ thấy mặt. Nàng đã nâng niu ý định từ lâu nên vẽ hình đứa con đã chết trở thành một ước mong mòn mỏi. Và bức tranh còn tượng trưng cho chính nàng đã qua được những năm tháng đau thương, cũng như cho mối tình buồn mà đẹp nàng dành cho Oki.

Otoko vẫn chưa vẽ được khuôn mặt đứa bé cho thật vừa ý. Khuôn mặt thần tiên của những ngọc nữ hay của chúa hài đồng thường quá rõ ràng sắc nét, trông có khi giả tạo, thậm chí như mặt người lớn vẽ nhỏ lại. Thay vì như vậy, nàng muốn mặt con nhạt mờ như sương khói, như một hồn ma không thuộc thế giới này mà cũng chưa sang hẳn thế giới bên kia. Khuôn mặt sẽ dịu hiền, sẽ mát mắt, nhưng lại gợi ra một mặt hồ ảm ập u buồn.

Còn nữa, nàng không muốn tranh trầu tượng. Và nàng sẽ vẽ làm sao đây cái thân hình còm cõi của hài nhi thiếu tháng. Nàng sẽ vẽ như thế nào nền tranh và những vật phụ. Và Otoko lại tìm xem những cuốn ảnh chụp tranh của Redon và Chagall, nhưng những tác phẩm nổi danh ấy xa lạ quá để gợi hứng cho nàng.

Mấy bức tranh Nhật lại hiện ra trong trí Otoko, với bồ tát Kobo nằm mơ thấy được ngồi trên tòa sen tám cánh hầu chuyện đức Phật. Trong bức cổ nhất, nét mặt bồ tát trông trong sáng và khắc khổ. Những tấm về sau mềm mại và mỹ miều hơn. Còn những tấm mới nhất, bồ tát lại đẹp như một cô gái nhỏ.

Đêm trước Hội Rằm khi Keiko xin nàng vẽ chân dung, Otoko đã tưởng vì nghĩ tới con mà nàng định phỏng theo tranh Kobo thừa hài đồng để vẽ cô gái theo lối cổ điển loại Đức Mẹ Đồng Trinh. Nhưng về sau, nàng bắt đầu hồ nghi nàng thích tranh tôn giáo chẳng qua là muốn tự vẽ chân dung.

Phải chăng nàng mong tìm nơi Bồ tát Kobo cũng như Đức Mẹ đồng trinh cái trong trắng nàng khao khát cho bản thân. Mỗi hoài nghi như lưỡi gươm nàng không muốn mà tự tay đâm vào ngực mình. Nàng không chủ tâm ấn lưỡi gươm sâu hơn và sau cùng rút nó ra, nhưng vết thương để lại sẹo làm nàng thỉnh thoảng còn đau.

Otoko không định chép lại nguyên bản tranh bồ tát Kobo, nhưng hình ảnh vẫn ẩn náu trong tâm nàng. Ngay cả bức “Em bé lên trời” và “Đức mẹ đồng trinh” cũng gợi lên ý nàng muốn trong sạch hóa, hay đúng hơn thánh thiện hóa tình yêu của nàng cho con, và cho Keiko.

Keiko hôm mới thấy tranh mẹ nàng đã tưởng tranh nàng tự vẽ. Sau hôm ấy, thấy tranh mẹ, nàng lại nghĩ đến Keiko ngắm tranh và khen nàng đẹp. Thương nhớ mẹ mà vẽ, nhưng tranh có nét tự thương yêu chính mình. Mẹ con giống nhau đã vậy, nhưng thật ra có phần nàng đã tự vẽ mình.

Otoko vẫn yêu Oki, con nàng, và mẹ nàng, nhưng nàng không biết những tình yêu ấy có thay đổi hay không kể từ khi nàng không còn gần gũi

những người thân ấy. Có thể phần nào những tình ấy đã trở thành tình yêu nàng dành cho chính nàng. Tất nhiên là nàng không có câu trả lời. Sự chết đã cách lìa nàng với con và mẹ nàng. Chia ly đã lấy đi Oki của nàng. Vậy mà những người thân yêu vẫn sống trong nàng. Nàng đơn phương đem cho cả ba một đời sống nối tiếp.

Hình ảnh của Oki nàng giữ trong tâm khảm đã cùng nàng trôi theo thời gian, và có lẽ vậy mà kỷ niệm của cuộc tình hai người đã biến dạng và nhuộm màu theo tình yêu nàng dành cho bản thân. Nàng không bao giờ nghĩ chuyện cũ chỉ là những hồn ma của quá khứ hiện về. Có thể một người nữ xa cách người yêu từ tuổi 17, trải qua hai thập niên cô đơn không tình yêu không hôn nhân, đã sống bằng hoài niệm của mỗi tình buồn, và mỗi tình đó đã quay hướng về mình. Cả tình yêu về sau dành cho Keiko, cô học trò trẻ đồng tính, có thể cũng chỉ là một hình thức của cái tình thương yêu chính mình ấy. Nên chi nàng đã nghĩ đến vẽ Keiko, một cô gái thích chiêm hữu đã đòi ngồi khoả thân, như một nữ bồ tát trinh trắng trên tòa sen. Có lẽ thật ra Otoko đã muốn tự tạo một chân dung trong trắng. Xem ra cô gái mười sáu năm xưa yêu Oki sống mãi trong nàng và không bao giờ lớn lên hay già đi. Điều này Otoko không biết mà cũng không muốn biết.

Otoko tính cẩn thận, sáng dậy mà áo ngủ ướt mồ hôi, nàng thường ra khỏi giường thay ngay. Nhưng sáng nay nàng nằm lại, quay mặt về vách nhìn những tấm phác họa khuôn mặt hài nhi. Nàng đã gặp nhiều khó khăn khi phác họa chúng. Dù ngăn ngủi, con nàng dù sao cũng đã ra đời và đã sống. Nhưng Otoko muốn vẽ linh hồn một hài nhi chưa từng hội nhập thế gian này.

Keiko vẫn ngủ say, lưng quay lại Otoko. Chiếc chăn đơn mỏng quần người trượt xuống ngang ngực. Keiko hay trang phục kiểu Nhật nên móng chân không bị hư hại vì mũi giày cao gót. Ngón chân cô gái thanh và xinh đẹp đến nỗi như không phải là ngón chân người. Otoko tránh ngẫm chân Keiko. Nhưng có khi cầm ngón chân Keiko, nàng cảm thấy thích thú một

cách kỳ lạ, ngửi ngón chân như vậy, người thế hệ nàng không thể có được. Thật là một cảm giác kỳ dị.

Mùi nước hoa thoảng tới mũi nàng. Nàng ngửi mùi thơm hơi hắc cho con gái mới lớn, nhưng nhớ lại là thỉnh thoảng cô gái cũng có dùng. Nàng tò mò tại sao cô gái lại xúc nước hoa này đêm qua. Nàng nhớ gần sáng Keiko mới về nhà. Thấy Otoko mãi ngắm mấy tấm phác họa tranh con, cô gái vội vã lên giường quên cả tắm. Hình như cô gái ngủ ngay nhưng Otoko cũng không chắc vì sau đó chính nàng cũng thiếp đi.

Otoko ra khỏi giường tới bên Keiko nhìn gương mặt say ngủ của cô gái trong bóng mờ, rồi đi mở cửa chớp. Keiko buổi sáng thường nhanh nhẩu và nhẩy ra giúp Otoko. Nhưng sáng nay cô gái nằm yên trên giường.

Sau cùng Keiko đứng dậy. Cô gái nói:

“Hôm qua mãi gần ba giờ sáng em mới ngủ được.”

Keiko bắt đầu thu dọn chăn đệm.

Otoko hỏi:

“Tại nóng phải không?”

“Dạ...”

“Đừng cất áo ngủ của cô nhé. Cô muốn bỏ giặt.”

Otoko ôm áo vào phòng tắm. Keiko vào theo để đánh răng. Cô gái xem ra vội vã. Otoko hỏi:

“Sao không tắm luôn?”

“Dạ...”

“Hôm qua em đi ngủ mà không rửa mặt phải không?”

“Vậy sao cô?”

Otoko khả nghi vì vẻ lo ra của cô gái.

“Keiko, tối hôm qua em đi đâu?”

Không có tiếng trả lời.

“Tắm đi Keiko, tắm xong em sẽ thấy khỏe cho mà coi.”

“Dạ, em sẽ tắm.”

Khi Otoko ra khỏi phòng tắm, Keiko đang chọn áo.

Otoko hỏi:

“Em ra phố bây giờ hả?”

“Dạ...”

“Em có hẹn với ai?”

“Dạ...”

“Ai đấy?”

“Anh Taichiro.”

Otoko ngơ ngác như chưa nghĩ ra là ai. Keiko cắt nghĩa:

“Anh Taichiro nhà ông Oki.”

Keiko trả lời rành rẽ, thiếu điều nhắc đến liên hệ cha con giữa hai người đàn ông. Otoko muốn nói nhưng lạc mất giọng. Keiko nói tiếp:

“Em ra phi trường đón anh ấy hôm qua và hẹn sáng nay đưa đi thăm thành phố. Thật ra anh ấy hứa dẫn em đi... Otoko, em không bao giờ giấu cô điều gì. Sáng nay, việc đầu tiên là anh ấy sẽ đưa em đi xem đền Nisonin. Anh ấy muốn thăm một cái lăng trên ngọn đồi gần đây.”

“Đi thăm lăng?”

“Anh ấy bảo lăng của một quý tộc trong triều đình.”

“Vậy sao?”

Keiko cười áo ngủ, quay lưng trần lại Otoko.

“Em nghĩ em sẽ mặc kimono cho nó đáng hoàng. Hôm nay chắc sẽ nóng, nhưng ăn mặc xoàng xĩnh em sợ trông không được.”

Otoko yên lặng nhìn cô gái thay đồ.

Keiko đưa tay ra sau nắm múi thắt lưng kéo mạnh. Cô gái nói một mình:

“Thắt lưng phải cho gọn và chặt.”

Qua gương, Otoko nhìn cô gái trang điểm. Keiko nói:

“Cô đừng nhìn em chăm chặp như vậy.”

Otoko cố gắng giữ vẻ dịu hiền. Keiko trang điểm xong, liếc vào gương, và xếp lại lọn tóc mai nơi vành tai. Cô gái đứng dậy, rồi lại ngồi xuống chọn nước hoa.

Otoko chau mày.

“Nước hoa xức đêm qua không rửa mà vẫn chưa đủ sao?”

“Cô đừng lo.”

“Xem ra em bồn chồn nhỉ?”

Rồi Otoko hỏi tiếp:

“Keiko, tại sao em lại đi gặp anh ta?”

“Anh ấy viết thư cho em báo tin anh ta tới.”

Vừa nói Keiko ra tủ cất vội vã vào ngăn kéo mấy chiếc áo nàng đã đem ra để chọn. Otoko nói:

“Xếp lại cho ngăn nắp nào.”

“Được mà, cô...”

“Em lại phải gấp lại cho mà coi.”

“Được mà...”

Keiko nói mà không buồn nhìn lại tủ áo.

Otoko nghiêm giọng:

“Keiko, làm ơn lại đây.”

Keiko trở lại ngồi xuống và nhìn thẳng vào mắt nàng. Otoko quay đi.
Nàng hỏi:

“Em không ăn sáng?”

“Không sao cô, hôm qua em ăn tối trễ.”

“Trễ đến khỏi cả ăn sáng?”

“Dạ...”

Otoko hỏi:

“Keiko, tại sao em đi gặp anh ấy?”

“Em cũng không biết nữa.”

“Em có muốn gặp người ta không?”

“Dạ có.”

“Thế là em là người khởi xướng ra cuộc gặp gỡ này. Em có thể cho cô biết tại sao không?”

Keiko không trả lời.

Otoko mắt nhìn xuống hỏi tiếp:

“Em không đi gặp anh ấy có được không? Cô muốn em đừng đi. Em, làm ơn ở nhà cho cô.”

“Tại sao lại không gặp hờ cô. Chuyện này ăn nhằm gì đến cô?”

“Tất nhiên là có.”

“Nhưng cô có biết anh ấy là ai đâu.”

“Em đã ngủ một đêm với ông bố, bây giờ lại đi hẹn hò với anh con trai. Coi sao được?”

Otoko không nhắc nổi tên hai người đàn ông. Keiko nói:

“Ông Oki là nhân tình cũ của cô, em đồng ý. Nhưng anh Taichiro, cô chưa bao giờ gặp mặt. Anh ấy không có liên hệ gì với cô. Anh ta chỉ là con trai ông Oki. Cũng không phải là con cô nữa.”

Lời nói phũ phàng làm Otoko tổn thương. Nàng nhớ lại vợ Oki đã sanh đứa con gái không lâu sau khi chính đứa con gái thiếu tháng của nàng qua đời. Otoko nói:

“Keiko, em quyến rũ anh ta phải không?”

“Chính anh ấy viết cho em trước, báo giờ giấc máy bay tới...”

“Em thân với anh ta đến suông dã như vậy sao?”

“Em không thích lối dùng chữ của cô.”

“Em còn muốn cô nói thế nào? Rằng em với anh ấy có gian dối với nhau?”

Otoko lấy cườm tay chùi mồ hôi trán. Nàng nói:

“Em là một con người đáng sợ.”

Ánh mắt Keiko lóe lên, bí hiểm. Cô gái nói:

“Otoko, em thù ghét đàn ông.”

“Keiko, đừng có đi. Cô xin em. Nếu em nhất định đi, thì đừng có về lại nhà này nữa.”

“Cô!” Keiko nói, dơ dớn nước mắt.

“Em định làm gì Taichiro?”

Otoko lần đầu tiên gọi đến tên con trai người yêu cũ. Hai bàn tay nàng run rẩy trên đùi. Keiko đứng dậy. Cô gái nói:

“Em đi đây.”

“Cô xin em đừng đi.”

“Cô đánh em đi. Đánh em như hôm đi chùa Rêu về.”

Keiko ngồi thêm một lúc như để đợi cho Otoko ra tay. Rồi cô gái vội vã ra khỏi nhà.

Otoko đắm mồ hôi lạnh. Nàng ngồi quay ra ngoài vườn, thấy khóm tre lấp lánh trong nắng sớm. Sau cùng nàng đứng dậy vào phòng tắm mở nước. Nước chảy ào ào làm nàng giật mình. Vô tình đã vẩy nước quá lớn, nàng vội vã vẩy nhỏ lại. Nàng rửa mặt và bình tĩnh hơn, nhưng đầu óc vẫn còn căng. Nàng lấy khăn lạnh chườm trán và gáy.

Trở sang phòng ngoài, Otoko ngồi xuống trước tranh mẹ và mấy tấm phác họa con gái. Nàng bỗng chán chường với chính mình. Từ trước nàng vẫn thấy không ổn trong cuộc tình với Keiko, nhưng giờ đây cái không ổn ô nhiễm cả cuộc sống, tiêu hủy sinh khí của nàng, và làm cho nàng vô cùng mệt mỏi. Nàng nghĩ sống mà làm gì, và tại sao nàng chưa chết đi cho rảnh nợ.

Otoko như muốn cất tiếng gọi mẹ. Rồi nàng nghĩ đến tác phẩm “Mẹ già” của Nakamura Tsune, tác phẩm cuối cùng của họa sĩ trước khi chết trước mẹ. Tác phẩm làm nàng vô cùng xúc động. Nàng chưa bao giờ thấy bản chính, nhưng ảnh chụp lại cũng đủ gây xúc động mạnh cho nàng.

Nhà họa sĩ trẻ đã vẽ những bức tranh đầy sinh khí và gọi tình về những người đàn bà ông yêu. Ông dùng màu đỏ nhiều và có người thấy nơi ông ảnh hưởng của Rouault. Bức Chân dung Eroshenko nhà thơ mù, một trong những tuyệt tác của ông, thể hiện cái buồn trầm lặng cao quý của nhà thơ khuyết tật bằng những màu ấm và dịu. Nhưng tác phẩm cuối đời “Mẹ già” của ông lại vẽ bằng những màu tối và lạnh, và kỹ thuật giản dị chân chất. Tranh vẽ một người đàn bà gầy gò mòn mỏi ngồi bán diện trước một bức tường lủng. Một bình nước đặt trong ô trống khoét vào tường khoảng trên đầu bà cụ. Chiếc cặp thủy treo lơ lửng một bên. Cái cặp thủy cho vào chắc chỉ để cho cân cảnh, nhưng Otoko rất thích chi tiết này cũng như những ngón tay già nua đang lần tràng hạt. Nàng thấy những chi tiết phản ánh cảm

nghĩ của họa sĩ về sự chết, trong khi chính cuộc sống bản thân cũng sắp tàn. Cả bức tranh trong toàn diện nói lên điều này.

Otoko mở tủ lấy cuốn sưu tập những tác phẩm của Nakamura, so sánh tranh nàng với tranh của họa sĩ vẽ mẹ. Nàng đã chủ tâm vẽ mẹ như một người đàn bà trẻ đẹp, dù khi ấy mẹ nàng đã qua đời. Còn nữa, bức tranh không phải là bức tranh cuối đời của nàng, và không có bóng thần chết lảng vảng trong tranh. Tranh nàng còn hoàn toàn khác kiểu, vẽ theo lối cổ điển Nhật, trong khi tranh Nakamura lại mang nhiều ảnh hưởng tây phương. Ngồi ngắm bức ảnh chụp lại tranh Nakamura, nàng thấy tranh mình phiến diện.

Nàng nhắm chặt mắt, choáng váng như muốn ngất đi. Chính vì yêu mẹ mà Otoko đã vẽ tranh mẹ. Nàng chỉ có thể vẽ mẹ trẻ đẹp như trong thời điểm mãn khai nhất của bà. Bức tranh nông cạn làm sao nếu so với cái hiểu thảo như toát ra từ tranh vẽ mẹ của Nakamura khi chính bản thân ông cũng gần kề cái chết. Nhưng cả cuộc đời nàng cũng đã chẳng nông cạn như tranh nàng sao?

Otoko đã không vẽ tranh mẹ khi bà còn sống. Nàng lấy cảm hứng từ một tấm hình của mẹ. Rồi nàng đã vẽ mẹ còn trẻ đẹp hơn cả trong ảnh. Không quên mình giống mẹ, nàng thỉnh thoảng nhìn bóng mình trong gương khi vẽ. Nên chi bức chân dung có nét mỹ miều, nhưng thiếu chiều sâu và không có hồn.

Otoko nhớ mẹ rất ghét chụp ảnh sau khi dọn về Kyoto. Trong bài báo người ta dành cho nàng, nhiếp ảnh gia của tòa báo muốn chụp hai mẹ con, nhưng bà nhất định từ chối. Lần đầu tiên, Otoko hiểu bà từ chối là vì buồn phiền. Bà sống với con gái ở Kyoto như người đi đây, và đã cắt liên lạc với cả những bạn thân cũ ở Tokyo. Otoko cũng cảm thấy nỗi buồn bị phụ bạc, nhưng nàng mới mười bảy khi chia ly, và vấn đề của nàng khác vấn đề của mẹ. Lại càng khác, vì nàng tiếp tục yêu Oki, mặc dù tình này đã làm nàng đau khổ hơn. Otoko suy nghĩ không biết có nên vẽ lại ảnh mẹ lần nữa không.

Keiko bây giờ đã bỏ đi gặp Taichiro. Otoko cảm thấy bị bỏ rơi. Nàng cảm thấy lo âu. Sáng nay Keiko có nói đến “trả thù”. Cô gái còn nói “ghét đàn ông”, nhưng biết đâu mà tin. Cô gái lấy cớ đã ăn tối hôm trước để bỏ điểm tâm đi hẹn với Taichiro. Keiko tính làm gì con trai của Oki? Chuyện gì sẽ xảy ra cho hai đứa? Chính nàng rồi sẽ ra sao, sau bao năm bị cầm tù bởi tình yêu dành cho Oki? Otoko cảm thấy không thể ngồi yên một chỗ, thụ động chờ sự việc xảy ra.

Không cấm nổi Keiko ra khỏi nhà, bây giờ nàng chỉ còn nước là đuổi theo, để chính nàng cảnh cáo Taichiro. Nhưng Keiko không nói Taichiro ở khách sạn nào, hay hai người hẹn nhau ở đâu.

Cái hồ

Keiko tới trà thất Kiyamachi thấy Taichiro đã quần áo chỉnh tề đứng đợi ngoài sân thượng.

“Em chào anh ạ. Anh ngủ có ngon không?”

Keiko bước lại bên anh. Tựa lan can, cô gái hỏi tiếp:

“Anh đợi em?”

Taichiro nói:

“Tôi dậy từ sớm. Tiếng sông làm tôi thức giấc. Tôi ra đây ngắm mặt trời mọc trên dãy đồi đông.”

“Anh dậy sớm thế à...?”

“Đúng vậy. Nhưng dãy đồi gần quá, nên rạng đông mà không có cảm tưởng là mặt trời đang mọc. Chỉ khi mặt trời đã lên cao, dãy đồi mới đột ngột hiện rõ ra màu lục, và nắng mới làm sông sáng lên như bạc...”

“Anh ngắm cảnh lâu nhỉ...”

“Coi mấy xóm bên kia sông thức giấc và sinh hoạt náo nhiệt trở lại, cũng thú vị lắm.”

“Vậy thì anh ngủ đâu có được nhiều. Khách sạn thiếu tiện nghi phải không?”

Rồi cô gái thăm thì:

“Anh mà bảo tại nhớ em mà mất ngủ thì em sướng lắm...”

Taichiro yên lặng.

Keiko năn nỉ:

“Anh không chịu nói cho em câu đó sao?”

“Có chứ. Keiko, tôi ngủ không được là vì nhớ cô.”

“Anh nói chỉ vì em van xin anh.”

“Nhưng Keiko, đêm qua cô ngủ ngon phải không?”

Keiko lắc đầu:

“Anh đoán sai rồi.”

“Tôi đoán vậy tại mắt cô tươi rói.”

“Tại vì tim em tươi rói. Mà tim em tươi rói là tại vì anh. Còn mắt em thì sợ gì một hai đêm không ngủ.”

Keiko nhìn Taichiro chăm chăm, đôi mắt ướt long lanh. Anh nắm lấy tay cô gái.

Keiko nói:

“Sao mà tay anh lạnh thế.”

“Còn tay cô thì ấm quá.”

Anh nắm nót từng ngón tay cô gái, và anh lúng túng vì chúng quá xinh đẹp. Chúng thanh tao như không phải ngón tay người mà là ngón tay tiên, sẵn sàng biến đi. Anh còn có cảm tưởng chúng có thể tách rời khỏi bàn tay Keiko. Anh muốn hôn những ngón tay xinh đẹp cũng mảnh mai như cô gái. Cái cổ thanh tú và cái tai xinh đẹp đập vào mắt anh.

“Cô vẽ bằng những ngón tay mỹ miều này đây.”

Taichiro vừa nói vừa đưa tay Keiko lên môi.

Keiko nhìn bàn tay mình, mắt bỗng đắm lệ.

Anh hốt hoảng:

“Keiko, em buồn chuyện gì?”

“Không, em không buồn. Trái lại em hạnh phúc quá... Sáng hôm nay, chỉ cần anh chạm đến là đủ cho em khóc.”

Rồi cô gái nói:

“Em nghe có chuyện gì như vừa chấm dứt trong em.”

“Chuyện gì vậy...”

“Anh đừng hỏi em như vậy mà tội nghiệp.”

Anh nói chung chung:

“Không phải chấm dứt, mà là bắt đầu. Em không thấy một chuyện chấm dứt là để cho chuyện khác bắt đầu sao?”

Keiko nói:

“Cái gì lỡ thì đã lỡ, mọi sự bây giờ thì hoàn toàn khác hẳn. Nhờ nghĩ như vậy nên người đàn bà có thể có lúc thấy cuộc sống mới nguyên trước mặt. Như thể chết đi rồi lại tái sinh.”

Anh toan kéo Keiko vào lòng nhưng phải vội vịn vào lan can gỗ. Cô gái dựa hẳn vào anh làm anh mất thăng bằng.

Tiếng chó con sủa vang lại từ bờ sông phía dưới. Người đàn bà trong xóm dẫn chó đi chơi, tình cờ gặp con chó lớn của người đàn ông hình như làm bếp cho một tiệm ăn gần đấy. Con chó lớn làm ngo, nhưng người đàn bà cũng vội cúi xuống bế chó của mình lên. Con chó con bây giờ lại quay đầu lên sân thượng nhìn Keiko và Taichiro mà sủa.

Người đàn bà ngẩng lên cười với hai người.

Keiko nép vào Taichiro. Cô nói:

“Em ghét chó kinh khủng. Họ bảo sáng dậy ra đường bị chó sủa là cả ngày xui xẻo.”

Người đàn bà ôm chó đã đi xa rồi mà Keiko vẫn nép sát vào Taichiro.

Cô hỏi:

“Taichiro, anh có hạnh phúc với em không?”

“Tất nhiên là có.”

“Em không biết anh có hạnh phúc bằng em không nhỉ? Em chắc không bằng đâu... Thật đấy.”

Anh nghĩ Keiko tràn trề nữ tính. Hơi thở cô gái mát rượi và thơm ngát phả vào cổ anh. Cô gái níu sát, và anh nghe hơi ấm từ da thịt cô. Bây giờ Keiko như đã thuộc về anh, không còn gì là riêng tư bí mật.

Cô gái nói:

“Anh không thể tưởng tượng được em muốn gặp anh chừng nào. Em nghĩ nếu em không trở lại nhà anh thì không bao giờ chúng mình gặp nhau. Kể cũng kỳ lạ là chúng mình được ở bên nhau như thế này.”

“Kỳ lạ thật.”

“Em muốn nói là em cảm thấy anh và em như từ bao giờ vẫn ở bên nhau. Từ ngày gặp gỡ lần đầu, em luôn luôn nhớ anh. Nhưng anh thì chắc quên em tức thì, phải không? Cho đến hôm nay chỉ vì anh tình cờ có việc đi Kyoto.”

“Anh ngạc nhiên là em còn nói với anh như vậy.”

“Vậy sao? Thế là anh thỉnh thoảng có nhớ em?”

“Nhưng nhớ em không phải là toàn chuyện vui để nhớ. Có cái đau trong đó.”

“Tại sao?”

“Tại vì nhớ em là nghĩ đến cô giáo của em, và nhớ đến cái đau của mẹ anh. Hồi ấy anh còn chưa biết gì, nhưng ba anh ghi lại mọi chuyện trong cuốn tiểu thuyết của ông. Chuyện mẹ anh đang ăn đánh rơi bát cơm rồi ôm mặt khóc, chuyện ban đêm bà ôm anh đi lang thang ngoài đường. Có thể bà làm anh đau mà không biết, vì anh khóc mà bà cũng không nghe thấy khi bà ôm chặt anh và bế anh đi. Bà mới hai mươi ba tuổi, chỉ vì sầu muộn mà tai điếc răng long...”

Taichiro ngập ngừng nói tiếp:

“Tuy nhiên, cuốn sách vẫn bán chạy cho đến ngày hôm nay. Sự việc có cái mĩa mai của nó, là tác quyền đã trang trải những chi tiêu của gia đình anh, như trả tiền học cho chính anh và bao biện đám cưới cho con em gái anh.”

“Như vậy không tốt sao?”

“Bây giờ thì mọi chuyện không còn quan trọng nữa, nhưng nghĩ lại thì thấy cũng kỳ khôi. Cuốn truyện quá đáng vì nó trình bày mẹ anh như một người đàn bà khó thương điên loạn vì ghen. Vậy mà mỗi khi truyện được tái bản, chính mẹ anh lại là người cầm con triện của tác giả đóng lên năm chục ngàn bản. Và người đàn bà bây giờ không còn trẻ nữa tiếp tục ngồi đóng triện tác giả lên hết bản này đến bản khác những lần tái bản cuốn tiểu thuyết đã tả bà như một quái vật ghen tuông...”

“Tất nhiên với mẹ anh, giông bão đã qua rồi, và gia đình anh đã tìm lại được an bình. Em có thể đoán là người ta chỉ thấy bà đáng khinh, vậy mà ngược lại mọi người lại càng quý trọng bà hơn. Em có thấy kỳ không?”

“Dù sao thì mẹ anh cũng là vợ tác giả.”

“Còn nữa, cuốn truyện trọng tâm là cô giáo em. Hình như cô vẫn chưa có gia đình phải không...”

“Đúng vậy.”

“Anh không biết cha mẹ anh nghĩ gì về cô giáo em. Hình như họ hoàn toàn quên cô Ueno Otoko rồi. Nhiều khi nghĩ tác quyền của cuốn truyện đã nuôi dưỡng anh, anh rất khổ tâm. Anh sống nhờ một cô gái mười sáu đã hy sinh cuộc đời của mình... Và nhất là bây giờ, em lại nói em muốn báo thù cho cô em.”

Ép má vào cổ Taichiro, cô gái nói:

“Anh khổ tâm làm gì. Chuyện ấy đã qua rồi. Em đã xua đuổi ý nghĩ trả thù ra khỏi đầu em. Bây giờ thì dễ lắm. Em chỉ còn là em.”

Taichiro quay lại đặt tay lên vai cô gái. Keiko nói nhỏ như thầm thì:

“Cô Ueno bảo em đừng có trở về nhà nữa.”

“Tại sao?”

“Tại em đã thú nhận với cô là em đi gặp anh.”

“Em kể cho cô em nghe sao?”

“Dạ.”

Taichiro yên lặng.

Keiko nói:

“Cô bảo em không được đi gặp anh. Nếu không nghe lời thì cứ đi luôn.”

Taichiro buông vai Keiko ra. Anh trở lại cảnh thực tại. Bên kia sông sinh hoạt của ngày đã náo nhiệt, và dãy đồi phía đông đã phô trương những màu lục đậm nhạt khác nhau. Thấy Taichiro nghiêm mặt, Keiko nói:

“Anh nghĩ em không nên cho cô hay?”

“Anh không nói vậy. Sự việc là anh cảm thấy chính anh đang trả thù cô Ueno cho mẹ anh.”

Nói xong Taichiro bước trở vào trong phòng. Keiko bước theo, nắm lấy cánh tay anh như sợ mất. Cô gái nói:

“Trả thù cho mẹ anh? Không bao giờ em nghĩ như vậy. Anh nói gì kỳ cục vậy.”

Taichiro đổi đề tài:

“Chúng ta đi chẳng? Hay tốt hơn là em về nhà em đi.”

“Anh đừng ác với em.”

“Bây giờ đến lượt anh, thay vì cha anh, xáo trộn đời sống của cô Ueno.”

“Đêm qua nói với anh chuyện báo thù, em thật có lỗi. Anh tha thứ cho em.”

Ra khỏi trà thất, Taichiro gọi taxi, và Keiko leo lên xe ngồi bên chàng trai. Taxi ra khỏi tỉnh tiến về phía tu viện Nisonin ở Saga. Một lúc lâu Taichiro vẫn ngồi yên lặng. Keiko hỏi:

“Em mở lớn cửa xe được không?”

Rồi nàng đặt tay lên tay Taichiro, khẽ lay ngón tay trỏ của anh. Tay cô gái mềm và hơi ướt mồ hôi.

*

Cổng lớn của đền Nisonin nghe nói được gỡ ra từ lâu đài Fushimi vào khoảng đầu thế kỷ mười bảy. Cổng đồ sộ đúng phong cách đại gia.

Keiko đoán ngày lại sẽ nóng nực. Cô nói:

“Em chưa đến đây bao giờ.”

Taichiro bảo:

“Anh có đọc ít nhiều về Fujiwara Teika.”

Vừa lên những bậc đá, anh quay lại thấy áo kimono của cô gái bị rách khi cô bước vội theo anh.

Anh giảng:

“Người ta biết ngài Teika có một tòa biệt thự trên đồi Ogura, đặt tên là lầu Mưa Thu. Nhưng biệt thự ở đâu thì mỗi người một ý, không ai biết chắc chắn. Người này bảo là ngọn đồi đằng sau chúng ta kia kìa, người khác bảo là một ngôi đền không xa đây lắm. Lại có người nghĩ chính là am Ẩn Cư.”

“Cô Ueno có lần dẫn em đi am Ẩn Cư chơi.”

“Vậy sao? Thế là em đã thấy cái giếng mà người ta bảo Teika đã lấy nước mài mực chép lại tuyển tập một trăm nhà thơ của ông.”

“Em không nhớ đã thấy giếng ấy.”

“Nước giếng nổi tiếng lắm, gọi là Liễu Thủy.”

“Có thật là Teika lấy nước giếng ấy mài mực không anh?”

“Teika là một thiên tài, vì vậy mà có nhiều huyền thoại về ông. Ông sống vào thời trung cổ, là một nhà thơ và cũng là một nhà khoa bảng.”

“Lăng ông ấy cũng quanh đây phải không?”

“Không. Lăng ông ở Shokokuji. Nhưng trong am Ấn Cư có một tháp con bằng đá mà người ta nghi là đã được dựng lên để đánh dấu chỗ ông hỏa táng.”

Keiko không hỏi gì thêm. Cô gái có vẻ không biết gì về Fujiwara Teika.

Xe taxi chạy ngang hồ Hirosawa, thấy hình những đôi thông phản chiếu trên mặt nước dọc bờ bên kia, Taichiro chạnh nhớ cả ngàn năm lịch sử và văn học liên quan đến vùng Saga này. Đằng sau triền đồi Ogura thoải thoải, anh thấy núi Arashi hùng vĩ. Với Keiko bên anh, quá khứ lại càng như sống lại. Quả thật anh đã tới cố đô. Phải chăng khung cảnh nên thơ làm cho cô gái mềm dịu đi. Anh ngắm Keiko. Cô gái hỏi:

“Sao anh nhìn em sừng sững như vậy?”

Cô đưa tay ra che mắt anh. Anh cũng lấy tay bịt mắt cô gái.

Anh nói:

“Thật là bất ngờ được sống cùng em trong cảnh này... Anh không còn biết anh là ai.”

“Em cũng vậy.”

Keiko vừa nói vừa bấm vào ngón tay mình. Cô nói tiếp:

“Và em cũng không còn biết ai đang ở bên em nữa.”

Bóng nắng đổ xuống con lộ từ cổng dẫn đến chánh điện. Hai bên lối đi, tùng đỏ mọc xen lẫn với phong. Yên lặng bao trùm đến từng chiếc lá. Bóng cây theo nhịp bước, khi ẩn khi hiện trên mặt, trên áo Keiko. Thỉnh thoảng có cành phong thấp khẽ chạm vào mái tóc cô gái.

Cuối con lộ là mấy bậc đá dẫn lên bức tường đất có lợp mái. Hai người nghe tiếng nước róc rách đầu đây. Leo nốt những bậc cuối, họ rẽ trái theo bức tường tới gần chiếc cổng nhỏ, thấy một dòng suối từ khe đá chảy ra. Taichiro dừng bước bên cô gái:

“Một ngôi đền nổi tiếng thế này mà khách vắng vẻ quá ít. Cảnh hôm nay vắng vẻ như bỏ hoang.”

Bên ngọn đồi Ogura, chánh điện lợp mái đồng đứng trang nghiêm và trầm tĩnh.

Taichiro lại nói:

“Em để ý cây sồi già rỗng ruột này. Cây được coi như nổi tiếng nhất trong cả vùng. Từ gốc đến ngọn là những cành cong queo, u bướu vì năm tháng. Nhưng toàn thể cây phủ kín chồi non, đầy lá xanh căng nhựa sống...”

“Anh vẫn thích cây. Đã bao nhiêu năm mà bao giờ thấy cây, anh cũng thú vị.”

Taichiro chỉ nói về cây mà không chú ý đến ngôi đền. Ngang qua đền Thánh Nữ, anh nhìn lên những bậc đá cao và hỏi cô gái:

“Em mặc kimono có leo nổi không?”

Keiko mỉm cười:

“Chắc khó. Đưa tay cho em vịn. Mà nếu không được, anh phải bế em.”

“Chúng mình sẽ đi chậm.”

“Lăng trên ấy phải không?”

“Đúng. Lăng Sanetaka ở ngay trên đỉnh các bậc đá.”

“Anh tới Kyoto chủ đích để xem lăng phải không? Đâu có phải vì em.”

“Anh thú thật là đúng, nhưng...” Taichiro nắm lấy bàn tay cô gái. Nhưng anh đổi ý, buông cô ra.

“Anh lên một mình. Em đứng đây đợi anh.”

“Em leo được mà. Anh phải biết mấy bậc đá này không làm khó nổi em. Leo bao xa em cũng không coi ra gì.”

Cô gái nắm lấy tay Taichiro, và bắt đầu cùng leo với anh. Rõ ràng ít kẻ vãng lai chốn này. Dương xỉ và cỏ dại mọc kín chân những bậc đá đã mòn vì năm tháng. Đó đây, một loại hoa vàng trổ bông. Keiko dừng lại trước ba ngôi mộ đá xây như những ngôi chùa nhỏ.

Cô hỏi:

“Đây phải không?”

Taichiro nói:

“Bên trên kia một chút.”

Quay lại mấy lăng Keiko chỉ, anh cắt nghĩa:

“Đẹp quá em nhỉ? Đây là Mộ Ba Vua. Quả là những kiệt tác kiến trúc bằng đá. Lăng này và lăng giữa có mấy lớp tường cuốn xung quanh kể như là đẹp nhất.”

Keiko nhìn theo, gật đầu tán thưởng.

Anh nói tiếp:

“Đá lên nước đẹp quá.”

“Lăng có từ thời trung cổ phải không?”

“Đúng, nhưng lăng có mấy lớp tường cuốn xung quanh có lẽ mới hơn. Người ta bảo lăng này nguyên hình là tháp mười tầng, nhưng đã mất phần trên.”

Kiến trúc những ngôi mộ tinh vi mỹ thuật như hợp với khiếu thẩm mỹ của Keiko, làm cô gái như quên mình đang tay trong tay đứng bên người con trai.

“Lăng tắm những danh nhân quanh đây không thể nào bì kịp.”

Lên đến đỉnh, hai người tới trước mộ phần khiêm tốn của vị sư tổ, vón vện tấm bia đá ghi lại công đức của hòa thượng Tanku. Taichiro đi quá tấm bia để tới khu nghĩa địa dòng họ Sanjonishi. Cự hữu là mộ Sanetaka, mộ chí vẫn tắt ghi, “Quận công Sanetaka, nguyên Tướng quốc”. Keiko hỏi:

“Quyền cao chức trọng, mà lăng mộ giản dị như vậy sao?”

“Đúng vậy, anh rất thích những phiến đá khiêm tốn này.”

Quả thật ngoại trừ mộ chí, mộ không khác gì những mả vô chủ bên đền Nembutsu. Những phiến đá ở đây cũng cũ kỹ, cũng rêu phủ, cũng lấm dất và bị thời gian soi mòn đi mất hình dáng cũ. Chúng câm nín. Taichiro khom người xuống bên mộ Sanetaka như lắng nghe âm thanh tĩnh lặng của một thời xa xưa. Tay vẫn trong tay chàng trai, Keiko khom người theo.

Anh nói:

“Thật là thú vị phải không? Anh đang khảo cứu về Sanetaka. Ông thọ đến tám mươi hai, và cuốn nhật ký của ông ghi lại sự việc trong khoảng thời gian hơn sáu mươi năm. Đáng là một tư liệu lịch sử của thế kỷ mười sáu. Nhật ký của những quý tộc hồi đó cũng thường nhắc đến ông. Thật là một giai đoạn đặc biệt, khi văn hóa đầy sinh lực ngay trong lúc chiến tranh cũng như chính trường lại vô cùng khốc liệt.”

“Có phải vì vậy mà anh thích lăng của ông ấy không?”

“Anh nghĩ thế.”

“Anh khảo cứu về ông ta chắc cả mấy năm rồi nhỉ.”

“Ba năm. Không, đến bây giờ thì phải bốn năm.”

“Và lăng ông tạo cảm hứng cho anh?”

“Cảm hứng ấy ư? Thú thật anh cũng không biết nữa...”

Anh chưa dứt lời thì Keiko ngã vào lòng anh. Anh chuyển thế đứng để đỡ cô gái. Hai cánh tay cô quấn lấy cổ anh. Cô nói:

“Anh, ngay trước ngôi mộ anh quý hóa này, ngôi mộ đã ngự trị trái tim anh, anh hãy cho em chút gì làm kỷ niệm. Ngay bây giờ, anh nhé. Anh hãy làm cho ngôi mộ có ý nghĩa cho em cũng như cho anh. Chuyện này mới quan trọng...”

“Chuyện này mới quan trọng...” Taichiro thần thờ nhắc lại, như âm vang lời cô gái. “Đúng, thời điểm này cả những ngôi cổ mộ cũng không vĩnh cửu...”

“Anh nói cái gì?”

“Đã đến lúc mà cả những ngôi mộ cũng không vĩnh cửu...”

“Em vẫn nghe không rõ...”

“Em gần anh quá...”

Môi anh gần chạm tai cô gái.

“Đừng, anh làm em nhột.”

Đầu tựa vào ngực anh, cô gái ngược nhìn lên:

“Anh đừng làm em nhột bằng cách thổi vào tai em. Em ghét đàn ông trêu em như vậy.”

“Anh không trêu em.”

Chuyện thổi vào tai Keiko làm anh tức cười, nhưng Taichiro ghi nhận là anh đang ôm cô gái, và cô đang nằm ngang lòng anh. Cô không phải bằng bắp, nhưng mềm và nhẹ. Tay áo kimono rộng đã trượt xuống và đôi tay trần vẫn ôm lấy cổ anh. Da cô mát mịn. Ráng giữ hơi thở điều hòa, anh nói:

“Em tưởng anh trêu cái tai xinh đẹp của em à?”

Cô gái thì thầm:

“Tai em dễ nhột lắm anh ạ.”

Tai cô gái trông rất khôu gợi, và anh lấy tay mân mê. Cô gái nằm không nhúc nhích, mắt mở to. Anh nói:

“Tai em đẹp như bông hoa lạ.”

“Vậy sao?”

“Em có nghe thấy gì không?”

“Có. Như thế là...”

“Như thế là gì?”

“Em không biết nữa... Như con ong đang vờn hoa... Hay con bướm.”

“Anh sờ tai em đó.”

“Anh thích nghịch tai đàn bà phải không?”

Tay Taichiro khựng lại. Cô gái lại hỏi, rất khẽ:

“Anh có thích không?”

“Anh chưa thấy tai ai đẹp thế này.”

Keiko nói:

“Em thích rửa tai cho người ta. Kỳ khôi phải không anh? Nhưng em tin em rất thành thạo vụ này. Bữa nào em rửa tai cho anh.”

Taichiro không trả lời. Cô gái nói bằng giọng:

“Trời không một gợn gió.”

“Đúng, chỉ có nắng thôi.”

“Giây phút này nằm trong tay anh trước ngôi mộ cổ, em sẽ nhớ mãi mãi. Kể cũng kỳ lạ, một ngôi mộ mà có thể tạo ra kỷ niệm.”

“Mộ và lăng bản chất xây ra là để lưu giữ kỷ niệm mà.”

Cô gái ngồi dậy. Cô nói:

“Em chắc chắn là anh sẽ chóng quên kỷ niệm hôm nay. Nghĩ mà xót xa.”

“Tại sao em nghĩ là anh sẽ quên?”

“Tủi thân em quá.”

Khi cô gái gắng đứng dậy, Taichiro ôm cô chặt hơn. Anh chạm môi vào môi cô.

“Đừng, đừng anh.”

Cô khước từ quyết liệt làm anh giật mình. Đan tay vào tóc cô gái, anh toan đưa mặt cô ngửa lên. Keiko cưỡng lại.

“Anh làm đau mắt em.”

“Em đau mắt nào?”

“Mắt phải.”

“Còn đau không em?”

“Em nghĩ còn. Anh có thấy nước mắt em ứa ra không?”

Cả hai mí cô gái bình thường. Anh cúi xuống hôn cô lên mắt. Keiko thờ dãi nhưng không chống cự nữa. Môi anh ngậm lấy lông mi cô gái. Nhưng bất thần mất hứng, anh buông cô ra. Anh trách:

“Em cho anh hôn mắt, tại sao không cho anh hôn miệng?”

“Em không biết. Mà tại sao anh hung dữ với em như vậy.”

Cô gái đứng dậy phắt dậy, làm anh suýt ngã. Túi xách trắng của cô còn nằm trên đất. Taichiro nhặt lên trả lại cho cô.

“Xắc gì mà lớn dữ?”

“Em có bộ áo tắm bên trong.”

“Áo tắm?”

“Anh hứa cho em đi chơi hồ Biwa mà.”

Keiko lấy chiếc gương ra nhìn mắt phải của mình, và dụi mí. Thấy anh ngăm, cô đỏ mặt thẹn thùng nhìn xuống. Cô đưa ngón tay chùi vệt sáp môi trên áo Taichiro.

Nắm tay cô gái, anh nói:

“Chúng mình làm gì bây giờ?”

“Em xin lỗi, son chùi không đi.”

“Không phải chuyện áo. Anh muốn nói chúng mình làm gì bây giờ.”

“Em không biết. Em không có dự tính gì.” Keiko nghiêng đầu.

Cô lại nói:

“Vậy chúng ta đi chơi hồ chiều nay nhé? Được không anh?”

“Mấy giờ rồi em?”

“Mười giờ kém mười lăm.”

“Còn sớm vậy sao. Cứ coi nắng, anh đã tưởng là trưa rồi.”

Keiko nhìn xung quanh qua những tàn lá.

“Núi đằng kia chắc là ngọn Arashi. Em nghĩ mùa hè thì người ta cũng sẽ tới đây ngắm cảnh.”

“Nếu họ có thăm đền, thì anh không nghĩ họ sẽ leo lên đến tận đây...”

Anh lấy khăn tay lau mặt, thoải mái vì câu chuyện đã trở lại bình thường.

“Em có muốn xem chỗ người ta bảo ngày xưa là lâu Mưa Thu không? Anh đã tới đây hai ba lần nhưng chưa bao giờ trèo lên đến tận trên ấy.”

Mốc gỗ chỉ đường dựng ngay chân dốc đằng sau hai người. Cô gái nhìn lên triền cao rồi hỏi:

“Chúng mình leo nữa nhé. Em không sợ cao. Nếu khó, em sẽ tháo giày ra leo chân đất.”

Con đường dốc lên lỏi qua một khu rừng rậm. Nghe tiếng cành cây chạm vào tà áo cô gái, Taichiro quay lại nắm tay cô dẫn lên. Chẳng mấy chốc họ tới ngã ba đường. Anh phân vân:

“Có lẽ chúng mình nên rẽ trái. Cẩn thận đấy, đường khá nguy hiểm.”

Lối đi mòn chạy ven vực sâu. Keiko nắm cánh tay anh. Cô nói:

“Em sợ trượt quá. Em nghĩ nên rẽ phải hơn.”

“Cũng hay. Xem chừng ngã ấy cũng dẫn đến đỉnh.”

Bụi rậm che kín lối mòn. Taichiro để cô gái kéo đi. Bất thần cô dừng lại:

“Em đi xuyên qua bờ bụi mà ăn mặc như thế này...”

Trước hai người là những cây thông rậm rạp. Qua tàn lá, họ có thể thấy dãy đồi phía bắc, và một vùng ven đô. Keiko dựa vào anh. Taichiro nói:

“Không biết vùng ấy là tỉnh nào.”

“Em cũng chẳng biết.”

Cô gái ngã người vào anh. Anh mất thăng bằng ngã theo xuống đất. Hai người nằm yên, rồi cô gái đưa tay xuống vuốt vạt áo. Khi anh hôn mắt cô, Keiko không kháng cự, chỉ ngoan ngoãn nhắm mắt lại. Ngay cả khi anh hôn cô lên miệng, cô cũng không né tránh. Nhưng cô vẫn ngậm kín môi.

Vuốt ve cái cổ cao mảnh khảnh, Taichiro luồn tay vào áo cô gái.

“Đừng anh...”

Keiko nắm tay anh kéo ra. Tay vẫn bị cô gái nắm, anh cố luồn dưới tà áo kimono tìm về vùng thịt da tròn trịa của vú phải. Lần này cô gái không kéo tay anh ra nhưng lại dẫn nó sang vú trái. Hé mắt nhìn lên anh, cô nói:

“Anh không được đụng tới vú phải. Em không thích đâu.”

“Ừa?”

Anh ngạc nhiên buông cô gái ra. Mắt vẫn hé mở, cô gái lại nói:

“Vú phải làm em buồn lắm.”

“Buồn bã?”

“Dạ...”

“Nhưng tại sao?”

“Em không biết. Có lẽ tại không cùng bên với tim em.”

Cô gái nhắm mắt, xích gần lại, vú trái ép sát vào anh. Cô nói:

“Người con gái thân thể đã có gì không hoàn hảo, dù có tốt lại cũng vẫn thấy buồn.”

Taichiro lại càng thêm thèm muốn khi cô gái nói đến cái không toàn hảo của thân xác mình. Cách ăn nói của cô gái chứng tỏ đây không phải lần đầu cô cho đàn ông sờ ngực. Sự việc cũng làm anh thêm hứng khởi. Nắm chặt tóc cô, anh hôn cô. Trán và cổ cô gái đầm mồ hôi...

*

Hai người xuống núi, băng qua nghĩa địa gia tộc Suminokura để sang đền Gio. Từ đây họ trở bước, tản bộ xuống chân núi Arashi. Họ ăn trưa ở quán Kitcho.

Lát sau, cô chiêu đãi cho hay là xe đã tới. Ngạc nhiên, Taichiro nhìn Keiko. Té ra khi anh nghĩ cô gái đi vào phòng tắm đánh phấn, cô đã ra quầy trả tiền và gọi xe.

Lúc taxi chạy qua Kyoto gần lâu đài Nijo, Keiko nói:

“Em không ngờ đến đó cũng gần.”

“Đến đâu?”

“Anh đừng trí thật. Hồ Biwa chứ còn đâu nữa.”

Tắc-xi hướng về ngọn tháp cao của chùa Đông, quá ga xe lửa. Tắc-xi chạy quanh vùng nam cố đô rồi dọc theo sông Namo một khúc. Bác tài cho hay quả núi trước mặt là núi Đuôi Bò. Rẽ ra trái, bác cho xe băng qua dãy núi phía đông. Cảnh hồ trải ra trước mặt. Keiko vui vẻ nói:

“Hồ Biwa đấy. Thế là sau cùng em dẫn được anh đến đây.”

Taichiro ngạc nhiên thấy vô số tàu thuyền đủ loại trên hồ. Tắc-xi chạy tới thành phố nhỏ Otsu. Xe tới gần khu văn cảnh có tầm nhìn bao quát hồ rồi rẽ trái sang phía đang có cuộc đua thuyền máy. Xe băng qua xóm Hama-Otsu đi vào con đường hai bên trồng cây dẫn tới cổng Khách Sạn Hồ Biwa.

Taichiro nghĩ Keiko lúc thuê xe đã bảo tài xế chạy thẳng về đây. Nhân viên khách sạn ra mở cửa xe và Taichiro không còn cách gì khác là theo vào. Không nhìn Taichiro, Keiko bước đến thẳng bàn giấy tiếp tân. Cô hỏi:

“Ông Oki có cho gọi giữ phòng trước, ông có nhận được điện từ núi Arashi không?”

“Tất nhiên là có,” người thư ký trả lời. “Một đêm phải không?”

Cô gái tránh sang bên cho Taichiro bước tới ký vào sổ. Anh phải ghi tên thật và địa chỉ thật. Ghi thêm tên Keiko, anh tự nhiên cảm thấy thoải mái với người thư ký hơn. Anh theo người hầu lên phòng, và thang máy dừng lại ngay tầng hai.

Keiko vừa ý với tiện nghi của khách sạn. Trong là phòng ngủ, ngoài là phòng khách rộng một bên nhìn ra hồ, bên kia nhìn ra thành phố. Có lẽ để phù hợp với kiến trúc Momoyama, sân thượng được quây lại bằng lan can màu đỏ. Chân tường lát gỗ, cửa sổ cánh đẩy, cửa lớn kính dày, tất cả tạo nên phong thái cổ kính sang trọng.

Người hầu mang trà lên. Keiko đứng yên lặng ngoài cửa sổ nhìn ra hồ, tay cầm nhẹ tấm màn cửa ren trắng. Taichiro ngồi trên sofa ngắm cô gái. Keiko mặc kimono mới, nhưng vẫn đeo chiếc thắt lưng vẽ cầu vồng. Bên trái cô gái là cảnh hồ bao la. Mấy chiếc thuyền buồm neo lại với nhau. Buồm phần nhiều màu trắng, nhưng cũng có lá màu đỏ, tím hay xanh đậm. Đó đây, chiếc tàu máy xẹt qua, kéo theo cái đuôi bọt và sóng. Tiếng động cơ vang lại, cùng với tiếng người nói chuyện ngoài bể bơi và tiếng cắt cỏ đâu đây. Trong phòng máy lạnh rừ rừ.

Taichiro đợi Keiko lên tiếng. Rồi anh hỏi cô gái có muốn uống trà không?

Keiko lắc đầu. Cô nói:

“Sao anh ít lời thế? Anh ác với em lắm.”

Kéo rộng tấm màn cửa, cô gái hỏi:

“Anh thấy cảnh có đẹp không?”

“Có chứ. Nhưng anh đang nghĩ em quá đẹp. Cổ em, thắt lưng em...”

“Anh nghĩ đến em lúc em nằm trong tay anh tại ngôi đền trên núi phải không?”

“Chuyện đó ăy ư?”

“Anh khi dễ em phải không? Anh không ngờ em dễ dàng thế này phải không? Em biết.”

“Anh ngỡ ngàng thôi.”

“Em thì mất phương hướng. Thật dễ sợ lúc người đàn bà đã hiến dâng tất cả.”

Nàng thấp giọng:

“Tại vậy mà anh không chịu ra ngoài này với em?”

Taichiro đứng dậy ra cửa sổ với Keiko. Đặt nhẹ tay lên vai cô gái, anh dìu nàng vào sô-pha. Keiko ngồi bên anh nhưng mắt vẫn nhìn xuống.

Cô thì thầm:

“Cho em chút trà.”

Anh nâng tách trà đưa cho cô.

Cô gái nói:

“Em uống từ miệng anh kia.”

Hớp chút trà, anh mớm cho cô. Keiko đầu ngả ra sau, môi và cổ không nhúc nhích.

Vẫn ngồi yên, cô nói:

“Cho em uống nữa.”

Taichiro hớp thêm ngụm trà và tiếp tục mớm cho cô gái. Keiko mở mắt:

“Ôi, trà ngon làm sao. Có phải chết ngay bây giờ em cũng không ngại. Tiếc quá không phải là thuốc độc.... Là xong đời em, là xong đời anh...”

Cô lại nói tiếp:

“Anh quay đi.”

Đây anh xoay nửa vòng, cô gái ép mặt vào lưng anh. Vòng tay ra phía trước, cô tìm tay anh. Anh nắm lấy bàn tay cô gái, vừa nhìn vừa gõ khê vào từng ngón một.

Keiko bỗng nói:

“Em xin lỗi anh. Em vô ý làm sao. Chắc anh muốn tắm phải không. Em vào vặn nước nhé.”

“Cũng được...”

“Hay anh muốn tắm nước bông sen?”

“Em nghĩ anh cần tắm lắm sao?”

“Không, em thích anh như bây giờ. Em chưa bao giờ thích một mùi gì bằng mùi thân thể anh. Nhưng em biết anh muốn tắm cho mát.”

Keiko biến vào phòng ngủ. Anh nghe tiếng nước chảy vào bồn. Anh đang ngắm chiếc tàu thủy ngoài hồ gần cầu tàu khách sạn, thì Keiko cho hay nước tắm đã sẵn sàng.

Người đầy mồ hôi từ khi còn ở Saga, Taichiro tắm rửa kỹ càng. Có tiếng gõ cửa. Anh giật mình, đoán Keiko muốn vào. Anh nghe tiếng cô gái cho hay là anh có điện thoại.

“Vô lý. Ai gọi anh ở đây nhỉ? Chắc lầm số thôi.”

Keiko nhắc lại:

“Điện thoại cho anh.”

“Tức cười nhỉ. Ai mà biết anh ở đây.”

“Nhưng điện thoại cho anh mà.”

Ngưng lau mình, anh quàng kimono ra khỏi phòng tắm. Anh nghi hoặc hỏi lại lần nữa:

“Em bảo ai gọi anh?”

Anh toan bước tới điện thoại đặt giữa hai giường, thì Keiko bảo anh ra lấy máy ngoài phòng khách. Máy để gần ti-vi, và ống nghe đã bị nhấc lên đặt sẵn trên mặt bàn. Keiko nói khi anh đưa máy lên tai:

“Điện thoại gọi từ nhà anh.”

Anh tái mặt:

“Vậy sao, nhưng sao lại vậy?”

“Mẹ anh đang ở đầu dây.”

Rồi Keiko nói thêm:

“Em gọi mẹ. Em bảo em đang ở Khách Sạn Hồ Biwa, và anh hứa lấy em làm vợ. Em nói là em mong mẹ cho phép chúng mình.”

Taichiro trố mắt nhìn cô gái. Tất nhiên đầu dây kia, mẹ anh nghe được cô gái nói gì. Khi tắm, anh đã đóng cửa, lại thêm tiếng nước ào ào, anh đã không nghe Keiko gọi điện thoại. Phải chăng giục anh đi tắm cũng là kế hoạch của cô gái.

Tiếng mẹ anh vang lên trong ống nghe:

“Taichiro, Tachiro, có phải là con đấy không?”

Anh nhìn Keiko. Cô gái nhìn lại anh không chớp mắt. Đôi mắt đẹp của cô long lanh.

“Có phải Taichiro đấy không?”

“Con đây mẹ,” anh nói, ống nghe áp vào tai.

“Con đẩy hả con.” Giọng mẹ anh run rẩy. “Đừng nhé nghe con. Mẹ xin con, đừng có lấy nó.”

Anh không trả lời. Trong máy, mẹ anh nói tiếp:

“Đưa con gái này, con biết nó thuộc loại gì không. Con phải biết chứ.”

Taichiro vẫn không nói gì. Từ sau, Keiko ôm lấy anh. Ghé má vào bên ống nghe, cô nhỏ nhẹ, “Mẹ ơi, mẹ có biết tại sao con gọi mẹ không?”

Mẹ anh hỏi:

“Taichiro, con có nghe thấy mẹ nói không? Ai nói vào máy thế?”

“Con đây,” anh đẩy Keiko ra bên.

“Con nhà vô phép quá, tự tiện gọi điện cho mẹ. Nó bắt con gọi mẹ đấy à?”

Không đợi trả lời, mẹ anh nói tiếp:

“Taichiro, về nhà ngay đi con. Rồi khách sạn tức khắc, về nhà ngay... Nó nghe điện thoại phải không? Mẹ không cần. Mẹ cũng muốn cho nó nghe luôn thế. Taichiro, con không được dính dáng đến đứa con gái này. Nó là một đứa nham hiểm. Mẹ biết. Con ơi, mẹ không thể khổ lần thứ hai. Lần này thì mẹ chết mất. Không phải nó là học trò cô Ueno mà mẹ ghét nó đâu.”

Trong khi anh nghe máy, Keiko áp môi vào lưng anh. Cô gái thì thầm:

“Nếu em không phải là học trò cô Ueno thì em đã không gặp được anh.”

Mẹ anh nói tiếp trong máy:

“Mẹ ghét nó là vì lòng nó đầy thù hận. Mẹ nghĩ nó cũng định quyến rũ cả bố con nữa.”

“Ủa?” anh buột miệng.

Anh quay lại nhìn Keiko. Anh cảm thấy vô lễ vừa nghe điện thoại của mẹ vừa để cho Keiko hôn. Nhưng anh không cắt ngang được.

Anh nói:

“Để con về, ta sẽ bàn thêm.”

“Phải rồi. Con về nhà ngay thôi. Con chưa lôi thôi với nó phải không con? Con không thể ở đêm lại với nó đâu.”

Taichiro không trả lời. Mẹ anh lại nói:

“Taichiro con, hãy nhìn thẳng vào mắt nó. Suy nghĩ những lời nó nói. Con nghĩ tại sao nó muốn lấy con, trong khi nó là học trò cô Ueno? Chẳng qua là mưu toan hiểm độc. Với ai thì không biết, nhưng với gia đình mình, nhất định là nó hiểm độc rồi. Mẹ chắc chắn điều này, không phải mẹ tưởng tượng ra đâu. Chuyến này con đi Kyoto, mẹ đã thấy điềm dữ. Cha con cũng lo lắm. Ông cho mẹ biết câu chuyện rất khả nghi. Taichiro, nếu con không chịu về, bố mẹ sẽ lấy chuyến bay tới đi Kyoto.”

“Con hiểu.”

“Con hiểu gì?” Bà hỏi lại. Rồi như để cho chắc, bà dặn thêm, “Con về nhà ngay đi con. Con về ngay, phải không con?”

“Con sẽ về.”

Keiko chạy vụt vào phòng ngủ, đóng cửa lại. Taichiro đứng lặng bên cửa sổ, nhìn ra ngoài nước. Một chiếc máy bay nhỏ có lẽ loại vận tải bay thấp trên mặt hồ, lượn vòng phía xa. Máy chiếc tàu máy phóng nhanh trên sóng, một chiếc kéo theo cô gái đang trượt ski nước.

Taichiro nghe vẳng đến tiếng người nói ngoài hồ bơi. Anh thấy ba thiếu phụ trẻ trên bãi cỏ gần cửa sổ, dáng nằm khêu gợi.

Anh nghe Keiko gọi từ phòng ngủ. Khi anh mở cửa, cô gái đã sẵn sàng trong bộ đồ tắm trắng. Anh ghen thờ, quay đi chỗ khác. Làn da hơi ngăm nắng như lặn vào vải áo, cô gái trông như khỏa thân.

Keiko bước ra cửa sổ, tấm lưng trần phơi trước mắt anh. Cô nói:

“Đẹp quá. Coi kìa, trời đẹp làm sao. Núi cũng đẹp nữa.”

Ngắm những cột nắng vàng chiếu xéo qua mây xuống núi, Taichiro hỏi:

“Có phải kia là núi Hiei không em nhỉ?”

“Dạ. Nhưng những tia nắng kia sao như những ngọn giáo đâm vào số mệnh chúng mình. À, mà còn mẹ anh thì sao?”

Keiko quay lại anh, nói tiếp:

“Em muốn mẹ anh tới đây. Cả ba anh nữa.”

“Đừng có vô lý.”

“Em muốn thật đấy.”

Bất thần, Keiko ôm chầm lấy anh:

“Ra bơi với em đi. Em muốn xuống nước lạnh, thật lạnh. Anh hứa em, anh nhớ không? Anh còn hứa đi tàu máy với em nữa. Từ lúc anh tới, anh đã hứa mà.”

Cô ử người trong anh. Cô nói:

“Anh về lại Kamamura vì mẹ bảo, phải không. Nếu về anh không gặp ai đâu, vì ba mẹ anh đã lên đường tới đây rồi. Có thể ba anh không muốn đi, nhưng mẹ anh sẽ bắt ông phải đi.”

“Keiko, em quyền rũ ông ấy phải không?”

Úp mặt vào ngực Taichiro, cô gái hỏi ngược lại:

“Em có quyền rũ anh không? Có không nào?”

Tay ôm lưng trần cô gái, anh nói:

“Anh không nói chuyện anh. Em đừng đánh trống lảng.”

“Ai đánh trống lảng? Em đang hỏi anh là em có quyền rũ anh không. Có phải anh nghĩ như vậy không?”

Cô gái lại nói:

“Làm sao một người đàn ông có thể tàn nhẫn hỏi người yêu đang ôm trong tay là có quyền rũ bỏ mình không?”

Thút thút khóc, Keiko nói tiếp:

“Anh muốn em nói làm sao bây giờ. Chắc em phải trầm mình cho chết đi...”

Ôm bờ vai thốn thức của cô gái, Taichiro mắc tay vào dải yếm. Anh kéo nó xuống, rồi kéo luôn dải yếm bên kia. Keiko đề lên anh, cong mình đưa hai nhũ hoa ra trước.

“Đừng, đừng anh,” cô nói. “Cái vú phải không được đâu. Em xin anh, đừng anh, đừng đụng đến nó.”

Anh nhìn cô gái, thấy nước mắt trào ra dưới làn mi nhắm...

*

Keiko quần tắm khăn lớn quanh vai trước khi ra hồ bơi. Taichiro mặc áo ngắn. Hai người qua phòng tiếp tân ra khu vườn phía hồ. Một cây lớn trước mắt đang ra hoa trắng, hình dáng giống hoa dâu bụi. Hai bên vườn đều có hồ bơi. Hồ bơi trẻ con bên phải. Hồ bơi người lớn bên trái có hàng rào, hơi cao hơn sân cỏ. Thấy Taichiro dừng lại cửa, Keiko hỏi:

“Anh không tắm sao?”

“Không. Anh ngồi đợi em thôi.”

Anh lúng túng bên người đàn bà đẹp đang làm mọi người chú ý. Keiko nói:

“VẬY sao? Em chỉ tắm chút ít thôi. Lần đầu cho năm nay đấy. Em muốn xem em bơi còn khá không.”

Dọc bờ biển, dương liễu mọc lẫn với anh đào. Taichiro ngồi xuống chiếc ghế dài dưới bóng cây du già, nhìn ra hồ tắm. Anh không thấy Keiko cho đến khi cô gái leo lên cầu nhún sữa soạn thế nhẩy. Dáng cô gái xinh đẹp hiện lên trên nền nước hồ và núi xanh. Núi có sương phủ, còn hồ pha chút

màu hồng nhạt trên mặt. Những cánh buồm bắt lại chút nắng hoàng hôn. Keiko phóng mình xuống hồ làm bọt và nước văng lên tứ tung.

Bơi xong, Keiko thuê tàu máy và rủ Taichiro lái ra hồ chơi.

“Tối rồi. Để mai đi,” anh nói.

Mắt cô gái sáng lên:

“Vậy là anh ở thêm ngày mai? Anh ở thêm ngày mai thật à anh? Vậy là anh ở lại với em. Ô ngày mai, nhưng em cũng không biết nữa...”

Cô gái lại nói:

“Dù sao anh hãy giữ lời hứa hôm nay với em. Chúng mình chỉ lái tàu một tí rồi về liền. Em muốn được ra ngoài nước với anh. Em muốn chúng ta vượt lên số mệnh và trôi với nhau trên sóng. Ngày mai bao giờ cũng chạy trốn chúng ta. Đi với em hôm nay đi.”

Kéo tay anh, cô nói tiếp:

“Anh coi kìa, còn vô số tàu ngoài hồ.”

*

Ba giờ sau Uena Otoko nghe trên đài tin tai nạn tàu máy trên hồ Biwa. Nàng vội vã lấy xe đến. Đài cho hay một chiếc thuyền buồm vớt được cô gái tên là Keiko. Khi Otoko tới Khách Sạn Hồ Biwa, thì Keiko đang nằm trên giường. Bước vào phòng, Otoko hỏi người hầu Keiko đã tỉnh chưa.

“Cô ấy vừa được chích thuốc an thần.”

“Vậy là không can gì phải không?”

“Bác sĩ nói không có gì đáng lo. Khi vớt lên, cô ấy trông như chết rồi, nhưng làm hô hấp nhân tạo thì sống lại. Cô vật vã, gọi tên người đàn ông cùng đi tàu với mình.”

“Anh ấy có làm sao không?”

“Mọi người hết sức tìm mà vẫn chưa vớt được.”

Otoko lập cập hỏi lại:

“Vẫn chưa kiếm được sao?”

Cô sang phòng ngoài nhìn ra hồ. Xa tít bên trái, đèn pha tàu máy vẽ những vòng sáng trong đêm.

Người hầu nói:

“Không phải chỉ có tàu của khách sạn, mà tất cả tàu ở đây đều đổ ra tìm nạn nhân. Có cả tàu cảnh sát nữa. Người ta đốt củi đốt ven bờ hồ. Nhưng có lẽ bây giờ thì đã quá trễ để còn hy vọng gì.”

Otoko nắm chặt lấy màn cửa.

Một chiếc du thuyền chở khách vẫn cảnh treo dây đèn đỏ từ từ cặp bến tại cầu tàu khách sạn, trong khi ngoài xa đèn pha tàu máy vẫn quần thảo trên mặt hồ đen. Bờ hồ bên kia, người ta bắt đầu bắn pháo bông.

Đầu gối lẩy bẩy, Otoko đứng không vững. Rồi toàn thân run rẩy, nàng thấy những ngọn đèn treo trên du thuyền ngoài cầu tàu cũng chao đảo theo nàng. Nàng gắng hết sức quay vào trong. Phòng ngủ cửa mở. Thấy giường Keiko, nàng vội trở vào, như quên là vừa từ đó bước ra. Keiko vẫn thiêm thiếp, Otoko lại càng bồn chồn.

Nàng hỏi người hầu:

“Em nghĩ cứ để cho ngủ thế này ư?”

Người hầu gật đầu.

“Không biết bao giờ thì tỉnh lại được em nhỉ?”

“Em cũng không biết.”

Otoko đặt tay lên trán Keiko. Da cô gái rịn mồ hôi. Trừ hai gò má, mặt cô gái nhợt nhạt không còn hạt máu.

Mớ tóc rối trải ra trên gối, đen tuyền như còn đắm nước. Môi hé mở để lộ hàm răng xinh đẹp. Hai cánh tay dưới chân duỗi hai bên hông. Cô gái

nằm đấy, đầu ngay ngắn trên gối, nét thơ ngây làm Otoko mỉm lòng. Khuôn mặt Keiko xa vắng như đã vĩnh biệt cô giáo, vĩnh biệt cuộc sống.

Otoko đang lay vai đánh thức Keiko dậy thì có tiếng gõ bên phòng ngoài. Người hầu ra mở cửa. Oki cùng vợ bước vào. Thấy Otoko, ông dừng lại.

Fumiko nói:

“Cô là cô Ueno?”

Đây là lần đầu hai người đàn bà gặp nhau.

Giọng Fumiko lạnh ngắt:

“Vì cô mà con tôi chết.”

Otoko môi mấp máy không ra lời. Cô đứng bên giường, vịn lên nệm cho khỏi ngã. Fumiko tiến lại, Otoko thu người tránh sang bên. Fumiko hai tay nắm ngực áo Keiko lay mạnh:

“Thức dậy! Có thức dậy đi không!”

Fumiko lắc mỗi lúc một mạnh, và đầu cô gái bật lên bật xuống.

“Sao nó không chịu thức dậy thế này?”

Otoko nói với Fumiko:

“Cũng vô ích thôi... Thuốc ngủ vừa chích chưa tan...”

Fumiko vẫn cố gắng đánh thức cô gái:

“Tôi phải hỏi nó cho ra. Chuyện tính mạng con tôi...”

Oki can:

“Em đừng nóng. Ngoài kia bao nhiêu người đang lo đi tìm con mình.”

Ôm vai Fumiko, Oki dìu vợ ra khỏi phòng.

Thở hắt ra, Otoko ngồi sụp xuống giường. Nàng nhìn Keiko, thấy lệ ứa ra khóe mắt cô gái. Otoko khẽ gọi.

“Keiko em.”

Keiko mở mắt. Cô gái ngược lên nhìn Otoko, đôi mắt đăm lẹ.

CỔ ĐÔ

Tiểu thuyết

Người dịch Thái Văn Hiếu

MỤC LỤC

I. HOA MÙA XUÂN

II. NI VIỆN VÀ HÀNG RÀO GỖ

III. THÀNH PHỐ KIMONO

IV. LOÀI THÔNG LIỄU TRÊN BẮC SƠN

V. LỄ GHION

VI. NHỮNG CẢNH THÔNG XANH

VII. THU MUỘN. HAI CHỊ EM

VIII. HOA MÙA ĐÔNG

I. HOA MÙA XUÂN

Chieko để ý thấy những đóa hoa tím đã nở trên cây phong.

- Ôi cả năm nay nữa chúng cũng nở kìa? - Hơi thở mùa xuân mơn trớn thoảng vào Chieko.

Trong khu vườn nhỏ bé cây phong hóa ra đồ sộ, thân nó to ngang hơn chính Chieko nhiều lắm. Nhưng lẽ nào có thể đem cái thân cây đầy rêu, phủ lớp vỏ chai sần, nứt nẻ, sánh với thân hình con gái của Chieko...

Vừa đúng ngang tầm eo lưng, cây phong hơi vẹo về bên phải, rồi đến đoạn cao hơn đầu nàng lại thoát vươn sang phải thành một vòng cung mà chính từ khúc cong này cành tỏa ra mọi phía, che phủ cả khu vườn. Những cành dài trĩu xuống vì sức nặng bản thân chúng, chạm đầu cành tới đất.

Dưới chỗ thân cây đột ngột uốn cong một chút là hai hốc lõm con con, nơi những cây hoa tím mọc. Cứ xuân sang chúng lại trổ hoa. Trong chùng mực mà Chieko còn nhớ được thì trên thân cây vốn bao giờ cũng có hai khóm hoa.

Khóm trên cách khóm dưới một khoảng tròn một xiaku ([1]). Khi đã là cô gái trưởng thành, Chieko thường hay tư lự: liệu có khi nào hai cây hoa tím trên dưới gặp được nhau không? Liệu chúng có biết đến sự tồn tại của nhau không? Nhưng với chúng thì các chữ “gặp”, “biết” mang được ý nghĩa gì kia chứ?...

Hoa nở không nhiều - thấy chỉ ba đến năm vành hoa nhỏ là cùng. Nhưng dù sao cứ xuân sang, trong hai hốc nhỏ bé trên thân cây phong, chồi mới lại nhú lên, hoa lại nở.

Chieko thường ngắm hoa từ chỗ lối đi, hoặc khi đứng trước gốc cây. Nàng nhìn chúng, mắt ngược từ khóm dưới lên khóm trên mà lòng bồi hồi,

lúc lấy làm ngạc nhiên cho “kiếp sống” khác thường ấy của loài hoa tím, lúc cảm thấy một cảm giác cô đơn đôi khi đến lạ.

- Chính đây là nơi chúng đã lớn lên...Rồi sống...- nàng thầm thì.

Khách khứa đến cửa hàng vẫn tỏ vẻ thán phục cây phong nhưng hầu như chả có ai để ý thấy những cây hoa tím đang khiêm nhường trổ hoa. Cái cây cổ thụ làm người ta kinh ngạc bằng sức mạnh của mình, mà khúc thân mọc điểm rêu xanh gợi ra sự nể trọng và tạo thêm cho cây phong một nét mỹ cảm riêng. Hai khóm hoa tím nhỏ nhoi, nương náu trên đó, dường như lu mờ hẳn trong khúc ngợi ca sự hùng vĩ và vẻ đẹp kia.

Song lũ bướm thì có biết chúng. Vào đúng cái giây phút Chieko để ý thấy những đóa hoa tím đã nở, cả một đàn bướm trắng nhỏ xíu này giờ lượn vòng sát đất sán lại gần các đóa hoa. Trên cây phong những chồi non hồng hồng đã bắt đầu nứt ra, và trên cái nền ấy sắc trắng toát của lũ bướm nổi lên rực rỡ. Lá và hoa của loài hoa tím hắt chút bóng mờ lên lớp rêu xanh trên thân cây.

Đây là một ngày xuân dịu dịu. Bầu trời phủ đầy mây, như vẫn thường thấy vào tiết khai hoa.

Chieko còn ngắm hoài những đóa hoa tím, kể cả sau lúc lũ bướm đã bỏ chúng bay đi.

- Cảm ơn, vì cả năm nay nữa các bạn cũng nở tuyệt vời đến thế, - đôi môi nàng thì thầm không thành tiếng.

Bên dưới mấy khóm hoa, ngay cạnh đám rể phong là cây đèn lồng cổ. Một pho tượng nhỏ chạm vào phần dưới trụ đá của nó. Cha đã giải thích cho Chieko rằng đây là Đấng Cơ đốc.

- Lễ nào không phải là Đức bà Maria đồng trinh ạ? - Bây giờ, Chieko hỏi. - Con đã thấy rồi: to lắm, giống như tượng đài Tendgin ([2]) ở Kitano ấy.

- Nếu vậy thì hài đồng đâu? - Cha bác lại.

- À mà đúng thế thật, - Chieko gật đầu rồi hỏi: - Trong các cụ tổ tiên nhà mình có người theo đạo Cơ đốc sao?

- Không. Cây đèn này là do, hoặc người làm vườn, hoặc người buôn bán đồ đá chạm mang đến. Nó chả phải là thứ quý hiếm lắm đâu.

Cây đèn chắc hẳn được chế tác lâu lắm rồi, ngay từ hồi bắt đầu những vụ đàn áp người theo đạo Cơ đốc ([3]). Mưa gió hàng trăm năm đã làm hao mòn thứ đá không lấy gì làm rắn chắc lắm, nên bây giờ khó có thể phân biệt nổi hình dáng đầu, thân, với hai chân. Cung cách chạm cũng chả được tinh xảo lắm. Hai ống tay áo chùng quá dài, gần xấp xỉ tới vạt dưới. Đã có lúc nào đấy trên thân tượng là hai cánh tay bắt chéo dáng cầu nguyện, nhưng giờ thì người ta chỉ còn biết phỏng đoán như thế dựa vào chỗ phần nào lồi lên ở nơi trước kia là hai cánh tay ấy. Dù sao, pho tượng cũng gợi lên một ấn tượng khác so với hình ảnh Phật hoặc Dgidgio ([4]).

Liệu xưa kia, những người theo đạo Cơ đốc có tôn kính cây đèn này không, hay nó chỉ đơn giản là một thứ đồ trang trí ngoại bang, ai mà biết được. Chứ giờ đây, nó ở cạnh rễ cây phong già, dưới những cây hoa tím trong khu vườn cửa hiệu thuộc sở hữu cha mẹ Chieko, cũng chỉ nhờ vẻ cổ kính của nó mà thôi. Nếu có ai đó trong đám khách khứa để mắt đến cây đèn, cha Chieko vẫn tắt giải thích thêm: “Tượng Chúa Cơ đốc”. Song hiếm khách chú ý đến chiếc đèn đá xuềnh xoàng cạnh cây phong già. Mà nếu có để ý thấy thì ngay đấy lại quay đi, có một hai cây đèn đá trong vườn âu cũng là chuyện bình thường.

Chieko rời mắt khỏi mấy cây hoa và bắt đầu quan sát kỹ hình ảnh Đấng Cơ đốc. Nàng không theo dự trường truyền giáo, song, để làm quen với tiếng Anh, nàng vẫn đến nhà thờ Cơ đốc và thậm chí còn đọc cả các sách Tân ước, Cựu ước. Theo nàng, đem cắm nến hay đặt hoa trước cây đèn cũ kỹ có hình tượng Đấng Cơ đốc thì cũng không ra làm sao: trên đó không khắc cây thánh giá.

Đôi lúc nàng có cảm giác như những đóa hoa phía trên pho tượng chính là trái tim của Đức bà Mang đồng trinh.

Nàng lại đưa mắt từ cây đèn sang những đóa hoa lần nữa. Rồi bất giác nhớ đến lũ dế mà nàng giam trong chiếc hũ Tamba ([5]) cổ. Nàng đã bắt đầu nuôi dế ngay sau khi lần đầu thấy những cây hoa tím trên cây phong già. Dăm năm về trước, nàng đến thăm nhà cô bạn học và đã nghe thấy ở đây lũ dế rúc. Người bạn gái tặng nàng mấy con dế - mọi sự cũng bắt đầu từ đó.

- Tiếc là phải giam chúng trong cái hũ tối tăm, - lúc ấy Chieko buồn rầu.

- Nhưng thế còn tốt hơn việc bắt chúng chẳng bao lâu phải chết trong lồng, - cô bạn bác lại.

Chieko biết có những ngôi chùa người ta chuyên nuôi dế rồi bán ấu trùng của chúng. Thì ra, ở Nhật không ít người thích chơi dế.

Khi lũ dế của nàng sinh sôi nảy nở, phải cần đến cái hũ thứ hai. Những con dế vừa ra đời khoảng mồng một tháng bảy, thì từ giữa tháng tám đã bắt đầu rúc.

Chúng sinh ra, véo von rúc, sinh sôi nảy nở rồi chết trong cùng một cái hũ chật chội, tối tăm. Điều đó cho phép bảo tồn nòi giống. Chứ ở trong lồng thì kiếp sống ngắn ngủi chỉ một thế hệ đã dành sẵn cho chúng. Mà suốt đời ở trong hũ thì với chúng đấy là biểu hiện của cả thế giới, cả vũ trụ...

Thời xa xưa bên Trung Quốc, câu chuyện “Cả thế gian trong hũ” rất nổi tiếng. Chieko biết nội dung truyện ấy: những tòa lâu đài vàng và những ngọn tháp ngọc bích mọc lên trong lòng một cái hũ diệu kỳ, nó đầy những rượu quý, những cao lương mỹ vị. Cái hũ là hiện thân của một cõi thế hoàn toàn khác đầy quyến rũ, siêu thoát khỏi kiếp sống phù du... Một trong vô vàn câu chuyện về những vị tiên ẩn dật...

Lẽ tự nhiên, lũ dế sa vào hũ không vì ác cảm với thế giới này và có lẽ thậm chí cũng không đặt thành điều xem chúng đang ở đâu. Chúng chỉ đơn giản sinh tồn, mà không màng tới cuộc đời nào khác.

Nhưng đây mới là điều khiến Chieko ngạc nhiên nhất: hóa ra là nếu cứ giam trong hũ cùng một số những con đẽ ấ và không thỉnh thoảng thả vào đấy những cá thể đực khác thì các thể hệ mới sẽ đâm thoái hóa dần do hôn phối cùng huyết thống lặp đi lặp lại. Để tránh chuyện này, những người chơi đẽ trao đổi với nhau các con đực.

Bây giờ đang xuân, chưa phải là mùa thu lúc lũ đẽ bắt đầu rúc, song những cây hoa tím không vô cớ nhắc nàng nhớ đến lũ đẽ.

Chính Chieko đã bỏ lũ đẽ vào cái hũ tối tăm, chật chội kia, còn những cây hoa tím, sao chúng có thể lâm vào chốn quá ư bất tiện cho chúng vậy? Tuy nhiên, hôm nay mấy cây hoa tím lại nở, rồi lũ đẽ mới sẽ sinh trưởng và sẽ rúc.

“Vòng quay sự sống trong thiên nhiên ư?... - Chieko vén lại sau tai mớ tóc vừa xổ ra, vờn trong làn gió xuân nhẹ nhẹ. - Còn ta?...” - Nàng nghĩ, tự ví mình với những cây hoa tím và lũ đẽ.

Ngoài Chieko ra, chả một ai lưu tâm đến mấy khóm hoa tím mọc mọc vào cái ngày tràn đầy sự bừng tỉnh của mùa xuân, của thiên nhiên ấ.

Tiếng nói cười vui nhộn từ cửa hiệu vắng tới. Những người làm công rục rịch đi ăn trưa. Chieko nhớ ra buổi hẹn đã định và đi thay quần áo.

Hôm trước Xinichi Midzuki đã gọi điện tới mời Chieko đi xem anh đào nở ở chùa Heian Dgingu. Bạn anh - một sinh viên - cách đây nửa tháng vào làm gác cổng vườn chùa lấy hương, báo cho biết hiện giờ anh đào đang giữa kỳ nở rộ. - Một khi tay canh gác mới vào ngạch ấ nói thì có nghĩa là, tin hết sức chính xác đấy. - Xinichi bật cười khe khẽ. Tiếng anh cười khe khẽ nghe có vẻ khoái chá.

- Anh ấ sẽ trông coi luôn cả chúng ta chứ? - Chieko hỏi.

- Có thể anh ta mới là người gác cổng! Để ý tất những ai vào vườn chùa, - Xinichi đáp, - mà nếu chị lấy làm khó chịu, Chieko ạ, ta có thể đến từng

người một rồi sẽ gặp nhau trong vườn chỗ rặng anh đào. Chừng nào chị chưa đến thì ngắm hoa một mình vậy. Anh đào nở làm sao chán được.

- Nếu vậy, dễ thường anh cứ đi luôn một mình có hơn không?

- Đồng ý thôi. Nhưng e là tối nay trời đổ mưa, hoa sẽ rụng mất.

- Cảnh hoa rụng cũng rất tuyệt.

- Những cánh hoa vấy bùn, rơi tả vì mưa - đấy mà là cánh hoa rụng ư??

Chị biết rồi kia mà: Hoa rụng... ([6]).

- Người gì đến khó chịu!

- Ai trong chúng ta kia chứ?

Mặc xong chiếc áo không giản dị, Chieko rời nhà.

Chùa Heian Dingu, nổi danh với ngày lễ Kỷ Nguyên của mình, được coi là không cổ lắm. Người ta dựng lên ngôi chùa này vào năm 1895 để tưởng niệm thiên hoàng Kammu ([7]), người hơn ngàn năm trước đã hạ chiếu thiên đô về chỗ bây giờ là Kyoto. Cổng tam quan và chùa ngoài giống y như cổng Otemmon và cung Daigokuden ở Heian. Cũng hết như về sau người ta trồng cam, chanh và anh đào vậy. Từ năm 1932 trở đi, ở chùa người ta bắt đầu tưởng nhớ cả Komay ([8]), vị thiên hoàng mà sau ông người ta lại dời đô từ Kyoto về Edo tức Tokyo ngày nay. Vườn chùa ở Heian Dingu thành ra một trong các địa điểm ưa dùng nhất để tổ chức hôn lễ.

Cánh rừng nhỏ những cây anh đào rủ, đã tô điểm cho khu vườn một vẻ riêng biệt. Không phải vô cớ mà giờ đây người ta nói: “Cố đô có nhiều loài hoa, duy chỉ có anh đào đủ thủ thi cùng ta: đấy mới đích xuân sang!”

Chieko bước vào vườn chùa, nàng lặng người đi, không sao rời mắt khỏi rặng anh đào rủ. Những đóa hoa sắc hồng đẹp lạ lùng khiến tâm hồn nàng tràn đầy niềm rạo rực thiêng liêng. “Ôi, vậy là cả năm nay nữa ta đã gặp gỡ mùa xuân” - đôi môi nàng thầm thì không thành tiếng.

Chieko không hình dung thật rõ nơi Xinichi đang đợi nàng, nàng không biết đại để anh ta có đến không. Định bụng tìm anh ta đã, rồi sau hăng ngấm hoa, nàng cất bước xuôi xuống phía dưới theo lối mòn bao phủ giữa đám mây hồng của loài cây đang khoe sắc.

Kia, nàng đã thấy Xinichi ngoài bãi cỏ. Anh ta nằm trên cỏ, hai tay gối đầu.

*

Chieko không dự tính gặp Xinichi ở cái tư thế như thế. Nàng thấy bức mình. Người gì, đã có hẹn một cô gái trẻ lại nằm xoài ra trên cỏ? Không hẳn cái thói vô giáo dục của anh ta, cũng không phải thái độ khinh thị trong tư thế anh ta khiến nàng tức giận, mà đúng hơn nàng chỉ đơn thuần thấy gớm ghiếc vì anh ta nằm như thế trước mặt nàng. Trong đời nàng, nàng chưa quen với sự như thế. Rồi nàng nghĩ: không khéo anh ta vẫn nằm xoài trên bãi cỏ trường đại học đúng lối ấy mà tranh luận khoa học với bạn bè chẳng. Thì đây, lúc này anh ta đang nằm, ý chừng theo tư thế mình quen thuộc. Chỗ chọn nằm thì do tiện cảm với mấy bà cụ ngồi lê đôi mách bên cạnh - thoát tiên ngồi ghé xuống một bên, sau rồi nằm xuống cỏ và thiu thiu ngủ.

Hình dung xong toàn bộ cảnh đó, Chieko đã suýt bật cười, song nàng kìm được và đỏ mặt. Nàng đứng một lát trước Xinichi không dám đánh thức anh ta, rồi định đi. Cho đến giờ nàng chưa từng nhìn mặt người đàn ông đang ngủ nào gần đến thế...

Trên người Xinichi là chiếc áo vét sinh viên cài hết cúc, mớ tóc chải gọn gàng. Anh ta nằm, hai hàng lông mi dài nhắm nghiền, nét mặt anh ta có một cái gì đó thật trẻ con.

- Chieko! Xinichi kêu lên và nhóm ngay dậy.

Vẻ mặt cô gái thoát thành ra giận dữ:

- Anh không thấy xấu hổ sao. Ai lại ngủ ở một chỗ như thế này?

Mọi người đi qua đều ngoái lại nhìn.

- Tôi có thể ngủ ư, sao biết chị đã ở đây, ngay từ giây phút chị lại gần.
- Người gì đến khó chịu.
- Chị tính sẽ xử sự làm sao, giả sử khi này tôi không gọi giật lại?
- Thế anh giả vờ ngủ khi biết tôi đã ở đây hả?
- Bây giờ tôi nghĩ: trước mặt mình là một nàng tiểu thư đầy hạnh phúc, rồi không rõ vì sao tôi thấy buồn, cuối cùng thì đầu hơi đau đau...
- Tôi ư? Tôi mà hạnh phúc?!...
- ...
- Vậy ra, anh ấm đầu à?
- Không sao, qua khỏi rồi.
- Mà hình như, sắc mặt anh không được nhuận thì phải.
- Không, không, mặt mũi đều ổn cả thôi.
- Cứ sáng loáng như lưỡi kiếm ấy.

Người quen kẻ thuộc vốn trước đây cũng đôi khi đem ví nét mặt anh với thanh kiếm, nhưng từ miệng Chieko thì anh nghe điều ấy đây là lần đầu.

- Thanh kiếm này sẽ chẳng đánh gục ai đâu. Chỉ vì quanh đây toàn hoa mà, - anh bật cười.

*

Chieko bước lại phía lối đi. Xinichi theo sau nàng.

- Tôi có ý định dạo khắp những cây anh đào đã ra hoa, - nàng nói.

Nếu đứng ở chỗ rẽ vào lối đi phía ấy, những cây anh đào nở lập tức gợi ra cảm giác mùa xuân. Kìa mùa xuân thật rồi! Các cành cây buông rủ đúng là bị những đóa hoa kép màu hồng kéo trĩu đến tận đầu mút nên dường như

không phải chúng nở trên cành nữa mà là các cành cây sinh ra chỉ để nâng đỡ những đóa hoa.

- Anh đào ở đây tốt lạ thường. - Chieko nói rồi dẫn Xinichi tới chỗ đường đi đột ngột quặt ra phía ngoài. Đằng kia, sừng sững một cây anh đào đồ sộ, cành tỏa rộng. Xinichi đứng cạnh Chieko, say mê ngắm cái cây.

- Chị xem kìa, đó chính là nữ tính đấy! Cả những cành cây mềm mại buông rủ, cả bản thân những đóa hoa nữa - dịu dàng quá, thướt tha quá, - Xinichi thốt lên.

Trên cây đào hùng vĩ là những đóa hoa kếp màu hồng hơi pha sắc tím.

- Không, thật quả tôi không hình dung thấy nó mang nữ tính đâu, trong cách nó đâm hoa biết bao là sự lộng lẫy và duyên dáng đến khó tả, - làm sao với tôi được!

Sau đấy họ cất bước về phía hồ. Đằng ấy, nơi con đường thu hẹp lại, người ta đã bố trí sẵn các ghế băng và trải một tấm thảm đồ chơi trên bãi cỏ. Các khách văn cảnh thì ngồi ghế nhấm nháp nước trà.

- Chieko, Chieko! - Từ ngôi Thanh tâm đình nằm dưới tán lá rợp - nơi cử hành nghi lễ trà đạo - cô bạn gái Masako của nàng chạy ra. Cô ta mặc chiếc kimono diện lễ tay thụng.

- Chieko, giúp cho một tay nào! Mình mệt quá! Suốt tháng phải phụ giúp Xenxay ([9]) rồi.

- Phận sự gì vậy? Chắc không ngoài rửa chén.

- Rửa chén thôi cũng được, hay là, cậu pha trà nhé?

- Mình không đi một mình.

Mãi lúc bấy giờ Masako mới để ý đến Xinichi đứng gần đó và thì thầm hỏi:

- Chồng chưa cưới cậu hả?

Chieko khẽ lắc đầu.

- Người tử tế chứ?

Chieko gật.

Xinichi quay lưng về phía họ và chậm rãi đi lên trước.

- Hay cậu uống trà nhé? Lúc này trong đình vắng khách đấy, - Masako mời.

Chieko chối từ rồi bám theo Xinichi.

- Cô bạn cùng học nghi lễ trà đạo với tôi. Một cô gái đẹp, đúng không nào?

- Không có gì đặc sắc.

- Khẽ chứ! Cô ấy nghe thấy đấy. - Chieko quay về phía Masako còn đứng bên trà đình và nháy mắt làm hiệu với cô ta.

*

Họ xuôi lối mòn lại gần hồ. Ngay sát bờ, đám lá nhon đuôi điều tươi lên mơn mớn, còn loài hoa súng thì khẽ đung đưa êm ả, trải rộng trên mặt nước những chiếc lá tròn trĩnh. Gần hồ anh đào không mọc.

Vòng qua hồ, Xinichi và Chieko ra tới con đường hẹp. Nơi đây, dưới tán lá xanh ngự trị cảnh tranh tối tranh sáng. Mùi lá non và đất ẩm phảng phất. Phút chốc con đường đã dẫn họ tới một khu vườn rộng có hồ ở giữa. Hồ lớn hơn cái hồ mà họ vừa đi qua. Cảnh vật vụt trở lên sáng sủa nhờ những cây anh đào đầy hoa in bóng trên mặt nước hồ.

Những khách du lịch nước ngoài chốc chốc lại bấm máy ảnh lách tách. Còn kia, bên phía bờ đối diện, giữa đám cây cối mọc lên một cây lê mọc khoác bộ y phục giản dị kết bằng những bông hoa trắng. Chieko nhớ đến Nara ([10]). Xung quanh bao nhiêu là thông - không to lắm nhưng đáng đẹp. Giá một khi không có anh đào ra hoa, chỉ tấm áo màu xanh của thông thôi cũng đã thỏa mắt. Cho dù bây giờ đây, màu xanh trinh nguyên của

thông và làn nước hồ trong vắt có lẽ chỉ là nền tôn thêm những đóa anh đào phớt hồng.

Xinichi bắt đầu men theo các phiến đá trôi lên khỏi mặt nước, qua hồ trước. Chỗ được mệnh danh là “Bến vượt đầm”. Các phiến đá phẳng, tròn tròn - y hệt người ta xẻ từ cột Tori ([\[11\]](#)) ra vậy. Chieko đành vắt lại vạt gấu kimono cho gọn.

- Sẵn sàng bế tiểu thư Chieko sang đây ạ, - Xinichi ngoái lại phía cô gái, nói to.

- Rất cảm kích trước thái độ hết sức tao nhã của anh, - Chieko châm chọc.

Có các phiến đá tiện lợi nhường ấy thì đến một bà lão cũng cứ việc yên trí mà đi.

Những chiếc lá hoa súng bập bênh bên các phiến đá, còn ở ven hồ bên kia là rặng thông hắt bóng xuống mặt nước.

- Những hòn đá này đã được sắp xếp dưới nước sao cho chúng tạo thành một bức vẽ trừu tượng, - Xinichi nhận xét.

- Thì người ta vẫn bảo mọi vườn Nhật đều là trừu tượng mà. Anh nhớ cây xughigoke ([\[12\]](#)) trong vườn chùa Daigodgi chứ. Không có ai là không phán ngay: “bức vẽ trừu tượng”... Rõ chán.

- Có lẽ ở đây thì nó gây cảm tưởng trừu tượng. À nhân tiện, ở chùa Daigodgi, người ta sắp sửa hoàn tất việc trùng tu ngôi chùa tháp năm tầng. Nhân dịp sắp đến hội lễ. Chị không định viếng qua một chút à?

- Bây giờ thì khéo ngôi chùa lại thành tươi rói như Đền Vàng ([\[13\]](#)) mới chứ gì?

- Không, nó có bị cháy như Đền Vàng đâu, người ta chỉ dỡ ra rồi dựng lại như mới. Lễ vào chính giữa mùa hoa anh đào thành thử người thì chắc chả vắng...

- Nhưng dù sao thế gian cũng chẳng còn gì đẹp hơn anh đào nở hoa...

Họ đã men theo các phiến đá sang tới bờ bên kia với cánh rừng thông ngoạn mục và tiến về phía “lâu kiều”. Người ta gọi thế vì chiếc cầu này có hình dáng hao hao một cung điện, chứ nó cũng có tên riêng: Taihaykaku - An tĩnh cung. Dọc lan can là dãy ghế có lưng tựa thấp làm chỗ cho mọi người nghỉ chân. Từ chỗ này mở ra quang cảnh tuyệt vời của khu vườn rộng mênh mang bên kia hồ.

Mấy người khách vãn cảnh ngồi ghé xuống ghế ăn uống qua quýt. Trẻ con chạy qua chạy lại giữa cầu.

- Anh lại đây, Xinichi, - Chieko gọi. Nàng ngồi xuống ghế trước và để lòng bàn tay xuống chỗ bỏ trống bên cạnh.

- Tôi đứng một chút, chứ ngồi thì tôi thích ngồi cạnh chân chị hơn... - Xinichi bông đùa đáp lại.

- Xin anh xem như tôi không nghe thấy gì hết. - Chieko buộc anh ta ngồi xuống cạnh nàng rồi nói. - Tôi đi kiểm thức ăn cho lũ cá chép đây.

Chẳng mấy chốc nàng quay lại và bắt đầu ném thức ăn xuống hồ. Tức khắc cả một đàn cá chép bơi lại, thậm chí có vài con còn nhảy lên, cổ đập mồi ngay trên không. Chúng lượn tròn dưới nước.

Hình bóng những cây anh đào và thông xao động.

- Anh không muốn cho chúng ăn sao? - Chieko xướng lên.

Chàng trai không đáp.

- Anh giận tôi ư?

- Không hề.

Họ im lặng ngồi hồi lâu. Xinichi nhìn xuống nước, vẻ mặt đã tươi tỉnh dần.

- Anh nghĩ ngợi chuyện gì đó phải không? - Chieko phá tan sự im lặng.

- Đơn giản vậy thôi... Quả là có những giây phút chẳng phải nghĩ gì hết. Với lại, lúc ngồi cạnh một nàng tiểu thư hạnh phúc thì chính bản thân mình cũng được nàng bao phủ trong hơi ấm của tuổi thanh xuân hạnh phúc.

- Tôi hạnh phúc là sao? - Chieko ngạc nhiên. Một thoáng buồn lướt qua trong mắt nàng. Mà cũng có thể, đấy chỉ là một lay động nhẹ của làn nước nàng đang nhìn. - Bên kia cầu có một cây đào mà tôi đặc biệt thích, - Chieko vừa nói vừa rời thế đứng dậy.

- Có lẽ nó kia thôi. Ở đây cũng có thể thấy mà.

Thật vậy, cây anh đào đẹp lạ thường. Nó đứng đó, buông cành, chẳng khác nào một cây liễu rủ. Chieko bước vào dưới tán che của nó, và một cơn gió nhẹ làm rớt xuống vai nàng, xuống bên chân nàng mấy cánh hoa. Những bông hoa rụng phủ đầy mặt đất phía dưới cây anh đào, bảy tám bông gì đó dập dờn trên mặt nước. Có sào trúc chống đỡ cành, vậy mà những đầu cành thanh mảnh, kết đầy hoa, vẫn rủ sát đất.

Qua kẽ hở cành lá đan quện nhau hiện ra ngọn núi mang trên mình trang phục màu xanh của mùa xuân.

- Chắc là, phần kéo dài của rặng Đông Sơn, - Xinichi nói.

- Đỉnh Daimondgi đấy, - Chieko đáp.

- Không lẽ Daimondgi cao thế?

- Có cảm giác vậy bởi vì anh ngắm nó qua những cành cây ngập hoa.

Họ đứng dưới cây anh đào và không muốn rời đi nữa.

Xa xa một chút mặt đất rải cát trắng thô hạt, còn dịch ít nữa về phía bên phải là những hàng thông cao tuyệt đẹp.

Lúc họ qua cổng Otemmon, Chieko đề nghị:

- Sao ta lại không sang chùa Kiyomidzu nhỉ?

- Kiyomidzu ư? - Xinichi ngạc nhiên. Nét mặt anh như muốn nói: nhưng ở đấy thì có gì thú vị cơ chứ?

- Tôi muốn được từ đây ngắm Kyoto về chiều, xem cảnh mặt trời lặn trên Tây Sơn.

- Thôi được, ta đi nào.

- Đi bộ, bằng lòng chứ?

Đường không phải là gần. Tránh các dãy phố ồn ào có xe điện chạy, họ đi một vòng khá xa theo con đường dẫn đến chùa Nandgendgi, vòng đàng sau chùa Chionin rồi qua đầu bên kia công viên Maruyama, men theo một lối mòn hẹp tiến lại gần chùa Kiyomidzu. Mọi vật xung quanh đã mờ mờ chìm trong màn sương chiều.

Trong sân - vừa là bậc thềm rộng, để tổ chức các buổi công diễn của nhà chùa, - không có ai ngoài một đám các nữ sinh viên. Khuôn mặt của họ trắng lên mờ ảo trong thời khắc hoàng hôn đến gần.

Chieko thích tới đây vào giờ này. Sau lưng họ, trong ngôi chùa chính, những ngọn đèn lồng đã phát sáng. Chieko không dừng lại mà cắt ngang bậc thềm rộng và qua cửa chùa Amida, lại gần phật điện.

Ở đây trên chỗ cao nhất cũng lại có một khoảnh sân riêng mà ngay sau đó là vách dốc đứng. Bản thân khoảnh sân cũng như mái che bên trên lớp vỏ cây bách dường như bay trên vịnh dốc. Sân không lớn, song từ đây mở ra một cảnh trí Kyoto và Tây Sơn đầy ấn tượng.

Dưới kia, thành phố đã lên đèn, nhưng trời còn khá sáng.

Chieko đến gần lan can và hướng mắt về đàng tây. Tưởng chừng, nàng đã quên bằng Xinichi. Chàng trai lại gần, đứng cạnh nàng.

- Xinichi này, vậy mà tôi là đứa con bị bỏ rơi đấy, - bỗng dưng Chieko thú nhận.

- Con bỏ rơi!

- Phải, người ta đã lén vứt bỏ tôi.

Xinichi sững sốt đến nỗi thoát tiên nghĩ, có lẽ chữ “con bỏ rơi” Chieko dùng không phải theo nghĩa đen, mà chẳng qua nàng định gắng lý giải tâm trạng mình thôi.

*

- Con bị bỏ rơi... Xinichi lẩm bẩm trong miệng. - Không lẽ đến chị còn tự coi mình là con bỏ rơi? Nếu vậy thì tôi còn là con bỏ rơi gấp mấy...trong thâm tâm ấy. Mà có lẽ, tất cả mọi người đều là những đứa con bị bỏ rơi cả: khi người ta sinh ra là lúc thánh thần lạng lẽ vớt họ vào thế giới này.

Xinichi ngắm nét mặt Chieko nhìn nghiêng: phải chăng, chính là ánh lung linh chiều tà và cái đêm mùa xuân đang đến gần đã gợi lên nơi cô gái một nỗi buồn chong qua? - Cũng có thể, công bằng hơn phải coi con người không phải là những đứa con bị bỏ rơi, mà là con cái của thánh thần: các thánh thần vớt họ xuống trái đất chúng ta để rồi lại cứu vớt... - Xinichi kết luận ý kiến mình.

Chieko đắm đắm nhìn những ánh đèn chiều sáng rực của Kyoto, dường như nàng tuyệt nhiên không nghe Xinichi nói. Thậm chí nàng cũng chẳng quay về phía anh ta.

Xinichi cảm thấy Chieko có buồn rầu thật. Anh đã muốn trấn tĩnh lại để chạm vào vai nàng, song nàng dịch ra tránh.

- Đừng khuấy động một kẻ bị bỏ rơi làm gì, - nàng lẩm bẩm.

- Tôi đã chả nói rằng những kẻ bị bỏ rơi là con của thánh thần sao? - Xinichi cao giọng bác lại.

- Nói thế cao siêu quá tôi hiểu thế nào được. Tôi đâu phải con rơi của thánh thần, những người bình thường - cha sinh mẹ đẻ - vớt bỏ tôi đấy chứ.

...

- Thật đấy! Người ta bỏ tôi ở lối vào cửa hiệu của chúng tôi.

- Không thể như thế được!

- Thực thà mà nói, tôi không định thú nhận với anh đâu - ngẫu nhiên tôi buột miệng thôi, nhưng đây là sự thật!

...

- Ngắm Kyoto về chiều từ chỗ này, thế là bất giác, tôi chợt bán tín bán nghi: có thực tôi sinh ra trong thành phố này không?

- Chị lạ lùng làm sao. Thế chị có biết mình đang nói gì không?

- Có gì tôi phải nói dối?

- Chả lẽ chị không phải là con gái độc nhất và hơn nữa, còn được yêu quý hết mực, của một nhà doanh nghiệp sao? Của đáng tội, người con gái một lại cứ bị những ý tưởng kỳ quặc ám ảnh...

- Quả là cha mẹ vẫn yêu quý tôi... cho dù tôi là đứa con bị bỏ rơi.

- Ai xác nhận được chuyện đó?

- Xác nhận ư? Chứng nhận là bờ rào ở lối vào nhà tôi. Các hàng rào nó biết, - giọng Chieko nghe xúc động. - Có một lần - dạo ấy tôi đã học trung học - mẹ tôi đã gọi lên và thú thực rằng bà không phải mẹ đẻ tôi, rằng bà đã đánh cắp tôi từ lúc tôi còn ẵm ngửa. Có điều, cha mẹ hình như không ước định với nhau trước nên ngay từ đầu đã kể ra những chỗ khác nhau ông bà nhặt được tôi. Cha thì nói là dưới rặng anh đào ở Ghion, còn mẹ thì nói bên bờ sông Kamogaoa. Vì lòng trắc ẩn ông bà không muốn thừa nhận là đã nhặt tôi ở ngay cạnh cửa hiệu nhà mình...

- Thôi thì... Thế có biết tí gì về cha mẹ đẻ không?

- Cha mẹ đối với tôi nhân từ quá nên tôi cũng không nảy ra ý định tìm kiếm cha mẹ đẻ nữa. Có lẽ, ông bà cũng đã từ lâu an nghỉ trong một đám mồ nào đó không ai biết ở nghĩa trang Adaxino rồi. Nơi chỉ có những tấm bia mộ cũ nát.

Ngọn Tây Sơn nhuộm ánh hoàng hôn dịu dịu, và cả nửa bầu trời bên trên Kyoto kia dường như phủ trong màn sương màu hồng tía.

*

Xinichi không sao tin được rằng, người ta đã lén vứt bỏ hay thậm chí còn đánh cắp Chieko. Nhà Chieko nằm ngay giữa khu phố các thương gia bán buôn. Cho là có thể gặng hỏi những người láng giềng và sẽ làm sáng tỏ mọi chuyện đi, song lúc này Xinichi quan tâm đến vấn đề khác kia: vì sao Chieko bỗng dưng thất lạc với anh nàng là đứa con bị bỏ rơi?

Giọng Chieko chân thực, trong đấy cho thấy cả vẻ đẹp làm xúc động lòng người lẫn một sức mạnh tinh thần lớn lao. Xinichi hiểu, khi thất lạc với anh, cô gái không tìm kiếm sự thông cảm.

Không nghi ngờ gì nữa, Chieko đoán chừng chàng trai phải lòng nàng. Phải chăng nàng quyết định nói cho anh biết về thân phận mình đơn thuần vì lòng hàm ơn? Lẽ ấy Xinichi ngờ lắm. Ngược lại thì đúng hơn: lời lẽ nàng nghe như thể nàng đang khước từ trước mối tình của anh. Có lẽ, cũng chắc là thế ngay cả trong trường hợp giả sử nàng có bịa ra cái tiểu sử “con bỏ rơi”... Hay là, Chieko thất lạc cho ta biết để chứng tỏ ta nhầm khi ta mệnh danh nàng là “hạnh phúc”? Giá như vậy thì hay quá. - Xinichi nghĩ rồi nói:

- Chắc là, tiểu thư Chieko buồn khi biết mình là con bỏ rơi chẳng? Nàng buồn phải không?

- Không chút nào! Tôi không buồn, mà tôi cũng không thành ra buồn.

...

- Mãi tới lúc tôi xin phép vào đại học thì cha bảo điều đó sẽ gây trở ngại cho người duy nhất thừa kế ông và tôi nên để tâm trí chăm chút đến chuyện buôn bán của ông thì hơn.

- Chuyện xảy ra năm kia phải không?

- Phải, năm kia.

- Việc gì chị cũng làm theo ý cha mẹ à?

- Tất nhiên.

- Nếu là việc xuất giá thì sao?
- Ông bà bảo sao, tôi sẽ làm vậy, - cô gái đáp không một chút do dự.
- Thế nghĩa là, chị không hề có ý kiến riêng lẫn tình cảm riêng ư?
- Trái lại, cả cái nọ lẫn cái kia đều có thừa, mà điều đó gây ra cho tôi vô khối phiền muộn.
- Thì chị vẫn đang kiềm chế, dẫn nén chúng đấy thôi.
- Không, tôi không dẫn nén gì hết.
- Lúc nào chị cũng nói như đánh đổ. - Xinichi cười xòa, song giọng anh run run. Anh tì ngực vào lan can, cúi gập người, cố nhìn mặt nàng. - Tôi muốn được ngắm đứa con bỏ rơi hay đánh đổ, - anh thủ thỉ.
- Tồi quá. - Chieko cười mát và ngoảnh về phía Xinichi. Đôi mắt nàng long lanh. - Anh làm tôi sợ đấy. - Nàng trông lên mái ngói chùa chính. Lộp lộp vỏ bách thô dày, nó như sắp lại gần họ vẻ đe dọa, áp đảo bằng cái đồ sộ đen tối của mình.

Chú thích

- [1] Một xiaku tương đương 30 cm.
- [2] Tendgin: tức Michidjane Xugaoara, nhà thảo mỹ tự, bác học và thi sĩ thế kỷ thứ IX, người được tôn thánh.
- [3] Vào khoảng ba mươi năm đầu thế kỷ XVII.
- [4] Dgidgio: thần Phật giáo, phù hộ trẻ em và những người lữ hành.
- [5] Tamba: Một vùng ở Trung Honshu, hay còn gọi là Hondo, đảo lớn nhất quần đảo Nhật Bản với những thành phố lớn như Tokyo, Osaka, Kyoto..., nổi tiếng về nghề làm đồ gia dụng bằng gỗ.
- [6] “Hoa rụng không về cành nữa”: biểu tượng hàm ý tình yêu đã mất sẽ không bao giờ trở lại.

[7] Vua Nhật Kammu (737-806).

[8] Vua Nhật Komay (1831-1866).

[9] Xenxay: tiếng xưng hô hàm ý kính trọng đối với thầy học, thầy thuốc... Ở đây ý nói thầy dạy nghi lễ trà đạo

[10] Nara: Kinh đô đầu tiên của Nhật Bản.

[11] Tori: cổng ở trước chùa Thần đạo (Shinto) gồm hai cột tròn và một xà ngang.

[12] Xughigoke: loài cây có lá giống như lá kim của cây thông liễu.

[13] Đền Vàng xây dựng năm 1397, bị thiêu hủy năm 1950, nay đã trùng tu.

II. NI VIỆN VÀ HÀNG RÀO GỖ

Vậy là đã mấy ngày nay ông Takichiro Xada - cha Chieko - dọn đến ở trong tòa ni viện xa xôi ở Xaga có vị sư nữ ni viện trưởng đã ngoại lục tuần.

Ngôi chùa không lớn mà dân tình Kyoto ai cũng biết nó ở biệt lập, xa lánh mọi cặp mắt tò mò của đám khách du lịch, ngay lối vào đây cũng khó mà nhận ra được qua cánh rừng trúc um tùm. Dưới nhà ngang trong chùa đôi lúc cũng tiến hành nghi lễ trà đạo, song các buổi hành lễ ấy không có tiếng tăm gì đặc biệt. Thỉnh thoảng, vị ni viện trưởng lại rời chùa đi dạy nghệ thuật cắm hoa cho những ai muốn học.

Takichiro Xada thuê một buồng trong chùa. Lòng ông khao khát sự cô tịch mà ở đây mọi cái đều đồng điệu với tâm trạng ông.

Xada là một thương gia bán buôn áo dài may sẵn, có cửa hiệu ở khu Nakaghio.

Các thương gia lân cận thời gian gần đây bắt đầu thành lập các liên hiệp cổ phần. Cả hãng buôn của Xada cũng đã trở thành công ty cổ phần. - Chủ nhân bây giờ được gọi là chủ tịch, còn viên quản lý trước đây vẫn điều hành các dịch vụ buôn bán thì nay là giám đốc điều hành viên. Nhưng trong cửa hiệu vẫn lưu lại nhiều tập quán xưa cũ như trước.

Từ thuở thiếu thời Xada đã kỳ vọng đạt tới tài nghệ bậc thầy của nghề vẽ. Vốn là người ưa cô độc, ông cho là chả cần tổ chức triển lãm cá nhân những mẫu vải làm theo phác thảo của ông làm gì. Mà giả dụ có tổ chức thì các mẫu ông vẽ so với thời ấy cũng quá khác thường, nên không hòng gì một thành công về mặt thương mại.

Cha Takichiro - ông cụ Takichibe - lặng thinh quan sát những bản vẽ tập dượt của ông. Trong hãng buôn thiếu gì họa công riêng, rồi cả các họa sĩ ngoài nữa để làm phác thảo họa tiết cho các loại vải hoàn toàn hợp thị hiếu thời bấy giờ. Nhưng khi cậu Takichiro không lấy gì làm thiên phú lắm, mà

người ta tin rằng cũng chả thành đạt được gì, đi tìm cảm hứng trong á phiện, thì người cha, vốn đã phát hiện ra những phác thảo bất thường đến quá quắt cho loại lụa in hoa iudgen của cậu, ngay lập tức gửi con trai vào bệnh viện chuyên khoa tâm thần. Đến những năm doanh nghiệp chuyển sang tay Takichiro thì những phác thảo trước kia có vẻ như kỳ quặc nay được xem là rất bình thường, và ông ngậm ngùi tiếc, nghĩ đến việc hồi trước đã không đưa được chúng vào kinh doanh. Thế nên giờ đây ông sống ẩn dật trong chùa, hy vọng nguồn cảm hứng sẽ chiếu cố đến ông.

Sau chiến tranh, hoa văn trên kimono biến đổi rất nhiều, và nhớ lại những phác thảo kỳ quặc của mình do độc tố á phiện gợi ý, giờ đây Takichiro có thể liệt chúng vào loại hình phong cách mới, trừu tượng cũng nên. Song ông cũng đã ngoài năm mươi tuổi đầu, liệu có nên quay về với niềm đam mê thời trai trẻ không?

“Hay ta cứ thử vẽ theo phong cách cổ điển”. - ông lẩm bẩm, không nhằm vào ai hết. Trước mắt ông, mẫu vải của những năm tháng đã qua lần lượt hiện lên nối tiếp nhau. Trong ký ức ông còn lưu giữ hoa văn, màu sắc bao nhiêu mặt hàng, trang phục. Lúc dạo chơi khắp các khu vườn danh tiếng ở Kyoto, khắp các vùng ngoại ô thành phố, ông thường ký họa, mong có dịp sử dụng đến khi cần khôi màu cho hàng may kimono.

Khoảng gần trưa Chieko đến chỗ chùa Takichiro ở ẩn.

- Cha ạ, con mua tofu ([\[14\]](#)) ở quán “Morika” cho cha đấy. Cha ăn nhé?

- Cám ơn con? Tofu quán “Morika”, cha thích đấy, nhưng con đến còn khiến cha vui hơn nhiều. Ở lại với cha đến chiều nhé, lay động giúp cha cái đầu óc già nua này. May ra, nảy ra được ý tưởng về một họa tiết hay ho nào chăng.

Một thương gia bán buôn áo dài may sẵn không việc gì phải vẽ các phác thảo. Nói đúng hơn, sự đam mê ấy không khéo còn gây phương hại cho việc kinh doanh.

Nhưng Takichiro thì ngay như tại cửa hiệu của mình cũng thường ở lì mấy tiếng đồng hồ liền tận đầu kia phòng khách, bên chiếc bàn cạnh cửa sổ trông ra khu vườn mà bên dưới cây phong là chiếc đèn Cơ đốc. Sau bàn có hai cái rương kiểu cổ bằng gỗ đồng chứa những thứ vải Trung Hoa và Nhật Bản đã lâu đời, còn cái giá bên cạnh thì đầy chật những cuốn thư mục các phác thảo của nhiều nước. Trong kho chứa đặt trên tầng hai xếp không ít trang phục nhà hát dùng cho các vở diễn Noh và những quần áo thời cổ khác. Chính ở đấy cất giữ luôn các mẫu vải hoa của các nước phương Nam.

Tất cả được thu thập ngay từ thời cha và ông Takichiro. Mỗi lần có triển lãm hàng vải cổ và người ta đề nghị ông trưng bày một thứ gì đó thì Takichiro khẳng khái từ chối.

- Các cụ đã di huấn là không được mang gì ra khỏi nhà hết, - lần nào ông cũng trả lời vậy.

Ngôi nhà của Takichiro được xây dựng theo kiểu cách Kyoto xưa, cho nên người nào vào nhà vệ sinh cũng không khỏi phải theo lối hành lang hẹp, qua chỗ bàn ông ngồi trong phòng khách. Vị chủ nhân cau mày, im lặng chịu đựng, nhưng hễ mà ngoài cửa hàng có ai đó to tiếng là y như rằng ông lên giọng nói xỏ:

- Làm ơn khe khẽ cho nào?

Có lần, đúng lúc Takichiro đang mài vẽ phác thảo thì viên quản lý vào chỗ ông và lễ phép cúi đầu báo:

- Thưa, có một khách mua hàng ở Osaka đến.

- Ôn cả thôi, cứ để ông ta đi. Ở đây còn thiếu gì các cửa hiệu khác.

- Ông ta là bạn hàng cũ của chúng ta đấy ạ.

- Việc gì tôi phải gặp ông ta. Muốn mua quần áo thì phải biết tự đánh giá lấy, chứ không phải đi tán gẫu vô ích. Ông ta mà là thương gia khắc nhận biết của thật của giả. Chứ thực ra, hàng họ ta có phần lớn là thứ rẻ tiền cả.

- Xin lĩnh mệnh ngài.

Ở phần gian phòng chỗ Takichiro ngồi trên chiếc đệm mỏng sau bàn, sàn có trải tấm thảm cổ của hải ngoại. Chiếc bàn được ngăn cách ra bằng những tấm rèm vải hoa quý. Chính Chieko nghĩ ra việc treo rèm. Chúng giảm bớt phần nào tiếng ồn từ ngoài cửa hàng vọng vào. Thỉnh thoảng Chieko lại thay rèm, thế là do niềm cảm kích tấm lòng đôn hậu của nàng người cha lại thuật cho nàng biết, thứ vải gì xuất xứ từ đâu, Giava hay Ba Tư, nó dệt năm nào và theo phác thảo nào.

Một bận, thấy những tấm rèm vừa được treo lại, Chieko nói:

- Đem vải như thế ra may túi thì tiếc thật, lẽ ra có thể may khăn quàng, có điều mảnh rộng quá. À, mà lấy chỗ đấy làm thắt lưng kimono có được không nhỉ?

- Đưa kéo đây, - Takichiro nói.

Ông nhanh tay cắt lấy một mảnh dài từ tấm rèm hoa.

- Làm thắt lưng cho con đây.

- Đừng, cha ơi! - Nàng nhìn ông Takichiro mắt ướn nhòe.

- Cầm lấy, cầm lấy đi! May ra, trông con thắt chiếc thắt lưng này, cái đầu lú lẩn của cha nảy sinh được ý đồ phác thảo mới chẳng.

Chieko đã thắt chính cái thắt lưng ấy lúc lên đường đến thăm cha.

Takichiro tất nhiên có để ý cái thắt lưng, song không nhận ra nó. Cái thắt lưng thật lộng lẫy với hình trang trí to bằng những gam màu sáng, tối. Nhưng dầu sao, liệu thắt lưng ấy có hợp với cô gái đến tuổi lấy chồng không, Takichiro nghĩ.

Chieko đặt trước mặt ông hộp quà đựng bánh đa bột gạo hình bán nguyệt.

- Để cho cha đấy, cha ạ. Đợi con một phút thôi - con đi nấu tofu.

Chieko rời chiếu đứng dậy, đưa mắt nhìn cánh rừng trúc gần cổng.

- Mùa thu đã chạm tới trúc rồi. - Người cha nói. - Mà cả bờ giậu đất kia cũng đôi chỗ tả tơi, sứt lở. Già rồi, giống như ta vậy.

Chieko đã quen với lối kêu ca phàn nàn của cha nên không lên tiếng bác lại ông, nàng chỉ lặp lại với bản thân mình: “Mùa thu đã chạm tới trúc rồi”.

- Anh đào giờ thế nào, dọc đường đến đây chúng mọc có tốt không? - Người cha nhẹ nhàng hỏi.

- Hoa hầu như rụng hết, cánh hoa bập bênh cả dưới hồ. Đúng ra, cao tận trên núi, lác đác cũng còn thấy những nhành hoa giữa đám lá non. Trông xa đẹp lắm.

- Thế chứ.

Chieko sang buồng bên cạnh. Ngay đấy đã nghe tiếng dao thái hành, rồi nhịp chày cô gái giã cá ngừ khô. Chỉ một lát nàng bưng vào bát tofu vừa nấu. Nồi niêu bát đĩa cần dùng đã được chở từ nhà đến đây từ trước.

Chieko ngồi tạm xuống bên cạnh, xăm xăm hầu hạ cha.

- Ăn gọi là với cha một chút đi con. - Takichiro mời.

- Dạ thôi, cảm ơn cha.

Ông Takichiro nhìn vai, rồi nhìn ngực Chieko.

- Quá giản dị. Hình như con toàn mặc những kimono may theo phác thảo của cha thì phải. Ngoài con ra có lẽ chả còn ai mặc nữa. Chúng không dùng để bán được...

- Con mặc các áo kimono của cha vì con thích chúng mà.

- Đã đành... nhưng giản dị quá.

- Giản dị, điều đó thì đúng.

- Với lại, đâu có xấu xa gì lắm một khi người thiếu nữ ăn mặc giản dị. - Trong giọng nói của Takichiro chọt nổi lên những âm thanh gay gắt.

- Ai có hiểu thì mới thích...

Takichiro lặng thinh.

Giờ đây, đối với ông các phác thảo hoàn toàn chỉ là thú tiêu khiển.

Chứ ở cái hiệu buôn của họ mà thời gian gần đây rất đồ trang phục bán cho người tiêu dùng thông thường, viên quản lý chỉ đưa nhuộm màu độ hai, ba chiếc kimono làm theo phác thảo của Takichiro, ấy là cốt giữ thể diện cho ông chủ. Vải thì luôn được chọn lựa vô cùng cẩn thận, còn Chieko thì hăm hở mua một trong những chiếc áo ấy.

- Nhưng dù sao con cũng không nên mặc toàn những kimono theo phác thảo của cha hay những thứ cửa hiệu nhà ta bán. Con tuyệt nhiên không có nghĩa vụ phải làm thế.

- Nghĩa vụ ư? - Chieko ngạc nhiên - Không lẽ cha nghĩ con mặc những cái áo này vì nghĩa vụ?

- Ừ thì thôi, giờ ta cứ để xem nhá: con mà bắt đầu mặc diêm dúa hơn thì có nghĩa là con đã có bạn trai rồi đấy, - người cha bật lên cười rộ, tuy tiếng cười ông nghe hơi gượng gạo.

*

Vừa phục dịch cha, Chieko vừa vô tình đưa mắt nhìn chiếc bàn lớn của ông. Chả có gì chứng tỏ rằng Takichiro đang làm một phác thảo như thường lệ. Cạnh đấy chỉ có nghiên mực mang hình trang trí theo phong cách Edo bằng sơn mài và hai cuốn vừng tập các phiên bản (hay đúng hơn các mẫu) mỹ tự.

Cha dọn lên chùa ở là để tạm thời quên đi những công việc kinh doanh của mình, Chieko nghĩ.

- Những bài tập viết của ông lão sáu mươi đây, - Takichiro lúng túng về ngượng ngịu, - nhưng cũng có một chút gì có thể sử dụng cho các phác thảo - chẳng hạn như, những cái này dường như là những nét phẩy chữ Kana ([15]) của bút pháp Fudgioara ([16]) đây.

...

- Chỉ khốn nỗi tay run.
- Cha thử viết to đi.
- Vẫn cứ run như thường.
- Tròng hạt cũ trên nghiên mực ở đâu ra thế ạ?
- Cha xin được của ni viện trưởng.
- Cha tụng kinh lúc lặn tròng hạt ư?
- Vật ấy nay người ta gọi là hộ phù. Vậy mà có những lúc cha ở trong tâm trạng chỉ muốn lấy răng cắn vỡ chuôi hạt ấy.
- Ấy chết, thưa cha! Nó cáu bẩn thế kia! Người ta để tay không rửa lần tròng hạt biết bao nhiêu năm rồi.
- Đừng nói vậy con! Đó là sự dơ bẩn thiêng liêng, từ hai, mà có lẽ đến ba thế hệ các vị ni cô.

Chieko im bặt khi cảm thấy mình đã vô tình động đến nỗi buồn của cha, làm đau trái tim ông. Nàng mang bát đĩa và chỗ tofu còn lại vào bếp rồi quay ra chỗ cha.

- Ni viện trưởng đâu ạ? - Nàng hỏi.
- Đi vắng. Con đi đâu bây giờ?
- Con định đi dạo vùng Saga, rồi sau đó về nhà. Ở vùng núi Arasiyama bây giờ đầy những người. Con sẽ đến chùa Nonomiya, rui sang chùa Nhisomin và đến Adasino - con rất thích những nơi ấy.
- Con còn non trẻ quá, và niềm hăng say kia nơi con khiến cha lo lắng, cả tương lai của con nữa. Không, con hoàn toàn không giống cha.
- Người phụ nữ lại có thể giống đàn ông hay sao, cha?

Takichiro đứng hồi lâu ngoài hiên, dõi theo bóng Chieko đã đi khỏi.

Lát sau, vị ni cô già trở về, bắt tay vào việc dọn vườn.

Takichiro ngồi vào bàn, và trước mắt ông lại bắt đầu hiện lên những bức họa do Sotatsu và Korin ([17]) vẽ dương xỉ, hoa đồng cỏ nội mùa xuân...ông nghĩ đến Chieko vừa ra đi ở ông.

Chieko ra tới đường làng thì ngôi chùa người cha ở ẩn đã thoát lùi xa, khuất dạng sau khu rừng trúc.

Nàng đã bắt đầu leo lên những bậc đá sỏi mẻ lở chỗ dẫn tới chùa Nembutsu ở Adasino, song, lúc tới ngang hai pho tượng Phật nhô cao trên vách đá về phía tay trái, nàng dừng lại: từ bên trên vẳng xuống những giọng nói oang oang đến khó chịu.

Đằng ấy là vô số những cột bia đá đặt trên các nấm mồ vô danh. Gần đây, đám đàn bà ngoại quốc áo váy lơ lửng, hầu như mỏng dính, đâm sình chụp ảnh giữa những nấm mồ ấy. Chắc hẳn cả hôm nay nữa, trong nghĩa trang ở Adasino cũng đang diễn ra chuyện gì đấy đại loại như vậy.

Chieko quay người và cất bước vội vã đi xuống. Nàng nhớ lại lời cảnh báo cha nói ra hôm nay.

Nàng đã đi đây đi đó giữa đám đông chơi bời du xuân trên núi Arasiyama, nhưng việc hiện diện ở đây, ở Adasino và Nonomiya này, thì có gì không được đoan chính lắm đối với một thiếu nữ. Cho dù có giữ ý tứ hơn cả việc mặc những kimono quá ư giản dị, phối màu theo phác thảo của Takichiro đi nữa...

Hình như, ở ẩn trong tòa ni viện ấy cha đang tiêu dao tháng ngày trong nhàn rồi. Song ông nghĩ gì thế nhỉ, khi nhai cắn chuỗi hạt cầu bầu, đã qua tay bao người ấy? - Chieko buồn bã nghĩ.

Nàng vẫn hằng chứng kiến ở nhà, cha thường phải gắng kiềm chế những cơn bực tức bất thành linh ra sao. Vào những giây phút ấy hẳn ông đã cắn tan chuỗi hạt nọ nếu như có sẵn trong tay.

“Thà rằng hy sinh những ngón tay mình để cha cắn nát, miễn sao giảm nhẹ được những cơn thịnh nộ của ông còn thấy dễ chịu hơn”. - Chieko đau

khổ lẫn đầu lẫn bầm. Tâm trí nàng dứt qua chuyện khác: nàng nhớ lại chuyện cùng với mẹ thỉnh chuông chùa Nembutsu hồi nào.

Gác chuông nhà chùa đã được xây dựng lại. Mẹ nhỏ người không sao thỉnh được chuông cho nó ngân đủ vang.

- Mẹ ơi, phải biết cách cơ. Để con thỉnh với nào. - Chieko đặt bàn tay lên tay mẹ, và họ thúc chiếc cần gõ bằng gỗ. Quả chuông ngân vang dội.

- Đúng thật! - Người mẹ reo lên vui sướng.

- Đấy nhé! Chỉ khi nào có nhà sư thạo tay thỉnh, chuông mới thực sự ngân lâu, ngân rền. - Chieko bật cười.

Đắm trong hồi ức, nàng bước dọc lối mòn, dẫn đến chùa Nonomiya. Vào cái thời chưa xa xôi lắm người ta còn viết về lối mòn này như là “bước vào bóng chở che của rừng trúc.”. Giờ thì cả dấu vết khu rừng cũng chẳng còn. Hơn thế nữa, tiếng mời chào của các nhà buôn từ những tiệm nhỏ xuất hiện trước cổng chùa rành rọt vọng ra tận đây.

Nhưng bản thân ngôi chùa khiêm nhường này thì không hề thay đổi. Thuở xưa - như trong Truyện Gendgi cũng nói - ở đây có thánh điện là nơi những người con gái ngây thơ trong trắng của thiên hoàng, trước khi dâng hiến đời mình phục dịch tại chùa Isedgingu, phải gột rửa tục lụy trong vòng ba năm. Cột tori bằng gỗ nguyên cây không tước vỏ và một bờ rào khác thường - đó là những nét danh thắng của Nonomiya.

Nếu từ đây đi tiếp chút nữa theo lối mòn, một khung cảnh tuyệt vời trông sang núi Arasiyama sẽ lộ ra. Trước khi đến cầu Bến Trắng gần con đường rặng thông, Chieko lên xe buýt. Kể thế nào với mẹ về cha đây? Mẹ nhạy cảm là vậy... suốt dọc đường nàng dẫn đo suy nghĩ.

Nhiều nhà cửa ở khu Nakaghio đã bị cháy trụi từ trước cách mạng Maydgi vì sơ suất trong những ngày lễ Lửa hoặc vào lúc chiêm teppoyaki ([18]). Ngôi nhà của Takichiro cũng không thoát khỏi hỏa hoạn.

Do đó dù rằng trong vùng lân cận còn lưu lại những ngôi nhà theo kiểu cách Kyoto xưa với hàng rào quét sơn Ấn Độ và cửa sổ con có khung chấn song ken dày ở tầng hai, thì những công trình xây dựng này cũng không quá trăm tuổi.

Hình tượng thần Dgidgio sau cửa hiệu Takichiro, như người ta nói, còn nguyên vẹn sau trận hỏa hoạn. Đến giờ Takichiro vẫn duy trì cửa hiệu trong tình trạng như cũ: phần vì mọi sự sắp đặt lại đều khiến ông ghê tởm, phần thì thiếu tiền, do việc buôn bán không được mỹ mãn lắm.

Chieko đã về tới nhà, nàng mở cửa rào ra. Từ đây trông rõ toàn bộ chiều sâu phía trong chỗ ở của họ.

Mẹ nàng ngồi bên cái bàn của cha, hút thuốc. Tay trái chống lên má, bà cúi gằm xuống bàn nên thoát đầu Chieko có cảm giác như là bà đang viết gì đó, song bàn trống không.

- Con đây mà, - Chieko vừa nói vừa lại gần mẹ.

- A - a, Chieko, chắc mệt rồi phải không? Cha ở đằng ấy thế nào? - Bà hỏi khi đã tỉnh lại sau cơn trầm tư mặc tưởng.

- Con đã mua tofu cho cha, - cô gái nói, cố tranh thủ thời gian để cân nhắc câu trả lời.

- Ở quán “Morika” à? Con nấu lên rồi chứ? Có lẽ cha mừng...

Chieko gật đầu.

- Trên Arasiyama thế nào?

- Đầy những người.

- Cha đưa con tới Arasiyama à?

- Không ạ, ni viện trưởng đi vắng, nên cha không bỏ chùa đấy cho ai được...Cha đang học mỹ tự pháp, - cuối cùng nàng trả lời câu hỏi lúc đầu của mẹ.

- Mỹ tự pháp ư? - Bà Xighe hỏi lại không có vẻ gì là ngạc nhiên lắm. - Một khi nắn nét viết lấy mấy chữ ([19]) là cỏi lòng dịu đi. Mẹ vẫn nghiêm mà.

Chieko nhìn khuôn mặt trắng trẻo, mang những nét thanh tú của mẹ. Nó bất động, nên cô gái không đoán nổi bà đang nghĩ gì.

- Chieko này, - Xighe nói khẽ, - con hoàn toàn không có nghĩa vụ phải kế thừa công việc buôn bán của cha mẹ.

- Nếu con muốn lấy chồng cha mẹ cũng không ngăn cản đâu.

-...

- Con nghe mẹ nói chứ?

- Kia mẹ ơi, sao mẹ lại nói đến chuyện ấy?

- Vẫn tắt thì cắt nghĩa thế nào được. Mẹ con đã ngoài năm mươi tuổi rồi. Trước khi nói hẳn phải nghĩ chứ.

- Cha mẹ lại định thôi kinh doanh ư?... - Cặp mắt tuyệt đẹp của cô gái rơm rớm lệ.

- Ô hay, mau nước mắt vậy, - Xighe mỉm cười. - Chieko, con nói rằng con không muốn chuyên tâm vào cửa hiệu nhà ta là nói thật phải không? - Giọng nói khê khàng của người mẹ bỗng nhiên mang âm sắc khắc nghiệt. Chieko nghĩ, một thoáng vừa nãy nàng trông thấy nụ cười của mẹ chỉ là cảm giác mà thôi.

- Dạ, thật, - nàng đáp mà cảm thấy nỗi buồn tê tái đang xuyên thấu trái tim mình.

- Sao có vẻ tuyệt vọng thế? Ta có giận con đâu. Chính bản thân con cũng hiểu đấy, ai là người buồn hơn: người trẻ trung nói hay kẻ luống tuổi phải nghe?

- Mẹ, xin mẹ tha thứ cho con?

- Tha thứ hay không tha thứ thì phỏng có ích gì nào? - Lần này, Xighe bật cười thành thật. - Chắc con có cảm giác ta tự mâu thuẫn với mình phải không?

- Chính con cũng không hiểu là con đã nói ngoa.

- Con người ta - cả đàn bà cũng thế thôi - trong chừng mực cho phép không đáng phải thay đổi ý kiến đã một lần bày tỏ.

- Kìa mẹ!

- Con chưa nói gì với cha à?

- Chưa, về chuyện ấy con chưa hề...

- Ra thế ư? Đáng lẽ nên nói mới phải! Ông ấy, cũng như mọi người đàn ông khác thôi, hay nổi nóng, song trong thâm tâm hẳn cũng hơi lòng hơi dạ trước sự bộc bạch của con. - Xighe áp chặt tay vào trán. - Trước lúc con về ta đã ngồi mãi ở bàn cha mà nghĩ đến ông ấy.

- Mẹ ạ, mẹ sáng suốt quá, nhìn thấy trước cả.

- Con nhầm.

Hai mẹ con yên lặng một lúc. Không chịu đựng nổi, Chieko phá tan bầu yên lặng trước.

- Con ra chợ Nhixiki mua thức gì ăn tối nhé.

- Con cứ đi đi.

Chieko qua cửa hàng rồi xuống dama ([20]). Ngày trước, gian phòng hẹp này cắt ngang toàn bộ nhà và kết thúc ở bếp, ở đó nằm giữa cửa hàng và vách hậu là cái hỏa lò “nhỏ” - kudo. Ngày nay, lẽ dĩ nhiên người ta không nấu ăn bằng hỏa lò nữa. Để làm việc ấy đã có cái bếp ga đặt phía sau hỏa lò, dưới lát sàn ván. Chứ trước kia, nền đất xung quanh hỏa lò chỉ quét vôi, nên việc nấu ăn khi phải đứng chỗ gió lửa trên cái nền như vậy là cả một tội vạ trong những mùa đông Kyoto lạnh lẽo.

Những dấu sao người ta vẫn giữ lại cái hỏa lò. Có lẽ, do sùng tín vị thần bảo hộ bếp lửa gia đình (ngay bây giờ vẫn có thể thấy những bếp lò như vậy trong nhiều ngôi nhà Kyoto). Sau bếp lò treo các lá bùa phòng hỏa hoạn, còn trên cái giá con là một dãy các pho tượng nhỏ vị thần sung túc Hotay. Có tới bảy pho tượng, hàng năm vào ngày mồng một tháng Ngọ người ta mua một pho ở chùa Inari ([21]) bên Phuxeni. Nếu trong gia đình có ai mất, người ta lại góp tượng từ đầu - mỗi năm một pho.

*

Trong nhà họ có bảy pho tượng thần Hotay. Điều đó có nghĩa là, ít nhất cũng đã bảy năm rồi không có ai trong gia đình họ đi sang thế giới bên kia, - họ vốn có, cũng như vẫn còn lại ba người với nhau: cha, mẹ và Chieko. Bên cạnh các pho tượng Hotay xếp thành hàng và chiếc lọ cắm hoa bằng sứ trắng. Cứ hai ba ngày bà Xighe lại thay nước trong lọ và lau chùi cái giá.

Chieko vừa ra khỏi nhà thì có người đàn ông trẻ gõ cửa.

“Người đăng ngân hàng”. - Cô gái nhận ra anh ta ngay, nhưng anh ta ý chừng không để ý thấy nàng, chính nhân viên ngân hàng này vẫn thường đến chỗ họ - nghĩa là, chẳng có duyên cớ gì để băn khoăn cả, Chieko nghĩ, nhưng nàng bỗng cảm thấy hai chân bải hoải. Nàng đến gần hàng rào bên lối vào cửa hiệu và chậm chạp men theo đó, chạm khẽ ngón tay vào từng phiến gỗ. Lúc hàng rào đã hết, nàng ngoảnh lại nhìn lên tầng hai.

Trên ấy, dưới mấy khung cửa sổ con có treo tấm biển hiệu cũ, bên trên nó là cái mái nhỏ xíu - một vật trang trí độc đáo và đồng thời cũng là dấu hiệu cho thấy hãng buôn đã lâu đời.

Những tia nắng mờ nhạt của mặt trời mùa xuân trước hoàng hôn yếu ớt, chiếu trên lớp vàng thếp đã bong ra của tấm biển hiệu. Chieko thoáng buồn. Chiếc rèm hẹp khổ bằng vải bông dày trên lối vào đã phai màu, xơ xác, khắp chỗ thò ra những đầu chỉ thô.

“Cảnh huống này thì đến cả anh đào nở trên chùa Heian Dgingu cũng không xua được nỗi buồn”. - Chieko nghĩ rồi vội vã hướng về mạn Nhixiki.

Chợ ở Nhixiki vẫn đông như mọi khi.

Trên đường về, gần tới cửa hiệu của cha, nàng trông thấy cô gái bán hoa người Xirakaoa.

Chieko gọi cô ta.

- Ôi, tiểu thư đây à? Hân hạnh quá! Tiểu thư quá bộ đi đâu vậy?

- Sang Nhixiki.

- Đường có gần đâu.

- Chị vẫn có những thứ hoa lễ như mọi bận...

- Vâng, vâng, mời tiểu thư xem này. Em biết, tiểu thư thích chúng mà: của đáng tội, đâu có nhiều thứ hoa, có mỗi cây xakaki([22]) thôi. Thậm chí cũng không phải là cây mà chỉ là dăm ba cành nhỏ với những chiếc lá non.

Cứ vào ngày rằm và mồng một, cô gái này mang hoa đến nhà cho họ.

- May mắn làm sao em lại gặp tiểu thư, - cô ta nói.

Lòng xốn xang, Chieko chọn mấy cành xakaki. Xiết chặt chúng trong tay, nàng bước vào nhà.

- Mẹ ơi, con về rồi đây! - Nàng thông báo. Nét mặt nàng rạng rỡ lên.

Chieko mở hé cửa rào ngó ra ngoài đường. Cô gái bên Xirakaoa vẫn chưa đi.

- Mời chị vào đây nghỉ một lát đã, em pha trà đây, - nàng mời.

- Cám ơn tiểu thư, bao giờ tiểu thư cũng đối với em nhân hậu quá - cô gái cúi đầu tạ. - Xin tiểu thư nhận cho làm quà những bông hoa đồng nội này - của đáng tội, chúng không được đẹp lắm.

- Sao chị nói vậy! Em rất thích những thứ hoa đồng nội mà, cảm ơn chị, - Chieko vừa nói vừa chăm chú ngắm bó hoa bình dị.

Họ đi về phía bếp lò mà đằng trước nó có cái giếng cũ. Trên miệng giếng là chiếc nắp bằng phen. Chieko để hoa và mấy cành xakaki lên nắp giếng.

- Em sẽ đi lấy kéo, - nàng nói, - nhưng trước tiên phải rửa sạch lá xakaki...

- Lấy tạm kéo của em cũng được. - Cô gái chìa chiếc kéo ra và máy máy mấy cái. - Bếp lò nhà tiểu thư lúc nào cũng sạch. Với những người như tiểu thư có bán hoa cũng dễ chịu.

- Chị nhờ có mẹ...

- Chắc chắn là cả công lao tiểu thư nữa chứ.

-...

Gần đây, nhiều nhà họ chả giữ gìn sạch sẽ đâu: giếng, bếp thì bắn thiu, bụi ở lọ hoa cũng chả lau. Những nhà như thế còn muốn gì đem hoa đến nữa. Nhà tiểu thư thật khác hẳn: em cứ nhìn xung quanh trong lòng đã vui rồi. Xin cảm ơn tiểu thư đã có lời mời.

-...

Chieko không thể nói với cô gái bán hoa ở Xirakaoa điều chính yếu nhất, không thể nói về chuyện công việc trong cửa hiệu họ đang ngày càng xấu đi...

Bà Xighe vẫn ngồi cạnh cái bàn của người cha như lúc trước.

Chieko rủ bà xuống bếp để đưa bà xem những thức đã mua.

Xighe chăm chú nhìn những thứ đồ ăn xuềnh xoàng Chieko bày từ giỏ ra bàn, bà nghĩ: à, con gái đâm tăn tiện rồi đây. Mà cũng có thể, đó là người cha lúc này không có nhà...

- Để mẹ giúp con một tay nào, - Xighe nói, đứng vào bên chiếc bàn làm bếp. - Đây là cái cô bán hoa mọi khi vẫn đến phải không?

- Vâng.

- Con có thấy ở cha những cuốn vừng tập con tặng cha không?
- Con không để ý.
- Ông ấy chỉ có mang chúng đi theo thôi.

Đó là những cuốn vừng tập các phiên bản tranh của Paul Klee, Matisse, Chagall ([23]) và một số họa sĩ trừu tượng muộn hơn. Chieko mua chúng cho cha với hy vọng rằng chúng sẽ có tác dụng gợi ra cho ông những ý tưởng mới.

- Sao ông ấy phải vẽ? Việc của ông ấy là bán cái người khác đã làm. Vậy đâu cần... - Người mẹ ngừng lại, không nói hết câu.

*

- Còn con thì lúc nào cũng mặc kimono may theo mẫu của cha - Xighe nói tiếp sau một lúc im lặng. - Đáng lẽ mẹ phải cảm ơn con về chuyện ấy.

- Cảm ơn ư?! Chẳng qua con thích thì con mặc thôi mà.

- Cha không nói những kimono và thắt lưng con dùng nó có vẻ buồn bã thế nào ấy hay sao?

- Mẹ ạ, chúng giản dị, nhưng nếu để ý nhìn kỹ sẽ thấy ngay chúng có phong vị thẩm mỹ. Thậm chí một số người còn ca ngợi là khác. Chieko nhớ lại cuộc nói chuyện với cha hôm nay.

- Ừ thì những kimono giản dị đúng là hợp với con gái có nhan sắc, mặc dù... - Xighe vừa nói vừa khẽ nhắc cái vung xoong lên và lấy đũa gỗ đảo thức ăn đang nấu. - Không rõ vì sao cha con lại thôi làm các phác thảo thời trang cho loại kimono mặc diện.

-...

- Chứ thừa xưa ông ấy rất say mê các họa tiết khác thường, sắc sỡ cơ mà...

Chieko gật đầu.

- Mẹ này, thế sao không bao giờ mẹ mặc kimono làm theo phác thảo của cha? - Nàng hỏi.

- Mẹ con thì già quá rồi còn gì.

- Mẹ cứ nói luôn: già, già, thế mẹ bao nhiêu tuổi cơ?

- Mẹ là bà lão rồi. - Xighe chỉ trả lời vậy, không đi sâu vào chi tiết.

- Kimono có họa tiết kiểu Edo, tinh tế, giản dị thuộc sáng tác của Komiya mà người ta vẫn gọi là “bảo vật văn hóa”, hay không thì cũng “tài sản quốc gia” rất hợp với giới trẻ đấy chứ. Đến khách qua đường cũng phải ngoái lại nhìn.

- Con đừng mang ông Takichiro so với bậc thầy lớn Komiya.

- Sao lại không ạ? Cha của chúng ta tìm tòi đến tận những góc ngách sâu thẳm của tâm linh con người...

- Đừng nói năng cao siêu như thế, mẹ không hiểu đâu, - Xighe ngắt lời nàng, mặt cúi xuống - khuôn mặt trắng trẻo, điển hình của phụ nữ Kyoto. - Con biết không, Chieko, cha hứa sẽ chuẩn bị cho lễ cưới của con một chiếc kimono thật đặc sắc... Cả mẹ cũng đã từ lâu đợi chờ cái ngày ấy đến...

- Chuẩn bị cho lễ cưới của con ư? - Về mặt Chieko hơi có chiều phiền muộn. Rồi nàng ngước lên nhìn mẹ và hỏi: - Mẹ ơi, mẹ nói đi, có bao giờ trong đời xảy ra điều gì khiến trái tim mẹ rung chuyển, tâm hồn mẹ xáo động không?

- Có hai bận. Hình như mẹ đã nói với con rồi - lúc mẹ lấy ông Takichiro làm chồng và lúc mẹ cùng ông ấy đánh cắp cô bé Chieko còn nhỏ xíu. Bấy giờ cha mẹ lén mang con lên ô tô đưa đi. Hai mươi năm đã trôi qua kể từ buổi ấy, thế mà giờ đây, mỗi khi nhớ lại chuyện đó, trái tim chỉ chực nhảy khỏi lồng ngực. Con sờ mà xem...

- Mẹ ạ, người ta không vứt bỏ con thật chứ?

- Không, không, con lắm tưởng đấy! - Xighe lắc đầu ngay một cách quá ư quả quyết.

*

- Con người ta ít ra cũng một lần trong đời có hành vi xấu xa, tồi tệ - Xighe tiếp. - Đánh cắp một đứa trẻ, đấy là tội lỗi còn trầm trọng hơn trộm tiền, hơn bất cứ hành vi trộm cắp nào khác. Mẹ nghĩ, điều đó tệ hơn cả giết người.

- Mẹ cứ hình dung, cha mẹ con đau khổ đến thế nào, - vì chuyện đó dám phát điên lắm! Mỗi khi nghĩ đến điều ấy mẹ bỗng cảm thấy ngay bây giờ mẹ có thể thuận lòng hoàn lại con cho họ... Nhưng không, mẹ sẽ không trao con cho ai hết. Dĩ nhiên, nếu như con tìm ra họ và có ý nguyện quay về với cha mẹ đẻ thì quả thật cũng đành, song... mẹ sẽ làm sao chịu đựng nổi. Có lẽ đến chết vì đau khổ mất.

- Mẹ ơi, mẹ đừng nói thế. Trên đời này con chỉ có một người mẹ, đấy là mẹ...

- Mẹ hiểu, và như thế càng làm cho lỗi lầm của mẹ thêm trầm trọng...Cha với mẹ đều hiểu rằng đã sẵn có một chỗ dưới địa ngục dành cho cha mẹ, nhưng có gì lại là địa ngục nếu cha mẹ đã có may mắn nuôi dạy cô con gái rất đổi tuyệt vời.

Những giọt lệ ứa ra trên khuôn mặt xúc động của người mẹ.

Chieko cũng òa lên khóc.

- Mẹ nói thật với con đi: con là đứa trẻ bị bỏ rơi phải không hở mẹ? - Vẻ nài nỉ trong giọng nói, nàng hỏi.

- Không, không! Mẹ đã nói cho con rồi kia mà, - Xighe quả quyết lắc đầu. Sao con còn hoài nghi những lời mẹ nói?

- Con không tài nào tin nổi những người như mẹ, như cha, lại có thể đánh cắp một đứa trẻ.

- Vừa nãy ta chả bảo con rằng đời cũng một lần con người ta có hành vi xấu xa đó sao?

- Mẹ nói đi, mẹ đánh cắp con ở đâu?

- Ở Ghion, - không hề ấp úng, Xighe đáp. - Cha mẹ đến đây vào buổi chiều để ngắm anh đào nở và thấy có đứa bé đang nằm trên ghế băng dưới gốc cây đào - nó đẹp như một nụ hoa vậy - cha mẹ cúi xuống nhìn nó - nó mỉm cười với cha mẹ. Mẹ ẵm nó lên tay - và thế là không một sức mạnh nào có thể bắt mẹ đặt nó xuống được nữa. Mẹ áp má vào má nó, còn cha thì nhìn mẹ và nói: “Xighe, ta “xoáy” nó thôi? Chạy đi, chạy khỏi đây nhanh lên?!” Những gì sau đó diễn ra như trong mộng. Mẹ chỉ nhớ cha mẹ đã chạy ào về phía quán Hirano, cái quán mà con biết đấy, nổi danh vì món imobo ([24]) - cha mẹ để ô tô ở đó mà, rồi phóng về nhà.

-...

- Mẹ của con chắc là bận đi đâu đấy một lát, thế là cha mẹ đã lợi dụng ngay phút ấy.

Câu chuyện của Xighe không phải là đã thừa tính hợp lý bên trong.

- Âu cũng số phận... Vậy là con trở thành con gái của cha mẹ, Chieko ạ. Từ bấy giờ hai mươi năm đã qua rồi. Cha mẹ xử sự có lương tâm không, mẹ không rõ, nhưng cho dù có lương thiện đi, trong thâm tâm mẹ vẫn chấp tay cầu khẩn, ráng mong được tha thứ cái hành vi đã phạm. Có lẽ, cả cha cũng vậy.

- Mẹ ơi, xin mẹ đừng tự trách móc làm gì. Con vẫn luôn nhủ mình: ta may mắn biết chừng nào! - Chieko áp chặt hai lòng bàn tay vào mắt.

- Chieko có bị đánh cắp hay bị vứt bỏ ra sao mặc lòng, trong gia phả nàng vẫn được ghi là người thừa kế hợp pháp của dòng họ Xada.

Khi cha mẹ lần đầu tiên - bấy giờ nàng đã vào trung học - thú nhận với Chieko rằng nàng không phải là con đẻ, cô bé chưa nhìn nhận chuyện này

một cách nghiêm túc và thậm chí còn nghĩ có lẽ cha mẹ nói vậy bởi nàng cư xử tồi.

Hình như họ e nàng sẽ tỏ tường trước hết từ miệng hàng xóm. Mà cũng có thể, họ tin ở sự bền chặt nơi tình yêu thương của người con nên quyết định: cô bé đã khá trưởng thành, có thể nói thật với cô.

Lời thú nhận của cha mẹ khiến Chieko bị đột ngột, song không thể nói là nàng buồn gì lắm. Cả khi đã lớn nàng cũng không lấy gì làm quá đau khổ. Tình thương yêu của nàng đối với ông Takichiro và bà Xighe không chút thay đổi, quan hệ giữa họ với nhau cũng không hề phức tạp lên. Nói tóm lại, trong lòng nàng không nảy sinh điều gì đến mức phải cố tình dằn nén. Có lẽ, bản tính Chieko có dự phần trong chuyện đó.

Nhưng nếu nàng không phải con ông Takichiro và bà Xighe thì có nghĩa là cha mẹ đẻ của nàng hiện đang sống ở đâu đấy; không khéo nàng còn có anh em, chị em. “Chắc gì ta gặp được họ, - Chieko suy tư, - và chắc là họ long đong vất vả chứ đâu được như ta”.

Song đó chưa phải điều chủ yếu. Nỗi phiền muộn mà không chừng nàng sẽ gây ra cho cha mẹ hiện thời - các chủ nhân ngôi nhà có hàng rào cổ - mới đáng ngại hơn.

Đây là lý do tại sao Chieko đang áp chặt tay vào mắt mình kia, trong bếp.

- Chieko, - Xighe đặt tay lên vai nàng, - con đừng cặn vụn quá khứ nữa. Thế gian đã được sắp đặt sao cho không ai lường trước được ở đâu và bao giờ ngọc quý sẽ rơi vào tay mình.

- Ngọc quý ư?? Cách ví von tán dương quá chằng, chứ con hẳn là sung sướng nếu như nó vừa khít với chiếc nhẫn của mẹ, - Chieko thì thầm rồi miệt mài làm cơm.

Sau bữa tối, Xighe và Chieko lên căn phòng đầu kia trên gác.

Ở phần mặt tiền tầng hai là căn phòng xuềnh xoàng có cửa sổ nhỏ, trần thấp, nơi thợ học việc và đám tùy phái ngủ lại. Một hành lang dọc bên cạnh dẫn từ sân trong đến tận những gian phòng đầu kia. Ở cửa hàng có thể vào thẳng đây.

Người ta thường tiếp các khách mua hàng kỳ cựu, được trọng vọng nhất trong các phòng phía xa ấy. Họ cũng trọ lại ở đó khi có dịp.

Việc thương lượng với những khách hàng thông thường được tiến hành ở phòng khách nhìn vào sân trong dưới tầng một. Đây là gian phòng lớn, chạy từ cửa hàng đến phần hậu ngôi nhà. Dọc các bức tường là giá bày hàng. Ở đây, trên mặt sàn trải chiếu lau, người ta bày vải vóc và áo kimono ra để người mua có thể dễ dàng xem xét.

Ở tầng hai còn có hai buồng nhỏ trần cao - phòng ngủ của cha mẹ và của Chieko.

Chieko ngồi trước gương, buông xõa mớ tóc dài, đẹp tuyệt vời.

- Mẹ! - Nàng gọi Xighe đã sắp ngã bên kia phuxuma ([25]). Mà biết bao cảm xúc khác biệt kết hợp lại trong một tiếng ấy...

Chú thích:

[14] Tofu: món ăn làm bằng đậu phụ.

[15] Kana: bảng chữ cái theo âm tiết tiếng Nhật.

[16] Có lẽ ý muốn nói Yositsune Fudgioara (1169-1206), thi sĩ và nhà thảo mã tự nổi tiếng.

[17] Sotatsu (1576-1643): họa sĩ thời Tokugana, còn gọi là thời tiền Edo. Ogata Korin (1658-1716): họa sĩ thời trung Edo.

[18] Teppoyaki: cá hay chim, chiếu với ớt và bột đậu.

[19] Đây là nói thứ chữ tượng hình, kiểu Hán tự hay chữ Nôm của ông cha ta ngày xưa.

[20] Dama: Buồng nền bằng đất trong nhà ở Nhật Bản.

[21] Inari: Thần bảo hộ vụ thu hoạch lúa.

[22] Xakaki: loài cây thiêng của đạo Thần.

[23] Paul Klee: họa sĩ Đức (1879-1940). Henri Matisse: họa sĩ Pháp (1869- 1954). Marc Chagall: họa sĩ Nga (1887-1985).

[24] Imobo: một trong những món nổi tiếng của cơm Kyoto: khoai lang nấu với cá tuyết phơi khô.

[25] Phuxuma: vách ngăn di động được trong nhà Nhật Bản.

III. THÀNH PHỐ KIMONO

Kyoto là một thành phố lớn với những cây cối đẹp đến từng sờ. Không sao tả được cái tuyệt mỹ nơi khu vườn bao quanh biệt thự hoàng gia cạnh chùa Xingakuin, cánh rừng thông bên hoàng cung, bao nhiêu vạt vườn mênh mang của những ngôi chùa cổ, mà ngay cây cối trên các phố xá cũng rất tươi tốt, chính chúng là điều trước nhất đập vào mắt du khách... Những cây liễu rủ ở Kiyamachi và trên bờ sông Takase, những con đường trồng liễu dọc các dãy phố Gion và Horikawa thật lạ thường. Đây là loài liễu rủ thực sự, những cành non mềm mại của chúng buông xuống sát đất. Cả những cây thông đỏ mọc thành vòng bán nguyệt trên Bắc Sơn cũng khiến người ta thán phục.

Vào tiết xuân, rừng Đông Sơn khoác trên mình màu xanh mơn mơn, còn khi trời quang mây tạnh thì có thể thấy rõ cây cối tận trên núi Hiei. Cái đẹp của cây cối tô đậm thêm cái đẹp của thành phố mà vẻ sạch sẽ nơi nó được thường xuyên coi sóc.

Ở Gion, nhất là khu vực xa xa, dọc các đường hẻm chật chội có những ngôi nhà đã sạm đen vì cũ kỹ, nhưng bản thân đường phố thì sạch sẽ, không đâu thấy dấu hiệu bừa bộn.

Có thể nói y như vậy về khu Nishijin, nơi người ta sản xuất áo kimono. Ở đây là sự sạch sẽ lý tưởng, bất chấp rất nhiều cửa hiệu nhỏ và xưởng thợ không đẹp mắt. Hàng rào gỗ ở các nhà hàng này được lau chùi cẩn thận, trên đó không bói thấy một hạt bụi. Vườn bách thảo cũng được quét dọn, mặt đất không giấy vụn, không rác rưởi.

Quân Mỹ chiếm đóng từng xây lấy trong bách thảo các ngôi biệt thự và đương nhiên, cấm người Nhật vào thăm thú, về sau người Mỹ rút đi và tất cả đều lại hoàn nguyên.

Ông Xoxuke Otomo - chủ một xưởng dệt ở Nhixidgin - có một lối mòn trồng long não ưa thích trong bách thảo. Cây không cao, hơn nữa lối mòn lại ngắn, nhưng ông thích đi dạo ở đấy. Nhất là vào tiết xuân, lúc rặng long não đậm chồi...

“Những cây long não ở đằng ấy sao rồi? - Thịnh thoảng Xoxuke lại sức nhớ trong lúc đang phải lắng tai theo dõi hoạt động của cỗ máy dệt. - Liệu bọn chiếm đóng có chặt chúng không?”

Ông nôn nóng đợi cái lúc vườn bách thảo mở cửa trở lại.

Mỗi khi đến bách thảo, Xoxuke ưa bách bộ dọc bờ con sông Kamogaoa thoai thoải dốc lên mé thượng nguồn, từ chỗ đó trông ra là quang cảnh Bắc Sơn. Thường ông đi dạo lẻ loi một mình.

Toàn bộ cuộc đi dạo trong bách thảo và dọc sông mất khoảng một tiếng. Hôm nay đây ông lại nhớ đến lối mòn trồng cây ưa thích mà đắm thềm.

- Ngài Takichiro Xada từ bên Xaga gọi điện đến đấy, - bà vợ cắt ngang dòng hồi tưởng của ông.

- Takichiro? Bên Xaga à?... - ông bước lại gần bàn viết, nơi đặt máy điện thoại.

Ông thợ dệt Xoxuke trẻ hơn nhà buôn quần áo Takichiro năm tuổi. Từ xưa họ vẫn nuôi thiện cảm với nhau, thường khi cùng chơi bời trong một “hội đàn đúm”. Nhưng dạo gần đây không thường xuyên gặp nhau lắm.

- Otomo nghe đây, lâu lâu rồi ta chưa gặp nhau...

- Chào chú, Otomo, - giọng Takichiro nghe sôi nổi khác thường.

- Thế ra bác đang ở Xaga đấy à?

- A ha, đang lui trong một ni viện hẻo lánh đây.

- Tiên sinh có hảo ý xử sự hơi lạ đấy. - Xoxuke dùng lối nói lễ độ một cách cố ý. - Mà ni viện cũng nhiều loại...

- Nhưng ni viện đây là thực sự đấy, có mỗi mình bà cụ ni viện trưởng ở đấy thôi.

- Thì đã sao? Bà cụ là một chuyện, còn như tiên sinh Xada với cô nào trẻ...

- Thôi đừng đùa cợt lối bịch nữa, - Takichiro phì cười, - tôi có việc với chú đây.

- Việc à? Với tôi?

- Phải. Tôi tính ghé vào đấy hôm nay.

- Rất hân hạnh, xin mời bác. - Xoxuke không giấu nổi vẻ thắc mắc. - Tôi ở nhà cả ngày, đang làm việc. Chắc qua điện thoại cũng nghe thấy tiếng máy lách cách đấy.

- Có tôi có nghe! Mà chú biết không, tôi đã thấy nhớ nhung thứ ồn ào ấy rồi.

- Có lẽ bác thì nhớ nhung chứ đối với tôi cái tiếng ồn ào ấy là miếng cơm manh áo sát sườn. Nó mà dứt là tôi tong. Đây không phải như chuyện bác tiêu khiển trong ni viện hẻo lánh...

Chưa đầy nửa tiếng, chiếc ô tô có Takichiro ngồi đã dừng ở cạnh nhà Xoxuke.

Takichiro bước vào nhà. Cặp mắt ông sáng lên. Ông hấp tấp mở phuroxiki ([26]) ra.

- Đây, tôi định yêu cầu chú, - ông vừa nói vừa xoay đảo lung tung bức vẽ.

- Thắt lưng! - Xoxuke thốt lên và chăm chú nhìn Takichiro. - Lộng lẫy, hiện đại quá - khác hẳn phong cách của bác, Xada tiên sinh ạ. Thôi phải rồi...Đúng là giành cho cái người cùng ở ẩn với bác trong ni viện chứ gì?...

- Chú lại suy bụng ta... - Takichiro bật cười. - Cho con gái chúng tôi.

- Bao giờ cái thắt lưng dệt xong cô nhà ngạc nhiên phải biết. Chứ còn gì nữa. Nhưng liệu cô ấy có mặc như thế không?

- Đây nhá, Chieko đã tặng tôi mấy cuốn vựng tập các phiên bản của Klee.

- Klee... Klee... đâu như họa sĩ phải không?

- Đại loại là người theo phái trừu tượng và nghe nói, là một bậc thầy tương đối khá. Tranh ông ấy gợi tâm trạng mơ mộng. Chúng làm xúc động đến cả trái tim già lão của tôi. Tôi đã lần giở các vựng tập rất lâu, để ý xem kỹ các phiên bản rồi làm phác thảo - chả có gì giống những họa tiết trên vải Nhật Bản xưa hết.

- Điều đó chắc rồi.

- Thế nên tôi quyết định nhờ chú dệt cái thắt lưng theo mẫu này. Ta xem xem có được không. - Giọng Takichiro vẫn còn run vì xúc động.

Xoxuke im lặng xem kỹ bức vẽ một lúc.

- Chà, kiệt tác đây, màu sắc cũng đẹp lắm. Có cả cái mới mà trước đây chưa có trong các mẫu của bác. Còn họa tiết thì vẫn tao nhã như xưa dù rằng sắc nét. Dệt theo nó không dễ đâu, nhưng chúng tôi sẽ cố. Ta sẽ làm một cái để thử. Ở bức vẽ có cảm giác thấy cả lòng hiếu thảo của cô con gái lẫn tình thương của cha mẹ.

- Cảm ơn chú... Dạo vừa rồi đâu đâu cũng thấy đi tìm idea, sense ([\[27\]](#)), đến màu sắc cũng đem so đo với thời trang phương Tây.

- Phải, cái thực sự chân chính thì không làm.

- Tôi không thể chịu được khi người ta cứ dùng từ ngữ nước ngoài trong nghề chúng ta. Ở Nhật từ thượng cổ đã có cách cảm thụ màu sắc riêng biệt, tinh tế, có cần diễn đạt bằng lời đâu.

- Phải, rất phải! Ngay màu đen cũng có bao nhiêu là vẻ, - Xoxuke gật đầu tán đồng. - Nhân đây, bác có biết hôm nay tôi nghĩ gì không? Xem

những ai là người duy nhất chuyên sản xuất thắt lưng bấy giờ. Những người ấy, như Idzukura chẳng hạn, có hẳn một công xưởng thật sự hiện đại - một xí nghiệp bốn tầng theo lối Âu châu. Đàng ấy họ dệt tới năm trăm cái thắt lưng mỗi ngày, công nhân dự phần điều khiển, nghe nói tuổi trung bình thợ dệt ở đó là hai mươi. Cứ cung cách này thì vài chục năm nữa, những thợ quen làm máy dệt tay kiểu như chúng tôi biến sạch.

- Bậy!

- Mà có sống được thì không khéo cũng thành ra một thứ “Tài sản quốc gia”, “Bảo vật văn hóa” của xứ sở không hơn không kém.

- Hay chẳng hạn, như bác, Xada tiên sinh, hoặc cái ông...Klee chắc?

- Tôi nói Paul Klee. Mà chú có biết không, tôi ở ẩn trong chùa mà hầu như nửa tháng cứ suốt ngày, không thì lại hết đêm suy nghĩ lại họa tiết và màu sắc cho cái thắt lưng này, nhưng vẫn không dám tin mình vẽ được đến thế.

- Mẫu vẽ không chê vào đâu được, đúng lối tao nhã Nhật Bản, - Xoxuke vội bác lại, - hoàn toàn xứng với tên tuổi và tài năng của bác. Chúng tôi sẽ cố dệt một chiếc thắt lưng đẹp đúng như mẫu bác vẽ, có lẽ Hideo, thằng con cả tôi, dệt lại tốt hơn tôi. Mà hình như bác đã biết nó rồi thì phải.

- Rồi.

- Hideo dệt tất đấy.

- Chú am tường hơn. Cái chính là phải sao cho kết quả. Nghề của tôi là bán buôn và phần nhiều lại với tỉnh lẻ, nên chi tiết tôi không thạo.

- Bác cứ nói ngoa cho mình làm gì?

- Cái thắt lưng này tính dành cho mùa thu. Làm nhanh nhanh lên nhá.

- Xin vâng, thế áo kimono dùng với thắt lưng đã chọn rồi chứ?

- Trước hết hãy thắt lưng đã...

- Tôi hiểu. Với nhà buôn lớn thì chọn một cái kimono không đáng gì lắm... Không chừng bác sửa soạn gả chồng cho cô nhà chẳng?

- Chú moi đâu ra chuyện ấy?! - Takichiro bỗng dừng thấy ngưỡng ngưỡng.

Ở các xưởng Nixidgin nơi người ta làm bằng máy dệt tay, khá hiếm khi kỹ xảo dệt được cha truyền con nối tới ba thế hệ. Nghề dệt tay ở mức độ nào đây là một nghệ thuật. Nên nếu người cha có là thợ dệt cự phách thì điều đó cũng hoàn toàn không có nghĩa con trai ông ta sẽ thành một thợ giỏi như thế. Cho dù anh ta không chây lười vì thỏa mãn với vinh quang nơi tài năng cha mình, mà gắng nỗ lực cho được các bí quyết tay nghề đi nữa cũng vậy thôi. Thường là thế này: người ta dạy trẻ con guồng sợi từ bốn, năm tuổi. Đến mười, mười hai tuổi nó đã làm chủ được máy dệt và tự lực thực hiện các đơn đặt hàng không phức tạp lắm. Do đó, một khi người chủ xưởng có đông con thì đây là một bảo đảm cho sự phát đạt. Làm công việc guồng sợi có cả những phụ nữ đã nhiều tuổi, sáu mươi hay đến bảy mươi. Và thông thường có thể thấy trong các xưởng bà và cháu gái ngồi guồng sợi với nhau.

Nhà Xoxuke chỉ có một người guồng sợi, đây là bà vợ hoàn toàn không còn trẻ trung gì nữa của ông. Bà làm việc không kịp đuổi lưng, suốt từ sáng đến tối và dần dà, đêm ngày một trầm lặng hơn.

Xoxuke có ba người con trai. Người nào cũng dệt thắt lưng bằng loại máy dệt cao takabata.

Chủ xưởng có ba máy được coi là phong lưu, song có những xưởng chỉ có một máy, có những thợ dệt phải đi thuê máy.

Tay nghề cự phách của Hideo, mà như Xoxuke đã thừa nhận anh vượt cha về phương diện này, thì cả giới chủ xưởng sản xuất lẫn các nhà buôn lớn đều biết.

*

- Hideo, Hideo! - Xoxuke réo to, nhưng người kia chắc là không nghe thấy.

Khác với chạy máy, các máy dệt tay làm bằng gỗ nên không kêu to lắm. Song máy của Hideo là cái ở xa nhất và chàng thanh niên đang mài dệt chiếc thắt lưng hai mặt - một công việc đặc biệt phức tạp - không nghe thấy cha gọi.

- Mẹ nó này, gọi thằng Hideo đi, - Xoxuke quay sang vợ.

- Tôi đi đây. - Bà phúi những mẩu sợi vụn ở đầu gối, rồi vừa lấy tay đấm đấm chỗ thắt lưng vừa theo hành lang nền đất đi về phía cỗ máy người con trai đang làm việc.

Hideo dừng go, nhìn về phía Takichiro, song chưa đứng dậy ngay - có lẽ, anh mệt. Thấy khách, anh cũng chưa buồn đến cả vươn vai để rướn cái lưng đã tê rần mà chỉ chúi mặt, rồi lúc đã đến gần Takichiro thì lâu bầu lên tiếng:

- Rất hân hạnh được ngài hạ cố đến túp lều dơ dáy của chúng tôi - Toàn bộ con người anh vẫn để đằng kia, nơi công việc.

- Xada tiên sinh đã làm phác thảo và yêu cầu dệt một cái thắt lưng đấy, - người cha nói.

- Thế ư? - Hideo vẻ thờ ơ nhận xét.

- Đây là chiếc thắt lưng đặc biệt và bố nghĩ mày nên làm thì tốt hơn.

- Chắc để cho cô nhà, cho tiểu thư Chieko phải không? - Hideo giờ mới nhìn Xada.

*

- Hôm này cháu nó đứng máy từ sáng sớm, có lẽ nó mệt. - Xoxuke nói với giọng xin lỗi, cố thanh minh cho thái độ khiếm nhã của con trai.

Hideo im lặng.

- Nếu không gửi gắm tâm hồn vào thì làm sao làm được cái gì tốt đẹp - Takichiro đáp, tỏ cho biết rằng ông không giận.

- Không có gì đặc biệt đâu ạ, cái thắt lưng hai mặt bình thường thôi, thế mà nó cứ không dễ yên... Xin thứ lỗi đã không nghênh đón ngài cho phải phép. - Hideo khẽ cúi đầu tạ.

Takichiro gật đầu:

- Không sao hết, người thợ chân chính không thể làm khác được.

Khi phải dệt thứ đồ tầm thường thì công việc thành nặng nhọc gấp đôi. - Chàng trai cúi đầu xuống.

- Nghe đây này, Hideo, Xada tiên sinh có mang đến một mẫu vẽ khác thường. Ngài ở ẩn trong một ni viện ở Xaga và đã nghiên cứu nó rất lâu đấy. Đây không phải để bán. - Người cha nghiêm mặt nói.

- Thế ư? Nghĩa là, ở Xaga...

- Hãy cố dệt làm sao càng tốt càng hay.

- Xin vâng.

Thái độ thờ ơ của Hideo đã làm vơi mất niềm xúc động hân hoan mà Takichiro mang trong lòng lúc đến xưởng dệt Otomo.

Ông giờ phác thảo ra, đặt trước mặt Hideo.

-...

- Anh không thích à? - Takichiro dè dặt hỏi.

-...

- Hideo, - Xoxuke thốt lên, không chịu nổi sự im lặng bướng bỉnh của con trai, - ai hỏi thì phải trả lời. Mà bắt nhả lắm.

- Con là thợ dệt, - cuối cùng thì chàng trai nói, đầu vẫn không ngừng lên, - nên con cần có thời gian để nghiên ngẫm mẫu vẽ của ngài Xada. Tác

phẩm thật khác thường, mà làm quấy quá thì không được - vì đây là thắt lưng của tiểu thư Chieko cơ mà.

- Thì bố cũng đang nói chính chuyện đó, - Xoxuke gật đầu. Cách cư xử khác lạ của con khiến ông ngạc nhiên.

- Nghĩa là, anh không thích? - Lần này câu hỏi của Takichiro nghe có vẻ xằng.

- Mẫu vẽ tuyệt vời, - Hideo điềm tĩnh lại. - Không lẽ tôi đã nói tôi không thích nó sao?

- Nói ra thì không, nhưng trong lòng... Tôi thấy trong mắt anh.

- Ngài thấy cái gì?

- Thấy gì à?! - Takichiro đột ngột vùng dậy tát Hideo. Chàng trai thậm chí không tìm cách né tránh.

- Ngài cứ đánh bao nhiêu cũng được. Chứ tôi không hề có ý nghĩ mẫu vẽ của ngài xấu, - Hideo hoạt bát hẳn lên. Dường như, cái tát đã giữ sạch vẻ hờ hững trên mặt anh. - Cúi xin ngài thứ lỗi, thưa Xada tiên sinh. - Hideo cúi rạp xuống, bàn tay chạm nền. Thậm chí anh cũng không cố lấy tay che bên má nóng bừng vì cái tát.

-...

- Tôi biết là ngài giận, nhưng tuy vậy tôi vẫn xin mạo muội yêu cầu: cho phép tôi được dệt chiếc thắt lưng này.

- Cũng vì việc ấy mà tôi đến đây, - Takichiro vừa càu nhàu, vừa găng trấn tĩnh lại. - Chính anh hãy tha thứ cho tôi, cho lão già này. Tôi cư xử thật chả ra làm sao. Cái tay đã đánh anh thì đang đau...

- Ngài cho phép bắt tay nào. Tay cánh thợ dệt thì cứng, da lại dày.

Cả hai cùng bật cười.

Song trong thâm tâm Takichiro vẫn cảm thấy ngượng ngùng.

- Đã lâu không xúc phạm đến ai, thậm chí cũng không nhớ được khi... Thôi, bỏ quá cho tôi nhé - ta hãy quên chuyện ấy đi. Tốt nhất là hãy nói cho tôi biết, Hideo ạ: tại sao anh có vẻ mặt lạ lùng vậy lúc xem mẫu vẽ có tôi? Nói thật đi nhé!

- Vâng. - Hideo lại chau mày. - Tôi dẫu sao cũng còn trẻ, thiếu kinh nghiệm, và lại đối với tôi, chỉ là người thợ, cũng khó mà nói được điều gì xác đáng. Quả là ngài đã rộng lòng cho biết ngài làm phác thảo này lúc đã ở ẩn trong tu viện phải không?

- Đúng. Tôi cũng định ngay hôm nay sẽ lại quay về. Có lẽ, tôi còn lưu lại ở đó độ chừng nửa tháng.

- Ngài không nên quay về đấy nữa, - Hideo nói, giọng quả quyết. - Ngài về nhà đi thì hơn.

- Ở nhà tôi không được tĩnh tâm, không tập trung được suy nghĩ.

- Vẽ lộn lắt, rục rờ và nét tân kỳ của mẫu vẽ đã khiến tôi sửng sốt. Tôi chỉ còn biết khâm phục: làm sao mà ngài, Xada tiên sinh, tạo ra được một phác thảo nhường ấy? Song, nếu bắt đầu chú tâm xem kỹ thì...

- ...

- Dường như có thú vị đấy, đặc sắc đấy, nhưng... trong đó thiếu sự hài hòa, thiếu hơi ấm của tâm hồn. Mẫu vẽ phẳng phất nổi bất ổn, một vẻ gì đấy bệnh hoạn.

Takichiro tái mét đi, cặp môi ông tím rầy không thốt nổi lấy một lời.

- Tôi có cảm giác như, trong ngôi chùa hẻo lánh ấy có loài hồ li tinh cư ngụ, và chính chúng đã lèo lái tay bút ngài...

- Vậy đấy - Takichiro kéo bức vẽ lại gần mình, nhìn nó chòng chọc. - Khẩu khí khá lắm. Tuy trẻ người vậy mà tinh anh... Cảm ơn anh... Tôi sẽ suy ngẫm cho thật đến nơi đến chốn lần nữa và sẽ thử làm một phác thảo mới xem sao. - Takichiro lật đặt cuộn bức vẽ lại nhét vào ngực áo.

- Việc gì phải thế? Mẫu vẽ tuyệt vời lắm, còn khi nào tôi dệt cái thắt lưng, thuốc nhuộm và chỉ màu sẽ tạo cho nó một vẻ khác.

- Cám ơn anh, Hideo ạ. Vậy là, anh có ý định sẽ dệt chiếc thắt lưng mà đặt vào đây cảm tình dành cho con gái chúng tôi, và nhờ đó sẽ tiếp thêm hơi ấm cho bức phác thảo không chút sinh khí này, - Takichiro nói, rồi vội vã từ biệt và rời xưởng dệt.

Ông đã ngay tức khắc nhìn thấy một con sông nho nhỏ, con sông điển hình cho Kyoto. Mà cỏ ở ven bờ - đúng theo lối cổ - xiêu xiêu ngả xuống mặt nước. Còn bức tường trắng trên bờ kia nữa chứ?

Tường nhà Otomo đó chẳng?

Takichiro thọc tay vào ngực áo, vò nát bức phác thảo rồi ném nó xuống sông.

*

- Mình có muốn đi với con đến Omuro ngắm hoa không?

Tiếng chuông điện thoại của Takichiro khiến Xighe bị đột ngột. Không rõ vì sao bà không nhớ nổi rằng trước đây ông chồng đã mời bà đi ngắm hoa.

- Chieko! Chieko! - Bà hét lên, hét như kêu cứu với con gái. - Cha gọi điện - lại nghe máy đi...

Chieko chạy vào, rồi đặt tay lên vai mẹ, nàng cầm lấy ống nói.

- Vâng, con với mẹ sẽ đến...Vâng, sẽ đợi ở nhà trà đình trước cửa chùa Nhinadgi...Không, không, không đến trễ đâu ạ...

Chieko đặt ống nghe xuống, đưa mắt nhìn mẹ và bật cười.

- Có gì mà mẹ hoảng hốt thế hả mẹ? Chẳng qua mẹ với con được mời đi ngắm hoa thôi mà.

- Lạ thật, bỗng dưng ông ấy lại nghĩ đến mẹ!

- Ở Omuro bây giờ anh đào đang thì nở rộ... - Chieko cố vũ bà mẹ đang còn phân vân.

Anh đào ở Omuro được mệnh danh là “trăng buổi bình minh”, chúng khai hoa muộn hơn ở những nơi khác tại cố đô - phải chăng cũng là để Kyoto chưa phải vội chia tay với hoa?

Họ qua cổng tam quan Nhinnadgi. Cánh rừng anh đào (hay khu vườn anh đào thì đúng hơn?) mé tay trái trở hoa mãnh liệt đến khác thường.

Nhưng Takichiro bảo lúc nhìn về phía ấy:

- Thôi, tôi đâu có lòng nào xem cảnh này nữa.

Trên các lối mòn trong rừng có đặt những ghế băng rộng, trên đó khách đến đây tản bộ, ăn, uống rồi hát hò oang oang. Đôi chỗ, những người đàn bà nông dân đã có tuổi say sưa nhảy múa rất vui vẻ, còn đám đàn ông ngà ngà say thì nằm dài ra ghế băng ngáy như sấm; một số nằm ngay trên mặt đất; ý chừng đã lăn từ ghế xuống trong khi ngủ.

- Sao lại đến nỗi này! - Takichiro lắc đầu buồn bã rồi đi thẳng.

Xighe và Chieko theo ông, mặc dù đã từ lâu họ quen với việc ngắm hoa anh đào ở Omuro.

Tận giữa rừng, một làn khói mỏng bay lên trời - đằng ấy người ta đốt những rác rưởi khách yêu thích anh đào nở bỏ lại.

*

- Ta đi đâu yên tĩnh hơn chứ, Xighe? - Takichiro có đề xướng.

Họ đã sắp bỏ đi thì trông thấy những người phụ nữ Triều Tiên mặc quần áo dân tộc dưới gốc cây thông cao đối diện cánh rừng anh đào. Họ đeo trống Triều Tiên và trình diễn một điệu múa dân tộc theo điệu trống. Cảnh tượng coi có vẻ đẹp dễ hơn nhiều so với đám người chơi bài giải trí trong vườn anh đào.

Xuyên qua khe hở giữa những cành thông non, hiện lên phía xa những đóa hoa hồng hồng của loài anh đào núi.

Chieko đứng lại một ngẫm các phụ nữ Triều Tiên rồi nói:

- Cha ạ, ta đến vườn bách thảo đi - đằng ấy yên tĩnh lắm.

- Chứ sao? Thôi thì... Ta xem anh đào ở Omuro là đã làm tròn bốn phận của mình với mùa xuân rồi. - Và Takichiro bước ra ô tô.

Vườn bách thảo mở cửa trở lại cho khách thăm viếng từ tháng tư, và xe điện lại bắt đầu chạy từ ga Kyoto tới đó.

- Nếu ở vườn bách thảo cũng lại cái cảnh xô bồ như vừa nãy thì ta sẽ dạo chơi trên bờ sông Kamogaoa vậy, - Takichiro nói.

*

Ô tô lao vùn vụt qua cái thành phố ngập trong màu xanh tươi trẻ của cây cối. Những tán lá non có vẻ tươi hơn hẳn trên các ngôi nhà cổ một điều khó bề cảm thấy gần những công trình xây dựng mới.

Nhìn từ phía con đường trồng cây trái dài dọc tường bao, vườn bách thảo có vẻ cực kỳ khoáng đãng và đầy ánh sáng. Bên trái, ôm lấy nó, con sông Kamogaoa vẫn đầy trôi xuôi dòng nước của mình.

Xighe mua vé qua cửa và nhét vào thắt lưng. Bà vừa hít căng lồng ngực vừa ngẫm khoảng rộng đã phơi mở. Từ khu phố các thương gia nơi họ sống chỉ thấy lờ mờ các mòm đồi xa xa, mà Xighe thì thậm chí cũng chả có dịp ngẫm chúng: bà hiếm khi rời cửa hàng ra phố.

Bên trong cổng bách thảo có đài phun nước đang phun mà xung quanh nó là loài uất kim hương nở rộ. Một cảnh tượng lố bịch đối với Kyoto.

- Chắc cái này là do người Mỹ làm lúc họ xây các biệt thự của mình ở đây. - Xighe nói.

- Nghe đâu, người Mỹ còn xây những thứ ấy ở đằng xa kia nữa cơ tận giữa vườn ấy, - Takichiro nhận xét.

Họ cảm thấy trên mặt những bụi nước li ti từ đài phun nước, mặc dù trời lạnh gió. Sau đài phun nước, về mé tay trái nhô lên một nhà kính khá lớn, mái vòm thủy tinh gắn trong khung kim loại. Họ ngó qua lớp kính các loài cây cỏ nhiệt đới trồng trong đó.

Song ghé vào xem thì không.

Đi dạo quanh vườn bách thảo không mất bao nhiêu thời gian.

Bên phải con đường, một cây thông tuyết Hymalaya đồ sộ đã đâm ra những chồi xuân vồng xuống vì từng chùm lá kim dài. Các cành phía dưới là sát mặt đất. Thông tuyết Hymalaya là một loài cây thuộc họ lá kim, song bộ lá mượt mà của nó là thứ mới sinh - đấy mà là “kim” sao được? Khác với loài thông rụng lá Karamatsu, nó không trút bỏ những lá già về mùa thu nhưng dù sao đi nữa đám chồi xanh non của nó vẫn gây ra ấn tượng huyền diệu:

- Ta đã thất thố với con trai Otomo, - Takichiro lẩm bẩm một câu không ăn nhập vào đâu. - Anh ta vượt hẳn cha trong công việc, còn con mắt thì quả là sành sỏi lắm: nhìn thấu mọi sự.

Lẽ cố nhiên Xighe và Chieko chả hiểu gì lời ông nói.

- Cha gặp Hideo đấy à? - Chieko hỏi, còn Xighe thì chỉ chêm thêm: - Nghe nói, anh ta là một thợ giỏi.

Họ biết là Takichiro không ưa gặng hỏi.

Qua phía phải đài phun nước rồi rẽ trái, họ nhận thấy một khu gì đại loại như vườn trẻ. Từ đấy vọng tới tiếng trẻ con cười đùa, còn trên bãi cỏ thì thấy các thứ đồ trẻ con giản đơn, sắp đặt rất ngăn nắp.

Takichiro và hai người phụ nữ cùng đi bước vào dưới tán lá cây và một lần nữa lại rẽ trái. Thành linh, cả một bãi trồng hoa uất kim hương hiện ra trước mắt họ. Chieko thậm chí kêu lên khi từ xa đã thấy chùng ấy thứ hoa: đỏ, vàng, trắng, đen, tím thắm như hoa trà: Những đóa hoa đều to, mỗi thứ một lô riêng.

- Có lẽ là họa tiết bằng hoa uất kim hương cũng hoàn toàn hợp với kimono theo phong cách mới chẳng, cho dù trước đây không bao giờ ta lại bằng lòng với một vẻ vô vị như thế...- Takichiro thở dài.

*

Nếu những cảnh thông tuyết Hymalaya vươn rộng gần chạm đất với từng chùm lá mịn màng có thể sánh với chiếc đuôi công xòe rộng thì vẻ sắc sỡ uất kim hương kia phải so với cái gì? - Takichiro nghĩ. Màu sắc của chúng tựa hồ nhuộm cả không trung, thắm sâu tận bản thể nó.

Xighe tách khỏi chồng rồi tì vai vào Chieko. Kể cũng lạ là, vào phút ấy cái thu hút sự chú ý của Chieko không phải những bông hoa.

- Mẹ ơi, mẹ có nhìn thấy những người đang đứng trước đám uất kim hương trắng không? Phải chăng là một lễ chạm mặt?

- Chà, quả là...

- Đừng nhìn thẳng về phía họ như vậy, mẹ. - Cô gái kéo tay áo Xighe. Trước bãi hoa uất kim hương là cái hồ thả cá chép.

Takichiro rời ghế băng đứng dậy rồi vừa chậm rãi bước men các lô uất kim hương vừa cúi sát xuống đám hoa và gần như ghé nhìn từng vành hoa.

- Hoa Tây phương chói quá, khiến người ta chóng chán, một khu rừng trúc nho nhỏ còn hợp ý tôi hơn, - khi quay về với hai người phụ nữ cùng đi, ông Takichiro nói.

Bãi uất kim hương nằm ở chỗ đất thấp, bao quanh là cây.

- Chieko, con có cảm thấy vườn bách thảo có một cái gì đó Âu châu không? - Takichiro hỏi.

- Thật khó xét đoán, nhưng quả thật nó có cái gì hao hao vườn Tây phương, - Chieko đáp. - Cha thì muốn đi nhưng có lẽ, vì mẹ, ta hãy nghỉ lại đây một lát chứ?

Takichiro vẽ tuyệt vọng đã một lần nữa dịch đến gần đám hoa thì đúng lúc ấy có tiếng gọi giật ông lại.

- Hình như Xada tiên sinh phải không? Ô, tất nhiên rồi, ngài Xada đây rồi?

- A, Otomo. Tôi thấy rồi, cả Hideo đi cùng chú nữa kìa. Thế mà không ngờ gặp bố con chú ở đây.

- Không, tôi mới bắt ngờ...- Xoxuke vừa thốt lên vừa cúi rạp xuống chào.
- Tôi thích dạo trên con đường trồng long não ở đây, chờ lúc vườn mở cửa trở lại đến khỗ! Hôm nay tôi đã cực kỳ thích thú bách bộ mãi trên con đường ấy. Rặng long não phải đến năm mươi, mà không khéo sáu mươi tuổi... Xin bác lượng thứ cho thói mất dạy của thằng con tôi, nó cư xử thật là bất nhã lúc bác đến thăm. - Xoxuke lại cúi đầu lần nữa.

- Còn trẻ mà - nên bỏ quá cho anh ta chứ.

- Bác từ Xaga đến đây à?

- Tôi từ Xaga, còn Xighe với con gái thì từ nhà.

Xoxuke đến gần hai người phụ nữ cùng đi với Takichiro và cúi chào.

- Hideo, anh nghĩ sao về loài hoa uất kim hương này? - Giọng Takichiro nghe nghiêm khắc quá đáng.

- Chúng sống... - với tính ngay thẳng vốn có, - chàng trai đáp.

- Sống?... Lẽ dĩ nhiên là sống rồi, nhưng tôi khó chịu khi nhìn chúng - chúng quá nhiều... - Takichiro quay đi.

*

Những bông hoa đang sống... Đời chúng ngắn ngủi, song chúng đang sống, dĩ nhiên rồi. Hàng năm các nụ hoa lại sinh ra. Rồi nở. Chúng sống, cũng như toàn bộ thiên nhiên đang sống...Takichiro có cảm giác y như ông lại thất thố với Hideo lần nữa.

- Tôi không đủ thẩm quyền xét đoán đâu, nhưng tôi nghĩ, một họa tiết bằng hoa uất kim hương không hợp với kimono hoặc thắt lưng lắm. Tuy nhiên, nếu một họa sĩ thiên tài vẽ họa tiết ấy thì những bông uất kim hương có lẽ cũng sẽ có một cuộc sống vĩnh cửu trong mẫu vẽ, - Takichiro ngoái đầu lại nói. - Ta cứ lấy các mẫu vẽ trên vải cổ mà xem. Một vài mẫu trong số đó còn già hơn kinh đô cổ của chúng ta. Còn ai là người có tài sáng tạo một vẻ đẹp tương tự bây giờ? Vậy là, một số bản sao...

- ...

- Hoặc giả cây cối nữa. Trong đấy chả có những cây già hơn thành phố ta là gì?

- Với tôi thì những chuyện như thế quá khó hiểu. Việc của tôi là dệt. Ngày này qua ngày khác. Mà sao lại bàn cãi về các thứ vải quý ở đây nhỉ? - Hideo cúi gằm xuống. - Tôi chỉ nghĩ có thể này: nếu đem đặt Chieko cạnh Miroku ([\[28\]](#)) ở chùa Chiugudgi hay Koriudgi, thì cô nhà tuyệt vời hơn những pho tượng ấy biết chừng nào?

- Có lẽ, bảo Chieko vậy thì sẽ khiến nó vui sướng đấy, cho dù nó không xứng được so sánh thế... ôi, Hideo? Người con gái biến thành bà già nhanh lắm. Nhanh lắm!

- Thì tôi đã nói: đám uất kim hương sống, - Hideo bắt đầu cao hứng nói. - Tiết khai hoa ngấn ngủi lắm, song trong cái khoảnh khắc thoáng qua ấy là toàn bộ vẻ sung mãn của cuộc sống. Lẽ nào không phải như vậy? Và chính bây giờ là lúc tiết ấy đã đến.

- Tôi đồng ý. - Takichiro lại quay về phía chàng trai.

- Tôi không có ý định dệt những thắt lưng khả dĩ dành lại cho cháu chắt chúng ta. Tôi sẽ làm những cái để người thiếu nữ phải nói: đấy là cái dành cho tôi - và sẵn lòng mặc vào ngày hôm nay, ngay bây giờ, lúc nàng đang độ tuổi xuân.

- Một ý kiến tuyệt vời, - Takichiro gật đầu.

- Đây là lý do tại sao tôi nói đám uất kim hương đang sống. Giờ chúng đang nở rộ, song đây đó đã có những cánh hoa rụng.

- Âu cũng...

- Dầu rằng hoa rụng cũng mỗi thứ mỗi khác. Một đặng anh đào như cơn bão thực sự bằng cánh hoa, còn như loài uất kim hương kia...

Chắc ý anh muốn nói những cánh hoa uất kim hương rụng phải không? Tôi chỉ nói một điều: bãi hoa uất kim hương không hợp lòng tôi - nó có quá nhiều những đóa hoa sặc sỡ, mà mất đi vẻ đáng yêu... Có lẽ, tất cả là do tuổi già đã đến chăng?

- Ta đi chứ thưa ngài, - Hideo đề nghị. - Thành thật mà nói, đã nhiều lần người ta mang các phác thảo đến tôi, yêu cầu dệt thắt lưng có họa tiết uất kim hương, nhưng đây là mẫu vẽ trên giấy, và tôi từ chối. Còn hôm nay tôi đã tận mắt ngắm những đóa uất kim hương đầy nhựa sống - và khác nào được sáng mắt ra.

*

Năm người bọn họ rời bãi hoa uất kim hương, cất bước leo lên các bậc đá.

Một bờ giậu chạy dài theo cầu thang, hay thậm chí không phải bờ giậu nữa mà là bức lũy bằng những cây đỗ quyên kirixi thì đúng hơn. Đỗ quyên chưa ra hoa, nhưng vạt lá lẫn lẫn ken dày và xanh mướt của nó giúp tôn thêm sắc rực rỡ những đóa uất kim hương đã bừng nở.

Từ trên cao nhìn xuống là cảnh mấy khu vườn trồng mẫu đơn thân mộc - mẫu đơn Trung Hoa có hương thơm và botan. Chúng cũng chưa ra hoa. Những vườn mẫu đơn có vẻ gì chưa thuận mắt - có lẽ vì chúng mới xuất hiện cách đây không lâu.

Rặng Hiay mờ mờ hiện ra ở đằng Đông.

Hầu như từ bất cứ chỗ nào trong vườn bách thảo cũng đều trông thấy quang cảnh một rặng núi nào đó: hoặc Hiay, hoặc Đông Sơn hay Bắc Sơn.

Núi Hiay từ sau vườn mẫu đơn hương ló ra vẻ như gần ngay đấy.

- Chỉ có đỉnh núi là không rõ - sương mù che khuất mất, - Xoxuke nói với Takichiro.

- Màn sương xuân che lấp cả dáng hình...- Takichiro vẫn chăm chăm rặng núi đáp. - Otomo ạ, nó không nhắc chú rằng mùa xuân đã đến sao?

- Không bác ạ!

- Hay ngược lại, nó gợi ra ý nghĩ mùa xuân đã tàn?

- Không, thưa bác, - Xoxuke lặp lại. - Mùa xuân qua nhanh quá. Chúng tôi không kịp cả việc ngắm hoa anh đào cho đến nơi đến chốn.

- Khéo chú chẳng tự phát hiện cho mình điều gì mới hết.

Họ im lặng bước đi một lúc.

- Otomo này, sao ta không dạo con đường trông long nảo ưa thích của chú nhỉ? - Takichiro đề nghị.

- Rất vui lòng, thế tôi cũng đủ sung sướng rồi. Nếu cô nhà cùng đi với chúng ta thì càng hay ạ. - Và Xoxuke ngoảnh lại nhìn Chieko.

Trên cao, cành long nảo đan vào nhau, tạo thành mái lều màu xanh lá cây phía trên đầu. Những chiếc lá non óng ả ngả chút ánh tia tía. Tuy trời lặng gió vẫn hơi rung rinh.

Cả năm người lặng lẽ đi, thỉnh thoảng mới trao đổi vài câu ngắn gọn. Ở đây, dưới tán lá long nảo, từng người theo đuổi ý nghĩ riêng của mình.

Khi Hideo so Chieko với những pho tượng Miroku đẹp nhất ở Nara và Kyoto mà lại còn nói rằng cô gái đẹp hơn những pho tượng ấy, thì Takichiro lo nghĩ thực sự. Phải chăng Hideo say mê con ông đến thế. Mà nếu con bé lấy anh ta làm chồng thì nó nương nấu vào đâu? Trong cái xưởng dệt của họ ư? Lại suốt từ sáng đến đêm se sợi à?

Ông ngoảnh lại, Hideo đang sôi nổi kể một chuyện gì đó với Chieko, còn nàng thì chốc chốc lại gật đầu về tán đồng.

Nói chung thì Chieko không nhất thiết phải về nhà Otomo. Cứ thu nhận Hideo vào gia đình mình cũng được, Takichiro nghĩ.

Chieko là đứa con gái độc nhất. Có thể hình dung Xighe sẽ buồn phiền đến đâu nếu nó về nhà chồng. Mặc khác, Hideo là con trưởng của Otomo, mà bản thân Xoxuke đã thừa nhận rằng nó vượt cha về tài nghệ chuyên môn. Liệu chú ấy có thuận cho Hideo đi không? Song chú ấy vẫn còn hai đứa con trai kia mà.

Và dẫu sao đi nữa, cho dù việc kinh doanh của ông gần đây có sa sút ông, Takichiro, vẫn là một thương gia bán buôn ở khu Nakaghio. Phải chăng có thể so sánh ngôi nhà hiệu buôn của ông và cái xưởng dệt, nơi cả thầy có ba cái máy, nơi không có một thợ mướn nào và những người trong gia đình phải tự làm bằng tay toàn bộ công việc. Một công việc vất vả vĩnh dưới quan điểm thương mại. Cứ trông Axako - mẹ của Hideo, hay những đồ dùng thảm hại trong bếp thì biết... Vậy thì thử hỏi làm sao Hideo, tuy là con trưởng đi, lại không đến với gia đình họ một khi anh ta cưới Chieko...

- Hideo là một thanh niên đứng đắn và cương nghị, - Takichiro bật lên thành tiếng, tựa thể để tiếp tục độc thoại với mình. - Một người như thế hoàn toàn có thể trông cậy được, cho dù còn ít tuổi.

- Bác cho như vậy à? Xin đa tạ - Xoxuke điềm tĩnh đáp. - Còn nói làm gì: làm thì nó cần cù đấy, nhưng sống không hòa hợp với mọi người... Vụng về, thô lỗ... Lắm lúc tôi đến lo cho nó.

- Đấy không phải là cái chính, mặc dù ngay tôi, chú nhớ chứ, cũng vừa phải một trận với anh ta xong, - Takichiro nói, không có vẻ méch lòng mà đúng hơn còn vui vẻ là đằng khác. - Chả nên giận anh ta, tính khí nó vốn vậy mà... À nhân tiện, sao chú lại đến với mỗi mình Hideo?

- Rủ thêm mấy đứa nhỏ nữa cũng được, nhưng thế thì lại phải dùng mấy mất. Với lại tôi nghĩ: cứ đi giữa rặng long não thế này, nhìn ngắm thiên nhiên, may ra tính nết nó dịu bớt đi...

- Con đường tuyệt diệu thật. Mà chú có biết không, Otomo, tôi đưa Xighe và Chieko đến đây, đại để cũng là do lời khuyên của Hideo đấy.

- Sao lại thế ạ? - Nét mặt Xoxuke biểu lộ vẻ băn khoăn. - Nghĩa là nó muốn thấy cô nhà sao?

- Không, không, chuyện hoàn toàn không phải ở chỗ đó! - Takichiro sợ hãi xua tay.

Xoxuke ngoái lại nhìn. Hideo và Chieko đang đi cách họ một quãng, còn theo sau đấy là Xighe.

Lúc họ ra qua cổng vườn bách thảo, Takichiro đề nghị:

- Otomo này, bố con chú lấy xe chúng tôi mà đi. Từ đây đến Nhixidgin một tí chứ mấy, trong lúc xe quay lại chúng tôi còn tản bộ một lúc dọc bờ sông...

Xoxuke lưỡng lự, song Hideo nói:

- Cảm ơn, chúng tôi xin lạm dụng lòng tốt của ngài.

Anh ngồi vào xe trước cha.

*

Ô tô chuyển bánh, Xoxuke nhồm nhồm ghế lễ độ vái chào Takichiro và hai người phụ nữ cùng đi. Còn Hideo thì không ra khẽ cúi đầu cũng chẳng ra không - thật khó hiểu.

- Anh chàng này ngộ thật, - Takichiro nói, vất vả lắm mới nén được cười: ông nhớ lại lúc mình tát anh ta. - Chieko, con chuyện trò thế nào mà khiến chàng trai ấy say mê thế? Anh ta đúng là yếu đuối trước những cô gái trẻ.

Chieko bối rối cụp mắt xuống:

- Anh ta nói, còn con chỉ nghe. Lúc đầu chính con cũng nghĩ: Sao anh ta lại vui chuyện thế, nhưng sau thì con cũng bắt đầu thấy thú vị...

- Anh ta phải lòng con chẳng? Con biết không, Hideo bảo với cha rằng, con tuyệt vời hơn các pho tượng Miroku ở những chùa Chiugudgi và Koridgi... Con xem, anh chàng lạ lùng không?

Lời cha nói làm Chieko bối rối. Mặt và cả cổ nàng nữa ửng hồng lên.

- Anh ta kể chuyện gì vậy? - Takichiro hỏi.

- Hình như, về số phận những cái máy dệt tay ở Nhixidgin.

- Ra thế ư? Về số phận? - Takichiro trầm ngâm thốt từng tiếng.

- Dĩ nhiên chữ “số phận” cần đến một cuộc nói chuyện không đơn giản, song... đại để là về số phận, - Chieko xác nhận.

Họ đi men sông Kamogaoa theo con đê có lối mòn trồng thông.

Takichiro xuống phía bờ sông. Ở đây, dưới thấp, ông bỗng dừng nghe thấy rành rọt tiếng nước tràn qua đập chắn.

Ven bờ, từng đôi thanh niên ngồi trên đám cỏ non, những người có tuổi thì đang lấy lại sức bằng thức ăn mang theo từ nhà.

Ở bờ bên kia, một lối mòn đi dạo trải dài bên dưới đường nhựa.

Sau mấy cái cây anh đào hiếm hoi, xanh thắm lên tán lá non sau mùa hoa, hiện ra rừng Atago, mà cạnh nó là Tây Sơn, còn ngược lên phía thượng nguồn một chút là Bắc Sơn. Đẳng ấy là một khu vực được bảo tồn, nơi cảnh quan tự nhiên được đặc biệt bảo vệ.

- Ta ngồi một lát đi, - Xighe đề nghị.

Cách cầu Kitaodgi không xa, người ta phơi lụa iudgen trên cỏ.

- Hôm nay tiết xuân đẹp lắm, - Xighe vừa đưa mắt nhìn xung quanh vừa nói.

- Đây, ý mình về Hideo thế nào? - Takichiro hỏi bà.

- Ý ông định nói gì?

- Nếu tiếp nhận anh ta vào gia đình ta ấy mà?...
- Sao cơ? Ngay lập tức thế à?...
- Con người anh ta xứng đáng.
- Cái đó cũng đúng, nhưng ông đã hỏi ý kiến Chieko chưa?
- Nó chả nói sẵn sàng mọi việc đều tuân theo cha mẹ vô điều kiện là gì? Phải vậy không, Chieko? - Takichiro quay sang cô gái.
- Trong chuyện này không thể nài ép được. - Xighe cũng nhìn Chieko.

Chieko ngồi trên thảm cỏ, đầu cúi. Trước mắt nàng chập chờn hình ảnh Xinichi Midzuki - không phải bây giờ, mà là thời còn là một cậu bé, mặc quần áo chú tiểu thời xưa, lông mày kẻ, môi tô son đỏ thắm, mặt xoa phấn trắng, đi cỗ xe đẩy trong ngày lễ Ghion.

Chieko hồi tưởng lại anh ta có vậy. Lúc ấy chính nàng còn là một cô bé chưa biết gì.

Chú thích

[26] Phuroxiki: chiếc khăn để gói đồ đạc mang theo, tựa như tay nải của ta.

[27] Idea, sense (tiếng Anh trong nguyên văn): ở đây dùng với nghĩa thuật ngữ mỹ thuật: “quan niệm thẩm mỹ, khuynh hướng thẩm mỹ”.

[28] Miroku: Phật vị lai.

IV. LOÀI THÔNG LIỀU TRÊN BẮC SƠN

Lâu lắm rồi, ngay từ thời Heian, ở Kyoto đã thành lệ thế này: khi người ta nói “núi” thì trước hết điều đó có nghĩa là núi Hiay, còn nếu người ta nói “lễ” thì cũng hiểu ngầm ngay là những ngày lễ của chùa Kamo.

Lễ Cầm Quỳ ([29]), vào ngày mười lăm tháng năm hàng năm, đã qua rồi.

Từ năm 1956, trong Lễ Cầm Quỳ, ngoài lễ rước do vị sứ giả của thiên hoàng đứng đầu còn có thêm đám rước dẫn đầu là một vị hoàng cô nhỏ tuổi, - đây là để tưởng niệm cái nghi thức xưa, công chúa phải tẩy bụi trần ở sông Kamogaoa trước khi hiến đời mình phục vụ trong các chùa Kamo. Mặc bộ trang phục gồm mười hai chiếc kimono, hoàng cô trang trọng ngự trên cỗ xe trắng bò đực.

Rồi tiếp đến dãy kiệu các ngự tiền phu nhân, và cả các thị tì, thiếu nữ mới lớn và nhạc công. Đám rước này sẽ tạo cho hội lễ một vẻ tráng lệ đặc biệt nhờ trang phục phong phú và nét trẻ trung của hoàng cô do một thiếu nữ chọn trong các nữ sinh viên trường cao đẳng sắm vai. Thịnh thoảng, sự lựa chọn rơi vào đám bạn gái của Chieko. Trong những trường hợp đó nàng cùng các bạn khác ra con đê ven sông Kamogaoa để xem trước.

Ở Kyoto là nơi có bao nhiêu chùa cổ Phật giáo và Thần đạo như thế, hầu như không ngày nào là không có hội chùa lớn nhỏ. Cứ trông lịch tháng năm là đủ thấy - chả có ngày nào không có ngày lễ.

Trong các đình quán cũng như ngay giữa trời người ta mở nghi thức trà đạo, khắp nơi các chảo thức ăn nóng bốc khói...

Song năm nay ngay cả Lễ Cầm Quỳ Chieko cũng không dự. Tháng năm nhiều mưa khác thường, và lại đã biết bao lần từ thuở bé người ta đưa nàng đến dự lễ này.

Chieko đặc biệt yêu hoa, nhưng nàng còn thích cả những chiếc lá non, cả màu xanh tươi mát của cây cối. Nàng ngắt lá phong non ở Takao, đầy thích thú thăm viếng khắp vùng lân cận Oakaodgi.

- Mẹ ạ, năm nay đến cả hái chè ta cũng chả xem, - Chieko nói lúc nàng đang pha trà đầu vụ của vùng Udgi.

- Vụ thu hái đã xong đâu, - Xighe đáp lại.

- Thật hả mẹ?

Cô bạn Masako của nàng gọi điện thoại đến:

- Chieko, ta đến Takao xem phong đi. Bây giờ ở đây vắng người - không như vào thu...

- Muộn rồi chẳng?

- Rất đúng lúc - chính ở đây còn mát hơn trong thành phố.

- Được thôi, - Chieko thỏa thuận, sau đó, hình như chợt nhớ ra điều gì nàng nói: - Sau lần bọn mình viếng thăm Heian Dgingu, đáng ra phải tới chỗ những cây anh đào trên núi Xiudzan, thế mà bọn mình quên biến đi mất. Cậu còn nhớ cái cây anh đào già ấy không?... Tiếc rằng giờ thì muộn mất rồi. Nhưng lại hợp lúc ngắt đám thông liễu trên Bắc Sơn. Từ Takao đến đấy một tí chứ mấy. Cậu biết không, mỗi lần nhìn những cây thông liễu Bắc Sơn thanh tú đâm thẳng lên trời mình lại thấy trong lòng ngây ngất. Để sau này tới đấy, hẳn sẽ đột nhiên thêm ngắt loài cây phi thường ấy - còn hơn cả xem phong ở Takao cơ.

*

Tới Kakao, Chieko và Masako mới quyết định sẽ ngắt phong không chỉ quanh quần chùa Dgingodgi, mà cả ở gần các chùa Xaimiodgi tại Makino và Kodzandgi ở Togano nữa.

Đường lên Dgingodgi và Kodzandgi khá dốc, chỉ mặc có chiếc váy mỏng mùa hè và đi giày gót thấp nên Masako lo ngại nhìn Chieko trong bộ

kimono thắt lưng rộng khổ. Nhưng vẻ mặt Chieko không hề có dấu hiệu nào mệt mỏi.

- Làm gì mà cậu nhìn mình ghê thế? - Chieko hỏi.

- Đẹp quá đi mất? - Masako thăm thì.

- Đúng, rất đẹp! - Chieko vừa thốt lên vừa đưa mắt nhìn con sông Kiyotaki hiện ra ở xa xa phía bên dưới. - Ở đây mát mẻ hơn mình nghĩ.

- Nhưng mà mình... - Masako cười sặc sụa nói, - mình muốn nói cậu chứ có phải con sông đâu.

- Lấy đâu ra những giai nhân thế này cơ chứ?

- Thôi, mình xin cậu.

- Cái kimono giản dị giữa màu xanh mơn mơn cây lá chỉ càng tôn nhan sắc cậu lên thôi. Mà thật ra một cái áo đẹp cũng vẫn hợp với cậu.

Hôm ấy, Chieko mặc chiếc kimono tím hoa cà màu dịu và cái thắt lưng rộng bằng vải hoa mà cha đã hào phóng tặng nàng.

Chieko khoan thai bước lên các bậc đá. Trong khi Masako tán tụng sắc đẹp của nàng thì nàng nghĩ đến các bức chân dung Xighemori Taira và Yoritomo Minamoto ([30]) ở chùa Dgingodgi - chính những chân dung mà André Malraux ([31]) gọi là kiệt tác của thế giới. Nàng nhớ, trên trán và má Xighemori còn lưu lại những vết thuốc màu đỏ.

Masako trước ấy chưa lần nào công khai thán phục sắc đẹp của Chieko. Ở chùa Kodzandgi, Chieko thích trông lên núi từ chỗ hành lang rộng thênh thang của phật điện Iximidzuin: Nàng thích cả bức tranh ở đây họa vị tổ sáng lập ngôi chùa - thánh Mioe đang ngồi trên cây gỗ nhập thiền. Cũng trong ngôi chùa này còn treo phiên bản tranh cuốn thư Chiodgiughiga - những bức vẽ hoạt kê cảnh đời chim thú. Các vị sư đãi trà hai cô gái.

Masako chưa đi quá chùa Kodzandgi bao giờ. Nói chung thì lộ trình du lịch kết thúc ở đây. Còn Chieko vẫn nhớ có lần cha đã dẫn nàng đi nữa, rồi

họ ngắm anh đào trên núi Xiudzan và hái cả một ôm cỏ tháp bút. Cọng cỏ tháp bút dài và mỏng. Sau đấy thì chính nàng, lúc đáp xe đến Takao, đã đi bộ tới tận cái làng trên Bắc Sơn, nơi những cây thông liễu mọc. Nay làng này đã được sáp nhập vào Kyoto và trở thành một quận của thành phố. Trong quận cả thảy có một trăm hai mươi đến một trăm ba mươi nông hộ, nên có lẽ cứ gọi nó là làng như trước thì phải hơn.

- Mình sẽ cố chừng nào còn đi bộ được, - Chieko nói. - Chỗ này hay quá, mà đường thì tuyệt. Những vách núi dựng đứng ở kề bên tiến sát đến sông Kiyotaki.

Hai cô gái đi quá lên trước chút nữa và đã trông thấy cánh rừng thông liễu tuyệt đẹp. Cây mọc thành hàng tăm tắp. Thoạt trông cũng đoán ra chúng được chăm nom cẩn thận. Người ta sản xuất gỗ tròn từ thứ cây giá trị này và cũng chỉ ở làng này người ta mới có thể gia công nó một cách khéo léo mà thôi.

Ý chừng đang là giờ nghỉ nên những phụ nữ đốn cành trên các cây thông liễu đã tuột từ trên cây xuống đất nghỉ ngơi.

Masako chú ý đến một cô gái và không rời được mắt khỏi cô ta, hết như bị bỏ bùa.

- Nhìn cô ta kìa, Chieko. Cô ta giống cậu lạ lùng, - Masako thì thầm.

Cô gái mặc kimono màu chàm thẫm lấm tấm trắng hạt đỗ và quần ống rộng. Tay áo thắt nơ, tạp dề mặc ra ngoài kimono, tay đeo đôi găng chỉ phủ phần mu bàn tay. Chiếc tạp dề loại phủ quanh người, hai bên xẻ tà. Nơ và thắt lưng hẹp khổ màu đỏ. Đầu quấn khăn bông. Những người khác cũng ăn vận như vậy.

Họ tựa tựa như những phụ nữ Ohara hoặc Xirakaoa đi tàu xe đến thành phố bán rong, song ăn mặc thì khác. Đàn bà Nhật quần áo như thế khi lao động ngoài đồng hay trong vùng núi.

- Quả là cô ta giống cậu hết sức! Lạ thật! Cậu nhìn kỹ xem.

- Thật ư? - Chieko liếc sang cô gái cái nhìn thoáng qua. - Cậu lắm chuyện quá đấy, Masako ạ.

- Cứ cho là thế đi, nhưng xem kìa, cô ta xinh quá?

- Ủ thì xinh, thế sao nào...

- Đến phải cho cô ta là con rơi của cậu mất.

- Đây, quá quắt vừa vừa chứ! - Chieko tức giận.

Masako hiểu rằng cô diễn đạt không được đạt lắm, song cố nén tiếng khúc khích cứ bật ra, lại vẫn chêm thêm:

- Người giống nhau vẫn có đã đành, nhưng đằng này sao giống thế!...

Cô gái thân nhiên cùng các bạn gái đi qua mặt họ. Chiếc khăn bông quấn trên đầu đã bị tụt xuống trán và che mất nửa má. Vì thế khó mà nhìn được mặt cô ta cho rõ. Do đâu Masako đoán được họ giống nhau? Chieko thường đến chơi làng này, không ít bận quan sát cánh đàn ông tước vỏ cây gỗ ra sao, đám phụ nữ bắt tay vào việc, cạo sạch súc gỗ rồi cẩn thận đánh bóng bằng cát lấy cạnh thác Bodai và đã rửa bằng nước sôi hay nước lã như thế nào.

Nàng lảng máng nhớ những người phụ nữ này bởi đã thấy họ làm việc bên vệ đường, vả lại ở cái làng nhỏ bé này cũng không có quá nhiều phụ nữ để đến nỗi không nhớ nổi họ, song cố nhiên, Chieko không để ý nhìn kỹ từng người riêng biệt trong số họ.

Masako dõi mắt theo cô gái đang đi khuất.

- Nhưng dù sao mặc lòng vẫn giống nhau đến lạ lùng, - cô ta lặp đi lặp lại hơi cúi xuống, rồi chăm chú nhìn Chieko - như thể tự kiểm tra mình.

- Giống ở điểm nào? - Chieko hỏi.

- Khó nói cái gì giống - mũi ư, hay mắt? Nói đúng hơn có một cái gì đấy chung ở toàn bộ nét mặt, tuy rằng, xin lỗi cậu nhé, lại có thể đem so sánh

cô tiểu thư ở khu phố kinh đô Nakaghio với một cô gái người làng trong núi được sao?

- Mời cậu cứ việc!

Tốt nhất là cứ bám theo cô ta, xem xem cô ta ở đâu, Masako sức nghĩ ra.

*

Với thói bộ chấp của mình Masako không hề có ý định theo chân cô gái đến tận nhà cô ta. Chẳng qua buột mồm nói lỡ - thế thôi. Mà Chieko cũng đã chậm bước, nàng gần như dừng lại, đưa mắt nhìn lúc thì rặng thông liễu trên núi, lúc những ngôi nhà có các súc gỗ tựa vào vách.

Những súc gỗ trắng bề ngang, như nhau, đã đánh bóng thật đẹp. Đúng là các tác phẩm nghệ thuật, - Chieko nói. - Mình nghe người ta lấy những súc gỗ như thế dựng các đình quán dùng cho nghi thức trà đạo, người ta còn chuyển chúng đến cả Tokyo và Kyuxiu...

Các súc gỗ xếp thành hàng ngăn nắp, chạm tới diềm mái. Chúng nằm cả trên tầng hai, chỗ phơi quần áo. Ngó nghiêng vẻ hết sức kinh ngạc, Masako nói:

- Cảm tưởng như thể các gia chủ sống giữa đám gỗ súc vậy.

- Lại lo hão, - Chieko bật cười. - Mình cam đoan với cậu rằng sau bãi gỗ kia có chỗ là tuyệt vời.

- Cậu hãy nhìn xem, trên tầng hai người ta chả phơi quần áo mới giặt...

- Cái gì cậu cũng lấy làm lạ, đã thế lại còn luôn luôn vội vã kết luận - lúc thì dân địa phương sống ra sao, lúc thì mình giống cô gái ấy lạ lùng...

- Mỗi chuyện một khác chứ, - Masako lập tức trở nên nghiêm túc. Phải chăng việc mình nhận thấy cậu giống cô ấy khiến cậu buồn phiền?

- Không một tí nào... - Chieko đáp, nhưng ngay lúc đó nàng chợt nhớ lại cặp mắt cô ta. Ở người con gái khỏe mạnh, quen lao động nặng nhọc ấy, cặp mắt ẩn giấu một nỗi buồn sâu lắng, khó hàn gắn nổi. - Phụ nữ làng này

là những người lao khổ như vậy đấy, - Chieko thốt ra lời, tựa như đang cố thoát khỏi cái gì gọi ra trong nàng nỗi lo âu vô thức.

- Có gì là lạ? Khỏi phụ nữ lao động ngang với đàn ông. Lấy ví thử những người nông dân hay ngay như các bà bán rau bán cá thì thấy, - Masako nói, giọng bỗ bã. - Mấy cô tiểu thư như cậu, Chieko ạ, thì sự gì cũng dễ tâm quá đáng.

- Như mình ấy à? Nhưng mình cũng sẽ làm việc. Thế còn cậu?

- Mình thì mình không muốn, - Masako trả lời cộc lốc.

- Ôi, giá chỉ được cho cậu thấy những cô thôn nữ ấy lao động như thế nào, - Chieko nói, mắt lại hướng lên những cây thông liễu mọc trên núi. - Có lẽ, ở đằng ấy người ta đã bắt đầu tĩa rồi.

- Như vậy là thế nào, tĩa ư?

- Để thu được những súc gỗ đẹp bằng thông liễu, người ta phải đốn cành bằng cách dùng thang mà trèo, nhưng cũng có khi họ chuyển từ cây này sang cây kia, như khi...

- Nhưng thế thì nguy hiểm lắm?

- Một số người, leo lên cây từ sáng, thế mà đến tận bữa trưa vẫn chưa xuống...

Masako cũng nhìn lên rừng thông liễu. Thân chúng thẳng và cân đối quá là đẹp. Những chùm lá xanh trên các ngọn cây từ đây trông nhỏ xíu.

Núi chỗ này cao nhưng không chập chùng lắm. Và những thân thông liễu đều đặn nhô lên trên các ngọn núi gây một ấn tượng khác lạ. Hàng lối ngay ngắn nơi chúng có cái gì hao hao như kiến trúc các đình quán dùng cho nghi thức trà đạo tương lai.

Ở hai bên dòng Kiyotaki các rừng núi kết thúc đột ngột, dường như chúng đang nhào vào khe núi hẹp.

Sự dư thừa độ ẩm nhờ mưa xuống thường xuyên và số ngày nắng nóng không đáng kể giúp người ta thu được từ thông liễu thứ vật liệu xây dựng rất đặc biệt.

Những rặng núi cao chính là vật cản gió tự nhiên. Mà những cơn gió mạnh thì rất nguy hại cho thông liễu. Chúng làm gỗ mềm ra, tước mất chất dẻo dai, thế là thân cây cong vẹo, mất đi vẻ cân đối. Các ngôi nhà trong làng nằm dưới chân núi, rải thành một dãy dọc bờ sông.

Chieko và Masako đi tới cuối làng rồi quay trở lại.

Cạnh mấy ngôi nhà, những người phụ nữ đang đánh bóng các súc gỗ. Thân cây tắm nước được gia công rất cẩn thận bằng cát sông. Cát mịn, giống như đất sét màu hạt dẻ nhạt, lấy từ đáy sông chỗ thác Bodai đổ xuống.

- Nếu hết cát thì các bác làm thế nào? - Masako hỏi.

- Không hết được đâu. Mưa cuốn cát ra thác, nó chảy xuống cùng với nước rồi lắng ở đáy. - Một phụ nữ đã có tuổi đáp.

- Họ vô lo đến thế là cùng, Masako nghĩ.

Trông đám phụ nữ làm đâu được đấy, Masako mới thấy Chieko đứng. Các súc gỗ bề dày độ năm, sáu xun, và có lẽ được dự tính làm cột chống.

Người ta dùng nước rửa sạch gỗ súc đã đánh bóng, phơi khô, rồi lấy giấy hoặc rơm bọc lại và chuyển cho người đặt hàng.

Đôi chỗ, thông liễu mọc ngay sát lòng sông Kiyotaki đầy đá.

Loài thông liễu trên núi và những súc gỗ xếp thành hàng dọc các nhà cửa trong làng làm Masako nhớ đến những rào gỗ phủ sơn Ấn Độ được chăm sóc cẩn thận nơi các ngôi nhà cổ Kyoto.

Hai cô gái lên xe buýt ở bến đỗ đầu làng, nơi có thể trông thấy cảnh thác Bodai. Họ ngồi trên xe im lặng một lúc.

- Giá người ta cũng nuôi dạy con cái con người cho được ngay thẳng như loài thông liễu kia có phải tốt không, - Masako phá vỡ bầu không khí im lặng.

- Người ta chả coi sóc chúng ta như những cái cây ấy đâu, - Chieko cả cười. - Nào nói đi Masako, cậu vẫn ra chỗ gặp như mọi khi đấy chứ?

- Mình vẫn ra... Chúng mình ngồi ở đám cỏ trên bờ sông. Kamogaoa.

- ...

- Ở Kiyamachi dạo gần đây đông người. Bây giờ họ mắc cả điện ở đó. Nhưng chúng mình ngồi ở mé bờ sông, quay lưng lại các quán ăn nên khách vẫn cảnh không để ý thấy bọn mình.

- Tối nay cũng thế...

- Ừ chúng mình đã có hẹn vào lúc tám rưỡi.

Hình như, Chieko thèm muốn được tự do như thế.

*

Chieko ăn tối với cha mẹ ở căn phòng phía xa, trông vào sân trong.

- Hôm nay bên ngài Shimamura có gửi xaxamakidzuxi ([32]) đăng quán “Hiomaxa” sang, thành thử tôi chỉ nấu món canh, - Xighe phân trần.

- Được rồi, - Takichiro lúng búng.

Xaxamakidzuxi với mấy miếng cá quân, đây là món ông ưa thích.

- Cô đầu bếp chính nhà ta hôm nay về hơi muộn: cùng với Masako đi xem thông liễu ở Bắc Sơn...

- Được rồi.

Những chiếc bánh Xaxamakidzuxi xếp có ngọn trên cái đĩa Imari ([33]). Vừa bóc lớp lá trúc gấp hình tam giác, Takichiro vừa ăn ngon lành món bánh bột gạo có rải trên mặt những lát cá quân xắt mỏng. Canh nấu bằng váng sữa đậu sấy khô với nấm xiytake.

Cửa hiệu của Takichiro còn duy trì cái thần thái của các hiệu buôn cổ Kyoto cũng như còn giữ được ở mặt tiền ngôi nhà dãy hàng rào phủ sơn Ấn Độ, song giờ đây cơ sở kinh doanh của họ đã được cải biến thành công ty, còn đám người làm từ viên quản lý đến những người tùy phái được kể như các cổ đông và họ đến cửa hiệu với tư cách đi làm. Chỉ có hai, ba thợ học việc sinh quán ở Omi là ở thường xuyên tại cửa hiệu, chiếm một phòng trên tầng hai. Do vậy đến giờ ăn tối thì bầu không khí tĩnh mịch bao trùm mấy căn phòng phía xa.

- Sao, Chieko, sao con hay đến cái làng trong Bắc Sơn thế? - Xighe hỏi.

- Thông liễu ở đấy mọc đẹp lắm, cây nào cũng thẳng băng, ngay ngắn. Ôi, giá như tâm tình con người cũng được như vậy thì hay quá.

- Nhưng lẽ nào con không được như thế - Xighe ngạc nhiên.

- Than ôi, trong con nào có được sự thẳng thắn ấy...

- Xighe này, - Takichiro xen vào, - con người dù có thẳng thắn, cởi mở bao nhiêu đi nữa, cái bản thể suy nghĩ anh ta vẫn suy ngẫm đủ mọi chuyện trên đời.

- Mà thế cũng tốt. Những cô gái giống như loài thông liễu ngay thẳng và thanh nhã đã đành là tuyệt vời khôn tả, song những người như vậy đâu có trong tự nhiên, mà ví thử có đi nữa họ cũng hẳn phải chịu khổ trong cuộc đời. Cứ để cho cây cong, nhưng cái chính là làm sao nó mọc được và lớn được lên. Tôi nghĩ vậy...

- Xem cây phong già trong vườn nhà ta là đủ thấy. Trông nó kìa...

- Mình giảng giải điều đó cho con gái chúng ta làm gì? - Xighe nói, vẻ không hài lòng.

- Tôi hiểu, tôi hiểu! Chieko không bao giờ lại thiếu thành thật...

Chieko lặng lẽ nhìn ra vườn, rồi thăm thì giọng đầy phiền muộn:

- Trong cây phong ấy ẩn giấu nguồn sức mạnh lớn lao biết bao... Than ôi, sức mạnh ở Chieko này thì có hơn gì loài hoa tím nương nấu trên thân nó. Chao ôi, kìa, những đóa hoa tím đã tàn rồi.

- Ừ nhỉ, - Xighe thốt lên. - Nhưng nếu như thế thì xuân sang năm chúng sẽ lại nở...

Chieko đưa mắt xuống phía dưới một chút, rồi cái nhìn của cô dừng lại ở cây đèn Cơ đốc. Dưới làn ánh sáng từ trong phòng hắt ra, cây đèn cũ kỹ mang hình chúa hầu như không nhìn thấy nữa, mà nàng thì bỗng dừng muốn cầu nguyện.

- Mẹ ơi, mẹ nói thật đi: con sinh ở đâu?

Xighe và Takichiro đưa mắt nhìn nhau.

- Dưới rặng anh đào nở ở Ghion, - Takichiro quả quyết đáp.

*

Sinh ở Ghion dưới rặng anh đào nở... Giống như Hào quang Thất nữ Kaguyahime của “Truyện lão ông Taketori”([34]) mà người đời phát hiện thấy trong gióng trúc.

Nghĩa là, cũng tựa như Kaguyahime, có lẽ nên ráng mà đợi vị thiên sứ từ cung trăng xuống, Chieko đùa cợt nghĩ thầm song lặng thinh không nói.

Người ta đã vứt bỏ hay đánh cắp nàng - chẳng nào cũng vậy thôi, cả bà Xighe và ông Takichiro đều không biết nơi nàng sinh. Có lẽ cả cha mẹ đẻ nàng họ cũng không biết.

Chieko hối hận: nàng gợi ra câu chuyện rất không đúng chỗ ấy mà làm gì, nhưng nàng cảm thấy không nên xin lỗi ông Takichiro và bà Xighe về chuyện đó vào lúc này. Mà tại sao nàng lại đột nhiên hỏi về mình như thế nhỉ? Bản thân nàng cũng không rõ. Có lẽ, nàng nhớ tới cô gái ở ngôi làng trong Bắc Sơn mà như lời Masako nhận xét, nàng quá giống cô ta...

Chieko không biết để mắt vào đâu nữa và nàng đắm đắm nhìn ngọn cây phong già. Nền trời đêm tỏa sáng yếu ớt - hoặc giả trăng đã mọc, hoặc ở đâu đó có đình đám hội hè.

- Bầu trời cứ như mùa hè vậy...- Xighe nói lúc nhìn lên phía bên trên cây phong. - Con hãy nhớ rằng, con sinh ở đây, Chieko ạ. Cho dù không phải ta sinh ra con, nhưng con ra đời chính trong ngôi nhà này.

- Vâng, vâng ạ! - Chieko gật đầu chiều theo.

Ở chùa Kiyomidzu nàng đã nói đúng sự thật với Shinichi: không phải nàng bị đánh cắp trong công viên Maruyama dưới rặng anh đào nở, mà bị vứt bỏ cạnh lối vào cửa hiệu của Takichiro. Ông cũng nhặt được nàng ở đây.

Hai chục năm đã trôi qua, kể từ lúc ấy. Takichiro dạo bảy giờ mới ngoài ba mươi, mà ông thì chẳng từ các thú chơi bời. Vì thế Xighe nào có tin ngay điều ông kể lẽ khi ông xuất hiện với đứa bé trên tay.

“Đừng cố tình loanh quanh nữa... Rõ như ban ngày rồi: việc này là do một trong các cô kỹ nữ quen anh mà ra đây!”.

“Bây bạ quá chừng! - Takichiro thậm chí đỏ bừng mặt vì phần nộ. - Coi xem có cái gì ủ ấm cho con bé thì hơn. Này, sao thế? Đến bây giờ cô vẫn khẳng khẳng nó là con một kỹ nữ hả?!” Ông chìa đứa bé chơ vơ.

Xighe đón lấy đứa bé gái rồi áp má vào khuôn mặt bé bỏng lạnh giá của nó.

“Ta biết làm gì với nó đây?” - Bà hỏi.

“Đi vào nhà, bình tĩnh đã rồi hẵng bàn. Cứ đứng như phỗng thế làm cái thứ gì!”

“Nó còn bé tí tẹo thế này, không khéo chỉ mới đẻ được vài ngày là cùng”.

Cha và mẹ con bé không ai biết, và ghi nhận nó là con gái nuôi thì Takichiro không có quyền - muốn vậy phải được sự đồng ý của người bố người mẹ. Vậy thì ông ghi tên nó vào sổ gia phả với tư cách người thừa kế vợ chồng Xada. Họ đặt tên con bé là Chieko.

Trong dân gian người ta cho rằng: một khi trong gia đình có đứa bé được nhận làm con nuôi thì thế nào cả đứa con đẻ cũng sẽ chào đời. Song điều như vậy đã không xảy ra với Xighe, và vợ chồng Xada dành toàn tâm toàn ý nuôi dạy đứa con gái độc nhất. Nhiều năm qua rồi và họ hiểu rằng, ai là cha mẹ đẻ đã vứt bỏ con bé, ngày càng ít làm họ bận khoăn. Thậm chí họ cũng không rõ những người ấy còn sống không.

Bận ấy, việc dọn dẹp sau bữa tối không đòi hỏi nhiều thời gian, và Chieko đã nhanh chóng làm một mình: thu nhặt những lá trúc dùng để bao thứ bánh bột gạo với cá, rồi rửa bát đựng canh.

Sau đấy nàng lên gác, về phòng ngủ của mình và bắt đầu xem mấy cuốn vừng tập phiên bản tranh của Paul Klee và Chagall mà cha đã mang theo đến Xaga. Nàng thiếp đi lúc nào không biết nhưng chẳng mấy chốc đã giật mình thức giấc vì tiếng thét của chính mình.

*

- Chieko, Chieko! Con làm sao thế? - Tiếng từ phòng bên cạnh vọng sang. Chieko chưa kịp trả lời thì những tấm phuxuma đã mở ra và Xighe bước vào. - Chắc là chiêm bao thấy mộng xấu nên con mới hét lên như thế. - Xighe ngồi ghé xuống giường của Chieko và bật ngọn đèn ngủ ở đầu giường.

Chieko nhồm dậy, vẫn còn bị ảnh hưởng của cơn ác mộng ban đêm:

- Ôi chao, người con đầm đìa mồ hôi đây này. - Xighe lấy chiếc khăn vải xô ở chiếc bàn trang điểm nho nhỏ, bà lau trán, rồi lau ngực cho nàng. Cô gái không cưỡng lại. Bộ ngực trẻ trung nõn nà kia sao đẹp thế, Xighe nghĩ.

- Con lau hai nách đi, - bà nói, chìa cái khăn ra.

- Cám ơn mẹ.

- Mơng sợ lắm phải không?

- Dạ vâng. Con mơ thấy đường như con ngã từ trên cao, từ từ sa xuống qua một màn tối màu lục hung hiểm mà mãi không thấy đáy.

- Những cơn ác mơng như thế thì nhiều người bị rơi, rơi mãi xuống vực thăm không đáy.

- ...

- Khéo không con bị cảm lạnh đấy, Chieko. Hay là, con thay kimono mặc đi ngủ nhé?

Chieko gật đầu. Nàng chưa tỉnh hẳn và khó khăn lắm mới đứng được trên đôi chân khó bảo.

- Không cần, không cần, con khắc tự lấy lấy.

Chieko hơi then thùng trước mặt mẹ, nhanh nhẹn thay sang chiếc áo ngủ kimono, rồi bắt đầu gập cái áo đã mặc lại.

- Để đấy, dù sao cũng phải giặt rồi. - Xighe đón lấy chiếc kimono từ tay nàng và ném lên cái mắc áo kê trong góc. Sau đó lại ngồi xuống đầu giường.

- Con có sốt không đấy? - Xighe sờ trán Chieko. Trán lạnh.

- Có lẽ chẳng qua con mệt vì đến làng ấy chơi thôi.

- Sắc mặt con không được khỏe. Khéo mẹ đem giường của mẹ lại nằm cạnh vậy.

- Cám ơn mẹ, mẹ cứ yên tâm. Con khỏe rồi, mẹ đi nghỉ đi.

- Mẹ thấy hơi ngờ ngợ thế nào ấy. - Xighe vén chăn và nằm ghé xuống mép giường. Chieko nhích ra, nhường chỗ cho bà. - Con lớn quá rồi còn gì, đến ngủ cùng giường với con cũng hóa bất tiện.

- Khéo mẹ không chợp được mắt mất.

Nhưng Xighe đã ngủ thiếp đi đầu tiên. Chieko với tay ra ngoài chăn và gượng nhẹ, để khỏi làm mẹ thức giấc, tắt đèn. Nàng không ngủ được.

Giấc mộng Chieko thấy khá dài. Nàng kể cho mẹ nghe mỗi đoạn kết thôi.

Thoạt đầu giấc mộng dễ chịu và giống như thực tại. Nàng mơ thấy mình cùng Masako tới ngôi làng trong Bắc Sơn và ngắm thông liễu. Masako nói với nàng là sao nàng giống cô gái kia thế, nhưng trong mộng sự giống nhau này khiến nàng quan tâm hơn rất nhiều so với sự thực lúc ở dưới làng. Cuối giấc mộng nàng đâm hụt chân ở đâu đó xuống cái màn tối màu lục... Do đâu mà có nó nhỉ? Có thể là, do cánh rừng thông liễu trên Bắc Sơn chăng?

*

Takichiro thích các cuộc thi chặt trúc do chùa Kurama mở. Đây thực sự là ngày hội của đàn ông.

Takichiro đã đi xem những cuộc thi ấy từ thời niên thiếu, chúng chẳng có gì lạ đối với ông, song năm nay ông quyết định dẫn Chieko đi theo. Hơn nữa, là vì một ngày hội khác. - nổi tiếng ở Kurama, - lần này không tiến hành được vì thiếu tiền.

Takichiro cứ lo trời xấu: cuộc thi của những người đốn củi thường diễn ra vào giữa mùa Tsuyu ([\[35\]](#)).

Ngày mười chín tháng sáu mưa rào thực sự - trận mưa quá to ngay cả đối với mùa mưa.

- Mưa rào thế này sẽ không lâu, mai thế nào trời cũng hửng. - Takichiro vừa nhắc đi nhắc lại vừa trông lên trời.

- Cha ạ, con có ngại mưa đâu, - Chieko nói để yên lòng ông.

- Cha hiểu, - Takichiro đáp. - Nhưng nếu không tốt trời...

Suốt ngày hai mươi mưa phùn lấm tấm không ngớt.

- Đóng hết cửa ra vào và cửa sổ lại, - Takichiro ra lệnh cho các nhân viên trong cửa hàng. - Kéo mà hàng họ ầm hết.

- Cha ạ, vậy ra ta không đi à? - Chieko hỏi.

- Khéo ta hoãn đến sang năm thôi. Giờ thì sương mù che kín cả núi Kurama...

Thường thì dự thi không phải các tăng lữ mà là những người thế tục bình thường. Việc chuẩn bị bắt đầu từ ngày mười tám tháng sáu: người ta lựa cứ bốn cây trúc một, cả đực lẫn cái, thân buộc chặt với nhau, đặt bên phải và bên trái lối vào Phật điện chính của chùa. Trúc đực người ta để lá lại nhưng chặt gốc, trúc cái để cả gốc.

Theo cổ lệ những người dự thi ở phía trái lối vào Phật điện - nếu đứng quay mặt về hướng đó - coi là phái Tamba, còn ở phía phải là phái Omi ([36]).

Mọi người dự thi đều mặc quần áo cổ truyền bằng lụa thô, đi dép rơm buộc dây, tay áo thắt nút, đeo hai thanh kiếm đầu quần kexa ([37]) may năm mảnh lại, thắt lưng giắt lá nandina, tay cầm texac ([38]) nhét trong bao gấm. Dẫn đầu là người mở đi trước dọn đường, những người dự thi tiến về phía cổng chùa.

Khoảng một giờ trưa, một vị sư mặc trang phục cổ xưa rúc vỏ ốc báo hiệu khởi đầu cuộc thi. Hai chú tiểu còn nhỏ tuổi hướng về phía vị tăng trưởng trụ trì chùa, kéo dài giọng tuyên cáo:

- Xin cung chúc nhân ngày lễ Chặt Trúc!

Sau đấy họ quay lại phía những người dự thi ở bên phải và bên trái Phật điện chính và nói:

- Chúc phái Omi thắng!

- Chúc phái Tamba thắng!

Tiếp theo là thủ tục san lại các thanh trúc, sau đấy hai chú tiểu thông báo với vị sư trụ trì:

- Việc san lại đã hoàn tất rồi ạ.

Các vị sư vào Phật điện tụng kinh. Xung quanh, vì thiếu sen ([39]) người ta rải hoa cúc đầu mùa.

Vị sư trụ trì từ bệ cao bước xuống, xòe chiếc quạt gỗ bách giả rồi nâng lên hạ xuống ba lần. Đây là dấu hiệu bắt đầu cuộc thi.

Vừa reo “Hô!”, những người dự thi từng hai người một tiến lại gần những thanh trúc và chặt chúng ra làm ba khúc.

Đó chính là cuộc thi Takichiro muốn cho Chieko xem. Đúng vào lúc ông còn đang phân vân liệu có nên đến Kurama trong tiết mưa gió thế này không thì Hideo tới. Kẹp dưới nách anh là một cuộn gì nhỏ nhỏ, buộc trong phuroxiki.

- Thừa đây là thắt lưng cho cô nhà. Vậy là cuối cùng tôi cũng đã dệt xong.

*

- Thắt lưng ư?... Takichiro ngơ ngác hỏi. - Thắt lưng cho con bé ư?

Hideo lùi lại một bước, cúi xuống tạ, hai bàn tay chạm đất.

- Với họa tiết uất kim hương à?... - Takichiro vui vẻ hỏi.

- Không, mà theo phác thảo ngài đã sáng tạo ở Xaga, - Hideo nghiêm trang đáp. - Lần ấy, vì trẻ dại tôi đã ăn nói lỗ mãng với ngài. Thành thực xin ngài thứ lỗi, thưa Xada tiên sinh.

- Ngược lại, Hideo ạ, tôi phải tạ ơn anh. Chính anh đã mở mắt cho tôi đấy. - Takichiro nói.

- Tôi mang đến chiếc thắt lưng mà ngài đã yêu cầu dệt, - Hideo nhắc lại.

- Anh bảo sao? - Takichiro ngạc nhiên nhìn chàng trai chăm chăm. - Bức phác thảo ấy tôi đã vứt xuống sông cạnh nhà anh rồi cơ mà.

- Nghĩa là...ngài đã vứt bỏ?... - Hideo giữ vẻ thản nhiên như thách thức.
- Song ngài đã cho tôi dịp được xem nó, và tôi nhớ mẫu vẽ.

- Thế mới bậc thầy chứ! - Takichiro reo lên, nhưng lập tức sa sầm lại. - Này Hideo, vì lẽ gì anh dẹt thắt lưng theo cái mẫu mà tôi đã vứt đi? Vì lẽ gì, tôi hỏi anh? - Một cảm xúc lạ lùng xâm chiếm Takichiro, nó không ra buồn bực mà cũng không ra cáu giận. Nén mình, ông nói thêm: - Anh chẳng đã nói, rằng trong phác thảo thiếu sự hài hòa và hơi ấm tâm hồn, rằng nó phảng phất vẻ bất ổn và bệnh hoạn đầy thôi?

- ...

- Vì thế mà tôi đã vứt bỏ nó, ngay khi ra khỏi nhà anh.

- Thưa Xada tiên sinh, tôi cúi xin ngài: hãy rộng lòng thứ lỗi, - Hideo lại một lần nữa cúi tạ rất thấp, tay chạm nền nhà. - Hôm ấy tôi bận bịu từ sáng thành ra chán ngán công việc, mệt mỏi và bực tức với cả thiên hạ.

- Có điều gì không ổn cũng đã xảy ra với tôi. Ở ni viện, nơi tôi ẩn náu, sự thực là không ai quấy rầy tôi hết. Ở đấy yên tĩnh lắm - có mỗi vị ni viện trưởng già với một bà lão giúp việc họ nhưng không ở lại, Vậy mà buồn phiền, buồn phiền đến thế...Với lại mọi chuyện ở cửa hiệu hồi gần đây đều cực kỳ tồi tệ, thế rồi thành linh anh nói hết với tôi những điều đó... Mà đáng thôi! Ai khiến tôi, một anh nhà buôn, đi vẽ phác thảo, đã thế lại còn theo mốt mới.

- Cả tôi cũng đã cân nhắc nhiều chuyện. Nhất là sau lần gặp gỡ con gái ngài ở vườn bách thảo.

- ...

- Xin ngài hạ cố dù là xem qua chiếc thắt lưng một chút. Nếu không vừa lòng xin cứ lấy kéo cắt vụn nó ra.

- Cứ cho xem đi, - Takichiro càu nhàu. - Này Chieko, lại đây nào.

Chieko, nãy giờ ngồi sau bàn viết cạnh viên quản lý, tức khắc đáp lại tiếng gọi.

Nhíu đôi lông mày rậm, mím môi, Hideo vẽ quả quyết đặt gói xuống chiếu, song những ngón tay anh đang mở phuroxiki hơi run run.

- Mời tiểu thư xem, đây là chiếc thắt lưng làm theo mẫu vẽ của cha tiểu thư, - anh cúi chào Chieko và lặng người đi. Chieko bẻ lại mép chiếc thắt lưng.

- Ô, chính là những bức tranh của Klee đã gợi ý cho cha phác thảo này đây. Ở đẳng ấy, ở Xaga phải không ạ?

Nàng bẻ lại chút nữa rồi đặt áp vào đầu gối.

- Tuyệt vời!

Takichiro lặng thinh, làm mặt rầu rĩ, tuy nhiên trong thâm tâm ông sửng sốt trước trí nhớ của Hideo, người đã nhớ mẫu vẽ không sót một chi tiết nhỏ nào.

- Cha ơi? Cái thắt lưng quả là tuyệt diệu, - Chieko thốt lên vẻ thán phục không giấu giếm.

- ...

Nàng rờ rờ chiếc thắt lưng, rồi quay về phía Hideo nói:

- Dệt chắc lắm.

- Đa tạ, - Hideo cúi gằm xuống đáp.

- Xem cả được chứ?

Hideo gật đầu.

Chieko đứng dậy, trải rộng hết khổ chiếc thắt lưng ra sân. Rồi nàng đặt tay vào vai cha và bắt đầu xem kỹ tác phẩm của Hideo.

Thế nào, cha? - Nàng hỏi.

- ...

- Chẳng lẽ nó không đẹp sao?

- Con thích nó thật chứ?

- Vâng, con cảm ơn cha, cha ạ.

- Con cứ xem cho kỹ nữa đi.

- Họa tiết mới mẻ, khác thường... Thắt lưng tuyệt diệu rồi, chỉ cần một chiếc áo khoác kimono tương hợp nữa...Thật tuyệt tác!

- Thế ư! Được rồi, nếu con thích con hãy cảm tạ Hideo đi.

- Cảm ơn tiên sinh Hideo, - nàng cúi xuống.

- Chieko, - người cha nói với nàng. - Có cảm thấy được sự hài hòa, hơi ấm tâm hồn họa trên tiết thắt lưng không nhỉ?

Câu hỏi của Takichiro làm cô gái bị đột ngột.

- Sự hài hòa? - Nàng hỏi lại và lại nhìn chiếc thắt lưng lần nữa. - Cha nói “hài hòa” sao? Thì...cái đó còn tùy thuộc ở cái áo kimono và ở người sẽ mang thắt lưng... Sự thật là, thời gian gần đây người ta đâm ra cứ cố tình sáng chế thứ quần áo có họa tiết phi hài hòa...

- Phải. - Takichiro gật đầu. - Chẳng là thế này, khi cha đưa mẫu cha vẽ cho Hideo xem và hỏi ý kiến anh ấy thì anh ấy trả lời rằng trong đó thiếu sự hài hòa. Thế là cha vứt nó xuống chỗ sông gần xưởng dệt nhà anh ấy.

- ...

- Nhưng tuy vậy Hideo đã dệt thắt lưng hoàn toàn đúng như mẫu của cha. Phải chăng là anh ấy đã lựa thuốc nhuộm và màu chỉ khác đi một chút.

- Xin ngài lượng thứ vì tôi đã mạo muội tự tiện, thưa Xada tiên sinh. - Hideo lại cúi mình. - Xin tiểu thư đừng quản ngại hãy ướm thử thắt lưng xem - anh nói với Chieko.

- Với kimono này ư?... Chieko rời chiếu đứng dậy, quàng thắt lưng quanh lưng. Thế là lập tức, toàn bộ vẻ duyên dáng của nàng hiện ra rực rỡ khác thường. Vẻ mặt Takichiro tươi tỉnh lên.

- Thừa tiểu thư, đây là tác phẩm của cha tiểu thư, - Hideo thốt lên. Cặp mắt anh sáng ngời vui sướng.

Chú thích

[29] Lễ Cầm Quỳ (Aoy matsuki) được cử hành ở chùa thần đạo Kamo tại Kyoto, thờ thần sấm. Trong những ngày hội lễ, chùa thất, trang phục của tăng lữ, kiệu thánh... được trang trí bằng lá cầm quỳ, là loài cây theo di đoan có tác dụng phòng sấm sét.

[30] Xighemori Taira (1138-1179): Vị thống soái thời Heian. Yoritomo Minamoto (1147-1199): nhà cầm quyền phong kiến đầu tiên thời Kamakura (1192-1333).

[31] André Malraux (1901-1976): nhà tiểu thuyết và hoạt động văn hóa Pháp chống phát xít, nguyên Bộ trưởng Bộ Văn hóa Pháp (1959-1969).

[32] Xaxamakidzuxi: loại bánh nhỏ hình tròn, bằng bột gạo trộn với những miếng cá sống, rau... cho thêm dấm và đường, bao bằng lá trúc

[33] Imari: một khu trong quận Xaga, nổi tiếng về hàng bát đĩa làm bằng thứ đất sét trắng ở địa phương.

[34] Truyện của tác giả khuyết danh đầu thế kỉ X, dựa trên cốt truyện cổ về nàng nguyệt nữ, vì lỗi lầm gì đó bị đẩy xuống hạ giới rồi đã đem lòng yêu một người trần thế.

[35] Tsuyu: mùa mưa, trùng vào tháng sáu.

[36] Tên các tỉnh thời xưa gần Kyoto.

[37] Kexa: dải vải dài vắt từ vai trái xuống dưới cánh tay phải (một phần trang phục của các vị tăng lữ đạo Phật).

[38] Texac: vũ khí để đâm chém, lưỡi sắc hai bên, ngắn và rộng bản, chuôi hình chữ thập.

[39] Sen: là thứ hoa linh thiêng trong đạo Phật, biểu tượng của sự thanh khiết và chân lý.

V. LỄ GHION

Chieko ra khỏi nhà mang theo chiếc giỏ lớn để thức ăn. Nàng ngược phố Oike đến quán “Yubahan” trong khu Phuya, nhưng bất giác dừng lại vì mãi nhìn lên trời. Cả khoảng trời từ núi Hiay đến Bắc Sơn hừng hực như chìm trong đám cháy.

Mùa hè ngày dài, giờ mà hoàng hôn thì thật quá sớm, và lại ngay sắc trời cũng không gây ấn tượng buồn bã như vẫn thường thấy trước buổi chiều tàn. Những ngọn lửa bùng bùng bốc lên trên nền trời, lan ra rộng khắp khoảng mệnh mang ấy.

- Ô, chuyện gì thế nhỉ?! Ta chưa hề thấy bao giờ... - nàng lấy chiếc gương nhỏ ra, ngắm khuôn mặt mình trong gương bao giữa những đám mây màu lửa. - Sẽ không bao giờ quên... Sẽ phải nhớ chuyện này suốt đời, - nàng thầm thì. - Con người hay bị các tâm trạng này nọ làm sao”.

Các rặng Hiay và Bắc Sơn như có màu chàm thẫm trên nền trời đỏ.

Ở quán “Yubahan” người ta đã sắp sẵn váng sữa đậu khô, cũng như cả botanyuba và yaoatamaki cho Chieko.

- Kính chào tiểu thư, - bà chủ quán chào Chieko. Bao nhiêu là hàng đặt vào dịp lễ Ghion, không còn lấy một phút rảnh rỗi. Ngay với các khách hàng kỳ cựu cũng chật vật lắm mới làm kịp, chứ những người khác thì đành từ chối thôi.

Quán ăn này chỉ làm theo đơn đặt hàng. Ở Kyoto có những cơ sở như thế, các hiệu bánh cũng nằm trong số đó.

- Chúc mừng tiểu thư nhân ngày lễ, và xin đa tạ - đã ngần ấy năm mà không quên chúng tôi. - Bà chủ quán chất đến miệng cái giỏ của Chieko. Bà ta xếp vào đó yaoatamaki và botanyuba - váng sữa đậu cán thành hình

ống sậy khô: loại đầu có trộn lá ngưu bàng, loại thứ hai trộn với trái cây bạch quả.

Quán “Yubahan” đã trên hai trăm tuổi. Nó diễm phúc thoát được các trận hỏa hoạn mà trước đây thường xảy ra vào những dịp lễ Lễ, và vẫn giữ được vẻ xưa cũ - duy có đôi chỗ người ta sửa sang chút ít: Ô cửa sổ trên mái đã lồng kính còn những bếp lò để làm váng đậu thì đã lát gạch - trước kia chúng na ná như những kanu ([40]) kiểu Triều Tiên thông thường.

- Trước, dạo đun than, mồ hóng cứ rơi vào váng đậu, cho nên bây giờ chúng tôi dùng mùn cửa thay than, - có lần bà chủ đã giải thích cho nàng.

Người ta khéo léo dùng đũa trúc vớt lớp váng sữa đậu vừa hơi đông lại khỏi những cái chảo ngăn cách nhau bằng các lá đồng vuông rồi hong lên những thanh ngang bằng trúc. Váng đậu khô đến đâu người ta vắt từ thanh thấp lên thanh cao đến đấy.

Chieko vào tận trong bếp, nơi có cây cột đã lâu đời. Nàng nhớ, lần nào họ cùng đến mẹ cũng xoa xoa nó.

- Cái cột bằng gỗ gì vậy? - Chieko hỏi bà chủ quán.

- Gỗ bách giá. Nó cao đến tận nóc nhà và thẳng như mũi tên ấy.

Chieko dịu dàng chạm vào cột rồi đi ra. Trên đường về nàng nghe tiếng nhạc oang oang: các nhạc công đang tập để chuẩn bị cho lễ Ghion.

Những khách ở xa đến quen cho là lễ Ghion kéo dài cả tháng có một ngày - mười bảy tháng bảy, lúc trong thành phố có rước Yamaboko ([41]). Dân Kyoto thường tụ họp ở chùa vào ngày trước đấy - vào đêm trước ngày lễ. Chứ thực ra lễ Ghion kéo dài suốt tháng bảy. Ngày mùng một tháng bảy, ở mỗi quận có chuẩn bị kiệu rước riêng của quận mình, người ta rút thẻ đình để chọn ra người ngư trên kiệu, đâu đâu cũng nghe tiếng nhạc ngày hội.

Mở đầu hội rước kiệu hàng năm là kiệu naghinataboko ([42]) có các cậu bé mặc trang phục chú tiểu ngồi trên. Ngày mùng hai và mùng ba tháng

bảy, thứ tự tiếp theo của những kiệu còn lại khác được xác định một lần nữa lại nhờ rút thẻ. Ngài thị trưởng thành phố điều hành nghi thức này.

Người ta làm kiệu từ đầu tháng, và đến mừng mười tháng bảy nghi thức “tẩy rửa” kiệu diễn ra ở cầu Đại lộ thứ tư trên sông Kamogaoa. Tuy gọi là “tẩy rửa” nhưng sự thực vị sư trụ trì chùa chỉ giản đơn nhúng cành cây thiêng xakaki xuống nước rồi rẩy lên kiệu.

Mười một tháng bảy, những cậu bé sẽ ngự chiếc kiệu mở đầu hội rước tập trung ở thánh điện Ghion. Các cậu đi ngựa, mặc áo chên bằng thứ lụa riêng - xuikan - và đội mũ chóp cao bằng lụa hồ - tateeboxi. Sau lễ tế, các cậu được chuyển sang nghi lễ tấn phong phẩm hàm thứ năm, mà kế tiếp phẩm hàm ấy là hàm tendgiobito - hàm của vị cận thần được phép ra vào cung.

Thời xưa, người ta tin rằng, các vị thần Thần đạo cũng như Phật giáo tham dự lễ tết ngang hàng như nhau, cho nên ở bên phải, bên trái các chú tiểu bây giờ, đôi khi người ta đặt các bạn đồng niên của họ, tượng trưng cho các vị bồ tát Kannon ([43]) và Xayxi ([44]), cho dù lẽ là lẽ Thần đạo. Thêm nữa, vì chú tiểu nhận phẩm hàm của thánh nên xem như chú đã đính hôn với thánh thần.

- Tôi không muốn tham dự cái nghi lễ ngu xuân ấy, tôi là đàn ông? - Cậu thiếu niên Shinichi bực bội khi cậu được làm chú tiểu.

Các chú tiểu còn có “biệt hỏa” riêng, tức là bếp lò để người ta làm thức ăn cho các chú biệt lập với gia đình. Đây cũng là một dạng gột rửa tâm hồn. Sự thực bây giờ thì chuyện đó đã được đơn giản hóa: người ta chỉ cần dùng đá lửa và phiến quẹt đánh vài tia lửa vào thức ăn cho chú tiểu. Nghe nói, mỗi khi người thân quên, chính các chú tiểu yêu cầu: “Cho xin tí lửa, cho xin tí lửa!” Bốn phận của các chú tiểu vào dịp lễ Ghion không chỉ đóng khung trong một ngày họ ngự kiệu dẫn đầu đám rước. Các chú có không ít công lên việc xuống, và chả nhẹ nhàng gì! Phải đến chúc tụng từng quận có công làm kiệu, mà đấy cũng chưa phải hết. Tóm lại lễ Ghion là một tháng tròn, và chú tiểu thì suốt tháng bận lút đầu lút cổ. Mười bảy tháng bảy là

ngày rước kiệu, nhưng đối với dân cố đô thì có lẽ, ngày mười sáu - hôm trước ngày lễ - chứa đựng một vẻ mỹ miều hơn nhiều.

Lễ Ghion đang tới gần.

Ở cửa hiệu của Chieko người ta đã dờ dầy hàng rào tô điểm cho mặt tiền ngôi nhà để tu bổ.

Chieko cả đời ở Kyoto, hơn nữa cửa hiệu của cha mẹ nàng cách Đại lộ thứ tư không xa. Nếu còn tính đến chuyện Chieko có chân trong hội đệ tử chùa Yaxaka - tổ chức viên chủ chốt của ngày lễ, thì sẽ thấy ngay rằng, nàng chả lạ gì lễ Ghion. Ngày lễ Kyoto vào tiết hè nóng nực ấy...

Nàng đặc biệt thích thú khi nhớ lại cảnh chú tiểu Shinichi ăn vận bánh bao ngự trên chiếc kiệu thứ nhất ra sao. Bao giờ Chieko cũng nhớ lại cảnh ấy mỗi khi lễ Ghion bắt đầu, cả nhạc công chơi nhạc và những chiếc kiệu được trang hoàng các hoa dây kết bằng đèn lồng. Thuở ấy Shinichi và Chieko mới độ bảy, tám tuổi.

- Cậu bé xinh đẹp thế, đến đám con gái cũng chả bằng. - Người ta bàn tán về cậu.

Bấy giờ Chieko theo Shinichi đi khắp chốn - cả lúc cậu đến thánh điện Ghion để thụ phong phẩm hàm thứ năm, có lúc cậu ngự kiệu trong khi rước. Nàng nhớ cả lúc Shinichi có hai bạn đồng lứa tóc cắt ngắn đi kèm tới cửa hiệu để chúc mừng ra sao. Chieko-chian ([45]), Chieko-chian, - cậu gọi cô bé.

Chieko then đỏ mặt, nhất định không ngược mắt lên. Mặt Shinichi thoa lớp phấn trắng, môi tô son, còn cô bé thì chỉ có nước da hơi rám nắng để trang sức. Trong dịp lễ thường người ta đặt các ghế băng ghim chặt vào hàng rào nhà, và Chieko mặc chiếc áo kimono mùa hè, thắt dây lưng ngăn lấm tấm đỏ hạt đỗ cùng lũ trẻ con hàng xóm đốt pháo hoa.

Ngay cả giờ đây, khi lắng nghe các nhạc công chơi và ngắm nghía những tràng đèn lồng trên các kiệu rước, nàng vẫn thấy trước mặt mình cậu bé

Shinichi khoác bộ trang phục chú tiểu.

- Chieko, con không định đi chơi đêm trước hội sao? - Mẹ hỏi nàng lúc họ đã xong cơm tối.

- Còn mẹ thì sao hả mẹ?

- Tiếc là mẹ không đi được. Cha mẹ còn đợi khách.

Chieko nhanh nhẹn sửa soạn và rời khỏi nhà. Trên Đại lộ thứ tư người đông đến mức không len nổi. Song nàng biết rất rõ kiệu rước nào thì ở ngã tư nào - vậy là nàng đi vòng một lượt không sót cái nào. Thấy đều đẹp quá, lòng lấy quá! Cạnh chiếc kiệu nào các nhạc công cũng đang ráng hết sức chơi. Ở chỗ các kiệu rước tạm đỗ, nàng mua một cây nến nhỏ, thắp lên và thắp trước thánh linh. Trong thời gian lễ Ghion, người ta chuyển các tượng thánh từ chùa Yaxaka đến địa điểm các kiệu rước tạm đỗ - đây là khu vực phía Nam Kyoto, trên ngã tư Xinkioyoku và Đại lộ thứ tư.

Rồi ngay đấy Chieko thấy một cô gái đang bảy lần cầu khẩn.

Chieko thấy cô ta từ phía sau, nhưng cũng hiểu ngay cô ta đến đây làm gì. Muốn làm phép bảy lần cầu khẩn thì phải bảy bận lùi xa tượng thánh và bảy bận tiến lại gần miệng khăn vái. Vào những phút ấy thì không thể bắt chuyện với ai được.

- Ôi? Chieko không nén nổi tiếng kinh ngạc. Nàng có cảm giác như mình đã gặp cô gái này ở đâu thì phải. Chieko cũng lại làm phép bảy lần cầu khẩn mà không rõ tại sao nàng làm thế nữa.

Cô gái lùi khỏi thánh linh về phía Tây rồi lại quay lại. Chieko cũng tiến lui tương tự, nhưng nàng lùi về phía đối diện, phía đông.

Cô gái cầu khẩn nghiêm trang và lâu hơn Chieko. Với lại Chieko lùi cũng không xa bằng cô gái ấy. Nên sự thế là, họ đã khẩn xong bảy lần đồng thời và giáp mặt nhau trước tượng thánh.

- Chị cầu gì vậy? - Chieko hỏi.

- Chị để ý em phải không? - Giọng cô gái run run. - Em cầu thánh báo cho em biết chị gái em ở đâu... Nhưng giờ thì em biết: đúng chị, chị là chị ruột của em! Ngài đã thuận cho chúng ta gặp nhau ở đây. - Đôi mắt cô gái đầy lệ.

Chieko đã nhận ra cô ấy: đó chính là cô gái ở cái làng trong Bắc Sơn.

Do ánh đèn lồng cũng như các ngọn nến do những người đến cúi mình trước thánh linh cấm mà chỗ này sáng lắm, nhưng cô ta vẫn không ngần ngại khóc. Những giọt nước mắt cô lấp lánh ánh lửa phản chiếu.

Chieko bỗng dừng muốn ôm chầm lấy cô ta. Vất vả kìm mình lại nàng nói:

- Em không có chị, cũng không có em gái. Em có một mình thôi. - Mặt nàng tái đi.

- Em hiểu mà, xin tiểu thư thứ lỗi, - cô gái thì thầm rồi đau xót nấc lên. - Từ bé em cứ hy vọng sẽ gặp được chị gái. Vậy mà làm...

- ...

Cô gái gật đầu, và những giọt lệ trào ra má cô. Lấy khăn tay lau mặt, cô hỏi:

- Tiểu thư ạ, vậy tiểu thư sinh ra ở đâu?

- Gần đây thôi, trong khu các nhà buôn lớn.

- Em hiểu. Thế còn lúc khẩn tiểu thư kêu cầu điều gì vậy?

- Cầu cho cha mẹ được sung sướng, mạnh khỏe.

- ...

- Còn cha chị thì sao? - Chieko hỏi.

- Cách đây nhiều năm rồi ông đã ngã cây trong Bắc Sơn lúc đang chặt cành và bị thương đến chết. Về sau, ở làng người ta kể cho em hay chứ lúc ấy em còn bé lắm, có hiểu gì đâu.

Chieko có cảm giác trái tim nàng bị bóp nghẹt: phải chăng, linh hồn người cha đã khuất vẫn vẫy gọi ta, thế nên ta thích đến ngôi làng ấy ngẫm thông liễu. Cô gái này nói, chị em cô sinh đôi. Nên phải chăng, cha đã tự dẫn vạt về chuyện vớt bỏ đứa con gái đứt ruột đẻ ra, Ở đấy, trên ngọn cây, lúc suy ngẫm về hành vi đã qua, sơ sẩy một bước mà ngã. Sự thể có lẽ vậy. Trán Chieko toát mồ hôi lạnh. Cả tiếng ồn ào đám đông đầy chật Đại lộ thứ tư, cả những tiếng nhạc ngày hội như đã lùi xa đâu đó. Mắt tối sầm, dường như chỉ chút nữa là nàng ngất.

Cô gái chạm vào vai Chieko rồi lấy khăn mình lau mồ hôi trán cho nàng.

- Em cảm ơn. - Chieko đón lấy chiếc khăn ở tay cô gái và lau mặt. Thậm chí nàng không nhận thấy nàng đã nhét khăn người khác vào ngực áo mình.
- Còn mẹ chị thì sao?... - Nàng hỏi khẽ.

- Mẹ cũng... - Cô gái ấp úng. - Hình như, em ra đời cũng không phải trong Bắc Sơn chỗ có thông liễu đâu, mà ở một xóm núi xa xôi cơ - đằng quê mẹ. Thế rồi thì, mẹ em cũng...

Chieko không dám hỏi tiếp cô ta nữa.

*

Nhưng giọt nước mắt của cô gái này là nước mắt vui sướng. Khi nó khô rồi khuôn mặt cô sáng lên niềm hạnh phúc.

Còn về phần Chieko thì tuy nàng gắng giữ vẻ tự tin, chân nàng vẫn run, lòng ngổn ngang bối rối. Nàng không đủ sức lực để trấn tĩnh được ngay. Tựa hồ chỉ có một điều khích lệ nàng, đấy là vẻ đẹp đằm thắm của cô gái. Song Chieko không cảm thấy niềm vui sướng không cần giấu giếm mà cô ta cảm nhận. Trái lại, cảm giác lo âu không cắt nghĩa nổi càng xâm chiếm lòng nàng dữ dội hơn.

Nàng vẫn chưa quyết được phải cư xử với cô gái này thế nào lúc cô ta chìa tay phải ra cho nàng và nói: “Tiểu thư...” Chieko nắm cánh tay đã chìa

ra. Nó dãi dầu mưa gió, thô ráp chứ đâu được chăm chút như bàn tay Chieko. Song cô gái ý chừng không chú ý đến điều đó.

- Xin tạm biệt tiểu thư, - cô nói.

- Chị đã đi đấy ư?

- Em rất sung sướng...

- Mà tên chị là gì?

- Naeko.

- Naeko à? Còn em là Chieko.

- Hiện thời em đi ở cho người ta. Làng chúng em nhỏ lắm nên nếu chị có hỏi thì ai cũng sẽ chỉ cho chị biết chỗ em ở.

Chieko gật đầu.

- Tiểu thư ạ, chị chắc là hạnh phúc chứ?

- Vâng.

- Em sẽ chẳng hé một lời nào với ai về chuyện chúng ta đã gặp nhau. Em thề với chị đấy ([46]). Hãy để mình thánh Ghion mà giờ đây chúng ta đã kêu cầu biết điều đó.

“Tuy chúng ta là chị em sinh đôi đấy nhưng chắc Naeko nhận ra sự khác biệt về hoàn cảnh hiện thời của mỗi người, - Chieko nghĩ và lúng túng không biết trả lời sao, - mà chính ra người ta vứt bỏ là vứt bỏ ta chứ không phải chị ấy”.

- Xin tạm biệt tiểu thư, - Naeko nhắc lại, - em phải đi một khi mọi người chưa để ý đến chúng ta...

Lòng Chieko thắt lại.

- Naeko, nhà em không xa đâu - dù sao ta cũng qua đấy chứ.

Naeko lắc đầu, nhưng vẫn hỏi:

- Nhà chị có những ai?

- Ý chị nói gia đình em phải không? Chỉ có cha với mẹ...

- Không hiểu sao em cứ nghĩ: chắc hẳn chị đã được yêu quý ngay từ bé.

Chieko chạm vào tay áo cô gái:

- Chúng ta đứng đây lâu rồi đấy, ta đừng để mọi người chú ý đến mình.

- Vâng, vâng.

Cô quay lại phía kiệu rước và lại quên mình mà cầu khẩn lần nữa.
Chieko vội vàng noi theo cô.

- Tạm biệt nhé, - lần thứ ba Naeko nói.

- Tạm biệt, - Chieko đáp.

- Em còn nhiều điều muốn nói với chị. Khi nào rảnh rồi tiểu thư quá bộ ghé qua làng em nhé. Ta sẽ vào rừng, ở đấy chả có ai nghe thấy chúng ta nữa.

- Cám ơn.

Nhưng rồi vì sao không rõ cả hai người đi cùng một hướng - về phía cây cầu ở Đại lộ thứ tư.

*

Hội đệ tử chùa Yaxaka rất lớn. Nó còn tiếp tục cử hành lễ Ghion cả sau cuộc rước kiệu ngày mười bảy tháng bảy. Cửa ra vào tất cả các cửa hiệu được mở toang. Những bình phong bích họa và nhiều đồ tuyệt tác khác được mang triển lãm cho công chúng rộng rãi xem. Thuở trước, người ta có thể xem ở đây những tranh khắc Ukiyoe ([47])- thuộc loại cổ nhất! - và những họa phẩm của trường phái Kano, Yamatoe ([48]), những tấm bình phong nhị bình theo phong cách Sotatsu. Các bình phong còn được trang trí bằng cả những tranh nguyên bản theo phong cách Ukiyoe mô tả “những rợ phương Nam”([49]). Dân Kyoto đã từ lâu cử hành qui mô lớn ngày lễ Ghion mình yêu thích.

Hồi âm của điều đó đến giờ vẫn còn có thể thấy vào dịp rước kiệu. Người ta lấy gấm Trung Hoa, thảm treo, vải dệt chỉ vàng và khảm đá quý, có hình thêu tay trang hoàng các cỗ kiệu. Thời xưa, nhiều họa sĩ nổi tiếng đã tham gia trang hoàng kiệu. Vẻ tráng lệ vốn có của thời Momoyama ([50]) giờ nằm cạnh những kỳ vật hải ngoại - những của hiếm của các nước thông thương với Nhật Bản.

Ở một vài cỗ kiệu người ta còn đặt cả cột buồm của những hải thuyền được giấy phép giao thương với nước ngoài. Âm nhạc trong dịp lễ Ghion chỉ lúc thoát nghe là có vẻ thô sơ, chứ thực ra còn có hai mươi sáu cách diễn tấu nữa. Ngoài ra, người ta tìm thấy ở đó nhiều nét chung với nhạc đệm trong các vở diễn mibu kioghen ([51]) và với nhạc gagaku ([52]).

Tối hôm trước lễ là lúc người ta đang dùng những tràng đèn lồng nhỏ trang hoàng kiệu, các nhạc công thì chơi rõ to.

Mặc dù đám rước không đi qua những khu phố Kyoto nào nằm rải từ cầu Đại lộ thứ tư về phía đông nhưng cả ở vùng ấy nữa bầu không khí vui vẻ cũng ngời tri khắp nơi, đấy là chưa kể đến khu vực xung quanh chùa Yaxaka.

Gần tới cầu, đám đông xô đẩy Chieko và nàng bị tụt lại sau Naeko một chút.

Nàng vẫn không sao quyết được: chia tay Naeko ở đây chẳng, hay đi với chị ấy đến tận nhà? Rồi bỗng dưng nàng cảm thấy mỗi tình cảm nồng nàn trước cô gái kia đang dâng lên trong tâm hồn...

- Kìa tiểu thư, tiểu thư Chieko! - Ra là Hideo gọi giật Naeko lại ở ngay lối lên cầu. - Tiểu thư đi chơi đêm trước lễ đấy ư? Đi một mình à?

Naeko dừng lại, lúng túng. Song cô không ngoảnh lại nhìn, cũng không ra ý đưa mắt tìm kiếm Chieko.

Chieko vội vã lẫn vào đám đông.

- Tiết trời đẹp lắm, phải không ạ? - Chàng trai nói với Naeko. - Có lẽ đến mai thời tiết cũng không thay đổi đâu - tiểu thư trông kìa, những vì sao tuyệt diệu biết bao...

Naeko nhìn lên trời, cố nấn ná cho qua. Mặc nhiên, nàng mới gặp Hideo đây là lần đầu.

Cách đây không lâu tôi đã phạm điều thất thố vô cùng với cụ nhà. Thế, tiểu thư quả thực thích cái thắt lưng chứ?

- T-t-ôi...

- Mà lúc tôi đi rồi cụ nhà không giận dữ gì chứ?

- T-t-ôi... - Naeko không biết phải trả lời như thế nào, phải cư xử với chàng trai không quen biết này ra sao đây.

Nhưng dù sao cô cũng không tính chuyện cầu đến Chieko.

*

Naeko bối rối. Nếu đúng là Chieko muốn gặp chàng trai kia thì hẳn chị ấy đã lại với anh ta lúc này.

Chàng thanh niên đầu to, vai rộng, cặp mắt nhìn chăm chú.

Người có lẽ cũng khá, Naeko nghĩ. Nếu chưa gì đã nói chuyện thắt lưng, mà lưng thì hơi gù như thợ dệt thường ngày đứng máy, thì chắc anh ta ở bên Nhixidgin đây, cô quyết đoán.

- Tôi vì nông nổi đã quá lời nói mẩu vế của cụ nhà, rồi thì đêm không ngủ và dù sao cũng đã mạo muội dệt thắt lưng theo mẩu của cụ.

- ...

- Tiểu thư đã lần nào mặc chiếc thắt lưng ấy chưa?

- T-t-ôi... - cô lúng túng nói không ra tiếng.

- Tiểu thư quả thực thích chiếc thắt lưng chứ?

Cầu không được sáng bằng đường phố, và lại đám đông cứ chốc chốc lại tách họ ra... Nhưng dù sao Naeko cũng lấy làm lạ chàng thanh niên này sao có thể nhầm lẫn đến thế.

Kể thì khó mà phân biệt được những cặp sinh đôi một khi họ được nuôi dạy cùng trong một gia đình, nhưng Chieko với Naeko thì sống tách biệt mỗi người một ngả và lớn lên trong tình cảnh hoàn toàn không giống nhau. Hay chẳng qua anh ta cận thị cũng nên, cô nghĩ.

- Tiểu thư hãy cho phép tôi dệt tặng tiểu thư một chiếc thắt lưng theo mẫu riêng nhân dịp tiểu thư tròn hai mươi tuổi nhé.

- Xin cảm tạ tiên sinh, - Naeko ấp úng đáp.

- Chính các vị thánh đã run rủi cho chúng ta gặp nhau vào đêm trước lễ Ghion này sẽ trợ giúp tôi đấy.

Naeko chỉ còn biết ước đoán một điều: Chieko không muốn cho chàng thanh niên này đoán ra họ là chị em sinh đôi, bởi thế chị ấy mới không lại với anh ta.

- Xin tạm biệt, - cô nói.

- Tiểu thư đã đi rồi ư? Thật đáng tiếc... - Hideo hơi bị hăng. - Còn thắt lưng thì dù sao tôi cũng sẽ dệt... Sang thu, khi lá phong bắt đầu đỏ, - anh khẩn khoản nhắc lại trước khi từ biệt.

Naeko đưa mắt dò tìm Chieko, nhưng đã không thấy đâu nữa.

Của đáng tội, câu chuyện chàng trai nói về thắt lưng không may mắn khiến cô lưu tâm. Lòng Naeko hoan hỉ vì cuộc hội ngộ với Chieko, cuộc hội ngộ mà cô coi là đã xảy ra theo ý muốn thánh thần. Ngả người vào thành cầu, cô ngắm những ánh lửa soi xuống mặt nước một lát.

Sau đó cô chậm rãi bước dọc lan can về phía Đại lộ thứ tư, định bụng sẽ tụng niệm ở chùa Yaxaka.

Đến khoảng giữa cầu cô nhận ra Chieko đã trò chuyện với hai người còn trẻ.

Cô gần như kêu lên vì bất ngờ, song không đến gần.

Naeko ngấm ngấm theo dõi họ một lúc.

*

Họ nói chuyện gì thế nhỉ, Chieko nghĩ lúc nhìn Naeko với Hideo. Nàng đoán ngay ra là Hideo nhận lầm, nhưng cô gái kia sẽ xử sự ra sao khi lâm vào tình thế khó xử dường ấy?

Hay là, nên đến với họ thì hơn? Song nàng từ bỏ ngay ý định này. Đã thế, lúc nghe thấy Hideo gọi cô gái mà lại kêu tên nàng, Chieko đã ngay lập tức cố lẩn tránh họ trong đám đông.

Cớ sao nàng hành động như vậy?

Nỗi xao xuyến tâm hồn mà nàng nếm trải sau lúc gặp cô gái kia trước Thánh điện bên kiệu thiêng, hóa ra còn sâu sắc hơn niềm xao xuyến của Naeko. Chứ ít cô ấy cũng biết rằng mình có người chị em sinh đôi, và cô tìm kiếm người hoặc chị hoặc em ấy của mình. Còn Chieko thì đâu hình dung nổi một chuyện như thế. Mọi sự xảy ra quá đột ngột và nàng còn chưa kịp hiểu rõ mình, chưa kịp cảm nhận niềm vui sướng bộc bạch mà Naeko đã nếm trải lúc tìm được người chị em.

Hôm nay là lần đầu tiên nhờ Naeko mà nàng biết cha đẻ nàng đã bị tai nạn đến chết lúc ngã từ cây thông liễu xuống, còn mẹ cũng chẳng bao lâu đã nổi gót ông sang cõi bên kia. Nỗi niềm mất mát như một cơn đau khía vào tâm hồn nàng.

Đôi khi nàng cũng ngẫu nhiên nghe lỏm được hàng xóm to nhỏ rằng, nàng là con bị bỏ rơi, song Chieko vẫn cố không lưu tâm đến chuyện ai là cha đẻ nàng, giờ ông ở đâu. Cho dù có lưu tâm bao nhiêu đi nữa cũng cảm bằng là không biết mà thôi. Với lại, liệu có đáng phải dằn vặt không một khi ông Takichiro và bà Xighe yêu thương nàng đến quên mình là vậy.

Điều Naeko nói cho nàng hay vào buổi tối hôm trước lễ này không mang lại cho Chieko niềm vui sướng. Nhưng nàng cảm thấy tình chị em đầm ấm đang nảy nở trong tâm hồn mình.

“Chị ấy tâm hồn trong sạch và thuần phác hơn ta, cần cù và thể chất khỏe mạnh, - Chieko trầm suy nghĩ. - Có thể một lúc nào đó chị ấy sẽ là chỗ tựa cho ta...”

Trong đầu Chieko nảy ra ý nghĩ ấy lúc nàng lơ đãng lê bước trên cầu Đại lộ thứ tư.

- Kìa tiểu thư Chieko, tiểu thư Chieko, - đột nhiên tiếng Shinichi gọi vọng đến tai nàng. - Chị đi đâu một mình vậy? Chị xanh xao quá. Có chuyện gì ư?

- A, anh đấy à, Shinichi? - Chieko không đáp lại ngay, dường như nàng đang ở chốn nào xa, xa lắm. - Tôi vẫn hay nhớ lại lúc anh là chú tiểu trong lễ Ghion, hồi ấy anh đáng yêu làm sao.

- Ôi giờ ời cái đó mới thật khủng khiếp chứ? Nhưng giờ thì chỉ còn lại toàn những hồi ức thú vị.

Shinichi không đi một mình.

- Anh trai tôi, đang làm nghiên cứu sinh, - anh giới thiệu người cùng đi với mình.

Diện mạo thì người anh giống Shinichi, nhưng với Chieko, cung cách anh ta chào có vẻ như hơi sỗ.

- Thuở nhỏ Shinichi là thằng bé yếu ớt, dễ thương và xinh xẻo hết như con gái vậy! Đã thế lại hơi dần dẩn nên không khéo vì vậy mà người ta chọn chú ấy đóng vai chú tiểu trong lễ Ghion cũng nên. - Anh ta cười ha hả.

Họ đi về phía giữa cầu. Chieko thỉnh thoảng đưa mắt đảo nhìn người anh Shinichi.

- Chieko ạ, trông chị hôm nay đúng là không được khỏe lắm, buồn bã và xanh xao quá, - Shinichi lo lắng.

- Chẳng qua ánh sáng chỗ cầu này nó thế, - Chieko nói. - Vả lại anh nhìn xem, bao nhiêu là người mà ai cũng cười đùa, thành ra một cô gái đơn độc thì anh thấy có cảm giác là buồn. Xin đừng ngại, tôi vẫn khỏe.

- Không phải, đằng này tôi thấy không hẳn như thế. - Shinichi kéo Chieko lại phía thành cầu. - Chieko đứng dựa vào lan can ấy.

- Cám ơn anh.

- Chỗ này có phần thoáng hơn, dù rằng gió sông thì cũng hầu như chả có tí nào.

Chieko áp chặt hai lòng bàn tay vào trán và nhắm mắt lại.

- Shinichi này, lúc người ta cử anh làm chú tiểu và đặt lên kiệu thì anh lên mấy nhĩ?

- Xem nào... Hình như, khoảng lên bảy. Còn nhớ là chuyện ấy xảy ra một năm trước lúc tôi đi học...

Chieko im lặng gật đầu. Nàng thò tay vào ngực áo để lấy khăn - chả là mặt và cổ nàng toát mồ hôi lạnh, - thì phát hiện ra chiếc khăn tay vốn của Naeko.

- Ồ! - nàng không nén được tiếng kêu kinh ngạc và cảm thấy nó còn ướt nước mắt Naeko. Nằm chiếc khăn trong tay, Chieko không dám rút nó ra. Thế rồi nàng vo nó thành một búi nhỏ, lau trán và vội vã nhét trở lại chỗ cũ. Nàng có cảm giác chỉ tí nữa thôi mình sẽ òa lên khóc.

Shinichi băn khoăn nhìn Chieko. Anh hiểu: cái cử chỉ lấy chiếc khăn ra rồi lại bỏ nó vào ngực áo cũng thô vụng như thế không hợp với phong thái nàng.

- Chieko ạ, rõ ràng chị không được khỏe, có lẽ là sốt nóng hay sốt rét gì đấy. Về nhà ngay đi thôi - chúng tôi sẽ tiễn chị, phải không anh?

Người kia im lặng gật đầu. Suốt từ nãy anh ta không rời mắt khỏi Chieko.

- Có nên không? Nhà tôi ngay gần đây thôi mà.

- Nhất lại là tiền chị thì chúng tôi có quản gì đâu, - anh trai Shinichi quả quyết nói.

Họ rời cầu, đi về phía nhà Chieko.

- Shinichi này, thế anh có biết tôi cứ đi theo kiểu anh không? - Chieko hỏi.

- Có, tất nhiên tôi có nhớ chứ, - Shinichi đáp.

- Đạo ấy chúng ta là những đứa trẻ hoàn toàn vô tư.

- Thì thế! Tôi biết: chú tiểu mà nhìn ngang nhìn ngửa là không phải phép, nhưng dù sao tôi vẫn để ý thấy một cô bé lúc nào cũng theo sau kiệu. Không khéo đến mỗi rời chân mà vẫn không tụt lại...

- Chà, tuổi thơ đã ra đi không bao giờ trở lại, - Chieko thăm thì.

- Sao chị lại nói vậy? - Ngạc nhiên nhìn cô gái, Shinichi nói vẻ hơi trách móc. Buổi tối nay, rõ ràng nàng có gì xao xuyến trong lòng.

Họ đã tới nhà. Người anh trai lễ phép cúi mình chào Xighe vừa bước ra đón họ. Shinichi khiêm nhường đứng đằng sau anh ta.

*

Takichiro đang uống sake ngày lễ với khách trong gian phòng đầu kia. Bản thân ông không uống bằng ông rót cho khách. Xighe thì lúc ra bếp, lúc ngồi cạnh phục dịch họ.

- Thưa, con về đây ạ, - Chieko nói lúc bước vào phòng và lễ phép cúi chào khách.

- Có gì mà hôm nay con về hơi sớm...- Xighe nói và chăm chú nhìn con gái.

- Có sớm đâu ạ, xin mẹ thứ lỗi vì con đã về muộn nên không đỡ dần được mẹ.

- Mình mẹ cứ từ từ làm cũng xong, - người mẹ đáp trong khi lén đưa mắt ra hiệu cho nàng. Họ ra gian bếp nơi rượu sa ke đang được hâm nóng trong các chai. - Con ơi, có chuyện gì làm con buồn chẳng? Hai người đi tiền không xúc phạm con đấy chứ?

- Không ạ, Shinichi với anh trai anh ta cư xử không chê vào đâu được - Con có vẻ không được khỏe... cả người con run lên đây này! - Xighe sờ trán nàng. - Tựa hồ như không sốt, nhưng sao con buồn thế? Khách sẽ ngủ lại nhà ta một đêm. Con sẽ ngủ với mẹ. - Xighe nhẹ nhẹ ôm lấy vai nàng.

Chieko cố cầm nước mắt.

- Con cứ lên gác và vào buồng đi. Mình mẹ làm cũng được.

- Cám ơn mẹ. - Chieko xúc động trước mối thông cảm của bà, lòng nàng nhẹ hẳn đi.

- Cha cũng đâm buồn: hôm nay ít khách đến thăm lắm. Lúc đang ăn tối có dăm sáu người tạt vào, nhưng ở lại thì chỉ một...

Tuy vậy Chieko vẫn đỡ lấy chai sake ở tay mẹ và mang vào phòng.

- Cám ơn tiểu thư, chúng tôi đã uống bao nhiêu rồi đấy, - khách nói.

Lúc rót sake cho khách, Chieko cảm thấy cánh tay phải nàng run, nàng phải lấy tay trái đỡ. Vậy mà rượu sake vẫn rót thành tia không đều xuống chén.

Đêm ấy, người ta thắp cả cây đèn Cơ đốc ngoài vườn. Hai khóm hoa tím hiện lên trong vầng ánh sáng của nó.

Hoa trên đây đã rụng cả. Khóm trên với khóm dưới - mà sao nhỉ, nếu như đó là nàng và Naeko? Dường như, do tiền định chúng không gặp được nhau. Mà cũng có thể, dẫu sao chúng đã gặp nhau tối nay chẳng? Chieko

ngắm chúng trong làn ánh sáng mơ hồ của cây đèn đá, và mắt nàng một lần nữa lại đắm lệ.

Takichiro cũng để ý thấy Chieko đang có chuyện không ổn, nên chốc chốc ông lại dè dặt đưa mắt nhìn nàng.

Chieko rời chiếu đứng dậy và lên tầng hai. Trong phòng ngủ của nàng đã sắp sẵn giường cho khách, nàng lấy cái gối của mình trong ngăn hộc tường ra, sang phòng bên và gieo mình xuống giường.

Sợ bên dưới nghe tiếng mình nức nở, hai tay dang rộng ôm lấy gối; nàng dụi mặt vào đó.

Xighe vào. Bà thấy chiếc gối đầm đìa nước mắt, bà mang chiếc mới đến rồi ra cầu thang. Bà dừng lại ở bậc trên cùng, đưa mắt về phía phòng ngủ, định nói điều gì đó song lại thôi và trở bước quay xuống.

*

Phòng ngủ thừa chỗ xếp ba giường, nhưng chỉ sắp có hai.

Một cái trong đó là chiếc giường Chieko vẫn thường nằm. Chỗ chân giường xếp ngăn nắp hai chiếc khăn trải dùng mùa hè bằng lanh - chiếc của nàng và chiếc của mẹ.

Nghĩa là, bà Xighe không đưa nàng về giường mình, mà sẽ nằm vào giường cùng với nàng. Nhỏ nhất thôi, song sự săn sóc của mẹ làm Chieko cảm động.

Những giọt nước mắt khô đi. Tâm hồn lại rạng lên.

- Phải, nhà của ta là đây, - nàng thầm thì.

Nói thật ra, điều đó thì quá rõ rồi, nhưng cuộc gặp gỡ tình cờ Naeko đã khơi đau tâm hồn nàng và nàng không sao yên lòng được.

Chieko lại gần gương, bắt đầu ngắm nghía khuôn mặt mình.

Nàng đã định trang điểm, một chút thôi, nhưng rồi nghĩ lại. Nàng chỉ lấy lọ nước hoa và phun một ít lên giường. Rồi thắt chặt dải dây lưng bên ngoài

áo kimono mặc ngủ.

Nàng không ngủ được.

- Ta đối xử với chị Naeko ấy có lạnh nhạt quá không? - nàng nghĩ.

Chieko nhắm mắt lại, thế là trước mặt nàng hiện lên những rặng núi đẹp đẽ phủ đầy thông liễu cạnh làng Nakagaoa.

Giờ đây nàng đã rõ dù chỉ đôi điều về cha mẹ đẻ mình.

Kể lại chuyện ấy cho cha mẹ hay chứ? Mà có lẽ, không nên, Chieko do dự.

Chắc gì ông Takichiro và bà Xighe biết nàng sinh ở đâu và ai là cha mẹ đẻ của nàng.

Cha mẹ đẻ...

Cả hai không còn nữa, Chieko nghĩ, song đôi mắt nàng lúc ấy đã thành khô cạn.

Tiếng nhạc ngày lễ từ ngoài phố vọng vào.

Hình như ông khách này buôn tơ lụa ở Nagahama. Ông ta nói năng rất to - có lẽ do tác dụng của rượu sake có hơi quá chén. Ở tầng hai nàng chỉ nghe lồm bồm câu chuyện.

Khách than phiền về chuyện đám rước kiệu bây giờ cứ từ Đại lộ thứ tư đi qua khu Kaoara đã trở nên quá ư tân kỳ, rồi rẽ sang phố Oike và ngang qua ngôi nhà tòa thị chính, nơi thậm chí người ta bố trí cả ghế cho người xem, tóm lại, tất cả đều hóa thành “buổi trình diễn thông thường dành cho du khách”.

Trước kia, những cỗ kiệu di chuyển dọc các dãy phố hẹp tiêu biểu cho Kyoto và có khi còn mắc cả vào một vài ngôi nhà, nhưng dầu sao thời ấy còn có bầu không khí đặc biệt thân tình - nhất là khi từ tầng hai người ta trao chimaki ([53]) đúng là tận tay cho những người ngự trên kiệu. Chứ bây giờ ở các phố rộng thì chỉ còn cách ném cho họ mà thôi.

Về phần mình, Takichiro mình giải rằng, ở các phố hẹp thì khó mà xem kỹ được trang trí ở phần dưới các kiệu, thành ra bây giờ người ta làm vậy cũng phải - ông nói - khi hướng cuộc rước theo các phố rộng, - vậy là mọi thứ đều thấy rõ cả.

Chieko mang máng thấy, hình như lúc sắp thiếp đi nàng nghe tiếng những bánh xe kiệu bằng gỗ đồ sộ đang lọc cọc rẽ ở ngã tư đầu phố.

*

Đêm nay thì bất tiện - phòng bên có khách - nhưng mai nàng sẽ kể cho cha mẹ hay tất cả những gì về Naeko mà nàng biết.

Không phải gia đình nào ở cái làng trong Bắc Sơn cũng có một lô đất riêng trồng thông liễu. Những gia đình như vậy trong làng không nhiều. Chieko đoán cha mẹ đẻ nàng vốn dĩ làm mướn cho một trong những chủ lô ấy.

Thì Naeko nói đấy thôi: “Em đi làm cho người ta”.

Vốn là hai chục năm trước thì cha mẹ không những muốn giấu chuyện họ có con sinh đôi, mà họ còn hiểu rõ hai đứa thì họ không nuôi nổi. Có lẽ vì thế mà đã quyết định vứt bỏ ta, Chieko đoán.

Nàng đã quên hỏi Naeko ba chuyện. - Thứ nhất là, Naeko có biết tại sao họ lại quyết định vứt bỏ chính nàng - Chieko không?

Mặc dù nói cho đúng ra làm sao chị ấy biết được khi còn là đứa bé ẵm ngửa? Rồi thì, điều bất hạnh cho cha xảy ra khi nào? Sự thực thì Naeko đã bảo chuyện ấy xảy ra chẳng bao lâu sau khi nàng ra đời, sau cùng, chị ấy có nói rằng chị hình như đã sinh ở quê mẹ. - Ở một làng nằm sâu trong vùng núi. Đây là làng nào?

Naeko linh cảm thấy sự khác biệt về địa vị hai người nên sẽ không đời nào đến thăm trước, vì vậy nếu cần gặp để hỏi chị ấy cho cặn kẽ thì mình phải tự đến làng chị ấy, Chieko lập luận như vậy.

Nhưng Chieko cũng hiểu từ nay trở đi nàng sẽ không thể giấu ngấm ngấm giấu cha mẹ đến đây được nữa.

Nàng đã nhiều lần đọc đi đọc lại tác phẩm nổi tiếng của Dgiro Oxaraghi ([54]): Những cảm dỗ của Kyoto - Một câu của cuốn sách đó hiện ra trong trí nàng:

“Dường như, rừng Bắc Sơn với từng dãy ngọn thông liễu xanh mượt giống như mây tầng và những thân thông đỏ sắp thành hàng tao nhã đang hòa trộn các giọng ca cây cối thành một nét nhạc du dương duy nhất”.

Không phải thứ âm nhạc ngày lễ, không phải tiếng ồn ào ngày lễ, mà là nét nhạc của những rừng núi xoay vòng hết như đang quay quần lại bên nhau ấy và những giọng ca của cây cối giờ đây vang vọng trong hồn Chieko. Nàng có cảm giác như những tiếng ca và nét nhạc kia đang thấm vào nàng bằng muôn ngả cầu vòng vẫn thường óng lên trên rừng Bắc Sơn...

Nỗi buồn của Chieko thành ra man mác. Mà có lẽ, đây đâu phải nỗi buồn? Hay, sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng, bối rối do cuộc gặp gỡ bất ngờ Naeko gây nên chăng? Thế nhưng, còn những giọt nước mắt... Hình như, đây là số phận của các cô gái.

Chieko trở mình sang bên kia rồi nhắm mắt lại, nàng lắng nghe khúc hát của những dãy núi.

- Naeko thì vui sướng, còn ta...” - Nàng hồi tưởng.

Ngoài cầu thang có tiếng bước chân. Cha mẹ và khách đã lên tầng hai.

- Chúc ngài nghỉ ngơi được dễ chịu, - tiếng Takichiro nói vọng đến tai nàng.

Xighe chu đáo sắp xếp quần áo của khách rồi vào phòng, chỗ Chieko nằm, định sắp kimono cho Takichiro.

- Mẹ cứ để con, - Chieko nói.

- Con chưa ngủ ư? - Xighe ngạc nhiên và đưa chiếc kimono cho nàng. - Mùi dễ chịu làm sao. Thế chứng tỏ là đang có cô gái trẻ bên cạnh, - bà dịu dàng lẩm bẩm lúc nằm xuống giường.

- Xighe này, - có tiếng Takichiro. - Theo chỗ tôi hiểu thì ngài Arita có ý muốn cho con trai sang bên ta.

- Để bán hàng à?

- Không, nhập gia cơ đấy, lấy Chieko làm vợ.

- Bây giờ không phải lúc nói chuyện ấy, con nó còn chưa ngủ cơ mà, - Xighe cố ngăn chồng lại.

- Tôi biết rồi, nhưng Chieko cũng nên nghe.

- Arita muốn cho người con thứ sang. Mình đã thấy anh ta rồi đấy - anh ta đã nhiều lần được ủy thác sang cửa hàng nhà ta.

- Tôi không thấy ưa ngài Arita ấy lắm, - Xighe xẵng giọng quyết liệt đáp.

Âm nhạc của những ngọn núi vẫn ngân nga trong Chieko thoát im bật.

- Con thấy thế nào, Chieko? - Bà mẹ quay về phía cô gái. Chieko mở mắt nhưng không nói gì. Gian phòng im ắng. Như để đề phòng một hiểm họa đang tới, Chieko bắt chéo chân trong chăn và lặng đi.

- Ngài Arita thèm muốn cửa hiệu của tôi, tôi nghĩ thế. - Takichiro phá tan bầu im lặng, và lại ông ta biết Chieko là cô gái tuyệt vời, một giai nhân là đẳng khác... ông ta thường giao thiệp với nhà ta và biết rất rõ tình cảnh của chúng ta, ắt hẳn có ai đó trong số những người bán hàng của tôi đã thông báo cho ông ấy.

- Đúng, Chieko của ta rất tuyệt! Nhưng gả chồng cho nó chỉ cốt cứu vãn tình thế thì thật đáng xấu hổ. Phải không Xighe?

- Chính thế, - Xighe khẳng định.

- Tôi chẳng thích gì việc buôn bán.

- Xin cha thứ lỗi vì hồi ấy con đã ép cha nhận cuốn vừng tập Paul Klee kia, - Chieko vừa nhồm dậy trên giường vừa nói.

- Sao con lại nói vậy? Trái lại, việc đó đã đem lại cho cha con niềm vui và niềm an ủi đấy chứ. Giờ đây ta đã hiểu, đáng nên sống vì cái gì. Dù ta đâu được ban phát tài năng của một họa sĩ...

- Cha!

- Nay con, Chieko, hay ta cứ bán cửa hiệu nhà ta đi, mua lấy căn nhà nhỏ - nho nhỏ ở đâu đấy trong vùng Nhixidgin hoặc một góc nào yên tĩnh gần chùa Nandgendgi hoặc giả ở Okadgiaki rồi sẽ bắt đầu cùng nhau vẽ các phác thảo cho kimono và thắt lưng. Con không sợ cảnh nghèo chứ?

- Cảnh nghèo? Con ư? Không đâu!

- Rồi, rồi, - Takichiro nửa thức nửa ngủ lẩm bẩm rồi lặng im.

Hình như ông đã thiếp đi. Còn Chieko thì không ngủ được.

Song sáng hôm sau, nàng dậy sớm, quét dọn đường phố trước cửa hiệu và phủi bụi ở hàng rào với ghế băng.

Và lễ Ghion còn tiếp tục.

Ngày mười tám người ta dựng những cỗ kiệu yama ([55]) cuối cùng, hai mươi ba là hôm trước buổi hoàn tất lễ và khánh tiết những bình phong vẽ màu, hai mươi tư - lễ rước kiệu yama, sau đó là công diễn ở chùa, hai mươi tám, - “tẩy trần” các cỗ kiệu thiêng và trả chúng về chùa Yaxaka, hai mươi chín - long trọng tuyên cáo kết thúc lễ Ghion.

Suốt tháng trong khi diễn ra hội lễ, một mối ưu tư mơ hồ không rời Chieko.

Những sắc màu mùa thu.

Một trong các vật chứng còn sót lại đến ngày nay của “công cuộc khai hóa” thời Maydgi ([56]) là đường xe điện chạy tuyến Kitano. Vậy mà cuối cùng người ta đã quyết định bóc đi đường xe điện cổ nhất nước Nhật này.

Kinh đô ngàn năm quá đổi nhanh chóng hấp thụ chút gì đấy của phương Tây. Bản tính dân Kyoto có nét đặc biệt ấy.

Song có lẽ tính cách của cố đô còn biểu hiện ở chỗ cho đến ngày nay, toa xe điện già nua có tục danh “đin-đin” kia vẫn còn chạy trên các phố xá của nó. Toa xe nhỏ và chật đến nỗi hành khách ngồi các ghế băng kề nhau cứ chạm đầu gối vào nhau.

Khi đã có quyết định cho xe điện thôi chạy, người dân Kyoto thấy lòng đầy tiếc nuối, thế rồi, âu cũng là một cách để đánh dấu sự chia tay, người ta lấy hoa giả trang hoàng cho nó và gọi nó là “toa xe điện tưởng niệm”. Những người Kyoto xuất hành bằng xe điện những chuyến cuối cùng đều ăn mặc theo lối thời Maydgi xa xưa. Vậy là sự kiện này đã biến thành một thứ ngày lễ, được thông báo cho toàn thể dân cư Kyoto biết.

Chiếc xe điện cũ kỹ chạy trên tuyến Kitano vài ngày, chứa đầy đám người nhàn tản. Chuyện là vào tháng bảy, nên có nhiều người ngồi xe điện mà vẫn giương ô che nắng.

Ở Kyoto bây giờ hiếm mà gặp được ai còn dùng ô che nắng.

Của đáng tội, người ta cho rằng ánh nắng mùa hè ở Kyoto gắt hơn ở Tokyo.

Lên “toa xe điện tưởng niệm” ở ga Kyoto, Takichiro chú ý đến một người đàn bà trạc trung niên, nhũn nhặn chiếm một chỗ ở ghế dưới cùng và mỉm cười nhìn ông. Takichiro sinh ngay từ thời Maydgi nên đủ tư cách đi chuyến xe này.

- Sao cô lại ở đây thế - Cố nén bối rối ông hỏi.

- Tôi sinh ngay sau Maydgi kia mà. Với lại bao giờ tôi chả đi tuyến Kitano.

- Ra thế...

- “Ra thế”, “ra thế”... ông vô tình lắm? Rốt cuộc đã nhớ ra tôi chưa?

- Cô có cô bé khá khinh quá. Lâu nay giấu cô ta đi đâu thế?
- Chả giấu đi đâu hết. Chắc ông cũng biết - đấy không phải là con tôi.
- Làm sao tôi biết được. Đàn bà - họ sao mà...
- Dựa vào đâu mà ông đã kết luận? Đàn ông các ông mới thật bao giờ chả thêm chanh cốm.

Mặt cô bé trắng xanh. Cô ta thực là có sức hấp dẫn. Trông bề ngoài trạc mười bốn, mười lăm tuổi. Cô ta mặc kimono mùa hè, thắt giải lưng hẹp màu đỏ. Cái nhìn của Takichiro khiến cô ngượng nghịu, và cô cúi gằm, lặng lẽ ngồi cạnh người đàn bà, không dám ngước mắt lên.

Takichiro khe khẽ giật tay áo người đàn bà và nháy mắt ra hiệu.

- Chiy-chian, ngồi sang đây, giữa chúng tôi đây này, - bà ta nói.

Cả ba người im lặng một lúc. Sau đấy, người đàn bà ngoái qua đầu cô bé nói thầm vào tai Takichiro:

- Tôi định gửi nó vào trường múa Ghion - cứ để nó học đấy.
- Ai là mẹ cô bé?
- Một người đàn bà ở phòng trà cạnh chỗ tôi.
- Được rồi.
- Có người cho đấy là con của tôi với ông, - người đàn bà nói thầm chỉ vừa đủ nghe.
- Không thể như thế được!

Người đàn bà là chủ phòng trà ở Thất lâu Thượng quận.

- Nếu ông đã thích cô bé thế thì hay là, hãy đưa chúng tôi sang chùa Kitano bái tạ thánh Tendgin đi?

Takichiro hiểu rằng người đàn bà nói đùa, nhưng tuy vậy vẫn hỏi:

- Cô bao nhiêu tuổi?

- Đã lên lớp nhất trường trung học ạ.

- Ví như, - vừa chăm chú nhìn cô bé Takichiro vừa lẩm nhẩm...- Tôi có được sinh ra lần nữa ở thế giới này hay thế giới bên kia, tôi cầu xin...

Câu nói bóng gió mơ hồ của Takichiro vậy mà vẫn ý chừng hiểu được. Không phải vô cớ mà cô bé ra đời ở quận “son phấn!”.

- Sao tôi lại phải theo các cô đến chỗ Tendgin vì thích cô bé này? Cô ta là hiện thân của thánh Tendgin hay sao? - Takichiro nói đùa.

- Ông đoán đúng đấy.

- Nhưng Tendgin là đàn ông cơ mà!

- Nhưng đồng thời cũng có lúc ngài biến thành đàn bà, - bà ta chống chế.
- Và nếu cô bé biến thành đàn ông, còn ông lại mang lột cô ta thì một mối tình như thế chả đem lại điều gì tốt lành đâu, mà sẽ còn đầy ọa hơn nhiều.

Takichiro cười sảng sặc:

- Nhưng này, cả đàn bà cũng có thể chứ?

- Sao lại không? Nhưng tôi thì tôi biết: chỉ những cô nào trẻ đẹp mới hợp khẩu vị ông thôi.

- Điều đó thì đúng.

- Cô bé xinh đẹp thật không thể chối cãi được. Mớ tóc huyền cắt ngắn óng lên mượt mà, cặp mắt hai mí tuyệt đẹp...

- Người mẹ có mỗi mình cô ta à? - Takichiro hỏi.

- Không, cô bé có hai chị. Cô chị lớn, xuân năm tới thi hết trung học. Sau đấy có lẽ sẽ đi làm vũ nữ.

- Cũng đẹp chứ?

- Họ na ná nhau, nhưng cô chị còn thua kém cô ta về nhan sắc.

Ở Thất lâu Thượng quận chẳng bao lâu nữa sẽ không còn lấy một cô vũ nữ nào. Rồi kiếm đâu ra họ đây? Bây giờ người ta cấm các cô gái đi làm vũ nữ trước khi học hết trung học.

Cái tên “Thất lâu Thượng quận” hình như có nguồn gốc từ thời trong khu này có cả thầy bầy phòng trà. Người nào đấy đã nói với Takichiro rằng bây giờ con số đó là trên hai chục, song tên cũ vẫn còn.

Vào thời mình, thật ra đã xa xôi gì lắm đâu. Takichiro thường ghé tới đó chơi với các chủ xưởng dệt ở Nhixidgin và các khách hàng quen ở tỉnh xa của mình. Trong ký ức ông bất giác hiện lên hình bóng những người đàn bà vẫn cùng ông tiêu khiển lúc đó.

Thời bấy giờ, việc kinh doanh nơi cửa hiệu ông còn đang khấm khá.

- Và cô cũng thấy hay hay mỗi lần lên cái xe điện này, - Takichiro quay về người đàn bà nói.

- Nỗi luyến tiếc thời quá khứ đã qua không bao giờ trở lại có lẽ là cái chủ yếu nhất trong con người. Chúng tôi không bao giờ quên những khách ngày xưa của mình - nghề chúng tôi nó thế đấy...- bà chủ phòng trà thốt lên.

- ...

- Hôm nay đây tôi cũng đã đưa tiễn một trong những người khách ra ga, thành ra trên đường về mới đi cái xe điện này. Còn như chuyện ông đi “toa xe tưởng niệm”, đã thế lại đi một mình mới thực là lạ.

- Có gì lạ đâu chẳng qua là muốn đi dạo. - Takichiro trầm ngâm cúi đầu - Mà có lẽ nguyên cớ là những hồi ức dễ chịu về quá khứ và những suy nghĩ đáng buồn về ngày hôm nay.

- Ở tuổi ông mà còn buồn ư? Đi với chúng tôi đi, ngắm qua các cô kỹ nữ trẻ dễ thương một chút vậy.

Bản thân Takichiro cũng ngã theo ý định tới thăm Thất lâu Thượng quận.

*

Ở chùa Kitano, bà chủ phòng trà lại ngay phía tượng Tendgin, và Takichiro chả còn cách nào khác là đi theo bà ta. Bà ta để hết tâm trí khẩn vái hồi lâu. Cô bé lặng lẽ cúi đầu trước tượng thánh.

- Chiy-chian, bái biệt ngài đi, - người đàn bà nói lúc đã cầu khẩn xong.

- Vâng ạ.

- Về thôi, Chiy-chian.

- Cám ơn ạ. - Cô bé cúi chào đi ra. Lúc cô đã đi xa, dáng cô đi lại càng giống dáng đi của một cô nữ sinh bình thường hơn.

- Có lẽ cô bé hợp ý ông chẳng. Hai, ba năm nữa chúng tôi sẽ đưa cô ta vào việc. Đừng mất hi vọng... Đến lúc bấy giờ cô ta sẽ trở thành một giai nhân thật sự.

Takichiro lặng thinh. Nếu mà ông ở đây, có đi dạo khu vườn thênh thang của Thánh điện cũng tốt đấy, ông nghĩ. Nhưng trời nóng quá rồi.

- Có lẽ tôi ghé vào chỗ cô nghỉ một chút. Một mẻ thế nào ấy.

- Hân hạnh, rất hân hạnh.

Lúc họ đã tới gần ngôi phòng trà xưa cũ, bà chủ cúi đầu nói theo phép tắc:

- Xin mời, đã lâu tiên sinh chưa hạ cố đến tệt thất, vậy mà ngôi phòng trà tầm thường của chúng tôi vẫn được tin lành về tiên sinh.

- Tôi muốn nghỉ, cho mang gối đệm lại nhé. Còn điều này nữa: phải có ai đấy để tán gẫu tí chứ - mà dễ dễ tính cho một chút! Có điều đừng là một người quen cũ.

Ông đã bắt đầu thiu thiu ngủ thì cô kỹ nữ trẻ xuất hiện. Cô lặng thinh ngồi ghé xuống đầu giường, không dám làm mất yên tĩnh: khách thì lạ và xét theo mọi phương diện là người cao ngạo. Takichiro nằm yên, chưa muốn mở đầu câu chuyện trước. Để thu hút sự chú ý của khách, để khích lệ

ông, cô kỹ nữ lên tiếng kể rằng, cô làm ở đây đã được hai năm, rằng trong toàn bộ số khách vẫn ghé lại chỗ cô, cô thích bốn mươi bảy người.

Cứ như là trong vở Bốn mươi bảy chàng samurai ([57]) ấy. Trong đấy có cả những người bốn, năm mươi tuổi. Chính em bây giờ còn ngạc nhiên. Thậm chí họ còn chế giễu em: họ nói, làm sao có thể yêu từng ấy người mà không được đền đáp?

Takichiro đã tỉnh hẳn.

- Thế bây giờ?... - ông hỏi - Giờ chỉ còn lại một.

Bà chủ bước vào phòng.

Cô kỹ nữ chưa quá hai mươi, không lẽ cô ta quả thật nhớ con số “bốn mươi bảy” kia - dù sao thì những quan hệ với khách cũng ngăn ngại biết chừng nào, Takichiro nghĩ.

Đúng lúc ấy cô kỹ nữ kể rằng vào ngày thứ ba cô làm ở phòng trà, một ông khách khó ưa đã yêu cầu dẫn ông ta ra nhà vệ sinh và trên đường đi giở trò thô bạo hèn cô. Cô đã nổi xung đến mức cắn lưỡi ông ta.

- Chảy máu không? - Takichiro hỏi.

- Có, máu tuôn như suối. Ông khách phát khùng lên, đòi tiền chạy chữa. Em thì khóc suốt mướt. Tóm lại là, rùm beng không thể tưởng tượng được. Khó khăn lắm người ta mới đẩy được ông khách ra. Lúc ấy có lẽ cô ta chỉ độ mười tám, không hơn.

*

- Nhe răng ra đi nào, - Takichiro ra lệnh.

- Răng? Răng em ư?? Ngài không thấy lúc em nói sao?

- Cứ nhe đến nơi đến chốn xem nào.

- Để làm gì ạ? Thế thật khiếm nhã quá. - Cô kỹ nữ cười hi hi. - Xin tiên sinh miễn cho, lệnh của ngài khiến em không nói được nữa.

Răng cô kỹ nữ nhỏ và rất trắng.

- Chắc em đã làm gãy cả răng nên phải trồng răng mới phải không? - Takichiro nói đùa.

- Đâu nào! Lưỡi thì mềm không. Ấy chết, em đang nói gì thế này. - Chính là lỗi ở ngài cả đấy, - cô kỹ nữ kêu lên rồi then thùng núp sau lưng bà chủ.

Chuyện vẫn với bà chủ một lát, Takichiro nói:

- Một khi tôi đã đến đây cũng nên ghé thăm Nakadxato chẳng?

- Đúng đấy! Bà chủ Nakadxato sẽ rất mừng được tiếp một vị khách thế này. Cho phép đưa ông đi nhé. - Bà chủ ra khỏi phòng.

Chắc là để trang điểm sơ sơ trước gương.

Phía bên ngoài, phòng trà Nakadxato không có thay đổi gì khác thường, song gian phòng người ta tiếp khách thì đã được trần thiết và bày biện lại toàn bộ.

Thêm một cô kỹ nữ nữa nhập bọn với họ, và Takichiro đã lưu lại chỗ Nakadxato đến khuya...

*

Lúc Hideo gõ cửa hiệu, Takichiro chưa về. Chàng trai nói mình muốn được gặp Chieko và nàng đã ra chỗ anh.

- Tôi mang bức phác thảo đã hứa đến. Tiểu thư có nhớ, hôm lễ Ghion tôi nói sẽ vẽ... - Hideo lúng búng.

- Chieko, - bà Xighe gọi nàng, - mời khách vào nhà đi con.

- Vào ngay đây ạ.

Chieko đưa anh vào căn phòng trông ra vườn. Hideo giở các phác thảo ra. Có hai bức. Một bức là họa tiết hoa lá cúc đại đóa. Hình những chiếc lá

cách điệu khá nhiều nên không phải ngay lập tức đoán được nó mô phỏng cái gì. Phác thảo thứ hai là những chiếc lá phong đỏ.

- Tuyệt trần. - Chieko reo lên, mắt không rời nổi hai phác thảo.

- Tôi vô cùng sung sướng vì tiểu thư lấy làm thích, - Hideo nói, - mẫu nào hợp ý tiểu thư hơn?

- Chọn bức nào ư? Thắt lưng hoa cúc mặc được quanh năm...

- Như vậy là tiểu thư cho phép dệt thắt lưng theo kiểu mẫu ấy chứ?

Chieko cúi gằm xuống, nét mặt nàng dăm chiêu có vẻ buồn.

- Hai mẫu vẽ đều đẹp... - nàng lưỡng lự nói. - Thế tiên sinh không thể dệt những dãy núi phủ đầy thông liễu và thông đỏ lên thắt lưng được hay sao?

- Thắt lưng có núi non phủ thông liễu và thông đỏ ư? Hơi khó đấy, nhưng tôi sẽ nghĩ. - Chàng trai nhìn Chieko có vẻ thắc mắc.

- Xin lượng thứ cho sự đường đột của tôi, thưa Hideo tiên sinh.

- Thực ra thì, có gì mà tiểu thư phải xin lỗi?...

- Sự thể là... - Chieko ấp úng. - Sự thể là ở chỗ buổi tối trước lễ Ghion ấy, tiên sinh đã hứa dệt thắt lưng không phải là với tôi. Tiên sinh tưởng lầm người khác là tôi đấy.

*

Hideo đúng là cứng lưỡi không nói ra lời nữa. Mặt anh cắt không còn hột máu. Anh không thể tin vào cái điều mình vừa nghe. Chính là vì Chieko mà anh làm bức phác thảo kia, mà đã đặt vào đấy tài nghệ và tất cả tâm hồn mình. Có lẽ Chieko quyết định chối từ anh chẳng?

Hideo cảm thấy điều Chieko nói với anh lúc này thật hoàn toàn khó hiểu. Không nhận được nữa, anh thốt lên:

- Phải chăng tôi đã gặp cái bóng của cô, thưa tiểu thư? Hay là tôi chỉ chuyện trò với cái bóng của Chieko? - Của đáng tội anh đã không dám nói:

với cái bóng của người con gái yêu dấu. - Mà các bóng ma thì không được hiện diện trong lễ Ghion.

Chieko tái mặt đi.

- Tôi sẽ xin nói hết sự thật, thưa Hideo tiên sinh. Lúc bấy giờ tiên sinh đã ngẫu nhiên gặp và nói chuyện với người chị em của tôi.

- ...

- Phải, với người chị em!

-

- Mà cả cha lẫn mẹ đều chưa biết chuyện này đâu.

- Ôi chao ời! - Hideo thốt ra, vẫn còn chưa hiểu gì cả.

- Tiên sinh có biết ngôi làng trong Bắc Sơn, chỗ người ta làm gỗ súc tròn bằng thông liễu không? Cô gái ấy làm việc ở đấy đấy.

- Thế ư?! - Mọi sự đều bất ngờ đối với Hideo đến độ anh ngắc ngứ không nói ra lời mà chỉ đối đáp bằng các thán từ đã mất hết ý nghĩa.

- Tiên sinh đã đến Bắc Sơn chưa? - Chieko hỏi.

- Đã có lần tôi đã đáp xe buýt...- Rốt cuộc thì Hideo cũng đã nói năng được.

- Tiên sinh hãy dặt thắt lưng cho cô gái ấy.

- Được.

- Rồi mang tặng chị ấy.

- Xin vâng. - Hideo gật đầu về lường lự. - Nghĩa là vì cô gái ấy mà tiểu thư yêu cầu dặt hình núi với thông liễu và thông đỏ phải không?

Chieko gật đầu.

- Được tôi sẽ làm. Nhưng liệu một chiếc thắt lưng như thế có luôn luôn làm cô gái ấy nhớ đến công việc và đời sống thường ngày của mình không?

- Mọi sự tùy thuộc ở chỗ tiên sinh sẽ làm việc đó ra sao.

- ...

- Chị ấy sẽ trân trọng chiếc thắt lưng như vậy suốt đời. Tên chị ấy là Naeko. Chị ấy không giàu đâu, nhưng cần cù lao động. Đây là một tâm hồn trong trắng, chị ấy khỏe mạnh, chị ấy tốt hơn tôi... Cố nhiên rồi...

Vẫn còn băn khoăn, Hideo lại nói:

- Một khi đã là yêu cầu của tiểu thư, tôi sẽ cố dệt chiếc thắt lưng thật đẹp.

- Mong rằng tiên sinh nhớ cho: tên chị ấy là Naeko.

- Tôi hiểu, thế nhưng Chieko này, sao cô gái ấy giống tiểu thư đến thế?

- Chúng tôi là chị em cơ mà.

- Ngay cả chị em ruột cũng không giống nhau như thế...

Chieko quyết định hãy tạm chưa lộ cho Hideo biết nàng với Naeko sinh đôi, cũng có nghĩa rằng, chả có gì đáng ngạc nhiên nếu như dưới ánh đèn lù mù buổi tối Hideo tưởng lầm Naeko là người chị em của chị ấy.

*

Hideo chả còn biết đoán định thế nào nữa: sao lại có chuyện con gái của một trong những nhà doanh thương đáng kính ở Kyoto với cô gái mài gỗ thông liễu ở cái làng trên Bắc Sơn lại là chị em được?

Nhưng anh không gạn hỏi Chieko điều đó.

- Khi nào xong thắt lưng thì cứ mang đến cho tiểu thư chứ? - Anh hỏi.

- Thế tiên sinh không thể trao nó cho Naeko được sao? - Chieko hỏi sau một thoáng ngẫm nghĩ.

- Dĩ nhiên là được thôi.

- Nếu vậy tiên sinh hãy làm thế đi, tuy đến làng không gần đâu.

Lời yêu cầu của Chieko có thâm ý riêng bên trong.

- Tôi biết là không gần.

- Ôi, chị ấy sẽ mừng rỡ biết bao!

- Nhưng liệu cô ấy có thuận lòng nhận cho tôi chiếc thắt lưng không? - Có lý để nghi ngờ, Hideo nói. - Chắc hẳn cô gái sẽ lấy làm ngạc nhiên đấy.

- Tôi sẽ báo trước cho Naeko.

- Nếu vậy tôi sẽ đem thắt lưng đến chỗ cô ấy. Thế còn địa chỉ?

- Ý tiên sinh muốn nói chỗ nhà Naeko hiện thời ở chứ gì? - Chieko hỏi lại để cố tranh thủ thời gian, - vì ngay cả nàng cũng có biết địa chỉ đâu.

- Vâng.

- Tôi sẽ viết thư hoặc gọi điện thoại báo cho tiên sinh sau.

- Xin cảm ơn. Tôi sẽ cố gắng làm chiếc thắt lưng thật tốt, như thế tôi được dịp dệt cho chính tiểu thư vậy, thưa tiểu thư.

- Cảm ơn tiên sinh. - Chieko cúi đầu tạ. - Và xin tiên sinh đừng xem yêu cầu của tôi là kỳ quặc.

-...

- Vâng, thưa Hideo tiên sinh, xin hãy vì Naeko mà làm chiếc thắt lưng thật tốt, như thế tiên sinh dệt nó cho tôi vậy.

- Xin vâng, thưa tiểu thư.

Ra khỏi cửa hiệu Hideo vẫn lẩn vẩn về chuyện bí ẩn xung quanh hai chị em mất một lúc, nhưng tâm trí anh còn hướng vào mẫu trang trí cho thắt lưng nhiều hơn.

Nếu như mẫu đã mô phỏng cảnh núi non phủ thông đỏ và thông liễu thì cần phải tạo ra một phác thảo khác lạ, thậm chí táo bạo về mặt ý tưởng, nếu không, đối với Chieko chiếc thắt lưng sẽ có vẻ quá ư tầm thường. Hideo vẫn còn cảm giác như anh phải dệt thắt lưng cho Chieko dùng. Mà cho dù

nó sẽ thuộc về cô gái Naeko kia chẳng nữa vẫn phải gắng làm sao để hình trang trí trên thắt lưng khỏi nhắc nhở cô ta về công việc quen thuộc hàng ngày. Chính anh đã nói với Chieko điều đó cơ mà.

Hideo đi về phía cầu Đại lộ thứ tư, nơi anh đã đột nhiên gặp hoặc Chieko mà tưởng lầm là Naeko hoặc Naeko mà tưởng lầm là Chieko, - giờ thì ngay anh cũng rối trí. Một ngày nồng nực, ánh mặt trời ban trưa như thiêu như đốt.

Hideo tựa vào lan can ngay đầu cầu rồi nhắm mắt lại.

Quên đi đám đông ồn ào và xe lửa điện chạy rầm rập, anh lắng nghe tiếng thủ thi chỉ vừa đủ thấy của dòng sông.

*

Năm nay cả Daimondgi ([58]) Chieko cũng không có dịp thấy. Đến bà Xighe - đây là chuyện hiếm - mà còn đi xem cùng với Takichiro.

Thế mà Chieko thì ở nhà.

Nhân dịp lễ, Takichiro cùng vài bạn hữu - các thương gia buôn bán - đã đặt trước phòng riêng ở một phòng trà trong quận Kiya trên Đại lộ thứ hai.

Các đồng lửa Daimondgi về phương diện nào đây là những ngọn lửa tiễn biệt lễ Bon ([59]). Người ta cho rằng việc đốt những đồng lửa trên núi bắt nguồn từ tập tục ban đêm ném đuốc đang cháy lên cao để cho những linh hồn người chết trở về vương quốc âm ti sau khi đến thăm nhà bà con thân thuộc mình khỏi bị lầm đường lạc lối.

Các đồng lửa trên Nhioygatake - một đỉnh núi trong rừng Đông Sơn - được gọi là Daimondgi. Song người ta còn đốt các đồng lửa tiễn biệt ở bốn ngọn núi nữa, và mỗi đồng lại có tên riêng: Ở núi Okitayama gần Đền Vàng là Tả Daimondgi, Ở núi Matsugaxaki - Sen kinh, ở núi Mioken gần Nhixigamo Phunagata ([60]), và ở núi Kamixaga là Torigata ([61]). Và trong suốt bốn mươi phút, khi người ta châm lần lượt các đồng lửa kia, toàn bộ đèn quảng cáo trong thành phố đều được tắt.

Màu những ngọn núi trên đó các đồng lửa tiễn biệt đang cháy và màu của trời đêm được Chieko cảm nhận như những sắc màu của mùa thu đang tới gần.

Nửa tháng trước các đồng lửa tiễn biệt, vào đêm trước tiết lập thu ([62]), ở chùa Shimogamo người ta thường làm lễ tổng hạ.

Chieko thích cùng các bạn gái leo lên mô đất ở bờ sông Kamo và xem các đồng lửa Tả Daimondgi từ chỗ đấy. Nàng đã quen ngắm chúng ngay từ hồi còn nhỏ.

Nhưng đến chừng nàng lớn, ngày lễ này chỉ dội lại cõi lòng nỗi buồn: “Thế là Daimondgi đã lại đến...” Chieko ra phố chơi với trẻ con hàng xóm một lát. Lễ Daimondgi lúc này còn chưa gây ra trong trái tim non dại của chúng những ý nghĩ ưu phiền - cảnh đốt pháo hoa lôi cuốn chúng hơn.

Lễ Ghion mùa hạ đã mang đến cho Chieko một nỗi buồn mới: nhờ Naeko mà nàng biết cha mẹ đẻ mình đã sớm qua đời. “Có lẽ ngày mai ta đến thăm Naeko thôi. Nhân thể nói với chị ấy chuyện thắt lưng đã đặt Hideo làm”, - nàng quyết định.

Hôm sau, Chieko lên đường sau khi đã mặc một chiếc kimono giản dị.

Nàng xuống xe buýt ở gần thác Bodai.

“VẬY mà ta đã thấy Naeko cho rõ, lúc ánh sáng ban ngày bao giờ đâu - nàng nghĩ.

Công việc ở Bắc Sơn đang giữa lúc khẩn trương. Đám đàn ông đang đánh giấy ráp các súc thông liễu, xung quanh chõng chất hàng đồng vỏ cây.

Chieko đi mấy bước rồi dừng lại do dự, nhưng cùng lúc đó Naeko đã thở hổn hển chạy đến với nàng.

- Tiểu thư, chị đến thế này thật là hay quá! Em mừng lắm, mừng lắm chị ạ!

- Hình như, em đến không đúng lúc phải không? - Chieko hỏi khi thấy cô gái mặc quần áo làm việc.

- Tiểu thư đừng ngại, vừa trông thấy chị là lập tức em xin phép nghỉ hôm nay ngay. Ta vào rừng đi - ở đây thì chả còn ai quấy rầy ta nữa. - Và cô kéo tay áo Chieko.

*

Naeko vội vã cởi tạp dề rải xuống đất. Đây là một cái tạp dề Tamba quây quanh người bằng vải bông - khá rộng để các cô gái khỏi vướng víu.

- Chị ngồi đi, - Naeko mời.

- Cảm ơn.

Naeko tháo khăn buộc đầu ra, hai tay vuốt tóc.

- Chị đã đến thật hay quá, em mừng lắm. - Cặp mắt Naeko sáng lên, cô không thể nào rời mắt khỏi Chieko.

Đất và cây cối bốc mùi rất mạnh - cái mùi vị của những rặng núi phủ đầy thông liễu.

- Chỗ này thì chả có ai bên dưới thấy được chúng ta, - Naeko nói.

- Em thích cách thông liễu mọc, thỉnh thoảng em có đến đây để ngắm đây nhưng chưa lần nào vào tận rừng, - vừa nói Chieko vừa đưa mắt nhìn xung quanh. Những thân cây cân đối - tất cả hầu như cùng một cỡ - bao bọc quanh họ.

- Cây trông mà, - Naeko giải thích.

- Em hiểu.

- Cây được khoảng bốn mươi năm rồi. Người ta sắp sửa sửa chữa chúng, biến thành những súc gỗ dùng làm cột trong các ngôi nhà và những gì gì nữa ở đây. Đôi lúc em nghĩ: giá đừng động đến chúng thì chúng còn có thể lớn lên cả ngàn năm và sẽ to, hết sức to. Rừng nguyên sinh hợp với em hơn,

chứ người ta vun trồng những cái cây này, thôi thì, tựa như thứ hoa để bán...

- ...

- Nếu như trên đời này không có người thì ngay Kyoto đã chả xuất hiện. Ở chỗ đấy hẳn đã mọc cả cánh rừng nguyên sinh và trải dài ra mãi những cánh đồng hoang đầy cỏ. Hẳn không phải con người ngự trị nơi này mà là hươu nai và lũ lợn rừng hoang dã. Mà người ta sinh ra vì lẽ gì nhỉ? Con người là một vật đáng sợ...

- Chị nảy ra những ý nghĩ lạ kỳ quá. - Chieko ngạc nhiên nhìn cô gái.

- Thịnh thoảng...

- Chị không yêu mọi người ư?

- Sao lại không? Em yêu lắm... Hơn mọi thứ trên đời. Chẳng qua có những lúc như vậy, chớp mắt thiếp đi trong rừng và rồi tỉnh dậy và nghĩ, mọi thứ sẽ ra sao nếu như con người tuyệt nhiên không tồn tại trên trái đất này?

- Có lẽ trong thâm tâm chị là một người yếm thế chăng?

- Không, em không chịu nổi những kẻ yếm thế. Ngày nào cũng đem lại cho em một niềm vui sướng, và em thích thú mà làm việc...

- Nhưng dấu sao con người...- đấy là...

- ...

Đột nhiên khu rừng tối sầm lại.

- Sắp mưa rào rồi, - Naeko nói. Và ngay lập tức, xuyên qua các kẽ lá trên ngọn cây những giọt mưa rất to bắt đầu rơi xuống.

Sấm nổ vang.

- Em thấy khủng khiếp quá! - Mặt tái đi, Chieko thì thào và túm lấy tay Naeko.

- Chieko, chị hãy ngồi xếp bằng lại và cúi thấp xuống đất, - Naeko hét lên rồi lấy thân mình che chở cho Chieko.

Tiếng sấm vang rền hơn, chớp lóe liên hồi. Có tiếng ầm ầm như thể những tảng núi đang sập xuống. Giông tố tiến sát đến gần, bây giờ sấm đã nổ ngay bên cạnh.

Các ngọn thông liễu rên lên dữ dội, chớp rạch nát bầu trời, dầm phập xuống đất, soi rõ những thân cây bao quanh hai cô gái.

Những cây thông liễu cân đối đẹp đẽ giờ đây có vẻ hăm dọa, hung hiểm. Một tiếng sấm đình tai văng óc nổ ngay trên đầu.

- Naeko, sét đánh ngay đây đấy! - Chieko thét lên, co rúm người lại còn một nhúm.

- Có thể cũng đánh... Chỉ có điều không phải vào chúng ta. Nhất quyết không! - Naeko quả quyết nói và lấy mình che cho Chieko kín hơn nữa. - Tiểu thư, tóc chị ướt cả rồi. - Naeko lấy chiếc khăn bông lau tóc cho Chieko, gập nó làm đôi rồi phủ lên đầu nàng. - Có lẽ cũng còn ướt một chút nhưng em cam đoan với chị, tiểu thư ạ, không sấm sét nào dám đánh xuống đầu chị đâu.

Chieko vốn không phải là kẻ nhút nhát, và giọng nói đầy tin tưởng của Naeko đã khiến nàng yên lòng.

- Cảm ơn chị, cảm ơn nhiều lắm! Chị che cho em khỏi bị mưa, nhưng bản thân chị thì ướt sũng cả, - nàng nói.

- Sao tiểu thư lại nói thế, xin đừng ngại, quần áo em mặc chỉ là đồ đi làm thôi mà... Em hạnh phúc quá, - Naeko đáp.

- Cái gì sáng loáng ở cạnh sườn chị thế Chieko hỏi.

- À, con dao chuyên để nạo gỗ súc. Em vừa thấy tiểu thư là lao ngay ra đón nên quên bỏ nó lại. Đại thể nó rất sắc, - Naeko chợt thấy không an tâm và ném con dao ra xa. Con dao cong cong, không có chuôi, tựa như chiếc

liềm nhỏ. - Lúc nào về em sẽ lấy theo, nhưng xin tiểu thư đừng nghĩ rằng em vội đi...

Cơ giông dường như đã lui dần.

Chieko cảm thấy sâu sắc sự gần gũi với Naeko này giờ vẫn lấy thân mình che cho nàng.

Ngay cả vào mùa hè mưa rào ở vùng núi cũng làm người ta bị lạnh, nhưng hơi ẩm đầy nhựa sống toát ra ở người con gái đã sưởi ấm Chieko. Sự ấm áp triu mến khó tả của một người thân khiến Chieko chứa chan hạnh phúc. Nàng nhắm mắt và lặng đi, cả tâm hồn vang động cảm xúc ấy.

- Em biết ơn chị lắm, Naeko ạ, - nàng thì thầm, - có lẽ lúc chúng ta cùng trong bụng mẹ, chị cũng quan tâm đến em rồi.

- Có mà chen chúc, lấy chân đạp nhau thì đúng hơn.

- Không đời nào em tin, - Chieko bật cười hồ hởi. Chỉ người thân thích, ruột thịt mới cười được như thế.

Cơ giông đã ngừng và đồng thời mưa cũng tạnh.

- Cảm ơn Naeko... Hình như cơ giông đã qua rồi, - Chieko vừa nói vừa toan từ dưới mình cô gái chui ra.

- Khoan một chút đã chị, nước ở lá còn rõ...

Chieko với tay lên, chạm phải vai Naeko.

- Ôi, chị ướt sũng ra rồi, mà không khéo lạnh cóng mất, - nàng nói.

- Chị đừng ngại, em quen rồi. Em vui sướng vì chị đến tới mức em chẳng sợ cảm lạnh gì nữa.

- Naeko ạ, cha ngã cây đâu đó ở chỗ này phải không?

- Phải nói thật là em không biết. Hồi ấy em còn bé quá mà.

- Thế còn quê mẹ ở đâu? Ông bà ngoại có khỏe không?

- Em có biết gì về ông bà đâu.
- Nhưng chẳng lẽ chị lớn lên không phải ở quê mẹ ư?
- Tiểu thư ạ, sao chị cứ hỏi toàn chuyện đó? - Đột nhiên Naeko nói về gay gắt.
- ...
- Em rất sung sướng vì tiểu thư đã nhận em là chị em, chứ không cần gì nữa. Xin tiểu thư lượng thứ, tối hôm đó em đã trót nói với tiểu thư nhiều cái thừa.
- Sao vậy chị? Em đã mừng rỡ biết bao.
- Em cũng... Nhưng em sẽ không tới nhà tiểu thư đâu.
- Tại sao thế? Cha mẹ hẳn rất vui sướng...
- Tiểu thư đừng nói gì với ông bà đấy, - Naeko nói giọng cương quyết - Nếu như chị, tiểu thư ạ, chẳng may gặp rủi ro thì đấy là chuyện khác - thế thì ngay lập tức, nhất thiết em sẽ đến trợ giúp cho dù em có bị cái chết đe dọa chẳng nữa. Xin tiểu thư thông cảm cho...

Mắt Chieko chột thấy cay cay.

*

- Naeko này, tối hôm ấy một chàng thanh niên đã làm chúng ta với nhau.
- Ý tiểu thư muốn nói cái ngài cứ nói với em chuyện thất lưng phải không?
- Anh ấy là thợ dệt ở Nhixidgin... Anh ấy có hứa dệt cho chị một chiếc thất lưng thật đẹp.
- Nhưng ông ấy dự định làm cái đó cho tiểu thư cơ mà.
- Cách đây không lâu anh ấy vừa đến cho em xem mẫu, và em đã thú nhận với anh ấy rằng anh ấy đã làm chị của em là em.

- Tiểu thư nói thế thật ư?
- Và em đã yêu cầu anh ấy dệt chiếc thắt lưng cho chị.
- Cho em sao?!
- Thì anh ấy chả hứa với chị là gì?
- Bởi ông ấy tưởng em là người khác.
- Anh ấy sẽ làm hai chiếc: một cho em, chiếc kia cho chị. Để ghi nhớ dịp hai chị em tìm thấy nhau.
- Cho em? - Naeko lặp đi lặp lại.
- Anh ấy đã hứa trong ngày lễ Ghion mà! - Chieko nhẹ nhàng nói.

*

Chieko cảm thấy thân thể Naeko căng lên rồi lặng đi.

- Tiểu thư ạ, - Naeko cương quyết nói, - xin chị hiểu cho, rằng vào giây phút khó khăn em rất sung sướng được đến giúp chị. Em sẵn lòng vì chị làm mọi điều chị muốn, và nếu cần em sẽ chết vì chị. Song em không muốn lấy cái vốn được giành cho người khác.

- Thế chị cũng không nhận chiếc thắt lưng kia ngay cả là chính em tặng nó cho chị sao?

- ...

- Xin chị xem như em yêu cầu dệt thắt lưng là để tặng chị.

- Nhưng sự thế có phải vậy đâu! Tối hôm lễ hội ấy, cái ngài kia nói là muốn làm chiếc thắt lưng cho Chieko. Ông ấy yêu chị đấy. Đến một đứa con gái gốc nghề như em cũng hiểu nữa là.

Chieko ngượng ngịu.

- Chị khẳng khẳng từ chối ư? - Nàng hỏi.

- ...

- Dẫu rằng, đây là em yêu cầu dặt vì chị gái mình?
 - Thôi được, em sẽ nhận, tiểu thư ạ, - Naeko lưỡng lự nói sau một lát im lặng. - Và em xin chị thứ lỗi vì em đã nặng lời.
 - Anh ấy sẽ mang nó đến đây cho chị. Chị ở nhà ai vậy?
 - Chủ nhà là ngài Muraxe... Chắc đây sẽ là một chiếc thắt lưng rất lỏng lẻo. Có điều, liệu có dịp nào để mặc không?
 - Lẽ nào ta không thấy ngày mai đương đợi chúng ta sao?
 - Điều đó thì tiểu thư nói đúng, - Naeko gật đầu, - nhưng em không có ý định thay đổi đời mình... Dù sao chẳng nữa...nếu chẳng bao giờ đem mặc chẳng nữa, em vẫn giữ gìn nó như một báu vật quý giá nhất.
 - Ở cửa hàng chỗ em người ta không chuyên bán thắt lưng, thế nhưng áo kimono hợp với thắt lưng thì có thể chọn được.
 - ...
 - Cha là người hơi lạ lùng. Dạo gần đây ông mất hứng thú kinh doanh. Huống hồ, bây giờ cửa hiệu chỗ em bán không phải toàn thứ tốt. Họ mua bán trăm thứ bằng lẫn - đa phần là hàng len với sợi tổng hợp.
- Naeko ngược nhìn các ngọn cây rồi đứng dậy.
- Còn rõ giọt chút ít, nhưng có lẽ em đã làm chị mất thoải mái quá.
 - Không đâu, chị...
 - Thế sao chị, tiểu thư ạ, không đỡ đàn cha ở cửa hiệu?
 - Em ư?... - Chieko ngược cặp mắt ngạc nhiên nhìn cô gái. Quần áo Naeko mặc ướt hết cả và dính chặt vào người.

*

Naeko quyết định không tiễn nàng ra bến xe - không phải vì người ướt: cô sợ rằng mọi người sẽ để ý đến chuyện họ giống nhau.

Lúc Chieko về nhà, bà Xighe đang xào xáo bữa ăn qua quýt buổi chiều cho các nhân viên cửa hiệu.

- Con về đây mẹ ạ. Xin mẹ tha lỗi vì con về muộn... Còn cha đâu ạ?

- Ông ấy ở đằng sau rèm kia - đang ngồi ở bàn ngắm nghĩ chuyện gì đấy.

- Xighe đưa mắt lên nhìn cô gái. - Con ở đâu thế? Kimono nhàu mà ướt hết cả rồi. Đi thay quần áo đi.

- Con đi ngay đây ạ. - Chieko lên gác, chậm rãi thay quần áo và ngồi xuống nghỉ một lát. Khi nàng quay xuống bên dưới, Xighe đã cho các nhân viên ăn xong.

- Mẹ ạ. - Chieko nói, mà giọng nàng run run. - Con có đôi điều cần thưa với mẹ, một mình mẹ...

- Được, ta lên chỗ con nào.

Chieko ngập ngừng, chưa dám lên tiếng.

- Ở đây cũng mưa rào ọ? - Nàng vừa hỏi vừa cố tập trung tư tưởng.

- Mưa rào? Mưa rào thì không, mà thực tình có phải con định nói chuyện mưa rào với mẹ đâu.

- Thưa mẹ, con vừa đến ngôi làng trong Bắc Sơn. Ở đấy có chị em gái của con - mà con không rõ là em hay là chị. Thì ra, chúng con là chị em sinh đôi. Con đã gặp chị ấy lần đầu tiên trong lễ Ghion. Chị ấy bảo rằng cha mẹ đẻ chúng con đã mất từ lâu rồi.

Đối với bà Xighe, lời Chieko nói tựa như sét đánh ngang tai.

- Nghĩa là, cô ấy sống ở làng trong Bắc Sơn? - Bà vừa khẽ hỏi lại vừa nhìn vào mắt Chieko.

- Vâng. Con không thể giấu cha mẹ chuyện này được nữa. Chúng con đã gặp nhau hai lần: hôm lễ Ghion và hôm nay.

- Hiện thời cô ấy làm gì?

- Mãi gỗ cho một ông chủ ở trong làng. Một cô gái đơn hậu. Con mời chị ấy đến nhà ta nhưng chị ấy từ chối.

- Vậy là - Xighe im lặng một lát, - con đã xử sự đúng khi kể cho mẹ biết. Được rồi, thế bản thân con nghĩ sao về chuyện này?

- Thưa mẹ, con là con cha mẹ và con xin cha mẹ hãy coi con là con như trước, - Chieko nòng nân đáp.

- Lẽ cố nhiên đã hai chục năm nay con là con gái mẹ.

- Mẹ!... - Chieko nắc lên và chúi mặt vào đầu gối Xighe.

- Mẹ đã để ý thấy ngay từ hôm lễ Ghion con luôn có điều gì tư lự.

Thậm chí mẹ định hỏi: con đã đem lòng yêu ai rồi chẳng?

- ...

- Dù sao, con hãy cố đưa cô gái tới. Có thể vào buổi tối, lúc những người bán hàng ra về.

Giấu mặt giữa hai đầu gối mẹ, Chieko lắc đầu:

- Chị ấy sẽ không đến. Chị ấy gọi con là tiểu thư...

- Ra là thế. - Xighe âu yếm vuốt tóc Chieko. - Sao nào, cô ấy giống con lắm phải không?

Đã có tiếng đế rúc trong chiếc hũ Tamba.

Chú thích:

[40] Kanu: thiết bị sưởi đặt dưới sàn nhà có dạng máng đào xuống đất để đốt nhiên liệu trong đó.

[41] Yamaboko: kiệu rước trang hoàng lộng lẫy, mô phỏng một quả núi theo thể thức đã định, trên đó có bày mâm, kích, kiếm và các loại đồ tế nhuyễn nhà chùa. Người ta còn dùng cả những hình rối mô tả các vị thần, các nhân vật văn học nổi tiếng để trang trí kiệu.

[42] Naghinataboko: loại kiệu trên đỉnh có cắm một ngọn kích.

[43] Kannon: Phật từ bi.

[44] Xayxi: Phật đạo lí.

[45] Chian: lối xưng hô triu mến với trẻ em.

[46] Do dị đoan, người Nhật cho rằng việc đẻ sinh đôi sẽ khiến gia đình bị những thế lực thù địch nào đó ngoài cõi thế để ý, nên có thể sẽ đem lại điều bất hạnh cho gia đình, khiến quan hệ của những người khác xấu đi.

[47] Ukiyoe: tranh phong tục xuất hiện vào nửa cuối thế kỷ XVI và nở rộ trong khoảng thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX trong sáng tác của Utamaro, Hokuxai, Hiroxighe.

[48] Kano Maxanobu (1434-1530) nhà sáng lập trường phái hội họa Yamatoe, một thể loại vẽ dân tộc có từ xưa của hội họa Nhật Bản, nở rộ trong khoảng thế kỷ XI đến thế kỷ XIII.

[49] Ở Nhật thời trung thế kỷ, người ta gọi người Âu như vậy.

[50] Thời Momyama: nửa cuối thế kỷ XVI - giai đoạn cầm quyền hai chục năm của Hidyoshi Toyotomi, các nghệ thuật và nghề thủ công phát triển mạnh.

[51] Thể loại sân khấu mặt nạ dân gian, hàng năm công diễn vào cuối tháng tư tại chùa Mibu ở Kyoto.

[52] Âm nhạc và các vũ điệu cung đình trong khoảng thế kỷ VIII đầu thế kỷ X.

[53] Chimaki: bánh bột gạo quăn lá trúc, một món ăn ngon của người Nhật Bản.

[54] Dgiro Oxaraghi: nhà văn Nhật Bản nổi tiếng (sinh năm 1897) thường đưa những vấn đề văn hóa dân tộc vào các tác phẩm của mình.

[55] Yama: loại kiệu có đòn khiêng vai.

[56] Ở Việt Nam trước đây thường gọi là “Minh Trị”: hiệu của triều đại thiên hoàng Mutsuhito (từ 1868).

[57] Samurai: tay kiếm võ sĩ đạo. Ở đây nói về sự tích bốn mươi bảy tay kiếm lang thang, báo thù cho chủ tướng đã chết, được nhắc đến trong nhiều vở diễn, thường có ý ám chỉ vở Kanatehon Chiushingura.

[58] Những đồng lửa xếp thành hình chữ tượng hình “đại” (đại nghĩa là lớn), có dạng na ná hình người (chữ nhân) dang hai tay, đốt trên Đông Sơn ở Kyoto vào 16 tháng 8 âm lịch.

[59] Bon: Lễ giỗ các vong linh - có lẽ tựa như ngày “xá tội vong nhân” rằm tháng bảy ở ta.

[60] Phunagata: tán hào quang ở sau tượng Phật.

[61] Torigata: hình tori - cổng như dạng cửa vòm vuông góc trước chùa Thần đạo.

[62] Theo Dương lịch, mùa thu bắt đầu từ mùng tám tháng tám.

VI. NHỮNG CẢNH THÔNG XANH

Takichiro được biết là gần chùa Nandgendgi có một ngôi nhà thích hợp người ta rao bán, nên ông rủ Xighe và Chieko đi thăm thử xem. Nhân thể cũng làm cuộc dạo chơi để hưởng tiết ấm trời đầu thu.

- Mình định mua đấy à? - Xighe.

- Trước hết phải xem cái đã, - Takichiro cúi kính đáp. - Tôi cần một căn nhà nhỏ mà rẻ rẻ thôi. Thậm chí có không mua thì chẳng qua là đi dạo, - không tốt à?

- Tất nhiên cũng tốt thôi...

Lòng Xighe đầy lo lắng. Nếu mua nhà, hàng ngày họ phải đạp xe tới cửa hiệu. Ở Kyoto này đã có nhiều thương gia trong quận Nakaghio sống tại những căn nhà tách biệt với cửa hiệu nhà mình giống như các chủ cửa hàng ở Ghinxe và Nihonbaxi bên Tokyo. Tuy nhiên, vậy cũng còn chưa đến nỗi nào. Nhất là lúc này Takichiro còn có điều kiện tậu nhà hơn, cho dù hồi gần đây công việc ở cửa hàng không được tốt. Nhưng ngộ nhỡ ông định mua nhà để bán cửa hiệu lui về nghỉ hưu thì sao? Cứ cho rằng có thể ông quyết định tậu nhà trong lúc còn có một khoản tiền dư. Song, nếu vậy ông sẽ sống bằng gì? Cửa đáng tội, Takichiro đã ngoại ngũ tuần từ lâu, nên ông có quyền hành động thế nào tùy ý. Người ta sẽ trả cái cửa hiệu món tiền không nhỏ, mà dù sao chẳng nữa sống bằng số lãi phần trăm cũng buồn. Tất nhiên, có thể tìm được một người đáng tin cậy đầu tư khoản tiền bán cửa hiệu cho có lợi, song Xighe chưa nhớ ra một ai trong số những người quen biết.

Mặc dù Xighe không hé nửa lời nhưng Chieko đã ngay lập tức cảm thấy mối lo ám ảnh bà. Nàng âu yếm nhìn mẹ để cố làm cho bà yên tâm.

Takichiro thì ngược lại, đang rất phấn chấn.

- Cha ơi, nếu đã đến gần chỗ Nandgendgi thì có lẽ ta rẽ cả sang Thanh thiên Sen nữa - chỉ dừng ở lối vào một lát thôi cũng được, - Chieko yêu cầu lúc họ lên xe.

- Cha hiểu rồi, con muốn ngắm cái cây long não ấy chứ gì?

- Vâng! - Chieko ngạc nhiên trước sự tinh ý của Takichiro.

- Ủ thì ta rẽ. Cha con thời trẻ vẫn gặp gỡ bạn bè dưới bóng cây long não ấy luôn, Chieko ạ. Bọn cha chuyện trò thôi thì đủ thứ. Bây giờ thì chẳng còn ai ở Kyoto nữa.

- Ở đây đối với cha có nhiều chỗ đáng ghi nhớ lắm.

Chieko im lặng một lúc, cố khỏi làm phiền cha vẫn đắm mình trong hồi ức, sau đấy nàng nói:

- Con cũng đã lâu chưa thấy cây long não này, - kể từ hồi ra trường. Mà cha có biết không, tham quan chùa Thanh thiên Sen được kể là một trong các lộ trình du lịch buổi tối đấy. Ở đây có các vị tăng ni cầm đèn lồng đón du khách. Đã có lần con đi chuyến xe buýt du lịch ấy.

Con đường dẫn từ xe buýt tới lối vào chùa mà du khách đi bộ dưới ánh đèn lồng khá dài và thú vị. Song cũng vì thế mà tính chất hấp dẫn của cuộc thăm viếng ngôi chùa bị cạn kiệt.

Trong sách hướng dẫn du lịch có nói rõ rằng, các vị ni cô chùa Thanh thiên Sen có bày nghi thức trà đãi du khách.

- Thực ra thì người ta nhất loạt đưa tất cả vào một gian phòng lớn, bày ra một khay to tướng những cái chén xấu xí, du khách uống hết trà cho mau rồi rút lui, - Chieko bật cười. - Cửa đáng tội được cái cũng có vài vị ni cô có mặt, nhưng nghi thức - nếu có thể gọi cảnh uống trà như thế là nghi thức - thì diễn ra nhanh đến chóng mặt. Con cũng phải phát chán, đã thế trà chỉ hơi âm ỉm.

- Đành vậy thôi. Chứ nếu người ta nghiêm thủ mọi quy tắc thì riêng việc uống trà đã hết bao nhiêu thời gian rồi...

- Vậy còn chưa đến nỗi nào, chứ uống trà xong họ mới bật đèn pha trong vườn chùa, một nhà thuyết giáo hùng hồn hết mức bước ra khoảng giữa và bắt đầu bài thuyết trình bất tận về ngôi chùa.

- Sau đấy họ hộ tống chúng con lên chùa. Đâu đấy văng lại tiếng Koto ([63]), song con với cô bạn gái vẫn cứ không rõ: liệu người ta chơi koto thật hay mở máy quay ra cũng nên...

- Thế đấy, thế đấy...

- Rồi người ta chở chúng con lên đường đi xem các vũ nữ Ghion. Họ múa mấy điệu, nhưng bộ dạng họ mới chán chứ?

- Con không thích họ ở điểm nào?

- Kimono họ mặc thì xài xạc, thắt lưng thắt cầu thả, thật là buổi biểu diễn thảm hại. Từ Ghion xe buýt du lịch chuyển bánh đi Shumiva nằm trong quận Shimabara, nơi người ta cho du khách xem tayu các bà đua đòi lăng lơ. Họ thì lại mặc những chiếc kimono rất xa hoa. Dưới ánh nến đại, họ phô diễn diễn trao nhau chén sake trong đám cưới, rồi trong gian phòng tayu nền đất, họ lấy điệu bộ này nọ giả như đi dạo ngoài phố. Thế là hết.

- Chả ít ỏi lắm đâu, - Takichiro bác lại.

- Điều thú vị nhất suốt lộ trình là đám rước đèn lồng lên chùa Thanh thiên Sen và hành trình đến Shimabara. - Chieko nói. - Nhưng hình như con đã kể với cha chuyện này rồi...

- Lúc nào rủ cả mẹ đi với. Mẹ chưa lần nào có dịp đến Shumiya xem tayu, - Xighe yêu cầu. Cùng lúc ấy xe đã tới gần chùa Thanh thiên Sen.

Khó mà lý giải được, vì sao đột nhiên nàng muốn ngắm cây long não. Nàng nhớ đến cuộc đi dạo con đường trồng long não trong vườn bách thảo cách đây không lâu chẳng? Hoặc giả, có lẽ vì trong lần gặp gỡ mới đây Naeko bảo rằng, những cây thông liễu trên Bắc Sơn là cây trồng, chứ cô thì thích những cây nào mọc chính bằng sức mình chẳng?

Bốn cây long não nhô lên trên tường rào đá của ngôi chùa, cây ngay gần là cây già nhất.

Chieko cùng cha mẹ dừng lại trước cây long não và im lặng ngắm. Càng nhìn các cành cây đan quện nhau cầu kỳ bao nhiêu thì càng đâm ra có cảm giác rõ rệt hơn, là dường như trong cái cây già này ẩn giấu một sức mạnh hung hiểm nào đấy.

- Ngắm một chút, vậy là đủ, - Takichiro nói và là người trước nhất tiến về Nandgendgi.

Takichiro lấy trong ví ra mảnh giấy nhỏ có sơ đồ vị trí ngôi nhà mà họ quan tâm và bắt đầu xem xét kỹ.

- Cha không biết rõ lắm, - ông quay lại nói với Chieko, - nhưng xứ sở của cây long não là các nước phương Nam, nơi khí hậu ấm. Ta có nhiều cây long não lớn ở Atami và Kyuxiu chứ còn tại Kyoto này, đến cả cái cây cổ thụ ấy cũng hao hao giống Bonsai - chỉ có điều là to hơn.

- Không lẽ cả Kyoto giống như vậy sao? Cả núi non xung quanh, cả sông suối, rồi con người... - Chieko nói.

- Mà đúng thế đấy - Takichiro gật đầu, - song con người thì không hoàn toàn như vậy...

- ...

- Không hẳn như vậy cả trong số những người hiện đang sống, cả trong số những người mà tên tuổi họ còn lưu lại trong lịch sử những năm đã qua...

- Có lẽ.

- Nhưng nếu cứ theo cái suy lí của con, Chieko ạ, thì ngay toàn bộ đất nước có tên là Nhật Bản cũng hao hao như Bonsai.

- Cha bắt đầu nói những chuyện nghiêm túc đây, Chieko nghĩ. - Và chính vào lúc chăm chú nhìn thân cây long não già, nhìn những cành dài đan

nhau đến kỳ quặc của nó thì cũng đâm rờn rợn mà cảm thấy một sức mạnh to lớn biết bao ẩn giấu trong cái cây ấy. Phải vậy không thưa cha?

- Đồng ý. Cha ngạc nhiên vì chuyện khác cơ: tại sao một cô con gái còn non trẻ như con lại suy ngẫm điều đó? - Takichiro ngoái lại trông cây long nảo rồi chăm chú nhìn Chieko và nói, - Nhưng con nói đúng. Quả là sức mạnh ấy đang sống cả trong con nữa đấy, mà cũng chính nó buộc mở tóc huyền của con dài ra nhanh biết bao...Dạo gần đây cha con đâm chậm hiểu. Cảm ơn, con đã dạy lão thấy!

- Cha! - Chieko mũi lòng thốt lên.

Họ dừng lại cạnh cổng Nandgendgi, liếc qua khoảng sân chùa mênh mông - hầu như không một bóng người và lặng ngắt như mọi khi.

Dò lại sơ đồ vẽ trên mẫu giấy xong, Takichiro rẽ trái.

Ngôi nhà không lớn và nằm giữa khu đất bao quanh là tường rào cao bằng đất trộn rơm. Ở hai bên con đường nhỏ dẫn từ cánh cổng hẹp vào nhà có những bụi hagi ([\[64\]](#)) trắng, chúng đang kỳ nở rộ.

- Tuyệt thật! - Takichiro thốt lên, dừng lại cạnh cổng và ngắm những đoá hoa trắng. Song ý muốn tậu ngôi nhà này đã tan biến. Ông nhận thấy một tòa khách sạn hiện đại có kèm tiệm ăn.

Nhưng dù sao Takichiro cũng không thể cầm lòng bỏ đi ngay: những bụi hagi ra hoa đẹp là thế! Kể từ dạo Takichiro tới đây lần cuối, người ta đã dần dà xây dựng trên đại lộ gần chùa Nandgendgi bao nhiêu quán ăn và khách sạn. Một vài tòa nhà được biến thành ký túc xá, trong đấy là những nhóm sinh viên huyền não người tỉnh xa cư ngụ.

- Nhà tựa hồ tốt đấy, nhưng chuyện mua thì thôi, - mắt vẫn nhìn mấy khóm hoa, Takichiro lẩm bẫm. - Chỉ ít lâu nữa Kyoto đến biến thành một ô-ten khổng lồ có kèm cao lầu. Như ở vùng lân cận chùa Kodaidgi... Giữa Osaka và Kyoto bây giờ là một khu công nghiệp điển hình. Đất trống còn lại có chăng là ở Nhixinokio, mà ngay ở đấy cũng đã bắt đầu xuất hiện

những ngôi nhà theo kiến trúc thời thượng đến thánh cũng chả tưởng tượng nổi... - ông rầu rĩ kết luận.

Say mê vẻ đẹp của những đóa hoa trắng, Takichiro quay lại phía cổng ngôi nhà bán để ngắm chúng lần nữa.

- Hoa nở tuyệt vời biết mấy. Chắc gia chủ năm được bí quyết gì đó - Trở về chỗ hai người phụ nữ đợi mình, ông thán phục nói. - Cửa đáng tội, khéo phải dùng cọc chống cho các khóm hoa chứ nếu không sau trận mưa qua con đường hẹp thế kia vào nhà làm sao được. Có lẽ lúc trồng gia chủ không hề có ý nghĩ rời bỏ ngôi nhà, chứ giờ họ còn bụng dạ nào nghĩ đến hoa nữa.

Xighe và Chieko lặng im.

- Bản tính con người là thế đấy, - vừa lau trán Takichiro kết luận.

- Cha ạ, nếu cha thích loài hoa này thế thì cha hãy cho phép con nghĩ cho cha một phác thảo có họa tiết bằng hoa hagi. Chieko nói để cố làm Takichiro lãng quên những ý nghĩ phiền muộn. - Năm nay con e không kịp mùa mất, chứ sang năm nhất định con sẽ vẽ.

- Nhưng, đây là thứ hoa phái yếu, họa tiết như vậy chỉ hợp với kimono của nữ mặc mùa hè thôi.

- Con sẽ làm họa tiết không phải cho kimono.

- Cho quần áo lót chắc? - Takichiro nhìn Chieko ngồi cố nén cười nói thêm: - Để phúc đáp con cho tương xứng, cha sẽ vẽ cho con một phác thảo kimono hoặc áo khoác có họa tiết cây long não. Cho dù bấy giờ thì cô Chieko đành phải biến thành đàn ông...

-...

Mà tất cả sẽ thành trái ngược hết: đàn ông hóa phụ nữ, còn phụ nữ hóa đàn ông.

- Làm gì có chuyện ạ?

- Không lẽ con dám cả gan mặc kimono họa tiết long nã mà ra phố - đây là mẫu thuần túy nam tính cơ mà.

- Vâng, con sẽ diện vào rồi ra, ra đâu cũng được!...

- Úi chà chà! - Takichiro cúi đầu nghĩ ngợi - con thấy không Chieko, cha không phải chỉ thích loài hoa hagi, - ông nói. - Tâm hồn sẽ đáp lại bất cứ thứ hoa gì - tất cả tùy thuộc ở chỗ con thấy nó khi nào và trong hoàn cảnh nào.

- Có lẽ cha nói đúng...- Chieko tán thành - nhân tiện cha ạ, một công tới đây ta ghé qua cửa hiệu Tatsumura chứ nhỉ - không xa xôi đâu...

- Vào cửa hàng dành cho khách ngoại quốc ấy? Mình nghĩ sao, Xighe?

- Thôi được, nếu Chieko nó muốn... - Xighe đáp vẻ dung hòa.

- Ủ thì ta xem Tatsunlura buôn những thứ thắt lưng kimono ra làm sao.

Vào cửa hàng, Chieko rẽ sang phải rồi bắt đầu thích thú xem kỹ các thứ lụa dùng cho phụ nữ cuốn thành từng súc. Chúng được sản xuất ở các xí nghiệp Kanebo.

- Chieko này, con có định may cái váy Âu không? - Xighe tiến lại gần quây hỏi.

- Không mẹ ạ. Chẳng qua là con để ý xem người nước ngoài họ thích những thứ lụa gì.

Xighe gật đầu, rồi đứng đằng sau Chieko chốc chốc bà giơ tay sờ sờ mặt lụa.

Ở gian giữa và hành lang có trưng bày những mẫu vải phồng theo các loại vải cổ của kho Xioxoin ([65]).

Takichiro vẫn thường đến thăm các triển lãm do Tatsumura tổ chức, ông nhớ tên tất cả các thứ vải và phác thảo cổ đã bày, xong cũng chẳng từ nỗi niềm khoái cảm được ngắm nghía chúng lần nữa.

- Chúng tôi có ý muốn phô bày cho khách nước ngoài thấy ở Nhật người ta có đủ tài tạo được những vật dụng như thế nào, - viên quản lý quen thuộc giải thích riêng với ông.

Takichiro cũng đã nghe ông ta nói chính câu này khi ông tới đây lần trước và ông gật đầu vẻ tán thành. Nhìn mẫu phông theo thứ vài thời Đường ([66]), ông nói vẻ thán phục:

- Phải, thời cổ người ta đã biết cách làm rồi. Những vài như thế này làm cách đây một ngàn năm cơ đấy.

Ý chừng, các loại vài giả cổ chỉ trưng bày để xem. Trong số đấy có cả những loại vài dùng làm thắt lưng phụ nữ. Takichiro rất thích. Ông hẳn sẽ rất vui lòng mua vài cái thắt lưng như thế cho Xighe và Chieko, song cái cửa hiệu dành cho khách nước ngoài này không bán thắt lưng. Chỉ có thể mua ở đây họa chăng những dải khăn thêu để lên bàn trang trí là cùng. Ngoài khăn tua ra người ta còn bán túi xách, giấy thấm, bột thuốc lá, khăn lụa và đại loại là những hàng mỹ nghệ lặt vặt.

Takichiro chọn cho mình mấy cái cà-vạt và một chiếc ví bằng giấy ép có hình hoa cúc. Nghệ thuật tạo các đồ bằng giấy ép hình như cũng không cổ xưa lắm. Koetsu ([67]) trong bức “Cúc đại đoá trên giấy ép” của mình đã đưa vào tranh lụa một trong các vật phẩm làm tại xưởng Takagamine ([68]).

- Tôi nghe nói ở Tohoku ([69]) bây giờ người ta cũng sản xuất những hàng mỹ nghệ như thế bằng giấy Nhật rất bền, - Takichiro nói.

- Có lẽ có lẽ thế, - viên quản lý tán đồng. - Tôi thì hẳn không được rõ nghệ thuật ấy gắn với tên tuổi Koetsu đến mức độ nào nhưng...

Ở một trong các quầy sâu bên trong cửa hàng, Takichiro rất ngạc nhiên nhận thấy các máy thu thanh xách tay của hãng “Sony”. Thế này thì thật quá quắt, cho dù Tatsumura có nhận bán lấy hoa hồng để “khai thác ngoại tệ”... Sau đấy người ta đưa họ vào phòng khách ở phần đằng kia cửa hàng

đãi trà. Viên quản lý giải thích thêm rằng phòng khách này thường dùng để tiếp các yếu nhân ngoại quốc.

Ngoài khung cửa sổ lộ ra những cây thông liễu dị dạng, lùn tịt.

- Loại thông liễu gì đấy? - Takichiro hỏi.

- Bản thân tôi không biết thật chuẩn xác, - viên quản lý lúng túng - hình như người ta gọi nói là Coyoshughi”...

- Viết thành chữ thế nào nhỉ?

- Người làm vườn không biết mấy chữ này, nhưng tôi thiên nghĩ đấy là loài thông liễu lá to. Chúng mọc ở Honxiu và miền Nam.

- Sao thân nó lại có màu như thế nhỉ?

- À, rêu đấy mà!

Có tiếng nhạc từ máy thu thanh xách tay. Chieko ngoảnh lại và thấy một người đàn ông trẻ giảng giải điều gì đó cho một toán phụ nữ ngoại quốc.

Đấy chính là Riuxuke, anh trai Shinichi đấy, - Chieko rời ghế bành đứng dậy.

*

Riuxuke cũng đã nhận ra Chieko và tiến lại gặp nàng. Gần tới nơi, anh lễ phép cúi đầu chào Takichiro và Xighe còn ngồi ở ghế bành. - Tiên sinh thắp tùng các bà ấy? - Chieko hỏi lúc cảm thấy ngượng ngùng và chưa biết bắt đầu câu chuyện thế nào. Khác với Xinichi tính tình mềm mỏng, ở anh ta có cái gì khẳng khẳng giữ mực, và trước mặt anh Chieko thường mất bình tĩnh, cảm giác mình không được tự nhiên.

- Không hẳn tôi đi thắp tùng... Sự thể là cô phiên dịch, em gái anh bạn tôi, cách đây mấy hôm đã đột ngột thiệt mệnh, thế nên người ta yêu cầu tôi giúp.

- Đáng thương quá, em gái...

- Vâng, cô ấy là một cô gái dễ thương, trẻ măng - kém Shinichi hai tuổi...

- ...

- Shinichi không giỏi tiếng Anh, vả lại chú ấy ngại ngùng. Vậy là tôi đành phải... Thật ra, ở đây đâu cần phiên dịch: các viên quản lý đều nói được tiếng Anh. Các bà này là người Mỹ. Họ trú tạm ở ô-ten Miyako, mà ghé lại đây là để mua máy thu thanh xách tay.

- Ra thế ạ.

- Ô-ten ngay cạnh, bởi thế họ mới quyết định vào cửa hàng Tatsumura.

- Chả phải để xem bộ sưu tập vải ở đây đâu, mà sáp ngay vào những cái máy thu thanh, - Riuxuke bật cười khe khẽ. - Mặc dù có khác gì...

- Hôm nay là lần đầu tiên tôi mới biết ở đây người ta biết cả máy thu thanh đấy.

- Máy thu thanh hay vải lụa thì cũng thế cả thôi. Điều quan trọng đối với ông Tatsumura là họ trả bằng đô la.

- Tôi hiểu.

- Chúng tôi đã vào khu vườn đấy, dưới ao đằng kia toàn cá chép màu sắc sỡ. Tôi cuống lên, nghĩ: Họ hỏi cặn kẽ bây giờ thì tôi cũng không biết giảng giải làm sao. Thậm chí tôi cũng không biết chẳng hạn như “cá chép sọc” tiếng Anh nó thế nào. May mà họ chỉ ồ, à rồi nói: “Đẹp quá!” - Tiểu thư có định xem cá chép không?

- Thế các bà đầm của tiên sinh thì sao?

- Không có tôi viên quản lý cũng xong thôi, với lại nói chung đã đến lúc họ phải về ô-ten để uống trà. Các ông chồng sắp sửa nhập bọn và họ sẽ đi Nam.

- Có điều tôi phải báo cho cha mẹ biết.

- Còn tôi thì phải báo cho các bà đầm của mình. - Riuxuke lại gần những người đàn bà Mỹ, bảo họ điều gì đó, thế là các bà này đồng loạt nhìn về

phía Chieko. Cô gái đỏ bừng mặt.

Chẳng mấy chốc Riuxuke quay lại và dẫn Chieko ra vườn. Họ ngồi bên bờ ao, im lặng ngắm lũ chép sặc sỡ lượn lờ dưới nước.

- Xin tiểu thư hãy nghe tôi nói, Chieko ạ, - Riuxuke đột ngột mào đầu, - hãy cố khắt khe hơn một chút với viên quản lý nhà tiểu thư hay với cái kẻ nào ở chỗ tiểu thư mà bây giờ được kể vào hiệp hội cổ phần ấy nhỉ?? Giám đốc điều hành viên phải không? Tin là tiểu thư làm được. Nếu muốn, tôi sẵn sàng có mặt trong cuộc nói chuyện của tiểu thư...

Lời đề nghị khác lạ đến nỗi Chieko lặng người, không sao thốt nổi lấy một tiếng.

*

Đêm ấy nàng mơ thấy những con chép muôn màu muôn vẻ xúm lại trước mắt Chieko lúc ấy ngồi trên bờ ao, chúng chồng chất lên nhau, một số con thậm chí còn lộ đầu lên khỏi mặt nước.

Toàn bộ giấc mộng có thể. Còn trong thực tế nàng đã nhúng tay xuống nước, khẽ khỏa nhẹ mấy ngón tay. Lập tức lũ chép bơi lại phía tay nàng. Chieko ngạc nhiên nhìn chúng và bỗng có cảm giác trù ố với những con chép này.

- Có lẽ các ngón tay tiểu thư có tỏa ra một hương vị riêng, chúng cố một sức mạnh huyền bí nào không rõ, - Riuxuke thăm thò. Anh còn ngạc nhiên hơn chính Chieko.

- Cá chép thường dạn người. - Nàng ngượng ngịu đáp.

Riuxuke mãi mê ngắm nét mặt nhìn nghiêng của cô gái.

- Tiên sinh trông kìa, rừng Đông Sơn dường như ngay cạnh đây, - then thềm trước cái nhìn chăm chú của Riuxuke nàng nói.

- Đúng vậy. Mà tiểu thư có nhận thấy nó hơi đổi màu một chút không? Có cảm giác mùa thu...

Tỉnh dậy, Chieko không nhớ nổi: trong giấc chiêm bao thấy lũ chếp kia, Riuxuke có ở cạnh nàng không nhỉ? Nàng mở to mắt, im lặng một lát.

Ngày hôm sau, Chieko nhớ lại lời Riuxuke khuyên hãy khắt khe hơn một chút với viên quản lý, song nàng chưa biết nên khởi sự việc đó như thế nào.

Trước lúc cửa hiệu đóng cửa nàng đến gần viên quản lý Uemura và ngồi xuống trước bàn viết. Cái bàn viết kiểu cổ được ngăn với gian bán hàng bởi tấm lưới thấp bằng gỗ. Nhận thấy có cái gì không bình thường trên vẻ mặt Chieko, Uemura hỏi:

- Tiểu thư cần cái gì đó chăng?

- Tôi muốn lựa ít vải may kimono.

- Tiểu thư ư? Không lẽ tiểu thư lại may bằng vải của hiệu nhà? - Uemura thở phào nhẹ nhõm. - Hiện đang có kimono Tết và kimono mặc lúc ra ngoài, cả phurixode ([70]) nữa. Nhưng thông thường tiểu thư vẫn mua những thứ ấy ở cửa hàng của Okadezaki hoặc ở Erimana cơ mà.

- Tôi không quan tâm đến kimono mặc Tết, làm ơn cho xem cửa hiệu chúng ta có những mẫu lụa hoa Yudgen nào.

- Ô, cái đó ở ta thì đầy...và đủ mọi màu sắc...Tôi không biết tiểu thư có thích chúng không. - Uemura rời khỏi bàn viết, gọi hai nhân viên rồi rủ tai họ điều gì đó. Họ nhanh chóng mang tới mấy súc vải khác nhau và cùng viên quản lý trải các cuộn vải ra giữa cửa hàng.

- Tôi lấy thứ này - Chieko vẽ hấp tấp trở loại vải mà nàng thích.

- Hi vọng là năm ngày nữa, cùng lắm là một tuần kimono phải xong chứ? Tôi mong được giảm giá hai mươi phần trăm.

- Kìa tiểu thư! Thời hạn gấp gáp đến thế sao? Chúng ta chỉ bán buôn thôi mà, ta có may kimono đâu, nhưng thôi dẫu sao tôi sẽ cố gắng.

Hai người nhân viên khéo léo cuộn vải lại rồi mang đi.

- Sổ đo đây, - Chieko đặt lên bàn viết mảnh giấy nhỏ. Song nàng chưa đi.
- Tiên sinh Uemura ạ, tôi muốn được ít nhiều làm quen với công việc kinh doanh của chúng ta, hy vọng ông giúp đỡ, - hơi cúi đầu Chieko mềm mỏng nói tiếp.

- Tiểu thư ư? Viên quản lý thốt lên, nhìn cô gái vẻ ngạc nhiên ra mặt.

Chieko điềm tỉnh tiếp:

- Ta sẽ bắt đầu từ ngày mai. Nhân thể xin ông chuẩn bị sổ sách kế toán cho.

- Sổ sách kế toán ấy à? - Uemura cay độc cười mát. - Phải chăng tiểu thư định rà soát lại.

- Sao lại thế thưa ông? Chuyện ấy rắc rối quá tôi làm thế nào được. Chẳng qua tôi định ngó qua để biết, chẳng hạn như chúng ta có quan hệ buôn bán với những ai thôi mà.

- Hóa ra thế ư? Sổ sách kế toán của ta thì nhiều. Với lại cũng có sổ thuế nữa.

- Ý ông định nói cửa hiệu ta có lệ kế toán kếp à?

- Không bao giờ, tiểu thư ạ! Tiểu thư mà có tài cứ thử đánh lừa sổ thuế xem... Không đâu, trong chuyện này chúng ta làm ăn ngay thẳng.

- Nhưng dù sao, đến mai cứ cho tôi xem sổ sách kế toán, tiên sinh Uemura ạ, - Chieko nói vẻ kiên quyết rồi đi thẳng.

- Tiểu thư ạ, tôi đã phục vụ ở đây trước lúc tiểu thư ra đời... - Uemura nói, song Chieko thậm chí không ngoái cổ lại. - Sinh sự gì lạ thế! - Viên quản lý vẻ căm tức, chặc lưỡi lăm bắm, nhưng của đáng tội vẫn cố để Chieko khỏi nghe thấy. Khi Chieko ghé qua chỗ mẹ đang bận làm cơm tối, bà kinh hãi hỏi:

- Con nói gì với viên quản lý ngoài ấy thế?

- Chính con cũng rồi bung lên mẹ ạ.

- Mẹ sợ run cả người lên... Thì người ta vẫn chả nói tâm ngấm tằm ngấm đấm thềm chết voi là gì.

- Có phải tự con nghĩ ra đâu, có người bảo cho biết đấy chứ.

- Ai vậy?

- Riuxuke tiên sinh, lúc chúng con gặp nhau ở cửa hiệu Tatsumura... Anh ấy nói, cha anh ấy biết cách điều hành việc buôn bán, chỗ họ có hai người quản lý tâm phúc, nên nếu Uemura đi khỏi cửa hàng họ có thể cử một trong hai người đó sang giúp chúng ta. Riuxuke tiên sinh thậm chí nói rằng, bản thân anh ấy cũng thuận lòng sang cửa hàng nhà ta làm để chỉnh đốn công việc.

- Chính Riuxuke đề xuất à?

- Vâng, mà còn nói vì chuyện này sẽ sẵn sàng bất cứ lúc nào thôi làm nghiên cứu sinh...

- Anh ta nói vậy cơ à? - Xighe thăm chú nhìn khuôn mặt Chieko xinh đẹp đến kỳ lạ vào giây phút này. - Nhưng Uemura không định đi.

- Ông ta đã nói sẽ yêu cầu cha kiểm lấy ngôi nhà khang trang ở gần chỗ có những cây hagi trắng.

- Thế cơ đấy, - Xighe kéo dài giọng. - Nghĩa là ông ta biết chuyện Takichiro định từ bỏ doanh nghiệp.

- Có lẽ như thế sẽ tốt cho ông ta hơn.

- Riuxuke nói cả chuyện ấy à?

- Vâng.

- ...

- Mẹ ơi, con có một điều thỉnh cầu mẹ: mẹ cho phép con tặng cô gái ở trong làng Bắc Sơn một trong những chiếc kimono của con nhé. Mẹ nhớ không, con đã thưa chuyện với mẹ về chị ấy rồi.

- Đương nhiên rồi, con cứ tặng đi! Cả áo khoác nữa.

Chieko quay đi. Nàng muốn giấu những giọt lệ biết ơn rưng rưng trên mắt.

*

Vì sao người ta lại gọi một trong các dạng máy dệt tay là “takabata”? Lẽ tất nhiên là bởi nó cao hơn máy thường. Song nó cũng còn có một đặc điểm khác. Người ta đặt takabata ngay xuống đất, sau khi đã san bằng lớp phía trên mặt nền. Nghe nói, hơi ấm từ đất toát ra làm cho sợi mềm và dai hơn. Thời xưa, đứng máy takabata phải hai người, trong đó một người ngồi chót vót lên trên để làm đối trọng.

Giờ thay cho người đó là chiếc bị đựng đá nặng treo bên cạnh.

Ở Kyoto có những xưởng dệt dùng đồng thời cả máy dệt tay takabata, cả máy cơ khí...

Xưởng của Xoxuke - cha Hideo - được coi là loại vừa ở quận Nhixidgin, nơi có bao nhiêu là những xưởng chỉ bé tí tẹo. Hideo với hai người em trai anh làm ba máy dệt tay. Thịnh thoảng cả Xoxuke cũng ngồi vào máy.

Hideo nhìn mặt vải có hoa văn của chiếc thắt lưng Chieko đặt với cảm giác vui sướng. Công việc đã gần hoàn thành. Anh đặt vào đấy toàn bộ tâm hồn, tất cả tài nghệ của mình. Ở mỗi lượt go anh như được thấy Chieko.

Không, không phải Chieko, Naeko chứ, tất nhiên rồi. Bởi cái thắt lưng anh dệt cho Naeko cơ mà. Song trong khi dệt, hình ảnh Chieko và Naeko cứ hòa làm một trong mắt anh.

Người cha lại gần máy, im lặng quan sát một lúc.

- Được, chiếc thắt lưng tốt đây, - ông khen, - mà mẫu trang trí cũng không thường, làm cho ai thế?

- Cho con gái ngài Xada.

- Còn phác thảo?

- Chieko nghĩ ra.

- Không lẽ Chieko sao? Mẫu trang trí đáng chú ý đấy. - Người cha sờ sờ rìa chiếc thắt lưng vẫn còn trên máy. Cừ lắm Hideo ạ, thắt lưng sẽ rất bền.

- ...

- Hideo này, chúng ta chịu ơn ngài Xada đấy. Hình như bố đã nói với mày chuyện ấy rồi thì phải.

- Con hiểu, bố ạ...

- Vậy là bố đã kể, - Xoxuke lăm bắm, thế nhưng vẫn không nén được và lại nhắc lại câu chuyện đã lâu: - Bố vẫn xuất thân là thợ dệt bình thường mà ăn nên làm ra. Mua chịu nửa tiền một cái máy rồi từ đấy làm thắt lưng, mang đến ngài Xada. Có đời thưở nhà ai lại mang bán cho nhà buôn từng chiếc thắt lưng một. Vì thế bố phải đến chỗ bác ấy bí mật lúc gần về khuya để khỏi bị ai thấy...Nhưng ngài Xada thậm chí không bao giờ bóng gió gì về chuyện phải mua từng chiếc thắt lưng một. Đấy, thế rồi bố tậu được hai máy nữa... và công việc cứ trôi chảy.

- ...

- Song dù sao, Hideo ạ, ta với bác Xada khác nhau về địa vị...

- Điều đó con hiểu rất rõ, nhưng bố nói ra chuyện ấy để làm gì? - Hideo dừng máy, đưa mắt nhìn cha.

- Hình như, mày thích Chieko...

- Ra bố có ý ấy. - Hideo quay lại phía máy và lại bắt đầu làm.

Ngay khi chiếc thắt lưng vừa xong, anh đến làng để trao nó cho Naeko.

*

Mặt trời đã xế trưa. Nền trời bên trên Bắc Sơn bừng lên dải cầu vồng.

Cấp nách cái gói nhỏ, Hideo bước ra phố và nhìn thấy cầu vồng.

Nó rộng nhưng không rõ, mà quăng thì đứt đoạn ở phía trên. Hideo dừng bước, bắt đầu ngắm nó. Cầu vòng mờ dần rồi sau đó mất hẳn.

Trong khi anh đạp xe buýt đến làng, cầu vòng còn xuất hiện hai lần nữa. Cả những cầu vòng này, cũng như cái kia, đều đứt quãng và không rõ. Các cầu vòng như vậy cũng thường thấy thôi.

“Những cầu vòng này may hay không may nhỉ?” - Hideo lo âu nghĩ. Ngày hôm nay anh xao xuyến lạ thường.

Trời quang đãng. Lúc xe buýt đi vào hẻm núi, phía trước lại lơ lửng một cầu vòng nữa, song Hideo không kịp nhìn kĩ: những rặng núi tiến đến sát sông Kiyotaki đã che khuất nó.

Hideo xuống xe buýt ở đầu làng. Naeko đã hấp tấp ra đón anh, hai tay ướm còn chùi chùi vào tạp dề. Cô mặc quần áo làm việc.

Hôm nay, cô làm ở ngay vệ đường, chỗ người ta đánh bóng gỗ bằng cát lấy ở đáy thác Bodai lên.

Tháng mười chỉ mới bắt đầu mà nước sông trong vùng núi đã lạnh buốt. Các súc gỗ nổi lềnh bềnh trong con mương đào dành riêng chứa nước. Ở rìa con mương là cái bếp lò người ta dùng đun một vạc nước để lúc lúc lại trút xuống mương. Một làn hơi mỏng bay lên phía trên vạc.

- Rất hân hạnh được tiên sinh tới vùng núi chúng tôi. - Cô gái cúi chào rất thấp.

- Naeko ạ, đây là chiếc thắt lưng đã hứa với chị.

- Chiếc thắt lưng mà tôi phải mặc thay cho Chieko ư? Tôi không muốn nhận cái đã hứa cho người khác.

- Nhưng chính tôi đã hứa dặt nó cho chị đấy chứ. Còn mẫu thì Chieko làm.

Naeko cúi gằm.

- Thừa Hideo tiên sinh, hôm kia đăng cửa hiệu của Chieko đã gửi cho tôi bao nhiêu thứ - nào kimono, nào dgiori ([71]) - Nhưng biết diện những cái đó vào lúc nào đây?

- Chỉ một ngày hăm hai lễ Kỷ Nguyên ([72]) thôi cũng được. Dĩ nhiên là nếu chị được phép nghỉ...

- Sao lại không, người ta sẽ cho...Naeko vẻ tin chắc nói. - Tiên sinh Hideo ạ, ở đây ai cũng chú ý đến chúng ta. Ta đi đâu nhỉ? - Cô nghĩ ngợi một phút. - Ta ra chỗ sông vậy.

Cố nhiên, cô không thể dẫn Hideo vào rừng thông liễu như lần dẫn Chieko.

- Tôi sẽ giữ gìn chiếc thắt lưng của tiên sinh suốt đời, như một báu vật quý giá nhất, - cô thì thầm.

- Việc gì phải thế? Tôi sẽ rất vui lòng được dệt nữa cho chị ấy chứ.

Naeko không nói gì đáp lại.

*

Cô cũng có thể mời Hideo về nhà, song đã không làm thế. Gia chủ cho Naeko nương nấu đã biết các tặng phẩm là từ cửa hiệu của Takichiro gửi đến, và cô sợ sẽ gây tác hại cho Chieko vì một hành vi thiếu thận trọng nào đấy. Chính cô đã đoán già đoán non Hideo có tình cảm gì với Chieko cơ mà. Đã tìm được chị em, đã thực hiện được ước mơ mà Naeko hằng ôm ấp từ thuở nhỏ - vậy là đủ.

Hơn nữa Naeko cho rằng cô không ngang hàng với Chieko mặc dù nói thật ra, gia đình Muraxe mà ở đó cô được nuôi nấng làm chủ một khoảnh rừng rất lớn, còn cô gái thì làm việc không ngơi tay, thế cho nên hoàn toàn không có chuyện Naeko có điều gì đó khả dĩ làm tổn hại thanh danh của dòng họ Xada, cho dù người ta biết mối quan hệ của họ đi nữa. Vả lại, địa vị người chủ một khoảnh rừng không chừng còn vững vàng hơn là thương gia hạng trung.

Song đầu sao Naeko cũng không cố tìm cách gặp Chieko. Cô cảm thấy tình thương yêu của Chieko đối với cô ngày một bền chặt thêm và cô không rõ điều đó liệu sẽ dẫn tới đâu...

Đây cũng là lý do tại sao cô không mời Hideo về nhà. Trên bờ sông Kiyotaki phủ đầy cuội nhỏ, việc trồng thông liễu đã chiếm hết mọi khoảng trống.

- Xin thứ lỗi vì đã đưa tiên sinh tới một chỗ không xứng chút nào, - Naeko nói. Giống như mọi cô gái khác, cô không đủ kiên nhẫn liếc nhìn món quà tặng.

Những rặng núi phủ thông liễu ở đây đẹp để biết bao? - Hideo không nén nổi thốt lên thán phục, anh mở phurouki và cẩn thận lấy chiếc thắt lưng ra khỏi túi giấy.

- Hình này sẽ ở nút buộc đằng sau, còn hình này là trên thắt lưng phía trước.

- Thật là kỳ diệu! - Naeko thốt lên, chăm chú ngắm chiếc thắt lưng. - Tôi không xứng được một tặng phẩm như thế này.

- Sao vậy chị? Chiếc thắt lưng này chỉ là do một gã thanh niên thiếu kinh nghiệm dệt thôi mà. Tôi có cảm giác, thông đỏ và thông liễu hợp với kimono mặc tết, ngày lễ chả sắp đến rồi là gì. Ban đầu tôi định dệt lên chỗ nút buộc thông đỏ thôi, song Chieko lại khuyên dệt thông liễu. Mãi đến lúc tới đây tôi mới hiểu rằng tiểu thư đúng. Trước kia nói thông liễu là tôi hình dung những cái cây to, cổ thụ. Còn bây giờ... chị thấy đấy, tôi dệt ra chúng bằng những nét thanh, mềm mại, nhưng đầu sao bên cạnh vẫn có thêm mấy cây thông đỏ, mà cũng có thay màu đi một chút.

Cả những cây thông liễu cũng được mô tả không hoàn toàn như thật, nhưng hình dạng và màu sắc của chúng thì rất sáng tạo.

- Đẹp lắm, cảm ơn tiên sinh... Thậm chí tôi còn chưa mừng tượng được bao giờ mới có dịp mặc chiếc thắt lưng lộng lẫy như thế này.

- Liệu nó có hợp với chiếc kimono Chieko gửi đến không?
- Tôi nghĩ, nó thật hợp.
- Chieko thì từ thời niên thiếu đã rất am hiểu về trang phục... Tôi thậm chí còn không dám để tiểu thư xem chiếc thắt lưng này.
- Sao vậy? Đây là làm theo mẫu của chị ấy cơ mà... Tôi thì mong giá như chị ấy nhìn thấy.
- Vậy xin chị hãy mặc vào lễ Kỷ Nguyên đi, - Hideo đề nghị và cẩn thận bỏ chiếc thắt lưng vào túi giấy.

*

Buộc xong mấy nút ruy-băng ra ngoài cái túi, Hideo nói:

- Xin chị nhận cho, đừng từ chối. Tôi đã hứa dệt nó cho chị theo yêu cầu của Chieko. Tôi chỉ là người thừa hành, một thợ dệt bình thường mà dẫu sao cũng đã cố làm chiếc thắt lưng cho đến hết khả năng.

Naeko im lặng nhận cái gói nhỏ từ tay Hideo rồi đặt nó lên đầu gối.

- Tôi vừa nói từ thuở nhỏ Chieko đã quen xem xét kimono nên tôi tin là chiếc thắt lưng sẽ hết sức hợp với áo mà Chieko gửi cho chị.

-...

Họ ngồi trên bờ, lắng nghe tiếng rì rào khe khẽ của sóng nước trườn qua bãi bồi sông Kiyotaki.

- Thông liễu mọc thành hàng như thế những món đồ chơi, mà lá trên ngọn cây thì na ná như những loài hoa giản dị, chẳng hề chói lọi; Hideo nói.

Naeko cảm thấy buồn. Cô nhớ lại người cha đã khuất. Có lẽ, lúc đang đốn cành thông liễu và chuyển từ ngọn cây nọ sang ngọn cây kia, ông đau lòng nhớ tới đứa con thơ Chieko hai vợ chồng đã vứt bỏ và rồi sẩy chân... Hồi bấy giờ Naeko đã hiểu gì đâu. Mãi nhiều, rất nhiều năm về sau, khi cô đã lớn, người trong làng mới kể cho cô điều đó. Người chị em tên gì, còn

sống không, ai trong hai người bọn họ - cặp trẻ sinh đôi - ra đời trước, cô không biết gì hết. Suốt bao năm tháng Naeko ước mơ: giá như tiền định họ gặp được nhau, dù chỉ thấy người chị em của mình một thoáng thôi cũng được. Cho đến nay, trong làng vẫn còn căn nhà bé tẹo, thảm thương, gần như đã đổ nát của cha mẹ cô. Sống ở đấy một mình không thể nào chịu nổi. Và cô đã giao căn nhà ấy cho một cặp vợ chồng luống tuổi nhiều năm rồi làm nghề tước vỏ cây ở đây. Họ có đứa con gái đã vào học sơ học. Naeko chẳng hề đòi hỏi họ chút tiền nhà nào, mà vị tất đã có ai thuận mua túp lều dột nát kia.

Cô bé nọ rất thích hoa, thỉnh thoảng vẫn ghé vào “chị Naeko” và cứ hỏi mãi xem phải chăm nom cái cây ôliu thơm kỳ diệu mọc ở cạnh nhà như thế nào.

- Em đừng chú ý làm gì, cứ để nó tự mọc, - Naeko thường vẫn đáp. Nhưng dù sao mỗi khi đi qua nhà, ngay từ xa cô đã cảm thấy hương thơm hoa ôliu, song nó không làm cô vui sướng, mà khiến buồn lòng thì đúng hơn...

Lúc Naeko đặt gói đựng thắt lưng lên đầu gối, cô bỗng cảm thấy hai đầu gối thành ra nặng trĩu. Vì nhiều nguyên do...

- Tiên sinh Hideo ạ, cuối cùng tôi đã tìm thấy Chieko - tôi chả cần thêm gì nữa. Tôi nghĩ, từ nay tôi không nên gặp chị ấy. Kimono và thắt lưng tôi sẽ chỉ mặc một lần...Hy vọng tiên sinh hiểu cho tôi...

- Vâng, - Hideo đáp. - Nhưng lễ Kỷ Nguyên thì thế nào chị cũng đến nhé. Tôi muốn được thấy chị mặc chiếc thắt lưng này. Tôi không rủ Chieko đâu. Tôi sẽ đợi chị ở cổng Tây Hamaguri - đấy là nơi đám rước lễ từ hoàng cung tiến ra.

Naeko gật đầu ưng thuận, hai má cô ửng hồng vì bối rối.

*

Sát mép nước bờ bên kia có một cái cây nhỏ. Những chiếc lá đã bắt đầu đỏ của nó soi bóng xuống sông.

- Cái cây lá đỏ tươi kia gọi là cây gì nhỉ? - Mắt nhìn Naeko, Hideo hỏi.

- Đây là cây sơn, cây để lấy sơn, - cô gái đáp và đến lượt mình lại nhìn Hideo. Hai tay lóng ngóng cô bắt đầu sửa lại mái tóc. Nhưng thành linh nó xổ ra và như một làn sóng huyền đổ xuống lưng cô.

- Ôi! - Cô gái kêu lên, mặt đỏ bừng. Ngậm những cái trâm ở miệng, cô bắt đầu búi lại tóc cho ngay ngắn mà không sao búi được: hình như, một vài cái trâm đã rơi ra đất.

Lòng đầy ngưỡng mộ, Hideo ngắm làn tóc xõa của Naeko, ngắm sự mềm mại nữ tính trong cử chỉ hai tay cô đang sửa lại tóc.

- Tóc chị dài làm sao, chị có ý nuôi tóc không? - Anh hỏi.

- Vâng. Tóc Chieko cũng dài lắm. Chẳng qua chị ấy biết cách để đầu - Thế nên đến đàn ông cũng không ngờ... tiên sinh vui lòng lượng thứ nhé, - Naeko bắt đầu vội vã buộc chiếc khăn lên đầu ([73]).

-...

- Thế đấy, gỗ thì tôi cứ đánh bóng còn bản thân chả bao giờ vào nề nếp hết.

Tuy vậy Hideo để ý thấy đôi môi Naeko có thoa nhẹ ít son. Bỗng dừng anh thấy mong muốn giá cô gái bỏ khăn buộc đầu ra và buông xõa mái tóc huyền kỳ diệu của mình lần nữa, song cố nhiên yêu cầu chuyện đó anh không dám. Dường như Naeko cũng cảm thấy điều ấy và cô thắt chặt thêm chiếc khăn.

Những rặng núi từ đặng Tây tiến sát đến lòng sông hẹp đã sẫm lại.

- Naeko ạ, có lẽ đã tới lúc chị phải về, - Hideo đứng dậy nói.

- Việc của tôi hôm nay xong rồi... Ngày lại đêm ngắn quá...

Hideo nhận thấy trên các đỉnh núi từ đằng Đông tiến lại phía sông, sắc hồng hoàng kim của ráng chiều đã nhuộm khoảng không giữa những thân cây thông liễu cân đối.

- Cảm ơn, rất cảm ơn anh, thưa Hideo tiên sinh, - Naeko đứng lên nói.

- Xin hãy cảm ơn Chieko, - Hideo đáp và đứng vào lúc ấy anh cảm thấy lòng mình đang dâng trào cảm giác vui sướng ấm áp bởi một lễ anh đã dệt thắt lưng cho cô gái thôn dã này. - Xin lượng thứ vì đã quấy rầy, nhưng chị hãy hứa với tôi, lễ Kỷ Nguyên sẽ đến nhé. Tôi sẽ đợi chị cạnh cổng Tây, cổng Tây Hamaguri ấy.

- Thế nào tôi cũng đến, - Naeko cúi đầu thật thấp. - Thực quả lần đầu tiên diện kimono với thắt lưng mới cứ ngượng ngượng làm sao ấy.

Ở Kyoto nơi có bao nhiêu là lễ hội, lễ Kỷ Nguyên - cũng như lễ Cầm Qui, lễ Ghion - là một trong ba ngày lễ chính của kinh đô cổ.

Đây là ngày lễ của chùa Heian Dgingu, nhưng bản thân đám rước long trọng thì lại xuất phát từ hoàng cung.

Ngay từ sáng Naeko đứng ngồi không yên và cô đã tới cổng Tây Hamaguri nửa giờ trước hẹn. Ở đây, dưới bóng những vòm cổng, cô đợi Hideo. Lần đầu tiên trong đời Naeko đợi một người đàn ông.

Thật may, trời không mưa và phía trên đầu trải rộng ra bầu trời xanh thẳm không một gợn mây.

*

Chùa Heian Dgingu được xây năm 1895 nhân kỷ niệm lần thứ một ngàn một trăm việc thiên đô về Kyoto, nên lễ Kỷ Nguyên nếu đem so với hai hội lễ chủ yếu kia thì nói chung mới được cử hành cách đây chưa lâu. Những người tham gia hội rước như chỉ cho người xem thấy các phong tục tập quán của thành phố đã biến đổi ra sao trong khoảng thời gian ngắn khác nhau, nhiều người đóng giả các cá nhân và nhân vật lịch sử nổi tiếng trong dân gian.

Trong đó có Kadzonomiy và Renghetsu, bà quý phái lăng lơ Yoshino và Okunhi vùng Idzumo, Yodoghimi và phu nhân Tokioa, Yobuen phu nhân Tomoe và phu nhân Shidzuka, Onono Komachi, Murasaki Shikibu và Xay Xyonagon ([74]) bán than hoa và cá tươi, những người đàn bà ở các quận son phấn và các diễn viên.

Nhưng ngoài những người đàn bà nổi tiếng ra còn có thể thấy trong đám rước có Mashasighee Kusunoki, Nobunaga Oda ([75]) Hideyoshi Toyetomi, nhiều cận thần quý tộc và các chiến binh.

Phụ nữ chỉ mới bắt đầu tham gia đám rước từ năm 1950. Điều này đã tạo cho hội lễ một vẻ hoa lệ và hấp dẫn mới.

Lính cận vệ đầu thời đại Maydgi và xạ thủ miền núi Tam ba dẫn đầu đám rước, còn đi đoạn hậu là các quan chức mặc trang phục thời đại Enryaku ([76]). Sau khi về chùa Heian Dgingu những người tham gia đám rước xuống hồ trước cổng xe có con phượng hoàng bằng vàng Norito của thiên hoàng - đây là những lời cầu khẩn thời cổ.

Tốt nhất là xem rước lễ từ quảng trường trước hoàng cung, nơi đám rước bắt đầu. Đây cũng chính là nơi Hideo hẹn gặp Naeko.

Rất nhiều người, vội vã đi xem hội đã qua vòm cổng mà cô đang đợi Hideo trong bóng râm của nó, thế nhưng không một ai chú ý đến cô. Sự thực, cũng có một người đàn bà luống tuổi, ý chừng là một chủ hiệu, lại gần Naeko và nói:

- Thừa tiểu thư, cái thắt lưng của tiểu thư đẹp quá chừng và lại rất hợp với kimono. Tiểu thư đã vui lòng sắm nó ở đâu vậy? Xin tiểu thư cho phép...- Bà ta sờ tay vào chiếc thắt lưng. - Tiểu thư cho xem nút buộc đằng sau nào. - Naeko quay lưng về phía bà ta.

- Thật tuyệt mỹ! - Người đàn bà thốt lên lúc ngắm mẫu trang trí trên nút buộc. Đây là lần đầu tiên Naeko diện bộ kimono và thắt lưng mới và điều này khiến cô ngượng ngịu, song những câu gặng hỏi và ngợi khen của người đàn bà xem chừng đáng kính khiến cô gái yên lòng.

Hideo xuất hiện.

- Xin thứ lỗi vì đã làm chị phải đợi.

Những chỗ gần hoàng cung nhất đã chật các hội viên hội đệ tử chùa hoặc được văn phòng du lịch giữ trước. Hideo và Naeko yên vị ở xa hơn một chút - đây là nơi đám công chúng bình thường ngồi.

Naeko lần đầu tiên quan sát đám rước từ một vị trí thuận tiện như vậy. Quên hẳn cả bộ đồ diện mới có của mình, cả Hideo đứng bên cạnh, cô mãi mê nhìn đám rước.

Rồi cô quay về phía Hideo và chợt nhận thấy anh đang nhìn đâu đó trên đầu.

- Hideo tiên sinh, tiên sinh nhìn đi đâu vậy? - Cô ngạc nhiên hỏi.

- Nhìn những cây thông xanh. Và cả đám rước nữa đấy chứ.

Trên nền những cành cây xanh nó có vẻ chói lọi hơn. Chị biết không Naeko, tôi rất thích những cây thông trong khu vườn lớn cung điện này. Tôi cũng thoáng nhìn cả chị nữa, mà chị không để ý đấy thôi.

- Xin tiên sinh đừng nói vậy, - Naeko thì thầm, cúi gằm xuống.

Chú thích:

[63] Koto: một nhạc cụ Nhật mười ba dây.

[64] Hagi: đậu ba lá của Nhật Bản.

[65] Tàng khố quốc gia các báu vật Nhật Bản ở thành phố Nam.

[66] Nhà Đường Trung Quốc (618-907).

[67] Koetsu Honami (1558-1637): họa sĩ và nhà thảo mỹ tự nổi tiếng thời tiền Edo, sống ở Kyoto.

[68] Một vùng ngoại ô Kyoto.

[69] Miền đông ở bắc đảo Honxiu.

[70] Phurixode: áo kimono tay dài.

[71] Dgiori: dép bằng rơm hoặc trúc.

[72] Lễ Kỷ Nguyên - Dgidai Matsun - do chùa Heian Dgingu tổ chức để kỉ niệm việc thiên đô về Kyoto năm 794. Trong lễ rước những người tham gia mặc trang phục bằng quần áo của nhiều thời kì lịch sử khác nhau cũng như đóng các nhân vật lịch sử nổi tiếng.

[73] Theo tục lệ lúc có khách không được buộc khăn trên đầu mà ngược lại phải cởi ra.

[74] Kadzunomiya (1846-1877), vợ vị chúa phong kiến Ieshighe Tokugaoa Renghetsu (1791-1875) - nữ thi sĩ thời hậu Edo, quê ở Kyoto. Okunhi vùng Idzumo (? - 1607) - nữ sáng lập viên dòng kịch Kabuki. Ydoghimi (1367-1616) vợ bé vị tướng quân Hideyoshi Toyobomi (1536-1598). Phu nhân Tokyoa - vợ vị chúa phong kiến Yoshitomo Minamoto (1123-1160), Yokobue (thế kỉ XII) một trong các nhân vật của Truyện ngôi nhà Taira thời trung thế kỉ. Phu nhân Tomoe - vợ bé vị chúa phong kiến Yoshinaka Minamoto (1154-1184). Phu nhân Shidzuka - vợ bé vị chúa phong kiến Yoshitsume Minamoto (1159-1189). Onono Komachi (giữa thế kỉ thứ IX) - nữ thi sĩ thời tiền Heian. Marasaki Shikibu (cuối thế kỉ X đầu thế kỉ XI) - nữ văn trung Heian, tác giả Truyện Ghendgi. Xay Xyonagon (khoảng 978 - 1014) nữ văn sĩ.

[75] Mashasighee Kusunoki: (1294-1336) - vị tướng nổi tiếng thế kỉ XIV.

[76] Thời đại Enryaku (782-806) - những năm cầm quyền của Nhật hoàng Kammu.

VII. THU MUỘN. HAI CHỊ EM

Ngày lễ Lửa ở chùa trên núi Kurama, dành cho việc xua đuổi các hung thần vốn được Chieko ưa thích hơn lễ Diamondgi. Naeko cũng thường có mặt ở lễ Lửa chính vì người ta tổ chức lễ này cách làng cô không xa, nhưng cô chưa lần nào gặp Chieko ở đây, có lẽ vì họ không chú ý đến nhau mà thôi. Dọc các ngôi nhà trên đường tới chùa người ta dựng các bờ giậu bằng cành cây, còn mái nhà thì tưới nước để phòng hỏa hoạn.

Vào lúc nửa đêm, đám rước đuốc tiến đến chùa miệng hô “Xairya, Xairyo”([77]). Người ta đưa từ chùa ra hai cỗ kiệu thiêng do những phụ nữ làng bên cạnh dùng dây thừng dài kéo (bây giờ làng này đã nằm trong phạm vi thành phố). Sau đấy người ta thắp lên ngọn đuốc chính ở chùa và thế là ngày hội kéo dài đến rạng sáng.

Tuy nhiên năm nay, để tiết kiệm đã có quyết định thôi tổ chức lễ Lửa. Thế nhưng lễ Chặt Trúc lại vẫn tiến hành như bình thường.

Lễ Củ Đậu do chùa Kitano tổ chức cũng không có. Người ta giải thích là vì mất mùa cho nên - người ta nói - không sẵn lá củ đậu để trang trí kiệu.

Kyoto còn nổi danh vì những ngày lễ như lễ Hiến Tế Bí do chùa Anrakuyodgi tổ chức, cùng bao nhiêu hội lễ khác. Có lẽ những ngày lễ này gắn liền với một vài tập tục nào đó của Kyoto và những cư dân của nó.

Những năm gần đây hội Karyobinga ([78]) lại được khôi phục, trong đấy có bơi thuyền rồng trên khúc sông gần Arasiyama và Kyokushinoen bên dòng suối chảy qua vườn chùa Kamigamo. Cuộc vui này hay cuộc vui kia cũng đều có dính dáng đến những thú tiêu khiển tao nhã của giới thượng lưu vào thời Heian xa xưa.

Kyokushinoen có nghĩa là Đại Yên bên dòng suối uốn khúc.

Khách khứa mang trang phục cổ ngồi rải rác dọc con suối trên đó người ta thả những chén gỗ đựng sake. Lúc chiếc chén trôi đến lượt khách nào, vị ấy phải làm một bài thơ hoặc họa một bức tranh, uống sake trong chén rồi thả nó xuống nước cho vị khách tiếp theo. Phục dịch bữa yến tiệc ấy là các cậu thiếu niên trẻ tuổi.

Năm vừa rồi Chieko đã đi xem Đại yến bên dòng suối uốn khúc. Lúc bấy giờ trong đám khách dự trang phục quần áo thời cổ của các vị cận thần quý tộc có cả nhà thơ Pshamu Yoshi ([79]) (mà nay thì tiên sinh đã từ bỏ thế giới này).

Cuộc vui này có vẻ lạ lẫm, chưa quen - có lẽ, là bởi vì người ta vừa mới khôi phục nó cách đây không lâu.

Chieko không tới xem lễ Karyobinga mới khôi phục nữa: ở đấy cũng đâu có cảm thấy vẻ mỹ miều của thời xưa. Ở Kyoto không kể đến nó cũng đã có bao nhiêu lễ cổ tuyệt vời.

Hoặc giả bà Xighe đã tập cho Chieko thói quen siêng năng, hoặc giả bẩm sinh cô gái vốn có đức tính ấy, dù sao thì nàng cũng luôn dậy sớm và trước tiên và cẩn thận lau chùi bụi bặm trên hàng rào gỗ.

Ngày hôm đó Chieko còn chưa kịp thu dọn bát đĩa sau bữa ăn sáng, Shinichi đã gọi điện tới.

- Hình như, chị cùng với một chàng trai nào đấy vui vẻ đi chơi lễ Kỳ Nguyên phải không. - Anh vừa cười vừa nói. Chieko hiểu ngay lần này đến lượt Shinichi lẫn lộn nàng với Naeko.

- Anh cũng ở đấy à? Thế sao không gọi?

- Tôi thì định gọi đấy nhưng ông anh không cho, - Shinichi hồn nhiên đáp.

*

Chieko không dám nói cho Shinichi biết anh ta đã tưởng nhầm cô gái khác là nàng: Thế nghĩa là Naeko có dự lễ Kỳ Nguyên và chị ấy mặc chiếc

kimono do cửa hàng gửi đến cùng chiếc thắt lưng Hideo dệt.

Chieko không một chút nghi ngờ gì nữa, Hideo đã đi cùng cô gái.

Nàng không dự tính Hideo lại mời Naeko đi xem hội chónh vánh đến thế. Song nàng thấy trong lòng ấm lên và nàng mỉm cười.

- Chieko, Chieko này! Sao chị im lặng vậy? - Giọng nói Shinichi vang lên trong ống nghe.

- Theo chỗ tôi hiểu thì anh gọi điện cho tôi cơ mà - vậy thì anh nói đi.

- Hẳn là thế rồi! - Shinichi reo to và bật cười. - Đây, cạnh chị ở đằng ấy không có viên quản lý đấy chứ?

- Không, ông ta chưa xuất hiện ở cửa hàng đâu.

- Chị tự nhiên bị cảm đấy à?

- Chẳng lẽ giọng tôi khàn ư? Mà cũng có thể: tôi vẫn ra đường lau bụi hàng rào.

- Lại làm sao khó nghe... - hình như Shinichi lay lay ống nghe.

Chieko vui vẻ cười to.

- Chieko, chị vẫn nghe tôi đấy chứ? - Shinichi hạ giọng. Số là ông anh nhờ tôi gọi điện cho chị, tôi chuyển ống nghe cho anh ấy đây...

Chieko không thể tự cho phép nói năng với Riuxuke bằng giọng quá ư thiếu chín chắn được.

- Chieko, tiểu thư nói chuyện với viên quản lý rồi chứ? - Trước tiên Riuxuke hỏi.

- Rồi ạ.

- Cừ lắm - Riuxuke nói to và lại nhắc lại: - Cừ lắm!

- Nhưng ông ta than phiền với mẹ.

- Cố nhiên rồi.

- Tôi bảo ông ta: tôi muốn được biết đôi chút công việc kinh doanh của chúng tôi... và yêu cầu chỉ dẫn cho các sổ sách thu chi.

- Tuyệt. Chỉ riêng việc tiểu thư nói với ông ta điều đó đã rất thiết yếu rồi.

- Mà tôi buộc ông ta phải lấy các sổ tiết kiệm, cổ phiếu, chứng khoán trong két sắt để cho tôi xem qua.

- Chieko, tiểu thư quả là rất giỏi. Mà vẫn gây cảm tưởng là một cô tiểu thư rất đỗi hiền hòa, tốt bụng.

- Nhưng đấy chính là nhờ tiên sinh bảo ban...

- Tôi khuyên tiểu thư là vì trong giới thương gia gần đây có tiếng đồn kỳ quặc và tôi cũng đã thầm quyết định: nếu tiểu thư thấy e ngại thì cha tôi hoặc tôi sẽ làm việc này. Rất may, tự tiểu thư đã nói chuyện với ông ta. Ông ta thế nào? Sau cuộc nói chuyện của tiểu thư có thay đổi thái độ chứ?

- Có, không rõ tại sao ông ta bắt đầu xử sự khác đi.

- Không thể cũng không được. - Riuxuke im lặng một lát rồi nói thêm: - Tiểu thư đã hành động đúng.

Chieko có cảm giác như ở đằng đây, ở đầu đằng kia đây nói, Riuxuke đang định nói một điều gì nữa mà chưa dám quyết.

- Chieko ạ, sẽ không phiền gì nếu cuối buổi tôi ghé vào cửa hiệu của tiểu thư... cùng với Shinichi chứ?... - Cuối cùng anh nói.

- Tôi đâu có quyền cấm tiên sinh... Sao lại phải xin phép ạ?

- Song dầu sao trong nhà là một tiểu thư trẻ...

- Tiên sinh đừng nói vậy. Tôi thấy phiền lòng...

- Vậy thì tôi sẽ đến, lúc mà viên quản lý còn ở cửa hàng, cam đoan với tiểu thư, tôi không làm phiền tiểu thư một chút nào, nhưng dù sao tôi vẫn muốn được thấy nhân vật ấy tận mặt - Riuxuke cười to.

- Kia tiên sinh?! - Chieko lấy làm lạ.

Cha Riuxuke được coi là nhà buôn lớn ở vùng Muromachi, còn trong số bạn bè ông thì có không ít những thương gia thế lực. Ngay cả Riuxuke, cho dù đang nghiên cứu khoa học vẫn chú ý cả đến việc kinh doanh của cha.

- Giá mà ta thường thức món ba ba thì ý tiểu thư thấy thế nào? - Riuxuke chuyển sang chuyện khác. - Ta đi ăn tối ở hiệu ăn “Daiychi” bên Kitano nhé. Cường vị tôi mà ngỏ lời mời cả song thân tiểu thư thì hỗn hào quá, vì vậy tôi chỉ mời mình tiểu thư nhập bọn thôi - với tôi và “chú tiểu bé bỏng” của chúng ta.

- Được ạ - Chieko giờ đã đâm e dè, cực chẳng đã chỉ thốt lên được có thế.

Hơn chục năm đã trôi qua kể từ lúc Shinichi đóng vai chú tiểu ngự kiệu trong lễ Ghion, thế mà đến giờ Riuxuke còn gọi anh ta là “chú tiểu bé bỏng của chúng ta”. Có lẽ cũng vì cái tính nết nhu mì và xinh đẹp mà đến phụ nữ cũng phải ganh tị.

- Shinichi gọi điện, nói là ngày hôm nay sẽ cùng với Riuxuke ghé vào nhà ta, - Chieko nói với mẹ.

- Thế à? - Đối với Xighe tựa hồ đây là một điều bất ngờ.

Sau lúc trưa Chieko lên phòng mình, trang điểm sơ một chút nhưng cẩn thận. Nàng chải gỡ tóc ra và sửa sang lại rất lâu, song kiểu tóc vẫn không được như ý nàng muốn. Sau đấy nàng bắt đầu ướm thử kimono nhưng không sao quyết định được nên chọn cái nào. Cuối cùng khi nàng xuống nhà dưới thì cha đã không còn ở đấy: có lẽ ông đi công chuyện một chỗ.

Chieko khêu lại lửa trong lò rồi ngó quanh phòng khách. Nàng nhìn cả ra vườn. Rêu trên thân cây phong già vẫn còn xanh nhưng lá mấy khóm hoa tím đã bắt đầu úa.

Ở cây trà cạnh chiếc đèn Cơ đốc những đóa hoa đỏ thắm đã nở. Đối với nàng thì hoa trà tựa hồ dịu hiền hơn những bông hồng đỏ chói.

Bước vào nhà, đầu tiên hai anh em lễ phép cúi chào bà mẹ, sau đấy Riuxuke một mình tiến về phía bàn giấy nơi viên quản lý đang ngồi.

Uemura tất tưởi rời bàn giấy và cúi xuống một lúc lâu, quá lâu vái chào Riuxuke. Anh lịch thiệp đáp lễ mặc dù nét mặt lại cau có, điều mà Uemura chẳng lỡ dịp nhận xét ngay.

“Hắn cần gì ở mình nhỉ - gã sinh viên oắt này này - Uemura nghĩ thầm, song vẫn hiểu: hãy nên cẩn thận đề phòng.

Đợi cho viên quản lý ngừng lời một phút mà lấy lại hơi xong, Riuxuke bình thản nói:

- Hình như, việc kinh doanh của ngài đang phát đạt thì phải.
- Như người ta có câu: sở cầu như ý đấy ạ.
- Thì cha tôi vẫn nói: tất thắng là nhờ ở chỗ ngài Xada có người quản lý giàu kinh nghiệm.
- Cảm ơn vì đã có lòng quá khen, nhưng phải chăng có thể đem cửa hiệu chúng tôi sánh với hãng buôn Midzuki được sao?
- Ngài nhầm đấy, chúng tôi mới đang bắt tay vào mọi việc, chứ quả thực cửa hàng nhà tôi chỉ là một cửa hiệu nhỏ nhoi tầm thường. Điều hành một công việc như vậy tôi không được vừa ý lắm. Rất tiếc là các hãng buôn có uy tín như của các ngài ngày một ít đi.

Uemura còn đang sửa soạn đáp lại, Riuxuke đã quay lưng về phía ông ta, đi vào phòng khách, nơi Chieko và Shinichi đang đợi anh.

Uemura dõi ánh mắt lo lắng theo bóng anh vừa đi khuất. Ông ta lập tức đoán ra ngay là giữa yêu cầu cho xem sổ sách kế toán của Chieko với cuộc viếng thăm hôm nay của Riuxuke có một mối liên hệ gì đó.

Lúc Riuxuke bước vào phòng khách, Chieko đưa mắt nhìn anh vẻ dò hỏi.

- Tiểu thư Chieko ạ, mạn phép tiểu thư tôi có hơi làm ông quản lý xuống tinh thần một chút.

Chieko cúi đầu im lặng và bắt đầu pha trà cho Riuxuke.

- Anh này, trông những cây hoa tím ngoài vườn kìa - chúng mọc trên thân cây phong già. Có hai khóm cả thảy, mà đã từ lâu Chieko ví chúng như đôi tình nhân bất hạnh... Ở ngay cạnh nhau mà chẳng bao giờ kết lại được...

- Tôi có thấy. - Phụ nữ chỉ toàn thích chuyện mùi lòng.

- Anh không biết hổ thẹn hay sao hả, Shinichi. - nàng đặt trước mặt Riuxuke chén trà vừa pha xong. Hai tay nàng hơi thấy run run.

Họ đến hiệu ăn bằng chiếc xe hơi của hãng buôn Midzuki.

“Daiyichi” là một cao lâu kiểu cổ, có tiếng cả với khách ở xa đến.

Người ta đưa họ vào một gian phòng trần thấp, các bức tường đã biến màu vì thời gian.

Đầu tiên người ta dọn món ba ba tần, sau đấy người ta cho thêm gạo và rau vào chỗ nước hầm còn lại.

Chieko có cảm giác một luồng hơi nóng dịu nhẹ đang lan khắp thân thể nàng, thậm chí nàng hơi chếch choáng say.

Mặt và cổ Chieko ửng hồng. Sắc đỏ hồng đã tạo thêm cho cái cổ tươi trẻ, trắng muốt, không một tí vết của nàng vẻ đáng yêu đặc biệt. Cặp mắt nàng sáng lên, chốc chốc nàng lại đưa tay xoa má.

Lẽ dĩ nhiên, đến chạm môi vào chén sake của mình Chieko cũng không, nhưng nàng không biết rằng món nước hầm ba ba chứa một nửa là rượu sake. Lúc họ bước ra phố, nơi chiếc xe đỗ đợi họ, Chieko cảm thấy hai chân không phục tùng nàng nữa. Nàng đâm ra vui vẻ, lời lẽ cứ từ miệng buông ra dễ dàng tới kỳ lạ.

- Shinichi này! - Nàng quay sang phía người em. Với anh ta nàng không thấy rụt rè. - Đi với chàng thanh niên hôm lễ Kỷ Nguyên không phải là tôi đâu. Có lẽ anh trông từ xa nên nhầm đấy.

- Chị kín đáo thật đấy! - Shinichi cười rộ.

- Việc gì tôi phải giấu. - Chieko ấp úng. - Nói thật nhé, cô gái mà anh tưởng tôi, là chị tôi đấy.

- Không có nhẽ? - Shinichi hoài nghi nhìn Chieko.

- Đúng thế, anh nhìn thấy không phải tôi đâu, chị tôi đấy. - Chúng tôi... - Chieko ngừng bật, sau đấy gật mạnh đầu quả quyết và nói: - Chúng tôi là chị em sinh đôi...

Điều này thì Shinichi mới nghe thấy lần đầu.

Cả ba người im lặng một lúc.

- Mà trong hai người chúng tôi, người ta đã vứt bỏ tôi, - Chieko kết luận.

Dạo họ đến chùa Kiyomdzu ngắm hoa anh đào, Chieko đã thú nhận với Shinichi rằng nàng là con bỏ rơi. Anh ta chắc phải kể chuyện ấy cho Riuxuke biết rồi. Mà cứ cho là anh ta làm thỉnh đi thì từ miệng hàng xóm Riuxuke vẫn có thể biết chuyện đó như thường.

- Tiểu thư nói gì thì nói, chứ thực ra, giá người ta đem bỏ cô bé Chieko ở cạnh nhà tôi thì tôi đã rất sung sướng... Đúng, giá người ta vứt bỏ tiểu thư ở cạnh nhà tôi thì có phải hay hơn không, - Riuxuke trầm ngâm nhắc lại.

- Anh ơi! - Shinichi phì cười. - Chớ có quên là lúc người ta vứt bỏ Chieko, chị ấy đã phải là cô gái lớn rồi đâu mà chỉ là đứa trẻ còn ẵm ngửa thôi.

- Dù là đứa trẻ đi, tôi vẫn cứ muốn người ta bỏ cô ấy ở cạnh nhà mình.

- Anh ạ, anh cứ nói thế là bởi anh thấy Chieko như chị ấy bây giờ.

- Chú nhầm.

- Ngài Xa da mất bao nhiêu năm đem lòng thương yêu nuôi dạy cô bé ấy mới trở thành Chieko ngày nay, - Shinichi nói. - Với lại lúc ấy thì ngay anh cũng là thằng bé, biết gì đâu. Thử hỏi, liệu một cậu bé như thế có thể trông nom đứa trẻ còn ẵm ngửa được không?

- Có thể lắm chứ, - Riuxuke quả quyết đáp.

- Rõ thật! Anh thì chỉ được cái khăng khăng. Bao giờ anh mới chịu thừa nhận mình sai nhỉ?

- Chả phải tôi khăng khăng bướng bỉnh đâu, nhưng dù sao tôi vẫn rất sung sướng giả như được đảm nhiệm việc nuôi dưỡng cô bé Chieko. Thiết tưởng thế nào mẹ chả giúp tôi.

Cơn say của Chieko biến mất. Mặt nàng tái đi.

*

Liên hoan ca vũ mùa thu ở Kitano kéo dài nửa tháng. Và hôm trước ngày chót của liên hoan, Takichiro đến phòng hòa nhạc Kitano. Ông đi một mình mặc dù người ta đã gửi cho ông mấy chiếc vé vào cửa. Takichiro không muốn đem ai đi theo. Trước kia sau một dịp thế này ông thường cùng bạn hữu đi chơi bởi tiêu khiển, nhưng thời gian gần đây những trò chơi bởi ấy thành ra một gánh nặng đối với ông.

Trước giờ mở màn Takichiro tạt vào phòng trà. Một cô kỹ nữ không quen biết ngồi xuống cạnh ông - có lẽ là đến lượt cô ta phục dịch khách.

Cạnh đấy là bảy, tám cô bé đứng thành hàng dài giúp việc đưa thức ăn thức uống vào. Các cô gái đều mặc kimono màu hồng dài tay như nhau. Chỉ có một cô mặc màu thiên thanh. Takichiro dừng ánh mắt ở cô ta và khó khăn lắm mới nén được tiếng kêu kinh ngạc. Mặt cô bé trang điểm cẩn thận nhưng ông ta nhận ra cô ta ngay: cô ta đã đi đúng chuyến xe điện “Đin-đin” cùng với bà chủ phòng trà. Tại sao chỉ cô ta là mặc kimono màu thiên thanh, hay đến phiên cô ta phục dịch chẳng? - Takichiro nghĩ.

Cô bé áo thiên thanh mang trà vào, đặt xuống trước Takichiro. Vẻ nghiêm trang ngưng lại trên mặt cô. Không một bóng dáng nụ cười. Hết như qui định.

Vậy mà ngay lập tức Takichiro thấy lòng ông rộn lên.

Ở nhạc phòng Kitano lần này người ta diễn Gubidginso ([80]) - vở vũ kịch tám cảnh. Vở kịch thuật lại mối tình bi thảm của Xian Iuy và Iuy Tsi

này nổi tiếng lắm. Ở cảnh đầu Iuy Tsi đâm kiếm vào ngực mình rồi lắng nghe những âm thanh của khúc hát về miền Tsu cổ hương và hấp hối với niềm hoài hương, trong vòng tay Xian Iuy.

Còn chàng này thì tìm cái chết nơi chiến trận. Sau đấy, địa điểm của tích truyện chuyển từ Trung Quốc sang Nhật Bản. Các nhân vật chính của lớp này là Naodzane Kumagai, Atsumori Taira và hoàng cô Tamaorihime. Kumagai, sau khi giết Atsumori thì đi tới ý tưởng về sự vô nghĩa của kiếp sống phù du. Chàng rời bỏ ngôi nhà thân yêu lên đường đến nơi chiến địa cũ để cầu siêu độ cho Atsumori. Lúc chàng nói lên lời cầu nguyện thì những bông hoa mỹ nhân trổ ra quanh năm mồi Atsumori. Nghe có tiếng tiêu, hồn Atsumori hiện lên yêu cầu Kumagai hiến “cây tiêu xanh” gia bảo của họ vào chùa Kurodanhi. Hồn Tamaorihime xuất hiện đòi theo những đóa mỹ nhân đỏ đã nở trên mộ tiến dâng bệ thờ Đức Phật.

Sau khi kết thúc vở kịch người ta trình diễn những điệu múa hiện đại vui nhộn “theo lối Kitano”.

Ở Thất lâu Thượng quận này, chiếm ưu thế là trường phái vũ đạo Hanayaghi, khác với trường phái Inoue thịnh tại vùng Ghion.

Rời phòng hòa nhạc, Takichiro quay trở lại chính ngôi phòng trà kiểu cổ mà ông đã rẽ vào trước buổi biểu diễn và lặng lẽ ngồi một góc.

- Ông muốn cho mời ai đây? - Bà chủ sở tại đã lập tức lại gần ông.

- Gọi cái cô đã cắn lưỡi khách ấy... Cả cô bé áo thiên thanh nữa.

- À, cái cô ông gặp trên xe điện “Đin-đin” phải không? Tôi sẽ gọi, nhưng với điều kiện các vị chỉ chào hỏi nhau thôi chứ làm gì nữa thì không đâu nhé.

Tới lúc cô kỹ nữ xuất hiện thì Takichiro đã chệnh choáng lắm rồi. Ông đứng dậy, bước ra hành lang để tỏ thái độ. Cô kỹ nữ đi theo ông.

- Em cần ngay bây giờ đấy phỏng? - Ông hỏi đùa.

- Vậy ra tiên sinh còn nhớ ư? Đừng lo, em không cần đâu, tiên sinh không tin sao? Tiên sinh thè lưỡi ra đi nào.

- Ghê thật?

- Đừng sợ đấy nhé?

Takichiro thè lưỡi. Cô kỹ nữ thận trọng chạm vào cặp môi ấm nóng, mềm mại của ông rồi hít riết lấy.

- Em là người đàn bà hư hỏng rồi. - Takichiro nhè nhẹ vỗ vào lưng cô ta.

- Phải chăng em đã làm điều gì đồi bại ư?

*

Takichiro chợt muốn súc miệng, song cô kỹ nữ còn đứng cạnh, trước mặt cô ta như thế thật bất tiện.

Hành vi của cô kỹ nữ đối với Takichiro có vẻ quá bạo dạn, mặc dù hành vi ấy tựa hồ cũng chẳng chứa đựng ẩn ý nào rõ rệt. Ít nhất thì ông cũng đoán định vậy. Cô kỹ nữ trẻ này không khiến ông khó chịu, và ông không thấy có gì là sỗ sàng trong cái ngỗ nghịch của cô ta.

- Tiên sinh gượng đã. - Cô kỹ nữ ngăn Takichiro lại lúc ông đã rục rịch trở vào phòng khách.

Cô rút khăn tay ra, cẩn thận lau môi cho ông. Chiếc khăn vương lại những vệt son. Cô kỹ nữ sát lại gần, chăm chú nhìn vẻ mặt ông.

- Giờ thì ổn rồi, - cô nói.

- Cám ơn... - Takichiro nhẹ nhàng đặt tay lên vai cô ta, rồi quay về chỗ mình.

Cô kỹ nữ dừng lại trước gương để tự sửa sang cho mình.

Phòng khách không có ai, nên Takichiro uống liền mấy chén sake đã nguội, lấy đó mà súc miệng.

Nhưng dầu sao, cái mùi của chính cô kỹ nữ hay của thứ nước hoa cô dùng không rõ nữa vẫn không mất đi, Takichiro mơ hồ cảm thấy dậy lên nguồn sức lực trẻ trung mà đã lâu ông chưa từng nếm trải.

Trò đùa lừa dối của cô kỹ nữ hai mươi tuổi này lại có một nét duyên thầm nào đó, Takichiro nghĩ.

Bà chủ cắt đứt luồng suy ngẫm của ông. Bà ta dẫn cô bé mặc kimono màu thiên thanh vào.

- Ông muốn gặp cô ấy. Đừng quên điều chúng ta thỏa thuận nhé. Xin ông chú ý cho, cô ấy còn nhỏ tuổi quá.

Takichiro chăm chú ngắm cô bé.

- Hôm nay các cô đãi tôi trà... - ông mào đầu.

- Thưa vâng, - không chút ngượng ngịu gì khác thường, đúng như qui định đối với một cô bé ở phòng trà, cô đáp. - Em nghĩ: đây đúng là tiên sinh ấy rồi nên em mạn phép mang trà đến cho ngài.

- Ra thế...Cám ơn cô...Hóa ra cô chưa quên tôi ư?

- Thưa không, em vẫn nhớ.

Cô kỹ nữ vào.

- Ngài Xada rất thích Chiy-chian, - bà chủ nói với cô.

- Thế ư? - Cô kỹ nữ đưa mắt nhìn Takichiro. - Ngài sành thưởng thức lắm, thưa Xada tiên sinh. Phải đợi ba năm nữa thôi. Với lại xuân sang là Chiy-chian sang quận Bonto rồi.

- Sang Bonto à? Sao thế?

- Học múa. Cô bé mơ ước trở thành vũ nữ.

- Tôi hiểu, nhưng học múa ở Ghion có phải hơn không?

- Sự thể là ở chỗ, dĩ cô ấy sống bên Bonto.

Takichiro ngắm nghía cô bé nghĩ: dù đi đâu học chẳng nữa thì nhất định cô ấy cũng sẽ thành một vũ nữ hạng nhất.

*

Liên hiệp các thợ dệt Nhixidgin đã bắt đầu thực hiện một phương sách quyết liệt, từ trước đến nay chưa từng thấy: yêu cầu tất cả các xưởng dệt ngừng máy trong tám ngày - từ mười hai đến hết mười chín tháng mười một. Trên thực tế sản xuất chỉ tạm dừng có sáu ngày thôi, vì ngày mười hai và mười chín rơi vào chủ nhật.

Nguyên nhân ở đây thì nhiều, song trước hết là các nguyên nhân kinh tế. Đã phát sinh tình trạng sản xuất thừa, trong các kho chứa ứ đọng trên một trăm ngàn tan ([81]) vải. Việc trước tiên là phải thu xếp số hàng dư này đi đâu đấy, và phải ký các hợp đồng mới với những điều khoản có lợi hơn cho thợ dệt. Thêm nữa, dạo gần đây cũng xuất hiện những rắc rối về mặt tín dụng.

Từ mùa thu năm ngoái đến hết mùa xuân năm nay, nhiều hãng buôn vẫn mua vải may kimono sản xuất ở Nhixidgin đã theo nhau phá sản.

Việc dừng các máy dệt tám ngày có nghĩa là cắt giảm sản xuất ở Nhixidgin từ tám mươi đến chín mươi ngàn tan. Dầu sao một biện pháp thế này cuối cùng cũng mang lại kết quả.

Ngay cả những thợ dệt tiểu cá thể nhận việc về nhà làm, loại thợ dệt hết sức đông trong các quận Kiya và Yoko, cũng hưởng ứng lời kêu gọi của liên hiệp.

Trong những căn nhà nhỏ một tầng chật chội, mà cho dù có hai tầng đi nữa thì trần cũng rất thấp, là các xưởng dệt tí hon chen chúc nhau. Ở các xưởng thuộc quận Yoko quang cảnh mới thật thảm thương, suốt từ sáng tới đêm khuya âm ỉ tiếng máy dệt - mà thường không phải máy riêng mà là đi thuê.

Chỉ có ba mươi thợ dệt xin phép không phải dừng công việc, bởi lẽ việc này có cơ làm gia đình họ túng đói.

Ở xưởng của Hideo người ta chỉ dệt thắt lưng cho kimono. Với những máy dệt cao takabata kể cả ban ngày cũng phải làm việc dưới ánh đèn điện, mặc dù căn phòng làm xưởng tương đối sáng sủa. Song địa phận sinh hoạt trong nhà thì thật rách nát, đồ lễ tối cần thiết trong bếp cũng không đủ. Thậm chí khó mà hình dung được đâu là nơi những người trong gia đình nghỉ ngơi sau giờ làm việc đâu là chỗ họ ngủ.

Hideo vốn kiên nhẫn trong công việc, anh đặt vào đấy cả tâm hồn đồng thời lại là người có tài năng xuất chúng. Song ngồi lì trên thanh ván hẹp suốt ngày này qua ngày khác chẳng phải là đơn giản hay nhẹ nhõm chút nào, và chắc hẳn Hideo cũng bị không ít các vết thâm tím, chai sần.

Trong lễ Kỳ Nguyên hôm ấy anh không để mắt đến đám rước sắc sở muôn màu bằng ngăm bộ trang phục xanh của đám thông trong khu vườn hoàng cung rộng mênh mông, có lẽ là vì việc đó giúp anh quên lãng đời sống thường nhật. Khó mà nói được liệu Naeko có thông hiểu anh không - bởi cô ấy làm việc trong khung cảnh thiên nhiên, giữa núi non...

Từ cái ngày Naeko mặc chiếc thắt lưng do anh dệt đi dự lễ, Hideo càng hăng hái lao mình vào công việc hơn...

*

Kể từ buổi Riuxuke mời Chieko đến quán ăn “Daiychi”, nàng đâm ra tư lự. Không thể bảo là nàng non nớt đến mức độ ấy, song dầu sao vẻ đăm chiêu ở nàng vẫn là do những nổi xúc động nào đấy gây nên.

Vậy là ở Kyoto người ta đã hối hả sửa soạn cho ngày tết đầu năm.

Thời tiết thành ra thất thường, đúng như vẫn thường thấy ở đây mỗi khi mùa đông đến. Trời đang trong trẻo bỗng sa xuống trận mưa phùn, mà những hạt mưa thì lấp lánh trong ánh nắng. Tuyết ẩm thay thế mưa, rồi trời lại quang râm và sau đấy một lần nữa mây đen lại bao phủ.

Việc chuẩn bị đón năm mới ở Kyoto bắt đầu từ ngày mười ba tháng chạp. Theo tập tục xưa, mọi người đi thăm và tặng quà nhau.

Tập tục này được gìn giữ đặc biệt chu đáo trong các quận son phấn vùng Ghion.

Các kỹ nữ và vũ nữ maiko sai nô bộc mang bánh tròn bột gạo biếu các bà chủ phòng trà đã bảo trợ họ năm qua, biếu các thầy dạy ca, dạy vũ, biếu các kỹ nữ lớn tuổi hơn. Sau đấy đích thân các kỹ nữ đến thăm viếng, mừng ân nhân mình nhân dịp năm sắp đến, chúc an khang và bày tỏ hy vọng rằng cả từ nay về sau những người này cũng đừng quên chú ý tới họ.

Cái cảnh tường mỹ lệ nơi những người kỹ nữ trang phục đóm dáng đi thăm viếng đã tạo ra những ngày này bầu không khí hội hè ở vùng Ghion từ khá lâu trước đêm giao thừa.

Nhưng trong vùng mà gia đình Takichiro sống, cảnh sắc ngày lễ còn chưa thấy rõ.

Sau bữa ăn sáng Chieko lên phòng mình để trang điểm, nhưng hai tay nàng cứ lóng nga lóng ngóng. Chốc chốc nàng lại tư lự điều gì đó.

Lời Riuxuke nói vẫn làm trái tim nàng xốn xang như trước. “Giá người ta đem bỏ cô bé Chieko ở cạnh nhà tôi thì tôi đã rất sung sướng”, - ở quán ăn khi ấy anh đã nói vậy, và ý tứ câu nói này thật quá rõ ràng.

Shinichi kết bạn với Chieko từ thời thơ ấu. Tình bạn ấy tiếp diễn cả trong những năm cắp sách đến trường. Chieko hiểu: Shinichi say mê nàng, song nàng cũng hiểu rằng không bao giờ anh ta dám bạo dạn cư xử với nàng như người anh anh ta. Khi Riuxuke bắt chuyện với Chieko, đúng là nàng ngừng thở.

Nàng chải gỡ thật kỹ mớ tóc dài của mình, hất ra sau lưng rồi đi xuống nhà dưới.

Lúc đang ăn sáng, Naeko đã từ làng gọi điện tới:

- Tiểu thư ạ, em đang cần gặp chị.

- Chào Naeko, được nghe tiếng chị nói thật thú vị biết mấy... Ta gặp nhau vào ngày mai đi - được chứ chị?

- Lúc nào em cũng sẵn lòng...

- Vậy chị đến đăng cửa hiệu nhà em nhé.

- Em không muốn thế đâu.

- Em đã kể chuyện chị với mẹ rồi, cha cũng biết nữa.

- Nhưng có lẽ đăng ấy còn có những người làm.

- Thôi được em sẽ đến chỗ chị, - Chieko nói sau một thoáng tần ngần.

- Em sẽ rất vui sướng, tuy là chỗ em trời đã trở lạnh...

- Không sao đâu. Em đang rất muốn được ngắm thông liễu...

- Chị mặc ấm ấm vào nhé. - Có thể mưa đấy. Cửa đáng tội, nhóm đồng lửa chả khó khăn gì, nhưng dù sao... Giờ em đang làm ở ngay cạnh đường nên sẽ thấy chị ngay thôi.

Chú thích:

[77] Chúc một ngày lễ may mắn.

[78] Karyobinga: chim Thụy Hồng trong huyền thoại, có giọng hót hay tuyệt trần.

[79] Pshamu Yoshi: Thi sĩ và kịch tác gia Nhật Bản, tác giả Khúc ca Chion rất nổi tiếng.

[80] Gubidginso: hoa mĩ nhân.

[81] Một tan tương đương 10,6cm.

VIII. HOA MÙA ĐÔNG

Lần đầu tiên Chieko mặc quần thể thao và áo len dài tay dày.

Takichiro có nhà và Chieko ngồi xuống chiếu trước mặt ông trước khi lên đường tới chỗ Naeko.

- Con sắp sửa vào trong núi phải không? - Ngắm nghía bộ trang phục khác thường của nàng, Takichiro hỏi.

- Vâng ạ... Cô gái ở trong Bắc Sơn yêu cầu con đến gặp, chị ấy muốn nói với con chuyện gì đó.

- Thế ư?... Chieko này, - Takichiro nói về quả quyết. - Nếu có điều gì rủi ro xảy đến với cô ấy, con hãy đưa cô ấy về nhà ta nhé...Cha sẵn sàng nhận cô ấy làm con.

Chieko cúi gằm xuống.

- Cha với bà lão của cha sẽ được an vui hơn nếu như nhà ta thành ra có hai cô con gái.

- Con cảm ơn, con cảm ơn cha nhiều lắm. - Chieko cúi mình thật thấp, những giọt lệ hàm ơn nóng ẩm lăn xuống hai bên má nàng.

- Cha mẹ đã mang tình thương yêu nuôi dạy con từ thuở bé thơ và cha mẹ cũng sẽ đối xử với cô gái ấy đúng như vậy. Có lẽ cô ấy cũng hiền thực giống hệt con. Thế nào con cũng đưa cô ấy về nhé.

Khoảng hai chục năm về trước người ta có định kiến với những ai sinh đôi, chứ bây giờ người ta nhìn nhận điều đó khác rồi... Đây, Xighe, lại đây nào, - ông gọi vợ.

- Cha ạ, với tất cả tấm lòng, con cảm tạ cha, duy có điều cô gái Naeko ấy sẽ không bao giờ thuận ở lại nhà ta đâu, - Chieko nói.

- Tại sao thế?

- Chị ấy ngại sẽ gây ngáng trở dù chỉ một chút hạnh phúc của con.

- Sao lại ngại trở?

-...

- Sao lại là ngại trở? - Nghiêng đầu ngạc nhiên, Takichiro nhắc lại.

- Con đã bảo chị ấy là cha với mẹ biết rõ mọi chuyện, và đã mời đến nhà ta...nhưng chị ấy sợ rằng những người làm ở cửa hiệu hoặc hàng xóm láng giềng sẽ trông thấy, - Chieko nói, giọng thì thầm có lẫn nước mắt.

- Người làm thì dính dấp gì đến chuyện này? - Takichiro cao giọng giận dữ.

- Cha nói đúng cha ạ, nhưng xin cha cho phép con đi lần này.

- Con đi đi, - Takichiro gật đầu, và hãy nhớ lại với cô gái ấy...với Naeko điều mà cha đã bảo con.

- Vâng thưa cha. - Chieko gài chiếc mũ trùm đầu vào áo khoác, còn chân thì xỏ đôi giày ống cao su.

Bầu trời bên trên Nakaghio quang tạnh từ sáng giờ đã bị mây đen bao phủ. Không khéo, trong Bắc Sơn đang mưa, mà có thể cả tuyết nữa, cô gái nghĩ lúc nhìn về hướng đó.

*

Chieko lên chiếc xe buýt thuộc ngạch đường sắt quốc gia. Chạy vào Bắc Sơn có hai tuyến xe buýt: tuyến của ngạch đường sắt quốc gia và tuyến của thành phố. Lộ trình tuyến của thành phố kết thúc ở con đèo nằm trong vùng ngoại vi phía Bắc Kyoto ngày nay, lộ trình kia còn đi xa hơn nhiều - đến tận Kohama thuộc quận Phukui.

Hành khách trên xe không đông - chắc là bởi sang đông.

Có hai người đàn ông trẻ bắt đầu chăm chăm nhìn Chieko quá chăm chú. Điều này khiến nàng khó chịu, nàng quàng chiếc mũ lên đầu.

- Tiểu thư ơi, xin đừng giấu chúng tôi khuôn mặt xinh đẹp của mình nữa.
- Giọng một người trong bọn họ khàn khàn không hợp tí nào với độ tuổi.

- Đây không biết xấu hổ à, cảm ơn đi! - Người ngồi bên cạnh bắt anh ta im.

Người mà vừa nãy nói với Chieko có đeo còng tay. Anh ta đã làm gì nên tội? Người bên cạnh - một cảnh sát viên, chắc thế - áp giải anh ta đi đâu? - Chieko nghĩ.

Dẫu sao nàng cũng đã lật mũ trùm ra.

Xe buýt đến Takao. Lá đỏ trên những cây phong đã rụng, mùa đông đã buông xuống các cành cây trần trụi.

Naeko đợi Chieko ở bến đỗ gần thác Bodai.

Cô lúng túng mất một thoáng khi thấy bộ y phục khác thường của Chieko, xong lại nhận ra nàng ngay.

- Tiểu thư, rất hân hạnh được chị hạ cố đến chốn rừng núi thâm sơn cùng các chúng em, - Naeko vui sướng reo lên.

- Có gì là thâm sơn cùng cốc đâu nào, - Chieko đáp, rồi chưa kịp cời găng nàng nắm chặt hai tay Naeko. - Về lần gặp dạo hè trong rừng thông liễu, em rất sung sướng được đến thăm nơi này lần nữa và xin cảm tạ chị.

- Có gì mà phải cảm ơn ạ?... Chính em cũng sợ ghê lắm đấy: nhờ thành linh sét giáng xuống chúng ta.

- Naeko ạ, - Chieko nói với cô gái lúc họ sánh đôi đi bộ trên đường. - Em rất mừng là chị đã gọi điện cho em. Chị muốn nói với em điều gì vậy?

Naeko ngập ngừng, chưa dám đáp lời ngay. Trên người cô là bộ quần áo làm việc bình thường, đầu buộc khăn bông.

- Thế nhưng có chuyện gì xảy ra vậy? - Chieko năn nỉ.

- Hideo ngỏ ý xin em lấy anh ấy. Mà em thì... - Cô gái vấp chân và nín lấy Chieko cho khỏi ngã..

*

Chieko ôm lấy vai cô.

Lần đầu tiên nàng cảm thấy thân hình Naeko chắc nịch khỏe mạnh biết bao. Đạo ấy, trong cơn giông mùa hạ, nàng hoảng sợ quá đến nỗi không chú ý đến điều đó.

Naeko nhanh chóng ghì được cơn xúc động, nhưng chưa vội gỡ mình ra: Chắc có lẽ cô thật dễ chịu khi cảm thấy có bàn tay âu yếm của Chieko trên vai mình.

Họ sẽ còn phải tìm chỗ dựa ở nhau không phải một lần, song lúc này thì họ lại đi mà chẳng biết chút gì về điều đó.

- Thế chị trả lời Hideo ra sao?

- Em làm sao mà trả lời ngay lập tức được.

-...

- Hideo đã làm quen với em sau khi tưởng lầm em là chị Chieko. Sự thật thì bây giờ anh ấy cầu hôn chính là với em song đâu đó tận đáy lòng anh ấy còn lưu giữ hình bóng chị.

- Chị nhầm rồi, Naeko!

- Không đâu, em hiểu rõ cả mà, tuy bây giờ sự thể không còn rắc rối như lúc mới xảy ra nữa, nhưng dẫu sao mặc lòng cơ sự vẫn đi đến chỗ tựa hồ em sẽ phải chiếm không đúng chỗ đứng của mình, không phải chỗ của mình mà là của chị... Và Hideo yêu cầu lấy anh ấy làm chồng là bởi anh ấy thấy có chị ở trong em. Đây là lẽ thứ nhất...

Chieko hồi tưởng lại hồi mùa xuân năm nay nàng dạo trong vườn bách thảo và ngắm loài uất kim hương trổ hoa mãnh liệt ra sao, rồi trên đường về ông Takichiro đưa ra chuyện nàng lấy Hideo, còn bà Xighe thì bực bội sau khi bảo rằng trước hết phải hỏi bản thân Chieko đã: anh ấy có hợp lòng nàng không?

- Lễ thứ hai là, ở xưởng của Hideo người ta dệt thắt lưng dùng cho kimono. Và chỗ họ có quan hệ với cửa hiệu đằng chị, nếu em lại xuất hiện thì như thế đâu phải là tiện cho chị. Nhưng không bao giờ em ưng thuận chuyện đó đâu. Thà chết còn hơn. Giờ thì chỉ còn có việc em phải đi, nhưng không phải để lấy Hideo làm chồng mà là trốn vào đâu đó xa nữa trong vùng núi cho khuất mắt mọi người...

- Sao chị lại có thể nghĩ như thế hả chị?! - Chieko nắm lấy hai vai cô mà lắc. - Quả là em vừa nói với cha hôm nay rằng em đến chỗ chị. Mẹ cũng biết. Lễ gì chị cứ phải lẩn tránh gia đình em??

- ...

- Chị có tưởng tượng ra cha đã trả lời em thế nào về chuyện này không? - Chieko lại lắc vai cô gái lần nữa, mạnh hơn. - ông nói: “Nếu có điều gì rủi ro xảy ra với cô gái ấy, với Naeko, thì con hãy đưa cô ấy về nhà nhé”... Em được ghi là người thừa kế dòng họ Xada kia mà. Ấy vậy mà ông bảo rằng sẽ đối xử với chị như là với em, rằng nhà cửa sẽ vui hơn nếu ông bà lại được thêm một con gái nữa.

Naeko cởi chiếc khăn trên đầu.

- Cảm ơn, em cảm kích trước thiện chí của cha chị lắm. - Cô lấy tay che mặt và mất một lúc không nói nổi lời nào. - Em chả còn một người thân nào trên đời, cũng chẳng có ai thực sự giúp đỡ em lúc khó khăn. Nhiều khi cảm thấy sao buồn thế, song em cứ làm việc, làm việc cật lực cho quên đi.

- Dẫu sao đi nữa chị đã định trả lời Hideo thế nào chưa? - Chieko hỏi, cố làm cô gái sao nhãng những ý nghĩ u uất.

- Em không thể trả lời anh ấy ngay được đâu, - Naeko thì thào, rồi rơm rớm nước mắt.

- Đưa đây em. - Chieko đón lấy chiếc khăn bông của cô rồi bắt đầu chùi những giọt lệ ở khóe mắt, ở má. - Bộ dạng khóc lóc thế này làm sao xuất hiện ở làng được.

- Đừng ngại chị ạ! Em vừa bạo vừa khỏe - làm bằng hai người khác nhưng lại... mau nước mắt.

*

Naeko dụi mặt vào ngực Chieko và òa lên thành tiếng.

- Thế này thì còn biết làm sao với chị đây - Chieko vỗ nhẹ lưng cô - Naeko, chị nín ngay đi, không là em về đấy.

- Ấy, ấy không, chị đừng đi. - Cô gái hoảng sợ thốt lên. Rồi lấy chiếc khăn ở tay Chieko mà chà vào mặt thật mạnh.

Về mùa đông chả ai để ý đến những gò má ửng hồng - người ta cho là vì lạnh. Chỉ có điều mắt còn đỏ, nên Naeko kéo sụp khăn xuống trán.

Hai cô gái im lặng bước đi một lúc.

Trên rặng thông liễu, cành đã bị đốn quang đến tận phần trên.

Chỉ ở ngọn cây mới còn lại chút lá và Chieko có cảm tưởng như vẩy vào tiết đông, chỗ ấy trổ ra những đóa hoa màu xanh thẫm kín.

Tin là Naeko đã ít nhiều nguôi ngoai, Chieko nói:

- Hideo là một thợ dệt tuyệt vời, hơn nữa bản thân anh ấy vẽ phác thảo thắt lưng rất đẹp, mà nói chung em cảm thấy anh ấy là người đứng đắn, người có thể tin cậy được.

- Vâng, - Naeko đáp. - Chị biết không, dạo Hideo tiên sinh mời em dự lễ Kỷ Nguyên, anh ấy ngắm đám rước áo quần lộng lẫy không bằng ngắm rặng thông xanh trong vườn hoàng cung.

- Có gì là lạ đâu. Chắc anh ấy đã thấy đám rước như vậy nhiều lần.

- Không phải, em thấy sự thể ở đây khác cơ. - Naeko khẳng khẳng.

- ...

- Sau lúc rước xong, anh ấy mời em về nhà.

- Về nhà? Về chỗ anh ấy ư? - Chieko ngạc nhiên.

- Vâng. Anh ấy có hai người em trai. Anh ấy dẫn em ra mảnh đất trống sau nhà và nói: Khi nào chúng em cưới nhau, anh ấy sẽ dựng ở đây một căn nhà nhỏ, hay túp lều gì đấy cũng được rồi sẽ chỉ dặt cái gì anh ấy thích.

- Vậy thì tuyệt biết mấy.

- Tuyệt ư?? Hideo muốn cưới em bởi vì thấy chị trong em, hình bóng chị ở trong em! Em biết lắm.

Chieko im lặng bước đi bên cạnh, không biết phải trả lời sao.

Ở triền sông phía bên, hẹp ngang hơn cả con đường họ đang đi, đám phụ nữ đánh bóng gỗ đang nghỉ. Từ đồng lửa họ sưởi một làn khói nhỏ bay cao lên.

*

Họ đến gần ngôi nhà vốn là của Naeko. Đúng hơn, đó không phải là nhà mà là túp lều tội nghiệp. Nhà không ai trông nom: mái gianh xiêu vẹo, qua đây đôi chỗ trơ cả cạnh vì kèo. Song như thường thấy trong làng, trước nhà có một mảnh vườn nhỏ, trong đó có một cây nandina mặc sức mọc cao, đầy trời màu đỏ. Bảy tám nhánh thân nó đan vào nhau chẳng chặt.

Naeko nhìn ngôi nhà mà không có vẻ gì là đặc biệt xúc động. Nói cho Chieko biết ngôi nhà ấy chẳng, hay im lặng, Naeko lưỡng lự. Nói cho đúng ra, Chieko ra đời ở quê mẹ, vị tất đã được đưa đến đây, nên chị ấy chả có gì liên quan tới ngôi nhà này cả. Ngay đến bản thân cô cũng không nhớ ra liệu đã khi nào mình sống ở ngôi nhà này chưa.

Chieko đi lướt qua, không để ý đến ngôi nhà. Nàng cố trông lên những rặng núi phủ thông liễu mà thôi. Nên Naeko quyết định không nói gì với nàng hết.

Các vòm lá còn lại trên ngọn những cây thông liễu đối với Chieko có vẻ như là những đóa hoa mùa đông. Mà quả thực chúng là loài hoa của mùa đông.

Hầu như cạnh ngôi nhà nào cũng có những súc gỗ tước vỏ, đánh bóng, xếp thành hàng, đang khô dần. Những súc gỗ đẹp hơn bất cứ bức tường nào được dựng lên từ những cây gỗ ấy.

Cả rừng thông liễu trên núi với hàng thân cân đối, thẳng băng mà bên dưới chúng hiện rõ đám cỏ đã hơi héo úa cũng rất đẹp.

Giữa các thân cây hé ra một khoảng trời xanh...

- Mùa đông chúng càng đẹp hơn, đúng không? - Chieko nói.

- Có thể. Em quá quen với chúng nên khó mà kết luận được. Về mùa đông lá thông liễu có màu tựa như xuxuki ([82]).

- Chúng tựa như hoa ấy.

- Tựa như hoa? - Sự so sánh bất ngờ khiến Naeko lại ngó lên rừng thông liễu lần nữa.

Họ đi tiếp chút nữa rồi dừng lại, bên một nhà lớn kiểu cổ. Ý chừng nó là của người chủ lô rừng lớn. Bờ giậu không cao - bên trên sơn trắng - còn bên dưới bịt các mảnh ván quét sơn Ấn Độ. Phía trên bờ giậu có lưới trai che về hai phía bằng ngói.

- Ngôi nhà kiên cố quá, - Chieko nói.

- Tiểu thư ạ, em ở nhà này đấy. Chị có muốn ghé vào một chút không?

- ...

- Xin cứ tự nhiên, em sống ở đây với gia chủ thắm thoát đã mười năm rồi.

*

Naeko cứ mấy lần nhắc đi nhắc lại rằng Hideo muốn cưới cô làm vợ bởi còn giữ trong lòng hình bóng Chieko. Nhưng hình bóng thì dính dáng gì đến chuyện này cơ chứ, Chieko nghĩ, nữa là một khi đang nói đến cuộc sống hôn nhân.

- Naeko ạ, lúc nào chị cũng nói “hình bóng”, “hình bóng”, thế nói trắng ra thì chị ngụ ý gì? - Chieko nghiêm mặt hỏi.

- ...

- Lẽ nào hình bóng lại có một hình thù, lẽ nào có thể lấy tay sờ nó được?

- Nàng nói tiếp và đột nhiên cảm thấy mình đỏ mặt: nàng hình dung Naeko

- cô gái mà có lẽ giống nàng như hai giọt nước không chỉ ở nét mặt mà cả ở tất cả những gì còn lại - sẽ thuộc về người đàn ông ra sao.

- Đã đành hình bóng không có hình thù, nhưng có thể được lưu giữ trong trái tim người đàn ông, trong tâm hồn anh ta và ai biết được còn ở những đâu nữa.

- ...

Khi Naeko đã là bà lão sáu mươi thì hình bóng chị, Chieko ạ, vẫn còn trẻ mãi trong trái tim Hideo hết như chị bây giờ.

Câu nói này khiến Chieko bị bất ngờ.

- Chị nghĩ ngợi đến thế kia ư? - Nàng hỏi.

- Một hình bóng đẹp, một ước vọng tuyệt vời không thể nào già đi hay làm người ta chán được.

- Thôi chị đừng nói nữa, - cuối cùng Chieko phản đối.

- Hình bóng, ước vọng thì không thể lấy chân mà đạp, - không thể xéo lên nó. Kẻ nào cố tình làm việc đó, kẻ ấy sẽ vấp ngã.

- Vậy đấy. Chieko kéo dài giọng, khi cảm thấy trong lời lẽ Naeko có giọng ghen tuông. - Nhưng liệu cái “hình bóng” ấy có tồn tại thực không?

- Nó đây này, - Naeko chạm tay vào ngực nàng.

- Em hoàn toàn không phải là “hình bóng”, không phải là “ước vọng”. Em là chị em sinh đôi với chị.

- Chứ nếu không thì chị, Naeko ạ, cũng là người chị - hình bóng không hình hài đối với lòng em sao?

- Không, không? Chính là chị kia! Hẳn là thế rồi, một khi đang nói đến Hideo...

- Thôi nào, quá rồi đấy. - Chieko cúi gằm xuống, lặng lẽ bước đi đến mấy phút, rồi nhìn thẳng vào mắt Naeko và nói:

- Ta hãy gặp nhau tay ba và nói chuyện thẳng thắn nhé.

- Nói chuyện thẳng thắn cũng có nhiều loại: có khi thật lòng mà có khi không.

- Chị không quá cả nghi đấy chứ, Naeko?

- Không đâu, nhưng em cũng có lòng tự tôn riêng...

- ...

- Mây đen ở rặng Xiudzan đang lại gần Bắc Sơn rồi. Chị trông chỗ thông liễu kia.

Chieko ngược mắt lên.

- Về luôn đi tiểu thư. Có lẽ sẽ có mưa tuyết ẩm ngay bây giờ đấy.

- Ngay từ nhà em đã nghĩ đến chuyện ấy nên đã mang áo khoác theo rồi.

Chieko tháo găng rồi chìa tay cho Naeko nói:

- Sao lúc nào chị cũng gọi em là tiểu thư, không lẽ nó giống như tay một tiểu thư ăn không ngồi rồi ư?

Naeko dùng cả hai tay nắm lấy tay Chieko và xiết thật chặt.

*

Chieko đúng là không để ý thấy mưa đã rơi. Còn Naeko mãi đắm vào những suy nghĩ riêng, hình như cũng không chú ý đến điều đó.

Chieko nhìn lên núi. Các đỉnh núi bao phủ trong tấm màn mờ đục. Còn những thân thông liễu mọc ở chân núi thì ngược lại, thành ra rõ nét hơn. Những ngọn đồi thấp hơn rặng núi một chút đã mất đi hình thù rõ rệt, thấp thoáng ló ra trong sương mù. Vào mùa này trong năm ở Kyoto thường hay như vậy.

Đất dưới chân ẩm ướt.

Núi thành ra xám xám, chúng đã hoàn toàn phủ kín trong màn sương đượm đầy hơi ẩm.

Sương mù nặng lên, trườn dần xuống một lúc thấp hơn theo các sườn núi, giữa tấm màn màu xám của nó đã xuất hiện những vệt trắng. Bắt đầu mưa có kèm theo tuyết ướt.

- Quay về nhanh lên chị. - Naeko nói, sau lúc nom thấy từ xa những vệt trắng trắng. Đây chưa phải là tuyết thực sự mà là những hạt tuyết ướt, lúc biến mất, lúc lại xuất hiện trở lại trong sương mù. Tuy vẫn còn ban ngày mà dưới triền sông chẳng khác nào đã đến lúc hoàng hôn - rồi ngay tức khắc trời trở lạnh.

Đối với Chieko - một người sống ở Kyoto - thì sự thay đổi thời tiết như thế trên Bắc Sơn không có gì lạ.

- Về đi chị, chừng nào còn chưa biến thành một ảo ảnh lạnh cóng, - Naeko nói.

- Chị lại nói đến cái gì không hình hài rồi, - Chieko bật cười. - Em có mang theo áo khoác với mũ trùm mà, với lại thời tiết mùa đông ở Kyoto thay đổi nhanh lắm. Loáng một cái là mặt trời sẽ lại ló ra thôi.

- Dẫu sao chị nên trở về nhà thì hơn, - Naeko vừa nói vừa trông lên trời. Cô nắm chặt tay Chieko.

- Naeko ạ, sự thực thì chị đã quyết định lấy chồng chưa? - Chieko hỏi.

- Chuyện ấy thực sự em chưa nghĩ tới. - Cô cầm lấy chiếc găng từ tay Chieko rồi dịu dàng và thận trọng xỏ vào tay cho nàng.

- Hãy đến chỗ em nhé. - Chieko nói.

- ...

- Em xin chị, một lần duy nhất thôi cũng được. Chị đến nhé, lúc cửa hiệu không có người làm ấy.

- Buổi tối phải không? - Naeko ngạc nhiên.

- Tất nhiên. Chị sẽ ngủ lại ở nhà em. Cha mẹ bây giờ biết hết về chị rồi.

Mắt Naeko ánh lên sung sướng, song cô vẫn chưa biết trả lời ra làm sao.

- Ít nhất ta hãy sống với nhau lấy một đêm thôi.

Naeko quay người đi, vội vã quệt nước mắt. Nhưng chắc Chieko đã nhìn thấy...

Lúc nàng về đến nhà, cả ở đấy bầu trời cũng đầy mây đen, nhưng chưa mưa.

- Hay quá, thế là kịp, khỏi bị mưa, - bà Xighe mừng rỡ. - Cha đang đợi con, ông ấy ở phòng đằng kia.

*

- Cha ạ! Thừa cha con đã về... - Chieko nói lúc bước vào phòng.

- Con đã nhắn cô gái lời cha đề nghị rồi chứ? - Takichiro thậm chí không nghe cho hết câu chào của Chieko.

- Rồi ạ.

- Thế cô ấy sao?

- Dạ-ạ... - Chieko kéo dài thời gian, không biết phải trả lời cha thế nào. Giải thích mọi chuyện một cách vắn tắt đâu phải đơn giản.

Nói chung nàng hiểu tâm trạng Naeko, nhưng bản thân nàng cũng không phải đã tỏ hết ngọn ngành. Naeko nói, thật ra Hideo muốn lấy nàng, lấy Chieko cơ, song anh đã từ bỏ ý định ấy vì cho là mình không xứng đáng

với nàng, thế nên anh cầu hôn Naeko, người giống nàng như hai giọt nước. Naeko đã hiểu ra ngay điều đó bằng trái tim con gái nhạy cảm của mình. Không phải vô cớ cô nghĩ ra một luận lý về “cái hình bóng hư ảo”. Có thật là Hideo, trong khi vẫn say đắm Chieko lại quyết định bằng lòng với việc lấy Naeko làm vợ không? Rất có thể, sự thể đúng như vậy, không hề tự phụ, Chieko nghĩ.

Nhưng cũng có thể mọi sự không đơn giản như vậy chăng?

Những ý nghĩ ấy khiến Chieko bối rối và mặc dù trong ánh trang tối tranh sáng cha không nhìn kỹ được nàng, nàng vẫn cảm thấy mình đỏ mặt.

- Không lẽ cô gái... Naeko ấy chỉ muốn gặp mặt con thế thôi? - Takichiro hỏi. Dạ, - Chieko đáp vẻ dứt khoát. - Chị ấy nói là Hideo bên nhà Otomo hỏi xin cưới chị ấy. - Giọng Chieko hơi run.

- Ra thế ư? - Takichiro im lặng nhìn Chieko một lúc. Hình như ông đã phỏng đoán điều gì mà chưa nói ra thành tiếng.

- Vậy là lấy Hideo à? Thôi được... Hideo bên nhà Otomo là một đám khá đấy...Cơ hồ, với con thì anh ta chưa xứng đôi... Nhưng trong chuyện anh ta chọn Naeko, có lẽ cũng là tại con.

- Cha ạ, con nghĩ chị ấy sẽ không lấy Hideo đâu.

- Sao thế?

- ...

- Sao nào, cha hỏi? Theo cha thì thế là đẹp đôi đấy.

- Vấn đề không phải là ở chỗ đẹp đôi hay không đẹp đôi. Cha cố nhớ cái lần ở vườn bách thảo, cha yêu cầu con lấy Hideo không? Naeko đoán ra chuyện ấy.

- Bằng cách nào chứ?

- Sau nữa, chị ấy cho rằng giữa xưởng dệt của Hideo và cửa hiệu nhà ta còn có quan hệ giao dịch.

Takichiro ngớ ngàng ngừng lời.

- Thừa cha, xin cha cho phép chị ấy đến thăm nhà ta chỉ một tối thôi.
Con cúi xin cha.

- Được chứ sao. Mà chuyện ấy việc gì phải xin. Cha chả nói thậm chí sẵn lòng nhận cô ấy làm con là gì?

- Điều này thì không bao giờ chị ấy ưng thuận, nhưng một tối...

Takichiro nhìn Chieko đầy cảm thông.

Từ phòng bên vọng sang tiếng đóng các cánh cửa sổ...

- Con đi giúp mẹ đây, - Chieko nói rồi rời khỏi phòng.

Chỉ khẽ nghe tiếng các giọt nước bắt đầu gõ vào mái ngói.

Takichiro lặng đi, lắng nghe tiếng mưa rơi.

*

Midzuki - cha của Riuxuke và Shinichi - mời Takichiro đi ăn đối ở quán ăn “Xaami” trong công viên Maruyama. Ngày mùa đông ngán, nên ở đây, từ trên cao, có thể thấy rõ các ánh đèn đêm đang bật sáng trong thành phố. Bầu trời màu xám không một dấu hiệu của buổi chiều tà. Cả thành phố nữa, ngoại trừ những ánh đèn lóe lên chỗ này chỗ nọ, dường như cũng mang cùng màu ấy. Màu của Kyoto mùa đông.

Midzuki - một thương gia lớn ở vùng Muromachi - vốn điều hành doanh nghiệp rất thạo và có qui mô. Nhưng hôm nay thì người đàn ông cương quyết này phải cố giấu sự lúng túng của mình bằng câu chuyện phiếm cho qua thời gian.

Phải sau mấy chén sake, lúc mà Midzuki đã chệnh choáng một chút, ông mới đề cập đến điều chủ yếu mà vì nó ông có lời mời Takichiro.

Takichiro đã đoán được, sẽ là chuyện gì.

- Số là Midzuki ngáp ngừng mào đầu, - thưa Xada tiên sinh, vậy là cô con gái đã nói với ngài về lời đề nghị của thằng Riuxuke nông nổi nhà tôi chưa?

- Tôi cũng không được rõ mọi chuyện cho lắm nhưng tôi trông mong rằng, Riuxuke có dụng ý tốt.

- Ngài cho như vậy à? - Midzuki đã thấy yên tâm. - Vả chẳng, cái thằng cứng đầu cứng cổ này nó cũng giống như tôi thời trẻ, hể nó tâm niệm điều gì đổ ai can nõi. Thực tình mà nói, tôi lúng túng...

- Tôi có phản đối đâu.

- Thôi thì, một khi ngài đã biểu lộ sự đồng ý, dường như tôi cũng được trút gánh nặng. - Quả thực Midzuki thở phào nhẹ nhõm. - Hết sức cúi xin thứ lỗi là đã làm phiền ngài. - ông lễ phép cúi đầu tạ.

Dù rằng việc kinh doanh ở chỗ Takichiro hoàn toàn không phải là mỹ mãn, ý đồ của một người ít tuổi, thực tế còn là thanh niên, định từ một cửa hiệu y như thế đến ông để chấn chỉnh công việc, không khéo sẽ có vẻ như mang tính cách lăng nhục.

- Chúng tôi sẽ rất sung sướng được cậu ấy giúp đỡ, - Takichiro nói, - nhưng liệu vắng Riuxuke có tổn hại cho hãng buôn của ngài không?

- Xin ngài chớ ngại chuyện đó. Hiện thời Riuxuke chưa phải thông thạo gì lắm việc kinh doanh. Song với tư cách người cha tôi có thể nói rằng: nó là người kiên nhẫn và có ý chí.

- Quả là đúng thế! Tôi nhớ, cậu ấy đến cửa hiệu nhà tôi ngồi đối diện viên quản lý với vẻ mặt kiên quyết... Tôi ngạc nhiên đấy.

- Cái thằng bất trị! - Midzuki uống cạn một chén sake nữa. - Thưa Xada tiên sinh...

- Tôi nghe ngài đây ạ.

- Nếu ngài cho phép Riuxuke - dù không phải ngày nào cũng vậy - đỡ dần ngài ở cửa hàng, thì tôi thiết tưởng cả Shinichi cũng sẽ khôn ngoan ra. Đây sẽ là sự nâng đỡ rất nhiều cho tôi. Shinichi vốn dĩ mềm mỏng, nhân hậu, thế mà Riuxuke thì cứ luôn trêu chọc nó, gọi nó là “chú tiểu bé bỏng”. Đối với Shinichi đó là một biệt hiệu vô cùng xúc phạm. Mà mọi sự chỉ tại thuở bé có lần người ta cử nó làm chú tiểu và bắt đi kiệu trong lễ Ghion.

- Cậu ấy là chú bé điển trai lắm, ngay từ hồi bé Chieko đã kết bạn với cậu ấy...

- Lại nói đến Chieko. - Midzuki đón ngay ý, rồi ấp úng.

*

- Lại nói đến Chieko, - ông nhắc lại và gần như có vẻ bức bối nói tiếp: Thế nào mà ngài nuôi dạy cô gái tuyệt vời nhường ấy, đã thế lại là một giai nhân thực sự nữa?

- Đâu phải công lao cha mẹ. Cháu nó được như thế cũng là do ở nó. - Takichiro vội đáp.

- Tiên sinh Xada ạ, cửu hiệu của chúng tôi với của ngài đại thể cũng như nhau cả thôi, có gì để chúng ta phải học tập nhau lắm đâu. Tôi mong ngài hiểu cho, vì lẽ gì bỗng dưng Riuxuke lại rất muốn như vậy: nó ao ước dù chỉ một tiếng đồng hồ thôi được ở cạnh Chieko.

Takichiro gật đầu, Midzuki lau trán - cái trán cũng giống như trán Riuxuke, - rồi nói tiếp:

- Tôi đến xấu hổ vì thẳng nhãi ranh này, tuy thế tôi xin cam đoan với ngài, nó sẽ làm ăn cần mẫn. Xin ngài tin rằng, tôi nhất quyết không muốn tỏ ra hay phiền nhiễu, nhưng nếu vạn nhất một lúc nào đó Chieko có động lòng đoái hoài đến một kẻ nông nổi như Riuxuke thì không biết ngài có thuận tình thu nhận nó vào gia đình mình không? Trong trường hợp ấy, tôi sẵn sàng từ bỏ nó trong tư cách người thừa kế. Xin ngài lượng thứ cho vì tôi đã có lời thỉnh cầu quá ư vô lễ. Midzuki cúi đầu.

- Ngài sẵn sàng từ bỏ người thừa kế sao? - Takichiro sừng sốt kêu lên. - Từ bỏ người thừa kế mà cả một doanh nghiệp đồ sộ đáng phải chuyển giao sao?...

- Hình như, hạnh phúc không ở cảnh giàu sang... Đạo gần đây, quan sát Riuxuke, tôi càng vững tin điều đó.

- Dự định thật đáng trân trọng, nhưng dẫu sao ta hãy để hai trái tim non trẻ định đoạt số phận mình, - Takichiro đáp lại có ý né tránh. - Ngài có biết Chieko là con bỏ rơi không ạ?

- Thế thì đã sao?... Xada tiên sinh, xin ngài giữ kín câu chuyện của chúng ta hôm nay...Ngài cho phép Riuxuke đến giúp việc ở cửa hiệu ngài chứ ạ?

- Vâng.

- Cảm tạ ngài vô cùng. - Midzuki như trút được mối ưu tư đè nặng trong lòng, nên ngay cả thứ sake mà lúc này ông uống có vẻ ngon hơn.

Hôm nay Riuxuke có mặt ở cửa hiệu Takichiro ngay từ sáng.

Anh gọi viên quản lý và người bán hàng lại rồi bắt tay vào việc kiểm kê hàng hóa. Vải trắng và màu, lụa hoa, các thứ lụa hitokoxi, omexi, mayxen; hàng uchikake ([83]), kimono tay áo dài, vừa và ngắn; gấm vóc quý, các loại vải có thêu ren, kimono mặc ra đường, kimono mặc ngày lễ, kimono may đơn chiếc theo đơn đặt hàng, thắt lưng cho kimono, các thứ lụa lót, đồ trang phục lật vạt...

Riuxuke không nói không rằng, mắt nhìn các hàng hoá bày ra la liệt Viên quản lý chỉ thỉnh thoảng mới đưa mắt liếc nhìn Riuxuke đang mặt mũi sa sầm rồi ngay lập tức lại lảng mắt đi.

Riuxuke ra về trước bữa ăn tối vì ngại người ta sẽ mời anh cùng ăn.

Đến tối thì có tiếng gõ khe khẽ cửa hàng rào. Chỉ mình Chieko nghe thấy. Nàng đưa Naeko vào nhà.

- Cảm ơn chị đã đến, Naeko ạ, cho dù buổi tối trời lạnh quá.

- Chieko này, em có thể đến chào cha mẹ chị được không?

- Nhất định rồi! Ông bà sẽ rất vui mừng được gặp chị. - Chieko ôm vai cô gái dẫn lại gian phòng phía xa. - Chị ăn cơm tối nhé? - Nàng hỏi.

- Cảm ơn, em vừa ăn xuxi ([84]) xong.

Naeko chào hỏi Takichiro và Xighe rồi im bặt. Cô cảm thấy mình lúng túng. Cha mẹ Chieko thậm chí cũng không lên tiếng gạn hỏi cô điều gì - họ quá sửng sốt trước sự giống nhau đáng kinh ngạc giữa cô và Chieko.

*

- Chieko ạ, các con cứ lên gác đi. Trên ấy có thể bình tĩnh mà chuyện trò, sẽ chẳng có ai làm phiền các con cả, - Xighe gỡ ra giúp họ.

Chieko nắm tay cô gái, dẫn về phòng mình qua lối hành lang hẹp rồi nhóm lửa trong chiếc lò sưởi nhỏ.

- Naeko, chị lại đây tí nào. - Họ đứng cạnh nhau trước tủ gương.

- Giống quá! - Chieko thốt lên khi cảm thấy một xúc cảm nồng nàn, như con sóng dâng lên trong lòng nàng. Họ đổi chỗ và lại nhìn vào gương lần nữa. Lạ thật? Giống như đúc ấy.

- Thì chúng ta là chị em sinh đôi kia mà, - Naeko từ tốn đáp.

- Nếu người ta ai cũng chỉ có toàn con sinh đôi thì sẽ ra sao nhỉ?

- Thì hẳn phải xảy ra tình trạng hết sức rối rắm. - Naeko lùi lại một bước, lệ trào ra trong mắt cô. - Ôi, chả ai biết số phận mình đã định ra sao, - cô thì thầm.

Chieko lại gần cô gái và âu yếm đặt tay lên vai cô.

- Chị Naeko, ở lại với em nhé. Cha mẹ sẽ hết sức vui mừng... Có mình em ở đây buồn lắm... Em hiểu, sống trong vùng núi giữa bốn bề thông liễu thì khoáng đạt hơn...

Naeko loạng choạng rồi đứng không vững vàng nữa, cô khuyu gối xuống. Cô đau khổ lắc đầu, những giọt nước mắt lăn trên má cô và rơi xuống đầu gối.

- Tiểu thư ạ, - cô thì thầm, - chúng ta đã quen với nếp sống khác nhau. Em không thể nào ở đây, ở nhà chị được. Song em đã quyết định đến nhà chị chỉ một lần, một lần duy nhất thôi. Dù chỉ để mọi người thấy em mặc chiếc kimono chị đã tặng...Với lại, chính chị đã từng đến làng với em hai lần...

- ...

- Tiểu thư ạ, cha mẹ đã lén vứt bỏ chị lúc chị còn ẵm ngửa. Em không rõ tại sao ông lại chọn đúng chị.

- Em đã quen chuyện đó lâu rồi và thậm chí cũng không nhớ là em từng có ông bà nữa, - Chieko thật thà đáp.

- Ông bà đã phải chịu trừng phạt vì việc đó. Vậy mà em có cảm giác... Chứ riêng em lúc ấy còn là đứa bé, không thể làm gì giúp chị được. Nhưng dẫu sao cũng xin chị tha thứ cho em.

- Nhưng phải chăng chị, Naeko, lại có lỗi gì sao?

- Không, em không có lỗi... Nhưng em đã nói rồi, chị còn nhớ không? - Naeko sẽ không bao giờ làm gì dù chỉ chút xíu có thể gây tác hại cho hạnh phúc của chị, cô nói rồi tiếp thêm chỉ vừa đủ nghe: - Em sẽ cố sao để chị không còn trông thấy em nữa.

- Không, không được, em không muốn thế đâu đấy? - Chieko kêu lên. - Sao chị cứ muốn làm phật lòng em một cách oan uổng như vậy? Chị khổ lắm ư, Naeko?

- Không, chẳng qua em thấy buồn quá.

- Hạnh phúc thật gần gũi, còn buồn đau thì bất tận... Ta đi nằm đi rồi nói chuyện tiếp. - Chieko bắt đầu lấy đồ ngủ từ ngăn trong tường ra.

- Hạnh phúc... Nó ra sao nhỉ? - Naeko thì thầm lúc làm đỡ nàng.

Rồi bỗng nhiên cô lặng người đi lúc ngược mắt lên trần. Chieko cũng lẳng tai nghe.

- Mưa nhỏ à? Tuyết rơi chẳng? Hay tuyết cùng với mưa? - Nàng hỏi.

- Chắc là tuyết nhẹ thôi. - Naeko đáp.

- Tuyết ư?

- Tuyết đấy, nhưng chưa thành hẳn. Nó rơi hầu như không có tiếng động.

- Em hiểu.

- Thứ tuyết này trong vùng núi chúng em đôi khi vẫn thấy. Cứ đang làm việc, cầm cúi trên các súc gỗ, thì nó đã đọng trên lá thông liễu thành một lớp trắng tinh lúc nào không biết. Nhìn lên thì dường như những bông hoa trắng đã thành linh nở rộ. Còn trên những cây rụng lá về mùa đông, nó phủ hết các cành, kể cả những cành mảnh nhất. Và xung quanh thật đẹp làm sao.

- Chẳng mấy chốc nó lại hết, mà có lẽ chuyển thành tuyết ướt hoặc thành mưa nhỏ cũng nên.

- Ta cứ mở cánh cửa sổ ra mà trông, - Chieko đề nghị, - nhưng Naeko đã ôm vai ngăn nàng lại:

- Không nên. Ta sẽ làm khí lạnh vào đầy nhà mất... Và ảo mộng sẽ tiêu tan.

- Ảo ảnh, ảo mộng. Chị hay nói đến điều đó quá, Naeko:

- Ảo mộng ư?... - Naeko cười gằn. Khuôn mặt tuyệt đẹp ở cô đượm buồn.

Chieko bắt tay vào trải giường.

- Hãy cho em ít nhất cũng một lần sửa soạn giường cho chị, - Naeko chợt tỉnh.

Họ trải giường cạnh nhau, nhưng Chieko đã trườn mình trước vào chăn Naeko.

- Ôi Naeko, người chị ấm làm sao.

- Có lẽ đấy là do em làm việc nhiều, hơn nữa em không sống ở thành phố, mà trong cái làng nhỏ vùng núi...

Cô dịu dàng ôm lấy Chieko:

- Đêm hay trời trở rét đây, nhỡ ra chị bị cóng. - Dường như bản thân Naeko tuyệt nhiên không thấy lạnh. - Bụi tuyết sẽ trút xuống, rồi ngừng, rồi lại lần nữa... Đêm nay...

- ...

Có tiếng chân ngoài cầu thang. Ông Takichiro và bà Xighe đã lên phòng kế bên. “Có lẽ, ông bà sẽ đắp chăn điện mà ngủ: người già hay bị rét”, - Chieko nghĩ.

- Chieko ạ, giờ thì giường này ấm lên rồi, em sang giường kia đây, - Naeko nói thì thầm với nàng.

*

Đến khuya, Xighe khẽ dịch ra, liếc nhìn căn phòng hai cô gái đang ngủ.

Sáng hôm sau, Naeko thức dậy rất sớm. Cô khe khẽ đánh thức Chieko và nói:

- Tiểu thư ạ, đêm rồi là đêm hạnh phúc nhất trong đời em. Còn bây giờ em đi đây, trong lúc chưa ai ở đây thấy em hết.

Naeko đã đoán đúng: hồi đêm có tuyết nhẹ rơi.

Hình như nó cũng lúc trút xuống, lúc ngừng. Và bây giờ thì lạnh lẽo ánh lên trong ánh sáng ban mai.

Chieko rời giường đứng dậy.

- Naeko, chị chả mang gì đề phòng trời mưa cả. Chị đợi một chút nhé. -
Nàng lựa ra cái áo khoác nhung tốt nhất của mình, kèm thêm vào chiếc ô gấp và đôi ghệt cao rồi trao cho Naeko.

- Quà tặng của em đây. Chị lại đến nữa nhé?

Naeko lắc đầu.

Níu lấy cửa hàng rào, Chieko cứ mãi trông theo dáng hình cô gái đang xa dần. Naeko không ngoảnh lại. Những bông tuyết rơi xuống tóc Chieko và tức khắc tan ra. Thành phố vẫn còn ngủ.

THÁI VĂN HIẾU dịch

(In theo bản của Nhà xuất bản Hải Phòng 1988)

Chú thích:

[82] Xuxuki: cỏ chè vè Trung Hoa, loài cỏ lưu niên thuộc họ cây thảo, cao đến hai mét.

[83] Uchikake: trang phục cổ may theo kiểu kimono.

[84] Xuxi: bánh bột gạo, có cá, trứng, rau và thêm dấm, đường.

NGƯỜI ĐẸP NGỦ MÊ

Quế Sơn dịch

từ bản tiếng Anh The House of Sleeping Beauties

Mục lục

[Lời giới thiệu](#)

[Một](#)

[Hai](#)

[Ba](#)

Lời giới thiệu

Yasunari Kawabata 1 sinh ngày 11 tháng 6 năm 1899 ở thành phố Osaka (Nhật). Bi kịch bao trùm những ngày thơ ấu, cái chết là chiếc nôi đung đưa tuổi trẻ ông. Giữa bi kịch và cái chết là nỗi cô đơn. Ông mất đột ngột bố mẹ, người em gái duy nhất và bà nội. Chỉ còn ông nội từ nay trông nom đứa cháu - từ bé đã tỏ ra ít nói. Nhưng người ông lại già nua, sắp mù lòa và đau yếu. Rồi đến lượt người ông chết đi. Kawabata chưa đầy mười lăm tuổi! Đó là hành trang chứa đựng những kỷ niệm khốn khổ người thiếu niên sẽ mang vào đời.

Ông tìm đến văn học như nơi ẩn tránh trước thực tế tàn nhẫn. Và với lòng xúc cảm và sự thấm thiết - sau này giống như nhân vật tiểu thuyết của ông chống chọi với những “Người đẹp ngủ mê” (Les belles endormies, 1961) ông đi đi, về về trong hương khói mộ bia của những người yêu dấu đã qua đời. Thực vậy, ông có thể nói gì đây, nếu không là về cái chết - sự thật của cái chết mà ông vừa sống qua một cách mãnh liệt và được ông tái tạo trong “Nhật ký riêng tư ở tuổi mười sáu của tôi” (Le journal de ma seizième année, 1925)?

Ít lâu sau ông rời thành phố. Sự cô đơn tự chọn dường như là điều duy nhất ông có thể chịu đựng được. Và ông không ngừng viết trong thời gian này, viết để che đậy nỗi buồn rầu, để cho đời mình một ý nghĩa hay chỉ giản dị là để biết được những khoảnh khắc hạnh phúc. Những tiểu thuyết đầu tiên ra đời gặt hái kết quả tốt, như “Cô vũ nữ xứ Izu” (La danseuse d’Izu, 1926). Nhà văn nơi ông đã tìm được giọng điệu của nhà duy mỹ và thoát bỏ được những nỗi đắng cay để thông cảm, hòa điệu với những gì xung quanh một cách tế nhị. Từ thái độ này phát sinh một minh triết đồng hành với ông cho tận cuối đời.

Trong khi chờ đợi, ông hoạt động không mệt mỏi với rất nhiều sáng kiến, công việc khác nhau. Ông sáng lập các tạp chí văn học, phát động phong trào “cảm giác mới”, rèn luyện nghệ thuật viết tiểu thuyết, truyện ngắn, tiểu

luyện, truyện dài đăng nhiều kỳ và ngay cả truyện phim. Ông sáng tạo một thể loại mới lạ: “tiểu thuyết thu nhỏ”.

Sách tiếp tục ra đời và ông trở thành tiểu thuyết gia Nhật Bản lớn nhất lúc sinh thời: “Xứ tuyết” (Pays de neige, 1948), “Ngàn cánh hạc” (Nuée d’oiseaux blancs, 1952), “Tiếng núi rền” (Le grondement de la montagne, 1954) hay “Người đẹp ngủ mê” (1961)... Từ truyện này sang truyện kia bao giờ cũng có mặt nỗi cô đơn và cái chết, tình yêu và hoa tình, và bao giờ cũng nằm ở hậu cảnh là những gợi mở tinh tế về những vườn hoa, những phong cảnh, những mùa trong năm. Văn phong tự lộn thoát dần theo chiều dài năm tháng đến độ trở thành hoàn toàn giản dị, hầu như trung lập. Ông là nhà văn chỉ quan sát, từ một khoảng cách, mỗi buồn phiền mỏng manh trong cuộc sống, với một thứ thụ động thanh thản. Ngày 16 tháng 4 năm 1972, có phải Kawabata đã tìm được sự thanh thản cuối cùng? Phải nói sao đây, sự minh triết tuyệt đỉnh hay địa ngục tinh thần khi một nhà văn được hàng triệu người đọc mến mộ, được trao giải Nobel văn học vào năm 1968, lại tìm đến một căn hộ cho thuê nhỏ bé, chật chội và thê thảm, cách nhà riêng không xa, để từ bỏ cõi đời? Cuộc tự sát được sửa soạn tỉ mỉ và cô độc đó có thể đưa ông vào một cảnh giới khác, nhưng cảnh giới nào?

“‘Đâu khó gì đi vào cảnh giới của chư Phật, khó thực sự là vào được cảnh giới của ngạ quỷ’ 1... Bất cứ người nghệ sĩ nào khao khát cái thật, cái tốt và cái đẹp như là mục tiêu tối thượng trong cuộc hành trình tìm kiếm gian nan của mình tất nhiên đều bị ám ảnh với ước vọng tìm cách phá cái lối vào khó khăn này của cảnh giới ngạ quỷ, và cái ý tưởng này, bí mật hay hiển lộ, nằm chông chênh giữa nỗi sợ hãi và lời nguyện cầu”. 2

Ông già Eguchi đi vào cảnh giới nào khi ông bước chân qua ngưỡng cửa căn phòng “Người đẹp ngủ mê”? Tiểu thuyết này, xuất bản năm 1961, miêu tả cuộc tìm kiếm của những ông già thiếu thốn những niềm vui thân xác. Trong một ngôi nhà đầy bí ẩn, họ trải qua một đêm bên cạnh cô gái trẻ ngủ mê. Nhưng nàng không buông mình vào giấc ngủ tự nhiên đâu. Bị thiếp bằng một loại thuốc mạnh, nàng ngủ thẳng một mạch và không thể biết ai

là người khách qua đêm. Những ông già này, tức những “lão khách tin cậy được”, bước vào căn phòng bí mật của những người đẹp ngủ mê như vào ngôi đền những nữ tu. Và ở đấy, bên cạnh những búp bê sống này, có lẽ họ tìm lại được những ảo ảnh của thời tuổi trẻ, của sinh lực đã lụi tàn, của cuộc phiêu lưu chắc là cuối cùng, “giống như ngủ với một ông Bụt vô hình” vậy. Không hổ thẹn, không ngượng ngùng, không chút mặc cảm tội lỗi, những ông già đã không còn sức làm đàn ông nữa tìm được nơi đây cơ hội cuối cùng, một tặng phẩm của đời.

Những đêm trong căn phòng lạc thú, ông già Eguchi có dịp nhớ về những người đàn bà đã đi qua đời mình, và đắm chìm trong trầm tư mặc tưởng. Để mà, biết đâu đấy, ở ngưỡng cửa cái chết, tìm được vị dịu ngọt của những ngày thơ ấu và sự tha thứ cho những lỗi lầm.

N.C.

Một

Ông không được làm điều gì bất nhã, người đàn bà ở quán trọ cảnh giới ông già Eguchi. Không được thọc ngón tay vào miệng cô gái đang ngủ, hay thử làm bất cứ việc gì khác tương tự.

Ở tầng một, chỉ có hai phòng : phòng đầu mà hai người đang đứng nói chuyện rộng chừng tám chiếu [1], và một phòng ngủ bên cạnh; nhưng tầng trên nữa hình như chẳng có phòng nào; và ở tầng trệt thì có vẻ chỉ dành làm phòng khách nên ngôi nhà này không đáng mang danh là một quán trọ. Thực ra chẳng có bảng hiệu nào ở cổng, chắc vì những điều bí ẩn của ngôi nhà không cho phép công khai treo bảng. Không khí im ắng, tĩnh mịch. Ngo i trừ người đàn bà đã mở cái cổng khóa chặt đưa ông vào nhà và bây giờ đang đứng nói chuyện cùng ông, chẳng thấy bóng người nào khác. Đây là lần đầu tiên ông đến chỗ này và ông không thể đoán ra mục là bà chủ hay người giúp việc. Tốt hơn không nên hỏi.

Mục có lẽ đã quá xa tuổi bốn mươi tuy giọng nói nghe còn trẻ và bề ngoài cố tạo cho mình một dáng điệu, một cung cách điềm tĩnh và đứng đắn. Đôi môi mỏng dính không hở ra khi nói. Ít khi nhìn thẳng Eguchi. Có cái gì trong đôi mắt đen thẫm ấy làm ông bất ngờ vực, và mục lại tỏ ra thoải mái tự nhiên. Mục pha trà từ cái ấm nước bằng sắt đặt trên lò than bằng đồng. Nhờ chất lượng lá trà và cách pha, trà ngon một cách lạ lùng, nhất là so với nơi chốn và tình cảnh hiện tại, khiến ông già Eguchi cảm thấy dễ chịu. Một bức tranh của Kawai Gyokudo [2] treo ở hốc tường, chắc là tranh in lại, vẽ một làng miền núi với màu ấm của lá thu vàng. Thực ra chẳng có gì trong cái phòng này khiến ta nghĩ nó chứa đựng những chuyện bí ẩn lạ thường.

“Và xin đừng bao giờ tìm cách đánh thức cô gái. Dù ông làm cách gì đi nữa, cô ta không thức dậy được đâu. Cô ta ngủ say li bì và chẳng cảm nhận chi hết”. Người đàn bà lập lại: “Cô ta chỉ ngủ và ngủ, chẳng hay biết gì từ đầu đến cuối. Không biết được ai nằm bên cạnh mình suốt đêm đâu. Ông chẳng nên lo ngại”.

Eguchi không nói gì, giữ những mối nghi ngờ xuất hiện trong đầu cho riêng mình.

“Cô gái rất xinh. Tôi chỉ chọn những người khách đáng tin cậy thôi”.

Ông quay mắt sang chỗ khác, nhìn đồng hồ đeo tay.

“Mấy giờ rồi nhỉ?”

“Mười một giờ kém mười lăm”.

“Tôi cũng đoán thế. Các cụ ông thường đi ngủ sớm và dậy sớm. Tùy ông đấy, khi nào cảm thấy sẵn sàng”.

Người đàn bà đứng dậy, mở khóa cửa phòng bên cạnh. Mụ dùng tay trái. Eguchi nhìn mụ, nín thở, dù động tác dùng tay trái mở cửa phòng này tự nó chẳng có gì đáng chú ý. Mụ ghé mắt nhìn vào căn phòng. Chắc chắn là mụ có thói quen nhìn vào phòng từ ngưỡng cửa như thế, và cũng chẳng có gì khác thường việc mụ quay lưng về phía Eguchi. Vậy mà ông thấy nó lạ lẫm. Một con chim to và lạ thêu trên cái nút thắt chiếc đai lưng. Ông không biết nó thuộc loài chim nào. Tại sao mắt và chân chim lại hiện thực quá đỗi trong một hình chim cách điệu hóa? Chắc chắn không phải vì con chim này mà ông cảm thấy bất an, đó chỉ là một hình thêu vụng về; nhưng nếu nỗi bất an dính liền với tấm lưng của người đàn bà thì nó lại nằm ngay nơi con chim. Chiếc đai lưng có nền màu vàng nhạt, gần như trắng.

Căn phòng bên cạnh được thắp sáng mờ mờ. Người đàn bà đóng lại cánh cửa nhưng không khóa rồi đặt chiếc chìa khóa lên bàn trước mặt Eguchi. Cung cách cũng như giọng nói của mụ không để lộ ra chút gì là mụ vừa xem xét một căn phòng bí mật.

“Chìa khóa đây. Tôi mong ông ngủ ngon giấc. Nếu ông cảm thấy khó ngủ thì có sẵn thuốc ngủ bên gối”.

“Bà có gì uống không?”

“Ở đây không phục vụ rượu”.

“Tôi không thể làm một ly trước khi ngủ hay sao?”

“Không”.

“Cô gái đang ở phòng bên?”

“Cô đang ngủ và chờ ông”.

“Thật à?” Eguchi tỏ vẻ hơi ngạc nhiên. Cô gái vào phòng bên tự hồi nào? Cô ngủ được bao lâu rồi? Có phải người đàn bà mở cửa phòng lúc này là để xem cô đã ngủ say chưa? Eguchi đã từng nghe một người bạn thường lui tới chốn này kể rằng các cô gái đợi khách khi đã ngủ say, và không tỉnh giấc; nhưng ngay bây giờ khi đang ở đây, ông lại thấy khó tin chuyện này.

“Ông muốn thay đồ ở đâu?” Mụ có vẻ sẵn sàng giúp ông. Eguchi không trả lời.

“Nghe tiếng sóng kìa. Và tiếng gió”.

“Tiếng sóng?”

“Chúc ông ngủ ngon”. Mụ rút lui.

Còn lại một mình, ông già Eguchi nhìn quanh căn phòng, trống rỗng và không có sự xếp đặt bí ẩn nào. Rồi ánh mắt ông dừng lại trên cánh cửa dẫn vào phòng bên cạnh. Cánh cửa làm bằng gỗ thông bá hương, rộng gần một thước, có vẻ được đặt thêm vào sau khi ngôi nhà đã xây xong. Ngay cả bức tường khi nhìn kỹ mới thấy nó được bịt kín lại, thay thế cái vách ngăn di động chia đôi hai phòng trước đó, để làm một phòng bí mật cho các người đẹp ngủ mê. Tường được sơn cùng màu như các tường khác nhưng có vẻ tươi mới hơn.

Eguchi đưa tay cầm chìa khóa. Tưởng ông sẽ mở cửa đi vào phòng bên nhưng ông vẫn ngồi yên. Như người đàn bà nói lúc này : tiếng sóng nghe dữ dội. Như thể các ngọn sóng đập mạnh vào vách đá cao nhô ra biển, và như thể ngôi nhà nhỏ bé này nằm ngay bên bờ vách. Tiếng gió rít báo hiệu mùa đông sắp về, có lẽ vì ngôi nhà quanh quẽ, có lẽ vì có cái gì không ổn trong tâm thần ông già Eguchi. Tuy vậy, ông cảm thấy căn phòng khá ấm,

dù chỉ sưởi bằng một lò than hồng. Vùng này có khí hậu ấm áp mà. Gió cũng không đủ mạnh để làm lá vàng bay. Eguchi đến nơi này hơi khuya khoắt nên không thể nhìn thấy địa thế ngôi nhà; nhưng ông ngửi được mùi biển mặn. Khu vườn trông rộng so với ngôi nhà với rất nhiều cây thông và cây phong cao lớn. Những cành thông sắc nhọn chìa mạnh lên nền trời. Ngôi nhà xưa kia chắc là một biệt thự đồng quê.

Eguchi đốt một điếu thuốc, chìa khóa vẫn giữ trong tay. Ông hút một hai hơi rồi dụi tắt; nhưng điếu thứ hai, hút hết. Ông cảm thấy một sự trống rỗng khó chịu hơn là tự nhạo mình về một nỗi lo ngại mù mờ nào đó. Ông có thói quen uống một ly rượu mạnh trước khi đi ngủ nhưng ít khi ông ngủ được ngon giấc và thường gặp ác mộng. Một nhà thơ nữ chết trẻ vì bệnh ung thư đã viết trong một bài thơ về những đêm thức trắng: “đêm dọn ra cho tôi nào cóc, nào chó chết, rồi nào xác người chết trôi”. Eguchi chẳng thể nào quên được câu thơ đó. Bây giờ chợt nhớ đến nó, ông tự hỏi cô gái đang ngủ - không, phải nói là bị thiếp cho ngủ - ở phòng bên có giống như một xác chết trôi không; và ông cảm thấy do dự, chưa muốn đi vào chỗ nàng nằm. Ông không biết được cách nào người ta đã làm cho nàng ngủ say. Dù sao đi nữa, nàng đã ở trong một trạng thái mê man giả tạo, chẳng thể hay biết những sự việc xảy ra quanh mình, và như thế có lẽ nàng mang nước da xỉn màu chì như một tên nghiện ngập, đôi mắt quầng thâm, các xương sườn lộ rõ dưới lớp da khô queo quắt. Hay có lẽ nàng thuộc típ người lạnh, da thịt húp híp, mềm nhẽo. Có lẽ nàng đang ngáy nhẹ, cặp môi hé mở để lộ lợi răng đã ngả sang màu tía tía. Ông già Eguchi, sáu mươi bảy năm ở đời, đã từng trải qua những đêm khó chịu, bức tức với đàn bà. Thật tình mà nói, những đêm thất vọng như thế là những đêm khó quên nhất trong đời. Sự thất vọng này ít khi liên quan đến nhan sắc các người đàn bà nhưng dính líu nhiều đến những bi kịch, những lệch lạc trong cuộc đời họ. Ông cảm thấy chẳng hứng thú chút nào, ở cái tuổi gần đất xa trời này, nếu phải trải qua một nỗi thất vọng mới. Những ý tưởng buồn bã này chiếm cứ đầu óc ông, ngay lúc ông sắp bước vào cuộc phiêu lưu. Nhưng thử hỏi có cái gì tồi tệ hơn cảnh một lão già suốt đêm nằm dài bên cạnh một cô gái trẻ

bị thiếp ngủ mê, không thể thức tỉnh? Có phải Eguchi đã đến ngôi nhà này để tìm cho ra, tìm đến mức điểm tận cùng của nỗi ghê sợ tuổi già?

Người đàn bà đã nói về các khách hàng mù có thể tin cậy. Hầu như ai tới đây đều có thể tin cậy được mà. Người đàn ông kể cho Eguchi về ngôi nhà này đã quá già, già đến độ không còn là đàn ông nữa. Lão ta có lẽ nghĩ rằng Eguchi cũng đã rơi vào tình trạng suy nhược cùng cực như lão. Mụ đàn bà ở ngôi nhà này chắc đã quen chung đụng với đám khách hàng già cả nên đã nhìn Eguchi một cách không ngờ vực và cũng không tỏ ra thương hại. Ông biết mình chưa phải loại sức tàn lực tận nên chưa phải là một khách hàng đáng tin cậy. Nhưng ông có thể chọn mình làm một người đáng tin cậy, tùy tình cảm của ông vào một lúc nào đó, tùy khung cảnh, và tùy người đẹp. Sự ghê sợ tuổi già đè nặng con người ông. Ông biết mình đang tiến gần cái hoàn cảnh ảm đạm, buồn thảm của những khách hàng già nua khác. Nội cái việc ông mò tới đây cũng đã nói lên rõ điều này. Và như thế ông không có ý định vi phạm các ràng buộc thâm, các hạn chế xấu xí mà người ta áp đặt lên đám khách lụm khụm. Thực tình ông không muốn vượt qua các hạn chế đó, và ông sẽ không để mình làm thế trong thực tế. Tuy có thể gọi là một câu lạc bộ nhưng số lượng người già làm hội viên rất ít. Eguchi đến đây không phải để tố cáo các tội lỗi hay xoi mói các hành vi bí mật của câu lạc bộ này. Ốc tò mò nơi ông chẳng mạnh mẽ gì vì một nỗi buồn rầu chán ngắt của tuổi già đã xâm chiếm cõi lòng ông.

“Vài cụ khách thổ lộ ngủ qua đêm ở đây mang đến cho họ những giấc mộng đẹp”, mụ đàn bà nói vào một lúc nào đó. “Vài người lại nhớ đến thời trai trẻ”.

Eguchi đã không cười gượng được vào lúc đó. Ông đưa cả hai tay chống lên bàn để đứng dậy rồi bước về phía cánh cửa làm bằng gỗ thông bá hương.

“À ra thế!”

Những tấm màn nhung màu đỏ thẫm. Màu đỏ trông thẫm hơn trong cái ánh sáng lơ mơ. Như thế có một vùng sáng mỏng lơ lửng trước các màn,

như thế ông bước vào một thế giới ma quái. Màn che cả bốn bức tường. Cánh cửa thông cũng được che màn, viền màn được buộc túm lại. Ông khóa cửa, vén màn, và nhìn xuống cô gái. Nàng đâu có làm bộ ngủ. Ông nghe được tiếng thở của một người đang ngủ say mà. Eguchi nín thở: nàng đẹp quá, đẹp hơn ông tưởng. Nhan sắc của nàng không phải là điều ngạc nhiên duy nhất. Nàng trẻ nữa. Nàng nằm nghiêng phía trái, mặt nàng hướng về ông. Ông chưa thấy thân thể nàng - nhưng ông đoán nàng chưa tới hai mươi tuổi. Chao ôi, như thế có một quả tim khác đang vùng cánh trong lồng ngực ông già Eguchi.

Bàn tay mặt và cổ tay nằm lọt ra ngoài tấm chăn mỏng. Cánh tay trái có vẻ trái xéo dưới tấm chăn. Ngón cái tay mặt bị che gần nửa dưới má. Các ngón tay trên gối bên cạnh mặt nàng hơi cong lại trong giấc ngủ êm dịu, không quá cong để làm biến mất những chỗ lõm mềm mại, thanh tú, nơi các ngón tay nối với bàn tay. Màu hồng ấm áp từ mu bàn tay trông càng hồng hơn khi tới các móng tay. Một bàn tay trắng sáng và mịn màng.

“Cô ngủ thật à? Không thức được à?”

Eguchi buột miệng hỏi như thế cho mình cái cớ chạm đến bàn tay cô gái, nắm lấy trong lòng tay mình rồi lay nhẹ. Ông biết rõ nàng sẽ không mở mắt. Vẫn nắm bàn tay cô gái, ông nhìn kỹ khuôn mặt nàng. Thuộc loại gái nào đây? Cặp lông mày chưa bị phấn sáp đụng đến và hàng lông mi đang nhắm lại kia trông đều đặn. Ông ngửi mùi hương từ mái tóc trinh trắng của nàng. Một lúc sau tiếng sóng nghe như mạnh hơn, có phải vì cô gái đã bắt được quả tim thổn thức của Eguchi? Ông mạnh dạn cởi quần áo mình. Eguchi ngược mắt nhìn lên khi chợt nhận ra ánh sáng tỏa từ trên cao. Anh điện đến từ hai cửa sổ ở trần nhà được che bằng giấy bản. Một cách điềm tĩnh, ông tự hỏi có phải ánh sáng được sắp đặt cho hợp với các tấm màn nhung đỏ thẫm, hay là ánh sáng phản chiếu từ các màn nhung đỏ làm màu da của cô gái trông đẹp như các nàng hồ ly; nhưng màu nhung đỏ chưa đủ mạnh để làm khuôn mặt nàng hồng lên mà. Mắt ông bắt đầu quen dần với cái ánh sáng trong căn phòng, quá sáng đối với ông, một người quen ngủ

trong bóng tối, nhưng dường như đèn luôn để sáng, không thể tắt được. Ông biết nhận ra tấm chăn đắp thuộc loại tốt.

Eguchi chui vào chăn một cách nhẹ nhàng vì ngại đánh thức cô gái đang ngủ. Nàng chẳng mặc gì trên người. Cũng chẳng có phản ứng gì, đôi vai không co lại, cặp háng không khép vào, nàng chẳng cảm nhận sự hiện diện của ông bên cạnh nàng. Hơi lạ, vì các cô gái trẻ thường theo phản xạ tự nhiên dù đang ngủ say đến mấy đi nữa. Nhưng đây đâu phải là một giấc ngủ bình thường, ông lại tự nhủ, và ông muốn tránh đụng chạm đến người nàng. Đầu gối nàng đưa về phía trước khiến đôi chân ông trở nên vướng víu, gò bó. Dù không nhìn kỹ ông cũng đoán được nàng không nằm theo thế phòng ngự, đầu gối mặt không nằm ngay trên đầu gối trái. Đầu gối mặt kéo ra sau, chân duỗi thẳng. Nàng nằm nghiêng phía trái, vai và háng không thẳng hàng vì nửa người trên hơi khom lại. Nàng có vẻ không được cao lắm.

Những ngón tay nàng mà Eguchi đã cầm lên cũng ngủ say: cả bàn tay lại nằm y như cũ khi ông thả xuống. Ông kéo cái gối về phía mình và bàn tay rơi ra ngoài. Ông chống cùi chỏ lên gối và ngắm nó. Trông như còn sống, ông nhủ thầm. Nó còn sống mà, có phải bàn tay của một xác chết đâu, ông thầm thì như thế chỉ để muốn nói lên là nó xinh đẹp; nhưng ông cảm thấy mình vừa nói ra một điều gở. Cô gái ngủ mê man như chết nhưng thời gian sinh tồn của nàng đâu có ngưng chảy, vậy nàng có giữ được thời gian đó không hay là nó chảy tuột vào một vực sâu không đáy? Nàng không phải là một búp bê sống, vì không thể có búp bê sống trên thế gian này; nàng được biến thành một đồ chơi sống, để các cụ già đã mất năng lực đàn ông không bị cảm thấy xấu hổ. Không, không phải một đồ chơi : đối với các cụ, nàng chính là cuộc sống. Một cuộc sống người ta có thể sờ mó được, một cách tự tin. Dưới cặp mắt lão thị của Eguchi, bàn tay nàng gần sát bên trông mịn và đẹp hơn. Thật mịn khi vuốt ve nhưng ông không thể thấy được nét thanh tú trong cách cấu tạo của nó.

Tuy nhiên ông vẫn thấy được dải tai của nàng có cùng màu hồng ấm áp ở bàn tay do máu mang đến, càng hồng hơn ở những đầu ngón tay. Đôi tai lộ ra giữa những sợi tóc. Màu hồng của dải tai nói lên sự tươi mát của cô gái làm tim Eguchi se lại. Ông đã mò mẫm tìm đến ngôi nhà bí ẩn này lần đầu tiên vì tò mò tìm của lạ, nhưng bây giờ ông nghĩ dường như những người đàn ông càng bị lão suy hơn ông càng tìm thấy nơi đây những niềm vui và những nỗi đau mãnh liệt hơn ông. Tóc cô gái thật dài, có lẽ để dài như thế cho các lão già vuốt ve. Ngả người lên gối, Eguchi lùa tóc nàng ra khỏi tai, một mảng da trắng hiện ra sau vành tai. Cổ và vai trông tươi và trẻ, chưa có cái đầy đặn của đàn bà. Ông nhìn quanh phòng. Chỉ có áo quần ông vừa trút bỏ nằm trong giỏ. Không thấy áo quần cô gái đâu cả. Có lẽ mẹ đàn bà đã mang ra khỏi phòng nhưng Eguchi thấy nhói với ý nghĩ cô gái đã hoàn toàn khóa thân khi vào phòng. Nàng sẽ được ngắm nhìn như thế mà. Nàng được thuốc cho ngủ trong mục đích này, có gì lạ đâu. Vậy mà Eguchi lại kéo chân đắp lên bờ vai nàng rồi nhắm mắt. Mùi hương da thịt nàng tiết ra trong không khí và bất chợt Eguchi ngửi thấy mùi trẻ thơ. Mùi sữa của những đứa bé còn bú, nồng hơn mùi cô gái. Không thể nào tin được - rằng nàng đã có con, rằng vú nàng đã cương lên, rằng sữa đã rỉ ra từ hai núm vú nhỏ xíu này. Ông nhìn chăm chăm lần nữa vầng trán và đôi má, rồi cái đường vạch trông còn vẻ con gái nổi cằm với cổ. Dù đã biết đủ nhưng ông vẫn giở nhẹ tấm chăn khỏi vai nàng. Đôi vú không phải là vú đã có sữa cho con bú. Ông dùng một ngón tay rờ nhẹ. Không thấy ướt. Cô gái chưa đến hai mươi tuổi. Khuôn mặt còn mang vẻ trẻ thơ - không phải là hoàn toàn không hợp - nhưng nàng đâu còn mang mùi sữa trẻ con trên người. Thực ra, nàng mang hương thơm đàn bà. Ấy thế mà ông già Eguchi tin chắc mình đang ngửi ngay trong lúc này một mùi trẻ con còn bú. Ông có bị ảo giác lướt qua đầu không? Nhưng tại sao ảo giác lại đến với ông? Ông không hiểu được; nhưng chắc là nó đã đến theo kẻ hở từ quả tim bỗng dưng trống không của ông. Một nỗi cô đơn buồn bã trào lên. Nhưng hơn cả nỗi cô đơn hay nỗi buồn rầu, chính là nỗi cô chiếc tuyệt vọng của tuổi già như thế đông lạnh hắt trong ông. Rồi từ từ ông thấy cõi lòng mình chùng xuống, cảm thương cô gái mà mùi hương tiết ra đã mang đến chút ấm áp trẻ trung.

Hình như có cả tiếng nhạc vang lên từ thân xác cô gái, ông tưởng như thể có lẽ để xua đi cái cảm giác tội lỗi lạnh ngắt. Tiếng nhạc của tình yêu. Ông muốn trốn chạy, nhìn quanh bốn bức tường với những tấm màn nhung che kín như thể không còn lối ra. Những tấm màn đỏ thắm nhận ánh sáng từ trần nhà trông mềm mại nhưng hoàn toàn bất động. Chúng cầm giữ ông và cô gái đang ngủ.

“Dậy. Dậy đi”. Eguchi lắc vai cô gái. Rồi ông nâng đầu nàng. “Dậy đi. Dậy đi”.

Cái gì khiến ông làm thế? Một nỗi xúc động hiện lên từ một cõi nào sâu thẳm trong ông. Nàng ngủ, nàng không nói, nàng chẳng thấy khuôn mặt ông, chẳng nghe giọng nói ông, nàng nằm đó, như vậy đó, hoàn toàn không biết đến một con người mang tên Eguchi đang ngồi đây, bên cạnh nàng; ôi tất cả những điều này làm ông không chịu nổi. Và số phận ông, nàng cũng chẳng mảy may biết đến. Nàng ngủ mê, đầu nặng trên tay ông. Ấy vậy mà ông tưởng mình thấy nàng hơi nhú mào như thể đáp lại một cách sống động tiếng gọi thầm thì của ông. Eguchi không rút tay về. Nếu chỉ cần lay nhẹ mà cô gái đã thức dậy thì ngôi nhà này đâu còn gì bí ẩn nữa, cái bí ẩn mà lão Kiga, người giới thiệu ông tới đây, đã cho rằng “giống như ngủ với một ông Bụt vô hình”. Đối với các ông già, loại khách mà mục đàn bà có thể “tin cậy”, ngủ với một người đẹp không khi nào tỉnh thức là một mối cảm dỗ, một cuộc phiêu lưu, một niềm vui thú mà họ tin mình còn thực hiện được. Lão Kiga có lần kể cho Eguchi là lão cảm thấy mình sống lại chỉ khi nào nằm bên cạnh một cô gái đã bị thiếp cho ngủ say.

Một ngày kia khi đến nhà thăm Eguchi, lão nhìn ra vườn và thấy cái gì màu đỏ nằm trên đám rêu nâu mùa thu.

“Cái gì vậy cà?”

Lão đi ra vườn để nhìn cho rõ. Những quả mọng màu đỏ của cây lá san hô [3]. Nằm rải rác khắp vườn. Kiga nhặt một quả và vừa vò vừa nói về ngôi nhà bí ẩn. Lão tìm đến đó mỗi khi cảm thấy niềm tuyệt vọng về tuổi già quá náo nề.

“Tôi đã mất hy vọng ăn nằm với đàn bà từ lâu lắm rồi. Nhưng giờ đây có một chỗ người ta thuốc các cô gái ngủ mê từ đầu đến cuối không tỉnh dậy được”.

Có phải một cô gái ngủ mê, không nói gì, không nghe gì lại nói lên mọi điều, nghe được mọi điều trước một ông già không còn đủ sức làm đàn ông với đàn bà? Nhưng đây là lần đầu tiên Eguchi trải qua kinh nghiệm với đàn bà như thế. Cô gái này chắc hẳn là đã bao lần kinh qua cái kinh nghiệm này với các lão già như ông. Nàng nằm đây, hiến dâng tất cả cho ông nhưng hoàn toàn vô thức, thân xác duỗi dài như trong một giấc đông miên, hơi thở đều và nhẹ, khuôn mặt ngây thơ nghiêng qua một bên. Có lẽ một số lão già đã vuốt ve, rờ mó khắp người nàng, có lẽ một số khác nhìn thân xác nàng mà khóc nước nở về thân phận già nua của mình. Nàng chẳng thể hay biết gì, trong cả hai trường hợp. Tuy nghĩ thế mà Eguchi cảm thấy không đủ sức làm điều gì cả. Rất thận trọng, ông rút nhẹ tay khỏi gáy cô gái như thể giữ gìn một đồ vật dễ vỡ; nhưng cùng lúc nổi thôi thúc đánh thức nàng dậy một cách hung bạo vẫn không nguôi ngoai trong lòng ông.

Khi ông rút tay về thì đầu và vai cô gái quay nhẹ đến khi nằm ngửa mặt. Tưởng nàng có thể mở mắt, ông lùi người ra xa một chút. Mũi nàng, đôi môi nàng, dưới ánh đèn rọi từ trần nhà, trông sáng rỡ tuổi trẻ. Nàng đưa bàn tay trái lên miệng. Có vẻ như nàng sắp ngậm ngón trỏ, và Eguchi tự hỏi nàng có thói quen làm thế khi ngủ không; nhưng không, nàng chỉ đặt ngón tay lên môi thôi. Đôi môi lại hé ra, để lộ một vài cái răng. Nàng đã thở bằng mũi, bây giờ thì bằng miệng, hơi thở có vẻ nhanh hơn chút. Nàng có bị đau không, Eguchi tự hỏi rồi trả lời, không. Hai môi mở hé khiến ta tưởng một nụ cười hàm tiếu lơ lửng trên đôi má. Một lần nữa tiếng sóng đập vào vách đá cao nhô ra biển vọng về nghe như gần hơn. Chỉ cần nghe tiếng các ngọn sóng khi rút lui người ta biết chắc là có những tảng đá lớn nằm ở chân vách đá. Nước biển bị giữ lại đằng sau các tảng đá thì rút đi chậm hơn. Hơi thở của nàng tỏa ra từ miệng có mùi nồng hơn là từ mũi lúc này. Tuy nhiên, đó không phải là mùi sữa. Lại thật, Eguchi tự hỏi lần nữa, sao ông lại nghĩ thấy

mùi sữa. Có lẽ đó là một mùi làm ông cảm thấy có chất đàn bà trong cô gái này.

Ông già Eguchi hiện nay có một đứa cháu ngoại miệng còn hôi sữa. Ông thấy hình ảnh nó trước mặt mình ngay tại đây. Cả ba con gái ông đều có chồng và đều có con; và ông nhớ lại không những mùi sữa ở các đứa cháu ngoại mà ngay cả mùi sữa ở các đứa con gái ông khi còn ẵm ngửa. Có phải những kỷ niệm về mùi sữa của các đứa con, đứa cháu ruột thịt hiện ra lúc này như thế để quở trách ông? Không đâu, đó là mùi hương của lòng thương cảm đối với cô gái đang ngủ xuất ra từ trái tim ông. Đến lượt ông xoay người nằm ngửa, và nằm một cách không đụng chạm đến thân thể nàng, rồi nhắm mắt lại. Tốt hơn uống viên thuốc ngủ có sẵn bên gối. Thuốc này chắc ít mạnh hơn thứ thuốc dành cho cô gái; ông sẽ thức dậy trước nàng mà. Nếu không, sự bí ẩn và quyến rũ của nơi chốn này sẽ tan biến đi. Ông mở gói giấy nhỏ chứa hai viên thuốc màu trắng. Uống một viên thôi, ông sẽ ngủ chập chờn, giữa mê và tỉnh; dùng cả hai, ông sẽ ngủ say như chết. Chết à, tại sao không, ông vừa ngẫm nghĩ vừa nhìn hai viên thuốc; rồi một kỷ niệm khó chịu, một kỷ niệm rối loạn dính líu đến sữa lại trở về trong đầu ông.

“Sữa. Người anh hôi mùi sữa. Mùi trẻ bú sữa”. Người đàn bà đang dờ tay gấp tấm áo khoác ông vừa cởi ra bỗng đổi sắc mặt, nhìn ông giận dữ. “Chắc là con anh. Anh bế nó ở nhà trước khi đến đây, phải không? Đúng không? Tôi ghét con nít còn bú thậm tệ. Ghét không chịu được!”

Đôi bàn tay run cầm cập, người đàn bà đứng lên và vứt cái áo khoác xuống đất. “Tôi chịu hết nổi. Bế con nít xong lại mò đến đây à?” Giọng nàng nghe chát chúa, tia nhìn đầy oán hờn. Nàng là một cô “geisha” [4], người tình của ông đạo đó. Nàng biết rõ ngay từ đầu ông đã có vợ con, nhưng mùi sữa nơi trẻ sơ sinh đột ngột kích động nàng, đẩy nàng vào một cơn ghen tuông dữ dội. Eguchi và cô “geisha” này từ đó không còn giữ được quan hệ tốt lành như trước nữa.

Mùi sữa mà cô “geisha” oán ghét đến từ đứa con gái út của ông. Trước khi lấy vợ ông có một người yêu. Bố mẹ cô gái nghi ngờ, kiểm soát cô rất kỹ, và những cuộc gặp gỡ hiếm hoi với nàng trở nên cuồng nhiệt. Có một lần khi rút mặt mình ra khỏi ngực nàng ông chợt thấy máu đọng chung quanh núm vú. Ông giật mình nhưng cứ làm ra vẻ tự nhiên như không có gì xảy ra; ông úp mặt lại vào ngực nàng và liếm sạch. Cô gái, mê ly, không nhận biết gì cả. Sau đó, khi sự cuồng nhiệt đã qua đi, ông kể lại những gì xảy ra, nàng bảo ông nàng chẳng thấy đau đớn gì cả.

Tại sao hai kỷ niệm này, từ một quá khứ xa xôi, giờ đây lại trở về? Đầu thế nào tin được là hai kỷ niệm từng vùi sâu lại khiến ông ngửi thấy mùi sữa từ cô gái đang nằm bên cạnh. Những năm tháng đó đã mù mịt lắm rồi nhưng ông không nghĩ rằng, tuy chẳng rõ vì sao, người ta có thể phân biệt kỷ niệm gần với kỷ niệm xa mà chỉ dựa trên thời điểm, lâu rồi hay mới đây. Ông có thể nhớ một sự kiện xảy ra vào thời thơ ấu cách đây sáu chục năm trước một cách sống động và rõ ràng hơn là một việc chỉ vừa xảy ra hôm qua. Có phải khuynh hướng này lại rõ nét hơn khi càng về già? Và lại, phải chăng những biến cố, những sự việc xảy ra hồi còn bé đã tạo nên cá tính và quyết định cả một đời người? Chuyện này có vẻ tầm thường, nhưng người lần đầu tiên đã dạy Eguchi rằng cặp môi đàn ông có thể làm thơm máu gần như bất cứ chỗ nào trên thân xác đàn bà, chính là cô gái có máu đọng chung quanh núm vú; và dù rồi sau đó Eguchi đã tránh đi đến cực điểm như thế, cái kỷ niệm về người đàn bà là một tặng vật mang đến sinh lực cho cả đời người đàn ông, ngay tận bây giờ vẫn chưa bị xóa nhòa, vẫn còn mãi trong ông, một người đã tròn sáu mươi bảy tuổi.

Còn một chuyện tầm thường nữa.

“Trước khi ngủ tôi nhắm mắt lại và đếm những người đàn ông tôi sẵn lòng để cho hôn. Tôi đếm họ trên đầu ngón tay. Thấy khoái trá lắm. Nhưng khi đếm không tới mười người thì tôi buồn lắm”. Eguchi hồi trẻ đã nghe lời tâm sự như thế từ một người đàn bà tuổi trung niên, vợ viên giám đốc một công ty lớn, có quan hệ rộng rãi trong giới thượng lưu, và theo lời đồn,

thông minh. Khi đó bà đang nhảy điệu luân vũ với Eguchi. Nghe lời tâm sự đột ngột kiểu này chỉ có nghĩa ông là một trong những người đàn ông bà sẵn lòng để cho hôn; Eguchi cầm tay bà bắt chặt lại.

“Tôi chỉ đếm họ thôi” Bà nói một cách hờ hững. “Anh còn trẻ, và tôi đoán anh không thấy buồn mỗi khi tìm cách dỗ giấc ngủ. Và nếu anh thấy buồn thì có sẵn vợ anh đó. Nhưng thỉnh thoảng anh nên thử làm như tôi đi. Tôi thấy nó như thuốc bổ đấy”.

Giọng bà tỉnh khô và Eguchi không trả lời. Bà nói bà chỉ đếm họ thôi; nhưng ta có thể nghi là bà cũng gọi lên trong đầu những khuôn mặt, những thân thể của họ. Và việc đếm tới mười chắc cần rất nhiều thì giờ và óc tưởng tượng. Eguchi đang nghĩ tới đây thì mùi nước hoa có hơi hướng khích dục từ người đàn bà quá thì này thoảng đến nồng hơn ở mũi ông. Dĩ nhiên, bà có cái tự do thâm kín tưởng tượng trong đầu hình dáng Eguchi giữa những người đàn ông bà sẵn sàng để cho hôn. Chuyện này chẳng đáng gì đến ông cả, và thực ra ông chẳng thể chống cự hay than phiền; tuy thế vẫn có cái gì dơ bẩn trong việc ông bị dùng làm đồ chơi trong trí tưởng của một người đàn bà quá thì mà ông chẳng thể hay biết gì. Nhưng tới tận bây giờ ông vẫn không quên lời nói của bà. Sau đó ông thấy mình nửa tin, nửa ngờ, rằng bà ta đã tìm cách quyến rũ ông, hay bà đã bịa ra chuyện đó để đùa cợt ông; cuối cùng chỉ lời nói của bà là còn đọng lại trong trí nhớ ông. Bà đã qua đời từ lâu. Ông già Eguchi không còn những nỗi nghi hoặc như trước nữa. Và một người đàn bà tài tình như thế, chắc bà đã hôn hít, ôm ấp trong trí tưởng đến mấy trăm đàn ông trước khi chết chứ không phải chơi đâu?

Về phần Eguchi, khi tuổi già xấp đến gần, vào những đêm khó ngủ, ông thỉnh thoảng nhớ lại lời bà ấy và đếm đàn bà trên đầu ngón tay, nhưng ông không làm chuyện đơn giản là chỉ đếm những người đàn bà ông không ngại hôn. Ông nhớ đến những người nào để lại trong ông những kỷ niệm một thời yêu thương. Và đêm nay nữa, ông lại nhớ đến một mối tình xưa cũ vì cô gái đẹp đang ngủ kia đã gây cho ông cái ảo tưởng là ông ngửi được mùi

sữa đầu đây. Có lẽ mùi máu trên ngực người yêu của một thời xa cũ đã làm cho ông ngửi cái mùi không có thực từ cô gái đang nằm đây. Có lẽ để mình đắm chìm trong hồi tưởng đến những người đàn bà không bao giờ trở lại từ quá khứ xa xăm là niềm an ủi u buồn cho một ông già, ngay khi ông đang vuốt ve, mơn trớn cô gái đẹp không thể nào tỉnh thức. Eguchi thấy cõi lòng mình ấm lên cùng nỗi cô đơn. Ông chỉ sờ qua ngực nàng để xem có bị ướt không, nhưng sau đó không một ý nghĩ méo mó nào hiện ra trong đầu ông, như làm cho cô gái giật mình khi khám phá ra máu trên ngực vào lúc thức dậy, rất lâu sau ông. Đôi vú nàng có vẻ căng tròn một cách đẹp đẽ. Một ý lạ đến với ông : tại sao bộ ngực của giống cái loài người, duy nhất trong các loài vật khác, sau một cuộc tiến hóa lâu dài, lại mang hình dạng đẹp đẽ? Cái đẹp tuyệt vời mà bộ ngực phụ nữ đã đạt tới phải chăng là một vinh quang của nhân loại?

Có lẽ đôi môi đàn bà cũng vậy. Ông già Eguchi nghĩ đến những người đàn bà trang điểm trước khi đi ngủ, những người khác lại lau tẩy son phấn sạch sẽ trước khi vào giường. Cũng có những người mang cặp môi nhợt nhạt sau khi chùi son, những người mang cặp môi xỉn màu thời gian. Khuôn mặt cô gái nằm bên cạnh ông có trang điểm chút ít gì không, ông không thể thấy rõ dưới ánh sáng dịu dàng xuống từ trần nhà và ánh phản chiếu từ các tấm màn nhung che bốn bức tường, nhưng nàng không đi xa tới độ cạo cả lông mày. Đôi môi và những cái răng thấy được trông khỏe mạnh, tươi tắn. Dù không nhai một chất gì làm thơm miệng, hơi thở của nàng có mùi thơm thường tiết ra từ miệng một cô gái trẻ. Eguchi không ưa những núm vú nở rộng và sẫm màu. Khi giờ tắm chần lên hồi này, ông thoáng thấy đầu vú nàng còn nhỏ và còn hồng. Nàng ngủ nằm ngửa và ông có thể hôn ngực nàng. Nàng đâu phải là một cô gái có bộ ngực mà ông chẳng thấy hứng hôn lên chút nào. Ở tuổi ông mà còn hứng hôn thế, Eguchi nghĩ, thì huống chi những lão già khú để khi đến ngôi nhà này; họ phải thấy vui sướng, khoái trá biết bao, nên họ sợ gì giá cả, sợ gì hiểm nguy. Trong đám họ chắc chắn có những kẻ cuồng nhiệt, tham lam và hình ảnh những kẻ này làm gì với nàng lại lẫn quất trong đầu Eguchi. Cô gái ngủ say và

không hay biết gì hết. Có phải vì thế mà khuôn mặt nàng, thân xác nàng vẫn nguyên vẹn, vẫn trong sạch trước mắt ông lúc này? Nếu Eguchi không hạ mình dở trò khi với nàng như những kẻ tham lam, ấy chỉ vì ông thấy nàng rất đẹp khi ngủ. Có phải sự khác biệt giữa ông và các lão già khác nằm ở chỗ ông còn nội lực hoạt động như một người đàn ông? Các lão già đó cần cô gái ngủ rất say, một giấc ngủ không đáy. Còn Eguchi, đã hai lần ông tìm cách đánh thức nàng dậy, nhẹ nhàng thôi. Giả dụ bất ngờ cô gái lại mở mắt tỉnh dậy, ông thấy mình thực tình chẳng biết định làm gì với nàng; vậy mà ông vẫn thử làm, xuất phát từ cảm giác yêu mến cô gái này. Không phải đâu, ông đoán là nó xuất phát từ nỗi lo sợ và sự trống rỗng trong ông.

“Có lẽ mình nên ngủ thôi” Ông nghe mình lẩm bẩm một cách vô ích, rồi thêm, “đây không phải là giấc ngủ nghìn thu đâu. Không phải thế đâu, cho nàng hay cho cả mình”.

Ông nhắm mắt lại, tin rằng sau cái đêm lạ lùng này mình sẽ thức dậy buổi sáng, còn thở, có khác chi tất cả những đêm bình thường trước đó. Cô gái ngủ với ngón trỏ đặt trên miệng nhưng cái cùi chỏ lại thọc ngang phía ông làm ông khó chịu. Eguchi dùng ngón trỏ và ngón giữa nắm lấy cổ tay nàng, kéo cánh tay dài ra dọc theo người; cùng lúc ông cảm thấy mạch nàng đập, nhẹ và đều. Hơi thở êm dịu của nàng thì có phần chậm hơn ông. Gió thỉnh thoảng lại thổi qua mái nhà nhưng không còn rít lên những âm thanh báo hiệu mùa đông sắp về. Tiếng sóng ầm ầm đập vào vách đá nhô ra biển nghe dịu bớt khi dội lên cao, và cái tiếng vang đến từ mặt biển này nghe như âm nhạc đến từ thân thể cô gái cùng với nhịp đập của trái tim và mạch đập ở cổ tay nàng. Một con bướm trắng muốt lượn đi lượn lại theo điệu nhạc, dưới đôi mi khép kín của ông. Eguchi buông cổ tay nàng ra. Ông sẽ không chạm vào người nàng bất cứ chỗ nào nữa. Mùi thơm từ hơi thở, từ mái tóc, từ thân thể nàng, đều thoảng dịu.

Những ngày chạy trốn về Kyoto bằng đường tỉnh lộ nhỏ với cô bạn có lần bị máu đọng trên ngực lại trở về trong trí nhớ ông già Eguchi. Cái kỷ niệm này sao sống động thế ngay bây giờ, có lẽ vì ông được bao bọc trong

cái ấm nồng tỏa ra từ một thể xác tươi trẻ. Có rất nhiều đường hầm ngắn trên đường xe lửa nối các tỉnh miền Tây với thành phố Kyoto. Mỗi lần tàu chạy vào đường hầm cô gái như thể kinh hãi kéo đầu gối mình sát lại đầu gối ông và nắm chặt tay ông. Và mỗi khi tàu ra khỏi đường hầm thì thấy một khe núi hay một ngọn đồi với dải cầu vồng giăng trên.

“Trông xinh quá!”, hay “Thú nhỉ!”. Nàng thốt lên lời khen vui vẻ mỗi lần thấy chiếc cầu vồng bé nhỏ, và thực ra nàng cứ đưa mắt hết sang trái rồi sang phải nên lúc nào cũng tìm được một cái cầu vồng mỗi khi tàu ra khỏi đường hầm. Thỉnh thoảng màu sắc hiện ra quá mờ nhạt khiến ta không thể phân biệt và nàng cảm thấy đó là một điểm gỡ giữa đám cầu vồng xuất hiện nhiều một cách lạ lùng này.

“Anh có tin là người ta đuổi theo mình không? Em lo người ta chặn bắt khi mình tới Kyoto. Và một khi em bị bắt về, người ta sẽ không cho em ra khỏi nhà nữa”.

Eguchi hồi đó vừa học xong đại học và mới đi làm nên không thể kiếm sống được ở Kyoto; ông cũng biết rõ là trừ trường hợp hai người cùng tự sát, sớm hay muộn họ phải quay lại Tokyo. Nhưng những chiếc cầu vồng nhỏ nhắn khiến ông liên tưởng đến sự trinh trắng của những bộ phận kín đáo trên thân thể cô gái, và sự liên tưởng này cứ nằm mãi trong đầu ông. Ông đã nhìn thấy sự trinh trắng đó trong một quán trọ nằm bên bờ sông Kanazawa. Đó là vào một đêm tuyết mỏng rơi. Ông bị xúc động mạnh, hơi thở nghẹn lại, nước mắt ứa ra. Từ đó cho đến suốt mấy chục năm sau ông không còn bao giờ nhìn thấy sự trinh trắng như thế nơi những người đàn bà khác; và ông nghĩ rằng ông thấu hiểu mọi sự trinh trắng, rằng sự trinh trắng ở chỗ kín chỉ riêng cô gái này có mà thôi. Ông tìm cách cười xóa cái ý tưởng này đi nhưng nó đã thành một sự việc có thật trong niềm khao khát khôn nguôi của ông và nó vẫn còn là một kỷ niệm mãnh liệt theo ông mãi cho tới tận tuổi già. Gia đình cô gái gửi một người tìm bắt và dẫn nàng về lại Tokyo; ít lâu sau nàng bị gả chồng.

Khi họ tình cờ gặp lại nhau gần hồ Shinobazu, nàng đã có một hài nhi địu trên lưng. Đứa bé che đầu bằng một mũ len trắng. Khi đó vào mùa thu và hoa sen trong hồ đang tàn. Con bướm trắng bay lượn đêm nay sau đôi mi nhắm kín của Eguchi có phải do cái mũ trắng đó gọi lên không?

Khi họ gặp nhau bên hồ, tất cả những gì Eguchi nghĩ ra được là hỏi thăm nàng có được hạnh phúc không.

“Có ạ”, nàng trả lời ngay tức khắc. “Em có hạnh phúc”. Chắc là nàng không có câu trả lời nào khác.

“Nhưng tại sao em đi bộ một mình ở đây với con nhỏ trên lưng?” Đó là một câu hỏi lạ thường. Cô gái không nói, chỉ nhìn thẳng vào mặt Eguchi.

“Trai hay gái?”

“Gái. Thật mà! Ua, nhìn nó mà anh không biết sao?”

“Có phải con anh không?”

“Không”. Cô gái lắc đầu một cách giận dữ. “Không, không”.

“Thật sao? Ngay nó là con anh đi nữa, em chẳng cần phải nói ra bây giờ. Em chỉ nói ra khi nào em muốn. Trong bao nhiêu năm nữa cũng được”.

“Không phải đâu. Thật vậy mà! Em đâu có quên có một thời em đã yêu anh nhưng anh đừng có bày đặt tưởng tượng này nọ. Anh sẽ gây khổ sở cho con em mà thôi”.

“Thật sao?” Eguchi không cố ý nhìn kỹ mặt đứa bé sơ sinh nhưng ông cứ nhìn theo cô gái mãi. Nàng đi được một quãng khá xa rồi ngoái đầu liếc mắt. Thấy Eguchi còn nhìn theo mình, nàng bước nhanh hơn. Ông không gặp lại nàng lần nào nữa. Rồi ông nghe tin nàng chết cách đây hơn mười năm. Eguchi, bây giờ sáu mươi bảy tuổi, đã mất đi nhiều bạn bè và bà con, nhưng kỷ niệm về cô gái ấy vẫn còn tươi rói trong ông. Cái kỷ niệm này, dù bây giờ chỉ còn lại ba chi tiết, cái mũ trắng của đứa bé, sự trinh trắng ở chỗ kín và vết máu trên ngực, luôn còn trong trẻo và sinh động. Rất có thể là không ai trên thế gian, trừ Eguchi, biết được sự trinh trắng vô song đó và

cái ký ức này sẽ biến mất khỏi mặt đất cùng với cái chết cận kề của ông. Dù cảm thấy then thùng nàng vẫn để ông ngắm nhìn thỏa thích mà. Có lẽ cô gái nào cũng thế; nhưng chắc chắn là nàng tự mình không biết được sự trinh trắng đó. Nàng đâu thể thấy nó được.

Vào sáng sớm hôm sau khi đến Kyoto, Eguchi và cô gái đi dạo trong một rừng trúc. Lá trúc sáng loáng như bạc trong nắng ban mai. Trong hồi tưởng của Eguchi, lá trúc tươi tốt và mềm mại, trắng sáng như bạc ròng, và cành trúc hình như cũng làm bằng bạc. Dọc theo con đường mòn men theo bìa rừng, các bụi cỏ đầu bạc và cúc gai đang nở hoa. Eguchi không chắc lắm về mùa hoa nở nhưng trong tâm tưởng ông con đường nhỏ đó bỗng bình trong một cảnh sắc như thế. Đi quá cánh rừng thì hai người trèo ngược theo một dòng suối trong xanh lên tận chỗ thác nước đang đổ xuống rào rào, màn nước long lanh ánh mặt trời. Và trong màn bụi nước, cô gái đứng, khỏa thân. Sự việc xảy ra thì khác hẳn nhưng với thời gian trôi qua, tâm trí Eguchi đã tạo ra một hình ảnh như thế. Khi về già, đôi khi chỉ nhìn những ngọn đồi ở Kyoto và những thân cây thông đỏ đứng thành cụm thoải thoải lại làm sống lại hình ảnh cô gái đó trong ông; nhưng những kỷ niệm sinh động như đêm nay thì thực sự hiếm hoi. Có phải tuổi trẻ của cô gái đang ngủ mê đã gọi chúng về không?

Ông già Eguchi vẫn tỉnh như sáo sậu và không tỏ vẻ gì sắp chìm vào giấc ngủ. Ông không muốn nhớ đến những người đàn bà khác ngoài cô gái đã ngắm nhìn những chiếc cầu vồng nhỏ. Ông cũng chẳng muốn rời mớ, vuốt ve cô gái đang ngủ, chẳng muốn nhìn nàng trần truồng. Ông xoay người nằm sấp, mở lại lần nữa gói thuốc đặt bên gối. Mụ đàn bà đã nói đây là thuốc ngủ nhưng Eguchi còn phân vân. Ông không biết được nó thuộc loại thuốc nào, có giống như thuốc mà người ta đưa cô gái uống không. Ông bỏ một viên vào miệng rồi uống thật nhiều nước để nuốt trôi. Ông thường uống một ly rượu mạnh trước khi ngủ nhưng không có thói quen dùng thuốc; vì thế lần này ông bị kéo vào giấc ngủ nhanh chóng. Và ông nằm mộng. Ông được một người đàn bà ôm hôn nhưng nàng có đến bốn chân. Bốn chân này siết chặt ông. Nàng cũng có tay nữa. Tuy nửa tỉnh, nửa mê,

ông cảm thấy bốn chân thật là lạ lùng nhưng không kinh tởm. Bốn chân đó, rất khô gợt, kích thích hơn hai chân nhiều, vẫn ám ảnh ông. Đúng là cái thuốc ngủ này làm cho người ta nằm mơ như thế, ông nghĩ lơ mơ. Cô gái xoay người quay lưng về phía ông, đôi mông sát người ông. Ông hơi xúc động khi thấy đầu nàng xa ông hơn mông nàng. Nửa tỉnh, nửa mê, ông lùa tay vào mái tóc dài trải rộng bên ông và vuốt ve như thể chải lược rồi thiếp đi.

Ông lại có một cơn mơ khác, cực kỳ khó chịu. Một trong các con gái ông đẻ ra ở nhà thương một hài nhi dị dạng. Và khi tỉnh giấc ông già Eguchi không thể nhớ được bộ phận nào bị biến dạng trên cơ thể đứa bé. Chắc là ông không muốn nhớ đó thôi. Dù sao đi nữa, đó là một sự biến đáng sợ. Đứa trẻ sơ sinh tức khắc bị tách rời người mẹ. Nhưng núp sau tấm màn trắng của phòng hộ sinh người mẹ bắt đầu chặt nó ra từng mảnh để sẵn sàng ném vào thùng rác. Viên bác sĩ, một người bạn của Eguchi, mặc đồ trắng, đứng bên cạnh người mẹ. Eguchi cũng đứng bên cạnh nàng. Ông bây giờ đã tỉnh ngủ hẳn, rên rỉ trước giấc mơ khủng khiếp. Các tấm màn nhung đỏ thẫm trên bốn bức tường làm ông hoảng hốt đến nỗi ông đưa tay che mặt rồi vò trán. Cơn ác mộng ghê sợ làm sao! Viên thuốc ngủ đâu có chứa lén con quái vật nào đâu. Có phải vì ông đến đây để tìm những lạc thú méo mó, biến dạng mà ông gặp phải một giấc mơ biến dạng? Trong ba cô con gái, ông không biết mình đã gặp đứa nào trong mơ và ông cũng chẳng tìm cách biết rõ hơn. Cả ba cô đều sinh hạ các hài nhi hoàn toàn bình thường.

Eguchi ngay lúc này muốn rời quách nơi đây cho rồi, nếu có thể. Nhưng ông lại uống thêm một viên thuốc nữa để rơi vào giấc ngủ sâu hơn. Ông cảm thấy nước lạnh chạy qua cổ họng. Cô gái vẫn nằm quay lưng về phía ông. A, cái cô gái này, có thể lắm chứ không à, sinh ra một đứa con xấu xí nhất, đần độn nhất, ông nghĩ thầm và đặt tay lên bờ vai nàng.

“Quay lại đây đi!”

Như thế nghe theo lời ông, nàng xoay người về phía ông. Một tay đặt lên ngực ông. Một chân gác lên đùi ông như thể run rẩy vì lạnh. Người nàng rất

ấm, không thể bị lạnh đâu. Từ miệng hay từ mũi nàng, ông không chắc lắm, phát ra tiếng rên yếu ớt.

“Cô cũng gặp ác mộng hay sao?” Ông hỏi.

Nhưng ông già Eguchi đã rơi tuột vào vực sâu của giấc ngủ.

Chú thích:

[1] Ở Nhật, diện tích các căn phòng được tính bằng chiếu (tatami) trải trên sàn. Mỗi chiếu có kích thước 1,8 m x 0,9m, hay 1,62 mét vuông.

[2] Xuyên hợp Ngọc Đường, danh họa Nhật (1873-1957).

[3] Aoki: Aucuba japonica (chú thích của bản tiếng Anh).

[4] “geisha” (nghệ giả) là cô gái mặc y phục cổ truyền “kimônô” chuyên múa, đàn, hát hay trò chuyện mua vui cho các khách hàng đàn ông trong các bữa tiệc.

Hai

Eguchi không nghĩ mình sẽ trở lại “ngôi nhà người đẹp ngủ mê” lần thứ hai. Ngay lần đầu tiên trải qua một đêm ở đó ông đã không cảm thấy có hứng thú quay lại. Và sáng hôm sau khi ngủ dậy ra về ông thấy mình cũng nghĩ thế.

Độ hai tuần sau thì một cú điện thoại gọi đến hỏi ông có thích đến ngôi nhà đó ngay đêm nay không. Giọng nói có vẻ là của mẹ đàn bà đã quá tuổi bốn mươi nhưng trong máy ông nghe nó như một tiếng thì thầm lạnh lẽo đến từ một nơi chốn nào bí ẩn và tịch mịch.

“Thưa ông, nếu ông đi ngay bây giờ thì khi nào tôi mới gặp ông?”

“Tôi đoán vào khoảng sau chín giờ một tí”.

“Như thế thì sớm quá. Cô gái chưa đến đây, mà ngay cả cô có mặt rồi thì cô cũng chưa ngủ đâu”.

Ngạc nhiên quá đỗi, Eguchi không nói gì.

“Tôi sẽ thiếp cho cô ta ngủ trước mười một giờ. Tôi sẽ chờ ông lúc nào cũng được nhưng phải sau giờ đó”.

Mẹ đàn bà nói chậm rãi và điềm tĩnh nhưng Eguchi thấy tim mình đập nhanh.

“Vậy thì mười một giờ” Ông nói, cổ họng khô.

Thực tình ông còn muốn nói thêm, nửa đùa, nửa thật, cô ta ngủ hay thức thì nhằm nhò gì. Nhưng ông vẫn thích gặp mặt trước khi cô ngủ say. Nhưng một cách nào đó cả câu chữ bị dính kẹt trong cổ họng, không phát ra được. Ông đã đụng chạm đến cái điều lệ bí mật của ngôi nhà. Điều lệ thật lạ lùng, có lẽ vì thế mà ta càng phải tuân theo một cách nghiêm chỉnh hơn. Vì nếu nó bị vi phạm, dù chỉ một lần thôi, ngôi nhà sẽ trở thành một nhà chứa gái tầm thường; rồi những đòi hỏi buồn bã và đáng thương của những ông già gần đất xa trời, những mối cảm dỗ tối tăm, tất cả sẽ biến mất, mãi mãi. Khi

nghe nói trong điện thoại chín giờ là còn sớm quá, cô gái chưa ngủ, và người ta sẽ thuốc cho nàng ngủ trước mười một giờ, Eguchi cảm thấy một nỗi ham mê thành linh bùng lên trong lồng ngực của mình; điều này làm ông ngạc nhiên quá đỗi như thể người ta bất ngờ kéo ông ra khỏi cái thực tế đời thường. Sự kích thích bắt đầu với ý nghĩ cô gái sẽ ngủ mê và sẽ không tỉnh giấc trong bất cứ trường hợp nào.

Chưa đầy nửa tháng mà ông sắp đến lại một nơi chốn ông đã không có ý muốn quay lại, thế là quá nhanh hay quá chậm? Dù sao đi nữa, ông đã không chống cự lại sự cám dỗ bằng ý chí. Ông không có ý để mình buông thả vào cái thứ trò chơi khỉ gió, già nua và xấu xí này vì thực sự ông chưa đến nỗi lợm khộm yếu ớt như những lão già khác để cần một nhà chứa kiểu này. Tuy vậy, cái đêm đó, cái đêm đầu tiên ông ngủ ở ngôi nhà đó, không để lại trong ông một cảm tưởng khó chịu nào. Cái mặc cảm sai trái có đấy chứ không phải không; nhưng ông lại nghĩ trong suốt sáu mươi bảy năm của đời mình ông chưa hề trải qua một đêm với đàn bà một cách trong lành như thế. Ông vẫn nghĩ vậy ngay khi thức giấc vào sáng hôm sau. Thuốc ngủ có vẻ công hiệu vì ông ngủ thẳng giấc đến tám giờ sáng, trễ hơn thường lệ. Thân thể ông không chạm đến thân thể cô gái ở bất cứ điểm nào. Trong mùi hương êm dịu và hơi ấm tuổi trẻ, ông cảm thấy sự tỉnh giấc của mình mang vị dịu ngọt của thời thơ ấu.

Cô gái nằm quay mặt về phía ông, đầu gần ông hơn là ngực, và dưới cái bóng của chiếc cằm, một nếp hằn rất khó thấy rõ chạy ngang cái cổ tươi tắn và thon thả. Mái tóc dài trải ngập gối. Từ đôi môi khép kín của nàng, Eguchi nhìn ngược lên hàng lông mày và lông mi một cách chăm chú và không chút lưỡng lự tin rằng cô gái còn trinh. Cặp mắt già nua của Eguchi không thể phân biệt rõ từng sợi lông mày hay lông mi vì nàng nằm quá gần. Da nàng trắng mịn dù mắt ông không thể nhìn ra các sợi lông tơ. Không có một nốt ruồi nào trên cả mặt lẫn cổ. Ông đã quên cơn ác mộng vừa qua, thấy lòng mình tràn ngập tình cảm yêu mến cô gái rồi ông lại có cái cảm giác trẻ con là ông được nàng yêu lại. Ông tìm vú cô gái và dịu dàng giữ yên trong lòng bàn tay. Một thoáng cảm giác lạ lùng nảy sinh từ sự đụng

chạm như thế bộ ngực này là của mẹ ông trước khi bà mang ông trong bụng. Ông rút tay về nhưng cái cảm giác đó đã đi xuyên người ông, từ ngực lên vai.

Ông nghe tiếng cửa mở ở phòng bên cạnh.

“Ông thức dậy chưa?” Mụ đàn bà quán trọ hỏi. “Tôi đã sửa soạn bữa ăn sáng cho ông rồi đấy”.

“Được rồi”. Eguchi nói nhanh. Ánh sáng mặt trời len qua khe hở các ván ô lấp lánh trên tấm màn nhung. Nhưng ánh nắng ban mai không lẫn với ánh điện mềm dịu tỏa xuống từ trần nhà.

“Tôi dọn ra đây nhé?”

“Ừ”

Chống một tay ngồi dậy, Eguchi dùng tay kia vuốt nhẹ tóc cô gái.

Ông thừa hiểu là mụ đàn bà muốn khách ra về trước khi cô gái thức dậy nhưng mụ không tỏ ra vội vã khi phục vụ bữa ăn sáng. Không biết cô gái bị thiếp ngủ cho tới khi nào? Nhưng Eguchi tự nhủ không nên hỏi lộ liễu như thế.

“Cô này xinh lắm”. ông nói một cách bình thản.

“Vâng. Và ông có được những giấc mơ dễ chịu chứ?”

“Cô ta đã mang đến cho tôi những giấc mơ rất hứng thú”.

“Gió và sóng đã dịu bớt sáng nay”. Mụ đàn bà đổi câu chuyện. “Trời chắc có nắng hanh”.

Bây giờ đến lại đây lần thứ hai sau nửa tháng, Eguchi không thấy tò mò như lần đầu nhưng lại thấy ngại ngùng, bất an; nhưng cùng lúc sự hứng tình lại mạnh hơn. Và sự bồn chồn vì phải chờ đợi mãi đến mười một giờ đã mang lại một niềm say đắm mơ hồ.

Vẫn là mụ đàn bà đó mở cổng cho ông. Bức tranh in lại vẫn treo ở hốc nhà. Trà vẫn ngon. Ông cảm thấy bồn chồn hơn lần trước nhưng bề ngoài

vẫn giữ được phong thái trầm tĩnh của một lão khách từng trải.

“Ở đây ấm thật” Ông vừa nói, vừa nhìn quanh đến bức tranh vẽ làng miền núi vàng trong lá mùa thu, “khiến tôi nghĩ lá phong vàng chưa kịp chuyển sang màu đỏ thì đã úa tàn. Nhưng trời tối mịt, tôi thực ra không nhìn được kỹ khu vườn của bà”.

Cái lối gợi chuyện kiểu này kể cũng lạ.

“Có lẽ thế” Mụ đàn bà nói, giọng hờ hững. “Trời trở lạnh rồi đấy. Tôi đã để sẵn cái chăn điện, loại cho hai người đắp với hai cái công tắc. Và ông tắt, mở tùy ý ở phần ông”.

“Tôi chưa bao giờ ngủ mà đắp chăn điện”.

“Nếu muốn thì ông có thể tắt điện phía ông nhưng tôi yêu cầu ông đừng tắt phía cô gái”.

Ông già hiểu ngay: vì nàng nằm ngủ trần truồng.

“Coi bộ cũng hay dữ a, chỉ một cái chăn mà người đắp chung có thể chọn riêng nhiệt độ hợp cho mình”.

“Đồ Mỹ mà. Nhưng mong ông đừng tỏ ra khó tính quá mà tắt điện phía cô gái. Ông hiểu cho, dù bị lạnh đến mấy đi nữa cô ta cũng không thức giấc đâu, tôi đoán thế”.

Ông không nói gì.

“Cô gái đêm nay nhiều kinh nghiệm hơn cô gái trước”.

“Sao?”

“Rất xinh đẹp nữa. Tôi biết là ông sẽ không làm gì sai trái nên tôi phải chọn các cô gái đẹp; nếu không thì kỳ lắm”.

“Vậy không phải là cô gái hôm trước?”

“Thưa ông không. Nhưng tối nay có một cô khác lại không hay hơn sao?”

“Nhưng tôi đâu thích lang chạ”.

“Lang chạ? Có gì đâu mà ông lại nói lang chạ?”

Eguchi cảm thấy mặt có vẻ cười cợt, chế giễu ông đằng sau lối ăn nói dễ dàng, lưu loát. “Trong đám khách của tôi không ai làm chuyện lãng nhăng cả. Họ đều tử tế, lịch sự, và tin cậy được”. Mặt nói không nhìn ông, đôi môi mỏng dính. Eguchi thấy mình phát cáu trước vẻ châm chọc che giấu trong lời nói, nhưng ông không biết nói sao cả. Mà nghĩ cho cùng, mặt chỉ là một Tú Bà từng trải và lạnh lùng.

“Dù ông có nghĩ đây là một sự lang chạ nhưng cô ta ngủ say mà, và chẳng biết mình đang ngủ với ai. Cô gái lần trước và cô gái đêm nay sẽ không bao giờ biết gì về ông cả, thành ra nói đến lang chạ thì hơi...”

“Tôi hiểu. Đó không phải là một quan hệ giữa người với người”.

“Ông muốn nói gì thế?”

Cái quan hệ giữa một lão già không còn là đàn ông nữa với một cô gái trẻ bị thiếp cho ngủ mê không phải là một “quan hệ con người”: nói ra dài dòng điều này khi đã đặt chân vào đây có phải kỳ quặc lắm không? Eguchi nghĩ ngợi.

“Chung chạ lãng nhăng một chút thì có gì sai trái đâu”. Giọng mặt nghe trẻ ra một cách lạ lùng, mặt vừa nói, vừa cười như thể dỗ dành ông già Eguchi. “Nếu ông “chịu” em trước thì lần tới tôi sẽ gọi em ấy đến cho ông. Nhưng đêm nay tôi tin rằng ông sẽ vừa lòng với em này hơn”.

“Thật à? Khi bà nói cô này kinh nghiệm hơn cô trước, nghĩa là sao? Cô nào cũng ngủ lăn quay hết mà”.

“Cái này thì...” Mặt đàn bà đứng lên, mở khóa phòng bên cạnh, đưa mắt nhìn vào trong rồi đặt chiếc chìa khóa trước mặt ông già Eguchi. “Chúc ông ngủ ngon”.

Eguchi đổ nước sôi vào bình rồi khoan thai nhâm nhi tách trà. Ông có ý uống trà thật chậm nhưng tách trà lại run run trong tay ông. “Tay run không

phải vì có tuổi, sao vậy được. Mình chưa phải là người khách tin cậy được, chưa đâu mà”. Ông thầm thì cho riêng ông. Sự thế sẽ ra sao nếu ông xâm phạm các điều lệ cấm đoán của ngôi nhà để trả thù cho những sự chế nhạo và nhục mạ mà những ông già đến đây phải chịu đựng? Và làm sao “chung đụng” với cô gái một cách người hơn? Ông không biết rõ nàng bị thuốc nặng đến mức nào nhưng ông chắc mình còn đủ sức làm nàng tỉnh giấc bằng sự thô bạo. Ông nghĩ như vậy; nhưng tự đáy lòng ông già Eguchi lại không cảm thấy háo hức, hứng khởi gì cả.

Sự lão suy xấu xí của những người đàn ông thăm hại lui tới ngôi nhà này sẽ chụp kịp ông trong vài năm nữa thôi, không lâu lắm đâu. Lòng ham muốn tình dục thì rộng vô hạn và sâu không đáy - và ông đã biết đến đâu trong sáu mươi bảy năm sống ở đời? Thế rồi, chung quanh các ông già, những cô gái trẻ đẹp không ngừng ra đời, thịt mát, da tươi. Nơi các ông già buồn rầu đó, niềm khao khát khôn nguôi về những giấc mộng không thành, nỗi nhớ tiếc xót xa những tháng ngày chưa sống mà đã qua đi, có phải tất cả đã hội tụ trong cái bí ẩn của ngôi nhà? Trước đây có lần Eguchi nghĩ rằng các cô gái ngủ mê và không tỉnh thức, đối với các cụ già, là hiện thân của tự do mà năm tháng không thể nào làm biến dạng. Ngủ say và câm nín, các cô vẫn nói lên được những điều mà các cụ thích nghe.

Eguchi đứng dậy, và khi mở cửa phòng bên cạnh, bắt gặp ngay một mùi thơm nồng. Ông mỉm cười. Tại sao mình lại tự dày vò vợ vẫn thế này? Cô gái nằm đó, hai bàn tay đặt trên tấm chăn. Móng tay hồng. Son ở cặp môi đỏ thắm. Nàng nằm ngửa.

“Cô này có kinh nghiệm! Thật vậy à?” Ông lẩm bẩm khi đến gần nàng. Đôi má nàng ửng đỏ, và ngay cả khuôn mặt cũng ửng đỏ, có lẽ vì hơi nóng từ tấm chăn. Da thịt nàng thơm ngát. Gò má và mi mắt đầy đặn. Cổ trắng, trắng đến độ phản ánh màu đỏ tía của tấm màn nhung. Đôi mắt khép kín nhưng có vẻ chứa đựng một ma lực đang ngủ yên trước mặt ông. Ông cởi áo quần, lưng quay về phía nàng, và cảm thấy mùi hương nồng ấm bao bọc thân thể mình. Căn phòng ngát mùi hương.

Eguchi có vẻ không còn phân vân, dè dặt như lần gặp cô gái trước. Cô gái này, dù ngủ hay thức, có sức lôi cuốn đàn ông mãnh liệt đến độ giá mà ông ra tay vi phạm điều cấm đoán của ngôi nhà này thì ông chỉ việc đổ lên đầu nàng mọi sai trái. Ông nằm xuống, đôi mắt nhắm lại như thể tận hưởng niềm khoái lạc sắp đến, và tự nơi nào sâu thẳm trong người ông toát ra một hơi ấm của thời trai trẻ. Mụ đàn bà đã nói đúng, nàng này hấp dẫn hơn nàng kia nhiều, nhưng tìm ra được một kiểu nữ quyến rũ như thế này thì thực là lạ lùng. Eguchi cảm thấy ngôi nhà có cái gì đáng ngại. Ông nằm im, bao bọc trong mùi hương, không dám vuốt ve vì thấy nàng quá gợi cảm. Ông không biết gì nhiều về các mùi hương nhưng hương thơm này có vẻ toát ra từ chính thân thể cô gái. Chẳng có hạnh phúc nào lớn hơn là để mình trôi nhẹ vào giấc ngủ dịu ngọt như thế này. Ông chỉ muốn làm được vậy. Ông nhích gần nàng hơn. Nàng xoay người về phía ông như thể đáp ứng, đôi cánh tay dang rộng ra dưới tấm chăn như thể ôm choàng lấy ông.

“Cô thức rồi à?” Ông hỏi, lùi người ra một chút, tay lay cầm nàng. “Cô thức rồi à?”, tay lay mạnh hơn. Nàng lại úp mặt xuống gối như thể tránh bàn tay ông, khoe miệng hé mở khiến móng tay của ngón trỏ ông sượt qua một hay hai cái răng nàng. Ông giữ im ngón tay ở đó. Đôi môi nàng vẫn hé mở. Nàng ngủ say, dĩ nhiên, không phải làm bộ ngủ đâu.

Ông đã than phiền với mụ đàn bà khi không ngờ biết được cô gái đêm nay không phải là cô đêm trước; tuy vậy ông cũng hiểu rằng một cô không thể nào uống thuốc ngủ đêm này tiếp đêm kia mà không tàn hại sức khỏe. Thế thì có thể nói các khách già đành phải lang chạ với cô này rồi cô kia chính là để giữ gìn sức khỏe các cô ấy đấy. Hai phòng trên tầng lầu này, ông thấy rõ, chỉ tiếp được một người khách thôi; còn tầng trệt thì ông chẳng biết gì nhiều, nhưng ông đoán, nếu cũng dành tiếp khách thì quá lắm nó chỉ có một phòng là cùng. Vậy ngôi nhà này đâu cần nhiều cô gái cùng lúc cho các cụ già đến đây. Những cô gái đó không biết cũng đẹp như cô đêm nay, như cô đêm trước?

Đầu ngón tay Eguchi đặt trên răng nàng hơi ướm với một chất gì nhờn nhờn, và ông cho nó thọc ra, thọc vào trong miệng nàng, tìm cảm giác tiếp xúc với các răng hai ba lần. Phía ngoài răng thì phần lớn khô ráo nhưng phía trong thì ướt và trơn. Bên mặt có hai chiếc răng khểnh, cái này chồng lên cái kia. Ông dùng ngón cái và ngón trỏ kẹp cặp răng khểnh này rồi muốn thọc ngón trỏ vào phía sau nó nhưng cô gái lại nghiêng chặt hàm dù đang ngủ và không chịu mở ra nữa. Khi ông rút ngón trỏ ra thì thấy nó dính đỏ. Ông định chùi màu son này bằng gì bây giờ? Nếu ông chùi lên bao gối thì nhìn vào tưởng như nàng đã trầy son khi úp mặt trên gối. Vết đỏ sẽ không đi nếu ông không mút nó nhưng cái ý nghĩ đưa ngón tay bị dơ như thế vào miệng làm ông bức tức lạ lùng. Ông đành chùi nó với đám tóc trên trán nàng, lúc đầu chỉ với ngón trỏ và ngón cái rồi dùng cả năm ngón tay cào sâu vào cả mái tóc nàng, càng lúc càng thô bạo. Chân tóc nàng phát ra các tia lửa điện vào những ngón tay. Hương tóc nàng nồng hơn. Mùi người nàng cũng nồng hơn dưới cái chăn điện ấm áp. Ông vừa vuốt vuốt, vo vo tóc nàng, vừa nhìn kỹ những đường chân tóc, đều đặn như thể được vẽ phác họa, nhất là những đường sau gáy, chỗ tóc cắt ngắn được bởi ngược lên. Các món tóc ở trán thì dài có, ngắn có, như thể không được chăm sóc. Ông lùa chúng ngược lên, nhìn chằm chằm lông mày và lông mi nàng. Bàn tay kia thọc sâu vào mái tóc nàng đến độ ông cảm thấy lớp da đầu.

“Không, cô nàng có tỉnh dậy đâu!” Ông thầm thì với chính mình rồi nắm mớ tóc ở đỉnh đầu nàng giật mạnh.

Nàng xoay người nằm sấp lại như thể cảm thấy đau lắm, thân nàng lại càng gần người Eguchi. Cả hai cánh tay đều lọt ra ngoài chăn. Cánh tay mặt nằm trên gối và má phía mặt thì tựa lên bàn tay nên ông chỉ thấy các ngón tay. Chúng hơi xòe ra, ngón út phía dưới hàng lông mi, ngón trỏ trên môi. Ngón cái nằm khuất dưới cằm. Đôi môi hơi trề xuống phía dưới nên màu son và màu sơn trên bốn móng tay dài hợp thành một cụm đỏ trên nền gối trắng. Cánh tay trái cũng gập lại chỗ cùi chỏ. Bàn tay hầu như nằm ngay dưới mắt Eguchi. Các ngón tay thì thon dài so với đôi má đầy đặn khiến ông nghĩ đến cặp giò của nàng đang duỗi thẳng. Ông dùng lòng bàn

chân mình chạm vào chân nàng. Các ngón của bàn tay trái cũng hơi xòe ra. Eguchi đặt đầu lên bàn tay đó và cảm thấy bắp thịt cánh tay nàng co thắt lên tận vai vì sức nặng của cái đầu nhưng không đủ sức rút bàn tay ra. Ông nằm im như thế một lúc lâu. Đôi vai nàng hơi nhô lên, có cái tròn trịa tre trung. Ông kéo tấm chăn lên tận vai và dịu dàng vuốt ve bờ vai tròn trịa đó. Ông hôn bàn tay nàng rồi hôn dọc theo cánh tay, để mình lôi kéo theo mùi thơm da thịt của đôi vai, của gáy nàng. Lưng và vai nàng co giật chút xíu rồi trở lại bình thường. Ông ôm chặt người nàng.

Bây giờ là lúc Eguchi trả thù trên thân xác cô gái nô lệ đang ngủ say này cho tất cả sự nhục mạ và khinh miệt mà những ông già đến đây đã phải cúi đầu chịu đựng. Ông sẽ vi phạm các điều lệ của ngôi nhà này, và như thế ông biết rõ ông sẽ không được phép đặt chân vào đây một lần nào nữa. Ông lay, ông lắc, ông giật người nàng một cách thô bạo để nàng tỉnh giấc. Nhưng chưa đến đâu thì ông đã vội ngừng tay; ông chợt nhận ra các dấu hiệu rõ ràng là nàng vẫn còn trinh.

“À ra thế!” Ông kêu lên, lùi người lại, thở hổn hển, tim đập mạnh, vì ngừng tay giữa chừng thì ít mà sững sốt thì nhiều. Ông nhắm mắt lại, cố gắng tự trấn tĩnh và việc này cũng dễ thôi đối với ông hơn là đối với một người trai trẻ. Tay vẫn vuốt ve tóc nàng, ông lại mở mắt ra. Nàng vẫn nằm sấp. Một cô đã ở cái tuổi này mà còn trinh! Nàng không phải dĩ thì là cái gì ở đây? Ông tự nhủ. Nhưng một khi cơn bão lòng dịu đi, ông thấy tình cảm mình đối với cô gái cũng như tình cảm đối với chính ông đã chuyển hóa và không thể trở lại như trước nữa. Ông không thấy mình có lỗi, lắc giật cô gái đang ngủ say, không hay biết gì thì có gì đâu. Nhưng sự sững sốt nơi ông phải có nghĩa gì đó chứ?

Khuôn mặt phù thủy hấp dẫn của cô gái khiến ông đã làm một việc đùng chạm thẳng những cấm đoán của ngôi nhà; và bây giờ ông hiểu ra rằng những ông già lui tới nơi chốn này với niềm vui tham hại hơn, sự thèm khát mạnh mẽ hơn và nỗi buồn rầu sâu thẳm hơn ông tưởng nhiều. Dù đây chỉ là một trò chơi lãng nhãng của các ông già, là một cách thế để dài tìm về tuổi

trẻ, tận cùng đáy lòng lại giấu kín một cái gì đó mà những niềm hồi tiếc không thể làm sống lại, những cố gắng vất vả đến đâu cũng không thể hồi phục, chữa lành. Cái việc cô gái phù thủy “dạn dày kinh nghiệm” này mà lại còn trinh rõ ràng không phải vì các ông già tôn trọng sự cấm đoán của ngôi nhà đầu mà là một dấu hiệu ảm đạm của sự suy sụp lỵ khụ nơi họ. Sự trinh trắng của cô gái làm nổi bật sự xấu xí của tuổi già.

Bàn tay đặt dưới má có lẽ bị tê hay sao mà nàng kéo nó lên đầu rồi gấp rất chậm các ngón tay hai ba lần. Tay nàng chạm tay Eguchi đang còn vuốt ve mái tóc nàng. Ông cầm tay nàng. Các ngón tay mềm và hơi lạnh. Ông nắm chặt như thể muốn bóp nát chúng ra. Nàng xoay người nằm nghiêng, vai trái ở trên. Nàng lại đưa cánh tay trái lên cao rồi hạ xuống trên vai Eguchi như thể ôm lấy ông. Nhưng cánh tay quá nhũn nên không quàng được quanh cổ ông. Mặt nàng bây giờ quay về phía ông, cận kề đến nỗi da nàng trắng mờ dưới cặp mắt lão thị của ông; cặp lông mày quá dày, hàng lông mi mang quá nhiều bóng tối, rồi mí mắt, rồi đôi má, rồi cái cổ thon dài, tất cả xác định cái cảm tưởng ông có lúc ban đầu: nàng thật khô gợt và quyến rũ. Cặp vú hơi xệ nhưng vẫn đầy đặn, và so với gái Nhật thì hai núm vú nở to. Ông đưa tay sờ dọc lưng xuống tận chân nàng. Cặp giò thật thẳng và rắn chắc. Có lẽ vì nàng còn trinh nên thân thể thiếu cái hài hòa giữa phần trên và phần dưới.

Ông già Eguchi, bây giờ lòng đã dịu đi, thông thả ngắm nhìn khuôn mặt và cổ cô gái. Làn da thật hợp với ánh mờ phản chiếu từ những tấm màn nhung đỏ thẫm. Các lão già đến đây đã hành xác nàng đến độ mù đàn bà trong ngôi nhà này cho nàng “dạn dày kinh nghiệm”; vậy mà nàng vẫn còn trinh! Chắc chắn là vì các lão già bất lực, và vì nàng bị thiếp ngủ mê man. Và đời nàng sẽ ra sao trong những năm tháng tới đây, những thắng, những trầm gị sẽ đến với cô gái cuốn hút như hồ ly này, Eguchi tự hỏi, cảm thấy lòng mình nổi lên cái gì gần như tình cảm cha con; và chính cái tình cảm này khiến Eguchi hiểu rõ hơn là mình đã mang trên người gánh nặng của tuổi già. Chẳng cần thánh cũng biết cô nàng đến đây ngủ chỉ để làm tiền. Vậy mà các lão già chịu chi tiền để nằm dài bên cạnh một cô gái trẻ đẹp

như nàng đã tìm được hạnh phúc thần tiên, một nguồn vui không có ở thế gian này. Nội cái chuyện nàng không bao giờ tỉnh giấc cũng đã giúp cho các lão khách thoát được những mặc cảm tự ti, thoát được nỗi hổ thẹn về sự già nua, yếu kém, và có được cái tự do tha hồ mà mơ mộng, mà tưởng tượng, mà nhớ nhung những kỷ niệm với đàn bà. Có phải vì thế mà họ chẳng tiếc tay tỏ ra hào phóng, trả tiền nhiều hơn là cho những cô nàng thức nguyên? và họ lại càng cảm thấy thoải mái hơn khi tin chắc các cô bị thiếp cho ngủ chẳng thể biết gì về họ. Ngay chính họ cũng chẳng hề biết gì về các cô - từ áo quần, cách ăn mặc cho đến lối sống, tính cách con người. Cái lý do thì sâu xa hơn là sự lo ngại thông thường những liên lụy, phiền phức về sau. Đó là cái ánh sáng lạ lùng le lói từ vực thăm tằm tối của cõi lòng họ.

Tuy nhiên Eguchi thấy mình chưa thể quên được cái thứ quan hệ với một cô gái chẳng mở miệng nói ra một lời, chẳng mở mắt, chẳng thèm biết đến một con người hiện diện trên thế gian này là Eguchi. Ông không thể nào xóa nhòa đi nỗi khao khát không được thỏa mãn, trống rỗng trong lòng. Ông muốn nhìn đôi mắt cô gái phù thủy này. Ông muốn nghe giọng nàng, muốn trò chuyện cùng nàng. Ông thực tình không muốn rời rã, vuốt ve cái thân xác im lặng này lắm đâu, thấy chán ngắt và u ám lắm. Đã sững sốt khi khám phá ra nàng vẫn còn trinh trắng, đã ngừng tay không muốn động chạm đến nữa những cấm kỵ của ngôi nhà, ông chỉ còn cách là làm theo những lão già khác thôi. Cô gái đêm nay, dù đang ngủ say, trông sinh động hơn cô đêm trước. Rõ ràng là cuộc sống vẫn hiện diện nơi đây, trong mùi thơm da thịt, trong xúc giác và trong cách nàng cử động chân tay và thân người.

Hai viên thuốc ngủ đặt bên gối, như lần trước. Nhưng đêm nay ông không muốn để mình chìm vào giấc ngủ ngay bây giờ. Ông sẽ ngắm nhìn nàng lâu hơn. Nàng tựa quây nhiều trong cơn say ngủ. Có thể lên đến hai ba chục lần trong một đêm. Nàng xoay người, lưng về phía ông, rồi xoay ngược lại ngay tức khắc và cánh tay nàng quàng lấy ông. Eguchi đưa tay kéo đầu gối nàng về phía mình.

“Đừng!” Nàng có vẻ thốt lên, với một giọng khó nhận ra được.

“Cô tỉnh rồi à?” Ông kéo đầu gối nàng mạnh hơn để xem nàng có thức dậy thực không. Đầu gối nhũn, gập lại theo tay ông. Eguchi luồn cánh tay dưới cổ và nâng đầu nàng dậy, lay nhẹ.

“A!” Cô gái lên tiếng. “Tôi đi đâu đây?”

“Cô tỉnh rồi à? Dậy đi!”

“Đừng! Đừng!” Nàng ngả đầu lên vai Eguchi như thế để tránh bị lay giật. Trán nàng chạm cổ ông, tóc nàng đâm vào mũi ông, cứng và làm đau. Ông quay mặt tránh mùi hương quá nồng tỏa ra từ mái tóc.

“Ông làm gì thế?” Cô gái thốt lên. “Đừng!”

“Tôi có làm gì cô đâu!”, Ông già trả lời nhưng nàng chỉ nói trong giấc ngủ. Có phải nàng trong cơn mê đã hiểu sai những cử động của Eguchi hay nàng đang sống lại trong chiêm bao những cuộc hành xác mà nàng đã chịu đựng dưới bàn tay một lão khách khác trong một đêm nào? Dù sao đi nữa, Eguchi thấy tim mình đập nhanh hơn trong tí chút gọi là đối thoại, nàng chỉ thốt lên vài tiếng không đầu không đuôi trong giấc ngủ mà thôi. Có lẽ vào buổi sáng ông có thể đánh thức nàng dậy. Nhưng nàng có thực nghe được ông không? Có phải nàng đã phản ứng nói lên vài lời khi ngủ mê vì ông lay giật người nàng hơn là vì nàng nghe được tiếng ông? Eguchi nghĩ chuyện véo thịt hay thụi nàng một cú; nhưng ông lại dịu dàng ôm nàng vào lòng. Không chống cự, không lên tiếng nhưng nàng thở nặng nhọc. Hơi thở vẫn ngọt ngào đi qua mặt ông. Ông lại thở không đều, bị cô gái này kích thích lần nữa. Nàng là của ta và ta làm gì với nàng cũng được mà. Nếu đêm nay nàng trở thành đàn bà, nỗi buồn nào sẽ choán lòng nàng sáng mai? Cuộc đời nàng có sang một bước ngoặt mới không? Dù xảy ra chuyện gì thì đến sáng mai nàng mới biết mà thôi.

“Mẹ ới!” Cô gái thốt lên ghen ngào. “Chờ con với, chờ con với. Mẹ phải đi sao? Con tiếc lắm, con tiếc lắm”.

“Cô đang mơ gì thế? Chỉ là chiêm bao, chiêm bao thôi, tôi nói vậy mà”. Ông già Eguchi xiết chặt người nàng hơn trong vòng tay như thể muốn đưa nàng ra khỏi cơn mơ. Nỗi đau chứa đựng trong tiếng gọi mẹ của nàng như lưỡi dao đâm thẳng vào người ông. Ngực nàng ép sát ngực ông đến độ dẹt hẳn xuống. Nàng cử động đôi tay. Có phải nàng tìm cách ôm ông không, tưởng ông là mẹ nàng? Không phải đâu, dù đang say ngủ, dù còn trinh, nàng vẫn kêu gọi, vẫn cuốn hút, không thể chối cãi mà. Hình như trong suốt sáu mươi bảy năm ở đời ông già Eguchi chưa bao giờ cảm thấy trọn vẹn da thịt một cô gái tươi trẻ, phù thủy. Nàng như bước ra từ một cõi liêu trai.

Bây giờ ông lại thấy nàng không phải phù thủy mà là người bị bỏ bùa mê. Như thế dù say ngủ, nàng vẫn sống, nói cách khác, ý thức nàng bị vùi sâu trong giấc ngủ đậm đặc nhưng thân xác nàng vẫn sinh động trong nữ tính của mình. Nàng trở thành một thân xác đàn bà nhưng vô thức. Và có phải nàng đã được tập luyện công phu để làm bạn đồng sàng trong đêm tối với các cụ già mà mục đàn bà trong ngôi nhà cho nàng “dạn dày kinh nghiệm?”

Eguchi nới lỏng vòng tay và đặt hai cánh tay trần của nàng quanh người như thể muốn nàng ôm mình; và nàng ôm ông thật, dịu dàng. Ông nằm im, mắt nhắm, tận hưởng cảm giác ngây ngất, nồng ấm lan tỏa trong người. Một sự sung sướng vô ngần, không cần suy nghĩ. Bây giờ Eguchi có vẻ cảm nhận được nỗi vui thú và cái vận may của những lão khách đã chọn ngôi nhà này làm chỗ tới lui. Có phải tại đây họ từ bỏ được nỗi buồn cô chiếc, sự xấu xí và nỗi khốn khổ của tuổi già? Có phải nơi đây họ nhận được ân huệ của tuổi trẻ? Đối với một người già gần đất xa trời, không có giây phút nào tuyệt diệu hơn, giây phút mà ông ta có thể quên hẳn mình đi, khi nằm im để thịt tươi da mát của cô gái trẻ quấn phủ quanh người. Nhưng có phải các lão khách chẳng thấy mặc cảm có lỗi gì khi trả tiền cho các cô gái bị thiếp ngủ mê như vật hy sinh? Hay có phải chính cái mặc cảm có lỗi thầm kín lại làm tăng thêm niềm vui thú nơi họ? Ông già Eguchi đang quên mình đi và như thế quên luôn cô gái đang nằm đây là một vật hy sinh, dùng

bàn chân tìm cách tiếp xúc với các ngón chân nàng. Vì cả thân xác nàng, chỉ có chỗ đó là ông chưa đụng đến. Các ngón chân mềm và dài. Các đốt chân gập lại, mở ra dễ dàng giống như những ngón tay và chính cái chi tiết nhỏ nhoi này cuốn hút Eguchi mãnh liệt, sự cuốn hút thường toát ra tự nhiên từ loại người đàn bà làm đàn ông say đắm và đau khổ. Bằng những ngón chân và ngay trong giấc ngủ mê mịch, nàng cũng nói lên được những lời yêu thương. Ông cảm nhận các cử động của các ngón chân nàng như một điệu nhạc, trẻ con và ngập ngừng nhưng nhiều khoái lạc; và ông lắng nghe một lúc.

Nàng đã nằm mơ nhưng giấc mơ đó bây giờ đã xong chưa? Có lẽ đó không phải là một giấc mơ đâu, Eguchi tự nhủ, mà là những tiếng nói vô thức, và thói quen phản đối, chống cự mỗi khi một lão khách ra tay quá mạnh trên thân xác nàng. Phải vậy không? Cả người nàng tràn đầy một sự khêu gợi mãnh liệt khiến nàng có thể đối thoại với ông trong im lặng, bằng chính thân xác mình; nhưng nếu ông thấy mình còn ham muốn nghe giọng nói nàng, dù chỉ qua vài tiếng thầm thì ngán ngủi thoát ra từ giấc ngủ, ấy là vì ông chưa quen thuộc lắm với mỗi bí ẩn của ngôi nhà. Eguchi bối rối tự hỏi phải nói gì, phải ấn mạnh chỗ nào trên người nàng để nàng cảm nhận mà phản ứng.

“Cô không còn nằm mơ nữa à? Mơ thấy mẹ cô bỏ đi xa đấy?”

Ông vuốt dọc sống lưng nàng, dừng lại hơi lâu ở các chỗ lõm. Nàng lắc nhẹ vai và xoay người nằm sấp một lần nữa - nàng có vẻ ưa thích thế nằm này. Mặt nàng hướng về phía Eguchi, bàn tay mặt nằm nhẹ viền gối, và cánh tay trái nằm trên mặt ông. Nhưng nàng chẳng nói gì cả. Ông cảm thấy hơi ấm toát ra từ hơi thở êm dịu của nàng. Nàng di chuyển cánh tay trên mặt ông, rõ ràng là để tìm chỗ dựa thoải mái hơn. Ông dùng cả hai bàn tay nâng nó đặt lên mắt mình. Các móng tay dài đâm nhẹ vào da tai ông. Cổ tay nàng hơi gập lại trên mắt phải của ông, cái phần nhỏ nhất của nó ấn xuống mi mắt. Ông giữ bàn tay nàng trên đôi mắt mình, y như thế. Ông lại cảm thấy mới cái mùi thơm da thịt đang đi vào mắt và mang đến ông nhiều

ảo ảnh mới lạ. Ngay vào thời điểm này trong năm, hai hay ba hoa mẫu đơn mùa đông nở dưới mặt trời ấm áp bên chân hàng rào cao bằng đá của một tu viện cổ ở Yamato. Những đóa trà hoa trắng nở trong vườn gần mái hiên ngôi nhà Shisendo [1]. Vào mùa xuân, ra đời những chùm hoa đậu tía, những đóa đỗ quyên trắng [2] ở thành phố Nara [3]; và ở Đền Trà Hoa ở Kyoto, những cánh hoa trà rụng đầy vườn.

“A! Ta đã đến đó rồi!” Những đóa hoa này gợi lên những kỷ niệm với ba cô con gái đã lấy chồng; những đóa hoa ông bắt gặp trong những chuyến đi với cả ba cô hay với một trong ba cô. Bây giờ làm vợ, làm mẹ, chắc họ chẳng còn giữ những kỷ niệm sống động đó. Nhưng Eguchi còn nhớ kỹ lắm, và đôi khi ông nhắc đến các sắc hoa đó với vợ mình. Bà đâu cảm thấy xa cách con cái, bây giờ họ đã lấy chồng, nhiều như ông. Bà vẫn gần gũi họ và không thấy cần thiết gợi nhớ những kỷ niệm cùng họ ngắm những loài hoa đó. Bà chẳng thể thấy chúng, bà không có đi cùng cha con ông.

Tận cùng đôi mắt được bàn tay cô gái đẩy kín, Eguchi thấy hình ảnh các đóa hoa hiện lên rồi biến đi, biến đi rồi hiện lên; và thấy sống lại, sau khi gả chồng cho các con gái, sự xúc động của những ngày ông bị những cô gái trẻ khác cuốn hút. Cô gái nằm đây đêm nay có vẻ là một trong những cô gái của những ngày xa xưa ấy. Ông rút tay mình khỏi tay nàng nhưng bàn tay cô gái vẫn nằm trên mắt ông. Chỉ có cô gái út là đã cùng ông đứng ngắm cây trà hoa cao lớn ở Đền Trà Hoa trong một chuyến du hành để giã từ khoảng hai tuần trước ngày cô lên xe hoa. Đóa hoa trà rụng cánh đã để lại trong trí tưởng ông một ấn tượng đặc biệt mạnh mẽ. Cô gái út này đã làm ông khổ tâm và đau buồn khi đi lấy chồng. Hai chàng trai tranh cưới con gái ông và trong cuộc đua tài này, con gái ông mất đi trinh tiết của mình. Eguchi rủ cô làm một chuyến du ngoạn để thay đổi không khí, để thoải mái tâm trí.

Hoa trà thường bị xem là mang đến điềm gở vì hoa rụng cả đóa khi là cành trông như những cái đầu bị chặt; nhưng cây trà hoa cao lớn nơi đây có

tuổi thọ bốn trăm năm nở hoa song đôi, ngũ sắc và lại rụng từng cánh một. Vì thế người ta gọi nó là “trà hoa rụng cánh”.

“Khi hoa rụng nhiều nhất,” Cô vợ trẻ của người giữ đền nói với Eguchi, “chúng tôi hốt đến năm hay sáu giỏ đầy cánh hoa mỗi ngày”.

Những cụm hoa trà trên cây, cô nói tiếp, trông tươi đẹp hơn khi được chiếu sáng từ phía sau hơn là khi được mặt trời rọi thẳng. Eguchi và cô gái út ngồi ở mái hiên phía tây và mặt trời đang xuống dần sau cây trà hoa cao lớn. Họ nhìn mặt trời nhưng đám lá dày và những cụm hoa không để ánh sáng qua lọt, như thể ánh sáng chìm đắm giữa hoa lá và mặt trời phân vân treo mình trên những bờ bóng tối. Đền Trà Hoa nằm giữa một khu phố bình dân huyên náo và trong vườn thì chẳng có gì đáng xem ngoài cây trà hoa to lớn. Đôi mắt Eguchi chứa đầy hình ảnh những đóa hoa trà, và ông không nghe gì các tiếng động ồn ào, náo nhiệt của thành phố.

“Hoa nở thật tuyệt vời!” Ông chắc lưỡi với con gái.

“Đôi khi, buổi sáng ngủ dậy, người ta nhìn không ra mặt đất phủ đầy những cánh hoa rụng trong đêm” Cô vợ trẻ của người giữ đền nói rồi bỏ đi, chỉ còn Eguchi và con gái trong vườn.

Có phải chỉ có cây trà hoa này nở ra năm sắc hoa khác nhau? Ông thấy được hoa trà đỏ, hoa trà trắng, rồi hoa trà hai màu nhưng Eguchi để mình đắm chìm trong trầm tư khi lặng ngắm cây hoa hơn là đi đếm các màu hoa. Thật tuyệt diệu một cây hoa bốn trăm năm lại cho ra đời tràn đầy những đóa hoa rực rỡ thế này. Năng chiều bị hút hẳn vào trong cây khiến những cụm hoa và cành lá ấm hẳn lên. Những đầu cành phía ngoài lay động dịu dàng dù ông không biết có gió hay không.

Con gái út ông không có vẻ đắm mình ngắm cây trà hoa danh tiếng này như ông. Cô chỉ nhìn một cách lơ đãng. Có lẽ cô tự nhìn chính mình hơn là nhìn cây. Cô là đứa con ông cưng nhất trong ba chị em, cưng đâu cưng cỡ giống như những đứa con út, càng hơn thế từ khi hai cô chị đi lấy chồng. Hai cô này từng hỏi bà mẹ với ít nhiều ganh tức có phải Eguchi định giữ cô

em út ở nhà và tìm chọn một anh chồng ở rể cho cô. Bà mẹ đem chuyện này học lại với ông. Cô lớn lên thành một cô gái thông minh và sắc sảo; nhưng ông nghĩ rằng cô vẫn chưa đủ chín chắn qua việc cô có quá nhiều bạn trai. Cô tỏ ra vui vẻ nhất, hoạt bát nhất khi có đàn ông trai trẻ vây quanh. Bố mẹ cô, nhất là bà mẹ thường tiếp đón các bạn trai cô tại nhà, nhận biết rõ ràng là cô thích hai chàng trong bọn họ. Một trong hai chàng này đã làm cô mất trinh. Trong một thời gian cô trở nên lầm lì ít nói, tính khí thất thường ngay ở trong ngôi nhà êm ấm, và cô thường tỏ ra nôn nóng và gắt gỏng không đâu, ví dụ như khi cô thay quần áo. Mẹ cô cảm thấy có điều gì không ổn. Bà hỏi thăm cô một cách tế nhị và cô đã thú nhận dễ dàng, không do dự quá. Chàng trai đó làm việc trong một cửa hàng bách hóa và ở phòng thuê. Cô hình như đã ngoan ngoãn đi theo anh ta về căn phòng đó.

“Có phải anh ta là người con định lấy không?”

“Không. Không đời nào!” Cô gái trả lời mẹ khiến bà chẳng biết đâu mà mò.

Bà mẹ tin rằng chàng trai đó đã dùng sức mạnh cưỡng ép cô. Bà đem việc này bàn đi, bàn lại với Eguchi. Ông có cảm tưởng của quý trong tay ông đã bị làm thương tổn. Ông càng choáng váng hơn khi thấy cô vội vã đính hôn với chàng trai thứ hai theo đuổi cô.

“Mình nghĩ sao?” Bà vợ hỏi, nghiêng người về phía ông, căng thẳng. “Để con nó làm vậy được sao?”

“Nó có kể lại việc đó cho anh chàng nó đính hôn chưa?” Ông gắt lên. “Nó kể ra chưa?”

“Việc này thì...Tôi không hỏi nó. Tôi cũng bị bất ngờ như mình vậy. Tôi có nên hỏi nó không?”

“Thôi, bỏ qua đi”.

“Phần đông mọi người cho rằng tốt hơn không nên nói ra cho người đàn ông ta sắp lấy làm chồng. Kín miệng thì bình an nhất. Nhưng ở đời chẳng ai giống ai. Con gái mình có thể đau khổ, dày vò suốt đời nếu không nói ra cho chồng biết”.

“Nhưng chúng ta chưa quyết định con nó được phép của ta hay không mà”.

Dĩ nhiên Eguchi không thể tưởng tượng được sự việc một cô gái bị quyến rũ bởi một anh chàng lại đính hôn tức khắc với một anh chàng khác là chuyện tự nhiên, bình thường. Ông biết cả hai chàng đều phải lòng con gái ông. Biết rõ cả hai nên có lúc ông nghĩ cậu nào cũng xứng đáng với cô. Nhưng sự đính hôn thành linh này có phải là phản ứng của cú sốc cô đã chịu đựng? Có phải trong niềm cay đắng, oán giận, thất vọng chán chường mà cô tìm đến anh chàng thứ hai? Có phải trong sự rối loạn vì vỡ mộng với anh chàng thứ nhất mà cô để mình rơi vào vòng tay anh chàng thứ hai? Một cô gái như cô út của ông thường bị cuốn hút mãnh liệt bởi một chàng trai nào đó sau khi bị một chàng trai trước ngược đãi. Ông nghĩ vợ chồng ông có lẽ không nên trách cứ cô vì một hành động trả thù và tự hạ phẩm giá một cách không đáng chút nào.

Tuy nhiên, Eguchi chưa hề nghĩ đến là một tình cảnh như thế lại có thể xảy ra ngay cho con gái mình. Các bậc cha mẹ khác cũng thế thôi. Ông có thể đã tin cậy cô con gái sắc sảo quá nhiều khi thấy cô rất cởi mở và linh hoạt giữa đám đàn ông trai trẻ bao quanh. Nhưng bây giờ sự thế đã xảy ra rồi thì ông thấy chẳng có gì lạ lùng cả. Thân xác con gái ông được tạo ra đâu khác gì thân xác những người đàn bà khác. Một người đàn ông có thể dùng sức mạnh để thỏa mãn mình trên thân xác đó. Trong đầu ông bỗng dựng hiện ra hình ảnh khó coi con gái ông đang làm tình với gã trai đó và ông cảm thấy một cách mãnh liệt niềm hổ thẹn và nỗi nhục nhã ê chề xâm chiếm lòng ông. Ông đâu có những cảm giác đau đớn như thế khi tiền hai cô gái đầu đi hưởng tuần trăng mật. Những gì đã xảy ra có thể chỉ là cơn bộc phát tính dục mạnh mẽ của gã trai và thể xác con gái ông được cấu tạo

một cách mà nó không thể chống cự được sự cưỡng ép. Những suy nghĩ thế này có bất bình thường đối với một người cha không?

Eguchi không chấp thuận ngay cuộc đính hôn nhưng ông cũng không từ chối thẳng thừng. Ông và bà vợ được biết sau đó rất lâu là hai chàng trai đã tranh giành con gái họ một cách khá dữ dội. Khi ngày hôn lễ sắp tới gần, Eguchi đưa con đi Kyoto và ngắm nhìn cây trà hoa đang độ nở đầy hoa. Từ bên trong cây phát ra tiếng vo vo, vù vù giống như tiếng một đàn ong mật.

Lấy chồng được hai năm thì cô út sinh hạ một bé trai. Người chồng có vẻ mê say đứa con lắm. Lần cặp vợ chồng trẻ tới nhà ông thăm viếng, có lẽ vào một ngày chủ nhật, cô vợ xuống bếp phụ giúp mẹ làm cơm và người chồng cho con bú một cách khéo léo. Như thế mọi chuyện cuối cùng cũng ổn thỏa cả. Tuy cùng ở Tokyo nhưng cô gái út hiếm khi đến thăm vợ chồng ông sau ngày lên xe hoa.

“Con dạo này ra sao?” Eguchi hỏi cô khi cô đến một mình một ngày kia.

“Con ra sao à? Hạnh phúc, con đoán thế”.

Có lẽ người ta chẳng muốn nói nhiều với bố mẹ những gì xảy ra trong quan hệ vợ chồng, nhưng Eguchi cảm thấy không bằng lòng và hơi lo lắng. Biết tính liến thoảng của con gái, ông nghĩ cô nên nói thêm, nói rõ hơn nữa. Nhưng cô bây giờ trông đẹp hơn, thân hình nẩy nở như những người vợ trẻ. Giả dụ đây chỉ là một sự chuyển hóa sinh lý từ con gái sang đàn bà, cô sẽ đâu có được vẻ đẹp tươi sáng như thế này nếu còn cái bóng tối nào đó lẫn quất trong lòng cô. Nước da cô sáng hẳn ra sau khi sinh con như thể cô được tắm rửa đến tận bên trong thân xác, và cô có vẻ đã tìm được sự thanh thản trong tâm hồn.

Có phải vì thế mà bây giờ đang nằm trong “ngôi nhà người đẹp ngủ mê”, cánh tay cô gái trẻ đặt trên mắt, ông đã nhớ đến hình ảnh cây trà hoa tuyệt đẹp đang nở rộ hoa và hình ảnh các sắc hoa tươi thắm khác? Dĩ nhiên, con gái ông cũng như cô gái đang ngủ đây đâu có được sự sung mãn của cây trà hoa. Nhưng sự sung mãn của một thân xác cô gái trẻ không phải là cái ta

biết được bằng cách ngắm nhìn hay nằm ngoan ngoãn bên mình cô. Không thể nào so sánh được với sự tràn đầy rực rỡ của những đóa hoa trà. Hơi ẩm chuyển từ cánh tay cô gái vào sâu sau mi mắt ông là dòng chảy của cuộc sống, là giai điệu của cuộc sống, là vẻ quyến rũ của cuộc sống, và cho một người già, là sự phục hồi trong cuộc sống. Cánh tay cô gái trở nên nặng trên đôi mắt mệt mỏi và ông nhắc nó đi.

Không còn chỗ dựa cho cánh tay trái nữa và nếu sờ dọc sát ngực Eguchi thì khó khăn quá, cô gái lại xoay nửa người đối diện ông. Nàng xếp cả hai tay trước ngực, các ngón tay đan nhau, đung ngực Eguchi. Hai bàn tay không chập lại trong thái độ sùng kính nhưng gợi lên cử chỉ nguyện cầu, cho một lời cầu nguyện dịu dàng. Ông nắm cả hai bàn tay nàng, bao bọc bằng cả hai bàn tay mình. Như thế ông đang cầu nguyện điều gì cho riêng mình và nhắm mắt lại. Đó không phải gì khác hơn là nỗi buồn của một ông già cầm tay một cô gái trẻ đang ngủ mê.

Những giọt mưa đêm đầu tiên rơi trên biển lặng dội đến tai ông. Tiếng ầm ầm cũng vang đến, không phải từ một chiếc xe hơi mà từ tiếng sấm mùa đông, không thể nào chụp bắt. Ông tách hai bàn tay nàng ra, mở thẳng từng ngón tay rồi ngắm nhìn. Ông thêm đưa các ngón tay thon dài vào miệng và cắn. Nàng sẽ nghĩ gì khi sáng mai thức dậy thấy các dấu răng và dấu máu trên ngón út? Eguchi duỗi cánh tay nàng dọc theo người rồi nhìn chằm chằm đôi vú đầy đặn, núm vú to, căng phồng và có màu nâu sẫm. Cặp vú hơi trệ, ông đưa tay nâng lên. Thấy không ấm bằng thân nàng được chiếc chăn điện sưởi ấm từ lâu. Ông định đặt trán mình vào ngay chỗ trũng giữa đôi vú nhưng chưa đến sát thì mùi da thịt cô gái làm ông lùi lại. Ông xoay người nằm sấp và lần này uống cả hai viên thuốc ngủ đặt sẵn bên gối. Đêm đầu tiên nằm ở đây, ông uống một viên rồi khi tỉnh thức sau một cơn ác mộng, uống viên thứ hai và ông nhận ra đây chỉ là loại thuốc ngủ tầm thường. Eguchi rơi vào giấc ngủ nhanh chóng.

Tiếng khóc nức nở của cô gái đánh thức ông. Rồi tiếng khóc ông nghe được lại biến thành tiếng cười vui vẻ. Tiếng cười cứ kéo dài. Ông đặt cánh

tay lên ngực nàng, lay mạnh.

“Cô đang nằm mơ, cô đang nằm mơ. Cô mơ cái gì thế?”

Sự im lặng sau tiếng cười dài thật đáng ngại. Nhưng Eguchi, còn ngầy ngật vì thuốc ngủ, sờ soạng tìm cái đồng hồ đeo tay ông để bên gối. Ba giờ rưỡi sáng. Ông kéo cô gái vào sát ngực mình, ôm chặt hông nàng rồi ngủ một giấc ấm nồng.

Sáng hôm sau ông bị mụ đàn bà đánh thức như lần trước.

“Ông dậy chưa?”

Eguchi không trả lời. Không biết mụ này có dán tai vào cửa phòng bí mật này để nghe lóm không? Ông giật mình khi cảm thấy là đúng như thế.

Cô gái còn ngủ nhưng hai vai để lộ ra ngoài, có lẽ vì hơi nóng từ chiếc chăn điện, và một cánh tay gác trên đầu. Eguchi kéo tấm chăn lên.

“Ông dậy chưa?”

Eguchi không lên tiếng, chui đầu vào chăn. Cầm ông đụng đầu vú nàng. Cả người bỗng như bốc lửa, ông dùng cả tay lẫn chân kéo toàn thân nàng vào mình.

“Ông ơi! Ông ơi!” Mụ đàn bà gõ nhẹ cửa ba bốn lần.

“Tôi dậy rồi. Đang mặc áo quần”. Nếu ông không lên tiếng thì có lẽ mụ đã mở cửa và xông vào phòng.

Trong phòng bên mụ đã để sẵn thau nước, kem đánh răng, khăn mặt.

“Ông thấy sao?” Mụ hỏi khi dọn đồ ăn sáng cho ông. “Cô bé này ngoan lắm, phải thế không?”

“Vâng, ngoan lắm” Eguchi gật đầu. “Khi nào cô ta thức dậy?”

“Khi nào à? Cái đó thì...”

“Tôi ở đây cho đến khi cô ta thức dậy, được không?”

“Đây chính là điều chúng tôi không thể cho phép” Mụ nói nhanh. “Chúng tôi không cho phép đâu, ngay cả đối với những vị khách trung thành nhất”.

“Nhưng cô nàng này ngoan quá mà”.

“Tốt hơn ông nên giữ quan hệ với cô ta trong giấc ngủ, không nên để các tình cảm ngổ ngán xen vào. Ngay cô ta cũng chẳng hay biết đã ngủ với ông. Ông sẽ không bị phiền phức gì đâu”.

“Nhưng tôi nhớ mặt cô ta mà. Tình cờ, nếu tôi gặp lại cô ta ngoài đường?”

“Ông nghĩ ông sẽ đứng lại nói chuyện với cô ta? Đừng làm thế. Ông phạm tội đấy”.

“Phạm tội?”

“Đúng vậy”.

“Phạm tội!”

“Tôi xin ông đừng tỏ ra khó tính quá. Ông phải xem các cô gái ngủ mê chỉ là những cô gái ngủ mê, không hơn không kém”.

Eguchi muốn phản đối, muốn nói là ông chưa đến nỗi lụ khụ bất lực như những lão già khác nhưng ông dẫn lại được.

“Hình như đêm qua trời đổ mưa” Ông nói.

“Thật sao? Tôi không hay biết gì cả”.

“Trời mưa thật, tôi nghe được mà”.

Trên mặt biển nhìn từ cửa sổ những con sóng nhỏ gần vách đá lấp lánh nắng mai.

Chú thích:

[1] Shisendo (Thi tiên đường) là dinh thự ở thành phố Kyoto (Cố đô) của ông Ishikawa Jòzan (Thạch xuyên Trọng Sơn) (1583-1672), một học giả và nhà thơ pháp.

[2] White rhododendron (asebi) : pieris japonica. (Chú thích của bản tiếng Anh).

[3] Nại Lương.

Ba

Tám ngày sau ông trở lại “ngôi nhà người đẹp ngủ mê” lần thứ ba. Lần lui tới thứ nhất cách lần thứ hai hai tuần; vậy khoảng cách giữa hai lần giảm xuống một nửa.

Có phải ông bị các cô gái ngủ say mê hoặc dần dần?

“Cô gái đêm nay còn trong thời kỳ học nghề” Mụ đàn bà nói khi pha trà. “Ông có thể thất vọng nhưng xin vui lòng chấp nhận em nó”.

“Một cô khác nữa à?”

“Ông gọi điện vào phút chót trước khi ông đến đây, tôi đành phải xoay sở cách này, cách nọ. Nếu ông muốn riêng một em nào thì xin vui lòng báo cho tôi biết hai hay ba ngày trước”.

“Được rồi. Nhưng bà nói, cô ta còn đang học nghề, nghĩa là sao?”

“Em nó mới vào làm, và còn nhỏ tuổi”.

Ông già Eguchi giật mình.

“Em nó sợ lắm và đòi tôi cho thêm một em khác cùng ngủ chung. Nhưng tôi không muốn làm ông khó chịu”.

“Hai cô cùng lúc? Tôi đâu thấy có gì khó chịu đâu. Nhưng bà thử nghĩ xem, cô nào cũng ngủ say như chết thì làm sao biết mình sợ hay không?”

“Đúng vậy. Nhưng ông vui lòng dịu dàng với em. Nó chưa quen”.

“Tôi có làm cái quái quỷ gì đâu”.

“Vâng, tôi biết lắm chứ”.

“Đang học nghề?” Ông lăm bắm với chính mình. Bao giờ cũng xảy ra những điều kỳ quặc trên đời. Như thường lệ, mụ đàn bà mở hé cửa phòng, liếc mắt nhìn vào.

“Em nó ngủ rồi. Ông vào lúc nào cũng được”. Mụ bỏ đi.

Eguchi uống thêm một tách trà rồi gục đầu trên cánh tay mình. Một nỗi trống rỗng lạnh lẽo choán cả người ông. Ông đứng dậy, chán nản, khó nhọc, như thể không còn sức lực nào nữa, mở nhẹ cửa, nhìn vào căn phòng bí mật che kín bởi những tấm màn nhung.

Cô gái “nhỏ” có khuôn mặt nhỏ nhắn. Mái tóc, rối như thể một bím tóc bị xổ ra, phủ một bên má, và một bàn tay che má kia xuống tận môi; và như thể khuôn mặt nàng trông càng nhỏ hơn bình thường. Đó là một cô gái hồn nhiên đang nằm ngủ. Bàn tay che mặt, đúng hơn, cạnh bàn tay mềm mại chạm nhẹ xương gò má và những ngón tay, hơi gấp lại dọc theo mũi, che cả cặp môi. Ngón tay giữa, dài, đung cầm. Đó là bàn tay trái. Bàn tay mặt nằm ở mép chăn với mấy ngón tay bấu lại. Khuôn mặt để tự nhiên, không trang điểm gì cả; nàng cũng chẳng có vẻ đã lau chùi son phấn trước khi đi ngủ.

Ông già Eguchi chui vào nằm cạnh nàng. Cẩn thận không để mình đụng chạm đến người nàng. Cô gái vẫn bất động. Nhưng hơi ấm toát ra từ thân thể nàng, khác hẳn hơi ấm của tấm chăn điện, bao trùm lấy ông. Một hơi ấm như còn hoang sơ, chưa chín nòng.

Có lẽ mùi thơm của da và tóc nàng khiến ông nghĩ thế, nhưng không phải chỉ vậy thôi.

“Mười sáu, có lẽ gần thế?” Ông lẩm bẩm.

Ngôi nhà này là chỗ lui tới của những lão già sức cùng lực tận không thể sử dụng đàn bà như đàn bà; nằm ngủ hiền lành bên cạnh một cô gái như thế chỉ là một niềm an ủi thoáng qua như ảo ảnh, là theo đuổi một niềm hạnh phúc đã lụi tàn ngay khi còn sống, Eguchi hiểu được thế vào lần thứ ba nằm ở ngôi nhà này. Có không những lão khách trong đám người đến đây nuôi dưỡng một niềm mong ước sâu xa là được đánh một giấc nghìn thu bên cạnh một cô gái ngủ say? Hình như có một nỗi buồn nào đó trong thân xác cô gái trẻ gợi lên niềm mong mỏi cái chết nơi người già. Nhưng có lẽ Eguchi là một người dễ xúc động nhất trong đám lão khách đến đây; có lẽ phần đông trong bọn họ chỉ muốn vực miệng uống lấy, uống để xuôi nguồn

tươi mát của tuổi trẻ nơi các cô gái ngủ mê, hưởng vội vài lạc thú trên những thân người không thể tỉnh thức.

Hai viên thuốc ngủ màu trắng, như thường lệ, đặt bên cạnh gối. Ông cầm lên nhìn. Chẳng có chữ hay dấu hiệu nào để biết thuốc loại gì. Chắc chắn là khác loại thuốc cô gái đã uống. Ông nghĩ lần tới mình sẽ đòi uống cùng loại thuốc như nàng. Nhưng chắc là người ta sẽ không chiều theo ý ông đâu; nhưng giả dụ được thế, cái gì sẽ xảy ra nếu ông cũng rơi vào giấc ngủ say như chết? Thật hấp dẫn cái ý tưởng ngủ được giấc ngủ của người chết bên cạnh một cô gái trẻ bị thiếp cho ngủ như chết.

“Ngủ như chết rồi”.

Những từ này đánh thức kỷ niệm về một người đàn bà. Vào mùa xuân ba năm trước đây, Eguchi đưa một người đàn bà vào khách sạn ở thành phố Kobe [1]. Nàng về với ông từ một hộp đêm và bấy giờ đã quá nửa đêm. Ông uống một ly “whisky” từ chai rượu ông giữ sẵn trong phòng và mời nàng uống chung. Nàng uống cũng nhiều như ông. Ông thay áo quần, mặc tấm áo “kimônô” của khách sạn. Nàng không có gì thay, đành giữ đồ lót trên người và để ông dìu vào giường.

Ông đặt tay lên lưng nàng, vuốt ve dịu dàng chỗ này, chỗ nọ.

Tự nhiên nàng ngồi bật dậy. “Em không thể ngủ với mớ đồ lót này”. Nàng cởi hết ra, ném lên chiếc ghế trước tấm gương soi. Ông ngạc nhiên nhưng tự nhủ chắc là mấy cô nghiệp dư thường làm vậy. Nàng tỏ ra dễ bảo khác thường.

“Nữa không?” Eguchi hỏi khi nới lỏng vòng tay quanh người nàng.

“Ông gạt tôi! Ông gạt tôi, ông Eguchi ạ”. Nàng nói thế hai lần. Nhưng nàng vẫn ngoan ngoãn, yên lặng để ông làm tiếp.

Thấm rượu và mệt, Eguchi lăn ra ngủ ngay sau đó. Cảm giác người đàn bà đã ra khỏi giường đánh thức ông vào sáng hôm sau. Nàng đang ngồi chải tóc trước tấm gương.

“Em dậy sớm thế”.

“Vì em có mấy đứa nhỏ”.

“Con à?”

“Vâng. Hai đứa. Còn nhỏ lắm”.

Nàng ra cửa vội vã, trước khi ông kịp ngồi dậy.

Thật lạ, người đàn bà thon thả, da thịt chắc nịch như thế lâu lắm rồi ông mới được ôm ấp, đã có hai con. Thân thể nàng đâu cho ta cảm tưởng như vậy. Nàng có đôi vú có vẻ như chưa từng ra sữa cho con bú.

Ông mở va-li để lấy cái áo sơ-mi sạch và thấy mọi thứ đều được sắp đặt ngăn nắp sẵn cho ông. Trong chuyến đi mười ngày ở đây, ông đã cuộn tròn áo quần dơ nhét vào va-li và mỗi khi cần đồ sạch ông lại moi lên tận đáy; ông cũng tổng đại vào đó những quà cáp mua hay nhận được ở Kobe và cái va-li phòng to đến độ không thể đóng lại. Nàng đã có thể nhìn thấy đủ thứ lộn xộn bên trong khi ông lật nắp va-li mò tìm thuốc lá. Nhưng ngay như vậy đi nữa, cái gì đã khiến nàng bỏ công sắp xếp mọi thứ trong va-li lại cho ông? Và nàng làm việc này khi nào thế? Mọi đồ lót dơ dáy vắt lung tung đều được xếp lại cẩn thận và việc này phải mất thời giờ chứ chơi đâu, ngay với đôi tay khéo léo của một người đàn bà. Có phải nàng đã làm việc này vì không ngủ được, sau khi Eguchi đã ngủ say?

“Lạ nhỉ” Eguchi thốt lên, nhìn cái va-li tươm tất. “Nàng có ý gì khi làm việc này?”

Tối hôm sau, như đã hẹn, nàng đến gặp ông ở một quán ăn Nhật. Nàng mặc áo “kimônô”.

“Em mặc “kimônô”?”

“Vâng. Đôi khi. Nhưng không hợp với em lắm đâu”. Nàng cười, hơi ngượng ngập. “Trưa nay cô bạn em gọi điện. Hẳn tỏ ra chừng hững, ngạc nhiên quá đỗi. Hẳn hỏi em có được bình thường không”.

“Em kể hết cho cô ta nghe?”

“Em không giữ kín chuyện riêng tư”.

Họ đi dạo qua các khu phố. Eguchi mua tặng nàng vài may “kimônô” và đai lưng rồi cả hai trở lại khách sạn. Từ cửa sổ họ có thể nhìn thấy ánh sáng những chiếc tàu thủy đậu trong hải cảng. Hai người ôm nhau hôn cạnh cửa sổ và Eguchi kéo rèm và màn cửa xuống. Ông mời nàng uống “whisky” nhưng nàng lắc đầu. Nàng không muốn mất tự chủ. Nàng ngủ một giấc nồng. Sáng hôm sau nàng tỉnh thức khi Eguchi ngồi dậy ra khỏi giường.

“Em ngủ say như chết. Em thực sự ngủ như đã chết rồi vậy”.

Nàng nằm im, mắt mở to. Đôi mắt như có hơi sương rửa sáng.

Nàng biết hôm nay ông sẽ trở lại Tokyo. Chồng nàng làm đại diện cho một công ty thương mại nước ngoài và đã cưới nàng khi làm việc ở Kobe nhưng được gởi đi Singapore từ hai năm nay. Tháng tới người chồng sẽ về lại Kobe với gia đình. Nàng đã kể hết mấy chuyện này cho Eguchi nghe vào đêm trước. Tới lúc đó ông thực sự chưa biết nàng đã có chồng, và chồng là một người nước ngoài. Nàng chỉ là một người ông tán tỉnh dễ dàng trong một hộp đêm. Ông đến đó vào một lúc cao hứng, và ở bàn bên cạnh có hai người đàn ông phương Tây và bốn phụ nữ Nhật bản. Người đàn bà trung niên trong bọn họ có quen biết Eguchi và lên tiếng chào ông. Bà tỏ vẻ là người hướng dẫn cho hai ông khách. Khi họ đứng lên để khiêu vũ, bà hỏi Eguchi có thích nhảy với người đàn bà trẻ còn ngồi ở bàn không. Vào giữa bản nhảy thứ hai, ông rủ nàng bỏ đi nơi khác. Nàng tỏ ra thích thú có dịp vui đùa. Nàng đến khách sạn với ông, thoải mái, dễ dàng và khi hai người vào phòng, chính Eguchi lại cảm thấy căng thẳng hơn cả.

Eguchi bắt đầu như thế cái chuyện tình với một người đàn bà đã có chồng, vợ một người nước ngoài. Nàng giao con còn bé cho bà vú hay cô giữ trẻ coi sóc và chẳng tỏ ra dè dặt, ngần ngại như thường thấy nơi những người đàn bà có chồng; thế nên Eguchi cũng chẳng nghĩ mình đang làm chuyện không đứng đắn. Nhưng tự thâm tâm ông cảm thấy đôi chút hối hận

mơ hồ. Tuy nhiên được nghe nàng nói với niềm vui thú đã ngủ một giấc như người chết rồi, Eguchi tưởng chừng đó là một điệu nhạc trẻ trung còn đọng lại trong trí nhớ mình. Eguchi sáu mươi tư tuổi khi đó, và người đàn bà vào độ giữa tuổi hai mươi hay gần ba mươi. Sự khác biệt tuổi tác khá lớn giữa hai người khiến Eguchi tự nhủ đây là lần cuối cùng ông có quan hệ tình ái với một người đàn bà trẻ. Sá gì chỉ có hai đêm, ngay chỉ một đêm thôi, thật vậy, người đàn bà ngủ say như chết đó đã thành người ông không thể nào quên được. Nàng viết cho ông, nói sẵn lòng gặp khi nào ông trở lại Kobe. Lá thư thứ hai đến vào tháng sau, báo ông biết là chồng nàng đã về nhà nhưng chẳng sao, nàng vẫn muốn gặp lại ông. Tháng sau nữa, lá thư ba đến tay ông, lời lẽ tương tự như thư trước. Rồi sau đó ông chẳng còn nhận được tin gì nữa.

“Cũng đành! Nàng lại có thai lần nữa, lần thứ ba đấy. Chắc vậy thôi”.

Ông già Eguchi thăm thì với chính mình ba năm sau khi nằm bên một cô gái còn nhỏ tuổi bị thiếp ngủ như chết và nhớ lại người đàn bà đó. Cái ý nghĩ nàng có thai chưa bao giờ xuất hiện trong đầu Eguchi. Nhưng tại sao nó lại đến bất chợt bây giờ? Càng nghĩ tới, nghĩ lui, ông càng tin mình đoán đúng. Nàng ngừng viết thư cho ông chỉ vì nàng mang thai, phải vậy không? Đúng quá chứ sao không; và ông hé môi cười. Nàng đã đón mừng thăm thiết người chồng trở về từ Singapore rồi thụ thai, thế là những điều sai trái đã làm với Eguchi từ nay được gột rửa; ông cảm thấy an tâm và thanh thản. Rồi ông lại nhớ tới thân thể nàng, trong niềm nuối tiếc, nhưng chẳng có một tình ý nhục dục gì đi theo hồi tưởng này. Một thân thể cân đối, rắn chắc, mịn màng, trong mắt ông, là biểu tượng cho nữ tính ở tuổi thanh xuân. Ông biết mình đã đoán theo trực giác là nàng đã có thai nhưng ông không chút nghi ngờ đó là sự thật hiển nhiên.

“Ông Eguchi ạ, ông có thích tôi không?” Nàng hỏi ông khi ở khách sạn.

“Có chứ, tôi thích cô mà. Các bà, các cô thường hỏi câu này lắm”.

“Nhưng...” Nàng không tiếp tục để chấm dứt câu nói.

“Cô định hỏi tôi thích gì nơi cô, phải không?”

“Thôi đủ rồi! Tôi không nói gì nữa đâu”.

Tuy vậy khi nghe nàng hỏi ông có thích nàng không, Eguchi cảm thấy rõ ràng là ông thực sự thích nàng lắm. Tối tận bây giờ, ba năm rồi, ông vẫn chưa quên câu hỏi đó. Không biết thân thể nàng, sau khi cho ra đời ba đứa con, có còn giống như thân thể một người đàn bà chưa bao giờ sinh đẻ? Ông thấy mình luyến tiếc nàng quá đổi.

Eguchi hầu như quên hẳn cô gái nhỏ tuổi ngủ say bên cạnh dù chính cô đã làm ông nhớ về những kỷ niệm ngày nào với người đàn bà trẻ ở Kobe. Cánh tay gấp lại, bàn tay đặt bên má nhưng cái cùi chỏ làm ông thấy vướng víu; ông nắm lấy cổ tay và trái cánh tay nàng ra dưới tấm chăn. Nàng đã đẩy tấm chăn điện xuống quá vai, có lẽ vì nóng quá. Đôi vai nhỏ nhắn, tròn trịa nằm quá sát mắt ông. Ông muốn thử nắm vai nàng trong lòng bàn tay nhưng tự kiềm lại. Vai gầy không đủ thịt che xương. Ông muốn vuốt ve đôi vai gầy guộc đó nhưng lại tự nén lần nữa. Ông đưa tay lùa tóc nàng khỏi má bên phải. Khuôn mặt đang say ngủ trông thật dịu dàng dưới ánh đèn yếu ớt rọi từ trần nhà và phản chiếu từ những tấm màn nhung đỏ thẫm. Hàng lông mày để tự nhiên, không trau chuốt; lông mi đều đặn và rất dài ông có thể cầm giữa hai ngón tay. Chỗ giữa môi dưới thì hơi dày hơn phía ngoài. Ông không thấy được răng nàng.

Khi đến ngôi nhà này Eguchi tin rằng không có gì đẹp hơn khuôn mặt một cô gái trẻ đang chìm trong giấc ngủ không mộng mị. Có thể gọi đó là niềm an ủi dịu ngọt nhất người ta có thể tìm được trên thế gian này không? Người đàn bà dù đẹp đến đâu cũng không thể che giấu được tuổi tác mình khi ngủ; và người đàn bà dù không có nhan sắc đi nữa vẫn thấy mất mát nhất khi ngủ. Hay có lẽ ngôi nhà này chỉ chọn lựa những cô gái có khuôn mặt đẹp một cách đặc biệt khi ngủ. Eguchi ngắm nhìn khuôn mặt nhỏ nhắn cận kề và cảm thấy cuộc đời mình, những nỗi khó nhọc trải dài theo năm tháng tan biến dần đi. Ôi, lúc này chỉ cần tống hai viên thuốc vào miệng rồi chìm sâu vào giấc ngủ thì đêm nay sẽ là một đêm hạnh phúc biết bao;

nhưng ông vẫn nằm im, đôi mắt nhắm kín. Ông không muốn ngủ - cô gái nhỏ này, một khi đã gợi nhớ trong ông những kỷ niệm về người đàn bà trẻ ở Kobe, còn có thể khêu ra những kỷ niệm khác nữa.

Nàng mang thai ngay sau khi người chồng trở về từ Singapore sau hai năm vắng mặt - cái ý nghĩ xuất phát từ trực giác này ông tin rằng không thể nào không đúng với thực tế, cứ lớn vồn mãi trong đầu ông. Chuyển phiên lưu tình ái ngắn ngủi, ông nghĩ thầm, chẳng thể nào làm hồ thẹn hay nhớ nhuốc đứa trẻ nàng mang trong bụng và cho ra đời. Sự hoài thai và sự sinh nở là một thực tế, là một ân huệ trên đời. Một cuộc sống mới mẻ đang động dậy, đang lớn lên trong người nàng; và ngay chính giây phút này ông lại liên tưởng đến cái tuổi gần đất xa trời của mình. Nhưng tại sao người đàn bà đó lại chịu ăn nằm với ông, dễ dãi và buông thả? Đó là một điều chưa bao giờ xảy ra trong suốt gần bảy mươi năm đời ông. Con người nàng chẳng lộ ra cái gì dĩ thỏa hay phóng dăng. Dù sao, với nàng lúc đó ông cảm thấy ít có lỗi hơn là bây giờ nằm bên cô gái nhỏ bị thiếp ngủ mê một cách đáng ngờ trong ngôi nhà này. Ông vẫn nằm trong giường, đưa mắt thích thú nhìn nàng vội vã ra về với hai đứa con nhỏ đang chờ, vẻ mặt tươi tắn và sáng khoái. Ông chẳng thể nào quên được nàng, chắc vì nàng là người đàn bà trẻ tuổi cuối cùng trong đời mình, và tin rằng nàng cũng chẳng quên ông. Chuyện tình ngắn ngủi, không để lại vết thương sâu kín nào, được hai người giữ bí mật suốt đời và không ai có thể nào quên được.

Ôi lạ lùng thay cái cô gái nhỏ đang học nghề làm “người đẹp ngủ mê” này lại mang đến cho Eguchi những hoài niệm dạt dào, sống động về người đàn bà ở Kobe. Ông mở mắt. Dùng ngón tay vuốt ve dịu dàng hàng lông mi cô bé. Nàng nhú mày, xoay mặt, đôi môi mở rộng cùng lúc. Cái lưỡi thụt xuống sâu vào trong, như thể chui vào hàm dưới nhưng ông vẫn thấy được một chỗ lõm dễ thương ở ngay chính giữa cái lưỡi còn thơ dại này. Sự thèm muốn trời lên trong lòng. Ông gí mắt nhìn vào cái miệng đang mở rộng. Giả dụ bây giờ ông bóp cổ nàng, cái lưỡi nhỏ nhắn này có co giật lắm không? Ông già Eguchi nhớ lại đã gặp một cô gái giang hồ còn trẻ hơn cả cô bé này. Thuở đó, ông không ham thích gì đặc biệt các cô gái trẻ cỡ này

nhưng ông là khách mời và người chủ nhà đã giao nàng phục vụ ông. Nàng dùng cái lưỡi dài, mỏng, lại nhiều nước bọt và Eguchi chẳng thấy hào hứng chút nào. Tiếng trống và tiếng sáo từ ngoài phố vang đến làm tim đập rộn ràng hơn. Đường như là một đêm lễ hội. Cô gái có đôi mắt hình trái hạnh đào và một khuôn mặt sinh động nhưng cố làm nhanh cho xong việc, không tỏ vẻ quan tâm đến người khách hàng chút nào.

“Đêm lễ hội, phải không?” Eguchi nói. “Em muốn chạy nhanh ra đó lắm à?”

“A! Sao anh hiểu em hay thật! Đúng thế. Em đang trên đường đi xem hội với một người bạn thì bị gọi đến đây”.

“Được rồi”. Ông thốt lên, tránh cái lưỡi lạnh lạnh và nhiều nước bọt đó. “Em xuống đường đi hội tiếp đi. Có phải tiếng trống dội đến từ một ngôi đền?”

“Nhưng bà chủ sẽ mắng em”.

“Không sao đâu, anh sẽ dàn xếp ổn thỏa”.

“Thật không? Anh lo giúp em nhé”.

“Em mấy tuổi rồi?”

“Mười bốn ạ”.

Cô bé chẳng ngượng nghịu hay sợ sệt đàn ông chút nào. Cũng chẳng thấy xấu hổ hay khổ sở. Nàng tỏ ra hoàn toàn lãnh đạm. Mặc nhanh lại áo quần, nàng vội vã bỏ đi xuống đường nhập vào đêm lễ hội. Eguchi đốt một điếu thuốc và lắng nghe một lúc lâu tiếng trống, tiếng sáo và tiếng chào mời đon đả từ những quầy hàng hội lễ.

Ông bao nhiêu tuổi lúc đó? Ông không nhớ ra được nhưng dù ở cái tuổi ông có thể thấy không tiếc thả sớm cô bé ra đường nhập hội, ông cũng chưa phải là một lão già như hiện nay. Cô gái đêm nay có lẽ lớn hơn cô kia hai hay ba tuổi, và thân thể nàng đầy đặn nên thấy đàn bà hơn. Hơn nữa, sự khác biệt lớn lao là cô này bị thiếp cho ngủ mê và không thể tỉnh thức giữa

chùng. Tiếng trống lễ hội từng bừng, nếu vang vọng đến đây đêm nay, nàng chẳng nghe được gì đâu.

Lẳng tai hết sức ông nghĩ có thể nghe được tiếng gió thu muộn từ những ngọn đồi sau nhà thổi xuống yếu ớt. Hơi thở ấm từ đôi môi nhỏ hé mở của cô gái phả vào mặt ông. Ánh sáng mờ mờ phản chiếu từ những tấm màn nhung đỏ thắm chảy tận trong miệng nàng. Lưỡi nàng không có vẻ lạnh và nhiều nước như lưỡi cô bé trước. Sự thèm muốn lúc này bây giờ nổi lên lại, mãnh liệt hơn. Nàng là cô gái đầu tiên trong “ngôi nhà người đẹp ngủ mê” đã để cho ông thấy cái lưỡi khi ngủ. Ông cảm thấy nổi thôi thúc làm một cái gì thật sai trái, ừ, sai trái đấy nhưng hứng thú hơn là thọc ngón tay vào miệng và rờ mó cái lưỡi.

Tuy nhiên, điều sai trái đó không hiện hình rõ ràng trong đầu ông như cái gì bạo liệt và gây khiếp sợ. Sự bạo hành nào là xấu xa nhất mà người đàn ông có thể áp đặt trên một người đàn bà? Chuyện tình với người đàn bà ở Kobe, sự chung đụng xác thịt vô vị với cô gái ăn sương mười bốn tuổi, những ví dụ như thế, chỉ là những giây phút ngắn ngủi trong cuộc đời dài dang dặc, và biến đi trong chốc lát. Cưới vợ, nuôi dưỡng, giáo dục các cô con gái, đó là những việc ngoài mặt thường được xem là tốt; nhưng thật ra ông đã sử dụng quyền lực làm chồng, làm bố của mình trong nhiều năm, đã kiểm soát cuộc đời họ, đã ảnh hưởng nặng nề ngay đến bản tính họ, đấy mới là những điều ác. Có lẽ bị phong tục và trật tự xã hội lôi cuốn, ý thức con người về cái ác đã chết lặng.

Nằm dài bên cạnh một cô gái bị thiếp cho ngủ mê, không còn nghi ngờ gì nữa, là một điều ác. Điều ác này càng hiện ra rõ ràng hơn nếu ông ra tay giết nàng. Đâu khó gì bóp cổ nàng hay bịt miệng, bịt mũi nàng. Nàng ngủ, miệng mở rộng để lộ cái lưỡi nhỏ như lưỡi trẻ con. Nếu ông thọc tay vào miệng nàng, cái lưỡi sẽ uốn cong quanh ngón tay như lưỡi một hài nhi quanh núm vú mẹ. Ông đặt tay lên môi trên và cầm, khép miệng nàng lại. Khi ông rút tay đi thì cái miệng lại mở ra lần nữa. Nhìn cặp môi mở nửa chừng, ông già Eguchi thấy được tuổi trẻ của nàng.

Chắc vì cô gái còn trẻ như thế nên ông cảm thấy nổi thôi thúc làm điều sai trái khuấy động cả cõi lòng; nhưng trong đám lão khách kín đáo lui tới “ngôi nhà người đẹp ngủ mê” này, Eguchi tin rằng chắc có những lão không những buồn rầu nhìn lại thời trai trẻ nay đã xa xưa mà còn tìm cách lãng quên những điều xấu xa, những việc độc ác đã làm dọc theo chiều dài cuộc đời họ. Lão già Kiga, người đã giới thiệu ngôi nhà này với Eguchi, không bao giờ hé môi, dĩ nhiên, nói lộ ra những nỗi niềm sâu kín của những lão khách khác. Họ chắc không đông lắm đâu; và Eguchi đoán họ là những người đã thành công trong xã hội chứ không phải những kẻ đã hỏng cuộc đời. Nhưng trong đám họ chắc có kẻ đã thành công bằng những hành vi sai trái và giữ được các thành quả bằng cách làm đi, làm lại các điều sai trái đó. Họ khó tìm được sự bình an, thanh thản với chính mình và trở thành những kẻ thua cuộc, khiếp sợ. Khi nằm ôm da thịt trần truồng, tươi mát các cô gái bị thiếp cho ngủ, tự thâm tâm có cái gì còn hơn nỗi sợ cái chết cận kề hay niềm tiếc nuối tuổi trẻ đã qua lâu rồi. Có thể đó là những nỗi hối hận về những điều tồi tệ đã làm hay những bất hạnh gia đình thường xảy ra nơi những kẻ thành công trong đời. Chẳng có ông Bụt nào cho họ quỳ xuống mà nguyện cầu. Ôm cô gái trần truồng trong tay, họ khóc thầm với những giọt nước mắt lạnh lẽo, hay than vãn kêu la to tiếng, nhưng nàng đâu có hay biết gì, đâu có mở mắt. Các lão già sẽ không cảm thấy tủi nhục, không bị tổn thương trong niềm kiêu hãnh của mình. Họ tha hồ để mình hối cải, để mình rên rỉ. Nhìn từ khía cạnh này, các “người đẹp ngủ mê” phải chăng là những Bồ Tát? Nhưng các cô là xương thịt và máu huyết. Làn da tươi mịn, mùi người thơm tho có lẽ mang lại cho những ông già buồn rầu kiểu này niềm an ủi, hay hơn nữa, sự tha thứ.

Ông già Eguchi im lặng nhắm mắt khi các ý tưởng trên nẩy mầm trong đầu. Thật cũng lạ lùng là trong ba “người đẹp ngủ mê” Ông nằm ngủ chung, cô gái đêm nay, nhỏ nhắn nhất, trẻ tuổi nhất, ít kinh nghiệm nhất lại gợi lên nơi ông những ý tưởng tương tự. Ông dang tay ôm gọn nàng vào lòng. Tới tận lúc này ông đã tránh đụng chạm người nàng. Nàng không có sức lực nào để chống cự và thân thể gầy ốm thấy tội nghiệp. Nàng có lẽ

cảm nhận được sự tiếp xúc của Eguchi ngay trong giấc ngủ sâu thẳm của mình. Có lẽ thế vì nàng khép lại đôi môi và xương hông đung mạnh vào người ông.

Những thử thách nào cô gái bé nhỏ này sẽ phải trải qua trong cuộc đời? Eguchi tự hỏi. Đời nàng có được yên ổn và thanh thản không, dù không làm được điều gì nổi bật hay tiếng tăm? Ông thấy mình cầu chúc nàng sẽ tìm được hạnh phúc một ngày kia vì đã mang lại niềm an ủi thầm lặng nơi đây cho những ông già gần đất xa trời. Ông gần như nghĩ tới chuyện nàng là hóa thân của vị Phật nào đó, như trong các truyền thuyết xưa cũ.

Có phải theo các truyền xưa, các cô gái giang hồ và các cô chuyên dụ dỗ đàn ông là những hóa thân bằng xương thịt con người của các vị Phật?

Ông đặt tay lên lọn tóc xõa của nàng, vuốt nhẹ nhiều lần để làm giảm những xáo động trong tâm, tìm cách thú nhận với chính mình về những điều sai trái đã gây ra và qua đó, tỏ lòng hối hận. Nhưng những gì hiện ra trong đầu ông lại là hình ảnh những người đàn bà trong quá khứ; và những gì ông nhớ lại với ít nhiều luyến tiếc thì chẳng dính dáng gì đến khoảng thời gian, dài hay ngắn, của các cuộc tình của ông với họ, đến nhan sắc đẹp đẽ hay tầm thường, đến sự thông minh hay ngu xuẩn, đến phong cách tao nhã hay thô lỗ của họ, chẳng phải mấy thứ này đâu. Nó dính dáng đến những chuyện như lời nhận xét của người đàn bà ở Kobe: “Em ngủ say như chết. Em thực sự ngủ như đã chết rồi vậy”. Nó dính dáng đến những người đàn bà nhạy cảm, rung động đến độ quên mình dưới bàn tay vuốt ve của ông, sung sướng, thỏa mãn đến độ phát cuồng trong lạc thú. Có phải sự khoái lạc tùy thuộc vào chiều sâu tình yêu của họ thì ít hơn là vào những khả năng thiên phú nơi thân thể họ? Cô gái nhỏ này, khi lớn lên, sẽ trở thành loại đàn bà nào? Ông nói cánh tay đang ôm và vuốt ve lưng nàng. Dĩ nhiên, ông chẳng có cách nào biết mà trả lời. Lần trước trong ngôi nhà này, nằm ngủ bên cạnh cô gái cực kỳ gợi cảm, ông tự hỏi mình đã biết đến đâu, trong suốt sáu mươi bảy năm sống ở đời, trong tầm sâu và tầm rộng của sự ham muốn xác thịt nơi con người, và ông cảm thấy cái ý tưởng này là dấu

hiệu của sự lão suy của chính mình; và lạ lùng thay, chỉ cô gái nhỏ đêm nay khơi động được mạnh mẽ quá khứ tình dục của ông. Eguchi ấn nhẹ môi mình lên đôi môi khấp kín của cô gái. Khô. Vô vị. Nhưng ông cảm thấy dễ chịu với cái vô vị này, một cách ngược đời. Có lẽ ông chẳng bao giờ gặp lại nàng. Khi đôi môi nhỏ ấy phập phồng, tấm ướt hương vị thân xác, ông đã nằm sâu trong lòng đất từ lâu rồi. Cái ý nghĩ này không làm ông buồn đâu. Eguchi đưa môi từ miệng quệt lên hàng lông mi và lông mày nàng. Đầu cô gái lắc nhẹ. Trán nàng áp sát mắt ông. Cặp mắt đã khép, bây giờ ông còn khép kín hơn.

Hàng loạt ảo ảnh bông bành, nổi lên, lặn mất, không ngừng dưới hai mi mắt,. Bây giờ chúng bắt đầu có hình dạng. Những mũi tên màu vàng bay sát qua. Những đóa lan dạ hương đỏ thắm gắn trên đầu nhọn mũi tên; và ở đuôi tên, những hoa phong lan đủ cả sắc màu. Đẹp quá đi thôi! Nhưng làm sao mà hoa không rụng khi tên bay nhanh thế? Lạ nhỉ! Ông già Eguchi đành mở mắt, ra khỏi giấc ngủ lơ mơ.

Ông chưa uống hai viên thuốc ngủ. Chiếc đồng hồ đeo tay đặt cạnh chúng chỉ mười hai giờ rưỡi. Ông cầm thuốc trong tay. Ngần ngủ. Ngủ ngay bây giờ thì có lẽ đáng tiếc thật, đêm nay ông đâu cảm thấy nỗi u sầu và niềm cô đơn của tuổi già. Cô gái thờ đều đặn, thanh thản trong giấc ngủ. Người ta đã cho uống hay tiêm vào người nàng loại thuốc gì? Nàng không có vẻ đau đớn gì cả. Có lẽ một liều lớn thuốc ngủ, có lẽ một chất ma túy nhẹ. Eguchi nghĩ mình cũng muốn đắm chìm trong một giấc ngủ sâu dày như thế ít nhất một lần. Ông nhẹ nhàng ra khỏi giường đi sang phòng bên cạnh. Ông nhấn chuông để gọi mụ đàn bà mang cho ông loại thuốc ngủ cô gái đã uống. Nhưng chuông reo mãi làm ông cảm được sự lạnh lẽo ở trong và ở ngoài ngôi nhà. Ông ngần ngại không muốn nhấn chuông nhiều lần giữa đêm khuya tăm tối trong ngôi nhà bí ẩn. Vùng này có khí hậu ẩm áp, và lá úa mùa đông thường không lìa cành; nhưng những làn gió nhẹ tưởng chừng như không thổi qua và ông nghe được tiếng lá rụng xào xạc trong vườn. Tiếng sóng đập vào vách đá nhô ra biển cũng dịu đi đêm nay. Ngôi

nhà im ắng quá, tưởng như nhà ma ở một nơi vắng vẻ. Ông chột rùng mình. Trên người ông chỉ mặc chiếc áo “kimônô” bằng vải bông.

Khi trở lại căn phòng bí mật, ông thấy hai má cô gái đỏ ửng. Tấm chăn điện được vắn ở số thấp nhưng nàng còn trẻ mà. Ông ôm sát nàng vào người tìm hơi ấm. Lưng nàng cong lại và đôi chân thò ra ngoài chăn.

“Cô sẽ bị cảm đó”. Eguchi thốt lên. Ông cảm nhận sự khác biệt lớn lao giữa tuổi tác hai người. Nhỏ nhắn và ấm áp, nàng có thể cuộn cả người trong lòng ông.

“Đêm qua tôi bấm chuông, bà có nghe không?” Eguchi hỏi khi mẹ đàn bà sửa soạn bữa ăn sáng cho ông. “Tôi muốn dùng cùng loại thuốc ngủ bà đưa cho cô gái. Tôi muốn ngủ mê như cô ta”.

“Không được đâu ông ời. Nguy hiểm cho người già lắm”.

“Bà đừng lo. Tim tôi còn mạnh lắm. Và nếu tình cờ tôi làm một giấc nghìn thu thì tôi chẳng than phiền gì đâu”.

“Ông đòi hỏi hơi nhiều đấy, đối với một người mới tới đây ba lần”.

“Vậy thì người ta được hưởng cái gì nhất trong cái nhà này?”

Mẹ nhìn chăm chăm lại ông, hơi nhếch mép cười.

Bốn

Trời mùa đông, buổi sáng xám xịt, buổi tối mưa bụi lạnh lẽo. Bước qua cổng “ngôi nhà người đẹp ngủ mê”, Eguchi thấy mưa bụi đã biến thành mưa tuyết. Mẹ đàn bà đóng và khóa chặt cổng như thường lệ sau lưng ông. Dưới ánh sáng ngọn đèn nhỏ soi đường đi, ông nhận ra những nụ tuyết trắng dưới chân mình. Không nhiều, mềm và tan nhanh khi rơi đọng mặt đá lót lối đi.

“Xin ông cẩn thận,” Mẹ đàn bà nói “đá ướt lắm”.

Mẹ che dù cho ông và tìm cách nắm lấy tay ông. Eguchi cảm thấy khó chịu vì hơi ấm của người đàn bà nua dòng truyền qua chiếc găng tay.

“Tôi đi được mà”. Ông hất tay mù ra. “Tôi chưa lợm khòm lăm đâu để phải nhờ người dắt đi”.

“Đá trơn lăm”. Trên lối đi lá phong rụng đầy và chưa được quét sạch. Lá già héo úa, mất màu nhưng khi đắm nước mưa thì lấp lánh sáng.

“Bà có những khách hàng tê liệt nửa người đến đây không? Bà có phải cầm tay dắt, phải nâng họ đi không?”

“Ông không nên hỏi chuyện người khác”.

“Nhưng mùa đông thì nguy hiểm cho họ lắm. Bà sẽ làm gì khi họ bị tai biến mạch máu não hay cơn suy tim?”

“Thì chỉ còn nước đóng cửa tiệm” Mụ nói, giọng lạnh ngắt. “Cũng tốt thôi, có lẽ là một kết thúc sung sướng, ấm áp ở cuối đời họ”.

“Nhưng bà cũng bị liên lụy chứ không à?”

“Không đâu”. Không biết quá khứ mù đàn bà ra sao mà mụ trả lời với giọng nói không đổi, thái độ điềm tĩnh thế.

Căn phòng ở tầng một vẫn như thường lệ trừ bức tranh treo ở hốc tường vẽ làng miền núi với lá phong vàng đã được thay bằng bức tranh khác vẽ cảnh tuyết mùa đông. Bức này chắc chắn thuộc loại tranh in lại.

“Ông bao giờ cũng điện thoại báo tin vào phút chót” Mụ nói khi đang pha loại trà thơm ngon như trước. “Ông thích em nào trong ba em trước?”

“Tôi thích cả ba cô, mê nữa là đàn ông khác”.

“Vậy thì ông nên báo cho tôi biết trước hai hay ba ngày để hẹn với em nào ông thích. Ông lang chạ lắm”.

“Lang chạ à? Với một cô gái ngủ mê sao? Cô ta chẳng biết tí ti gì cả. Người nào chung chạ thì đối với cô ta cũng vậy thôi”.

“Cô ta có thể ngủ mê nhưng cô ta vẫn là thịt xương và máu huyết”.

“Các cô có bao giờ hỏi lão già ngủ với mình thuộc loại nào không?”

“Không! Chúng không được hỏi thế, cấm tuyệt đối. Đó là một phép tắc nghiêm ngặt của nhà này. Xin ông đừng lo”.

“Tôi nhớ không lầm thì bà gợi ý với khách hàng là không nên yêu thích độc nhất một cô trong số các cô của bà. Bà nhớ không? Chúng ta đã nói về sự lãng nhăng bừa bãi, và bà đã nói với tôi giống y như tôi nói với bà tối nay. Chúng ta đổi chỗ đấy. Lạ thật! Tính đàn bà của bà bây giờ mới lộ hẳn ra, phải thế không?”

Mụ nở một nụ cười mỉa mai ở khóe môi mỏng dính.

“Tôi cho rằng ông đã làm rất nhiều đàn bà khóc thét lên, ngay từ khi còn trẻ”.

“Bà nghĩ gì kỳ thế!”, Eguchi chưng hửng.

“Tôi thấy ông than phiền nhiều quá”.

“Làm gì có, tôi đã không đến đây nếu tôi thuộc loại đàn ông như thế. Người già đặt chân tới chỗ này vẫn còn những kỷ niệm gắn bó với đàn bà lắm. Nhưng dần vật hay rên rỉ đâu có mang lại những gì đã mất đi”.

“Tôi không ngạc nhiên”. Nét mặt mụ thản nhiên như không.

“Lần trước tôi có hỏi bà người ta được hưởng cái gì nhất trong ngôi nhà này?”

“Các cô gái ngủ mê cả, tôi nghĩ thế”.

“Tôi có thể dùng cùng loại thuốc ngủ không?”

“Tôi đã phải từ chối lần trước rồi mà”.

“Vậy thì một lão già làm cái gì là xấu nhất?”

“Trong nhà này không xảy ra chuyện gì xấu”. Mụ nói, hạ cái giọng nói còn trẻ xuống như thể muốn động viên Eguchi.

“Không chuyện gì xấu?” Ông già lẩm bẩm.

Đôi mắt đen của mụ không xao xuyến.

“Dĩ nhiên, nếu ông tìm cách bóp cổ cô gái đang ngủ thì dễ như vặn treo cánh tay đứa bé sơ sinh”.

Eguchi phát bực nghe mục đưa ra cái nhận xét khó chịu đó.

“Ngay cả khi bị bóp cổ, cô ta vẫn không tỉnh dậy?”

“Vâng, tôi tin thế”.

“Thế thì chết đôi ở đây thật tiện lợi, ta tự tử và kéo theo người khác”.

“Xin ông cứ tự nhiên, nếu thấy chết một mình cô đơn quá”.

“Và khi người ta cảm thấy quá cô đơn ngay cả để tự tử?”

“Tôi cho rằng người già có những lúc như thế”. Như thường lệ, mục giữ cung cách thản nhiên khi nói. “Ông uống rượu trước khi đến đây phải không? Ông ăn nói hơi linh tinh đấy”.

“Tôi đã uống thứ còn tệ hơn rượu nữa kia”.

Mục liếc nhanh ông.

“Cô em đêm nay người rất ấm” Mục nói như thể coi thường lời ông vừa nói ra. “Thật hợp cho một đêm lạnh giá thế này. Ông sẽ được ấm lắm đấy”. Mục đi xuống dưới nhà.

Eguchi mở cửa căn phòng bí mật. Mùi đàn bà thơm nồng hơn thường lệ. Cô gái nằm quay lưng về phía ông, hơi thở nặng nhọc nhưng không phải tiếng ngáy. Nàng có vẻ đầy đặn. Dưới ánh sáng dội từ những tấm màn nhung đỏ thắm mái tóc dài của nàng có màu đỏ hoe nhưng ông không chắc lắm. Từ đôi tai đầy đặn tới cái cổ tròn trịa, nước da trắng đặc biệt. Như mục đàn bà nói khi nãy, nàng có vẻ rất ấm người nhưng mặt lại không ửng đỏ.

“A!” Ông kêu lên bất chợt khi đặt lưng xuống bên cạnh nàng. Ấm thật. Làn da mịn màng đến độ như thể dính vào người ông. Mùi người ươn ướt toát ra. Ông nằm im một lúc, mắt nhắm. Cô gái cũng nằm im. Từ hông trở xuống nung núc thật. Hơi ấm người nàng bao trùm Eguchi hơn là đi sâu vào ông. Ngực nàng đầy đặn, đôi vú lớn hơi trễ xuống nhưng núm vú thì nhỏ

một cách khác thường. Mụ đàn bà lúc này nói chuyện bóp cổ. Bây giờ nằm đây nhớ lại ông thấy lạnh người với ý tưởng này vì làn da cô gái cuốn hút quá đời. Giả dụ ông bóp cổ nàng, thân thể nàng sẽ tiết ra mùi gì? Eguchi tìm cách đè nén sự căm dỗ bằng cách cố gắng tưởng tượng cách đi đứng vụng về của nàng giữa ban ngày. Nỗi phấn khích yếu dần. Nhưng, nàng đi đứng vụng về thì dính dáng gì đến ông? Cặp đùi nàng trắng đẹp thì dính dáng gì đến ông? Đối với một ông già sáu mươi bảy tuổi ngủ bên cạnh một cô gái, chắc chỉ một đêm thôi, thì dính dáng gì việc nàng thông minh hay không, có văn hóa hay không, hung dữ hay không? Ông đưa tay sờ rầm người nàng. Trong cơn ngủ mê nàng không biết gì cái chuyện một lão già đáng ghét đang sờ mó người mình. Ngày mai, cũng chẳng biết. Có phải nàng là một đồ chơi, một vật dâng hiến? Ông già Eguchi đến ngôi nhà này chỉ bốn lần và mỗi lần đến là mỗi lần ông cảm thấy một sự tê liệt khác nhau chiếm cứ cõi lòng; và đêm nay cái cảm giác đó mạnh mẽ một cách đặc biệt.

Cô gái này có được huấn luyện kỹ không? Đã đạt tới mức lãnh đạm hoàn toàn trước các lão khách tội nghiệp không? Nàng bất động, không phản ứng gì dưới bàn tay vuốt ve của Eguchi. Bất cứ lỗi hành xử phi nhân nào, qua tập tành, cũng thành có nhân tính. Đủ loại tội lỗi được chôn giấu trong bóng đêm của thế gian. Nhưng Eguchi khác các lão già lui tới ngôi nhà này. Thật vậy, ông rất khác họ. Lão Kiga, người đã giới thiệu ông, đã lầm lẫn tai hại khi tưởng rằng Eguchi cũng giống như bọn họ. Eguchi chưa mất đi sinh lực làm đàn ông. Vì vậy có thể nói rằng ông không thể cảm nhận nỗi đau buồn hay niềm hạnh phúc, lòng hối tiếc hay nỗi cô đơn một cách mãnh liệt như các lão khách khác. Trong trường hợp ông, cô gái bị thiếp ngủ là điều quả thực không cần thiết.

Đêm thứ hai ở ngôi nhà này Eguchi suýt chút nữa đã vi phạm những cấm đoán vì bị cô gái khêu gợi như phù thủy lôi cuốn và sự sửng sốt khi khám phá ra nàng vẫn còn trinh đã làm ông ngừng tay kịp thời. Sau đó, ông tự hứa sẽ tôn trọng các ràng buộc của ngôi nhà, để yên các người đẹp ngủ mê. Ông cũng tự hứa sẽ giữ kín những bí ẩn của các lão khách. Hình như đúng là tất cả các cô gái của ngôi nhà đều là trinh nữ; và sự kiện này đáp ứng

những mối quan tâm nào? Có phải các lão già ước mong như thế không, một điều mong ước nhuộm màu tang tóc? Eguchi nghĩ mình hiểu được điều này và cùng lúc thấy nó ngu ngốc.

Nhưng ông thấy nghi ngờ cô gái đêm nay. Rất khó tin là nàng còn trinh. Chờm người tận vai nàng, ông nhìn kỹ khuôn mặt nàng. Nét mặt không đều, không được đầy đặn như thân nàng nhưng còn vẻ ngây thơ hơn ông tưởng. Sống mũi thấp, hai lỗ mũi hơi bẹt ra. Đôi má tròn đầy. Tóc rẽ giữa xuống gần nửa trán. Cặp lông mày ngắn, rậm và đều.

“Xinh lắm” Ông già Eguchi lẩm bẩm, áp má mình vào má nàng. Thấy nó thật mịn và hơi ướt. Nàng xoay người nằm ngửa, có lẽ vì ông đè lên vai nàng quá nặng. Eguchi rút người ra.

Ông nằm im một lúc, đôi mắt nhắm kín, vì mùi người nàng tiết ra nồng một cách bất thường. Người ta nói khứu giác là nhanh nhạy nhất trong việc gọi về những kỷ niệm; nhưng cái mùi này đậm và hăng hăng quá. Eguchi nghĩ đến mùi sữa nơi trẻ sơ sinh. Hai mùi này khác nhau xa lắm. Nhưng phải chăng chúng có thể gọi là những mùi cơ bản của loài người? Từ thời xa xưa các ông già đã tìm cách biến mùi người tiết ra từ các cô gái trẻ thành thuốc trường xuân. Có phải mùi cô gái đêm nay là mùi thơm quý giá đó không? Nếu Eguchi vi phạm các cấm đoán của ngôi nhà qua thân xác nàng, cái mùi da thịt sẽ toát ra thì hăng hắc và đáng ghê. Nhưng nếu Eguchi cảm nghĩ như thế, phải chăng đó là dấu hiệu ông đã lụm khụm quá rồi? Mùi nồng của thân nàng cũng như cái mùi hăng hắc, đáng ghê đó, phải chăng đã hiện diện từ thuở ban đầu khi con người ra đời? Cô gái có vẻ thuộc loại dễ dàng mang bầu. Dù ngủ mê đến mấy đi nữa, sự vận động sinh lý vẫn tiếp tục không ngừng và nàng sẽ tỉnh dậy vào ngày hôm sau. Nàng mà thụ thai thì chắc là trong tình trạng không hay biết gì. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ông già Eguchi, sáu mươi bảy tuổi đời, để lại trên trần gian một đứa con được kết tinh trong tình huống như thế? Chính thân xác đàn bà đã mời gọi, lôi kéo đàn ông vào cảnh giới của naga quý.

Tuy nhiên, cô gái đã bị tước bỏ tất cả khả năng tự vệ, để làm vui các khách hàng lụ khụ, để vừa lòng các lão già đáng thương. Nàng không có một mảnh vải trên người và không thể tỉnh thức. Eguchi thấy lòng mình thổn thức thương hại cô gái. Rồi một ý nghĩ chợt hiện trong đầu ông : người già có cái chết, người trẻ có tình yêu, cái chết đến một lần, tình yêu đến hoài hoài. Ý nghĩ này làm ông ngạc nhiên nhưng cũng làm ông bình tĩnh lại - dù ông không phải quá bị bối rối. Tuyết rơi rất nhẹ hòa lẫn với mưa rì rào vọng tới tận căn phòng. Tiếng sóng biển đã chìm khuất đâu rồi. Ông tưởng mình thấy được mặt biển tối đen, không bến bờ và những nụ tuyết trắng rơi xuống rồi tan đi. Một con chim săn mồi trông giống như đại bàng bay lượn trên đầu sóng nhấp nhô, mỏ ngậm chặt một cái gì đang rỉ máu. Có phải cái đó là một đứa trẻ sơ sinh không? Không lẽ nào. Có lẽ đó là bóng ma biểu hiện sự độc ác của con người. Ông lắc nhẹ đầu trên gối và bóng ma biến mất.

“Ấm thật, ấm thật” Eguchi thốt lên.

Không phải chỉ từ tấm chăn điện đâu. Nàng đã đẩy nó xuống dưới, để lộ một nửa bộ ngực rộng và đôi vú to nhưng chưa nẩy nở hết. Làn da trắng nhuốm nhẹ màu ánh sáng từ những tấm màn nhung đỏ thẫm. Vừa ngấm nhìn bộ ngực thanh tân của cô gái, ông vừa dùng ngón tay vạch theo đường rẽ của lọn tóc trên trán nàng. Nàng vẫn thở nhẹ nhàng và chậm rãi. Răng ra sao dưới cặp môi nhỏ nhắn này? Ông kéo cái môi dưới xuống và thấy rằng nàng đều đặn, tuy nhỏ nhưng không quá nhỏ so với đôi môi. Ông rút tay về và đôi môi vẫn không khép lại; ông còn thấy được đầu các răng nàng. Ông chùi vết son dính trên đầu ngón tay lên cái dải tai đầy đặn của nàng rồi tiếp tục chùi phần còn lại lên cái cổ tròn trịa. Những vết đỏ lờ mờ trên làn da trắng mịn trông thật mát mắt.

Đúng rồi, nàng có thể còn trinh. Nhưng Eguchi không thấy hứng thú tìm tòi kỹ hơn vì ông nghĩ lại thấy mình đã nghi ngờ cô gái ở đêm thứ hai và đã sợ sệt biết mình có thể có những hành động hèn hạ gây ra những hối tiếc về sau. Chuyện cô kia còn trinh và cô này cũng thế có quan trọng gì đối với

ông không? Được rồi, không gì cả. Nhưng mà ông lại thấy mình không thể thờ ơ, không thể bất cần chuyện trình tiết và nghe từ bên trong mình một giọng nói cười cợt.

“Mày chế giễu ông đấy à? Mày có phải quỷ sứ không?”

“Quỷ sứ à? Không đơn giản thế đâu. Ông lúc nào cũng quan trọng hóa nỗi bi lụy của riêng ông, và nỗi bất mãn vì chưa chết được”.

“Đâu có, ta chỉ suy xét chuyện đời giùm cho những lão già buồn bã hơn ta”.

“Đồ vô lại! Kẻ nào chỉ biết trút tội lên đầu người khác thì không xứng ngang hàng với bọn vô lại nữa là đằng khác”.

“Vô lại? Ta là tên vô lại, được rồi. Tuy nhiên, nếu một cô gái còn trinh là trong trắng, tại sao một cô không còn trinh thì không trong trắng nữa? Ta đến ngôi nhà này đâu phải để tìm gái còn trinh”.

“Ôi, bởi vì ông chưa biết đến các thềm muốn của những lão già lụm khụm đó thôi. Đừng bao giờ trở lại đây nữa! Giả dụ tình cờ một trong triệu lần, thật vậy, một trong triệu lần, cô gái mở mắt ngay giữa đêm, ông thấy ô nhục tới mức nào không?”

Những ý tưởng đi qua đầu Eguchi như một cuộc tự vấn lương tâm; nhưng dĩ nhiên việc này chẳng dính dáng gì đến chuyện người ta chỉ thiếp cho ngủ mê các cô gái còn trinh. Đến ngôi nhà này chỉ bốn lần mà ông đã thấy bối rối, khó hiểu là cả bốn cô gái đều còn trinh. Có phải các lão già mong ước thế không, đòi hỏi thế không?

“A, nếu cô ta thức dậy được” cái ý nghĩ này quả thực lôi cuốn Eguchi hết chỗ nói - phải cần một cú sốc, nhưng cú sốc loại gì và mạnh mẽ đến đâu để nàng mở mắt được, dù còn ở trong tình trạng ngất ngờ? Giả dụ như bây giờ ông chặt cánh tay nàng hoặc thọc dao vào ngực hay bụng nàng, chắc là nàng không thể tiếp tục giấc ngủ được.

“Ta đòi bại quá”. Eguchi lẩm bẩm với chính mình.

Vài năm nữa thôi, đúng, không lâu đâu, sự bất lực sinh lý nơi những lão già khác sẽ chụp kịp ông. Những ý tưởng tàn ác nảy mầm trong đầu: châm lửa đốt quách ngôi nhà này, đốt luôn cả đời ta trong đó, vì ta cảm thấy sao mà gần gũi, cận kề với nàng quá sức, dù nàng không phải là một sắc đẹp cổ điển, nàng chỉ nằm đây với bộ ngực tràn đầy không che đậy. Những ý tưởng này phải chẳng là hiện tượng trái nghịch của lòng ăn năn sâu sắc? Trong một đời người dường như sắp kết thúc một cách yếu ớt, nỗi ăn năn cũng có mặt đấy. Ông biết mình không có lòng dũng cảm như cô con gái út đã cùng ông ngắm nhìn cây trà hoa tro bông đạo nào. Eguchi nhắm mắt lại.

Hai con bướm bay lượn chập chờn trên bụi cây thấp dọc theo con đường nhỏ lát đá theo bước đi trong vườn. Chúng nô đùa có vẻ thích thú, khi giấu mình trong bụi cây, khi chạm nhẹ lá xanh. Rồi bay cao hơn một chút, uốn lượn sát nhau, xa nhau, và một con bướm khác vụt xuất hiện từ đám lá, rồi một con khác nữa. Hai cặp bướm, Eguchi tự nhủ, rồi một con thứ năm bỗng dừng bay tới nhập cuộc chơi. Chúng sẽ đấu đá nhau? Nhưng liền theo đó biết bao là bướm từ bụi cây bay lên, càng lúc càng đông và cả ngôi vườn nhanh chóng trở thành một vũ khúc nhịp nhàng của đàn bướm trắng. Chúng bay lượn lơ lửng gần mặt đất. Những cành cây phong rủ thấp lay động dưới làn gió nhẹ như không. Những cành con mảnh khảnh vì mang lá to nên dễ rung rinh trong gió. Đàn bướm bây giờ đông đến nỗi trông như một cánh đồng hoa trắng. Tuy nhiên, những cây phong trong vườn ngôi nhà đã rụng hết lá, dĩ nhiên lúc nào cũng còn vài lá úa héo chưa chịu rụng; và đêm nay lại gặp mưa tuyết.

Eguchi đã quên hẳn cái lạnh lẽo của cơn mưa tuyết đang rơi bên ngoài. Có phải bộ ngực to đầy, trắng nuột của cô gái mở rộng bên cạnh ông đã mang lại hình ảnh vũ khúc của đàn bướm trắng? Có phải nàng có cái gì đó đủ sức kiềm hãm những cơn ham muốn đòi bại nổi lên trong lòng ông? Eguchi mở mắt. Ngắm đôi núm vú nhỏ, hồng. Biểu tượng của lòng tốt, ông cảm nhận như thế. Áp má mình lên đó. Hơi ấm có vẻ truyền vào dưới mí mắt. Bỗng dưng Eguchi nổi hứng muốn để lại dấu vết trên thân thể nàng. Ông mà vi phạm những cấm kỵ của ngôi nhà thì chắc nàng sẽ đau khổ lắm

khi thức dậy. Ông vạch trên ngực nàng vài dấu vết hằn đỏ màu máu và thấy cả người run rẩy.

“Cô sẽ bị cảm đấy”. Ông kéo chăn lên ngực nàng. Rồi uống trộm luôn hai viên thuốc ngủ bên gối. “Nặng cân lắm đấy, nhất là phần dưới!” Ông lăm bắm, đưa tay xuống kéo người nàng vào sát mình.

Sáng hôm sau, ông già Eguchi bị mục đàn bà gọi dậy đến hai lần. Mục gõ nhẹ cửa lần thứ nhất.

“Thưa ông, chín giờ sáng rồi đó”.

“Tôi dậy đây. Chắc ở phòng ngoài lạnh lắm”.

“Tôi đã đốt lò sưởi lâu rồi”.

“Mưa tuyết thế nào rồi?”

“Tạnh rồi. Nhưng trời đục lắm”.

“VẬY À?”

“Tôi đã dọn sẵn bữa ăn sáng cho ông rồi đấy”.

“Được rồi”. Ông trả lời lạnh nhạt trong cơn ngái ngủ và khép mắt lại. Để người dính chặt vào làn da khác thường của cô gái, ông thầm thì, “Quý sứ đến với ta đây”.

Không quá mười phút sau, mục đàn bà lại lên tiếng.

“Ông ơi!” Mục đập cửa mạnh hơn. “Ông ngủ lại sao?” Giọng mục đầy bức tức.

“Cửa không khóa mà” Ông nói. Mục bước vào. Uể oải, ông ngồi dậy. Mục giúp ông thay áo quần, ngay cả giúp mang vớ nhưng cử chỉ của mục làm ông khó chịu. Hai người sang phòng ngoài và mục rót trà cho ông. Hớp từng ngụm nhỏ, ông thấy trà ngon như thường lệ. Mục mở to mắt nhìn ông, cái nhìn lạnh và đầy nghi hoặc.

“Cô em này, ông thấy sao? Có thích lắm không?”

“Được lắm”.

“Thế thì tốt. Và ông có được những giấc mơ đẹp?”

“Giấc mơ? Tôi chẳng nằm mơ gì cả. Chỉ ngủ thôi. Lâu lắm rồi tôi mới được ngủ ngon thế này”. Ông ngáp không che miệng. “Tôi chưa tỉnh người hẳn”.

“Tôi nghĩ rằng ông rất mệt mỗi đêm qua”.

“Thì do cô ấy mà ra cả. Cô ấy đến đây thường không?”

Mụ đàn bà hạ ánh mắt, nét mặt tỏ ra nghiêm khắc.

“Tôi muốn yêu cầu bà một chuyện khá đặc biệt” Ông nói, ra vẻ đĩnh đạc. “Khi nào tôi ăn sáng xong, bà vui lòng cho tôi thêm vài viên thuốc ngủ. Tôi sẽ trả thêm tiền. Tôi không biết khi nào cô ấy thức dậy đâu”.

“Ý, không được đâu”. Mặt mụ tái đi, xám xịt. Đôi vai căng cứng. “Ông đi quá đà rồi đấy”.

“Quá đà?” Eguchi tìm cách cười nhưng cười không ra.

Mụ đàn bà bỗng đứng dậy vội vã đi vào phòng bên cạnh, có lẽ mụ nghi ông đã làm điều gì đó với cô gái.

Năm

Những ngày Tết qua đi. Biển đầy sóng lừng giữa mùa đông giá lạnh. Trên đất liền chỉ có gió nhẹ.

“Chịu ông thật! Đêm nay lạnh thế mà ông cũng bỏ công”. Mụ đàn bà mở cổng “ngôi nhà người đẹp ngủ mê”.

“Vì lạnh thế mà tôi đến đây”. Ông già Eguchi nói. “Giá mà có chết đi thành linh trong một đêm như thế này, trong mùi da thịt ấm áp một cô gái trẻ, đối với một người già thì là thiên đường quá đi rồi”.

“Ông nói gở làm sao ấy”.

“Ôi, người già là hàng xóm của thần chết mà”.

Lò sưởi đang chạy trong căn phòng thường lệ ở tầng trên. Và trà vẫn ngon như thường lệ.

“Tôi cảm thấy có gió lùa”.

“Ừa, thật sao?” Mụ nhìn quanh. “Không có đâu”.

“Ở đây có ma không?”

Mụ giật mình nhìn Eguchi. Mặt mụ bệch ra.

“Rót cho tôi tách khác. Rót đầy nhé. Không cần làm cho nguội bớt. Pha nước thật nóng vào”.

Mụ làm theo lời ông. “Ông nghe người ta xì xào chuyện gì không?” Mụ hỏi, giọng lạnh ngắt.

“Có lẽ có”.

“Thực à? Ông biết rồi mà ông vẫn tới đây?” Cảm thấy là Eguchi đã nghe biết chuyện gì rồi, mụ quyết định không giấu diếm nữa nhưng vẻ mặt mụ trông không thân thiện chút nào. “Tôi biết là ông đi từ xa đến đây... tôi không nên, ông hiểu cho, nhưng tôi có thể yêu cầu ông đi khỏi đây không?”

“Tôi biết chuyện mà tôi vẫn đến đây, vậy thì có gì phiền bà hơn đâu?”

Mụ cười hì hì. Hình như có gì ma quái trong tiếng cười.

“Dù sao đi nữa, một tai nạn như thế không thể nào tránh được. Mùa đông thì nguy hiểm cho các ông già lắm. Có lẽ tốt hơn bà nên đóng cửa vào mùa đông”.

Mụ không trả lời.

“Tôi chẳng biết được các lão già đến đây thuộc loại người nào, nhưng một người chết, rồi một người khác nữa, bà sẽ bị khó khăn đấy”.

“Ôi, mấy chuyện này nên nói với ông chủ. Tôi làm gì nên tội đâu?” Mặt mụ bây giờ như màu tro.

“Có chứ! Bà làm chuyện sai trái chứ không à. Cái xác chết của lão khách được chuyển sang một quán trọ nào đó. Trong đêm khuya tăm tối. Chẳng lẽ bà không phụ vào một tay sao?”

Mụ cứng người, hai tay co quắp trên đầu gối.

“Làm thế chỉ để giữ tiếng tốt cho người chết ấy thôi”.

“Tiếng tốt à? Người chết có tiếng tốt sao? Thôi được, bà cũng có lý đấy. Sự việc chẳng hay ho gì nhưng người ta phải làm để giữ được bề ngoài tốt đẹp. Cho gia đình hơn là cho người chết đi. Chủ nhân ngôi nhà này cũng làm chủ luôn cái quán trọ đó chứ?”

Mụ đàn bà không trả lời.

“Tôi nghĩ các tờ báo sẽ không khai thác vụ này đâu, dù quả thực lão nằm chết bên cạnh một cô gái trần truồng. Tôi mà như lão thì tôi thấy sung sướng nằm luôn tại chỗ, không khiêng tôi đi đâu hết”.

“Không được đâu ông. Cảnh sát sẽ đến tận đây điều tra, phiền phức lắm; và căn phòng đó thì hơi lạ thường, các cụ ông nào khác còn bỏ công lui tới sẽ cảm thấy khó chịu, bất an. Rồi còn các cô nữa”.

“Cô gái vẫn ngủ mê, làm sao biết được lão già đã chết bên cạnh mình. Lão có thể cựa quậy hay co giật một chút, chẳng đủ để làm cô ta tỉnh dậy đâu”.

“Nhưng nếu để xác cụ ở đó thì phải khiêng cô gái đi chỗ khác, giấu cô ta ở đâu đó. Ngay cả làm thế người ta cũng khám phá ra được cụ đã nằm ngủ và chết đi bên cạnh một người đàn bà”.

“Bà khiêng cô ta đi nơi khác à?”

“Chẳng lẽ đó cũng là một cái tội sao?”

“Tôi đoán cô ta sẽ không tỉnh dậy dù xác lão già đã lạnh bên người mình”.

“Tôi cũng nghĩ thế”.

“Thế thì cô ta đâu biết được lão đã chết rồi”. Eguchi nhấn mạnh. Cô gái bị thiếp cho say ngủ đã nằm sưởi ấm cái xác chết lạnh lẽo trong bao nhiêu thời gian từ khi lão già thở hơi cuối cùng? Nàng cũng chẳng biết vào lúc nào người ta khiêng xác lão đi nơi khác.

“Về phần tôi, nói cho bà biết để khỏi lo, áp huyết tốt, tim khỏe. Nhưng giả dụ tôi có chết đi thì xin đừng khiêng tôi đi đâu cả. Cứ để tôi nằm bên cạnh nàng”.

“Hoàn toàn không được đâu ông” Mụ hấp tấp nói. “Tôi phải yêu cầu ông ra khỏi đây nếu ông cứ lập đi, lập lại những chuyện như thế”.

“Tôi đùa đấy”. Ông chẳng có lý do gì để nghĩ rằng cái chết đột ngột đang lần quất đâu đây rình rập ông.

Tin cáo phó về tang lễ của lão khách đăng trên báo chỉ ghi đơn giản: “từ trần đột ngột”. Eguchi đã gặp lão già Kiga ở đám tang và được lão thăm thì bên tai những chi tiết liên hệ. Ông ta chết vì liệt tim.

“Cái quán trọ ở vùng du lịch nước khoáng nóng, nghĩ lại xem, đâu phải thuộc loại một ông giám đốc xí nghiệp lui tới” Kiga nói, “Lão ấy thường đến một quán trọ khác mà. Vì thế có nhiều người nói bóng gió lão đã chết một cái chết ngon lành. Dĩ nhiên, họ đâu biết rõ những gì thực sự đã xảy ra”.

“Lạ nhỉ”.

“Một trường hợp được chết nhẹ nhàng, có thể nói thế. Nhưng thật ra không phải vậy đâu. Lão đau đớn hơn nhiều. Chúng tôi thân nhau lắm, tôi đoán ngay được sự tình ra sao và chạy đi kiểm chứng liền. Nhưng tôi không hé miệng nói với ai cả. Ngay gia đình lão cũng mù tịt. Anh có thấy buồn cười không, mấy cái tin cáo phó trên báo đó?”

Hai cáo phó đặt nằm cạnh nhau, cái đầu mang tên vợ và con trai người chết, cái thứ hai do xí nghiệp của người chết đứng tên.

“Fukura trông như thế này nè”. Kiga hoa tay diễn tả cái cổ bự, cái ngực rộng, và đặc biệt cái bụng phệ to tướng. “Phần anh cũng nên cẩn thận lắm đấy nhé”.

“Anh khỏi phải lo cho tôi”.

“Và họ khiêng cái xác kéch xù đó đi chỗ khác ngay đêm hôm khuya khoắt”.

Ai khiêng lão đi? Chắc chắn họ phải dùng đến xe hơi và Eguchi cảm thấy khó chịu khi tưởng tượng trong đầu cái cảnh đó.

“Họ có vẻ thoát nạn lần này”. Kiga thì thầm ở đám tang, “nhưng cứ tiếp tục kiểu này thì chẳng bao lâu họ phải đóng cửa ngôi nhà thôi”.

“Rất có thể vậy”.

Đêm nay khi nhận ra Eguchi biết ít nhiều về cái chết của ông già Fukura, mẹ đàn bà không tìm cách giấu quanh cái tai nạn bí mật đó; nhưng mẹ vẫn tỏ ra cảnh giác cao độ.

“Và cô gái thực sự không hay biết gì sao?” Eguchi vẫn cứ hỏi.

“Cô ta có cách nào để biết đâu. Nhưng cụ già có vẻ đau đớn lắm. Từ cổ đến ngực cô có những vết trầy xước. Dĩ nhiên cô không biết chuyện gì xảy ra. Sáng hôm sau khi mở mắt, cô than: Lão già này tởm quá”.

“Một lão già đáng tởm. Ngay cả khi đang quần quai hấp hối”.

“Không phải vết thương đâu. Chỉ là lằn xước, có máu rỉ ra chỗ này, chỗ nọ thôi”.

Mẹ ta bây giờ có vẻ sẵn sàng khai ra mọi thứ với ông. Nhưng ông chẳng muốn nghe nữa chút nào. Câu chuyện cứ xoay quanh nạn nhân chỉ là một lão già trước sau gì cũng chết ở đâu đó. Có lẽ lão hưởng được một cái chết ngon lành. Hình ảnh cái xác to mập quá cỡ đó được khiêng chở đến quán trọ có nước khoáng nóng xuất hiện trong đầu khiến ông thấy bức dọc.

“Cái chết của một lão già, có gì đẹp để nhìn đâu, phải không bà? Tôi đoán bà tin lão ấy sẽ tái sinh miền Cực lạc nhưng tôi đoán chắc lão đi xuống địa ngục thôi”.

Mụ không lên tiếng.

“Tôi có biết cô gái nằm với lão không?”

“Tôi không thể nói ra với ông”.

“Thôi được”.

“Cô ta được nghỉ ngơi đến khi da thịt lành lặn hẳn”.

“Cho tôi xin tách trà khác. Tôi thấy khát quá”.

“Vâng ạ. Để tôi thay trà mới”.

“Bà đã xoay sở tránh được phiền phức lần này nhưng bà có nghĩ phải đóng cửa ngôi nhà này sớm không?”

“Ông nghĩ thế à?” Mụ hỏi lại, điềm tĩnh, mắt không nhìn lên khi rót trà. “Ma sẽ hiện hình lên trong một đêm như thế này”.

“Tôi thích nói chuyện đàn ông với ma lắm”.

“Về chuyện gì chứ, thưa ông?”

“Về các lão già buồn rầu”.

“Ông lại nói đùa rồi”.

Eguchi hớp trà.

“Đúng là tôi đùa đấy. Ma, tôi có một con ma, ngay trong tôi đây. Bà cũng có ma nơi bà”. Ông đưa bàn tay mặt chỉ vào mụ đàn bà. “Làm sao bà biết là lão chết?”

“Tôi nghe tiếng rên rỉ khác thường nên vội chạy lên lầu. Hơi thở và mạch tim đã tắt”.

“Và cô gái không hay biết gì cả” Ông nhắc lại.

“Chúng tôi thu xếp mọi việc đâu vào đó để cái việc lật vạt này không đánh thức cô ta”.

“Việc lật vạt à? Và cô ta không hay biết gì khi người ta khiêng cái xác chết đi?”

“Đúng”.

“Thế thì cô này kinh khủng thật”.

“Kinh khủng? Cô ta có gì kinh khủng đâu. Ông đừng nói chuyện phi lý như thế nữa, và ông nên vào ngay phòng bên. Ông thấy cô nào trong mấy cô trước có vẻ kinh khủng không?”

“Có lẽ tuổi trẻ là điều kinh khủng đối với đàn ông già cả”.

“Ông nói thế có nghĩa gì?” Mụ cười nhạt, đứng dậy, bước tới cánh cửa bằng gỗ thông bá hương, mở hé, và nhìn vào. “Ngủ say nhanh thật. Đây này, đây này”. Mụ rút cái chìa khóa từ đai lưng. “Chút nữa tôi quên nói với ông, đêm nay có hai cô”.

“Hai?” Eguchi chưng hửng. Có lẽ các cô gái đã biết chuyện lão Fukura chết ở đây.

“Xin mời ông vào”. Mụ rút lui.

Eguchi không còn tò mò và ngượng ngùng như lần đầu tiên đến đây nhưng ông lại lùi người khi vừa mở cửa phòng.

Cô gái này cũng đang học nghề hay sao? Nàng có vẻ cục mịch và hoang dại, khác với cô gái nhỏ nhắn đêm trước. Vẻ hoang dại làm ông hầu như quên hẳn cái chết của Fukura. Nàng được đặt nằm ngủ gần cửa phòng. Có lẽ vì không quen với các phụ tùng cần thiết cho người già như chăn điện, hay có lẽ vì thân nàng chứa đủ nhiệt để xem thường cái rét mùa đông, nàng để trút cái chăn xuống dưới bụng. Nàng nằm ngửa, đôi chân và đôi tay dang rộng. Núm vú rộng và đen tím. Cái màu không đẹp chút nào dưới ánh sáng phản chiếu từ các tấm màn nhung đỏ thẫm. Và màu da từ cổ tới ngực

cũng không thể gọi là đẹp. Tuy nhiên, màu da tối này cũng sáng lên được. Hình như có mùi gì không rõ rệt tiết ra từ nách.

“Đây chính là sự sống”. Eguchi thầm thì. Một cô gái như thế này truyền hơi thở nóng hổi của cuộc sống vào người đàn ông sáu mươi bảy tuổi. Ông nghi không biết nàng có phải là người Nhật không. Nàng chưa thể đến hai mươi tuổi, vì núm vú còn dẹt dù bộ ngực căng đầy. Thân thể trông rắn chắc.

Ông nắm tay nàng. Ngón và móng tay đều dài. Nàng phải cao lắm, theo một hiện nay. Giọng nàng thuộc loại gì, cung cách nói chuyện ra sao? Eguchi thích giọng nói một số phụ nữ trên đài phát thanh và truyền hình; khi họ xuất hiện thì ông ưa nhắm mắt lại chỉ để nghe họ thôi. Ông muốn nghe giọng nói cô gái này. Quả thực chẳng có cách nào nói chuyện được với một người ngủ mê. Làm sao để nàng lên tiếng trong giấc ngủ? Giọng nói của một người đang ngủ thì khác thật. Phần lớn đàn bà có dăm ba giọng nói nhưng cô này chắc chỉ có một mà thôi. Nhìn cách nằm ngủ thôi, ông thấy được nàng không có vẻ lạnh nghề và không có kiểu cách.

Ông ngồi nắn vuốt các móng tay dài. Các móng tay có thể cứng thế sao? Có phải các móng tay này trẻ và khỏe? Màu máu dưới chúng trông tươi rói. Ông chợt nhận ra lần đầu tiên nàng đeo một sợi dây chuyền vàng mỏng như sợi chỉ. Ông muốn mỉm cười. Dù đẩy chặn hờ cả nửa người, trong một đêm đông giá rét thế này, nàng vẫn đổ chút ít mồ hôi ở trán. Ông rút khăn tay từ túi áo, lau trán nàng. Mùi mồ hôi bốc nồng cả khăn tay. Ông cũng lau nách nàng. Không thể mang chiếc khăn tay nặng mùi như thế về nhà, ông vò lại rồi ném vào một góc phòng.

“Cô cũng tô son môi nữa sao”. Tô son là chuyện bình thường nhưng với cô gái này lại làm ông cười mỉm. Ông nhìn kỹ hơn một lúc. “Có phải cô đã được giải phẫu tât sứt môi không?”

Ông nhặt lại chiếc khăn tay và chùi môi nàng. Không thấy dấu hiệu mỗ xẻ gì cả. Nhân trung cong lên, tạo thành một hình tam giác rõ nét trên miệng. Trông thu hút một cách lạ lùng.

Eguchi bỗng nhớ lại nụ hôn cách đây hơn bốn mươi năm. Đứng trước cô gái, tay choàng nhẹ vai nàng, ông đưa môi mình tìm gặp môi nàng. Nàng tránh né bằng cách quay đầu khi sang phải khi sang trái.

“Không! Không! Em không hôn đâu”.

“Có chứ!”

“Không mà, không mà. Em không hôn đâu”.

Eguchi chùi môi mình rồi đưa nàng xem chiếc khăn tay giấy màu son hồng.

“Em ưng đấy chứ. Nhìn xem này”.

Cô gái cầm chiếc khăn tay, nhìn chăm chăm rồi nhét vào xắc tay.

“Em đâu có hôn”. Nàng nói nghẹn ngào, mắt đẫm lệ, đầu cúi xuống trong im lặng.

Họ chẳng bao giờ gặp lại nhau. Và nàng đã làm gì với chiếc khăn tay? Thôi, thay kệ chiếc khăn tay, nhưng nàng? Nàng còn có mặt trên đời này không, hơn bốn mươi năm sau?

Ông đã lãng quên nàng trong bao nhiêu năm, cho tới khi hình ảnh nàng trở về trong đầu ông do cái môi trên vênh ra của cô gái bị thiếp ngủ mê gợi lên? Nếu ông bỏ chiếc khăn tay giấy son đôi môi ông đã chùi đi bên gối cô gái, khi tỉnh giấc có phải nàng sẽ nghĩ là ông đã hôn trộm nàng không? Dĩ nhiên, khách hàng ở đây được tha hồ hôn hít. Hôn không nằm trong mớ cấm đoán của ngôi nhà. Và các lão già lụm khụm đến đâu vẫn còn hôn được mà. Cô gái không thể tránh né được, và chẳng bao giờ hay biết. Những đôi môi ngủ mê thường lạnh và ướt. Đôi môi của người đàn bà đã chết nhưng ta đã yêu một thời chắc gây ra một nỗi xúc động rộn ràng hơn nhiều. Ông cảm thấy mất hết hứng thú hôn cô gái khi nghĩ đến các lão khách lụ khụ lui tới ngôi nhà này.

Tuy nhiên hình dạng lạ thường của cặp môi kích thích ông. Sao mà có được cặp môi như thế này trên đời, ông tự hỏi, dùng ngón tay út chạm nhẹ

chỗ giữa môi trên. Môi khô. Và da môi có vẻ dày. Cô gái bắt đầu liếm môi, và chỉ ngừng khi môi rất ẩm ướt. Ông rút ngón tay về.

“Nàng có hôn không khi đang ngủ?”

Ông vuốt nhẹ tóc nàng ở bên tai. Tóc thô và cứng. Ông đứng dậy và trút bỏ quần áo.

“Cô sẽ bị cảm lạnh đấy, dù cô khỏe mạnh đến mấy đi nữa”. Ông kéo chăn phủ ngực và hai tay nàng rồi nằm xuống bên cạnh. Nàng xoay người về phía ông, và cùng với tiếng rên rỉ, nàng bất ngờ vung mạnh hai tay ra ngoài. Ông già Eguchi bị đẩy bật ra, thẳng thừng. Ông bật cười sảng sặc. Đúng là một cô học nghề rất dũng cảm, ông nói với chính mình.

Nàng đã bị thiếp cho ngủ mê, không thể tỉnh thức trong bất cứ trường hợp nào, và thân xác nàng chắc cũng tê liệt; thế thì ông muốn làm gì với nàng mà chẳng được. Nhưng ông cảm thấy mình không còn sức sống cần thiết để sử dụng bạo lực với cô gái đang ở trong tình trạng mê man như thế - hay là ông đã mất đi sức sống đó từ lúc nào rồi. Ông nằm lại gần nàng, trong một nỗi đam mê dịu dàng, một sự đồng tình tử tế, một giao cảm cận kề với nàng. Đã xa rồi cuộc phiêu lưu, xa rồi cuộc chiến đấu làm ta thờ ơ, thờ ơ gấp hơn.

“Ta già rồi” Ông lẩm bẩm, thấy mình đã nghĩ như thế ngay khi bật cười vì bị cô gái đang ngủ vô tình đẩy ra.

Thực tình ông chưa đủ điều kiện để làm khách hàng ngôi nhà này như những lão già khác. Nhưng chắc là cô gái có nước da ngăm đen và bóng này đã khiến ông cảm nhận một cách mãnh liệt hơn thường lệ ông chẳng còn bao nhiêu sinh lực đàn ông trong những tháng ngày trước mắt.

Làm tình trên người cô gái có lẽ sẽ mang lại liều thuốc bổ khơi dậy nỗi niềm háo hức thời tuổi trẻ. Eguchi càng lúc càng thấy chán ngấy cái “ngôi nhà người đẹp ngủ mê” này. Vậy mà càng chán ông lại càng lui tới thường xuyên hơn. Ông bỗng dưng cảm thấy kích động, máu chảy mạnh trong người : ông sẽ dùng bạo lực trên thân xác nàng, bẻ gãy những cấm kỵ của

ngôi nhà, phá hủy những lạc thú tồi tệ và bí mật của những lão già, và như thế, chấm dứt sự lui tới nơi chốn này. Nhưng dùng sức mạnh thì thật là vô ích. Thân xác cô gái ngủ mê làm sao chống cự. Ngay cả xiết họng nàng chẳng khó gì đâu, nếu muốn. Sự kích động biến mất rồi sự trống rỗng tối tăm tận đáy xâm chiếm cõi lòng ông. Tiếng những con sóng lớn tuy gần nhưng dường như vọng đến từ nơi nào xa lắm, một phần vì không có gió nơi đây, trên đất liền. Ông già thấy ra đáy vực tối tăm của đêm đen trên mặt biển đầy bóng tối. Ông chống cùi chỏ trời người lên, đưa mặt mình sát mặt cô gái. Nàng thở nặng nhọc. Ông thấy không thích hôn miệng nàng nữa và hạ người nằm xuống.

Ông nằm lại ngay chỗ nàng đã đẩy ông ra, tấm chăn không đắp được ngực ông. Ông trườn người về phía cô gái thứ hai. Cô đang nằm quay mặt bồng xoay người về phía ông. Cách chào đón này thấy chứa cả một sự gợi tình dịu dàng ngay trong khi ngủ say. Một bàn tay nàng rơi xuống trên hông ông.

“Một sự phối hợp nhịp nhàng”. Ông nhắm mắt lại, tay vẫn nắn vuốt các ngón tay cô gái. Các ngón tay xương nhỏ nên dẻo, dẻo đến độ bị bẻ cong tới mức nào đi nữa vẫn không gãy. Đến độ ông muốn ngậm trong miệng. Đôi vú nhỏ nhưng tròn và chắc. Nằm gọn trong lòng một bàn tay. Mông cũng tròn, chắc như thế. Đàn bà thật là vô cùng, ông già suy nghĩ rồi cảm thấy buồn buồn. Ông mở mắt. Cổ nàng dài. Thon và đẹp. Nhưng vẻ thon thả này không hợp với thị hiếu Nhật Bản ngày xưa. Mí kép khép kín rất nông nên có thể thành một mí đơn khi mở mắt. Hay là khi thì đơn, khi thì kép. Hay là đơn ở một mắt, kép ở mắt kia. Ánh sáng từ các tấm màn nhung không đủ mạnh để ông thấy rõ màu da nàng; nhưng có vẻ rám nắng ở mặt, trắng ở cổ, hơi rám nắng lại ở đôi vai và rất trắng ở ngực tưởng chừng như được tẩy rửa.

Ông nhận thấy cô gái da ngăm và bóng có thân hình cao lớn và cô này chẳng có vẻ thấp hơn bao nhiêu. Ông duỗi chân ra. Các ngón chân đầu tiên chạm phải lòng bàn chân có lớp da dày của cô gái da ngăm. Ấm ướt. Ông

kéo vội chân mình về, cùng lúc cảm thấy nổi ham muốn xuất hiện trong lòng. Một ý tưởng xẹt qua đầu ông như tia chớp : lão già Fukura đã nằm với cô gái da ngăm này đây khi bị liệt tim mà chết. Vì vậy đêm nay có đến hai cô trong phòng.

Nhưng không thể như thế đâu. Cô gái nằm với Fukura đang nghỉ ngơi ở một nơi nào đó, chờ cho lành lặn hẳn các lằn nứt trên cổ, trên ngực. Có phải mẹ đàn bà đã nói thế với ông khi nãy không? Ông lại đặt bàn chân mình lên lòng bàn chân có lớp da dày của cô gái và rờ rẫm làn da đen bóng từ dưới lên.

Eguchi thấy rung động cả người, sự rung động như muốn nói lên: “Hãy truyền cho tôi sức mạnh huyền bí của cuộc sống”. Nàng đã đẩy chân xuống, hay đúng hơn, tẩm chân điện bên dưới. Một bàn chân lòi ra ngoài. Eguchi nhìn chăm chăm ngực và bụng nàng với ý muốn đẩy cả thân xác nàng ra khỏi chăn, để mặc nàng chống chọi với cái lạnh giữa mùa đông. Ông đặt đầu lên ngực và nghe tim nàng đập. Ông tưởng sẽ nghe được nhịp đập mạnh khỏe nhưng thực ra nó khẽ khàng đến độ gây xúc động. Và không đều, phải không?

“Cô sẽ bị cảm lạnh đấy”. Ông kéo chăn lên đắp người nàng rồi tắt công tắc của tấm chăn điện phía nàng. Sức mạnh huyền bí trong đời sống đàn bà, ông nghĩ, thì chẳng có bao nhiêu đâu. Giả dụ ông bóp cổ nàng. Dễ lắm mà. Chẳng khó chút nào ngay cả đối với một ông già. Ông rút khăn tay lau má, cái má ông đã đặt lên ngực nàng khi nãy. Cái mùi mồ hôi dầu nơi cô gái dường như đến từ ngực. Và tiếng đập của trái tim nàng vẫn còn vọng nơi ông, tận cùng trong tai. Ông đặt một tay lên tim mình. Nó có vẻ đập mạnh hơn, có lẽ vì nó là tim ông.

Eguchi quay người về phía cô gái mảnh khảnh, lưng về phía cô gái da ngăm. Cái mũi thẳng, xinh trông càng thanh tao dưới cặp mắt già viễn thị. Ông thấy mình không dẫn được đặt bàn tay dưới cái cổ thon dài và kéo nàng về phía mình. Đầu nàng mềm mại ngả sang, cùng lúc một mùi thơm dịu nhẹ thoảng qua rồi quện lẫn với mùi hoang dã, nồng đậm của cô gái da

ngắm sau lưng ông. Ông ôm sát cô gái có nước da sáng. Hơi thở nàng ngán và nhanh. Nhưng ông không phải lo ngại nàng sẽ tỉnh thức. Ông nằm im một lúc.

“Cô tha thứ cho tôi không? Cô, người đàn bà cuối cùng của đời tôi...” Cô gái sau lưng dường như tìm cách kích thích ông. Eguchi dang tay sờ người nàng. Thịt da ở đó ẩm ướt như ở ngực nàng vậy.

“Bình tâm lại đi. Nghe tiếng sóng mùa đông kia và bình tâm lại đi”. Ông tìm cách hạ bớt những xáo động trong lòng.

“Những cô gái này bị thiếp cho ngủ mê. Như thế bị tê liệt. Người ta đã cho các nàng uống một ít thuốc độc hay một ít ma túy nặng”. Và tại sao? Không phải vì tiền à? Dù vậy, Eguchi vẫn không thể dứt khoát với ý nghĩ này. Không có người đàn bà nào giống người đàn bà nào. Ông biết thế. Nhưng có phải cô gái nằm trước mặt trông rất khác đến nỗi ông thấy mình sẵn sàng gây ra cho nàng một vết thương không chữa lành được, một nỗi đau buồn kéo dài suốt đời nàng? Một ông già sáu mươi bảy tuổi như Eguchi, nếu muốn, có thể nghĩ rằng thân xác đàn bà đều giống nhau. Hơn nữa, chẳng có sự chấp thuận, chẳng có sự khước từ, chẳng có bất cứ phản ứng gì từ cô gái này. Điều khác biệt duy nhất với một xác chết là hơi thở và máu nóng không ngừng lưu chuyển trong người nàng. Thật thế, khi nàng tỉnh thức vào sáng mai, nàng vẫn còn sống mà, khác hẳn một xác chết với đôi mắt chưa khép. Không có tình yêu, không có sự tủi nhục, không có nỗi sợ hãi nào nơi nàng. Những gì có thể còn lại khi nàng thức dậy là niềm hối tiếc và nỗi đắng cay. Nàng sẽ không biết ngay cả ai là người đã phá trinh nàng. Nàng chỉ có thể suy đoán đó là một trong những lão khách. Nàng chắc là không nói lại chuyện này với mẹ đàn bà. Nàng sẽ giấu nhẹm tận cùng sự việc vi phạm các cấm đoán của ngôi nhà dành cho các khách hàng lụ khụ này, và như thế chẳng ai bao giờ biết đến, trừ nàng. Làn da mịn màng dán chặt vào người ông. Còn cô gái da ngăm bây giờ xoay người sao đó mà tấm lưng trần lại dính sát người ông, có lẽ vì thấm lạnh sau một thời gian phần chân điện phía nàng bị tắt. Một trong hai bàn chân nàng lọt vào

giữa hai bàn chân của cô gái da sáng. Eguchi cảm thấy sức mình tiêu tan đầu mất khi nhận ra cái tình thế kỳ cục buồn cười. Ông mò mẫm tìm viên thuốc ngủ. Bị kẹp cứng giữa hai cô gái, ông xoay người một cách khó khăn. Đặt lòng bàn tay mở lên trán cô gái da sáng, ông nhìn hai viên thuốc quen thuộc.

“Đêm nay ta cóc cần uống gì hết, thế có được không?” Ông lẩm bẩm.

Rõ ràng thuốc này thuộc loại mạnh và ông sẽ rơi tuột vào giấc ngủ dễ dàng. Tự nhiên lần đầu tiên Eguchi cảm thấy mỗi nghi ngờ: không biết tất cả các lão già khác tới đây có ngoan ngoãn nuốt thuốc ngủ không? Và nếu họ thấy tiếc rẻ những giờ phút mất đi vì ngủ nên không đụng đến các viên thuốc, phải chăng nỗi ghê sợ tuổi già càng có dịp tăng thêm? Về phần ông, Eguchi tin mình chưa đến nỗi lụm khụm như họ. Và một lần nữa, uống ực hai viên thuốc. Ông nhớ lại có lần tỏ ý muốn dùng cùng loại thuốc mà người ta thiếp ngủ các cô gái. Mụ đàn bà từ chối, bảo rằng quá nguy hiểm cho các cụ già. Đủ để ông im miệng.

Có phải chết trong khi ngủ là “nguy hiểm” không? Eguchi chỉ là một ông già có hoàn cảnh bình thường, không hơn không kém; là người như mọi người, đôi khi ông rơi vào nỗi trống trải cô đơn hay niềm tuyệt vọng lạnh lẽo. Và ngôi nhà này phải chăng là một nơi chốn tuyệt vời để chết đi không? Chết mà gợi trí tò mò của người đời, mà tạo cho họ cơ hội để khinh thị, chê bai, có phải là một cách chấm dứt cuộc sống trong cái đẹp không? Tất cả đám người quen biết sẽ bật ngửa ngạc nhiên. Thật khó mà tính trước gia đình ông sẽ bị tổn thương tới mức nào; nhưng chết trong giấc ngủ, giả dụ như đêm nay nằm giữa hai cô gái trẻ, có phải là ước nguyện tốt cùng của một người đàn ông trong những năm tháng gần đất xa trời không? Không, chuyện đâu đơn giản thế. Như lão Fukura trước đó, xác ông sẽ được chở đến một quán trọ thảm hại ở vùng suối nước nóng và tin tức loan ra cho mọi người biết là ông đã tự tử ở đó bằng cách uống quá nhiều thuốc ngủ. Và không có lá thư tuyệt mạng nào giải thích lý do, người ta sẽ cho rằng

ông làm thế chẳng qua vì tuyệt vọng nào nề về triển vọng già yếu của mình. Ông thấy được cái cười hơi nhếch mép của mẹ đàn bà trong ngôi nhà này.

“Điên rồi sao mà nghĩ thế! Làm như tôi xui lắm cho các ông”.

Ông cười, nhưng tiếng cười nghe không rõ chút nào. Thuốc ngủ đang có tác dụng.

“Được rồi” Ông thầm thì. “Ta dựng mẹ dậy và bắt mẹ đưa ta loại thuốc ngủ mà các cô dùng”.

Chắc mẹ chẳng chịu đưa thuốc cho ông đâu. Và Eguchi chẳng thấy hăm hở gì mà đứng dậy bây giờ, và cũng chẳng thực sự muốn loại thuốc đó làm gì. Ông nằm ngửa và đưa cả hai tay ôm cổ hai cô gái. Cổ một cô thì mềm dịu, thơm tho; cổ cô kia, rắn chắc và trơn dầu. Một cái gì đó trào lên trong cõi lòng. Ông nhìn, khi sang phải, khi sang trái, những tấm màn đỏ thẫm.

“A!”

“A!” Cô gái da ngăm kêu lên như thể trả lời ông. Nàng đặt tay lên ngực ông. Có phải nàng đang bị đau đớn không? Ông rút tay mình rồi quay lưng về phía nàng. Ông đặt bàn tay đó lên bụng dưới cô gái da sáng. Và nhắm mắt lại.

“Người đàn bà cuối cùng trong đời ta? Tại sao ta phải nghĩ thế? Dù chỉ trong giây phút”. Và thực ra, ai là người đàn bà đầu tiên trong đời ông?

Eguchi thấy choáng váng hơn là buồn ngủ.

Người đàn bà đầu tiên: “Mẹ”. Ý nghĩ này bất ngờ xẹt qua đầu ông như tia chớp. “Không phải mẹ thì ai vào đấy nữa”. Câu trả lời không chờ đợi này hiện ra như thể hiển nhiên. “Nhưng ta có thể nói được mẹ là người đàn bà của ta không?”

Sáu mươi bảy năm sống ở đời và bây giờ nằm giữa hai cô gái trần truồng, cái sự thực mới mẻ này hiện lên tự đáy lòng ông. Sự báng bổ? Hay nỗi khát khao? Ông mở mắt rồi chớp mắt nhiều lần như muốn xua đuổi một cơn mộng dữ. Nhưng thuốc ngủ tiếp tục tác động lên trí não. Ông cảm thấy

đau âm ỉ trong đầu. Nửa tỉnh, nửa mê, ông đuổi theo hình ảnh người mẹ; rồi sau cùng với tiếng thở dài, ông nắm quả vú mỗi cô gái trong lòng bàn tay, bên phải và bên trái. Cái thì mịn màng, cái thì trơn đầu. Ông lại nhắm mắt.

Bà mẹ Eguchi lìa đời vào một đêm mùa đông khi ông mười bảy tuổi. Ông và cha, mỗi người cầm một bàn tay bà. Bà mắc bệnh lao từ lâu, đôi tay chỉ còn xương với da nhưng bà nắm chặt đến nỗi Eguchi thấy đau điếng cả mấy ngón tay. Và cái lạnh lẽo từ tay bà bắt đầu truyền sang, lên tận vai ông. Cô y tá đang xoa bóp bàn chân bà lặng lẽ rời phòng. Chắc là đi gọi bác sĩ.

“Yoshio, Yoshio”. Bà mẹ thì thào trong tiếng thở hỗn hển. Eguchi đoán được lời mẹ, và đưa tay dịu dàng vuốt lên, vuốt xuống bộ ngực phập phồng khó nhọc; cùng lúc bà lại mửa ra rất nhiều máu. Máu cũng tuôn ra từ mũi. Bà nghẹn thở. Không thể nào chùi kịp máu với gạc băng bó hay các tấm khăn để sẵn bên gối.

“Yoshio, dùng tay áo mà chùi đi con” Người cha bảo. “Y tá, y tá! Đem chậu, đem nước tới đây mau!...Phải đó, gối sạch, áo ngủ với khăn trải giường nữa”.

Điều này cũng tự nhiên thôi. Khi ông già Eguchi nghĩ rằng mẹ ông chính là người đàn bà đầu tiên trong đời ông, ông cũng nghĩ đến cái chết của bà.

“A!” Ông thấy những tấm màn phủ quanh căn phòng bí mật này mang màu máu. Nhắm mắt thật chặt nhưng màu huyết vẫn hiện ra trong đáy mắt, không thể xóa nhòa. Bây giờ ông đã ngủ chập chờn vì thuốc thấm hơn. Hai lòng bàn tay vẫn nắm gọn đôi vú thanh tân của hai cô gái. Ý thức và lý trí ông đã tê liệt, và hình như nước mắt ứa ra từ khóe mắt già nua.

Tại sao ở một nơi chốn như thế này ông lại nghĩ về mẹ ông như là người đàn bà đầu tiên trong đời ông? Và cái ý nghĩ mẹ ông là người đàn bà đầu tiên không làm nảy ra những ý nghĩ về những người đàn bà khác sau này. Thực sự, vợ ông mới là người đàn bà đầu tiên, đúng với tên gọi. Thôi được rồi; nhưng bà vợ già của ông sau khi gả chồng cho ba cô con gái đang ngủ một mình trong đêm đông giá rét này. Hay là bà ấy còn thức? Bà không thể

nghe được tiếng sóng ở chỗ bà nhưng cái lạnh về đêm chắc buốt hơn chỗ này. Ông tự hỏi hai cái vú dưới lòng bàn tay là cái gì đối với ông. Cái gì đó vẫn sống với giòng máu nóng luân lưu bên trong - khi chính ông đã chết rồi. Nhưng điều này có nghĩa gì chứ? Ông dùng chút sức tàn uể oải bóp chúng. Không thấy phản ứng gì, vì đôi vú cũng đắm chìm trong cơn ngủ mê. Khi vượt lên, vượt xuống ngực bà mẹ trong giờ phút cuối cùng, Eguchi dĩ nhiên cảm nhận được đôi vú khô héo của bà. Nhưng chúng đâu còn là vú nữa. Bây giờ ông không nhớ chúng ra sao nữa. Ông chỉ còn nhớ được đã mò mẫm tìm vú mẹ rồi lăn ra ngủ những ngày thơ ấu.

Eguchi càng lúc càng bị kéo sâu vào giấc ngủ. Rút tay từ ngực hai cô gái về để tìm thế nằm thoải mái hơn, ông xoay người về phía cô da ngăm vì mùi người rất nồng. Hơi thở nặng nhọc của nàng phả vào mặt ông. Miệng nàng mở hé.

“Một cái răng khểnh. Trông xinh tề”. Ông dùng hai ngón tay kẹp nó. Răng nàng to nhưng cái này thì nhỏ. Hơi thở nàng chặn ông lại, nếu không ông đã đưa miệng hôn lên cái răng khểnh đó rồi. Mùi người nồng gây khó ngủ, ông đành quay người lại. Vậy mà luồng hơi thở của nàng vẫn phả theo tận gáy ông. Nàng không ngáy nhưng thở to tiếng. Eguchi khom vai, áp má lên trán cô gái da sáng. Cô này có lẽ nhăn mặt nhưng dường như cũng mỉm cười cùng lúc. Làn da ấm mồi hôi đầu của cô da ngăm dính vào lưng ông gây khó chịu. Da lạnh và trơn. Ông thiếp đi.

Ác mộng này tiếp ác mộng kia trong giấc ngủ nhọc nhằn của Eguchi. Có lẽ vì ông nằm kẹp giữa hai cô gái. Không có sợi chỉ nào xuyên qua để nối liền chúng, những cơn mộng mị khiêu gợi dục tình một cách bất an. Trong cơn mộng cuối cùng, ông trở về nhà sau khi đi hưởng tuần trăng mật và bắt gặp ngôi nhà như bị vùi lấp dưới những đám hoa nhiều vô kể, trông như thực được đỏ nở rộ và đung đưa trong gió. Không chắc là đúng nhà mình, ông phân vân chưa muốn vào ngay.

“A! Con về đấy à! Ừa, sao con đứng đó?” Bà mẹ đã qua đời từ lâu đang chào đón vợ chồng ông. “Bộ cô vợ con ngại mẹ lắm sao?”

“Nhưng mẹ ơi, hoa này... là sao?”

“Được rồi” Bà mẹ nói, điềm tĩnh. “Vào nhà đi đã”.

“Con tưởng lầm nhà. Con đâu dễ lầm như thế được, nhưng các đám hoa nở rộ...”

Trong nhà các món ăn thịnh soạn đã được bày sẵn để đón mừng đôi vợ chồng trẻ. Chào hỏi hai bên xong, bà mẹ xuống bếp hâm nóng nồi canh. Ông ngửi được mùi cá tráp nướng. Ông bước ra trước nhà ngắm hoa. Cô vợ mới cưới bước theo ông.

“Hoa đẹp quá!” Nàng thốt lên.

“Đúng thế!” Không muốn làm nàng sợ hãi, ông không nói thêm là mấy đám hoa đó không có mặt ở nơi này trước đây.

Eguchi nhìn chăm chú một bông hoa to hơn các hoa khác, một giọt đỏ rỉ ra từ một trong những cánh hoa.

Ông già Eguchi bất chợt tỉnh giấc với một tiếng rên. Ông lắc mạnh đầu nhưng vẫn còn thấy lơ đãng ngái ngủ. Ông đang nằm đối diện cô gái da ngăm. Thân nàng lạnh ngắt. Ông giật thót, tỉnh hẳn người. Nàng không còn thở. Ông sờ ngực nàng. Không thấy tim đập. Ông chồm dậy. Ông lão đảo rồi ngã xuống. Ông vừa đi sang phòng bên vừa run cầm cập. Nút bấm chuông ở chỗ hốc nhà. Ông nghe tiếng chân dưới nhà đi lên.

“Không biết ta có bóp cổ nàng trong giấc ngủ không?” Ông đi, gần như bò, về lại căn phòng cũ và nhìn kỹ cổ cô gái.

“Có chuyện gì xảy ra thế?” Mụ đàn bà bước vào phòng.

“Cô ta chết rồi”. Eguchi nói, hai hàm răng đánh lập cập.

Mụ đàn bà dụi mắt rồi điềm tĩnh nhìn xuống cô gái. “Chết à? Sao mà chết được!”

“Chết thật rồi mà. Không thở nữa, mạch không nhảy nữa”.

Mụ biến sắc mặt, quỳ xuống bên cạnh cô gái da ngăm.

“Đúng là chết rồi”.

Mụ cuốn chăn và xem xét kỹ thân thể nàng. “Ông có làm gì cô ta không?”

“Không! Không gì cả”.

“Cô ta không có chết” Mụ nói, tìm cách giữ vẻ bình tĩnh và lạnh lùng. “Ông không phải lo ngại gì cả”.

“Cô ta chết thật mà. Gọi bác sĩ ngay đi”.

Mụ đàn bà không mở miệng trả lời.

“Bà đã cho cô ta uống cái gì thế? Có lẽ cô ta bị dị ứng”.

“Ông đừng cuống lên. Chúng tôi sẽ không gây gì phiền hà cho ông. Không nói tên ông ra đâu”.

“Nhưng cô ta chết mà!”

“Tôi không nghĩ thế đâu”.

“Mấy giờ rồi?”

“Hơn bốn giờ”.

Mụ loạng choạng khi nâng tấm thân ngăm đen, trần truồng lên.

“Để tôi phụ bà”.

“Không cần đâu. Có một gã đàn ông dưới nhà”.

“Cô ta nặng lắm”.

“Xin đừng. Ông chẳng phải bận tâm gì cả. Tiếp tục ngủ lại đi. Ông còn một cô gái khác mà”.

Còn một cô gái khác mà! Eguchi sững sốt ra mặt, cả đời ông chưa bao giờ nghe một câu nói như thế. Dĩ nhiên, cô gái da sáng vẫn ngủ mê trong phòng bên.

“Bà tưởng tôi ngủ lại được sau chuyện này sao?” Giọng ông tức tối nhưng cũng lẫn ít nhiều lo sợ. “Tôi đi về nhà đây”.

“Xin ông khoan đã. Thấy ông ra về ngay giờ này thì người ta sẽ nghi ngờ lắm đấy”.

“Tôi không thể đi ngủ lại được”.

“Tôi sẽ đưa thêm thuốc ngủ cho ông”.

Eguchi nghe tiếng mụ kéo lê cô gái xuống thang lầu. Đứng trong phòng với tấm áo “kimônô” mặc đêm choàng trên người, ông cảm thấy lần đầu tiên cái rét xâm vào người. Mụ đàn bà trở lên với hai viên thuốc màu trắng.

“Đây này. Yên tâm ngủ đến sáng mai”.

“Thế à?” Ông mở cửa phòng bên cạnh. Những tấm chăn ông tung vứt vội vãi hời nãy vẫn nằm nguyên đó, và thân thể của cô gái da sáng nằm dài trần truồng trong vẻ đẹp lộ liễu.

Ông nhìn nàng đắm đắm.

Ông nghe tiếng xe hơi xa dần, chắc là mang theo thân xác cô gái da ngăm. Có phải người ta đưa nàng đến cái quán trọ đáng ngờ mà trước đó lão già Fukura cũng được chở đến?

(Dịch và sửa chữa xong tháng 6-2000)

HẾT

PHỤ LỤC 1: NHẬN ĐỊNH - PHÊ BÌNH

MỤC LỤC

TỪ MURASAKI ĐẾN KAWABATA - THUY KHUÊ

KAWABATA - CON MẮT NHÌN THẤU CÁI ĐẸP - N.T.
PHEDORENKO

VỀ XỨ TUYẾT - DONALD KEENE

YASUNARI KAWABATA - NGƯỜI CỨU RỒI CÁI ĐẸP - NHẬT
CHIÊU

ĐẶC ĐIỂM THI PHÁP TRUYỆN TRONG LÒNG BÀN TAY CỦA
YASUNARI KAWABATA - HOÀNG LONG

YASUNARI KAWABATA GIỮA DÒNG CHẢY ĐÔNG - TÂY - ĐÀO
THỊ THU HẰNG

NIÊN BIỂU YASUNARI KAWABATA

THƯ MỤC TÁC PHẨM KAWABATA

TỪ MURASAKI ĐẾN KAWABATA

THỤY KHUÊ

MỘT CÁCH ỨNG XỬ VỚI VĂN HÓA

Đất Nhật không xa đất Việt. Chữ Nhật và chữ Nôm cùng chung gốc Hán, nhưng đối với người Việt, lịch sử và văn hóa Nhật dường như rất xa vời, tuy hai dân tộc có cùng tiến trình lập quốc, xây dựng ngôn ngữ, sao chép văn minh Trung Hoa, cùng tìm cách thoát khỏi nguồn gốc "Thiên triều" để thiết lập bản sắc riêng của mình. Điểm khác biệt giữa Nhật Bản và các nước láng giềng là người Nhật công nhận mình sao chép, họ phân tích và tìm hiểu bản chất những điều vay mượn, từ đó, rút kinh nghiệm, giữ khoảng cách với "nguyên bản", để xây dựng và đào sâu những nét riêng của mình. Người Việt tránh dẫm động đến những điều mình "mượn" của Trung Quốc, từ tên tỉnh, tên thành, đến tên vua... và coi truyền thống "chống ngoại xâm" là niềm tự hào dân tộc, trong khi người Nhật gây khác biệt bằng sự học hỏi và phát triển. Nhật Bản có nền hội họa lâu đời, nghệ thuật điện ảnh độc đáo, trong khi chúng ta mới chập chững vẽ vời, bập bẹ quay phim. Người Nhật có tay nghề, trong khi chúng ta vẫn còn là những người mới tập việc.

Sự chênh lệch không chỉ bắt nguồn từ cuối thế kỷ XIX, vì Nhật "có" Minh Trị thiên hoàng canh tân nước Nhật, như ta vẫn thường tự biện hộ, mà thật sự chúng ta đã kém Nhật từ hơn ngàn năm trước, từ khi cả hai nước còn trong thuở "ấu thời", chưa thoát khỏi ảnh hưởng nước Tàu, để thiết lập một bản sắc văn hoá, tạo dựng một tâm hồn dân tộc riêng tư: chúng ta luôn luôn "tài tử" trong khi người Nhật luôn luôn đạt tới sự "chuyên nghiệp". Kawabata, nhà văn Nhật đoạt giải Nobel 1968, là một trường hợp tiêu biểu cho tinh thần chuyên nghiệp này. Và trước ông chín thế kỷ, Murasaki đã là một trong những nhà văn chuyên nghiệp hàng đầu của Nhật Bản và của thế giới.

Tìm hiểu tâm hồn Nhật Bản, tất yếu "phải" tìm đến Kawabata, và để phân tích tác phẩm Kawabata, chúng ta không thể không tìm về nguồn gốc, về vị tiền bối mà Kawabata coi như người thầy đã "ảnh hưởng sâu xa đến bút pháp và tâm hồn" ông: Murasaki Shikibu, tiểu thuyết gia đầu tiên của Nhật Bản và của nhân loại.

Nhật là một quần đảo gồm khoảng 3400 đảo trải dài hình cánh cung như một vũ trụ hành tinh. Hondo, đảo chính, chiếm nửa phần diện tích nước Nhật. Tục truyền, tổ tiên dân tộc Nhật là hai anh em ruột: Izanagi, người anh và Izanami, người em gái, được một vị thần sai xuống lập quốc. Họ đứng trên vòm trời, cầm đoản đao nạm kim cương phóng xuống đại dương rồi vớt lên: Mỗi giọt nước từ đoản đao rơi xuống biến thành một hòn đảo. Hai anh em Izanagi và Izanami kết hợp với nhau sinh ra dân Nhật. Từ con mắt trái của Izanagi xuất hiện Thái Dương thần nữ Nigigi. Cháu nội của Thái Dương thần nữ là tổ tiên của Thiên Hoàng, cho nên từ ngày lập quốc đến nay nước Nhật chỉ có một dòng vua.

Huyền sử lập quốc của Nhật cũng như huyền sử mẹ Âu Cơ của Việt Nam chứa nhiều mơ mộng thần kỳ. Giả thiết khoa học có khác: những hòn đảo ở Nhật do vỏ trái đất chuyển động sinh ra. Người Nhật hợp chủng ba dòng máu: da trắng từ sông Hắc Long sang Nhật vào thời kỳ Đồ đá mới, da vàng Mông cổ từ Triều Tiên đến Nhật vào thế kỷ thứ VII trước Thiên chúa và dòng Mã Lai hoặc Indonesia từ các đảo phía Nam lên.

Theo sử Trung Quốc, thì đến thế kỷ thứ IV, sau Thiên chúa, người Nhật vẫn còn là một giống "man rợ", mặt vẽ, tay cầm đoản đao, mang cung tên, bận quần áo may chung làm một, đi chân đất, thích uống rượu, theo đạo đa thần, sống thành bộ lạc, trong một xã hội du mục phong kiến mà các tù trưởng có oai quyền ngang vua. Trong niềm tin thần đạo của người Nhật, tất cả đều có hồn, thần trụ ở khắp nơi, từ vì sao đến con sâu, ngọn cỏ. Cũng trong thế kỷ IV này, Trung Quốc ở vào thời đại nhà Tấn, đất Giao Chỉ của chúng ta đang bị nhà Đông Tấn đô hộ. Đối với người Tàu, dân Việt cũng là một giống "rợ", có tục xâm mình, hai ngón chân cái giao nhau (giao chỉ).

Nhìn sang phương Tây, cuối thế kỷ IV, đế quốc La Mã bắt đầu suy nhược, chia hai: Đông La Mã và Tây La Mã.

Vào khoảng năm 400, hai người Triều tiên Ajiki và Wani đưa đạo Khổng vào Nhật, và năm 538, đạo Phật chính thức từ Trung Quốc truyền sang. Thời kỳ Asuka (550-670), triều đình chưa lập đô nhất định. Có sự tranh chấp giữa hai thế lực: phe Soga, chủ trương theo ảnh hưởng văn minh Trung Quốc và Mononobe, phe Thần đạo, muốn giữ một nước Nhật Bản đứng riêng. Khuynh hướng Soga toàn thắng. Nữ hoàng Suiko (592-628), dưới quyền nhiếp chính của Shōtoku, du nhập văn minh Trung Quốc, đem đạo Khổng, đạo Lão, đạo Phật, từ Trung Hoa vào để canh tân nước Nhật. Bà tôn đạo Phật làm quốc giáo, che chở tăng già, xây dựng chùa chiền. Văn chương hội họa thời ấy chịu ảnh hưởng đạo Phật.

Dòng họ Nakatomi giúp thiên hoàng thực hiện cuộc cải cách 645 theo khuôn mẫu chính trị Trung Quốc, thiết lập chế độ quân chủ chuyên chế. Nakatomi Kamatari, người chủ trương cải cách được ban tên Fujiwara. Từ đây, dòng họ Soga bị loại hẳn khỏi chính trường, phe Nakatomi lên thay, đổi tên thành Fujiwara, và trở thành dòng họ nổi tiếng giữ địa vị nhiếp chính qua nhiều triều đại.

Năm 710, Nhật hoàng quyết định đóng đô ở Heijō-kyō (nay là Nara). Thời đại Nara (710-794) là thời kỳ Nhật Bản chính thức dựng nước. Thành Nara rập theo mẫu bản cờ của thành Tràng An nhà Đường. Nhật bắt đầu có sử viết: cuốn Lịch sử biên niên Nhật Bản (Nihonshoki - Annales du Japon) và cuốn Kinh thư (Kojiki - Livre des éléments anciens) là hai cuốn sách sớm nhất viết về nguồn gốc Thái dương thần nữ của Thiên hoàng. Trong hơn hai thế kỷ, Nhật mở rộng sự giao thông với Trung Quốc, gửi sinh viên du học, sứ giả đi về thường xuyên, từ 630 đến 894, có tới 13 sứ giả Nhật Bản đến Tràng An. Trong thời đại Nara, Nhật chịu ảnh hưởng văn hóa nhà Đường: học người Tàu cách ăn mặc, nấu nướng, chữ viết, văn thơ, âm nhạc, kiến trúc, v.v... Triều vua Shōmu (724- 749) và nữ hoàng Kōken (749-758) là hai triều đại cực thịnh trong thời đại Nara.

Năm 794, Nhật hoàng Kammu (782-805) quyết định bỏ Nara, mà ông cho là ảnh hưởng Phật giáo quá nặng nề, các nhà sư chen vào chính sự. Vua dời đô về Heian-kyō (thành Hòa Bình), tức Kyoto bây giờ, (Kyoto trở thành kinh đô Nhật từ 794 đến 1868), xây dựng một thời đại mới trong lịch sử Nhật Bản: Thời đại Heian (thời đại Thái Bình) trong gần 400 năm (794-1185), chủ yếu dưới quyền nhiếp chính của dòng họ Fujiwara. Thời Heian chia làm hai giai đoạn: Thế kỷ đầu dưới thời Kōnin và Jōgan nhiếp chính (794-894), Nhật vẫn còn chịu ảnh hưởng của Trung Quốc và sang thời Fujiwara (894-1185), Nhật tách rời văn minh Trung Quốc.

Nửa cuối thế kỷ XII, Fujiwara dần dần suy yếu, xảy ra sự tranh chấp chiến tranh giữa hai phe Taira và Minamoto. Minamoto no Yoritomo thắng trận, năm 1185, lên nắm quyền nhiếp chính, chấm dứt thời đại Heian; kết thúc thời hòa bình quân chủ, bắt đầu thời phong kiến chiến tranh. Minamoto được phong Shōgun (Đại nguyên soái) và dựng một chính quyền quân sự ở Kamakura. Kamakura trở thành kinh đô quân sự của nước Nhật thời chiến. Shōgun, hay sei-i-tai shōgun, nguyên là chức vua ban cho viên tướng cầm quân đi đánh "rợ" (chức vụ này giới hạn trong thời gian chỉ huy, và xuất hiện trong lịch sử Nhật Bản lần đầu, năm 720). Nhật hoàng Go-Toba (1185-1198) phong cho Minamoto no Yoritomo làm Shōgun suốt đời, cha truyền con nối, như ngôi chúa. Nhà Chúa hay Shōgun thực sự nắm quyền, dưới danh nghĩa phò vua, như nước ta dưới thời vua Lê, chúa Trịnh. Thời đại Kamakura kéo dài 140 năm (1192-1333), văn chương chuyển sang khuynh hướng sử thi.

MURASAKI SHIKIBU TRONG DÒNG LỊCH SỬ

Trở lại với thời đại Heian (794-1192) được coi như thời kỳ cổ điển của văn hóa Nhật, dưới quyền nhiếp chính của dòng họ Fujiwara, Nhật bắt đầu giữ khoảng cách với Trung Quốc để tạo dựng nền văn minh riêng của mình. Trong 4 thế kỷ, trăm hoa đua nở, tương tự như thời kỳ Phục Hưng ở Âu

Châu. Cùng thời gian này, Trung Quốc đang ở dưới các triều đại Đường-Tông. Việt Nam vừa chấm dứt thế kỷ cuối cùng của một nghìn năm đô hộ để bước vào thời kỳ tự chủ, từ năm 939 trở đi, liên tiếp dưới những triều: Ngô, Đinh, Tiền Lê và Lý.

Trong bối cảnh ấy, Murasaki Shikibu ra đời, nàng sống trước Tô Đông Pha, Lý Thường Kiệt và Ý Lan gần nửa thế kỷ; sau Hai Bà Trưng 10 thế kỷ. Thời ấy, văn chương là sản phẩm của giai cấp quý tộc. Dưới triều Nhật hoàng Ichijō (987-1011) nở rộ những văn tài phụ nữ. Ichijō lấy hai cô em họ, con hai người cậu: Fujiwara Sadako (977-1000), chính cung hoàng hậu và Fujiwara Akiko, thứ cung hoàng hậu. Mỗi bà hoàng đều có một "triều đình" riêng, với các công nương tháp tùng là những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Sadako có nữ sĩ Sie Shōnagon dưới trướng, Akiko dùng Murasaki Shikibu và Izumi Shikibu làm công nương hầu cận. Cả ba đều nổi danh trên văn đàn.

Người phụ nữ Nhật, ở thời đó, "trên nguyên tắc" không được học chữ Hán, chữ "thánh hiền", nên họ phải dùng quốc âm để diễn tả tư tưởng (chỉ nguyên tắc thôi, bởi vì trên thực tế, cả Murasaki lẫn Sie Shōnagon đều con nhà nho, đều "lâu thông kinh sử"). Vì sáng tác bằng tiếng Nhật, nên họ tự do hơn, không bị những quy luật, cổ lệ của Hán văn gò ép, và họ đã tạo được một nền văn chương quốc âm Nhật, thoát khỏi ảnh hưởng Hán văn, trong khi phái nam vẫn lệ thuộc vào chữ nho, nặng nề hàn lâm trường ốc, không trỗi lên được.

Hai thể văn phát triển mạnh thời ấy là nikki (nhật ký) và monogatari (truyện kể, truyện đọc). (Sau này, trong thế kỷ XV, XVI, phát triển thể loại shōshi (truyện viết), đối lập với truyện kể. Shōshi là một loại truyện ngắn, không có giá trị văn chương gì mấy, thường sao chép vụng về những kiệt tác thời Heian, pha thêm chút luân lý đạo đức). Trong thể văn truyện kể, tác phẩm xưa nhất là cuốn Truyện người chẻ tre (Takétori monogatari- Le conte du coupeur de bambous), được Murasaki (trong Truyện Genji) coi như thủy tổ của thể loại monogatari, kể truyện nàng công chúa trên cung

quảng, bị đẩy ba năm xuống trần. Thế kỷ X, có độ 10 tác phẩm truyện kể, đời sau lưu lại được 2, đó là Truyện cây rỗng (Utsubo monogatari - Le dit de l'arbre creux) viết vào khoảng 970, về huyền thoại cây đàn koto, và Truyện cái hầm (Ochikubo monogatari - Le dit de la cave) tương tự như Cendrillon sau này. Tóm lại, về thể văn truyện kể, không có gì chuẩn bị hoặc dự báo sự ra đời một kiệt tác như Truyện Genji.

Thế nhật ký đặc biệt được phái nữ sử dụng, phát triển song song với truyện kể. Hai tập nổi tiếng còn được lưu lại đến ngày nay là Nhật ký Takamitsu (Takamitsu nikki), của viên chỉ huy vệ binh viết trong khoảng 961-962, sau khi đi tu và cuốn Nhật ký phù du (Kagerō no nikki - Journal d'une éphémère), viết từ 954 đến 974, là áng thơ trác tuyệt của một nữ sĩ nổi tiếng được gọi là "Mẹ của tể tướng Michitsuna". Tác phẩm được coi là kiệt tác trong thể loại nhật ký này là tập Tạp ghi bên gối (Makura no sōshi - Notes de chevet) của Sei Sōnagon. Một loại nhật ký không ngày tháng, viết theo thể tùy hứng phóng bút, ghi lại từng mảng đời sống trong triều, với những phác họa chân dung vua, hoàng hậu, đình thần, bằng ngòi bút tinh tế, chân thật, tự nhiên, thơ mộng, dí dỏm, và uyên bác (Murasaki, trong nhật ký, có ý chê Sei Sōnagon phô trương kiến thức). Và tập Nhật ký Murasaki (Murasaki Shikibu nikki), viết từ mùa thu năm 1008 đến đầu năm 1010, về đời sống trong triều, kể lại những thành công mà nàng gặt hái được về mặt văn chương và vẽ chân dung một vài "đối thủ" của nàng với những nét mỉa mai châm biếm.

Truyện Genji - vượt ra ngoài lối truyện kể theo cổ tích, thần kỳ thời ấy - khai phá thể loại hư cấu, (như chúng ta hiểu nghĩa hư cấu hiện nay). Vị trí tiên phong của tác phẩm trong văn chương quốc âm Nhật Bản có thể so sánh với vị trí Quốc Âm thi tập của Nguyễn Trãi trong sự khai phá thơ Nôm của ta trong thế kỷ XV. Nếu Truyện Genji của Murasaki cho biết đời sống và dấu tích chữ Nhật cổ thì Quốc Âm thi tập của Nguyễn Trãi cũng là một văn liệu quan trọng cho biết ở thế kỷ XV, tình trạng chữ Nôm của ta như thế nào. Nguyễn Trãi sống sau Murasaki bốn thế kỷ, như vậy có thể nói là chúng ta đã phát triển nền văn học quốc âm sau Nhật 400 năm.

Murasaki Shikibu là ai?

Sinh trưởng trong một gia đình quý tộc trung bình, cha - Fujiwara no Tametoki - làm quan và cũng là nhà thơ. Nàng là hậu duệ của Kanésuké, quan đại thần và cũng là nhà thơ nổi tiếng, có danh vị trong Kokin shū (905), tuyển tập thi ca đầu tiên của hoàng gia Nhật Bản. Theo nhật ký của nàng, năm 1008, Murasaki vào khoảng 30 tuổi, do đó có thể nàng sinh năm 978.

Ở thời điểm này, xã hội Nhật Bản (cũng như xã hội Việt Nam và hầu hết các xã hội phương Đông khác), đều trọng nam khinh nữ.

Như trên đã nói, con trai được học chữ Hán, ngôn ngữ chính thức, con gái không được học loại chữ "cao quý" ấy, mà chỉ được học chữ Nhật (hình thành trong thế kỷ IX, X). Nhưng cô bé Murasaki là một ngoại lệ, có trí nhớ khác người, thường học lóm những bài văn của anh. Murasaki ghi lại: "Khi anh tôi đọc bài, có chỗ anh ấy quên, hoặc không hiểu, thì lạ là tôi lại nhớ và hiểu. Cha tôi ngạc nhiên, ông cụ buột miệng: Giá nó là trai!". Năm 996, khi ông đi nhậm chức trấn thủ ở Echizen, Murasaki theo cha, đó là lần "xuất ngoại" duy nhất của nàng. Năm 998, Murasaki kết hôn với Fujiwara no Nobutaka, người anh họ xa hơn nàng 20 tuổi, năm sau nàng hạ sinh một bé gái (sau này cũng là nhà văn dưới bút hiệu Daini-no-sammi).

Năm 1001, vì có bệnh dịch, chồng nàng được phái đến đền Usa lập đàn cầu (vùng Buzen), giữa đường chết vì bị bệnh dịch. Sau tang, Musaraki sống ẩn dật, vui mình trong sách vở, và bắt đầu viết Truyện Genji, tương truyền, trong đền Ishiyama, bên hồ Biwa những đêm trăng. Huyền thoại trở thành đề tài cho nhiều bức họa đời sau.

Năm 1005, Murasaki được Tể tướng Fujiwara no Michinaga (966- 1027) vời vào cung làm công nương hầu cận hoàng hậu Akiko, con gái ông. Murasaki ghi lại trong nhật ký: nàng đã dạy hoàng hậu thơ văn cổ điển Trung Quốc. Năm 1011, vua băng hà, hoàng hậu đi tu. Murasaki theo bà về ở ẩn và nàng mất năm 1014, ở tuổi 36-37.

Người ta không biết tên thật của nàng. Vì thời ấy người đàn bà không có tên chính thức? Vì không có sổ hộ tịch, chỉ ghi tên những người có chức sắc? Trong Truyện Genji, những nhân vật nữ thường mang biệt hiệu như Khuê nương (La Dame de la Chambre), Dạ nương (Belle du soir), Đẳng trang nương (La Dame du clos aux glycines), Tử Thảo (Murasaki)... bởi vì nhu cầu văn chương, hay vì thời ấy, người đàn bà chưa có tên (?).

Vào triều, người ta gọi nàng là Tô - Shikibu, biệt danh hơi châm biếm, kiểu như "Cây đẳng bộ Lễ", bởi Shikibu nhắc nhở chức vụ cha nàng làm việc ở bộ Lễ, còn Tô - là do chữ fuji (ám chỉ phe Fujiwara) đọc theo âm Hán Nhật - nghĩa là glycine (cây đẳng). [1]

Đẳng còn có tên nôm là mây, một giống cây leo, hoa chùm, màu canh như mây, tha thướt võng xuống, yếu điệu như dáng người con gái. Trong Kiều có câu Tuyết sương che chở cho thân cát đẳng. Tuyết sương chỉ người đàn ông (xông pha sương gió), cát là cây sắn, đẳng là cây mây, cát đẳng vừa chỉ thân phận lẽ mọn, vừa chỉ thân phận người đàn bà, giống như dây leo, như cây mây, cây sắn, sống nương thân nam tử.

Murasaki là một loài tử thảo, và cũng là tên vai chính nữ trong truyện. Sau này, người đọc đã lưu lại Murasaki Shikibu như bút hiệu của nàng.

Thơ Murasaki chịu ảnh hưởng Đường thi, nhưng văn xuôi của nàng, thoát khỏi khung cảnh văn hóa nhà Đường để hình thành ngôn ngữ tiểu thuyết Nhật Bản.

Truyện Genji

Truyện Genji là một tiểu thuyết hư cấu trên nền xã hội Nhật thời đại Heian. Tác phẩm dày trên 2000 trang, chia làm 54 quyển (hay chương), dàn trải trên dưới 70 năm, với 3 thế hệ, gồm nhiều nhân vật, viết về cuộc đời trầm nổi của hoàng tử Genji.

Quyển 1, vào đầu như một truyện cổ tích: Genji là một hoàng tử đẹp trai, con người thiếp sủng ái của Nhật hoàng, Khuê nương - sức khỏe mong

manh, lại gặp những chèn ép, ghen tị trong đời sống vương triều - đã chết khi Genji còn thơ.

Từ quyển 2 đến quyển 11: Thời thanh niên của Genji. Mỗi quyển là một truyện tình. Mỗi tình dày vò nhất với Đăng trang nương, hoàng hậu, qua lần gặp gỡ thầm lén, kết sinh hoàng tử Kaoru mà vua cha tưởng là con mình, lập làm thái tử. Mỗi tình chung thủy nhất, chàng dành cho Tử thảo - Murasaki, người bạn đường và cũng là người tri kỷ.

Quyển 12 và 13: Vì tư thông với người thiếp của vua (anh cả đã lên ngôi, sau khi vua cha mất), Genji bị đi đày ở Suma, rồi Akashi.

Quyển 14 tới 36: Thời vàng son: được ân xá, Genji trở về triều. Người anh thoái vị. Chàng trở thành Tể tướng. Kaoru lên ngôi, được mẹ trước khi mất cho biết bí mật của đời mình, muốn nhường ngôi cho cha, nhưng Genji không nhận. Genji trở thành Tể Tướng Thái thượng hoàng.

Quyển 37 đến 41: Thời hoạn nạn: định mệnh như vòng nhân quả bắt Genji trả giá: người vợ trẻ mới cưới của chàng có con với người khác. Rồi Tử thảo từ trần. Genji không thể quên người bạn đường tiết hạnh, chàng chết trong hiu quạnh ở tuổi ngũ tuần. Phần thứ nhất của tiểu thuyết chấm dứt ở đây. Phần thứ nhì, từ quyển 42 đến 54, viết về cuộc đời Kaoru, kém may mắn hơn cha.

Truyện Genji được René Sieffert dịch sang tiếng Pháp làm hai chặng: Năm 1978, ông cho xuất bản tập đầu (từ quyển 1 đến quyển 33). Mười năm sau, 1988, ông hoàn thành việc dịch toàn bộ. Vì sự khác biệt giữa tiếng Nhật cổ và tiếng Nhật ngày nay, cho nên khoảng 1950, Truyện Genji - cũng giống như phần đông các tác phẩm cổ điển khác - được viết lại sang văn phong hiện đại, dưới ngòi bút Tanizaki Junichiro, một trong những nhà văn đương thời nổi tiếng nhất của Nhật, tác phẩm trở thành best- seller. René Sieffert phân vân không biết nên chọn lối viết nào để dịch tác phẩm xuất hiện cách đây một ngàn năm, giọng Madame de Lafayette (1634-1693) hay giọng Marcel Proust? Dịch một nhà văn mà ông tự hỏi có nên gọi là Marcel Proust Nhật Bản hay phải gọi Proust là Murasaki Pháp? Mà dù gọi thế nào

chẳng nữa thì cũng làm một trong hai nước mất lòng. Cuối cùng ông chọn giọng Saint Simon (1675 - 1755) để dịch Murasaki. Và ông cho biết: "Tôi cố gắng hết sức tôn trọng chuyển động của câu văn, và tôi chắc mình đã gần như theo được nhịp điệu phức tạp, rất "nói" của nguyên bản; một văn bản viết ra để "kể", để đọc cao giọng. Tôi phải vừa đọc to nguyên bản, vừa cho chạy máy ghi âm ghi lời bản dịch, để so sánh nhịp điệu hai câu văn" (Tựa, trang XXXI, Le dit du Genji, nxb Publications Orientalistes de France, 1999).

Truyện Genji được coi là kiệt tác trong văn học cổ điển Nhật Bản, nhưng phải đợi đến tình trạng dịch thuật và giao lưu văn hóa đương thời, người đọc mới thấy rõ giá trị đích thực của nó. Đây là cuốn tiểu thuyết hiện thực đầu tiên, đi sâu vào đời sống tình cảm và tâm lý con người, với giọng văn đầy chất thơ: "Ánh trăng mòng bầy khắc những tia nhọt nhọt trên gương hồ. Trong mùa buồn bã, nhánh cây mận mờ phủ lá, những giấy hoa vông trên cây tùng hình thù đặc biệt, thân nghiêng, đỉnh cao chót vót, phô bày một quang cảnh quyến rũ khác thường" (trang 617), với những thức động giác quan sâu xa giữa con người và vạn vật trong một tâm hồn đặc dị hòa hợp tuyệt vời với thiên nhiên, chỉ có thể tìm thấy trong các khu vườn Nhật Bản. Murasaki đã "viết" tâm hồn Nhật trong tác phẩm của nàng, đời sau nhiều người tìm cách nối gót, nhưng không mấy ai đạt được.

Truyện Genji, như bức họa sống động, tỉ mỉ, về cuộc sống vương triều thế kỷ XI, bút pháp phân tích tâm lý sâu sắc mỗi nhân vật. Tác giả đối lập hai tư chất: một bên là Genji, hoàng tử đẹp trai, thông minh, lịch sự, sang trọng, đáng yêu, buông thả, tự do, nhưng lại luôn luôn trung thành với người tri kỷ, một bên là Murasaki, đoan trang, trí thức, người đàn bà lý tưởng của thời đại Heian. Sự đối chất bật ra những vấn đề định mệnh; những bấp bênh của tình yêu, của hạnh phúc; những vô nghĩa của cuộc đời, của sự sống và sự chết.

Tác phẩm còn mang một chiều hướng tiên phong khác, qua giọng ông hoàng, Murasaki đã tìm cách định nghĩa và phê bình thể loại hư cấu, bàn

đến tác dụng của nó trong lòng người đọc: "Trong những lời bịa đặt ấy, cũng có chỗ viết chí tình, gây những cảm xúc rất thực trong lòng người đọc... Có truyện tưởng như không thể tin được, nghe lần đầu ta ngạc nhiên, tựa đầu trên gối nghe lại lần nữa, ta thấy khó chịu, hoặc bị chinh phục hoàn toàn" (trang 507).

Và vẫn qua giọng ông hoàng, Murasaki tóm tắt quan điểm tiểu thuyết của mình: "Dĩ nhiên không phải là việc phản ánh những sóng gió trong cuộc đời thực của một nhân vật, mà là sự quan sát không ngừng bao nhiêu lối sống đẹp, xấu trên đời. Tha thiết lắng nghe sự sống, ta sẽ tìm thấy những điều muốn gửi lại mai sau, và cũng bởi không thể giữ mãi cho riêng mình, nên đành phải viết ra", "...mỗi cách viết có những tầm cỡ nông sâu khác nhau, nhưng nếu ném chung vào một lò "bịa đặt" là một ngộ nhận lớn lao. Ngay trong Phật pháp, cũng có những "cách tiếp cận" lời giáo huấn của đức Phật" (trang 507). Phải chăng đó là một trong những định nghĩa sớm nhất về hư cấu và về cách đọc?

Trước Murasaki, thế giới chưa khám phá ra, hoặc không còn để lại cuốn tiểu thuyết nào trong nghĩa hư cấu như chúng ta quan niệm. Truyện Genji, viết theo lối văn nói. Vì viết theo lối văn nói thời bấy giờ, tác phẩm là một kho tàng ngữ học và xã hội học về nước Nhật cổ. Cho nên, chỉ hai thế kỷ sau, những nhà nghiên cứu Nhật đã bắt đầu tìm hiểu, phân tích tác phẩm, và từ thế kỷ XVII trở đi, sự khảo sát càng ngày càng sâu rộng thêm. Hiện nay, Truyện Genji được xếp vào một trong 4, 5 kiệt tác mọi thời của nhân loại. Năm 2000, báo chí Pháp kỷ niệm sinh nhật 1000 năm tác phẩm "tiểu thuyết đầu tiên của loài người". Vị trí đó không phải là không xứng đáng.

KAWABATA 1899-1972

TÂM HỒN NHẬT BẢN

Tác phẩm mở của phương Đông

Từ Murasaki đến Kawabata, trải dài 10 thế kỷ, chúng ta lại tìm thấy tâm hồn Nhật Bản trong Kawabata.

Cảm tưởng đầu tiên khi đọc Kawabata, là niềm tự hào thầm kín của ông về văn hóa Nhật. Một niềm tự hào không phô trương như khẩu hiệu, không chai cứng trong trạng thái đông đặc bất biến mà tỏa rộng như thứ hương thầm kín bao trùm không khí văn chương nhưng bất định chưa thành hương. Thấm nhuần sâu đậm tư tưởng Tây phương, nhưng Kawabata không hề đem, không hề dùng hành lý Tây học làm mẫu mực xây dựng nghệ thuật tư tưởng của mình. Sau những say mê "đổi mới" theo nhịp phương Tây thời đầu khi mới bước vào sáng tác, Kawabata trở về nguồn cội, tìm đến người mẹ của tiểu thuyết, và ông đã gặp lại tâm hồn Nhật Bản.

Tâm hồn ấy xuất hiện từ tác phẩm đầu tiên viết năm 1916 (Cốt), Kawabata khởi hành từ mạch sống li ti chảy trong dòng máu cam của mình, của người con trai 16, mạch sống ấy lẫn trong linh hồn ông nội theo khói thiêu bay lên không trung, trụ lại trong đốt xương yết hầu của người quá cố, trong "ông Phật" của cụ... Đó là tâm hồn Nhật Bản. Từ dòng máu, từ thân xác, tâm hồn Nhật Bản ấy chảy vào đời sống, qua những long mạch, xuyên qua nghệ thuật gheisha trong Xứ Tuyết, theo những bước tàn tạ, phá sản của trà đạo trong Ngàn cánh hạc, tản mạn những mất mát vụn rã của đời người trong Tiếng núi, và cháy tan những đam mê muộn màng, tàn úa trong Người đẹp ngủ... Mỗi tinh cầu là một cội riêng chứa đựng tâm hồn Nhật Bản.

Người Việt đọc Kawabata, không giống người Tây phương, ở những điểm chúng ta thấy tương đồng, người Âu cho là dị biệt. Qua ngòi bút Kawabata, chúng ta gặp lại Đạm Tiên, Thúy Kiều, Mỵ Nương, Trương Chi... như những hên hò của những kẻ cùng chung quá khứ. Chúng ta dễ phân biệt chất liệu nào Á, chất liệu nào nhập từ Âu.

Đọc những "truyện trong lòng bàn tay", Kawabata viết suốt dọc chiều dài của đời mình, chúng ta gặp lại hành trình tư tưởng phương Đông, trong một kỹ thuật viết tĩnh, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Một niềm tự hào

thầm kín, rằng phương Đông chúng ta cũng có những nhà văn mở đường cho một nền văn học "mở", chúng ta có một nghệ thuật "mở" rất Đông phương và không có gì phải mặc cảm với những tên tuổi như James Joyce, vẫn được coi là "sư tổ" của cội viết "mở" toàn cầu trong thế kỷ XX. Nhưng đồng thời trong ta, cũng lại dội lên một thứ mặc cảm riêng của người Việt, bởi chúng ta vẫn chậm chân hơn người bạn láng giềng. Cùng bị Tây phương xâm nhập, cùng hấp thụ văn minh phương Tây buổi đầu thế kỷ, nhưng Nhật vẫn nhanh hơn chúng ta, Nhật hiện đại hóa văn học sớm hơn. Thời điểm ấy, chúng ta có Phạm Duy Tồn cũng viết những truyện ngắn thật hay như Sống chết mặc bay (1918), và Hồ Biểu Chánh bắt đầu viết những tiểu thuyết dài hơi giá trị, trong chiều hướng hiện thực. Không so sánh văn tài, bởi mọi so sánh như vậy đều vô nghĩa, nhưng nếu chú ý đến cách viết, sẽ thấy văn xuôi thời ấy của ta "lạc hậu" hơn Nhật Bản, chúng ta mới "tập sự" lối cấu trúc kín "truyện với cốt truyện" đã có từ những thế kỷ trước, trong khi, Kawabata đã khai sinh nghệ thuật mở "truyện không có truyện" của phương Đông, và kỹ thuật giam vô tận trong một vài giây phút, cùng thời với James Joyce ở phương Tây;

Kawabata làm ta sửng sốt với sáng tác đầu tay Cốt. Xoáy thẳng vào mạch máu, chiếu vào "máu cam" của mình, ngòi bút trẻ bước những bước đầu từ vi ti huyết quản để bắt mạch sự sống, đồng thời cậu Kawa cũng nhìn rõ cái chết, nhìn thấy xương cốt ông mình, nhìn thấy những tàn than vụn nát của ông, và trong khoảnh khắc, người con trai mười sáu đã nắm gọn "trong lòng bàn tay" những tang thương biến đổi của một đời người.

Văn Kawabata thơ mộng, sánh đặc, cô đọng như Đường thi, với những khoảng trống ngoài ngôn ngữ. Dùng kỹ thuật giải phẫu Tây phương, ông đi vào lòng người như một nhà hiện tượng học, với ánh nội soi, chiếu từ bên trong, như ánh sáng thiên; ông đạt đến thức giác với những nhận xét tế vi, không qua luận chứng, điều mà ít tiểu thuyết gia phương Đông nào đạt được.

Với Kawabata, độc giả lạc đến một vùng đất lạ, đầy những nét cá biệt còn nguyên chất cốt Nhật Bản. Riêng chúng ta, người đọc - không phải là người Nhật - bước vào tác phẩm của Kawabata như vào một hành tinh chưa từng thăm viếng bao giờ.

Fujimori Bunkichi, trong bài giới thiệu tuyển tập Kawabata, cho rằng nền văn học Nhật chưa thực sự được biết đến tại Pháp. Tuy nhiên nỗ lực dịch thuật của Pháp trong những năm gần đây thật đáng khâm phục. Không nói đến những tác giả Nhật khác, chỉ riêng Kawabata không thôi, được coi là nhà văn hiện đại lớn nhất của Nhật và cũng khó dịch nhất trong các tác giả Nhật Bản, Pháp đã dịch gần trọn bộ tác phẩm của ông. Riêng nhà Albin Michel, với tuyển tập 1623 trang, in các tác phẩm chọn lọc của Kawabata, kèm phần phụ lục từ điển những chữ mà Kawabata sử dụng trong tác phẩm. Một điểm đáng chú ý nữa, nếu đọc cùng một truyện của Kawabata qua những bản dịch Pháp văn khác nhau, dù cách hành văn của các dịch giả có khác, một vài chỗ, có thể có chênh lệch hoặc sai lầm trong phán đoán của dịch giả, nhưng người đọc vẫn tìm thấy sự nhất quán toàn bộ trong ý nghĩa, hình ảnh, và không khí truyện của tác giả.

Vấn đề của chúng tôi là giới thiệu tác phẩm Kawabata qua những bản dịch, điều mà người làm công việc phê bình nên tránh, bởi ai cũng biết, khi dịch, nhất là với loại bút pháp cô đọng và đầy chất thơ như văn Kawabata, người dịch dù tài năng đến mấy cũng khó mà lột hết cái hay của bản gốc. Không kể khi giới thiệu một đoạn văn, lại phải dịch lại một lần nữa sang tiếng Việt tức là hai lần đi xa chính gốc. Biết vậy, nhưng không có cách nào khác, chúng tôi đành giới thiệu Kawabata trong điều kiện như thế, và rất mong được bạn đọc sành tiếng Nhật, vui lòng chỉ bảo cho những thiếu sót, sai lầm.

Truyện trong lòng bàn tay

Trong khoảng thời gian từ 1921 đến 1964, Kawabata viết khoảng 175 truyện ngắn đã in rải rác trên báo, nhưng ông chỉ giữ lại 120 truyện trong bộ Kawabata toàn tập (in tại Nhật Bản). Anne Bayard-Sakai và Cécile

Sakai chọn dịch sang tiếng Pháp 60 truyện và Albin Michel xuất bản dưới tựa đề *Récits de la paume de la main*.

Kawabata sáng tạo thể loại truyện thật ngắn này cách đây 80 năm, và ông gọi là "Truyện trong lòng bàn tay" (*Tenohira no Shôsetsu - Récits de la paume de la main*). Về sau, nhiều người bắt chước nhưng rất ít thành công.

Những chữ "truyện trong lòng bàn tay", ngụ ý muốn gói trọn một toàn thể hoàn chỉnh trong lòng bàn tay. Nhưng làm được không dễ, họa may là đức Phật, tinh tảo phép màu, mới có thể lập mưu để gói trọn một "kiệt tác" như *Ngộ Không* "trong lòng bàn tay".

Nghệ thuật Kawabata - khác thủ pháp gian lận của đức Phật - ông nắm lấy một khoảnh khắc sống của con người rồi dùng cái nhìn thần sắc, thôi miên, xoáy sâu vào nhân vật, vào khoảnh khắc sống ấy, bắt lấy nó, ném vào vĩnh cửu.

Vì thế, bất cứ một mảnh sống nào, một khoảnh khắc nào, một khi đã bị Kawabata nắm được, đã bị chiếu cố rồi thì kể như xong, không ai còn có thể khai thác gì thêm nữa. Kawabata có cái nhìn quán triệt cuối cùng về sự vật, sau ông, người ta không còn làm gì hơn được nữa.

Trong những khoảnh khắc của đời người, hoàn toàn độc đáo khác nhau mà Kawabata đã nắm bắt được chúng tôi xin giới thiệu cùng các bạn một vài khoảnh khắc.

Móng sáng [2]

(*Asa no tsume - Les ongles du matin*, 1926.)

Cô gái nghèo thuê căn lầu hai tồi tàn. Nàng đợi người yêu đến cưới. Nhưng mỗi đêm một người đàn ông khác đến với nàng. Căn nhà nắng sáng không bao giờ tối. Nàng đi đôi guốc mộc của đàn ông đã mòn và hay giật giũ ở cửa sau.

Mỗi đêm, chẳng gã nào là không hỏi:

- Ủa, không có màn à

- Xin chàng thứ lỗi! Em sẽ thức suốt đêm canh muỗi.

Rồi nàng sợ sệt len lén đi thắp hương vòng đuổi muỗi. Rồi khi đèn tắt, nàng nhìn đốm nhang hồi nhớ tuổi thơ. Tay không ngừng quạt cho gã đàn ông. Nàng vẫn mơ. Tay không ngừng quạt.

Trời chớm thu.

Một ông già lên gác. Chuyện hiếm.

- Nàng không mắc màn sao?

- Xin bác thứ lỗi, em sẽ thức suốt đêm canh muỗi.

- Thế, nàng đợi ta một chút nhé! Ông già vừa nói vừa đứng dậy.

Nàng nài nỉ giữ:

- Em sẽ đuổi muỗi đến sáng! Em hứa sẽ không ngủ gì cả!

- Ta trở lại ngay mà.

Ông già xuống thang. Nàng lại thắp hương vòng đuổi muỗi. Và chong đèn. Nhưng một mình dưới ánh sáng nàng không mơ được.

Khoảng một giờ sau, ông già trở lại. Cô gái giật mình choàng dậy.

- Ủ, có thể chứ, nàng cũng có khuyên treo màn.

Ông lão mắc chiếc màn mới trắng tinh cho nàng trong căn phòng tồi tàn. Người con gái trườn vào, tay chạm vải màn, một cảm giác tươi mát làm nàng rùng mình sung sướng, nàng xoay vòng tròn dặt màn cẩn thận.

- Biết chắc thế nào bác cũng trở lại nên em đợi không dám tắt đèn. Cho em nhìn chiếc màn trắng thêm một chút nữa dưới ánh đèn nhé!

Rồi nàng ngủ thiếp đi say sưa như chưa từng được ngủ mà không hề biết ông già đã ra đi từ sáng.

- Này! Này!

Tiếng gọi của người yêu lay nàng dậy.

- Mai mình cưới nhau được rồi!

Màn đẹp quá!

Chỉ nhìn cũng đủ thích.

Anh chàng tức khắc tháo khuyên, hạ màn xuống, lôi nàng ra, ném nàng lên trên.

- Ngồi lên đây! Nom chẳng khác gì bông sen trắng bụi! Căn phòng này cũng trắng lây cô mình!

Chạm vào vải màn trắng tinh, nàng tưởng mình là cô dâu mới.

- Em cắt móng chân đây!

Ngồi trên chiếc màn phủ kín căn phòng, rất hồn nhiên, nàng bắt đầu cắt móng chân lâu nay để quên đã dài.

(Dịch theo bản tiếng Pháp

của Anne Bayard - Sakai và Cécile Sakai)

Đó là một truyện trong lòng bàn tay, viết năm 1926. Móng sáng (Asa no tsume) dịch từ tên tiếng Pháp Les ongles du matin. Hai chữ "móng sáng" đầy tính tương phản: về người con gái: nàng trong sáng như ánh ban mai hay đã tàn tạ trong nanh vuốt giang hồ? Về ánh sáng: là ánh bình minh trong sáng hay đã sớm tắt móng vuốt cuộc đời? Về căn phòng: không bao giờ có nắng sáng, hay đời nàng chưa bao giờ có ánh sáng? Về chiếc màn: trắng tinh như voan cưới, hay tang trắng cả cuộc đời?

Người con gái ấy chờ "người yêu" đến cưới, nhưng mỗi đêm nàng làm "việc" khác. Mỗi đêm đón khách, mỗi đêm đón một bất hạnh, cho đến khi gặp ông già. Sự hồn nhiên, ngây thơ trong tâm hồn nàng chiếu xuống khung cảnh khôn cùng, rục lên những hồi quang hấp hối của tuổi xanh tàn

tạ, không hôm nay, không cả ngày mai. Truyện thật ngắn. Câu thật ngắn. Nhưng cái ngắn ấy phủ lên chiều dài, chiều rộng, chiều sâu, của cõi không mênh mông. Nghệ thuật Kawabata nằm trong chỗ trống, chỗ không, như không mà có. Ông tạo ra một vũ trụ sắc không, thuần túy Nhật Bản, vận dụng khoảng không như một vũ trụ bên trong con người; ông tung ra "móng sáng" như một hành tinh bí mật trong vũ trụ ấy, để người đọc, nội suy, ngoại suy, tìm kiếm, thám hiểm... không ngừng đặt câu hỏi với nhà văn và với chính mình: người con gái có móng sáng, là ai? Nàng trong trắng ngây thơ "đợi người yêu đến cưới" hay nàng là sự mờ ám của "mỗi đêm một người đàn ông khác". Cả đến sự nghèo nàn của nàng cũng u uẩn mơ hồ, ngoài những nét đầu tương đối rõ "cô gái nghèo thuê căn lầu hai tồi tàn", những chi tiết còn lại thường được chiếu bằng những hình ảnh thoáng qua, như sơ xuất, như vô tình "nàng đi đôi guốc mộc của đàn ông đã mòn", "nàng hay giật giũ ở cửa sau". Hoặc qua lời hặc: "Không có màn à?", qua những khúm núm sợ sệt của nàng: "Xin chàng thứ lỗi! Em sẽ thức suốt đêm canh muối". Tất cả những hình ảnh, những ngập ngừng, những van xin, vang lên như những âm thanh tức tưởi vừa thoát ra đã chìm đi...

Những âm thanh chưa kịp thành lời đã vội tắt ngấm, dội vào lục phủ ngũ tạng kẻ đọc như những điệp khúc câm.

Nhà văn dùng thủ pháp thơ với nguyên lý song song: điệp chữ, điệp ý, điệp động tác, điệp lời: đêm nào người con gái ấy cũng làm chùng ấy động tác, đêm nào nàng cũng thấp hương vòng đuổi muỗi, đêm nào nàng cũng xin tha thứ, đêm nào nàng cũng ngồi quạt cho khách, đêm nào nàng cũng không ngừng tay quạt, đêm nào nàng cũng mơ về tuổi thơ trong bóng tối... Một sự điệp âm thầm có hậu quả như trái phá trong tim người đọc. Như giọt trà đậm làm mất ngủ suốt đêm. Khoảnh khắc đời nàng chỉ trôi trong chớp mắt - thời gian lướt lên mớ chữ bé tý có thể nắm gọn trong lòng bàn tay - vậy mà chính chúng, mớ chữ bé xíu ấy đã lọt vào ta, ở lại trong ta như một ám ảnh bề bồng của cuộc đời.

Mà nàng, chắc gì nàng đã nghĩ đến ý nghĩa cuộc đời, nhưng ông già ấy, ông cụ Kawa nằm trong óc cậu con trai 27 ấy, đã nghĩ lung về cuộc đời, lão mua màn, mắc màn cho nàng, rồi lặng lẽ ra đi khi trời chưa móng sáng.

Mặt người chết. [3]

(Shinigao no dekgoto, Le visage de la morte, 1925.)

Bà mẹ vợ vừa nói vừa rảo bước dẫn chàng vào chỗ vợ nằm:

- Anh vào mà xem. Trông nó khác hẳn. Tội nghiệp con nhỏ mỗi mắt trông anh về để nhìn anh lần cuối.

Những người quây quần chung quanh giường người chết cùng ngược mắt nhìn chàng.

- Thấy anh, chắc nó mừng lắm. Bà cụ miệng nói tay định lật tấm khăn phủ mặt người chết.

Bỗng chàng buột miệng:

- Khoan đã, cho con ngồi một mình với nhà con một lát được không?

Lời chàng làm chần động những người thân đứng quanh giường vợ. Họ lục tục đi ra, khẽ kéo bức bình phong đóng kín căn phòng lại.

Chàng lật chiếc khăn trắng.

Vẻ đau đớn hẳn trên nét mặt đánh lại của người chết. Hàm răng cái mả nhô ra giữa hai gò má sâu hoắm. Thịt trên mí mắt khô quắt dính đét vào vòng mắt. Những đường gân trên trán hẳn cứng nét đớn đau.

Chàng ngồi bất động, nhìn khuôn mặt gớm ghiếc.

Rồi hai tay run lên bần bật hướng về đôi môi người vợ cố gắng khép miệng lại. Nhưng khi chàng buông tay ra, làn môi vừa bị miễn cưỡng kéo vào lại từ từ mở ra. Chàng lại kéo lại lần nữa. Chúng lại mở ra. Lập đi lập

lại không biết bao lần cử chỉ này, chàng thấy những nếp cứng quanh miệng vợ như đã mềm đi.

Tất cả tái tê dồn lên hai tay, chàng bắt đầu chà miết vầng trán, hy vọng làm thư giãn những đường gân cứng trên mặt người chết. Lòng tay nóng bỏng, chàng yên lặng ngắm khuôn mặt vừa bị chà bóp tứ bề.

Bà mẹ vợ và cô em gái út vào phòng, hai mẹ con cùng lên tiếng:

- Vừa đi tàu về, chắc anh mệt lắm. Anh ra xơi cơm rồi còn đi nghỉ.

- Bỗng bà cụ nức lên, má đầm đìa nước mắt:

- Ôi! Vong linh con người mới thật dễ sợ làm sao! Nó nhất định không chịu chết trước khi anh về. Mà lạ thật, chỉ một cái nhìn của anh, đã làm khuôn mặt nó trở lại bình an thế này... Phúc đức quá, chắc nó mãn nguyện lắm.

Người em vợ lặng nhìn đôi mắt đờ đẫn của chàng với ánh mắt sáng đẹp chưa từng thấy trên đời. Rồi nàng òa khóc, quỵ xuống.

(1925, dịch từ bản tiếng Pháp

của Anne Bayard-Sakai và Cécile Sakai)

Mặt người chết viết trong tháng 3/1925, khoảng thời gian Kawabata vừa ra khỏi đại học và thật sự bước vào nghiệp văn chương, và in năm 1926, trong tuyển tập đầu tiên gồm 35 truyện thật ngắn. Mặt người chết tiêu biểu lối cấu trúc trong lòng bàn tay. Lối thiên thu hóa một khoảnh khắc của Kawabata có thể so sánh với lối James Joyce gói gọn thiên thu trong một ngày. Nguyễn Du gọi tình trạng này là "ba thu dọn lại một ngày dài ghê". Nói khác đi, các đại văn hào thường có khả năng giam một đời người trong vài khắc như Kawabata, hoặc giam cả nền văn hóa Tây phương từ Ulysse (thượng cổ thời đại) đến bây giờ trong một ngày như James Joyce.

Vài khắc của Kawabata ở đây là thời gian người đàn ông đi xa về nghiêng xuống mặt người vợ đã chết, vẫn kiệm lời, nhà văn không cho biết gì về những chi tiết của chuyến đi, về quan hệ vợ chồng, những việc ấy

dành cho độc giả, ông cốt ý để trống bắt người đọc phải hành động, phải tưởng tượng, phải đọc được những "chỗ trống" ấy. Khoảng trống trong thế giới Kawabata không hề có ý nghĩa hư vô như trong triết học Tây phương, mà là một khoảng trống "có". Khoảng trống có nghĩa, thậm chí có nhiều nghĩa, có sức hút thôi miên như một vực thẳm không đáy. Ở khoảng trống ấy, hai con mắt đen láy của Kawabata đang nhìn ta như thách đố: bạn đã tìm ra được đầu mối chưa? Tóm lại nhà văn đưa ra một số ký hiệu ngôn ngữ nguyên chất trong thế rỗng, để chúng ta lắp ghép bối cảnh, lắp nhân vật, lắp con người, và ông không bao giờ cung cấp hết, ông bỏ lửng để chúng ta có thể lắp nhiều cách khác nhau, điền vào chỗ trống theo sở thích của riêng mình, xây dựng nhiều thoại khác. Nhà văn gọi đến tự do của người đọc, nói theo Sartre. Và bản thân chúng ta, mỗi lần đọc lại truyện thật ngắn của ông, ta lại có dịp để cho cảm thức của mình hoạt động và "sáng tác" theo những chiều hướng khác. Người đọc Kawabata không thể là thứ độc giả lười biếng ngồi ỳ ra đợi tác giả vạch sẵn đường đi nước bước, bởi đọc kiểu ấy thì không tiếp nhận được gì, mà còn rất nản. Kawabata bắt buộc người đọc phải có "tâm cỡ" xứng đáng với tác giả.

Cặp vợ chồng này, một người ngồi đây và một người đã chết, họ có yêu nhau, họ đã yêu nhau, họ còn yêu nhau? Người chồng đi xa vì đã ly thân hay chỉ là một chuyến xa gia đình vì công việc? Người vợ chờ chồng về để trăng trối, để xin tha thứ hay để tha thứ cho chồng? Người chồng nghĩ gì khi ngồi bên xác vợ? Chàng nghĩ về sự gớm ghiếc của khuôn mặt chết? Đến sự đổi thay chớp nhoáng của hai cõi tử sinh trên cùng một thân thể con người? Chàng cố sức chà bóp khuôn mặt vợ vì tình yêu, vì thương cảm, vì đam mê thống khổ hay vì muốn xóa đi dấu vết thần chết trên xác thân bất hạnh? Hay chàng muốn xóa đi nỗi thất vọng của chính mình trước sự biến đổi gớm ghiếc của nét mặt, của ánh mắt trước đây trong sáng như ánh mắt tuyệt vời của người em gái ngồi cạnh? Sự trực diện và tương phản giữa sống chết có thể khủng khiếp đến thế ư?

Người mẹ vợ, ở ngoài cõi của chàng, đã đọc tất cả những dữ kiện này dưới một lăng kính hoàn toàn xa lạ. Bà ở trong một cõi khác chàng, bà đọc

khoảnh khắc của chàng như một sự giao cảm giữa người sống và vong linh người chết. Bà là niềm tin, bà là đạo, trong khi chàng là kẻ ngoại đạo, chàng bất lực không thể tạo dựng được bất cứ một niềm cảm thông nào giữa quá khứ và hiện tại. Chàng không hiểu được bí mật của cái chết. Chàng không hiểu người vợ đã mang những hành trang gì đi theo, và không hiểu thời còn sống giữa chàng và vợ thật sự đã có một mối giao cảm nào. Nhưng tất cả những giả định vừa qua, cũng chỉ là giả thiết của một người đọc, một cách đọc. Còn bao nhiêu người, bao nhiêu cách đọc nữa, "mở" ra như thế, với mớ chữ ngăn ngui trong lòng bàn tay Kawabata, mà hôm nay, đời sau, mỗi lần có người "mở" câu chuyện ra đọc, lại tìm thấy một chùm câu hỏi khác, cho mình và cho nhân thế.

Bồ tát O-Nobu [4]

(O-Nobu jizo - Le culte d' O-Nobu, 1925).

Trong sân lữ quán suối nước nóng tọa lạc trên núi có một cây dẻ lớn. Tượng bồ tát O-Nobu dựng dưới bóng cây.

Theo cuốn niên sử địa phương, O-Nobu mất lúc sáu mươi ba tuổi, năm Minh Trị thứ năm (1872). Chồng chết năm hăm bốn, nàng ở goá, nghĩa là trao thân cho khắp lượt thanh niên trong làng, chẳng trừ ai, nàng xử sự công bằng với tất cả bọn trai tráng miền núi. Và họ cùng đồng ý luân phiên nhau chia sẻ nàng. Các cậu đến thì sẽ được nhập hội sở hữu O-Nobu và khi lấy vợ, phải ra hội. Nhờ O-Nobu mà những thanh niên trên núi không phải vượt bảy dặm, trèo đèo, xuống với chị em dưới cang; nhờ nàng mà những cô gái sơn cước giữ được trinh nguyên, những người vợ, lòng chung thủy. Như bọn đàn ông dưới thung lũng phải vượt cầu treo để về làng, đám trai tơ trong làng đều trở thành đàn ông qua tấm thân O-Nobu.

Thấy truyền thuyết đẹp, hẳn đâm ngưỡng mộ O-Nobu. Nhưng bức tượng bồ tát này lại chẳng có vẻ gì giống người con gái giang hồ xưa. Chỉ thấy lờ

mờ nét mặt dưới cái đầu trọc lóc, biết đâu chẳng phải là một pho tượng đồ, lợm trong nghĩa địa.

Sau cây dẻ, là một nhà chứa. Không hiếm khách từ lữ quán suối nước nóng, lén chui dưới tàn cây dẻ, tay sờ soạng cái đầu trọc lóc của O-Nobu, luồn vào lầu hồng.

Một ngày hè, hăn và vài ba người nữa gọi nước đá. Vừa nuốt một hụm, hăn cau mày nhố toẹt ra. Người hầu gái hỏi:

- Không uống được à?

Hăn chỉ tay về phía sau cây dẻ:

- Cái này ở đấy ra, phải không?

- Vâng.

- Lại một con mụ nào ở đấy dầm đá phải không? Tởm quá!

- Thày còn lạ gì. Bà chủ dầm chứ ai. Chính mắt cháu thấy lúc sang lấy com măng mà.

- Ly muống cũng mấy con mẹ đó rửa chứ gì?

Hăn giận giữ dẫn cái ly xuống bàn, nhổ bọt.

Sau khi đi một vòng về phía suối, hăn vẫy xe ngựa. Vừa bước lên xe, hăn ngã ngựa: một cô gái cực kỳ xinh đẹp ngồi ở trong. Càng nhìn, càng thấm chất nữ của nàng. Như thể dâm tình dịu dàng nồng ấm của khu lầu hồng đã ngấm vào nàng, làm ẩm ướt làn da từ thuở còn thơ. Không một vết gợn trên tấm thân tròn trĩnh. Gót sen còn thắm. Khuôn mặt xa vắng, không một nét gồ, ánh mắt đen nhánh rộng mở, rực sáng như chưa một lần từng trải.

Chỉ cần nhìn làn da ở má cũng đoán được da chân, mịn màng mềm mại gợi ham muốn được lăn dưới chân nàng. Nàng là chần gối, chần gối vô luân. Nàng sinh ra để đàn ông quên hết ý thức trên đời.

Nóng ran lên vì chạm vào đùi nàng, hăn vờ ngược nhìn núi Phú Sĩ dập dềnh xa trên thung lũng. Rồi hăn lại nhìn nàng. Lại nhìn Phú Sĩ. Lại nhìn

nàng. Lần đầu tiên đã từ lâu, hăn mới lại thấy sức quyến rũ của sắc tình.

Nàng xuống xe cùng với bà cụ quê mùa đi kèm. Hai người leo cầu treo xuống thung lũng, vào căn nhà sau cây dẻ. Hăn sững sờ. Dù ngậm ngùi cho thân phận nàng, hăn vẫn cảm thấy một niềm thỏa mãn thầm kín trước sắc đẹp.

- Cô này, ít ra, sẽ không xấu xa tàn tạ vì đàn ông. Người con gái có định mệnh thanh lâu này, làn da, khoé mắt sẽ không tan nát, cổ, ngực, lưng sẽ không tàn tạ như những cô điếm khác trên đời.

Rơi lệ vì phát hiện thánh nữ, hăn nghĩ mình đã tìm thấy hình bóng O-Nobu.

Qua bao ngày chờ đợi mùa săn, rồi thu đến, hăn trở lại vùng đồi núi ấy.

Người ăn kẻ ở trong lữ điếm đã lại tíu tít trong sân. Một tay đầu bếp ném khúc gậy lên ngọn cây dẻ. Những quả dẻ đậm màu rơi xuống đất, đám đàn bà lượm lên, bóc vỏ.

- Nào, thử xem tay súng của ta có còn nhạy không!

Rút súng khỏi bao hăn nhắm ngọn cây. Hạt dẻ rơi rào rào nhanh hơn tiếng súng dội trong thung lũng. Bọn đàn bà rú lên, nghe tiếng súng con chó săn của lữ điếm hí hửng quẫy đuôi đánh đập.

Hăn thoát nhìn về phía sau cây dẻ. Người con gái tiến lại. Làn da vẫn mịn màng nhưng nàng xanh xao tàn tạ.

Hăn quay sang người hầu gái bên cạnh.

- Cô ấy bệnh, năm mãi.

Đớn đau thất vọng trước sắc tình thuở trước. Giận giữ vô cớ, hăn lại bóp cò. Tiếng súng xé rách mùa thu trên núi. Mưa dẻ.

Con chó chạy về phía mồi, rên ư ử, cúi đầu, dơ hai chân trước lăn quả dẻ, cún cón sủa rồn như hề. Người con gái xanh xao lên tiếng:

- Này! Không khéo con chó cũng đau vì hạt dẻ!

Tiếng nàng làm bọn đàn bà rũ ra cười. Hẳn trạnh thấy sao trời thu cao thế. Lại một phát súng.

Như giọt mưa thu nâu, quả dẻ rơi trúng đầu trọc của bồ tát O-Nobu, xác thịt vương vãi tứ phía. Đám đàn bà cười lăn cười bò, hò la kích động âm ỉ.

(1925, dịch từ bản tiếng Pháp

của Anne Bayard-Sakai và Cécile Sakai)

Truyện Bồ tát O-Nobu có thể coi như sự tương hợp Đạm Tiên - Thúy Kiều trong tâm hồn Nhật Bản. Nguyễn Du đã từng trùng phùng hai sinh mệnh: Đạm Tiên, người kỹ nữ thời xưa và Thúy Kiều người con gái bán mình thời sau.

Ở Kawabata là sự gặp gỡ giữa O-Nobu, người kỹ nữ thời xưa và người con gái lầu hồng thời nay. Giữa hai định mệnh thanh lâu là hẳn. Hẳn mang sắc thái phũ phàng của một khách chơi dung tục, nhưng có những tình cảm sâu sắc của một tâm hồn cao thượng. Truyện chia làm bốn mảng: 1- Giới thiệu người kỹ nữ xưa. 2- Hẳn xuất hiện: lỗ măng, dung tục. 3- Thánh nữ: biểu hiện sắc tình. 4- Tàn tạ mùa xuân. Như bốn tiết đoạn của một bài thơ. Mỗi tiết một sắc thái khác, một Kawabata khác. Tiết đầu, chân dung "cổ điển" của Đạm Tiên O-Nobu; tiết thứ nhì, chân dung "hiện thực" của khách; tiết ba, chân dung "lãng mạn" của người đẹp; và tiết bốn, những phũ phàng tan vỡ của sắc tình.

Cây dẻ trong sân sừng sững như cây nhân sinh. Quả dẻ vỏ ngoài có gai. Lột lớp gai ngoài, tới làn vỏ trong nhẵn thín. Dưới làn da mịn màng là thịt dẻ. Mỗi "tương giao" giữa quả dẻ, con người và đất trời được nhà văn thăm kín bọc trong lớp chữ. Thân phận giang hồ khác gì quả dẻ, như giọt mưa thu nâu, rơi xuống chiếc đầu trọc của O-Nobu, như một động tác luân hồi và cũng là động tác tự hủy, tự vận, tự gieo bất hạnh xuống chính phận mình làm thịt xương tan nát. Toàn thể văn bản là những lớp lang lồng ấp nhiều tầng, ý nghĩa đan cài ngang dọc, nhiều lớp đón đầu phủ lên nhau: da dẻ,

như da người con gái đã nhuộm màu ẩm ướt thanh lâu, thân người kỹ nữ được phong "bồ tát" cũng phong sương vô thừa nhận như bức tượng đầu trọc, có lẽ đã lượm từ nghĩa địa. Nhan sắc tuyệt vời của nàng rồi sẽ phai, rồi đã vong thân, sớm muộn cũng trở về với nghĩa địa, hoặc nếu sống dài, sẽ trở thành những "con mẹ", "con mẹ", chịu sự khinh mạn của bọn chơi hoa, xô bồ dung tục. Tác phẩm là sự ngậm ngùi vô tận về kiếp giang hồ, về những bội bạc của con người. Tác phẩm nhỏ những giọt nước mắt Kiều trên mả Đạm Tiên Nhật Bản.

Thế giới Kawabata

Nhật Bản trong Kawabata phải là người phụ nữ. Những cương cường, khí phách, những hùng tráng của nam giới trong tinh thần "vô sĩ đạo" dường như đã bị mềm đi, đã bị khuất phục trước những uyển chuyển, thướt tha trong dáng vóc, réo rắt trong tiếng đàn, khúc mắc trong ánh mắt, tâm hồn người kỹ nữ geisha. Trước tấm thân trần của "người con gái ngủ", những tội lỗi một đời được "rửa đi" như đức Phật từ bi cứu khổ, cứu nạn, cho những cuộc đời lão ông gần đất xa trời.

Nếu tưởng tượng - nền móng của sáng tác - dựa trên bốn trụ: nước, lửa, đất, trời, như Bachelard đã hơn một lần xác định, thì vũ trụ tưởng tượng của Kawabata khởi đi từ hai yếu tố cơ bản: lửa và nước, để đồng quy ở người phụ nữ Nhật Bản, rồi từ nàng nhà văn dẫn chúng ta đến những chân trời khác như trà đạo, nhạc đạo... trước khi bước vào chặng chính và cũng là chặng cuối: cái chết. Hành trình đó là tâm hồn Nhật Bản trong Kawabata. Bởi chưa thấy nhà văn nào đi sâu vào thể xác và tâm hồn người phụ nữ đến thế. Như thế ông "trích dẫn" tâm hồn ấy trong não trạng dân tộc ông, trong thiên nhiên đất nước ông, một thiên nhiên kỳ lạ về mộc thảo, khắc nghiệt và tuyệt vời về khí hậu, một thiên nhiên mong manh vô cùng và cũng mạnh mẽ vô cùng.

Gương là yếu tố thứ ba cho nhà văn tự soi mình và soi người phụ nữ. Đôi mắt sâu như đêm tối của Kawabata thôi miên người đàn bà, xoáy vào

gương, nhân cảnh thật lên thành cảnh ảo, cảnh phù ảo, diễm lệ, ma quái, không từng có. Nghệ thuật huyền hoặc hóa thực tại như thế còn được gọi là nghệ thuật huyền ảo, mà lâu nay những nhà văn Châu Mỹ La Tinh được coi như nắm tác quyền. Nhưng ở Kawabata, có một thứ huyền ảo khác, phát sinh từ thực tế không thêm bớt, từ một ảnh thực được nhân lên trên đài gương, tương tự như thủ pháp của Orson Welles trong điện ảnh. Huyền ảo ấy có một dư vị khác: nhà văn tự ngấm mình trong tình thần Narcissisme Nhật Bản, rồi cả "mình" cả Nhật Bản hiện trở lại trong người phụ nữ, dưới các hình thức: yêu kiều diễm lệ như một geisha, dưới lớp sáp trắng là cả một trời khổ đau và bất hạnh (Xứ tuyết), "nhờn nhợt màu da" như vị trà sư có màu sắc Tú Bà, biểu hiện thời tàn phai trụy lạc của hơn ngàn năm văn hiến (Ngàn cánh hạc), âm ý như tiếng lòng thầm kín vô thanh nhưng vô cùng vũ bão, vô tận như sơn âm trong lục phủ một người đứng tuổi (Tiếng núi), ngây thơ như những thiếu nữ đồng trinh khoả thân nằm ngủ, búp bê sống của những lão ông gần đất xa trời, muốn xám hối tội lỗi, hay muốn lấp ghép lại những phút đắm say trong đời sống nhục dục đã qua, không có cách nào trở lại được (Người đẹp ngủ).

Mỗi tiểu thuyết của Kawabata là một đài gương cho nhà văn ngấm mình ở những chặng đời: tuổi trẻ, trung niên và tuổi già. Mỗi tác phẩm là một cơ hội phân tâm ngọn lửa tình thiêu đốt con người trong mỗi giai đoạn sống. Lửa ấy - như Bachelard đã một lần tìm ra nguồn gốc - không bắt nguồn từ sự cọ xát hai khúc gỗ khô, hay hai hòn đá, mà đầu tiên hết, lửa sinh từ sự cọ xát hai thân: con người lấy kinh nghiệm bản thân để làm ra lửa, ngọn lửa đầu tiên phát sinh từ cuộc sống và sinh ra cuộc sống, là ngọn lửa tình. Bachelard dựa trên phép luyện đan thời cổ, tương ứng với triết học Đông phương, và chúng ta lại có thể kiểm nghiệm một lần nữa trong các tác phẩm của Kawabata: bởi tình yêu ở đây mang những nét tình khô tuyệt đối, tình đầu mà cũng là tình cuối, tình yêu đến chết. Tình trong Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Tiếng núi và Người đẹp ngủ, là những trắc diện khác nhau của cuộc tình Roméo-Juliette, mà khía cạnh hoành tráng bi kịch thời trung cổ đã bị xoá đi bằng thủ pháp mờ xé gần như lạnh lùng cái đón đau âm

thầm và khốc liệt bên trong của những giọt lệ đá. Xứ tuyết là ngọn lửa tình cháy trong băng tuyết. Ngàn cánh hạc là ngọn lửa tình xuyên hai thế hệ, thiêu rụi nghệ thuật trà đã năm trăm năm tuổi. Tiếng núi là ngọn lửa diêm sơn chôn sâu trong lòng đất những khát vọng âm ỷ của một ông già. Và những Người đẹp ngủ là những đức Phật Quan Âm, xoa dịu những ngọn lửa đốn đau thống khổ thiêu đốt bên trong những tâm hồn gần đất xa trời. Thế giới Kawabata là thế giới mà người đàn bà là ngọn lửa từ bi cứu rỗi.

Lửa và tuyết

Lửa và tuyết là hai yếu tố chính trong Xứ tuyết. Lửa cấu tạo nên tình yêu, thiêu đốt ba nhân vật: Shimamura, Komako và Yôko. Tuyết làm nền cho xứ mộng. Xứ tuyết lộ ra dưới "chân trời trắng" đẩy lùi bóng đêm trong đường hầm, ảnh ảo của một vùng đất có thật: đường hầm Shimizu (cách Tokyo 175 cây số về phía Bắc) nằm trên tuyến xe lửa Jôetsu ngày trước nối liền Tokyo với Niigata. Người đi, từ kinh thành Tokyo, chốn thị tứ ấm áp phía nam bên bờ Thái Bình Dương qua 11 cây số đường hầm, đến vùng tuyết trắng giá băng trên bờ biển Nhật Bản. Người đi, trốn Tokyo để đến xứ tuyết, trốn cuộc đời thực để tìm đến cuộc sống mộng ảo phù du.

Xứ tuyết thoát tiên được Kawabata cho in từng đoạn, trên nhiều báo khác nhau, từ 1935 đến 1947. Trong vòng 13 năm, từ 1935 đến 1948, các chương được ông viết đi viết lại nhiều lần. Giữa bản đầu, in năm 1937, và bản 1948, có một khác biệt sâu xa: ấn bản đầu chưa có đoạn đám cháy trên núi tuyết. Rất có thể, sau 11 năm kinh nghiệm sống và viết, nhà văn đã tìm thấy lửa như một kết cấu luân hồi: lửa sinh ra tình yêu và lửa cũng có khả năng hủy diệt, trở thành dứt điểm của tình yêu.

Kawabata dành 13 năm để hoàn tất một cuốn truyện 250 trang. Tác phẩm như một bức họa đen trắng đậm nhạt: nổi bật trên nền trắng của tuyết, của sấp mặt kỹ nữ geisha, là sắc đen trong màu tóc Komako, trong xiêm áo của nàng, là tiếng đàn shamisen réo rắt. Nếu trong truyện thật ngắn, Kawabata

chỉ họa những nét phác chính, để trống những nét phụ cho người đọc vẽ vờ thêm; thì trong tiểu thuyết, bút ông chạy những nét li ti, cực kỳ chi tiết vào vật chất, vào tâm hồn. Ông tạo hình như một nhà phân tâm học vừa tìm ra một mỹ cảm mới: rơi xuống đáy sâu trong lòng người bằng ngòi bút của một nghệ sĩ sành thơ và họa.

Người ta nói nhiều đến đôi mắt cực kỳ đặc biệt của Kawabata và những ai đã gặp ông, khó tránh bị thu hút bởi đôi mắt có khả năng xuyên suốt ấy, nhưng những người chưa gặp Kawabata, cũng có thể nhìn thấy đôi mắt lạ kỳ ấy trong tác phẩm của ông. Nhân vật bị ông thôi miên. Khả năng hút cạn nguồn sinh lực của nhân vật để nhả vào tác phẩm có một không hai của nhà văn độc đáo này làm bật tính khốc liệt trong những động tác bình thường gần như nhàm chán của cuộc sống hàng ngày.

Tình yêu tuyệt đối giữa Shimamura và Komako được soi trong con người, con người mà Apollinaire gọi là "chúa tể của mắt" (Christ de l'oeil) và Yôko hiện ra bên cạnh như chiếc bóng, trong gương của tình yêu.

Con người phù thủy ấy thường trực hướng về phụ nữ. Mắt Shimamura trong Xứ tuyết (cũng như Kikuji trong Ngàn cánh hạc, Singo trong Tiếng núi, Eguchi trong Người đẹp ngủ) đã bị đồng tử của Kawabata nhập vào. Rất có thể vì ông chưa tìm ra cách nhập được vào người phụ nữ, cho nên ông đành nhập vào những nhân vật nam trong truyện, mượn mắt của họ để chiếu vào người phụ nữ. Nhưng mỗi lần dờ thủ pháp ra, Kawabata lại gặp trở ngại trước một thế giới huyền hoặc, mơ hồ, không sao soi tỏ được. Bởi mỗi người đàn bà là một hành tinh bí mật. Mỗi người đàn bà là một thái dương thần nữ, là một chủ thể của đam mê, dục vọng khác nhau.

Suối nước nóng trên núi là những điểm hẹn (Bakhtin gọi là thời không gian-chronotope) mà Kawabata rất thích mang vào truyện của mình, bởi dòng nước là nguồn sinh lực nuôi những giấc mơ, giao thoa những hồi ức. Sự gặp gỡ và chia tay không hẹn lại giữa Shimamura và Komako, như những giấc mơ trên tuyết, điệp lại ba lần, mỗi lần là một đắm say, là sống, là yêu, là sống lại, là giận dỗi, là ghen tuông, là thề thốt, là nước mắt. Tình

yêu ấy được nhìn theo chiều duy nhất: chiều Shimamura hướng về Komako, qua chiếc bóng Yôko. Đó cũng là chiều mà Shimamura muốn khám phá người phụ nữ. Một chiều thất bại, không thể khám phá được: bởi không riêng gì Komako, mà hầu như tất cả những nhân vật nữ trong tác phẩm của Kawabata, đều huyền hoặc như những áng mây. Dù huy hoàng, lộng lẫy, hay âm u, đen tối, họ luôn luôn ẩn giấu những khoảng mờ ảo bí mật không thể nào nhìn rõ được. Nhà văn bèn nhân những huyền bí ấy lên thành vô vàn huyền bí khác trên một đài gương, và không gian phụ nữ trong Kawabata trở thành một khung kính vạn hoa, muôn ngàn màu sắc.

Trên chuyến tàu từ Đông sang Tây, Shimamura có đó, chàng lên núi để gặp lại người tình, nhưng hôm nay chàng để ý đến một bóng hình khác: người con gái đi kèm với một thanh niên, có vẻ ốm nặng. Chàng bắt đầu lặng lẽ quan sát hai khuôn mặt:

"Trên phong kính đằng xa cảnh chiều chạy ruối như một nền gương di động; những mặt người phản chiếu trên gương, khá rõ, giống như những hình ảnh tối tắt chồng chéo trong một cuộn phim. Những hình ảnh di động ấy tuy không liên hệ gì với hai khuôn mặt kia, vậy mà có vẻ như chúng đều chung một độ huyền hoặc, và sự trong suốt gần như phi vật thể của hai khuôn mặt này dường như đồng loã và đồng nhất với cái mờ ám âm u của cảnh đêm, làm thành một vũ trụ duy nhất, một loại thế giới tượng trưng, siêu hình không hiện hữu. Một thế giới đẹp không sao tả xiết đang xâm nhập tim chàng, tưởng chừng có thể làm khuynh đảo tất cả, nhất là lúc từ xa trên núi một tia sáng vu vơ nào đó bỗng rạng ngời trên khuôn mặt người thiếu phụ, nâng vẻ đẹp lạ thường này lên đến mức lạ thường không sao tả xiết".

Ở một đoạn sau Kawabata viết:

"Ánh sáng yếu ớt trong toa tàu làm cho những gì Shimamura nhìn thấy qua ánh gương phản chiếu lại, không nổi và rõ như một hình ảnh trong gương thật. Khiến hồi sau chàng quên hẳn rằng mình đang ngắm một hình ảnh phản chiếu trong gương, dần dần chàng tưởng rằng có một khuôn mặt

phụ nữ thật đang đập dềnh trước mắt, và khuôn mặt đó đang bị cuốn theo dòng thác chứa đầy những phong cảnh âm u quái đản đang chảy xiết " [5]).

Gương là một trong những "dụng cụ" Kawabata dùng để phân ảnh, ghép ảnh và bội ảnh.

Nhưng mặt gương luôn luôn phản chiếu rõ quá, thật thà và thô sơ quá. Mặt gương cho ta những bức ảnh chụp của thợ, không dùng được trong văn chương. Nhà văn bèn tạo đài gương riêng cho mình bằng khung kính trên nền tối của trời đêm: Trong toa tàu, gương đêm chiếu vào khuôn mặt nữ đầu tiên: Yôko. Và từ nàng, Kawabata tạo ra thế giới huyền ảo: ánh lập lòe của những ngọn đèn xa trên núi và ánh sáng chập chờn của toa tàu chiếu vào phong cảnh và hành khách, phản hồi trên mặt kính, tạo thành một vũ trụ siêu hình ma quái.

Hầu như tất cả những hình ảnh trong Xứ tuyết, bằng cách này hay cách khác đều được chiếu theo thủ pháp gương như thế, kể cả những chỗ nhà văn không trực tiếp dùng đến gương nữa, nhưng vẫn có ánh sáng phản hồi: Yôko, qua khung kính của toa tàu, hiện ra như khúc nhạc dạo đầu, như sự hiện diện của Thúy Vân dự báo và làm trội thêm nét đẹp "Kiều càng sắc sảo mặn mà". Yôko là bóng, là âm thanh, Yôko dự báo Komako. Sự xuất hiện của Yôko làm lộ chất thi nhân trong Shimamura: với độ nhạy cảm bất thường, chàng có thể nắm bắt những ảnh thật mà thiên nhiên và con người cung cấp cho chàng để ảo hóa chúng thành thơ. Trong suốt 250 trang truyện là những bài thơ theo thể liên hoàn nối tiếp nhau tuôn theo dòng bút.

Nhờ đài gương làm trung gian, Shimamura có thể chiêm nhiên ngắm người đẹp mà không sợ bị ai bắt gặp. Mà cả khung kính, lẫn nền đen của màn đêm, đều như đồng lõa với chàng, chúng thay nhau phản chiếu khuôn mặt người con gái ngồi hơi xệ trước mặt. Shimamura đặc biệt chú ý đến thanh âm lạ lùng thoát ra trong tiếng người con gái, sự phát âm yêu kiều quyến rũ một cách lạ kỳ, dạo đầu cho tiếng đàn shamisen của Komako. Yôko là những đam mê thầm kín, mơ hồ, chưa tỏ. Yôko chỉ là nốt nhạc đệm cho một truyện tình có âm hưởng Thúy Kiều - Thúc Sinh, qua ba

trường canh, mỗi trường canh được đánh dấu bằng một âm bậc tốt đỉnh: Nhan sắc Komako; Tiếng đàn Komako và Ngọn lửa trên núi tuyết.

Trường canh đầu nổi lên với nhan sắc của Komako và tiếng "sét ái tình":

"Không còn hồ nghi gì nữa, chàng chỉ khao khát riêng nàng từ những phút đầu, nhưng chàng thường tự biện bạch quanh co, thay vì nhận thẳng, để đỡ mất công tìm chữ; chàng càng tự khinh, thì người phụ nữ ấy dưới mắt chàng càng thêm đẹp. Ngay từ khi nàng lên tiếng dưới rặng bách hương, chàng đã cảm thấy như một luồng gió mát xuyên suốt tâm can.

Sống mũi cao, mảnh mai, chỉ một nét âu sầu cũng đủ xúc cảm lòng người, nhưng đoá hoa môi lại xoá đi ngay: đôi môi, khi khép, khi mở, nồng nàn dao động đượm vẻ yêu kiều đến độ tham lam, man dại. Ngay cả khi nàng không nói gì; làn môi vẫn sống, vẫn động. Rạn ra hay chau lại, hoặc chỉ một chút sắc son bột thắm, là đã hiện lên những nét phong nhu, nhưng màu môi vẫn giữ nguyên vẹn vẻ mượt mà mềm mại tươi tắn. Đường mi, không cong không dài cắt mí mắt thành một vạch thẳng gần như kỳ cục đến tức cười, nếu không có những sợi mày tơ ngẩn, rậm tể nhị ôm vòng xuống. Khuôn mặt tròn trĩnh nhưng hơi quăm, thật ra không có gì đặc biệt. Nhưng nước da màu sứ hồng tuyệt vời, với chiếc cổ trinh bạch và làn vai rắn chắc tỏa ra chút gì sung mãn. Nàng đem lại ấn tượng thật tươi mát với tất cả sức quyến rũ của sắc đẹp, ngay khi chính nàng chưa hoàn toàn là một người đẹp". (trang 442).

Kawabata không tả cái đẹp mà ông tả cái duyên. Bởi duyên là mệnh, là sự gặp gỡ bất kỳ, là không định trước. Komako là duyên. Chỉ có Đông phương mới thấm nhuần cái duyên một cách sâu xa như thế. Komako là ảnh thật, Yôko là ảnh ảo. Komako đến từ cõi này, Yôko đến từ cõi khác. Komako không vào loại "Làn thuy thủy nét xuân sơn, mây ghen thua thắm liễu hờn kém xanh", nhưng nàng vẫn mang phận Kiều: Vì hoàn cảnh gia đình, Komako học nghề geisha. Nhưng nàng chỉ muốn đàn ca cho khách chứ không muốn tiếp khách.

Shimamura, sau một tuần trượt tuyết, trở về trạm suối nước nóng nghỉ ngơi, chàng như Thúc Sinh, chỉ muốn tìm đến một cô gái làng chơi để tiêu khiển, và cũng không muốn dây dưa phiền toái, vì có ý định sau này sẽ dẫn vợ con lên nghỉ ở miền núi này. Còn, Komako, Komako là tấm "lòng trinh" còn sót lại của một thời "vàng son" mà người kỹ nữ có thể gieo nghệ thuật cầm ca trên cuộc sống.. Komako là ngọn lửa cuối cùng của một nghề sắp tàn. Nàng mang tâm hồn thuần túy geisha, nàng là "Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách" trong không gian "quạnh hơi thu lau lách đìu hiu". Nàng là cả một trời Đông về chiều trước cơn gió Tây thổi mạnh. Nàng là chút dư hương cuối cùng của một ngành nghệ thuật sắp tàn phai, chập chờn trong buổi giao thời.

Trường canh thứ nhì: Tiếng đàn Komako.

Khi Shimamura trở lại xứ tuyết lần thứ nhì, chàng gặp Yôko trên tàu. Hình ảnh Yôko trong những phút đầu, đã xóa đi hình ảnh Komako trong óc chàng. Chàng đến lữ điểm "gọi" Komako - nay đã trở thành geisha chuyên nghiệp - ra tiếp khách. Nhưng tiếng đàn của Komako - lại một lần nữa - đưa Shimamura vào đam mê, vào tình yêu, không sao cưỡng lại được. Tiếng đàn có mãnh lực phù thủy. Hình ảnh Yôko xa dần. Tiếng hát nhân ngư tiêu diệt những chống cự cuối cùng: Shimamura nghiêng mình trước đắm say, bó tay trước định mệnh huyền hoặc, mặc cho tiếng đàn hát sai khiến chàng trở lại thế giới bí mật của tình yêu:

"Nàng bắt đầu dạo bản Kanjincho.

Shimamura đột nhiên cảm thấy như bị điện giật, luồng điện chạy khắp cơ thể khiến chàng rung mình nổi da gà đến gáy. Như thể những nốt nhạc đầu tiên đã đào một rãnh sâu trong gan ruột chàng cho tiếng đàn shamisen đổ vào trong đó. Không còn ngạc nhiên nữa mà nổi kinh ngạc làm chàng choáng váng sây sẩm như bị trúng đạn. Một thứ tình cảm thiêng liêng gần như sùng bái, kéo chàng đi, trượt ngã, chìm ngấm dưới một bể luyến tiếc, ngậm ngùi, không thể cưỡng lại được. Chàng sung sướng đầu hàng vô điều

kiện để yên cho sức mạnh ấy cuốn đi, theo đúng sở nguyện của Komako. Nàng làm gì chàng cũng được.

Kỳ nhỉ? Một kỹ nữ miền núi, một cô gái chưa tới hai mươi tuổi mà tại sao lại tài tình đến thế! Căn phòng hai người đang ngồi không lớn lắm, vậy mà sao nghe tiếng đàn như cao kỳ cất lên cho một cử tọa đại trào? Tất cả đều bị mê hoặc bởi chất thơ miền núi. Shimamura rơi vào mộng lúc nào không biết. Komako tiếp tục lâm râm theo một điệu, khi khoan khi nhặt, khi đào sâu từng nốt, khi lướt thoát trên những âm giai mà lúc đầu xem ra có vẻ tẻ nhạt; nhưng dần dần, chính nàng dường như cũng bị yêu thuật lôi cuốn đi, hân hoan trong say sưa kỳ diệu. Rồi tiếng hát vút lên lôi cuốn Shimamura trong trạng thái quay cuồng đến chóng mặt. Nào biết âm nhạc có thể xô đẩy mình tới đâu, chàng cố cưỡng lại, đầu gối lên tay, làm ra vẻ xa cách, ơ hờ. Khi bài ca chấm dứt, lấy lại được bình tĩnh, chàng thầm nghĩ "nàng yêu ta, người đàn bà này yêu ta" (trang 474).

Tiếng đàn Komako, trong như tiếng hạc bay qua, đục như tiếng suối mới sa nửa vời, tiếng khoan như gió thoảng ngoài, tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa, như tiếng đàn Kiều, là tiếng định mệnh của những tàn phai không sao cưỡng lại được. Và sự gặp gỡ giữa hai tiếng đàn cũng là sự gặp gỡ giữa hai tâm hồn phương Đông, Nguyễn Du - Kawabata ở tuyệt đỉnh của nghệ thuật.

Trường canh thứ ba mở ra với ngọn lửa.

Gương và tuyết là hai yếu tố ngoại hình tác động, lửa là kiến trúc nội tâm của tình yêu. Trong trường canh ba này, lửa chiếm trọn khán đài, lửa choán cả nội tâm lẫn ngoại cảnh. Gương vẫn phản chiếu thực tại, khi làm nhoè đi, khi rọi sáng thêm những khúc mắc của tình yêu. Tuyết là nước trong thể đặc biệt, không lỏng mà cũng chưa đặc. Tuyết ở địa vị trung gian, trắng ngần băng lạnh, dung hòa nhiệt độ những thiêu đốt, làm sáng những đòi hỏi, giảm tính cực đoan trong tình yêu tuyệt đối.

Khi Shimamura trở lại xứ tuyết mùa thu năm sau. Nồng độ tình yêu đồng biến với nồng độ xa cách, giận hờn, ghen tuông, sóng gió. Tình yêu đã đến

đỉnh và ở đỉnh chỉ còn hư không. Đám cháy tất yếu phải xảy ra, hoả hoạn phải bùng lên đốt hết: cháy nhà kho chứa kén: kho tơ. Cháy kho tơ. Mọi chi tiết, từ kén đến tơ, đều mang ý nghĩa tình vị, nguyên thủy. Kawabata trình bày màn cuối bi tráng huy hoàng: Lửa hồng đốt tơ trên tuyết trắng, khốc liệt như đám cháy trong lòng những kẻ đang yêu. Ai đốt kho tơ? Yôko chết trong hỏa hoạn. Tai nạn hay tự tử? Yôko đem bí mật về cõi bên kia. Komako mang xác Yôko như gánh thập tự, gánh "tội yêu" của chính mình. Shimamura nhìn lửa, soi mình, không tìm ra một đầu mối nào hết, chỉ cảm thấy sự xa lìa sẽ phải đến. Những đòn đau, khúc mắc trong tim hai người đàn bà, đối với chàng vĩnh viễn vẫn chỉ là bí mật. Bí mật phụ nữ. Bí mật Nhật Bản. Trên trời, dòng ngân hà vẫn trôi như không từng có chuyện gì xảy ra.

Ngàn cánh hạc

Trong tác phẩm Trà sư (Le Maître de thé) của Inoué, lịch sử trà đạo ở Nhật từ thế kỷ 16 tới ngày nay, mở đầu với vị trà sư Rikyô, chủ môn trường phái nghệ thuật uống trà thanh đạm, được viết thành một tác phẩm văn học giá trị, phơi bày mặt trái của lễ nghi: trà đạo hơn bốn thế kỷ, bị thế quyền phong kiến sử dụng như một mụ mối trong chợ chính trị. Những buổi thiết trà thường là mặt tiền che đậy những cuộc thương lượng bên trong, và những vị trà sư khả kính chỉ là những quân cờ dưới trướng các lãnh chúa. Những cái chết bí mật của các thủ lĩnh trường phái trà đạo, trong suốt bốn thế kỷ, nằm trong những bí mật của nghệ thuật trà trị, và họ chết đi, mang cả bí mật của trà trị sang thế giới bên kia.

Ngàn cánh hạc không viết về trà đạo, không viết về trà trị, mà dựng trên bình phong đạo trà để viết về tình yêu, và tình yêu trong tác phẩm của Kawabata luôn luôn là tình yêu tuyệt đối.

Ngàn cánh hạc có hình thức gần như cổ điển với những tình tiết éo le. Nhưng tác giả đã xóa chất éo le bằng cấu trúc đứt đoạn, bằng giọng văn ơ

thờ, mỉa mai, lãnh cảm; tạo nghịch cảnh bằng cách đối ngội nhận vật, không cho họ đứng đúng chỗ ước đoán của người đọc: tất cả những nhân vật chính như bà Ôta, Kikuji và Kikako... đều không đóng những vai mà độc giả chờ đợi.

Như những tiểu thuyết khác của Kawabata, Ngàn cánh hạc cũng chỉ khoảng 200 trang, đã được đăng trên báo từ năm 1949, viết từng mảng, mỗi mảng là một truyện, cả thảy có năm truyện. Tác phẩm hoàn tất trở thành một cấu trúc tiểu thuyết chặt chẽ, ra đời năm 1952, trong bối cảnh nước Nhật đang mất dần những truyền thống cũ mà trà đạo là một.

Tác phẩm dựa trên một nền trà mà gốc rễ đã lung lay. Trà thất của những gia đình truyền thống ảm mốc cửa đóng then cài.

Những vật dụng cũ như bình, chén, bị bỏ bê lẫn lóc, lọt vào tay một thế hệ trẻ không biết phân biệt thế nào là chén tổng, chén quân. Trà sư Kikako, một mục mỗi, lai nhiều "phong cách": mang dấu ấn Mylady với "cái bột tím đen, to bằng bàn tay xòe, có lông cứng như lông nhím, trên vú trái", lại có cái tộc mạch lỗ măng của một bà Phó Đoan, và có nét "nhờn nhọt màu da" của một mục Tú Bà. Giao phó một nghệ thuật có "truyền thông lâu đời" như trà đạo vào một "tay chơi" như vậy, Kawabata không còn ảo ảnh nào nữa về sự đào thải, mai một, của trà kinh, trà quyền.

Cậu Kikuji - nhân vật chính - thừa bé tình cờ nhìn thấy dấu ấn "Mylady" trên ngực Kikako, người nhân tình của cha. Ám ảnh ấy không ngừng theo đuổi Kikuji. Dấu ấn mạnh đầu tiên, mà Kawabata đưa ra là cái bột, phóng ảnh góm giếc về sự thoái hóa một truyền thống lâu đời.

Phóng ảnh thứ nhì chiếu vào bức tranh ngàn cánh hạc in trên tấm khăn lụa hồng, đầy bộ đồ trà trên tay Yukiko, một trà sinh đang đi vào trà thất.

Ngàn cánh hạc trên tay người đẹp đã gây ấn tượng mạnh trong lòng Kikuji. Sau này, khi hình ảnh yêu kiều của Yukiko đã biến mất trong trí chàng thì bức tranh ngàn cánh hạc vẫn còn đọng lại rõ nét. Ngàn cánh hạc phải chăng là hương trà đã vật chất hóa thành cánh hạc bay đi, để lại cho

nhân thế những bụi bặm, căn bã của cuộc đời mà họ "xứng đáng" được hưởng. Hay chính hương trà ngậy ngất ấy cũng chỉ là những cánh hạc phù du, như cái đẹp, như hạnh phúc, như nghệ thuật, như tình yêu, sớm muộn rồi cũng cất cánh bay cao? Không sao biết được. Nghệ thuật của Kawabata luôn luôn kéo ta đến chỗ không biết được ấy, chìm chúng ta trong cõi chưa biết ấy.

Yukiko, người con gái đẹp mang ngàn cánh hạc trở thành đối tượng kiếm chồng. Yukiko là nạn nhân của "thời cuộc", thời mà người ta dùng các trà thất làm chỗ mỗi lái kiếm chồng. Trà mỗi thời nay, khác với trà trị thời trước, bởi chính trị và tình duyên không giống nhau, nhưng cùng dẫn đến một hậu quả: phong toả hương trà, làm ô uế trà đường, khiến cho hương trà phải bay theo cánh hạc.

Kawabata vẫn vận dụng triệt để con mắt, nhưng ở đây ông không dùng mắt để nhìn, mà ông còn dùng con mắt như một điểm nội tâm, một điểm của não thủy, ghi nhận những hình ảnh thật đắt giá, ném chúng vào sâu trong tiềm thức, cất giấu trong vô thức, để lúc nào cần, cũng có thể phóng ra được. Cái bớt trên ngực mẹ Kikako và ngàn cánh hạc trên tay Kikako, cho thấy cách nhà văn tạo ấn tượng mạnh: Hai hình ảnh, một cực kỳ xấu xa ghê tởm và một cực kỳ thơ mộng, đã không ngừng chi phối tâm hồn Kikuji, nhưng rồi cái bớt đã xua đuổi cánh hạc: đạo trà rơi vào trà sư vô đạo.

Hình ảnh thứ ba là chiếc bình sứ shino của bà Ôta, người tình cuối cùng của ông thân sinh ra Kikuji. Khi ông còn sống, bà Ôta đã dùng chiếc bình này để pha trà đối ẩm với ông. Sau khi ông mất và cũng theo đà mai một của trà đạo, bà Ôta dùng làm bình cắm hoa. Chiếc bình sứ shino chứng kiến những tang biến của đời bà nhưng nó cũng mang số phận truân chuyên của đời trà đến hồi mai một.

Hình ảnh thứ tư là cái chén shino của bà Ôta, vết môi người thiếu phụ đã ngấm vào miệng chén thành vết son không bao giờ phai nhạt.

Hai hình ảnh sau cùng này vẽ nên bức phác người thiếu phụ: bà Ôta, linh hồn của tiểu thuyết, là hình ảnh của tình yêu tuyệt đối: tình Trương Chi.

Trong một buổi họp mặt ở trà đường của Kikako, bà Ôta chỉ muốn gặp Kikuji, con trai của người tình cũ nay đã trưởng thành, để ngỏ lời xin lỗi, nhưng "tiếng sét" giáng xuống tâm hồn, bà thấy lại người xưa và đã để mặc cho ngọn lửa đam mê sống lại. Ôta xuất hiện như một thoáng chiêm bao nhưng hương thơm và sự dịu dàng của bà chính là hiện thân của tình yêu tuyệt đối, xuyên thế hệ, xuyên kiếp người. Bà như hồn Trương Chi trong chén ngọc: mất đi để hiện về trong vết son trên miệng chén:

"Nhìn kỹ mới thấy một ánh đỏ hiện lên trên nền sứ trắng ngà, đúng như Fumiki đã nói với chàng trong điện thoại sáng nay. Càng ngắm, càng thấy như ánh đỏ trong suốt lộ dần lên trên nền trắng. Vành chén màu hồng ngà sang hoàng thổ, có một chỗ hồng đậm hơn một chút.

Có phải chỗ đó nàng thường chạm môi?

Trà cũng có thể để lại dấu thấp thoáng này, mà cũng có thể đó là dấu ấn của làn son môi không biết bao lần đã nhấp lên đó.

"Nhìn kỹ hơn, ta có thể thấy cả ánh đỏ trong lòng thổ hoàng. Chẳng lẽ lại đúng như Fumiko đã định ninh rằng môi son của mẹ nàng, ngày qua ngày, đã thấm dần vào hạt sứ ư?

Nếu thật chú ý, ta sẽ thấy sự hòa hợp vừa thấp thoáng vừa tế vi giữa sắc nâu và sắc đỏ, thấm cả lên những vết rạn chẳng mạng trên mặt trà.

Một cảm giác lạ thường xáo động tim chàng, Kikuji nhủ thầm: "Màu son tàn, như cánh hồng uá, tím lịm như sắc máu khô. Đột nhiên một thoáng ghê sợ, gần như lợm giọng dâng lên làm chàng hơi buồn nôn, đồng thời một sức cám dỗ mời gọi không thể cưỡng lại được đục khoét trong đầu chàng đến ù tai hoa mắt.

Mặt ngoài chén, vài nét thuần khiết vẽ một chiếc ống gầy trở ra một cảnh mộc thảo, với những cánh lá rộng bản, màu lam lục, sẫm gần như đen, tưởng như có những chấm hoen rỉ, lỗ chỗ trên kẽ lá.

Những nét đơn sơ tình mặc của bức họa đầy phách lực, chìm sâu trong đáy mắt Kikuji, kéo chàng ra khỏi cơn chóng mặt bệnh hoạn của nhục cảm." (trích dịch theo bản tiếng Pháp *Nuée d'oiseaux blancs* do Bunkichi dịch, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel 2002, trang 779).

Ngàn cánh hạc là một truyện tình giấu nhiều truyện tình xuyên thế. Bà Ôta tìm lại người tình đã mất qua hình dáng phong độ của người con trai, kém nàng 25 tuổi. Như thế đạo trà đến giò lâm chung muốn được hồi sinh trở lại trong hơi thở thanh niên. Rồi đến lượt Kikuji, lại theo vết cũ, tìm nàng trong Fumiko, con gái của nàng.

Ôta mang tất cả dịu dàng âu yếm của một người mẹ, nhưng lại có những nét ngây thơ mê đắm của một Juliette đang độ thanh xuân, có những đớn đau từng trải của một Anna Karénine bất hạnh, và ở nàng, còn một hồn Đạm Tiên linh ứng, hiển hiện. Ôta chỉ sống có vài ngày trong đời Kikuji, yêu chàng trong vài khắc nhưng vết môi nàng đã tạc trong da thịt chén, đã thành gợn chén, nằm trong vật chất, đã trở thành một hữu thể. Đời Ôta là đời trà trong buổi hoàng hôn, nàng như tia sáng cuối loé lên trước khi tắt, nhưng hồn trà không đi được, cứ về trong chén. Trà và chén, như vết môi và con người, chẳng khác gì tác phẩm nghệ thuật. Người ta có thể bỏ bê trà, chén trong bóng tối, trong ẩm ướt của một trà thất không người; cũng như người ta có thể để sách ẩm mốc trong thư viện tối tăm mỗi mọt. Nhưng mỗi lần có một tâm hồn tri kỷ nâng chén, là vết son lại hiện lên cùng với hương trà, hồn trà, cũng như mỗi lần có người dở sách ra đọc, những con chữ trong tác phẩm sẽ lại động dậy, thì thầm nói chuyện.

Ôta cũng như Eva, sau khi phạm cấm, tất phải đọa đầy: hối hận, mặc cảm, tội lỗi, đẩy nàng vào cái chết. Tất cả được xây dựng như một bi kịch cổ điển Shakespeare, nhưng vô cùng thanh thoát như vòng luân hồi bể khổ, bến mê của nhà Phật.

"Nàng đã đi tìm cái chết vì mặc cảm tội lỗi, vì không có lối thoát? hay nàng chết dưới mãnh lực của tình yêu mà nàng không thể dập tắt được.

Vì tội lỗi hay vì tình yêu? Câu hỏi ấy ngày đêm không ngớt dày vò Kikuji, từ một tuần nay, không lời giải đáp.

Giờ đây chàng nhắm mắt quỳ trước bàn thờ người đã khuất, chàng thấy mùi hương nồng ấm tuyệt vời của nàng vẫn bao bọc mình như trước, thanh tịnh không gợi chút nhục thể nào. Chàng đón nhận một cách tự nhiên sự hiện diện này, hiện diện hữu tình nhưng vô thể, vọng âm hơn vọng hình, đúng với bản tính sâu sắc của nàng.

Từ khi biết tin nàng mất, Kikuji hầu như không ngủ được dù đã uống cả rượu trộn thuốc ngủ. Trong những giấc chập chờn ngắn ngủi, chàng luôn luôn giật mình tỉnh dậy, nhưng những thoáng chớp mắt ấy lại không có ác mộng mà đầy mộng mơ: những giấc mơ tràn đầy nhục cảm bào mòn thật lâu sau khi tỉnh giấc. Chàng lấy làm lạ tự hỏi, tại sao một người đã chết mà hương thơm ngậy ngất của vòng tay cứ còn tồn tại mãi trong ta?" (trang 750).

Ôta đi, nhưng hương nàng còn lại. Kikuji ngậm ngùi day dứt với một mùi hương, mùi hương mà chỉ có những ngòi bút tuyệt vời mới tìm thấy chữ: "hương gây mùi nhớ trà khan giọng tình". Ôta như Giáng Kiều muốn bám chặt vào cuộc đời mà bỏ lửng cuộc sống trong tranh. Nhưng nếu Giáng Kiều chỉ thuần là những đường nét thì Ôta là xương thịt, nàng thật như thân xác, nàng thật như hương trà, nàng thật như đắm say, nàng thật như tình yêu xuyên cỏi chết. Kikuji tiếp tục sống những giây phút thần tiên của nhục cảm với hương nàng, cho đến ngày chàng nhận thấy mùi hương ấy không chỉ là mộng ảo, mà còn hiện hữu trên tấm thân người con gái của nàng: Fumiko. Và đúng như ước muốn của Ôta, Kikuji theo con đường cũ nàng đã đi: chàng yêu người con gái qua hình ảnh người mẹ. Nhưng Kikuji sẽ chỉ sống như một người trần, chàng không bao giờ đạt được đỉnh cao của Ôta, bởi chàng chưa đi đến thử nghiệm cuối cùng: cái chết.

Cái chết của Ôta liên quan đến cái chết của Kawabata: "Chết là vĩnh viễn từ chối mọi lý giải của người khác. Không ai biết lý do hành động tự hủy

của một người, cũng không ai có quyền phán đoán người đi tìm cái chết" (trang 756).

Nhưng chết chưa hẳn là hết, mà nhiều khi chỉ là khởi hành. Kawabata rõ hơn ai hết về cái chết của nhà văn sau mỗi tác phẩm: Ông đã hoàn tất "tác phẩm", đã đi trọn cuộc tình xuyên thế hệ: nàng đã tìm đến tình yêu bên kia cõi sống, và kinh nghiệm có một không hai này của nàng để lại cho trần thế một ý nghĩa mới về đam mê, về nhục dục.

Tiếng núi

So với Xứ tuyết và Ngàn cánh hạc, Tiếng núi mở ra phong cách mới thứ ba trong nghệ thuật Kawabata. Tiếng núi trần trụi là tiếng cuộc sống hàng ngày, không có cốt truyện, không tình tiết, không cả bút pháp hư ảo như trong Xứ tuyết, cũng không có những hình tượng phi thường, tạc vào ký ức người đọc như trong Ngàn cánh hạc. Tiếng núi là tiếng bên trong, tiếng ở dưới, tiếng thầm rạn vỡ, không thể nghe thấy trong đời sống hàng ngày. Ở đây là tiếng rạn của một cá nhân, một gia đình, như tất cả mọi gia đình bình thường khác, trong cuộc sống tầm thường gần như vô vị, "không có gì để viết" như Samuel Beckett đã từng thốt lên.

Như hầu hết những tiểu thuyết khác của Kawabata, Tiếng núi cô đọng trong hơn 200 trang, và cũng được đăng từng mảng trên báo từ năm 1949. Đến 1954, sửa chữa lại và in thành truyện. Tính chất fragment, từng mảng, trở thành yếu tố cấu trúc chính trong tác phẩm và cũng là thủ pháp lắp ghép của tiểu thuyết hiện đại, với chủ đích tiến gần đến sự thực hơn.

Tiếng núi, tuy được viết cùng thời với Ngàn cánh hạc, nhưng với một quan niệm khác Ngàn cánh hạc. Nếu Xứ tuyết và Ngàn cánh hạc chiếu vào những chân dung phụ nữ, đặt trong bối cảnh xã hội Nhật Bản xa rời truyền thống, là những tiếng xưa gọi về hiện tại; thì Sơn âm, là tiếng núi vọng lên từ lòng đất, không màng quá khứ hiện tại, bỏ cả bối cảnh xã hội, để chỉ giữ

lấy phần phi thời gian, chiếu thẳng vào nội tâm con người, một người đàn ông: Ogata Singo.

Tiếng núi xoay quanh nhân vật chính Ogata Singo, 62 tuổi. Ở Nhật, ở Tàu hay Việt Nam, tuổi 50 đã là "già": ngoài việc được con cháu tôn vinh, chính đương sự cũng muốn tự phong mình lên lão để được hưởng địa vị một kẻ đạt đến cái tuổi, vẫn được người ta lập đi lập lại một cách sáo mòn là "xưa nay hiếm". Hiếm đối với thời xưa, thiếu thuốc thang chữa bệnh, sang thời nay, tuổi năm mươi, sáu mươi, không còn hiếm nữa, nhưng hình như người ta vẫn tồn cổ, vẫn thích "được già", vẫn muốn bám chặt vào địa vị khả kính giả tạo đã mất của "lão ông" trong xã hội phương Đông ngày trước. Sơn âm là tiếng vọng trong tâm hồn những lão ông, chưa đủ già để an phận và đã qua thời trẻ để có thể xây dựng lại cuộc đời. Sơn âm cũng là ngọn đồi chôn những tạp âm chồng chất của cuộc sống bị dồn ép trong cũi không nói được, không thổ lộ được, của một kiếp người đã trọng tuổi.

Singo là một ông già có địa vị cao trong xã hội, làm giám đốc một công ty ở Tokyo, sống trong biệt thự ở Kamakura, với một gia đình bề ngoài cao sang, con cái nền nếp.

Ông già - cực kỳ nhạy cảm - này, đặc biệt thính tai, đã nhận thấy những tín hiệu đang trí, lảng tai của mình. Chúng ta đã thấy đôi mắt lạ lùng của Kawabata trong Xứ tuyết và Ngàn cánh hạc, thì ở đây là sự tung hoành của đôi tai. Với độ nhạy cảm bất bình thường, suốt đời Singo đã nghe, và cảm thấy tất cả âm thanh của cuộc sống chung quanh, từ tiếng hạt dẻ rơi trong bữa tiệc cưới, tiếng ngáy của người vợ già, đến tiếng sương rơi trên lá... ở độ nhạy cảm như thế, cuộc sống tầm thường sẽ có một ý nghĩa khác thường. Ví dụ nghe thấy tiếng quả dẻ rơi:

"Thân phụ Yasuko muốn làm đám cưới con gái ở nhà để tiễn cô út. Singo không bao giờ quên được, đúng lúc mọi người cùng nâng chén, một quả dẻ rơi.

Quả dẻ rơi xuống viên đá lớn trong vườn, nảy lên rồi rớt xuống suối. Mặt đá có lẽ dốc lắm, cho nên hạt dẻ mới bật lên đẹp lạ lùng như vậy.

Suýt thốt tiếng kêu kinh ngạc. Chàng vội nhìn quanh. Chẳng ai để ý đến một hạt dẻ rơi." (trích dịch bản tiếng Pháp, *Le grondement de la montagne*, do Suematsu Hisashi dịch, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, 2002, trang 862).

Singo nghe thấy tiếng dẻ rơi, cũng như người lữ khách trong truyện thật ngắn *Bồ tát O-Nobu* đã nghe thấy tiếng dẻ rơi hôm trước, như tiếng tan vỡ xác thân người con gái thanh lâu, tiếng vỡ của tất cả cuộc đời những người con gái giang hồ.

Tiếng dẻ rơi trong Tiếng núi là thanh âm của chính cuộc đời Singo, vang lên ngay từ ngày cưới; giống như tiếng dẻ rơi xuống đá, nảy lên, bắn xuống suối, tạo những vòng tròn đồng tâm chu vi lan ra vô tận. Tiếng dẻ ở đây là âm thanh của những hạt cát dồn đau trong vũ trụ vô cùng của bể khổ. Kawabata dùng yếu tố thật nhỏ, thật chẳng đáng gì, để khơi động những cơn dông tố lớn, như người nhạc trưởng bằng chiếc đũa con, thức động những nốt nhạc kinh hoàng trong bản hợp tấu tịch lặng của sơn âm:

"Chưa tới mồng mười tháng tám, mà côn trùng đã bắt đầu rả rích. Lắng nghe, đôi khi còn thấy cả tiếng sương đọng trên quả rơi xuống lá.

Bỗng đâu, tiếng núi vọng đến Singo.

Không một ngọn gió. Trăng tỏ như trăng rằm. Đêm ẩm ướt. Bóng cây trở thành những gò núi nhỏ, mờ mờ, bất động, in trong không gian im ắng.

Những chùm dương xỉ, dưới mái hiên, như cứng lại. Có những đêm, trong lòng thung lũng Kamakura, còn nghe cả thấy tiếng sóng rì rầm; Singo tự hỏi hay là tiếng sóng, nhưng không, rõ là tiếng núi rên rĩ.

Tiếng rên này, Singo tưởng như tiếng gió xa vọng lại, nhưng không phải, đây là một âm thanh mạnh mẽ sâu thẳm, như tiếng găm đến từ lòng đất. Singo tưởng nó dội ra từ trong đầu, như tiếng ù tai. Ông lắc đầu.

Tiếng rên ngừng bật.

Singo đâm sợ.

Ông rùng mình như giờ chết đã đến.

Singo tưởng mình đang bình tĩnh suy nghĩ đến tiếng gió, tiếng sóng hay tiếng ù tai, nhưng biết đâu tiếng rền vang đã thật sự vang động?

Đúng là Singo đã nghe tiếng núi, như tiếng ma quỷ văng lai chấp chờn.

Trong ánh sáng mờ nhạt của đêm đen ẩm ướt, ông trông thấy trước mắt mình sừng sững có cái gì đổ xuống dốc ngược như một bức tường đen tối. Đó là ngọn núi nhỏ, hình như là ngọn đồi trong sân nhà. Nó đứng im như nửa quả trứng luộc khổng lồ. Có những đồi khác, bên cạnh, đằng sau, nhưng chắc chắn là nó, là ngọn núi này đã lên tiếng" (trích dịch bản tiếng Pháp, *Le grondement de la montagne*, do Suematsu Hisashi dịch, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, 2002 trang 823-824).

"Vào nhà đi ngủ, Singo không dám đánh thức người vợ 63 tuổi dậy để kể lại sự sợ hãi của mình khi nghe thấy tiếng núi" (trích dịch bản tiếng Pháp, *Le grondement de la montagne*, do Suematsu Hisashi dịch, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, 2002, trang 825).

Tiếng núi trong đêm khuya tịch lặng và bí mật, có thể chỉ là tiếng báo hiệu tuổi già, là tiếng sợ hãi, tiếng nội tâm, tiếng mà ngoài Singo, có lẽ chỉ có một người nữa có thể cảm thấy: Kikuko, người con dâu trong gia đình. Bởi Kikuko cũng đã từng kể cho cha chồng nghe một chuyện mà nàng chưa từng kể với ai:

"Khi nàng sinh ra, người mẹ cao tuổi không muốn có con nữa và cũng vì ngưỡng ở tuổi mình còn có mang, đã rửa thềm thân xác mình. Bà đã nhiều lần phá thai nhưng vô hiệu. Sinh khó, người ta phải dùng kẹp lòi đầu đưa bé ra, vì vậy mà nàng có sẹo trên đầu.

Người mẹ kể lại cho Kikuko chi tiết này, và nàng lại kể cho bố chồng nghe. Singo không hiểu tại sao người mẹ lại kể cho con nghe một chuyện như vậy, và cũng chẳng hiểu tại sao con dâu lại kể cho mình nghe một chuyện như vậy.

Kikuko chỉ cho ông thấy vết sẹo nhỏ trên trán khi nàng rẽ tóc.

Từ đấy, mỗi khi nhìn thấy vết sẹo ấy, Singo cảm thấy dao động trước người con dâu, một thứ dao động như tình yêu.(...)

Kikuko có gì thiên bẩm dễ mến. Khi nàng vừa về làm dâu, Singo đã để ý đến vẻ yêu kiều ấy, cách nhún nhẹ vai làm cho nàng càng đáng yêu thêm. Kikuko lại gầy và trắng như người chị cả của Yasuko. Singo, hồi trẻ đã yêu người chị vợ." (trích dịch bản tiếng Pháp, *Le grondement de la montagne*, do Suematsu Hisashi dịch, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, 2002, trang 830).

Nguồn sơn âm bùng ra từ hôm ấy, từ hôm Singo nghe thấy tiếng núi, như ông đã tình cờ nghe được tuổi già. Singo tính lại "số đời". Một cuộc đời đầy thành công và thất bại. cả cuộc đời Singo là những toan tính thất bại: Vì yêu người chị cả đã có chồng nên khi người ấy mất, Singo cưới Yasuko, cô em út.

Nhưng em không là chị. Sinh con gái đầu lòng, Singo hy vọng nó sẽ có chút gì giống người đã khuất, nhưng không, tuyệt đối không, con còn xấu hơn mẹ. Người con gái đi lấy chồng, lục đục với chồng, vác hai con về nhà cha mẹ ở. Singo để hết hy vọng vào con trai, nhưng vừa lấy Kikuko được hai năm hẵn đã bồ bịch lung tung. Người con dâu xinh đẹp, yêu kiều, bị chồng bỏ lửng. Người bố chồng ở tuổi lục tuần và người con dâu xinh đẹp hiểu thảo như xích lại gần nhau, trong cảm thông giữa hai tâm hồn đồng điệu. Bản sơn âm trong họ là tiếng thầm của núi. Singo để ý đến tất cả những chi tiết nhỏ nhất nhất trong tiếng nói, nét mặt, trên thân thể người con dâu. Và Kikuko âm thầm đem lại cho cha chồng những niềm vui nhỏ trong cuộc sống đổ vỡ tàn tạ bên cạnh những người thân không cùng chung cảm xúc và định hướng. Hạnh phúc của hai người nằm trọn trong những giây phút ngắn ngủi: ông già chỉ cho con dâu cây bạch quả vườn nhà đang ra nụ. Kikuko bắt gặp cha chồng đang ngắm cảnh hướng dương hàng xóm. Nàng ví những đoá hướng dương như những đầu óc vĩ nhân, khi bão đánh gãy cành hướng dương, ông già cảm như cành hoa bị chặt đầu. Tiếng núi là

những âm thanh vô thường ấy của cỏ cây, của cuộc đời, mà chúng ta hàng ngày bước lên trên, chúng ta không đủ thính tai để nghe thấy. Nhà văn lợm lặt trong vũ trụ sống quanh mình, một vũ trụ tưởng như đầm thắm, tươi đẹp nhưng chứa ngấm bao nhiêu đổ vỡ bên trong. Dưới lớp bề ngoài của một cuộc đời "thành công", Singo âm thầm đi từ thất vọng này sang thất vọng khác, bắt đầu bằng tình yêu. Singo đã yêu một người con gái bằng tuổi chị mình, như Nguyễn Bính yêu chị Trúc, như Hoàng Cầm yêu lá diêu bông. Nhưng các "chị" thường đi bước trước, để lại cho "em" một tiếng gọi xa diêu bông hời! Để lại cho em những bề bàng. Singo chưa bao giờ tìm lại được chút hương thừa của "chị", ngoài tiếng "ngáy" của người em:

"Yasuko ngủ ngon, có lẽ vì sức khỏe tốt. Tiếng ngáy của bà thỉnh thoảng đánh thức Singo. Đây cũng là thói quen có từ thuở dậy thì, cha mẹ nàng đã cố chữa chạy nhưng vô hiệu. Rồi khi lấy chồng thì hình như có bớt đi và nó lại xuất hiện ở tuổi năm mươi. Mỗi khi bà ngáy, thì Singo bịt mũi vợ, lắc nhẹ, nếu vẫn không ăn thua gì, ông bóp cổ. Những lúc vui chuyện thì ông kể lại như thế. Còn những lúc bức bối, cái thân xác mà Singo đã sống bao năm bên cạnh chỉ để lại cho ông cảm giác tởm lợm.

Đêm đó, ông già đang quạu. Ông bật đèn, liếc nhìn mặt Yasuko, nằm cố, lắc lắc. Bà có làn da nhóp nhép. Ông chỉ sờ đến bà khi muốn chặn đứng tiếng ngáy, nhận thức này dâng lên trong lòng ông một chút thương hại pha lẫn nhạo báng." (trích dịch bản tiếng Pháp, *Le grondement de la montagne*, do Suematsu Hisashi dịch, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, 2002, trang 822-823).

Kawabata hay làm cho những gì tầm thường nhất trở thành khốc liệt như thế: từ tiếng ngáy của người vợ, nổi lên cả bi kịch chồng chất một đời, mỗi đêm đều có thể dẫn đến cố sát. Nếu tình yêu người chị ở Hoàng Cầm, Nguyễn Bính vẫn còn trong không khí lãng mạn, thì Kawabata luôn luôn tìm cách đập vỡ gương xưa, cho sự thật lộ diện, cho thấy bao nhiêu độc được mà hàng ngày, hàng đêm, những "người thân nhất" vẫn đổ cho nhau.

Bên cạnh những oan trái đó, nổi chết chờ chực cận kề: những người bạn già, lần lượt ra đi. Toriyama mới chết, nghe đâu vì bị vợ bỏ đói. Vốn sợ vợ, Toriyama, tan sở không dám về nhà, đi lang thang đến khuya cả nhà đi ngủ mới lần về. Mizuta chết bất thành linh trên tay một cô gái điếm, trong khách sạn của một trạm suối nước nóng. Nhưng có lẽ lạ lùng nhất là cái chết của Kitamoto, người từ chối già, người nhổ dần dần những sợi tóc bạc trên đầu, cho đến khi không còn sợi nào. Rồi tóc cũng chịu thua: những sợi mới mọc trở thành đen mượt. Nhưng mặc dù đầu đã xanh trở lại, Kitamoto cũng không thoát được.

"Ông ta nhổ từng sợi một, rất cẩn thận để khỏi nhổ nhầm phải sợi đen, mà cũng không đau. Nhưng khi nhổ nhiều tóc như thế, thì da đầu bị căng, trở nên nhạy cảm, tuy chẳng chảy máu, nhưng sọ bong da, đỏ lên, sưng phồng. Sau cùng người ta nhốt vào nhà thương điên. Vài sợi tóc còn lại, Kitamoto nhổ nốt trong nhà thương" (trích dịch bản tiếng Pháp, *Le grondement de la montagne*, do Suematsu Hisashi dịch, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, 2002, trang 902).

Tiếng Núi là đường đời, là cõi tạm, cõi trọ để đi về cõi chết. Con đường đầy những âm thanh vang lên trong tịch lặng của tâm hồn. Mỗi người mang một niết bàn hay địa ngục của riêng mình; là tiếng cô đơn buồn bã của một toàn thể chất đầy như núi những nhỏ nhất tầm thường trong cuộc sống hàng ngày, mà chúng ta đã trải qua, mà chúng ta đã mục kích, mà chúng ta đã dấn lên: những sự kiện vu vơ, tầm thường không tên tuổi. Kawabata thảo ra hết, liệt kê hết, mô tả hết những giờ khắc trôi qua: trong mỗi giây phút là một cái chết âm thầm, một cái chết tịch lặng như sơn âm. Nhưng trên đường đến nghĩa địa, ông không quên những tiếng hạnh phúc, mà nếu chúng ta không chịu khó lắng nghe, không chịu khó chụp bắt lấy chúng, thì trần ai sẽ thật sự chỉ là bể khổ.

Người đẹp ngủ

Dường như có sự e ngại, sợ scandale đối với Người đẹp ngủ. Không phải ai cũng thích. Không phải ai cũng đọc. Những người có nhiệm vụ giới thiệu Kawabata, thường né tránh, ít nhắc đến tác phẩm này, hoặc có nhắc đến, thì cũng lướt qua, như một tác phẩm "ngoại vi", trò chơi của một ông già sinh tật. Người thì cho rằng đây là cuốn dân thư, người thì cho rằng đây là một thứ "tội lỗi hủ hoá" của tuổi già, mà Kawabata là một trường hợp. Người thì dứt khoát cho rằng Kawabata bịa, nước Nhật "đứng đắn" như thế làm gì có những lữ điểm "đồi trụy" như trong truyện. Những phản ứng trên chẳng qua cũng chỉ là thứ tự ái dân tộc đầy mặc cảm, một thứ đạo đức bảo thủ, phi văn nghệ. Bởi chẳng một độc giả đích thực nào lại mất thì giờ quan tâm đến chuyện ấy "có thật" hay chỉ ở trong trí tưởng tượng của nhà văn. Bởi chuyện "có thật" hay không đó chẳng có gì là quan trọng, mà chính cái không khí lơ lửng, bấp bênh, mơ hồ, treo trên sợi tóc, chính cái lung linh giữa hư hư thực thực, giữa sống và chết, giữa tội lỗi và trinh bạch, giữa thiên đàng và địa ngục ấy mới đáng kể, nó xác định giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

Điều chắc chắn là Kawabata khi viết kiệt tác cuối cùng của đời mình đã cố tình "xoá" tác phẩm, làm mờ đi, tiện cho những cách đọc, đoán khác nhau.

Lão Eguchi, ở tuổi 67, tuy chưa lụ khụ nhưng cũng đã gọi là già. Eguchi, biết mình già nhưng cũng biết mình chưa thuộc loại bại xuội, không còn là đàn ông nữa, tức là chưa thành cụ. Chính cái tình huống bắc cầu ấy, cho phép Eguchi, nhìn nhận một cách sáng suốt, minh mẫn, hành động và tâm tư các cụ. Eguchi là tấm gương phản chiếu những fantasme - ảo tưởng - tối tăm, những bí ẩn khó nói trong tâm thức người già.

Như một bác sĩ tâm thần, Kawabata đưa bệnh nhân của mình vào một bối cảnh lạ lùng, để buộc họ phải tự bật ra lời khai, khai quang những ngõ ngách thâm u trong tâm hồn họ. Eguchi là con bệnh, Kawabata là bác sĩ mà cũng là bệnh nhân, vì cũng như trường hợp Singo, Kawabata để rơi nhiều "mảnh mình" trong Eguchi.

Eguchi được đưa vào một nhà khách đặc biệt tiếp các cụ gần đất xa trời; ở đây, các cụ có thể qua đêm bên cạnh một cô gái đẹp khóa thân đã bị đánh thuốc ngủ mê mết: những người đẹp ngủ. Một bối cảnh thần tiên như cổ tích công chúa ngủ trong rừng, nhưng cực kỳ tha hoá, cực kỳ oái oăm, cực kỳ xót xa, gần gũi với tội ác. Một cuộc xuống địa ngục, như Kawabata đã nói: "Lên niết bàn dễ, xuống địa ngục mới là khó". Lão ông suy nhược đã mất hẳn nam tính được đặt bên cạnh một sự cám dỗ cực kỳ. Lão sẽ làm gì? Lão suy tính và hành động ra sao? Trên bờ vực giữa ham muốn và bất lực, giữa xót xa nuối tiếc tuổi trẻ và hối hận ê chề của cuộc đời, toàn bộ tất cả từ tình yêu đến những tham vọng và thất vọng, những sai lầm và tội ác được trưng ra, chiếu đi chiếu lại, nhìn ngắm, soi tỏ, rồi lại được xoá đi, trong giấu diếm, trong im lặng không có người chứng hay người chứng chỉ là một cô gái trần truồng ngủ say. Nàng là chứng nhân vô ngôn vô hồn, nàng là niết bàn giữ những bí mật của vực thẳm tội lỗi.

Ngựa quen đường cũ, lão Eguchi đến nơi này cả thảy năm lần. Cùng trong căn phòng phủ trắng nhưng màu huyết dụ, trang trí như mộ huyết. Mỗi lần lão gặp một người con gái ngủ khác, và mỗi lần lão tìm lại được những giấc mơ, những cơn ác mộng, những thức tỉnh sâu xa trong cuộc đời quá khứ. Lão đến để "cầu cơ" về quá khứ của mình, lão tìm lên cung quảng với Hằng Nga để sống những ngày còn lại. Mỗi lần nằm bên người đẹp ngủ, Eguchi hồi nhớ một mối tình khác, một kỷ niệm thân xác khác của ngày xưa. Người con gái ngủ, là một thực thể đang tồn tại nhưng cũng lại là một sự vắng mặt sâu xa. Nàng là tác phẩm nghệ thuật: có đấy, nhưng im lặng, nhưng vắng mặt, có đấy để làm đấy lên những tình cảm chưa hề có nói "người đọc". Eguchi là một "người đọc" lạ lùng trước một tác phẩm cũng lạ lùng không kém: "người đẹp ngủ", tấm thân trần vừa có sức quyến rũ phi thường của tuổi đôi mươi, nhưng bất động không phản ứng như đã chết. Nàng là tấm gương phản ánh sâu xa tâm linh và thể xác ông già: có đấy nhưng cũng như đã chết. Nàng là trạng thái bắc cầu giữa sống và chết. Trong hoàn cảnh đặc biệt ấy, con người tự nhiên tính lại số đời của mình. Người con gái ngủ cho phép ông già thổ lộ tất cả những gì không thổ lộ

được trong cuộc đời, thoả mãn tất cả những khát vọng không thể thoả mãn được. Nàng là "người bạn trăm năm" im lìm đầy cảm thông và quyến rũ.

Những chuyển đi về quá khứ của Eguchi, bắt đầu như thế này. Đến lữ quán bí mật, Eguchi được người đàn bà nửa quản lý, nửa mụ đầu, dẫn đi dẫn lại:

"Bác đừng tìm cách đánh thức con nhỏ, mà có làm thế nào thì nó cũng không mở mắt ra đâu...Nó ngủ li bì chẳng biết gì cả.

"Bác đừng có lo. Nó ngủ một mạch từ đầu đến cuối chẳng biết trời đất gì. Nó cũng chẳng biết mình ngủ với ai..."

Eguchi đắm nghĩ, nhưng không nói gì.

"Con nhỏ đẹp lắm! Ở đây chúng tôi chỉ tiếp các cụ thật an tĩnh". (dịch theo bản tiếng Pháp của René Sieffert, *Les belles endormies*, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, 2003, trang 1160)

Sau những căn dặn giáo đầu, ông lão được dẫn vào "hiện trường":

"Chà!

"Eguchi ngạc nhiên thốt lên như thế trước tấm trướng nhung màu huyết dụ. Dưới ánh sáng khuếch tán, các màu sắc sâu đậm thêm, đem lại cảm tưởng như trước trướng có một vùng sáng mỏng như thể ta đang nhập vào một thế giới yêu ma. Bức trướng bao trùm căn phòng cả bốn bề, che cả cánh cửa mà Eguchi vừa vào, mép chỗ đó hơi bị nhàu. Eguchi khóa cửa, vạch trướng, nhìn cô gái ngủ. Ngủ thật, không phải giả vờ, bởi lão nghe hơi thở biết ngay là cô ta đang ngủ say lắm. Trước vẻ đẹp bất ngờ của cô gái, lão muốn ngừng thở. Không chỉ có sắc đẹp mà cả tuổi trẻ nữa hiện ra trước mặt lão. Cô gái nằm nghiêng về phía trái, chỉ thấy mặt, không thấy thân nhưng có lẽ chưa đến 20 tuổi. Ngược Eguchi như có một trái tim mới đang vỗ cánh đập" (dịch theo bản tiếng Pháp của René Sieffert, *Les belles endormies*, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, trang 1164).

Người con gái đẹp, khoả thân trong chăn, ngủ chẳng biết gì, nàng đã bị đánh thuốc mê. Nhưng sự sống của nàng chưa ngừng. Nàng chỉ bị chìm vào vực thẳm không đáy. Điều đó không làm nàng thành con búp bê sống, bởi làm gì có búp bê sống. Điều đó chỉ chứng tỏ con người không ngừng sáng kiến, chế tạo ra những thứ đồ chơi mới, cả trên thân xác con người.

"Nếu bác muốn bóp cổ con nhỏ, cũng dễ như vặn tay đứa bé con" (trang 1216). Lời mụ đầu. Người con gái ngủ, không phải là búp bê, cũng không phải là gái điếm, nàng là sự vong thân của con người trong tình huống bi thảm nhất: không còn là người mà cũng chưa là đất. Eguchi là kẻ mục kích và tham dự vào sự vong thân của chính mình và của nhân thế.

Eguchi vừa khinh miệt hành động của mình, vừa tiếp tục hành trình xuống địa ngục với bọn đồng loại đáng khinh. Eguchi tự thấy mình đê tiện, nhưng bi kịch của Eguchi, là lão còn sáng suốt quá, lão đã không lắm cẩm như các bạn đồng hành, lão còn đủ khả năng phân tích:

"Dưới cái duyên của nàng - dù ngủ với đôi môi hé mở - lão nhìn thấy dấu hiệu của tuổi trẻ.

Có thể do phản ứng trước người con gái còn quá trẻ, mà Eguchi cảm thấy một sự căm dỗ đen tối chi phối trong tim, nhưng trong tất cả những ông lão bí mật đến lữ điếm "Người đẹp ngủ" này, ta có thể tưởng tượng rằng không phải tất cả đều chỉ đến đây để buồn rầu nhâm nhi những tiếc nuối tuổi thanh xuân đã mất, mà còn có kẻ đến để quên những tội ác mà mình đã phạm trong suốt những ngày tháng dài của cuộc đời. Lão Kiga, người giới thiệu cho Eguchi căn nhà này, cũng đã úp mở cho Eguchi biết những bí mật của những ông già khác. Những người trong hội không nhiều, mà phần lớn, những ông lão này, nói nôm na, toàn là những kẻ thành công chứ không phải thất bại trong đời sống. Tất nhiên, có những kẻ, để thành công đã làm những chuyện tồi bại và để giữ vững địa vị vẫn tiếp tục con đường tội ác. Những kẻ đó, không yên trong lòng, họ là những kẻ lo âu, những người thất thố. Những gì dâng lên trong lòng họ khi được nằm cạnh, được va chạm thịt da với người thiếu nữ ngủ khoả thân, có lẽ chỉ là nỗi kinh hoàng về cái

chết sắp đến và sự tiếc thương vô vọng tuổi xuân đã mất. Có thể còn có sự hối hận những hành động hủ bại trong quá khứ, những bất hạnh hằng ngày trong cuộc sống gia đình của kẻ gọi là thành công. Có thể là đối với họ không còn một ông Phật nào để quỳ gối. Nhưng với một cô gái đẹp trần trụi trong vòng tay, họ có thể rơi những giọt lệ lạnh giá, họ có thể chìm đắm trong những tiếng khóc nghẹn ngào, những lời rên rỉ bi thương, nhưng người con gái ngủ không biết và không hề tỉnh dậy. Những ông lão đó không cảm thấy xấu hổ và lòng tự ái của họ không bị tổn thương. Họ tự do luyến tiếc, tự do than vãn. Nhìn dưới góc cạnh này, những "Người đẹp ngủ" chẳng phải là những ông Phật sống sao?" (dịch theo bản tiếng Pháp của René Sieffert, *Les belles endormies*, trong tuyển tập Kawabata, Albin Michel, trích dịch trang 1210).

Năm 1960, khi Kawabata bắt đầu viết *Người đẹp ngủ*, ông 61 tuổi, 12 năm sau, ông tự tử. Cái chết của Kawabata, không âm ỹ, không dàn cảnh như cái chết của Mishima, đệ tử của ông, hai năm trước. Hai tài năng khác nhau, hai cá tính khác nhau, hai phong cách văn chương khác nhau: một người tìm tĩnh và một người tìm động. Cái chết của Kawabata âm thầm rên như tiếng núi; cô đơn lạnh lẽo như những người con gái ngủ trong lữ quán tối tăm, vì bị tiêm quá liều lượng hay vì một cụ già nào đó, trong lúc lẫn, kể cả cụ Eguchi, chưa lẫn, đã tưởng nàng là con búp bê có thể "làm gì" cũng được. *Người con gái ngủ* là một tuyệt tác chua cay nhất và cũng đau đớn nhất mà người ta có thể viết được về những kiếp người gần đất xa trời, về cái gọi là chết thật và cái gọi là chết mê. Nó là những lời thăm dò cuộc sống đang chết và sau chết, cũng là lời chót Kawabata gửi lại cho nhân thế.

Năm 2005

(In theo bản do tác giả gửi,
đã biên tập lại với sự cho phép của tác giả)

Chú thích:

- [1] Theo lời giải thích của dịch giả René Sieffert.
- [2] Trong tuyển tập này, Hoàng Long dịch là Tia Năng Rạng Đông (BT)
- [3] Trong tuyển tập này, Hoàng Long dịch là Gương Mặt Người Chết (BT).
- [4] Ở trong tuyển tập này Hoàng Long dịch là Địa tạng vương Bồ Tát Oshin (BT).
- [5] Tuyển tập Kawabata, nxb Albin Michel, 2002, trang 423 và 424, trích dịch theo bản dịch tiếng Pháp của Fujimori Bunkichi với sự cộng tác của Armel Guerne.

KAWABATA - CON MẮT NHÌN THẤU CÁI ĐẸP

N.T. PHEDORENKO

Có những cuộc gặp gỡ, nhất đó vừa là cuộc gặp gỡ đầu tiên vừa là cuộc gặp gỡ cuối cùng, để lại trong ta dấu ấn sâu sắc đến mức gần như trở thành một bộ phận hòa lẫn vào ý thức của ta, vào sự tồn tại của bản thân ta.

Cuộc gặp gỡ của tôi với Kawabata cũng chính là trường hợp như vậy. Từ sau lần gặp ông, kỷ niệm về buổi trò chuyện với ông dường như còn đọng lại nguyên vẹn trong ký ức tôi, thỉnh thoảng trôi dạt thôi thúc tôi nhớ lại.

Khoảnh khắc của bóng hình

Tôi đến Kamakura, cố đô của nước Nhật vào một buổi sáng tháng Giêng đẹp trời. Đặt chân vào ngôi nhà Kawabata ở, tôi thấy lòng thoáng rung động như bước vào trai phòng của nhà giả kim thuật thời trung cổ đang mãi tìm bí quyết của trường sinh bất tử. Nhưng không gặp chủ nhân ở nhà. Qua nét mặt những người tôi gặp, khó biết được lý do tại sao nhà văn vắng mặt. Trên khóe miệng người nào cũng như ngưng đọng một nụ cười khó hiểu. Còn lời giải thích vắn tắt, bảo tiên sinh chỉ quanh quẩn đâu đây, nghe cũng có vẻ mơ hồ.

Vốn quen với nhiều trường hợp bất ngờ, tôi cứ phó mặc thời gian. Cái ban đầu bất lợi nhiều khi cuối cùng lại hóa may.

Thành phố Kamakura cổ kính tắm mình trong ánh nắng trong trẻo buổi ban mai. Ngay từ sáng sớm đã cảm thấy bắt đầu một ngày đẹp. Kìa là bầu trời cao mà ở Tokyo hiếm khi người ta còn được thấy, là khoảng không bao la mà từ lâu họ đã lãng quên. Đây là biển Thái Bình mênh mông, núi non trùng điệp. Đây kia là bờ cát trải dài vẫy gọi, từng đợt sóng cuộn cuộn đổ vào rồi lại chạy ra. Xa xa mặt biển xám phẳng lì không vết gợn, ngọn núi Phú Sĩ huyền thoại sừng sững, lớp tuyết phủ trắng xóa nổi bật giữa nền trời

tháng Giêng xanh thắm. Trông lên đỉnh núi, bất giác ta nhớ đến lời thề nguyện của khách thập phương hành hương đến nơi thánh địa này: "Cầu mong cho mọi cảm giác của chúng con được thanh lọc!" và tự hỏi: Liệu lên đến đỉnh non kia con người có được thanh lọc hơn không?

Căn phòng tôi đang ngồi tách biệt hẳn với âm thanh và tiếng động của thế giới bên ngoài, ở đây bao trùm một không khí yên tĩnh và thanh thản hoàn toàn. Không một đồ vật thừa. Chỉ có một cảm giác được siêu thoát khỏi thế giới vật chất, được tĩnh tâm trong vẻ đẹp thanh khiết của không gian khoáng đạt, giản dị.

Một mùi hương trầm phảng phất làm không khí trong phòng thêm vẻ độc đáo, gợi nhớ đến những khung cảnh huyền diệu của phương Đông.

Cái mùi hương trầm ấy tiếng Nhật gọi là "koo". Nhưng từ "koo" của Nhật mang một nghĩa nhiều hơn là "mùi hương trầm". Đối với người Nhật, trong "koo" có cái gì có thể "nghe" được, lĩnh hội được bằng thính giác như âm nhạc vậy!

Theo các sách cổ ghi chép lại thì từ xưa người Nhật đã biết cách lấy các thứ gỗ thơm đốt lên cho thơm nhà cửa, quần áo. Và khi tiếp khách bao giờ người ta cũng thắp lên một thứ trầm nhang. Cách chơi nhang trầm dần dần đã trở thành một thứ nghệ thuật phổ biến, cũng giống như nghệ thuật uống trà, cắm hoa hay kịch Noh. Trong giới cung đình Nhật xưa kia, người ta còn tổ chức cả những cuộc thi độc đáo, trong đó người dự thi phải nghe và ngửi để đoán cho đúng thành phần của thứ nhang được pha trộn từ nhiều loại bột gỗ khác nhau, có lẫn cả mùi xạ hương và mật ong.

Xứ sở nào cũng đều có mùi vị và hơi thở riêng mà chỉ vừa đặt chân lên mảnh đất của nó người ta đã có thể nhận ra ngay. Chẳng hạn ở Tây Ban Nha là mùi dầu ôliu và hoa hồng, ở Trung Quốc là mùi nước tắm "chưng", ở Ấn Độ là mùi cari thơm hắc, ở Mỹ là mùi khói xăng, nhựa đường và lốp ô tô, còn ở Nhật là mùi tôm cá biển và mùi hương trầm.

Đời sống mỗi con người chẳng qua thể hiện ở ngôi nhà anh ta ở, anh ta xây cất theo cảm quan và mỹ quan riêng của mình. Đời sống thực của người Nhật cho đến nay vẫn còn là bí mật đối với người phương Tây. Trong cuốn Nhật Bản, Robert Gillon không phải không có lí khi nhận xét rằng, đằng sau những xiozi [6] mà đến bây giờ vẫn không muốn mở ra cho người nước ngoài bước chân vào, ẩn giấu một mảnh đất thánh trong đời sống thực của người Nhật. Bước vào đó là ta bước vào một thế giới hết sức riêng lạ, không phải chỉ có các cột gỗ, các tấm chiếu rơm và liếp ngăn bằng giấy, mà còn có cả cái gì như là sự kết hợp vô hình những thói quen, tình cảm và nếp nghĩ.

Cảm giác Nhật

Mãi suy nghĩ tôi quên mất cả thời gian và sự vật xung quanh.

- Dạ, xin Ngài thứ lỗi vì đã làm rầy... Chẳng hay Ngài đã muốn dùng bữa cơm gia đình thanh đạm của chúng tôi bây giờ chưa, hay muốn chờ Kawabata tiên sinh về ạ? - Giọng nói dịu dàng của cô hầu Nhật bỗng vang bên tai, cắt đứt dòng hồi ức của tôi.

- Xin đa tạ cô đã có lòng mến khách, nhưng xin cô làm ơn cho biết, Kawabata tiên sinh đã sắp về hay chưa?

- Xin lỗi vì đã làm Ngài phải chờ lâu, nhưng chúng tôi vừa được báo cho biết, có lẽ tiên sinh đang trên đường về đấy ạ!

Tôi chợt nhớ đến nhận xét của Dankhem viết trong cuốn Nghệ thuật làm người Nhật rằng, ở châu Âu, người ta hoặc nói thật, hoặc nói dối, còn ở Nhật thì người ta không bao giờ nói dối, nhưng cũng không bao giờ muốn nói cho bạn biết toàn bộ sự thật.

Sau khi quỳ rạp người, hai tay chạm đất vái chào rất cung kính, cô hầu Nhật đứng lên, tiến lại chiếc cửa sổ ngang, kéo tấm rèm che lên. Ánh nắng

tràn vào căn buồng và trước mắt tôi hiện ra ngôi vườn truyền thống của Nhật.

Tôi cảm ơn cô hầu phòng rồi bước lại bên cửa sổ để quan sát kỹ hơn trang viên của gia đình Kawabata, mà trong các tác phẩm của mình ông mô tả hết sức tinh tế cái thiên hướng mãnh liệt của người Nhật là luôn luôn được gần gũi với vẻ đẹp của thiên nhiên.

Từ lâu tôi đã nhận thấy thái độ của người Nhật đối với thiên nhiên khác với thái độ của người châu Âu. Và không phải riêng tôi có nhận xét như vậy.

"Nghiên cứu nghệ thuật của người Nhật, ta không khỏi cảm thấy trong các tác phẩm của họ toát lên một triết lý thông minh: nên dành thời gian để làm gì? Để đo khoảng cách từ trái đất đến mặt trăng, hay phân tích đường lối chính trị của Bismarck? Không, với người Nhật, bậc hiền giả chỉ nên để tâm suy nghĩ về cỏ cây mà thôi!" Họa sĩ vĩ đại Van Gogh là một trong những người nước ngoài đầu tiên đã phát hiện ra cái nét kì lạ này trong tâm lý người Nhật.

Cái khả năng phân biệt vô cùng tinh tế đâu là chất thơ của thiên nhiên, thứ thiên nhiên chân thực và sinh động, với đâu là chất thơ do con người sáng tạo ra là một trong những khía cạnh độc đáo của mỹ học Nhật.

Về vấn đề này J. Smith, trong cuốn Thiên nhiên Nhật đã có những nhận xét lí thú:

"Cảm xúc về cái đẹp, khuynh hướng chiêm ngưỡng vẻ đẹp là đặc tính tiêu biểu cho mọi người Nhật - từ người nông phu cho đến nhà quý tộc. Bất cứ người nông dân Nhật bình thường nào cũng là một nhà mỹ học, nhà nghệ sĩ trong tâm hồn, biết cảm thụ trực tiếp cái đẹp từ trong thiên nhiên. Đôi khi anh ta sẵn sàng đi chu du thật xa để thưởng ngoạn một cảnh đẹp nào đó. Một quả núi, một con suối hay một ngọn thác đều có thể được người ta sùng bái, và trong suy nghĩ của một người bình thường, chúng gắn liền với các thánh tượng trong các ngôi đền thờ Khổng Tử và các tín đồ Phật giáo.

Nghệ thuật Nhật Bản nảy sinh chính là từ lòng tôn thờ cái vẻ toát ra từ tổng thể hòa điệu của thế giới xung quanh ấy!".

Nhìn vào ngôi vườn Nhật ta cảm tưởng nhìn vào một thế giới bao la thu nhỏ: càng ngắm kĩ bao nhiêu càng kinh ngạc bấy nhiêu trước cái cấu trúc vô cùng kì lạ cùng cái quy luật tổ chức bên trong chặt chẽ của nó.

Những chất liệu tạo nên ngôi vườn cảnh phương Đông cũng là những chất liệu tạo nên ngôi vườn cảnh phương Tây - chỉ là cỏ cây và cát đá. Song nét độc đáo của các ngôi vườn Nhật là ở trong phương pháp sử dụng các chất liệu gợi cảm và trong cách hòa phối chúng.

Phong cách xây dựng các khu vườn cảnh châu Âu thường được gọi là phong cách Phục hưng - với các thềm bậc, đường nét kĩ hà học vuông vức, cân đối, các bồn hoa xen tia đều đặn trong sự đối xứng nghiêm ngặt. Trong các ngôi vườn cảnh Nhật, trái lại, không hề có gì như vậy. Cái cơ bản nhất trong khu vườn Nhật là dùng cây cối và đất đá để dựng nên một phong cảnh thu nhỏ đầy đủ vẻ tự nhiên và hàm chứa nhiều ý tưởng. Không có một yếu tố nhân tạo nào kiểu như các thềm bậc, cái rất hiếm gặp trong thiên nhiên, cơ sở cấu trúc của ngôi vườn Nhật thường dựa trên nguyên tắc bất đối xứng. Ngôi vườn Nhật xa lạ với bất cứ cái gì là cầu kì, giả tạo, nhưng lại toát lên hết sức rõ ràng những nét tự nhiên, sinh động và giản dị. Giản dị đến mức nghiêm ngặt!

Akimoto Siunkiti trong tác phẩm Nghiên cứu lối sống Nhật (1961) có nhận xét: "Khi nghiên cứu lịch sử, văn học và nghệ thuật dân gian Nhật, có thể nhận thấy hai nguồn gốc chính phát triển nền văn hóa Nhật: một là lòng yêu thiên nhiên, hai là sự ít ỏi về tài nguyên".

Mặc dù văn hóa thường được xem là phản đề của thiên nhiên, song nét tiêu biểu của văn hóa Nhật lại chính ở chỗ nó là nền văn hóa mô phỏng thiên nhiên, và do đó, tương phản rõ rệt với văn hóa của các nước Á Đông khác, đặc biệt là của Trung Quốc.

Mĩ học của đá

Trong ngôi vườn cảnh Nhật, đá là yếu tố đóng vai trò dị thường hơn cả. Đá mang một ý nghĩa nghệ thuật, tượng trưng và triết học kì lạ. Từ xưa đến nay người Nhật bao giờ cũng có thái độ trân trọng đối với đá, coi chúng như những vật thể sống có ngôn ngữ riêng. Khi ngắm một tảng đá, người Nhật có một cảm xúc giống như cảm xúc của người phương Tây khi chiêm ngưỡng các công trình tuyệt tác của con người.

Trong lần đến thăm Higasikuni, một nhà hoạt động chính trị nổi tiếng của Nhật, tại nhà riêng của ông, tôi để ý đến một hòn đá có màu sắc và hình thù rất đặc dị. Phiến đá lớn màu tím đỏ đặt trong vườn nổi bật trên nền xanh của cây cỏ nhiệt đới.

- Một sườn vật thật độc đáo! - Tôi buột miệng thốt lên trong lúc đang ngồi xếp bằng trên chiếu cạnh khung cửa sổ mở rộng, nhìn ra ngôi vườn đá.

- Vâng, có thể nói số phận của hòn đá này gắn liền với số phận của tôi. Từ lần đầu tiên gặp nhau đến nay, chưa bao giờ chúng tôi xa nhau. Sự hiện diện của hòn đá bao giờ cũng gợi cho tôi một tâm trạng đặc biệt. Cứ theo con mắt tôi, thì chỉ có tạo hóa mới đẻ ra được một tác phẩm có hình dáng kì thú và gam màu độc đáo đến thế! - Higasakuni nói với tôi không giấu vẻ hãnh diện.

Cái tư tưởng chơi đá trong vườn bắt nguồn từ thế kỷ VII-VIII, khi nghệ thuật vườn cảnh bắt đầu thâm nhập vào Nhật từ Trung Quốc. Thoạt tiên, như các tài liệu cổ ghi lại, đá vẫn chỉ là đá, cây chỉ là cây, về sau cái thú chơi vay mượn của Trung Quốc này được Nhật hóa dần dần và ngày càng đượm màu sắc dân tộc.

Đến thế kỷ XIV-XV, khi đời sống tinh thần của xã hội Nhật chịu ảnh hưởng sâu sắc của đạo Thiên - Phật, thì nghệ thuật hòa phối những vật liệu bình thường trong không gian thu nhỏ để tạo nên cảm giác của cái tổng thể thiên nhiên rộng lớn đã đạt đến đỉnh cao hoàn thiện.

Trong số những ngôi vườn được xây dựng theo tôn quy của nghệ thuật này, khu vườn đá Roanzi ở Kyoto là một trong những khu vườn nổi tiếng nhất. Theo các ghi chép lịch sử, trong suốt năm thế kỷ tồn tại đến nay, cấu trúc ban đầu của nó không hề bị thay đổi. Vườn Roanzi thành mẫu mực của nghệ thuật phối cảnh đất đá, hay còn gọi karesansui (nghệ thuật cảnh khô). Nó được coi là một công trình tuyệt tác về mỹ học, một bài thơ bất hủ của đất và đá.

Cần phải thấy rằng bản chất triết học và tư tưởng nghệ thuật của vườn Roanzi mang tính "kín ẩn" riêng, thể hiện trong các khái niệm trừu tượng của đạo Thiền và trong các quan niệm tượng trưng truyền thống. Chính vì thế khó có thể thấu đạt hoàn toàn những ý "ẩn" ấy của nó.

Phải chăng hiện tượng đó cũng giống như hiện tượng có nhiều cái thoát nhìn ta tưởng như rất đơn giản và không có gì bí ẩn, nhưng càng tìm cách đi sâu vào nó lại càng cảm thấy không thể thấu hiểu đến thâm cùng.

Điều này có lẽ cũng phù hợp với quan niệm phổ biến của người Nhật, cho rằng một tác phẩm chỉ thực sự được coi là nghệ thuật khi nào nó có một chiều sâu nhất định, tức là có các lớp thứ hai, thứ ba, thứ tư, v.v..., bằng không, nó chỉ có thể gọi là công trình của người thợ khéo tay.

Trong tác phẩm nghệ thuật chân chính phải có cái yếu tố bất khả lập mà người ta khó, hoặc thậm chí có khi không thể cắt nghĩa nổi, mà chỉ có thể cảm thấy. Cái yếu tố ấy chỉ có ở các nghệ sĩ vĩ đại, các bậc thiên tài độc đáo.

Bởi vậy cái chiều sâu nội dung của nghệ thuật vườn cảnh Nhật của ngôi vườn đá Roanzi, là cái không phải mấy ai đã thấu hiểu hoàn toàn, cũng như không mấy ai thấu hiểu tới cùng những bí mật vĩ đại của các loại nghệ thuật khác như hội họa, điêu khắc, âm nhạc.

Nhưng ta lại biết rằng cái bí mật mà phải giấu kín thì chưa thể gọi là bí mật thực sự. Bí mật thực sự của nghệ thuật phải là cái bí mật được phơi bày

ngay trước mắt mọi người, nhưng lại không phải ai cũng hiểu được ý nghĩa sâu xa của nó.

Vườn đá Roanzi nổi tiếng chính là nhờ ở cái vẻ đẹp hết sức tự nhiên, cái giản dị đến mức khe khẽ. Theo mỹ học Nhật, trong một tác phẩm nghệ thuật, cái quan trọng không phải là cái có thể nhìn thấy, mà là cái có thể cảm thấy, cái làm cho người ta rung động.

Đá, cát và rêu là những chất liệu duy nhất tạo nên ngôi vườn Roanzi. Được bố trí theo một trật tự đơn giản đến kinh ngạc, tựa hồ do chính bàn tay thiên nhiên xếp đặt, mười lăm hòn đá đặt trên nền cát trắng tạo nên một cấu trúc tượng trưng sâu sắc.

Một số người khi nhìn các tảng đá có thể liên tưởng đến những quả núi khổng lồ đứng trên bình nguyên trải dài. Số khác có thể bị thu hút bởi cách hòa phối màu sắc và ánh sáng - đá đen trên nền cát trắng tạo nên vẻ tương phản chói gắt, nhưng lại được dịu đi bởi đường viền rêu xanh mịn, chuyển dần từ đá sang cát. Nhưng bất cứ người nào chiêm ngưỡng vườn đá Roanzi đều không khỏi cảm thấy trong cái đơn giản của nó có cái gì rất phức tạp. Nhạy cảm thẩm mỹ cao còn cho phép người ta có thể nghe thấy âm thanh trong im lặng. Trong gam màu mềm mại của khu vườn cảnh nhỏ mà chứa đựng biết bao màu sắc đa dạng, phong phú. Những sắc điệu mê hồn của các màu tự nhiên cho ta cảm giác của bầu không khí mát mẻ chìm ngập trong màn tối, xen lẫn những tia sáng lung linh.

Quần thể phong cảnh Dzaisenin cũng là một trong những khu vườn đá trác tuyệt nhất của cố đô Nhật. Trong số nhiều khối đá khác nhau ở đây có những hình dạng kì thú, trong đó những tấm cầu đá hợp với các đá tảng và đá phiến khác tạo nên một cấu trúc bất hủ, tượng trưng cho vũ trụ của đạo Thiên: núi non, sông suối, ghềnh thác, thung lũng, ở đây, cũng như trong vườn đá Roanzi, mọi vật đều toát lên một vẻ đẹp tự nhiên và giản dị đến cao độ.

Sự nhạy cảm tinh tế với thiên nhiên xung quanh, sự kết hợp giữa cái nghiêm ngặt và cái giản dị thanh cao, sự hòa đồng giữa ánh sáng và màu

sắc, vẻ rõ ràng hiện đại và cấu trúc hài hòa bên trong - đó là những nét đặc trưng cho nghệ thuật vườn cảnh Nhật.

Nhờ cách biết sử dụng tài tình các hình dáng và màu sắc mà cái môtip phong cảnh rất thông thường là đá và cát đã được nâng đến mức trở thành một thi phẩm triết học ca ngợi cái hùng vĩ của thiên nhiên với một ý nghĩa tượng trưng sâu xa. Vườn đá Roanji - đó là bức tranh phong cảnh có một không hai của ánh sáng và màu sắc, là đỉnh cao của nghệ thuật vườn cảnh Nhật.

Cuộc trò chuyện tâm tình

Kawabata bước vào nhà với nụ cười rạng rỡ trên môi. Khuôn mặt đầy vết nhăn của ông biểu lộ vẻ ân cần niềm nở. Nhìn gần trông ông không giống chút nào với con người mà tôi vẫn hình dung. Tôi vẫn tưởng ông phải là một người Nhật có bề ngoài khác thường và có sức mạnh kiệt xuất. Nhưng không, ông chỉ là một con người thấp bé, với thân hình tráng kiện.

Chúng tôi vẫn im lặng, tựa như hai võ sĩ đang rình mò nhau trong bóng tối. Im lặng là một trong những bằng chứng có sức thuyết phục nhất.

Tôi định xin lỗi Kawabata vì cuộc viếng thăm không được phép này mà lí do có lẽ do một sự hiểu nhầm đáng tiếc, nhưng nhà văn đã lên tiếng trước:

- Thành thực xin lỗi... Có một sự hiểu nhầm ghê gớm... Tôi cứ đợi Ngài ngoài khách sạn, như đã định trước với thư kí của Ngài.

Khi nói, một thứ ánh sáng nào đó như bùng lên trong lòng Kawabata, làm thay đổi cả sắc mặt ông. Có cảm tưởng như mọi tình cảm và hành động của ông chịu sự chi phối của những tư tưởng nào đó. Ông cười rất dòn và tiếng cười của ông thật dễ lây.

Sau khi chào hỏi, chúng tôi theo cầu thang lên phòng làm việc của ông ở gác hai. Cách bài trí căn phòng biểu hiện sự kết hợp tài tình đến kinh ngạc

các thời đại với nhau, một hiện tượng đang xảy ra hiện nay ở Nhật. Trong căn buồng truyền thống với những tấm cửa xếp và những chiếc chiếu, tràn ngập kỹ thuật điện tử siêu hiện đại: chiếc ti vi màu màn ảnh rộng, máy thu thanh âm thanh nổi, những thiết bị điều hòa nhiệt độ và độ ẩm... Tất cả những cái đó đập vào mắt khi tôi bước vào phòng. Có điều càng nhìn vào các đồ vật xung quanh, càng không thấy có gì là nghịch mắt. Có cảm tưởng người Nhật rất khéo léo kết hợp cái truyền thống với cái hiện đại, làm cho chúng bổ sung cho nhau nhiều hơn là loại trừ nhau.

Tuy thế cái mới không phải bao giờ cũng đến để thay thế cho cái cũ, mà chỉ để bổ sung cho cái cũ, tạo trên cái cũ đường xoáy mới. Không phải tất cả mọi cái cũ đều còn lại, cũng không phải tất cả đều mất đi. Các nhà bác học tin rằng, khi cây cỏ bị đốt lên thì những gì nó nhận được từ mặt trời đều bị cháy hết, còn những gì nhận được từ đất thì còn lại dưới dạng tro. Ngọn lửa thực sự sống bằng cái chết của đất, còn không khí sống bằng cái chết của lửa.

Càng ngắm kĩ căn phòng của Kawabata, tôi càng thấy rõ nhà văn không đoạn tuyệt với mảnh đất và ngọn lửa của tổ tiên mình.

Giờ đây khi ngắm nhìn Kawabata dưới ánh sáng trong của ngọn đèn neon đặt dưới chiếc chao đèn hình mái chùa cong bốn góc, tôi chợt nhận ra khuôn mặt ông có phần tái đục. Những quầng tím nổi rõ dưới đôi mắt nhanh nhẹn lúc nào cũng lấp lánh. Những búp tóc dày đã bạc chải về phía sau, vàng trán rộng cởi mở.

- Thành thực xin lỗi Ngài vì sự đến thăm đường đột của tôi. - Tôi nói với Kawabata vì biết ông thích sống tách biệt, không muốn tiếp xúc với người nước ngoài. Tiếng tăm thế giới đã đem lại cho nhà văn nhiều phiền phức khó chịu do sự tò mò quấy nhiễu của đám phóng viên báo chí và những người mến mộ.

... Nghe Kawabata nói phải hết sức tập trung mới nắm bắt được không chỉ lời nói, mà cả ngữ điệu của ông, mới hiểu được không chỉ những điều

ông nói ra, mà cả những ẩn ý bên trong. Mà thường những ẩn ý này bao giờ cũng nhiều hơn.

Mỗi người Nhật tôi tiếp xúc đều là một bí ẩn, đến mức gần như thần bí, tưởng như chỉ đi quá lên một chút là tất cả sẽ thành tối mò. Còn Kawabata, với đầu óc tinh tế và mẫn tiệp của ông, đối với tôi chẳng khác nào một câu đố cực kì hiểm hóc.

Tôi luôn luôn phải suy ngẫm từng câu từng lời mà thoát nghe có vẻ hết sức hiền lành giản dị của ông để không bỏ sót một ngụ ý nào trong đó.

- Thú thực trong lúc ngồi đợi Ngài ở khách sạn bên bờ biển Zusi, tôi đã nghĩ rằng nếu lần này chúng ta lại không gặp nhau, thì tức là không có duyên số... - Kawabata nói.

- Xin lỗi vì đã làm Ngài phải đợi lâu. Nhưng chẳng hay trong lúc chờ đợi, Ngài có nảy ra chủ đề gì chẳng? Vì muốn câu chuyện hấp dẫn, tôi thiết nghĩ ta nên chọn trước chủ đề nói chuyện.

- Nói Ngài tha lỗi, nhưng chả lẽ người nghệ sĩ lại không có thể bàn tới bất cứ vấn đề gì, dù là nhỏ nhặt hay sao? Tất cả đều tùy thuộc ở con người, ở nhà văn và tâm hồn anh ta.

- Giờ tôi mới thấy Trời đã mở cho Ngài con đường đi tới chân lý và ánh sáng...

- Nhưng Trời, cứ theo lời Chu Tử viết trong lời bàn về tập luận văn của Mạnh Tử, thì tự nó không có khả năng nghe và nhìn được, mà chỉ nghe và nhìn được thông qua cái tâm con người mà thôi. - Kawabata nhắc tôi.

- Có phải là Trời thì im lặng, còn con người đang nói thay cho Trời đấy chẳng?

- Ngài khen như vậy chẳng qua vì lòng quảng đại. Mà thôi, tôi cũng đã nghĩ ra một đề tài cho cuộc trò chuyện của chúng ta rồi đây. Có thể gọi nó là "Cuộc trò chuyện tâm tình".

Nói đoạn, Kawabata chậm rãi, như để tìm lại trong trí nhớ những hình tự cần thiết, đưa tay với lấy cây bút lông, chấm vào nghiên mực, rồi khoan thai viết từ trên xuống dưới hai đại tự: "Tâm Đàm" - nghĩa là "Cuộc trò chuyện tâm tình".

Cuộc "bút đàm" giữa chúng tôi thế là bắt đầu.

Dõi theo nhịp điệu ngọn bút

Chiều xuống đã lâu trên Kamakura. Lớp giấy bồi trên cánh cửa sổ chuyển thành màu vàng nhạt không cho ánh sáng lọt qua. Tôi thấy như mất cảm giác thời gian, cái thời gian lúc này đã thật sự đi một cách nhẩn tâm vô tình như gió thổi. Trong một thoáng, ý nghĩ của tôi chợt ngưng lại ở một cái rất giống như cảm giác về màu thời gian, một cái tuy không thể hiểu rõ, nhưng vẫn cảm nhận thấy, tựa như một ánh lửa lúc chiều tà vừa chợt lóe sau song cửa, lại vừa như tiếng chuông chùa vang động Kamakura giữa buổi tịch dương thanh vắng.

- Xin lỗi, phải chăng Ngài có điều gì phiền muộn? - Giọng nói của Kawabata chợt vang lên như đánh thức tôi, trả tôi vào cái không gian và thời gian tôi đang ở.

- Xin Ngài thứ lỗi, con người hình như vốn dễ bị cuốn theo những tư duy trừu tượng. Tôi vừa tưởng thấy thời gian như có màu sắc và con người cần học cách phân biệt được các sắc thái của nó...

- Cái khả năng thiên phú ấy của con người có lẽ cũng giống như khả năng nghe được tiếng thời gian vậy. "Ta hướng tới người, người im lặng, nỗi buồn của ta há chẳng phải trong sự im lặng đó sao?" - Kawabata đọc, rồi khoan thai đặt bút viết mấy câu thơ vừa đọc bằng thứ đại tự trên một tờ giấy kẻ ô.

- Tôi nghe như thơ Thiên...

- Phải. Và Ngài có quyền trả lời tôi bằng câu thơ khác: "Hãy nhìn bằng cả hai mắt, trong sự im lặng kia nỗi buồn sẽ chẳng còn đâu!"

Rồi cũng như lần trước, ông lại kéo tờ giấy, đề mấy câu thơ bằng thứ chữ to hơn.

Tôi theo dõi nhịp đưa ngọn bút của Kawabata mà không khỏi thấy thần phục. Nhìn ông đang để hết tâm trí vào ngọn bút để thảo đại tự mà cảm thấy không phải dòng mực, mà là hơi thở từ trái tim người nghệ sĩ đang theo cán bút thoát ra đầu ngọn bút mà hiện thành chữ trên giấy.

Đường nét trong hội họa và bút họa Nhật quả là đa dạng vô cùng. Lúc thì rắn rỏi, dứt khoát, sắc cạnh, gãy khúc, lúc lại mềm mại, tròn trịa uốn lượn uyển chuyển. Đó là thứ đường nét có nhịp điệu, và nhịp điệu trong bút họa Nhật cũng là nhịp điệu của cuộc sống vậy!

Kawabata đã đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật bút họa và được công nhận là bậc thầy của nghệ thuật này. Những bút họa của ông được đánh giá ngang những tác phẩm xuất sắc nhất của hội họa

Sau khi đề xong mấy câu thơ, Kawabata vẫn ngồi nguyên ở tư thế cũ. Chiếc bút vẫn cầm tay, ngọn bút lúc nào cũng hướng ra phía trước như bất động trong không gian. Ông ngồi như thế một lát, rồi lại cúi xuống tiếp tục đề vào chỗ giấy còn trống tên họ của khách và ngày gặp gỡ: 13 tháng Giêng năm 1972, và tí phía dưới, bên góc trái, ông ghi tên họ của mình: KAWABATA YASUNARI. Viết xong ông đặt bút, nghỉ ngơi giây lát, rồi đang ở tư thế ngồi trên hai chân đan vào nhau, ông đứng dậy dễ dàng một cách kì lạ, tiến đến chiếc bàn viết có bốn chân chạm rồng, mở chiếc hộp và lấy ra cái triện ngọc riêng của ông, chấm nó vào hộp son, rồi theo tục lệ, đóng vào tờ giấy cạnh chỗ tên ông để chứng nhận bản quyền của bút họa.

Tác phẩm bút họa, hay còn gọi là kakemono, mà nhà nghệ sĩ vừa sáng tác do cảm hứng của buổi chuyện trò mang lại, thế là đã có thể đưa tặng khách. Kawabata đứng nghiêng, đầu cúi, hai tay cung kính nâng cuộn giấy giơ cao về phía tôi:

- Xin mạo muội kính tặng Ngài tác phẩm hèn mọn của kẻ ngu tử này.

Tập quán của người Nhật khi nhận quà cũng phải đáp lại bằng thái độ tôn kính như thế. Sự kính trọng lẫn nhau trong trường hợp này quả là một nghi thức vàng không gì thay thế được.

- Xin đa tạ Ngài về tác phẩm kakemono tuyệt vời mà tôi sẽ mang theo về xứ sở và sẽ nâng niu gìn giữ như biểu tượng của niềm tin vào trí anh minh và cái thiện tâm của con người. Bút tự của Ngài đây nói lên tình yêu sâu sắc của Ngài đối với cuộc sống cùng những biểu hiện thiện mỹ của nó.

Vậy là tôi được biết thêm một khía cạnh nữa trong thiên tài Kawabata - đó là tài viết chữ khoái hoạt phi thường của ông.

... Cuộc tiếp xúc với Kawabata, cuộc "bút đàm" thâm lặng với ông còn giúp tôi biết thêm được nhiều hơn là một cuộc mạn đàm về văn học hay một lần đọc sách.

Kawabata cho rằng mục đích của nhà nghệ sĩ không phải ở chỗ tìm cách làm cho mọi người kinh ngạc sửng sốt bằng cái li kì quái dị, mà ở chỗ biết dùng chỉ vài phương tiện ít ỏi mà nói lên được nhiều nhất, biết dùng ngôn từ và màu sắc để truyền đạt các cảm xúc và kinh nghiệm nhìn đời của mình. Đối với ông, vấn đề đơn giản trong sáng tác nghệ thuật, bất cứ là nghệ thuật gì, lại chính là vấn đề phức tạp nhất. Cũng như Goethe có nói, không có gì khó bằng hiểu được sự vật đúng như bản thân nó là như thế, ở cái dạng chân của nó.

Từ lâu người ta đã nhận thấy rằng, sự cởi mở trong tâm hồn, sự cảm thụ được rõ ràng và trực tiếp cái đẹp nhiều khi có được chính là trong lúc ta đọc các tác phẩm văn học hay tiếp xúc với những mẫu mực nghệ thuật chân chính. Đọc tác phẩm của Kawabata cũng có cảm giác như vậy. Có thể đó còn là vì trong các tác phẩm của ông, lí trí không bao giờ lấn át tình cảm.

Chân lý ngoài ngôn từ

Thời gian lặng lẽ trôi qua. Xung quanh im ắng kỳ lạ. Thảng hoặc mới nghe thấy tiếng chuông chùa hay tiếng khánh từ xa văng lại.

Chúng tôi ngồi với nhau mà không có chủ đề định trước, cũng chẳng có thể tài nhất định. Đó là giờ phút của suy tư, lắng sâu vào tâm tưởng, giờ phút của những câu nói ngắn gọn. Đó là cuộc trò chuyện tâm tình trong im lặng, không cử chỉ điệu bộ. Cuộc trò chuyện bằng cây bút.

"Người Nhật - Bernard Rudovski viết trong cuốn "Thế giới của Kimono" - đưa ngôn ngữ của họ lên đến mức trù tượng nghệ thuật. Vì thế họ không chịu nổi cái tính quá cẩn thận của người ngoại quốc cứ bắt họ phải giải thích tỉ mỉ căn kẽ mọi thứ. Họ không cho là trọng cái việc ý nghĩa có được nói hết hoặc lời nói có được dịch đủ hay không. Cái tế nhị trong nghi thức đối với họ còn quan trọng hơn cái chính xác trong lối đặt câu hay văn phạm. Cái lễ phép trong lời ăn tiếng nói được họ đánh giá cao hơn cả cái dễ hiểu. Bởi thế không có gì ngạc nhiên rằng, cách nói chuyện tốt nhất đối với họ là im lặng".

Trí tưởng tượng phải biết đoán nốt những gì chưa nói hết, phải cùng tham gia vào quá trình sáng tạo... Tư tưởng này chính là cơ sở của mỹ học Thiền luận, là nguyên lý triết học và vũ trụ quan của nó.

Cái vĩnh hằng của vũ trụ được nhận thức thông qua tính biến dị vô cùng vô tận và qua những biến đổi của nó. Chính vì thế mới có những dị bản của thứ "mật tự" này là những cách nói ẩn, nói bóng gió, ước lệ, khi mà nhiều cái không được nói ra hoặc nói không hết.

Phải chăng loại bút họa Nhật mang trong nó những yếu tố ngôn ngữ trù tượng mà hàng chục thế kỷ sau các nhà theo chủ nghĩa hiện đại ngày nay mới tìm thấy được?

Những hình tượng khởi thủy

Không phải cái trò chơi liên tưởng vì mục đích tự thân, cũng chẳng phải cái ý muốn hòa trộn cái thực với cái hư, mà là hồi ức bên trong mạch bảo tôi nói chuyện về hoa.

- Hoa rụng không trở về cành được.

- Tôi nhớ đến cái hình tượng bất khả hồi của các hiện tượng trong thiên nhiên. Nhưng lá và hoa đều rụng về gốc, Kawabata đưa ra hình tượng thơ của mình rồi lấy bút thể hiện một cách mạch lạc rõ ràng cái ý tưởng đó bằng các hình tượng trên giấy.

- Hoa hôm qua chỉ là mơ ước của hôm nay mà thôi, - tôi tiếp tục triển khai đề tài đã chọn, dựa vào hình tượng nhà văn vừa đưa ra.

... Hình tượng hoa và trăng là hai hình tượng khởi thủy của thơ ca, là tiêu chuẩn ban đầu của mỹ học. Tôi nhớ lại bài thơ của nhà hiền triết Mioe (1173-1232) vốn được mệnh danh là thi sĩ của trăng:

Trăng từ mây ra,

Đi soi đường cho ta,

Trời mưa đông gió tuyết

Trăng có lạnh không ta?

Kawabata thích bút họa bài thơ này để tặng cho bạn bè vì cái chất dịu dàng và tình cảm của nó.

Kawabata còn kể cho tôi nghe chuyện Mioe có lần ngồi thức thâu đêm đến sáng, đắm mình trong các giáo lí của đạo Thiền, đã sáng tác ba bài thơ về trăng mùa đông, theo phương châm của Seigo, một tác giả Nhật nổi tiếng là thi sĩ của hoa Sakura dạy rằng: "Khi làm bài thơ, đừng nghĩ là mình đang làm thơ!". Lẽ nào mấy câu thơ sau đây không phải là sự đồng cảm của con người và thiên nhiên: "Ta ngắm trăng, ta biến thành trăng. Và vầng trăng ta ngắm biến thành ta. Ta thả hồn vào thiên nhiên, thiên nhiên hòa lẫn vào ta".

Thời gian là cái bất khả chia cắt: giữa ngày hôm qua và ngày hôm nay không có bức tường kín nào ngăn cách được. Quá khứ chẳng qua chỉ là một bộ phận của cái nhất thể vô cùng, vô tận và vô thức, bao gồm cả hiện tại và tương lai. Ý nghĩa khách quan của quá khứ phụ thuộc vào quá trình biến tương lai thành hiện tại, biến hiện tại thành quá khứ. Trong nghệ thuật, cái hôm nay được tái tạo lại cũng theo đúng những quy tắc như thế của tâm lý sáng tác, nghĩa là nó được tái hiện như một hồi ức.

Lẽ nào nghệ thuật theo cái nghĩa ta vốn hiểu không phải là một sự hồi tưởng hay sao?

Cái hào phóng của buổi tối

Màn đêm đã buông xuống từ lâu trên Kamakura. Chỉ còn thấp thoáng đây đó vài ánh đèn mờ.

- Tối nay chúng ta sẽ đến thăm ngôi chùa Zuisenzi, và theo tục lệ, sẽ dự bữa cơm chay tại đó, dĩ nhiên là nếu các món ăn chay tịnh nhà chùa không làm Ngài mất cảm giác ngon miệng, - Kawabata nhắc tôi, với nụ cười hiền hậu trên môi.

- Tôi lấy làm vinh hạnh được làm Naritake của Ngài! - Tôi đáp ngay bằng một câu thành ngữ ám chỉ một nhân vật trong văn học dân gian, nổi tiếng về tính phàm ăn và cái tài làm người khác cũng thấy ngon miệng. Naritake lúc nào cũng thấy đói và có thể ăn ngẫu nhiên ngon lành không biết no bất kể thứ gì, đến nỗi nhìn anh ta ăn người khác đâm cũng thèm ăn, nên thường được một người mắc bệnh khản ăn cho đi theo dự các bữa tiệc. Đó là một nhân vật phàm ăn quái dị trong văn học.

- Tôi khâm phục sự am hiểu truyện dân gian và óc hài hước của Ngài, nhưng chắc Ngài cũng biết rằng, trước Đức Phật thật, người ta không thấp hươg giả.

... Chùm sáng trong khoảnh khắc như tan vào trong những hạt mưa xiên. Qua màu nước tôi mơ hồ nghe thấy âm điệu một bài dân ca cổ. Tất nhiên đó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng của tôi, chứ ngày nay còn ai có thể hát bài ca cổ đó?

Đứng bên cửa sổ mở rộng nhìn ra trời mưa và nghe âm điệu mơ hồ của bài hát, tôi có một cảm giác kỳ lạ do tác động của các sự kiện bất ngờ. Cuộc gặp gỡ với Kawabata mà tôi vẫn nghĩ chỉ là cuộc viếng thăm xã giao không ngờ lại chuyển thành cuộc đàm đạo thú vị về mỹ học.

Đang mãi chìm đắm trong suy tư, một giọng nói của phụ nữ Nhật bỗng vang bên tai.

- Sizurai Simasita... Xin lỗi Ngài... - Người đàn bà vừa nói vừa quỳ xuống, cúi gập người, hai tay chạm đất, chào tôi.

- Xin phép được giới thiệu với Ngài vợ tôi... - Kawabata nhẹ nhàng đứng lên khỏi chiếu, vẻ hơi lúng túng.

Tôi bị kéo ra khỏi dòng suy tưởng, tiến lại phía phu nhân nhà văn, kính cẩn nghiêng mình đáp lễ. Bà đứng dậy và với cái vẻ duyên dáng vốn có của phụ nữ Nhật, hai tay cung kính chắp vào nhau, đầu cúi không dám nhìn thẳng vào mặt khách.

- Thưa ông, Furosiki [Z] đây ạ! - vẫn bằng giọng dịu dàng và lễ phép như thế, bà quay sang bảo chồng.

- Arigato Degozaimat! - Kawabata lễ phép cảm ơn vợ rồi quay sang tôi. - Cho phép tôi được tặng Ngài cái tác phẩm mọn của kẻ bất tài này. Tất nhiên nó không đáng để Ngài bận trí đọc, nhưng tôi mạo muội hi vọng cuốn sách tầm thường này sẽ có lúc gợi Ngài nhớ đến buổi gặp gỡ hôm nay. Nói đoạn Kawabata đứng nghiêm, hai tay cung kính nâng cao cuốn sách đầy hướng về phía tôi.

Tôi đón cuốn sách từ tay nhà văn và theo phong tục cảm ơn "vì cái vinh hạnh quá to lớn", rồi nói thêm rằng, đối với tôi tặng vật này là biểu tượng

cho cái thiện mỹ thuộc về bản chất tâm hồn của người sáng tạo ra nó.

Trước mắt tôi là cuốn sách đặc biệt và được ấn loát cũng đặc biệt. Trên nền bìa màu xanh lá mạ thẫm nổi bật hai chữ lớn mạ vàng viết theo kiểu toàn cổ điển: "XỨ TUYẾT".

Trong lúc tôi mãi giờ xem cuốn sách với niềm kinh ngạc thích thú, Kawabata đã đi sang phòng bên rồi trở lại ngồi xuống chỗ cũ từ lúc nào không hay, đang chăm chú đề mấy chữ gì đó trên một cuốn sách khác.

Trên trang ruột màu anh đào của cuốn sách phút chốc đã hiện lên hàng Nhật tự viết theo chiều dọc – lời đề tặng của tác giả.

- Trong cuốn này Ngài sẽ tìm thấy tiểu thuyết “TIẾNG RÈN CỦA NÚI”
- mà tôi mạo muội hi vọng có thể đem lại cho người đọc đôi chút hứng thú.
- Kawabata nói, vẫn nụ cười bối rối trên môi.

Tiếng rền của núi là thiên tiểu thuyết được đưa vào trong Tuyển tập tác phẩm được giải Nobel của Kawabata, cùng với đoản thiên Vũ nữ Izu, các truyện vừa Xứ tuyết và Ngàn cánh hạc, và các truyện ngắn Giấc mơ về người đàn bà đẹp và Truyện trong lòng bàn tay.

Tôi cảm ơn nhà văn vì món quà vô giá và bày tỏ hi vọng cuốn sách của ông sớm được giới thiệu cùng bạn đọc nước tôi. Sau đó tôi hỏi Kawabata về kế hoạch sắp tới và muốn biết thái độ của ông với lời mời sang thăm Liên Xô.

Sau một vài câu chuyện, ông bảo:

- Bây giờ chắc Ngài muốn biết ý kiến của tôi đối với chuyến thăm Liên Xô phải không. - Không hiểu sao ông nhấn mạnh hai chữ "bây giờ".

- Xin lỗi...

- Sao lại xin lỗi? Hè này nhất định tôi sẽ có mặt ở Moscva.

Kawabata tuyên bố rồi lấy bút đề nhanh mấy chữ: "Nhất định sẽ có mặt mùa hè này. Kawabata. 13 tháng Giêng 1972".

Cái vấn đề thú thực là quan trọng nhất đối với tôi vậy là đã bất ngờ được giải quyết.

Nhưng sự giải quyết đó, tiếc thay, đã không đạt tới mục đích cuối cùng!

Liệu lúc bấy giờ nhà văn có linh cảm thấy cái bóng đen tàn khốc đã bắt đầu phủ lên ngôi nhà ông không?

Câu hỏi ấy đến nay vẫn chưa được giải đáp.

Bữa ăn nhà chùa

Sau khi nhắc tôi đến bữa ăn tôi đang đợi chúng tôi ở chùa Zuisenzi, Kawabata xếp cẩn thận mấy chiếc bút ông vừa viết cùng vài thứ khác vào trong một cái tráp sơn mài cổ trang trí hoa văn vàng. Sau đó ông trải rộng chiếc furosiki lên chiếu, đặt cái hộp vào giữa, với tay lấy trên bàn xuống cái ngôi nhà nhỏ bằng đồng và chiếc quạt Nhật rất đẹp để thêm vào bên cạnh, rồi khéo léo gói tất cả lại vào trong khăn, thắt lại bằng hai nút. Đoạn ông im lặng đưa cho tôi gói đồ ra ý bảo tôi nhận.

Thoạt tiên tôi tưởng Kawabata chuẩn bị cho cuộc "bút đàm" của chúng tôi ở trên chùa và muốn nhờ tôi mang giúp ông các thứ đến đó.

- Để dùng ở trên chùa ạ? - Tôi hỏi ông.

- Sao lại không để dùng ở Moscva? - Kawabata đáp.

- Ấy không, xin lỗi Ngài. Thế này thì quả thực không thể. Ngài phải từ bỏ những đồ vật quý mà ngài đã quen. - Tôi tìm cách can ngăn Kawabata.

Tôi cố lí giải để thuyết phục Kawabata, nhưng rồi thấy cái lí của mình có phần yếu ớt, vì đây là dành cho cuộc gặp gỡ ở Moscva kia mà!

Tôi toan nói thêm, nhưng khi thấy dáng điệu kiên quyết của Kawabata đang đứng trước mặt, thì đành phải cảm ơn và nhận lấy gói quà.

Ra đến cửa, Kawabata đi đến chỗ cái giá có treo nhiều chiếc gậy, xem xét tỉ mỉ từng cái như muốn cân nhắc lựa chọn, cuối cùng cầm lấy một cái đưa cho tôi:

- Ngài hãy giữ lấy chiếc gậy này để kỉ niệm cuộc viếng thăm chùa hôm nay.

- Gậy chỉ cần cho đến khi nào người ta chưa ngã. - Tôi cảm ơn ông và nói đùa.

- Còn dù thì cho đến khi nào người ta chưa bị ướt. - Kawabata đối đáp rất nhanh, rồi cho tôi biết mưa ở Kamakura cũng tạnh bất ngờ như khi nó đổ xuống.

Chúng tôi bước ra sân.

Đêm sáng trăng.

Dưới chân núi, nơi bắt đầu những bậc thang đá dẫn lên chùa, một vị sư đã chờ sẵn để dẫn đường cho chúng tôi.

... Chùa Zuisenzi hòa nhập với phong cảnh xung quanh tới mức tưởng như nó mọc lên từ chính thiên nhiên, và bây giờ khó có thể hình dung phong cảnh nơi đây mà thiếu công trình kiến trúc này.

Những phiến đá xếp nối tiếp nhau chạy đến sát chân chùa, những cây thông cao vút thẳng tắp xiên qua những đường viền vàng ánh của mái chùa - tất cả hòa vào nhau thành một chỉnh thể tuyệt vời của thiên nhiên.

Chúng tôi tiến sâu vào chùa, đi qua nhiều gian phòng rộng, trên tường treo các bức tranh đơn sắc, các bức họa Nhật cùng các câu châm ngôn và lời dạy của Phật. Ngoài ra không có gì hết, không bàn ghế, không trang trí bàn thờ, tượng Phật. Cái đơn giản đến cao độ làm tăng thêm cảm giác về khoảng không trống rỗng, nhưng không phải cái khoảng trống theo cách hiểu trần tục.

Thiền luận giải thích cái khoảng trống này như một sự trọn vẹn đầy đủ nhất, sự giải phóng khỏi những giới hạn trong hình thức tồn tại hiện hữu

của con người. Cái cảm giác trống rỗng này theo Thiền pháp có thể đạt được bằng phương pháp "tọa Thiền", nghĩa là ngồi theo tư thế nhập Thiền, hai chân đan chéo nhau, bất động, im lặng, mắt nhắm, ngồi thật lâu cho đến khi đạt tới trạng thái đó. Đó là lúc, Kawabata viết, cái "bản ngã" biến đi, cái "hư vô" xuất hiện, nhưng đó hoàn toàn không phải cái "hư vô" như phương Tây hiểu, ngược lại, là cái vũ trụ trong tâm con người, là cái khoảng trống trong đó vạn vật đều đạt tới bản thể. Không còn một giới hạn, một trở ngại nào, vạn vật giao lưu với muôn vật.

Lúc đó là lúc đạt tới trạng thái satori - tức là thông hiểu, thấu đạt được chân lí nhờ thức tỉnh bên trong.

Chúng tôi được mời ngồi vào một chiếc chiếu tinh khiết, trải trong một gian phòng ở sâu trong chùa. Nhà sư lúc này đặt trước mặt chúng tôi bộ ấm chén bằng gốm cổ, rồi bắt tay pha trà.

Đồ gốm Nhật là một thứ nghệ thuật giống như ma thuật, nó luôn làm người ta sửng sốt kinh ngạc.

Qua câu chuyện của nhà sư, tôi biết theo tục lệ nhà chùa chỉ uống trà xanh, và cũng giống người Trung Quốc, người Nhật uống trà trước bữa ăn, chứ không phải sau bữa ăn như người Âu. Trong cánh trà có nhiều vị dược liệu và nhiều chất vitamin, các thứ dầu thảo mộc, muối khoáng, axit tanic, cùng nhiều hoạt tính sinh học khác. Có lẽ vì thế người Nhật ít mắc bệnh huyết áp và xơ cứng động mạch hơn người châu Âu chẳng?

... Chúng tôi rời chùa vào lúc đêm khuya. Kawabata theo chân mấy nhà sư ra thăm khu mộ sau chùa. Nhà văn chăm chú đọc những chữ ghi trên các bia đá. Trên một bia mộ có hàng chữ: "Số phận và bóng đen theo đuổi chúng ta khắp mọi nơi!".

Không biết dòng chữ gợi cho nhà văn những cảm xúc và suy nghĩ gì?

Cái nhìn cuối cùng

Gặp gỡ là bắt đầu của chia tay.

Cuộc chia tay nào cũng thường đi đôi với mất mát, những mất mát nhiều khi rất lớn. Với một số người, đó là chia tay với quá khứ, cái quá khứ sống trong ta và là một bộ phận gắn liền với đời ta. Với số khác, đó là chia tay với hiện tại, cái hiện tại đang đi bên ta và ta hằng yêu quý.

Tôi đã từng thấy ánh mắt con người buồn rầu như thế nào khi dõi theo bóng đoàn tàu chuyển bánh hay con tàu rời bến ra khơi. Đôi khi đó là cái dõi nhìn cuối cùng.

... Một lúc lâu chúng tôi ngồi im lặng, chìm vào suy tưởng. Kawabata bảo giờ phút ấy trong "trà đạo" gọi là "hòa điệu, tôn kính, tinh khiết và thanh thản". Những thuộc tính bản chất của con người mà trong đạo Phật gọi là "thiện căn", tức là cái gốc nhân trong cái tâm con người.

... Chia tay với Kawabata tôi thầm cảm ơn số phận đã đưa tôi tới Kamakura và cho tôi được tiếp xúc với thế giới của một con người - nghệ sĩ. Đó là cuộc gặp sẽ khắc sâu mãi trong kí ức của tôi, là MỘT NGÀY DUY NHẤT của tôi ở Kamakura, mặc dù sau đó tôi còn dịp đến đây vài lần và tiếp xúc với nhiều người khác.

CON NGƯỜI đó không còn nữa. Nhà văn không còn nữa! Chỉ còn lại mãi mãi những cuốn sách của nhà văn trong đó cái lí trí, lương tâm và những nỗi buồn vui của ông. Cho đến phút cuối đời nhà văn vẫn không ngừng công việc sáng tạo đầy cảm hứng. Và về ông chúng ta có quyền nói rằng, ông chỉ thực sự tồn tại trong công việc mà thôi, còn ngoài ra tất cả chỉ là tro bụi.

Con người và kiếp phận của nó... Đôi khi ta biết chỉ chút ít qua những mảnh vỡ của con người quanh ta. Nhiều cái trong số phận bi thảm của Kawabata còn chưa được sáng tỏ. Thế lực nào đã kéo nhanh cái chết của nhà văn, chịu trách nhiệm về cái chết đó? Những câu hỏi ấy đến nay vẫn

chưa được giải đáp. Nhưng liệu chúng có được giải đáp hay không? Thời gian sẽ làm sáng tỏ nhiều cái. Tương lai sẽ cho biết, Kawabata thực sự là cái gì? Có một điều đã nói: văn học Nhật mất đi một nghệ sĩ vĩ đại, một con người mãi mãi làm ta kinh ngạc.

Khi nhà văn xuất sắc của Nhật Akutagawa tự sát năm 1927, Kawabata có viết trong bài "Cái nhìn cuối cùng":

"Dù thế gian này có nặng nề đến đâu, tự sát cũng không làm cho con người thông sáng. Người tự sát dù cao thượng đến đâu vẫn không phải là con người hoàn hảo. Cả Akutagawa cũng như Dazai Osamu tự sát sau chiến tranh, lẫn bất cứ người nào khác tự sát, đều không thể làm tôi thông cảm và đồng tình được..."

Có người nào đó nói rằng: "Người Nhật không có triết lí sống, người Nhật chỉ có triết lí chết". Theo phép bảo vệ danh dự "vô sĩ đạo" của thuyết Samurai, thì Harakiri là biểu hiện trực tiếp và cao nhất của sự sẵn sàng hi sinh tính mạng vì "cái trong sạch của đạo đức", vì trung thành với bản thân. Cái phương pháp tự sát có một không hai để thể hiện "thành tâm cao nhất" này không thể không gây công phẫn bởi cái dã man phải trả giá bằng sinh mạng của không biết bao người Nhật. Không phải chỉ trong quá khứ xa xưa, học thuyết này hiện giờ vẫn còn được xem như nằm trong hệ tư tưởng chính thống và được giải thích theo tinh thần có lợi cho việc duy trì trật tự xã hội đương thời.

... Có thể sự ra đi của Kawabata là kết thúc vòng luân hồi của ông chăng? Nhưng đó là cái gì? Là sự bất ngờ hay bước đi bình thường của số mệnh?

Mới trước ngày ra đi có ba tháng, Kawabata còn viết cho tôi bằng nét chữ rần rỏi, dứt khoát, rằng hè này nhất định ông sẽ đi Moscva. Trước mắt tôi vẫn đang còn tờ giấy với nét chữ rõ ràng của ông, nhắc nhở đến cái dự định không bao giờ thực hiện được nữa. Và trên bàn viết là cuốn Xứ tuyết, Tuyển tập tác phẩm được giải Nobel, hộp mực và cây bút Kawabata tặng tôi để chúng tôi tiếp tục cuộc bút đàm ở Moscva, và chiếc furoshiki thêu

hình hạc trắng trên nền hồng... Tất cả nhắc nhở tôi về cuộc gặp gỡ với Kawabata.

Lúc nào tôi cũng bị ám ảnh bởi câu hỏi: Khi nào và ai là người sẽ phát hiện ra nguyên nhân thực của cái chết của nhà văn? Tại sao bánh xe cuộc đời lại dừng một cách đột ngột như vậy? Phải chăng vì nó muốn giải thoát cho ông cái gánh nặng của trần gian?

Hay cũng có thể, câu trả lời ẩn chứa trong những dòng chữ của tiểu thuyết Tiếng rên của núi: "Tốt nhất là hãy từ bỏ cõi trần này khi mọi người yêu mến và kính trọng ta?"

Có biết bao ý kiến nổi lên xung quanh cái chết của Kawabata. Có người cho rằng cái chết của ông tàn nhẫn đến mức vô lí. Có người thì bảo mong cho những dấu vết bi thảm trong số phận của ông được xóa đi. Nhưng cái chính không phải ở chỗ đó. Cái khó nhất là làm sao có thể hiểu được, hơn nữa, chấp nhận được một thực tế là không ông còn nữa!

Song đối với nhà nghệ sĩ chân chính, chúng ta có quyền nói rằng cái bản thể của ông là bất tử, cũng bất tử như những tác phẩm của ông, những tác phẩm đã ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển của văn học Nhật trong nhiều thập niên.

Mấy nét tiểu sử

Từ lâu ta đã biết những cái thực sự vĩ đại nhiều khi chỉ được đánh giá đầy đủ sau một khoảng cách thời gian có khi phải tính bằng nhiều thế kỷ. Tựa hồ như khi chiêm ngưỡng một quả núi, ta phải đứng rất xa, có khi hàng nhiều dặm, mới bao quát hết được vẻ đẹp của nó, mới thấy hết cái khối hình đồ sộ, cái đỉnh tuyết phủ đậm vút lên trời cao của nó. Và khi đó trước mắt ta mới hiện ra cả một khung cảnh huy hoàng tráng lệ.

Các hiện tượng nghệ thuật cũng có một cái gì tương tự như thế, cái mà những người cùng thời với chúng nhiều khi không cảm nhận được hết. Mỗi

người chỉ nhìn thấy một khía cạnh hoặc đặc điểm nào đó nằm ở tầm mắt hay trong tầm hiểu biết của mình. Còn cái quy mô vĩ đại, cái hình khối trọn vẹn của nó thì lại nằm ngoài tầm mắt.

KAWABATA YASUNARI (1899-1972) là một trong những nghệ sĩ vĩ đại nhất của thế kỷ XX. Các tác phẩm của ông càng ngày càng được thừa nhận rộng rãi hơn và có tầm cỡ thế giới lớn hơn. Ở đây có một cái gì hơi nghịch lý: thoát đầu khi Kawabata viết nhiều, thì hầu như người ta không viết gì về ông cả. Nhưng dần dần tình thế đảo ngược: ông càng viết ít bao nhiêu thì người ta càng viết nhiều về ông bấy nhiêu.

Kawabata làm việc không biết mệt mỏi cho đến tận lúc tim ngừng đập. Rất nhiều lần ông quay về với đề tài đã chọn, với cái chủ đề giàu chất thơ mà ông yêu thích, nảy sinh trong nhận thức của ông về tư tưởng triết học. Ông viết liên tục, viết không nghỉ cả khi tác phẩm của ông được hoan nghênh, hâm mộ, cả khi chúng không được nhắc nhở, hoặc thậm chí bị lên án. Tài năng không được phép giảm sút trước bất cứ cái gì: cả thất bại lẫn thành công.

Hay nói theo cách của Dostoievski, cần phải làm việc như thể còn sống một thế kỷ nữa, cần phải cầu nguyện như thể sắp từ giã cõi đời ngay bây giờ.

Mặc dù sinh ra trong một ngôi làng gần Osaka, Kawabata vẫn coi Kyoto là quê hương của mình. Nhà văn sinh trưởng trong một gia đình thầy thuốc có học vấn ham mê văn học nghệ thuật. Số phận nhà văn thật bi thảm. Ông mồ côi cha từ năm lên ba, sang năm sau thì mất nốt mẹ. Kawabata được ông nội đem về dạy dỗ, nhưng chẳng bao lâu người ông mất nốt, còn bà nội thì cũng mất trước đó ít lâu.

Cậu bé mồ côi phải đến ở với những người bên họ ngoại. Và lúc ấy cậu mới hiểu ăn miếng bánh mì nhà người là cay đắng và bước lên cầu thang nhà người là nặng nề như thế nào. Nhưng trong cậu bé ẩn giấu một sức mạnh tinh thần vô biên. Cậu học và đọc rất nhiều.

Trong những năm đi học, Kawabata ta say mê hội họa và mơ ước trở thành họa sĩ, nhưng đến năm mười một tuổi lại quay sang ham thích văn học và quyết định thử duyên phận trong môi trường văn học. Ngay trước ngày ông nội mất, Kawabata đã hoàn thành tác phẩm đầu tay lấy tên là Nhật kí tuổi mười sáu mà sau này đã được in. Trong tác phẩm này, với niềm xúc động chân thành, tác giả miêu tả nỗi cay đắng trong đời cậu bé mồ côi được tận mắt chứng kiến cảnh từ già cỗi đời của người thân duy nhất còn lại của mình. Cái chủ đề này về sau được nhắc lại trong nhiều tác phẩm của Kawabata.

Thời đi học Kawabata đọc say sưa các tác phẩm của các nhà văn Scandinavie và các tác giả Nhật thuộc nhóm Sirakaba - là nhóm chủ trương chống lại khá kiên quyết cái tầm thường của chủ nghĩa tự nhiên và cố đi tìm những phương tiện biểu hiện mới. Ông cũng thích đọc các tác phẩm của Akutagawa Riunoske và các nhà văn khác của Nhật. Sau này khi làm quen với các nhà văn Nga, ông đặc biệt quan tâm đến Chekhov và Lev Tolstoi. Nó chính là thời kì văn học Nga đang có ảnh hưởng mạnh mẽ ở cả phương Đông lẫn phương Tây.

Năm 1920 Kawabata vào học tại khoa Anh ngữ trường Đại học Tổng hợp Tokyo, sau chuyển sang khoa ngữ văn Nhật, tại đây, ngay năm thứ hai, ông đã cùng một nhóm sinh viên cho xuất bản tạp chí văn học lấy tên là Sintio (nghĩa là Trào lưu mới).

Năm 1923 Kawabata tham gia Ban biên tập tạp chí văn học quan trọng nhất bấy giờ là tờ Bungei Shunju và chuyên viết phê bình, nhận xét. Năm 1924, sau khi tốt nghiệp trường tổng hợp Tokyo, ông tham gia xuất bản tạp chí Bungei Jidai.

Đó là thời kỳ các trào lưu văn học phương Tây và các khuynh hướng hiện đại đang tràn vào Nhật. Những tìm tòi sáng tác của các nhà văn Nhật vào thời kì này chịu ảnh hưởng mạnh của M. Proust, J. Joyce, S. Freud và các tác giả Tây Âu thịnh hành khác. Xuất hiện nhiều tác phẩm của các tác giả Nhật viết theo tinh thần của chủ nghĩa trực giác và chủ nghĩa duy cảm.

Khó lòng nói rằng thời kì này Kawabata có thể làm ngơ trước tất cả những gì đang xảy ra quanh ông và tác động đến khuynh hướng thẩm mĩ của ông.

Trong giai đoạn sáng tác đầu tiên, Kawabata ít nhiều chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa duy cảm mới. Song trong số những nhà văn theo chủ nghĩa này, ông vẫn có vị trí độc lập riêng của mình.

Kawabata chủ trương không được thoát li khỏi di sản văn học Nhật cùng những truyền thống mĩ học của văn hóa dân tộc. Các sáng tác và bài tiểu luận của ông chứng minh rất rõ điều đó. Trong một bài tiểu luận Kawabata có viết: "Bị lôi cuốn bởi những trào lưu hiện đại phương Tây, đôi lúc tôi cũng thử lấy đó làm mẫu. Nhưng về gốc rễ, tôi vẫn là người phương Đông và không bao giờ từ bỏ con đường mình đã chọn".

Truyền thuyết và cuộc sống

Ai cũng biết rằng sáng tác văn học chịu ảnh hưởng không phải chỉ của một loạt điều kiện xã hội trong đó nó ra đời, mà còn của cả hệ thống di sản tinh thần, văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc, thể hiện qua các tác phẩm ưu tú nhất của nghệ thuật ngôn từ.

Đối với Kawabata, một trong những nguồn cổ vũ và tác động mạnh mẽ nhất đến việc hình thành nên khuynh hướng thẩm mĩ của ông là tác phẩm văn học cổ điển trứ danh của Nhật Genji monogatari (Truyện Genji) một thiên truyện được viết với trình độ nghệ thuật điêu luyện, một thứ "tiểu thuyết luân lí" kể về cuộc đời của Genji vĩ đại - cuốn tiểu thuyết đầu tiên trong lịch sử văn học thế giới.

Genji monogatari của Murasaki Shikibu (978-1014) là đỉnh cao của văn xuôi dân tộc, là tài sản vô giá của nghệ thuật văn chương Nhật, là mẫu mực ngôn ngữ hoàn chỉnh nhất của thời kì cổ điển. Chính trong thiên tiểu thuyết này, ngôn ngữ Nhật với tính biểu cảm phi thường của nó đã đạt tới đỉnh

cao, xứng đáng được xếp vào hàng những ngôn ngữ văn học phát triển nhất của thế giới.

Theo Kawabata, Truyện Genji đã tác động sâu sắc đến việc hình thành khiếu thẩm mỹ và ngôn ngữ của ông.

Người có công phát hiện ra giá trị thẩm mỹ của Truyện Genji là Motori Norinata (1730-1801). Ông viết: "Trong số các monogatari, Genji là thiên truyện tuyệt vời nhất không ai có thể vượt được. Kể cả trước và sau nó, không có tác phẩm nào có thể sánh được với thiên truyện này. Không có tác phẩm nào thấm sâu vào lòng người đến thế, không có tác giả nào biết thể hiện "vẻ đẹp u buồn" của sự vật một cách sâu sắc và cảm động đến thế". "Nhiều tác giả sau này cố bắt chước Genji - Kawabata viết - nhưng đều thua xa nó về mọi mặt. Không phải bàn cãi gì nữa, bút pháp của Genji thật là vô song. Phong cảnh Nhật với sắc trời thay đổi theo bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, hình ảnh những người đàn ông và phụ nữ Nhật được mô tả rõ ràng sinh động đến mức tưởng như trông thấy những con người bằng xương bằng thịt".

Rabindranat Tagore (1861-1941) trong lần đến thăm Nhật năm 1916 có phát biểu trong bài giảng mang tên Tâm hồn Nhật tại trường Đại học Tổng hợp Tokyo như sau:

"Trách nhiệm của mỗi dân tộc là phải thể hiện cho thế giới thấy rõ bản chất dân tộc mình. Nếu một dân tộc không đem lại cho thế giới một điều gì cả, thì phải xem đó là một tội lỗi của dân tộc, đúng hơn, phải xem nó còn tồi tệ hơn cả cái chết, và sẽ không bao giờ được lịch sử nhân loại tha thứ. Mỗi dân tộc có trách nhiệm làm cho cái ưu tú nhất mà nó có trở thành tài sản chung của nhân loại. Tinh thần cao thượng là kho báu của dân tộc, nhưng tài sản thực sự của nó là ở chỗ biết vượt qua những quyền lợi riêng, và mời cả thế giới cùng tham gia vào văn hóa tinh thần của nó."

Theo Tagore, trong khi đem lại cho thế giới một tác phẩm cổ điển như Truyện Genji, người Nhật đã làm tròn trách nhiệm dân tộc của mình.

Trong những tác phẩm ưu tú của các tác giả cổ điển Nhật, Kawabata luôn bị hấp dẫn bởi những tư tưởng cao thượng, bởi quan niệm về cái đẹp như yếu tố quan trọng nhất của văn hóa và sức mạnh đạo đức, có ảnh hưởng vô cùng to lớn đến quan hệ con người và thế giới tinh thần của mỗi cá nhân. Tư tưởng về cái đẹp bên trong, về giá trị vĩnh hằng của nó trong đời sống con người và trong nghệ thuật luôn luôn quyến rũ nhà văn, ám ảnh đầu óc ông, ăn sâu vào tiềm thức ông trong suốt con đường sáng tạo.

Kawabata có biệt tài gắn liền những khái niệm mỹ học và triết học chung, những nét đặc sắc và độc đáo của văn hóa Nhật với những tìm tòi sáng tạo riêng của mình. Tất cả những phát hiện nghệ thuật có được trong các tác phẩm của ông như những yếu tố mang tính cá nhân độc đáo, bất ngờ, đều xuất phát từ những ngọn nguồn xa xưa của văn học Nhật, từ cội nguồn văn hóa dân tộc.

Chính những đặc điểm này trong sáng tác của Kawabata đã được nhấn mạnh trong khi đánh giá và trao tặng ông giải thưởng Nobel văn học 1968: "Vì nghệ thuật viết văn tuyệt vời và tình cảm lớn lao, thể hiện được bản chất của cách tư duy Nhật Bản".

Những công lao vĩ đại của Kawabata còn ở chỗ trong khi trình bày cái sáng tạo dân tộc của người Nhật, ông đã gợi được ở độc giả nước ngoài mối quan tâm và tình cảm sâu sắc, đồng thời vạch cho thấy cái đặc điểm chung toàn nhân loại có thể làm cơ sở vững chắc nhất để các dân tộc phương Đông và phương Tây kính trọng lẫn nhau.

Tư duy nghệ thuật của Kawabata mang tính lịch sử. Tính lịch sử ấy thể hiện ở sự gắn bó mật thiết của ông với cái truyền thông văn hóa lâu đời của Nhật và ở chỗ sáng tác của ông nảy sinh từ những nét thực tiễn và những xung đột của đời sống dân tộc, chứ không phải là sự bắt chước hoặc sao chép lại từ các tác phẩm cổ điển hoặc các tác phẩm phương Tây hiện đại.

Nhà nghệ sĩ là con đẻ của thời đại mình. Nghệ thuật chân chính bao giờ cũng phải mang tính hiện đại. Nghệ thuật không mang tính hiện đại, không phù hợp với các điều kiện hiện đại thì không thể coi là nghệ thuật được.

Kawabata trong khi miêu tả với tình yêu và cảm hứng lớn lao môi trường rất quen thuộc của mình, đã thấm sâu vào tâm trạng nhân vật, tạo nên nhiều hình tượng và tính cách đa dạng. Với hiểu biết tâm lí sâu sắc, đôi khi ông còn vạch cho ta thấy với vẻ hơi giấu cợt những mối quan hệ gia đình rắc rối, không che giấu những quyền lợi nhỏ hẹp và tầm thường của chúng.

Vũ nữ Izu (1925) là truyện ngắn đầu tiên của Kawabata cho ta thấy tác giả là một nhà nghệ sĩ có óc quan sát tinh tế.

Song tác phẩm mang lại tiếng tăm thực sự cho nhà văn là cuốn Xứ tuyết. Được giới văn học Nhật thừa nhận là hiện tượng văn xuôi trứ tình quan trọng nhất lúc bấy giờ. Xứ tuyết lôi cuốn người đọc bởi những nét vô cùng đặc sắc của thế giới con người và thiên nhiên, được miêu tả bằng những màu sắc đầy chất thơ rất điển hình cho các tác phẩm của Kawabata. Dựa trên những tư liệu tươi mới, nhà văn mở ra cho người đọc cả một thế giới những ham muốn, hi vọng và xung đột trước kia chưa ai mô tả bao giờ.

Xứ tuyết được Kawabata xây dựng trong nhiều năm. Bắt tay viết từ năm 1934, mãi đến năm 1947 nó mới được viết xong. Thiên truyện đúng ra là gồm nhiều phần, được viết vào nhiều thời kỳ khác nhau.

Nội dung chính của tác phẩm là câu chuyện về Simamura, một người đàn ông đứng tuổi, lớn lên và sông ở Tokyo, đáp xe lửa lên miền Bắc nước Nhật để thưởng ngoạn phong cảnh của vùng tuyết. Trước mắt độc giả hiện lên phong cảnh giàu chất trữ tình của miền Bắc nước Nhật với không gian bao la phủ đầy tuyết, tràn ngập ánh nắng mặt trời, một khung cảnh nên thơ và quyến rũ lòng người.

Trên đường đời Simamura gặp một kỹ nữ tên là Komako yêu chàng sâu sắc, bị dày vò bởi hi vọng vào tình yêu mà không hề nghĩ đến chuyện Simamura có thể chia sẻ tình yêu với mình hay không.

Nhiều trang truyện vang lên như tiếng kêu xé lòng về tình yêu và nỗi cô đơn.

Simamura được miêu tả như con người không có khả năng chia sẻ tình yêu lớn lao của Komako. Vốn nhẹ dạ và nông nổi, anh ta đắm mê hết thứ này đến thứ khác. Đang say mê âm nhạc và chưa học đến nơi đến chốn đã chuyển sang nghiên cứu múa dân tộc, rồi sau lại sang múa balê phương Tây...

Qua hình tượng Simamura, Kawabata đã dựng nên bức tranh phần nào có tính châm biếm về tầng lớp trí thức Nhật vào những năm 1930.

Mặt khác, qua nhân vật Komako, Kawabata vẽ nên hình ảnh diễm tuyệt của người con gái Nhật Bản, như kiểu người con gái được miêu tả trong các tranh khắc màu truyền thống nổi tiếng của Nhật thế kỷ XVII- XVIII. Đọc các đoạn mô tả chân dung người kĩ nữ Komako, có cảm giác như trước mắt ta hiện lên những bức tranh khắc mê hồn của Moronobu hay Utamaro, vẫn được coi là đỉnh cao của nghệ thuật mô tả chân dung con gái Nhật.

Kawabata có biệt tài trong nghệ thuật tạo hình, biết truyền đạt mối quan hệ giữa con người chính xác đến mức người đọc không nghi ngờ gì về tính chân thực của nó.

Sau chiến tranh

Trong những năm sau chiến tranh, các tác phẩm của Kawabata vẫn tiếp tục phát triển tốt đẹp theo mạch chung của truyền thống văn học cổ điển Nhật.

Kawabata có bút pháp và phong cách riêng chỉ mình ông có, xuất phát từ cách tư duy riêng của ông.

Trong số những tác phẩm tài năng nhất của Kawabata sau chiến tranh có thiên truyện vừa Ngàn cánh hạc (1949), tiểu thuyết Tiếng rền của núi (1954) và Kyoto (1962), là những tác phẩm đem lại cho nhà văn danh hiệu xứng đáng là một trong những nhà văn lớn của Nhật trong thời đại chúng ta.

Chủ đề của truyện Ngàn cánh hạc, giải thưởng văn học của Viện Hàn lâm Nghệ thuật Nhật 1952, là phong tục cổ truyền của dân tộc Nhật - nghi thức uống trà hay còn gọi là "trà đạo". Cái nghi thức này ở Nhật được xem như một phương pháp thông sáng và tẩy trần, một cách thấm sâu vào quy luật của tạo hóa và thế giới xung quanh. Trà đạo là một nghệ thuật hết sức độc đáo và có thể nói là có một không hai của người Nhật, đóng vai trò rất quan trọng đời sống tinh thần và nghệ thuật của họ. Trà đạo đối với người Nhật là một thứ tôn giáo, một nghệ thuật sống thiêng liêng.

Trong cuốn Trà thư (1906), Okakura Kakuzo có viết:

"Bọn người ngoại quốc coi chúng ta là những kẻ dã man khi thấy chúng ta thành tâm tôn thờ thứ nghệ thuật hiền hòa này, nhưng khi nước Nhật lao vào cuộc chém giết đẫm máu với quy mô chưa từng thấy trên chiến trường Mãn Châu Lý, thì họ lại cho ta là đất nước văn minh! Ít lâu nay người ta hay nói nhiều đến cái đạo của những người theo phái samurai - tức là võ sĩ đạo, mà dường như quên mất "trà đạo", "võ sĩ đạo", là nghệ thuật chết, nó dạy người lính của chúng ta chết trong cơn phẫn khích giả tạo. Còn trà đạo mới thực sự là nghệ thuật dạy người ta sống. Nếu trình độ văn minh được đánh giá bằng chiến công của những cuộc chém giết, thì chúng ta sẵn sàng nhận mình là những kẻ dã man".

"Cuộc gặp gỡ bên chén trà cũng là cuộc gặp gỡ tình cảm, - Kawabata viết, - nhưng nếu bạn muốn tìm trong câu chuyện Ngàn cánh hạc của tôi ý muốn trình bày vẻ đẹp bên ngoài và bên trong của nghệ thuật này thì bạn sẽ lầm. Thực ra bây giờ tôi đang ở tâm trạng hoài nghi và muốn chia sẻ với các bạn nỗi lo ngại và cảnh giác trước cái dung tục mà người ta đang sa đà trong trà đạo hôm nay".

Truyện mở đầu bằng cảnh uống trà trong một ngôi chùa ở Kamukura, thành phố mà nhà văn đã sống nhiều năm và cho đến phút cuối đời trên nền của cảnh uống trà đó xuất hiện hình ảnh các nhân vật chính, người thiếu niên Kikuji và cô gái đẹp Fumiko, mà số phận của họ là chủ đề chính của cuốn truyện.

Họ gặp nhau và Kikuji bị ngây ngất trước vẻ kiều diễm con người con gái cầm trong tay chiếc khăn hồng thêu hình con hạc trắng. Theo nếp nghĩ người Nhật, hình ảnh con hạc là tượng trưng cho hi vọng và hạnh phúc? Không, tác giả không muốn lí tưởng hóa hình tượng Fumiko, mà mô tả nàng như người con gái có số phận đau thương, với những hoài nghi dằn vặt do cái chết của người mẹ đem lại.

Trong tiểu thuyết Tiếng rền của núi cũng như trong Xứ tuyết và Ngàn cánh hạc Kawabata nghiên cứu sự chuyển biến trong tình cảm và tâm lí nhân vật, mặc dù không phải bao giờ cũng nêu ra được rõ ràng nguồn gốc xã hội sâu xa của những số phận bi thảm con người, hậu quả của tình trạng bị cô lập của họ trong điều kiện thực tế của xã hội tư sản. Song, trên cái "nền xã hội mờ nhạt" ấy vẫn nổi lên rất rõ những khía cạnh đạo đức của các hình tượng do ông sáng tạo ra, là cái tác giả tập trung chú ý nhất.

Kawabata thường hay nói đến "vẻ đẹp Nhật". Nhà văn muốn nhấn mạnh không phải cái cảm giác bình thường, mà cảm giác đặc biệt về cái đẹp. Có cảm tưởng như mục đích chủ yếu của đời ông là đi tìm cái đẹp. Thậm chí không phải đi tìm, mà là nhìn vào, nhìn một cách tò mò chăm chú để phát hiện ra cái đẹp bên trong.

Kinh nghiệm nghệ thuật của Kawabata chịu ảnh hưởng rõ rệt của mỹ học Thiền luận, dựa vào suy niệm bên trong. Thiền nghĩa là bộc lộ tất cả sức mạnh tinh thần của mình đến độ trở thành "vô ngã", hòa nhập vào cái tổng thể của thiên nhiên.

Mỹ học Thiền dựa trên nguyên tắc sử dụng ít lời nhất, ít phương tiện biểu cảm nhất trong sáng tác nghệ thuật, chỉ vừa đủ để giữ mối liên hệ giữa cá nhân và khách thể.

Khi phân tích sáng tác của Kawabata, Aono Suekiti, đại diện nổi tiếng của nền văn học vô sản Nhật có nhận xét trong cuốn Các nhà văn Nhật hiện đại (1953) như sau:

"Mỗi lần đọc các tác phẩm của Kawabata tôi lại cảm thấy các âm thanh xung quanh tựa hồ lắng đi, không khí bỗng trở nên trong trẻo, còn tôi thì hòa tan vào trong đó. Tôi không biết có tác phẩm nào khác có sức tác động mạnh mẽ đến như thế không? Và sở dĩ có hiện tượng như vậy có lẽ bởi vì trong các sáng tác của Kawabata không có gì là vắn đục hay dung tục... Nếu đến một lúc nào đó, do cái tính đồng đánh của thời gian, các sáng tác của Kawabata, hoàn toàn hòa nhập vào thế giới của cái đẹp thanh cao chân chính, bị xem là cái trò tiêu khiển trống rỗng, thì lúc đó quả thực là đau buồn cho toàn bộ nền văn hóa chung của chúng ta".

Ngôn ngữ của Kawabata là mẫu mực của phong cách Nhật: ngắn gọn, súc tích, sâu xa, mang tính biểu tượng và ẩn dụ kì diệu. Chất thơ trong văn xuôi, nghệ thuật ngôn từ điêu luyện, suy nghĩ giàu chất nhân đạo, thái độ trân trọng đối với con người và thiên nhiên đối với các truyền thống nghệ thuật dân tộc tất cả những cái đó làm cho sáng tác của Kawabata trở thành hiện tượng xuất sắc trong văn học Nhật và văn học thế giới.

Vnukovo - ngoại ô Moscva 1972-1974

THÁI HÀ trích dịch từ tạp chí

Inostrannaja Literature Nga số 7/1974.

Chú thích:

[6] Xiozi: Những vách ngăn buồng làm từ thứ giấy mỏng đặc biệt dai và bền (ND).

[7] Furosiki : Một thứ khăn lụa của Nhật (ND).

VỀ XỨ TUYẾT

DONALD KEENE

Mùa xuân năm 1934, Kawabata đến thăm suối nước nóng ở Yuzawa, đầu nguồn dòng sông Đá. Sau đó ông đi tiếp một chuyến nữa vào mùa thu trong năm, và đó là lần ông bắt đầu viết tiểu thuyết nổi tiếng nhất của mình - Yukiguni (Xứ tuyết).

Chương đầu tiên của Xứ tuyết xuất hiện vào tháng 11 năm 1935 trên báo Nikon Hyoron (Công luận Nhật Bản) và những chương tiếp theo tiếp tục ra mắt trên những tạp chí khác nhau cho tới tháng 5 năm 1937, khi tiểu thuyết dứt điểm hoàn thành. Trước khi tiểu thuyết ra mắt, Kawabata đọc tổng quát, sửa chữa lại từng chương một. Tác phẩm được các nhà phê bình hoan nghênh và được đọc rộng rãi nhờ khâu xuất bản. Năm 1937 cũng là năm tác phẩm cùng đoạt chung giải thưởng của Hội luận đàm văn học với Nhà hát cuộc đời của Ozaki Shiro. Xứ tuyết, ngay sau đó cũng được biên soạn thành một vở kịch. Danh tiếng của Kawabata trong giới văn chương cho đến lúc đó (1935) chủ yếu nhờ vào những tiểu luận phê bình của ông, nhưng tiểu thuyết này đã chính thức hóa ông như một nhà văn quan trọng của Nhật Bản. Ông viết thêm hai chương nữa vào năm 1939 và 1940, sửa lại chúng, và cuối cùng hoàn thành tác phẩm vào năm 1947. Trong thực tế, không lâu trước khi chết, Kawabata đã viết một đoạn “cỡ lòng bàn tay” giải thích về tác phẩm, đó là bằng chứng cho thấy ông xem nó như một tác phẩm then chốt trong sự nghiệp của mình.

Cốt truyện của Xứ tuyết, cũng giống như tất cả các tác phẩm thành công khác của Kawabata, đồng thời vừa đơn giản vừa khó nắm bắt. Shimamura, một tay chơi tài tử giàu có, trở lại một lần nữa vào mùa thu thăm suối nước nóng ở vùng núi nơi anh đã đến sáu tháng trước. Sau khi con tàu chạy xuyên qua một đường hầm dài vào trong “xứ tuyết”, nó dừng lại ở một sân ga. Một hành khách là cô gái đang chăm sóc cho người đàn ông bị ốm nằm

cùng toa, gọi người trưởng ga, hỏi xem ông ta có nhìn thấy em trai của cô không. Khi Shimamura đến suối nước nóng thì một geisha tên là Komako, đến phòng anh nơi quán trọ. Cô nhớ anh nhiều hơn anh nhớ cô; có lúc anh đã nghĩ rằng chỉ có một ngón tay của mình là nhớ cô sâu sắc. Komako càng ngày càng tiêu phí nhiều thời gian ở trong phòng Shimamura, đôi khi tình tảo, lúc lại rất say. Anh bị quyến rũ nhưng dường như không thể yêu cô. Anh cũng bị hấp dẫn bởi Yoko, cô gái mà anh nhìn thấy trên tàu. Mỗi quan hệ đang tồn tại giữa Komako, Yoko và người đàn ông ồm yếu không bao giờ được giải thích đầy đủ. Kết thúc tiểu thuyết có một vụ hỏa hoạn, và Yoko, đang ở trong tòa nhà bốc cháy, lao ra từ tầng hai. Komako ôm nàng trong tay. Shimamura đứng cách xa, lảo đảo, nhưng khi anh nhìn lên bầu trời, dường như dải ngân hà chảy tuột vào trong anh.

Nhân vật trong tiểu thuyết này cũng tương tự như ở các tác phẩm khác của Kawabata - một người đàn ông không có khả năng yêu và một thiếu nữ trinh trắng với sự tinh khiết, tuy nhiên người hấp dẫn anh lại là Komako, một người phụ nữ có tình cảm mạnh mẽ và đời sống tình dục thoải mái, người ảnh hưởng lớn đến tác phẩm. Cô là nhân vật nữ được xây dựng thành công nhất của Kawabata, và nếu ông không viết thêm một tác phẩm nào khác, thì hình ảnh Komako sẽ vẫn mang lại cho ông danh tiếng của một chuyên gia về tâm lý học phụ nữ. Yoko, chỉ xuất hiện thoáng qua, nhưng hầu như cũng lôi cuốn không kém, dù ít được gọt rũa cẩn thận. Mặt khác, Shimamura, lại là một con số không: điều chủ yếu chúng ta biết được về anh ta là anh ta tự cho mình là người am hiểu balê phương Tây dù chưa bao giờ xem một buổi biểu diễn nào. Mỗi quan tâm đặc biệt này trùng khớp với mỗi quan tâm của Kawabata; ông trở nên bị cuốn hút với nghệ thuật múa đầu những năm 1930 đến mức đã thu xếp cho một diễn viên tạp kỹ nhiều triển vọng ở Asakusa đi học balê. Những ngày Shimamura đến thăm suối nước nóng cũng trùng khớp với Kawabata, nhưng như thường lệ, Kawabata lại phủ nhận tầm quan trọng của bất cứ cái gì mà nguyên mẫu mang lại cho câu chuyện:

"Khi Xứ tuyết thu hút được số lượng bạn đọc ngày càng tăng, thì một số người vì tò mò đã muốn được xem nơi xảy ra sự việc hoặc những nguyên mẫu, và tiểu thuyết thậm chí còn được dùng để quảng cáo cho suối nước nóng. Trong thực tế cũng có một nguyên mẫu dành cho Komako, nhưng Komako của tiểu thuyết rõ ràng là khác xa nguyên mẫu, tới mức chính xác hơn cần phải nói rằng, không có nguyên mẫu nào hết. Shimamura, chẳng có gì để nói, đó không phải là bản thân tôi. Anh ta, nói tóm lại, không là gì ngoài phương tiện làm cho Komako nổi bật. Đó là chỗ thất bại, hoặc có lẽ là nguyên nhân thành công của của phẩm. Tác giả tiến sâu vào thế giới nội tâm của Komako, nhưng lại chỉ dừng ở bên ngoài thế giới nội tâm của Shimamura, khiến anh ta không thể bộc lộ rõ tính cách. Trong hoàn cảnh đó người ta có thể nói rằng tôi không hiểu Shimamura bằng hiểu Komako. Tôi cố ý làm cho Shimamura không giống tôi tới mức có thể.

Những sự kiện và xúc cảm được ghi lại trong Xứ tuyết là sản phẩm do trí tưởng tượng của tôi nhiều hơn là thực tế. Đặc biệt với những tình cảm quy cho Komako, cái mà tôi đã miêu tả thì không phải là gì khác ngoài nỗi buồn của chính tôi. Tôi nghĩ chính điều này đã lôi cuốn độc giả".

Nhưng cũng có lúc Kawabata lại viết rằng Yoko hoàn toàn được sáng tạo từ trí tưởng tượng của ông, vì thế, ông đã rất ngạc nhiên khi đọc trên tạp chí lời bình luận của diễn viên nổi tiếng Hanayagi Shotaro người Shimpa, người đã từng tới thăm suối nước nóng ở Yuzawa trong dịp chuẩn bị diễn Xứ tuyết, rằng đôi mắt của Yoko ngời sáng hơn mắt của Komako. Người được xem là nguyên mẫu của Yoko, thậm chí Kawabata chưa bao giờ để mắt tới.

Một phần của cuốn sách này, như Kawabata thừa nhận, được rút ra từ các nguyên mẫu khác nhau, là những miêu tả của ông về thiên nhiên. Ông miêu tả sinh động phong cảnh xung quanh khu suối nước nóng chính xác tới mức có thể, bởi vì ông tin rằng các tiểu thuyết gia đương thời có xu hướng xao lãng đi thiên nhiên; nhưng, một lần nữa ông lại ngạc nhiên, cái phần đó của tiểu thuyết nhìn chung lại được xem như là sản phẩm của hư cấu.

Kawabata đã từng nói về Xứ tuyết rằng nó có thể bị thất bại ở bất cứ điểm nào. Lúc đầu ông có ý định viết không dài hơn một truyện ngắn, nhưng có một số tư liệu còn thừa ra, ông đã kết hợp nó trong tác phẩm ông viết cho một tạp chí khác, tạp chí đã cho hạn chót nộp bài muộn hơn nơi tiếp nhận truyện đầu tiên của ông. Chương này dần kéo theo chương khác. Ông nhớ lại: “Ai đó hẳn đã nói rằng chỉ trong khi tôi đang viết phần đầu tiên thì những tài liệu dành cho những phần tiếp theo mới bắt đầu hình thành. Điều này có nghĩa là trong khi tôi đang viết trạng đầu tiên, thì tư liệu cho phần cuối vẫn chưa thực sự hiển hiện”. Thậm chí sau khi đã cộng thêm một chương kết thúc vào năm 1947, ông vẫn cảm thấy cần viết thêm nữa về mối quan hệ của Komako và Yoko, nhưng ông quyết định nên để tiểu thuyết dừng lại ở điểm này.

Đoạn văn mở đầu của Xứ tuyết có lẽ là đoạn văn nổi tiếng nhất của bất kì tác phẩm văn học hiện đại Nhật Bản nào: “Khi đoàn tàu hiện ra từ đường hầm dài ở đường biên tỉnh, họ đã đến xứ tuyết. Độ đậm của bóng đêm đã ngả sang màu trắng. Đoàn tàu dừng lại ở một ga xép.”

Đi qua đường hầm dài, như nhiều nhà phê bình đã chỉ ra, có nghĩa là Shimamura đang đi vào một thế giới khác. Không chỉ anh đang đi vào xứ tuyết, mà anh còn bỏ lại phía sau người vợ cùng gia đình ở Tokyo và những mối ràng buộc của anh với thế giới. Trong thế giới khác này mọi thứ đều sạch sẽ hơn cái thế giới mà anh đã bỏ lại. Giọng thiếu nữ Yoko gọi người trưởng ga đờm vẻ trong trẻo kì diệu trong bầu không gian lạnh giá, dù những từ ngữ của cô là hoàn toàn bình thường. Không lâu trước đó, khi Shimamura lau vu vơ một mảnh kính cửa sổ toa tàu bị sương phủ, anh đã nhìn thấy đôi mắt trong sáng tuyệt đẹp của Yoko như trong một tấm gương. Anh cũng đã quan sát trong tấm gương này cái cách cô nhẹ nhàng chăm sóc người đàn ông trẻ bị ốm đang nằm trên ghế bên cạnh. Tấm gương, như một vật Kawabata thường xuyên sử dụng để biểu thị sự quan sát vô tư; Shimamura ở đoạn mở đầu, cũng như ở phần kết của tiểu thuyết, luôn ở trong trạng thái rời bỏ thế giới xung quanh.

Khi phần đầu của Xứ tuyết xuất hiện như một truyện ngắn trên tạp chí, nó mang tiêu đề Yugesniki no Kagami (Tấm gương của cảnh đêm), ý nhắc đến cửa sổ toa tàu mà qua đó Shimamura đã quan sát cảnh tượng ban đêm. Phần mở đầu của câu chuyện hoàn toàn không giống với phần mở đầu đầy ngưỡng mộ của tiểu thuyết:

"Tôi chạm tay vào mái tóc ẩm ướt của nàng - tôi nhớ cảm giác đó hơn bất kì thứ gì. Đó là điều duy nhất tôi có thể nhớ lại một cách sống động. Shimamura lên tàu làm một chuyến hành trình chỉ để nói điều ấy với người đàn bà.

"Anh đang cười. Anh đang cười em, đúng không?"

"Anh không cười".

"Tận sâu trong đáy tim, anh đang cười em. Mà thậm chí nếu bây giờ anh không cười, thì chắc chắn sau này anh sẽ cười em". Rồi người đàn bà thổn thức khóc, chiếc gối áp vào mặt, không thể tiếp tục mãi được sự ương bướng của nàng. Nhưng thay vì khinh miệt nàng như một người đàn bà phóng túng và quên nàng, anh vẫn muốn nhớ về nàng sâu sắc tới mức có thể, chính xác như những gì đã xảy ra. Nhưng càng cố để đạt một ấn tượng rõ ràng, không chỉ từ những gì anh đã nhìn và nghe thấy mà còn từ những gì mà xúc giác từ đôi môi đã mách bảo anh về nàng, thì sự thực anh có được càng mờ ảo hơn. Tất cả những gì mà anh khám phá được là thật khó mà trông mong vào kí ức của mình. Chỉ duy nhất ngón trỏ của bàn tay trái anh là thực sự nhớ nàng. Thậm chí thỉnh thoảng Shimamura nhìn chăm chăm vào ngón tay, cứ như thể nó có điều kì lạ nào đó. Nó là một phần của cơ thể anh, nhưng nó có đời sống riêng, hoàn toàn tách biệt với anh. Điều gì đó về nàng bám chặt êm ái vào ngón tay ấy và đã đưa anh trên quãng đường dài này tới gặp nàng".

Sự cắt bỏ của Kawabata đối với đoạn văn này trong cuốn tiểu thuyết hoàn thành đã làm hay cho tác phẩm rất nhiều. Nếu một đoạn miêu tả như thế đặt ở đầu chương một thì rõ ràng xuất phát điểm chuyển đi của Shimamura là được thôi thúc bởi lòng khao khát xác thật đối với người đàn

bà anh gặp ở suối nước nóng. Cái thế giới bên kia đường ranh giới được chuyển tải bằng việc miêu tả đoàn tàu hiện ra từ đường hầm đi vào một vùng đất khác, lòng tốt giản dị từ sự lo lắng của Yoko với người em trai, sự tận tình của Yoko với người đàn ông bị ốm - tất cả những yếu tố đó của câu chuyện, thậm chí đã được đưa ra trước cả khi đề cập đến nguyên nhân làm nên chuyến đi của Shimamura, đã tạo ra bộ khung hoàn hảo về dự tính của chính câu chuyện. Điều đó chứng tỏ Kawabata là một nhà văn bậc thầy, người có thể bằng vài cắt xén khéo léo hay thêm vào đôi chút nhằm tạo sự cân bằng chính xác đã thổi một vẻ đẹp và sự sâu sắc mới mẻ cho tác phẩm.

Vinh quang của Xứ tuyết là do sức gợi của văn phong. Hầu hết mọi điều mà một tác giả hiện thực hơn sẽ phải bao quát trong khi kể về mối quan hệ giữa Shimamura và Komako đã bị loại bỏ, hoặc được kể với một sự tinh giản đến mức mà đôi khi khiến người đọc mất tự tin nếu họ không đọc được gì nhiều trong văn bản. Người ta cần phải đọc Kawabata một cách cẩn thận, không chỉ riêng với Xứ tuyết mà còn với tất cả các tác phẩm quan trọng khác của ông, vì văn phong ông có thể khó nắm bắt, lại dựa vào những khả năng độc đáo để tạo sự mơ hồ, cho dù lối truyền đạt biểu cảm được cung cấp đầy đủ bởi chính ngôn ngữ Nhật Bản. Những đoạn đối thoại không phải là xuất sắc thậm chí còn kêu gọi nhục dục nhưng có xu hướng là hầu như gián tiếp một cách quá đáng; chẳng hạn, thậm chí khi Komako cứ khẳng khẳng rằng nàng sẽ rời khỏi phòng của Shimamura, thì chúng ta có thể cảm nhận được quyết tâm không rời xa anh của nàng. Những đoạn miêu tả vẻ đẹp của Komako làm nổi bật ấn tượng về sự trong sạch và khiến nàng dường như trở thành một phần của chính phong cảnh xứ tuyết, nhưng chúng chẳng mang tính hiện thực chút nào.

Xứ tuyết mang trong mình, có lẽ hơn bất kì cuốn tiểu thuyết hiện đại Nhật Bản nào khác, niềm mê hoặc đặc biệt về phụ nữ Nhật Bản, không chỉ riêng về giới geisha. Tình yêu của Komako đối với Shimamura là không thể nghi ngờ, bất chấp những mối quan hệ khác trong cuộc đời nàng, đôi khi nàng ngốc nghếch cho dù là ngúng nguẩy duyên dáng, và quan hệ không rõ ràng của nàng với người đàn ông trẻ, người mà Yoko đang chăm

sóc, tất cả những điều đó còn hơn cả sự đau xót vì dường như anh không làm gì cả để có được một tình yêu như thế. Thật khó có thể chỉ ra một tác phẩm văn chương cổ điển Nhật Bản mà Kawabata đã chịu ảnh hưởng rõ rệt, nhưng ấn tượng phổ biến mà người ta nhận được từ Xứ tuyết là tác phẩm này gần gũi với tinh thần văn chương thời Heian. Tác phẩm rõ ràng là hiện đại về mặt phong cách, đặc biệt là những liên tưởng phóng khoáng tới mức đang từ nhận thức này nhảy sang nhận thức khác, nhưng kết thúc tác phẩm lại là một sự mơ hồ khó nắm bắt và làm thỏa mãn về mặt thẩm mỹ như bất cứ tác phẩm nào của nghệ thuật truyền thông Nhật Bản.

Thành công của Kawabata với Xứ tuyết vào năm 1938 đã khiến ông mạnh dạn từ bỏ việc viết những ấn phẩm mới cho các tạp chí ra hàng tháng, việc làm mà ông đã duy trì kể từ năm 1922.

ĐÀO THỊ THU HẰNG

Trích dịch từ *Dawn to the West*,

Donald Keene, Henry Holt and Company, New York, 1984

YASUNARI KAWABATA - NGƯỜI CỨU RỒI CÁI ĐẸP

NHẬT CHIÊU

Trong khung trời năm mới
Tôi nhìn thấy trong mơ
Ngàn cánh hạc nào đang múa

Đây là bài thơ Haiku của Kawabata mà ta có thể tìm thấy trong bài giảng thuyết "Hiện hữu và khám phá cái đẹp" của ông.

Kawabata là hiện tượng kỳ diệu nhất của văn học Nhật Bản thế kỷ XX. Các tác phẩm tiểu thuyết của ông vang danh khắp thế giới: Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Cố đô, Tiếng rền của núi, Người đẹp ngủ mê, Vũ nữ Izu... Đó chính là những bài thơ văn xuôi đã đưa lại cho ông giải thưởng Nobel văn chương năm 1968 và để lại những ấn tượng khó phai mờ trong lòng chúng ta về cái đẹp của thế giới này.

Mishima Yukio gọi Kawabata là Eien-no-Tabibito: Vĩnh Viễn Lữ Nhân.

Đây là "Người lữ khách muôn đời" đi tìm cái đẹp.

Marcel Proust đi tìm thời gian đã mất. Kawabata đi tìm cái đẹp mất đi trong khoảnh khắc và cũng tái sinh trong khoảnh khắc.

Chẳng phải là ngàn cánh hạc luôn luôn chết đi và sống lại trong muôn ngàn mộng tưởng của chúng ta?

Và bầu trời xanh kia, nó có từ bao giờ vậy mà sao vẫn cứ là "năm mới"?

Cứ thế, bài thơ Haiku của Kawabata, bằng điệu vũ nhẹ nhàng của nó, đưa ta vào một thế giới trong xanh tuyệt vời.

Các tiểu thuyết của Kawabata cũng thế. Chúng có những điệu vũ thật nhẹ nhàng, và đưa chúng ta đi, hướng về một sự cứu rỗi nào đó.

Những điệu vũ nhẹ như hoa: Ôi, "Hoa luân vũ khúc" [8].

Kawabata kể lại việc ông sáng tác bài thơ Haiku trên như sau:

"Tôi nhớ có lần trong một bài tiểu luận nhân dịp năm mới, tôi đã trích dẫn bài Haiku của Ranko:

Ngày đầu năm

Với tâm hồn buổi mới

Cho tôi ở lại trần gian.

Sau đó, một người bạn yêu cầu tôi viết bài Haiku này trong hình thức kakemono (cuộn giấy treo tường) để anh mừng năm mới. Đây là bài Haiku mà tùy cách hiểu có thể xem là đơn sơ hay tao nhã, dung tục hay thuần khiết. Vì e rằng nó sẽ được hiểu theo một nghĩa giáo khoa như thông thường, tôi không muốn viết ra nó đơn độc mà thêm vào ba bài khác thành chùm Haiku như sau:

Ôi huy hoàng!

Bầu trời đêm ấy

Khi năm cũ vừa tan.

Issa

Năm qua thành năm nay

Một điều gì như thế

Chiếc thoi đâm qua ngày.

Kyoshi.

Bài Haiku thứ ba là bài của Ranko và cuối cùng là bài của Kawabata mà chúng ta đã biết. Ông khiêm tốn nói thêm rằng: "Dĩ nhiên bài Haiku của

chính tôi chỉ là sự thêm thắt kỳ cục viết ra để làm món quà kakemono cho bạn tôi mà thôi".

Vì sao ta lại nhắc đến bài thơ Haiku của Kawabata?

Đọc văn ông, ta có thể thấy thi pháp trong các tác phẩm tiểu thuyết của ông rất gần gũi với thi pháp của thơ Haiku.

Chính vì thế mà Kawabata mới có thể nói rằng: "Tác phẩm của tôi thường được miêu tả như là tác phẩm của chân không".

Cái chân không đó là sự trống vắng mà ta thường thấy trong thơ Haiku, trong tranh thủy mặc, trong sân khấu Noh, trong vườn đá tảng...

Thi pháp của thơ Haiku là "thi pháp của chân không". Trọng tâm của bài thơ không nằm trong các chữ mà nằm trong cái mà nó để trống.

Cái chân không ấy tựa như bầu trời, là nơi mây bốn phương gặp nhau, là nơi gió lảnh tử chơi đùa, là nơi qua lại của bóng tối và ánh sáng.

Seidensticker nhận xét: "Tôi cho rằng nên xếp Kawabata vào dòng văn chương mà ta có thể dò đến tận những bậc thầy Haiku của thế kỷ XVII. Haiku là những bài thơ nhỏ cố gắng gợi cho ta những bất ngờ nhận biết cái đẹp bằng cách phối hợp những điều tương phản hoặc khác xa nhau. Thơ Haiku cổ điển đã hòa lẫn cái động và sự bất động với nhau một cách độc đáo. Cũng theo lối ấy, Kawabata cho các giác quan pha lẫn với nhau không chút ngại ngùng".

Chính vì thế mà thế giới trong tác phẩm của Kawabata thường hiện ra trong một vẻ đẹp bất ngờ trước khi ta tìm cách giải thích chúng, một cố gắng thường là thất bại. Cái đẹp và thời gian là những điều ta cảm nhận dễ dàng nhưng giải thích thì vô phương. Chân không cũng thế, đó là điều để ta cảm nhận, không phải để giải thích.

Lần giở những trang sách của Kawabata, ta sẽ gặp những gì? - Ngàn cánh hạc, vòm cây trong nắng chiều, chiếc bình Singo, thỏi sáp môi của mẹ nàng, ngôi sao kép...

Và những trang sách khác: Hoa mùa xuân, ni viện và hàng rào gỗ, thành phố Kimono, loài thông liễu trên Bắc Sơn, những cảnh thông xanh, thu muộn, hoa mùa đông...

Thử đọc tiếp: Tiếng rền của núi, tiếng ve kêu, vùng hồng ở chân mây, quả hạt dẻ, giấc mơ về đảo vắng, anh đào mùa đông, nước buổi sớm, tiếng gọi trong đêm, tiếng chuông mùa xuân, nhà của chim ó...

Đó là tên một số chương sách của Kawabata. Đọc lướt qua chúng, nghe như có ai đó đang nói về các đề tài của thơ Haiku. Chúng chẳng chỉ định một điều gì cả. Chúng chỉ giới thiệu cho ta tiếp xúc với thiên nhiên, vạn vật.

Việc còn lại là chúng ta mở mắt mà nhìn, lắng tai mà nghe và trải lòng ra đón đợi.

Đúng lúc ấy, Kawabata mới lên tiếng. Đôi mắt dịu dàng, vầng trán rộng, giọng nói chậm rãi, ngập ngừng... Đừng vội tìm những ẩn ý nơi ông. Đọc văn mà cứ đi săn bắt ẩn ý thì cũng chẳng được gì.

Ngàn cánh hạc không chờ ẩn ý nào những mơ tưởng. Đây là cái đẹp. Cái đẹp không chờ ẩn ý nào. Bầu trời trở nên rực rỡ, vì hư không đang nhuộm sắc cầu vồng.

Tại sao tâm hồn ta không bắt chước nổi điều đó, bắt chước một hư không đang nhuộm sắc cầu vồng?

Để đồng hành với Kawabata trên đường tìm kiếm cái đẹp.

*

Kawabata chào đời trong một ngôi làng gần Osaka năm 1899. Cha ông là một y sĩ, rất yêu thích văn chương và nghệ thuật.

Cảm thức cô đơn và hiu quạnh đến với Kawabata rất sớm, khi chưa đầy bốn tuổi. Cha và mẹ ông vì bệnh lao mà lần lượt qua đời, để lại cậu bé ốm yếu về sống với ông bà.

Và tuổi thơ Kawabata tiếp tục trải qua những tang tóc đau thương, khi lên tám, cả người bà và người chị duy nhất cũng qua đời. Cậu bé lớn lên âm thầm bên cạnh người ông.

Vào năm mười sáu tuổi, bên giường bệnh của người ông, Kawabata viết quyển Nhật ký tuổi mười sáu. Năm đó, cậu thiếu niên bất hạnh mất cả người ông.

Những ngày cuối cùng mù lòa của người ông, cuộc sống cô độc của một học sinh sớm ý thức được những mất mát lớn lao được ghi lại chân thực, về sau được xuất bản dưới cái tiêu đề giản dị ấy.

Hồi còn bé, Kawabata vẫn mơ ước được trở thành một họa sĩ. Nhưng rồi vào tuổi mười lăm, Kawabata lựa chọn con đường viết văn và bắt đầu viết truyện ngắn cho báo chí địa phương.

Suốt ba năm học ở trường đệ nhất cao đẳng, người học sinh tài hoa ấy say sưa đọc văn chương Bắc Âu và các tác phẩm của những nhà văn Nhật thuộc trường phái Shirakaba (Bạch Hoa).

Shirakaba là một văn phái quan trọng, nổi lên từ năm 1912. Trong sáng tác, họ tìm kiếm một phong cách cá thể và hiện đại. Về tư tưởng, họ đề cao chủ nghĩa nhân đạo và chịu ảnh hưởng của Tolstoi.

Trúng tuyển vào đại học Tokyo (Đông kinh đế quốc đại học), ban đầu Kawabata theo học văn chương Anh, sau chuyển sang văn chương Nhật.

Cùng với các bạn đồng môn, Kawabata xuất bản một tạp chí văn học. Truyện ngắn Lễ chiêu hồn đăng trên tạp chí ấy lôi cuốn sự chú ý của văn hào Kikuchia Kan. Nó cũng được nhiều nhà văn khác ngợi ca.

Vào năm 1923, trước khi tốt nghiệp đại học, Kawabata đã gia nhập ban biên tập tờ tạp chí văn học hàng đầu lúc bấy giờ là Bungei Shunju (Văn nghệ xuân thu) do chính Kikuchia Kan sáng lập.

Sau khi tốt nghiệp đại học với luận án về tiểu thuyết Nhật Bản, ông cùng với nhà văn Yokomitsu thành lập tạp chí Bungei Jidai (Văn nghệ thời đại)

làm phát khởi trào lưu "Tân cảm giác".

Trong điều tàn sau trận động đất lớn năm 1923, trào lưu "Tân cảm giác" (Shinkankaku) tìm kiếm những điểm khởi hành mới, trong đó có ý thức chống lại chủ nghĩa tự nhiên đang áp đảo văn chương Nhật Bản từ sau Thế chiến thứ nhất.

Tác phẩm tiêu biểu của phái Tân cảm giác là tiểu thuyết ngắn Vũ nữ Izu đăng trên tạp chí Văn nghệ thời đại.

Tác phẩm Vũ nữ Izu được xem là kiệt tác đầu tiên của Kawabata.

Câu chuyện kể về một cô vũ nữ trẻ đẹp thuộc một đoàn múa lưu động mà hồi còn là học sinh, Kawabata đã gặp trong chuyến du hành ở bán đảo Izu: "Tôi dạo ấy hai mươi tuổi, đầu đội mũ đồng phục học sinh cao đẳng...".

Tác phẩm mang một vẻ đẹp tươi mát, trong ngần như "con suối đầy tràn nước sau trận mưa, óng ánh dưới mặt trời vào ngày mùa thu trong veo của xứ Izu, khi tiết trời vẫn còn ấm áp như mùa xuân".

Câu chuyện giản dị này được tác giả rất ưa chuộng, thường đưa vào các tuyển tập của mình. Bán đảo Izu là nơi ông yêu mến sẽ còn được ông nhắc đến trong nhiều tác phẩm khác.

Kể từ tác phẩm Vũ nữ Izu, ta nhận thấy các nhân vật chính trong tiểu thuyết của Kawabata thường là "người lữ hành".

Như chính Kawabata, họ chỉ cảm thấy hạnh phúc trong những chuyến đi. Họ là những lữ khách vĩnh viễn, thường cảm thấy bất an khi phải là chủ nhân của một ngôi nhà. Kawabata rất ít khi đề cập đến quê nhà của mình. Sinh ở Osaka nhưng ông thích sống ở Kamakura, ưa đi về bán đảo Izu hay lên miền Niigata xứ tuyết...

Kawabata thuộc về đoàn hành hương truyền thống trong văn học Nhật, nối tiếp bước đi của thi hào Basho và thiền sư Riocan. Basho vẫn tự gọi mình là một "lữ nhân", còn Riocan thì lang thang khắp đất nước.

Sau Vũ nữ Izu, Kawabata viết về đời sống các vũ nữ ở Asakusa trong các tác phẩm như Hoa luân vũ khúc, Hồng đoàn ở Asakusa...

Asakusa là một khu ăn chơi ở Tokyo đã có từ lâu đời và Hồng đoàn (Kurenaidan) là một nhóm vô lại sống ở đây.

Quyết định "viết một truyện dài kỳ lạ về Asakusa... trong đó những người đàn bà sa đọa đóng vai chính", tác giả đến ở gần chốn trụy lạc ấy và làm quen với cô gái Yumiko cùng các tay anh chị khác. Và thế là tác phẩm Hồng đoàn ở Asakusa ra đời.

Cuốn tiểu thuyết là bức tranh sống động về Asakusa, một nơi được gọi là "chợ người", nơi mà "mọi dục vọng đều được buông cương".

Tuy thế, tác phẩm vẫn là "một bài thơ của Asakusa hiện đại". Một bài thơ không nhất thiết phải dịu dàng mà nó có thể dữ dội như giông tố. Cái làm nên bài thơ là chữ nghĩa của tác giả, là cái đẹp trong tâm hồn ông chứ không phải ở đề tài, ở Izu hay là ở Asakusa.

Trong thể loại truyện ngắn, Kawabata cho thấy một tài năng trác tuyệt. Truyện ngắn nổi tiếng Cầm Thú (Có bản dịch là Về Chim Và Thú) diễn tả niềm cô đơn của người đàn ông sống giữa bầy cầm thú mà ông nuôi dưỡng, gần những con chó và các loài chim nhỏ.

Truyện Cánh tay là một huyền thoại tân kỳ lôi cuốn chúng ta vào một thế giới được cấu tạo bằng những chất liệu mà Kawabata bí mật lấy ra từ ảo ảnh và vô thức.

Nhưng cánh tay của cô gái trong truyện chẳng phải là một mảnh, một phiến của thực tại sao? (Kata = phiến, ude = oản), cánh tay mà cô gái cho tác giả "mượn" trong một đêm sương mù. Tác giả đã sống với cánh tay ấy còn hơn người ta có thể sống với một cô gái.

Cánh tay nói, như thể đang ca hát: "Người ta đi quanh tìm kiếm bản ngã, bản ngã ở xa lắm".

Trong Thiên, người ta hay nhắc đến "tiếng vỗ của một bàn tay". Trong truyện ngắn của Kawabata, một cánh tay cũng có bản ngã của nó, thế giới của nó, đời sống của nó.

Chưa bao giờ có tác phẩm văn chương nào cho ta nhìn gần một cánh tay như thế với tất cả vẻ đẹp, sự nuột nà và sự sống bí ẩn của nó. Với ý nghĩa đó thì nó là cánh tay mà ta vẫn gặp trong đời sống. Có điều là do thói quen hời hợt, ta chưa bao giờ ôm vào lòng một cánh tay như thế, nghĩa là chưa bao giờ chứng đắc được cái kỳ diệu của sự vật, điều mà người Nhật gọi là myo (diệu).

Những tác phẩm văn xuôi của Kawabata gần gũi với tinh thần thơ Haiku hơn cả là các truyện ngắn gọi là "tiểu thuyết nắm tay", hay “Truyện trong lòng bàn tay” - (Kobushi no Shosetsu: chương chi tiểu thuyết), loại truyện cực ngắn chỉ độ một vài trang trở lại mà ông rất sở trường. Trong các truyện nắm tay ấy, thi pháp của chân không ở Kawabata bộc lộ rất thân tình. Qua tiếng thầm thì của trái tim, gương mặt người hấp hối... Kawabata để cho phần không nói ra chìm sâu vào trong ta.

Đó là dư tình (yojo), đó là làn hương kín đáo vẫn nhẹ nhàng bay qua những trang văn của người nghệ sĩ lỗi lạc ở Kamakura.

Cái chết của một họa sĩ trẻ, bạn thân của Kawabata, đã làm ông xúc động. Cũng một phần vì anh ấy mà Kawabata đã viết đoản thiên Con mắt mặt kị (Matsugo no me), [9] trong đó tác giả không tán đồng việc tự sát.

Nhà văn Akutagawa mà Kawabata có quen biết đã tự sát vào năm 1927. Sáu năm sau Kawabata gợi lại việc ấy trong Con mắt mặt kị và cho rằng:

"Dù ta có thể xa rời cuộc đời đến đâu đi nữa thì tự sát nào phải là một hình thái của giác ngộ... Tôi không cảm phục cũng chẳng thiện cảm gì với sự tự sát".

Đọc lại những dòng trên, ta không khỏi ngậm ngùi khi thấy rằng, về sau chính Kawabata cũng kết thúc cuộc đời bằng con đường ông không đồng tình ấy: tự sát!

Từ mùa xuân năm 1935, Kawabata bắt đầu viết một cuốn tiểu thuyết mới mang tên Xứ tuyết. Tác phẩm được hình thành từ từ, trải qua nhiều thời kỳ khác nhau và mãi đến năm 1947 mới thật sự hoàn tất, sau cuộc thế chiến hai năm.

Xứ tuyết được xem là tác phẩm toàn bích nhất của Kawabata, quốc bảo của văn học Nhật Bản hiện đại.

Theo Seidensticker, dịch giả nhiều tác phẩm của Kawabata, thì "trong Xứ tuyết, Kawabata đã chọn được một đề tài thích hợp cho cuộc tao phùng giữa thơ Haiku và tiểu thuyết có thể tự thành". [\[10\]](#)

Tuy vậy, Xứ tuyết không phải là cuốn tiểu thuyết đầu tiên viết theo phong cách Haiku. Trước Kawabata, nhà văn Natsume Soseki (1867-1916) từng gọi tác phẩm "Gối đầu lên cỏ (Kusamakura) của mình là tiểu thuyết hài cú", một cách nói rất đạt cho kiệt tác trữ tình ấy.

Xứ tuyết lấy bối cảnh là vùng suối nước nóng ở phía Bắc biển Nhật Bản.

Xưa kia, vào thế kỷ XVII, thi hào Basho cũng du hành lên phương Bắc mà để lại cho đời cuốn nhật ký - thơ bất hủ Đường hẹp ở Oku (Oku no Hosomichi: Oku chi tể đạo).

Trong thế kỷ này, Kawabata lại hành hương lên phương Bắc, và cũng lưu lại một kiệt tác: Xứ tuyết.

Hiếm có tác phẩm tiểu thuyết nào trên thế giới lại giàu chất thơ đến thế. Đây là một bài ca về tình yêu vô vọng của một nàng geisha trong gió tuyết và ánh lửa, một bài ca về những vẻ đẹp hình thành như tuyết, tan đi như tuyết.

Nàng nghệ giả (geisha) Komako, nhân vật trung tâm của Xứ tuyết, không hẳn là hư cấu. Trước khi là nhân vật tiểu thuyết của Kawabata, nàng là một geisha mà câu chuyện và lời nói không ngờ đã tác động đến một văn hào. Khi biết cuốn tiểu thuyết ra đời, nàng nổi tiếng khắp thế giới, nàng vô cùng sung sướng. Tất nhiên, Komako ngoài đời và Komako trong tiểu

thuyết không phải là một. cả xứ tuyết nữa, cũng thế. Xứ tuyết mà ta đọc là sáng tạo tinh tế của Kawabata. Trong những bông tuyết phất phối ấy có nhiều mộng tưởng hơn là những bức ảnh đẹp về một cõi thiên nhiên.

Một dịch giả Pháp cho rằng Xứ tuyết là lời phù chú hơn là văn tiểu thuyết: "Đó là một tác phẩm thuần túy Nhật Bản, không thể tư duy bằng ngôn ngữ phương Tây chặt cứng sự duy lý. Đó là nghệ thuật mờ ảo, đẹp tế vi, sự trào lộng cao quý, đó là sự lai tạo gần như vô hình..."

Trong Xứ tuyết, ta lại bắt gặp nhân vật "người khách đi đường" của thế giới Kawabata. Ở đây chàng Shimamura từ Tokyo đáp tàu đi Niigata ở phương Bắc, còn gọi là xứ tuyết, vì phong cảnh mê hồn ở đấy, vì tình yêu ở đấy mà Shimamura có mặt ở đấy, mỗi lần vào một mùa khác nhau. Lần đầu vào mùa xuân, lần thứ hai vào mùa đông và lần sau cùng là mùa thu. Sự chú trọng đặc biệt đến tính chất các mùa trong các tác phẩm của Kawabata càng gợi lên không khí của thơ Haiku.

Hình ảnh đáng nhớ trong phần mở đầu tác phẩm là hình ảnh con mắt của Yoko trên ô cửa kính phản chiếu ánh lửa lúc con tàu bắt đầu đi vào xứ tuyết.

"Đó là một ánh lửa lạnh lẽo lấp lánh ở xa xôi. Và khi những tia sáng yếu ớt của nó rọi ngay chính giữa tròng mắt của người con gái, ánh nhìn lẫn với ánh lửa xa, con mắt ấy tưởng chừng như một đốm lân tinh đẹp huyền ảo đang vật vờ trên trùng dương núi rừng buổi tối". (Chu Việt dịch).

Tác phẩm mở đầu khi Shimamura đến xứ tuyết lần thứ hai. Đến lữ quán anh nhận gọi Komako là cô gái mà anh đã quen trong lần đầu ghé xứ tuyết. Lần này, anh khám phá ra Komako đã trở thành một geisha chuyên nghiệp.

Vào mùa thu năm sau, Shimamura viếng thăm xứ tuyết lần thứ ba.

Komako có một người bạn gái là Yoko, người mà Shimamura có lần gặp trên tàu, ánh nhìn nàng lẫn với ánh lửa. Hai cô gái là đôi bạn kỳ lạ, gần như là tình địch với nhau.

Rồi một đêm kia, kho chứa kén của làng bốc cháy. Shimamura và Komako chạy theo con đường tuyết phủ đến nơi ấy.

Một cô gái từ mái nhà rực lửa rơi xuống. Đó là Yoko. Shimamura tưởng như nhìn thấy trong đôi mắt khép kín của nàng ánh lửa năm xưa.

Komako bỗng người bạn gái đi giữa đồ nát. Như thể nàng đang mang vật hy sinh hay đeo nặng hình phạt trên người.

Shimamura lão đảo, thấy ngân hà trên trời trôi vào người mình trong tiếng rền dữ dội.

Đó là "sơ đồ" hết sức giản lược của tiểu thuyết Xứ tuyết.

Với những người đọc vội vàng, tác phẩm của Kawabata dường như vô nghĩa và buồn tẻ.

Nhưng chỉ cần một chút tri âm thì những chùm bông tuyết âm thầm ấy sẽ làm rung động từng sợi tơ đàn ẩn mật của tâm hồn ta bởi cái đẹp vô song cấu tạo bằng nghệ thuật như tuyết kia.

Dưới ánh sáng của dải ngân hà, dưới ánh sao chiếu trên mặt tuyết, dưới ánh lửa giết chết Yoko, dường như ta nghe một câu hỏi không lời vang vọng: Cái đẹp có cứu rỗi tâm hồn chúng ta không?

Trước sự điêu linh của cái đẹp, chàng Shimamura lão đảo nuốt lấy dải ngân hà. Và cái lão đảo ấy không truyền sang chúng ta sao?

Sau Thế chiến thứ hai, đứng trước cảnh tang thương của đất nước, Kawabata tuyên hứa rằng từ đây ông sẽ chỉ viết ra những tác phẩm bi ca mà thôi.

Và Kawabata đã làm đúng như thế.

Lần lượt, những bài bi ca trong dạng tiểu thuyết ra đời.

Cuốn Kì thủ kể về sự thua cuộc của một danh thủ cờ Go già nua trầm lặng trong ván cuối cùng của cuộc đời trước một đối thủ trẻ năng động và hiếu chiến.

Không chỉ là chuyện chơi cờ, tác phẩm âm thầm gợi ra cuộc đối đầu quyết liệt giữa những lý tưởng cổ xưa và hiện đại, giữa những thế hệ khác nhau, giữa Nhật Bản truyền thống và Nhật Bản Âu hóa...

Dù cô đơn và bại trận, người danh thủ già vẫn giữ được phẩm cách đến ngày tàn.

Các tác phẩm bi ca nổi tiếng khác là Ngàn cánh hạc, Tiếng rền của núi, Người đẹp ngủ mê và Cổ đô.

Ngàn cánh hạc đoạt giải thưởng của Viện Hàn lâm Nghệ thuật Nhật Bản biểu hiện sự suy vi của tinh thần trà đạo.

Kawabata nói về Ngàn cánh hạc như sau:

"Tuyết, Nguyệt, Hoa - những danh từ diễn tả các mùa nối tiếp nhau, theo phong tục Nhật Bản, đã gồm cả vẻ đẹp của núi sông cây cỏ và cả muôn ngàn biểu hiện khác trong thiên nhiên cũng như cảm nghĩ của con người. Tinh thần ấy, cảm nghĩ ấy, đối với bạn đồng hành trên tuyết, dưới trăng, trong hoa, cũng là bản chất của Trà Đạo. Trà lễ là một sự cùng đến với nhau trong cảm nghĩ, là một sự gặp gỡ giữa những người bạn tốt, trong một cơ hội đẹp. Tôi có thể nói lướt qua rằng: Xem quyển tiểu thuyết Thiên vũ hạc của tôi như sự gợi lại vẻ đẹp tinh thần chính xác của Trà lễ tức là đã không hiểu ý tôi. Thật ra đó chỉ là một tác phẩm tiêu cực, diễn tả sự nghi ngờ của tôi về giá trị đang mất dần của Trà Đạo và báo trước cái lỗi bịch mà Trà Đạo đã và còn sẽ rơi vào" (Cao Ngọc Phượng dịch).

Ngàn cánh hạc được viết ra như một niềm hối tiếc về những cái đẹp đang phai tàn cho đến đầu tác giả có nói gì đi nữa.

Với nghệ thuật miêu tả đồ vật rất sống động bằng cách "tâm linh hóa" chúng, Kawabata đưa ta vào một không gian của cái đẹp đang chịu đọa đày.

Chiếc bình cổ Singo được miêu tả vô cùng gợi cảm: "Thật là mềm mại, như một giấc mộng". Chiếc bình và chén trà của nó chẳng phải là cái đẹp còn sót lại, trải qua hàng trăm năm sao? Nó có vẻ đẹp mong manh nhưng

vẫn trường tồn, đối lập với sự phù ảo của kiếp người. Trong đau khổ và tuyệt vọng, cô gái Fumiko đã đập vỡ chén trà Singo để quên đi quá khứ về người mẹ của mình. Nhưng người thanh niên yêu nàng đã giữ lại những mảnh vỡ ấy. Chàng đã yêu người tình xưa kia của cha mình, người cha đã chết từ lâu. Người thiếu phụ ấy tự tử để lại cô con gái Fumiko.

Những mối tình trầm luân ấy (mà có người gọi là vô luân) lướt qua không gian trà đạo. Sau khi đập vỡ chén trà, Fumiko ra đi. Chén trà có vết son môi của người mẹ giờ đây tan nát.

Chỉ còn lại những mảnh vỡ của một truyền thống thanh cao.

Là một bi ca thật sự, Ngàn cánh hạc tràn đầy cảm thức "vật bi" (nỗi buồn của sự vật = mono no aware).

Chìm sâu vào nỗi buồn đó, Kawabata vẫn nhìn thấy ngàn cánh hạc trắng bay lên từ một chiếc khăn của một cô gái đẹp đến dự buổi trà đạo ở Kamakura.

Một âm vang khác về nỗi cô đơn của con người được thể hiện sâu xa trong tiểu thuyết Tiếng rền của núi. Các tương quan xã hội và gia đình chẳng những không giúp xóa mờ nỗi cô đơn ấy mà làm cho nó thấm sâu hơn. Và người ta nghe tiếng rền của núi tiến dần về phía mình như sự chết.

Trong các kiệt tác của Kawabata, đề tài lạ lùng hơn cả có lẽ là cuốn Người đẹp ngủ mê.

Nói theo Mishima Yukio thì Người đẹp ngủ mê chắc chắn là một kiệt tác thuộc loại bí truyền, những đề tài sâu thẳm và ẩn mật nhất của một nhà văn xuất hiện.

Đó là câu chuyện về một ngôi nhà có những cô gái đẹp được cho uống thuốc ngủ mỗi khi có khách đến qua đêm, và khách chỉ là những ông già gần gũi với cái chết hơn là với đời sống.

Các cô gái ấy say ngủ như một xác chết xinh đẹp, gợi lên dục vọng mãnh liệt của đời sống.

Những người mang mặc cảm tuổi già hy vọng tìm thấy trong ngôi nhà những cảm giác sống động nào đó mà họ đã mất. Vẻ đẹp thanh xuân của các cô gái, dù chìm trong giấc ngủ thụ động, sẽ tạo lại cho họ một phần đời say đắm.

Đến ngôi nhà ấy, một ông lão đã chết trong giấc ngủ. Trong đám các cô gái, cũng có một nàng chết trong giấc ngủ.

Giấc ngủ trong ngôi nhà ấy là cái bóng của sự chết. Nhưng những người đến đây chỉ mong tìm cái sống mà họ yêu, tựa hồ như đi tìm sự bất tử.

Ảo vọng không thể thay thế thực tại được. Cái đẹp dường như nằm trên đường thiên tử mong manh giữa ảo vọng và thực tại.

Trong các tiểu thuyết cuối cùng của Kawabata, Cố đô được xem là kiệt tác, một bài thơ văn xuôi về Kyoto với những đền chùa, những bộ áo kimono, phong cảnh thiên nhiên và lễ hội.

Hai chị em sinh đôi lạc nhau từ bé, trưởng thành trong hoàn cảnh khác nhau. Một người lớn lên trong một cửa hiệu y phục ở thành phố, còn người kia sống trong một ngôi làng ở Bắc Sơn. Tình cờ nhận biết nhau trong một lễ hội, cả hai đều ngỡ ngàng, dù thương yêu nhau, họ vẫn không thể sống chung với nhau được. Cuối cùng, vẫn là một cuộc chia tay.

Các tiểu thuyết của Kawabata thường chấm dứt bằng cuộc chia tay hoặc một chỗ mà ta biết chắc là sẽ có cuộc chia tay.

Không chỉ viết tiểu thuyết, Kawabata còn là một nhà phê bình văn học lỗi lạc. Ông khám phá và nâng đỡ nhiều cây bút trẻ, trong đó có Mishima Yukio.

Kawabata tin tưởng rằng "nền văn chương cổ điển phương Đông, nhất là kinh Phật là nền văn chương vĩ đại bậc nhất của thế giới... Tôi muốn viết một tác phẩm tên là Bài ca phương Đông (Toho no Uta; Đông phương ca), đó sẽ là bài ca tươi đẹp của tôi... Tôi có thể chết trước khi bài ca đó thành

tự nhưng hãy biết rằng tôi đã dự trù cả một chương trình trong tâm trí của mình".

Năm 1968, khi hay tin mình được giải Nobel văn chương, Kawabata từ tốn nói với một phóng viên nước ngoài rằng vinh dự thay cho cả nền văn chương Nhật Bản hơn là trao riêng cho một mình ông. Ông còn cho rằng Mishima Yukio mới là người xứng đáng nhận giải thưởng. Mishima cũng là người được đề cử vào danh sách ứng cử viên giải Nobel văn chương.

Tuy nhiên, giữa hàng chục tên tuổi của các nhà văn trên thế giới được đề cử, Kawabata Yasunari đã được chọn với các tác phẩm Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc và Cố đô.

Từ năm 1948, Kawabata đã được cử làm Chủ tịch Hội Văn bút Nhật Bản và là vị chủ tịch thứ hai của hội này, sau nhà văn Shiga Naoya.

Kawabata luôn luôn độ lượng với mọi người và đứng ngoài mọi cuộc xung đột văn học. Khi muốn bày tỏ niềm tin nghệ thuật của mình, ông cũng không lớn tiếng bao giờ.

Tuy vậy, Kawabata luôn luôn dẫn bước đi theo con đường riêng mà mình đã lựa chọn, con đường của người lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp, không hề nao núng trước bất kì biến cố văn chương ồn ào, thời thượng nào.

Trong thiên tùy bút Đời tôi như một nhà văn (Bungekuteki Jijoden), Kawabata gợi lại những kinh nghiệm tang tóc đã ghi dấu trên tâm hồn mình: Cái chết của cha mẹ, ông bà, người chị duy nhất, trận động đất lớn... "Không bao giờ tôi trút được ám ảnh rằng mình là một người lang thang ưu sầu. Luôn luôn mơ mộng tuy rằng chẳng bao giờ chìm đắm hoàn toàn trong mơ, mà vẫn luôn tỉnh thức giữa khi mơ..."

Từ những cái chết và sự điêu tàn, Kawabata lên đường, hành trang trống trải nhưng trái tim đầy yêu thương: "Tình yêu đối với tôi là sợi dây độc nhất giữ đời tôi lại".

Từ những cái chết và sự điêu tàn, Kawabata can trường dần bước, tiến về phía cái đẹp.

Những con đường nào cũng có điểm tận cùng. Người khách lang thang ưu sầu ấy vào năm 1972, khi bảy mươi ba tuổi, lặng lẽ tự sát bằng hơi độc trong một ngôi nhà bên bờ biển, thêm vào danh sách đông đảo những nhà văn tự kết liễu đời mình mà nổi danh nhất là Akutagawa năm 35 tuổi và Mishima năm bốn mươi lăm tuổi.

Có lần Kawabata nhắc lại một câu thơ xưa của công chúa Shikishi: "Nếu mi phải đứt lìa, ôi sợi chỉ của đời sống, thì xin cứ đứt lìa đi".

Tuy trước đây không đồng tình với sự tự sát nhưng rồi Kawabata đã tự tay xé đứt sợi chỉ mà văn thơ xưa nhắc tới, vì nguyên do bí ẩn nào không ai rõ.

*

Trong văn chương cũng như trong đời sống, Kawabata là một người trầm lặng.

Khi nói về Kawabata ở Mỹ, Seidensticker cho rằng người Mỹ "Nổi danh là kẻ thù của sự im lặng, xét ra thì cũng đúng. Trong khi đó, Kawabata là một tín đồ nhiệt thành của niềm lặng im. Tôi có biết nhiều nữ chủ nhân lấy làm bối rối vì cách ông nhìn quá lặng lẽ vào những gương mặt người khác suốt buổi tối tiếp tân. Dù vậy, rõ ràng là niềm im lặng ấy không hề biểu lộ sự khó chịu hay phiền muộn".

Chỉ cần nhìn ngắm các bức chân dung của Kawabata, cũng thấy đó là một gương mặt đầy trầm tĩnh nhưng không lộ vẻ buồn chán mà rất sống động.

Hãy nghe nhà văn nữ nổi tiếng Pearl Buck miêu tả văn hào Nhật Bản, người mà bà gặp gỡ ở thành phố Kamakura lặng lẽ vào năm 1961.

"Khi chúng tôi đến Kamakura, mặt trời đã lặn và chúng tôi đi thẳng đến lữ quán...

Chúng tôi đến muộn và các vị khách đang chờ chúng tôi, đó là một vài nhà văn được ái mộ nhất của Nhật Bản. Tất cả mặc áo kimono màu sẫm và đang ngồi trên băng đá uống trà. Tôi được giới thiệu với từng người một và đặc biệt nhận thấy có ông Kawabata và Jiro Osaragi. Ông Kawabata là Chủ tịch của Hội Văn bút Nhật Bản và vừa trở về trên cùng chuyến bay với tôi, sau khi thăm viếng Bắc Mỹ và Nam Mỹ. Vì chưa bao giờ gặp ông, tôi không rõ ông là ai. Ông ngồi gần tôi nhưng cách lối đi và thỉnh thoảng tôi người nhìn ông.

"Đó phải là một danh nhân của Nhật Bản". Tôi nói nhỏ với người bạn ngồi cạnh mình.

Ông không phải là người cao lớn, và vóc dáng rất thanh mảnh. Tuy nhiên, chính đôi mắt tiết lộ toàn thể con người. Đó là đôi mắt to, đen huyền, ánh lên vẻ thông minh đến nỗi chúng quả là cửa sổ mà qua đó ta nhìn sâu vào một tâm hồn huy hoàng và mẫn cảm.

Bấy giờ tôi lại nhìn xuyên qua đôi mắt ấy và nhận ra lập tức.

"Chính là ngài - trên phi cơ!" Tôi kêu lên... "Bây giờ thì tôi đã biết ngài... Tôi đã đọc các tác phẩm của ngài. Tôi biết ngài đã đi Nam Mỹ. Và khi nhìn vào ngài hôm ấy, xin ngài thứ lỗi, tôi biết ngay rằng ngài phải là một người quan trọng nào đó!"

Ông cười trước sự ngỡ ngàng của tôi, và tôi hết lòng chiêm ngưỡng dáng vẻ thanh tú, làn da màu ngà và mớ tóc rối xám tro của ông. Ông tuổi sáu mươi hai và chiếc áo kimono đường bệ bằng lụa làm tăng thêm vẻ quý phái nơi ông. Tuy vậy, ông lại rất sống động và rất hiện đại..."

Có thể nhìn thấy ở nơi diện mạo của Kawabata những vẻ đẹp thuộc về truyền thống pha lẫn với sự linh hoạt hiện đại. Tính cách của ông cũng thế và văn chương của ông cũng thế.

Có lẽ một phần vì vậy mà người Mỹ so sánh Kawabata với văn hào Hemingway của họ (xem bài "Kawabata, Hemingway và James" của Seidensticker).

Cả hai đều có một ngôn ngữ rất cô đọng và giàu chất thơ.

Người phương Đông chúng ta thường thấy họ giống nhau ở phương diện căn bản này: "Thi pháp chân không" ở Kawabata và thi pháp "tảng băng trôi" ở Hemingway.

Đối với Kawabata, người thuộc văn hóa Thiền tông, thì nghệ thuật vô ngôn và dư tình thuộc về truyền thống. Ông vận dụng nghệ thuật ấy một cách tuyệt vời vào tiểu thuyết hiện đại.

Với Hemingway, người thuộc một dân tộc nổi tiếng là "Kẻ thù của sự im lặng" thì cách viết "tảng băng trôi" là một trường hợp có vẻ biệt lệ. Phần băng còn chìm dưới nước là phần nặng hơn cả, phần không nói ra là phần trầm trọng nhất.

Trong khi tuyệt vọng trước sự thảm hại và suy sụp của đất nước, Kawabata đọc lại văn chương cổ điển của Nhật Bản và khám phá ra sự cứu rỗi của cái đẹp, điều mà Dostoievski đã nói tới.

Nước Nhật tao loạn của thế kỷ XV còn lại gì, Kawabata tự hỏi? Đâu phải là chiến tranh và bọn thống trị tồi - vì chúng đã hoàn toàn biến mất.

Thế nhưng "cái đẹp vẫn còn truyền lưu lại đến tận chúng ta".

Và Kawabata nhắc lại lời của nhà thơ Takamura: "Một dân tộc biết khơi dậy cái đẹp thì cũng biết khơi dậy đời sống và tâm linh con người".

Lời nói ấy tác động sâu xa đến Kawabata nhất là khi nó được Takamura viết ra vào năm 1953, tám năm sau cuộc đầu hàng. Nước Nhật vẫn chưa hồi phục sau những điêu tàn hỗn loạn của lịch sử.

Kawabata nói: "Sau cuộc chiến bại không lâu, chính tôi viết rằng kể từ đây tôi chỉ ca hát về nỗi buồn của Nhật Bản. Ở Nhật, nỗi buồn là một chữ thân thuộc với cái đẹp nhưng vào thời gian đó, tôi thấy viết về nỗi buồn thì dường như nhũn nhặn và thích đáng hơn là viết về cái đẹp. Vì thế những lời của Kotaro Takamura đã làm tôi xúc động theo tâm trạng của chính mình.

Những năm chiến tranh là những năm ít có thời gian để đi sâu vào các tác phẩm cổ điển Nhật Bản... Tôi chọn Truyện Genji (Genji monogatari, viết vào đầu thế kỷ XI) và thời đại Muromachi (1335- 1572) để giúp tôi quên đi chiến tranh và chịu đựng cuộc thảm bại".

Và trong khi tắm mình trong dòng suối cổ điển, Kawabata cảm nhận được sự huyền bí của cái đẹp.

Ông đặc biệt yêu thích Truyện Genji vì đó là thế giới tuyệt vời nhất của cái đẹp. Bốn mùa thiên nhiên, những người phụ nữ ở mọi tầng lớp, tâm tính con người, thơ ca... tất cả đều được thể hiện một cách sâu xa và huyền ảo.

Truyện Genji là tác phẩm văn xuôi vĩ đại nhất của văn học Nhật Bản, được sáng tạo từ một ngòi bút nữ lưu: Murasaki. Nó đã để lại một ảnh hưởng vô song trên hầu hết các nghệ thuật ở Nhật Bản: thơ ca, hội họa, mỹ nghệ, vườn cảnh...

Trong cuộc hành trình đi tìm cái đẹp, Kawabata đã theo dấu chân của người phụ nữ tài hoa cách ông gần mười thế kỷ.

Ở Murasaki, cái đẹp luôn luôn được phản ánh qua một cảm thức được gọi là mono no aware (vật bi, dịch sát là "nỗi buồn của sự vật")'

Đây là điều ta cũng tìm thấy ở Kawabata. Vì sao nỗi buồn và cái đẹp thường pha lẫn vào nhau?

Có phải vì sự tàn bạo của vẻ đẹp là điều dễ gây xúc động nhất? Vì cái đẹp không thể tự cứu lấy mình?

Theo Kawabata "Ở Murasaki, ta tìm thấy điều mà người Nhật gọi là kokoro (tâm), đó cũng là điều thấu suốt ở nhân cách Basho sau này".

Và chúng ta cũng có thể nói về Kawabata như vậy.

Cái đẹp cứu vớt chúng ta. Nhưng điều quan trọng hơn là chúng ta cũng phải cứu vớt cái đẹp. Nếu cần tìm kiếm ở Kawabata một thông điệp thì phải chăng chính là điều ấy, rằng chính chúng ta phải cứu vớt cái đẹp?

Chẳng phải là cái đẹp đang bị đọa đầy bất kỳ đâu đó trong đời?

Và từ những trang sách của Kawabata, một tiếng kêu u buồn không ngớt vang lên, rằng cái đẹp đang bị đọa đầy.

Không chỉ từ những trang sách ấy mà từ trái tim của người nghệ sĩ, người lữ khách muôn đời, từ tâm, từ kokoro.

(Trích từ Tạp chí Văn, số 16, 1991)

Chú thích:

[8] Điệu vũ của loài hoa, tên một tác phẩm của Kawabata.

[9] Đoàn Tử Huyền dịch là “Cái Nhìn Cuối Cùng”.

[10] Phan Nhật Chiêu, Tham luận Hội thảo Khoa học kỉ niệm 100 năm ngày sinh Kawabata của khoa Ngữ văn - khoa Báo chí trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

ĐẶC ĐIỂM THI PHÁP TRUYỆN TRONG LÒNG BÀN TAY CỦA YASUNARI KAWABATA

HOÀNG LONG

Yasunari Kawabata (1899-1972), văn hào Nhật Bản đạt giải Nobel văn chương năm 1968, được bạn đọc Việt Nam quen thuộc với các kiệt tác Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Tiếng rền của núi, Cố đô... Qua các trang văn lung linh diễm ảo thấm đượm tinh thần Nhật Bản, Kawabata tuyên xưng linh hồn dân tộc mình. Viện Hàn lâm Thụy Điển khi quyết định trao giải thưởng Nobel văn chương cho Kawabata đã nhận xét “Ông là người tôn vinh vẻ đẹp hư ảo và hình ảnh u uẩn của hiện hữu trong đời sống thiên nhiên và trong định mệnh con người”. Điều này thể hiện tuy bàng bạc nhưng nhất quán trong văn nghiệp của Kawabata.

Cuộc đời của Kawabata đi qua một thời kì biến động của đất nước Nhật Bản trong guồng máy của hai cuộc thế chiến. Ấm ảnh về sự mong manh, vụn vỡ của con người trong cuộc hành hương thân phận không ngừng nghỉ, đi vào tác phẩm của Kawabata bằng khuynh hướng sáng tác độc đáo và văn phong tuyệt đẹp. Hơi văn thanh thoát bay như gió nhưng tuyệt diễm riêng mình trong cõi hắt hiu.

Mishika Yukio đã phong tặng cho Kawabata danh hiệu “Người lữ hành vĩnh cửu” (Eien no tabibito) như minh chứng cho sự tìm kiếm không mệt mỏi cái đẹp “mỹ chi tồn tại dữ phát kiến” (Binosonzai to hakken) và cứu vớt cái đẹp khỏi trầm luân.

Dù cuộc hành trình văn chương và thân phận dở dang ở tuổi bảy mươi ba bởi cái chết tự sát bằng hơi gas, nhưng tác phẩm của Kawabata thiên thu tồn tại như tiếng hát bay trên thân phận con người.

Kawabata viết nhiều tác phẩm, ở nhiều thể loại, từ thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tùy bút, bình luận văn học... Chúng ta thường chỉ biết đến Kawabata như là một tiểu thuyết gia vì ông quá lừng danh về thể loại này với các kiệt tác Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Cố đô... Riêng với Xứ tuyết, tác phẩm đã trở thành quốc bảo của nền văn học Nhật Bản hiện đại, Seiden Sticker nhận định “Kawabata đã chọn một đề tài thích hợp cho cuộc tao phùng giữa thơ Haiku và tiểu thuyết có thể tựu thành”. 10

Tuy nhiên, mảng truyện ngắn trong văn nghiệp của Kawabata cũng rất đặc sắc với những truyện trong lòng bàn tay (Tenohira no shosetsu). Kawabata đã khai sinh ra tên gọi này cho các tác phẩm truyện ngắn của mình. Có tất cả 146 truyện như thế. Đó là “hồn thơ của những ngày trẻ tuổi” như chính Kawabata đã từng nhận định “Tuổi trẻ trong đời nhiều nhà văn thường dành cho thơ ca. Còn tôi thay vì thơ ca, tôi viết những tác phẩm nhỏ gọi là “truyện trong lòng bàn tay”... Hồn thơ những ngày trẻ tuổi của tôi sống sót trong những câu chuyện ấy”.

Từ năm Đại Chính 13 (1924) Kawabata bắt đầu khởi viết “truyện trong lòng bàn tay” và đã theo đuổi đề tài này suốt đời. Vào tháng 6 năm Đại Chính thứ 15 (1926) Kawabata xuất bản tác phẩm đầu tay Trang sức tình cảm (kanzo soshoku) gồm 36 truyện trong lòng bàn tay. Đến năm 1930, Kawabata lại cho ra một tập truyện trong lòng bàn tay khác là Phòng vật mẫu của tôi (Boku no hyohon shitsu) gồm 47 truyện.

Từ năm 1944 đến năm 1950 cũng là thời kì quan trọng của “truyện trong lòng bàn tay” (theo nhà nghiên cứu Donald Keene). Từ 1962 đến năm 1964 là thời kì cuối cùng Kawabata viết truyện trong lòng bàn tay. Toàn bộ Chưởng chi tiểu thuyết gồm 146 truyện, tập hợp lại về sau này được nhà xuất bản Shinchosha (Tân triều xã) ấn hành năm 1960 với nhan đề Truyện trong lòng bàn tay.

Tác phẩm này đã được dịch sang tiếng Anh với tiêu đề Palm of the hand stories do Lane Dunlop và Martin Holman hợp dịch, nhà xuất bản Charles E. Tuttle Company ấn hành năm 1988 (tuy vậy, dịch phẩm này giới thiệu

không đầy đủ, chỉ gồm bảy mươi truyện ngắn). Truyện trong lòng bàn tay được dịch giúp chúng ta hiểu hơn về cuộc đời và sự nghiệp của Kawabata, nhất là tiến trình sáng tạo của ông.

Để bạn đọc dễ tiếp cận hơn về tác phẩm này, chúng tôi giới thiệu những hình ảnh trung tâm và các yếu tố nghệ thuật của tác phẩm trên góc độ thi pháp học. Trong tác phẩm, hình ảnh trung tâm là người lữ khách như kẻ hành hương thân phận, kiếm tìm cái đẹp và hình ảnh người nữ là hiện thân cho cái đẹp mà người lữ khách muôn đời theo đuổi.

1. Người lữ khách:

Kawabata đã được nhà văn Mishima Yukio phong tặng danh hiệu "Người lữ hành vĩnh cửu" (Eien no tabibito - Vinh viễn lữ nhân). Trong suốt cuộc đời mình, Kawabata là người ra đi để kiếm tìm cái đẹp trong thiên nhiên và con người Nhật Bản. Những khoảnh khắc, những lát cắt của đời sống trên con đường du hành thực tế và du hành tâm thức đã hình thành nên truyện trong lòng bàn tay. Từ các đoạn thiên, Kawabata triển khai thành tiểu thuyết. Và hình ảnh người lữ khách luôn xuất hiện trong tác phẩm của Kawabata để chụp lại, để ghi lại những khoảnh khắc vô thường của cuộc đời này chăng?

Trong “truyện trong lòng bàn tay”, hình ảnh người lữ khách là hình ảnh bao trùm, xuất hiện ở hầu hết các truyện. Lưu lãng trên con đường hành hương thân phận, người lữ khách có thể kiếm tìm cái đẹp thể hiện nữ tính vĩnh cửu trong Địa tạng vương Bồ Tát Oshin, hay kiếm tìm sự tha thứ trong cuộc hành hương tâm hồn về một vùng kỷ niệm xa xưa nào đó như trong Hiện hữu thần linh.

Người lữ khách đôi khi cũng hóa thân thành nhân vật “tôi” hiếu kỳ, quan sát phong tục các nơi du quán như Lời nguyện cầu của xứ nữ, Đôi mắt của mẹ, hay để quan sát những gương mặt của con người như trong truyện Trang điểm.

Trong Địa tạng vương Bồ Tát Oshin, người lữ khách bị hấp dẫn bởi người con gái mang tên Oshin trong truyền thuyết, đã đi kiếm tìm bóng hình nàng. Và anh đã gặp Oshin trong một người con gái ở thanh lâu. Vào mùa thu người lữ khách lên núi không kịp đợi mùa săn bắn bắt đầu để gặp người con gái mà anh đã tìm thấy. Nàng đã làm anh thất vọng vì sự xanh xao bệnh tật bởi sắc tình nhưng lại làm cho anh vui sướng vì sự cảm thông của nàng với những hạt dẻ dưới chân các chú khuyển. Nàng không tầm thường như người khác. Đó là điều người lữ khách mong chờ và đã được đền đáp lại trong cuộc hành hương lên núi cao trong mùa thu này.

Hiện hữu thần linh là một ẩn dụ đặc sắc về thân phận tình yêu. Nguyên văn của truyện ngắn là Kami imasu được đăng lần đầu tiên trên tạp chí Cỏ Xanh, số tháng 7, năm Đại chính thứ 15 (1926). Người lữ khách vượt núi đi về phương Nam tìm vùng trời kỷ niệm. Nơi thiên đàn ngây thơ và tội lỗi đó, anh đã làm cho một người con gái tật nguyền khoảng 4, 5 năm về trước. Và trong cuộc hành hương, anh đã tìm kiếm sự tha thứ từ người con gái tật nguyền ấy. Vô tình anh lại gặp nàng ở một lữ điểm suối nước nóng và giác ngộ chân lý: hiện hữu thần linh.

Trong Lời nguyện cầu của xứ nữ, nhân vật “tôi” đi theo dân làng lên núi cầu nguyện. Nhưng “tôi” quá sức bất ngờ khi thấy lời khẩn nguyện là những tiếng cười và lửa cháy. “Tôi” đã hiểu rằng mình thanh sạch nhờ những tiếng cười. Và dân làng cũng thế.

Trong Đôi mắt của mẹ, nhân vật tôi đã khám phá ra một tên trộm hiền minh, chỉ lấy những gì mình thích và đùa chơi với chúng.

Còn truyện Trang điểm đưa nhân vật “tôi” vào những điểm khuất kín của con người. Luôn muốn nhấn mạnh đến sự hiện hữu của mình và bên ngoài luôn là con người đạo đức, đám đông là vậy. Chỉ có khi riêng mình, con người mới thể hiện bản chất xấu xa. Và “tôi” dù rất đau lòng, cũng phải nhận thấy những điều không hay đó.

Những truyện trên đã cho chúng ta thấy rõ hình ảnh của người lữ khách. Yếu tính của người lữ khách thể hiện trong các truyện là sự ra đi và tìm

kiếm. Và cuối cuộc hành hương luôn luôn là sự phát hiện hay giác ngộ một điều gì đó. Nhưng bên cạnh những truyện lấy hình ảnh người lữ khách làm trung tâm thì có những truyện lấy yếu tính của người lữ khách làm trung tâm: sự ra đi vô định. Như những truyện: Tóc, Tạ ơn, Gương mặt người chết, Bến tàu, Tia nắng rặng đông, Mưa phùn, Biển. Chỉ có sự kiếm tìm là khác.

Trong truyện Tóc, những người lính ra đi vô định trong cuộc chiến tranh. Từ thôn làng này đến thôn làng khác, trung đội lính hành quân tìm người đàn ông trên ngọn núi bạc. Rồi tiếp tục hành quân không biết về đâu? Chỉ thấy tiếng kèn vang vọng trong buổi chiều tà của sơn thôn. Người đàn ông không phải là mục đích của cuộc tìm kiếm mà chỉ là một trạm nghỉ của cuộc hành quân. Trong cuộc đời chúng ta cứ tưởng A là mục đích tối hậu nhưng khi đạt đến thì hóa ra A chỉ là một trong những vô vàn mục đích mà thôi. Qua truyện Tóc, Kawabata muốn nhấn mạnh sự tìm kiếm vĩnh cửu trong đời người phù du?

Người tài xế xe hơi trong truyện Tạ ơn, luân phiên chở khách từ phía Nam bán đảo đến phía Bắc rồi quay về. Anh đã chứng kiến thảm kịch của người mẹ bán con. Và sự trách cứ của người tài xế cũng giúp người mẹ nhận ra sai lầm của mình, không đem con gái mình đi bán nữa. Chính sự ra đi và trở lại của anh đã nối kết được mối quan hệ giữa người và người. Hay chính Kawabata đã khái quát lên hình ảnh của chúng ta là những người lái chuyển xe của đời mình và trên con đường ra đi và trở lại cội nguồn chúng ta đã mang nặng ân tình của sự tạ ơn?

Trong truyện Gương mặt người chết, người chồng đi du lịch trở về bắt gặp vợ mình đã chết. Anh chăm sóc cho người vợ lần cuối cùng, sửa lại gương mặt nàng cho tươi tắn. Trong khoảnh khắc người mẹ bước vào phòng và kêu lên thảng thốt, anh đã hiểu ra bí ẩn của linh hồn con người. Người ta cảm giác linh hồn có thật nhưng linh hồn chỉ là tưởng tượng mà thôi. Chính tình cảm yêu thương của người chồng đối với người vợ, ngay

cả khi nàng đã chết đã làm gương mặt người chết trở nên thanh tân và trong sáng.

Những người khách trong truyện Bến tàu cũng mãi miết ra đi. Và bến tàu có những người con gái tình nguyện làm vợ chỉ là một chốn dừng chân trên con đường thiên di vô định. Họ ra đi ở bến tàu để tìm một bến tàu khác. Nhưng các bến tàu này có gì khác nhau? Và tại sao những người khách phải vĩnh viễn ra đi như một định mệnh? Hay chính yếu tính của cuộc đời là sự ra đi?

Và sự ra đi kiếm tìm cái đẹp còn được thể hiện qua hình ảnh những người đàn ông đi tìm những người kỹ nữ. Các cô gái như là mái nhà ấm cúng của một đêm, là chỗ tựa lưng cho người lữ khách. Đêm tối còn là biểu tượng của sự tuyệt vọng. Những lúc buồn đau trên đường lưu lãng, người lữ khách tìm về những mái ấm vô danh. Trong những truyện trong lòng bàn tay của Kawabata hình ảnh các cô gái luôn là những mái ấm hay chỗ nấu nướng của người lữ khách trên mỗi chặng đường ra đi. Ngay cả tình yêu tuyệt đẹp chớm nở trong truyện Mưa phùn cũng ẩn chứa dấu vết của sự chia tay.

Người thiếu niên phải chuyển nhà đi xa theo gia đình. Trong cơn mưa phùn mùa xuân anh đi bên người yêu trong lần hẹn cuối. Những bức hình chia tay là kỷ niệm sau cùng của người thiếu niên đối với con người và cảnh vật của nơi anh sắp rời bỏ. Sự nóng bỏng khi những ngón tay nắm trường kỷ chạm vào thân thể người con gái là hồi ức đau xót của người ra đi. Từ bỏ những mối tình đẹp để tìm kiếm điều gì trên đường lưu lãng. Chàng thiếu niên đâu muốn thế nhưng phải đi theo người cha. Người cha chính là hiện thân của định mệnh. Cuộc đời này đâu phải của riêng ta.

Trong truyện ngắn Biển, đoàn người Triều Tiên thiên di về biển lần lượt để các cô gái rút lại phía sau. Người con gái bị rút lại sau cùng mệt mỏi đến nỗi không thể đứng dậy được. Người thổ dân phải xốc nàng đứng dậy. Dù thế nàng vẫn chờ mong có người Triều Tiên đi qua đưa nàng ra biển. Đến khi đi cùng với người thổ dân trên một con đường và chấp thuận làm vợ

của người thổ dân, nàng lại không muốn nhìn thấy biển nữa. Bởi biển là khát vọng ra đi. Khi còn nhìn thấy biển, nàng còn muốn thiên di về đất tổ quê nhà.

Như vậy hình ảnh người lữ khách hay chính sự ra đi xuất hiện thường xuyên trong các truyện ngắn của Kawabata tạo nên một thế giới động, biến chuyển trong từng giây phút. Mỗi truyện không bao giờ là hải đảo, mà là một dòng chảy hiện sinh. Mạch truyện cũng diễn biến theo hành vi của người lữ khách. Ngay cả không gian nghệ thuật của truyện bên cạnh không gian tĩnh như bồn tắm, căn phòng cũng có không gian động như chiếc xe hơi, xe ngựa. Chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn trong phần không gian nghệ thuật.

Qua xem xét hình ảnh người lữ khách trong truyện trong lòng bàn tay, ta sẽ phân tích tại sao Kawabata luôn đặt nhân vật của mình vào những ranh giới: nửa thì ở lại, nửa muốn chia lìa. Và mục đích của cuộc ra đi là gì vậy? Chúng tôi đã tìm thấy câu trả lời trong truyện ngắn Phong cảnh. Truyện chỉ gồm 5 câu như sự khái quát của Kawabata về tuyên ngôn nghệ thuật của mình:

“Tôi lớn lên trong ngôi làng giữa núi và cánh đồng.

Tôi đã tìm thấy người thiếu nữ bên bờ sông.

Tôi chỉ suy nghĩ đến việc chụp hình với nàng thành đôi.

Mỗi ngày tôi đi lên, đi xuống bờ sông, tìm kiếm những chỗ đứng, nước chảy, tảng đá để làm bối cảnh chụp những tấm ảnh.

Sau khi làm như vậy, tôi đã học được vẻ đẹp phong cảnh”

Kawabata đã đặt con người vào vị trí thế lưu vong, lìa xa quê hương của mình. Như thế, trần gian là cõi tạm và cuộc đời là sự hành hương thân phận không ngừng nghỉ. Con người khi xuất hiện đã mang trong mình định mệnh của người lữ hành vĩnh cửu luôn hoài nhớ quê hương. Sự hoài nhớ này thôi thúc con người ra đi tìm kiếm quê hương. Dĩ nhiên cuộc du hành ở đây là

cuộc du hành tâm thức. Con người đi qua các chặng đường tưởng để tìm kiếm lại chính mình, con người với tất cả tinh túy của con người thật sự.

Con người sẽ gần với quê hương hơn qua việc kiếm tìm cái đẹp. Hay văn chương sẽ đưa con người trở lại mình. Không những thế, văn chương qua việc ca hát sự quy hồi cổ hương, còn thức tỉnh quê hương trong bao nhiêu con người khác.

Cái đẹp có thể được suy tư dưới nhiều hình thức. Chúng ta nhìn ngắm, "chụp hình" cái đẹp.

Chụp hình là lưu dấu và không có gì lưu dấu cái đẹp vĩnh cửu bằng văn chương và nghệ thuật. Bằng đường nét hình khối và sắc màu, con người đã ghi dấu được cái đẹp. Văn chương là hệ thống ký hiệu, là một hình thức âm bản của đời sống, và qua văn chương con người tìm ra quê hương của mình. Vì vậy mà Kawabata là người lữ hành vĩnh cửu chăng? Như thế, hình ảnh người lữ khách trong truyện trong lòng bàn tay ra đi bởi sự thôi thúc của cảm thức hoài nhớ quê hương và tìm kiếm cái đẹp như là một bước chuyển đưa mình về lại quê hương. Một quê hương đã đánh mất. Và quê hương đánh mất đó chính là sự vong thân của con người. Cuộc vong thân là từ vô thủy nên người lữ khách cũng ra đi từ vô thủy đều vô chung. Đến khi con người tuyệt diệt.

2. Người nữ:

Hình ảnh người nữ xuất hiện trong tất cả truyện ngắn cũng như tiểu thuyết của Kawabata và thường là người con gái đẹp.

Họ hiện thân cho nữ tính vĩnh cửu được lưu truyền từ đời này sang đời khác qua những hình bóng khác nhau: cô bé (như trong các truyện: Chiếc nhẫn, Đôi giày mùa hạ, Tên trộm hồ đào, Đôi mắt của mẹ, Cao xanh lồng gió), người thiếu nữ (như trong các truyện: Tạ ơn, Mưa phèn), cô gái (như trong các truyện: Người đàn bà hóa thân vào lửa, Gương mặt, Bến tàu, Lời nguyện cầu của xứ nữ, Từ hàng lông mày, Bình dễ vỡ...), người kỹ nữ (như

trong các truyện: Tia nắng rạng đông và Địa tạng vương Bồ Tát Oshin). Hầu như không có hình ảnh của những bà già. Sự xuất hiện đậm đặc của các cô gái trẻ là một dụng ý của Kawabata. Cái đẹp thì có nhiều cách thể hiện trong cuộc đời nhưng không ở đâu cái đẹp được thể hiện tuyệt mỹ và dễ nhận thấy như ở hình hài người nữ. Và người lữ khách mê mải kiếm tìm cái đẹp qua những người con gái là motif rất quen thuộc trong cách cấu trúc truyện ngắn của Kawabata.

Nếu như người lữ khách là biểu tượng cho sự ra đi thì người nữ chính là sự trở về theo quy luật quy hồi vĩnh cửu, bản ngã nữ tính là nét đẹp của người mẹ, của chỗ nương náu chỗ che. Người nữ tạo dựng mái ấm gia đình. Trên chặng đường ra đi của người lữ khách, người nữ là chốn dừng chân.

Trong truyện Bến tàu các cô gái tình nguyện làm vợ những người khách cho đến lúc ra đi. Không những thế, các nàng còn viết thư cho khách dù không muốn những người khách viết thư cho mình. Các cô gái không đòi hỏi cho mình điều gì. Các nàng chỉ muốn chăm sóc cho những người khách mà thôi.

Trong truyện Tên trộm hồ đào, cô bé lấy cắp một cành hồ đào để biếu người khác. Đầu tiên cô bé tính biếu bác sĩ đã chữa bệnh cho cha cô bé nhưng rồi lại cho các em bé gái đi học về, cho người con gái tật nguyền ngồi dưới tán lá cây xanh ở nhà khí tượng. Ban phát cho người khác, không đăn đo hay không chần chừ gì cả, là tính cách của cô bé bán than này.

Trong truyện Chiếc nhẫn, cô bé trần truồng cho chàng sinh viên luật khoa xem chiếc nhẫn ngọc mắt mèo. Nàng chẳng ngại ngùng khi đứng trước một người con trai. Thậm chí “chúng ta có lẽ không nên ngạc nhiên khi cô bé trần truồng để anh bế lên đầu gối chỉ bởi nàng cốt cho anh xem chiếc nhẫn kỹ hơn”. Kawabata viết thế. Một kiểu tận tụy hiến dâng rất hồn nhiên và trẻ con.

Một sự hiến dâng khác tuy e thẹn mà mãnh liệt là hình ảnh người thiếu nữ trong truyện Tạ ơn. Nàng vì gia đình quá nghèo phải đi cùng mẹ lên khu phố dọc đường xe lửa để bán thân. Ngay khi lên xe, cô bé bị hấp dẫn bởi bờ

vai như cây thông thẳng đứng và vẻ lịch sự nhã nhặn của người tài xế với các đồng nghiệp và với mẹ con nàng. Dù xe đi đường núi bị xóc nhưng nàng vẫn chăm chú nhìn bờ vai đầy. Vào buổi chiều, khi chiếc xe đi vào quảng trường đến một lữ quán nghỉ ngơi, “người con gái run lên. Nàng choáng váng như thể chân nàng đang nổi bập bềnh trên không. Nàng ôm chặt lấy mẹ”. Nàng muốn hiến thân cho anh nhưng lại không dám nói. Mẹ nàng thì quá hiểu tình con mình nên đến năn nỉ người tài xế. Dường như chỉ có Kawabata mới viết văn theo kiểu như vậy. Hiến thân cho một người xa lạ mà phải nhờ người khác năn nỉ giùm. Không phải cô gái hiến thân vì bản năng tính dục mà vì cô muốn dành cho người đàn ông mình yêu thương tấm lòng trinh bạch, vì ngày mai cô đã trở thành vật tiêu sấu cho những khách làng chơi. Tình yêu đến với cô gái chỉ qua một ngày, trên một chuyến xe đã đặt nàng vào một sự lựa chọn quyết đoán mà ta cứ tưởng lầm là sự dễ dãi. Nhưng “con người là con người của hoàn cảnh” (J.P. Sartre). Và vô tình sự tận hiến của người con gái thăng hoa thành phẩm phương tiện (Upaya) của các nàng kỹ nữ thần linh trong trang kinh của đời sống.

Nàng không còn nhiều thời gian nữa. Sự giằng xé nội tâm phức tạp và mãnh liệt nhưng bề ngoài rất e thẹn. Và chính sự e thẹn đó đã tô đậm thêm vẻ đẹp của người con gái xứ Phù Tang.

Nhưng cái đẹp còn được đẩy lên đến tận cùng bản năng hàng phục và lòng cuu mang sâu nặng khi Kawabata viết về những người kỹ nữ. Không thuộc về ai và thuộc về tất cả mọi người, các nàng là “chiếc giường ngủ mềm mại không có lương tâm. Dường như cô gái được sinh ra để làm đàn ông quên đi lương tâm trần thế”. Các nàng như thành phẩm phương tiện (Upaya) trong trang kinh cuộc đời. Là ngón tay chỉ mặt trăng, là chiếc bè đưa người qua sông. Thấy trăng thì bỏ ngón tay, qua bờ thì bỏ chiếc bè. Những người con gái lâu xanh đến và đi qua trần gian này dường như chỉ để làm điều đó. Nhưng sứ mệnh của các nàng là sứ mệnh của các vị Bồ Tát.

Chúng ta khởi đầu người con gái truyền thuyết Oshin trong Địa Tạng Vương Bồ Tát Oshin. Chồng nàng mất năm nàng 24 tuổi. Và nàng ở vậy

cho đến cuối đời. Nhưng nàng không hề từ chối bất cứ người thanh niên nào trong làng chỉ để giúp anh ta trưởng thành. Khi người thanh niên lấy vợ anh ta phải rút khỏi hội sở hữu Oshin để nhường chỗ cho người khác. “Nhờ Oshin mà các chàng trai sơn cước không phải vượt bảy dặm đường núi để tìm các cô gái ở bên cảng, các sơn nữ vẫn còn trinh trắng và những người vợ vẫn giữ lòng thủy chung”. Khi nàng mất, nàng được lập tượng thờ và được phong danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát Oshin. Địa tạng Bồ Tát là vị Bồ Tát cai quản trẻ em. Đúng Oshin là một bà mẹ vĩ đại. Đàn ông là những đứa trẻ con lớn xác. Oshin chăm sóc từng đứa, không phân biệt người nào. Nàng chỉ muốn giúp những thiếu niên trưởng thành mà thôi. Việc dựng tượng và phong tặng tước vị Bồ Tát cho Oshin, cũng giống như “Đám tang của bà mẹ vĩ đại” của G.Garcia Marquez thể hiện sự tôn vinh nữ tính muôn đời.

Những người như Oshin luôn xuất hiện trên trần gian này để hóa độ chúng sinh. Vì thế mà người lữ khách đã tìm ra bóng hình của Oshin trong người kỹ nữ đẹp. Và vào mùa thu anh lên núi vội vã chưa kịp đợi mùa săn bắn bắt đầu chỉ để tìm kiếm người con gái đã gặp. Người khách vui sướng vì Oshin vẫn hiện tồn như chính anh nghĩ về nàng.

Trong Tia nắng rạng đông, người con gái nghèo đến nỗi không mua được cái màn trắng, đã đêm đêm đón khách, quạt cho người lữ khách ngủ suốt đêm bằng chiếc quạt tay. Cứ thế từng ngày nàng nuôi sống mình để chờ người hôn phu kiếm đủ số tiền để quay về kết hôn. Sự hiến dâng mang hai tầng ý nghĩa. Đêm đêm nàng hiến dâng cho một người đàn ông để chuẩn bị cho sự hiến dâng đến người yêu thương nhất. Những móng chân dài bị lãng quên đã được cắt đi vào buổi sớm mai khi vị hôn phu trở về. Đó là dấu hiệu cho sự chuẩn bị cho sự hiến dâng chu toàn. Một sự hiến dâng vĩ đại.

Tại sao Kawabata lại hay chú ý đến người kỹ nữ? Hơn thế, lại là những kỹ nữ thần linh: đẹp và trinh bạch tâm hồn. Bởi Kawabata muốn nhấn mạnh đến kỳ quan nữ tính. Người nữ là một kỳ quan. Trong Địa Tạng Vương Bồ Tát Oshin, đầu gối của người kỹ nữ được so sánh với núi Phú Sĩ, vẻ trinh

bạch và tuyệt đẹp của người kỹ nữ giống như hoa sen, siêu thoát khỏi những thanh lâu trần tục. Không thuộc về ai mà thuộc về tất cả mọi người, không thật gần nhưng không thật xa. Dường như Kawabata thấy rằng nữ tính vừa hiện diện trong mọi cuộc đời từ lam lũ đến cao sang vừa siêu vượt lên khỏi cuộc sống ấy.

3. Cuộc truy tìm cái đẹp:

Đặt vào hoàn cảnh Kawabata là người lữ khách vĩnh cửu mãi mê tìm kiếm cái đẹp, chúng tôi thấy rằng người nữ trong các truyện ngắn của Kawabata hiện thân cho cái đẹp mà người lữ khách kiếm tìm trong nỗi hoài nhớ quê hương. Và cái đẹp đưa ta tìm về thể tính của chính mình. Có lẽ vì vậy mà Kawabata xây dựng nên hình ảnh những người lữ khách ra đi tìm kiếm tính vĩnh cửu chẳng? Đúng như Kawabata đã viết “Mỹ chỉ tồn tại dữ phát kiến”. Cái đẹp luôn tồn tại nhưng kiếm tìm và cứu vớt cái đẹp khỏi trầm luân là chuyện của mỗi người chúng ta - những hành giả trên con đường thân phận hành hương về quê hương đánh mất. Như chính cuộc đời của Kawabata.

Con người đi qua các chặng đường tư tưởng để tìm kiếm lại chính mình, con người với tất cả tinh túy thật sự. Martin Heidegger cho rằng: ‘Thể tính của quê hương cũng được gọi lên trong ý muốn suy tư sự thiếu vắng quê hương của con người thời đại khởi đi từ thể tính của lịch sử tính thể’^[11]. Suy tư từ sự thiếu vắng quê hương có thể bằng nhiều cách: tư tưởng, văn chương, hội họa... bằng ngôn ngữ, đường nét, sắc màu ta có thể gọi lên tính thể của quê hương. Nhưng vì không phải thực nên đường nét màu sắc, ngôn từ chỉ là âm bản của đời sống, như những bức ảnh. Trên đường tìm kiếm thể tính hiển hiện ngôn từ, ta đang “ca hát sự qui hồi cố hương”. Và chính sự ca hát này có tác dụng thức tỉnh và khơi dậy thể tính của bao nhiêu kẻ khác.

Như Dostoevski tuyên ngôn “cái đẹp cứu rỗi thế giới”. Chúng ta tìm lại thể tính qua cái đẹp, nhờ vậy cái đẹp được phát kiến và được cứu vớt khỏi

trầm luân. Đến lượt mình cái đẹp lại cứu vớt chúng ta qua cơn tục lụy. Như Martin Heidegger nhận định về Hoederlin “Trong thực tế, khi ca hát sự qui hồi cổ hương, Hoederlin đã lưu tâm muốn cho những kẻ đồng hương của mình gặp được chính thể tính của họ”. Đó chính là tâm thuật của văn chương.

Trong khi xem xét các truyện trong lòng bàn tay, chúng tôi nhận thấy rằng bên cạnh những hình ảnh của người lữ khách và người nữ là nhân vật trung tâm, thì không gian nghệ thuật của truyện cũng được khai thác sâu để tạo dựng bối cảnh của câu chuyện. Mỗi truyện là một thế giới riêng có cùng không gian nghệ thuật. Chúng tôi chia không gian nghệ thuật ra làm hai loại: không gian nghệ thuật tĩnh như bồn tắm suối nước nóng, thôn làng, bến tàu, căn phòng, cây xanh và không gian nghệ thuật động như chiếc xe hơi và chiếc xe ngựa. Không gian của truyện tuy khác nhau nhưng đều mang tính biểu tượng của cuộc đời. Và trong cuộc đời biểu tượng đó diễn ra biết bao nhiêu bi kịch và hạnh phúc của con người.

Các yếu tố nghệ thuật của tác phẩm gồm chất thơ, chất huyền và chất thiền đan xen hài hòa, bổ sung cho nhau làm nên yếu tố nghệ thuật của “truyện trong lòng bàn tay”. Tuy mỗi truyện có sự thể hiện đậm hơn các truyện khác về chất thơ, chất huyền, chất thiền nhưng nhìn chung thì có sự kết hợp hài hòa của ba yếu tố nghệ thuật này trong các tác phẩm. Như những làn hương lẫn quất, giấu mình trong hoa để làm nên thế giới truyện trong lòng bàn tay.

Thử khảo sát xa hơn, chúng tôi nhận thấy rằng truyện trong lòng bàn tay đóng vai trò là chi tiết của tiểu thuyết hay là chi tiết của chi tiết tiểu thuyết. Chẳng hạn truyện Chiếc nhẫn là chi tiết của tiểu thuyết ngắn Vũ nữ Izu, Tình yêu đáng sợ là chi tiết của tiểu thuyết Tiếng rên của núi, Người đàn bà hóa thân vào lửa là chi tiết của kiệt tác Xứ tuyết. Tuy thế những truyện ngắn ấy vẫn mang sức nặng của một tiểu thuyết riêng biệt được dồn nén đến mức tối đa. Kawabata thường viết các đoạn thiên như vậy rồi tập hợp lại thành tiểu thuyết.

Chúng tôi còn nhận thấy rằng những hình ảnh trung tâm và các yếu tố nghệ thuật không chỉ được Kawabata áp dụng trong “truyện trong lòng bàn tay” mà còn được áp dụng với các loại tiểu thuyết. Chẳng hạn như trong Xứ tuyết, Shimamura đóng vai trò là người lữ khách còn Yoko là hiện thân cho cái đẹp. Cuối truyện Yoko bị đốt cháy là hình ảnh cái đẹp bị hủy hoại bởi dung tục của cuộc đời. Cái đẹp đã không được cứu thoát khỏi trầm luân. Hay trong truyện Cô vũ nữ xứ Izu, chàng sinh viên là hình ảnh của người lưu lãng, còn cô vũ nữ là biểu tượng cho cái đẹp tinh khiết, trong trắng chưa bị đời làm vẩn đục... Và trong các tiểu thuyết của Kawabata, chất thơ, chất huyền và chất thiền cũng hiện diện khắp nơi trong từng câu chữ, đan xen hòa quyện với nhau. Các không gian nghệ thuật cũng là bồn tắm, sơn thôn ở xứ tuyết hay căn nhà... Đây là những không gian tập trung trong nhiều tác phẩm từ truyện ngắn đến tiểu thuyết của Kawabata.

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2003

Tham luận Hội thảo Khoa học kỉ niệm 100 năm ngày sinh của
Kawabata,

khoa Ngữ văn, khoa Báo chí Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân
văn.

Chú thích:

[11] Martin Heidegger Thư về nhân bản chủ nghĩa, Trần Xuân Kiêm dịch, NXB Ca Dao - 1974, tr 49.

YASUNARI KAWABATA GIỮA DÒNG CHẢY ĐÔNG - TÂY

ĐÀO THỊ THU HẰNG

Văn học Nhật Bản trong kỉ nguyên hiện đại đã sản sinh ra rất nhiều tài năng nổi tiếng thế giới. Mở đầu với Ryunosuke Akutagawa (1892-1927), nhà văn được coi là bậc thầy truyện ngắn, một trong những người khởi xướng phong trào hiện đại văn học Nhật Bản, góp phần quan trọng đưa nền văn học ấy hòa vào dòng chảy chung của văn học thế giới. Thế hệ tiếp sau Akutagawa là những tên tuổi cũng nổi bật không kém như Yokomitsu Riichi (1898-1947), Ito Sei (1905-1969), Hori Tatsuo (1904-1953)... Nhưng có một tài năng vượt trội cả về nghệ thuật biểu hiện lẫn độ phong phú của thể tài, tư tưởng... đó là Yasunari Kawabata (1899-1972), nhà văn Nhật Bản đầu tiên đoạt giải Nobel văn học.

Cuộc đời và sự nghiệp của Kawabata gắn liền với quá trình tiếp nhận đổi mới về cả kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa của Nhật Bản. Những năm cuối thế kỷ mười chín đầu thế kỷ hai mươi, tư tưởng duy tân của Minh Trị thiên hoàng đã thổi một luồng gió mới vào Nhật Bản - vốn được coi là “ốc đảo”. Tinh thần “học hỏi phương Tây, đuổi kịp phương Tây, vượt lên phương Tây” đã đưa lịch sử Nhật Bản sang một trang mới. Sự đổi mới về kinh tế khiến cho cả thế giới phải kinh ngạc đã tác động mạnh mẽ đến văn học nghệ thuật Nhật Bản. Nếu trước đây văn học Nhật Bản chịu ảnh hưởng của tư tưởng tôn giáo phương Đông, đặc biệt là Trung Quốc thì nay bị chi phối bởi những quan điểm tự do dân chủ của Phương Tây. Nhiều trào lưu, trường phái ra đời đã làm nên một diện mạo mới cho văn học Nhật Bản: trẻ trung, phong phú và táo bạo.

Trong rất nhiều trào lưu lúc bấy giờ ở Nhật Bản như chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên... thì chủ nghĩa hiện đại để

lại dấu ấn mạnh mẽ hơn cả. Văn học hiện đại chủ nghĩa, “được đánh dấu bởi những nỗ lực có ý thức của các tác giả muốn gán tính chất phi truyền thống cho những tác phẩm của mình, thường là bằng cách sử dụng những kỹ thuật thực nghiệm”(1). Trong xu hướng hiện đại hóa văn học ấy Kawabata cũng như “hầu hết tất cả các nhà văn lớn của Nhật Bản ở thế kỷ hai mươi đều là những người theo chủ nghĩa hiện đại ở một chừng mực nào đó”(2).

Đầu thế kỷ hai mươi, các bản dịch văn học châu Âu đã đưa đến cho văn học Nhật Bản những kỹ thuật, phương pháp sáng tác mới lạ và có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà văn tân tiến như lối kể khách quan, đa thanh hóa giọng điệu, dòng ý thức... Sức hút của nhu cầu tìm hiểu, khám phá và thử nghiệm thật mãnh liệt, Kawabata đã từng khẳng định “tính chất mới” là tất cả, và bày tỏ sự khó chịu trước những cách viết đã được công thức hóa: “Mắt chúng ta rực cháy khát khao được biết điều chưa biết. Những lời chào hỏi qua lại của chúng ta biểu hiện niềm vui mừng ở chỗ hiện nay ta có thể tranh luận với nhau bất cứ điều gì là mới. Nếu một người nói, “Good morning!” và người kia trả lời “Good morning!” thì thật buồn chán. Chúng ta đã hoàn toàn trở nên chán ngấy văn chương vì nó không thay đổi như mặt trời ngày hôm nay vẫn mọc chính xác ở hướng Đông như ngày hôm qua”.(3)

Thực tế, Kawabata không phải là một nhà văn "đặc sệt" phong cách hiện đại phương Tây. Điểm lại toàn bộ hệ thống tác phẩm của ông, chúng ta có thể khẳng định, chủ nghĩa hiện đại và văn học nước ngoài đã có ảnh hưởng rất lớn tới văn phong Kawabata. Có thể nhận thấy một số biểu hiện tiêu biểu của sự kết hợp hai phong cách Đông - Tây qua hệ thống nhân vật, chi tiết liên truyện, sử dụng nhiều độc thoại nội tâm, dòng ý thức, xây dựng cả những hiện thực và giấc mơ huyền ảo cũng như những hình ảnh mang tính biểu tượng.

*

Quan niệm phi ngã trong sáng tác của các nhà văn phương Đông từ thế kỷ mười chín trở về trước đã ngăn cản việc thể hiện cái tôi trong tác phẩm. Nhưng khi đọc các tác phẩm của Kawabata, kể cả nhật kí, truyện ngắn, truyện-trong-lòng-bàn-tay viết từ khi khởi nghiệp cho tới những tiểu thuyết viết lúc cuối đời, độc giả dễ dàng nhận thấy một mối liên hệ xuyên suốt của cái “tôi” - người kể chuyện Kawabata. Có khi cái tôi ấy hiện diện ở người kể chuyện ngôi thứ ba (ngôi kể luôn chiếm ưu thế của nhà văn), có khi cái tôi ấy hiện hình là nhân vật tôi (chỉ có ở một số tác phẩm). ‘Tôi’ có mặt ở nhiều truyện ngắn quan trọng như Vũ nữ Izu, Cánh tay, Người đàn ông không cười, Cây trà hoa... và một số truyện-trong-lòng-bàn-tay khác. Điểm thống nhất của “tôi” trong những tác phẩm này là đều có thiên hướng của một người làm công việc có liên quan đến viết lách như nhà văn trong Cây trà hoa hay người viết kịch bản phim trong Người đàn ông không cười. ‘Tôi’ ở mỗi độ tuổi đều có những nét gần gũi về lối suy nghĩ với những khoảng thời gian tương ứng trong cuộc đời tác giả. Đây cũng là nhận xét của giới phê bình văn học Nhật Bản lúc bấy giờ. Tuy nhiên, Kawabata luôn luôn phủ nhận mối liên hệ này và nói đó là “vô đoán, quy chụp”. Không những “tôi” có bóng dáng tác giả mà Shimamura trong Xứ tuyết hay một biến thể của Shimamura - chàng sinh viên đi du lịch đến đảo Izu trong Vũ nữ Izu cũng thể hiện được phần nào lí tưởng thẩm mĩ của “người lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp”.

Ngoài những nhân vật liên truyện - mà người đầu tiên khởi xướng thành công Balzac trong bộ Tấn trò đời, sau đó là nhiều nhà văn khác, trong đó có nhà văn Mỹ cùng thời với Kawabata là Hemingway - mang tính hệ thống xuyên suốt như vậy, người đọc cũng bắt gặp rất nhiều Chieko, Chikako, Akiko, Yoshiko, Yoko... xuất hiện tới hai, ba lần, thậm chí còn nhiều lần hơn ở những truyện ngắn khác nhau. Họ đều có vẻ đẹp trong sáng, mong manh, rất Nhật Bản. Lại có những nhân vật biến thể, khác nhau về tên gọi nhưng có cùng một vẻ đẹp, một phong cách: vũ nữ Kaoru của xứ Izu (Vũ nữ Izu), gheisa Komako (Xứ tuyết), diễn viên Chikako (Về chim và thú), vũ nữ (Gà trống và vũ nữ)... Có thể nói, đọc các tác phẩm của Kawabata,

chúng ta luôn gặp lại “người quen”, và có thể xâu chuỗi họ lại thành một hệ thống biến thể của một tập thể, bao gồm: tác giả và bè bạn của ông.

Cũng như nhiều thiên tài văn học khác trên thế giới, Kawabata đã có những chủ ý nhất định khi xây dựng hệ thống nhân vật liên truyện như một sự kí thác, hay biểu tượng thẩm mỹ của mình. Nhân vật liên truyện của Kawabata dù xuất hiện ở đầu hay cuối quá trình sáng tác đều có chung thiên hướng “duy mỹ”. Ấy thế mà, trong những bài tiểu luận hay phát biểu ý kiến về văn học, Kawabata chưa bao giờ thừa nhận mình là người duy mỹ. Song khi tiếp xúc với thế giới nghệ thuật của ông, người đọc sẽ thấy rõ đặc điểm này. Mặt khác, lòng ái mộ của Kawabata đối với nhà văn duy mỹ nổi tiếng Akutagawa đã phần nào cho thấy quan điểm thẩm mỹ của ông. Bản tính Kawabata ít nói, ông hầu như không bao giờ tuyên ngôn điều gì to tát nhưng tác phẩm cùng với những nhân vật trung tâm của ông chính là nơi ông gửi gắm nhiều điều.

Trong hệ thống nhân vật liên truyện, dấu ấn văn hóa phương Đông được thể hiện rõ nét ở chỗ “tôi” thường là một ẩn sĩ, hoặc một lữ khách “lang thang đi tìm cái đẹp”... Shimamura cũng như nhà văn hay nhà viết kịch bản phim đều mong muốn đạt đến được một vẻ đẹp tuyệt đối về bản thể trong mọi sự vật, hiện tượng, sở thích của “tôi” hay Shimamura đối với phụ nữ đều là những vẻ đẹp thanh khiết, trong trắng và độ tuổi thường không quá... mười lăm. Một tình yêu không nhuộm màu xác thịt và thái độ thanh thản nhẹ nhõm của “tôi” với nàng vũ nữ Kaoru khi khám phá ra vũ nữ mới chỉ là một cô bé càng khiến cho đất trời xứ Izu trở nên “trong vắt” sau trận mưa rào. Yoko, vẻ đẹp không với tới được của Shimamura có một “giọng nói trong vắt”, “đôi mắt đẹp tuyệt vời” và vẻ đẹp cổ xưa, huyền bí. Kawabata, từ đầu đến cuối sự nghiệp của mình, luôn bị hấp dẫn đặc biệt bởi phụ nữ trẻ, trinh trắng. Đối với ông, dường như họ tượng trưng cho bản chất của cái đẹp. Lời nhận xét của Mishima Yukio thật sâu sắc: Kawabata bị quyến rũ bởi sự trinh trắng vì nó là cái không thể tồn tại lâu dài.

Thời sinh viên, Kawabata đã có ý định kết hôn với một cô gái mười lăm tuổi, nhưng hôn ước không thành đã để lại trong ông nhiều ám ảnh và trăn trở. Một nhà phê bình Nhật Bản đã chỉ ra mối liên hệ giữa tình yêu đầu đời này với nguồn gốc của cô vũ nữ xứ Izu. Như mọi lần, Kawabata lại cố phủ nhận “phát hiện” ấy, nhưng cuối cùng cũng tự hỏi không biết mình có ý nghĩ nào về cô vợ chưa cưới ngày trước, khi viết Vũ nữ Izu hay không. Từ đó, ta có thể thấy, “gu” thẩm mỹ của các nhân vật “tôi” và “Shimamura” ít nhiều đã bị chi phối bởi những ý tưởng của tác giả. Hơn thế nữa, qua các nhân vật liên truyện của mình, nhiều tuyên ngôn về nghệ thuật của Kawabata đã được phát biểu một cách gián tiếp.

Trong Xứ tuyết, Shimamura đã bàng hoàng khi nghe Komako đàn và hát trong khung cảnh “bầu trời trong trẻo ở phía trên là tuyết trắng... xa những nhốn nháo của thành phố, xa những xảo thuật của sân khấu, không có những bức tường nhà hát, không có công chúng...” [12]. Còn “tôi” trong Người đàn ông không cười thì ‘sợ’ mặt nạ đẹp. Và sự sợ hãi đó đã thức tỉnh nghi ngờ trong tôi rằng gương mặt dễ thương luôn mỉm cười của vợ tôi có lẽ tự nó đã là một chiếc mặt nạ hoặc nụ cười của vợ tôi có thể là kĩ xảo, giống như chiếc mặt nạ. Mặt nạ không tốt. Nghệ thuật không tốt.” [13]. Có thể thấy, hệ thống nhân vật liên truyện của Kawabata đã hoạt động hết sức tích cực trong vai trò phát ngôn viên của tác giả. Các nhân vật ấy có thể không hoàn hảo, có thể bị “lệch chuẩn” dưới hệ quy chiếu về mặt đạo đức của xã hội, nhưng họ là những con người theo đúng nghĩa của từ này, yêu ghét theo trực giác bản thân chứ không bị lệ thuộc hay bị chi phối bởi điều gì khác.

Ngoài hệ thống nhân vật liên truyện, tác phẩm của Kawabata còn có một số chi tiết có thể gọi là chi tiết liên truyện. Đặc điểm này thường thấy ở Kafka, Faulkner... Kawabata viết Vũ nữ Izu năm 1925, đến năm 1926 thì viết truyện Thượng Đế hiện hữu, các nhân vật trong cả hai tác phẩm đều nhắc đến “ông lão bị bại liệt ở quán trà trên đèo”. Vũ nữ Izu chi tiết hơn với việc miêu tả ông lão “trắng nhợt và húp híp như thể cái xác chết trôi đang ngồi vắt chéo chân bên cạnh lò lửa. Ông ta hướng đôi mắt nặng nề uể oải

nhìn về phía tôi. Ngay cả lòng đen cũng ngả màu vàng, như thể đang thối rữa. Xung quanh ông ta là cả một núi túi báo cũ và các mẫu báo. Tôi cho rằng ông lão bị vùi dưới một ngọn núi. Tôi chăm chú nhìn con người kì dị ấy mà không thể tin rằng đây là một sinh thể sống.” [14]. Còn ở Thượng Đế hiện hữu thì ông lão được nhắc đến qua lời hỏi thăm của các nhân vật với nhau và độc giả được biết là “ông lão bị liệt ở đèo Amagi đã chết”. Ngoài ra còn có một số chi tiết được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong tiểu thuyết Tiếng rền của núi và truyện-trong-lòng-bàn-tay Cây trà hoa, đó là việc nạo thai, sấy thai, đầu thai...

Các chi tiết, nhân vật liên truyện mang lại cho độc giả cảm giác gần gũi với sự thật cuộc sống trong phong cách nghệ thuật Kawabata. Chúng liên kết các tác phẩm lại như nhiều phần của một câu chuyện mà tác giả đã thực sự trải nghiệm. Với thủ pháp liên truyện, tính hệ thống trong tác phẩm của Kawabata trở nên rất linh hoạt. Nếu chỉ đọc riêng lẻ từng tác phẩm, người đọc sẽ cảm thấy như được chiêm ngưỡng một viên ngọc quý, có ý nghĩa như một giá trị tồn tại độc lập, nhưng nếu được thưởng thức toàn bộ các tác phẩm như một hệ thống, thì tất cả sẽ được xâu chuỗi nhờ sợi dây liên truyện. Và như vậy, độc giả có thể hình dung được phần nào cuộc đời, tính cách, sở thích... của tác giả, để có thể hiểu tác phẩm một cách sâu sắc hơn.

*

Trong tiến trình văn học Nhật Bản, ảnh hưởng rõ nét nhất của chủ nghĩa hiện đại tới các nhà văn là thủ pháp Dòng ý thức. Dòng ý thức là một trong những khuynh hướng văn học tiêu biểu của thế kỷ hai mươi, chủ yếu là hướng tới tái hiện đời sống nội tâm, cảm xúc và liên tưởng tự do của con người. William James, nhà tâm lí học người Mỹ thế kỷ mười chín cho rằng ý thức là một dòng chảy, một dòng sông menh mông các ý nghĩ, cảm giác, các liên tưởng bất chợt thường xuyên chen nhau, thay nhau và đan bện vào nhau. Từ quan niệm này, kết hợp với phân tâm học Freud, các nhà văn đã tái hiện đời sống nội tâm con người theo cách riêng của mình.

Không thể xem Kawabata là nhà văn dòng ý thức, nhưng nhiều đoạn tái hiện tâm lí nhân vật của ông chắc chắn đã có sự góp mặt của kĩ thuật này. Ngoài một số biểu hiện của văn phong dòng ý thức trong các truyện ngắn, truyện-trong-lòng-bàn-tay hay tiểu thuyết như Tiếng rền của núi, Cố đô, thì Người đẹp say ngủ là tác phẩm tiêu biểu của Kawabata trong lĩnh vực này. Ông già Eguchi khi nằm bên cạnh người đẹp ngủ say đã có những liên tưởng, hồi ức dài hàng chục trang và không thống nhất về trình tự thời gian. Đó là những ý tưởng bất chợt, những kỉ niệm gia đình, tình yêu... tất cả cùng xuất hiện trong khoảng thời gian ông ngủ lại ngôi nhà bí mật. Những đoạn văn rất dài có thể là sản phẩm của sự ảnh hưởng từ Marcel Proust, dù trực tiếp hay thông qua Yokomitsu Riichi - một tín đồ trung thành của chủ nghĩa hiện đại và là bạn rất thân của Kawabata.

Kawabata đã vận dụng sáng tạo cách viết dòng ý thức. Ông không để ngòi bút miên man theo tâm trạng của nhân vật mà không có bất kì dấu chấm, dấu phẩy nào của ngót năm mươi trang sách như cách James Joyce làm trong Ulysses. Câu văn của Kawabata vẫn tuân thủ trật tự cú pháp thông thường, duy chỉ có mạch kể là không theo trật tự tuyến tính như trước. Ngoài thể nghiệm đầu tiên trong thời khởi nghiệp thì ở những tác phẩm sau này của Kawabata, với dung lượng vừa phải, dòng ý thức đã tạo được độ tin cậy, hiệu quả dễ chấp nhận đối với người đọc. Các hồi ức, kỉ niệm được kết nối đã phớt lờ trình tự thời gian mà phụ thuộc vào những liên tưởng trong tâm hồn nhân vật.

*

Nhằm hiện đại hóa lối viết của mình, Kawabata đã sáng tạo ra “thủ pháp tấm gương” - một công cụ đắc lực trong việc khai thác khách quan thế giới nội tâm con người. Xứ tuyết có lẽ là nơi “thủ pháp tấm gương” được phát huy nhiều nhất. Khi phần đầu của Xứ tuyết được in trên tạp chí như một truyện ngắn, nó mang tiêu đề Tấm gương của cảnh đêm (Yugeshiki no Kamagi), ý nhắc đến cửa sổ toa tàu băng qua vùng đất mà Shimamura đã quan sát cảnh tượng vào ban đêm. Tấm gương, trong Xứ tuyết hay ở một số

tác phẩm khác, “được Kawabata thường xuyên sử dụng để biểu thị sự quan sát khách quan” (Donald Keene). Ngay ở đoạn đầu tác phẩm, nó đã xuất hiện như một sự tình cờ khi Shimamura vu vơ lau một đường trên mặt kính cửa sổ toa tàu mờ hơi nước, tất cả bỗng hiện ra. Cửa sổ toa tàu, đúng như tấm gương của cảnh đêm, đã hiện lên phong cảnh ban đêm của vùng tuyết, và trên nền đêm đó, Yoko đã khiến cho Shimamura “cảm thấy bàng hoàng khi một ánh lửa tí xa trong núi bỗng lóe sáng giữa gương mặt đẹp của người đàn bà trẻ, khiến cho vẻ đẹp không thể nào tả xiết ấy đạt tới đỉnh điểm” [15]. Vốn là vật được dùng để phản chiếu, nên những gì diễn ra trong gương thật đến mức đôi khi khiến Shimamura “quên mất rằng anh đang ngắm hình ảnh phản chiếu trong một tấm kính và dần dần anh tưởng như anh đang nhìn một khuôn mặt phụ nữ ở bên ngoài, bỗng bồng bềnh trên nền phong cảnh quái dị và tối om lướt qua nhanh không dứt”. [16]

Những tấm gương (hay tấm kính) trong Xứ tuyết thường xuyên hiển hiện phong cảnh và hai người phụ nữ vùng tuyết mà Shimamura yêu mến. Komako và Yoko, qua sự quan sát của anh, xuất hiện trên tấm gương bao giờ cũng ở trạng thái tương phản và nổi bật. Yoko thì đẹp như một huyền thoại trên nền phong cảnh ban đêm, còn Komako, với đôi má rực hồng thì đại có cảnh tuyết làm nền. Khi nàng quỳ trước gương, Shimamura đã phải giật mình vì “cái màu trắng ở tí sâu trong gương, đó là màu tuyết, ở giữa rực lên. màu đỏ của đôi má người đàn bà trẻ. Vẻ đẹp của sự tương phản ấy cực kì trong sạch, nó vô cùng dữ dội vì nó sắc nhọn và sống động”. Và một lần nữa, khi nhìn qua cửa kính của phòng đợi ở nhà ga, Shimamura “trông nàng giống như một trái cây của xứ lạ không hiểu tại sao lại được đem bày trong tủ kính bẩn thỉu của một cửa hàng thảm hại nào đó ở nông thôn.” Rồi khi đoàn tàu chuyển bánh, hình ảnh Komako với đôi má rực đỏ lại phản chiếu lên cửa sổ toa tàu, “cũng bừng lên như màu đỏ rực giữa nền tuyết chói mắt trong tấm gương buổi sáng hôm xưa.”[17]. Trong cùng một chuyến đi đến xứ tuyết, tấm gương với chu trình khép - mở đã đón Shimamura với Yoko trong nền cảnh đêm và đưa anh đi với Komako trên nền tuyết trắng. Hai người phụ nữ, với hai thời điểm phản chiếu bóng mình

trong gương, đã khiến Shimamura luôn sống trong trạng thái phân vân giữa hai thế giới thực và ảo, Tokyo và xứ tuyết, Yoko và Komako... Tấm gương, vừa vô tư, vừa đầy dụng ý, luôn xuất hiện đúng lúc và có tác động lớn đến nội tâm nhân vật.

Nhưng phải đến Trăng soi đáy nước, tấm gương mới thực sự có đời sống riêng. Trăng soi đáy nước, còn được dịch là Thủy nguyệt, cái nhan đề đã ngầm gợi lên sự phản chiếu nào đó, và tấm gương trong tác phẩm này - không hề nói quá - có thể được coi là một nhân vật. Từ đầu đến cuối tác phẩm, chiếc gương luôn đi cùng đôi vợ chồng Kyoko. Nó là vật mở ra cho chồng Kyoko một thế giới tươi đẹp bên ngoài giường bệnh và thật bất ngờ, “Chính Kyoko đâm ra sững sốt với cái thế giới bao la trù phú mà chiếc gương con ấy mở ra... Đối với nàng, cả hai đều trở thành những thế giới tồn tại độc lập, hơn nữa cái thế giới mới, thế giới nhìn thấy trong gương, thậm chí nàng cảm thấy còn thực hơn là cái thế giới thực.”[18]. Trong Trăng soi đáy nước, tấm gương, một vật vô tri vô giác, lại đóng vai trò của một người dẫn đường, cao hơn nữa, là một người khai sáng và giác ngộ. Nhờ tấm gương ta mới hiểu được, nhiều khi ảo ảnh lại đẹp hơn sự thực. Tấm gương trong Trăng soi đáy nước đã trở thành một hình ảnh biểu tượng rực rỡ cho sự trong sáng, khách quan, đầy sâu thẳm của tâm hồn nhà văn - chủ thể phản ánh hiện thực. Qua tấm gương, người đọc có thể rút ra nhiều triết lý về con người và cuộc sống. Đạt tới đỉnh điểm của nghệ thuật khắc họa hình ảnh biểu tượng, Kawabata đã khiến tấm gương trở nên có linh hồn, có số phận như một con người. Nó cũng được hóa kiếp cùng chồng Kyoko với hy vọng sẽ mang sang thế giới bên kia cho anh một cuộc sống chân thực, sinh động.

Hình ảnh tấm gương còn trở đi trở lại rất nhiều ở những truyện trong lòng bàn tay của Kawabata khiến người đọc phải đặt câu hỏi về tần số xuất hiện của nó như một sự dụng công đặc biệt của tác giả. Với tấm gương, nhà văn đã đem đến cho độc giả một cái nhìn mới mẻ về thế giới xung quanh.

Phong cách hiện đại - cụ thể hơn là những kiến giải về thế giới vô thức của Freud - còn in dấu trong tác phẩm của Kawabata qua một thủ pháp khác: không gian giấc mơ huyền ảo. Nhờ cách khai thác các giấc mơ tài ba của mình, Kawabata đã tạo được sự tác động trở lại trước lối viết huyền ảo của phương Tây, cụ thể là qua G. Marquez. Trong tác phẩm Kawabata, đặc biệt là hai tiểu thuyết Tiếng rền của núi và Người đẹp say ngủ, các không gian huyền ảo đều được thể hiện qua những giấc mơ. Ở tiểu thuyết thứ nhất có tới chín giấc mơ và có hẳn một chương dành riêng cho đề tài này là chương năm, Giấc mơ về đảo vắng. Các giấc mơ của ông Singo (Tiếng rền của núi) xảy ra trong những không gian không định danh, những con người không tên tuổi, thậm chí không đầy đủ cả về vóc dáng. Những người đàn bà không đầu, đám mây muối khổng lồ, cát, trứng đà điểu và trứng rắn thường xuất hiện vô cùng bất ngờ và thái độ của các nhân vật trong mơ cũng đầy ngẫu hứng. Trong Người đẹp say ngủ, ông Eguchi đã hai lần nằm mơ. Ở giấc mơ thứ nhất, ông bị một người đàn bà bốn chân quặp chặt, còn ở giấc mơ thứ hai, ông mơ thấy ngôi nhà của mình “như bị chìm trong một biển đầy hoa giống như hoa thực được... Và khi Eguchi ngắm nghía bông to nhất thì một giọt máu rỏ từ cánh hoa xuống.” Thật là những điều lạ lùng chỉ trong mơ mới có và cũng thật thần phục trí tưởng tượng của tác giả, người đã giúp nhân vật từng bước một tiến vào thế giới huyền ảo ước mơ của riêng mình.

Về yếu tố huyền ảo, chính Gabriel Garcia Marquez - ông vua huyền ảo của văn học hậu hiện đại, cũng đã từng nói ông học được ở Kawabata rất nhiều về cách xây dựng thế giới huyền ảo. G. Marquez coi Người đẹp say ngủ là kiệt tác của văn học thế giới. Phải chăng người đàn bà bốn chân, bông hoa rỏ máu nói trên và người đuôi lợn trong Trăm năm cô đơn lại chẳng phải là những nốt nhạc ngân lên cùng một điệu trong bản hòa tấu huyền ảo của hai nhạc sĩ thiên tài này?

Thế giới huyền ảo của Marquez với người đuôi lợn, người bướm bướm là thế giới huyền ảo ngày thường, vì thế nó không thể tồn tại được, và con đường phát triển của nó chỉ dẫn đến một kết quả duy nhất là sự diệt vong.

Ngược lại, thế giới huyền ảo của Kawabata lại diễn ra ở trong mơ nên tuy là điều không đạt được, là ước mơ xa vời nhưng không vì thế mà không tồn tại. Hơn thế nữa, nó còn tồn tại đầy biến ảo và ngẫu hứng. Có thể nói, huyền ảo của Marquez có kết quả còn huyền ảo của Kawabata thì chỉ có nguyên nhân mà thôi: Đó là những ẩn ức sinh lí, những không chế đạo đức, những ước mơ không được thỏa mãn của ngày thường, một cách vô thức, chúng đi vào trong mơ dưới một hình thức khác, lạ lùng hơn, huyền hoặc hơn. Thế giới huyền ảo trong các giấc mơ của Kawabata còn xuất hiện ở một số tác phẩm khác như Quả trứng, Con rắn... dưới nhiều hình thức thú vị và thế giới ấy đã thực sự gây cho độc giả cũng như giới nghiên cứu rất nhiều tranh cãi. Đương thời, Nhật Bản đã có những chuyên đề rất dài in nhiều kì trên các tạp chí chỉ để nghiên cứu về giấc mơ trong tác phẩm của Kawabata.

Thế giới huyền ảo, cùng với một số đặc điểm nổi bật kể trên đã khẳng định sự hiện diện của chủ nghĩa hiện đại trong bút pháp của Kawabata, nhưng sau tất cả, chúng tôi không hề có ý định chứng minh ông là một nhà hiện đại chủ nghĩa phương Tây thuần túy. Đó chỉ là một vài chữ không phải toàn bộ những biểu hiện nghệ thuật trong tác phẩm của Kawabata. Ông là nhà hiện đại, nhưng là hiện đại theo kiểu phương Đông. Khi làn sóng văn hóa phương Tây ồ ạt tràn vào Nhật Bản trong những thập niên đầu thế kỷ hai mươi, Kawabata và một số ít các nhà văn khác đã biết chủ động sử dụng những kĩ thuật, phương pháp sáng tác của họ như một công cụ nhằm thể hiện ý đồ chứ hoàn toàn không bị lệ thuộc hay bắt chước một cách máy móc.

*

Kawabata từng nói, “Mười bốn năm trước tôi đã phác thảo trong đầu tác phẩm có nhan đề Bài ca phương Đông, trong đó tôi muốn tạo nên những bài ca kiệt xuất của chính mình. Trong đó tôi sẽ hát, theo cách của mình, bằng hình ảnh của những tác phẩm kinh điển phương Đông. Có thể tôi sẽ chết trước khi viết tác phẩm này, nhưng tôi muốn ít nhất cũng được hiểu

rằng tôi muốn viết nó. Tôi đã lĩnh hội được bước đầu về văn học phương Tây hiện đại và chính tôi cũng đã bắt chước nó, nhưng về cơ bản tôi vẫn là một người phương Đông.”[19]. Và trong mấy mươi năm sự nghiệp, những nốt nhạc chưa thành của Bài ca phương Đông đã ngân lên ở rất nhiều tác phẩm của ông bằng giai điệu trầm sâu, ý nhị.

Văn hóa Nhật Bản có nhiều nét tương đồng với các nước phương Đông, đặc biệt là Trung Quốc, nhưng đồng thời nó cũng khác biệt với các xứ sở ấy ở nhiều phương diện như cấu trúc xã hội, tiến trình lịch sử và tính cách dân tộc. Phật giáo phát triển một cách mạnh mẽ nhưng Thần đạo (hay còn gọi là Shinto), một loại tôn giáo của riêng Nhật Bản lại có ảnh hưởng rõ rệt tới mọi tầng lớp trong xã hội. Như nhiều nước phương Đông, Nhật Bản cũng có riêng một thể thơ với niêm luật chặt chẽ và rất đặc biệt, đó là thơ Haiku. Tôn giáo thì có đủ cả Nho, Phật, Lão, những tôn giáo thường đề cao vai trò của đàn ông, nhưng thật bất ngờ, khác với nhiều nền văn học nơi nam giới và thiên tính nam chiếm lĩnh văn đàn, thì Thời Heian (khoảng từ thế kỷ tám đến thế kỷ mười ba) ở Nhật Bản, văn học lại thuộc về phái yếu và được gọi là dòng văn học nữ lưu, với rất nhiều cây bút nữ mà nổi bật là Murasaki Shikibu, tác giả của thiên tiểu thuyết lừng danh Truyện Genji... Tính cách bầm sinh trầm tư, kín đáo - nét tính cách của người phương Đông, cùng với cảnh ngộ gia đình, lớn lên lại nghiên cứu văn học Nhật Bản, Kawabata thấm nhuần những truyền thống đẹp đẽ của nền văn hóa đã sinh ra mình.

Có thể nói chất phương Đông của Kawabata xuất hiện ở ngay những thủ pháp tưởng như hiện đại nhất. Rõ ràng Cánh tay, một truyện ngắn viết năm 1963 đã có màu sắc của chủ nghĩa siêu thực với những nguyên tắc cơ bản như hướng tới thế giới vô thức, trực giác, ảo giác và đề cao sự liên tưởng tự do của cá nhân. Một cánh tay (không gắn với cơ thể) có đời sống riêng biệt như một con người, tác phẩm chứa đầy yếu tố kì ảo và màu sắc của một thế giới khác nhưng lại có một vẻ đẹp và sức sống bất ngờ. Thoạt tiên, chúng ta ngỡ như chẳng tìm thấy một chút gì phương Đông trong cái thủ pháp siêu thực kết hợp với những màu sắc hư ảo của tác phẩm. Nhưng nếu xâu chuỗi

với một vài biểu hiện của chủ nghĩa siêu thực ở các tác phẩm khác của Kawabata như Tuyết (1964), hay một tác phẩm viết rất lâu trước đó - Trữ tình ca (1934)... thì có thể nhận thấy màu sắc của tôn giáo phương Đông trong bút pháp này.

Kawabata từng biểu hiện niềm ngưỡng mộ đối với kinh Phật, ông cho rằng “những kinh điển của phương Đông, đặc biệt là kinh Phật, là những tác phẩm quan trọng nhất của văn chương thế giới.” Kawabata đã nghiên cứu kinh Phật rất kỹ và đặc biệt chú trọng đến các phạm trù: màu sắc, mùi vị, cõi niết bàn... Đó là những màu của hư ảo, trong đó màu trắng được nhấn mạnh hơn cả.

“Trong bóng tối phía sau mi mắt, những tia sáng nhỏ xíu như hạt kê sẽ bắt đầu nhảy múa giập giờn. Những tia của một thứ màu xanh xám, vàng thau và trong suốt. Khi sắc vàng của chúng đạt đến màu trắng nhẹ, chúng sẽ biến thành những bông tuyết, tất cả rơi cùng một hướng và cùng một tốc độ. Chúng là những bông tuyết như bột, đang rơi ở đằng xa.”[20]. Hay màu sắc hư không trong Cánh tay : “Anh thấy gì? / Tan rồi. / Anh thấy gì? / Một màu sắc. Một vệt tím. Và trong nó là những vòng tròn nhỏ, những hạt nhỏ đỏ và vàng, xoay thành vòng xoáy...”[21]. Kawabata cũng đã nhấn mạnh đến sắc trắng trong một số tác phẩm khác viết vào thời kì đầu của sự nghiệp. Dường như màu trắng có một ý nghĩa đặc biệt đối với ông, không nghĩ về màu trắng như một sự thiếu hụt màu sắc, ông còn tin rằng đó là màu khởi điểm, chứa đựng tất cả các màu sắc khác. Những cảnh tuyết trong tác phẩm của Kawabata thường vừa huy hoàng vừa tĩnh lặng, vẻ trầm tư của những màu sắc ấy rất đối Phật tính, nhuộm màu hư ảo. Ngay như cảnh tuyết trắng rải chijimi bằng tuyết trong Xứ tuyết cũng là cảnh của quá khứ, bảng lảng sương khói chốn thần tiên.

Những màu sắc và ảo ảnh theo kiểu nhà Phật trên vẫn chưa phải là điều căn bản nhất. Yếu tố quyết định khiến độc giả bình thường cũng như các thành viên Hội đồng Viện Hàn lâm Thụy Điển đánh giá cao Kawabata

chính là vì tác phẩm của ông toát lên “lối tư duy Nhật Bản”, lối tư duy mang đậm tính truyền thống đặc trưng của xứ sở hoa anh đào.

*

Tác phẩm của Kawabata tuy phong phú về đề tài và chủng loại, nhưng bao giờ cũng có những địa danh cụ thể của Nhật Bản. Có thể là tự truyện có thể là hư cấu, nhưng các địa danh rất thật có tên trên bản đồ địa lí ấy đã giúp người đọc nói chung có những hình dung căn bản về một Kyoto cổ xưa, một đảo Izu tươi mát trong lành, một xứ tuyết hoang sơ với rất nhiều suối nước nóng nổi tiếng... Các địa danh thật được nhắc đến không những tạo độ tin cậy cho tác phẩm mà còn lộ rõ niềm tự hào và một tình yêu đất nước sâu sắc của tác giả.

Ta không chỉ bắt gặp một Cố đô với áo kimono và rất nhiều lễ hội mà còn được dẫn dắt tìm hiểu về trà đạo, một nghi lễ truyền thống của người Nhật. Tuy nhiên trà đạo trong Ngàn cánh hạc đã vượt lên trên sự mô tả đơn thuần các kĩ thuật, thủ tục của một nghi lễ mà đó còn là những lo lắng về sự suy thoái của đạo trà. Trà đạo trong cơn lốc Âu hóa có còn giữ được cái đạo của trà hay không mới là mối quan tâm của tác giả.

Điều gây ngạc nhiên nữa là “lối tư duy Nhật Bản” lại nằm ở chính những tác phẩm tưởng như hiện đại nhất. Người đẹp say ngủ là một tác phẩm được giới văn học phương Tây ưa chuộng và đánh giá cao chủ yếu là do khi viết Kawabata đã sử dụng có hiệu quả một số kĩ thuật của chủ nghĩa hiện đại và đã đề cập đến vấn đề tưởng như xa lạ với truyền thống Nhật Bản là đời sông tình dục. Tuy nhiên, có thể thấy rõ tư duy phương Đông trong tác phẩm thể hiện qua chính quan niệm của tác giả về tình dục. Tình dục trong Người đẹp say ngủ cũng như trong nhiều tác phẩm khác của Kawabata đã được nâng lên bằng con mắt duy mỹ và trở thành sắc dục, một thứ tình cảm không dung tục chút nào. Đó là sự rung động, thương thức, chiêm ngưỡng cái đẹp, sự trinh trắng của con người. Ông già Eguchi năm lần đến "ngôi nhà bí mật", tiếp xúc với sáu cô gái ngủ mê vì thuốc (không hề có chuyện quan hệ xác thịt cho dù có lúc Eguchi muốn làm điều đó với

một cô) là chỉ để hồi tưởng lại thời xuân sắc của mình. Khác hẳn với các tác phẩm trên văn đàn Nhật Bản đương thời do ảnh hưởng của văn hóa Âu châu đã mô tả tình dục một cách thô thiển, sắc dục trong các tác phẩm dưới hệ quy chiếu thẩm mỹ của Kawabata đã mang lại cho người đọc những cảm xúc thiện mỹ về con người.

“Lối tư duy Nhật Bản” còn thể hiện trong cách ứng xử, những suy nghĩ, quan điểm của người phương Đông về mối quan hệ giữa người với người, giữa con người với thiên nhiên... Người Nhật Bản rất yêu thiên nhiên, trân trọng những gì thuộc về tự nhiên. Trầm tư - một trong những nét tính cách tiêu biểu của người Nhật, có lẽ cũng bắt nguồn từ tình cảm này. Trước thiên nhiên, con người thường lặng yên chìm đắm, và dù là nông dân hay bậc trí sĩ, thì tình yêu thiên nhiên của họ cũng không khác nhau. Gia đình thương gia Takichiro (Cố đô) có thể bỏ hàng buổi đi ngắm hoa anh đào trong chùa Heian Dgingu, ngắm thông liễu trên núi Bắc Sơn... Gia đình ông Singo (Tiếng rền của núi) cũng sống trong khung cảnh hòa mình vào thiên nhiên. Họ là những con người với nét tính cách, suy nghĩ... đặc trưng Nhật Bản, họ giữ gìn những quan niệm truyền thống thuộc về phương Đông cho dù đôi khi đó là những phong tục xưa cũ. Gia đình nghệ sĩ hát rong trong Vũ nữ Izu tỏ niềm tôn trọng chàng sinh viên đi cùng bằng cách mời chàng uống nước suối trước, vì “Chúng tôi nghĩ cậu sẽ không muốn uống sau khi đàn bà chúng tôi đã khuấy động dòng nước” [22a]; mời chàng ăn thịt gà nhưng lại phân trần: “Cánh đàn bà chúng tôi đã đụng đĩa vào rồi, nhưng ngày nào đó biết đâu cậu sẽ gặp may nhờ nó.” [22b]. Những quan niệm đặc trưng phương Đông (có thể coi là một dạng văn hóa phi vật thể) như vậy không phải là khó tìm ở Kawabata, và ông đã bảo lưu chúng một cách vĩnh hằng trên trang sách.

Các nhà nghiên cứu còn cho rằng nên xếp Kawabata vào dòng văn chương của những bậc thầy Haiku thế kỷ XVII. Những tác phẩm gần gũi với thể thơ này của Kawabata chính là mảng truyện-trong-lòng-bàn-tay. Hơn một trăm truyện được viết suốt từ những năm ông ở tuổi hai mươi,

mỗi truyện chỉ vài trang, nhỏ xinh như một bài thơ về những điều bất chợt, nhưng lại chứa đựng nhiều triết lí sâu xa về vũ trụ và con người.

Thơ Haiku ngắn gọn hàm súc, một bài thơ chỉ có ba câu, mười bảy âm tiết, thường diễn tả một ấn tượng, một trạng thái tâm hồn thông qua một âm thanh, hình ảnh... Thể thơ này ý ở ngoài lời, trọng tâm thơ là cái mà người đọc cảm thấy chứ không phải đọc được, không nằm trong câu chữ mà nằm trong cái nó để trống...

Cũng như vậy, truyện-trong-lòng-bàn-tay của Kawabata với dung lượng chỉ vài trang, chính là những lát cắt của cuộc sống, được gửi gắm nhiều ý tưởng sâu kín không nằm trong truyện.

Mảng truyện này toàn truyện không có chuyện, với những cái kết lửng lơ gợi mở nhiều suy tưởng cho độc giả. Truyện Mái nhà viết năm 1928 là một ấn ý mang đậm tính triết lí. Câu chuyện chỉ hai trang, kể về một người đàn ông dẫn người vợ bị mù của mình đi xem ngôi nhà mới, nhưng thật diệu kì, bằng sự thay đổi về khung cảnh và tình yêu, “người phụ nữ đã nhanh nhẹn đi thẳng qua ngôi nhà lạ như một cô gái có thể nhìn thấy tất cả.”. Ngay mở đầu tác phẩm, Kawabata cũng đã có lời dẫn giải : “Sự mù lòa mà tôi nói đến ở đây không chỉ có nghĩa là sự mù lòa của đôi mắt.”[23] Phải chăng điều mà tác giả muốn gửi gắm chính là sự mù lòa của đôi mắt không đồng nghĩa với sự mù lòa về tâm hồn, nếu được khai thị bằng tình người thì bất kì ai cũng có thể nhận biết được thế giới với những điều trong sáng. Nhiều lần Kawabata khẳng định, những truyện cực ngắn đó là sự kết tinh nghệ thuật của ông, chúng là những vật mẫu được thu nhỏ đầy ý nghĩa và rất được ông ưa thích.

Cái “chân không, trống vắng” của thơ Haiku cũng hiện hữu trong nhiều tiểu thuyết của ông, nơi độc giả thường bắt gặp những quang cảnh bao la, tĩnh lặng của thiên nhiên, khoảnh khắc trầm tư suy tưởng của con người... Cái “chất” đó là chất nền của văn minh Phương Đông, phát triển trên cơ sở lấy thiên nhiên làm gốc.

Tiếp nhận cả hai nền văn hóa Đông - Tây (Kawabata đã từng học khoa văn học Anh trước khi chuyển sang học văn học Nhật), cộng với những tố chất thiên bẩm của một nhà văn, Kawabata trở thành một trong những bậc thầy về miêu tả cảnh vật và con người. Cảnh vật trong tác phẩm của ông thường chứa đựng nhiều ý tưởng sâu xa, độc đáo và cũng rất chân thực. Biệt tài của Kawabata là giúp người đọc hình dung rõ ràng được phong cảnh như nó đang hiển hiện ngay trước mắt.

“Dựa lưng vào tường đá, một con bé chừng mười hai, mười ba tuổi đang đứng đan, tách biệt khỏi những đứa khác. Phía dưới chiếc “quần miền núi” rộng thùng thình bằng vải thô, anh thấy chân nó đi guốc, không có tất, da chân đỏ tím và nứt nẻ vì lạnh. Cạnh nó, ngồi ngoan ngoãn trên đồng cùi là một bé gái khoảng hai tuổi đang mắt môi mắt lợi đưa hai cánh tay bé xíu ra căng mớ len xám xỉn, sợi len như có màu tươi hơn và ấm áp hơn ở quãng giữa cánh tay của đứa nhỏ và bàn tay của đứa lớn.”[24]

Đó là những hình ảnh của Xứ tuyết sinh động, đầy trải nghiệm mà không một trí tưởng tượng đơn thuần nào có thể viết ra. Còn đây là phong cảnh của một vùng cũng có suối nước nóng trong Thượng Đế hiện hữu [25]: “Khi màn đêm buông xuống, một ngôi sao lẻ loi tỏa sáng như ngọn lửa ga trên vai núi, khiến anh giật mình. Anh chưa bao giờ thấy một ngôi sao lớn và gần như thế. Lóa mắt bởi ánh sáng của vì sao, cảm thấy lạnh, anh lại quay xuống con đường rải cuội trắng giống như một chú cáo đang chạy. Không gian tĩnh lặng đến nỗi dẫu chỉ một chiếc lá rụng cũng gây xao động.”[26] Cả con đường nữa cũng rất ấn tượng ở bán đảo Izu: “Một bên được kẻ bởi hàng rào trắng, con đường ngoằn ngoèo chạy xuống từ cửa hầm như một tia chớp.” [27]

Ngôn ngữ trong tác phẩm của Kawabata được giới phê bình đánh giá là cô đọng, hàm súc và rất trong sáng. Ất hẳn nhờ thứ ngôn ngữ ấy mà tác giả có được một lối viết nhẹ nhàng nhưng lôi cuốn, một lối viết gần gũi với tinh thần văn chương cổ Nhật Bản.

Sinh thời, Kawabata từng thể hiện niềm say mê của mình với văn chương truyền thống Nhật Bản đặc biệt là văn chương Thời Heian. Truyện Genji của nữ sĩ Murasaki Shikibu (978-1030) là sách gối đầu giường của Kawabata. Ông cho rằng đó là cuốn sách của mọi thời đại và là niềm tự hào của người Nhật. Tuy nhiên, đọc Kawabata, thật khó có thể chỉ ra một tác phẩm cổ điển nào mà Kawabata chịu ảnh hưởng rõ rệt, chỉ thấy toát lên một tinh thần, một ấn tượng Heian, cái mà người ta gọi là “phong cách Kawabata”: trữ tình, sâu lắng nhưng cũng rất mượt mà, trong sáng. Tác phẩm của Kawabata rõ ràng là mới mẻ với kỹ thuật và phương pháp hiện đại; đặc biệt là những liên tưởng phóng khoáng tới mức đang từ ranh giới nhận thức này nhảy sang ranh giới nhận thức kia. Nhưng khi kết thúc, tác phẩm lại là cả một thế giới mơ hồ, khó lòng nắm bắt và khó làm thỏa mãn ngay lập tức những đòi hỏi trực tiếp về mặt thẩm mỹ, nhận thức như bất cứ một tác phẩm nào của nghệ thuật truyền thống Nhật Bản.

Chất giọng chung trong các tác phẩm của ông là giọng trầm tư - triết lý. Đó là những suy tư lắng đọng về con người và cuộc đời. Giọng kể tự nhiên ấy phù hợp với tính Thiền trong văn hóa phương Đông. Mặt khác, sử dụng kỹ thuật tân tiến để thể hiện tư tưởng phương Đông, Kawabata là một trong số ít nhà văn đủ bản lĩnh để có thể dung hòa giữa cổ điển và hiện đại.

Kawabata yêu mến nhưng không có thái độ “bảo thủ” với những gì thuộc về truyền thống. Chảy trong huyết quản dòng máu phương Đông thuần khiết cộng thêm một tâm hồn rộng mở, tư tưởng tân tiến, ông luôn biết đón nhận cái mới bằng thái độ cầu thị đầy cẩn trọng và có chọn lọc. Kawabata, như một người dũng cảm đã dám băng qua cây cầu nguy hiểm mà có thể rơi xuống dòng sông ngoại lai bất cứ lúc nào. Ông đã vượt qua, hay ở một khía cạnh khác, ông chính là người xây cầu nối giữa hai bờ Đông - Tây. Một người trầm tĩnh, thông thái, giữa bao ngã đường đã biết “chọn một dòng chảy trong lành để tắm mát tâm hồn mình” [28] - tâm hồn một lữ khách u buồn lang thang đi tìm cái đẹp.

Hà Nội, tháng 5 năm 2004

Chú thích:

[1], [2], [3] Donald Keene, Dawn to the West, Henry Holt and Company, New York, 1984, p. 630. p. 630, p. 793.

[12] Tuyển tập Y. Kawabata, nhiều người dịch, NXB Hội nhà văn, 2001, tr. 287-288.

[13] Yasunari Kawabata, Người đàn ông không cười, Đào Thị Thu Hằng dịch, Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, số 9 - 2002, tr. 72.

[14] The Oxford book of Japanese short stories, Edited by Theodore W. Goosser, Oxford University Press, New York, 1997, p. 130.

[15] Yasunari Kawabata, Xứ tuyết, Ngô Văn Phú và Vũ Đình Bình dịch, NXB Hội nhà văn, 1995, tr.12, tr.65-66, tr.116-117, tr.11.

[16] Sđd.

[17] Sđd.

[18] Y. Kawabata – Cuộc đời và Tác phẩm, Lưu Đức Trung, NXB Giáo dục, 1997, tr 135.

[19] Dawn to the West, Ibid, p.807.

[20] Yasunari Kawabata, Palm-of-the-hand stories, North Point Press, New York 1988.

[21] Nhật Chiêu chủ biên, Truyện ngắn hiện đại Nhật Bản, NXB Trẻ, Tp Hồ Chí Minh 1996.

[22a] [22b] The Oxford book of Japanese short stories, Ibid, p.143 p.145.

[23] Palm-of-the-hand stories, Ibid, p, 112 p. 111.

[24] Tuyển tập Y. Kawabata, Sđd, tr. 266.

[25] Hoàng Long dịch là Hiện hữu thần linh (BT).

[[26](#)] Palm-of-the-hand stories, Ibid, p. 72.

[[27](#)] The Oxford book of Japanese short stories, Ibid, p. 132.

[[28](#)] Yasunari Kaivabata - cuộc đời và tác phẩm, Sđd, tr. 15.

NIÊN BIỂU YASUNARI KAWABATA

1868: Minh Trị Thiên hoàng lên ngôi, khởi xướng Cách mạng Duy Tân.

1880-1890: Cao trào đòi tự do dân quyền ở Nhật.

1894-1895: Chiến tranh Nhật - Trung.

1899: Kawabata chào đời ở một làng quê gần thành phố Osaka.

1904-1905: Chiến tranh Nhật - Nga. Kawabata bốn tuổi, cha mẹ mất, về ở với ông bà nội.

1906: Bà nội mất.

1908: Chị gái duy nhất mất.

1912: Minh Trị Thiên hoàng băng hà, Taisho Thiên hoàng lên ngôi, thời kì Taisho dân chủ (Taisho demokurashi) bắt đầu.

1914: Kawabata 15 tuổi, ông nội mất. Kawabata bắt đầu cuộc sống tự lập. Tác phẩm đầu tiên, Nhật kí tuổi mười sáu ra đời.

1920: Kawabata học khoa Văn học Anh, sau chuyển sang học Văn học Nhật Bản tại trường Đại học Tokyo. Sáng lập viên tạp chí Trào lưu mới (Sintio). Truyện ngắn đầu tay Lễ chiêu hồn đăng trên tạp chí này.

1923: Động đất lớn ở vùng Kanto gần Tokyo.

Kawabata ở trong Ban biên tập tạp chí Văn nghệ xuân thu (Bungei Shunju) và Văn nghệ thời đại (Bungei Jidai). Tham gia phái Tân cảm giác (Shinkankaku).

1925: Truyện ngắn Vũ nữ Izu ra đời.

1926: Taisho Thiên hoàng băng hà, Hirohito lên ngôi, đổi niên hiệu là Showa.

1929-1930: Viết tiểu thuyết Hồng đoàn ở Asakusa, tác phẩm ủng hộ chủ nghĩa hiện đại và có thể coi là một bức tranh về ngoại ô Tokyo những năm 1930.

1932-1934: Viết tự truyện Thư gửi cha mẹ tôi.

1933: Viết Về chim và thú một trong những truyện ngắn hay nhất của ông. Kawabata tham gia vào ban biên tập tạp chí Thế giới văn học (Bungakkai).

1935: Kawabata bắt tay viết tác phẩm Xứ tuyết.

1937: Xứ tuyết đoạt giải Diễn đàn văn nghệ (được tổ chức ba năm một lần).

1939-1945: Nhật Bản tham gia Đại chiến thế giới lần thứ II.

1942-1954: Viết tiểu thuyết Kì thủ.

6/8/1945: Mĩ ném bom nguyên tử ở thành phố Hiroshima.

9/8/1945: Mĩ ném bom nguyên tử ở thành phố Nagasaki. Kawabata ẩn cư để sáng tác.

1947: Kiệt tác Xứ tuyết được xuất bản.

1948: Kawabata được bầu làm Chủ tịch Hội Văn bút (Pen club) Nhật Bản, đảm nhiệm chức vụ này trong vòng bảy năm.

1951: Kiệt tác Ngàn cánh hạc ra đời, được giải thưởng của Viện Hàn lâm Nghệ thuật Nhật Bản.

1952: Xuất bản tiểu thuyết Ngàn cánh hạc và Tiếng rền của núi trong cùng một tập sách và đoạt giải thưởng của Viện Hàn lâm Nghệ thuật Nhật Bản.

1954: Viết tiểu thuyết Cái hồ.

1954-1955: Viết Người Tokyo, tiểu thuyết bình dân phục vụ độc giả đại chúng, tác phẩm dài nhất trong sự nghiệp của ông. Đây là thể loại ông viết

khá nhiều, thường đăng từng kì trên các tạp chí nhưng không bao giờ đưa vào tổng tập tác phẩm của mình.

1961: Kiệt tác Cỗ đồ ra đời.

1963-1964: Viết Cánh tay, truyện ngắn mang màu sắc của chủ nghĩa siêu thực.

1968: Kawabata được giải thưởng Nobel cho ba kiệt tác: Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Cỗ đồ.

Ngày 12/12/1968, ông đọc diễn từ nhận giải Nobel, Nhật Bản, cái đẹp và tôi tại Thụy Điển.

1969: Tiểu thuyết cuối cùng Người đẹp ngủ mê ra đời.

1972: Ngày 16 tháng 4, ông tự sát bằng hơi độc trong căn nhà nhỏ trên bãi biển ở Kamakura.

THƯ MỤC TÁC PHẨM KAWABATA

Nhật kí

Nhật kí tuổi mười sáu (Jurokusai no nikki, Diary of a sixteen-year-old, 1914).

Truyện trong lòng bàn tay

Cốt (Kotsu-hiroi, Ossements, 1916)

Miền ánh sáng (Hinata, Nhật hướng, A sunny place, 1923)

Bình dễ vỡ [29] (Yowaki Utsuwa, The weaker vessel, 1924)

Người đàn bà hóa thân vào lửa (Hi ni yuku kanojo, The girl who approached the fire, 1924)

Tục ngữ và sự sinh nở (Nokogiri to shussan, A saw and childbirth 1924)

Con châu chấu và con dế chuông (Batta to suzumushi, The Grasshopper and the bell cricket, 1924)

Chiếc nhẫn (Yubiwa, The ring, 1924)

Tóc (Kami, Hair, 1924)

Những con chim bạch yến (Kanariya, Canaries, 1924)

Thành phố cảng (Minato, Harbor town, 1924)

Bức ảnh (Shashin, Photograph, 1924)

Bông hoa màu trắng (Shiroi hana, The white flower, 1924)

Bến tàu (Minato, 1924)

Gương mặt người chết (Shinigao no dekgoto, The incident of the dead face, 1925)

Cỏ (Garasu, Grass, 1925)

Địa Tạng Vương Bồ Tát Oshin (Oshin jijou, 1925)

Viên đá cuội (Suberi iwa, The sliding rock, 1925)

Tạ ơn (Arigato, Thank you, 1925)

Tên trộm hồ đào (Gumi nusutto, The silverberry thief, 1925)

Đôi giày mùa hạ (Natsu no kutsu, Summer shoes, 1926)

Cái nhìn con trẻ (Kodomo no tachiba, A child's view point, 1926)

Tự tử vì tình (Shinju, Love suicides, 1926)

Lời nguyện cầu của xử nữ (Shojo no inori, The maidens' prayers, 1926)

Vào đông (Fuyu chikashi, Toward winter. 1926)

Cuộc maratông của loài sẻ (Suzume no baishaku, The sparrow's matchmaking, 1926)

Sự cố chiếc mũ (Boshi jiken, The hat incident, 1926)

Hạnh phúc của một con người (Hitori no kofuku, One person's happiness, 1926)

Hiện hữu thần linh (Kami imasu, There is a God, 1926)

Cá vàng trên sân thượng (Okujo no kingyo, Goldfish on the roof, 1926)

Mẹ (Hana, Mother, 1926)

Tia nắng rạng đông [30] (Asa no tsume, Morning nails, 1926)

Thiếu nữ Suruga (Suruga no reijo, The young lady of Suruga, 1927)

Yuriko (Yuri, Yuriko, 1927)

Xương cốt thần linh (Kami no hone, God's bones, 1927)

Người đàn ông mù và cô gái (Mekura to shojo, The blind man and the girl, 1928)

Đôi mắt của mẹ (Haha no me, 1928)

Sự dò xét của vợ (Fujin no tantei, The wife's search, 1928)

Đôi mắt mẹ nàng (Hana no me, Her mother's eye, 1928)

Sấm mùa thu (Aki no kaminari, Thunder in autumn, 1928)

Gia đình (Katei, Household, 1928)

Sân ga mưa phủ (Shigure no eki, The rainy station, 1928) ở hiệu cầm đồ (Shichiya nite, At the pawnshop, 1929)

Người đàn ông không cười (Warawanu otoko, The man who did not smile, 1929)

Dòng dõi Samurai (Shizoku, Samurai descendant, 1929)

Gà trống và vũ nữ (Niwatori to odoriko, The rooster and the dancing girl, 1930)

Trang điểm (Kesho, Make up, 1930)

Người chồng găng bó (Shibarareta otto, The bound husband, 1930)

Thói ngủ (Nemuriguse, Sleeping habit, 1932)

Mưa phùn (Amagasa, Umbrella, 1932)

Mặt nạ tử thần (Desu masuku, Death mask, 1932)

Gương mặt (Kao, Faces, 1932)

Bộ quần áo của người em gái (Imoto no kimono, The younger sister's clothes, 1932)

Người vợ của cơn gió mùa thu (Akikaze no nyobo, The wife of the autumn wind, 1933)

Ca đẻ an toàn của con chó cảnh (Aiken anzan, A pet dog's safe birthing, 1935)

Quê nhà (Sato, Hometown, 1944)

Nước (Mizu, Water, 1944)

Cây lựu (Zakuro, The pomegranate, 1945)

Những đồng năm mươi xu bằng bạc (Gojusen ginka, The silver fifty-sen pieces, 1946)

Cây trà hoa (Sazanka, The camellia, 1946)

Cây mận (Kobai, The plum, 1948)

Tabi (Tabi, Tabi, 1948)

Chim giẻ cùi (Kakesu, The jay, 1949)

Mùa hè và mùa đông (Natsu to fuyu, Summer and winter, 1949)

Thuyền lá tre (Sasabune, Bamboo-leaf boats, 1950)

Những quả trứng (Tamago, Eggs, 1950)

Những con rắn (Hebi, The snakes, 1950)

Mưa mùa thu (Aki no ame, Autumn rain, 1962)

Những người hàng xóm (Rinjin, The neighbors, 1962)

Cao xanh lộng gió (Ki no ue, Mộc chi thượng, Up in the tree, 1962)

Bộ đồ cưỡi ngựa (Jobafuku, Riding clothes, 1962)

Sự bất tử (Fushi, Immortality, 1963)

Trái đất (Chi, Earth, 1963)

Con ngựa trắng (Shirouma, The white horse, 1963)

Hoa quỳnh (Gekka bijin, The cereus, 1963)

Tuyết (Yuki, Snow, 1964)

Lượm lặt từ Xứ tuyết (Yukigunisho, Gleanings from snow country, 1972)

Từ hàng lông mày (Mayukara)

Biển (Umi)

Tính nữ (Onna)

Tình yêu đáng sợ (Osoroshii ai, Khủng ái)

Cổ hương (Kokyou)

Những thiên sứ điểm trang (Keshou no tenshitachi; truyện này gồm mười truyện nhỏ: "Hoa" (Hana), "Tóc bạc" (Shiraga: Bạch phát), "Thuốc" (Kusuri: Dược), "Phong cảnh" (Fuukei), "Màn" (Kaya), "Chiếc dù" (Amagasa), "Vật áo" (Suso), "Gương mặt khi ngủ" (Negao: Tắm nhan), "Sắc màu" (Shikisai: Sắc thái) và "Ân nhân" (Onjin).

Truyện ngắn

Lễ chiêu hồn (Shokonsai ikkei, 1920)

Về chim và thú (Kinju, Of birds and beasts, 1933)

Cánh tay (Katau, One arm, 1963-1964)

Trăng soi đáy nước (Suigetsu, Thủy nguyệt)

Tiếng gieo xúc xắc ban khuya

Vũ nữ Izu (Izu no odoriko, Izu dancer, 1925)

Nốt ruồi

Vịnh cánh cung

Thư gửi cha mẹ tôi (Fubo e no tegami, Letters to my parents, 1932-1934)

Những cây kim, kính và sương mù (Hari to garasu to kiri, Needles, glass and the fog, 1931)

Những hình trang trí bằng pha lê (Suisho genso, Crystal íantasies, 1931)

Tiểu thuyết

Trữ tình ca (Jojoka, Lyric poem, 1934)

Xứ tuyết (Yuki guni, Snow country, 1935-1947)

Ngàn cánh hạc (Sembazuru, Thousand cranes, 1951)

Cổ đô (Koyto, The old Capital 1961)

Cái hồ (Mizuumi, The lake, 1954)

Kì thủ (Meijin, Master of Go, 1942-1954)

Tiếng rền của núi (Yama no oto, The sound of the mountain, 1952)

Người đẹp ngủ mê (Nemureru bijo, The house of the sleeping beauties, 1969)

Hồng đoàn ở Asakusa (Asakusa kurenai dan, The Asakusa crimson gang, 1929-1930)

Người Tokyo (Tokyo no hito, Tokyo people, 1954-1955)

Vũ nữ (Maihime, Dancing girl, 1950)

Câu chuyện về thành phố có một dòng sông (Kawa no aru shitamachi no hanashi, Story of a town with a river, 1953)

Vẻ đẹp và nỗi buồn (Utsukushisa to kanashimi to, Beauty and sadness, 1960)

Những cây bồ công anh (Tampopo, Dandelions, 1964)

Tiểu luận phê bình

Cái nhìn cuối cùng (Matsugo no me, The eyes of the dying, 1933)

Sự sống và khám phá cái đẹp (1969)

Diễn từ Nobel: Nhật Bản, cái đẹp và tôi (Utsukushii Nihon no Watakushi, Japan, the beautiful and myself, 1968)

Chú thích:

[29] Có người dịch Đàn bà (BT).

[30] Thụy Khuê dịch là Móng sáng (BT).

PHỤ LỤC 2

ĐẤT PHÙ TANG, CÁI ĐẸP VÀ TÔI

bản dịch của Cao Ngọc Phượng

Lá Bối xuất bản lần thứ nhất 1969

SAIGON - VIETNAM

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Giải thưởng Văn chương Nobel 1968 được trao cho Yasunari Kawabata; một tiểu thuyết gia nổi tiếng Nhật Bản. Kawabata sinh ở Osaka năm 1899. Hồi còn nhỏ, ông ta nuôi mộng làm họa sĩ - một cái mộng còn phảng phất trong các tiểu thuyết của ông ngày nay, nhưng từ khi còn học trung học, truyện ngắn của ông đã được đăng báo và nổi tiếng, vì vậy ông đã quyết định trở nên văn sĩ,

Ông tốt nghiệp Đại Học Hoàng gia Đông Kinh năm 1924, một trong những tiểu thuyết nổi tiếng của ông là “Tuyết Quốc” được phổ biến rộng rãi bằng ngoại ngữ.

Ông cũng là một nhà phê bình văn học nổi tiếng và đã khám phá ra được những nhà văn trẻ có tài như Yukio Mishima chẳng hạn. Năm 1948 ông được bầu làm chủ tịch Văn Bút (PEN) Nhật Bản. Hiện ông sống ở Kamakura.

Bài diễn văn ‘Đất Phù Tang, Cái Đẹp và Tôi’ mà Lá Bồi hân hạnh trình bày hôm nay đã được đọc trước Hàn Lâm Viện Hoàng gia Thụy Điển sau ngày ông lãnh giải thưởng Văn Chương Nobel từ tay quốc vương Thụy Điển. Lá Bồi trình bày bài này vì đó là một tài liệu rất quan trọng, nói lên được cả bối cảnh của nền văn học nghệ thuật Đông Phương trong đó tinh thần đạo học nhất là Thiền học đóng một vai trò quan trọng. Những điều của Kawabata trình bày sau đây quả là cần thiết để có thể hiểu được đặc tính của thi ca hội họa và các ngành văn nghệ khác ở những nước Á Đông được thấm nhuần thiền học như Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam. Chắc hẳn đọc Kawabata trong bài diễn văn này; độc giả có thể cảm thấy mình quen thuộc hơn với nền văn học nghệ thuật Lý Trần của xứ sở. nếp sống tâm linh của Thiền hướng dẫn và nuôi dưỡng nghệ thuật, sự thực đó hiển nhiên không phải chỉ ở Nhật Bản mà còn ở Việt Nam và Trung Hoa.

Kawabata đã nói được phần nào cho Tây phương biết về không khí và đặc tính văn hóa Á Đông. Tuy bài diễn văn cở hàm ý trình bày sự giàu có và thâm trầm của nền văn học Nhật, nó cũng có thể đóng góp được vào công sức nối nhịp cầu liên lạc văn hóa đông tây một cách hữu hiệu.

Nền văn hóa Việt Nam, có những mẫu số chung với các nền văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản, còn có những đặc tính nào mà ta cần phát huy, còn có những đặc tính nào đã khiến cho dân tộc Việt trải qua ngàn vạn đảo điên và gian nguy vẫn đứng vững như thành đồng trước cơn bão táp ? Đọc Kawabata, ta có một dịp để suy nghĩ thêm về tiêu án ấy vậy.

LÁ BỐI

ĐẤT PHÙ TANG, CÁI ĐẸP VÀ TÔI

**bài của YASUNARI KAWABATA, giải Nobel văn chương 1968,
đọc tại Hàn Lâm Viện Thụy Điển ngày 19-12-1968.**

“Mùa Xuân có hoa đào, mùa Hè có chim cu,

Mùa Thu có trăng và mùa Đông có tuyết, sáng, lạnh.”

“Mặt trăng mùa đông từ trong mây đi ra, đang đi theo tôi cho có bạn, gió thì buốt, tuyết thì lạnh “.

Hai câu thơ đầu là của Đạo Nguyên Thiền Sư [1] và có nhan đề là “Bán Lai Diện Mục” [2].

Hai câu thơ sau của Minh Huệ Thượng Nhân [3]. Mỗi khi người ta đến xin thủ bút của tôi, tôi thường viết cho họ hai bài thơ đó. Có một đoạn văn xuôi mà Minh Huệ Thượng Nhân viết, kể lại một cách chi tiết cái cảm hứng đã khiến người làm ra hai câu thơ đó:

“Đêm 12 tháng chạp năm 1224, mặt trăng nấp sau mây mờ trong khi tôi đang ngồi tham Thiền trong Hoa Cung điện. Khi chuông canh nửa đêm vọng lên, tôi ngưng tham thiền, và từ thiền thất trên đỉnh núi, tôi bước lần xuống dãy tầng phòng. Trong khi tôi bước đi như vậy, mặt trăng từ vòm mây lộ ra khiến cho mặt tuyết ánh chiều rạng ngời đây đó. Mặt trăng lúc ấy là bạn đồng hành của tôi, và cho dầu lúc đó có tiếng chó sói tru lên trong thung lũng cũng không có thể làm tôi sợ. Khi tôi trở ra, mặt trăng lại bị che lấp sau vầng mây. Và khi chuông rung báo hiệu canh khuya, tôi lại lững thững đi lên đỉnh đồi.

Mặt trăng lại hiện ra trên đường tôi đi. Tôi bước vào thiền thất khi mặt trăng không vướng một sợi mây, đang sửa soạn lặn xuống bên kia núi. Lúc đó tôi thấy như là mặt trăng vẫn còn bí mật theo tôi”.

Đoạn văn đó được nối tiếp sau bài thơ mà tôi đã dẫn trên kia. Tác giả đã nói rằng bài thơ kia được nghĩ ra trong lúc người đi vào thiền thất sau khi mặt trăng đã khuất dạng. Tiếp đó là bài thơ sau đây:

*“Ta sẽ đi đến phía sau núi,
người cũng sẽ đi tới đó nhé, mặt trăng.
Đêm đêm chúng ta sẽ cùng là bạn đồng hành.”*

Và đây là sự hình thành một bài thơ khác, sau khi Minh Huệ Thượng nhân đã sống phần cuối của đêm trong thiền thất, hoặc có thể là đã trở lại thiền thất một lần nữa trước bình minh.

“Vừa hé mắt ra sau buổi tham thiền, tôi gặp trăng tinh sương soi bên cửa sổ. Từ nơi chỗ ngồi tĩnh tọa, tôi thấy tâm tôi bỗng được chiếu sáng, dường như bởi ánh sáng của trăng :

“ Tâm tôi rạng ngời, ánh sáng tinh khiết tràn lan.

Và không còn ngờ gì nữa, trăng sẽ nghĩ rằng ánh sáng của tâm tôi là chính ánh sáng của trăng “

Bởi những lời trào dâng giản dị, liên tục một cách hồn nhiên như sau mà thiền sư Minh Huệ được gọi là thi sĩ của trăng:

*“ Sáng, sáng và sáng, sáng, sáng và sáng, sáng,
Mặt trăng sáng và sáng, sáng và sáng.”*

Trong ba bài thơ về trăng mùa đông từ khoảng cuối đêm đến sáng tinh sương, Minh Huệ Thượng nhân đã theo hoàn toàn quan điểm của Tây Hành [4] thiền sư, một thiền sư thi sĩ khác: “mặc dù tôi làm thơ, tôi không nghĩ rằng đó là thơ tôi làm.”

Ba mươi một chữ của một bài thơ, chân thật và thuần trực, Như là nói chuyện trực tiếp với trăng, không phải chỉ để diễn tả cái ý niệm giản dị “trăng là bạn đồng hành”. Nhìn trăng, thi sĩ biến thành trăng và trăng mà người đang nhìn trở thành chính thi sĩ. Người chìm trong thiên nhiên, đồng

nhất với thiên nhiên. Ánh sáng “trùng tâm” [5] của thiền sư ngời trong thiền thất tối trước khi bình minh về đã trở thành ánh sáng của chính mặt trăng.

Như chúng ta đã thấy trong phần mở đầu dài của bài thơ thứ nhất của Minh Huệ Thượng Nhân, trăng mùa đông nơi đây là bạn đồng hành ; tâm của thiền sư nơi sơn thất đang cùng trăng tương giao tương cảm. Và đó chính là điều mà thi sĩ đang ca ngợi. Nếu tôi hay chọn bài thơ đầu mỗi khi phải viết thủ bút cho người ta, đó là vì cái vẻ dịu dàng và từ bi rất quý hóa của bài thơ đó. Trăng mùa đông, đi vào trong mây và hiện trở lại soi sáng bước chân tôi khi tôi đi lên thuyền thất, khiến tôi không sợ sỏi: gió không thấm vào người ư, tuyết không thấm vào người ư, người không lạnh ư? Tôi chọn bài thơ ấy như bài của từ bi, ấm áp, sâu sắc và tế nhị, một bài thơ chứa đựng được sự im lặng có chiều sâu của tinh thần Nhật Bản. Bác sĩ Yashuro Yukio, một học giả về Botticelli [6] nổi tiếng quốc tế, lão thông về nghệ thuật đông tây kim cổ, đã thu gọn những “đặc chất của nghệ thuật Nhật Bản” trong một câu nói như sau:

“Khi tuyết rơi, khi hoa nở khi trăng lên, hơn bao giờ hết, ta nhớ tới bạn”. Khi chúng tôi thấy vẻ đẹp của tuyết trắng, của trăng tròn, khi chúng tôi trông hoa anh đào nở... tóm lại, khi mà vẻ đẹp của bốn mùa lướt tới và đánh thức chúng tôi dậy, đó chính là lúc chúng tôi nghĩ nhiều nhất đến những người thân và muốn chia sẻ sự sung sướng cùng họ. Kích thích bởi cái đẹp, ta thấy rất cần người chia sẻ, rất cần tình bạn - Và chữ “bạn” ở đây có thể hiểu là “nhân gian”.

“Tuyết, nguyệt, hoa” những danh từ diễn tả các mùa nối tiếp nhau, theo phong tục Nhật Bản, đã gom cả vẻ đẹp của núi sông cây cỏ và cả muôn ngàn biểu hiện khác của thiên nhiên cũng như cảm nghĩ của con người. Tinh thần ấy, cảm nghĩ ấy, đối với bạn đồng hành trên tuyết, dưới trăng, trong hoa, cũng là bản chất của Trà Đạo. Trà lễ là một sự cùng đến với nhau trong cảm nghĩ, là một sự gặp gỡ giữa những người bạn tốt, trong một cơ hội đẹp. Tôi có thể nói lướt qua rằng : Xem quyển tiểu thuyết “ Thiên

Vũ Hạc” của tôi như sự gọi lại vẻ đẹp tinh thần chính xác của Trà lễ tức là đã không hiểu ý tôi. Thật ra đó chỉ là một tác phẩm tiêu cực, diễn tả sự nghi ngờ của tôi về giá trị đang mất dần của Trà đạo và báo trước cái lỗ bịch mà Trà đạo đã và còn sẽ rơi vào.

“Mùa Xuân có hoa đào, mùa hè có chim cu,

Mùa Thu có trăng và mùa Đông có tuyết, sáng, lạnh”.

Trong bài thơ của Đạo Nguyên Thiền Sư nói về vẻ đẹp của bốn mùa, ta có thể chỉ thấy được những hình ảnh ước lệ, tầm thường, công thức và dờ ẹt. Người ta có thể thấy nó là một bài thơ mà không thật là thơ gì cả. Nhưng đó lại là một bài thơ rất gần với bài thơ trời trần của Thiền Sư Lương Khoan [6] :

“Ta còn để lại gì không?

Đây là hoa nở mùa Xuân

Kia là chim cu hót trên đồi

Và nọ là lá thu vàng rụng”

Trong bài thơ này cũng như trong bài thơ của Đạo Nguyên Thiền Sư, sự tầm thường của hình ảnh và sự tầm thường của danh từ được kết liên không do dự và như thế chúng lại truyền đạt được tinh hoa của tinh thần Nhật Bản. Và chính là bài thơ cuối của Lương Khoan Thiền Sư mà tôi muốn trích dẫn ở đây:

“Một ngày Xuân dài, đầy sương:

Tôi thấy tôi đang nô đùa với trẻ nhỏ, chuyền chiếc bóng tròn,

Gió thì mát, trăng thì thanh,

Hãy nô đùa cho đến hết ngày,

Chút gì còn lại của thời tàn.

Không phải tôi ghét bỏ cuộc đời

Nhưng chính vì lạc thú chỉ có thể một mình tôi thường thức.”

Thiền Sư Lương Khoan, người đã xô ngã được sự lỗ bịch tân thời của thời đại ngài, người đã đứng trong cái vinh quang của những thế kỷ đầu, người mà thi ca và nét chữ đã được thán phục nhiều nhất ở Nhật Bản ngày nay - đã sống một cách rất thực trong tinh thần của những bài thơ này, đã rong du suốt các nẻo đường quê của đất nước, lấy lều cỏ làm nhà, lấy giẻ vụn làm áo, đã chuyện trò thân mật với người nông dân lam lũ.

Đối với ngài sự sâu sắc của tôn giáo và văn chương không lấy gì làm khó. Văn chương và tôn giáo nơi ngài diễn tả bằng từ ngữ “hòa nhan, ái ngữ” của đạo Phật.

Trong bài thơ di chúc của ngài, Thiền sư đã không cần truyền lại một mật ý nào cả, một gia tài nào cả. Ngài chỉ nói rằng sau khi ngài tịch thiên nhiên vẫn mãi còn xinh đẹp. Có thể đó là điều ngài “để lại”. Người ta cảm nghe những tình cảm của nước Nhật xưa trong bài thơ cùng một lần với lòng nhiệt thành của đức tin tôn giáo.

“Tôi đã cứ tự hỏi và tự hỏi rằng khi nào nàng sẽ đến,

Và giờ đây thì chúng tôi đang được ở bên nhau.

Tôi còn phải suy nghĩ gì nữa nhỉ?”

Thiền Sư Lương Khoan cũng đã có làm những bài thơ về tình yêu. Tôi thích nhất cái bài mà tôi vừa mới trích. Một ông già sáu mươi chín tuổi (tôi có thể ghi thêm rằng vào cùng tuổi này tôi lãnh giải thưởng văn chương Nobel). Lương Khoan Thiền Sư gặp một ni cô tên là Trinh Tâm, hai mươi chín tuổi, và tình yêu giữa hai người đã nảy nở thật trong sáng. Bài thơ được xem như là bài thơ của hạnh phúc, của sự may mắn đã gặp được người bạn tình vong niên, người mà ngài đã chờ đợi từ lâu. Câu chót của bài thơ là hiện thân cho chính sự bình dị.

Thiền Sư Lương Khoan viên tịch vào năm bảy mươi ba tuổi. Người qua đời ở tỉnh Echigo, giờ là quận Niigata, nơi hình thành của cuốn tiểu thuyết

“Tuyết Quốc” của tôi, một tỉnh ở miền Bắc nước Nhật, có gió buốt từ Siberie thổi qua Nhật Bản Hải. Người sống suốt đời trong Xứ Tuyết và dưới mắt người, dưới đôi mắt “mặt kỳ” của ngài, “xứ tuyết” lại còn đẹp hơn nữa khi ngài đã đạt ngộ, già yếu, và đến gần giờ viên tịch.

Tôi có viết một tùy bút nhan đề “con mắt của mặt kỳ”. Nhan đề này tôi lấy trong di bút của nhà văn viết truyện ngắn Giới Xuyên Long Chi Giới (Akutagawa Ryunosuke) [7] trước khi ông tự tử. Đó là câu đã giáng vào óc tôi một đòn rất nặng.

Giới Xuyên đã nói rằng dường như ông ta đã mất dần cái “động vật lực” mà người ta thường gọi là “sức sống”. Rồi ông tiếp tục: “Tôi đang sống trong thế giới của thần kinh bệnh hoạn, sáng toát và lạnh như băng... Tôi không biết đến khi nào thì tôi sẽ quyết định tự vận. Nhưng đối với tôi thì thiên nhiên bây giờ lại đẹp hơn bất cứ bao giờ. Tôi chắc rằng các người sẽ cười tôi mâu thuẫn, vì ở đây tôi vừa yêu mến thiên nhiên vừa nghĩ tới sự tự vận.

Nhưng thiên nhiên sở dĩ trở nên xinh đẹp là vì thiên nhiên đến với tôi trong khi hai mắt tôi có thể hiện hữu ngay được ở mặt kỳ của chúng.”

Giới Xuyên tự sát vào năm 1927, tuổi đúng ba mươi lăm.

Trong tùy bút “con mắt của mặt kỳ” tôi đã viết: “ Dù ta có thể bị tách rời ra khỏi cuộc đời đến mức nào đi nữa thì sự tự sát cũng không thể được gọi là một hình thái của giác ngộ. Một con người tự sát sẽ rất xa các bậc thánh, cho dù hành động của người có đáng mến có phục bao nhiêu đi nữa”.

Tôi không thán phục, cũng không có cảm tình với sự tự sát.

Tôi có một người bạn khác, một học sĩ thuộc loại tiền phong, chết khi còn trẻ. Anh này cũng thế. Anh ta nghĩ đến sự tự sát trong nhiều năm, và cũng vì anh ấy một phần mà tôi đã viết thiên tùy bút trên. Tôi đã viết về anh: “Dường như có rất nhiều lần chàng nói rằng Không có nghệ thuật nào cao hơn nghệ thuật chết, rằng chết tức là sống vậy.” Tuy nhiên tôi có thể nói rằng ý niệm về sự chết của chàng, vốn sinh trong một ngôi chùa và

được giáo dục trong một trường học Phật Giáo, rất khác với ý niệm về sự chết của Tây Phương. “Trong những người đã từng suy nghĩ về hiện hữu, có mấy ai là đã không nghĩ đến sự tự sát?”

Theo tôi chính vì sự hiểu biết đó mà ông bạn Nhất Hưu [8] đã hai lần định tự sát. Tôi nói “ông bạn” là vì ngay cả trẻ con cũng đều biết đến Nhất Hưu Thiên Sư như một con người thật hoan hỷ và bởi vì những dật thoại về hành trạng kỳ lạ không cùng của ngài đã truyền đến nay rất nhiều. Người ta thường kể rằng trẻ con đã leo lên gối ngài để vuốt râu, sờ mặt ngài, rằng chim rùng đã đến ăn trên tay ngài. Từ những sự việc này ta có thể thấy rằng ngài đã đạt đến chỗ vô tâm hành xả tuyệt đối, rằng ngài là một vị Thiên Sư dễ mến, dễ làm bạn. Thật ra đó là một vị Thiên Sư thuộc hạng giới luật nghiêm chỉnh và tâm linh sâu sắc nhất. Truyền rằng ngài là con của Thiên Hoàng, vào chùa năm lên sáu và chứng tỏ rất sớm là một thiên tài thi phú. Trong thời gian còn trẻ ngài từng bị giao động mạnh vì những nghi vấn sâu xa về sự sống và về tôn giáo “ Nếu có Trời, thì để cho ngài kéo tôi lại. Còn nếu không có Trời thì cứ để tôi gieo mình xuống hồ và trở thành thức ăn cho cá”. Người trai trẻ kia đã tìm cách gieo mình xuống hồ sau khi lưu lại những giòng chữ đó, nhưng đã không chết vì có người bắt lại kịp. Vào một dịp khác, một số bạn đồng tu của ngài ở chùa Đại Đức bị kết tội vì có một vị sư trong chùa tự tử. Ngài về chùa với “gánh nặng trên vai”, tìm cách tuyệt thực đến chết. Ngài để lại tập thơ nhan đề là “Cuồng Vân tập” và sau này đã dùng danh từ Cuồng Vân làm bút hiệu. Trong tập thơ này và ở những tập thơ kế tiếp, có những bài thơ hay không tiền khoáng hậu, không những trong lĩnh vực thi văn Hán tự (Kanji) mà cả trong lĩnh vực thi văn Thiên của suốt thời Trung Cổ Nhật Bản. Lại có những bài thơ khêu gợi nhục cảm, những bài thơ về bí mật phòng loan khiến ta phải vô cùng kinh ngạc. Ngài đã tìm cách tự giải phóng khỏi những giáo điều và giới luật của Thiên Tông thời đó bằng cách ăn cá, uống rượu và đi lại với nữ nhân. Ngài chống lại với những hình thức giáo chế có sẵn để đi tìm trong Thiên sự tái sinh của tinh hoa sự sống và xác định lại ý nghĩa của hiện hữu con người,

trong khung cảnh suy vi đến cực độ của đạo đức gây ra do những ngày nội chiến dai dẳng triền miên.

Tu viện của ngài, Đại Đức Tự ở Kyoto, đã và đang còn là một trung tâm của Trà Đạo và nét chữ của ngài, thấy trong các bức trướng treo ở các trà thất, rất được mọi người hâm mộ.

Tôi có hai mẫu thủ bút của ngài. Bức thứ nhất chỉ có một dòng: “Vào cõi Phật dễ vào cõi ma khó “ (Phật giới nhập dị, ma giới nhập nan). Tôi rất bị hấp dẫn bởi câu đó, và thường dùng nó để viết cho thiên hạ mỗi khi có người tới xin thủ bút của tôi. Câu đó có thể hiểu nhiều cách, khó dễ tùy theo mình. Nhưng từ trong cõi ma nhập vào cõi Phật ấy Nhất Hưu Thiền sư đã đến với tôi một cách trực tiếp lạ lùng. Sự thực là đối với một nghệ sĩ đi tìm, chân, thiện, mỹ, thì không thể sợ tránh thế giới của ma. Không thể có Phật nếu không có ma. Và chính thế giới ma mà lại khó thâm nhập. Không phải vì hèn yếu mà người ta có thể đi vào cõi đó.

“Gặp Phật, anh hãy giết Phật đi,

Gặp Tổ, anh hãy giết Tổ đi” [9]

Đó là một khẩu đầu ngữ rất nổi danh của Thiền. Nếu Phật giáo được phân ra nhiều tông phái, có tông tin tưởng ở sự giải thoát bằng tha lực, có tông tin tưởng ở sự tự giác tự độ thì cố nhiên phải có những câu nói ghê gớm như thế trong Thiền giới. Câu nói nhấn mạnh đến sự cần thiết vô song của khả năng tự tu tự độ. Về phía bên kia, giải thoát bằng tha lực, ta thấy có Thân Loan Thánh Nhân [10], người sáng lập Tịnh Độ Chân Tông. Người từng nói “Người hiền mà còn được vãng sinh tịnh độ, huống hồ người dữ!” Câu nói có cái gì phù hợp với câu nói của Nhất Hưu Thiền Sư về Phật giới và ma giới tuy nhiên hai người vẫn có những khuynh hướng khác nhau. Thân Loan Thánh Nhân có lúc đã nói: “Một đệ tử thôi, tôi cũng sẽ không chịu thu nhận”.

“Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ” và “ một đệ tử thôi, tôi cũng không thu nhận”, hai câu tuyên bố đó có lẽ cũng nói lên được số phận gắt gao của

nghệ thuật.

Trong Thiền tông không có sự tôn thờ cúng vái ảnh tượng. Thiền có dùng ảnh tượng, nhưng trong Thiền thất dùng để tham Thiền, không cần có kinh và tượng. Thiền giả ngồi bất động, mắt nhắm, xả bỏ hết mọi tự tướng hình bóng. Thiền giả rời tự ngã tiến tới lĩnh vực chân không. Chân không đây không phải là cái hư vô của Tây Phương quan niệm, mà trái ngược hẳn lại, là một thế giới tâm linh trong đó vạn vật hỗ tương giao cảm, hoàn toàn tự tại, siêu việt mọi biên giới và hình thức.

Cố nhiên là có Thiền Sư để kẻ Thiền tập học hỏi bằng sự trao đổi vấn đáp và bằng sự nghiên tầm tham khảo các kinh điển. Tuy nhiên người đệ tử phải tự làm chủ lấy tâm mình và phải đạt ngộ bằng tự lực. Thực chứng trực ngộ quan trọng hơn luận lý đàm thiền rất nhiều.

Giác ngộ không phải do sự học hỏi mà có mà phải do sự tỉnh thức nội tâm. Chân lý thì “bất lập văn tự” và “ngôn ngoại “. Vì vậy, trong kinh Duy Ma Cật (Vimalakirti), chúng ta thấy có sự “im lặng như sấm sét” (“mặc như lôi”). Thủy tổ của Thiền Tông Trung Hoa, ngài Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma), vốn là một vị hoàng tử Nam Ấn sống vào thế kỷ thứ sáu, đã ngồi chín năm quay mặt vào tường im lặng (“cửu niên diện bích”) trước khi giác ngộ. Phép tham Thiền tĩnh mặc trong tư thế ngồi kiết già là do từ đây truyền ra.

Hãy đọc hai bài thơ sau đây của Thiền Sư Nhất Hưu :

“Nghe hỏi mới trả lời, không nghe hỏi không trả lời,

Vậy trong tâm ngài có gì, hỏi tổ Đạt Ma?”

Và:

“Tâm là cái gì?

Là tiếng gió trong cây tùng, nơi bức tranh thủy mặc “

Đây chúng ta đi vào tinh thần Thiền của hội họa đông phương. Trọng tâm của bức tranh Thủy mặc nằm ở khoảng không; nghĩa là ở khoảng

không có nét vẽ. Họa Sĩ Kim Đông Tâm [11] của Trung Hoa có nói: “ Năng họa nhất chi phong hữu thanh. “(Biết vẽ, thì mới vẽ xong một cành cây đã nghe có tiếng gió thổi trong cây). Đạo Nguyên Thiền Sư cũng lại nói: “Không phải thế sao ? Sự ngộ đạo có thể tìm trong tiếng gió lao xao trong bụi tre. Sự minh tâm có thể thấy nơi đóa anh đào mới nở.” Trì Phường Chuyên ứng (Ikenobo Sen’o)một bậc thầy của Hoa Đạo có nói trong ngữ lục của người rằng :” Với một cành hoa, một chút nước, ta có thể gọi về sự cao rộng của sông, của núi”

Những vườn cảnh Nhật cũng tượng trưng cho sự bao la của thiên nhiên nữa. Vườn cảnh Tây phương có khuynh hướng đối xứng (symétrique) còn vườn cảnh Nhật thì không ngay thẳng đối xứng như thế. Cũng vì tính cách không đối xứng đó mà vườn cảnh Nhật Bản có khả năng tượng trưng nhiều hơn cho sự bao la và đa dạng của thiên nhiên. Tính cách phi đối xứng này cố nhiên được nương tựa trên một sự thăng bằng tạo nên do những cảm tính rất tế nhị. Không có gì phiền mất đa dạng chú mục vào chi tiết bằng nghệ thuật vườn cảnh Nhật Bản. Vì vậy có một hình thái vườn cảnh được gọi là “Vườn cảnh khô” - được cầu tạo toàn bằng đá, trong đó sự sắp đặt các tảng đá lớn nhỏ gợi nên sự hiện hữu của sông núi và có thể gợi nên cả hình ảnh những đợt sóng nhào mình vào các triền đá trên bờ đại dương. Thu gọn lại đến mức tối đa vườn cảnh Nhật Bản trở thành “ Bồn Tài” tức là chậu cây kiểng, hoặc là “Bồn Thạch” tức là chậu đá kiểng.

Á Đông dùng chữ Sơn Thủy để chỉ cho phong cảnh - kể cả trong tranh và trong vườn - trong những chữ đó đã có gói ghém ý niệm về sự khô khan và sự thừa bỏ, cả ý niệm về sự buồn bã và sự mòn cũ nữa. Tuy vậy trong tính cách buồn bã, khổ hạnh và tàn lụi mà trà đạo rất quý chuộng ấy (Trà đạo cũng được diễn tả một cách ngắn gọn trong tiêu ngữ “hòa kính thanh tịch” tức là cung kính một cách hiền hòa, yên lặng một cách thanh tịnh) đã có tiềm ẩn một sự giàu có vô song về tâm linh. Trà thất, tuy nhỏ hẹp và đơn giản đến mức, vẫn chứa đựng được không gian vô cùng và cái đẹp trang nhã vô tận. Chỉ một bông hoa thôi cũng đủ chứa đựng được sự tươi sáng của một trăm bông hoa. Lợi Hưu [12] vị tổ sư của Trà Đạo và Hoa Đạo của

thế kỷ thứ 16 dạy rằng không nên dùng những bông hoa mãi khai. Cả trong nghệ thuật pha trà ngày nay, người ta cũng thường chỉ cắm có một bông hoa độc nhất trên bệ trà thất và bông hoa đó là một bông hàm tiếu. Nếu là vào mùa đông thì đó là một bông hoa mùa đông, tỉ dụ một bông trà, tên Bạch Ngọc hay Tích Trợ (wabisuke) nghĩa đen là “ người bạn giúp mình thanh tịnh “, sẽ được dùng trong trà lễ. Đó là một loại hoa trà được quý chuộng nhất trong các loại trà hoa, vì sắc trắng tinh của nó mà cũng vì sự thanh nhã của các đóa hoa. Một nụ hoa trà bạch ngọc thôi cũng đủ để trang trí trà thất. Sắc trắng là sắc trinh tuyền nhất trong các sắc ; nó chứa đựng tất cả các màu sắc khác. Phải luôn luôn còn vài giọt sương trên nụ hoa. Thế nên người ta thường tắm hoa bằng vài giọt nước. Tháng năm là tháng tuyệt vời nhất cho trà đạo vì lúc đó người ta có thể hái cắm vào bình Thanh Tư một đóa mẫu đơn tuyệt đẹp - một đóa mẫu đơn hàm tiếu còn đượm ít hạt sương. Không những đóa hoa được tắm ướt mà chiếc bình cũng thường được tắm nước cho ướt nữa.

Trong các loại bình hoa, thứ bình được quý vào bậc nhất là bình cổ Y Hạ (Iga). Bình này được làm từ thế kỷ thứ 16, đến thế kỷ thứ 17 và rất đắt tiền. Khi chậu Y Hạ được tắm ướt, màu sắc và ánh sáng của nó đẹp như có thể khiến người ta tỉnh mát người ra được. Bình Y Hạ được nung trong nhiệt độ rất cao. Tro rơm và nhiên liệu trong lò xấp mạnh vào mặt bình, và khi nhiệt độ hạ xuống, biến thành một thứ men trắng lên mặt bình. Bởi màu sắc của bình không phải được tô lên mà là được tự nhiên tạo thành trong lò nên chúng hiện lên mặt bình thành nhiều hình thể được cho là do tính cách tinh vi tùy hứng và tình cờ của lò nung tạo ra. Tính cách khắc khổ thô sơ và cứng mạnh của mặt bình Cổ Y Hạ bỗng trở nên óng ả vô cùng khi mặt bình được tắm ướt. Nó thở theo nhịp điệu của giọt sương trên nụ hoa. Trong trà đạo, những người sành điệu cũng thường tắm ướt chén trà trước khi dùng để mặt chén được thêm óng ả.

Trì Phương Chuyên Ứng (Ikeno- bono Sen'o) một lần khác có nhận định rằng “núi sông phải có hình dáng của núi sông”. Thiền Sư đã mang tới một quan niệm mới về hoa đạo và đã dùng những mảnh sành và những cành củi

khô để làm “ hoa” và cũng là để khai thị sự giác ngộ. Ở đây chúng ta thấy tỏ lộ dưới ánh hưởng của Thiền, cái đẹp của tinh thần Nhật Bản. Và có lẽ ta cũng thấy được tấm lòng của một kẻ đã từng sống bao năm trong sự tàn phá của trận nội chiến kéo dài. Tập truyện ký của Y Thế [13] là tập dật sử xưa nhất của Nhật Bản trong đó có những câu chuyện có thể được gọi là “truyện ngắn”. Trong một truyện thuộc loại này, tác giả kể rằng thi sĩ Tại Nguyên Hành Bình, (Ariwara no Yukihira) sau khi đã mời khách đến liên mang ra một chậu hoa để thiết đãi : “Là một người nhiều tình cảm, thi sĩ mang ra một chậu lớn hoa Đăng rất lạ. Những chùm hoa dài vươn lên tới 3 thước 6”. Một chùm hoa Đăng cao đến như thế thì quả là phi thường, khiến người ta có thể nghi là tác giả nói không thật. Tuy nhiên tôi có thể thấy trong chùm hoa cao lớn đó cái tượng trưng cho văn hóa rực rỡ của thời đại Bình An (Heian). Hoa Đăng (Fuji) là một thứ hoa rất Nhật Bản và có vẻ đẹp mỹ miều của nữ phái. Những chùm hoa Đăng phất phơ trong gió gợi cho ta sự dịu dàng duyên dáng. Ẩn hiện giữa cây cỏ xanh tươi mùa hạ, chúng mang theo chúng cái vẻ đẹp bi thương mà người Nhật thường gọi là “vật bi” (mono no aware). Cố nhiên là tác giả đã hơi quá khi cho rằng chùm hoa cao tới 3 thước 6, dù là thước Nhật xưa. Cái rực rỡ của nền văn hóa Bình An một ngàn năm về trước và sự xuất hiện của cái đẹp đặc biệt Nhật Bản thì cũng kỳ lạ như là chùm hoa Đăng cao ngất đó chớ gì; bởi vì văn hóa đời Đường trước đó một thời gian khá lâu, đã được thâm nạp và Nhật hóa một cách sâu sắc rồi. Trong lĩnh vực thi ca thì có tuyển tập thi ca đầu tiên phụng soạn theo sắc lệnh Thiên Hoàng, tên là”cổ Kim Tập”(Kosinshu) ra đời đầu thế kỷ thứ 10. Trong lĩnh vực truyện ký thì có tập “ Y Thế Vật Ngữ” và theo sau đó là những giai phẩm giá trị nhất của lịch sử văn xuôi cổ điển Nhật, tập “Nguyên Thị Vật Ngữ “ (Genji) của nữ sĩ Tử Thức Bộ (Murasaki) và cuốn “Châm Thảo Tử” của nữ Sĩ Thanh Thiếu Nạp Ngôn (Sei Shonagon) cả hai bà này đều sống vào cuối thế kỷ thứ 10 và đầu thế kỷ thứ 11. Như thế, một truyền thống văn nghệ đã được thành lập, tiếp tục ảnh hưởng và hướng dẫn được cả nền văn chương Nhật Bản trong suốt 800 năm trời. Tập “Nguyên Thị Vật Ngữ” là đỉnh cao tột của văn học Nhật Bản. Cho đến nay ta cũng chưa tìm ra được một tập truyện có thể so sánh được

với nó. Một tác phẩm tân kỳ như vậy mà được viết vào thế kỷ thứ II, đó là một chuyện lạ; mà tác phẩm được biết đến ở hải ngoại cũng lại là một chuyện lạ. Hồi tôi còn nhỏ, tôi rất mê đọc các tác phẩm cổ điển thời đại Bình An dù cổ văn của tôi hồi đó còn kém. Tôi thích nhất tập “ Nguyên Thị Vật Ngữ “. Bao nhiêu thế kỷ trôi qua rồi mà sự mê thích “Nguyên Thị Vật Ngữ” vẫn còn nồng nhiệt, mà người ta vẫn còn bắt chước, mô phỏng tác phẩm ấy. “Nguyên Thị Vật Ngữ” đã là một nguồn suối sâu rộng nuôi dưỡng cảm hứng cho thi ca, mỹ thuật, mỹ nghệ, và cho cả nghệ thuật vườn kiếng nữa.

Các nữ Sĩ Tử Thức Bộ và Thanh Thiếu Nạp Ngôn cùng những thi sĩ nổi tiếng khác như Tuyền Thức Bộ (Isumi Shikibu - bà này có lẽ mất vào đầu thế kỷ thứ 11) và Xích Nhiễm Vệ Môn (Akazome Emon - có lẽ mất vào giữa thế kỷ thứ 11) đều là những mệnh phụ trong Cung. Văn hóa Bình An là văn hóa Vương triều, mà văn hóa Vương triều là văn hóa nữ phái. Nguyên Thị Vật Ngữ và Chấm Thảo Tử ra đời vào giai đoạn rực rỡ nhất của nền văn hóa vương triều, lúc nền văn hóa đó chín muồi và đang chuẩn bị đi vào sự tàn lụi. Người ta cảm thấy sự buồn bã của một cái gì sắp mất - giai đoạn cuối của một thời đại quang vinh - ngọn triều cao của văn hóa Vương triều Nhật. Triều đình đi dần xuống dốc. Quyền bính chuyển từ giới công khanh sang giới võ sĩ và nằm trong tay giới này suốt bảy thế kỷ, từ sự thành lập thời đại Khiêm Thương (Karaa Kura 1192- 1333) cho đến năm Minh Trị nguyên niên (1868). Tuy nhiên không phải là văn hóa vương triều của Thiên Hoàng đã tiêu trầm trong thời gian đó. Trong Tân tuyển tập thi ca soạn vào đầu thế kỷ thứ mười 13, “Tân cổ Kim Tập” (Shin ko kin shu) sự khéo léo kỹ thuật của “Cổ Kim Tập” xưa được đẩy tới một bước mới - đôi khi rơi cả vào sự huênh hoang ngôn từ. Tuy nhiên có những yếu tố mới được thêm vào. Tính cách u huyền, thần bí, huyền tượng và gợi ý và do đó có cả tính cách tùy hứng, nhục cảm được coi như là có liên hệ với thi ca tượng trưng bây giờ. Tây Hành Pháp Sư mà ta đã có dịp nhắc tới trên kia là một thi sĩ đại diện cho cả hai thời đại Bình An và Khiêm Thương.

“ Tôi đã nằm mộng thấy chàng, bởi vì tôi đã nghĩ đến chàng,

nếu tôi biết đó là một giấc mộng, thì tôi đã không bao giờ muốn tỉnh giấc. Trong giấc mộng, đêm đêm tôi đều tìm tới chàng

nhưng tất cả những cuộc gặp gỡ đó, than ôi, còn ngắn

hơn một giây khi tôi đã tỉnh thức.”

Những câu thơ đó là của Tiểu Dã Tiểu Đình (Ono no Komachi) đệ nhất nữ thi sĩ của “Cổ Kim Tập” một người làm thơ về mộng với một thái độ hiện thực rất trực tiếp. Nhưng khi ta tìm tới những vần thơ sau đây của hoàng hậu Vĩnh Phước Môn Viện (Eifuku - đồng thời với Thiền sư Nhất Hưu thuộc thời đại Thất Đình tức Muromachi ; hình như sau khi “Tân cổ Kim Tập” ra đời), chúng ta thấy một thứ hiện thực rất tinh vi, tinh vi đến trở thành một thứ tượng trưng sâu thương rất Nhật Bản :

“ Nắng mai chiều trên lũy tre có bầy chim sẻ hót - màu nắng như màu mùa thu,

Gió thu lay động lá cành, thấm đến tận xương. Trên tường thành mặt trời chiều đang lặn”

Thiền Sư Đạo nguyên, mà bài thơ về tuyết lạnh tôi đã trích trên và Thiền Sư Minh Huệ người đã viết về mặt Trăng như bạn đồng hành đều đại khái thuộc về khuynh hướng của thời đại “ Tân cổ Kim Tập”. Minh Huệ Thiền Sư và Tây Hành Thiền Sư thường trao đổi thi ca và trò chuyện về thơ với nhau.

Sau đây là một đoạn về đời của Minh Huệ Thiền Sư do đệ tử của người là Hỉ Hải viết:

“Thiền Sư Tây Hành thường đến thăm và nói chuyện về thơ. Thái độ của người với thi ca, người nói, không giống người thường. Vạn tượng trong vũ trụ đều hư vọng. Hoa đào, chim cu, trăng, tuyết: đối diện với mọi hình sắc của thiên nhiên, mắt và tai của người chỉ tràn ngập chân không. Chữ người dùng không phải là chữ thật. Khi người nói về hoa đào, thì trong óc người không có hoa đào thật ; khi người nói về mặt trăng, người không nghĩ tới

mặt trăng. Khi xuất sự, khi tùy hứng, người làm thơ. Chiếc cầu vòng đỏ bắc ngang vòm trời kia sở dĩ có là bởi hư không đang nhuộm sắc. Ánh sáng kia trắng là vì bầu trời đang sáng dần. Không có gì để hứng lấy màu sắc cả. Với một tâm trí như bầu trời trống không kia, người tô màu cho mọi cảnh trí, nhưng rốt cuộc không có vết tích gì còn lưu lại. Trong một thứ thi ca như thế, ta có thể tìm thấy Như Lai, thấy pháp thân và thấy chân lý“.

Ở đây, ta gặp chân không của Đông Phương. Tác phẩm của tôi đã từng được mô tả như tác phẩm của chân không. Nhưng chữ “không” ở đây không thể được hiểu theo nghĩa “hư vô” kiểu tây phương. Nền tảng tâm linh hai bên thật khác nhau. Thiền Sư Đạo Nguyên đặt tên bài thơ bốn mùa của người là “Bán Lai Diện Mục “ và dù người có ca tụng vẻ đẹp của bốn mùa, người cũng đã thành thơ bị lội trong biển Thiền...

Chú thích:

[1] Dogen (1200-1253)

[2] mặt mũi xưa nay, chân tướng của nội tâm

[3] Myoe (1173-1232)

[4] Saigyo (1118-1190)

[5] Lắng lòng

[6] Ryokan (1758-1831)

[7] 1892-1927

[8] I Kkyu (1394-1481)

[9] Phụng Phật sát Phật Phụng Tổ sát Tổ

[10] Shinran (1173-1262)

[11] tên Kim Nông, hiệu Đông Tâm, một tác giả, thi gia họa gia đời nhà Thanh

[12] Rikyu

[13] Ise, tập truyện nhan đề là “Y thế vật ngữ” soạn vào thế kỷ thứ 10.

Phụ lục 3

[First snow on Fuji](#)

[The master of Go](#)

First snow on Fuji

Yasunari Kawabata

Translated by Michael Emmerich

When *First Snow on Fuji* appeared in 1958, Yasunari Kawabata was beginning to attract the international attention that would lead, ten years later, to his being awarded the Nobel Prize. Since 1968 Kawabata's reputation as one of the stylistically influential and revered figures in world literature has continued to grow as new generations are introduced to the apparent simplicity of this most masterful of storytellers.

Selected by Kawabata himself and appearing in English for the first time in this faithful and nuanced translation by Michael Emmerich, these stories encompass a Shakespearean range of mood and theme. Several emerge from one character's haiku-like perception—a row of trees or the shape of a lover's ear—images that then resonate effortlessly through the narrative's subtle layers in what is recognized as a hallmark of Kawabata's clean and innovative style.

In the title story, a man and woman, long separated by war and her unhappy marriage, rendezvous for one tense and tender night in which they discover precisely what time can ravage and what it can preserve. In “This Country, That Country” a housewife's astonishing discovery that “two women exist within her”—one in the arms of her husband, the other in the embrace of her lover—gives life to a lurking desire for a third man and the possibility of a third self. And in “Silence,” perhaps the most sundering tale in this collection, Emmerich finds an eerie foreshadowing in Kawabata's silent end, when he committed suicide in 1972, leaving no note, and was quoted in his obituary: “A silent death is an endless word.” “Silence” is an existentialist ghost story, in which the lives of a mute and dying novelist and his devoted daughter are juxtaposed to the spirit who rides in taxis and

never speaks. “It’d be nice if she’d say thank you at least,” the cabby says. “But of course when ghosts talk they’re always complaining.”

At once a window into the very specific domestic world of postwar Japan and a timeless depiction of the vagaries of humankind’s desires and discontents, this remarkable collection evokes an unmistakably Japanese sensibility in its delicacy, understatement, and lyricism.

Yasunari Kawabata is best known for his novels *Snow Country*, *The Sound the Mountain*, and *Thousand Cranes*. His influences ranged from French writing to Japanese linked verse, from the resonance of traditional culture to the radical modernism of his contemporaries. The mentor of Yukio Mishima, Kawabata was the first Japanese writer to be awarded the Nobel Prize for Literature in 1968.

FIRST SNOW ON FUJI

TRANSLATED BY MICHAEL EMMERICH

COUNTERPOINT WASHINGTON, D.C.

Copyright© 1959 by Yasunari Kawabata Original translation © 1999 by
Michael Emmerich

All rights reserved under international and Pan-American Copyright Conventions. No part of this book may be used or reproduced in any manner whatsoever without written permission from the Publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical articles and reviews.

CONTENT

[Translator's Note](#)

[This Country, That Country](#)

[A Row of Trees](#)

[Nature](#)

[Raindrops](#)

[Chrysanthemum in the Rock](#)

[First Snow on Fuji](#)

[Silence](#)

[Her Husband Didn't](#)

[Yumiura](#)

[The Boat-Women](#)

Translator's note

Kawabata's fifty-ninth birthday was only a month away when *First Snow on Fuji* was published in April 1958. He'd already written most of the novels that would come to be known as his late masterpieces, and though he wasn't yet as widely celebrated in the West as he was in Japan, it must have been clear that his reputation as an international writer would only continue to grow as translations of the quietly stunning later works appeared. It must also have been clear that as his fame spread, and as he aged, Kawabata would be forced to slow down, to write less. His time would be less and less his own.

And indeed the foreseeable occurred. Kawabata was hospitalized for more than six months after suffering a severe gallstone attack in November 1958. He spent much of 1959 and 1960 traveling through Europe, accepting awards and attending conferences. And in 1960—for the first time in all his years as a writer—he published nothing. He was hospitalized for a second time in 1962 when efforts to end an eight-year-long addiction to sleeping pills landed him in a coma. Ten days passed before he woke. But then he was out in the world again, striving to make Japanese literature international, doing everything he could to help other writers. He himself had extremely little time to write. As Kawabata the writer became increasingly visible, Kawabata the man who wrote did indeed vanish into a certain kind of silence.

If this trend was clear to anyone in 1958, it must have been obvious to Kawabata. He'd been the busy president of Japan's R.E.N. Club for a decade. He'd spent two years organizing P.E.N.'s twenty-ninth international conference, which was held in Tokyo in 1957. He could already see what was coming. Kawabata wrote a brief essay on the final day of the 1957 conference he'd worked so terribly hard to prepare. "The 'I' in me seems to

have disappeared,” he writes. “Or perhaps I ought to say that a different ‘I’ has been living inside me.’

This is when *First Snow on Fuji* was written. A time when Kawabata—still at the very height of his powers—could count the minutes he called his own. He had to make the most of each unclaimed moment, each precious word. So it’s no surprise to find that the pieces in this collection are incredibly distilled, often dealing with the relationship between language and being, words and the past, and with being claimed, with losing possession of one’s historical self. The book was published at a pivotal moment, and we find traces in these stories of a great many of Kawabata’s earlier writings. We find its author looking back, responding to his past, even as he faces his future.

Readers familiar with Kawabata’s “*Diary of My Sixteenth Year*” may feel as if they’ve come across the third story in this collection, “*Nature*,” before. Kawabata had lost both his parents by the time he was three, his grandmother and his younger sister by the time he was ten. He lived alone with his blind, eventually bedridden grandfather until the old man passed away, and the life Kawabata lived as he waited for that death—feeding his grandfather, helping him urinate, running from the house filled with anger and running back full of sadness—this life is the principal subject of “*Diary of My Sixteenth Year*.” Perhaps “*Nature*” could be read as a much older Kawabata’s postwar revision of that extremely early work, a fresh attempt to lay an old ghost to rest. Only the story’s structure is more complex, the dying man is now someone else’s grandfather, and the narrator knows nothing but what he’s been told.

Kawabata wrote in his 1950 afterword to “*Diary of My Sixteenth Year*” that what most intrigued him as he looked back over the piece was “the mystery of my being unable to recall these things, even though I once experienced them.” This mystery is deeply embedded in “*Nature*.”

One Japanese critic suggests that Kawabata wrote “Yumiura” as a sequel to another very early work, “The Izu Dancer.” He believes that the woman who shows up at the aging author’s door in “Yumiura” is the earlier story’s childish dancer, now grown into a woman. “The Izu Dancer” is thought to be a section spun from real events; perhaps “Yumiura” has a sort of camouflaged truth in it too? Is it a particularly personal work? Some readers will be hesitant to accept such speculations, but of course speculation has its pleasures. Kawabata included both “The Izu Dancer” and “Yumiura” (along with “Chrysanthemum in the Rock”) in a collection of his own favorites from among his works that was published not long before he received the Nobel Prize. The book includes so few short stories that it seems reasonable to assume—this if nothing else—that Kawabata was exceptionally fond of the stories, that “Yumiura” and “The Izu Dancer” were indeed linked in one way or another within the realm of their author’s affections, perhaps even in the manner suggested.

Much more could be said about the stories in this book and their ties to Kawabata’s other writings, to his biography, and about the lines that string the stories together, since their sequence is not chronological. It is my hope that this first translation will prompt readers and critics to begin that saying. As for myself, I’m unable to conclude without at least mentioning the story that first took hold of me and made it necessary for me to translate *First Snow on Fuji*. My first reading of “Silence” left me dumbstruck. Such an intense expression of Kawabata’s aesthetics and thinking . . . of the “nothing” he discusses . . . of so much that lies at the heart of postwar masterpieces like *The Master of Go* ... of the meaning fallen chestnut that Shingo chooses not to mention to his wife in *The Sound the Mountain* and the everlasting presence in their marriage of the “blank” his silence leaves. “Silence” was a Central work in Kawabata’s oeuvre. As I read it again it occurred to me that it was also eerily prophetic. In the story a young writer takes a cab from Kamakura, where he lives, to the neighboring town of Zushi. There he visits another writer, an older man who has stopped

speaking and writing, who has given himself over to silence. Kawabata lived in Kamakura and had a studio in Zushi where he went to write. It was in the Zushi studio that he killed himself in the spring of 1972. He left no note. An obituary quoted him as having said, “A silent death is an endless word.”

Kawabata probably had no intention of dying when he wrote “Silence” in 1954, though it does seem likely that he foresaw the coming of a different sort of silence, the silence of celebrity and the silence of sickness, the silence of the writer who spends his time making it possible for others to write. He foresaw its coming because his own generosity was finally responsible, because he himself took up the burden of silence. *First Snow on Fuji* arises from silence.

One final note. “The Boat-Women: A Dance Drama” is one of only two works for the stage that Kawabata created. The “verses” it contains are neither “poems” nor “songs”—they are instead some combination of the two. Each verse is marked with a vaguely mountain-like symbol, which indicates that the line is to be intoned (or maybe chanted?) rather than simply spoken. The verses are divided into blocks of five or seven syllables in the Japanese, and they are written in an older form of the language; the rest of the dance-drama is composed in fairly contemporary prose. The battle fought between the enemy Genji and Heike clans at Dan-no-Ura in 1185, the history of which is told in *The Tale of the Heike*, forms the background of the piece. It is perhaps helpful to know that at this battle the Genji triumphed over the more sophisticated and courtly Heike, and that the story of Dan-no-Ura is one of the most moving and often-told stories in Japanese literature.

So many people have helped make this book possible that I can hardly begin to thank them all here.

Richard H. Okada, Joyce Carol Oates, and Karen Emmerich made any number of valuable suggestions during the early stages of translation; Peter

Constantine and Jennifer Lyons provided much needed moral support; Bradford Morrow created opportunities. My Japanese friends and teachers, especially those at the Kyoto Center for Japanese Studies, created potential. My parents made every potential possible.

This country, that country

1.

Takako read “This Country, That Country” in the Sankei Daily Times a second and even a third time on the eve of Culture Day, which is to say on November second. The column printed curious and interesting articles about occurrences abroad, more like stories or seeds of stories than hard news.

The previous day’s edition had given rather extensive coverage to an announcement made by England’s Princess Margaret, in which she had said that she would not marry Group Captain Townshend after all. It was only natural that one of the stories in today’s “This Country, That Country” should concern the princess’s love affair:

One often comes across mounds of stones in the Scottish highlands. In the past, these mounds were erected in memory of heroes who fell in battle, but now it’s said that lovers who add stones to these mounds achieve “eternal love.” Four years ago, at a time when Princess Margaret and Group Captain Townshend were both staying in Balmoral, they placed a stone on a mound located in the middle of an overgrown field some three miles outside of town, swore their love for one another, and by this act leapt instantly into fame. The princess’s love affair has now ended.

There was a picture of the mound at the end of the article. Its size could be estimated from the size of the people who stood around it—the pile itself was almost as tall as a man, and the individual stones that formed it were a good deal larger than a person’s head. A few stones were as wide across as a person’s shoulders.

Of course it was impossible to tell which of the stones the princess and the group captain had placed on the pile, but none looked as though the

princess could have lifted it alone. She and Group Captain Townshend must have lifted the stone together, and even so it must have been heavy.

Gazing at the photograph, Takako tried to imagine the princess as she would have looked hoisting a stone onto the mound with the group captain, but the image that came was simply an image. Takako felt no connection to it. Her reading of the articles in the previous day's paper had left her feeling sorry for the princess, who had after all been forced by church law and by certain customs of the English royal family to abandon her love, but that feeling was now gone. In some ways yesterday's empathy itself seemed like a foreign story.

Takako was unable to read one of the other stories in "This Country, That Country" with so much detachment, however. The story described two actual cases of "spouse swapping."

The first incident had occurred in Sweden. Two married couples, the Polsens and the Petersons, lived in adjacent apartments in a single building in Egresund, a town near Stockholm. Mr. Polsens and Mr. Peterson were friends of long standing, and they and their wives had grown so close that they lived essentially as a single family. Then, on the twenty-ninth (the article ran on November second, so it must have been October twenty-ninth), the two husbands swapped wives—or to look at it from the other point of view, the wives swapped husbands. In short, the couples were divorced and remarried simultaneously. Neither the Petersons nor the Polsens are at all worried about the shock they've given the world, and all four of them are getting along as well as ever, it was reported.

"There are so many marriages that just aren't happy, where the couple would be better off getting divorced," Peterson stated. "There's really nothing strange about our marrying each other's wives. In the end it seemed it'd be better for the children—that's basically why we did it."

The Petersons have one child, the Polsens two infants. All three children accompanied their respective mothers when they moved, each into the

apartment next door.

Another swap took place in the United States in the state of Wisconsin, where on the twenty-eighth (probably the twenty-eighth of October) a spouse swapping ceremony was held. Forty-three-year-old Mr. Pierce and twenty-nine-year-old Mrs. Pierce married thirty-two-year-old Mrs. Pemis and thirty-two-year-old Mr. Pemis, respectively. The two weddings were held consecutively, and each couple helped out at the other's ceremony.

The couples were interviewed two days later, on the thirtieth.

“ALL of us, our children too—we're all extremely pleased. ’

Each family has three children. As in Sweden, the children followed their mothers, who were the ones to move, though here too it was hardly a “move” at all: the couples live in facing houses, on opposite sides of the same street.

The comedy of the (very likely) middle-class spouse-swappers affected Takako more powerfully than the tragedy of the princess and her mound of stones because it related directly to her own life.

Or could it be that the spouse-swappers' story was the tragedy, and not the story of the princess's love? After all, the article might not have conveyed the spouse-swappers' true feelings, or maybe they hadn't told the reporters what they really felt.

Was it really possible that the children—living right next door to their former apartments, across the street from their old houses—would find the father-swap “a pleasure?” Was it really “better for the children?”

Takako couldn't believe it.

Spouse-swapping wasn't the kind of thing a person could do ordinarily, of course—certainly anyone predisposed to tragedy would have a hard time going through with it. To think that all four people, two married couples, had felt the same way—it must be incredibly rare. Indeed, it was precisely

because it was so rare that the topic had been taken up as international news in the first place, and why the Japanese newspaper had chosen the story for “This Country, That Country.”

The eight Swedes and Americans must have been either frivolous pleasure-seekers or lawless rebels—it was inconceivable that they had thought very deeply about what they were doing—and they must have exchanged spouses in the spirit of comedy. Takako was sure this was the case.

Even so, there was no denying that something utterly improbable had happened, really happened, twice within the past three or four days—even if it had happened in distant countries.

Takako, twenty-nine, was certainly well aware that things one might assume to be impossible sometimes do happen in the world. People can bring themselves to do anything at all, for any reason whatsoever. You can never tell what a person might do.

But she could never do it herself. She never would.

“I suppose all you really need are four people who feel the same way about it—four people out of an uncountable number—and then it’s possible, isn’t it?” she muttered, forcing herself to laugh.

No, it wasn’t amazing. It would cause no very terrible inconvenience, it wasn’t a crime. And yet “all you really need” was not something one could honestly say.

Takako decided that it would be best not to show the article to her husband, Hirata.

Hirata had skimmed the newspaper before he left that morning—it was unlikely that he would look through it again, or that if he did he would happen across “This Country, That Country.” Even supposing that he did read the column, he’d probably think it was just an amusing topic, a nice

little snippet of a story. He'd probably be more interested in the story about Princess Margaret and Group Captain Townshend, the story of the mound of stones.

Still, Takako decided to put the newspaper away somewhere where he wouldn't see it.

2.

Impatiently, Takako tried to jam the newspaper that contained the story in near the bottom of the stack she was making in the corner of the closet, but she couldn't make it go in.

She pictured herself squatting there, disgracefully posed, and suddenly found herself besieged by sinful thoughts.

Hiding the newspaper was not her only sin.

Sliding the closet door shut and turning toward the room, Takako was startled by the vivid shadow of a tree on the paper-paneled door. A bright autumn sun was shining outside.

She went out into the garden.

The shadow she had seen was being cast by a holly. The tree was larger than most hollies and was the only one in their garden that really looked like a tree.

The holly was speckled with tiny white flowers. Though it was plainly visible from the sitting room,

Takako couldn't remember when the flowers had started to bloom. It was strange that she couldn't remember.

And now the flowers were falling—the black earth in the tree's shadow looked white.

Takako picked up three or four of the small flowers and held them in the palm of her hand. Each blossom had four round, softly curved petals. The stamens were long.

Hirata might have noticed the flowers on the holly, but of course he would know nothing at all of the delicate form of the individual blossoms. So far neither Takako nor Hirata had mentioned the flowers this autumn.

Hearing the swish of kumazasa bamboo in the garden of the house next door, Takako called out, “Ricky, Ricky!”

A brown mutt put its head through a hole in the bottom of the bamboo fence. Takako could see from the movements of his head that the dog was vigorously wagging his tail, but he stayed right where he was and didn’t come through to their garden.

“Ricky, has Mr. Chiba gone out?”

Takako spoke so that Chiba would hear if he were home.

Chiba had named Ricky after the pro-wrestler Rikidosan, of course—his nickname was “Ricky.”

“I bet Rikidosan would be angry if he found out ”Takako had once said to Chiba.

“I doubt if he ever will. And even if he did, he’d probably just take it as a sign of his popularity and laugh it off. There really aren’t many good names for dogs, plus he’s a male, and he’s a guard dog, so don’t you think it’s right for him to be named after someone strong? Though once when I was walking in town I heard someone holler out ‘Ricky, Ricky!’ and when I looked it was this little terrier. Well, I thought, so other people are using it, too—trendy people”

“It’s a nice name. It has a nice sound.”

“You must have had the same experience yourself. You hear someone call out ‘Takako’ somewhere and you spin around... “

“Yes. There aren’t too many names for women, either”

“Ricky’s neck, the way it’s so long ... it kind of looks like yours. At least I think so.”

“Are you saying that this dog looks like me?” Takako thought she might laugh, but she didn’t. She wasn’t angry—it wasn’t that, exactly. But to

think that Chiba had looked at his pet dog's neck, thinking of hers! Her cheeks reddened.

Takako knew that her neck was slimmer and more shapely than those of most Japanese women— her friends had pointed this out to her since the time she was in grade school. Her neck had remained beautiful even after her marriage, never growing fleshy or unpleasant to look at. Hirata was also aware of the beauty of her neck. He sometimes pushed her jaw upward with his forehead and kissed it. Takako was so used to this that it no longer even tickled her.

Yet whenever young Fujiki brushed her neck with his lips, Takako felt so ticklish that she leapt up and leaned away, shrieking.

This difference surprised Takako, even frightened her. It was hard for her to believe that she responded to Fujiki the way she did solely as a result of his shyness, the softness with which he touched his lips to her neck.

“Ricky, come here.”

Takako called the dog again. But he kept standing there, his head and neck poking through the bamboo fence.

The fence was very old—it had been built before Takako's arrival at the house. Thick pieces of bamboo had been split in half and lined up with their insides facing the Hiratas' side, a fact that suggested it was someone from the Chibas' house who had built it. The akebi vine that had climbed the bamboo on the Chibas' side sometimes dropped its shriveled berries into the Hiratas' garden.

Chiba had still been single when Takako arrived as Hirata's bride. He was living with his mother and his younger sister, and there had been a pretty maid. The sister married and moved out soon after Takako arrived. Two years later Chiba's mother died.

The Hiras were invited to the sister's wedding reception, and they had also attended the mother's funeral. And Chiba had been at the Hiras' wedding reception, although Takako, the bride, had not seen him.

Two or three days after the Hiras returned from their honeymoon—it was a Sunday—Chiba had called down from the second floor of his house,

“Hirata, Hirata.”

“Yes?”

Takako walked out into the hall. It was the first time she had heard the name “Hirata” called like that, from a distance, and she'd taken it to refer to herself. It was also the first time she saw her neighbor's face—Chiba's face.

Chiba seemed somewhat taken aback to see her come out.

“Oh—I'm sorry to be shouting down at you like that. . . . I've had a pheasant sent up from the country, and I thought I'd send it over as a wedding present. I mean, if you'd like it... “

“Well—yes.”

Then Takako's face became red and she went back inside, making a gesture as if to say, wait a moment please! There was probably no need for her to ask her husband, since Chiba had said he would give it to them, yet . . .

Takako's chest was pounding. Chiba's voice was ringing inside her.

Hirata was delighted with the message she brought.

“Do you know how to prepare a pheasant?”

“No! Oh, no—I'd be afraid to. I couldn't. And— what does he do?”

“Mr. Chiba? He's an architect, works for a construction company. He graduated from a private university, but I hear he's got talent.”

Hirata stepped outside, and a moment later he and Chiba were tossing words back and forth between the second floor of Chiba's house and the first floor of the Hiratas', saying—My wife doesn't know how to cook pheasant—Shall we see if they'll fix it up for us at the poultry store?—And of course you'll have to join us, Mr. Chiba—Shall we have it in broth, family style?

The Chibas' house had two stories, the Hiratas' house only one. As the second son, Hirata had been obliged to leave his parents' house and move into a house of his own when he married. For this reason, the Chiba house was generally more impressive. “Will Mr. Chiba be joining us?”

Takako had been listening inside and knew the answer to this question, but she asked it anyway.

“Yeah, I thought I'd ask him over. His mother and sister helped out a lot when my mother was here. Before you came. ’

All this had been before Ricky's arrival at the Chiba house.

Ricky had come to the Chibas' as a fully grown adult. Surely—surely Chiba couldn't have seen him somewhere and asked to have him because his long neck reminded him of her? No—that would be going too far.

Ricky kept standing with his head and neck— that neck, so slim for a mutt's—poking through the hole in the bottom of the bamboo fence. He still made no attempt to step through it.

“Has Ichiko gone out, too? Are you watching the house, Ricky?”

Ricky was staring at her.

Takako didn't have to ask Ricky to know that Ichiko, Chiba's wife, was out. The ceaseless stream of voluble chatter that Ichiko addressed to her three-year-old daughter, Yoko, and to their maid, had stopped, and the radio, which Ichiko left playing from morning to night, was silent.

The Chibas had a television, too. Chiba had designed a summer house in Atami for the owner of a bicycle factory, and when he finished he was given a woman's bicycle and a television as a gift.

Ichiko had once seen Takahashi Keizo, a popular announcer on NHK, in the hallway of a kabuki theater. She had greeted him by mistake, bowing. "Why, if it isn't Mr. Takahashi!" she had said. And Takahashi had returned her greeting very smartly, very professionally. "Well, you always see him on television, right?—so I figured he must be someone I knew. Afterward it all seemed so funny. . . "

For a time, Ichiko had told this story to everyone she met. Takako had heard her telling it, and heard her laughing, next door.

She often saw Ichiko riding by on her bicycle, wearing a pair of ski pants that her husband had worn in his student days, with the three-year-old Yoko strapped in behind her. Ichiko had chosen the name Yoko because it fit her own simple requirements for a name. The ba in Chiba and the yo in Yoko were both written with the same character, so the four characters in the name could be divided into two more or less similar halves. Ichiko said this was good; she was proud that this also was true of her own name.

Ichiko had once said to Takako, "I've married into a family with lucky names."

The Chibas' maid was a woman in her forties. She was a war-widow, a quiet woman and good worker. She walked about sunk in silence, picking up the things that Ichiko left scattered throughout the house. With a husband named Chiba and a maid named Taneko, Ichiko felt sure she must be blessed with good luck.* (*"Chiba" contains a character meaning "leaf," and "Taneko" contains one meaning "seed" Tr.)

Even though Ichiko was generally unconcerned with subtleties and nuances, Takako thought she must have sensed her affection for Chiba, that Ichiko must know she had been attracted to him since soon after she arrived

at Hirata's house. Yet Ichiko put no distance between them, and never seemed embarrassed.

For example, Ichiko thought nothing of it if Takako saw her when she was changing clothes upstairs. Sometimes she would walk to the window, still naked, and start talking to Takako.

The living room downstairs and the bedroom on the second floor of the Chibas' house were furnished western-style. The bedroom seemed originally to have been a Japanese-style room with a tatami floor, which they had redecorated as a western room. The chest of drawers where Chiba and Ichiko kept their clothes was built into the wall of their bedroom. Takako was careless enough to look, she could see both the Chibas changing clothes from inside her own house. The Chibas' bedroom was at the back of the house, nearly hidden, but occasionally in summer Takako could see through the window that Chiba had put a large board on top of the double bed and spread blueprints out across it.

Takako sometimes wondered, somewhat strangely, if the fact that Chiba used the double bed as a desk meant that he was satisfied with Ichiko's body. She herself had never been in a double bed. What was it like in a double bed, she wondered, in that other country.

Hirata and Fujiki were also as different as this country and that country. Hirata disliked it when Takako moved—with Fujiki, though, she had been the one to move from the beginning. Of course this might have been due to the fact that Fujiki was still a student, so much younger than she.

"I feel so humiliated. I'm such an animal." Takako often said such things when they were finished, covering her face, her wide-open eyes. And Fujiki would rejoice in the knowledge that Takako felt so passionately toward him.

Takako thrashed madly in bed to paralyze her sinful thoughts.

She felt that if Chiba were her partner she could be docile, that her eyes would brim with tears of joy, though the sin would be the same.

Whenever it seemed that she was about to cry out, Hirata put a finger into Takako's mouth, making her bite it.

It wasn't exactly true that in forcing Takako to restrain herself Hirata satisfied her less than Fujiki. Indeed, when she was with Hirata, Takako sank into a sweet and natural sleep—a sleep that never came with Fujiki. Neither was it quite true that Takako desired in Fujiki a spontaneity that Hirata lacked. She always felt weary when she and Fujiki were through, and mixed in with her weariness were loneliness and regret. It wasn't simply that Fujiki was a person whose existence she had hidden from her husband; perhaps her body had been trained somehow, somehow made accustomed to Hirata's.

Ultimately, the difference between the person Takako was with Hirata and the person she was with Fujiki was so great that she found herself unable to believe that the two women were the same. She was astonished to discover those two different women existing within herself—their reality must mean that she had become immoral, or that she had passed beyond morality.

The discovery that two women existed within her—occurring as it did after she had committed an immoral act—was strange, and of course it caused Takako pain. Yet at the same time, she found it giving life to another secret desire, the desire for a third man.

Takako had made up her mind not to pursue Chiba—she had decided that this was one thing she simply could not do. But since she had become involved with Fujiki, she had come to think that it was not so impossible to get involved with him after all.

Actually, Takako did not consider Chiba “a third man” He was “the first man”

Her involvement with Fujiki had been a “mistake,” she thought, as if she had been caught up suddenly in a whirlwind, lost control, and Takako regretted that it had happened. At the time she had felt that she was betraying Hirata, yet even then, in the very depths of that feeling, lurked a sense that she had betrayed Chiba. Takako found this strange, but somehow the very strangeness of it set fires burning within her.

Takako looked away from Ricky, and he pulled his head back through the hole in the fence.

The curtains of the Chibas’ second-floor bedroom were closed.

Takako walked in the direction the dog had gone. Peering through a gap in the fence, she could see that the well-trimmed hedge of sasanqua that separated the front door from the side door of the Chibas’ house was covered with blossoms. The blooms were past their prime, and some had dropped—they formed a layer on the ground.

In one part of the garden, over on the other side of the hedge, cosmos and yellow and white chrysanthemums and some variety of purple flower were blooming riotously, like a clump of weeds. The roots and seeds from last year or the year before must have sent out shoots, shoots which now blossomed at random, uncontrolled. It looked as if the soil had originally been built up into a neat circular mound, but now the various flowers had grown randomly in all directions, drooping over, so that the outline of the flower bed had disappeared. The leaves of several of the flowers were starting to wither.

Still, Takako had never seen such a fantastic variety of different flowers in the Chibas’ garden, blooming the way they were now. Her heart fluttered.

With Chiba and Ichiko both away from home, it seemed impossible, somehow, that the flowers should be standing so still in the autumn sun.

“I shouldn’t be here.”

Takako muttered this, and stepped away from the fence.

The holly flowers she had picked up earlier still lay in the palm of her hand. She was about to toss them away, but reconsidered and took them with her into the sitting room. She lay the tiny white flowers on the kotatsu, a hori-gotatsu into which they had inserted an electric coil.

She heard a sound, as if the front door were being eased open.

“Hello” Takako?”

It was Fujiki, whispering. Takako leapt up in confusion and went out to meet him.

“What are you doing here”—You can’t come here! You must be crazy! What on earth are you thinking of?”

“I know, I understand—I didn’t want to come, but . . . “

“Then why did you come”

“I had to. You haven’t come to see me for over a month.”

“But—look, it’s bad for me if you come here. We’ll meet tomorrow.”

“There’s no one else here, is there” I made sure before I came in”

“What?”

“I was watching for a while outside the gate.” “You were—I can’t believe it. What a hideous thing to do”

Takako’s face was red, and she was nearly shaking. “Even if there’s no one here, there are people next door. Didn’t it occur to you that the people next door will see us?”

“Are the people next door likely to be watching, checking to see who comes here? Besides, even if they did see us, they wouldn’t have the foggiest idea who I am or where I come from.”

“No—you’re wrong.”

“Have you told someone next door about me?” “No, it’s not that! It’s just that the people next door—I’ve . . .” Takako couldn’t go on. “You scare me. If you’re going to start coming here like this, it’s over between us. The end! I’ve been thinking I made a mistake anyway.”

“Okay, don’t shout—calm down. . .

“No—I’ll shout if I want to! How dare you tell me to calm down! ’

“But what’s happened?” Fujiki asked, starting to take off his shoes.

“Stop it, stop it!” Takako said, backing away. “It doesn’t have to be tomorrow—we can meet today. I’ll come see you, I promise, just as long as it’s somewhere else—please, will you leave? All right? Please, just get out.”

The terror she felt at Fujiki’s arrival had to do with her husband, of course, but a sudden spark of feeling told her that it had to do with Chiba, too. Her loss of control was his fault as well as Hirata’s. The Hiratas’ plank fence was full of holes, and one could peep through it anywhere if one wanted to.

Even though the Chibas were both out, and their maid, Taneko, was the only one home, it seemed as though Chiba were home, as though his eyes were fixed on her and Fujiki.

The thought that Fujiki had been peeping in at her as she peeped in at the flowers in the Chibas’ garden filled her with shame—shame that was at the same time hatred for Fujiki.

Takako still hadn’t calmed down. Fujiki stepped hurriedly up into the house, put his arms low around her back, and hugged her to him.

“Let me go! Let me go! What have I ever done to you? Forgive me. . . . Oh—I hate you!” Takako’s words came in bursts. Her face lost its color.

“Hey—hey.”

Fujiki shook Takako as if to call her back.

3.

Hirata stood on a street in Yotsuya Shio-cho, waiting for an empty taxi.

He was neither particularly cautious nor particularly nervous, but it was his custom when hailing taxis to get in only after he had inspected both the vehicle and its driver.

On this occasion, as on others, he hailed a taxi with a pleasant-looking old man in the driver's seat.

“Namiki Street in Ginza.”

When they arrived at Yotsuya, the driver asked vacantly, “Which way do you want to go?”

“What? Either way is fine.”

“Should I go right?”

Hanzomon was straight ahead, Akasaka was off to the right. Coming as they had from Shio-cho, it made the most sense to continue straight through the intersection, but there was hardly any difference between that and going right, heading into Ginza from Akasaka.

The taxi turned right.

Like most old men, the driver was quiet. Hirata relaxed and sat gazing out at four or five swans floating in a corner of the moat, close to Benkei Bridge.

“They seem to have released swans here, too—do you know how long they’ve been here? This is the first time I’ve seen them,” he said to the driver, but there was no response.

Ten or so rather large waterfowl came flapping down. They were wild birds, their wings not clipped like the swans’. Hirata felt how close winter was, when one often saw flocks of waterfowl in the moat.

At the same time, he basked in the warmth of the pleasant autumn sun, some rays of which found their way even into the peaceful interior of the car. The taxi climbed the slope toward the National Diet.

At the fork in the road that led toward the Diet in one direction and toward Mittakuzaka in the other, the driver asked another stupid question.

“Which way do you want to go?”

“Right,” Hirata said, noticing now that there was something a little odd about him.

Looking again at the driver’s face from his seat in the back, Hirata saw that the man he had taken for a rather pleasant fellow when he entered the car was really a senile old fool.

Hirata spat out a question as they passed the Diet. “Are you telling me you don’t know the streets in the middle of Tokyo? Where are you from?”

“Well, I’ve been out in the country for fifteen years. . . .”

“What?”

Hirata felt himself in danger and slid over, positioning himself directly behind the driver.

“Tokyo’s streets have changed a lot these fifteen years. ... I drove for a long time in Tokyo before. But roads in the country are hard too, you know. Those roads in the mountains. . .” the man said, lifting his left arm from the steering wheel and using it to describe what must have been the slope of a mountain road. He turned his hand toward the front of the car and slowly lifted it up.

“Hey, watch it,” Hirata shouted.

“I just got back to Tokyo a month ago. I never know where I am.”

“Well, drive slowly.”

A large billboard on the street in front of the Metropolitan Police Board caught Hirata's eye: "Yesterday's traffic accidents: 3 dead, 25 injured."

"I go right?"

"Yeah."

Hirata had spoken without thinking. If they continued straight on, just before them—wasn't that the Hibiya intersection, Ginza yon-chome? To ask the way at this point was really too much. Was the man a fool?

The taxi seemed to stagger as it made the turn. It occurred to Hirata that it might be safest to get out of Kasumigaseki anyway, to go on into Hibiya Park.

It was impossible to say how many cars had passed them.

Hirata began to finger the large mole on the left side of his jaw. He did this whenever he was irritated.

He knew that taxi drivers were required to earn a certain amount of money every day—this was why they took out-of-the-way routes. If a driver didn't earn what he was supposed to he would be assigned a bad car. Or worse yet, he might lose his car altogether—he could end up working as a "sub," a driver who fills in when others are on vacation.

Hirata had also heard that Tokyo's taxi drivers overworked the nerves in their eyes, so that by the time they reached middle age their eyes no longer functioned properly. They generally had to retire pretty early.

A driver as old as this one wouldn't make it in Tokyo.

"Wasn't it easier for you driving in the country, crossing mountains?"

"No, not really."

Somehow they got lost in Hibiya Park and the car ended up in front of the public hall. The driver looked frightened and turned away from the hall into the shadow of some trees, a place that was not a road.

At last they made it out of the park.

“Keep going straight. . . Just keep going straight. . . .” Hirata said each time they approached an intersection, glancing nervously to the left and right.

To think that he had chosen this taxi himself, this senile driver—Hirata started thinking that his luck must have run out. Mirroring his unease, his broad round face grew distorted.

Hirata, a fundamentally light-hearted and selfish man, was sometimes overcome by this feeling of unease. It had been happening ever since he had grown suspicious of Takako.

From the very first—soon after he had moved into his present house and married her—Hirata had been fond of Chiba, had been attracted by his personality, and though Chiba was five years his junior he had looked up to him. He had been pleased to see that Takako liked Chiba, too—at least until recently. Now he found himself suspicious of them.

No—it wasn't them he was uneasy about. Chiba was entirely without guilt. It was Takako he suspected.

At times Takako's eyes would refuse to settle on anything, and she would seem to be gazing off into the distance. The glint in her eyes had changed.

After the pheasant dinner, over which he'd introduced Takako to Chiba, Hirata had said brightly,

“Well, what do you think—he's a nice guy, isn't he? Maybe you were really meant to go next door but you got the houses mixed up and married me— what do you think?” The question had been an expression of his pride and pleasure at having made Takako his, but in retrospect it seemed to have been an unlucky thing to say.

At the time, Takako had only asked how old Chiba was.

“I think maybe five or six years younger than me. But he's smart.”

“He’s young, isn’t he?”

Then Ichiko married Chiba and moved in. Not long after the Hiratas had become acquainted with her, Takako said to Hirata, “She’s not at all like Mr. Chiba, is she? I’m a little disappointed.”

“No—but they’re the kind of couple where everything that doesn’t seem to match in them ends up matching. Call it heaven’s dispensation, or something like that—after all, that’s what marriage is. You might think it’d be better if a woman more like you had married him, but actually that wouldn’t work out at all. Yes, I think he’s done all right,” Hirata said, nodding in agreement with himself.

Hirata had underestimated Takako, assuming that as a woman she was unable to understand the allure of Ichiko’s physique. He would say nothing of this to her, for while he kept tight control over her, he also recognized that she was superior to him in certain ways. And besides, he never discussed sexual matters with her. He thought he saw pleasure in the mix of things that filled Takako and flowed from her as he drew her gradually on, a little and then a little more, in contented silence. He assumed that she herself found satisfaction in polite self-control, that the key to a long future as husband and wife lay in her self-control.

But now, suddenly, Takako seemed to have changed. Sometimes she would reveal an aspect of this change in some careless act, and Hirata would feel his body tightening.

Another man had laid his hands on Takako—he could conceive of no other explanation. And he could imagine only that this man was Chiba. He knew nothing of Fujiki.

Suddenly it occurred to him that he might have ended up in this taxi because Takako was secretly wishing that he would die in an accident—it was a morbid and unjust suspicion, lacking in dignity— and it seemed as though his body were going numb from the feet up.

“This is fine—let me out here.”

The taxi had arrived in Ginza.

“You can just stop here. The roads in Ginza are all one way, it’ll be too much of a hassle. I’m sure you don’t know the streets.”

The elderly driver attempted to pull over, but in the swarm of cars he was unable to find a stopping place. He continued unsteadily out into the intersection. He attempted to turn right and slipped along surrounded by the noise of the horns of the cars behind them for nearly sixty feet.

Looking with relief at the Street outside, Hirata was amazed to see that it was Namiki Street.

“How much?”

“One hundred fifty yen.”

He was surprised at the cheap fare. Was the meter broken? Or had the driver misread it?

He groped about in his pants pocket for change, but perhaps because his body was still numb from his sense of the danger he had been in, he couldn’t find any. He was still feeling unsettled when a young woman wearing pants approached the car window.

“Hey, it’s illegal to stop here. You’ll get in trouble.”

The young woman spoke with a languid gentleness. Somehow Hirata had the impression that she was smiling, but neither her eyes nor any other part of her face actually smiled.

Still, the young woman’s smile helped him. His encounter there with the particular sense of harmony and good will that women emit caused his suspicions of Takako to vanish.

“Yes, yes—of course.”

Hirata answered on behalf of the driver and hurriedly climbed out of the taxi.

Having walked on a little way, he turned back, and then turned back again. The young woman was watching him walk off, looking as though she had something to say.

She was wearing a tight coal-black sweater over deep brown pants, and her tanned face was not made up. Her eyes were narrow, and her eyelids were entirely unwrinkled. Her slender, rather masculine figure looked as though it was disintegrating from negligence, and he found this peculiarly charming.

Hirata guessed that she was a Street girl. This too was new and fresh.

Dictatorial in his dealings with Takako but at the same time powerfully restrained himself, Hirata felt for the first time an urge to rebel. He walked to the corner of the Street and then walked back.

The young woman was standing in the same place.

“You seem like a nice girl. What are you doing hanging around here?”

“I do the cigarettes at the pachinko parlor.”

“Ah.”

The woman’s answer was extremely concise. Hirata nodded, as though he were responding to its echo, then smiled as if to say, “I see.”

They were standing before a large pachinko parlor.

Hirata had never been inside a pachinko parlor, so he wasn’t really sure what to make of the woman’s reply. He wondered vaguely whether she might exchange cigarettes that customers won for money.

“Pleased to meet you”

The woman bowed her head lightly, perhaps because Hirata would not leave.

“I work in the advertising section of a pharmaceutical company in Nihon-bashi.”

He had said too much.

“Pharmaceuticals?”

“Yes.”

Though technically he was in the advertising section, Hirata actually worked as a salesman—he visited stores. Different companies sold more or less the same faddish medicines, and most consumers knew almost nothing about even common things like cold medicines and multi-vitamins, so most people made their purchases according to clerks’ recommendations. Hirata’s job was to visit stores and make friends with the clerks.

Just as he was about to say something else to the young woman, he noticed that his neighbor, Ichiko, was approaching.

Ichiko came within inches of Hirata, who had been waiting to greet her, but kept going—she didn’t even notice him. Her face as she passed was set in the ill-tempered expression of a woman walking alone.

“People really are bizarre, aren’t they? You never know when someone might be watching you without you noticing—it could happen anywhere, no matter what you’re doing” Hirata said.

Ichiko was wearing a winter coat with low shoulders and a high hemline—the kind that was fashionable that year. She was short, and her figure as he saw it now from behind resembled a bag of rice.

In fact, winter coats like bags of rice were walking around all over.

Hirata felt pleased and ran after Ichiko. He tapped her suddenly on the shoulder.

“Well—if it isn’t Mr. Hirata! You must be trying to startle me. ’

“You walked right by me”

“Did I? How awful of me”

“Are you out shopping alone?”

“No. I just came to pick up this coat.”

“Well.” Hirata leaned back and looked at Ichiko’s coat again. “It’s nice, isn’t it? Shall we go sit down somewhere, maybe have some tea?”

“To tell the truth, rather than tea, I’m dreadfully hungry. A woman can’t go into a restaurant alone, you know.”

“You ought to have asked Takako to come along.” “Yes, I should have. But I left this morning, I had to leave Yoko with my mother. If you don’t mind perhaps I’ll ask her along next time.”

“I hope you will.”

Ichiko seemed completely unsuspecting of Chiba and Takako.

“I hope you’ll let me pay,” said Ichiko brightly. “There’s a marvelous French restaurant that Chiba goes to all the time—shall we go there?”

“I’d love to—though the timing seems a bit odd, doesn’t it?” Hirata’s round face filled with a smile. He hardly knew how to account for the pleasure that came bubbling up inside of him. “Certainly a lucky meeting, don’t you think?”

4.

“Mrs. Hirata! Takako!” Ichiko shouted down in a hearty, pleasant voice from the window of the Chibas’ second-floor bedroom. She had slid the glass window open with a fair amount of force before calling out, and she assumed that Takako would have heard the noise it had made next door.

Ichiko very rarely called Takako from upstairs. On most occasions she walked to the old bamboo fence and called her from there—though this, too, was something only Ichiko did. Takako herself never shouted at Ichiko like this. If she had something to discuss, she would go around to the gate of Ichiko’s house and then walk to the front door.

“Takako! Takako!”

Ichiko called again, brushing her hair.

Takako opened the paper-paneled door, darkened by the shadow of the holly, and looked up at Ichiko.

“What are you doing?” Ichiko asked.

“Nothing much. ’

“Were you reading the newspaper? ’

“Yes,” said Takako, squinting.

“Good guess, don’t you think? ’

Ichiko shrugged and laughed. Her laugh echoed brightly.

Takako’s pale face was bathed in sunlight—it looked soft to Ichiko, who was nearsighted. She felt as though Takako were gazing up at her, here on the second floor, in pure admiration. What a lovely, innocent person she was.

“Takako, would you like to come and talk a bit? If you’re free?”

“Yes, I’d like that.”

“Let’s have a nice talk, okay?”

Ichiko was staring directly at her, so Takako laid a hand on the collar of her cardigan and turned away. Ichiko was really only looking at Takako’s face, but it must have seemed that her gaze penetrated into the farthest reaches of the sitting room. Ichiko’s nearsightedness wasn’t really very bad—Takako had never seen her wearing glasses and had no idea she wore them.

“This weather is so nice I can hardly sit still. I was thinking I might go somewhere, so I came up here to get myself ready, and then all of a sudden I found myself wanting to talk to you. You’ll come over?” said Ichiko.

“Al right.”

“You know, I ran into your husband a few days ago—in Ginza. Did he tell you we’d met?”

“No”

“He didn’t?”

Ichiko had assumed that Hirata would mention their meeting to Takako when he got back, almost as a matter of course.

“We went to a French restaurant that my husband likes. I’d been trying to decide what to do, since I couldn’t eat alone, and the timing was perfect.”

“You must have treated him, then—I hope he didn’t cost you too much. I’d have thanked you sooner, only he didn’t say anything.”

“Oh, you don’t need to thank me” Ichiko said, laughing brightly.

Takako went around to the gate of the Chibas’ house and stood waiting at the front door, but Ichiko called down from upstairs, “Takako, you can just come in.” Takako waited a little, but Ichiko didn’t come down.

“Taneko!—Taneko!” Ichiko called the maid. “Show Takako in, please.”

Takako heard Ichiko shouting for Taneko all the time. Because Ichiko's voice was so loud, Takako often picked up bits and pieces of information about goings-on in the Chiba household. Some days she even knew what they were having for dinner.

The story of Ichiko's fight with the owner of the tofu store was famous in the neighborhood. Ichiko had insisted that some tofu her maid had brought back was spoiled, and flew off on her bicycle to complain. The argument grew so violent that a crowd formed outside the store.

The tofu store's owner got excited and shook a knife at Ichiko. She filed a complaint at a police box on her way home. A policeman led the owner of the store to her house and made him apologize.

"My, you've got a nice house," the store owner said.

Judging from Ichiko's indifference to the crowd, and from the rudeness of her shouts, he must have expected quite a different kind of house.

"When he brought out that knife!—To tell the truth, I was so terrified I thought I'd start trembling. But I stood my ground!" Ichiko said afterward, as if it were all a joke. "But you know, thinking back on it now, it must have been a tofu knife, right?"

Her audience always laughed, so Ichiko would start laughing first.

Takako had even heard Ichiko telling the story to the delivery boy from the fish store, and to the man who collected money for the newspaper. She would be in her sitting room and would hear Ichiko telling the story in the kitchen of her own house.

It wasn't at all uncommon for Ichiko to answer salesmen who came to the kitchen door by shouting out to them from inside the house, and then to keep them waiting for a long time. She left them alone for so long that Takako worried something might be stolen.

Now, even though Ichiko had asked her over, there was nothing to suggest that she was on her way down to meet Takako.

The maid, Taneko, led Takako to the living room. Takako stopped at the door, surprised.

“Isn’t this Mr. Chiba’s office?”

“Well, it’s where he works.”

“Is it all right for me to be here?”

“Yes, of course—go right in,” said Taneko.

Both the table for receiving guests in the middle of the room and the larger table by the window were covered with western books and architecture magazines. Blueprints lay spread across the table by the window, and on top of these lay various drawing tools. Architectural photographs were stuck up on all the walls, so many that they overlapped in places.

Though she lived next door, Takako had only rarely entered the Chibas’ house before. She and Ichiko would stand talking over the bamboo fence, or else say what they needed to say at a front door or verandah. And on the rare occasions when she had come inside, she’d usually been shown into the sitting room. This was the first time she had been brought into the living room.

Chiba went in to the construction company’s office to work, and he met with customers there, so it was unlikely that he used this living room very often. He used it mostly as a study.

Takako remained standing even after the maid had left, still unable to relax. She walked around looking at the photographs on the wall. Most of them showed buildings by western architects, but a few seemed to be buildings Chiba had designed. There was a wine bottle on the round table, and a few glasses.

Ichiko was still at the vanity in the bedroom, arranging her hair. She didn't usually bother with it very much, so it took time to get it into the shape she wanted. She would have to change clothes as well. Most mornings Ichiko would simply wash her face and put a bathrobe on over her pajamas—she seldom put on makeup—and then see Chiba off to work. She would stay dressed like this until the afternoon. Now that autumn was under way and it was growing chilly, she'd change into a pair of Chiba's old pants and an old sweater.

But earlier, gazing down at Takako from the bedroom window, Ichiko had found her so extremely beautiful that she had seemed almost sacred. It was for this reason that she planned to change her sweater for a nicer one, tossing all her sweaters out onto the double bed.

Ichiko touched up her eyebrows with an eyebrow pencil. Her eyebrows were so full naturally that she could hardly add to them.

Then she went down to the living room.

“Oh, I'm sorry—I didn't mean the maid to show you into this mess. Shall we go into the sitting room?” Ichiko asked, but then she sat down in front of Takako, crossed her legs, and lifted the lid of the cigarette box on the table. The box commemorated the completion of a construction project.

“Doesn't Mr. Chiba work in this room?”

“That's right. He was up working in here until about three-thirty last night. Things seem to come together better for him at night.”

“It must be rough for you, too.”

“Oh no—I go to bed. And once I'm asleep I don't wake up again until the next morning.”

Ichiko noticed that Takako was uncomfortable—no doubt she sensed something of Chiba in the room. The thought filled Ichiko with a prankish

awareness of her own superiority to Takako. She was extremely sensitive in matters relating to men.

Though Ichiko was often seen riding about on her bicycle in a pair of her husband's old pants, in certain ways she was not what she appeared to be: after several years of marriage, she still grew weak when her husband kissed her, and had trouble standing. Chiba would reach hurriedly to support her—it seemed that he was happy with her.

“You and I are neighbors, but somehow we almost never have a chance to sit and talk,” said Ichiko.

“It's true, isn't it” said Takako, lowering her eyes. Then, “Does Mr. Chiba drink?”

“You mean this?” Ichiko placed her hand on the wine bottle. “It's pretty, isn't it?”

“I've been looking at it, thinking how beautiful it is. The color is like an emerald's.”

“It's Czechoslovakian cut glass. I've been told that it's absolutely impossible to produce this color in Japan. My husband keeps it as a memento of his father, who died when he was eleven. Apparently he loved this bottle—it was very important to him. Whenever he was in a bad mood he would take it out and look at it, and this would make him feel better.”

“Yes, it really does make you feel good, looking at it.”

“Apparently if the kids even went near their father when he had this out he would yell at them—it was so bad Chiba used to think his father liked the cut glass better than he liked his own kids. His father didn't even want to use it—he said he was going to put good sake in it and drink from it when he got old. He was looking forward to that, but in the end he died without ever having used it. ’ “Really?”

“Chiba’s mother sold all sorts of things to put him through college, but this she wouldn’t sell, it’s the only thing she kept as a memento. After his mother died, Chiba started using it. I’m sure it reminds him of his parents. I handle it as gently as I can myself, and I try to touch it as little as possible. But since it’s so fragile it’ll probably break eventually.”

Takako had been staring at the bottle all the time Ichiko spoke. The clearness and the luster of the bright emerald green had the beauty of a jewel. Something clean filled her chest, and she felt relaxed. The bottle was rectangular, shaped like a hentsubo, and the neck was a rectangle, too, stopped with a large cork. The glass was dotted with round depressions, like a pattern of water drops. In each of these round depressions the objects on the far side of the bottle could be seen—tiny, tiny reflections. The same objects were visible in the depressions on the opposite face of the bottle, so it seemed that infinite numbers of tiny objects were standing there, all lined up in rows. The deep brown chinaware cigarette box, the white cigarettes within the box, the color pictures in the architecture magazines—all this hovered miniaturized and multiplied within the emerald light. If she lowered her head slightly and looked at the bottle, she could see Ichiko’s lilac sweater, her breasts, miniaturized and multiplied.

“Chiba only puts good wines in it. It looks like there’s a little left at the bottom, doesn’t it?” said Ichiko, moving her face closer to the bottle. Then she noticed that Takako’s eyes were filled with tears. She sat back up in surprise and looked down at her face.

“Are you crying, Takako?”

She had startled Takako.

“It’s so beautiful I cry,” Takako said, blushing faintly. When she lifted her face Ichiko was struck by the beauty of her long, thin neck.

“You’re so sensitive, Takako,” said Ichiko with genuine goodwill, feeling that she would like her husband to see Takako as she was right now, with

just this expression on her face. This expression, from looking at cut glass! There was no jealousy in her.

“Once when your husband was here he and Chiba drank together from this bottle. He didn’t mention it?”

“No. But Hirata has no taste for this sort of thing. ... I doubt he’d even notice,” said Takako. She changed the subject. “You said you had been to eat in Ginza, didn’t you?”

“You know, my taste isn’t very refined either. I find Mr. Hirata interesting. I like him.”

Takako was looking around the room. Every time her eyes fell on one of the old architectural photographs on the wall she felt ashamed of her own husband’s job, a medicine salesman who ran the company’s advertising department.

“We had western food, it was a lot of fun.” Takako doesn’t seem to be satisfied with me,’ he was saying. Well, Chiba’s the same way. A woman like me—I can’t really be intimate with him. I cuddle up to him and so on, but to tell the truth I sometimes think that you ought to have come here, and I ought to have gone to Mr. Hirata’s—the two of us should have been reversed. There’s nothing we can do about it now, of course, but... And if that’s the case with us, even with us—the Hiras and the Chibas, two couples living right next door—I really think most married couples must be mismatched. Yet there’s no going back”

Ichiko knew how deeply Takako herself believed what she was saying, and felt a certain measure of security in knowing that everything was already settled. It was this that made it possible for her to speak as she did. Her wheat-colored cheeks seemed full of life.

“That can’t be true. The two of you always get along so well together. I envy you,” said Takako.

“Chiba makes sure we get along. There are all sorts of things about me that he’d like to complain about, but—I suppose in certain ways that makes life easier.”

A dog whined at the gate.

“He’s home!” Takako was the first to speak.

“Indeed he is. How clever of you to know.”

When Chiba’s footsteps drew near the gate, Ricky would become excited and start whining on the other side. This whine was different from his bark. Takako always listened for it from next door, and each time she heard it she thought: Chiba’s home!

Ricky leapt at Chiba’s pants and followed him into the entryway.

Takako left the living room with Ichiko and stood behind her, her shoulders stiff.

“What’s wrong?” Ichiko asked him.

“Oh, I forgot something.”

Something unpleasant seemed to have happened to Chiba at work. His forehead was pale, and he avoided looking at Ichiko and Takako. He walked into the living room, still in his overcoat, and rummaged through a drawer in the table near the window.

“Dear, Takako has come over. I wanted to talk with her, and I thought we might have lunch together. Will you be . . . ?”

“Oh.” Chiba glanced at his watch as he turned. He was holding a folder of papers, which he carried with him to the center of the room.

“Sorry I was so rude,” he said to Takako. “I’m afraid something rather awful has happened. I took a girl from work along with me to a construction site, and a carpenter overhead dropped a chisel—her cheek was cut.”

“Oh dear. Was it Miss Mizuta?” asked Ichiko. Chiba nodded. Then he sat down in a chair at the table on which the bottle stood, the chair in which Takako had been sitting.

“Was she badly cut?”

“Yeah. I’ve left her at the hospital”

Ichiko turned to face Takako.

“She helps Chiba with his work. She’s got a degree in architecture, of course. Chiba got her the job—she’s very pretty. . . . It must be just terrible for her. I suppose she’ll have a scar,” she said. Then she noticed the color of Takako’s face, and was surprised.

5.

Noticing as he washed his face that a cold drizzle was falling, Hirata—who had been sick with a cold for two or three days and was suffering from a fever—said he would stay home from work that day, and went back to bed.

“Use the phone next door and let them know at work” he told Takako. “Then you can come back to bed and get some sleep if you want to.”

“I’m not really tired.”

Stepping through the Chibas’ gate, Takako saw that more sasanqua petals had fallen, forming a line alongside the hedge—they were wet. It looked as though there were more than just one or two days’ worth—and the Chibas even had a maid. Takako wondered why Ichiko didn’t ask her to sweep them up.

Ichiko seemed to be leaving—she came out wearing a raincoat, with her daughter in her arms. She waited in the entryway while Takako used the phone.

“Is he sick? Shall I drop by and say hello? I was just on my way to the hospital, actually. . . . I’m on my way to see the young woman whose face was cut by the carpenter’s chisel. ’

“You’re taking Yoko with you?”

“No” Ichiko put the child down and walked into the living room. She came back with three or four foreign architecture magazines.

“Chiba asked me to bring some of these to the hospital. They’re doing plastic surgery—they say there’ll be almost no scar at all. ’

The two women walked out to the street together. Takako stood on the doorstep for a moment, watching Ichiko’s back as she moved off. Her flashy umbrella bobbed vigorously, keeping time with her rapid steps.

Takako felt a flicker of pain every time she realized that Ichiko was neither insecure nor jealous.

Chiba had looked very upset when he got home on the day Mizuta, the young woman, had been injured. It was perfectly natural for him to be excited and disturbed, of course—the person who helped him at work had cut her face, and he had taken her to the hospital himself. But Takako knew that he was feeling more than that. She had seen Chiba’s love for the girl, exposed. She had come close to trembling.

The thought that Ichiko had seen her like that left Takako feeling weak. Ichiko, Chiba’s own wife, wasn’t at all jealous. Yet she herself, the neighbor’s wife, was.

Takako had realized then that Chiba’s emotions lay with Mizuta, that he only lived with Ichiko.

But if that was the case, why had Chiba returned home? Takako didn’t believe that he had come to get the papers—none of them had seemed to be things he needed immediately. No, Chiba, unsettled, had come to see his

wife's face. Part of him had needed to come home, if only for a short time. Takako was sure of this.

So Chiba might love Mizuta, but there was no question that he and Ichiko were man and wife.

Ichiko's umbrella bobbed out onto a larger street and was hidden behind a row of trees with yellow leaves. Suddenly Takako felt as though she was going to cry, and went inside.

"Takako!—Takako!" Hirata called, in a voice made nasal by his cold.

"Yes. I'm just going to wash some dishes."

Takako had a feeling she might break the china so she washed it with care, taking her time. She still hadn't finished when Hirata came in, still in his pajamas.

"What's wrong? You shouldn't be out here dressed like that."

Hirata put a hand on Takako's shoulder, playfully, then strengthened his grasp and embraced her from behind.

"Please—my hands are wet," Takako said, gasping. Hirata seized her wet hands in his fleshy palms and forced them roughly down against her skirt. She resisted lightly, trying to slip her shoulders out from between his arms.

"Are you and Chiba having an affair?" Hirata asked suddenly.

"What? Mr. Chiba? . . . Mr. Chiba and—why, there isn't—there isn't anything like that. There's nothing at all between us."

Everything grew dark as Takako spoke. Her knees buckled.

"You're lying. That's a lie."

He hit her in the face again and again. She fell to the floor.

"You think I don't notice that sort of stuff? You think I don't see the way your body changes?" Panting, Hirata put his hands around Takako's neck

and shook her, violently. Takako opened her mouth. Her eyes were open.

“It’s no good, I’m already ...”

Takako spoke deliriously.

“No—it isn’t no good. It isn’t that it’s no good.” Hirata answered her clearly, then lifted her up and carried her. His arms felt stronger than usual—he felt Takako’s lightness. Hirata naturally forgave what he could carry in his arms.

Takako wept cold tears. A second self watched the self who lay there, not even trying to escape from Hirata’s arms. Her husband had mistaken the identity other partner—he thought it was Chiba when it was actually young Fujiki—but Takako knew that to correct his mistake by telling him about Fujiki would only enrage him again, only confirm that she had been having an affair. Hirata’s misunderstanding about the identity of her partner left her a means of emotional escape. He still didn’t know for sure.

Takako grew numb as Hirata began to caress her. She felt as if her affair with Fujiki had never happened. And—like the pain of a single pin piercing her body—the pain she felt knowing that her husband thought she had loved Chiba flickered brilliantly. She found this strange.

“Wat are you thinking about?” Hirata shook her roughly.

“Oh—you’re cruel, you’re cruel,” she blurted.

Hirata fell asleep just as he was. Takako stared at the chrysanthemums in the alcove. The flowers were perfectly ordinary, but there were dozens of them in the wide-mouthed vase, and in the dim light of the alcove on that drizzly day they seemed imbued with the beauty of ghosts. Takako was reminded of the time a few days back when she had peered through the break in the bamboo fence at the Chibas’ garden and seen the chrysanthemums and other flowers toppled messily over, but blooming.

Takako got up and walked into the sitting room. She rubbed her cheeks, thinking they must be red where Hirata had hit them. But it wasn't until after two that afternoon that she finally sat down in front of the mirror and put on her makeup, with even more care than usual. Hirata was still asleep. Takako had gone to tell him that lunch was ready but couldn't bring herself to wake him. When she had finished her makeup she began to wonder if he might not be dead, and looked back into the bedroom. But she still didn't try to wake him.

What would happen the next time her husband woke? Takako could hardly bear to stay in the house—she felt very weak, as if she was about to become terribly sick.

Ricky started barking next door, frightening her—it told her that someone was standing outside the fence. She walked outside on legs that shook. Of course Fujiki was standing there.

Takako's body stiffened, and she waved her hands at him. "Please—go away, go away! Why did you come here? What business do you have coming here? Didn't we agree not to meet anymore? Please—please go away. '

"I know. I know we've broken up, but—I just wanted to see you once more. . . . Please—just come this far."

"No, it's too dangerous. I'm scared. I can't."

"I'll leave right away."

"It's no good. I'm sick."

"Sick?"

"Don't just stand there—go away, please. This is my house."

"Aren't you alone?"

"He'll be home soon, it's evening. And there are the neighbors."

“That’s why I’m telling you to come over here.” “Don’t talk so loudly. . . . You’ll just make things worse. I’m sorry.”

“I’ll go. I’m going, so—please. Just come and say good-bye to me”

Takako lifted her hand from the fence and hurried to the other side of the street, as if she were escaping from something. Fujiki ran after her and sheltered her with his umbrella.

“How far do I have to go? You’ll kill me if you come here again, you know.”

Takako stopped at the corner of the tree-lined avenue, planning to part with him there. Then she cried out, “Oh!”

“I can’t—oh, let me go, please let me go. It’s our neighbor.”

Takako broke away from Fujiki and ran straight toward Chiba.

Chiba was startled at the paleness of Takako’s face.

“Why Takako, what’s wrong?” He stopped and let her get in under his umbrella.

“I’m so sorry—that man . . .” Takako murmured, nearly collapsing onto him.

“What did he do?” Chiba looked in the direction Fujiki had gone.

“No, it was me. . . .”

“Well, he’s gone. Shall we go home?”

“It’s me—I’m no good. I’m no good.”

Takako made no move to start walking. Chiba looked down at her, his eyebrows pinched together, puzzled. She felt an impulse welling up within her—not to confess, but to make an appeal.

“I—I had an affair with that man,” she said. Suddenly her chest grew light, as if she had spit out poison. She felt a sense of freedom from herself

that was at the same time a sense of her dependence on Chiba. Looking at her, he saw that the blood had drained from her face.

“I’ll tell you all about it.”

“Let’s walk a little,” said Chiba, leading Takako away from both their homes. She nodded. She was filled with a mysterious joy, as if she had already confessed everything to him.

But she didn’t know how to start.

“Why did you? . . .”

“Why did it happen, you mean?”

“Yes.”

“Because I’m a bad woman. I think it must have happened because I’ve been in love with another man for a long time.”

“By another man, you mean the man I saw earlier?”

“No, I mean another man. . .” Takako whispered, her chest trembling. “Hirata doesn’t trust me—but the man he suspects is another man”

She heard herself speaking like a shameful woman plotting, yet the words made her happy.

“Does Mr. Hirata know?” asked Chiba, seeming genuinely concerned.

“Women are frightening—I really do believe that.

I regret the affair so much I could die, and I’ve broken up with him, but once you make a mistake of that kind it’s like a second self forms within you, and then you start liking the other person even more. It’s frightening.”

Chiba looked down at Takako again, a quizzical expression on his face. His blinked his black eyes two or three times.

“I’m really no good, am I? I only look obedient,” Takako said. Then for a time she looked down at her own shoes and at Chiba’s, which moved

across the wet leaves as she walked.

A row of tree

A row of giant ginkgo trees lined one side of the path that climbed the hill. Halfway up a narrow stone stairway led off to one side, down past a row of houses. The Soeda family's was the third in the row.

Soeda returned home from work at dusk on November thirtieth, and seeing the faces of his wife and daughter in the entryway, immediately asked them, "Have you noticed that half the ginkgo trees are bare?"

By "ginkgo trees" it was clear that he meant the row of trees on the path, but of course the words he had used conveyed little else, so he continued.

"I noticed on my way to work this morning, and let me tell you it gave me a shock. The ginkgos from the foot of the path all the way up to the area around our house are completely bare. But the trees from the middle up are still full of leaves."

"Really? I hadn't even noticed," said his daughter. His wife's eyes said, "Is that so?"

"I wonder how it happened. Only the bottom half of the row is bare."

"And to think we haven't noticed. Shall we walk up and take a look?" his daughter asked her mother.

"It's dark already. Besides, you can see them from the second floor."

"Yes, that's true isn't it." His wife nodded. "You'd think we'd see them every day from upstairs. I can't believe we haven't noticed. . . "

"Yeah, exactly. You ought to see them but you don't. '

Soeda changed from his street clothes into the more comfortable clothes he wore around the house. It occurred to him as he did that the emotion he had felt that morning—the sense that he had made a discovery—wasn't quite as infectious as he had thought. His wife didn't seem at all excited.

After walking down the path that morning Soeda had looked casually back over his shoulder and then stopped, astonished. The ginkgo trees along the bottom of the path were completely stripped of their leaves, all the way up to their highest branches. And yet the crowd of trees up at the top was a thick mass of yellow foliage. It took about two minutes to walk down the path—it was short enough that the entire length of it could be taken in at a glance—and the row of trees wasn't long. So the split between the leafless trees and the yellow foliage had burst all at once upon Soeda's eye, leaving him peculiarly impressed. The bare branches of the enormous trees at the bottom of the path looked particularly sharp against the background of yellow leaves at the top, and the foliage that rose up over the path at the top looked richly colored and even more thickly layered than usual with all those bare trees in the foreground. The sense of great height that one feels looking at ginkgos was especially marked in these trees. Even the copious small branches of the bare trees strained toward the sky, as if attempting to embrace the tree-trunks, forming shapes tightly closed. The masses of yellow leaves conveyed a sense of volume as only layers of thick leaves can, but bathing in the morning sun they looked still and lonely.

The crowd of bare trees and the crowd of yellow leaved trees didn't split neatly at a particular tree on the path, but generally speaking the division occurred about halfway up. Why it should occur halfway up—this too was a mystery to Soeda.

He passed under this row of ginkgos every day on his way to and from work. Several days had passed since he first sensed that the autumn leaves were starting to fall. But when had the trees along the bottom half of the path gone bare? Soeda had been so surprised by what he saw that he'd considered walking back up to the house to tell his wife and daughter of the change—this peculiar change in the row of trees.

He told them that evening. Of course neither of them had noticed.

“It’s just as father says. I could see from the second floor,” his daughter said, coming down the stairs.

“I thought you’d be able to. And you could see the split?”

“It’s starting to get dark, but I could see it. Maybe I’ll go up to the path and take a look.” She walked out into the entryway. His wife was drinking some of the tea she had poured for Soeda, and made no move to get up.

“You’re not going, Ikuko? Oh well, I guess you can go tomorrow morning. Though it wouldn’t surprise me if the trees at the top lost all their leaves tonight.”

“There’s no wind.”

“Wasn’t it pretty windy a few days ago?”

It had drizzled, but there had been no wind.

The path rose, roughly speaking, from east to west. Thus, if a powerful easterly wind were to arrive, wasn’t it possible that only the ginkgos along the bottom half of the path would lose their leaves? Soeda turned this thought over in his mind, but it seemed unlikely. That a row of trees planted, as far as one could tell, at the same time, long, long ago, should have split halfway up into bare and yellow leaved halves—it was a natural phenomenon that Soeda lacked the knowledge to explain. And so he thought aloud, testing various ideas on his wife. The path rises from east to west, so the trees in the row must get approximately the same amount of sunlight on average, except that the way the light strikes the trees in the morning and the evening might be subtly different in the lower east and the upper west. . . . Or perhaps despite the fact that the wind hasn’t been particularly strong lately something about the east and west winds has The ideas were all farfetched, but still Soeda went so far as to close his eyes and concentrate on the topography of the area around the path. He knew the land so well that he could call its features up even without closing his eyes. But he couldn’t see how those features related to the falling of the leaves.

“Well, at any rate, ginkgo leaves must be very sensitive to changes in something. I’m sure they just fall very easily.”

Hearing her husband talk in this way, Ikuko concluded that he must be in a good mood. So she brought up a topic of her own.

“Today—well, it’s rather an unpleasant thing to have to talk about, but something happened today that made me see what a truly good person Yuko is. It’s incredible, really. I don’t know, maybe she’s becoming an even better person now that she’s about to get married. That could be it. At any rate, I don’t want you getting angry at her when she comes back, all right?” Ikuko’s words anticipated Soeda’s response, and checked it.

It had happened that afternoon while Ikuko was out shopping with the maid, at a time when their daughter was home alone. Yuko had carried a chair out to a sunny spot in the hall and was knitting a cardigan.

“Miss—I’ve got good soap and cosmetics out there, good wool too. Will you buy something?” Yuko heard a woman’s voice and was surprised to see that the woman was standing quite close by. A hedge of full-blown sasanqua led in from the gate, and one had to pass through a wicket by the front door to enter the garden. But still the woman had come in—she was suddenly inside. Had the wicket been open? Had the woman opened it herself because it was low? Then Yuko saw that the young woman was carrying a baby on her back, and she relaxed her guard. The woman’s sunburned face looked slightly swollen, but her hair was neatly arranged. She was small and plump, she had coated her lips thickly with a restrained shade of lipstick, and a weak smile hovered on her round face. She carried a somewhat large piece of cloth which she had folded to form a bag. There was in her none of the intimidating grimness of a peddler-by-force, but Yuko felt unsettled even so, and answered oddly.

“I have wool here, too. I don’t need any more.”

“I bet the wool I’ve got is better than that.”

The woman came across the stepping stones to the stone that members of the family stood on when they removed their shoes, and standing there she peered rudely at Yuko's wool and squeezed it in her hand. Then, without commenting on the wool, she turned to face the garden.

"You've really got a nice garden, don't you? I wish I were rich enough to settle down in a house like this."

"I can't buy anything, but you're welcome to put the baby down and rest a little if you'd like."

"You don't mind? ' The woman set her bag down in the hall and, without hesitating at all, took the baby from her back.

"You had everything so neatly arranged—perhaps I shouldn't have said anything," Yuko said.

She could smell the diaper.

"It can be real hard finding a place to nurse a baby when you're trudging around like this all day."

"She's adorable. How old is she?" Yuko looked down at the baby from her chair.

"Eleven months. People talk about how 'A child of one's own is never a burden,' right? Well, when you're carrying a kid around on your back all day it gets to be pretty heavy luggage. '

The young woman lifted the bottom of her sweater, pushed her undershirt to one side, and placed her breast in the baby's mouth. Her breast was extremely full and faintly tinged with blue. The milk seemed to be coming out quickly, for the baby sometimes choked. White milk dribbled down from the corner of its mouth. Yuko drew closer to it and wiped its lips with her finger. She was enchanted by the way the baby's throat moved each time it sucked—she found it adorable—and thus thought

nothing of the woman's full breast, which spread enormously before her eyes. The woman, too, was completely unembarrassed.

"Would you mind if I change her diaper here, too?" the woman asked. "There aren't many houses with people as nice as you."

Yuko watched what the woman did, and when everything was finished she picked the baby up. Her fingers and hands felt love when she touched the baby's skin, and for a while she was unable to let the baby go.

"You don't have any little ones here, do you?" said the woman.

"No, we don't."

"Are you an only child?"

"I have an older brother."

"You've really got a nice life here, don't you? Even someone like me—even I feel good here."

Yuko considered asking about the baby's father, but decided it would be a bad idea.

The woman crossed the stepping stones to the hedge and walked about looking at it. She seemed to be smelling the sasanqua.

"There sure' are a lot of flowers, aren't there? They're beautiful."

Yuko wondered what the woman was feeling, what she was thinking as she looked at the sasanqua. Looking at the short, plump woman's back made her feel lonely.

Still holding the baby in her arms, Yuko went into the sitting room and brought back a purse. It was one she and her mother shared—the one they called the "kitchen purse."

"What kind of wool do you have?"

“Oh Miss, just letting me rest here was enough,” said the woman. But even as she said this she was casually undoing her bundle, spreading it out. There were only two bundles of wool, one blue and one pale pink. Yuko bought the pink one.

The baby had been crawling about in the hall all this time, raising its voice in unintelligible cries.

“She’s having fun. It feels good to be set free in such a big place.”

Yuko asked whether the baby was able to eat biscuits yet, then stood and went back into the house to get some. She was only gone for a moment, but when she returned the woman had the baby on her back—she was preparing to leave. She accepted the small paper-wrapped package of biscuits politely.

“Thank you, Miss. I go from house to house, you know, but I hardly ever see a gentle face.” Her own face reddened slightly, and she hid it. “If I come across anything good, I’ll bring it—I promise. I’ll be back, Miss.”

Yuko watched the woman go, then lay the wool she had just bought on her knees and stroked it, remembering the feel of the baby’s skin. She turned her eyes to the hedge of sasanqua next. She saw it there every day, so she had grown used to it—it was as though she had never seen it in full bloom before. There were so many flowers it almost seemed strange. But all the same, Yuko wondered again, what had the woman been thinking? What had she felt as she walked over to the sasanqua, as she looked at it? The woman’s clothing hadn’t been in the best condition, but of course the pink wool that lay on Yuko’s lap was brand new.

It wasn’t until sometime later that Yuko realized she didn’t know what had become of the purse. It wasn’t anywhere in the hall. It occurred to her that she might have returned it to the chest of drawers in the sitting room when she went to get the biscuits, but it wasn’t in any of the drawers when she looked. Nor had it fallen into the garden.

“Yuko doesn’t believe it was stolen,” Ikuko said, having told Soeda the story. “She says the baby must have picked it up when it was crawling about in the hall. She says the mother must have put the baby up on her back without noticing that it had the purse in its hand, and gone off while the baby was still holding it. And if that was the case, the purse must have dropped out of the baby’s hand and fallen somewhere along the side of the road. It’s unlikely that the baby would hold it for very long. She searched the top of the path and the bottom of the path both, apparently—the whole length.”

Soeda understood from Ikuko’s manner of speech that the purse had not been found.

“Someone would almost certainly have picked the purse up if the baby dropped it on the side of the road. That’s what Yuko says.”

“She doesn’t suspect the woman?”

“I’m sure she did suspect her, but she didn’t want to. She says she can’t even imagine that a woman like her would do anything wrong—that she just wasn’t that kind of woman. And there was no question in her mind that the woman would come to return the purse if she had put it in her bag without noticing when she was packing. She expected her to come running back at any moment—apparently she couldn’t settle down until I came home. And when she saw that the woman wasn’t coming back to return the purse—that’s when she decided that the baby had carried it off and dropped it.”

Soeda had been warned not to scold Yuko, so he didn’t say anything too hastily. It was possible, after all, that everything had happened just as Yuko said—that it had been an innocent act of the baby’s, rather than a theft. The idea that the baby had carried the purse off and then dropped it struck Soeda as being quite nicely conceived. His mood softened.

“How much money was in it?”

“She had bought the wool, so—I’d say maybe two-thousand and six or seven-hundred yen.” Soeda remembered that he had once mistaken a five-thousand yen note for a thousand yen note when he was climbing out of a taxi in the dark, and handed it to the driver. It had happened soon after five-thousand yen notes came into circulation. The driver had given him the change appropriate for a thousand yen note, and of course there had been no reason for Soeda to be at all suspicious of the man, no reason for him to look him over to see whether or not he had known that it was a five-thousand yen note. Soeda was inclined to think that at the time the driver hadn’t noticed either, just as he himself had not.

He had told Ikuko about the five-thousand yen note at the time, but he didn’t mention it now.

“Yuko hasn’t ever had anything stolen from her before, has she?”

“When you say stolen—you mean, has she ever had anything of hers taken by someone?” Ikuko rephrased the question. “I wonder . . . something of Yuko’s. . . . No, I can’t think of anything. Maybe she hasn’t.”

They could tell by Yuko’s hurried footsteps that she had returned.

“I got a good look at them,” she said, coming into the sitting room. “It’s not quite as exact as father said, but it is odd.”

“What isn’t exact?”

“The bare trees and the trees with leaves on them aren’t really so clearly divided—they don’t just split halfway up the path. There are still a few leaves on some of the trees at the bottom, and there are some at the top that have lost most of theirs.”

“You checked every tree.”

“Yes. The moon is out, and I could even see a few stars.” Yuko looked Soeda straight in the face. “Father, have you heard about the purse?”

“I have.”

“I’m sorry.” Yuko’s apology left Soeda unable to speak for a moment, and Yuko continued. “I’ve walked the path twice today. I was looking for the purse this afternoon, so I was looking down the whole time. This evening I was looking up the whole time, and I even saw the moon.”

Soeda chuckled.

“I remember thinking this afternoon that a lot of leaves had fallen, but somehow I never noticed that the branches over my head were bare.”

“I wonder if this sort of thing has happened before. Do you think the trees at the bottom of the path always lose their leaves first?” said Soeda, but Ikuko’s only reply was to sigh and cock her head.

They had lived for years right next to the row of ginkgo trees, but none of them could remember if it was like this every autumn.

“There must be something wrong with us,” Soeda muttered.

“We’ll have to make sure to pay more attention next year,” Ikuko said. Then, remembering that her daughter would no longer be at home when the autumn of that next year came, she was overcome with loneliness. “Why don’t we send a letter to Shinichi in Kyoto? He hikes and he’s interested in plants and so on—I wouldn’t be surprised if he’d noticed.”

“Maybe I’ll take some pictures of the trees tomorrow and send them to him,” Yuko said.

The next morning Ikuko walked with Soeda down to the bottom of the path so she could get a better look at the row of trees. Yuko came out after them. Every so often she would run on ahead of them, stopping to take a picture of the row of trees and of her parents standing before it. The whole thing turned into quite an event.

Three days later, late at night, a fierce winter wind blew up. December had begun. Soeda and Ikuko lay in bed listening to the sounds of the wind,

discussing the ginkgos. The trees at the top of the path would be mostly bare in the morning, they agreed.

“The garden will be covered with leaves again,” Ikuko said.

“Yes. I have to sweep them up, I remember. It happens every year.”

The sound of trees thrashing in the wind came from the ginkgos in the row, there was no question of that. It seemed there might be another sound as well—the faint sound of ginkgo leaves dropping down onto the roof.

“It’s lucky Yuko took the photographs when she did, isn’t it? We can show them to Shinichi when he comes home for winter vacation. He says he hadn’t noticed the split either.”

Soeda understood that the sound of the wind had reminded Ikuko of their son. Shinichi’s reply to her letter had arrived that morning. He had written that he didn’t remember much about the stages in which the ginkgo leaves fell.

The half-leaved, half-bare row of ginkgos had seemed to Soeda like his own discovery. He felt now that the very last of its yellow leaves were being scattered by the fierce night wind—he could feel it in the chill at the back of his neck. Just as Ikuko had said, they would have to explain to Shinichi with photographs.

Shinichi had gone off to a university in Kyoto against the wishes of his family. Soeda still couldn’t understand why he had been so opposed to the idea of attending one the numerous universities in Tokyo. The boy said that he liked the old Japan of Kyoto and Nara and insisted that the only time in his life when he would be able to see these cities as he liked was during his college days.

Soeda began to wonder, yet again, pointlessly, in the midst of the wind, whether Shinichi hadn’t just wanted to try living away from home. And then one of Ikuko’s little quirks drifted up into his mind. In autumn, when

the fruits of the season started appearing in large quantities in the stores, she would buy them according to her color preferences. She liked the color of red apples, for instance, but disliked the color of tangerines. She ate tangerines, and in seasons when they were scarce—when she only saw a few at a time—these preferences seemed not to come into play. But she felt slightly uneasy when cucumbers and other vegetables were heaped up in the stores and often didn't buy them. Then too, there were times when she revealed an unexpected fastidiousness. It had happened more than fifteen years ago, but Soeda still couldn't forget the occasion when Ikuko had discovered a single scrap of toenail that had fallen onto the tatami—this despite the fact that he had cut his nails over a sheet of newspaper— and had picked it up, disgusted.

Soeda had gotten angry too. “I really can't understand it!” he'd said. “A piece of a person's body gets separated from his body, and all of a sudden you think it's dirty! You don't notice when you're kissing, but if someone told you to exchange saliva with someone else, you'd find the idea disgusting even if that someone else was a lover, wouldn't you?” The example had been rather unfortunate, admittedly, but Ikuko had been unable to forget those words for almost two months, and Soeda hadn't known what to do.

Perhaps that aspect of Ikuko's character had been passed on to their son, Shinichi? Shinichi was stubborn, it was true, but Soeda didn't think he was afraid of heaped-up cucumbers. And there was certainly nothing like that in Yoko. Suddenly an image of Yoko rose up in Soeda's mind, quite unrelated to what he had been thinking. It was Yoko as a junior high school student. She and a friend had been painting pictures, but now they had stopped, and they were coating each other's fingernails with red paint. Soeda tried to sketch in the details of this picture in his mind, to focus on it, and was soon oblivious even to the sound of the wind.

“What are you thinking about?” said Ikuko. “You can't sleep either?”

“What were you thinking about?”

“About the landlady at Shinichi’s place in Kyoto.”

Soeda had heard the story from Ikuko last year when she returned from a trip to see Shinichi and to sightsee in Kyoto.

“They went to put her grandfather’s bones into the family grave when she was seven, and for some reason her mother said to her—You’ll marry into a different family, you know, so you won’t be allowed into this grave. She was just a child then, and she felt terribly lonely—but she was saying that the way things have turned out it looks like she’ll end up in that grave after all! Can you believe it? She couldn’t help laughing.” Soeda could remember Ikuko saying this.

The woman was ten years younger than Ikuko. She and her husband had been childless when he was killed in the war, so she returned to her parents’ house for six or seven years, then remarried into a family with three children. She was fond of children, and the two young boys had grown to like her very quickly—so much so that they fought to be allowed to sleep beside her. But their older sister was almost eleven, and she had been difficult. Once, at her husband’s suggestion, the woman had tried to open an old chest of drawers in a room they didn’t ordinarily use, and the girl had struck fiercely at her waist from behind.

“Stop it! Stop it! That’s my mom’s! She said she’d give it all to me! You aren’t allowed to touch it!” The girl seemed on the verge of tears. The stepmother tried her best to get along with the girl, but in the end she gave up and left. Now she rented a five-room house in Kyoto, the rooms of which she sublet to students.

The fact that Ikuko had been thinking of the landlady as she lay there unable to sleep suggested something to Soeda—that her thoughts of their son had led her to think of her own and her daughter’s lives as women. Still thinking this, he said, “It might not be windy like this in Kyoto tonight, you

know.” “That’s true,” Ikuko responded. Then, as if she too was feeling better, “I suppose we’ll go out again tomorrow morning, all three of us, to see what’s happened to the leaves?”

“I’m sure they’ll all have fallen.”

In the morning the three of them walked together to the path; just as Ikuko had said, and looked at the ginkgo trees. A single night of winter wind had left them looking miserable. There were still a few leaves on the trees at the top of the path, but they were so thinly scattered that they ended up giving the trees a wintry appearance, making them look cold. Here and there among those trees that had still been leaved were ones that had lost their leaves entirely—that were stripped completely bare. The mysterious division that Soeda had discovered had collapsed. The row of bare trees at the bottom had only seemed splendid because the line of yellow leaved trees at the top had served as a background. Even on the bare trees at the bottom a few leaves remained, scattered here and there, few enough to count. Soeda noticed that those yellow leaves were trembling, as if butterflies had come to rest on the branches.

Nature

To begin by saying that I heard the life story of a traveling actor at a spa is rather an old-fashioned narrative technique, but then . . . perhaps the story itself is old-fashioned. . . .

In June of this year, while traveling in Yamagata, it occurred to me that I might visit a certain spa—I had remembered that a spa once frequented by a now-dead friend was on the coast of Yamagata prefecture. My return to Tokyo would be delayed by a day, but since I was in the area anyway it seemed like a good time to stop by.

My friend had told me that the dunes and the sunsets were beautiful at this spa, and as my car cleared a stand of pine trees and approached the shore I saw that it was indeed lined with dunes. The stand of pines and the fields I had just driven through grew in sandy soil, and undulated gently—perhaps they had originally been dunes themselves. Or perhaps sand from the beach had made its way back even that far, even as far as the stand of pines and the fields.

As soon as I had been shown to my room on the second floor, I stepped out into the hall and looked at the sea. It was a little too early for the sunset, and I was unable to discover anything beautiful in the dunes I had seen from the car. They were bleak. There were large numbers of evening primroses, but they weren't yet in bloom, and if there were crinums and other beach plants growing as well, their flowers were not visible. It must be that, depending on the season, the time of day, and the lighting, there are times when those dunes become beautiful. It must be that at times—regardless of whether or not flowers bloom in the sand—the color of the sand itself becomes beautiful. The color of the sand and the colors of the sky and the ocean must reflect off and into one another, delicately merging.

Thinking that my friend, who had stayed at this spa frequently for long periods of time, must sometimes have seen the dunes and sunsets when they were beautiful, and gazing out at the sea, I noticed that the horizon between the water and the sky was unusually dark. Compared with the horizon I was accustomed to seeing—on the ocean to the west and south of Tokyo—the horizon of this northern region was unquestionably odd. Judging by the green of the trees I had seen on my trip, it seemed that the seasons here lagged about a month behind Tokyo's, but even so it was June: the guests at the spa were wearing light cotton kimonos—the sea should not be wintry. Or perhaps seas in the north were like this? Not only the horizon, but the color of the ocean itself was oppressive. I was amazed that my friend had been able to bear it, looking out on an ocean like this from his room at the spa, and I began to feel lonely. It occurred to me that the relative proximity of the aurora borealis might make the sunset beautiful.

When I asked the maid at dinner, however, I was told that my departed friend had disliked rooms facing the sea, that he had always chosen one from which the ocean could not be seen. It struck me as odd that he would come to a spa on the shore and then choose a room with no view of the ocean—I was a little surprised at first, but then decided that it made perfect sense.

“If you like I can show you his room later on,” said the maid. “There’s an actor staying there now, but...”

“If there’s someone there—no, I don’t really need to see it.”

“The man likes novels. As a matter of fact, he was delighted when I told him that Mr. Kishiyama used to stay in the room. I’m sure he wouldn’t mind.”

I had signed the spa’s guest book, and the maid had recognized that I was a friend of Kishiyama’s, a fellow novelist. It seemed this maid had served Kishiyama whenever he visited the spa. He had frequented the place more

than ten years earlier, in the years before the war, yet the maid looked fairly young.

“I suppose Mr. Kishiyama’s daughters must be grown up by now,” she said.

“The elder daughter is married—she had a child last year. The younger daughter is off studying in the United States. I served as the go-between at the elder daughter’s wedding reception.”

“Really? Then his wife must be living on her own now—she must be lonely.”

The maid left the room and returned with a photograph and a scrapbook of notes and sketches. The photograph was one of the Kishiyama family, taken at the spa to commemorate a visit. The daughters had bobbed hair, and the maid was in the picture, too. It was a small photograph, but even so one could make out the faces of the people in it.

“Everyone’s so young, even Kishiyama... The older daughter really was beautiful, wasn’t she?” Kishiyama had written in the scrapbook, in his odd handwriting, “All things join the flow of water.” There was a blank space to the left of this, so I wrote, “Solitary shadow in stillness hoping for snow,” and then at the bottom added, “Transcribed by Kishiyama.” The words were not Kishiyama’s own, but came from a Chinese poem he had written out for me. I finished writing and then savored the words. At any rate, it looked now as though Kishiyama and I had come together, had written together. Kishiyama had died seven or eight years earlier, so the sight of our characters lined up there, side by side, came to seem somewhat eerie. Kishiyama had died mysteriously at an airfield down in Kyushu—a field that was being used at the time as a base for the Special Attack Corps, the Kamikaze.

“Well, what do you say? The actor is waiting in Mr. Kishiyama’s room right now, extremely pleased at the prospect of meeting you. . . .” said the

maid, urging me to visit.

“He’s come with a traveling troupe?”

“Well, he was acting in a play at a town nearby, and then he and our panpan became friendly, so he left the company and stayed on here alone. Now the panpan is supporting him. He’s a handsome man, after all. . . . Everyone turns around to look when he walks outside.” Seeing that the ink had dried, the maid closed the scrapbook. “When I say panpan I mean the sort of person who used to be called a shakufu, of course—a certain kind of waitress.”

I went downstairs with the maid. She stopped before one of the paper-paneled doors in the hall, and called out,

“Mr. Uryu, Mr. Uragami has come.”

He came to the door and slid it open, and our faces met. For an instant I felt as though I were looking at a large white flower. As we seated ourselves, Uryu came to seem more like an artificial flower—one which might easily be mistaken for a natural flower. After greeting me politely, he said, “I was told that this used to be Mr. Kishiyama’s room, so I asked to be allowed to stay here—to remember. I read Mr. Kishiyama’s Collected Works with great pleasure when I was in high school. . . .”

I doubted that a traveling actor would have attended high school under the old system, but I said nothing of these doubts. I said instead, “But to come to an inn on the shore and stay in a room with no view of the ocean? . . .”

“Ah—I have a terrible case of *muscae volitantes*... I can’t bear to look at the ocean or the sky or anything like that. The entire sky seems to be filled with flying ash-colored dots, they’re like mosquitoes, and—” Uryu broke off. He squinted, as if dazzled. The look in his eyes was like that of a young woman flirting without even meaning to. I was drawn irresistibly towards those eyes. Hadn’t I once known a young woman somewhere, briefly,

whose eyes were beautiful in just this way—hadn't I been left with a sense of her charm, which was somehow like sadness and regret? Uryu's eyes were exactly like the eyes of a woman. They seemed moist with grief, but were in fact blue-white and clear. It was as though there was a second pair of eyes deep within the first. The feeling that I was being watched by that other, deep-down pair of eyes was strangely unsettling.

“When I see all those ash-colored dots flying . . .” Uryu began again. “It seems that it's my own life up there—that it's the world of my own heart and mind. My own sin, my own disgrace has become an ash-colored dust and filled the sky. . . .”

“Ah.” For a time I was unable to respond.

There was a pair of sunglasses with light peach colored celluloid frames on top of Uryu's desk.

“I've got *muscae volitantes* too, actually—though mine is a pretty mild case,” I said. “Who knows, Kishiyama may have had it himself.”

“Mr. Kishiyama wrote in an essay that he saw something like soot or tiny bits of thread, didn't he? But it was dust in the lenses of his glasses, not something that flew about. It moved when he moved his eyes.”

“Did he really?”

How old could Uryu be? The smoothness of his cheeks and neck made it seem as though he might still be a young man. Deciding that he couldn't yet have turned thirty, I turned my eyes to the garden.

“To think that Kishiyama chose to look at a garden like this, rather than at the sea. There's nothing to look at.”

There was a second two-story guest house opposite from where we sat. The garden between the two buildings was small and dark. The few trees in it had been cut close to the ground, and the rocks were small. Azaleas are fairly common in Yamagata, both as garden trees and as bonsai—I had seen

azalea blossoms everywhere on my trip—but there were none in the garden here.

“I don’t think Mr. Kishiyama looked at the garden. He would keep his face turned toward it, I’m sure, but that was all. He liked this room precisely because he could stay here without having to look at anything.”

If Uryu was going to start talking like this, I would be able to talk too. I looked at the traveling actor again, thinking better of him. A knit shirt could be seen at the chest of his thin kimono. It was a shirt with no opening at the front, the kind one puts on over one’s head. Such shirts are fashionable these days, but I found it slightly irritating. Uryu adjusted his collar and turned to face the garden. I was startled to see how beautiful his long, thin neck was in profile. It would have been long even for a woman’s neck, yet somehow it didn’t seem to be unnaturally long or thin—it was naturally and beautifully shaped. Its curvature was exquisite.

“The suggestion that he liked it here because he didn’t have to look at anything is interesting, but then from what I hear you’re an actor—could it be that you only like to show? Isn’t there anything that you like to look at?”

“Well—I do like looking at nature’s green. At trees . . .”

“Trees?” I nodded. “Yes, I have a fondness for big trees myself.”

“I like forests and woods.”

“But the idea of not looking at anything—a person who did that would be rather like the Bodhidharma, wouldn’t he. Nine years facing the wall.”

“Yes, though the elderly are like that too, of course. Old people who’ve grown weak with age, who are near death, a natural death... “

“I guess so.”

“Among my relatives in the country, there’s a man ninety-seven years old, the oldest man in the village. Even his son is over seventy now. I went to visit in May and whether the old man was sleeping all day or whether he

was awake I couldn't say, but he spent the entire day in bed. He lives in a separate building apart from the old main house—he's been living there for fifteen years. After the war the landlord's farmland was taken away, so that now the landlord has to work even harder than his old tenants just to make ends meet, and though there's a woman who looks after the old man, she's so busy with her work that he doesn't get much attention. I was told that she sometimes forgets to open the storm doors at the second house. At best she opens two or three of them about half way, just enough to let the light in. But on really bad days she just leaves them closed. It may be warmer if the doors are left closed on snowy winter days, I don't know. The point is that the old man seems to have no idea whether she's opened them or not. He doesn't even seem to notice when she leaves them shut, even when she leaves him in the dark at noon. I think that might be taken as evidence that the old man isn't looking at anything." "How strange. And it isn't that he can't see?"

"I don't know. There are no signs that he has cataracts, his pupils are dark and clear—it seems most likely that he can see. I suspect that his mind has just stopped looking, though his eyes can see," said Uryu. His own eyes seemed to be seeing a vision of the ninety-seven-year-old man.

"Clear eyes would seem to be in your blood. ' "The old man's eyes are so clear I sometimes think there must be Ainu blood in him. He's always been pale, but since he hasn't been out in the sun for years his white skin has turned even more bluish and transparent. The way his skin looked I almost thought it would feel cold if I touched it, and when I looked at his arms it seemed that the color of the blood flowing in them must be thin, almost clear.

His hair and beard were white, glittering with silver. The seventy-plus son still had some black hairs mixed in with the white, but the old man didn't— there wasn't a single black or even slightly brown hair left on his head. And in the midst of all that bluish-white skin and silver-white

hair....”His eyes, with their large irises, glittered with a black light—it really made a strange impression on me,” said Uryu. “Those black eyes could see everything, and yet they weren’t looking at anything. Thinking that made me cry.”

“Yes. I suppose living out one’s allotted life like that is nature’s way—is a happiness nature bestows on its own. When a human being lives to be a hundred I doubt he needs the Boddhidharma’s Zen meditation just to die a natural death.”

“Ah—during the war, it’s been almost ten years, but at the time the old man was very sharp in certain ways. I was—well, I had turned into a person who didn’t exist in Japan, a person who had vanished from the world—my fortune was such that I didn’t know when I would die, or when I would be killed by my country—and so I started to long for the countryside, and I disguised myself and went there, and under cover of darkness I approached the old man’s house. I stifled the sound of my footsteps, and the storm door was closed, but from inside there came a loud voice—Who is it? Are you a ghost or a thief? Is that Momosuke? — Momosuke is my name. I held my breath, but then he began trying to wake the attendant—Hey, would you open the door, Momosuke’s ghost seems to have come. ... I was terrified—I ran away as fast as I could. The old man must have been able to see me, right? Momosuke’s ghost seems to have come. . . . Hearing that was terrifying. I can’t forget it.”

“When you say ‘a person who had vanished from the world’ ...’ ’

“I had become a woman,” Uryu whispered. “The man Momosuke had vanished. . . .”

“Yes—a woman,” I murmured automatically, feeling certain things about Uryu fall into place. But I said nothing further on that topic, choosing instead to steer our conversation temporarily in a different direction. “How is the old man related to you?” “He’s the head of the main family. I’m in another line. ’

But the split had occurred generations back, and the blood relationship was distant, Uryu said. Uryu Momosuke's father and grandfather had been the local rebels, the local runaways. Momosuke's grandfather went to Tokyo and became a public servant and then sold the residence in the country. The house was dismantled and brought to Tokyo, where it was reassembled as a "country residence" in the garden of a certain house in Shiba. The house had survived the air raids without burning and was apparently still standing. Momosuke's father had become a military man. Momosuke, taking after his grandfather perhaps, rebelled against his father and ran away from home. His father, a commander in the artillery, resigned his position in the army because of this, but was immediately hired by a munitions company.

"Having a rebel for a son pained him so much that I hear he thought of committing seppuku, but now having lost the war it seems that his failing in the military on my account was really a good thing. He's still doing something or other, I hear. . . ." Uryu said, then lifted his face slightly and continued. "My father went to visit the old man in the country this past March. He went out to the other house and made his greetings, but from what I hear the old man just kept sleeping. He hasn't been awake much lately, the attendant said, with an expression on her face like she knew everything, and then suddenly the old man woke up, so my father introduced himself several times in a loud voice. The old man said—What was that? Toranosuke Hashimoto? I've forgotten the past, all of it. Then he went back to sleep, and the younger old man and my father smiled wryly and went back to the main house. I don't ever see my father, but I heard the story from the younger old man when I went out to the country a month later. . . ."

Momosuke's father's name was Uryu as well, but because there were a good many Uryus in the village they had come to be known as the hashimoto no Uryu, the Uryu at the foot of the bridge, after the location of their ancestral home. This was shortened, and now they were called

Hashimoto. Their old village lay on a narrow inlet, and looked as though it had once been level with the hills around it, and then collapsed. The green of the hills and the color of the sea were both very deep. Seen from a distance, the village looked like the vividly colored harbor of a tin)' landscape constructed on a tray. Half of the town's residents were farmers and half were fishermen, with the farmland at the top of the hills. No one in the Uryu family fished.

"I've forgotten the past, all of it," Momosuke said again, repeating the old man's words. "We'd be saved ourselves if we could say that. . . ."

"Yes. But it'll be another forty years until we reach his age—until we're able to use those words naturally ourselves. It's a long time," I said. "It's a long time, but then unlike Kishiyama, who's dead, we're still living—which is to say that we've been granted a certain amount of extra time. Though of course, we ourselves have no idea how many more years we'll live."

"What?"

For some reason Uryu's face clouded.

"I've heard that the old man kept saying—I'll die in March, I'll die in March. People in the house would act amused and say—But it still snows in March, granddad, and there are days when it's terribly cold. . . . Why not put your death off a month, couldn't you choose a time when the cherry trees are flowering? But the old man would make a sour face and say—No, I'll die in March. Then in March of this year he caught a terrible cold and suddenly lost his strength, he stopped making sense when he spoke, so everyone thought—He's old, perhaps his time has come, and it will be March after all, just like he said, and they began preparing themselves for the funeral. Even the people who had been taking care of him lost their energy. But then for some reason the old man came back to life, as the doctor said, utterly amazed at it himself. My father and I went to the country to visit because of that illness. . . . But from the time of his sudden

decline in March, he stopped saying that he would die in that month. . . . He doesn't say that he'll die anymore. He's completely forgotten about death. Or maybe that's not right—maybe he just goes on dying naturally, since from what I hear he spends all of his time asleep. He does eat quite a lot. But he just moves his mouth, he just chews—so everyone figured that really good sweets and so on would be like poison to him, that quantity should be more important than quality, but if they gave him cheap biscuits or something like that he'd grumble when he woke—Can't you people give me something better? He's able to taste things. In villages in the country they say that an old person who's become senile—whose arms and legs no longer work properly, who's always needing other people's help—they say that he's become a nidoaka. Nidoaka means someone who's turned into a baby for the second time.”

“Nidoaka—that's a nice way of putting it.”

“Momosuke's ghost seems to have come. Ever since the old man said that I've thought of him every time I'm in pain or in trouble, and I've grown fond of him—nostalgically fond. Mr. Kishiyama was an amazing man, but of course he died early. If he was alive and in this room now I think I'd want to ask him to live on to ninety-seven, to grow senile.” “Yes, but only one person in a thousand lives to be ninety-seven. If I live to be that old I think I'd like to be able to say, and to say naturally—I've forgotten the novels I wrote back then, all of them.” I hadn't meant much by this, but Uryu was still a riddle to me, so I asked, “When you say that you had become a woman ... do you mean that you were a specialist in female roles? Did you dress as a woman?”

Uryu lowered his beautiful eyes.

“I wasn't a specialist in female roles, I was an actress. I was living as an actual woman.”

“Why” . . .” I asked foolishly. Imagining that something of Uryu's odd gender might be revealed in the area about his waist, I glanced towards it.

“Draft dodging. Hatred of the military. Fear of war,” Uryu said coldly, quickly, slicing his speech into three. I was caught off guard.

“I was a high school student, but I didn’t want to go on to university, so I became a woman.” “Ah. And you succeeded” . . .”

“Succeeded” I suppose you could say I succeeded. I made it through the war without becoming a soldier.”

“Ah.”

“These days, people talk about having been spies for the United States—reminiscences of that sort show up in magazines, even—and all the people who were prisoners then are walking about free, so I don’t imagine that draft dodgers from back then will be brought up on charges—but I certainly made sacrifices in my flight, I certainly suffered. . . .”

“But you were able to live as a woman.”

“I transformed myself into an actress touring the countryside. During the war people transformed themselves into all sorts of things—everyone’s fate had gone crazy and so of course there were men who turned into women, either by themselves or with another man. There were probably a few besides myself.”

“When you say that you became an actress, I take it you were in a company with other members. They didn’t see through the disguise?”

“I wonder. . . .The head of the company certainly knew. I became friendly with the leader so that I could keep the rest from finding out, and the two of us were constantly together. The most difficult part was changing into costumes. I had to expose my chest then, of course. ... I kept it wrapped up in gauze all the time, but even so. . . . I’m sure there were people who suspected, people who felt intuitively that something about me was a bit peculiar, but of course it never occurred to anyone that I had become a woman to evade the draft.” Uryu smiled girlishly. “Even if there

were other men who hated the idea of going to war—who hit on the idea of becoming women—not everyone can do it.”

“Yes, that’s true. If they aren’t pretty like __ »» you....

“It isn’t only a matter of being pretty or ugly— there has to be a woman inside one. ... I think that there was a girl inside me. If there hadn’t been a war that girl would probably have stayed clamped down inside, but we had a war and thanks to it she was able to push out into the world. I was told once after my transformation that there was a young woman who looked like me. All sorts of things happened to me during the period when I was a woman, but it’s hard for me to talk about them so openly.” Uryu stood and turned on the lights. The garden, too, had grown dusky.

“The sun must have gone down already,” I said. “Kishiyama used to say that the sunset was beautiful here—have you seen it?”

“I don’t look,” Uryu answered abruptly. “Had you been planning to see the sunset? I’m afraid I’ve kept you. ... I hope you’ll see it tomorrow.”

“No, I’m leaving tomorrow morning. . . .”

“So soon? . . .” Uryu said, moving his black eyes. “Would you mind listening to me talk about the time I spent as a woman?”

“No, I’d like to,” I said, nodding. “I only came here because I knew that Kishiyama used to come.” Uryu nodded too.

“The panpan is supposed to come around eight thirty, and I guess she’ll leave around ten. Perhaps we could go for a walk on the beach afterward and I could tell you then—though I suppose you’ll be leaving early tomorrow morning, won’t you?” His inflection was feminine and somewhat pouty. I thought at first that he was embarrassed at mentioning the waitress who supported him, but that didn’t really seem to be the case.

“My transformation into a woman was something I had planned out—even in high school I let my hair grow down to my shoulders, though

schools at the time were very particular about things like that, and I was ordered repeatedly to have it cut. Eventually I got fed up and ran away. For a while I pretended to be a tramp in Asakusa Park, but the inspections were bothersome there too, and they were strict about keeping the number of drifters down. I changed over to women's clothing. Then I went back to my hometown, to the harbor. Actually I was born in Tokyo, so even though I say 'hometown' there are only a few relatives there who know my face. Momosuke's ghost seems to have come. . . . Hearing that nearly ninety-year-old man's voice come from inside the storm doors that moonlit night, I thought that I had left the world, that my life had reached its encl."

"Ah—and then you became an actress?"

"That's right. I had liked acting ever since I was in middle school, and I had always played women's parts—I had been in the drama studies group at my high school, too—so I figured I might as well try to be an actress. . . . I had practiced a lot of the women's parts in various books of plays. Small traveling troupes were short on players during the war, so it was easy to get taken on. But even in groups of wanderers like that, people had their names registered—male and female actors both. Inspectors and officers in charge of conscription came around sometimes. I was the only one who wasn't registered. Uryu Momosuke had disappeared, no one knew where he had gone. Traveling actors are like fallen leaves blown together into a pile—they don't think very much about one another's pasts, and more often than not the stories they tell one another about themselves are made up."

"You became a woman and then acted woman's parts—that makes it a play within a play."

"A play within a play? . . . At the time it didn't feel like that. I was cursing the world and it felt good. The young soldier who told me about the girl who looked like me—he was in the Special Attack Corps. Our company went around performing to cheer up the troops. We went to a base with an airfield in Kyushu that was being used by the Special Attack Corps.

There was a stream on the border of a wheat field, and on the other side of that stream a hill covered with all sorts of trees. I had been walking on the riverbank when I met this young soldier, and he stopped and stood there looking back at me, so I stood completely still, and he came back, and I asked—Did you see our play yesterday? Yeah, it was good. Then he told me that I looked a lot like his girl. Really? How nice. Shall I show you her picture? Won't she be angry with you? Nah. Say—can you jump this river? Of course I can't jump it. I'm a woman. All right then, I'll carry you across. Oh no—really! It was sometime in May, at the beginning of twilight. He carried me across the stream on his back, and we hid under those trees, in the shadow of the leaves. He wanted to show me the picture of his girlfriend. No doubt he wanted to look at my face for a while. I didn't think that the young woman in his tiny little photograph looked like me at all. But I didn't tell him that. He talked about various things, and then he put his arm around my shoulder and drew me closer to him, and tried to sit me on his lap. I figured he'd probably realize I was a man if I sat on his lap, so I grabbed his shoulder from the side.”

“I see.”

“Are you a virgin? That's what he asked me. For a moment my heart pounded. I'm a man, of course, and ‘Are you a virgin?’ isn't a question one asks actors in traveling troupes—it's the sort of thing that might have made me burst out laughing, but I was so startled that my voice wouldn't come. I shook my head slowly. I certainly couldn't nod and so I shook my head—but how did he interpret that? I see—he said, stroking my shoulder gently. Even afterward I couldn't figure out which he thought I had meant. Aren't you frightened by these terrible air raids— every day at every airfield? Yes, I'm frightened.

When I said that tears came to my eyes and I threw myself down on his lap and cried. Maybe he thought I had shaken my head unwillingly, and so he found me pretty. He was just a student, pure and unsophisticated. He

said he would be sent to the front within two or three days. It occurred to me that if I hadn't transformed myself into a woman the same would be true for me. He lifted me onto his back again and we crossed the stream, and—what do you suppose he gave me as a memento?"

"What did he give you?"

"Cyanide."

"Cyanide?"

"Yes. His girlfriend had been conscripted to work in a factory, and she had asked for cyanide—as preparation for the worst. Of course at the time that sort of thing was quite popular among young women working in the factories. Apparently she had given a portion of it to the soldier. As preparation for the worst. . . . But he was going to die anyway—that was definite—so he said he didn't need any drugs."

UT »»»

I see.

"I remembered that student again when I went to visit the nidoaka, the old man. As you see, I've gone back to being a man again. . . . When I went to the separate house the door was only open partway, it was very dim. It was May but the kotatsu was still there next to the futon. The younger old man, who had led me to the room, chased a fly. The ninety-seven-year old had pushed the quilt down to his stomach—his right hand lay outside of the futon, and he was sound asleep. His white hair and his white beard had both grown long—he would have looked like a mountain immortal or a Buddhist saint if his color had shown a little more evidence of suffering, if he had borne scars of spiritual troubles—but the old man was too natural, he looked like a child, innocent. But after looking for a while at the fingers of his right hand, I noticed that his fingernails had separated from the skin already, that his fingers were entirely drained of strength. The younger old man called out in a voice loud enough to wake the older—Father,

Hashimoto Momosuke has come to visit, and the area around the old man's eyes brightened, he gave a low groan and looked in my direction, and I was so startled by the glint in his black eyes that I gasped. The old man put his right hand down under the quilt and with the strength in that arm raised the upper half of his body. His white crepe obi had drifted up toward his chest. Quickly, say your name—urged the younger old man, but I just stared at his father. And just as something that has drifted lightly up sinks lightly down again, the old man's body dropped down, his right hand came slowly out from under the quilt again, and he went back to sleep. That was it. That will probably be our last meeting.”

I see.

“I couldn't help crying, but then that's a natural farewell, isn't it? Not like when I said goodbye to that student. . . .”

Uryu placed his knees together as a young woman would, and drawing his eyebrows together stared at me with his black eyes.

“I wanted to go back to being natural again, so I left the troupe and stayed on here by myself. . . . That company was different from the one I had been an actress with during the war. The first troupe was broken up by the defeat. I had gone back to being a man, a specialist in female roles, but still . . .” I began to worry that it was time for the waitress to come. Like a large white flower Uryu allowed his body to soften, and hung his head.

Raindrops

The four children playing twenty questions downstairs in the children's room could be heard clearly on the second floor.

Taking turns, each child became the announcer, wrote a word on a piece of paper, and turned the paper over. All the players were children, so the words were simple. If a child's guess was "Correct!" a circle was drawn next to his or her name.

Apparently the child with the most circles would win.

"This one's a mineral," said the announcer.

"Is it a liquid?"

"Yes, it's a liquid."

"Is it water?"

"Yes, it's water."

"Is the water making noise now?"

"Yes, it's making noise now."

"Does it sound like—drip drip drip?"

"Yes. You're good at this!"

"Is it raindrops? . . ."

"Yes, it's raindrops! Correct!"

They had guessed the word with only four questions.

"Shizu, wasn't that Fumio just now—the one who said raindrops? He really is quick," said Hidaka Toshiko on the second floor, speaking through the sliding paper-paneled walls to someone in the next room. There was a

three-foot hallway between the two rooms, so she and the person she was talking to were separated by two layers of walls.

“They certainly pick awful words. Raindrops of all things. . . .” Numao Shizu replied.

“It was really clever of Fumio, though. He’s still so little.”

“Of course Kaku, the boy from next door, he did say ‘drip drip drip.’ He let Fumio get the answer. My little Fumio is still just a baby, so Kaku lets him win.

He must have known it was raindrops if he said ‘drip drip drip.’”

“I don’t know. . . .You can’t tell whether it’s rain or raindrops just from hearing that it’s water, and that it’s making noise right now.”

“If rain makes noise it’s raindrops.”

“That’s not true. The sound of rain and the sound of raindrops aren’t the same.”

“Shinichi was the announcer just now, right? Well, that’s why it was raindrops. Shinichi always picks unpleasant words like that. Kaku knew it right away.”

Shizu spoke so decisively that Toshiko fell silent. There was no point in arguing over something as trivial as the difference between raindrops and rain. And the noise of the rain falling outside the children’s room was really quite incredible. Water streamed down through a hole in the gutter—it was hardly the gentle sound that words like “raindrops” and “drip drip drip” described.

Toshiko had meant to be friendly when she spoke, and she thought now with some irritation that Shizu certainly might have been friendlier herself. Shizu, for her part, assumed that Toshiko was being sarcastic, commenting wryly on the fact that she was unable to repair the gutter, or for that matter

the various other parts of the house that needed fixing. Her fifth-grade son's choice of that wretched word, "raindrops," had put Shizu in a bad mood.

Toshiko and Hidaka were a young couple, so recently married that they hadn't yet been registered as a family. They rented the six-mat room on the second floor of the Numaos' house, and they both worked. The first floor of the Numaos' house was a stationery store. It had managed to remain in business because the elementary school was nearby, but Shizu had stopped bothering with inventory ever since Numao started staying away from home, and she'd developed a habit of speaking curtly to children when they came in to buy things, and sales were falling off as a result. Shizu had the impression that the young Mr. and Mrs. Hidaka were on good terms—that they were an example of that modern rarity, a friendly couple—and so she behaved toward them with a mixture of goodwill and envy. She was jealous on some occasions, and on some occasions she was downright mean—her moods varied. In the past Numao had slept by himself in the eight-mat room on the second floor, and Shizu had slept downstairs with the two boys, in the six-mat room at the back of the store. The children's room was an addition—a narrow room with a floor made of planks, into which the two boys' desks just barely fit. When Numao didn't return home for several nights in a row, Shizu started sleeping in the eight-mat room on the second floor. The children still slept downstairs. Numao's loud snores had always made the Hidakas feel more comfortable somehow, more secure. Shizu, on the other hand, often startled

Toshiko by speaking to her from the far side of the paper-paneled walls at times when Toshiko felt sure she must already have gone to sleep.

"Toshiko? Toshiko?" she once said. "You know, I've been thinking. I bet the woman Numao is seeing, I bet it's that Tokiko, the one who used to come talk with you in your room all the time. She hasn't been around at all lately, has she?"

Tokiko was a young woman, still unmarried, who worked at the same company as Hidaka and Toshiko. Toshiko suspected that she was the woman her husband was seeing, and that their affair was the reason Tokiko no longer came to visit her in the room she and he rented.

Toshiko had been crying and complaining, whispering tearfully to her husband when Shizu spoke that night. Hidaka seemed disturbed by Shizu's delusional nighttime mutterings—he used both his hands to push Toshiko's head from his chest. Toshiko lay still for some time.

“That's a frightening voice, isn't it?” said Hidaka.

“You can do whatever you like when I'm like Shizu—when I've got a child in fifth grade. I swear I won't care in the slightest. But now—now!—it's unbelievable! We haven't even been married a year, and already. . . . You realize, of course, that Miss Tokiko is having other affairs—she has to be, with Shizu saying things like that.”

“Yeah, I know. You're a suspicious devil just like Mrs. Numao. Just remember that voice of hers.”

After that night Shizu never said anything about Tokiko again. Tokiko sometimes dropped by to see Toshiko, and on those occasions she would talk pleasantly with Numao as well. Surely Shizu didn't suspect even then—in broad daylight—that Tokiko and her husband were up to something?

“Better watch it—she's in a dangerous mood,” Hidaka warned Toshiko after the incident with the word “raindrops” in the game of twenty questions. The four children were still playing the same game. Fumio—the boy who had guessed the word raindrops—had to be given assistance when it was his turn to be the announcer, since he was only in second grade.

The siren of an ambulance approached through the darkened streets. It felt as though something awful was about to happen.

“Oh, I hate it! I’ve heard that siren three times today,” Toshiko said, speaking loudly enough that her voice would be heard in the next room.

“Yeah, there are lots of accidents at the end of the year. People are in a rush, and cars go too fast—it’s dangerous. I heard somewhere that when ambulances get sent out it’s almost always for people who’ve been injured. They hardly ever go out for sick people. I’m sure the cars must be skidding like crazy in this rain,” Hidaka said.

“That sound—it’s like my chest is stopped up. It makes me feel a little old. Like a torrent of years is rushing at me.”

“Here we are sitting nice and cozy in the kotatsu—why do you have to talk like that? Someone’s gotten hurt.”

Toshiko lowered her voice. “It’s not funny, you know. I’m going to have to quit my job after New Year’s, right? You said so yourself—the company has its rule, if two people in the company get married one of them has to quit. And who told everyone at work that we were married? It was Miss Tokiko, wasn’t it?”

“It was nice being able to keep it secret for half a year.”

“It wasn’t the slightest bit nice. When I think that I’ll have to quit my job next year, it’s like there’s an ambulance speeding through my chest.”

The siren moved off through the streets.

A few moments passed, and then Shizu spoke again in the next room.

“Toshiko?” she called. “You know—I don’t know why, but for some reason ambulances go by a lot on this Street. It’s been that way for some time. Every time I hear that siren I think how nice it would be if my husband were run over by a car—if he were killed, or even injured.”

“If he were injured he could still look after the store.”

Hidaka and Toshiko were staring at one another. Toshiko was unable to move her adorable, still youthful eyes from Hidaka's face.

"Toshiko? Have you gone to bed?" Shizu said. "No, it's still early. It's only nine twenty," Hidaka answered in her place.

"Is it? Then do you mind if I come talk?"

"Not at all," Hidaka answered again.

Toshiko glanced up instinctively at the sliding door, and adjusted her position under the quilt of the kotatsu.

Shizu began speaking as soon as she had climbed in under the kotatsu with Hidaka and Toshiko, who were sitting face to face.

"Mr. Hidaka—I've been thinking I might rent out the eight-mat room next year. What do you think? If there's someone among your acquaintances you think might be good, would you let me know?" "Of course."

"I won't have anyone like Miss Tokiko."

"She lives with her parents."

"What? With her parents?" For some reason Shizu seemed surprised. "Well isn't that nice for her. But at any rate, if I can rent the eight-mat room, I think I'll use either the key money or the deposit to fix the gutter. It makes such an awful racket every time it rains—I feel just terrible for the children. It's so loud I can't sleep myself when it rains hard."

"Surely it's not that bad?"

"It is that bad. I honestly can't sleep. But what I wanted to say is that if someone's going to be moving in next door anyway, I thought it might be nice if it was someone the two of you know. A young couple would be best, I think."

“It really doesn’t have to be anyone we know— we don’t mind, do we?” Hidaka asked Toshiko.

“I’d like to have two young couples on the second floor—two couples who really get along well together. Then I could try to make things work with the children in the small room downstairs. I’d like it to be a young couple. You chose the print for the quilt on this kotatsu, didn’t you, Toshiko? Did you sew it yourself? It’s nice.”

The front door rattled open downstairs.

“Shinichi? Fumio? Are you here?” They heard Numao’s gruff voice. “Hey, hey, there you are! You know, out there just now, boy was that terrible! It was so sad I couldn’t stand to look. Someone’s boy got hit by a car.”

The four children had evidently stopped their game of twenty questions when they heard Numao’s shout. It sounded as though they were going out to meet him.

“He’s come back,” Shizu said. She stood up hurriedly from the kotatsu, and then, as if it embarrassed her that Hidaka and Toshiko had seen her hurrying for her husband, said, “It must have been for the boy—the ambulance earlier.” She left the room.

Suddenly Tokiko’s voice came from downstairs. Shizu must have criticized Numao for coming home with Tokiko, judging by the way he now spoke.

“Me? No, no, let me tell you—this person right here! She’s the cruel one. A little kid gets hit by a car, and what does she do? Just like a woman, she’s there mixed up with the rest of the rabble, staring. I couldn’t believe it. But what can you do? A woman with no children of her own is like that.”

“Oh, you’re terrible! I thought it was awful. Besides, I seem to recall that you were looking, too, Mr. Numao.”

“I was. I heard it was a child, and I thought it might be one of ours. So I pushed my way through the crowd, right, and when I got out in front Miss Tokiko was standing right there!”

“What happened to the child? Will he live?” Shizu asked.

“How would I know? I saw that it wasn’t one of our kids, and I just felt so relieved that I.... I saw them put him in the ambulance, but that was it.” “See what I mean? You see that it’s not one of your own children and you feel relieved. You don’t think that’s terrible?” Tokiko said to Numao.

“I think you’re absolutely right,” Shizu said, siding with Tokiko. Then, changing the subject, “Whenever someone from our house is out and I hear an ambulance or something like that, I hate it.”

Tokiko came up to the second floor. The room seemed to get brighter. When Tokiko still hadn’t spoken after a few moments, Toshiko spoke.

“We heard the ambulance siren here, too,” she said.

“Did you? That accident made me feel awful. I was on my way here to tell you—well, that I’m going to be getting married before the end of the year. It’s very sudden. . . . He’s quite a bit older than I am.”

“Well, that’s wonderful! I had no idea!” Toshiko said brightly. For a moment it seemed that her pretty eyes might fill with tears. “Darling, if Tokiko needs a room—how would it be if she took the eight-mat room next door?”

Hidaka didn’t respond. The lovely shadow of Tokiko’s nose moved on one of her cheeks, taking on peculiar shapes.

Various sounds indicated that the children from next door were going home, and then came the low murmur of the couple talking downstairs. The

sound of the water pouring from the hole in the gutter outside the children's room drowned out their voices.

Chrysanthemum in the Rock

What sort of rock had it been? I looked through a number of books like Awazu Hidekoji and Wada Yaezo's *A Full Color Guide to the Rocks Japan* in an effort to help myself remember, but I still couldn't be sure. I'm entirely ignorant as far as rocks and stones are concerned, and I'm sure it would have been difficult for me to decide which of the illustrations the rock matched even if I had spread the chart out in front of the rock and compared the two directly. To make matters even worse, it'd been thirty years since I'd seen the object itself. The rock is in my hometown, far away.

There was a large hollow in the front of the rock that someone had packed with soil, and a chrysanthemum had been planted there. I remember seeing the white flower in bloom, a chrysanthemum so swollen with petals it looked like a bal. Nowadays large flowers of this shape are sold in every florist in Kamakura. Maybe that ancient chrysanthemum was a flower of the same variety, maybe it had simply gotten smaller over the years? It grew on the surface of a rock, after all, and there was no one to look after it.

The blossoms of the white chrysanthemums that florists in Kamakura sell are extremely heavy—so heavy that if you stand one up in a narrow vase the arrangement looks unsteady, as though the vase is about to fall over. The chrysanthemum that blossomed in the rock was small, but serene.

And it hadn't been planted there on a whim, or to comfort the living. It had been planted as an offering.

A woman's head had been appearing over the rock. It was a ghost. A memorial service was held, a chrysanthemum was planted in the rock as an offering, and the woman's head stopped appearing. Ever since then the villagers have planted a chrysanthemum in the hollow in the rock every year. This was the story people told.

I haven't visited the town where I was born in thirty years, and though I see chrysanthemums every year I'd somehow managed not to think of that rock until this autumn, when it occurred to me for some reason that it might be considered a kind of memorial, a kind of gravestone.

I had been walking from temple to temple in Kamakura, looking at old stone art.

And I'd been telling people, "There's not much from the Kamakura Period left in Kamakura, but I'd guess that most of the pieces that do remain unchanged were executed in stone."

Consider a few examples. The treasure-box-seal stupa dedicated to the founder of Kakuen-ji, the treasure-box-seal stupa of the same temple's second head priest, the five-ring stupa marking Ninsho's grave at Gokuraku-ji, the stone toru at Tsurugaoka-hachimangu, and the seamless stupa at Daikakuzen-ji, which is one of the temples within Kencho-ji—all of these were designated as National Treasures under the old system. The treasure stupa at Betsugan-ji and the treasure-box-seal stupa erected at Uesugi Kenpo's preemptive funeral have been classified as Important Works of Art, along with a number of other works, while the treasure-box-seal stupa dedicated to Hojyo Shigetoki has been designated as a historic place. The kurikara monument at Gosho-jinja, the seven-layer stupa dedicated to

Hojyo Dogo, and the stone Buddha at Fukomyo-ji also come to mind. The Kamakura Period was the great age of stone art.

And yet there aren't many people who walk about looking at artworks of this sort. I myself have been living in Kamakura for fifteen years, and until this autumn I never felt any curiosity to see them. No doubt this is because most of the pieces are old gravestones.

"After all, they're gravestones," I murmured to myself as I set out alone on my tour, without even asking my wife to join me.

But to tell the truth, the fact that so many of the pieces are gravestones is what prompted me to make a tour of them in the first place. Several of my friends and acquaintances had passed on, and as their graves were completed I had had the occasion to see quite a number of gravestones of various shapes. One stands before a grave and thinks about the deceased, and so naturally one starts thinking of the shape of the stone as well.

One of my friends had had a small treasure-box seal stupa built for the grave of his wife, who had passed on ahead of him. He explained to me that the form of the treasure-box-seal stupa was based on that of the gold-lacquered stupas built by Qian Hong Shu. Following the ancient example of Emperor Ashoka, who had been a great builder of stupas, Qian Hong Shu, the king of Wu Yue, ordered his craftsmen to fashion eighty-four thousand stupas out of copper. He had a copy of the Treasure-Box-Seal Shinjū Sutra placed in each stupa, and then sent them to various countries. Some of these stupas made their way to Japan. The small gold-lacquered stupas were constructed in the year that corresponds to the ninth year of Tenryaku in Japan. Stone treasure-box-seal stupas were first used to memorialize the dead sometime after the beginning of the Kamakura Period. It is generally agreed that truly beautiful works of the treasure-box-seal stupa form were produced exclusively during the Kamakura Period.

I've lived in the valley of Kakuen-ji, the two storied temple, for more than ten years. I have sometimes visited it on my walks, there at the farthest end of our small valley, and any number of years have passed since I first saw the two famous stupas in its precincts. I didn't know until recently, however, that these stupas—one of them dedicated to the temple's founder, the other a priest's stupa erected for Master Daito, the Sixth Patriarch—are considered the largest and most beautiful treasure box-seal stupas in the entire Kanto region. The upper portion of the stupa dedicated to the temple's founder toppled off during the disastrous earthquake in Taisho twelve, and I've been told that if you looked at it then you could see two

holes in the second of the stupa's four sections. One of these holes contained the priest's bones.

The stupa dedicated to Tada Mitsunaka, generally known as his grave, which I've seen any number of times through the windows of the bus that crosses Jukkoku pass, down at the bottom of the mountain road—it too is a treasure-box-seal stupa of the Kamakura Period. Izumi Shikibu's stupa, also generally known as her grave, which one sees in Kyoto amidst the hustle and bustle of the Shinkyogoku arcade—it is also a Kamakura Period treasure-box-seal stupa. The latter is twelve and a half feet tall, making it less tall than the stupa at Kakuen-ji, which rises to a height of just over fourteen feet. But the treasure-box-seal stupa's form is beautiful and delicate, and a small stupa of this type seems suitable for a woman's grave.

Though I live in the valley of Kakuen-ji, with its beautiful gravestones, the first time I considered a gravestone as an object of beauty was when I saw the treasure stupa at Sen-no-Rikyu's grave and the stone lantern at the grave of Hosokawa Sansai, both of which are found in Kyoto's Daitoku-ji. The stupa and the lantern were both stones that Rikyu and Sansai loved during their lifetimes—stones that they decided to use as gravestones—and so we look at them from the very first as objects that Rikyu and Sansai found beautiful. Because Rikyu and Sansai were masters of tea, because the stones are linked to the world of the tea ceremony, one feels an intimacy and a brightness in them that most old graves lack.

The place where the figure of the door would usually be carved on the lowest of the three segments of Rikyu's treasure stupa has been scooped out, and it's said that if you put your ear in the hollow you can hear the sound of water boiling for tea, a sound like wind whispering through a forest of pines. I put my own head in the hole. My thin face fit perfectly inside—so perfectly, in fact, that the bones of my cheeks rubbed slightly against the stone as I drew my head out.

“Could you hear a kettle?” someone asked, and I replied, “I suppose so. I guess if you listen for it there does seem to be a sound of some sort.” Even as one puts one’s face up into the gravestone, one thinks more of listening for Rikyu’s kettle than one does of the fact that the stone is a grave.

“Legend has it that Rikyu liked this stupa so much he stole it from the grave of the retired Emperor Nijo, at the foot of Mount Funaoka,” I said.

It’s said that treasure stupas have their origins in the eleventh chapter of the Lotus Sutra, “The Appearance of the Treasure Stupa.” When Shakyamuni preached the Lotus Sutra on Mount Gridhrakuta, a stupa adorned with the seven treasures erupted from the ground and hovered in the air. Out of that magnificent stupa there came a voice which praised Shakyamuni extravagantly. With the fingers of his right hand Shakyamuni opened the door of the stupa, and there sitting in the lion seat was the Buddha Many Treasures. Many Treasures offered Shakyamuni half of his seat. “Then the assembled priests saw the two Buddhas sitting with their legs crossed in the seat of the lion in the stupa adorned with the seven treasures, and they all thought, ‘The Buddhas sit in a place high above us, far away. Oh, how fervently I wish that the Buddhas would use their godly powers to bring us up into the sky with them!’ And instantly the Buddha Shakyamuni made use of his godly powers to summon the many priests, to carry them into the sky.” Then Shakyamuni said, “The Buddha Many Treasures is usually found wandering in the ten directions. It is only for the sake of this sutra that he sits in this treasure stupa now.” Thus wherever the Lotus Sutra is preached, the stupa of the Buddha Many Treasures appears.

It is for this reason that doors are carved on the front, and sometimes on all four sides of the so-called “axle” of the lowest of the three segments that make up a stone treasure stupa. Rikyu’s stone stupa—scooped-out where its door ought to be, and carved entirely from one rock, though it’s more than six feet tall—is unusual even in terms of its shape.

There is a story to the effect that Sansai carried his lantern with him even on the biannual journeys to Edo that were required of all daimyo by the Shogunate—journeys that he made on foot. This may or may not be true, but whatever the case, it's certain that Rikyu's and Sansai's gravestones were not carved for them by stonemasons after their deaths. They are products of an age even more ancient than that of Rikyu and Sansai's, stones which the two viewed as works of art while they lived. And the beauties they saw in those stones while they lived became their graves just as they were. It's certainly an interesting way of making a grave. The aesthetic spirit of the person buried in the grave assumes the form of a gravestone.

Rikyu could probably have sketched out a design for precisely the kind of treasure stupa he wanted in his head, but it's unlikely that he would have ended up with an artwork as beautiful as the one he imagined, if he had given the design to a stonemason and asked him to carve it. All the strengths of the age couldn't have helped. And of course, there's a certain quiet beauty that only certain ages produce—one sees this even in stones. It's true that stone lanterns of various unusual shapes started reappearing around the beginning of the Momoyama period—lanterns carved to suit the tastes of those involved in the tea ceremony—but even so it seems reasonable to say that the designs only grew less and less interesting following the end of the Kamakura period, that there was a general stylistic collapse. Rikyu and Sansai selected stones they liked from the works of art that older ages had left them—works that their own age lacked the power to produce—and they used these stone artworks as gravestones. Perhaps this was the extreme limit of extravagance, of arrogance. But then on the other hand perhaps one might think of it as a pure elegance, as humility. Even those of us who visit their graves now, generations later—who can say how much our sensitivity is honed and deepened by the ancient treasure stupa, the old stone lantern? One might say that Rikyu and Sansai became so obsessed with their stones—the one with his treasure stupa and the other

with his lantern—that they carried them all the way to the graves they were buried in, but one might also say that they continued to the very end to value the beauty they had cultivated their entire lives, that they aestheticized even their gravestones.

Thus the first things that came to mind when it occurred to me to make a tour of Kamakura's stone art were the graves of Rikyu and Sansai.

I was looking at a collection of photographs of stone artwork one day, when my wife looked down over my arm at the book. Seeing that most of the photographs were of graves, she asked, "What kind of gravestone shall we have made for you?"

"I'm going to buy an old stone, something I like," I replied. "I'd rather choose one myself." Stone stupas and various other pieces that would make good graves are still bought and sold as old art. If I had to have a gravestone, I might as well learn from Rikyu and Sansai and choose a stone that pleases me while I'm still alive—thus in my eccentricity I daydreamed. A many-treasure stupa, a treasure-box-seal stupa, a five-ring stupa, a seamless stupa—perhaps even a stone Buddha or lantern would be nice. The very thought of having an old and beautiful stone marking my grave lessened immeasurably the pain I felt on considering what would, after all, be my burial. People who came to offer prayers at my grave would feel beauty. That beauty would be something I had seen, but not something that either I or my age had produced. It would be a beauty no longer capable of being produced. A beauty left to us by ancient Japan, a stone that would not decay, that would remain exactly as it was for ages to come. Seen in the stream of that stone's long life, my own life would seem quite short.

I would use the old stone artwork just as it was, I wouldn't even have my name and age carved into it. Only people who'd been told would know that it was my grave. But even those who didn't know would be struck by its quiet beauty as they passed. And even after the people who knew it as my

grave had all passed on—even then my gravestone would stand there in its place, beautiful, preserving within itself one aspect of Japanese beauty.

There's really not much reason to think about the gravestone one will have when one is dead while one is still alive, but as the gravestones of more and more friends and acquaintances are erected over their plots, there come times when such thoughts flicker up in one's mind. Gravestones have been built even for people who insisted they didn't want one. I myself have always thought of a gravestone as a sort of heavy burden, which probably accounts for my dreams of having a stone like Rikyu's or Sansai's. It's unlikely that I would end up with anything beautiful if I were to have a gravestone carved for me after I die. This is one of the depressing facts of these latter days of the Buddhist law.

An acquaintance of mine who works as a dealer in old art told me that he had one thirteen-layer stupa from the Kamakura Period among his things, and so, looking out at our untended garden, at the grass I had let grow in a wild tangle, I wondered if it wouldn't be pleasant to go ahead and buy it, to have a thirteen layer stupa out there, shooting freshly upward.

“Wouldn't it be great to have a Kamakura Period thirteen-layer stupa right in the middle of our garden? That's all I'd need.”

I didn't mention that it would become my gravestone when I died.

The young art dealer said he could probably bring the pieces of the stupa to the house in a single truck...

“But it will be hard to stack them up. It's a good twenty-one feet tall, you realize. We'll have to build something tall to stand on and then just carry the stones up.”

Even assuming that a thirteen-layer stupa could be used as a gravestone, a stupa twenty-one feet tall would be visible from quite a distance—it was a bit too tall to stand over my grave. It would give people too much of a shock.

The seamless stupa dedicated to Rankei Doryo, the founder of Kencho-ji, and the one dedicated to Mugaku Sogen make beautiful gravestones. There is a profundity and an elegance in the egg-shaped bodies of these stupas, which are supposed to be formless, to contain all things in heaven and earth. When I see calligraphy by Rankei or by Mugaku at a tea ceremony, the shape of the seamless stupa—of their gravestones—sometimes drifts into my mind. There is a row of seamless stupas in Kakuen-ji, too, carved for successive generations of priests, their egg-shaped heads lined up. I like seamless stupas, I find that they make nice gravestones, but then it seems that all seamless stupas mark graves. If possible I'd prefer to avoid having an object that has been used as a gravestone already, for some other person, marking my grave. Of course, if I had a seamless stupa carved for me now, in this world, there's no doubt that it'd end up being ugly, having a form unpleasant to look at. Once again, the most beautiful seamless stupas were produced in the Kamakura Period.

Now that I think of it, I'm really quite lucky to be living in Kamakura, where I'm able to see all these works of stone art on my walks. Stone architecture didn't exist in ancient Japan, and no large works of art were executed in stone. It has been said that this is an indication of the fragility of Japanese culture, and it's certainly true that the seamless stupas, the treasure-box-seal stupas, the five-ring stupas, and the

stone Buddhas I saw in the old temples of Kamakura looked every bit as old as they were, that they had about them an air of loneliness and poverty. They were old stones of the sort one might find hidden away in the shadowed recesses of a mountain, possessing none of that beauty which causes one to stand gazing up in awe. And yet the longer I looked at those stones the more I was struck by a sense of the powerful beauty that filled them. I felt an indescribable affinity with Japan's past.

Then, walking home from my trip to see the seamless stupas, stepping through the fallen autumn leaves, I was suddenly reminded of the rock in

the village where I grew up, and the chrysanthemum in the rock.

If one thinks of the rock as the grave of a woman with no grave, would the chrysanthemum then be an offering? The story concerned an unfortunate, nameless woman. It was the sort of story one hears all the time, of a woman from a family living in the mountains. The woman was waiting for a man behind the rock, and she froze to death. That's the story.

The village I come from lies in a valley with a river running through it, and there are many rocks around it, both lining the banks of the river and within the river itself. The rock behind which the woman waited was one of the largest of these—there was no danger that she would be discovered if she stood behind it, even if someone were to pass by.

There was a small pool at the base of the rock. The shadow of the rock was so big that it filled the pool, that the pool could not contain it. The woman must have been waiting very eagerly. From time to time she would climb up onto the rock, raise her head over the top and look down the road along which the man was supposed to come. The ghost that appears, the woman's head floating over the rock, must represent the woman as she was at those times. The woman climbed up to the hollow in the rock and stood there. And so that's where the chrysanthemum was planted.

I went out the main gate of the old temple in Kamakura and, walking along under the row of cedars, spoke to the ghost of the woman whose head floated over the rock in my hometown.

“Your long hair is wet. Did your tears stream down into your hair? Or did tears stream even from your hair?”

“It must have gotten wet in the sleet yesterday. I'm happy waiting here for him. I have no reason to cry.

“It looks like it's going to snow again tonight. Go home quickly—you'll freeze if you don't. I doubt he'll come today, either.”

“He told me to wait here. As long as I’m waiting, he’ll definitely come. And even if I did go home, my heart would stay here behind this rock, waiting. My heart and my body would separate, and only my heart would freeze. I’m warmer if I stay here.”

“Are you always waiting like this?”

“He told me to wait here every day, so I’m still waiting.”

“No matter how many days you wait, it doesn’t look like he’s going to come. Your hands and feet must be frozen already. How about this—what if you were to plant a chrysanthemum in this rock, and let it wait here in your place?”

“I’ll wait as long I’m alive. If I die here, a chrysanthemum will bloom here and wait in my place.”

“He may not come even when there’s a chrysanthemum waiting.”

“He wants to come—there must be some reason why he can’t. When I’m here where he told me to wait, somehow it seems as if he were already here. A chrysanthemum’s color would never change, and it would go on blooming whether the person it waited for came or not. I’m the same.”

“Your face has changed color already. You look as though you’re going to freeze”

“If this autumn’s chrysanthemum dies, another chrysanthemum will bloom next autumn. If a chrysanthemum takes my place, I’ll be happy.”

The ghost of the woman’s head vanished, and now a chrysanthemum hovered in my dream. Snow began to fall on the rock. The rock grew white, the same white as the chrysanthemum, and it became difficult to distinguish the flower from it. Soon the snow and the rock and the chrysanthemum were lost in the ash-gray shroud of evening.

Thinking about the fact that a rock out in the middle of the mountains, in the middle of nature, had become the woman’s grave, just as it was, I began

to mutter to myself. Isn't that exactly what a seamless stupa is supposed to be? The woman's name wasn't carved anywhere on that large rock, or in the pool that lay in the shadow of the rock.

Long ago, in the Tang Dynasty, Dai Zong asked National Teacher Zhong of Nan Yang what he wanted when he died.

"Make this old priest a seamless stupa," Zhong is said to have answered. The seamless stupa has its origins in the section of Blue Clif Record that describes this, "The National Teachers Stupa."

A seamless stupa is a stupa with no seams, a stupa that cannot be perceived by the eye. Within this formless stupa all things in heaven and earth are contained. Thus the body of the stupa has the shape of an egg. The egg is a symbol of seamlessness.

When one sees the seamless stupas of succeeding generations of priests in the temple graveyard, it seems as though the priests are standing in a row with their round heads lined up.

But of course seamless stupas are made by people. They are stones made round, stones given the shape of an egg. Perhaps a truly seamless gravestone is a natural stone? The rock in my hometown and others of its sort are like this. Is that rock the grave of a woman with no grave? The woman didn't want the rock as a marker for her grave, and no one made the

rock into a gravestone for her. A natural rock naturally became her gravestone. But then, do seamless gravestones really exist? There may be seamless lives, but I doubt that there are seamless gravestones. Perhaps the rock is a symbol of seamless life, and perhaps the white chrysanthemum that blossoms there is, too.

As long as there are flowers blooming in this world, as long as tall rocks stand against the sky, I do not need to have a stone carved for my grave. All of nature, all of heaven and earth, the old tale of the woman in the town of my birth, all of these things will be like gravestones of mine. I can only

walk around looking at peoples gravestones and considering them as works of art because I'm alive. What a foolish thing it is to dream of one's own gravestone. Thinking this, I walked out into downtown Kamakura, which was brilliant in the rays of the twilight sun.

First Snow on Fuji

1.

“There’s already snow on Mount Fuji. That’s snow, isn’t it?” said Jiro.

Utako looked out the train window at Fuji.

“You’re right. The first snow.”

“It isn’t just clouds, is it? It’s snow,” Jiro repeated.

Mount Fuji was wrapped in clouds. The white clouds and the snow at the mountain’s summit were nearly the same color, set against the overcast sky. “What was today? September twenty-second?” “Yes. Tomorrow is the middle of Higan. The equinox.”

“I wonder if it doesn’t snow on Mount Fuji every year around this time. Are you sure it’s the first snow?” Jiro said. Then, as if the thought had just occurred to him, “Wait—you can’t tell whether it’s the first snow or not, can you? It’s the first time you and I have seen snow on Mount Fuji this year, but it might have snowed before.”

“Wasn’t it in the paper? There was a big photograph—it said ‘Mt. Fuji’s First Facial of the Year.’” “When was that?”

“I think it was this morning’s paper. It wasn’t last night’s.”

“I didn’t see it.”

“You didn’t? You must not get the paper we get.” “Could be.” Jiro smiled wryly.

“It looks exactly like the picture in the paper. I think it said it had been taken from the paper’s airplane. Yes—the clouds were just like that. . . .”

Jiro remained silent, so Utako continued.

“The picture must have been taken yesterday if it was in this morning’s paper. Yesterday’s clouds were arranged just like these today. It’s odd isn’t it—the clouds keep moving, but the arrangement stays the same.”

Jiro doubted that Utako had looked at the picture carefully enough that she could really say “yesterday’s clouds were the same.”

The fact that Utako had looked at Mount Fuji only after Jiro said “There’s snow on Mount Fuji” was evidence of this. She hadn’t noticed the mountain at all until he spoke. Surely Utako would have watched for the mountain when they boarded the train for Ito if it was true that the photograph had affected her so strongly. Surely she would have seen it before he did.

The train had already passed Oiso.

No doubt Utako had remembered the picture in this morning’s paper only after Jiro said “There’s snow on Mount Fuji”—only after she looked at the mountain. Few people had reason to look so closely at a newspaper photograph of Mount Fuji.

If what Utako said was true—if the clouds around Mount Fuji had really been arranged in the same way yesterday as these today—it seemed to Jiro that one could sense in this the awesomeness of nature.

On the other hand, perhaps it was natural for Utako to forget the picture when she boarded the train with Jiro, even if it had affected her strongly this morning.

Utako had known that morning that she would take the train to Odawara with him and might well have made a mental note to mention the first snow once they reached a place from which Fuji could be seen. But even if this were the case, it was quite possible that in the end she had been so agitated she had forgotten to bring it up.

Utako and Jiro had been in love seven or eight years earlier, but she had married another man, and recently had gotten a divorce. Today she was going to Hakone with Jiro. She had many things to think about.

“It said in the paper that there would be snow as far as the eighth station on the path up the mountain—I wonder if that’s the eighth station” Utako was still talking about Fuji’s first snow. She glanced at Jiro’s profile.

It seemed to Utako that for the first time since they’d met this morning Jiro’s voice had bounded with its old liveliness again when he pointed out the snow on Mount Fuji. So she continued to speak of it.

His voice had sounded toneless and dull to Utako all the way from Tokyo Station, every time he answered her. She couldn’t help wondering if he was depressed.

He was still looking out the window at Fuji.

Utako had grown very thin, and he was tempted to look at that haggard body of hers, to inspect it. This wasn’t necessarily a cruel feeling—as a matter of fact it was love. Yet somehow the more he wanted to look at her, the less he was able to.

“As for what we were talking about before. . . .” Utako said.

She drew the conversation back from Fuji to her life.

“Mr. Someya, you mean?”

“Yes.” For a moment Utako was silent. “I really think that for me, at this point—no matter what happens, as much as possible, I want to give people the benefit of the doubt.”

“Yeah.”

“If I keep resenting Someya, things will never get better for me.”

“I think you’re right.”

“I mean, even our splitting up—maybe it was originally my fault. No, not just originally—if I really think about it, it seems like the whole thing was partially my fault.”

“But if you’re going to give people the benefit of the doubt, don’t you think you should give yourself the benefit of the doubt, too?”

“Oh, of course. I suspect that the whole idea is a kind of trick to let me be nice to myself.” Utako smiled.

As a young woman Utako’s smile had been bright, but now it was lonely and twisted. One corner of her mouth bent up slightly, nervously.

“But that’s not the only reason I want to think that way. It’s also because I’ve gotten tired, that I don’t have any energy. Maybe it’s just easier to give people the benefit of the doubt when you’re tired.” “Was your life together really such a battle?”

“Yes. When things start getting bad for a couple, there’s really nothing you can do. So I guess I just did my best to put up with him. It’s the woman who’s in the house all the time, after all—it’s the woman who’s always having to endure . . .”

“Yeah, it certainly looks like it was a lot harder for you to break up with Someya. I guess it was nothing like when you and I broke up.”

“Oh, that’s cruel, saying that now. I didn’t know anything then. Part of the reason I put up with so much this time was that I kept thinking about how you and I had split up before.”

Jiro was unable to speak.

“Putting up with everything until we split up was much harder for me than actually splitting up. I really mean that.”

Jiro nodded.

“And there are the children.”

“You told me about the children earlier.” Jiro had been looking at the snow on Mount Fuji, but now he looked back at Utako’s face. “And since you’ve mentioned children—your children now, it looks like they’ll grow up even if you’re not there with them, doesn’t it? But when you and I split up— because we split up—we killed that child.” He spat these words out and then wished he hadn’t said them.

Utako’s lower eyelids and cheeks quivered. Even the tips of her fingers trembled.

“At that time—I didn’t know anything about children then either.”

Jiro saw that Utako’s eyes had filled with tears.

“Yes, I guess that’s true. More than anything else, the war was to blame. I really believe that,” he said.

Utako shook her head.

“Getting pregnant made me get all confused. I got all confused—it got so I didn’t understand anything.”

Her eyes filled with tears again.

But Utako couldn’t remember the child she had had with Jiro, the dead child. She could only remember the two children she had left at Someya’s house.

“I agree that you were confused, that’s true. Somehow—it was strange, but somehow your getting pregnant ended up splitting us apart,” Jiro said.

Utako tried to forget her children with Someya for a few minutes, in order to remember her child with Jiro. But the baby had been taken from her soon after it was born, and she hadn’t been able to ask where it had gone.

It was the year the war would end. Utako’s parents guessed somehow that she was pregnant, then found out about her relationship with Jiro.

Using the pregnancy as an excuse, the entire family fled Tokyo for a small town in the country. Since the region was new to them, they let it be known that their daughter was married, that they had brought her to the country to give birth—and that was that.

Utako's father was still working, so he'd remained for the most part in their house in Tokyo.

Her mother took her and the baby to Tokyo, plagued though the city was by air-raids. Utako held the baby in her arms. They went to get rid of the baby. Utako wanted to see Jiro, but she was taken back to the country the day after they gave the baby away.

Utako had not heard until after the end of the war that the child had died in the care of the person who took it.

“But—do you think the child really died?” Utako said.

Jiro looked away.

“Sometimes I think that it might still be alive, you know—possibly.”

“I'm certain that it's dead.”

“If it's alive, do you think if I met it somewhere— do you think I would know?”

“Look, the child is dead. Let's not talk about it.”

Jiro had no desire to talk with Utako about anything in the past, not in detail. It wasn't just talk of the child.

2.

Utako's tears still weren't dry, so they took a taxi from Odawara Station. The corners of her eyes were red. It wasn't as though she had cried, she hadn't really, but she looked as though she had. Perhaps the constant strain on her mind and body had affected her eyelids. It seemed one had only to say something a little unpleasant and her eyes would fill with tears.

Jiro wanted to see Utako's face as it used to be. It was painful for him to look at her haggard features. And so from searching out the Utako he had known in the Utako before him, from trying not to see the Utako before him, his own eyes came to have a fatigued look to them. He didn't want her to feel that he was staring at her, but he didn't know where else to look.

Jiro hoped he might sense more of the old Utako in her features once they moved from the train to the taxi. She would probably look different in the cab, where it was just the two of them.

Jiro's desire to see the face he had known was so great that reasonings as minute as this came naturally to him.

When after time has passed a sound from long ago rings out a second time, joy and sorrow together become a poem. This was something a poet had written, but Jiro felt unconvinced. What exactly a poem?

As the cab passed the castle remains at Odawara, Jiro looked at the grove of trees that grew there.

"Jiro—do you know who took the child?" Utako said quietly. In order to speak quietly she had drawn closer to him.

Jiro didn't know how to answer.

"Let's not talk about it."

"What? You knew?" Utako was surprised. "How did you find out?"

“Your father told me. I got a letter saying that the child had died.”

“He-?”

“Probably he meant to say—‘The ties that bound you have been cut’—I’m sure that’s why he wrote. At the time I thought it might have been that he had lost his spirit—we were losing the war and all— and I thought maybe he felt guilty, that maybe that was why he let me know.”

“You mean—my father told you?” Utako asked again, as though she was unable to believe what she had heard.

Then she leaned lightly against Jiro. Why she had drawn toward him like that he was unable to guess, whether it was because she had come to feel an intimacy of some sort between them, or because she no longer had the energy to support herself.

Feeling the warmth of Jiro’s body, Utako let her eyelids drop.

Jiro waited for Utako to go on speaking, but she said nothing.

“Its all right if you lean on me,” he mumbled.

Utako nodded, but she didn’t come any closer. Indeed, her shoulders stiffened slightly, and she remained still.

“But even if my father told you, we don’t know that what he told you was true. Being here with you like this, I feel sure that it can’t be true,” she said, speaking slowly, quietly.

It was like a lover’s whisper. Utako’s knees were almost trembling as she sat there pressed against Jiro. To control this trembling she tried to call up images of the children she had left at Someya’s house, and spoke of the child she had conceived with Jiro.

Utako knew that Jiro pitied her. For this reason one part of her tried to hold back from him, to resist.

“I said this not too long ago, but—what he told me was definitely true,” Jiro answered.

Jiro remembered receiving a letter saying that the child was dead and then going to see Utako’s father. He had managed to get the address of the family that had taken the child, and he had even gone to the house to mourn. But he said nothing of this to Utako now.

“But I don’t regret having had the baby then,” Jiro said suddenly, his voice powerful.

Utako was surprised. It seemed she might pull away for a moment, but soon, as if agreeing, she moved closer.

“Even if it had a bad effect on your married life. . . .”

“There was nothing like that. That isn’t true.” Utako shook her head. “It wasn’t like that.”

They were leaving downtown Odawara, driving on a street lined with rows of cherry trees.

“At least it wasn’t like that for Someya,” Utako said, correcting herself. “I don’t think I would have come with you like this if it had been like that.”

Jiro remained silent even when they passed the spa at Yumoto.

It took unexpectedly little time to go from Miyanoshita to Koran by car.

“Last time I came I took the train, and I remember it taking a really long time. But it was summer then, and there were these magnificent hydrangeas growing everywhere at the station—it was beautiful,” said Jiro.

“Did you see the amaryllis blooming on the street back there?” Utako asked.

In Koran there were a number of inns that had been set up after the war, converted villas of the so-called zaibatsu. The inn they had come to was one of these—one that had the remains of an old forest in its garden.

Considering their style, the houses hardly looked as though they belonged to an inn.

The builders of the villa had hesitated to cut down trees that had been growing since the days when a natural forest covered the land. The room to which Utako and Jiro were led was shaded by leaves.

Neither of them knew the names of the trees, but sitting and looking at the trunks jutting up next to the verandah helped them to relax.

“It’s nice here, isn’t it? Just like a dream.” Utako felt the tension rising from her as she looked at Jiro’s face. “No—it’s not like a dream, it’s like I’ve woken up from a bad dream. It was a horrible way to live.” “We picked a nice place, didn’t we?” Jiro spoke casually.

“Yes, there are nice places after all.” As she gazed out at the numerous rocks in the garden, Utako thought how much she would like to bring her two children here. Even if she were going to part with them, it would be nice to bring them to a place like this and let them play at their leisure for a day. Then she could say good-bye.

“When my house burned in the air raids I went and rented a room in a temple in the country, out in Musashino. There was a man who taught Noh chanting who’d also had to leave his home, he’d put some tatami in the storeroom on the other side of the garden and was living there, and every once in a while drummers and someone who played the flute would come. Whenever I heard those drums and the flute I thought of you. I couldn’t bear it.”

Utako’s eyes showed that she was pleased.

“Was your mother with you then?”

“Yeah, all three of us were there—my mother, my sister, and me.”

“When did your sister marry?”

“I suppose it’s been about four years.”

Utako wondered when Jiro had gotten married— she still hadn't asked. She intended to say nothing at all about his wife.

Jiro continued his story. "The priest at the temple was also learning to chant in the Noh style—the teacher must have been counting on that when he came—and when I praised his chanting he said that he was awful at it, that he always ended up using the voice he used to chant sutras . . . I'd hear him calling out yo and ho and so on, and the ponk of the higher drum being hit—I was always so startled my heart leapt. I broken-hearted, and then on top of that I was malnourished, my body was weak. It struck me as peculiar and also as pretty amazing that they would go on hitting drums and playing flutes even as we were losing the war, you know? I mean—there probably wasn't anything else they could do, but still. . . . You and I didn't even have enough willpower left to think like that—to realize that there was nothing left for us to do but play our flutes. When the country lost the war you and I lost too."

"I was still a child, I didn't understand anything," Utako repeated. "But I think you're right—you and I should have been playing our flutes together. Things ended up like this because we weren't."

The maid came in again to suggest that they go along to the bath. It was the second time she had come.

"I've just checked the water, so feel free. . . ." she said.

"Yes, thank you. But I'm afraid we haven't brought wash cloths."

"I'll bring some to the bath."

Utako spoke after the maid left.

"How embarrassing—not bringing wash cloths. They'll wonder." Her face turned red.

They hadn't intended to come to Hakone when they met.

They had met in Ginza and eaten a late lunch, and afterward Jiro had walked with Utako to Shinbashi Station. He had looked up at the timetable for the Tokaido line while Utako was purchasing her ticket.

“Why don’t we go to Hakone?” he had said suddenly.

“Today? Right now?”

She seemed to have been caught off guard.

Jiro hadn’t had any dark ulterior motives in suggesting that they go to Hakone, certainly nothing to make her stiffen like that.

It was just that Utako was so terribly thin, and the way she fidgeted, as if she was frightened of something. One could see in her face how much her nerves had been worn down, and Jiro hadn’t been able to bring himself to say good-bye to her there.

But if they entered the bath he would have to look directly at Utako’s changed, worn body. At her body, scarred terribly by seven or eight years of marriage.

Utako still hadn’t changed into the yukata the inn had provided when Jiro left for the baths. She hadn’t even removed her socks.

3.

Jiro didn't really feel like washing himself in the sulphur spring, so having warmed himself in the water, he sat on the edge of the bath and allowed his thoughts to drift. The hot water that came from the faucets in the area used for washing appeared to be fresh, but he didn't feel like using the soap the inn provided.

"Is it all right if I come in?" Utako said.

"Of course," Jiro answered. She slid the door to the room open just a little and stood holding it.

"When I was folding your shirt and things the maid came in and said—Oh, let me do that for you, you go join your husband in the bath. I really don't like it when she does that."

Utako was still wearing her light brown dress. She carried her yukata under her arm.

She looked quite nonchalantly at Jiro, who was naked. This wasn't at all what Jiro had expected.

"It's a bath. They won't let you get away without bathing."

"Really." Once she had closed the door, Utako hardly hesitated to come into the bath.

Jiro got no more than a glimpse of the color of her skin before he averted his eyes. The whiteness of her skin was beautiful.

Utako sat very still, sunk up to her neck in the water.

Jiro sat facing the same direction, looking out at the white flowers of a bush clover that spilled over the rocks near the window.

Utako lifted her shoulders from the water.

“I really thought it was strange, to tell the truth. We didn’t run into one another once the whole time I was with Someya, and then the moment he and I split up we run into one another like this. I started wondering if this sort of thing really happens in the world. I started thinking that it must have been divinely arranged,” she said brightly. “I mean, you were living in Tokyo too, right? And however huge Tokyo is, in seven or eight years you’d think we’d meet somewhere.”

“But who knows? Maybe we passed one another on opposite sides of the street and just didn’t notice, or something like that. Or maybe one person did notice but pretended not to, just kept walking, or maybe turned off onto a side street or something. . . .”

“What? What do you mean ‘one person’? You mean you? Me?”

“I’m not saying it was like that with us.”

“Well anyway—I almost never went out. Or rather, as a woman with small children I couldn’t go out,” Utako corrected herself.

She remembered worrying when she married Someya that she would run into Jiro somewhere, and wondering what she would do if she did.

Jiro remembered seeing women in the crowded trams and buses at the end of the war, packed in among those fleeing the air raids, whose profiles or whose figures seen from behind looked just like Utako’s, and feeling as though a needle had been pushed through his heart. He couldn’t say how many times this had happened, though he had known all along that Utako’s family had been forced to evacuate and was living in the country.

“When you meet people, you always meet them in the most ordinary places. I kept thinking that if I met you it would be in some really wonderful location. But everyone who saw us was laughing, right?—because we crashed into one another. I doubt it looked very much like a meeting between people who hadn’t seen each other for seven or eight years.” Utako laughed.

They had met on the platform at Shinbashi station. Utako had already reached the top of the stairs when she saw that a man who resembled Jiro was getting on the train, so she hurried towards the door he was stepping through, they saw one another, and Jiro jumped down from the train just as Utako went to climb aboard—and there in front of the door of the train their bodies slammed together, just as the door slid shut.

The day they met they had arranged to meet again today.

“I’ve gotten skinny. Look at me.” Utako laid a hand on the bone above her chest. “Even so, I look better than I did before I went back to my parents’ house.”

“Really?”

Jiro felt the old tenderness welling up within him now that they were in the water—the tenderness men feel toward women who have born their children—yet at the same time it almost seemed that the skin he saw was the skin of a new woman, and he felt confused.

“I lost a lot of weight after we split up, too— when the child died. But it wasn’t like this. After all, I was young then.”

Jiro realized that he didn’t remember Utako’s body very clearly, though he had always thought he did.

“I was young, and the way things were at the time it felt like I was the only person doing anything wrong, like I’d sinned. That’s why I gave up the idea of living with you. I really think that’s what it was. The war split up a lot of lovers, a lot of husbands and wives.”

Utako had been conscripted to work in a factory making weapons. The feeling that everyone was criticizing her, the humiliation she had felt going into work pregnant day after day—it had all been so horrible she could hardly believe it when she remembered it now.

“Even marrying Someya—that was the fault of the war. I had no idea what was what then.” Utako’s eyes filled with tears again. “Al I have to do is talk about these things and my heart starts pounding, that’s how it is these days. Whenever Someya hit me or whenever we had an argument my chest would start to thump—it hurt so much I really thought I’d die if things kept going on as they were.” Utako climbed out of the water, pressing a hand to her chest, and sat down at a faucet.

“Our youth was crushed by the war. But for me—at least I had known you. I know I made you suffer, but—”

“No, that isn’t true.”

“You said you want to give people the benefit of the doubt, didn’t you?”

“Yes. I realized how weak I had gotten when I went back to my parents’ house, and it occurred to me that I had to look at things that way—that I had no hope of getting better if I didn’t.”

“I really hated you sometimes, and then sometimes I blamed myself for what had happened. And then I noticed that I was feeling a real nostalgia for my youth, probably because the lives of Japanese at that time were so miserable. I kept thinking that even in the middle of a war as awful as that one— even then I had had a lover like you. I guess you could say I was clinging to you.”

“Well—it’s nice to hear that.”

They stood side by side, drying themselves. Suddenly Jiro felt an urge to look at Utako’s back without her knowing. It seemed strange to him that she wasn’t curious about his body, that she gave no sign of wanting to look at him. Perhaps it was her feminine modesty, the docility of women that makes it possible for them to return to the past.

Utako’s intimacy with him once she entered the bath affected Jiro, and dinner was enjoyable in a quiet way.

They had a six-mat and a three-mat room. They carried the low dinner table into the three-mat room, and as soon as the maid had finished preparing their bedding they lay down. It was still early.

“Let’s talk until morning,” Utako whispered. “But I don’t want to talk about some things, okay?”

Jiro put his arm around her and drew her closer to him.

“Are you able to sleep well these days?”

“Oh, I’m always so exhausted.... “

Jiro wasn’t sure whether she slept well because she was so exhausted, or was so exhausted she couldn’t sleep.

“Hold me the way you used to,” Utako said, lying very still.

“Hmm—how was that?” Jiro felt slightly at a loss. Utako smiled. “I can’t believe it—you’ve forgotten, haven’t you?”

“And you used to be so quiet.”

“Of course. I didn’t know anything then.”

Jiro closed his eyes, trying to call up images of Tokyo’s streets burning in an air raid. He remembered the broken corpses. This was the method he used to keep his desires in check.

He used the same method whenever his wife felt ill, and he’d found it effective. Once, soon after the end of the war, Jiro had gone with a friend to a disreputable place, and the woman there had started talking about how she lost her family in an air raid. Jiro had paid no attention to her. The woman saw that Jiro didn’t believe her, and began describing the corpses over and over. Jiro didn’t doubt that she had seen the things she described, but even so, the people hadn’t necessarily been related to her. Yet images of corpses he had seen began to rise in his own head.

“What’s wrong?” the woman had said.

Jiro had replied curtly, “I’m allergic to war.”

His method succeeded once again now, as he held Utako the way he used to.

Utako felt for Jiro’s cheek in the dark, as if she too were wondering—what’s wrong?

“What are you thinking about?”

“Unpleasant things from the war.”

Utako wondered if he wasn’t remembering his wife.

Jiro stroked Utako’s hair gently.

Coming suddenly to Hakone, lying together at night like this—it all felt entirely natural to Jiro, as it had all been planned out. Perhaps it was because Utako was being so docile. Although there was no doubt in his mind that her quietness was due to the fact that she was exhausted, terribly wounded.

“I probably would have been with you like this the whole time if there hadn’t been a war. Don’t you think so?”

“But we met at the factory. You would never have gone to the factory if there hadn’t been a war.”

“Even if we hadn’t met at the factory, though—I think we would have met somewhere. I’m sure we would have.”

Jiro was conscious that the scent of Utako’s hair was unique, that it was a scent no other woman had.

What had changed in the quiet young woman he had known? How had she changed during her seven or eight years of marriage, in giving birth to two children? Jiro felt jealousy and temptation, but he filed his head again with images of the war’s broken corpses.

Utako's body was so skinny that he hadn't been able to leave her at the station, and now it had come to this. Jiro muttered silently to himself that her thinness was his own responsibility, too. He tried to convince himself that the reason he held her was not that he felt a new burgeoning of desire.

Even assuming that he felt no desire, the near miraculous efficacy of imagining the war's corpses struck him as frightening.

Utako was leaving everything to Jiro, she was flexible—but then too, he could feel the strength draining from her body in his hands.

Utako felt relaxed, it was true. Yet at the same time she felt a loneliness, like a dying flame.

She had caught her breath when, at Shinbashi station, Jiro suddenly suggested they go to Hakone—had that catching of breath been pointless? At the time she had resolved to resist him as much as she could—the thought had come to her suddenly, it had flickered into her head—but thinking back now it seemed pathetic even to have thought such a thinfi

Utako lay still for a short time, then began to sob. She moved her face closer to Jiro's. He was surprised

to see that her cheeks were soaked with tears. He wiped her cheeks with the palm of his hand.

"I do cry a lot, don't I." Utako laughed. "My parents are amazed."

"Yeah, your nerves are really worn down. Divorce is a tough thing for anyone to have to go through." "That's not true. Didn't I tell you before that it's everything you have to go through until you split up that's hard? All the putting up with things? It's so hard that when all the ropes finally come untied, it's like your body is floating through space."

"It was my fault that your marriage went so badly. I was praying for your happiness, you know—off in the shadows. But I was too complacent. I should have been much more critical of myself."

“It really wasn’t your fault, Jiro. I said there were some things I didn’t want to talk about, but—do you mind if I talk a little about the way things were before Someya and I split up?” Utako felt about for Jiro’s hand. “I never even dreamed that I would have an opportunity to talk to you about all this. I never thought I’d see you again.”

4.

Utako was sleeping with her back to him when Jiro woke up the next morning. Her legs were bent up slightly toward her chest.

Gazing from behind at her rather childlike form as she slept, Jiro felt a tiny smile spring to his lips. He put out a hand and lightly touched her hair.

Utako turned to face him. Jiro was surprised at her sensitivity and drew his hand back, but she hadn't awakened.

There were no gaps between the sliding storm doors, so the room was only dimly lit. Jiro lay looking at Utako's face, and a love like that he had felt in the old days came welling up within him. He had the impression that her face hadn't changed at all.

Jiro shut his eyes, but he didn't feel like going back to sleep, so he got up and went to the bath. Utako was lying awake in bed when he returned. "Have you been to the bath already? You didn't wake me up?"

"It's nine, you know."

"Nine? . . . How embarrassing I haven't slept so well in ages."

"Well, that's good. And last night, too—you were asleep before I was, weren't you? It must have been about twelve."

"Nine hours. Oh, I feel so good"

Utako was savoring her comfort, and took her time getting out of bed.

"You were sleeping with your back to me, all scrunched up."

"Was I? . . ."

"Perhaps it's a habit. You must sleep with your back to Someya."

"I wonder." Utako sat up and stared at Jiro.

It was a long time before she returned from the bath.

Jiro walked in the garden while the maid was cleaning the room.

Leaning against the trunk of a tall tree, he addressed Utako. She sat with the mirror in front of her, doing her makeup.

“How would you like to go to Ashi-no-ko?” “Ashi-no-ko? . . .”

“Fuji and its first snow might be reflected in the lake. The weather is certainly nice enough.”

“And it’s the equinox.”

“From what I’ve heard, you take a cable car up from here and go by bus to the bottom of the lake. You take a tour boat from there.”

“Really?” Utako poked her face out from behind the mirror. “Are you going? I don’t want to move. I just want to stay here and rest.”

“Well then, let’s not go.”

Jiro stepped up into the room.

“You certainly had a long bath, didn’t you?” “There aren’t very many spas that you can see mountains from—I just sat there gazing out at the mountains. I was wondering what it would have been like if I had come here with you in the old days. I tried pretending that I had come with you then.”

“I see,” Jiro said, nodding “Though in those days a man couldn’t really go to a spa with a woman, could he?” “And now it’s just being cared for—being comforted.”

Jiro was unable to respond.

“But that’s okay. Different things are necessary for people at different times—I was thinking that earlier. And what’s necessary for me right now is care and comforting”

They ate breakfast quietly, taking their time.

Utako served the food after the maid withdrew. The natural intimacy of this seemed almost strange to Jiro.

Jiro had been disturbed by those words of Utako's, certainly, but it wasn't as though they had passed the night as they had because he felt disillusioned by the skinniness of her body, and he wasn't at all afraid that there would be troublesome complications. At least—he couldn't say for certain that any of this was true, but he didn't think it was.

Of course if he had come with a woman he had only met recently and spent a night like that, this morning would undoubtedly have been awkward. Certainly there wouldn't have been the intimacy he felt with Utako.

But this too was difficult to say.

“When we split up back then, you know—I really thought it was over. I gave up completely. But it looks like there was still something important there between us. I hope we can take care of what's important.”

“You're talking in riddles.”

“It's like a riddle.”

“A riddle that can't be solved? Or a riddle that can be solved?” Utako tilted her head slightly to one side, as if she were trying to decide which it was.

“When two people meet again after so many years, after having broken up—just learning that they didn't hate one another is enough to make them happy. Unbelievably happy.”

“It's true, isn't it?”

They boarded a bus that left a little after two and got off at Odawara.

Riding on a train bound for Tokyo—heading in the opposite direction from the day before—they looked once more at the first snow on Fuji.

“There are no clouds at al today. You can see all the way to the foot of the mountain.”

“It’s not very interesting, is it—there’s really just the tiniest bit of snow at the su^mmit. You can see that now that the clouds are gone.”

“Oh, I don’t know. . . .” said Utako, casually touching Jiro’s hand. “You don’t think it’s because we saw it yesterday? Even looking at Mount Fuji must get boring if you see it all the time.”

Jiro understood that Utako was ready to say good-bye.

“Thank you very much for bringing me. I really had a nice time. And I have a feeling I may get better now.”

Utako had put all her strength into those words. Jiro’s face clouded.

“I really mean that,” Utako said, taking Jiro’s hands between the palms other own.

Jiro went on looking at the First snow on Fuji.

Silence

It is said that Omiya Akifusa will never say a word again. It is said that he will never again write a character—though he is a novelist, and only sixty-six years old. What is meant by this is not simply that he will no longer write novels, but that he will no longer write even a single letter or character.

Akifusa's right hand is paralyzed, is as useless as his tongue. But I have heard that he can move his left hand a little, so I find it reasonable to assume that he could write if he wanted to. Even granting that he would find it impossible to write passages of any length, still it seems likely that he could write words in large katakana when he wanted to ask that something be done for him. And since he is now unable to speak—since he can neither signal nor gesture freely—writing even the most crooked katakana would allow him to communicate his thoughts and emotions in a way not otherwise possible. Certainly misunderstandings would be less common.

However ambiguous words may be, they are certainly much easier to understand than clumsy body language or awkward gestures. Even supposing that old Akifusa managed to show that he wanted something to drink—by pinching his lips into a shape that suggested sucking, for example, or by miming the act of lifting a cup to his mouth—just making it clear whether it was water or tea or milk or medicine that he wanted, which of just these four—even that would prove difficult. How would he distinguish between water and tea? It would be perfectly clear which he meant if he wrote “water” or “tea.” Even the single letter “w” or “t” would get the message across.

It is strange, isn't it, that a man who has made his living for forty years using letters and characters to write words should, now that he has almost

entirely lost those letters and characters, and consequently come to understand the powers they possess in the

most fundamental sense, and with the greatest certainty—now that he has become able to use them with such knowledge—it is strange, is it not, that he should deny himself their use. The single letter “w” or “t” might be worth more than all the flood, the truly tremendous flood of words and letters he has written in his life. That single letter might be a more eloquent statement, a more important work. It might well have more force.

I thought I might try saying this to old Akifusa when I visited him.

Going from Kamakura to Zushi by car, one passes through a tunnel, and the road is not very pleasant. There’s a crematorium just before the tunnel, and it’s rumored that lately a ghost has been appearing there. The ghost of a young woman shows up riding in cars that pass beneath the crematorium at night— so the story goes.

It would still be light when we passed, so there was nothing to worry about, but nonetheless I asked the familiar-looking taxi driver what he knew.

“I haven’t encountered her yet myself, no—but there is one fellow in our company who’s given her a ride. And it isn’t just our company, either—she’s ridden in other companies’ cabs too. We’ve got it arranged so we take a helper along if we take this road at night,” the driver said. Judging from the way he spoke, he had repeated the story often enough to make him tired of telling it.

“Where does she appear?”

“Where indeed. It’s always cars coming back empty from Zushi.”

“She doesn’t appear when there are people in the car?”

“Well—what I’ve heard is that it’s empty cars coming back. She fades in near the crematorium, I guess. And from what I hear it’s not like you stop

the car and she gets in, either. You don't know when she gets in. The driver starts feeling a little weird and turns around, and there's this young woman in the cab. But since she's a ghost there's no reflection of her in the rear-view mirror."

"That's bizarre. I guess ghosts don't reflect in mirrors?"

"I guess not. They say she has no reflection. Even if human eyes can see her ..."

"Yes, but I suppose human eyes would see her, wouldn't they? Mirrors aren't quite so impressionable," I said. But of course the eyes looking at the mirror were human eyes, weren't they?

"But it isn't just one or two people who've seen her," said the driver.

"How far does she ride?"

"Well, you get scared and kind of dazed, and so you start driving really fast, and then when you come into downtown Kamakura you relax, and by then she's already gone."

"She must be from Kamakura, then. She must want to go back to her house in Kamakura. They don't know who she is?"

"Ah, now that I don't know. . . ."

Even if he did know, or if there was some talk among taxi drivers about who she might be and where she might come from, it was doubtful that the driver would be careless enough to say so to a passenger.

"She wears a kimono, the ghost—she's quite a beautiful woman. Not that anyone's looking back over their shoulder at her or anything. You don't exactly ogle a ghost's face."

"Does she ever say anything?"

"I've heard she doesn't speak. It'd be nice if she'd say thank you at least, right? But of course when ghosts talk they're always complaining"

Just before we entered the tunnel, I looked up over my shoulder at the mountain on which the crematorium stood. It was the Kamakura City Crematorium, so it seemed that most of the dead cremated there would want to return to houses in Kamakura. Maybe it would be nice to have a woman as a symbol of all those dead, riding around at night in empty cabs. But I didn't believe the story.

"I wouldn't have thought that a ghost would need to take a cab. Can't they go wherever they like, appear anywhere?"

We arrived at Omiya Akifusa's house soon after we exited the tunnel.

The cloudy four o'clock sky was faintly tinged with peach—a sign that spring was coming. I hesitated for a moment at the gate of the Omiya house.

I had only been to visit old Akifusa twice in the eight months since he had himself become a sort of living ghost. The first time was just after his stroke. He was some twenty years my senior, a man I respected, a writer who had been a patron of mine—it was hard for me to see him like that, ugly and miserable as he had become.

But I knew that if Akifusa ever had a second stroke, it was likely to be the end. We lived in neighboring towns—Zushi and Kamakura are no more than a stone's throw apart, as we say—and the fact that I had neglected to visit had begun to trouble my conscience. The number of people who had left this world while I considered visiting them, but somehow never did, was by no means small. It had happened so often I had come to believe that this was simply the way life was. I had been thinking of asking Akifusa to write out something for me on a sheet of hansetsu paper, but the idea had come to seem pointless. And the same thing had happened to me several times. Sudden death wasn't the sort of thing I could treat casually. I was perfectly aware that I myself might die at any moment—perhaps one night in a storm—and I did not take good care of myself.

I knew other authors who had died suddenly of cerebral hemorrhages or heart failures, of coronary strictures—but I had never heard of anyone being saved but paralyzed, as old Akifusa had been. If one views death as the greatest misfortune of all, one would have to say that Akifusa was extremely fortunate to go on living, even though he lived as a patient with no hope of recovery—as a disabled man. But that sense of good fortune was rather difficult for most of us to feel. It was also difficult for us to tell whether Akifusa himself felt that he had been fortunate.

Only eight months had passed since Akifusa suffered his stroke, but from what I'd heard the number of people visiting him had already become quite small. It can be difficult to deal with an old deaf man, but it's no less difficult to deal with a man who is able to hear but can't speak. He understands what you say to him, though you don't understand what he wants to say to you—it's even stranger than talking to a deaf person.

Akifusa's wife had died early on, but his daughter, Tomiko, had remained with him. There were two daughters, but the younger one had married and moved out—Tomiko, the older daughter, had ended up staying to take care of her father. There was no real necessity for Akifusa to remarry, since Tomiko took care of all the household chores—indeed, he had relished the freedoms of single life—and one might say for this reason that Tomiko had been obliged to make certain sacrifices for her father. The fact that Akifusa remained single, despite having had numerous affairs, suggests too that the power of his will was such that it overcame his emotions—or perhaps something else was going on.

The younger daughter was tall and had exceptionally fine features—she resembled her father somewhat more than her sister did—but this wasn't to say that Tomiko was the kind of young woman one would expect to remain unwed. Of course she was no longer a young woman—she was approaching forty, so she wore almost no makeup at all—but one sensed a purity in her. She seemed always to have been a quiet sort of person, but

she had none of the gloominess and irritability of the proverbial old maid. Perhaps her devotion to her father provided some comfort to her.

People who came to visit always talked to Tomiko instead of Akifusa. She sat beside her father's pillow.

I was startled to see how terribly thin she had become. It seemed odd to me that I was surprised, which meant that it was natural for her to be thin—but even so, seeing Tomiko suddenly grown so old and shriveled depressed me. It occurred to me that the people in that house were suffering.

There was nothing for me to say once I had said the pointless words of a sickbed visitor, so I ended up saying something I shouldn't have said.

"There's a rumor going around that a ghost has been appearing on the other side of the tunnel— have you heard? I asked the driver about it on the way here, as a matter of fact. . . ."

"Is there really? I'm always in the house—I don't hear about anything" It was clear that she wanted to know more, and so—thinking all the while that it would have been better not to mention the matter—I summed up what I knew.

"Well, it's the sort of story one can hardly believe—at least not until one actually sees the ghost. Of course, one might not believe the story even if one did see it. There are always illusions, after all."

"You ought to look for it tonight, Mr. Mita—find out if it really exists," Tomiko said. It was an odd thing for her to say.

"Oh, but you see it doesn't appear when it's light out."

"The sun will have set if you stay for dinner." "Unfortunately I'm afraid I can't. Besides, it seems that the woman's ghost only rides in empty cars." "Well if that's the case you have nothing to worry about, do you? My father is saying that he's extremely pleased you've come, and that he hopes you'll

make yourself at home. Father—you'll have Mr. Mita to dinner, won't you?"

I looked at old Akifusa. It seemed as though the old man had nodded his head on his pillow. Was he pleased that I had come? The whites of his eyes were clouded and bleary, and there were smudges of yellow even in his pupils, but it seemed that from the depths of those smudges his pupils were glittering. It seemed that he would suffer his second stroke when those glitterings burst into flame—it seemed it might happen at any moment—and I felt uneasy.

"I'm afraid I'll tire your father if I stay too long, and that might ..."

"No. My father doesn't get tired," Tomiko stated clearly. "I realize that it's unpleasant of me to keep you here with a man as sick as my father, but he remembers that he's a writer himself when there's another writer here. . . ."

"He—what?"

I was somewhat surprised by the change that had occurred in Tomiko's tone of voice, but I prepared myself to stay for a while.

"Surely your father is always aware that he's a writer."

"There's a novel of my father's that I've been thinking about a lot since he became like this. He wrote about this young man who wanted to be a writer—the boy had been sending strange letters to him pretty much every day, and then he went completely mad and was sent off to a sanatorium. Pens and inkpots are dangerous, and they said that pencils were dangerous too, so they wouldn't let him have them. Manuscript paper was the only thing they would let him have in his room. Apparently he was always there in front of that paper, writing . . . at least he thought he was writing. But the paper stayed white. That much was true, the rest is my father's novel. Every time the boy's mother came to visit, he would say—Mom, I wrote it, Mom, will you read it? Mom, will you read it to me? His mother would

look at the manuscript he handed her and there would be nothing written on it at all, and she would feel like crying, but she'd say—Oh, you've written it very well, it's very good, isn't it!— and she would smile. Every single time she went he would pester her to read the manuscript to him, so she starts reading the blank paper to him. It occurs to her to tell him stories of her own, making it seem that she's reading the manuscript. That's the main idea behind my father's novel. The mother tells the boy about his childhood. No doubt the crazy boy thinks he's having his mother read some sort of record of his memories, something that he wrote himself—that's what he thinks he's listening to. His eyes sparkle with pride. His mother has no idea whether or not he understands what she's saying, but every time she comes to see him she repeats the same story, and she gets better and better at telling it—it begins to seem like she's actually reading a story of her son's. She remembers things she had forgotten. And the son's memories grow more beautiful. The son is drawing the mother's story out, helping her, changing the story—there's no way of telling whose novel it is, whether it's the mother's or the son's. When the mother is talking she's so focused she forgets herself. She's able to forget that her son is mad. As long as her son is listening to her with that complete concentration, there's no way of knowing if he's mad or not—he could very well be mad and sane both. And at those times the souls of the mother and the child fuse together—it's like the two of them are living in heaven—and the mother and the child are both happy. As she goes on reading to him it begins to seem that her son might get better, and so the mother goes on reading the blank paper.”

“That's the one called What a Mother Can Read, isn't it?—one of your father's masterpieces. An unforgettable work.”

“The book is written in the first person—the son is the ‘1’—but some of the things he remembers about his childhood actually happened to my sister and me when we were small. He just had it all happen to a boy. . . .”

“Is that so?”

It was the first time I had heard this.

“I really wonder why my father wrote a novel like that. The book scares me now—now that he’s like this. My father isn’t mad, and I can’t be like that mother and read him a novel that hasn’t been written down—but I do wonder if he isn’t writing a novel in his head even now.”

It struck me that Tomiko was a peculiar person—able to say things like this even though old Akifusa probably heard every word. I didn’t know how to respond.

“But your father has already written numerous outstanding works—he and that literary-minded boy are entirely different.”

“Do you think so? I think that my father still wants to write.”

“Of course, not everyone would agree.”

Personally I thought he had written quite enough already, but if I were in old Akifusa’s condition, I had no idea what I’d think.

“It’s just that I can’t write for my father. It would be nice if I could write
^What a Daughter Can Read, but I can’t. . . .”

Her voice sounded to me like the voice of a young woman in hell. The fact that Tomiko had turned into the sort of woman who said such things—could it mean that by being in constant attendance on her father, who was a sort of living ghost, she had been possessed by something in him? It occurred to me that she might write a book of horrifying memories when Akifusa died. I began to feel a powerful hatred.

“What if you were to try writing about your father. ... “

I refrained from adding—while he’s still alive. Suddenly I remembered some words of Marcel Proust’s. A certain nobleman has abused lots of people in his memoirs, which are at long last about to be published, so he

writes, “I’m on the verge of death. I hope my name doesn’t get dragged around in the mud too much, since I’ll be unable to answer.” Not that it was at all like that with Akifusa and Tomiko. They were by no means strangers — indeed, there may have occurred between them a mysterious or perhaps a perverted emotional interchange, something beyond what most fathers and daughters experience.

I was struck by the strange thought that Tomiko might write about her father as if she had become her father.

Whether it became an empty game or a moving work of art, it seemed that either way it might provide some comfort for both of them. Akifusa might be saved from his absolute silence, from verbal starvation. Verbal starvation is surely something intolerable.

“Your father would be able to understand what you wrote, and he’d be able to evaluate it—you wouldn’t be reading a blank sheet of paper, and if you really wrote about your father, if you had him listen to you read ... “

“Do you think it would be my father’s work? If even a little of it ... “

“There’s no question that some of it would, at least. Anything more—it’s up to the gods, and it also depends on how close the two of you are. I have no way of knowing”

But it did seem that a book written in such a way would have more life than a book of memories written after Akifusa was dead. If it went well, even the sort of life he was living now could be preciously literary.

“Even if your father goes on being silent, he could still help you, and he could still fix your mistakes.”

“It wouldn’t have any meaning if it ended up being my own work. I’ll have to talk it over very carefully with my father.” Tomiko’s voice was lively.

Once more I seemed to have said too much. Wasn't what I was doing like forcing a desperately wounded soldier to return to battle? Wasn't it like violating a sanctuary of silence? It wasn't as though Akifusa was unable to write—he could write letters or characters if he wanted to. Perhaps he had chosen to remain silent, chosen to be wordless because of some deep sorrow, some regret. Hadn't my own experience taught me that no word can say as much as silence?

But if Akifusa was to continue in silence—if his words were to come from Tomiko—wouldn't that be one of the powers of silence, too? If one uses no words oneself, other people speak in one's place. Everything speaks.

“Shall I? My father says that I should give you some sake right away—that at the very least.” Tomiko stood.

I looked instinctively at Akifusa, but there was nothing to suggest that the old man had spoken.

The two of us were alone now that Tomiko had left, so Akifusa turned his face in my direction. He looked gloomy—maybe there was something he wanted to say? Or maybe it irked him to be put in a situation where he felt as though he had to say something? I had no choice but to speak myself.

“What are your thoughts regarding what Tomiko was saying just now?”

I addressed silence.

“I feel sure that you could produce an intriguing work, really quite different from your [^]What a Mother Can Read. I started to feel that way as I was talking with Tomiko.”

“You never wrote an ‘I Novel’ or an autobiography—perhaps now that you yourself are no longer able to write, using some other person's hand to produce a work of that sort might allow you to reveal one of the destinies

of art. I don't write about myself, and I don't think I could write about myself even if I tried, but if I were silent and if I could write like that ... I don't know whether I'd feel a sort of joy, as though I had finally realized the truth—if I'd think, is this who I am?—or if I'd find the whole thing pathetic and give up. But either way, I'm sure it would be interesting”

Tomiko returned with sake and snacks.

“Can I offer you a drink?”

“Thank you. I hope you'll forgive me for drinking in front of you, Mr. Omiya, but—well, thank you.”

“Sick people like him don't make very good conversation, I'm afraid.”

“I was continuing our discussion from before, actually.”

“Were you? As a matter of fact, I was thinking as I was heating up the sake that it might be interesting if I was to write in my father's place about all the affairs he had in the years after my mother died. He told me everything about them in great detail, and there are even some things that my father has forgotten and I still remember. . . . I'm sure you're aware, Mr. Mita, that there were two women who rushed over here when my father collapsed.”

“Yes.”

“I don't know whether it's because my father has been in this condition for so long, or whether it's because I'm here, but the two women have stopped coming. I know all about them, though—my father told me all about them.”

“But your father doesn't see things in the same way you do.” This was obvious, but even so Tomiko seemed irritated.

“It's impossible for me to believe that my father has told me any lies, and it seems that over time I've come to understand his feelings. . . .” She stood

up. “But why don’t you ask him yourself. I’ll get things ready for our dinner and then I’ll be back.”

“Please, don’t worry about me.”

I went along with Tomiko and borrowed a cup. It’s best to get the sake in quickly when you’re talking to a mute.

“It seems as though your love affairs have become Tomiko’s property now. I guess that’s the way the past works.”

I may have hesitated to use the word “death”—perhaps that was why I had said “the past.”

But surely as long as he was alive the past was old Akifusa’s property? Or should one think of it as a sort of joint ownership?

“Maybe if it were possible for us to give our past to someone, we’d just want to go ahead and give it.”

“A past really isn’t the sort of thing that belongs to anyone—maybe I’d say that one only owns the words that are used in the present to speak about the past. Not just one’s own words—it doesn’t matter whose words they are. No, hold on—except that the present instant is usually silent, isn’t it? Even when people are talking like I am now, the present instant is just a sound—‘I’ or ‘a’ or ‘m’—it’s still just meaningless silence, isn’t it?”

“No. Silence is certainly not meaningless, as you yourself have.... I think that sometime before I die I would like to get inside silence, at least for a while.”

“I was thinking about this before I came, but—it seems that you should be able to write out katakana at least, and yet you refuse to write even a single letter. Don’t you find this at all inconvenient? If there’s something you want done—for example, if you wrote ‘w’ for water or ‘t’ for tea ... “

“Is there some profound reason for your refusal to write?”

“Oh—I see now. If the single letters ‘w’ and ‘t’ and so on are enough to get things done, the sounds ‘l’ and ‘a’ and ‘m’ must not be meaningless either. It’s the same with baby talk. The baby understands that its mother loves it. That’s how it is in your ^What a Mother Can Read, isn’t it? Words have their origin in baby talk, so words have their origin in love. If you were to decide to write ‘t’ every time you wanted to say thank you—and if every once in a while you wrote ‘t’ for Tomiko—just think how happy she would be.”

“That single letter ‘t’ would probably have more love in it than all the novels you’ve written during the past forty years, and it would probably have more power.”

“Why don’t you speak? You could at least say ‘aaa’—even if you drool. Why don’t you practice writing ‘a’?”

I was at the point of calling into the kitchen to ask Tomiko to bring a pencil and some paper when I suddenly realized what I was doing.

“What am I doing? I’m afraid I’ve gotten a little drunk—forgive me.”

Even after Tomiko returned I felt as though I had been babbling. All I had done was circle the perimeter of old Akifusa’s silence.

Tomiko used the telephone at a nearby fish store to call the driver who had brought me.

“My father is saying that he hopes you’ll come talk with him again from time to time.”

“Yes, of course.”

Having given her this rather offhand answer, I got into the car.

“Two of you have come, I see.”

“It’s still early in the evening and we do have a passenger, so I doubt she’ll show up—but just in case...”

We came out of the tunnel on the Kamakura side and drove under the crematorium. Suddenly, with a roar, the car began to fly.

“Is she here?”

“She’s here. She’s sitting next to you.”

“What?”

The effects of the alcohol disappeared in a flash. I glanced to the side.

“Don’t frighten me like that. I’m in no condition to deal with it.”

“She’s there. Right there.”

“Liar. Slow down, will you—it’s dangerous.” “She’s sitting right next to you. Can’t you see her?”

“No I can’t. I am utterly unable to see her,” I said. But as I said this I began to feel a chill. I tried to sound brave. “If she’s really there—what do you think, shall I say something to her?”

“D—Don’t even joke like that. You get cursed if you speak to a ghost. You’ll be possessed. It’s a terrifying idea—don’t. Everything will be fine if we just keep quiet until we’ve taken her as far as Kamakura.”

Her Husband Didn't

First her ear, then her eyebrow, then . . . One by one the various parts of Kiriko's already-married body drifted up before Junji, filling his head. He was thinking his way through the sequence of kisses he would give her that evening.

It takes about an hour to go by train from North Kamakura to Shinbashi on the Yokosuka line. There was enough time for him to imagine a number of different sequences if he liked, and various methods of kissing.

Though Junji and Kiriko both lived in North Kamakura, they met in Tokyo as a rule—Kiriko worried that they would attract attention if they were seen together in their own small town. They took the added precaution of riding in on different trains. Each time they arranged to meet, Junji suggested that he be the one to take the earlier train and wait. Kiriko never even had to ask him to do this. Junji was young, still a student. He seemed to fear that he might discover some flaw in her body.

First the ear. . . . Junji started with Kiriko's ear because he still regretted the disappointment he had felt the first time he touched her earlobe—because he was still sorry that it had not excited him. His disappointment had been so acute on that occasion that even the color of his face must have changed.

“Hey.” Kiriko had opened her eyes. “What's wrong?”

He had pulled his finger back from her ear the instant he had touched it. No doubt that, too, seemed strange.

Junji took Kiriko's ear hurriedly into his mouth. His face was hidden in the hair at the side of her head. The smell of hair engulfed him.

“I wish you wouldn't do that.”

Junji caught hold of her head as she tried to pull away.

Kiriko's ear was small and soft but not fleshy, and Junji could fit all of it into his mouth. His disappointment vanished.

But the fact that Junji had felt an urge to touch Kiriko's earlobes at all—there was something in this that filled him with a sense of guilt. Because for Junji, this desire was linked to the abnormal excitement he had felt on a previous occasion, when he had fingered the earlobe of a prostitute.

Junji had scarcely known what he was doing when he had pinched that woman's earlobe—his first earlobe. It wasn't that he had admired its shape, and pinched it for that reason, but then what was it? Why, just when he was feeling such self-hatred, such a powerful aversion to the idea of touching any part of a woman at all—why had his hand moved to her ear? Junji himself couldn't say.

Yet the cold feeling of that earlobe had instantly cleansed him of his filth. The earlobe was just as round and plump as an earlobe ought to be—it was small enough that Junji could squeeze it between the tips of his thumb and forefinger, no bigger than that—yet it filled him with a sense of the beauty of life. The smooth skin, the gentle swelling—the woman's earlobe was like a mysterious jewel. Her purity had remained intact there, inside it. The earlobe held dew like droplets of the essence of female beauty. A sentimentality like yearning welled up inside Junji. He had never known anything with a texture like this. It was like touching the lovely girl's soul.

“What on earth are you doing?” The woman shook her head cruelly.

Even after he'd left the woman's house, Junji said nothing to his friends about the ear. They would only have laughed at him if he had. And though it would be difficult to bring that sense of excitement to life within him again, ever again, it became Junji's secret—a secret that would probably stay with him for the rest of his life.

Still, when Junji considered that his desire to touch Kiriko's earlobe had originated in his memories of a prostitute's earlobe, he quite naturally

suffered pangs of guilt.

Yet for all that, Kiriko's earlobe had betrayed his expectations. It felt thin and flimsy in his fingers. It lacked even the moisture and the silkiness of most earlobes—it seemed crusty and dry. Junji was startled. He was so confused it never even occurred to him that he might never feel the excitement he had felt touching that prostitute's earlobe again—that touching even the loveliest earlobes might not revive that emotion.

Junji's habit of kissing the various parts of Kiriko's body started to form the moment he took her ear in his mouth.

Until then things had been simple. He was still a beginner in the affairs of love, and he had been completely overwhelmed by the surprise he felt on discovering that he could satisfy the middle-aged Kiriko so completely. He came to understand his own masculine charm for the first time through the pleasure Kiriko took in him, and he drifted drunkenly in it.

Junji had believed that Kiriko's body was entirely perfect, so he had to distract himself instantly from what he felt in his fingers—the impoverished flimsiness of her earlobes. He was also conscious of the fact that the ecstatic joy Kiriko had experienced when she was with him at first was growing less ecstatic of late. It was as though the attempt to rekindle her passion had given him an excuse to touch her ear.

Then, during only the third or fourth of their rendezvous, Kiriko said something unexpected.

“Sometimes I used to wonder if I could go to bed with a man without having to worry about any of those difficult ties like marriage or love, you know? I wanted to try sometime—just once. I used to daydream about it.”

It sounded to Junji as though that daydream had been realized through him—no other interpretation seemed possible. He felt as though he had been pushed off a cliff.

“You mean—this has all just been a game for you?”

Kiriko firmly denied this. “It’s not a game. Men may play games like that, they may fool around and everything—but women aren’t like that. At least I’m not like that.”

“I don’t see how you can say that. What you said just now—you could only have meant you think of this as a game. If it isn’t a game ...”

“I don’t know how to explain. There’s just something about it—there’s this aura of secrecy,” she mumbled. “You really don’t have the slightest idea how many constraints and burdens a woman my age has to deal with, do you? And in that oppressive pain there’s a secret. But I see now that it would have been better if it had ended as it was—as a secret daydream.”

“You’re sorry that you slept with me?”

Kiriko laughed at this trite, childish line.

“Asking me something like that—if I’m sorry I slept with you! Aren’t you just insulting yourself? Even if I criticize myself and even if I feel pain—I still wouldn’t want to say that I regret what I did. Regret is the easiest excuse of all. It’s just a convenient way to escape”

“So that’s all this was? I just happened to end up playing opposite you in these secret daydreams of yours?”

“You didn’t find it at all strange that I started seeing you like that? It didn’t seem strange that it all happened so easily? I had never had an affair, you know.”

“Think about it—I told you about my late daughter the very first time I met you. . . .”

This had happened on a train on the Yokosuka line. Junji had attended a class on Western-style painting that day on an invitation from a friend. They had learned to sketch female nudes. There were four or five young women in the class, but Kiriko was the only one in Japanese dress, and she

was older than the other women, so she had attracted Junji's attention. It turned out that they both lived in North Kamakura, and so that evening they went back together on the train. When the conductor came to collect their tickets, Kiriko handed him the money necessary to change Junji's third-class ticket to second-class before Junji could get his money out. It was quicker for her to open the handbag on her lap than it was for Junji to rummage through his pocket, but her movements suggested that she had been planning to pay.

Sometime after they passed Yokohama, Kiriko opened her sketchbook and started to draw something. It seemed to Junji that her face became more and more beautiful as she alternately glanced up at him and looked down at the paper. They were sitting across from one another. Junji leaned forward and looked at the sketchbook—Kiriko was sketching his face. He took the sketchbook from her without saying a word. He looked at it for a moment or two, then took out his own pencil and began adding to the sketch she had started, drawing over it.

“Hey, hey—stop it!” she said, taking the sketchbook back. But Junji felt embarrassed at having his face drawn, so he stole the book back from her and added some more to the sketch. Kiriko leaned forward this time, but she was evidently unable just to sit and watch—she couldn't just leave the drawing to him, it seemed—and she took the sketchbook back again, starting once more to draw. This same cycle of taking and having taken was repeated over and over, and in this manner Junji's face continued to be drawn. The outline of his face grew blurry in certain places, places where the lines Kiriko had drawn and the lines Junji had drawn overlapped excessively. Even a few unnecessary shadows had appeared. But all during the time they drew Junji's face together, a warm affection for Kiriko had been welling up inside of him. It seemed to him that even the drawing expressed this emotion. He had stopped feeling the shyness he had felt at first at having his face sketched—indeed, drawing over the drawing Kiriko

had begun filled him with pleasure, as though they were laying the hands of their hearts one on top of the other.

“Well, it’s finished.” Kiriko stopped drawing and looked back and forth from the sketch to Junji’s face, comparing the two. “It does look a bit like you, doesn’t it?”

“Here, let me draw a little more.”

“Where? Around the eyes?”

“It’s my face—if I don’t finish it myself...” “You’re awfully sure of yourself, aren’t you?”

“No. But—why did you draw my face?”

“Because we’re coming from drawing practice, I would think. But also because when I started drawing I kept being reminded of my late daughter. She was just the right age to marry someone like you. I had her when I was nineteen—she was my only child.”

“Of course, I thought about her even when I looked at that model. Her body wasn’t very pretty— I really didn’t even want to draw her. But it was fun drawing you.”

“You’ll have to let me draw your face next time, assuming that we can go home on the same train after the next class.”

Kiriko did not respond to this.

“If my daughter were alive she would have been able to meet you too.” Grief hovered in Kiriko’s eyes as she stared at Junji’s face.

“She had never known love—she died just when the bud of her flower was starting to open. And I think that must have been best for her. . . . Maybe that’s what happiness is?”

“I didn’t think people had any way of knowing whether they’re happy or unhappy once they die. Don’t you think the people left behind just go ahead

and think whatever they like—that they decide for themselves whether the person who died was happy or not?”

“You do have an unpleasantly logical way of thinking, don’t you? You know, near the end of winter, when spring was just beginning, my daughter used to wake up in the morning and say—Ah, this is so much fun!—and then she’d stroke her arms. During the course of a single night her skin would turn silky smooth. That’s the age she died at.”

Returning home on the day of the next drawing class, Kiriko suggested that they not go straight to Shinbashi station—she invited Junji to go with her to a department store. She bought him a readymade suit; she seemed to think that they would stand out even more if Junji wore his school uniform.

The things Kiriko said to him didn’t sound very affectionate, either—even when they were in the room where they went to be alone. “I’m sorry,” she said. “It’s just that you’re the perfect age to marry my daughter” Still, in her pleasure Junji came to know the pleasure of being a man. It was an awakening that overflowed with strength. After a time, in a flirtatious voice that disguised her shame, Kiriko said, “I was thinking this before, when we were buying the clothes, but—you’re tall, aren’t you? Put your legs together for a second. . . .” She felt around for Junji’s heels with her own, then pressed her face into his chest. “Look, I only come up to here.”

She lay still, as though savoring the moment.

Kiriko didn’t show up at the next week’s class in Western drawing. Junji telephoned her house and asked to speak with her.

“Why didn’t you come to class today?”

“The second we met everyone would know—the way you’d act would give us away. There’s no way you’d be able to hide it.”

They arranged to meet somewhere else for their third date, but Kiriko didn’t show up at the appointed time. Junji called again.

By the time he took Kiriko's earlobe in his mouth, Junji had begun to feel both uneasy and irritated himself. Hadn't she just been dragged along by the fact of what they had done together that first time? Wasn't that the only reason she kept coming to meet him? And wasn't it Junji who dragged her along, forcibly? Did she have any choice in the matter? Even Junji could feel that her body was more tightly closed to him than it had been at first.

They had drawn Junji's face together, then they had lain with their heels aligned—had that been the last of the pleasure she felt with him? Had Kiriko felt nothing since then but an increasing pain, an ever growing sense of self-reproach?

Everything seemed to have happened almost as soon as they had met, and so at first Junji had given no thought at all to Kiriko's husband. But after a time he began to be jealous, and with this jealousy he acquired a sense of his own sinfulness.

"How old is your husband?" Junji asked. These were the first words he said that had anything to do with Kiriko's husband.

"Fifty-two. Why, does it matter?"

"I can't imagine you living with someone fifty-two years old."

"He commutes to Tokyo?"

"Yes, he commutes."

"I might even have met him on the train—maybe in the station. I bet you meet him sometime," Junji said.

Kiriko's chest tightened suddenly.

"Why? Do you want to meet him?"

"I don't know the first thing about you—about your mind or about how you live. ... I don't have the slightest bit of influence over you. I went to see

your house, you know—secretly.”

“What?”

“I mean—I think it’s best if I get a look at him.” “No! You can’t do that! Look—why don’t we just stop seeing one another” Kiriko’s voice shook, and she spoke quickly. “Have I really made you so sick?”

“Sick? . . .”

“Yes. I knew that I’d been hurt, but I really didn’t think that you had—at least not so badly. I’m only telling you this because you raised the subject, but my relationship with my husband . . .” She hesitated. “Your relationship is what?”

“It’s not like it used to be. As you said before, my mind and the way I live. . . . My husband doesn’t seem to have noticed at all, but I’ve changed. We women are no good.”

“What do you mean no good? What do you mean you’ve changed?”

Kiriko couldn’t answer his questions. Junji continued to kiss her body everywhere, in various ways, but Kiriko was still holding back. Her restraint filled Junji with a frantic emptiness.

And once this emptiness set in, he had even less of a choice—he had to telephone Kiriko.

She would be coming by the next train on the Yokosuka line. Junji kept imagining her, drawing her inside his head—he kept thinking through the sequence of kisses he would give her, imagining the methods he would use—and he was startled to find that he seemed to have more fun doing this than he did when he was actually with her. He began to wonder if he might not really be sick, just as Kiriko had said. He began to be suspicious of himself.

That night too, Junji began with her ears. He had yet to find anything wrong with her body in places other than her ears. He was still moving

from place to place over Kiriko's body when she muttered, "You don't have to do that, you know." Suddenly Junji was unable to move. But Kiriko relaxed. She felt as she had that first time, when they lay with their heels together. When Junji realized that Kiriko had spoken as she had because she pitied him, tears suddenly spilled from his eyes and would not stop. He thought—Is this what it means to break up? And yet Kiriko's cruel words also seemed to suggest that Junji had been doing things that her husband didn't.

Yumiura

His daughter, Tagi, came to tell him that there was a woman at the door who said she'd met him thirty years earlier in Yumiura, Kyushu. Kozumi Shozuke thought for a moment and decided that he might as well have the woman shown into the drawing room.

Unexpected callers came almost every day to see Kozumi Shozuke, the novelist— even now there were three guests in the drawing room. The three guests had come separately, but they were all talking together. It was about two o'clock on an afternoon unusually warm for the beginning of December.

The fourth caller, the woman, knelt in the hall just outside the door she had opened, evidently embarrassed before the other guests.

“Please, come right in,” Kozumi said.

“Oh—it's truly, it's truly . . .” said the woman, in a voice that almost shook. “It's been such a long time! My name is Murano now, but when we met my name was Ta'i. Perhaps you remember?”

Kozumi looked at the woman's face. She was a little past fifty, but she looked younger than her age— her pale cheeks were tinged with red. Her eyes were still large, despite her age. No doubt this was because she hadn't grown plump in middle age, as people often do.

“Just as I thought—you are the man I met. There's no doubt about it.” The woman's eyes gleamed with pleasure as she stared at Kozumi. There was an enthusiasm in her gaze that was lacking in Kozumi's own as he looked back at her, trying to remember who she was. “You really haven't changed at all, have you? The line from your ear to your jaw, yes, and there—the area around your eyebrows—it's all just as it was. . . .” She pointed out each of his features, one by one, as if she were reciting a description of

someone missing or wanted. Kozumi felt embarrassed and also slightly worried at his own lack of memory.

The woman wore a black haori with her family crest embroidered on it in places, and with this an unostentatious kimono and obi. Her clothes were all well-worn, but not enough to suggest that her family had fallen on hard times. Her body was small, as was her face. She wore no rings on her short fingers.

“Thirty years ago you came to the town of Yumiura—or perhaps you’ve forgotten? You were kind enough to come by my room. It was the day of the Harbor Festival, toward evening. . . .”

“Hmm . . .”

Hearing that he had gone to the young woman’s room—there was no doubt that she had been beautiful—Kozumi tried once more to remember her. Thirty years ago Kozumi had been twenty-four or twenty-five, and not yet married.

“You were with Kida Hiroshi and Akiyama Hisaro. The three of you had stopped at Nagasaki—you were traveling in Kyushu. We invited you to attend a celebration that was being held in honor of the founding of a small newspaper in Yumiura.”

Kida Hiroshi and Akiyama Hisaro were both dead, but in life they had been novelists some ten years Kozumi’s senior—writers who had befriended and encouraged him from the time he was twenty-two or twenty-three. Thirty years ago they had been novelists of the first rank. It was true that the two of them had spent some time in Nagasaki around then—Kozumi remembered their diaries of those travels and anecdotes they had told about them, diaries and anecdotes that were certainly known to the literary public.

Kozumi wasn’t sure that he had been invited to go along on that trip to Nagasaki—he had just been starting out in the world—but as he searched

his memories of Kida and Akiyama, those two role models of his, men who had influenced him so much, their faces rose up again and again before him—he remembered the numerous favors they had done him—he was drawn into a fond and tender mood of recollection. The expression on his face must have changed, for the woman spoke.

“You’ve remembered, haven’t you?” she said. Her voice had changed, too. “I had just had my hair cut very short and I told you how embarrassed I was— how I felt cold from my ears to the back of my neck. Autumn was just about over, so it must have That newspaper had just been established in town, and I had gathered my courage and had my hair cut short so I could be a reporter—every time your eyes moved to my neck I’d turn as though I had been stung, to hide it from you. Oh, I remember it all so well! You came back to my room with me, and right away I opened my ribbon box and showed you the ribbons in it. I think I must have wanted to give you evidence—to prove that my hair had been long, that I had tied it up with ribbons until two or three days before. You were surprised at how many there were, but as a matter of fact I had always liked ribbons, ever since I was small.”

The three other visitors remained silent. They had all discussed with Kozumi the things they had come to discuss, but since there were other guests they had been sitting at ease, talking of this and that, when the woman arrived. It was only proper that they should pass Kozumi on to this next visitor, allow him to speak with her—but there was also something in her manner that compelled them to be silent. Indeed, all three of the visitors avoided looking at the woman’s face, or at Kozumi’s, and though they were able to hear what was being said, they tried not to look as if they were listening directly.

“When the newspaper company’s celebration was over we went down a street in town, straight toward the ocean. There was a sunset that seemed it might burst into flame at any moment. I’ll never forget what you said then

—that even the tiles on the roofs looked crimson, that even the back of my neck looked crimson. I replied that Yumiura was famous for its sunsets, and it was true—even now I can’t forget them. That was the day we met—that day, with its beautiful sunset. The harbor was small, shaped like a bow—it looked like it had been carved out of the coast, there just under the mountains—and that’s why it was named Yumiura, the bow-inlet. The colors of the sunset all collect there, in that scooped-out place. The high, rippled clouds in the sky at sunset that day seemed to be closer to the ground than the clouds one sees elsewhere, and the horizon out on the ocean seemed strangely close—it looked like the flocks of black birds that were migrating wouldn’t have enough room to make it to the other side of the clouds. The colors of the sky didn’t really seem to be reflected in the ocean, it seemed like that crimson had poured down only into the small ocean of the harbor and nowhere else. There was a festival boat decorated with flags on which people were beating drums and playing flutes, and there was a child on the boat— and you said that if you lit a match near that child’s red kimono the whole ocean and the sky would burst instantly into flame, with a whoosh. Do you remember?”

“Yes, I think maybe I do. . . .”

“Since my husband and I married, my memory for things has gotten so bad it’s pathetic. I guess there’s no such thing as being so happy that you can decide not to forget. I know that people as happy and as busy as yourself don’t have the time to sit around thinking of dull days from the past, and of course you really don’t need to. . . . But Yumiura was the nicest town I’ve ever been in—in my whole life.”

“Did you spend much time in Yumiura?” Kozumi asked.

“Oh no—I got married and went to Numazu just six months after I met you there. Our older child has graduated from college and he’s working now, and the younger, our daughter—she’s old enough that we’re hoping to find her a husband. I was born

in Shizuoka, but because I didn't get along with my stepmother I was sent to live with relatives in Yumiura. I was eager to find some way to rebel, and so as soon as I arrived I went to work for the newspaper. I was called back and married off when my parents found out, so I was only in Yumiura for about seven months."

"And your husband is ..."

"He's a priest at a Shinto shrine in Numazu."

This was not the sort of profession Kozumi had been expecting, so he glanced up at the woman's face. The word is outdated and may end up giving the reader an unfavorable impression of the woman's hairstyle, but her hair was arranged in a pretty "Fuji style" cut. Kozumi's eyes were drawn to it.

"We used to be able to live fairly well considering that he's a priest, but after the war things got tougher and tougher day by day until now—my son and daughter still stand by me, but they find all sorts of ways to defy their father."

Kozumi sensed the disharmony of the woman's family.

"The shrine at Numazu is so big it doesn't even bear comparison with the shrine at that festival in Yumiura—and of course the bigger they are the harder it is to manage them. We're having some problems just now because my husband decided to sell ten cedar trees that grew behind the temple without Consulting anyone. I've run away—come here to Tokyo."

"Memories are something we should be grateful for, don't you think? No matter what circumstances people end up in they're still able to remember things from the past—I think it must be a blessing bestowed on us by the gods. There were lots of children at the shrine on the road going down through the town in Yumiura, so you suggested that we just keep going without stopping in—but even so we could see there were two or three flowers blooming on the small camellia over by the toilet—flowers

with what they call ‘double petals.’ I still remember that camellia sometimes, even now—and I think what a wonderfully gentle person whoever planted it must have been.”

It was clear that Kozumi appeared as a character in one of the scenes in the woman’s recollections of Yumiura. Images of that camellia and that bow shaped harbor rose up in Kozumi’s mind as well now, seemingly called up by what the woman said. But it irritated him that he could not cross over into that country in the world of recollection where the woman lived. The two of them were as isolated from one another as the living and the dead of that country. Kozumi’s memory was weaker than that of most people his age. He sometimes talked at length with people whose faces he knew, yet could not remember their names—in fact it happened all the time. The unease he felt at such times was mixed with fear. And as he tried unsuccessfully to call up his own memories of the woman, his head began to ache.

“When I think about the person who planted that camellia, it seems to me that I ought to have made my room there in Yumiura a little nicer. But I hadn’t and so you only came that once, and then thirty years passed without us ever meeting. Though to tell the truth I’d decorated my room a little even then, to make it look more like a young woman’s.”

Kozumi could remember nothing at all of her room. Perhaps wrinkles formed on his forehead, perhaps his expression became slightly severe, for the woman’s next words showed that she was preparing to leave.

“I must apologize for having come so suddenly, that was rude. . . . But I’ve wanted to see you for such a long time, and coming here has really been such a pleasure for me—nothing would have made me happier. I wonder—would you mind very much if I came again sometime?—if I could—there are some things I’d like to discuss.”

“That would be fine.”

The woman's tone of voice suggested that there was something she was not saying, something she hesitated to say in front of the other guests. And when Kozumi walked out into the hall to see her off, the instant he slid the door shut behind him, the woman let her stiff body slacken. Kozumi could hardly believe his eyes. This was the way a woman held her body when she was with a man she had slept with. "Was that your daughter earlier?"

"Yes."

"I'm afraid I didn't see your wife. . . ."

Kozumi walked out into the entryway ahead of the woman without answering. He addressed her back as she bent down to put on her sandals in the entryway.

"So I went all the way to your room, in a town called Yumiura."

"Yes." The woman looked back over her shoulder. "You asked me to marry you. In my room." "What?"

"I was already engaged to my husband at the time—I told you that, and refused, but ..."

It was as though Kozumi's heart had been pierced with a pin. No matter how bad his memory had gotten, to think that he should entirely forget having proposed marriage to a young woman—to be almost unable to remember that young woman—he didn't even feel surprised, no—it struck him as grotesque. He had never been the sort of young man to propose marriage lightly.

"You were kind enough to understand the circumstances that made it necessary for me to refuse," the woman said, her large eyes filling with tears. Then, her short fingers trembling, she took a photograph from her purse.

"These are my children. My daughter is much taller than I was, but she looks very much like I did when I was young."

The young woman was small in the photograph, but her eyes sparkled brightly and she had a beautiful face. Kozumi stared at the picture, attempting to make himself remember having met a young woman like this some thirty years earlier on a trip and having asked her to marry him.

“I’ll bring my daughter sometime, if you don’t mind—then if you like you can see how I used to be.” It sounded as though there were tears mixed in with the woman’s voice. “I’ve told my son and daughter everything, so they know all about you. They speak of you as though you were an old friend. I had really terrible morning sickness both times, sometimes I got a little crazy—but then as the morning sickness started getting better, around the time when the child started moving—it’s odd but somehow I’d start wondering if the child might not be yours. Sometimes in the kitchen I’d sharpen a knife. . . . I’ve told my children about all that, too.” “You . . . don’t ever do that.”

Kozumi was unable to continue.

At any rate, it appeared that the woman had suffered extremely because of Kozumi. Even her family had. . . . Or perhaps on the other hand a life of extreme suffering had been made easier for her by virtue of her memories of Kozumi. Even her family had been affected

But that past—her unexpected meeting with Kozumi in the town called Yumiura—had evidently gone on living strongly inside the woman, while in Kozumi, who had committed a sort of sin, it had been extinguished, utterly lost.

“Shall I leave the picture with you?” she asked, to which Kozumi replied by shaking his head. “No, don’t.”

The small woman walked with short steps through the gate and then vanished beyond it.

Kozumi took a detailed map of Japan and a book in which the names of all the cities, towns, and villages in the country were listed down from a

bookshelf and brought it back into the sitting room. He had the three visitors search for him, but neither he nor any of them was able to find a town by the name of Yumiura anywhere in Kyushu.

“It’s very strange,” Kozumi said, looking up. Then he closed his eyes and thought. “I don’t remember ever having gone to Kyushu before the war. No, I’m sure I didn’t go. That’s right—I was sent on an airplane to a base the Special Attack Forces had in Shikaya during the battle in Okinawa—I went as a reporter for the navy—that was the first time I went to Kyushu. The next time was when I went to see Nagasaki just after the atom bomb was dropped. That was when I heard the stories about Mr. Kida and Mr. Akiyama—about their having come there thirty years earlier, from people in Nagasaki.”

The three guests put forward a number of opinions about the woman’s fantasies or delusions, laughing all the while. The conclusion was, of course, that the woman was crazy. But Kozumi couldn’t help thinking that he was crazy, too. He had sat listening to the woman’s story, half believing and half doubting that what she said was true, searching his memory. It happened that in this case there wasn’t even a town called Yumiura, but who could say how much of Kozumi’s past others remembered, though Kozumi had forgotten it himself—though it no longer existed within him. The woman who had come that day would almost certainly go on believing even after Kozumi died that he had proposed to her in Yumiura. Either way it was the same.

The Boat-Women:

A Dance-Drama

1. KURETAKE'S HOUSE

KURETAKE - A dancer

MURASAKI - Kuretake's daughter (ten years old)

KAGEKIYO - A man of the Heike clan

FIVE DANCERS

KABU - A boy spy (twelve or thirteen years old)

KOSASA - Kuretake's servant, an old woman

ONE OF KAGEKIYO'S ATTENDANTS

ONE OF KAGEKIYO'S RETAINERS

Kuretake's house. Downtown in the Capital. The cherry trees in the garden are in full bloom. Dusk approaches. The curtain rises as the chorus sings the following verse.

Buddha is ever present but does not ever really appear —how sad.

(The curtain rises.)

Kuretake is teaching the steps of a dance to the five young dancers. They blossom like the garden's cherry trees, brilliantly.

In the darkness before dawn no human noise perhaps you can see him dimly in a dream.

FIRST DANCER: Even in a dream in the darkness before dawn—the figure of Buddha...

SECOND DANCER: I've never been able to see him. THIRD DANCER: The only thing I see even in my dreams is his face...

They laugh.

FOURTH DANCER: And yet, they say there is a path to buddhahood ...

FIFTH DANCER: Even in the playful games of children.

KURETAKE: The lighthearted games of young children are precious indeed. I myself am spattered with the dark grime of this world—and yet when I awake in the middle of the night, dreaming in the dark, suddenly the motions of a dance, the melody of a song drifts up in my mind. And this—this is the same as being lit dimly by Buddha's light...

FIRST DANCER: But Kuretake, you're famous as a dancer—known in the Capital—people say you're superior even to Gojo-no-Otsumae...

SECOND DANCER: Surely a golden Bodhisattva appears in your dreams, and the two of you sing together, and dance.

KURETAKE: Don't be foolish... Otsumae was one of the greatest dancers of all time. She was summoned to the Imperial Palace after she turned seventy—she passed away in the spring of her eighty-fourth year, contented, listening to a poem intoned by the Emperor, who had come to visit her on her deathbed—how could you compare someone like me to her?

FOURTH DANCER: My goodness! (Surprised.) I wonder if we'll still be singing at eighty-four.

SECOND DANCER: Hotokegozen, though dearly loved by Lord Kiyomori, visited Gio in Sagano and became a nun at sixteen...

THIRD DANCER: Gio's place in Lord Kiyomori's heart had been stolen by Hotokegozen, so at twenty she became a nun ...

FIRST DANCER: At nineteen her younger sister,

Gijo...

KURETAKE: In a hopeless world, wherein lies a woman's happiness?

Flowers of many kinds blossom fruit ripens —how sad.

Urged on by Kuretake, the dancers dance.

Wanting to play I was born wanting to frolic I was born when I listen to the voices of children playing I am reminded of my own spring will it not scatter the blossoming flower reaching to take it come let's play.

Kuretake's daughter, Murasaki, enters the garden as they dance. She frolics with (the young) Kabu.

Kosasa sees them and gestures to Murasaki to come in. Kabu looks into the house.

KURETAKE: (Turning to face Kabu, speaking firmly.) Slanderers of the Heike Clan are not permitted to enter this house. We have no use for spies.

KABU: It's dangerous with all the commotion in town, so I escorted Murasaki home.

KURETAKE: What commotion? . . .

Murasaki takes Kabu's hand, invites him to enter the house.

KABU: Heike warriors attacked the parade of the Emperor's Chancellor as it was making its way to the palace. Their violence was extreme...

The dancers are surprised. Kabu continues, speaking as though what he is saying is perfectly ordinary.

Of course, earlier—Lord Shigemori's son met the Chancellor's carriage on his way home from his flute lessons, and when he didn't greet him he was whipped. It was terrible. But today, with this revenge—I'm sure the nobles realize only too well what the Chancellor did.

Murasaki dances innocently by herself.

Standing gathering seaweed on the rocky shore of Koyorogi do not wet those young women waves stay offshore waves stay offshore.

Kabu frolics, seems to be tangled up in Murasaki's dance. Kagekiyo comes into the garden.

KOSASA: Kagekiyo has arrived.

Kabu sees Kagekiyo and flees.

The dancers stand and begin to leave.

Kagekiyo prevents them from leaving, then sits down.

KAGEKIYO: I won't let you go home until you sing a verse.

DANCERS: Yes. I yearn to see you my love. I yearn to see you. I'd be thrilled if we could meet if only we could meet if I could see you if only we could meet.

The dancers dance. Murasaki dances playfully in their midst.

KAGEKIYO: Your Murasaki's dancing won't embarrass you . . . she's become beautiful.

KURETAKE: Well, who can say... She's past ten already—it seems there are some boys who tease her. It's quite pitiful, as it says in the poem.

KAGEKIYO: What? In this world, with the Heike so rich and powerful—my own bravery more resplendent than ever...Well, Kuretake, Shall we have a dance?

KURETAKE: Very Well.

Kagekiyo takes up a biwa and begins to play.

Kuretake dances in time to Kagekiyo's biwa. Murasaki watches, absorbed.

Oh how precious the preciousness of this day this life the life of a drop of dew yet still I chance to meet the joy of this day.

Kagekiyo stands and dances in time with Kuretake.

The sadness of this day yesterday a dream tomorrow an illusion today in reality here on my lap the biwa I pluck and make sing whose child listens it is my own good child oh how precious the preciousness of this day.

An evening breeze blows up as they sing and dance. The air fills with falling petals. The sun begins to sink. Kagekiyo's retainer enters the garden.

retainer: Sir—

Coming out into the garden, Kosasa, the old woman, prevents him from speaking.

retainer: (To the old woman.) Tell his lordship that the troops have all been ordered to gather this evening—we're off to destroy the Genji of the eastern lands. ... I came as fast as I could...

The old woman is surprised. She has the retainer leave. Looking at Kuretake, who is still dancing with Kagekiyo, the old woman has a premonition. It seems to her that something terrible will happen.

Murasaki becomes involved in the dance, dances innocently with Kagekiyo.

Kagekiyo too feels vaguely uneasy. He dances all the more intensely with Kuretake.

The old woman gazes at the dancers, absorbed in thought.

(Curtain.)

2. KURETAKE'S RUSTIC RESIDENCE

KURETAKE

MURASAKI About fifteen years old

TOKIMARU Formerly Kabu, now about seventeen years old

OLD WOMAN KOSASA

Kuretake's grass hut in the bamboo forest at Saga.

A summer night. The moon shines brightly, quietly.

Even if it is not so in the dew-wet Fields of Saga

(The curtain rises.)

Murasaki stands by herself.

Kosasa sets out to fetch water from the Well.

Longing for the past in a grass hut still faithful this bamboo a single drop of dew on a bamboo leaf holds the light of the moon but this life too will fall —how sad.

The sound of a flute approaches through the bamboo forest.

Tokimaru (formerly Kabu) discovers Murasaki as he makes his way through the bamboo and runs out into the open.

TOKIMARU: Murasaki (he calls)—it's more difficult for a person hiding from the world to search for a person hiding from the world than it was for Kabu to search for people who slandered the Heike.

MURASAKI: walking towards him, nostalgically.) Tokimaru.

TOKIMARU: Murasaki—I only wanted to meet with you once. The fighting in town frightened me, so I walked through a village in the mountains, playing my flute, yearning for you.

MURASAKI: My heart was charmed by the beautiful sound of your flute.

TOKIMARU: The sound of the flute led me on to this place, where a person I knew long ago resides. I swore that if I met you I would stop playing. Here, let me give you this flute as a memento. I have nothing to regret now—now that I have met you once.

MURASAKI: Why do you keep saying “once”?...

TOKIMARU: The haughty Heike, too, lasted but a moment...

The mighty must fall they who are together must part a single brief meeting is the same as a bond of fifty years ...

Tokimaru gives the flute to Murasaki and holds her hands, reluctant to part with her.

TOKIMARU: I'll climb Mount Hie tomorrow. I prayed as I played my flute that the day I met you would be the day I became a priest.

The old woman returns, having filled a bucket with water. She sees them.

Murasaki and Tokimaru draw apart.

OLD WOMAN: Murasaki, you mustn't leave your mother's side even for a moment.

She goes into the house and arranges gentians, miscanthus, and other plants in the bucket.

TOKIMARU: How is Kuretake?

MURASAKI: In this life there's no way of knowing what tomorrow will bring... She's worn out from thinking of Kagekiyo...

TOKIMARU: Is she ill?

MURASAKI: She can't bear to play the biwa, even, linked as it is to the Heike—she can no longer dance or sing—her life has collapsed completely.

She's shameful to look at.

TOKIMARU: No, I'm the shameful one. Horses and carts moved off to the side when they passed me, with my hair cut short, dressed in red hitatare—and I thought it was because the way I carried myself gave me an air of authority. I walked proudly about town, burst into ordinary people's houses, captured people. To undo that sin...

OLD WOMAN: Murasaki, Murasaki.

She calls Murasaki into the house. Murasaki goes in sadly, reluctant to part with Tokimaru.

TOKIMARU: Murasaki... I'll be a priest after tomorrow—your face will be my image of the Bodhisattva. I'll worship it day and night.

Tokimaru begins to head back in the direction from which he came, but Murasaki comes out of the house and goes after him.

In this ephemeral world just once I was able to meet a person dear to me...

Tokimaru walks off into the bamboo forest. Murasaki follows after him for a while, then returns with the flute tucked into her obi.

OLD WOMAN: Murasaki, Murasaki.

Murasaki returns to the house.

Kosasa removes the screen. She lights the lamps.

Kuretake is lying in her bedding, sick.

I yearn to see you my love I yearn to see you I'd be thrilled if we could meet.

KUARATAKE: Murasaki! We must be grateful—the light of the Buddha came streaming in. For me, a dancer, the light of the Buddha is the light of art... As long as I keep my eyes focused on that single ray, I have no troubles—I'm not sick.

I begin to be able to hear the sound of Kagekiyo's biwa, strains that rise from those four strings.

Kuretake rises and takes up the biwa. It reminds her of the past. She embraces it.

You drift on the waves of the western sea afloat in a boat when a wind blows...

KUARATAKE: I don't know where Kagekiyo has gone.

After he had gone the rustle of leaves in the clump of bamboo a lonely orphans ties should be with a distant father.

They all cry, heads sunk on their chests.

Kuretake sits up straight.

KUARATAKE: When your mother is gone you must search for the sound of your father's music. MURASAKI: Yes, mother.

KUARATAKE: You must dance this dance, as I teach you.

Kuretake takes her fan and stands up straight. She tries with all her heart to remain standing, though her legs are unsteady.

OLD WOMAN: Go on, Murasaki ... do your best to remember the dance your mother is about to show you—go on, Murasaki.

Murasaki takes her fan and stands ready, concentrating intensely.

Oh how precious the preciousness of this day this life the life of a drop of dew yet still I chance to meet the joy of this day the sadness of this day.

Murasaki collapses. The old woman runs to her and lifts her up.

KURETAKE: I'll be watching you from the Pure Land when you dance to the music of your father's biwa, Murasaki.

Murasaki is possessed by her mother's spirit. She dances more and more beautifully, more and more desperately.

Yesterday a dream tomorrow an illusion today in reality here on my lap
the biwa I pluck and make sing someone's child listens it is my own good
child.

Kuretake grows progressively weaker, then stops breathing.

The old woman clings to her, weeping.

Murasaki continues to dance all the more desperately.

(Curtain.)

3. AKI-NO-MIJAJIMA

KAGEKIYO Now blind (disguised as a biwahoshi)

MURASAKI Dressed in travel costume

THREE GENJI SAMURAI

A PRIESTESS OF ITSUKUSHIMA SHRINE

CROWDS OF MEN AT THE FESTIVAL

CROWDS OF WOMEN AT THE FESTIVAL

A place along the open corridor that circles Itsukushima Shrine. It is the day of the Autumn Festival, and the autumn leaves are beautiful. The crowds of men and women who have come for the festival are dancing. Bugaku music continues for a short time, then the chorus sings this verse.

Along a path which drifts on waves across the sea the sighted and the blind in a single boat adrift in a single fate.

(The curtain rises.)

Yesterday we flourished with flowers in the Capital today we've come to the autumnal western seas Aki-no-Miyajima the solemn Heike palace though he is blind Kagekiyo is manly and brave excellently elegant the notes he plays the familiar tune tears fall on this biwa of mine harari hararin harari hararin the lap on which the biwa rests has grown old.

Men and women from the festival pass by.

The blind Kagekiyo leans alone on the railing of the corridor, his biwa on his back. He crouches down and listens to the music without moving.

The music stops and from the direction from which it had come three Genji samurai appear, walking down the corridor.

FIRST SAMURAI: The beautiful priestesses on this beautiful day...

SECOND SAMURAI: Long ago a priestess from Itsukushima was summoned to the Capital, and at Lord Kiyomori's mansion...

THIRD SAMURAI: She was so lovely she was permitted to dance even in the presence of the Cloistered Emperor Goshirakawa.

SECOND SAMURAI: The bugaku today was dedicated to the gods by Lord Yoritomo...

THIRD SAMURAI: He's going off to fight Yoshitsune in Osho, he prays that he'll win the battle...

They draw nearer to Kagekiyo, and speak suspiciously.

FIRST SAMURAI: Well, Well—a biwa-hoshi.

SECOND SAMURAI: Why would a biwa-hoshi be off by himself, sunk deep in thought? Vulgar, isn't it— that ferocious expression...

THIRD SAMURAI: A suspicious man... is he a Genji or a Heike?

KAGEKIYO: I cannot see the Genji world...

THIRD SAMURAI: What?

KAGEKIYO: You'll notice that I'm blind.

SECOND SAMURAI: What can't you see—say that once more?

KAGEKIYO: I do not listen to the thing they call the Genji biwa.

During this exchange some of the people from the festival come across the corridor from the other side, appearing one at a time, and surround Kagekiyo and the samurai.

FIRST MAN: Why, it's a Genji interrogation. people: An interrogation, an interrogation!

FIRST WOMAN: They arrest a blind biwa-hashishi.... SECOND MAN: He said he hasn't got a Genji biwa.

Everyone laughs.

First Samurai looks over the women in the crowd.

FIRST SAMURAI: Are there any Heike women? A woman's better than a blind man.

The women flee.

THIRD SAMURAI: At a Genji festival anything with a "Heike" in its name pollutes the shrine—get rid of that biwa.

He pushes Kagekiyo away from the railing.

THIRD MAN: Is there even such a thing as a Genji or a Heike at a festival?

FOURTH MAN: It's the people's festival, they're the people's songs.

PEOPLE: Dance, dance!

SECOND SAMURAI: What?

The samurai look angry, the people of the festival jeer. The people dance, as though mocking the samurai.

Genji and Heike aristocrats and warriors parents and children and brothers and brothers attack one another war is the people's agony women and children flee today the town burns and the looting...

As the chorus sings this verse the third samurai takes hold of the front of Kagekiyo's cloak. Kagekiyo automatically assumes a fighting position and twists the samurai's arm. The samurai show signs of fear.

The people laugh.

The three samurai become angry and drag Kagekiyo to the center of the stage.

The people jeer with increasing boisterousness.

FIRST MAN: May you turn into a three-horned devil! FIRST SAMURAI: What!

SECOND SAMURAI: You dare defy us?

The samurai chase the people, who scatter. The people laugh, clown about, and dance as they scatter.

The samurai return and address Kagekiyo.

THIRD SAMURAI: If you're really a biwa-hoshi, sing for us.

SECOND SAMURAI: Yeah, hurry up...

FIRST SAMURAI: Sing.

Kagekiyo has no choice, so he plays.

Here on my lap the biwa my hand knows so well I play it I make it sing ah what a cheery song whose child listens it is my daughter.

The three samurai and the people from the festival all listen.

Kagekiyo stops playing and stands.

KAGEKIYO: The biwa has many modes, the heart has many registers, harari hararin.

The samurai mimic Kagekiyo.

FIRST SAMURAI: It is my daughter, harari hararin.

The samurai depart, laughing.

Kagekiyo goes off in the opposite direction.

The people watch him leave.

The morning glory eaten by insects the fate of flowers this too when autumn comes the sighing of distant fields the bank of a river in my dream as I sleep I yearn to meet my father.

Murasaki comes dressed in travel costume from the direction where the music had been earlier, with the flute tucked into her obi. She walks down the corridor with the priestess of the shrine, looking sorrowful.

MURASAKI: I won't mind even if I have to travel a thousand miles to meet my father, the man I search for. But I thought if I became a priestess here at Miyajima I would certainly meet him—that's why I came.

PRIESTESS: (Apparently unable to comfort her) How very sad. It sounds as though you're from the capital—and you're so beautiful. Even if you hope to dance, it won't be allowed.

MURASAKI: You were kind enough to show me that elegant dance—even that was a comfort. This journey is so terrible, your dancing was a positive joy.

Murasaki fusses with her clothes, as though unwilling to part with the priestess.

Autumn drizzle on a mountain path snow on a road near the coast even these breasts of mine freeze as I travel alone...

The samurai return. Seeing Murasaki, they draw near her.

FIRST SAMURAI: Wow, beautiful. I haven't seen you around here, young lady—are you a Genji firefly? SECOND SAMURAI: Or a Heike bell cricket?

PRIESTESS: (Thrown into confusion, shielding Murasaki.) She has asked to be made a priestess, she's a guest... FIRST samurai: No, she's not the kind of girl to dance before a god. She looks like a dancer, like she plays with men. Play your flute for us.

THIRD SAMURAI: Flute? . . . First that biwa, now this flute—these travelers with their musical instruments seem a bit strange. And she's too beautiful—it's suspicious.

He moves to catch hold of Murasaki.

FIRST SAMURAI: Hey, hey. Play your flute for us. Sing for us. If you dance well we'll let you be a priestess at the shrine.

MURASAKI: Will you really?

FIRST SAMURAI: Go on, hurry up and dance.

Murasaki dances.

Still I chance to meet the joy of this day the sadness of this day yesterday
a dream tomorrow an illusion today in reality here on my lap.

People from the festival appear one by one as she sings. They watch.

The samurai mimic Murasaki as she dances.

FIRST SAMURAI: Yeah, you said it—in reality here on my lap.

MURASAKI: Will you let me be a priestess here?

SECOND WOMAN: That song on the biwa, earlier...

THIRD WOMAN: This one was just like it...

MURASAKI: What? What do you mean, a biwa song just like it...

FOURTH WOMAN: A song a traveler sang earlier.

MURASAKI: That traveler...What kind of person was he? Which way did he go?

WOMAN I, 5, 6: He went that way just a moment ago.

Murasaki heads hurriedly in that direction.

Looking out over the mountain scenery more beautiful than I had heard
Itsukushima.

Murasaki hurries on as this verse is sung, until a samurai calls out to her.

FIRST SAMURAI: It was this way—if you're looking for the traveler,
go this way.

He points in the opposite direction, winking at samurai 2 and 3.

SAMURAI 2, 3: Right, this way, this way.

MURASAKI: Was it really?

Murasaki starts to go in the opposite direction. PEOPLE: That way, that way.

Murasaki heads back again.

SECOND SAMURAI: Hey!

SAMURAI 1, 3: This way, we're telling you this way.

The samurai lead Murasaki forcibly in the direction opposite from the one in which Kagekiyo went.

PEOPLE: But—

The people start to follow, but the first samurai glowers at them.

Samurai 1, 2: Dance! PEOPLE: Dance!

The people from the festival dance peacefully.

So very numerous the votive tablets the sound of bells on a priestess dancing a bugaku dance in the rising tide lanterns not autumn stars reflect in the autumn-dyed mountains a deer cries I bow my head in prayer with a quiet heart I'll go from island to island I board the boat from the sandbank at the torii untie the line that strings us to the shore and push off the oars' sweep beats a single rhythm a peaceful cheery song.

The dancing people move away as they dance.

Then, as if nothing has happened, Kagekiyo appears on the corridor. He walks from stage right to stage left. When he reaches the middle of the stage the lights are extinguished.

(Curtain.)

4. TOMO INLET

KAGEKIYO

MURASAKI

TWO BOAT-WOMEN

THREE TRAVELERS

TWO BOYS FROM THE VILLAGE

ONE GIRL FROM THE VILLAGE

An inland sea, the harbor at Tomo. The ocean off in the distance, a strait with no mouth. A small island closer to shore. The sky is overcast, it looks as if it might begin to snow at any minute. Shikoku is not visible.

The boat-women's small boat is near the shore.

A light snow starts to fall. Children from the village dance playfully.

In the inlet at Tomo women divers fish for bream in the sea at Tomo women divers draw in their nets they are so dear they are so dear.

For their sisters women divers fish for bream for their sisters women divers draw in their nets they are so dear they are so dear.

(The curtain rises.)

The fish climb the wind blows striking the bucket-drum striking the bucket-drum how I wish it would clear how I wish it would clear.

Kagekiyo walks on stage while the children are dancing, then stands still.

GIRL: Look! A biwa-hashî, a biwa-hashî!

FIRST BOY: Gosh, it's sad, isn't it—a blind priest.

KAGEKIYO: What's sad? The eyes of my heart see the things I want to see precisely as I want to see them. The flourishing capital, bravery at war,

my own vigorous form. . . .

SECOND BOY: Tell us a story about that brave war.

KAGEKIYO: And I can hear the sound of music from heaven.

GIRL: Play your biwa for us.

FIRST BOY: The one that goes beron-beron is the story of the Heike clan

GIRL/SECOND BOY: Barari-karari, karari-barari. . . .

The children help Kagekiyo take the biwa from his back. Kagekiyo sits in a formal posture and begins to chant.

KAGEKIYO: I myself am a general of the Heike clan, known by the name Aku Nanahei

That name roars too valiant beyond comparison Kagekiyo. . . .

KAGEKIYO: The Heike's luck ran out at war, it is painful even to remember—in the fourth year of Juei at Dan-no-Ura huge numbers of Genji troops overwhelm the Heike boats. . . .

A nun of the second rank the Emperor's grandmother always ready she holds his majesty in her arms and steps to the side of the boat.

KAGEKIYO: The Emperor is only eight years old, he asks—Nun where are you taking me?—You were born the leader of ten thousand carriages of war, but now your good fortune has ended. First face the east. . . .

Bid farewell to the great shrine at Ise. . . .

KAGEKIYO: Then face the west and pray to be carried off to the Western Pure Land, then pray to

Amitabha Buddha. The Emperor puts his dear little hands together. . . .
(Kagekiyo sobs) Now at last the nun holds him in her arms, saying—
Beneath the waves there is another capital. . . .

Preparing to enter the sea a thousand fathoms deep my eyes how can they see this.

KAGEKIYO: I cry out and crush my own eyes, my own eyes I. ...

Crush.

The children are silent and still. They are looking at Kagekiyo's eyes. Kagekiyo forces himself to be calm.

KAGEKIYO: Well then, the story of a brave war. . . .At the Yumi river in Yashima, the reverse oar, the fan target.

The children look bored. Once more they frolic and dance.

Snow streams down hail streams down.

CHILDREN: The boat's come, the boat's come!

The children scatter in the direction of the boat, which is not visible.

It falls and it falls and still it falls how I wish it would clear how I wish it would clear.

Kagekiyo walks off, holding the biwa to his chest. Two boat-women pass him. It is clear from their expressions that they are waiting for customers.

The fish climb the wind blows striking the bucket-drum striking the bucket-drum.

Two travelers come from the boat and tease the boatwomen.

SECOND CUSTOMER: I've heard that if one passes by Tomo offshore the cypress-wood fans beckon. . .

FIRST BOAT-WOMAN: Tomo's most famous product— boat-women. . . .

FIRST CUSTOMER: Those cypress-wood fans. . . .

FIRST BOAT-WOMAN: Adorn the cabins on the boats. . . .

FIRST CUSTOMER: The scarlet collars. . . .

SECOND BOAT-WOMAN: Are wrapped around our waists. . . . (She lifts the hem of her kimono and displays her legs.)

SECOND CUSTOMER: Boat-women are. . . .

Pillowed on the waves rocking in a small boat lovely and swaying.

FIRST CUSTOMER: Out on the sea, in this snow?

Snow does not grow deeper on the sea only the thoughts of women grow deeper.

FIRST CUSTOMER: Perhaps to see the cypress-wood fans

SECOND BOAT-WOMAN: Let's go to the boat—it's that one, that boat there.

SECOND CUSTOMER: Oh, it's cold. (He looks at the boat and shivers.)

FIRST BOAT-WOMAN: Shall we warm you with our snow-white skin?

SECOND CUSTOMER: Snow-white skin, did you say?

It looks like goose-flesh to me, like the skin of a shark come up from the sea. I was amazed when I heard that Heike women had become prostitutes—what a story. . . .

FIRST customer: This ugly-faced Heike crab, this spider-prostitute

SECOND boat-woman: Weren't the Heike pinched the way a Heike crab pinches?

FIRST boat-woman: Weren't the Heike embraced the way a spider-prostitute embraces?

CUSTOMER I, 2: Oh! How frightening!

The fish climb the wind blows striking the bucket-drum striking the bucket-drum how I wish it would clear how I wish it would clear.

The second customer clowns about with the second boat-woman, and the two of them board the boat. The second boat-woman seems filled with power as she rows out. The first customer draws closer to the first boatwoman, and they walk off stage right.

Murasaki's clothing is disheveled, but she has not lost her elegant and refined air. She chases the third man onto the stage.

In the inlet at Tomo women divers fish for bream in the sea at Tomo women divers draw in their nets they are so dear they are so dear.

THIRD man: I told you my wife and kids are waiting, and you

MURASAKI: (Taking the man's hand in hers.) Even my breasts are cold in this snow. . . .

THIRD MAN: Which one? (He puts his hands on Murasaki's breasts.)

MURASAKI: Even these breasts sleep in pairs, on this lonely chest of mine. . . . (She leans coquettishly on him.)

THIRD There's nothing odd in that—you've got two.

The man shakes Murasaki off and starts to go. Murasaki runs after him.

For their sisters women divers fish for bream for their sisters women divers draw in their nets they are so dear they are so dear.

MURASAKI: I'm not missing anything. When we're doing it. . . .

THIRD MAN: You certainly aren't missing anything— you're beautiful. (He clasps her to him suddenly, without thinking, then hesitates.) You're a Heike prostitute aren't you?

MURASAKI: Yes. After the Heike clan was defeated at Yashima, when everyone was escaping—I was left behind at the harbor in Tomo. . . .

THIRD MAN: How old were you then?

MURASAKI: Why—I must have been. . . . (She thinks.)

THIRD MAN: You can't say, can you. That mouthless strait. . . .

MURASAKI: Won't you stay? Have a little rest in a strait with no mouth, be left with no regrets.

THIRD MAN: Your mouth and your lies have both gotten good. Yes, it seems the women are all Heike throw-aways.

MURASAKI: You think the baby bird is pretty, and it wants to be held by the daddy bird. . . .

The third man gives Murasaki some money. Murasaki makes a face showing that she thinks the amount too little. The man starts to go. Murasaki runs after him, surprised.

THIRD MAN: Look, I'm giving it to you.

MURASAKI: No, no—I don't need people's charity. . . .

THIRD MAN: Let me go. . . .

MURASAKI: I may have fallen in the world, but I don't beg.

THIRD MAN: You are a beggar, and you're stubborn— it doesn't go well with your face. Watch it—I'll throw you into the sea!

The man pushes Murasaki down.

MURASAKI: Well, of all the rough. . . I don't beg I may sell my body, but I don't beg

Murasaki tries once more to stop the man. He shakes her off and pushes her down.

THIRD MAN: Grrh!

Kagekiyo pushes Murasaki and the third man apart and stands between them.

KAGEKIYO: (To the third man.) Don't be violent.

THIRD MAN: Yeah, which one of us being violent? My family's seen that the boat has come in.

The man hurries off.

Kagekiyo feels for Murasaki with his hands, shields her. . . .

KAGEKIYO: Are you hurt? Have your sleeves come unsewn? Oh, your hands are cold.

MURASAKI: (Shaking him repulsed.) A blind man will sew up the torn stitches for me?

KAGEKIYO: With a needle of the heart, tears in the heart. I'll sew them.

MURASAKI: The road we walk in this world is a mountain of needles—be very careful where you step.

Murasaki picks up the money the man gave her and gives it to Kagekiyo.

There was a beggar here earlier.

Murasaki leaves, making a show of her slovenliness.

In the inlet at Tomo women divers fish for bream in the sea at Tomo women divers draw in their nets they are so dear they are so dear.

KAGEKIYO: How strange—that woman seemed. . . . She seemed to be a Heike, one of those left behind. (He sits.) The beautiful Heike have died out—1'11 play for the wanderers.

He plays his biwa.

Oh how precious the preciousness of this day.

Murasaki returns, seemingly possessed by the sound of the biwa. Then, feeling as though her heart has been pierced, slowly remembering the last dance her mother taught her, she begins to dance.

This life the life of a drop of dew yet still I chance to meet the joy of this day.

At last Kagekiyo stands and begins to dance. They fall naturally into line.

The sadness of this day yesterday a dream tomorrow an illusion today in reality here on my lap the biwa I pluck and make sing whose child listens it is my own good child oh how precious the preciousness of this day.

Kagekiyo and Murasaki realize that they are parent and child. They want to tell one another their names, but they are unable to—they go on dancing. Snow falls so heavily that the two figures can no longer be seen.

I try to tell you who I am but I am filled with shame shall I say shall I not say oh father oh daughter and so together they dance together they dance a chance meeting is itself the fruit of an eternal bond.

Kagekiyo moves as if to shake himself free of Murasaki, then clasps the biwa to his chest and cries. Murasaki places her own long cloak over Kagekiyo's shoulders and then continues dancing, seemingly even more possessed than before. She continues to stand in the fiercely falling snow.

(Curtain.)

THE MASTER OF GO

Yasunari Kawabata

Translated from the Japanese by Edward G. Seidensticker

Yasunari Kawabata, winner of the 1968 Nobel Prize for Literature, was one of Japan's most distinguished novelists. Born in Osaka in 1899, he published his first stories while he was still in high school. He graduated from Tokyo Imperial University in 1924. His story "The Izu Dancer," first published in 1925, appeared in *The Atlantic Monthly* in 1955. Among his major novels published in the United States are *Snow Country* (1956), *Thousand Cranes* (1959), *The Sound of the Mountain* (1970), *The Master of Go* (1972), and *Beauty and Sadness* (1975). Kawabata was found dead, by his own hand, in 1972.



Contents

[Cover](#)

[About the Author](#)

[Other Books by This Author](#)

[Title Page](#)

[Copyright](#)

[Introduction](#)

[Chapter 1](#)

[Chapter 2](#)

[Chapter 3](#)

[Chapter 4](#)

[Chapter 5](#)

[Chapter 6](#)

[Chapter 7](#)

[Chapter 8](#)

[Chapter 9](#)

[Chapter 10](#)

[Chapter 11](#)

[Chapter 12](#)

[Chapter 13](#)

[Chapter 14](#)

[Chapter 15](#)

[Chapter 16](#)

[Chapter 17](#)

[Chapter 18](#)

[Chapter 19](#)

[Chapter 20](#)

[Chapter 21](#)

[Chapter 22](#)

[Chapter 23](#)

[Chapter 24](#)

[Chapter 25](#)

[Chapter 26](#)

[Chapter 27](#)

[Chapter 28](#)

[Chapter 29](#)

[Chapter 30](#)

[Chapter 31](#)

[Chapter 32](#)

[Chapter 33](#)

[Chapter 34](#)

[Chapter 35](#)

[Chapter 36](#)

[Chapter 37](#)

[Chapter 38](#)

[Chapter 39](#)

[Chapter 40](#)

[Chapter 41](#)

[Notes](#)

Introduction

Mr. Kawabata has described *The Master of Go* as “a faithful chronicle-novel.” The word used, of course, is not “novel” but *shōsetsu*, a rather more flexible and generous and catholic term than “novel.” Frequently what would seem to the Western reader a piece of autobiography or a set of memoirs, somewhat embroidered and colored but essentially nonfiction all the same, is placed by the Japanese reader in the realm of the *shōsetsu*.

So it is with *The Master of Go*. It contains elements of fiction, but it is rather more chronicle than novel, a sad, elegant piece of reportage, based upon a 1938 Go match, the course of which was precisely as described in this “chronicle-novel,” and upon which Mr. Kawabata reported for the twin Osaka and Tokyo newspapers that today both bear the name *Mainichi*.

Certain elements of fiction are obvious. Mr. Kawabata gives himself a fictitious name, Uragami, and apparently, though the matter could be a small failure of memory, assigns himself a different age from that which is actually his. The Master is known by his own name, or rather his professional name, but, as if to emphasize that the Master is the protagonist, always at the center of things, Mr. Kawabata also assigns the adversary, in real life Mr. Kitani Minoru, a fictitious name. The complex treatment of time, with the action beginning and ending at the same point, and the delicate, impressionistic descriptions of setting and season are further justification for the expression “chronicle-novel.”

But the most complex element of fiction probably is in the delineation of the Master himself. Persons who knew him in real life have told us that in addition to being almost grotesquely diminutive, he gave an impression of deviousness and even of a certain foxlike slyness. He had, at least to the casual observer, little of the nobility with which Mr. Kawabata has endowed him. Mr. Kawabata’s achievement thus transcends faithful chronicling and becomes fictional characterization of a virtuoso order.

Shūsai the Master becomes a sad and noble symbol. In what is perhaps the most famous of all his pronouncements, Mr. Kawabata said shortly after the war that henceforward he would be able to write only elegies. The defeat of 1945 was, along with the loss of all his immediate relatives in childhood, one of the great events molding the Kawabata sensibility. He began reworking his chronicle of the 1938 Go match during the war, and did not complete it until nearly a decade after the end of the war. The symbolic reality breathed into its central character makes *The Master of Go* the most beautiful of his elegies.

“The invincible Master” lost his final championship match, and at Mr. Kawabata’s hands the defeat becomes the defeat of a tradition. It is the aristocratic tradition which, until 1945, was the grounding for morals and ethics in Japan, and for the arts as well. Just as Mr. Kawabata would have nothing of jingoistic wartime hysteria, so he would have nothing of the platitudinous “democracy” and “liberalism” of the postwar years. He was not prepared to turn his back on what was for him the essence of Japan. One was puzzled to know why the flamboyant Mishima Yukio and the quiet, austere Kawabata should have felt so close to each other. Perhaps a part of the secret lies in the aristocratic tendencies the two men shared.

The game of Go is simple in its fundamentals and infinitely complex in the execution of them. It is not what might be called a game of moves, as chess and checkers. Though captured stones may be taken from the board, a stone is never moved to a second position after it has been placed upon one of the three hundred sixty-one points to which play is confined. The object is to build up positions which are invulnerable to enemy attack, meanwhile surrounding and capturing enemy stones.

A moment’s deliberation upon the chart of the completed game should serve to establish that Black controls major territories at the lower left and the upper right of the board, and that White is strong at the lower right. Black controls a lesser area at the upper left and White at the left center.

The upper central regions of the board are delicately divided between the two, and the center and the regions immediately below are neutral. The counting of points is extremely complicated. It is significant that at the end of the match not even the Master himself has the precise count. A very special sort of visual faculty seems required for the final summing up, and, one might say, a sort of kinetic faculty too. Persons who know Go well have been able to give me a reasonably clear account of the 1938 game only by lining the stones up one by one as they were in fact played.

When, in 1954, *The Master of Go* first appeared in book form, it was somewhat longer than the version translated here. The shorter version is Mr. Kawabata's own favorite, for it is the one included in the most recent edition of his "complete works." The portions excised from the 1954 version fall between the end of the match and the Master's death.

I am very greatly in debt to Miss Ibuki Kazuko and Mr. Yanagita Kunio, both of the Chuo Koron Publishing Company in Tokyo. Out of sheer kindness, they were more help in solving the mysteries of the text and the game than a platoon of paid researchers could have been.

E.G.S.

January 1972

A Note About the Translator

Edward George Seidensticker was born in Castle Rock, Colorado, in 1921. He received his B.A. from the University of Colorado, his M.A. from Columbia University, and has done graduate work at Harvard University and Tokyo University. He is currently professor of Japanese at the University of Michigan.

Among the important contemporary Japanese novels Mr. Seidensticker has translated are *The Makioka Sisters* by Junichiro Tanizaki and *Snow Country, Thousand Cranes*, and *The Sound of the Mountain* by Yasunari Kawabata. For his translation of *The Sound of the Mountain* Mr. Seidensticker received the National Book Award.

1 /

Shūsai, Master of Go, twenty-first in the Honnimbō succession, died in Atami, at the Urokoya Inn, on the morning of January 18, 1940. He was sixty-seven years old by the Oriental count.

January 18 is an easy day to remember in Atami. “Remember in years to come the moon of this night of this month,” said Kan’ichi in the famous scene from Kōyō’s melodramatic novel of the nineties, *Demon Gold*, the parting on the beach at Atami. The night to be remembered is January 17, and the Kōyō festival is held in Atami on the anniversary. The Master’s death came the following day.

Literary observances always accompany the festival. In 1940 they were elaborate as never before, honoring not only Kōyō himself but two other writers whose bonds with Atami had been strong, Takayama Chogyū and Tsubouchi Shoyo. And three novelists, Takeda Toshihiko, Osaragi Jiro, and Hayashi Fusao, who had during the year treated of Atami in their writings, were presented with testimonials by the city. Being at the time in Atami, I attended the festival.

On the evening of January 17, the mayor gave a banquet at my inn, the Juraku. I was awakened at dawn by a telephone call informing me of the Master’s death. I went immediately to the Urokoya to pay my final respects. After breakfast, back at my inn, I went with writers and city officials to lay flowers at Shoyo’s grave, and then to the plum orchard, where, in the Bushōan Pavilion, there was another banquet. Slipping out midway through the banquet, I went again to the Urokoya, took pictures of the dead man, and saw the body off to Tokyo.

The Master had come to Atami on the fifteenth, and on the eighteenth he was dead. It was as if he had come to Atami to die. I had visited him on the

sixteenth and played two games of chess¹ with him. He took a sudden turn for the worse that evening, very shortly after I had left him. Those were his last games of the chess of which he was so fond. I did the newspaper accounts of his last championship match at Go, I was his last adversary at chess, and I was the last to take his picture.

I came to know him well when the *Tokyo Nichinichi Shimbun* (now the *Mainichi Shimbun*) invited me to report on that last match. Even for a match sponsored by a newspaper the ceremonies were elaborate, without equal in the years since. The match began in Tokyo on June 26, 1938, at the Kōyōkan Restaurant in Shiba Park, and ended on December 4, in Itō, at the Dankōen Inn. A single game took almost half a year. There were fourteen sessions. My report was serialized in sixty-four installments.² There was, to be sure, a three-month recess, from mid-August to mid-November, because the Master fell seriously ill. It was a critical illness that added much to the pathos. One may say that in the end the match took the Master's life. He never quite recovered, and in upwards of a year he was dead.

To be quite precise, the match ended at 2:42 on the afternoon of December 4, 1938. The last play was Black 237, by the Master's opponent.

Silently, the Master filled in a neutral point.

"It will be five points?" said one of the judges, Onoda of the Sixth Rank, his manner polite and distant. He probably spoke from solicitude for the Master, whom he wished to spare the discomfort of having the board rearranged on the spot,³ and his defeat by five points made quite clear.

"Yes, five points," muttered the Master. Looking up through swollen eyelids, he made no motion toward rearranging the board.

None among the functionaries who crowded the room was able to speak.

"If I hadn't gone into the hospital we would have had it over with at Hakoné." The Master spoke calmly, as if to relieve the heaviness in the air.

He asked how much time he had used in play.

"White—nineteen hours and fifty-seven minutes. Three minutes more, sir, and it would have been exactly half the time you were allowed," said the youth who was keeping the records. "Black used thirty-four hours and nineteen minutes."

High-ranking players are usually given ten hours of play, but for this match an exception was made and the time allotment increased fourfold. Black still had several hours left, but the thirty-four hours he had used were extraordinary all the same, indeed probably unique in all the annals of the game since the imposition of time limits.

It was almost three when the game ended. The maid came with tea. The company sat in silence, all eyes on the Go board.

The Master poured for his opponent, Otaké of the Seventh Rank.

Since offering the proper words of thanks at the end of the game, the young Otaké had sat motionless, head bowed. His hands rested side by side on his knees, his always pale face was blanched.

Roused by the Master, who had begun to put away the white stones, he began putting the black stones in their bowl. The Master stood up and, as on ordinary days, nonchalantly left the room. He had offered no comment on the play. The younger player of course had no comment to make. Matters might have been different had he been the loser.

Back in my room, I looked out the window. With astonishing speed Otaké had changed to a padded kimono and stepped down into the garden. He was sitting on a bench at the far side, all alone, arms tightly folded. His eyes were on the ground. His attitude there in the wide, cold garden, in the approaching twilight of late autumn, suggested deep meditation.

I opened a glass door at the veranda. "Mr. Otaké," I called. "Mr. Otaké."

He turned and glanced up at me, as if in annoyance. Perhaps he was weeping.

I went back into my room. The Master's wife had come in.

"It has been a long time, and you have been very good to us."

I exchanged a few remarks with her, and Otaké had already left the garden. With another quick change, he made the rounds, this time in formal kimono, of the Master's room and the rooms of the various managers and organizers. He came to my room as well.

I went to pay my respects to the Master.

A day after the end of that half-year contest, the managers and the rest were in a rush to be off. It was the day before the test run on the new Itō railway line.

With trains coming through just at the holiday season, the main street was bright with festive decorations. I had been in seclusion at the inn, “sealed in a tin can,” as the process of keeping the game shut off from the world is described. Now, on the bus for home, the decorations bright around me, I felt liberated, as if I had emerged from a dark cave. The raw earth of the roads around the new station, the flimsy houses—the jumble and disorder of the new town spoke to me of all the vital world outside.

As the bus left Itō and set out along the coast road, we passed women with bundles of brushwood on their backs. Some carried white-leafed ferns, decorations for the New Year, in their hands, some had ferns tied to their brushwood. I suddenly wanted to be among people. It was as if I had come over a mountain and caught sight of smoke from a village beyond. I longed for the routines of ordinary life, preparations for the New Year and the like. I felt as if I had fled some morbid, distorted world. The women had gathered their firewood and were on their way home for dinner. The sea shone with a light so dull that one could not guess its source. The color, at the edge of darkness, was of winter.

Even on the bus I thought of the Master. Perhaps my longing for company had to do with my feelings for him.

The last of the people in attendance on the game had withdrawn, and only the aged Master and his wife were left at the Itō inn.

“The invincible Master” had lost his last championship match. One would have thought he would be the first to wish to leave; and to recover

from the strain of having fought both Otaké and illness, the best thing, one would have thought, would have been an immediate change of air. Was the Master perhaps somewhat vague in these matters? Though all the various organizers, and myself as well, reporter on the game, had come to find the place intolerable and had left as if seeking refuge, the defeated Master stayed behind alone. Would he be sitting there absently as always, leaving the gloom and the weariness to the imagination of others, as if to say that he knew nothing about them?

His opponent, Otaké of the Seventh Rank, had been among the first to go. Unlike the childless Master, he had a lively house to go back to.

I believe it was two or three years after the match that I had a letter from his wife in which she said that they now had sixteen people in the house. I wanted to pay a visit. I did call with condolences after his father died and that total of sixteen had been reduced to fifteen. The visit, my first, was rather belated, for it came a full month, I believe, after the funeral. Otaké himself was out, but his wife showed me into the parlor. Her manner suggested that I brought pleasant memories. When we had finished our greetings she stepped to the door.

“Have them all come in, please.”

There was a rush of footsteps and four or five young people came into the parlor. They formed a row, like children being called to attention. Apparently disciples of Otaké’s, they ranged from perhaps eleven or twelve to twenty. Among them was a tall, plump, red-cheeked girl.

“Now be polite,” said Mrs. Otaké, having introduced me.

They bobbed their heads abruptly. I felt the warmth of the household. There was nothing calculated about the scene, the house was one in which such things came quite naturally. When the young people had left the parlor I could hear them chattering noisily through the house. Mrs. Otaké invited

me upstairs, where I had a practice game with one of them. She brought in dish after dish, and in the end my visit was a long one.

That household of sixteen persons included disciples. Among the younger professional players, no one else kept four or five disciples in his house. In that fact was evidence of Otaké's popularity and affluence, of course, but perhaps his strongly domestic inclinations and his great attachment to his own children reached out to embrace these others.

"Sealed in a tin can" during that last match, Otaké would call his wife immediately at the end of a session.

"Today the Master was good enough to play until ...," and he would give her the number of the last play.

He reported only so much, offering nothing that might hint at the progress of the match. I would hear him make his report and think how much I liked him.

On the day of the opening ceremony at the Kōyōkan, Black made a single play and White a single play; and the next day took them only up to White 12. The match was then moved to Hakoné. The Master and the various managers and attendants set out together. Real play not having begun, signs of discord still lay in the future. On the evening of our arrival at the Taiseikan in Dogashima, the Master relaxed with his usual aperitif, something less than a flagon of saké, and talked of this and that with richly expressive gestures; and so the evening passed.

The large table in the parlor to which we had first been shown seemed to be of Tsugaru lacquer. The talk turned to lacquer, of which the Master had this to say:

“I don’t remember when it was, but I once saw a Go board of lacquer. It wasn’t just lacquer-coated, it was dry lacquer to the core. A lacquer man in Aomori made it for his own amusement. He took twenty-five years to do it, he said. I imagine it *would* take that long, waiting for the lacquer to dry and then putting on a new coat. The bowls and boxes were solid lacquer too. He showed the set at an exhibition and asked five thousand, and when it didn’t sell he came to the Go Association and asked them to sell it for three thousand. But I don’t know. It was too heavy. Heavier than I am. It must have weighed close to a hundred and twenty pounds.” And, looking at Otaké: “You’ve put on weight.”

“Over a hundred and thirty.”

“Oh? Exactly twice what I am. And you’re less than half my age.”

“I’ve turned thirty, sir. Thirty is a bad age. In the days when you were good enough to give me lessons I was thinner.” His thoughts turned to his

boyhood. “I was sick a great deal in those days. Your lady was very kind to me.”

From talk of the hot springs of Shinshū, Mrs. Otaké’s home, the conversation moved to domestic matters. Otaké had married at twenty-three, when he had reached the Fifth Rank. He had three children and kept three disciples in his house, which thus contained ten persons.

His oldest, a girl of six, had learned the game from watching him.

“I gave her a nine-stone handicap the other day. I’ve kept a chart of the game.”

“Very remarkable,” the Master too had to admit.

“And my second, the four-year-old, knows all about putting stones in check. I suppose we can’t tell yet whether they have talent, but there might be possibilities.”

The others seemed uncomfortable.

Apparently Otaké, one of the eminences of the Go world, was thinking seriously that if his two daughters, six and four, showed promise, he would make them professionals like himself. It is said that talent in Go appears at about ten, and that if a child does not begin his studies by that age there is no hope for him. Yet Otaké’s words struck me as odd. Did they tell, perhaps, of youth, of a thirty-year-old who was a captive of Go but had not yet been bled by it? His household must be a happy one, I thought.

The Master spoke of his own house. It stood on something under a quarter of an acre in Setagaya, but since the house itself covered almost a third of the land, the garden was somewhat cramped. He would like to sell and move to a house with even slightly more spacious grounds. For the Master, family meant himself and his wife, who was here beside him. He no longer kept disciples in his house.

When the Master was released from St. Luke's, the match, recessed for three months, was resumed at the Dankōen in Itō. On the first day there were only five plays, from Black 101 to Black 105. A dispute arose over scheduling the next session. Otaké rejected the modified rules the Master proposed for reasons of health, and said that he would forfeit the game. The dispute was more stubbornly complicated than a similar disagreement had been at Hakoné.

Tense days followed one another as the contestants and managers remained "sealed in" at the Dankōen. One day the Master drove to Kawana for a change of air. It was most remarkable for a man who hated such excursions to venture forth on his own. I went with him, as did Murashima of the Fifth Rank, who was one of his disciples, and the young girl, herself a professional Go player, who was keeping the records.

But it seemed wrong that, having arrived at the Kawana Hotel, the Master had nothing to do except sit in the vast Western-style lounge and drink orange pekoe.

Glass-enclosed, the semicircular lounge thrust forward into the garden. It was like an observatory or a sun room. To the left and right of the broad lawn were golf courses, the Fuji course and the Oshima course. Beyond the lawn and the golf courses was the sea.

I had long been fond of the bright, open view from Kawana. I had thought I would show it to the gloomy old man, and I watched to see his reaction. He sat in silence, as if not even aware of the view before him. He did not look at the other guests. There was no change in his expression and he had nothing to say about the scenery or about the hotel; and so, as

always, his wife was his spokesman and prompter. She praised the scene and invited him to agree. He neither nodded assent nor offered objection.

Wanting him to be in the bright sunlight, I invited him into the garden.

“Yes, do let’s go out,” said his wife. “You won’t have to worry about getting a chill, and it’s sure to make you feel better.”

She was helping me. The Master did not seem to find the request an imposition.

It was one of those warm late-autumn days when the island of Oshima lies in a mist. Kites skimmed and dipped over the warm, calm sea. At the far edge of the lawn was a row of pines, framing the sea in green. Several pairs of newlyweds were standing along the line between the grass and the sea. Perhaps because of the brightness and expansiveness of the scene, they seemed unusually self-possessed for newlyweds. From afar, against the pines and the sea, the kimonos seemed fresher and brighter, I thought, than they would have from near at hand. People who came to Kawana belonged to the affluent classes.

“Newlyweds, all of them, I suppose,” I said to the Master, feeling an envy that approached resentment.

“They must be bored,” he muttered.

Long after, I remembered the expressionless voice.

I would have liked to stroll on the lawn, to sit on it; but the Master stood fixed to one spot, and I could only stand there beside him.

We had the car return by way of Lake Ippeki. The little lake was surprisingly beautiful, deep and quiet in the afternoon sun of late autumn. The Master too got out and briefly gazed at it.

Pleased with the brightness of the Kawana Hotel, I took Otaké there the next morning. I was being fatherly. I hoped the place might do a little toward untying the emotional knots. I invited Yawata, the secretary of the

Go Association, and Sunada of the *Nichinichi Shim bun* to go with us. For lunch we had sukiyaki in a rustic cottage on the hotel grounds. We stayed until evening. I was well acquainted with the place, having gone there by myself and with a group of dancers as well as at the invitation of Okura Kishichirō, the founder of the Okura enterprises. The dispute continued after our return from Kawana. Even bystanders like myself felt constrained to mediate. The match was finally resumed on November 25.

The Master had a large oval brazier of paulownia beside him and an oblong brazier behind him, on which he kept water boiling. At the urging of Otaké, he wrapped himself in a muffler, and as further protection against the cold he had on a sort of over-cloak, which seemed to be of blanket cloth with a knitted lining. In his room he was never without it. He had a slight fever this morning, he said.

“And what is your normal temperature, sir?” asked Otaké as he sat down at the board.

“It runs between ninety-six and ninety-seven,” said the Master quietly, as if savoring the words. “It never goes as high as ninety-seven.”

On another occasion, asked his height, he said: “I was just under five feet when I had my draft examination. Then I grew a half inch and was over five feet. You lose height as you get older, and now it’s exactly five feet.”

“He has a body like an undernourished child,” said the doctor when the Master fell ill at Hakoné. “There’s no flesh at all on his calves. You wonder how he manages to carry himself. I can’t prescribe medicine in ordinary doses. I have to give him what a thirteen- or fourteen-year-old might take.”

That the Master seemed to grow larger when he seated himself before the Go board had to do of course with the power and prestige of his art, the rewards of long training and discipline; but his trunk was disproportionately long. He also had a large, longish face, on which the individual features were bold. The strong jaw was especially conspicuous. These various characteristics were apparent in the pictures I took of the dead face.

I was most apprehensive through the days when they were being developed. I always had my developing and printing done at the Nonomiya studio in Kudan. When I delivered the film I described the circumstances, and asked that the film be treated with particular care.

After the Kōyō Festival I returned home for a time and then went again to Atami. I gave my wife strict instructions that if the pictures of the dead face were received in Kamakura she was to send them immediately to the Juraku in Atami, and that she was neither to look at them herself nor to let anyone else see them. I thought that if my amateur photographs showed the Master to disadvantage I would not wish to do injury to his memory by having people see them or even hear of them. I thought that if they turned out badly I would burn them without showing them to the Master's widow or disciples. It was not at all unlikely that I had failed, since the shutter of my camera was defective.

I had come at a telephone summons from my wife when, with other participants in the Kōyō Festival, I was having a lunch of turkey sukiyaki in the plum orchard. She told me that the widow wanted me to take pictures of the dead man. After my visit that morning, it had occurred to me that, if the widow wanted photographs or a death mask, I myself might take

responsibility for the former, and I had told my wife, who called later with condolences, to pass the message on. The widow had replied that she did not want a death mask, but would appreciate photographs.

But when the time came I quite lost confidence. It was a heavy duty I had taken upon myself. And the shutter of my camera had a way of catching, and the chances of failure seemed great. Remembering that a photographer had been brought from Tokyo to cover the festival, I asked him to photograph the dead Master. The widow and the others might object if I were suddenly to introduce a photographer who had been nothing to the Master, but it was certain that the pictures would be better than any I myself might take. Objections came instead from the organizers of the festival: they had brought the man for the festival, and it would be a great inconvenience to have him dispatched elsewhere. They were of course right. My feelings about the Master had been mine alone, and I was unconsciously at odds with the other participants in the festival. I asked the photographer to look at my camera. He said that I should open it to voluntary timing and use my hand as a shutter. He changed the film for me. I went to the Urokoya in a cab.

The night doors were closed in the room where the Master had been laid, and the light was on. The widow and her younger brother went in with me.

“Is it too dark?” asked the brother. “Shall we open the doors?”

I took perhaps ten pictures. I was careful that the shutter did not catch, and I tried the technique of using my hand as a shutter. I would have liked to take pictures from all sides and angles, but out of respect for the dead man I could not bring myself to wander through the room. I took all my pictures from a single kneeling position.

Presently they came from my house in Kamakura. My wife had written on the back of the envelope: “These have just come from the Nonomiya. I have not opened them. You are to be at the shrine office by five on the fourth.” The last message had to do with the spring rites at the Hachiman

Shrine in Kamakura. Kamakura writers born under the sign of the zodiac under which this year fell were to perform the exorcism.⁴

I opened the envelope, and immediately was the captive of the dead face. The pictures were a success. They were of a man asleep, and at the same time they had the quiet of death about them.

I had knelt at the side of the dead Master, who lay on his back, and so I was looking up at him from an angle. The absence of a pillow was the mark of death, and the face was tilted ever so slightly upward, so the strong jaw and the large mouth, just perceptibly open, stood out even more prominently. The powerful nose seemed almost oppressively large. There was profound sorrow in the wrinkles at the closed eyes and the heavily shaded forehead.

The light through the half-opened night doors came from the feet, and the light from the ceiling struck the lower part of the face; and, since the head tilted slightly backward, the forehead was in shadow. The light struck from the jaw over the cheeks, and thence toward the rise of the eyebrows and hollow eyes to the bridge of the nose. Looking more closely, I saw that the lower lip was in shadow and the upper lighted, and between them, in the deep shadow of the mouth, a single upper tooth could be seen. White hairs stood out in the short mustache. There were two large moles on the right cheek, the farther from the camera. I had caught their shadows, and the shadows too of the veins at the temples and forehead. Horizontal wrinkles crossed the forehead. Only a single tuft of the short-cropped hair above caught the light. The Master had stiff, coarse hair.

The two large moles were on the right cheek, and the right eyebrow was extraordinarily long. The far end drew an arc over the eyelid, and reached even to the line of the closed eye. Why should the camera have made it seem so long? The eyebrow and the two moles seemed to add a gently pleasing melancholy to the dead face.

The long eyebrow brought twinges of sorrow. This was the reason.

When my wife and I visited the Urokoya on January 16, two days before the Master's death, his wife said: "Yes. We were going to mention it as soon as these good people came. Do you remember? We were going to mention your eyebrow." She cast a prompting glance at the Master, then turned to us. "I am sure it was on the twelfth. Rather a warm day, I believe. We thought it would be right for the trip to Atami if he were to have a good shave, and so we called a barber we've known for years. My husband went out into the sunlight on the veranda for his shave. He seemed to remember something. He said to the barber that he had one very long hair in his left eyebrow. It was a sign of long life, he said, and the barber was not to touch it. The barber stopped work and said yes, there it was, this one right here. A hair of good luck, a sign of long life. He would indeed be careful. My husband turned to me and said that Mr. Uragami had written about the hair in his newspaper articles. Mr. Uragami had a remarkable eye for details, he said. He had not noticed it himself until he read about it in the paper. He was overcome with admiration."

Though the Master was silent as always, a flicker crossed his face as if it had caught the shadow of a passing bird. I was uncomfortable.

But I did not dream that the Master would be dead two days after the story of the mark of longevity he had asked the barber to spare.

It was a trifling matter, that I should have noticed the hair and written about it; but I had noticed it at a difficult moment, and it had come as a sort of rescue. I had written thus of the day's session at Hakoné:⁵

The Master's wife is staying at the inn, ministering to her aged husband. Mrs. Otaké, mother of three children, the oldest of them six, commutes between Hiratsuka and Hakoné. The strain on the two wives is painfully apparent to the onlooker. On August 10, for instance, during the play at Hakoné, when the Master was desperately ill, the faces of the two women seemed drained of blood, their expressions were tense and drawn.

The Master's wife had not been at the Master's side during play; but today she sat gazing intently from the next room. She was not watching the play. She was watching the ailing player, and she did not take her eyes from him all through the session.

Mrs. Otaké has never come into the room during play. Today she was in the hall, now standing still, now walking up and down. Finally, the suspense too much for her, it seemed, she went into the managers' office.

“Otaké is still thinking about his next play?”

“Yes. It's a difficult moment.”

“It's never easy to concentrate, but it would be easier if he had slept last night.”

Otaké had worried the whole night through about whether to continue the game with the ailing Master. He had not slept at all, and had come sleepless to the session that morning. It was Black's turn at half past twelve, the hour specified for breaking off the session, and after almost an hour and a half Otaké still had not decided upon his sealed play. There was no question of lunch. Mrs. Otaké of course found it difficult to sit quietly in her room. She too had passed a sleepless night.

The only one who slept was Mr. Otaké, Junior. He is a splendid young man now in his eighth month, so splendid that if someone were to inquire of me about the nature and the spirit of Mr. Otaké, Senior, I would want to show him the child, a veritable embodiment of that spirit. It has been one of those days when a person finds it impossible to face an adult, and for me this little Momotaro has been a savior.

Today I discovered for the first time a white hair about an inch long in the Master's eyebrow. Standing out from the swollen-eyed, heavy-veined face, it too somehow came as a savior.

From the veranda outside the players' room, which was ruled by a sort of diabolic tension, I glanced out into the garden, beaten down by the powerful summer sun, and saw a girl of the modern sort insouciantly feeding the carp. I felt as if I were looking at some freak. I could scarcely believe that we belonged to the same world.

The faces of both the Master's wife and Mrs. Otaké were drawn and pale and wasted. As always, the Master's wife left the room when play began, but almost immediately she was back again, and she sat gazing at the Master from the next room. Onoda of the Sixth Rank was there too, his eyes closed and his head bowed. The face of the writer Muramatsu Shofu, who had been among the observers, wore a pitying expression. Even the talkative Otaké was silent. He seemed unable to look up at the Master's face.

The sealed play, White 90, was opened. Inclining his head to the left and to the right, the Master played White 92, cutting the diagonal black stones. White 94 was played after a long period of meditation, an hour and nine minutes. Now closing his eyes, now looking aside, occasionally bowing as if to control a spell of nausea, the Master seemed in great distress. His figure was without the usual grandeur. Perhaps because I was watching against the light, the outlines of his face seemed blurred, ghostlike. The room was quiet, but with a different quietness. The stones striking the

board—Black 95, White 96, Black 97—had an unearthly quality about them, as of echoing in a chasm.

The Master deliberated for more than half an hour before playing White 98. His eyes blinking, his mouth slightly open, he fanned himself as if fanning up the embers in the deepest reaches of his being. Was such grim concentration necessary, I wondered.

Yasunaga of the Fourth Rank came in. Just inside the room, he knelt down to make his formal greetings. His bow was solemnly respectful and diffident. Neither contestant noticed. Each time one or the other seemed about to look his way, Yasunaga repeated the bow. There was nothing else for him to do. Demonic forces seemed lost in horrid battle.

Immediately after White 98 the youth who was keeping records announced that a minute of play remained. Then it was twelve thirty, time for the sealed play.

“If you are tired, sir,” said Onoda to the Master, “suppose you leave.”

“Yes, do, please, sir, if you feel like it,” said Otaké, back from the lavatory. “I’ll think for a while by myself here, and seal my play. I promise not to ask for advice.” For the first time there was laughter.

They spoke out of concern for the Master, whom it seemed inhuman to keep longer at the board. There was no real need for him to be there, since Otaké’s Black 99 would be a sealed play. His head cocked to one side, the Master deliberated whether to stay or to go.

“I’ll stay just a little longer.” But immediately he went to the lavatory, and then he was joking with Muramatsu Shofu in the anteroom. He was surprisingly lively when away from the board.

Left to himself, Otaké gazed at the White pattern in the lower left corner as if he wanted to sink his fangs into it. An hour and thirteen minutes later,

at well past one, he made his sealed play, Black 99, a “peep”⁶ at the dead center of the board.

In the morning the managers had gone to ask the Master whether he wanted to play in an outbuilding or on the second floor of the main building.

“I can’t walk any more,” was his answer, “and I’d prefer the main building. But Mr. Otaké said the waterfall bothered him. Suppose you ask him. I’ll do as he wishes.”

I had written of the long white hair in the left eyebrow. In my pictures of the dead face, however, the right eyebrow was the thicker. It hardly seemed likely that the right eyebrow had suddenly begun to grow after his death. And had he really had such long eyebrows? One might have concluded that the camera was exaggerating, but probably it had told the truth.

I need not have been so apprehensive. My Contax had a Sonner 1.5 lens. It had performed quite on its own, without promptings from me. For a lens there was neither living nor dead, there was neither man nor object, not sentimentality or reverence. I had made no great mistake with my Sonner 1.5, and that, I suppose, was that. The face was dead, and the richness and softness were perhaps the work of the lens.

I was struck by a certain intensity of feeling in the pictures. Was it in the dead face itself? The face was rich in feeling, yet the dead man himself had none. It seemed to me that the pictures were neither of life nor of death. The face was alive but sleeping. One might in another sense see them as pictures of a dead face and yet feel in them something neither living nor dead. Was it that the face came through as the living face? Was it that the face called up so many memories of the living man? Or was it that I had before me not the living face but photographs? I thought it strange too that in pictures I could see the dead face more clearly and minutely than when I had had it before me. The pictures were like a symbol of something hidden, something that must not be looked upon.

Afterwards I regretted having taken the pictures. It had been heedless of me. Dead faces should not leave behind photographs. Yet it was a fact that the Master's remarkable life came to me in the pictures.

No one could have described the Master's face as handsome or noble. It was indeed a common sort of face, with no single feature of great merit. The ears, for instance—the lobes were as if they had been smashed. The mouth was large, the eyes were small. Through long years of discipline in his art, the Master seated at the Go board had the power to quiet his surroundings, and that same force of spirit was in my pictures too. There was a deep sadness in the lines of the closed eyelids, as of one grieving in sleep.

And I looked at the body. The head of a doll, and the head only, seemed to protrude from the honeycomb pattern of the rough-woven kimono. Because the body had been dressed in an Oshima kimono after the Master's death, there was a bunching at the shoulders. Yet one had from it the feeling one had of the Master in life, as if from the waist he dwindled away to nothing. The Master's legs and hips: as the doctor had said at Hakoné, they seemed scarcely enough to bear his weight. Taken from the Urokoya, the body had seemed quite weightless save for the head. During that last match I had noticed the thinness of the seated Master's knees and in my pictures too there seemed to be only a head, almost gruesome, somehow, as if severed. There was something unreal about the pictures, which may have come from the face, the ultimate in tragedy, of a man so disciplined in an art that he had lost the better part of reality. Perhaps I had photographed the face of a man meant from the outset for martyrdom to art. It was as if the life of Shūsai, Master of Go, had ended as his art had ended, with that last match.

I doubt that there were precedents for the ceremonies that opened the Master's last game. Black made a single play and White a single play, followed by a banquet.

On June 26, 1938, there was a lull in the early-summer rains, and bland summer clouds were in the sky. The foliage in the garden of the Kōyōkan had been washed clean by the rains. Strong sunlight shimmered on a scattering of bamboo leaves.

Seated before the alcove in the downstairs parlor were Honnimbō Shūsai, Master of Go, and his challenger, Otaké of the Seventh Rank. All told, four masters were in the assembly: on Shūsai's left, Sekiné, thirteenth in the line of Grand Masters of Chess, as well as Kimura, Master of Chess, and Takagi, Master of Renju,² all brought together for this the commencement of the Master's last match by the sponsoring newspaper. I myself, special reporter for the newspaper, was beside Takagi. To the right of Otaké were the editor and directors of the newspaper, the secretary and directors of the Japan Go Association, three venerable Go champions of the Seventh Rank, Onoda of the Sixth Rank, who was one of the judges, and various disciples of the Master.

Looking over the assembly, all in formal Japanese dress, the editor made some preliminary remarks. Suspense gripped the room as the Go board was readied at the center. The Master's little idiosyncrasies as he faced the Go board were once more apparent, especially in the droop of the right shoulder. And the thinness of those knees! The fan seemed huge. Eyes closed, Otaké nodded and inclined his head from side to side.

The Master got up. A folded fan in his hand, he suggested a warrior readying his dirk. He seated himself at the board. The fingers of his left

hand in the overskirt of his kimono, his right hand lightly clenched, he raised his head and looked straight before him. Otaké seated himself opposite. After bowing to the Master he took the bowl of black stones from the board and placed them at his right. He bowed again and, motionless, closed his eyes.

“Suppose we begin,” said the Master.

His voice was low but intense, as if he were telling Otaké to be quick about it. Was he objecting to the somewhat histrionic quality of Otaké’s behavior, was he eager to do battle? Otaké opened his eyes and closed them again. During the sessions at Itō he read the *Lotus Sutra* on mornings of play, and he now seemed to be bringing himself to order through silent meditation. Then, quickly, there came a rap of stone on board. It was twenty minutes before noon.

Would it be a new opening or an old, a “star” or a *komoku*?⁸ The world was asking whether Otaké would mount a new offensive or an old. Otaké’s play was conservative, at R-16, in the upper right-hand corner; and so one of the mysteries was solved.

His hands on his knees, the Master gazed at the opening *komoku*. Under the gaudy camera lights his mouth was so tightly closed that his lips protruded, and the rest of us seemed to have left his world. This was the third match I had seen the Master play; and always, when he sat before the Go board, he seemed to exude a quiet fragrance that cooled and cleaned the air around him.

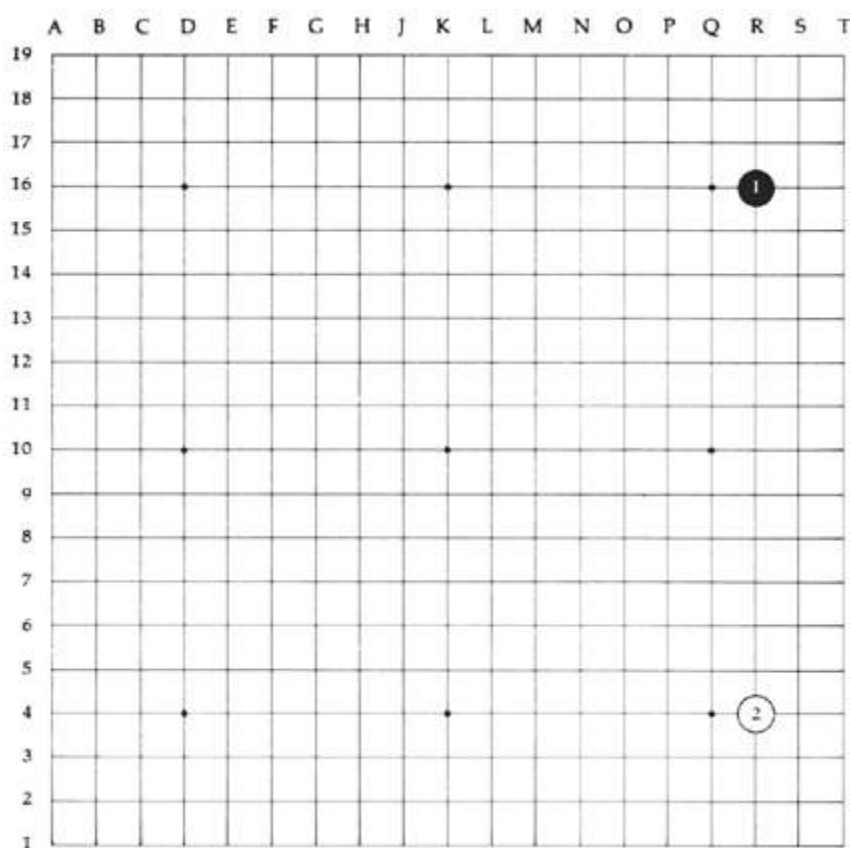
After five minutes he seemed about to play, having forgotten that his play was to be sealed.

“I believe we have arranged, sir, that your play should be a sealed one,” said Otaké. “But I suppose you don’t feel that you have played at all unless you have played on the board.”

The Master was led to the next room by the secretary of the Go Association. Closing the door, he noted down his opening play, White 2, on the chart, which he put in an envelope. A sealed play is invalid if anyone besides the player himself sees it.

“We don’t seem to have any water,” he said, back at the board. Wetting two fingers with his tongue, he sealed the envelope and signed his name across the seal. Otaké signed below. The envelope was put in a larger envelope, to which one of the managers affixed his seal, and which was then locked in the safe of the Kōyōkan.

The opening ceremonies were over.



Wishing to have pictures taken with which to introduce the match abroad, Kimura Ihei had the players go back to their places. The assembly relaxed, and the venerable gentlemen of the Seventh Rank gathered to admire the board and the stones. There were many estimates as to the thickness of the white stones, perhaps a quarter of an inch, perhaps a fifth.

“They are the best you will find anywhere,” said Kimura, Master of Chess. “Perhaps I might be allowed to touch one or two.” He took up a handful.

Go boards can be of great value, and several players had brought boards of which they were proud, as if asking permission to make at least one play in this grandest of matches.

The banquet began after a recess.

Kimura, Master of Chess, was thirty-four, Sekiné, thirteenth Grand Master of Chess, was seventy-one, and Takagi, Master of Renju, was fifty-one, all by the Oriental count.

Born in 1874, the Master had celebrated his sixty-fourth birthday a few days before with a modest private gathering appropriate to a time of national crisis.

“I wonder which of us is older, the Kōyōkan or I,” he remarked before the second session.

He reminisced upon the fact that such Meiji Go players as Murase Shuho of the Eighth Rank and Shuei, Master in the Honnimbō line to which he himself belonged, had played in this Kōyōkan.

The second session was held in an upstairs room which had the mellow look of Meiji about it. The decorations were in keeping with the name Kōyōkan, “House of the Autumn Leaves.” The sliding doors and the openwork panels above were decorated with maple leaves, and the screen off in a corner was bright with maple leaves painted in the Korin fashion. The arrangement in the alcove was of evergreen leaves and dahlias. The doors of this eighteen-mat room had been opened to the fifteen-mat room next door, so that the somewhat exaggerated arrangement did not seem out of place. The dahlias were slightly wilted. No one entered or left the room save a maid with flowered bodkins in a childlike Japanese coiffure who occasionally came to pour tea. The Master’s fan, reflected in a black lacquer tray on which she had brought ice water, was utterly quiet. I was the only reporter present.

Otaké of the Seventh Rank was wearing an unlined black kimono of glossy *habutaé* silk and a crested gossamer-net cloak. Somewhat less formal today, the Master wore a cloak with embroidered crests. The first day’s board had been replaced.

The two opening plays had been ceremonial, and serious play began today. As he deliberated Black 3, Otaké fanned himself and folded his hands behind him, and put the fan on his knee like an added support for the hand on which he now rested his chin. And as he deliberated—see—the Master’s breathing was quicker, his shoulders were heaving. Yet there was nothing to suggest disorder. The waves that passed through his shoulders were quite regular. They were to me like a concentration of violence, or the doings of some mysterious power that had taken possession of the Master. The effect was the stronger for the fact that the Master himself seemed unaware of what was happening. Immediately the violence passed. The Master was quiet again. His breathing was normal, though one could not have said at what moment the quiet had come. I wondered if this marked the point of departure, the crossing of the line, for the spirit facing battle. I wondered if I was witness to the workings of the Master’s soul as, all unconsciously, it received its inspiration, was host to the afflatus. Or was I watching a passage to enlightenment as the soul threw off all sense of identity and the fires of combat were quenched? Was it what had made “the invincible Master”?

At the beginning of the session Otaké had offered formal greetings, after which he had said: “I hope you won’t mind, sir, if I have to get up from time to time.”

“I have the same trouble myself,” said the Master. “I have to get up two and three times every night.”

It was odd that, despite this apparent understanding, the Master seemed to sense none of the nervous tension in Otaké.

When I am at work myself, I drink tea incessantly and am forever having to leave my desk, and sometimes I have nervous indigestion as well. Otaké’s trouble was more extreme. He was unique among competitors at the grand spring and autumn tournaments. He would drink enormously from the large pot he kept at his side. Wu⁹ of the Sixth Rank, who was at

the time one of his more interesting adversaries, also suffered at the Go board from nervous enuresis. I have seen him get up ten times and more in the course of four or five hours of play. Though he did not have Otaké's addiction to tea, there would all the same (and one marveled at the fact) come sounds from the urinal each time he left the board. With Otaké the difficulty did not stop at enuresis. One noted with curiosity that he would leave his overskirt behind him in the hallway and his obi as well.

After six minutes of thought he played Black 3; and immediately he said, "Excuse me, please," and got up. He got up again when he had played Black 5.

The Master had quietly lighted a cigarette from the package in his kimono sleeve.

While deliberating Black 5, Otaké put his hands inside his kimono, and folded his arms, and brought his hands down beside his knees, and brushed an invisible speck of dust from the board, and turned one of the Master's white stones right side up. If the white stones had face and obverse, then the face must be the inner, stripeless side of the clamshell; but few paid attention to such details. The Master would indifferently play his stones with either side up, and Otaké would now and again turn one over.

"The Master is so quiet," Otaké once said, half jokingly. "The quiet is always tripping me up. I prefer noise. All this quietness wears me down."

Otaké was much given to jesting when he was at the board; but since the Master offered no sign that he even noticed, the effect was somewhat blunted. In a match with the Master, Otaké was unwontedly meek.

Perhaps the dignity with which the real professional faces the board comes with middle age, perhaps the young have no use for it. In any case, younger players indulge all manner of odd quirks. To me the strangest was a young player of the Fourth Rank who, at the grand tournament, would open a literary magazine on his knee and read a story while waiting for his

adversary to play. When the play had been made, he would look up, deliberate his own play, and, having played, turn nonchalantly to the magazine again. He seemed to be deriding his adversary, and one would not have been surprised had the latter taken umbrage. I heard one day that the young player had shortly afterwards gone insane. Perhaps, given the precarious state of his nerves, he could not tolerate those periods of deliberation.

I have heard that Otaké of the Seventh Rank and Wu of the Sixth once went to a clairvoyant and asked for advice on how to win. The proper method, said the man, was to lose all awareness of self while awaiting an adversary's play. Some years after this retirement match, and shortly before his own death, Onoda of the Sixth Rank, one of the judges at the retirement match, had a perfect record at the grand tournament and gave evidence of remarkable resources left over. His manner at play was equally remarkable. While awaiting a play he would sit quietly with his eyes closed. He explained that he was ridding himself of the desire to win. Shortly after the tournament he went into a hospital, and he died without knowing that he had had stomach cancer. Kubomatsu of the Sixth Rank, who had been one of Otaké's boyhood teachers, also put together an unusual string of victories in the last tournament before his death.

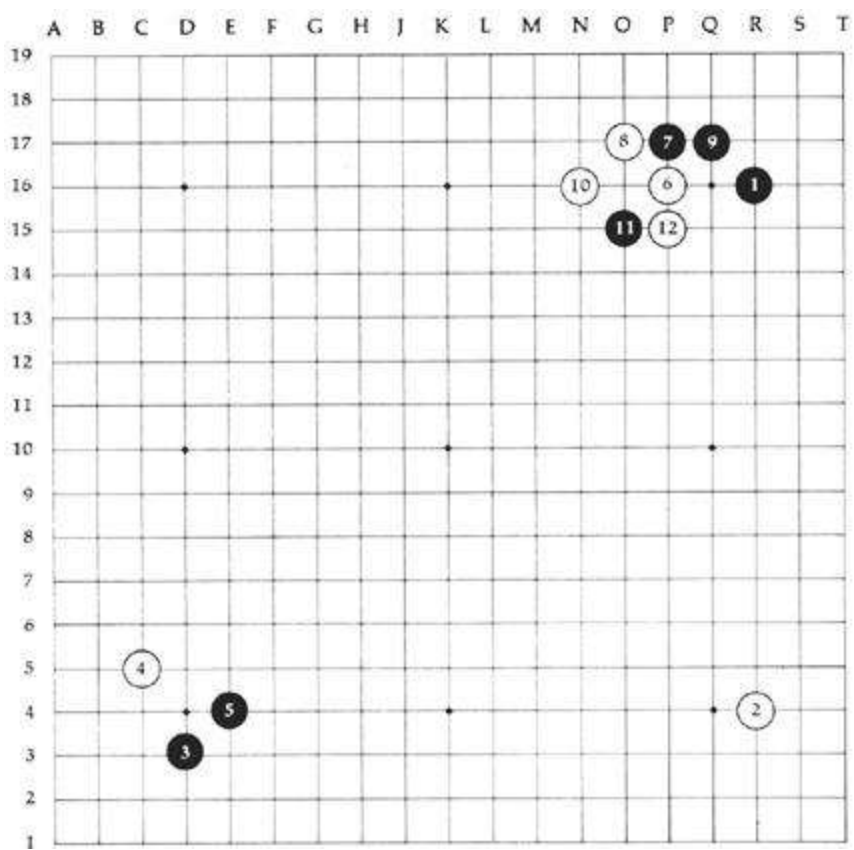
Seated at the board, the Master and Otaké presented a complete contrast, quiet against constant motion, nervelessness against nervous tension. Once he had sunk himself into a session, the Master did not leave the board. A player can often read a great deal into his adversary's manner and expression; but it is said that among professional players the Master alone could read nothing. Yet for all the outward tension, Otaké's game was far from nervous. It was a powerful, concentrated game. Given to long deliberation, he habitually ran out of time. As the deadline approached he would ask the recorder to read off the seconds, and in the final minute make a hundred plays and a hundred fifty plays, with a surging violence such as to unnerve his opponent.

Otaké's way of sitting down and getting up again was as if readying himself for battle. It was probably for him what the quickened breathing was for the Master. Yet the heaving of those thin, hunched shoulders was what struck me most forcefully. I felt as if I were the uninvited witness to the secret advent of inspiration, painless, calm, unknown to the Master and not perceived by others.

But afterwards it seemed to me that I had rather outdone myself. Perhaps the Master had but felt a twinge of pain in his chest. His heart condition was worse as the match progressed, and perhaps he had felt the first spasm at that moment. Not knowing of the heart ailment, I had reacted as I had, probably, out of respect for the Master. I should have been more coolly rational. But the Master himself seemed unaware of his illness and of the heavy breathing. No sign of pain or disquiet came over his face, nor did he press a hand to his chest.

Otaké's Black 5 took twenty minutes, and the Master used forty-one minutes for White 6, the first considerable period of deliberation in the match. Since it had been arranged that the player whose turn came at four in the afternoon would seal his play, the sealed play would be the Master's unless he played within two minutes. Otaké's Black 11 had come at two minutes before the hour. The Master sealed his White 12 at twenty-two minutes after the hour.

The skies, clear in the morning, had clouded over. The storm that was to bring floods in both the east and the west of Japan was on its way.^{[10](#)}



The second session at the Kōyōkan was to have begun at ten. Because of a misunderstanding it was delayed until two. I was an onlooker, outside it all; but the consternation of the managers was quite apparent. Virtually the whole of the Association had rushed to the scene, I gathered, and was meeting in another room.

I had arrived just as Otaké was arriving, a large suitcase in his hand.

“Why the luggage?” I asked.

“Yes,” he replied, in the abrupt manner that was his before a session. “We leave for Hakoné today. To be sealed in for the rest of the match.”

I had been told that the contestants would go directly from the Kōyōkan to a Hakoné inn. Yet the proportions of Otaké’s baggage rather startled me.

The Master had made no arrangements for the move.

“Oh was *that* the idea?” he said. “In that case I should call a barber.”

This was a bit deflating for Otaké, who had come all prepared to be away from home till the end of the match, in perhaps three months’ time. And the Master was in violation of contract. Otaké’s annoyance was not soothed by the fact that no one seemed quite sure how clearly the terms had been communicated to the Master. They should have been solemn and inviolable, and that they were broken so soon naturally left Otaké uneasy about the later course of the match. The managers had erred in not explaining them to the Master and explaining them again. No one was prepared to challenge him, however. He was in a class apart, and so the obvious solution was to cajole the young Otaké into continuing play at the Kōyōkan. Otaké proved rather stubborn.

If the Master did not know of the move to Hakoné today, well, that was that. There was a gathering in another room, there were nervous footsteps in the corridors, Otaké disappeared for a long interval. Having nothing better to do, I waited beside the Go board. Soon after what would ordinarily have been lunch time, a compromise was reached: today's session would be from two to four, and with two days' rest the party would go to Hakoné.

"We can't really get started in two hours," said the Master. "Let's wait till we get to Hakoné and have a decent session.'

It was a point, but he could not be allowed to have his way. Just such remarks had been responsible for the discord that morning. The spirit of the game should have precluded arbitrary changes in the schedule. The game of Go tended to be controlled these days by inflexible rules. Elaborate conditions had been set for the Master's last game, to keep his old-fashioned willfulness under control, to deny him a special status, to ensure complete equality.

The system of "sealing the players in cans" was operative and must be followed through to the end. It was proper that the players go directly from the Kōyōkan to Hakoné. The system meant that they might not leave the appointed site or, lest they receive advice, meet other players until the end of the game. It might be said therefore to guard the sanctity of the contest. It could as well be said to deny human dignity, and yet, in the balance, the integrity and probity of the players were no doubt served. In a match expected to last three months, the sessions to take place at five-day intervals, such precautions seemed doubly necessary. Whatever the wishes of the players themselves, the danger of outside interference was real, and once doubts arose there would be no end to them. The world of Go did of course have its conscience and its ethics, and the likelihood seemed small that there would be talk of a game lasting through multiple sessions, least of all to the players themselves; but again, once an exception was made there would be no end to exceptions.

In the last decade or so of the Master's life he played only three title matches. In all three he fell ill midway through the match. He was bedridden after the first, and after the third he died. All three were eventually finished, but because of recesses the first took two months, the second four, and the third, announced as his last, nearly six months.

The second was held in 1930, five years before the last.¹¹ Wu of the Fifth Rank was the challenger. The two sides were in delicate balance as the match came into its middle stages, and at about White 150 the Master seemed in a shade the weaker position. Then, at White 160, he made a most extraordinary play, and his second victory was assured. It was rumored that the play was in fact conceived by Maeda of the Sixth Rank, one of the Master's disciples. Even now the truth is in doubt. Maeda himself has denied the allegation. The game lasted four months, and no doubt the Master's disciples studied it with great care. White 160 may indeed have been invented by one of them, and perhaps, since it was a remarkable invention, someone did pass it on to the Master. Perhaps, again, the play was the Master's own. Only the Master and his disciples know the truth.

The first of the three matches, in 1926, was actually between the Association and a rival group, the Kiseisha, and the generals of the two forces, the Master and Karigané of the Seventh Rank, were in single combat; and there can be little doubt that during the two months it lasted the rival forces put a great deal of study into it. One cannot be sure all the same that they gave advice to their respective leaders. I rather doubt that they did. The Master was not one to ask advice, nor was he an easy man to approach with advice. The solemnity of his art was such as to reduce one to silence.

And even during this his last match there were rumors. Was the recess, ostensibly because of his illness, in fact a stratagem on his part? To me, watching the game through to the end, such allegations were impossible to believe.

It astonished the managers, and myself as well, that Otaké deliberated his first move at Itō, when the game was resumed after a three-month recess, for two hundred and eleven minutes—a full three hours and a half. He began his deliberations at ten thirty in the morning, and with a noon recess of an hour and a half, finally played when the autumn sun was sinking and an electric light hung over the board.

It was at twenty minutes before three that he finally played Black 101.

He looked up laughing. “See what an idiot I am. It shouldn’t have taken me a minute to make the jump. Three and a half hours deciding whether to jump or to swim.¹² Ridiculous.” And he laughed again.

The Master smiled wryly and did not answer.

It was as Otaké said: Black 101 was quite obvious to all of us. The game was entering its decisive stages and the time had come for Black to invade the White formation in the lower right corner; and the point where the play was finally made offered almost the only reasonable beginning. Besides the one-space “jump” to R-13, the “swim” at R-12 was a possibility; but though some hesitation was understandable the difference was of little account.

Why then did he take so long? Bored with the long wait, I at first thought it merely strange, and then I began to have suspicions. Was it all a show? Was it an irritant, or perhaps a camouflage? I had reasons for these uncharitable suspicions. Play was being resumed after a three-month recess. Had Otaké been studying the board all through those months? At the hundredth play the match was a tight, delicate one. The final stages might have a certain boldness and sweep, but the issue would probably remain in doubt to the end. However often and in whatever formation one lined up the stones there could be no real determination of the outcome. The research and the probing could go on indefinitely. Yet it seemed unlikely that Otaké had abandoned his studies of so important a match. He had had three months in which to think about Black 101. Now to take three

and a half hours over the play: might he not be seeking to cover his activities during those three months? The organizers seemed to share my doubts and distaste.

In an interval when Otaké was out of the room, even the Master hinted at dissatisfaction. “He does take his time,” he muttered. However matters may have been in a practice match, the Master had never before been heard to say anything critical of an opponent during a title match.

But Yasunaga of the Fourth Rank, who was close to both the Master and Otaké, disagreed with me. “Neither of them seems to have done much of anything during the recess,” he said. “Otaké is a very fastidious person. He would not want to do anything while the Master was lying helpless in bed.”

Probably it was the truth. Probably in those three hours and a half Otaké was not only deliberating his play; he was bringing himself back to the board after a three-month absence, and doing his best to map out the finished game, through all the stages and formations it was likely to take.

It was the Master's first experience with the sealed play. At the beginning of the second session the envelope was brought from the safe of the Kōyōkan, and the seal inspected by the contestants with the secretary of the Association as witness. The contestant who had made the sealed play showed the chart to his adversary, and a stone was placed appropriately on the board. At Hakoné and at Itō the same procedure was followed. The sealed play was in effect a way of hiding from an adversary the last play of a session.

In games lasting over several sessions, it was the custom from ancient times for Black to make the last play of a session, as an act of courtesy toward the more distinguished player. Since the practice gave the advantage to the latter, the injustice was remedied by having the player whose turn it was at the prearranged end of a session, say five o'clock, make the last play. A further refinement was hit upon: to seal the last play. Go took its example from chess, which had first devised the sealed play. The purpose was to eliminate the manifest irrationality of allowing the first player at the beginning of a session, having seen the last play, the whole of the recess, and it could be several days, in which to deliberate his next play, and of not charging the prolonged interval against his allotted time.

It may be said that the Master was plagued in his last match by modern rationalism, to which fussy rules were everything, from which all the grace and elegance of Go as art had disappeared, which quite dispensed with respect for elders and attached no importance to mutual respect as human beings. From the way of Go the beauty of Japan and the Orient had fled. Everything had become science and regulation. The road to advancement in rank, which controlled the life of a player, had become a meticulous point system. One conducted the battle only to win, and there was no margin for

remembering the dignity and the fragrance of Go as an art. The modern way was to insist upon doing battle under conditions of abstract justice, even when challenging the Master himself. The fault was not Otaké's. Perhaps what had happened was but natural, Go being a contest and a show of strength.

In more than thirty years the Master had not played Black. He was first among them all, and brooked no second. During his lifetime no one among his juniors advanced as far as the Eighth Rank. All through the epoch that was his own he kept the opposition under control, and there was no one whose rank could carry across the gap to the next age. The fact that today, a decade after the Master's death, no method has been devised for determining the succession to the title Master of Go probably has to do with the towering presence of Honnimbō Shūsai. Probably he was the last of the true masters revered in the tradition of Go as a way of life and art.

It begins to seem evident in championship tournaments that the title "Master" will become a mark of strength and no more, and that the position will become a sort of victory banner and a commercial asset for a competitive performer. It may in fact be said that the Master sold his last match to a newspaper at a price without precedent. He did not so much go forth into combat as allow himself to be lured into combat by the newspaper. It may be that, like the system of certification by schools and teachers in so many of the traditional Japanese arts, the notion of a lifetime Master and of ranks is a feudal relic. It may be that, if he had had to face annual title matches, as do chess masters, the Master would have died years before he did.

In old times the holder of the title, fearful of doing injury to it, seems to have avoided real competition even in practice matches. Never before, probably, was there a master who fought a title match at the advanced age of sixty-four. But in the future the existence of a master who does not play will be unthinkable. Shūsai the Master would seem, in a variety of

meanings, to have stood at the boundary between the old and the new. He had at the same time the lofty position of the old master and the material benefits of the new. In a day the spirit of which was a mixture of idolatry and iconoclasm, the Master went into his last match as the last survivor among idols of old.

It was his good fortune to be born in the early flush of Meiji. Probably never again will it be possible for anyone—for, say, Wu Ch'ing-yüan of our own day—knowing nothing of the vale of tears in which the Master spent his student years, to encompass in his individual person a whole panorama of history. It will not be possible even though the man be more of a genius at Go than the Master was. He was the symbol of Go itself, he and his record shining through Meiji, Taisho, and Showa, and his achievement in having brought the game to its modern flowering. The match to end the career of the old Master should have had in it the affectionate attention of his juniors, the finesse and subtlety of the warrior's way, the mysterious elegance of an art, everything to make it a masterpiece in itself; but the Master could not stand outside the rules of equality.

When a law is made, the cunning that finds loopholes goes to work. One cannot deny that there is a certain slyness among younger players, a slyness which, when rules are written to prevent slyness, makes use of the rules themselves. In the arsenal are myriad uses of the time allotment and the last play before a recess, the sealed play; and so a Go match as a work of art is besmirched. The Master, when he faced the board, was a man of old. He knew nothing about all these refined latter-day tricks. Through his long competitive career it had been for him the wholly natural thing that the senior in rank should behave arbitrarily, calling a halt to the day's session upon having forced his opponent into an unfortunate play. There was no time allotment. And the arbitrary ways that had been allowed the Master had forged the Master's art, incomparably superior to the latter-day game and all its rules.

The Master was accustomed not to this new equality but to old-fashioned prerogatives, and there had been ugly rumors when the match with Wu of the Fifth Rank had fallen behind schedule; and so it would seem that, in challenging him to this final match, his juniors had imposed the strictest rules to restrain his dictatorial tendencies. The rules for the match had not been set by the Master and Otaké. High-ranking members of the Association had conducted an elimination tournament to decide who would be the challenger, and the code had been drawn up before it began. Otaké, representing the Association, was only trying to make the Master honor the code.

Because of the Master's illness and for other reasons, numbers of disagreements arose, and Otaké's manner, as he repeatedly threatened to forfeit the match, carried suggestions of an inability to understand the courtesies due to an elder, a want of sympathy for a sick man, and a rationalism that somehow missed the point. It caused considerable worry for the managers, and always the technical arguments seemed to be ranged on Otaké's side. There was a possibility, moreover, that giving an inch meant giving a mile, and a possibility too that the slackening of spirit in giving the inch would mean defeat. Such things must not be permitted in so important a contest. Knowing that he had to win, Otaké could not surrender to the whims of his older adversary. It even seemed to me that, when anything suggesting the usual arbitrariness arose, Otaké's insistence on the letter of the law was the more determined for the fact that his opponent was the Master.

The rules were of course very different from those for an ordinary match. Yet it should have been possible to fight without mercy on the board even while making concessions in matters of time and place. There are players capable of such flexibility. The Master perhaps found himself with the wrong adversary.

In the world of competitive games, it seems to be the way of the spectator to build up heroes beyond their actual powers. Pitting equal adversaries against each other arouses interest of a sort, but is not the hope really for a nonpareil? The grand figure of “the invincible Master” towered over the Go board. There had been numerous other battles upon which the Master had staked his destinies, and he had not lost one of them. The results of contests before he gained the title may have been determined by accident and shifting currents. After he became the Master, the world believed that he could not lose, and he had to believe it himself. Therein was the tragedy. By comparison with Sekiné, Master of Chess, who was happiest when he lost, Shūsai the Master had a difficult life. One is told that in Go the first player has seven chances in ten of winning, and so it should have been in the nature of things for the Master as White to lose to Otaké; but such refinements are beyond the amateur.

Probably the Master was lured into the game not only by the power of a large newspaper and the size of the fee, but in very great measure too by a real concern for his art. There could be no question that he was consumed by a desire for battle. He probably would not have gone into the match had it occurred to him that he might lose; and it was as if his life ended when the crown of invincibility fell from his head. He had followed his extraordinary destinies through to the end. Might one perhaps say that following them meant flouting them?

Because the invincible Master, an absolute, was coming forward for the first time in five years, a code unduly complicated even for the day was drawn up. It later came to seem like a foreshadowing of death.

But the code was violated on the day of the second Shiba session, and again immediately after the move to Hakoné.

The move was to take place on June 30, the third day after the second session. Because of floods it was postponed to July 3 and finally to July 8. The Kanto was drenched and there were floods in the Kobé region. Even on the eighth the Tōkaidō line was still not through to Osaka. Leaving from Kamakura, I changed at Ofuna for the train on which the Master and his party had come from Tokyo. The 3:15 for Maibara was nine minutes late.

It did not stop at Hiratsuka, where Otaké lived. He promptly appeared at Odawara Station in summer dress, a dark blue suit and a Panama hat turned smartly down at the brim. He was carrying the large suitcase he had brought to the Kōyōkan.

His first business was to inquire about our safety during the floods. “They still have to use boats to get to the insane asylum down the street from me. At first it was rafts.”

We took the cable car from Miyanoshita down to Dogashima. The Hayakawa, directly below us, was roiled and muddy. The Taiseikan Inn was like an island in its waters.

After we had been shown to our rooms, Otaké went to make his formal greetings to the Master. In a good mood that evening after his usual cups of saké, the Master talked about this and that, illustrating his remarks liberally with gestures. Otaké spoke of his family and his boyhood. The Master challenged me to a game of chess, and when I seemed reluctant he turned to Otaké instead. The game took almost three and a half hours. Otaké won.

The next morning the Master was being shaved in the corridor outside the bath. He was putting himself in order for tomorrow’s session. Because the chair had no headrest, his wife stood behind him supporting his head.

Onoda of the Sixth Rank, who was serving as a judge, and Yawata, the secretary of the Association, arrived that evening. The Master livened the

evening with challenges to chess and Ninuki. He lost repeatedly to Onoda at Ninuki, also known as Korean Gomoku.¹³ He seemed filled with admiration.

Onoda made a record of a Go match I played with Goi, reporter for the *Nichinichi*. To have a player of the Sixth Rank as recorder was an honor denied even the Master. I played Black and won by five points. A chart of the game appeared in *The Way of Go*, journal of the Association.

It had been agreed that there would be a day to rest from the journey, and that play would be resumed on the tenth. On mornings of play Otaké was a changed man. Tight-mouthed and almost sullen, shoulders back, he paced the halls defiantly. Below the full, somewhat swollen eyelids, the narrow eyes sent forth a fierce light.

But there came a complaint from the Master. Because of the roar of the waters, he said, he had spent two sleepless nights. Reluctantly, he posed for pictures before the Go board, in a room as far as possible from the river. He let it be known that he wished a change of inns.

Insomnia scarcely seemed an adequate reason for postponing a session. The way of Go, moreover, demanded that a player honor his commitments even if his father was dying, even if he seemed on the verge of collapse. The principle still tends to be respected. And to lodge a complaint on the very morning of a session, even if the complainant was the Master himself, showed quite astonishing autocratic tendencies. The match was important for the Master, to be sure, but it was even more important for Otaké.

Since no one among the managers, now and on the earlier occasion when the Master had broken a promise, was prepared to act as umpire and hand down an order, Otaké must have felt considerable uneasiness about the further course of the match. He quietly acceded to the Master's wishes, however, his face showing scarcely a trace of displeasure.

“I picked the inn myself, and I am very sorry the Master can’t sleep,” he said. “Suppose we find another, and start play tomorrow, after he has had a good night’s rest.”

Otaké had stayed at the inn before, and had thought it a good place for a match. Unfortunately the river was so swollen from the rains that boulders came crashing down it, and with the inn situated as if on an island, sleep was indeed difficult. Otaké felt constrained to apologize.

Clad in a cotton summer kimono, he set out with Goi in search of a quiet inn.

That morning we moved to the Naraya Inn. The next day, the eleventh, after a recess of some twelve or thirteen days, play was resumed in an outbuilding. The Master lost himself in the game, and his waywardness left him. Indeed he was as quiet and docile as if he had assigned custody of himself to the managers.

The judges for the Master's last match were Onoda and Iwamoto, both of the Sixth Rank. Iwamoto arrived at one on the afternoon of the eleventh. Taking a chair on the veranda, he sat gazing at the mountains. It was the day on which, according to the calendar, the rainy season ended, and indeed the sun was out for the first time in some days. Branches cast shadows over the wet ground, golden carp were bright in the pond. When play began, however, the sky was lightly clouded over once more. There was a strong enough breeze that the flowers in the alcove swayed gently. Aside from the waterfall in the garden and the river beyond, the silence was broken only by the distant sound of a rock-cutter's chisel. A scent of red lilies wafted in from the garden. In the almost too complete silence a bird soared grandly beyond the eaves. There were sixteen plays in the course of the afternoon, from sealed White 12 to sealed Black 27.

After a recess of four days, the second Hakoné session took place on July 16. The girl who kept the records had always before worn a dark blue kimono speckled with white. Today she had changed to summer dress, a kimono of fine white linen.

This outbuilding was almost a hundred yards across the garden from the main building. The noon recess came, and the figure of the Master going alone down the path caught my eye. Just beyond the gate of the outbuilding was a short slope, and the Master bent forward as he climbed it. I could not

see the lines on the palms of the small hands he held lightly clasped behind him, but the network of veins seemed to be complex and delicate. He was carrying a folded fan. His body, bent forward from the hips, was perfectly straight, making his legs seem all the more unreliable. From below the thicket of dwarf bamboo, along the main road, came a sound of water down a narrow ditch. Nothing more—and yet the retreating figure of the Master somehow brought tears to my eyes. I was profoundly moved, for reasons I do not myself understand. In that figure walking absently from the game there was the still sadness of another world. The Master seemed like a relic left behind by Meiji.

“A swallow, a swallow,” he said in a low, husky voice, stopping and looking up into the sky. Beyond him was a stone informing us that the Meiji Emperor had deigned to stay at the inn. The branches of a crape myrtle, not yet in bloom, spread above it. The Naraya had once been a way station for the military aristocracy and their parties.

Onoda came up behind the Master, as if to shield him from something. The Master’s wife had come to meet him at the stone bridge over the pond. In the morning and afternoon she would see him as far as the game room, and slip away when he had taken his place at the board. At noon and at the end of a day’s session she was always at the pond by their room, waiting for him.

The Master’s figure, viewed from the rear, seemed oddly off balance. He had not yet come out of his trance, and the absolutely straight trunk and head were as if he were still at the Go board. He seemed uncertain on his feet. In a state of bemusement, he suggested some rarefied spirit floating over a void; and yet the lines of the figure we saw at the board were still unbroken. They gave off a sort of leftover fragrance, an afterglow.

“A swallow, a swallow.” Perhaps, as the words caught in his throat, the Master was for the first time aware that his posture had not yet returned to

normal. So it was with the aged Master. My affection for him, the nostalgia he calls up, come from his power at such times to move me.

The first sign from the Master's wife that she was concerned about his health came on July 21, the day of the third Hakoné session.

"He has been having pains here," she said, bringing a hand to her chest. He had, it seems, been aware of the trouble since spring.

He had lost his appetite. The day before he had had no breakfast at all, and only a thin slice of toast and a glass of milk for lunch.

During the third session I had noticed the twitching of the hollow cheeks that sagged over the prominent jaws, but I had thought that the heat was affecting him.

That year it went on raining after the rainy season should have ended, and summer was late in coming. Then, before July 20, when the calendar has summer beginning, it suddenly turned warm. On July 21 a mist hung heavy over Mt. Myojo. The garden was muggy and still. A black swallowtail butterfly hovered among the red lilies, fifteen and sixteen to a stem, at the veranda. Even the flock of crows cawing in the garden seemed warm. Everyone, down to the clerk, was plying a fan. It was the first uncomfortably warm session since the beginning of the match.

"Fierce," said Otaké, wiping at his forehead and hair with a small towel. "And Go is fierce too.

'Up to Hakoné we've come, we've come,

*The steepest of them all....' "*¹⁴

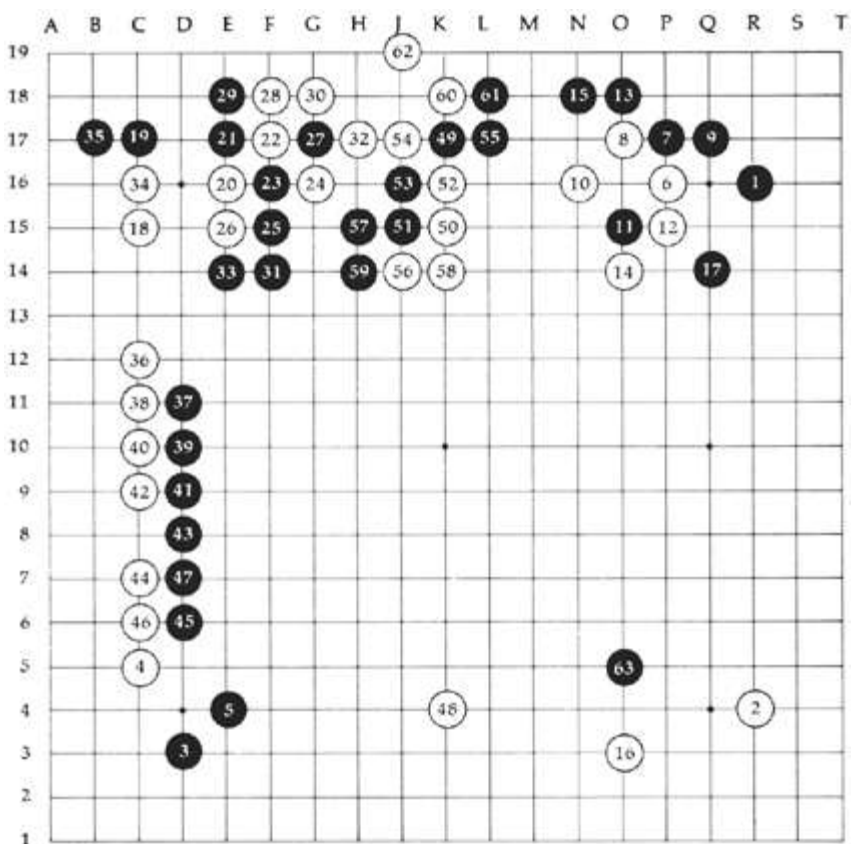
With time out for lunch, Otaké took three hours and thirty-five minutes to play Black 59.

The Master, his right hand behind him and his left arm on an armrest, was unconcernedly fanning himself with his left hand. From time to time he looked out into the garden. He seemed cool and very much at ease. I could almost feel myself straining with the young Otaké, but the Master's strength seemed quiet, its center far away.

There were beads of oily sweat on his face, however. Suddenly he brought both hands to his face and pressed at his cheeks. "It must be fearful in Tokyo." His mouth was open for some moments afterwards, as if he were remembering the heat of another time, of a distant place.

"Yes," said Onoda. "It turned hot very suddenly the day after we went to the lake." Onoda had just come from Tokyo. On the seventeenth, the day after the preceding session, the Master, Otaké, and Onoda had gone fishing on Lake Ashi.

Three moves followed inevitably when, after long deliberation, Otaké had played Black 59. The stones were as if echoing one another. The situation in the upper reaches of the board was stabilized for the time. The next Black play was a difficult one, the range of possibilities being wide, but Otaké turned to the lower part of the board and played Black 63 after only a moment's thought. He had planned ahead, it seemed, and given himself over to his next assault, a slashing one of the sort that characterized his game. Having dispatched a spy against the White forces below, he returned to the upper part of the board. There was an aggressive impatience in the click of the stone.



“I feel a little cooler now.” Immediately he got up. He left his overskirt in the hall, and when he came out put it on backwards. “All backwards. Playing tricks on me. Skirt backwards is tricks, you know.” He righted the error and tied a skillful figure-ten knot. Immediately he was off again, this time to the urinal. “The heat is worst when you’re at the board,” he said, back once more. He wiped vigorously at his glasses with the towel.

It was three in the afternoon. The Master was having an ice. He deliberated for twenty minutes. Apparently Black 63 struck him as a trifle unorthodox.

At the outset of the game, Otaké had been careful to warn the Master that he would frequently ask to be excused; but his departures from the board had been so frequent during the preceding session that the Master had thought them a little odd.

“Is something wrong?” he asked.

“Kidneys. Nerves, really. When I have to think I have to go.”

“You shouldn’t drink so much tea.”

“I know. But when I think I want to drink. Excuse me, if you will, please.” And he got up again.

This little way of Otaké’s had become material for the gossip columns and the cartoons in the Go journals. The amount of walking he did in the course of a match, it was said, would take him down the Tōkaidō as far as Mishima.

Before leaving the board at the end of a session, the players would check the number of moves and the time consumed. The Master was not quick to understand.

On July 16 Otaké sealed the last play, Black 43, at half past four. Informed that there had been a total of sixteen plays in the course of the day, the Master found the statement hard to accept.

“Sixteen? Can we have made that many?”

The girl explained again that from White 28 through the sealed play there had been a total of sixteen. Otaké concurred. The game was still in its early stages and there were only forty-two stones on the board. A glance should have sufficed to confirm the girl’s statement, but the Master had his doubts. He counted up stone by stone on his fingers, and still did not seem convinced.

“Let’s line them up and see.”

Taking away the stones played that day, he and Otaké replaced them in alternation: one, two, three, and so to sixteen.

“Sixteen?” muttered the Master vacantly. “Quite a day’s work.”

“That’s because you’re so fast, sir,” said Otaké.

“Oh, but I’m not, though.”

The Master sat absently by the board and showed no inclination to leave. The others could not leave before him.

“Suppose we go on over,” said Onoda after a time. “You’ll feel better.”

“Shall we have a game of chess?” said the Master, looking up as if he had just been awakened. There was nothing feigned about this air of abstraction.

A mere sixteen plays scarcely demanded a recount, and a player has the whole of the board constantly in his head, when he is eating and even when he is sleeping. Perhaps it was a sign of dedication and a concern for precision that the Master all the same insisted on replaying each of the stones, and would not be satisfied until he had done so. Perhaps too it had in it a certain element of circumspection. One saw in the curious mannerism the loneliness of an old man who has not had too happy a life.

At the fifth session five days later, July 21, there were twenty-two plays, from White 44 to the sealed Black 65.

“How much time did I use?” the Master asked the girl.

“An hour and twenty minutes.”

“That much?” He seemed incredulous. The total time he had used for his eleven plays was six minutes fewer than Otaké had used for Black 59 alone. Yet he seemed to think he had played more rapidly.

“It does seem unlikely that you used so much time, sir,” said Otaké. “You were playing at a fearful rate.”

“How much for the cap?”¹⁵ the Master asked the girl.

“Sixteen minutes.”

“The dead-end?”¹⁶

“Twenty minutes.”

“The link took you longer,” said Otaké.

“White 58 that would be?” The girl looked at her records. “Thirty-five minutes.”

The Master still did not seem convinced. He took the chart from the girl and examined it intently.

I like a good bath, and it was summer; and always when a session ended I went immediately to the bath house. Today Otaké was almost as quick as I was.

“You made good progress.”

“The Master is fast and he makes no mistakes, and that gives him a double advantage,” laughed Otaké. “The game is as good as over.”

I could still feel the strength that seemed to flow from him when he was at the board. It was something of an embarrassment to meet a Go player just before or after a session.

This restless energy suggested great resolve. Branded on his mind, perhaps, was a plan for a violent attack.

Onoda of the Sixth Rank too was astonished at the Master’s speed.

“Eleven hours would be more than enough for him even in a grand tournament. But it’s a difficult spot. That cap isn’t the kind of play you make in a hurry.”

Through the fourth session, on July 16, White had used four hours and thirty-eight minutes, and Black six hours and fifty-two minutes. At the end of the fifth session, on July 21, the difference was even greater: five hours and fifty-seven minutes for White, ten hours and twenty-eight minutes for Black.

At the end of the sixth session, on July 31,¹⁷ White had used eight hours and thirty-two minutes, Black twelve hours and forty-three minutes; and at the end of the seventh on August 5, White had used ten hours and thirty-one minutes, Black fifteen hours and forty-five minutes.

But by the tenth session, on August 14, the distance had narrowed: White had used fourteen hours and fifty-eight minutes as against Black’s

seventeen hours and forty-seven minutes. It was on that day, after sealing White 100, that the Master went into St. Luke's Hospital. Struggling bravely on despite his illness, he had used two hours and seven minutes for a single play, White 90, on August 5.

When finally the match ended on December 4, there was an uncomfortable difference of some fourteen or fifteen hours between the two. Shūsai the Master had used nineteen hours and fifty-seven minutes, and Otaké of the Seventh Rank had used thirty-four hours and nineteen minutes.

Nineteen hours and fifty-seven minutes would be very near the time allotted both players in an ordinary match, but the Master still had more than twenty hours left. Otaké with his thirty-four hours and nineteen minutes still had almost six hours.

The Master's White 130 was the careless play that proved fatal. If he had not made the mistake, and if the match had continued with the two sides generally equal or the advantage for the one or the other very small, it seems likely that Otaké would have hung on until he had used the whole of his forty hours. After White 130, he knew that he had won.

Both the Master and Otaké were famous for tenacity, and both were given to long deliberation. Otaké would wait until most of his time was gone; and his way of making a hundred and more plays in the last minute gave his game its own peculiar ferocity. The Master, disciplined in an age when there were no time restrictions, was not capable of such a tour de force. Indeed he had probably insisted upon forty hours so that the last battle of his life might be quite free from the pressures of time.

The time allotment in the Master's title matches had always been large. It was sixteen hours when in 1926 he played Karigané of the Seventh Rank. Karigané lost because he ran out of time, but a victory by five or six points for the Master's White seemed unshakable. Indeed there were those who said that Karigané should have played like a man, and not allowed insufficient time to be the excuse for his defeat. When the Master played Wu of the Fifth Rank, twenty-four hours were allotted each player.

For the Master's retirement match, the time was about double that for even these unusually long matches, and four times that for an ordinary match. Time restrictions could as well have been dispensed with.

If this extraordinary time allotment was made at the Master's behest, then it may be said that he took upon himself a heavy burden. He had to endure both his own illness and long periods of meditation on the part of his adversary. Those thirty-four hours should argue the case convincingly enough.

Again, the arrangement to play every fifth day was out of deference to the Master's age; but in fact it added to the burden. If both sides had used the allotted time to the full, a total of eighty hours, and each session had lasted five hours, then there would have been a total of sixteen sessions—which is to say that even if the match had proceeded without interruption it would have lasted some three months. Anyone who knows the spirit of Go knows too that the required concentration cannot be maintained or the tension endured for three whole months. They mean something akin to a whittling away of the player's physical being. The Go board is with a player waking and sleeping, and a four-day recess therefore meant not rest but exhaustion.

The recesses became even more trying after the Master fell ill. The Master himself, of course, and the managers as well, wanted to be finished with the match on the earliest day possible. He must be allowed to rest, and there was a danger that he might collapse along the way.

He had even said to his wife, she told me sadly, that he no longer cared who won, he only wanted to be finished with it all.

“And not once before in his whole life has he said that sort of thing.”

“He won't improve as long as the match goes on,” one of the managers is reported to have said, his head bowed. “I've sometimes thought he might do well just to throw it over. But of course he couldn't. His art means too much to him. I haven't really taken the possibility seriously, of course. It's just a thought that comes to me at bad moments.”

It may have been a professional remark of a confidential nature, but the moments must have been very bad ones indeed. The Master himself had not once been heard to complain. Indeed through his competitive career of a half century he had probably won a considerable number of games by being a very little more patient than his adversary. Nor was the Master one to exaggerate his unhappiness or discomfort.

Once shortly after play was resumed at Itō I asked the Master whether he meant to return to St. Luke's Hospital when the match was over, or winter as usual in Atami.

"The question is whether I last that long," he said, as if taking me into his confidence. "It seems strange that I've come as far as I have. I'm not much of a thinker, and I don't have what you might call beliefs. People talk about my responsibility to the game, but that hasn't been enough to bring me this far. And they can call it physical strength if they like—but that really isn't it either." He spoke slowly, his head slightly bowed. "Maybe I have no nerves. A vague, absent sort—maybe the vagueness has been good for me. The word means two different things in Tokyo and in Osaka, you know. In Tokyo it means stupidity, but in Osaka they talk about vagueness in a painting and in a game of Go. That sort of thing." The Master seemed to savor the word as he spoke, and I savored it as I listened.

It was not like the Master to discuss his feelings so openly. He was not one to show emotion on his face or in his speech. More than once through my long hours of observing the match, I had suddenly felt that I was savoring a quite ordinary word or gesture of the Master's.

Hirotsuki Zekken, who had been the Master's faithful supporter since 1908, when he succeeded to the title Honnimbō, and who had collaborated in his writings, once wrote that in more than thirty years of service he had not received a single word of thanks from the Master. He had mistakenly taken the Master for a chilly, unfeeling man, he added. And when people said that the Master was using Zekken, the Master is said to have responded with lordly indifference, as if to say that the question was not of a sort that he chose to concern himself with. Reports that the Master was not very

clean in financial matters were also mistaken, said Zekken, and he could offer ample evidence to refute them.

Nor did the Master offer anyone a word of thanks during his retirement match. His wife took responsibility for such niceties. He was not presuming upon his rank and title. He was being himself.

When professionals in the Go world came to him with problems, he would grunt and fall silent, and it was very difficult indeed to guess his views. Since one could hardly press a point upon so exalted a person, he must have been a source of much uncertainty, I sometimes thought. His wife would act as aide and moderator, seeking to temper his unconditional silence.

This somewhat dull and insensitive side of his nature, the slowness of apprehension that he himself had called “vagueness,” was very apparent in his hobbies and diversions. In chess and Renju of course, and in billiards and mahjong as well, he was the despair of his adversaries for the time he spent in thought.

He played billiards a number of times with Otaké and myself during our stay in Hakoné. He would score perhaps seventy if the other player were generous. Otaké kept careful tally, as became a professional. “Forty-two for me, fourteen for Wu ...”

The Master would think out each stroke at his leisure, and after he had taken up his position he would draw the cue endlessly back and forth through his hand. One tends to think that in billiards good form depends upon the speed of the flow from shoulder and arm to billiard ball, but in the case of the Master there was no such flow at all. One quite lost patience as he slipped the cue back and forth. But, watching, I would feel a kind of sadness and affection.

When he played mahjong he would line up his tiles on a long, narrow piece of white paper. Taking the neatness of the folded paper and the row of

tiles as a mark of the Master's fastidiousness, I once asked him about it.

“Yes. They're clearer and easier to see when you have them on white paper. Try it sometime.”

In mahjong too the key to victory is supposed to be brisk, quick play; but the Master deliberated each move at length. His adversaries, pushed beyond boredom, would presently flag and fall. Lost in his own game, the Master was quite oblivious of the feelings of others. He was not even aware of the fact that he sometimes dragged people kicking and struggling into a game.

“You do not learn about your opponent’s character when you play Go or when you play chess,” the Master once remarked, apropos of amateur Go. “Trying to judge your opponent’s character perverts the whole spirit of the game.” Presumably he was annoyed at amateur theoreticians of Go. “I lose myself in the game, and my opponent stops mattering.”

On January 2, 1940, which is to say a half month before his death, the Master participated in the game of linked Go that officially opened the year for the Go Association. The players who assembled at the Association offices made five plays each, the equivalent of leaving their calling cards. Since the wait seemed likely to be a long one, a second game was started. The Master took his place opposite Seo of the Second Rank, who had no other partner, at White 20 of the second game. They made their five plays each, from Black 21 to White 30. There being no others to follow, the game was to be suspended at White 30. Even so, the Master spent forty minutes thinking about his last play. He was the last to appear in what was after all a ceremonial observance, and he could as well have made his play immediately and been done with the matter.

I went to see him at St. Luke’s Hospital during the three-month recess in his retirement match. The furnishings were huge, to fit the American physique. There was something precarious about the Master’s small figure perched on the lofty bed. The dropsical swelling had largely gone from his face, and his cheeks were somewhat fuller; but more striking was a certain lightness in the figure, as if he had thrown off a heavy spiritual burden. He seemed carefree and almost lackadaisical, a different old gentleman from the Master at the Go board.

A reporter from the *Nichinichi* chanced to be visiting him too. The competitions, he said, had proved extremely popular. Every Saturday readers were invited to submit opinions as to how at certain crucial points the match should proceed.

“This week’s problem is Black 91,” I ventured to add.

“Black 91?” The expression on the Master’s face was as if he were gazing at a Go board.

I regretted my remark. One was not to talk about Go. But I went on to explain: “White jumps one space, and Black plays on the diagonal away from himself.”

“Oh, that. But there’s nothing for him to do but play next to his own stone either on the horizontal or on the diagonal. I imagine plenty of people will come up with the answer.” As he spoke he brought himself into an upright kneeling position, knees together, head up. It was his posture at the Go board. There was a cold, severe dignity in it. For a time it was as if, face to face with a void, he had lost all consciousness of his own identity.

It did not seem, now or at the linked match, that devotion to his art made him take each move so seriously, or that he was overdoing his responsibilities as the Master. It seemed rather that what must happen was happening.

When a younger player was trapped into a game with the Master, he was left quite exhausted at the end of it. There was, for example, a one-lance handicap game¹⁸ he played with Otaké during our stay at Hakoné: it lasted from ten in the morning until six in the evening. Then there was a chess game during a three-match Go contest between Otaké and Wu, sponsored by this same *Tokyo Nichinichi*. The Master did the commentary and I was reporter for the second match. The Master forced Fujisawa Kuranosuké of the Fifth Rank, who also happened to be present, into a game of chess which lasted from noon through the afternoon and evening and on until

three in the morning. The moment he saw Fujisawa the next day, the Master pulled out his chess board again. So it was with the Master.

We had gathered the night before the second Hakoné session. “The Master is astonishing,” said Sunada, a *Nichinichi* Go reporter who was acting as a sort of factotum for the Master. “On every one of these last four days when he is supposed to have been resting, he has come around first thing in the morning and challenged me to a game of billiards. We’ve played all day long and on into the night, every single day. He’s not just a genius. He’s inhuman.”

The Master had not once, it is said, complained to his wife of weariness from competitive play. There is a story she likes to tell of his ability to sink himself into a game. I myself heard it at the Naraya.

“We were living at Kōgai-chō in Azabu. It wasn’t a very big house, and he had matches and practice in a ten-mat room. The trouble was that the eight-mat room next door was the parlor. Sometimes we had rather noisy guests. He was having a match one day with I don’t remember who when my sister came by to show me her new baby. Babies will be babies, and it cried the whole of the time. I was frantic and only wished she would go away; but I hadn’t seen her for a very long time, and she had come for a very special reason, and I couldn’t tell her to go. When she did finally leave, I went to apologize for all the noise. And do you know he hadn’t heard a thing! He hadn’t known she was there, and hadn’t heard the baby.” And she added: “Ogishi used to say that he wanted as soon as he possibly could to be like the Master. Every night before he went to sleep he would sit up in bed and meditate. There was the Okada school of meditation in those days, you know.”

The Ogishi she referred to was Ogishi Sōji of the Sixth Rank, so outstanding a pupil that he was said to have had a monopoly on the Master’s trust and confidence and the Master had thought of making him heir to the title Honnimbō. He died in January, 1924, at the age of twenty-

seven by the Oriental count. The Master in his last years was constantly being reminded of Ogishi.

Nozawa Chikucho has similar stories of how, during his days in the Fourth Rank, he would have games at the Master's house. Off in the houseboy's room some very young disciples who were living with the Master were one day making a stir that could be heard in the game room itself. Nozawa went off to caution them. They were certain to be scolded by the Master, he said. But the Master, it appeared, had heard nothing.

“All through lunch he sat gazing off into space,” said his wife. “He must have been in a difficult spot.” It was July 26, the day of the fourth Hakoné session. “I told him it wouldn’t do. If he went on eating as if he didn’t know he was eating, his stomach would rebel. I told him he would ruin his digestion if he didn’t put himself into a mood for it. He frowned and went on looking off into space.”

The Master apparently had not expected the violent attack that came with Black 69. He deliberated his response for an hour and forty-six minutes. It was his slowest play since the beginning of the match.

But Otaké had probably been planning Black 69 all through the recess. At the beginning of the session he reread the situation for twenty minutes, as if restraining an impulse toward haste. He seemed to exude strength, he swayed violently, he thrust a knee toward the board. Briskly he played Black 67 and Black 69. Then he laughed a high laugh.

“A thunder storm? A tempest?”

Dark clouds were blowing up. There was rain on the lawn, and then rain against the glass doors that had hastily been pulled shut. Otaké’s jest was of a sort he was much given to, but it had the sound of fulfillment as well.

An expression flickered across the Master’s face as of astonishment or foreboding, and at the same time as of feigned bewilderment, meant to please and amuse. Even so ambiguous an expression was unusual for the Master.

Black made a very curious play during the sessions at Itō, a sealed play that seemed to take advantage of the fact that it was a sealed play. The Master could scarcely wait for the recess to let his indignation be known.

He thought that the game had been sullied and he was on the point of forfeiting. Seated at the board, however, he had not let his face reveal a trace of his feelings. No one among the spectators could have guessed their intensity.

Black 69 was like the flash of a dagger. The Master fell into silent thought, and the time came for the noon recess. Otaké stood beside the board even after the Master had left.

“Now we’re in for it,” he said. “This is the divide.” He continued to look down at the board as if unable to tear himself away.

“A little unkind of you?” I said.

“He’s always making *me* do the thinking.” Otaké laughed brightly.

But the Master played White 70 as soon as he returned from lunch. It was all too clear that he had made use of the noon recess, not charged against his time allotment; but the trickery was not in the Master to conceal the misdemeanor by pretending to deliberate his first afternoon play. The penalty was that he had spent the recess gazing into space.

That aggressive Black 69 has been described as “a diabolic stroke.” The Master himself said afterwards that it had the sort of ferocity Otaké was known for. Everything depended upon the White response. If it proved inadequate, White could quite easily have lost control of the board. The Master deliberated an hour and forty-six minutes over White 70. His longest period of meditation came ten days later, on August 5, when he spent two hours and seven minutes on White 90. White 70 was his second slowest play.

If Black 69 was diabolically aggressive, White 70 was a brilliant holding play. Onoda, among others, was speechless with admiration. The Master stood firm and averted a crisis. He retreated a pace and forestalled disaster. A magnificent play, it cannot have been easy to make. Black had charged into a headlong assault, and with this one play White had turned it back. Black had made gains, and yet it seemed that White, casting away the dressings from his wounds, had emerged with greater lightness and freedom of action.

The sky was dark with the squall Otaké had called a tempest, and the lights were on. The white stones, reflected on the mirrorlike face of the board, became one with the figure of the Master, and the violence of the wind and rain in the garden seemed to intensify the stillness of the room.

The squall soon passed. A mist trailed over the mountain, and the sky brightened from the direction of Odawara, down the river. The sun struck the rise beyond the valley, locusts shrilled, the glass doors at the veranda were opened again. Four black puppies were sporting on the lawn as Otaké played Black 73. Once more the sky was lightly clouded over.

There had been showers early in the morning. Seated on the veranda, Kumé Masao had said at the morning session: “What a feeling it gives a person just to be sitting here.” His voice was soft but intense. “A clean, transparent feeling.”

Kumé, who had recently become literary editor for the *Nichinichi*, had stayed over to be present at the session. He was the first novelist in many years to become a literary editor. Go fell within his jurisdiction.

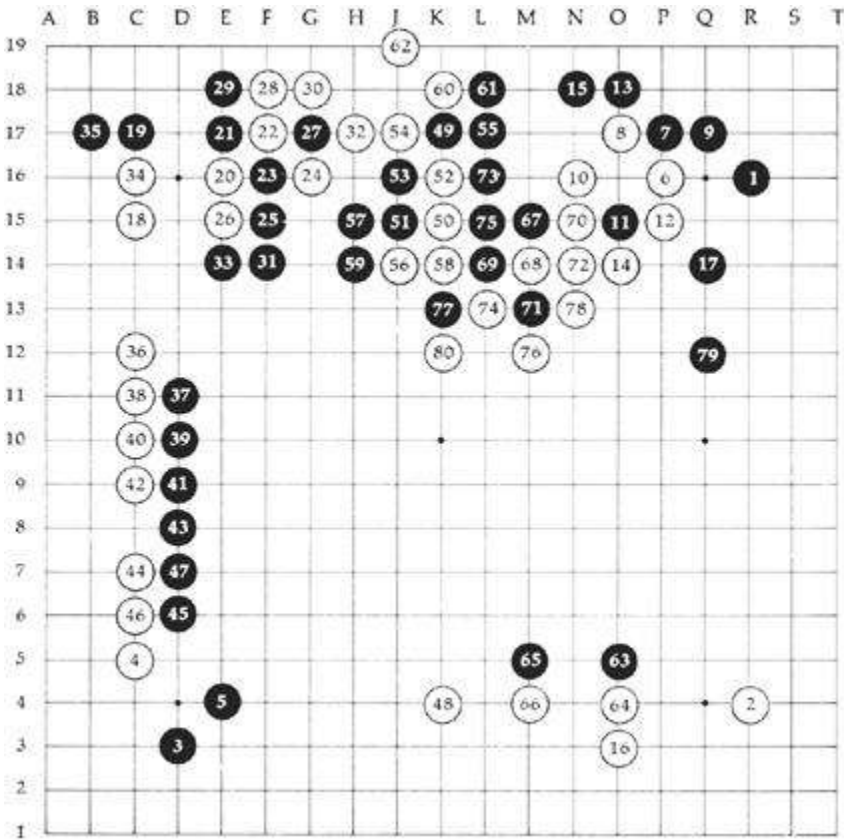
He knew almost nothing about Go. He would sit on the veranda, now looking at the mountains and now looking at the players. Psychic waves seemed to come to him from the players all the same. The Master would be sunk in anguished thought, and an expression of anguish would cross Kumé’s good-natured face.

I could not pretend to know much more about Go than Kumé did; but even so it seemed to me that the unmoving stones, as I gazed at them from the side of the board, spoke to me as living creatures. The sound of the stones on the board seemed to echo vastly through another world.

The game site was an outbuilding, three rooms in a row, one of ten mats and two of nine. There were *nemu* blossoms in the alcove of the ten-mat room.

“They seem ready to fall,” said Otaké.

White 80 was the sealed play, and the fifteenth of the day. The Master did not seem to hear the girl’s warning that four o’clock, the hour appointed for the end of the session, was near. She hesitated, leaning slightly forward.



“You will seal your play, please, sir, if you don’t mind,” said Otaké in her place, as if shaking a drowsy child.

The Master seemed, at length, to hear. He muttered something to himself. His voice caught in his throat, and I do not know what he said. Thinking that the sealed play would have been decided upon, the secretary of the Association readied an envelope; but the Master sat vacantly on, as if apart from the matter at hand.

“I haven’t decided,” he said finally. The expression on his face was as of having been away from reality and not being able to return quite yet.

He deliberated sixteen minutes longer. White 80 took forty-four minutes.

On July 31 play was moved to yet another suite, called the “new upper rooms,” a row of three rooms once more, two of eight mats and one of six. The framed inscriptions on the walls were in the hands of Rai Sanyo, Yamaoka Tesshu, and Yoda Gakkai.¹⁹ The suite was above the Master’s room.

The clump of hydrangeas at the veranda of the Master’s room was like a great, distended balloon. Today again a black swallowtail was playing among them, its reflection clean on the pond. The wisteria bower under the eaves was heavy with foliage.

Seated by the board, I heard a splashing. The Master’s wife was at the stone bridge, throwing bread into the pond. The splashing was of carp come to feed.

She had said to me that morning: “I had to be back in Tokyo because we had company from Kyoto. It was fairly cool, not at all uncomfortable; and so I started worrying in the other direction. I’ve been afraid he might catch cold.”

There was a light sprinkle of rain, and soon it was falling in large drops. Otaké did not notice until someone called his attention to it.

“The sky seems to have a kidney condition too,” he said.

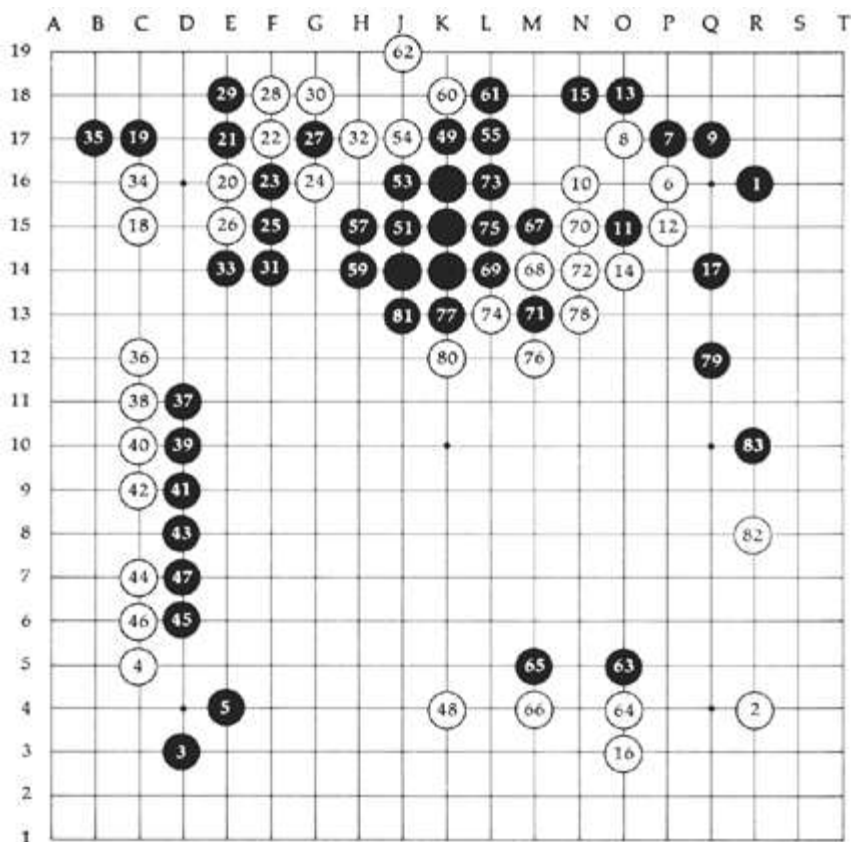
It had been a rainy summer. We had not had one really cloudless session since we had come to Hakoné. And the rains were capricious. Today, for instance, there was sunlight on the hydrangeas while Otaké was planning Black 83, and the mountain was shining a freshly washed green, and then immediately the sky clouded over again.

Black 83 took even longer, an hour and forty-eight minutes, than White 70. Gazing intently at the right side of the board, Otaké pushed himself a shin's length away, cushion and all. Then he put his hands inside his kimono and, shoulders back, seemed to brace himself. It was his signal that a long period of deliberation had begun.

The match was entering its middle phases. Every play was a difficult one. It was fairly clear which territories White and Black had staked out, and the time was approaching when a calculation of the final score might be possible. Proceed immediately into a final showdown, invade enemy ground, challenge to close-in fighting somewhere on the board?—the time had come for a summing up, and for projecting the phases to come.

Dr. Felix Dueball, who had learned Go in Japan and gone back to Germany, and who was known at “the German Honnimbō,” sent the Master a congratulatory telegram on the occasion of his retirement match. A picture of the two players reading the telegram had been in the morning's *Nichinichi*.

White 88 was the sealed play of the session.



Yawata of the Association promptly found significance in the fact. “You are being congratulated, sir, on your lucky number,”²⁰ he said.

The Master’s face and neck, which one would have thought could be no thinner, seemed thinner by the day. Yet he seemed in better health than on that hot July 16, and in the best of spirits. Might one say that with a falling away of the flesh the bones beneath are stronger?

None of us foresaw his near collapse a scant five days later.

But he stood up abruptly, as if he could wait no longer, when Otaké had played Black 83. All his exhaustion came suddenly to the surface. It was twenty-seven minutes after twelve, and of course time for the noon recess; but the Master had not before left the board as if kicking it away from him.

“I have prayed and prayed that this would not happen,” the Master’s wife said to me on the morning of August 5. “I have been of too little faith, I suppose.”

And again: “I was afraid this might happen, and maybe it happened because I worried too much. There is nothing to do now but pray.”

The curious and attentive combat reporter, I had had the whole of my attention on the Master as hero in battle; and now the words of the wife who had been with him through the long years came to me as if striking a blind spot. I could think of no answer.

The long, strenuous match had aggravated the heart condition from which he had long suffered, and apparently the pain in his chest had for some days been intense. He had let slip not a word about it.

From early in August his face began to swell and the chest pains were worse.

A session was scheduled for August 5. It was decided that play be limited to two hours in the morning. The Master was to be examined before it began.

“The doctor?” he asked.

The doctor had gone to Sengokuhara on an emergency case.

“Well, suppose we begin, then.”

Seated at the board, the Master quietly took up a tea bowl in both hands and sipped at the strong brew. Then he folded his hands lightly on his knees and brought himself upright. The expression on his face was like that of a

child about to weep. The tightly closed lips were thrust forward, there was a dropsical swelling in the cheeks, and the eyelids too were swollen.

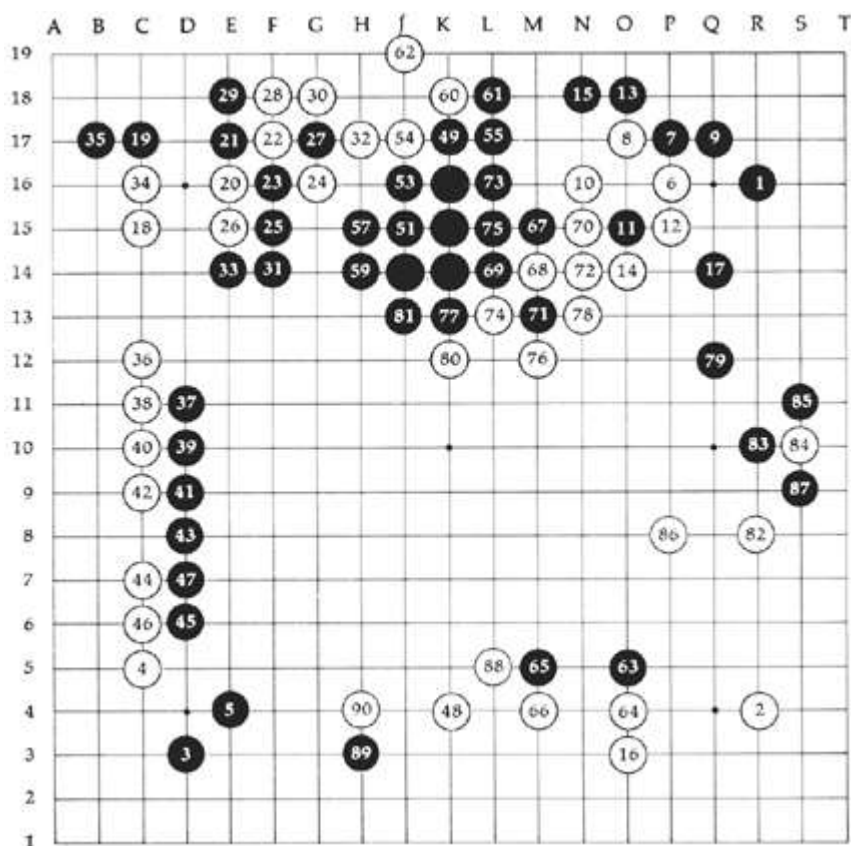
The session began almost on schedule, at seven minutes past ten. Today again a mist turned to heavy rain. Then, presently, the sky was brighter from downstream.

White 88, the sealed play, was opened. Otaké played Black 89 at forty-eight minutes past the hour. Noon came, an hour and a half passed, and still the Master had not decided on White 90. In great physical discomfort, he took an extraordinary two hours and seven minutes for the play. The whole time he sat bolt upright. The swelling seemed to leave his face. Finally it was decided to recess for lunch.

The usual one-hour recess was extended to two hours, in the course of which the Master was examined.

Otaké reported that he too was indisposed. His digestion was troubling him. He was taking three stomach medicines and a medicine to prevent fainting as well. He had been known to faint during a match.

“It usually happens when I’m playing badly, when I’m running out of time, and when I’m not feeling well,” he said. “He insists on playing. I would as soon not, myself.”



The Master's sealed White 90 had been decided upon when they returned to the board.

"You must be exhausted," said Otaké.

"I'm sorry. I've been very demanding." It was not usual for the Master to apologize.

So the day's session ended.

"The swelling doesn't worry me a great deal," he explained to Kumé, literary editor of the *Nichinichi*. "It's all the things that are going on in here." He drew a circle over his chest. "I have trouble breathing, and I have palpitations, and sometimes it feels as though a huge weight were pressing down on me. I like to think of myself as young. But I've been very conscious of the years since I turned fifty."

"It would be good if a fighter could fight off the years," said Kumé.

"I'm feeling the years already, sir," said Otaké, "and I'm only thirty."

“That’s a bit soon,” said the Master.

For a time the Master sat in the anteroom with Kumé and several others. He talked of old times, of how as a boy he had gone to Kobé and at a naval review seen electric lights for the first time.

“I’ve been forbidden to play billiards.” He got up laughing. “But a little chess is permitted. Let’s be at it.”

The Master’s “little” was not likely to be very little.

“Maybe we should make it mahjong,” said Kumé, challenged to yet another battle. “You don’t have to use your head so much.”

The Master had only porridge and a salted plum for lunch.

No doubt Kumé had come because word of the Master's illness had reached Tokyo. Maeda Nobuaki of the Sixth Rank, a disciple of the Master's, was also present. The judges, Onoda and Iwamoto, both of the Sixth Rank, were in attendance that August 5. Takagi, Master of Renju, stopped by on his way through Hakoné, and Doi, chess player of the Eighth Rank, who was staying at Miyanoshita, came calling too. There were games all through the inn.

The Master took Kumé's advice and settled for mahjong, the others in the foursome being Kumé himself, Iwamoto, and Sunada, reporter for the *Nichinichi*. The others played as gingerly as if they were cleaning a wound, but the Master, as always, quite lost himself in the game. Alone among the four, he spent long periods in meditation.

"Please," said his wife uneasily. "If you overdo it your face will swell up again."

He did not seem to hear.

I was learning Mobile Renju²¹ from Takagi Rakuzan, Master of Renju. Skillful at all manner of games and adept at inventing new games as well, Takagi enlivened any gathering. I learned of his ideas for a puzzle to be called "cloistered maiden."²²

After dinner and far into the night, the Master played Ninuki Renju²³ with Yawata of the Go Association and Goi of the *Nichinichi*.

Maeda left in the afternoon, after a brief conversation with the Master's wife. Since the Master was his teacher and Otaké his brother-in-law, he feared misunderstanding and rumors, and so avoided the two players. And

perhaps he remembered rumors that he had devised the remarkable White 160 in the Master's game with Wu.

On the morning of the sixth, through the good offices of the *Nichinichi*, Dr. Kawashima came from Tokyo to examine the Master. The valve at the aorta was not closing properly.

No sooner was the examination over than the Master, sitting up in bed, was at chess again. Onoda was his partner, and he was using the "unpromoted-silver" offensive.²⁴ Afterwards Onoda and Takagi, Master of Renju, had a game by the Korean rules.²⁵ The Master, propped against an armrest, looked on.

"Now we'll have a game of mahjong," he said, as if scarcely able to await the outcome. Since I did not know mahjong, however, they were one man short.

"Mr. Kumé?" said the Master.

"Mr. Kumé is seeing the doctor back to Tokyo."

"Mr. Iwamoto?"

"He's gone back too."

"Gone back," echoed the Master weakly. I found his disappointment most touching.

I myself was going back to Karuizawa.

Upon consultation with concerned persons on the newspaper and in the Go Association, it was decided that Dr. Kawashima of Tokyo and Dr. Okajima of Miyanoshita would follow the Master's wishes and permit the match to continue. Their conditions were that, to ease the strain on the Master, the five-hour sessions every fifth day be replaced by sessions half as long every third or fourth day. The Master was to be examined before and after every session.

It was no doubt a last resort, this plan to have the match over in fewer days and leave the Master to convalesce. Accommodations at a hot-spring resort all through a match lasting two or three months may seem like a great luxury. For the players, however, the system of "sealing in cans" was exactly that: they were sealed in tightly with the game of Go. Had they been allowed to return home during the four-day recesses, they might have left the Go board behind and taken their minds from it, and so been able to rest; imprisoned on the site, they had few diversions. There would have been no problem had the "canning" been a matter of a few days or a week, but keeping the sixty-four-year-old Master imprisoned for two and three months must be described as torture. Canning is the usual practice today. Little thought was given to the evils compounded by the Master's age and the length of the match. To the Master himself the somewhat pompous rules may have seemed the equivalent of a laurel crown.

The Master collapsed in less than a month.

At this late date the rules were to be changed. For Otaké the matter was of grave import. If the Master could not respect the original contract, then the honorable thing would be to forfeit.

Otaké could not say exactly that, but he did lodge a complaint. “I can’t get enough rest in three days, and I can’t get into my stride in only two and a half hours.”

He conceded the point, but the contest with an ailing old man put him in a difficult position. “I don’t want it to be said that I forced a sick man to play. I would as soon not play myself, and he insists on it; but I can’t expect people to understand. It’s as sure as anything can be that they’ll take the other view. If we go on with the match and his heart condition is worse, then everyone will blame me. A fine thing, really. I’ll be remembered as someone who left a smear on the history of the game. And out of ordinary humanity, shouldn’t we let him take all the time he needs to recover and then have our game?”

He seemed to mean, in sum, that it was not easy to play with a man who obviously was very ill. He would not want it thought that he had taken advantage of the illness to win, and his position would be even worse if he lost. The outcome was still not clear. The Master was able to forget his own illness when he sat down at the board, and Otaké, struggling himself to forget, was at a disadvantage. The Master had become a tragic figure. The newspaper had quoted him to the effect that the Go player’s ultimate desire was to collapse over the board. He had become a martyr, sacrificing himself to his art. The nervous, sensitive Otaké had to struggle on as if indifferent to his opponent’s trials.

Even the *Nichinichi* reporters said the issue had become one of ordinary humanity. Yet it was the *Nichinichi*, sponsor of this retirement match, that wanted it at all costs to go on. The match was being serialized and had become enormously popular. My reports were doing well too, followed even by persons who knew nothing of Go. There were those who suggested to me that the Master hated the thought of losing that enormous fee. I thought them somewhat too imaginative.

On the night before the next session, scheduled for August 10, an effort was mounted to overcome Otaké's objections. A certain childish perverseness in Otaké made him say no when others said yes, and a certain obduracy kept him from assenting when assent seemed the obvious thing; and then the newspaper reporters and the functionaries of the Go Association were not good persuaders. No solution was at hand. Yasunaga Hajimé of the Fourth Rank was a friend who knew the workings of Otaké's mind, and he had had much experience at mediating disputes. He stepped forward to make Otaké see reason; but this dispute proved too much for him.

Late in the night Mrs. Otaké came with her baby from Hiratsuka. She wept as she argued with her husband. Her speech was warm and gentle and without a trace of disorder even as she wept; nor was there a suggestion in her manner of the virtuous wife seeking to edify and reform. Her tearful plea was quite sincere. I looked on with admiration.

Her father kept a hot-spring inn at Jigokudani in Shinshū. The story of how Otaké and Wu shut themselves up at Jigokudani to study new openings is famous in the Go world. I myself had long known of Mrs. Otaké's beauty, indeed since she was a girl. A young poet coming down from Shiga Heights had taken note of the beautiful sisters at Jigokudani and passed on his impressions to me.

I was caught a little off balance by the dutiful, somewhat drab housewife I saw at Hakoné; and yet in the figure of the mother quite given over to domestic duties, which allowed little time to worry about her own appearance, I could still see the pastoral beauty of her mountain girlhood. The gentle sagacity was immediately apparent. And I thought I had never seen so splendid a baby. In that boy of eight months was such strength and vigor that I thought I could see a certain epic quality in Otaké himself. The boy had clear, delicate skin.

Even now, twelve and thirteen years later, she speaks each time I see her of “the boy you were so kind as to praise.” And I understand that she says to the boy himself: “Do you remember the nice things Mr. Uragami said about you in his newspaper articles?”

Otaké was persuaded by his wife’s remarks. His family was important to him.

He agreed to play, but he lay awake all night. He went on worrying. At five or six in the morning he was pacing the halls. I saw him early in the morning, already in formal clothes, lying on a sofa by the entranceway.

There was no radical change in the Master's condition on the tenth, and the doctors allowed the session to proceed. Yet his cheeks were swollen, and it was clear to all of us that he was weaker. Asked whether the session should be in the main building or one of the outbuildings, he said that he could no longer walk. Since Otaké had earlier complained about the waterfall by the main building, however, he would defer to Otaké's wishes. The waterfall was artificial, and so the decision was that it should be turned off and the session held in the main building. At the Master's words I felt a surge of sadness that was akin to anger.

Lost in the game, the Master seemed to give over custody of his physical self. He left everything to the managers, and made no demands. Even during the great debate over the effects of his illness upon the game, the Master himself had sat absently apart, as if it did not concern him.

The moon had been bright on the night of the ninth, and in the morning the sunlight was strong, the shadows were clean, the white clouds bright. It was the first true midsummer weather since the beginning of the match. The leaves of the *nemu* were open their fullest. The pure white of Otaké's cloak-string caught the eye.

"Isn't it nice that the weather has settled," remarked the Master's wife. But a change had come over her face.

Mrs. Otaké too was pale from lack of sleep. The two wives hovered near their husbands, the eyes in the worn faces alive with open disquiet. They looked too like women who no longer sought to hide their egoism.

The midsummer light was powerful. Against it the Master's figure took on a darkened grandeur. The spectators sat with heads bowed, not really looking at the Master. Otaké, so given to jesting, was silent today.

Must play go on even in this extremity I asked myself, grieving for the Master. What was this something called Go? As death was approaching, the novelist Naoki Sanjugo wrote what was for him a curiosity, an autobiographical story called “I.” He said that he envied the Go player. “If one chooses to look upon Go as valueless,” he said, “then absolutely valueless it is; and if one chooses to look upon it as a thing of value, then a thing of absolute value it is.”

“Are you ever lonely?” he asked the owl on the table before him. The owl turned to destroying a newspaper which carried an account of the Master’s game with Wu, recessed because of the Master’s illness. Naoki sought to examine the worth of his own popular writings in the light of the strong fascination Go had for him, and its world of pure competition.

“I am very tired. I must write thirty pages by nine this evening and it is now past four. I do not really care. I think I may be allowed to waste a day on an owl. How little I have worked for myself, how much for journalism and other encumbering forces. And how coldly they have treated me!”

He wrote himself to death. Through him I first met the Master and Wu.

There had been something ghostlike about Naoki in his last days, and there was something ghostlike about the Master here before me.

Yet the game moved ahead nine plays during the session. It was Otaké’s turn at twelve thirty, the hour appointed for the recess. The Master left the board. Otaké stayed on alone to deliberate his sealed play, Black 99.

For the first time that day there was cheerful conversation. “We ran out of tobacco once when I was a boy,” said the Master, having a leisurely smoke. “Of course everyone smoked pipes in those days. We even used to stuff our pipes with lint. It did well enough, in its way.”

A suggestion of a cool breeze had come up. Now that the Master had withdrawn from the board, Otaké, continuing his deliberations, slipped off his cloak of gossamer net.

Back in his room, the Master startled us again by challenging Onoda to chess. After chess, it is said, there was mahjong.

The site of combat having become unbearably oppressive, I fled to the Fukujuro Inn at Tōnosawa. When I had finished a day's installment of my report, I left for my summer house in Karuizawa.

The Master was like a starved urchin in his appetite for games. Shut up in his room with his games, he was doing his heart ailment no good. An introspective person, however, not given to easy switches of mood, he probably found that only games quieted his nerves and turned his mind from Go. He never went for walks.

Most professional Go players like other games as well, but the Master's addiction was rather special. He could not play an easy, nonchalant match, letting well enough alone. There was no end to his patience and endurance. He played day and night, his obsession somewhat disquieting. It was less as if he were playing to dispel gloom or beguile tedium than as if he were giving himself up to the fangs of gaming devils. He gave himself to mahjong and billiards just as he gave himself to Go. If one put aside the inconvenience he caused his adversaries, it might have been said, perhaps, that the Master himself was forever true and clean. Unlike an ordinary person with preoccupations of some intensity, the Master seemed to be lost in vast distances.

Even in the interval between a session and dinner, he would be at one game or another. Iwamoto would not yet have finished his flagon of saké when the Master would come impatiently for him.

At the end of the first Hakoné session, Otaké asked the maid for a Go board as soon as he was back in his room. We could hear stones clicking as, apparently, he reviewed the course of the game. The Master, now in a cotton kimono, promptly appeared at the managers' office. With great dispatch he defeated me at five and six matches of Ninuki Renju.

"But it's such a lightweight game," he said fretfully as he went out. "We'll play chess. There's a board in Mr. Uragami's room."

His match with Iwamoto at rook's handicap²⁶ was interrupted by dinner.

Happy from his evening drink, Iwamoto sat grandly with his legs crossed and slapped away at his bare thighs; and in due order he lost.

After dinner a clicking of stones came sporadically from Otaké's room; but soon he came down for rook-handicap games with Sunada of the *Nichinichi* and myself.

"When I play chess I have to sing. Excuse me, please. I do like chess. I ask myself and ask myself, and for the life of me I can't understand why I became a Go player instead of a chess player. I've been at chess longer than Go. Must have learned it when I was four, maybe not quite, and a person ought to be stronger at the game he learned first." He would sing happily away at his own versions, dotted with puns and innuendoes, of children's songs and popular songs.

"I imagine you're the strongest chess player in the Association," said the Master.

"I wonder. You're rather good yourself, you know, sir. But no one in the Association has made even the First Rank at chess. I imagine I'll always get first play when I play Renju with you. I don't even know the standard moves. I just elbow my way ahead. I believe that you are Third Rank, sir?"

"But I doubt if I could beat even a First Rank professional. Professionalism gives a person strength."

"The Master of Chess, Mr. Kimura—how is he at Go?"

"Possibly First Rank. They say he's improved lately."

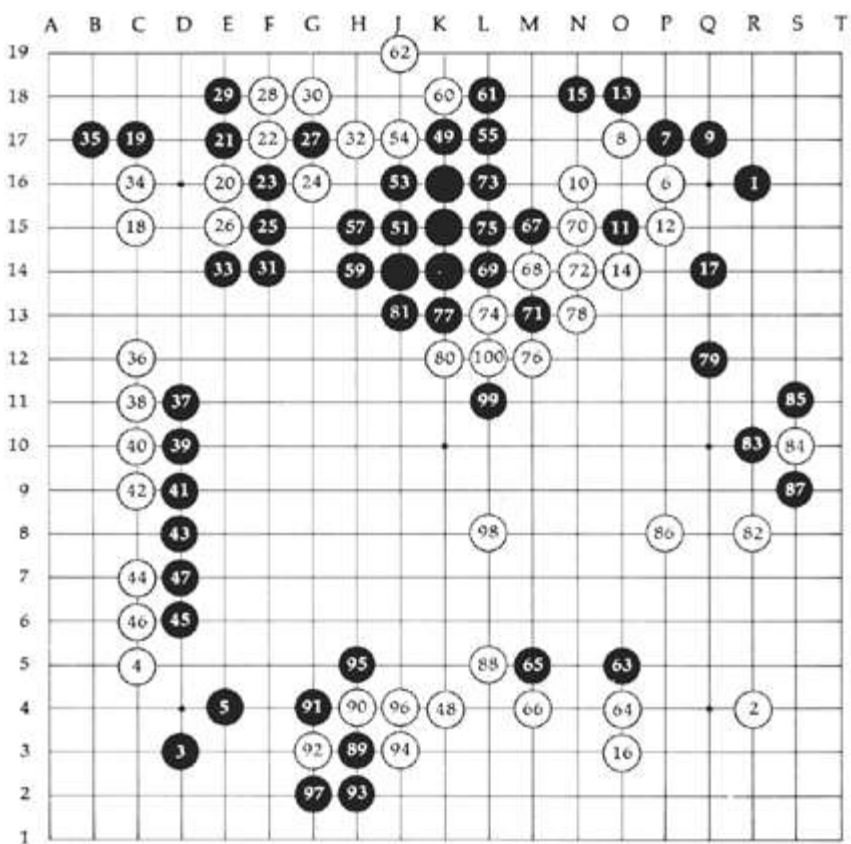
Otaké hummed happily as he did battle with the Master at a no-handicap game. The Master was seduced into humming with him. Such levity was not usual with the Master. His rook having been promoted,²⁷ he had a slight edge.

In those days the Master's chess games were cheerful and lively, but as illness overtook him that ghostlike quality became apparent. Even after the August 10 session he had to have games to divert him. To me it was as if he were suffering the torments of hell.

The next session was scheduled for August 14. But the Master was far weaker and in great pain. The managers urged suspending the match. The newspaper had resigned itself to the inevitable. The Master made a single play on August 14 and a recess was called.

Seated at the board, each player first took his bowl of stones from the board and set it at his knee. The bowl seemed too heavy for the Master. The players in turn, following the earlier course of the match, laid the stones out as at the end of the last session. The Master's stones seemed about to slip through his fingers, but as the ranks took shape he seemed to gain strength, and the click of the stones was sharper.

Absolutely motionless, the Master meditated for thirty-three minutes over his one play. It had been agreed that White 100 would be sealed.



The First Hundred Plays

“I can play a little more, I think,” said the Master.

No doubt he was in a mood for battle. The managers held a hasty conference. But a promise was a promise. It was decided to end the session with the one sealed play.

“Very well, then.” Even after he had sealed his White 100, the Master gazed on at the board.

“It has been a long time, sir, and I have caused you a great deal of trouble,” said Otaké. “Do care for yourself.”

“Yes,” was all the Master said. His wife answered at greater length.

“Exactly a hundred plays. How many sessions?” Otaké asked the recorder. “Ten? Two in Tokyo and eight here in Hakoné? Exactly ten plays a session.”

Later when I went to take leave of the Master he was looking vacantly into the sky over the garden.

He was to go immediately into St. Luke's Hospital, but it seemed unlikely that he could get train accommodations for some days.

My family had moved to Karuizawa at the end of July, and I had been commuting between Karuizawa and Hakoné. Since the trip took seven hours each way, I had to leave my summer house the day before a session. After a session I would spend the night in Hakoné or Tokyo. Each session thus cost me three days. With sessions each fifth day, I had to set out again after a two-day rest. Then I had to do my reports, and it was an unpleasantly rainy summer, and in the end I was exhausted. The reasonable thing, it might be said, would have been to stay on at the Hakoné inn; but after each session I would hurry off, scarcely finishing my dinner.

It was hard for me to write about the Master and Otaké when we were together at the inn. Even when I stayed overnight at Hakoné I would go down to Miyanoshita or Tōnosawa. It made me uncomfortable to write about them and then be with them at the next session. Since I was reporting on a match sponsored by a newspaper, I had to arouse interest. A certain amount of embroidering was necessary. There was little chance that my amateur audience would understand the more delicate niceties of Go, and for sixty or seventy installments²⁸ I had to make the manner and appearance and gestures and general behavior of the players my chief material. I was not so much observing the play as observing the players. They were the monarchs, and the managers and reporters were their subjects. To report on Go as if it were a pursuit of supreme dignity and importance—and I could not pretend to understand it perfectly—I had to respect and admire the players. I was presently able to feel not only interest in the match but a sense of Go as an art, and that was because I reduced myself to nothing as I gazed at the Master.

I was in a deeply pensive mood when, on the day the match was finally recessed, I boarded a train at Ueno Station for Karuizawa. As I put my

baggage on the rack, a tall foreigner hurried over from across the aisle some five or six seats forward.

“That will be a Go board.”

“How clever of you to know.”

“I have one myself. A great invention.”

The board was a magnet decorated with gold leaf, very convenient for playing on a train. In its cover it was not easy to recognize as a Go board. I was in the habit of taking it with me on my travels, since it added little to my baggage.

“Suppose we have a game. I am fascinated with it.” He spoke in Japanese. He promptly set the board on his knees. Since his legs were long and his knees high, it was more sensible to have the board on his knees than on mine.

“I am Grade Thirteen,”²⁹ he said with careful precision, as if doing a sum. He was an American.

I first tried giving him a six-stone handicap. He had taken lessons at the Go Association, he said, and challenged some famous players. He had the forms down well enough, but he had a way of playing thoughtlessly, without really putting himself into the game. Losing did not seem to bother him in the least. He went happily through game after game, as if to say that it was silly to take a mere game seriously. He lined his forces up after patterns he had been taught, and his opening plays were excellent; but he had no will to fight. If I pushed him back a little or made a surprise move, he quietly collapsed. It was as if I were throwing a large but badly balanced opponent in a wrestling match. Indeed this quickness to lose left me wondering uncomfortably if I might not have something innately evil concealed within me. Quite aside from matters of skill, I sensed no response, no resistance. There was no muscular tone in his play. One always found a competitive urge in a Japanese, however inept he might be

at the game. One never encountered a stance as uncertain as this. The spirit of Go was missing. I thought it all very strange, and I was conscious of being confronted with utter foreignness.

We played on for more than four hours, from Ueno to near Karuizawa. He was cheerfully indestructible, not in the least upset however many times he lost, and seemed likely to have the better of me because of this very indifference. In the face of such honest fecklessness, I thought myself rather perverse and cruel.

Their curiosity aroused by the novel sight of a foreigner at the Go board, four or five other passengers gathered around us. They made me nervous, but they did not seem to bother the foreigner who was losing so effortlessly.

For him it was probably like having an argument in a foreign language learned from grammar texts. One did not of course wish to take a game too seriously, and yet it was quite clear that playing Go with a foreigner was very different from playing Go with a Japanese. I wondered whether the point might be that foreigners were not meant for Go. It had more than once been remarked at Hakoné that there were five thousand devotees of the game in Dr. Dueball's Germany, and that it was beginning to attract notice in America too. One is of course rash to generalize from the single example of an American beginner, but perhaps the conclusion might be valid all the same that Western Go is wanting in spirit. The Oriental game has gone beyond game and test of strength and become a way of art. It has about it a certain Oriental mystery and nobility. The "Honnimbō" of Honnimbō Shūsai is the name of a cell at the Jakkōji Temple in Kyoto, and Shūsai the Master had himself taken holy orders. On the three-hundredth anniversary of the death of the first Honnimbō, Sansa,³⁰ whose clerical name was Nikkai, he had taken the clerical name Nichion. I thought, as I played Go with the American, that there was no tradition of Go in his country.

Go came to Japan from China. Real Go, however, developed in Japan. The art of Go in China, now and three hundred years ago, does not bear comparison with that in Japan. Go was elevated and deepened by the Japanese. Unlike so many other civilized arts brought from China, which developed gloriously in China itself, Go flowered only in Japan. The flowering of course came in recent centuries, when Go was under the protection of the Edo Shogunate. Since the game was first imported into Japan a thousand years ago, there were long centuries when its wisdom went uncultivated. The Japanese opened the reserves of that wisdom, the “road of the three hundred and sixty and one,”³¹ which the Chinese had seen to encompass the principles of nature and the universe and of human life, which they had named the diversion of the immortals, a game of abundant spiritual powers. It is clear that in Go the Japanese spirit has transcended the merely imported and derivative.

Perhaps no other nation has developed games as intellectual as Go and Oriental chess. Perhaps nowhere else in the world would a match be allotted eighty hours extended over three months. Had Go, like the No drama and the tea ceremony, sunk deeper and deeper into the recesses of a strange Japanese tradition?

Shūsai the Master told us at Hakoné of his travels in China. His remarks had to do chiefly with whom he had played and where and at what handicap.

“So I suppose the best players in China would be good amateurs in Japan?” I asked, thinking that Chinese Go must after all be fairly strong.

“Something of the sort, I should think. They may be a touch weaker, but I should think a strong amateur there would be a match for a strong amateur here. They have no professionals, of course.”

“If their amateurs and ours are about equal, then you might say that they have the makings of professionals?”

“I think you might.”

“They have the potential.”

“But it won’t happen overnight. They do have some good players, though, and I gather that they like to play for stakes.”

“They have the material.”

“They must, when they can produce someone like Wu.”

I meant to visit Wu of the Sixth Rank soon. As the retirement match took shape, much of my interest turned to the shape his commentary was taking. I thought of it as a sort of aid and supplement to my report.

That this extraordinary man was born in China and lived in Japan seemed symbolic of a preternatural bounty. His genius had taken life after his remove to Japan. There had been numerous examples over the centuries of persons distinguished in one art or another in a neighboring country and honored in Japan. Wu is an outstanding modern example. It was Japan that nurtured, protected, and ministered to a genius that would have lain dormant in China. The boy had in fact been discovered by a Japanese Go player who lived in China for a time. Wu had already studied Japanese writings on Go. It seemed to me that the Chinese Go tradition, older than the Japanese, had sent forth a sudden burst of light in this boy. Behind him a profound source of light lay buried in the mud. Had he not been blessed with a chance to polish his talents from his very early years, they would have lain forever hidden. No doubt in Japan too, remarkable Go players have remained in obscurity. Such is the way of the fates with human endowments, in the individual and in the race. Examples must be legion of wisdom and knowledge that shone forth in the past and faded toward the present, that have been obscured through all the ages and into the present but will shine forth in the future.

Wu of the Sixth Rank was in a sanitarium at Fujimi, to the west of Mt. Fuji. After each of the Hakoné sessions, Sunada of the *Nichinichi* would go to Fujimi for his comments. I would insert them appropriately into my report. The *Nichinichi* had chosen him because he and Otaké were the reliables among younger players, strong competitors in skill and in popularity.

He had over-exerted himself at Go and fallen ill. And the war with China grieved him deeply. He had once described in an essay how he longed for an early peace and the day when Chinese and Japanese men of taste might go boating together on beautiful Lake T'ai. During his illness at Fujimi he studied such works as *The Book of History*, *Mirror of the Immortals*, and *Collected Works of Lu Tsu*.³² He had become a naturalized Japanese citizen, taking Kuré Izumi as his Japanese name.

Although the schools were out when I returned from Hakoné to Karuizawa, that international summer resort was crowded with students. There was gunfire. Troops of student reserves were in training. More than a score of acquaintances in the literary world had gone off with the army and navy to observe the attack on Hankow. I was not selected for the party. Left behind, I wrote in my *Nichinichi* reports of how popular Go had always been in time of war, of how frequently one heard stories of games in battle encampments, of how closely the Way of the Warrior resembled a way of art, there being an element of the religious in both.

Sunada came to Karuizawa on August 18 and we took a train on the Komi line from Komoro. One of the passengers reported that in the heights around Mt. Yatsugataké great numbers of centipede-like insects came out in the night to cool themselves, in such numbers that the train wheels spun as

if the tracks had been greased. We spent the night at the Saginoyu hot spring in Kamisuwa and went on the next morning to Fujimi.

Wu's room was above the entranceway. In one corner were two tatami mats. He illustrated his remarks with small stones on a small wooden board which he had laid out upon a small cushion and a collapsible wooden stand.

It was in 1932 at the Dankōen in Itō that Naoki Sanjugo and I watched Wu play the Master at a two-stone handicap. Those six years before, in a short-sleeved kimono of dark blue speckled with white, his fingers long and slender, the skin fresh at the nape of his neck, he had made one think of an elegant and sensitive young girl. Now he had taken on the manner of the cultivated young monk. The shape of the head and ears and indeed of every feature suggested aristocracy, and few men can have given more clearly an impression of genius.

His comments came freely, though occasionally he would stop, chin in hand, and think for a time. The chestnut leaves glistened in the rain. How in general would he characterize the game, I asked.

“A very delicate game. It is going to be very close.”

It had been recessed in its early middle stages, and the Master himself was a contestant; and it was not for a rival player to predict the outcome. Yet what I wanted were comments upon the manner of play, given a sense of mood and style—an appraisal of the game as a work of art.

“It is splendid,” he replied. “In a word, it is an important game for both of them, and they both are playing carefully. They are giving a great deal of thought to every move. I can't see a single mistake or oversight on the part of either. You aren't often treated to such a game. I think it's splendid.”

“Oh?” I was somewhat dissatisfied. “Even I can see that Black is playing a tight game. Is White too?”

“Yes, the Master is playing very carefully, very tightly. When one side plays a tight game the other must too, or he will find his positions crumbling. They have plenty of time, and it’s a very important game.”

It was a bland, harmless appraisal, and the appraisal I had hoped for was not forthcoming. Perhaps it had been bold of him even to describe the game as a close one.

But since I was in a state of great excitement over a game I had studied intently through all its early phases, I had hoped for something more profound, something touching on the spiritual.

Saitō Ryūtarō of the magazine *Bungei Shunjū* was convalescing at a near-by inn. We stopped to see him. He had until recently been in the room next to Wu’s.

“Sometimes in the middle of the night when everyone else was asleep I would hear stones clicking. It was a little hair-raising, actually.” And he remarked upon the extraordinary dignity with which Wu saw visitors to the door.

Shortly after the Master’s retirement match, I was invited with Wu to Shimogamo Springs in South Izu, and I learned about dreams of Go. Sometimes, I was told, a player discovers a brilliant play in his sleep. Sometimes he remembers a part of the configuration after he awakens.

“I often have a feeling when I’m at the board that I have seen a game before, and I wonder if it might have been in a dream.”

His most frequent adversary in dreams, said Wu, was Otaké of the Seventh Rank.

“The game has to be recessed,” I have heard that the Master said before he went into St. Luke’s, “but I don’t want outsiders looking at an unfinished game and saying that White is doing well and Black is doing all right too.”

It was the sort of thing the Master would have said; but there are probably shifts in the tides of battle that are quite impossible for an outsider to understand.

Apparently the Master was optimistic. Once after the match was over he remarked to Goi of the *Nichinichi* and myself: “When I went into the hospital I didn’t think White was in at all a bad position. I did think some odd things were happening, but I was not really worried.”

Black 99 “peeped in”³³ upon a White triangle, and with White 100, the last play before he was hospitalized, the Master joined his stones. Afterwards, in his review of the game, he said that if he had not so joined his stones but rather sought to control the Black formation to the right of the board and prevent an incursion into White territory, “the outlook would not have been such as to permit sanguineness on Black’s part.” He seems to have been satisfied with the early course of the game. The fact that he had been able to play White 48 on a “star point” and so to “control the passes” in the opening stages “meant what anyone must concede to be an ideal White formation.” It followed, he said, that “Black 47, giving up the strategic point, was too conservative a play,” which could not “evade charges of a certain tepidness.”

Otaké, however, in his own reflections, said that if he had not played as he did there would still have been openings for White in the vicinity, and these he was loath to permit. Wu’s commentary agreed with Otaké’s. Black 47 was the proper play, he said, and left Black with massive thickness.

I can remember gasping when Otaké closed his lines at Black 47 and White took the strategic star point with White 48. It was less that I felt Otaké's style of play in Black 47 than that I felt the formidable resolve with which he had entered the match. He sent White back to the third line and plunged in to build his own massive wall; and I felt absolute commitment. He had taken his position. He was not going to lose the game and he was not going to be deceived by White's subtle stratagems.

If at White 100, in the middle phase of the game, the outcome seemed uncertain, then Black was being outplayed by White; but the point may have been that Otaké was playing a strong but careful game. Black had the greater thickness and Black territory was secure, and the time was at hand for Otaké's own characteristic turn to the offensive, for the gnawing into enemy formations at which he was so adept.

Otaké of the Seventh Rank has been called a reincarnation of Honnimbō Jōwa.³⁴ Jōwa was the great master of the aggressive game. Honnimbō Shūsai too has been likened to Jōwa. The essence of Jōwa's game was to build strong walls, move forward into open battle, and throw everything into a frontal assault. It was a grand and turbulent style of Go, even a gaudy style, replete with crises and rich in shifts and variations, very popular among amateur fanciers of the game. The amateur audience for this the Master's final game therefore expected power against power, violent clash upon violent clash, until the board had become one glorious entanglement. That expectation could scarcely have been betrayed more thoroughly.

Otaké seemed cautious of challenging the Master at his own game. His initial object to limit the Master's freedom of motion and avoid difficult entanglements over a broad front, he set about shaping his ranks after patterns he had made peculiarly his own. Allowing the Master a strategic point, he was all the while buttressing his own walls. What may at first sight have seemed passive was in fact a strong undercurrent of aggression and an unshakable confidence. What may have seemed mere tenacity had a

surging power. True to his own uncompromising aims he would from time to time launch forth violently upon the offensive.

Yet however careful Otaké might be about keeping his ranks in order, there should somewhere along the way have been a chance for the Master to lay down a serious challenge. The Master initially staked out broad claims in two of the corners. In the upper left corner, where Otaké had responded to White 18 with Black 19 at “three-by-three,” C-17, this the last match for the sixty-four-year-old Master was following the newer pattern; and from that corner a storm presently blew up. There if anywhere would have been the spot for the Master, had he chosen, to be difficult. But perhaps because the match was so important to him, he seemed to prefer the cleaner, less involved sort of game. Down into these middle phases the Master replied to Otaké’s overtures; and as he moved ahead with what had certain elements of the one-man performance about it, Otaké found himself drawn into a close, delicate contest.

Such a match was probably inevitable, granted Black’s play, and so boldness gave way to a concern for every possible point—which development might in the final analysis be taken as a success for White. The Master was not pursuing a brilliant plan of his own, nor was he taking advantage of bad play. It perhaps told of his age and experience, the fact that like the flow of water or the drifting of clouds a White formation quietly took shape over the lower reaches of the board in response to careful and steady pressure from Black; and so the game became a close one. The Master’s powers had not waned with age, nor had illness damaged them.

“I left on July 8, eighty whole days ago,” said Shūsai the Master, back in his Setagaya house upon his release from St. Luke’s. “I’ve been away all through the summer and on into the fall.”

He strolled a few blocks that day, his longest venture forth in two months. His legs were weak from the months in bed. Two weeks after he left the hospital he was able, with considerable effort, to sit on his heels in the formal manner.

“I’ve been trained to the proper way for fifty years now. Actually I’ve found it easier to sit on my heels than to sit cross-legged. But after all that time in bed I couldn’t manage any more. At meals I would cross my legs under the tablecloth. No, it wasn’t really that I sat cross-legged. I’d throw these skinny legs of mine out in front of me. I’d never done that before in my life. I’ll have to get used to long bouts of sitting on my heels or I won’t be able to go on with the game. I’ve been working on it as best I can, but I have to admit I still have trouble.”

The season had come for horse racing, of which he was so fond. He had to be careful of his heart, but finally he could contain himself no longer.

“I thought up a good excuse. I said I had to give my legs a trial, and went out to the Fuchu track. Somehow I’m happier when I’m at the races. I felt better about my game. But I was exhausted when I got home. I suppose the core isn’t very solid any more. I went again and could see no reason at all why I shouldn’t be playing. I decided today that we could begin on the eighteenth.”

These remarks were taken down for publication by Kurosaki, a reporter for the *Nichinichi*. The “today” was November 9. Play would thus be resumed some three months after the last Hakoné session, August 14. Since

winter was approaching, the Dankōen in Itō was chosen as the new game site.

The Master and his wife, escorted by a disciple, Murashima of the Fifth Rank, and by Yawata, secretary of the Go Association, arrived at the Dankōen on November 15, three days in advance of play. Otaké of the Seventh Rank arrived on November 16.

The tangerine groves were beautiful in the hills, and down at the coast the bitter oranges were turning gold. It was cloudy and chilly on the fifteenth, and on the sixteenth there was a light rain. The radio reported snow here and there over the country. But the seventeenth was one of those warm late-autumn Izu days when the air is sweet and soft. The Master walked to the Otonashi Shrine and Jonoiké Pond. The expedition was unusual. The Master had never been fond of walking.

On the evening before the first Hakoné session he had called a barber to the inn, and at the Dankōen too, on the seventeenth, he had himself shaved. As at Hakoné, his wife stood behind him supporting his head.

“Do you dye hair?” he asked the barber. His eyes were turned quietly on the afternoon garden.

He had had his white hair dyed before leaving Tokyo. It may have seemed rather unlike the Master to dye his hair in preparation for battle, but perhaps he was bringing himself together after his collapse.

He had always clipped his hair short, and there was something amusingly incongruous about the long hair carefully parted and even dyed black. The Master’s tawny skin and strong cheekbones emerged from the lather.

Though not as pale and swollen as at Hakoné, it was still not a healthy face.

I had gone to the Master’s room immediately upon my arrival.

“Yes,” he said, absently as always. “I was examined at St. Luke’s the day before I came. Dr. Inada had his doubts. My heart still isn’t right, he said, and there’s a little water on the pleurae. And then the doctor here at Itō has found something in my bronchial tubes. I suppose I’m catching cold.”

“Oh?” I could think of nothing to say.

“I’m not over the first ailment and I get a second and a third. Three seems to be the grand total at the moment.”

“Please don’t tell Mr. Otaké, sir.” People from the Association and the *Nichinichi* were present.

“Why?” The Master was puzzled.

“He’ll start being difficult again if he finds out.”

“And so we shouldn’t keep secrets from him.”

“It would be better not to tell him,” agreed the Master’s wife. “You’ll only put him off. It will be Hakoné all over again.”

The Master was silent.

He spoke openly of his condition to anyone who asked.

He had stopped both the tobacco and the evening drink of which he was so fond. At Hakoné he had almost never gone out, but now he forced himself to walk and to eat hearty meals. Perhaps dyeing his hair was another manifestation of his resolve.

I asked whether at the end of the match he meant to winter in Atami or Itō or return to St. Luke’s.

He replied, as if taking me into his confidence: “The question is whether I last that long.”

And he said that his having come so far was probably a matter of “vagueness.”

The mats in the game room were changed the night before the first Itō session. The room had the smell of new mats when we came in on the morning of the eighteenth. Kosugi of the Fourth Rank had gone to the Naraya for the famous board used during the Hakoné sessions. At their places, the Master and Otaké uncovered their bowls of stones. The black stones were coated over with summer mildew. With the help of the desk clerk and the maids they were cleaned on the spot.

It was ten thirty when White 100 was opened.

Black 99 had “peeped” upon the White triangle, and White 100 joined the threatened White pieces. The last session at Hakoné had consisted of the one sealed play.

“Even considering that I was very ill and that White 100 was my last play before going into the hospital,” said the Master in his comments upon the game, “it was a somewhat ill-considered play. I should have ignored the peep and pressed ahead at S-8 and so secured the White territory off toward the lower right. Black had threatened, to be sure, but there was no immediate need for him to cut my line, and even if he had I would not have been in great difficulty. Had I used White 100 to protect my own ground, the outlook would not have been such as to permit sanguineness on Black’s part.”

Yet White 100 was not a bad play, and one could not say that it weakened the White position. Otaké had assumed that the Master would respond to the “peep” by linking his stones, and to us bystanders the linking seemed quite natural.

One would imagine that though White 100 was a sealed play Otaké had for three months known what it would be. Now, inevitably, Black 101 must

strike into White territory toward the lower right. To us amateurs it seemed that Otaké had a natural play, a space removed on the “S” line from Black 87. Yet he still had not played when noon came and the recess for lunch.

We were surprised to see the Master out in the garden during the recess. Plum branches and pine needles glistened in the sun, and there were white *yatsudé* flowers and yellow, daisylike silverleaf. On the camellia below Otaké’s room a single blossom with crinkled petals had come out. The Master gazed at it.

At the afternoon session, a pine cast its shadow on the paper doors of the game room. A white-eye chirped outside. There were large carp in the pond. The carp at the Naraya in Hakoné had been of various hues. These were the natural gray.

Even the Master seemed bored. It was taking Otaké a very long time to play. The Master closed his eyes and might have been asleep.

“A difficult spot,” muttered Yasunaga of the Fourth Rank. He sat cross-legged with one foot drawn up on the other thigh. His eyes too were closed.

What was so difficult about it? I began to suspect that Otaké was deliberately holding back from the obvious play, the jump to R-13. The managers too were impatient. Otaké said in his comments after the match that he had debated whether to “swim” at R-12 or jump to R-13. The Master too said in his review of the game that it was difficult to judge the relative merits of the two plays. Yet I thought it most odd that Otaké should use three and a half hours for the first play after the long recess. The sun was low and the lights had been turned on when finally he made his decision. It took the Master only five minutes to play White 102 in the space over which Black had jumped. Otaké took forty-two minutes for Black 105. There were only five plays during the first Itō session. Black 105 became the sealed play.

The Master had used only ten minutes, and Otaké four hours and fourteen minutes. In all Otaké had used twenty-one hours and twenty minutes, more than half the unprecedented forty-hour allotment.

Onoda and Iwamoto, the judges, were absent, participating in the autumn tournament.

“There is something dark about Otaké’s game these days,” I had heard Iwamoto say at Hakoné.

“There are bright and dark in Go?”

“There are indeed. A game takes on its own shading. There’s something very cheerless about Otaké’s. Something dark. Bright and dark have nothing to do with winning and losing. I’m not saying that Otaké’s game is any the worse for it.”

Otaké had a disturbingly unbalanced record. He had lost all eight of his matches at the spring tournament. Then, in the special tournament sponsored by the *Nichinichi* to choose the Master’s last challenger, he had won all his matches.

I had not thought the Black game against the Master especially cheerful. There was something oppressive about it, something that seemed to push up from deep within, like a strangled cry. Concentrated power was on collision course, one looked in vain for a free and natural flow. The opening moves had been heavy and a sort of inexorable gnawing had followed.

I have also heard that there are two sorts of players, those who are forever dissatisfied with themselves and those who are forever confident. Otaké may be put in the former category, Wu in the latter.

Otaké, the dissatisfied sort, could not, in what he himself had called a close and delicate game, allow himself the luxury of easy, cavalier play—not while the outcome remained in doubt.

After the first Itō session there was a disagreement, so considerable that the date for the next session was uncertain.

As at Hakoné, the Master requested a modification of the rules because of his illness. Otaké refused to accede. He was more stubborn than he had been at Hakoné. Perhaps Hakoné had given him all the amendments he could tolerate.

I was in no position to write of the inside happenings and do not remember them as well as I might, but they had to do with the schedule.

Four-day recesses had been agreed upon, and the agreement had been honored at Hakoné. The recesses were of course to recover from the strain of a session, but for the Master, sealed in at the Naraya as required by the “canning” system, they had the perverse effect of adding to the strain. As the Master’s condition became serious, there had been talk of shortening the recesses. Otaké had stubbornly rejected any such proposals. His one concession had been to move the last Hakoné session up a day. It had been limited to the Master’s White 100; and although the schedule itself was on the whole maintained, the plan of having the sessions last from ten in the morning until four in the afternoon was abandoned.

Since the Master’s heart condition was chronic and there was no way of knowing when it would improve, Dr. Inada of St. Luke’s with great reluctance allowed the expedition to Itō, and asked that if at all possible the match be finished within a month. The Master’s eyelids were somewhat swollen at the first session.

There was concern lest the Master fall ill again, and a wish to have him free from the pressures of competition as soon as possible; and the newspaper wanted somehow to bring to a conclusion this match so popular

among its readers. Delays would be dangerous. The only solution was to shorten the recesses. But Otaké was uncompromising.

“We’ve been friends for a long time,” said Murashima of the Fifth Rank. “Let me talk to him.”

Both Otaké and Murashima had come to Tokyo from the Osaka region as boys. Murashima had become a pupil of the Master’s, Otaké had become apprenticed to Suzuki of the Seventh Rank; but no doubt Murashima took the optimistic view that, in view of their old friendship and their relations in the world of Go, a special plea from him would be effective. He went so far as to tell Otaké of the Master’s ailments, however, and the result was to stiffen Otaké’s resistance. Otaké went to the managers: so they had kept the Master’s condition secret from him, and were asking him to do battle with an invalid?

Otaké was no doubt angered, and thought it a blot on the game, that Murashima, a disciple of the Master’s, should have a room at the inn and be seeing the Master. When Maeda of the Sixth Rank, a disciple of the Master’s and brother-in-law to Otaké, had visited Hakoné, he had avoided the Master’s room and stayed at a different inn. And probably Otaké could not tolerate the thought that such matters as friendship and sympathy should be brought into a disagreement over a solemn and inviolable contract.

But what probably bothered him most was the thought of again having to challenge the aged Master; and the fact that his adversary was the Master made his position the more difficult.

The situation went from bad to worse. Otaké began to talk of forfeiting the match. As at Hakoné, Mrs. Otaké came from Hiratsuka with her baby and sought to mollify him. A certain Tōgō, practitioner of the art of healing by palm massage, was called in. He was well known among Go players, Otaké having recommended him to numbers of colleagues. Otaké’s admiration was not limited to Tōgō the healer: he also respected Tōgō’s

advice in personal matters. There was something of the religious ascetic about Tōgō. Otaké, who read the *Lotus Sutra* every morning, had a way of believing absolutely in anyone he was inclined to respect, and he was a man with a deep sense of obligation.

“He will listen to Tōgō,” said one of the managers. “Tōgō seems to think he should go on with the game.”

Otaké said that this would be my chance to give Tōgō’s healing powers a try. It was an honest and friendly suggestion. I went to Otaké’s room. Tōgō felt here and there with the palms of his hands.

“There’s nothing at all wrong with you,” he said promptly. “You are delicate, but you will live a long life.” But for some moments he continued to hold his hands over my chest.

I too brought a hand to my chest, and noted with surprise that the quilted kimono over the right side was warm. He had brought his hands near but not touched me. The kimono was warm on the right side only, and chilly on the left. He explained that the warmth came from certain poisonous elements. I had been aware of nothing abnormal in the region of my lungs, and X-rays had revealed no abnormality. Yet I had from time to time sensed a certain pressure toward the right side, and so perhaps I had in fact been suffering from some slight indisposition. Even granting the effectiveness of Tōgō’s methods, I was startled that the warmth should have come through the heavy quilting.

Tōgō said that Otaké’s destiny was in the match, and to forfeit it would make him an object of universal derision.

The Master could only await the outcome of the negotiations. Since no one had informed him of the finer points, he was probably unaware that Otaké thought of forfeiting the match. He grew fretfully impatient as the days went by in useless succession. He drove to the Kawana Hotel for a

change of scene and invited me to go with him. The next day I in turn took Otaké.

Though threatening to forfeit the game, Otaké had remained sealed up at the inn, and I was fairly sure that he would presently be coaxed into a compromise. On the twenty-third a compromise was in fact reached: there would be play every three days, and the sessions would end at four in the afternoon. The compromise came on the fifth day after the first Itō session.

When at Hakoné the four-day recess had been shortened to three, Otaké had said that he could not get enough rest in three days, and that two-and-a-half-hour sessions were too short. He could not find his pace. Now the three days were shortened to two.

One shoal had been traversed, and another lay ahead.

As soon as he heard of the compromise, the Master said: “We’ll begin tomorrow.”

But Otaké wanted to rest the next day and begin the day after.

Unhappy with the delay, the Master was poised to begin immediately. The matter seemed to him a simple enough one. But Otaké’s feelings were complicated. Weary from the long days of altercation, he needed rest and a change of mood before he resumed play. The two men were of two quite different natures. Otaké was moreover suffering from nervous indigestion. And the baby, at the inn with Mrs. Otaké, had caught cold and was running a high fever. Devoted to his family, Otaké was much concerned. He could not possibly play the next day.

But it had been very bad management to keep the Master waiting so long. The managers could not tell him, all eager for battle, that Otaké’s convenience demanded waiting a day longer. His “tomorrow” was for the managers absolute. Since there was also a difference in rank to consider, they sought to prevail upon Otaké. Already in a State of great tension, Otaké was much put out. He said he would forfeit the game.

Yawata of the Association and Goi of the *Nichinichi* sat in a small upstairs room, silent and to all appearances exhausted. They seemed on the verge of surrender. Neither was an eloquent or persuasive man. I sat with them after dinner.

The maid came for me. “Mr. Otaké says he would like to speak with you, please, Mr. Uragami. He is waiting in another room.”

“With me?” I was startled. The two looked at me. The maid led me to a large room in which Otaké was waiting alone. Though there was a brazier, the room was chilly.

“I am very sorry indeed to bother you. You have been a great help over the months, but I have decided I have no recourse but to forfeit the game.” His speech was abrupt and hurried. “I cannot go on as things are.”

“Oh?”

“And I at least wanted to apologize.”

I was only a battle reporter, scarcely a person to whom he need apologize. That I should all the same be the recipient of formal apologies seemed evidence of our esteem for each other. My position had changed. I could not let matters stand as they were.

I had been a passive observer of the disputes at Hakoné and after. They had not been my concern, and I had offered no opinion. Even now he was not asking my advice. He was informing me of his decision. Sitting with him and hearing of his tribulations, however, I felt for the first time that I should speak up, and indeed that I might possibly offer my services as mediator.

I spoke boldly. I said that as challenger in this the Master’s last game he was fighting in single combat, and he was also fighting a larger battle. He was the representative of a new day. He was being carried on by the currents of history. He had been through a year-long tournament to determine who would be the Master’s last challenger. Kubomatsu and Maeda had been the winners of an earlier elimination tournament among players of the Sixth Rank, and they had been joined by Suzuki, Segoé, Kato, and Otaké of the Seventh Rank in a tournament in which every player met every other. Otaké had defeated all five opponents. He had defeated two of his own teachers, Suzuki and Kubomatsu. Suzuki, it was said, would have bitter regrets for the rest of his life. In his prime he had won more

games than he had lost as Black against the Master's White, and the Master had avoided the next stage, at which they would play Black and White in alternation.³⁵ Perhaps, out of feelings for his old teacher, Otaké had wanted to let Suzuki have one last chance at the Master. Yet he had sent his teacher to defeat. And when he faced Kubomatsu, each of them with four victories, in the decisive match, he was again facing a teacher. One might therefore say that Otaké was playing for his two teachers in this contest with the Master. The young Otaké was no doubt a better representative of the active forces than were elders like Suzuki and Kubomatsu. His incomparable friend and rival, Wu of the Sixth Rank, would have been an equally appropriate representative, but Wu had five years earlier tried a radical opening against the Master and lost. And even though Wu had won a professional title, he had at the time been of the Fifth Rank, scarcely an eminence from which to face the Master at no handicap; and so the match had been of a different order from this the Master's last match. Some twelve or thirteen years before, and some years too before his match with Wu, the Master had been challenged by Karigané of the Seventh Rank. The contest was really between the Go Association and the rival Kiseisha, and, though Karigané was among the Master's rivals, he had over the years been the underdog. The Master won another victory, and that was all. And now "the invincible Master" was staking his title for the last time. The match had a far different import from those with Karigané and Wu. It was not likely that problems of succession would arise immediately if Otaké were to win, but the retirement match meant the end of an age and the bridge to a new age. There would be new vitality in the world of Go. To forfeit the match would be to interrupt the flow of history. The responsibility was a heavy one. Was Otaké really to let personal feelings and circumstances prevail? Otaké had thirty-five years to go before he reached the Master's age—five more than the sum by the Oriental count of his years thus far. He had been reared by the Association in a day of prosperity, and the Master's youthful tribulations were of a different world. The Master had carried the

principal burden from the beginnings of modern Go in early Meiji through its rise to its recent prosperity. Was not the proper course for his successors to see this match, the last of his long career, to a satisfactory end? At Hakoné the Master had behaved in a somewhat arbitrary fashion because of his illness, but still an old man had endured pain and gone on fighting. Not yet fully recovered, he had dyed his hair black to continue the battle here at Itō. There could be little doubt that he was staking his very life on it. If his young adversary were to forfeit, the sympathies of the world would be with the Master, and Otaké must be resigned to sharp criticism. Even if Otaké's case was a good one, he could expect nothing better than endless affirmations and denials, or perhaps a contest in mudslinging. He could not expect the world to recognize the facts. This last match would be history, and a forfeiture would be history too. The most important point of all was that Otaké carried responsibility for an emerging era. If the game were to end now, conjecture on the final outcome would become a matter of noisy and ugly rumors. Was it really right for a young successor to ruin the Master's last game?

I spoke hesitantly and by fits and starts. Yet I made what were for me a remarkable number of points. Otaké remained silent. He did not agree to continue the match. He of course had his reasons, and repeated concessions had brought him to the breaking point. He had just made another concession, and been ordered as a result to play on the morrow. No one had shown the slightest concern for his feelings. He could not play well in the circumstances, and so the conscientious thing was not to play at all.

“If we postpone it a day, you will go on?”

“Yes, I suppose so. But there's no good in it, really.”

“But you will play the day after tomorrow?”

I pushed for a clear answer. I did not say that I would speak to the Master. He continued to apologize.

I returned to the managers' room. Goi lay with his head pillowed on an arm.

"He said he wouldn't play, I suppose."

"That's what he wanted to tell me." Yawata's broad back was hunched over the table. "But it seems he will go on if we postpone it a day. Shall I ask the Master? Do I have your permission?"

I went to the Master's room. "As a matter of fact, sir, I have a favor to ask. I know I'm not the one to do it, and you may think me presumptuous; but might we postpone our next session till the day after tomorrow? Mr. Otaké says that one more day is all he asks. His baby is running a high fever, and he is very upset. And he is having trouble with his digestion, I believe."

The Master listened, a vacant expression on his face. But his answer was prompt: "That is entirely acceptable. We shall do as he wishes."

Startled, I felt tears coming to my eyes.

The problem had been almost too easily disposed of. I found it difficult to leave immediately. I stayed for a time talking with the Master's wife. The Master himself had nothing more to say, either about the postponement or about his adversary. A day's postponement may seem like a small enough concession. The Master had waited a very long time, however, and for a player midway through a match, all poised for a session, to have his plans suddenly thrown into confusion was no small matter at all. Indeed it was of such magnitude that the managers could not bring themselves to approach the Master. He no doubt sensed that the request had taken all the resolve I had. His quiet, almost casual acquiescence touched me deeply.

I went to the managers and then to Otaké's room.

"The Master agrees to play the day after tomorrow."

Otaké seemed surprised.

“He has conceded a point this time. Perhaps if something else comes up you can concede a point?”

Mrs. Otaké, at the baby’s side, thanked me most courteously. The room was in great disorder.

Play was resumed on the appointed day, November 25, a full week after the preceding session. Onoda and Iwamoto, the judges, neither at the moment occupied with the autumn tournament, had come the night before.

Cushion of vermilion damask, purple armrest—the Master’s place was a priestly one. And indeed the line of Honnimbō, Masters of Go, had been clerics from the day of the founder, Sansa, whose clerical name was Nikkai.

Yawata of the Association explained that the Master had in fact taken orders and the priestly name Nichion and that he owned clerical robes. On a wall above the Go board was a framed inscription by Hampō: “My Life, a Fragment of a Landscape.” Gazing up at the six Chinese characters, which leaned to the right, I remembered having read in the newspaper that this same Dr. Takada Sanae³⁶ was gravely ill. Hanging on another wall was an account by Mishima Ki,³⁷ who used the nom de plume Chushu, of the twelve famous places of Itō. On a hanging scroll in the next room, an eight-mat room, was a poem in Chinese by a wandering mendicant monk.

A large oval brazier of paulownia was at the Master’s side. Because he feared he might be coming down with a cold, he had water boiling on an oblong brazier behind him. At the urging of Otaké he wrapped himself in a muffler, and as further defense against the cold he was buried deep in a sort of over-cloak with a knitted lining. He was running a slight fever, he said.

The sealed play, Black 105, was opened. The Master took only two minutes to play White 106; and another period of deliberation began for Otaké.

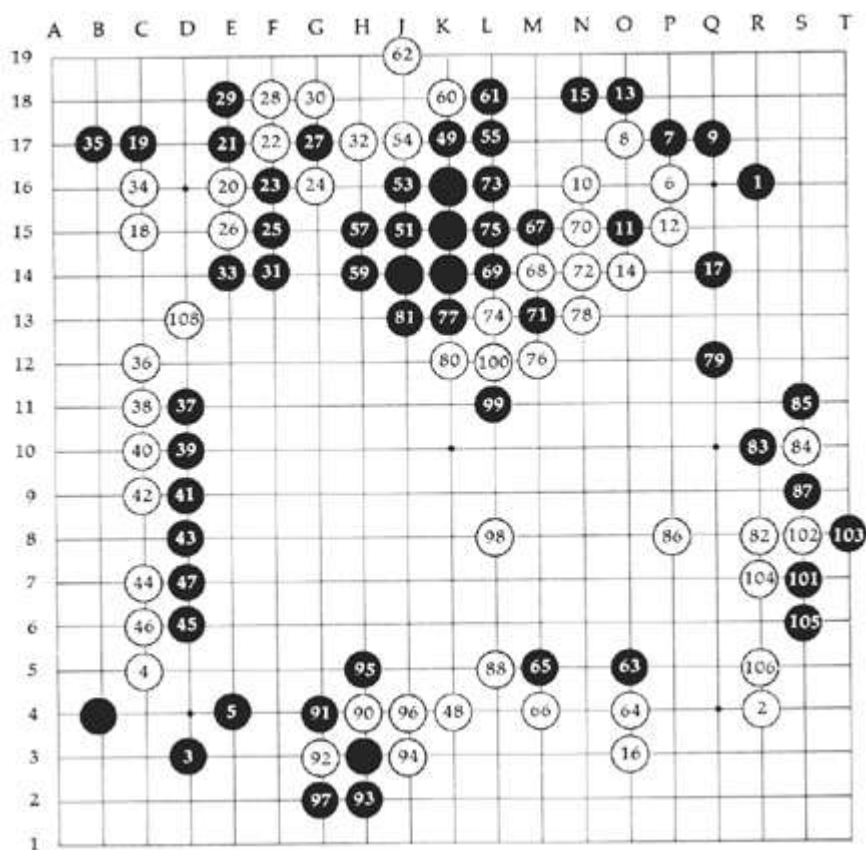
“Very odd,” Otaké muttered, as if in a trance. “I’m running out of time. The great man is running out of time, forty whole hours of it. Very odd.

Nothing like it in the whole history of the game. Still wasting time there, are you? Should have played in one minute, no more.”

Incessantly, under a cloudy sky, bulbuls whistled and called. I went to the veranda and saw that an azalea by the pond was in bud and indeed had sent forth two unseasonal blooms. A gray wagtail came up to the veranda. Faint in the distance was the sound of a motor pump, bringing water from the hot spring.

Otaké took an hour and three minutes for Black 107. Black 101, invading the White formation in the lower right-hand corner, was an offensive play demanding a response and worth a potential fourteen or fifteen points, and Black 107, though it did not require an immediate response, extended Black’s territory toward the lower left, and was worth some twenty points. In both cases it seemed likely to us observers that considerable profit would redound to Black, and in both cases Black was favored by the order of the moves.

Now the offensive had passed to White. A stern, intent expression on his face, the Master closed his eyes and breathed deeply. In the course of the session his face had taken on a coppery flush. His cheeks twitched. He seemed to hear neither the wind nor the drum³⁸ of a passing pilgrim. Yet he took forty-seven minutes for his next play. It was his one prolonged period of deliberation during the Itō sessions. Otaké took two hours and forty-three minutes for Black 109, which became the sealed play. The match had advanced only four plays. Otaké had used three hours and forty-six minutes, the Master but forty-nine minutes.



“Anything could happen now,” said Otaké, half jesting, as he left for the noon recess. “It’s murderous.”

White 108 had the double aim of threatening Black in the upper left-hand corner and cutting away at Black’s inner fastnesses, and of defending the White formation at the left of the board. It was a happy device.

Wu said of it in his commentary: “White 108 was an extremely difficult play. One waited with not a little excitement to see where it would fall.”

On the morning of the next session, after a two-day recess, the Master and Otaké both complained of indigestion. Otaké said that the pain had awakened him at five.

No sooner had the sealed play, Black 109, been opened than Otaké excused himself, taking off his overskirt as he left.

“Already?” he said in astonishment, seeing on his return that White 110 had been played.

“It was rude of me not to wait,” said the Master.

Arms folded, Otaké was listening to the wind. “Might we call it a wintry gale, or are we still too early? I think we might, on the twenty-eighth of November.”

The west wind had quieted from morning, but an occasional gust still passed.

The Master had glared threateningly toward the upper left with White 108, but Otaké had defended with Black 109 and 111 and rescued his stones. Under White attack, the Black ranks in the corner faced difficulties. Would the Black stones die, would the *kō* situation³⁹ arise? The possibilities were as varied as in a textbook problem.

“I must do something about that corner,” said Otaké as Black 109 was opened. “It’s on long-term loan, and the interest is high.” And he proceeded to solve the riddle the corner had presented and to restore calm.

Today, surprisingly, the match had advanced five plays by eleven in the morning. Black 115 was not an easy play for Otaké, however. The time had come to stake everything on a grand assault.

Waiting for Black to play, the Master talked of eel restaurants in Atami, the Jubako and the Sawasho and the like. And he told of having come to Atami in the days before the railway went beyond Yokohama. The rest of the journey was by sedan chair, with an overnight stop in Odawara.

“I was thirteen or so, I suppose. Fifty and more years ago.”

“Ages and ages ago,” smiled Otaké. “My father would just about then have been born.” Complaining of stomach cramps, he left the board two or three times while deliberating his next move.

“He does take his time,” said the Master during one of the absences. “More than an hour already?”

“It will soon be an hour and a half,” said the girl who kept the records. The noonday siren blew. “Exactly a minute,” she said, looking at the stopwatch of which she was so proud. “It begins to taper off at fifty-five seconds.”

Back at the board, Otaké rubbed Salomethyl on his forehead and pulled at the joints of his fingers. He kept an eye medicine called Smile beside him. He had not seemed prepared to play before the noon recess, but at eight minutes after the hour there came the smart click of stone on board.

The Master grunted. He had been leaning on an armrest. Now he brought himself upright, his jaw drawn in, his eyes rolled upwards as if to bore a hole through the board. He had thick eyelids, and the deep lines from the eyelashes to the eyes set off the intentness of his gaze.

White now needed to defend his inner territories against the clear threat presented by Black 115. The noon recess came.

Otaké sat down at the board after lunch and immediately went back to his room for a throat medicine. A strong odor spread through the room. He put drops in his eyes and two hand-warmers in his sleeves.

White 116 took twenty-two minutes. The plays down to White 120 came in quick succession. The standard pattern would have had the Master falling quickly back with White 120, but he chose a firm block even though the result was an unstable triangular formation. The air was tense, for a showdown was at hand. If he had given ground it would have been to concede a point or two, and he could not make even so small a concession in so tight a match. He took just one minute for a play that could mean the fine difference between victory and defeat, and for Otaké it was like cold steel. And was the Master not already counting his points? He was counting with quick little jerks of his head. The count pressed on relentlessly.

Games can be won and lost by a single point. If White was clinging stubbornly to a mere two points, then it was for Black to step boldly forward. Otaké squirmed. For the first time a blue vein stood out on the round, childlike face. The sound of his fan was rough, irritable.

Even the Master, so sensitive to the cold, was nervously fanning himself. I could not look at the two of them. Finally the Master let out his breath and slipped into an easier posture.

“I start thinking and there’s no end to it,” said Otaké, whose play it was. “I’m warm. You must forgive me.” And he took off his cloak. Prompted by Otaké, the Master pulled back the neck of his kimono with both hands and thrust his head forward. There was something a little comical about the act.

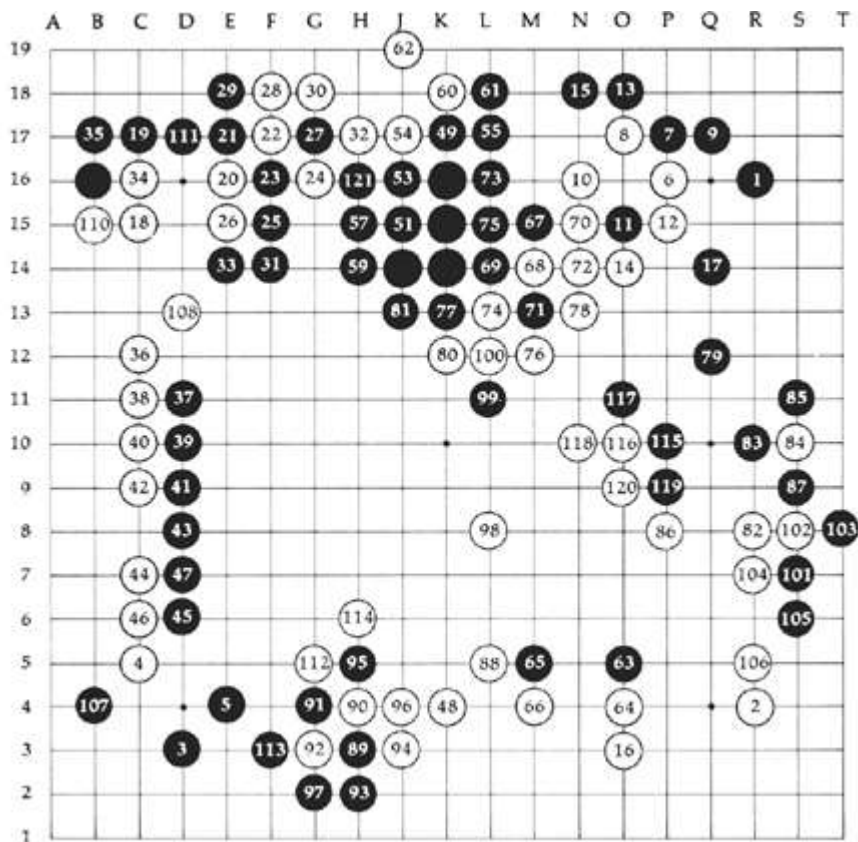
“It’s hot, it’s hot. Here I am taking forever again. I wish I didn’t have to.” Otaké seemed to be fighting back a reckless impulse. “I have a feeling I’m going to make a mistake. Make a botch of the whole thing.”

After meditating on the problem for an hour and forty-four minutes, he sealed his Black 121 at three forty-three in the afternoon.

For the twenty-one plays during the three Itō sessions, Black 101 to Black 121, Otaké had used eleven hours and forty-eight minutes. The Master had used only one hour and thirty-seven minutes. Had it been an

ordinary match, Otaké would have exhausted his time allotment on a mere eleven plays.

One could see in the divergence a spiritual incompatibility, and perhaps something physiological as well. The Master too was known as a careful, deliberate player.



Every night the west wind blew; but the morning of the next session, December 1, was warm and pleasant. One looked for springlike shimmerings in the air.

After a game of chess the day before, the Master had gone into town for a game of billiards. He had been at mahjong until almost midnight with Iwamoto, Murashima, and Yawata. That morning he was out strolling in the garden before eight. Red dragonflies lay on the ground.

The maple below Otaké's upstairs room was still half green. Otaké was up at seven thirty. He feared he might be defeated by stomach cramps, he said. He had ten varieties of medicine on his desk.

The aging Master seemed to have fought off his cold, and his young adversary was suffering from varied complaints. Otaké was, surprisingly, the more highly strung of the two. Away from the board, the Master sought to distract himself with other games. Once he had returned to his room he never touched a Go stone. Otaké apparently stayed close to the board all through the days of rest and was assiduous in his study of the most recent formations. The difference had to do not only with age but with temperament as well.

"The Condor flew in last night at ten thirty." The Master went to the managers' room on the morning of the first. "Can you imagine such speed!"

The sun was bright against the paper doors of the game room, which faced southeast.

A strange thing happened before the session could begin.

Having submitted the seals for verification, Yawata opened the envelope. He leaned over the board, the chart in his hand, and looked for Black 121. He could not find it.

The player whose turn it is at the end of a session marks his sealed play on the chart, which he puts in an envelope, showing it to no one. At the end of the preceding session Otaké had stepped into the hall to set down his play. The two players had put their seals on the envelope, which Yawata had sealed in a larger envelope, kept in the safe of the inn through the recess. Thus neither the Master nor Yawata knew Otaké's play. The possibilities were limited, however, and the play seemed fairly predictable to us who were watching. We looked on in great excitement. Black 121 might well be the climax of the game.

Yawata should have found it immediately, but his eyes wandered over the chart.

“Ah!” he said at length.

I was some slight distance from the board, and even after the Black stone had been played I had difficulty finding it. When presently I did find it, I was at a loss for an explanation. Off in the remote upper reaches of the board, it lay apart from the fight that was coming to a climax at the center.

Even to an amateur like myself it had the look of a play from the *kō* situation to a distant part of the board.⁴⁰ A wave of revulsion came over me. Had Otaké taken advantage of the fact that Black 121 was a sealed play? Had he put the device of the sealed play to tactical use? If so, he was not being worthy of himself.

“I expected it to be near the center,” said Yawata, smiling wryly as he drew back from the board.

Black had set out to destroy the massive White position from the lower right toward the center of the board, and it seemed quite irrational that at the very height of the attack he should play elsewhere. Understandably,

Yawata had looked for the sealed play in the battle zone, from the center down toward the right. The Master shielded his “eyes”⁴¹ by playing White 122 in response to Black 121. If he had not, the eight White stones at the top of the board would have been dead. It would have been as if he had declined to answer a play from *kō*.

Otaké reached for a stone, and went on thinking for a time. His hands tightly folded on his knees, his head cocked to one side, the Master sat in an attitude of great concentration.

Black 123, which took three minutes, brought Otaké back to the task of cutting into the White formation. He first invaded the lower right corner. Black 127 turned once more to the center of the board, and Black 129 finally lashed out to decapitate the triangle the Master had so stubbornly put together with White 120.

Wu of the Sixth Rank commented: “Firmly blocked by White 120, Black embarked with resolution upon the aggressive sequence from Black 123 to Black 129. It is the sort of play, suggesting a strongly competitive spirit, which one sees in close games.”

But the Master pulled away from this slashing attack, and, counterattacking to the right, blocked the thrust from the Black position. I was startled. It was a wholly unexpected play. I felt a tensing of my muscles, as if the diabolic side of the Master had suddenly been revealed. Detecting a flaw in the plans suggested by Black 129, so much in Otaké’s own characteristic style, had the Master dodged away and turned to in-fighting by way of counterattack? Or was he asking for a slash so that he might slash back, wounding himself to down his adversary? I even saw in that White 130 something that spoke less of a will to fight than of angry disdain.

“A fine thing,” Otaké muttered over and over again. “A very fine thing.” He was still deliberating Black 131 when the noon recess was called. “A

fine thing he's done to me. A terrible thing, that's what it is. Earthshaking. I make a stupid play myself, and here I am with my arm twisted behind me."

"This is what war must be like," said Iwamoto gravely.

He meant of course that in actual battle the unforeseeable occurs and fates are sealed in an instant. Such were the implications of White 130. All the plans and studies of the players, all the predictions of us amateurs and of the professionals as well had been sent flying.

An amateur, I did not immediately see that White 130 assured the defeat of "the invincible Master."

Yet I was aware that something unusual had happened. Whether we somehow followed the Master to lunch or whether he somehow invited us to come with him I do not know, but we were in his room; and as we sat down he said in a low but intense voice: “The match is over. Mr. Otaké ruined it with that sealed play. It was like smearing ink over the picture we had painted. The minute I saw it I felt like forfeiting the match. Like telling them it was the last straw. I really thought I should forfeit. But I hesitated, and that was that.”

I do not remember whether Yawata was with us, or Goi, or both. In any case, we were silent.

“He makes a play like that, and why?” growled the Master. “Because he means to use two days to think things over. It’s dishonest.”

We said nothing. We could neither nod assent nor seek to defend Otaké. But our sympathies were with the Master.

I had not been aware, at the moment of play, that the Master was so angry and so disappointed as to consider forfeiting the match. There was no sign of emotion on his face or in his manner as he sat at the board. No one among us sensed his distress.

We had been watching Yawata, of course, as he was having his troubles with the chart and the sealed play, and we had not looked at the Master. Yet the Master had played White 122 in literally no time, less than a minute. It was understandable that we should not have noticed. The minute had not started precisely when Yawata found the sealed play, to be sure; and yet the Master had brought himself under control in a very short time, and maintained his composure throughout the session.

To have these angry words from the Master, who had so nonchalantly made his next play, was something of a shock. I felt in them a concentrated essence, the Master doing battle from June down into December.

The Master had put the match together as a work of art. It was as if the work, likened to a painting, were smeared black at the moment of highest tension. That play of black upon white, white upon black, has the intent and takes the forms of creative art. It has in it a flow of the spirit and a harmony as of music. Everything is lost when suddenly a false note is struck, or one party in a duet suddenly launches forth on an eccentric flight of his own. A masterpiece of a game can be ruined by insensitivity to the feelings of an adversary. That Black 121 having been a source of wonder and surprise and doubt and suspicion for us all, its effect in cutting the flow and harmony of the game cannot be denied.

Black 121 was much discussed among the professionals of the Go world and in the larger world as well. To an amateur like me the play most definitely seemed strange and unnatural, and not at all pleasing. But afterwards there were professionals who came forward and said that it was time for just such a play.

“I had been thinking that the time was ripe for Black 121 one of these times,” said Otaké in his “Thoughts after Combat.”

Wu touched only lightly on the play. After a diagonal linking on White’s part at E-19 or F-19, he said, “White need not respond as the Master did with 122 even to Black’s 121, but could defend himself at H-19. Black would thus find the possible plays from *kō* more limited.”

No doubt Otaké’s explanation would have been similar.

Black 121 had come as the battle at the center was reaching a climax, and it had been a sealed play. It had angered the Master and aroused suspicions in the rest of us. In a difficult situation, a player might, in effect, make a sealed play like Black 121 as a temporary expedient, and until the

next session, in this case three days later, give thought to what the last play of the preceding session should in fact have been. I had even heard of players who, at perhaps one of the grand tournaments, would play as if from *kō* to the far reaches of the board while the last allotted seconds were being read off, and so prolong life a few seconds more. All manner of devices had been invented to make use of recesses and sealed plays. New rules bring new tactics. It was not perhaps entirely accidental that each of the four sessions since play had been resumed at Itō had been ended with a sealed play on the Black side.

The Master was so ready for a showdown that he said afterwards: “The time had passed for pulling back with White 120.” And the next play was this Black 121.

The important point, in any case, is that Black 121 angered and disappointed the Master that morning.

In his review of the game the Master did not touch upon Black 121.

A year later, however, in “Selected Pieces on Go,” from *Collected Works of the Master*, he spoke out quite openly. “Now was the time to make effective use of Black 121.... We must note that if he proceeded at his leisure (which is to say waited until White had linked diagonally), there was a chance that Black 121 would not suffice.”

Since Otaké’s opponent himself made the admission, little doubt should remain. He was angry at the time because the move was so unexpected. In his anger he unjustly questioned Otaké’s motives.

Perhaps, embarrassed at the want of clarity, the Master made a special point of touching upon Black 121. But is it not more likely that, in a work published a year after the match and a half year before his death,⁴² he remembered the proportions of the controversy and quietly recognized the play for what it was?

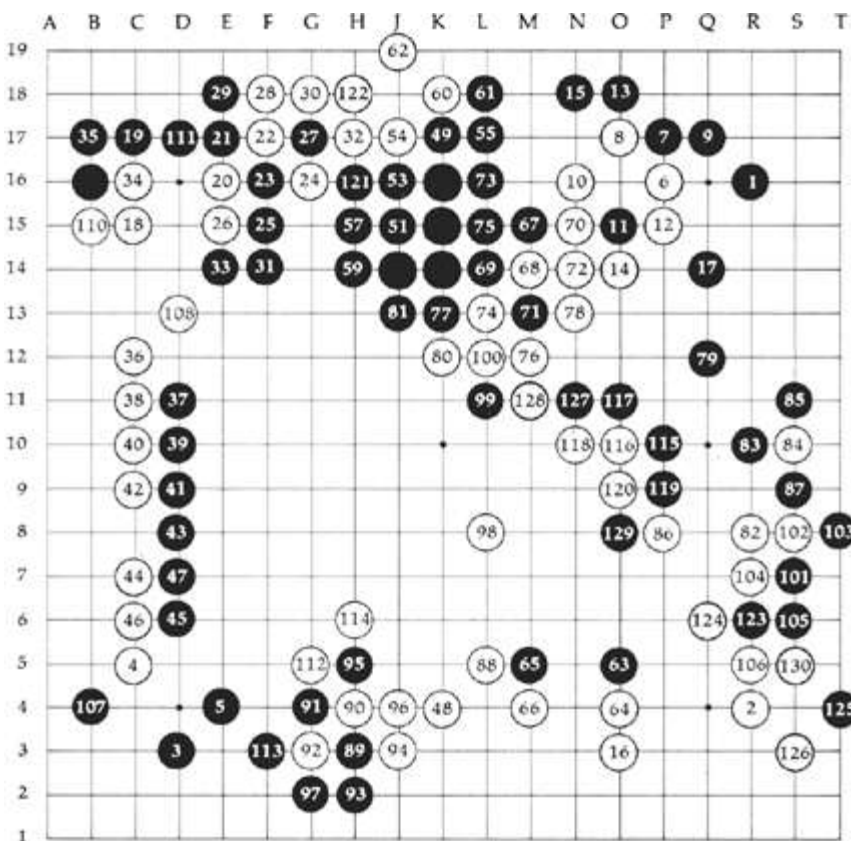
The Master's "now" was Otaké's "one of these times." To an amateur like me something of a puzzle still remained.

Another puzzle: why did the Master play White 130 and so ensure his own defeat?

He made the play at eleven thirty-four, after twenty-seven minutes of deliberation. It was a matter of chance, I suppose, that he should have made a bad play after deliberating almost a half hour. Yet I was sorry afterwards that he had not waited another hour and so carried the play past the noon recess. If he had left the board and taken an hour and a half's rest, he would probably have played more effectively. He would not have fallen victim to a passing wraith, so to speak. He had twenty-three hours of play remaining, and need not have worried about an hour or two. But the Master was not one to make tactical use of a recess. It was Black 131 that had the advantage of the recess.

White 130 seemed like a counterattack at close quarters, and Otaké said that he had been left with his arm twisted behind him.

This was Wu's comment: "It is a delicate spot. White 130 may be seen as an effective play in response to a cutting thrust."



Yet White should not have retreated before the thrust, however telling. To pull back from a conflict so fierce, a challenge so determined, means to give way completely.

Through the Itō sessions Otaké had played a careful, solid game, control reinforcing control, tenacity backing up tenacity. The sudden eruption of his accumulated powers came with the cut at Black 129. Otaké seems to have been by no means as startled and confused by White's withdrawal as the rest of us were. If White took the four black stones to the right, Black would quite simply overrun the White ranks toward the center of the board. Black did not respond to White 130, but extended Black 129 with Black 131. White returned to the defense at the center with White 132. He should rather have responded directly to Black 129.

The Master lamented the play in his review of the match. "White 130 was the fatal error. The proper sequence would have been to cut immediately at P-11, and see how Black replied. If for instance he replied at P-12, then White 130 would be the correct play. Even if he extended, as

with Black 131, White need not hurry with the oblique extension at Q-8, but could quietly consolidate his ranks with M-9. Whatever variations might have occurred, the lines would have been more complex than on the chart as we have it, and an extremely close fight would have ensued. The *coup de grâce* came with the assault following upon Black 133. However desperate he might be in his search for remedies, White was powerless to send the crushing wave back.”

The fatal play suggested a psychological or a physiological failure. I myself, amateur though I am, thought at the time that with White 130, which seemed a strong play and which seemed a quiet, withdrawn sort of play, the Master, consistently on the defensive, was trying to turn the tide; and at the same time I felt that his patience was at an end, his temper taxed to the breaking. But he said that if he had cut Black at a single point he could have saved himself. It would seem that the mistake resulted from more than an outburst of the anger the Master had felt all morning. Yet one cannot be sure. The Master himself could not have measured the tides of destiny within him, or the mischief from those passing wraiths.

As the Master played White 130, the sound of a virtuoso flute came drifting in, to quiet somewhat the storm on the board.

The Master listened. He seemed to be reminiscing.

“*From high in the hills, see the valley below.*

Melons in blossom, all in a row.’

“The first piece you learn on the flute. There is another kind of bamboo flute, you know, with one hole less than this one. The single-joint,⁴³ they call it.”

Otake pondered over Black 131 for an hour and fifteen minutes, exclusive of the noon recess. At two in the afternoon he took up a stone.

“Shall I?” He paused and finally played.

The Master, seated bolt upright, thrust his head forward and rapped irritably on the rim of the brazier. He glared at the board. He was counting up points.

The White triangle that had been cut off by Black 129 was cut on the other side by Black 133, and, with white stones in check play after play down to Black 139, the “earthshaking” changes of which Otaké had spoken took shape around and below the three white stones. Black had invaded the very heart of the White formation. I could almost hear the sound of the collapse.

“I don’t know. It’s all the same. I don’t know,” muttered the Master, fanning himself furiously. Should he take the two black stones beside him or pursue his line of flight? “I don’t know, I don’t know.”

But he played with remarkable speed, in twenty-eight minutes. Tea and refreshments were brought in.

“I’m not feeling well, thank you.” Otaké declined the helping of *mushizushi*⁴⁴ the Master pressed upon him.

“Think of it as medicine.”

“I was sure this would be the sealed play,” said Otaké, contemplating White 140. “You play so fast, sir, you have my head spinning. Nothing upsets me more.”

Black 145 was the sealed play. Otaké took a stone in his hand and went on thinking, and the time appointed for the end of the session arrived. He withdrew into the hall to set down his sealed play. The Master continued to gaze at the board. His lower eyelids seemed inflamed and somewhat swollen. Through the sessions at Itō he was constantly looking at his watch.

“I think I would like if possible to finish today,” the Master said to the managers on the morning of December 4. In the course of the morning’s session he said to Otaké: “Suppose we finish today.” Otaké nodded quietly.

The faithful battle reporter, I felt a tightening in my chest at the thought that after more than half a year the match was to finish today. And the Master’s defeat was clear to everyone.

It was also in the morning, at a time when Otaké was away from the board, that the Master turned to us and smiled pleasantly. “It’s all over. Nothing more to be done.”

I do not know when he had called a barber, but this morning he resembled a shaven-headed priest. He had come to Itō with his hair long and parted, as in the hospital, and dyed black; and now, suddenly, it was cropped short. One might have seen histrionics in this refashioning; yet he seemed young and brisk, as if a layer of aging had been washed away.

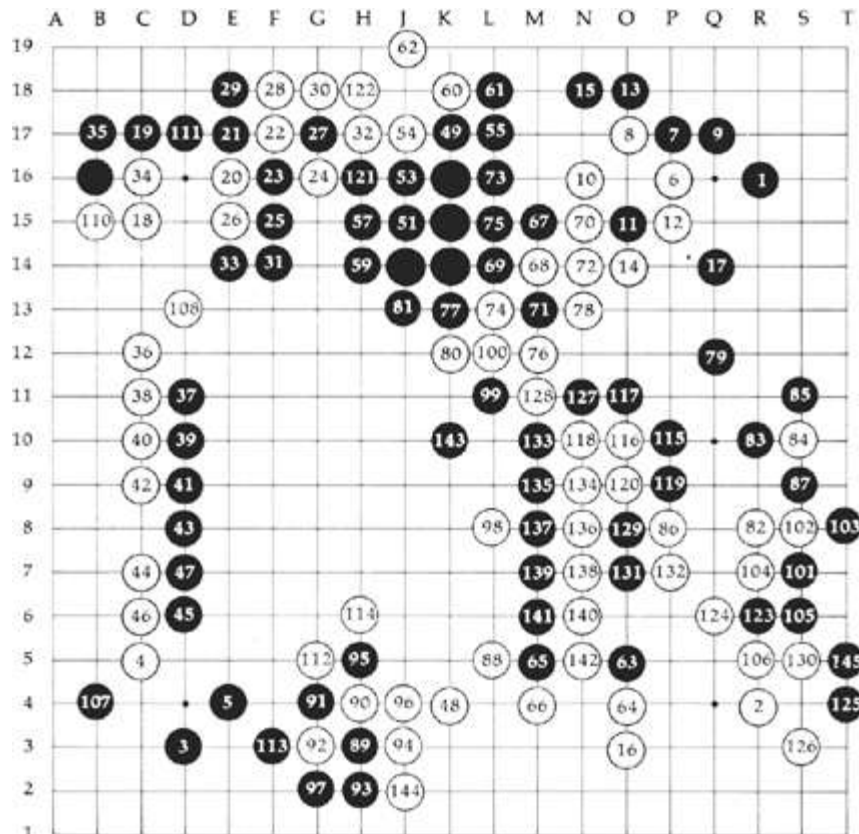
December 4 was a Sunday. There were one or two plum blossoms in the garden. Since numbers of guests had come to the inn on Saturday, the session was held in the new addition, in the room that had always been mine, next to the Master’s. The Master’s room was at the far end of the new building. The managers had the night before occupied the two rooms directly above. They were in effect protecting the Master from incursions by other guests. Otaké, who had been on the second floor of the new building, had moved downstairs a day or two before. He was not feeling at all well, he said, and it was a trial to climb up and down stairs.

The new building faced directly south. The garden was wide and open, and direct sunlight fell near the Go board.

His head inclined to one side, his brows wrinkled and his torso sternly upright, the Master gazed at the board while Black 145 was being opened. Otaké played more rapidly, perhaps because he knew he had won.

The tension of the final encounter at close quarters is unlike that through the opening and middle stages. Raw nerves seem to flash, there is something grand and even awesome about the two figures pressing forward into closer combat. Breath came more rapidly, as if two warriors were parrying with dirks; fires of knowledge and wisdom seemed to blaze up.

It was the time when, in an ordinary game, Otaké would be going into his sprint, playing a hundred stones in the course of his last allotted minute. He still had a margin of some six or seven hours, and yet, as if riding the wave of his aroused nerves, he seemed intent upon keeping his momentum. He would reach for a stone as if whipping himself on, and then, from time to time, he would fall into deliberation. Even the Master would sometimes hesitate when he had a stone in his hand.



Watching these last stages was like watching the quick motions of a precisely tooled machine, a relentless mathematical progression, and there was an aesthetic pleasure too in the order and the formal propriety. We were watching a battle, but it took clean forms. The figures of the players themselves, their eyes never leaving the board, added to the formal appropriateness.

From about Black 177 to White 180, Otaké seemed in a state of rapture, in the grip of thoughts too powerful to contain. The round, full face had the completeness and harmony of a Buddha head. It was an indescribably marvelous face—perhaps he had entered a realm of artistic exaltation. He seemed to have forgotten his digestive troubles.

Perhaps too worried to come nearer, Mrs. Otaké, that splendid Momotaro of a baby in her arms, had been walking in the garden, from which she gazed uneasily toward the game room.

The Master, who had just played White 186, looked up as the long siren sounded from the direction of the beach. “There’s room for you all,” he said amiably, turning toward us.

The autumn tournament having ended, Onoda of the Sixth Rank was in attendance. Others too were watching as the battle pressed to a close: Yawata of the Association, Goi and Sunada of the *Nichinichi*, the Itō correspondent for the *Nichinichi*, the managers and other functionaries. They were crowded together just inside the anteroom, and some were beyond the partition. The Master was inviting them to watch from nearer the board.

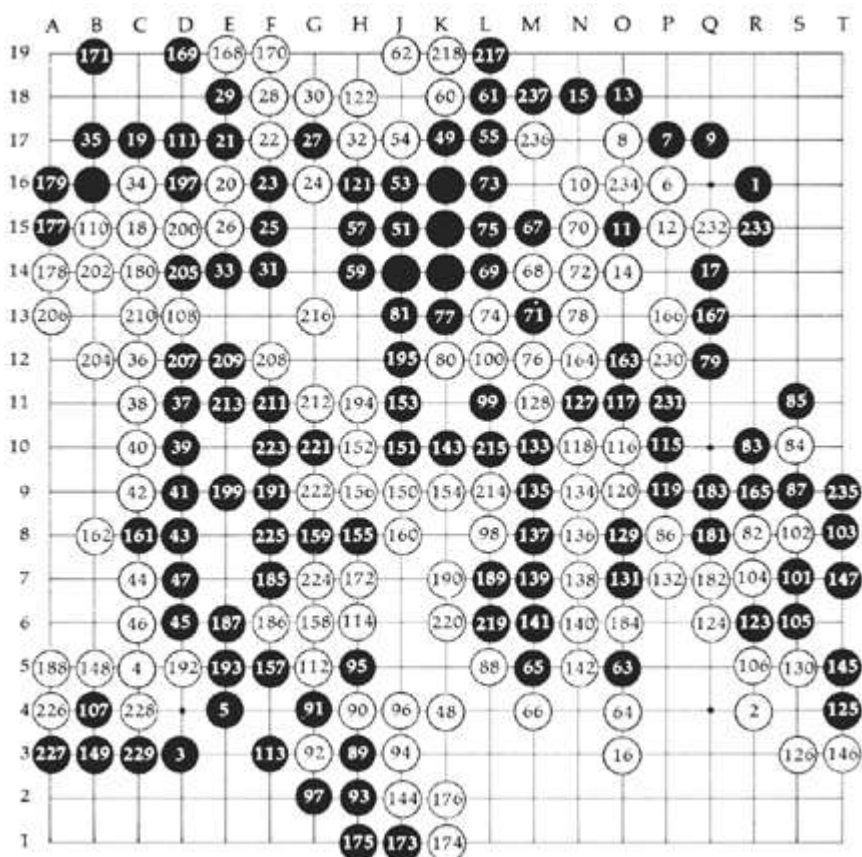
That Buddha countenance lasted for but a moment. Otaké’s face was alive again with a lust for battle. The small, beautifully erect figure of the Master as he counted up points seemed to take on a grandeur that stilled the air around him. When Otaké played Black 191, the Master’s head fell forward, his eyes were wide, he moved nearer the board. Both men were fanning themselves violently. The noon recess came with Black 195.

The afternoon session was moved back to the usual site, Room 6 in the main building. The sky clouded over from shortly after noon, and crows cawed incessantly. There was a light above the board, a sixty-watt bulb. The glare from a hundred watts would have been too much. Faint images the color of the stones fell across the board. Perhaps in special observance of this last session, the innkeeper had changed the hangings in the alcove for twin landscapes by Kawabata Gyokushō.⁴⁵ Below them was a small statue of a Buddha on an elephant, and beside that a bowl of carrots, cucumbers, tomatoes, mushrooms, trefoil parsley, and the like.

The last stages of a grand match, I had heard, were so horrible that one could scarcely bear to watch. Yet the Master seemed quite unperturbed. One would not have guessed that he was the loser. A flush came over his cheeks from about the two hundredth play, and he seemed a trifle pressed as for the first time he took off his muffler; but his posture remained impeccable. He was utterly quiet when Otaké made the last play, Black 237.

As the Master filled in a neutral point, Onoda said: “It will be five points?”

“Yes, five points,” said the Master. Looking up through swollen eyelids, he made no motion toward rearranging the board. The game had ended at forty-two minutes past two in the afternoon.



Black 201 and 203 (B-13 and C-13) had been captured with play of White 206, and White 210 placed on C-13, originally occupied by Black 203.

White 196 and 198 (F-10 and E-10) had been captured with play of Black 221, and Black 223 placed on E, originally occupied by White 196.

“I judged before they had redone the board⁴⁶ that it would be five points,” said the Master, smiling, when the next day he had given his thoughts on the game. “I judged it would be sixty-eight against seventy-three. But I think if you actually redid the board you would not find that many.” He rearranged the board for himself, and came to a score of fifty-six for Black against fifty-one for White.

Until Black succeeded in destroying the White formation after that fatal White 130, no one had predicted a five-point difference. It had been careless of the Master not to take the offensive and cut at R-2⁴⁷ with perhaps White 160, the Master himself said, for he lost a chance thereby to

reduce the proportions of Otaké's victory. One can see that such a play would have narrowed the difference to perhaps three points, even with that unfortunate White 130. What would have been the outcome, then, if the Master had not blundered and the "earthshaking" changes had not come? A defeat for Black? An amateur like myself cannot really say, but I do not think that Black would have lost. I had come almost to believe as an article of faith, from the manner, the resolve, with which Otaké approached the game, that he would avert defeat even if in the process he must chew the stones to bits.

But one may say too that the sixty-four-year-old Master, gravely ill, played well to beat off violent assaults from the foremost representative of the new regulars until the moment late in the game when the initiative quite slipped from his hands. Neither was he taking advantage of poor play by Black nor was he unfolding a grand strategy of his own. The natural flow led into a close and delicate match. Yet perhaps because of his health the Master's game lacked persistence and tenacity.

"The Invincible Master" had lost his final match.

"The Master seems to have made it a principle to put everything into a game with the next in line, the one who might succeed him," said a disciple.

Whether or not the Master himself had so stated the principle, he acted upon it throughout his career.

The next day I went home to Kamakura. Then, scarcely able to finish my sixty-six newspaper installments, I went as if fleeing the battlefield on a trip to Isé and Kyoto.

I have heard that the Master stayed on at Itō, and gained weight, some four pounds, until he weighed upwards of seventy pounds; and that he visited a military convalescent home with twenty sets of Go stones. By the end of 1938, hot-spring inns were being used as convalescent homes.

It was New Year of the second year afterwards, just upwards of a year after the end of the retirement match: the Master and two of his disciples, Maeda of the Sixth Rank and Murashima of the Fifth Rank, attended New Year observances at the school (he offered lessons in his Kamakura house) of the Master's brother-in-law, Takahashi of the Fourth Rank. The day was January 7. I saw the Master for the first time since the match.

He played two practice matches, but they seemed to tire him. No sound seemed to emerge from the stones as he dropped them lightly, unable to keep them between his fingers. During the second match his shoulders heaved occasionally from his breathing. His eyelids were swollen. The swelling was not particularly noticeable, but I thought of how he had been at Hakoné. He was still unwell.

Since his opponents were amateurs and the matches were for practice, the Master should have had no trouble winning. As always, however, he quite lost himself in play. We had dinner reservations at a seaside hotel and the second match was suspended at Black 130. The Master's opponent was a strong amateur of the First Rank, whom he gave a four-stone handicap. Black showed strength from the middle stages of the game and was pushing into White's broad but rather thin positions.

"Black seems to have the better of it?" I asked Takahashi.

"Yes," he said. "It's a blackish board. Black is thicker. White is having trouble. Our Master is getting a little senile. He breaks more easily than he used to. He can't really play any more, as a matter of fact. He's gone down at a fearful rate since that last match."

"Yes, he does seem to have taken on the years in a hurry."

“He’s turned into a sweet old gentleman. I doubt if it would have happened if he had won that last game.”

“I will see you in Atami,” I said to the Master as I left the hotel.

The Master and his wife arrived at the Urokoya on January 15. I had been staying at the Juraku from some days earlier. My wife and I went to the Urokoya on the afternoon of the sixteenth. The Master immediately brought out a chess board, and we played two games. I am an inept chess player and was not enthusiastic, and he had no trouble defeating me even at a rook-bishop handicap.⁴⁸ He urged repeatedly that we stay for dinner and a good talk.

“It’s really too cold,” I said. “When it’s warmer we must go to the Jubako or the Chikuyō.” There had been flurries of snow that day.

The Master was fond of eels.

After we left he had a hot bath, I was told. His wife had to help him. Later, in bed, he was taken with chest pains and had trouble breathing. He died before dawn two days later. Takahashi informed us by telephone. I opened the shutters. The sun was not yet up. I wondered if that last visit had been too much of a strain.

“And he was so eager to have us for dinner,” said my wife.

“Yes.”

“And she kept urging us too. I thought it was wrong of you to refuse. She had told the maid that we would be with them for dinner.”

“I knew that. But I was afraid he might catch cold.”

“I wonder if he understood. He did want us to stay, and I wonder if he wasn’t hurt. He didn’t at all want us to go. We should have quietly accepted. Don’t you suppose he was lonely?”

“Yes. But he was always lonely.”

“It was cold, and he saw us to the door.”

“Stop. I don’t like it. I don’t like having people die.”

The body was taken back to Tokyo that day. It was carried from the hotel in a quilt, so tiny that it scarcely seemed to be there at all. My wife and I stood a short distance off, waiting for the hearse to leave.

“There are no flowers,” I said. “Go find a florist. Quick, before it leaves.”

My wife ran off for flowers, and I gave them to the Master’s wife, who was in the hearse with the Master.

NOTES

1. Shogi, which shares a common Indian ancestor with the Western game of chess, is played on eighty-one squares with twenty pieces per side. Most pieces can be “promoted,” which is to say that they acquire greater freedom of motion upon penetrating deep into enemy territory. Captured pieces may be put back into play by the capturing side.

2. The counting of installments is not consistent throughout the narrative. The number sixty-four would seem to include sixty-two installments in the narrative proper plus a sort of entr’acte following the suspension of the Hakoné sessions and an epilogue at the end of the match.

3. A complex process of consolidating and simplifying the lines takes place at the end of an important match, to make the outcome clear to the most untutored eye.

4. The “throwing of beans” to drive out malign influences. The rites occur during the first week in February, midway between the winter solstice and the vernal equinox. There is a touch of fiction here, for the sign of the zodiac under which Mr. Kawabata was in fact born fell in 1935 and not again until 1947.

5. The rest of the chapter combines, with some revision, the larger portions of two of Mr. Kawabata’s newspaper articles.

6. *Nozoki*, a sort of tentative challenge.

7. Though the rules are complex, the basic object of Renju is to line up five Go stones in a row.

8. The expression “star,” *hoshi*, refers to any one of the nine points marked on the board for handicap stones (of which there are none in this

title match). Here it would indicate one of the corner stars, each three points diagonally in from a corner. An opening play on a star is bold and innovative. The *komoku* or “little eye,” the most conservative point for an opening play, is two points and three points in from any corner. See the diagram on [this page](#).

[9.](#) Wu Ch’ing-yüan, born in Fukien Province in 1917. He is far more famous under the Japanese version of his name, Go Sei-gen; but he will be called Wu throughout this translation. The game of Go and Go! the newspaper reporter seem to introduce quite enough possibilities for confusion without Go the player of Go.

[10.](#) This is the storm so vividly described by Tanizaki in the second book of *The Makioka Sisters*.

[11.](#) The match, in point of fact, took place in 1933.

[12.](#) He did “jump,” playing at R-13, the second point from that occupied by his own Black 87 (see diagram, [this page](#)). To “swim” would have been to play at R-12, adjacent to Black 87.

[13.](#) A version of Renju (see [note 7](#)) in which stones may be captured.

[14.](#) From a schoolchildren’s song.

[15.](#) *Boshi*, two points in from an enemy position. Here (see diagram, [this page](#)) White 50.

[16.](#) *Tsukiatari*. White 52.

[17.](#) In actual fact the seventh session was held on July 31, and the eighth on August 5.

[18.](#) The “lance” (Japanese *kosha*, “fragrant chariot”) moves forward, and forward only, any number of spaces, and so corresponds to no piece in the Western game. At a one-lance handicap, the stronger begins with one lance to his opponent’s two.

[19.](#) Respectively: Confucian and historian, 1780–1832; statesman, 1836–1888; and critic, essayist, and student of Chinese, 1823–1909.

[20.](#) There are special celebrations upon entering the eighty-eighth year by the Oriental count, or on the eighty-eighth birthday by the Western.

[21.](#) A variety of Renju in which, after a limited number of stones have been used on one part of the board, play must jump to another part.

[22.](#) The puzzle requires an intricate rearrangement of rectangles in a very limited space.

[23.](#) See [note 13](#).

[24.](#) The gold general and the silver general (*kinsho* and *ginsho*) are the king's bodyguards in Shogi. Normally silver may, upon penetrating deep into enemy territory, be promoted to gold; but under certain circumstances the advantages are in having it remain silver.

[25.](#) “Korean Shogi” is played with pawns alone. Pieces are lost when caught between enemy pieces.

[26.](#) There is only one rook per side even in a no-handicap game of Shogi.

[27.](#) Upon “promotion” it may move one space diagonally, in addition to the moves permitted the Western rook.

[28.](#) See [note 2](#).

[29.](#) *Kyu*, “Grades,” precede *Dan*, “Ranks,” and, unlike the latter, rise in descending numerical order. The foreigner thus has thirteen steps to go before he reaches the First Rank.

[30.](#) 1558–1623.

[31.](#) Nineteen squared, the number of points on the Go board.

[32.](#) All Chinese. The first is a Confucian classic, the others are neo-Taoist.

[33.](#) See [note 6](#).

[34.](#) The twelfth Honnimbō, 1787–1847.

[35.](#) Which is to say, on completely equal terms. In no-handicap matches, Black is held to have the advantage. It will be apparent that “the invincible Master” has in fact been defeated, though only in practice matches.

[36.](#) A president of Waseda University, member of the Diet, and Minister of Education; 1860–1938. “Hampō” is a nom de plume or “elegant sobriquet.”

[37.](#) Student of Chinese, 1830–1919.

[38.](#) The *hokkedaiko* or “lotus drum” of the Nichiren (Lotus) Sect.

[39.](#) *Ko* (Sanskrit *kalpa*) is a Buddhist term for an enormous passage of time, the next thing to eternity. In Go it refers to a situation in which the two players could take and retake the same stones for all eternity without affecting the larger disposition of forces. To cut the exchange short, the player whose stone is first taken must play elsewhere on the board before returning to the scene.

[40.](#) Though the *kō* situation is not present, Black has withdrawn from the scene of action as he would be required to were it present.

[41.](#) Vacant points which, if properly placed, can keep a group of stones from being captured.

[42.](#) In actual fact, the Master died just over a year after the end of the match.

[43.](#) *Hitoyogiri*, “single section of bamboo.” The couplet is from a children’s song.

[44.](#) Rice mixed with vegetables and, commonly, the meat of crustaceans.

[45.](#) 1842–1913.

[46.](#) See [note 3](#).

[47.](#) This makes little sense (see the diagram, [this page](#)). Perhaps R-9 is meant.

[48.](#) There are only one bishop and one rook per side in Shogi.